

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 1**

妙法蓮華經

綸貫會義

卷一

**Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang, Diệu Âm Trịnh Lộc**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

(trang trống)

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 1**

妙法蓮華經綸貫會義卷一

**Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
古吳後學藕益智旭述**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang**

Đôi lời giải bày

Có lẽ trong hàng Phật tử chúng ta, đối với các bộ kinh lớn, rất nhiều người chưa hề có dịp đọc hoặc nghe nói tới các kinh Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Đại Bát Niết Bàn, Đại Bát Nhã, Lăng Già, Đại Thừa Mật Nghiêm, Giải Thâm Mật, Duy Ma Cật, Thắng Man, Đại Bảo Tích v.v..., nhưng hễ là Phật tử theo truyền thống Bắc Tông, ắt hẳn không ai chưa từng đọc tụng kinh Pháp Hoa, tối thiểu là tụng phẩm Phổ Môn. Có vị còn dùng phẩm Phổ Môn làm công khóa hằng ngày, hoặc có vị chuyên tụng Pháp Hoa. Có thể nói là “*nhà nhà tụng Pháp Hoa, chùa chùa tụng Pháp Hoa*”. Thậm chí có vị còn chuyên cần lễ bái từng chữ trong kinh Pháp Hoa. Trong đạo tràng Pháp Hoa, có vị còn thuộc nằm lòng mấy phẩm. Có các liên hữu còn dùng việc tụng trì kinh Pháp Hoa làm trợ hạnh để cầu sanh Tịnh Độ. Có thể nói là kinh Pháp Hoa được giảng giải rất rộng rãi, hầu như vị giảng sư nào cũng đã từng giảng kinh Pháp Hoa, hay một vài phẩm Pháp Hoa. Tuy vậy, có một điều rất lạ là các bản chú giải về kinh Pháp Hoa được phiên dịch sang Việt ngữ khá ít. Vì thế, khi vị đạo huynh anh cả của chúng tôi có hứng thú tìm hiểu kinh Pháp Hoa, chúng tôi đã tìm kiếm rất nhiều trên các trang mạng, nhưng không tìm được một bản chú giải kinh văn Pháp Hoa chi tiết, tường tận. Điềm qua các bài giảng, có lẽ vì thời gian hạn chế, hay vì căn cơ của đại chúng, có rất nhiều chi tiết trong kinh bị các vị giảng sư lướt qua không giảng, khiến cho chúng tôi ôm nghi vấn đã lâu, nhưng chưa tìm được lời giải đáp. Mang tâm tư tìm kiếm một bản chú giải gần gũi, dễ hiểu, chúng tôi đã đọc thử bản chú giải của Thái Hư đại sư thì thấy Ngài chỉ giảng đại lược những nét chánh yếu, rất nhiều chi tiết lược đi. Một số bản chú giải cận đại như Pháp Hoa Kinh Dị Giải của pháp sư Phổ Hành thì lại chuyên

giảng từ ngữ và gần như là bản Bạch Thoại của chánh kinh, chứ không hoàn toàn chú trọng nghĩa lý thâm sâu trong kinh văn. Bản dịch của Pháp Hoa Văn Cú thì dịch quá sát từng chữ, nên rất khó đọc, khó lãnh hội mật nghĩa, và khó gọi lên hứng thú cho độc giả.

Sự nhớ vào năm 2000, khi đến Tịnh Tông Học Hội Dallas, mặt nhân đã thấy bộ Pháp Hoa Luân Quán Hội Nghĩa của tổ Ngẫu Ích (gồm 1.761 trang do Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn tống, gồm hai phần là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa), dày cộp như một quyển tự điển Anh Việt cỡ lớn. Do lòng tham pháp, chúng tôi đã thỉnh về, lâu lâu lật xem vài trang mỗi khi rảnh rỗi, chứ không dám mong ước chuyển ngữ vì tác phẩm này quá dài, quá khó. Trộm nghĩ Ngẫu Ích đại sư là tổ trung hưng của tông Thiên Thai, thâm nhập tột bậc giáo nghĩa Thiên Thai. Ngài lại được suy tôn là tổ Tịnh Độ, chắc chắn những lời chú giải của Ngài sẽ càng củng cố niềm tin Tịnh Độ cho các học nhân Tịnh Độ. Tiếc rằng văn phong của Tổ uyên áo, súc tích, sâu thâm, giáo nghĩa Thiên Thai quá phức tạp, rất khó chuyển ngữ gãy gọn được. Khổ nỗi kiến thức của mặt nhân chấp vá, thế học lẫn Phật học đều lem nhem, chẳng có khả năng viết lách cho nên hèn, chẳng biết cứ liều lĩnh chuyển ngữ lời dạy của Tổ thì sẽ gieo thiện duyên hay tạo thêm tội nghiệp khiến cho người khác lầm lạc. Sư huynh Đức Phong vẫn rộng dung, luôn khuyến khích mặt nhân hãy gắng chuyển ngữ. Phần vì muốn báo đáp thâm tình sách tấn, đảm đương việc ấn tống bao năm qua của anh, phần thì mong chính mình do dịp này mà có thiện duyên hiểu sâu hơn kinh Pháp Hoa, phần vì tiếc nuôi một tác phẩm trân quý cho đến nay vẫn chưa có ai dịch, cho nên đành bịt tai trộm chuông làm càn. Trong bản chuyển ngữ này, nếu lời giảng của pháp sư Phổ Hành đối với các từ ngữ trong chánh kinh chứa đựng những kiến thức hữu ích, chúng tôi sẽ ghi thêm thành lời chú thích và ghi rõ “*pháp sư Phổ Hành chú thích*”.

Do trình độ quá hạn chế, thấp kém, bản thân mặt nhân lại hoàn toàn chẳng có sự tu dưỡng và thâm nhập nào, chỉ hiểu theo nghĩa văn tự (mà cũng chẳng dám tin tưởng là chính mình hiểu chánh xác), chắc chắn bản chuyển ngữ này chẳng tránh khỏi những sai sót không thể nào chấp nhận được, lời văn sẽ lồi thoi, rườm rà, gai mắt người đọc. Ngưỡng mong các vị thiện tri thức từ bi phủ chánh, hoặc dịch lại để một phen từ bi giảng giải của Tổ không bị mai một trong dòng thời gian vô tình.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa khấu đầu kính bạch.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán
妙法蓮華經綸貫
Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
古吳後學藕益智旭述

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là lời đàm luận rốt ráo cùng tột của chư Phật. Vốn do Thích Ca Mâu Ni Như Lai kể từ khi thật sự thành Phật đến nay, đã trải qua chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, vì độ chúng sanh, chẳng hề ngơi nghỉ, nhiều lượt thị hiện giáng sanh, nhiều lượt thị hiện nhập diệt, khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn bèn gieo thiện căn, kẻ đã gieo thiện căn sẽ được thành thực, khiến cho kẻ đã thành thực được giải thoát. Tất cả các pháp vị chẳng ngoài bốn loại Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tất cả các hóa nghi¹ chẳng ngoài bốn loại Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định.

¹ Hóa nghi (化儀) là phương thức giáo hóa chúng sanh của đức Phật, còn nội dung của kinh điển dùng để giáo hóa chúng sanh thì gọi là “*hóa pháp*”. Hóa pháp gồm:

1. Tam Tạng Giáo (thường gọi tắt là Tạng Giáo): Tức là Tiểu Thừa Giáo. Đức Phật vì hàng tam thừa nói kinh A Hàm, chỉ nói về Không, và tu Tích Không Quán (phép Quán Không bằng cách chia chẻ, phân tích sự vật. Phép Quán này còn gọi là Chuyết Độ Quán), nhập Vô Dư Niết Bàn, chỉ chế phục Kiến Tư phiền não, chưa hoàn toàn đoạn trừ.
2. Thông Giáo: Tức giáo pháp dạy chung cho Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát. Đây là bước đầu của Đại Thừa do thấu hiểu lý “như huyền tức không” (vạn vật do nhân duyên thành lập, giống như huyền giả).
3. Biệt Giáo: Tức giáo pháp chẳng thông với hai giáo trước, chỉ nói với hàng Bồ Tát vì Nhị Thừa chẳng thể lãnh hội được. Giáo này nương theo thứ đệ tam quán (quán Không, Giả, Trung theo thứ tự).
4. Viên Giáo: Có nghĩa là giáo pháp chẳng lệch lạc, viên dung, trọn đủ, hiển thị sở ngộ của Phật, cũng chính là giáo pháp nội chứng của Phật. Phép Quán trong giáo này là Nhất Tâm Tam Quán và Thể Không Quán (thấu hiểu trực tiếp Không, chẳng cần phải trải qua phân tích, chia chẻ các pháp).

Hóa nghi gồm:

1. Đốn: Thoạt đầu lúc mới thành đạo, đức Phật đem giáo pháp Ngài đã nội chứng trực tiếp dạy cho chúng sanh, tương đương với kinh Hoa Nghiêm.
2. Tiệm: Nội dung các giáo pháp từ cạn đến sâu, tương đương với các kinh thuộc ba thời A Hàm, Phương Đẳng và Bát Nhã.
3. Bí Mật: Tùy theo căn cơ và năng lực của chúng sanh mà đức Phật dạy các giáo pháp phù hợp. Do giáo pháp tương ứng với một loại căn cơ nhất định, chẳng phải là căn cơ ấy sẽ không thể lãnh hội, nên gọi là Bí Mật.

Lại còn dựa vào tám tướng thành đạo lần này để thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đại lược gồm năm thời:

1) Đầu tiên, [đức Phật] ngồi nơi Bồ Đề đạo tràng, vì chúng sanh đại căn mà nói pháp Đại Thừa, được gọi là thời thứ nhất, tức thời Hoa Nghiêm. Xét theo hóa nghi thì là Đốn. Ví như mặt trời mọc, chiếu vào núi cao trước. Lại như từ bò mà sanh ra sữa. Xét theo hóa pháp thì kiêm cả Biệt và Viên. Viên nhằm thích hợp hàng lợi căn thuộc giới ngoại²; Biệt nhằm thích hợp hàng độn căn thuộc giới nội. Kể căn cơ nhỏ trọn chẳng có phần nơi pháp này, chẳng thấy, chẳng nghe.

2) Do vậy, [đức Phật] chẳng lìa đạo tràng Tịch Diệt³, mà đến Lộc Uyển, vì năm vị tỷ-kheo thuyết pháp Tứ Đế, diễn nói lý sanh diệt, và nói mười hai nhân duyên, chú trọng Lục Độ v.v... Thời này được là thời thứ hai, tức thời A Hàm. Xét theo hóa nghi thì là khởi đầu của Tiệm Giáo. Ví như mặt trời chiếu xuống hang sâu, lại như từ sữa sanh ra lạc. Xét theo hóa pháp thì là Tạng, chỉ phù hợp hàng độn căn thuộc giới nội (trong tam giới), khiến cho họ chuyển phàm thành thánh.

3) Kế đó, nhờ vào các vị Đại Sĩ như Duy Ma v.v... xướng họa lẫn nhau, chê trách [các giáo nghĩa] thiên, tiểu, ca ngợi [các giáo nghĩa] đại và viên. Đó gọi là thời thứ ba, tức thời Phương Đẳng. Xét theo hóa nghi thì thuộc về chặng giữa của Tiệm, ví như đến giờ thọ thực. Lại như từ lạc trở thành sanh tô. Xét theo hóa pháp thì bàn trọn cả bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên). Đối ứng với Bán Giáo mà nêu rõ Mãn Giáo. Tạng là Bán Tự Giáo; Thông, Biệt, Viên là Mãn Tự Giáo⁴, khiến cho hàng lợi căn đạt được lợi ích viên mãn, còn độn căn thì đạt được lợi ích nửa phần.

4. Bất Định: Các căn cơ bất đồng tuy cùng hiện diện trong cùng một pháp tòa, sẽ do năng lực khác biệt, mà lãnh hội, đạt được pháp ích sai khác. Vì thế, gọi là Bất Định.

² Giới ngoại (界外): Quốc độ ở ngoài tam giới, tức Tịnh Độ của chư Phật, Bồ Tát. Tam giới được gọi là “giới nội”.

³ Tịch Diệt đạo tràng, còn gọi là A Lan Nhã Pháp Bồ Đề Tràng, tức là tòa kim cang nơi đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề thành đạo ở phía Nam thành Già Da trong nước Ma Kiệt Đà. Theo Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký, nói là Tịch Diệt thì bao hàm bốn nghĩa:

1. Chướng diệt.

2. Chứng diệt, tức chứng ngộ lý tịch diệt.

3. Hiện lộ đức tịch diệt: Thị hiện mười thân của Phật và pháp Phổ Hiền v.v...

4. Do lợi ích chúng sanh mà thành tựu Diệt.

⁴ Bán Tự: Giáo pháp chưa diễn tả trọn vẹn chân lý, mang tính chất quyền biến, ví như chữ chưa viết trọn vẹn. Bán Tự thường dùng để sánh ví giáo pháp quyền tiểu, Mãn Tự là giáo pháp diễn tả trọn vẹn chân lý, phô bày Thật Tướng.

Trước hết [là khiến cho người được giáo hóa] trở thành bậc thánh, ngầm đạt được lợi ích chung.

4) Kế đó, cùng với bốn vị đại đệ tử đồng chuyển pháp luân, dung hội hết thảy các pháp đều là Ma Ha Diễn (Mahāyāna, Đại Thừa), được gọi là thời thứ tư, tức thời Bát Nhã. Xét theo hóa nghi thì là kết cục của Tiệm. Ví như gần chánh Ngọ. Lại như từ trong sanh tô mà sanh ra thực tô. Xét theo hóa pháp thì kèm theo Thông và Biệt; hoàn toàn giảng về Viên Giáo, khiến cho các căn cơ thuộc giới nội đều đạt được lợi ích “*cộng Bát Nhã*” của tam thừa trong Thông Giáo, còn các căn cơ thuộc giới ngoại sẽ đạt được lợi ích bất cộng Bát Nhã thuộc Biệt Giáo và Viên Giáo, trước hết là trở thành bậc thánh, ngầm đạt được lợi ích riêng biệt.

5) Kế đó, trong hội Linh Sơn bèn khai Quyền, hiển Thật, khai cận, hiển viển⁵, được gọi là thời thứ năm, tức thời Pháp Hoa. Xét theo hóa nghi thì là dung hội Tiệm để quy vào Đốn, mà cũng có thể nói là “*chẳng phải Đốn, chẳng phải Tiệm*”. Ví như mặt trời lúc chánh Ngọ, chiếu tròn khắp đại địa, [vạn vật] tròn chẳng có bóng nghiêng. Lại như từ thực tô sanh ra đề hồ. Xét theo hóa pháp thì là thuần Viên, không một ai chẳng được làm Phật. Bốn hoài xuất thế do vậy mới được thỏa thích. Toàn thể phương tiện hóa độ chúng sanh của Như Lai, giềng mối rộng lớn lập bày giáo pháp đều được mở toang, nêu rõ trong kinh này. Vì thế, [kinh này] riêng được gọi là Diệu. Còn như kinh Niết Bàn phù luật đàm thường⁶ bất quá là uyển chuyển nhằm thích hợp kẻ độn căn trong thời Mạt, thực thi phương tiện lần nữa khiến cho họ cùng trở về chân thật.

Hai loại hóa nghi Bí Mật và Bất Định hiện diện trọn khắp trong bốn thời trước, chỉ có thời Pháp Hoa là hiển lộ, chẳng phải là bí mật, là quyết định, chẳng phải là bất định.

Kinh này được diễn thuyết tại Linh Sơn suốt tám năm, lá bói [chép kinh] được lưu truyền, gìn giữ, chất đến tám dăm. Kinh được

⁵ Khai cận, hiển viển: Tức là như trong phẩm Thọ Lượng, đức Phật chỉ ra chuyện thị hiện thành Phật nơi Bồ Đề Đạo Tràng, tu khổ hạnh sáu năm v.v... đều là thị hiện các tướng thành đạo trong thời gần đây, chứ thật ra, đức Phật đã thành đạo từ vô lượng kiếp lâu xa.

⁶ “*Phù luật đàm thường*” (扶律談常) là dụng ngữ của tông Thiên Thai mô tả giáo pháp của kinh Niết Bàn. Do đức Phật xót thương chúng sanh đời Mạt là phùng độn căn, dễ dấy lên đoạn kiến, phá hủy giới luật, quên mất giáo thừa, ngộ Như Lai là vô thường, đọc tụng, tin tưởng kinh sách ngoại đạo. Vì thế, trong kinh Niết Bàn, đức Phật ra rả nhắc nhở giới luật. Đó là “*phù luật*”. Lại chuyên nói về lý Phật tánh thường trụ, cho nên gọi là “*đàm thường*”.

truyền vào Chân Đán (Trung Hoa), gồm ba bản dịch⁷. Nay [bản kinh đang được đàm luận ở đây] chính là bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, gồm bảy quyển, hai mươi tám phẩm. Từ xưa, các vị chú giải [kinh này] gồm nhiều loại khác nhau⁸, hoặc đơn giản, hoặc rườm rà, nhưng chẳng

⁷ Theo pháp sư Phổ Hành, ba bản dịch của kinh Pháp Hoa là:

- Bản sớm nhất là kinh Chánh Pháp Hoa do sa-môn Trúc Pháp Hộ ở Đôn Hoàng dịch trong niên hiệu Vĩnh Khang thời Tấn Huệ Đế tại An Thanh Môn của Trường An, gồm hai mươi tám phẩm.

- Bản dịch thứ hai tức là bản dịch Diệu Pháp Liên Hoa Kinh của ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Đinh Dậu (397) trong niên hiệu Hoàng Sơ thời Văn Hoàn Đế (Diêu Hưng) nhà Hậu Tần tại vườn Tây Minh ở Trường An, gồm hai mươi bảy phẩm.

- Bản thứ ba là Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh gồm bảy quyển, hai mươi tám phẩm, do ngài Xà Na Quật Đa và Đạt Ma Cấp Đa dịch vào năm Tân Dậu (601) thời Tùy Văn Đế trong niên hiệu Nhân Thọ. Kinh được dịch tại chùa Đại Hưng Thiện ở Trường An.

Bản của ngài La Thập thiếu mất phẩm Đề Bà Đạt Đa, và một số bài kệ (chẳng hạn phần kệ trong phẩm Phổ Môn), các phần này về sau được lấy từ bản Thiêm Phẩm ghép vào bản dịch của ngài La Thập. Theo tự điển Phật Quang Sơn, thật ra, có sáu bản dịch, nhưng ngoài ba bản vừa kể trên, ba bản kia đều bị thất lạc, chỉ còn biết tên gọi (dựa theo danh mục trong Khai Nguyên Thích Giáo Lục) là Chánh Pháp Hoa Tam Muội Kinh (sáu quyển), Tát Đàm Phân Đà Lợi Kinh (sáu quyển), và Phương Đẳng Pháp Hoa Kinh (năm quyển).

⁸ Kinh Pháp Hoa được chú giải sớm nhất bởi ngài Thế Thân qua tác phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Bà Đề Xá (hiện thời có hai bản dịch bằng tiếng Hán của Bồ Đề Lưu Chi và Lạc Na Ma Đề). Chú giải bộ luận này có bộ Pháp Hoa Kinh Luận Thuật Ký (do ngài Nghĩa Tịch và Nghĩa Nhất cùng biên soạn) và bộ Pháp Hoa Luận Sớ của ngài Cát Tạng. Chú sớ kinh Pháp Hoa tại Trung Hoa qua các thời đại (chỉ tính đến thời ngài Ngẫu Ích) bao gồm các tác phẩm sau:

- Pháp Hoa Kinh Sớ (hai quyển) do ngài Trúc Đạo Sanh soạn vào thời Lưu Tống.
- Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký do ngài Quang Trạch viết trong thời Nam Lương.
- Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Nghĩa do ngài Nam Nhạc Huệ Tư viết vào đời Trần.
- Pháp Hoa Văn Cú và Pháp Hoa Huyền Nghĩa của ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư).
- Pháp Hoa Nghĩa Sớ, Pháp Hoa Huyền Luận, Pháp Hoa Thống Lược, Pháp Hoa Du Ý của ngài Gia Tường Cát Tạng viết vào đời Tùy.
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán do ngài Khuy Cơ soạn vào đời Đường.
- Pháp Hoa Ngũ Bách Vấn Luận do ngài Kinh Khê Tràm Nhiên soạn vào đời Đường.
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Yếu Giải do ngài Giới Hoàn soạn vào đời Tống.
- Pháp Hoa Kinh Hợp Luận của Huệ Cung và Trương Thương Anh biên soạn vào đời Tống.
- Pháp Hoa Kinh Khoa Chú do ngài Nhất Như viết dưới đời Minh.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

đạt được lẽ chân thật, trọng yếu. Chỉ có Thiên Thai Trí Giả đại sư, thoát đầu gặp Nam Nhạc Huệ Tư đại sư tại núi Đại Tô ở Quang Châu⁹, ngài Huệ Tư truyền trao đạo tràng Phổ Hiền, dạy [ngài Trí Giả] tu Pháp Hoa tam-muội. Tụng kinh tới đoạn “*thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai*” (đó là tinh tấn thật sự, được gọi là pháp cúng dường Như Lai thật sự) trong phẩm Dược Vương Bồ Tát Bỏ Sự, Ngài (Trí Giả đại sư) hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân trông thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, đạt được Nhất Toàn Đà La Ni. Từ đấy trở đi, hiểu thấu suốt kinh Pháp Hoa như Hy Hòa¹⁰ đối trước muôn hình tượng [trong thế gian], thấu đạt tướng của các pháp, dường gió mát lùa qua thái hư. Ngài bèn dùng năm tầng huyền nghĩa để giải thích Tổng Đề (đề mục chung, tức tên kinh Pháp Hoa). Tôn giả Chương An ghi thành bộ [Pháp Hoa] Huyền Nghĩa gồm mười quyển. [Trí Giả đại sư] lại dùng bốn ý để giải thích, quy kết ý nghĩa kinh văn.

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa Tiết Yếu, và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán của ngài Ngẫu Ích viết vào đời Minh.

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thông Nghĩa và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hệ Tiết của ngài Hám Sơn Đức Thanh.

Ngoài ra còn phải kể đến các tác phẩm chú giải của chú sớ như Pháp Hoa Văn Cú Ký (chú giải Pháp Hoa Văn Cú) và Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm của ngài Trạm Nhiên, các bộ Khoa Chú của các vị Thủ Luân (đời Tống), Từ Thiện Hành (đời Nguyên) v.v... Hoặc các sách khai triển từ giáo nghĩa của kinh Pháp Hoa như Ma Ha Chỉ Quán (của tổ Trí Khải), Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, Chỉ Quán Suru Yếu Ký, Chỉ Quán Đại Ý, Pháp Hoa Tam Muội Bồ Trợ Hành Nghi, Thỉ Chung Tâm Yếu (các tác phẩm này đều do ngài Kinh Khê viết) v.v...

⁹ Quang Châu (光州, dùng làm với Quảng Châu) nay là huyện Quang Sơn, tỉnh Hà Nam. Núi Đại Tô cách thành phố Tín Dương 22 km. Chùa Tịnh Cư trên núi này được coi là tổ đình của tông Thiên Thai vì tổ Nam Nhạc Huệ Tư đã đến đây kết am tu hành, khai đàn truyền pháp vào năm Thiên Bảo thứ năm (554) đời Bắc Tề. Nơi đây còn nhiều cảnh đẹp được ghi vào huyện chí như Túy Chúc Phong, Bạch Liên Trì, Nhị Môn Quán Thiên, Tiên Nhân Động, Điều Ngự Đài v.v... Trong Phật giáo Trung Hoa, núi này được coi là nơi hành đạo của Nhị Thánh (tổ Huệ Tư và tổ Trí Khải, tức Trí Giả đại sư vì tổ Trí Khải đắc pháp nơi đây), Nhị Vĩ (tức luật sư Đạo Ngạn, tổ khai sơn chùa Tịnh Cư trên nền thảo am của tổ Huệ Tư. Vị kia là Giám Chân, đệ tử của ngài Đạo Ngạn. Ngài Giám Chân đã sáu lần từ Trung Hoa vượt biển sang Nhật, truyền thừa Luật Tông, được tôn là Sơ Tổ Luật Tông của Nhật Bản).

¹⁰ Hy Hòa là gọi tắt của Hy thị và Hòa thị. Theo truyền thuyết, vua Nghiêu đã sai Hy Trọng, Hy Thúc, Hòa Trọng và Hòa Thúc chia nhau ở bốn phương quan sát thiên tượng (các diễn biến trên bầu trời) để chế định lịch pháp.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Tôn giả Chương An chép thành bộ [Pháp Hoa] Văn Cú gồm mười quyển.

I. Ngũ tầng huyền nghĩa

Nói “*năm tầng huyền nghĩa*” thì:

- 1) Một là dùng pháp và dụ (thí dụ) để đặt tên.
- 2) Hai là kinh dùng Thật Tướng làm Thể.
- 3) Ba là dùng nhân quả Nhất Thừa làm Tông.
- 4) Bốn là lấy “đoạn nghi, sanh tín” làm Dụng.
- 5) Năm là dùng vô thượng đề hồ làm giáo tướng.

Nói “*dùng bốn ý để giải thích kinh văn*” thì:

- Một là nhân duyên.
- Hai là xét theo giáo [tức là dùng tứ giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên để luận định].
- Ba là Bồn, Tích.
- Bốn là quán tâm.

Phần giải thích kinh văn rộng lớn, chưa thể nói cặn kẽ được. Nay nêu đại lược năm tầng huyền nghĩa:

1. [Tầng huyền nghĩa thứ nhất]: Dùng Pháp và Dụ để đặt tên Kinh

Hai chữ Diệu Pháp là nói đến Pháp. Hai chữ Liên Hoa là Dụ (thí dụ).

Nói đại lược, Pháp là chúng sanh pháp, Phật pháp, và tâm pháp.

1.1. Diệu

Diệu, nói đại lược thì gồm tương đãi diệu (相待妙, diệu do có sự đối đãi, so sánh) và tuyệt đãi diệu (絕待妙, diệu tuyệt đối, dứt bật đối đãi, so sánh). Kinh dạy: “*Vì linh chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*” (Vì khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật).

a) Nếu chúng sanh chẳng có tri kiến của Phật, làm sao bàn luận, khơi mở cho được? Hãy nên biết tri kiến của Phật uẩn tàng trong chúng sanh. Vì thế, chúng sanh pháp là Diệu.

b) Phật pháp chẳng ra ngoài Quyền và Thật. Kinh dạy: “*Thị pháp thậm thâm diệu, nan kiến, nan khả liễu, nhất thiết chúng sanh loại, vô*

năng tri Phật giả” (Pháp này rất sâu màu nhiệm, khó thấy, khó thể thấu hiểu. Hết thấy các loài chúng sanh, không ai có thể hiểu biết Phật), tức là tán thán Thật Trí màu nhiệm. Kinh lại dạy: “*Cập Phật chư dư pháp, diệc vô năng trắc giả*” (Và các pháp khác của Phật, cũng chẳng thể lường được), tức là tán thán Quyền Trí màu nhiệm. Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt cùng tận Thật Tướng của các pháp. Các pháp là Quyền nơi Thật, Thật Tướng là Thật trong Quyền. Vì vậy, Phật pháp là Diệu.

c) Phẩm An Lạc Hạnh chép: “*Tu nhiếp kỳ tâm, quán nhất thiết pháp bất động, bất thoái*” (Tu tập, thâm nhiếp cái tâm, quán hết thấy các pháp bất động, chẳng lui sụt). Kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Ngã tâm tự không, tội phước vô chủ. Quán tâm vô tâm, pháp bất trụ pháp*” (Tâm ta tự không, tội phước chẳng có chủ. Quán tâm chẳng có tâm, pháp chẳng trụ vào pháp). Kinh Tịnh Danh dạy: “*Quán thân Thật Tướng, quán Phật diệc nhiên, chư Phật giải thoát, đương ư chúng sanh tâm hạnh trung cầu*” (Quán Thật Tướng của thân, quán Phật cũng thế. Hãy nên từ trong tâm hạnh của chúng sanh mà cầu sự giải thoát của chư Phật). Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật, và chúng sanh, ba pháp ấy chẳng sai khác). Vì thế, tâm pháp là Diệu.

“*Tương đãi diệu*” (Sự màu nhiệm tương đối, có tánh chất đối đãi): Do pháp Bán Tự có đối đãi nên là Thô, thấu hiểu pháp Mãn Tự thì là Diệu. Trong Tam Tạng, chỉ có pháp Bán Tự thuộc về Sanh Diệt Môn, chẳng thể thông với lý viên mãn; cho nên là Thô. Pháp Mãn Tự là Bát Sanh Bất Diệt Môn; cho nên là Diệu. Lại như Phương Đẳng, Bát Nhã kèm theo phương tiện, thông với lý viên mãn, cho nên là Thô. Nay kinh này hiển thị thẳng thừng lý viên mãn, cho nên là Diệu.

“*Tuyệt đãi diệu*” (Sự màu nhiệm tuyệt đối, chẳng có đối đãi): Nói ra pháp chẳng phân biệt, biên chính là trung¹¹, không gì chẳng phải là Phật pháp, mắt sạch [các tình kiến chấp trước], thanh tịnh, chẳng còn có pháp để hình dung, so sánh. Đối đãi với điều gì mà là Thô? Hình dung điều gì mà là Diệu? Chẳng có gì để đối đãi, chẳng biết gọi tên là gì, bèn cưỡng gọi là Tuyệt.

“*Diệu*” hàm ý “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Chẳng vì Thô mà gọi là Diệu! Nếu nói là riêng có pháp giới rộng lớn, độc đáo, tuyệt diệu, thì sẽ là có quá nhiều thứ, sao có thể gọi là Tuyệt cho được? Nay pháp giới

¹¹ “Biên” là chấp vào một phương diện đối đãi, chẳng hạn có, không, tốt, xấu, thiện, ác v.v... thường gọi là Nhị Biên. Trung là không chấp trước vào sự đối đãi.

thanh tịnh, chẳng thể dùng đôi đũa để nêu bày, chẳng thể dùng Tuyệt (dứt bất đôi đũa) để nêu bày, đôi đũa và tuyệt đôi đều bị diệt mất. Vì thế nói là Tịch Diệt.

Dùng hai thứ Diệu ấy [để phán định] thì trong ba pháp diệu trên đây (tức chúng sanh pháp, tâm pháp, và Phật pháp), chúng sanh pháp cũng có đủ hai thứ Diệu (tức tương đãi diệu và tuyệt đãi diệu), Phật pháp và tâm pháp cũng có đủ hai thứ Diệu. Vì thế, gọi là Diệu Pháp.

Lại nữa, giải thích Diệu rộng rãi hơn thì Tích Môn¹² gồm mười thứ diệu, Bốn Môn gồm mười thứ diệu, quán tâm gồm mười thứ diệu.

1.1.1. Mười điều diệu của Tích Môn

Một là cảnh diệu. Hai là trí diệu. Ba là hạnh diệu. Bốn là vị diệu (địa vị màu nhiệm). Năm là tam pháp diệu (Giới, Định, Huệ đều diệu). Sáu là cảm ứng diệu. Bảy là thần thông diệu. Tám là thuyết pháp diệu. Chín là quyền thuộc diệu. Mười là công đức lợi ích diệu.

Cảnh Thật Tướng chẳng phải do Phật, chư thiên, hay con người tạo tác, mà vốn tự có, chẳng phải tới nay mới có. Vì thế, xếp điều này đầu tiên. Do mê lý nên dấy lên Hoặc (phiền não); do thấu hiểu lý nên sanh trí. Trí là cái gốc của hạnh. Do có con mắt trí, bèn dấy lên chân Hạnh. Mắt, chân, và cảnh, ba pháp làm thành phương tiện, ngõ hầu nương vào phương tiện ấy, vào trong ao thanh lương, đặt các địa vị. Các địa vị trụ vào đâu? Trụ trong tạng bí mật của ba pháp. Đã trụ trong pháp ấy, tịch mà thường chiếu, chiếu các căn cơ trong mười pháp giới. Hễ có căn cơ thích hợp bèn ứng. Để ứng hiện phù hợp căn cơ thì trước hết dùng thần thông nơi thân luân khiến cho họ (chúng sanh được hóa độ) kinh hãi, chấn động. Kế đến dùng khẩu luân để tuyên nói, chỉ dạy, khơi gợi, hướng dẫn. Họ đã được nhuần thấm mưa pháp, vâng nhận giáo pháp, trở thành quyền thuộc trong pháp, nhổ trừ gốc sanh tử, mở mang tri kiến của Phật, đạt được lợi ích to lớn. Năm điều diệu đầu tiên thuộc về tự hành, có đủ nhân và quả. Năm điều diệu sau đó thuộc về hóa tha (giáo hóa người khác), trọn đủ Năng và Sở (tức có người giáo hóa và đối tượng được giáo hóa).

¹² Tích Môn là những điều thuộc về sự ứng hiện, Bốn Môn là sự nội chứng, thật sự. Nói cách khác, Bốn Môn ví như vàng trắng thật sự, còn Tích Môn là bóng trắng in trong nước. Chẳng hạn như Bốn Môn là đức Phật đã thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa, còn Tích Môn là Ngài thị hiện giảng sanh tại thành Ca Tỳ La Vệ, hiện tám tướng thành đạo, thuyết pháp bốn mươi chín năm v.v...

Kinh dạy: “Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Sở vị chư pháp như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh đẳng” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt cùng tột Thật Tướng của các pháp. Tức là các pháp tướng như thể, tánh như thể, lực như thể, tác như thể, nhân như thể, duyên như thể, quả như thể, báo như thể, gốc ngọn rốt ráo như thể). Đây chính là cảnh diệu.

“Ngã sở đắc trí huệ, vi diệu tối đệ nhất” (Ta đạt được trí huệ, vi diệu tột bậc nhất): Dùng diệu huệ ấy để cầu vô thượng đạo, chính là trí diệu.

“Bốn tòng vô số Phật, cụ túc hành chư đạo” (Vốn từ vô số Phật, hành trọn đủ các đạo): Đã hành các đạo ấy rồi, đắc quả nơi đạo tràng. Phật tử đã hành đạo, đời sau sẽ thành Phật; đây là hạnh diệu. Trời tuôn xuống bốn loại hoa, biểu thị Trụ, Hạnh, Hướng, Địa. Khai thị ngộ nhập cũng có ý nghĩa [nói đến] các địa vị. “Thừa thị bảo thừa, du u tứ phương, trực chỉ đạo tràng” (Ngồi xe báu ấy, dạo khắp bốn phương, đến thẳng đạo tràng): “Bốn phương” là nhân vị (địa vị trong khi tu nhân), “đạo tràng” là quả vị (địa vị khi chứng quả). Đây chính là vị diệu.

“Phật tự trụ Đại Thừa, như kỳ sở đắc pháp, định huệ lực trang nghiêm” (Phật tự trụ Đại Thừa, các pháp Ngài đã chứng, sức định huệ trang nghiêm): Đại Thừa chính là khuôn phép chân tánh. Định chính là khuôn phép giúp cho thành tựu. Huệ là khuôn phép để quán chiếu. Đây chính là tam pháp diệu.

“Ư tam thất nhật trung, tư duy như thị sự. Ngã dĩ Phật nhãn quán, kiến lục đạo chúng sanh” (Trong hai mươi một ngày, tư duy chuyện như thế. Ta dùng mắt Phật quán, thấy lục đạo chúng sanh). Đây chính là cảm ứng diệu.

Các chuyện như nhập định, tuôn mưa hoa, cõi đất chấn động, phóng quang v.v... chính là thần thông diệu.

[Tu tập] các pháp do Ngài đã nói, sẽ đều đạt đến địa vị Nhất Thiết Trí. Đã nói, nay đang nói, sẽ nói, khó tin, khó hiểu nhất v.v... chính là thuyết pháp diệu.

“Đản giáo hóa Bồ Tát, vô Thanh Văn đệ tử” (Chỉ giáo hóa Bồ Tát, chẳng có đệ tử Thanh Văn), tức là quyền thuộc diệu.

“Hiện tại, vị lai, nhược văn nhất cú, nhất kệ, ngã giai dữ thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký. Tu du văn chi, tức đắc cứu cánh Tam Bồ Đề, bất linh nhất nhân độc đắc diệt độ, giai dĩ Như Lai diệt độ nhi diệt độ chi” (Hiện tại, vị lai, nếu nghe một câu, một kệ, ta đều thọ ký

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong khoảnh khắc được nghe, liền đạt Chánh Giác rốt ráo, chẳng để cho riêng một ai được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để độ họ). Đó chính là công đức lợi ích diệu.

1.1.2. Mười điều diệu thuộc Bốn Môn

Một là bốn nhân diệu. Hai là bốn quả diệu. Ba là bốn quốc độ diệu. Bốn là bốn cảm ứng diệu. Năm là bốn thần thông diệu. Sáu là bốn thuyết pháp diệu. Bảy là bốn quyền thuộc diệu. Tám là bốn Niết Bàn diệu. Chín là bốn thọ mạng diệu. Mười là bốn lợi ích diệu.

Bốn nhân diệu là từ nơi Bốn, thoát đầu phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Như mười sáu vị vương tử trong thời Phật Đại Thông [Trí Thắng], hoàng truyền kinh để kết duyên, đều là những chuyện thực hiện trong thuở trung gian (tức là thời gian sau lúc đức Phật thật sự thành đạo trong quá khứ và trước lần thị hiện thành đạo trong thời hiện tại), chẳng phải là bốn nhân diệu. Trải qua số kiếp nhiều như mây bụi mà hành đạo thì gọi là bốn nhân diệu.

Bốn quả diệu là nơi Bốn, thoát đầu hành cái nhân viên diệu, khắc đắc Thường Lạc Ngã Tịnh rốt ráo. Đó là bốn quả. Chẳng giữ lấy đạo tràng Tịch Diệt; báo thân Lô Xá Na thành Phật chính là bốn quả, chỉ giữ lấy cái quả đã chứng khi thành Phật thuở đầu từ bao kiếp rất rộng lớn lâu xa đến nay. Đó là bốn quả diệu.

Bốn quốc độ diệu: Vốn đã thành tựu cái quả, ắt có cõi nước để nương vào. Nay đã thị hiện ở trong cõi Đồng Cư, hoặc trong ba cõi (Tịch Quang, Thật Báo và Phương Tiện Hữu Dư). Trong khoảng trung gian, cũng có bốn cõi. Bốn Phật (Phật nơi Bốn Môn) cũng có bốn cõi, lại ở trong cõi nào? Kinh chép: “*Từ từng thị lai, ngã thường tại thử Sa Bà thế giới thuyết pháp, giáo hóa*” (Từ đây trở đi, ta thường ở trong thế giới Sa Bà này thuyết pháp, giáo hóa): Xét theo đoạn kinh văn ấy, đúng là chẳng phải hiện thời mới thị hiện trong Sa Bà, cũng chẳng phải là nơi chốn quyền biến thị hiện trong chặng giữa, mà chính là Sa Bà trong Bốn. Đó chính là bốn quốc độ diệu!

Bốn cảm ứng diệu là đã thành tựu cái quả, liền có hai mươi lăm môn vương tam-muội đã chứng trong thuở ấy (lúc Phật Thích Ca thật sự thành Phật). Thệ nguyện từ bi, căn cơ và sự cảm vờ có liên quan với nhau, có thể từ ngay nơi Tịch mà có thể Chiếu. Do vậy, gọi là bốn cảm ứng diệu.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Bồn thần thông diệu là môn Hóa Thiên Vô Ký Hóa¹³ đã chứng đắc

xưa kia phù hợp với các môn từ bi thuộc lúc tu nhân nơi Bồn địa, thực hiện, hóa hiện các thứ thần thông, khiến cho chúng sanh kinh hãi, chấn động để độ chúng sanh. Vì thế nói là bồn thần thông diệu.

Bồn thuyết pháp diệu chính là xưa kia thoát đầu ngôi đạo tràng, thành Chánh Giác lần đầu tiên, chuyển pháp luân lần đầu tiên, dùng tứ biện tài để nói các pháp, thì gọi là bồn thuyết pháp diệu.

Bồn quyền thuộc diệu là những người được hóa độ trong khi thuyết pháp nơi Bồn địa. Như các vị [Bồ Tát] trụ ở phương dưới, ngài Di Lặc chẳng nhận biết, đây chính là bồn quyền thuộc diệu.

Bồn Niết Bàn diệu chính là đoạn đức Niết Bàn đã chứng trong bồn thời (lúc đức Phật thật sự thành đạo lần đầu tiên), mà cũng là đối với hai cõi Phương Tiện và Đồng Cư, [nơi đức Phật] đã trụ trong bồn thời, khi kẻ hữu duyên đã hết, đức Phật bèn nói là “*nhập diệt*”. Đây chính là bồn Niết Bàn diệu.

Bồn thọ mạng diệu: Đã nói “*nhập diệt*”, bèn có thọ mạng dài, ngắn, xa, gần.

Bồn lợi ích diệu là các công đức do quyền thuộc đã đạt được trong bồn thời.

1.1.3. Mười điều diệu thuộc về Quán Tâm

Tích Môn và Bồn Môn đều luận định quán tâm. Quán tâm thuộc Tích Môn được nói rải rác trong kinh văn. Quán tâm trong Bồn Môn thì là “*Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như*”. Phật đã quán tâm, đạt được bồn diệu. Vận dụng [quán tâm] trong Tích Môn thì rộng lớn, chẳng thể xưng nói. “*Ngã như, như Phật như*”: Cũng nên quán tâm lưu xuất điều lợi to lớn ấy, cũng nguyện Như của ta sẽ mau chóng giống như Như của Phật. Vì thế, kinh văn chép: “*Văn Phật thọ vô lượng, thâm tâm tu du tín, kỳ phước quá ư bỉ. Nguyên ngã ư vị lai, trường thọ độ chúng sanh, như kim nhật Thế Tôn, chư Thích trung chi vương, đạo tràng sư tử*

¹³ Hóa Thiên Vô Ký Hóa chỉ trong sự vô ngại tương ứng, tu tập Thiên Định biến hóa vô cùng. Theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa, trong Pháp Giới Thứ Đệ Môn có chín loại đại Thiên, trong đó môn thứ sáu là Nhất Thiết Hạnh Thiên, hàm nhiếp hết thảy các hành pháp Thiên Định trong Đại Thừa. Nhất Thiết Hạnh Thiên lại được chia nhỏ thành mười ba loại, loại thứ hai trong ấy được gọi là Hóa Thiên Vô Ký Hóa, tức là môn Thiên Định tùy ý vận dụng theo ý muốn, biến hóa vô cùng, tự tại vô ngại.

hồng, thuyết pháp vô sở úy. Ngã đẳng ư vị lai, nhất thiết sở tôn kính, tọa ư đạo tràng thời, thuyết thọ diệc như thị” (Nghe nói đức Phật thọ vô lượng, thâm tâm tin tưởng trong khoảnh khắc, phước ấy hơn hẳn phước trước. Nguyên con trong đời mai sau, trường thọ độ chúng sanh, giống như đức Thế Tôn trong hiện thời là vua trong các vị Thích tử, sư tử hồng nơi đạo tràng, thuyết pháp chẳng sợ hãi. Chúng con trong đời mai sau, được hết thấy tôn kính, lúc ngồi nơi đạo tràng, cũng sẽ giảng nói thọ mạng giống như thế). Đây chính là bốn diệu thuộc về quán tâm, đạt được lợi ích nơi Lục Tức Tướng.

1.2. Liên Hoa

Kể đó, nói về Liên Hoa. [Hoa sen dùng để] thí dụ diệu pháp. Hoa có nhiều loại. Hoặc là chỉ chít toàn hoa, chẳng có quả, ví như ngoại đạo tu Phạm hạnh rộng tuếch, chẳng đạt được gì. Hoặc một hoa, nhiều quả, ví như phàm phu cúng dường cha mẹ, được quả báo sanh lên Phạm Thiên. Hoặc là nhiều hoa, một quả, ví như các thứ khổ hạnh của Thanh Văn, chỉ đắc Niết Bàn. Hoặc là một hoa, một quả, ví như một hạnh viên ly của Duyên Giác, cũng đắc Niết Bàn. Hoặc trước quả, sau là hoa, ví như đã đắc Tu Đà Hoàn rồi sau đó mới tu đạo. Hoặc là trước hoa, sau là quả, ví như Bồ Tát trước hết nhờ vào các duyên để tu, sau đấy sanh khởi sự chân tu. Các loại ấy đều là thô hoa, chẳng thể sánh ví Diệu Pháp được! Chỉ có hoa sen là hoa lẫn quả (hạt sen) đều nhiều, có thể sánh ví “*nhân chứa đựng vạn hạnh, quả viên mãn vạn đức*”.

Lại vì có hạt mà trở hoa, hoa lẫn hạt đều trọn đủ, có thể sánh ví “*từ ngay nơi Thật mà là Quyền*”. Hoa nở thì hạt sen hiện ra, có thể sánh ví “*từ ngay nơi Quyền mà là Thật*”. Hoa rụng, hạt sen chín, hạt sen đã chín cũng rơi mất, có thể sánh ví “*chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*”. Vì thế, dùng hoa sen để sánh ví Diệu Pháp.

Lại dùng hoa sen để sánh ví hai môn Tích và Bỏ. Đối với mỗi môn, đều có ba thí dụ.

Ba thí dụ thuộc về Tích Môn là:

a. Một là hoa sen sanh ra, trong hoa ắt có hạt sen. Đó là vì hiển lộ hạt sen mà trở hoa, nhưng chẳng thể thấy hạt sen [khi hoa chưa nở tung]. Điều này ví như “*vì Thật mà khai Quyền*”, có nghĩa là chưa thể biết Thật.

b. Hai là hoa sen nở, hạt sen lộ ra, nhưng cần phải dùng hoa sen để dưỡng hạt sen. Ví như trong Quyền có Thật. Trước nay chẳng có ai biết,

cho nên nay khai Quyền hiển Thật. Có nghĩa là cần phải do Quyền mà nhận biết rộng rãi Hằng sa Phật pháp. Chỉ vì để thành tựu Thật, mà khiến cho [chúng sanh] nhận biết sâu xa tri kiến của Phật.

c. Ba là hoa rụng, hạt sen chín, ví như phé Quyền lập Thật, chỉ có một Phật thừa, tiến thẳng đến đạo tràng. Bồ Tát do còn “*có hành*” (còn thấy có pháp để hành), cho nên chẳng thấy rõ ràng, chỉ giống như hoa sen nở, [nhưng hạt sen chưa chín]. Do chư Phật chẳng hành, nên thấy thấu suốt. Ví như hoa rụng thì hạt sen đã chín muồi.

Ba thí dụ thuộc về Bồn Môn:

a. Một là hoa sen ắt có hạt, ví như Tích ắt có Bồn, Tích chứa đựng Bồn. Có nghĩa là tuy ở ngay nơi Bồn, nhưng khó biết ý chỉ của Phật, [chẳng hạn như bậc Bồ Xứ Bồ Tát như] ngài Di Lặc chẳng biết.

b. Hai là hoa nở, hạt sen hiện ra, ví như khai Tích hiển Bồn (chỉ ra Tích để nêu bày Bồn), có nghĩa là từ ngay nơi Tích, có thể khiến cho Bồ Tát nhận biết phương tiện của Phật. Đã nhận biết Tích thì sẽ lại biết Bồn, tăng đạo, tổn sanh¹⁴.

c. Ba là hoa rụng, hạt sen chín. Ví như phé Tích, hiển Bồn: Đã biết Bồn, chẳng còn mê Tích, chỉ thuộc về địa vị tu đạo nhằm viên mãn Pháp Thân.

Trong kinh lại có bảy thí dụ đều nhằm sánh ví Quyền và Thật; nay dùng hoa sen làm thí dụ chung. Bảy thí dụ là:

- Một là thí dụ về ba loại xe và một loại xe thoát khỏi nhà lửa. Dùng ba loại xe để sánh ví Quyền, xe trâu trắng lớn nhằm sánh ví Thật.

- Hai là thí dụ về đứa con nghèo túng trong phẩm Tín Giải. Dùng chuyện làm mướn để sánh ví Quyền, [được cha] giao phó gia nghiệp ví như Thật.

- Ba là thí dụ về dược thảo. Dùng ba loại cỏ, hai loại cây để sánh ví Quyền, một cội đất để sánh ví Thật.

- Bốn là thí dụ về hóa thành (cái thành được biến hóa ra). Dùng chỗ biến hóa để sánh ví Quyền, bảo xứ (chỗ có của báu) nhằm sánh ví Thật.

- Năm là thí dụ viên châu buộc vào chéo áo trong phẩm Thọ Ký. Dùng chuyện [người có viên châu buộc trong chéo áo mà chẳng hay biết,

¹⁴ Đây là một thuật ngữ của tông Thiên Thai nhằm diễn tả lợi ích của Bồn Môn Pháp Hoa. “Đạo” là trí Trung Đạo, “sanh” là Biến Dịch Sanh Tử. “*Tăng đạo, tổn sanh*” nghĩa là trí Trung Đạo dần dần tăng tấn, Biến Dịch Sanh Tử dần dần tổn giảm. Nói cách khác, đây là quá trình tăng tấn từ Sơ Trụ tiến dần đến địa vị Đẳng Giác trong bốn mươi hai địa vị của Bồ Tát.

cứ làm thuê đắp đống qua ngày], đạt được chút ít [đã vui sướng] để sánh ví Quyền, [được thiện tri thức chỉ ra viên châu trong chéo áo bèn] dùng bảo châu đổi chác để sánh ví Thật.

- Sáu là thí dụ về Luân Vương trong phẩm An Lạc Hạnh. Dùng [chuyện Luân Vương] tùy theo công lao mà ban thưởng [cho quân thần] để sánh ví Quyền, [vua] tháo mình châu trong búi tóc [để ban thưởng] nhằm sánh ví Thật.

Sáu thí dụ này đều là thí dụ “*khai Quyền hiển Thật*” trong Tích Môn.

- Bảy là thí dụ về lương y trong phẩm Thọ Lượng. Dùng chuyện sai người báo tin cha đã chết để sánh ví Quyền, [lương y] trở về cho [các con] trông thấy nhằm sánh ví Thật. Đây chính là thí dụ nhằm “*khai cận hiển viễn*” (nêu rõ chuyện đức Phật thành Phật tại Bồ Đề đạo tràng cách lúc giảng kinh Pháp Hoa không xa là quyền biến thị hiện, nói rõ đức Phật đã thành đạo từ bao kiếp lâu xa) thuộc Bồn Môn.

Lại còn có hai thí dụ “*cổ vua*” (như người đói trông thấy cỗ vua mà chẳng dám ăn) và “*đào giếng*” đều chẳng phải hoàn toàn thí dụ về chuyện khai hiển trong một thời. Vì thế, Trí Giả đại sư lược đi, chẳng nêu ra. Người đời sau cứ nói là “*chín thí dụ*”, có thể nói [những người chủ trương như vậy] chỉ xét theo kinh văn, chẳng xét theo ý nghĩa!

1.3. Kinh

“*Kinh*” là tên gọi chung các pháp do đức Phật đã nói. [Tên gọi của kinh này trong] tiếng Phạn là Tát Đạt Ma Phân Đà Lợi Tu Đa La (Saddharma Puṇḍarīka Sūtra). Tát Đạt Ma (Saddharma) được phương này (Trung Hoa) dịch là Diệu Pháp. Phân Đà Lợi (Puṇḍarīka, hoa sen trắng) dịch thành Liên Hoa, đã giải thích đầy đủ trong phần trước. Tên kinh này khác với các kinh; vì thế, [Diệu Pháp Liên Hoa] gọi là Biệt [Đề]. Giáo pháp trong suốt một đời đức Phật đều gọi là Tu Đa La; vì thế, [chữ Kinh] gọi là Thông [Đề].

Tu Đa La (Sūtra) hoặc dịch là Kinh (經), hoặc dịch là Khê (契, phù hợp), hoặc dịch là Pháp Bản (法本), hoặc dịch là Tuyến (線, sợi dây), hoặc dịch là Thiện Ngữ Giáo (善語教), hoặc chẳng phiên dịch [chỉ phiên âm]. Từ ngữ này bao hàm năm nghĩa:

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Một là Pháp Bản (cội gốc của pháp), còn gọi là Xuất Sanh (出生).
- Hai là Vi Phát (微發, phát khởi những điều vi tế), còn nói là Hiển Thị (顯示).
- Ba là Dũng Tuyền (湧泉, suối trào).
- Bốn là Thằng Mặc (繩墨, dây mực để đánh dấu của thợ mộc).
- Năm là Kết Man (結鬘, xâu tràng hoa).

Như vậy thì năm cách dịch, năm ý nghĩa bao hàm, mỗi mỗi đều trọn đủ ba thứ Giáo, Hạnh, Lý. Giáo chính là Thế Giới Tất Đàn. Hạnh chính là Vị Nhân và Đối Trị Tất Đàn. Lý chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn¹⁵.

Lại nữa, các điều bậc thánh phương này (Trung Hoa) nói ra thì được gọi là Kinh. Kinh là huấn pháp (訓法, pháp tắc giáo huấn), có nghĩa là dạy bảo pháp thường hằng để làm khuôn phép vâng giữ. Giáo đáng noi theo, Hạnh đáng noi theo, Lý đáng noi theo. Vì thế, gọi là Pháp. “*Thường*” có nghĩa là “chẳng thay đổi”. Thiên ma và ngoại đạo chẳng thể thay đổi, phá hoại, tức là Giáo Thường. Chân chánh chẳng xen tạp, chẳng thể vượt qua, tức là Hạnh Thường. Trong lặng, bất động, quyết chẳng hướng theo đường khác, chính là Lý Thường.

2. [Tầng huyền nghĩa thứ hai]: Dùng Thật Tướng làm Thế

¹⁵ Tất Đàn (Siddhānta) có nghĩa là “bổ thí trọn khắp”, hoặc “thành tựu”. Tứ Tất Đàn tức là dùng bốn sự thành tựu để giáo hóa chúng sanh, nhằm đối ứng với các nhu cầu của chúng sanh có căn cơ khác biệt gồm:

- Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn, còn gọi là Nhập Lý Tất Đàn, nhằm hướng dẫn chúng sanh tiến nhập thật lý. Tức là đức Phật dùng trí huệ Thật Tướng Bát Nhã của Đại Thừa, thông qua các thứ phương tiện thiện xảo để hướng dẫn chúng sanh tiến nhập trực tiếp nội chứng của Phật, chứng nhập chân lý, phá trừ nghi hoặc.
- Thế Giới Tất Đàn, còn gọi là Lạc Dục Tất Đàn, tức là tùy thuận pháp thế gian để xiển minh đạo lý nhân duyên hòa hợp.
- Các Các Vị Nhân Tất Đàn (thường gọi tắt là Vị Nhân Tất Đàn), còn gọi là Sanh Thiện Tất Đàn, ứng theo căn cơ và năng lực bất đồng của chúng sanh mà giải nói các pháp xuất thế, khiến cho chúng sanh khởi thiện căn, kiên lập tín tâm, tuân tự thẳng tắn.
- Đối Trị Tất Đàn, còn gọi là Đoạn Ác Tất Đàn, đối trị các phiền não của chúng sanh, tùy theo căn bệnh mà nói pháp dược, khiến cho chúng sanh giải thoát ác nghiệp.

Kinh dạy: “Kim Phật phóng quang minh, trợ phát Thật Tướng nghĩa” (Nay đức Phật tỏa quang minh, để giúp phát khởi nghĩa Thật Tướng). Lại nói: “Chư pháp Thật Tướng nghĩa, dĩ vị như đẳng thuyết” (Nghĩa Thật Tướng của các pháp đã vì các ông mà nói). Lại nói: “Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng Thật Tướng của các pháp). Lại nói: “Chư Phật pháp cứu hậu, yếu đương thuyết chân thật” (Pháp của chư Phật đã lâu ngày, phải nên nói chân thật). Lại nói: “Ngã dĩ tướng nghiêm thân, vị thuyết Thật Tướng ẩn” (Ta dùng các tướng để trang nghiêm thân thể, nhằm nói ẩn Thật Tướng). Lại nói: “Khai phương tiện môn, thị chân thật tướng” (Mở cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật). Lại nói: “Quán chư pháp Thật Tướng” (Quán Thật Tướng của các pháp). Vì thế biết chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, chỉ nhằm khiến cho chúng sanh mở mang tri kiến của Phật. Thấy lý Nhất Thật tức là lý “chẳng phải nhân, chẳng phải quả”.

3. [Tầng huyền nghĩa thứ ba]: Dùng nhân quả Nhất Thừa làm Tông

Kinh này từ phẩm Tự cho đến phẩm An Lạc Hạnh nhằm phá trừ, phé bỏ phương tiện, khai hiển tri kiến chân thật của Phật, mà cũng nhằm nói rõ “thật nhân, thật quả” của các vị đệ tử, cũng như nêu bày “quyền nhân, quyền quả” của sư môn. Văn nghĩa tuy rộng, nhưng tóm gọn lại thì chính là điều then chốt, trọng yếu này: Nhằm thành tựu “thật nhân, thật quả” cho các đệ tử, nhân là chánh, quả là phụ. Do vậy, trong phần trước của kinh bèn nói về nhân và quả thuộc Tích Môn. Từ phẩm Tỳ Bà Thi cho đến phẩm Khuyến Phát nhằm từ Tích mà hiển thị Bỏ, phé trừ phương tiện “tuổi thọ [thị hiện] gần đây” (tức tuổi thọ tám mươi năm của đức Phật Thích Ca trong thời đại chúng ta), nhằm nêu rõ thật quả dài lâu, cũng như chỉ rõ thật nhân, thật quả của các đệ tử, mà cũng nói rõ thật nhân, thật quả của sư môn. Tức là tỏ rõ thật quả của thầy, quả là chánh, nhân là phụ. Vì thế, phần sau của kinh đã nói rõ “bỏ nhân, bỏ quả”.

4. [Tầng huyền nghĩa thứ tư]: Lấy đoạn nghi sanh tín làm Dụng

Tích Môn dùng Phật trí và Bồ Đề trí để đoạn vô minh lớn nhất trong bảy thứ phương tiện, cùng nhập cái nhân viên mãn nơi Bỏ Môn, phá trừ tình kiến chấp trước cận Tích (các sự tướng thị hiện trong đời

đức Phật), sanh lòng tin sâu xa đối với Bốn địa, cho đến đối với Đẳng Giác cũng khiến cho đoạn nghi, sanh tín.

5. [Tầng huyền nghĩa thứ năm]: Vô thượng đề hồ làm giáo tướng

Các thí dụ về năm thời [giáo hóa trong một đời giáo hóa của đức Phật] đã được nói đại lược trong phần trước. Như thời Hoa Nghiêm nhằm thích ứng căn cơ thuộc Viên và Biệt, chiếu đến núi cao trước hết, nói thẳng vào công đức tu hành theo thứ tự, hoặc không theo thứ tự thuộc [các địa vị trong] Thập Địa và Thập Trụ, chẳng biện định ý nghĩa Như Lai nói Đốn Giáo. Tứ A Hàm thì nói chung về vô thường, biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, nhưng chẳng nêu rõ ý nghĩa Như Lai do khéo léo tùy thuận cơ nghi mà lập bày Tiểu pháp. Các kinh thuộc thời Phương Đẳng phá trừ Tiểu pháp, quở trách những kiến chấp thiên lệch, ca ngợi Viên, khen ngợi Đại, hạnh nguyện từ bi, sự lý thù thắng tuyệt diệu, nhưng chẳng nêu rõ ý nghĩa [vì sao] nói kèm thêm quở trách, tán thán. Thời Bát Nhã, cộng pháp thì người thuộc cả ba thừa đều cùng nhập, biệt pháp thì riêng Bồ Tát tiến nhập. [Nội dung các giáo pháp ấy] bao gồm rộng khắp Ấm, Nhập, thanh tịnh tốt cùng, dung thông rộng rang, mà cũng chẳng nêu rõ ý nghĩa Biệt và Cộng. Thời Niết Bàn sau cùng, đại lược phá trừ các pháp tu tập trong ba thời trước, dạy đại lược về ngũ vị¹⁶, cũng chẳng nói cặn kẽ ý nghĩa vì sao Như Lai lập bày giáo pháp từ khởi đầu để kết thúc bằng quy kết [các giáo pháp phương tiện về Nhất Thừa].

¹⁶ Ngũ vị là năm vị của sữa (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) được dùng làm thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Trí Giả đại sư đã dùng chuyện này để phán định năm thời giáo pháp của đức Phật: Năm thời giáo pháp được tuần tự nói ra nhằm tương ứng với căn cơ của chúng sanh tuần tự thăng tấn:

1. Vị sữa (Kṣīram), như thời Hoa Nghiêm giống như sữa sanh ra từ bò. Lúc đó, căn cơ của Nhị Thừa chưa chín muối, rất nhạt mỏng giống như sữa mới vắt.
2. Vị lạc (Dadhi): Sữa biến thành lạc, giống như sau thời Hoa Nghiêm đức Phật nói kinh A Hàm, căn cơ nghe hiểu kinh A Hàm là Tiểu Thừa.
3. Vị sanh tô (Navanītam): Căn cơ Tiểu Thừa chín muối, dần dần tiến nhập Đại Thừa Thông Giáo.
4. Vị thực tô (Gholaṃ): Chất tô càng được tinh chế hơn, căn cơ Thông Giáo đã chín muối, trở thành căn cơ Đại Thừa Biệt Giáo.
5. Vị đề hồ (Sarpimandā): Thực Tô được nung luyện trở thành Đề Hồ. Ví như sau thời Bát Nhã, nói kinh Pháp Hoa và Niết Bàn khiến cho căn cơ Biệt Giáo trở thành căn cơ Viên Giáo.

Các kinh ấy đều nhằm phù hợp ý của người khác, khiến cho họ đạt được lợi ích, chẳng nói đến ý Phật, ý thú của Ngài là như thế nào. Nay kinh này chẳng vậy, phạm đối với chuyện nêu ra toàn bộ cương mục của pháp môn, các pháp Quán đại, tiểu, Thập Lực, Vô Úy, các thứ quy củ, thầy đều chẳng luận, vì các kinh trước đó đã nói rồi. Kinh này chỉ luận định đại sự nhân duyên “*nguồn cội ban bố giáo pháp của Như Lai*”, [vì sao dạy chúng sanh] giữ điều này, bỏ điều kia trong thời trung gian (tức là từ thời A Hàm đến thời Bát Nhã), [giảng dạy các pháp] Tiệm hoặc Đốn nhằm thích hợp thời cơ, và kết cục rốt ráo [của cả một đời giáo hóa]. Do vậy biết kinh này chỉ luận định đại cương về sự lập bày giáo pháp, chẳng nêu bày cương mục chi tiết. Ví như người tính toán, trước là lập ra các phép toán trung gian, sau đó loại bỏ các phép toán trung gian [chỉ giữ lấy kết quả cuối cùng] để tìm ra con số chánh yếu, không giữ lại [các con số lẻ] mấy đầu, mấy học. Chỉ vì luận định thánh giáo sâu xa, khéo giảng nói thánh tâm, gần là khiến cho [chúng sanh nghe pháp sẽ] thấu hiểu cái nhân viên mãn, xa là nêu bày bốn quả (cái quả thuộc bốn địa, bốn môn). Do vậy, [bậc đương cơ trong hội này] thưa hỏi nghi vấn chẳng ngớt. Nếu có thể biết tinh tường giáo tướng, sẽ biết hai trí Quyền và Thật của Như Lai.

II. Khoa phán kinh văn

Đối với hai mươi tám phẩm của kinh văn, Trí Giả đại sư chia thành ba phần:

- Phần đầu là phẩm Tự.
- Từ phẩm Phương Tiện cho đến mười chín dòng kệ thuộc phẩm Phân Biệt Công Đức, mười lăm phẩm rưỡi ấy được gọi là Chánh Tông.
- Từ sau phần kệ ấy (phần kệ tụng trong phẩm Phân Biệt Công Đức) cho đến hết kinh, gồm mười một phẩm rưỡi, gọi là phần Lưu Thông.

Trong một thời (tức là đối với nội dung giáo pháp của kinh này), lại chia thành hai:

- Từ phẩm Tự cho tới phẩm An Lạc Hạnh gồm mười bốn phẩm, thuộc về khai Quyền hiển Thật trong Tích Môn.
- Từ phẩm Tùng Địa Dững Xuất cho đến hết kinh, gồm mười bốn phẩm, chính là các phẩm Tự, Chánh Tông, và Lưu Thông nhằm khai cận hiển viên của Bốn Môn.

[Trong Tích Môn], phẩm đầu tiên (tức phẩm Tự) là Tự Phần, từ phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là Chánh Tông. Từ phẩm Pháp Sư cho đến phẩm An Lạc Hạnh là Lưu Thông Phần.

[Trong Bốn Môn, trong phẩm Tùng Địa Dững Xuất], từ lúc các vị Bồ Tát từ phương dưới vọt lên cho tới khi ngài Di Lặc thừa hỏi chuyện ấy, đức Phật giải đáp; nửa phẩm ấy là Tự Phần. Từ câu “*Phật cáo A Dật Đa*” (đức Phật bảo ngài A Dật Đa) trở đi cho đến phần kệ của phẩm Phân Biệt Công Đức thuộc về phần Chánh Tông. Từ đó cho đến hết kinh, thuộc về phần Lưu Thông.

Trước tiên, Tự thì có Thông và Biệt. Thông là bao gồm chung hai môn; Biệt là phần chánh thuyết nói về tam châu (ba tầng thuyết pháp). Sau cùng là Lưu Thông thì gồm có khuyến trì (khuyên nên thọ trì) và chúc lụy. Phần Khuyến Trì riêng thuộc về Bốn Môn. Chúc Lụy thì chung cho toàn bộ đại kinh. Năm phẩm cuối của phần Tích Môn chỉ là phần Khuyến Trì thuộc Tích Môn. Trong phần Bốn Môn, phần Tự chỉ nhằm phát khởi Bốn Môn.

1. Khoa pháp Tích Môn

* Phẩm Tự (Nidāna) đứng đầu, gồm các phần Thứ Tự (次序, phần tựa nêu bày các điều theo thứ tự), Do Tự (由序, phần tựa nêu bày nguyên do), và Thuật Tự (述序, phần tựa trần thuật). Dùng sáu nghĩa như Như Thị, Thời v.v... để chứng tín (khiến cho người nghe do thấy các điều ấy mà tin tưởng kinh này thật sự do đức Phật nói ra). Đó là Thứ Tự. Phóng quang minh hiện ra sáu loại tướng lành để làm duyên do phát khởi. Đó là Do Tự. Hỏi đáp để giải trừ nghi hoặc nhằm dẫn khởi phần chánh thuyết (Chánh Tông Phần), đó chính là phần Thuật Tự. Vì thế, phẩm này được gọi Tự Phẩm.

* Kế đó là từ phẩm Phương Tiện (Upāyakaṣālya) trở đi, có tam châu thuyết pháp:

- Nay nói đến phẩm Phương Tiện, nêu ra tam thừa để nói Nhất Thừa, được gọi là Pháp Thuyết Châu (法說週). Thượng căn đắc ngộ, [đức Phật] thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất.

- Kế đó là phẩm Thí Dụ, nói đến ba loại xe và một loại xe, được gọi là Thí Thuyết Châu (譬說週). Trung căn đắc ngộ, thọ ký cho bốn vị đại đệ tử.

- Kế đó là phẩm Hóa Thành Dụ, nói rõ chuyện kết duyên trong đời trước đã xong, lại nói đến chuyện [chỗ có của báu] cách xa ba trăm do-tuần, hoặc năm trăm do-tuần. Phần này được gọi là Nhân Duyên Thuyết Châu (因緣說週). Hạ căn đắc ngộ, thọ ký cho năm trăm và hai ngàn vị đệ tử.

Đây chính là phần Chánh Tông “*khai Quyền hiển Thật*” của Tích Môn.

Nói đến phẩm Phương Tiện thì đại lược có ba cách giải thích:

1) Phương là pháp, Tiện là sử dụng. Khéo dùng pháp thiên lệch nhằm thích ứng với căn cơ của chúng sanh thì gọi là Phương Tiện. Cách hiểu này có thể dùng để giải thích các kinh khác, chẳng phải là ý nghĩa của phẩm này.

2) Phương Tiện là Môn. Môn có nghĩa là “có thể thông qua” (xuyên suốt), thông với pháp được thông. Phương Tiện là dùng chân thật làm môn, hiển lộ chân thật. Công năng [hóa độ] do từ phương tiện. Cách hiểu này có thể dùng để giải thích kinh này, nhưng chẳng phải là ý nghĩa của phẩm này.

3) Phương là bí (祕, ẩn mật), Tiện là diệu. Khéo thông đạt phương tiện thì là bí mật chân thật. Chỉ ra hạt châu vô giá trong ché áo, cũng như viên châu duy nhất trên đỉnh đầu của vua, chẳng hai, chẳng khác. Chỉ ra kẻ làm công tự coi mình là khách chính là con ông trưởng giả, cũng chẳng hai, chẳng khác. Nói như thế chính là bí mật, là diệu; đúng là ý nghĩa của phẩm này.

Phẩm này thật sự nêu rõ tam thừa là Quyền, hiển thị Nhất Thừa là Thật, trong ấy lại có đại lược và nói rộng. Nói đại lược thì hễ chấp trước bèn sanh nghi; nói rộng thì là đoạn nghi, sanh tín. Ý chỉ trọng yếu nói đại lược chẳng ngoài mấy câu “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo Thật Tướng của các pháp*”. Đó chính là giềng mối rộng lớn của cả bản kinh, là chỗ sâu thẳm của các nghĩa. Nam Nhạc đại sư (ngài Huệ Tur) đã dựa theo ba nghĩa để lần lượt giảng giải:

- Một, tướng ấy là Như, tánh ấy là Như, cho đến báo ấy là Như. Như có nghĩa là “*chẳng khác*”. Đó chính là nghĩa Không.

- Hai là như thị tướng, như thị tánh, cho đến như thị báo, chỉ bày tánh và tướng của Không, đặt ra các danh tự dằng dặc sai khác. Đó chính là nghĩa Giả.

- Ba là tướng như thế, tánh như thế, cho đến báo như thế. Như chính là Thị trong Trung Đạo Thật Tướng, tức là nghĩa Trung.

Phân biệt cho dễ giải thích, cho nên nói là Không, Giả, Trung. Hễ thấu hiểu ý, bèn nói Không chính là Giả và Trung. Dựa theo Như để giải thích Không, một thứ là không thì hết thấy đều không. Nêu ra Như để chỉ rõ tướng, một thứ giả thì hết thấy đều là giả, chính là luận định về Trung. Một thứ trung thì hết đều là trung, chẳng phải là một, hai, ba, nhưng lại là một, hai, ba, chẳng dọc, chẳng ngang, nên gọi là Thật Tướng. Chỉ có Phật và Phật thấu hiểu cùng tận rốt ráo pháp này. Mười pháp ấy thấu nhiếp hết thấy các pháp. Trí Giả đại sư lại dùng bốn lượt giải thích:

- Một là dựa theo mười pháp giới.
- Hai là dựa theo Phật giới.
- Ba là dựa theo sự tách ra hay gộp lại.
- Bốn là dựa theo địa vị.

1) Một là dựa theo mười pháp giới, [mười pháp giới] chính là lục đạo và tứ thánh (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật). Pháp tuy vô lượng, nhưng xét ra chẳng ngoài mười pháp giới ấy. Trong mỗi pháp giới, tuy lại có nhiều tiểu loại, nhưng chẳng ra ngoài Thập Như (như thị tánh, như thị tướng, như thị nhân, như thị quả v.v...) Chẳng hạn như trong địa ngục giới, trong ấy có trọn đủ tướng, tánh... [cho đến] bốn mặt [cứu cánh như thế], mà cũng có đủ tánh, tướng, bốn mặt của súc sanh giới, cho đến trọn đủ tánh, tướng, bốn mặt của Phật giới, chẳng hề khuyết, giảm! Do vậy biết trong mỗi pháp giới đều có Thập Như của chín pháp giới kia. Nếu xét Thập Như của chín pháp giới trong địa vị của chính mình thì đều gọi là Quyền. Nếu xét theo Thập Như của Phật giới trong địa vị của chính mình thì gọi là Thật. Trong một, trọn đủ vô lượng; trong vô lượng có một. Vì thế, gọi là “chẳng thể nghĩ bàn”. Phạm phu tuy trọn đủ, nhưng tuyệt lý, mê muội nơi tình. Nhị Thừa tuy trọn đủ, nhưng lại xả ly (lìa bỏ), cầu giải thoát. Bồ Tát tuy trọn đủ, nhưng chiếu chẳng trọn vẹn, cho nên gọi là “chẳng liễu giải”. Như Lai thấu hiểu trọn vẹn, ngang dọc đều trọn đủ.

2) Hai là dựa theo Phật pháp giới để giải thích. Phật giới chẳng phải tướng, chẳng phải không có tướng, mà nói “*như thị tướng*” tức là nói đến nhân duyên của vạn thiện. Vì thế, kinh văn trong phần sau có

chép: “*Chúng bảo trang hiệu*” (Các thứ báu trang hoàng). Phật giới chẳng phải là tánh, chẳng phải không là tánh, mà nói “*như thị tánh*”, tức là nói đến liễu nhân¹⁷ của trí huệ. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Hữu đại bạch ngưu*” (Có trâu trắng lớn). Phật giới chẳng phải là Thể, chẳng phải không là Thể, mà nói “*như thị Thể*” tức là chánh nhân của Thật Tướng. Vì thế, trong kinh văn thuộc phần sau có câu: “*Kỳ xa cao quảng*” (Xe ấy cao rộng). Phật giới chẳng phải là lực, chẳng phải không là lực, mà nói “*như thị lực*”, tức là nói tới căn, lực v.v... từ thiện của Bồ Đề đạo tâm. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Hựu ư kỳ thượng, truong thiết hiến cái*” (Lại ở trên ấy, căng che rèm, lọng). Phật giới chẳng phải là tác, chẳng phải là bất tác, mà nói “*như thị tác*”, tức là nói vô công dụng đạo tùy ý. Vì thế, kinh văn trong phần sau có câu: “*Kỳ tạt như phong*” (Xe ấy chạy nhanh như gió). Phật giới chẳng phải là nhân, chẳng phải không có nhân, mà nói là “*như thị nhân*”, tức là nói đến bốn mươi một địa vị. Vì thế, kinh văn trong phần sau có câu: “*Thừa thị bảo thừa, du ư tứ phương*” (Ngồi xe báu ấy, dạo khắp bốn phương). Phật giới chẳng phải là duyên, chẳng phải là không có duyên, mà nói là “*như thị duyên*”, tức là nói đến hết thấy Bồ Đề trợ đạo. Vì thế, kinh văn trong phần sau có câu: “*Hựu đa bộc từng nhi thị vệ chi*” (Lại có nhiều người hầu theo hầu, bảo vệ). Phật giới chẳng phải là quả, chẳng phải là không có quả, mà nói “*như thị quả*”, tức là nói Diệu Giác là rạng ngời, là do cái nhân viên mãn mà đạt được. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Trục chí đạo tràng*” (Đến thẳng đạo tràng). Phật giới chẳng phải là báo, chẳng phải là không có báo, mà nói là “*như thị báo*” tức là nói đến Đại Bát Niết Bàn. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Đắc vô lượng vô lậu thanh tịnh chi quả báo*” (Đạt được quả báo vô lượng thanh tịnh vô lậu). Phật giới chẳng phải ngọn, chẳng phải gốc, mà nói “gốc, ngọn”. Gốc chính là Phật tướng, ngọn chính là Phật báo, chính là Quyền nơi tự hành. Phật giới chẳng phải bình đẳng, chẳng phải bất bình đẳng, mà nói “*rót ráo bình đẳng*” chính là nói đến Thật Tướng. Đó là Thật nơi tự hành, ngay nơi Thật mà chính là Quyền, cho nên nói là “*bổn mạt*” (本末, gốc và ngọn). Do ngay nơi Quyền chính là Thật, cho nên nói là *Đẳng* (bình đẳng).

¹⁷ Gọi là “*liễu nhân*” vì xét theo bản thể của cái nhân. Liễu có nghĩa là làm sáng tỏ hoặc liễu ngộ. Như đèn chiếu soi khiến cho người khác có thể thấy rõ mọi vật thì đèn là liễu nhân của cái Thấy.

3) Ba là xét theo sự tách ra hay gộp vào. Như thập giới và thập như được quán nơi Phật tâm đều là vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo, chỉ là một Phật pháp giới, như biển cả gồm thâu muôn dòng, ngàn xe đi cùng một đường. Đây chính là Quyền và Thật nơi tự hành. Nếu thuận theo ý của kẻ khác thì sẽ có Thập Như tức tánh, tướng v.v... của chín pháp giới khác; đó chính là Quyền và Thật nơi hóa độ người khác. Tuy hóa độ người khác có Thật, nhưng đều gắn bó với Quyền. Tự hành tuy có Quyền, nhưng đều là Thật. Đây chính là Quyền và Thật nơi tự hành và hóa độ người khác. Thuận theo người khác là tách ra, thuận theo chính mình thì là gộp lại. Chiếu tròn vẹn theo chiều dọc lẫn chiều ngang, tách ra hay gộp lại đều tự tại.

4) Bốn là xét theo địa vị mà giải thích tướng như thế. Hết thấy chúng sanh đều có Thật Tướng, vốn tự sẵn có, đây chính là tướng mạo của Như Lai Tạng. *“Tánh như thế”* chính là Đệ Nhất Nghĩa Không nơi trí huệ thuộc về Tánh Đức. *“Thế như thế”* chính là lý pháp tánh nơi Trung Đạo. Đây là Tam Đức, mỗi địa vị trong mười pháp giới đều có. Nếu thấu suốt ba đức ấy, dự vào địa vị Thập Tín, thì gọi là *“lực như thế”* và *“tác như thế”*. Dự vào bốn mươi một địa vị [từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác] thì gọi là *“nhân như thế, duyên như thế”*. Nếu đạt tới địa vị Phật thì gọi là *“quả như thế, báo như thế”*. Ba món đầu tiên gọi là gốc, ba món sau cùng gọi là ngọn. Đầu và sau đều cùng là ba đức. Vì thế nói là *“rốt ráo bình đẳng”*.

Trong chuyện mở rộng *“khai tam, hiển nhất”* (vạch ra tam thừa nhằm hiển lộ nhất thừa), tuy dẫn tròn khắp *“mười phương ba đời, Phật Phật đạo đồng”*, đều chẳng ra ngoài *“tứ nhất”*, tức là Lý Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất, và Giáo Nhất.

1. Lý Nhất: Xét theo *“khai, thị, ngộ, nhập”* tri kiến của Phật để nói thì lại có bốn ý: Một là xét theo viên vị. Hai là xét theo viên trí. Ba là xét theo viên môn. Bốn là xét theo quán tâm.

1.1. Xét theo viên vị (các địa vị trong Viên Giáo), Khai chính là Thập Trụ. Đầu tiên là phá vô minh để mở Như Lai Tạng, thấy lý Thật Tướng. Thị chính là Thập Hạnh, đã trừ Hoặc chướng, hiển lộ cái Thể của tri kiến. Thể tròn vẹn vạn đức, các đức trong pháp giới được hiển thị phân minh. Ngộ chính là Thập Hồi Hướng, chướng đã trừ, Thể hiển lộ, hạnh pháp giới sáng tỏ, sự lý viên dung, chẳng còn hai nẻo. Nhập chính là Thập Địa, Lý và Sự đã dung thông, tự tại vô ngại, tự tại lưu truyền,

tươi gọi, tùy lòng từ A đến Trà¹⁸, vào trong biển Tát Bà Nhã (Sarvajñā, Nhất Thiết Trí). Nhưng đối với các giai vị màu nhiệm của Viên đạo (Viên Giáo), trong mỗi địa vị đều trọn đủ công đức của bốn mươi một địa vị. Chỉ một môn Khai đã trọn đủ Thị, Ngộ, Nhập, cũng chẳng phải là tâm nào khác, chỉ là tri kiến như lý, chẳng có tướng phân biệt sâu hay cạn. Nhằm muốn tỏ rõ tri kiến như lượng, cho nên chia thành bốn giai vị (Trụ, Hạnh, Hồi Hướng, Địa).

1.2. Hai là xét theo viên trí:

- Một là đạo huệ, kiến đạo thật tánh. Trong thật tánh bèn được khai tri kiến của Phật.

- Hai là đạo chủng huệ. Biết tướng riêng biệt “giải trừ nghi hoặc” của các đạo chủng thuộc mười pháp giới, mỗi mỗi đều là “*thị tri kiến của Phật*”.

- Ba là Nhất Thiết Trí, biết hết thấy các pháp đều là nhất tướng tịch diệt. Tịch diệt tức là ngộ tri kiến của Phật.

- Bốn là Nhất Thiết Chủng Trí, biết hết thấy các pháp nhất tướng, tức tịch diệt tướng. Các thứ hạnh, loại, tướng mạo đều biết, tức là nhập tri kiến của Phật.

Lại nữa, đạo huệ đúng lý thì gọi là Khai. Đạo chủng huệ như lượng thì gọi là Thị. Nhất Thiết Trí lý và lượng chẳng hai thì gọi là Ngộ. Nhất Thiết Chủng Trí lý và lượng cùng chiếu thì gọi là Nhập. Đây cũng là xét theo thật lý, chẳng phân biệt là cạn hay sâu.

1.3. Ba là xét theo bốn môn của Viên Giáo để giải thích bốn câu:

- Không môn: Một thứ là không thì hết thấy đều không, tức là Khai tri kiến của Phật.

- Hữu môn: Một thứ có thì hết thấy đều có, tức là Thị tri kiến của Phật.

- Diệc Không diệc Hữu môn (môn vừa có vừa không): Hết thấy đều là vừa không vừa có, chính là Ngộ tri kiến của Phật.

- Phi Không phi Hữu môn: Hết thấy chẳng phải có, chẳng phải không, chính là Nhập tri kiến của Phật.

¹⁸ Trong văn tự Tát Đàm (Siddhām) của tiếng Phạn cổ, gồm có bốn mươi hai chữ, khởi đầu bằng chữ A và kết thúc bằng chữ Trà (ksa). Kinh Hoa Nghiêm có một chương riêng nói về Hoa Nghiêm Tự Mẫu, tức là bốn mươi hai chữ Phạn này, mỗi chữ tương ứng với một môn giải thoát. Các kinh Mật Giáo như Kim Cang Đảnh, Văn Thù Sở Vấn đã mở rộng thành năm mươi hai tự mẫu, và coi đó là Pháp Mạn Đà La, bao gồm trọn vẹn hết thấy các pháp trong tam giới. Do vậy, nói “*từ A đến Trà*” tức là nói hết thấy các pháp từ đầu đến cuối chẳng còn thừa sót.

Chủ thể có thể thông (năng thông) gồm có bốn môn (tức bốn môn Có, Không, Cũng Có Cũng Không, Chẳng Có Chẳng Không), đối tượng được thông (sở thông) chỉ có một. Khai, Thị, Ngộ, Nhập là năng thông. Cái được biết, được thấy chính là lý sở thông.

1.4. Xét theo quán tâm để giải thích: Quán lý Tam Đế (Không, Giả, Trung) nơi tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phép Quán ấy sáng sủa là Khai. Tuy chẳng thể nghĩ bàn, nhưng có thể phân biệt tâm “Không, Giả, Trung” rành rẽ, chẳng sai lầm, thì gọi là Thị. Tâm Không, Giả, Trung tuy ba mà chính là một, tuy một mà là ba, cho nên gọi là Ngộ. Tâm Không, Giả, Trung chẳng phải là Không, Giả, Trung, nhưng cùng chiếu Không, Giả, Trung, thì gọi là Nhập. Đây là Nhất Tâm Tam Quán, mà chia thành Khai, Thị, Ngộ, Nhập sai khác.

Đối với bốn cách giải thích ấy, tùy theo từng địa vị mà thấy Lý. Mỗi địa vị lại do trí mà lập. Trí phát sanh từ các môn. Mỗi môn được thành lập do quán [khác biệt]. Do quán nên thông với các môn. Do các môn được thông mà thành trí. Do trí được thành lập mà các địa vị được kiến lập. Do các địa vị được kiến lập nên thấy lý. Do thấy Lý nên là Lý Nhất.

Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa hàng Bồ Tát, tức là Nhân Nhất.

Các việc được thực hiện thường vì một sự, tức là Hạnh Nhất.

Chỉ vì một Phật Thừa mà vì chúng sanh thuyết pháp, tức là Giáo Nhất.

Bốn môn Nhất ấy (Lý Nhất, Nhân Nhất, Giáo Nhất, Hạnh Nhất) dung hội trọn khắp quyền lý, quyền nhân, quyền hạnh, quyền giáo xưa kia, trở thành thật lý, thật nhân, thật hạnh, thật giáo trong hiện thời. Vì thế, gọi là “*khai Quyền, hiển Thật*”, khéo thông đạt các phương pháp, tức là “*chân bí*” vậy.

* Phẩm thứ ba là phẩm Thí Dụ (Aupamya). Do sánh ví với tình huống thật sự, nên gọi là Thí. Răn dạy hòng thấu hiểu thì gọi là Dụ. Mượn điều này để sánh ví điều kia, nhờ vào chuyện nông cạn để huấn thị điều sâu xa. Trong phần Pháp Thuyết Châu thuộc kinh văn trong phẩm trước, bậc thượng căn đắc ngộ, hàng trung hạ căn vẫn chưa dứt mê muội. [Đức Phật] đại bi không ngại, trí xảo mâu nhiệm vô biên, mượn chuyện cha con trong thế gian để sánh ví thầy trò nơi đạo xuất thế. Mượn nhà lửa để sánh ví tam giới; nhờ vào ba loại xe và một loại xe để thí dụ tam thừa và nhất thừa. Vì thế, gọi là phẩm Thí Dụ.

* Phẩm thứ tư là phẩm Tín Giải (Adhimukti). Hàng trung hạ căn nghe Thí Thuyết Châu, phát khởi tín tâm, sanh khởi giải ngộ, trừ nghi,

hiều rõ lý, bèn tự trần thuật thí dụ về đứa con nghèo túng, lãnh ngộ ý chỉ của Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu trên đây.

* Phẩm thứ năm là phẩm Dược Thảo Dụ (Oṣadhī). Đất đai có thể sanh thành, mây mưa có thể nhuận tưới. Thảo mộc là cái được sanh thành, cái được nhuận tưới. Cái được sanh, được nhuận đều hữu dụng, mà dược thảo có tác dụng mạnh mẽ ví như các điều thiện hữu lậu đều có thể trừ ác, nhưng vô lậu là tối thắng. Bốn vị đại đệ tử trong đại chúng vô lậu dùng thí dụ để lãnh hội thí dụ của Phật, thấu hiểu sâu xa thánh tâm. Vì thế, đức Phật trần thuật sự thành tựu của họ để mở rộng thêm.

* Phẩm thứ sáu là phẩm Thọ Ký (Vyākaraṇa). [Thọ Ký trong tiếng Phạn là Hòa Già La (Vyākaraṇa), phương này dịch là Thọ Ký (授記), lại còn nói là Thọ Ký (受記), hoặc Thọ Quyết (受決), Thọ Bôn (受儼). Thọ (授) có nghĩa là trao cho, còn Thọ (受) nghĩa là “nhận được”. Ký (記) là ghi nhớ sự việc. Quyết (決) là quyết định. Bôn (儼)¹⁹ là đã hết ngu muội. Đây chính là thọ ký cho bốn người thuộc trung căn sẽ thành Phật.

* Phẩm thứ bảy là phẩm Hóa Thành Dụ (Pūrvayoga). Tuy không có mà hiện hữu trong thoáng chốc thì gọi là Hóa. Ngăn ngừa kẻ sai trái, chống lại kẻ đối địch, thì gọi là Thành. Dùng điều này để sánh ví Niết Bàn của Nhị Thừa, [Niết Bàn] ấy do Quyền Trí của Như Lai thiết lập. Do sức của Quyền Trí, tuy là không mà nói là có. Dùng giáo để hóa hiện, phòng ngự Kiến Tư, gọi là Niết Bàn. Đối với hai thừa Tạng và Thông, sanh ý tưởng “an ổn, diệt độ”, chẳng biết đó là hóa hiện. Thông Giáo Bồ Tát vào rồi lại ra, cũng chẳng biết đó là hóa hiện. Biệt Giáo từ cửa thành mà đi qua, chẳng coi đó là cùng cực, cũng chẳng nói đó là hóa hiện. Chỉ có Viên Giáo hiểu biết không làm lẫn, cũng chẳng cần thành nữa. Vì thế nói là “*hóa thành*”. Đây chính là vì kẻ hạ căn mà nói ra một phen nhân duyên trong đời trước.

* Phẩm thứ tám là phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký (Pañcabhikṣu-śatavyākaraṇa).

* Phẩm thứ chín là phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký (Vyākaraṇa), tức là thọ ký trọn khắp kẻ hạ căn sẽ thành Phật. Phần Chánh Tông của Tích Môn đến đây là hết, năm phẩm sau đó thuộc phần Lưu Thông.

Hai phẩm Pháp Sư và Hiện Bảo Tháp nói rõ: Hoàng dương kinh sẽ có công phước sâu nặng. Phần Lưu Thông [nhằm giảng rõ cho kẻ]

¹⁹ Bôn ở đây là cách viết lồi chữ cổ của Bôn (笨, ngu muội). Vì thế, Tổ giải thích Bôn là “*liễu bôn*” (đã hết ngu muội).

chưa nghe [sẽ được biết kinh này có] lợi ích rất lớn. Phẩm Đề Bà Đạt Đa dẫn chuyện hoàng dương kinh trong quá khứ, ta và người đều được lợi ích. Dùng điều đó để chứng tỏ công đức sâu nặng. Phẩm Trì [nhằm nói] tám vạn Đại Sĩ thành tựu nhẫn lực, hoàng dương kinh trong cõi này, những người vừa mới được thọ ký sẽ hoàng dương kinh trong cõi khác. Phẩm An Lạc Hạnh là vì kẻ ngoại phàm²⁰ sơ tâm ham thích phước thù thắng, do thấy hàng Thanh Văn sợ hãi, Bồ Tát bị quả trách, tự xét chính mình sức yếu ớt, vô ích cho chính mình lẫn người, liền sanh tâm thoái thất. Đức Phật vì kẻ như thế bèn nói các hạnh An Lạc. Nương theo các hạnh ấy để hoàng pháp, sẽ chẳng lo nguy hiểm, khổ sở. Lại nữa, trong phẩm Pháp Sư, đức Thích Ca tự nói công đức và phước báo do hoàng dương kinh, truyền nói lưu thông. Trong phẩm Hiện Bảo Tháp, Phật Đa Bảo và phân thân của Phật đều cùng chứng minh, phụ trợ, khuyên nhủ lưu thông.

* Phẩm thứ mười là phẩm Pháp Sư (Dharmabhāṇaka). Pháp là quỹ tắc (軌則, quy tắc, chuẩn mực). Sư là bậc thầy rắn dạy. Pháp tuy có thể noi theo, nhưng nó chẳng thể tự hoàng truyền, phải do có người thực hiện. Năm hạng người thông hiểu kinh đều có thể gọi là Sư. Nêu ra pháp để thành tựu sự tự hành, đều lấy diệu pháp làm thầy. Tôn diệu pháp làm thầy thì tự hành sẽ được thành tựu. Vì thế nói là “*pháp sư*”. Lại dùng diệu pháp để dạy bảo người khác; vì thế, nêu ra pháp, gọi pháp ấy là thầy. Do đó, gọi là pháp sư. Kinh văn [trong phẩm này] trước là tán thán năm loại pháp sư có thể trì pháp: Một là thọ trì. Hai là đọc. Ba là tụng. Bốn là giải nói. Năm là biên chép.

Sau đó, khen ngợi pháp được trì, và dạy khuôn phép để lưu thông kinh, tức là “*nhập Như Lai thất, trước Như Lai y, tọa Như Lai tòa*” (vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa của Như Lai). “*Nhà Như Lai*” là đại từ bi. Nếu là đồng thể [đại bi] thì sẽ là Pháp Thân. Nếu hóa độ chúng sanh thì là giải thoát. Có thể khiến cho chúng sanh quy về đồng thể thì là Bát Nhã. “*Áo Như Lai*”: Nếu xét theo phương diện “được che phủ” thì là Pháp Thân. Nếu xét theo phương diện “che phủ, trang nghiêm thân”

²⁰ Ngoại phàm chính là địa vị phàm phu trong sự tu hành, thấp hơn nội phàm. Nói cụ thể, địa vị Ngũ Đình Tâm trong Thanh Văn, Niệm Trụ trong Biệt Giáo, Thập Tín Phục Nhẫn trong Viên Giáo được gọi là ngoại phàm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Ngoại phàm là kẻ hướng ra ngoài cầu lý, chưa thể dứt tướng để nội duyên chân tánh, cho nên gọi là ngoại phàm. Chưa xả phàm thân Phần Đoạn trong lục đạo, nên gọi là Phàm*”.

thì là Tịch Diệt Nhân. Nếu hòa quang đồng trần nhằm lợi lạc chúng sanh thì chính là giải thoát. “*Tòa Như Lai*”: Nếu xét theo chủ thể có thể ngồi thì chính là Bát Nhã. Nếu xét theo cái bị ngồi thì là Pháp Thân. Thân và tòa ngẫm xứng hợp, chính là giải thoát. Tuy mỗi thứ đều có đủ [tam đức tức Pháp Thân, Bát Nhã và giải thoát], chỉ là một mà thành ba, dầu là ba mà vẫn chẳng phải là ba, há tách lìa để thành chín đức ư? Do vậy, Bồ Tát thường quán Niết Bàn. Vì thế, khuyên người hoằng dương kinh hãy thường quán. Chẳng quán cái tâm hoằng truyền, sao có thể hiểu cái lý được hoằng dương? Vì thế, đức Phật dạy “*vào nhà của ta, mặc áo của ta, ngồi tòa của ta*”. Nếu chẳng có ba pháp ấy, lấy gì để hoằng truyền kinh?

* Phẩm thứ mười một là phẩm Hiện Bảo Tháp (Stūpasamdarśana). Tháp của Đa Bảo Phật (Prabhūtaratna) từ trong lòng đất vọt ra, đại chúng đều trông thấy. [Từ trong tháp], phát ra âm thanh to lớn để chứng phần trước, phát khởi phần sau: Nhóm họp [phân thân của] Phật để mở tháp, hòng phát khởi cho phần sau.

* Phẩm thứ mười hai là Đề Bà Đạt Đa (Devadatta). Đề Bà Đạt Đa được phương này dịch là Thiên Nhiệt (天熱), vì khi ông ta sanh ra, trời lẫn người đều cảm thấy nóng bức; do vậy, đặt tên như thế. [Đề Bà Đạt Đa] thị hiện dấu tích hành nghịch hạnh, nhưng vốn là thầy của đức Phật. Chúng sanh bị phiền não thiêu đốt nóng bức, cho nên Bồ Tát thị hiện mắc cùng bệnh để độ thoát. Kinh văn [trong phẩm này] trước là nói thuở xưa Đề Bà Đạt Đa truyền dạy kinh điển, [nhờ đó], đức Thích Ca thành đạo. Phần kinh văn tiếp đó nói hiện thời ngài Văn Thù giảng kinh, long nữ thành Phật.

* Phẩm thứ mười ba là phẩm Trì (Utsāha), có thọ trì và khuyến trì.

* Phẩm thứ mười bốn là phẩm An Lạc Hạnh (Sukhavihāra). Do thân chẳng có nguy hiểm, nên an. Do tâm chẳng có ưu não, nên lạc. Do thân tâm an lạc, cho nên có thể thực hiện. Đó là dựa theo Sự để giải thích. Mặc áo Như Lai thì Pháp Thân an. Vào nhà Như Lai thì tâm giải thoát vui sướng. Ngồi tòa của Như Lai thì đạo hạnh Bát Nhã tăng tấn. Đây là kèm thêm kinh văn của phẩm trước để giải thích. Trụ nơi địa vị nhẫn nhục, cho nên thân an; do không nóng vội, cho nên tâm lạc. Quán Thật Tướng của các pháp, nên có thể tăng tấn. Đây là dựa theo kinh văn trong phẩm này để giải thích.

“An” là bất động, tức lục đạo sanh tử lần Niết Bàn của thánh nhân Nhị Thừa đều chẳng thể động. “Lạc” là chẳng thọ (tiếp nhận). Chẳng tiếp nhận tác dụng rộng lớn của tam-muội, chẳng lãnh thọ năm thứ thọ²¹ của phàm phu, cho đến năm thứ thọ (cảm nhận) sanh kiến giải trong Viên Giáo cũng đều chẳng thọ. Hễ có thọ, sẽ có khổ. Chẳng có thọ, sẽ không có khổ. Chẳng khổ, chẳng lạc, bèn gọi là đại lạc. Hạnh là chẳng hành, tức chẳng hành hạnh phàm phu, chẳng hành hạnh của hiền thánh. Vì thế nói là “*chẳng hành*”, mà hành Trung Đạo. Do đó, gọi là Hạnh. Đây là giải thích theo pháp môn này.

Kinh văn chia thành bốn đoạn, tức là dùng Chỉ, Quán, và từ bi để hướng dẫn tam nghiệp và thế nguyện. Thân nghiệp có Chỉ; vì thế, là thô nghiệp nơi thân. Do có Quán, nên chẳng đạt được thân, chẳng đạt được thân nghiệp, chẳng đạt được chủ thể có thể lìa (năng ly). Do không có gì để đạt được, chẳng đoạ phàm phu. Do có từ bi, siêng tu thân nghiệp, lợi ích rộng rãi hết thảy, chẳng đoạ vào các địa vị thuộc Nhị Thừa. Do có Chỉ hạnh, bèn mặc áo Nhẫn Nhục. Do có Quán hạnh, ngồi tòa của Như Lai. Do có từ bi, vào nhà của Như Lai. Hạnh Chỉ là lỗi, liền thành Đoạn Đức. Quán hạnh chẳng chấp trước, liền thành Trí Đức. Từ bi lợi lạc người khác, liền thành Ân Đức. Ân Đức giúp cho Trí Đức thành tựu, Trí Đức có thể thông đạt Đoạn Đức. Đó gọi là an lạc hạnh nơi thân nghiệp. Các thế nguyện nơi khẩu và ý cũng giống như thế.

Tới đây, phần Lưu Thông của Tích Môn đã xong.

2. Khoa pháp Bốn Môn

* Phẩm thứ mười lăm là phẩm Tỳ Lỵ Địa Dũng Xuất (Bodhisattva-prthivivara-samudgama). Các vị Pháp Thân từ trong hư không thuộc phương dưới, chính là các đệ tử của đức Thích Ca trong bốn thời. Nay họ phụng mạng vọt lên để hoằng dương kinh. Ngài Di Lặc còn chẳng nhận biết. Do chuyện này mà phát khởi Đại giáo “*khai cận, hiển viễn*”.

* Phẩm thứ mười sáu là phẩm Như Lai Thọ Lượng (Tathāgatāyuspramāṇa), thật sự chỉ ra cận tích (dấu tích thị hiện trong thời gần đây, tức sự thị hiện thành Phật trong thế giới Sa Bà) để hiển lộ đức Phật đã vốn thành Phật từ thời lâu xa. Như Lai (Tathāgata) là hiệu chung của mười phương tam thế chư Phật, hai Phật, ba Phật, Bốn Phật,

²¹ Ngũ Thọ của phàm phu là năm thứ cảm nhận, tức ưu thọ, hỷ thọ, khổ thọ, lạc thọ, và xả thọ.

Tích Phật. Thọ (壽) là thọ (受, lãnh nhận). Lượng (量) là nói đến hạn lượng. Phẩm này nói thẳng vào công đức của Báo Thân nơi bốn địa, nhưng trí huệ của Báo Thân ngầm khế hợp cả trên lẫn dưới, tam thân rành rành trọn đủ. Vì thế, gọi là phẩm Như Lai Thọ Lượng.

* Phẩm thứ mười bảy là phẩm Phân Biệt Công Đức (Pun्यaparyāya). Đức Phật nói thọ lượng, các đệ tử cả ba đời đều đạt được các thứ lợi ích. Do nói ra công đức cạn hay sâu khác nhau, nên bảo là Phân Biệt. Trong phẩm này, có phần thọ ký, [đại chúng nghe giảng] bèn lãnh ngộ, thông hiểu, và lưu thông. Đức Phật nói phần Trường Hàng nhằm thọ ký chung về Pháp Thân. Ngài Di Lặc nói kệ để trình bày sự tiếp nhận, giải ngộ chung.

Từ đây trở đi là phần Lưu Thông. Trong phần này, trước hết nói đến Tứ Tín trong hiện tại, kế đó nói về ngũ phẩm sau khi diệt độ.

Tứ Tín là:

- Một là mỗi niệm đều tín giải, nhưng chưa thể diễn nói.
- Hai là giải thích đại lược về tông thú [của kinh này].
- Ba là rộng vì người khác giảng nói.
- Bốn là tin sâu, quán thành tựu.

Ngũ phẩm là:

- Một là trực tiếp phát khởi cái tâm tùy hỷ.
- Hai là [đã có tâm tùy hỷ], lại còn tự thọ trì, đọc tụng.
- Ba là khuyên người khác thọ trì, đọc tụng.
- Bốn là còn thêm kiêm hành Lục Độ.
- Năm là lại còn chánh hành Lục Độ.

* Phẩm mười tám là phẩm Tùy Hỷ Công Đức (Anumodanāpuṇya-nirdeśa), nói về công đức do cái nhân thuộc sơ phẩm để khuyên lưu thông. “Tùy” là tùy thuận sự lý chẳng hai, chẳng khác. Hỷ là mừng cho mình, mừng cho người. “Thuận lý” là nghe bốn địa hết sức lâu xa của Phật, tín thuận chẳng trái nghịch, chẳng hề vướng mắc mảy may ngò vực. “Thuận sự” là nghe nói đức Phật lợi ích chúng sanh khắp ba đời, theo chiều dọc lẫn chiều ngang (tức là xét theo không gian và thời gian) đều gồm trọn, trọn khắp hết thảy mọi nơi, cũng chẳng có mảy may vướng mắc ngò vực. Thuận lý sẽ có công đức chân thật. Thuận sự bèn có quyền công đức. Vui mừng vì chính mình tức là có trí huệ. Vui mừng vì người khác là có từ bi. Gộp chung Quyền Trí Đoạn và Thật Trí Đoạn để nói; vì vậy, nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

* Phẩm thứ mười chín là phẩm Pháp Sư Công Đức (Dharmabhāṇa-kānuśamsā), nêu ra công đức của cái quả thuộc sơ phẩm để khuyên bảo lưu thông. [Cái quả ấy] chính là sáu căn thanh tịnh.

* Phẩm thứ hai mươi là phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát (Sadāparibhūta), dẫn giải tội phước do tin tưởng hay hủy báng, nhằm làm chứng để khuyên lưu thông. Trong tâm gìn giữ sự giải ngộ chẳng khinh, ngoài là tôn kính chẳng khinh cảnh. Thân lập hạnh Bất Khinh, miệng tuyên dương giáo nghĩa bất khinh. Người ta gọi Ngài là Bất Khinh. Vì thế, có tên là Thường Bất Khinh.

Kinh văn thuộc ba phẩm rưỡi trên đây chính là phần Khuyên Trì Lưu Thông đã xong. Kế đó, kinh văn gồm tám phẩm, nói về sự phó chúc lưu thông, lại chia thành ba phần:

- Hai phẩm Như Lai Thần Lực và Chúc Lụy giảng về chúc lụy lưu thông.

- Năm phẩm từ phẩm Dược Vương trở đi, xét theo sự hóa độ người khác mà khuyên lưu thông.

- Một phẩm Phổ Hiền là xét theo tự hành để khuyên lưu thông.

* Phẩm thứ hai mươi một là phẩm Như Lai Thần Lực (Tathāgatarddhy-abhisamskāra). “*Thần*” là chẳng thể lường. “*Lực*” là vận dụng. “*Chẳng thể lường*” tức là cái Thể tự nhiên sâu xa; vận dụng thì sức chuyển biến to lớn. Trong phẩm này, phó chúc pháp sâu, hiện mười thứ đại lực. Vì thế, gọi là phẩm Thần Lực.

* Phẩm thứ hai mươi hai là phẩm Chúc Lụy (Anuparīdana). Chúc (囑) là đức Phật giao phó, căn dặn. Lụy (累) là làm phiền các vị tuyên truyền. Đây là do xét theo thánh chỉ (ý chỉ của Phật) mà đặt tên như vậy. Lại nữa, Chúc là cung kính tiếp nhận lời căn dặn, Lụy là cam tâm [thực hiện] chẳng nhọc nhằn. Đây là sự đặt tên phẩm dựa theo lòng kính thuận của Bồ Tát. Chúc lại là miệng vàng của Như Lai căn dặn, Lụy là Bồ Tát sắt son cung kính lãnh nhận, gánh vác. Đó là luận định xét theo sự truyền trao và tiếp nhận gộp chung lại. Vì thế, Như Lai vươn mình từ tòa đứng dậy, duỗi tay xoa đỉnh đầu [đại chúng], truyền trao pháp khó được. Đại chúng khom mình, chấp tay, đúng như lời sắc truyền của đức Thế Tôn mà phụng hành trọn vẹn, ân cần trao nhận; vì thế gọi là Chúc Lụy.

* Phẩm thứ hai mươi ba là phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự (Bhaisajyarāja-pūrvayoga), nhằm đôn đốc bậc thầy hoằng pháp hãy nên đốc càn thân lực, trọn hết thân mạng để hoằng dương Đại pháp.

* Phẩm thứ hai mươi bốn là phẩm Diệu Âm (Gadgadasvara).

* Phẩm thứ hai mươi lăm là phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn (Samantamukha) đều nhằm khuyên hàng đệ tử thọ pháp hãy nên biết các vị Đại Sĩ ở phương khác tuân phụng mạng lệnh mà hoằng dương kinh, hiện trọn khắp các sắc thân, chẳng có hình tướng nhất định. Chớ nên dùng con mắt của trâu, dê để nhìn, đừng nên dùng sự hiểu biết phàm tục để suy lường! Đối với các điều được nghe, chớ nên sanh ý tưởng coi thường. Sanh ý tưởng coi thường thì tâm sẽ chẳng nhiếp pháp.

* Phẩm thứ hai mươi sáu là phẩm Đà La Ni (Dhāraṇī). Hoằng dương kinh trong đời ác, thường gặp nhiều não hại, nguy nan. Vì thế, dùng chú để bảo vệ, khiến cho đạo được lưu thông.

* Phẩm thứ hai mươi bảy là phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự (Śubhavyūharājapūrvayoga), nói duyên trước của bốn vị thánh, hiển lộ công đức của người hộ trì.

* Phẩm thứ hai mươi tám là phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyên Phát (Samantabhadrotsāhana). Tiếng Phạn là Bất Thâu Tung Đà²², cội này dịch là Phổ Hiền, còn dịch là Biện Cát (徧吉, tốt lành trọn khắp). Đạo hàng phục trọn khắp là Phổ (普), gần với địa vị tột cùng gọi là Hiền (賢). Khuyên Phát (勸發) là từ ngữ nói về sự quuyến luyến pháp. Ngài ở cõi xa, nghe trọn vẹn kinh này, từ đầu đến cuối đã trọn vẹn, muốn khiến cho [đại chúng trong hiện tại và tương lai] đều cùng tự hành, giáo hóa người khác, vĩnh viễn chẳng ngớt. Do vậy, từ phương Đông đến [Sa Bà] để khuyến phát.

Lại xét chung đối với sự sanh khởi theo thứ tự trong phần Lưu Thông thuộc mười một phẩm rười này, hiện thời nghe kinh sẽ đạt được hai thứ lợi ích chân thật và tương tự. Như trong phần trước đã nói: Nếu được trực tiếp nghe một câu mà sanh lòng tùy hỷ, sẽ có công đức còn hơn tứ tín trong hiện tại. Đời vị lai chẳng có Phật, sợ có kẻ sẽ sanh lòng nghi ít phước, cho nên nói ngữ phẩm công đức sau khi đức Phật diệt độ. Do công đức nơi nhân vi diệu, bí mật, chẳng rõ ràng, lộ lộ như công đức

²² Phổ Hiền Bồ Tát còn có danh xưng khác là Vishvabhadra (thường dịch là Biện Cát), và thường được phiên âm là Bất Thâu Bạt Đà. Có lẽ chữ Tung Đà ở đây là Bạt Đà bị chép sai.

nơi quả, cho nên nói phẩm Pháp Sư Công Đức. Nhân và quả cùng nêu, không gì bằng dẫn chứng phân minh. Vì thế nói phẩm Thường Bất Khinh. Tuy nêu ra chuyện của người trong quá khứ, chẳng bằng biến hóa trong hiện tại. Vì thế nói phẩm Như Lai Thần Lực. Tuy tỏ bày thần lực, chẳng bằng xoa đỉnh đầu phó chúc. Vì thế, nói phẩm Chúc Lụy. Tuy đã chúc lụy theo lối thông thường, chẳng bằng nêu bày trọn đủ thuật trọng yếu xả thân giữ đạo. Vì thế, nói phẩm Dược Vương. Tuy có thể giáo hóa bằng rắn dạy, chẳng bằng rắn dạy kẻ được giáo hóa “hãy nên thuận theo pháp được nghe mà sanh ý tưởng coi đó như là Phật”. Vì thế nói phẩm Diệu Âm và Quán Âm. Sơ tâm hoảng dương kinh, đã chẳng có thần lực, hãy nên nương vào sự chế ngự bên trong. Vì thế, nói phẩm Đà La Ni. Lại cần phải có ngoại hộ (sự hộ trì từ bên ngoài), nên nói các phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương và Phổ Hiền, liên miên trùng điệp khiến cho đại pháp được phổ biến rộng khắp.

Lại nữa, Phổ Hiền lại thỉnh đức Phật chánh thuyết, khuyến phát [người nghe] tự hành, rồi lại xin lưu thông để khuyến phát, giáo hóa người khác. Đức Phật dùng bốn pháp để đáp chung: Một là được chư Phật hộ niệm. Hai là gieo trồng các cội đức. Ba là nhập Chánh Định Tụ. Bốn là phát tâm cứu hết thảy chúng sanh. Đó chính là ý chỉ chánh yếu để giải đáp [thắc mắc] về chánh thuyết và lưu thông. Vì sao vậy? Tuy Phật chẳng thiên lệch, nhưng nếu có thể tránh xa ác, hướng theo thiện, bỏ mê hướng về chánh, khai quyền tri kiến, hiển lộ Phật tri kiến, thì sẽ xứng hợp thánh tâm, được chư Phật hộ niệm. Nếu tri kiến của Phật đã khơi mở, ắt Bát Nhã chiếu sáng. Đó là “*gieo trồng các cội đức*”, mà cũng là “*nhập Chánh Định Tụ*”, chẳng loạn, chẳng mê muội, chẳng lầy, chẳng bỏ, đó cũng là “*phát tâm cứu chúng sanh*”. Hãy nên biết bốn điều ấy và “*khai Quyền hiển Thật*” tuy tên gọi khác nhau, nhưng có cùng một Thể, chẳng hai, chẳng khác. Hơn nữa, “*Phật hộ niệm*” là Khai tri kiến của Phật. “*Gieo trồng các cội đức*” là Thị tri kiến của Phật. “*Phát tâm cứu chúng sanh*” là Ngộ tri kiến của Phật. “*Nhập Chánh Định Tụ*” là Nhập tri kiến của Phật. Lễ trọng yếu trong Tích Môn được gồm thâu trong bốn điều ấy.

Lại nữa, Tích ắt có Bốn, từ Bốn mà khai, thị, ngộ, nhập. Vì thế, trong Tích có khai, thị, ngộ, nhập. Nay khai Tích bèn hiển Bốn. Bốn và Tích chẳng hai, chẳng khác. Dùng bốn pháp ấy để giải đáp lời thỉnh về chánh thuyết, ý nghĩa đã rõ ràng. Dùng bốn pháp ấy để đáp lời thưa hỏi về Lưu Thông, phương pháp để lưu thông thì có ba hoặc bốn. Phát tâm cứu chúng sanh là “*vào nhà Như Lai*”. Nhập Chánh Định Tụ và được

Phật hộ niệm là “*mặc áo của Như Lai*”. Gieo trồng các cội đức là “*ngồi tòa của Như Lai*”. Đó là lễ trọng yếu trong chuyện hoàng dương, tuyên nói, tuy có bốn pháp mà là ba. Lại nữa, phát tâm cứu chúng sanh là thệ nguyện an lạc hạnh. Nhập Chánh Định Tự là ý an lạc hạnh. Gieo trồng các cội đức là khẩu an lạc hạnh. Chư Phật hộ niệm là thân an lạc hạnh. Hãy nên biết bốn điều sau chính là bốn điều trước. Một lời đáp tương ứng với hai lời thừa hỏi, nêu lên bốn điều để gồm trọn một bộ kinh. Trùng tuyên Pháp Hoa há chẳng vừa hay khéo, vừa màu nhiệm ư?

Ngưỡng mong một câu thẩm đượm tâm thần, đều giúp lên bờ kia. Tư duy, tu tập, vĩnh viễn dùng làm tàu thuyền. Tùy hỷ thấy nghe, luôn làm chủ và bạn. Dù lấy hay bỏ, hễ lọt qua tai đều trở thành duyên. [Người thấy nghe] dù thuận tùng hay chống trái, rốt cuộc đều nhờ đây mà giải thoát. Nguyện vào lúc giải thoát thì y báo và chánh báo sẽ thường tuyên nói kinh màu nhiệm này. Một cõi nước, hay một mây trần, không gì chẳng lợi lạc chúng sanh. Chỉ nguyện chư Phật ngậm hun đúc, gia bị. Hết thấy các vị Bồ Tát đều ngậm giúp oai linh, bất cứ chỗ nào chưa nói kinh này, sẽ đều khuyến thỉnh [diễn nói]. Phàm chỗ nào có kinh này được tuyên nói, sẽ đích thân thừa sự, cúng dường. Một câu, hay một kệ [của kinh này, sẽ đều giúp cho người thấy nghe] tăng tấn Bồ Đề. Một sắc, một hương, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.

Phần tự sau Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán

Xưa kia, ông Lý Thanh Liên (Lý Bạch)²³ lên lầu Hoàng Hạc, thấy bài thơ do Thôi Hạo²⁴ đã viết, bèn gác bút, do biết mình chẳng thể làm thơ hay hơn được! Trí Giả đại sư đích thân chứng Pháp Hoa tam-muội,

²³ Lý Bạch (701-762), tự là Thái Bạch, hiệu là Thanh Liên cư sĩ, là một đại thi nhân thuộc đời Thịnh Đường, cùng với Đỗ Phủ trở thành biểu tượng cho Đường thi.

²⁴ Thôi Hạo (?-754) là một thi nhân đời Đường, quê ở Biện Châu (nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), không được ghi chép nhiều về tiểu sử. Chỉ biết ông đỗ Tiến Sĩ năm Khai Nguyên 10 (722), từng làm Giám Sát Ngự Sử, rồi làm thuộc hạ của Tiết Độ Sứ Hà Đông, huyện úy huyện Phù Câu, Thái Bộc Tự Thừa, chức quan cao nhất của ông là Tư Huân Viên Ngoại Lang, tức là quan trường lận đận. Thơ của ông hay, nhưng bị thất lạc nhiều, chỉ còn giữ được bốn mươi hai bài. Bài thơ nổi tiếng nhất của ông chính là bài thơ vịnh Hoàng Hạc Lâu. Hoàng Hạc Lâu là một tòa lầu trên núi Xà Sơn thuộc Vũ Xương, thành phố Vũ Hán (tỉnh Hồ Bắc), là một trong bốn ngôi lầu nổi tiếng của đất Giang Nam. Hoàng Hạc Lâu hiện thời có năm tầng, cao 50,4 mét. Tòa lầu này được xây từ năm Hoàng Vũ thứ hai (223) đời Đông Ngô do sắc lệnh của vua nước Ngô là Tôn Quyền. Tòa lầu này bị thiêu hủy và xây lại

[kiến giải của] Quang Trạch²⁵ còn bị phá, huống hồ là các vị chú giải khác! Người đời sau lại lữ lượt trình bày kiến giải, vì chưa có học thức như Thanh Liên. Tôi đã viết bộ Phật Đảnh Huyền Văn (chú giải phần Huyền Nghĩa của kinh Lăng Nghiêm), các bạn đều khuyên chú giải Pháp Hoa, tôi kiên quyết dùng ý này để từ chối. Vừa khéo diễn giảng kinh điển mẫu nhiệm tại Tử Vân, có pháp hữu Đạt Tế đứng trông coi khắc in kinh, mong tôi tóm tắt ý chỉ chánh yếu của toàn bộ bản kinh để tạo thuận tiện cho hàng sơ học. Do vậy, kính dựa theo Huyền Nghĩa và Văn Cú, trích lục những điều đại cương, đặt tên là Luân Quán, ngõ hầu người bèn mảng sẽ biết ý vị của toàn thể. Nếu có ai chê cười tôi chỉ sao lục văn từ trong các sách đã có từ trước, tôi nào dám chối cãi.

Ngẫu Ích Trí Húc kính đề.

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa
Quyển 1**

妙法蓮華經台宗會義卷一

Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật

古吳後學蕩益智旭述

hiều lần (riêng trong thời Minh – Thanh, ngôi lầu này đã bị bảy lần phá hủy vì chiến tranh, loạn lạc). Ngôi lầu hiện thời được xây dựng lại vào năm 1985 trên nền cũ. Theo truyền thuyết, tiên nhân Vương Tử An thích tu tiên, từng thấy trên lầu này có vị tiên cười hạc vàng giáng xuống, cùng họ Vương uống rượu. Sau đó cỡi hạc bay đi mất. Vì thế, lầu này có tên gọi là Hoàng Hạc Lâu.

Bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hạo như sau: “*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ, thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu. Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản, bạch vân thiên tải không du du, tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ, phương thảo thê thê Anh Vũ châu. Nhật mộ hương quan hà xứ thị? Yên ba giang thượng sử nhân sầu*”. Thi sĩ Tàn Đà dịch như sau: “*Hạc vàng ai cưỡi đi đâu? Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ! Hạc vàng đi mất từ xưa, nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay. Hán Dương sông tạnh cây bầy, bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non. Quê hương khuất bóng hoàng hôn, trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?*”

²⁵ Quang Trạch (467-529) là vị tăng sống vào đời Nam Triều. Bảy tuổi xuất gia, có pháp hiệu là Pháp Vân. Cùng với Tăng Mân và Trí Tạng được xưng ba vị đại pháp sư đời Lương. Sư thường trụ tích tại chùa Quang Trạch ở Giang Tô, nên người đời thường gọi Sư là Quang Trạch. Sư khéo giảng Pháp Hoa, tác phẩm chú sớ kinh Pháp Hoa của Sư được gọi là Quang Trạch Sớ, có tên gọi đầy đủ là Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký.

Nếu có ai hỏi Ngẫu Ích rằng:

- Tôi nghe giảng kinh Pháp Hoa thì không ai hay hơn tông Thiên Thai. Vì thế, Trí Giả đại sư sau khi diệu ngộ, dùng tứ vô ngại biện tài chẳng thể nghĩ bàn để tuyên nói hai sách Huyền Nghĩa và Văn Cú. Tôn giả Chương An ghi lại mỗi sách gồm mười quyển, chẳng khác gì ngài A Nan kết tập. Cho tới tôn giả Kinh Khê lại dùng sách Thích Thiêm để chấp cánh cho Huyền Nghĩa, viết sách Văn Cú Ký để chấp cánh cho Văn Cú. Do vậy, Giáo Quán sáng ngời, được xưng tụng là các vị tổ trung hưng [tông Thiên Thai]. Nương theo đó để tu chứng, người đắc đạo như rừng. Dầu có thánh nhân xuất hiện lần nữa, cũng chẳng thể nói thêm một chữ thừa thãi nào! Trước kia, đã từng thấy trong lời Bạt cho phần Luân Quán của ông có nói: “Ví như bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hạo đã khiến cho Lý Bạch phải gác bút”. Tôi cũng khâm phục lời ấy. Nay sao lại vô duyên có viết lách vậy?

Ngẫu Ích thưa: - Ôi! Đây cũng là nỗi khổ tâm muôn phần bất đắc dĩ của tôi. Tôi ngụ tại Ôn Lăng, viết Luân Quán là vì muốn dẫn dụ người học Phật trong thiên hạ chẳng ai không dốc lòng nơi tam đại bộ²⁶. Nay bấm ngón tay đếm đã mười mấy năm rồi! Lưỡi đót, tai điếc, chưa thể khuyên được đôi ba người dốc sức nơi Giáo Quán, họ đều than thở các bộ sách ấy mênh mông, rườm rà khác nào nhìn vào biển cả bát ngát. Nếu chẳng bỏ công trích yếu đại lược đôi chút, các pháp viên đốn trong các sách Huyền Nghĩa, Thích Thiêm của ngài Diệu Lạc²⁷ sẽ đành đến nỗi cát trên gác cao!

Hỏi: - Nếu là như vậy, chỉ cần sao lục, trích yếu Văn Cú và Văn Cú Ký, phỏng theo lệ của sách Diệu Huyền Tiết Yếu là được rồi, sao lại khoa phán, đối văn, lén trộm thêm vào ý mình, gọi thẳng thừng là Hội Nghĩa vậy?

Đáp: - Đây càng là chuyện bất đắc dĩ! Thời cổ, kinh và chú sớ đều cùng lưu hành, cho nên sớ giải ý nghĩa của kinh, đối với các điều uyên áo, chẳng ngại nêu rõ tường tận, sâu xa, còn đối với những chỗ kinh nói

²⁶ Tức là ba bộ sớ giải kinh Pháp Hoa của tổ Trí Giả, gồm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú (giải thích kinh văn), Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa (giảng về ngữ trùng huyền nghĩa của kinh Pháp Hoa), và Ma Ha Chỉ Quán (cách tu Chỉ Quán), mỗi bộ gồm mười quyển. Các tác phẩm này đều do ngài Quán Đảnh Chương An ghi lại. Ba bộ chú sớ này được tôn là điển tịch căn bản của người học giáo nghĩa Thiên Thai.

²⁷ Diệu Lạc là biệt hiệu của ngài Kinh Khê Tràm Nhiên, tổ thứ sáu của tông Thiên Thai. Do Ngài trụ tích tại chùa Diệu Lạc ở Thường Châu, chuyên giảng Pháp Hoa, người đương thời gọi Ngài là Diệu Lạc đại sư.

rõ ràng thì chỉ chia khoa, chỉ điểm đôi chút mà thôi. Người đời sau gượng ép ghép sớ vào kinh, khiến cho câu chữ trong kinh văn bị xé lẻ khi đọc. Nay muốn thuận theo kinh văn để diễn giải ý nghĩa, mà vẫn chẳng tổn thương huyết mạch của kinh văn, lẽ nào chẳng chia đại lược thành từng khoa? Trí Giả đại sư biện tài phô diễn. Sau khi đại sư thị tịch, ngài Chương An mới phỏng theo ngài A Nan kết tập. Tuy hoàn toàn phù hợp ý nghĩa của đại sư [đã dạy], chưa chắc đã một mực đều là lời văn của đại sư? Vì thế, văn phong cổ kính, chất phác, chẳng chú trọng gọt giũa bóng bẩy, chỉ có đọc lâu mới biết sự hay khéo. Kẻ sơ tâm đối trước các tác phẩm ấy đều mờ mịt, lẽ nào chẳng thay đổi lời văn đôi chút ư? Tôn giả Kinh Khê vàng ròng qua trăm lần luyện, văn lẫn nghĩa đều sâu xa, nhưng cũng vì mang hơi hướng thuở Lục Triều²⁸, hơi chẳng hợp thời

²⁸ Lục Triều là từ ngữ của người đời Đường tạo ra để gọi sáu triều đại trước thời Tùy – Đường, chủ yếu là nói đến các triều đại ở phương Nam Trung Hoa, gồm:

- Nhà Đông Ngô (còn gọi là Tôn Ngô, Tam Quốc Ngô) do Tôn Quyền sáng lập, tồn tại từ năm 229 đến năm 280, truyền được bốn đời vua, đóng đô ở Kiến Nghiệp (tức Nam Kinh hiện thời).

- Nhà Đông Tấn (317-420) do Tư Mã Duệ sáng lập (tức là tiếp nối của nhà Tây Tấn sau khi Hoa Bắc lần lượt bị các dân tộc ngoài biên ải, tức các sắc dân Nam Hung Nô, Bạch Nô, Đỉnh Linh, Thiết Phất, Lô Thủy Hồ, Thác Bạt Tiên Ty, Vũ Văn Tiên Ty, Khương, Phù Dư v.v... tràn vào chia cắt lãnh thổ, lập thành mười sáu quốc gia, sử gọi là Ngũ Hồ Thập Lục Quốc). Nhà Đông Tấn đóng đô ở Kiến Khang (Nam Kinh), truyền được mười một đời vua. Tới đời Tấn An Đế (Tư Mã Đức Tông) bị quyền thần Hoàn Huyền ép nhường ngôi. Hoàn Huyền đổi quốc hiệu thành Sở, sử thường gọi là nhà Hoàn Sở. Lưu Dụ khởi binh chinh phạt, giết chết Hoàn Huyền, khôi phục nhà Đông Tấn. Sau một thời gian, đến năm 420, Lưu Dụ phế Tấn Cung Đế (Tư Mã Đức Vãn), tự lên ngôi, đổi quốc hiệu thành Tống, tức nhà Lưu Tống.

- Lưu Tống (420-479), còn gọi là nhà Tiền Tống, do Lưu Dụ sáng lập, cũng đóng đô ở Kiến Khang, truyền được chín đời vua. Vua cuối cùng Lưu Chuân (Tống Thuận Đế) là con rối trong tay quyền thần Tiêu Đạo Thành, được ông ta đưa lên ngôi năm 477 rồi bị phế thành Nhữ Âm Vương năm 479, Tiêu Đạo Thành lên làm vua, đổi quốc hiệu thành Tề. Tháng Năm năm ấy, Lưu Chuân bị giết khi mới tròn 12 tuổi.

- Nam Tề (479-502), còn gọi là Tiêu Tề, do Tiêu Đạo Thành sáng lập, cũng đóng đô tại Kiến Khang, truyền được bảy đời vua.

- Nam Lương (502-557), còn gọi là Tiêu Lương, Tiền Lương, hoặc Nam Triều Lương, do Tiêu Diễn (Lương Vũ Đế) sáng lập, đóng đô tại Kiến Khang, truyền được sáu đời vua.

- Trần (557-589), còn gọi là Nam Trần, do Trần Bá Tiên soạn ngôi nhà Lương từ tay Lương Kính Đế (Tiêu Phương Tri), cũng đóng đô tại Kiến Khang, truyền được năm đời vua. Vua cuối cùng là Trần Hậu Chủ (Trần Thúc Bảo) si ám, ham ăn chơi, hưởng lạc, bị Tùy Văn Đế xua quân nam chinh, tiêu diệt nhà Trần, thống nhất Trung Hoa.

cơ cho lắm. Đối với chuyện xiển dương, tiết lộ ý chỉ ngoài lời của đại sư, kẻ luôn theo dòng đếm chữ sẽ trọn chẳng thể biết được, há cũng chẳng giống như lén thêm vào ý kiến của mình ư? Pháp Hoa kinh tạng sâu chắc, u viển, Trí Giả đại sư có thể khế hội cội nguồn kinh ấy, há có thể tuyên nói trọn hết những điều uẩn tàng ư? Tôn giả Chương An ghi lại những điểm trọng yếu, há có thể chép tường tận trọn hết được ư? Ngay như tôn giả Kinh Khê có thể xiển dương yếu nghĩa, cũng có thể phân tích trọn hết các lẽ khúc chiết ư? Nay tôi dùng điều sở đắc do suy nghĩ ngàn mối của phàm phu để phù hợp thời nghi, há vì sợ bị chê gièm trái nghịch cổ nhân mà chẳng dốt cạn đôi chút hiểu biết ư? Ai biết tôi trộm lấy ý nghĩa để ghép thêm vào các khoa thì chính là người hiểu tôi. Còn ai chỉ thấy là hội nghĩa thì trách tội tôi, đó cũng chỉ hội nghĩa đó thôi! Ngày mùng Năm giữa tiết Đông năm Kỷ Sửu (1649)²⁹, cất bút viết lời tựa.

Để giải thích kinh này, lời văn được chia thành hai phần: Trước hết là [giải thích] đề mục, sau đó là nhập văn (dựa theo kinh văn để giải thích).

*** Đề mục**

Phần đề mục gồm có hai phần: Một là tựa đề của kinh. Hai là tựa đề của từng phẩm.

Tựa đề của kinh đã giải thích đầy đủ như trong sách Huyền Nghĩa và Thích Thiêm, hoặc đại lược như trong sách Diệu Huyền Tiết Yếu; ở đây chẳng nhắc lại nữa. Nay trước hết giải thích tựa đề của mỗi phẩm, sau đây mới nhập văn. Có hai mươi tám tựa đề của các phẩm, nay trước hết giải thích phẩm Tựa, các phẩm khác thì khi đến phần kinh văn [của phẩm ấy] sẽ giải thích.

1. Tựa Phẩm Độ Nhất

序品第一

Ngài Kinh Khê Tràm Nhiên (717-782) sống vào thời Đường.

²⁹ Đại sư viết bộ Hội Nghĩa này lúc Ngài 51 tuổi (tức năm Thuận Trị thứ sáu đời nhà Thanh. Nếu tính theo niên hiệu đời Minh thì là năm Vĩnh Lịch thứ ba nhà Nam Minh, năm Khánh Đức thứ nhất đời Lê Thần Tông nhà Hậu Lê của Việt Nam). Theo pháp sư Hoảng Nhất viết trong bộ Ngẫu Ích Đại Sư Niên Phô, tổ Ngẫu Ích trụ tại Linh Phong, đang bị bệnh vẫn cất bút viết Hội Nghĩa vào tháng Chạp năm ấy, đến tháng Giêng năm sau thì hoàn thành.

Phẩm thứ nhất: Tựa

“Tự” được giải thích là “*tường tự*” (庠序, dạy bảo)³⁰, ý nói giai vị, chủ khách vẫn đáp đều được chỉ vẽ rành rẽ. Tự lại có ba nghĩa là Thứ, Do, và Thuật. Năm chuyện như thế được xếp ở đầu kinh. Đó là Thứ Tự (lời tựa trần thuật theo thứ lớp). Phóng quang, hiện sáu loại tướng lành để làm đầu mỗi khởi phát [thuyết giảng kinh này]. Đó là Do Tự (phần tựa nhằm nêu duyên do). Hỏi đáp nhằm giải trừ điều nghi, dẫn khởi phần Chánh Thuyết (Chánh Tông), chính là trần thuật (tức Thuật Tự). Do có ba nghĩa ấy, cho nên gọi [phẩm này] là Tự.

“Phẩm” trong tiếng Phạn là Bạt Cừ (Varga), phương này dịch là Phẩm. Những điều có ý nghĩa và thể loại giống nhau tụ tập trong một đoạn. Vì thế, gọi là Phẩm. Phẩm là do đức Phật tự nêu ra, như phẩm Tâm Địa trong kinh Phạm Võng; hoặc do khi kết tập mà đặt tên, như Đại Luận trần thuật Đại Phẩm Bát Nhã vốn chỉ có ba phẩm (một là Tự; hai là Ma Sự; ba là Chúc Lự), hoặc do người dịch thêm vào, như kinh Ma Ha Bát Nhã được ngài La Thập dịch thành chín mươi phẩm. Nay phẩm Dược Vương Bốn Sự là do đức Phật tự nói ra, phẩm Diệu Âm và Quán Âm là người kết tập [đặt tên phẩm]. Trong Phạn bản (nguyên văn bằng tiếng Phạn), các phẩm vốn đã có sẵn từ trước, trọn chẳng phải do người dịch thêm vào. Do [phẩm Tự] là khởi đầu của các phẩm, cho nên nói là “*đệ nhất*”.

Phân giải thích kinh văn được chia thành ba:

- 1) Trần thuật chung hai môn Bốn và Tích.
- 2) Nói riêng Tích Môn và Bốn Môn.
- 3) Lưu thông của Tích Môn và Bốn Môn.

Để giải thích kinh văn, có bốn điều: Một là nhân duyên. Hai là xét theo giáo (ước giáo). Ba là Bốn và Tích. Bốn là quán tâm. Từ khởi đầu là “*như thị*” cho đến kết thúc, đều dùng bốn ý ấy để giải thích kinh văn, nhưng nay viết đại lược, hoặc [chỉ nêu ra] ba, hai, hay một ý, cốt sao thấu hiểu ý mà thôi! Sở dĩ dùng bốn ý để giải thích là vì nói rộng thì khiến cho người trí không vui thích, nói đại lược thì ý chẳng trọn. Tôi nay nói theo cách chiết trung để dễ hiểu nghĩa.

³⁰ “*Tường tự*” trong nghĩa gốc là “trường học”. Đời Ân Thương gọi trường học là Tường, từ đời Châu thì gọi là Tự. Do vậy, trường học được gọi chung là Tường Tự; sau đó, mở rộng thành ý nghĩa “dạy bảo”.

Nhân duyên còn gọi là Cảm Ứng. Chúng sanh nếu chẳng phải là căn cơ, dầu thân cận mà chẳng thấy. Do sức của thiện căn và lòng Từ, dầu cách xa mà tự thông, cảm ứng đạo giao! Vì thế, dùng nhân duyên để giải thích. Phàm chúng sanh cầu giải thoát, căn cơ ấy đông nhiều. Thánh nhân ứng hiện, cũng ứng hiện thật nhiều. Nghĩa ấy càng rộng, chiết trung như thế nào? Đại Kinh³¹ dạy: “*Do sức thiện căn của lòng Từ có vô lượng môn, nói đại lược thì là thần thông*”. Thần thông chính là tên gọi khác của Ứng. Đối ứng với Cảm bèn gọi là Ứng. Dầu lập ra nhiều thứ ứng, chẳng ra ngoài lòng Từ. Cầu giải thoát tuy nhiều, há vượt ngoài Cảm? Vì thế, hai chữ Cảm Ứng chiết trung sẽ hiểu rõ ngay.

Mười phương cơ cảm rộng dường hư không, giáo pháp mênh mông, như thế nào là chiết trung? Nay luận theo quốc độ Sa Bà, dùng âm thanh làm Phật sự thì cửa cam lộ sẽ mở. Nương theo tiếng để giáo hóa, giải thích, hoàn toàn dùng kim khẩu làm gốc, chẳng ít, chẳng nhiều, cách nói chiết trung đã rõ ràng. Phàm ứng cơ lập giáo thì giáo có quyền, thật, cạn, sâu khác nhau.

Từ Bồn mà đối ứng với Tích thì do có nhiều căn cơ, nên giáo sai khác, Tích ắt rộng lớn, chiết trung như thế nào? Nay bỏ qua ngón tay [chỉ mặt trăng], giữ lấy vàng trắng, quên Tích, tìm Bồn. Tích tuy rộng, nhiều, luận theo Bồn thì duy nhất, chiết trung đã rõ ràng vậy! Nếu truy tầm theo Tích thì Tích rộng lớn, chỉ tự nhọc nhằn. Tìm Bồn thì Bồn cao, cao chẳng thể cùng cực. Như đếm vật báu của người khác, chính mình chẳng có nửa đồng. Chỉ quán tâm mình cao rộng, đả động sự cảm ứng vô cùng của bậc thánh (Phật, Bồ Tát). Do căn cơ mà cảm hòng chính mình được lợi. Vì thế, dùng quán tâm để giải thích.

Chúng xét theo nhân duyên là như phẩm Phương Tiện đã nói: “*Thập phương chư Phật, vị nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế*” (Mười phương chư Phật, vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Chúng mà xét theo giáo thì như phẩm Phương Tiện đã dạy: “*Dĩ chủng chủng pháp môn tuyên thị ư Phật đạo*” (Dùng các thứ pháp môn tuyên nói, chỉ bày Phật đạo). Đại Kinh nói: “*Thô ngôn, cập nhuận ngữ*,”

³¹ Đại Kinh có thể hiểu tổng quát là các kinh Đại Thừa, hoặc tùy theo tông phái mà Đại Kinh có thể hiểu khác nhau. Chẳng hạn Tịnh Độ Đại Kinh thì là kinh Vô Lượng Thọ, còn ở đây, do Tổ hoàn toàn nói theo cách giảng giải của tông Thiên Thai, thì Đại Kinh chính là kinh Ma Ha Bát Nhã.

giai quy Độ Nhất Nghĩa” (Lời thô, lời mềm mỏng, đều quy vào Độ Nhất Nghĩa).

Chúng xét theo Bốn Tích thì như phẩm Thọ Lượng đã nói: “*Kim thiên, nhân, A Tu La, giai vị ngã thiếu xuất gia, khứ Già Da thành bát viễn, đắc Tam Bồ Đề, nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dĩ tư phương tiện đạo lợi chúng sanh*” (Nay trời, người, A Tu La đều nói ta xuất gia chẳng bao lâu, cách thành Già Da chẳng xa, đắc Chánh Giác, nhưng kể từ lúc ta thật sự thành Phật đến nay đã là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dùng phương tiện ấy để hướng dẫn, lợi ích chúng sanh). Phẩm Ngũ Bách Thọ Ký nói: “*Nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại hiện thị Thanh Văn. Thật tự tịnh Phật độ, thị chúng hữu tam độc. Hựu hiện tà kiến tướng, ngã đệ tử như thị, phương tiện độ chúng sanh*” (Trong ân hạnh Bồ Tát, ngoài hiện làm Thanh Văn. Thật tịnh cõi Phật mình, thị hiện có tam độc. Lại hiện tướng tà kiến, đệ tử ta như thế, phương tiện độ chúng sanh). Đó chính là đối với thầy và trò đều nói Bốn Tích.

Chúng xét theo quán tâm thì như phẩm Thí Dụ nói: “*Nhược nhân tín nhữ sở thuyết, tức vì kiến ngã, diệt kiến u nhữ, cập tỳ-kheo tăng, tịnh chư Bồ Tát*” (Nếu có ai tin lời ông nói thì chính là thấy ta, cũng thấy ông, và các tỳ-kheo tăng cùng với các Bồ Tát). Hãy nên biết: Đối với điều đã được nghe, tâm chắc thật quan sát, từ trong tín tâm, được thấy Tam Bảo. “*Nghe nói*” là Pháp Bảo. “*Thấy ta*” là Phật Bảo. “*Thấy các ông*” là Tăng Bảo.

Nay lại dựa theo ba đoạn (Tự Phần, Chánh Tông, Lưu Thông) để nêu bày tướng nhân duyên. Chúng sanh từ lâu xa đã được Phật thiện xảo dạy cho gieo nhân duyên nơi Phật đạo. Trong khoảng thời gian ấy, mỗi khi gặp gỡ, Ngài lại dùng phương tiện khác lạ để giúp hiển thị Độ Nhất Nghĩa hòng thành thực họ. Ngày nay tuôn mưa hoa, chấn động cõi đất, dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ họ. Lại nữa, đã gieo [cái nhân thành Phật] từ lâu xa, [cái nhân ấy] đã chín muồi trong quá khứ, đời gần đây được giải thoát, cho nên từ dưới đất vọt lên. Lại nữa, gieo nhân trong khoảng trung gian, bốn vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô) đã chín muồi, thoát khỏi thành Vương Xá, nay bèn khai, thị, ngộ, nhập.

Lại nữa, đời này gieo nhân, đời kế tiếp chín muồi, đời sau nữa được giải thoát. Đắc độ trong vị lai là dựa theo ý này để nói. Đối với mỗi đoạn, đều nói ba đời, hoặc chín đời gieo nhân, chín muồi, giải thoát. Do có các nhân duyên như thế đó, cho nên có Tự Phần. Đại chúng thấy tướng lành hy hữu, bèn ngưỡng mộ, khâm kính, khát ngưỡng, muốn

nghe đạo trọn đủ. Đức Phật bèn thừa dịp lập cách hóa độ, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Vì thế có phần Chánh Thuyết. Không chỉ đại chúng thuở ấy đạt được lợi ích to lớn, năm trăm năm sau đều được thấm nhuần diệu đạo. Vì thế có Lưu Thông Phần. Đó chính là dựa theo ba đoạn để chỉ bày giáo tướng.

Phần Tự này chẳng vì trời, người hướng đến sự thanh cao mà tạo Tự, chẳng vì Nhị Thừa tiêu đạo mà tạo Tự, chẳng vì từ ngay nơi Không thông với Tam Đế mà tạo Tự, chẳng riêng vì pháp Bồ Tát mà tạo Tự, mà chính là vì “*chánh trực xả phương tiện, chỉ nói vô thượng Phật đạo*” mà tạo Tự. Phần Chánh Tông chẳng vì chỉ bày thế gian mà chánh thuyết, chẳng vì cái trí phân tích [leo lét] như ánh sáng đom đóm mà chánh thuyết, chẳng vì chỉ bày Thể Pháp Trí giống như đèn đuốc mà chánh thuyết, chẳng vì Đạo Chung Trí giống như tinh tú và mặt trăng mà chánh thuyết, mà vì chỉ bày Nhất Thiết Chung Trí như ánh sáng mặt trời mà chánh thuyết. Phần Lưu Thông chẳng phải do lá dương, trâu gỗ, ngựa gỗ mà lưu thông, chẳng phải lưu thông bán tự, chẳng phải lưu thông cộng tự, chẳng phải lưu thông biệt tự, mà thuần là lưu thông viên mãn pháp mãn tự trong Tu Đa La.

Kế đó, xét theo ba đoạn chỉ bày Bốn Tích. Trong kiếp lâu xa, khi hành Bồ Tát đạo, đã tuyên dương kinh Pháp Hoa của vị Phật quá khứ, cũng có ba phần thượng, trung, hạ ngữ, cũng có Bốn và Tích, nhưng Phật Phật đối ứng nhau, cho nên vô cùng. Nay riêng lấy chuyện đức Thích Ca thoát đáu thành Phật đã nói ra kinh Pháp Hoa gồm ba phần thượng, trung, hạ ngữ, chuyên gọi [kinh Pháp Hoa thuở đó] là Thượng, chuyên gọi [chuyện trong thuở đó] là Bốn. Vì lẽ nào? Do thành Phật lúc ban sơ, thuyết pháp thuở ban đầu. Trong chặng giữa, bèn tiến hành giáo hóa, giúp các vị Phật Đại Thông Trí Thắng, Nhiên Đăng v.v... tuyên dương ba phần của Pháp Hoa, chỉ gọi đó là Trung, là Tích. Vì lẽ nào? Trước đó đã có Thượng, đã có Bốn. Hiện thời, tại thành Vương Xá nói ba phần [của kinh Pháp Hoa] thì gọi là Hạ, gọi là Tích. Cho tới vị lai, vĩnh viễn nói ra ba phần, vẫn chỉ có [ba phần kinh Pháp Hoa được nói] vào lúc ban sơ là Thượng, là Bốn. Ví như cây to, tuy có ngàn cành, vạn lá, luận về căn bản thì cùng đều phát xuất từ một cội, chẳng thể nào truyền thừa cho nhau mà không chỉ về một cội ấy.

Kế đó, dựa theo ba đoạn (Tự, Chánh Tông, Lưu Thông) để nêu bày chuyện quán tâm tướng. Xét theo cái tâm của chính mình mà luận bàn ba phần Giới, Định, Huệ. Tu hành thì Giới đầu tiên, Định là chặng giữa, Huệ sau cùng. Nếu xét theo pháp môn thì Huệ là Bốn, Giới và

Định là Tích. Lại nữa, Giới, Định, Huệ, mỗi môn đều có ba phần. Ba phần của Giới thì trước hết là tiền phương tiện, chặng giữa là bạch yết-ma, cuối cùng là hoàn tất. Ba phần của Định thì thoát đầu là hai mươi lăm duyên, giữa là chánh quán, sau cùng là trải qua các duyên. Lại nữa, khéo “nhập, xuất, trụ” là ba phần của Định. Ba phần của Huệ thì Không là phần Tự, Trung là Chánh Tông, Giả là Lưu Thông. Đã dựa theo ba phần để chỉ bày bốn loại tướng thì phải nên sử dụng nghĩa này. Từ đầu là “*nư thị*” cho đến rốt cuộc “*tác lễ nhi khứ*” (làm lễ rồi đi), đều dùng bốn ý (nhân duyên, xét theo giáo tướng, Bốn Tích, và quán tâm) để giải thích kinh văn. Hành giả hãy khéo suy lường. Bởi lẽ, nếu thoát đầu, chẳng dùng nhân duyên để giải thích thì vẫn chẳng khác gì kiến chấp của ngoại đạo! Dùng nhân duyên để nói thì sẽ thông suốt, thông với toàn thể sự giáo hóa trong một đời đức Phật. Cần phải biết nay [luận định về] Tứ Tất Đàn nơi đại sự [xuất thế của đức Phật], chứ chẳng phải là cảm ứng nào khác. Khai hiển Tứ Tất Đàn thì chẳng có gì ở ngoài một đạo. Tứ Tất Đàn lâu xa, các kinh khác đều chẳng có. Áp dụng Tứ Tất Đàn vào quán tâm thì một phép Quán thâm nhiếp trọn các phép Quán khác. Dùng bốn phép Tứ Tất Đàn ấy, sẽ thông suốt từ đầu đến cuối.

Đối với ba điều như xét theo giáo, Bốn Tích v.v... cũng cần phải trần thuật trọn khắp. Nếu kẻ đó, chẳng xét theo giáo để giải thích, sẽ chẳng thể biện định pháp nào là Thiên, Tiểu. Vì thế, dùng bốn pháp hay tám pháp để giản lược khơi mở, phế trừ v.v... Đối với các giáo pháp trước kia thì giáo pháp hiện thời (tức giáo nghĩa trong kinh Pháp Hoa) mới là chân thật; hết thảy những gì có thể diễn nói không còn danh xưng khác nữa. Vì thế, cần phải nói rõ để phô tỏ kinh điển mẫu nhiệm này.

Nếu chẳng dùng điều thứ ba là Bốn Tích để giải thích, ai biết được sự siêu xuất? Giáo pháp trong một thời bàn về thân và cõi, chặng giữa và ngày nay, không gì chẳng nhằm lập bày Tích Môn. Chỉ ra Đại Thông [Trí Thắng Phật trong nhiều kiếp lâu xa về trước] giống như [chuyện mới vừa cách đây] hai ngày, [chúng sanh] trước là đã không thấu hiểu giáo nghĩa kín mật, lại còn mê muội đối với thân nơi Tích Môn, đến nay [do nghe thọ mạng vô lượng của Như Lai] mới trừ khử [sự mê chấp ấy]. Vì họ vẫn còn mê muội ôm cây đợi thỏ, nếu chẳng dùng điều thứ tư là quán tâm để giải thích, sẽ dùng gì để biện định công năng giáo hóa do kinh điển nói, dùng gì để thực hiện cội gốc tu hành đã thành lập từ lâu? Vì thế, mỗi một câu nhập vào tâm thành quán, quán ứng hợp với kinh, chẳng phải là đếm của báu cho người khác, mới biết một bộ [Ma Ha] Chỉ Quán chính là công cụ để tu Pháp Hoa tam-muội. Gồm trọn bốn nghĩa ấy

thì mới có thể hiển thị đại lược chỗ chỉ quy của cả một bộ kinh. Hãy nên biết [chỉ dùng] hai hay ba điều [trong bốn ý ấy để giải thích] thì vẫn còn đại lược, nếu chỉ dùng một điều để giảng giải thì làm sao được nữa? Vì thế, đối với mỗi một câu đều có bốn nghĩa ấy, cho nên câu nào [trong kinh này] cũng đều khác với các giáo pháp khác!

1.1. Phần Thông Tự trần thuật Bốn Môn và Tích Môn

Gồm hai phần: Một là nơi chốn nghe pháp. Hai là đại chúng nghe giảng và phụng trì.

1.1.1. Nơi chốn nghe pháp

(Kinh) Như thị ngã văn. Nhất thời, Phật trụ Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung.

(經)如是我聞。一時，佛住王舍城，耆闍崛山中。

(Kinh: Tôi nghe như thế này. Một thời, đức Phật trụ tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật).

“*Như thị*” là nêu ra cái Thể của pháp được nghe. “*Ngã văn*” là người có thể trì. “*Nhất thời*” [là lúc] nghe và trì hòa hợp, chẳng phải là thời nào khác. “*Phật*” là nói đến lúc được nghe từ Phật. “*Vương thành Kỳ sơn*” (thành Vương Xá, núi Kỳ Xà Quật) là chỗ nghe và thọ trì, cùng với “*dữ đại tỳ-kheo*” (và các đại tỳ-kheo) là đại chúng nghe và thọ trì. Vì thế, năm chuyện ấy được đặt ở đầu các kinh.

1.1.1.1. Như Thị

1.1.1.1.1. Giải thích Như Thị theo nhân duyên

Đầu các kinh của tam thế chư Phật đều đặt chữ Như Thị. Đạo của chư Phật giống nhau, chẳng tranh chấp với cõi đời. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Đại Luận (Đại Trí Độ Luận) viết: “*Nêu lên thời và nơi chốn, khiến cho kẻ khác sanh lòng tin*”. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. Lại nhằm đối trị, phá trừ hai chữ A và Âu của ngoại đạo, [hai chữ đó] chẳng Như, [mà cũng] chẳng Thị (A là không, Âu là có. Kinh của hết thầy ngoại đạo lấy hai chữ ấy làm đầu, bởi họ chấp trước hai điều ấy là cơ bản. Những điều được diễn giảng trong kinh của họ chẳng ra ngoài hai chữ ấy). Lại nữa,

Như Thị là từ ngữ tín thuận. Tín thì sẽ lãnh hội Lý được nghe. Thuận thì đạo thầy trò được thành tựu. Đó chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

1.1.1.1.2. Giải thích Như Thị theo giáo tướng

Xét theo giáo để giải thích [Như Thị], do các kinh bất đồng, Như Thị cũng khác; chớ nên dùng một cái chìa khóa để mở các cánh cửa! Lại nữa, kinh của Phật nói ra và [kinh do] ngài A Nan trùng tuyên chẳng khác. Đó là Như. Năng thuyên (người nói kinh, tức Phật) diễn nói pháp sở thuyên (pháp được tuyên nói) là Thị. Nay A Nan truyền lại kinh văn, đức Phật nói như thế nào, Ngài sẽ diễn nói đúng như thế đó, chẳng thể dùng kinh văn thuộc Tiệm Giáo để truyền pháp chân thật thuộc Đốn Giáo, hoặc dùng kinh văn thuộc Thiên pháp để diễn nói pháp chân thật thuộc Viên Giáo. Nếu truyền lại hoặc diễn nói sai lầm, thì kinh văn sẽ chẳng phải là Như. Văn chẳng Như thì Lý chẳng Thị. Nghĩa này khó hiểu, cho nên phải xét kỹ thêm.

Nếu nói đức Phật dạy rõ Tục Đế có văn tự, Chân Đế chẳng có văn tự, A Nan truyền lại văn tự thuộc về Tục Đế, chẳng khác lời đức Phật đã nói. Vì thế, gọi là Như. Nhờ vào văn tự thuộc về Tục Đế mà lãnh hội lý Chân Đế, nên gọi là Thị. Đây chính là Như Thị được nêu ra đầu tiên trong các kinh thuộc Tam Tạng.

Nếu nói đức Phật giảng Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc Không, Không Sắc, chẳng hai, chẳng khác. “*Không và Sắc chẳng khác*” là Như. Từ ngay nơi Sự chính là Chân. Đó là Thị. A Nan truyền kinh văn của đức Phật chẳng sai khác. Đó là Như. Năng Thuyên chính là Sở Thuyên. Đó là Thị. Đó chính là ý nghĩa vì sao Như Thị được đặt ở đầu các kinh thuộc Thông Giáo.

Nếu nói đức Phật dạy sanh tử là hữu biên, Niết Bàn là vô biên, xuất sanh tử hữu biên, nhập Niết Bàn vô biên. Xuất Niết Bàn vô biên, nhập Trung Đạo. A Nan truyền pháp “*xuất Hữu, nhập Vô, xuất Vô, nhập Trung*” này chẳng khác lời Phật dạy. Đó là Như. Từ cạn tới sâu, không gì chẳng phải là Thị. Đây chính là Như Thị ở đầu các kinh thuộc Biệt Giáo.

Nếu nói đức Phật giảng sanh tử chính là Niết Bàn, cũng chính là Trung Đạo, vậy thì Niết Bàn há chẳng phải là Trung Đạo ư? Chân Như pháp giới, thật tánh, Thật Tế trọn khắp hết thấy mọi nơi, không gì chẳng phải là Phật pháp. A Nan truyền điều này chẳng khác lời Phật dạy. Vì

thế, gọi là Như. Như như bất động, cho nên gọi là Thị. Đây chính là Như Thị ở đầu các kinh thuộc Viên Giáo.

1.1.1.1.3. Giải thích Như Thị theo Bốn Tích

Xét theo Bốn Tích để giải thích Như Thị, thì ba đời mười phương, ngang dọc đều như thế. Quá khứ xa vời vợi, hiện tại chậm chậm [trôi qua], vị lai vĩnh viễn, thấy đều như thế, chỗ nào là Bốn, chỗ nào là Tích? Lại xét Như Thị lúc đức Thích Tôn tối sơ thành đạo. Đó là Bốn. Như Thị ở đầu các kinh khi Ngài thị hiện thành Phật trong chặng giữa và hiện thời đều là Tích. Lại nữa, Như Thị do A Nan truyền lại là Tích, còn Như Thị khi đức Phật nói chính là Bốn. Lại nữa, Như Thị do thầy lẫn trò cùng thông đạt, chẳng phải là khởi đầu hay hiện tại, mà cũng chẳng phải chặng giữa. Đó là Bốn, còn Như Thị trong khoảng giữa và hiện tại thì chính là Tích.

1.1.1.1.4. Giải thích Như Thị theo quán tâm

Dùng quán tâm để giải thích [Như Thị] thì quán các nghĩa Như Thị theo Tất Đàn, giáo tướng, Tích Môn v.v... như trên đều là các pháp sanh bởi nhân duyên. Duyên sanh (sanh bởi duyên) thì là Không, tức là Thông Quán. Nhân duyên chính là Không, là Giả, tức là Biệt Quán. Hai phép Quán ấy là phương tiện đạo để nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa, cùng chiếu hai Đế (Chân Đế và Tục Đế), vừa là Thông Quán, vừa là Biệt Quán. Trên đây đều là Trung Đạo, chẳng phải Thông Quán, chẳng phải Biệt Quán.

Kinh văn dạy: “*Nhược nhân tín nhữ sở thuyết, tức đắc kiến ngã, diệc kiến ư nhữ cập tỳ-kheo tăng, tịnh chư Bồ Tát*” (Nếu ai có thể tin lời ông nói thì chính là được thấy ta, mà cũng thấy ông và tỳ-kheo tăng cùng các vị Bồ Tát); đây là phần kinh văn nói rõ về quán hạnh vậy. “*Tín*” là luận về căn cơ, còn Kiến thì chính là Ứng, tức nhân duyên. Tín lại có cạn hay sâu, Kiến có Quyền và Thật, đủ mọi thứ phân biệt bất đồng. Đây chính là xét theo giáo. Lại nữa, tin kinh văn của Pháp Hoa, sẽ thấy Bốn nơi Thật Tướng. Nếu thấy sự ứng hóa của Thân Tử (ngài Xá Lợi Phất), sẽ thấy Bốn của Ngài là Long Đà Phật (ngài Chân Đế nói ngài Tu Bồ Đề là Đông phương Thanh Long Đà Phật. Lại dẫn kinh Đại Bảo Tích nói ngài Xá Lợi Phất thành Phật, hiệu là Kim Long Đà. Chưa kiểm chứng [điều này]). Nếu thấy vị Thích Tôn mới thành Phật, cũng sẽ thấy vị Phật

đã thành đạo trước đó đã lâu. Nếu thấy một ngàn hai trăm tỷ-kheo và tám vạn Bồ Tát, cũng sẽ thấy Bồn. Lại nữa, nghe kinh, tâm tin tưởng chẳng nghi ngờ, nhận biết tín tâm ấy sáng sạch, tức là “*thấy Phật*”. Huệ số (các tâm sở thuộc về Huệ) phân minh là “*thấy ngài Thân Tử*”. Các pháp số phân minh là “*thấy các tỷ-kheo*”. Tâm từ bi thanh tịnh là “*thấy các vị Bồ Tát*”.

Bốn lượt giải thích Như Thị đã xong.

1.1.1.2. Ngã Văn

1.1.1.2.1. Giải thích Ngã Văn theo nhân duyên

Giải thích Ngã Văn theo nhân duyên thì có khi gọi điều này là Văn Như Thị vì kinh vốn bất đồng, trước sau cùng nêu³². Đại Luận chép: “*Nhĩ căn chẳng hư hoại, hễ có tiếng thì có thể nghe*”. Dây lòng muốn nghe, các duyên hòa hợp [bèn có thể nghe], cho nên nói là Ngã Văn.

Hỏi: - Phải nên nói là Nhĩ Văn (tai nghe), sao lại nói là Ngã Văn?

Đáp: - Ngã là chủ thể của tai. Nêu ra Ngã sẽ thâm nhiếp các duyên. Đây là giải thích [Ngã Văn] theo Thế Giới [Tất Đàn].

Ngài A Nan thăng tòa, nói là “*ngã văn*”, đại chúng đều buồn khóc, giống như trông thấy Như Lai, nay xưng là Ngã Văn. Lại nữa, ngài Văn Thù kết tập, trước xưng đề mục (tên gọi của bộ kinh), kế đó nói “*như thị ngã văn*”, đại chúng khi ấy đều buồn khóc. Cả hai trường hợp đều khiến cho [người nghe] sanh lòng quyến luyến, hâm mộ điều thiện. Đây là giải thích theo Vị Nhân [Tất Đàn].

Thân A Nan tương tự thân Phật, chỉ thấp hơn Phật ba ngón tay (một ngón tay là hai tấc), đại chúng ngờ là đức Thích Ca lại xuất thế, hoặc [ngờ A Nan] là Phật từ phương khác đến, hoặc [ngờ rằng] A Nan đã thành Phật. Nay Ngài xưng “*ngã văn*”, ba mối nghi đều dứt. Đó là giải thích theo Đối Trị [Tất Đàn].

A Nan là người đang học đạo, thuận theo thế tục, xưng là “*ngã văn*”. Trong Đệ Nhất Nghĩa, chẳng có Ngã, chẳng có Văn.

Các lời giải thích [“*ngã văn*”] từ xưa đến nay đều là nương theo nghĩa nhân duyên. Nương theo nhân duyên [để giải thích] thì ba nghĩa trước còn chưa trọn vẹn, hướng hồ Đệ Nhất Nghĩa. Hướng hồ xét theo giáo, Bồn Tích, quán tâm ư?

³² Ý nói tùy theo từng thời đại mà có vị dịch kinh ghi là “*như thị ngã văn*”, “*ngã văn như thị*”, hoặc “*văn như thị*”.

1.1.1.2.2. Giải thích Ngã theo giáo tướng

Kể đó, xét theo giáo [để giải thích Ngã Văn] thì Thích Luận³³ nói phạm phu do ba thứ mà xưng là Ngã, tức là ngã kiến, ngã mạn, và danh tự Ngã được lưu truyền trong cõi đời. Hàng hữu học chẳng có ngã kiến, chỉ có hai thứ sau. Hàng vô học hoàn toàn chẳng có ngã mạn, chỉ có một thứ [là danh tự Ngã]. Khi ngài A Nan nghe pháp, vẫn thuộc vào địa vị hữu học; nhưng Ngài chẳng có ngã kiến và có thể chế phục ngã mạn, chỉ thuận theo danh xưng thế tục, cho nên xưng là Ta chẳng phạm lỗi gì! Đây là dùng ý nghĩa trong Tam Tạng (Tạng Giáo) để giải thích Ngã.

Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận³⁴ viết: “*Bốn câu xưng là ngã đều đọa vào tà kiến. Trong chánh pháp của Phật, chẳng có Ngã thì ai nghe*”. Đây là dùng ý nghĩa của Thông Giáo để giải thích.

Đại Kinh chép: “*A Nan đa văn sĩ, tri ngã vô ngã nhi bất nhị, song phân biệt ngã vô ngã*” (A Nan là bậc đa văn, biết ngã và vô ngã chẳng hai, cùng phân biệt ngã và vô ngã). Đó là dùng ý nghĩa của Biệt Giáo [để giải thích Ngã] (bất nhị là đẳng địa (từ Sơ Địa trở lên), song chiếu là Địa Tiền³⁵).

³³ Thông thường, Thích Luận là tên gọi khác của Đại Trí Độ Luận, vì bộ luận này nhằm giải thích kinh Đại Phẩm Bát Nhã, cho nên thường gọi là Đại Luận hay Thích Luận. Nếu xét theo Mật Giáo thì Thích Luận chính là bộ Thích Ma Ha Diễn Luận, tức là sách chú giải bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận do Long Thọ Bồ Tát trước tác. Bộ luận này được ngài Phiệt Đề Ma Đa dịch sang tiếng Hán vào thời Diêu Tần, gồm mười quyển. Khi ngài Không Hải đem bộ luận này về Nhật Bản và hoàng dương Mật Tông, đã chủ trương bộ luận này là kinh sách căn bản phải học của tất cả các hành giả Chân Ngôn Tông. Ngu ý cho rằng ở đây phải hiểu Thích Luận theo nghĩa thứ hai, vì trong toàn bộ tác phẩm, Tổ luôn dùng chữ Đại Luận để chỉ Đại Trí Độ Luận.

³⁴ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận còn gọi là Thập Trụ Luận, do ngài Long Thọ trước tác nhằm giải thích kinh Thập Trụ (tức là bản dịch khác của phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm). Tác phẩm này được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán gồm mười sáu quyển. Hiện thời, bộ luận này chỉ còn lại phần nói về hai địa đầu tiên trong Thập Địa (tức Hoan Hỷ Địa và Ly Cấu Địa). Có thuyết nói là Ngài chỉ dịch hai địa vị đầu tiên. Tương truyền, khi ngài Long Thọ ở trong long cung, đọc bộ Hoa Nghiêm Kinh tiểu bản gồm mười vạn bài tụng (tức 40.000 câu) đã soạn một bộ sách chú giải có tựa đề là Đại Bát Tư Nghị Luận, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận chỉ là một phẩm trong bộ sách ấy.

³⁵ Địa Tiền là các địa vị trước khi đạt tới Sơ Địa, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, và Thập Hồi Hướng.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Lại nữa, ngài A Nan biết ngã và vô ngã bất nhị, nhưng phương tiện làm thị giả, truyền trì trí huệ vô ngại của Như Lai, dùng âm thanh tự tại để truyền Quyền, truyền Thật, có gì là chẳng thể? Đó là dùng ý nghĩa Viên Giáo để giải thích Ngã.

Lại nữa, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói có ba vị A Nan:

- A Nan Đà, phương này dịch là Hoan Hỷ, trì Tiểu Thừa Tạng.

- A Nan Bạt Đà, phương này là dịch Hoan Hỷ Hiền, thọ trì Tập Tạng.

- A Nan Sa Già, phương này dịch là Hoan Hỷ Hải, trì Phật Tạng.

Kinh A Hàm còn nói ngài Diên Tạng A Nan trì Bồ Tát Tạng.

Đó là nói một người mà có trọn đủ tứ đức để truyền trì bốn pháp môn, ý nghĩa tự hiển lộ.

1.1.1.2.3. Giải thích Ngã theo Bốn Tích

Nếu chưa lãnh hội, tiến nhập, thì có thể nói “A Nan do tùy thuận thế tục mà nói là Ngã”. Nếu nêu ra Tích để hiển Bốn, thì Ngài đồng thời phát tâm [với Phật Thích Ca] ở chỗ Không Vương Phật, nhưng phương tiện thị hiện làm người truyền pháp, có gì là chẳng thể?

1.1.1.2.4. Giải thích Ngã theo Quán Tâm

Quán tâm là quán các pháp được sanh bởi nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung. Tức Không là Ngã mà vô ngã. Tức Giả là phân biệt Ngã và Vô Ngã. Tức Trung là chân diệu ngã.

Bốn lượt giải thích Ngã đã xong.

1.1.1.3. Giải thích chữ Văn

Kể đó, giải thích chữ Văn. Giải thích theo nhân duyên thì ngài A Nan sanh trong đêm đức Phật đắc đạo, hầu Phật chỉ hai mươi mấy năm. Lúc Ngài chưa hầu Phật, đương nhiên là chẳng nghe [các kinh do đức Phật đã nói trước đó]. Đại Luận viết: “*Khi ngài A Nan kết tập pháp, tự nói: - Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên, lúc đó, tôi không thấy*”. Do lần lượt nghe [từ người khác truyền lại] như thế, nên biết không phải kinh nào Ngài cũng đều [đích thân] nghe, [mà có những kinh Ngài] lần lượt được nghe từ người khác. Do tự mình và người khác sai khác, cho nên nghe và chẳng nghe sai khác.

Kinh chưa được nghe thì ưa muốn nghe, đối với kinh đã được nghe bèn sanh hoan hỷ. Đó chính là Thế Giới Tất Đàn. Cổ nhân giải rằng: “*A Nan đắc Phật Giác tam-muội lực, có thể tự nghe*”. Đây chính là Vị Nhân Tất Đàn. Kinh Báo Ân nói A Nan [khi được chư tăng khuyên làm thị giả của đức Phật, bèn] có bốn điều cầu xin, [trong đó có một điều] là “*kinh nào chưa được nghe, xin đức Phật nói lại*”. Kinh lại nói đức Phật ngậm vì ngài A Nan truyền dạy. Thái Kinh (kinh Bồ Tát Xử Thai) nói: “*Phật từng kim quan xuất kim tý, trùng vị A Nan hiện nhập thai chi tướng*” (Từ trong kim quan, đức Phật duỗi cánh tay vàng ròng, lần nữa vì A Nan chỉ bày tướng nhập thai). Các kinh đều nghe, hưởng hồ các kinh được thuyết ở nơi khác. Đó chính là Đới Trị Tất Đàn. Nay kinh này nói ngài A Nan được thọ ký, liền nhớ lại bốn nguyện, phụng trì pháp của các vị Phật thưở trước đều như ngày nay. Đó chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Nếu xét theo giáo, Hoan Hỷ A Nan mặt như vàng trắng tròn thanh tịnh, mắt như hoa sen xanh, đích thân truyền thừa ý chỉ của đức Phật, như đồ đựng hoàn chỉnh (không bị rò rỉ, sút mẻ), truyền dạy, hóa độ người khác, như đồ từ bình này sang bình khác [chẳng rỉ sót giọt nào]. Đây là truyền thừa pháp “*đã nghe mà thấy là có nghe*”. Hoan Hỷ Hiền trụ trong địa vị Hữu Học, đắc Không, Vô Tướng nguyện, các căn mắt, tai, mũi, lưỡi vô lậu, truyền trì pháp “*tuy nghe mà như chẳng nghe*”. Diễm Tạng A Nan thọ lãnh nhiều thứ, như mây to chứa mưa; đây là truyền trì pháp “*chẳng nghe mà nghe*” vậy. A Nan Hải là bậc đa văn, tự nhiên có thể liễu giải thường và vô thường. Nếu biết Như Lai thường chẳng thuyết pháp, thì gọi là “*Bồ Tát trọn đủ đa văn*”. Nước biển cả Phật pháp chảy vào tâm A Nan. Đây là truyền trì pháp “*chẳng nghe mà chẳng nghe*”. Kinh này là do A Nan Hải trì ba thứ Bốn Tích của diệu pháp “*chẳng nghe mà chẳng nghe*”. Bốn loại Nghe trên đây đều là dẫn theo Tích, chứ nơi Bốn địa chẳng thể nghĩ bàn, do chuyện thuộc về Bốn cao vời, khó lường được. Lý nơi Bốn sâu xa khó nghĩ, do sự giáo hóa nơi Bốn và Tích chẳng thể lường!

Điều thứ tư là giải thích [chữ Văn] theo quán tâm. Quán pháp nhân duyên là quán “*nghe mà nghe*”. Quán Không là quán “*nghe mà chẳng nghe*”. Quán Giả là quán “*chẳng nghe mà nghe*”. Quán Trung tức là quán “*chẳng nghe mà chẳng nghe*”. Nhất niệm quán là diệu quán.

Bốn lượt giải thích Ngã Văn đã xong.

1.1.1.4. Nhất thời

a) Giải thích “nhất thời” theo nhân duyên, ngài Tăng Triệu nói: “[Nhất thời là] lúc đáng pháp vương mở pháp hội tốt lành”. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Luận chép: “Ca La³⁶ là cách tính thời gian trong thực tế, nhằm lúc dạy các nội đệ tử, lúc ăn, đắp y”. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. “Tam-ma-da là giả thời, nhằm phá tà kiến của ngoại đạo”. Đó là Đối Trị Tất Đàn. Nếu thời hợp với đạo thì là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

b) Xét theo giáo, nếu từ Kiến Đế trở lên, từ Vô Học trở xuống thì gọi là “hạ nhất thời”. Nếu người thuộc tam thừa cùng nhập Đệ Nhất Nghĩa thì gọi là “trung nhất thời”. Nếu từ đẳng địa trở lên thì gọi là “thượng nhất thời”. Nếu từ Sơ Trụ trở lên thì gọi là “thượng thượng nhất thời”. Nay kinh này là “thượng thượng nhất thời”.

c) Xét theo Bồn Tích, các loại “nhất thời” trên đây đều là Tích. “Một thời” khi đức Phật thật sự đắc đạo trong kiếp lâu xa thì là Bồn.

d) Xét theo quán tâm, quán tâm thì trước là Không, kế đó là Giả, sau cùng là Trung. Đó là quán tâm theo thứ tự. Quán tâm tức Không, tức Giả, tức Trung. Đó là viên diệu quán tâm. Các pháp Quán ấy là thô diệu, vì đều có quán ứng hợp với cảnh, bèn gọi là “nhất thời”. Tương tức là Quán thì chính là phép Quán trong kinh này.

Bốn phen giải thích Nhất Thời đã xong.

1.1.1.5. Phật

a) Xét theo nhân duyên để giải thích Phật thì từ kiếp sơ chẳng bệnh, kiếp tận lắm bệnh. Lúc trường thọ thì vui, lúc đoản thọ thì khổ. Đông thiên hạ (Đông Thắng Thần Châu) thì giàu và thọ, Tây thiên hạ (Tây Ngưu Hóa Châu) thì lắm châu báu, nhiều bò, dê. Bắc thiên hạ (Bắc Câu Lô Châu) thì chẳng có gì là của ta, chẳng có bầy tôi hay thuộc hạ. Thời và xứ như thế sẽ chẳng cảm Phật xuất thế. Lúc tám vạn tuổi, cho đến lúc [con người] thọ một trăm năm, Nam thiên hạ (Nam Diêm Phù Đề) chưa thấy quả mà đã tu nhân. Vì thế, đức Phật xuất hiện nơi ấy. Đó là giải thích theo Thế Giới Tất Đàn. Nếu mặt trời chẳng mọc, các hoa

³⁶ Ca La (Kāla), còn phiên âm là Ca Lã, dịch nghĩa là Thật Thời. Theo Duy Thức, Thời có hai loại: Thật Thời (Ca La) và Giả Thời (Tam-ma-da). Khi luật điển nói đến các thời gian thọ trai, đắp y, chấp tác, tụng niệm, thiền quán v.v... thì đó là Thật Thời, còn như kinh nói một thời, một ngày, cho đến một kiếp thì là Giả Thời. Theo Danh Nghĩa Tập, Thật Thời tức là thời gian hiểu theo Tục Đế, còn Tam-ma-da (Giả Thời) là nói phương tiện, hay nói theo Đệ Nhất Nghĩa Đế.

chưa sanh hay đã sanh trong ao đều bị héo tàn, chết rụi, chẳng còn ngò chi. Nếu Phật xuất thế, sẽ có Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, tứ thiên vương, cho đến Hữu Đảnh. Đây là giải thích theo Vị Nhân Tất Đàn. Căn tánh tam thừa cảm Phật xuất thế, các căn tánh khác chẳng thể cảm, khéo đoạn chủng tánh Hữu Đảnh, vĩnh viễn thoát khỏi dòng sanh tử. Đó là nói theo Đối Trị Tất Đàn. Đức Phật đối với pháp tánh, chẳng động, chẳng xuất, có thể cảm chúng sanh khiến cho họ thấy động và xuất, nhưng Như Lai thật sự chẳng có động xuất. Đó là nói theo Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

b) Kế đến là xét theo giáo, Phật được gọi là Giác Giả, Tri Giác (bậc giác ngộ, bậc hiểu biết). Ở dưới cội đạo tràng (cội cây Bồ Đề), ba mươi bốn tâm đoạn tập khí Chánh Sử, nhận biết tổng tướng và biệt tướng của thế gian và xuất thế gian. Giác ngộ thế gian chính là Khổ, Tập; giác ngộ xuất thế gian thì là Đạo, Diệt, và cũng có thể giác ngộ người khác. Thân cao một trượng sáu, thọ tám mươi năm, giống như một vị lão tỳ-kheo. Đó chính là Phật tự giác, giác tha trong Tam Tạng (Tạng Giáo), có hình tướng giống như tỳ-kheo, hiện thân tôn quý đặc thù. Một niệm tương ứng, đoạn trừ các tàn dư tập khí. Đó chính là Phật tự giác, giác tha trong Thông Giáo. Chỉ hiện tướng tôn quý, đặc thù, ngồi trên đài hoa sen, thọ Phật chúc. Đó chính là Phật tự giác, giác tha trong Biệt Giáo. Ấn ba tướng trên đây, chỉ hiện tướng như hư không chẳng thể nghĩ bàn, tức là vị Phật tự giác, giác tha trong Viên Giáo.

Vì thế, kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: *“Hoặc kiến Như Lai, trượng lục chi thân (Tạng), hoặc kiến tiểu thân, đại thân (Thông), hoặc kiến tọa liên hoa đài, vị thiên bách ức Thích Ca thuyết tâm địa pháp môn (Biệt), hoặc kiến thân đồng hư không, biến ư pháp giới, vô hữu phân biệt (Viên)”* (Hoặc thấy Như Lai thân cao một trượng sáu (Tạng Giáo); hoặc thấy thân lớn, thân nhỏ (Thông Giáo), hoặc thấy ngồi trên đài hoa sen, vì ngàn trăm ức Thích Ca nói pháp môn tâm địa (Biệt Giáo), hoặc thấy thân giống như hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng có phân biệt. Đó là Viên Giáo), tức là nói về ý nghĩa này (Khoa Chú rằng: - Kinh này nhằm phơi bày khai hiển, chỉ ra quả đầu Phật³⁷ trong ba giáo trước chính là Pháp Thân Phật trong Viên Giáo. Vì thế, ba mươi hai tướng, tướng nào cũng vô biên. Đây chính là tướng tôn quý, đặc thù, mà cũng chính là Pháp Thân. Do vậy, long nữ tán rằng: *“Pháp Thân tịnh vi diệu, đủ ba mươi hai tướng”*).

³⁷ “Quả đầu Phật” là một thuật ngữ trong tông Thiên Thai để nói đến quả vị Phật trong mỗi giáo. Do quả vị Phật cao nhất, nên gọi là “quả đầu”.

c) Thứ ba là xét theo Bốn Tích, một Phật (Viên Giáo Phật) là Bốn, ba Phật (Phật trong Tạng, Thông, Biệt) là Tích (điều này nói theo Thể và Dụng nơi Bốn). Trong khoảng giữa, thì hiện nhiều lần xướng sanh, xướng diệt, đều là Tích. Chỉ có bốn vị Phật nơi Bốn Địa, đều là Bốn (Thể và Dụng nơi Tích thì đều là Tích, Thể và Dụng của Bốn thì đều là Bốn).

d) Thứ tư là giải thích theo quán tâm. Quán cái tâm sanh bởi nhân duyên. Trước là Không, kế đó là Giả, sau là Trung, thì đều là Biến Giác (徧覺, giác trọn khắp). Quán tâm tức Không, tức Giả, tức Trung thì là Viên Giác (Giác chỉ là trí; hãy nên dùng Lục Túc để phán định. Nếu dùng điều này để xét ba điều giải thích trước thì cảnh trí chính là nhân duyên Phật. Cách quán theo Tạng, Thông v.v... chính là tứ giáo Phật. Từ Trung mà quán Không và Giả thì chính là Bốn Tích Phật, chính là cái tâm của ta, tức là quán tâm Phật vậy).

Bốn lượt giải thích chữ Phật đã xong.

1.1.1.6. Trụ

a) Dùng nhân duyên để giải thích chữ Trụ, năng trụ (chủ thể trụ, ở đây là Phật) trụ tại chỗ để trụ. Chỗ để trụ chính là thành Vương Xá³⁸ trong Nhẫn độ (thế giới Sa Bà). “*Năng trụ*” tức là bốn oai nghi trụ thế chưa diệt. Đó chính là Thế Giới Tất Đàn. Lại nữa, Trụ là trụ trong mười thiện đạo, trụ trong Tứ Thiên. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. Lại nữa, Trụ là trụ trong ba tam-muội (Không tam-muội, Vô Tướng tam-muội, Vô Nguyên tam-muội). Đó chính là Đối Trị Tất Đàn. Lại nữa, Trụ là trụ trong Thủ Lăng Nghiêm, tức Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

b) Kế đó, xét theo giáo. Tam Tạng Phật từ Tích Môn (析門, phân tích, chia chẻ) phát sanh chân vô lậu, trụ Hữu Dư, Vô Dư Niết Bàn. Thông Giáo Phật từ Thể môn (thấu hiểu ngay nơi bản chất, không cần trải qua phân tích), phát sanh chân vô lậu, trụ Hữu Dư hoặc Vô Dư Niết Bàn. Biệt Giáo Phật từ thứ đệ môn (tu tập lần lượt theo các giai đoạn, địa vị) mà nhập, trụ trong bí mật tạng. Viên Giáo Phật hoàn toàn chẳng theo thứ đệ môn mà nhập, trụ trong bí mật tạng. Chỗ trụ của ba loại Phật đều

³⁸ Vương Xá (Rājagṛha), đôi khi được phiên âm là La Duyệt Kỳ, là kinh đô của nước Ma Kiệt Đà (Magādhā), tức quốc gia của vua A Xà Thế thuộc vương triều Haryanka thừa đức Phật tại thế. Vương Xá nay là thành phố Rajgir thuộc tiểu bang Bihar của Ấn Độ.

tiên đều là Năng lẫn Sở đều thô. Loại trụ sau cùng của Phật (chỗ trụ của Viên Giáo Phật), Năng lẫn Sở đều diệu. Trong kinh này, Viên Giáo Phật trụ trong diệu trụ.

c) Thứ ba là luận theo Bốn Tích. Tam Tạng Phật đáng nên nhập Niết Bàn, do từ bi mà rủ lòng thị hiện, dùng sanh thân trụ thế. Thông Giáo Phật thệ nguyện từ bi nâng đỡ những ai còn sót thừa tập khí, do độ chúng sanh mà làm Phật sự. Biệt Giáo Phật và Viên Giáo Phật đều do từ bi hun đúc pháp tánh, vì thương xót chúng sanh mà rủ lòng ứng hiện trong pháp giới. Hãy nên biết bốn loại Phật ấy đều trụ trong chỗ trụ của Bốn Phật, nhưng vì lòng từ bi mà trụ trong thành Vương Xá của Nhẫn Độ. Oai nghi trụ thế thì gọi là Tích Trụ.

d) Thứ tư là quán tâm. Quán trụ trong cảnh, hoặc trụ trong cảnh vô thường, tức các cảnh Không, cảnh Giả, cảnh Trung. Dùng pháp vô trụ để trụ trong cảnh. Vì thế, gọi là Trụ (Nói “vô trụ” thông cả bốn giáo. Thô trí là thật sự chẳng trụ vào Lý. Nếu trụ nơi Viên Giáo thì sẽ thành dứt bật đối đãi).

Bốn phen giải thích về Trụ đã xong.

1.1.1.7. Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn

a) Giải thích “*Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn*” theo nhân duyên thì giống như sách Văn Cú đã giảng, không trích lục³⁹.

³⁹ Nhằm thuận tiện cho các liên hữu tham khảo, chúng tôi xin trích dịch đoạn giải thích về thành Vương Xá trong Pháp Hoa Văn Cú như sau: “*Thành Vương Xá được Thiên Trúc gọi là La Duyệt Kỳ Già La. Phương này (Trung Hoa) dịch La Duyệt Kỳ là Vương Xá. Già La được cõi này dịch là Thành. Tên nước là Ma Già Đà, phương này dịch là Bất Hại, do không có tử hình. Nước này còn gọi là Ma Kiệt Đề, phương này dịch là Thiên La. Thiên La là tên của nhà vua. Dùng tên vua để đặt tên cho nước. Vị vua ấy là cha của Bác Túc. Trong kiếp lâu xa xưa kia, vị vua ấy đứng đầu một tiểu quốc. Vua đi tuần trong núi, gặp một con sư tử cái. Mọi người bỏ chạy tán loạn, sư tử cái bèn cùng vua giao phối. Tròn một tháng sau, nó đến diện vua để sanh nở. Vua biết đó là con mình, nói dối ‘ta không có con; đây là trời ban cho’. Bèn đặt tên cho đứa bé là Thiên Tử (trời ban), nuôi làm Thái Tử. Do chân [Thái Tử] có vằn nhiều màu, nên gọi là Bác Túc (chân vằn vện). Về sau, [Bác Túc] nối ngôi vua, thích ăn thịt, dặn nhà bếp không được thiếu thịt. Có một lúc thiếu thịt, [đầu bếp] bèn lấy trẻ nhỏ mới chết ở phía Tây kinh thành làm món ăn. Vua khen rất ngon, truyền lệnh thường nấu món thịt ấy. Đầu bếp mỗi ngày bắt một người [làm thịt], toàn quốc âu sầu, sợ hãi. Một ngàn tiểu quốc dấy binh phé vua, bỏ [nhà vua] trong núi Kỳ Xà Quật. Các La Sát bắt vua làm quý vương. Do vậy, vua thề với sơn thần sẽ bắt một*

b) Xét theo Giáo thì như kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: “*Nhất thiết đại chúng sở kiến bất đồng, hoặc kiến Sa La lâm địa, tất thị thổ, sa, thảo mộc, thạch bích. Hoặc kiến thất bảo thanh tịnh trang nghiêm, hoặc kiến thử lâm thị tam thế chư Phật sở du hành xứ. Hoặc kiến thử lâm tức thị bất khả tư nghị chư Phật cảnh giới chân thật pháp thể*” (Hết thấy đại chúng thấy khác nhau, hoặc thấy cuộc đất nơi rừng Sa La đều là đất, cát, cây cỏ, vách đá. Hoặc thấy bảy báu thanh tịnh trang nghiêm, hoặc thấy rừng này là chỗ du hành của ba đời chư Phật, hoặc thấy rừng này chính là pháp thể chân thật nơi cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật). Phong theo đó mà biết nghĩa ở đây, có bốn cách thấy khác nhau. Chỗ trụ đã như thế thì người trụ cũng vậy.

ngàn vị vua đem tế núi. Vua bắt được chín trăm chín mươi chín người, còn thiếu vua Phổ Minh. Về sau, vua Bác Túc tìm cách bắt được vua Phổ Minh. Vua Phổ Minh khóc ròng, tiếc hận ‘suốt đời nói thật, mà nay phải trái lời’. Bác Túc thả cho Phổ Minh về nước. Phổ Minh bèn bỏ thí to lớn, lập Thái Tử, rồi đến chịu chết, vẻ mặt vui sướng, tâm an ổn. Bác Túc hỏi duyên cớ, vua đáp: ‘Do được nghe thánh pháp’. Do vậy, Bác Túc bảo Phổ Minh nhắc lại, [giáo pháp ấy] khen ngợi rộng rãi lòng Từ, chê trách chuyện giết hại; [Phổ Minh] lại còn nói Tứ Phi Thường Kệ. Bác Túc nghe pháp, đạt đến địa vị Không Bình Đẳng, tức Sơ Địa. Bèn đổi với một ngàn vị vua, lấy mỗi người một giọt máu, ba cọng tóc cho xong lời nguyện với sơn thân. Bác Túc và một ngàn vị vua cùng lập thành quách tạo thành một đại quốc trong năm quả núi, giao các tiểu quốc cho con cháu của một ngàn vị vua. Một ngàn vị vua đều thay phiên nhau trông coi việc nước của đại quốc. Đã thế, trăm họ trong năm quả núi bảy lượt làm nhà, bảy lượt bị lửa cháy. Trăm họ bàn với nhau: ‘Do chúng ta bạc phước nên nhiều lần bị cháy sạch, vua có phước lực, cho nên nhà cửa chẳng cháy. Từ nay trở đi đều chẳng gọi là nhà của ta mà là nhà của vua’. Vì thế, gọi là thành Vương Xá. Hơn nữa, Bác Túc đắc đạo, bèn tha cho ngàn vị vua. Ngàn vị vua được ân xá ở nơi ấy, nên gọi là Vương Xá (vua xá tội). Nhưng các nhà chú giải kinh mượn âm chữ Xá trong ốc xá (nhà cửa) để ghi lại. Nhân duyên trích từ Đại Luận và các kinh... Núi Kỳ Xà Quật được cội này dịch là Linh Thứu, cũng dịch là Thứu Đầu, còn dịch là Lang Tích... Đỉnh núi giống chim Thứu (chim ưng), bèn đặt tên núi theo hình dáng đỉnh núi. Lại nói phía Nam núi có rừng Thi Đà (rừng bỏ xác người chết), chim Thứu ăn xác chết xong bèn đậu trong núi ấy. Người đương thời gọi là Thứu Sơn. Lại có người giải thích: Phật trong quá khứ và Phật hiện tại đều ngự tại núi ấy. Sau khi đức Phật diệt độ thì La Hán trụ ở đó. Lúc pháp diệt thì Bích Chi Phật trụ. Không có Bích Chi Phật thì quý thần ở đó. Đã là nơi ở của thánh nhân linh thiêng thì nói chung có ba chuyện, vì vậy gọi là núi Linh Thứu. [Nơi đó] có năm tinh xá: Một là Bệ Bà La Bạt Thứ, phương này dịch là Chủ Huyết; hai là Tát Đa Ban Na Cầu Ha, phương này dịch là Thất Diệp; ba là Nhân Đà Thế La Cầu Ha, phương này dịch là Xà Thân Sơn; bốn là Tát Bá Thứ Hôn Trục Ca Bát Bà La, phương này dịch là Thiếu Độc Lực Sơn; năm là Kỳ Xà Quật Sơn”.

c) Xét theo Bồn Tích thì đối với Bồn, trụ trong thành tam đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát) của vương tam-muội; còn Tích thì là trụ nơi thành Vương Xá trong Nhẫn độ (cõi Sa Bà). Bồn là trụ trong núi Đại Niết Bàn tam đức, còn Tích thì ngự tại núi Linh Thứu. Lại nữa, Bồn và Tích đều có núi Linh Thứu. Phẩm Thọ Lượng có nói: “*Thường tại Linh Thứu sơn*” (Thường ở tại núi Linh Thứu). Đó chính là Bồn.

d) Xét theo quán tâm thì Vương chính là tâm vương, Xá chính là Ngũ Âm. Tâm vương tạo thành ngôi nhà ấy. Nếu chia chẻ ngôi nhà Ngũ Âm, sẽ thấy nó là Không, Không chính là thành Niết Bàn. Quán kiểu này là nông cạn. Nếu thấy đất, cây cối, mà thấu hiểu ngôi nhà Ngũ Âm chính là Không, Không là thành Niết Bàn. Đó là [cách quán của] Thông Giáo. Nếu quán ngôi nhà Ngũ Âm, do diệt cái sắc ấy mà đạt được thường sắc. Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng lại như thế. Bồn đức ấy chính là chỗ chư Phật thường dạo chơi. Đó là Biệt Giáo. Nếu quán Ngũ Âm chính là pháp tánh. Pháp tánh chẳng có Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Hết thấy chúng sanh chính là Niết Bàn, chẳng thể diệt nữa, là ngôi nhà rốt ráo không tịch. Niết Bàn như thế chính là Chân Như Thật Thể, đó chính là Viên quán (quán tâm trong Viên Giáo).

Lại nữa, Sắc Âm vô tri như núi. Thức Âm như Linh, ba âm Thọ, Tướng, Hành như Thứu. Quán núi Linh Thứu vô thường. Đó là Tích Không Quán. Quán núi Linh Thứu tức là Không. Đó là Thể Không Quán. Quán Linh tức là trí tánh. Đó là liễu nhân. Trí huệ trang nghiêm, Thứu liên tụ tập. Đó là duyên nhân. Phước đức trang nghiêm, núi tức là pháp tánh. Chánh nhân bất động, ba pháp ấy được gọi là Bí Mật Tạng. Tụ trụ trong đó, mà cũng dùng điều đó để độ người khác; đây chính là hai pháp quán Viên và Biệt; đó chính là Trung.

Đối với Trung, Phật chuộng Trung Đạo, thăng lên trung thiên (thăng lên trời Đạo Lợi thuyết pháp báo ân mẹ), giữa trưa [từ trời Đạo Lợi] giáng xuống chính giữa đất nước, diệt độ lúc nửa đêm, [những điều ấy đều nhằm] biểu thị Trung Đạo. Nay ở trong núi, nói Trung Đạo (thường chuộng Trung Đạo là Thế Giới Tất Đàn. Thăng lên trung thiên, giữa trưa giáng xuống là Vị Nhân Tất Đàn. Diệt độ giữa đêm là Đối Trị Tất Đàn. Nói Trung Đạo thì là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Các giáo đều có Trung Đạo, nhưng chia ra thành hữu thể hay vô thể sai khác. Xét theo Bồn Tích thì quán viên lý. Đó là Trung nơi Bồn. Thị hiện lìa đoạn thường. Đó là Trung nơi Tích. Đối với Trung được khai hiển trong kinh này, nêu xét theo Quán, sẽ chính là Không, chính là Trung, có đủ hai loại trong ấy).

Phần thứ nhất luận về nơi chốn và thời gian nghe pháp đã xong.

1.1.2. Đại chúng nghe pháp và phụng trì

Gồm hai phần:

- Một là liệt kê đại chúng.
- Hai là tổng kết đại chúng vân tập.

1.1.2.1. Liệt kê đại chúng

Chia thành ba phần:

- Một là chúng Thanh Văn.
- Hai là chúng Bồ Tát.
- Ba là tạp chúng (nhiều loại đại chúng).

Các kinh phần nhiều là như thế. Cổ nhân nói là “*có sự, có nghĩa*”. “*Sự*” là xét theo sự thân cận về hình tích. Hình tướng của hàng Thanh Văn đã thoát khỏi lưới tục, về dấu tích thì họ thân cận Như Lai, so ra thân thiết hơn [các loại đại chúng khác] để chứng minh một bộ kinh, cho nên liệt kê đầu tiên. Trôi, người xét về hình tướng, y phục khác nhau; xét về dấu tích thì cũng chẳng phải là kẻ châu hầu, cho nên đối với việc chứng kinh, chẳng thân thiết cho lắm. Vì thế, xếp ra sau. Bồ Tát thì hình tướng chẳng ràng buộc trong khuôn khổ, về dấu tích thì không có chỗ nhất định. Đã chẳng giống như tục nhân, lại khác với tăng. Vì thế, xếp vào giữa.

Xét theo nghĩa, Thanh Văn chuộng Niết Bàn, trôi người chấp trước sanh tử, mỗi đẳng đều có chỗ thiên vị. Bồ Tát chẳng ưa chuộng, chẳng đắm chấp, ở nơi Trung Đạo cầu lấy những điều cốt lõi. Vì thế, các Ngài ở giữa hai đẳng. Thích Luận cũng nói theo ý này. Cách giải nói này giống như giải thích cả hai điều. Giải thích theo mặt Sự thì giống như [luận định theo phương diện] nhân duyên. Giải thích theo nghĩa thì giống như xét theo giáo (Sự giống như nhân duyên, cần phải có đủ bốn món Tất Đàn. Nghĩa giống như xét theo giáo, lại cần phải luận định tám pháp. Sự chính là xét theo thân thể, cho nên nói thân hay sơ. Nghĩa chính là để lý, cho nên nói Niết Bàn v.v... Hình tướng, y phục khác nhau, tức là Thế Giới Tất Đàn. Thân cận là Sanh Thiện Tất Đàn. Sơ (lợt lạt) thì là Phá Ác Tất Đàn. “*Chẳng thân, chẳng sơ*” tức là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Xét theo nghĩa, tức là xét theo Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế, Trung Đế), đem Đế đối ứng với Giáo thì có thể biết bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt,

Viên). Đối với bốn giáo, biện định bốn [cơ nghi để giáo hóa] thì có thể biết các nghĩa Tiệm, Đốn v.v...

Lại nữa, hai thừa thuộc Nhị Thừa (Thanh Văn và Duyên Giác) đều ưa thích Niết Bàn, và bốn loại Bồ Tát (các vị Bồ Tát thuộc tứ giáo) đều chẳng ưa thích, chẳng chấp trước. Vì thế, các Ngài luôn thuộc Trung Đạo, chỉ hướng đến thật lý và lợi lạc người khác. Vì thế, ở trong Trung Đạo, cầu lấy điều cốt lõi, vượt xa phàm thánh. Nếu coi nhập Trung Đạo là Bồ Tát thì tức là nói địa vị Bồ Tát trong Biệt Giáo, Viên Giáo, Thỉ Giáo, và Chung Giáo.

Dựa theo Bốn Tích để giải thích, hàng Thanh Văn trong ẩn giấu hạnh Bồ Tát, ngoài hiện hình tướng Thanh Văn, có bao giờ chấp chặt Niết Bàn? Trừ người đều là bậc đại Bồ Tát, há còn đắm nhiễm sanh tử? Đều là từ nơi hình tích mà dẫn khởi thành hai bên (chấp Có và chấp Không), chứ nơi Bốn thì luôn là Trung Đạo.

Giải thích dựa theo quán tâm thì từ Giả nhập Không Quán, là thiên về phá sanh tử. Từ Không mà nhập Giả Quán thì chính là thiên trọng phá Niết Bàn. Trung Đạo chánh quán chẳng còn có trước sau (cũng nên xét theo nhân duyên để nói rõ về quán, khai hiển các giáo và quán theo phương diện Bốn Tích).

1.1.2.1.1. Chúng Thanh Văn

1.1.2.1.1.1. Chúng tỳ-kheo

1.1.2.1.1.1.1. [Nói về các vị được] nhiều người hay biết

1.1.2.1.1.1.1.1. Nêu bày chủng loại và số lượng

(Kinh) Dữ đại tỳ-kheo chúng, vạn nhị thiên nhân câu.

(經)與大比丘眾，萬二千人俱。

(Kinh: Cùng các vị đại tỳ-kheo, một vạn hai ngàn vị nhóm họp).

“Dữ đại tỳ-kheo chúng” là nêu ra căn cơ của họ. “Một vạn hai ngàn người” nhằm nói số lượng đông đảo. “Dữ” (與) là “cộng” (共, cùng với). Thích Luận dùng “thất nhất” (bảy điều “cùng một”) để giải thích chữ Cộng, tức là “nhất thời” (cùng một thời), “nhất xứ” (cùng một chỗ). Đó là Thế Giới Tất Đàn, “nhất giới” (cùng một giới luật). Đó là Vị Nhân Tất Đàn, “nhất tâm, nhất kiến” (cùng một tâm, cùng một kiến giải). Đó là Đối Trị Tất Đàn, “nhất đạo, nhất giải thoát”. Đó là Đề

Nhất Nghĩa Tất Đàn. Nếu dựa theo các giáo để nêu rõ “*thất nhất*” trong mỗi giáo thì:

- Tam Tạng (Tạng Giáo) có một loại “*thất nhất*”, tức là (cùng cảm vùi sanh trong thời có Phật, cùng ở Lộc Uyển, có cùng một biệt giải thoát giới, cùng có tâm Nhất Thiết Trí, cùng có vô lậu chánh kiến, cùng có ba mươi bảy pháp trợ đạo, cùng có Hữu Dư Niết Bàn).

- Thông Giáo có hai loại “*thất nhất*” (do chia thành lợi căn và độn căn, mà lợi ích có Viên và Biệt. Phải nên nói “*ba loại thất nhất*”, nhưng do nói tổng quát, cho nên cùng theo một lệ).

- Biệt Giáo có vô lượng “*thất nhất*” (tự hành, giáo hóa người khác, theo chiều ngang hay theo chiều dọc đều có bốn môn, mỗi môn đều có Tứ Tất Đàn, cho nên tiến nhập sai khác).

- Viên Giáo có một loại “*thất nhất*” (phát tâm và rốt ráo tuy là hai, nhưng chẳng khác biệt).

Nếu chưa thấu đạt Tích thì chính là “*thất nhất*” của Tam Tạng và Thông Giáo. Nếu đạt tới “*khai tam thừa, hiển lộ nhất thừa*” thì liền nhập “*thất nhất*” của Viên Giáo.

“*Đại*” trong tiếng Phạn là Ma Ha, cội này dịch là Đại, cũng dịch là Đa (nhiều), và cũng dịch là Thắng. Độ lượng đáng tôn trọng, được các bậc đại nhân như thiên vương v.v... tôn kính. Vì thế, nói là Đại. Vượt xa chín mươi lăm thứ ngoại đạo, cho nên nói là Thắng. Biết trọn khắp các kinh sách trong và ngoài giáo, cho nên nói là Đa. Lại nữa, số lượng tới một vạn hai ngàn vị. Vì thế, nói là Đa. Nay nói rõ [các vị Thanh Văn ấy] có đại đạo, có đại dụng, có đại tri (大知, sự hiểu biết to lớn), cho nên nói là Đại. “*Thắng*” là đạo thù thắng, dụng thù thắng, hiểu biết thù thắng. Vì thế, nói là Thắng. “*Đa*” là đạo nhiều, dụng nhiều, hiểu biết nhiều. Vì thế, nói là Đa. Đạo chính là Tánh Niệm Xứ, lớn hơn nhất thiết trí của ngoại đạo. Dụng tức là Cộng Niệm Xứ, hơn hẳn bốn ngoại đạo có thần thông. Tri tức là Duyên Niệm Xứ, hơn hẳn Tứ Vi Đà (bốn kinh Vedas) của ngoại đạo (Đại là Thế Giới Tất Đàn, Đa là Vị Nhân và Đối Trị Tất Đàn. Thắng chính là Đệ Nhất Nghĩa).

Xét theo giáo để giải thích “*Đại, Đa, Thắng*” thì:

- “Được bậc đại nhân tôn kính” là cách giải thích trong Tam Tạng.

- Đại là được bậc đại lực La Hán tôn kính. Đa là biết trọn khắp pháp sanh diệt chính là pháp vô sanh diệt. Thắng là hơn hẳn bốn môn trong Tam Tạng. Đó là cách giải thích trong Thông Giáo.

- Lại nữa, Đại là được bậc đại lực La Hán đã thấu hiểu pháp tôn kính. Đa là Hàng sa Phật pháp đều biết. Thắng là hơn hẳn hàng Nhị Thừa. Đó là cách giải thích theo Biệt Giáo.

- Lại nữa, Đại là được các vị đại Bồ Tát tôn kính. Đa là chẳng thể lường các pháp trong pháp giới đều biết. Thắng là hơn hẳn các vị Bồ Tát. Đây là cách giải thích theo Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, các vị đại đức ấy từ lâu đã được chư Phật khen ngợi. Nơi Bốn, các Ngài đã đắc Thắng Tràng tam-muội từ trước, thành tựu Chứng Trí Biện Tri siêu việt các ngoại đạo. Về Tích, các Ngài đến phù tá Phật giáo hóa, thị hiện “đại, đa, thắng” trong ái kiến, hòng dẫn khởi sữa trở thành lạc. Lại còn thị hiện “đại, đa, thắng” trong Tam Tạng, hòng dẫn khởi lạc biến thành sanh tô. Lại thị hiện “đại, đa, thắng” trong Phương Đẳng, hòng dẫn khởi sanh tô trở thành thực tô. Lại thị hiện “đại, đa, thắng” trong chuyển giáo⁴⁰ Bát Nhã, hòng dẫn khởi thực tô trở thành đề hồ. Vì thế, thị hiện “đại, đa, thắng” trong thời Pháp Hoa; nhưng nơi Bốn thì các Ngài “đại, đa, thắng” đã lâu.

Xét theo quán tâm, Không Quán là Đại, Giả Quán là Đa, Trung Quán là Thắng. Lại nữa, thắng thừa tiền nhập Trung Quán, tâm tánh rộng lớn, dường như hư không. Vì thế, gọi là Đại. Cùng ngăn che hai bên, vào biển tịch diệt. Vì thế, gọi là Thắng. Cùng chiếu cả hai Đế (Chân Đế và Tục Đế), chứa đựng rất nhiều, một tâm là hết thấy các tâm. Vì thế, gọi là Đa.

“Tỳ-kheo” bao gồm ba nghĩa Bồ Ma (khiến cho ma sợ hãi), Pháp Ác, và Khất Sĩ:

- Ma thích sanh tử, do người này xuất gia, lại còn giáo hóa người khác cùng lìa khỏi tam giới, trái nghịch ý ma. Ma dùng sức chế ngự,

⁴⁰ Đây là một thuật ngữ chuyên biệt của tông Thiên Thai để mô tả thời Bát Nhã. Từ ngữ này xuất phát từ bộ Thiên Thai Tứ Giáo Nghi của ngài Đế Quán. Nói đầy đủ thì là “*chuyển giáo, phó tài, dung thông, đào thái*”. Trong hội Bát Nhã, do được Phật lực gia bị, ngài Tu Bồ Đề thay đức Phật diễn nói pháp môn Bát Nhã cho các hàng Bồ Tát. Đó gọi là “*chuyển giáo*”. “*Dung thông*” tức là dung hội vô ngại. Vì Bát Nhã xiển dương hết thấy các pháp đều là Đại Thừa, Đại và Tiểu dung hội, chẳng hai, chẳng khác. “*Phó tài*” (giao phó tài sản), ngụ ý kể từ trong phẩm Tín Giải, các Thanh Văn chuyển giáo hiển lộ ý Phật, tức là đã đem gia nghiệp, tài sản của Phật giao phó cho các Thanh Văn, khác nào trưởng giả giao phó tài sản cho đứa con nghèo túng. “*Đào thái*” hàm ý gột trừ cấu uế. Do các thời trước đó gây nên tình chấp có Đại, Tiểu sai biệt, đến thời Bát Nhã chỉ bày Đại Tiểu dung thông, phá chấp trước đối với nhị biên và Trung Đạo, gột sạch các cấu uế Kiến Hoặc.

dâm ra lại bị năm thứ trói buộc, chỉ đành buồn rầu, sợ hãi mà thôi. Vì thế, gọi là Bồ Ma.

- Người xuất gia ắt phá bảy điều ác nơi thân và miệng⁴¹. Vì thế, gọi là Phá Ác.

- Kẻ tại gia có ba thứ dưỡng mạng đúng như pháp. Một là ruộng đất. Hai là buôn bán. Ba là làm quan. Đức Phật chẳng cho phép kẻ xuất gia làm các điều đó, chỉ xin ăn để tự nuôi sống. Thân an, đạo còn, phước lợi thí chủ. Vì thế, gọi là Khất Sĩ.

Ba nghĩa phối hợp thì chính là ý nghĩa của “tỳ-kheo” (Bồ Ma tức Thế Giới Tất Đàn. Khất Sĩ tức Vị Nhân Tất Đàn. Phá Ác tức Đối Trị Tất Đàn. Vượt khỏi tam giới chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Vừa mới thọ giới, tu Định, tu Huệ, đã có ba nghĩa Phá Ác, Bồ Ma và Khất Sĩ, chẳng riêng hàng hậu tâm⁴². Cách giải thích của các vị chú sớ kinh, đều là tán thán các vị hậu tâm tỳ-kheo. Đó đều là [tuân theo] ý nghĩa giải thích trong Tam Tạng (Tạng Giáo). Nếu trải khắp các duyên để cầu lẽ chân thì gọi là Khất Sĩ. Phá các phiền Hoặc gây chướng ngại Lý thì gọi là Phá Ác. Tu các hạnh ấy khiến cho bốn loại ma⁴³ kinh sợ. Đó là ý nghĩa [của tỳ-kheo] theo Thông Giáo. Nếu trải khắp Tam Đế để cầu Lý thì gọi là Khất Sĩ. Trừ Thông Hoặc và Biệt Hoặc thì gọi là Phá Ác. Khiến cho tám ma, mười ma⁴⁴ kinh sợ. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Từ ngay nơi sanh tử mà cầu diệu vị Thật Tướng thì gọi là Khất Sĩ. Thấu đạt “*phiền não tức Bồ Đề*” thì gọi là Phá Ác. Ma giới chính là Phật giới. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Nếu chưa nêu ra Tích thì chỉ hiểu hai nghĩa trước. Nếu đã phô bày Bồn, sẽ có đủ các ý nghĩa sau.

⁴¹ Bảy điều ác nơi thân và miệng là giết, trộm, dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, và ác khẩu.

⁴² “*Hậu tâm*” có nghĩa là sau khi đã sơ phát tâm, đã có thời gian tu tập lâu dài, an trụ trong pháp mà mình đang tu tập, chẳng bị thoái chuyển.

⁴³ Tứ ma: Phiền Não Ma, Uẩn Ma, Tử Ma và Thiên Ma.

⁴⁴ Tám ma tức là bốn loại ma trên đây, cộng với vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Bốn loại trước là ma của phàm phu, bốn loại sau là ma của Nhị Thừa.

Thập ma gồm Uẩn Ma (Ngũ Uẩn khiến cho chúng sanh bị chướng lấp thánh đạo), phiền não ma, nghiệp ma, tâm ma (tức cái tâm ngã mạn), tử ma (thọ mạng hữu hạn, chưa tu thành công thì đã phải chết), thiên ma, thiện căn ma (chấp trước thiện căn do mình đã làm), tam-muội ma (chấp trước cảnh giới Thiền Định mà mình đã đạt được), thiện tri thức ma (keo tiết pháp, chẳng thể chỉ bày, hướng dẫn người khác), Bồ Đề pháp trí ma (khởi trí chấp trước đối với Bồ Đề, chướng lập chánh đạo, gây hại cho huệ mạng).

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn đã lên đỉnh núi Niết Bàn, già biệt cha mẹ “vô minh si ái” và vợ con “kết nghiệp”, ra khỏi căn nhà Phần Đoạn, Biến Dịch, trừ Ngũ Trụ đã lâu, có ác nào mà chẳng phá, đạt được pháp hỷ chân thật như ăn cháo sữa, chẳng cần gì nữa! Trì Nhiếp Thủ Chúng Sanh Giới của Đạo Cộng Thi La Ba La Mật để hàng phục ma giới, tức là có thể tiếp nhận, nắm vững “Phật giới Như”. Công đức nơi Bốn Địa đã thành tựu từ lâu, vì điều phục chúng sanh bèn nơi Tích thị hiện thành “ngũ vị” tỳ-kheo (các tỳ-kheo thuộc năm vị “sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ”) để truyền dạy, dẫn dắt chúng sanh. [Nếu muốn nói tỉ mỉ] thì hãy phỏng theo lời giải thích trong phần trước.

Xét theo quán tâm, quán một niệm tâm thanh tịnh như hư không, chẳng bị gông cùm Nhị Biên trở ngại. Đại huệ bình đẳng, chẳng trụ, chẳng chấp, thì gọi là “xuất gia”. Dùng Trung Quán để tự bồi đắp, nuôi sống Pháp Thân huệ mạng thì gọi là Khất Sĩ. Quán Ngũ Trụ phiền não⁴⁵ chính là Bồ Đề, thì gọi là Phá Ác. Hết thấy điên đảo nơi các biên (tức các chấp trước đối đãi) không gì chẳng phải là Trung Đạo, tức là Bồ Ma (Trung Quán đã là như thế, đem Không, Giả, theo thứ tự, không theo thứ tự v.v... đối ứng với từng giáo sẽ có thể biết).

“Chúng” trong tiếng Phạn là Tăng Già (Samgha), cõi này dịch là Hòa Hợp Chúng. Một người, hai người, ba người, đều chẳng gọi là tăng, từ bốn người trở lên mới gọi là tăng. Hòa theo mặt Sự là không có chúng khác⁴⁶. Hòa theo mặt Pháp là không có lý khác. Đức Phật thường cùng một ngàn hai trăm năm mươi người vây quanh, các kinh có thể nói [số lượng Thường Tùy Chúng] nhiều hoặc ít hơn, không nhất định. Thích Luận nói có bốn loại tăng:

- Chẳng nương theo tịnh mạng thì gọi là phá giới tăng.
- Chẳng hiểu pháp và giới luật, gọi là ngu si tăng.

⁴⁵ Căn bản phiền não có thể sanh ra các thứ chi mạng phiền não (phiền não cảnh nhánh), thì gọi là Trụ Địa. Phiền não nơi Trụ Địa có năm thứ:

1. Kiến Nhất Xứ Trụ Địa tức các Kiến Hoặc trong tam giới như Thân Kiến v.v...
2. Dục Ái Trụ Địa tức là phiền não trong Dục Giới, ngoại trừ Kiến Hoặc và vô minh.
3. Sắc Ái Trụ Địa là phiền não thuộc Sắc Giới ngoại trừ Kiến Hoặc và Vô Minh.
4. Hữu Ái Trụ Địa là phiền não thuộc về Vô Sắc Giới, ngoại trừ Kiến Hoặc và vô minh.
5. Vô Minh Trụ Địa là hết thấy vô minh trong tam giới.

⁴⁶ Ý nói tăng chúng hòa hợp thì không xé lẻ thành từng nhóm riêng biệt hay phân chia phe phái.

- [Thông hiểu] ngũ phương tiện thì gọi là tầm quý tăng (vị tăng biết hổ thẹn).

- Nhẫn được pháp khổ sở thì gọi là chân thật tăng.

Ở đây, chỉ có các vị chân thật tăng (Tứ Niệm và tứ thiện căn, gọi là Ngũ Phương Tiện. Chúng hòa hợp là Thế Giới Tất Đàn. Thường theo Phật là Vị Nhân Tất Đàn vì sanh điều lành cho chúng sanh. Từ câu “*Thích Luận nói*” trở đi, chính là Đối Trị Tất Đàn, vì loại trừ kẻ ác. Từ chữ “ở đây” trở đi chính là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn vì trụ nơi chân thật).

Nếu xét theo bốn giáo, các vị tăng ấy (tăng chúng trong hội Pháp Hoa) trọn khắp năm địa vị Thiên, Viên v.v... đều cùng làm người nghe pháp. Đây chính là sự chứng tín trong Viên Giáo vậy.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì hòa hợp cùng lý Thật Tướng. Lại còn hòa hợp với cơ duyên của chúng sanh trong pháp giới. Nơi Tích thì là vị tăng bán tự sự lý (chỉ thông hiểu một phần sự lý, chưa liễu đạt trọn vẹn), gồm khắp “*ngũ vị*” nhằm dẫn khởi chúng sanh.

Xét theo quán tâm, thoát đầu học Trung Quán, dựa vào địa vị tương tự. Chưa phát khởi lẽ chân, thẹn với các vị Đệ Nhất Nghĩa Thiên, xấu hổ đối với các vị thánh nhân. Đó chính là tầm quý tăng. Nếu quán huệ đã phát thì chính là chân thật tăng. Nếu khác với điều này thì là hai loại tăng trước đó. Chẳng nương theo quán hạnh thì là phá giới tăng. Chẳng hiểu quán tướng thì gọi là ngu si tăng.

Nêu ra bộ loại đã xong, nói đến số lượng thì là một vạn hai ngàn người (số lượng khác biệt [với các kinh khác] chính là Thế Giới Tất Đàn. [Chúng sanh] do nghe số lượng [đồng đảo] ấy mà sanh khởi điều thiện thì là Vị Nhân Tất Đàn. Phá Ác (tức Đối Trị Tất Đàn) và nhập chân (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn) có thể phỏng theo đó mà biết. Chẳng luận định theo bốn giáo vì giáo khác nhau, nhưng số lượng giống nhau; cho nên chẳng giải thích khác biệt. Nếu tùy theo con số mà sanh kiến giải thì là giáo sai khác.

Hỏi: - Hễ liệt kê đại chúng và người đắc đạo, vì sao con số ấy phải là số tròn, không khuyết thiếu?

Đáp: - Phần giải thích về con số tổng quát “*năm ngàn*” trong Thích Luận đã viết: “*Dù nhiều hay ít hơn, đều tính tròn số*”.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì là một vạn hai ngàn vị Bồ Tát. Nơi Tích thì là một vạn hai ngàn vị Thanh Văn.

Xét theo quán tâm, quán mười hai Nhập, mỗi Nhập có đủ mười pháp giới. Mỗi giới lại có đủ mười giới, thành ra Bách Giới (một trăm giới). Mỗi giới đều có mười môn Như Thị (như thị tướng, như thị tánh

v.v...) thành ra Thiên Như. Mỗi Nhập đã là như thế thì mười hai Nhập sẽ thành một vạn hai ngàn pháp môn.

1.1.2.1.1.1.2. Nêu rõ địa vị và tán thán phẩm đức

(Kinh) Giai thị A La Hán, chư lậu dĩ tận, vô phục phiền não, dĩ đắc kỷ lợi, tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại.

(經)皆是阿羅漢，諸漏已盡，無復煩惱，逮得己利，盡諸有結，心得自在。

(Kinh: Điều là A La Hán, đã hết các lậu, chẳng còn phiền não, chính mình đã đạt được lợi ích, hết sạch các hữu kết, tâm đạt được tự tại).

“A La Hán” là nêu ra địa vị. Từ chữ “*chư lậu*” trở đi là lời tán thán phẩm đức.

A La Hán (Arhat) dịch là Ứng Chân (應真), hoặc dịch là Chân Nhân (真人), hoặc dịch là Vô Trước (無著, chẳng chấp trước), hoặc dịch là Bất Sanh (不生), hay Ứng Cúng (應供), hoặc chẳng dịch. [Danh từ này] bao gồm ba nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất là Vô Sanh (無生), do chẳng thọ thân sau.
- Nghĩa thứ hai là Sát Tặc (殺賊, giết giặc) do đã đoạn sạch Kiến Tư.
- Nghĩa thứ ba là Ứng Cúng do có thể làm phước điền.

Cách giải thích này chính là ý nghĩa trong Tạng Giáo và Thông Giáo. Nếu xét theo Biệt Giáo và Viên Giáo, không chỉ sát tặc mà còn sát bất tặc! “*Bất tặc*” chính là Niết Bàn, cũng cần phải phá. Đây chính là nghĩa Sát Tặc (nói là “*bất tặc*” vì từ Nhị Thừa mà đặt tên. Nếu đối với Viên Giáo và Biệt Giáo, [Thiên Chân Niết Bàn] vẫn gọi là “*tặc*”. Vì thế, cần phải giết!) Chẳng sanh nơi sanh, mà cũng chẳng sanh nơi “chẳng sanh”. Vô lậu là bất sanh (coi Vô là chúng, sẽ sanh ở ngoài tam giới, [như vậy thì] bất sanh mà lại là sanh, cho nên chẳng cho nó sanh). Không chỉ là ứng cúng, mà còn là cúng ứng (tức cúng dường người đáng được cúng dường thì gọi là “*cúng ứng*”). Như Phật hóa hiện làm đạo nhân, đến cúng dường các tỳ-kheo trong A Lan Nhã). Đây đều là tán

thần công đức của Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn bèn chẳng nhận lấy tam-muội, đối với hai bên đều không chấp trước. Vì thế, gọi là Bất Sanh. Do đoạn Ngũ Trụ Hoặc, nên gọi là Sát Tặc. Có thể tạo phước cho chín đường, lợi ích rộng lớn chúng sanh. Vì thế, gọi là Ứng Cúng. Phương tiện độ chúng sanh trong ngũ vị lần lượt truyền dạy “Bất Sanh, Sát Tặc, Ứng Cúng” thì đều thuộc về Tích. Lại nữa, Bốn là Pháp Thân, Tích là chính mình thị hiện tự đạt được lợi ích. Nơi Bốn là Bát Nhã, còn Tích là Bất Sanh. Nơi Bốn là giải thoát, nơi Tích là Sát Tặc (Bốn là bình đẳng đại huệ. Chẳng phá, chẳng không phá thì mới có thể thị hiện dấu tích Bất Sanh nơi các giáo. Nơi Bốn đã chứng giải thoát. Chẳng tặc, chẳng bắt tặc thì mới có thể thị hiện Sát Tặc trong các địa vị. Nơi Bốn đã đắc Pháp Thân, chẳng phải là Ứng hay Bất Ứng thì mới có thể thị hiện làm Ứng Cúng).

Xét theo quán tâm, Không Quán là Bát Nhã, Giả Quán là giải thoát, Trung Quán là Pháp Thân. Lại từ Giả nhập Không Quán, cũng có ba nghĩa. Cho đến Trung Đạo Quán giết giặc vô minh, chẳng sanh tâm nhị biên. Cúng dường vị ấy sẽ giống như cúng dường đức Thế Tôn. Kinh Phương Đẳng dạy: “*Cúng Phật cập Văn Thù, bất như thí hành Phương Đẳng giả nhất thực sung khu*” (Cúng Phật và Văn Thù chẳng bằng cúng dường một bữa ăn cho người hành Phương Đẳng được no lòng). Kinh này dạy: “*Hủy tán Phật, tội phước do khinh. Hủy tán trì kinh giả, tội phước thậm trọng*” (Hủy báng hay tán thán Phật, tội phước vẫn còn nhẹ. Hủy báng hay tán thán người trì kinh, tội phước rất nặng). Vì sao vậy? Phật chẳng có ý tưởng ăn, đã lìa tám gió⁴⁷ từ lâu, chẳng bị hao tổn hay tăng ích. Thí cho người trì kinh khiến cho họ được toàn vẹn thân xác, tiếp tục mạng báo, sanh trưởng Pháp Thân, tăng huệ mạng, cho nên có ích. Nếu hủy báng, sẽ khiến cho họ ưu não, lui sụt, hồi hận. Nếu họ đã đánh mất dịp tốt thì sẽ chẳng thể cứu chữa, cho nên tổn hại to lớn.

Hai câu “*chư lậu dĩ tận, vô phục phiền não*” (các lậu đã hết, chẳng còn phiền não) nhằm tán thán phẩm đức Sát Tặc. Lậu chính là Tam Lậu⁴⁸. Câu “*đãi đắc kỳ lợi*” (chính mình đã đạt được lợi) nhằm tán

⁴⁷ “Tám gió” (bát phong) là tám thứ thái độ của người khác đối với ta, còn gọi là Thế Bát Pháp (tám pháp thế gian) bao gồm lợi (có lợi), suy (hao tổn), hủy (hủy báng), dự (đề cao), xung (ca ngợi), cơ (chê trách), khổ, lạc. Tám điều ấy đầy động phiền não bùng cháy, nên gọi là “bát phong”.

⁴⁸ Tam Lậu (Traya āsravāḥ) là Dục Lậu (Kāmāsrava, hết thấy phiền não trong Dục Giới ngoại trừ vô minh), Hữu Lậu (Bhavāsrava, các phiền não trong Sắc Giới và Vô

thán phẩm đức Ứng Cúng. Nhân quả trong tam giới đều gọi là Tha (người khác); công đức của Trí Đoạn đều gọi là “*kỷ lợi*”. Chính mình có lợi ích trọn đủ, cho nên trở thành Ứng Cúng.

Hai câu “*tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại*” (hết sạch kết phược trong tam hữu, tâm được tự tại) nhằm tán thán phẩm đức Bất Sanh. “*Chư hữu*” chính là hai mươi lăm chỗ Hữu Sanh. “*Kết*” chính là cái nhân của hai mươi lăm chỗ hữu sanh⁴⁹. Tâm tự tại, ắt huệ tự tại. Định và Huệ trọn đủ, đều là người giải thoát.

Xét theo Bốn Tích, Bất Sanh chẳng sanh là đại Niết Bàn, dòng phiền não hữu lậu đã cạn nguồn từ lâu, chẳng còn đọa lạc trong các địa vị thuộc Nhị Thừa và phàm phu. Đây chính Bất Sanh nơi Bốn. Công đức Trí Đoạn Thật Tướng của Pháp Thân thì gọi là “*kỷ lợi*” nơi Bốn. Đạt được vương tam-muội, phá hai mươi lăm hữu, hiển xuất Ngã tánh, trọn đủ tám món tự tại⁵⁰, thì gọi là Sát Tặc nơi Bốn, còn nơi Tích thì là phô bày công đức của Nhị Thừa.

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán chẳng rò rỉ hai bên Không và Giả, đã diệt phiền não nhị biên. Tâm tánh có thể quán gọi là “*thượng định*”. Viên châu trong chéo áo, kho tàng bí mật chính là “*kỷ lợi*”. Chánh quán Trung Đạo thì sẽ đoạn trừ kết tặc (giặc kết sử). Do chẳng có kết sử, các hữu cũng đoạn. Nhị biên chẳng thể trói buộc cái

Sắc Giới, ngoại trừ vô minh), và Vô Minh Lậu (Avidyāsrava, vô minh trong khắp tam giới).

⁴⁹ Tức là hai mươi lăm chỗ luân hồi sanh tử trong tam giới. Vì có nhân ắt có quả, nhân quả chẳng mất nên gọi là Hữu, tức là cái quả Dị Thục của hữu tình trong tam giới, gồm: Địa ngục hữu, súc sanh hữu, ngạ quỷ hữu, A Tu La hữu, Phát Bà Đề hữu (Đông Thắng Thần Châu), Cù Da Ni hữu (Tây Ngu Hóa Châu), Uất Đan Việt hữu (Bắc Câu Lô Châu), Diêm Phù Đề hữu, Tứ Thiên Xứ hữu, Tam Thập Tam Thiên Xứ hữu, Diêm Ma Thiên hữu, Đâu Suất Thiên hữu, Hóa Lạc Thiên hữu, Tha Hóa Tự Tại Thiên hữu, Sơ Thiên hữu, Đại Phạm Thiên hữu, Nhị Thiên hữu, Tam Thiên hữu, Tứ Thiên hữu, Vô Tướng hữu, Tịnh Cư A Na Hàm hữu, Không Xứ hữu, Thức Xứ hữu, Bất Dụng Xứ hữu, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ hữu.

⁵⁰ Bát tự tại còn gọi là Bát Biến Hóa, hoặc Bát Thần Biến:

1. Có thể thị hiện một thân thành nhiều thân.
2. Có thể thị hiện thân nhỏ như vi trần mà trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới.
3. Thân to lớn nhưng nhẹ nhàng cất mình lên đến chỗ rất xa.
4. Thấy vô lượng loại chúng sanh.
5. Các căn có thể sử dụng lẫn nhau, chẳng hạn mắt có thể nghe, tai có thể thấy v.v...
6. Đạt được hết thấy các pháp mà chẳng có ý tưởng là đã đắc.
7. Nói một bài kệ mà trải qua vô lượng kiếp.
8. Thân trọn khắp các xứ ví như hư không.

tâm, cho nên tâm tự tại. Dầu có phiền não mà như chẳng có phiền não. “Chẳng đoạn phiền não mà nhập Niết Bàn” chính là ý nghĩa của đoạn kinh này.

1.1.2.1.1.1.3. Nêu tên và tổng kết

(Kinh) Kỳ danh viết: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tàn Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lãng Già Bà Tha, Bạc Câu La, Ma Ha Câu Hy La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lô Na Di Đà La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La. Như thị chúng sở tri thức đại A La Hán đẳng.

(經)其名曰：阿若憍陳如、摩訶迦葉、優樓頻螺迦葉、伽耶伽葉、那提迦葉、舍利弗、大目犍連、摩訶迦旃延、阿菴樓駄、劫賓那、憍梵波提、離婆多、畢陵伽婆蹉、薄拘羅、摩訶拘絺羅、難陀、孫陀羅難陀、富樓那彌多羅尼子、須菩提、阿難、羅睺羅。如是眾所知識大阿羅漢等。

(Kinh: Tên các Ngài là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tàn Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lãng Già Bà Tha, Bạc Câu La, Ma Ha Câu Hy La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lô Na Di Đà La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La. Các vị đại A La Hán được mọi người hay biết như thế).

Từ “A Nhã” trở xuống là nêu tên [các vị A La Hán]. Từ “như thị” trở đi là tổng kết.

Trong phần nêu danh, nêu ra đại lược hai mươi một vị tôn giả. Các vị đệ tử của đức Phật đều có đầy đủ các hạnh, nhưng ẩn đi công năng viên mãn, mỗi vị từ một đức mà đặt tên, hòng dẫn khởi điều tốt lành trọn khắp.

* Kiều Trần Như (Kaundinya) là họ, phương này dịch là Hỏa Khí (火器, đồ vật để thắp lửa), thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Do tổ tiên Ngài thờ lửa, nên từ đó mà đặt tên dòng họ. Lửa có hai nghĩa “chiếu sáng” và “thieu đốt”. “Chiếu” thì tối tăm chẳng sanh; “đốt” thì vật chẳng sanh. Đây là dùng Bất Sanh làm họ. A Nhã (Ajñāta) là tên, phương này dịch là Dĩ Tri (已知, đã biết), hoặc Vô Tri (無知). [Danh xưng này] chẳng phải là “không biết”, mà có nghĩa là “biết Vô”. Nếu nói theo Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) thì là biết Chân, tức là dùng Vô Sanh Trí làm tên. Lại nữa, các kinh luận gọi Ngài là Liễu Bản Tế (了本際), hoặc Tri Bản Tế (知本際). Nếu xét theo Tứ Đế thì là “biết Diệt”. Hoặc còn dịch là Đắc Đạo. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: *“Ngã Phật pháp trung, khoan nhân, bác thức, sơ thọ pháp vị giả, Kiều Trần Như vi đệ nhất”* (Trong Phật pháp của ta, người khoan dung, nhân từ, hiểu rộng, thọ hưởng pháp vị đầu tiên thì Kiều Trần Như là bậc nhất). Đó là Thế Giới Tất Đàn.

Xưa kia, vào lúc cõi đời đói kém, đức Phật hóa thành con cá lớn, nín hơi, chẳng thở. Có năm người thợ mộc đến lấy thịt cá trước tiên. Đức Phật thề trong đời vị lai, sẽ độ những người ấy trước. Trước hết, nguyện ban cho họ Vô Sanh. Vì thế, nói là A Nhã. Lại nữa, vào thời Ca Diếp Phật, có chín người học đạo, năm người chưa đắc quả, thề sẽ khai ngộ đầu tiên trong pháp của Phật Thích Ca. Do bốn nguyện lôi kéo, Ngài (Kiều Trần Như) đạt Vô Sanh trước hết, nên gọi là A Nhã. Đó là Vị Nhân Tất Đàn.

Đêm sâu ngủ say, chẳng ai có thể tỉnh giấc, mặt trời chưa mọc, sao Kim hiện ra trước. Kiều Trần Như đắc Vô Sanh Trí đầu tiên, ví như sao Mai, là khởi đầu của các thứ sáng sủa. Trí sáng của hết thấy mọi người chẳng ai hơn Trần Như. Phá tối trước nhất, không gì hơn sao Mai. Hết thấy mọi người diệt tận tối, chẳng ai hơn Kiều Trần Như được. Vì thế, Ngài có tên là A Nhã. Đó là Đối Trị Tất Đàn.

Thái Tử [Tất Đạt Đa] vào núi học đạo. Phụ vương sai năm người theo hầu, hai người thuộc bên mẹ, ba người thuộc bên cha⁵¹. Hai người coi dục là tịnh, ba người dùng khổ hạnh để tịnh. Khi Thái Tử tu khổ hạnh, hai người bỏ đi. Thái Tử xả khổ hạnh, nhận lấy thức ăn, dầu bơ,

⁵¹ Sách Pháp Hoa Văn Cú chép: *“Năm vị ấy tên là Câu Lô, Át Bệ (còn gọi là Tháp Bệ, hoặc A Thuyết Thị, còn gọi là Mã Tinh), Bạt Đề (còn gọi là Ma Ha Nam), Tháp Lực Ca Diếp và Câu Ly Thái Tử”*. Câu Lô nói trong sách ấy chính là ngài Kiều Trần Như.

nước âm [do cô Tu Già Đà (Sujātā) dâng cúng], ba người lại bỏ đi. Thái Tử đắc đạo, trước hết vì năm người ấy nói Tứ Đế. Kiều Trần Như thừa bày sự giải ngộ trước hết. Vì thế, tên là A Nhã. Đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Xét theo giáo, từ Quán mà phân giáo, Lý sẽ dễ chia chẻ. Vì thế, tỉ mỉ dùng Quán để phân biệt. Huống hồ, trong số một vạn hai ngàn [vị Thanh Văn], Kiều Trần Như đứng đầu. Vô Sanh chính là cốt lõi của các phép Quán; [nêu tên Ngài đầu tiên vì] muốn cho [thính chúng] nghe tên sẽ biết hạnh, phỏng theo người mà biết cái tâm.

Xét theo Tam Tạng Giáo thì “mù” ví như trí Vô Sanh, “*guong*” ví như cảnh Vô Sanh. Sáu món trong Âm, Giới, Nhập v.v... ví như cái nhân trong hiện tại. Hình bóng [hiện ra trong gương] ví như cái quả trong đời vị lai. Nếu mở mắt, cầm lấy gương, do hình thể đối trước gương, sẽ có hình bóng sanh ra. Do ngu nên chẳng đoạn tuyệt [sự chấp trước vào hình bóng]. Nếu nhắm mắt như mù, sẽ chẳng thấy gì, chẳng thấy sáu phần [Âm, Giới, Nhập v.v...], do cái nhân ấy chẳng sanh, sẽ chẳng thấy hình bóng trong gương, tức là cái quả chẳng sanh. Vì thế, kinh A Hàm nói: *“Nhược vị hữu Sắc, Sắc thị tịnh, tịnh tức sanh, phi bất sanh. Nhược vị hữu Thọ, Thọ thị lạc, lạc tức sanh, phi bất sanh. Nhược vị hữu Tưởng, Hành, Thức, Sắc, Sắc thị lạc, lạc tức sanh, phi bất sanh. Nhược vị hữu Tưởng Hành, Tưởng Hành thị ngã, ngã tức sanh, phi bất sanh. Nhược vị hữu Thức Sắc Thọ, Thọ thị ngã, ngã tức sanh, phi bất sanh. Nhược vị hữu Thức, Thức thị thường, thường tức sanh, phi bất sanh. Nhược vị hữu Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Hành thị thường, thường tức sanh, phi bất sanh. Thí như chấp kính kiến diện, diện thị sanh, phi bất sanh. Nhược vị hữu Ngũ Ấm, tất thị sanh, phi bất sanh. Nhược năng tri Sắc phi tịnh, nãi chí Thức phi thường. Hựu năng tri Sắc vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, nãi chí Thức vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh giả, thị vi bất sanh, phi thị sanh. Như manh chấp kính, bất kiến tượng sanh, thị vi bất sanh, phi thị sanh. Ký tri bất sanh, ninh phục ư trung, kế ngã thị Sắc, kế ngã dị Sắc, kế ngã tại Sắc trung, kế Sắc tại ngã trung, nãi chí Thức diệc như thị”* (Nếu nói có Sắc, thì Sắc là tịnh, tịnh tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Thọ, Thọ là lạc, lạc tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Tưởng, Hành, Thức, Sắc, thì Sắc là lạc, lạc tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Tưởng Hành, thì Tưởng Hành là ngã, ngã tức là sanh, chẳng

phải là bất sanh. Nếu nói có Thức Sắc Thọ, thì Thọ là ngã, ngã tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Thức, thì Thức là thường, thường tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, thì Hành là thường, thường tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Ví như cầm gương soi mặt, thì mặt là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Ngũ Âm thì đều là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu có thể biết Sắc chẳng phải là tịnh, cho đến Thức chẳng phải là thường. Lại có thể biết Sắc là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, cho đến Thức là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, là bất sanh, chẳng phải là sanh. Như kẻ mù cầm gương, chẳng thấy hình bóng sanh ra. Đó là bất sanh, chẳng phải là sanh. Đã biết là bất sanh, há còn ở trong ấy, so đo ngã là Sắc, so đo ngã khác Sắc, so đo ngã ở trong Sắc, so đo Sắc ở trong Ngã, cho đến Thức cũng như thế). Quán như thế thì cái nhân trong hiện tại và cái quả trong vị lai đều chẳng sanh, như kẻ mù đối trước gương, chẳng thấy hình tượng. Đó gọi là Quán trí quán Âm vô sanh.

Quán Nhập và Giới thì tuy biến sâu rộng, vẫn có bờ bên này, bờ bên kia, vì nước có chùng hạn. Như mắt đã thấy Sắc, yêu mến, chấp trước, tham luyến, dấy lên nghiệp nơi thân, miệng, ý. Đó là biến cả, chìm đắm hết thấy trời, người, A Tu La trong thế gian. Hãy nên biết mắt là biến cả, Sắc là sóng trào. Do yêu mến cái Sắc ấy mà bị vùi dập trong đó. Ở trong đó, khởi lên sự hiểu biết bất thiện. Đó là rỗng, cá ác. Dấy lên ganh ghét, hãm hại thì là nam La Sát. Dấy lên ái nhiễm thì là nữ La Sát. Dấy lên thân, miệng, ý thì là uống nước mặn, tự chết mất. Đó là vì nhãn sắc vô tri mà sanh ra vô minh ái. Do ái sanh, nên gọi là Hành. Do Hành sanh, nên gọi là Nghiệp. Nghiệp trói buộc Thức làm Trung Âm. Đó là Thức sanh. Thọ thân trong thai thì gọi là Danh Sắc sanh. Năm phần tay, chân, và đầu đã hình thành, thì gọi là Lục Nhập sanh. Lục Nhập đối ứng sáu trần, thì gọi là Xúc sanh. Đối ứng với trần, phân biệt khổ hay lạc thì gọi là Thọ sanh. Đối với trần, dấy tâm đắm nhiễm, thì gọi là Ái sanh. Rong ruổi tìm cầu bốn phương thì gọi là Thủ Sanh. Tạo [các nghiệp nơi] thân, miệng, ý thì gọi là Hữu sanh. Đáng nhận lấy Ngũ Âm của vị lai thì gọi là Sanh sanh. Ngũ Âm trong vị lai biến đổi, gọi là Lão sanh. Âm trong vị lai bị hư hoại thì gọi là Tử sanh. Sự nóng nảy trong tâm gọi là Ưu sanh. Thốt tiếng kêu to thì là Bi sanh. Thân tâm tiêu tụy thì gọi là Khổ Nãi sanh. Đó gọi là khi mắt thấy Sắc, liền sanh ra một đồng khổ sở to lớn gồm mười hai nhân duyên trong ba đời. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn giới, cho đến pháp giới cũng lại như thế. Đó là Nhập Giới sanh, chẳng phải là bất sanh. Bất Sanh là như

thế nào? Khi quán nhãn sắc, chẳng gieo hạt giống khổ, chẳng sanh mầm khổ, chẳng rò rỉ nước thối, chẳng tụ tập ruồi nhặng. Nếu hạt giống chẳng sanh, mầm sẽ chẳng sanh, ắt nước thối chẳng sanh, ắt ruồi nhặng chẳng sanh. Vì thế, gọi là Bất Sanh. Khi mắt thấy sắc, dấy khởi cảm giác tham hay giận. Đó là “hạt giống của khổ”. Nghĩ tới pháp ngũ dục thì là mầm khổ. Sáu căn chấp giữ sáu trần thì gọi là “nước thối rò rỉ”. Ở trong sáu trần, thiện ác đua nhau dấy lên. Đó là “ruồi nhặng”. Nếu biết nhãn sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì tham, giận sẽ chẳng sanh, niệm dục chẳng sanh, chấp cảnh chẳng sanh, hành vi thiện ác chẳng sanh. Đó là Bất Sanh. Đối với tai, mũi... tiếng, mùi... cũng giống như thế. Nhãn giới cho đến pháp giới cũng như thế. Kiều Trần Như đạt được trí Bất Sanh trong Tam Tạng (Tạng Giáo) trước hết. Vì thế, gọi là A Nhã.

Quán trong Thông Giáo thì như huyễn nhân cầm huyễn kính, dùng huyễn lục phần (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) rơi vào huyễn kính, sẽ thấy huyễn ảnh. Hình bóng đó chẳng do gương sanh, chẳng do sáu phần sanh, chẳng phải do gương và sáu phần hòa hợp mà sanh, chẳng phải là gương và sáu phần mà sanh. Đã chẳng từ bốn câu⁵² mà sanh thì chẳng phải là trong, ngoài, chằng giữa, chẳng thường tự có, cũng chẳng diệt mất, chẳng tới các phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Tánh vốn vô sanh, chẳng phải là “diệt Sanh thì mới là vô sanh”. Tánh vốn vô diệt, chẳng phải là “diệt Diệt thì mới là vô diệt”. Do vô sanh, vô diệt, nên nói là Vô Sanh. Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng giống như thế. Mười hai Nhập, mười tám Giới cũng giống như thế.

Quán theo Biệt Giáo thì gương ví như pháp giới, mắt ví như quán trí. Xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn, nhỏ, dài, ngắn ví như mười pháp giới (xanh ví như nhân quả địa ngục, vàng ví như nhân quả ngạ quỷ, đỏ ví như nhân quả của súc sanh, trắng ví như nhân quả của trời, người. Tiểu sắc ví như nhân quả của Nhị Thừa. Đại sắc ví như nhân quả của Thông Giáo Bồ Tát. Đoản sắc ví như nhân quả của Biệt Giáo Bồ Tát. Trường sắc ví như nhân quả của Phật), đều phân biệt ở trong gương chẳng sai lầm. Nếu muốn uốn nắn chính mình, phải làm cho nhân quả của chín pháp giới [nơi chính mình] chẳng sanh một nhân quả nào. Nếu muốn uốn nắn người khác, hãy làm cho nhân quả của chín pháp giới nơi người khác chẳng sanh một nhân quả nào. Nương vào pháp giới, hành Bồ Đề

⁵² Bốn câu ở đây là “chẳng từ gương mà sanh, chẳng từ sáu phần mà sanh, chẳng do gương và sáu phần hòa hợp mà sanh, chẳng phải do là gương và sáu phần mà sanh”.

hạnh, theo thứ tự vận dụng trí Tích Không Quán và Thê Không Quán⁵³, đoạn tứ trụ sanh⁵⁴ khiến cho nó chẳng sanh. Kế đó, vận dụng Hằng sa Phật pháp để đoạn Trần Sa phiền não, khiến cho vô tri chẳng sanh. Sau đó, dùng trí huệ Thật Tướng để đoạn vô minh, khiến cho căn bản chẳng sanh. Nếu chẳng có tứ trụ, ắt Phần Đoạn [sanh tử] chẳng sanh. Nếu chẳng có vô tri thì phương tiện chẳng sanh. Nếu chẳng có vô minh thì Thật Báo chẳng sanh. Sanh cũng chẳng sanh, mà bất sanh cũng chẳng sanh. Vì thế, gọi là Bất Sanh.

Quán theo Viên Giáo thì ví như nhìn vào cái gương tròn trặn (tròn trặn ví như lý cảnh, “nhìn vào” ví như trí), chẳng nhìn vào mặt lưng của tấm gương (lưng tấm gương ví như vô minh, mặt gương ví như trí sáng, gương ví như cái nhân của mười pháp giới). Chẳng quán hình bóng (hình thể ví như duyên của mười pháp giới; bóng ví như cái quả của mười giới), chẳng phải là lưng tấm gương, chẳng tối tăm, chẳng phải là mặt gương, chẳng phải là sáng sủa. Chẳng giữ lấy các thứ hình dung, chẳng giữ lấy các thứ bóng ảnh, chỉ quán sự tròn trặn, chẳng có bờ mé, chẳng có khởi đầu hay kết thúc, chẳng có sáng, tối, chẳng có một, khác, sai biệt. Viên quán (phép Quán trong Viên Giáo) cũng thế, chẳng giữ lấy tướng mạo của mười pháp giới, chẳng có thiện, ác, chẳng có tà, chánh, chẳng có lớn, nhỏ v.v... Hết thấy đều mất, chỉ duyên theo Thật Tướng của các pháp. Pháp tánh và Phật pháp dù là sắc hay hương, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Quán nghiệp phiền não sanh khởi đều chính là vô sanh. Vốn chẳng có sanh và bất sanh, cho nên nói là Vô Sanh. Âm, Nhập, Giới khổ chính là Pháp Thân. Do chẳng hiển hiện, nên gọi là Pháp Thân. Chướng chính là Pháp Thân. Tham, giận, si chính là Bát Nhã. Do chẳng thể nói rõ, cho nên gọi là Bát Nhã. Chẳng có gì để có thể chiếu,

⁵³ Hiểu một cách giản lược, Tích Không Quán (còn gọi là Chuyết Độ Quán) là quá trình quan sát, phân tích từng pháp, từng sự vật cho đến cuối cùng, thấy rõ Thê của chúng là Không. Còn Thê Không Quán là chẳng trải qua quá trình phân tích, chia chẻ sự việc, mà trực tiếp thấu hiểu bản chất của pháp là Không.

⁵⁴ Tứ trụ sanh là bốn chỗ cư trụ:

1. Thiên trụ: Là trụ xứ trong Lục Dục Thiên, là nơi người có thiện tâm bỏ thí trì giới cư trụ.
2. Phạm trụ: Là trụ xứ của chư thiên trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới.
3. Thánh trụ: Là trụ xứ của tam thừa thánh giả, tu Không, Vô Tướng, Vô Tác tam-muội.
4. Phật trụ: Là trụ xứ của hết thảy chư Phật.

Do các trụ xứ này vẫn là do các chấp trước thuộc Kiến Hoặc và Tư Hoặc mà có. Hễ có thấy tứ trụ xứ, tức là còn có chấp trước, cho nên cần phải đoạn “tứ trụ sanh”.

tánh tự sáng suốt. Đó là Bát Nhã. Nghiệp hạnh trói buộc, đều gọi là giải thoát. Chẳng phải là cắt đứt trói buộc thì mới được thoát, mà cũng chẳng có cái Thể nào để có thể trói buộc, mà cũng chẳng có cái gì có thể trói buộc. Vì thế, gọi là giải thoát. Giải thoát tức là nghiệp chẳng sanh. Bát Nhã tức là phiền não chẳng sanh. Pháp Thân tức khổ chẳng sanh. Ba món (Pháp Thân, Bát Nhã, giải thoát) bất sanh chính là một món bất sanh; một món bất sanh chính là ba món bất sanh, chẳng ba, chẳng một. Vì thế, nói là Bất Sanh. Huống hồ biến dịch phiền não nghiệp khổ chẳng phải là bất sanh ư? (Điều này phải có trọn đủ mười thừa, mười cảnh, và phương tiện v.v... [tức là] hoàn toàn nói đến nội dung của bộ sách Ma Ha Chỉ Quán vậy).

Xét theo Bồn Tích, Kiền Trần Như vốn tự bất sanh, chẳng phải là nay mới bất sanh. Do muốn dẫn khởi sữa thành lạc, cho nên nơi Tích bèn thị hiện bất sanh trong giáo đầu tiên (Tạng Giáo). Do vì dẫn khởi lạc thành sanh tô, nên nơi Tích bèn thị hiện bất sanh trong Thông Giáo. Do vì dẫn khởi sanh tô thành thực tô, nên nơi Tích thị hiện bất sanh trong Biệt Giáo. Vì dẫn khởi thực tô thành đề hồ, nên nơi Tích bèn thị hiện bất sanh trong Viên Giáo. Nhưng nơi Bồn địa, Ngài bèn trụ trong A Tụ Môn⁵⁵, tức là “hết thấy các pháp thoát đầu bất sanh”. Nếu nghe A Tụ Môn, sẽ hiểu hết thấy các nghĩa đều chẳng phải là sanh, chẳng phải là bất sanh. Thị hiện dấu tích để dẫn dụ hóa độ, cho nên có thể sanh mà chẳng sanh. Chúng sanh nếu có thể lãnh hội trọn vẹn bất sanh, sẽ giống hệt A Nhã [Kiền Trần Như], chẳng phải Bồn, chẳng phải Tích, chẳng phải sanh, chẳng phải bất sanh. Đại sự nhân duyên bèn hoàn tất tại đó. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: *“Phú Lô Na chủng chủng biến hóa sự, ngã nhược cụ túc thuyết, chúng sanh văn thị giả, tâm tắc hoài nghi hoặc”* (Nếu ta nói trọn đủ các chuyện biến hóa của Phú Lô Na, chúng sanh nghe điều ấy, sẽ ôm lòng ngờ vực) chính là do ý nghĩa này vậy. Kinh A Hàm nói A Nan cầm tàn, lọng, đèn theo sau đức Phật, đại Phạm vương cầm tàn, lọng, đèn theo sau Kiền Trần Như. Đó đều là thị hiện dấu tích hồng hiển Bồn.

Bất Sanh xét theo quán tâm, cứ dựa theo Tam Quán thì sẽ có thể biết bất sanh. Giải thích như thế chính là do nghe một câu, dù là [nói về]

⁵⁵ A Tụ Môn là pháp môn chữ A trong Hoa Nghiêm Tụ Mầu (bốn mươi hai chữ cái trong văn tự Tất Đàm). A có nghĩa là bất sanh, hàm nghĩa hết thấy các pháp vốn bất sanh. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Khi xướng chữ A, nhập Bát Nhã Ba La Mật Môn, gọi là oai lực của Bồ Tát, nhập cảnh giới vô sai biệt”*.

người, hay [nói về] pháp, đều trở thành hóa nghi, đều có thể quán, có thể khiến cho người đời sau nghe danh tự bèn khởi hạnh, nhờ vào lời dạy mà biết cái Thể, suy nghĩ Tích mà thấy Bản, tìm tòi nhân duyên của nó, soi xét rộng khắp gốc ngọn. Nếu thấu hiểu ý này, sẽ từ một người, hoặc một câu kinh, bèn có thể trên là cầu cảnh, dưới là biết căn cơ để hóa độ, có thể hiểu phương thức giáo hóa của bậc thánh, có thể khiến cho đại chúng bình phàm được hưởng lợi ích, có thể thấu đạt sự giống nhau và khác biệt giữa danh và nghĩa, có thể biết hạnh bình đẳng, lý khác biệt, có thể biết thuận theo kinh văn mà nhập quán, có thể hiểu Bản, Tích, nhân, pháp, có thể tin vào chuyện giáo hóa dài lâu, có thể ngưỡng vọng thánh ân khó báo, có thể biết chúng sanh khó hóa độ, có thể hiểu biết lý tốt khó. Người chẳng thấy những điều ấy, sẽ cho là rườm rà!

Giải thích về Kiền Trần Như đã xong.

* Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa) được phương này dịch là Đại Quy Thị (大龜氏, họ rùa to), cũng dịch Quang Ba (光波, sóng ánh sáng), cũng dịch là Âm Quang (飲光, nuốt mất ánh sáng). Ngài tên là Tất Bát La (Pippala), nhân duyên rộng nhất. Nói đại lược thì như trong sách Văn Cú⁵⁶, người cần biết có thể tìm trong ấy. Ngài là bậc Đầu Đà đệ nhất,

⁵⁶ Chúng tôi xin trích lược một phần Pháp Hoa Văn Cú nói về Ngài như sau: “Ngài có họ là Đại Quy vì tổ tiên học đạo, rùa thiêng đội đồ họa của tiên ứng hiện. Từ đức ấy mà đặt tên cho dòng họ, nên gọi là Đại Quy Thị. Chân Đế Tam Tạng dịch tên Ngài là Quang Ba, vì bậc tiên nhân thời cổ quang minh nơi thân tuôn trào rực rỡ, có thể khiến cho các ánh sáng khác chẳng hiện được, cho nên nói là Quang Ba. Còn dịch là Âm Quang vì quang minh nơi thân ngài Ca Diếp cũng có thể soi thấu các vật. Ngài tên là Tất Bát La, còn phiên âm là Thê Tỳ Lê, tức là cây Tất Bát La. Cha mẹ Ngài cầu đảo nơi thần cây ấy mà sanh ra Ngài, bèn dùng tên cây để đặt tên... Nhà Ngài giàu to, kinh Tăng Nhất A Hàm nói: ‘Vị trưởng giả giàu to trong thành La Duyệt Kỳ tên là Ca Tỳ La, vợ tên là Đàn Na, con tên là Tất Bát La, con dâu tên là Bà Đà. Nhà ấy giàu gấp ngàn lần vua Bình Sa, mười sáu đại quốc chẳng thể sánh bằng’. Sách Phó Pháp Tạng nói: ‘Sau khi Tỳ Bà Thi Phật diệt độ, tháp tượng kim sắc bị hư hoại. Khi đó, có một cô gái nghèo, ngực có viên châu bằng vàng, bèn [dùng vàng ấy] cấy thợ thếp tượng. Người thợ kim hoàn hoan hỷ thếp vàng tượng Phật rực rỡ xong, lập thế làm vợ chồng. Trong chín mươi một kiếp, trong cõi trời hay cõi người, luôn có thân kim sắc, tâm luôn hưởng vui sướng. Cuối cùng thác sanh trong nhà Bà-la-môn Ni Câu Luật Đà nước Ma Kiệt Đề, sợ mắc tội hơn vua, bèn giâm một con trâu cày, chỉ dùng chín trăm chín mươi cặp trâu kéo cày vàng’... Kinh lại nói: ‘Dùng cơm bằng lúa mạch cúng dường Bích Chi Phật, ngàn lần sanh trong các tầng trời Đất Việt và Đạo Lợi, thân có ba mươi tướng’... Ngài bỏ gia nghiệp,

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

đích thân nhận lãnh lời phước chúc của đức Phật, là Sơ Tổ ở Tây Trúc. Đầu Đà (Dhūta) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Đầu Tẩu (抖擻, giữ sạch, rung lắc), do dùng mười hai hạnh để giữ sạch mười hai loại lỗi:

- Một là ở chỗ A Lan Nhã để lìa lỗi ồn náo.
- Hai là thường hành khát thực, nhằm lìa lỗi ăn nhờ chúng tăng và nhận lời biệt thỉnh.
- Ba là khát thực theo thứ tự, hòng lìa lỗi chọn lựa [nơi chốn hoặc nhà thí chủ] để khát thực.
- Bốn là vâng giữ pháp chỉ ăn một bữa, nhằm lìa lỗi mong cầu nhiều.
- Năm là ăn có chừng hạn, nhằm lìa lỗi tham vị ngon.
- Sáu là sau giờ Ngọ chẳng uống các thứ nước trái cây, mật v.v... nhằm lìa lỗi mong cầu ham muốn.
- Bảy là mặc y phẩn tảo⁵⁷, nhằm lìa lỗi chuộng y phục.
- Tám là chỉ có ba y, nhằm lìa lỗi tăng giảm.
- Chín là ở chốn mồ mả, nhằm lìa lỗi thường ưa thích, so đo điền đảo.

- Mười là ngồi dưới cội cây, nhằm lìa lỗi sợ hãi.
- Mười một là ngồi nơi đất trống, nhằm lìa lỗi tham đắm cây cối.
- Mười hai là chỉ ngồi không nằm, nhằm lìa lỗi giặc phiền não.
Ngài trọn đủ các hạnh như kinh Thập Nhị Đầu Đà đã nói chi tiết. [Trong mười hai hạnh ấy], có năm pháp thuộc về trụ xứ, năm pháp thuộc về ẩm thực, và hai pháp thuộc về y phục. Lại dựa theo chuyện khát thực để nói rõ ý nghĩa Đầu Tẩu:

Để đạt được bèn sanh lòng vui mừng, khó đạt được ắt nổi sân. Đạt được món ngon bèn yêu thích, xin nhằm thứ xấu bèn rầu rĩ. Ưu hỷ do sắc mà khởi. Đó là Sắc Ấm. Hứng chịu nổi ưu hỷ ấy, tức là Thọ Ấm. Giữ lấy tướng ưu hỷ, tức là Tướng Ấm. Ưu hỷ chính là Hành Ấm. Phân biệt ưu hỷ là Thức Ấm. Ưu hỷ chính là Ý Nhập và Pháp Nhập, cũng

đem y báu vô giá đang khoác nơi thân, cắt thành y Tăng Già Lê bốn lớp, dâng cho Phật để lót ngồi...”

⁵⁷ Phẩn tảo y là áo may bằng các mụn vải nhặt nhạnh từ các loại y phục cũ rách vứt đi. Luật Ma Ha Tăng Kỳ giảng: “Y phẩn tảo là áo cũ vứt bỏ nơi hẻm ngõ, giặt sạch, chằm lại, nhuộm màu để thọ trì”. Luật Tứ Phần đề ra bảy loại phẩn tảo y: Y bị trâu bò xé, y bị chuột cắn, y do các mảnh vải sót lại khi bị đốt, y thủy nguyệt, y của nhà nông, y chằm từ các loại y phục hay vải khoác trên tượng thần loại ra, y nhặt từ vải nơi nghĩa trang...

chính là ý pháp, ý thức tam giới. Giới, Nhập, Âm chính là Khổ Đế. “Ta có thể khát thực” chính là Ngã Kiến. Chấp trước có ngã và vô ngã thì chính là Biên Kiến. Coi chuyện khát thực là đạo, tức là Giới Thủ Kiến. Coi khát thực là thật, tức là Kiến Thủ Kiến. Coi như thế là chân thật, tức là Tà Kiến. Được khen ngợi bèn vui mừng thì chính là tham. Bị hủy báng bèn tức giận thì chính là sân. [Tự cho là] ta có thể [thực hiện hạnh khát thực] tức là mạn. Bị quở trách thì là nghi. Chẳng hiểu rõ tức là si. Đó là Thập Sử, trải qua tam giới và Tứ Đế, thành tám mươi tám Sử, gọi chung là Tập Đế. Nếu biết bốn thứ điên đảo trong khát thực, do bị sự liên tục tương tự che lấp, bèn ngỡ là Thường. Hợp ý thì cho là Lạc. Bị “di chuyển, hành động” che lấp, ngỡ đó là Ngã. Do [các thứ bất tịnh trên thân thể] bị che phủ bởi lớp da mỏng, bèn cho là Tịnh. Nhận biết bốn thứ che lấp, chẳng có bốn thứ điên đảo, siêng năng ngăn chặn hai thứ ác, sanh trưởng hai thứ thiện, tu Tứ Định, Căn, Lực, Giác, Đạo. Đó là Đạo Đế. Trong khát thực, chẳng so đo cái Ngã thì si diệt. Do si diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên sân diệt. Do sân diệt nên chẳng tự đề cao, tức là mạn diệt. Do mạn diệt, nên bị quở trách bèn chẳng nghi ngờ. Do vô ngã, nên Ngã Kiến diệt. Do Ngã Kiến diệt, nên Biên Kiến diệt. Chẳng chấp đó là đạo, nên Giới Thủ Kiến diệt. Chẳng chấp trước tà vạy, cho nên Tà Kiến diệt. Do mười điều ấy đã diệt, tám mươi tám món Sử là những thứ trôi buộc phái sanh⁵⁸ cũng bị diệt. Do các món Sử phái sanh đã bị diệt, sự ràng buộc nơi cái quả là hai mươi lăm Hữu cũng bị diệt. Đó là Diệt Đế. Nếu trong khi khát thực, chẳng thấy bốn Chân Đế, sẽ lưu chuyển lâu dài trong khô hải sanh tử to lớn. Nếu có thể thấy Tứ Đế, sẽ đoạn được sanh tử. Sanh tử đã tận, sẽ chẳng còn thọ các Hữu. Đó là quán huệ của Đầu Tẩu trong khi khát thực. Các pháp và y phục và chỗ ở [trong hạnh Đầu Đà] cũng giống như thế. Đó là Đầu Đà xét theo Tam Tạng Giáo.

Đầu Tẩu trong Thông Giáo thì duyên Chân chứng Tịch. Đó là trụ xứ. Dùng Không Huệ làm thức ăn, dùng “*Không tâm hành các hạnh*” làm y phục, thường tánh là Không. Khi “*không gì chẳng phải là tánh Không*”, Không Huệ giữ sạch, đều như huyền hóa, vọng tưởng các ác hay tịch diệt đều chẳng dấy lên, tâm (tâm vương) và tâm số pháp (tâm sở) chẳng lưu chuyển. Do chẳng thể đạt được, trong các tương ứng,

⁵⁸ Gọi là “*phái sanh*” vì căn bản chỉ có mười món Sử, do phối hợp với tam giới và Tứ Đế mà thành tám mươi tám Sử. Vì thế gọi tám mươi tám món Sử là “*phái sanh*” (tức là phụ thuộc mà sanh ra, không phải là căn bản).

Không sẽ tương ứng thù thắng bậc nhất. Trong các khổ hạnh, Không Hạnh bậc nhất. Trong các thứ giữ bỏ, Không Huệ giữ bỏ bậc nhất.

Đầu Tẩu trong Biệt Giáo thì coi nương vào Pháp Thân là trụ xứ (do tâm mong mỏi Pháp Thân mà tu hai đức), Bát Nhã làm thức ăn. Trong hết thấy các hạnh, trang nghiêm bằng che lấp, ngăn trở, giữ sạch các điều ác thuộc về hắc nghiệp. Bát Nhã giữ sạch các điều ác thuộc phiền não. Pháp Thân giữ sạch các điều ác thuộc nỗi khổ sanh tử. Trước hết là giữ sạch nghiệp khổ phiền não Phần Đoạn. Kế đó, giữ sạch các nghiệp khổ phiền não thuộc Biến Dịch. Đó là Trung Đạo chánh quán Đầu Đà, vượt xa khổ hạnh do hàng Nhị Thừa đã hành.

Đầu Tẩu trong Viên Giáo thì trụ xứ chính là y phục, chính là thức ăn (vốn có ba đức, tu đắc cũng thế), chỉ là một pháp, mà nói phân biệt thành ba. Hết giữ sạch một thứ thì hết thấy đều giữ sạch. (Hạnh làm y phục) thì hết thấy giữ sạch là một thứ giữ sạch. (Huệ làm thức ăn) thì chẳng phải một, chẳng phải hết thấy. (Thân ở trong) hết thấy sự giữ sạch, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Sở hành của chư Phật là Như Lai hạnh, vượt xa sở hành thanh tịnh của các vị Bồ Tát.

Nói theo Bốn Tích, thì Bốn là cùng ngồi nơi lý Tất Cánh Không với Như Lai, cùng đạt được Pháp Thân rộng lớn, cùng đạt được trí huệ vô ngại, cùng đạt được vô lượng công đức. Trong thì xả pháp ái, ngoài thì chẳng có cấu nhiễm. Trong lẫn ngoài đều giữ sạch. Vốn đã thanh tịnh, muốn dẫn khỏi vị sữa, bèn giữ sạch nơi Sự. Kế đó, để dẫn khỏi vị lạc, giữ sạch nơi Không. Kế đó, để dẫn khỏi vị sanh tô, bèn giữ sạch nơi Biệt. Kế đó để dẫn khỏi thực tô, giữ sạch nơi Viên.

Nói theo quán tâm, thì từ ngay nơi Không mà giữ sạch sự chấp tướng. Từ ngay nơi Giả, giữ sạch Trần Sa. Từ ngay nơi Trung, giữ sạch vô minh. Nơi nhất tâm giữ sạch Trần Sa v.v...

* Ưu Lô Tần Loa (Uruvilvā) được phương này dịch là Mộc Qua Lâm (木瓜林, rừng đu đủ). Na Đề (Nadī) phương này dịch là Hà (sông), cũng dịch là Giang. Già Da (Gayā) phương này dịch là Thành. Ba anh em các Ngài đều là ngoại đạo thờ lửa. Nhân duyên của các Ngài được chép trong kinh Thụy Ứng và các bộ luật⁵⁹.

⁵⁹ Theo Pháp Hoa Văn Cú, ngài Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là thầy của Bình Sa Vương (vua Tần Bà Sa La), có năm trăm đệ tử, mỗi người em có hai trăm năm mươi đệ tử. Đức Phật hiện mười thứ thần biến để chiết phục Ưu Lô Tần Loa như rồng độc chẳng thể làm hại, lửa do rồng phun ra chẳng thể làm hại Ngài, nước sông Hằng chẳng thể nhấn chìm, trời Đao Lợi tuôn mưa cam lộ v.v... nhưng Ưu Lô Tần Loa

Xét theo giáo, như kinh Tăng Nhất A Hàm nói Ưu Lô Tần Loa có thể bảo vệ tứ chúng, cung cấp tứ sự, khiến cho chẳng thiếu thốn, thật sự là bậc nhất. Na Đề tâm ý vắng lặng, hàng phục các kết sử, tinh tấn bậc nhất. Già Da quán các pháp đều chẳng chấp trước, có thể khéo giáo hóa bậc nhất, tức là nói đến chuyện giáo hóa những ai thuộc vị “lạc”. Nếu chuyển [từ lạc] thành sanh tô, hãy nên thẹn [vì chính mình còn đang tu tập] Tiểu pháp mà hâm mộ Đại pháp, cứ phỏng theo đó sẽ biết. Nếu chuyển thành thực tô, hãy nên nương theo nghiệp để nhận lãnh giáo. Nếu chuyển thành đề hồ, sẽ được thọ ký thành Phật giống như trong kinh này.

Xét theo Bốn Tích, trụ trong Tam Đức, “*rừng*” chính là Bát Nhã, “*thành*” chính là Pháp Thân, “*nước*” (Na Đề nghĩa là “sông”) chính là Giải Thoát. Đó là tạng bí mật nơi Bốn, còn nơi Tích thì nương vào rừng, thành, hay nước để độ chúng sanh.

Xét theo quán tâm, chánh quán tâm tánh Trung Đạo bất động, như tòa thành phòng ngự địch. Bất động mà động, như nước gột sạch điên đảo nơi các Biên (chấp trước Biên Kiến). Chiếu soi khô héo lẫn tươi tốt, như rừng um tùm, ba pháp cùng giúp nhau, tức là anh em ruột thịt vậy.

* Xá Lợi Phất (Śāriputra), phương này dịch là Thân Tử (身子), cũng dịch là Châu Tử (珠子). Ngài tên là Ưu Bà Đề Xá (Upadeśa), phương này dịch là Luận Nghĩa (論義), trí huệ bậc nhất. Nhân duyên của Ngài được nói chi tiết trong sách Văn Cú.

Xét theo giáo, trí huệ xét theo Tam Tạng (Tạng Giáo) thì là mười trí của bậc Vô Học, đoạn kết sử, chứng Chân, giúp Phật giáo hóa, hoằng dương. Thích Luận gọi Ngài là “*vị đại tướng ở bên phải*” [của đức Phật]. Trí huệ trong Thông Giáo thì như trong kinh Bát Nhã đã nói “*vì sao gọi là Ma Ha Tát*”, tức là ngã kiến, chúng sanh kiến, Phật kiến, Bồ Đề kiến, chuyển pháp luân kiến, các thứ kiến như thế đều bị phá thì gọi là Ma Ha Tát. Trí huệ này khác với trí huệ trong Sơ Giáo (Tạng Giáo). Trí huệ trong Biệt Giáo hãy nên dựa theo “*ngũ vị*” (sữa, lạc, sanh tô, thực tô và đề hồ) để phân biệt. Như từ lúc ban sơ, chỉ nghe sữa và lạc,

Ca Diếp vẫn ngoan cố, không hối cải, vẫn khẳng khái: “*Cù Đàm tuy có thần thông, đạo chẳng chân thật bằng ta*”. Đức Phật liền bảo: “*Ông chẳng phải là A La Hán, cũng chẳng đắc đạo*”. Ưu Lô Tần Loa chợt tỉnh ngộ, thầy trò đều quy y Phật, hai người em cũng quy y. Thầy trò của họ gồm một ngàn người luôn theo Phật, chiếm phần lớn trong số Thường Tùy Chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị A La Hán như kinh thường chép.

chẳng nghe các vị khác. Phát tâm tu hành, chỉ hành [các giáo pháp thuộc vị] sữa và lạc. Đây chính là trí huệ của Sơ Giáo. Nếu chỉ nghe lạc, lạc chẳng do sữa, đối với tánh thiện và ác, tánh vốn tự không, chẳng do tu thiện mà phá ác. Diệt Sắc, giữ Không, chỉ tu “tức Không”. Đó chính là trí huệ của Thông Giáo. Nếu từ nguyên sơ, được nghe đề hồ. Do đề hồ, vắt bò tìm sữa, chưng sữa thành lạc, chuyển lạc thành sanh tô, chuyển sanh tô thành thực tô thì mới đạt được đề hồ. Hành giả tu như thế tức là trí huệ của Biệt Giáo. Nếu từ nguyên sơ, chỉ nghe bò ăn cỏ Nhẫn Nhục, liền có thể sanh ra đề hồ. Nếu ai có thể uống [đề hồ ấy], các bệnh đều trừ. Hết thấy các loại thuốc đều được bao gồm trong ấy. Tu hạnh ấy thì là trí huệ của Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ trong Thật Tướng, Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) là mẹ. Từ cảnh sanh ra trí huệ, cảnh chính là Thân. Trí huệ là Tử (con), thương xót chúng sanh. Nơi Tích thì Thân Tử thuộc ngũ vị. Do muốn chuyển máu “ác phiền não” thành sữa tốt lành, bèn thị hiện làm bậc trí huệ trong ngoại đạo, làm vị đại luận sư. Muốn nấu sữa thành lạc, thị hiện trí huệ nơi Tam Tạng, trí huệ chỉ kém đức Thế Tôn. Muốn dẫn khởi chuyển lạc thành sanh tô, tuy dung nạp Đại pháp, mà hiện [trí huệ thuộc] Tiểu pháp, chịu khuất phục dưới sự quả trách của ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật)⁶⁰. Vì muốn dẫn khởi chuyển sanh tô thành thực tô, an ủi,

⁶⁰ Trong kinh Duy Ma Cật, ngài Xá Lợi Phất thị hiện căn tánh Tiểu Thừa chấp trước, thường xuyên bị ngài Duy Ma Cật quả trách. Chẳng hạn như khi cư sĩ Duy Ma Cật thị hiện bị bệnh, đức Phật sai ngài Xá Lợi Phất đến thăm bệnh. Ngài thưa không thể đến thăm bệnh, và nói: “*Nhớ lại trước kia, con từng ở trong rừng, ngồi yên lặng dưới gốc cây. Khi ấy, ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: ‘Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bất tất ngồi tĩnh đó mới là ngồi yên lặng. Vả chẳng ngồi yên lặng là ở trong ba cõi mà không hiện thân ý, mới là ngồi yên lặng. Không khởi Diệt Tận Định mà hiện các oai nghi, mới là ngồi yên lặng. Tâm không trụ trong, cũng không ở ngoài, mới là ngồi yên lặng. Đối với các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới là ngồi yên lặng. Chẳng đoạn phiền não mà vào Niết Bàn thì mới là ngồi yên lặng. Nếu ngồi được như thế, sẽ là chỗ Phật an khả vậy’.* Bạch Thế Tôn! Lúc ấy, con nghe nói những lời đó rồi, im lặng không trả lời được, nên con không dám đến thăm bệnh ông ta”. Hoặc như trong phẩm Bát Tư Nghi của kinh ấy có chép: “*Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất thấy trong nhà ông Duy Ma Cật không có giường ngồi (bàn ghế) chi hết, mới nghĩ rằng: ‘Các vị Bồ Tát và hàng đại đệ tử đây sẽ ngồi nơi đâu?’ Trưởng giả Duy Ma Cật biết được ý đó, liền nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: ‘Thế nào, nhân giả vì Pháp mà đến, hay vì giường ngồi mà đến?’ Ngài Xá Lợi Phất nói: ‘Tôi vì Pháp mà đến, chớ không phải vì giường ngồi’.* Ông Duy Ma Cật nói: “*Ngài Xá Lợi Phất! Vả chẳng người cầu Pháp, thân mạng còn không tham tiếc, huống chi là*

lợi lạc những người có cùng phạm hạnh, lãnh hội giáo pháp Bát Nhã. Vì muốn dẫn khởi thực tột thành đề hồ, trong hội Pháp Hoa bèn ngỏ đầu tiên. Những điều ấy đều là sự thị hiện bên ngoài, thuộc về Tích; bên trong thì bí mật giữ Bồn địa thì là thật sự [đã thành Phật] từ lâu xa.

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Quán thâm nhiếp hết thấy trí huệ. Quán tâm tức Không, thâm nhiếp hết thấy trí huệ thuộc về vị lạc. Quán tâm tức Giả, thâm nhiếp hết thấy trí huệ thuộc về hai loại tô (sanh tô và thực tô), cùng với trí huệ thế gian. Quán tâm tức Trung, thâm nhiếp trí huệ thuộc về đề hồ. Đó gọi là trong quán tâm, một trí huệ là hết thấy trí huệ, hết thấy trí huệ là một thứ trí huệ, chẳng phải là một trí huệ, chẳng phải là hết thấy trí huệ.

* Đại Mục Kiền Liên (Mahāmaudgalyāyana) là họ, dịch là Tán Tụng (讚誦), còn dịch là Lai Bặc Căn (萊菔根), hoặc dịch là Hồ Đậu (胡豆)⁶¹. Ngài tên là Câu Luật Đà (Kolita), thần thông bậc nhất. Thích Luận gọi Ngài là “*đệ tử bên trái*” [của đức Phật].

Xét theo giáo, nương vào Tứ Thiên, dấy lên mười bốn thứ biến hóa. Nương vào quán luyện, huân tu mười món Nhất Thiết Vô Lậu Sự Thiên, có thể hiện mười tám món thần biến. Đó chính là thần thông trong Sơ Giáo (Tạng Giáo). Nương vào Không để khởi huệ, dùng cái tâm Không Huệ để tu các thần thông. Đó chính là thần thông trong Thông Giáo. Theo thứ tự, nương theo Tam Đế mà tu tập, đạt được thần thông, lần lượt thâm nhập, vượt xa Nhị Thừa. Đây chính là thần thông trong Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng, đạt được thần thông. Chẳng dùng hai tướng để thấy các cõi Phật, từ Chân mà khởi ứng, chẳng rời Chân Tế mà [ứng hiện] trọn khắp trong mười pháp giới. Đó là thần thông trong Viên Giáo. (Nói “*chẳng dùng hai tướng*” thì “bất nhị” tức là Thật Tướng. “*Thấy các cõi*” chính là thần thông. Nương theo lý mà thấy, nên nói “*chẳng thấy có hai tướng*”. Nói này nọ như thế là để phân biệt: Hai món đầu (thần thông trong Tạng Giáo và Thông Giáo) là do tu

giường ngồi. Và người cầu Pháp không phải có sắc, thọ, tướng, hành, thức (năm uẩn) mà cầu; không phải có giới, nhập mà cầu; không phải có dục giới, sắc giới, vô sắc giới mà cầu. Ngài Xá Lợi Phất! Và chẳng người cầu Pháp không đắm trước nơi Phật mà cầu; không đắm trước nơi Pháp mà cầu; không đắm trước nơi chúng (tăng) mà cầu. Và lại người cầu Pháp không thấy khổ mà cầu; không đoạn tập mà cầu; không đến chứng diệt, tu đạo mà cầu...” (những đoạn kinh được trích dẫn ở đây dựa theo bản dịch của Hòa Thượng Thích Huệ Hưng).

⁶¹ Ngài Chân Đế nói: “*Lai Bặc Căn và Hồ Đậu là hai thứ cỏ tiên nhân thích ăn, nên dùng tên gọi của chúng để đặt tên cho dòng họ*”.

mà đạt được; hai món sau (thần thông trong Biệt Giáo và Viên Giáo) là do phát khởi mà đạt được. Tạng Giáo dựa vào Sự Thiền, Thông Giáo nương vào chân lý, Biệt Giáo thì nương vào cả hai điều trên đây. Viên Giáo tùy ý phát khởi. Hai thứ trước được gọi là Thông, là Hóa (biến hóa); hai thứ sau được gọi là Mật, là Ứng. Hai thứ trước nhằm điều phục chúng sanh; hai thứ sau nhằm thấy căn cơ của chúng sanh. Hai thứ trước có thể bị phá hoại; hai thứ sau chẳng thể phá hoại. Hai thứ trước nhằm dạy đạo; hai thứ sau nhằm chứng đạo. Hai thứ thần thông trước chỉ có trong thân hiện tại; hai thứ thần thông sau chung khắp ba đời. Hai thứ trước thì phải thuộc vào địa vị thánh mới tu thần thông; hai thứ sau thì địa vị phàm phu cũng tu trọn các thần thông. Hai thứ trước thì nương vào đâu cũng đều có thể tu; hai thứ sau thì ắt phải có sự nương tựa thù thắng).

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong Chân Tế Thủ Lăng Nghiêm Định, có thể trong một niệm, ứng hiện trọn khắp mười phương, thị hiện các thứ, thực hiện Phật sự vì lòng từ bi. Nơi Tích thì là thần thông thuộc ngũ vị, dẫn khởi [hành nhân] tiến nhập tột cùng.

Xét theo quán tâm thì quán trong một tâm, thoảng chốc có hết thấy các tâm, quán hết thấy các tâm bỗng chẳng có hết thấy các tâm. Tâm chẳng phải là Hữu hay Vô, thông thấu Thật Tướng.

* Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahākātyāyana), phương này dịch là Văn Súc (文飾), cũng dịch là Phiến Thằng (扇繩), cũng dịch là Hảo Kiên (好肩), luận nghĩa bậc nhất.

Xét theo giáo, nương vào Không, Không, Vô Ngã để luận định Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Sơ Giáo. Nương vào không, vô sở hữu, bất khả đắc để phá Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Thông Giáo. Nương vào Tổng Trì, Tứ Biện Tài để quán căn cơ, chiếu Giả, cho thuốc đúng bệnh, phá Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng rốt ráo chẳng Hữu chẳng Vô để phá Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn, trụ trong hai thứ trang nghiêm phước đức và trí huệ, có thể hỏi, có thể đáp. Vì thương xót chúng sanh mà nơi Tích thị hiện làm vị luận nghĩa sư thuộc “ngũ vị”.

Xét theo quán tâm, thì quán trí suy xét cảnh, cảnh phát khởi trí. Trí và cảnh đáp đối; đó tức là Luận Nghĩa xét theo quán tâm vậy.

* A Nậu Lô Đà (Aniruddha), phương này dịch là Vô Bàn, còn dịch là Như Ý, là em họ của đức Phật, Thiên Nhân bậc nhất.

Xét theo giáo, nương vào Thiền thế gian, phát sanh Thiên Nhân, thì là ngoại đạo phạm phu. Nương vào Vô Lậu Sự Thiền để phát sanh Thiên Nhân thì thuộc về ý nghĩa trong Tam Tạng. Nương vào cái huệ thấu hiểu pháp vô lậu để phát khởi các hạnh, nương vào các hạnh, phát sanh Thiên Nhân. Đó là ý nghĩa theo Thông Giáo. Nương vào tán thiện phát sanh nhục nhãn, nương vào Thiền phát sanh Thiên Nhân, nương vào Chân phát sanh Huệ Nhãn, nương vào Tục phát sanh Pháp Nhãn, nương vào Trung phát sanh Phật Nhãn. Đó là ý nghĩa theo Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng, phát sanh Thiên Nhân, Thiên Nhân tức Phật Nhãn. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Lại nương theo tán thiện tu nhục nhãn, nương theo Thiền tu Thiên Nhân. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Nương theo Không để tu nhục nhãn và Thiên Nhân. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Theo thứ tự tu ngũ nhãn là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Chẳng theo thứ tự mà tu ngũ nhãn thì là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, thì Bốn là trụ trong Thật Tướng chân Thiên Nhân, chẳng dùng hai tướng để thấy các cõi Phật. Nơi Tích thì thị hiện Bán Đầu Thiên Nhân.

Xét theo quán tâm, quán nhân duyên sanh thiện tâm, tức là nhục nhãn. Quán nhân duyên sanh định tâm, đó chính là Thiên Nhân. Quán nhân duyên sanh tâm Không, tức Huệ Nhãn. Quán nhân duyên sanh tâm tức Giả, thì là Pháp Nhãn. Quán nhân duyên sanh tâm tức Trung, thì chính là Phật Nhãn.

* Kiếp Tân Na (Kapphina), phương này dịch là Phòng Tú (房宿). Cha Ngài cầu đảo nơi sao Phòng⁶² mà sanh ra Ngài. Ngài khéo biết tinh

⁶² Sao Phòng có tên đầy đủ là Phòng Nhật Thố (房日兔), là tinh tòa thứ tư trong phương Đông (thuộc về Thanh Long trong tứ tượng), thuộc phân dã Thương Thiên, còn được gọi là Thiên Tứ. Tinh cung này gồm các nhóm sao (tinh quan) nhỏ hơn là Phòng, Câu Linh, Kiện Bé, Phạt, Đông Hàm, Tây Hàm, và Tùng Quan, tương ứng với các chòm sao (constellation) Thiên Yết (Scorpius, Hồ Cáp), Thiên Xứng (Libra), Sài Lang (Lupus) và Xà Phu (Ophiuchus) hiện thời. Do sao này được coi nằm đúng bụng rồng, tức là nơi vạn vật bị tiêu mất, nên theo quan điểm bói toán mê tín của cổ Trung Hoa, sao này là hung tinh. Họ quan niệm những ngày có sao này mà tiến hành làm gì sẽ khó thành công, dễ bị thất bại nửa chừng, nhà nào xây cất nhằm ngày này thì sau ba năm sẽ bị tai ương!

tú bậc nhất. Lại do nghỉ đêm cùng với Phật trong một căn nhà mà được chứng quả⁶³, cho nên có tên như thế.

Xét theo giáo, phân tích, phá trừ “cái nhà” Căn và Trần, cùng Phật ở trong nhà Chân Đế. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Thấu đạt Căn Trần, chính là cùng Như Lai nghỉ đêm trong nhà Chân Đế. Đó chính là ý nghĩa trong Thông Giáo. Phân biệt nhà cửa “Căn Trần” trong mười pháp giới, đều được thấy Phật. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Trong một gian nhà “Căn Trần”, liền thấy hết nhà cửa, thấy hết thấy Phật. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì cùng với Như Lai ngự nơi Thật Tướng; còn Tích thì thị hiện nghỉ nơi các nhà.

Quán tâm thì quán nhà Ngũ Âm, chia chẻ cái Không chính là Không, cùng nghỉ đêm với hóa Phật. Quán nhà Ngũ Âm chính là Giả, cùng nghỉ đêm với Báo Phật (Báo Thân Phật). Quán nhà Ngũ Âm chính là Trung, cùng nghỉ đêm với Pháp Thân Phật.

* Kiều Phạm Ba Đề (Gavāṃpati), phương này dịch là Ngu Ty (牛伺, trâu nhời), được thiên vương cúng dường bậc nhất.

Xét theo giáo, trụ trong vườn trời nhằm chỉ bày điều lành; có tướng trâu nhời nhằm chỉ bày điều ác. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Dùng thân có tướng trâu nhời mà đắc đạo, nhằm chỉ dạy “ác chẳng phải là ác”. Ở trong vườn cõi trời mà có tướng trâu nhời nhằm chỉ bày “thiện chẳng phải là thiện”. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Chỉ bày thiện ác trong giới nội (trong tam giới) và giới ngoại (ở ngoài tam giới). Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Chỉ bày Thật Tướng của thiện ác là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong tứ vô sở úy⁶⁴, an trụ thánh chúa như trâu chúa Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Nơi Tích thì hiện tướng trâu nhời, vui sướng ngự trên cõi trời.

⁶³ Trong A Di Đà Kinh Sớ Sao, tổ Liên Trì giảng: “Cổ thuyết nói lúc Ngài mới xuất gia, sắp đến chỗ Phật. Giữa đường mắc mưa, phải ở nhờ nhà người thợ gốm, chợt có một vị tỳ-kheo đến cùng nghỉ lại. Vị tỳ-kheo ấy chính là đức Phật hóa hiện. Tôn giả nghe pháp đắc đạo, nên [gọi là] Phòng Tú là do nghỉ chân nơi nhà của người thợ gốm”.

⁶⁴ Tứ vô sở úy (Catta-vesārajja) là:

1. Nhất Thiết Trí vô sở úy.
2. Lậu tận vô sở úy.
3. Thuyết chương đạo vô sở úy: Nói các pháp như Hoặc nghiệp, các chương v.v... không sợ hãi.

Xét theo quán tâm, quán lý Trung Đạo trong tâm tánh, bước đi vững vàng, an tường, ngay thẳng, nhanh chóng như gió (tức là dùng tướng tượng phu ngưu vương, cũng thông với ý nghĩa dùng trâu trắng để kéo xe [trong phẩm sau]).

* Ly Bà Đa (Revata), phương này dịch là Tinh Tú (星宿), còn dịch là Giả Hòa Hợp (假和合). Do bị hai con quỷ tranh thân xác mà Ngài đắc đạo⁶⁵. Ngài tọa Thiên, nhập Định, tâm chẳng đảo loạn (điên đảo, tán loạn) bậc nhất.

Xét theo giáo, phân tích, phá trừ Ngũ Âm chẳng phải do ta sở hữu. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Thấu đạt Ngũ Âm vốn chẳng do ta sở hữu. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Phân biệt Ngũ Âm trong mười pháp giới đều chẳng phải là của ta. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Thông đạt Ngũ Âm chẳng phải là của ta, chẳng phải thuộc về người khác, thấy Thật Tướng của các Âm. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích thì Bốn là trụ trong Nhật Tinh Tú tam-muội, Tích thì thị hiện danh hiệu ấy.

Xét theo quán tâm, niệm Phật, thấy mười phương Phật đông nhiều giống như ban đêm trông thấy các ngôi sao v.v... (Trong phần trước, xét theo giáo thì là gởi gắm nơi giả hòa hợp. Nay nơi Bốn Tích, ngắm sao và xét theo các tinh tú đều là tùy tiện. Thấy chư Phật [nhiều] như các ngôi sao chính là dựa theo ý trong kinh Ban Châu. [Để hiểu ý của phần] quán tâm, hãy nên rộng dẫn kinh Ban Châu Tam Muội).

* Tất Lăng Già Bà Tha (Pilindavatsa), phương này dịch là Dư Tập (餘習, tập khí còn sót lại)⁶⁶. Ngài khổ hạnh ngồi dưới cội cây, chẳng tránh né mưa gió bậc nhất.

4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy: Giảng các chánh đạo diệt trừ các khổ không sợ hãi.

⁶⁵ Theo Pháp Hoa Văn Cú, do mắc mưa, Ngài ngủ đêm tại một ngôi miếu thờ thần, thấy hai con quỷ giành nhau một cái xác chết để ăn, bắt Ngài phán quyết. Ngài theo tình thực trả lời, con quỷ bị thua lý lẽ liền tức giận xé tay chân Ngài, con quỷ kia liền lấy chân tay từ xác chết đập vào. Ăn hết thân Ngài, hai con quỷ bỏ đi. Do vậy, Ngài biết thân vô thường. Vì thế, gọi là Giả Hòa Hợp.

⁶⁶ Theo Pháp Hoa Văn Cú, sở dĩ Ngài được gọi là Dư Tập, vì trong năm trăm đời đã từng làm Bà-la-môn, cho nên có tập khí ngạo mạn sót lại. Khi Ngài vượt sông Hằng, bèn gọi thần sông Hằng: “Nè! Tiểu ty ngăn dòng chảy lại”. Thần sông Hằng tách nước ra làm đôi cho Ngài đi qua rồi đến mách với đức Phật rằng ngài Tất Lăng Già Bà Tha quá ngạo mạn. Đức Phật dạy Ngài sám hối. Ngài nói: “Tiểu ty đừng giận!” Đại chúng cười ồ, sám hối mà như càng chửi thêm. Đức Phật bảo: “Do tập khí còn sót lại mà ăn nói như thế, chẳng phải là tâm cao ngạo!”

Xét theo giáo, do đã diệt Mạn, cho nên chẳng có Mạn. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Từ ngay nơi mạn mà vô mạn. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Phân biệt mười pháp giới cao thấp. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Tám thứ ngã tự tại⁶⁷, trọn đủ Phật pháp. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì trụ trong “thường, lạc, ngã, tịnh, bất tự tại ngã”, phạm thanh vi diệu. Nơi Tích thì thị hiện tâm ngạo mạn, ác khẩu.

Xét theo quán tâm thì quán lời thô thấp hay tiếng mềm mỏng đều quy vào Đệ Nhất Nghĩa (Tam quán tổng hay biệt đều là Đệ Nhất Nghĩa. Các Hoặc đã phá đều là thô).

* Bạc Câu La (Vakkula), phương này dịch là Thiện Dung (善容, dung mạo tốt lành), thọ một trăm sáu mươi tuổi, chẳng bị bệnh, chẳng yếu. Thường thích nhàn cư bậc nhất.

Xét theo giáo, diệt ồn náo, nhập lễ Chân. Đó là sự tịch tĩnh trong Tam Tạng. Từ ngay nơi ồn náo mà chứng nhập lễ Chân. Đó là sự tịch tĩnh trong Thông Giáo. Là hai bên, nhập Trung. Đó là sự tịch tĩnh trong Biệt Giáo. Từ ngay nơi hai bên mà là Trung. Đó là sự tịch tĩnh trong Viên Giáo.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì trụ trong Đại Tịch Tĩnh Định. Trường thọ là Thường, chẳng có bệnh là Lạc, chẳng yếu là Ngã, tịch tĩnh là Tịnh. Ngự trong căn cội Tứ Đức ấy. Nơi Tích thì thị hiện sáu căn tịch tĩnh.

Xét theo quán tâm, tâm tánh Trung Đạo tức Không, tức Giả, tức Trung, chính là thường lạc ngã tịnh quán.

* Ma Ha Câu Hy La (Mahākāuṣṭhila), phương này dịch là Đại Tát (大膝, đầu gối to), là cậu của ngài Xá Lợi Phất, biện tài bậc nhất⁶⁸.

⁶⁷ Bất tự tại ngã, còn gọi là Bát Tự Tại, hay Bát Biến Hóa, hoặc Bát Thần Biến:

1. Có thể thị hiện một thân thành nhiều thân.
2. Có thể thị hiện thân nhỏ như vi trần mà trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới.
3. Thân to lớn nhưng nhẹ nhàng cất mình lên đến chỗ rất xa.
4. Thấy vô lượng loại chúng sanh.
5. Các căn có thể sử dụng lẫn nhau, chẳng hạn mắt có thể nghe, tai có thể thấy v.v...
6. Đạt được hết thảy các pháp mà chẳng có ý tưởng là đã đắc.
7. Nói một bài kệ mà trải qua vô lượng kiếp.
8. Thân trọn khắp các xứ ví như hư không.

⁶⁸ Theo Pháp Hoa Văn Cú, Ngài thích biện luận, thường biện luận thắng chi ruột. Khi bà Xá Lợi hoài thai ngài Xá Lợi Phất, biện tài vô ngại, ngài Câu Hy La không

Xét theo giáo, ngoài thông thạo bốn Vi Đà (Vedas)⁶⁹, trong là thông suốt Tam Tạng. Đó là tứ biện tài của Sơ Giáo. “Ngã vô sở đắc”, biện định như thế là tứ biện tài của Thông Giáo. Dù danh hay nghĩa đều trọn khắp mười pháp giới. Đó là biện tài của Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng, trọn khắp hết thấy các biện tài. Đó là biện tài của Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ nơi khẩu mật, khẩu luân giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, đại định, đại huệ. Nơi Tích thì thị hiện đầu gối to.

Xét theo quán tâm, “*quán tâm tức Không*” chính là Định, [quán tâm] tức Giả chính là Huệ, dùng để trang nghiêm cái tâm.

* Nan Đà (Nanda), còn dịch là Phóng Ngưu Nan Đà, phương này dịch là Thiện Hoan Hỷ. Có thuyết nói Ngài chính là Bạt Nan Đà trong Luật Tạng.

Xét theo giáo, Sự hoan hỷ, Lý chẳng hoan hỷ; đó chính là ý nghĩa trong Tam Tạng. Sự hoan hỷ chính là Lý hoan hỷ. Đó là ý nghĩa theo Thông Giáo. Thuộc vào Hoan Hỷ Địa là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Thuộc địa vị Hoan Hỷ Trụ là ý nghĩa trong Viên Giáo (Trong Thập Trụ, vốn không có danh xưng Hoan Hỷ, nhưng xét theo địa vị trong Biệt Giáo, do chứng đạo giống như nhau, cho nên mượn danh xưng đó mà gọi là Hoan Hỷ Trụ).

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong Thật Tế, chẳng hỷ, chẳng bất hỷ; nơi Tích thì gọi là Hoan Hỷ.

sao thắng được. Ngài biết là do đứa bé trong bụng tạo ra như vậy, sợ sau này sẽ thua cháu, nên bỏ nhà sang Nam Thiên Trúc học mười tám bộ kinh. Bị người đương thời chê cười, Ngài phần chí học hành không nghỉ ngơi, đến nỗi không có thời gian cắt móng tay. Người thuở ấy gọi Ngài là Trường Trảo Phạm Chí. Học xong, Ngài trở về thì cháu đã theo Phật xuất gia. Ngài nổi lòng kiêu mạn, nói: “Cháu ta tám tuổi đã vang danh khắp năm xứ Thiên Trúc, sa-môn ấy có đạo thuật gì dọ hoặc con trai của chị ta?” Ông tìm đến Phật, biện luận thua, bèn ở lại chỗ Phật, tư duy rất lâu chẳng thâm nhập được pháp nào, thưa với đức Phật: “Hết thấy các pháp chẳng phải là Nhẫn, do Nhẫn có nghĩa là an. Điều đó có nghĩa là hết thấy các pháp tôi đều có thể phá, khiến cho chúng được yên, cho nên nói hết thấy các pháp chẳng nhẫn”. Phật hỏi: “Ông có thấy cái Nhẫn ấy hay không?” Ngài Câu Hy La lúng túng: “Nếu nói tôi thấy Nhẫn thì trước đó đã nói ‘hết thấy chẳng nhẫn’. Nếu nói tôi chẳng thấy Nhẫn thì không thể thắng Phật được”, liền cúi đầu, đảnh Pháp Nhẫn Tịnh. Ngài Xá Lợi Phất ở bên cạnh nghe giảng như vậy, đắc ngay quả A La Hán.

⁶⁹ Tứ Vi Đà là bốn thánh thư căn bản của Bà La Môn Giáo (tiền thân của đạo Hindu), bao gồm Rigveda (Ly Câu Vệ Đà), Yajurveda (Dạ Nhu Vệ Đà), Samaveda (Sa Ma Vệ Đà), và Atharvaveda (A Thát Bà Vệ Đà).

Xét theo quán tâm, quán tâm tương tự tương ứng với Lý thì gọi là Hoan Hỷ Quán.

* Tôn Đà La [Nan Đà] (Sundarananda)⁷⁰ phương này dịch là Hảo Ái, cũng dịch là Đoan Chánh, [vị này được] gọi tên theo vợ. Nan Đà thì như đã giải thích trong phần trước. Vị này là em ruột của đức Phật⁷¹.

Xét theo giáo, Tục Đế có pháp hỷ, Chân Đế chẳng có hỷ. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Tục hỷ chính là Chân hỷ. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Từ pháp hỷ trong Thông Giáo mà có pháp hỷ trong pháp hỷ của Tục Đế. Đó là ý nghĩa theo Biệt Giáo. Từ trong sự hoan hỷ chung mà trọn đủ hết thấy các pháp hỷ; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bôn Tích và quán tâm thì giống như đã nói trong [phần luận định về ngài] Nan Đà.

* Phú Lâu Na (Pūrṇa), dịch là Mãn Nguyên. Đó là tên của cha Ngài. Di Đa La Ni (Maitrāyaṇī) dịch nghĩa là Từ Nữ, là tên của mẹ Ngài.

⁷⁰ Theo Pháp Hoa Văn Cú, ngài Nan Đà rất đẹp, dung mạo hiếm có, chỉ thấp hơn Phật bốn ngón tay, có ba mươi tướng đại nhân. Khi Ngài vào trong đại chúng, có người không hiểu rõ, ngỡ Ngài là Phật. Nước Ma Kiệt Đà có ngoại đạo lửa hình cực thông minh, được người trong nước tôn xưng là bậc đại trí, biện luận với ngài Xá Lợi Phất bị thua, sanh thiện tâm, muốn theo Phật xuất gia, bỗng trông thấy ngài Nan Đà, bèn than: “Vị tỳ-kheo thấp bé mà trí huệ còn khó thể nắm bắt được, huống là một vị tướng mạo đường đường như thế này ư?” Ngài Nan Đà liền độ cho người ấy xuất gia. Về nhân duyên xuất gia của Ngài thì khi đức Phật và ngài A Nan khát thực đến nhà Ngài, vợ Ngài đang ăn trên lầu cao. Ngài bèn đứng dậy nghênh tiếp đức Phật. Ngài hỏi: “Dòng dõi Chuyển Luân Vương vì sao tự nhục (đi khát thực)?” Ngài đỡ lấy bát của đức Phật để dâng cơm. Đức Phật liền trở về tinh xá, bảo A Nan: “Bảo Nan Đà dâng thức ăn”. A Nan truyền lại ý Phật, bảo Nan Đà dâng cơm. Đức Phật bảo cho ngài Nan Đà xuống tóc. Hôm sau, đức Phật và năm trăm vị tỳ-kheo thọ thỉnh ứng cúng, Ngài xin ở lại tinh xá, toan bỏ trốn. Đức Phật sai Ngài đóng cửa tinh xá và quét dọn. Ngài đóng cửa này, cửa khác mở ra, dọn chỗ này, chỗ kia bị dơ, lại sợ Phật trở về, bèn bỏ trốn về với vợ. Giữa đường gặp đức Phật, bèn trốn sau thân cây, cây bèn nâng cao lên, Phật trông thấy bèn gọi trở lại, hỏi Ngài vì sao đi? Ngài nói: “Hôm qua từ biệt vợ, vợ đợi em về dùng cơm, nghĩ tới vợ nên trở về”. Đức Phật liền dẫn Ngài lên thiên đường, xuống địa ngục [cho thấy thiên nữ đẹp đẽ và quả báo địa ngục do dâm dục], Ngài giác ngộ quyết chí tu hành.

⁷¹ Ngài Tôn Đà La Nan Đà là con của Tịnh Phạn Vương và di mẫu Kiều Đàm Di (Ma Ha Ba Xà Ba Đề). Ngài Tôn Đà La Nan Đà còn có một người em gái ruột là Sundari Nanda. Bà này còn được gọi là Rupa Nanda (Diệu Sắc Nan Đà) vì rất xinh đẹp. Về sau, bà Sundari cũng xuất gia và chứng quả A La Hán.

Ngài được gọi tên theo cha mẹ. Vì thế, được gọi là Mãn Từ Tử. Ngài là vị thuyết pháp bậc nhất⁷².

Xét theo giáo, thì trân trọng, siêng năng phân tích pháp, việc làm đã xong, tức là đã mãn nguyện trong Tam Tạng. Thấu đạt chính là Không, đã chứng đắc Không, tức là đã mãn nguyện trong Thông Giáo. Pháp nhãn trọn đủ, tức là đã mãn nguyện trong Biệt Giáo. Trụ trong bí mật tạng, tức là đã mãn nguyện trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì đã mãn nguyện từ lâu, nơi Tích thì thuyết pháp bậc nhất, thị hiện làm tri thức của chúng sanh.

Xét theo quán tâm thì như trong Chỉ Quán, quán nhân, hạnh, lý v.v... các thiện tri thức (“Nhân” là Phật, Bồ Tát, La Hán. “Hạnh” là Lục Độ đạo phẩm. “Lý” là pháp tánh Thật Tế).

* Tu Bồ Đề (Subhūti), phương này dịch là Không Sanh, cũng dịch là Thiện Cát, Thiện Nghiệp, hoặc Thiện Hiện, là vị Giải Không (thấu hiểu Không) bậc nhất.

Xét theo giáo, diệt Sắc, Không Trí sanh. Đó là ý nghĩa trong Tạng Giáo. Thấu hiểu Sắc, Không Trí nầy sanh. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Từ Hữu Trí sanh ra Không Trí, từ Không Trí sanh ra Tục Trí, từ Tục Trí sanh ra Trung Trí. Đó là ý nghĩa của Biệt Giáo. Không sanh tức là Hữu Trí, cũng tức là trí trong Tục Trí. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn là trụ Thật Tướng Pháp Thân, nơi Tích thì thị hiện thấy Không mà sanh.

Xét theo quán tâm, chẳng ở trong, ngoài, chẳng giữa, chẳng phải là tự có. Đó là quán tâm Pháp Thân.

* A Nan (Ānanda), phương này dịch là Hoan Hỷ, hoặc dịch là Vô Nhiễm⁷³, là em họ của đức Phật⁷⁴, đa văn bậc nhất.

⁷² Sách Pháp Hoa Văn Cú dẫn kinh Tăng Nhất A Hàm, cho biết ngài Phú Lô Na thuyết pháp bậc nhất, vì toàn thuyết pháp mãn tự. Ngài muốn trở về nước mình để lợi ích chúng sanh, đức Phật nói cõi ấy tệ ác, ông làm như thế nào? Ngài đáp: “Con sẽ tu nhẫn nhục. Nếu ai hỷ nhục con, con sẽ mừng vì họ chẳng đả con. Nếu bị đả đả, sẽ mừng là họ không dùng gậy gộc. Nếu bị đánh bằng gậy gộc, sẽ mừng vì họ chẳng dùng gươm giáo. Nếu họ dùng gươm giáo thì con mừng vì lìa khỏi đồ chứa Ngũ Độc này”. Do hạnh và nhẫn đều viên mãn, cho nên gọi là Mãn.

⁷³ Sách Pháp Hoa Văn Cú nói ngài A Nan được gọi là Vô Nhiễm vì Ngài theo đức Phật vào cung rồng, lên thiên cung, thấy các cảnh đẹp và sắc đẹp, tâm chưa hề dao động, đả nhiễm. Ngài được hết thủy trời, rồng, nhân loại, quỷ thần tôn kính, mến mộ. Khi nhập Niết Bàn, Ngài sợ đại chúng tranh giành, bèn ở giữa sông Hằng, nhập Phong Phấn Tấn tam-muội, chia xá-lợi nơi thân thành bốn phần cho trời, rồng, vua A Xà Thế và thành Tỳ Xá Ly.

Xét theo giáo, Hoan Hỷ A Nan thuộc về Tam Tạng. Hiền A Nan là Thông Giáo. Điền Tạng A Nan là Biệt Giáo. Hải A Nan là Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong chẳng hoan hỷ, chẳng không hoan hỷ. Pháp Thân như hư không, trí huệ như mây mưa, có thể trì, có thể thọ. Nơi Tích thì là hoan hỷ.

Xét theo quán tâm, do tương ứng với Không, Giả, Trung, cho nên hoan hỷ, từ danh tự cho đến chân quán tương ứng.

* La Hầu La (Rāhula), phương này dịch là Phú Chương (覆障, ngăn trở), là con của đức Phật. Nhân duyên như đã nói trong sách Văn Cú. Ngài mật hạnh bậc nhất.

Xét theo giáo, phân tích pháp Đạo Đế chương Tứ Trụ. Đó là ý nghĩa theo Tam Tạng. Thấu hiểu pháp Đạo Đế chương Tứ Trụ; đó chính là ý nghĩa trong Thông Giáo. Tam trí theo thứ tự chương ngũ trụ; đó chính là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Nhất tâm tam trí chương ngũ trụ. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong Trung Đạo, chương lập nhị biên. Nơi Tích thì là thị hiện ngăn trở.

Xét theo quán tâm, do Giả mà chương Niết Bàn. Do Không mà chương sanh tử. Do Trung mà chương phi sanh tử, phi Niết Bàn.

Đoạn kinh văn này được kết lại bằng câu “*chúng sở tri thức*” (được mọi người hay biết), có thể giải thích: Tri chỉ là Thức. Hoặc nói: Nghe tên là Tri, thấy hình dáng là Thức. Hoặc: Thấy hình dáng là Tri, thấy tâm là Thức.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì làm bậc tri thức mãn tự của chúng sanh, nơi Tích thì là bậc tri thức bán tự.

Xét theo quán tâm thì như sách [Ma Ha] Chỉ Quán đã nói.

Trên đây, phần giải thích về các vị Thanh Văn được nhiều người hay biết đã xong.

1.1.2.1.1.2. Các vị Thanh Văn ít được hay biết

⁷⁴ Ngài A Nan sanh đúng vào ngày đức Phật thành đạo, cho nên Tịnh Phạn Vương đặt tên Ngài là A Nan Đà (Khánh Hỷ, Hoan Hỷ). Ngài là con của Bạch Phạn Vương (em trai Tịnh Phạn Vương) và là em của Đề Bà Đạt Đa. Ngài nghị dung đẹp đẽ, không ai trông thấy mà chẳng sanh tâm hoan hỷ. Khi Ngài cất tiếng nói, không ai chẳng đại hoan hỷ, chăm chú lắng nghe. Kinh Trung A Hàm quyển bảy chép: “A Nan hầu Phật hai mươi lăm năm, nghe tám mươi ngàn Kiên Độ, đều có thể trùng tụng chẳng sót một chữ”.

(Kinh) Phục hữu học vô học nhị thiên nhân.

(經)復有學無學二千人。

(Kinh: Lại có các vị Hữu Học, Vô Học hai ngàn người).

Kể đó, nêu ra các vị ít được hay biết, chỉ nêu số lượng và địa vị, chẳng tán thán phẩm đức, gọi những vị này là “các vị ít được hay biết”. Phàm chẳng thể suy lường thánh, chẳng thể dùng chuyện “được biết đến” nhiều hay ít để phân định bậc thánh hơn kém. Chỉ là đối với kẻ mong cao, ham mộ xa, bèn dùng các vị được nhiều người hay biết để dẫn khởi; còn đối với người giấu tên ẩn đức, nhún nhường thì dùng các vị ít người hay biết để dẫn khởi. Do tùy thuận chúng sanh, cho nên có chừng đó vị. Chớ nên vì nhiều hay ít nơi Tích mà đánh mất Bản.

Xét theo giáo, Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả trong Tạng Giáo là bậc Hữu Học, Tứ Quả là bậc Vô Học. Trong Thông Giáo, trước khi đạt đến địa vị Ly Dục thì gọi là Hữu Học. Đã đạt đến địa vị ấy thì gọi là Vô Học. Lại nữa, Cửu Địa đều gọi là Hữu Học. Địa vị thứ mười là Phật Địa thì gọi là Vô Học. Trong Biệt Giáo và Viên Giáo, hoặc là dùng công dụng và vô công dụng để biện định Hữu Học và Vô Học, hoặc dùng trọn đủ và chẳng trọn đủ để biện định Hữu Học và Vô Học. Lại nữa, trong kinh A Hàm, ngoại đạo hỏi đức Phật: “*La Hán có còn học hay không?*” Đức Phật đáp: “*La Hán chẳng làm ác pháp, trụ trong thiện pháp, học sự vô học ấy thì gọi là Học*”. Nếu như thế, bậc Hữu Học cũng được gọi là Vô Học. Vì lẽ nào? Đã đoạn giống như nhau, chẳng còn đoạn nữa, tức là Vô Học! Đó là bốn câu (Học, Vô Học, “Học chính là Vô Học”, “chẳng phải Học và chẳng phải Vô Học”). Xét theo ngũ phương tiện⁷⁵, sẽ cộng thành năm câu. Xét theo tứ giáo thì cũng phỏng theo lệ đó, [bốn lần năm] bèn thành hai mươi câu.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì là Pháp Thân đại sĩ, thuộc vào địa vị Học và Vô Học mãn tự. [Nơi Tích] thì chúng sanh đáng nên dùng bậc Hữu Học và Vô Học bán tự để trang nghiêm song thụ⁷⁶, tiếp nối lưu truyền.

⁷⁵ Theo tông Thiên Thai, ngũ phương tiện tức là quán pháp trong bốn giáo cộng với tiền phương tiện tức gia hạnh, thành ra năm câu.

⁷⁶ Song Thụ tức là nói đến Sa La Song Thụ Lâm tại thành Câu Thi Na (Kusinagara) nơi đức Phật nhập diệt. Nơi ấy, bốn phương mỗi phương có một cặp cây Sa La. Trong mỗi cặp, có một cây khô héo và một cây tươi tốt. Các nhà chú giải cho rằng đức Phật chọn nơi này để nhập diệt với hàm ý: Phàm phu Nhị Thừa có tám món điên

Xét theo quán tâm, chánh quán Trung Đạo, chẳng duyên theo nhị biên. Ở chặng giữa thì chính là Vô Học. Có thể quán như thế thì gọi là Học. Lại chẳng duyên mà duyên thì gọi là Vô Học Học. Thường quán như thế gọi là Học Vô Học. Đối với kẻ chưa tu, sẽ trở thành câu thứ năm. Cũng có thể coi Lý là câu thứ năm. Cũng có thể đối với Tam Quán (Không, Giả, Trung), mỗi phép Quán đều có năm câu. Nếu xét theo quán môn để nói về số lượng thì sắc tâm trọn đủ Thập Giới, Thập Như. Giới và Như luận định lẫn nhau, tức là hai ngàn⁷⁷.

Phần nói về các vị tỳ-kheo đã xong.

1.1.2.1.1.2. Chúng tỳ-kheo-ni

(Kinh) Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, dữ quyền thuộc lục thiên nhân câu. La Hầu La mẫu Da Thâu Đà La tỳ-kheo-ni diệc dữ quyền thuộc câu.

(經)摩訶波闍波提比丘尼，與眷屬六千人俱。羅睺羅母耶輸陀羅比丘尼亦與眷屬俱。

(Kinh: Tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và quyền thuộc sáu ngàn người nhóm họp. Mẹ của La Hầu La là tỳ-kheo-ni Da Thâu Đà La cũng cùng với quyền thuộc nhóm họp).

Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpati), phương này dịch là Đại Ái Đạo, là dì của đức Phật. Nơi Bồn, Ngài trụ trong pháp môn Trí Độ, còn Tích là mẹ của ngàn đức Phật, sanh thành, dưỡng dục bậc đạo sư. Giải thích theo quán tâm thì Trung Quán rộng lớn là Đại, lòng Từ vô duyên là Ái. Lý Trung Đạo rỗng rang, thông suốt là Đạo. Đại tức là tự hành, Ái chính là hóa độ người khác. Nếu do lòng yêu thương mà thọ sanh, do

đạo (đối với vô thường mà tưởng là thường, đối với thường mà coi là vô thường v.v...), đồng thời biểu thị bát chánh đạo của Đại Thừa Bồ Tát. Đồng thời, hàng Nhị Thừa phá bốn pháp điên đảo của thế gian, ví như bốn cây khô trong bốn cặp cây ấy, Đại Thừa Bồ Tát dùng thường, lạc, ngã tịnh để tu tập, ví như bốn cây tươi tốt. Ở đây, dùng từ ngữ Song Thụ với ý nghĩa cùng tu tập các pháp Nhị Thừa và Bồ Tát.

⁷⁷ Thập Giới là mười pháp giới (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Tu La, người, chư thiên v.v...), trong mỗi pháp giới có đủ mười pháp giới (tức chín pháp giới kia và chính pháp giới ấy) nên $10 \times 10 = 100$ (thường gọi là Bách Giới). Trong mỗi pháp giới lại có đủ Thập Như Thị (thường gọi tắt là Thập Như) nên $100 \times 10 = 1.000$ (thường gọi là Thiên Như). Thiên Như phối hợp với sắc và tâm, thành hai ngàn món.

lòng Từ mà dính dáng đến Hữu, Đạo liền dung thông tự hành và hóa độ người khác.

“*Sáu ngàn người*” là số lượng. Xét theo quán tâm, quán lục căn thanh tịnh, [mỗi căn] trọn đủ một ngàn công đức [như đã nói trong phẩm Tùy Hỷ Công Đức, nên thành ra sáu ngàn].

Da Thân Đà La (Yasodharā), phương này dịch là Hoa Sắc, cũng dịch là Danh Văn. Lúc tại gia, đức Phật có ba vị phu nhân: Một là Cù Di (Gopikā). Hai là Da Thân. Ba là Lộc Dã (Mrigadāva).

Xét theo Bốn Tích, Thê (妻, vợ) có nghĩa là Tề (齊, đều bằng), [vậy thì vợ của Bồ Tát] há có phải là [phàm phu] lẽ tề sát đất ư? [Da Thân Đà La] là vợ của Bồ Tát, cho nên biết nơi Bốn thì trụ trong pháp hỷ tịch định vi diệu, nơi Tích thì là vợ của Thái Tử.

Xét theo quán tâm, quán Không vô lậu pháp hỷ, bèn dùng Lộc Dã để biểu thị cho vợ (do bà này chẳng sanh con). Quán Giả đạo chủng trí pháp hỷ, bèn dùng Da Thân để biểu thị cho vợ (do sanh La Hầu La). Quán Trung pháp hỷ, bèn dùng Cù Di để làm vợ hòng biểu thị (do là vợ cả).

Trên đây đều là chia theo từng vị [Thanh Văn] để nói về Bốn Tích và quán tâm, nay bèn tổng luận, hòng hiển thị sự quyền biến khéo léo để nêu bày quán hạnh tịnh vi. Nói chung về Bốn Tích thì Thủ Lăng Nghiêm Định thị hiện các thứ, xứng hợp khéo léo căn tánh, không gì chẳng thực hiện! Nay luận định theo chuyện gần đây thì đức Thích Ca thị hiện thác sanh trong cung vua. Sau khi Ngài giáng thần vào thai của thánh hậu (Ma Da phu nhân), hàng Pháp Thân đại sĩ đều phù tá đức Phật thực hiện sự giáo hóa, giáng sanh trong các gia tộc khác. Như đức Phật dùng kim thân ba mươi hai tướng tốt lành để ứng hiện đản sanh, các vị Đại Sĩ cũng giáng sanh khắp chốn. Hoặc là [khi giáng sanh] thị hiện nhà cửa trống rỗng (ngài Tu Bồ Đề), hoặc chất báu tuôn xuống (ngài Mãn Từ Tử), hoặc mẹ mang thai bèn biện tài nổi trội, hiểu rõ các giấc mộng (ngài Xá Lợi Phất). Như khi hoàng thái tử (Thái Tử Tất Đạt Đa) lìa nước, bỏ ngôi vua, vượt thành học đạo, các vị Đại Sĩ đều theo thầy thọ học, tài nghệ đều thông, trở thành bậc thầy của kẻ khác. Như khi Như Lai chuyển pháp luân lần đầu tiên, mở cửa cam lộ, các vị Đại Sĩ biết duyên giáo hóa chưa chín muồi, thị hiện cùng nhau chẳng tiếp nhận, phân chia môn đình, chống đối, đề cao đạo của chính mình mới là chân thật. Người giáo hóa và kẻ được giáo hóa đều hoàn toàn sanh khởi như sữa. Nếu duyên giáo hóa đã chín muồi, thì tơ trắng dễ nhuộm màu, hoa sen trong ao nở

sớm, đổi phàm thành thánh, chuyển sữa thành lạc, bậc thầy của đồ chúng trở thành đệ tử thượng thủ của đức Phật. Hoặc là trí huệ, thần thông, biện tài, tam-muội, ai nấy đều là bậc nhất, cùng phù tá đáng pháp vương. Độ kẻ chưa được độ, kẻ đã chín muồi càng thêm chín muồi. Trong hội Phương Đẳng, nghe công đức chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát, ắt thẹn Tiểu, hâm mộ Đại, như chuyển lạc thành sanh tô. Kế đó, nghe môn Bát Nhã Ma Ha Diễn (Bát Nhã Đại Thừa), thoát đầu là giải ngộ sắc, tâm, rốt cuộc đắc [Nhất Thiết] Chứng Trí. Vẩn ôm lòng hẹp hòi, [phân biệt] Tiểu, Đại, ra, vào, trao, nhận, hoặc chung, hoặc riêng, hoặc Thiên, hoặc Viên, vãng mạng nhận biết, tâm dần thông thái⁷⁸, như chuyển sanh tô thành thực tô. Kế đó, nghe Pháp Hoa, lãnh hội tánh vốn sẵn có, biết chắc là cha con, được thọ ký, được giao phó Đại Thừa, bỏ ba thừa, quy về một thừa, như bốn vị kia (sữa, lạc, sanh tô, thực tô) đều thành cùng một vị đề hồ, chẳng để riêng một ai được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai khiến cho [mọi người cùng] được diệt độ.

Pháp thân (法臣, bày tôi trong Phật pháp) của đáng pháp vương, do đại sự mà xuất thế, khéo dùng phương tiện. Thoạt đầu dùng bán tự pháp, phá hai mươi lăm Hữu rồi ren, thành tựu bốn cây khô (phá trừ bốn đảo kiến về thường, lạc, ngã, tịnh) nơi Song Thụ, lợi ích chúng sanh. Kế đó, dùng bán pháp và mãn pháp, phá sự độc thiện⁷⁹ của hàng Nhị Thừa, thành tựu sự rộng lớn của Bồ Tát, lợi ích thánh nhân, thành tựu bốn cây tươi tốt nơi Song Thụ (chúng nhập thường, lạc, ngã, tịnh), lợi ích thánh nhân. Sau đó, dùng thường trụ mãn tự, phá nhị biên trước sau, thành tạng bí mật “chẳng khô héo, chẳng tươi tốt” của Phật, đạt lợi ích rốt ráo. Chủ tướng công lao hoàn tất, đại thế nguyện viên mãn. Vì thế, trong hội Pháp Hoa, Thân Tử (Xá Lợi Phất) và Mục Liên dứt bật sự giáo hóa, thánh chúa đã trọn hết phận sự, cũng chẳng còn trụ thế bao lâu nữa! Kinh văn nói: *“Như ngã bốn thế nguyện, kim giả dĩ mãn túc, Như Lai bất cử, đương nhập Niết Bàn”* (Như bốn thế nguyện của ta nay đã được trọn đủ, chẳng bao lâu nữa, Như Lai sẽ nhập Niết Bàn). Lời tuyên bố diệt độ đã bắt đầu từ lúc đó. Hai vạn vị Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật, Ca Diếp Phật v.v... đều rốt ráo trong thời Pháp Hoa. Nay thầy trò của Phật đều

⁷⁸ Đây là dựa theo thí dụ đứa con bỏ cha trốn đi trong phẩm Thí Dụ để nói. Dẫu được cha giao cho trông coi xuất nhập tài sản, vẫn tự coi mình là khách, tuy trí huệ dần dần mở mang, vẫn chẳng biết đó là gia nghiệp của chính mình.

⁷⁹ Ý nói hàng Nhị Thừa chỉ chú trọng giải thoát cho riêng mình, không chú trọng độ chúng sanh.

nêu bày rõ Tích Môn trong kinh này: “*Trong thì ngẫm hành Bồ Tát hạnh, ngoài hiện tướng Thanh Văn*”. [Trong phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật tuyên bố] “*kể từ khi ta thật sự thành Phật tới nay, đã là vô lượng ức kiếp*”. Từ đó mà suy, các vị đại La Hán từ địa vị Pháp Thân, rửa lòng soi bóng tùy duyên, in dấu trong muôn dòng nước, hiện Hữu Học, Vô Học, làm người nam, kẻ nữ, làm tăng, làm tục, nhờ sức Thủ Lăng Nghiêm, không gì chẳng thực hiện! Phương tiện quyền biến khéo léo được thực hiện như thế đó. Giải thích hai tầng Bốn Tích tổng và biệt như thế đó, vẫn sợ đánh mất ý chỉ, nếu cứ thẳng thừng đối với mỗi câu đều phiên dịch danh tự [của các vị Thanh Văn có nghĩa là gì] thì chúng Thanh Văn há có khác biệt với các giáo khác ư?

Nói chung về quán tâm, trên đây, thầy trò ban bố sự giáo hóa là do Pháp Thân thực hiện. Nếu chẳng tạo phương tiện để quán, sẽ vô ích cho hành nhân. Như kẻ nghèo đếm cửa báu, giống như kẻ mù cầm đuốc. Nhưng tâm số (tâm sở) rất nhiều, hãy nói theo thiện số (các thiện tâm sở), giống như các đệ tử tuy đông đảo, chỉ nêu ra mười vị. Mười thiện số (mười thiện tâm sở) phù tá tâm vương, có thể đổi ác hướng lành, đổi phàm thành thánh, hoàn tất hết thảy các pháp môn, chỉ lấy mười tâm số làm gốc. Như mười vị đệ tử phù tá đức Phật giáo hóa, cùng thuận thực chúng sanh vững vàng nơi Phật pháp. Mười vị, mỗi vị đều trọn đủ các đức, nhưng chỉ nói đến sở trường để tuyên dạy Phật đạo, hòng thuận theo lòng mong muốn của chúng sanh. Kẻ cầu trí huệ tôn ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) làm thầy, cho đến kẻ mong đa văn theo học với ngài A Nan. Do cùng phù tá đáng pháp vương mà mỗi vị chấp chương một chức trách. Nay quán tâm cũng giống như thế, mỗi mỗi đều thuộc trong tâm, đều trọn đủ tâm vương và tâm số để thành tựu phép Quán. Do tâm vương và tâm số giúp đỡ lẫn nhau mà được khai ngộ, hoặc do tướng tâm sở mà nhập đạo, hoặc do dục tâm sở mà nhập đạo. Tùy theo lẽ đáng nên mà tâm vương và tâm số cùng công kích để biến đổi các tâm trần lao hòng làm Phật sự. Tu phép Quán này mà chưa ngộ thì quán hạnh như sữa. Nếu phát khởi vô lậu thì quán hạnh như lạc. Nếu phá Trần Sa, sẽ như sanh tô và thực tô. Nếu phá vô minh, quán sẽ như đề hồ. Nếu chẳng hết sạch tâm số trần lao, quán sẽ chẳng hoàn tất. Vì thế, kinh dạy: “*Chúng sanh bất độ tận, ngã bất thành Chánh Giác*” (Chẳng độ hết chúng sanh, ta chẳng thành Chánh Giác) chính là ý này. Trí Húc cho rằng: Đối với hai mươi một vị đại La Hán, hãy nên chuẩn theo Duy Thức, [hai mươi một vị ấy] biểu thị chung cho hai mươi một pháp thiện tâm sở, tức là Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư, Dục, Giải, Niệm, Định, Huệ,

Tín, Tàm, Quý, Tinh Tấn, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả, Bất Hại. Mỗi mỗi đều tương ứng, mỗi mỗi đều trọn đủ các đức, cùng phù tá tâm vương, tự lợi, lợi lạc người khác đến tột cùng đời vị lai, chẳng hề đoạn tuyệt, nhưng chẳng phiền mỗi tâm số phải phối ứng với một vị La Hán, cốt sao hiểu ý mà thôi!

Phần đầu tiên, nói về chúng Thanh Văn đã xong.

1.1.2.1.2. Chúng Bồ Tát

Thích Luận nói: “*Bồ Tát bao gồm bốn chúng tại gia và xuất gia*”. Vì sao lại kể riêng biệt? Đáp: Có Bồ Tát thuộc vào bốn chúng, nhưng trong tứ chúng có các vị chẳng phải là Bồ Tát; vì những người ấy chẳng phát tâm làm Phật. Nay nêu riêng những vị cùng phát tâm cầu làm Phật, gọi là “*Bồ Tát chúng*”. Kinh văn chia làm ba phần: Một là nêu căn khí. Hai là tán thán phẩm đức. Ba là nêu tên và tổng kết.

1.1.2.1.2.1. Nêu bày căn khí

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát bát vạn nhân.

(經)菩薩摩訶薩八萬人。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát tám vạn người).

Nói đầy đủ thì phải là Bồ Đề Tát Đỏa Ma Ha Tát Đỏa (Bodhisattva Mahasattva), ngài La Thập nói giản lược [là Bồ Tát]. Bồ Đề (Bodhi) dịch là Đạo, Tát Đỏa (Sattva) dịch là Hữu Tình. Ma Ha dịch là Đại. [Bồ Tát] tức là Đại Đạo Tâm Hữu Tình. Đó chính là [biện định rõ] căn khí, chủng loại. Bồ Tát có nhiều loại, tức Thiên, Thông, Biệt, Viên. Như Thích Luận viện dẫn Ca Chiên Diên Tử (Kātyāyani-putra) nhằm nói về người hành viên mãn Lục Độ, muốn điều phục chúng sanh căn cơ còn đang là máu trở thành sữa. Hoặc như Đại Phẩm Bát Nhã nói có Bồ Tát phát tâm tương ứng với Tát Bà Nhã (Sarvajña, Nhất Thiết Trí), hòng điều phục sữa thành lạc. Hoặc như Đại Phẩm nói có Bồ Tát phát tâm du hý thần thông, tịnh hóa cõi Phật, hòng muốn đào luyện lạc trở thành sanh tô và thực tô. Hoặc như Đại Phẩm nói có Bồ Tát phát tâm liền ngồi nơi đạo tràng, thành Chánh Giác, chuyển pháp luân, độ chúng sanh, tức là điều chế tô thành đề hồ. Vì thế, trong phần sau, kinh có nói: “*Bồ Tát văn thị pháp, nghi vông giai dĩ trừ*” (Bồ Tát nghe pháp này,

lưới nghi đều đã trừ). Lại nói: “*Nhược Bồ Tát bất văn Pháp Hoa, phi thiện hành Bồ Tát đạo. Nhược văn thử kinh, tức thiện hành Bồ Tát đạo*” (Nếu Bồ Tát chẳng nghe kinh Pháp Hoa, thì chẳng phải là khéo hành Bồ Tát đạo. Nếu nghe kinh này, tức là khéo hành Bồ Tát đạo). Vì thế, nói đại lược bèn có bốn loại [Bồ Tát].

Xét theo Bốn Tích, Bốn địa khó lường, hoặc thuộc địa vị Đẳng Giác, hoặc bằng với đẳng pháp vương. Như Văn Thù vốn là Long Chúng Thượng Tôn Vương Phật, nhưng thị hiện làm Bồ Tát phù tá Phật Thích Ca, hòng dẫn dắt các chúng sanh thuộc bốn vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô) cùng về đề hồ. Nhưng xét theo sự thành tựu rốt ráo của Ngài nơi Bốn địa, há có phải là ngày nay Ngài mới nhập Đại Thừa, cũng chẳng phải là nơi Tịch Diệt đạo tràng [mặt trời mới mọc] chiếu núi cao trước! Dù Đốn hay Tiệm, đều là những chuyện được thực hiện thuộc về Tích.

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán, cùng chiếu cả hai đế (Tục Đế và Chân Đế) thì gọi là Đại. Thông thấu cực quả (quả vị tốt cùng, tức Phật quả) thì gọi là Đạo. Phá ngũ trụ trần lao thì gọi là Thành Chúng Sanh (thành tựu chúng sanh).

“*Tám vạn người*” là số lượng. Trong các kinh khác, đại chúng nhóm họp rất đông, có sao kinh này lại ít? [Nguyên nhân là do] hoặc nói đến một con số đại lược, hoặc ví như vua bàn chuyện cơ mật, mọi người trong cả nước làm sao cùng tham gia bàn luận cho được? Nay mở tạng bí mật, chẳng dính líu đến quyền biên hay hạ căn, những người chúng tín đều chẳng phải hạng lơ mơ, ắt phải đều là người căn tánh viên đốn và có cội nguồn sâu xa nơi Bốn.

Xét theo quán tâm, quán một thiện tâm trọn đủ bách giới thiên như. Thập Thiện chính là vạn pháp. Xét theo Bát Chánh Đạo thì chính là tám vạn pháp môn (Thập Thiện là đối tượng để quán, Bát Chánh Đạo là chủ thể để quán).

1.1.2.1.2.2. Tán thán phẩm đức

(Kinh) Giai u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề bất thoái chuyển, giai đắc Đà La Ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển bất thoái chuyển pháp luân, cúng dường vô lượng bách thiên chư Phật. Ư chư Phật sở, thực chứng đức bốn, thường vị chư Phật chỉ sở xưng tán. Dĩ Tì tu thân, thiện nhập Phật huệ, thông đạt đại trí, đáo u bỉ ngạn. Danh xưng phổ văn vô lượng thế giới, năng độ vô số bách thiên chúng sanh.

(經)皆於阿耨多羅三藐三菩提不退轉，皆得陀羅尼，樂說辯才，轉不退轉法輪，供養無量百千諸佛。於諸佛所，植眾德本，常為諸佛之所稱歎。以慈修身，善入佛慧，通達大智，到於彼岸。名稱普聞無量世界，能度無數百千眾生。

(Kinh: Điều chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều đắc Đà La Ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển pháp luân chẳng thoái chuyển, cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật. Gieo các cội đức nơi chư Phật, thường được chư Phật khen ngợi. Dùng lòng Từ để tu thân, khéo nhập trí huệ của Phật, thông đạt đại trí, đến bờ bên kia. Tiếng tăm vang rền vô lượng thế giới, có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh).

Câu đầu tiên vừa nói rõ địa vị, vừa tán thán phẩm đức. Mười hai câu kế đó chỉ tán thán phẩm đức. Gộp chung mười ba câu là tán thán phẩm đức theo chiều dọc (thời gian) lẫn chiều ngang (không gian). A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttara Samyak Sambodhi) được phương này dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có ý nghĩa thông khắp bốn giáo.

“*Bất thoái chuyển*” xét theo Vị (địa vị), Hạnh, và Niệm để luận định Bất Thoái, và cũng có bốn thứ riêng biệt:

- Nếu nói “chẳng sanh trong ba ác đạo” thì gọi là Vị Bất Thoái. Chẳng sanh nơi biên địa, các căn tròn vẹn, chẳng thọ thân nữ, thì gọi là Hạnh Bất Thoái. Thường biết túc mạng thì gọi là Niệm Bất Thoái. Trọn đủ hết các điều ấy thì gọi là A Bệ Bạt Trí. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng.

- Nếu [thuộc các địa vị] từ Sơ Địa cho tới Lục Địa, chẳng lui sụt xuống phàm phu, thì gọi là Vị Bất Thoái. Tuy chánh sử⁸⁰ đã tận, nhưng chưa thể tu trọn khắp vạn hạnh, hạnh vẫn còn lui sụt. Đạt tới Thất Địa thì gọi là Hạnh Bất Thoái, nhưng vẫn dấy lên ý niệm Nhị Thừa. Vì thế, niệm có lui sụt. Đạt tới Bát Địa, đạo và quán cùng lưu xuất, hòa nhập

⁸⁰ Chánh thể của phiền não đang dấy lên hiện hành thì gọi là Chánh Sử. “Sử” có nghĩa là phiền não có thể khiến cho chúng sanh lưu chuyển luân hồi trong tam giới, chẳng thể giải thoát.

vào nước của dòng pháp thì gọi là Niệm Bất Thoái, gọi là địa vị A Bệ Bạt Trí. Đây chính là ý nghĩa tam thừa cùng lên Thập Địa trong Thông Giáo.

- Các vị trong Địa Luận Tông⁸¹ nói: “*Thập Trụ là Chứng Bất Thoái. Thập Hạnh là Vị Bất Thoái. Thập Hồi Hướng là Hạnh Bất Thoái. Thập Địa là Niệm Bất Thoái*”. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Kinh Anh Lạc nói: “*Sơ Địa tam quán hiện tiền, tâm nào cũng đều tịch diệt, tự nhiên lưu nhập*”; đó cũng là ý nghĩa trong Biệt Giáo.

- Như kinh Hoa Nghiêm nói Sơ Trụ đạt được “*một thân là vô lượng thân của Như Lai*”, trọn đủ ba món Bất Thoái; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo. Đó là chuyện thuộc về Nhất Thật, nay dùng cách phân giáo này để phân định địa vị màu nhiệm vậy.

Xét theo Bốn Tích, Bốn địa tịch diệt, còn chẳng phải là Thập Địa, huông hồ Sơ Trụ! Còn chẳng phải là Sơ Trụ trong Viên Giáo, huông hồ Biệt Giáo và Thông Giáo ư? Các địa vị thuộc Thông Giáo và Biệt Giáo có thể dùng để giải thích các loại đại chúng được liệt kê [trong phần Chứng Tín] của các kinh khác, chứ [hàng Bồ Tát trong] kinh này chỉ thuộc địa vị trong Viên Giáo. Đã chẳng biết Tích, làm sao có thể biết Bốn cho được?

Xét theo quán tâm, Tam Quán chính là tam bất thoái. Lại nữa, Nhất Tâm Tam Quán chính là nhất tâm tam bất thoái, cần phải dựa theo Lục Tức [để biện định]. Câu này theo chiều dọc, tán thán Sơ Hoan Hỷ Địa, chẳng thoái đọa vào nhị biên, nhập Trung Đạo. Theo chiều ngang là tán thán Sơ Phát Tâm Trụ, vượt ra ngoài nhị biên, trừ phàm siêu thánh.

“*Giai đắc Đà La Ni*” (Đều đắc Đà La Ni): Đà La Ni được phương này dịch là Giá Trì (遮持), tức “*ngăn che điều ác, gìn giữ điều thiện*”. Theo chiều dọc, tán thán Ly Cấu Địa (Nhị Địa), Giới Độ (Thi La Ba La Mật) thanh tịnh. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ, ngăn che ba chướng, gìn giữ ba đức.

⁸¹ Địa Luận Tông là một tông phái của Phật giáo Đại Thừa, căn cứ vào Thập Địa Kinh Luận mà đề ra giáo nghĩa Như Lai Tạng duyên khởi. Địa Luận Tông được hình thành sau khi các vị Bồ Đề Lưu Chi, Lạc Na Ma Đề, Phật Đà Phiến Đa... dịch bộ Thập Địa Kinh Luận vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) nhà Bắc Ngụy, bộ kinh luận này gây nên hứng thú nghiên cứu rộng rãi trong giới học thuật Trung Hoa, hình thành tông Địa Luận. Thập Địa Kinh Luận chính là chú giải phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm do ngài Thế Thân biên soạn. Về sau, tông này dung nhập vào tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm Tông).

Câu “*nhạo thuyết biện tài*” theo chiều dọc, tán thán Phát Quang Địa (Tam Địa), đặc đại văn trì, trọn đủ tứ vô ngại biện⁸². Theo chiều ngang, tán thán công đức nghiêm mật nơi khẩu của bậc Sơ Trụ.

Câu “*chuyển bất thoái chuyển pháp luân*” theo chiều dọc, tán thán Diễm Huệ Địa (Tứ Địa) tự phá Hoặc của chính mình, và phá mê ám cho người khác. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ ngay trong thân hiện tại có thể làm Phật, thuyết pháp độ sanh.

Câu “*cúng dường vô lượng bách thiên chư Phật*” (cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật), theo chiều dọc, tán thán Nan Thắng Địa (Ngũ Địa), dùng sức Thiền Định thần thông hòng đầy khởi cúng dường trọn khắp. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ có thể thừa sự trọn khắp mười phương chư Phật.

Câu “*ư chư Phật sở, thực chứng đức bốn*” (nơi chỗ chư Phật, gieo các cội đức), theo chiều dọc, tán thán Hiện Tiền Địa (Lục Địa), Bát Nhã hiện tiền. Trí là gốc của đức, giống như gieo trồng nơi đất. Theo chiều ngang thì là tán thán Sơ Trụ đạt được cội gốc Thật Tướng, có thể gieo trồng các đức.

Câu “*thường vị chư Phật chi sở xưng tán*” (thường được chư Phật khen ngợi), theo chiều dọc, tán thán Viên Hành Địa (Thất Địa), nhị trí phương tiện đã vượt khỏi hết thấy, rộng tu lợi ích, tương xứng, thấu hiểu Phật tâm. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ khai tri kiến của Phật, giống như chư Phật. Vì thế, được Phật xưng dương, khen ngợi.

Câu “*đĩ Từ tu thân*” (dùng lòng Từ để tu thân), theo chiều dọc, tán thán Bất Động Địa (Bát Địa): Lòng Từ huân tập tam nghiệp, huân tập cái thân vào trong năm đường, huân tập miệng vì đại chúng thuyết pháp, huân tập cái tâm vì họ lập bày phương tiện. Theo chiều ngang, tán thán bậc Sơ Trụ do sức của lòng Từ vô duyên, có thể hiện trọn khắp các sắc thân, ứng trọn khắp pháp giới.

⁸² Tứ vô ngại biện:

- Pháp vô ngại biện (còn gọi là pháp vô ngại trí, hoặc pháp vô ngại giải), có trí giải tự tại vô ngại đối với hết thấy các pháp tướng, cho nên có thể khéo biện luận, diễn nói.
- Nghĩa vô ngại biện: Có trí giải vô ngại đối với nghĩa lý của hết thấy pháp tướng, danh tự, cho nên khéo có thể biện luận, diễn nói.
- Từ vô ngại biện: Có trí giải thông đạt hết thấy các ngôn ngữ địa phương để biện luận, diễn nói vô ngại.
- Biện vô ngại biện (còn gọi là Nhạo Thuyết Vô Ngại), tùy thuận chúng sanh mà diễn nói hay khéo khiến cho họ được hóa độ.

Câu “*thiện nhập Phật huệ*” (khéo nhập trí huệ của Phật), theo chiều dọc, tán thán Thiện Huệ Địa (Cửu Địa), thâm nhập Thật Tế, khéo thấu triệt cội nguồn. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ nhập bí mật tạng.

Câu “*thông đạt đại trí*”, theo chiều dọc, tán thán Pháp Vân Địa (Thập Địa), Trí Ba La Mật tăng thượng nhất. Theo chiều ngang, tán thán nhất tâm tam trí của Sơ Trụ không thể chướng ngại.

Câu “*đáo ư bỉ ngạn*” (tới bờ bên kia) theo chiều dọc, tán thán nội đức của Đẳng Giác đạt tới bờ kia Tam Đế. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ hiểu thấu rốt ráo Sự Lý.

Câu “*danh xưng phổ văn vô lượng thế giới*” (tiếng tăm rền vang vô lượng thế giới) theo chiều dọc, tán thán ngoại đức của bậc Đẳng Giác, quán đánh thọ chức, pháp giới đều cùng nghe tiếng. Theo chiều ngang, tán thán đức trọn vẹn chân thật của Sơ Trụ tương xứng cùng với danh tướng.

Câu “*năng độ vô số bách thiên chúng sanh*” (có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh) theo chiều dọc, tán thán ân đức giáo hóa người khác của Đẳng Giác. So với các địa vị thấp hơn, ân đức ấy thù thắng nhất, rộng nhất. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ có thể làm chỗ y chỉ cho mười pháp giới.

Các địa vị đều có đủ các đức, nhưng nay dựa theo chiều dọc để giải thích sự sai khác là vì tánh tình con người chuộng lạ. Lại dựa theo danh xưng của Thập Địa [để giải thích] là vì thuận tiện. Hơn nữa, giải nghĩa theo chiều dọc sẽ dễ hiểu, nên tuân theo cách ấy để giải thích kinh văn. Sơ Trụ đã có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng mười ba câu kinh ấy chỉ là nói đại lược đó thôi! Sơ Trụ mà còn như thế, từ Nhị Trụ cho đến Đẳng Giác [cứ phỏng theo đó] mà biết. Vì thế, Đại Phẩm nói: “*Sơ A Tự Môn cụ tứ thập nhất tự công đức, hậu Trà diệt cụ chư tự công đức. Trung gian diệt nhĩ, tự đẳng, ngữ đẳng, công đức diệt đẳng*” (Đầu tiên là môn chữ A có đầy đủ công đức của bốn mươi một chữ kia. Chữ Trà cuối cùng cũng có đủ công đức của các chữ khác. Chẳng giữa (tức các chữ giữa A và Trà) cũng thế. Chữ bình đẳng, lời bình đẳng, công đức cũng bình đẳng).

Xét theo quán tâm thì Không Quán là Toàn Đà La Ni⁸³. Giả Quán là trăm ngàn Toàn Đà La Ni. Trung Quán là Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni. Lại nữa, Không Quán quán tâm chỉ có danh tự, tức là Văn Trì Đà La Ni. Giả Quán quán tâm vô lượng tâm, tâm và tâm số pháp đều là pháp môn, tức Hành Trì Đà La Ni. Trung Quán quán tâm chính là Thật Tướng, tức là Nghĩa Trì Đà La Ni. Giả Quán quán tâm có đủ mười giới pháp, tức Pháp Vô Ngại Biện. Trung Quán quán tâm mười pháp giới đều vào trong Thật Tướng, tức Nghĩa Vô Ngại Biện. Không Quán quán tâm mười pháp giới chỉ có danh tự, ngôn ngữ, tức Từ Vô Ngại Biện. Quán nhất tâm chính là ba tâm, ba tâm chính là nhất tâm, một pháp giới là hết thấy các pháp giới, xoay chuyển vô ngại, tức là Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện. Không Quán là chuyển Vị Bất Thoái pháp luân. Giả Quán là chuyển Hạnh Bất Thoái pháp luân. Trung Quán là chuyển Niệm Bất Thoái pháp luân.

Cúng dường Phật chỉ là tùy thuận lời Phật. Nay thuận theo lời Phật dạy, tu ba quán tâm thì chính là cúng dường Phật. Phá ngũ trụ, đạt được giải thoát, tức là cúng dường Pháp. Hòa hợp lý Tam Đế, tức là cúng dường Tăng.

Lại nữa, các hạnh tâm phụ trợ quán trí tâm, tức là cúng dường Phật. Quán trí tâm khai phát cảnh giới chính là cúng dường Pháp. Cảnh và trí tâm hòa hợp, tức là cúng dường Tăng. Cái tâm Thật Tướng chính là cội gốc của quán trí tâm. Quán trí tâm là cội gốc của các hạnh tâm. Hễ đạt được cái gốc thì gieo trồng thành công. Vì thế nói là “*thực chúng đức bốn*” (gieo trồng các cội đức). Quán trí tâm ngầm hợp cảnh giới, cảnh giới in vào quán trí. Trí chiếu thường hợp với cảnh, chính là “*chư Phật sở thán*” (được chư Phật khen ngợi). Không Quán được Pháp Duyên Từ huân tập. Giả Quán được Chúng Sanh Duyên Từ huân tập. Trung Quán được Vô Duyên Từ huân tập. Không Quán nhập Phật huệ của Thông Giáo. Giả Quán nhập Phật huệ của Biệt Giáo. Trung Quán nhập Phật huệ của Viên Giáo. Không Quán đạt đến bờ kia Nhất Thiết Trí. Giả Quán đạt đến bờ kia Đạo Chứng Trí. Trung Quán đạt đến bờ kia Nhất Thiết Chứng Trí. Không Quán nghe Chân Đế. Giả Quán nghe Tục Đế. Trung Quán nghe trọn khắp Trung Đạo Đế Nhất Nghĩa Đế, và cũng nghe trọn khắp Tam Đế. Không Quán độ trăm ngàn chúng sanh thuộc Tứ

⁸³ Toàn Đà La Ni (旋陀羅尼) là một trong ba môn Đà La Ni của Pháp Hoa, có nghĩa là trong các pháp môn đạt được sức tự tại xoay chuyển. Ngài Gia Tường Cát Tạng chú giải: “*Toàn Đà La Ni, trong các pháp môn viên mãn trọn đủ, ra vào tự tại*”.

Trụ. Giả Quán độ trăm ngàn chúng sanh nơi Trần Sa. Trung Quán độ trăm ngàn chúng sanh trong vô minh. Nhất Tâm Tam Quán có vô lượng, tán thán chẳng thể cùng tận, chỉ nói đại lược mà thôi!

1.1.2.1.2.3. Nêu tên và tổng kết

(Kinh) Kỳ danh viết: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát, Bảo Chưởng Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Bảo Nguyệt Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát, Mãn Nguyệt Bồ Tát, Đại Lực Bồ Tát, Vô Lượng Lực Bồ Tát, Việt Tam Giới Bồ Tát, Bạt Đà Bà La Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát. Như thị đẳng Bồ Tát Ma Ha Tát bát vạn nhân câu.

(經)其名曰：文殊師利菩薩、觀世音菩薩、得大勢菩薩、常精進菩薩、不休息菩薩、寶掌菩薩、藥王菩薩、勇施菩薩、寶月菩薩、月光菩薩、滿月菩薩、大力菩薩、無量力菩薩、越三界菩薩、跋陀婆羅菩薩、彌勒菩薩、寶積菩薩、導師菩薩。如是等菩薩摩訶薩八萬人俱。

(Kinh: Tên các Ngài là: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát, Bảo Chưởng Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Bảo Nguyệt Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát, Mãn Nguyệt Bồ Tát, Đại Lực Bồ Tát, Vô Lượng Lực Bồ Tát, Việt Tam Giới Bồ Tát, Bạt Đà Bà La Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát. Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát như thế tám vạn người nhóm họp).

Đại danh của Đại Sĩ hoặc là từ pháp môn, hoặc từ hạnh đức, hoặc từ bốn nguyện. Tuy là một tên mà chứa đựng vô lượng nghĩa. Nay dựa theo kinh và quán tâm để giải thích danh hiệu của mười tám vị Bồ Tát.

* Văn Thù Sư Lợi (Mañjuśrī), phương này dịch là Diệu Đức. Đại Kinh dạy: “*Liễu liễu kiến Phật tánh, do như Diệu Đức đẳng*” (Thấy rành rõ Phật tánh giống như Diệu Đức v.v...) Kinh Tư Ích⁸⁴ nói: “*Tuy thuyết*

⁸⁴ Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh (Viśeśacintabrahma-pariprcchā) do ngài Cưu Ma La Thập dịch. Trong kinh này, đức

chư pháp, nhi bất khởi pháp tướng, bất khởi phi pháp tướng. Cố danh Diệu Đức” (Tuy nói các pháp mà chẳng dấy lên tướng pháp, chẳng dấy lên tướng phi pháp. Vì thế tên là Diệu Đức). Kinh Bi Hoa nói: “*Nguyên ngã hành Bồ Tát đạo sở hóa chúng sanh, giai ư thập phương, tiên thành Chánh Giác, linh ngã Thiên Nhân tất đắc kiến chi. Ngã chi quốc độ giai nhất sanh Bồ Tát, tất linh tùng ngã khuyến phát đạo tâm. Ngã hành Bồ Tát đạo, vô hữu tể hạn. Bảo Tạng Phật ngôn: - Nhữ tác công đức thậm thâm, thậm thâm, nguyện thủ diệu độ, kim cố hiệu nhữ vi Văn Thù Sư Lợi, tại Bắc phương Hoan Hỷ thế giới tác Phật, hiệu Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích, kim do hiện tại, văn danh diệt tứ trọng tội*” (Nguyên các chúng sanh được tôi giáo hóa khi hành Bồ Tát đạo, sẽ đều trong mười phương thành Chánh Giác trước, khiến cho Thiên Nhân của tôi thấy đều trông thấy. Quốc độ của tôi toàn là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát đều do tôi khuyến phát đạo tâm. Tôi hành Bồ Tát đạo chẳng có ngần hạn. Bảo Tạng Phật nói: - Ông nay tạo công đức rất sâu, rất sâu, nguyện giữ lấy cõi mầu nhiệm. Vì thế, nay đặt cho ông danh hiệu là Văn Thù Sư Lợi. Ông sẽ thành Phật tại thế giới Hoan Hỷ ở phương Bắc, hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích, đến nay vẫn còn tại thế, người nghe danh hiệu ông sẽ diệt bốn trọng tội).

Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội lại nói: “*Quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật hiệu Long Chung Thượng Tôn Vương, diệt tức Văn Thù*” (Trong quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, có Phật hiệu là Long Chung Thượng Tôn Vương, cũng chính là Văn Thù).

Xét theo quán tâm, tam đức bí tạng chẳng đọc, chẳng ngang, cho nên gọi là Diệu Đức.

* Quán Thế Âm, tiếng Phạn là Bà Lô Cát Đề Thuế (Avalokiteśvara), sẽ được giải thích cận kề trong phẩm Phổ Môn⁸⁵.

Phật vì Vông Minh Bồ Tát và Tư Ích Phạm Thiên nói về lý không tịch của các pháp. Các bộ kinh Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn) và Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn (do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch trong đời Bắc Ngụy) đều là các bản dịch khác của kinh này.

⁸⁵ Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: “*Kinh Tư Ích chép: ‘Nếu chúng sanh thấy tôi, ngay khi ấy nhất định đắc Bồ Đề. Xưng danh hiệu tôi thoát khỏi các khổ. Vì thế, tên là Quán Âm’. Kinh Bi Hoa chép: ‘Nếu có chúng sanh chịu khổ, xưng danh hiệu tôi, nghĩ đến tôi, thiên nhân và thiên nhĩ của tôi sẽ thấy mà người ấy chẳng thoát khổ, sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác. Bảo Tạng Phật nói: - Ông quán hết thấy chúng sanh, sanh tâm đại bi, nay đặt tên cho ông là Quán Thế Âm’.*”

Xét theo quán tâm, tam trí thì gọi là Quán, Tam Đế là Thế, Tam Quán nói đến Bốn, cho nên gọi là Âm (kinh văn sẽ dựa theo mặt Sự để giải thích, coi đối tượng được Ngài tiếp độ là Âm. Ở đây, chỉ xét theo chủ thể quán sát, cho nên gọi những điều được Ngài tuyên nói là Âm).

* Đắc Đại Thế, còn gọi là Đại Thế Chí (Mahāsthāmaprāpta). Kinh Tư Ích nói: *“Ngã đầu túc chi xứ, chấn động tam thiên đại thiên thế giới, cập ma cung điện. Cố danh Đại Thế Chí”* (Chỗ ta đặt chân chấn động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma. Vì thế, tên là Đại Thế Chí). Quán Kinh nói: *“Đản kiến thử Bồ Tát nhất mao khổng quang, tức kiến thập phương chư Phật tịnh diệu quang minh. Thị cố, hiệu thử Bồ Tát danh Vô Biên Quang. Dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết, linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực. Thị cố, hiệu thử Bồ Tát vi Đại Thế Chí”* (Chỉ thấy quang minh nơi một lông chân lông của vị Bồ Tát này, liền thấy quang minh tịnh diệu của mười phương chư Phật. Vì thế, gọi tên vị Bồ Tát này là Vô Biên Quang. Ngài dùng quang minh trí huệ chiếu trọn khắp hết thấy, khiến họ lìa tam đồ, đạt được sức vô thượng. Vì thế, gọi vị Bồ Tát này là Đại Thế Chí).

Xét theo quán tâm, Tam Chỉ⁸⁶ làm chân, đặt nơi đất Tam Đế (Không, Giả, Trung), chấn động mười pháp giới, hết thấy chỗ trụ của Kiến Ái đều bị nghiêng ngả, lay động.

* Thường Tinh Tấn (Satasamitabhiyakta, Nityodyukta): Kinh Đại Bảo Tích nói: *“Thị Bồ Tát vị nhất chúng sanh kinh vô lượng kiếp tùy trục bất xả, do bất thọ hóa, vô nhất niệm khí xả, dĩ thân tâm câu tấn cố”* (Vị Bồ Tát này vì một chúng sanh bền trải qua vô lượng kiếp theo sát

⁸⁶ Tam Chỉ là ba phép Chỉ trong tông Thiên Thai:

1. Thế Chân Chỉ: Nhận biết các pháp đều do nhân duyên sanh, do nhân duyên giả hòa hợp, pháp thế là tánh Không. Pháp Chỉ này nhằm ngăn dứt hết thấy vọng tưởng nắm níu, chứng chân thể lý Không, Không tức là Chân. Đó là Chỉ thuộc về Không Quán.
2. Phương Tiện Tùy Duyên Chỉ (còn gọi là Hệ Duyên Thủ Cảnh Chỉ): Bồ Tát biết Không chẳng phải là Không, đình chỉ lý huyễn hóa nơi các pháp, phân biệt thuộc và bệnh để lợi ích chúng sanh. Biết Không chẳng phải là Không thì gọi là phương tiện, an trụ trong lý Giả Đề bất động thì gọi là Chỉ. Đó là Chỉ thuộc về Giả Quán.
3. Túc Nhị Biên Phân Biệt Chỉ (còn gọi Ché Tâm Chỉ): Môn Chỉ thứ nhất thiên về Chân, môn thứ hai thiên về Tục, đều chưa phải là Trung Đạo. Nay biết Chân chẳng phải là Chân, tức là tịch tĩnh nơi Không, biết Tục chẳng phải là Tục, sẽ vắng lặng bên Hữu, tức là ngưng dứt hai bên Chân và Tục, Chỉ nơi Trung Đạo. Đó là Chỉ thuộc về Trung Quán.

chẳng bỏ mà kẻ đó vẫn chẳng tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài, Ngài chẳng có một niệm vứt bỏ vì thân và tâm đều tinh tấn vậy).

* **Bất Hưu Túc** (Anikṣiptadhura, chẳng ngại ngại): Kinh Tư Ích nói: *“Hằng hà sa kiếp vì nhất nhật dạ, thị tam thập nhất vi nguyệt, thập nhị nguyệt vi tuế, quá bách thiên vạn ức kiếp, đắc trị nhất Phật. Như thị trị Hằng sa Phật, hành chư phạm hạnh, tu tập công đức. Nhiên hậu thọ ký, tâm bất hưu túc”* (Lấy Hằng hà sa kiếp làm một ngày đêm, coi ba mươi ngày như thế là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp mới được gặp một vị Phật. Gặp Hằng sa Phật như thế, hành các phạm hạnh, tu tập công đức. Sau đó được thọ ký, tâm chẳng ngại ngại).

Xét theo quán tâm, quán Không mà chẳng trụ vào Không, xuất Giả mà chẳng trụ vào Giả, nhập Trung mà chẳng trụ vào Trung, cùng chiếu cả hai Đế (Chân Đế và Tục Đế) thì gọi là Bất Hưu Túc. Bất Hưu Túc và Thường Tinh Tấn ý nghĩa gần giống như nhau. Muốn phân biệt thì: Tiến nhập chẳng gián đoạn là Thường Tinh Tấn, lâu dài chẳng bỏ là Bất Hưu Túc. Vì thế, giải thích theo Quán thì gọi là Bất Trụ, [dùng ý nghĩa ấy] để giải thích Bất Hưu Túc. Cũng xét theo thời gian dài lâu, nhưng thọ ký và lợi sanh khác nhau!

* **Bảo Chương** (Ratnapāṇi, tay cầm báu vật): Kinh Phổ Siêu nói: *“Bị thương đức khái, vô năng trở bại. Nhược ư mộng trung, bất chí Nhị Thừa. Thường dĩ thật tâm, chư thông huệ tâm, vi nhân giảng tuyên ư chư trần bảo, tâm vô tham tích”* (Mặc áo giáp thương đức, không thể bị ngăn trở, đánh bại. Dầu ở trong mộng, chẳng nghĩ tưởng Nhị Thừa. Thường dùng thật tâm, các tâm thông huệ, vì người khác giảng nói các trần bảo, tâm chẳng tham tiếc).

Xét theo quán tâm, chẳng nghĩ bàn Tam Đế thì gọi là Bảo. Nhất Tâm Tam Quán thì gọi là Chương (掌, bàn tay). Dùng tay Quán ấy để nắm giữ của báu Tam Đế hòng tự lợi, lợi người.

* **Dược Vương** (Bhaiṣajyarāja): Kinh Bi Hoa nói: *“Nguyện Hiền Kiếp nhất thiên tứ Phật sơ thành đạo, ngã giai cúng dường. Chư Phật nhập diệt, ngã giai khởi tháp. Kiếp tận khổ não, ngã giai cứu hộ. Dao binh, tật dịch, tác đại dược vương. Nhiên hậu tác Phật. Bảo Tạng Phật ngôn: - Kim đương tự nhữ vi Hóa Tịnh Dược Vương, tại hậu tác Phật, tức Lâu Chí Như Lai”* (“Nguyện trong Hiền Kiếp khi một ngàn lẻ bốn vị Phật mới thành đạo, tôi đều cúng dường. Chư Phật nhập diệt, tôi đều dựng tháp. Kiếp tận, khổ não, tôi đều cứu vớt, che chở. Dao binh, bệnh

dịch, tôi làm đại dược vương. Sau đó thành Phật”. Bảo Tạng Phật nói: - Nay ta đặt tên cho ông là Hòa Tịnh Dược Vương. Sau này sẽ làm Phật, tức Lô Lô Chí Như Lai).

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Quán tự chữa trị mình, chữa trị người khác.

* Dũng Thí (Pradānaśūra, dũng mãnh bố thí): Thí trọn khắp pháp bảo xuất thế cho chúng sanh chẳng chán mệt.

* Bảo Nguyệt (Ratnachandra): Tam Đế đã chứng đáng quý như báu vật. Tam Trí⁸⁷ dùng để chứng [Tam Đế] chiếu trọn vẹn như trăng.

* Nguyệt Quang (Candraprabha): Tam Trí viên diệu có thể trừ phiền não tối tăm, nóng bức.

* Mãn Nguyệt (Pūrṇacandra): Tam Trí viên minh, chẳng hề khuyết giảm.

* Đại Lực (Mahāvīkramin): Trí và cảnh ngàm hợp, có lực dụng to lớn.

* Vô Lượng Lực (Anantavīkramin): Dùng đại lực dụng để ứng trọn khắp các duyên, dẹp khắp các khổ.

* Việt Tam Giới (Trailokya-vīkramin, vượt thoát tam giới): Dùng Nhất Tâm Tam Quán để siêu việt hai thứ Biến Dịch và Phần Đoạn trong tam giới.

* Bạt Đà Bà La (Bhadrāpāla), phương này dịch là Thiện Thủ (善守), còn dịch là Hiền Thủ (賢守), hoặc Hiền Thủ (賢首), hoặc Hiền Hộ (賢護). Kinh Tư Ích nói: “*Nhược chúng sanh văn danh giả, tất định đắc Tam Bồ Đề, cố danh Thiện Thủ. Vị cư Đẳng Giác, chúng hiền chi thủ, cố danh Hiền Thủ. Thiện xảo tương hộ, linh kỳ bất thoái, cố danh Hiền Hộ*” (Nếu chúng sanh nghe tên Ngài, nhất định đắc Chánh Giác, cho nên tên là Thiện Thủ. Thuộc địa vị Đẳng Giác, đứng đầu các vị hiền nhân, nên tên là Hiền Thủ. Khéo léo bảo vệ khiến cho họ chẳng lui sụt, cho nên tên là Hiền Hộ).

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán là thượng thủ bậc nhất trong các điều thiện.

* Di Lặc (Maitreya), phương này dịch là Từ Thị. Kinh Tư Ích nói: “*Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (Chúng sanh trông thấy Ngài liền đạt được Từ Tâm tam-muội). Kinh Bi Hoa nói: “*Phát*

⁸⁷ Tam Trí là Nhất Thiết Trí (trí của Thanh Văn và Duyên Giác), Đạo Chứng Trí (trí của Bồ Tát), và Nhất Thiết Chứng Trí (trí của Phật).

nguyện *ư* đao hỏa kiếp trung, cứu hộ chúng sanh” (Phát nguyện trong kiếp đao binh, sẽ cứu vớt, che chở chúng sanh). Ngài tên là A Dật Đa (Ajita), phương này dịch là Vô Năng Thắng (không ai hơn được).

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán tức là vô duyên đại từ, từ thiện căn lực, khiến cho các tâm số đều cùng nhập và thấu hiểu pháp đại từ.

* Bảo Tích (Ratnākara) là tích tụ của báu nhất tâm tam trí.

* Đạo Sư (Susāthavāha): Kinh Tư Ích nói: “*Ư* đạo tà đạo chúng sanh, sanh đại bi tâm, linh nhập chánh đạo (đạo dã), bất cầu ân báo (sư dã)” (Đối với chúng sanh đạo vào tà đạo, sanh tâm đại bi, khiến cho họ nhập chánh đạo (đó là “hướng dẫn”), chẳng cầu báo ân. Đó là “Sư”).

Xét theo quán tâm, tam quán diệu trí hướng dẫn hết thấy các hạnh, chẳng đạo vào nhị biên, đều nhập chánh quán.

Câu kết luận có ý nghĩa dễ hiểu. Phần thứ hai nói về các vị Bồ Tát đã xong.

1.1.2.1.3. Tập chúng

Quả báo và hình tướng phức tạp. Người đắc đạo và chưa đắc đạo xen tạp. Trong ấy, người đắc Nhị Thừa đạo, vô lậu trí xen tạp với vô minh. Người đắc Bồ Tát trong đó thì các vị hòa quang đồng trần và các căn cơ sai khác xen tạp. Người đắc Phật đạo trong ấy, một pháp trọn đủ hết thấy các pháp, cho nên nói là Tập. “Tập” có ý nghĩa như thế đó, chẳng thể dùng hình tướng phạm phu để phán định. Lại chẳng thể dùng năm đường trời, người v.v... để phán định. Kinh văn chia thành tám phần: Một là Dục Giới thiên chúng. Hai là Sắc Giới thiên chúng. Ba là long chúng. Bốn là Khẩn Na La chúng. Năm là Càn Thát Bà chúng. Sáu là A Tu La chúng. Bảy là Ca Lâu La chúng. Tám là nhân chúng.

1.1.2.1.3.1. Dục Giới thiên chúng

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Đề Hoàn Nhân, dữ kỳ quyền thuộc nhị vạn thiên tử câu. Phục hữu Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, tứ đại thiên vương, dữ kỳ quyền thuộc vạn thiên tử câu. Tự Tại thiên tử, Đại Tự Tại thiên tử, dữ kỳ quyền thuộc tam vạn thiên tử câu.

(經)爾時，釋提桓因，與其眷屬二萬天子俱。復有明月天子、普香天子、寶光天子、四大天王，與其眷屬萬天子俱。自在天子、大自在天子，與其眷屬三萬天子俱。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc của ông ta là hai vạn thiên tử nhóm họp. Lại có Minh Nguyệt (Candra) thiên tử, Phổ Hương (Samantagandha) thiên tử, Bảo Quang (Ratnaprabha) thiên tử, tứ đại thiên vương và quyến thuộc của họ là một vạn thiên tử nhóm họp. Tự Tại (Īśvara) thiên tử, Đại Tự Tại (Maheśvara) thiên tử, và quyến thuộc của họ là ba vạn thiên tử nhóm họp).

* Thích Đề Hoàn Nhân (Śakra Devānām Indra), phương này dịch là Năng Tác (能作, có thể làm), là chúa của Tam Thập Tam Thiên.

Xét theo giáo, kinh A Hàm nói rõ Đế Thích đắc quả A Na Hàm. Kinh Bát Nhã nói người thừa hởi Bát Nhã trong mười phương đều tên là Thích Đề Hoàn Nhân. Biệt Giáo và Viên Giáo nói Thích Đề Hoàn Nhân đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, nội chứng khác nhau. Trong Hiền Kiếp, sau hai ngàn bốn mươi bốn kiếp sau, sẽ thành Phật, hiệu là Vô Trước Thế Tôn.

Xét theo Bốn Tích, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hưởng là ba mươi. Thập Địa là một, Đẳng Giác là hai, Diệu Giác là chủ [đó là ý nghĩa biểu thị pháp của Tam Thập Tam Thiên], cùng ngự trong Đệ Nhất Nghĩa Thiên, cùng uống cam lộ Thật Tướng; đó chính là Bốn. Ngự trên đỉnh núi Tu Di (Sumeru). Đó là Tích.

Xét theo quán tâm, tự hành Thập Thiện, khuyên người khác hành Thập Thiện, tùy hỷ hành Thập Thiện. Đó là ba mươi điều thiện, đều là Không, đều là Giả, đều là Trung, tức là ba mươi ba Quán môn.

* Ba vị thiên tử như Minh Nguyệt v.v... đều là nội thần (內臣, các vị cận thần phụ chánh), giống như khanh tướng. Hoặc nói Minh Nguyệt là Bảo Cát Tường Nguyệt thiên tử do Đại Thế Chí Bồ Tát ứng hiện. Phổ Hương là Minh Tinh thiên tử, do Hư Không Tạng Bồ Tát ứng hiện. Bảo Quang là Bảo Ý Nhật thiên tử do Quán Thế Âm ứng hiện. Đó là giải thích theo Bốn Tích.

Xét theo quán tâm, Tam Quán chính là Tam Trí. Tam Trí chính là Tam Quang. Từ Tam Đế sanh ra Tam Trí. Đế (諦, sự chân thật) chính là Thiên. Trí chính là Từ.

* Tứ đại thiên vương (Chaturmahārājikā) là ngoại thần, giống như võ tướng:

- Đông phương Đề Đầu Lại Trá (Dhṛtarāṣṭra), phương này dịch là Trì Quốc (持國), còn dịch là An Dân, ở núi hoàng kim, thống lãnh Càn Thát Bà và Phú Đon Na (Pūtana)⁸⁸.

- Nam phương Tỳ Lưu Lặc Xoa (Virūdhaka), phương này dịch là Tăng Trưởng, còn dịch là Miễn Ly, ở trên núi lưu ly, thống lãnh Cưu Bàn Trà và Bệ Lệ Đa⁸⁹.

⁸⁸ Phú Đon Na, còn phiên âm là Phú Đa Na, Bồ Đon Na, Phú Đà Na, dịch nghĩa là Xú Nga Quỷ (quỷ đói hôi thối), là loài nga quỷ mạnh mẽ nhất.

⁸⁹ Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa), còn phiên âm là Câu Bàn Trà, Cứu Bàn Trà, Cung Bàn Trà, Cát Bàn Trà, Câu Biện Trà, Cưu Mãn Noa, và Câu Mãn Noa, là loài quỷ bụng phệ, có hình dáng giống như trái bầu, nên đôi khi còn dịch là Ung Hình Quỷ (quỷ có hình dáng giống như cái vò), thích ăn tinh khí của con người. Loài quỷ này thuộc loài nga quỷ, được xếp vào loại Đa Tài Quỷ, tức được ăn uống, hay cúng tế, không đến nỗi thường xuyên đói khát. Nó có thể đi lại nhanh chóng, có thể biến hóa. Đại Trí Độ Luận nói những kẻ từng làm quan cao chức cả, bóc lột nhân dân, tham lam tàn độc, nhưng còn biết hối cải, thân sau sẽ làm loài quỷ này.

Bệ Lệ Đa (Preta), tức là nga quỷ. Loài quỷ này đôi khi còn được phiên âm là Bệ Lệ Đa, Tỳ Đế Lê v.v... Loài quỷ này gồm hai loại: Một loại thuộc quyền quản trị của Diêm Vương, loại thứ hai sống tản mác trong nhân gian, thường ẩn trong rừng rậm. Do đó, có những chỗ cây cối được gọi là Quỷ Thụ vì chúng nương gá vào đó. Đa đa số loài quỷ này thường xuyên chịu đói khát, luôn khao khát, thèm thuồng, nên gọi chung là nga quỷ. Nga quỷ lại chia thành ba loại lớn:

1. Vô Tài nga quỷ, tức quỷ đói không được ăn uống, bao gồm Diêm Khẩu (miệng bốc lửa cháy phừng phừng, thức ăn vào miệng liền hóa thành lửa), Châm Khẩu (bụng to đùng, cổ họng nhỏ như cái kim, không cách nào nuốt thức ăn), và Xú Khẩu (miệng nứt lở, hôi thối, hôi thối xông sức khiến quỷ tự ói mửa, không ăn gì được).

2. Thiểu Tài nga quỷ, tức là quỷ được ăn uống đôi chút, không đến nỗi đói khát triền miên, bao gồm Châm Mao (toàn thân phủ lông tua tủa như kim, chẳng cách nào đến gần. Lông ấy tự châm chích thân thể quỷ, khiến cho nó thấp phẫn thống khổ), Xú Mao (thân thể hôi thối, khiến nó ói mửa, khó thể ăn uống), Anh Quỷ (cổ họng có bướu, có nhọt, khó thể ăn uống, lại còn tuôn ra máu mủ. Quỷ tự nuốt máu mủ của chính mình để đỡ đói).

3. Đa Tài nga quỷ thì gồm có Hy Tự (các loài quỷ thần được nhân loại cúng tế, có thể bay lên hư không, có miếu thờ, thường là tà thần, hoặc các quỷ thần do tín ngưỡng dân gian thờ cúng), Hy Khí (ăn những thứ nhân loại bài tiết, hoặc ói mửa ra), Đại Thê (tức là quỷ có thể lực lớn, như loài Dạ Xoa, La Sát, có thân thông to lớn như chur thiên, cũng có thể giáng tai họa, ban phước, nhưng họ cũng phải bận lòng kiếm ăn, không được tự tại như chur thiên).

- Tây phương Tỳ Lưu Bác Xoa (Virūpākṣa), phương này dịch là Quảng Mục, còn dịch là Tạp Ngũ, ở trên núi bạch ngân, thống lãnh rồng và Tỳ Xá Xà⁹⁰.

- Bắc phương Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa), phương này dịch là Đa Văn, sống trên núi thủy tinh, thống lãnh Dạ Xoa và La Sát.

Mỗi thiên vương thống lãnh hai loại quỷ, chẳng để cho chúng não hại con người. Vì thế, họ được gọi là Hộ Thế (Lokapāla, bảo vệ thế gian).

Xét theo Bốn Tích, Bốn là bốn vị vua thường, lạc, ngã, tịnh, hộ trì cặp cây Tứ Đức (thường, lạc, ngã, tịnh) của Phật pháp, chẳng để cho người ngoài bút lá, bẻ cành, chém chặt, phá hoại. Nơi Tích thì là bốn vị vua bảo hộ cõi đời.

Xét theo quán tâm thì trí quán Tứ Đế chính là bốn vị vua. Mỗi Đế trừ Ái Hoặc và Kiến Hoặc, tức là thống lãnh tám bộ, chẳng để cho chúng nó não hại con người (bốn giáo, mỗi giáo có Tứ Đế, đều xưng vương trong mỗi giáo ấy). Chẳng liệt kê Dạ Ma, Đâu Suất là do kinh văn nói giản lược.

* Tự Tại chính là Hóa Lạc Thiên (Nirmāṇarati). Đại Tự Tại là Tha Hóa Thiên (Para-nirmita-vaśa-vartin).

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ trong các môn Định như Tự Tại, Tự Tại Vương v.v... Nơi Tích thì là hai vị trời.

Xét theo quán tâm thì nhập Không là tự tại, nhập Trung là đại tự tại.

1.1.2.1.3.2. Sắc Giới thiên chúng

(Kinh) Sa Bà thế giới chủ Phạm thiên vương, Thi Khí đại phạm, Quang Minh đại phạm đẳng, dữ kỳ quyến thuộc vạn nhĩ thiên thiên tử câu.

(經)娑婆世界主梵天王、尸棄大梵、光明大梵等，與其眷屬萬二千天子俱。

(Kinh: Chủ của thế giới Sa Bà là Phạm thiên vương, Thi Khí đại phạm, Quang Minh đại phạm v.v... cùng với quyến thuộc của họ một vạn hai ngàn thiên tử nhóm họp).

⁹⁰ Tỳ Xá Xà (Piśāca), còn phiên âm là Tỳ Xá Giá, Bích Xá Chá, là loài quỷ thích ăn xác chết và tinh khí của con người, có thể làm cho con người điên cuồng.

Sa Bà (Sahāloka), phương này dịch là Nhân. Kinh Bi Hoa nói: “*Thị chư chúng sanh, nhân thọ Tam Độc, cập chư phiền não, cố danh Nhân độ*” (Các chúng sanh ấy chịu đựng Tam Độc và các phiền não, vì thế gọi là cõi Nhân).

* “*Phạm*” (Brahma) được phương này dịch là Ly Dục, trừ bỏ sự ràng buộc với các địa vị thấp hơn, thăng lên Sắc Giới, còn gọi là Cao Tịnh.

* Thi Khí (Śikhin), phương này dịch là Đảnh Kế (頂髻, búi tóc trên đỉnh đầu), Quang Minh (Jyotisrabha) là trời Nhị Thiên. “*Đẳng*” là nói chung Tam Thiên và Tứ Thiên.

Xét theo giáo, Phạm Vương là vị chủ yếu thay mặt [chúng sanh] thỉnh pháp luân, thỉnh Tiểu pháp bèn là tiểu căn, thỉnh Đại pháp bèn là đại căn.

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ thanh tịnh Nhất Thật diệu cảnh, Tích thì sống trong Sắc Giới.

Xét theo quán tâm, quán trừ Hoặc uế bèn gọi là Phạm.

1.1.2.1.3.3. Long chúng

(Kinh) Hữu bát long vương: Nan Đà long vương, Bạt Nan Đà long vương, Sa Già La long vương, Hòa Tu Cát long vương, Đức Xoa Ca long vương, A Na Bà Đạt Đa long vương, Ma Na Tư long vương, Ưu Bát La long vương đẳng. Các dữ nhược can bách thiên quyến thuộc câu.

(經)有八龍王：難陀龍王、跋難陀龍王、娑伽羅龍王、和修吉龍王、德叉迦龍王、阿那婆達多龍王、摩那斯龍王、優鉢羅龍王等。各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có tám vị long vương: Nan Đà long vương, Bạt Nan Đà long vương, Sa Già La long vương, Hòa Tu Cát long vương, Đức Xoa Ca long vương, A Na Bà Đạt Đa long vương, Ma Na Tư long vương, Ưu Bát La long vương v.v... Mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyến thuộc nhóm họp).

* Nan Đà (Nanda), phương này dịch là Hoan Hỷ. Bạt (Upa)

phương này dịch là Thiện. Hai anh em long vương này thường hộ trì nước Ma Kiệt Đề (Magadha), tưới mưa đúng thời, chẳng có năm nào đói kém, [quốc gia ấy] tức là chỗ ngài Mục Kiền Liên giáng sanh. Họ sống trong biển cả.

Nơi Bốn thì trụ trong Hoan Hỷ Địa, nơi Tích thì sống trong biển.

Xét theo quán tâm, Tam Quán tức là Trung Đạo sanh pháp hỷ.

* Sa Già La (Sāgara, biển), do sống trong biển mà có tên đó.

Nơi Bốn thì trụ trong biển Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật), nơi Tích thì ở trong biển thẩm.

Xét theo quán tâm thì Trung Đạo quán như biển, có thể thống lãnh muôn dòng.

* Hòa Tu Cát (Vāsuki), phương này dịch là Đa Đầu (nhiều đầu), còn gọi là Bảo Xung (寶稱).

Nơi Bốn thì trụ trong Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội, nơi Tích bèn thị hiện nhiều đầu.

Xét theo quán tâm, một thứ giả thì hết thấy đều giả. Một thứ không thì hết thấy đều không. Một thứ trung thì hết thấy đều trung. Vì thế, gọi là Đa Đầu.

* Đức Xoa Ca (Takṣaka), phương này dịch là Hiện Độc, còn dịch là Đa Thiệt (nhiều lưỡi).

Nơi Bốn thì trụ trong Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, nơi Tích thì thị hiện nhiều lưỡi.

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Quán như cái trống có bôi thuốc độc, có thể phát ra bốn thứ biện tài.

* A Na Bà Đạt Đa (Anavatapta), phương này dịch là Vô Nhiệt, do cái ao⁹¹ mà có tên gọi đó. Ở trên đỉnh của Tuyết Sơn trong Diêm Phù Đề, chẳng có ba thứ hoạn nạn, tức cát nóng, gió dữ, chim cánh vàng (Ca Lô La).

Nơi Bốn thì trụ trong thường lạc ngã tịnh thanh lương, nơi Tích thì ở trong ao trong mát.

⁹¹ Ao A Nậu Đạt (A Na Bà Đạt Đa) ở phía Bắc của Tuyết Sơn (Himalaya), mỗi chiều to năm mươi do-tuần, tức một ngàn năm trăm dặm, chảy ra bốn con sông lớn. A Na Bà Đạt Đa long vương sống trong cái ao ấy, không bị khổ vì nóng bức và chim cánh vàng (Garuda) ăn thịt. Bốn phía ao có bốn cửa theo hình dạng miệng của loài thú, chảy ra bốn con sông lớn của Ấn Độ. Người Tây Tạng thường tin cái hồ Manasarovar chính là ao A Nậu Đạt. Hồ này nằm dưới chân núi Kailash trong rặng Hy Mã Lạp Sơn (người Tây Tạng cho rằng núi Kailash chính là núi Tu Di!)

Xét theo quán tâm thì tam quán diệu huệ, trừ sạch ngũ trụ phiền não lắng nặng, thoát khỏi cát nóng “hai thứ chết” (Phần Đoạn và Biến Dịch).

* Ma Na Tư (Manasvin), phương này dịch là Đại Thân, hoặc dịch là Đại Ý, hoặc dịch là Đại Lực. Tu La dốc nước biển nhân chìm thành Hỷ Kiến⁹², vị long vương này bèn cuộn thân ngăn sạch nước biển.

Nơi Bốn thì trụ trong pháp môn Vô Biên Thân, nơi Tích thì là thân thể to lớn.

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán tánh chất rộng lớn.

* Ưu Bát La (Utpalaka), phương này dịch là Thanh Liên Hoa Trì (ao hoa sen xanh), [long vương được] đặt tên theo chỗ trụ.

Nơi Bốn thì trụ trong Pháp Hoa tam-muội, nơi Tích thì sống trong cái ao ấy.

Xét theo quán tâm thì tam quán chính là tu nhân, nhân chính là hoa sen vậy.

1.1.2.1.3.4. Khẩn Na La chúng

(Kinh) Hữu tứ Khẩn Na La vương: Pháp Khẩn Na La vương, Diệu Pháp Khẩn Na La vương, Đại Pháp Khẩn Na La vương, Trì Pháp Khẩn Na La vương, các dữ nhược can bách thiên quyển thuộc câu.

(經)有四緊那羅王：法緊那羅王、妙法緊那羅王、大法緊那羅王、持法緊那羅王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn Khẩn Na La vương: Pháp (Dharma) Khẩn Na La vương, Diệu Pháp (Sudharma) Khẩn Na La vương, Đại Pháp (Mahādharmā) Khẩn Na La vương, Trì Pháp (Dharmadhara) Khẩn Na La vương, mỗi vị cùng vài trăm ngàn quyển thuộc nhóm hợp).

[Khẩn Na La (Kinnara)] còn gọi là Chân Đà La, phương này dịch là Nghi Thần (ngờ là thần, trông giống như thần), [vì họ] giống như người nhưng có một sừng, là pháp nhạc thần của Thiên Đế, đáng nên tấu pháp môn của bốn giáo.

⁹² Thành Hỷ Kiến là tòa thành của Đế Thích trên cung trời Đao Lợi. Theo Đại Trí Độ Luận, tòa thành ấy ở trên đỉnh núi Tu Di, gồm bảy tầng, có chín trăm chín mươi chín cửa, hai bên mỗi cửa có mười sáu thanh y đại lực sĩ thủ hộ.

Nơi Bốn thì trụ trong chẳng thể nghĩ bàn, chẳng khởi Diệt Định. An trụ trong Thiền, chấp tay, dùng ngàn vạn kệ tụng tán thán các đấng Pháp Vương. Nơi Tích thì tấu nhạc, ca vịnh Thập Lực.

Xét theo quán tâm thì quán âm thanh chính là Không, là Giả, là Trung, tức là tán Phật.

1.1.2.1.3.5. Càn Thát Bà chúng

(Kinh) Hữu tứ Càn Thát Bà vương: Nhạc Càn Thát Bà vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà vương, Mỹ Càn Thát Bà vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà vương, các dữ nhược can bách thiên quyền thuộc câu.

(經)有四乾闥婆王：樂乾闥婆王、樂音乾闥婆王、美乾闥婆王、美音乾闥婆王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn vị Càn Thát Bà vương: Nhạc (Manojña) Càn Thát Bà vương, Nhạc Âm (Manojñasvara) Càn Thát Bà vương, Mỹ (Madhura) Càn Thát Bà vương, Mỹ Âm (Madhurasvara) Càn Thát Bà vương, mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyền thuộc nhóm họ).

Càn Thát Bà (Gandharva), phương này dịch là Khứu Hương (嗅香, ngửi mùi thơm), dùng hương làm thức ăn. Cũng dịch là Hương Âm (香陰). Thân họ tỏa mùi thơm, là tục nhạc thần của Thiên Đế. “Nhạc” là kỹ thuật biểu diễn điêu luyện (tràng đảo kỹ (幢倒伎), tức nghệ thuật làm xiếc nhào lộn, tung hứng). Nhạc Âm là nhịp trống, đàn, sáo. Mỹ là kỹ thuật biểu diễn hay khéo. Mỹ Âm là sự đẹp đẽ thù thắng trong tiếng đàn sáo (“Tràng” tức là “duyên tràng” (緣幢), tức sào, cọc. “Đảo” (倒) nghĩa là quăng, lật ngược v.v... [Hai chữ này ghép lại để chỉ các tạp kỹ, tức các loại biểu diễn giống như làm xiếc, chẳng hạn như leo dây, múa cột, tung hứng, đu bay v.v...]) Dùng Tục để biểu thị Chân, cũng có thể đối ứng với pháp môn tứ giáo để giải thích).

Nơi Bốn là trụ trong diệu Giả chẳng thể nghĩ bàn, nơi Tích thì tấu nhạc thể tục.

Xét theo quán tâm, Không và Trung chính là Giả.

1.1.2.1.3.6. A Tu La chúng

(Kinh) Hữu tứ A Tu La vương: Bà Trĩ A Tu La vương, Khư La Khiên Đà A Tu La vương, Tỳ Ma Chát Đa La A Tu La vương, La Hầu A Tu La vương, các dữ nhược can bách thiên quyển thuộc câu.

(經)有四阿修羅王：婆稚阿修羅王、佉羅騫駄阿修羅王、毗摩質多羅阿修羅王、羅睺阿修羅王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn vị A Tu La vương: Bà Trĩ A Tu La vương, Khư La Khiên Đà A Tu La vương, Tỳ Ma Chát Đa La A Tu La vương, La Hầu A Tu La vương, mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyển thuộc nhóm họ).

A Tu La (Asura), phương này dịch là Vô Tửu (無酒, không có rượu), cũng dịch là Vô Đoan Chánh (無端正), còn dịch là Phi Thiên (非天, chẳng phải là chư thiên).

* Bà Trĩ (Bađin): Phương này dịch là Bị Phược (被縛), tức là bị Đế Thích trói.

Nơi Bồn thì có thể dùng năm thứ ràng buộc để trói ma và ngoại đạo, nơi Tích thì tạo hình tượng như thế.

Xét theo quán tâm, dùng ba quán trí để trói ngũ trụ hoặc, nhập vào Thật Tế.

* Khư La Khiên Đà (Kharaskandha), phương này dịch là Quảng Kiên Giáp (廣肩胛, bờ vai rộng), cũng dịch là Ấc Ấm, có thể khiến cho nước biển dâng trào.

Nơi Bồn thì trụ trong hai trí Quyền và Thật, từ bị gánh vác chúng sanh, nơi Tích thì là thị hiện bờ vai to rộng.

Xét theo quán tâm thì Tam Quán có thể che lấp biển cả sanh tử ngũ trụ.

* Tỳ Ma Chát Đa La (Vemacitra, Vimalacitra), phương này dịch là Tịnh Tâm, cũng dịch là Chung Chung Nghi (các thứ ngờ vực), tức là cha của phu nhân Xá Chỉ (Śacī)⁹³.

⁹³ Xá Chỉ được gả cho Đế Thích, bà này hay ghen tuông. Mỗi khi Đế Thích xuống trần gian nghe pháp, bà ta thường ngờ vực Đế Thích viện cớ để xuống trần gian tăng tị với nữ nhân trong thế gian. Bà ta lên theo xuống, to tiếng găt gồng chát vắn. Đế Thích bị mất mặt, nổi giận đuổi bà về cõi trời. Bà ta về khóc lóc với cha, A Tu La vương nghe con kể lể, nổi giận, xua quân đánh Đế Thích.

Xét theo Bốn Tích, sắc và tâm vốn tịnh, nơi Tích thị hiện xấu xí, ghen ghét.

Xét theo quán tâm thì chánh quán Trung Đạo tức là tâm tịnh.

* La Hầu (Rahu), phương này dịch là Chướng Trì (障持, ngăn trở, nắm giữ), giơ tay che lấp ánh sáng của mặt trời và mặt trăng.

Nơi Bốn thì trì Trung Đạo Thật Tướng, có thể ngăn trở ánh sáng tà vạy của nhị biên, nơi Tích thì thị hiện giống như thế.

Xét theo quán tâm, trì Chân Đế, chướng lấp ánh sáng ái kiến. Trì Trung Đế, ngăn trở ánh sáng của Không và Hữu.

Lại nữa, xét chung theo các giáo thì Sơ Giáo Bồ Tát trọn đủ ngũ trụ, gọi là “bị trói buộc”. Thông Giáo Bồ Tát hơi rộng hơn, nên gọi là Quảng Kiên Giáp (vai to rộng). Biệt Giáo thì sơ tâm biệt Trung, gọi là Tịnh Tâm. Viên Giáo ngăn chướng Hoặc, giữ lý, nên gọi là Chướng Trì.

Xét chung về Bốn Tích thì nơi Bốn trụ trong Đệ Nhất Nghĩa Thiên, nơi Tích thị hiện chẳng phải là thiên chúng.

Xét chung về quán tâm thì chủ thể để quán (năng quán) là Không, chẳng có trời, người trong tam giới. Chủ thể để quán chính là Giả, chẳng có phương tiện nghĩa thiên. Chủ thể để quán chính là Trung, chẳng có Thật Báo nghĩa thiên. Nhất Tâm Tam Quán trụ Thường Tịch Quang, là trời người mà chẳng phải là trời, chẳng phải là người.

1.1.2.1.3.7. Ca Lô La chúng

(Kinh) Hữu tứ Ca Lô La vương: Đại Oai Đức Ca Lô La vương, Đại Thân Ca Lô La vương, Đại Mãn Ca Lô La vương, Như Ý Ca Lô La vương, các dữ nhược can bách thiên quyển thuộc câu.

(經)有四迦樓羅王：大威德迦樓羅王、大身迦樓羅王、大滿迦樓羅王、如意迦樓羅王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn vị Ca Lô La vương: Đại Oai Đức (Mahātejas) Ca Lô La vương, Đại Thân (Mahākāya) Ca Lô La vương, Đại Mãn (Mahāpūrṇa) Ca Lô La vương, Như Ý (Maharddhiprāpta) Ca Lô La vương, mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyển thuộc nhóm họ).

Ca Lô La (Garuda)⁹⁴, phương này dịch là Kim Xí (金翅, cánh bằng vàng). Oai thể trấn áp các rồng, bèn có tên là Đại Oai Đức. To lớn hơn muôn loài bèn tên là Đại Thân. Rồng luôn thỏa mãn ý mình nên có tên là Đại Mãn. Đầu có bảo châu, nên tên là Như Ý.

Xét theo giáo, hơn hẳn các ngoại đạo thì gọi là Đại Oai Đức. Là sơ môn của Đại Thừa nên gọi là Đại Thân. Hằng sa Phật pháp thì gọi là Đại Mãn. Viên minh tự tại thì gọi là Như Ý.

Bồn Tích và quán tâm có thể phỏng theo đó mà biết.

1.1.2.1.3.8. Nhân chúng

(Kinh) Vi Đề Hy tử A Xà Thế vương, dữ nhược can bách thiên quyền thuộc câu.

(經)韋提希子阿闍世王，與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Con bà Vi Đề Hy là vua A Xà Thế cùng với vài trăm ngàn quyền thuộc nhóm họp).

* Vi Đề Hy (Vaidehī), phương này dịch là Tư Duy, là tên của mẹ. Cha tên là Tần Bà Sa La (Bimbisāra), phương này dịch là Mô Thật (模實).

* A Xà Thế (Ajātasatru), phương này dịch là Vị Sanh Oán (未生怨, oán thù kể từ khi chưa sanh ra), hoặc gọi là Bà Lưu Chi, phương này dịch là Vô Chỉ (không có ngón tay). Cung nhân giấu diếm, gọi ông ta là

⁹⁴ Ca Lô La còn phiên âm là Ca Lưu La, Yết Lộ Trà, Ca Lô Trà, Già Lô La, Nga Rô Noa, Nghiệt Rô Noa v.v... là một loài chim, thân rất to, đầu chim, thân người, thích ăn thịt rồng. Hai cánh óng ánh như vàng, nên gọi là Kim Xí. Khi cánh xòe thẳng ra rộng đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, thường quạt nước biển làm đôi để bắt rồng ăn thịt. Loài chim này được thần Vishnu dùng làm vật cưỡi. Theo kinh Hải Long Vương, chân thân của loài chim này rất to đến nỗi cõi Diêm Phù Đề chỉ có thể chứa được một cái chân của nó. Sách Thám Huyền Ký nói: Mỗi ngày chim cần ăn một đại long vương và năm trăm tiểu long. Khi chim sắp chết, sẽ bị rồng phun độc, không ăn rồng nổi, bèn bị lửa đói đốt chết, rơi thẳng xuống phong luân của thế giới, lại bị gió thổi bay ngược lên, qua lại như thế bảy lần, rơi xuống Kim Cang Tể mới thật sự chết hẳn. Do chuyên ăn rồng, bị các chất độc tích tụ lại, lửa bốc cháy tiêu xác. Nan Đà long vương sợ cháy núi báu, tuôn mưa dập lửa, mỗi giọt mưa to như bánh xe. Thịt chim cháy hết, chỉ còn lại quả tim màu như thanh lưu ly. Luân vương nhặt được, dùng làm bảo châu. Đế Thích nhặt được, dùng làm bảo châu trong búi tóc.

Thiện Kiến. Tên gọi Thiện Kiến là Bồn, còn danh xưng Vô Chỉ là sự biểu hiện nơi Tích. Trong kinh Phổ Siêu, [có nói] ông ta trước đó đã sám hối diệt tội, cho nên trong hội Pháp Hoa, được dự vào Chúng Tín Chúng. Trong kinh Niết Bàn, đã trần thuật cội nguồn mọi chuyện.

Nơi Bồn thì đã trụ trong giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, nơi Tích thì thị hiện Ngũ Nghịch.

Xét theo quán tâm, giết cha vô minh, hại mẹ tham ái.

Hỏi: - Đức Phật thuyết pháp trong loài người, có sao kinh liệt kê loài người ít ỏi?

Đáp: - Kinh văn lược đi chẳng chép, chứ nhân loại thật ra chẳng ít. [Trong phần sau], kinh văn chép “*cập chư tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương đấng*” (và các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương v.v...) Kinh Vô Lượng Nghĩa liệt kê bốn Luân Vương, quốc vương, quân thần, dân chúng, nam nữ, số lượng rộng lớn. Hơn nữa, trong phẩm Phân Biệt Công Đức có nói tứ thiên hạ cho đến đại thiên vi trần số người đắc đạo. Trong số ấy, há chẳng có loài người ư?

Hỏi: - Trời, người, rồng, quỷ đều thấy Phật, nghe pháp, nhưng địa ngục đạo và Vô Sắc Giới có sao chẳng kể ra?

Đáp: - Nay sẽ biện định ý nghĩa ấy. Các đường thẳng trầm do có trì giới hay hủy giới. Thấy Phật hay chẳng thấy Phật là do thừa có hoãn (thong thả, rề rà, buông lỏng) hay cấp (gấp gáp, nghiêm ngặt). Trì giới có thô hay tế, cho nên thọ báo có hơn kém. Thừa đề trì thì có Đại, Tiểu, cho nên thấy Phật có Quyền hay Thật. Lại phán định đại lược thừa và giới thì mỗi đẳng đều có ba phẩm. Kế đó, dùng bốn câu để liệu giản thì ý nghĩa ấy sẽ rõ rệt:

- Một là giới và thừa đều cấp.
- Hai là giới hoãn, thừa cấp.
- Ba là giới cấp, thừa hoãn.
- Bốn là giới và thừa đều hoãn.

Nhưng luận chung về giới thừa, hết thấy thiện pháp, hết thấy quán huệ đều được gọi là Giới, cũng đều có thể gọi là Thừa. Như ngũ thừa nhân, thiên v.v... và Đạo Cộng Giới v.v... Nay phán định riêng biệt thì Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, Bát Trai, Xuất Gia Luật Nghi, cho đến Định Cộng Giới có thể phòng ngự thân và miệng, ngăn che ác đạo quả, đạt được cái quả nhân thiên, thì đều gọi là Giới.

Nếu nghe kinh sanh hiểu biết, dùng quán trí để suy tìm Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác các

trí, có thể phá phiền não, chuyên chờ [hành nhân] thoát khỏi sanh tử thì gọi là Thừa.

a. Một là giới và thừa đều cấp. Trì hạ phẩm giới, tức là giới cấp, quả báo ở trong loài người. Trì Tiểu Thừa tức là thừa cấp, dùng thân trong nhân loại, thấy Phật nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Trì Trung Thừa tức là thừa cấp, dùng thân người để thấy đạo, nghe pháp trong Thông Giáo Đại Thừa cho đến các giáo pháp Đại Thừa kèm theo phương tiện. Trì thượng thừa thì là thừa cấp, dùng thân người để thấy Phật, nghe pháp trong các giáo như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... và Viên Giáo trong các giáo. Nếu trì trung phẩm giới thì là giới cấp, quả báo là trong Dục Giới Thiên. Trì Tiểu Thừa là thừa cấp. Dùng thân cõi trời trong Dục Giới để thấy Phật, nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Những giáo khác giống như đã nói trong phần trước. Nếu trì thượng phẩm giới thì là giới cấp, cộng thêm tu Thiền Định, quả báo là trong Sắc Giới hoặc cõi trời Vô Sắc. Trì Tiểu Thừa là thừa cấp, dùng thân trong Sắc Giới hoặc Vô Sắc Thiên để thấy Phật, nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Những giáo khác giống như đã nói trong phần trước. Giải thích câu đầu tiên đã xong.

b. Hai là giới hoãn, thừa cấp. Đối với tam phẩm giới đều hoãn đãi (không trì giới nghiêm túc, lơ là, ơ hờ), quả báo là đọa trong tam đồ. Trì Tiểu Thừa là thừa cấp. Dùng thân tam đồ để thấy Phật nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Những giáo khác giống như đã nói trong phần trước. Giải thích câu thứ hai đã xong.

c. Ba là giới cấp, thừa hoãn. Do ba loại giới (hạ phẩm, trung phẩm, thượng phẩm) đều cấp (trì giới nghiêm ngặt, chân thành), thọ thân trong trời, người, Sắc, Vô Sắc Thiên. Do tam thừa hoãn (không nghiêm túc học đạo, tu đạo), tuy Phật xuất thế thuyết pháp tam thừa, nhưng vì [hành nhân] yêu đắm quả báo sung sướng, đắm đuối, hoang đàng nơi ngũ dục, cho nên chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp. Chẳng hạn như ba ức gia đình tại thành Xá Vệ và chư thiên đắm đuối dục lạc trong tam giới là hạng người như thế đó. Giải thích câu thứ ba đã xong.

d. Bốn là giới lẫn thừa đều hoãn. Thọ quả báo trong tam đồ, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp. Kinh này chẳng kể hạng địa ngục, vì giới của họ hoãn đãi, bị quả báo khổ sở, nặng nề ngăn cách, thượng thừa lại hoãn, chẳng thể thấy Phật và nghe pháp trong hội Pháp Hoa được! Các kinh khác có liệt kê là vì họ đối với các thừa khác “có gấp”.

Lại còn chẳng kể Vô Sắc Giới Thiên, vì họ đối với thượng phẩm giới thì gấp, cho nên thọ thân trong cõi trời, nhưng chấp trước pháp vị

nơi Định, cho nên thượng thừa trở thành hoãn đãi, chẳng thể thấy Phật, nghe pháp trong hội Pháp Hoa. Các kinh khác có nhắc tới họ là vì đối với các thừa khác, họ “có gấp” (nghiêm ngặt dụng công tu tập). Nếu hiểu ý này, nhất nhất suy xét trời rồng tám bộ, sẽ biết bốn duyên của họ là hoãn đãi hay gấp rút, sẽ đều hiểu rõ ý nghĩa vì sao họ đến, hoặc chẳng đến [tham dự pháp hội]. Giải thích cặn kẽ thì như trong Tịnh Danh Sớ đã nói.

Lại biết “dùng Quyền để dẫn khởi Thật” thì ý nghĩa Bốn Tích càng rõ hơn. Hãy nên dùng điều này để suy xét quán hạnh của chính mình, sẽ có thể nhận biết nhân quả ba đời rành rành. Ngài Diệu Lạc (tôn giả Kinh Khê Tràm Nhiên) nói: “Tịnh Danh Sớ dùng bảy nghĩa để giải thích bốn câu: Một là nói do thừa và giới [khác nhau] mà thấy Phật khác nhau. Hai là do hai hạnh tin pháp khác nhau. Ba là do Đại Thừa và Tiểu Thừa khác biệt. Bốn là do căn tánh tiệm hay đốn. Năm là ứng tích. Sáu là quán tâm. Bảy là hóa độ người khác”. Trước hết là nói về thừa và giới:

- Có Thừa thì sẽ gặp Phật; chẳng có Thừa, sẽ chẳng đến dự.
 - Hai là tin pháp, tọa Thiền, nghe học, giảng nói, đều được gặp Phật. Chỉ tùy theo pháp đã tu tập là Đại hay Tiểu [mà sẽ nghe pháp Đại hay Tiểu. Đó là điều thứ ba].
 - Bốn là tiệm đốn, vì Đại Thừa hay Tiểu Thừa mỗi pháp đều có Tiệm hay Đốn.
 - Năm là ứng tích, chính mình đạt được hai mươi lăm môn vương tam-muội, ứng hiện trong hai mươi lăm Hữu, dẫn hành giả thật sự hành pháp đến chỗ Phật.
 - Sáu là quán tâm, chỉ thuận theo quán hạnh để phán định sự thấy Phật.
 - Bảy là hóa độ người khác, thấy hay chẳng thấy đều xét theo phương diện lợi lạc người khác. Bậc đại quyền thị hiện dấu tích được nói đại lược như kinh văn trong phần này.
- Phần thứ nhất, liệt kê đại chúng đã xong.

1.1.2.2. Tổng kết đại chúng nhóm họp

(Kinh) Các lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)各禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Đều lễ dưới chân Phật, lui ra ngồi qua một bên).

Phần thứ nhất của Tự Phần, nêu chung về hai môn Tích Môn và Bốn Môn đã xong.

1.2. Phần tựa nói riêng về hai môn Tích Môn và Bốn Môn

Kinh văn được chia làm hai phần:

- Một là từ phần kinh văn ở chỗ này cho đến phẩm An Lạc Hạnh chính là phần Khai Quyền Hiển Thật của Tích Môn.
- Hai là từ phẩm Tùng Địa Dững Xuất cho đến phẩm Thường Bất Khinh là phần Khai Cận Hiển Viên của Bốn Môn.

1.2.1. Tích Môn Khai Quyền Hiển Thật

Chia thành ba phần:

- Một là kinh văn thuộc Tự Phần.
- Hai là từ phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Thộ Học Vô Học Nhân Ký là kinh văn thuộc phần Chánh Thuyết (Chánh Tông Phần).
- Ba là từ phẩm Pháp Sư cho đến phẩm An Lạc Hạnh thuộc vào phần Lưu Thông [của Tích Môn].

1.2.1.1. Tự phần của Tích Môn

Chia thành năm đoạn:

- Một là phần Tự nhóm họp đại chúng.
- Hai là phần Tự về hiện tướng lành.
- Ba là phần Tự nêu ra suy nghĩ nghi ngờ.
- Bốn là phần Tự nêu thắc mắc.
- Năm là phần Tự giải đáp câu hỏi.

Phần Tự về chuyện nhóm họp đại chúng chính là Nhân Nhất. Phần Tự nói về chuyện hiện tướng lành (瑞相, thụy tướng) là Lý Nhất. Phần Tự nói về suy nghĩ nghi ngờ là Hạnh Nhất. Phần Tự vấn đáp là Giáo Nhất. Đó là giải thích xét theo nhân duyên (nhóm họp đại chúng là Thế Giới Tất Đàn. Hiện tướng lành là Đề Nhất Nghĩa Tất Đàn. Suy nghĩ ngờ vực là Vị Nhân Tất Đàn. Hỏi đáp là Đối Trị Tất Đàn, một mực như thế đó).

Xét theo giáo, phần Tự này nhằm dẫn nhập phần Chánh Tông, chẳng phải là Tam Tạng, chẳng phải Thông, chẳng phải Biệt, mà nhằm

dẫn khởi phần Chánh Tông thuộc Viên Giáo (chỉ chú trọng Viên Giáo, nên nói “*chẳng phải*” [Tạng, Thông, Biệt]).

Xét theo Bốn Tích, nếu dùng phần Tụ này để giới thiệu Tứ Nhất (Nhân Nhất, Lý Nhất, Giáo Nhất, Hạnh Nhất) trong Bốn Địa thuộc phẩm Thọ Lượng thì sẽ tự hiểu rõ nghĩa này (Bốn Môn thì phải tới phẩm Thọ Lượng [mới nói rõ], nhưng cũng có thể biểu thị sẵn [ngay trong Tích Môn]. Hãy nên biết trong phần Tụ này, hiển thị rõ rệt về Tích Môn gồm bốn điều, ngầm biểu thị Bốn Môn cũng có bốn điều. [Chuyện đức Phật] thành Phật đã lâu [từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trước] chẳng vượt ra ngoài bốn điều ấy. [Thành Phật] đã lâu hay mới đây tuy khác biệt, nhưng lý Tứ Nhất giống hệt như nhau).

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Đế là Lý Nhất. Nhất Tâm Tam Quán là Hạnh Nhất. Người quán như thế là Nhân Nhất. Có thể diễn nói cảnh được quán thì là Giáo Nhất. Lại thường quán Tam Đức, Năng và Sở đều gồm bốn mục: Pháp Thân là Lý, Bát Nhã là Giáo, giải thoát là Hạnh. Hòa hợp ba pháp sẽ thành “*giả danh nhân*”⁹⁵, tức là quán hạnh Như Lai.

Nếu xét theo địa vị Lục Tức thì địa vị nào cũng có Tứ Nhất. Trong mỗi niệm, niệm nào cũng gồm Tứ Nhất. Mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Tứ Nhất. Quán hạnh như thế, đúng là Pháp Hoa tam-muội. Tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau, tức là Tứ Nhất trong nhân duyên quán. Chẳng giống với ba giáo kia thì là Tứ Nhất xét theo các giáo. Đã thành Phật từ lâu xa, tức là Tứ Nhất nơi Bốn địa quán.

1.2.1.1.1. Phần Tụ về đại chúng vân tập

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn, tứ chúng vi nhiễu, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

(經)爾時，世尊，四眾圍繞，供養恭敬尊重讚歎。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tứ chúng vây quanh đức Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán).

Câu trước nói về oai nghi của đại chúng nhóm họp; câu sau nói về đại chúng vân tập cúng dường. “*Nhĩ thời*” là lúc sắp hiện sáu tướng

⁹⁵ Do “*người*” ở đây do ba pháp hòa hợp, nên gọi là “*người giả danh*”.

lành. “*Tứ chúng*” là Phát Khởi Chúng, Đương Cơ Chúng, Ảnh Hưởng Chúng, và Kết Duyên Chúng.

Phát Khởi (發起) là dùng trí soi xét thông suốt quyền mưu, biết căn cơ, biết đúng thời, bèn khơi gợi, phát động để thành tựu sự lợi ích, như voi lớn bẻ cây để cho voi con được no lòng. Nói “*phát khởi khiến cho nhóm họp*”, tức là [những ai] phát khởi tương lành cho đến phát khởi chuyện vấn đáp v.v... thì đều gọi là Phát Khởi Chúng (ứng theo [căn tánh của] chúng sanh mà lập bày thì gọi là Quyền, thuận theo lẽ thích nghi mà chế lập thì gọi là Mưu. Vừa có mưu, vừa có quyền, nên gọi là “*quyền mưu*” (權謀). Thật Trí dung hội bên trong, chẳng suy nghĩ mà thích đáng, nên nói “*trí giám*” (智鑒, trí xét soi). Soi xét điều thiện trong quá khứ có thể sanh trưởng, có thể thành tựu, cho nên gọi là “*biết căn cơ*”. Phù hợp đúng dịp chẳng sai chạy, nên gọi là “*biết thời*”. Đó là “*nội đức*”).

Kích phát lòng đại từ bình đẳng, dẫn phát điều thiện của đại chúng trong thuở ấy, nêu tỏ đại huệ bất nhị, thôi thúc khiến cho ba nghiệp được lợi ích. Lại còn kích phát túc nhân của đại chúng nhóm họp, phát khởi lợi ích mẫu nhiệm của bậc đương cơ, hoằng dương Đại giáo của Như Lai, lay động sự cố chấp của chúng sanh trong thuở ấy. Lại còn đánh động lòng đại bi của Phật, cho nên nói là “*kích phát*”. Khơi mở thánh chỉ (ý chỉ của Phật), nên gọi là Dương (揚, hoằng dương, nêu tỏ), khiến cho họ nghe điều chưa được nghe thì gọi là “*phát động*”. Khiến cho người nghe thật sự được thỏa mãn thì gọi là “*thành biện*” (成辦), [khiến cho người nghe] ắt đạt được giải ngộ thì gọi là “*lợi ích*”. Đó là tác dụng ở bên ngoài. Voi chúa đại quyền bẻ cây Pháp Thân để đến chỗ dấy lên sự ứng hiện, diễn nói Thật trong Nhất Thừa, khiến [cho người đắc độ] no đầy cơ duyên diệu hạnh. Năm phần của Phát Khởi Tự đều nhằm tạo lợi ích cho căn cơ của chúng sanh, cho đến phần vấn đáp v.v... đều nhằm dẫn nhập phần Chánh Tông.

Đương Cơ (當機) tức là [những ai] đã gieo cội đức từ trước, duyên hợp, thời cơ chín muồi, chẳng rời khỏi chỗ ngồi⁹⁶, vừa nghe liền đắc đạo (Luận định khít khao thì là bậc Sơ Trụ, thâm nhiếp trọn khắp lục căn, ngũ phẩm).

⁹⁶ Tức là những vị có cơ duyên tương ứng với pháp này, không khởi kiêu mạn, tự cho là mình đã hiểu hết Phật pháp, đức Phật vừa mới nói kinh Pháp Hoa đã đứng dậy lễ Phật, bỏ về.

Ảnh Hưởng (影響) là các vị Phật trong quá khứ, hoặc Pháp Thân Bồ Tát, ẩn giấu sự viên cực, khuông phò đấng pháp vương. Tuy chẳng làm gì, nhưng có lợi ích to lớn. Đấng hóa chủ hiện thân diễn nói, ắt phải nhờ có hóa bạn tạo ảnh hưởng. Vì thế, Đại Luận có câu hỏi: “*Vì lẽ nào các tỳ-kheo thường theo đức Thế Tôn? Đáp: Như bệnh đã lành, thường theo thầy thuốc, nhằm hiển lộ tài năng của y sư*”. Luận ấy chỉ nói đến chuyện trong thực tế mà còn có ảnh hưởng như thế; huống hồ Pháp Thân Bồ Tát hay cổ Phật thị hiện giúp Phật giáo hóa ư? Vì thế, biết tứ chúng giống như người bệnh nhẹ đã lành, tám bộ [quỷ thần] như người bệnh nặng đã khỏi. Nặng hay nhẹ đều có ảnh hưởng dù Quyền hay Thật.

Kết Duyên (結緣) là những ai không có sức hướng dẫn, kích động [cơ duyên thành tựu đạo phẩm cho người khác], đức hạnh thì chẳng có tác dụng khiến cho chúng sanh tuân phục, nghiêm trì, cần trọng quá khứ nông cạn, tam huệ (Văn, Tu, Tư) chẳng nảy sanh. Đòi hiện tại tuy thấy Phật, nghe pháp, nhưng chẳng có bốn món lợi ích Tất Đàn, chỉ tạo nhân duyên đặc độ trong tương lai (trọn đủ Tứ Tất Đàn thì gọi là Đương Cơ. Ngũ phẩm là lợi ích về Thế Giới. Lục căn là lợi ích thuộc về Vị Nhân và Đối Trị. [Đại chúng đương cơ] từ Sơ Trụ trở lên là lợi ích thuộc về Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Nếu chưa nhập phẩm (chưa dự vào ngũ phẩm⁹⁷), đều gọi là Kết Duyên. Do vậy, trước khi đạt tới ngũ phẩm, sẽ chẳng có bốn điều lợi ích [thuộc về Tứ Tất Đàn] đối với Tam Huệ. Do chẳng có Văn Huệ, sẽ chẳng có Thế Giới Tất Đàn. Do chẳng có Tư Huệ, cho nên chẳng có Vị Nhân Tất Đàn. Do chẳng có Tu Huệ, cho nên chẳng có Đối Trị Tất Đàn. Do chẳng chứng nhập, nên không có lợi ích thuộc Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Lợi ích trong Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn có Thông và Biệt. Thông thì bao gồm ngũ phẩm, Biệt thì là Sơ Trụ. Vì thế, nói đến đặc độ cũng có Thông và Biệt, tức là Thông và Biệt trong Đệ Nhất Nghĩa).

Chúng tỳ-kheo có bốn loại riêng biệt (phát khởi, đương cơ, ảnh hưởng, kết duyên), ba chúng kia (tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di) cũng

⁹⁷ Ngũ phẩm là địa vị của ngoại phàm trong Viên Giáo (gọi là “ngoại phàm” vì chưa chứng đắc Lý), tức là còn trong địa vị Thập Tín, chưa đạt đến Sơ Trụ. Ngũ phẩm tức là:

1. Tùy hỷ phẩm: Nghe pháp Thật Tướng bèn tin hiểu, tùy hỷ.
2. Độc tụng phẩm: Độc tụng kinh Pháp Hoa để giúp cho quán hạnh.
3. Thuyết pháp phẩm: Tự thuyết sự giải ngộ của mình để hướng dẫn người khác.
4. Kiêm hành Lục Độ phẩm: Tu Lục Độ để giúp cho quán tâm.
5. Chánh hành Lục Độ phẩm: Tự hành Lục Độ và giáo hóa người khác hành Lục Độ, Sự Lý trọn đủ, quán hạnh thù thắng.

thế, hợp thành mười sáu chúng. Giống như vào thời Đại Thông Trí Thắng Phật, các vương tử giảng lại [kinh Pháp Hoa sau khi Đại Thông Trí Thắng Phật nhập Định], họ chính là Phát Khởi Chúng thời đó. Những người nghe pháp đặc đạo chính là Đương Cơ Chúng thưở đó. Nghe pháp mà chưa đắc độ, nhưng đời đời gặp gỡ, có người thuộc địa vị Thanh Văn trong hiện thời, họ chính là Kết Duyên Chúng thưở đó.

Vị Phật ấy đã có bốn lần bốn mươi sáu chúng, vị Phật hiện tại (Thích Ca Mâu Ni Phật) có cùng một đạo, há chẳng có [mười sáu chúng] ư? Đây là mười sáu chúng trong Viên Giáo. Ba giáo kia phỏng theo đó cũng có thể biết.

Xét theo Bốn Tích, hãy dựa theo Thể và Dụng để nói về Bốn Tích. Bốn thì trụ trong địa vị tôn quý cùng cực (Phật quả), hoặc thuộc địa vị Pháp Thân sâu xa. Nơi Tích thì là mười sáu chúng trong bốn giáo.

Xét theo quán tâm, suy xét cảnh, tác quán, sẽ thuộc vào địa vị Danh Tự và Quán Hạnh, sẽ trở thành Kết Duyên Chúng. Dựa vào địa vị Tương Tự, sẽ trở thành Đương Cơ Chúng. Thuộc vào địa vị Phần Chân (Phần Chứng Tức Phật), sẽ trở thành Phát Khởi Chúng và Ảnh Hưởng Chúng (Nếu đã nhập từ xưa, thì chỉ gọi là Ảnh Hưởng Chúng. Nếu là mới nhập thì gọi là Đương Cơ Chúng, mà cũng là Ảnh Hưởng Chúng, cũng như là Phát Khởi Chúng, giống như các vị phát thệ hoằng truyền kinh vậy).

“*Vi nhiều*” (圍繞, đi vòng quanh): Lúc đức Phật mới xuất thế, loài người chưa biết pháp, Tịnh Cư Thiên giáng hạ, hóa hiện hình dáng con người, đến chỗ Phật đi nhiều theo chiều phải. Nhiều xong bèn lễ kính. Lễ xong, bèn ngồi nghe pháp, [quy cách ấy] bèn trở thành khuôn mẫu. Đó là giải thích theo nhân duyên (Tịnh Cư Thiên giáng hạ tức là Thế Giới Tất Đàn. Hóa thành thân người, tức Vị Nhân Tất Đàn. Coi là khuôn mẫu, tức Đối Trị Tất Đàn. Lễ xong nghe pháp chính là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

“*Đoàn nhiều*” (圍繞, đi vòng quanh) tức là nói tới oai nghi đi nhiều quanh, biểu thị căn cơ thuộc bốn môn đã động, đều thấy viên lý. Dem Viên đối ứng với Thiên thì theo lệ có bốn nghĩa. Đó chính là dựa theo giáo để giải thích.

Lại nữa, thân Phật trọn khắp tướng hảo trang nghiêm, đi nhiều quanh bốn phía để chiêm ngưỡng, tăng trưởng Niệm Phật Định. Đó chính là dựa theo quán tâm mà giải thích.

Nếu quán sắc thân của Phật mà thấy Pháp Thân, thì là giải thích theo Bốn Tích.

Lại dựa theo Thể, Dụng và lâu xa hay gần đây [để luận định] thì nơi Bốn, trụ trong Pháp Thân bất động mà chẳng phải bất động, nơi Tích thì thị hiện căn cơ thuộc các giáo đi nhiều quanh đức Phật.

“*Cúng dường*”: Nếu luận định chung thì ba nghiệp đều là cúng dường. Nếu luận định riêng biệt thì cần phải khiêm ty, cẩn trọng, kiên thành, kính lễ thì mới gọi là “*cung kính*”. Chí tâm chuyên chú là “*tôn trọng*”. Thốt lời khen ngợi thì gọi là “*tán thán*”. Dùng y báo để bố thí thì gọi là “*cúng dường*”. Ở đây, kinh văn nói giản lược. Nói chi tiết thì như trong kinh Vô Lượng Nghĩa: Bếp trời, hương trời, đồ đựng trên cõi trời v.v... là cúng dường. Đại Trang Nghiêm Bồ Tát và tám vạn Đại Sĩ chấp tay, đó là cung kính. Nhất tâm chiêm ngưỡng là tôn trọng. Thuyết kệ tụng mỗi câu có bảy chữ chính là tán thán. Trong kinh ấy, đại chúng vân tập, thuyết pháp xong, nghiêm nhiên chẳng giải tán, từ ngay nơi pháp tòa ấy, nói kinh Pháp Hoa. Vì thế, dùng các chi tiết được nói trong kinh ấy để giải thích các chỗ đại lược trong kinh này, ý nghĩa chẳng trở ngại!

1.2.1.1.2. Phần Tự về hiện tướng lành

1.2.1.1.2.1. Hiện sáu tướng lành trong cõi này

Phần này chia thành sáu đoạn:

- Một là tướng lành thuyết pháp.
- Hai là tướng lành nhập Định.
- Ba là tướng lành tuôn mưa hoa.
- Bốn là tướng lành đại địa chấn động.
- Năm là tướng lành đại chúng hoan hỷ.
- Sáu là tướng lành phóng quang.

Thuyết pháp biểu thị “*thuyết pháp diệu*” và “*trí diệu*”. Nhập Định biểu thị “*hạnh diệu*”. Tuôn mưa hoa biểu thị “*vị diệu*” (địa vị màu nhiệm). Đất chấn động biểu thị “*cảnh diệu*” và “*thừa diệu*”. Đại chúng hoan hỷ biểu thị “*quyến thuộc diệu*” và “*lợi ích diệu*”. Phóng quang biểu thị “*cảm ứng diệu*” và “*thần thông diệu*”. Vì thế, sáu điều ấy đều được gọi là phần Tự về hiện tướng lành. Chỗ này bất đồng với Thần Thông Diệu được nói trong phần Huyền Nghĩa. Trong ấy, [thần thông diệu] bao gồm sáu tướng lành thuộc về hương, gió, đại địa thanh tịnh... giữa hai cõi; cho nên gồm sáu trọn khắp; còn kinh văn trong phần này chẳng nói đến cõi khác, mà là cõi này trọn đủ. Đối với các kinh văn được xét đến, đều có ý nghĩa Thông và Biệt. Những lời lẽ biểu thị đều

hàm chứa ý nghĩa rộng lớn. Bởi lẽ, đối với đại sự, bậc đại nhân tạo sự cảm động to lớn, hồng khiến cho căn cơ to lớn được hưởng lợi ích to lớn. Để hiển thị đại lý, đều cần phải có đại quyền thuộc phù trợ đại hội, đều cảm đại thời, đại vận (cơ duyên to lớn) chín muồi. Nếu chẳng phải là Linh Sơn đã cùng hội đủ [các nhân duyên ấy] thì để [cho các căn cơ trong] đời này có thể đích thân tiếp nhận, há có thể khế hợp được ư, há có thể suy lường nổi ư?

1.2.1.1.2.1.1. Tướng lành thuyết pháp

(Kinh) Vị chư Bồ Tát, thuyết Đại Thừa kinh, danh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)為諸菩薩，說大乘經，名無量義教菩薩法佛所護念。

(Kinh:) Vì các vị Bồ Tát nói kinh Đại Thừa tên là Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm).

Câu đầu nêu ra Pháp Thể sẽ được nói. Câu kế đó, nêu ra tên của Thể. Câu thứ ba nói đến chỗ nương tựa của Bồ Tát. Câu thứ tư nói đến sự thủ hộ của Phật.

Đại Thừa: Kinh Thiện Giới nói có bảy thứ đại:

- Một là pháp đại, ý nói mười hai bộ Tỳ Phật Lược (Vaipulya, Phương Quảng).
- Hai là tâm đại, tức cầu Vô Thượng Đại Bồ Đề.
- Ba là giải đại, tức là thấu hiểu Bồ Tát tạng.
- Bốn là tịnh đại, tức là kiến đạo, tâm địa thanh tịnh.
- Năm là trang nghiêm đại, tức là phước đức, trí huệ.
- Sáu là thời đại, tức ba A-tăng-kỳ kiếp tu hành.
- Bảy là cụ túc đại, tức là dùng tướng hảo tự trang nghiêm để đắc Bồ Đề.

[Trong ấy], điều thứ sáu chính là nhân đại, điều thứ bảy là quả đại. Đại nhân, đại quả thì được gọi là kinh Đại Thừa. Nay đem mười điều để đối ứng thì pháp đại là “cảnh diệu”, tâm đại và giải đại chính là “trí diệu”, tịnh đại và trang nghiêm đại là “hạnh diệu”, thời đại là “vị diệu” (sự mãn nhiệm nơi địa vị), cụ túc đại là “tam pháp diệu” (ba pháp Giới, Định, Huệ đều diệu). Do nhân mà có quả, Năng lẽ nào chẳng có Sở? Vì thế, không chỉ có năm thứ trước, mà ắt còn kèm thêm năm thứ sau.

Nhưng ba A-tăng-kỳ, nghĩa bao gồm Tam Tạng, từ tên gọi giống nhau, có thể tương ứng với thập diệu.

“*Vô Lượng Nghĩa*”: Kinh ấy nói: “*Tùng nhất pháp sanh, kỳ nhất pháp giả, sở vị vô tướng. Vô tướng bất tướng, danh vị Thật Tướng. Tùng thử Thật Tướng, sanh vô lượng pháp*” (Từ một pháp sanh, một pháp ấy chính là nói tới vô tướng. Vô tướng chẳng phải là tướng thì gọi là Thật Tướng. Từ Thật Tướng ấy, sanh ra vô lượng pháp). Nói tới nhị pháp, tam đạo, tứ quả, nay sẽ giải thích. “*Vô tướng*” là chẳng có tướng sanh tử. “*Bất tướng*” là chẳng có tướng Niết Bàn, Niết Bàn cũng không. Vì thế nói là “*bất tướng*”, tức là nói “*Trung Đạo là Thật Tướng*”. “*Nhị pháp*” chính là Đôn và Tiệm. Đôn là như hết thấy các pháp đôn trong Hoa Nghiêm. Tiệm là hết thấy các pháp thuộc Tam Tạng, Phương Đẳng, Bát Nhã v.v... “*Tam đạo*” tức tam thừa. Tứ Quả tức La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, và Phật. Các pháp ấy được gọi là Vô Lượng. Thật Tướng được gọi là Nghĩa Xứ. Từ một nghĩa xứ, xuất sanh vô lượng pháp, và vô lượng nghĩa xứ lại nhập vào một nghĩa xứ để làm Tự (dẫn đường cho kinh Pháp Hoa). Ví như tính toán, từ một phép toán mà suy ra các phép toán khác. Sau đó, loại bỏ các phép toán khác để quy vào một kết quả tính toán. Do các phép toán [trung gian không chứa kết quả cuối cùng] nên bỏ đi, các phép toán trung gian chính là các bước dẫn khởi đến bước loại trừ cuối cùng. Tách ra chính là bước dẫn khởi cho việc ghép lại cũng giống như thế. Từ trong một mà phát ra các ý nghĩa, rồi lại thu tóm các ý nghĩa về một.

“*Giáo Bồ Tát pháp*”: Vô lượng nghĩa xứ dùng để dạy Bồ Tát. Nghĩa xứ tức là Đế lý. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Phổ linh nhất thiết chúng, diệc đồng đắc thử đạo*” (Khiến cho hết thấy mọi người cũng cùng đắc đạo này). Lại nói: “*Nhược ngã ngộ chúng sanh, tận giáo dĩ Phật đạo*” (Nếu ta gặp chúng sanh, đều dùng Phật đạo dạy) chính là ý này. “*Phật sở hộ niệm*”: Vô lượng nghĩa xứ do Phật tự chứng đắc. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Phật tự trụ Đại Thừa, tuy dục khai thị, nhi chúng sanh căn độn, cứu mặc tư yếu, bất vụ tốc thuyết*” (Phật tự trụ trong Đại Thừa, tuy muốn khai thị, nhưng do căn cơ của chúng sanh chậm lụt, cho nên chẳng nói điều ấy đã lâu, chẳng vội nói). Vì thế nói là “*hộ niệm*”.

1.2.1.1.2.1.2. Tướng lành nhập Định

(Kinh) Phật thuyết thử kinh dĩ, kết gia phu tọa, nhập u Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội, thân tâm bất động.

(經)佛說此經已，結加趺坐，入於無量義處三昧，身心不動。

(Kinh: Đức Phật nói kinh này xong, ngồi xếp bằng, nhập trong Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội, thân tâm bất động).

“*Gia phu tọa*” (加趺坐,ngồi xếp bằng, chéo chân, hai lòng bàn chân lật ngửa lên): Từ xưa, chư Phật và các đệ tử đều hành pháp này khiến cho kẻ khác cung kính, hòng đẹp ý của trời, người. Vì thế, chẳng giống với nghi tiết của thế gian và ngoại đạo, do có thể phá ma quân, do có thể phát khởi tâm Chánh Giác. Đây chính là ý nghĩa Tứ Tất Đàn.

“*Nói kinh xong, bèn nhập tam-muội*”: Định và Huệ thành tựu lẫn nhau, chẳng có Thiền sẽ không có trí; vì thế, trước hết nhập Định. Chẳng có trí, sẽ không có Thiền; vì thế, thuyết pháp trước. Trí chính là Thiền, Thiền chính là trí, trước sau nhập xuất, chẳng bị ngăn ngại. Kẻ ôm lòng nghi nói: “Nếu chưa nói vô lượng nghĩa thì có thể nhập môn Định ấy! Nói kinh ấy xong, có sao nhập Định?” Giải rằng: “Do kinh ấy dẫn đường cho kinh Pháp Hoa! Vì sao? Nếu chẳng mở ra [vô lượng nghĩa] trước; sau đó, sẽ không có gì để gộp lại! Trước hết nhập khai Định dẫn khởi cho hợp Định⁹⁸”. Vì thế, gọi là “*tướng lành*”.

“*Thân tâm bất động*”: Do chỗ duyên theo tương ứng với Thật Tướng nghĩa xứ. Nguồn cội của cái thân bình lặng dường hư không. Lý tánh nơi tâm rốt ráo thường tịch. Trong kinh văn thuộc phần sau, trong bài kệ tán thán Đại Thông Trí Thắng Phật có nói: “*Thân tâm cập thủ túc, tịch nhiên an bất động. Kỳ tâm thường đảm phạ, vị tăng hữu tán loạn*” (Thân, tâm và chân tay, vắng lặng, an, bất động. Tâm Ngài thường an định, chưa hề có tán loạn). Nay thân như kim cang, chẳng thể lay chuyển. Tâm dường hư không, chẳng có phân biệt. Gìn giữ pháp Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội nơi thân tâm. Vì thế, bất động. Định nương vào nghĩa xứ, vẫn gọi là “*vô lượng*”. Môn Định ấy vắng lặng mà thường

⁹⁸ Do Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội là môn Định thuộc về vô lượng nghĩa, từ Nhất Thừa mà tách ra vô lượng nghĩa, nên gọi là “khai Định”. Sau khi xuất Định, đức Phật sẽ dạy kinh Pháp Hoa, tức là dạy Pháp Hoa tam-muội, môn Định ấy quy kết hết thảy các giáo pháp trong cả một đời giáo hóa của đức Phật vào Nhất Thừa, nên gọi là “hợp Định”.

chiếu, có thể biết thể gian từ một pháp ấy mà sanh ra vô lượng pháp. Pháp thể của cái thân vốn là vận động, nay khiến cho nó bất động; pháp thể của cái tâm có tánh chất phân biệt, nay giữ cho nó chẳng phân biệt. Ý nghĩa được trần thuật đã rõ ràng vậy.

Hỏi: - [Hễ nói đến] “*tướng lành*” thì vốn là nói đến chuyện kỳ lạ, thuyết pháp và nhập Định vốn là oai nghi thường hằng của Phật, sao lại nói là “*tốt lành*”?

Đáp: - [Đức Phật] thuyết pháp vừa xong, ngay lập tức nhập Định, khiến cho đại chúng khi ấy chẳng giải tán, nghiêm túc chờ đợi. Vì thế biết: Do phần thuyết pháp trước đó, toàn thể đại chúng tụ tập, đợi nghe phần giảng sau đó. Đó là điều đặc biệt lạ lùng, khác với các buổi thuyết pháp thông thường, lẽ nào chẳng phải là “*điều tốt lành*”? Tuy nhập khai định, ý ở chỗ hợp Định, khác với chuyện nhập Định thông thường, lẽ nào chẳng phải là *tốt lành*? Ngài Văn Thù lại dẫn sáu điềm lành của cổ Phật, đều có những chuyện ấy. Nếu xưa kia chẳng phải là *tướng lành*, sao có thể chứng minh cho hiện tại được? Xưa nay giống hệt nhau, há có thể dùng phạm tình để phủ định ư?

1.2.1.1.2.1.3. *Tướng lành tuôn mưa hoa*

(Kinh) *Thị thời, thiên vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma Ha Mạn Thù Sa hoa, nhi tán Phật thượng, cập chư đại chúng.*

(經)是時，天雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅華，曼殊沙華，摩訶曼殊沙華，而散佛上，及諸大眾。

(Kinh: Khi đó, trời mưa hoa Mạn Đà La (Mandārava), hoa Ma Ha Mạn Đà La (Mahāmandārava), hoa Mạn Thù Sa (Mañjūṣaka), hoa Ma Ha Mạn Thù Sa (Mahāmañjūṣaka) để rải lên đức Phật và các đại chúng).

Bốn thứ hoa theo lời cựu dịch là Bạch, Đại Bạch, Xích (đỏ), Đại Xích, hoặc dịch là Thích Ý, Đại Thích Ý, Nhu Nhuyễn, Đại Nhu Nhuyễn. Bạch biểu thị Thập Trụ “*khai Phật tri kiến*”. Đại Bạch biểu thị Thập Hạnh “*thị Phật tri kiến*”. Xích biểu thị Thập Hồi Hướng “*ngộ Phật tri kiến*”. Đại Xích biểu thị Thập Địa “*nhập Phật tri kiến*”. Bốn mươi địa vị đều là cái nhân thành Phật. Cái nhân ấy sanh từ Trung Đạo

Đệ Nhất Nghĩa. Vì thế, từ trên trời tuôn xuống. Nhân có nghĩa “hướng đến quả”; vì thế, rải lên đức Phật. Nhân quả như thế, ai sẽ cảm vơi đạt được? Chỉ có đại chúng trong hội này vào thuở đó. Vì vậy nói “*cập chư đại chúng*” (và các đại chúng).

1.2.1.1.2.1.4. Tướng lành đại địa chấn động

(Kinh) Phổ Phật thế giới, lục chủng chấn động.

(經)普佛世界，六種震動。

(Kinh: Khắp thế giới Phật, sáu thứ chấn động).

Biểu thị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đăng Giác, Diệu Giác là sáu phen phá vô minh. Vô minh đã gần hết, mỏng manh, chưa từng hoàn toàn bị phá hủy, nay sắp bị phá hoại, cho nên dùng chuyện chấn động cõi đất để biểu thị. Kinh Ưu Bà Tắc Thanh Tịnh Hạnh nói: “*Bồ Tát sanh thời động địa, thị thử sanh dĩ tận, vô phục phiên nã. Nhất thiết chúng sanh ưng đắc đạo giả, phiên nã tương diệt, cố động*” (Khi Bồ Tát sanh bèn chấn động cõi đất, nhằm biểu thị sanh đã hết, chẳng còn phiên nã. Hết thấy chúng sanh đáng nên đắc đạo, phiên nã sắp diệt, cho nên chấn động), chính là nghĩa này.

Giải thích theo Bốn Tích thì như ngài Văn Thù giải trừ điều nghi, dẫn chuyện cổ Phật để đáp, ngầm đạt được ý này; đó chính là “*biết Bốn*”. Không chỉ các vị Phật xưa kia đã hiện tướng lành ấy, mà đức Thế Tôn nơi Bốn cũng hiện tướng lành ấy, chẳng phải chỉ là một phen trong hiện thời!

Giải thích theo quán tâm, thì là chấn động sáu căn, tiêu tan chấp trước nơi lục căn. Như tướng đất kiên cố, lay động cõi đất khó lay động, biểu thị tịnh hóa các căn chưa thanh tịnh. [Các tướng chấn động như] Đông vọt lên, Tây chìm xuống, phương Đông màu xanh, chủ gan, gan chủ mắt. Phương Tây màu trắng, chủ phổi, phổi chủ mũi. Điều này biểu thị công đức sanh từ nhãn căn, diệt phiên nã nơi tỵ căn, tỵ căn sanh khởi công đức. Phương Nam màu đỏ, chủ tâm, tâm chủ lưỡi. Phương Bắc màu đen, chủ thận, thận chủ tai. Bốn bên biểu thị thân, trung ương biểu thị ý. Thân có đủ bốn căn, ý duyên trọn khắp bốn căn. Các phương đối ứng [phương này] vọt lên, phương kia chìm xuống, biểu thị công đức lần lượt sanh ra nhau, phiên nã diệt lẫn nhau. Hãy nên biết như thế.

Sáu thứ chấn động, theo cựu dịch thì là Động, Khởi, Dừng, Chấn, Hồng, và Giác. Rung lắc chẳng yên thì gọi là Động (動). Từ dưới dâng

cao lên thì là Khởi (起). Trồi lên hụp xuống thì là Dũng (起). Có tiếng động ngầm (âm ì không nghe rõ tiếng) thì là Chấn (震). Phát ra tiếng vang rảng rắc là Hống (吼). Khiến cho chúng sanh nhận biết kinh sợ thì là Giác (覺). Tân dịch thì nói là Động, Dũng, Kích, Chấn, Hống, Bộc. Kích (擊) là như va đập. Bộc (爆) là như tiếng lửa [cháy nổ lộp bộp]. Ba thứ đầu là hình tướng, ba thứ sau là âm thanh. Do kinh luận nêu đại lược, nên chỉ nói là “*chấn động*”, tức là đối với hình tướng và âm thanh mỗi loại, chỉ nêu một thứ. Trong mỗi loại, lại có ba thứ là động, biến động, đẳng biến động. Ngay nơi chỗ ấy bị lay động thì gọi là Động. Tứ thiên hạ đều động là Biến Động (徧動). Đại thiên thế giới đều động thì gọi là Đẳng Biến Động (等徧動). Năm thứ kia cũng thế, hợp thành mười tám thứ chấn động, tức là biểu thị sự tịnh hóa mười tám giới. Lại nữa, căn nào cũng đều tu Tam Quán, như mười tám món động. Tướng động tuy có mười tám loại, nhưng cái bị động chỉ là một, tức đại địa. Như căn tuy có sáu món, giới tuy có mười tám món, do vô minh đã phá thì hết thấy đều bị phá.

1.2.1.1.2.1.5. Tướng lành đại chúng hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân, cập chư tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương. Thị chư đại chúng, đắc vị tăng hữu, hoan hỷ hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật.

(經)爾時，會中比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人、及諸小王、轉輪聖王。是諸大眾，得未曾有，歡喜合掌，一心觀佛。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong hội, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người, và các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương. Các đại chúng ấy đạt được điều chưa từng có, hoan hỷ chấp tay, nhất tâm quán Phật).

* Ưu-bà-tắc (Upāsaka) phương này dịch là Cận Sự Nam. Ưu-bà-di (Upāsikā), phương này dịch là Cận Sự Nữ, bầm thọ Tam Quy, Ngũ Giới, là những người thân cận, thừa sự Tam Bảo, nhưng chia thành tại gia và xuất gia. Tại gia thì gọi là Cận Sự, xuất gia thì gọi là Cận Trụ. Xuất gia thì ở trong Tăng-già-lam (tự viện), nhưng chưa cạo bỏ râu tóc, chưa thọ mười giới. Vì thế, chẳng gọi là Sa Di.

* Dạ Xoa (Yakṣa), phương này dịch là Tiệp Tật (捷疾, nhanh chóng), cũng dịch là Dũng Kiện (勇健, mạnh mẽ), còn dịch là Bạo Ác, là tên một loài quỷ phi hành.

* Ma Hầu La Già (Mahoraga), phương này dịch là Đại Phúc Hành (大腹行, loài bò trườn lớn)⁹⁹, những loại kia như đã giải thích trong phần trước.

* Nhân, phi nhân: Tứ chúng là người, tám bộ thì là phi nhân. Câu này nhằm tổng kết.

* Tiểu vương: Như mười sáu quốc vương¹⁰⁰, cho đến những người đứng đầu các thôn xóm.

* Chuyển Luân Thánh Vương (Chakravartī-rajā) có bốn loại:

- Một là Kim Luân Vương, vua tứ thiên hạ.

- Hai là Ngân Luân Vương làm vua ba thiên hạ, trừ Bắc Châu (Bắc Câu Lô Châu).

⁹⁹ Ma Hầu La Già còn được phiên âm là Ma Hầu La Ca, Ma Hô Lạc Ca, Ma Hô La Già, Ma Hộ Ra Già, Mạc Hô Lạc Ca, Mạc Hô Lạc Già, Ma Hưu Lạc, Ma Phục Lạc v.v... có nghĩa là Đại Xà, Đại Mãng Thần. Đây cũng là một loại nhạc thần. Duy Ma Cật Kinh lược Sớ gọi loại này là Địa Long. Khi được đắp tạc trong truyền thống Nam Tông, khác với rồng thường có hình dạng như rắn hổ mang lớn có nhiều đầu, Ma Hầu La Già thường được tạc hình người đầu rắn, hoặc rắn có đầu người đội hình rắn trên đầu, một tay cầm sên, tay kia cầm trống lắc, lưng đeo các chuỗi trống nhỏ. Nhân duyên họa làm Ma Hầu La Già là người thích bố thí, thích hộ pháp, nhưng sân tâm rất nặng.

¹⁰⁰ Mười sáu quốc vương là nói đến vua của mười sáu nước lớn tại Ấn Độ thời đức Phật tại thế. Theo kinh Xà Ni Sa trong Trường A Hàm (quyển thứ năm), mười sáu đại quốc thời đức Phật là: Ương Già (Aṅga, thủ đô là thành Champa (Chiêm Ba), nên một số văn bản gọi nước này là Chiêm Ba quốc), Ma Kiệt Đà (Magadha), Ca Thi (Kāśī, do thủ đô là Ba La Nại nên còn gọi là Ba La Nại quốc), Cự Tát La (Câu Tát La, Kiều Tát La, Kōśala), Bạt Kỳ (Vrjī), Mạt La (Malla), Chi Đề (Xa Đề, Cedi), Bạt Tha (Vatsa), Cự Lô (Câu Lô, Kuru), Ban Xà La (Ban Giá La, Pañcāla), A Thập Ba (Āśvaka), A Ban Đề (Avanti), Ma Tha (Matsya), Tô La Sa (Sūrasena), Càn Đà La (Kiện Đạt La, Gandhāra), Kiêm Bộn Sa (Kiêm Phù Sa, Kamboja).

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Ba là Đồng Luân Vương, vua hai thiên hạ, trừ Tây Châu (Tây Ngưu Hóa Châu).

- Thiết Luân Vương, vua của Nam Châu (Diêm Phù Đề).

Hỏi: - Thuở đức Phật tại thế, há có bốn luân vương ư?

Đáp: - Người đáng được nghe kinh Pháp Hoa đều từ các cõi khác nhóm đến.

Hỏi: - Vì sao trong phần liệt kê đại chúng trước đó chẳng liệt kê họ?

Đáp: - Cùng nghe để chứng tín, đều chẳng phải liệt kê tùy tiện được, phần nhiều [là liệt kê những người] thuộc hai loại Ảnh Hưởng và Phát Khởi [để chứng tín]. Nay trong phần này nói trọn khắp chúng Đương Cơ và Kết Duyên, chớ nên bắt bẻ! Đại chúng thấy mưa hoa, đất chấn động, biết cam lộ sắp giáng. Vì thế, hân hoan, hớn hở đầy ấp trong tâm, biểu thị căn cơ to lớn sẽ được phát khởi, cảm vời sự ứng hiện thù thắng.

Hỏi: - Hỷ nộ là chuyện thường tình của con người, sao lại coi là tướng lành?

Đáp: - Hoa trời sừng mắt, đất động rung lòng. Vì thế, Đại Kinh nói: “*Động thời năng linh chúng sanh tâm động*” (Khi [đại địa] động có thể khiến cho tâm chúng sanh động). Hoa và đất biểu thị điều lành bên ngoài. Tâm vui sừng là điều lành bên trong, chẳng phải là sự vui sừng tầm thường. Tuy trước kia đã từng có, nhưng chẳng bị hoan hỷ lay động, có thể nhất tâm quán Phật, sao chẳng phải là điều lành?

Xét theo giáo, hoan hỷ động Âm tâm, là ý nghĩa trong Nhân thiên. Hoan hỷ động Chân Đế vô lậu tâm là ý nghĩa trong Tạng Giáo và Thông Giáo. Hoan hỷ động cái tâm “tức Giả” chính là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Hoan hỷ động Thật Tướng tâm là ý nghĩa trong Viên Giáo. Ở đây là [sự động tâm] theo Viên Giáo.

Hỏi: - Thật lý bất động, sao lại nói là động?

Đáp: - Động chính là phát khởi. Căn cơ Viên Giáo sẽ thành thì gọi là “*động Thật Tướng*”.

Xét theo Bốn Tích, Bốn là trụ trong tam-muội bất động, còn Tích là dùng đất chấn động để biểu thị sự phát khởi.

Xét theo quán tâm thì một niệm diệu quán vừa động, các tâm sở khác đều tùy thuận mà động theo!

1.2.1.1.2.1.6. Tướng lành phóng quang

(Kinh) Nhĩ thời, Phật phóng mi gian bạch hào tướng quang, chiếu Đông phương vạn bát thiên thế giới, my bất châu biến.

**(經)爾時，佛放眉間白毫相光，照東方萬八千世界，
靡不周徧。**

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật phóng quang từ tướng bạch hào giữa hai mày, chiếu một vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông, không đâu chẳng trọn khắp).

Phóng quang biểu thị ứng theo căn cơ mà lập giáo, phá Hoặc trừ nghi. “*Bạch hào*” (Ūṇā, tướng lông trắng cuộn tròn theo chiều phải như một viên ngọc chính giữa hai mày): Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “*Phật sơ sanh thời, khiên trường ngũ xích. Khổ hạnh thời, trường nhất trượng tứ xích. Đắc Phật thời, trường nhất trượng ngũ xích. Kỳ hào trung biểu câu không, bạch như lưu ly đồng, nội ngoại thanh tịnh. Tùng sơ phát tâm, trung gian hạnh hành chủng chủng tướng mạo, nãi chí nhập Niết Bàn nhất thiết công đức, giai hiện hào trung*” (Lúc đức Phật sơ sanh, bạch hào kéo ra dài năm thước. Khi khổ hạnh, dài một trượng bốn thước. Khi thành Phật, dài một trượng năm thước. Bạch hào ấy trong ngoài đều rộng không, trắng như ông lưu ly, trong ngoài thanh tịnh. Các thứ tướng mạo từ sơ phát tâm, trong khoảng giữa hành các hạnh, cho đến hết thấy công đức khi nhập Niết Bàn đều hiện trong bạch hào).

Bạch hào ở giữa hai lông mày, biểu thị Trung Đạo thường hằng. Nó mềm mại, biểu thị Lạc. Cuộn vào, duỗi ra tự tại, biểu thị Ngã. Màu trắng biểu thị Tịnh. Phóng quang nhằm phá tam tối, biểu thị Trung Đạo sanh ra quang minh trí huệ. Chiếu cõi này và cõi khác, biểu thị tự giác, giác ngộ người khác. Lại nữa, Tạng và Thông tuy biết hai Đế (Chân Đế và Tục Đế), nhưng chẳng biết Trung Đạo, như có hai lông mày mà chẳng có bạch hào. Biệt Giáo tuy biết Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế và Trung Đế), chẳng thể trọn đủ hết thấy các pháp trong bạch hào. Nay các chuyện từ ban đầu cho tới mai sau trong pháp giới đều hiện nơi bạch hào, chính là biểu thị ý nghĩa Viên Giáo.

Lại nữa, các kinh nói phóng quang khác nhau. Trong phẩm Như Lai Hiện Tướng của kinh Hoa Nghiêm, từ nơi răng phóng quang, phát ra kệ tụng để nhóm họp đại chúng; đây là biểu thị sắp thuyết pháp. Lại nữa, phóng quang từ giữa hai mày, [quang minh tỏa ra] nhập vào chân, biểu

thị dùng cực quả làm cái nhân chân thật. Trong phẩm Phổ Hiền Tam Muội, từ lỗ chân lông, phóng quang tán tụng Phổ Hiền, biểu thị hạnh Phổ Hiền trọn khắp. Trong phẩm Quang Minh Giác, phóng quang từ hai bàn chân, biểu thị pháp môn Thập Tín. Trong phẩm Tu Di Sơn Đảnh, phóng quang từ hai ngón chân, biểu thị Thập Trụ. Trong phẩm Dạ Ma Thiên Cung, phóng quang từ hai chân rọi lên trên, biểu thị Thập Hạnh. Trong phẩm Đâu Suất Thiên Cung, phóng quang từ hai gối, biểu thị Thập Hồi Hướng. Trong phẩm Thập Địa, phóng quang từ giữa hai mày, biểu thị Thập Địa chứng thẳng vào Trung Đạo. Vì thế nói kiêm và biệt. Trong phẩm Như Lai Xuất Hiện, phóng quang minh từ tướng bạch hào, [quang minh chiếu xong liền] nhập vào đỉnh đầu diệu đức. Đó là khiến cho [bậc đương cơ] thưa hỏi Phật pháp viên diệu. Phóng quang minh từ miệng, nhập vào miệng ngài Phổ Hiền, tức là dạy [Phổ Hiền Bồ Tát] hãy nói Phật pháp viên diệu. Trong phẩm Nhập Pháp Giới, phóng quang minh từ tướng bạch hào, khiến cho các vị Bồ Tát thấy Phật sự trong trọn khắp pháp giới; đây là muốn khiến cho chúng sanh an trụ trong Sư Tử Tàn Thân tam-muội. Trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã, từ tướng bánh xe ngàn cãm dưới lòng bàn chân cho đến nhục kế trên đỉnh đầu, mỗi tướng đều phóng sáu vạn ức quang minh; đây là dùng thân luân để biểu thị Bát Nhã trọn khắp. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, diện môn¹⁰¹ tỏa ánh sáng, biểu thị miệng Phật mật thuyết tạng bí mật. Nay kinh này bạch hào phóng quang, biểu thị Trung Đạo Thật Tướng. Vì thế, ngài Văn Thù nói: “*Kim Phật phóng quang minh, trợ phát Thật Tướng nghĩa*” (Nay đức Phật phóng quang minh, nhằm giúp phát khởi nghĩa Thật Tướng). Quang minh còn soi thấy chuyện trong mười pháp giới của cõi này và cõi khác, nhằm biểu thị mười pháp giới không gì chẳng do một ấn Thật Tướng in vào.

Xét theo giáo, thân Phật cao trọng sáu phóng quang là ý nghĩa theo Tam Tạng. Kèm theo Thắng Ứng Thân và Liệt Ứng Thân phóng quang là nghĩa trong Thông Giáo. Thân tôn quý đặc biệt phóng quang là ý nghĩa theo Biệt Giáo. Thân trọng sáu chính là Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na phóng quang. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo. Long nữ tán thán rằng: “*Vi diệu tịnh Pháp Thân, cụ tướng tam thập nhị*” (Pháp Thân sạch vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng) chính là khai hiện Viên Giáo vậy.

¹⁰¹ Diện môn có ba cách giải thích: Một, diện môn là miệng. Hai, diện môn là cả khuôn mặt. Cách hiểu thứ ba là phần ở giữa mũi và miệng.

Phương Đông là khởi đầu của các phương, biểu thị Thập Trụ là địa vị khởi thi. Thuyết pháp trong Tích Môn có thể khiến cho sanh thân Bồ Tát rộng rang thấy Lý, dự vào địa vị Thập Trụ trong Viên Giáo, khai Phật tri kiến. Nêu ra điều đầu tiên, sẽ biết điều ở giữa và sau cùng. Vì thế nói “*mỵ bất châu biến*” (không đâu chẳng trọn khắp). Hãy nên biết là các phương cũng đều như thế, các địa vị cũng thế. Nếu thuyết pháp theo Bốn Môn, bốn phương Phật vân tập biểu thị Pháp Thân Bồ Tát “*tăng đạo, tổn sanh*” (dần dần tăng trưởng ngộ trí, dần dần tổn giảm sanh tử), tăng trưởng bốn địa vị.

“*Một vạn tám ngàn thế giới*”: Như trong kinh Hoa Nghiêm, hể quang minh chiếu soi sẽ là tính bằng “*sát trần số*” (số lượng vi trần trong một cõi Phật), ở đây sao lại ít vậy? Đặc biệt biểu thị mười tám giới, mỗi giới đều có bách giới thiên như, thành ra một vạn tám ngàn! Những điều như thế không gì chẳng phải là cảnh giới nơi Phật huệ! Ngài Di Lặc hỏi: “*Phóng một quang minh thanh tịnh, chiếu vô lượng cõi*”, cho nên biết phương vị được chiếu đến không chỉ hạn cuộc tại phương Đông, số lượng rõ ràng không chỉ là một vạn tám ngàn vậy!

Hơn nữa, một vạn tám ngàn cõi được chiếu đều là cơ duyên ngũ trước, đều cần phải vì Thật mà thực hiện Quyền, khai Quyền hiển Thật giống như Phật Thích Ca trong cõi này vậy. Nếu có các cõi Phật thuần nói Đại Thừa, Đại cách biệt với Tiểu, như những điều được thấy trong quang minh [diễn tả] trong các kinh như Hoa Nghiêm, tuy cảnh giới thù thắng, chẳng hiển lộ trọn đủ phương tiện thiện xảo của Như Lai từ đầu đến cuối được! Vì thế, chẳng giống như cảnh lành màu nhiệm trong kinh này. Quang minh chiếu thấu phương Đông, do quang minh bèn được thấy sáu điều lành nơi các cõi khác. Tức là chúng sanh trong sáu đường, chư Phật thuyết pháp, tam thừa tu chứng, nhập Niết Bàn và dựng tháp v.v... Như thế thì mười pháp giới dù tánh, hay tướng, hay thể, hay lực, hay tác, hay nhân, hay duyên, hay quả, hay báo, từ gốc đến ngọn, đều hiện rành rành trong một quang minh. Theo chiều ngang gồm trọn chẳng có ngăn mé, theo chiều dọc tốt cùng từ đầu đến cuối. Như hình tượng trong gương, như trăng trong nước, nói là có thì chẳng có, bảo là không thì chẳng không. Ngoài quang minh chẳng có cõi nước, ngoài cõi nước chẳng có quang minh. Nói là Không, là Giả, là Trung, bậc thượng căn lợi trí có thể hướng đến nơi ấy mà nhanh chóng hiểu rõ “*Quyền Thật đồng thể, chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*”. Người chưa thấu hiểu, bèn dùng ba tầng thiện xảo để nói. Có kẻ bảo: “*Nhất quang Đông chiếu, diệu thể toàn chương*” (Một luồng quang minh chiếu sang phương

Đông, cái Thể mẫu nhiệm được phơi bày trọn vẹn), gần như đã thấu hiểu [ý chỉ ấy].

Phần đầu, nói về sáu điều lành nơi cõi này đã xong.

1.2.1.1.2.2. Sáu điều lành ở cõi khác

Tức là do muốn khiến cho [đại chúng nghe kinh] trong cõi này dễ hiểu các cảnh giới được trông thấy bởi điều lành thứ sáu tức “*phóng quang*”, cho nên lại viện dẫn chuyện tương đồng, chia thành sáu tiểu đoạn:

- Một là thấy tướng lành trong sáu đường.
- Hai là thấy tướng lành của chư Phật.
[Điều một và hai chính là] một cặp “thượng thánh, hạ phàm”.
- Ba là tướng lành nghe thuyết pháp.
- Bốn là trông thấy tướng lành tứ chúng đắc đạo.
Đây là một cặp “nhân, pháp”.
- Năm là thấy tướng lành Bồ Tát hành các hạnh.
- Sáu là thấy tướng lành chư Phật nhập Niết Bàn.
Đây là một cặp “thỉ, chung” (khởi đầu và kết thúc).

Đã có chúng sanh đáng được giáo hóa, bèn có Phật có thể giáo hóa. Hễ có Phật bèn có thuyết pháp. Hễ thuyết pháp liền có đệ tử. Đệ tử tức là khởi đầu của hành trì. Đã có khởi đầu của hành trì, ắt đạt đến kết cục. Lại nữa, sáu điều lành trong cõi này cùng biểu thị chúng sanh sẽ đạt được tự giác; sáu điều lành trong cõi kia biểu thị chúng sanh sẽ đạt được giác tha. Lại nữa, sáu điều lành trong cõi này và cõi kia nhằm biểu thị chư Phật cõi này và cõi kia có cùng một đạo. Năm điều lành đầu tiên chính là hiển lộ cõi này và cõi kia đã giống nhau; điều lành thứ sáu nhằm hiển thị cõi này sẽ giống như cõi kia.

1.2.1.1.2.2.1. Thấy điều lành trong sáu đường

(Kinh) Hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí A Ca Ni Trá thiên, u thử thế giới, tận kiến bỉ độ lục thú chúng sanh.

(經)下至阿鼻地獄，上至阿迦尼吒天，於此世界，盡見彼土六趣眾生。

(Kinh: Dưới là đến địa ngục A Tỳ, trên là đến trời A Ca Ni Trá, trong thế giới này thấy trọn hết chúng sanh thuộc sáu đường trong cõi kia).

A Tỳ (Avīci), phương này dịch là Vô Gián, ở chỗ thấp nhất trong thế giới. A Ca Ni Trá (Akaniṣṭha), phương này dịch là Sắc Cứu Cánh, là chỗ cao tốt trong Sắc Giới. Câu này thừa tiếp ý “*quang minh chiếu đến một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông*” trong phần trước, chiếu thấu từ địa ngục A Tỳ cho đến Sắc Cứu Cánh Thiên, không gì chẳng được quang minh hiển hiện trọn hết. Vì thế, đại chúng trong hội vào thuở ấy liền ở trong thế giới này mà thấy trọn hết chúng sanh sáu đường trong các cõi kia, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Tu La, người, trời. Đó là hiện ngũ trược trong các cõi ấy, giống như cõi này.

1.2.1.1.2.2.2. Thấy điều lành chư Phật

(Kinh) Hựu kiến bỉ độ hiện tại chư Phật.

(經)又見彼土現在諸佛。

(Kinh: Lại thấy chư Phật đang trụ thế trong các cõi ấy).

Đây là quang minh hiển hiện chư Phật trong các cõi ấy. Các Ngài vì [thế giới] ngũ trược mà xuất hiện trong cõi đời. Điều này có cùng ý nghĩa xuất thế với Phật Thích Ca.

1.2.1.1.2.2.3. Điều lành nghe thuyết pháp

(Kinh) Cập văn chư Phật sở thuyết kinh pháp.

(經)及聞諸佛所說經法。

(Kinh: Và nghe kinh pháp do chư Phật đã nói).

Đây là hiển hiện các vị Phật ấy thoát đầu từ một pháp vô tướng, chẳng đón mà là đón, diễn nói Đại Hoa Nghiêm, có cùng ý nghĩa với chuyện Phật Thích Ca diễn nói kinh Hoa Nghiêm trong cõi này.

1.2.1.1.2.2.4. Thấy điều lành tứ chúng đắc đạo

(Kinh) Tịnh kiến bỉ chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chư tu hành đắc đạo giả.

(經)並見彼諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，諸修行得道者。

(Kinh: Lại thấy các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là những người tu hành đắc đạo trong cõi ấy).

Đây là hiển hiện Phật trong cõi ấy chẳng phải tiệm mà là tiệm, vì kẻ độn căn mà thuyết pháp Tam Tạng. Tứ chúng nương theo, bèn đạt được Tứ Quả xuất thế và Bích Chi Phật đạo, có cùng ý nghĩa với chuyện Phật Thích Ca nói giáo pháp Tam Tạng trong cõi này.

1.2.1.1.2.2.5. Thấy điều lành Bồ Tát hành các hạnh

(Kinh) Phục kiến chư Bồ Tát Ma Ha Tát, chủng chủng nhân duyên, chủng chủng tín giải, chủng chủng tướng mạo, hành Bồ Tát đạo.

(經)復見諸菩薩摩訶薩，種種因緣，種種信解，種種相貌，行菩薩道。

(Kinh: Lại thấy các thứ nhân duyên, các thứ tín giải, các thứ tướng mạo hành Bồ Tát đạo của các vị Bồ Tát Ma Ha Tát).

Đây là hiển hiện các vị Phật ấy chẳng phải tiệm mà là tiệm, vì người Đại Thừa nói các kinh Đại Thừa Phương Đẳng, Bát Nhã, có cùng ý nghĩa với chuyện Phật Thích Ca nói hai giáo thuộc vị tô (sinh tô và thực tô) trong cõi này. Xưa kia, gieo thiện căn nơi bốn giáo làm nhân, nay vâng theo pháp môn trong bốn giáo làm duyên. Trong bốn giáo, mỗi giáo đều có tín giải, lấy đó làm chủ thể để cảm (năng cảm), tu hành tứ giáo. Lại trong mỗi giáo, mỗi giáo đều có bốn môn. Vì thế nói là “*chủng chủng tướng mạo*” (các thứ tướng mạo).

1.2.1.1.2.2.6. Thấy điều lành chư Phật nhập Niết Bàn

(Kinh) Phục kiến chư Phật bát Niết Bàn giả. Phục kiến chư Phật bát Niết Bàn hậu, dĩ Phật xá lợi khởi thất bảo tháp.

(經)復見諸佛般涅槃者。復見諸佛般涅槃後，以佛舍利起七寶塔。

(Kinh: Lại thấy chư Phật nhập Niết Bàn. Lại thấy sau khi chư Phật nhập Niết Bàn, [tứ chúng] đem xá-lợi của Phật dựng tháp bảy báu).

Đây là [quang minh] hiển hiện đức Phật ấy giáo hóa xong xuôi, thâm vô lượng pháp quy hoàn một pháp, thị hiện diệt độ, chấm dứt giáo hóa, cho đến dựng tháp để làm Phật sự. Tức là khởi đầu xuất thế cho đến kết thúc bằng thời Tượng Pháp, quang minh chiếu tới cõi ấy đã phô bày rành rành trước mắt chuyện tạo lợi ích Quyền và Thật trong suốt một đời giáo hóa của vị Phật ấy. Dùng cõi kia để suy ra cõi này, năm thứ trước đã giống nhau, điều sau cùng há sai khác? Hãy nên biết đức Thích Ca từ lúc mới thành đạo, đã từ một pháp vô tướng nói ra vô lượng pháp, chẳng đốn mà là đốn, chẳng tiệm mà là tiệm. Chuyện ấy đã xong, nay ắt phải nên thâm vô lượng pháp trở về một pháp, khai Quyền hiển Thật, xưng rằng “sẽ nhập diệt” giống như trong cõi kia.

Hỏi: - Vì sao trong quang minh chẳng hiện [chư Phật] nói kinh Pháp Hoa trong các cõi ấy?

Đáp: - Nếu hiển hiện rành rẽ, sẽ chẳng thành dẫn khởi, mà cũng chẳng thể khiến cho chúng hội nầy sanh nghi niệm, [khiến cho] ngài Di Lặc nêu câu hỏi, Văn Thù bèn cân nhắc để trả lời. Như thế thì hai thuyết Tích và Bồn sẽ chẳng do đâu phát khởi được! [Như thế thì] làm sao chắc chắn đạt được vô biên lợi ích trong hiện tại và sau khi đức Phật diệt độ? Vì thế, bèn nói ý chỉ chánh yếu của kinh Pháp Hoa. Chỉ đối với một chuyện quang minh chiếu sang phương Đông mà đã có kiến giải chấp chặt một bề, chẳng biết nói năng hay im lặng đều trọn đủ Tứ Tất Đàn! Tứ Tất Đàn do nhập Định chỉ phù hợp bậc thượng thượng căn. Tứ Tất Đàn do thuyết pháp sẽ thích ứng trọn khắp ba căn. Tứ Tất Đàn của nhập Định chỉ hạn cuộc trong hiện tại. Tứ Tất Đàn của sự thuyết pháp lưu thông sẽ phổ cập tận vị lai. Do chẳng biết lẽ ngầm chứng minh, cho nên mới có nhiều dị kiến!

Hỏi: - Quang minh soi chiếu các điều được trông thấy theo chiều ngang (không gian) trong một thời, sao lại nói là “trước Đốn, sau Tiệm” cho đến “hội quy” [tam thừa về Nhất Thừa, vô lượng pháp về một pháp]?

Đáp: - Xa hay gần đều có thể khiến cho thấy nghe, thì khiến cho thấy nghe quá khứ và vị lai đều khiến cho thấy nghe, há có khó gì? Vì thế, khiến cho mười phương từ đầu đến cuối, rạng ngời như ở ngay trước mắt, há có nên dùng phàm tình nhỏ nhặt để suy lường thánh cảnh ư?

Hỏi: - Các điều trông thấy trong quang minh chẳng phải là thuần đốn, mà chỉ là tiệm đấy chăng?

Đáp: - Đại chúng thuở ấy chỉ do quang minh mà trông thấy. Bản lãnh to lớn để làm chuyện ấy là do đức Thế Tôn, nhưng Ngài đã khiến cho đại chúng trông thấy [các sự tướng ấy bèn biết] “vốn là để chứng minh [cõi này và phương khác] giống như nhau, phóng quang minh nhằm thành tựu Nhất Thật”. Vì thế, Sự tuy khác mà Lý tuyệt đối, chẳng phải do quang minh nhuần thấm.

Hỏi: - Chữ Bát (般) được phương này nói là Nhập, Niết Bàn là Diệt Độ, Tạng Giáo và Thông Giáo là “*hôi đoạn*”¹⁰², cho nên nói là Bát Niết Bàn. Đã hiển lộ viên thường, há nên nói là “*nhập diệt*”?

Đáp: - Phật xuất hiện trong cõi Đồng Cư, về mặt Sự, ắt phải thị hiện nhập diệt. Nếu biết “chẳng phải sanh” mà thị hiện sanh, liền biết sanh chính là “chẳng phải sanh”. Nếu biết chẳng phải diệt mà thị hiện diệt, liền biết diệt chính là phi diệt. Đọc phẩm Thọ Lượng, mỗi nghi ấy sẽ tự cởi gỡ.

Xá-lợi (Śāṛīra), còn nói là Thất-lợi-la, phương này dịch là Linh Cốt (靈骨, xương thiêng). Tháp, nói đầy đủ là Tháp Bà (Stupa), hoặc là Tể Đồ Ba, phương này dịch là Phương Phần (方墳, mồ vuông), hoặc dịch là Viên Trùng (圓塚, mộ tròn), còn dịch là Cao Hiên.

Phần thứ hai, trần thuật hiện tướng lành đã xong.

1.2.1.1.3. Trần thuật nghi niệm

Gồm hai phần: Một là Di Lặc nghĩ ngợi, khởi nghi. Hai là đại chúng suy nghĩ khởi nghi.

1.2.1.1.3.1. Di Lặc suy nghĩ, khởi nghi

¹⁰² “*Hôi đoạn*” (灰斷) là thuật ngữ chỉ bậc La Hán trong Tiểu Thừa, hoặc nhập Hỏa Định Tụ, hoặc do trà-tỳ (hỏa thiêu), sắc thân bị diệt mất, chỉ còn tro. Cũng nói là “*hôi thân diệt trí*”.

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát tác thị niệm: “Kim giả Thế Tôn hiện thân biến tướng, dĩ hà nhân duyên nhi hữu thử thủy? Kim Phật Thế Tôn nhập tam-muội, thị bất khả tư nghị hiện hy hữu sự, đương dĩ vấn thủy? Thủy năng đáp giả?” Phục tác thị niệm: “Thị Văn Thù Sư Lợi pháp vương chi tử, dĩ tăng thân cận, cúng dường quá khứ vô lượng chư Phật, tất ưng kiến thử hy hữu chi tướng, ngã kim đương vấn”.

(經)爾時，彌勒菩薩作是念：「今者世尊現神變相，以何因緣而有此瑞？今佛世尊入於三昧，是不可思議現希有事，當以問誰？誰能答者？」復作此念：「是文殊師利法王之子，已曾親近，供養過去無量諸佛，必應見此希有之相，我今當問」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát nghĩ như thế này: “Nay đức Thế Tôn hiện tướng thân biến, do nhân duyên gì mà có điều lành này? Nay Phật Thế Tôn nhập tam-muội, chuyện biến hiện hiếm có chẳng thể nghĩ này hãy nên hỏi ai? Ai có thể đáp được?” Lại nghĩ như thế này: “Ngài Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử đây đã từng thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, ắt sẽ thấy tướng hy hữu này, ta hãy nên hỏi Ngài”).

Ngài Di Lặc có ba ý niệm:

- Một, từ chữ “kim giả” trở đi là suy nghĩ về sáu điều lành.
- Hai, từ chữ “Phật” trở đi, suy nghĩ sẽ hỏi ai.
- Ba, từ chữ “phục tác” trở đi, là nghĩ tới ngài Văn Thù.

Ý niệm về Văn Thù dấy lên thì ý niệm thứ hai mất đi, chỉ còn ý niệm đầu tiên, nhưng trở thành nghi hoặc.

“Thần biến” (神變): “Thần” là “thiên tâm” (tâm tự nhiên), tức là nội huệ tự nhiên. “Biến” là biến động, tức là sáu điều lành tỏ lộ ra ngoài. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội nói: “Phật trụ bất nhị pháp, năng tác thần thông” (Đức Phật trụ trong pháp Bất Nhị có thể thực hiện thần thông).

Pháp lực của đấng Pháp Vương siêu việt, bao trùm hết cả, ngài Di Lặc chẳng lường được sự biến hóa bên ngoài, mà cũng chẳng hiểu nội huệ. Vì thế, dấy lên ý niệm ngờ vực. Kẻ vụng về chẳng biết tài khéo,

kẻ tán loạn chẳng biết Định, phàm phu chẳng biết bậc thánh, tiểu thánh chẳng hiểu biết Thân Tử (Xá Lợi Phất), Thân Tử chẳng hiểu biết Bồ Tát, Bồ Tát chẳng biết bậc Bồ Xứ, Bồ Xứ chẳng biết đáng tôn cực (Phật). Đây là cảnh giới tôn cực; vì thế, ngài Di Lặc chẳng biết. Nhưng ngài Di Lặc đã gieo nhiều điều thiện, lẽ đâu chẳng biết phảng phất? Hãy nên biết là Ngài ẩn tàng sự sáng suốt, thị hiện tối tăm, quyền biến nói là “chẳng biết”.

Hỏi: - Hết thấy Bồ Tát đều là pháp vương tử, có sao riêng đề cao ngài Văn Thù?

Đáp: - Do có hai nghĩa: Một là trong các vị pháp vương tử, đức của ngài Văn Thù cao vượt. Hai là trong các kinh, ngài Văn Thù đều là Thượng Thủ của các vị Bồ Tát.

1.2.1.1.3.2. Đại chúng suy nghĩ khởi nghi

(Kinh) Nhĩ thời, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cập chư thiên, long, quỷ thần đẳng, hàm tác thử niệm: “Thị Phật quang minh thần thông chi tướng, kim đương vấn thù?”

(經)爾時，比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、及諸天、龍、鬼神等，咸作此念：「是佛光明神通之相，今當問誰？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, và các trời, rồng, quỷ thần v.v... đều nghĩ như thế này: “Tướng quang minh thần thông này của Phật nay hãy nên hỏi ai?”)

Đại chúng có hai ý niệm: Một là chánh niệm sáu điều lành. Hai là nghĩ nên hỏi ai. Nếu đối chiếu với kệ tụng trong phần sau, cũng có ba ý niệm. Phần kệ tụng có nói: “*Tứ chúng hân ngưỡng, chiêm nhân cập ngã*” (Tứ chúng vui sướng, ngưỡng mộ, chiêm ngưỡng nhân giả và tôi). Chẳng có ý niệm thứ ba, sao lại chiêm ngưỡng nhân giả? Đoạn [chánh kinh] này chẳng nói là vì muốn đề cao bậc Bồ Xứ trước.

Hỏi: - Văn Thù và Di Lặc phẩm đức và địa vị ngang nhau, có sao một vị hỏi, một vị đáp?

Đáp: - Căn cơ có tương ứng, hay không tương ứng. Địa vị tuy ngang nhau, nhưng do chủ - khách phải nên khác nhau, thánh nhân thừa dịp, nếu chẳng có người hỏi, sẽ chẳng thể đáp (đó là nói theo nhân duyên). Pháp môn lại có Quyền và Thật, bậc Bồ Xứ nơi Quyền thì cần

phải hỏi, người ở nơi Thật cần phải đáp (đó là xét theo giáo). Tích lại có [thành tựu đạo quả] lâu xa hay gần đây. Gần đây thì hỏi, lâu xa bèn đáp (đó là xét theo Bản Tích). Tên gọi lại có ý nghĩa dễ hiểu. Di Lặc là Từ, Từ là vì chúng sanh, cho nên cần phải hỏi. Văn Thù là diệu đức, đã là đức thì cần phải đáp (đó là giải thích theo quán tâm).

Phản trần thuật về ba mối nghi niệm đã xong.

1.2.1.1.4. Nêu lời hỏi

Gồm hai phần: Một là phần Trường Hàng. Hai là kệ tụng.

1.2.1.1.4.1. Trường Hàng

Gồm hai phần: Một là người kết tập kinh trần thuật. Hai là nêu lời thưa hỏi.

1.2.1.1.4.1.1. Người kết tập kinh trần thuật

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát dục tự quyết nghi. Hựu quán tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cập chư thiên, long, quỷ thần đẳng, chúng hội chi tâm.

(經)爾時，彌勒菩薩欲自決疑。又觀四眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、及諸天、龍、鬼神等，眾會之心。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát muốn giải quyết mối nghi của chính mình. Lại xét tâm niệm của tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, và chư thiên, rồng, quỷ thần v.v... trong hội).

Cùng trần thuật nỗi nghi của chính mình và người khác. Ý nghĩa dễ hiểu.

1.2.1.1.4.1.2. Chánh thức nêu lời hỏi

(Kinh) Nhi vấn Văn Thù Sư Lợi ngôn: “Dĩ hà nhân duyên nhi hữu thử thụy, thân thông chi tướng, phóng đại quang minh, chiếu ư Đông phương vạn bát thiên độ, tất kiến bỉ Phật, quốc giới trang nghiêm?”

(經)而問文殊師利言：「以何因緣，而有此瑞，神通之相，放大光明，照於東方萬八千土，悉見彼佛，國界莊嚴？」

(Kinh: Hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng: “Do nhân duyên gì mà có tướng tốt lành và thần thông này, phóng quang minh to lớn chiếu đến một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, đều thấy sự trang nghiêm trong các Phật quốc giới ấy?”)

Cùng hỏi về cõi này và cõi khác, ý nghĩa dễ hiểu.

1.2.1.1.4.2. Kệ tụng

Gồm hai phần: Một là kệ tụng để hỏi những điều trên đây. Hai là kệ tụng nhằm xin giải đáp. Do ý nghĩa gì mà có kệ tụng? Trong Tỳ Bà Sa Luận, ngài Long Thọ có nói: “Một là tùy thuận quốc độ. Thiên Trúc có thuyết rải hoa và xâu hoa. Như trong thế gian này, sau bài Tựa bèn có bài Minh. Hai là thuận theo lòng ưa muốn khác nhau, có người thích nói bằng văn xuôi, có người thích nói thành thi kệ (hai điều này là Thế Giới Tất Đàn). Ba là tùy thuận chúng sanh hiểu biết bất đồng. Hoặc là [tùy thuộc người nghe] do tán nói bằng văn xuôi mà hiểu, hoặc nhờ thơ kệ mà hiểu (đó là Vị Nhân Tất Đàn). Bốn là tùy thuộc lợi căn hay độn căn. Người lợi căn thì vừa nghe liền ngộ, kẻ độn căn thì phải nhắc lại mới ngộ (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Lại còn biểu thị Phật ân cần nhắc lại (điều thứ năm cũng là Vị Nhân Tất Đàn). Lại do đối với đại chúng tụ tập có trước, sau; vì thế có kệ tụng (Đối Trị Tất Đàn, có thể trừ mối nghi cho người đến sau)”. Luận ấy nêu ra mười nghĩa, nay chỉ kể ra sáu. Năm điều đầu thì như đã trích dẫn. (Điều thứ sáu là khiến cho người đến sau sanh lòng tin đối với kinh, cũng là Vị Nhân Tất Đàn. Bảy là dễ vận dụng ngôn từ, thay đổi phong cách thuyết pháp, cũng là Đối Trị Tất Đàn. Tám là chỉ bày nghĩa vô tận. Chín là nói rõ bậc cao tột có cách nói không hạn chế. Hai điều này cùng là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Điều thứ mười trong luận chính là điều thứ sáu trong đoạn văn trích dẫn trên đây).

1.2.1.1.4.2.1. Kệ tụng để hỏi những điều trên đây

Gồm hai phần: Một là hỏi sáu điều lành trong cõi này. Hai là hỏi về sáu điều lành trong cõi khác.

1.2.1.1.4.2.1.1. Hỏi sáu điều lành trong cõi này

(Kinh) U thị, Di Lạc Bồ Tát dục trùng tuyên thử nghĩa, dĩ kệ vấn viết: - Văn Thù Sư Lợi! Đạo sư hà cố? Mi gian bạch hào, đại quang phổ chiếu. Vũ Mạn Đà La, Mạn Thù Sa hoa, Chiên Đàn hương phong, duyệt khả chúng tâm. Dĩ thị nhân duyên, địa giai nghiêm tịnh, nhi thử thế giới, lục chúng chấn động. Thời tứ bộ chúng, hàm giai hoan hỷ, thân ý khoái nhiên, đắc vị tăng hữu.

(經)於是，彌勒菩薩欲重宣此義，以偈問曰：「文殊師利！導師何故？眉間白毫，大光普照。雨曼陀羅，曼殊沙華，旃檀香風，悅可眾心。以是因緣，地皆嚴淨，而此世界，六種震動。時四部眾，咸皆歡喜，身意快然，得未曾有。

(Kinh: Ngay khi đó, Di Lạc Bồ Tát muốn nói lại nghĩa này, dùng kệ hỏi rằng: - Văn Thù Sư Lợi! Đạo sư¹⁰³ có gì? Bạch hào giữa mày, đại quang chiếu khắp. Mưa Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, gió thơm Chiên Đàn¹⁰⁴, vui đẹp lòng người. Do nhân duyên ấy, đất đều nghiêm tịnh, nhưng thế giới này, sáu thứ chấn động. Bốn chúng khi đó, thấy đều hoan hỷ, thân ý vui sướng, được chưa từng có).

Phần kinh văn Trường Hàng hỏi chung sáu điều lành của cõi này. Trong phần kệ có nói đến gió thơm và đất thanh tịnh, nhưng không nói đến chuyện thuyết pháp và nhập Định. Nhìn vào kinh văn thì có thể nói là [giữa phần Trường Hàng và Kệ Tụng] “có tăng giảm”, nhưng xét

¹⁰³ Đạo sư: Xưng hiệu của Phật, hoặc tiếng gọi chung các vị Phật và Bồ Tát. Do các Ngài hướng dẫn chúng sanh nhập tri kiến của Phật, nên gọi là Đạo Sư (pháp sư Phổ Hành chú thích).

¹⁰⁴ Chiên Đàn (Candana) là tên một loại hương, dịch nghĩa là Dữ Lạc (ban cho niềm vui). Hương này phát xuất từ núi Ma La Da tại Ấn Độ. Do núi ấy có hình dáng giống như đầu con trâu, nên loại hương ấy còn được gọi là Ngưu Đầu Chiên Đàn. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa nói bạch Chiên Đàn có thể trị bệnh nhiệt, xích Chiên Đàn có thể trừ phong thũng, đều là dược liệu trừ bệnh khiến cho thân an lạc, nên gọi là Dữ Lạc.

theo ý nghĩa thì chẳng vậy. Thuyết pháp là huệ tánh, nhập Định là tâm tự nhiên. Từ huệ tánh và tâm tự nhiên, có thể phóng quang, chấn động cõi đất. Nêu lên cái ngọn liền biết cái gốc; vì thế, tuy lược bớt mà chẳng phải là lược bớt. Lại nữa, chỉ với hai chữ “*đạo sư*” [trong kệ tụng] chính là hỏi về thuyết pháp, nhập Định; bởi lẽ, do thuyết pháp, nhập định mà có thể hướng dẫn người khác. Hoa trời màu nhiệm tột bậc, há có sắc mà chẳng có hương? Vì thế, có hoa bèn có gió thơm. Hoa đã tụ tập trên mặt đất, đất liền trang nghiêm, thanh tịnh, biểu thị: Nếu do nhân mà tiến tới quả, quả sẽ trang nghiêm, thanh tịnh. Như kinh Kim Quang Minh nói: “*Tụ tập công đức, trang nghiêm Pháp Thân*”. Vì thế, dùng gió thơm, cõi đất thanh tịnh, hiển lộ bốn thứ hoa. Đó là tăng mà chẳng tăng vậy.

1.2.1.1.4.2.1.2. Hỏi về sáu điều lành trong cõi khác

Gồm có sáu điều:

- Một là hỏi về chúng sanh trong sáu đường.
- Hai là hỏi về chuyện thấy các đức Phật ấy và nghe thuyết pháp.
- Ba là hỏi về bốn chúng trong cõi ấy.
- Bốn là kết phần trước để dẫn khởi phần sau.
- Năm là hỏi về chuyện tu Bồ Tát hạnh trong cõi khác.
- Sáu là hỏi về chuyện cúng dường xá-lợi trong cõi khác, tức là hỏi về chuyện đức Phật nhập Niết Bàn.

1.2.1.1.4.2.1.2.1. Hỏi về chúng sanh trong sáu đường

(Kinh) Mi gian quang minh, chiếu vu Đông phương, vạn bát thiên độ, giai như kim sắc. Từng A Tỳ ngục, thượng chí Hữu Đảnh, chư thế giới trung, lục đạo chúng sanh. Sanh tử sở thú, thiện ác nghiệp duyên, thọ báo hảo xú, ư thử tất kiến.

(經)眉間光明，照于東方，萬八千土，皆如金色。從阿鼻獄，上至有頂，諸世界中，六道眾生。生死所趣，善惡業緣，受報好醜，於此悉見。

(Kinh: Quang minh giữa mày, chiếu sang phương Đông, vạn tám ngàn cõi, đều như sắc vàng. Từ ngục A Tỳ, lên đến Hữu Đảnh, trong các thế giới, lục đạo chúng sanh. Tiến hướng sanh tử, nghiệp duyên thiện ác, thọ báo tốt xấu, đều thấy trong ấy).

Chúng sanh trong sáu đường là giả danh “*năng thú*” (có thể tiến vào sáu đường).

“*Sanh tử*” là chỗ Ngũ Âm tiến nhập. Nghiệp duyên thiện ác là cái nhân để tiến nhập. “*Tốt, xấu*” là cái quả để tiến hướng. Hữu Đảnh là tột đỉnh của tam hữu, chỉ Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên. Phần Trường Hàng có nói A Ca Ni Trá, tức là chỉ nói đến Sắc Cứu Cánh Thiên. Nay nói như thế (tức là nói “chỉ đến trời Hữu Đảnh”), [xét theo đúng lý], do nương theo quang minh nhìn xa, [sẽ phải trông thấy tận Vô Sắc Giới], vì [chư thiên] Vô Sắc Giới đã không có hình sắc, cho nên chẳng thể thấy [hình dáng của họ], còn nếu nhìn theo nghiệp duyên sanh tử, thọ báo sai biệt, sẽ đều trông thấy. Theo đúng lý, phải nên chiếu trọn khắp Vô Sắc Giới.

1.2.1.1.4.2.1.2.2. Hỏi về chuyện thấy Phật và nghe thuyết pháp

(Kinh) Hựu đồ chư Phật, thánh chúa sư tử, diễn thuyết kinh điển, vi diệu đệ nhất. Kỳ thanh thanh tịnh, xuất nhu nhuyển âm, giáo chư Bồ Tát, vô số ức vạn. Phạm âm thâm diệu, linh nhân nhạo văn, các u thế giới, giảng thuyết chánh pháp. Chủng chủng nhân duyên, dĩ vô lượng dụ, chiếu minh Phật pháp, khai ngộ chúng sanh.

(經)又覩諸佛，聖主師子，演說經典，微妙第一。其聲清淨，出柔軟音，教諸菩薩，無數億萬。梵音深妙，令人樂聞，各於世界，講說正法。種種因緣，以無量喻，照明佛法，開悟眾生。

(Kinh: Lại thấy chư Phật, thánh chúa sư tử, diễn nói kinh điển, vi diệu bậc nhất. Âm thanh thanh tịnh, thốt tiếng mềm mọng, dạy các Bồ Tát, vô số ức vạn. Phạm âm sâu màu, khiến người thích nghe, trong mỗi thế giới, giảng nói chánh pháp. Các thứ nhân duyên, vô lượng thí dụ, soi sáng Phật pháp, khai ngộ chúng sanh).

Thập Địa trong Biệt Giáo và Thập Trụ trong Viên Giáo được gọi là Thánh. Đức Phật lại tôn quý nhất, nên gọi là Thánh Chúa. Nói pháp Đại Thừa, quyết định vô úy; vì thế, gọi là Sư Tử. Đốn Giáo thuần là Đại Thừa, nên nói là “*đệ nhất*”. Nói lý Trung Đạo, cho nên âm thanh thanh tịnh. Thuận theo pháp Thật Tướng, cho nên âm thanh mềm mọng. Chẳng

có chúng Nhị Thừa, cho nên nói là “*giáo chư Bồ Tát*” (dạy các Bồ Tát). Điều được nói là Tam Đế theo thứ tự, cho nên là Thâm (sâu xa), Tam Đế viên dung là Diệu. Xứng lý bậc đương cơ, cho nên nói là “*linh nhân nhạo văn*” (khiến cho kẻ khác thích nghe). Trọn khắp bảy xứ, chín hội¹⁰⁵, nên nói là “*các u thế giới*” (ở mỗi thế giới). Hai giáo, tám môn; vì thế nói là “*chủng chủng*” (các thứ). Chẳng xen lẫn ba thừa, nên gọi là Phật pháp. Người nghe liền nhập Phật huệ, nên nói là “*khai ngộ*”. Điều này tương đồng với giáo nghĩa của Hoa Nghiêm trong cõi này.

1.2.1.1.4.2.1.2.3. Hỏi về tứ chúng trong cõi khác

(Kinh) Nhược nhân tao khổ, yếm lão bệnh tử, vị thuyết Niết Bàn, tận chư khổ tế. Nhược nhân hữu phước, tăng cúng dường Phật, chí cầu thắng pháp, vị thuyết Duyên Giác. Nhược hữu Phật tử, tu chủng chủng hạnh, cầu vô thượng huệ, vị thuyết tịnh đạo.

(經) 若人遭苦，厭老病死，為說涅槃，盡諸苦際。若人有福，曾供養佛，志求勝法，為說緣覺。若有佛子，修種種行，求無上慧，為說淨道。

¹⁰⁵ Kinh Hoa Nghiêm được nói ở bảy chỗ, chia làm chín hội:

1. Tại Bồ Đề Đạo Tràng, đức Phật mới thành Chánh Giác. Bồ Đề đạo tràng thuộc xứ Ma Kiệt Đà, nói về pháp môn quả báo nơi y báo và chánh báo của Như Lai gồm sáu phẩm kinh từ Thế Chủ Diệu Nghiêm cho đến phẩm Tỳ Lô Giá Na.
2. Tại điện Phổ Quang Minh, ba lần tụ hội, nói mười tám phẩm. Lần thứ nhất, tại đây nói pháp môn Thập Tín gồm mười phẩm từ phẩm Như Lai Danh Hiệu cho đến phẩm Hiền Thủ. Lần thứ hai, tại nơi này nói pháp môn Đẳng Giác, gồm mười một phẩm, tức các phẩm Thập Định, Thập Thông, Thập Nhẫn, A Tăng Kỳ, Thọ Lượng, Bồ Tát Trụ Xứ, Phật Bất Tư Nghị, Thập Thân Tướng Hải, Như Lai Tùy Hào Quang Minh, Phổ Hiền Hạnh Phẩm, và Như Lai Xuất Hiện. Lần thứ ba, cũng tại đây, nói phẩm Ly Thế Gian.
3. Tại Đạo Lợi Thiên Cung, nói pháp môn Thập Trụ gồm sáu phẩm: Thăng Tu Di Sơn, Sơn Đánh Kê Tán, Thập Trụ, Phạm Hạnh, Sơ Phát Tâm Công Đức, Minh Pháp.
4. Tại Dạ Ma Thiên Cung, nói pháp môn Thập Hạnh gồm bốn phẩm: Thăng Dạ Ma Thiên, Dạ Ma Kê Tán, Thập Hạnh, Thập Vô Tận Tạng.
5. Tại Đâu Suất Thiên Cung, nói pháp môn Thập Hồi Hướng gồm ba phẩm: Thăng Đâu Suất Thiên, Đâu Suất Kê Tán, và Thập Hồi Hướng.
6. Tại Tha Hóa Thiên Cung, nói pháp môn Thập Địa, chỉ gồm một phẩm Thập Địa.
7. Tại Thệ Đa Lâm (tức Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên), nói phẩm Nhập Pháp Giới.

(Kinh: Nếu ai gặp khổ sở, chán chường già, bệnh, chết, vì họ nói Niết Bàn, trừ hết sạch các khổ. Nếu như ai có phước, đã từng cúng dường Phật, chí cầu pháp thù thắng, vì họ nói Duyên Giác. Nếu có các Phật tử, tu tập các thứ hạnh, để cầu vô thượng huệ, vì họ nói tịnh đạo).

Nếu có ai gặp khổ, bèn vì người ấy mở ra pháp Thanh Văn Thừa. Đã gặp khổ, lại tạo ác nghiệp, sẽ chẳng hết khổ, căn bản là chúng sanh. Đã gặp khổ mà tạo thiện nghiệp, chán cõi dưới, nắm níu cõi trên, thì khổ cũng chẳng thể hết, sẽ sanh làm người, hoặc sanh trên cõi trời, trì giới, tu Định. Gặp khổ mà cầu giải thoát trong pháp của ngoại đạo thì khổ vẫn chẳng hết, chẳng biết Tam Bảo, Tứ Đế, và Tứ Niệm Xứ, chỉ có thể tăng thêm kiến chấp, tăng trưởng sai trái, lại còn tích tập cội khổ! Gặp khổ mà có thể chán nhàm trọn khắp sanh, lão, bệnh, tử trong tam giới, lại còn có thể chán Tập, bèn có thể cảm Phật giảng nói Niết Bàn. Từ đây trở đi, tu đạo xuất thế, vĩnh viễn chấp dứt sự khổ. Đó gọi là “do biết khổ nên đoạn Tập; do hâm mộ Diệt nên tu Đạo”.

Nếu là người có phước, [đức Phật sẽ vì người ấy] mở ra Bích Chi Phật Thừa. Bích Chi Phật gieo phước trong trăm kiếp, vì thế nói là “*hữu phước*”. Quán đại lược tổng tướng của Tứ Đế thì gọi là Liệt (kém cõi), quán cận kề biệt tướng của mười hai nhân duyên là Thắng. Lại nữa, Tứ Đế dùng Khổ làm môn đầu tiên, nên là Liệt. Nhân duyên dùng Tập Đế làm môn đầu tiên nên là Thắng. Do quán mười hai nhân duyên mà được giác ngộ thì gọi là Duyên Giác. Nếu có Phật tử vừa bắt đầu bèn tu Lục Độ thì là Bồ Tát Thừa. Có tâm đại từ bi, kham kế thừa chủng tánh Phật, thì gọi là Phật tử. Chuyện thuộc Lục Độ rất rộng, nên nói là “*chúng chúng hạnh*” (các thứ hạnh). Chí cầu làm Phật thì gọi là “*vô thượng huệ*”. Trong Lục Độ chẳng có sáu điều tệ, cho nên gọi là “*tịnh đạo*”. Đó là lấy Đạo Đế làm môn đầu tiên; điều này tương đồng với ý nghĩa tam thừa của Tam Tạng giáo trong cõi này!

1.2.1.1.4.2.1.2.4. Kết phần trước để dẫn khởi phần sau

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Ngã trụ ư thử, kiến văn nhược tư, cập thiên ức sự. Như thị chúng đa, kim đương lược thuyết.

(經)文殊師利！我住於此，見聞若斯，及千億事。如是眾多，今當略說。

(**Kinh:** Văn Thù Sư Lợi! Ta trụ nơi đây, thấy nghe như thế, và ngàn ức sự. Nhiều như thế đó, nay nói đại lược).

“Kiến văn nhược tư” (Thấy nghe như thế đó) là kết lại phần trước; “kim đương lược thuyết” (nay sẽ nói đại lược) là dẫn khởi phần sau.

1.2.1.1.4.2.1.2.5. Hỏi về tu Bồ Tát hạnh trong cõi khác

Điều này tương đồng với ý nghĩa của các giáo pháp Đại Thừa Phương Đẳng và Bát Nhã trong cõi này. Kinh văn chia thành ba đoạn: Một là hỏi chung. Hai là hỏi theo thứ tự. Ba là hỏi các điều khác nhau. Phần hỏi theo thứ tự giống như Tiệm Giáo trong cõi này. Phần hỏi các điều khác nhau giống như Bát Định Giáo trong cõi này.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.1. Hỏi chung

(**Kinh**) **Ngã kiến bỉ độ, Hằng sa Bồ Tát, chủng chủng nhân duyên, nhi cầu Phật đạo.**

(經)我見彼土，恒沙菩薩，種種因緣，而求佛道。

(**Kinh:** Tôi thấy cõi này, Hằng sa Bồ Tát, dùng các nhân duyên, để cầu Phật đạo).

“Hằng sa” nói đầy đủ là “Hằng hà sa” (cát sông Hằng), còn gọi là “Căng Già sa” (Ganga)¹⁰⁶. Từ ao A Nậu Đạt, nơi Nguru Khẩu bằng bạc ở phía Đông, chảy ra sông Căng Già (sông Hằng), Tượng Khẩu bằng vàng ở phía Nam chảy ra sông Tín Độ (Sindhu)¹⁰⁷. Mã Khẩu bằng lưu ly

¹⁰⁶ Sông Hằng thường được ghi là Ganges, đó là cách viết theo tiếng Anh hay Pháp, chứ trong tiếng Phạn, phải viết là Ganga (गङ्गा), người Bangladesh gọi sông này là Gônga (গঙ্গা).

¹⁰⁷ Sông Tín Độ chính là sông Indus hiện thời. Sông Indus là con sông lớn thứ hai tại Ấn Độ sau sông Hằng. Trong khi sông Hằng chảy theo hướng Đông Nam, đổ vào vịnh Bengal thì sông Indus chảy theo hướng Tây Bắc rồi xuôi theo hướng Tây Nam đổ vào biển Ả Rập (gần hải cảng Karachi), trở thành con sông lớn nhất của Pakistan. Người Ba Tư gọi sông này là Hindu và từ đó bắt nguồn tên gọi Ấn Độ (do người Hy Lạp nói trại Hindu thành Indos, rồi bị La Mã hóa thành Indus; nhưng trong hai ngôn ngữ hiện thời của Ấn Độ là Urdu và Hindi, con sông này vẫn được gọi là Sindhu).

ở phía Tây chảy ra sông Phược Sô (Vakṣu)¹⁰⁸. Sư Tử Khẩu bằng Phả Chi Ca (Sphaṭika, pha lê) ở phía Bắc chảy ra sông Tỷ Đa (Sītā)¹⁰⁹. Cát sông Hằng mịn và nhiều, chỗ đức Phật thuyết pháp ở gần sông này, nên dùng nó làm thí dụ.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2. Hỏi theo thứ tự

Chia thành sáu đoạn: Một là hỏi về Thí. Hai là hỏi về Giới. Ba là hỏi về Nhẫn. Bốn là hỏi về Tấn. Năm là hỏi về Thiền. Sáu là hỏi về Huệ.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.1. Hỏi về Thí

(Kinh) Hoặc hữu hành thí, kim, ngân, san hô, chân châu, Ma Ni, xa cừ, mã não. Kim cang chư trân, nô tỳ, xa thặng, bảo sức liên dư¹¹⁰, hoan hỷ bố thí. Hồi hướng Phật đạo, nguyện đắc thị thừa, tam giới đệ nhất, chư Phật sở tán. Hoặc hữu Bồ Tát, tứ mã bảo xa, lan thuẫn¹¹¹ hoa cái, hiên sức¹¹² bố thí. Phục kiến Bồ Tát, thân nhục, thủ, túc, cập thân tử thí, cầu vô thượng đạo. Hựu kiến Bồ Tát, đầu, mục, thân thể, hân nhạo thí dữ, cầu Phật trí huệ.

(經)或有行施，金銀珊瑚，真珠摩尼，磈磈碼碯。金剛諸珍，奴婢車乘，寶飾輦輿，歡喜佈施。迴向佛道，願得是乘，三界第一，諸佛所歎。或有菩薩，駟馬寶車，欄

Sindhu cũng là tên gốc của các danh xưng Thiên Trúc, Thân Độc, Hiền Độ, Hiền Đậu v.v... trong sách vở Trung Hoa khi nói về Ấn Độ.

¹⁰⁸ Sông này phát nguồn từ rừng Hindu Kush, chảy theo hướng Tây Bắc, đổ vào biển Aral. Tên gọi hiện thời là Amu Daria. Ngài Huyền Trang cho biết hai mươi bảy nước ở Tây Vực mà Ngài đi qua đều nằm trong lưu vực của sông này.

¹⁰⁹ Tức sông Tarim hiện thời, thuộc vùng bồn địa (basin) Tarim của Trung Á. Sông chảy vào hồ Lop Nur.

¹¹⁰ “*Liên dư*”: Xe dùng người để kéo đi thì gọi là Liên (輦), loại kiệu để khiêng lên vai mà đi thì gọi là Dư (pháp sư Phổ Hành chú thích).

¹¹¹ Lan thuẫn (欄橈) chỉ chung các bao lơn trang trí quanh xe, những thanh nằm ngang thì gọi là Lan, thanh đứng thì gọi là Thuần. Hoa cái (華蓋) là lọng đẹp đẽ, lọng lầy (pháp sư Phổ Hành chú thích).

¹¹² Chỗ cao lên của xe gọi là Hiên (軒), Sức (飾) là trang hoàng lộng lẫy (pháp sư Phổ Hành chú thích).

楯華蓋，軒飾布施。復見菩薩，身肉手足，及妻子施，求無上道。又見菩薩，頭目身體，欣樂施與，求佛智慧。

(Kinh: Hoặc có người bố thí, vàng, bạc, và san hô, cùng chân châu, Ma Ni, xa cừ với mã não, kim cương các trân bảo. Đem nô tỳ, xe cộ, kiệu,幢 trang hoàng báu, hoan hỷ mà bố thí, hòng hồi hướng Phật đạo. Nguyên sẽ đắc thừa này, bậc nhất trong tam giới, được chư Phật khen ngợi. Hoặc lại có Bồ Tát, xe báu bốn ngựa kéo, bao lớn, lộng lộng lẫy, tô điểm để bố thí. Lại thấy các Bồ Tát, thịt nơi thân, chân, tay, và vợ con đều thí, để cầu vô thượng đạo. Lại thấy các Bồ Tát, đầu, mắt cùng thân thể, vui thích đem bố thí, cầu trí huệ của Phật).

Bốn bài kệ đầu (cứ bốn câu là một kệ) hỏi về xả tài. Bài kệ thứ năm hỏi về xả thân. Thịt trên thân thể, tay, chân là nội thân. Vợ con là ngoại thân. Bài kệ thứ sáu hỏi về xả mạng. Bỏ đầu mắt tức là xả mạng. Chẳng nói tới pháp thí là vì để nói trong phần Bát Nhã ở phía sau.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.2. Hỏi về Giới

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Ngã kiến chư vương, vãng nghệ Phật sở, vãn vô thượng đạo. Tiện xả lạc độ, cung điện, thân thiếp, thể trừ tu phát, nhi bị pháp phục.

(經)文殊師利！我見諸王，往詣佛所，問無上道。便捨樂土，宮殿臣妾，剃除鬚髮，而被法服。

(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Tôi trông thấy các vua, đến chỗ của đức Phật, thưa hỏi vô thượng đạo. Liền bỏ cõi vui sướng, cung điện, bày tôi, thiếp, cạo bỏ hết râu tóc, mà khoác lấy pháp phục).

Dựa theo xuất gia để luận định trì giới. Bồ Tát luật nghi chung cho cả bảy chúng, nhưng thiên tự¹¹³ của tỳ-kheo hạn cuộc nơi đại tăng, chỉ vì thiên tự ấy là tối tôn, tối quý trong các giới, do [tỳ-kheo] là thượng thủ

¹¹³ Thiên tự (篇聚) là thuật ngữ để chỉ chung cho giới luật của tăng sĩ xuất gia. Giới luật được chia thành Thiên môn và Tự môn. Thiên môn tức là những điều luận định về tội quả, và những ý nghĩa trọng yếu trong giới luật, gồm ngũ thiên. Tự môn là luận định về tội tánh và những tiêu chuẩn để luận định có tội hay không.

trong bảy chúng. Nhưng dùng cái tâm tự độ để gìn giữ, thì là giới Thanh Văn. Nếu dùng cái tâm cầu vô thượng đạo để trì thì sẽ là Giới Ba La Mật của Bồ Tát, đạt đến vô thượng đạo. Lại có bốn loại riêng biệt, tức là dựa theo sanh diệt, vô sanh, vô lượng và vô tác, tức bốn loại Tứ Đế để phát ra Tứ Hoàng Thệ Nguyên. Tứ Hoàng dựa trên Sanh Diệt Tứ Đế sẽ thuộc vào các Độ thuộc về mặt Sự trong phần trước. Ở đây, phải hiểu là nói về ba loại Tứ Hoàng sau (tức vô sanh, vô lượng và vô tác).

Lại nữa, xuất gia mà dựa theo vua để nói, tức là dùng người sang quý để biết người nghèo hèn [sẽ tu giới như thế nào]. Dùng sự thù thắng để khái quát kẻ kém cỏi, chẳng phải là nói Giới Độ (Thi La Ba La Mật) chỉ hạn cuộc trong vua chúa của nhân loại. Lại như tỳ-kheo Pháp Tạng bỏ vương vị để nhiếp thủ Tịnh Độ; đó gọi là Giới Ba La Mật của hàng Bồ Tát vậy.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.3. Hỏi về Nhẫn

(Kinh) Hoặc kiến Bồ Tát, nhi tác tỳ-kheo, độc xử nhàn tĩnh, nhạo tụng kinh điển.

(經)或見菩薩，而作比丘，獨處閑靜，樂誦經典。

(Kinh:) Hoặc thấy hàng Bồ Tát, trở thành bậc tỳ-kheo, ở riêng chỗ thanh vắng, ưa thích tụng kinh điển).

Rừng sâu hang thẳm, đối với kẻ ác, thú ác đều nhẫn, chẳng sân. Dầu nổi sân, liền tự kiềm chế, giữ vững chí. Đó là khổ hạnh nhẫn. “*Tụng kinh cầu Phật*” chính là Đệ Nhất Nghĩa Nhẫn. Bốn giáo đều cùng luận định “*đắc ba môn Nhẫn*”.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.4. Hỏi về Tấn

(Kinh) Hựu kiến Bồ Tát, dũng mãnh tinh tấn, nhập ư thâm sơn, tư duy Phật đạo.

(經)又見菩薩，勇猛精進，入於深山，思惟佛道。

(Kinh:) Lại thấy Bồ Tát, dũng mãnh tinh tấn, vào trong núi sâu, tư duy Phật đạo).

Đây là giống như thái tử [Tất Đạt Đa] vào núi Tuyết tu khổ hạnh v.v... suy tưởng Phật đạo. Điều này cũng áp dụng cho cả bốn giáo.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.5. Hỏi về Thiền

(Kinh) Hựu kiến ly dục, thường xứ không nhàn, thâm tu Thiền Định, đắc ngũ thần thông. Hựu kiến Bồ Tát, an Thiền, hiệp chương, dĩ thiên vạn kệ, tán chư pháp vương.

(經)又見離欲，常處空閑，深修禪定，得五神通。又見菩薩，安禪合掌，以千萬偈，讚諸法王。

(Kinh: Lại thấy bậc ly dục, thường ở chốn vắng vẻ, tu Thiền Định sâu xa, đạt được năm thần thông. Lại thấy hàng Bồ Tát, trụ trong Thiền chấp tay, dùng ngàn vạn kệ tụng, tán thán các pháp vương).

Bài kệ thứ nhất hỏi về chuyện tu Thiền Định thế gian, và các loại Thiền quán luyện, huân tu v.v... Bài kệ thứ hai, hỏi về thượng thượng Thiền xuất thế; đó chính là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, chẳng dấy lên Diệt Định, hiện các oai nghi. Thoạt đầu nói về người ly dục, là phiền não trong hạ giới, đạt được căn bản Sơ Thiền. Môn Thiền này nông cạn. Lần lượt cho đến là dục trong trời Hữu Đảnh, đạt được Diệt Tận Định, thì gọi là “*thâm Thiền*”. “*Chỉ*” là nói theo ý nghĩa trong Tạng Giáo. Không chỉ là các dục thuộc tam giới, mà còn là pháp ái Niết Bàn. Không chỉ là dục của Nhị Thừa, mà còn là pháp ái thuộc Xuất Giả [trong tu Tam Quán]. Không chỉ là dục thuộc nhị biên, mà còn là dục thuận đạo pháp ái trong Trung Đạo. Như thế thì gọi là “*sâu*”; đó vẫn là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Nếu một thứ là, hết thấy đều là, chế phục trọn vẹn và tu tập trọn vẹn, thì gọi là “*sâu*”; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo. Nơi các địa vị khác, đạt được một phần trong lục thông, riêng Vô Lậu thì nhường cho Phật. Vì thế, chỉ nói Ngũ Thông. Thủ Lăng Nghiêm tam-muội thuộc về Viên Giáo, nơi các địa vị khác có cùng sự chứng nhập thì cũng đáng nên đạt được.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.6. Hỏi về Huệ

(Kinh) Phục kiến Bồ Tát, trí thâm chí cố, năng văn chư Phật, văn tất thọ trì. Hựu kiến Phật tử, Định Huệ cụ túc, dĩ vô lượng dụ, vị

chúng giảng thuyết. Hân nhạo thuyết pháp, hóa chư Bồ Tát, phá ma binh chúng, nhi kích pháp cố.

(經)復見菩薩，智深志固，能問諸佛，聞悉受持。又見佛子，定慧具足，以無量喻，為眾講說。欣樂說法，化諸菩薩，破魔兵眾，而擊法鼓。

(Kinh: Lại thấy Bồ Tát, trí sâu, chí chắc, thưa hỏi chư Phật, nghe rồi thọ trì. Lại thấy Phật tử, Định Huệ đầy đủ, dùng vô lượng dụ, vì chúng giảng nói. Vui thích thuyết pháp, giáo hóa Bồ Tát, phá sạch quân ma, mà gióng trống pháp).

Bài kệ thứ nhất hỏi về tự hành. Bài kệ thứ hai hỏi về hóa độ người khác. Thấu đạt tốt cùng huệ, lý đạt đến tận gốc, thì gọi là “trí thâm”. Thệ nguyện rộng rãi, chắc chắn, thì gọi là “chí cố” (chí kiên cố). Đây chính là có đủ hai thứ trang nghiêm. Vì thế, có thể hỏi, có thể trì. “*Định Huệ cụ túc*”: Nếu nói chưa đạt tới huệ nhiều, thì Vô Sắc Định là nhiều, còn Tứ Thiên thì cân bằng. Lại nữa, bồi xả¹¹⁴ là huệ nhiều, Cứu Định là

¹¹⁴ Bồi xả chính là Bát Bồi Xả, còn gọi là Bát Giải Thoát, tức là tám loại Thiên Định nhằm đối trị (bồi) và đoạn trừ (xả) các thứ phiền não trói buộc trong tam giới:

1. Nội Hữu Sắc Tướng Quán Ngoại Sắc giải thoát: Tức là trong tâm nêu có ý niệm có sắc (có vật chất), sẽ dẫn khởi tham tâm dấy lên. Hãy nên quán tưởng các thứ bên ngoài thân đều là bất tịnh, khiến cho tâm tham chẳng sanh khởi, cho nên được giải thoát.
2. Nội Vô Sắc Tướng Quán Ngoại Sắc giải thoát: Tức là trong tâm tuy chẳng có ý niệm tâm tham sắc, nhưng vẫn phải giữ sao cho ý niệm “chẳng dấy khởi tâm tham” càng thêm kiên định, vẫn phải quán tưởng các thứ sắc bên ngoài là bất tịnh, khiến cho tâm tham vĩnh viễn chẳng dấy lên. Do vậy gọi là giải thoát.
3. Tịnh Giải Thoát Thân Tác Chứng Cụ Túc Trụ: Nhất tâm quán tưởng sắc quang minh, thành tựu, kỳ diệu, trân quý; đó gọi là tịnh giải thoát. Khi quán tưởng loại tịnh sắc ấy, sẽ chẳng sanh khởi tâm tham, có thể chứng minh tâm tánh đã giải thoát, cho nên gọi là thân tác chứng. Do đã quán tưởng viên mãn, có thể an trụ trong Định, nên gọi là Cụ Túc Trụ.
4. Không Vô Biên Xứ giải thoát
5. Thức Vô Biên Xứ giải thoát.
6. Vô Sở Hữu Xứ giải thoát.
7. Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ giải thoát
8. Diệt Thọ Tướng Định Thân Tác Chứng Cụ Túc Trụ: Tức là công phu Thiên Định nhằm diệt trừ Thọ Tướng. Nếu đã diệt Thọ Tướng thì hết thấy đều diệt trừ, cho nên gọi là Diệt Tận Định.

Định nhiều, mười món Nhất Thiết thì là cân bằng. Đó là giải thích theo nhân duyên. Lại nữa, Nhị Thừa là Định nhiều, Bồ Tát là huệ nhiều, chỉ có Phật là cân bằng. Đó là giải thích dựa theo giáo. Lại nữa, Không Quán là Định nhiều, Giả Quán là huệ nhiều, Trung Quán thì cân bằng. Đó là giải thích theo quán tâm.

“*Vô lượng dụ*” là nói các thứ thí dụ trong các giáo, giúp hiển thị Đệ Nhất Nghĩa. “*Phá ma binh*”: Tạng Giáo và Thông Giáo thì phá bốn ma¹¹⁵ thuộc giới nội (trong tam giới). Biệt Giáo thì theo thứ tự phá tám loại ma¹¹⁶ thuộc giới nội và giới ngoại. Viên Giáo thì phá trọn vẹn tám ma và hết thấy các ma. “*Kích pháp cổ*” (Giống trống pháp) là đã phá ma, chuyển bốn thứ pháp luân¹¹⁷ thuộc bốn giáo.

Phần thứ hai, hỏi theo thứ tự đã xong.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3. Hỏi về các thứ khác nhau

Chia làm bảy đoạn: Một là hỏi về Thiên. Hai là hỏi về Tấn. Ba là hỏi về Giới. Bốn là hỏi về Nhân. Năm là lại hỏi về Thiên. Sáu là hỏi về Thí. Bảy là hỏi về Huệ.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.1. Hỏi về Thiên

(Kinh) Hựu kiến Bồ Tát, tịch nhiên yển mặc, thiên long cung kính, bất dĩ vi hỷ. Hựu kiến Bồ Tát, xử lâm phóng quang, tế địa ngục khổ, linh nhập Phật đạo.

(經)又見菩薩，寂然宴默，天龍恭敬，不以為喜。又見菩薩，處林放光，濟地獄苦，令入佛道。

¹¹⁵ Tứ ma là phiền não ma, ám ma, tử ma, và thiên ma (tức chư thiên trong Tha Hóa Tự Tại Thiên).

¹¹⁶ Tám loại ma chính là tứ ma trên đây cộng với vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

¹¹⁷ Thông thường, “tứ chủng pháp luân” là giáo nghĩa đề ra bởi ngài Trúc Đạo Sanh. Theo đó, một đời giáo hóa của đức Phật có thể chia thành bốn loại gọi là thiện tịnh pháp luân (tu ngũ giới, Thập Thiện), phương tiện pháp luân (tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên), chân thật pháp luân (tu Trung Đạo Thật Tướng quán), và vô vi pháp luân (tu tam đức diệu quán, chứng quả vô vi Niết Bàn). Nhưng áp dụng cách hiểu này vào đây dường như không phù hợp cho lắm.

(**Kinh:** *Lại thấy Bồ Tát, vắng lặng, ngồi yên, trời, rồng cung kính, chẳng hề hoan hỷ. Lại thấy Bồ Tát, phóng quang trong rừng, cứu khổ địa ngục, khiến nhập Phật đạo*).

Bài kệ thứ nhất hỏi về nhập Xả Thiền, tức là tự hành. Bài kệ kế tiếp, hỏi về chuyện nhập Bi Thiền, tức là hóa độ người khác. Xả Thiền chính là Độ Tứ Thiền, cũng có thể hiểu là xả những điều áp ủ thuộc Biệt Giáo và Viên Giáo. Do quên các loại Thiền ấy, nên gọi là Xả. Bi Thiền thì như luận Tỳ Bà Sa nói: “*Sơ Thiền, tu Bi để. Nhị Thiền, tu Hỷ để. Tam Thiền, tu Từ để. Tứ Thiền, tu Xả để*”. Đã nói là hóa độ người khác, há chỉ có riêng Sơ Thiền? Vì thế, trong luận Tỳ Bà Sa có thông luận và biệt luận, hướng hồ Đại giáo ư? Do đó, mỗi môn Thiền đều nên nói là Từ cho đến Hỷ, Xả.

“*Phóng quang tế khổ*” (Phóng quang cứu khổ): Như kinh Tư Ích nói Vãng Minh Bồ Tát phóng quang chiếu thấu A-tăng-kỳ cõi nước trong mười phương, hết thấy phiền não, hết thấy tật bệnh được gặp quang minh ấy đều an lạc, cho đến Phật tự phóng quang minh Lục Độ, người được quang minh chiếu đến đều đạt được lợi ích. Đối với phiền não, tật bệnh đều nói là “*hết thấy*”, [tức là] đều phải nên có đủ bốn giáo. Như đức Phật bảo Tư Ích Phạm thiên: “*Năng giáo chúng sanh Nhất Thiết Trí tâm, thị danh bố thí. Bất xả Bồ Đề tâm, danh trì giới. Bất kiến tâm tướng sanh diệt, danh Nhẫn. Cầu tâm bất khả đắc, danh Tấn. Trừ thân tâm thô, danh Thiền. Ly chư hý luận, danh Huệ*” (Có thể dạy hết thấy chúng sanh tâm Nhất Thiết Trí thì gọi là bố thí. Chẳng bỏ Bồ Đề tâm là trì giới. Chẳng thấy tâm tướng sanh diệt là Nhẫn. Cầu tâm chẳng thể được là Tấn. Trừ các điều thô thấp nơi thân tâm thì là Thiền. Lìa các hý luận là Huệ). Há chẳng phải là tướng Lục Độ trong Tam Tạng ư? Lại nói: “*Ngã thuyết bố thí, danh vi Niết Bàn*” (Ta nói bố thí thì gọi là Niết Bàn). Ngu tôi cho rằng: “Đại phú vì nhập Thật Tướng của các pháp. Trì giới là Niết Bàn, do chẳng làm, chẳng khởi. Nhẫn là Niết Bàn, do niệm nào cũng đều diệt. Tấn là Niết Bàn, do chẳng giữ lấy gì. Thiền là Niết Bàn, do chẳng tham đắm. Huệ là Niết Bàn, do chẳng đạt được tướng”.

Lại nói: “*Bố thí bình đẳng chính là Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí), cho đến Bát Nhã chính là Tát Bà Nhã*”. Lại nói: “*Bố thí là chẳng thí, chẳng keo kiệt, cho đến Bát Nhã chẳng trí, chẳng ngu*”. Há chẳng phải đều là tướng Lục Độ trong Thông Giáo ư? Lại nói: “*Có thể thấu đạt hết thấy các pháp chẳng xả, gọi là Đàn (Thí). Thấu đạt hết thấy các pháp chẳng bị rò rỉ, mất mát, gọi là Thi (Thi La, Giới). Thấu đạt hết thấy các*

pháp chẳng bị thương tổn, gọi là Nhân. Thấu đạt hết thấy các pháp bình đẳng, gọi là Thiên. Thấu đạt hết thấy các pháp chẳng khởi tướng thì gọi là Huệ”. Đây chẳng phải là tướng Lục Độ trong Biệt Giáo và Viên Giáo ư? Lại như kinh Địa Trì¹¹⁸ nói Lục Độ, mỗi Độ đều có chín pháp. Những điều ấy đều là tướng trạng do được quang minh chiếu đến mà đạt được lợi ích. Do danh xưng Phật đạo chung cho cả bốn giáo, Bi Thiên cũng chẳng hạn cuộc trong Sơ Thiên. Vì thế, Sơ Địa của Biệt Giáo, Sơ Trụ của Viên Giáo, và Thất Địa của Thông Giáo đều được nhập. Tứ tướng đã phân định, ngũ thời có thể biện định được!

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.2. Hỏi về Tấn

(Kinh) Hựu kiến Phật tử, vị thường thụy miên, kinh hành lâm trung, cần cầu Phật đạo.

(經)又見佛子，未嘗睡眠，經行林中，勤求佛道。

(Kinh: Lại thấy Phật tử, chưa từng ngủ nghỉ, kinh hành trong rừng, siêng cầu Phật đạo).

Đây là như các pháp môn Ban Châu Niệm Phật v.v... Ban Châu (Pratyutpanna) được phương này dịch là Phật Lập, trong chín mươi ngày thường kinh hành, chẳng ngồi, chẳng nằm, là cách hay nhất để trừ ngủ nghỉ. Tuy kinh ấy thuộc Phương Đẳng, vẫn thông tứ giáo. Nay nói “*cần cầu Phật đạo*” (siêng cầu Phật đạo) nhằm phân biệt chẳng phải Nhị Thừa.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.3. Hỏi về Giới

(Kinh) Hựu kiến cụ Giới, oai nghi vô khuyết, tịnh như bảo châu, dĩ cầu Phật đạo.

¹¹⁸ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Bồ Tát Địa Trì Kinh (Bodhisattva-bhūmi), còn gọi là Bồ Tát Địa Kinh, Địa Trì Kinh, Bồ Tát Giới Kinh, Bồ Tát Địa Trì Luận, hay Địa Trì Luận, do ngài Đàm Vô Sấm dịch sang tiếng Hán vào đời Bắc Lương. Tuy gọi là Kinh, nhưng thật ra là Luận. Thông thường, kinh này được coi là do ngài Vô Trước ghi lại lời thuyết pháp của Di Lặc Bồ Tát. Kinh này nói rõ phương tiện tu hành của Bồ Tát, chia làm ba phần: Sơ phương tiện xứ, thứ pháp phương tiện xứ, và tất kính phương tiện xứ. Do kinh này có phần ghi chép về giới Đại Thừa, cho nên xưa nay rất được coi trọng.

(經)又見具戒，威儀無缺，淨如寶珠，以求佛道。

(Kinh: Lại thấy người trọn giới, oai nghi chẳng khiếm khuyết, trong sạch như bảo châu, để cầu đắc Phật đạo).

“Oai nghi vô khuyết” tức là điều đầu tiên, chẳng thiếu giới. “Tịnh như bảo châu” là điều thứ mười, tức trọn đủ các giới. Danh xưng Thập Giới phát xuất từ Đại Luận:

- Một là chẳng thiếu khuyết giới, tức là chẳng phạm trọng tội. Nếu phạm trọng tội, sẽ như thiếu sót cái phao nổi [để vượt biển].

- Hai là chẳng phá giới, tức chẳng phạm trung tội. Nếu phạm trung tội, sẽ như cái phao nổi bị tàn khuyết, hư hại.

- Ba là chẳng xuyên giới, tức là chẳng phạm tiểu tội. Nếu phạm tiểu tội, sẽ như phao nổi có lỗ thủng.

Ba điều (một, hai, ba) này thuộc về Luật Nghi.

- Bốn là giới chẳng xen tạp, tức là chẳng khởi ác giác (cảm nhận xấu). Nếu khởi ác giác thì thân và miệng tuy tịnh, ý bị xen tạp phiền não. Điều này là Định Cộng Giới.

- Năm là tùy đạo giới, như Sơ Quả cày ruộng, các loài trùng cách xa lưỡi cày bốn tấc.

- Sáu là giới chẳng chấp trước, như La Hán đối với tam giới lục trần, vĩnh viễn chẳng tham đắm.

Hai điều này (năm và sáu) là Đạo Cộng Giới, mà cũng là Chân Đế Giới.

- Bảy là giới được người trí khen ngợi, tức là khéo có thể xuất Giả, hòa mình vào cõi Tục để lợi sanh. Vì thế, được người có trí khen ngợi.

- Tám là tự tại giới, tức là du hý thần thông, thị hiện nghịch thuận, nhưng đối với tánh giới và giá giới chẳng hề vi phạm. Cho nên luôn được tự tại.

Hai điều này (bảy và tám) là Tục Đế Giới.

- Chín là tùy định giới, tức là chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi.

- Mười là trọn đủ các giới, tức là Giới Ba La Mật rốt ráo viên mãn, không pháp nào chẳng trọn đủ.

Hai điều này (chín và mười) là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế Giới.

Bốn điều giới đầu là cảnh được quán, sáu điều sau là phép quán, Lý và Sự tương tức (Lý chính là Sự, Sự chính là Lý). Lương giáo Nhị Thừa chỉ có sáu thứ đầu. Xuất Giả Bồ Tát thì có thêm điều bảy và tám. Biệt Giáo theo thứ tự tu mười điều ấy. Viên Giáo nhất tâm tu cả mười điều. Vì thế nói “*để cầu Phật đạo*” nhằm phân biệt “*chẳng phải là hai loại Nhị Thừa*”.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.4. Hỏi về Nhẫn

(Kinh) Hựu kiến Phật tử, trụ nhẫn nhục lực, tăng thượng mạn nhân, ác mạ chửi đả, giai tất năng nhẫn, dĩ cầu Phật đạo.

(經)又見佛子，住忍辱力，增上慢人，惡罵捶打，皆悉能忍，以求佛道。

(Kinh: Lại còn thấy Phật tử, trụ trong sức nhẫn nhục, bị kẻ tăng thượng mạn, chửi rửa và đánh đập, thấy đều có thể nhẫn, để mong cầu Phật đạo).

Luận định chung hai thứ nhẫn Sanh và Pháp, bốn giáo khác nhau. Nếu có thể nhẫn, chẳng chấp trước đối với sự cung kính, cúng dường, sẽ chẳng sanh kiêu ngạo, buông lung. Nếu đối với giận chửi, đánh đập, tổn hại, và ruồi muỗi v.v... mà có thể nhẫn thì chẳng sanh sân nào. Đó chính là Sanh Nhẫn. Nếu có thể đối với các pháp bên ngoài như lạnh, nóng, gió, mưa, đói, khát, già, bệnh v.v... mà có thể nhẫn, bất động, và nếu đối với nội pháp như tham, sân, ưu, mạn, tà kiến v.v... mà có thể nhẫn, chẳng dấy lên [các phiền não ấy] thì gọi là Pháp Nhẫn. Đó là ý nghĩa trong Tạng Giáo. Gộp chung hai thứ nhẫn trên đây coi là Sanh Nhẫn và cộng thêm Đề Nhất Nghĩa Pháp Nhẫn thì là ý nghĩa trong Thông Giáo. Lại quán hai cảnh Sanh và Pháp chính là Không, là Đề Nhất Nghĩa. Đó là Thông Giáo. Quán hai cảnh đó, trước hết là Không, kế đến là Giả, sau đó là Trung. Đó là Biệt Giáo. Quán hai cảnh tức là Không, Giả, và Trung, thì là Viên Giáo. Nay chỉ riêng nêu ra chửi rửa, đánh đập làm cảnh để nhẫn, tức là nêu ra chuyện khó khăn để liên tưởng đến chuyện dễ dàng đó thôi!

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.5. Lại hỏi về Thiền

(Kinh) Hựu kiến Bồ Tát, ly chư hý tiếu, cập si quyền thuộc, thân cận trí giả. Nhất tâm trừ loạn, nhiếp niệm sơn lâm, ức thiên vạn tuế, dĩ cầu Phật đạo.

(經)又見菩薩，離諸戲笑，及癡眷屬，親近智者。一心除亂，攝念山林，億千萬歲，以求佛道。

(Kinh: Lại thấy hàng Bồ Tát, lìa khỏi các giỡn cười, và quyền thuộc ngu si, thân cận người có trí. Nhất tâm trừ tán loạn, nhiếp niệm nơi núi rừng, trải ức ngàn vạn năm, để mong cầu Phật đạo).

“Ly hý tiếu” (Lìa khỏi đùa giỡn, cười cợt) là trừ Diệu Hối Cái¹¹⁹. “Lìa quyền thuộc ngu si” là trừ Sân Cái. Thân cận người trí là trừ Nghi Cái. Nhất tâm trừ tán loạn là trừ Tham Cái. Nhiếp niệm nơi núi rừng là trừ Thụy Cái (chướng lấp do ham ngủ). Sáu câu đầu nói về những điều xa lìa. Hai câu sau nêu ra ý nghĩa vì sao xa lìa. Dùng cách tu Thiền của thế gian và tứ giáo đều nhằm lìa Ngũ Cái. Nay cốt ý vì Phật đạo, chẳng giống như phạm phu, ngoại đạo, và hàng Nhị Thừa.

Xét theo quán để nói rõ về Ngũ Cái thì chi tiết như trong quyển bốn của bộ Ma Ha Chỉ Quán, xin hãy tìm đọc.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.6. Hối về Thí

(Kinh) Hoặc kiến Bồ Tát, hào thiện ẩm thực, bách chủng thang dược, thí Phật cập tăng. Danh y thượng phục, giá trị thiên vạn, hoặc vô giá y, thí Phật cập tăng. Thiên vạn ức chủng, Chiên Đàn bảo xá, chúng diệu ngọa cụ, thí Phật cập tăng. Thanh tịnh viên lâm, hoa quả mậu thịnh, lưu tuyền dục trì, thí Phật cập tăng. Như thị đẳng thí, chủng chủng vi diệu, hoan hỷ vô yếm, cầu vô thượng đạo.

(經)或見菩薩，肴膳飲食，百種湯藥，施佛及僧。名衣上服，價值千萬，或無價衣，施佛及僧。千萬億種，旃

¹¹⁹ Diệu Hối Cái (Auddhatya-kaukrtya-āvarana) chính là một Cái trong Ngũ Cái. “Cái” có nghĩa là che lấp, ngăn trở. “Điêu” là tâm dao động, lao chao, chẳng yên. “Hối” là đối với chuyện đã làm nảy sanh ý niệm buồn lo, băn khoăn “giá mình đừng làm chuyện đó”, hoặc “ta nên làm như thế này, như thế nọ, thay vì làm như thế”, “ta có nên làm chuyện ấy hay không” v.v... Hợp chung hai thứ phiền não ấy thành một Cái. Môn Cái này gây chướng ngại cho Định, nên gọi là Diệu Hối Cái.

檀寶舍，眾妙臥具，施佛及僧。清淨園林，華果茂盛，流泉浴池，施佛及僧。如是等施，種種微妙，歡喜無厭，求無上道。

(Kinh: Hoặc thấy Bồ Tát, thức ăn ngon lành, trăm loại thuốc thang, thí Phật và tăng. Y phục quý đẹp, giá trị ngàn vạn, hoặc áo vô giá, thí Phật và tăng. Ngàn vạn ức thứ, nhà báu Chiên Đàn, các đồ trải tốt, thí Phật và tăng. Vườn rừng thanh tịnh, hoa quả sum suê, suối chảy, ao tắm, thí Phật và tăng. Bồ thí như thế, các thứ vi diệu, hoan hỷ chẳng chán, cầu vô thượng đạo).

Bốn bài kệ đầu nói về tứ sự cúng dường. Bài kệ sau cùng nói về ý nghĩa vì sao cúng dường. Bài kệ thứ nhất là cúng dường thực phẩm và thuốc thang. Bài kệ thứ hai là cúng dường quần áo. Bài kệ thứ ba và thứ tư đều nói về ngoại cụ (臥具, các thứ dùng để trải nằm như mền, chiếu, đệm...) Vô thượng đạo vẫn thông với tứ giáo.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.7. Hỏi về Huệ

(Kinh) Hoặc hữu Bồ Tát, thuyết tịch diệt pháp, chủng chủng giáo chiếu, vô số chúng sanh. Hoặc kiến Bồ Tát, quán chư pháp tánh, vô hữu nhị tướng, do như hư không. Hựu kiến Phật tử, tâm vô sở trước, dĩ thử diệu huệ, cầu vô thượng đạo.

(經)或有菩薩，說寂滅法，種種教詔，無數眾生。或見菩薩，觀諸法性，無有二相，猶如虛空。又見佛子，心無所著，以此妙慧，求無上道。

(Kinh: Hoặc có Bồ Tát, nói pháp tịch diệt, các thứ dạy bảo, vô số chúng sanh. Hoặc thấy Bồ Tát, quán tánh các pháp, chẳng có hai tướng, dường như hư không. Lại thấy Phật tử, tâm chẳng chấp trước, dường như hư không, dùng diệu huệ ấy, cầu đạo vô thượng).

Bài kệ thứ nhất là chẳng thể nói mà nói Bát Nhã. Bài kệ kế đó là chẳng thể quán mà quán Bát Nhã. Bài kệ sau cùng là ngôn ngữ dứt bặt,

tâm hạnh xứ diệt, tức là nói điều chẳng thể nói, quán điều chẳng thể quán để luận định Bát Nhã. Bát Nhã cũng thông với các giáo.

Phân giải thích về năm lượt suy nghĩ, thưa hỏi chuyện tu Bồ Tát hạnh trong cõi khác đã xong.

1.2.1.1.4.2.1.2.6. Hỏi về chuyện cúng dường xá-lợi ở cõi khác (tức là hỏi về chuyện đức Phật nhập Niết Bàn)

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Hựu hữu Bồ Tát, Phật diệt độ hậu, cúng dường xá-lợi. Hựu kiến Phật tử, tạo chư tháp miếu, vô số Hằng sa, nghiêm sức quốc giới. Bảo tháp cao diệu, ngũ thiên do-tuần, tung quang chánh đẳng, nhị thiên do-tuần. Nhất nhất tháp miếu, các thiên tràng phan, châu giao lộ mạn¹²⁰, bảo linh hòa minh. Chư thiên, long thần, nhân cập phi nhân, hương, hoa, kỹ nhạc, thường dĩ cúng dường. Văn Thù Sư Lợi! Chư Phật tử đẳng, vị cúng xá-lợi, nghiêm sức tháp miếu. Quốc giới tự nhiên, thù đặc diệu hảo, như thiên thụ vương, kỳ hoa khai phu.

(經)文殊師利！又有菩薩，佛滅度後，供養舍利。又見佛子，造諸塔廟，無數恒沙，嚴飾國界。寶塔高妙，五千由旬，縱廣正等，二千由旬。一一塔廟，各千幢幡，珠交露幔，寶鈴和鳴。諸天龍神，人及非人，香華伎樂，常以供養。文殊師利！諸佛子等，為供舍利，嚴飾塔廟。國界自然，殊特妙好，如天樹王，其華開敷。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi! Lại có hàng Bồ Tát, sau khi Phật diệt độ, bèn cúng dường xá-lợi. Lại thấy các Phật tử, tạo tác các tháp miếu, nhiều vô số Hằng sa, trang nghiêm khắp cõi nước. Tháp báu cao và đẹp, đến năm ngàn do-tuần, mỗi bề đều bằng nhau, rộng hai ngàn do-tuần. Trong mỗi ngôi tháp miếu, đều treo ngàn tràng phan, châu giăng xen làm màn, linh báu cùng vang tiếng. Các trời, rồng, chư thần, nhân loại và phi nhân, hương, hoa và âm nhạc, thường dùng để cúng dường.

¹²⁰ Lộ Mạn (露幔) tức là các loại màn treo phía ngoài tháp với mục đích trang hoàng. “Châu giao lộ mạn” là dùng các loại châu ngọc kết thành màn, giăng xen để trang hoàng phía ngoài của ngôi tháp.

Văn Thù Sư Lợi ơi! Các hàng Phật tử đó, vì cúng dường xá-lợi, trang hoàng các tháp miếu. Cõi nước đều tự nhiên, tốt đẹp rất đặc biệt, như cây chúa cõi trời, đang trở hoa nở xòe).

Bài kệ thứ nhất nói chung về chuyện Phật diệt độ, [đại chúng] cúng dường xá-lợi. Bài kệ thứ hai là nói rõ số lượng tháp. Bài kệ thứ ba, nói về kích thước của tháp. Bài kệ thứ tư nói về sự trang nghiêm nơi tháp. Bài kệ thứ năm nói về sự cúng dường. Bài kệ thứ sáu và bảy, kết lại lời tán thán về sự trang hoàng. “*Thiên thụ vương*” tức là cây Ba Lợi Chất Đa La (Pāriyātraka)¹²¹.

Phần thứ nhất, kệ tụng đề hỏi lại những điều trước đó [đã nói trong văn Trường Hàng] đã xong.

1.2.1.1.4.2.2. Kệ tụng xin giải đáp

Gồm hai phần: Một là nêu ra điều nghi và lời thỉnh cầu. Hai là giải thích những lời vấn nạn.

1.2.1.1.4.2.2.1. Nêu ra điều nghi và lời thỉnh cầu

(Kinh) Phật phóng nhất quang, ngã cập chúng hội, kiến thử quốc giới, chủng chủng thù diệu. Chư Phật thần lực, trí huệ hy hữu. Phóng nhất tịnh quang, chiếu vô lượng quốc. Ngã đẳng kiến thử, đắc vị tăng hữu. Phật tử Văn Thù, nguyện quyết chúng nghi.

¹²¹ Cây này mọc trên cung trời Đao Lợi, dịch nghĩa Viên Sanh Thụ, Trú Độ Thụ, hoặc Hương Biện Thụ. Cây này có lá hình như lông vũ của loài chim, nở hoa đỏ tươi như san hô (do vậy còn gọi là San Hô Thụ), mọc ở góc Đông Bắc thành Thiện Kiến của Đế Thích. Cây có chu vi bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất năm do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá vươn dài ra bốn phía năm mươi do-tuần. Toàn thể các bộ phận trên cây đều có mùi thơm, xông khắp cung trời Đao Lợi. Dưới gốc cây này, đất sanh ra một loại chất báu có tên là Nhân Đà La Ni La Mục Đa (Indranilamuktā, Đế Thích Bảo, Thiên Thanh Châu), có màu xanh biếc. Trên cây, có thần tên là Mạn Đà thường tấu nhạc để tự vui thú. Vì thế, cây này trở thành chỗ vui chơi của chư thiên trong Tam Thập Tam Thiên.

(經)佛放一光，我及眾會，見此國界，種種殊妙。諸佛神力，智慧希有，放一淨光，照無量國。我等見此，得未曾有，佛子文殊，願決眾疑。

(Kinh: Phật phóng một quang minh, tôi và cả chúng hội, trông thấy cõi nước này, đủ thứ lạ màu nhiệm. Thần lực của chư Phật, trí huệ đều hiếm có. Phóng quang minh thanh tịnh, chiếu soi vô lượng cõi. Chúng tôi thấy điều này, đều được chưa từng có. Thưa Phật tử Văn Thù, xin hãy trừ nghi cho).

Bài kệ thứ nhất nêu ra chuyện được thấy trong cõi này. “*Bạch hào*” biểu thị Trung Đạo, là cội gốc của các pháp. Vì thế, nêu ra đầu tiên. “*Chủng chủng thù diệu*” (Các thứ hay khéo lạ lùng) chính là sáu tướng lành. Bài kệ thứ hai, nêu ra các chuyện trông thấy nơi cõi khác. Sáu điều lành trong cõi khác đều do quang minh mà trông thấy. Quang minh lại do thần lực và trí huệ mà có. Bài kệ thứ ba, chánh thức xin giải đáp. Chữ Thử chỉ sáu tướng lành trong cõi này. “*Vị tằng hữu*” (Chưa từng có) ý nói so với Hoa Nghiêm cho đến Bát Nhã đều khác biệt!

1.2.1.1.4.2.2.2. Giải thích bốn điều ngậm căn vận

(Kinh) Tứ chúng hân ngưỡng, chiêm nhân cập ngã, Thế Tôn hà cổ, phóng tư quang minh? Phật tử thời đáp, quyết nghi linh hỷ, hà sở nhiều ích, diễn tư quang minh? Phật tọa đạo tràng, sở đắc diệu pháp, vị dục thuyết thử, vị đương thọ ký. Thị chư Phật độ, chúng bảo nghiêm tịnh, cập kiến chư Phật, thử phi tiểu duyên. Văn Thù đương tri: Tứ chúng long thần, chiêm sát nhân giả, vị thuyết hà đẳng?

(經)四眾欣仰，瞻仁及我，世尊何故，放斯光明？佛子時答，決疑令喜，何所饒益，演斯光明？佛坐道場，所得妙法，為欲說此，為當授記。示諸佛土，眾寶嚴淨，及見諸佛，此非小緣。文殊當知：四眾龍神，瞻察仁者，為說何等？」

(**Kinh:** Bốn chúng đều mong ngóng, nhìn nhân giả và tôi, vì sao đức Thế Tôn, phóng ra quang minh này? Phật tử nên đáp ngay, trừ nghi cho họ mừng. Do có lợi ích gì, Phật phóng quang minh này? Phật ngồi nơi đạo tràng, đạt được pháp mầu nhiệm, vì muốn nói pháp đó, hay sẽ vì thọ ký? Trong các cõi Phật ấy, các báu đều nghiêm tịnh, và trông thấy chư Phật, đầy chẳng phải duyên nhỏ. Ngài Văn Thù nên biết: Tứ chúng cùng rồng, thần, đang chăm chú nhìn Ngài, mong sẽ nói những gì?)

Bốn bài kệ đầu nhằm giải thích những điều ngầm căn vặn, bài kệ sau cùng kết lại lời thỉnh. Nói “ngầm căn vặn” tức là trong tâm ngài Văn Thù đang băn khoăn, không chịu đáp ngay, là vì có ba ý:

- Một là tướng lành này kỳ lạ, chẳng thể bộp chộp phán quyết.
- Hai, trí của đại chúng như biển, [nhưng họ] nhún nhường, đề cao ngài Văn Thù.
- Ba là chần chừ khước từ để sanh lòng khát ngưỡng cho đại chúng.

Vì thế, Ngài dùng lý do khó khăn, ẩn tàng để cự tuyệt. Ngài Di Lặc nói rành rẽ điều nghi nan, cũng có ba ý:

- Một, do tướng lành to lớn, nên mối nghi to lớn. Nếu chẳng giải trừ, mối lo ngại sẽ áp ủ trong lòng, gây trở ngại cho việc nghe giảng phần Chánh Tông.
- Hai, đại chúng tuy đông nhiều, đều trông cậy vào nhân giả (Văn Thù).
- Ba là toàn thể đại chúng đều chiêm ngưỡng nhân giả. Vì thế biết là họ dốc lòng thành, ân cần trân trọng. Do đó, ngài (Di Lặc) bèn nói rõ để giải trừ các điều vấn nạn, mong ngài Văn Thù sẽ đúng lúc giải đáp.

Điều căn vặn âm thầm thứ nhất, do chính lời thỉnh mà sanh ra. Ông thỉnh rằng: “*Phật tử Văn Thù, nguyện quyết chúng nghi*” (Xin Phật tử Văn Thù giải quyết mối nghi cho đại chúng). Từ điều này, ngài Văn Thù hỏi vặn lại điều thứ nhất: “Ông nói đại chúng nghi ngờ, nhưng đại chúng chưa từng nghi. Nếu nghi, họ đã hỏi. Đại chúng đã chẳng nghi, tôi quyết nghi bằng cách nào?” Ngài Di Lặc liền dùng bài kệ thứ nhất để giải đáp lời căn vặn ấy: “*Tứ chúng hân ngưỡng, chiêm nhân cập ngã*” (Tứ chúng hân hoan, ngưỡng mộ, ngắm nhìn nhân giả và tôi). Ngắm nhìn tôi là muốn tôi hỏi, ngắm nhân giả là muốn nhân giả giải đáp. Do vậy, ngài Văn Thù liền căn vặn lần thứ hai: “Đại chúng đều ôm lòng nghi, chẳng dễ giải đáp. Đợi Phật xuất định, Ngài sẽ tự giải quyết mối nghi”. Ngài Di Lặc bèn lập tức dùng bài kệ thứ hai để giải thích: “Nếu

ôm lòng hoài nghi, sẽ lo rầu, chẳng thành thời, chẳng biết Như Lai lúc nào mới xuất Định. Vì thế, cần phải đáp ngay để họ hoan hỷ”. Nói “*thời đáp*” tức là thúc giục hãy đáp ngay. Do vậy, ngài Văn Thù liền đưa ra điều căn vặn thứ ba: “Tôi và nhân giả, đều thuộc địa vị đang học, muốn suy lường ý Phật, mong ông hãy cùng tôi suy tính, sao lại để riêng mình tôi đáp? Theo đúng lẽ thì chẳng nên!” Ngài Di Lặc dùng bài kệ thứ ba để giải thích: “Tôi cũng băn khoăn suy nghĩ, chẳng biết là đức Phật sẽ nói diệu pháp Ngài đạt được khi ngồi nơi đạo tràng, hay là sẽ thọ ký?” Do vậy, ngài Văn Thù lại cất vấn lần thứ tư: “Nếu như lời ông nói, tức là mỗi nghi đã được cởi gỡ, cần gì phải phiền tôi quyết nghi?” Ngài Di Lặc dùng bài kệ thứ tư để giải thích: “Chuyện này chẳng phải là duyên nhỏ nhoi, há có thể dùng cái tâm do dự của tôi để phán định đại sự?” Đến đây, ngài Văn Thù đã hết có cất vấn, mà cũng thôi nhún nhường. Vì thế, bài kệ sau cùng là kết lại lời thỉnh cầu giải đáp.

Phần thứ tư là nêu câu hỏi đã xong.

1.2.1.1.5. Trả lời câu hỏi

Gồm hai phần: Một là văn Trường Hàng. Hai là kệ tụng.

1.2.1.1.5.1. Phần kinh văn Trường Hàng

Chia thành bốn phần:

Một là suy nghĩ, cân nhắc để giải đáp. Hai là nêu đại lược chuyện đã từng thấy để trả lời. Ba là nêu rộng chuyện đã từng thấy để trả lời. Bốn là phán định phân minh để giải đáp.

1.2.1.1.5.1.1. Suy nghĩ, cân nhắc để giải đáp

(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi ngữ Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư Đại Sĩ: - Thiện nam tử đẳng! Như ngã duy thốn, kim Phật Thế Tôn dục thuyết đại pháp, vũ đại pháp vũ, xuy đại pháp loa, kích đại pháp cổ, diễn đại pháp nghĩa.

**(經)爾時，文殊師利語彌勒菩薩摩訶薩，及諸大士：
「善男子等！如我惟忖，今佛世尊欲說大法，雨大法雨，
吹大法螺，擊大法鼓，演大法義。**

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát và các vị Đại Sĩ: - Các thiện nam tử! Như tôi suy nghĩ, cân nhắc, nay đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, xối mưa pháp lớn, thổi ốc pháp lớn, đánh trống pháp lớn, diễn pháp nghĩa lớn).

“**Thiện nam tử**”: Mở ra bảy phương tiện là Thiện. Có thể nghe pháp diệu diệu là Nam, còn nói là “**thiện trượng phu**”. Danh xưng “**trượng phu**” (丈夫) cũng áp dụng cho cả bốn giáo; ở đây, phải hiểu là thuộc Viên Giáo. “**Duy**” (惟) là suy nghĩ, “**thốn**” (忖) là suy lường. Suy tính hiện thời giống như xưa kia, suy lường xưa kia giống như hiện tại. Nhưng ngài Văn Thù là cổ Phật, lẽ nào chẳng biết? Nơi Tích, bèn thị hiện tư duy đó thôi!

“**Dục thuyết đại pháp**” (Muốn nói pháp lớn): Giải đáp đó là tướng lành thuyết pháp. [Văn Thù Bồ Tát] suy nghĩ: Xưa kia, sau khi chư Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa, bèn khai Quyền, hiển Thật, gồm thâu vô lượng về một. Nay tôi phán đoán, đức Phật đã nói kinh Vô Lượng Nghĩa, cũng sẽ khai Quyền hiển Thật, dung hội vô lượng về một, “**một**” chính là đại pháp.

“**Vũ đại pháp vũ**” (Xối mưa pháp lớn) là trả lời [thắc mắc] về điềm lành “**mưa hoa**”. Suy nghĩ chư Phật thuở trước, sau khi tuôn bốn loại hoa vào khắp các nhân vị (địa vị tu nhân) Trụ, Hạnh, Hướng, Địa thuộc Viên Giáo. Tôi phán đoán đức Phật hiện thời, sau khi mưa hoa, ắt cũng sẽ đều tạo cái nhân thành Phật cho [các vị Bồ Tát] thuộc [các địa vị] Trụ, Hạnh, Hướng, Địa.

“**Xuy đại pháp loa**” (Thổi ốc pháp lớn): Thổi ốc (tù và) làm hiệu lệnh, giải đáp thắc mắc cho tâm đại chúng hoan hỷ trước điềm lành. [Ngài Văn Thù] suy nghĩ tứ chúng xưa kia trông thấy điềm lành bèn hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có, trừ chướng, đẩy động căn cơ, tức là sửa đổi khiến cho giáo, hạnh, lý của mọi người đều đồng nhất; bèn đoán rằng đại chúng hiện thời do hoan hỷ, cũng sẽ trừ chướng, đẩy động căn cơ, thay đổi theo giáo, hạnh, lý giống như người thuở trước, sửa đổi rất sâu!

“**Kích đại pháp cổ**” (Đánh trống pháp lớn): Giải đáp thắc mắc về điềm lành “**cối đất chấn động**”. Suy nghĩ: Xưa kia, sau khi đại địa chấn động, liền có sáu lượt phá giấc Vô Minh; [do vậy tôi] phán đoán đối với vị Phật hiện thời (Phật Thích Ca), sau khi đại địa chấn động, cũng sẽ có

sáu lượt phá Vô Minh Hoặc. Đó là chỗ màu nhiệm nhất của thanh giáo¹²².

“*Diễn đại pháp nghĩa*”: Giải đáp thắc mắc về tướng lành “*phóng quang*”. Suy nghĩ: Xưa kia, chư Phật phóng quang minh từ tướng bạch hào; sau đó, nói kinh Pháp Hoa. Do đạo của chư Phật giống nhau, tôi đoán rằng sau khi đức Phật hiện thời phóng quang, cũng sẽ nói kinh Pháp Hoa.

Ngài (Văn Thù Bồ Tát) nói rộng về năm điều [chứng tỏ] đạo của chư Phật giống nhau. Năm câu như thế đều là do suy nghĩ các điều trong quá khứ mà phán định hiện tại. Tôi nói thêm để dung hội ý nghĩa: [Chánh kinh] chỉ thiếu phần [Bồ Tát] suy nghĩ về tướng lành nhập Định, nhưng các điềm lành như mưa hoa, cõi đất chấn động v.v... đều do nhập Định mà có, [nói về các tướng lành ấy] thì ý nghĩa đã đầy đủ rồi, chẳng cần phải nhọc lòng ngờ vực! Do thiếu khuyết điều này, nên gọi là “*lược đáp*” (略答, giải đáp đại lược). Chuyện suy nghĩ, cân nhắc để giải đáp này nhằm trả lời thắc mắc về sáu điều lành trong cõi này.

1.2.1.1.5.1.2. Nêu đại lược chuyện đã từng thấy để giải đáp

(Kinh) Chư thiện nam tử! Ngã ư quá khứ chư Phật, tăng kiến thử thụy. Phóng tư quang dĩ, tức thuyết đại pháp. Thị cố, đương tri: Kim Phật hiện quang, diệt phục như thị, dục linh chúng sanh hàm đắc văn tri nhất thiết thế gian nan tín chi pháp, cố hiện tư thụy.

(經)諸善男子！我於過去諸佛，曾見此瑞。放斯光已，即說大法。是故，當知：今佛現光，亦復如是，欲令眾生咸得聞知一切世間難信之法，故現斯瑞。

(Kinh: Các thiện nam tử! Nơi chư Phật quá khứ, tôi đã từng thấy điều lành này. Sau khi đã phóng quang minh như thế ấy, liền nói đại pháp. Vì thế, hãy nên biết: Nay đức Phật hiện tướng quang minh cũng giống như thế, muốn cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mà hết thấy thế gian khó tin, cho nên hiện điềm lành ấy).

¹²² Thanh giáo (聲教): Do đức Phật dùng âm thanh (ngôn ngữ) để giáo hóa nhằm phù hợp căn tánh của chúng sanh trong cõi Sa Bà, nên gọi là “*thanh giáo*” (giáo hóa bằng âm thanh).

Đây là nêu đại lược chuyện đã từng thấy, chỉ nói về chuyện phóng quang chính là giải đáp sáu điểm lành trong các cõi khác; vì sáu điều lành nơi các cõi khác đều được soi tỏ bởi quang minh do đức Phật đã phóng ra. “*Văn*” (聞, nghe) là nói đến tín hạnh, “*tri*” (知, biết) là nói đến pháp hạnh. Hết thấy các pháp khó tin trong thế gian; đó gọi là “*thâu nhiếp vô lượng về một, khiến cho đại chúng khai thị ngộ nhập*”, thay đổi giáo, hạnh, lý của mọi người, sáu phen phá vô minh, hiển lộ đạo của chư Phật đồng nhất, bình đẳng. Đó chẳng phải là điều mà căn cơ của chín pháp giới kia có thể tin tưởng được!

1.2.1.1.5.1.3. Rộng nêu các điều từng thấy để trả lời

Tức là cùng trả lời các nghi vấn về cõi này và cõi kia. Ngài Di Lặc do quang minh mà thấy phương Đông theo chiều ngang (thấy trong không gian) bèn thưa hỏi. Ngài Văn Thù dẫn chuyện xưa kia thấy Phật theo chiều dọc (thời gian) để đáp, nhằm hiển thị “*mười phương ba đời chư Phật cùng một đạo*”. Kinh văn chia thành ba đoạn: Một là dẫn chứng một vị Phật giống như vậy. Hai là dẫn chứng hai vạn vị Phật đều giống như vậy. Ba là dẫn chứng vị Phật tối hậu cũng giống như vậy.

1.2.1.1.5.1.3.1. Dẫn chứng một vị Phật giống như vậy

Gồm ba phần: Một là thời tiết. Hai là nêu tên. Ba là thuyết pháp.

1.2.1.1.5.1.3.1.1. Thời tiết

(Kinh) Chư thiện nam tử! Như quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp.

(經)諸善男子! 如過去無量無邊不可思議阿僧祇劫。

(Kinh: Các thiện nam tử! Như vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp trong quá khứ).

1.2.1.1.5.1.3.1.2. Nêu tên

(Kinh) Nhĩ thời, hữu Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)爾時，有佛號日月燈明如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*).

“*Nhĩ thời*” (Lúc bấy giờ) là thuở chẳng thể nghĩ bàn kiếp trong quá khứ. “*Thời*” chẳng phải là pháp thật có, do nương vào Sắc và Tâm mà giả lập, thuận theo thói tục mà phân biệt, chẳng hoại giả danh. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Nghe “*vô lượng kiếp*” liền biết chuyện sanh tử dài lâu, sanh tâm chán lìa. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. [Nghe biết] trước mỗi kiếp lại có kiếp, sẽ chẳng sanh Đoạn Kiến, [nghe nói] sau mỗi kiếp, lại có một kiếp khác, sẽ chẳng sanh Thường Kiến. Đó là Đối Trị Tất Đàn. Quán thời điểm lâu xa ấy giống hệt như trong ngày nay, mười đời xưa nay chẳng lìa một niệm hiện tại. Đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Khi đức Phật xuất thế trong thuở ấy, cũng nói tam thừa, tức [thuở đó] cũng là thời Ngũ Trược giống như lúc đức Phật xuất thế trong hiện thời. Nếu nói “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu hành tích tập thành Phật*”; đó chính là nói theo tướng trạng trong Tam Tạng. Nếu nói “*biết rõ tánh của thời và kiếp là Không, một niệm tương ứng với huệ, đại giác rạng ngời*”; đó chính là Phật tướng trong Thông Giáo. Nếu nói “*trong chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, hành trọn hết vô biên các hạnh trong pháp giới, đoạn trừ hai phẩm ngu (vô minh) vi tế và cực vi tế bèn thành Phật*”. [Hoặc nói] “*Ứng Thân ngời trọn khắp dưới trăm ức cây [Bồ Đề]*”; đó chính là Phật tướng trong Biệt Giáo. Nếu nói “*hiểu vô lượng vô số kiếp là một niệm, biết rõ tánh của một niệm chính là [cùng một] tánh từ xưa tới nay. Trí nhập ba đời, nhưng chẳng qua lại. Nhập tam-muội trong khoảng một sát-na, có thể thị hiện chuyện thành Bồ Đề xưa nay trong các biển quốc độ. Do vì chúng sanh, chẳng sanh mà thị hiện có sanh*”; đó chính là Phật tướng trong Viên Giáo.

Xét theo Bồn Tích, đức Phật Thích Ca trong hiện thời vốn thành Phật đã lâu. Đó là Bồn. Ngài thị hiện [giáng sanh] nơi vương cung là Tích. Chiêm nghiệm [điều này], liền biết đức Phật kia (Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật) cũng phải giống như thế.

Xét theo quán tâm, quán Ngũ Âm trong mỗi niệm đều sanh bởi nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung; đó gọi là “*có Phật xuất hiện trong cõi đời*”. [Xét theo Lục Túc Phật], từ Danh Tự mà có Phật, cho đến Cứu Cánh có Phật.

Nhật Nguyệt Đăng Minh (Candrasūryapradīpa) là danh hiệu riêng (biệt hiệu). “*Như Lai*” v.v... là các danh hiệu chung (thông hiệu). Hết thầy chư Phật đều có thông hiệu và biệt hiệu, đều là thuận theo thể gian mà giả lập. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Nghe danh hiệu bèn sanh khởi điều lành, chính là Vị Nhân Tất Đàn. Vượt xa hết thầy Phạm, ma, sa-môn, Bà-la-môn v.v... tức là Đối Trị Tất Đàn. Nếu nghe danh hiệu của chư Phật đều đạt được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, tức là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Trong biệt hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, Nhật biểu thị huệ, Nguyệt biểu thị Định, tức là phẩm đức tự hành. Đăng Minh là phẩm đức “*hóa độ người khác*”. Lại nữa, Nhật Nguyệt Đăng [trong Nhật Nguyệt Đăng Minh] biểu thị nhất tâm tam trí¹²³. Hãy nên biết Phật trước (Phật trong quá khứ) và Phật sau (Phật trong hiện tại và tương lai), tự hành như nhau, hóa độ người khác giống nhau, nhất tâm tam trí giống nhau. Lại nữa, Phật có vô lượng đức, phải nên có vô lượng hiệu. Như kinh Hoa Nghiêm nói ở trong thế giới Sa Bà này, Phật Thích Ca có trăm ức mười ngàn danh hiệu, hà huống các Ứng Thân trọn khắp các cõi số nhiều như vi trần, danh hiệu há có cùng tận ư? Nhưng mỗi danh hiệu đều chiêu vời thật đức, đều là dùng hết cả kiếp để diễn nói công đức ấy, trọn chẳng thể cùng tận! Dùng nay để suy ra xưa, lẽ nào riêng Nhật Nguyệt Đăng Minh lại chẳng giống như vậy?

Đối với các thông hiệu như Như Lai v.v..., tiếng Phạn là Đa Đà A Già Độ (Tathāgata), còn phiên âm là Đát Thát A Kiệt, cõi này dịch thành Như Lai. A La Ha (阿羅訶, Arhat, A La Hán) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Ứng Cúng (應供), cũng dịch là Chí Chân (至真), hoặc còn dịch là Vô Sở Trước (無所著, chẳng chấp trước). Tam Miệu Tam Phật Đà (Samyak-sambuddha) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Chánh Biến Tri, còn dịch là Đẳng Chánh Giác. Bộ Xi Giá La Na Tam Ban Na (Vidyā-carāṇa-saṃpanna) trong tiếng Phạn được phương này dịch là Minh Hạnh Túc. Tu Già Đà (Sugata) trong tiếng Phạn, được

¹²³ “Nhất tâm tam trí” là đồng thời trong một tâm mà đạt được Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí và Nhất Thiết Chứng Trí.

phương này dịch là Thiện Thệ (善逝, khéo qua lại), còn dịch là Hảo Khứ (好去, khéo đi). Lộ Già Bại (Lokavida) trong tiếng Phạn, phương này dịch là Thế Gian Giải. A Nậu Đa La (Anuttara) trong tiếng Phạn, phương này dịch là Vô Thượng Sĩ. Phú Lâu Sa Đàm Miệu Bà La Đề (Puruṣa-damyā-sārathi) trong tiếng Phạn, phương này dịch là Điều Ngự Trượng Phu. Xá Đa Đề Bà Ma Nậu Xá Nẫm (Śāsta Deva-manuṣyāṇam) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Thiên Nhân Giáo Sư. Chữ Phật Đà trong tiếng Phạn, phương này dịch là Tri Giả Giác Giả. Lộ Ca Na Tha (Lokanatha) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Thế Tôn, tức là trọn đủ mười hiệu công đức chân thật như trên. Vì thế, được hết thấy thế gian tôn kính. Để giải thích mười hiệu này, ắt cần phải xét theo tứ giáo và sự khai hiển, nay chẳng nói rườm rà. Bồn Tích và quán tâm phỏng theo đó cũng có thể biết.

1.2.1.1.5.1.3.1.3. Thuyết pháp

(Kinh) Dẫn thuyết chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Kỳ nghĩa thâm viễn, kỳ ngữ xảo diệu, thuần nhất vô tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng. Vị cầu Thanh Văn giả, thuyết ứng Tứ Đế pháp, độ sanh, lão, bệnh, tử, cứu cánh Niết Bàn. Vị cầu Bích Chi Phật giả, thuyết ứng thập nhị nhân duyên pháp. Vị chư Bồ Tát, thuyết ứng Lục Ba La Mật, lĩnh đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thành Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)演說正法，初善，中善，後善。其義深遠，其語巧妙，純一無雜，具足清白梵行之相。為求聲聞者，說應四諦法，度生老病死，究竟涅槃。為求辟支佛者，說應十二因緣法。為諸菩薩，說應六波羅蜜，令得阿耨多羅三藐三菩提，成一切種智。

(Kinh: Dẫn nói chánh pháp, chặng đầu tốt lành, chặng giữa tốt lành, chặng cuối tốt lành. Ý nghĩa sâu mầu, lời lẽ khéo nhiệm, thuần nhất chẳng xen tạp, trọn đủ tướng phạm hạnh trắng sạch. Vì người cầu Thanh Văn, bèn nói pháp Tứ Đế tương ứng, độ sanh, già, bệnh, chết, [đạt đến] rốt ráo Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật, nói pháp tương ứng là mười hai nhân duyên. Vì các Bồ Tát, nói pháp tương ứng là Lục

Ba La Mật, khiến cho họ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thành Nhất Thiết Chứng Trí).

Đây là nói rõ vị Phật xưa kia đã vì Thật mà hành Quyền, nói Đốn, nói Tiệm, khai Quyền hiển Thật để cùng quy vào pháp “chẳng Đốn, chẳng Tiệm”, giống như tình huống được trông thấy trong quang minh, và cũng tương đồng với sự thuyết pháp của Phật Thích Ca. Thoạt đầu nói “*diễn thuyết chánh pháp*” tức là nói về pháp Đốn Giáo. Ba chặng đầu, giữa, và cuối đều tốt lành, ước theo Đốn Giáo thì là ba đoạn Tự, Chánh, Lưu Thông. Ý nghĩa này sâu xa, chính là liễu nghĩa trong Đốn Giáo, Nhị Thừa chẳng thể dò lường ngần mé. “*Kỳ ngữ xảo diệu*” (Lời lẽ hay khéo, mầu nhiệm) tức là kinh văn Đốn Giáo, dung hội Lý, nói thẳng thừng, khiến cho tâm Bồ Tát vui sướng. “*Thuần nhất vô tạp*” (Thuần nhất chẳng xen tạp) tức là Đốn Giáo chẳng xen lẫn với Nhị Thừa. “*Cụ túc*”: Đốn Giáo nói về pháp môn mãn tự. “*Thanh bạch*”: Đốn Giáo chẳng có tí vết nhị biên. “*Phạm hạnh*”: Chính là vô duyên Từ trong Đốn Giáo. Trên đây là nói vị Phật xưa kia nói Đốn pháp giống như đức Phật [Thích Ca] nói Hoa Nghiêm trong hiện thời. [Điều này] tương ứng với lời hỏi thứ nhất về chuyện “*thánh chúa sư tử diễn nói kinh pháp vi diệu*” trong phần trên.

Kế đó nói “*vị cầu Thanh Văn*” (vì người cầu Thanh Văn) v.v... là nói vị Phật xưa kia đã thí tam thừa, có ý nghĩa giống như vị Phật trong hiện thời (Phật Thích Ca) nói từ Tam Tạng cho tới Phương Đẳng, Bát Nhã, nhằm đáp lời hỏi “*nếu ai gặp khổ*” cho đến “*Phật tử tu các thứ hạnh*” trong phần trước. Tứ Đế có bốn loại (sinh diệt, vô sinh, vô lượng, vô tác), chi tiết thì như trong sách Huyền Nghĩa đã giảng. Nay vì hàng Thanh Văn, bèn nói pháp tương ứng là pháp sinh diệt. Đó gọi là “*quả báo trong tam giới*” khổ sở thật sự, chẳng thể tạo vui sướng. Phiền não và nghiệp thật sự là cái nhân gây ra khổ, chẳng có cái nhân nào khác nữa! Hễ nhân diệt, quả sẽ diệt, cho đến an lạc rốt ráo. Đạo diệt khổ chỉ là Giới, Định, Huệ, chẳng còn đạo nào khác. Nhân duyên cũng có bốn loại như [sách Pháp Hoa] Huyền Nghĩa đã nói. Nay vì Bích Chi Phật lại nói tương tương ứng sinh diệt có thể nghĩ bàn, tức Vô Minh và Hành là hai chi có thể dẫn khởi, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ là các chi được dẫn khởi. Ái và Thủ là các chi có thể sanh khởi. Sanh, Lão, Tử là các chi được sanh khởi. Cái được dẫn khởi và cái được sanh khởi chính là Khổ Đế. Cái có thể dẫn khởi và sanh khởi chính là Tập Đế. Vô Minh

diệt cho đến Lão, Tử diệt. Đó là Diệt Đế. Trí quán nhân duyên chính là Đạo Đế.

Thanh Văn độn căn; do vậy, vì họ nói tổng tướng là pháp Tứ Đế. Căn cơ của Bích Chi Phật nhạy bén hơn; vì thế nói biệt tướng là pháp nhân duyên. Bốn giáo tướng Ba La Mật như đã nói đại lược trong phần trước. Nếu trực tiếp nói về Lục Độ trong Tam Tạng thì thuộc về A Hàm. Nếu luận định đối chiếu giữa Sự và Lý, phần nhiều dùng Lý đoạt Sự, bèn thuộc vào Phương Đẳng. Nếu kèm theo Sự để bàn về Lý, phần nhiều dùng Lý dung hội Sự, sẽ thuộc về Bát Nhã. Phần sau [của đoạn kinh văn này] nói “*đắc A Nậu Đa La [Tam Miệu Tam Bồ Đề]*” v.v... chính là nói đức Phật quá khứ đã khai Quyền hiển Thật, có ý nghĩa giống với thời Pháp Hoa của đức Phật trong hiện tại. Nếu quán sơ sài theo mạch văn thì câu “*linh đắc*” (khiến cho đạt được) dường như chỉ là thừa tiếp ý nghĩa của câu “*vị chư Bồ Tát*” (vì các Bồ Tát); nhưng nếu xem xét kỹ càng mạch văn, sẽ thấy ý nghĩa ấy (“*thành Nhất Thiết Chứng Trí*”) chính là kết luận chung cho việc diễn nói chánh pháp cho Thanh Văn, Duyên Giác v.v... Bởi lẽ, từ ban đầu nói pháp Đốn nhằm khiến cho chúng sanh thành tựu Nhất Thiết Chứng Trí; đối với kẻ chưa thành tựu, bèn khéo khuyên dụ dần dần, dùng [các giáo nghĩa thuộc] Tam Tạng, Thông, Biệt, kèm theo các thứ phương tiện như nói đối chiếu, nói kèm thêm v.v... để thành thực họ, hoặc là định, bất định, hoặc hiển, hoặc mật, chẳng phải là một chuyện, nhưng đều nhằm dẫn về Pháp Hoa. Như thế thì dù là Thanh Văn, hay là Bích Chi Phật, hay Sự độ, thậm chí cho tới pháp Biệt Giáo được nói kèm thêm trong Hoa Nghiêm, không gì chẳng nhằm khiến cho [người được hóa độ] đắc Vô Thượng Bồ Đề, thành tựu Nhất Thiết Chứng Trí.

Điều này tương ứng với lời hỏi về chuyện “từ trong quang minh trông thấy đức Phật nhập Niết Bàn, [đại chúng] dựng tháp [thờ xá-lợi] trong các cõi khác, nhưng chẳng thấy trong cõi khác có pháp hội nói kinh Pháp Hoa”. Do vậy, dẫn đến nghi vấn, trở thành Phát Khởi Tự. Nay dẫn chuyện xưa tương đồng, nhằm hiển thị Pháp Hoa là sự luận đàm cuối cùng tột bậc về liễu nghĩa, từ nay trở đi, chẳng còn có gì có thể nói nữa, chỉ có “*chẳng phải diệt*” mà xưng “*nhập diệt*” đó thôi! Giáo pháp trong suốt một đời đức Phật được quy kết rốt ráo trong một mình kinh này. Mười phương ba đời, không đâu chẳng đều như vậy. Được gọi là Diệu, há có phải là nói suông ư?

Phần thứ nhất, “*dẫn chứng một vị Phật giống như vậy*” đã xong!

1.2.1.1.5.1.3.2. Kế đó, dẫn chứng hai vạn vị Phật cũng đều giống như vậy

(Kinh) Thứ, phục hữu Phật, diệt danh Nhật Nguyệt Đăng Minh. Thứ, phục hữu Phật, diệt danh Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thị nhị vạn Phật, giai đồng nhất tự, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Hựu đồng nhất tánh, tánh Phả La Đà. Di Lặc đương tri: Sơ Phật, hậu Phật, giai đồng nhất tự, danh Nhật Nguyệt Đăng Minh, thập hiệu cụ túc, sở khả thuyết pháp, sơ trung hậu thiện.

(經)次，復有佛，亦名日月燈明。次，復有佛，亦名日月燈明。如是二萬佛，皆同一字，號日月燈明。又同一姓，姓頗羅墮。彌勒當知：初佛，後佛，皆同一字，名日月燈明，十號具足，所可說法，初中後善。

(Kinh: Kế đó, lại có Phật cũng tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Kế đó, lại có Phật cũng tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Hai vạn vị Phật như thế, đều cùng một danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Lại có cùng một họ, tức là họ Phả La Đà. Di Lặc hãy nên biết: Vị Phật đầu tiên và các vị Phật sau đó đều cùng một danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, mười hiệu trọn đủ, pháp do các Ngài nói chẳng đầu, chẳng giữa, và chẳng cuối đều tốt lành).

Vị Phật trước, vị Phật sau, không vị nào chẳng thí Đốn, thí Tiệm, hòng [chúng sanh được hóa độ, sẽ] hội nhập “phi Đốn, phi Tiệm”. Ngài Văn Thù khéo nói, chẳng chú trọng văn từ rườm rà. Vì thế, đối với vị Phật đầu tiên, nói cận kề Đốn, Tiệm đã đồng, chẳng qua chỉ nêu đại lược về sự khai hiển (khai Quyền, hiển Thật). Nay đối với hai vạn vị Phật, chỉ nói cùng tên, cùng họ, cùng đủ mười hiệu giống nhau, thuyết pháp tốt lành như nhau. Cho đến vị Phật cuối cùng, mới nói cận kề sự tương đồng giữa hiện tại và tương lai. Nhật Nguyệt Đăng Minh đã gọi là danh, mà cũng gọi là tự, hoặc cũng gọi là hiệu. Vì thế, biết ba thứ “danh, tự, hiệu” chỉ là giả lập, vốn chẳng có thân, có sơ, chẳng giống như người hiện thời hư vọng sanh phân biệt, có chuyện kiêng tên húy và chẳng kiêng tên húy.

Phả La Đọa (Bharadvaja) là họ, được dịch nghĩa là Tiệp Tật (捷疾, nhanh chóng), cũng dịch là Lợi Căn, còn dịch là Mãn Ngữ, thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Giải thích theo quán tâm thì Thập Thiện mỗi điều đều có bách giới thiên như, hợp thành một vạn. Tự hành và hóa độ người khác đều trọn đủ, nên thành hai vạn.

1.2.1.1.5.1.3.3. Dẫn chứng vị Phật cuối cùng cũng giống như vậy

Phần này lại chia làm ba: Một là chuyện đã từng trông thấy giống như chuyện đã xảy ra trong hiện tại. Hai là chuyện đã từng trông thấy giống với chuyện đang xảy ra trong hiện tại. Ba là chuyện đã từng trông thấy giống với chuyện sẽ xảy ra trong hiện tại.

1.2.1.1.5.1.3.3.1. Chuyện đã từng trông thấy giống như chuyện đã xảy ra trong hiện tại

(Kinh) Kỳ tối hậu Phật vị xuất gia thời, hữu bát vương tử: Nhất, danh Hữu Ý. Nhị, danh Thiện Ý. Tam, danh Vô Lượng Ý. Tứ, danh Bảo Ý. Ngũ, danh Tăng Ý. Lục, danh Trừ Nghi Ý. Thất, danh Hưởng Ý. Bát, danh Pháp Ý. Thị bát vương tử oai đức tự tại, các lãnh tứ thiên hạ. Thị chư vương tử, văn phụ xuất gia đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tất xả vương vị, diệt tùy xuất gia, phát Đại Thừa ý, thường tu phạm hạnh, giai vì pháp sư. Dĩ ư thiên vạn Phật sở thực chư thiện bản.

(經)其最後佛未出家時，有八王子：一、名有意。二、名善意。三、名無量意。四、名寶意。五、名增意。六、名除疑意。七、名響意。八、名法意。是八王子威德自在，各領四天下。是諸王子，聞父出家得阿耨多羅三藐三菩提，悉捨王位，亦隨出家，發大乘意，常修梵行，皆為法師。已於千萬佛所植諸善本。

(Kinh: Vị Phật cuối cùng lúc chưa xuất gia, có tám vương tử: Một, tên là Hữu Ý (Mati). Hai, tên là Thiện Ý (Sumati). Ba, tên là Vô Lượng Ý (Anantamati). Bốn, tên là Bảo Ý (Ratimati). Năm, tên là Tăng Ý

(Viśeṣamati). Sáu, tên là Trừ Nghi Ý (Vimatisamudghātin). Bảy, tên là Hưởng Ý (Ghoṣamati). Tám, tên là Pháp Ý (Dharmamati). Tám vương tử ấy oai đức tự tại, mỗi vị đều thống lãnh bốn thiên hạ. Các vị vương tử ấy nghe tin cha xuất gia đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều bỏ ngôi vua, cũng theo cha xuất gia, phát ý Đại Thừa, thường tu phạm hạnh, đều là pháp sư, đã trồng các cội đức nơi ngàn vạn vị Phật).

Vị Phật thuở trước có tám người con, vị Phật hiện tại chỉ có một, số lượng tuy khác, nhưng đều xuất hiện trong cõi Đồng Cư. Do cõi nước có Kiến Tư, đều thị hiện có con. Chuyện có con giống nhau, nhưng một hay tám là do duyên, mỗi bên đều có sự biểu thị riêng. Một con biểu thị nhất đạo thanh tịnh, tám con biểu thị Bát Chánh Đạo¹²⁴. Lại nữa, con của vị Phật xưa kia phát ý Đại Thừa, con của vị Phật hiện tại (tức La Hầu La) trụ trong quả Tiểu Thừa, sao ở đây lại nói là “giống nhau”? Xưa kia, giáo hóa đã xong, hiển lộ chuyện thuộc Bồn, nên nói là “phát Đại Thừa ý”. [Con của vị Phật] trong hiện tại thì chưa nêu bày Tích, [cho nên] vẫn nói là La Hán, đến kinh văn trong phần sau sẽ hiển Bồn, [mới biết La Hầu La] chính là Bồ Tát. Đó là ý nghĩa giống nhau. Mỗi vị [vương tử của Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật] đều thống lãnh tứ thiên hạ¹²⁵, tức là Kim Luân Vương. Có kẻ nói “Luân Vương chưa chắc đã gặp Phật”, lời ấy chẳng đúng!

1.2.1.1.5.1.3.3.2. Chuyện đã từng thấy giống như chuyện trong hiện tại

Gồm hai phần: Một là hiện tướng lành giống nhau. Hai là nghi niệm giống nhau.

¹²⁴ Chú thích của pháp sư Phổ Hành: “Cổ nhân cho rằng tám người con biểu thị Bát Chánh Đạo, hoặc biểu thị tám thức, nhưng tên của tám vị đều có chữ Ý, tự hồ chẳng tương ứng với sự biểu thị pháp. Nay dựa theo kinh văn để giải thích như sau: Duy Thức Luận gọi cái thức thứ bảy (Mạt Na Thức) luôn suy xét, so lường là Ý. “Ý” ấy luôn duyên theo thức thứ tám, chấp có thật ngã, thật pháp. Vì thế gọi là Hữu Ý. Nó cũng thông với tánh thiện, nên có tên là Thiện Ý. Do chẳng mất tánh quý báu (Như Lai Tạng), nên gọi là Bảo Ý. Duyên lực tăng trưởng thù thắng, nên gọi là Tăng Ý. Như hàng vọng tiếng dội, nên gọi Hưởng Ý. Luôn duyên theo Pháp Trần, nên gọi là Pháp Ý. Chẳng thể diễn tả, suy lường, nên gọi là Vô Lượng Ý. Hễ nghi niệm nảy sanh đều nên trừ dứt, cho nên gọi là Trừ Nghi Ý”.

¹²⁵ Tứ thiên hạ tức là bốn đại châu (Đông Thắng, Tây Ngưu, Nam Diêm Phù Đề, Bắc Câu Lô). Do bốn châu ấy vây quanh núi Tu Di, nên gọi là Tứ Thiên Hạ.

1.2.1.1.5.1.3.3.2.1. Hiện tướng lành giống nhau

Lại chia thành hai tiểu đoạn: Một là giống như sáu tướng lành trong cõi này. Hai là giống như sáu tướng lành trong cõi khác.

1.2.1.1.5.1.3.3.2.1.1. Giống như sáu tướng lành trong cõi này

(Kinh) Thị thời, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật thuyết Đại Thừa kinh, danh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Thuyết thị kinh dĩ, tức ư đại chúng trung, kết gia phu tọa, nhập ư Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội, thân tâm bất động. Thị thời, thiên vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma Ha Mạn Thù Sa hoa, nhi tán Phật thượng, cập chư đại chúng. Phổ Phật thế giới, lục chủng chấn động. Nhĩ thời, hội trung tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân, cập chư tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương đẳng. Thị chư đại chúng, đắc vị tăng hữu, hoan hỷ hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật. Nhĩ thời, Như Lai phóng mi gian bạch hào tướng quang, chiếu Đông phương vạn bát thiên độ, mỵ bất châu biến.

**(經)是時，日月燈明佛說大乘經，名無量義教菩薩法
佛所護念。說是經已，即於大眾中，結加趺坐，入於無量
義處三昧，身心不動。是時，天雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅
華，曼殊沙華，摩訶曼殊沙華，而散佛上，及諸大眾。普
佛世界，六種震動。爾時，會中比丘、比丘尼、優婆塞、
優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那
羅、摩睺羅伽、人、非人、及諸小王、轉輪聖王等。是諸
大眾，得未曾有，歡喜合掌，一心觀佛。爾時，如來放眉
間白毫相光，照東方萬八千土，靡不周徧。**

(Kinh: Lúc đó, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật nói kinh Đại Thừa tên là Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói kinh ấy xong, liền ở giữa đại chúng, ngồi xếp bằng, nhập Vô Lượng Nghĩa Xứ

tam-muội, thân tâm bất động. Lúc ấy, trời mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma Ha Mạn Thù Sa để rải lên Phật và các đại chúng. Khắp thế giới Phật, sáu thứ chấn động. Lúc bấy giờ, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân, và các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương v.v... trong hội. Các đại chúng ấy đều đạt được điều chưa từng có, hoan hỷ chấp tay, nhất tâm quán Phật. Lúc bấy giờ, Như Lai phóng quang từ tướng bạch hào giữa hai mày, chiếu sáng một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, không đâu chẳng trọn khắp).

1.2.1.1.5.1.3.3.2.1.2. Giống như sáu tướng lành trong cõi kia

(Kinh) Như kim sở kiến thị chư Phật độ.

(經)如今所見是諸佛土。

(Kinh: Như các cõi Phật trông thấy trong ngày nay).

Chỉ nói “*như kim sở kiến*” (như thấy trong hiện thời), văn giản lược nhưng ý nghĩa trọn vẹn.

Phần thứ nhất, “*hiện điều lành giống nhau*” đã xong.

1.2.1.1.5.1.3.3.2.2. Nghi niệm giống nhau

(Kinh) Di Lặc đương tri: Nhĩ thời, hội trung hữu nhị thập ức Bồ Tát nhạo dục thính pháp. Thị chư Bồ Tát kiến thử quang minh phổ chiếu Phật độ, đắc vị tăng hữu, dục tri thử quang sở vị nhân duyên.

(經)彌勒當知：爾時，會中有二十億菩薩樂欲聽法。

是諸菩薩見此光明普照佛土，得未曾有，欲知此光所為因緣。

(Kinh: Di Lặc hãy nên biết: Trong hội thuở đó, có hai mươi ức Bồ Tát vui thích, muốn nghe pháp. Các vị Bồ Tát đó trông thấy quang minh ấy chiếu trọn khắp cõi Phật, đạt được điều chưa từng có, muốn biết quang minh ấy do vì nhân duyên nào).

Đã nói “muốn biết quang minh do nhân duyên nào” thì theo đúng lý, phải có hai phần Tự nêu câu hỏi và trả lời câu hỏi, nhưng chẳng rườm rà.

Phần thứ hai, “chuyện đã từng thấy giống như hiện thời” đã xong.

1.2.1.1.5.1.3.3.3. Chuyện đã từng thấy sẽ giống như trong hiện tại

Gồm năm phần: Một là do bậc đương cơ mà thuyết pháp giống nhau. Hai là thời tiết giống nhau. Ba là xướng “nhập diệt” giống nhau. Bốn là thọ ký giống nhau. Năm là sau khi Phật diệt độ, kinh lưu thông giống nhau.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.1. Do bậc đương cơ mà thuyết pháp giống nhau

(Kinh) Thời, hữu Bồ Tát danh viết Diệu Quang, hữu bát bách đệ tử. Thị thời, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật tùng tam-muội khởi. Nhân Diệu Quang Bồ Tát, thuyết Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)時，有菩薩名曰妙光，有八百弟子。是時，日月燈明佛從三昧起。因妙光菩薩，說大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念。

(Kinh: Khi đó, có Bồ Tát tên là Diệu Quang, có tám trăm đệ tử. Lúc ấy, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật từ tam-muội xuất. Vì Diệu Quang Bồ Tát nói kinh Đại Thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm).

Vị Phật xưa kia khởi Định, vì Diệu Quang Bồ Tát (Varaprabha)¹²⁶ nói kinh. Vị Phật hiện tại khởi Định, vì Xá Lợi Phất nói kinh. Xá Lợi Phất là thầy của La Hầu La. Diệu Quang xưa kia là thầy của tám vương tử, cho nên nói là “giống nhau”. Lại nữa, Xá Lợi Phất đã được thọ ký, thật sự là Bồ Tát. Xưa kia, lúc Diệu Quang nghe Pháp, việc gì phải thị hiện làm Thanh Văn?

¹²⁶ Pháp sư Phổ Hành chú giải: “Diệu là chẳng thể nghĩ bàn, Quang có thể chiếu tan vô minh. Do vậy, Bồ Tát tên là Diệu Quang”.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.2. Thời tiết giống nhau

(Kinh) Lục thập tiểu kiếp, bất khởi vu tòa. Thời hội thánh giả, diệt tọa nhất xứ, lục thập tiểu kiếp, thân tâm bất động, thánh Phật sở thuyết, vị như thực khoảnh. Thị thời chúng trung, vô hữu nhất nhân, nhược thân, nhược tâm, nhi sanh giải quỵện.

(經)六十小劫，不起于座。時會聽者，亦坐一處，六十小劫，身心不動，聽佛所說，謂如食頃。是時眾中，無有一人，若身若心，而生懈倦。

(Kinh: Sáu mươi tiểu kiếp, chẳng đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Người nghe trong hội khi đó, cũng ngồi một chỗ suốt sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm bất động, nghe lời Phật dạy, cho là như trong khoảng bữa ăn. Trong đại chúng khi đó, chẳng có một ai dù thân hay tâm sanh lười nhác, mệt mỏi).

Điều này giống như kinh văn trong phần sau nói “năm mươi tiểu kiếp coi như nửa ngày”, do Phật lực gia trì, cho nên quên dài, thấy là ngắn. Trong phần sau, sẽ giải thích cặn kẽ.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.3. Xướng nhập diệt giống nhau

(Kinh) Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật ư lục thập tiểu kiếp, thuyết thị kinh dĩ, tức ư Phạm, ma, sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhân, A Tu La chúng trung, nhi tuyên thử ngôn: “Như Lai ư kim nhật trung dạ, đương nhập Vô Dư Niết Bàn”.

(經)日月燈明佛於六十小劫，說是經已，即於梵、魔、沙門、婆羅門、天、人、阿修羅眾中，而宣此言：「如來於今日中夜，當入無餘涅槃」。

(Kinh: Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật trong sáu mươi tiểu kiếp, nói kinh ấy xong, liền ở trong đại chúng Phạm, ma, sa-môn, Bà-la-môn, trời, người, A Tu La, tuyên bố lời này: “Vào nửa đêm hôm nay, Như Lai sẽ nhập Vô Dư Niết Bàn”).

Xưa kia nói Pháp Hoa liền xưng “nhập diệt”. Trong phẩm Hiện Bảo Tháp [của kinh Pháp Hoa], đức Phật hiện thời cũng nói “*Như Lai không lâu sau sẽ nhập Niết Bàn*”. Giáo hóa đã xong, xưng “nhập diệt” giống như nhau. Phạm là chúa của Sắc Giới, Ma (Māras) là chúa của Dục Giới (tức Tha Hóa Tự Tại thiên chúa). Sa-môn (śramaṇa) được phương này dịch là Cần Túc (勤息, siêng năng dứt diệt [phiền não]). Người xuất gia đều được gọi bằng danh xưng này. Bà-la-môn được phương này dịch là Tịnh Duệ (淨裔, hậu duệ thanh tịnh [của Phạm Thiên]), còn dịch là Phạm Chí (梵志, dốc chí sống cuộc đời thanh tịnh), tức là chủng tánh tôn quý trong hàng tại gia. Nói “*thiên, nhân, A Tu La*” nhằm nêu đại lược ba loại thiện đạo, đều là [liệt kê] theo phương diện thù thắng do họ dễ nhập Phật pháp vậy.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.4. Thọ ký giống nhau

(Kinh) Thời, hữu Bồ Tát danh viết Đức Tạng. Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật tức thọ ký ký, cáo chư tỳ-kheo: “Thị Đức Tạng Bồ Tát, thứ đương tác Phật, hiệu viết Tịnh Thân Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà”.

(經)時，有菩薩名曰德藏。日月燈明佛即授其記，告諸比丘：「是德藏菩薩，次當作佛，號曰淨身多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀」。

(Kinh: Khi ấy, có Bồ Tát tên là Đức Tạng¹²⁷. Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật liền thọ ký cho vị ấy, bảo các tỳ-kheo: “Ông Đức Tạng Bồ Tát (Śrīgarbha) này kế tiếp sẽ làm Phật, hiệu là Tịnh Thân (Vimalāṅganetra) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri”).

Thọ ký cho Thanh Văn là phần Chánh Tông của kinh này, chẳng nên tiết lộ sẵn. Nay nói thọ ký cho bậc Bồ Xứ tức là giống như Phật Thích Ca thọ ký Di Lặc vậy.

¹²⁷ Pháp sư Phổ Hành chú thích: “Bồ Tát hàm tàng vô lượng công đức, cho nên gọi là Đức Tạng. Tịnh Thân: Thân Phật thanh tịnh, tướng hảo trang nghiêm, cho nên hiệu là Tịnh Thân”.

Hỏi: - Trong Pháp Hoa chưa hề thọ ký cho ngài Di Lặc, há có nên dẫn chứng là giống nhau?

Đáp: - Chỉ xét theo một đời giáo hóa của đôi bên giống nhau, nghĩa ấy là đủ rồi, cần gì cứ phải câu nệ cường ép tương xứng từng chi tiết nhỏ nhặt! Huống hồ Phạn bản của kinh Pháp Hoa chất đồng dài đến tám dặm, không thể nào truyền trọn hết sang Trung Hoa được? Ai biết là trong bản tiếng Phạn chẳng có phần kinh văn thọ ký cho bậc Bồ Xứ hay không? Trong phần Thọ Ký, nêu đại lược ba đức, dù ba hay mười, đều là bình đẳng!

1.2.1.1.5.1.3.3.3.5. Sau khi Phật diệt độ, lưu thông kinh giống nhau

Gồm ba đoạn: Một, nói về sự nhập diệt. Hai là nói đến lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật nhập diệt. Ba là tổng kết, dung hội xưa nay.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.5.1. Nói đến sự nhập diệt

(Kinh) Phật thọ ký dĩ, tiện ư trung dạ, nhập Vô Dư Niết Bàn.

(經)佛授記已，便於中夜，入無餘涅槃。

(Kinh: Đức Phật thọ ký xong, liền vào nửa đêm, nhập Vô Dư Niết Bàn).

Thọ ký rồi liền nhập Niết Bàn: Tuy cùng xuất hiện trong cõi Đồng Cư, nhưng Ngũ Trược chưa quá đáng; vì thế, chẳng cần nói thêm kinh Đại Niết Bàn. Như đức Phật Ca Diếp trong cõi này cũng nói kinh Pháp Hoa xong, bèn nhập Niết Bàn. Nhưng Vô Dư Niết Bàn nghĩa thông với Đại Thừa và Tiểu Thừa, cần phải giảng rõ đôi chút. Có người nói: “Tiểu Thừa do còn bị trói buộc nơi quả thì gọi là Hữu Dư, thân lẫn trí đều như tro thì gọi là Vô Dư. Đại Thừa do đã thấu hiểu cùng tận ngũ trụ, cho nên gọi là Vô Dư”. Đây cũng là một cách giải thích. Luận chung về Niết Bàn, có ba loại:

- Một là tánh tịnh Niết Bàn: Thánh phàm bình đẳng, tức Pháp Thân đức.

- Hai là viên tịnh Niết Bàn: Ra khỏi chướng, viên minh, tức Bát Nhã đức.

- Ba là phương tiện tịnh Niết Bàn: Vì chúng sanh, chẳng phải sanh mà thị hiện có sanh, chẳng phải diệt mà thị hiện có diệt, tức Giải Thoát đức.

Duy Thức lại nói có bốn thứ Niết Bàn:

- Một là Tự Tánh Thanh Tịnh Niết Bàn, tức là Phật và chúng sanh bình đẳng cùng có, chẳng do tu mà đạt được.

- Hai là Hữu Dur Y Niết Bàn, tức là Chân Như thoát khỏi Phiền Não Chướng, dư y¹²⁸ chưa diệt. Tam thừa khi mới chứng Vô Học đạo, sẽ đạt được [loại Niết Bàn này].

- Ba là Vô Dur Y Niết Bàn, tức là phiền não đã hết, khổ y cũng diệt. Đó là sở chứng của bậc Vô Học trong tam thừa khi thân và trí đều tận.

- Bốn là Vô Trụ Xứ Niết Bàn, tức là Chân Như vượt ngoài Sở Tri Chướng, đại bi Bát Nhã thường giúp đỡ, chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn, cho đến tận cùng đời vị lai, tịch mà thường chiếu, lợi ích chúng sanh.

Nay đem bốn [loại Niết Bàn trong Duy Thức] đối chiếu với ba [loại Niết Bàn trước đó] để có thể hiểu ý nghĩa. Tự tánh thanh tịnh chính là tánh tịnh. Hữu Dur, Vô Dur, thoát khỏi Phiền Não Chướng thì chính là vô trụ. Thoát khỏi Sở Tri Chướng thì là viên tịnh. Từ Thê khởi Dụng, nhiều lượt xướng sanh, xướng diệt, nhưng thật sự chẳng sanh, chẳng diệt, tức là phương tiện tịnh. Duy Thức lại nói: *“Hết thấy chúng sanh chỉ có loại đầu tiên (tự tánh thanh tịnh Niết Bàn), hàng Nhị Thừa vô học có ba loại đầu (tự tánh thanh tịnh, hữu dur, vô dur Niết Bàn), chỉ có đức Thế Tôn là có thể nói trọn đủ cả bốn”*. Bởi lẽ, tánh tịnh Pháp Thân chúng sanh đều cùng có. Vì thế, đều có loại thứ nhất. Khi hàng Nhị Thừa chứng Vô Học, thì là Hữu Dur Y, chẳng gọi là Vô Dur. Cho tới khi nhập diệt thì mới gọi là Vô Dur, chẳng gọi là Hữu Dur. Đây chính là “trước sau chẳng cùng lúc”, cho nên nói là *“có cả ba thứ đầu tiên”*. Như Lai ngồi dưới cội Bồ Đề, thành Đẳng Chánh Giác, tất cả thân tâm chẳng còn hữu lậu. Khổ y¹²⁹ vĩnh viễn hết sạch, thì gọi là Vô Dur Y. Khổ y chẳng tồn tại, tức là Ngũ Uẩn chân thường thì gọi là Hữu Dur Y. Chẳng trụ vào hai bên, thì gọi là Vô Trụ Xứ. Đây chính là ý nghĩa *“bốn loại Niết Bàn đồng thời trọn đủ”*. Vì thế, có thể nói là *“trọn đủ cả bốn loại”*. Do vậy bảo là *“thoạt đầu, thành Chánh Giác, đã nhập trọn vẹn bốn loại Niết Bàn”*.

¹²⁸ “Y” có nghĩa là còn có thân nương vào hữu lậu, do còn Hoặc nghiệp sót thừa, cho nên gọi là Dur. Hữu Dur Y tức là Hoặc nghiệp gây nên sanh tử đã hết, nhưng vẫn còn có khổ quả hữu lậu sót thừa. Chẳng hạn như ngài Kiều Phạm Ba Đề đã chứng thánh quả, nhưng còn ác tật miệng luôn nhai nhóp nhép như trâu nhoi.

¹²⁹ Khổ y tức là thân do khổ báo. Vì thân là chỗ để con người nương vào mà tồn tại, nên thân được gọi là Y.

Nay nói “*nửa đêm nhập Tịch Diệt*”, tức là vì hàng độn căn trong cõi Đồng Cư mà thị hiện diệt độ giống như Nhị Thừa. Đây chính là diệu dụng của phương tiện thanh tịnh, chẳng phải là thật sự diệt bèn nói là diệt, diệt có bao giờ diệt ư?

1.2.1.1.5.1.3.3.5.2. Nói về lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ

(Kinh) Phật diệt độ hậu, Diệu Quang Bồ Tát trì Diệu Pháp Liên Hoa kinh mãn bát thập tiểu kiếp, vị nhân diễn thuyết. Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật bát tử giai sư Diệu Quang. Diệu Quang giáo hóa, linh kỳ kiên cố A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị chư vương tử cúng dường vô lượng bách thiên vạn ức Phật dĩ, giai thành Phật đạo. Kỳ tối hậu thành Phật giả, danh viết Nhiên Đăng. Bát bách đệ tử trung, hữu nhất nhân, hiệu Cầu Danh, tham trước lợi dưỡng. Tuy phục độ tụng chúng kinh, nhi bất thông lợi, đa sở vong thất, cố hiệu Cầu Danh. Thị nhân diệt dĩ chủng chư thiện căn nhân duyên cố, đắc trị vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

(經)佛滅度後，妙光菩薩持妙法蓮華經滿八十小劫，為人演說。日月燈明佛八子皆師妙光。妙光教化，令其堅固阿耨多羅三藐三菩提。是諸王子供養無量百千萬億佛已，皆成佛道。其最後成佛者，名曰然燈。八百弟子中有一人，號曰求名，貪著利養。雖復讀誦眾經，而不通利，多所忘失，故號求名。是人亦以種諸善根因緣故，得值無量百千萬億諸佛，供養，恭敬，尊重，讚歎。

(Kinh: Sau khi đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ Tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa trọn tám mươi tiểu kiếp, vì người khác diễn nói. Tám người con của Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật đều tôn ngài Diệu Quang làm thầy. Diệu Quang giáo hóa, khiến cho họ kiên cố nơi Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác. Các vị vương tử ấy đã cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức Phật rồi, đều thành Phật đạo. Vị thành Phật cuối cùng

tên là Nhiên Đăng¹³⁰. Trong tám trăm đệ tử, có một người tên là Cầu Danh (Yaśaskāma). Do tham đắm lợi dưỡng, dẫu đọc tụng các kinh, nhưng chẳng thông suốt, phần nhiều quên mất, nên được gọi là Cầu Danh. Người ấy cũng do nhân duyên đã gieo các thiện căn mà được gặp vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán).

“Diệt hậu” (Sau khi đức Phật diệt độ) nói rõ lúc lưu thông kinh. Diệu Quang là người lưu thông kinh. “Tám mươi tiểu kiếp” là nói rõ thời gian lưu thông kinh bao lâu. Tám người con và Cầu Danh là nói đến lợi ích do lưu thông kinh. “Kiên cố”: Đã thành tựu trước đó từ lâu rồi. Cầu Danh là vị kế tiếp được Bồ Xứ làm Phật, cùng hiển lộ nhân duyên trong Phật đạo “hoàn toàn cấy vào thầy và bạn”, mà cũng hoàn toàn do tu chứng, hai đằng chẳng hư dối vậy!

1.2.1.1.5.1.3.3.5.3. Tổng kết, dung hội xưa nay

(Kinh) Di Lạc đương tri: Nhĩ thời, Diệu Quang Bồ Tát, khởi di nhân hồ? Ngã thân thị dã. Cầu Danh Bồ Tát, nhữ thân thị dã.

(經)彌勒當知：爾時，妙光菩薩，豈異人乎？我身是也。求名菩薩，汝身是也。

¹³⁰ Nhiên Đăng Phật (Dipaṃkara), còn dịch là Định Quang Phật, Đăng Quang Phật, Phổ Quang Phật, hoặc có lúc còn phiên âm là Đề Hoàn Ý Phật. Theo kinh Thụy Ứng: “*Khi Định Quang Phật xuất thế, ta làm Bồ Tát, tên là Nho Đồng, mua hoa đến cúng Định Quang Phật, rải hoa cúng dường. Hoa ngừng trên không trung, Phật hiểu ý, bèn tán thán: - Ông đã học thanh tịnh trong vô số kiếp, do vậy bèn thọ ký, trong chín mươi một kiếp sau, trong kiếp có tên là Hiền Kiếp, ông sẽ làm Phật, hiệu là Thích Ca Văn*”. Trí Độ Luận quyển chín chép: “*Khi Nhiên Đăng Phật sanh ra, hết thấy mọi thứ chung quanh như được đèn chiếu sáng, nên gọi là Nhiên Đăng thái tử. Khi Ngài thành Phật, cũng hiệu là Nhiên Đăng, cựu dịch là Định Quang Phật*”. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 13, trong kiếp quá khứ lâu xa, có vua tên là Địa Chủ, đem nửa phần Diêm Phù Đề trao cho bảy tôi của vua là Thiện Minh thống trị. Lúc phu nhân của Thiện Minh sanh con, cả Diêm Phù Đề sáng rực quang minh sắc vàng. Đứa bé sanh ra dung mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng; do vậy, đặt tên là Đăng Quang. Lúc hai mươi chín tuổi, Đăng Quang xuất gia học đạo, thành Phật ngay trong đêm ấy. Thiện Minh và bốn mươi ức người đến chỗ Đăng Quang Như Lai nghe thuyết pháp. Như Lai lại đến chỗ vua Địa Chủ thuyết pháp. Địa Chủ chính là tiền thân của Phật Thích Ca.

(Kinh: Di Lặc hãy nên biết: Diệu Quang Bồ Tát khi đó, há phải ai khác? Chính là thân ta. Cầu Danh Bồ Tát chính là thân ông).

Nói rõ lợi ích do lưu thông kinh, hướng dẫn tám vương tử và tám trăm đệ tử, cho đến kết lại, dung hội xưa nay. Gần là giải trừ điều nghi, nhằm ngằm mở ra thọ lượng. Hoặc là có kẻ nghi ngờ: “Ngài Di Lặc là bậc Bồ Xứ, không nên hỏi, ngài Văn Thù chẳng phải là Bồ Xứ, không nên đáp!” Nay nói rõ Di Lặc thuộc trong số tám trăm [đệ tử của Diệu Quang Bồ Tát], phải nên thưa hỏi. Văn Thù trước kia đã làm thầy, hoằng dương và lưu truyền diệu pháp, cho nên Ngài giải trừ mọi nghi chẳng sai lầm!

Lại nữa, người nhỏ nhất trong tám vương tử đã thành Nhiên Đăng Phật; Nhiên Đăng thọ ký cho Phật Thích Ca. Nay Văn Thù vốn là sư tổ, lại làm đệ tử Phật Thích Ca. Thầy trò không nhất định, nhằm ngằm hiển thị “*sinh mà chẳng sinh, diệt mà chẳng diệt*”.

Hỏi: - Xưa kia, Di Lặc đã từng thấy chư Phật, từng nghe Pháp Hoa, có sao nghi ngờ thưa hỏi?

Đáp: - Do cơ nghi của đại chúng trong thuở đó cần phải được kích phát.

Phần thứ ba, “*rộng nêu những chuyện từng thấy để giải đáp*” đã xong.

1.2.1.1.5.1.4. Phán định phân minh để giải đáp

(Kinh) Kim kiến thử tướng, dữ bốn vô dị. Thị cố, duy thốn, kim nhật Như Lai đương thuyết Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)今見此瑞，與本無異。是故，惟忖，今日如來當說大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念」。

(Kinh: Nay thấy tướng lành này, chẳng khác thuở đó. Vì thế, tôi xét nghĩ, ngày nay Như Lai sẽ nói kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm).

Sáu tướng lành xưa và nay đã giống nhau, xét nghĩ quyết định chẳng sai: Đức Phật sẽ nói Đại Thừa, chắc chắn đó là tướng lành trước khi thuyết pháp. [Do bản kinh] có tên là Diệu Pháp Liên Hoa, chắc chắn trước đó có tướng lành mưa hoa. Pháp để dạy Bồ Tát, chắc chắn trước

đó có tướng lành đại chúng hoan hỷ. Do [kinh ấy] được Phật hộ niệm, chắc chắn trước đó có tướng lành cõi đất chấn động. Vì cách giải đáp là trước hết nêu ra dấu hiệu tương ứng, sau đó mới khẳng định. Do vậy, nay phán định rõ ràng để đại chúng nhất loạt hiểu rõ, chẳng ngờ. Huống chi đại thánh Văn Thù đã suy nghĩ trước rồi mới đoan quyết ư?

Phản Trường Hàng trong lời đáp đã xong.

1.2.1.1.5.2. Kệ tụng

Gồm hai phần: Một là phần kệ tụng nêu căn cứ các chuyện đã từng thấy để giải đáp. Hai là phần kệ tụng về lời giải đáp do phán định phân minh.

1.2.1.1.5.2.1. Kệ tụng nêu căn cứ các chuyện đã từng thấy để giải đáp

Chia thành hai phần: Một là kệ tụng về một đức Phật [và đức Phật hiện tại hiện tướng lành] giống nhau. Hai là kệ tụng về vị Phật cuối cùng [và đức Phật hiện tại hiện tướng lành] giống nhau, chẳng trùng tụng phần “suy xét và nêu bày đại lược”, chỉ trùng tụng phần nêu bày căn cứ. Nhưng trong phần [trùng tụng] về sự nêu bày căn cứ, chỉ trùng tụng vị Phật đầu tiên và cuối cùng, tinh lược các vị Phật trung gian là đã đủ hiển lộ ý nghĩa rồi, chẳng cần phải ruộm lời!

1.2.1.1.5.2.1.1. Kệ tụng về một đức Phật giống nhau

(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi ư đại chúng trung, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã niệm quá khứ thế, vô lượng vô số kiếp, hữu Phật nhân trung tôn, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Thế Tôn diễn thuyết pháp, độ vô lượng chúng sanh, vô số ức Bồ Tát, linh nhập Phật trí huệ.

(經)爾時，文殊師利於大眾中，欲重宣此義，而說偈言：「我念過去世，無量無數劫，有佛人中尊，號日月燈明。世尊演說法，度無量眾生，無數億菩薩，令入佛智慧。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Tôi nhớ đời quá khứ, vô

lượng vô số kiếp, có Phật nhân trung tôn¹³¹, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Thế Tôn diễn nói pháp, độ vô lượng chúng sanh, vô số ức Bồ Tát, khiến nhập trí huệ Phật).

Bài kệ tụng này nói về thời tiết, nhân duyên, danh hiệu, và thuyết pháp v.v...

1.2.1.1.5.2.1.2. Kệ tụng về vị Phật cuối cùng giống nhau

Chia thành ba phần: Một là kệ tụng về chuyện đã thấy giống hết như chuyện đã xảy ra trong hiện tại. Hai là kệ tụng về chuyện đã từng thấy giống như chuyện đang xảy ra trong hiện tại. Ba là kệ tụng về chuyện đã thấy giống như chuyện sẽ xảy ra trong hiện tại.

1.2.1.1.5.2.1.2.1. Kệ tụng về chuyện đã thấy giống như chuyện đã xảy ra trong hiện tại

(Kinh) Phật vị xuất gia thời, sở sanh bát vương tử, kiến đại thánh xuất gia, diệc tùy tu phạm hạnh.

(經)佛未出家時，所生八王子，見大聖出家，亦隨修梵行。

(Kinh: Lúc Phật chưa xuất gia, sanh ra tám vương tử, thấy đại thánh xuất gia, cũng theo tu phạm hạnh).

1.2.1.1.5.2.1.2.2. Kệ tụng về chuyện đã từng thấy giống như chuyện đang xảy ra trong hiện tại

Chia thành hai phần: Một là kệ tụng hiện điềm lành giống nhau. Hai là kệ tụng về nghi niệm giống nhau.

1.2.1.1.5.2.1.2.2.1. Kệ tụng điềm lành giống nhau

Lại chia thành hai phần: Một là kệ tụng sáu điều lành trong cõi này giống nhau. Hai là kệ tụng sáu điều lành trong cõi khác giống nhau.

¹³¹ Đây là một trong các đức hiệu của Phật. Trong nhân loại, đức Phật tôn quý nhất, thù thắng nhất. Vì thế gọi là Nhân Trung Tôn (bậc đáng tôn quý trong nhân loại).

1.2.1.1.5.2.1.2.2.1.1. Kệ tụng sáu điều lành trong cõi này giống nhau

(Kinh) Thời Phật thuyết Đại Thừa, kinh danh Vô Lượng Nghĩa, ư chư đại chúng trung, nhi vị quảng phân biệt. Phật thuyết thử kinh dĩ, tức ư pháp tòa thượng, gia phu tọa tam-muội, danh Vô Lượng Nghĩa Xứ. Thiên vũ Mạn Đà hoa, thiên cổ tự nhiên minh, chư thiên, long, quý thần, cúng dường Nhân Trung Tôn. Nhất thiết chư Phật độ, tức thời đại chấn động, Phật phóng mi gian quang, hiện chư hy hữu sự.

(經)時佛說大乘，經名無量義，於諸大眾中，而為廣分別。佛說此經已，即於法座上，加趺坐三昧，名無量義處。天雨曼陀華，天鼓自然鳴，諸天龍鬼神，供養人中尊。一切諸佛土，即時大震動，佛放眉間光，現諸希有事。

(Kinh: Phật nói kinh Đại Thừa, tên là Vô Lượng Nghĩa. Ở trong các đại chúng, vì họ rộng phân biệt. Phật nói kinh ấy xong, liền ngay trên pháp tòa, xếp bằng, nhập tam-muội, tên Vô Lượng Nghĩa Xứ. Trời mưa hoa Mạn Đà, trống trời tự nhiên vang. Chư thiên, rồng, quý thần, cúng dường Nhân Trung Tôn. Hết thấy các cõi Phật, lập tức chấn động lớn. Phật phóng quang giữa mày, hiện các chuyện hy hữu).

Trong bài kệ tụng, nêu ra chuyện trống trời tự vang tiếng, biểu thị chuyện Vô Ván Tự Thuyết (không ai hỏi mà tự nói) trong phẩm Phương Tiện. “Hiện các chuyện hy hữu” tức là trùng tụng chung các điều lành.

1.2.1.1.5.2.1.2.2.1.2. Kệ tụng sáu điều lành trong cõi khác giống nhau

Phân kinh văn Trường Hàng chỉ nói đại lược “*nư kim sở kiến thị chư Phật độ*” (như các cõi Phật được trông thấy trong hiện thời), phần kệ tụng này nói chi tiết. Dẫu lời văn tung hoành biên hóa, nói chung chẳng ra ngoài ý nghĩa sáu tướng lành.

(Kinh) Thử quang chiếu Đông phương, vạn bát thiên Phật độ, thị nhất thiết chúng sanh, sanh tử nghiệp báo xứ. Hữu kiến chư Phật độ, dĩ chúng bảo trang nghiêm, lưu ly, pha ly sắc, tư do Phật quang chiếu.

(經)此光照東方，萬八千佛土，示一切眾生，生死業報處。有見諸佛土，以眾寶莊嚴，琉璃玻璃色，斯由佛光照。

(Kinh: Quang ấy chiếu phương Đông, vạn tám ngàn cõi Phật, hiện hết thấy chúng sanh, chỗ sanh tử nghiệp báo. Thấy có các cõi Phật, dùng các báu trang nghiêm, lưu ly, màu pha lê, đều do Phật quang soi).

Đây là trùng tụng chuyện thấy tướng lành trong sáu đường nơi cõi ấy, lại còn hiển lộ kèm thêm các cõi tịnh uế bất đồng.

(Kinh) Cập kiến chư thiên, nhân, long, thần, Dạ Xoa chúng, Càn Thát, Khẩn Na La, các cúng dường kỳ Phật.

(經)及見諸天人，龍神夜叉眾，乾闥緊那羅，各供養其佛。

(Kinh: Và thấy các trời, người, rồng, thần, chúng Dạ Xoa, Càn Thát, Khẩn Na La, đều cúng dường Phật ấy).

Bài tụng này hiển thị trong sáu đường có căn cơ thuộc về Phật giới.

(Kinh) Hựu kiến chư Như Lai, tự nhiên thành Phật đạo, thân sắc như kim sơn, đoan nghiêm thậm vi diệu. Như tịnh lưu ly trung, nội hiện chân kim tượng, Thế Tôn tại đại chúng, phô diễn thâm pháp nghĩa.

(經)又見諸如來，自然成佛道，身色如金山，端嚴甚微妙。如淨琉璃中，內現真金像，世尊在大眾，敷演深法義。

(Kinh: Lại thấy các Như Lai, tự nhiên thành Phật đạo. Thân sắc như núi vàng, đoan nghiêm rất vi diệu. Như nơi lưu ly sạch, hiện hình tượng vàng ròng, Thế Tôn giữa đại chúng, phô diễn pháp nghĩa sâu).

Đây là trùng tụng về điều lành thấy đức Phật ấy và nghe Ngài thuyết pháp. “*Tự nhiên thành Phật đạo*”: Phương tiện đạo thì thêm dụng tâm tu tập. Phát chân đạo tức là tùy ý tự nhiên hợp với Lý. Tạng Phật (Phật trong Tạng Giáo) hể ngồi xuống thì tùy ý [vận dụng] ba mươi bốn tâm. Phật trong Thông Giáo thì một niệm tương ứng, chẳng cần phải vận dụng công sức. Diệu Giác trong Biệt Giáo và Viên Giáo vốn đạt được tương ứng, tự nhiên thành Phật đạo. Đó là Báo Thân. “*Lưu ly*” là Pháp Thân vốn thanh tịnh. “*Tượng vàng*” là ứng theo [tâm nguyện của] chúng sanh mà hiện hình. “*Thâm pháp nghĩa*” (Pháp nghĩa sâu) chính là Đốn Giáo Đại Thừa.

(Kinh) Nhất nhất chư Phật độ, Thanh Văn chúng vô số, nhân Phật quang sở chiếu, tất kiến bỉ đại chúng. Hoặc hữu chư tỳ-kheo, tại u sơn lâm trung, tinh tấn trì tịnh giới, do như hộ mình châu.

(經)一一諸佛土，聲聞眾無數，因佛光所照，悉見彼大眾。或有諸比丘，在於山林中，精進持淨戒，猶如護明珠。

(Kinh: Trong mỗi một cõi Phật, hàng Thanh Văn vô số, do Phật quang chiếu đến, đều thấy đại chúng đó. Hoặc có các tỳ-kheo, ở trong chốn núi rừng, tinh tấn giữ tịnh giới, như bảo vệ mình châu).

Đây là trùng tụng tướng lành đặc đạo của tứ chúng trong cõi kia. Nêu ra Thanh Văn để nói gộp chung tam thừa trong Tạng Giáo. Nêu ra tỳ-kheo để gộp chung tứ chúng. Hoặc hiểu bài kệ thứ hai nhằm nói về Lục Độ trong phần sau thì cũng được!

(Kinh) Hựu kiến chư Bồ Tát, hành Thí, Nhẫn Nhục đẳng, kỳ số như Hằng sa, tư do Phật quang chiếu. Hựu kiến chư Bồ Tát, thâm nhập chư Thiền Định, thân tâm tịch bất động, dĩ cầu vô thượng đạo. Hựu kiến chư Bồ Tát, tri pháp tịch diệt tướng, các u kỳ quốc độ, thuyết pháp cầu Phật đạo.

(經)又見諸菩薩，行施忍辱等，其數如恒沙，斯由佛光照。又見諸菩薩，深入諸禪定，身心寂不動，以求無上

道。又見諸菩薩，知法寂滅相，各於其國土，說法求佛道。

(Kinh: Lại thấy các Bồ Tát, hành trì Thí, Nhẫn Nhục... Số như cát sông Hằng, đều do Phật quang chiếu. Lại thấy các Bồ Tát, thâm nhập các Thiền Định, thân tâm lặng bất động, để cầu vô thượng đạo. Lại thấy các Bồ Tát, biết pháp tướng tịch diệt, đều ở trong nước mình, thuyết pháp cầu Phật đạo).

Đây là kệ tụng nói về tướng lành “hành Bồ Tát hạnh” trong cõi ấy. Lục Độ đã chung khắp bốn giáo, ắt Phương Đăng, Bát Nhã sẽ đều tương đồng giữa phương Đông và cõi này.

Phần kệ tụng thứ nhất về chuyện hiện tướng lành giống nhau đã xong.

1.2.1.1.5.2.1.2.2.2. Trùng tụng về nghi niệm giống nhau

(Kinh) Nhĩ thời, tứ bộ chúng, kiến Nhật Nguyệt Đăng Phật, hiện đại thần thông lực. Kỳ tâm giai hoan hỷ, các các tự tương vấn: “Thị sự hà nhân duyên?”

(經)爾時，四部眾，見日月燈佛，現大神通力。其心皆歡喜，各各自相問：「是事何因緣？」

(Kinh: Bấy giờ, bốn bộ chúng, thấy Nhật Nguyệt Đăng Phật, hiện sức đại thần thông, tâm họ đều hoan hỷ, ai nấy đều thắc mắc: “Chuyện này nhân duyên nào?”)

Phần thứ hai, trùng tụng về chuyện từng trông thấy giống như chuyện đang xảy ra trong hiện thời đã nói xong.

1.2.1.1.5.2.1.2.3. Kệ tụng về chuyện đã từng thấy giống như chuyện sẽ xảy ra trong hiện tại

Gồm năm phần: Một là kệ tụng [nêu rõ] do người đương cơ mà thuyết pháp. Hai là kệ tụng về thời tiết. Ba là kệ tụng về chuyện tuyên bố nhập diệt. Bốn là kệ tụng về chuyện thọ ký. Năm là kệ tụng về chuyện lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.1. Kệ tụng chuyện do người đương cơ mà thuyết pháp

(Kinh) Thiên nhân sở phụng tôn, thích tùng tam-muội khởi, tán Diệu Quang Bồ Tát: “Nhữ vi thế gian nhân, nhất thiết sở quy tín, năng phụng trì pháp tạng. Như ngã sở thuyết pháp, duy nhữ năng chứng tri”. Thế Tôn ký tán thán, linh Diệu Quang hoan hỷ, thuyết thị Pháp Hoa kinh.

(經)天人所奉尊，適從三昧起，讚妙光菩薩：「汝為世間眼，一切所歸信，能奉持法藏。如我所說法，唯汝能證知」。世尊既讚歎，令妙光歡喜，說是法華經。

(Kinh: Đấng trời người tôn phụng, vừa từ tam-muội xuất, khen Diệu Quang Bồ Tát: “Ông là mắt thế gian, mọi người tin, hướng về. Hay vâng giữ pháp tạng, như pháp của ta nói, chỉ mình ông chứng biết”. Thế Tôn đã tán thán, khiến Diệu Quang hoan hỷ, nói kinh Pháp Hoa này).

1.2.1.1.5.2.1.2.3.2. Trùng tụng về thời tiết

(Kinh) Mãn lục thập tiểu kiếp, bất khởi ư thử tòa, sở thuyết thượng diệu pháp, thị Diệu Quang pháp sư, tất giai năng thọ trì.

(經)滿六十小劫，不起於此座，所說上妙法，是妙光法師，悉皆能受持。

(Kinh: Trọn sáu mươi tiểu kiếp, chẳng rời chỗ ngồi đó, nói diệu pháp cao thượng, pháp sư Diệu Quang ấy, đều có thể thọ trì).

Sau khi nói xong Thí Thuyết Châu trong kinh văn thuộc phần sau, [đức Phật] liền bảo ngài Xá Lợi Phất rằng: “Vô trí nhân trung, mặc thuyết thử kinh” (Giữa những kẻ vô trí, đừng nói kinh này) v.v... Hãy nên biết Diệu Quang đều có thể thọ trì đúng như hiện thời Xá Lợi Phất nhận lãnh lời phó chúc của đức Phật.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.3. Trùng tụng về chuyện tuyên bố nhập diệt

(Kinh) Phật thuyết thị Pháp Hoa, linh chúng hoan hỷ dĩ, tầm tức ư thị nhật, cáo ư thiên nhân chúng: “Chư pháp Thật Tướng nghĩa, dĩ vị nhữ đẳng thuyết, ngã kim ư trung dạ, đương nhập ư Niết Bàn. Nhữ nhất tâm tinh tấn, đương ly ư phóng dật, chư Phật thậm nan trị, ức kiếp thời nhất ngộ”.

(經)佛說是法華，令眾歡喜已，尋即於是日，告於天人眾：「諸法實相義，已為汝等說，我今於中夜，當入於涅槃。汝一心精進，當離於放逸，諸佛甚難值，億劫時一遇」。

(Kinh: Phật nói kinh Pháp Hoa, khiến chúng hoan hỷ rồi, liền ngay trong hôm ấy, bảo các trời người rằng: “Nghĩa Thật Tướng các pháp, đã vì các ông nói, ta nay vào nửa đêm, sẽ nhập vào Niết Bàn. Ông nhất tâm tinh tấn, hãy lìa các buông lung, chư Phật rất khó gặp, ức kiếp gặp một lần”).

Trong kinh vẫn có tuyên bố sẽ nhập diệt và có chúc lụy. Chúc lụy giống như di giáo.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.4. Trùng tụng về chuyện thọ ký

(Kinh) Thế Tôn chư tử đẳng, văn Phật nhập Niết Bàn, các các hoài bi não: “Phật diệt nhất hà tốc?” Thánh chúa pháp trung vương, an ủy vô lượng chúng: “Ngã nhược diệt độ hậu, nhữ đẳng vật ưu bố, thị Đức Tạng Bồ Tát, ư vô lậu Thật Tướng, tâm dĩ đắc thông đạt. Kỳ thứ đương tác Phật, hiệu viết vi Tịnh Thân, diệt độ vô lượng chúng”.

(經)世尊諸子等，聞佛入涅槃，各各懷悲惱：「佛滅一何速？」聖主法中王，安慰無量眾：「我若滅度後，汝等勿憂怖，是德藏菩薩，於無漏實相，心已得通達。其次當作佛，號曰為淨身，亦度無量眾」。

(Kinh: Các con đức Thế Tôn, nghe Phật nhập Niết Bàn, ai nấy buồn áo não: “Sao Phật diệt nhanh vậy?” Thánh chúa vua các pháp, an ủi vô lượng chúng: “Như sau ta diệt độ, các người đừng lo sợ, Đức Tạng

Bồ Tát đây, với Thật Tướng vô lậu, tâm đã được thông đạt. Kế tiếp sẽ làm Phật, danh hiệu là Tịnh Thân, cũng độ vô lượng chúng”).

Trong kinh vẫn có nói tới chuyện buồn khóc, có an ủi, phủ dụ. Do [đại chúng] buồn khóc, cho nên [Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật] an ủi, phủ dụ. Do an ủi, phủ dụ, bèn thọ ký cho vị Bồ Xứ Phật, giống như vị Phật trong hiện tại (Thích Ca Mâu Ni Phật) giao phó chúng sanh chưa đắc độ cho ngài Di Lặc.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5. Kệ tụng về chuyện lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ

Lại chia thành ba phần: Một là kệ tụng về sự thị hiện diệt độ, cúng dường, tinh tấn. Hai là kệ tụng về lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ. Ba là kệ tụng tiêu kết, dung hội xưa nay.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5.1. Kệ tụng về sự thị hiện diệt độ, cúng dường, tinh tấn

(Kinh) Phật thử dạ diệt độ, như tân tận, hỏa diệt, phân bố chư xá-lợi, nhi khởi vô lượng tháp. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, kỳ số như Hằng sa, bội phục gia tinh tấn, dĩ cầu vô thượng đạo.

(經)佛此夜滅度，如薪盡火滅，分佈諸舍利，而起無量塔。比丘比丘尼，其數如恒沙，倍復加精進，以求無上道。

(Kinh: Đêm ấy, Phật diệt độ, như củi hết, lửa tắt, phân chia các xá-lợi, để dựng vô lượng tháp. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, số như cát sông Hằng, càng tinh tấn gấp bội, để cầu đạo vô thượng).

Phân Trường Hàng chỉ nói “nhập Niết Bàn”, kệ tụng kể thêm dựng tháp và tứ chúng tinh tấn cầu đạo. Đó gọi là “đối với kẻ đáng nên dùng Niết Bàn để đắc độ, liền hiện Niết Bàn để độ thoát họ”. “Tân tận, hỏa diệt” (Củi hết, lửa tắt): Tiểu Thừa coi cái thân quả báo là củi, trí huệ là lửa. Huệ nung vào báo thân, thân diệt thì trí mất, tức là hễ diệt bèn vĩnh viễn diệt. Đại Thừa coi căn cơ là củi, thích ứng căn cơ là lửa. Căn

cơ đặc độ của chúng sanh đã hết, thân ứng hiện bèn diệt, ứng hiện trọn khắp pháp giới, chẳng thể biết cùng tận được!

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5.2. Kệ tụng về lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ

(Kinh) Thị Diệu Quang Bồ Tát, phụng trì Phật pháp tạng, bát thập tiểu kiếp trung, quảng tuyên Pháp Hoa kinh. Thị chư bát vương tử, Diệu Quang sở khai hóa, kiên cố vô thượng đạo, đương kiến vô số Phật. Cúng dường chư Phật dĩ, tùy thuận hành đại đạo, tương kế đắc thành Phật, chuyển thứ nhi thọ ký. Tối hậu Thiên Trung Thiên, hiệu viết Nhiên Đăng Phật, chư tiên chi đạo sư, độ thoát vô lượng chúng. Thị Diệu Quang pháp sư, thời hữu nhất đệ tử, tâm thường hoài giải đãi, tham trước ư danh lợi. Cầu danh lợi vô yếm, đa du tộc tánh gia, khí xả sở tập tụng, phế vong, bất thông lợi. Dĩ thị nhân duyên cố, hiệu chi vi Cầu Danh, diệt hành chúng thiện nghiệp, đắc kiến vô số Phật. Cúng dường ư chư Phật, tùy thuận hành đại đạo, cụ Lục Ba La Mật, kim kiến Thích Sư Tử. Kỳ hậu đương tác Phật, hiệu danh viết Di Lặc, quảng độ chư chúng sanh, kỳ số vô hữu lượng.

(經)是妙光菩薩，奉持佛法藏，八十小劫中，廣宣法華經。是諸八王子，妙光所開化，堅固無上道，當見無數佛。供養諸佛已，隨順行大道，相繼得成佛，轉次而授記。最後天中天，號曰然燈佛，諸仙之導師，度脫無量眾。是妙光法師，時有一弟子，心常懷懈怠，貪著於名利。求名利無厭，多遊族姓家，棄捨所習誦，廢忘不通利。以是因緣故，號之為求名，亦行眾善業，得見無數佛。供養於諸佛，隨順行大道，具六波羅蜜，今見釋師子。其後當作佛，號名曰彌勒，廣度諸眾生，其數無有量。

(Kinh: Ngài Diệu Quang Bồ Tát, vâng giữ Phật pháp tạng, trong tám mươi tiểu kiếp, tuyên rộng kinh Pháp Hoa. Tám vị vương tử đó, được Diệu Quang khai hóa, đạo vô thượng kiên cố, được thấy vô số

Phật. Đã cúng dường chư Phật, tùy thuận hành đại đạo, nối tiếp nhau thành Phật, lần lượt thọ ký nhau. Thiên Trung Thiên cuối cùng, hiệu là Phật Nhiên Đăng, đạo sư của các tiên¹³², độ thoát vô lượng chúng. Pháp sư Diệu Quang ấy, có một vị đệ tử, thường ôm lòng biếng nhác, tham đắm nơi danh lợi. Cầu danh lợi chẳng chán, thường đến nhà quyền quý, buông bỏ việc tu tập, quên bẵng, chẳng thông suốt. Do bởi nhân duyên ấy, được gọi là Cầu Danh, cũng hành các thiện nghiệp, được thấy vô số Phật. Cúng dường các đức Phật, tùy thuận hành đại đạo, trọn Lục Ba La Mật, nay thấy Thích Sư Tử. Sau này sẽ làm Phật, danh hiệu là Di Lặc, rộng độ các chúng sanh, số lượng chẳng chừng hạn).

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5.3. Kệ tụng tiểu kết, dung hội xưa nay

(Kinh) Bĩ Phật diệt độ hậu, giải đãi giả nhữ thị, Diệu Quang pháp sư giả, kim tắc ngã thân thị.

(經)彼佛滅度後，懈怠者汝是，妙光法師者，今則我身是。

(Kinh: Phật ấy diệt độ rồi, kẻ lười nhác là ông, còn pháp sư Diệu Quang, nay chính là thân tôi).

Phần thứ nhất, kệ tụng nêu cặn kẽ những chuyện đã trông thấy để trả lời đã xong.

1.2.1.1.5.2.2. Kệ tụng phán đoán phân minh để giải đáp

Gồm ba đoạn: Một là kệ tụng nói kinh Pháp Hoa. Hai là kệ tụng về pháp để dạy hàng Bồ Tát. Ba là kệ tụng về chuyện được Phật hộ niệm.

1.2.1.1.5.2.2.1. Kệ tụng nói kinh Pháp Hoa

(Kinh) Ngã kiến Đăng Minh Phật, bốn quang thụy như thử, dĩ thị tri kim Phật, dục thuyết Pháp Hoa kinh.

¹³² Chú thích của pháp sư Phổ Hành: “Tiên ở đây phải hiểu là người tu hành. Bát Nhã Đăng Luận viết: - Các vị Thanh Văn, Bồ Tát v.v... đều được gọi là Tiên”.

(經)我見燈明佛，本光瑞如此，以是知今佛，欲說法華經。

(Kinh: Tôi thấy Phật Đăng Minh, tướng sáng lành như thế, bèn biết Phật hiện thời, muốn nói kinh Pháp Hoa).

1.2.1.1.5.2.2.2. Kệ tụng về pháp để dạy hàng Bồ Tát

(Kinh) Kim tướng như bốn thủy, thị chư Phật phương tiện, kim Phật phóng quang minh, trợ phát Thật Tướng nghĩa. Chư nhân kim đương tri: Hiệp chưởng nhất tâm đĩ, Phật đương vũ pháp vũ, sung túc cầu đạo giả.

(經)今相如本瑞，是諸佛方便，今佛放光明，助發實相義。諸人今當知：合掌一心待，佛當雨法雨，充足求道者。

(Kinh: Tướng nay giống điểm xưa, phương tiện của chư Phật, nay Phật phóng quang minh, giúp bày nghĩa Thật Tướng. Mọi người hãy nên biết: Chắp tay một dạ chờ, Phật sẽ tuôn mưa pháp, thấm trọn người cầu đạo).

1.2.1.1.5.2.2.3. Kệ tụng về sự hộ niệm của Phật

(Kinh) Chư cầu tam thừa nhân, nhược hữu nghi hối giả, Phật đương vị trừ đoạn, linh tận vô hữu dư.

(經)諸求三乘人，若有疑悔者，佛當為除斷，令盡無有餘」。

(Kinh: Người cầu pháp tam thừa, nếu nghi ngờ, hối hận, Phật sẽ trừ dứt cho, hết sạch chẳng còn sót).

Trong phần kinh văn trước đó, ngài Di Lặc đã giải trừ bốn điều cật vấn, khiến cho ngài Văn Thù ắt phải đáp. Trong phần phán đoán phân minh để giải đáp này, ngài Văn Thù cũng đoạn trừ bốn nghi vấn ngấm ngầm, khiến cho Di Lặc chẳng còn thắc mắc nữa:

1) Mỗi nghi thứ nhất, do ngài Văn Thù nêu cặn kẽ chuyện quá khứ Phật đã từng nói Pháp Hoa, cho nên ngài Di Lặc thâm nghi, toan hỏi: “Chư Phật thuận theo các duyên, người và thời đều khác nhau. Tuy cổ Phật đặt tên kinh là Pháp Hoa, chắc gì vị Phật hiện nay cũng gọi như thế?” Văn Thù bèn dùng bài kệ thứ nhất để đoạn nghi: “*Ngã kiến Đẳng Minh Phật, bốn quang thụy như thử. Dĩ thị tri kim Phật, dực thuyết Pháp Hoa kinh*” (Tôi thấy Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật vốn có tướng quang minh tốt lành như thế. Do vậy biết đức Phật trong hiện thời cũng muốn nói kinh Pháp Hoa). Đây là đoạn trừ nghi niệm đối với danh hiệu của kinh.

2) Do vậy, ngài Di Lặc lại nghi: “Vốn có danh đồng, nghĩa đồng, mà cũng có danh đồng, nghĩa khác. Tên gọi này nhằm hiển thị, chuốc vời điều gì vậy?” Ngài Văn Thù liền dùng bài kệ thứ hai để đoạn nghi: “*Kim tướng như bốn thụy, thị chư Phật phương tiện, kim Phật phóng quang minh, trợ phát Đệ Nhất Nghĩa*” (Tướng trong hiện thời giống như điềm lành xưa kia, đó là phương tiện của chư Phật. Nay đức Phật phóng quang minh để giúp phát khởi Đệ Nhất Nghĩa). Đây là đoạn trừ nghi niệm về Thế.

3) Ngài Di Lặc lại nghi: “Thật Tướng vô tướng, ai có thể lãnh hội được?” Ngài Văn Thù liền dùng bài kệ thứ ba để đoạn nghi: “*Chư nhân kim đương tri: Hiệp chương, nhất tâm đãi, Phật đương vũ pháp vũ, sung túc cầu đạo giả*” (Mọi người hãy nên biết: Chắp tay, nhất tâm chờ, Phật sẽ tuôn mưa pháp, khiến cho người cầu đạo được trọn đủ). Đó là đoạn nghi về Tông.

4) Nhân đó, ngài Di Lặc lại nghi: “Phật tuôn mưa pháp, chỉ nhằm nhuần thấm Bồ Tát, hay là cũng thấm nhuần Nhị Thừa vậy?” Ngài Văn Thù liền dùng bài kệ thứ tư để đoạn nghi: “*Chư cầu tam thừa nhân, nhược hữu nghi hối giả, Phật đương vị trừ đoạn, linh tận vô hữu dư*” (Những người cầu pháp tam thừa, nếu có ngờ vực, hối hận, Phật sẽ vì họ đoạn trừ, khiến cho những điều ấy hết sạch, chẳng còn sót). Đó là đoạn nghi về Dụng.

Ngài Di Lặc nhiều phen sanh nghi, ngài Văn Thù nhiều lượt đoạn nghi. Sự đã cùng, Lý đã tận, liền đạt được bốn hoài, trọn đủ hai món trang nghiêm! (“Sự đã cùng” tức là ba điều nghi đối với tên kinh, Tông, và Dụng, “Lý tận” là Thế đã được hiển). Trong chương khai Quyền hiển Thật của Tích Môn.

Phần thứ nhất là Tự Phần đã xong.

2. Phương Tiện Phẩm Độ Nhị

方便品第二

Phẩm thứ hai: Phương Tiện

Phẩm này thuộc vào phần Chánh Tông của kinh này. Vạn pháp đều dung hội. Chúng Tín là nhằm chứng thực điều này. Phát Khởi nhằm phát khởi điều này. Thí Dụ nhằm sánh ví điều này. Cho đến Lưu Thông, cũng nhằm lưu thông điều này!

Giải thích phẩm này chia thành hai phần: Trước là nói đại lược, sau là nói chi tiết.

Phần nói đại lược cũng chia thành hai đoạn: Trước là chánh thích (phần giải thích chánh yếu), sau là liệu giản (phán định nhằm loại trừ).

Phần Chánh Thích gồm ba điều:

- Một, “*Phương là phương pháp, Tiện là Dụng (tác dụng)*”. Pháp cũng có vuông, tròn; Dụng thì có phù hợp hay chẳng phù hợp. Tam thừa quyền biến là thước vuông, là vuông vắn¹³³, Nhất Thật là thước tròn, là tròn trặn. Nếu trí hướng theo khuôn khổ, sẽ là khéo dụng pháp thiên lệch để phù hợp căn cơ của chúng sanh. Nếu trí hướng đến sự viên dung thì khéo dùng pháp viên dung để phù hợp căn cơ của chúng sanh. Như kinh này khiến cho [chúng sanh] lìa các chấp trước, thoát khỏi nỗi khổ trong tam giới. Vì thế, Như Lai ân cần xưng dương, tán thán phương tiện; bởi lẽ, thuận theo lòng mong muốn của chúng sanh thì chẳng phải là bản hoài của Phật. Cách [hiểu chữ Phương Tiện theo kiểu] này có thể dùng để giải thích các kinh khác, chẳng đúng với ý nghĩa của phẩm này!

- Hai, nếu nói Phương Tiện là Môn. Môn là “*có thể thông*”, thông tới điều được thông. Phương tiện quyền biến đại lược đều làm cửa [để thông vào] chân thật. Chân thật được hiển lộ nhờ công của phương tiện. Từ [công năng] hiển lộ mà có tên như vậy. Vì thế, dùng Môn để giải thích Phương Tiện. Như kinh này mở cửa phương tiện để chỉ bày tướng chân thật. Nghĩa này có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải là ý của phẩm này.

- Ba, nếu nói Phương là Bí (bí mật), Tiện là diệu. Nơi Tích thì thành bí mật, nay khai bày Tích, [điều bí mật ấy] sẽ trở thành diệu, khéo thông đạt các phương, chính là “*bí mật thật sự*”: Chỉ ra bảo châu vô giá

¹³³ Ý nói sự quyền biến của tam thừa do thích hợp với từng loại căn cơ, cho nên không thể dung nạp hết thấy mọi căn tánh, hoặc dung thông với mọi hoàn cảnh được, giống như thước vuông có góc cạnh, không thể đặt vào đâu cũng phù hợp được!

trong áo lót, trao thưởng viên châu duy nhất trên đỉnh đầu nhà vua, chẳng hai, chẳng khác. Chỉ rõ kẻ làm khách là con ông trưởng giả, cũng chẳng hai, chẳng khác. Phương tiện và Môn chính là bí diệu, như kinh này dạy: *“Duy ngã tri thị tướng, thập phương Phật diệt nhiên. Chỉ chi bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư”* (Chỉ ta biết tướng này, mười phương Phật cũng thế. Thôi đi, chẳng cần nói; pháp ta màu nhiệm khó nghĩ được). Vì thế, dùng Bí để giải thích Phương, dùng Diệu để giải thích Tiệm thì sẽ đúng ý của phẩm này.

Kế đó là Liệu Giản:

- Cách giải thích thứ nhất chính là phương tiện ở ngoài Thể, là sự quyền biến nhằm giáo hóa chúng sanh, thuận theo ý người khác để nói. Cách giải thích thứ hai, cũng là phương tiện ở ngoài Thể, là quyền biến hòng tự hành và hóa độ người khác, cũng là thuận theo ý người khác mà nói. Cách giải thích thứ ba là đồng thể phương tiện, tức là sự quyền biến để tự hành, thuận theo ý của chính mình mà nói.

- Lại nữa, cách giải thích Phương Tiệm thứ nhất, chẳng phải là *“năng nhập”* (chủ thể tiến nhập), chẳng phải là *“sở nhập”* (đối tượng được tiến nhập). Cách giải thích Phương Tiệm thứ hai là năng nhập, chẳng phải là sở nhập. Cách giải thích Phương Tiệm thứ ba là năng nhập, [mà cũng là] sở nhập.

- Lại nữa, cách giải thích Phương Tiệm thứ nhất là Bí, chẳng phải là Diệu. Cách giải thích Phương Tiệm thứ hai là Bí, có thể nhập Diệu. Cách giải thích Phương Tiệm thứ ba thì Bí chính là Diệu. Xét ra, trong kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm này được gọi là phẩm Thiện Quyền, Quyền tức là phương tiện, chẳng hai, chẳng khác. *“Cúi đầu, giơ tay, đều thành Phật đạo”* chính là phương tiện khéo léo, quyền biến.

Phân giải thích đại lược đã xong.

Kế đó là giải thích căn kẽ; [đối với các ý kiến của tổ Trí Giả nhằm] đả phá luận thuyết của các vị cổ đức, tôi chẳng sao lược. Phẩm này là phương tiện của Như Lai, thâm nhiếp hết thảy các pháp như Không chứa đựng Sắc, như biển thâm nạp các dòng, há có thể chỉ dùng một dòng, một nhánh để giải thích sự to lớn của pháp giới được ư? Nay nói về Quyền và Thật, trước hết lập ra bốn câu, tức là: *“Hết thảy các pháp đều là Quyền. Hết thảy các pháp đều là Thật. Hết thảy các pháp đều vừa là Quyền, vừa là Thật. Hết thảy các pháp đều chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật”*.

“Hết thảy các pháp đều là Quyền”: Như kinh văn dạy *“tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, bốn mặt”* v.v... của pháp giới

là như thế. Những lời lẽ như vậy đều là Quyền (những lời nói về Hữu sẽ chẳng ra ngoài bách giới thiên như).

“*Hết thấy các pháp là Thật*”: Như kinh văn nói Như Lai khéo nói các pháp đẹp lòng mọi người. Tâm mọi người coi chuyện “*nhập Thật*” là điều vui sướng (có nghĩa là “phù hợp căn cơ”). Lại nói “*các pháp vốn thường là tướng tịch diệt*” (cội gốc của các pháp). Lại nói “*lời của Như Lai nói đều nhằm đạt tới địa vị Nhất Thiết Trí*” (cốt lõi của hóa nghi). Lại nói “*đều là chân thật, chẳng dối*” (cội nguồn của bốn hạnh). Đại kinh lại nói “*bốn câu đều chẳng thể nói*” (quên mất Lý nơi giáo, các kinh văn đều coi “*nhập Chứng*” là Thật; cho nên biết “*có nói*” hay “*chẳng nói*”, không gì chẳng đều lấy chân thật làm gốc).

“*Hết thấy các pháp đều vừa là Quyền, vừa là Thật*”: Như kinh văn nói “*tướng như thật của các pháp*” chính là để nói rõ hết thấy vừa là Quyền vừa là Thật. Chẳng hạn như Bát Tịnh Quán vừa là thật, vừa là hư (do đối trị dục nên là Thật. Do tướng [dục là] hư giả nên là Hư. Chỉ một phép Quán này mà đã là vừa thật vừa hư, nào ngại pháp nào cũng vừa thật vừa hư).

“*Hết thấy các pháp đều chẳng phải Quyền, chẳng phải Phật*”: Như kinh văn nói: “*Phi như, phi dị*” (Chẳng phải như, chẳng phải khác). Lại nói: “*Diệc phục bất hành thượng, trung, hạ, pháp hữu vi, vô vi, thật, bất thật pháp, phi hư, phi thật, như Thật Tướng dã*” (Cũng lại chẳng hành pháp thượng, trung, hạ, pháp hữu vi, vô vi, thật, bất thật, chẳng hư, chẳng thật, như Thật Tướng). Nếu hết thấy các pháp đều là Quyền, có gì chẳng bị phá? Dẫu cho trăm ngàn vị sư, mỗi vị sư lập ra trăm ngàn thuyết, không gì chẳng phải là Quyền! Những điều do Như Lai đã nói còn là Quyền, huống hồ [các ngôn thuyết của] các vị sư trong loài người há chẳng phải là Quyền ư? Nếu hết thấy các pháp đều là Thật, lại có gì chẳng bị phá? Chỉ có một sự thật này, hai điều khác đều chẳng thật, chỉ là một đạo cứu cánh, há có nhiều đạo cứu cánh ư? Các kiến giải khác biệt của các sư đều nhằm phá chuyện “*nhập Thật*”, há còn bảo vệ hang ổ đó ư? Nếu hết thấy các pháp đều vừa là Quyền vừa là Thật, lại còn có gì chẳng bị phá? Hết thấy đều có Quyền, có Thật, vậy thì tự là một đường, chẳng phải là cách hiểu nào khác! Trong mỗi pháp, đều có Quyền và Thật, há có nên cứ một mực là Quyền, hay một mực là Thật? Nếu hết thấy các pháp đều chẳng phải là Quyền, mà cũng chẳng phải là Thật, có gì chẳng bị phá, còn phân vân chi nữa? Cưỡng sanh kiến lập, thẳng thừng nêu tên, mà còn là như thế, huống hồ luận định chỉ thú ư? Căn hiểu bốn câu ấy chỉ là một pháp tánh. Pháp tánh chỉ là Chân Như Thật

Tương như như Niết Bàn. Do Thể của pháp tánh chẳng trái nghịch các pháp, chẳng thọ các pháp, chẳng trụ trong các pháp, chẳng vào trong các pháp. Vì thế, mỗi một danh tự, mỗi một tâm pháp, mỗi câu kệ, mỗi nhân quả, mỗi mỗi phàm thánh, mỗi mỗi y báo và chánh báo, cho đến “*thập song*” (mười cặp định luận Quyền Thật) trong phần sau, không gì chẳng phải là pháp giới, tự tại vô ngại. Nghĩa này có thể thành tựu, nói cạn kể thì như trong mười môn Bát Nhị đã nói, dù gốc hay ngọn, Thể và Lý chẳng khác. Nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói, chiếu tánh chẳng xa, tự tại vô cùng. Dẫu vô cùng, chẳng ra ngoài bốn câu. Bốn câu chẳng có câu, không có câu mà là câu, câu nào cũng đều riêng thâm nhiếp mười phương Phật pháp. Nhưng bốn câu trong mỗi giáo trước thời Pháp Hoa, câu nào cũng đều chưa diễn tả thông suốt [bốn hoài của Phật], cho đến hội này bèn là “*một vị chẳng khác*”. Cụ thể như trong phẩm Dược Thảo Dụ, sai khác chính là chẳng sai khác, chẳng sai khác chính là sai khác. Đây chính là câu thứ ba “*vừa Quyền, vừa Thật*” được tách thành mười pháp. Đối với mười pháp ấy, sẽ có tám lượt giải thích:

- Một là nêu tên.
- Hai là sanh khởi.
- Ba là giải thích.
- Bốn là dẫn chứng.
- Năm là gom mười môn ấy thành ba loại Quyền Thật.
- Sáu là phân biệt ba loại Quyền Thật chiếu soi ba loại Nhị Đế.
- Bảy là dựa theo các kinh đề phán định Quyền Thật.
- Tám là dựa theo Bốn Tích đề phán định Quyền Thật.

(Chia thành từng chương để giải thích riêng biệt là vì đã biết các pháp dung nhập trọn khắp lẫn nhau. Nêu ra Thật thì ngay trong Thật có Quyền. Đó là nói “*dùng Quyền ấy làm phẩm Phương Tiện*”. Nêu ra Quyền thì chính là Quyền chẳng thể nghĩ bàn. Quyền ấy có Thật, bèn dùng cái Quyền ấy gọi là phẩm Phương Tiện. Nêu ra “*vừa Quyền, vừa Thật*”, thì mỗi đẳng đều có chỗ hướng về. Đây chính là sự tương tức (Thật chính là Quyền, Quyền chính là Thật) trong “Quyền, Thật” nơi Tích, thâm nhiếp ba thứ “Quyền, Thật” nơi Tích. Vì thế, dùng ngay phương tiện chân thật để làm phẩm Phương Tiện. Nêu ra “*chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*” thì chỉ là lý phương tiện. Lý gồm thâm ba câu (“là Quyền”, “là Thật”, “vừa là Thật vừa là Quyền”) đều là phẩm Phương Tiện. Đây chính là câu nào cũng đều trọn khắp, đều là phẩm Phương Tiện, cần gì phải riêng đối với câu thứ ba “*vừa Quyền, vừa Thật*” lại tách ra thành mười pháp: Một là danh tiện, do trọn đủ Quyền

và Thật. Hai là nghĩa tiện, do thâm nhiếp trọn khắp. Các câu khác là nghĩa tiện, nhưng chẳng gọi là Tiện. Ba điều khác tuy có nghĩa Quyền, nhưng danh xưng Quyền chẳng được như trong câu thứ ba, từ ngay nơi tên gọi đã trọn đủ [ý nghĩa Quyền]. Dùng “ngay nơi Thật mà là Quyền” ấy để tạo thành phẩm này.

Vì thế, đối với mười cặp [phán định Quyền Thật] trong phần sau, cặp nào cũng đều trọn đủ danh tướng Quyền và Thật, đều lấy “từ ngay nơi Thật mà là Quyền” làm phẩm Phương Tiện. Huống chi, phần giải thích tổng quát ba cặp đầu đều bao trùm tám môn (nêu tên, sanh khởi, giải thích v.v...) trong phần luận định về mười cặp ấy. Nếu chẳng phải là như thế, sẽ chẳng phải là Sự Lý phương tiện cho đến Tất Đàn, chẳng phải là liệt kê tên gọi của pháp tướng trong phương tiện, cho đến chẳng phải là mười nghĩa thuộc về Bốn Tích trong kinh này. Mười nghĩa chẳng hai, nhưng Bốn Tích dường như sai khác. Bốn và Tích tuy khác, nhưng đều chẳng nghĩ bàn giống hệt như nhau. Tướng của mười nghĩa khác biệt, nhưng Thật Tướng như nhau. Do vì chúng sanh [căn tánh khác biệt], mà nêu tên và sanh khởi, cho đến Bốn Tích, Lý Sự, thậm chí Tất Đàn khác nhau. Hễ hiểu ý sẽ quên lời, giải thoát khỏi ngôn thuyết. Nếu thấy được ý này, sẽ thường im lặng mà thường nói, lời nói và xử sự chẳng trái nghịch. Lại còn dùng ý chỉ ấy làm cảnh để quán, khiến cho thấy rõ ràng cảnh được quán. Các lời giải thích khác thiếu khuyết chính ở chỗ này! Nhưng trong tám môn ấy (nêu tên, sanh khởi, giải thích v.v...), bảy môn đầu thuộc về Tích Môn, môn thứ tám thuộc về Bốn Môn. Tuy chưa đến phần Bốn Môn [của kinh Pháp Hoa], nhưng lý Quyền Thật đã trọn khắp. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Thị ngã phương tiện, chư Phật diệc nhiên*” (Là phương tiện của ta, chư Phật cũng thế). Vì thế, danh xưng Phương Tiện thông với Bốn lẫn Tích.

Lại nữa, tám môn ấy có thứ tự theo ý nghĩa như sau: Nếu chẳng “nêu tên”, sẽ chẳng có gì để giải thích. Nếu chẳng “sanh khởi”, sẽ mê muội nơi thứ tự được diễn nói. “Giải thích” nhằm chỉ bày tướng trạng của phần luận định mười cặp Quyền Thật. “Dẫn chứng” nhằm ngăn ngừa kẻ chẳng tin. “Kết quy” nhằm chỉ rõ nguyên ý của phẩm này. “Phân biệt” là khiến cho phần giải thích phẩm này có chỗ quy kết. Phần giải thích phán định nhằm biết chỗ tồn tại của thô và diệu. Như thế thì mới tỏ lộ ý chỉ sâu xa của phẩm này được. Lại biện định sẵn về Bốn Tích, khiến cho [người nghe] biết Quyền, Thật, Tự, Tha nơi Bốn địa thì mới tỏ lộ sự giáo hóa to lớn nơi Tích là lâu xa hay gần đây).

[Nói tường tận thì tám môn ấy như sau]:

1) Nêu tên:

[Mười cặp luận định về Quyền Thật thì] một là Sự Lý Quyền Thật; hai là Lý Giáo Quyền Thật; ba là Giáo Hạnh Quyền Thật; bốn là Phược Thoát (trói buộc và giải thoát) Quyền Thật; năm là Nhân Quả Quyền Thật; sáu là Thể Dụng Quyền Thật; bảy là Tiệm Đốn Quyền Thật; tám là Khai Hợp Quyền Thật; chín là Thông Biệt Quyền Thật; mười là Tất Đàn Quyền Thật.

2) Sanh khởi:

Từ cái gốc là Vô Trụ mà lập ra hết thảy các pháp. Vô Trụ là Lý. Hết thảy các pháp là Sự. Do Lý và Sự mà có Giáo. Do Giáo mà có Hạnh. Do Hạnh mà có trói buộc và giải thoát. Do giải thoát mà thành nhân quả. Từ quả mà Thể hiện hiện công năng, tác dụng. Do Dụng mà có sự giáo hóa Tiệm hay Đốn. Do tách ra thành Tiệm và Đốn, mà có khai hợp (tách ra hay gộp lại). Từ khai hợp mà có lợi ích thông hay biệt. Do lợi ích có thông và biệt, mà phân biệt hai loại lợi ích. Do phân biệt hai loại lợi ích, cho nên có Tứ Tất Đàn. (Trong mười cặp này, năm cặp đầu là từ nhân tới quả; năm cặp sau là tác dụng thù thắng sẵn có nơi cái quả. Trong cái nhân, nếu chẳng có bốn điều đầu thì ý nghĩa của nhân sẽ nông cạn, hẹp hòi. Nếu chẳng có năm điều sau, tác dụng của quả sẽ thô thiển, nông cạn. Trong ấy, giáo chính là thánh hóa (sự hóa độ của bậc thánh, tức sự giáo hóa của Phật), lại còn dựa theo người tiếp nhận mà đặt tên).

Lại nữa, tuy kinh văn nêu lên người có thể giáo hóa, nhưng phải xét theo người được hóa độ để hiểu nghĩa. Vì thế, trong năm cặp sau, đối với Thể và Dụng, chỉ dùng một cặp tương ứng với người được hóa độ, bốn cặp kia do dựa theo người có thể hóa độ mà lập danh. Điều này lại tương đồng với mười diệu nghĩa. Nếu chẳng như thế, ai sẽ biết phương tiện cần phải có đủ mười pháp? Ai biết mười pháp có ý nghĩa trọn khắp trong một kinh? Nếu không có mười pháp, sẽ trở thành kinh văn chẳng nói đến nhân quả cũng như người hóa độ và kẻ được hóa độ! Vì thế, dùng mười cặp [để giảng giải Phương Tiện] thì các điều trọng yếu tốt bậc sẽ được thấu hiểu tận cùng.

“*Phương*” chính là mười cặp [luận định Quyền Thật] trong kinh này. Nếu như thế, kinh này từ đầu đến cuối đều gọi là “*phương tiện*”. Lại còn chỉ ra những điều đã dạy trước kia đều là lập bày [để dẫn dụ về Nhất Thật] thì mới có thể nói đến phương tiện trong kinh này. Vì thế biết: Chúng Tín trong Tự Phần nhằm phát khởi phương tiện. Thí Dụ chỉ là phương tiện để so sánh, nhân duyên chỉ là phương tiện xưa kia, Bôn Môn chỉ là phương tiện lâu xa. Lưu Thông chỉ là phương tiện để chur

Phật, Bồ Tát hoằng thông giáo pháp. Do là phương tiện, cho nên gọi là “*chân thật*”. Nếu hiểu được ý ấy, sẽ như nhìn vào trái cây trong bàn tay, do một bộ kinh Pháp Hoa mà có thể biết cái tâm, trong khoảng sát-na bèn thấu hiểu giáo môn trong suốt một đời đức Phật. Nhân quả, tự tha, gộp thành một pháp. Mười phương, ba đời, chẳng ôm lòng mong cầu chi khác. Dùng mười pháp thừa (mười cặp luận định Quyền Thật) để quan sát, sẽ có chỗ đặt chân nơi Pháp Hoa tam-muội. Đường tu vô thượng Phật quả sẽ có thể hy vọng.

3) Giải thích:

- Một là Lý Sự Quyền Thật. Lý là Chân Như. Chân Như vốn tịnh, đâu có Phật hay chẳng có Phật, vẫn thường hằng, chẳng đổi khác. Vì thế, gọi Lý là Thật. Sự là tâm, ý, thức v.v... dấy lên nghiệp tịnh hay bất tịnh, thay đổi, chuyển dời bất định. Vì thế, gọi Sự là Quyền. Nếu chẳng có Lý, sẽ không có gì để lập Sự. Nếu chẳng có Sự, sẽ không thể hiển thị Lý. Sự có công năng hiển thị Lý. Vì thế, ân cần khen ngợi Phương Tiện (ai chịu coi các thứ như tâm hữu lậu trong tam giới v.v... là phẩm Phương Tiện được Như Lai khen ngợi? Nếu chẳng như thế, ý nghĩa “*vì chúng sanh*” đặt ở chỗ nào? Ngôn từ về tướng thế gian sẽ giải thích như thế nào đây?)

- Hai là Lý Giáo Quyền Thật. Lý Sự trên đây được gọi chung là Lý. Chẳng hạn như Chân và Tục đều gọi là Đế. Chư Phật do thấu hiểu [Lý Sự ấy] mà thành thánh. “*Thánh*” là “*chân chánh, chân thật*”, muốn dùng pháp của chính mình để độ chúng sanh. Do Lý mà lập Giáo, Giáo chính là Quyền. Chẳng có Giáo, sẽ không có gì để hiển lộ Lý. Vì thế, Như Lai ca ngợi Phương Tiện (từ vô minh pháp tánh cho đến hết thấy các pháp thuộc giới ngoại đều là các điều được diễn nói. Tâm, ý, thức được gọi là Thể vì trọn đủ hết thấy các pháp thuộc giới ngoại. Ai biết giáo pháp của kinh Pháp Hoa dùng các pháp như thế ấy để diễn nói? Nếu chẳng như vậy, Nghiêm vương (vua Diệu Trang Nghiêm) tà kiến, Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) ác nghịch, sẽ do đâu mà có? Quả giáo¹³⁴ luận về điều này, người diễn nói cũng là Quyền. Vì thế, biết giáo này chỉ nhằm

¹³⁴ Theo lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, Quả Giáo hiểu đơn giản chính là dùng sự giác ngộ nơi quả địa thù thắng làm cái tâm tu hành cho chúng sanh trong khi tu nhân. Nói cách khác, chỗ phát xuất để tu hành trong quả giáo chính là từ cái quả do mười phương Như Lai đạt được. Chẳng hạn như dùng Tịnh Độ để xét thì Phật hiệu chính là danh hiệu nơi quả đức của Phật, là sự kết tinh của giác ngộ, là bản thể chân tâm của chư Phật, cho nên trì danh hiệu Phật chính là trực tiếp huân tập Phật quả vào trong tâm của chính mình. Vì thế, pháp môn Tịnh Độ gọi là Quả Giáo.

nói lý này. Chẳng do kinh này, ai sẽ chịu khen ngợi phẩm Phương Tiệm này là giáo pháp chỉ ra chỗ mê? Nếu chẳng như vậy, đức Phật từ tam-muội khởi, sẽ tán thán điều gì vậy?)

- Ba là Giáo Hạnh Quyền Thật. Nương vào Giáo để cầu Lý, sẽ sanh ra chánh hạnh. Do Hạnh có tiến nhập sâu hay cạn khác nhau; vì thế, Hạnh được gọi là Quyền. Giáo chẳng có tiến nhập sâu hay cạn khác biệt; vì thế, gọi là Thật. Chẳng có Giáo, sẽ không có gì để lập Hạnh; chẳng có Hạnh, lấy gì để lãnh hội Giáo? Do Hạnh mà hiểu Giáo. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm (nếu chẳng như vậy, các môn như Phương Tiệm Ba La Mật v.v... của Như Lai làm sao chứng được?)

- Bốn là Phước Thoát Quyền Thật. Hạnh trái nghịch Lý, sẽ bị trói buộc (phước, 縛). Trói buộc là hư vọng; vì thế, gọi là Quyền. Hạnh thuận Lý, sẽ sanh ra Giải, Giải ngầm ứng hợp với Lý. Vì thế, gọi Thật (trong các kinh, bậc Địa Tiên (Bồ Tát chưa đạt đến Sơ Địa) vẫn là trái Lý; vì chưa nhận biết Quyền. Riêng kinh này chỉ rõ “*không gì chẳng phải là cái nhân thành Phật*” hòng hiển thị Thật). Chẳng trói buộc, sẽ không do đâu mà cầu giải thoát. Được giải thoát là nhờ bị trói buộc, như nhờ xác chết mà vượt biển¹³⁵. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm (ai biết trong kinh này, đức Phật cũng coi ác hạnh cũng là phương tiện thiện xảo? Thí dụ về xác chết áp dụng cho hết thấy).

- Năm là Nhân Quả Quyền Thật. Nhân có tác dụng tiến nhập tạm thời, nên gọi là Quyền. Quả nhất định vĩnh viễn chứng vào lúc cuối cùng, nên gọi là Thật. Chẳng có quả thì nhân sẽ chẳng có gì để mong mỏi. Không có nhân, quả sẽ chẳng thể tự hiển hiện được. Quả do nhân mà đạt được. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Sáu là Thể Dụng Quyền Thật. Các phương tiện trước đó là nhân. Chánh quán để tiến nhập Sơ Trụ là quả (Sơ Trụ trong Viên Giáo là Phần Chứng Quả). Trụ, xuất là Thể, Dụng. Thể chính là Thật Tướng, chẳng có phân biệt. Dụng chính là lập ra hết thấy các pháp, hơn kém khác nhau. Như chỉ một cõi đại địa mà sanh ra các thứ mầm mống (Sơ Trụ [thị hiện] làm Phật trong một trăm thế giới, tức là có thể thị hiện trong mười pháp giới). Chẳng có đất, sẽ không có gì để sanh ra vạn vật. Chẳng sanh, sẽ

¹³⁵ Đây là một thí dụ trong kinh, như người rơi xuống biển, phải nương vào cái cây nổi để vượt sóng gió vào bờ. Đây là tỷ dụ để thoát sanh tử, phải nương vào các phương tiện quyền biến. Sau khi đã đến bờ, bèn bỏ phương tiện, không khư khư chấp trước phương tiện nữa.

không có gì để hiển thị đất. Lăn theo dòng tìm được nguồn; suy từ Dụng mà biết Thể. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Bảy là Tiệm Đốn Quyền Thật. Luận chung về chuyện tu nhân chứng quả, từ Thể dấy lên tác dụng, đều có Tiệm và Đốn. Nay nói về chuyện khởi tác dụng: Dụng Tiệm là Quyền, dụng Đốn là Thật. Nếu chẳng có Tiệm dẫn khởi, sẽ không do đâu để nhập Đốn được! Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Tám là Khai Hợp Quyền Thật. Từ Đốn tách ra thành Tiệm, Tiệm chẳng tự hợp (do hai giáo Tạng và Thông chẳng phé trừ Tiểu pháp), cũng chẳng hợp Đốn (hàng Bồ Tát trong ba giáo (Tạng, Thông, Biệt) chẳng nhập Thật). Vì thế, gọi là Quyền. Tiệm đến rốt ráo vẫn hợp với Đốn. Vì thế là Thật. Do tách ra (khai), cho nên hợp (gộp lại). Khai có sức hợp. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Chín là Thông Biệt Quyền Thật. Thông tức là lợi ích chẳng thường hằng của pháp bán tự, Biệt là lợi ích thường trụ của pháp mãn tự. Nhưng lợi ích thường hằng và đạo dài lâu, dễ [khiến cho hành nhân] nảy sanh thoái thất. Vì thế, dùng hóa thành tiếp dẫn [để hành nhân] sanh ý tưởng an ổn. Sau đây mới diệt sự biến hóa, dẫn đến chỗ có của báu. Nếu chẳng có lợi ích chưa toàn vẹn, sẽ chẳng thể lãnh hội lợi ích thường hằng. Lợi ích bán phần có công năng hiển thị lợi ích mãn phần. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Mười là Tất Đàn Quyền Thật. Ba môn Thế Giới, Vị Nhân, Đồi Trại Tất Đàn do thuộc vào thế gian, nên là Quyền. Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn do xuất thế gian, nên là Thật. Chẳng do thế gian, sẽ chẳng đạt được xuất thế gian. Do ba món Tất Đàn mà đạt được Đệ Nhất Nghĩa. Vì thế, Như Lai ân cần khen ngợi Phương Tiệm.

Phần thứ ba, giải thích đã xong.

4) Dẫn chứng:

Mười nghĩa này thông với Đại giáo và Tiểu giáo, gồm trọn hết thấy các pháp. Nay lại dẫn kinh này: *“Bất như tam giới kiến ư tam giới”* (Chẳng như tam giới mà thấy tam giới), tam giới là Sự. *“Bất như tam giới kiến”* là Lý. Đó là dẫn chứng về Lý, Sự, Quyền, Thật. Tướng tịch diệt của pháp chẳng thể dùng ngôn từ để tuyên nói, đó là Lý. *“Do vì sức phương tiện mà nói với năm tỳ-kheo”* chính là Giáo. Đó là dẫn chứng về Lý Giáo Quyền Thật (cần phải nói: *“Nhược vô tánh giả, vị thuyết nhân thiên, nãi chí Tu La vi hạ phẩm thiện”* (Nếu là kẻ vô tánh (chẳng có căn tánh Đại Tiểu Thừa), bèn vì kẻ đó nói pháp nhân thiên, cho đến Tu La là hạ phẩm thiện). *“Nãi chí vị thuyết Vô Tác Tứ Đế”* (Cho đến vì kẻ đó nói

Vô Tác Tứ Đế). Vì thế biết: Theo Lý thì đều là “chẳng thể nói”. Theo Sự thì lớn hay nhỏ đều có thể nói).

Nếu nghe kinh này, sẽ là khéo hành Bồ Tát đạo. Lại còn “*nhữ đẳng sở hành, thị Bồ Tát đạo. Phật tử hành đạo dĩ, lai thế đắc tác Phật*” (điều các ông đã hành là Bồ Tát đạo. Phật tử đã hành đạo, đời sau sẽ được làm Phật) v.v... Đây là dẫn chứng về Giáo Hạnh Quyền Thật. “*Dẫn ly hư vọng, danh vi giải thoát. Kỳ thật vị đắc nhất thiết giải thoát*” (Chỉ lìa hư vọng mà gọi là giải thoát. Thật ra là chưa đạt được hết thấy các giải thoát). Đó là dẫn chứng về Phược Thoát Quyền Thật (trong Tiểu Thừa thì hư vọng gọi là Phược (trói buộc), lìa [khỏi trói buộc] là giải thoát. Nếu xét theo Đại Thừa, đối với cái được gọi là “trói buộc” đó, nay chỉ gọi là Thoát). Hành trọn tất cả các đạo pháp của chư Phật là nhân, thành tựu đắc quả nơi đạo tràng là quả. Đây là dẫn chứng về nhân quả Quyền Thật. “*Ngã dĩ Phật nhân quán*” (Ta dùng Phật nhân để xem) là Thễ, “*kiến lục đạo chúng sanh*” (thấy chúng sanh trong sáu đường) là Dụng. Đây là dẫn chứng về Thễ Dụng Quyền Thật.

“*Thĩ kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ*” (Vừa mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, liền đều tin nhận, nhập trí huệ của Như Lai), nhanh chóng trừ khử sự tu tập trước kia, người học tập Tiểu Thừa thì là Tiệm. Đây chính là dẫn chứng của Tiệm Đốn Quyền Thật. Đưa con nghèo thoát đầu trốn đi, chặng giữa dọn phân. Đó là Khai. Sau đó, được giao tài sản, thì là Hợp. Đó là dẫn chứng về Khai Hợp Quyền Thật. Trước là diệt hóa thành, đó là Thông Ích. Sau đó, tới chỗ có của báu, thì là Biệt Ích. Đây là dẫn chứng của Thông Biệt Quyền Thật. Các thứ ham muốn, các thứ tánh, tướng, ức niệm v.v... chính là dẫn chứng của Tất Đàn Quyền Thật.

Đã dẫn cả bộ kinh làm chứng, nay dẫn chứng riêng trong một phẩm. Tuy chẳng theo thứ tự, nhưng phần kinh văn về mười điều ấy (mười cặp Phương Tiện Quyền Thật) đều đủ. “*Chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng, kỳ trí huệ môn nan giải, nan nhập*” (Trí huệ của chư Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ ấy khó hiểu, khó nhập). Hết thấy sự, lý, cảnh, trí v.v... đều gọi là Thật. Lập bày, diễn nói, biện định ngôn giáo đều là trí huệ môn. Đây là dẫn chứng Lý Giáo để luận định Quyền Thật. “*Nan giải, nan nhập, nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng tri*” (Khó hiểu, khó nhập, hết thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể biết được) chính là đối với trói buộc hay giải thoát mà luận định Quyền Thật. “*Phật tăng thân cận bách thiên vạn ức vô số chư Phật, tận hành chư Phật vô lượng đạo pháp, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng phổ văn*”

(Phật từng thân cận trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, hành trọn hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dùng mãnh tinh tấn, thanh danh rền khắp), tức là dựa theo giáo hạnh để luận định Quyền Thật. “*Thành tựu thậm thâm vị tăng hữu pháp, tùy nghi sở thuyết, ý thú nan giải*” (Thành tựu pháp chưa từng có rất sâu, tùy theo lẽ thích đáng mà nói, khó hiểu nổi ý thú), chính là dựa theo Thể và Dụng để luận định Quyền Thật. “*Ngô từng thành Phật dĩ lai*” (Kể từ khi ta thành Phật đến nay), thành Phật là quả, quả ắt có nhân. Đây chính là dùng nhân quả để luận định Quyền Thật. Các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ, ngôn giáo rộng diễn, vô số phương tiện, hướng dẫn chúng sanh lìa các chấp trước, tức là luận định Quyền Thật xét theo Tiệm Đốn. Như Lai phương tiện tri kiến Ba La Mật đều đã trọn đủ, tức là dựa theo khai hợp để luận định Quyền Thật. “*Như Lai năng chủng chủng phân biệt, xảo thuyết chư pháp, ngôn từ nhu nhuyễn, duyệt khả chứng tâm*” (Như Lai có thể dùng các thứ phân biệt để khéo nói các pháp, ngôn từ mềm mỏng, khiến cho đại chúng đẹp lòng), tức là luận định Quyền Thật dựa theo thông ích và biệt ích. Nói tóm gọn, vô lượng vô biên pháp chưa từng có, Phật đã đều thành tựu, tức là ba môn Tát Đàn (Thế Giới, Vị Nhân, Đối Trị) thành tựu. “*Chỉ, Xá Lợi Phất! Bất tu phục thuyết*” (Thôi đi, Xá Lợi Phất! Chẳng cần phải nói nữa) tức là Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn. Đó là luận định Quyền Thật dựa trên Tứ Tát Đàn. “*Phật thành tựu pháp hiếm có, khó hiểu bậc nhất, chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rõ ráo Thật Tướng của các pháp*”; đó chính là Lý. Nói “*các pháp tướng như thế*” v.v... đây chính là Sự. Đó chính là luận định Quyền Thật theo Lý Sự. Đoạn này nói đại lược năm thứ Quyền Thật của Phật, vị Phật nào cũng đều như thế.

Phần thứ tư là Dẫn Chứng đã xong.

5) Quy kết mười pháp trên đây thành ba loại Quyền Thật:

Trước là Thông Kết, sau là Biệt Kết:

- Trước hết, Thông Kết thì mười pháp ấy chung cho bốn giáo, hợp thành bốn mươi món Quyền Thật. Như trong Tam Tạng, tự chứng mười pháp (Lý Sự Quyền Thật, Lý Giáo Quyền Thật, Giáo Hạnh Quyền Thật v.v...) thì gọi là “*tự hành Quyền Thật*”. Đã nói ra mười pháp để lợi ích chúng sanh, thì gọi là “*hóa tha Quyền Thật*”. Trong mười pháp giáo hóa người khác, có Thật và Quyền, đều gộp lại thành Quyền. Tự hành có mười pháp, cũng có Thật và Quyền, đều gộp thành Thật, gọi chung là “*tự hành hóa tha Quyền Thật*”. Đối với mười pháp trong ba giáo kia, đối với mỗi giáo, đều gộp lại thành ba thứ Quyền Thật (tức tự hành Quyền Thật, hóa tha Quyền Thật, và tự hành hóa tha Quyền Thật) cũng giống

như thế (đây là thông trong thông). Lại trong mỗi giáo, đều dùng bốn thứ “*Lý Sự, giáo hạnh, phước thoát, nhân quả*” để làm “tự hành Quyền Thật”, dùng hai loại Lý Giáo và Khai Hợp để làm “hóa tha Quyền Thật”. Đối với mỗi giáo, đều dùng bốn loại “*Thể Dụng, Tiệm Đốn, Thông Biệt, Tất Đàn*” để làm “tự tha Quyền Thật”. Danh tự tuy đồng, mỗi thứ đều có ý nghĩa khác biệt (đó là biệt trong thông).

- Sau đó là Biệt Kết. Ba giáo trước (Tạng, Thông, Biệt) dù thông hay biệt, đều là hóa tha Quyền Thật, do đều nói theo ý của người khác. Viên Giáo dù thông hay biệt, xét ra đều là “tự hành Quyền Thật” vì nói theo ý mình. Ba món “hóa tha Quyền Thật” dù quyền hay thật, đều gọi là Quyền, còn “tự hành Quyền Thật” đều gọi là Thật.

Kế đó, lại kết thành bốn câu. Hễ “nói theo ý của người khác”, tức là hết thấy các pháp đều là Quyền. Hễ “nói theo ý mình” tức là hết thấy các pháp đều là Thật. Chấp nhận cả hai, tức là “hết thấy các pháp vừa là Quyền, vừa là Thật”. Ngăn trở cả hai (phủ định cả hai) tức là “hết thấy các pháp chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật”.

Kế đó, kết thành ba lượt để giải thích phẩm kinh này. Nếu là tự hành và tự ý thì phần kinh văn này được gọi là “*đạo tràng sở đắc pháp*” (pháp đạt được từ đạo tràng, là Thật). Đại Kinh nói “*tu đạo đắc cố*” (do tu đạo mà đạt được, đó là Quyền). Thân nhiếp Đại Thừa, xứng với trí như lý, như lượng (như lý là Thật, như lượng là Quyền), đều là tự hành Quyền Thật trong Viên Giáo. Nói theo ý mình, tuy Phật chẳng thể thuyết pháp nơi ấy, dầu có thể nói phương tiện, chúng sanh chẳng thể tiếp nhận. Nếu khởi đầu chỉ nói pháp này để thân nhiếp chúng sanh thì sẽ chẳng thể được; vì thế nói là “*bất khả thuyết, bất khả thuyết*”.

Gác chuyện này lại, dùng tự hành Quyền Thật kèm thêm Quyền Thật trong Biệt Giáo để nhiếp thủ chúng sanh, thì người đại cơ lợi căn sẽ trực tiếp chứng đắc, còn kẻ độn căn sẽ phải vòng vèo mới đạt được. Tiểu cơ thì lợi hay độn đều chẳng đạt được. Đây chính là ý nghĩa trong Hoa Nghiêm.

Gác việc ấy lại, chỉ dùng bán tự Quyền Thật để thân nhiếp chúng sanh thì người đại cơ dù lợi căn hay độn căn đều ngầm đạt được, nhưng chẳng đạt được hiển nhiên. Tiểu cơ thì lợi căn hay độn căn chắc chắn cũng đều chẳng đạt được. Đó chính là ý nghĩa trong Tam Tạng.

Gác chuyện này lại, dùng chung Quyền Thật của tứ giáo để cùng nhiếp thủ chúng sanh thì đại cơ dù lợi căn hay độn căn sẽ thẳng thừng hay vòng vèo mà đạt được, nhưng tiểu cơ thì lợi căn hay độn căn đều chắc chắn chẳng đạt được. Đó là ý nghĩa của thời Phương Đẳng.

Gác chuyện ấy lại, xả ba thứ Quyền Thật của Tam Tạng, dùng ba thứ Quyền Thật (tự hành, hóa tha, tự hành hóa tha) của Thông, Biệt, Viên để cùng tiếp độ chúng sanh thì đại cơ dù lợi căn hay độn căn đều đạt được. Tiêu cơ dù lợi hay độn chắc chắn đều chẳng đạt được. Đó là ý nghĩa trong thời Bát Nhã.

Gác chuyện ấy lại, bỏ ba thứ Quyền Thật trước đó, chỉ dùng tự hành Quyền Thật trong Viên Giáo để tiếp độ chúng sanh, đại tiêu dù lợi căn hay độn căn đều đạt được. Đó là ý nghĩa của thời Pháp Hoa.

Trí huệ của Như Lai không gì chẳng thông đạt, xét rõ thời nghi có thể sử dụng hay không? Vì thế, giải thích phẩm này như sau: - Phương là các pháp, Tiệm là vận dụng thiện xảo. Khéo léo dùng phương pháp để tiếp độ chúng sanh chứng đắc. Vì thế, ân cần khen ngợi Phương Tiệm (đây là xét theo chuyện sử dụng ba loại pháp (tự hành, hóa tha, tự hành hóa tha Quyền Thật) trong bốn thời trước (Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã), sẽ chẳng thể đạt tới Thật. Vì thế, chỉ trở thành ý nghĩa sơ khởi để giải thích phẩm này. Nếu tới thời Pháp Hoa, dầu gọi là pháp dụng, vẫn trở thành cách vận dụng pháp bí diệu, cho nên có thể dùng ý nghĩa ấy để giải thích phẩm kinh này. Tức là đối với danh xưng “*phương pháp*”, trước kia áp dụng cho cả bốn giáo, đến nay (đến khi nghe phẩm Phương Tiệm này), sẽ chẳng còn ba giáo trước nữa).

Lại nữa, Như Lai tự chứng Quyền Thật đều chẳng thể nói. Do nghĩ thương chúng sanh, nếu Phật nói ra tự chứng Quyền [của chính mình] để làm cửa nẻo, thì do chẳng phù hợp cơ nghi của chúng sanh, chúng sanh sẽ chẳng thể tiến nhập. Vì thế, sự tự chứng nơi Quyền cũng chẳng thể nói được. Nếu nói Quyền Thật trong Biệt Giáo để làm cửa nẻo thì kẻ lợi căn tiến nhập, kẻ độn căn chẳng thể tiến nhập được. [Như vậy thì] thời Hoa Nghiêm chẳng thích hợp căn cơ của chúng sanh. Quyền Thật trong Biệt Giáo cũng chẳng thể nói. Nói Quyền Thật của Tam Tạng làm cửa nẻo, người lợi căn ngẫm tiến nhập, kẻ độn căn vẫn chẳng nhập. [Do vậy], thời Tam Tạng chẳng thích hợp cơ nghi của chúng sanh, cũng chẳng thể nói. Nói ba thứ hóa tha Quyền Thật làm cửa nẻo, người lợi căn ngẫm tiến nhập, kẻ độn căn vẫn chẳng nhập. Đó là thời Phương Đẳng chẳng thích hợp cơ nghi của chúng sanh, cũng chẳng thể nói! Nói hai loại hóa tha Quyền Thật làm cửa nẻo, người lợi căn tiến nhập, kẻ độn căn vẫn chẳng nhập; [cho nên] thời Bát Nhã cũng chẳng thể nói, vì chẳng thích hợp cơ nghi của chúng sanh. Bỏ ba loại hóa tha Quyền Thật, chỉ nói tự hành Quyền thì người lợi căn lần kẻ độn căn đều được nhập. Từ đầu tới cuối, đều lấy phương tiệm làm môn. Vì thế, Như Lai khen

ngợi Phương Tiện. Giải thích phẩm này bằng câu “*phương tiện là cửa ngõ để nhập Thật*” chính là do ý nghĩa này.

Trong phần trước, nói rõ Như Lai có thể biết phương tiện, có thể sử dụng phương tiện; còn phần này nói rõ hành giả có thể tùy thuận phương tiện (trước hết, dựa theo phương pháp để nói rõ Như Lai có thể biết, có thể sử dụng phương tiện. Pháp là cái có thể biết, Dụng là cái có thể dùng. Chúng sanh chẳng biết đó là phương tiện của Phật, nay [kinh văn] đều phô bày ra cho chúng sanh biết. Phần này dạy rõ chúng sanh hãy tùy thuận phương tiện, tức là từ môn này mà tùy thuận Thật, nhưng cũng chẳng biết phương tiện chính là cái Thật để thuận theo. Nay cũng phơi bày ra. Lại nữa, cả hai chương đều có hai ý Ứng và Cơ, nhưng chương trước phần nhiều nói theo Ứng, tức là nói về Như Lai. Chương sau phần lớn nói theo Cơ, tức là nói theo phía hành giả. Vì thế, lời ân cần khen ngợi đều do Phật mà có).

Lại nữa, Như Lai tự chứng, những điều đạt được do tu đạo trong hết thảy các phương tiện đều là chân thật, nhưng sự chân thật ấy đều chẳng thể nói được. Dầu có thể nói ra, chúng sanh chẳng thể ngay lập tức là Thật (chúng nhập Thật). Dùng sức phương tiện, kèm theo “*bất tức*” (chẳng thể chứng nhập) để nói một thứ “*tức*”, hàng lợi căn có thể “*tức*” (chứng nhập), độn căn chẳng thể “*tức*”. Hoa Nghiêm lại thuận nói về một thứ “*bất tức*” (chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật), hàng lợi căn bèn ngàm “*tức*”, độn căn chẳng “*tức*”. Tam Tạng (Tạng Giáo) lại kèm thêm ba món “*bất tức*” (chẳng nói đến “*tức Không, tức Giả, tức Trung*”) để nói một món “*tức*” (nói giáo pháp Tam Tạng tức là Thật), kẻ lợi căn có thể “*tức*”, độn căn chẳng “*tức*”. Phương Đẳng lại kèm thêm hai thứ “*bất tức*” (chẳng chấp vào Nhị Biên, chẳng chấp các pháp tức là Thật, hay tức là Quyền) để nói một thứ “*tức*” (bản thể các pháp tức là Không), kẻ lợi căn có thể “*tức*”, hàng độn căn chẳng “*tức*”. Bát Nhã lại phé bỏ ba thứ “*bất tức*”, thuận nói “*hết thảy tức*” (hết thảy các pháp tức là Không, ngay cả cái Không ấy cũng là Không), lợi căn và độn căn đều có thể “*tức*”, từ nơi phương tiện mà được thấy chân thật. Pháp Hoa thì có hai ý:

- Dùng phương tiện từ ngay trong phương tiện, đó là một ý.
- Phương tiện tức là chân thật, chân thật tức là viên nhân (cái nhân viên mãn), viên nhân tức là phương tiện để tự hành.

Tự hành phương tiện như thế, nay mới chúng nhập. Vì thế, để giải thích phẩm này, bèn nói: “*Phương là Bí, Tiện là Diệu, khéo thông đạt*

các phương pháp thì chính là bí mật thật sự. Do tự hành phương tiện mà có danh xưng ấy. Vì thế nói là phẩm Phương Tiện!”

Phần thứ năm, “gộp mười nghĩa thành ba loại Quyền Thật” đã xong.

6) Phân biệt hai thứ Quyền Thật để chiếu ba loại Nhị Đế:

Trong phần trước đã từ Thông và Biệt để quy kết Quyền và Thật (Thông gồm mười cặp, mỗi cặp đều có ba loại Quyền Thật. Biệt thì có bốn tự (tức bốn loại tự hành Quyền Thật), hai tha (hai món hóa tha Quyền Thật) và bốn món “cùng tự và tha”, tức tự hành hóa tha Quyền Thật). Nay vẫn dựa theo trí chiếu ấy, sẽ dễ thấy ý nghĩa. Nếu đều dùng mười loại để giảng rõ chuyện tự hành hai trí (Quyền Trí và Thật Trí) thì sẽ là chiếu Nhị Đế (Tục Đế và Chân Đế) thuận theo trí. Nếu đều dùng mười pháp ứng hợp với các duyên, thì sẽ là chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến. Nếu “gom bốn thành hai” thì chính là chiếu Nhị Đế thuận theo trí và tình (trong mỗi giáo, đều gộp bốn điều (“tức là Quyền”, “tức là Thật”, “vừa là Quyền vừa là Thật”, “chẳng phải Quyền chẳng phải Thật”) thành hai loại, tức là đối với tự hành Quyền Thật đều gom vào Thật, hóa tha Quyền Thật đều gom vào Quyền. Do vậy, chỉ thành hai. Đó là “thông trong thông” vậy).

Nếu tách ra để chiếu Đế thì [các môn] Sự Lý, Giáo Hạnh, Phước Thoát, Nhân Quả đều là tự chứng, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo trí. Lý Giáo và Khai Hợp, hai môn này thuộc về Hóa Tha, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến. Thử Dụng, Tiệm Đốn, Phân Biệt, Tất Đàn, bốn môn ấy đều chung cho tự và tha, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo trí và tình (đó là biệt trong thông).

Lại gộp chung thì Tam Tạng Giáo có ba mươi loại Nhị Trí (Thật Trí và Quyền Trí), tức là hai loại trí để giáo hóa người khác, tức là thuận theo tình kiến mà chiếu Nhị Đế. Thông Giáo và Biệt Giáo cộng lại có sáu mươi loại Nhị Trí, tức là tự tha Nhị Trí chiếu Nhị Đế thuận theo tình và trí. Thông Giáo thì có lúc giống như Tam Tạng trong phần trước mà chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến, còn ba mươi loại Nhị Trí của Biệt Giáo là tự tha Nhị Trí, chiếu Nhị Đế thuận theo tình và trí (Trước là thâm nhiếp Thông Giáo thành “tự tha”, do có thể thông với Biệt Giáo và Viên Giáo. Thông Giáo là sơ môn của Đại Thừa. Kế đó, phán định Thông Giáo chỉ là Tha, do trong giáo ấy, chẳng nói đến lý Trung Đạo, giống như sự đoạn diệt trong Tạng Giáo). Chỉ có ba mươi thứ Quyền Thật trong Viên Giáo chính là tự hành Nhị Trí, chiếu Nhị Đế thuận theo trí. Lại nữa, ba giáo dù Thông hay Biệt (vẫn là nói: Đối với mười cặp thuộc

Thông, thì trong mười cặp, mỗi cặp đều có ba loại (tự hành, hóa tha, và tự hành hóa tha). Xét theo Biệt, sẽ có bốn cặp là tự hành, hai cặp là hóa tha v.v...) đều nhằm thích ứng duyên, đều là hóa tha nhị trí, chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến. Viên Giáo dù thông hay biệt đều là tự hành Nhị Trí, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo trí. Gộp chung Quyền Thật của ba giáo (Tạng, Thông, Biệt) thì đều là Quyền, còn Quyền Thật của Viên Giáo đều là Thật. Đây chính là tự tha hai trí, chiếu Nhị Đế thuận theo tình và trí.

Phần thứ sáu, “*phân biệt Quyền Thật chiếu Nhị Đế*” đã xong.

7) *Bấy là dựa theo các kinh để phán định Quyền Thật:*

Trước hết là Hoa Nghiêm, luận theo giáo thì chỉ là mãn tự. Luận về thời, chỉ là sữa. Luận về pháp, chỉ là một tự hành [Quyền Thật] và một hóa tha [Quyền Thật]. Luận về người (đối tượng tiếp nhận) chỉ là Bồ Tát, chứ hàng Nhị Thừa như đĩc, như cầm. Nay kinh này nói: “*Vị tăng hướng nhân thuyết như thị sự dĩ*” (Chưa từng hướng về người khác nói chuyện như thế).

Kế đó là Tam Tạng (thời A Hàm), luận về giáo, chỉ là bán tự. Luận về thời, thì là lạc. Luận về pháp thì là một loại hóa tha. Luận về người, chỉ là Nhị Thừa. Kinh này nói: “*Trụ lập môn ngoại, trước tề cấu y, chấp trừ phần khí dĩ*” (Đứng ở ngoài cửa, mặc áo xấu dơ, cầm dụng cụ dọn phân).

Kế đến là Phương Đẳng, luận về giáo, đối với bán tự mà nói mãn tự. Luận về thời, cùng nói đến lạc và tô. Luận về pháp, có ba loại hóa tha [Quyền Thật], một loại tự hành [Quyền Thật]. Luận về người thì là tiểu căn hām mộ Đại Thừa. Nay kinh này nói: “*Tâm tương thể tín, nhập xuất vô nan dĩ*” (Tâm dần dần hiểu biết, tin tưởng, ra vào chẳng khó khăn).

Kế đó là Bát Nhã, luận về giáo thì kèm theo bán tự để nói về mãn tự. Luận về thời, kèm thêm sanh tô và thực tô. Luận về pháp, có hai loại hóa tha, một loại tự hành. Luận về người, thì Đại giúp cho Tiểu, Tiểu dạy Đại. Nay kinh này nói: “*Xuất nạp, thủ dĩ, giai sử linh tri dĩ*” (Giao ra, thu vào, nhận lấy, ban cho, đều khiến cho hiểu biết).

Nay thời Pháp Hoa, luận về giáo thì là phé bán tự, nói mãn tự. Luận về thời, thuần là đề hồ. Luận về pháp, chỉ có tự hành. Luận về người, “*thủ thật thị ngã tử, ngã chi sở sanh, ngã thật thị phụ. Phó dĩ gia nghiệp, thọ ký tác Phật*” (đây thật sự là con ta, do ta sanh ra, ta thật sự là cha nó. Giao phó gia nghiệp cho nó, thọ ký sẽ thành Phật). Những điều các giáo trước chẳng nói, nay đều tuyên thuyết, chánh trực xả phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Vì thế, tự hành Quyền được gọi là phẩm

Phương Tiện. Những điều khác hoặc là tự tha nhị trí, hoặc hóa tha nhị trí (có thể là đối với ba điều Giáo, Hạnh, Lý, trước đó đã thấu hiểu; nhưng chuyện khơi mở cho người khác (tức chuyện khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất) thì các giáo (các giáo pháp trước thời Pháp Hoa) đều chẳng có).

Lại nữa, Hoa Nghiêm đối với hai loại Bồ Tát, nói một tự (tự hành Quyền Thật) và một tha (hóa tha Quyền Thật), chẳng màng hàng Nhị Thừa không nghe, không hiểu. Tam Tạng thì đối với Nhị Thừa nói một phép hóa tha Quyền Thật, chẳng màng tới hàng Bồ Tát. Vì thế, chẳng có tự hành Quyền Thật. Phương Đẳng đối ứng cả Tiểu và Đại. Đối với Nhị Thừa, bèn nói hai loại hóa tha Quyền Thật. Đối với Bồ Tát thì nói một tự hành Quyền Thật, một hóa tha Quyền Thật. Bát Nhã thì đối với Nhị Thừa nói một hóa tha Quyền Thật, đối với Bồ Tát thì nói một tự hành Quyền Thật, một hóa tha Quyền Thật. Pháp Hoa đối ứng trọn khắp những người căn cơ đã chín muồi, chỉ nói một tự hành Quyền Thật, chẳng còn có hóa tha Quyền Thật. Kinh văn nói: *“Bồ Tát văn thị pháp, nghi vãng giai dĩ trừ, thiên nhị bách La Hán, tất diệc đương tác Phật”* (Bồ Tát nghe pháp này, lưới nghi đều đã trừ, ngàn hai trăm La Hán, cũng đều sẽ thành Phật). Hết thấy chúng sanh đều đã nhập phương tiện tự hành. Vì thế, có tên là phẩm Phương Tiện.

Phần thứ bảy, *“dựa theo các kinh để phán định Quyền Thật”* đã xong.

8) Xét theo Bốn Tích để phán định Quyền Thật:

Nơi Bốn địa, Như Lai từ lâu đã chứng đắc hết thấy Quyền Thật, gọi là tự hành Quyền Thật. Trong chặng giữa, thị hiện dấu tích, cũng chỉ nói kèm thêm. Ngày nay, thị hiện dấu tích nơi Tịch Diệt đạo tràng, kèm theo hóa tha Quyền Thật của Biệt Giáo để nói đến tự hành Quyền Thật. Kế đó, nói một thứ hóa tha Quyền Thật, sau đó nói tam thừa, kế đó nói hai loại hóa tha Quyền Thật, rồi lại nói *“phế trừ tam thừa”* v.v... đều gọi là *“hóa tha Quyền Thật”*. Gom lại thì Quyền Thật nơi Bốn được gọi chung là Thật. Gom lại Quyền Thật nơi Tích được gọi chung là Quyền; tức là tự tha hợp Quyền Thật (tự hành hóa tha Quyền Thật). Kết lại điều này, sẽ thành bốn câu: *“Hết thấy là Thật”, “hết thấy là Quyền”, “hết thấy vừa là Quyền vừa là Thật”, “hết thấy chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật”*.

Nơi Bốn, ngài Xá Lợi Phất đã chứng hết thấy Quyền Thật, tức là tự hành Quyền Thật. Nơi Tích, thì tại Lộc Uyển, Ngài chỉ lãnh nhận hóa tha Quyền Thật. Trong thời Phương Đẳng, kẻ chấp vào một thừa (Tiểu

Thừa), sẽ bị ba thừa chiết phục. Trong thời Bát Nhã, dùng hai thừa kia (Bồ Tát Thừa và Duyên Giác Thừa) để chuyển một thừa (Thanh Văn Thừa). Tới thời Pháp Hoa, phé ba thừa, ngộ nhất thừa (Phật Thừa), đều là hóa tha Quyền Thật. Gom Quyền Thật nơi Bồn làm Thật, gom Quyền Thật nơi Tích làm Quyền, tức là tự tha Quyền Thật, có thể biết là cũng trọn đủ bốn câu. Nếu nói theo Tích của Phật thì cũng là hóa tha Quyền Thật, cũng gọi là phẩm Phương Tiện. Nếu xét từ chuyện dẫn nhập viên nhân để tự hành thì cũng là phẩm Phương Tiện. Nếu xét theo Quyền nơi Tích của Xá Lợi Phất thì cũng là phẩm Phương Tiện. Nếu từ Tích của ngài Xá Lợi Phất mà nhập Thật thì cũng là phẩm Phương Tiện. Do các nghĩa như thế mà gọi là phẩm Phương Tiện.

2.1. Nói thẳng vào phần Tích Môn

Chia làm hai phần:

- Từ phần kinh văn hiện thời cho đến “*đại sanh hoan hỷ*” (sanh hoan hỷ to lớn) chính là đại lược chỉ ra tam thừa để hiển lộ Nhất Thừa; do [hàng Thanh Văn] dấy động chấp trước bèn sanh nghi.

- Kế đó, từ “*nhĩ thời, Thế Tôn cáo Xá Lợi Phất: - Nhữ dĩ ân cần tam thỉnh, khởi đắc bất thuyết*” (lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá Lợi Phất: - Ông đã ân cần thỉnh cầu ba lượt, há chẳng thể không nói) cho đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký chính là nói rộng về chuyện “*khai tam thừa, hiển lộ Nhất Thừa*” hòng đoạn nghi sanh tín.

2.1.1. Đại lược chỉ ra tam thừa để hiển lộ Nhất Thừa, [hàng Thanh Văn] dấy động chấp trước bèn sanh nghi

2.1.1.1. Đại lược chỉ ra tam thừa, hòng hiển lộ Nhất Thừa

2.1.1.1.1. Trường hàng và trùng tụng tán thán hai trí của Phật

2.1.1.1.1.1. Trường Hàng

2.1.1.1.1.1.1. Dựa vào ngôn từ để tán thán hai trí

2.1.1.1.1.1.1.1. Nêu ra hai trí Quyền Thật của chư Phật

2.1.1.1.1.1.1.1.1. Tán thán hai trí Quyền Thật

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tụng tam-muội an tường nhi khởi, cáo Xá Lợi Phất: - Chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng, kỳ trí huệ môn nan giải, nan nhập, nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng tri.

(經)爾時，世尊從三昧安詳而起，告舍利弗：「諸佛智慧甚深無量，其智慧門難解難入，一切聲聞、辟支佛所不能知。」

(*Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ tam-muội an tường mà khởi, bảo Xá Lợi Phất: - Trí huệ của chư Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ ấy khó hiểu, khó nhập, hết thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật đều chẳng thể biết).*

“*Nhĩ thời*” là lúc ngài Văn Thù đã trả lời câu hỏi xong. Đức Phật thường ngự trong Định, sao lại nói là “*khởi*”? Ở đây, có sự thị hiện. Các vị cổ Phật khi nói kinh này, ắt trước hết nhập Vô Lượng Nghĩa, tức là nhập Pháp Hoa. Nay đức Phật [Thích Ca] cũng vậy. Đó là thể hiện Thế Giới Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, quán lý, quán cơ, đôi đàng đều suy xét kỹ càng, ắt nói chẳng sai lầm, tăng trưởng tín tâm của chúng sanh. Đó là thể hiện Vị Nhân Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, Phật tịch mà thường chiếu, [thế mà] vẫn cần phải nhập Định rồi mới thuyết pháp, hướng hô kẻ tán tâm lại toan nói xằng bậy ư? Đây là thể hiện Đối Trị Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, nhập Định duyên theo lý, tâm an trụ trong Thật Tướng, xuất Định bèn khiến cho kẻ khác an trụ cái tâm nơi Thật Tướng. Đó là chỉ bày Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, an trụ trong bốn pháp ấy, cho nên nói là “*an tường nhi khởi*” (tứ giáo đều có Tứ Tất Đàn, nay cần phải xét tách bạch từng giáo để hiển lộ sự viên mãn).

“*Cáo Xá Lợi Phất*” (Bảo Xá Lợi Phất) vì Ngài là người trí huệ bậc nhất trong hàng Tiểu Thừa, muốn nhờ vào đó để phá trí huệ Tiểu Thừa, hòng hiển lộ trí huệ Đại Thừa. Đó chính là lời giới thiệu của người kết tập kinh.

Hỏi: - “*Cáo Xá Lợi Phất*” ở đây có gì khác biệt với Đại Phẩm [Bát Nhã]¹³⁶?

¹³⁶ Đại Phẩm Bát Nhã là tên gọi tắt của bộ Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, gồm chín mươi một phẩm, do ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán. Bộ kinh này được ngài Long Thọ chú giải, soạn thành Đại Trí Độ Luận, và được ngài Cát Tạng chú thích thêm bằng tác phẩm Đại Phẩm Nghĩa Sớ. Đây là các tác phẩm trọng yếu cho các hành giả nghiên cứu giáo nghĩa Bát Nhã.

Đáp: - Sao lại chỉ có Đại Phẩm? Bắt đầu từ Tứ A Hàm cho đến cuối cùng trong kinh này, chỗ nào cũng đều bảo, nhưng mỗi chỗ đều khác nhau. Trong Tứ A Hàm, hoặc là vì phát khởi sanh diệt pháp luân cho nên bảo [Xá Lợi Phất]. Thời Phương Đẳng thì do bài xích [các pháp thiên tiểu] cho nên bảo. Thời Bát Nhã do tăng thêm, nên bảo. Kinh này vì khai tam hiển nhất (vạch ra tam thừa là quyền biến, hiển lộ Nhất Thừa mới là chân thật) cho nên bảo. Trong luận, ngài Thiên Thân có nói: “*Bảo Thân Tử mà chẳng nói với các vị Thanh Văn khác, là vì [Xá Lợi Phất] trí huệ sâu xa. Chẳng nói với các vị Bồ Tát là vì có năm điều: Một, do đây là chuyện phải làm của hàng Thanh Văn. Hai, do hồi hướng đại Bồ Đề. Ba, khiến cho họ chẳng khiếm khuyết. Bốn, khiến cho các người khác phát khởi sự suy nghĩ tốt lành. Năm, khiến cho họ chẳng dấy khởi cái tâm việc làm đã xong*”. Hãy nên biết năm ý ấy đều chẳng giống các kinh khác. Trước hết là hiển lộ giáo, chẳng nói “*Thanh Văn được nhập trí huệ của Phật*”.

“*Chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng*” (Trí huệ của chư Phật rất sâu vô lượng): Tán thán Thật Trí, chẳng phải là ba loại hóa tha Quyền Thật. Vì thế nói là “*chư Phật*”. Nhằm chỉ rõ Thật nơi tự hành, cho nên nói là “*trí huệ*”. Đó là cái Thể của trí huệ, tức là nhất tâm tam trí. Theo chiều dọc, thấu triệt nguồn cội như Lý, nên nói là “*thậm thâm*” (rất sâu). Theo chiều ngang, tột cùng bờ mé của pháp giới, nên nói là “*vô lượng*”. Đây là từ ngữ ca ngợi. Vô lượng rất sâu, cao sâu, rộng khắp. Ví như rễ sâu, ắt cành nhánh sum suê; nguồn xa, ắt dòng chảy sẽ dài. Thật Trí đã như thế, Quyền Trí cũng giống như thế.

“*Kỳ trí huệ môn nan giải, nan nhập*” (Môn trí huệ ấy khó hiểu, khó nhập): Tán thán Quyền Trí. Tiên phương tiện của tự hành đạo có sức tiến nhập, nên gọi là Môn (đó là cái nhân chân thật của bốn mươi địa vị). Từ Môn mà nhập đạo ([đạt đến] quả vị Diệu Giác); thuộc về đạo thì gọi là Thật, trước khi nhập đạo thì là Quyền (đây là xét theo nhân quả để luận Quyền Thật trong mười cặp, tức Sự Lý, Lý Giáo v.v... trong phần trước). Thập Trụ mới hiểu được, vì thế là “*nan giải*” (khó hiểu). Do Thập Địa mới nhập, nên là “*nan nhập*”, chẳng phải là kẻ thuộc bảy phương tiện có thể suy lường. Đây chính là từ ngữ tán thán Quyền, nhưng riêng nêu “*Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể biết*” vì họ chấp trước nặng nề, cho nên riêng phá trước (Nhị Thừa thuộc Tạng Giáo và Thông Giáo, Bồ Tát trong Thông Giáo, Tam Hiền của Biệt Giáo, Thập Tín trong Viên Giáo, được gọi chung là “*thất phương tiện*”). Đối với bốn ý nơi Pháp Thân, vốn phải dùng Tự Hành Quyền Thật để xét,

không căn cơ nào thoát khỏi. Vì thế nói là “*bất tri*” (chưa kết duyên thì gọi là Pháp Thân. Sau khi đã kết duyên thì gọi là “*vô cơ*”). Hoa Nghiêm đốn chiếu, [hàng Nhị Thừa] như điếc, như câm; vì thế nói “*không biết*”. Phương Đẳng quả trách, bài xích [hàng Tiểu Thừa chấp trước pháp thiên tiểu] chỉ giữ ý niệm thanh tu cho riêng mình; vì thế nói “*chẳng biết*”. Bát Nhã chuyển giáo¹³⁷, chẳng có tâm mong cầu, nên nói “*chẳng biết*”. Nay căn cơ Đại Thừa đã được khơi gợi, phát khởi, phóng quang chân động cõi đất, đạo của chư Phật trong cõi này, cõi kia, dù xưa hay nay, đều giống như nhau! Do ôm lòng nghi hoặc, cho nên nói là “*không biết*”. Hàng lợi căn Bồ Tát thấu hiểu từng điều, còn độn căn thì giống như Nhị Thừa; đó cũng là “*chẳng biết!*”

2.1.1.1.1.1.2. Cùng giải thích Quyền và Thật

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Phật tàng thân cận bách thiên vạn ức vô số chư Phật, tận hành chư Phật vô lượng đạo pháp, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng phổ văn.

(經)所以者何？佛曾親近百千萬億無數諸佛，盡行諸佛無量道法，勇猛精進，名稱普聞。

(Kinh: Vì có sao vậy? Phật từng thân cận trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, hành trọn hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng vang rền trọn khắp).

“*Phật tàng thân cận...*” (Phật từng thân cận): Giải thích Thật Trí. Ấy là vì ngoài thì gặp gỡ nhiều vị Phật, nhận lãnh những điều trọng yếu tốt cùng. Vì thế, Thật Trí rất sâu. Lại do trong thì tu hành thuần hậu, hành trọn hết các đạo pháp. Vì thế, Thật Trí vô lượng. “*Vô lượng*”: Giải thích theo chiều ngang bèn rộng rãi. “*Thậm thâm*” (Rất sâu): Giải thích theo chiều dọc thì cao tốt.

“*Dũng mãnh tinh tấn...*” là giải thích Quyền Trí. Ấy là vì dũng mãnh tinh tấn bèn có thể nhập môn khó nhập. Đã nhập môn, sẽ được nhuần thấm không ngăn mé, chúng sanh đều khâm ngưỡng đức thù thắng; cho nên gọi là “*phổ văn*” (nghe trọn khắp); cũng có thể hiểu là

¹³⁷ Đây là một thuật ngữ của tông Thiên Thai để mô tả thời Bát Nhã. Do đức Phật bảo hàng Thanh Văn như ngài Tu Bồ Đề thay Phật thuyết Bát Nhã cho các vị Bồ Tát nên gọi là “*chuyển giáo*”.

“do dũng mãnh tinh tấn thì có thể nhập pháp môn”, tức là giải thích Quyền Trí sâu xa. “*Danh xưng phổ văn*” tức là Quyền Trí rộng rãi. Tuy chẳng nói “*Quyền Trí rộng sâu*”, nhưng cứ phỏng theo Thật Trí thì nghĩa ấy sẽ thành tựu.

2.1.1.1.1.1.1.3. Cùng kết lại hai trí

(Kinh) Thành tựu thậm thâm vị tăng hữu pháp, tùy nghi sở thuyết, ý thú nan giải.

(經)成就甚深未曾有法，隨宜所說，意趣難解。

(Kinh: Thành tựu pháp rất sâu chưa từng có, tùy theo cơ nghi mà nói, ý thú khó hiểu).

Xứng lý rõ ràng, cho nên nói là “*thành tựu*”. Đạt đến bờ kia, nên nói là “*thậm thâm*” (rất sâu). Đó là tiểu kết về Thật Trí. Tương xứng căn cơ khiến cho họ lãnh hội, cho nên nói là “*tùy nghi*”. [Những người thuộc] bảy phương tiện chẳng biết, vì thế nói là “*nan giải*” (khó hiểu). Đó là tiểu kết về Quyền Trí. Hoặc có thể nói “*thành tựu thậm thâm vị tăng hữu pháp*” (thành tựu pháp chưa từng có rất sâu) là tiểu kết về tự hành Quyền Thật. “*Tùy nghi sở thuyết, ý thú nan giải*” (Thuận theo cơ nghi mà nói, ý thú khó hiểu) là tiểu kết về hóa tha Quyền Thật. Tự hành Quyền Thật thì đều gọi là Thật. Hóa tha Quyền Thật thì đều gọi là Quyền.

Phần thứ nhất, “*nói về Quyền Thật của chư Phật*” đã xong.

2.1.1.1.1.1.1.2. Nói về Quyền Thật của Phật Thích Ca

2.1.1.1.1.1.2.1. Cùng tán thán Quyền Thật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ngộ từng thành Phật dĩ lai, chủng chủng nhân duyên, chủng chủng thí dụ, quảng diễn ngôn giáo, vô số phương tiện, dẫn đạo chúng sanh linh ly chư trước.

(經)舍利弗！吾從成佛已來，種種因緣，種種譬喻，廣演言教，無數方便，引導眾生令離諸著。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ta từ khi thành Phật đến nay, dùng các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ, rộng diễn ngôn giáo, vô số phương tiện để hướng dẫn chúng sanh lìa khỏi các chấp trước).

[Nếu] Thật Trí chẳng viên mãn, Phật đạo sẽ chẳng thành! Đã nói “*thành Phật*” thì một thành, hết thấy đều thành, tức là tán thán Thật Trí. Từ câu “*chủng chủng nhân duyên*” (các thứ nhân duyên) trở đi, tán thán Quyền Trí. Hơn bốn mươi năm, dùng ba loại hóa tha Quyền Thật hòng phù hợp căn cơ, khiến cho chúng sanh lãnh hội. Vì thế nói “*các thứ nhân duyên*”. “*Thí dụ*” là như các tỷ dụ cây chuối, bọt nước v.v... trong Tiểu Thừa, hoặc các thí dụ thành Càn Thát Bà, huyền sự v.v... trong Đại Thừa. “*Quảng diễn*” là có thể từ một pháp nói ra vô lượng nghĩa. “*Vô số phương tiện*” tức là bảy loại phương tiện. “*Dẫn đạo*”: Diễn nói “*tán Thập Thiện*” hòng là chấp trước tam đồ. Nói “*tịnh Thập Thiện*” hòng là chấp trước Dục Giới. Nói Tam Tạng hòng là chấp trước Kiến Tư. Nói pháp Bồ Tát để là chấp trước Niết Bàn. Nói Phật pháp để là chấp trước thuận đạo pháp ái¹³⁸.

2.1.1.1.1.1.2.2. Cùng giải thích Quyền và Thật

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Như Lai phương tiện tri kiến Ba La Mật, giai dĩ cụ túc.

(經)所以者何? 如來方便知見波羅蜜, 皆已具足。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Phương tiện tri kiến Ba La Mật của Như Lai đều đã đầy đủ).

Hai chữ Như Lai nhằm nói đến Thật Trí. Từ trong Chân Như Thật Tướng mà được thành Phật, cho nên gọi là Như Lai. Hai chữ “*phương tiện*” nhằm giải thích Quyền Trí. Do phương tiện thiện xảo, cho nên có thể dùng các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ để diễn nói rộng rãi các ngôn giáo. Tri kiến Ba La Mật chính là cùng nêu lên Quyền và Thật. “*Tri kiến*”: Nhất Thiết Chủng Trí được gọi là Thật Tri (實知). Phật nhân gọi là Thật Kiến. Đạo Chủng Trí gọi là Quyền Tri (權知). Pháp Nhân gọi

¹³⁸ “*Pháp ái*” tức là lòng yêu thích thiện pháp của Bồ Tát. Pháp ái có hai thứ:

1. Căn cơ Tiểu Thừa và Bồ Tát do chưa đoạn pháp chấp, cho nên yêu mến Niết Bàn Thiên Không, và yêu mến, chấp trước các thiện pháp. Pháp ái loại này cần phải đoạn trừ.

2. Đại bi của Phật cũng gọi là vô thượng pháp ái, hoặc vô thượng chân ái.

Thuận đạo pháp ái (còn gọi là Tự Đạo pháp ái, tương tự pháp ái) là pháp ái của hàng Bồ Tát chưa nhập Sơ Trụ. Chân đạo pháp ái là pháp ái của bậc Bồ Tát đã từ Sơ Trụ trở lên.

là Quyền Kiến. Do đều cùng đạt đến bờ mé của Lý Sự, cho nên đều gọi là Ba La Mật. “*Giai dĩ cụ túc*” (Đều đã trọn đủ): Quyền lẫn Thật đều rốt ráo.

2.1.1.1.1.1.2.3. Cùng tổng kết Quyền và Thật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai tri kiến quảng đại thâm viển, vô lượng, vô ngại, lực, vô sở úy, Thiên Định, giải thoát, tam-muội, thâm nhập vô tế, thành tựu nhất thiết vị tăng hữu pháp.

(經)舍利弗！如來知見廣大深遠，無量，無礙，力，無所畏，禪定，解脫，三昧，深入無際，成就一切未曾有法。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn, sâu xa, vô lượng, vô ngại, lực, vô sở úy, Thiên Định, giải thoát, tam-muội, thâm nhập chẳng ngăn mé, thành tựu hết thấy các pháp chưa từng có).

“*Quảng đại*” (Rộng lớn) là nói theo chiều ngang, “*thâm viển*” (sâu xa) là nói theo chiều dọc. Thật Trí chẳng phải dọc, chẳng phải ngang. Mượn lời khen ngợi theo chiều dọc lẫn chiều ngang, [hòng diễn tả ý] “chiều soi chẳng có cùng cực”, giống như hộp to thì nắp to. “*Vô lượng*”: Địa vị Phật là đại từ bi hỷ xả. “*Vô ngại*” là tứ biện tài nơi địa vị Phật. “*Lực*” là Thập Lực thuộc địa vị Phật. “*Vô sở úy*” là tứ vô sở úy thuộc địa vị Phật. “*Thiên*” là Thật Tướng Thiên. “*Định*” là Thủ Lăng Nghiêm Định. “*Tam-muội*” là vương tam-muội. “*Thâm nhập vô tế*” (Thâm nhập chẳng ngăn mé) là tổng kết Quyền Trí theo chiều dọc sâu xa. “*Thành tựu nhất thiết vị tăng hữu pháp*” (Thành tựu hết thấy các pháp chưa từng có): Tổng kết Quyền Trí theo chiều ngang rộng lớn.

Phần thứ nhất, “nhờ vào ngôn từ để tán thán hai trí” đã xong.

2.1.1.1.1.1.2. Ngăn dứt ngôn từ tán thán hai trí

2.1.1.1.1.1.2.1. Nêu ra duyên do ngăn dứt sự tán thán

2.1.1.1.1.1.2.1.1. Thẳng thừng nêu ra duyên do ngăn dứt sự tán thán

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai năng chủng chủng phân biệt, xảo thuyết chư pháp, ngôn từ nhu nhuễn, duyệt khả chúng tâm.

(經)舍利弗！如來能種種分別，巧說諸法，言辭柔軟，悅可眾心。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Như Lai có thể phân biệt các thứ, khéo nói các pháp, lời lẽ mềm mỏng, đẹp lòng đại chúng).

“*Chúng chúng phân biệt, xảo thuyết chư pháp*” (Các thứ phân biệt, khéo nói các pháp) là nhắc lại Quyền. “*Ngôn từ nhu nhuyễn, duyệt khả chúng tâm*” (Lời lẽ mềm mỏng, đẹp lòng đại chúng) là nhắc lại Thật. Kinh văn trong đoạn trước [trần thuật chuyện từ trong quang minh] thấy nơi các cõi khác, [chư Phật] nói đốn pháp, có nói [chư Phật] “*phát ra âm thanh mềm mỏng*”. Kinh văn trong phần sau chép ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) lãnh ngộ, bèn thưa “*văn Phật nhu nhuyễn âm*” (nghe âm thanh mềm mỏng của đức Phật). Vì thế nói là “*cử Thật*” (nêu ra Thật) thì tâm đại chúng do đạt được Thật mà vui sướng. Trong phần trước, đã cạy vào ngôn từ để tán thán, trước là Thật, sau là Quyền, nhằm chỉ rõ từ Thật mà dẫn khỏi Quyền. Nay chấm dứt lời tán thán bằng ngôn từ [theo thứ tự] “trước Quyền, sau Thật” là vì muốn gom Quyền về Thật.

2.1.1.1.1.2.1.2. Nêu ra cảnh dứt bật ngôn từ

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thủ yếu ngôn chí, vô lượng vô biên vị tăng hữu pháp, Phật tất thành tựu.

(經)舍利弗！取要言之，無量無邊未曾有法，佛悉成就。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Nói tóm lại, vô lượng vô biên các pháp chưa từng có, Phật đều thành tựu).

“*Thủ yếu*”: Nêu bày đầu mối, còn nói là “*nêu đại lược*”. “*Vô lượng vô biên*” là nói đến Quyền. “*Vị tăng hữu pháp*” (Pháp chưa từng có) là nói về Thật. Nói hai chuyện ấy Phật đã đều thành tựu, do tu đạo mà đạt được thì chuyện ấy có thể nói. Nếu chỉ nói một chuyện, ắt chẳng nên nói là “*tất*” (悉, đều). “*Tất*” tức là nói cả Quyền lẫn Thật đều chẳng thể nghĩ bàn.

Phần thứ nhất, nêu lên nguyên do dứt bật lời tán thán đã xong.

2.1.1.1.1.2.2. Thẳng thừng ngăn dứt sự tán thán bằng ngôn từ

2.1.1.1.1.2.2.1. Dứt bất sự tán thán bằng ngôn từ

(Kinh) Chỉ! Xá Lợi Phất! Bất tu phục thuyết.

(經)止! 舍利弗! 不須復說。

(Kinh: Thôi! Xá Lợi Phất! Đừng nên nói nữa).

Pháp này sâu xa, vắng lặng, ngôn ngữ dứt bất, Thễ chẳng thể nói được. Vì thế, [thốt lời] ngăn trở để tán thán. Nếu từ bi giảng nói, nghe rồi chẳng thể hiểu, sẽ tổn thương thiện căn. Vì thế, ngăn trở [đừng thừa hỏi nữa].

2.1.1.1.1.2.2.2. Giải thích ý ngăn trở tán thán

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Phật sở thành tựu đệ nhất hy hữu nan giải chi pháp, duy Phật dữ Phật, nữ năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Sở vị: Chư pháp như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh đẳng.

(經)所以者何? 佛所成就第一希有難解之法, 唯佛與佛, 乃能究盡諸法實相。所謂: 諸法如是相, 如是性, 如是體, 如是力, 如是作, 如是因, 如是緣, 如是果, 如是報, 如是本末究竟等」。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Phật đã thành tựu pháp hiếm có, khó hiểu bậc nhất, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp, tức là các pháp tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, góc ngọn rốt ráo bình đẳng như thế).

Đây là giải thích lý do “vì sao ngăn trở tán thán”. Có hai ý:

- Một, Phật là bậc tối thượng, thành tựu tu đắc pháp tối thượng. Vì thế, chẳng thể nói, tức là nói theo trí huệ có thể thấu hiểu rốt ráo.

- Hai là cảnh giới rất sâu chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, chẳng thể nói, tức là nói theo Thật Tướng của pháp được thấu hiểu rốt ráo.

“Thành tựu” đối lập với “chẳng thành tựu”. “Đệ nhất” tương phản với “chẳng phải đệ nhất”. “Hy hữu” tương phản với “bất hy hữu”, “khó hiểu” đối lập với “chẳng khó hiểu”. Dem quả đối ứng với cái nhân, tự đối ứng với tha, cần phải xét theo giáo vị¹³⁹, phân biệt, chọn lọc cặn kẽ những kẻ khác, hồng hiển thị Phật là bậc tối thượng. Quyền Thật theo chiều ngang trọn vẹn, cho nên chẳng thể nói, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo.

[Chúng sanh nghe Phật thuyết pháp] chẳng đầu và chẳng giữa, chỉ đạt được một phần, chưa tới cùng nguồn cội, như trăng đêm Mười Bốn, tác dụng của ánh trăng chưa trọn vẹn. Chỉ riêng Phật với Phật mới thấu hiểu rốt ráo ngần mé, như trăng đêm Rằm, Thể không gì chẳng tròn đầy, ánh sáng không đâu chẳng trọn khắp, nhằm hiển thị Quyền Thật theo chiều dọc sâu xa. Do tu đạo mà đạt được, cho nên chẳng thể nói!

“*Thật Tướng của các pháp*”: Nêu đại lược cảnh Quyền Thật rất sâu! “*Chư pháp*” chính là bách giới thiên như, tức là Quyền trong Thật. “*Thật Tướng*” là nói đến lý thể Trung Đạo, tức là Thật nơi Quyền. Đó gọi là “*chư pháp bình đẳng như thể đó*”. Để giải thích cặn kẽ cảnh Quyền Thật rất sâu, cần phải lập ra bốn lượt giải thích:

- Một là dựa theo mười pháp giới.
- Hai là dựa theo Phật pháp giới.
- Ba là xét theo sự ly hợp (tách ra hay gộp vào).
- Bốn là xét theo địa vị.

Kinh nói “*chư pháp*”, cho nên dùng mười pháp giới để giải thích. Kinh nói “*Phật sở thành tựu hy hữu chi pháp*” (Phật đã thành tựu pháp hiếm có), cho nên dùng Phật pháp giới để giải thích. Kinh nói “*chỉ chỉ, bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư*” (thôi, thôi, chẳng cần nói, pháp của ta mầu nhiệm khó nghĩ), cho nên dùng tách ra hay gộp vào để giải thích. Kinh nói: “*Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu tận*” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tới cùng); vì thế, dùng địa vị để giải thích.

a) Một là xét theo mười pháp giới, [mười pháp giới] tức là lục phàm tứ thánh (sáu đường và bốn thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật). Pháp tuy vô lượng, chẳng ra ngoài con số mười. Trong mỗi pháp giới, tuy lại có nhiều chi phái, nhưng chẳng ra khỏi Thập Như. Như địa ngục giới, chia ra sẽ có đủ tướng, tánh, cho đến bốn mặt [của địa ngục giới], mà cũng có đủ tướng, tánh, bốn mặt... của

¹³⁹ “*Giáo vị*” ở đây là nói theo ngũ vị giáo trong kinh Niết Bàn, tức các vị sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ.

súc sanh giới, cho đến cũng có đủ tướng, tánh, bốn mặt... của Phật pháp giới, chẳng hề khuyết giảm. Vì thế, A Tỳ Đàm Tỳ Bà Sa viết: “*Địa ngục đạo thành tựu pháp của Tha Hóa Thiên*”, tức là nói theo lệ này. Chín pháp giới kia cũng giống như thế. Hãy nên biết: Mỗi pháp giới đều có đầy đủ Thập Như của chín pháp giới kia. Nếu chiếu theo Thập Như thuộc chín pháp giới, thuộc vào địa vị của chính mình, thì gọi là Quyền. Chiếu theo Thập Như của Phật giới thuộc địa vị của chính mình thì gọi là Thật. Trong một, có trọn đủ vô lượng; trong vô lượng có một. Vì thế, gọi là “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn). Phạm phu tuy có đủ, nhưng tuyệt lý, mê tình (tự coi thường [bản thân], cho là chính mình chẳng có phần, cho nên nói là “*tuyệt lý*”. Suy nghĩ theo dị kiến, cho nên nói là “*mê tình*”). Nhị Thừa tuy có đủ, nhưng xả ly cầu thoát (ba đường chính là [cảnh giới đề ngộ chân thường], nhưng họ bỏ đó, chẳng quán, né tránh Không để cầu Không, đâm ra [Quyền Thật sẵn có ấy] trở thành phương tiện giúp cho sự giải thoát nhỏ nhoi). Bồ Tát tuy có đủ, nhưng do chẳng chiếu trọn vẹn, cho nên gọi là “*chẳng rõ ràng*” (Tạng Giáo và Thông Giáo chiếu theo lục đạo, Biệt Giáo chiếu theo thứ tự. Vì thế nói là “*chẳng trọn vẹn*”). Như Lai hiểu thấu triệt, chiếu dọc lẫn chiều ngang đều trọn đủ (vô lượng trong một là “*chiều ngang*”. Vô lượng chính là một, tức là “*chiều dọc*”. Nhiều và một chính là lẫn nhau; vì thế nói “*trọn đủ*”), chỉ riêng Phật hiểu rõ, những kẻ khác chẳng thấy, chẳng thể tuyên nói, giải bày. Vì thế, “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*” (thôi, thôi, hãy dứt lời). Do phần Huyền Nghĩa trong phần trước đã nói rồi, cho nên nay không ghi căn kể.

b) Xét theo Phật pháp giới để giải thích: Phật giới chẳng có tướng, chẳng phải là không có tướng, mà nói “*như thị tướng*”, tức là nói đến nhân duyên của vạn thiện. Vì thế, kinh văn trong phần sau viết “*chúng bảo trang hiệu*” (các thứ báu trang hoàng). Phật giới chẳng phải là tánh, mà cũng chẳng phải là không có tánh, mà nói là “*như thị tánh*”, tức là nói đến liễu nhân của trí huệ. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*hữu đại bạch ngưu*” (có trâu trắng lớn). Phật giới chẳng phải là Thê, chẳng phải là không có Thê, mà nói “*như thị Thê*”, chính là nói đến chánh nhân của Thật Tướng. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói “*kỳ xa cao quảng*” (xe ấy cao rộng). Phật giới chẳng phải là lực, chẳng phải không là lực, mà nói “*như thị lực*”, tức là từ lực, thiện căn lực v.v... của Bồ Đề đạo tâm. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*hựu ư kỳ thượng, trưng thiết hiển cái*” (lại trên xe ấy chưng bày tàn lọng). Phật giới chẳng phải là tác, chẳng phải là bất tác, mà nói “*như thị tác*”, tức là nói đến tùy ý vô

công dụng đạo. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*kỳ tạt như phong*” (nhanh như gió). Phật giới chẳng phải nhân, chẳng phải không là nhân, mà nói “*như thị nhân*” chính là nói tới bốn mươi một địa vị. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*thừa thị bảo thừa, du vu tứ phương*” (ngồi xe báu ấy dạo chơi bốn phương). Phật giới chẳng phải duyên, mà cũng chẳng phải không là duyên, mà nói “*như thị duyên*”, tức là nói đến hết thảy trợ Bồ Đề đạo. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*hựu đa bộc tụng, nhi thị vệ chi*” (có nhiều tôi tớ theo hầu và bảo vệ). Phật giới chẳng phải quả, chẳng phải không là quả, mà nói là “*như thị quả*”, tức là nói đến Diệu Giác rạng ngời, viên nhân ắt chứng đắc. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*trực chỉ đạo tràng*” (tới thẳng đạo tràng). Phật giới chẳng phải là báo mà cũng chẳng phải không là báo, mà nói “*như thị báo*”, tức là nói đến Đại Bát Niết Bàn. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*đắc vô lượng vô lậu thanh tịnh chi quả báo*” (đạt được quả báo vô lượng vô lậu thanh tịnh). Phật giới chẳng phải gốc, chẳng phải ngọn, mà nói là “*bốn mặt*” thì “*bốn*” (gốc) là Phật tướng, “*mặt*” (ngọn) tức là Phật báo. Đó là tự hành Quyền. Phật chẳng bình đẳng, chẳng bất bình đẳng, mà nói “*cứu cánh đẳng*” (rót ráo bình đẳng) tức là nói đến Thật Tướng. Vì thế, gọi chương này là Thật Tướng, tức là tự hành Thật. Từ ngay nơi Thật mà là Quyền; vì thế nói là “*bốn mặt*”. Từ ngay nơi Quyền mà là Thật, cho nên nói “*đẳng*”.

Hỏi: - Phật giới ở đây có gì khác với Phật giới trong mười pháp giới thuộc phần trước?

Đáp: - Trong phần trước là còn đang mê, đang ở trong nhân, thông với ngộ, thông với quả. Còn ở đây chỉ có quả, chẳng thông với nhân và mê. Vì thế, mỗi pháp đều sử dụng [cách nói] “*song phi*” (đều chẳng phải), “*phi tướng*” tức là chẳng Giả, “*phi bất tướng*” tức là chẳng Không. Tuy nêu ra “*song phi*”, vẫn có ý nghĩa Tam Đế. Chín pháp giới kia cứ chuẩn theo đây sẽ biết, bèn biết “*bốn mặt cứu cánh đẳng*”. Như thế thì mới gọi là “*Phật Thừa rót ráo*”. Vì thế, đều dùng kinh văn nói về cỗ xe to để tổng kết.

Xét theo kinh văn trong phẩm này, chính là Thật Tướng sẵn có của các pháp trong Phật quả. Trong phần nói Thí Dụ thì chính là cỗ xe lớn trang nghiêm để đến đạo tràng. Đối với đời trước thì chính là chỗ khai Quyền hiển Thật nơi quả Phật tột cùng. Trong Bốn môn, chính là diệu pháp được khế nhập bởi vị Phật đã thành Phật từ lâu. Nếu đã hiểu phần Chánh Tông, há còn mê đối với phần Lưu Thông ư? Đối với một câu, một kệ như thế mà có thể hết sức tin tưởng, thì thuyết “*tam đức*,

tam quỹ”¹⁴⁰ sẽ rạng ngời trước mắt. Nếu hiểu ý này, dầu diễn nói rộng rãi suốt tám năm¹⁴¹, đều chẳng ra ngoài một niệm. Trải suốt năm mươi tiểu kiếp, nghiêm nhiên giống như một sát-na! Phỏng theo đó, sẽ biết giáo pháp thích hợp căn cơ suốt một đời của đức Phật ở ngay trong tâm tánh. Mười phương Phật sự rành rành trước mắt. Căn tánh của pháp giới hể nắm vững dễ thông, tùy nghi diễn nói, đều chỉ về Tạng lý.

Đây là tự hành Quyền Thật của Như Lai, vô thượng nhất. Vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo theo chiều ngang rộng rãi, theo chiều dọc sâu thăm, chẳng có gì hơn được! Vì thế, nêu bày “*Thật Tướng của các pháp*”. Phỏng theo lệ ấy, cũng nên nói Thật Tánh, Thật Thể, Thật Lực, cho đến Cứu Cánh Đẳng của các pháp, [nhưng chánh kinh] chỉ nêu lên một điều (tức Thật Tướng của các pháp) để nói gộp chung đó thôi. Như Lai chiếu trọn khắp, ngang lẫn dọc đều trọn vẹn, như nhìn vào trái cây trong lòng bàn tay. Chỉ vì phàm phu giống như hai mắt đều mù, Nhị Thừa như mắt chột, Bồ Tát như nhìn trong đêm tối, mờ lung chẳng biết rõ, chẳng thể nói được! Vì thế, “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*” (thôi thôi, đừng nói).

c. Xét theo tách ra hay gộp vào để giải thích. Như tâm Phật quán thập giới Thập Như thì vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo đều chỉ là một Phật pháp giới. Như biển gồm thấu muôn dòng, như ngàn chiếc xe đi cùng một đường. Đây chính là Tự Hành Quyền Thật. Nếu thuận theo ý của người khác, bèn có Thập Như, tánh, tướng v.v... của chín pháp giới; tức là Hóa Tha Quyền Thật. Hóa Tha tuy vẫn có Thật, nhưng đều gộp chung vào Quyền; tự hành tuy vẫn có Quyền, nhưng đều gộp chung vào Thật, tức là Tự Hành Hóa Tha Quyền Thật. Thuận theo người khác thì là Khai, thuận theo chính mình thì là Hợp. Ngang dọc đều chiếu trọn vẹn, khai hợp tự tại. Tuy tách ra vô lượng, nhưng vô lượng là một. Tuy gộp lại làm một, một mà vô lượng. Tuy [dường như có] “vô lượng” và “một”, mà chẳng phải một, chẳng phải vô lượng! Tuy chẳng

¹⁴⁰ Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát. Tam Quỹ (三軌) là một khái niệm trong tông Thiên Thai, hàm ý “*ba pháp có thể dùng làm khuôn phép*”, tức là:

1. Chân Tánh Quỹ: Chẳng hư ngụy là Chân, chẳng thay đổi là Tánh. Chân Tánh Quỹ chính là bản thể của Chân Như Thật Tướng.
2. Quán Chiếu Quỹ: Trí huệ quán thấu đạt chân tánh.
3. Tư Thành Quỹ: Trí giúp cho việc quán chiếu khiến cho vạn hạnh trong chân tánh được khai phát.

¹⁴¹ Theo cách phân giáo của tông Thiên Thai, thời Pháp Hoa được đức Phật nói trong suốt tám năm.

phải một, chẳng phải vô lượng, mà là một, là vô lượng. Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận. Phàm phu phi báng, chẳng tin; Nhị Thừa mê mờ, chẳng tiếp nhận; Bồ Tát chẳng hiểu rõ cội gốc của trần. Do vì nghĩa này, bèn “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*”.

d. Bốn là xét theo địa vị để giải thích. “*Như thị tướng*” là hết thảy chúng sanh đều có Thật Tướng, vốn tự sẵn có. Đây chính là tướng mạo của Như Lai Tạng. “*Như thị tánh*” tức là tánh đức trí huệ Đệ Nhất Nghĩa Không. “*Như thị thể*” chính là lý pháp tánh Trung Đạo. Đó là Tam Đức chung cho cả mười pháp giới, địa vị nào cũng đều có. Nếu thấu hiểu ba đức ấy, sẽ dự vào địa vị Thập Tín, bèn gọi là “*như thị lực, như thị tác*”. Dự vào bốn mươi một địa vị, thì gọi là “*như thị nhân, như thị duyên*”. Nếu đạt tới địa vị Phật thì gọi là “*như thị quả, như thị báo*”. Ba món đầu gọi là Bản, ba món sau gọi là Mạt. Trước sau đều là ba đức, gọi là Cứu Cánh Đẳng. Tam Đức nơi địa vị đầu tiên thì thông với ác và thiện, thông hiền, thông thánh, thông Tiểu, thông Đại, thông với khởi đầu, thông với cùng cực (kết quả cuối cùng). Dầu ở trong ác mà chẳng chìm, tuy ở nơi thiện mà chẳng thăng lên. Tuy ở nơi hiền mà chẳng thấp kém, tuy ở nơi thánh mà chẳng cao. Tuy ở nơi Tiểu mà chẳng hẹp hòi, tuy ở nơi Đại mà chẳng rộng rãi. Tuy ở khởi đầu mà chẳng mới mẻ. Tuy ở tốt bậc mà chẳng cũ kỹ! Vì thế nói là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nói được. Vì thế, “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*”.

Lại nữa, “*tam đức cứu cánh đẳng*” (tam đức rốt ráo bình đẳng) là tướng và tánh của mười pháp giới, Quyền Thật gộp vào, tách ra, sai biệt ngàn ấy. Dùng bình đẳng đại huệ để như thật quán, “*cứu cánh giai đẳng*” (rốt ráo đều bình đẳng). Nếu mê cảnh này, bèn có tánh tướng của sáu pháp giới, gọi là Thế Đế. Nếu hiểu cảnh này, tức là có tánh, tướng của Nhị Thừa, gọi là Chân Đế. Thấu đạt điều này, chẳng mê, chẳng hiểu, tức là có tướng tánh của Bồ Tát giới và Phật giới, tức Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nếu dùng huệ ấy để bình đẳng xem xét Tục Đế, Tục Đế chẳng phải là mê. Bình đẳng xem xét Chân Đế thì Chân Đế chẳng phải là giải. Chẳng phải giải, chẳng phải mê, đều chẳng phải là mê hay giải, chỉ gọi là “*bình đẳng*”. Nếu song chiếu thì Quyền chính là Thật, Thật chính là Quyền, tuy hai mà chẳng hai; cũng gọi là Cứu Cánh Đẳng (đây là dựa theo Hoặc để thấu hiểu Đẳng).

Lại nữa, đối với cảnh Quyền Thật bất nhị, [chúng sanh thuộc về] bảy loại phương tiện đều chẳng thể dùng trí bất nhị để coi cảnh bất nhị là bình đẳng được. Chỉ có chư Phật dùng trí bất nhị để coi cảnh bất nhị

bình đẳng. Vì thế nói là Cứu Cánh Đẳng (đó là bình đẳng xét theo người).

Lại nữa, nay căn cơ Đại Thừa được kích phát, chẳng nói về “tướng, tánh” của chín giới mà nói thẳng thừng “tướng, tánh” của hết thảy, đều nhập vào trong tướng, tánh của Phật giới. Các giáo trước đó chưa nói, tức xưa chẳng bình đẳng với nay. Giáo pháp hiện thời nói ra, liền biết “*xưa và nay bình đẳng*”. Vì thế nói là “*cứu cánh đẳng*” (đó là sự bình đẳng xét theo giáo).

Lại nữa, sở dĩ phải dùng bốn lượt để giải thích, nhằm chỉ rõ “lý thâm nhiếp trọn khắp”, cho nên dựa theo mười pháp giới để giải thích. Nhằm nói rõ cực chứng cao tốt, cho nên dựa theo Phật giáo để giải thích. Nhằm nói rõ tác dụng giáo hóa của Phật, cho nên xét theo “*hợp lý*” (gộp lại hay tách ra) để giải thích. Nhằm nói rõ Tam Đức trọn khắp, cho nên xét theo các địa vị để giải thích.

Phần thứ nhất, tức phần văn Trường Hàng tán thán hai trí của đức Phật đã xong!

*** Ghi chú của người chuyển ngữ:**

Do phần giảng về Thập Như quá sâu, quá phức tạp, chúng tôi xin trích thêm lời giảng của pháp sư Phổ Hành như sau [để những liên hữu trí huệ cạn kém như mặt nhân có thể hiểu sơ lược về Thập Như]:

“Chư pháp” tức là các pháp thuộc mười pháp giới, từ dưới là địa ngục giới cho đến tột cùng là Phật pháp giới. Mỗi một pháp đều có trọn đủ các đặc tánh như sau: Tướng sai biệt, tánh bất biến, Thể của sắc thân, công dụng lực, công năng tạo tác, nhân chứa đựng quả, duyên hòng giúp cho cái nhân kết thành quả, cái quả do cái nhân cảm thành, báo khổ lạc tương ứng với cái nhân, tướng là gốc, báo là ngọn. Từ gốc đến ngọn, nếu dùng Tam Đế Không, Giả, Trung để quán viên dung, thì chỗ quy kết của chúng đều là lý bình đẳng Thật Tướng. Do vậy nói “như thị tướng” cho đến “như thị bốn mặt cứu cánh đẳng”.

2.1.1.1.2. Trùng tụng

2.1.1.1.2.1. Kệ tụng về chuyện mượn ngôn từ để tán thán hai trí

Đối chiếu kệ tụng với phần kinh văn [Trường Hàng] trên đây, sẽ có [cách nói] cặn kẽ hay đại lược sai khác hòng dễ hiển lộ.

2.1.1.1.2.1.1. Kệ nói gộp lại để tán thán nhị Phật, nhị trí

Phần kinh văn Trường Hàng đối với hai vị Phật đều tán thán, biểu thị hóa duyên khác nhau. Trong kệ tụng, gộp hai vị Phật lại để tán thán, nhằm biểu thị hai trí tương đồng.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhị thuyết kệ ngôn: - Thế Hùng bất khả lượng, chư thiên cập thế nhân, nhất thiết chúng sanh loại, vô năng tri Phật giả. Phật lực, vô sở úy, giải thoát chư tam-muội, cập Phật chư dư pháp, vô năng trắc lượng giả.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「世雄不可量，諸天及世人，一切眾生類，無能知佛者。佛力無所畏，解脫諸三昧，及佛諸餘法，無能測量者。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Thế Hùng¹⁴² chẳng thể lường, chư thiên và người đời, hết thảy loài chúng sanh, không ai hiểu biết Phật. Phật lực, vô sở úy, giải thoát, các tam-muội, và các pháp khác của Phật, không ai suy lường nổi).

Bài kệ thứ nhất trùng tụng chung Thật Trí của hai vị Phật. Bài kệ thứ hai, trùng tụng chung Quyền Trí của hai vị Phật. “Chư dư pháp” (Các pháp khác): Tức là hóa tha Quyền Thật, tức là dùng tự hành để hóa tha. Từ trong một pháp, mở ra vô lượng. Tất cả các phương tiện, không gì chẳng từ ngay nơi Quyền mà chính là Thật. Vì thế, cũng chẳng thể suy lường.

2.1.1.1.2.1.2. Kệ tụng gộp chung hai vị Phật để giải thích lời tán thán và kết lại lời tán thán

(Kinh) Bốn tòng vô số Phật, cụ túc hành chư đạo, thậm thâm vi diệu pháp, nan kiến, nan khả liễu. Ư vô lượng ức kiếp, hành thử chư đạo dĩ, đạo tràng đắc thành quả, ngã dĩ tất tri kiến.

¹⁴² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật là bậc anh hùng tuyệt thế, có thể hiểu những điều mà người đời chẳng hiểu được, có thể hành những điều người đời khó hành, có thể chứng những điều người đời khó chứng, có thể đoạn những điều người đời khó đoạn. Vì thế, gọi là Thế Hùng”.

(經)本從無數佛，具足行諸道，甚深微妙法，難見難可了。於無量億劫，行此諸道已，道場得成果，我已悉知見。

(Kinh: Vốn từ vô số Phật, hành trọn đủ các đạo, pháp vi diệu rất sâu, khó thấy, khó thể hiểu. Trong vô lượng ức kiếp, đã hành các đạo ấy, đắc quả nơi đạo tràng, ta đều thấy biết trọn).

Bài tụng này nhằm giải thích và kết lại ý nghĩa của hai chương trước, nhưng văn tự biến hóa, chẳng cần phải ghép đôi ứng từng câu. Bởi lẽ, nói đến hai pháp Quyền Thật vi diệu rất sâu, sẽ là khó thấy, khó hiểu nhất. Do ta và chư Phật vốn đã ở nơi vô số vị Phật, hành đầy đủ trọn hết vô lượng đạo pháp. Do trong vô lượng kiếp đã hành đạo ấy, bèn ngồi nơi đạo tràng, thành tựu Phật quả. Vì thế, có thể thấy biết trọn hết pháp vi diệu Quyền Thật này. Trong vô lượng kiếp, hành đạo trọn đủ. Vì thế, Quyền Trí viên mãn, thành chánh quả nơi đạo tràng. Do vậy, Thật Trí viên mãn. Đây cũng là xét theo nhân quả để luận định Quyền Thật.

Phần thứ nhất, dựa vào ngôn từ đề tán thán hai trí đã xong.

2.1.1.1.1.2.2. Kệ tụng về chuyện dứt bật ngôn từ tán thán hai trí

2.1.1.1.1.2.2.1. Kệ tụng giải thích ý nghĩa vì sao Phật dạy “thôi tán thán”

(Kinh) Như thị đại quả báo, chủng chủng tánh tướng nghĩa, ngã cập thập phương Phật, nãi năng tri thị sự.

(經)如是大果報，種種性相義，我及十方佛，乃能知是事。

(Kinh: Quả báo lớn như thế, các thứ nghĩa tánh, tướng... Ta và mười phương Phật, mới biết chuyện như thế).

Đây là trùng tụng ý nghĩa “chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp bình đẳng”. Đầu tiên là nêu ra quả báo; sau đó, nêu ra tánh và tướng trước hết [đề đại diện], các thứ trong khoảng giữa (tức các món Như Thị còn lại trong Thập Như Thị) sẽ có thể biết. “Đại quả báo” tức là quả báo màu nhiệm. “Các thứ tánh,

tướng” chính là trăm giới ngàn pháp sai biệt bất đồng. “Nghĩa” chính là Cứu Cánh Đẳng.

2.1.1.1.2.2. Trùng tụng chuyện dứt tuyệt ngôn từ tán thán

(Kinh) Thị pháp bất khả thị, ngôn từ tướng tịch diệt, chư chúng sanh loại, vô hữu năng đắc giải. Trừ chư Bồ Tát chúng, tín lực kiên cố giả.

(經)是法不可示，言辭相寂滅，諸餘眾生類，無有能得解。除諸菩薩眾，信力堅固者。

(Kinh: Pháp này chẳng thể chỉ, tướng ngôn từ tịch diệt, các loài chúng sanh khác, chẳng ai có thể hiểu. Trừ các vị Bồ Tát, có tín lực kiên cố).

Đây là trùng tụng ý chỉ “*hãy thôi đi, chẳng cần nói nữa*”. “*Thị pháp*” (Pháp này) tức là diệu cảnh Quyền Thật được chiếu bởi hai trí (Quyền Trí và Thật Trí) của chư Phật. Đó gọi là “*Thật Tướng của các pháp bách giới thiên như chẳng thể nghĩ bàn*”. Thật Tướng chẳng có nơi chốn; vì thế, chẳng thể chỉ bày, chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn tả được. Do vậy, “*ngôn từ tướng tịch diệt*”. Dầu Phật có thể nói pháp “*chẳng thể nói*” này, nhưng chúng sanh chẳng thể nào hiểu được! Vì thế, “*thôi đi, chẳng cần nói nữa!*” Do đã chẳng thể hiểu được, vậy thì pháp sẽ trọn chẳng thể truyền ư? Do đó, nói “*trừ chư Bồ Tát chúng, tín lực kiên cố giả*” (trừ các vị Bồ Tát là những người có tín lực kiên cố) thì có thể hiểu được! “*Tín lực kiên cố*” là nói tới bậc Thập Tín trong Viên Giáo. Tiếp theo đây, nói cặn kẽ các chúng sanh khác đều chẳng thể hiểu được.

(Kinh) Chư Phật đệ tử chúng, tăng cúng dường chư Phật, nhất thiết lậu dĩ tận, trụ thị tối hậu thân. Như thị chư nhân đẳng, kỳ lực sở bất kham! Giả sử mãn thế gian, giai như Xá Lợi Phất, tận tư cộng độ lượng, bất năng trắc Phật trí. Chánh sử mãn thập phương, giai như Xá Lợi Phất, cập dư chư đệ tử, diệt mãn thập phương sát, tận tư cộng độ lượng, diệt phục bất năng tri! Bích Chi Phật lợi trí, vô lậu tối hậu thân, diệt mãn thập phương giới, kỳ số như trúc lâm, tư đẳng cộng nhất tâm, ư ức vô lượng kiếp, dục tư Phật Thật Trí, mặc năng tri thiếu

phần. Tân phát ý Bồ Tát, cúng dường vô số Phật, liễu đạt chư nghĩa thú, hữu năng thiện thuyết pháp, như đạo, ma, trúc, vò, sung mần thập phương sát, nhất tâm dĩ diệu trí, u Hằng hà sa kiếp, hàm giai cộng tư lượng, bất năng tri Phật trí. Bất thoái chư Bồ Tát, kỳ số như Hằng sa, nhất tâm cộng tư cầu, diệc phục bất năng tri.

(經)諸佛弟子眾，曾供養諸佛，一切漏已盡，住是最後身。如是諸人等，其力所不堪！假使滿世間，皆如舍利弗，盡思共度量，不能測佛智。正使滿十方，皆如舍利弗，及餘諸弟子，亦滿十方刹，盡思共度量，亦復不能知！辟支佛利智，無漏最後身，亦滿十方界，其數如竹林，斯等共一心，於億無量劫，欲思佛實智，莫能知少分。新發意菩薩，供養無數佛，了達諸義趣，又能善說法，如稻麻竹葦，充滿十方刹，一心以妙智，於恒河沙劫，咸皆共思量，不能知佛智。不退諸菩薩，其數如恒沙，一心共思求，亦復不能知。

(Kinh: Các đệ tử chư Phật, từng cúng dường chư Phật, hết thấy lậu đã hết, trụ nơi thân cuối cùng. Những người như thế đó, sức đều chẳng kham được! Giả sử đầy thế gian, đều như Xá Lợi Phất, vắt óc cùng suy lường, chẳng thể dò Phật trí. Dầu trọn khắp mười phương, đều như Xá Lợi Phất, và các đệ tử khác, cũng trọn mười phương cõi, vắt óc cùng suy lường, vẫn chẳng thể biết nổi! Bích Chi Phật trí sáng, thân vô lậu cuối cùng, cũng đầy mười phương cõi, số nhiều như rừng trúc, bọn họ cùng một lòng, trong ức vô lượng kiếp, mong suy Phật Thật Trí, chẳng thể biết chút phần. Tân phát ý Bồ Tát, cúng dường vô số Phật, liễu đạt các nghĩa thú, lại hay khéo thuyết pháp, như lúa, mè, tre, lau, đầy ấp mười phương cõi, nhất tâm dùng trí mầu, trong Hằng hà sa kiếp, đều cùng nhau suy lường, chẳng thể biết Phật trí. Các Bồ Tát bất thoái, số như cát sông Hằng, nhất tâm cùng nghĩ cầu, cũng chẳng thể biết được!)

Sáu câu đầu vạch rõ: Hàng lậu tận đệ tử chẳng biết. Bốn câu kế tiếp, chỉ ra ngài Xá Lợi Phất không biết. Phần thứ ba gồm sáu câu, vạch ra các đại đệ tử chẳng biết. Phần thứ tư gồm tám câu, chỉ ra Bích Chi Phật chẳng biết. Bích Chi Phật nghịch thuận quán mười hai nhân duyên, vì thế gọi là “*lợi trí*” (trí huệ nhạy bén, thông sáng). “*Phật Thật Trí*”: Tự hành Quyền Thật đều gọi là Thật. Phần thứ năm gồm mười câu, chỉ ra hàng phát tâm Bồ Tát chẳng biết. Hoặc là nói những người tu Lục Độ ba A-tăng-kỳ kiếp nhưng chưa đoạn Hoặc, hay là nói đến người phát tâm trong hai giáo Thông và Biệt, họ đối với giáo của chính mình đều có thể liễu đạt nghĩa thú Tứ Đế, nương theo đó mà phát khởi Tứ Hoằng Thệ Nguyện, ai nấy đều có thể phô diễn đạo pháp thuộc giáo của mình, lần lượt so với những người thuộc các loại trước đó, đều có thể xưng là bậc diệu trí. Như Tạng Giáo do siêu việt thế gian, nên gọi là Diệu; Thông Giáo do liễu đạt “[vạn pháp] chính là Không”, cho nên là Diệu; Biệt Giáo do ngưỡng vọng, tin tưởng Trung Đạo nên là Diệu. Phần thứ sáu gồm bốn câu, vạch rõ Bất Thoái Bồ Tát chẳng biết. Thông Giáo đoạn trừ phiền Hoặc thuộc giới nội, dẫu đắc bất thoái, nhưng chẳng biết biệt lý Trung Đạo. Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) thuộc Biệt Giáo, tuy đắc Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái, chẳng biết Trung Đạo “*trọn đủ hết thấy các pháp, chính là hết thấy các pháp*”.

2.1.1.1.1.2.2.3. Trùng tụng cảnh dứt bật ngôn từ

(Kinh) Hựu cáo Xá Lợi Phất! Vô lậu bất tư nghị, thậm thâm vi diệu pháp, ngã kim dĩ cụ đắc. Duy ngã tri thị tướng, thập phương Phật diệc nhiên.

(經)又告舍利弗！無漏不思議，甚深微妙法，我今已具得。唯我知是相，十方佛亦然。

(Kinh: Lại bảo Xá Lợi Phất! Vô lậu chẳng nghĩ bàn, pháp vi diệu rất sâu, ta nay đã đạt đủ. Chỉ ta biết tướng ấy, mười phương Phật cũng thế).

Đây là phần kệ tụng nói về vô lượng vô biên pháp chưa từng có, Phật đều đã thành tựu. Hai câu cuối cùng cũng là trùng tụng “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo Thật Tướng của các pháp bình đẳng*”. “*Vô lậu*” là Thật Tướng thuần nhất. Ngoài Thật Tướng, chẳng có

pháp nào khác! “*Bất tư nghị*” (Chẳng nghĩ bàn): Tâm hành xú diệt, ngôn ngữ dứt bật. “*Thậm thâm vi diệu*” (Rất sâu vi diệu): Chỉ có chư Phật chứng nhập, khế ngộ! Do lại nương theo nghĩa vô lậu, đối với Thập Như trong phần trước, nếu xét theo mười pháp giới để giải thích, Thập Như của mười pháp giới gồm thâm lý tánh của phàm lẫn thánh chẳng sơ sót, thâm nhiếp Tam Đế chẳng sơ sót, thâm nhiếp Quyền Trí và Thật Trí chẳng sơ sót. Do nương theo nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, Thập Như trong phần trước nếu xét theo nghĩa “*khai, hợp*” để giải thích, thì ngay nơi Quyền chính là Thật, ngay nơi Thật chính là Quyền, cho nên chẳng thể nghĩ bàn, do nương theo nghĩa vi diệu rất sâu! Đối với Thập Như trong phần trước, xét theo Phật pháp giới để giải thích thì là nương theo [ý nghĩa] “*chỉ có ta biết nghĩa ấy*”. Đối với Thập Như trong phần trước, xét theo địa vị để giải thích, hai đẳng đều có thể biết.

Trong phần khai hiển đại lược, phần thứ nhất là văn Trường Hàng và Trùng Tụng tán thán hai trí của Phật đã xong.

2.1.1.1.2. Kệ tụng trùng tuyên chuyện khi đức Phật đại lược khai Quyền hiển Thật, [hàng Nhị Thừa] đảnh động chấp trước, sanh nghi

2.1.1.1.2.1. Chư Phật hiển Thật

(*Kinh*) **Xá Lợi Phất đương tri: Chư Phật ngữ vô dị, ư Phật sở thuyết pháp, đương sanh đại tín lực. Thế Tôn pháp cứu hộ, yếu đương thuyết chân thật.**

(經)舍利弗當知：諸佛語無異，於佛所說法，當生大信力。世尊法久後，要當說真實。

(*Kinh*: **Xá Lợi Phất nên biết: Chư Phật nói chẳng khác, đối với pháp Phật nói, nên sanh đại tín lực. Pháp Thế Tôn lâu sau, phải nên nói chân thật.**)

“*Chư Phật ngữ vô dị*” (Lời chư Phật chẳng khác): Điều này hiển thị chư Phật giáo hóa giống nhau. Hai câu kệ đó nhằm khuyến tín. Hai câu sau cùng hiển lộ lẽ Thật. Có thể thấy những điều đã nói từ trước đến nay đều chẳng phải là chân thật. Do [đức Phật] phá trừ sự chấp trước xưa kia, nên nay [đại chúng trong hội] sanh nghi. Trong kinh văn thuộc phần sau, [ngài Xá Lợi Phất có nói] “*tương phi ma tác Phật*” (chẳng phải ma hiện làm Phật ư?) chính là vì do nghe lời này [bèn sanh ngờ vực]. Phật

đã dùng lời chân thật nhằm khuyên tin tưởng, sao lại ngược ngạo sanh nghi? Vì ngăn ngừa “do nghi mà sanh báng”, cho nên cần phải khuyến tín.

2.1.1.1.2.2. Nêu rõ Phật Thích Ca mở ra tam thừa

(Kinh) Cáo chư Thanh Văn chúng, cập cầu Duyên Giác thừa, ngã linh thoát khổ phược, đăi đắc Niết Bàn giả. Phật dĩ phương tiện lực, thị dĩ tam thừa giáo, chúng sanh xú xú trước, dẫn chỉ linh đắc xuất.

(經)告諸聲聞眾，及求緣覺乘，我令脫苦縛，逮得涅槃者。佛以方便力，示以三乘教，眾生處處著，引之令得出」。

(Kinh: Bảo các vị Thanh Văn, và người cầu Duyên Giác, khiến họ thoát khổ trôi, đạt đến đạo Niết Bàn. Phật dùng sức phương tiện, chỉ dạy đạo tam thừa, chúng sanh nơi nơi chấp, dẫn họ thoát ra khỏi).

Bài kệ thứ nhất thẳng thừng chỉ ra: Xưa kia đã lập ra ba thừa. Thanh Văn là Tiểu Thừa, Duyên Giác là Trung Thừa, [còn những ai] ba A-tăng-kỳ tu Lục Độ, thoát khỏi các nỗi khổ ràng buộc, đạt tới Niết Bàn thì chính là Đại Thừa. Hai câu kế tiếp thẳng thừng đả phá: [Cả ba thừa ấy] đều là do phương tiện mà giả nói, toàn là chẳng thật. Hai câu sau nhằm giải thích ý nghĩa vì sao lập bày như thế: Vì dẫn dắt họ thoát khỏi chấp trước, là chuyện bất đắc dĩ đó thôi.

Phần thứ nhất, nêu đại lược về chuyện Khai Quyền Hiển Thật đã xong.

2.1.1.2. Khởi nghi, thưa hỏi

2.1.1.2.1. Trần thuật mối nghi

2.1.1.2.1.1. Lời trần thuật của người kết tập kinh

(Kinh) Nhĩ thời, đại chúng trung hữu chư Thanh Văn, lậu tận A La Hán, A Nhã Kiều Trần Như đẳng, thiên nhị bách nhân, cập phát Thanh Văn, Bích Chi Phật tâm, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, các tác thị niệm.

(經)爾時，大眾中有諸聲聞，漏盡阿羅漢、阿若憍陳如等，千二百人，及發聲聞、辟支佛心、比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，各作是念。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong đại chúng có các vị Thanh Văn, lậu tận A La Hán như A Nhã Kiều Trần Như v.v... một ngàn hai trăm người, và các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di phát tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật, ai nấy nghĩ như thế này).

Trong phần trên, [đức Phật đã] chê trách tam thừa đều là phương tiện. Nay [chánh kinh] chỉ trần thuật hàng Nhị Thừa đầy lòng nghi, là vì họ chấp trước nặng nề, nghi sâu, cho nên riêng nêu ra. Như trong phần sau, khi trần thuật những người ôm lòng nghi, bèn nói số lượng các vị Bồ Tát cầu thành Phật khoảng chừng tám vạn người. Vì thế biết là tam thừa đều khởi lòng nghi.

2.1.1.2.1.2. Nói rõ chuyện sanh nghi

(Kinh) Kim giả Thế Tôn hà cố ân cần xưng tán phương tiện, nhi tác thị ngôn: “Phật sở đắc pháp thậm thâm nan giải, hữu sở ngôn thuyết ý thú nan tri. Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng cập”. Phật thuyết nhất giải thoát nghĩa, ngã đẳng diệc đắc thử pháp, đáo u Niết Bàn, nhi kim bất tri thị nghĩa sở thú!

(經)今者世尊何故殷懃稱歎方便，而作是言：「佛所得法甚深難解，有所言說意趣難知。一切聲聞、辟支佛所不能及」。佛說一解脫義，我等亦得此法，到於涅槃，而今不知是義所趣！

(Kinh: Nay đức Thế Tôn vì lẽ nào ân cần khen ngợi phương tiện, mà nói như thế này: “Đức Phật đạt được pháp rất sâu, khó hiểu, ngôn thuyết do Phật nói ra ý nghĩa khó biết. Hết thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể biết nổi”. Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng đã đắc pháp ấy, đạt tới Niết Bàn, nhưng nay chẳng biết nghĩa này đi về đâu?)

“Hà cổ ngôn Phật sở đắc pháp thậm thâm nan giải” (Vì sao nói “Phật đạt được pháp rất sâu khó hiểu”): Nghi Thật Trí của Phật. “Hà cổ ngôn hữu sở ngôn thuyết ý thú nan tri” (Vì sao nói “ngôn thuyết do Phật nói ra ý nghĩa khó biết”) là nghi Quyền Trí của Phật. Do trước kia, Phật nói ra trí huệ của tam thừa, [chúng sanh thuộc căn cơ tam thừa] cùng chúng chẳng sai kém, chỉ có dư tập (tập khí còn thừa sót) là đã hết hay chưa hết đó thôi! Nay Ngài bỗng ca ngợi hai trí của Như Lai chẳng phải là điều chúng ta có thể đạt được; vì thế, bèn sanh nghi.

Từ câu “Phật thuyết nhất giải thoát nghĩa” (Phật nói một nghĩa giải thoát) trở đi, là tự nghi điều chính mình đã đạt được. Thánh đạo tam thừa là lẽ trọng yếu chân thật để vượt thoát, ta tu lý ấy cũng đạt đến Niết Bàn, nhưng nay đức Phật bỗng nói [các lý ấy] đều là phương tiện, chẳng biết điều gì mới là chân thật? Do vậy nói “chẳng biết nghĩa ấy đi về đâu”.

Phần thứ nhất, trần thuật nghi vấn đã xong.

2.1.1.2.2. Xin giải quyết mỗi nghi

Trong phần này, kinh văn gồm ba lượt thỉnh và hai lần ngăn trở, cộng với một lần ngăn trở trong đoạn trước thành ba lượt ngăn trở. Ngăn trở lần thứ nhất là vì lý sâu khó hiểu. Thỉnh lần đầu là vì mình lẫn người xin được giải trừ mỗi nghi. Ngăn trở lần thứ hai vì [đại chúng nghe pháp ấy sẽ] kinh sợ, ngờ vực chẳng tin. Thỉnh lần thứ hai là vì người gieo căn lành đã lâu ắt đều hiểu. Ngăn trở lần cuối cùng là vì kẻ nào hủy báng [pháp này], ắt堕 vào đường ác. Lần thỉnh cuối cùng là vì hàng lợi căn sẽ được lợi ích. Hoặc có thể hiểu là Phật sẵn biết do dùng ba lượt ngăn trở thì người đạt được lợi ích trước sau sẽ không giống nhau, cho nên ba lượt ngăn trở để được cầu thỉnh ba lần.

2.1.1.2.2.1. Thỉnh lần thứ nhất

2.1.1.2.2.1.1. Trường Hàng

2.1.1.2.2.1.1.1. Nêu bày mỗi nghi về nhị trí

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất tri tứ chúng tâm nghi, tự diệt vị liễu, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân, hà duyên, ân cần xưng tán chư Phật đệ nhất phương tiện thậm thâm vi diệu nan giải chi pháp?”

(經)爾時，舍利弗知四眾心疑，自亦未了，而白佛言：「世尊！何因何緣，慇懃稱歎諸佛第一方便甚深微妙難解之法？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất biết tâm nghi của tứ chúng, chính mình cũng chẳng rõ, bèn bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Do nhân nào, duyên nào mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện rất sâu, vi diệu, khó hiểu bậc nhất của chư Phật?”)

2.1.1.2.2.1.1.2. Nêu bày lời thỉnh

(Kinh) Ngã tự tích lai, vị tăng tòng Phật văn như thị thuyết. Kim giả, tứ chúng hàm giai hữu nghi, duy nguyện Thế Tôn phụ diễn tư sự: Thế Tôn hà cố ân cần xưng tán thậm thâm vi diệu nan giải chi pháp?

(經)我自昔來，未曾從佛聞如是說。今者，四眾咸皆有疑，惟願世尊敷演斯事：世尊何故慇懃稱歎甚深微妙難解之法？」

(Kinh: Con từ xưa đến nay chưa từng nghe Phật nói như thế. Nay, tứ chúng đều có lòng nghi, kính mong đức Thế Tôn nêu bày chuyện này: Vì sao đức Thế Tôn ân cần ca ngợi pháp rất sâu vi diệu khó hiểu?)

2.1.1.2.2.1.2. Kệ tụng

2.1.1.2.2.1.2.1. Trùng tụng mỗi nghi đối với hai trí

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Huệ nhật đại thánh tôn, cứu nãi thuyết thị pháp, tự thuyết đắc như thị, lực vô úy, tam-muội, Thiền Định, giải thoát đẳng, bất khả tư nghị pháp. Đạo tràng sở đắc pháp, vô năng phát vấn giả, ngã ý nan khả trắc, diệc vô năng vấn giả. Vô vấn nhi tự thuyết, xưng tán sở hành đạo, trí huệ thậm vi diệu, chư Phật chi sở đắc.

(經)爾時，舍利弗欲重宣此義，而說偈言：「慧日大聖尊，久乃說是法，自說得如是，力無畏三昧，禪定解脫

等，不可思議法。道場所得法，無能發問者，我意難可測，亦無能問者。無問而自說，稱歎所行道，智慧甚微妙，諸佛之所得。

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đại thánh tôn huệ nhật, nói pháp này đã lâu, tự nói đắc như thế, lực, vô úy, tam-muội, Thiền Định, giải thoát thấy, pháp chẳng thể nghĩ bàn. Pháp đắc nơi đạo tràng, không ai thưa hỏi được, con nghĩ rất khó lường, cũng chẳng thể thưa hỏi. Chẳng hỏi mà tự nói, khen ngợi đạo đã hành, trí huệ rất vi diệu, chư Phật đã đạt được).

“Thị pháp” (Pháp này) là nói đến Thật Trí. “Lực, vô úy đẳng” là nói đến Quyền Trí. “Đạo tràng sở đắc” ([Pháp] đạt được nơi đạo tràng) là tự hành Quyền Thật. “Ngã ý nan khả trắc” (Ý con chẳng thể lường) là nói đến hóa tha Quyền Thật (do là đồng thể phương tiện, cho nên khó lường). “Sở hành đạo”: Kết lại tự hành Quyền. “Phật sở đắc” kết lại tự hành Thật, “vô vấn tự thuyết” (chẳng hỏi mà tự nói) tức kết lại ý nghĩa hóa tha. Nếu chẳng muốn tự hành, hóa độ người khác, sao lại chẳng hỏi mà tự khen ngợi vậy?

2.1.1.2.2.1.2.2. Trùng tụng tứ chúng thuộc tam thừa đều nghi hoặc

(Kinh) Vô lậu chư La Hán, cập cầu Niết Bàn giả, kim giai đọa nghi võng: “Phật hà cố thuyết thị?” Kỳ cầu Duyên Giác giả, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, chư thiên, long, quỷ thần, cập Càn Thát Bà đẳng, tương thị hoài do dự, chiêm ngưỡng Lương Túc Tôn: “Thị sự vi vân hà?” Nguyện Phật vị giải thuyết.

(經)無漏諸羅漢，及求涅槃者，今皆墮疑網：「佛何故說是？」其求緣覺者，比丘比丘尼，諸天龍鬼神，及乾闥婆等，相視懷猶豫，瞻仰兩足尊：「是事為云何？」願佛為解說。

(Kinh: Các La Hán vô lậu, và người cầu Niết Bàn, nay đều đọa lưới nghi: “Vì sao Phật nói vậy?” Những người cầu Duyên Giác, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, các trời, rồng, quỷ thần, cùng với Càn Thát Bà... nhìn

nhau đều do dự¹⁴³, chiêm ngưỡng Lương Túc Tôn¹⁴⁴: Chuyện này là thế nào? Mong Phật giải nói cho).

Câu đầu nói đến Tiểu Thừa, câu thứ hai nói về Lục Độ Đại Thừa. Bài kệ thứ hai nói về Trung Thừa và tứ chúng v.v...

2.1.1.2.2.1.2.3. Kệ tụng nêu ra niềm nghi của chính mình

(Kinh) Ư chư Thanh Văn chúng, Phật thuyết ngã đệ nhất, ngã kim tự trí, nghi hoặc bất năng liễu, vi thị cứu cánh pháp? Vi thị sở hành đạo?

(經)於諸聲聞眾，佛說我第一，我今自於智，疑惑不能了，為是究竟法？為是所行道？

(Kinh: Trong các vị Thanh Văn, Phật nói con bậc nhất, nay trong tâm trí con, ngờ vực, chẳng thể rõ, đó là pháp rốt ráo? Hay là đạo đã hành?)

“Cứu cánh pháp” (Pháp rốt ráo) là quả. “Sở hành đạo” là nhân. Trong đoạn kinh văn trước đó, Phật bài xích pháp tam thừa do Ngài đã dạy đều là phương tiện. Nay con nghi tam thừa, mỗi thừa đều có nhân quả, nương theo lời dạy mà tu chứng, chưa hề sai lầm. Nếu nói đó là phương tiện, chẳng phải là chân thật, thì cái quả đã chứng chẳng thật ư? Hay là cái nhân đã hành chẳng thật ư?

2.1.1.2.2.1.2.4. Kệ tụng về nỗi nghi của Phật tử

(Kinh) Phật khẩu sở sanh tử, hiệp chương, chiêm ngưỡng đĩ, nguyện xuất vi diệu âm, thời vị như thật thuyết.

(經)佛口所生子，合掌瞻仰待，願出微妙音，時為如實說。

¹⁴³ Pháp sư Phổ Hành chú giải: “Do (猶) vốn là tên của một loài thú. Nó vốn dự phòng loài người làm hại, nên có lúc leo tót lên cây, có lúc lại tuột xuống. Vì thế, dùng từ ngữ Do Dự để sánh ví sự nghi hoặc, bất định”.

¹⁴⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Lương Túc Tôn: Phật trọn đủ hai trí Quyền và Thật, tôn quý cao thượng nhất, nên gọi là Lương Túc Tôn”.

(**Kinh:** Con sanh từ miệng Phật¹⁴⁵, chấp tay, chiêm ngưỡng chờ, nguyện thốt ra diệu âm, đúng thời như thật nói).

Đây là nói tới Bồ Tát thuộc Thông Giáo và Biệt Giáo có nghi vấn. Nếu họ chẳng nghi, lẽ nào lại chấp tay, chiêm ngưỡng ư?

2.1.1.2.2.1.2.5. Nêu chung đại chúng cùng nghi để cầu thỉnh

(**Kinh**) *Chư thiên, long, thần đẳng, kỳ số như Hằng sa, cầu Phật chư Bồ Tát, đại số hữu bát vạn. Hựu chư vạn ức quốc, Chuyển Luân Thánh Vương chí, hiệp chưởng dĩ kính tâm, dục văn cụ túc đạo.*

(經)諸天龍神等，其數如恒沙，求佛諸菩薩，大數有八萬。又諸萬億國，轉輪聖王至，合掌以敬心，欲聞具足道」。

(**Kinh:** Các trời, rồng, thần thầy, số như cát sông Hằng, các Bồ Tát cầu Phật, số nhiều đến tám vạn. Lại từ vạn ức nước, Chuyển Luân Thánh Vương đến, chấp tay, tâm kính trọng, muốn nghe đạo trọn đủ¹⁴⁶).

Lần “thỉnh vấn” thứ nhất đã xong.

2.1.1.2.2.2. Ngăn trở [bảo đừng hỏi] lần thứ hai, vì sợ [thính chúng] hoài nghi

(**Kinh**) *Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: “Chỉ, chỉ! Bất tu phục thuyết! Nhược thuyết thị sự, nhất thiết thế gian, chư thiên cập nhân, giai đương kinh nghi”.*

(經)爾時，佛告舍利弗：「止止！不須復說！若說是事，一切世間，諸天及人，皆當驚疑」。

¹⁴⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Pháp Thân của Bồ Tát do nghe pháp được nói từ kim khẩu của đức Phật mà sanh, vì thế gọi là Phật khẩu sở sanh từ”.

¹⁴⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Xưa kia nói pháp Nhị Thừa, chính là bán tự giáo, chẳng gọi là ‘trọn đủ’. Nay cầu thỉnh Phật hãy nói Nhất Thừa mãn tự giáo thì mới là trọn đủ”.

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Thôi, thôi! Đừng nên nói nữa! Nếu nói chuyện này, hết thấy chư thiên và người trong thế gian sẽ đều kinh hãi, ngơ vạc”).

2.1.1.2.2.3. Thừa hỏi lần thứ hai, nêu rõ [trong đại chúng có những người] tức cần nhảy bén, cho nên chẳng hoài nghi

(Kinh) Xá Lợi Phất trùng bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thuyết chi. Duy nguyện thuyết chi. Sở dĩ giả hà? Thị hội, vô số bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ chúng sanh từng kiến chư Phật, chư căn mãnh lợi, trí huệ minh liễu, văn Phật sở thuyết, tắc năng kính tín”. Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: “Pháp vương vô thượng tôn, duy thuyết nguyện vật lự. Thị hội vô lượng chúng, hữu năng kính tín giả”.

(經)舍利弗重白佛言：「世尊！惟願說之。惟願說之。所以者何？是會，無數百千萬億阿僧祇眾生曾見諸佛，諸根猛利，智慧明了，聞佛所說，則能敬信」。爾時，舍利弗欲重宣此義，而說偈言：「法王無上尊，惟說願勿慮，是會無量眾，有能敬信者」。

(Kinh: Xá Lợi Phất lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kính mong Ngài hãy nói. Kính xin Ngài hãy nói. Vì lẽ nào vậy? Trong hội này, vô số trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ chúng sanh từng thấy chư Phật, các căn nhạy bén, trí huệ sáng tỏ, nghe lời Phật dạy, đều có thể sanh lòng kính tín”. Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất muốn nói lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: “Đáng pháp vương vô thượng, xin hãy nói chớ lo, vô lượng chúng trong hội, có thể kính tin vậy”).

2.1.1.2.2.4. Ngăn trở lần thứ ba để bảo vệ kẻ tăng thượng mạn

(Kinh) Phật phục chỉ Xá Lợi Phất: “Nhược thuyết thị sự, nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La, giai đương kinh nghi. Tăng thượng mạn tỳ-kheo, tương trụ ư đại khanh”. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn: “Chỉ chỉ! Bất tu thuyết! Ngã pháp diệu nan tư, chư tăng thượng mạn giả, văn tất bất kính tín”.

(經)佛復止舍利弗：「若說是事，一切世間天、人、阿修羅，皆當驚疑。增上慢比丘，將墜於大坑」。爾時，世尊重說偈言：「止止不須說！我法妙難思，諸增上慢者，聞必不敬信」。

(Kinh: Đức Phật lại ngăn Xá Lợi Phất: “Nếu nói chuyện này, hết thấy trời, người, A Tu La trong thế gian sẽ đều kinh hãi, ngò vức. Hạng tỳ-kheo tăng thượng mạn sẽ rơi vào hầm to”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhắc lại bằng kệ như sau: “Thôi thôi, chớ nói nữa! Pháp ta diệu khó nghĩ, những kẻ tăng thượng mạn, nghe rồi chẳng kính tín”).

2.1.1.2.2.5. Tỉnh lần thứ ba, trần thuật sẽ có nhiều người được lợi ích, đời đời tiếp nhận sự giáo hóa, chẳng dấy tâm tăng thượng mạn

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất trùng bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thuyết chi, duy nguyện thuyết chi. Kim thử hội trung, như ngã đẳng tỷ bách thiên vạn ức, thế thế dĩ tăng tòng Phật thọ hóa. Như thử nhân đẳng, tất năng kính tín, trường dạ an ổn, đa sở nhiều ích”. Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: “Vô thượng lương túc tôn, nguyện thuyết đệ nhất pháp. Ngã vi Phật trưởng tử, duy thù phân biệt thuyết. Thị hội vô lượng chúng, năng kính tín thử pháp. Phật dĩ tăng thế thế, giáo hóa như thị đẳng, giai nhất tâm hiệp chưởng, dục thỉnh thọ Phật ngữ. Ngã đẳng thiên nhị bách, cập dư câu Phật giả, nguyện vị thử chúng cố, duy thù phân biệt thuyết. Thị đẳng văn thử pháp, tắc sanh đại hoan hỷ”.

(經)爾時，舍利弗重白佛言：「世尊！惟願說之，惟願說之。今此會中，如我等比百千萬億，世世已曾從佛受化。如此人等，必能敬信，長夜安隱，多所饒益」。爾時，舍利弗。欲重宣此義，而說偈言：「無上兩足尊，願說第一法。我為佛長子，惟垂分別說。是會無量眾，能敬信此法。佛已曾世世，教化如是等，皆一心合掌，欲聽受佛

語。我等千二百，及餘求佛者，願為此眾故，惟垂分別說。是等聞此法，則生大歡喜」。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kính mong hãy nói, kính mong hãy nói. Nay trong hội này, có trăm ngàn vạn ức người như chúng con, đời đời đã từng được Phật giáo hóa. Những người như thế ắt có thể kính tin, đem dài an ổn, đạt được nhiều lợi ích rộng lớn”. Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất muốn trùng tuyên nghĩa này, bèn nói kệ rằng: “Đấng lương túc vô thượng, xin nói pháp bậc nhất. Con là trưởng tử Phật, xin phân biệt nói cho. Hội này vô lượng chúng, hay kính tin pháp này. Phật đã từng đời đời, giáo hóa họ như thế, đều nhất tâm chấp tay, muốn nghe nhận lời Phật. Chúng con ngàn hai trăm, và người cầu Phật khác, nguyện Phật vì bọn họ, rủ lòng phân biệt nói, bọn họ nghe pháp này, ắt sanh hoan hỷ lớn”*).

Phần thứ nhất, đại lược khai tam hiền nhất, đây động chấp trước sanh nghi đã xong.

2.2.2. Rộng khai tam hiền nhất để đoạn nghi sanh tín

Trong tam châu:

- Một, từ phần kinh văn này cho đến câu “*tận hồi hướng Phật đạo*” (đều hồi hướng Phật đạo) trong quyển thứ hai [của kinh Pháp Hoa] chính là Pháp Thuyết Châu, [trong tầng này], bậc thượng căn đắc ngộ.

- Kế đó, từ câu “*nhĩ thời, Xá Lợi Phất bạch Phật ngôn: - Ngã kim vô phục nghi hối*” (lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch cùng đức Phật rằng: - Con nay chẳng còn ngờ vực, hối hận) cho đến phẩm Thọ Ký là Thí Thuyết Châu, bậc trung căn đắc ngộ.

- Ba, ba phẩm như Hóa Thành Dụ v.v... chính là Nhân Duyên Thuyết Châu, bậc hạ căn đắc ngộ.

2.2.2.1. Liệu giản Tam Châu bằng mười nghĩa

Ba châu ấy cũng gọi là “*Lý, Sự, Hạnh tam châu*”. Nay dùng mười nghĩa để liệu giản:

- Một là có thông và biệt.
- Hai là có Thanh Văn hay không?
- Ba là Hoặc (phiền não) có dày hay mỏng.

- Bốn là căn có chuyển hay không chuyển.
- Năm là căn có ngộ hay chẳng ngộ.
- Sáu là có lãnh giải (tiếp nhận, thấu hiểu) hay không lãnh giải.
- Bảy là được thọ ký hay không thọ ký.
- Tám là ngộ có cạn hay sâu.
- Chín là lợi ích có Quyền và Thật.
- Mười là đợi thời hay chẳng đợi thời.

2.2.2.1.1. Luận về Thông và Biệt

Tầng thứ nhất, Biệt thì gọi là Pháp Thuyết. Thông thì có đủ cả ba châu [tức là ngoài danh xưng Pháp Thuyết Châu ra, trong kinh văn thuộc tầng này có nói]: “*Như Ưu Đàm hoa thời nhất hiện nhĩ*” (Như hoa Ưu Đàm đã lâu mới hiện một lần), đó chính là Thí Thuyết. “*Nhược ngã ngộ chúng sanh, tận giáo dĩ Phật đạo*” (Nếu ta gặp chúng sanh, đều dùng Phật đạo để dạy), tức là Nhân Duyên Thuyết.

Tầng thứ hai, xét theo Biệt thì gọi là Thí Thuyết. Xét theo Thông, cũng có đủ ba tầng: “*Ngã tiên bất ngôn giai vi nhất Phật Thừa cố. Hựu ư nhất Phật Thừa, phân biệt thuyết tam*” (Do ta trước hết chẳng nói [ba thừa] đều là một Phật Thừa. Lại do một Phật Thừa, phân biệt nói thành ba), tức là Pháp Thuyết. “*Trường giả văn dĩ, kinh nhập hỏa trạch, phương nghi cứu tế*” (Trường giả nghe xong, liền kinh hãi vào trong nhà lửa, tìm phương cách cứu vớt) chính là Nhân Duyên Thuyết.

Tầng thứ ba, xét theo Biệt thì gọi là Túc Thế Nhân Duyên (nhân duyên trong đời trước). Xét theo Thông thì cũng có đủ ba tầng: “*Niết Bàn thời đáo, chúng hựu thanh tịnh, linh nhập Phật huệ*” (Thời Niết Bàn đã đến, đại chúng lại thanh tịnh, khiến cho họ nhập trí huệ của Phật), tức là Pháp Thuyết. “*Hữu nhất đạo sư*” (Có một người hướng dẫn), tức là Thí Thuyết.

Nay vì dựa theo đa số, dựa theo ý nghĩa chánh yếu, dựa theo sự giản lược, xét theo sự nói kèm thêm, muốn giữ cho danh tự chẳng lẫn lộn, cho nên gác các ý nghĩa thuộc về Thông lại, chỉ giữ lấy các danh tự thuộc Biệt.

2.2.2.1.2. Nói rõ có Thanh Văn hay không

Ngài Quang Trạch nói: “*Chắc chắn có người thật sự hành hạnh Thanh Văn. Nếu bảo là chẳng thật sự có, Quyền làm sao tương ứng cho*

được?” Ngài Khai Thiện¹⁴⁷ bảo: “*Chắc chắn không có người thật sự hành Thanh Văn*”, và trích dẫn kinh Thắng Man “*sơ nghiệp trong tam thừa chẳng mê làm nơi pháp*” [để làm minh chứng cho lập luận] “ngoại phạm¹⁴⁸ đã biết Nhất Thừa, há có Nhị Thừa vẫn chấp trước tiểu quả ư? Kinh nói có [người hành Tiểu Thừa], tức là quyền biến [mà nói như thế]”. Hai vị này đều thiên chấp, trái nghịch kinh, đánh mất ý nghĩa! Nếu chắc chắn là có [người thật sự hành hạnh Thanh Văn], sao kinh này lại nói “*đản hóa chư Bồ Tát, vô Thanh Văn đệ tử*” (chỉ giáo hóa các vị Bồ Tát, chẳng có đệ tử Thanh Văn)? Nếu chắc chắn là không có, ai vào hóa thành, mà cũng chẳng có tam thừa để dung hội [vào Nhất Thừa], có Quyền nào để dẫn khởi về Thật đây?

Vận rằng: - Nếu nói thật sự có Thanh Văn là đối tượng để được dẫn khởi quyền biến, cũng phải nên thật sự có Tam Tạng Phật để được Quyền Tam Tạng Phật dẫn khởi! Nếu thật sự chẳng có Tam Tạng Phật,

¹⁴⁷ Khai Thiện chính là pháp sư Trí Tạng (458-522). Ngài là một vị danh tăng sống vào đời Lương, quê ở Ngô Quận (nay là Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô), thông minh từ bé, tánh tình khiêm tốn, hòa nhã, tinh thông kinh luận. Văn Tuyên Vương muốn thiêu long Phật giáo, giảng kinh Tịnh Danh, triệu tập hai mươi mấy vị giảng sư kinh luận về tham khảo ý kiến, Sư là người có tăng lạp nhỏ nhất, ngồi ở tòa cuối cùng, nhưng phô diễn nghĩa lý không ai hơn được. Sư rất được Lương Vũ Đế coi trọng, xuống chiếu thỉnh Sư trụ trì chùa Khai Thiện, nên thường được gọi là pháp sư Khai Thiện. Lúc hai mươi bảy tuổi, nghe người khéo coi tướng nói Sư sống không quá ba mươi một tuổi. Sư bèn thôi giảng giải, dốc lòng tinh tu, không ra khỏi cửa chùa, ngày đêm trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã. Tới lúc ba mươi một tuổi, Sư tắm gội bằng nước thơm, tụng kinh chờ chết, bỗng trên hư không có tiếng bảo: “*Do sức kinh Bát Nhã nên được tăng thọ*”. Lương Vũ Đế từng nghĩ tự mình làm Tăng Chánh (chức quan cai quản các tăng sĩ) để nương theo giới luật lập pháp, chỉnh lý kỷ cương tăng chúng; chẳng có ai dám ngăn trở, can gián. Riêng Sư nói “*biến cả Phật pháp, tục nhân chẳng thể biết trọn*”, mấy lượt gởi thư can vua, chuyện ấy mới thôi. Suốt đời Sư nhiều lượt giảng các kinh Đại Tiêu Phẩm Bát Nhã, Niết Bàn, Pháp Hoa, Thập Địa, Kim Quang Minh, Bách Luận, A Tỳ Đàm Tâm v.v... Lại còn soạn nhiều bản chú sớ, tới nay đã thất truyền.

¹⁴⁸ Ngoại Phạm là các giai vị trước khi đạt đến Kiến Đạo. Ba giai vị Ngũ Đình Tâm Trụ, Niệm Trụ Biệt Tướng, Niệm Trụ Tổng Tướng của Thanh Văn Thừa là ngoại phạm. Đối với Bồ Tát thì địa vị Phục Nhẫn trong Thập Tín là ngoại phạm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Kể hướng đến đường lành, nhưng hướng ra ngoài cầu Lý, chưa thể dứt tướng nội duyên chân tánh, cho nên gọi là ngoại phạm. Thân phần đoạn trong lục đạo vẫn chưa thể xả, nên gọi là Phạm*”. Tông Thiên Thai phán định ngoại phạm trong tứ giáo mỗi giáo mỗi khác. Do quá rườm rà nên không ghi vào đây.

chỉ có Quyền Phật, lẽ nào chẳng chấp thuận “chỉ có Quyền Thanh Văn, chẳng có Thanh Văn thật sự” ư?

Đáp: - Nghĩa ấy chẳng thể dùng làm lẽ được. Vì có người thật sự đoạn Phiền Hoặc thuộc giới nội (phiền não trong tam giới), thì người ấy được gọi là Quyền Thanh Văn, nhưng Quyền là ứng hiện, chỗ nào có vị Phật chỉ đoạn Phiền Hoặc thuộc giới nội để có Quyền Phật tương ứng với vị Phật đó ư? Nay nói rõ: “Có [Thanh Văn] hay không, đều chẳng thể thiên chấp”. Nếu xét theo cách nhìn của ông trưởng giả Thật Trí, sẽ chẳng có kẻ làm khách. Nếu xét theo căn tánh của đứa con nghèo, Pháp Hoa Luận¹⁴⁹ nói rõ có bốn loại Thanh Văn: Một là quyết định, hai là thượng mạn, ba là thoái Đại (lui sụt đối với Đại Thừa, trở lại hành hạnh Thanh Văn), bốn là ứng hóa. Hai loại trước, căn tánh chưa chín muồi, chẳng được thọ ký. Hai loại sau được thọ ký. Nếu xét theo kinh này, phải nên có năm loại:

- Một là người tu tập Tiểu Thừa đã lâu, đời này đạo chín muồi, nghe Tiểu giáo (giáo pháp Tiểu Thừa) mà chứng quả, giống như loại quyết định Thanh Văn trong [Pháp Hoa] Luận.

- Hai là [những người] vốn là Bồ Tát, đã nhiều kiếp tu đạo, giữa chừng chán ngán sanh tử, thoái thất Đại Thừa, giữ lấy Tiểu Thừa. Kinh Đại Phẩm gọi [hạng người này] là “*biệt dị thiện căn*” (thiện căn khác lạ). Đức Phật vì muốn thành tựu tiểu đạo cho họ, bèn vì họ nói pháp Cộng Bát Nhã, khiến cho họ đoạn kết phược, đắc quả. Những người ấy thoái thất Đại Thừa chưa lâu, tu tập Tiểu pháp trong thời gian gần đây, theo đúng lẽ sẽ dễ ngộ, giống như “*thoái Đại Thanh Văn*” trong Pháp Hoa Luận.

- Ba là vì hai hạng người ấy, chư Phật, Bồ Tát trong ngàm tu đạo Bồ Tát, ngoài hiện tướng Thanh Văn, hòng thành tựu, dần dặt, tiếp dẫn, khiến cho họ nhập đại đạo, giống như hạng “*ứng hóa Thanh Văn*” trong Pháp Hoa Luận.

¹⁴⁹ Pháp Hoa Luận là tên gọi tắt của Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luận Ưu Bà Đề Xá (Saddharma-pundarika-upadeśa) do ngài Thế Thân (Vasubandhu) soạn. Tác phẩm này được ngài Bồ Đề Lưu Chi, Đàm Lâm v.v... hợp dịch sang tiếng Hán vào thời Hậu Ngụy. Nhóm các ngài Lạc Na Mặc Đề, Tăng Lãng v.v... cũng dịch một bản khác dưới thời Nguyên Ngụy, nhưng thiếu phần kệ tụng quy kính. Đây là một tác phẩm trọng yếu để nghiên cứu kinh Pháp Hoa ngoài các bản chú giải của tổ Trí Giả đại sư. Trong Hán tạng, bản luận này có hai bản chú giải: Một là Pháp Hoa Luận Sớ của ngài Cát Tạng viết trong đời Tùy; hai là sách Pháp Hoa Luận Thuật Ký do hai vị Nghĩa Tịch và Nghĩa Nhất hợp soạn trong đời Đường.

- Bốn là những người do thấy hai loại Thanh Văn Quyền Thật có thể thoát khỏi sanh tử; do vậy, bèn ưa thích Niết Bàn, tu Giới, Định, Huệ, đã hơi có quán huệ, chưa nhập địa vị Tương Tự, vừa có chút sở đắc mà đã nói là “*chứng quả*”. Đó gọi là “*chưa đắc mà nói là đã đắc, chưa chứng mà nói là đã chứng*”, giống như hạng “*thượng mạn Thanh Văn*” trong Pháp Hoa Luận.

- Năm là hàng Đại Thừa Thanh Văn, tức là dùng âm thanh của Phật đạo khiến cho hết thảy đều được nghe.

Nếu xét theo hai loại “*quyết định*” và “*thoái Đại*” thì là “*có Thanh Văn*”. Nếu xét theo Đại Thừa, theo đúng lý sẽ chẳng “*hôi đoạn*”¹⁵⁰, chẳng trụ trong hóa thành, rút cuộc về chỗ có của báu (bảo sở). Thật đã là như vậy, sẽ chẳng có Quyền, cho nên chẳng có Thanh Văn. Nếu là kẻ tăng thượng mạn, do chẳng dựa vào địa vị, cho nên chẳng gọi là Thật. Lại chẳng phải là ứng hóa; vì thế, chẳng gọi là Quyền. Nếu hiểu ý này, có [người thật sự hành hạnh Thanh Văn] hay không đều rành rành, cần gì phải khổ sở tranh luận?

Lại nữa, chỉ xét theo Phật đạo Thanh Văn để luận định có hay không một lần nữa. Nếu là bậc quyền biến ứng hóa, ngoài hiện hình tích Tiểu Thừa, trong ẩn đại đức, sẽ nói là “*không có Đại Thừa Thanh Văn*”. Nếu xét theo tự hành, chỉ bày Tích nhằm hiển lộ Bốn, bèn nói là “*có Đại Thừa Thanh Văn*”. Nay [kinh Pháp Hoa] khai Quyền hiển Thật chính vì dẫn dắt hai loại Thanh Văn “*quyết định*” và “*thoái Đại*”, khiến cho họ trở thành Đại Thừa Thanh Văn. Tự hạnh đã lập, sẽ có thể làm Thanh Văn ứng hóa. Nếu hiểu ý này, sẽ thông đạt chuyện có [người thật sự hành hạnh Thanh Văn] hay không!

2.2.2.1.3. Nêu bày Hoặc (phiền não) có dày hay mỏng

Xét theo Vô Minh Biệt Hoặc và căn tánh Đại Thừa để nói, tức là bốn câu: “*Một, Hoặc nhẹ, căn nhạy bén; hai là Hoặc nặng, căn nhạy bén; ba là Hoặc nhẹ, căn chậm lụt; bốn là Hoặc nặng, căn chậm lụt*”. Nếu Biệt Hoặc nhẹ, đại căn (căn tánh Đại Thừa) nhạy bén, vừa nghe liền ngộ. Nếu Hoặc nặng, căn tánh nhạy bén, nghe hai lần mới ngộ. Nếu Hoặc nhẹ, căn chậm lụt, ba lượt nghe mới ngộ. Nếu Hoặc nặng nề, căn

¹⁵⁰ Hôi đoạn (灰斷) là thuật ngữ chỉ bậc Tiểu Thừa La Hán sau khi nhập diệt định hoặc trà-tỳ, sắc thân diệt mất như tro tàn, hoặc còn nói là “*hôi thân diệt trí*” (thân như tro tàn, trí diệt mất).

tánh chậm lụt, dầu nghe đôi ba lượt, vẫn chẳng thể ngộ, chỉ là Kết Duyên Chúng mà thôi! Hoặc có thể nói bậc lợi căn trong trường hợp câu thứ nhất và thứ hai, đều cùng là thượng căn. Người thuộc câu thứ ba là trung căn, người thuộc câu thứ tư là hạ căn. Hoặc có thể nói câu đầu là thượng căn, câu thứ hai và thứ ba gộp chung thành trung căn, câu thứ tư là hạ căn.

Lại nữa, xét theo sơ phẩm vô minh thì có ba tầng, có thể che lấp Trung Đạo của bậc Sơ Trụ. Thoạt tiên, [đức Phật] thực hiện Pháp Thuyết Châu, bậc thượng căn nghe xong, ba tầng vô minh cùng lúc đều hết, mở mang tri kiến của Phật, dự vào địa vị Bồ Tát, được thọ ký Bồ Đề. Trung căn chỉ đoạn hai tầng, hạ căn chỉ đoạn một tầng. Kế đó là Thí Thuyết Châu, trung căn đoạn hết tầng thứ ba, mở mang tri kiến của Phật, được thọ ký Bồ Đề. Hạ căn tiến lên, đoạn được tầng thứ hai. Sau đó, khi [đức Phật] thực hiện Nhân Duyên Thuyết Châu, hạ căn đoạn hết ba tầng [vô minh], được thọ ký Bồ Đề.

2.2.2.1.4. Luận định căn chuyển hay chẳng chuyển

Cổ nhân nói: *“Thượng căn vừa nghe Pháp Thuyết Châu liền ngộ, mà trung căn chuyển thành giống như thượng căn, hạ căn chuyển thành giống như trung căn. Tới lúc Thí Thuyết Châu, trung căn do trước đó đã trở thành thượng căn, sẽ liền có thể đắc ngộ. Hạ căn do trước đó đã trở thành trung căn, nay sẽ chuyển thành giống như thượng căn. Tới thời Nhân Duyên Thuyết, hạ căn do trước đó đã thành thượng căn, cho nên đắc ngộ”*. Nay nói: “Nếu là như vậy thì người đã ngộ đều là thượng căn, sao còn gọi là tam căn? Nếu đều là thượng căn, căn gì phải gọi là lợi hay độn?” Phàm là chúng sanh tâm thần bất định, gặp ác duyên sẽ chuyển lợi căn thành độn căn. Gặp thiện duyên, sẽ chuyển độn căn thành lợi căn. Đời trước, gặp Phật, nghe pháp, có người tự chuyển hạ căn và trung căn thành thượng căn, đều là đắc ngộ nơi Pháp Thuyết Châu. Có người tự chuyển hạ căn thành trung căn thì đều là đắc ngộ nơi Thí Thuyết Châu. Có người đời trước chưa chuyển, căn phải đợi đến châu thứ ba (Nhân Duyên Thuyết) mới ngộ. Chuyển căn như thế khác với các cách giải thích trước kia (cách giải thích trước thời Trí Giả đại sư). Ví như ba thanh đao chặt gỗ, đao bén vừa chém sẽ đứt ngay. Đao loại vừa thì phải chém hai lần mới đứt. Đao cùn phải chém ba lượt mới đứt. Cái tên “lợi” hay “độn” đều chẳng mất, nhưng gỗ bị chặt đứt giống nhau. Đao ví như Căn, gỗ ví như Hoặc, người cầm đao ví như cơ (căn cơ). Người dạy chặt

ví như Phật. Người tiếp nhận lời dạy ví như nghe pháp. Vận dụng đao ví như sử dụng Quán. Gõ đứt ví như chứng nhập. “*Tùng mài*” là ví như đời trước đã chuyển căn. Do gặp dịp mài giữa khác nhau, cho nên có lợi hay độn. Trong ấy, nghe pháp đắc ngộ tự hồ thuộc Tín Hạnh, không phải là chẳng kiêm Pháp Hạnh. Do đời trước tin pháp mà xoay chuyển, giúp đỡ lẫn nhau khác biệt, nhưng trong một hội, lẽ ra chẳng có sáu mươi bốn phen¹⁵¹.

Hỏi: - Tam căn đã dự vào địa vị Sơ Trụ, vẫn còn có lợi căn hay độn căn ư?

Đáp: - Chân tu thì Thể hiển lộ, sẽ không có hơn kém.

Hỏi: - Nếu là như thế, từ Sơ Trụ trở lên, khởi duyên tu, có hơn kém hay chẳng?

Đáp: - Những người cùng một địa vị ấy, sẽ chẳng có hơn, kém, chân tu thì Thể dung thông, há có khác biệt?

2.2.2.1.5. Nói rõ căn có ngộ và chẳng ngộ

Trong kinh, phần nhiều nói Bồ Tát là thượng căn, Duyên Giác là trung căn. Thanh Văn là hạ căn. Nếu như vậy, [sẽ có người lập luận] “*Bồ Tát đều phải nên đắc ngộ ngay trong châu đầu tiên (Pháp Thuyết Châu)*”. Chưa chắc đã là nghĩa như thế! Bắt đầu từ tam châu, cho đến Lưu Thông, Thọ Lượng, có các vị Bồ Tát lần lượt ngộ Vô Sanh Nhẫn ở mỗi lúc, sao có thể nói [Bồ Tát đắc ngộ] hạn cuộc trong Pháp Thuyết Châu? Duyên Giác cũng chẳng hạn cuộc trong Thí Thuyết Châu, [suy ra] cũng có thể biết.

Hỏi: - Bồ Tát đắc ngộ từ đầu đến cuối đều có, [vậy thì] Nhị Thừa đắc ngộ cũng phải nên thuộc vào lúc sau?

Đáp: - Tam châu đã xác định cha con có mối thiên tánh [liên quan] xong, [người đắc ngộ trong bất cứ châu nào] cũng đều gọi là Bồ Tát. Dẫu ngộ sau này, vẫn cùng gọi là “*Bồ Tát đắc ngộ*”.

2.2.2.1.6. Luận về có lãnh giải hay không lãnh giải

Nếu tam thừa cùng ngộ, sao lại chỉ thấy [kinh chép] Thanh Văn lãnh giải (tiếp nhận, thấu hiểu), còn hai loại kia (Duyên Giác và Bồ Tát)

¹⁵¹ “*Sáu mươi bốn phen*” là nói đến cách phán định quán hạnh trong bộ Ma Ha Chi Quán. Theo Ma Ha Chi Quán quyển một: Trong bốn phép An Tâm, viên đốn Chỉ Quán xét theo hạnh bền lập ra sáu mươi bốn phen [thực hành Chỉ Quán viên đốn].

thì không? Nay nói rõ: Lúc không có Phật xuất thế [mà giải ngộ], thì gọi là Độc Giác. Nghe Phật nói pháp nhân duyên bèn đắc ngộ, thì gọi Duyên Giác, như Đại Ca Diếp, Xá Lợi Phất v.v... đều là căn tánh Trung Thừa, nhưng do đã dự vào hàng Thanh Văn, bèn đắc ngộ, lãnh giải chẳng khác. Bồ Tát chẳng lãnh giải là vì trong giáo pháp Thanh Văn, chẳng nói đến chuyện thành Phật. Nay kinh này mở ra con đường trở về Đại Thừa [khẳng định “mọi chúng sanh đều sẽ thành Phật”, bậc Thanh Văn] tự sợ hiểu sai lầm, bèn đối trước đức Phật trần thuật kiến giải. Bồ Tát chẳng vậy, cho nên chẳng lãnh giải!

Ý này lại có ba:

- Một là Bồ Tát vốn sẵn có ý nguyện cầu thành Phật. Dẫu có chấp trước sai khác, nhưng do chấp trước nhẹ nhàng, rốt cuộc sẽ quy về Phật đạo, chẳng hề phải lo lắng! Nay nghe nói tam châu, chỉ [dựa theo đó để] điều chỉnh Quán Huệ cho đúng, cho nên chẳng cần phải [nêu bày sự] lãnh giải.

- Hai là Bồ Tát ngộ to lớn, kinh văn chỗ nào cũng nói điều đó. Nhị Thừa thành Phật thì bắt đầu từ giáo pháp này mới lưu truyền. Vì thế, lược đi chuyện Bồ Tát lãnh giải. Trong bản Phạn văn [của kinh Pháp Hoa] có thể có [ghi chép chuyện này], nhưng bản chữ Hán lược đi, chẳng viết.

- Ba là do địa vị và hạnh của Bồ Tát sâu tuyệt, các vị tân tiểu Bồ Tát chẳng dám [nêu bày sự] lãnh giải. Khi [đức Phật] nói phẩm Thọ Lượng xong, các vị Bồ Tát như ngài Di Lặc đều lãnh giải. Kể từ những vị đắc Vô Sanh Nhẫn cho đến cuối cùng là những vị Nhất Sanh Bồ Xứ đều lãnh giải trọn vẹn, chẳng cầu chi nữa.

2.2.2.1.7. Nói về chuyện được thọ ký hay không

Nếu đều cùng lãnh giải, vì sao Thanh Văn được thọ ký, chẳng thấy Duyên Giác và Bồ Tát được thọ ký? Chuyện này cũng có ba ý:

- Một, trước đó đã nói rõ hàng Nhị Thừa nhập chánh vị, chẳng thể phát tâm, sẽ do đâu mà được thọ ký? Nay đã ngộ Đại pháp, vui thích được thọ ký, cho nên [đức Phật] bèn vì họ thọ ký kiếp số, quốc độ [khi họ thành Phật trong tương lai]. Bồ Tát phát tâm cầu thành Phật, hạnh mãn sẽ tự thành Phật; vì thế, chẳng mong cầu gấp [được thọ ký]; Phật cũng chẳng vội thọ ký. Hơn nữa, trong các giáo trước kia (Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã), chỗ nào cũng đều thọ ký Bồ Tát. Đây là điều được luôn nói, còn nay [trong kinh này] chỉ chú trọng truyền dịch

[chuyện Thanh Văn được thọ ký, hòng khơi gợi tín tâm “ai cũng đều có thể thành Phật”].

- Hai, Bồ Tát cũng được thọ ký. Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa), long nữ, há chẳng phải là được thọ ký đây ư? Hơn nữa, phẩm Pháp Sư có nói: “*Cầu Thanh Văn giả, cầu Bích Chi Phật giả, cầu Phật đạo giả, như thị đẳng loại, hàm ư Phật tiền văn Pháp Hoa kinh, ngã giai dữ thọ Tam Bồ Đề ký*” (Người cầu Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật, người cầu Phật đạo, những hạng người như thế, đều ở trước đức Phật nghe kinh Pháp Hoa, ta đều thọ ký Chánh Giác cho họ). Đây chẳng phải là đều thọ ký ư?

- Ba, Nhị Thừa trước nay chưa từng được thọ ký tám tướng [thành đạo]. Vì thế, nay thọ ký kiếp số và quốc độ [cho hàng Thanh Văn]. Bồ Tát trước kia đã từng được thọ ký. Vì thế, chẳng cần nói lại nữa! Thọ ký về cái quả nông cạn, gần gũi thì bậc Sơ Trụ đã đạt được. Điều hàng Bồ Tát vui thích chính là được thọ ký quả Diệu Giác viên mãn cùng tột, lâu xa. Vì thế, trong phẩm Thọ Lượng, kể từ mới phát tâm cho đến khi đã đạt được Nhất Sanh Bồ Xứ, cái nhân màu nhiệm đã viên mãn, cực quả sẽ nhanh chóng viên thành. Đây chính là thọ ký cho Pháp Thân, sao lại nói là chẳng thọ ký?

Hỏi: - Nếu Tiểu Thừa đã ngộ đại đạo, lẽ ra phải nên cùng được thọ ký Pháp Thân? Sao lại thọ ký “*tám tướng thành đạo*” cho họ?

Đáp: - Tám tướng là ứng ký (thọ ký cho Ứng Thân). Đã được ứng ký, sẽ biết [Ứng Thân] ắt có Bản (Pháp Thân). Muốn khiến cho chúng sanh nghe biết, cùng đến kết duyên; cho nên trao truyền ứng ký đó thôi! Lại nữa, nếu Nhị Thừa nghe thọ lượng, sẽ cùng tăng đạo, tồn sanh¹⁵², được thọ ký Pháp Thân.

2.2.2.1.8. Luận về ngộ cạn hay sâu

Một mực cùng phá vô minh, dự vào địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo, suy tìm tỉ mỉ thì ắt có sáng hay tối (ngộ nhiều hay ít). Trước hết, nghe Pháp Thuyết. Người đã nhập Phật huệ, sẽ nghe Thí Thuyết, há chẳng càng sáng suốt hơn (ngộ sâu hơn)? Lại nghe Nhân Duyên, ắt đương nhiên sẽ tăng tấn. Lại nghe Thọ Lượng, càng thêm cao sâu! Như người nghe pháp, nghe giảng lại lần nữa, chắc chắn [sẽ lãnh ngộ] hơn hẳn lần

¹⁵² Đây là thuật ngữ trong tông Thiên Thai, hàm nghĩa “dần dần tăng trưởng trí huệ, dần dần giảm thiểu sanh tử phiền Hoặc”.

trước. Như lạnh mà được áo, áo đơn hay áo kép, do chia thành dày hay mỏng [mà cảm thấy mức độ ấm áp khác nhau].

2.2.2.1.9. Lợi ích có Quyền và Thật

Có người cho rằng: “Do Thật hành mà đạt được lợi ích, còn Quyền hành chính là để ảnh hưởng, tiếp dẫn, [cho nên] chẳng luận định lợi ích [của Quyền hành]”. Nay tôi nói rõ chẳng phải vậy. Nếu đến phẩm Thọ Lượng, [sẽ thấy rõ] Quyền hay Thật đều đạt được lợi ích, tăng đạo càng cao, tồn sanh càng hết, gần với địa vị cùng tột trong Viên Giáo, chỉ còn một đời (Nhất Sanh Bồ Xứ), há chẳng phải là lợi ích của Quyền ư? Do vậy, [bậc Quyền hành Thanh Văn] thoát đầu làm Ảnh Hưởng, cùng Thật hành viên mãn, sau đó nói đến cực quả, tức là đạo của chính mình được tỏa sáng. Kinh văn nói: “*Xuất nhập tức lợi, nãi biến tha quốc*” (Chi ra, nhập vào, lợi tức trọn khắp các nước khác). Lợi tức ở nơi mình, tức là chính mình được lợi ích. Thật hành đạt được lợi ích, do Quyền dẫn khởi [người khác cùng Thật hành], công giáo hóa quy về chính mình; [vì thế đầu là] Quyền [hành], cũng đạt được lợi ích. Do vậy, đức Phật dùng một âm thanh diễn nói pháp, chúng sanh tùy từng loại đều được hiểu, cần gì cứ phải chờ đến phẩm Thọ Lượng mới biết Quyền hành cũng đạt được lợi ích ư? Các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, thưa: “*Ngã đẳng tự diệc dục đắc thử chân tịnh đại pháp*” (Chúng con cũng muốn đạt được đại pháp thật sự thanh tịnh này), tức là tự đạt được lợi ích vậy.

2.2.2.1.10. Luận về đợi thời hay không đợi thời

Kể trước đó chẳng ngộ, ắt đợi đến thời Pháp Hoa mới ngộ, thì gọi là “*đãi thời*” (đợi thời). Do các giáo trước mà đã ngộ thì gọi là “*bất đãi thời*” (chẳng đợi thời). Vì sao vậy? Phật có hiển thuyết và mật thuyết. Nếu xét theo hiển thuyết, trước thời Pháp Hoa, hàng Nhị Thừa chưa ngộ đại đạo, cần phải dùng ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) để điều phục thuần thực, ngũ hầu trong hội Pháp Hoa, họ sẽ thấu hiểu. Vì thế nói: “*Sở dĩ vị tăng thuyết, thuyết thời vị chí cố. Kim chánh thị kỳ thời, quyết định thuyết Đại Thừa*” (Sở dĩ chưa từng nói là vì chưa đến đúng lúc để nói. Nay chính là đúng lúc, quyết định nói Đại Thừa). Đây chính là “*đợi thời*”. Nếu xét theo mật thuyết, chưa chắc phải đợi đủ ngũ vị để đến hội Pháp Hoa mới hiểu. Trước đó, đã có người ngậm nhập, bèn gọi là “*chẳng đợi thời*”. Ở đây, chính là phán định “*đúng thời*” và “*chẳng*

phải thời”. Nếu xét theo tam châu, cũng là “đợi thời” và “chẳng đợi thời”. Hai môn Tích và Bồn cũng là “đợi thời” và “chẳng đợi thời”, cho nên có kẻ ngộ nhập trước hay sau. Trong tam châu, “*tự luận mật*” là như trong thời Pháp Thuyết, [có những vị] do ngằm nghe chuyện cỗ xe lớn và chuyện Đại Thông Trí Thắng Phật bèn được ngộ nhập. Đó chính là “chẳng đợi thời”. Đối với chuyện ngằm nghe trong châu thứ hai (Thí Thuyết Châu) [mà được ngộ nhập], cứ dựa theo đó cũng có thể biết.

Hỏi: - Nếu trong tam châu và Bồn đều có mật thuyết, sao trong sách Huyền Nghĩa lại nói “*Pháp Hoa chỉ là hiển thuyết?*”

Đáp: - Nói là hiển hay mật là do trước kia Thiên và Viên chẳng biết lẫn nhau, nay đến kinh này, cùng nhập một lý Viên như nhau, tuy mật mà hiển, do thuận nhất một vị. Nhưng trong hội Pháp Hoa này, có “đợi” và “chẳng đợi”, nhưng biết hàng Nhị Thừa được thọ ký rành rành, hiển lộ phân minh nói thọ mạng dài lâu, trong pháp tòa này (những người cùng dự hội Pháp Hoa), không ai chẳng nghe biết. Vì thế gọi là Hiển.

Hỏi: - Có một loại căn tánh, trong bốn thời trước đã chẳng có mật ích (ngằm đạt được lợi ích), chẳng tới thời Pháp Hoa, sẽ càng không thể hiển lộ được. Do chẳng thuộc vào hai thời, đáng lẽ phải là “*thất thời*” (không đúng thời), vĩnh viễn chẳng đắc ngộ chớ?

Đáp: - Các kinh khác có thể nói đây là “*thất thời*”, kinh này (kinh Pháp Hoa) chẳng phải vậy! Trong hai thời hiển và mật, người ấy đều chẳng ngộ, sanh ý tưởng diệt độ, nhập Niết Bàn, nhưng trong cõi nước của người ấy, hề được nghe kinh này, thì chẳng phải là thất thời, mà chính là “*đợi thời*” trong cõi ấy.

Hỏi: - Năm ngàn người đứng lên rời đi, thì phải là “*thất thời*” chứ?

Đáp: - Bọn họ sau khi Như Lai diệt độ, sẽ đạt được lợi ích từ chỗ người hoằng kinh, cho nên cũng là “*đợi thời*”.

Liệu giảng mười nghĩa nơi tam châu đã xong.

2.2.2.2. Pháp Thuyết Châu

2.2.2.2.1. Chánh pháp thuyết

2.2.2.2.1.1. Trường Hàng

2.2.2.2.1.1.1. Hứa khả

2.2.2.2.1.1.1.1. Thuận hứa

(Kinh) Nhữ thời, Thế Tôn cáo Xá Lợi Phất: - Nhữ dĩ ân cần tam thỉnh, khởi đắc bất thuyết?

(經)爾時，世尊告舍利弗：「汝已殷懃三請，豈得不說？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Xá Lợi Phất: - Ông đã ân cần thỉnh cầu ba lượt, lẽ đâu chẳng nói!)

“Nhữ dĩ ân cần” (Ông đã ân cần) là thuận, “khởi đắc bất thuyết” (lẽ đâu chẳng nói) là “hứa” (許, chấp thuận).

2.2.2.2.1.1.2. Giới hứa (hứa khả bằng cách căn dặn)

(Kinh) Nhữ kim đế thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết.

(經)汝今諦聽，善思念之，吾當為汝分別解說。

(Kinh: Ông nay lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói).

Hai câu trước là răn nhắc, câu sau cùng là hứa khả. “Đế thính” (Lắng nghe, chân thật nghe) là Văn Huệ. “Thiện tư” (Khéo suy nghĩ) là Tư Huệ. “Niệm chi” (Nghĩ ngợi) là Tu Huệ. Đại kinh nói: “Nhất giả, thân cận thiện hữu. Nhị giả, thính văn chánh pháp. Tam giả, tư duy kỳ nghĩa. Tứ giả, như thuyết tu hành. Duy thử tứ pháp, thị Niết Bàn nhân. Nhược ngôn khổ hạnh thị Niết Bàn nhân, vô hữu thị xứ!” (Một là thân cận bạn lành, hai là lắng nghe chánh pháp, ba là tư duy nghĩa lý, bốn là tu hành đúng như lời dạy. Chỉ có bốn pháp ấy là cái nhân của Niết Bàn. Nếu nói “khổ hạnh là cái nhân của Niết Bàn”, chẳng có lẽ ấy). “Thiện tri thức” trong câu thứ nhất nói đến Như Lai. Ba câu sau chính là Tam Huệ (Văn, Tư, Tu). Vì thế, đức Phật răn nhắc; đây là nhân duyên gần của Niết Bàn vậy.

2.2.2.2.1.1.3. Giãn hứa (hứa khả sau khi loại trừ)

(Kinh) Thuyết thử ngữ thời, hội trung hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni,

ưu-bà-tắc, ưu bà-di ngũ thiên nhân đẳng, tức tùng tòa khởi, lễ Phật nhi thoái. Sở dĩ giả hà? Thử bôi tội căn thâm trọng, cấp tăng thượng mạn, vị đắc vị đắc, vị chứng vị chứng, hữu như thử thất, thị dĩ bất trụ. Thế Tôn mặc nhiên, nhi bất chế chỉ. Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: - Ngã kim thử chúng, vô phục chi diệp, thuần hữu trình thật. Xá Lợi Phất! Như thị tăng thượng mạn nhân thoái diệp giai hỹ. Nhữ kim thiện thính, đương vị nhữ thuyết.

(經)說此語時，會中有比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷五千人等，即從座起，禮佛而退。所以者何？此輩罪根深重，及增上慢，未得謂得，未證謂證，有如此失，是以不住。世尊默然，而不制止。爾時，佛告舍利弗：「我今此眾，無復枝葉，純有貞實。舍利弗！如是增上慢人退亦佳矣。汝今善聽，當為汝說」。

(Kinh: Khi nói lời ấy, trong hội có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di năm ngàn người liền từ chỗ ngồi đứng lên, lễ Phật lui ra. Vì có sao vậy? Bọn họ tội căn sâu nặng, và tăng thượng mạn, chưa đắc nói là đã đắc, chưa chứng nói là đã chứng. Phạm lỗi như thế, cho nên chẳng ở lại. Đức Thế Tôn im lặng, chẳng ngăn trở. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Nay đại chúng này của ta chẳng còn cành, lá, thuần là hạt chắc. Nay Xá Lợi Phất! Những kẻ tăng thượng mạn như thế rút lui cũng tốt. Ông nay khéo nghe, ta sẽ vì ông nói).

Từ đầu cho đến “thoái diệp giai hỹ” (rút lui cũng tốt) là chọn lựa. “Nhữ kim thiện thính” (Ông nay hãy khéo nghe) là hứa khả. Do có năm ngàn người ấy đang hiện diện, đức Phật ba lượt ngăn trở [ngài Xá Lợi Phất thưa hỏi]. Nay sắp hứa nói, oai thần xua họ đi. Vì thế gọi là “giản chúng” (揀眾, chọn lọc đại chúng).

Ngũ Trược chương nhiều là “tội trọng”. Cháp Tiêu, mịt mờ Đại thì là “căn thâm”. Chưa đắc tam quả, nói là đã đắc tam quả, chưa chứng Vô Học mà nói là đã chứng Vô Học, như ngộ nhận Tứ Thiên là Tứ Quả v.v... thì gọi là “tăng thượng mạn”. Những kẻ mắc khuyết điểm như thế gọi là “chương chấp mạn tam thất” (mắc ba khuyết điểm: Chương ngại, chấp trước và ngạo mạn).

“*Mặc bất chế chỉ*” (Im lặng, chẳng ngăn cản): Trước đó, [những kẻ tăng thượng mạn ấy] đã nghe “*khai tam, hiển nhất*” đại lược, do ngôn từ đơn giản, nghĩa lý ẩn tàng, họ còn chưa sanh tâm phi báng. Đúng là nhân duyên “*viên châu buộc trong áo*”, họ rời đi còn có ích. Nếu nghe “*khai tam, hiển nhất*” cặn kẽ, do tình kiến so đo, sẽ dấy lòng phi báng, ở lại sẽ bị tổn hại. Vì thế, chẳng ngăn cản họ!

“*Vô phục chi diệp*” (Chẳng còn cành, lá): Cành lá nhỏ nhặt, chẳng kham làm khí cụ được. Bọn họ chấp vào phương tiện trong phương tiện (Tứ Quả của Tiểu Thừa hãy còn là phương tiện, [thế mà] họ lại hư vọng chấp Noãn, Đảnh là pháp tột bậc), chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Vì thế, kinh Đại Phẩm nói: “*Phan chi phụ diệp, khí vu căn bản. Thị nhân vi bất hiệt*” (Nắm níu cành lá, vứt bỏ cội gốc, người ấy chẳng thông sáng) tức là nói về nghĩa này vậy. “*Thoái diệp giai hỹ*” (Rút lui cũng tốt): Đã tự bị mờ lòa bởi Tiểu pháp, lại còn ngăn trở ánh sáng Đại pháp của kẻ khác! Nay họ rút lui, sẽ chẳng mắc tội khiên “báng pháp”, lại chẳng phạm lỗi chướng ngại người khác. Vì thế nói là “*giai hỹ*” (tốt lắm). Do cành lá chưa rời đi, cho nên Như Lai ba lượt ngăn trở. [Do những người căn cơ] “*chắc thật*” muốn nghe, cho nên Thân Tử (Xá Lợi Phất) bốn lượt thỉnh. [Đó là vì] thầy trò soi xét căn cơ [của thính chúng], chẳng phải là chân chừ sông!

Hỏi: - Đức Phật đại từ bi, sao không dùng thần lực khiến cho họ ở lại, nhưng chẳng nghe, giống như hàng Nhị Thừa trong hội Hoa Nghiêm như điếc, như câm, sao chẳng cưỡng ép họ nghe Đại pháp, như Hỷ Căn đối với Thắng Ý¹⁵³?

¹⁵³ Theo kinh Chư Hành Vô Hành, quyển hạ (được trích dẫn trong Đại Trí Độ Luận), Văn Thù Bồ Tát bạch cùng đức Phật: - Xưa kia, vào thời Sư Tử Âm Vương Phật, có hai vị Bồ Tát tỳ-kheo, một tên là Hỷ Căn, dung nghi chất phác, thẳng thắn, chẳng xa pháp thế gian, lại chẳng phân biệt thiện ác, chẳng tán thán thiểu dục tri túc, chẳng tán thán giới hạnh Đầu Đà, chỉ nói Thật Tướng của các pháp, dạy các đệ tử: “*Hết thấy các pháp dâm dục tướng, sân khúế tướng, ngu si tướng, các pháp tướng ấy chính là Thật Tướng của các pháp, chẳng hề vướng mắc*”. Dùng phương tiện ấy, dạy các đệ tử nhập Nhất Tướng Trí. Vị kia là Thắng Ý Bồ Tát, trì giới thanh tịnh, hành mười hai hạnh Đầu Đà, đắc Tứ Thiên, Tứ Vô Sắc Định, nhưng đệ tử của Thắng Ý thì độn căn, tham cầu, phân biệt chấp trước, tâm xáo động. Thắng Ý thường phi báng Hỷ Căn, bị đệ tử đắc Vô Sanh Pháp Nhãn của Hỷ Căn vắn nạn không trả lời được, sanh đại sân hận. Sau đó đọa địa ngục, rồi lại được làm người, trong bảy mươi bốn vạn đời thường bị phi báng, trong vô lượng kiếp chẳng nghe tên Phật. Sau đó, tội nghiệp tiêu dần, xuất gia tu hành, không thể trì tịnh giới toàn vẹn, các căn ám độn, còn Hỷ Căn

Đáp: - Mỗi đảng đều có duyên do. Cuối hội Hoa Nghiêm đã thật sự mở ra Tiệm pháp, chưa phá chấp trước Tiểu Thừa. Vì thế, [Nhị Thừa tuy] hiện diện trong pháp tòa, nhưng bị ngăn cách. Nay đang muốn diệt hóa thành, phá am tranh¹⁵⁴, cần phải chọn lựa, xua đuổi. Nếu họ dù đi hay ở đều báng bỏ, thì sẽ như Hỷ Căn cưỡng nói [Đại pháp với Thắng Ý]. Nay họ rời đi sẽ có ích, bỗng dừng bảo họ ở lại, ở lại thì họ sẽ bị tổn hoại. Nếu bỗng dừng chẳng xua đuổi, [sẽ giống như] Hỷ Căn chỉ khiến cho kẻ đó đạt được lợi ích trong đời lâu xa, do lòng Từ nên cưỡng nói, gieo cái nhân yên vui cho họ, [chứ họ hoàn toàn chẳng đạt được lợi ích trong hiện tại, lại còn tạo cái nhân gây khổ do báng bỏ trong hiện tiền]. Như Lai hộ trì, khiến cho kẻ đó chẳng báng bỏ, do lòng bi mà xua đuổi, hòng dẹp trừ nỗi khổ trong tương lai cho họ.

Hỏi: - Năm ngàn người ngồi đó chẳng đạt được lợi ích, bỏ đi thì đạt được lợi ích gì?

Đáp: - Họ chẳng phải là đương cơ, mà là hạng kết duyên. Xưa kia, vào thời Đại Thông Trí Thắng Phật, cũng có vô lượng chúng sanh tâm sanh nghi hoặc, đời đời sanh cùng một chỗ với thầy, nay đều được đắc độ, cho đến sau khi Như Lai diệt độ, vẫn chưa độ hết. Hãy nên biết năm ngàn người ấy cũng giống như thế. Lại nữa, khi nói đại kinh, có tám vạn năm ngàn ức người đối với kinh ấy chẳng sanh tín tâm. Những người ấy trong vị lai cũng sẽ tin tưởng. Phỏng theo đó [mà suy, sẽ biết] lợi ích là lâu hay mau!

Phản thứ nhất là hứa khả đã xong.

2.2.2.2.1.1.2. Tiếp nhận ý chỉ

(Kinh) Xá Lợi Phất ngôn: - Dục nhiên Thế Tôn! Nguyên nhạo dục vẫn.

(經)舍利弗言：「唯然世尊！願樂欲聞」。

thì thành Phật trong cõi Bảo Nghiêm, hiệu là Quang Du Nhật Minh Vương. Thắng Ý chính là tiền thân của ngài Văn Thù Sư Lợi.

¹⁵⁴ “Phá am tranh”: “Am tranh” là nói đến chuyện ẩn cư tu hành, chú trọng liễu thoát cho riêng mình. Nghĩa thứ hai là nói đến thí dụ đứa con bỏ cha trốn đi trong phẩm Tín Giải. Do không biết chính mình là con ông trưởng giả, nên đứa con coi mình là khách, tuy quản lý chuyện chi thu cho cha, biết các tài sản trân quý, vẫn không mơ tưởng, chỉ an phận sống trong lều tranh, ví như hàng Thanh Văn tuy được nghe các pháp Bồ Tát mà chẳng màng, vẫn chấp vào Thiên Chân Niết Bàn.

(**Kinh:** Xá Lợi Phất nói: - Bạch vâng đức Thế Tôn! Con vui thích mong được nghe).

Trước đó đã có ba lượt thỉnh, phần này cũng chính là thỉnh lần thứ tư.

2.2.2.2.1.1.3. Chánh thuyết

Chánh Thuyết được chia thành hai phần: Một là nói về bốn loại Phật, nói rộng về Quyền Thật của chư Phật. Hai là nói về Phật Thích Ca, [tức là] nói cặn kẽ về Quyền Thật của Phật Thích Ca. Trong phần trên, nói khá ít tức là “*văn lược*” (kinh văn nói đại lược). Nói chung về chư Phật tức là “*nhân lược*” (nói đại lược về người). Chỉ khai tam hiền nhất là “*nghĩa lược*”. Trong phần này, có nhiều câu kinh văn tức là “*văn quảng*” (kinh văn nói rộng, nói chi tiết, nói cặn kẽ). Nói ra năm loại Phật tức là “*nhân quảng*”. Sáu phen nói rõ tức là “*nghĩa quảng*”.

“*Sáu phen*” chính là:

- Một, tán thán pháp hiếm có.
- Hai, nói chẳng hư vọng.
- Ba, mở ra phương tiện.
- Bốn, chỉ bày chân thật.
- Năm, nêu lên Ngũ Trược để giải thích Quyền.
- Sáu, loại trừ hư ngụy để củng cố niềm tin.

“*Tán thán pháp*” nhằm khiến cho [thính chúng] sanh lòng tôn trọng. “*Nói [pháp này] chẳng hư vọng*” hòng dứt phỉ báng. “*Mở ra phương tiện*” khiến cho họ đừng chấp Tiểu pháp. “*Chỉ bày chân thật*” khiến cho họ ngộ Đại Thừa. “*Nêu ra Ngũ Trược*” nhằm chỉ bày [vì sao chư Phật] ắt phải dạy tam thừa. “*Loại trừ hư ngụy*” thì ắt phải chân thật.

Trong chương nói về năm loại Phật, mỗi mỗi đều có đủ sáu nghĩa, trước sau tỏ lộ lẫn nhau. [Những chỗ dường như] chẳng đầy đủ [sáu nghĩa] là do Như Lai khéo nói, đầu đại lược mà chẳng thiếu khuyết, đạt đến mục đích mà chẳng cần đến văn từ rườm rà. Lại nữa, sáu nghĩa trước sau cũng không đâu chẳng tồn tại (sanh khởi rành rành, đại thể tùy thời. Do sáu nghĩa ấy, cùng hợp thành sự khai hiển ý chỉ chánh yếu. Như [luận về] chư Phật trong ba đời chỉ có hai chương, há chẳng phải là cực sơ lược, nhưng [ý nghĩa] khai hiển chẳng khuyết! [Phần kinh văn] dạy hành nhân từ Quyền đạt đến Thật, lược đi bốn chương, khiến cho văn từ chẳng rườm rà. “*Nghệ*” là đạt tới. [Nói] “*tiền hậu bất tại*” (trước sau không đâu chẳng tồn tại) chính là đối với chỗ trọng yếu của cả sáu

chương, không gì chẳng được khai hiển như thế. [Nếu nghĩa nào trong sáu chương (tức sáu phần nói về sáu nghĩa trên đây)] trước sau chẳng có, tức là [các ý nghĩa không được nói rõ ấy] đã gộp trong bốn chương kia, nhưng [thật ra] nghĩa nào cũng trọn đủ sáu nghĩa, gộp chung thành một ý, chẳng cần phải [phân chia tách bạch] theo thứ tự).

2.2.2.2.1.1.3.1. Nói tới bốn loại Phật¹⁵⁵

2.2.2.2.1.1.3.1.1. Nói chung về chư Phật

Phần này chia thành bốn đoạn: Một là tán thán pháp hy hữu. Hai là nói chẳng hư vọng. Ba là mở ra phương tiện. Bốn là nêu bày chân thật, tức là thiếu hai nghĩa; hai nghĩa ấy sẽ được nêu ra trong phần sau.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1. Tán thán pháp hy hữu

(Kinh) Phật cáo Xá Lợi Phất: - Như thị diệu pháp, chư Phật Như Lai thời nãi thuyết chi, như Ưu Đàm Bát hoa, thời nhất hiện nhĩ.

(經)佛告舍利弗：「如是妙法，諸佛如來時乃說之，如優曇鉢華，時一現耳。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Diệu pháp như thế, chư Phật Như Lai đến đúng thời mới nói, như hoa Ưu Đàm Bát đến đúng thời mới hiện ra một lần).

Ở đây, cùng tán thán pháp và thí dụ. Nếu chư Phật xuất thế trong đời Ngũ Trược, ắt trước hết phải mở ra tam thừa. Như nay đức Thế Tôn hơn bốn mươi năm mới hiển lộ chân thật, ẩn kín đã lâu. Vì thế nói “*thời nãi thuyết chi*” (đến đúng lúc mới nói). “*Đã lâu chẳng nói*” là vì con người chẳng kham nổi. Do chưa đến thời, cho nên chưa xua đuổi năm ngàn người. Nay đã có người kham nhận, đã đến thời, năm ngàn người đã rời đi, quyết định nói Đại Thừa, cho nên nói là “*thời nãi thuyết chi*”. Hoa Ưu Đàm (Udumbara), phương này dịch là Linh Thụy (靈瑞), ba ngàn năm mới xuất hiện. Lại nữa, hoa ấy xuất hiện, Kim Luân Vương xuất thế, biểu thị sau khi đã điều phục tam thừa thuận thực thì mới nói

¹⁵⁵ Tô dùng chữ “*bốn loại Phật*” ở đây nhằm nói đến bốn nghĩa được nêu ra trong phần Trường Hàng, tức là trước hết luận chung về chư Phật rồi lần lượt luận định Phật quá khứ, Phật vị lai, và Phật hiện tại.

diệu pháp, được đấng Pháp Vương thọ ký. Lại nữa, do đã vượt qua các tam-muội thuộc các vị lạc, sanh tô và thực tô, bèn nói đề hồ.

Giải thích theo quán tâm thì là Trung diệu quán, thông với hết thảy các pháp, đạt tới Thật Tướng thì gọi là Linh. Linh tức là “*linh thông*”. Do có phép Quán này, ắt được Phật thọ ký, bèn gọi là Thụy (tốt lành). Do có phép Quán này, mới đạt được Phật quả, nên gọi là Hoa.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2. Nói chẳng hư vọng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng đương tín Phật chi sở thuyết, ngôn bất hư vọng.

(經)舍利弗！汝等當信佛之所說，言不虛妄。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Các ông phải nên tin lời Phật dạy, Ngài chẳng nói hư vọng).*

Lý này sâu tốt bậc, khác với Quyền Lý trước kia. Lời này chí diệu, tương phản với Quyền ngôn (ngôn từ quyền biến) trước kia. Hạnh này phổ biến tốt bậc, đối lập với Quyền hạnh trước kia. Người này thù thắng tốt bậc, hơn hẳn sự hèn kém trước kia. Lại còn có nghĩa là khách tạo bốn thứ thô, đến nay đều diệu. Sợ chúng sanh sẽ ngờ vực, báng bỏ, cho nên trước hết khuyến tín, khiến cho [thính chúng] tin tưởng “*người chẳng hư vọng sẽ nói pháp chẳng hư vọng*”.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.3. Khai phương tiện

2.2.2.2.1.1.3.1.1.3.1. Khởi mở

(Kinh) Xá Lợi Phất! Chư Phật tùy nghi thuyết pháp, ý thú nan giải.

(經)舍利弗！諸佛隨宜說法，意趣難解。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Chư Phật tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp, ý thú¹⁵⁶ khó hiểu).*

¹⁵⁶ “Ý thú” tức là “chỗ ý chí sẽ hướng đến”, hay nói cách khác: Ý thú chính là “ý hướng mà nội tâm muốn biểu thị”. Đức Phật thuyết pháp có bình đẳng, biệt thời, biệt nghĩa, và bỏ đặc già la ý thú.

1. Bình đẳng ý thú: Gột trừ hết thảy kiến giải phân biệt, đứng trên lập trường bình đẳng mà nói. Chẳng hạn như Phật Thích Ca chẳng phải là Tỳ Bà Thi Phật, nhưng

Thuận theo ba loại cơ nghi, khéo nói phương tiện, nhưng ý Phật ở nơi Thật, loài người chẳng thể hiểu!

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.3.2. Giải thích

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, diễn thuyết chư pháp.

(經)所以者何？我以無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，演說諸法。

(Kinh: Vì có sao vậy? Ta dùng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để diễn nói các pháp).

Nêu ra quyền năng của vị Phật hiện tại nhằm giải thích phương tiện của chư Phật. Do xảo huệ (trí huệ thiện xảo) giống như nhau, cho nên mượn chuyện này để giải thích chuyện kia. Hãy nên biết chư Phật mở ra phương tiện quyền biến cũng giống như ta (Thích Ca Mâu Ni Phật) vậy.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.3.3. Tiểu kết

(Kinh) Thị pháp phi tư lượng, phân biệt chi sở năng giải, duy hữu chư Phật, nãi năng tri chi.

chân lý chứng ngộ của chư Phật là bình đẳng, bất nhị, cho nên Ngài có thể nói: “Ta là Tỳ Bà Thi Phật”.

2. Biệt thời ý thú: Giáo pháp do gột trừ tất cả chướng ngại, lười nhác mà nói ra. Chẳng hạn như đa phần lợi ích chúng sanh sẽ đạt được là biệt thời (tức là không thể thành tựu hay đạt được ngay lập tức mà cần phải có thời gian, hay sẽ thành tựu trong tương lai), chẳng hạn như trong phẩm này nói người vào tháp miếu hoặc chỉ cúi đầu, hoặc gơ một tay đã đều thành Phật.

3. Biệt nghĩa ý thú: Nhằm trừ khử chướng ngại do khinh mạn khi nghe pháp của thánh chúng, bèn dùng một ý nghĩa riêng biệt để thuyết minh. Chẳng hạn như nói do trong quá khứ đã từng cúng dường, thừa sự chư Phật, mà nay được liễu giải pháp Đại Thừa. Sự “liễu giải” ấy thật ra có nghĩa là “chứng ngộ”.

4. Bồ đặc già la ý thú (còn gọi là chúng sanh ý nhạo ý thú, hoặc chúng sanh lạc dục ý): Bồ đặc già la (Pudgala) nghĩa là “người”, tức nói đến chúng sanh. Do tùy thuận tánh cách, chí hướng của chúng sanh mà tuyên nói các giáo pháp thích ứng.

(經)是法非思量，分別之所能解，唯有諸佛，乃能知之。

(Kinh: Pháp này chẳng suy nghĩ, so lường, phân biệt mà có thể hiểu được, chỉ có chư Phật mới có thể biết).

Đây là tiêu kết chuyện mở ra phương tiện quyền biến có ý thú khó hiểu, bởi lẽ, người bầm thọt giáo không ai chẳng nói là tam thừa, chỉ có chư Phật mới có thể biết [ba thừa đều] là một mà thôi! Đoạn kinh văn này có hai tầng ý nghĩa:

- Nếu dạy chân thật thì như kinh văn trong phần sau nêu bày nhân và pháp thù thắng, pháp chẳng phân biệt, chỉ có Phật mới có thể biết.

- Phật do trí chẳng phân biệt mà hiểu biết pháp chẳng phân biệt. Vì thế, hiển thị Thật.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.4. Chỉ bày chân thật

2.2.2.2.1.1.3.1.1.4.1. Nêu lên ý nghĩa vì sao Phật xuất thế

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Chư Phật Thế Tôn, duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện u thế.

(經)所以者何？諸佛世尊，唯以一大事因緣故，出現於世。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Lời giải thích đoạn này được chia làm hai phần: Một là nói tổng quát, hai là tách từng chữ ra để giảng giải.

Trước hết là nói tổng quát, nối tiếp ý của kinh văn trong đoạn trước: Vì sao là “*pháp chẳng thể suy nghĩ, so lường, phân biệt để hiểu được, chỉ có chư Phật mới có thể biết*”? Đó là vì chư Phật hiểu biết tướng Như Thật. Nương vào Thật đạo ấy để xuất ứng (xuất thế ứng hiện) trong thế gian, chỉ vì khiến cho chúng sanh đạt được Thật Tướng ấy, chẳng còn chuyện gì khác. Thật Tướng vô tướng, vi diệu bậc nhất. Vì thế, chẳng thể do suy nghĩ, so lường, phân biệt mà hòng hiểu được!

Kế đó, là phân tích từng chữ để giải thích. “*Một*” tức là một Thật Tướng, chẳng phải ba, chẳng phải năm, chẳng phải bảy, chẳng phải chín.

Vì thế nói là “một” (“ba” tức là tam thừa, “năm” là [tam thừa] cộng thêm nhân và thiên, “bảy” là [ngũ thừa] cộng thêm nhị thừa của Thông Giáo, “chín” là cộng thêm Bồ Tát trong Thông Giáo và Biệt Giáo). Tánh ấy rộng lớn, rộng lớn khắp ba, năm, bảy, chín v.v... Vì thế gọi là Đại. Do là nghi thức xuất thế của chư Phật, cho nên gọi là Sự. Chúng sanh có căn cơ ấy để cảm, cho nên gọi là Nhân. Như Lai thuận theo căn cơ ấy mà ứng, cho nên gọi là Duyên. Đó chính là bốn ý xuất thế, nhưng trước hết mở ra tam thừa để dẫn dắt. Như người muốn lấy [thứ gì] thì trước hết phải trao cho. Tuy nói các thứ đạo, thật ra là Nhất Thừa.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.3. Nhắc lại

(Kinh) Xá Lợi Phất! Vân hà danh chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế?

(經)舍利弗！云何名諸佛世尊唯以一大事因緣故，出現於世？

(Kinh: Này Xá Lợi Phất! Có sao gọi là chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời?)

Đức Phật sắp giải thích, lại gan hỏi lần nữa để làm lời phát khởi. Lại nữa, đại sự này được Phật tôn trọng, như trong Thích Luận nói phụ vương muốn nghe tên Thái Tử nhiều lần bèn nhiều lượt nhắc đến, chẳng hề chán đủ!

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4. Giải thích

Những lời tỏ [Trí Khải] đả phá [các lập luận thiên kiến của cổ đức trước thời Ngài] tôi chẳng trích lục vì đã hiển Thật thì vô lượng pháp đều là một. Như Thập Diệu được nói trong sách Huyền Nghĩa chính là mười thứ Nhất. Nếu nói giản lược để tương ứng với cách hiểu xưa (tức cách hiểu của chư cổ đức trước thời Trí Giả đại sư) thì là Tứ Nhất (bốn thứ Nhất). Nói “vô lượng Nhất” thì mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Trung Đạo. Nghĩa này có thể biết được. Nói đến “mười thứ Nhất”, xét theo kinh văn hoàn toàn trọn đủ, tuy chẳng theo thứ tự, nhưng mười nghĩa chẳng giảm. “Pháp ấy chẳng thể suy nghĩ, so lường, phân biệt mà có thể hiểu được” chính là hiển thị Lý Nhất. “Chỉ có chư Phật mới có thể biết” là hiển thị Trí Nhất. “Chỉ vì một đại sự”, “một” chính

là Lý, “đại” chính là Trí (trí có thể chiếu cảnh thì mới thấu đạt cảnh to lớn. Vì thế “đại” được gọi là Trí). “Sự” chính là Hạnh (tự hành, hóa độ người khác thì đều gọi là Sự). Lý phát khởi Trí, Trí hướng dẫn Hạnh. Xét theo ý nghĩa này, sẽ chính là hiển thị Hạnh Nhất. “*Tri kiến*”: Trí biết Lý, mắt thấy pháp chân thật, Đế lý vô vi sẽ chẳng phân biệt. Do pháp vô vi mà có sai biệt. Xét theo tri kiến ấy để luận định “*khai, thị, ngộ, nhập*”.

Từ đại lược mà suy ra căn kẽ thì có bốn mươi một địa vị, tức là hiển thị Vị Nhất. Lại dùng cách nói tổng kết để nêu rõ Nhất: Nhất tức là Pháp Thân, Đại tức là Bát Nhã, Sự tức là giải thoát, là tạng bí mật. Đó là hiển thị ba pháp Nhất. “*Xuất hiện trong cõi đời*” hiển thị Cảm Ứng Nhất. “*Chỉ giáo hóa Bồ Tát*” hiển thị Quyền Thuộc Nhất. “*Chư hữu sở tác*” (Các điều thực hiện) hiển thị Thần Thông Nhất. “*Chỉ dùng tri kiến của Phật để chỉ dạy cho chúng sanh ngộ*” hiển thị Lợi Ích Nhất. “*Chỉ dùng một Phật Thừa để thuyết pháp cho chúng sanh*” hiển thị Thuyết Pháp Nhất. Các nghĩa được in dấu trong kinh văn đúng là phù hợp khít khao! Nay đại lược chỉ nói bốn thứ Nhất giống như cách giải thích của cổ đức. Số lượng giống nhau, nhưng ý nghĩa khác biệt. Cổ đức nói Quả Nhất, nay nói là Lý Nhất. Dựa theo nghĩa và dựa theo văn, [sở dĩ đề ra Lý Nhất] là vì:

- Dựa theo nghĩa, nếu chẳng có Lý Nhất, các sự sẽ điên đảo, đều là ma thuyết, chẳng còn là kinh Phật nữa. Vì thế, cần phải có Lý Nhất.

- Dựa theo văn thì kinh văn nói đến tri kiến của Phật. Nay xét theo cái được thấy biết thì cái được thấy chính là Đế, cái được biết chính là Cảnh. Cảnh và Đế chính là Lý Thật Tướng. Vì thế gọi là Lý Nhất.

Cổ đức nói Nhân Nhất (因一), từ đơn giản, ý nghĩa khác biệt, nay nói là Hạnh Nhất để gồm thấu cả nhân lẫn quả. Nhân Nhất (人一) và Giáo Nhất thì danh xưng giống như cách nói của cổ đức. [Do vậy], lời giải thích sẽ chia thành bốn phần: Một là Lý Nhất, hai là Nhân Nhất, ba là Hạnh Nhất, bốn là Giáo Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.1. Chỉ ra Lý Nhất

(Kinh) Chư Phật Thế Tôn dục linh chúng sanh khai Phật tri kiến, sử đắc thanh tịnh cố, xuất hiện ư thế. Dục thị chúng sanh Phật chỉ tri kiến cố, xuất hiện ư thế. Dục linh chúng sanh ngộ Phật tri kiến cố, xuất hiện ư thế. Dục linh chúng sanh nhập Phật tri kiến đạo cố,

xuất hiện u thể. Xá Lợi Phất! Thị vì chư Phật dĩ nhất đại sự nhân duyên cố xuất hiện u thể.

(經)諸佛世尊欲令眾生開佛知見，使得清淨故，出現於世。欲示眾生佛之知見故，出現於世。欲令眾生悟佛知見故，出現於世。欲令眾生入佛知見道故，出現於世。舍利弗！是為諸佛以一大事因緣故出現於世」。

(Kinh: Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sanh khai tri kiến của Phật thanh tịnh, nên xuất hiện trong cõi đời. Muốn chỉ bày tri kiến của Phật cho chúng sanh, nên xuất hiện trong cõi đời. Muốn khiến cho chúng sanh ngộ tri kiến của Phật, nên xuất hiện trong cõi đời. Muốn khiến cho chúng sanh nhập đạo tri kiến của Phật, nên xuất hiện trong cõi đời. Nay Xá Lợi Phất! Đó là chư Phật do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Giải thích Lý Nhất, lại chia thành bốn ý: Một là xét theo bốn địa vị. Hai là xét theo bốn trí. Ba là xét theo bốn môn. Bốn là xét theo quán tâm.

* Xét theo bốn địa vị, Đê và Cảnh chẳng thể thấy biết. Nếu xét theo trí nhãn thì có thể thấy biết. Bốn loại mắt dựa trên hai trí (Nhất Thiết Trí và Đạo Chứng Trí) chẳng thể thấy biết; chỉ có Phật nhãn từ Nhất Thiết Chứng Trí là có thể thấy biết. Kinh nói “*vị linh chúng sanh khai Phật tri kiến*” (vì khiến cho chúng sanh mở mang tri kiến của Phật); nếu chỉ nói về Phật quả, sẽ bỏ mất chúng sanh. Nếu chỉ nói về chúng sanh, sẽ chẳng phải là tri kiến của Phật. Vì thế, chẳng thể chấp giữ thiên lệch.

Hành giả thuộc ba giáo trước (Tạng, Thông, Biệt) tuy là chúng sanh, nhưng chưa đắc Phật nhãn và Phật trí, cho nên không thể thấy biết Thật Tướng. Bốn địa vị trong Viên Giáo (tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa) cũng là chúng sanh, nhưng đã do đã đắc một phần Phật nhãn và Phật trí, cho nên ý nghĩa “*chúng sanh*” đã thành, mà ý nghĩa “*tri kiến của Phật*” cũng thành tựu. Vì thế, nhờ vào bốn địa vị ấy để giải thích Lý Nhất. Như trong các thụ tượng (tượng tốt lành) [nói trong Tự Phần], có cõi trời tuôn mưa bốn loại hoa, biểu thị “*vạn thiện đồng quy, được nhập bốn địa vị*”. Nương vào hoa “*bốn địa vị*”

(Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa) để tiến nhập Phật quả. Do đó, dựa theo địa vị để hiển Lý.

“*Khai*” tức là Thập Trụ trong Viên Giáo, vừa mới phá vô minh, mở ra Như Lai Tạng, thấy lý Thật Tướng. Vì sao? Tánh đức diệu lý nhằm tiếp độ kẻ bị đắm nhiễm bởi hai thứ Hoặc thuộc Thông và Biệt, khó thể biết rõ. Sơ tâm tuy có thể viên tín (tín trọn vẹn, tức địa vị Danh Tự), viên thọ (tiếp nhận trọn vẹn, tức địa vị Ngũ Phẩm), viên phục (hàng phục trọn vẹn, tức địa vị Thập Tín), nhưng chưa thể đoạn Hoặc, chẳng gọi là Khai! Trong thì thêm quán hạnh, ngoài nhờ vào mưa pháp giúp phá trừ Hoặc thuộc Thông và Biệt ẩn tàng, hiển xuất tu tánh chân thật, tri kiến khơi mở, phát khởi rạng ngời. Như mặt trời mọc lên, tối tăm bị diệt trừ. Mắt có tác dụng, cho nên gọi là Khai. Duyên tu phá Hoặc; vì thế nói là “*sử đắc thanh tịnh*” (khiến cho được thanh tịnh). Kinh Nhân Vương dạy: “*Nhập lý Bát Nhã, danh vi Trụ, trụ u Thập Trụ Bạch Hoa vị dã*” (Nhập lý Bát Nhã thì gọi là Trụ, trụ trong địa vị hoa trắng (hoa Mạn Đà La) Thập Trụ).

“*Thị*” là Hoặc chướng đã trừ, cái Thể của tri kiến hiển lộ. Thể trọn vẹn đức, các đức thuộc pháp giới hiển thị phân minh. Vì thế, gọi là Thị, tức là địa vị đại bạch hoa (hoa Ma Ha Mạn Đà La) Thập Hạnh vậy.

“*Ngộ*” là chướng trừ, Thể hiển lộ, hạnh pháp giới rõ ràng, Sự Lý dung thông, chẳng có hai đường! Như Lý Trí và Như Lượng Trí, Lý và Lượng chẳng hai. Vì thế gọi là Ngộ, tức là địa vị hoa đỏ (hoa Mạn Thù Sa) Thập Hồi Hướng vậy.

“*Nhập*” là Sự Lý đã dung thông, tự tại vô ngại, mặc tình tuôn rót, vào trong biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). Như Lý, Như Lượng, thông đạt tự tại. Tri kiến như lượng có thể tri các đức. Tri kiến như lý có thể ngăn các Hoặc, tức là địa vị hoa đại xích (hoa Ma Ha Mạn Thù Sa) Thập Địa.

Nhưng địa vị mâu nhiệm trong viên đạo, trong mỗi địa vị, trọn đủ công đức của bốn mươi một địa vị. Chỉ Khai là đã trọn đủ “*thị, ngộ, nhập*”, chẳng có tâm nào khác nữa! Nhưng tri kiến như lý chẳng có tướng phân biệt cạn hay sâu. Muốn hiển thị tri kiến như lượng, cho nên phân biệt bốn địa vị. Phát tâm rốt ráo chẳng có sai khác bất nhị. Hai tâm như thế, tâm trước khó. Đã nói đến khó dễ, bèn biết sơ tâm và tất cánh tâm phải nên có sự sai biệt sáng, tối, cạn, sâu, giống như bản thể của vàng trắng trước sau đều tròn đầy, thế mà có [tướng trạng] mỏng Mọt, ngày Rằm [khuyết, tròn] sai khác. Tri kiến thuộc bốn địa vị đều chiếu sáng Thật Tướng, mà nói Khai, Thị, Ngộ, Nhập sai khác!

* Hai là xét theo bốn trí (gọi là Xuất Bát Nhã, thông với ba giáo, nay chỉ nói theo Viên Giáo):

- Một là Đạo Huệ: Thấy thật tánh của đạo, từ trong Thật Tánh mà được khai Phật tri kiến.

- Hai là Đạo Chứng Huệ: Biết tướng biệt giải Hoặc của các đạo chủng trong mười pháp giới. Mỗi mỗi đều là phô bày tri kiến Phật.

- Ba là Nhất Thiết Trí: Biết hết thấy các pháp [có cùng] một tướng tịch diệt. “*Tịch diệt*” tức là ngộ tri kiến của Phật.

- Bốn là Nhất Thiết Chứng Trí: Biết hết thấy các pháp đều có cùng một tướng tịch diệt, các thứ tướng mạo hạnh loại đều biết, tức là nhập tri kiến của Phật (hai chữ Trí Huệ đều thông nhân quả và tổng biệt. Nay chỉ nói đến Đạo Huệ. Vì thế, xét theo nhân, xét theo tổng, thêm một chữ Chứng. Do xét theo nhân, xét theo biệt, trước Trí có hai chữ Nhất Thiết. Xét theo quả, theo Tổng lại thêm một chữ Chứng. Đó là xét theo quả, theo Biệt).

Lại nữa, Đạo Huệ như Lý thì gọi là Khai. Đạo Chứng Huệ như lượng gọi là Thị. Lý và lượng của Nhất Thiết Trí bất nhị, gọi là Ngộ. Nhất Thiết Chứng Trí lý và lượng cùng chiếu, đó là Nhập. Đây cũng là xét theo Thật Lý chẳng có cạn hay sâu, nhưng phân biệt thành cạn hay sâu (như đối với tục cảnh có số lượng, bèn dùng Thật Lý để khế hợp, Lý và Lượng chính là lẫn nhau, chẳng phải là “*nhân, quả, biệt, tổng*” mà luận định “*nhân, quả, tổng, biệt*”. Do có bốn danh xưng làm phương tiện, lý trước và sau giống nhau).

* Ba là xét theo bốn môn của Viên Giáo để giải thích theo chiều ngang, sẽ thành bốn câu:

- Không môn thì “một thứ không, hết thấy đều không”, tức là Khai tri kiến của Phật.

- Hữu môn thì “một thứ có, hết thấy đều có”, chính là Thị tri kiến của Phật.

- Diệc Hữu Diệc Không môn thì hết thấy vừa không, vừa có, tức là Ngộ tri kiến của Phật.

- Phi Không Phi Hữu môn, hết thấy đều chẳng phải có, chẳng phải không, tức là Nhập tri kiến của Phật.

Cái có thể thông (Khai, Thị, Ngộ, Nhập) là bốn, đối tượng được thông (tri kiến của Phật) là một. Khai, Thị, Ngộ, Nhập là môn có thể thông. Cái được thấy được biết chính là Lý được thông.

* Bốn là xét theo quán tâm để giải thích. Quán lý Tam Đế trong tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phép Quán ấy sáng sủa thì là Khai. Tuy

chẳng thể nghĩ bàn, nhưng cái tâm có thể phân biệt Không, Giả, Trung rành rành, chẳng xen lăm, thì gọi là Thị. Cái tâm Không, Giả, Trung tuy ba mà một, tuy một mà là ba, đó gọi là Ngộ. Cái tâm Không, Giả, Trung chẳng phải là Không, Giả, Trung, mà chiếu bình đẳng Không, Giả, Trung thì chính là Nhập. Đây là Nhất Tâm Tam Quán mà tách thành Khai, Thị, Ngộ, Nhập sai khác.

Vì thế, dùng bốn khía cạnh để giải thích, thấy Lý do địa vị, mỗi địa vị do Trí mà sai khác, Trí được phát khởi do môn, thông suốt môn nhờ Quán. Do Quán nên bèn thông suốt môn, do môn đã thông nên trí thành. Do trí thành nên các địa vị được thành lập. Do các địa vị được thành lập mà thấy Lý. Do thấy Lý, nên gọi là Lý Nhất (Tuy nói là Lý Nhất, nhưng Môn chính là Giáo Nhất, Quán tức Hạnh Nhất, địa vị tức Nhân Nhất). Đây là đối với ba món Giáo, Hạnh, Nhân, đều nhờ vào Lý để biện định. Lý đã là như thế, ba điều kia cũng phỏng theo đó, sự hay khéo trong giải thích chẳng còn thêm gì được nữa!

Lại nữa, trong phần xét theo trí của mỗi địa vị thuộc phần trước, Sơ Trụ mới được gọi là Khai, tợ hồ phàm phu chẳng có phần. Trong phần sau, xét theo Môn và xét theo Quán thì danh tự sơ tâm có phần tu chứng, hướng hồ bản thể tri kiến của chúng sanh vốn chính là bản thể tri kiến của Phật! Như Thể của băng chính là nước, chỉ vì Hoặc chướng đông lạnh mà toàn thể nước thành băng. Nếu tin tưởng Viên môn, ngay nơi quán tâm sẽ có danh tự “khai, thị, ngộ, nhập”, cho đến rốt ráo “khai, thị, ngộ, nhập”, há có nên đề cao thánh cảnh, tự gièm chính mình chẳng có phần ư? Há lại nên hư vọng so đo “sơ tâm chính là Phật”, đem phàm xâm lăm cái quả tốt cùng ư? Xét theo địa vị ở đây, chẳng phải chiều dọc mà luận bàn chiều dọc. Xét theo môn, chẳng phải chiều ngang mà luận bàn theo chiều ngang. Xét theo trí, chẳng phải vừa là dọc vừa là ngang, mà luận vừa ngang vừa dọc. Xét theo Quán, chẳng phải “không phải dọc, không phải ngang” mà luận định “chẳng phải dọc, chẳng phải ngang”, lại còn song chiếu ngang lẫn dọc.

Từ “Xá Lợi Phất” trở đi, tức là tiểu kết ý nghĩa Lý Nhất. Trước kia là phương tiện giáo, cũng đều luận định “khai, thị, ngộ, nhập”, nhưng chẳng phải là [khai thị ngộ nhập] tri kiến của Phật, vì thế là Quyền. Nay nói rõ tri kiến của Phật, vì thế là Thật. Thật chính là Lý Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.4.4.2. Chỉ ra Nhân Nhất

(Kinh) Phật cáo Xá Lợi Phất: - Chư Phật Như Lai dẫn giáo hóa Bồ Tát.

(經)佛告舍利弗：「諸佛如來但教化菩薩。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát).

Các phương tiện trước kia nhằm giáo hóa tam thừa. Lý Thật chỉ giáo hóa Bồ Tát, như đứa con nghèo tự coi mình là gã khách hèn mọn. Trưởng giả trông thấy, biết hẳn thật sự là con của mình. Đó chính là Nhân Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.3. Chỉ ra Hạnh Nhất

(Kinh) Chư hữu sở tác, thường vị nhất sự, duy dĩ Phật chỉ tri kiến, thị ngộ chúng sanh.

(經)諸有所作，常為一事，唯以佛之知見，示悟眾生。

(Kinh: Các việc đã làm thường vì một sự: Chỉ dùng tri kiến của Phật để chỉ bày, khiến cho chúng sanh được ngộ).

Các hạnh thuộc tam thừa được gọi là “chư”. Do Viên nên là Chư, tức là Sự Nhất. Các hạnh ấy hướng đến đâu? Chỉ hướng đến tri kiến của Phật, tức là ý nghĩa Hạnh Nhất vậy.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.4. Chỉ ra Giáo Nhất

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai dẫn dĩ nhất Phật Thừa cố, vị chúng sanh thuyết pháp, vô hữu dư thừa, nhược nhị, nhược tam.

(經)舍利弗！如來但以一佛乘故，為眾生說法，無有餘乘，若二，若三。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như Lai chỉ dùng một Phật Thừa để vì chúng sanh thuyết pháp, chẳng có thừa nào khác, dù hai hay ba).

Giáo pháp viên đốn được gọi là Nhất Phật Thừa. Từ Biệt Giáo trở về trước, đều gọi là “*hữu dư thuyết*”, tức là “*bất liễu nghĩa*”, chẳng phải là Nhất Phật Thừa. “*Vô hữu dư thừa*” (Chẳng có thừa nào khác) tức là chẳng có “*kèm thêm Biệt*” như trong Hoa Nghiêm. “*Vô nhị*”: Chẳng kèm thêm hai giáo trước như trong Bát Nhã. “*Vô tam*”: Chẳng như Phương Đẳng đối ứng với ba giáo trước.

Nhưng bốn đoạn kinh văn trên đây, mỗi đoạn đều có hai nghĩa: Trong đoạn văn thứ nhất, nếu chú trọng “*có thể thấy biết*” thì chính là Nhân Nhất. Nay chú trọng “*cái được thấy biết*” thì là Lý Nhất. Trong đoạn văn kế tiếp, nếu chú trọng sự giáo hóa thì là Giáo Nhất. Nếu chú trọng Bồ Tát thì là Nhân Nhất. Trong đoạn văn thứ ba, tức đoạn nói về “*chư hữu sở tác*”, nếu nói theo phía đức giáo chủ thì là Giáo Nhất. Nay nếu nói theo phía hành nhân, sẽ là Hạnh Nhất. Trong đoạn văn thứ tư, nếu chú trọng ý nghĩa “*chuyên chở*” thì là Hạnh Nhất. Nếu chú trọng ý nghĩa “*vì chúng sanh thuyết pháp*” thì là Giáo Nhất! Bất quá là xét theo phương tiện để giải thích.

Phân giải thích chánh yếu về bốn điều Nhất đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.5. Tổng kết

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhất thiết thập phương chư Phật pháp diệc như thị.

(經)舍利弗！一切十方諸佛法亦如是。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Pháp của mười phương hết thấy chư Phật cũng như thế).*

Câu này tổng kết bốn điều Nhất (Tứ Nhất), văn giản lược, nghĩa tường tận. Vì sao nói vậy? Trong Tự Phần, do quang minh [phóng ra từ tướng bạch hào của đức Phật] liền theo chiều ngang thấy một vạn tám ngàn cõi nước. Ngài Văn Thù dẫn chứng chuyện xưa theo chiều dọc, [nêu ra] hai vạn vị Phật, không vị nào chẳng vì Thật mà thị hiện Quyền, khai Quyền hiển Thật, đều có cùng một ý nghĩa với Phật xuất hiện trong đời Ngũ Trược hiện thời. Vì thế, [Phật Thích Ca] chẳng đợi thỉnh cầu, đã nói (tức là “tán thán trí huệ của Phật chẳng thể nghĩ bàn”). Còn như trong hết thấy mười phương, nơi biên các cõi nước vô tận, chư Phật xuất thế trong các thế giới tịnh hay uế sai biệt vô tận, cũng có chỗ thuận nói Đại Thừa, cũng có chỗ thuận nói Tiểu pháp. Thuận nói Đại Thừa thì chẳng cần ban bố tam thừa, cố nhiên là [trọn đủ] bốn điều Nhất (Lý

Nhất, Giáo Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất). Thuần nói Tiểu pháp, sẽ chẳng thể hiện Thật, nhưng lâu sau, rốt cuộc cũng là sẽ không cỗi nào chẳng trở thành “bốn điều Nhất”, thế nhưng chẳng thể dùng số kiếp lâu hay mau để tính toán được, chẳng thể dùng Thiên Nhân của những vị có thân thông thấp hơn Đẳng Giác để dò lường được! Trong phần kinh văn kế tiếp, sẽ khai Tịch hiển Bản. Công giáo hóa suốt ba đời của Như Lai là như thế đó. Nếu chẳng tin điều này, sao gọi là “tùy hỷ” cho được?

Phần thứ nhất, “nói chung về chư Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2. Liệt kê tam thể chư Phật

Chia thành ba phần: Một là quá khứ Phật, hai là vị lai Phật, ba là hiện tại Phật. Trong phần này, phải nên có đủ sáu nghĩa, nhưng chẳng ra ngoài hai loại: Một là mở ra phương tiện, hai là hiển thị chân thật. [Trong sáu nghĩa ấy], hai nghĩa nói về loại trước, hai nghĩa nói về loại sau (tán thán pháp chưa từng có, nói chẳng hư vọng, tức là nói đến chương nêu tổng quát chư Phật trên đây. Nêu ra Ngũ Trước để giải thích Quyền, loại trừ hư vọng để củng cố niềm tin, tức là phần nói về Phật Thích Ca trong phần sau).

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2.1. Quá khứ Phật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Quá khứ chư Phật dĩ vô lượng vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, nhi vị chúng sanh diễn thuyết chư pháp. Thị pháp giai vi nhất Phật Thừa cố. Thị chư chúng sanh từng chư Phật văn pháp, cứu cánh giai đắc Nhất Thiết Chứng Trí.

(經)舍利弗！過去諸佛以無量無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，而為眾生演說諸法。是法皆為一佛乘故。是諸眾生從諸佛聞法，究竟皆得一切種智。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Quá khứ chư Phật dùng vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để vì chúng sanh diễn nói các pháp. Các pháp ấy đều là một Phật Thừa. Các chúng sanh ấy nghe pháp từ chư Phật, rốt ráo đều đắc Nhất Thiết Chứng Trí).

“Vô lượng vô số phương tiện” là khai Quyền. “Thị pháp giai vi” (Các pháp ấy đều là) tức là hiển Thật. “Vi nhất Phật Thừa” (Là một Phật

Thừa) tức Giáo Nhất. “*Chúng sanh*” tức là Nhân Nhất. Có thể đạt được Chủng Trí là Hạnh Nhất. Những điều hay biết bởi Chủng Trí chính là Lý Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2.2. Vị lai Phật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Vị lai chư Phật đương xuất u thế, diệt dĩ vô lượng vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, nhi vị chúng sanh diễn thuyết chư pháp. Thị pháp giai vi nhất Phật Thừa cố. Thị chư chúng sanh tùng Phật văn pháp, cứu cánh giai đắc Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)舍利弗！未來諸佛當出於世，亦以無量無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，而為眾生演說諸法。是法皆為一佛乘故。是諸眾生從佛聞法，究竟皆得一切種智。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Vị lai chư Phật sẽ xuất hiện trong thế gian, cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để vì chúng sanh diễn nói các pháp. Các pháp ấy đều là một Phật Thừa. Các chúng sanh ấy nghe pháp từ chư Phật, rốt ráo đều đắc Nhất Thiết Chủng Trí).

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2.3. Hiện tại chư Phật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Hiện tại thập phương vô lượng bách thiên vạn ức Phật độ trung, chư Phật Thế Tôn đa sở nhiều ích, an lạc chúng sanh. Thị chư Phật diệt dĩ vô lượng vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, nhi vị chúng sanh diễn thuyết chư pháp. Thị pháp giai vi nhất Phật Thừa cố. Thị chư chúng sanh tùng Phật văn pháp, cứu cánh giai đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Xá Lợi Phất! Thị chư Phật dẫn giáo hóa Bồ Tát, dục dĩ Phật chi tri kiến thị chúng sanh cố. Dục dĩ Phật chi tri kiến ngộ chúng sanh cố. Dục linh chúng sanh nhập Phật chi tri kiến cố.

(經)舍利弗！現在十方無量百千萬億佛土中，諸佛世尊多所饒益，安樂眾生。是諸佛亦以無量無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，而為眾生演說諸法。是法皆為一佛乘

故。是諸眾生從佛聞法，究竟皆得一切種智。舍利弗！是諸佛但教化菩薩，欲以佛之知見示眾生故。欲以佛之知見悟眾生故。欲令眾生入佛之知見故。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Hiện tại, trong vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi Phật ở mười phương, chư Phật Thế Tôn tạo nhiều lợi ích, an lạc chúng sanh. Các vị Phật ấy cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để vì chúng sanh diễn nói các pháp. Các pháp ấy đều là một Phật Thừa. Các chúng sanh ấy nghe pháp từ chư Phật, rốt ráo đều đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Nay Xá Lợi Phất! Các vị Phật ấy chỉ giáo hóa Bồ Tát, vì muốn dùng trí kiến của Phật để dạy chúng sanh, vì muốn cho chúng sanh ngộ tri kiến của Phật, vì muốn khiến cho chúng sanh nhập tri kiến của Phật).

Hiện tại Phật chính là hóa chủ. Vì thế, trước hết nêu ra ý nghĩa xuất thế. Kế đó là nói về khai Quyền hiển Thật. Sau đó, kết thành ý “*khai, thị, ngộ, nhập*”. [Đoạn văn này] thiếu câu nói về Khai [tri kiến của Phật] là do văn từ giản lược.

Phần thứ nhất, “chương nói về bốn loại Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2. Nêu bày cặn kẽ về Quyền Thật của Phật Thích Ca

Trong sáu nghĩa, do chẳng tán thán pháp hy hữu, [cho nên] chỉ có năm đoạn văn: Một là khai Quyền. Hai là hiển Thật. Ba là dùng Ngũ Trược để giải thích phương tiện. Bốn là loại trừ hư vọng để củng cố niềm tin. Năm là nói rõ chẳng có hư vọng.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.1. Khai Quyền

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ngã kim diệc phục như thị, tri chư chúng sanh hữu chủng chủng dục, thâm tâm sở trước, tùy kỳ bốn tánh, dĩ chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện lực, nhi vị thuyết pháp.

(經)舍利弗！我今亦復如是，知諸眾生有種種欲，深心所著，隨其本性，以種種因緣，譬喻，言辭，方便力，而為說法。

(Kinh: Này Xá Lợi Phát! Ta nay cũng như thế, biết các chúng sanh có các thứ dục và các điều chấp trước nơi thâm tâm, thuận theo bốn tánh của họ, dùng các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, và sức phương tiện để vì họ thuyết pháp).

Trước là ba (tam thừa), sau là một (Phật Thừa), giống như bốn loại Phật chẳng khác. Vì thế nói “*diệt phục như thị*” (cũng giống như thế). “*Chủng chủng dục*” (Các thứ dục) tức là các dục thuộc căn tánh của ngũ thừa. Quá khứ gọi là Căn, vì nó có ý nghĩa “có thể sanh”. Hiện tại gọi là Dục, vì nó có ý nghĩa “giữ lấy cảnh”. Vị lai gọi là Tánh, vì nó có ý nghĩa “chẳng thay đổi”.

“*Thâm tâm sở trước*” (Các điều chấp trước trong thâm tâm): Tập khí cũ khó chuyển, tức là Căn. “*Phương tiện*” chính là tùy nghi mở ra Quyền pháp tam thừa. Đối ứng với sự cảm ứng ở đây thì “*các thứ căn tánh dục của chúng sanh*” là Cảm, đức Phật nhận biết, dùng sức phương tiện để thuyết pháp cho họ. Đó là Ứng.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.2. Hiện Thật

(Kinh) Xá Lợi Phát! Như thử giai vì đặc nhất Phật Thừa Nhất Thiết Chủng Trí cố.

(經)舍利弗！如此皆為得一佛乘一切種智故。

(Kinh: Này Xá Lợi Phát! Như thế đều là vì đặc Nhất Thiết Chủng Trí nơi một Phật Thừa).

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3. Nêu ra Ngũ Trược để giải thích phương tiện

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3.1. Nêu ý nghĩa

(Kinh) Xá Lợi Phát! Thập phương thế giới trung, thượng vô nhị thừa, hạ hống hữu tam?

(經)舍利弗！十方世界中，尚無二乘，何況有三？

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Trong mười phương thế giới, còn chẳng có hai thừa, huống hồ là có ba ư?*

Trước khi nêu ra Ngũ Trược, bèn nêu ra ý nghĩa này trước hết. Trong phần trên, đã nói chư Phật khai Quyền hiển Thật, nhưng chưa nói “*ẩn Thật để hành Quyền*”. Nay nói rõ tương xứng với Thật để quán thì trong mười phương thế giới, không đâu chẳng phải là diệu lý pháp giới Chân Như, còn chẳng có giáo pháp thứ hai là Biệt Giáo, huống hồ có ba giáo là Tạng, Thông, Biệt! Biệt Giáo được gọi là Nhị Thừa vì Trung Đạo vượt thoát nhị biên, chẳng phải là nhị biên. Trung và Biên thì thành ra hai; vì thế, gọi là “*đệ nhị thừa*” (thừa thứ hai). “*Hai*” nơi Biệt Giáo đã là chẳng thể được, huống hồ có Thông Giáo và Tạng Giáo để cùng với Biệt Giáo tạo thành ba loại Quyền ư? Đặc biệt xuất hiện trong cõi đời Ngũ Trược, chẳng thể nào không ẩn Nhất Thật để thực thi ba thứ quyền biến vậy!

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3.2. Nêu ra Ngũ Trược

(Kinh) *Xá Lợi Phất! Chư Phật xuất ư Ngũ Trược ác thế, sở vị: Kiếp trược, phiền não trược, chúng sanh trược, kiến trược, mạng trược.*

(經)舍利弗！諸佛出於五濁惡世，所謂：劫濁，煩惱濁，眾生濁，見濁，命濁。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Chư Phật xuất hiện trong đời ác Ngũ Trược, tức là: Kiếp trược, phiền não trược, chúng sanh trược, kiến trược, mạng trược).*

“*Kiếp*” (Kalpa) là Thời. “*Thời*” (Thời gian) chẳng phải là pháp có thật, nó nương vào phận vị của sắc và tâm mà giả lập. Nay nói là “*trược*” (濁, dơ bẩn), là bốn thứ trược tăng trưởng mạnh mẽ, tụ tập trong lúc này. Vì thế, trong phần sau, kinh văn ghi “*kiếp trược loạn thời*”.

Phiền Não Trược (Kleśa-kasāya): Nói chung, ngũ trụ tam hoặc¹⁵⁷ đều gọi là phiền não. Nay chỉ coi ngũ độn sử trong tam giới là Phiền Não Trược, tức là tham, sân, si, mạn, nghi. Chúng sanh cũng chẳng có cái

¹⁵⁷ Tam Hoặc là Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc.

Thế nào khác, nương vào sắc và tâm, Ngũ Âm mà lập ra cái giả danh này.

Do Kiến phiền não, cảm vờ sắc tâm thô tệ, quả báo xấu kém. Vì thế gọi là Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāya).

Kiến Trược (Drsti-kasāya): Nói chung là các phân biệt Hoặc trong tam giới và ngoài tam giới thì đều gọi là Kiến. Nay chỉ lấy năm lợi sử trong tam giới làm Kiến Trược, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến và Tà Kiến.

Mạng Căn (Jīvitendriya) cũng chẳng phải là thật pháp, do nương vào thức chủng, một phần dựa vào công năng duy trì sắc tâm liên tục chẳng đoạn mà giả lập. Nay nói là Trược, vì ác dị thực nghiệp cảm vờ thức chủng, có thể khiến cho sắc tâm tồn tại ngắn ngủi; vì thế gọi là Mạng Trược (Āyu-kasāya).

Nếu xét theo nhân quả sanh khởi lẫn nhau, thì do Kiến phiền não làm nhân, cảm vờ sắc tâm trong tam giới làm quả. Do nương vào quả mà lập ra danh xưng Chúng Sanh. Dựa theo một thời kỳ sanh tử của chúng sanh là lập ra danh xưng Mạng Căn. Nếu nương vào bốn pháp (kiếp, kiến, chúng sanh, mạng căn) đều là trược, sẽ lập ra danh xưng Kiếp Trược (Kalpa-kasāya). Nếu dựa theo thứ tự trong các kinh, Kiếp Trược đứng đầu; Kiến, phiền não, chúng sanh, và mạng theo thứ tự được xếp đằng sau. Kinh này [liệt kê Ngũ Trược] không tuân theo thứ tự ấy, ý nghĩa cũng chẳng thay đổi.

Hỏi: - Ngũ Trược nói trong kinh này và kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) giống nhau, hay khác nhau?

Đáp: - Ngũ Trược nói trong kinh Đại Phật Đảnh bao trùm chín pháp giới, chỉ có Phật là thanh tịnh (không có Ngũ Trược). Ngũ Trược nói trong kinh này hạn cuộc trong kiếp giảm nơi uế độ, chẳng xét theo Tịnh Độ, chẳng xét theo tăng kiếp.

Hỏi: - Kinh này tôi diệu, sao lại ngược ngạo nói Ngũ Trược nông cạn vậy?

Đáp: - Điều này nhằm minh định “*chư Phật ẩn Thật để thực hiện tam thừa*”. Do các Ngài xuất thế trong đời Ngũ Trược, chuyện bất đắc dĩ là [nêu bày Ngũ Trược nhằm] tỏ rõ phương tiện thiện xảo quyền biến chẳng thể nghĩ bàn! Há có nên dùng kinh Đại Phật Đảnh để so đo? Kinh ấy riêng vì một hạng lợi căn mà trực tiếp mở mang kiến giải viên mãn [cho họ].

Hỏi: - Nếu Ngũ Trược có thể gây chướng ngại to lớn, sao trong kinh Hoa Nghiêm, người chưa trừ trược lại có thể nghe xong bèn ngộ là vì lẽ nào vậy?

Đáp: - Điều này phải nên dùng bốn câu để phân biệt:

- Một là căn tánh Đại Thừa nhạy bén, chướng nặng nề. Do căn nhạy bén, trọng chướng chẳng thể gây chướng ngại. Đó là những người nghe Đại Thừa đầu tiên nơi hội Hoa Nghiêm trong cõi này.

- Hai là căn nhạy bén, chướng nhẹ, tức là những người nhanh chóng nghe Đại Thừa trong các cõi thanh tịnh ở phương khác.

- Ba là căn độn, chướng nhẹ, tức là những người trước hết nghe tam thừa, sau đó ngộ Nhất Thừa trong các cõi thanh tịnh ở phương khác.

- Bốn là căn độn, chướng nặng ở trong cõi này do nghe pháp dần dần trừ trược rồi mới nghe Đại Thừa.

Hỏi: - Ngũ Trược cũng chướng ngại Tiểu Thừa ư?

Đáp: - Đối với Tiểu Thừa, cũng nên có bốn câu phân biệt:

- Một là hàng Tiểu Thừa căn nhạy bén, chướng nhẹ, Trược chẳng thể gây chướng, như Xá Lợi Phất, Đại Ca Diếp v.v...

- Hai là Tiểu Thừa căn nhạy bén, chướng nặng, Trược cũng chẳng thể ngăn chướng, như Ương Quật Ma La (Aṅgulimāliya, Aṅgulimāla)¹⁵⁸ trong kinh A Hàm.

- Ba là Tiểu Thừa căn độn, chướng nhẹ, Trược cũng chẳng thể gây chướng, như tỳ-kheo Bàn Đà (Śuddhipanthaka, tức ngài Châu Lợi Bàn Đạc, Châu Lợi Bàn Đà Già).

¹⁵⁸ Ương Quật Ma La (còn phiên âm là Ương Cừ Ma La, Ương Cù Lợi Ma La, Ương Quật Ma) dịch nghĩa là Chi Man (đeo chuỗi kết bằng ngón tay người): Vị này vốn là một người tu theo ngoại đạo sống tại thành Thất La Phiệt Đề (Śrāvastī, Xá Vệ), theo học với tà sư Ma Ni Bát Đà La, hết sức cung kính, hiếu thuận. Do sư mẫu nầy sanh tà tâm, toan quyến rũ, bị Ương Quật Ma La cự tuyệt, tức giận, bèn vu cáo Ương Quật dụ dỗ không được bèn lăng nhục bà ta. Thầy căm tức, bèn giả vờ dạy Ương Quật hãy giết đủ một ngàn người lấy ngón tay đeo vào cổ. Khi nào đủ số, sẽ dạy đạo tối thắng cho. Ương Quật tín thuận, bèn giết người, cứ giết một người bèn cắt lấy ngón tay xỏ vào chuỗi đeo cổ. Đến khi giết đủ 999 người, không tìm ra người để giết, ông ta toan giết mẹ ruột. Đức Phật liền đến hóa độ. Ương Quật thấy từ xa có một vị tỳ-kheo đi lại, mừng lắm, đuổi theo toan giết. Đuổi một nhòai, vị tỳ-kheo vẫn đi thong dong đằng trước mà ông ta không có cách nào đến gần, bèn hét lên: “Sa môn dừng lại, đừng chạy nữa”. Đức Phật đáp: “*Như Lai dừng lại đã lâu rồi, còn ông thì sao?*” Ương Quật nghe hỏi sững sờ, buông đao suy ngẫm. Đức Phật bèn giảng chánh pháp. Ương Quật Ma La sám hối, và xin xuất gia, chứng quả A La Hán.

Điều Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Bốn là Tiểu Thừa căn độn, chướng nặng, Trước bèn thành chướng, tức là những kẻ khi đức Phật tại thế chẳng nghe Tiểu Thừa, chẳng được độ thoát.

Hỏi: - Có người chẳng ở trong Hoa Nghiêm, chẳng ở trong Tam Tạng, mà được nghe Đại pháp hay nghe Tiểu pháp là vì có gì?

Đáp: - Điều này cũng nên dựa theo tứ giáo mà chia tổng quát thành bốn câu. Bốn câu tổng quát là:

- Căn nhạy bén, chướng nhẹ, bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Viên Giáo.

- Căn nhạy bén, chướng nặng, thì bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Biệt Giáo.

- Căn độn, chướng nhẹ, thì bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Thông Giáo.

- Căn độn, chướng nặng, bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Tạng Giáo.

Đức Phật do khẩu mật mà luôn ứng theo, khiến cho họ đạt được lợi ích. Đối với mỗi giáo, đều chia thành bốn câu, vì mỗi giáo trong bốn giáo đều có bốn môn:

- Căn nhạy bén, chướng nhẹ thì do nghe môn “phi Hữu, phi Không” bèn nhập.

- Căn nhạy bén, chướng nặng thì do nghe môn “cũng Có, cũng Không” mà nhập.

- Căn độn, chướng nhẹ thì do nghe Không môn mà nhập.

- Căn độn, chướng nặng thì do nghe Hữu môn mà nhập.

Nói chung, bất luận là có chướng hay không chướng, quý ở chỗ có căn, có thừa chủng (chủng tử thuộc thừa nào đó). Chướng là do phá giới, “*chủng*” (chủng tử) là do huân tập thành. Căn do túc tập (sự tu tập từ đời trước) mà có lợi hay độn. Tới nay gặp Phật, ngộ thì bèn có “đợi thời” và “chẳng đợi thời”. Nếu chẳng có “*thừa chủng*” từ đời trước, sẽ chẳng gặp thiện căn xuất thế. Dẫu cho chướng nhẹ, vẫn đắm đuối nơi lạc, chẳng ngộ, chẳng thuộc vào bốn câu, chẳng gồm trong bốn môn, biết làm sao được nữa?

Hỏi: - Vì sao Ngũ Trước một mực chướng Đại mà chẳng chướng Tiểu? (Dựa theo câu thứ tư trong bốn câu đầu tiên mà hỏi).

Đáp: - Chúng sanh trước nặng, hư vọng chấp trước Ngũ Ấm là Tứ Đức (đó là chướng nặng). Nếu nghe “*thường, lạc, ngã, tịnh*” của Đại Thừa, liền chấp sai là đúng (tức là căn độn), thầy thuốc ngốc nghếch,

ngu xuân¹⁵⁹, chẳng biết sữa tốt xấu (chẳng biết thuốc), chẳng biết cội nguồn gây nên bệnh, chẳng biết cách thêm hay bớt các vị thuốc (chẳng biết kê toa), chẳng hiểu biết gì. Vì thế, trước lần chứng đều to. Kinh văn chép: “*Nhược đản tán Phật Thừa, chúng sanh một tại khổ*” (Nếu chỉ khen ngợi Đại Thừa, chúng sanh sẽ chìm đắm trong sự khổ) chính là nghĩa này. Nếu nghe “*vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*”, sẽ chán ngán sanh tử, ưa Niết Bàn, phá chấp trước tà kiến. Vì thế, Ngũ Trước chẳng chứng Tiểu Thừa. Kinh văn chép: “*Tác thị tư duy thời, thập phương Phật giai hiện, phạm âm ủy dụ ngã*” (Khi ta suy nghĩ như thế, mười phương Phật đều hiện ra, dùng phạm âm để an ủi, khuyên dụ ta) chính là ý nghĩa này!

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3.3. Tiểu kết lời giải thích

(Kinh) Như thị, Xá Lợi Phất! Kiếp trước loạn thời, chúng sanh cầu trọng, xan tham, tật đố, thành tựu chư bất thiện căn cố, chư Phật dĩ phương tiện lực, u nhất Phật Thừa phân biệt thuyết tam.

¹⁵⁹ Đây là một thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Theo quyển hai thuộc phẩm Thọ Mạng trong kinh ấy, đức Phật nêu một thí dụ: Ví như có một quốc vương, ám độn, kém trí. Vua có một thầy thuốc ngu xuẩn, nhưng nhà vua chẳng biết, thường ban thưởng bổng lộc trọng hậu cho gã đó. Để trị liệu các bệnh, gã thầy thuốc đó đều nhất loạt dùng sữa, lại cũng chẳng biết cội nguồn các căn bệnh. Dầu biết sữa có thể chữa bệnh, nhưng chẳng hiểu căn kẽ, bệnh gì cũng đều cho uống sữa. Lại có một vị thầy thuốc khác thông hiểu y thuật, khéo trị các bệnh, biết các toa thuốc, từ phương xa đến. Gã thầy thuốc dốt chẳng biết tìm đến học hỏi, lại sanh lòng kiêu căng, ngạo nghễ. Vị thầy thuốc thông hiểu bèn tìm cách thân cận gã thầy thuốc dốt, tôn hấn làm thầy, xin hấn dạy các toa thuốc. Hấn buộc vị thầy thuốc giỏi phải hầu hạ bốn mươi tám năm, vị thầy thuốc giỏi chấp thuận. Hấn bèn dẫn vị thầy thuốc đến gặp nhà vua. Vị thầy thuốc giỏi bèn thân cận kẻ các triệu chứng, phương cách trị liệu chẩn đoán. Khi đó, vua mới vỡ lẽ gã ngự y của mình dốt nát, ngu xuẩn, bèn tống cổ gã dốt đó. Đồng thời, vị thầy thuốc giỏi lại xin vua hạ lệnh cấm dân chúng dùng sữa làm thuốc, ai trái lệnh sẽ bị chém đầu. Vị thầy thuốc ấy hòa hợp các vị cay, đắng, mặn, ngọt, chua làm thuốc để trị các bệnh, không ai chẳng được lành. Sau đó, nhà vua bị bệnh. Thầy thuốc chẩn bệnh lại bảo nhà vua hãy dùng sữa làm thuốc. Nhà vua nghi ngờ, thầy thuốc giải thích căn kẽ: Để trị đúng bệnh phải biết sữa tốt xấu thiện ác khác nhau, cũng như căn bệnh nào cần phải dùng sữa làm thuốc, căn bệnh nào dùng sữa sẽ có hại. Vua hiểu ra, dùng sữa, lập tức lành bệnh.

(經)如是，舍利弗！劫濁亂時，眾生垢重，慳貪嫉妒，成就諸不善根故，諸佛以方便力，於一佛乘分別說三。

(Kinh: Như thế đó, Xá Lợi Phất! Trong thời loạn kiếp trước, do chúng sanh cấu chướng nặng nề, keo tham, ghen ghét, thành tựu các bất thiện căn, chư Phật dùng sức phương tiện từ trong một Phật Thừa mà phân biệt nói thành ba).

Câu đầu tiên nói đến Kiếp Trước, câu kế tiếp nói về Chúng Sanh Trước. “*Xan tham, tật đố*” tức Phiền Não Trước và Kiến Trước. “*Thành tựu chư bất thiện căn*” (Thành tựu các căn chẳng lành) chính là Mạng Trước. Nếu chẳng khéo léo lập bày phương tiện, dùng gì để tiếp dẫn [chúng sanh] thoát khỏi khổ luân?

Phần thứ ba, “nêu ra Ngũ Trước để giải thích phương tiện” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4. Loại trừ hư ngụy để củng cố niềm tin vào Nhất Thật

Nếu là đệ tử Phật, sẽ có thể tự tín giải. Nếu chẳng tín giải, sẽ chẳng phải là đệ tử thật sự, mà cũng chẳng phải là La Hán. Đôn đốc đại chúng trong thuở ấy, khiến cho họ tin nhận [Nhất Thừa].

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.1. Phân biệt chân ngụy

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.1.1. Nếu chẳng nghe, chẳng biết, sẽ chẳng phải là đệ tử thật sự

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược ngã Phật tử tự vị A La Hán, Bích Chi Phật giả, bất văn, bất tri chư Phật Như Lai dẫn giáo hóa Bồ Tát sự, thử phi Phật đệ tử, phi A La Hán, phi Bích Chi Phật.

(經)舍利弗！若我佛子自謂阿羅漢、辟支佛者，不聞不知，諸佛如來但教化菩薩事，此非佛弟子，非阿羅漢，非辟支佛。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Nếu Phật tử của ta tự nói mình là A La Hán hay Bích Chi Phật, mà chẳng nghe, chẳng biết chuyện chư Phật

Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, kẻ đó chẳng phải là đệ tử Phật, chẳng phải là A La Hán, chẳng phải là Bích Chi Phật).

Như đệ tử trong thế gian tùy thuận pháp của thầy, tiếp nối đạo, truyền đăng, nay chẳng nghe, chẳng biết, sẽ chẳng có cách nào tùy thuận! Đệ tử là gì? Như Lai trước kia đã vì đối trị Ngũ Trược mà phương tiện thực hiện tam thừa, ông được nghe biết, tùy thuận tu tập, thì gọi là “đệ tử”. Nay Ngũ Trược đã trừ, [Như Lai] sẽ vì ông hiển lộ Nhất Thừa, có sao chẳng nghe, chẳng biết? “Chẳng nghe” tức là không nghe Giáo Nhất. “Chẳng biết” tức là không biết Hành Nhất. “Chẳng phải là đệ tử” tức chẳng phải là Nhân Nhất. Nói chung là vì mê nơi Lý Nhất vậy.

2.2.2.2.1.3.1.2.4.1.2. Nếu đã nghe mà chẳng tin nhận thì là kẻ tăng thượng mạn

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Thị chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, tự vị dĩ đắc A La Hán, thị tối hậu thân, cứu cánh Niết Bàn, tiện bất phục chí cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đương tri thử bối, giai thị tăng thượng mạn nhân. Sở dĩ giả hà? Nhược hữu tỳ-kheo thật đắc A La Hán, nhược bất tín thử pháp, vô hữu thị xứ!

(經)又舍利弗！是諸比丘、比丘尼，自謂已得阿羅漢，是最後身，究竟涅槃，便不復志求阿耨多羅三藐三菩提。當知此輩，皆是增上慢人。所以者何？若有比丘實得阿羅漢，若不信此法，無有是處！

(Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni ấy tự nói là đã đắc A La Hán, là thân cuối cùng, rốt ráo Niết Bàn, mà vẫn chẳng mong cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hãy nên biết hạng người ấy đều là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao vậy? Nếu có tỳ-kheo thật sự đắc A La Hán mà chẳng tin pháp này, chẳng có lẽ ấy!)

Đức Phật lập ra Nhị Thừa vốn là vì Ngũ Trược chướng nặng, tạm thời khiến cho họ dứt khổ, cho nên quyền biến nói “đoạn hết Kiến Tư thì gọi là A La Hán”, chẳng thọ thân hậu hữu trong tam giới, gọi là “tối hậu thân” (thân cuối cùng), ra khỏi khổ luân Phần Đoạn [sanh tử] trong cõi Đồng Cư thì gọi là Niết Bàn. Nhưng nếu đã thật sự đắc đạo A La Hán, chứng Hữu Dư giải thoát, nay nghe kinh này, phải nên tin nhận, tiến lên

cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì lẽ nào vậy? Trước chương đã trừ, lại được nghe đại pháp này, ắt sẽ suy xét, trừ tính, cân nhắc: Vô minh Biệt Hoặc nếu vẫn còn, sao gọi là La Hán cho được? Biến Dịch sanh tử mênh mộng, sao gọi là “*tối hậu thân*” cho được? Hóa thành chưa phải là chỗ có của báu, sao gọi là Niết Bàn rốt ráo cho được? Vì thế, người thật sự đắc A La Hán, chưa hề có ai chẳng tin pháp này do đức Phật đã nói. Nếu tự cho là đủ, chẳng dốc chí cầu Bồ Đề, hãy nên biết kẻ đó hoàn toàn chưa chứng A La Hán, chỉ là phường tăng thượng mạn đó thôi!

Phần thứ nhất, “phân biệt chân ngụy” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.2. Khai trừ để cởi gỡ nghi hoặc

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.2.1. Khai trừ

(Kinh) Trừ Phật diệt độ hậu, hiện tiền vô Phật. Sở dĩ giả hà? Phật diệt độ hậu, như thị đẳng kinh, thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa giả, thị nhân nan đắc.

(經)除佛滅度後，現前無佛。所以者何？佛滅度後，如是等經，受持，讀誦，解義者，是人難得。

(Kinh: Trừ phi sau khi đức Phật diệt độ, hoặc hiện tiền chẳng có Phật. Vì có sao vậy? Sau khi đức Phật diệt độ, người nào thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa các kinh như thế thì người ấy khó có).

Sợ có kẻ hỏi: “Nếu là như vậy, hết thấy La Hán ắt đều dốc chí cầu Vô Thượng Bồ Đề hay sao?” Vì thế, nay để khai trừ [lý luận nói nhất loạt như thế], bèn nói: “*Trừ Phật diệt độ, hiện tiền vô Phật*”, [ý nói] những người được gọi quyền biến là “đã chứng La Hán” chưa chắc đã liền có thể dốc chí cầu Bồ Đề.

Lại có người hỏi: “Tuy đức Phật diệt độ, nhưng kinh này còn tồn tại trong cõi đời, sao họ chẳng tin?” Vì thế, nay giải thích rằng: Vì lẽ nào vậy? Sau khi đức Phật diệt độ, tuy kinh này vẫn còn trong cõi đời, nhưng người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa khó thể gặp gỡ. Chẳng gặp người như vậy, thì thánh giả tiểu quả làm sao có thể tự thông hiểu, quyết chí cho được?

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.2.2. Cởi gỡ mối nghi

(Kinh) Nhược ngộ dư Phật, ư thử pháp trung, tiện đắc quyết liễu.

(經)若遇餘佛，於此法中，便得決了。

(Kinh: Nếu gặp vị Phật khác, sẽ đối với pháp này liền được hiểu rõ, quyết định).

Sợ có kẻ nghi rằng: “Nếu sau khi đức Phật nhập diệt, các vị A La Hán không gặp được kinh này, chẳng gặp người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa kinh này, sẽ vĩnh viễn nhập tiểu Niết Bàn ư?” Vì thế, nay giải thích rằng: Người ấy tuy sanh ý tưởng “diệt độ, nhập Niết Bàn”, nhưng do sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, gặp Phật nói pháp này, sẽ nhất quyết hiểu rõ “hóa thành chẳng phải là thật”, ắt vẫn dốc chí cầu Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng có lẽ nào vĩnh viễn nhập Niết Bàn! Vì thế, phẩm Thích Tất Định trong Đại Trí Độ Luận có nói: “*Thân La Hán ắt phải diệt, trụ trong chỗ nào để trọn đủ Phật đạo? Đáp: Ra khỏi tam giới bèn có Tịnh Độ của chư Phật*”.

[Trong Tịnh Độ của chư Phật], chẳng có danh xưng phiền não. Ở trong quốc độ ấy, nghe kinh Pháp Hoa, trọn đủ Phật đạo. Liền dẫn kinh này để làm chứng: Có La Hán nếu chẳng nghe Pháp Hoa, tự nói đã đắc diệt độ, ta ở trong các nước khác, vì người đó nói chuyện này: “Ông sẽ thành Phật”. Lại nữa, nếu ở trong cõi này mà được gặp gỡ người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa, thì cũng được hiểu rõ, quyết chí. Vì thế, Nam Nhạc đại sư nói: “*Các vị Phật khác [trong đoạn kinh văn này] là bốn chỗ nương tựa. La Hán gặp gỡ, nghe kinh bèn quyết định hiểu rõ*”. Lại nói: “*La Hán tu Niệm Phật Định, thấy mười phương Phật vì vị ấy nói kinh điển này, liền được quyết định hiểu rõ*” (Nếu nói niệm “mười phương Phật” tức là đã phát đại tâm. Nếu lại chỉ nghĩ tới đức Thích Ca, thì sẽ là do Tiểu mà cảm Đại, cũng là do căn cơ phát khởi khiến cho thành ra như thế đó).

Phản thứ tư, “loại trừ hư vọng, củng cố tín tâm” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.5. Chỉ rõ chẳng hư vọng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng đương nhất tâm tín giải, thọ trì Phật ngữ. Chư Phật Như Lai ngôn vô hư vọng, vô hữu dư thừa, duy nhất Phật Thừa.

(經)舍利弗！汝等當一心信解，受持佛語。諸佛如來言無虛妄，無有餘乘，唯一佛乘」。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên nhất tâm tin hiểu, thọ trì lời Phật. Chư Phật Như Lai chẳng nói lời hư vọng, chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật Thừa).

Trước là khuyên tin tưởng lời nói chân thật của Phật Thích Ca. Kế đó, khuyên hãy nên tin tưởng lời chân thành của chư Phật. Cuối cùng, kết lại Phật Thừa duy nhất. Do vậy, ngăn dứt ngờ vực, báng bô.

Đến đây, phần kinh văn Trường Hàng đã xong.

2.2.2.2.1.2. Kệ tụng

2.2.2.2.1.2.1. Hứa khả sẽ giải đáp

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, hữu hoài tăng thượng mạn, ưu-bà-tắc ngã mạn, ưu-bà-di bất tín. Như thị tứ chúng đặng, kỳ số hữu ngũ thiên, bất tự kiến kỳ quá, ư giới hữu khuyết lậu. Hộ tịch kỳ hà tỳ¹⁶⁰, thị tiểu trí dĩ xuất, chúng trung chi tao khang¹⁶¹, Phật oai đức cố khứ. Tur nhân tiền phước đức, bất kham thọ thị pháp. Thử chúng vô chi diệp, duy hữu chư trình thật. Xá Lợi Phất thiện thính.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「比丘比丘尼，有懷增上慢，優婆塞我慢，優婆夷不信。如是四眾等，其數有五千，不自見其過，於戒有缺漏。護惜其瑕疵，是小智已出，眾中之糟糠，佛威德故去。斯人少福德，不堪受是法。此眾無枝葉，唯有諸貞實。舍利弗善聽。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ôm lòng tăng thượng mạn, ưu-bà-tắc ngã mạn, ưu-bà-di chẳng tin. Tứ chúng như thế đó, số đến năm ngàn

¹⁶⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngọc có vết nứt hay khuyết điểm thì gọi là Hà, người có tội lỗi thì gọi là Tỳ”.

¹⁶¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Bã rọu (hèm) là Tao, lớp vỏ cám bên ngoài hạt ngũ cốc là Khang”.

ngươi, chẳng tự thấy lỗi mình, khuyết lậu đối với giới, tự che giấu tỳ vết. Bọn tiểu trí đã đi, cảm bã trong đại chúng, oai đức Phật phải đi. Bọn họ kém phước đức, chẳng kham nhận pháp này. Đại chúng không càn lá, chỉ có các hạt chắc, Xá Lợi Phất khéo nghe).

“Thượng mạn, ngã mạn, bất tín” tứ chúng đều có, nhưng hai chúng xuất gia (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni) phần nhiều tu đạo, đắc Thiền, làm tướng đã đắc thánh quả, đầy lòng tăng thượng mạn. Kẻ kiêu căng trong cõi tục, phần nhiều đầy lòng ngã mạn. Nữ nhân trí cạn, phần nhiều sanh tâm chẳng tin. Kẻ chẳng tự thấy lỗi ấy, bị ba thứ khuyết điểm che lấp cái tâm, giấu diếm tỳ vết, phô phang phạm đức, chẳng thể tự phản tỉnh, tức là kẻ chẳng hổ thẹn! Nếu tự thấy lỗi mình, sẽ là vị tăng biết hổ thẹn. “*U giới hữu khuyết lậu*” (Có thiếu sót đối với giới): Sai sót nơi luật nghi thì gọi là Khuyết. Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới đều đánh mất, thì gọi là Lậu. Do thiếu Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới, trong tâm dấy lên sự cảm nhận xấu ác, như ngọc có tỳ vết. Do thiếu luật nghi, ngoài thì dấy động thân, miệng, như ngọc lộ ra vết nứt, giấu diếm tội để tự an, chẳng biết phát lộ, cho nên gọi là “*hộ tích*” (giấu diếm). “*Tiểu trí*” là chẳng đạt được trí của bậc Hữu Học hay Vô Học, chỉ có cái trí thế gian nhỏ nòi, hư vọng so đo, ngõ hữu lậu là vô lậu, do [trí ấy] nhỏ nòi nhất trong thứ nhỏ nòi, nên gọi là “*tiểu trí*”. Chẳng được nhuần thấm bởi Thiền Định vô lậu, chỉ có Thiền Định thế gian, cho nên như bã rượu. Chẳng có lý huệ (trí huệ thuộc về Lý) xuất thế, chỉ hiểu sơ sài văn tự, mê mờ nơi kinh văn, đánh mất ý chỉ, vì thế như cảm. Lại nữa, “*cảm bã*” ví như chẳng có căn cơ Đại Thừa, “*chi diệt*” (càn lá) ví như chẳng phải là dụng cụ tốt, đều chẳng kham dùng được. Vì thế, cần phải loại bỏ. Bốn bài kệ đều nhằm trùng tụng chuyện hứa khả sau khi loại trừ [những kẻ tăng thượng mạn]. Câu cuối cùng trùng tụng chuyện giới hứa (hứa khả bằng cách răn nhắc Xá Lợi Phất hãy khéo nghe). Phân thuận hứa bị lược đi, chẳng trùng tụng.

2.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng phần chánh thuyết

2.2.2.2.1.2.2.1. Trùng tụng về bốn loại Phật

2.2.2.2.1.2.2.1.1. Trùng tụng về chư Phật

Phân kệ tụng này có ba chỗ khác biệt với phần Trường Hàng:

- Một là đôi bên đều có những chỗ phần này có mà phần kia không có. [Chẳng hạn như] phần Trường Hàng có tán thán pháp, nhưng

không nói [căn kẽ về] Ngũ Trước. Phần này (kệ tụng) có Ngũ Trước, nhưng không tán thán pháp.

- Hai là thứ tự khác nhau. Phần Trường Hàng trước hết tán thán pháp, kế đó nói đến “chẳng hư dối” nhằm khai Quyền hiển Thật. Kệ tụng thì trước hết khai Quyền hiển Thật, sau đó mới nói “chẳng hư dối”.

- Ba là tách ra hay gộp lại khác nhau. Phần Trường Hàng gộp chung khuyến tín và [khẳng định pháp này] chẳng hư dối. Kệ tụng tách rời “khuyến tín” và “chẳng hư dối”. Lại nữa, phần Trường Hàng dùng phương tiện của Phật Thích Ca để giải thích sự quyền biến của chư Phật. Kệ tụng dùng chuyện “hiển nhất” (hiển thị Nhất Thừa) của Phật Thích Ca để giải thích Thật pháp của chư Phật.

Đó là bốn điều sai khác. Kinh văn trong phần này được chia thành năm phần: Một là trùng tụng về chuyện thực hiện Quyền. Hai là trùng tụng về chuyện hiển Thật. Ba là trùng tụng khuyến tín. Bốn là nêu ra Ngũ Trước. Năm là trùng tụng [pháp này] chẳng hư dối.

2.2.2.2.1.2.2.1.1. Trùng tụng về chuyện thực hiện Quyền

(Kinh) Chư Phật sở đắc pháp, vô lượng phương tiện lực, nhi vị chúng sanh thuyết. Chúng sanh tâm sở niệm, chúng chủng sở hành đạo, nhược can chư dục tánh, tiên thế thiện ác nghiệp, Phật tất tri thị dĩ. Dĩ chư duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện lực, linh nhất thiết hoan hỷ, hoặc thuyết Tu Đa La, Già Đà, cập Bồ Đề Sư, Bồ Đề Sanh, Vị Tăng Hữu, diệc thuyết ư Nhân Duyên, Thí Dụ tịnh Kỳ Dạ, Ưu Bà Đề Xá Kinh. Độn căn nhạo Tiểu pháp, tham trước ư sanh tử, ư chư vô lượng Phật, bất hành thâm diệu đạo, chúng khổ sở não loạn, vị thị thuyết Niết Bàn.

(經)諸佛所得法，無量方便力，而為眾生說。眾生心所念，種種所行道，若干諸欲性，先世善惡業，佛悉知是已。以諸緣譬喻，言辭方便力，令一切歡喜，或說修多羅，伽陀及本事，本生未曾有，亦說於因緣，譬喻並祇夜，優波提舍經。鈍根樂小法，貪著於生死，於諸無量佛，不行深妙道，眾苦所惱亂，為是說涅槃。

(Kinh: Pháp chư Phật đã đắc, vô lượng sức phương tiện, vì chúng sanh mà nói. Tâm chúng sanh suy nghĩ, các thứ đạo đã hành, bao nhiêu loại dục tánh, nghiệp thiện ác đời trước, Phật đều biết hết cả. Dùng các duyên, thí dụ, ngôn từ, sức phương tiện, khiến hết thấy hoan hỷ, hoặc nói ra Khế Kinh, Kệ tụng và Bốn Sự, Bốn Sanh, Vị Tăng Hữu, và cũng nói Nhân Duyên, Thí Dụ cùng Trùng Tụng, Ưu Ba Đề Xá kinh. Độn căn ưa Tiểu pháp, tham đắm nơi sanh tử, ở nơi vô lượng Phật, chẳng hành đạo sâu mâu, bị các khổ não loạn, vì họ nói Niết Bàn).

“*Chư Phật sở đắc pháp*” (Pháp do chư Phật đạt được): Tu đạo đạt được các Quyền pháp. Ấy là vì cái nhân tự hành đã trọn vẹn, cảm vời Hậu Đắc Vô Phân Biệt Trí, còn gọi là Sai Biệt Trí. Ngay trong khi tự hành Quyền pháp thuộc về Thể, bản thể của pháp ấy cũng chẳng thể nói. Do vì phương tiện, vì chúng sanh mà nói, trở thành hóa tha Quyền, chiếu soi căn cơ trong chín pháp giới, nói ra bảy phương tiện. Chín [pháp giới] là đối tượng tiếp độ, giáo hóa chẳng ngoài bảy [phương tiện]. Nói ra bảy [phương tiện] để thích ứng với [căn cơ] trong chín [pháp giới], khiến cho họ dần dần nhập Thật. Trong bảy và chín thứ đó, tùy theo căn cơ như thế nào, sẽ được nghe pháp như thế đó. Hễ gặp căn cơ liền [thuyết pháp] phù hợp, chứ thoát đầu không nhất định [phải nói pháp nào]; vì thế nói “*vô lượng phương tiện lực, nhi vị chúng sanh thuyết*” (vô lượng sức phương tiện, vì chúng sanh mà nói).

Hiện hành, dấy lên hy vọng thì gọi là “*sở niệm*”. “*Niệm*” chính là mong muốn, những điều mong muốn quen thuộc đã trở thành tánh, có thể tạo thành chủng tử sau này, cộng thêm các nghiệp trước đó có thiện và ác, sai biệt ngàn ấy, đúng là chẳng thể do một duyên, một thí dụ, một loại phương tiện mà có thể độ thoát, chỉ có Phật đều có thể biết trọn! Vì thế, [đức Phật] có thể tùy nghi thuyết chín bộ pháp¹⁶², khiến cho hết thấy đều hoan hỷ. Hoan hỷ ắt “*sanh thiện, diệt ác, nhập lý*” (tức Vị Nhân, Đối Trị và Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn). [Kệ tụng] nêu ra điều [Tất Đàn] đầu tiên (hoan hỷ) để gồm chung các điều [Tất Đàn] sau đó (sanh thiện, diệt ác, nhập lý).

“*Chín bộ*”: Nói chung thì Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều có mười hai bộ loại, nhưng luận riêng thì Tiểu Thừa hoặc là mười một bộ, hoặc

¹⁶² Chín bộ pháp tức là các loại thể tài dùng trong kinh văn nhà Phật, như Trường Hàng, Trùng Tụng, Cô Khởi, Vô Văn Tự Thuyết v.v... Tùy theo chia ra hay gộp lại mà kinh nói “thập nhị bộ kinh” hay “cửu bộ pháp”.

chỉ có chín bộ, nói căn kẽ thì như trong sách Huyền Nghĩa đã nói. Sáu câu từ “*độn căn nhạo Tiểu pháp*” (độn căn ưa pháp nhỏ) trở đi nhằm tiểu kết ý “*thực hiện Quyền*”. Đòi trước độn căn, đòi này chẳng có cơ hội, chẳng kham nghe Đại pháp. Vì thế nói là “*bất hành thâm diệu đạo*” (chẳng hành đạo sâu mầu). Đòi trước tham đắm, chướng nặng, đòi này bị các khổ quấy nhiễu, nhiễu hại, chỉ có thể nghe Tiểu pháp. Vì thế nói “*vị thị thuyết Niết Bàn*” (vì những người ấy mà nói Niết Bàn).

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2. Kệ tụng hiển Thật

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.1. Trùng tụng Lý Nhất

(Kinh) Ngã thiết thị phương tiện, linh đắc nhập Phật huệ, vị tăng thuyết nhữ đẳng, đương đắc thành Phật đạo. Sở dĩ vị tăng thuyết, thuyết thời vị chí cố. Kim chánh thị kỳ thời, quyết định thuyết Đại Thừa. Ngã thử cứu bộ pháp, tùy thuận chúng sanh thuyết, nhập Đại Thừa vi bốn. Dĩ cố thuyết thị kinh.

(經)我設是方便，令得入佛慧，未曾說汝等，當得成佛道。所以未曾說，說時未至故。今正是其時，決定說大乘。我此九部法，隨順眾生說，入大乘為本。以故說是經。

(Kinh: Ta lập phương tiện này, khiến được nhập Phật huệ. Chưa từng nói các ông, sẽ được thành Phật đạo. Sở dĩ chưa từng nói, vì chưa đến lúc nói. Nay chính là đúng lúc, quyết định nói Đại Thừa. Chín bộ pháp của ta, tùy thuận chúng sanh nói, nhập Đại Thừa làm gốc. Vì thế, nói kinh này).

“*Phật huệ*” chính là một đại sự nhân duyên. Nếu xét theo người có thể biết thì là Hạnh Nhất. Nếu xét theo cái được biết thì là Lý Nhất. Nếu lại xét theo khía cạnh “*nói kinh*” thì phải là Giáo Nhất. Nếu xét theo pháp được tuyên nói thì là Lý Nhất. Do cũng chọn lấy điều thuận tiện, nên gọi là Lý Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2. Trùng tụng Nhân Nhất

(Kinh) Hữu Phật tử tâm tịnh, nhu nhuyển diệc lợi căn, vô lượng chư Phật sở, nhi hành thâm diệu đạo. Vị thử chư Phật tử, thuyết thị Đại Thừa kinh. Ngã ký như thị nhân, lai thế thành Phật đạo, dĩ thâm tâm niệm Phật, tu trì tịnh giới cố. Thử đẳng văn đắc Phật, đại hỷ sung biến thân, Phật tri bỉ tâm hạnh, cố vị thuyết Đại Thừa. Thanh Văn, nhược Bồ Tát, văn ngã sở thuyết pháp, nãi chí ư nhất kệ, giai thành Phật vô nghi.

(經)有佛子心淨，柔軟亦利根，無量諸佛所，而行深妙道。為此諸佛子，說是大乘經。我記如是人，來世成佛道，以深心念佛，修持淨戒故。此等聞得佛，大喜充徧身，佛知彼心行，故為說大乘。聲聞若菩薩，聞我所說法，乃至於一偈，皆成佛無疑。

(Kinh: Có Phật tử tâm tịnh, mềm mỏng và lợi căn, nơi vô lượng chư Phật, tu hành đạo sâu mầu. Vì các Phật tử ấy, nói kinh Đại Thừa này. Ta thọ ký người ấy, đời sau thành Phật đạo, do thâm tâm niệm Phật, vì tu trì tịnh giới. Bọn họ nghe thành Phật, khắp thân rất mừng rỡ. Phật biết tâm hạnh họ, vì họ nói Đại Thừa. Thanh Văn hay Bồ Tát, nghe pháp do ta nói, thậm chí một bài kệ, đều thành Phật chẳng ngờ).

Đây chính là trùng tụng chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, rộng tạo các phương tiện khiến cho mọi người đều trở thành Thật nhân (người chứng nhập Thật lý). “*Hữu Phật tử tâm tịnh*” (Có Phật tử tâm thanh tịnh) tức là người thuộc Biệt Giáo. “*Vị chư Phật tử thuyết Đại Thừa kinh*” (Vì các Phật tử nói kinh Đại Thừa): Được thọ ký tâm hoan hỷ, tức là trở thành người chân thật trong Viên Giáo. “*Thanh Văn, nhược Bồ Tát*” (Thanh Văn hoặc Bồ Tát): Nói Thanh Văn là gộp chung cả Duyên Giác, tức là hàng Nhị Thừa trong hai giáo. “*Bồ Tát*” gồm chung các vị đại sĩ thuộc Tạng Giáo và Thông Giáo, đều thành Phật chẳng nghi, tức là bảy loại phương tiện, không ai chẳng phải là Phật tử; điều này đã rõ! Đây là lời chân thành của bậc cực thánh (Phật), sao lại chẳng tin?

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.3. Trùng tụng Giáo Nhất

(Kinh) Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết; dẫn dĩ giả danh tự, dẫn đạo ư chúng sanh, thuyết Phật trí huệ cố.

(經)十方佛土中，唯有一乘法，無二亦無三，除佛方便說；但以假名字，引導於眾生，說佛智慧故。

(Kinh: Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng chẳng ba, trừ Phật nói phương tiện; chỉ dùng danh tự giả, hướng dẫn các chúng sanh, nói trí huệ của Phật).

Đây là trùng tụng điều đã nói trong phần trước (phần Trường Hàng): Như Lai chỉ dùng một Phật Thừa để thuyết pháp cho chúng sanh, chẳng có thừa nào khác, dù hai hay ba! Chỉ là dùng giả danh “tam giáo” để hướng dẫn họ nhập một giáo thuộc Phật huệ! Vì thế, do dựa theo phương tiện để nói, cho nên là tạm thời có. Xét theo mục đích cuối cùng để luận định, chắc chắn chẳng có hai hay ba thừa!

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.4. Trùng tụng Hạnh Nhất

(Kinh) Chư Phật xuất ư thế, duy thử nhất sự thật, dư nhị tắc phi chân. Chung bất dĩ Tiểu Thừa, tế độ ư chúng sanh. Phật tự trụ Đại Thừa, như kỳ sở đắc pháp, Định Huệ lực trang nghiêm. Dĩ thử độ chúng sanh, tự chứng vô thượng đạo, Đại Thừa bình đẳng pháp. Nhược dĩ Tiểu Thừa hóa, nãi chí ư nhất nhân, ngã tắc đạo xan tham, thử sự vi bất khả!

(經)諸佛出於世，唯此一事實，餘二則非真。終不以小乘，濟度於眾生。佛自住大乘，如其所得法，定慧力莊嚴。以此度眾生，自證無上道，大乘平等法。若以小乘化，乃至於一人，我則墮慳貪，此事為不可！

(Kinh: Chư Phật hiện trong đời, chỉ một sự thật này, hai thứ kia chẳng thật. Trọn chẳng dùng Tiểu Thừa, để tế độ chúng sanh. Phật tự trụ Đại Thừa, đúng như pháp đã đắc, sức Định Huệ trang nghiêm. Dùng đó độ chúng sanh, tự chứng đạo vô thượng, pháp Đại Thừa bình đẳng. Nếu dạy pháp Tiểu Thừa, thậm chí chỉ một người, ta liền đạo keo tham, chuyện ấy chẳng thể được!)

“Duy thử nhất sự thật” (Chỉ có một sự thật này): Trùng tụng chuyện nói trong phần trên, trong tất cả các việc làm, thường vì một đại sự. “Phật tự trụ Đại Thừa”: Trùng tụng chuyện đã nói trong phần trên, chỉ dùng tri kiến của Phật để chỉ bày khiến cho chúng sanh ngộ. Sáu câu cuối nhằm giải thích ý nghĩa “Phật chẳng dùng pháp Tiểu Thừa để độ chúng sanh”.

Phần thứ hai, trùng tụng về Hiện Thật đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.3. Trùng tụng chuyện khuyến tín

2.2.2.2.1.2.2.1.1.3.1. Nêu ra cái quả để khuyến tín

(Kinh) Nhược nhân tín quy Phật, Như Lai bất khi cuống, diệt vô tham tật ý, đoạn chư pháp trung ác. Cố Phật ư thập phương, nhi độc vô sở úy. Ngã dĩ tướng nghiêm thân, quang minh chiếu thế gian, vô lượng chúng sở tôn, vị thuyết Thật Tướng ẩn.

(經)若人信歸佛，如來不欺誑，亦無貪嫉意，斷諸法中惡。故佛於十方，而獨無所畏。我以相嚴身，光明照世間，無量眾所尊，為說實相印。

(Kinh: Nếu ai tin, quy Phật, Như Lai chẳng lừa dối, cũng chẳng hề tham, ganh, đoạn trừ các pháp ác. Vì thế trong mười phương, riêng Phật không sợ hãi. Ta dùng các tướng hảo, để trang nghiêm thân mình, quang minh soi thế gian, vô lượng chúng tôn kính, nói ra ẩn Thật Tướng).

Tâm Phật thanh tịnh, đoạn hết các ác, thuyết pháp không sợ hãi. Nội đức ấy đáng tin. Diệu tướng trang nghiêm quang minh rạng ngời, được đại chúng tôn trọng, nói Đại Thừa ẩn thì chính là ngoại đức đáng tin.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.3.2. Nêu ra cái nhân để khuyến tín

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã bốn lập thế nguyện, dục linh nhất thiết chúng, như ngã đẳng vô dị. Như ngã tích sở nguyện, kim giả dĩ mãn túc, hóa nhất thiết chúng sanh, giai linh nhập Phật đạo.

(經)舍利弗當知：我本立誓願，欲令一切眾，如我等無異。如我昔所願，今者已滿足，化一切眾生，皆令入佛道。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta vốn lập thệ nguyện, muốn cho hết thấy chúng, bằng như ta chẳng khác. Như nguyện xưa của ta, đến nay đã trọn đủ, giáo hóa mọi chúng sanh, khiến đều nhập Phật đạo).

Xưa đã có thệ nguyện chân thành, nay nhằm tương ứng với lời thề cho nên nói ra; nguyện xưa ấy đáng tin! Nguyện Bồ Đề được thỏa, giáo hóa người khác cùng nhập Bồ Đề. Do cái nhân ắt đạt được quả, nhân chẳng hư luống, càng rất đáng tin!

Hỏi: - Bốn thệ đã trọn khắp, nay chúng sanh vẫn còn đông đảo, sao lại nói là “nguyện được viên mãn”?

Đáp: - Phật ba đời luôn tạo lợi ích cho chúng sanh, chẳng hề có lúc xong. Nay xét theo căn cơ đã chín muồi trong hiện tại, mà nói là “nguyện mãn”.

Phần kệ tụng thứ ba nhằm khuyến tín đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4. Nêu ra Ngũ Trược

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.1. Nêu chung Ngũ Trược gây chướng ngại to lớn

(Kinh) Nhược ngã ngộ chúng sanh, tận giáo dĩ Phật đạo. Vô trí giả thác loạn, mê hoặc bất thọ giáo.

(經)若我遇眾生，盡教以佛道。無智者錯亂，迷惑不受教。

(Kinh: Nếu ta gặp chúng sanh, trọn dạy bằng Phật đạo. Kẻ vô trí làm loạn, mê hoặc, chẳng nghe dạy).

Chúng sanh tự dùng khổ não nung nấu. Chư Phật vì đại bi mà cứu vớt muôn loài. Bi đối ứng với khổ, cho nên nói là “*tương ngộ*” (gặp gỡ). Hơn nữa, Phật như, chúng sanh như, nhất như, chẳng phải là nhị như, thiên tánh tương quan, vì thế nói là “*tương ngộ*”. “*Tận giáo dĩ Phật đạo*” (Đều dạy họ trọn hết bằng Phật đạo), đó là bốn hoài của Phật. Kẻ vô trí do mê hoặc chẳng tiếp nhận lời dạy. Ngũ Trược ngăn chướng Đại

pháp. Họ (chúng sanh) đã có chướng, há lẽ nào chẳng lập ra phương tiện để dẫn dụ dần dần?

Kinh dạy: “Quá khứ hữu Phật, hiệu Trụ Vô Trụ, phát nguyện sử dụng quốc chúng sanh đồng nhất, đồng thời thành Phật, tức diệt độ. Hữu Hiền Kiếp tiền hữu Phật, hiệu viết Bình Đẳng, diệt nguyện sử dụng quốc, cấp thập phương chúng sanh đồng nhất thành Phật, tức diệt độ. Nhược nhĩ, kim nhật hữu Phật, phục hữu chúng sanh, vân hà da? Phật ngôn: “Chỉ chỉ, ngã tiền sở ngôn, đắc nhân thân giả nhĩ”. “Phả hữu phát nguyện, linh ngũ đạo đồng nhất thành Phật phủ?” Phật ngôn: - Bất khả dĩ phi khí chi thân thành vô thượng đạo. Yếu tiên hóa tam thú, linh đắc nhân thiên, nhiên hậu nãi khả như nguyện. Tam thú phi thiện đạo, hà năng thành Phật?” ([Đức Phật dạy]: “Trong quá khứ, có Phật hiệu là Trụ Vô Trụ, phát nguyện khiến cho chúng sanh trong nước mình trong cùng một ngày, đồng thời thành Phật và nhập diệt ngay trong ngày hôm ấy. Lại nữa, trước Hiền Kiếp có Phật, hiệu là Bình Đẳng, cũng nguyện cho chúng sanh trong nước mình và mười phương cùng một ngày thành Phật, diệt độ ngay trong hôm ấy”. [Đại chúng có người thắc mắc]: “Nếu là như vậy, ngày nay có Phật mà cũng có chúng sanh, tức là như thế nào vậy?” Đức Phật dạy: “Thôi, thôi, ta nói những chúng sanh trên đây là những kẻ đã được làm thân người”. [Người ấy lại thắc mắc]: “Há có vị nào phát nguyện năm đường thành Phật trong cùng một ngày hay không?” Đức Phật dạy: “Chẳng thể dùng cái thân không phải là pháp khí để thành vô thượng đạo. Trước hết, phải hóa độ ba đường [ác] đều đạt được thân người hay trời. Sau đấy mới có thể như nguyện. Ba đường chẳng phải là thiện đạo, sao có thể thành Phật cho được?”)

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.2. Nói riêng về ngũ chướng

(Kinh) Ngã tri thử chúng sanh, vị tăng tu thiện bản, kiên trước ư ngũ dục, si ái cố sanh não. Dĩ chư dục nhân duyên, trụ đạo tam ác đạo, luân hồi lục thú trung, bị thọ chư khổ độ.

(經)我知此眾生，未曾修善本，堅著於五欲，癡愛故生惱。以諸欲因緣，墜墮三惡道，輪迴六趣中，備受諸苦毒。

(Kinh: Ta biết chúng sanh ấy, chưa từng tu cội lành, chấp chặt vào ngũ dục, si ái nên phiền não. Do nhân duyên các dục, rơi rớt ba đường ác, luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ các khổ độ).

Hai bài kệ này riêng nói về Chúng Sanh Trược. Chân Như Thật Tướng được gọi là “*thiện bản*” (cội lành). Do chẳng nương theo loại thiện căn này, cho nên chẳng thể cảm Đại pháp. Ngũ dục là cội gốc của các điều ác. Từ si mà có ái, cho nên các thứ phiền não đua nhau nảy sanh.

(Kinh) Thọ thai chi vi hình, thế thế thường tăng trưởng, bạc đức thiếu phước nhân, chúng khổ sở bức bách.

(經)受胎之微形，世世常增長，薄德少福人，眾苦所逼迫。

(Kinh: Lúc thọ thai bé bỏng, đời đời thường tăng trưởng¹⁶³, kẻ đức mỏng, ít phước, bị các khổ bức bách).

Bài kệ này riêng nói về Mạng Trược. Kinh Xử Thai nói cận kề tướng trạng tăng trưởng dần dần từ bảy ngày đầu tiên cho đến tuần thứ ba mươi tám (tròn chín tháng mười ngày), tức là như kinh nói “*thế thế thường tăng trưởng*” (đời đời thường tăng trưởng), đúng là đáng chán lìa. Dùng quán tâm để giải thích thì một niệm tâm khởi chính là tạo nghiệp cho vị lai. Do nghiệp bèn nhập thai, thai nghiệp vô cùng [khổ sở], đời đời chẳng đoạn, tức là “*tăng trưởng*”.

(Kinh) Nhập tà kiến trừ lâm, nhược hữu, nhược vô đẳng, y chỉ thử chư kiến, cụ túc lục thập nhị.

(經)入邪見稠林，若有若無等，依止此諸見，具足六十二。

(Kinh: Vào rừng rậm tà kiến, dường như có, như không, nương các tà kiến ấy, trọn đủ sáu mươi hai).

Bài kệ này nói riêng về Kiến Trược. Năm thứ kiến đan xen, giống như rừng rậm dày đặc. “*Nhược hữu*” là Thường Kiến, “*nhược vô*” là

¹⁶³ Theo pháp sư Phổ Hành, câu này phải hiểu là con người khi mới vào thai mẹ, hình trạng nhỏ nhiệm, khó thể thấy bằng mắt thường nên gọi là “*vi hình*” (hình trạng nhỏ nhất).

Đoạn Kiến. Nương vào hai loại Kiến ấy, bèn thành sáu mươi hai kiến¹⁶⁴, nói cận kề thì như [các sách giảng về] Pháp Số đã nói.

(Kinh) *Thâm trước hư vọng pháp, kiên thọ bất khả xả. Ngã mạn, tự căng cao, siểm khúc tâm bất thật.*

(經)深著虛妄法，堅受不可捨。我慢自矜高，諂曲心不實。

(Kinh: *Chấp sâu pháp hư vọng; nhận chắc, chẳng thể bỏ. Ngã mạn, tự hống hách, siểm khúc, tâm chẳng thật.*)

Bài kệ này nói riêng về Phiền Não Trược, nêu đại lược tham và mạn trong các căn bản [phiền não], cũng như Siểm trong Tiểu Tỳ phiên não để nói gộp chung các phiền não khác.

¹⁶⁴ “Sáu mươi hai kiến” là từ ngữ chỉ chung các quan điểm chấp trước của ngoại đạo đối với tự ngã và thân tâm. Nói chung, các quan điểm của ngoại đạo dựa trên quá khứ mà đề ra mười tám loại kiến chấp chính yếu: Biên thường luận (mọi thứ đều là thường), bán thường luận (có một số thứ là thường), vô nhân luận (không có nguyên nhân), hữu biên vô biên luận, bất tử luận... Họ còn dựa theo các kiến chấp về vị lai mà đề ra 44 loại, tức sanh tử hữu tướng luận, vô tướng luận, phi hữu tướng phi vô tướng luận, đoạn diệt luận, hiện pháp Niết Bàn luận v.v... Gộp chung thành sáu mươi hai kiến chấp. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã giải thích đơn giản hơn như sau: Đối với Sắc Uẩn bèn chấp trước thành bốn câu: “Sắc là thường, Sắc là vô thường, Sắc vừa là thường vừa vô thường, Sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường”. Đối với bốn Uẩn còn lại cũng có bốn câu như thế, nên thành 5x4=20 câu. Đó là chấp trước đối với Ngũ Uẩn thuộc quá khứ. Kế đó, đối với Sắc Uẩn bèn chấp trước hữu biên hay vô biên thành bốn câu: “Sắc là hữu biên, Sắc là vô biên, Sắc vừa hữu biên vừa vô biên, Sắc chẳng phải là hữu biên hay vô biên”. Đối với bốn Uẩn kia cũng thế, cho nên tạo thành hai mươi câu nữa. Đó là chấp trước trong hiện tại đối với Ngũ Uẩn. Lại đối với Ngũ Uẩn mà chấp trước là sẽ qua đi hay không qua đi mà thành bốn câu “Sắc sẽ như khứ (quá khứ không từ đâu đến), Sắc không như khứ (vị lai không do đâu mà có)...” thành hai mươi câu nữa, tức là chấp trước đối với Ngũ Uẩn trong vị lai. Sáu mươi kiến chấp ấy cộng với hai kiến chấp “thân và thần thức là một”, “thân và thần thức khác nhau” mà thành sáu mươi hai kiến. Cũng dựa trên Ngũ Uẩn, các vị Trí Giả và Gia Tường lại giải thích như sau: Đối với Sắc bèn chấp thành bốn câu: “Sắc là ngã; lìa sắc bèn có ngã; sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc; ngã lớn, sắc nhỏ, sắc ở trong ngã”. Đối với bốn Uẩn còn lại đều chấp như vậy (tức Thọ là ngã, lìa thọ bèn có ngã v.v...) gộp thành hai mươi câu, ứng với ba đời thành sáu mươi câu, cộng thêm hai kiến chấp thường và chấp đoạn thành sáu mươi hai câu. Còn nhiều cách giải thích khác nữa, nhưng sợ rườm rà không ghi vào đây!

(Kinh) U' thiên vạn ức kiếp, bất văn Phật danh tự, diệc bất văn chánh pháp. Như thị nhân nan độ.

(經)於千萬億劫，不聞佛名字，亦不聞正法。如是人難度。

(Kinh: Trong ngàn vạn ức kiếp, chẳng nghe danh hiệu Phật, cũng chẳng nghe chánh pháp. Kể như thế khó độ).

Bài kệ này nói riêng về Kiếp Trước. Thời gian dài lâu chẳng nghe Phật pháp, tức là Kiếp Trước. Lại nữa, bốn loại Trước trên đây tập trung trong thời này, nên gọi là Kiếp Trước. Do Ngũ Trước ngăn chướng, nên chẳng tin Nhất Thừa; vì thế, khó độ! Giải thích theo quán tâm, niệm nào cũng là cảm nhận ác, vĩnh viễn chẳng có chánh quán tự giác. Đó là “chẳng nghe danh hiệu Phật”. Vĩnh viễn chẳng tương ứng với Bát Chánh Đạo là “chẳng nghe chánh pháp”. Cái tâm ấy sẽ khó độ.

Phần thứ hai, “nói riêng về năm chướng” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.3. Chỉ ra “vì Ngũ Trước cho nên nói Tiểu pháp”

(Kinh) Thị cố, Xá Lợi Phất! Ngã vị thiết phương tiện, thuyết chư tận khổ đạo, thị chi dĩ Niết Bàn.

(經)是故，舍利弗！我為設方便，說諸盡苦道，示之以涅槃。

(Kinh: Vì thế, Xá Lợi Phất! Ta lập ra phương tiện, nói các đạo dứt khổ, dùng Niết Bàn để dạy).

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.4. Nói rõ “vì pháp Đại mà thí pháp Tiểu. Tiểu pháp nhằm đối trị Ngũ Trước, nhờ đó hưng khởi đại nguyện”

(Kinh) Ngã tuy thuyết Niết Bàn, thị diệc phi chân diệt. Chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng. Phật tử hành đạo dĩ, lai thế đắc tác Phật.

(經)我雖說涅槃，是亦非真滅。諸法從本來，常自寂滅相。佛子行道已，來世得作佛。

(Kinh: Ta tuy nói Niết Bàn, cũng chẳng phải chân diệt. Các pháp vốn trước nay, thường tự tịch diệt tướng. Phật tử đã hành đạo, đời sau được làm Phật).

Chia sẻ tam giới nhằm dứt hết sạch vọng, diệt Sắc giữ lấy Không thì chẳng phải là “*thật sự diệt*” (chân diệt), vì vô minh Biệt Hoặc vẫn còn đó thì Biến Dịch sanh tử thuộc giới ngoại (ở ngoài tam giới) vẫn đang lòng lộng. Nếu thấu đạt “*vô minh vốn là Không*”, các pháp sao còn nữa! Như mắt có màng mọng, sẽ thấy hoa đốm trên hư không, hình tướng của hoa đốm vốn là hư giả. Pháp tuy vốn tịch, nếu chẳng tu đạo, sẽ chẳng do đâu mà khế hội được! Vì thế nói “*Phật tử hành đạo dĩ, lai thế đắc tác Phật*” (Phật tử đã hành đạo, đời sau sẽ thành Phật). Như hoa đốm trên hư không tuy tịch, nhưng nếu không trừ màng mọng, sẽ chẳng có cách nào thấy hư không thanh tịnh được!

Phần thứ tư “*nêu bày Ngũ Trược*” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.5. Trùng tụng [pháp Nhất Thừa] chẳng hư giả

(Kinh) Ngã hữu phương tiện lực, khai thị tam thừa pháp, nhất thiết chư Thế Tôn, giai thuyết Nhất Thừa đạo. Kim thử chư đại chúng, giai ưng trừ nghi hoặc, chư Phật ngữ vô dị, duy nhất, vô nhị thừa.

(經)我有方便力，開示三乘法，一切諸世尊，皆說一乘道。今此諸大眾，皆應除疑惑，諸佛語無異，惟一無二乘。

(Kinh: Ta có sức phương tiện, khai thị pháp tam thừa, hết thấy các Thế Tôn, đều nói đạo Nhất Thừa. Nay trong đại chúng đây, đều nên trừ nghi hoặc, lời chư Phật chẳng khác, duy nhất, chẳng hai thừa).

Trước là Quyền, sau là Thật, khéo vì Ngũ Trược thực hiện phương tiện này, lời thành thật chẳng dối, chớ sanh nghi!

Phần thứ nhất, trùng tụng về chư Phật đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.2. Trùng tụng quá khứ chư Phật

2.2.2.2.1.2.2.1.2.1. Trùng tụng đại lược về chuyện khai tam hiển nhất

(Kinh) Quá khứ vô số kiếp, vô lượng diệt độ Phật, bách thiên vạn ức chủng, kỳ số bất khả lượng. Như thị chư Thế Tôn, chủng

chủng duyên, thí dụ, vô số phương tiện lực, diễn thuyết chư pháp tướng. Thị chư Thế Tôn đẳng, giai thuyết Nhất Thừa pháp, hóa vô lượng chúng sanh, linh nhập ư Phật đạo.

(經)過去無數劫，無量滅度佛，百千萬億種，其數不可量。如是諸世尊，種種緣譬喻，無數方便力，演說諸法相。是諸世尊等，皆說一乘法，化無量眾生，令入於佛道。

(Kinh: Vô số kiếp quá khứ, vô lượng Phật diệt độ, trăm ngàn vạn ức loại, số ấy chẳng thể lường. Các Thế Tôn như thế, các thứ duyên, thí dụ, vô số sức phương tiện, diễn nói các pháp tướng. Các vị Thế Tôn ấy, đều nói pháp Nhất Thừa, độ vô lượng chúng sanh, khiến vào trong Phật đạo).

Hai bài kệ [đầu] nói đến chuyện Phật ban bố pháp tam thừa, bài kệ sau cùng nói về chuyện “khai tam, hiển nhất”. Nói pháp Nhất Thừa chính là Giáo Nhất. Hóa độ vô lượng chúng sanh tức là Nhân Nhất. Nhập Phật đạo tức là Hạnh Nhất và Lý Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2. Trùng tụng chi tiết về chuyện “khai tam, hiển nhất”
2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.1. Nêu phương tiện chung giúp cho việc khai hiển

(Kinh) Hựu chư đại thánh chúa, tri nhất thiết thế gian, thiên nhân quần sanh loại, thâm tâm chi sở dục, cánh dĩ dị phương tiện, trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa.

(經)又諸大聖主，知一切世間，天人群生類，深心之所欲，更以異方便，助顯第一義。

(Kinh: Lại các đại thánh chúa, biết hết thấy thế gian, trời, người, các quần sanh, thâm tâm ham muốn gì, bèn dùng phương tiện lạ, giúp hiển Đệ Nhất Nghĩa).

Nói “thiên nhân quần sanh” là nêu ra các thừa hòng chỉ rõ Nhân Nhất. “Dị phương tiện” (Phương tiện lạ) là nêu ra các giáo, các hạnh để hiển thị Giáo Nhất và Hạnh Nhất. Đệ Nhất Nghĩa là Lý Nhất. Chánh

nhân Phật tánh chính là Đệ Nhất Nghĩa. Nếu dùng viên diệu chánh quán thì là phương tiện Thật Tướng, chẳng nói là “*dị*” (khác lạ). Nay dùng năm thừa, bảy phương tiện v.v... để giúp hiển lộ [Đệ Nhất Nghĩa], cho nên gọi là “*dị phương tiện*”, tức là nói từ Lục Độ cho đến cùng đường, xưng danh v.v... trong phần sau. Ấy là vì chúng sanh ưa muốn khác nhau, khiến cho phương tiện của chư Phật có sai khác; nhưng phương tiện tuy khác, [công năng] giúp hiển lộ [Nhất Thừa] giống nhau. Đã hiển Thật thì “*dị*” ấy chẳng phải là *dị*! Ân cần ca ngợi là vì lẽ này!

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2. Riêng chỉ bày tướng khai hiển

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1. Dựa theo các điều thiện để hiển lộ công đức của duyên nhân¹⁶⁵

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.1. Dựa theo Lục Độ để nói về khai hiển

(Kinh) Nhược hữu chúng sanh loại, trị chư quá khứ Phật, nhược văn pháp bố thí, hoặc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền, trí đảnh, chủng chủng tu phước huệ. Như thị chư nhân đảnh, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)若有眾生類，值諸過去佛，若聞法佈施，或持戒忍辱，精進禪智等，種種修福慧。如是諸人等，皆已成佛道。

(Kinh: Nếu có các chúng sanh, gặp chư Phật quá khứ, hoặc nghe pháp bố thí, hoặc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền, trí thấy, tu phước huệ mọi lẽ. Những người như thế đó, đều đã thành Phật đạo).

Chánh nhân Phật tánh thì chúng sanh và Phật có cùng một Thể. Nếu huyễn chướng sâu, sẽ vĩnh viễn chẳng gặp Phật. Người được gặp gỡ quá khứ Phật, ắt do sức của nội nhân (cái nhân bên trong) mạnh mẽ, bèn cảm cái duyên xuất thế. Nhưng điều ham muốn trong thâm tâm của chúng sanh khác nhau, cho nên chư Phật thuyết pháp cũng khác biệt. Trong lúc đó, hoặc nghe đốn pháp, hoặc nghe tiệm pháp, hoặc tu bố thí, hoặc tu trì giới, hoặc tu nhẫn nhục, hoặc tu tinh tấn, hoặc tu Thiền Định,

¹⁶⁵ “*Duyên nhân*” là các nhân phụ thuộc giúp cho chánh nhân tăng trưởng, kết thành cái quả. Chẳng hạn như hạt lúa là chánh nhân, duyên nhân là đất, nước, ánh sáng mặt trời, phân bón, cày bừa, gieo mạ, làm cỏ v.v...

hoặc tu trí huệ, hoặc chỉ tu một pháp, một hạnh, hoặc kiêm tu các pháp, các hạnh khác, hoặc chuyển¹⁶⁶, hoặc trợ, các thứ bất đồng. Lại hoặc dùng tâm hữu tướng để tu Lục Độ, hoặc dùng tâm vô tướng để tu Lục Độ, hoặc dùng phi tướng phi vô tướng để lần lượt tu Lục Độ, lại còn có nhiều thứ khác nhau! Nay xét ra, [những người ấy tu tập như thế ấy] đều đã thành Phật, đều chứng Lý Nhất, vậy thì những người như thế chính là Nhân Nhất. Phước huệ do họ đã tu chính là Hạnh Nhất. Các pháp họ được nghe chính là Giáo Nhất. Nghe pháp và trí huệ ở đây tự hồ thuộc về liễu nhân, nhưng do [nghe pháp và trí huệ] khiến cho họ về sau được nghe kinh Pháp Hoa. Vì thế, chúng chỉ thuộc vào duyên nhân!

2.2.2.2.1.2.2.2.1.2. Dựa theo tâm bi luyến để nói rõ về sự khai hiển

(Kinh) Chư Phật diệt độ hậu, nhược nhân thiện nhuyển tâm, như thị chư chúng sanh, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)諸佛滅度後，若人善軟心，如是諸眾生，皆已成佛道。

(Kinh: Chư Phật diệt độ rồi, nếu ai tâm thiện nhuyển, các chúng sanh như thế, đều đã thành Phật đạo).

Nói tiếp ý đoạn kinh văn trước đó: Không chỉ là người gặp Phật, nghe pháp, tu hành Lục Độ đã thành Phật, mà ngay sau khi chư Phật đã thị hiện nhập diệt, nếu có thể khởi tâm bi luyến đối với Như Lai, trong một niệm, xả ác theo thiện, hóa ương ngạnh thành mềm mỏng. Nếu xét theo lúc đó, tự hồ [pháp họ tu] thuộc về nhân, thiện, Nhị Thừa, nhưng nay xét ra, họ cũng đều đã thành Phật đạo. Đối với Phật đạo đã chứng Lý Nhất. Vậy thì các chúng sanh chính là Nhân Nhất. Cái tâm tốt lành, mềm mỏng chính là Hạnh Nhất. Thị hiện nhập diệt chính là Giáo Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.2.1.3. Xét theo chuyện cúng dường xá-lợi để nói rõ về sự khai hiển

¹⁶⁶ “Chuyển” ở đây là chánh hạnh. Do có công năng khiến cho hành nhân đạt được mục đích, chẳng hạn như chuyển phàm thành thánh nên gọi là Chuyển.

(Kinh) Chư Phật diệt độ dĩ, cúng dường xá-lợi giả, khởi vạn ức chủng tháp, kim, ngân, cập pha lê, xa cừ dữ mã não, mai khôi, lưu ly châu, thanh tịnh quảng nghiêm sức, trang hiệu u chư tháp. Hoặc hữu khởi thạch miếu, Chiên Đàn cập trầm thủy, mộc mật tịnh dư tài, chuyên ngỗ, nê, thổ đẳng. Nhược u khoáng dã trung, tích thổ thành Phật miếu. Nãi chí đồng tử hý, tụ sa vi Phật tháp. Như thị chư nhân đẳng, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)諸佛滅度已，供養舍利者，起萬億種塔，金銀及玻瓈，碑磬與碼碯，玫瑰琉璃珠，清淨廣嚴飾，莊校於諸塔。或有起石廟，旃檀及沈水，木栴并餘材，甄瓦泥土等。若於曠野中，積土成佛廟。乃至童子戲，聚沙為佛塔。如是諸人等，皆已成佛道。

(Kinh: Chư Phật đã diệt độ, người cúng dường xá-lợi, dựng vạn ức loại tháp. Vàng, bạc, và pha lê¹⁶⁷, xa cừ cùng mã não¹⁶⁸, mai khôi¹⁶⁹, châu lưu ly, thanh tịnh, rộng trang hoàng, tô điểm nơi các tháp. Hoặc là dựng miếu đá, Chiên Đàn và trầm thủy, gỗ mật¹⁷⁰, các vật liệu, gạch,

¹⁶⁷ Pha lê (Sphatika), còn phiên âm là Phả Chi Ca, Phả Chi, Phả Trí Ca, Phá Trí Ca, Sa Bà Trí Ca, Tắc Phả Trí Ca, Tót Ba Trí Ca, dịch nghĩa là Thủy Ngọc, Bạch Châu, Thủy Tinh, nhưng không có nghĩa là thủy tinh hay pha lê (crystal) như trong tiếng Hán hiện đại. Theo Đại Trí Độ Luận, đây là một chất báu có bốn màu tím, trắng, đỏ, xanh biếc, trong đó loại màu đỏ và xanh biếc quý nhất. Chất báu này trong suốt, hết sức kiên cố, cứng rắn như ngọc, cho nên mới gọi là Thủy Ngọc. Pha Lê sanh từ trong núi thẳm. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa còn giảng Pha Lê chia thành hai loại là Hỏa Châu và Thủy Châu.

¹⁶⁸ Xa cừ (Musāragalva), còn phiên âm là Mâu Sa Lạc Yết Bà, hoặc Mục Sa Ra Già La Bà v.v... dịch nghĩa là Tử Sắc Bảo (chất báu màu tím), là một chất báu. Có thuyết (như sách Bản Thảo Cương Mục) cho xa cừ là chất phủ trên mặt trong của vỏ một loại ốc lớn ngoài biển.

Mã Não (Aśmagarbha) còn dịch nghĩa là Thạch Tạng, hoặc Chử Tạng. Loại chất báu này khác với chất Mã Não (Agate) hiện thời! Vì Agate có màu hồng đỏ cho đến gần như đỏ nâu, trong khi kinh sách nhà Phật nói Mã Não có màu xanh như chim phỉ thúy, hoặc xanh đậm.

¹⁶⁹ Theo pháp sư Phổ Hành, Mai Khôi là một loại bảo thạch tròn xoe và rất đẹp, tức là Hỏa Tế Châu được nhắc đến trong sách Thuyết Văn Giải Tự.

¹⁷⁰ Theo pháp sư Phổ Hành, Mộc Mật là một loại gỗ có hình dạng giống như gỗ bạch đàn, có mùi thơm nhẹ.

ngói, bùn, đất thủy. Hoặc là nơi đồng trống, đắp đất thành Phật miếu. Cho đến trẻ nhỏ giỡn, gom cát làm tháp Phật. Những người như thế đó, đều đã thành Phật đạo).

Nói tiếp ý câu trên. Lại nữa, không chỉ người do bị luyến Như Lai mà sanh tâm mềm mỏng, tốt lành đã thành Phật. Ngay như sau khi chư Phật đã nhập diệt, nát thân thành bao nhiêu viên xá-lợi, những người ấy do thờ phụng xá-lợi bèn dựng tháp báu, cho đến kẻ dựng miếu bằng đá, hay xây miếu bằng đất. Thậm chí trẻ nhỏ gom cát làm miếu. Hoặc có xá-lợi bằng hạt cải, hoặc chẳng có xá-lợi, hoặc do tâm chân thành, hoặc dùng tâm đùa giỡn, ngay trong lúc đó, công đức dù lớn hay nhỏ, dù có hay không, nay nhìn lại, cũng đều đã thành Phật đạo. Đã chứng Phật đạo thì là Lý Nhất. Vậy thì những người như thế chính là Nhân Nhất. Dựng tháp, xây miếu, đắp đất, gom cát tức là Hạnh Nhất. Nát thân thành xá-lợi tức là Giáo Nhất.

Xét ra, Phật Thích Ca thị hiện nhập diệt, trà-tỳ¹⁷¹ xong, ngài Đại Ca Diếp nói: *“Xá-lợi của Như Lai chẳng phải là chuyện của chúng ta. Đã có quốc vương, vương tử, đại thần, tể quan, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... là những người yêu thích phước điền sẽ rộng tu cúng dường. Chuyện của chúng ta là hãy nên kết tập Tam Tạng, chớ để chánh pháp nhanh chóng diệt mất”*. Do vậy, thấy rằng: Ngài Ca Diếp coi truyền tâm ấn của Phật là chuyện cấp bách phải chú trọng trước tiên. Trời, người thích gieo phước điền, cho nên coi chuyện cúng dường làm đầu. Khi họ tu cúng dường, đã phát ra tâm nguyện ba thừa hoặc năm thừa khác nhau, nhưng do sức phương tiện của chư Phật quá khứ, lâu sau, chẳng có ai không quy vào Phật đạo.

Lại xét theo cách tạo tháp trong kinh, tháp của Như Lai mười ba cấp, Bích Chi Phật năm cấp, A La Hán bốn cấp, A Na Hàm ba cấp, Tư Đà Hàm hai cấp, Tu Đà Hoàn một cấp, Luân Vương chẳng có cấp.

¹⁷¹ Trà tỳ (Jhāpita), còn phiên âm là Xà Duy, Xà Tỳ, Da Duy, Da Duyệt, dịch nghĩa là Thiêu Nhiên (đốt cháy), Thiêu Thân, Phần Thiêu (đốt), hoặc nói gọn là Thiêu, tức là hỏa táng. Cách hỏa táng đã thịnh hành tại Ấn Độ trước khi Phật xuất thế, chư Tăng tại Ấn Độ cũng áp dụng cách xử lý thi thể này. Khi Phật giáo truyền sang phương Đông, đa số tăng chúng tại Trung Hoa, Nhật Bản v.v... cũng áp dụng phương thức này. Thiên lâm Trung Hoa đôi khi còn gọi Trà Tỳ là Tống Vãng Sanh (đưa đi vãng sanh).

“Cấp” [được nói ở đây] chính là luân tướng¹⁷². Hiện thời, phàm phu cứ hờ ra là dựng tháp [thờ tro cốt của người đã mất], đem phàm lạm thánh, trái nghịch chẳng nhẹ! Sách Luận Ngữ nói: “*Quân tử ái nhân dĩ đức*” (Quân tử dựa theo đạo đức để yêu thương người khác, hoặc có thể hiểu là quân tử yêu thương người khác theo đúng chuẩn mực đạo đức). Dẫu cho đệ tử tôn trọng thầy, há có nên hãm thầy mắc tội “lạm thánh” hay chẳng? Lại nữa, dẫu cho người chết mờ mịt, há chẳng tỏ rõ sự xoàng xĩnh của kẻ sống ư?

2.2.2.2.1.2.2.2.1.4. Xét theo việc tạo tượng Phật để nói rõ chuyện khai hiển

(Kinh) Nhược nhân vị Phật cố, kiến lập chư hình tượng, khắc điêu thành chúng tượng, giai dĩ thành Phật đạo. Hoặc dĩ thất bảo thành, thân thạch, xích bạch đồng, bạch lap cập diên tích, thiết, mộc, cập dữ nê. Hoặc dĩ giao tất bố, nghiêm sức tác Phật tượng. Như thị chư nhân đẳng, giai dĩ thành Phật đạo.

¹⁷² Luân tướng (輪相) ở đây tức là kiến trúc gồm nhiều khối tròn trên đỉnh tháp, tượng trưng cho các lọng báu chồng lên nhau. Kinh luận còn gọi kiến trúc này là Kim Sát, Thừa Luân Bàn, Tướng Luân, Luân Cái v.v... Theo Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện, quyển 4: “*Chế để (tháp thờ Phật) như quả táo nhỏ, bên trên đặt luân tướng, giống như một cái sào cao nhỏ*”. Tại Nhật Bản, trên các tháp hoặc các lầu gác chính của tự viện (nhất là chánh điện), thường đặt luân tướng có chín cấp, gọi là Cửu Luân (九輪). Thông thường, Luân Tướng tại Nhật được chia thành bốn phần:

- 1) Phần đế có hình hoa sen, bộ phận hoa sen này lại chia thành ba phần:
 - a. Phần đế vuông gọi là Lộ Bàn (露盤).
 - b. Trên đó là phần kim loại như cái bát úp xuống, được gọi là Phục Bát (伏鉢).
 - c. Phần cánh sen trên đỉnh Phục Bát được gọi là Thọ Hoa (受花), hay Thịnh Hoa (請花).
 - 2) Trên đó, đặt một trục thẳng, gắn chín vòng tròn bằng kim loại, gần giống như bát úp (mô phỏng các lọng che), gọi là Cửu Luân (còn gọi là Bảo Luân, 宝輪).
 - 3) Phía trên Cửu Luân là Thủy Yên (水煙) giống các tia sáng tỏa ra từ một lòng sắt hình chuông úp. Phía trên Thủy Yên là một khối tròn gọi là Long Xa (竜車).
 - 4) Trên chót cùng của trụ luân tướng là một khối tròn gọi là Bảo Châu (宝珠). Nếu có xá-lợi, sẽ đặt trong Bảo Châu.
- Chung quanh Cửu Luân và Thủy Yên thường gắn các linh nhỏ.

(經)若人為佛故，建立諸形像，刻雕成眾相，皆已成佛道。或以七寶成，鍮鈔赤白銅，白蠟及鉛錫，鐵木及與泥。或以膠漆布，嚴飾作佛像。如是諸人等，皆已成佛道。

(Kinh: Nếu có người vì Phật, tạo lập các hình tượng, chạm khắc thành các tướng, đều đã thành Phật đạo. Hoặc dùng bảy báu tạo, đồng thau, đồng trắng, đỏ, sáp trắng và chì, thiếc, sắt, gỗ, cùng đất sét. Hoặc dùng keo, sơn, vải, trang hoàng tạo tượng Phật. Những người như thế đó, đều đã thành Phật đạo).

Tiếp nối đoạn kinh văn trên đây: Lại nữa, không chỉ người vì thờ phụng xá-lợi mà dựng tháp, cất miếu đều đã thành Phật, mà [những ai] dùng bất cứ vật liệu gì để tạo lập hình tượng [cũng sẽ đều thành Phật]. Trong khi đó, vật liệu có thô tháp hay tinh tế, giá trị có cao hay thấp, tâm có chân thành hay không, nguyện có xa hay gần, dường như công đức cũng có lớn hay nhỏ. Nhưng nay nhìn lại, họ cũng đã đều thành Phật đạo! Phật đạo là Lý Nhất. Các người [tạo tượng] chính là Nhân Nhất, tạo tượng tức là Hạnh Nhất. Như Lai phân biệt công đức tạo tượng chính là Giáo Nhất. Nhưng kinh Ưu Bà Tắc Giới dạy tạo tượng chẳng được dùng keo¹⁷³, [nếu dùng] sẽ mắc tội “thất ý” (vô ý, chẳng cẩn thận); kinh này lại cho phép dùng. Cổ đức nói: “*Ngoại quốc dùng chất keo từ nhựa cây*”. Có người nói: “*Nước đậu nành có thể thay thế chất keo trong*”. Lại nữa, kinh Địa Trì chẳng cho phép sử dụng thư hoàng¹⁷⁴, hoặc các vật có mùi hôi thối. Giới kinh chẳng cho phép tạo tượng bán thân. Hơn nữa, đối trước tượng Phật đứng, chớ nên ngồi; đối trước tượng Phật ngồi, chớ

¹⁷³ “Keo” ở đây là chất kết dính nấu từ da trâu, da bò (còn gọi là A Giao) để pha màu vẽ sẽ không bị bay màu.

¹⁷⁴ Thư hoàng (Orpiment) chính là chất arsenic sulfide (As₂S₃). Đây là khoáng vật có màu vàng đậm óng ả, hoặc vàng cam, thường tìm thấy tại các mạch suối phun, hay suối nước nóng, do hùng hoàng (realgar) phân giải thành. Đây là một chất độc, tuy được dùng làm thuốc trong Trung Y. Do có màu sắc tươi đẹp, nó thường được dùng để pha màu làm tranh vẽ tường hoặc các bức họa. Do nó có màu vàng óng, các nhà giả kim thuật Châu Âu và các đạo sĩ thường dùng thư hoàng để luyện đan với tham vọng biến chì thành vàng, hoặc luyện kim đan với mục đích cầu trường sanh bất tử, nhưng đa số bị trúng độc bởi các loại kim đan có chứa các hợp chất của thủy ngân và thạch tín (arsenic).

nên nằm. Hơn nữa, kinh Tào Tượng Công Đức nói đại lược mười một công đức:

- Một là đời đời mắt trong sạch.
- Hai là sanh vào chỗ chẳng có điều ác.
- Ba là thường sanh trong nhà sang quý.
- Bốn là thân có màu như vàng tía được giới mài.
- Năm là các vật quý báu dư dật.
- Sáu là sanh vào nhà hiền thiện.
- Bảy là sanh ra được làm vua.
- Tám là làm Kim Luân Vương.
- Chín là sanh vào Phạm Thiên, thọ mạng một kiếp.
- Mười là chẳng đọa ác đạo.
- Mười một, đời sau vẫn có thể kính trọng Tam Bảo.

Lại nói: - Nếu người lúc lâm chung thốt lời tạo tượng, thậm chí [tượng chỉ to] bằng hạt lúa mạch, sẽ có thể trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử khắp ba đời. Hãy nên biết công đức như thế ấy hoàn toàn là hoa báo, quả báo thuộc vào địa vị Phật.

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.5. Dựa theo chuyện vẽ tượng để nói rõ chuyện khai hiển

(Kinh) Thái họa tác Phật tượng, bách phước trang nghiêm tướng, tự tác, nhược sử nhân, giai dĩ thành Phật đạo. Nãi chí đồng tử hý, nhược thảo mộc cập bút, hoặc dĩ chỉ trảo giáp, nhi họa tác Phật tượng. Như thị chư nhân đẳng, tiệm tiệm tích công đức, cụ túc đại bi tâm, giai dĩ thành Phật đạo, đản hóa chư Bồ Tát, độ thoát vô lượng chúng.

(經)彩畫作佛像，百福莊嚴相，自作若使人，皆已成佛道。乃至童子戲，若草木及筆，或以指爪甲，而畫作佛像。如是諸人等，漸漸積功德，具足大悲心，皆已成佛道，但化諸菩薩，度脫無量眾。

(Kinh: Vẽ vờ làm tượng Phật, tướng trăm phước trang nghiêm, tự làm, sai người làm, đều đã thành Phật đạo. Cho đến trẻ nhỏ giỡn, dùng cỏ cây làm bút, hoặc dùng móng tay mình, để vẽ thành tượng Phật.

Những người như thế đó, dần dần chứa công đức, trọn đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo, chỉ giáo hóa Bồ Tát, độ thoát vô lượng chúng).

Nội tiếp ý của đoạn kinh văn trước đó. Lại nữa, không chỉ người tạo lập tượng Phật đã thành Phật, mà vẽ hình ảnh của Phật, tự làm, hoặc sai người khác làm, cho đến trẻ nhỏ vẽ giỡn chơi. Trong lúc đó, công đức dù lớn hay nhỏ, hoặc có hay không. Nay nhìn lại, [những người ấy] cũng đều đã thành Phật đạo. Phật đạo là Lý Nhất. Những người đó là Nhân Nhất. Dần dần tích tập công đức trọn đủ đại bi tâm, tức Hạnh Nhất. Chỉ giáo hóa Bồ Tát tức là Giáo Nhất. Lại nữa, hai câu “*chỉ giáo hóa*” nói rõ chuyện sau khi họ đã thành Phật, chính là tự chứng Tứ Nhất (Lý Nhất, Giáo Nhất, Hạnh Nhất, Nhân Nhất), lại dùng Tứ Nhất để độ chúng sanh.

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.6. Xét theo chuyện cúng tháp để nói rõ về chuyện khai hiển

(Kinh) Nhược nhân ư tháp miếu, bảo tượng, cập họa tượng, dĩ hoa, hương, phan, cái, kính tâm nhi cúng dường. Nhược sử nhân tác nhạc, kích cổ, xuy giác bối, tiêu, địch, cầm, không hầu, tỳ bà, nã, đồng bát. Như thị chúng diệu âm, tận trì dĩ cúng dường. Hoặc dĩ hoan hỷ tâm, ca bái tụng Phật đức, nãi chí nhất tiểu âm, giai dĩ thành Phật đạo. Nhược nhân tán loạn tâm, nãi chí dĩ nhất hoa, cúng dường ư họa tượng, tiệm kiến vô số Phật. Hoặc hữu nhân lễ bái, hoặc phục đản hiệp chưởng, nãi chí cử nhất thủ, hoặc phục tiểu đê đầu. Dĩ thử cúng dường tượng, tiệm kiến vô lượng Phật, tự thành vô thượng đạo, quảng độ vô số chúng, nhập Vô Dư Niết Bàn, như tâm tận hỏa diệt.

(經)若人於塔廟，寶像及畫像，以華香幡蓋，敬心而供養。若使人作樂，擊鼓吹角貝，簫笛琴箏篪，琵琶鐃銅鈸。如是眾妙音，盡持以供養。或以歡喜心，歌唄頌佛德，乃至一小音，皆已成佛道。若人散亂心，乃至以一華，供養於畫像，漸見無數佛。或有人禮拜，或復但合掌，乃

至舉一手，或復小低頭。以此供養像，漸見無量佛，自成無上道，廣度無數眾，入無餘涅槃，如薪盡火滅。

(*Kinh: Nếu ai nơi tháp miếu, đôi tượng báu, tượng vẽ, dùng hoa, hương, phan, lọng, tâm cung kính cúng dường. Nếu sai người tấu nhạc, đánh trống, thổi sừng, ốc¹⁷⁵, tiêu, sáo, đàn, không hầu, tỳ bà, chiêng, chấp chõa¹⁷⁶. Các diệu âm như thế, dùng hết để cúng dường. Hoặc dùng*

¹⁷⁵ Thông thường, “giác bối” (角貝) được hiểu là loại tù và làm bằng sừng trâu hay ốc biển, pháp sư Phổ Hành lại giảng như sau: “Giác bối là một loại động vật, có tên là bát giác bối (ốc tám cạnh), dùng vỏ của nó để chế làm nhạc khí, còn gọi là pháp loa”.

¹⁷⁶ Tiêu (簫) là loại sáo to, đôi khi còn gọi là động tiêu (洞簫) thường làm bằng trúc, hoặc đôi khi bằng gỗ khoét rỗng, thổi dọc, lỗ thổi ở một đầu của Tiêu. Thân tiêu thường có sáu lỗ, lại chia thành nhiều loại như Bắc Tiêu, Nam Tiêu, Cầm Tiêu v.v... Loại Cầm Tiêu ngắn nhất nên thường gọi là Xích Bát (một thước tám tấc), được truyền sang Nhật và được người Nhật rất ưa chuộng sử dụng trong dàn nhạc với danh xưng Shakuhachi (tức Xích Bát đọc theo âm Nhật).

Địch (笛, còn gọi là Hoàn Địch) là loại sáo thổi ngang, thường được biết với tên “sáo trúc” trong tiếng Việt. Địch thường làm bằng tre, nhưng có khi làm bằng gỗ, đá, hay ngọc. Tuy thế, sáo trúc được ưa chuộng nhất vì có độ cộng hưởng tốt và âm sắc đẹp hơn các loại chất liệu khác.

Cầm (琴) là loại đàn cổ, có 7 dây (thoạt đầu chỉ có 5 dây), đặt nằm ngang. Cầm là nhạc khí rất cổ, thậm chí được tin là đã có từ thời Thần Nông, Phục Hy. Cầm thường được coi là gắn liền với nho gia hay hiền nhân, và được gọi là “nhạc khí của bậc triết nhân”. Tuy vậy, về sau, Cầm còn thường dùng như một danh từ chung để chỉ các loại đàn có dây như Hồ Cầm (đàn kéo bằng cung mã vĩ, giống như Nhị hoặc đàn cò), Dương Cầm (dulcimer, tức đàn gõ bằng hai dùi, không hiểu theo nghĩa Dương Cầm trong tiếng Việt. Một loại Dương Cầm khá phổ biến trong dàn nhạc cổ truyền Á Châu chính là đàn Tam Thập Lục), Cương Cầm (đàn piano), Tiểu Đê Cầm (violin) v.v... Vì thế, để chỉ rõ đàn Cầm trong truyền thống, người ta thường dùng chữ Cổ Cầm hay Dao Cầm. Hiện thời, ngoại trừ một số nghệ sĩ chuyên nghiệp diễn tấu Cổ Cầm, hầu như Cổ Cầm chỉ dùng trong dàn Nhã Nhạc, hoặc dùng trong các lễ tế Không Miếu.

Không Hầu (箜篌, Vĩnā) là một loại đàn có nguồn gốc từ Tây Vực (truyền vào Trung Hoa dưới thời Hán Linh Đế), còn gọi là Không Cổ, hoặc Giang Hồ, có hình dáng hơi giống như thụ cầm (Harp) hiện thời, nhưng nhỏ hơn, khung đàn đơn giản hơn, có thể đặt gọn trong lòng khi diễn tấu. Không Hầu chia thành nhiều loại như Thụ Không Hầu, Ngọa Không Hầu, và Phượng Thủ Không Hầu. Thụ Không Hầu khi gảy, phải ôm đứng lên. Thụ Không Hầu, có từ 23 cho đến 25 dây. Ngọa Không Hầu đặt nằm

tâm hoan hỷ, xướng tán tụng Phật đức, thậm chí một âm nhỏ, đều đã

ngang, chỉ có 7 dây v.v... Hiện thời, hai loại Ngọa Không Hầu và Phượng Thủ Không Hầu đã thất truyền.

Đàn Tỳ Bà (琵琶) có thân đàn giống như quả lê, cổ đàn ngắn, có bốn trục lên dây. Số lượng dây biến thiên từ 12 đến 31 dây. Truyền thuyết thường cho rằng khi quận chúa Tể Quân (con gái của Giang Đô Vương Lưu Kiến) bị gả cho tù trưởng Ô Tôn, cô ta đã chế ra đàn này để gảy trên lưng ngựa khi vượt sa mạc cho đỡ nhớ nhà và vơi bớt buồn tủi. Từ truyền thuyết này, khi viết về Chiêu Quân, các thi sĩ hay kịch tác gia Trung Hoa cũng thường hay mô tả Chiêu Quân gảy đàn Tỳ Bà khi bị đưa cống Hồ (gả cho Thiên Vu Hô Hân Tà của dân Hung Nô) dưới thời Hán Nguyên Đế. Tuy vậy, các nhà nghiên cứu cho rằng Tỳ Bà có nguồn gốc từ Trung Á hoặc Ấn Độ. Loại đàn này được truyền sang Đại Hàn với tên gọi là Bipa, và người Nhật gọi nó là Biwa. Một số người cho rằng đàn Nguyễn được Nguyễn Hàm (một người trong Trúc Lâm Thất Hiền) phát triển từ Tỳ Bà, và chia thành năm loại (đại nguyên, trung nguyên, tiểu nguyên, cao âm nguyên và đề âm nguyên). Từ đàn Nguyễn, hình thành loại đàn Nguyệt (thường gọi là “đàn kìm” tại miền Nam Việt Nam). Điểm khác biệt về hình dáng giữa đàn Nguyệt và đàn Nguyễn là cán của Nguyệt to hơn, thùng đàn của Nguyễn có hai lỗ tròn thoát âm hoặc khoét thành hình chim phượng, trong khi thùng đàn Nguyệt không có lỗ thoát âm, cán đàn Nguyệt Việt Nam dài và trông thanh thoát hơn đàn Nguyễn, trong khi Nguyệt Cầm của Trung Hoa cán ngắn và thô hơn đàn Nguyễn. Thêm nữa, đàn Nguyệt Việt Nam có 2 dây, trong khi đàn Nguyệt của Trung Hoa có từ 2 đến 4 dây tùy từng địa phương, nhưng loại 4 dây phổ biến nhất. Từ Tỳ Bà cũng hình thành liễu cầm (nhỏ và ngắn hơn Tỳ Bà). Thời Đường, Tỳ Bà rất ưa chuộng đến nỗi trong bài Tỳ Bà Hành, Bạch Cư Dị đã mô tả tiếng đàn Tỳ Bà như sau: “*Đại huyền tào tào như cấp vũ, tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ, tào tào thiết thiết thác tạp đàn, đại châu, tiểu châu lạc ngọc bàn, gian quan oanh ngữ hoa đề hoạt, u yết lưu thủy cảnh hạ than, thủy tuyến lãnh sát huyền ngưng tuyết*”. Cụ Phan Huy Thực đã diễn Nôm như sau: “*Dây to như rồng đổ mưa rào, ní non dây nhỏ như trò chuyện riêng, tiếng cao thấp lẫn chen liên gảy, mâm ngọc châu bóng nảy hạt châu. Trong hoa, oanh riu rít nhau, suối tuôn róc rách chảy mau xuống ghềnh*”.

Nã (鑼) là một nhạc khí cổ, đúc bằng kim loại, dùng dùi gỗ, có hình dáng giống như một cái bát lật ngửa, miệng xéo, có cán dưới đáy để cầm. Nã được đánh lên nhằm ra hiệu dứt trống thúc quân. Người đánh nắm cán của Nã, tay kia dùng dùi đập vào cho vang ra tiếng. Sách Thuyết Văn Giải Tự lại giảng Nã là một loại chiêng nhỏ dùng để đệm trong khi tấu nhạc để tế lễ.

Đồng bạt (chập chĩa, chũm chọe, chập cheng, cymbals) là loại nhạc khí thường đúc thành một đôi bằng đồng hay hợp kim, hình tròn, chính giữa có núm tròn, có lỗ để xỏ dây nắm. Khi đánh thì chập vào nhau. Chập chĩa cũng thường được dùng trong các dàn trống hiện đại, nhưng dùng để gõ. Chập chĩa truyền thống của Trung Hoa chia thành tiêu bạt, trung bạt, đại bạt và thủy bạt (tùy theo kích cỡ và cao độ của âm thanh). Loại pháp khí Kha (Ha, thường bị đọc trại thành Cơ) dùng trong các tự viện cũng là một loại đồng bạt.

thành Phật đạo. Nếu ai tâm tán loạn, cho đến dùng một hoa, cúng dường nơi tượng vẽ, dần thấy vô số Phật. Hoặc có người lễ bái, hoặc lại chỉ chấp tay, cho đến gior một tay, hoặc lại khể củi đầu. Dùng đó cúng dường tượng, dần thấy vô lượng Phật, tự thành vô thượng đạo, rộng độ vô số chúng, nhập Vô Dư Niết Bàn, như củi hết lửa diệt).

Nối tiếp đoạn kinh văn trước đó. Lại nữa, không chỉ người dựng tháp, cất miếu, tạo tượng, vẽ tượng đã thành Phật, mà người đối trước tượng bái hoặc tượng vẽ trong bất cứ loại tháp miếu nào để tu các loại cúng dường, đều đã thành Phật. Luận định căn kể sự cúng dường, chẳng ra ngoài ngũ trần. Hoa, phan, lọng là Sắc Trần. Âm nhạc, ca vịnh, phạm bái là Thanh Trần. Hương chính là Hương Trần. Lễ bái tức là Xúc Trần. Lại còn y phục là Xúc Trần. Thức ăn là Vị Trần. Những thứ này lược đi chẳng nói, chứ theo đúng lẽ thì ắt phải có.

Lại nữa, cúng dường cần luận định tam nghiệp. Tâm cung kính chính là ý nghiệp, ca tụng phẩm đức chính là khẩu nghiệp. Lễ bái, chấp tay, gior tay, hoặc củi đầu chính là thân nghiệp. Xét theo ngũ trần và ba nghiệp ấy, Trần hoặc nhiều, hoặc ít, nghiệp hoặc chuyên ròng hoặc tản mạn. Trong lúc đó, công đức ắt có sai biệt. Nay nhìn lại, [những người làm như thế] đều thành tựu Tứ Nhất. Lại dùng Tứ Nhất để rộng độ chúng sanh. Củi Tam Hoặc đã hết, lửa nhị tử (Phản Đoạn và Biến Dịch sanh tử) bèn tắt, nhập Vô Trụ Xứ Đại Bát Niết Bàn.

Kinh văn nói “*nhược sử nhân tác nhạc*” (nếu sai người khác tấu nhạc), tức là hàng xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, hàng tại gia như quốc vương, trưởng giả, tể quan, cư sĩ trọn chẳng có lẽ nào tự tấu nhạc, cho nên ắt nói “*sử nhân*” (sai người [tấu nhạc]). Còn như ca vịnh, phạm bái, tán tụng phẩm đức thì xuất gia lẫn tại gia đều có thể làm, nhưng cũng cần phải biết đại thể. Nếu phạm âm hòa nhã, dấu dính dáng đến [nhạc giải trí, vui chơi của] thế tục vẫn là thích đáng. Nếu xen lạn giống như ca khúc giải trí của thế tục thì giới luật chẳng cho phép. Thường thấy xướng tán trong thời gần đây, phần nhiều sử dụng xoang điệu của các nhà soạn nhạc [theo lối giải trí thế tục]. Lại còn khi lễ sám, xướng phạm bái, chẳng tuân theo quy cách thời cổ, mà đua nhau khoe hơi dài, chỉ sợ tăng trưởng tham và mạn cho người khác, tăng thêm sự buông lung cho chính mình. Phước ít, lỗi nhiều, hãy nên suy nghĩ để lựa chọn!

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.7. Xét theo chuyện xưng danh hiệu Phật để nói rõ chuyện khai hiển

(Kinh) Nhược nhân tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)若人散亂心，入於塔廟中，一稱南無佛，皆已成佛道。

(Kinh: Nếu ai tâm tán loạn, vào trong chốn tháp miếu, xưng mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo).

Tiếp nối ý trong đoạn văn trên đây. Lại nữa, không chỉ người dùng ngũ trần tam nghiệp để cúng tháp, cúng tượng đã thành Phật, ngay cả kẻ tán tâm xưng danh Phật một tiếng, cũng đều thành Phật. “Nam-mô” được phương này dịch là Quy Mạng, cũng dịch thành Độ Ngã (độ tôi), cũng dịch thành Kính Tùng (kính trọng thuận theo). Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) khi lâm chung, xưng Nam-mô, chưa niệm tới chữ Phật thì sanh thân đã hãm nhập địa ngục. Đức Phật thọ ký khi ông ta từ địa ngục thoát ra, sẽ làm Bích Chi Phật, có tên là Nam Mô.

Cõi Tây Trúc có kẻ thờ tượng thiên thần, dùng vàng làm đầu tượng, giặc đến ăn trộm, chẳng thể lấy được. Kẻ giặc xưng “Nam-mô Phật” liền lấy được đầu vàng. Hôm sau, mọi người tụ tập bàn bạc: “Tượng trời mất đầu, tức là chẳng có thiên thần dựa vào. Nếu có thiên thần dựa, sao lại mất đầu?” Thiên thần bèn nhập vào thân một người, nói: “Khi kẻ giặc lấy đầu đã xưng Nam-mô Phật, chư thiên đều kinh động. Do đó hấn bèn thừa cơ chiếm lợi nơi ta; vì thế bị mất đầu”. Mọi người nói: “Trời chẳng bằng Phật ư? Đã chẳng bằng, sao không thờ Phật? Kẻ giặc xưng Nam-mô Phật còn lấy được đầu của thiên thần, huống hồ người hiền xưng danh hiệu Phật, mười phương tôn thần há dám chống lại?” Chỉ nên tỉnh tấn, chớ giải đãi.

Kinh Na Tiên chép: “*Như nhân trì nhất thạch trí thủy, tắt một vô nghi. Nhược trì bách thạch trí thuyền thượng, tắt bất một. Hữu ác nghiệp nhân, trực nhĩ tử, tắt đạo Nê Lê, như thạch trí thủy. Nhược lâm tử, xưng Nam-mô Phật, Phật lực cố linh bất nhập Nê Lê, như thuyền lực cố, sử thạch bất một*” (Như người cầm hòn đá bỏ vào nước, ắt chìm chẳng ngờ. Nếu cầm một trăm tảng đá, đặt trên thuyền, ắt chẳng chìm. Kẻ có ác nghiệp tới khi chết ắt đạo địa ngục, giống như đá bỏ xuống nước. Nếu

lúc sắp chết, niệm Nam-mô Phật, do Phật lực nên chẳng vào địa ngục, như do sức của thuyền khiến đá chẳng chìm). Kinh còn dạy: - Đại hội thứ ba ở vườn Hoa Lâm [của Di Lặc Bồ Tát khi Ngài thành Phật], gồm chín mươi hai ức người, toàn là những người xưng “*Nam-mô Phật*” trong di pháp của đức Phật Thích Ca mà được thấy ngài Di Lặc!

Lại nữa, thuở Phật tại thế, có một cụ già, xin được thể độ với khắp năm trăm vị thượng tọa. Các vị thượng tọa quán thấy người ấy đòi trước chẳng có thiện căn, đều chẳng chấp thuận. Cuối cùng, cụ già gặp Phật, đức Phật liền độ cho cụ xuất gia, cụ chứng A La Hán. Các vị thượng tọa hỏi Phật, đức Phật bảo: “Người này trong vô lượng kiếp trước, vào rừng đẵn củi, gặp cọp hoảng sợ, liền xưng Nam-mô Phật. Nay thiện căn xưng danh ấy đã chín muồi, cho nên đắc độ. Do người ấy chẳng có thiện căn nào khác, cho nên lưu chuyển sanh tử rất lâu trong kiếp số dài lâu. Vì thế, đạo nhân của Thanh Văn chẳng thể thấy, chẳng thể biết được!” Đã được chứng A La Hán, rành rành là ắt cũng sẽ chứng Vô Thượng Bồ Đề. Tán loạn xưng danh mà còn ắt đều thành Phật, huống hồ nhất tâm bất loạn ư? Một niệm tương ứng một niệm Phật, một ngày tương ứng một ngày Phật. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Chẳng tin điều này, ta chẳng biết làm như thế nào nữa!

Phần thứ nhất, “xét theo các điều thiện để hiển lộ công đức nơi duyên nhân” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2. Xét theo chuyện nghe kinh để hiển lộ công đức của liễu nhân

(Kinh) Ư chư quá khứ Phật, tại thế hoặc diệt hậu, nhược hữu văn thị pháp, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)於諸過去佛，在世或滅後，若有聞是法，皆已成佛道。

(Kinh: Nơi quá khứ chư Phật, tại thế hoặc diệt độ, nếu ai nghe pháp này, đều đã thành Phật đạo).

“*Thị pháp*” (Pháp này) chính là nói pháp Khai Quyền Hiển Thật trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trên đây, từ Lục Độ cho đến đối với kinh tượng, từ cúng dường cho đến xưng danh, hoàn toàn là chư Phật dùng sức phương tiện lạ để giúp hiển lộ chân thật. Mở ra [các phương

tiện lạ như thế] mà còn tạo thành duyên nhân màu nhiệm, hướng hồ kinh này thật sự hiển lộ chân thật. Nếu có người nghe [kinh này], tức là đã gieo liễu nhân, há chẳng thành Phật ư? Nhưng xét theo lúc nghe kinh, hoặc là hiểu, hoặc không hiểu, hữu tướng hay vô tướng, chí tâm hay tán tâm, Sự chẳng phải nhất loạt như nhau, cũng phải luận định theo ý nghĩa “*ngũ thừa sai biệt*”. Nhưng hễ thoáng qua tai, sẽ vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, dù xa hay gần, rốt cuộc đều nhờ vào đó mà được giải thoát, chẳng có một ai không thành Phật! Đây là lời lẽ chân thật của chư Phật, chẳng thể không tin tưởng sâu xa!

Hỏi: - Vì sao chỉ xét theo quá khứ Phật để nói cận kề ngũ thừa đều cùng nhập Thật?

Đáp: - Tam thế chư Phật đều mở ra Quyền, nhưng vị lai chưa đầy lên, hiện tại mới hành, [nếu dùng chuyện hiện tại và vị lai để] chứng nghĩa thì sẽ hơi yếu! Quá khứ khai Quyền đã lâu, người được giáo hóa đều đã thành tựu Tứ Nhất, lại còn ở trong mười phương khai Quyền hiển Thật, chứng nghĩa mạnh mẽ. Nói suông chẳng bằng dùng sự thật để kiểm chứng. Vì thế, đối với quá khứ Phật, nêu cận kề chuyện ngũ thừa hiển Thật.

Phần thứ hai, “trùng tụng quá khứ Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.3. Trùng tụng chư Phật vị lai

2.2.2.2.1.2.2.1.3.1. Trùng tụng chuyện thực hành Quyền

(Kinh) Vị lai chư Thế Tôn, kỳ số vô hữu lượng, thị chư Như Lai đẳng, diệc phương tiện thuyết pháp.

(經)未來諸世尊，其數無有量，是諸如來等，亦方便說法。

(Kinh: Vị lai các Thế Tôn, số ấy chẳng hạn lượng, các đức Như Lai ấy, cũng phương tiện thuyết pháp).

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2. Trùng tụng hiển Thật

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.1. Trùng tụng Nhân Nhất

(Kinh) Nhất thiết chư Như Lai, dĩ vô lượng phương tiện, độ thoát chư chúng sanh, nhập Phật vô lậu trí. Nhược hữu văn pháp giả, vô nhất bất thành Phật.

(經)一切諸如來，以無量方便，度脫諸眾生，入佛無漏智。若有聞法者，無一不成佛。

(Kinh: Hết thấy các chư Như Lai, dùng vô lượng phương tiện, độ thoát các chúng sanh, nhập Phật vô lậu trí. Nếu có người nghe pháp, không ai chẳng thành Phật).

Xét theo người nghe pháp, do không ai chẳng thành Phật, nên là Nhân Nhất. Nếu xét theo người hóa độ thì là Giáo Nhất. Pháp được chứng bởi Phật trí chính là Lý Nhất. Nhập Phật trí chính là Hạnh Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.2. Trùng tụng Hạnh Nhất

(Kinh) Chư Phật bốn thế nguyện, ngã sở hành Phật đạo, phổ dục linh chúng sanh, diệc đồng đắc thử đạo.

(經)諸佛本誓願，我所行佛道，普欲令眾生，亦同得此道。

(Kinh: Chư Phật bốn thế nguyện, Phật đạo do ta hành, muốn khiến khắp chúng sanh, cũng cùng đắc đạo này).

Tự hành, hóa độ người khác, không gì chẳng phải là Phật đạo. Vì thế là Hạnh Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.3. Trùng tụng Giáo Nhất

(Kinh) Vị lai thế chư Phật, tuy thuyết bách thiên ức, vô số chư pháp môn, kỳ thật vị Nhất Thừa. Chư Phật Lương Túc Tôn, tri pháp thường vô tánh, Phật chủng tùng duyên khởi, thị cố thuyết Nhất Thừa.

(經)未來世諸佛，雖說百千億，無數諸法門，其實為一乘。諸佛兩足尊，知法常無性，佛種從緣起。是故說一乘。

(**Kinh:** *Chư Phật đời vị lai, tuy nói trăm ngàn ức, vô số các pháp môn, thật ra vì Nhất Thừa. Chư Phật Lương Túc Tôn, biết pháp thường vô tánh, Phật chúng do duyên khởi. Vì thế nói Nhất Thừa*).

“*Trăm ngàn vô số các pháp môn*” là nói đến hết thảy các thứ nói quyền biến thuộc bảy phương tiện trong ngũ thừa. “*Kỳ thật vì Nhất Thừa*” (Thật ra vì Nhất Thừa): Nói rõ ý nghĩa của Quyền. Tuy nói pháp quyền biến, ý vốn ở nơi Thật. Quyền chính là Quyền sẵn có nơi Thật. Vì thế, hề được chỉ bày đó là Quyền, sẽ cùng trở thành liễu nhân. “*Tri pháp thường vô tánh*” (Biết pháp là thường, chẳng có tự tánh): Thật Tướng thường trụ, chẳng có tự tánh, chẳng có tha tánh, chẳng có cộng tánh, chẳng phải là vô nhân tánh (tánh Không), vô tánh cũng chẳng có tánh (tướng Không). Hề nói đến vô tánh, sẽ có đủ hai thứ vô tánh, tức là có tánh chất vô tánh và tánh chất vô tướng. Do vốn tự có, nên nói là “*thường vô*”. “*Tri*” (Biết) là chiếu (quán chiếu). Nói chi tiết thì như trong cảnh chẳng thể nghĩ bàn thứ năm của Chỉ Quán: “*Một niệm trọn đủ tam thiên, chẳng có tự hay tha*” v.v... Đã chẳng có bốn tánh (tự tánh, tha tánh, cộng tánh, vô nhân tánh), một niệm cũng chẳng có, tức là tánh Không. Đã chẳng có một niệm thì vô niệm cũng chẳng có, tức là tướng Không. Đây chính là Nhị Không (tướng không và tánh không) chẳng thể nghĩ bàn! Nếu vốn đã là Nhị Không, đây chính là Tánh Đức. Nếu truy vấn, suy xét để nhập Không thì là Tu Đức. Thôi thúc mà chẳng thành, cần phải tu vạn hạnh, chánh lẫn trợ cùng hành, trong hành trọn đủ hết thảy các hạnh thì mới gọi là Duyên Nhân. Nghe nghĩa ấy rồi thì mới gọi là Khai.

Hỏi: - Nhân duyên trong thế gian có thể dùng bốn câu để hiểu rõ sanh và vô sanh. Nay tánh vốn tịnh, chẳng liên quan đến duyên khởi, sao lại cần phải dùng bốn câu ấy để suy cầu?

Đáp: - Duyên khởi của pháp thế gian vốn cũng là vô sanh, nhưng do tình kiến chấp trước, bèn cho đó là sanh. Lý tánh cũng thế, do cho là có tự, tha v.v... cho nên cần phải suy cầu. Nhị Không chẳng hiển lộ, vẫn cần phải dựa theo sự liên tục đối đãi để suy nghiệm, hướng hồ do cái nhân mà thành ư?

Hỏi: - Vì sao kinh vẫn ở đây chẳng lập ra môn Quán ấy?

Đáp: - Kinh này do hàng lợi căn mà khai.

“*Phật chúng tùng duyên khởi*” (Phật chúng do duyên mà dậy lên): Trung Đạo vô tánh chính là “*Phật chúng*”. Kẻ mê lý này, do vô minh làm duyên, ắt sẽ có “chúng sanh” dậy lên. Kẻ hiểu lý này, do Giáo Hạnh

làm duyên, sẽ có Chánh Giác khởi. Muốn dậy khởi Phật chủng, cần có Nhất Thừa giáo. Vì thế, trùng tụng Giáo Nhất.

Hơn nữa, “vô tánh” chính là chánh nhân Phật tánh. “*Phật chủng tùng duyên khởi*” tức là duyên liễu, dùng duyên để trợ giúp. Chánh chủng (chủng tử chánh yếu) đã dậy lên, một thứ dậy lên, hết thấy đều dậy lên. Ba tánh như thế gọi là Nhất Thừa (ba cái nhân chẳng thay đổi, cùng gọi là Tánh. Toàn thể đều thành tu, lại gọi là “*duyên liễu*”; đó chính là địa vị Lý Túc. Khổ là chánh nhân Phật tánh, Hoặc là liễu nhân Phật tánh, Nghiệp là duyên nhân Phật tánh. Ba thứ Phật tánh ấy chẳng ngang hay dọc, chẳng cùng hay khác, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có tự tánh, cho đến chẳng có vô nhân tánh, vô tánh cũng chẳng có tánh, bèn gọi cái vô tánh ấy là Chánh Nhân Phật Tánh, tức là thuộc vào địa vị Danh Tự Túc. Hơi có chút hiểu biết, và cũng có chút hành trì, tức là tánh “vô tánh”. Toàn thể trở thành hiểu biết đôi chút, hành trì đôi chút, cho đến thuộc địa vị Quán Hạnh và Tương Tự, giải hạnh dần dần tích tụ, cũng là do toàn thể của tánh vô tánh mà tạo thành. Ba cái nhân chẳng thể nghĩ bàn ấy trong các địa vị Danh Tự, Quán Hạnh và Tương Tự được gọi là Duyên Nhân Phật Tánh. Trong địa vị Phần Chân, Sơ Trụ, một thứ phát thì hết thấy đều phát, cái tâm thuộc về Lý Chánh Nhân đã phát thì gọi là Pháp Thân Đức. Liễu nhân huệ tâm đã phát thì gọi là Bát Nhã Đức. Do duyên nhân thiện tâm phát khởi thì gọi là Giải Thoát Đức, chẳng dọc ngang, không cùng hàng hay khác biệt, chẳng thể nghĩ bàn! Gọi ba cái nhân chẳng thể nghĩ bàn trong địa vị Phần Chân là Liễu Nhân Phật Tánh. Trong địa vị Cứu Cánh, Tánh Đức hiển lộ trọn hết, Tu Đức hoàn tất công năng. Vì thế nói “*chánh chủng được khởi, một thứ khởi thì hết thấy đều khởi*” chính là hiển thị tướng của quả thừa. Y báo, chánh báo, chủ, bạn, cho đến mỗi trần, mỗi hạnh đều nhằm đền đáp cái nhân cùng lúc đều dậy lên. Hễ dậy lên thì sẽ là thành. Tu và tánh hễ gộp lại, chẳng còn chia tách, tức là ba cái nhân của lý tánh rốt ráo được hiển lộ trọn vẹn. Vì thế nói: “*Ba tánh như thế gọi là Nhất Thừa*”.

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.4. Trùng tụng Lý Nhất

(Kinh) Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ, u đạo tràng tri dĩ, đạo sư phương tiện thuyết.

(經)是法住法位，世間相常住，於道場知己，導師方便說。

(*Kinh: Pháp này trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ, nơi đạo tràng đã biết, đạo sư phương tiện nói*).

Chữ Thị chỉ Nhất Thừa “tánh tu bất nhị” trên đây. Nhất Thừa ấy chính là “*pháp trụ*”, còn gọi là “*pháp vị*”. Từ cái gốc vô trụ mà lập ra hết thảy các pháp. Do cái gốc vô trụ ấy chẳng thể động, cho nên là “*pháp trụ*”. Các loại pháp nói chung chẳng ra ngoài phạm vi ấy, bèn gọi là “*pháp vị*”. Nêu ra “*pháp này trụ pháp vị*” để làm tướng Chánh Giác thế gian, do “*pháp trụ pháp vị*” là thường trụ. Vì thế, tướng Chánh Giác thế gian cũng là thường trụ. Nêu ra “*pháp trụ pháp vị*” để làm tướng của chúng sanh thế gian và khí thế gian¹⁷⁷. Do pháp trụ pháp vị là thường trụ, cho nên tướng chúng sanh và thế gian cũng là thường trụ. Đây chính là ba tướng thế gian, mỗi mỗi không gì chẳng thường trụ, mỗi mỗi không gì chẳng phải là “*pháp trụ pháp vị*”, mỗi mỗi không gì chẳng phải là Nhất Thừa. Nhưng chúng sanh mê ám, chẳng thể hay biết, đối với thường trụ lại hư vọng thấy là sanh diệt. Đối với Nhất Thừa, hư vọng thấy sai biệt. Chỉ có đáng đại giác đạo sư ngồi nơi đạo tràng là biết như thật mà thôi. Đối với lý tánh tịch diệt là các hý luận chẳng thể nói, có thể dùng phương tiện để nói Lý Nhất này! Lại có thể dùng phương tiện là để giúp hiển lộ Lý Nhất này.

Hỏi: - Ngộ lý tánh này thì gọi là Chánh Giác Thế Gian, do vì thuận tánh. Tánh là thường, mà tướng cũng thường thì được, nhưng mê lý tánh này sẽ là Chúng Sanh Thế Gian. Do đã trái tánh, tánh tuy vốn thường, tướng ắt phải vô thường. Có sao tướng chúng sanh thế gian và tướng khí thế gian cũng là thường trụ?

Đáp: - Như băng và nước, cùng lấy “ướt” làm tánh. Ướt thì lấy băng và nước làm tướng. Băng và nước vô thường, tức là tánh ướt vô thường. Vì thế, gọi tánh ướt là vô tánh. Tướng ướt đã là thường, tức tướng của băng và nước cũng đều thường! Vì thế, gọi tướng của băng và

¹⁷⁷ Đối lập với chân tánh là Thế Gian, gồm hai phần:

- Một là Chúng Sanh Thế Gian (còn gọi là Hữu Tình Thế Gian), bao gồm tất cả hết thảy chúng sanh.
- Khí Thế Gian (Quốc Độ Thế Gian, Trụ Xứ Thế Gian) là quốc độ thế giới để hết thảy chúng sanh nương vào mà tồn tại.

nước là thường trụ. Lại nữa, Lý Nhất Thừa vô tánh giống như cái nhà vốn chẳng xoay chuyển, Như Lai đã ngộ, giống như người tỉnh sẽ thấy nhà chẳng xoay chuyển. Chín pháp giới do mê, giống như kẻ say, hư vọng thấy nhà cửa xoay chuyển! Tuy họ thấy là xoay chuyển, nhà vốn chẳng chuyển. Vì thế, tuy họ hư vọng thấy tướng chúng sanh thế gian và tướng khí thế gian sanh diệt, [các tướng ấy] thật ra là thường trụ, do chúng sanh thế gian và khí thế gian chính là vô tánh, chính là pháp trụ, chính là pháp vị.

Lại như mắt có màng mộng, làm lạc thấy hư không có hoa đốm dấy lên hay diệt mất, nhưng hoa đốm trên hư không thật sự chẳng dấy lên hay diệt mất. Do là vô tánh, do chính là Không, thế gian thường trụ. Lý ấy như thế, hết thấy chúng sanh chỉ có lý thường, nghe mà có thể hiểu thì là Danh Tự Thường. Niệm niệm thấu hiểu, xem xét, tâm tâm chẳng gián đoạn, thì gọi là Quán Hạnh Thường. Thô cấu rụng trước, sáu căn thanh tịnh là Tương Tự Thường. Hoát nhiên khai ngộ, chứng chân nhân (cái nhân chân thật) của bốn mươi một địa vị, thì gọi là Phần Chứng Thường. Viên mãn hiển phát, chẳng thừa, chẳng thiếu, thì là Cứu Cánh Thường. Do từ đầu tới đuôi bình đẳng, nên gọi là Túc. Thăng trầm rất khác, cho nên cần phải biện định sáu món. Nương vào cái Thể bình đẳng, cho nên mới có thăng trầm khác biệt. Như nương vào hư không thì mới có thể luận định xa gần. Vì thế nói “*toàn tánh khởi tu*” (nói chung hai cách tu nghịch và thuận), bất luận thăng trầm khác biệt vời vợi, vẫn chẳng lìa một Thể bình đẳng, như xa và gần chẳng ra khỏi hư không. Vì thế nói “*toàn tu tại tánh*”. Giáo vốn để diễn nói điều này, cho nên gọi là Giáo Nhất. Hạnh để khế nhập điều này, cho nên gọi là Hạnh Nhất. Người ắt hiểu điều này, cho nên gọi là Nhân Nhất.

Phần ba, “trùng tụng vị lai Phật” đã xong.

*** Ghi chú của người chuyển ngữ:**

Do đoạn này Tổ giảng quá cao và quá sâu, chúng tôi xin trích thêm lời giảng của pháp sư Phổ Hành như sau: - “*Thị pháp trụ pháp vị*”, chữ *Pháp thứ nhất* nói về hết thấy các pháp, chữ *Pháp thứ hai* chỉ *Chân Như Pháp Tánh*. Hết thấy các pháp vốn trụ trong không tịch, như như bất động, tức là an trụ trong *Chân Như pháp vị*. Vì thế, nói là “*pháp này trụ trong pháp vị*”. Đại Trí Độ Luận nói: “*Pháp tánh, pháp giới, pháp vị đều là tên gọi khác của Chân Như*”.

Trong Pháp Hoa Kinh Giảng Diễn Lục, Thái Hư đại sư viết: “*Pháp thường tức là Trung Đạo trong nơi các pháp, là tánh Viên Thành*

Thật. Pháp vô tánh tức là pháp không, tức là Biến Kế Cháp Tánh. Phật chứng chính là vô lậu chứng tử mà chúng sanh vốn sẵn có. ‘Từ duyên khởi’ tức là từ các duyên thù thắng được huân tập trong Phật pháp mà dậy lên. Pháp trụ, tức là thường trụ nơi Thật Tướng Nhất Thừa do Phật đã chứng. Pháp trụ pháp vị tức là pháp thường trụ nơi Thật Tướng ấy, tức là trụ trong bốn tâm chân thật của Phật và chúng sanh. Đây chính là nói chư Phật Thế Tôn biết thật lý của các pháp, biết pháp tánh vốn không, và biết chúng sanh vốn có Phật chứng vô lậu, cần phải dựa vào các duyên thù thắng để dậy khởi, cho nên nói ra pháp Nhất Thừa”.

2.2.2.2.1.2.2.1.4. Trùng tụng hiện tại Phật

(Kinh) Thiên nhân sở cúng dường, hiện tại thập phương Phật. Kỳ số như Hằng sa, xuất hiện ở thế gian, an ổn chúng sanh cố, diệt thuyết như thị pháp. Như đệ nhất tịch diệt, dĩ phương tiện lực cố, tuy thị chúng chúng đạo, kỳ thật vị Phật Thừa. Tri chúng sanh chư hạnh, thâm tâm chi sở niệm, quá khứ sở tập nghiệp, dục tánh, tình tấn lực, cập chư căn lợi độn, dĩ chúng chúng nhân duyên, thí dụ, diệt ngôn từ, tùy ứng phương tiện thuyết.

(經)天人所供養，現在十方佛。其數如恒沙，出現於世間，安隱眾生故，亦說如是法。如第一寂滅，以方便力故，雖示種種道，其實為佛乘。知眾生諸行，深心之所念，過去所習業，欲性精進力，及諸根利鈍，以種種因緣，譬喻亦言辭，隨應方便說。

(Kinh: Trời người nay cúng dường, hiện tại mười phương Phật. Số như cát sông Hằng, xuất hiện trong thế gian. Vì an ổn chúng sanh, cũng nói pháp như thế, như đệ nhất tịch diệt, do vì sức phương tiện, tuy dạy các thứ đạo, thật ra là Phật Thừa. Biết các hạnh chúng sanh, thâm tâm họ nghĩ tưởng, nghiệp tu tập quá khứ, dục tánh, sức tinh tấn, và các căn lợi độn, dùng các thứ nhân duyên, thí dụ và ngôn từ, đúng lẽ phương tiện nói).

Trước là trùng tụng ý nghĩa hóa độ, kể đến trùng tụng chuyện hiện Thật, sau đó trùng tụng chuyện hành Quyền. “*Như thị pháp*” (Pháp như

thế) tức là nói đến hai pháp Quyền và Thật. “*Đệ nhất tịch diệt*” tức Lý Nhất. “*Phương tiện thị chủng chủng đạo*” (Phương tiện dạy các thứ đạo) thật sự vì Phật Thừa. Xét theo người chỉ dạy, đó chính là Giáo Nhất. Xét theo điều được dạy thì là Hạnh Nhất. Biết các hạnh của chúng sanh là thực hành Quyền.

Phần thứ nhất, “trùng tụng bốn loại Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2. Trùng tụng Phật Thích Ca

2.2.2.2.1.2.2.2.1. Trùng tụng đại lược Quyền Thật trong phần trước để làm căn bản cho các thí dụ trong phần sau

2.2.2.2.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng hiển Thật

(Kinh) Kim ngã diệt như thị, an ổn chúng sanh cố, dĩ chủng chủng pháp môn, tuyên thị ư Phật đạo.

(經)今我亦如是，安隱眾生故，以種種法門，宣示於佛道。

(Kinh: Nay ta cũng như thế, do an ổn chúng sanh, dùng đủ thứ pháp môn, tuyên nói, dạy Phật đạo).

Đoạn kinh văn này trùng tụng trọn đủ Tứ Nhất. “Kim ngã diệt như thị” (Nay ta cũng giống như thế) tức là giống như chư Phật, cùng dùng Nhất Thật để giáo hóa chúng sanh, tức là trùng tụng chung về chuyện hiển Thật. “An ổn” là Niết Bàn bí tạng, là chỗ an ổn. Phật tự trụ trong đó, mà cũng xếp đặt cho chúng sanh cùng vào trong đó. Chỗ an ổn chính là Lý Nhất. Chúng sanh là Nhân Nhất. “Các thứ pháp môn nhập Phật đạo” chính là Hạnh Nhất. “Tuyên thị” chính là Giáo Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng thực hành Quyền

(Kinh) Ngã dĩ trí huệ lực, tri chúng sanh tánh dục, phương tiện thuyết chư pháp, giai linh đắc hoan hỷ.

(經)我以智慧力，知眾生性欲，方便說諸法，皆令得歡喜。

(Kinh: Ta dùng sức trí huệ, biết tánh dục chúng sanh, phương tiện nói các pháp, khiến họ đều hoan hỷ).

Sức trí huệ chính là Quyền Trí. “*Tri tánh dục*” là soi xét hàng tiêu cơ. “Nói các pháp” chính là thực hành Quyền, “đều hoan hỷ”: [Do nói pháp] tương xứng cơ nghi. Hai bài kệ trên đây tuy đại lược, nhưng đã thâm nhiếp sự giáo hóa của đức Phật từ đầu đến đuôi, không gì chẳng gồm tặn. Vì thế, tương xứng với phần trùng tụng đại lược chuyện Quyền Thật đã nói trong phần trên, nhằm làm căn bản cho sáu nghĩa thuộc tông thí dụ [nhà lửa] trong phần sau:

- Một, ta nay cũng giống như thế. “*Ta*” chính là Phật Thích Ca, là vị hóa chủ Nhất Thừa, làm căn bản cho ông đại trưởng giả trong phẩm Thí Dụ thuộc phần sau.

- Hai, “an ổn” tức là đại Niết Bàn thường lạc ngã tịnh, chẳng có Ngũ Trược gây chướng ngại. Đối với tam giới tỏ lộ Ngũ Trược thì gọi là “chẳng an ổn”, tức là căn bản cho thí dụ “nhà lửa” trong phần sau.

- Ba, chúng sanh chính là các đồ đệ tiếp nhận sự giáo hóa trong năm đường, tức là thí dụ cho năm trăm người [ở trong ngôi nhà cũ nát bỏng bốc cháy] trong phần sau.

- Bốn, pháp an ổn, vẫn đối ứng với pháp chẳng an ổn trong thuở Ngũ Trược, là căn bản của thí dụ [căn nhà cũ] bốc lửa trong phần sau.

- Năm, các thứ pháp môn, đối lập với “các thứ”, làm căn bản cho thí dụ trong phần sau [căn nhà cũ đang bốc cháy ấy] chỉ có một cửa [để ra vào].

- Sáu, biết tánh dục của chúng sanh, tức là trong ngũ đạo có căn tánh tam thừa sai khác, làm căn bản cho thí dụ ba mươi đứa con [ông trưởng giả] trong phần sau.

Phần thứ nhất, “trùng tụng đại lược Quyền Thật trong phần trên” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2. Trùng tụng căn kẽ sáu nghĩa trong phần trước để làm căn bản cho phần Biệt Thí trong phần sau

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1. Trùng tụng Ngũ Trược để làm căn bản cho thí dụ “lửa bốc cháy” trong phần sau

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã dĩ Phật nhãn quán, kiến lục đạo chúng sanh, bản cùng, vô phước huệ, nhập sanh tử hiểm đạo, tương tục khổ bất đoạn, thâm trước ư ngũ dục, như mao ngư ái vĩ, dĩ tham ái tự tế, manh minh vô sở kiến, bất cầu đại thế Phật, cập dĩ đoạn khổ pháp. Thâm nhập chư tà kiến, dĩ khổ dục xả khổ, vị thị chúng sanh cố, nhi khởi đại bi tâm.

(經)舍利弗當知：我以佛眼觀，見六道眾生，貧窮無福慧，入生死險道，相續苦不斷，深著於五欲，如犛牛愛尾，以貪愛自蔽，盲瞶無所見，不求大勢佛，及與斷苦法。深入諸邪見，以苦欲捨苦，為是眾生故，而起大悲心。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta dùng Phật nhãn xem, thấy lục đạo chúng sanh, bần cùng, không phước huệ, vào đường hiểm sanh tử, liên tục khổ chẳng dứt, chấp sâu nơi ngũ dục, như mao ngưu¹⁷⁸ mền đuôi, bị tham ái che lấp, mù lòa chẳng trông thấy, chẳng cầu đại thế Phật, ban cho pháp dứt khổ. Thâm nhập các tà kiến, toan dùng khổ xả khổ, vì các chúng sanh ấy, bèn dấy lòng đại bi).

Mười một chữ đầu nhằm nói rõ Phật nhãn có thể trông thấy. Trong phần sau có nói: Chủ nhà đứng ở ngoài cửa, ấy là vì Phật thuộc địa vị Pháp Thân, dùng Phật nhãn thường tịch chiếu soi trọn vẹn các căn cơ. Nếu [chúng sanh] căn nhạy bén, trước nhẹ, sẽ dùng hình tượng Lô Xá Na (Báo Thân Phật) nói pháp Nhất Thừa. Nếu căn độn, trước nặng, sẽ dùng hình tượng giống như một vị lão tỳ-kheo, kinh sợ vào trong nhà lửa, phương tiện thực thi tam thừa, chỉ là đúng thời soi xét căn cơ. Vì thế nói: “*Ngã dĩ Phật nhãn quán*” (Ta dùng Phật nhãn nhìn thấy). Phàm quán Sắc pháp, phải nên dùng Thiên Nhãn. Phân biệt căn cơ thì phải nên dùng Pháp Nhãn. Nay nói “*dùng Phật nhãn quán*”, tức là nêu ra mắt thù thắng để bao gồm các loại mắt kém hơn. Hơn nữa, bốn loại mắt kia được gộp trong Phật nhãn, đều gọi là Phật Nhãn.

Từ câu “*lục đạo chúng sanh*” trở đi, nói đến chuyện thấy Ngũ Trược. Trong phần sau, kinh văn nói: “*Nhữ chư tử đẳng, tiên nhân du hý, lai nhập thử trạch, trĩ tiểu vô tri, hoan ngu nhạo trước*” (Các con của ông trước kia do chơi đùa, vào trong nhà này, trẻ dại không hiểu biết, vui sướng, ham thích). “*Bần cùng vô phước huệ*” là trùng tụng Chúng Sanh Trược. Hai câu “*nhập sanh tử*” trùng tụng Mạng Trược. Bốn câu như

¹⁷⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Mao ngưu là tên một loài thú. Đuôi có lông dài như sợi tơ, có thể dùng lông nó để trang hoàng các loại tinh kỳ. Lông trên mặt con thú ấy dài che cả mắt, khiến nó thấy cảnh vật chung quanh chẳng rõ. Do thường yêu tiếc cái đuôi, nó chạy trốn tránh người săn bắt đến nỗi sụp bẫy mà chết. Vì thế, ‘mao ngưu ái vĩ’ chính là nói chúng sanh do tham đắm ngũ dục, chịu đủ mọi nỗi khổ*”. Theo một số nhà nghiên cứu, Mao Ngưu chính là loài bò Yak ở Tây Tạng.

“*thâm trước*” (chấp trước sâu đậm) v.v... trùng tụng Phiên Nảo Trước. Hai câu “*bất cầu [đại thế Phật]...*” (chẳng cầu vị Phật có oai thế to lớn) trùng tụng Kiếp Trước. Trong kiếp chẳng có Phật, nên gọi là Trước. Nếu kiếp có Phật, dầu trước vẫn có thể phá. Hai câu “*thâm nhập*” trùng tụng Kiến Trước. Bốn câu “*hoặc bất cầu*” trùng tụng chung về Kiến Trước. “*Dĩ tà kiến cố, bất cầu đại thế Phật*” (Do vì tà kiến, chẳng cầu vị Phật có oai thế lớn): Chẳng cầu pháp đoạn khổ, bèn chuốc lấy cái nhân khổ, cứ làm lạc mong xả khổ quả, há có được chăng? Lúc bốn thứ trước (Kiến Trước, Chúng Sanh Trước, Mạng Trước, Phiên Nảo Trước) tụ tập thì gọi là Kiếp Trước. Vì thế, chẳng cần trùng tụng riêng. Hai câu “*vị thị chúng sanh*” (vì các chúng sanh ấy) ý nói Phật đầy lòng đại bi ứng hiện. Đó chính là căn bản cho chuyện ông trưởng giả nghe nói xong, liền kinh hãi vào nhà lửa trong phần sau.

2.2.2.2.1.2.2.2.2. Trùng tụng dùng phương tiện để giáo hóa để làm căn bản cho thí dụ “bỏ bàn ghế, dùng xe” trong phần sau

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1. Nghĩ sử dụng Đại Thừa chẳng được

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1. Tính dùng Đại Thừa

(*Kinh*) *Ngã thử tọa đạo tràng, quán thụ diệc kinh hành, ư tam thất nhật trung, tư duy như thị sự: Ngã sở đắc trí huệ, vi diệu tối đệ nhất.*

(經)我始坐道場，觀樹亦經行，於三七日中，思惟如是事：我所得智慧，微妙最第一。

(*Kinh*: Ta mới ngồi đạo tràng, quán cây và kinh hành, trong hai mươi một ngày, tư duy chuyện thế này: Ta đạt được trí huệ, vi diệu tốt bậc nhất).

“*Thử tọa đạo tràng*” (Thoạt đầu ngồi tại đạo tràng): Chí lý (lý cùng tốt) chẳng có thời, giả lập thời để hóa độ chúng sanh, trở thành điểm khởi đầu của sự giáo hóa. Vì thế nói là “*thử*” (khởi đầu). Giải thích theo Sự thì thoạt đầu Ngài tu trì, đắc đạo nơi đây, vì thế nói là “*đạo tràng*”. Do ngồi dưới cây ấy, bèn đắc Chánh Giác, nên gọi là “*đạo thụ*” (cây đạo tràng). Do cảm ơn cây nên quan sát, do nghĩ tới phẩm đức của đất nên kinh hành. Cây và đất chẳng có phân biệt, há cần phải báo ân? Kinh Vị Tăng Hữu nói: “*Chỉ dĩ thông hóa truyền pháp, danh báo ân*

nhĩ” (Chỉ vì giáo hóa chung để truyền pháp nên gọi là báo ân). Kinh Quá Khứ Nhân Quả dạy: *“Phật thành đạo sơ thất nhật, tư duy ngã pháp diệu, vô năng thọ giả. Nhị thất nhật, tư duy chúng sanh thượng trung hạ căn. Tam thất nhật, tư duy thù ưng tiên văn pháp? Tức chí Ba La Nại, vị ngũ nhân thuyết Tứ Đế, Trần Như đắc Pháp Nhân Tịnh”* (Đức Phật thành đạo, trong bảy ngày đầu tiên, tư duy “pháp của ta màu nhiệm, chẳng ai có thể tiếp nhận”. Trong bảy ngày kế đó, tư duy chúng sanh là thượng, trung, hay hạ căn. Bảy ngày thứ ba, tư duy ai là người đáng nghe pháp trước hết? Bèn tới thành Ba La Nại (Vārāṇasī, tức thành phố Benares hiện thời), vì năm người nói Tứ Đế, ngài Kiều Trần Như đắc Pháp Nhân Tịnh). Đó là xét theo cái thấy của tiểu cơ.

Nay nói rõ Phật trụ trong địa vị Pháp Thân, tịch mà thường chiếu, luôn dùng Phật Nhãn nhìn thấu suốt chẳng sót, há có phải [thật sự là] thoát đầu tới đạo tràng, im lặng suốt hai mươi một ngày để suy nghĩ chuyện này. Nói *“hai mươi một ngày”* nhằm biểu thị muốn dùng tam châu để thuyết pháp. Bảy ngày đầu tiên suy nghĩ về Pháp Thuyết Châu. Bảy ngày kế tiếp suy nghĩ về Thí Thuyết Châu. Bảy ngày sau cùng nghĩ về Nhân Duyên Thuyết Châu. Ba châu ấy đều là “chẳng có căn cơ tương xứng thì sẽ không được!” Vì thế, ngưng nói Đại pháp mà nói Tiểu pháp. Đây là cách giải thích riêng biệt của Viên Giáo trong Đại Thừa. Nếu giải thích thông thường theo Đại Thừa thì bảy ngày đầu tiên suy nghĩ về Viên Giáo, bảy ngày kế tiếp nghĩ về chuyện nói Biệt Giáo. Bảy ngày sau cùng nghĩ về chuyện nói Thông Giáo, đều thấy “chẳng có căn cơ tương ứng [để tiếp nhận] thì sẽ không được (chẳng hóa độ được)”! Vì thế, thôi nói pháp Đại Thừa mà nói pháp phương tiện thuộc tam thừa trong Tam Tạng.

Giải thích theo quán tâm thì Cây chính là cây to mười hai nhân duyên. Quán sâu xa duyên khởi, tự thành Bồ Đề, toan dùng rừng pháp vô lậu để che rợp, lợi ích chúng sanh. Vì thế nói là *“quán thụ”*. *“Kinh hành”* chính là ba mươi bảy phẩm của Đại Thừa, tức là hành trì đạo pháp, tự dùng đạo phẩm để đặt chân lên đất Thật Tướng, được thành tựu Phật đạo, muốn dùng pháp này để hóa độ chúng sanh. Vì thế khởi hạnh. *“Tam thất”* (Hai mươi một ngày): Bảy ngày đầu muốn nói về Trung Đạo Quán. Trung Đạo màu nhiệm khó quán, chẳng được! Bảy ngày kế tiếp muốn nói Tức Giả Quán, Tức Giả Quán thì Phân Biệt Trí khó sanh khởi, chẳng được! Bảy ngày cuối, muốn nói Tức Không Quán, tức

Không Xảo Độ¹⁷⁹, vẫn chẳng được! Đây chính là nói đến phương tiện chia chẻ các pháp đề quán của Tiểu Thừa.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.2. Nói rõ chúng sanh chẳng phải là căn cơ [của pháp viên đốn]

(Kinh) Chúng sanh chur căn độn, trước lạc si sở manh, như tư chi đẳng loại, vân hà nhi khả độ?

(經)眾生諸根鈍，著樂癡所盲，如斯之等類，云何而可度？

(Kinh: Chúng sanh các căn độn, chấp vui si mù quáng, những hạng người như thế, sẽ độ như thế nào?)

Trí huệ đã là vi diệu bậc nhất. Vì thế, chẳng phải là kẻ căn độn, ngu si, mù tối mà hòng lãnh nhận, thông hiểu được. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Chư tử vô tri, tuy văn phụ hối, do cố nhạo trước, hy hỷ bất dĩ*” (Các con vô tri, tuy nghe cha răn dạy, vẫn cứ vui thích chấp trước, vui đùa chẳng ngớt).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.3. Suy nghĩ toan thời giáo hóa

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm vương, cập chư Thiên Đế Thích, hộ thể tứ thiên vương, cập Đại Tự Tại Thiên, tịnh dư chư thiên chúng, quyến thuộc bách thiên vạn, cung kính hiệp chưởng lễ, thỉnh ngã chuyển pháp luân. Ngã tức tự tư duy, nhược dẫn tán Phật Thừa, chúng sanh một tại khổ, bất năng tín thị pháp. Phá pháp, bất tín cố, trụ ư tam ác đạo. Ngã ninh bất thuyết pháp, tật nhập ư Niết Bàn.

(經)爾時諸梵王，及諸天帝釋，護世四天王，及大自在天，並餘諸天眾，眷屬百千萬，恭敬合掌禮，請我轉法

¹⁷⁹ Không Xảo Độ tức là Thê Không Quán, trực tiếp thấu hiểu vạn pháp là Không, thấy Không Tánh của các pháp, chẳng cần phải chia chẻ từng nhân duyên như trong Tích Không Quán (Không Chuyết Độ).

輪。我卽自思惟，若但讚佛乘，眾生沒在苦，不能信是法。破法不信故，墜於三惡道。我寧不說法，疾入於涅槃。

(*Kinh*: Khi đó, các Phạm vương, và các Thiên Đế Thích, hộ thế bốn thiên vương, và Đại Tự Tại Thiên, cùng các chúng trời khác, quyền thuộc trăm ngàn vạn, cung kính, chấp tay lễ, thỉnh ta chuyển pháp luân. Ta liền tự suy nghĩ: “Nếu chỉ khen Phật Thừa, chúng sanh chìm trong khổ, chẳng thể tin pháp này. Do pháp pháp chẳng tin, rơi vào ba đường ác. Ta thà chẳng thuyết pháp, mau chóng nhập Niết Bàn”).

Tuy Phạm thiên, Đế Thích thỉnh cầu, đức Phật biết chẳng có căn cơ [tương ứng để lãnh thọ Đại pháp], cho nên chẳng nói. Kinh văn trong phần sau chép: “*Chư tử ấu trĩ, vị hữu sở thức, hoặc đương đọa lạc, vị hỏa sở thiêu*” (Các con thơ dại, chẳng hiểu biết, chắc sẽ bị té ngã, bị lửa đốt cháy).

Phần thứ nhất, “suy nghĩ dùng Đại Thừa chẳng được” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2. Nghĩ giống như chư Phật, sử dụng tam thừa, do tương xứng cơ nghi nên có thể hóa độ được

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1. Nói rõ có thể giáo hóa

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.1. Tam thừa có thể phù hợp cơ nghi

(*Kinh*) *Tâm niệm quá khứ Phật, sở hành phương tiện lực. Ngã kim sở đắc đạo, diệc ưng thuyết tam thừa.*

(經)尋念過去佛，所行方便力。我今所得道，亦應說三乘。

(*Kinh*: Liền nghĩ quá khứ Phật, thực hành sức phương tiện. Ta nay đã đắc đạo, cũng nên nói ba thừa).

Nghĩ chúng sanh tuy chẳng có đại cơ, nhưng chẳng thể bỏ mặc vĩnh viễn, cần phải dùng phương tiện để khuyến dụ cứu vớt, chẳng phải là [đức Phật] hoàn toàn không biết vận dụng tam thừa! Do Ngài muốn dẫn chúng [Ngài làm như thế] giống hệt chư Phật, cho nên nói là “*tâm niệm*” (nghĩ lại). Kinh văn trong phần sau chép: “*Tức tiện tư duy, thiết chư phương tiện*” (Ta liền tư duy, lập các phương tiện).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2. Có căn cơ Tiểu Thừa

Lại chia làm hai phần: Một là chư Phật tán thán, hai là Phật Thích Ca thuận theo. Trong phần trước, đã nói [đức Phật] muốn dùng Đại pháp để giáo hóa, nhưng do đại chúng chẳng có căn cơ ấy, cho nên chư Phật chẳng tán thán. Nay muốn nói pháp Tiểu Thừa, do khéo hiểu căn duyên, cho nên từ đầu đến cuối [chúng sanh] sẽ đều được đắc độ. Do vậy, chư Phật tán thán (nếu chẳng trước là nói Tiểu pháp thì đại căn lẫn tiểu căn đều bỏ lỡ. Nếu trước hết dùng Tiểu pháp thì rốt cuộc họ ắt sẽ đạt được lợi ích to lớn; vì thế nói là “từ đầu đến cuối đều đắc độ”).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.1. Chư Phật tán thán

(Kinh) Tác thị tư duy thời, thập phương Phật giai hiện, phạm âm ủy dụ ngã: “Thiện tai! Thích Ca Văn, đệ nhất chi đạo sư, đắc thị vô thượng pháp. Tùy chư nhất thiết Phật, nhi dụng phương tiện lực. Ngã đẳng diệc giai đắc, tối diệu đệ nhất pháp, vị chư chúng sanh loại, phân biệt thuyết tam thừa. Thiếu trí nhạo Tiểu pháp, bất tự tín tác Phật. Thị cố dĩ phương tiện, phân biệt thuyết chư quả. Tuy phục thuyết tam thừa, dẫn vị giáo Bồ Tát”.

(經)作是思惟時，十方佛皆現，梵音慰喻我：善哉釋迦文，第一之導師，得是無上法。隨諸一切佛，而用方便力。我等亦皆得，最妙第一法，為諸眾生類，分別說三乘。少智樂小法，不自信作佛。是故以方便，分別說諸果。雖復說三乘，但為教菩薩。

(Kinh: Khi tư duy như thế, mười phương Phật đều hiện, phạm âm an ủi ta: “Lành thay, Thích Ca Văn¹⁸⁰, đáng đạo sư bậc nhất. Đắc pháp

¹⁸⁰ Thích Ca Văn: Tức là Thích Ca Mâu Ni bị phiên âm lệch đi thành Thích Ca Văn. Nguyên do là thời cổ hai âm W (tương ứng với V trong phiên âm Hán Việt) và M trong tiếng Hán đều phát âm như M, do vậy, chữ Mâu Ni còn được phiên âm là Văn Ni rồi bị rút gọn thành Văn. Hoặc như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Manjusri, chữ Mạn bị biến âm thành Văn). Một số phương ngữ Hoa Nam như tiếng Quảng Đông vẫn bảo lưu âm cổ, như chữ Văn (文) vẫn được đọc thành với mẫu âm M, tức là đọc với âm Man, chứ không đọc là Wén như trong tiếng Phổ Thông.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

vô thượng này, tùy thuận hết thấy Phật, bèn dùng sức phương tiện. Chúng ta cũng đều đắc, pháp tối diệu bậc nhất. Vì các loài chúng sanh, phân biệt nói ba thừa. Trí nhỏ chuộng Tiểu pháp, chẳng tin mình thành Phật. Vì thế, dùng phương tiện, phân biệt nói các quả. Tuy lại nói tam thừa, chỉ nhằm dạy Bồ Tát”).

Ba câu đầu, Phật Thích Ca trần thuật chuyện chư Phật hiện ra. Do sức phương tiện niệm Phật, khế pháp, khế cơ, cho nên Phật hiện. Trong năm câu kế đó, chư Phật ca ngợi Phật Thích Ca “có thể vì Thật mà hành Quyền”, nên nói là “*thiện tại*” (lành thay). Vì một (Nhất Thừa) mà thực hiện ba (tam thừa) nhằm dẫn nhập Phật huệ. Vì thế nói là “*đệ nhất đạo sư*”. Chúng Thật Trí vi diệu bậc nhất, nên nói là “*đắc vô thượng pháp*”. Thuận theo hết thấy chư Phật ẩn Thật thí Quyền, vì thế nói “*dùng phương tiện lực*” (dùng sức phương tiện).

Bốn câu kế, chư Phật tự nói chúng tôi cũng ẩn Thật thí Quyền. Trong bốn câu kế tiếp, cùng giải thích hai nghĩa Ẩn và Thí: Vì chúng sanh trí nhỏ, chẳng tự tin chính mình sẽ thành Phật, cho nên ẩn Thật. Vì họ thích Tiểu pháp, cho nên thực hiện Quyền, nói các quả. Hai câu sau cùng, tổng kết cả hai nghĩa ấy: Thoạt đầu tuy nói ba thừa, rốt cuộc ắt sẽ hiển một (Nhất Thừa).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.2. Phật Thích Ca tùy thuận

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã văn thánh sư tử, thâm tịnh vi diệu âm, xưng ‘Nam-mô chư Phật’. Phục tác như thị niệm: - Ngã xuất trước ác thế, như chư Phật sở thuyết, ngã diệt tùy thuận hành.

(經)舍利弗當知：我聞聖師子，深淨微妙音，稱「南無諸佛」。復作如是念：「我出濁惡世，如諸佛所說，我亦隨順行」。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta nghe thánh sư tử, tiếng vi diệu tịnh sâu, xưng “Nam-mô chư Phật”. Lại nghĩ như thế này: “Ta sanh đời trước ác, đúng như chư Phật dạy, ta cũng tùy thuận hành”).

Bài kệ thứ nhất là thốt lời đáp ứng tùy thuận. “Nam-mô” được phương này dịch là Kính Tòng (kính vâng theo). Bài kệ sau đó [nói lên ý] nghĩ thuận theo cơ nghi của chúng sanh.

Phần thứ hai nói về tiểu cơ (căn cơ Tiểu Thừa) đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.3. Nói về sự thực thi giáo hóa

(Kinh) *Tư duy thị sự dĩ, tức thú Ba La Nại, chư pháp tịch diệt tướng, bất khả dĩ ngôn tuyên, dĩ phương tiện lực cố, vị ngũ tỳ-kheo thuyết.*

(經)思惟是事已，即趣波羅柰，諸法寂滅相，不可以言宣，以方便力故，為五比丘說。

(Kinh: *Tư duy chuyện ấy xong, liền đến Ba La Nại, tướng các pháp tịch diệt, chẳng thể tuyên nói được, do dùng sức phương tiện, nói với năm tỳ-kheo¹⁸¹).*

[Nói “đến”] Ba La Nại¹⁸² tức là [đến] Lộc Uyển. Lý Trung Đạo vô tánh Phật chủng, lý ấy chẳng thể tính đếm, lại chẳng thể nói. Nay dùng phương tiện nói thành tam giáo (giáo pháp tam thừa). Lại chẳng sanh, chẳng diệt, mà dùng phương tiện nói sanh diệt. Lại nữa, lý Thiên Chân cũng chẳng thể nói. Do vì phương tiện, bèn nói bốn môn: Thoạt đầu, vì năm tỳ-kheo thuyết vô thường Hữu môn (thoạt đầu, so sánh giữa Quyền và Thật. Thật chẳng thể nói. Hễ nói ra, sẽ thuộc vào Quyền. Ba thừa quyền biến có số lượng, Nhất Thật chẳng thể tính kể. Kế đó, so sánh giữa sanh diệt và chẳng sanh diệt, liền diễn thành môn chẳng sanh

¹⁸¹ Năm vị tỳ-kheo đầu tiên tên là: Kiều Trần Như, Át Bệ (tức ngài Mã Thắng), Bạt Đề, Thập Lực Ca Diếp và Ma Ha Câu Lợi (tức ngài Ma Ha Nam). Theo truyền thống Nam Truyền Phật Giáo thì năm vị tỳ-kheo đầu tiên là Kiều Trần Như, A Thuyết Thị (Mã Thắng, Assaji), Ma Ha Nam (Mahānāma), Bà Đề (Bhaddiya), và Bà Phu (Vappa).

¹⁸² Ba La Nại chính là kinh đô của nước Ca Thi (Kāśī), một trong mười sáu đại quốc thời đức Phật tại thế. Nước này được thành lập vào thế kỷ thứ sáu trước Công Nguyên, nằm trong lưu vực sông Hằng, giữa sông Hằng và Tùng Hà (Sone River). Do thủ đô là Ba La Nại nên đôi khi kinh sách gọi nước Ca Thi là nước Ba La Nại. Khi ngài Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh, nước này hãy còn tồn tại. Ngài chép trong Đại Đường Tây Vực Ký như sau: “*Ba La Nê Tư quốc rộng hơn bốn ngàn dặm. Phía Tây của đô thành là sông Căng Già... Cư dân đông đảo, nhiều nhà lợp của cải, hàng hóa hiếm lạ đầy nhà. Dân chúng tánh tình ôn hòa, cung kính, chuộng học rộng, phần nhiều tin theo ngoại đạo, ít tôn kính Phật pháp... Chùa chiền hơn ba mươi chỗ, tăng chúng hơn ba ngàn người, hoàn toàn học theo pháp của Chánh Lượng Bộ thuộc Tiểu Thừa*”.

diệt. Vì thế, chẳng thể nói mà lại nói sanh diệt, tức là đối chiếu giữa Đại và Tiểu. Sau đó, lại dùng tiểu lý Thiên Chân so sánh bốn môn thuộc Tiểu Thừa, lý Thiên Chân cũng chẳng thể nói. Đó là hai lý Đại và Tiểu đều chẳng thể nói, nhưng do phương tiện vì chúng sanh mà đều có thể nói. Tuy đều có thể nói, ý Phật ở nơi Thật, nhưng chúng sanh đối với Thật chẳng thể thích nghi (chẳng thể lãnh nhận, thấu hiểu). Vì thế, suy nghĩ phương tiện mà nói sanh diệt).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.4. Thọ hành ngộ nhập

Căn cơ lãnh hội tức là Thọ. Nghe rồi quán chuyển, đạt đến Noãn pháp gọi là Hành. Đạt tới Thế Độ Nhất thì gọi là Ngộ. Nếu đắc Sơ Quả thì gọi là Nhập.

(Kinh) Thị danh chuyển pháp luân, tiệt hữu Niết Bàn âm, cập dĩ A La Hán, Pháp, Tăng sai biệt danh.

(經)是名轉法輪，便有涅槃音，及以阿羅漢，法僧差別名。

(Kinh: Đó gọi Chuyển Pháp Luân, bèn có tiếng Niết Bàn, cùng với A La Hán, Pháp, Tăng tên sai biệt).

Chuyển pháp hóa độ người khác từ trong tâm Phật vào tâm người khác, thì gọi là Chuyển Pháp Luân. Kiền Trần Như thoát đầu đắc Kiến Đệ, đoạn phân biệt Hoặc, chúng Hữu Dư Niết Bàn một phần. Âm thanh Niết Bàn bắt đầu từ đây mà có. Do vậy, Ngài trở thành bậc Vô Học, bèn có danh xưng A La Hán. Người nói gọi là Phật, tam thừa được nói thì gọi là Pháp, bậc Kiến Đệ A La Hán chính là Tăng. Do vậy, Tam Bảo xuất hiện trong thế gian.

Phần thứ nhất “nói về sự hóa độ” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2. Cởi gỡ mối nghi

(Kinh) Tòng cứu viễn kiếp lai, tán thị Niết Bàn pháp, sanh tử khổ vĩnh tận, ngã thường như thị thuyết.

(經)從久遠劫來，讚示涅槃法，生死苦永盡，我常如是說。

(Kinh: Kể từ kiếp lâu xa, khen dạy pháp Niết Bàn, khổ sanh tử mãi diệt, ta thường nói như thế).

Sợ đại chúng sẽ sanh nghi đối với thầy: “Thoạt đầu, đức Phật chẳng soi xét căn cơ. Do tìm tòi, nghĩ tới chư Phật mới biết căn tánh”. Nay giải thích rằng: Vì muốn dẫn dắt chúng sanh giống như chư Phật, nên mới nghĩ tới chư Phật, chẳng phải là nay mới niệm, mới biết! Từ lâu xa đến nay, đã thấy chúng sanh chuộng pháp nhỏ, đã từng tán thán, chỉ bày, khiến cho họ hết sạch các khổ. Vì thế, họ nghe Tiểu pháp liền được giải thoát. Lại sợ [có kẻ nghe nói như thế, sẽ] nghi ngờ các đệ tử [của đức Phật] rằng: “Vì sao được tạm nghe trong một đời, liền chứng Vô Học?” Nay giải thích rằng: Từ xa xôi đến nay, [đức Phật] đã vì họ tán thán, chỉ bày tương xứng với điều họ vốn tu tập. Vì thế, họ nhanh chóng đắc đạo. “*Lâu xa*” tức là nói sau khi kết duyên với Đại Thông Trí Thắng Phật. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Phụ tri chư tử tiên tâm các hữu sở hảo giả*” (Cha biết các con mỗi đứa đều sẵn có điều ưa thích riêng từ trước). Hai bài tụng nói phương tiện ban bố sự giáo hóa làm căn bản cho thí dụ “bỏ ghế, dùng xe” trong phần sau (phẩm Thí Dụ) đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.3. Kệ tụng về sự hiển Thật làm cơ sở cho thí dụ “bình đẳng ban cho con cỗ xe lớn” trong phần sau

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã kiến Phật tử đẳng, chí cầu Phật đạo giả, vô lượng thiên vạn ức, hàm dĩ cung kính tâm, giai lai chí Phật sở, tăng tụng chư Phật văn, phương tiện sở thuyết pháp. Ngã tức tác thị niệm: “Nhu Lai sở dĩ xuất, vị thuyết Phật huệ cố, kim chánh thị kỳ thời”. Xá Lợi Phất đương tri: “Độn căn tiểu trí nhân, trước tướng, kiêu mạn giả, bất năng tín thị pháp. Kim ngã hỷ vô úy, ư chư Bồ Tát trung, chánh trực xả phương tiện, dẫn thuyết vô thượng đạo”. Bồ Tát văn thị pháp, nghi vọng giai dĩ trừ, thiên nhị bách La Hán, tất diệt đương tác Phật.

(經)舍利弗當知：我見佛子等，志求佛道者，無量千萬億，咸以恭敬心，皆來至佛所，曾從諸佛聞，方便所說

法。我即作是念：「如來所以出，為說佛慧故，今正是其時」。舍利弗當知：「鈍根小智人，著相憍慢者，不能信是法。今我喜無畏，於諸菩薩中，正直捨方便，但說無上道」。菩薩聞是法，疑網皆已除，千二百羅漢，悉亦當作佛。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta thấy các Phật tử, có chí cầu Phật đạo, vô lượng ngàn vạn ức, đều dùng tâm cung kính, đều đến chỗ của Phật, từng nghe từ chư Phật, pháp do phương tiện nói. Ta liền nghĩ thế này: “Như Lai vốn ra đời, là để nói Phật huệ. Nay chính là đúng lúc”. Xá Lợi Phất nên biết: “Kẻ độn căn, trí nhỏ, phùng chấp tướng, kiêu mạn, chẳng thể tin pháp này. Ta nay vui vô úy, ở giữa các Bồ Tát, thẳng thừng xả phương tiện, chỉ nói vô thượng đạo”. Bồ Tát nghe pháp này, lưới nghi đều đã trừ. Ngàn hai trăm La Hán, cũng sẽ đều thành Phật).

Phật tử dùng cái tâm cung kính đến chỗ đức Phật, từng nghe chư Phật phương tiện thuyết pháp. Điều này hiển lộ hành nhân trong tam thừa đều là Phật tử. Đó là trùng tụng Nhân Nhất. “*Vị thuyết Phật huệ cố*” (Vì để nói trí huệ của Phật) tức là trí kiến của Phật, Nhất Thiết Chủng Trí. Đó là trùng tụng Lý Nhất. “*Đản thuyết vô thượng đạo*” (Chỉ nói đạo vô thượng) là trùng tụng Giáo Nhất. Bồ Tát trừ nghi, La Hán làm Phật, chính là trùng tụng Hạnh Nhất.

Lại nữa, hai bài kệ đầu nhằm nói căn cơ Đại Thừa đã phát khởi, cũng gọi là Sách Quả (索果, tìm cầu cái quả), là căn bản cho thí dụ “các con đòi xe” trong phẩm sau. Một câu trong hai bài kệ tiếp cho thấy Phật hoan hỷ, chúng sanh kham đạt lợi ích nơi Đại Thừa. Đó chính là căn bản cho thí dụ [ông trưởng giả] thấy các con thoát nạn bèn hoan hỷ trong phần sau. Ba câu kế tiếp nói về Hiện Thật, là căn bản cho việc “cha bình đẳng ban cỗ xe lớn cho các con” trong thí dụ ở phần sau. Bài kệ cuối cùng nói về thọ hành, ngộ nhập, tức là căn bản của chuyện “các con được xe bèn hoan hỷ” trong thí dụ thuộc phần sau.

Thoạt đầu là nói “do căn cơ phát khởi mà mong cầu cái quả”, phải nên có bốn câu:

- Có người chướng đã trừ, mà căn cơ chưa phát, như các vị A La Hán trong thời Tam Tạng, do ưa thích Tiểu pháp, trước chướng tuy trừ, đại căn lại độn, cho nên diệu cơ chưa phát.

Điều Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Lại có người dẫu chướng chưa trừ, nhưng đại cơ đã phát, như các phàm phu trong hội Pháp Hoa, tuy chưa đoạn hết kết sử, do đại căn nhạy bén, cho nên căn cơ bèn phát.

- Lại có người chướng vừa trừ, cơ liền phát, như khi [đức Phật] nói kinh Vô Lượng Nghĩa, họ bèn chứng tiểu quả, liền ngay trong tòa ấy (trong pháp hội ấy), đại cơ đã phát.

- Có kẻ chướng chưa trừ, cơ chưa phát, như năm ngàn người rời khỏi pháp tòa.

“*Chí cầu Phật đạo*” chính là truy cầu đại quả. “*Truy cầu*” có ba ý:

- Một, đại cơ (căn cơ Đại Thừa) có ý nghĩa cảm quả; trong căn cơ bèn luận định sự truy cầu.

- Hai, trong tình kiến bèn ngầm truy cầu, như kinh văn trong phần sau nói là đắc hay chẳng đắc.

- Ba, nói rõ sự truy cầu, tức là ân cần thỉnh ba lượt [như ngài Xá Lợi Phất đã làm trong phẩm này]. Trong giáo pháp xưa kia, đã có hai sự truy cầu [trước đó], nhưng chưa nói ra. Đến hiện thời, có đầy đủ cả ba sự truy cầu [Phật quả].

Hỏi: - Xưa kia, [các con] ra khỏi nhà [lửa đang bốc cháy], bèn tìm cha đòi cha cho ba loại xe, nếu đó là sự truy cầu phát xuất từ căn cơ hay tình kiến, kinh văn nói “*như tiên sở hứa*” (như cha đã hứa từ trước), đây chính là cầu tam thừa, sao lại liên quan đến chuyện cầu Nhất Thừa cho được?

Đáp: - [Các con] ra ngoài [nhà lửa] chẳng thấy [ba loại xe như cha đã hứa], ắt cha có phương cách khác. Có ý dựa trên lời cha đã hứa trước đó để mong cầu loại xe khác thì cũng là cầu tìm Nhất Thừa.

“*Hàm dĩ cung kính tâm giai lai chí ngã sở*” (Đều dùng cái tâm cung kính để đến chỗ của ta) như ngài Xá Lợi Phất thỉnh rằng: “*Chư thiên long thần đẳng, hiệp chưởng dĩ kính tâm, dục văn cụ túc đạo*” (Các đại chúng trời, rồng, thần v.v... chấp tay, dùng tâm cung kính, muốn được nghe đạo trọn đủ). “*Tằng tùng chư Phật văn phương tiện sở thuyết pháp*” (Từng từ nơi chư Phật được nghe các pháp nói phương tiện): Thộ đủ sự điều phục, [căn tánh đã] chín muồi từ bốn thời trước (Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng và Bát Nhã).

Điều thứ hai, kệ tụng nói rõ [do chúng sanh] đã trừ chướng, Phật bèn hoan hỷ. Đức Phật vì Phật huệ mà xuất hiện trong cõi đời. [Chúng sanh] xưa kia chướng nặng, chẳng có căn cơ tương ứng, Phật chẳng thể nói ngay Phật huệ được. Trong chặng giữa (tức là trong các thời A Hàm,

Phương Đẳng, Bát Nhã), tuy chướng đã trừ, nhưng do cơ chưa chín muồi, đức Phật vẫn chưa thể nói. Nay căn cơ đã phát, đúng là lúc để nói. Xưa kia, chúng sanh căn độn, trí nhỏ, sợ họ do báng pháp này, sẽ đọa vào đường ác. Nay [chúng sanh] căn nhạy bén, chí to lớn, nghe rồi ắt tín giải, cho nên vui vẻ, vô úy, tức là chẳng sợ họ chấp Tiểu báng Đại, đày tội, đọa vào đường ác.

Điều thứ ba là chánh thức hiển thị Thật: Năm thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và hai đường trời, người) là đường vòng, chẳng phải là trực tiếp. Nếu ngả về phía Thông Giáo và Biệt Giáo, sẽ chẳng phải là chánh. Nay đều bỏ sự lệch lạc, vòng vèo ấy, mà chỉ nói một đạo chánh trực.

Điều thứ tư là “*thọ hành ngộ nhập*”. Thoạt đầu là nghe nói đại lược, lâu sau (chúng sanh nghe pháp, được giáo hóa đã lâu) thì sẽ phải nên nói đến Thật. Tam thừa không gì chẳng phải là phương tiện. Lại nữa, Bát Thoái Bồ Tát chẳng biết Phật trí. Vì thế, Bồ Tát lẫn La Hán đều rơi vào lưới nghi. Nay khai Quyền hiển Thật, không chỉ La Hán trừ nghi, mà hàng Bồ Tát trong ba giáo (Tạng, Thông, Biệt), không vị nào chẳng trừ nghi. Không chỉ Bồ Tát thành Phật, mà hàng La Hán cũng đều thành Phật.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.4. Trùng tụng tán thán pháp hy hữu

(Kinh) Như tam thế chư Phật, thuyết pháp chi nghi thức, ngã kim diệc như thị, thuyết vô phân biệt pháp. Chư Phật hưng xuất thế, huyền viễn trị ngộ nan. Chánh sử xuất ư thế, thuyết thị pháp phục nan. Vô lượng vô số kiếp, văn thị pháp diệc nan. Năng thính thị pháp giả, tư nhân diệc phục nan. Thí như Ưu Đàm hoa, nhất thiết giai ái nhạo, thiên nhân sở hy hữu, thời thời nãi nhất xuất. Văn pháp hoan hỷ tán, nãi chí phát nhất ngôn, tắc vi dĩ cùng đường, nhất thiết tam thế Phật. Thị nhân thậm hy hữu, quá ư Ưu Đàm hoa.

(經)如三世諸佛，說法之儀式，我今亦如是，說無分別法。諸佛興出世，懸遠值遇難。正使出於世，說是法復難。無量無數劫，聞是法亦難。能聽是法者，斯人亦復難。譬如優曇華，一切皆愛樂，天人所希有，時時乃一出。

聞法歡喜讚，乃至發一言，則為已供養，一切三世佛。是人甚希有，過於優曇華。

(Kinh: Như nghi thức thuyết pháp, của chư Phật ba đời, nay ta cũng giống vậy, nói pháp chẳng phân biệt. Chư Phật hiện trong đời, lâu xa khó gặp gỡ. Dẫu cho Phật xuất thế, nói pháp này cũng khó. Vô lượng vô số kiếp, nghe pháp này cũng khó. Kẻ nghe được pháp này, người ấy cũng khó có. Ví như hoa Ưu Đàm, hết thấy đều ưa thích, hiếm có trong trời người, rất lâu mới xuất hiện. Nghe pháp hoan hỷ khen, cho đến thốt một lời, là đã hành cúng dường, hết thấy tam thế Phật. Người ấy quá hy hữu, còn hơn hoa Ưu Đàm).

Đây là trùng tụng diệu pháp như thế được chư Phật Như Lai đúng thời nói ra, ví như hoa Ưu Đàm đã lâu mới hiện một lần. Diệu pháp chẳng ra ngoài Quyền Thật. “Nghi thức” chính là phương tiện quyền biến để chư Phật hướng dẫn chúng sanh. “Vô phân biệt pháp”: Chư Phật hiển thị Thật. Lại nữa, Quyền Thật vốn chẳng phân biệt độn căn, tiểu trí. Phân biệt Quyền Thật thì gọi là “nghi thức”. Nay còn ngộ nhập “một thừa và tam thừa bất nhị”, thì gọi là “vô phân biệt”. Hai câu “chư Phật xuất thế” là nói “người khó có”. Hai câu kế tiếp nói đến pháp khó có. Như hơn bốn mươi năm, đức Phật giữ kín điều trọng yếu này. Hai câu kế tiếp nói “nghe pháp khó”. Như năm ngàn người rời khỏi chỗ lui về, chẳng được nghe pháp ngay khi đức Phật còn tại thế. Hai câu kế nói “tin Phật khó”, như giữa đại chúng trong cả pháp hội này, chỉ có một mình ngài Xá Lợi Phất có thể tiếp nhận, thấu hiểu đầu tiên. Kế đó là nêu thí dụ nhằm nói “chỉ nghe mà đã tin” thì đã khó lắm rồi, những điều khác có thể dựa theo đó mà hiểu.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.5. Trùng tụng [pháp này] chẳng hư dối để làm căn bản cho thí dụ [ông trưởng giả] chẳng hư vọng trong phần sau

(Kinh) Nhữ đẳng vật hữu nghi, ngã vì chư pháp vương, phổ cáo chư đại chúng: “Đản dĩ Nhất Thừa đạo, giáo hóa chư Bồ Tát. Vô Thanh Văn đệ tử”. Nhữ đẳng Xá Lợi Phất! Thanh Văn cập Bồ Tát, đương tri thị diệu pháp, chư Phật chỉ bí yếu.

(經)汝等勿有疑，我為諸法王，普告諸大眾：「但以一乘道，教化諸菩薩。無聲聞弟子」。汝等舍利弗！聲聞及菩薩，當知是妙法，諸佛之秘要。

(Kinh: Các ông đừng nên nghi, ta là vua các pháp, bảo khắp các đại chúng: “Chỉ dùng đạo Nhất Thừa, giáo hóa các Bồ Tát. Không để từ Thanh Văn!” Các ông Xá Lợi Phất! Thanh Văn và Bồ Tát, nên biết diệu pháp này, bí yếu của chư Phật).

Sáu câu đầu nhằm răn dạy đừng nên sanh nghi đối với bậc đáng tin. Bốn câu kế đó, răn đừng nên sanh nghi đối với pháp đáng tin. Phàm là kẻ làm vua chúa trong thế gian còn chẳng nói hai lời, huống hồ Phật là pháp vương, há có hư vọng? Lại phương tiện nói quyền biến, còn có thể trừ trừ, huống hồ diệu pháp bí yếu, há chẳng phải chân thật ư?

2.2.2.2.1.2.2.2.2.6. Trùng tụng về chuyện chọn lọc đại chúng thích hợp pháp này và đôn đốc niềm tin

2.2.2.2.1.2.2.2.2.6.1. Trùng tụng về chuyện chọn lọc đại chúng

(Kinh) Dĩ Ngũ Trược ác thế, dẫn nhạo trước chư dục, như thị đẳng chúng sanh, chung bất cầu Phật đạo. Đương lai thế ác nhân, vẫn Phật thuyết Nhất Thừa, mê hoặc bất tín thọ, phá pháp đạo ác đạo. Hữu tâm quý thanh tịnh, chí cầu Phật đạo giả, đương vị như thị đẳng, quảng tán Nhất Thừa đạo.

(經)以五濁惡世，但樂著諸欲，如是等眾生，終不求佛道。當來世惡人，聞佛說一乘，迷惑不信受，破法墮惡道。有慚愧清淨，志求佛道者，當為如是等，廣讚一乘道。

(Kinh: Do đời ác Ngũ Trược, chỉ ưa đắm các dục, các chúng sanh như thế, trọn chẳng cầu Phật đạo. Trong tương lai kẻ ác, nghe Phật nói Nhất Thừa, mê hoặc, chẳng tin nhận, phá pháp, đạo ác đạo. Kẻ hỏ thẹn thanh tịnh, chí hướng cầu Phật đạo, nên vì người như thế, rộng khen đạo Nhất Thừa).

Bốn câu đầu trùng tụng [loại trừ những kẻ] chẳng phải là đệ tử Phật, vì sao? Nếu ưa thích các dục, tức là hành ma nghiệp. Vì thế, cần phải loại trừ. Kinh văn trong phần trước nói kẻ chấp Niết Bàn còn chẳng phải là đệ tử Phật. Đoạn này nói kẻ chấp sanh tử, há có phải là đệ tử Phật? Cùng loại trừ hai loại ấy! Phạm phu và Tiểu Thừa đều bỏ [tham dục và chấp trước], thì mới kham thọ ký. Lại nữa, câu “*trộn chẳng cầu Phật đạo*” nhằm nói kèm thêm những kẻ như trên đều là phường tăng thượng mạn, do chưa đạt được pháp trên đây mà nói là đã đắc pháp ấy. Vì thế, họ chẳng cầu Phật đạo. Bốn câu “*đương lai thế ác nhân*” (kẻ ác trong đời tương lai) trùng tụng chuyện Như Lai sau khi diệt độ, người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa đều là khó có. Bốn câu cuối trùng tụng ý nghĩa: Nếu họ gặp các vị Phật, sẽ được quyết nghị.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.6.2. Kế tiếp trùng tụng nhằm đôn đốc tín tâm

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Chư Phật pháp như thị, dĩ vạn ức phương tiện, tùy nghi nhi thuyết pháp. Kỳ bất tập học giả, bất năng hiểu liễu thử. Nhữ đẳng ký dĩ tri, chư Phật thế chi sư, tùy nghi phương tiện sự, vô phục chư nghi hoặc, tâm sanh đại hoan hỷ, tự tri đương tác Phật.

(經)舍利弗當知：諸佛法如是，以萬億方便，隨宜而說法。其不習學者，不能曉了此。汝等既已知，諸佛世之師，隨宜方便事，無復諸疑惑，心生大歡喜，自知當作佛」。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Pháp chư Phật như thế, dùng vạn ức phương tiện, tùy nghi để thuyết pháp. Kẻ chẳng học, tu tập, chẳng thể hiểu pháp này. Các ông đã hiểu biết, chư Phật thầy cõi đời, tùy nghi hành phương tiện, chẳng còn các ngờ vực, tâm sanh hoan hỷ lớn, tự biết sẽ thành Phật).

Đây là trùng tụng người thật sự đắc A La Hán nếu chẳng tin pháp này, sẽ chẳng có lẽ ấy! Sáu câu đầu nhằm đôn đốc niềm tin nơi Quyền, sáu câu sau đôn đốc niềm tin nơi Thật.

Trong phần thứ nhất là Pháp Thuyết Châu, phần chánh yếu của Pháp Thuyết đã xong.

3. Thí Dụ Phẩm Độ Tam

譬喻品第三

Phẩm thứ ba: Thí Dụ

Giải thích phẩm Phương Tiện đã xong, kể đến giải thích phẩm Thí Dụ. Giải thích phẩm này, cũng chia làm hai: Trước là Tổng, sau là Biệt.

3.1. Tổng luận

3.1.1. Tổng Thích

Thí (譬) là so sánh, Dụ (喻) là răn bảo cho thông hiểu. Mượn chuyện này để so sánh với chuyện kia, nhờ vào chuyện nông cạn để răn dạy sâu xa. [Trong phẩm này], trước là văn Trường Hàng, sau là Kệ Tụng, nói căn kẽ Quyền và Thật của năm loại Phật (chư Phật nói chung, tam thế Phật, và Phật Thích Ca). Bậc thượng căn lợi trí nghe pháp viên dung bèn đắc ngộ, phùng trung hạ căn vẫn giữ mê chấp chẳng bỏ. [Đức Phật] đại bi chẳng ngại, trí thiện xảo vô biên, lại dùng chuyện tương tự để sánh ví, hòng mở mang tâm trí cho họ, chỉ bảo khiến cho họ ngộ. Vì thế, nói là Thí Dụ.

3.1.2. Biệt Thích

Dùng nhân duyên, xét theo giáo, Bồn Tích và quán tâm [để giải thích].

3.1.2.1. Nhân duyên

Dùng chuyện cha con trong thế gian để sánh ví thầy trò xuất thế. Do chuyện đã từng có mà được nghe điều chưa từng có, bèn hớn hở, hoan hỷ. Đó là Thê Giới Ích (Thê Giới Tất Đàn). Lại dùng các vật dụng trong thế gian để sánh ví khí cụ xuất thế gian, khiến cho [chúng sanh] được nghe giáo pháp diễn tả bằng âm thanh của đức Phật, sẽ chẳng bỏ mất Đại Thừa, [thấu hiểu] “*những gì các người đã hành chính là Bồ Tát đạo*”. Đây là Vị Nhân Ích (Vị Nhân Tất Đàn). Lại dùng sự diệt mất trong thế gian để sánh ví sự diệt độ xuất thế, dẹp trừ nỗi khổ nạn ấy, khiến cho họ khỏi bị nung đốt: “*Ta đã đắc Lạc Tận, nghe pháp cũng trừ ưu não*”. Đó là Đối Trị Ích (Đối Trị Tất Đàn). Lại nữa, dùng sự bất sanh

bất diệt của thế gian để sánh ví sự bất sanh bất diệt xuất thế gian, ngồi cỗ xe báu ấy đến thẳng đạo tràng, an trụ trong Thật Trí, ta nhất định sẽ thành Phật. Đó là Đệ Nhất Nghĩa Ích (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Đức Phật dùng một âm thanh nói thí dụ, khéo khiến cho trung căn và hạ căn đều đạt được bốn món lợi ích Tất Đàn. Vì thế nói ra phẩm Thí Dụ.

3.1.2.2. Xét theo giáo

Ý Phật vốn tán dương Phật Thừa, nhưng vì chúng sanh chẳng thể kham nổi, bèn suy nghĩ tìm kiếm phương tiện đại bi của chư Phật thuở trước, đi đến Lộc Uyển, xưng dương, tán thán ba cỗ xe (tam thừa). Pháp Nhị Thừa để trung hạ căn tự tế độ, ân ấy chẳng ai sánh bằng! Bỏ Tất đánh xe trâu, chở họ thoát khỏi lửa; vì thế gọi là Ma Ha Tát. Đây là thí dụ trong Tam Tạng Giáo. Lại nữa, có ba hạng người cùng sợ bị thiêu đốt: Thanh Văn như con hoẵng, chạy thẳng không trở lại. Duyên Giác như nai mẹ, vừa chạy vừa ngoái lại nhìn. Bồ Tát như voi to, dùng thân chặn đao và tên cho cả bầy cùng thoát thân. Đó là thí dụ trong Thông Giáo.

Lại nữa, Nhị Thừa phát tâm nông cạn, duyên theo lý cạn, trí huệ yếu ớt, chỉ đoạn Thông Hoặc, chẳng thể trừ khử đến tận cùng, chẳng phải là Ba La Mật. Bồ Tát phát tâm lâu xa, lý sâu, trí mạnh, có thể đoạn Biệt Hoặc, tận cùng nguồn tánh. Do vậy, kinh Đại Phẩm nói: “*Nhị Thừa như huỳnh hỏa, Bồ Tát như nhật quang*” (Nhị Thừa như lửa đom đóm, Bồ Tát như ánh sáng mặt trời). Đó là thí dụ trong Biệt Giáo.

Lại nữa, “*thỉ kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ. Như tư chi nhân, dị khả hóa độ, bất linh Như Lai sanh vu bì khổ*” (mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, đều cùng tin nhận, nhập trí huệ của Như Lai. Người như vậy có thể hóa độ dễ dàng, chẳng khiến cho Như Lai sanh vào chốn mệt nhọc, khổ sở). Như trong kinh Hoa Nghiêm, từ ngay nơi Sự mà [chúng nhập] Chân, chẳng cần đến thí dụ (chẳng phải là trong kinh Hoa Nghiêm không có thí dụ, nhưng người đã nhập đạo chẳng phải nhờ vào đó). Vì kẻ chưa nhập mà suốt hơn bốn mươi năm, [Đức Phật] dùng phương tiện lạ để giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa. Nay tại Linh Sơn, quyết định nói Đại Thừa, khiến cho khắp hết thấy đều được “*khai, thị, ngộ, nhập*” tri kiến của Phật, chẳng để riêng một ai được diệt độ. Hiện thời giống như thoát đầu, thoát đầu giống như hiện thời, chẳng hai, chẳng khác.

Bậc thượng căn lợi trí vừa nghe liền có thể hiểu, chẳng khiến cho Như Lai sanh vào chôn một nhọc, khổ sở, mà cũng chẳng cần phải nói thí dụ. Chỉ vì phùng trung hạ căn lẫn quẩn nơi ngõ rẽ; vì thế, nay cần phải có thí dụ “cỗ xe lớn” để họ đạt được lợi ích. Đó gọi là thí dụ trong Viên Giáo.

3.1.2.3. Xét theo Bốn Tích

Trong Tích Môn đã có thí dụ về tứ giáo. Dùng Tích để suy ra Bốn: Ngay trong lúc thành đạo thuở ban sơ, cũng nên dùng các thí dụ để thành thực chúng sanh. Lại vì hạt sen mà trở hoa v.v... dùng các thí dụ [như thế] để sánh ví Bốn, thực hiện Tích. Nói cặn kẽ thì như trong phần luận về Huyền Nghĩa đã nói.

3.1.2.4. Xét theo quán tâm

“Không” như trâu trắng, “Giả” như dụng cụ, “Trung” như Thê của chiếc xe (tựa đề của phẩm này đáng lẽ phải đặt sau phần chư thiên nói kệ, trước thí dụ về nhà lửa. Do người san định kinh điều chỉnh, cho nên xếp đặt như vậy).

Phần thứ nhất là Pháp Thuyết Châu, có năm đoạn văn như trên [trong quyển một của bộ sách này] nhằm giảng thẳng vào Pháp Thuyết đã xong.

3.2. Thân Tử lãnh nhận, thông hiểu

3.2.1. Người kết tập kinh trần thuật

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dũng dục, hoan hỷ, tức khởi hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan.

(經)爾時，舍利弗踊躍，歡喜，即起合掌，瞻仰尊 顏

◦

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hớn hởi, hoan hỷ, liền đứng dậy, chấp tay, chiêm ngưỡng dung nhan tôn quý [của đức Phật]).

“Dũng dục, hoan hỷ” (Hớn hởi, hoan hỷ): Trần thuật sự thông hiểu trong nội tâm. “Hiệp chưởng, chiêm ngưỡng” (Chấp tay, chiêm

ngưỡng): Trần thuật hình thái bên ngoài. Tín hiệu trong tâm là “hoan hỷ”. Vui mừng biểu lộ ra ngoài thân sắc thì gọi là “*dũng được*” (hơn hờ). Từ người mầu nhiệm (đức Phật), được nghe diệu pháp, đạt được diệu giải. Nội ngoại hòa hợp, khiến cho đạt được sự hoan hỷ ấy. Đó là giải thích theo Thế Giới Tất Đàn.

Lại đời Tiểu, học theo Đại, bỏ chuyện “*nghèo hèn, sống trong am tranh*”, nhận lấy gia nghiệp của bậc phú hào; nay mới biết chính mình thật sự là con của đức Phật. Do vậy, hoan hỷ. Đó là giải thích theo Vị Nhân Tất Đàn.

Lại nữa, buồn rầu lẫn hối hận đều dứt, nghi nan cùng trừ, chương ngại trong ngoài đều gột sạch thanh thang. Vì thế nói: “*Ngã dĩ đắc Lưu Tận, văn diệt trừ ưu não*” (Ta đã được Lưu Tận, nghe nói cũng trừ ưu não). Đó là dùng Đối Trị Tất Đàn để giải thích chữ “hoan hỷ”.

Lại nữa, những gì Phật tử đáng nên đạt được, ta đều đã đạt được, an trụ trong Thật Trí, ta nhất định sẽ thành Phật. Vì thế hoan hỷ. Đó là dùng Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn để giải thích.

Xét theo giáo, hoan hỷ là vui mừng vì dự vào địa vị. A La Hán thoát khỏi lòng rọ tam giới, phá các quả nơi Tứ Trụ (thiên trụ, phàm trụ, thánh trụ, Phật trụ), đối với điều hại chẳng lo buồn, gặp điều lợi chẳng vui sướng. Nay nói “hoan hỷ”, chắc chắn chẳng phải là niềm vui thế gian! Nếu đã sáng tỏ Khổ Nhẫn, tận Vô Sanh Trí trước đó đã đạt được, thì nay sẽ chẳng hoan hỷ lần nữa. Như ba hạng người cùng dùng vô ngôn để nói năng. Thê [Không Quán] và Tích [Không Quán] tuy khác nhau, đều chứng Không giống hệt như nhau, hoan hỷ giống hệt như nhau. Nếu đã đạt được từ lâu, cũng sẽ chẳng lại hoan hỷ nữa. Nếu cả hai đẳng đều là Không, Quán sẽ là phương tiện đạo. Giả Quán quét sạch sự chật hẹp, thô lậu của Nhị Thừa. Không Quán quét sạch sự ồn ào, hạn hẹp của phàm phu. Do đã vượt khỏi lỗi ác nhị biên, cho nên đại hoan hỷ. Chứng đạo giống như trong Viên Giáo, tức là Phát Tâm Trụ cũng được gọi là Hoan Hỷ Trụ.

Lại nữa, Sơ Hạnh (địa vị đầu tiên trong Thập Hạnh) được gọi là Hoan Hỷ Hạnh. Sơ Địa cũng được gọi là Hoan Hỷ Địa. Thân Tử (ngài Xá Lợi Phất) đã là bậc thượng căn, lợi trí, chắc là đã siêu việt, tiến nhập Hoan Hỷ Địa. Nếu chẳng siêu việt, tiến nhập, ắt cũng thuộc Hoan Hỷ Trụ.

Xét theo Bốn Tích, ngài Thân Tử thành Phật đã lâu, hiệu là Kim Long Đà, ứng tích phụ trợ Phật Thích Ca, là bậc đệ tử trí huệ. Thoạt đầu, Ngài từ ngoại đạo, đẹp tà, quy chánh, thị hiện sự hoan hỷ nơi vị sữa

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

hòng lợi ích phàm phu. Kế đó, thị hiện sự hoan hỷ nơi vị lạc, nhằm lợi ích hiền thánh. Kế đó, thị hiện sự hoan hỷ nơi hai thứ tô (sinh tô và thực tô) hòng lợi ích Bồ Tát. Nay Ngài thị hiện sự hoan hỷ nơi vị đề hồ, nhằm lợi ích người học Phật đạo. Các thứ hoan hỷ như thế đều được thực hiện nơi Tích.

Xét theo Quán Tâm, Quán Tâm chính là “Không, Giả, Trung”, từ Danh Tự Hoan Hỷ cho đến Cứu Cánh Hoan Hỷ.

“*Tức khởi hiệp chưởng*” (Liên đứng dậy, chấp tay), biểu thị đã hiểu Quyền. Xưa kia, Quyền và Thật là hai, như hai bàn tay chẳng chấp lại. Nay hiểu Quyền chính là Thật, như hai bàn tay chấp lại. “*Chiêm ngưỡng tôn nhan*” biểu thị “đều là Thật”, chẳng còn nghĩ gì khác, chỉ duyên theo Phật cảnh. “*Hoan hỷ dũng dục*” (Hoan hỷ, hớn hở) là nói chung sự hoan hỷ do ba nghiệp đều tiếp nhận, thấu hiểu. “*Tức khởi hiệp chưởng*” là thân nghiệp. “*Chiêm ngưỡng tôn nhan*” là ý nghiệp. Sau đó, bạch với đức Phật là khẩu nghiệp. [Đoạn kinh văn này] nêu trọn sự lãnh nhận, thấu hiểu nơi ba nghiệp.

3.2.2. Ngài Thân Tử tự trần thuật

3.2.2.1. Trường Hàng

3.2.2.1.1. Nêu ra ba điều hoan hỷ

(*Kinh*) **Nhi bạch Phật ngôn: - Kim tùng Thế Tôn, văn thử pháp âm, tâm hoài dũng dục, đắc vị tăng hữu.**

(經)而白佛言：「今從世尊，聞此法音，心懷踊躍，得未曾有。」

(*Kinh*: Bèn bạch cùng đức Phật rằng: - Nay con nghe pháp âm này từ đức Thế Tôn, ôm lòng hớn hở, đạt được điều chưa từng có).

“Kim tùng Thế Tôn” (Nay từ đức Thế Tôn): Nói rõ con đích thân cận Phật thân; vì thế gọi là “*thân hỷ*”. Nghe pháp âm ấy từ nơi miệng Phật, nghe xong hoan hỷ, nên gọi là “*khẩu hỷ*”. Đạt được điều chưa từng có, tức là tâm con có thể thấu hiểu ý Phật; vì thế, gọi là “*ý hỷ*”.

3.2.2.1.2. Giải thích

Nêu ra những sơ sót trước kia hồng hiền lộ điều đạt được trong hiện thời. Lại do nỗi cảm thương trước kia mà tạo thành niềm hoan hỷ trong hiện tại.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Ngã tích tùng Phật văn như thị pháp, kiến chư Bồ Tát thọ ký tác Phật, nhi ngã đẳng bất dự tư sự, thậm tự cảm thương, thất u Như Lai vô lượng tri kiến.

(經)所以者何？我昔從佛聞如是法，見諸菩薩受記作佛，而我等不預斯事，甚自感傷，失於如來無量知見。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Xưa kia từ nơi Phật, con được nghe pháp như thế, thấy các Bồ Tát được thọ ký thành Phật, nhưng chúng con chẳng được dự vào chuyện ấy, hết sức cảm thương, đánh mất vô lượng tri kiến của Như Lai).

Tuy cũng từ đức Phật nghe pháp như thế, nhưng bản thân chẳng được dự vào chuyện ấy, tức là thân cách xa Phật; vì thế, chẳng có thân hỷ. Đó gọi là “tuy gần mà xa”. Lại nghe mà khác nào chẳng nghe, cho nên chẳng có khẩu hỷ. Hết sức tự cảm thương, cho nên chẳng có ý hỷ. Thấy các Bồ Tát được thọ ký thành Phật, tức là nói đến thời Phương Đẳng khen Viên ngời Đại, lại do bị quở trách, bài xích Tiểu pháp mà cảm thương.

(Kinh) Thế Tôn! Ngã thường độc xử sơn lâm, thụ hạ, nhược tọa, nhược hành, mỗi tác thị niệm: “Ngã đẳng đồng nhập pháp tánh, vân hà Như Lai dĩ Tiểu Thừa pháp nhi kiến tế độ?”

(經)世尊！我常獨處山林，樹下，若坐，若行，每作是念：「我等同入法性，云何如來以小乘法而見濟度？」

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con thường ở một mình trong núi rừng, dưới cội cây, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thường nghĩ như thế này: “Chúng ta cùng nhập pháp tánh, có sao Như Lai dùng pháp Tiểu Thừa để tế độ?”)

Dưới cội cây trong núi rừng là chỗ suy nghĩ. “Nhược tọa, nhược hành” (Hoặc ngồi, hoặc kinh hành) là tư thế suy niệm. Nói “đồng nhập pháp tánh” tức là Tạng Giáo và Thông Giáo đều coi Thiên Chân là pháp

tánh. Khi nghe Tam Tạng, bèn hư vọng chấp trước “Đại Sĩ thật sự chỉ chế phục Hoặc trong ba A-tăng-kỳ kiếp”, tự vui thích pháp tánh đã chứng trước đó, chẳng nên suy niệm [những giáo pháp khác]. Ấy là do khi nghe thời Phương Đăng, ngầm đạt được lợi ích chung, nghe nói Thật Tướng của các pháp, người trong tam thừa đều cùng đạt được, [bèn thắc mắc]: “Đã là cùng nhập Chân Đế pháp tánh, có sao Bồ Tát được thọ ký, chúng con rốt cuộc vẫn trụ trong Tiểu quả?” Bởi thế, nghi niệm chẳng thể giải quyết được! Chẳng biết “*nuơng vào Trung Đạo pháp tánh của Đại Thừa thì mới có giáo nghĩa thành Phật*”. [Đức Phật] “*dùng pháp Tiểu Thừa để tế độ*” là vì [hàng Tiểu Thừa] chẳng nghe Đại pháp, cho nên chẳng có khẩu hỷ. Hư vọng so đo [chính mình và hàng Bồ Tát] cùng nhập pháp tánh, chẳng hiểu Quyền lý. Do vậy, chẳng có ý hỷ. Ở riêng một chỗ để ngồi, hoặc kinh hành, tức là thân cách xa Phật, cho nên chẳng có thân hỷ!

(Kinh) Thị ngã đẳng cửu, phi Thế Tôn dã! Sở dĩ giả hà? Nhược ngã đẳng đãi thuyết sở nhân thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, tất dĩ Đại Thừa nhi đắc độ thoát. Nhiên ngã đẳng bất giải phương tiện tùy nghi sở thuyết. Sơ văn Phật thuyết, ngộ tiện tín thọ, tư duy, thủ chứng.

(經)是我等咎，非世尊也！所以者何？若我等待說所因成就阿耨多羅三藐三菩提者，必以大乘而得度脫。然我等不解方便隨宜所說。初聞佛說，遇便信受，思惟，取證

•

(Kinh: Đó là lỗi của chúng con, chẳng phải lỗi của đức Thế Tôn! Vì có sao vậy? Nếu chúng con chờ Phật nói cái nhân thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ắt sẽ do pháp Đại Thừa mà được độ thoát. Nhưng chúng con chẳng hiểu đức Phật đã dùng phương tiện, thuận theo cơ nghi để nói, vừa mới nghe đức Phật nói [Tiểu pháp], đã liền tin nhận, tư duy, chứng lấy).

Thoạt đầu suy nghĩ cho là Như Lai có lòng thiên vị, cho nên Ngài dùng pháp Tiểu Thừa để tế độ [hàng Nhị Thừa]. Suy nghĩ lâu ngày, dẫn đến tự quy lỗi về mình. Vì thế nói “*thị ngã đẳng cửu, phi Thế Tôn dã!*” (là lỗi của chúng con, chẳng phải lỗi của đức Thế Tôn!) Từ câu “*sở dĩ*

giả hà?” (vì có sao vậy?) trở đi, giải thích vì sao đã tạo thành lỗi. Ấy là vì trong thời Bát Nhã chuyển giáo, phó tài¹⁸³, ngầm đạt được lợi ích riêng biệt, đã biết Trung Đạo pháp tánh ở ngoài tam giới chính là chánh nhân để thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chúng con là độn căn, đã chẳng thể tiếp nhận, đáng nên chờ lúc [mặt trời] chiếu đến núi cao trước (tức thời Hoa Nghiêm) [đã xong, Phật sẽ dần dần hóa độ], [chúng con] lại muốn mau chóng chứng đắc, trông thấy Tiểu pháp bèn vội vàng chấp lấy để chứng nhập. Lại chẳng biết tạm ngừng nghỉ đôi chút để chờ giáo pháp thuộc các thời Phương Đẳng, Bát Nhã; vì thế, quy lỗi vào mình. Nhưng vẫn chẳng biết sở chứng (những gì chính mình đã chứng) chẳng phải là diệt độ thật sự, [chẳng biết] những gì đã hành chính là Bồ Tát đạo. Chẳng đợi [đức Phật] nói đến cái nhân [của Bồ Tát đạo], tức là chẳng hiểu Thật. Chẳng hiểu [đức Phật] do phương tiện tùy theo cơ nghi mà nói [các pháp trung hạ], tức là chẳng hiểu Quyền. Do chẳng hay khéo thấu hiểu Quyền và Thật, cho nên chẳng có ý hỷ. Do tin nhận ngay lời dạy thuở ban đầu, cho nên chẳng có khẩu hỷ. Tư duy, chứng lấy Thiên Chân Niết Bàn, tức là trái nghịch, xa lìa Pháp Thân thường lạc của Như Lai, cho nên chẳng có thân hỷ. Đều là dùng lỗi lầm thuở trước để giải thích sự hoan hỷ trong hiện thời.

Phần thứ hai là giải thích đã xong.

3.2.2.1.3. Tiểu kết nhằm kết lại ba điều hoan hỷ được thành tựu trong hiện thời

3.2.2.1.3.1. Tiểu kết

(Kính) Thế Tôn! Ngã từng tích lại, chung nhật cánh dạ, mỗi tự khắc trách, nhi kim từng Phật văn sở vị văn, vị tăng hữu pháp, đoạn chư nghi hối, thân ý thái nhiên, khoái đắc an ổn.

¹⁸³ “Chuyển giáo, phó tài” là thuật ngữ của tông Thiên Thai nhằm miêu tả thời Bát Nhã. Trong thời này, đức Phật sai ngài Tu Bồ Đề thay Phật tuyên nói kinh Bát Nhã cho hàng Đại Thừa Bồ Tát. Đó gọi là “chuyển giáo”. Diệu lý Đại Thừa vốn chẳng phải là pháp hàng Thanh Văn có thể biết, nhưng do sức gia bị của Phật, hàng Thanh Văn có thể diễn nói pháp Bát Nhã. Mục đích là khiến cho hàng Thanh Văn thâm nhập diệu lý Đại Thừa, giống như giao phó tài sản gia nghiệp của Như Lai cho họ, nên gọi là “phó tài”.

(經)世尊！我從昔來，終日竟夜，每自剋責，而今從佛聞所未聞，未曾有法，斷諸疑悔，身意泰然，快得安隱

。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con từ trước đến nay, suốt ngày thâu đêm thường tự trách mình, nay từ đức Phật mà được nghe pháp chưa từng có trước nay chưa hề nghe, dứt các ngờ vực, hối hận, thân ý thanh thoi, vui sướng, an ổn).

Nhắc lại chuyện quy lỗi vào mình trong phần trước, gọi là tự “khắc trách”, tỏ rõ hiện thời ba nghiệp đều hoan hỷ trọn khắp. [Nói] “tùng Phật” là thân cận Phật thân, nhằm tiểu kết ý “thân hỷ”. “Văn pháp” (Nghe pháp) là [được nghe] viên âm từ kim khẩu, kết lại ý “khẩu hỷ”. “Khoái đắc an ổn” (Vui sướng, an ổn) tức là ý mình giống như ý Phật, tiểu kết “ý hỷ”. Nói “văn sở vị văn” (nghe điều chưa từng nghe): Núi cao được chiếu trước, chẳng dự vào pháp tịch¹⁸⁴. Do vậy, “chưa nghe”. Tam Tạng là nói quyền biến, chẳng diễn nói lý Trung Đạo, cho nên là “chưa nghe”. Phương Đẳng quở trách Tiểu pháp, mầm chấy, hạt lép chẳng có phần, cho nên “chưa nghe”. Bát Nhã chuyển giáo, chỉ vì Bồ Tát, cho nên [hàng Nhị Thừa] “chưa nghe”.

Lại nữa, [trong thời] Tam Tạng, chỉ nghe Thiên Chân. Thông Giáo chỉ nghe “tức Chân”, Biệt Giáo chỉ nghe “thoát khỏi nhị biên thì mới gọi là Trung Đạo”, chưa nghe “phương tiện chính là chân thật”. Vì thế, gọi là “pháp chưa từng có”. [Thắc mắc Như Lai] “vì sao dùng Tiểu pháp để tế độ” tức là nghi Phật. Đó là lỗi của chúng con. Đây là tự hối hận, nay chẳng còn ngờ vực nữa, mà cũng chẳng còn hối hận nữa! Do vậy, thanh thoi, an ổn!

3.2.2.1.3.2. Thành tựu

(Kinh) Kim nhật nãi tri chân thị Phật tử, tùng Phật khẩu sanh, tùng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần.

¹⁸⁴ Ý nói trong thời Hoa Nghiêm, hàng Thanh Văn tuy dự hội mà chẳng lãnh hội, cho nên tuy hiện diện mà cũng như không hiện diện. Vì thế nói là “chẳng dự vào tiệp pháp”.

(經)今日乃知真是佛子，從佛口生，從法化生，得佛法分」。

(Kinh: Ngày nay mới biết con thật sự là Phật tử, sanh từ miệng Phật, từ pháp hóa sanh, có phần nơi Phật pháp).

Thật sự là Phật tử thì thân được gần Phật, ý nghĩa “*thân hỷ*” đã thành. “*Tùng Phật khẩu sanh*” (Sanh từ miệng Phật), ý nghĩa “*khẩu hỷ*” đã thành. “*Tùng pháp hóa sanh*” (Hóa sanh từ pháp), ý nghĩa “*ý hỷ*” đã thành. “*Đắc Phật pháp phần*” (Có phần nơi Phật pháp), tức là phần chứng tam đức bí tạng. Nhưng khi ngài Thân Tử vừa mới chứng A La Hán, cũng được gọi là “*trưởng tử*” của Phật. “*Sanh từ miệng Phật, từ pháp hóa sanh*” là từ hiện thời mà so sánh với quá khứ. Trước kia chỉ là Quyền, cho nên chẳng gọi là Chân, ngày nay mới là Chân. Đó là xét theo ý nghĩa đối đãi. Lại nữa, trong thời Phương Đẳng và Bát Nhã, Bồ Tát được gọi là “*Phật tử*”, chứ Thanh Văn chẳng có phần nơi Phật pháp. Nay mới biết chính mình vốn là Phật tử chân thật. Đó là xét theo ý nghĩa “*khai hiển*” (khai tam, hiển nhất).

Phần thứ nhất, kinh văn Trường Hàng đã xong.

3.2.2.2. Kệ tụng

3.2.2.2.1. Trùng tụng nêu bày các điều hoan hỷ và chưa từng có

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã văn thị pháp âm, đắc sở vị tăng hữu, tâm hoàn đại hoan hỷ, nghi vọng giai dĩ trừ.

(經)爾時，舍利弗欲重宣此義，而說偈言：「我聞是法音，得所未曾有，心懷大歡喜，疑網皆已除。

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất muốn nói lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Con nghe pháp âm này, được điều chưa từng có, tâm hết sức hoan hỷ, lưới nghi đều đã trừ).

“*Ngã văn*” (Con nghe) tức là đích thân nghe từ đức Phật, cùng nêu ra thân và khẩu, “*đắc sở vị tăng hữu*” (đạt được điều chưa từng có) là nêu ra ý. Những điều khác dễ thấy.

3.2.2.2. Trùng tụng nhằm giải thích

3.2.2.2.1. Trùng tụng về chuyện chẳng mất phần nơi Phật pháp

(Kinh) Tích lai mông Phật giáo, bất thất ư Đại Thừa, Phật âm thậm hy hữu, năng trừ chúng sanh não. Ngã dĩ đắc lậu tận, văn diệt trừ ưu não.

(經)昔來蒙佛教，不失於大乘，佛音甚希有，能除眾生惱。我已得漏盡，聞亦除憂惱。

(Kinh: Từ xưa nhờ Phật dạy, chẳng đánh mất Đại Thừa, tiếng Phật rất hy hữu, trừ chúng sanh phiền não. Con đã đắc Lậu Tận, nghe cũng trừ ưu não).

“Bất thất Đại Thừa” là nói đến thân hỷ. “Phật âm hy hữu” nói tới khẩu hỷ. “Lậu tận trừ não” (Hết lậu hoặc, trừ phiền não): Nói về ý hỷ. Xưa vốn chẳng hề mất, chỉ vì mê mà lầm tưởng là đã bị mất.

3.2.2.2.1. Trùng tụng về lầm lỗi khi trước

(Kinh) Ngã xử ư sơn cốc, hoặc tại lâm thụ hạ, nhược tọa, nhược kinh hành, thường tư duy thị sự. Ô hô, thâm tự trách, vân hà nhi tự khi? Ngã đẳng diệc Phật tử, đồng nhập vô lậu pháp, bất năng ư vị lai, diễn thuyết vô thượng đạo. Kim sắc tam thập nhị, Thập Lực, chư giải thoát, đồng cộng nhất pháp trung, nhi bất đắc thử sự! Bát thập chủng diệu hảo, thập bát bất cộng pháp, như thị đẳng công đức, nhi ngã giai dĩ thất. Ngã độc kinh hành thời, kiến Phật tại đại chúng, danh văn mãn thập phương, quảng nhiều ích chúng sanh. Tự duy thất thử lợi, ngã vị tự khi cuồng.

(經)我處於山谷，或在林樹下，若坐若經行，常思惟是事。嗚呼深自責，云何而自欺？我等亦佛子，同入無漏法，不能於未來，演說無上道。金色三十二，十力諸解脫，同共一法中，而不得此事。八十種妙好，十八不共法，

如是等功德，而我皆已失。我獨經行時，見佛在大眾，名聞滿十方，廣饒益眾生。自惟失此利，我為自欺誑。

(Kinh: Con ở nơi hang núi, trong rừng, dưới cội cây, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thường suy nghĩ chuyện này. Than ôi! Rất tự trách, sao lại tự dối mình? Con cũng là Phật tử, cùng nhập pháp vô lậu, chẳng thể trong vị lai, diễn nói đạo vô thượng. Thân vàng bảm hai tướng, Thập Lực, các giải thoát, cùng chung trong một pháp, nhưng chẳng đắc chuyện này! Tám mươi thứ diệu hảo, mười tám pháp bất cộng, các công đức như thế, con thấy đều đã mất! Khi con riêng kinh hành, thấy Phật trong đại chúng, tiếng tăm trọn mười phương, rộng lợi ích chúng sanh. Tự nghĩ mất lợi này, chính con tự lừa dối).

Đây là trùng tụng chuyện do nghe Phương Đẳng đả phá, bài xích Tiểu pháp, mà ngầm đạt được lợi ích chung. “Vô lậu pháp” chính là pháp tánh được nói trong phần Trường Hàng, tức là Thiên Chân Niết Bàn, [“vô lậu”] hàm nghĩa “chẳng rơi rớt sanh tử!”

(Kinh) Ngã thường ư nhật dạ, mỗi tư duy thị sự, dục dĩ vấn Thế Tôn: “Vi thất, vi bất thất?” Ngã thường kiến Thế Tôn, xưng tán chư Bồ Tát. Dĩ thị ư nhật dạ, trừ lượng như thị sự. Kim văn Phật âm thanh, tùy nghi nhi thuyết pháp, vô lậu nan tư nghị, linh chúng chí đạo tràng.

(經)我常於日夜，每思惟是事，欲以問世尊：「為失為不失？」我常見世尊，稱讚諸菩薩。以是於日夜，籌量如是事。今聞佛音聲，隨宜而說法，無漏難思議，令眾至道場。

(Kinh: Con thường suốt ngày đêm, luôn suy nghĩ chuyện này, muốn hỏi đức Thế Tôn: “Là mất, hay chẳng mất?” Con thường thấy Thế Tôn, khen ngợi các Bồ Tát. Do vậy suốt ngày đêm, suy lường việc như vậy. Nay nghe tiếng của Phật, tùy cơ nghi thuyết pháp, vô lậu, khó nghĩ bàn, khiến chúng đến đạo tràng).

Đây là trùng tụng chuyện đã nghe Bát Nhã chuyên giáo, ngầm đạt được lợi ích riêng biệt. Nếu giải thích “ngày đêm” theo sự biểu thị pháp thì “ngày” chính là Niết Bàn, “đêm” chính là sanh tử. Hơn nữa, phàm phu sanh tử và Niết Bàn của Nhị Thừa (Thiên Chân Niết Bàn) đều gọi là “đêm”, Trung Đạo pháp tánh được gọi là “ngày”. “Vô lậu nan tư nghị” (Vô lậu, khó nghĩ bàn) chính là Trung Đạo pháp tánh, do chẳng rơi rớt vào hai bên.

(Kinh) Ngã bốn trước tà kiến, vì chư phạm chí sư. Thế Tôn tri ngã tâm, bạt tà thuyết Niết Bàn, ngã trừ trừ tà kiến, ư Không pháp đắc chứng. Nhĩ thời, tâm tự vị: “Đắc chí ư diệt độ”.

(經)我本著邪見，為諸梵志師。世尊知我心，拔邪說涅槃，我悉除邪見，於空法得證。爾時心自謂：「得至於滅度」。

(Kinh: Con vốn chấp tà kiến, làm thầy các phạm chí¹⁸⁵. Thế Tôn biết tâm con, dẹp tà, nói Niết Bàn, con trừ sạch tà kiến, được chứng đắc pháp Không. Lúc đó, tâm tự nhủ: “Đã đạt đến diệt độ”).

Đây là trùng tụng chuyện thoát đầu nghe đức Phật dạy về ngộ bèn tin nhận, tư duy, chứng lấy.

Phần thứ hai, “trùng tụng các điều giải thích” đã xong.

3.2.2.2.3. Trùng tụng kết luận

3.2.2.2.3.1. Trùng tụng để kết luận

3.2.2.2.3.1.1. Trùng tụng để tiểu kết

(Kinh) Nhị kim nãi tự giác: “Phi thị thật diệt độ!” Nhược đắc tác Phật thời, cụ tướng tam thập nhị. Thiên, nhân, Dạ Xoa chúng, long, thần đẳng cung kính. Thị thời nãi khả vị: “Vĩnh tận diệt vô dư!” Phật ư đại chúng trung, thuyết ngã đương tác Phật, văn như thị pháp âm, nghi hối tất dĩ trừ.

¹⁸⁵ Phạm chí (Brahmacārin) là danh xưng chung để gọi các tu sĩ Bà-la-môn. Phạm chí có nghĩa là “người có chí hướng tu hành Phạm hạnh” hoặc “chí hướng cầu sanh lên Phạm Thiên”.

(經)而今乃自覺：「非是實滅度！」若得作佛時，具相三十二。天人夜叉眾，龍神等恭敬。是時乃可謂：「永盡滅無餘！」佛於大眾中，說我當作佛，聞如是法音，疑悔悉已除。

(Kinh: Nhưng nay mới tự biết: “Chẳng phải thật diệt độ!” Nếu lúc được thành Phật, trọn đủ bốn mươi hai tướng. Trời, người, các Dạ Xoa, rồng, thần quỷ cung kính. Lúc ấy mới được nói: “Dứt hết hẳn, chẳng sót!” Phật ở trong đại chúng, nói con sẽ thành Phật, nghe pháp âm như thế, nghi hối đều đã trừ).

“Làm Phật có đủ các tướng”: Kết lại ý nghĩa về thân hỷ. “Thuyết ngã tác Phật” (Nói con sẽ thành Phật): Kết lại ý nghĩa về khẩu hỷ. “Trừ hết nghi hối” kết lại ý nghĩa ý hỷ. [Thanh Văn tiêu quả] chỉ đoạn Kiến Tư, thoát khỏi Phần Đoạn [sinh tử], nhưng còn có vô minh và Biên Dịch [sinh tử]. Nếu được làm Phật, chuyển Ngũ Uẩn vô thường trong chín pháp giới, chứng đắc Ngũ Uẩn thường lạc. Khi đó, ngũ trụ rốt ráo hết sạch, nhị tử (Biên Dịch sinh tử và Phần Đoạn sinh tử) vĩnh viễn mất, bèn có thể nói là “chân diệt” (thật sự diệt độ). “Cụ tướng tam thập nhị” (Trọn đủ ba mươi hai tướng): Lại nói đến sắc thân màu nhiệm của Pháp Thân. Mỗi tướng không gì chẳng phải là tướng hải¹⁸⁶, không gì chẳng phải là Tánh Đức hiển lộ trọn vẹn. Vì thế nói là “cụ” (具, đầy đủ).

3.2.2.2.3.1.2. Thuật lại điều nghi ngờ, hối hận

(Kinh) Sơ văn Phật sở thuyết, tâm trung đại kinh nghi, tương phi ma tác Phật, não loạn ngã tâm da?

(經)初聞佛所說，心中大驚疑，將非魔作佛，惱亂我心耶？

(Kinh: Thoạt đầu nghe Phật nói, tâm ngờ, rất kinh sợ, phải chăng ma giả Phật, não loạn lòng ta ư?)

¹⁸⁶ Mỗi tướng của Như Lai hàm chứa vô lượng tướng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế gọi là “tướng hải”.

Đây là nói rõ: Không chỉ sanh nghi trong thời Phương Đẳng, mà trong thời Bát Nhã cũng sanh lòng hối hận. Ở trong kinh này, thoát đầu khi nghe giảng đại lược “khai tam, hiển nhất”, tâm Ngài vẫn còn kinh hãi, hối hận. Do vậy, ba lượt câu thỉnh chẳng thôi!

3.2.2.2.3.1.3. Trần thuật sự lãnh nhận thấu hiểu

(Kinh) Phật dĩ chủng chủng duyên, thí dụ, xảo ngôn thuyết, kỳ tâm an như hải. Ngã văn, nghi vãng đoạn. Phật thuyết quá khứ thế, vô lượng diệt độ Phật, an trụ phương tiện trung, diệt giai thuyết thị pháp. Hiện tại, vị lai Phật, kỳ số vô hữu lượng, diệt dĩ chư phương tiện, diễn thuyết như thị pháp. Như kim giả Thế Tôn, tùng sanh cập xuất gia, đắc đạo chuyển pháp luân, diệt dĩ phương tiện thuyết. Thế Tôn thuyết thật đạo. Ba Tuần vô thử sự. Dĩ thị ngã định tri, phi thị ma tác Phật. Ngã đọa nghi vãng cố, vị thị ma sở vi. Văn Phật nhu nhuyển âm, thâm viển thậm vi diệu, diễn sướng thanh tịnh pháp. Ngã tâm đại hoan hỷ, nghi hối vãng dĩ tận, an trụ Thật Trí trung.

(經)佛以種種緣，譬喻巧言說，其心安如海。我聞疑網斷。佛說過去世，無量滅度佛，安住方便中，亦皆說是法。現在未來佛，其數無有量，亦以諸方便，演說如是法。如今者世尊，從生及出家，得道轉法輪，亦以方便說。世尊說實道。波旬無此事。以是我定知，非是魔作佛。我墮疑網故，謂是魔所為。聞佛柔軟音，深遠甚微妙，演暢清淨法。我心大歡喜，疑悔永已盡，安住實智中。

(Kinh: Phật dùng các thứ duyên, thí dụ, ngôn từ khéo, tâm bèn yên như biển. Con nghe, lưới nghi đứt. Phật nói đời quá khứ, vô lượng Phật diệt độ, an trụ trong phương tiện, cũng đều nói pháp này. Hiện tại, vị lai Phật, số ấy chẳng hạn lượng, cũng dùng các phương tiện, diễn nói pháp như thế. Như nay đức Thế Tôn, từ giáng sanh, xuất gia, đắc đạo, chuyển pháp luân, cũng dùng phương tiện nói. Thế Tôn nói thật đạo, Ba

Tuần¹⁸⁷ không chuyện ấy. Do vậy, con biết chắc, chẳng phải ma giả Phật! Con do đọa lưới nghi, cho là ma làm ra. Nghe tiếng Phật mềm mỏng, sâu xa, rất vi diệu, diễn bày pháp thanh tịnh. Tâm con rất hoan hỷ, nghi hối mãi trừ sạch, an trụ trong Thật Trí).

Đây là trần thuật sự lãnh ngộ trọn vẹn ý chỉ khai hiển của năm loại Phật (chư Phật, Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai, và Phật Thích Ca) để tổng kết ba điều hoan hỷ (thân hỷ, khẩu hỷ, ý hỷ).

Phần thứ nhất, “trùng tụng để tiểu kết” đã xong.

3.2.2.2.3.2. Trùng tụng về sự thành tựu

(Kinh) Ngã định đương tác Phật, vị thiên nhân sở kính, chuyển vô thượng pháp luân, giáo hóa chư Bồ Tát.

(經)我定當作佛，為天人所敬，轉無上法輪，教化諸菩薩」。

(Kinh: Con nhất định thành Phật, được trời người tôn kính, chuyển pháp luân vô thượng, giáo hóa các Bồ Tát).

Chỉ trùng tụng một câu “có phần nơi Phật pháp” thì ba điều hoan hỷ đều cùng thành tựu. Nếu muốn phân biệt thì “trời, người tôn kính” là thành tựu nơi thân, “chuyển pháp luân vô thượng” chính là thành tựu nơi miệng, “giáo hóa các Bồ Tát” chính là thành tựu nơi ý.

Phần thứ hai, “ngài Thân Tử lãnh nhận, thấu hiểu” đã xong.

3.2.2.3. Như Lai nêu ra sự thành tựu

¹⁸⁷ Ba Tuần (Pāpīyas, Pāpman, Māra-pāpman) còn phiên âm là Ba Bệ Duyên, Ba Bệ, Pha Tuần, Á Tỳ, dịch nghĩa là Sát Giả (kẻ giết chóc), Ác Vật, Ác Trung Ác, Ác Ái, là tên của ma vương thời đức Phật Thích Ca tại thế. Ba Tuần chính là Lục Dục Thiên Chúa (Tự Tại Thiên Vương), thường quấy nhiễu Phật và các đệ tử. Ba Tuần là chữ bị viết sai ngoa, vì theo các bản kinh cổ, tên của Ma Vương phải viết là Ba Duyên (Huyện) (波旬), nhưng bị viết sai thành Ba Tuần (波旬). Sách Huệ Lâm Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa Chương, quyển mười chép: “Chữ Mục (目) [trong tên Ma Vương] bị viết sai thành Nhật (日), nên viết thành chữ Tuần (旬), nay kiểm bản tiếng Phạn thì vốn chẳng có âm Tuần [Do trong tiếng Hán, chữ 旬 (Huyện), có ba âm đọc là Duyên, Huyện và Tuần]. Đó là vì biên chép sai lạc, truyền tụng sai ngoa đã lâu”.

3.2.2.3.1. Xưa kia, [đức Phật] đã từng dạy Đại pháp [cho ngài Xá Lợi Phất]

Trần thuật từ xưa ngài Xá Lợi Phất đã chẳng hiểu sai lời Phật dạy.

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: - Ngô kim ư thiên, nhân, sa-môn, Bà-la-môn đẳng đại chúng trung thuyết: “Ngã tích tăng ư nhị vạn ức Phật sở, vị vô thượng đạo cố, thường giáo hóa nhữ. Nhữ diệc trường dạ tùy ngã thọ học. Ngã dĩ phương tiện dẫn đạo nhữ cố, sanh ngã pháp trung”.

(經)爾時，佛告舍利弗：「吾今於天、人、沙門、婆羅門等大眾中說：「我昔曾於二萬億佛所，為無上道故，常教化汝。汝亦長夜隨我受學。我以方便引導汝故，生我法中」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Ta nay ở trong đại chúng trời, người, sa-môn, Bà-la-môn v.v... mà nói: “Trước kia, ta đã từng ở nơi hai vạn ức Phật, vì đạo vô thượng, thường giáo hóa ông. Ông cũng ở trong đêm dài theo ta học. Ta dùng phương tiện hướng dẫn ông sanh trong pháp của ta”).

“Vô thượng đạo”: Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa nói: “*Thân vô thượng là tướng hảo (câu đầu tiên là quả). Thọ trì vô thượng tức là tự lợi, lợi lạc người khác. (Thân, miệng, ý) trọn đủ vô thượng tức là mạng, kiến, giới (hai câu này chính là Lục Hòa trong Đại Thừa). Trí huệ vô thượng tức là bốn món vô ngại. Chẳng nghĩ bàn vô thượng chính là Lục Ba La Mật (hai câu này nói đến phước và trí). Giải thoát vô thượng có thể hoại hai chướng. (Chứng) hạnh vô thượng, tức là Thánh Hạnh, Phạm Hạnh (Thiên Hạnh là sở chứng, Bệnh Hạnh, và Anh Nhi Hạnh¹⁸⁸ là quả dụng.*

¹⁸⁸ Đây là năm hạnh phải tu tập của Bồ Tát theo kinh Đại Bát Niết Bàn:

1) Thánh Hạnh: Thánh có nghĩa là Chánh. Bồ Tát nương vào Giới, Định, Huệ tu các hạnh.

2) Phạm Hạnh: Phạm nghĩa là “thanh tịnh”. Bồ Tát chẳng đắm nhiễm nhị biên thì gọi là Tịnh. Dùng tịnh tâm để vận dụng từ bi, ban vui, dẹp khổ cho chúng sanh.

3) Thiên Hạnh: Thiên ở đây là nói đến Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Do lý thiên nhiên (chân tánh, Phật tánh, pháp tánh) mà Bồ Tát thành tựu diệu hạnh.

Do vậy, chỉ nêu lên hai hạnh. Sáu câu sau đều là cái nhân). Lại nữa, thân vô thượng gọi là đại trượng phu. Thọ trì vô thượng là đại từ bi. Trọn đủ vô thượng gọi là “đến bờ kia”. Trí vô thượng gọi là Nhất Thiết Trí. Chẳng nghĩ bàn vô thượng gọi là A La Ha (Ứng Cúng). Giải thoát vô thượng gọi là Đại Niết Bàn. Hạnh vô thượng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà (Chánh Đẳng Chánh Giác)” (Bảy điều này đều từ cái quả mà lập, tức là sáu cái nhân đều từ quả mà đặt ra danh xưng). Kinh này nói đến đạo vô thượng viên thông.

“Trường dạ” (Đêm dài): Xưa kia, tuy dùng Đại Thừa để giáo hóa, [nhưng ngài Xá Lợi Phất] chưa phá vô minh, trong tâm tuy tối tăm vì Hoặc, vẫn theo Phật tiếp nhận sự giáo hóa. “*Phương tiện dẫn đạo, sanh ngã pháp trung*” (Phương tiện hướng dẫn sanh vào trong pháp của ta): Một là xưa kia dùng Đại Thừa để giáo hóa, đời này sanh lòng hiểu biết đối với Đại pháp. Hai là dùng Quyền để hướng dẫn tiểu căn, khiến cho họ chứng tiểu quả.

3.2.2.3.2. Giữa chừng quên mất, giữ lấy Tiểu pháp, nêu bày nguyên do cảm thương, ngờ vực, hối hận

(Kinh) **Xá Lợi Phất! Ngã tích giáo nhữ chí nguyện Phật đạo. Nhữ kim tất vong, nhi tiện tự vị “đĩ đắc diệt độ”.**

(經)舍利弗！我昔教汝志願佛道。汝今悉忘，而便自謂「已得滅度」。

(Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Ta trước kia đã giáo hóa ông chí nguyện Phật đạo. Ông nay quên hết, bèn tự cho rằng “đã được diệt độ”*).

3.2.2.3.3. Lại vì [Xá Lợi Phất] nói Đại pháp, trần thuật sự thấu hiểu ngày nay chẳng hư dối

4) Anh Nhi Hạnh: Anh Nhi (trẻ thơ) ví như nhân thiên và Tiểu Thừa. Bồ Tát dùng tâm từ bi, thị hiện giống như nhân, thiên v.v... hành các điều thiện nhỏ nhoi để tiếp dẫn họ.

5) Bệnh Hạnh: Bồ Tát do tâm bình đẳng, vận dụng lòng vô duyên đại bi, thị hiện có phiền não giống như chúng sanh, có bệnh khổ v.v... để hòa quang đồng trần hòng tiếp dẫn chúng sanh.

(Kinh) Ngã kim hoàn dục linh nhữ ức niệm bốn nguyện sở hành đạo cổ, vị chư Thanh Văn thuyết thị Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)我今還欲令汝憶念本願所行道故，為諸聲聞說是大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念。

(Kinh: Ta nay vẫn muốn khiến cho ông nghĩ nhớ đạo đã hành nơi bốn nguyện, vì các Thanh Văn nói kinh Đại Thừa có tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm này).

Phần thứ ba, “Nhu Lai trần thuật sự thành tựu” đã xong.

3.2.2.4. Thọ ký

3.2.2.4.1. Trường Hàng

Đã hiểu Đại pháp, tự biết sẽ thành Phật, cần gì phải đợi thọ ký! Thọ ký là vì có bốn ý:

- Một, trước kia chưa thọ ký cho hàng Nhị Thừa. Vì thế, nay cần phải thọ ký.
- Hai, độn căn chưa ngộ, dùng thọ ký để khích lệ họ.
- Ba, khiến cho người nghe sẽ kết duyên.
- Bốn, nhằm thỏa mãn bốn nguyện [của người được thọ ký].

3.2.2.4.1.1. Thời tiết

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ u vị lai thế, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị kiếp.

(經)舍利弗！汝於未來世，過無量無邊不可思議劫。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ông trong đời vị lai, qua khỏi vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn kiếp).

Hỏi: - Ngài Thân Tử là bậc thượng căn, đắc ngộ ngay trong tầng đầu tiên (Pháp Thuyết Châu), tức là đã khai tri kiến của Phật, dự vào bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, có thể lập tức thành Phật, giống như long nữ [được nói trong phẩm Đề Bà Đạt Đa]. Vì sao nay thọ ký Ngài còn phải trải qua chừng ấy kiếp [mới thành Phật]?

Đáp: - Xét theo chỗ ứng hiện thành Phật, cần phải có cơ duyên. Các vị Thanh Văn ấy trước kia chưa từng nhiếp thủ cõi Phật thanh tịnh. Nay sau khi được thọ ký, phải kết duyên với chúng sanh. Căn cơ của chúng sanh khác nhau, dẫn đến kiếp số nhiều hay ít. Long nữ tuy là súc sanh, nhưng vì “*thừa gặp*”, trước đó đã tu tập phương tiện. Nếu xét theo Quyền Tích, sẽ phải nên biện luận riêng, [long nữ thị hiện như thế] nhằm phù hợp cơ nghi, tùy theo căn cơ [của chúng sanh trong thuở ấy] mà [thời gian từ lúc được thọ ký cho đến khi thành Phật] dài hay ngắn.

3.2.2.4.1.2. Nhân hạnh

(Kinh) Cúng dường nhược can thiên vạn ức Phật, phụng trì chánh pháp, cụ túc Bồ Tát sở hành chi đạo.

(經)供養若干千萬億佛，奉持正法，具足菩薩所行之道。

(Kinh: Cúng dường chừng ấy ngàn vạn ức Phật, vâng giữ chánh pháp, trọn đủ đạo phải hành của hàng Bồ Tát).

Một là cúng dường Phật, hai là gìn giữ pháp, bèn có thể trọn đủ Bồ Tát đạo, tức là viên mãn hai thứ trang nghiêm phước và huệ.

3.2.2.4.1.3. Đắc quả

(Kinh) Đương đắc tác Phật, hiệu viết Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)當得作佛，號曰華光如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Sẽ được làm Phật, hiệu là Hoa Quang (Padmaprabha) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Thọ ký đầy đủ thông hiệu và biệt hiệu. Thông hiệu (Nhu Lai, Ứng Cúng v.v...) thì như trong phần trước đã giải thích. Biệt hiệu là Hoa Quang. Thấy Phật phóng quang, nói kinh Pháp Hoa, được thọ ký trước hết. Vì thế, có danh hiệu ấy. Lại nữa, Hoa chính là phước đức. Quang là trí huệ. Hoa là duyên nhân Phật tánh. Quang là liễu nhân Phật tánh. Bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên) đều luận về phước huệ, đều luận duyên nhân và liễu nhân. Nay chỉ nói về Viên. Lại nữa, chúng Diệu Hoa Quang Minh tam-muội đã lâu. Nơi Tích thì thị hiện thành Phật trong vị lai. Lại xét theo quán tâm thì Giả tức Không, tức Trung, bèn gọi là Hoa. Không mà tức Giả, tức Trung, thì gọi là Quang. Trung tức Không, tức Giả, thì gọi là Như Lai.

3.2.2.4.1.4. Quốc độ

(Kinh) Quốc danh Ly Cấu, kỳ thổ bình chánh, thanh tịnh nghiêm sức, an ổn phong lạc. Thiên nhân xí thịnh, lưu ly vi địa. Hữu bát giao đạo, hoàng kim vi thắng, dĩ giới kỳ trắc. Kỳ bàng các hữu thất bảo hàng thụ, thường hữu hoa quả.

(經)國名離垢，其土平正，清淨嚴飾，安隱豐樂。天人熾盛，琉璃為地。有八交道，黃金為繩，以界其側。其傍各有七寶行樹，常有華果。

(Kinh: Cõi nước tên Ly Cấu (Viraja), đất đai bằng phẳng, ngay ngắn, trang hoàng thanh tịnh, an ổn, giàu vui. Trời người đông đảo, lưu ly làm đất. Có tám đường giao nhau¹⁸⁹, vàng ròng làm dây để ngăn chia bên đường. Mỗi bên đường đều có hàng cây bảy báu, thường có hoa quả).

Trước hết, nêu ra tên của cõi nước; kế đó, mô tả tướng trạng của cõi ấy. Chẳng cao hay thấp là “bình”, chẳng lệch, khuyết là “chánh”. Từ chữ “an ổn” trở đi nói đến sự thọ dụng trong cõi ấy. Từ chữ “lưu ly” trở đi, nói thêm về tướng thù thắng, đều do tịnh hạnh cảm vời, làm tăng thượng duyên cho các chúng sanh.

¹⁸⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Bát giao đạo là đường lớn thông suốt tám phương, dùng vàng ròng làm dây giăng hai bên đường để làm ranh giới”.

3.2.2.4.1.5. Thuyết pháp

(Kinh) Hoa Quang Như Lai diệc dĩ tam thừa giáo hóa chúng sanh. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật xuất thời, tuy phi ác thế, dĩ bốn nguyện cố, thuyết tam thừa pháp.

(經)華光如來亦以三乘教化眾生。舍利弗！彼佛出時，雖非惡世，以本願故，說三乘法。

(Kinh: Hoa Quang Như Lai cũng dùng tam thừa để giáo hóa chúng sanh. Nay Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy xuất thế, tuy chẳng phải đời ác, nhưng vì bốn nguyện mà nói pháp tam thừa).

Chuẩn theo [cách giáo hóa] giống như Phật Thích Ca, cho nên nói “*diệc dĩ*” (cũng dùng). Từ “*Xá Lợi Phất*” trở đi, nhằm giải trừ nghi hoặc. Nghi rằng: “Như trong phần trước đã nói, Phật [Thích Ca] xuất thế nhằm lúc ngũ trược, vì bất đắc dĩ, cho nên phương tiện nói tam thừa. Nay cõi Phật Hoa Quang thanh tịnh như thế, sao cũng dùng tam thừa để giáo hóa?” Giải rằng: “*Dĩ bốn nguyện cố*” (Do vì bốn nguyện).

“*Bốn nguyện*”: Theo như kinh Đại Bi Không Tạng dạy: “*Xá Lợi Phất tăng ư lục thập kiếp hành Bồ Tát đạo. Nhân Bà-la-môn khát nhĩn thoái thời, nguyện thành Phật nhật, khai tam thừa pháp dã*” (Xá Lợi Phất từng trong sáu mươi kiếp hành Bồ Tát đạo. Lúc Ngài vì bị Bà-la-môn xin mắt mà thoái thất, đã nguyện lúc thành Phật, sẽ mở ra pháp tam thừa). Hơn nữa, trong quốc độ Cực Lạc của Phật Di Đà cũng dùng tam thừa để giáo hóa. Ấy là do nguyện từ bi sâu nặng, nhiếp thủ kẻ đời nghiệp vãng sanh. Chẳng nhờ vào tam thừa, họ sẽ chẳng thể dần dần tiến nhập.

Nói chung, trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, bất luận tịnh hay uế, ban thí tam thừa thì nhiều, thuần Nhất Thừa thì ít. Lại nữa, Bồ Tát có hai loại:

- Một là học Đại Thừa từ đầu.
- Hai là từ tu tập Tiểu Thừa mà nhập Đại Thừa.

Luận về lợi căn hay độn căn, dường như người từ đầu đã học thẳng Đại Thừa là lợi căn. Luận về lực dụng thì người đào thải [Tiểu pháp], dần dần tiến nhập [Đại Thừa] sẽ mạnh mẽ hơn. Vì thế, Hương

Tích Bồ Tát¹⁹⁰ học cả hai cách. Hãy nên biết: Người học thẳng vào [Đại Thừa], sẽ chẳng am hiểu các hạnh cho mấy. Ví như bắt đầu từ chón rầy bái, thử đủ mọi chức nghiệp, lần lượt từng trải từ cạn đến sâu, sẽ biết mọi việc có thực hiện được hay không? Sau đó thăng lên địa vị cao tột, sẽ có thể buông rũ xiêm áo mà trị vì thiên hạ!

3.2.2.4.1.6. Tên của kiếp

(Kinh) Kỳ kiếp danh Đại Bảo Trang Nghiêm. Hà cổ danh viết Đại Bảo Trang Nghiêm? Kỳ quốc trung dĩ Bồ Tát vi đại bảo cố.

(經)其劫名大寶莊嚴。何故名曰大寶莊嚴？其國中以菩薩為大寶故。

(Kinh: Kiếp ấy tên là Đại Bảo Trang Nghiêm (Mahāratnaprati Maṇḍita). Vì sao gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm? Do trong cõi ấy coi Bồ Tát là đại bảo).

3.2.2.4.1.7. Số lượng đại chúng

(Kinh) Bỉ chư Bồ Tát vô lượng vô biên, bất khả tư nghị, toán số, thí dụ sở bất năng cập. Phi Phật trí lực, vô năng tri giả. Nhược dục hành thời, bảo hoa thừa túc. Thử chư Bồ Tát phi sơ phát ý, giai cửu thực đức bốn. Ư vô lượng bách thiên vạn ức Phật sở, tịnh tu phạm hạnh, hằng vị chư Phật chi sở xưng thán, thường tu Phật huệ, cụ đại thần thông, thiện tri nhất thiết chư pháp chi môn, chất trực, vô ngại, chí niệm kiên cố. Như thị Bồ Tát sung mãn kỳ quốc.

¹⁹⁰ Theo kinh Duy Ma Cát, khi chư Bồ Tát và chư tỷ-kheo theo chân Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tới thăm cư sĩ Duy Ma Cát đang bị bệnh, sau khi chư Bồ Tát luận thuyết pháp môn Bát Nhị, cư sĩ Duy Ma Cát thấy sắp đến giờ chư tăng thọ trai, bèn sai hóa nhân đến cõi Chúng Hương ở thượng phương là quốc độ của Hương Tích Như Lai. Trong cõi ấy, đức Phật dùng cơm thơm làm Phật sự, tức là Ngài dùng cái bát thơm, chứa đầy cơm thơm, trao cho đại chúng. Đại chúng ngửi mùi hoặc ăn vào đều ngộ Vô Sanh Nhẫn, đều thành Bồ Tát, đều cùng có hiệu là Hương Tích Bồ Tát. Khi hóa nhân của ngài Duy Ma Cát đến cõi Chúng Hương xin cơm, chín trăm vạn ức Hương Tích Bồ Tát đều xin Hương Tích Phật cho phép họ theo hóa nhân đến cõi Sa Bà nghe pháp.

(經)彼諸菩薩無量無邊，不可思議，算數，譬喻所不能及。非佛智力，無能知者。若欲行時，寶華承足。此諸菩薩非初發意，皆久植德本。於無量百千萬億佛所，淨修梵行，恆為諸佛之所稱歎，常修佛慧，具大神通，善知一切諸法之門，質直，無偽，志念堅固。如是菩薩充滿其國

。

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, tính đếm, thí dụ, đều chẳng thể biết nổi số. Chẳng có trí lực của Phật thì không ai có thể biết nổi! Nếu lúc họ muốn đi, hoa báu đỡ chân. Các vị Bồ Tát ấy chẳng phải là sơ phát ý, mà đều là gieo cội đức đã lâu. Trong vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi Phật, tinh tu phạm hạnh, luôn được chư Phật ca ngợi, thường tu Phật huệ, có đủ thần thông to lớn, khéo biết hết thấy các pháp môn, ngay thẳng, chẳng dối, chí niệm kiên cố. Các vị Bồ Tát như thế đầy ấp cõi ấy).

3.2.2.4.1.8. Thọ lượng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Hoa Quang Phật thọ thập nhị tiểu kiếp, trừ vì vương tử vị tác Phật thời. Kỳ quốc nhân dân, thọ bát tiểu kiếp.

(經)舍利弗！華光佛壽十二小劫，除為王子未作佛時。其國人民，壽八小劫。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Hoa Quang Phật thọ mười hai tiểu kiếp, trừ lúc Ngài làm vương tử chưa thành Phật. Nhân dân trong nước ấy thọ tám tiểu kiếp).

“Mười hai tiểu kiếp” là nói thẳng về thời tiết ấy. Tịnh Độ chẳng có tiểu tam tai, tức là chẳng có đao binh, tật dịch, đói kém tổn thương dân chúng và muôn vật. Đây chính là Kiếp. Nhưng luận định thời gian của một tiểu kiếp lâu xa cỡ nào, chỉ có thể dùng thời gian một tăng một giảm trong cõi này để hiểu số lượng. Các phần sau đều chuẩn theo đây để biết [kiếp số].

3.2.2.4.1.9. Bồ xứ

(Kinh) Hoa Quang Như Lai quá thập nhị tiểu kiếp, thọ Kiên Mãn Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, cáo chư tỳ-kheo: “Thị Kiên Mãn Bồ Tát thứ đương tác Phật, hiệu viết Hoa Túc An Hành Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà. Kỳ Phật quốc độ, diệc phục như thị”.

(經)華光如來過十二小劫，授堅滿菩薩阿耨多羅三藐三菩提記，告諸比丘：「是堅滿菩薩次當作佛，號曰華足安行多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀。其佛國土，亦復如是」。

(Kinh: Hoa Quang Như Lai sau mười hai tiểu kiếp, bèn thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho Kiên Mãn Bồ Tát (Dhṛtiparipūrṇa), bảo các tỳ-kheo: “Ông Kiên Mãn Bồ Tát đây, kế tiếp sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Túc An Hành (Padmaṃṣabhavikrama) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Cõi Phật của Ngài cũng giống như thế”).

Chí niệm kiên cố, khéo biết hết thấy các pháp môn. Vì thế, gọi là Kiên Mãn. Nếu lúc muốn đi, hoa báu đỡ chân; vì thế gọi là Hoa Túc An Hành. Hoa Quang Như Lai dùng tam thừa hóa độ, nhưng hàng Bồ Tát của Ngài thù thắng, quốc độ trang nghiêm như thế. Hiềm rằng người đời coi thường, chê trách tam thừa, chỉ khoe khoang Nhất Thật, nào có biết Quyền và Thật là một Thể bất nhị, nào có biết đến tông chỉ “khai Quyền, hiển Thật!”

3.2.2.4.1.10. Pháp trụ lâu mau

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thị Hoa Quang Phật diệt độ chi hậu, Chánh Pháp trụ thế tam thập nhị tiểu kiếp, Tượng Pháp trụ thế diệc tam thập nhị tiểu kiếp.

(經)舍利弗！是華光佛滅度之後，正法住世三十二小劫，像法住世亦三十二小劫」。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Vị Hoa Quang Phật ấy sau khi diệt độ, Chánh Pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp, Tượng Pháp trụ thế cũng ba mươi hai tiểu kiếp).*

Phân kinh văn Trường Hàng đã xong.

3.2.2.4.2. Kệ tụng

3.2.2.4.2.1. Trùng tụng [các ý nghĩa trong] phần Trường Hàng (phần Bồ Xứ bị lược đi không trùng tụng)

3.2.2.4.2.1.1. Trùng tụng chuyện đắc quả

(Kinh) *Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Xá Lợi Phất lai thế, thành Phật phổ trí tôn¹⁹¹, hiệu danh viết Hoa Quang, đương độ vô lượng chúng.*

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「舍利弗來世，成佛普智尊，號名曰華光，當度無量眾。」

(Kinh:) *Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Xá Lợi Phất đời sau, thành Phật phổ trí tôn, danh hiệu là Hoa Quang, sẽ độ vô lượng chúng).*

3.2.2.4.2.1.2. Trùng tụng hạnh nhân

(Kinh) *Cúng dường vô số Phật, cụ túc Bồ Tát hạnh, thập lực đẳng công đức, chứng u vô thượng đạo.*

(經)供養無數佛，具足菩薩行，十力等功德，證於無上道。

(Kinh:) *Cúng dường vô số Phật, trọn đủ hạnh Bồ Tát, thập lực các công đức, chứng đắc vô thượng đạo).*

3.2.2.4.2.1.3. Trùng tụng thời tiết và tên gọi của kiếp

(Kinh) *Quá vô lượng kiếp dĩ, kiếp danh Đại Bảo Nghiêm.*

¹⁹¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Thành Phật, trọn đủ Nhất Thiết Chúng Trí, được thế gian tôn kính, ngưỡng mộ, cho nên gọi là Phổ Trí Tôn”.

(經)過無量劫已，劫名大寶嚴。

(Kinh: Qua vô lượng kiếp sau, kiếp tên Đại Bảo Nghiêm).

3.2.2.4.2.1.4. Trùng tụng quốc độ

(Kinh) Thế giới danh Ly Cấu, thanh tịnh vô hà uế, dĩ lưu ly vi địa, kim thẳng giới kỳ đạo, thất bảo tạp sắc thụ, thường hữu hoa quả thật.

(經)世界名離垢，清淨無瑕穢，以琉璃為地，金繩界其道，七寶雜色樹，常有華果實。

(Kinh: Thế giới tên Ly Cấu, thanh tịnh, chẳng lỗi, dơ. Dùng lưu ly làm đất, dây vàng ngăn chia đường. Cây bảy báu nhiều màu, thường có hoa, quả, hạt).

3.2.2.4.2.1.5. Trùng tụng số lượng đại chúng

(Kinh) Bỉ quốc chư Bồ Tát, chí niệm thường kiên cố, thần thông Ba La Mật, giai dĩ tất cụ túc, ư vô số Phật sở, thiện học Bồ Tát đạo.

(經)彼國諸菩薩，志念常堅固，神通波羅蜜，皆已悉具足，於無數佛所，善學菩薩道。

(Kinh: Các Bồ Tát cõi ấy, chí niệm thường bền chắc, thần thông Ba La Mật, thấy đều trọn đủ cả, nơi vô số chư Phật, khéo học đạo Bồ Tát).

3.2.2.4.2.1.6. Trùng tụng chuyện thuyết pháp

(Kinh) Như thị đẳng đại sĩ, Hoa Quang Phật sở hóa.

(經)如是等大士，華光佛所化。

(Kinh: Các đại sĩ như thế, Phật Hoa Quang giáo hóa).

3.2.2.4.2.1.7. Trùng tụng thọ lượng

(Kinh) Phật vì vương tử thời, khí quốc, xả thế vinh, ư tối mạt hậu thân, xuất gia thành Phật đạo. Hoa Quang Phật trụ thế, thọ thập nhị tiểu kiếp. Kỳ quốc nhân dân chúng, thọ mạng bát tiểu kiếp.

(經)佛為王子時，棄國捨世榮，於最末後身，出家成佛道。華光佛住世，壽十二小劫。其國人民眾，壽命八小劫。

(Kinh: Lúc Phật làm vương tử, bỏ nước, bỏ vinh hoa, ở nơi thân cuối cùng, xuất gia thành Phật đạo. Hoa Quang Phật trụ thế, thọ mười hai tiểu kiếp. Các nhân dân nước ấy, thọ mạng tám tiểu kiếp).

3.2.2.4.2.1.8. Trùng tụng pháp trụ bao lâu

(Kinh) Phật diệt độ chỉ hậu, Chánh Pháp trụ ư thế, tam thập nhị tiểu kiếp, quảng độ chư chúng sanh. Chánh Pháp diệt tận dĩ, Tượng Pháp tam thập nhị, xá-lợi quảng lưu bố, thiên nhân phổ cúng dường.

(經)佛滅度之後，正法住於世，三十二小劫，廣度諸眾生。正法滅盡已，像法三十二，舍利廣流布，天人普供養。

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, Chánh Pháp trụ trong đời, ba mươi hai tiểu kiếp, rộng độ các chúng sanh. Chánh Pháp đã diệt tận, Tượng Pháp ba mươi hai kiếp, xá-lợi lưu truyền rộng, trời người cúng dường khắp).

Lúc Chánh Pháp trụ thế, có giáo, hạnh, và quả, chẳng khác thuở Phật tại thế. Vì thế nói “quảng độ chúng sanh”. Chuyển sang thời Tượng Pháp, có giáo, có hạnh, nhưng chúng quả hiếm lắm! Chỉ dùng xá-lợi để làm Phật sự trọn khắp. Vì thế gọi là Tượng Pháp.

Phản trùng tụng Trường Hàng đã xong.

3.2.2.4.2.2. Tiểu kết tán thán

(Kinh) Hoa Quang Phật sở vì, kỳ sự giai như thị. Kỳ lưỡng túc thánh tôn, tối thắng vô luân thất, bỉ tức thị nhữ thân, nghi ưng tự hân khánh.

(經)華光佛所為，其事皆如是。其兩足聖尊，最勝無倫匹，彼卽是汝身，宜應自欣慶」。

(Kinh: Chuyện Hoa Quang Phật làm, thấy đều là như thế. Đáng lưỡng túc thánh tôn, tối thắng, chẳng sánh bằng, Ngài chính là thân ông, hãy nên tự vui mừng).

Phân bốn, nói về thọ ký đã xong.

3.2.2.5. Tứ chúng hoan hỷ

3.2.2.5.1. Trường Hàng

3.2.2.5.1.1. Người kết tập trần thuật đại chúng hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, tứ bộ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già đẳng, đại chúng kiến Xá Lợi Phất ư Phật tiền thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, tâm đại hoan hỷ, dũng được vô lượng.

(經)爾時，四部眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽等，大眾見舍利弗於佛前受阿耨多羅三藐三菩提記，心大歡喜，踊躍無量。

(Kinh: Lúc bấy giờ, bốn bộ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già v.v... đại chúng thấy ngài Xá Lợi Phất ở trước Phật được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tâm hoan hỷ to lớn, hớn hỏ vô lượng).

3.2.2.5.1.2. Trần thuật sự cúng dường

(Kinh) Các các thoát thân sở trước thượng y, dĩ cúng dường Phật. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương đẳng, dĩ vô số thiên tử, diệp dĩ thiên diệu y, thiên Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa đẳng, cúng dường ư Phật. Sở tán thiên y, trụ hư không trung, nhi tự

hồi chuyển. Chư thiên kỹ nhạc bách thiên vạn chủng, ư hư không trung, nhất thời câu tác, vũ chúng thiên hoa.

(經)各各脫身所著上衣，以供養佛。釋提桓因、梵天王等，與無數天子，亦以天妙衣，天曼陀羅華，摩訶曼陀羅華等，供養於佛。所散天衣，住虛空中，而自迴轉。諸天伎樂百千萬種，於虛空中，一時俱作，雨眾天華。

(Kinh: Ai nấy đều cởi áo thượng diệu đang khoác trên thân để cúng dường Phật. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương v.v... và vô số thiên tử, cũng dùng áo màu nhiệm cõi trời, hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La v.v... của cõi trời cúng dường đức Phật. Các áo trời được rải lên dùng ở trong hư không rồi tự xoay chuyển. Trăm ngàn vạn loại kỹ nhạc của chư thiên cùng lúc đều tấu lên trong hư không, mưa các hoa trời).

“Thượng y” tức là y phục quý giá. Ở đây, nói chung tứ chúng và tám bộ. Nếu chỉ nói theo phía tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thì [“thượng y”] là Tăng-già-lê đại y. Pháp của tỳ-kheo ở Tây Trúc chỉ nhận lãnh tối đa là ba y. Ba y hoàn toàn chẳng thể bỏ, vì sao lại cởi ra để cúng Phật? Chẳng hạn như trong kinh Đại Phẩm có nói: “Tam bách tỳ-kheo văn Bát Nhã dĩ, giai dĩ Tăng-già-lê nhi dụng cúng dường” (Ba trăm vị tỳ-kheo nghe Bát Nhã xong, đều dùng y Tăng-già-lê để cúng dường). Trí Độ Luận giải thích: “Hoặc là quên tướng vì pháp, hoặc là ngay trong hôm ấy sẽ đạt được”. Nếu xét theo sự biểu thị pháp, ca-sa hoại sắc, vốn là đạo chứng Chân của Thanh Văn. Nay cởi ra để cúng Phật, biểu thị xả pháp chấp Tiểu Thừa, hướng đến Vô Thượng Bồ Đề. Lại nữa, thiên y (áo trời) biểu thị Tịch Diệt Pháp Nhân, thiên hoa biểu thị diệu huệ của Đại Thừa, thiên nhạc biểu thị giải thoát thường lạc. “Trụ trong hư không mà tự xoay chuyển” biểu thị nhân quả, y báo, chánh báo, tự, tha đều nương vào pháp tánh tự nhiên mà xoay chuyển.

3.2.2.5.1.3. Thật sự lãnh nhận, thấu hiểu

(Kinh) Nhi tác thị ngôn: “Phật tích ư Ba La Nại, sơ chuyển pháp luân, kim nãi phục chuyển vô thượng tối đại pháp luân”.

(經)而作是言：「佛昔於波羅柰，初轉法輪，今乃復轉無上最大法輪」。

(Kinh: Mà nói như thế này: “Xưa kia, đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tại Ba La Nại, nay lại chuyển pháp luân vô thượng lớn nhất”).

Trước là lãnh ngộ sự thực hiện Quyền trong thuở trước, kế đó là lãnh ngộ sự hiển Thật trong hiện thời, thuần nói về viên lý. Vì thế nói là “vô thượng”. Chẳng giống như Thượng [trong các Quyền pháp] có kèm thêm sự đối đãi. Dứt bất sự đối đãi, chẳng có gì ra ngoài pháp ấy, cho nên nói là “tối đại” (lớn nhất). Các pháp dù Tiểu hay Đại có thể kèm thêm sự đối đãi, [nhưng hễ dung nhập vào pháp luân này, các pháp ấy] đều trở thành Đại.

Phân kinh văn Trường Hàng đã xong.

3.2.2.5.2. Kệ tụng

3.2.2.5.2.1. Trùng tụng khai Quyền hiển Thật

(Kinh) Nhĩ thời, chư thiên tử dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tích ư Ba La Nại, chuyển Tứ Đế pháp luân, phân biệt thuyết chư pháp, ngũ chúng chi sanh diệt. Kim phục chuyển tối diệu, vô thượng đại pháp luân. Thị pháp thậm thâm áo, thiếu hữu năng tín giả.

(經)爾時，諸天子欲重宣此義，而說偈言：「昔於波羅柰，轉四諦法輪，分別說諸法，五眾之生滅。今復轉最妙，無上大法輪。是法甚深奧，少有能信者。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, các thiên tử muốn nói lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Xưa tại Ba La Nại, chuyển pháp luân Tứ Đế, phân biệt nói các pháp, năm chúng đều sanh diệt. Nay lại chuyển pháp luân, tối diệu, lớn vô thượng. Pháp này rất sâu mầu, ít ai tin tưởng được!)

“Ngũ chúng” chính là Ngũ Âm. Âm là Khổ Đế, do Tập mà sanh. Hễ sanh thì ắt phải tìm tòi Diệt. Sanh đã diệt, [Khổ] sẽ diệt, gọi là Diệt Đế, có thể diệt Khổ và Tập thì gọi là Đạo Đế. Các điều khác dễ hiểu!

3.2.2.5.2.2. Tự thuật sự thấu hiểu, tùy hỷ hồi hướng

(Kinh) Ngã đẳng tùng tích lai, sở văn Thế Tôn thuyết, vị tăng văn như thị, thâm diệu chi thượng pháp. Thế Tôn thuyết thị pháp, ngã đẳng giai tùy hỷ. Đại trí Xá Lợi Phất, kim đắc thọ tôn ký. Ngã đẳng diệc như thị, tất đương đắc tác Phật. Ư nhất thiết thế gian, tối tôn, vô hữu thượng. Phật đạo quả tư nghi, phương tiện tùy nghi thuyết. Ngã sở hữu phước nghiệp, kim thế, nhược quá thế, cập kiến Phật công đức, tận hồi hướng Phật đạo.

(經)我等從昔來，數聞世尊說，未曾聞如是，深妙之上法。世尊說是法，我等皆隨喜。大智舍利弗，今得受尊記。我等亦如是，必當得作佛。於一切世間，最尊無有上。佛道叵思議，方便隨宜說。我所有福業，今世若過世，及見佛功德，盡迴向佛道」。

(Kinh: Chúng con từ trước nay, nhiều lượt nghe Phật nói, chưa từng nghe thượng pháp, sâu màu như thế đó. Thế Tôn nói pháp này, chúng con đều tùy hỷ. Đại trí Xá Lợi Phất, nay được thọ tôn ký. Chúng con sẽ như thế, tất sẽ được thành Phật. Trong hết thấy thế gian, tôn quý nhất, vô thượng. Phật đạo há nghĩ bàn, phương tiện tùy nghi nói. Bao phước nghiệp của con, đời này hay đời trước, và công đức thấy Phật, đều hồi hướng Phật đạo).

Bốn câu đầu trần thuật sự giải ngộ, mười câu kế tiếp nói về sự tùy hỷ, bốn câu cuối cùng là hồi hướng. “Ngã đẳng diệc như thị” (Chúng con cũng như thế): Sẽ lãnh nhận, giải ngộ giống như Thân Tử, sẽ như Thân Tử trần thuật căn kế sự thành tựu, sẽ được thọ ký như Thân Tử.

Hỏi: - Các vị đại Thanh Văn như Ca Diếp, Thiện Cát (Tu Bồ Đề) còn chưa giải ngộ, tứ chúng là hạng người như thế nào mà đắc ngộ trước?

Đáp: - Tứ chúng trời người cũng có ba căn: Thượng căn giống như ngài Thân Tử, trung căn thì giống như bốn vị [sẽ được thọ ký] trong phẩm sau, hạ căn thì giống như năm trăm người [được thọ ký sau đó]. Lại nữa, các vị Ca Diếp, Thân Tử v.v... hoàn toàn là Quyền hạnh; do trung căn và hạ căn chưa mở mang, cho nên các vị Ca Diếp, Mãn Từ Tử đều cùng thị hiện “chẳng hiểu”. Kinh Tịnh Danh nói: “Chúng sanh vị

dữ, Bồ Tát diệt vị dữ” (Chúng sanh chưa lành bệnh, Bồ Tát cũng chưa khỏi bệnh)...

Phần thứ nhất là Pháp Thuyết Châu đã xong.

3.3. Thí Thuyết Châu

Phần này gồm bốn phần: Một là kinh văn trong phẩm này chánh thức nêu thí dụ về khai tam hiển nhất. Hai là phẩm Tín Giải chỉ ra sự lành ngộ của trung căn. Ba là phẩm Dược Thảo Dụ chính là Như Lai trần thuật sự thành tựu. Bốn là phẩm Thọ Ký nhằm trao cho sự huyền ký quyết định.

3.3.1. Chánh thức nêu thí dụ về khai tam hiển nhất

3.3.1.1. Cầu thỉnh

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim vô phục nghi hối, thân ư Phật tiền, đắc thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký. Thị chư thiên nhị bách tâm tự tại giả, tích trụ Học địa, Phật thường giáo hóa ngôn: “Ngã pháp năng ly sanh, lão, bệnh, tử, cứu cánh Niết Bàn”. Thị Học, Vô Học nhân diệt các tự dĩ ly ngã kiến, cập hữu vô kiến đẳng, vị đắc Niết Bàn, nhi kim ư Thế Tôn tiền văn sở vị văn, giai đoạ nghi hoặc. Thiệt tại Thế Tôn! Nguyên vị tứ chúng, thuyết kỳ nhân duyên, linh ly nghi hối.

(經)爾時，舍利弗白佛言：「世尊！我今無復疑悔，親於佛前，得受阿耨多羅三藐三菩提記。是諸千二百心自在者，昔住學地，佛常教化言：「我法能離生老病死，究竟涅槃」。是學無學人，亦各自以離我見，及有無見等，謂得涅槃，而今於世尊前聞所未聞，皆墮疑惑。善哉世尊！願為四眾，說其因緣，令離疑悔」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con nay chẳng còn ngờ vực, hối hận, đích thân đối trước Phật, được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Một ngàn hai trăm vị tâm được tự tại đây xưa kia thuộc địa vị Hữu Học, Phật thường giáo hóa rằng: “Pháp của ta có thể lìa sanh, già, bệnh, chết, rốt ráo Niết Bàn”. Những

vị Hữu Học, Vô Học ấy ai nấy cũng tự cho rằng chính mình đã lìa ngã kiến và các kiến chấp “có, không” thì là đắc Niết Bàn, nhưng nay họ ở trước đức Thế Tôn được nghe điều chưa từng nghe, đều rơi vào nghi hoặc. Lành thay đức Thế Tôn! Xin hãy vì tứ chúng nói nhân duyên ấy, khiến cho họ lìa ngờ vực, hối hận).

Trong đoạn này:

- Trước hết [ngài Xá Lợi Phất] tự thuật [chính mình] chẳng nghi.
- Kế đó từ “*thị chư*” (các vị này) trở đi, trần thuật những người cùng hàng với Ngài có niềm nghi hoặc.
- Ba, từ chữ “*thiện tai*” (lành thay) trở đi, vì trọn khắp tứ chúng, thỉnh cầu đức Phật dạy bảo.

“*Những người cùng hàng*” là có cùng hạnh. Do niệm tình cũ, nên cần phải vì họ cầu thỉnh. Tứ chúng là hóa cảnh (đối tượng được giáo hóa). Lại vận dụng đại bi, cho nên vì đại chúng mà thỉnh cầu trọn khắp. “*Văn sở vị văn*” (Nghe điều chưa từng nghe) tức là [nghe] những điều thuộc Pháp Thuyết Châu trong phần trước cho đến [nghe đức Phật] trần thuật sự thành tựu, truyền trao thọ ký. [Những điều ấy] bất đồng với giáo pháp họ đã nắm giữ trước kia và quả vị họ đã chứng đắc. [Nói tới] “*nhân duyên*” [hàm ý]: Vì sao trước kia [đức Phật] nói tam thừa, nay chỉ nói nhất thừa? Cần phải nói rõ duyên do này!

Hỏi: - Phạm phu cũng có người vừa nghe liền ngộ, nay một ngàn hai trăm vị [Thanh Văn] đã nghe giảng đại lược và căn kẽ về chuyện “khai tam, hiển nhất”, và nghe ngài Thân Tử trần thuật sự lãnh ngộ được thọ ký, rộng, quý còn có thể phỏng theo đó mà tùy hỷ. Vì sao [các vị Thanh Văn] vẫn mê?

Đáp: - Có hai nghĩa: Một là chấp trước đã lâu. Hai là người đã dự vào địa vị, hễ hiểu sẽ phá chấp. Chấp đã bị phá liền dự vào Sơ Trụ. Phạm phu chẳng có hai nghĩa ấy, có thể dễ hiểu hơn!

3.3.1.2. Giải đáp

3.3.1.2.1. Phát khởi

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: - Ngã tiên bắt ngôn chư Phật Thế Tôn, dĩ chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện thuyết pháp, giai vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề da? Thị chư sở thuyết giai vị hóa Bồ Tát cố. Nhiên Xá Lợi Phất! Kim đương

phục dĩ thí dụ cánh mình thử nghĩa. Chư hữu trí giả, dĩ thí dụ đắc giải.

(經)爾時，佛告舍利弗：「我先不言諸佛世尊，以種種因緣，譬喻，言辭，方便說法，皆為阿耨多羅三藐三菩提耶？是諸所說皆為化菩薩故。然舍利弗！今當復以譬喻更明此義。諸有智者，以譬喻得解。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Trước kia, ta chẳng nói chư Phật Thế Tôn dùng các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện thuyết pháp, đều vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư? Các lời ấy đều vì giáo hóa Bồ Tát. Nhưng này Xá Lợi Phất! Nay ta sẽ dùng thí dụ để nói rõ hơn nghĩa ấy, những người có trí sẽ do thí dụ mà được hiểu).

Trong kinh văn, trước là đề nén, sau là dẫn nhập¹⁹². Từ “ngã tiên bất ngôn” (trước kia, ta chẳng nói) trở đi, nhắc đến Quyền đã được nêu ra trong phần trước. Câu “giai vị A Nậu” (đều vì Vô Thượng) là nói đến Thật đã được nêu ra trong phần trước. “Giai vị hóa Bồ Tát” (Đều vì giáo hóa Bồ Tát): Dù Quyền hay Thật, đều nhập Niết Bàn vô trụ của Phật đạo. Trong phần trước đã nói rõ, cớ sao cứ chấp giáo, cứ mê ám chẳng hiểu? Quả trách như thế đó. Đó là “chèn ép”, khiến cho [thính chúng] phát phẫn, dừng mãi. Từ chữ “nhiên Xá Lợi Phất” trở đi, [thể hiện ý] tiếp dẫn an ủi. Trước đó, đã quả trách thống thiết, [đức Phật] lại sợ họ sẽ mặc cảm hèn kém, tự chìm đắm, bèn hứa sẽ nói thí dụ. Nếu ai có thể hiểu [hàm ý trong thí dụ ấy] thì vẫn được gọi là bậc trí.

3.3.1.2.2. Nói thẳng vào thí dụ

3.3.1.2.2.1. Trường Hàng

Gồm hai phần: Một là lập thí dụ, hai là đối ứng [những điều được nói trong thí dụ] với sự biểu thị pháp. Nhưng giữa thí dụ và phần kết hợp

¹⁹² Ý nói: Trước hết, đức Phật quả các vị Thanh Văn chẳng chú ý đức Phật đã nói rõ trước đó: Phật dùng các nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để phương tiện thuyết pháp ư? Thế mà vẫn còn thắc mắc vì sao trước kia Phật nói tam thừa, nay lại chỉ nói Nhất Thừa, còn nghi hoặc, chẳng tin ư? Sau đó, đức Phật từ bi hứa dùng thí dụ để họ sẽ từ thấu hiểu.

với pháp, sẽ có [những chỗ được nói] chi tiết hay giản lược. Nếu phần thí dụ nói giản lược, mà phần kết hợp với pháp lại nói rộng thì trước hết đem thí dụ đối chiếu với pháp xong, đến phần tổng hợp, lại cần phải giải thích cặn kẽ. Nếu thí dụ nói chi tiết, mà phần kết hợp với pháp (phần giải thích ý nghĩa biểu thị pháp của mỗi sự việc trong thí dụ) giản lược, há lẽ nào đức Thế Tôn phí công nói ruộm rà! Vẫn cần phải giải thích thí dụ cặn kẽ, còn phần đối với phần biểu thị pháp, sẽ chỉ nói đối chiếu đại lược.

3.3.1.2.2.1.1. Lập thí dụ

3.3.1.2.2.1.1.1. Tổng thí

3.3.1.2.2.1.1.1.1. Thí dụ về ông trưởng giả (sánh ví đức Phật Thích Ca)

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược quốc ấp, tụ lạc, hữu đại trưởng giả, kỳ niên suy mại, tài phú vô lượng, đa hữu điền Trạch, cập chư đồng tộc.

(經)舍利弗！若國邑聚落，有大長者，其年衰邁，財富無量，多有田宅，及諸僮僕。

(Kinh: Xá Lợi Phất! Như nơi quốc ấp, xóm làng, có đại trưởng giả đã già yếu, của cải vô lượng, có nhiều ruộng nương, nhà cửa, và các tôi tớ).

Câu “quốc ấp, tụ lạc...” chỉ rõ ông ta có danh vọng, phẩm hạnh. Câu “hữu đại trưởng giả” (có đại trưởng giả) nêu ra địa vị và phong hiệu của ông ta. “Kỳ niên suy mại” (Tuổi đã già suy) nói về đức nghiệp. Danh như khách, hạnh như chủ. Hạnh có thân và sơ (Thật hạnh là thân, Quyền hạnh là sơ). Danh có xa hay gần. Vì thế, nêu ra xứ sở nhằm hiển thị danh và hạnh. Biên giới là chỗ xa nhất của một nước. Chỗ có người cai quản là Ấp, sống trong ấy. “Tụ lạc” là chỗ xóm giềng, gần nhất. Danh và hạnh của trưởng giả trọn khắp ba chỗ (quốc, ấp, tụ lạc)¹⁹³. Gần

¹⁹³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chỗ có lãnh thổ, nhân dân, và người cầm quyền thì gọi là Quốc. Một khu vực hành chánh như một huyện thì gọi là Ấp. Làng xóm thì gọi là Tụ Lạc. Những điều này nhằm sánh ví chỗ giáo hóa của bậc hóa chủ (vị chủ trì sự giáo hóa, chẳng hạn như Phật). Cổ đức cho rằng theo thứ tự [quốc, ấp, tụ lạc] nhằm sánh ví đại thiên, trung thiên, tiểu thiên thế giới, và cũng là theo thứ tự sánh ví ba cõi Thật Báo, Hữu Dư, và Đồng Cư”.

thì chẳng thấy những lỗi tẻ nhỏ nhặt, xa thì chỉ nắm giữ phong thái cao cả. Miệng chẳng phải lựa lời, thân chẳng phải chọn hạnh, ý chẳng phải chọn pháp, danh và hạnh tương xứng, là bậc đại nhân chân thật. Dùng chuyện này để thí dụ ba nghiệp của Như Lai thuận theo trí huệ, tương xứng căn cơ để thực hiện giáo hóa, tiếng tăm vang dội trọn khắp, đức trọn khắp pháp giới. “Quốc” ví như cõi Thật Báo, “áp” ví như cõi Phương Tiện, “tự lực” ví như cõi Đồng Cư. Từ Bốn là cõi Tịch Quang rủ lòng thí hiện trong ba cõi (Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo). Nhiếp dấu tích trong ba cõi về Tịch Quang nơi Bốn. Danh và hạnh tương xứng, dào dạt trọn khắp. Là bậc trưởng giả trong thế gian, cần phải trọn đủ mười đức:

- Một là dòng họ sang quý, hoặc là hậu duệ của hoàng đế, hoặc gia tộc quý hiển.

- Hai là địa vị cao, phù tá bậc A Hành¹⁹⁴.

- Ba là giàu to, vàng thóc dư dật.

- Bốn là oai thế mạnh mẽ, tôn nghiêm long trọng, chẳng cần phải nghiêm nghị mà có oai.

- Năm là trí sâu, tâm như kho vũ khí¹⁹⁵, tài năng lạ lùng, vượt xa người khác.

- Sáu là tuổi cao, tóc bạc, quắc thước, mọi người khâm phục.

- Bảy là hạnh thanh tịnh, bạch khuê¹⁹⁶ không tỳ vết.

- Tám là lễ nghĩa đầy đủ, trọn vẹn, cư xử đúng chừng mực.

- Chín được bề trên khen ngợi, được một người (hoàng đế) tôn kính.

- Mười là kẻ dưới quy phục, bốn biển đều tôn sùng.

Có đủ mười đức ấy thì gọi là “đại trưởng giả”. Dùng những điều này để sánh vị trưởng giả xuất thế là Như Lai. Ngài sanh từ Chân Như Thật Tế tam thế:

- Một là dòng họ cao quý, công tu thành tựu, đắc đạo, mười hiệu vô cực.

- Hai là địa vị cao quý, pháp tài vạn đức thấy đều trọn đủ.

¹⁹⁴ A Hành (阿衡) vốn là một chức quan đời Ân Thương, tương đương với Thái Sư hay Thái Bảo, nắm quyền Tể Tướng. Do vậy, về sau A Hành là một danh xưng để gọi Tể Tướng hay Thừa Tướng, hoặc Thủ Phụ (người đứng đầu các vị đại học sĩ dưới thời nhà Minh), tức là người đứng đầu guồng máy hành pháp của triều đình.

¹⁹⁵ Hàm ý tâm trí có nhiều mưu mẹo quyền biến, sách lược hay khéo.

¹⁹⁶ Bạch khuê là một loại ngọc trắng, thường dùng làm vật dụng để tế lễ vào thời cổ, thường được dùng để sánh ví thân thanh khiết, không lỗi lầm.

- Ba là giàu to, Thập Lực hùng mãnh, hàng ma, chế phục ngoại đạo.

- Bốn là oai mãnh, nhất tâm tam trí, không gì chẳng thông đạt.

- Năm là trí sâu, sớm thành Chánh Giác lâu xa đường ấy.

- Sáu là cao tuổi, hạnh nghiệp thuận theo trí, hành xử chẳng làm lỗi.

- Bảy là hạnh thanh tịnh, trọn đủ oai nghi của Phật, tâm như biển cả.

- Tám là lễ tiết trọn đủ, mười phương Đại Giác đều cùng ca ngợi.

- Chín là được người trên (chư Phật) khen ngợi, bảy loại phương tiện đều y chỉ.

- Mười là kẻ dưới nương về (đối với quả Phật trong tứ giáo, đối với mỗi giáo đều luận định mười đức. Bậc Sơ Trụ của Viên Giáo cũng phân chứng mười đức trong Viên Giáo).

Xét theo quán tâm, cái trí để quán tâm sanh từ Thật Tướng. Sanh trong nhà Phật, chủng tánh chân chánh, tức là “*dòng họ tôn quý*”. Tam Hoặc chẳng dấy lên, tuy chưa thấu suốt lẽ Chân, đã mặc áo của Như Lai, được gọi là Tịch Diệt Nhân, tức là “*địa vị cao cả*”. Tam Đế bao hàm hết thấy công đức, chính là “*giàu to*”. Trí huệ chánh quán, hàng phục ái kiến, tức là “*oai mãnh*”. Trung Đạo cùng chiếu Quyền và Thật đều sáng tỏ, tức là “*trí sâu*”. Tích tập thiện căn đã lâu, có thể tu phép Quán ấy. Phép Quán ấy vượt trên bảy phương tiện, tức “*tuổi tác đã cao*”. Phép Quán ấy quán tâm tánh, được gọi là “*thượng định*”, có thể khiến cho tam nghiệp chẳng làm lỗi; tức là “*hạnh thanh tịnh*”. Trái duyên, đối cảnh, oai nghi chẳng mất, tức “*lễ tiết trọn đủ*”. Có thể quán như thế chính là tướng “*tín giải sâu xa*”. Chư Phật đều hoan hỷ, khen ngợi người trì pháp, tức là “*được người trên khen ngợi*”. Bốn bộ trời, rồng cung kính cúng dường, tức là “*người dưới nương về*”.

Trong phần sau, kinh nói “*Phật tử trụ thử địa*” (Phật tử trụ nơi đây), tức là sự thọ dụng của Phật. Đây chính là “*trường giả*” xét theo quán tâm (Mười đức ấy chẳng ra ngoài ba thứ cảnh, trí, hạnh. Tuy chưa dự vào địa vị, như vương tử còn ở trong thai, cho nên gọi là “*quán hạnh mười đức của Như Lai*”). Nếu xét theo xuất thế, sẽ tùy thuộc vào giáo để quán từng quả riêng biệt, chuẩn theo giáo ấy để quán tương ứng, nhân quả tự rạch ròi. Tức là dùng tam quán để đối ứng bốn giáo, nắm giữ trọn vẹn đức tướng để tán thán Quán, khiến cho kẻ hậu học tu nhân trọn đủ. Dùng quán mười đức để thành tựu cái quả mười đức, hòng có thể nhất tâm chiếu trọn ba pháp, tức là quán tâm mười đức trọn đủ. Vì thế, dẫn

các đoạn kinh văn như “*Phật tử đấng*” hòng làm chứng cho quán tâm. Lại nữa, mười đức ấy ghép với mười pháp thành các thừa, theo thứ tự kết hợp, hết sức sâu xa! Vì sao vậy? Thật Tướng chính là cảnh chẳng thể nghĩ bàn, duyên theo Lý mà dậy lên Thệ (thề nguyện). Vì thế, gọi là Trụ Nhân. Do tâm an định nơi Lý, xứng Lý hàm tàng, trừ Phiền Hoặc nơi Tam Đế, được gọi là “*phá trợn khắp*”. Trung Đạo song chiếu, không bẻ tắc gì chẳng thông. Vô tác đạo phẩm vượt xa bảy phương tiện, giúp đỡ ba nghiệp, đối với Lý chẳng làm lỗi, đối với cảnh chẳng mất. Do nương vào địa vị chân thật, tín giải đã sâu, cho nên có thể an nhẫn, chẳng sanh pháp ái, cho nên mới cảm kẻ thấp hơn cúng dường. Mười pháp của ba giáo lần lượt giải thích, sẽ trở thành mười pháp quán tâm trong kinh này. Mười phép Quán như thế không chỉ thuộc trong địa vị Quán Hạnh xét theo chiều ngang! Từ sơ tâm cho đến cuối cùng, mười phép Quán trọn đủ. Vì thế, mười đức ấy có ý nghĩa càng sâu hơn theo chiều dọc. Lại còn cùng với mười thừa theo chiều ngang cùng mất).

Trong phần nói về đức nghiệp, đức có trong, ngoài. Trong chính là trí lược (智略, tài trí và mưu lược), ngoài là tư tài (貲財, tiền tài, tài vật). Tuổi cao bèn thông đạt rộng rãi xưa nay, ví như Trí Đức của Phật. “*Suy mại*” (Già suy) thì căn tánh, chí niệm thuần thực, ví như Đoạn Đức của Phật. “*Cửa cải*” ví như ngoại đức. “*Vô lượng*” là sánh ví chung vạn đức, “*ruộng đất*” có thể dưỡng mạng, sánh ví riêng chuyện Thiền Định có thể phụ giúp Bát Nhã. “*Nhà*” có thể gói thân, ví như thật cảnh là chỗ để trí nương nấu (như mười tám Không môn¹⁹⁷ v.v...) Nếu luận về

¹⁹⁷ Thập Bát Không (Astādaśa śūnyatā) là mười tám món Không nhằm phá các thứ tà thuyết chấp trước:

- 1) Nội Không (Adhyātma-sūnyatā): Trong sáu nội xứ của các căn, chẳng có ngã, ngã sở và cũng chẳng có các pháp như nhãn, nhĩ v.v...
- 2) Ngoại Không (Bahirdhā-sūnyatā): Sáu ngoại xứ trong các pháp sắc, thanh v.v... chẳng có ngã, ngã sở và các pháp như sắc, thanh v.v...
- 3) Nội Ngoại Không (Adhyātma-bahirdhā-sūnyatā): Trong mười hai xứ thuộc về sáu căn và sáu cảnh (lục trần), chẳng có ngã, ngã sở, và các pháp ấy.
- 4) Không Không (Śūnyatā-sūnyatā): Chẳng chấp vào ba thứ Không trên đây.
- 5) Đại Không (Mahā-sūnyatā) tức mười phương thế giới, vốn chẳng có tướng phương hướng nhất định, chẳng có tướng đây kia.
- 6) Đệ Nhất Nghĩa Không (Paramārtha-sūnyatā), còn gọi là Thắng Nghĩa Không, Chân Thật Không, lìa ngoài hết thấy các pháp, chẳng có Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa để có thể đạt được, chẳng chấp trước Thật Tướng.
- 7) Hữu Vi Không (Sajskṛta-sūnyatā): Pháp tạo thành do nhân duyên tụ hợp và pháp nhân duyên cũng như pháp tướng đều chẳng thể được!

phước đức, không có hạnh nào chẳng tu. Nếu luận theo trí huệ, sẽ là không có cảnh nào chẳng chiếu. Vì thế nói là “*đa hữu điền trạch*” (có nhiều ruộng nương, nhà cửa). “*Đồng bộc*” (僮僕) là kẻ dễ sai khiến, hầu hạ, ví như phương tiện tri kiến đều đã trọn đủ. Hòa quang đồng trần trong sáu đường, tùy thuận các căn cơ. Đó chính là tôi tớ của Thật Trí.

3.3.1.2.2.1.1.2. *Thí dụ về nhà cửa*

Sánh ví sự an ổn trên đây để đối chiếu với sự chẳng an ổn. “*Chẳng an ổn*” chính là tam giới.

(Kinh) Kỳ gia quảng đại.

(經)其家廣大。

8) Vô Vi Không (Asajskṛta-sūnyatā): Lìa khỏi sự chấp giữ nhất định đối với Niết Bàn.

9) Tất Cánh Không (Aṭyanta-sūnyatā), còn gọi là Chí Cánh Không, tức là đối với Hữu Vi Không và Vô Vi Không đều phá hết thấy các pháp, rốt ráo chẳng còn thừa sót.

10) Vô Thi Không (Anavarāgra-sūnyatā), còn gọi là Vô Hạn Không, Vô Tiền Hậu Không, hoặc Vô Tế Không, tức hết thấy các pháp tuy sanh khởi từ vô thi, nhưng cũng xả lìa sự chấp tướng đối với pháp ấy.

11) Tán Không (Anavakāra-sūnyatā) còn gọi là Bất Xả Không, Bất Xả Ly Không, tức các pháp chỉ do giả hòa hợp mà có, rốt ráo xa lìa tướng tán diệt, vô sở hữu.

12) Tánh Không (Prakṛti-sūnyatā), còn gọi là Bản Tánh Không, Phật Tánh Không, tức là tự tánh của các pháp là Không.

13) Tự Tướng Không (Svalaksana-sūnyatā), còn gọi là Tự Cộng Tướng Không, Tướng Không, tức các tướng tổng, biệt, đồng, dị của các pháp đều chẳng thể được!

14) Chư Pháp Không (Sarva-dharma-sūnyatā), còn gọi là Nhất Thiết Pháp Không, tức Uẩn, Xứ, Giới v.v..., hết thấy các pháp tự tướng bất định, lìa chấp tướng.

15) Bất Khả Đắc Không (Anupalambha-sūnyatā), còn gọi là Vô Sở Hữu Không, tức là trong các pháp nhân duyên, cầu Ngã và Pháp đều bất khả đắc.

16) Vô Pháp Không (Abhāva-sūnyatā), còn gọi là Vô Tánh Không, tức là các pháp nếu đã hoại diệt, chẳng có tự tánh để có thể đạt được, pháp vị lai cũng giống như thế.

17) Hữu Pháp Không (Svabhāva-sūnyatā) còn gọi là Tự Tánh Không, Phi Hữu Tánh Không, các pháp chỉ do nhân duyên mà có. Vì thế, sự tồn tại trong hiện tại chẳng phải là thật sự tồn tại.

18) Vô Pháp Hữu Pháp Không (Abhāva-svabhāva-sūnyatā), còn gọi là Vô Tánh Tự Tánh Không, tức là hết thấy các pháp sanh diệt và pháp vô vi, hết thấy pháp đều bất khả đắc.

(Kinh: Nhà ấy rộng lớn).

Chúng sanh nhọc nhằn, đều ở trong tam giới. Như Lai ứng hóa, đau xót mà gia bị. Vì thế nói là “quảng đại”.

3.3.1.2.2.1.1.3. Thí dụ [tòa nhà rộng lớn ấy chỉ có] một cửa

Sánh ví [điều đã nói] trong phần trên, “dùng các thứ pháp môn để tuyên nói, chỉ bày Phật đạo”.

(Kinh) Duy hữu nhất môn.

(經) 唯有一門。

(Kinh: Chỉ có một cửa).

Kinh văn nói: “Dĩ Phật giáo môn xuất tam giới khổ, đắc Niết Bàn chứng” (Dùng cửa Phật giáo để thoát nỗi khổ trong tam giới, chứng đắc Niết Bàn). Hãy nên biết Lý chính là điều được tuyên nói bởi giáo. Nay lấy giáo điển nói Lý ấy làm môn. Lý đã là một, Giáo chẳng dung hai. Vì thế bèn nói là “một”. Lại có trạch môn và xa môn. “Trạch” (宅) là sanh tử, “môn” (門) là con đường thoát sanh tử. Đó là nói theo phương tiện giáo. “Xa” (xe) là Đại Thừa, “môn” là lời dạy trong Viên Giáo. Nếu trạch môn chính là xa môn, khi ra khỏi nhà lửa, sẽ đáng được cỗ xe to, cần gì phải đợi đòi hỏi? Nếu trạch môn chẳng phải là xa môn, trong lúc [các con] đòi xin, chỉ là từ nhà lửa thoát ra, há có con đường nào khác? Lại còn có người đã có trạch môn, chưa đạt được xa môn, trụ ở chỗ nào? Hãy nên biết “chê trách” (tức trong thời Phương Đẳng và Bát Nhã quở trách pháp Nhị Thừa) thì Xa và Trạch mãi mãi khác biệt, [tới khi] “khai” (thời Pháp Hoa khai tam hiển nhất) thì hai môn chẳng khác; Xa và Trạch là một, hai môn có khác biệt gì? Do vậy, tam thừa có hai nghĩa:

- Nương theo giáo, ra khỏi nhà [lửa], chẳng thấy cỗ xe nhỏ.
- Trong chặng giữa, đã điều phục hai vị (sanh tô và thực tô) thuần thực, bèn từ cha đòi xin cỗ xe mà cha đã hứa trước đó. Đã đòi thì phải cho, mở cánh cửa nhỏ ấy, [các đệ tử Phật mới biết] không gì chẳng phải là Đại giáo.

Lý nhỏ nhoi trong cửa, rốt cuộc chẳng phải là đường nào khác! Lý tuyệt đôi chẳng hai, thô và diệu cùng một Thể. Pháp trụ nơi pháp vị,

tướng thế gian là thường. Tam giới còn như thế, có khác biệt gì? Nếu trước đó đã chẳng có gì khác, lấy gì để luận đồng? Người chìm đắm trong khổ nay đều tụ tập.

3.3.1.2.2.1.1.1.4. Thí dụ về năm trăm người

Sánh ví chúng sanh trong phần trước, tức là [chúng sanh thuộc] năm đường vậy.

(Kinh) Đa chư nhân chúng, nhất bách, nhị bách, nãi chí ngũ bách nhân chỉ trụ kỳ trung.

(經)多諸人眾，一百，二百，乃至五百人止住其中。

(Kinh: Có nhiều người, một trăm, hai trăm, cho đến năm trăm người cư trụ trong ấy).

“Một trăm” là trời, “hai trăm” là người, cho đến “năm trăm” tức là ba đường ác. Không nói đến Tu La, vì Tu La hoặc gộp trong quỷ đạo, hoặc gộp trong bốn đường khác, như trong kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) đã nói.

3.3.1.2.2.1.1.1.5. Thí dụ về bốc lửa

Sánh ví pháp an ổn trong phần trên đối chiếu với pháp chẳng an ổn, tức là nói đến ngũ trược. Kinh văn lại chia làm hai phần:

- Một là tướng trạng thoát khỏi nhà bị đốt cháy, ví như [thoát khỏi] quả báo trong lục đạo.
- Hai là tướng lửa thiêu đốt, ví như tám khổ, ngũ trược.

3.3.1.2.2.1.1.1.5.1. Tướng trạng nhà bị đốt cháy

(Kinh) Đường các hủ cố, tường bích đồi lạc, trụ căn hủ bại, lương đồng khuynh nguy.

(經)堂閣朽故，牆壁隕落，柱根腐敗，梁棟傾危。

(Kinh: Nhà, gác do mục cũ, tường vách sụp đổ, chân cột hư mục, kèo rường nghiêng ngã).

“Đường” ví như Dục Giới, “các”¹⁹⁸ ví như Sắc Giới và Vô Sắc Giới. “Hủ” (朽, hư mục) ví như tam giới tệ ác, vô thường. Vì thế, sánh ví tam giới chẳng phải đến nay mới tạo ra. “Tường bích” (牆壁, tường vách)¹⁹⁹ ví như Tứ Đại. “Đồi lạc” (隕落, sụp xuống, nghiêng ngã) ví như tổn giảm. “Trụ căn” (Chân cột) ví như mạng. “Hủ bại” (腐敗, mục nát) ví như nguy ngập, chẳng lâu bền. “Lương đống” (梁棟, kèo rường)²⁰⁰ ví như ý thức. “Khuyh nguy” (傾危, nghiêng ngã, có thể rơi xuống bất cứ lúc nào) ví như biến đổi chẳng ngừng. Vô Sắc tuy chẳng có sắc chất Tứ Đại thô thiển, nhưng xét theo Định Quả Sắc thì cũng là vách tường. Tam giới đều dùng ý thức để duy trì, chỉ xét theo nhân quả thuộc chánh báo trong tam giới để giải thích, sẽ bao gồm cả y báo, chẳng cần phải gộp chung y báo và chánh báo để thí dụ. Y báo chỉ là chút phần trong Tướng Phần của thức thứ tám mà thôi. Lại như thành và hoại mỗi đẳng đều chia thành hai mươi loại, đã chẳng có hữu tình, sao có thể giải thích ý nghĩa ngũ trược thiêu đốt sao cho khít khao đôi chút; vì thế chẳng dùng. Lại dựa theo quán tâm để giải thích thì “đường” ví như phần dưới của thân, “các” ví như phần trên gồm đầu v.v... “Tường bích” ví như da, thịt. “Đồi lạc” ví như già suy. “Trụ căn” ví như hai chân. “Hủ bại” ví như suy đồi. “Lương đống” ví như xương sống. “Khuyh nguy” ví như cái chết.

3.3.1.2.2.1.1.5.2. Tướng lửa thiêu đốt

(Kinh) Châu táp câu thời soát nhiên hỏa khởi, phần thiêu xá trạch.

(經)周匝俱時歟然火起，焚燒舍宅。

¹⁹⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhà có một tầng gọi là Đường, từ hai tầng trở lên thì gọi là Các”.

¹⁹⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tường bao vây phía ngoài nhà thì gọi là Tường, cái để ngăn chia thành từng gian trong nhà thì gọi là Bích”.

²⁰⁰ Lương là kèo nhà, còn gọi là xà nhà, tức là những thanh gỗ dài để chịu lực nâng đỡ mái nhà, thường đặt trực tiếp trên các đầu cột, có tác dụng nối các cột với nhau để tạo thành bộ khung chịu lực cho toàn thể mái nhà. Đồng chính là kèo chính, tức đòn dông.

(Kinh: Khắp nơi cùng lúc bỗng dưng bốc lửa, thiêu đốt nhà cửa).

Tám khổ trọn khắp trong Tứ Đại (địa, thủy, hỏa, phong), Tứ Sanh (thai, noãn, thấp, hóa). Vì thế nói là “*châu táp*” (周匝, giáp vòng, trọn khắp) đều là vô thường. Do vậy nói “*câu thời*” (cùng lúc). “*Soát nhiên*” (歟然, bỗng dưng) ví như vốn chẳng có, nay lại có. Vốn chẳng có sự khổ ấy, do vô minh mà có.

Phần thứ năm, “thí dụ về lửa bốc” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.1.6. Thí dụ về ba mươi đứa con

Sánh ví chuyện biết tánh tình và sự ham muốn của trời người được nói trong phần trên, tức là nói tới hành nhân trong tam thừa.

(Kinh) Trưởng giả chư tử, nhược thập, nhị thập, hoặc chí tam thập, tại thử trạch trung.

(經)長者諸子, 若十, 二十, 或至三十, 在此宅中。

(Kinh: Các con của trưởng giả, hoặc mười, hai mươi, cho đến ba mươi ở trong nhà ấy).

Tùng tu tập Phật pháp, thiên tánh liên quan, gọi những người đã kết duyên là “con”. “Hoặc mười” là con Bồ Tát, “hai mươi” và “ba mươi” chính là con trong Nhị Thừa. Các căn cơ ấy đều được thoát khỏi nhà. Nếu chẳng phải là căn cơ ấy thì là năm trăm người. Hoặc là Bích Chi Phật được tính riêng, hay gộp chung khác biệt, hoặc gộp trong Tiểu Thừa, hoặc coi là Trung Thừa, đều nói là “mười người”, do đều có tánh thập trí (một là Thế trí, hai là Tha Tâm trí, ba là Khổ trí, bốn là Tập trí, năm là Diệt trí, sáu là Đạo trí, bảy là Pháp trí, tám là Tỷ trí, chín là Tận trí, mười là Vô Sanh trí).

Phần thứ nhất, Tổng Thí đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2. Biệt thí

3.3.1.2.2.1.1.2.1. Thí dụ về ông trưởng giả trông thấy lửa

Sánh ví chuyện đức Phật trông thấy ngũ trược bèn dạy tâm đại bi.

(Kinh) Trưởng giả kiến thị đại hỏa tùng tứ diện khởi, tức đại kinh bố, nhi tác thị niệm: “Ngã tuy năng ư thử sở thiêu chi môn, an ổn đắc xuất, nhi chư tử đẳng ư hỏa trạch nội, nhạo trước hy hý, bất giác, bất tri, bất kinh, bất bố. Hỏa lai bức thân, khổ thống thiết dĩ, tâm bất yếm hoạn, vô cầu xuất ý”.

(經)長者見是大火從四面起，即大驚怖，而作是念：
「我雖能於此所燒之門，安隱得出，而諸子等於火宅內，
樂著嬉戲，不覺，不知，不驚，不怖。火來逼身，苦痛切
已，心不厭患，無求出意」。

(Kinh: Trưởng giả thấy lửa lớn ấy từ bốn phía bốc lên, liền hết sức kinh sợ, nghĩ như thế này: “Tuy ta có thể an ổn thoát ra từ cái cửa đang cháy này, nhưng các con của ta ở trong nhà lửa, ham thích nô đùa, chẳng hay, chẳng biết, chẳng kinh, chẳng sợ. Lửa sẽ cháy đến thân, đau đớn cùng cực, [nhưng chúng nó] tâm chẳng chán nhàm, lo sợ, chẳng có ý mong thoát ra”).

Tuy đoạn kinh văn này có bốn tiểu đoạn, nhưng chỉ có ba ý:

- Một là trưởng giả trông thấy [lửa cháy], đây là nêu ra người có thể thấy, ví như trong phần trên [chánh kinh có] nói: “Ta dùng Phật nhãn để xem xét”.

- Hai là lửa lớn từ bốn phía bốc lên, đó là nêu ra điều được trông thấy. Ví như trong phần trên đã nói [Như Lai] trông thấy lục đạo chúng sanh.

- Ba là lập tức hết sức kinh sợ, sánh ví [điều được nói trong] phần trên: Vì các chúng sanh ấy mà dấy lòng đại bi.

- Bốn là từ “*chư tử*” (các con) trở đi, nói rộng thêm về những điều trông thấy trong phần hai, vẫn nhằm giải thích ý nghĩa “kinh sợ”.

“*Thân, thọ, tâm, pháp*” chính là bốn phía của tòa nhà. Từ bốn phía ấy, dấy lên “*tứ đảo*” (bốn thứ điên đảo)²⁰¹ về thường, lạc, ngã, tịnh, cho nên tám nỗi khổ đều tụ tập. Nếu biết “*thân bất tịnh, khổ, vô thường,*

²⁰¹ Tứ Đảo là bốn thứ vọng kiến điên đảo, gồm hai loại:

1 Đối với sanh diệt là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh, lại chấp trước là thường, lạc, ngã, tịnh. Đó là Tứ Đảo của phàm phu.

2 Đối với Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, lại chấp trước là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh. Đó là Tứ Đảo của hàng Nhị Thừa.

vô ngã”, thọ, tâm và pháp cũng thế, thì lửa phiền não sẽ tắt, nghiệp khô hoàn toàn dứt. “*Tức đại kinh bố*” (Liên hết sức kinh sợ): Do nghĩ đến những kẻ thoái thất đại thiện, cho nên kinh hãi, lo rầu; do lo lắng họ sẽ dấy lên điều ác nặng nề, cho nên hoảng sợ. “*Kinh*” (驚) tức là lòng Từ, nghĩ họ chẳng có sự vui. “*Bố*” (怖) chính là Bi, lo buồn họ sẽ chịu khổ.

“*Ngã tuy năng ư thử sở thiêu chi môn, an ổn đắc xuất*” (Tuy ta có thể từ cái cửa đang bị cháy này mà an ổn thoát ra): Giải thích và kết lại ý nghĩa “*kinh bố*”. Tuy là lời nói chưa trọn hết, nhưng đã nêu rõ: Phật dùng sức trí huệ có thể tìm thấy chánh giáo, thấy chân lý đã được diễn nói, chẳng bị nguy khốn bởi ngũ trược và tám khổ, cho nên An. Bốn trận gió lốc đảo kiến (tri kiến điên đảo) chẳng thể động. Vì thế là Ổn. Vượt ngoài nỗi lo sầu, xơ xác, cho nên nói là “*đắc xuất*” (thoát ra). Nhưng chúng sanh chẳng như vậy, bị lửa thiêu đốt. Như Lai [do lòng] từ bi, vẫn bị lửa ưu bi chiếu rọi, cho nên nói là “*tuy*”. “*Sở thiêu chi môn*” (Cái cửa đang bị thiêu đốt): Cửa thì ắt có khung cửa và cánh cửa, có khoảng trống [giữa khung cửa]. Chẳng có khung và cánh cửa, sẽ không có gì để chỉ ra cửa. Chẳng có chỗ trống, sẽ không có gì để thông qua. Khung và cánh cửa có thể cháy sạch, khoảng trống giữa khung cửa thì chẳng thể thiêu. Dùng chuyện này để sánh ví giáo có năng thuyên (chủ thể diễn nói) và sở thuyên (điều được diễn nói). Nếu chẳng diễn nói, biện định, sẽ không có gì để dạy. Nếu không có điều được diễn nói, làm sao thoát ra? Diễn nói, biện định có thể là vô thường. Điều được diễn nói chẳng vô thường, cho nên dạy điều được tuyên nói. Vì thế, gọi là “*an ổn đắc xuất*”. Chủ thể diễn nói có thể mòn diệt, cho nên nói là “*sở thiêu chi môn*” (cửa bị thiêu đốt). Chẳng từ cái cửa đang bị thiêu đốt, sẽ do đâu mà được an ổn thoát ra? Nhờ vào ngôn giáo mà khế hợp điều được diễn nói. Đại kinh dạy: “*Nhân vô thường cố, nhi quả thị thường*” (Do nhân là vô thường mà quả là thường) chính là nói đến điều này. Như giáo môn vô thường của Tiểu Thừa là từ cái cửa đang bị đốt cháy mà thoát ra; còn trong giáo môn thường trụ của Đại Thừa, vẫn tự chính là giải thoát, giáo ấy chính là Lý. Hễ thông đạt “*thiêu chính là chẳng thiêu*”, bèn an ổn thoát ra. Nếu xét theo Quyền Trí của Như Lai thì tức là từ cái cửa đang bị cháy mà thoát ra. Nếu xét theo Thật Trí, tức là do thấu hiểu cái bị đốt mà an ổn thoát ra. Vì thế, trước đó, dựa vào vật áo, ghế, bàn, chẳng thoát ra được! Sau đó, dùng vô thường để thoát ra, chính là ý này.

“*Nhạo trước hy hý*” (Ham thích chơi giỡn): Chấp vào cái thấy là Hy (嬉), chấp vào Ái thì là Hý (戲). Lại đắm đuối nơi tứ kiến²⁰² thì gọi là Hy, oan uổng chôn vùi công lao thì gọi là Hý. Đắm đuối ngũ trần là Hy, rỗng tuếch chẳng đạt được gì là Hý. Uổng công sanh tử mà chẳng chán lìa, như trẻ nhỏ chơi giỡn, đều chẳng nói “có lửa”. Đó là “*bất giác*”. Chẳng biết lửa là thứ nóng bức, đó là “*bất tri*”. Đã chẳng biết lửa nóng, chẳng lo thân thể bị thương tổn, đó là “*bất kinh*” (chẳng kinh hãi). Chẳng sợ đoạn mạng, đó là “*bất bố*” (chẳng sợ sệt). Dùng những điều ấy đề sánh ví chúng sanh hoàn toàn chẳng nhận biết ngũ âm, bát khổ, chẳng biết tứ đảo, tam độc. Đã chẳng biết Hoặc, sao có thể lo sợ Hoặc xâm tổn Pháp Thân, đoạn mất huệ mạng? Chẳng biết Khổ như thế, chẳng biết Tập, chẳng sợ tổn thương Đạo, chẳng sợ đánh mất Diệt. Vì chẳng nghe giáo pháp Tứ Đế, cho nên chẳng có Văn Huệ và Tư Huệ, nên gọi là “*bất giác*”. Chẳng có Tu Huệ, gọi là “*bất tri*”. Chẳng có kiến giải, gọi là “*bất kinh*”. Chẳng có tư duy giải, gọi là “*bất bố*”. Kiến Đế tức là “*kinh ngộ*” (kinh sợ, ngộ ra). Tư duy tức là “*yếm bố*” (chán nhàm, sợ hãi). Lại chẳng hiểu hiện tại là khổ, chẳng biết vị lai là khổ. Vì thế, trong phần sau, kinh nói: “*Hiện thọ chúng khổ, hậu thọ địa ngục đẳng khổ*” (Nay hứng chịu các khổ, về sau, sẽ chịu các nỗi khổ như địa ngục v.v...).

“*Hỏa lai bức thân*” (Lửa cháy đến bức bách tâm thân), chính là ngũ thức thân. Ngũ thức thông tam thọ (khổ, lạc, phi khổ phi lạc), tam thọ chính là tam khổ. Niệm nào cũng tương ứng với tam thọ, vì thế nói “*khổ thống thiết dĩ*” (đau khổ bức thiết). “*Tâm bất yếm hoạn*” (Tâm chẳng chán nhàm, lo sợ) tức là thức thứ sáu. Đồng thời, ý thức cùng với năm thức kia chỉ biết phân biệt ba thứ thọ, dấy lên tham, giận, si, tạo ra

²⁰² Tứ Kiến là bốn thứ kiến giải chấp trước, tức nhất, dị, thường, phi thường (một, khác, thường, chẳng thường). Trí Độ Luận quyển bảy giảng: “*Lại có bốn thứ kiến: Thế gian là thường, thế gian là vô thường, thế gian vừa thường vừa vô thường, thế gian chẳng thường mà cũng chẳng vô thường. Hoặc thế gian là hữu biên hay vô biên, cũng giống như thế*”. Hoa Nghiêm Kinh Sớ quyển ba giảng: “*Kiến giải của ngoại đạo chẳng ngoài tứ kiến: 1) Chấp vào một, như các vị Số Luận chấp trong nhân phải có quả, do nhân và quả chẳng khác nhau mà chấp vào một. 2) Chấp là khác. Thắng Luận sư do chấp trong nhân không có quả, do nhân và quả khác nhau bèn chấp vào khác. 3) Chấp chẳng một chẳng khác. Lặc Sa Bà luận sư chấp trong nhân có quả, và cũng có nhân mà không có quả. Do chấp vào hữu lẫn vô, nên nói “cũng một, cũng khác”. 4) Chấp chẳng một chẳng khác, như Ni Kiền Tử chấp nhân quả đều chẳng phải một, chẳng phải khác*”.

cái nhân gây khổ, sao có thể chán ngán, lo sợ, mong cầu thoát ra? Vì thế nói là “vô cầu xuất ý” (chẳng có ý nguyện mong thoát ra). “Hy hý” ví như Kiến Trược và Phiền Não Trược. “Bất giác, bất tri, bất kinh, bất bố” ví như Chúng Sanh Trược. “Hỏa lai bức thân khổ thống thiết dĩ” (Lửa cháy đến bức bách tâm thân, đau khổ cùng cực) ví như Mạng Trược. “Tâm bất yếm hoạn, vô cầu xuất ý” (Tâm chẳng chán nhàm, lo rầu, chẳng có ý cầu xuất ly) ví như Kiếp Trược.

3.3.1.2.2.1.1.2.2. Thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

Sánh ví chuyện “thực thi phương tiện để giáo hóa” trong phần trên, chia làm hai phần:

- Một là thí dụ về bỏ ghế, dùng xe.
- Hai là thí dụ về dùng xe [tốt nhất] để ban cho.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.1. Thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

Sánh ví chuyện suy nghĩ “nếu dùng Đại Thừa để hóa độ ngay thì sẽ chẳng được”. Phần này lại chia làm hai:

- Một, tính dùng Khuyến Môn, nhưng không được.
- Hai, tính dùng Giới Môn, nhưng cũng không được.

Kinh văn trong phần trước chẳng tách thành hai môn Khuyến và Giới, nhưng nêu chung ba ý:

- Một, toan dùng Đại Thừa để hóa độ.
- Hai, chúng sanh chẳng có căn cơ [tương ứng].
- Ba, nghĩ muốn thôi hóa độ.

Nay hai môn đều nói rõ “pháp toan sử dụng để độ chẳng có căn cơ thích hợp”, nhưng ý niệm “toan thôi hóa độ” chỉ là ý ngầm!

3.3.1.2.2.1.1.2.2.1.1. Tính dùng Khuyến Môn nhưng không được

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thị trưởng giả tác thị tư duy: “Ngã thân thủ hữu lực, đương dĩ y kích, nhược dĩ kỷ, án, tùng xá xuất chi”. Phục cánh tư duy: “Thị xá duy hữu nhất môn, nhi phục hiệp tiểu. Chư tử ấu trĩ, vị hữu sở thức, luyện trước hý xú, hoặc đương đọa lạc, vị hỏa sở thiêu”.

**(經)舍利弗！是長者作是思惟：「我身手有力，當以衣
襪，若以几案，從舍出之」。復更思惟：「是舍惟有一門，
而復陝小。諸子幼稚，未有所識，戀著戲處，或當墮落，
為火所燒」。**

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Vị trưởng giả ấy suy nghĩ như thế này: “Tay và thân ta có sức, nên dùng lẵng hoa, hoặc dùng ghế, bàn để thoát khỏi nhà”. Lại suy nghĩ: “Nhà này chỉ có một cửa, lại còn hẹp nhỏ. Các con thơ dại, chưa hiểu biết, luyến tiếc chỗ vui đùa, sợ sẽ rơi té, bị lửa thiêu đốt”).

“Tác thị tư duy” (Suy nghĩ như thế này) sánh ví sự suy nghĩ trong hai mươi một ngày [sau khi đức Phật thành đạo] được nói trong phần trước. “Thân” ví như thân thông có thể gánh vác, “tay” ví như trí huệ nâng đỡ. Nương vào tam-muội Đoạn Đức, sẽ có thân thông. Nương vào Trí Đức trong trí huệ, sẽ có thể thuyết pháp. Sức Trí Đoạn có thể thành tựu Pháp Thân. Trí Đoạn ấy lại từ hai môn Khuyến và Giới mà nhập. Khuyến tức là Vị Nhân Tất Đàn, Giới (răn dạy) tức là Đối Trị Tất Đàn. Hai thứ Tất Đàn này tạo phương tiện cho Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Thoạt đầu, Như Lai muốn dùng Khuyến Môn để khiến cho [tam thừa] vâng hành các điều thiện, thành tựu Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Nhất Thiết Chung Trí, nhưng chúng sanh chẳng thể kham nổi. Kế đó, tính dùng Giới Môn khiến cho họ đừng làm các điều ác, hòng chứng đại Niết Bàn, nhưng họ cũng chẳng kham được. Chẳng có căn cơ, bèn ngưng dứt giáo hóa. Vì thế biết: Tính dùng Đại Thừa thì chỉ là hai môn Khuyến Giới Tất Đàn, thân thông, trí huệ đó thôi! Sức Định Huệ trang nghiêm, dùng điều ấy để độ chúng sanh chính là nghĩa này vậy. Trong phần trước, đã tán thán “trưởng giả kỳ niên suy mại” (trưởng giả tuổi cao, suy yếu) tức là sánh ví Trí Đoạn, Trí Đoạn chính là “thân thủ hữu lực” (thân và tay có sức). “Y kích” (衣襪) là đồ để đựng hoa bên Tây Trúc, sánh ví tri kiến của Như Lai. “Ghế” là sánh ví Tứ Vô Sở Úy. “Bàn” sánh ví Thập Lực. Đây là từ đại lược mà nói rộng ra thành sai khác. Nói đại lược thì gọi là “tri kiến của Như Lai”. “Tri” tức là Nhất Thiết Chung Trí. “Kiến” tức là Phật nhãn. Danh từ đại lược, nghĩa thâm sâu. Ví như một cái y kích (lẵng hoa) chứa được nhiều [hoa]. Ngự trong Trung Đạo để nói thì gọi là Tứ Vô Sở Úy, nhằm đối ứng với Tứ Đế. Như ghế đối với

pháp thì nhỏ và dài, đối với vật thì là sự an ổn nhỏ. Nói rộng ra thì là Thập Lực, ngang lần dọc đều gồm trọn. Như bàn có nhiều chân, đối với pháp thì rộng, đối với vật thì là sự an ổn to tát. Trong hai mươi một ngày²⁰³, tư duy nói Phật pháp rộng hay lược như thế. Đó chính là suy tính dùng Khuyến Môn.

Từ “*phục cánh tư duy*” (lại còn suy nghĩ) trở đi, nói rõ “không có căn cơ” [tương xứng để tiếp nhận pháp ấy]. “*Duy hữu nhất môn, nhi phục hiệp tiểu*” (Chỉ có một cửa, lại còn nhỏ hẹp): “*Môn*” là nói đến “*xa môn*” của Đại Thừa. Giải thích điều này có Biệt và Thông. Biệt là tách từng chữ ra để giải thích riêng biệt. “*Nhất*” là một lý, một đạo thanh tịnh. “*Môn*” là nói đến chánh giáo, thông với điều được thông. “*Tiểu*” có nghĩa là bảy phương tiện như đoạn, thường v.v... đều chẳng thể nhập. Nếu luận theo giáo lý rộng rãi, sẽ chẳng hẹp nhỏ. Chúng sanh chẳng thể dùng giáo lý ấy để tự thông, dầu [Phật] muốn đàm luận, nhưng [chúng sanh] chẳng có căn cơ. Vì thế nói là “*hẹp nhỏ*”.

“*Thông*” là ba món Lý, Giáo, Hạnh, mỗi món đều cùng nói là “*một cửa hẹp nhỏ*”.

1) Lý: Lý thuần chẳng xen tạp, vì thế nói là Nhất. Do Lý có thể thông, cho nên nói là Môn. Vì diệu khó biết, nên nói là “*hẹp nhỏ*”.

2) Giáo: Mười phương đều chắc thật tìm cầu, chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật Thừa. Vì thế nói là Nhất. Giáo ấy có thể thông, cho nên nói là Môn. Giáo ấy vi diệu, phàm phu chẳng biết xuất xứ, tức là chẳng biết Quyền. Chẳng biết nhập xứ, tức là chẳng biết Thật. Hàng Nhị Thừa do nghe nói, ít người biết lẽ xuất yếu, vĩnh viễn chẳng biết nhập. Bồ Tát tuy tự biết xuất, cũng chẳng biết nhập. Cả bảy phương tiện đều chẳng biết xuất, nhập. Vì thế nói: “*Nhược dẫn tán Phật Thừa, chúng sanh một tại khổ*” (Nếu chỉ khen ngợi Phật Thừa, chúng sanh chìm đắm trong khổ). Chẳng thể dùng Giáo để tự thông, muốn nói mà chẳng có căn cơ. Vì thế nói là “*hẹp nhỏ*”.

3) Hạnh: Dùng viên nhân để tự hành, hành đạo to lớn, thẳng thừng, chẳng có gì gây chướng nạn được. Vì thế gọi là Nhất. Khéo hành Bồ Tát đạo, tới thẳng đạo tràng. Vì thế gọi là Môn. Diệu hạnh khó hành, phương tiện chẳng có căn cơ. Cho nên nói là “*hẹp nhỏ*”.

“*Chư tử ấu trĩ*” (Các con thơ dại): Tuy ở chỗ hai vạn vị Phật dạy vô thượng đạo, nhưng thiện căn Đại Thừa yếu nhỏ, bèn gọi là “*ấu trĩ*”.

²⁰³ Sau khi đức Phật thành đạo, đã dùng hai mươi một ngày để quán tưởng nên hóa độ chúng sanh như thế nào.

Nếu nghe Đại Thừa, có thể sanh lòng hủy báng, tức là “*vị hữu sở thức*” (chưa hiểu biết). Đó là thiện yếu ớt. Lúc thoát đầu thoát thất Đại Thừa, chấp sâu kiến ái. Lúc chịu tám khổ, chấp sâu y báo và chánh báo. Dục Giới chấp ngũ trần, Sắc Giới chấp vị Thiên, Vô Sắc Giới chấp Định. Vì thế gọi là “*luyến trước hý xứ*” (luyến tiếc chỗ vui chơi). Đó là ác mạnh mẽ. Đọa lạc có hai trường hợp:

- Một là thơ đại, nhớ tưởng chỗ mình vốn vui chơi, cho nên đọa lạc. Ví như chấp trước ngũ dục, đọa trong tam đồ.

- Hai là không hiểu biết, chấp trước các thứ chẳng kiên cố, cho nên đọa lạc. Ví như kẻ báng Đại Thừa, đọa trong tam đồ.

Vì vậy nói “*chúng sanh chư căn độn, trước lạc si sở mạnh*” (chúng sanh các căn độn, chấp lạc, bị mù lòa bởi ngu si), sao có thể độ cho được? Lại nói: “*Nhược dẫn tán Phật Thừa, phá pháp bất tín cố, trụ ư tam ác đạo*” (Nếu chỉ khen Phật Thừa, do phá pháp chẳng tin, rơi vào ba đường ác). Đã không có căn cơ để khuyên, đã bao hàm ý nghĩa “*muốn ngưng dứt sự giáo hóa*”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.1.2. Tính dùng Giới Môn nhưng chẳng được

(*Kinh*) “*Ngã đương vị thuyết bố úy chi sự: Thử xá dĩ thiêu, nghi thời tạt xuất, vô linh vi hỏa chi sở thiêu hại*”. Tác thị niệm dĩ, như sở tư duy, cụ cáo chư tử: “*Nhữ đẳng tốc xuất*”. Phụ tuy lân mẫn, thiện ngôn dụ dụ, nhi chư tử đẳng, nhạo trước hy hý, bất khểng tín thọ, bất kinh, bất úy, liễu vô xuất tâm, diệc phục bất tri hà giả thị hỏa, hà giả vi xá, vân hà vi thất? Dẫn Đông Tây tẩu hý, thị phụ nhi dĩ.

(*經*) 「我當為說怖畏之事：此舍已燒，宜時疾出，無令為火之所燒害」。作是念已，如所思惟，具告諸子：「汝等速出」。父雖憐愍，善言誘諭，而諸子等，樂著嬉戲，不肯信受，不驚，不畏，了無出心，亦復不知何者是火，何者為舍，云何為失？但東西走戲，視父而已。

(*Kinh*: “Ta hãy nên vì chúng nó nói tới chuyện đáng sợ hãi. Nhà này đã bị cháy, hãy nên đứng lúc mau chóng thoát ra, chớ để lửa đốt làm hại”. Nghĩ như thế rồi, đứng như đã suy nghĩ, căn dặn bảo các con: “Các con hãy mau ra khỏi”. Cha tuy thương xót, khéo nói khuyên dụ,

nhưng các con mền đắm chơi đùa, chẳng chịu tin nhận, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, trọn chẳng có tâm ra khỏi, cũng lại chẳng biết gì là lửa, gì là nhà, gì là tổn thất? Chỉ Đông Tây chạy giỡn, nhìn cha mà thôi).

Đây là tướng đối trị, như kinh Đại Phẩm có nói: “*Tứ Niệm Xứ là Ma Ha Diễn. Dĩ bất khả đắc cố, dị ư Tiểu Thừa*” (Tứ Niệm Xứ là Đại Thừa. Do chẳng thể được, cho nên khác với Tiểu Thừa). Đã chấp vào chỗ chơi giỡn, cho nên nói đến chuyện kinh sợ để họ được thoát ly. Nói Ngũ Âm Xả (nhà ngũ âm) đã bị lửa ngũ trược đốt, hãy nên gấp lìa bỏ. Nếu ở lâu, ắt đoạn thiện căn. Vì thế nói “*vô linh vi hỏa chi sở thiêu hại*” (chẳng để cho bị lửa đốt, tổn hại). Đây là chuyện tính làm. Từ “*phụ tuy lân mẫn*” (cha tuy thương xót) trở đi, nói rõ “[chúng sanh] chẳng có căn cơ”.

“*Bất kinh, bất úy*” (Chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi) như đã giải thích trong phần trước. Chẳng biết bất khổ và ngũ trược có thể đốt cháy thiện căn. Nếu chẳng biết lửa, chẳng biết các pháp Âm, Giới, Nhập là các thứ gây nên khổ. Nếu chẳng biết nhà, sẽ chẳng biết đã đánh mất cội nguồn của Pháp Thân. Nếu chẳng biết như thế nào là tổn thất, sẽ trái nghịch sáng, hướng theo tối, qua lại trong sanh tử, như rảo chạy Đông Tây. Lại dây lên kiến ái, như đùa giỡn, chẳng hướng theo Đại giáo. Vì thế nói “*thị phụ nhi dĩ*” (nhìn cha mà thôi). [Tính dùng] Giới để giáo hóa, [chúng sanh] lại chẳng có căn cơ, đã bao hàm ý nghĩa [toan] “chấm dứt sự giáo hóa” trong ấy.

Phần thứ nhất, “thí dụ về bỏ mấy loại giáo hóa” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.2. *Thí dụ về dùng xe*

Sánh ví chuyện nghĩ “giống như chư Phật, dùng tam thừa [để giáo hóa], sẽ tương xứng với cơ nghi”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.2.1. *Thí dụ về toan dùng ba loại xe*

Đây là thí dụ về chuyện [Phật Thích Ca] suy nghĩ quá khứ chư Phật cũng dùng ba thừa để giáo hóa như đã nói trong phần trước.

(Kinh) Nhĩ thời, trưởng giả tức tác thị niệm: “Thử xá dĩ vi đại hỏa sở thiêu. Ngã cập chư tử nhược bất thời xuất, tất vị sở phân! Ngã kim đương thiết phương tiện, linh chư tử đẳng đắc miễn tư hại”.

(經)爾時，長者即作是念：「此舍已為大火所燒。我及諸子若不時出，必為所焚！我今當設方便，令諸子等得免斯害」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trưởng giả liền nghĩ như thế này: “Nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy. Ta và các con nếu chẳng kịp thời thoát ra, ắt bị lửa đốt! Ta nay nên lập phương tiện khiến cho các con tránh khỏi nỗi hại này”).

Công năng giáo hóa của Đại Thừa là mạng của cha. Chúng sanh được tốt lành to lớn chính là mạng của con. Nếu sự tốt lành to lớn bị chấm dứt, tức là con mất mạng. Mạng của con đã đoạn thì công giáo hóa cũng phế, tức là mạng cha bị đoạn! Vì thế nói “*nhược bất thời xuất, tất vị hỏa sở phân*” (nếu chẳng kịp thời thoát ra, ắt sẽ bị lửa đốt). Trong đoạn trước, kinh văn đã nói “*năng ư sở thiêu chi môn an ổn đắc xuất*” (có thể từ cái cửa đang bị cháy mà an ổn thoát ra), ở đây sao lại nói “*nhược bất thời xuất, tất vị hỏa sở phân*”? Những người thoát ra trong phần trước chính là Pháp Thân xuất. Nay nói “*nhược bất thời xuất*” (nếu chẳng kịp thời thoát ra), tức là Ứng Thân có cùng bệnh. Chúng sanh khổ sở, có điều thiện, sẽ cùng với Ứng Thân thoát ra. Nếu chúng sanh đoạn mất điều thiện, sẽ chẳng cùng Ứng Thân đứng lúc thoát ra, tức là sẽ đều bị thiêu đốt. Ấy là vì muốn dùng Ứng Thân để hóa độ, khiến cho họ đứng lúc thoát ra. “*Ngã kim đương thiết phương tiện*” (Ta nay nên lập phương tiện) tức là suy tính muốn thực hiện pháp Quyền.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.2.2. Thí dụ về chuyện đã sẵn biết tâm con ưa thích điều gì

Sánh ví chuyện “*khi tư duy như thế, mười phương chư Phật đều hiện*” trong phần trước.

(Kinh) Phụ tri chư tử tiên tâm, các hữu sở hảo種種珍玩奇異之物，情

(經)父知諸子先心，各有所好種種珍玩奇異之物，情必樂著。

(Kinh: *Cha biết tánh các con, mỗi đứa đều ưa thích các thứ quý báu, lạ lùng, [nếu có vật như thế], lòng chúng nó ắt sẽ ưa thích).*

Xưa kia từng tu tập Tiểu pháp, đó là “*tiên tâm*” (tâm trước kia). [Mỗi cá nhân] tánh tình, ham muốn khác nhau, tức là mỗi người có sở thích riêng. Lại nữa, chúng sanh xưa kia từng tu tập Đại pháp, nhưng tu tập Đại pháp chưa nòng hậu. Đó chính là nhược điểm to lớn. Ưa thích, hâm mộ Niết Bàn thì là “*mạnh mẽ chút ít*”. Như ngài Thân Tử thoái thất nơi lục tâm (tâm hành Lục Độ), biết nơi Bồ đề đã tu tập Đại pháp thì gọi là “*biết tiên tâm*”. Biết họ lui sụt, hâm mộ Niết Bàn, gọi là “*tri các hữu sở hạo*” (biết mỗi người đều có điều ưa thích riêng).

3.3.1.2.2.1.2.2.3. Thí dụ về chuyện ưa thích ba loại xe hiếm có

Sánh ví “tư duy chuyện trên đây đã xong, liền đến Ba La Nại”
V.V...

(Kinh) *Nhi cáo chi ngôn: “Nhữ đẳng sở khả ngoạn hảo, hy hữu nan đắc. Nhữ nhược bất thủ, hậu tất ưu hối! Như thị chủng chủng dương xa, lộc xa, ngư xa, kim tại môn ngoại, khả dĩ du hý. Nhữ đẳng ư thử hỏa trạch, nghi tốc xuất lai, tùy nhữ sở dục, giai đương dĩ nhữ”.*

(經)而告之言：「汝等所可玩好，希有難得。汝若不取，後必憂悔！如此種種羊車，鹿車，牛車，今在門外，可以遊戲。汝等於此火宅，宜速出來，隨汝所欲，皆當與汝」。

(Kinh: *Bèn bảo rằng: “[Cha có] những thứ mà các con sẽ ưa thích, hiếm có²⁰⁴, khó được. Nếu các con không lấy, sau này ắt sẽ buồn rầu, hối hận²⁰⁵. Các thứ xe dê, xe nai, xe trâu²⁰⁶ như thế nay đặt ngoài*

²⁰⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là sánh ví phương tiện trong tam thừa, là pháp bảo để xuất thế, cho nên quý báu, lạ lùng”.

²⁰⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là sánh ví: Đối với quả vị tam thừa, nếu chẳng thừa dịp gặp Phật mà hăng hái tu tập hồng chứng đạo quả, sau này ắt sẽ buồn rầu, ân hận”.

cửa, có thể dạo chơi²⁰⁷. Các con đang ở trong nhà lửa này, hãy nên mau thoát ra, tùy theo lòng muốn, sẽ đều cho con”).

Từ “*nhữ đẳng sở khả*” (các con có thể) trở đi là sánh ví sự Khuyển Chuyển. Từ “*như thị chủng chủng*” (các thứ trở đi), sánh ví Thị Chuyển. “*Tùy nhữ sở dục giai đương dĩ nhữ*” (Tùy theo lòng muốn của các con, sẽ đều ban cho) chính là sánh ví Chứng Chuyển.

Hỏi: - Ba loại xe, hai loại người được sai khiến²⁰⁸, một hóa thành, thành có, xe không, đều nhằm sánh ví phương tiện, sao lại khác nhau?

Đáp: - Phàm lập ra thí dụ, mỗi thí dụ đều thuận theo một nghĩa, chớ nên chấp vào một cách, rồi ngò vức các cách [sánh ví] khác! Tách ra thành một, hai, hay ba, chỉ là gộp lại hay tách ra, vì sự tín giải đối với tam châu khác biệt, cho nên có sai khác, nhưng đều nhằm thí dụ phương tiện, nghĩa lý chẳng khác! Xe do nêu chung phương tiện (tam thừa), cho nên có ba. Người được sai khiến thì do đối ứng riêng với từng sự khó khăn, cho nên có hai. “*Thành*” thì do đối với hai hay ba chỗ, cho nên có một. Hãy nên biết: Thành cũng do người mà có hai. Vì thế nói theo chỗ ngưng dứt bèn nói tới hai²⁰⁹. Nếu nói theo chỗ khó khăn thì xe cũng chỉ có hai loại (nan hành và dị hành). “*Người được sai khiến*” xét theo ý nghĩa cũng kiêm Bồ Tát. Cả ba điều ấy đều có “*nhân, giáo, lý, hạnh*”. “*Thành*” nếu nói là “*hóa*”, thì cũng là chẳng có! Xe do tạo tác, cho nên

²⁰⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Xe dê chậm chạp, ví như quả Thanh Văn. Xe nai chạy nhanh hơn, ví như quả Duyên Giác. Xe trâu chở nặng, ví như quả Bồ Tát. ‘Ở ngoài cửa’: Sánh ví vượt ra ngoài tam giới*”.

²⁰⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Đây là sánh ví có thể vận dụng tam thừa [để thoát khỏi tam giới]. Hỏi: - Tam thừa có tác dụng chuyển chở hành nhân thoát lìa sanh tử. Nay đã ở ngoài cửa sanh tử, còn dùng Thừa để làm gì? Đáp: - Tam thừa đều là phương tiện giả lập, hoàn toàn chẳng phải là có thật. Nhưng đi trên con đường sanh tử, nếu đã thật sự vượt ra ngoài cửa sanh tử, lại thả chiếc bè Từ qua lại sanh tử, rong ruổi trong Ngũ Ấm, vẫn phải dùng đến tam thừa để hóa độ. Do vận dụng tự tại, nên nói là du hý*”.

²⁰⁸ Hai loại người sai sử chính là hai loại người được ông trưởng giả sai khiến trong phẩm Tín Giải:

1. Khi đưa con nghèo mon men đến chỗ cha tính xin làm mướn, thấy cha giàu sang, oai thế, sợ hãi lánh đi. Cha trông thấy, sai người hầu bắt lại. Con sợ bị phạt tội, ngất xỉu. Cha liền bảo họ thả cho đưa con đi.
2. Sau đó sai kẻ hầu hình sắc tiêu tụy, không có oai đức đến rủ con tới làm công cho cha.

²⁰⁹ “*Ngưng dứt*” ở đây là diệt độ. Do có Thiên Chân Niết Bàn và Vô Dư tịch tịnh Niết Bàn rốt ráo, nên nói là “*thành có hai*”.

vẫn có. Người được sai khiến nếu xét theo Quyền thì cũng là tương đồng, cho nên cũng có! Do Quyền vốn chẳng thật, cho nên [người được sai khiến] cũng là không! Đối chiếu giữa Quyền và Thật, đều bao gồm bốn câu: “Do quyền biến hóa hiện, cho nên đều có. Xét theo Thật nghĩa thì đều là không. Do đều thông với Quyền và Thật, cho nên vừa có vừa không. Đồng ước theo một Lý, cho nên cả hai đẳng đều phé (chẳng có, chẳng không)”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4. Thí dụ [mỗi loại xe] đều phù hợp với ý nguyện của các con

Sánh ví sự “thọ hành ngộ nhập” trong phần trước, tức là chuyển pháp luân v.v...

(Kinh) Nhĩ thời, chư tử văn phụ sở thuyết trân ngoạn chi vật, thích kỳ nguyện cố, tâm các dũng nhuệ, hổ tương thôi bài, cạnh cộng trì tảo, tranh xuất hỏa trạch.

(經)爾時，諸子聞父所說珍玩之物，適其願故，心各勇銳，互相推排，競共馳走，爭出火宅。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các con nghe cha nói có món đồ chơi quý báu, xứng với lòng mong ước, tâm đều hăng hái, xô đẩy lẫn nhau, đua nhau rảo chạy, tranh nhau ra khỏi nhà lửa).

Kệ tụng trong phần trước vốn giản lược. Trong phần này, nói thí dụ căn kẽ, nêu chi tiết tướng trạng từ tu nhân cho tới đắc quả. Nói “*thích kỳ nguyện*” (xứng với lòng mong ước) tức là căn cơ và giáo pháp tương xứng, tức Văn Huệ (Tứ Niệm Xứ). “*Dũng nhuệ*” (Hăng hái) chính là Tư Huệ. Tâm tư dấy lên suy nghĩ, chính là phương tiện Chánh Cần (Tứ Chánh Cần). “*Hổ tương thôi bài*” (Xô đẩy lẫn nhau): Thúc đẩy bốn chân lý (Tứ Đế), trừ khử, chế phục Kiến Hoặc. Xem khắp trên dưới Bát Đế²¹⁰

²¹⁰ Pháp Tướng Duy Thúc Tông đối với Thế Tục Đế lập ra bốn tầng nghĩa (Thế Gian Thế Tục Đế, Đạo Lý Thế Tục Đế, Chứng Đắc Thế Tục Đế, Thắng Nghĩa Thế Tục Đế), và đối với Thắng Nghĩa Đế lại lập ra bốn tầng nghĩa nữa (Thế Gian Thắng Nghĩa Đế, Đạo Lý Thắng Nghĩa Đế, Chứng Đắc Thắng Nghĩa Đế, và Thắng Nghĩa Thắng Nghĩa Đế), gọi gộp chung là Bát Đế. Do nội dung của mỗi tầng quá rườm rà nên không ghi vào đây! Trong mỗi Đế ấy, lại có Tứ Thánh Đế, gọi gộp chung là ba mươi hai hạnh.

ba mươi hai hạnh, thì gọi là “*hỗ tương*” (lẫn nhau). Điều này thuộc vào Tu Huệ, thuộc các địa vị Noãn và Đảnh. “*Cạnh*” (競) là tranh giành lý thù thắng, chính là địa vị Nhẫn Pháp. Quán rút gọn lại, hướng đến Khổ Pháp Nhẫn. “*Cộng*” (共) là địa vị Thế Độ Nhất, cùng quán bất cứ hạnh nào thuộc bốn hạnh thuộc Khổ Đế, chẳng khác Khổ Pháp Nhẫn. “*Trì tẩu*” (馳走, rong ruổi): Nhập mười sáu tâm thuộc địa vị Kiến Đạo, nhanh chóng thấy Lý, sánh ví “*Niết Bàn âm*” (âm thanh Niết Bàn) trong phần trên. Kiến Đạo là đạt được một phần Niết Bàn. “*Tranh xuất*” (Giành nhau thoát ra): Tư duy đạo. Tranh nhau ra khỏi tam giới, thành tựu quả Vô Học, đoạn hết Tư Hoặc thì mới ra khỏi nhà lửa, tức là sánh ví chuyện có các danh xưng “*A La Hán, Pháp, Tăng*” sai biệt được nói trong kệ tụng thuộc phần trước (phẩm Phương Tiện).

Giải thích theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán là quán thắng vào Thật Tướng, tâm và pháp tương xứng thì gọi là “*thích kỳ nguyện*” (tương xứng lòng mong mỏi). Do cảnh vô biên, quán cũng vô biên, thì gọi là Dũng. Tâm thấu hiểu cảnh nhạy bén thì gọi là Nhuệ. Tâm và cảnh xem xét lẫn nhau, gọi là “*hỗ tương thôi bài*” (xô đẩy lẫn nhau). Tâm vương và tâm sở (tâm sở) duyên theo cảnh nhanh chóng, gọi là “*cạnh cộng trì tẩu*” (đua nhau rảo chạy), trải khắp hết Âm, Giới, Nhập v.v... không gì chẳng phải là Thật Tướng, gọi là “*ra khỏi nhà lửa*” (Xét theo giáo thì có tướng từ tu nhân cho tới chứng quả trong bốn giáo. Nay xét theo Tạng Giáo. Xét theo Quán, cũng có bốn giáo sai khác, nay chỉ xét theo Viên).

Phần thứ hai, “thí dụ về bỏ ghế, dùng xe” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3. Thí dụ về bình đẳng ban cho loại xe to

Sánh ví “*hiển Thật*” trong phần trước. Phần này chia thành bốn [tiểu đoạn]:

- Một, thí dụ cha hoan hỷ vì thấy các con thoát nạn.
- Hai, thí dụ các con đòi xe.
- Ba, thí dụ bình đẳng ban cho các cỗ xe lớn.
- Bốn, thí dụ các con được xe, hoan hỷ.

Trong bài kệ thuộc phần trên, trước là căn cơ dấy khởi, sau đó Phật hoan hỷ. Nay trước hết là Phật hoan hỷ; sau đó, con đòi xe. Kinh vẫn nói có trước sau, nhưng nghĩa chẳng có trước sau.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.1. Thí dụ cha hoan hỷ vì thấy các con thoát nạn

Sánh ví chuyện “ta nay vui mừng, không sợ hãi” [được nói] trong phần trên.

(Kinh) Thì thời, trưởng giả kiến chư tử đẳng an ổn đắc xuất, giai ư tứ cù đạo trung lộ địa nhi tọa, vô phục chướng ngại, kỳ tâm thái nhiên, hoan hỷ, dũng dục.

(經)是時，長者見諸子等安隱得出，皆於四衢道中露地而坐，無復障礙，其心泰然，歡喜，踴躍。

(Kinh: Khi đó, trưởng giả thấy các con an ổn thoát ra, đều ngồi nơi đất trống tại ngã tư đường, chẳng còn chướng ngại, tâm ý thanh thản, hoan hỷ, hớn hớ).

“Tứ cù đạo” (Ngã tư đường) sánh ví Tứ Đế Quán. “Lộ địa” (Đất trống): Các Tư Hoặc trong tam giới đều hết. “Tọa” (Ngồi): Ví như trụ trong quả, chẳng tiến lên. Các con đã thoát khỏi sự trói buộc nơi quả, cho nên chẳng còn chướng ngại, sanh ý tưởng an ổn. Vì thế, cái tâm thanh thoi. Con đã thoát nạn, cha bèn hoan hỷ.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.2. Thí dụ các con đòi xe

Sánh ví căn cơ Đại Thừa đã phát khởi, đều dùng cái tâm cung kính đến chỗ đức Phật [thỉnh pháp] như đã nói trong phần trên.

(Kinh) Thời, chư tử đẳng các bạch phụ ngôn: “Phụ tiên sở hứa ngoạn hảo chi cụ, dương xa, lộc xa, ngưu xa, nguyện thời tứ dĩ”.

(經)時，諸子等各白父言：「父先所許玩好之具，羊車，鹿車，牛車，願時賜與」。

(Kinh: Khi ấy, các con đều thưa với cha: “Trước đó, cha đã hứa cho đồ ưa thích, xe dê, xe nai, xe trâu, xin cha liền ban cho”).

Ba loại xe ví như quả vị tam thừa. Vì cầu quả tam thừa, cho nên thoát khỏi tam giới. Đã thoát khỏi tam giới, thật sự chẳng có quả tam thừa để có thể chứng. Lại nữa, thời Phương Đẳng chê trách, thời Bát Nhã đào thải. Kinh này nêu rõ “*phương tiện chẳng phải là Thật*”, cho

nên phải ân cần thỉnh ba lượt. Nói là “*đòi xe*” tức là trước đó, đã hứa [ba quả vị] quyền biến, nay chính là thỉnh cầu Nhất Thật trong hiện thời. Vì thế, nói là “*căn cơ Đại Thừa phát động*”.

Cần biết: Trong thời Phương Đẳng, nhiều lượt bị vùi dập, mà chẳng biết vì sao, nhưng căn cơ bị thôi thúc. Đến thời Bát Nhã, chuyển giáo, phó tài, nhưng chẳng biết chính mình có đạt được hay không, bèn có ý niệm tìm cầu. Nay trong hội Pháp Hoa, thốt lời thỉnh ba lượt, càng thêm thỉnh cầu mong mỏi!

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3. *Thí dụ bình đẳng thí các cỗ xe lớn cho các con*

Sánh ví thắng thùng sự “*hiển Thật*” trong phần trên: Thắng thùng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.1. *Nêu bày đề mục*

(Kinh) *Xá Lợi Phất! Nhĩ thời, trưởng giả các tứ chư tử đẳng nhất đại xa.*

(經)舍利弗！爾時，長者各賜諸子等一大車。

(Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Lúc bấy giờ, trưởng giả đều cho mỗi con một cỗ xe lớn giống như nhau.*

“*Các tứ chư tử*” (Đều cho các con): Do các con bình đẳng, tâm cha ắt bình đẳng. Ví như hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh đã đồng, bình đẳng là Phật tử. Phật tâm chẳng thiên vị! “*Đẳng nhất đại xa*” (Một cỗ xe lớn giống như nhau): Do pháp bình đẳng, không gì chẳng phải là Phật pháp. Ví như hết thầy các pháp đều là Ma Ha Diễn (Đại Thừa), tu tập đôi chút, không gì chẳng phải là diệu thừa. Chỉ vì cùng một tánh, ban cho đều có ý nghĩa bình đẳng, tức là tùy theo sự tu tập đã quen [của mỗi chúng sanh] đối với Tứ Đế, Nhân Duyên, Lục Độ, Tứ Đẳng (từ, bi, hỷ, xả), cho đến sắc tâm, nghịch thuận, y báo, chánh báo, hạnh lý, nhân quả, tự tha, giải Hoặc (cởi gỡ phiền não), lớn, nhỏ, phước huệ, vô lượng các pháp đều thuận theo sự tu tập từ trước mà khai thị chân thật. Do sự tu tập trước đó khác nhau, cho nên nói là “*các*”, đều là Ma Ha Diễn. Một nhiếp hết thầy, trọn khắp, nhập khắp. Vì thế nói là “*đại xa*”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.2. *Giải thích về xe*

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.2.1. Nói về thể chất của xe

(Kinh) Kỳ xa cao quảng, chúng bảo trang hiệu, châu tấp lan thuẩn, tứ diện huyền linh. Hựu ư kỳ thượng, trương thiết hiển cái, diệc dĩ trân kỳ tạp bảo nhi nghiêm sức chi. Bảo thành giao lạc, thùy chư hoa anh, trùng phu uyển diên, an trí đan chẩm. Giá dĩ bạch ngư, phu sắc sung khiết, hình thể xu hảo, hựu đại cân lực, hành bộ bình chánh, kỳ tật như phong. Hựu đa bộc tòng nhi thị vệ chi.

(經)其車高廣，眾寶莊校，周匝欄楯，四面懸鈴。又於其上，張設幟蓋，亦以珍奇雜寶而嚴飾之。寶繩交絡，垂諸華纓，重敷婉筵，安置丹枕。駕以白牛，膚色充潔，形體姝好，有大筋力，行步平正，其疾如風。又多僕從而侍衛之。

(Kinh: Xe đó cao rộng, trang hoàng bằng các báu, lan can vây quanh, bốn phía treo linh²¹¹. Trên đó lại căng che bày màn lọng, cũng dùng các thứ báu quý lạ để trang hoàng. Dây báu giăng xen²¹², treo rủ các chuỗi hoa, trải đệm mềm nhiều tầng²¹³, đặt gối màu đỏ²¹⁴, dùng trâu

²¹¹ “Linh” là từ ngữ gọi chung các loại chuông có quả lắc để tạo ra tiếng, trong khi chuông bát (chuông gia trì) thì gọi là đại khánh, chuông treo dùng dùi để gõ thì gọi là Chung. Linh có nhiều thứ, thường là đúc bằng đồng, chia ra làm hai loại:

- Loại có hình chuông, bên trong có treo quả lắc thường dùng tay để lắc vang ra tiếng (thường gọi là thủ linh hay dao linh). Kim Cang Linh (Drilba) của Mật Tông thuộc loại này. Loại linh này còn có thể treo quanh các tháp, các kiến trúc thờ tự, gió động sẽ vang ra tiếng. Loại linh này khác phong linh (do phong linh chế bằng nhiều chất liệu và có hình dáng khác nhau, nhưng phong linh thường là có các thanh kim loại va vào nhau, hoặc các ống kim loại, thùy tình, sành sứ, gỗ, đá v.v... để phát ra tiếng khi gió lùa qua).

- Loại có hình cầu, bên trong có một hạt cứng bằng kim loại. Loại linh này thường dùng để treo vào cổ các thú cưng (chó, mèo), hay dùng cho nhạc ngựa, nhạc lừa, hoặc đeo vào cổ chân cổ tay để nhảy múa, hay dùng như một món trang sức...

²¹² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Dùng các chất báu kết thành dây, giăng xen để giữ cho màn, lọng khỏi bị thổi bay”.

²¹³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đẹp dễ, mềm mại thì gọi là Uyển. Nệm để lót ngồi gọi là Diên. Trùng phu uyển diên là trong xe lót nhiều đệm dày êm ái”.

trắng kéo xe. [Trâu có] sắc da căng đầy, tươi tắn, sạch sẽ, hình thể đẹp đẽ, gân cốt mạnh mẽ, bước đi ngay ngắn, nhanh nhẹn như gió. Lại có nhiều tóc theo hầu, bảo vệ).

Xe giả danh có tướng cao, rộng, ví như tri kiến của Như Lai sâu xa, theo chiều ngang tròn khắp bờ mé của pháp giới, theo chiều dọc thấu triệt nguồn cội của Tam Đế (pháp giới Tam Đế tròn chẳng phải là ngang hay dọc. Tuy chẳng có ngang dọc, pháp giới xét theo phương diện tròn khắp, nói là “ngang” thì sẽ thuận tiện. Tam Đế tên khác nhau, nói là “dọc” thì sẽ thuận tiện. Hiển lộ bất nhị cho nhau, cứ suy nghĩ sẽ thấy ngay!)

“*Chúng bảo trang hiệu*” (Trang hoàng bằng các báu): Ví như được tô điểm bằng vạn hạnh. “*Châu táp lan thuẩn*” (Các lan can bao quanh): Ví như Đà La Ni, có thể gìn giữ muôn điều thiện, ngăn trở các điều ác. “*Tứ diện huyền linh*” (Bốn phía treo linh), sánh ví Tứ Vô Ngại Biện, dưới là hóa độ chúng sanh. “*Trương thiết hiển cái*” (Căng che màn, lọng²¹⁵): Ví như Tứ Vô Lượng Tâm, phạm hạnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong các đức, từ bi cao nhất, che tròn khắp hết thảy. “*Diệc dĩ trân kỳ tạp bảo nhi nghiêm sức chi*” (Cũng dùng các thứ báu quý lạ để trang hoàng): Ví như muôn điều thiện chân thật trang nghiêm lòng từ bi ấy. Vì thế, Đại Kinh nói: “*Từ nhược cụ túc Thập Lực, Vô Úy đẳng, danh Như Lai từ*” (Nếu lòng Từ tròn đủ Thập Lực, Vô Úy v.v... thì sẽ gọi là lòng Từ của Như Lai).

“*Bảo thăng giao lạc*” (Dây báu giăng xen) ví như Tứ Hoàng Thệ Nguyên, tâm đại từ kiên cố. “*Thùy chư hoa anh*” (Treo rủ các chuỗi hoa) sánh ví Tứ Nhiếp Thần Thông v.v... khiến cho chúng sanh vui sướng, mà cũng sánh ví tràng hoa Thất Giác màu nhiệm. “*Trùng phu uyển diên*” (Trải đệm mềm nhiều tầng): Sánh ví quán sát, luyện tập, huân tu hết thảy các môn Thiền, trùng điệp, mềm mại. “*An trí đan chẩm*” (Xếp đặt gối màu đỏ): “*Đan*” (丹) tức là ánh sáng đỏ, sánh ví pháp vô phân biệt. “*Chẩm*” (枕, gối) có trong và ngoài. Nếu là gối ở ngoài xe (tức đệm lót ngồi của người đánh xe), thì còn gọi là Chấn (軫).

²¹⁴ Theo pháp sư Phổ Hành, “*đan*” ở đây phải hiểu là đan dược, tức các loại dược phẩm được lót vào trong gối dựa, có tác dụng an thần, thư thái. Ở đây, chúng tôi dịch là “gối đỏ” dựa theo lời giảng của tổ Ngẫu Ích.

²¹⁵ Pháp sư Phổ Hành: “*Màn căng phủ trên xe gọi là Hiển, thứ che trên đỉnh xe được gọi là Cái*”.

Bất cứ xe đến nơi đâu, đều cần phải giữ cho chỗ đó cân bằng; ví như từ ngay trong động mà tĩnh, ngay trong tĩnh mà động. Nếu là gôi ở trong xe thì là chỗ để [hành khách] dựa mình hay tựa đầu. Ví như Nhất Hạnh tam-muội ngăn dứt hết thấy hạnh, thân, trí thủ.

“*Giá dĩ bạch ngư*” (Xe được kéo bằng trâu trắng): Sánh ví vô lậu Bát Nhã, có thể hướng dẫn hết thấy vạn hạnh như Đế, Duyên, Độ (Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ) v.v... đạt đến Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). “*Bạch*” (Màu trắng) là cái gốc của mọi màu, tương ứng với bốn tịnh vô lậu. Thẻ trọn đủ vạn đức như “*phu sung*” (da căng đầy). Chẳng nhiễm phiền não như “*sắc khiết*” (màu sáng sạch). Lại nữa, Tứ Niệm Xứ của Viên Giác là trâu trắng. Tứ Chánh Cần, hai điều thiện thế gian²¹⁶ viên mãn giống như da căng đầy. Hết sạch hai điều ác trong thế gian như màu sắc sáng sạch. Tứ Như Ý Túc xứng với hạnh, tâm như “*hình thể xu hảo*” (hình thể đẹp đẽ). “*Cân*” (Gân) ví như Ngũ Căn giữ vững, có thể sanh ra [Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ]. “*Lực*” ví như Ngũ Lực có tác dụng chế phục, dẹp trừ [phiền não]. “*Hành bộ bình chánh*” (Bước đi ngay ngắn): Ví như Định và Huệ cân bằng. Lại ví như Thất Giác Chi điều hòa, cân bằng. “*Kỳ tạt như phong*” (Nhanh lẹ như gió): Ví như hành Bát Chánh Đạo, nhanh chóng đạt đến Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí).

“*Bộc tùng*” (僕從, kẻ hầu, tùy tùng) ví như Phương Tiện Ba La Mật có thể khéo léo tùy thuận mỗi người, hầu hạ, tuân lệnh. Ma, ngoại đạo, Nhị Thừa đều thuận theo phương tiện trí mà vận dụng. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói: “*Giai ngô thị giả*” (Đều là người hầu của ta). Hơn nữa, thần thông nơi quả vị vận chuyển, sai sử tùy ý, thì gọi là “*bộc tùng*”.

Giải thích theo quán tâm, một niệm tâm tánh trong hiện tiền theo chiều dọc chẳng có trước, sau, theo chiều ngang dứt bật bờ mé, tức Không, tức Giả, tức Trung. Vì thế là “*cao*”. Trọn đủ bách giới thiên như, nên là “*quảng*” (rộng). Tánh đức nhiều hơn số cát sông Hằng, nên gọi là “*chúng bảo trang hiệu*” (trang hoàng bằng các báu). Ngoài tâm chẳng có pháp, chỉ ra cái tâm sẽ gồm thấu hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Do đó, nói là “*châu táp lan thuẩn*” (lan can bao quanh). Tâm có thể ứng trọn khắp hết thấy, diễn nói các âm giáo (các giáo pháp được diễn tả bằng âm thanh, ngôn ngữ). Vì thế gọi là “*tứ diện huyền*”

²¹⁶ Đây là nói đối ứng với Tứ Chánh Cần: Hai điều thiện thế gian chính là điều thiện đã nầy sanh và điều thiện sẽ sanh. Hai điều ác thế gian cũng giống như thế: Điều ác đã làm và điều ác sắp làm.

linh” (bốn phía treo linh). Tâm quý nhất trong các pháp, không pháp nào chẳng bao trùm. Vì thế nói là “*trương thiết hiển cái*” (căng che màn, lộng). Tâm vương quán tượng, ắt tương ứng với các thiện tâm sở²¹⁷. Vì thế gọi là “*diệc dĩ trân kỳ tạp bảo nhi nghiêm sức chi*” (cũng dùng các thứ báu quý lạ để trang hoàng). Thiện tâm và tâm sở làm đẳng vô gián duyên cho nhau; vì thế nói là “*bảo thăng giao lạc*” (dây báu giăng xen). Các tâm sở thuộc về thiện tâm sanh ra vô lượng trí huệ, phước đức; vì thế nói là “*thùy chư hoa anh*” (treo rủ các chuỗi hoa). Một niệm tâm tánh ấy trọn đủ các pháp nhu nhuỷ, khinh an trùng trùng vô tận, vì thế nói là “*trùng phu uyển diên*” (trải nhiều tầng đệm mềm mại). Quán tâm tánh này động chính là tĩnh, tĩnh chính là động, có thể động, có thể tĩnh, động và tĩnh bất nhị; vì thế gọi là “*an trí đan chẩm*” (xếp đặt gối đỏ). Lý tâm tánh do diệu quán mà hiển; vì thế nói là “*giá dĩ bạch ngư*” (xe dùng trâu trắng để kéo). Diệu quán xứng tánh trọn đủ các công đức như thế; do vậy gọi là “*phu sung*” (da dê căng đầy). Chẳng xen tạp phiền não; vì thế gọi là “*sắc khiết*” (màu sạch sẽ). Viên dung tự tại; vì thế nói là “*hình thể xu hảo*” (hình thể đẹp đẽ). Viên quán có thể sanh trưởng thiện căn mạnh nhất, cho nên có “*đại căn*” (gân cốt mạnh mẽ). Viên quán có thể dẹp tan hết thảy các ái kiến thuộc giới nội và giới ngoại nhất, cho nên “*hữu đại lực*” (có sức mạnh to lớn). Viên quán chính là Chỉ, chính là Quán, Định và Huệ chẳng hai. Vì thế, nói là “*hành bộ bình chánh*” (bước đi ngay ngắn). Viên quán xứng tánh vô tác, mặc tình nhập vô công dụng đạo. Vì thế nói là “*kỳ tạt như phong*” (nhanh nhẹn như gió). Viên quán nhiếp trọn khắp các pháp, hết thảy các pháp đều mặc tình viên quán sai khiến. Vì thế nói là “*hựu đa bộc tòng nhi thị vệ chi*” (lại có nhiều tôi tớ theo hầu, bảo vệ).

Hãy nên biết Thể của cái xe chẳng cao, chẳng rộng, mà luận bàn cao rộng, tức chánh nhân lý tánh. Trâu trắng chính là liễu nhân huệ tánh. Các vật dụng tức duyên nhân thiện tánh. Ba pháp chẳng ngang dọc, không phải là cùng một chỗ hay khác biệt, chẳng thể nghĩ bàn, thì gọi là Phật Thừa. Hết thảy chúng sanh chỉ có Tánh Đức Phật Thừa, nghe Phật Thừa ấy, sẽ có thể sanh tín giải, đó là Danh Tự Phật Thừa. Niệm nào cũng đều quán tâm, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, thô cấu rơi rụng trước, sáu căn thanh tịnh, chính là Tương Tự Phật Thừa. Khai thị ngộ

²¹⁷ Theo Bách Pháp Minh Môn Luận, Thiện tâm sở bao gồm mười một pháp: Tín, Tinh Tấn (Cần), Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Khinh An, Chảnh Phóng dật, Hành Xả, và Bất Hại.

nhập, dạo chơi bốn phương, tức là Phần Chứng Phật Thừa, “*đến thẳng đạo tràng*”. Các hạnh đều dứt, tức là đạt đến Cứu Cánh Phật Thừa. Tự hạnh đã mãn, chuyên chở người khác chẳng nghỉ ngơi, tốt cùng thời vị lai, lợi lạc vô tận. Đó là “*xe trâu trắng lớn*” hiệu theo quán tâm.

Lại nữa, trong đoạn kinh văn này, trọn đủ quán pháp thuộc mười thừa. Xe ấy cao rộng, tức là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Trâu trắng gồm thân trọn vẹn các Độ làm Thể [của cái xe ấy]. “*Căng che màn lộng*” tức là thật sự phát Bồ Đề tâm. Do vì đại từ, ban cho khắp mười pháp giới niềm vui của Đạo và Diệt. Do vì đại bi, dẹp trừ trọn khắp nỗi khổ vì Khổ và Tập của mười pháp giới. “*Xếp đặt gối đỡ bên trong [thùng xe]*” tức là khéo xếp đặt Chỉ Quán, có thể nằm, có thể ngồi, khéo tự điều hòa cho thích đáng. “*Nhanh nhẹn như gió*” tức là phá trọn khắp các pháp. Nhất tâm tam quán, không Hoặc nào chẳng phá. “*Xếp đặt gối đỡ bên ngoài*” tức là khéo biết thông, tắc: Đi được thì đi, nên dừng bèn dừng. “*Xe kéo bằng trâu trắng*” tức là đạo phẩm điều hòa thích đáng. Ba mươi bảy phẩm viên mãn, màu nhiệm như đã nói trong phần trước. “*Bộc tung thị vệ*” tức là đối trị nhằm giúp cho sự khai hiển. Dùng các thứ phương tiện trong ba giáo trước để giúp hiển lộ Độ Nhất Nghĩa. Đã nói “*bước đi ngay ngắn*”, ắt dạo bốn phương, đến đạo tràng. Trọn chẳng đem phàm lạm thánh, tức là có thể biết địa vị thứ tự. Đã nói “*hữu đại cân lực*” thì nhất định có thể an nhẫn các chướng trong, ngoài, thuận, nghịch. Đã nói “*nhanh nhẹn như gió*”, ắt chẳng đắm nhiễm các pháp ái tương tự đạo. Thượng căn thì chỉ quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn, trong một pháp, ngộ trọn vẹn mười pháp. Trung căn thì từ hai đến sáu, trong bất cứ pháp nào, cũng đều ngộ trọn vẹn mười pháp. Hạ căn lần lượt dùng trọn mười pháp thì mới được khai ngộ. Xét trong toàn thể giáo quán, không gì quan trọng hơn điều này. Hãy suy nghĩ, tu tập.

Lại nữa, xe này cao rộng, tức là Thể như thế. Các thứ Độ trọn vẹn là tướng như thế. Trâu trắng chính là Tánh như thế. Đó là ba pháp thuộc Tánh Đức, chúng sanh và Phật bình đẳng. Nếu thấu hiểu pháp ấy, đạt tới Ngũ Phẩm, Thập Tín, thì gọi là Lực như thế và Tác như thế. Nếu đạt tới “*khai, thị, ngộ, nhập*” thì gọi là Nhân như thế và Duyên như thế. Nếu đạt tới địa vị tốt cùng là Diệu Giác thì gọi là Quả như thế và Báo như thế. Chúng sanh trọn đủ ba pháp ấy thì gọi là Bồn (gốc). Như Lai tu đắc ba pháp thì gọi là Mạt (ngọn). Tánh Đức và tu đắc chẳng hai, chẳng khác, gọi là Cứu Cánh Đẳng (rót ráo bình đẳng). Vì thế, xe trâu trắng lớn ai nấy đều có, há liên quan gì đến chuyện Phật ban thưởng? Nhưng nếu đức Phật chẳng nói ra, [chúng sanh] sẽ hằng ngày sử dụng mà chẳng

biết. Lại nữa, chẳng do Pháp Hoa khai hiển, thì đối với cái được gọi là “*độc nhất Đại Thừa*” vượt xa chín pháp giới, ai sẽ biết tam thừa là pháp được thực thi quyền biến, cho đến y báo, chánh báo, sắc, tâm, Hoặc nghiệp, khổ v.v... của thế gian, không gì chẳng phải là Ma Ha Diễn (Đại Thừa)!

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.2.2. Giải thích nguyên do có xe

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thị đại trưởng giả tài phú vô lượng, chủng chủng chư tạng tất giai sung dật.

(經)所以者何? 是大長者財富無量, 種種諸藏悉皆充溢。

(Kinh: Vì có sao vậy? Vị đại trưởng giả ấy của cải vô lượng, các thứ kho tàng thấy đều đầy ắp).

Do của cải đầy kho, cho nên có thể thưởng cho mỗi đứa con cỗ xe to giống hệt nhau. Của cải vô lượng ví như phước huệ viên mãn nơi quả địa. “*Các thứ kho tàng*” chính là Hạnh Tạng và Lý Tạng. Hết thấy các pháp quy vào Đàn (bồ thí), chẳng vượt ra ngoài được. Giới, Nhẫn v.v... cũng đều như thế. Đó là coi hạnh là Như Lai Tạng. Hết thấy các pháp hướng đến Sắc, nhưng chẳng hướng đến được. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cho đến Giới, Nhập v.v... cũng như thế. Đó là dựa theo Lý để giải thích Như Lai Tạng. Tự hành Hạnh và Lý ấy thì gọi là Sung. Hóa độ người khác thì gọi là Dật. Thật Trí viên mãn thì gọi là Sung, vận dụng Quyền Trí thì gọi là Dật. Nhập Trung Đạo là Sung, song chiếu nên gọi là Dật. Không chỉ là chất chứa nhiều, mà còn đều đầy ắp, có pháp nào chẳng phải là Ma Ha Diễn (Đại Thừa)? Vì thế, Đại Thừa vô lượng (Ám, Giới, Nhập v.v... lấy bất cứ một pháp nào, không gì chẳng phải là Lý Tạng. Thấu đạt Lý Tạng ấy, cho nên khiến cho các Độ đều trở thành Hạnh Tạng. Chẳng thấu đạt Lý Tạng ấy, uổng công tu các hạnh).

Phần thứ hai, “giải thích các xe bình đẳng” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.3. Giải thích tâm bình đẳng

(Kinh) Nhi tác thị niệ: “Ngã tài vật vô cực, bất ưng dĩ hạ liệt tiểu xa dữ chư tử đẳng. Kim thử ấu đồng giai thị ngộ tử, ái vô thiên

đẳng. Ngã hữu như thị thất bảo đại xa, kỳ số vô lượng. Ứng đương đẳng tâm các các dữ chi, bất nghi sai biệt. Sở dĩ giả hà? Dĩ ngã thử vật châu cấp nhất quốc, do thượng bất quý, hà hướng chư tử?”

(經)而作是念：「我財物無極，不應以下劣小車與諸子等。今此幼童皆是吾子，愛無偏黨。我有如是七寶大車，其數無量。應當等心各各與之，不宜差別。所以者何？以我此物周給一國，猶尚不匱，何況諸子？」

(Kinh: Bèn nghĩ như thế này: “Ta có của cải vô cực, chẳng nên đem xe nhỏ xấu kém cho các con. Nay những đứa trẻ bé bỏng này đều là con của ta, yêu thương chẳng thiên vị. Ta có xe lớn bảy báu như thế, số tới vô lượng. Tâm hãy nên bình đẳng ban cho mỗi đứa con, chớ nên sai khác. Vì lẽ nào vậy? Do các vật của ta đem châu cấp cả một nước vẫn chưa thiếu hụt, hà hướng các con ư?”)

Giả sử giàu có nhưng [người nhận] chẳng phải là con, chắc sẽ keo kiệt. Giả sử [người nhận] là con, nhưng [cha] nghèo nàn, chắc sẽ chẳng thể châu cấp. Nay tự hành đã mãn, cho nên của cải vô lượng. Hóa duyên đã chín muồi, cho nên đối với con chẳng thiên vị đứa nào, bèn nói “các các dữ chi” (đều cho mỗi đứa con). Chẳng thay đổi bản tập (sự tu tập vốn có) mà chỉ bày chân thật. Như ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) từ trí huệ mà khai tri kiến của Phật, trọn đủ hết thấy Phật pháp. Ngài Mục Liên do thần thông mà khai tri kiến của Phật, trọn đủ hết thấy Phật pháp. Những vị khác có thể phỏng theo đó mà biết.

Lại nữa, hết thấy các giáo thuộc Phương Đẳng, Bát Nhã v.v..., Niệm Xứ, Chánh Cần, Căn, Lực, Giác, Đạo v.v... hết thấy các hạnh, các thứ tên gọi khác nhau, đều nhằm khai thị Thật Tướng. Cho đến đối với hết thấy các pháp, cũng đều như thế. Vì thế nói “kỳ số vô lượng” (số ấy vô lượng). Từ “sở dĩ giả hà” (vì có sao thế) trở đi, nêu tỷ dụ để giải thích. “Nhất quốc” là sánh ví cõi Tịch Quang lý tánh. “Chư tử” (Các con) ví như những người kết duyên trong cõi Đồng Cư. Trước hết, nhằm giải thích có nhiều tài sản, cho cả một nước còn đủ, hướng hồ cho các con! Ví như đại viên nhân bao gồm trọn khắp thiện, ác, lợi ích trọn khắp pháp giới, Lý cũng chẳng cùng tận, hướng hồ những người kết duyên trong cõi Đồng Cư!

Kể đó, giải thích “các con”. Đối với những kẻ chẳng phải là con mà vẫn trọn đủ, hưởng hồ là đối với con! Ví như kẻ vô duyên mà đức Phật vẫn độ, hưởng hồ người hữu duyên ư? Nói tới những kẻ chẳng phải là con, nhằm loại trừ các duyên bất đồng nơi chánh nhân. Vì thế, bèn nói theo kiểu ngăn chặn thì là “phi” (chẳng phải, tức là nói có phân biệt giữa “con” và “chẳng phải con”). Nhưng lòng Từ của Phật phủ khắp, rót ráo chẳng thiên vị, hưởng hồ đối với con là những kẻ đã kết duyên [mà chẳng hóa độ] ư? Xét theo vô duyên đại từ, đối với lý vốn sẵn có, hết thấy chúng sanh, không ai chẳng phải là Phật tử! Xét theo hóa nghi để nói, do đời trước chưa kết duyên, cho nên [kẻ như vậy] chẳng phải là con! Như Lai thường ban cấp, nhưng bản thân con chẳng trở về. Đại từ đều che chở trọn hết; vì thế nói là “*châu cấp*”.

Trời, người dù thiện hay ác, bản thể chính là pháp giới. Vì thế, cái xe thuộc về quả của cha chính là cái xe thuộc về Lý của con. Chỉ mở ra tình kiến ấy, giả danh “*bình đẳng ban cho*” chúng sanh vô tận, xe vẫn chẳng cùng tận. Do chẳng cùng tận, cho nên chẳng thiếu hụt. Do chẳng thiếu hụt, cho nên chẳng thiên vị. Hư vọng mê thì là “đóng lại”, ngộ vốn chẳng phải là “mở ra”. “*Đối với kẻ vô duyên còn độ*”: Con đã kết duyên, tức là kẻ đã kết duyên từ trước, nay [duyên ấy] chín muồi bèn được độ thoát. Đối với đứa con thuộc về chánh nhân là kẻ chưa kết duyên, bèn vì họ gieo chủng tử. Nhiều lượt gieo, nhiều lượt chín muồi, nhiều lượt giải thoát cho đến cùng tận vị lai, chẳng có lúc nào xong! Đó gọi là “vị trưởng giả cha lành xuất thế đại từ bi”.

Phần thứ ba, “bình đẳng thí cho các con cỗ xe lớn” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.4. Các con được xe đều hoan hỷ

Sánh ví sự “thọ hành, ngộ nhập, lưới nghi đều đã trừ” v.v... đã nói trong phần trên.

(Kinh) Thị thời, chư tử các thừa đại xa, đắc vị tăng hữu, phi bổn sở vọng.

(經)是時，諸子各乘大車，得未曾有，非本所望。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các con đều ngồi xe lớn, đạt được điều chưa từng có, vốn chẳng phải là điều mong mỏi).

Vốn cầu các loại xe dê, xe nai, xe trâu, mong thoát khỏi Phần Đoạn [sanh tử], nay được xe trâu trắng, hết sạch Biến Dịch [sanh tử], vượt quá điều mình vốn mong mỏi, há chẳng hoan hỷ?

Phần thứ ba, “bình đẳng thí cỗ xe lớn” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4. Thí dụ chẳng hư vọng

Sánh ví điều chẳng hư dối trong phần trên, khiến cho [thính chúng] chẳng ngờ vực pháp bí yếu của đáng pháp vương.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4.1. Gạn hỏi

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư' nhữ ý vân hà? Thị trưởng giả đẳng dĩ chư tử trân bảo đại xa, ninh hữu hư vọng phủ?

(經)舍利弗！於汝意云何？是長者等與諸子珍寶大車，寧有虛妄不？」

(Kinh: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vị trưởng giả ấy bình đẳng cho các con cỗ xe lớn quý báu, há có hư vọng hay chẳng?)

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4.2. Trả lời

(Kinh) Xá Lợi Phất ngôn: “Bất dã, Thế Tôn! Thị trưởng giả dẫn linh chư tử đắc miễn hỏa nạn, toàn kỳ khu mạng, (tắc tiện) phi vi hư vọng. Hà dĩ cố? Nhược toàn thân mạng, tiện vi dĩ đắc ngoạn hảo chi cụ, hướng phục phương tiện ư bỉ hỏa trạch nhi bạt tế chi.

(經)舍利弗言：「不也，世尊！是長者但令諸子得免火難，全其軀命，（則便）非為虛妄。何以故？若全身命，便為已得玩好之具，況復方便於彼火宅而拔濟之。

(Kinh: Xá Lợi Phất thưa: - Bạch Thế Tôn! Không ạ! Ông trưởng giả ấy chỉ khiến cho các con thoát khỏi nạn lửa, bảo toàn thân mạng của chúng nó thì đã là chẳng hư vọng. Vì sao vậy? Nếu thân mạng được bảo toàn thì chính là đã được món đồ chơi tốt đẹp, hướng hồ còn dùng phương tiện cứu vớt [chúng nó] thoát khỏi nhà lửa).

Đồ chơi đáng ưa thích trong thế gian, có gì trọng hơn mạng người? Được toàn vẹn thân mạng tức là chẳng hư vọng. Huống hồ còn tốn công [thực hiện] bao nhiêu thứ phương tiện để [các con] được cứu bạt, há có nên trách móc trưởng giả là hư vọng ư? Ý nghĩa rõ ràng là [đức Phật nói ra ba thừa] chỉ nhằm [dẫn dụ], khiến cho toàn thể [hành nhân] Tiểu Thừa sẽ đắc năm phần Pháp Thân, nhập Không huệ mạng, tức là đã đạt được các thứ đồ chơi ưa thích từ trước. Huống chi Ngài còn dùng phương tiện cứu vớt, khiến cho họ đắc Pháp Thân huệ mạng của Đại Thừa ư? Thoát nạn thì gọi là “*chẳng hư dối*”, cũng gọi là “dùng nặng để đoạt nhẹ, chẳng hư dối” vậy.

(Kinh) Thế Tôn! Nhược thị trưởng giả nãi chí bất dữ tối tiểu nhất xa, do bất hư vọng. Hà dĩ cố? Thị trưởng giả tiên tác thị ý: “Ngã dĩ phương tiện, linh tử đắc xuất”. Dĩ thị nhân duyên, vô hư vọng dã. Hà huống trưởng giả tự tri tài phú vô lượng, dục nhiều ích chur tử đẳng dữ đại xa”.

(經)世尊！若是長者乃至不與最小一車，猶不虛妄。何以故？是長者先作是意：「我以方便，令子得出」。以是因緣，無虛妄也。何況長者自知財富無量，欲饒益諸子等與大車」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Nếu vị trưởng giả ấy thậm chí chẳng cho một cỗ xe nhỏ nhất, vẫn chẳng hư vọng. Vì sao vậy? Vị trưởng giả ấy trước đó đã nghĩ như thế này: “Ta dùng phương tiện khiến cho các con thoát ra”. Do nhân duyên ấy, chẳng hư vọng. Huống chi ông trưởng giả tự biết của cải vô lượng, muốn tạo lợi ích rộng lớn cho các con mà bình đẳng ban cho cỗ xe lớn).

Về phía ông trưởng giả, do chẳng trái nghịch bản tâm, cho nên chẳng hư vọng. Nơi các con, do vượt quá điều họ mong mỏi, cho nên chẳng hư vọng.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4.3. Trần thuật lời tán thán

(Kinh) Phật cáo Xá Lợi Phất: - Thiện tai! Thiện tai! Như như sở ngôn.

(經)佛告舍利弗：「善哉！善哉！如汝所言。」

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói).

Nói “*thiện tai*” trùng lặp nhằm trần thuật hai đằng đều chẳng hư vọng.

Hỏi: - Sao Phật chẳng tự nói không hư vọng?

Đáp: - Phật hứa ba mà cho một, tự nói [chính mình chẳng hư vọng] sẽ khó khăn (đại chúng nghe nói như vậy sẽ khó chấp nhận). Ngài Thân Tử nói Phật chẳng hư vọng, do niềm tin đã xác lập, cho nên trở thành dễ dàng.

Phần thứ nhất “lập thí dụ” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2. Đối ứng thí dụ với pháp (chỉ ra ý nghĩa biểu thị pháp)

3.3.1.2.2.1.2.1. Đối ứng Tổng Thí với pháp

3.3.1.2.2.1.2.1.1. Đối ứng ba thí dụ như “trưởng giả” với pháp

Tuy chẳng theo đúng thứ tự với thí dụ đã lập trên đây, nhưng ý nghĩa chẳng thiếu sót.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai diệc phục như thị, tắc vi nhất thiết thể gian chi phụ. Ư chư bố úy, suy não, ưu hoạn, vô minh ám tế, vĩnh tận vô dư, nhi tất thành tựu vô lượng tri kiến, lực, vô sở úy, hữu đại thần lực, cập trí huệ lực, cụ túc phương tiện trí huệ Ba La Mật, đại từ, đại bi, thường vô giải quyền, hằng cầu thiện sự, lợi ích nhất thiết, nhi sanh tam giới hủ cố hỏa trạch.

(經)舍利弗！如來亦復如是，則為一切世間之父。於諸怖畏，衰惱，憂患，無明闇蔽，永盡無餘，而悉成就無量知見，力，無所畏，有大神力，及智慧力，具足方便智慧波羅蜜，大慈，大悲，常無懈倦，恆求善事，利益一切，而生三界朽故火宅。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như Lai cũng giống như thế, là cha của hết thảy thế gian. Trong các sợ hãi, suy não, lo buồn, vô minh, tối tăm,

che lấp, vĩnh viễn hết sạch chẳng sót, mà trọn thành tựu vô lượng tri kiến, lực, vô sở úy, có đại thần lực, và sức trí huệ, trọn đủ phương tiện trí huệ Ba La Mật, đại từ, đại bi, thường chẳng lười mỏi, luôn cầu thiện sự, lợi ích hết thấy, cho nên sanh trong nhà lửa tam giới cũ nát).

Như Lai tương ứng với thí dụ về trưởng giả. “*Lợi ích nhất thiết*” (Lợi ích hết thấy): “*Hết thấy*” tương ứng với thí dụ về năm trăm người. “*Nhi sanh tam giới hủ cố hóa trạch*” (Mà sanh trong nhà lửa tam giới cũ nát) kết hợp với thí dụ về nhà cửa. “*Tắc vi nhất thiết thế gian chi phụ*” (Là cha của hết thấy thế gian): Chỉ chung ba cõi Đồng Cư, Phương Tiện và Thật Báo, tương ứng với thí dụ về quốc, ấp, tụ lạc. “*Ư chư bố úy... Vĩnh tận vô dư*” (Trong các sợ hãi... Vĩnh viễn hết chẳng còn sót): Hiện thị Đoạn Đức của Phật. “*Nhi tất thành tựu vô lượng tri kiến*” (Đều thành tựu vô lượng tri kiến): Hiện thị Trí Đức của Phật, tương ứng với thí dụ nội đức “*kỳ niên suy mại*” (tuổi cao, già suy) trong phần trên. “*Lực, vô sở úy*” tương ứng với ngoại đức “của cải vô lượng” trong phần trước. “*Hữu đại thần lực*” (Có đại thần lực): Do tu Thiên Định sâu xa mà đạt được, tương ứng với “nhiều ruộng” trong phần trên. “*Cập trí huệ lực*” (Và sức trí huệ): Trí ắt chiếu cảnh, như chỗ để gởi thân, tương ứng với “nhiều nhà cửa” trong phần trên. “*Cụ túc phương tiện*” (Trọn đủ phương tiện) tương ứng với “*đa chư bộc tòng*” (có nhiều tôi tớ) trong phần trên. Đại từ, đại bi v.v... tương ứng với “*đa chư nhân chúng*” (có nhiều người) trong phần trên, cho đến năm trăm người, vì lòng từ bi nên độ nhiều. “*Tam giới*” chính là “*nhà ấy rộng lớn*”.

3.3.1.2.2.1.2.1.2. Đối ứng ý nghĩa biểu pháp của ba thí dụ như ba mươi đứa con v.v...

(Kinh) *Vị độ chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, ngu si ám tế, tam độc chi hỏa, giáo hóa linh đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

(經)為度眾生，生，老，病，死，憂悲，苦惱，愚癡闇蔽，三毒之火，教化令得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: *Vì độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, ngu si, tối tăm che lấp, tam độc, giáo hóa khiến cho họ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

“Vị độ chúng sanh” (Vị độ chúng sanh) là nói tới kẻ hữu duyên, tương ứng với thí dụ về ba mươi đứa con. “Sanh, lão, bệnh, tử” cho đến “tam độc chi hỏa” tương ứng với thí dụ “lửa bốc cháy”. Giáo hóa khiến cho họ đắc Bồ Đề, tương ứng với thí dụ “chỉ có một cửa”.

Phần thứ nhất, “đôi ứng ý nghĩa biểu pháp với phần Tổng Thí” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2. *Đôi ứng pháp với phần Biệt Thí*

3.3.1.2.2.1.2.2.1. *Đôi ứng pháp với thí dụ “thấy lửa”*

(Kinh) Kiến chư chúng sanh, vị sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não chỉ sở thiêu cử, diệt dĩ ngũ dục, tài lợi cố, thọ chủng chủng khổ. Hựu dĩ tham trước truy cầu cố, hiện thọ chúng khổ, hậu thọ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ chi khổ. Nhược sanh thiên thượng, cập tại nhân gian, bần cùng, khốn khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ. Như thị đẳng chủng chủng chư khổ, chúng sanh một tại kỳ trung, hoan hỷ du hý, bất giác, bất tri, bất kinh, bất bố, diệt bất sanh yếm, bất cầu giải thoát. Ư thử tam giới hỏa trạch, Đông Tây trì tảo, tuy tạo đại khổ, bất dĩ vi hoạn. Xá Lợi Phất! Phật kiến thử dĩ, tiện tác thị niệm: “Ngã vi chúng sanh chi phụ, ưng bạt kỳ khổ nạn, dữ vô lượng vô biên Phật trí huệ lạc, linh kỳ du hý”.

(經)見諸眾生，為生，老，病，死，憂悲，苦惱之所燒煮，亦以五欲，財利故，受種種苦。又以貪著追求故，現受眾苦，後受地獄，畜生，餓鬼之苦。若生天上，及在人間，貧窮，困苦，愛別離苦，冤憎會苦。如是等種種諸苦，眾生沒在其中，歡喜遊戲，不覺，不知，不驚，不怖，亦不生厭，不求解脫。於此三界火宅，東西馳走，雖遭大苦，不以為患。舍利弗！佛見此已，便作是念：「我為眾生之父，應拔其苦難，與無量無邊佛智慧樂，令其遊戲」。

(Kinh: Thấy các chúng sanh bị đốt nấu bởi sanh, lão, bệnh, tử, lo buồn, khổ não, cũng vì ngũ dục, tài lợi mà chịu các thứ khổ. Lại do tham đắm truy cầu mà nay đang hứng chịu các nỗi khổ, về sau chịu khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu sanh trên trời và nhân gian thì bận rộn, khổ, khổ vì yêu thương mà phải chia lìa, khổ vì oán ghét mà phải gặp gỡ, đủ mọi nỗi khổ như thế đó. Chúng sanh chìm đắm trong ấy, hoan hỷ vui chơi, chẳng hay, chẳng biết, chẳng hãi, chẳng sợ, cũng chẳng sanh chán ngán, chẳng cầu giải thoát. Ở trong nhà lửa ấy, rảo chạy Đông Tây, tuy gặp khổ to lớn, chẳng coi đó là điều đáng lo. Nay Xá Lợi Phất! Phật thấy điều đó rồi, liền nghĩ như thế này: “Ta là cha của chúng sanh, hãy nên dẹp nỗi khổ nạn cho họ, ban cho niềm vui trí huệ của vô lượng vô biên chư Phật, khiến cho họ được vui chơi”).

Chữ Kiến trong đoạn này tương ứng với cái thấy của ông trưởng giả trong phần trên. Từ “các chúng sanh” cho đến “các thứ khổ”, tương ứng với lửa lớn từ bốn bề bốc lên, tức là lửa tám khổ từ tứ đảo (bốn kiến chấp điên đảo) dấy lên. “Chúng sanh chìm đắm trong đó”, cho đến “chẳng coi đó là chuyện đáng lo”, tương ứng với ý nghĩa “các con chẳng có ý cầu thoát ra” trong phần trên. Chẳng quán Khổ Tập, cho nên chẳng sanh nhàm chán. Chẳng quán Đạo Diệt, cho nên chẳng cầu giải thoát. “Xá Lợi Phất! Phật kiến thử dĩ” (Nay Xá Lợi Phất! Phật đã thấy điều ấy rồi), tương ứng với “sự kinh hãi lớn lao” trong phần trên. “Dẹp trừ khổ nạn” là đại bi, “ban cho niềm vui của Phật” là đại từ.

3.3.1.2.2.1.2.2.2. Đối ứng pháp với thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1. Đối ứng thí dụ “bỏ ghế” với pháp

Chỉ đối ứng với Khuyến môn, chẳng đối ứng với Giới môn. Trong phần Pháp Thuyết trước đó, cũng chỉ khuyến thiện, chẳng nói kiêng ác. Hãy nên biết: Khuyến tu là chánh, răn ác là phụ. Lại nữa, khuyến thiện chính là răn ác, răn ác là khuyến thiện. Nay ứng hợp với khuyến thiện, phải biết cũng là tương ứng với răn ác. Kinh văn lại chia làm hai phần:

- Một là tương ứng thí dụ “bỏ ghế” với pháp.
- Hai là xét theo từng chi tiết trong thí dụ để nêu ra ý nghĩa biểu pháp tương ứng.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.1. Đối ứng thí dụ “bỏ ghế” với ý nghĩa biểu thị pháp

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai phục tác thị niệm: - Nhược ngã dẫn dĩ thần lực, cập trí huệ lực, xả u phương tiện, vị chư chúng sanh tán Như Lai tri kiến, lực, vô sở úy giả, chúng sanh bất năng dĩ thị đắc độ. Sở dĩ giả hà? Thị chư chúng sanh vị miễn sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, nhi vị tam giới hỏa trạch sở thiêu, hà do năng giải Phật chi trí huệ!

(經)舍利弗！如來復作是念：「若我但以神力，及智慧力，捨於方便，為諸眾生讚如來知見，力，無所畏者，眾生不能以是得度。所以者何？是諸眾生未免生，老，病，死，憂，悲，苦惱，而為三界火宅所燒，何由能解佛之智慧！」

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Như Lai lại nghĩ như thế này: - Nếu ta chỉ dùng thần lực và trí huệ lực, bỏ các phương tiện, vì các chúng sanh khen ngợi tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai thì chúng sanh sẽ chẳng thể do đó mà đắc độ. Vì có sao vậy? Các chúng sanh ấy chưa tránh khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não, bị nhà lửa tam giới thiêu đốt, sẽ chẳng thể do đâu mà hiểu trí huệ của Phật được!)

Các câu “*nhược ngã dẫn dĩ*” (nếu ta chỉ dùng) v.v... tương ứng với chuyện suy tính dùng pháp nào để độ trong phần trên. Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao vậy) trở đi, tương ứng với “chẳng dùng pháp nào để độ được” trong phần trước. “*Thần lực*” tương ứng với “sức nơi thân”, “*trí huệ lực*” tương ứng với “sức nơi tay”. “*Như Lai tri kiến*” tương ứng với y kích (lăng hoa), “*lực*” tương ứng với bàn, “*vô sở úy*” tương ứng với ghế. “*Vị miễn sanh, lão, bệnh, tử*” (Chưa tránh khỏi sanh, già, bệnh, chết) tương ứng với các con thơ đại trong phần trước. “*Hà do năng giải Phật chi trí huệ*” (Do đâu mà có hiểu trí huệ của Phật) tương ứng với “chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ” trong phần trước.

3.3.1.2.2.1.2.2.1.1.2. Xét theo từng chi tiết trong thí dụ để nêu ra ý nghĩa biểu pháp tương ứng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như bĩ trưởng giả, tuy phục thân thủ hữu lực, nhi bất dụng chi, dẫn dĩ ân cần phương tiện, miễn tế chư tử hỏa

trạch chi nạn, nhiên hậu các dữ trân bảo đại xa. Như Lai diệt phục như thị, tuy hữu lực, vô sở úy, nhi bất dụng chi.

(經)舍利弗！如彼長者，雖復身手有力，而不用之，但以殷勤方便，勉濟諸子火宅之難，然後各與珍寶大車。如來亦復如是，雖有力，無所畏，而不用之。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả đó tuy thân và tay có sức, nhưng chẳng dùng, chỉ dùng phương tiện ân cần, cứu giúp các con thoát nạn nhà lửa, sau đấy đều cho mỗi đứa con xe lớn quý báu. Như Lai cũng giống như thế, tuy có lực, vô sở úy, nhưng chẳng dùng).

Nêu ra thí dụ nhằm nói rõ “*ẩn Đại để thực hiện Quyền*”, sau đó mới hiển Thật. Đối ứng khít khao nhằm nêu rõ hai ý: Do chẳng có căn cơ, cho nên ẩn Đại, thì Quyền hiển Thật như sẽ được nói trong phần kinh văn kế tiếp.

Phần đầu, kết hợp thí dụ “bỏ ghê [dùng xe]” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2. Đối ứng thí dụ “dùng xe” với ý nghĩa biểu thị pháp

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.1. Dùng ba loại xe và sẵn biết tâm của các con

(Kinh) Dẫn dĩ trí huệ phương tiện, u tam giới hỏa trạch, bạt tế chúng sanh, vị thuyết tam thừa, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Thừa.

(經)但以智慧方便，於三界火宅，拔濟眾生，為說三乘，聲聞、辟支佛、佛乘。

(Kinh: Chỉ dùng phương tiện trí huệ, ở trong nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì họ nói ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, và Phật Thừa).

“*Trí huệ phương tiện*” tương ứng với chuyện suy nghĩ dùng cách nào thích hợp [để hóa độ]. “*Vị thuyết tam thừa*” (Vì họ nói ba thừa) tương ứng với chuyện sẵn biết tâm ưa thích của các con.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2. Đối ứng với pháp chuyện khen ngợi ba loại xe hy hữu

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2.1. Tương ứng với Thị Chuyển

(Kinh) Nhị tác thị ngôn: “Nhữ đẳng mặc đắc nhạo trụ tam giới hỏa trạch (Khổ Đế), vật tham thô tẻ sắc, thanh, hương, vị, xúc dã. Nhược tham trước sanh ái, tắc vì sở thiêu (Tập Đế). Nhữ tức xuất tam giới, đương đắc tam thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Thừa (Đạo Diệt nhị Đế).

(經)而作是言：「汝等莫得樂住三界火宅（苦諦），勿貪麤弊色，聲，香，味，觸也。若貪著生愛，則為所燒（集諦）。汝速出三界，當得三乘聲聞、辟支佛、佛乘（道滅二諦）。

(Kinh: Bèn nói như thế này: “Các người đừng ham ở trong nhà lửa tam giới (Khổ Đế), đừng tham sắc, thanh, hương, vị, xúc thô tẻ. Nếu tham đắm, sẽ sanh ái, sẽ bị đốt cháy (Tập Đế). Các người hãy mau ra khỏi tam giới, sẽ đạt được ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Thừa” (Đạo Đế và Diệt Đế)).

Tương ứng với ba loại xe nay đang ở ngoài cửa. Các người hãy nên mau chóng ra khỏi căn nhà lửa ấy.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2.2. Tương ứng với Chứng Chuyển

(Kinh) Ngã kim vị nhữ bảo nhậm thử sự, chung bất hư dã. Nhữ đẳng dẫn đương cần tu tinh tấn. Như Lai dĩ thị phương tiện dụ tấn chúng sanh.

(經)我今為汝保任此事，終不虛也。汝等但當勤修精進」。如來以是方便誘進眾生。

(Kinh: “Ta nay vì các người bảo đảm chuyện này, trọn chẳng hư dối. Các người chỉ nên siêng năng tinh tấn”. Như Lai dùng phương tiện ấy để khuyên dụ chúng sanh).

Tương ứng với “tùy lòng các con muốn, sẽ đều ban cho”.

3.3.1.2.2.1.2.2.1.2.2.3. Tương ứng với Khuyến Chuyển

(Kinh) Phục tác thị ngôn: “Nhữ đẳng đương tri thử tam thừa pháp, giai thị thánh sở xưng tán, tự tại vô hệ, vô sở y cầu, thừa thị tam thừa, dĩ vô lậu căn, lực, giác, đạo, Thiền Định, giải thoát, tam-muội đẳng, nhi tự ngu lạc, tiện đắc vô lượng an ổn khoái lạc”.

(經)復作是言：「汝等當知此三乘法，皆是聖所稱歎，自在無繫，無所依求，乘是三乘，以無漏根，力，覺，道，禪定，解脫，三昧等，而自娛樂，便得無量安隱快樂」

•

(Kinh: Lại nói như thế này: “Các người hãy nên biết pháp tam thừa này, đều được bậc thánh khen ngợi, tự tại chẳng trói buộc, chẳng có gì nương tựa, mong cầu, nương vào ba thừa ấy, dùng vô lậu ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, Thiền Định, giải thoát, tam-muội v.v... để tự vui sướng, liền đạt được vô lượng vui sướng an ổn”).

Tương ứng với “nhữ đẳng sở khả ngoạn hảo” (món đồ chơi các con ưa thích) trong phần trên, hy hữu, khó có. Tam thừa đều là phương tiện của chư Phật dùng làm phương cách tiếp dẫn chúng sanh. Vì thế, được bậc thánh khen ngợi. Đạt được trí vô sanh là “tự tại”. Đạt được tận trí là “vô hệ” (không trói buộc). “Sự sanh của ta đã hết, chẳng thể có hậu hữu” thì gọi là “vô sở y”. Việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, gọi là “vô sở cầu”.

“Căn, lực, giác, đạo...” gồm chung hữu lậu và vô lậu. Ba mươi bảy phẩm của địa vị Tam Hiền thuộc hữu lậu. Ba mươi bảy phẩm trong địa vị Hữu Học và Vô Học thuộc về vô lậu. Thiền tức Tứ Thiền, Định tức Vô Sắc Tứ Định, cũng bao gồm hữu lậu và vô lậu. Ở đây nói về vô lậu. “Giải thoát” tức bát giải thoát. “Tam-muội” tức ba môn tam-muội. Đây là vô lậu. “Đẳng” tức là bình đẳng giữ lấy để rèn luyện huân tu các môn Thiền. “Vô lượng an ổn khoái lạc” chính là Chân Không Niết Bàn, vĩnh viễn là tai hoạn.

Phần thứ hai, “cùng kết hợp với pháp để tán tán ba loại xe hiếm có” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.3. Phù hợp với ước nguyện của các con

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu chúng sanh, nội hữu trí tánh, tùng Phật Thế Tôn, văn pháp tín thọ, ân cần tinh tấn, dục tốc xuất tam giới, tự cầu Niết Bàn. Thị danh Thanh Văn Thừa. Như bĩ chư tử, vị cầu dương xa, xuất ư hỏa trạch. Nhược hữu chúng sanh, tùng Phật Thế Tôn, văn pháp tín thọ, ân cần tinh tấn, cầu tự nhiên huệ, nhạo độc thiện tịch, thâm tri chư pháp nhân duyên. Thị danh Bích Chi Phật Thừa. Như bĩ chư tử, vị cầu lộc xa, xuất ư hỏa trạch. Nhược hữu chúng sanh, tùng Phật Thế Tôn, văn pháp tín thọ, cần tu tinh tấn, cầu Nhất Thiết Trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, Như Lai tri kiến, lực, vô sở úy, mãn niệm an lạc vô lượng chúng sanh, lợi ích thiên nhân, độ thoát nhất thiết. Thị danh Đại Thừa. Bồ Tát cầu thử thừa cố, danh vi Ma Ha Tát. Như bĩ chư tử, vị cầu ngưu xa, xuất ư hỏa trạch.

(經)舍利弗！若有眾生，內有智性，從佛世尊，聞法信受，殷勤精進，欲速出三界，自求涅槃。是名聲聞乘。如彼諸子，為求羊車，出於火宅。若有眾生，從佛世尊，聞法信受，殷勤精進，求自然慧，樂獨善寂，深知諸法因緣。是名辟支佛乘。如彼諸子，為求鹿車，出於火宅。若有眾生，從佛世尊，聞法信受，勤修精進，求一切智，佛智，自然智，無師智，如來知見，力，無所畏，愍念安樂無量眾生，利益天人，度脫一切。是名大乘。菩薩求此乘故，名為摩訶薩。如彼諸子，為求牛車，出於火宅。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh trong tâm có trí tánh, từ Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, ân cần tinh tấn, muốn mau thoát khỏi tam giới, tự cầu Niết Bàn. Đó gọi là Thanh Văn Thừa. Như các đứa con vì cầu xe dê, ra khỏi nhà lửa. Nếu có chúng sanh từ Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, ân cần tinh tấn, cầu tự nhiên huệ, ưa thích ở riêng một mình nơi tốt lành, thanh vắng, biết sâu xa nhân duyên của các pháp. Đó gọi là Bích Chi Phật Thừa. Như các con vì cầu xe nai, ra

khỏi nhà lửa. Nếu có chúng sanh từ Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu Nhất Thiết Trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, sức tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai, nghĩ thương xót, an lạc vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người, độ thoát hết thảy. Đó gọi là Đại Thừa. Bồ Tát do cầu thừa ấy, gọi là Ma Ha Tát. Như các con vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa).

“*Nội hữu trí tánh*” (Trong tâm có trí tánh): Xưa kia đã ưa thích, mong muốn tu tập tam thừa, trở thành trí tánh tam thừa. Vì thế, đức Phật ban cấp giáo pháp tam thừa. “*Văn pháp tín thọ*” (Nghe pháp tin nhận) tức Văn Huệ, tương ứng “phù hợp ý nguyện” trong phần trước. “*Ân cần*” tức Tư Huệ, tương ứng với “tâm ai nấy đều mạnh mẽ, hăng hái” trong phần trên. “*Tinh tấn*” tức Tu Huệ, tương ứng với “*thôi bài*” (xô đẩy) trong phần trên. Do trừ khử ác, cho nên là Tinh, suy lý hiểu rõ là Tấn. “*Dục tốc xuất tam giới*” (Muốn mau ra khỏi tam giới) tương ứng với “đua nhau rảo chạy, tranh nhau thoát ra” trong phần trên, như dê [cứ cắm đầu chạy] chẳng nhìn lại bầy đàn ở đằng sau. Đó gọi là Thanh Văn Thừa.

“*Cầu tự nhiên huệ*”: Mười hai nhân duyên vốn tự sẵn có, chẳng phải do Phật, trời, người v.v... tạo tác! Hơn nữa, Bích Chi Phật phần nhiều là người hành pháp. Từ người khác nghe đôi chút, sẽ tự suy ra nhiều nghĩa lý. Vì thế, sánh ví với nai. Nai chẳng nương theo người. “*Cầu Nhất Thiết Trí*” tức là muốn biết trọn khắp hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng giống như Nhị Thừa chỉ cầu xuất thế. Trí ấy còn gọi là “*Phật trí*”, do Nhị Thừa sẽ chẳng thể đạt được! Lại còn gọi là Tự Nhiên Trí, vì vượt thoát sự giác ngộ của chính mình. Lại còn gọi là Vô Sư Trí, Phật là bậc đại sư của trời, người, chẳng có ai là thầy của Phật. Hơn nữa, xét theo Phật quả trong Tam Tạng để giải thích tứ trí. Hãy nên biết trong tứ giáo, bốn trí có tên gọi giống nhau, nhưng nghĩa thật sự khác biệt vời vợi, chẳng nói rườm rà về chuyện này! Bồ Tát ứng với các điều ấy mà tu nhân, an nhàn chuyên chờ [chúng sanh thoát khỏi tam giới]. Vì thế, sánh ví với trâu.

Phần thứ hai, “kết hợp thí dụ bỏ ghế, dùng xe với pháp” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.1.3. Đối ứng thí dụ “bình đẳng thí xe lớn” với pháp

Phần kinh văn nói về thí dụ có bốn phần: Một là thoát nạn, hai là [các con] đòi xe, ba là bình đẳng ban cho, bốn là hoan hỷ. Nay chỉ đối

ứng với pháp phần thoát nạn, đã kiêm ý nghĩa “đòi xe”. Chỉ đối ứng với pháp thí dụ “bình đẳng ban cho” thì đã kiêm ý nghĩa “hoan hỷ”. Kinh văn chia làm hai phần:

- Một là cùng nêu chung hai thí dụ “thoát nạn” và “bình đẳng ban cho”.

- Hai là gộp chung cả hai thí dụ [để nêu ý nghĩa biểu thị pháp].

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.3.1. Cùng nêu ra hai thí dụ “thoát nạn” và “bình đẳng ban cho”

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như bĩ trưởng giả kiến chư tử đẳng an ổn, đắc xuất hỏa trạch, đáo vô úy xứ, tự duy tài phú vô lượng, đẳng dĩ đại xa nhi tứ chư tử.

(經)舍利弗！如彼長者見諸子等安隱，得出火宅，到無畏處，自惟財富無量，等以大車而賜諸子。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả kia thấy các con an ổn, ra khỏi nhà lửa, đến chỗ không sợ hãi, tự nghĩ của cải vô lượng, bình đẳng dùng xe lớn cho các con).

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.3.2. Nêu ý nghĩa biểu thị pháp của hai thí dụ ấy

(Kinh) Như Lai diệc phục như thị, vi nhất thiết chúng sanh chi phụ. Nhược kiến vô lượng ức thiên chúng sanh, dĩ Phật giáo môn, xuất tam giới khổ, bố úy hiểm đạo, đắc Niết Bàn lạc.

(經)如來亦復如是，為一切眾生之父。若見無量億千眾生，以佛教門，出三界苦，怖畏險道，得涅槃樂」。

(Kinh: Như Lai cũng lại như thế, là cha của hết thảy chúng sanh. Nếu thấy vô lượng ức ngàn chúng sanh dùng cửa Phật giáo để thoát khỏi nỗi khổ tam giới, và con đường nguy hiểm đáng kinh sợ, đạt được niềm vui Niết Bàn).

Trước hết, kết hợp với pháp chuyện “thoát nạn” trong thí dụ. “Dĩ Phật giáo môn” (Dùng cửa Phật giáo): Nương theo chân lý được nói trong giáo để đẩy lên thánh hạnh tam thừa. Vì thế được thoát khổ.

(Kinh) Như Lai nhĩ thời, tiện tác thị niệm: “Ngã hữu vô lượng vô biên trí huệ, lực, vô úy đẳng chư Phật pháp tạng. Thị chư chúng sanh giai thị ngã tử, đẳng dĩ Đại Thừa, bất linh hữu nhân độc đắc diệt độ, giai dĩ Như Lai diệt độ nhi diệt độ chi. Thị chư chúng sanh thoát tam giới giả, tất dĩ chư Phật Thiên Định, giải thoát đẳng ngu lạc chi cụ, giai thị nhất tướng, nhất chủng, thánh sở xưng tán, năng sanh tịnh diệu đệ nhất chi lạc.

(經)如來爾時，便作是念：「我有無量無邊智慧，力，無畏等諸佛法藏。是諸眾生皆是我子，等與大乘，不令人獨得滅度，皆以如來滅度而滅度之。是諸眾生脫三界者，悉與諸佛禪定，解脫等娛樂之具，皆是一相，一種，聖所稱歎，能生淨妙第一之樂」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Như Lai liền nghĩ như thế này: - Ta có vô lượng vô biên pháp tạng của chư Phật như trí huệ, lực, vô úy v.v... Các chúng sanh này đều là con của ta, [ta hãy nên] bình đẳng ban cho Đại Thừa, chẳng để riêng một ai được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ họ. Các chúng sanh ấy thoát khỏi tam giới, đều được ban cho các vật dụng tạo niềm vui sướng như Thiên Định, giải thoát v.v... của chư Phật, [các món vật ấy] đều là một tướng, một loại, được bậc thánh khen ngợi, có thể sanh ra niềm vui tịnh diệu bậc nhất).

Kế đó, đối ứng các thí dụ như “bình đẳng ban cho” v.v... với pháp. “Ngã hữu vô lượng... chư Phật pháp tạng” (Ta có vô lượng pháp tạng của chư Phật): Đối ứng với “của cải vô lượng, các kho tàng đầy ắp” trong phần trên, đó là nguyên do có xe. “Thị chư chúng sanh giai thị ngã tử... ngu lạc chi cụ” (Các chúng sanh này đều là con của ta... các vật dụng tạo niềm vui sướng), đối ứng với các tâm trong phần trước. Thiên Định, giải thoát của chư Phật đều nương vào Trung Đạo Thật Tướng. Vì thế khác với Thiên Định, giải thoát của Nhị Thừa, đều là nhất tướng cho đến đệ nhất lạc, tương ứng với phần nói về thể chất của xe trong phần trên. Phần thí dụ nói chi tiết, phần này nói đại lược, chỉ dùng Tam Đức để gồm thâu các nghĩa:

- “*Nhất tướng*” là Thật Tướng, tức Pháp Thân đức.
- “*Nhất chủng*” tức là Chung Trí, tức Bát Nhã đức.

- “Có thể sanh ra niềm vui tịnh diệu bậc nhất”, “vui” tức là chẳng khổ, tức là Giải Thoát đức.

Ba đức chẳng thể nghĩ bàn thì gọi là “cao quảng đại xa” (xe to cao rộng).

Phần thứ ba, “đối ứng với pháp bốn thí dụ về xe” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.4. Đối ứng thí dụ “chẳng hư vọng” với pháp

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.4.1. Nhắc lại thí dụ

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như bề trưởng giả sơ dĩ tam xa dụ dẫn chư tử, nhiên hậu dẫn dữ đại xa, bảo vật trang nghiêm, an ổn đệ nhất, nhiên bề trưởng giả vô hư vọng chi cữu.

(經)舍利弗！如彼長者初以三車誘引諸子，然後但與大車，寶物莊嚴，安隱第一，然彼長者無虛妄之咎。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả thoát đầu dùng ba loại xe để khuyên dụ các con, sau đấy, chỉ cho xe lớn, trang nghiêm bằng bảo vật, an ổn bậc nhất, nhưng ông trưởng giả chẳng phạm lỗi hư vọng).

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.4.2. Đối ứng với pháp

(Kinh) Như Lai diệt phục như thị, vô hữu hư vọng. Sơ thuyết tam thừa, dẫn đạo chúng sanh. Nhiên hậu, dẫn dĩ Đại Thừa nhi độ thoát chi. Hà dĩ cố? Như Lai hữu vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy chư pháp chi tạng, năng dữ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp, dẫn bất tận năng thọ. Xá Lợi Phất! Dĩ thị nhân duyên, đương tri chư Phật phương tiện lực cố, ư nhất Phật Thừa, phân biệt thuyết tam.

(經)如來亦復如是，無有虛妄。初說三乘，引導眾生。然後，但以大乘而度脫之。何以故？如來有無量智慧，力，無所畏諸法之藏，能與一切眾生大乘之法，但不盡能受。舍利弗！以是因緣，當知諸佛方便力故，於一佛乘，分別說三」。

(Kinh: Như Lai cũng giống như thế, chẳng có hư vọng. Thoạt đầu nói tam thừa để hướng dẫn chúng sanh. Sau đó, chỉ dùng Đại Thừa để độ thoát. Vì sao vậy? Như Lai có kho tàng gồm vô lượng các pháp trí huệ, lực, vô sở úy, có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa, nhưng họ đều chẳng thể tiếp nhận trọn hết. Nay Xá Lợi Phất! Do nhân duyên ấy, hãy nên biết chư Phật do sức phương tiện mà đối với một Phật Thừa bèn phân biệt nói thành ba).

Có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa. Do đã nói “dùng tài vật của ta châu cấp cho cả một nước còn chẳng thiếu hụt”, nhưng [chúng sanh] chẳng thể đều tiếp nhận. Vì thế, bắt đắc dĩ vì một mà tách thành ba. Ba thừa là do chúng sanh, chẳng phải là bản ý của Phật. Nay nói Đại Thừa chẳng trái nghịch bản tâm, cho nên chẳng hư dối. Trước đó, ngài Xá Lợi Phất đã hỏi: “*Nguyện vì tứ chúng nói nhân duyên ấy*”. Cho nên nay [Đức Phật] đáp lời: “*Do bởi nhân duyên ấy mà phân biệt nói thành ba*”.

Trong phần hai của Thí Thuyết, phần thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

3.3.1.2.2.2. Trùng tụng

3.3.1.2.2.2.1. Trùng tụng chuyện lập thí dụ

3.3.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng trường giả

Lược đi không trùng tụng “một cửa” và “ba mươi đứa con”.

**(Kinh) Phật dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: -
Thí như trưởng giả.**

(經)佛欲重宣此義，而說偈言：「譬如長者。

(Kinh: Đức Phật muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ví như có trưởng giả).

Chỉ trùng tụng danh hiệu của địa vị, tức là kiêm danh và hạnh để tán thán đức, giống như nêu lên Phật hiệu liên biết vạn đức.

3.3.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng nhà cửa

(Kinh) Hữu nhất đại trạch, kỳ trạch cửu cố, nhi phục đồn tệt, đường xá cao nguy, trụ căn tồi hủ, lương đồng khuynh tà, cơ bộ²¹⁸ đòi hủy, tường bích di sách, nề đồ²¹⁹ trĩ lạc. Phú thêm²²⁰ loạn trụ. Chuyên lữ²²¹ sai thoát, châu chương khuất khúc, tạp uế sung biến.

(經)有一大宅，其宅久故，而復頓弊，堂舍高危，柱根摧朽，梁棟傾斜，基陛隤毀，牆壁圯坼，泥塗弛落。覆苫亂墜。椽梠差脫。周障屈曲，雜穢充徧。

(Kinh: Có một căn nhà lớn, nhà ấy đã cũ kỹ, sắp hư nát rất mau, phòng ốc rất nguy hiểm, chân cột đã mục nát, kèo rường đều nghiêng lệch, nền, thêm đều hư nát, tường vách đều rệu rã, đất trát vách rơi rụng. Tranh lợp rơi tán loạn. Kèo, đòn tay trật khớp, quanh co và ngổn ngang, các chất dơ đầy khắp)²²².

Giải thích theo nhân duyên, “hữu nhất đại trạch” (có một căn nhà lớn) là nói đến cõi tam thiên đại thiên thế giới Đồng Cư. Tam giới chẳng có khởi đầu là “cửu” (lâu đời). Chẳng phải nay mới tạo tác. Đó là “cố” (cũ kỹ). Vô thường hèn kém, thô lậu thì là “đồn tệt” (sẽ nhanh chóng bị hư nát). Sắc Giới là “đường” (nhà to), Dục Giới là “xá” (nhà ở). Chẳng tránh khỏi họa lạc là “cao nguy” (hết sức nguy hiểm). Mạng căn duy trì là Trụ. Bốn tướng đối đãi là “tôi hủ” (hư nát, mục rã). Ý thức ràng buộc là “lương đồng”. Bị các sự khổ làm hư hoại thì gọi là “khuynh tà” (nghiêng ngả, lệch lạc). Hạnh nghiệp trong quá khứ là “cơ bộ” (nền và thêm). Nghiệp vận chuyển dịch, diệt mất là “đòi hủy” (hư nát). Tứ Đại là “tường bích” (tường vách). Tồn hại lẫn nhau là “di sách” (rệu rã). Da dẻ là “nê đồ” (đất trát vách hoặc vôi vữa trát tường). Sắc thân mạnh mẽ tráng kiện chẳng tồn tại mãi, đó là “trĩ lạc” (rơi rụng). Bốn oai nghi chẳng chánh đáng là “phú thêm loạn trụ” (cỏ tranh lợp mái rơi tán loạn). Năm thức chẳng nhạy bén, chẳng làm chủ cảnh, tức là “chuyên lữ

²¹⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nền móng nhà là Cơ, các bậc thêm, tam cấp là Bộ”.

²¹⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nê là chất dùng để trát vách, xây vách. Chữ ‘陴’ phải đọc là Trĩ, có nghĩa là rơi rụng, hư nát”.

²²⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phú thêm: Dùng cỏ tranh để bện thành tấm lợp nhà. Các tấm tranh ấy được gọi là Phú Thêm”.

²²¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Các xà ngang có hình góc tròn nối kết với nhau bằng mộng thì gọi là Chuyên Lữ”.

²²² Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của pháp sư Phổ Hành.

sai thoát” (các kèo đòn trật khớp). Ý thức rong ruổi khắp nơi là “châu chường” (ngón ngang). Trái khắp sáu căn chấp giữ cảnh là “khuất khúc” (quanh co). Đối với trọn khắp sáu trần, dấy lên tham, giận, si, là “tạp uế sung biến” (các chất bẩn đầy ắp trọn khắp). Nói chung là dùng sắc và tâm trong tam giới làm Thể của nhà.

Giải thích theo quán tâm, một niệm hiện tiền, Ngũ Âm, thân tâm, tánh ấy vốn tự theo chiều dọc tốt cùng, theo chiều ngang trọn khắp, gọi là “một ngôi nhà lớn”. Từ vô thủy đến nay, ý thức tầm tối lan truyền, chẳng có tác giả, gọi là “cửu cổ” (lâu đời cũ kỹ). Niệm nào cũng vô thường, mê tình hèn ác, gọi là “đốn tệt” (nhanch chóng hư nát). Bụng là “đường”, lưng là “xá”. Hai chân là “trụ căn”. Xương sống là “lương đống” (rường kèo). Mông và đùi là “cơ bộ” (nền và thềm). Da thịt là tường vách. Màu da là đất trát tường, râu tóc là cỏ tranh lợp mái. Hàm răng và khớp xương là “chuyên lỗ” (đòn tay). Trọn khắp trong thân là “châu chường”. Ruột non, ruột già là “khuất khúc” (quanh co). Đại tiểu tiện bất tịnh là “các chất dơ bẩn đầy dẫy”. Một thân như thế, ngoài thân càng không có vật nào khác, được gọi là “một ngôi nhà lớn”, chính là sở hữu của Lý Tức Trưởng Giả. Nếu có thể quan sát trong mỗi niệm, biết tất cả tánh khổ thuộc về Ngũ Âm trong thân tâm thì chính là Pháp Thân đức. Tất cả Hoặc nhiễm chính là Bát Nhã đức. Tất cả nghiệp hạnh chính là Giải Thoát đức, tức là chuyển thành Danh Tự Trưởng Giả. Cho đến chuyển thành Cứu Cánh Trưởng Giả. Tự giác, giác tha lợi ích vô tận. Nếu chẳng quan sát cho đến tốt cùng đời vị lai, luôn ở trong nhà lửa, đốt rồi lại đốt, trọn chẳng biết cái Thể của tòa nhà lớn ấy chính là cỗ xe trâu trắng lớn. Buồn thay, rầu thay!

3.3.1.2.2.1.3. Trùng tụng “năm trăm người”

(Kinh) Hữu ngũ bách nhân, chỉ trụ kỳ trung.

(經)有五百人，止住其中。

(Kinh: Có năm trăm người, lưu trụ trong ấy).

Sánh ví [chúng sanh trong] năm đường. Đã có năm đường, sẽ có căn tánh tam thừa, kèm thêm ba mươi đứa con.

3.3.1.2.2.1.4. Trùng tụng chuyện lửa bốc cháy

Một là trùng tụng chuyện trên mặt đất, sánh ví Dục Giới. Hai là trùng tụng chuyện trong hang hốc, sánh ví Sắc Giới. Ba là trùng tụng chuyện ở ngoài hang hốc, sánh ví Vô Sắc Giới. Bốn là tổng kết các nạn chẳng phải là một thứ.

Hỏi: - Kinh văn [thuộc phần Trường Hàng] đã có thí dụ và phần kết hợp đối ứng [thí dụ] với pháp, vì sao lại xét theo từng thí dụ để giải thích [ý nghĩa biểu thị pháp của chúng]?

Đáp: - Thí dụ nói chi tiết, mà phần giải thích ý nghĩa biểu thị pháp thì đại lược, theo đúng lẽ phải nên giải thích thí dụ, hướng hồ “*si, kiêu, điêu, thừu*” cho đến Dạ Xoa, ngạ quỷ v.v... nếu chẳng nhằm sánh ví các lợi sử và độn sử, có gì phải liệt kê rườm rà các sự vật và danh tướng ấy? Há Phật thốt lời vô nghĩa ư?

3.3.1.2.2.1.4.1. Trùng tụng chuyện trên mặt đất

3.3.1.2.2.1.4.1.1. Nói rõ các loại bị thiêu đốt

Sánh ví chúng sanh có Thập Sử.

(Kinh) Si, kiêu, điêu, thừu, ô, thước, cừu, cấp, ngoan xà, phúc yết, ngô công, du diên, thủ cung, bách túc, dửu ly, hề thử, chư ác trùng bối, giao hoành trì tẩu, thử niệu xú xú, bất tịnh lưu dật. Khương lang chư trùng, nhi tập kỳ thượng. Hồ, lang, dã can, thư tước, tiền đạp, tể niết tử thi. Cốt nhục lang tịch. Do thị quần cầu, cạnh lai bác toát, cơ luy chương hoàng, xú xú cầu thực, đấu tránh tra xế, nhai sài hào phệ. Kỳ xá khủng bố, biến trạng như thị.

(經) 鴟梟鵂鶻，烏鵲鳩鵲，蜣蛇蝮蠍，蜈蚣蚰蜒，守宮百足，鼯狸鼯鼠，諸惡蟲輩，交橫馳走，屎尿臭處，不淨流溢。蜚蝗諸蟲，而集其上。狐狼野干，咀嚼踐踏，齧齧死屍。骨肉狼藉。由是群狗，競來搏撮，饑羸惴惶，處處求食，鬥爭撻掣，哇喋嗥吠。其舍恐怖，變狀如是。

(Kinh: Diều, cú, ưng, kên kên, quạ, khách, bồ câu, ngói, rắn độc và bò cạp, rết cùng với cuốn chiếu, tắc kè, loài trăm chân, chồn, cầy, cùng chuột cống, các loài trùng ác thây, cùng rảo chạy ngang dọc, chỗ phân tiểu hôi thối, thứ bất tịnh chảy tràn. Các trùng như bọ hung, bọ

xúm xít trên đó. Cáo, sói, và chó rừng, cắn xé và giày xéo, ngoạm gặm các xác chết. Xương thịt rơi vương vãi. Vì thế, các bầy chó, tranh nhau giành ngoạm lấy, đôi gầy và hoảng loạn, tìm cái ăn khắp nơi, giành giật, cắn xé nhau, gặm gù, sửa inh ỏi. Nhà ấy đáng kinh sợ, khắp nơi đều như vậy).

Ở đây, trước hết sánh ví Ngũ Độn Sứ. Tám loại chim như điều hâu, cú v.v... sánh ví Mạn Sứ của chúng sanh, tự nâng cao chính mình, khinh thường người khác. Như chim bay vọt lên cao, nhìn xuống. Lấn lướt người khác là Mạn. Tự cậy mình là Kiêu. Vì thế dùng Kiêu để giải thích Mạn. Kinh Văn Thù Vần nói tám loại kiêu, nay dùng [tám loại kiêu ấy] để phối ứng với tám loại chim: Kiêu căng vì thể lực tốt, dồi dào ví như điều hâu. Kiêu căng vì dòng họ ví như chim cú. Kiêu căng vì giàu có giống như chim ưng. Kiêu căng vì tự tại ví như kên kên. Kiêu căng vì thọ mạng ví như chim quạ. Kiêu căng vì thông minh giống như chim khách (chim thước). Kiêu căng vì là việc thiện giống như bồ câu. Kiêu căng vì sắc đẹp giống như chim ngói.

Kế đó, hai câu từ “ngoan xà...” [trở đi] nhằm sánh ví Sân Sứ. “Ngoan” (蜎) là rắn đen. Ngoan xà không đụng đến vắn cắn, ví như nổi giận phi lý. “Phúc” (虺) là hủ (虺, rắn lục, viper), dài ba tấc, to như ngón tay, trên mũi có gai. Rắn lục và bò cạp hể động đến bèn chích, ví như do chấp Lý mà nổi sân. Loại trùng đầu đỏ gọi là “ngô công” (rết), đầu chẳng đỏ thì gọi là “du diên” (cuốn chiếu) ví như sân vì hý luận. Kế đó, tám câu nói về “thủ cung” là thí dụ chung về Si Sứ. “Thủ cung” (守宮) chính là “yến đình” (蜃蜃, các kè). Thủ cung, bách túc²²³, ngậy ngốc, vô tri, ví như độc đầu vô minh²²⁴. “Dứu” (鼯, chồn) giống như chuột mà

²²³ Bách túc (Centipedes) tức là loài trùng thân hình nhỏ dài, có nhiều đốt, mỗi đốt có một cặp chân, ta thường gọi chung là Rết, tuy chúng có nhiều chủng loại khác nhau. Kích cỡ của chúng dao động từ vài millimeter đến cả 30 cm. Loài bách túc thường có nọc độc. Cũng giống như Bách Túc, còn có một số loài trùng thường gọi là Thiên Túc (Millipedes) mà chủng loại đặc trưng là cuốn chiếu. Thiên Túc khác với Bách Túc ở chỗ các cặp chân ở phía dưới, trong khi Bách Túc chân ở hai bên mình. Bách Túc di chuyển nhanh, ăn thịt các côn trùng khác, có độc, còn Thiên Túc chậm chạp, ăn vụn chất hữu cơ và lá mục, phần nhiều có thể cuộn tròn lại khi gặp nguy hiểm.

²²⁴ Độc đầu vô minh, còn gọi là Bất Cộng Vô Minh, tức là trong một loại của sáu thứ phiền hoặc lớn (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến), đột ngột dấy lên vô minh, chẳng

cũng ăn chuột. Ly (狸, cầy) thuộc loại mèo. “Hề” (鼯) tức cam khẩu thử²²⁵. Bốn loại này tương ứng với vô minh.

“*Chư ác trùng bói, giao hoành trì tẩu*” (Các loài trùng ác ruồi chạy ngang dọc): Kết lại hai loại vô minh tương ứng với độc đầu. Duyên khắp tam giới nên là “*giao hoành*” (ngang dọc), lằng xằng qua lại nhanh chóng nên là “*trì tẩu*” (rong ruổi) tức là từ Si làm căn bản, đẩy lên đủ loại kết sử. Hai câu “*thĩ niệu*” (phân tiểu) nói về cảnh chấp trước bởi si tâm, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Hai câu “*khương lang*” (bọ hung) nói tới vô minh do mê nơi Sự, do hư vọng so đo “*thường, lạc, ngã, tịnh*” mà sanh đắm nhiễm. Tám câu như “*hồ lang*” (cáo, sói) sánh ví chung Tham Sữ. Cáo và sói ví như lòng tham do có sức, [tức là] dùng oai thế để đoạt lấy. “*Dã can*” (Chó rừng) sánh ví tâm tham mà không có sức, theo người khác xin xỏ. “*Thư tước*” (咀嚼, cắn xé) ví như do hữu dụng bèn chiếm lấy. “*Tiến đạp*” (踐踏, giày xéo) ví như không cần mà vẫn lấy. Lại nữa, ít ỏi thì bèn cắn xé, nhiều thì giày xéo.

“*Tễ niết*” (齧齧, cắn ngoạm): Sánh ví tham lam nuốt lấy không chán. “*Tử thi*” (Xác chết) sánh ví ngũ dục thô tệ. “*Cốt nhục lang tịch*” (Xương thịt vung vãi) ví như tích tụ ngũ trần chẳng biết ngưng đủ. “*Do thị quân cầu cạnh lai bác toát*” (Do vậy, lũ chó tranh nhau ngoạm lấy): Ví như những kẻ có sức mạnh lớn như vua, giặc v.v... [Câu này] chỉ ra: Các vật được tích tụ bởi kẻ hữu lực hay vô lực đều là do cưỡng đoạt. “*Cơ*” (饑, đói): Sánh ví “*thường chẳng biết đủ*”. “*Luy*” (羸, gầy còm) là sánh ví “*cầu mong chẳng được vừa ý*”. “*Chương hoàng*” (惴惶, hoảng loạn) ví như các thứ toan tính, truy cầu, nghĩa là kẻ lắm ham muốn, tuy giàu có mà vẫn [giống như] nghèo túng.

Lại nữa, lòng tham do tâm yêu mến bèn tham “thịt” ngũ trần. Lòng tham do kiến chấp sẽ tham “xương” đạo lý. Do tri kiến mong cầu, tìm tòi, sẽ có nhiều kiến giải, tức là “*có nhiều xương*”. Chó cần xương, sẽ tranh nhau cắn ngoạm. Đối với cái tâm kiến chấp, do chưa đạt được thức ăn chánh pháp, thì gọi là “*đói*”. Chẳng thể chế phục, đoạn trừ Kiến

cùng hiện hành với năm loại kia, nên gọi là Độc Đầu Vô Minh. Hễ có liên quan đến năm loại khác thì gọi là Tương Ứng Vô Minh.

²²⁵ Cam Khẩu Thử (甘口鼠) theo truyền thuyết là một loài chuột rất lớn, có chất độc, có thể ăn cả người và các loài thú to như nai. Ai gặp phải nó, sẽ bị nó phun hơi độc khiến tứ chi bủn rủn, ngứa ngáy. Nhưng hiện thời, Hề Thử chỉ có nghĩa là loài chuột nhà như chuột cống, chuột chù...

Hoặc thì gọi là “gây còm”. Chỗ chôn chôn cầu giải thì gọi là “*chương hoàng*” (hoảng loạn). Thị phi lẫn nhau, đấu tranh lẫn nhau, ý cho là sai, như hướng về phía trước xâu xé, lại cho là đúng, hướng về sau giành giật. Thốt ra ngôn luận phán quyết lẽ đúng sai, như “*nhai xé hào phệ*” (gặm gù, sữa inh ỏi). Điều này tương ứng với bốn câu “*thị chư quần cầu...*” (lũ chó ấy). Tất cả sáu câu ấy đều nhằm thí dụ Nghi Sư. “*Kỳ xá khủng bố, biến trạng như thị*” (Nhà ấy đáng kinh sợ, khắp nơi đều là tình trạng như thế) tổng kết năm Độn Sư vừa nói trên đây (Kiến thuộc về Lợi Sư, sẽ nói trong phần sau. Nay xét theo lợi trong độn, cho nên đề ra đạo lý hòng khởi nghi. Nhếch môi lộ răng là Nhai Sài (啞唌). Phát ra tiếng gào rống to thì gọi là “*hào phệ*” (嗥吠).

(Kinh) Xứ xứ giai hữu, ly, my, vông, lượng, Dạ Xoa, ác quỷ, thực đạm nhân nhục. Độc trùng chi thuộc, chư ác cầm thú, phu nữ sản sanh, các tự tàng hộ. Dạ Xoa cạnh lai, tranh thủ thực chi. Thực chi ký bão, ác tâm chuyển xí, đấu tránh chi thanh, thậm khả bố úy. Cưu Bàn Trà quỷ, tôn cứ thổ đoá. Hoặc thời ly địa, nhất xích, nhị xích, vãng phản du hành, túng dật hy hý, tróc cầu lưỡng túc, phác linh thất thanh. Dĩ cước gia cảnh, bố cử tự lạc. Phục hữu chư quỷ, kỳ thân trường đại, lỗa hình hắc sấu, thường trụ kỳ trung, phát đại ác thanh, khiêu hô cầu thực. Phục hữu chư quỷ, kỳ yết như châm. Phục hữu chư quỷ, thủ như ngư đầu. Hoặc thực nhân nhục, hoặc thực đạm cầu. Đầu phát bông loạn, tàn hại hung hiểm, cơ khát sở bức, khiêu hoán trì tầu.

(經)處處皆有，魑魅魍魎，夜叉惡鬼，食噉人肉。毒蟲之屬，諸惡禽獸，孚乳產生，各自藏護。夜叉競來，爭取食之。食之既飽，惡心轉熾，鬥爭之聲，甚可怖畏。鳩槃荼鬼，蹲踞土埕。或時離地，一尺二尺，往返遊行，縱逸嬉戲，捉狗兩足，撲令失聲。以腳加頸，怖狗自樂。復有諸鬼，其身長大，裸形黑瘦，常住其中，發大惡聲，叫呼求食。復有諸鬼，其咽如鍼。復有諸鬼，首如牛頭。或

食人肉，或復噉狗。頭髮鬢亂，殘害兇險，飢渴所逼，叫喚馳走。

(**Kinh:** *Khắp nơi thấy đều có, loài ly, my, vông, lượng, Dạ Xoa và ác quỷ, ăn nuốt thịt loài người. Các loài trùng độc địa, các chim thú bạo ác, áp, bú mớm, sanh nở, đều tự giấu, bảo vệ. Dạ Xoa tranh nhau đến, giành giật để ăn nuốt. Ăn đã no nê xong, tâm ác càng dữ dội, tiếng chúng đấu đá nhau, thật rất đáng kinh hãi. Loài quỷ Cưu Bàn Trà, ngồi xồm trên đồng đất, hoặc có lúc rời đất, cách đất một, hai thước. Xẹt qua rồi xẹt lại, buông lung, đùa bỡn chơi, nắm lấy hai chân chó, đánh nó kêu thất thanh. Lại dùng chân chẹn cổ, dọa chó để tự vui. Lại có các loài quỷ, thân hình chúng cao lớn, trần truồng, đen còm cõi, thường sống ở nơi đó, phát ra tiếng ác lớn, kêu gào đòi thức ăn. Lại có những con quỷ, cổ họng bé như kim. Lại có những con quỷ, đầu giống như đầu trâu. Hoặc là ăn thịt người, hoặc lại ăn thịt chó. Đầu tóc rối tung lên, tàn hại và hung hiểm, bị đói khát bức bách, gào thét chạy cuồng lên).*

Ở đây sánh ví năm Lợi Sử. Hai câu “*xứ xứ giai hữu*” (nơi nơi đều có) nhằm nói chung năm thứ Lợi Sử trọn khắp tam giới, Ngũ Âm, Tứ Đế, bất cứ chỗ nào cũng đều luôn có. Quỷ quái trong núi gọi là Ly. Quỷ quái nơi đầm lầy gọi là My. Quỷ quái biến hóa nơi gỗ đá thì gọi là Vông Lượng. Ba bài kệ [bắt đầu bằng chữ] Dạ Xoa, nhằm sánh ví riêng về tà kiến. “*Thịt người*” sánh ví thiện báo xuất thế gian. “*Thực đạm nhân nhục*” (Ăn nuốt thịt người) sánh ví sự bài bác chẳng có nhân quả xuất thế gian. “*Độc trùng cầm thú, phu nữ sản sanh, các tự tàng hộ*” (Các loài trùng độc và chim thú áp trứng, cho con bú, sanh nở, mỗi loài đều che giấu, bảo vệ con mình) ví như nhân quả thế gian. Cái nhân có thể sanh ra quả, thì gọi là “*tàng*”. Ất có chẳng mất (nhân ắt có quả, quả ấy chẳng mất), thì gọi là “*hộ*”. “*Tranh thủ thực chi*” (Tranh nhau giành giật để ăn) sánh ví chuyện bài bác chẳng có nhân quả thế gian. “*Thực chi ký bão*” (Ăn đã no nê rồi) sánh ví tà kiến thành tựu. “*Ác tâm chuyển xí*” (Tâm ác trở nên dữ dội hơn) sánh ví tà kiến tăng rộng. “*Đấu tránh chi thanh*” (Tiếng đấu đá) sánh ví tà luận bài bác chẳng có nhân quả. “*Thậm khả bố úy*” (Hết sức đáng sợ hãi) sánh ví tà luận ấy có thể khiến cho con ngườiọa lạc trong tam đồ. Một bài kệ rưới từ chữ Cưu Bàn Trà trở đi, sánh ví riêng về Giới Thủ Kiến. Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa) là một loài quỷ đáng sợ. Ngồi xồm thì gọi là Tôn (蹲), ngồi vững vàng thì gọi là Cừ

(踞). Chỗ đất có hình thế cao gọi là “*thổ đóa*” (土埭), ví như ngoại đạo nương vào Giới Thủ Kiến, tu hành Thập Thiện, sẽ có thể sanh vào chỗ cao nhất trong Dục Giới là Lục Thiên. “*Hoặc thời ly địa nhất xích, nhị xích*” (Hoặc có lúc lìa khỏi mặt đất một, hai thước): Sánh ví nương vào Giới Thủ Kiến, tu chứng Tứ Thiện. Sanh trong Sắc Giới gọi là “lìa khỏi đất một thước”. Hoặc nương vào Giới Thủ Kiến mà đạt được Tứ Không Định, sanh vào Vô Sắc Giới, thì gọi là “lìa khỏi mặt đất hai thước”.

“*Vãng phản du hành*” (Xẹt qua rồi xẹt lại): “*Vãng*” là ví như sanh vào hai giới trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), “*phản*” ví như sanh trở lại Dục Giới. “*Túng dật hy hý*” (Buông lung cứ đùa bỡn): Ví như chẳng nhập chánh đạo, trợn chẳng thể đạt tới Thật. “*Tróc cầu lưỡng túc*” (Nắm lấy hai chân chó): Ví như hư vọng chấp trước khổ hạnh là tịnh. “*Phác linh thất thanh*” (Đánh chó khiến nó kêu thất thanh) ví như hư vọng chấp trước “tu khổ hạnh sẽ không mắc khổ quả”. “*Dĩ cước gia cảnh*” (Dùng chân chen cổ chó) sánh ví dùng khổ hạnh để mong cầu lạc quả. “*Bố cầu tự lạc*” (Dọa chó để tự vui): Ví như dùng khổ hạnh để tạm chế phục phiền não, hoặc có lúc hơi đạt được mùi vị Thiên.

Sáu câu từ “*phục hữu chư quỷ, kỳ thân trường đại*” (lại có các loài quỷ, thân hình nó cao lớn): Sánh ví riêng Thân Kiến. Theo chiều dọc, chấp ngã trong ba đời thì gọi là Trường. Theo chiều ngang, trọn khắp Ngũ Âm chấp Ngã thì gọi là Đại. Chấp ngã tự tại, chẳng tu thiện pháp, tức là chẳng hổ thẹn; vì thế gọi là “*lôa hình*” (trần truồng). Dùng điều ác để trang nghiêm, nên gọi là “*hắc*”. Chẳng có tư lương công đức, nên gọi là “*sấu*” (gầy). Hư vọng chấp có ngã, vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi tam giới; vì thế nói “*thường trụ kỳ trung*” (thường trụ trong đó). Thốt lời tuyên thuyết các thứ ngã tướng; vì thế nói “*phát đại ác thanh*”. Hư vọng chấp có ngã để có thể đạt được Niết Bàn; vì thế, gọi là “*kiểu hoán câu thực*” (kêu gào đòi thức ăn). Kế đó, “*phục hữu chư quỷ, kỳ yết như châm*” (lại có các loài quỷ, cổ họng như cái kim): Riêng sánh ví Kiến Thủ Kiến, cổ họng bé tí, tánh mạng nguy ngập, mà mong bảo toàn tánh mạng, như đối với Phi Tướng vô thường, cứ lâm lạc chấp trước đó là Niết Bàn.

Kế đó, hai bài kệ như “*phục hữu chư quỷ, thủ như ngư đầu*” (lại có các loài quỷ, đầu chúng như đầu trâu) v.v... nhằm riêng sánh ví Biên Kiến. Nương vào Thân Kiến, dấy lên Đoạn Kiến và Thường Kiến, như đầu trâu có hai sừng. Đoạn Kiến và Thường Kiến có thể đoạn thiện căn xuất thế. “*Hoặc thực nhân nhục*” (Hoặc là ăn thịt người): Có thể đoạn

thiện căn thế gian. “*Hoặc phục đạm cẩu*” (Hoặc lại ăn thịt chó): Có lúc chấp Đoạn, có lúc chấp Thường, trước sau xoay chuyển, như “*đầu phát bông loạn*” (đầu tóc bù rối). Chấp Thường sẽ phá hại chánh lý vô thường. Chấp Đoạn sẽ phá hoại chánh lý duyên khởi. Chấp Thường sẽ rơi vào hố Thường, chấp Đoạn sẽ rơi vào hố Đoạn. Vì thế nói là “*tàn hại hung hiểm*”. Do không có thức ăn trí huệ, không có đồ uống Thiền Định, cho nên nói là “*cơ khát sở bức*” (bị đói khát bức bách). Tuyên xướng tà luận Đoạn Thường, cho nên nói là “*khieu hoán*” (kêu gào). Luân hồi sanh tử chẳng thôi; vì thế nói là “*trì tẩu*” (rong ruổi).

(Kinh) *Dạ Xoa, nga quỷ, chư ác điều thú, cơ cấp tứ hướng, khuy khán song dữ. Như thị chư nạn, khủng úy vô lượng.*

(經)夜叉餓鬼，諸惡鳥獸，饑急四向，窺看窗牖。如是諸難，恐懼無量。

(Kinh: Dạ Xoa và nga quỷ, các loài chim thú ác, quá đói chạy bốn phương, rình ngó qua song cửa. Các hoạn nạn như thế, vô lượng nỗi kinh hãi).

Đây là tổng kết tướng lợi độn phiền não của chúng sanh trong Dục Giới. Hoàn toàn là cái tâm hữu lậu. Thường thiếu thốn đạo vị, cho nên nói là “*cơ cấp*” (bị đói quá sức). Tà quán Không lý, hâm mộ, ngưỡng mộ đạo vị; cho nên nói “*tứ hướng, khuy khán*”. Cái tâm nhiều vương mắc, đắm chấp, chẳng hiểu chánh lý, như nhìn qua cửa sổ để quán Không, chẳng được vô ngại.

Phần thứ nhất “nói về các thứ bị thiêu đốt” đã xong.

3.3.1.2.2.1.4.1.2. Nguyên do bốc lửa

Sánh ví nguyên do dấy khởi ngũ trược.

(Kinh) *Thị hủ cố trạch, thuộc vu nhất nhân, kỳ nhân cận xuất, vị cửu chi gian, ư hậu xá trạch, hốt nhiên hỏa khởi.*

(經)是朽故宅，屬于一人，其人近出，未久之間，於後宅舍，忽然火起。

(Kinh: Căn nhà cũ nát đó, vốn thuộc về một người, người ấy vừa mới ra, chẳng được bao lâu, sau đó nhà cửa bỗng dưng lửa bùng lên).

Tam giới là chỗ đức Phật ứng hóa. Kể từ khi phát tâm tới nay, thế nguyện độ thoát. Vì thế nói “*thuộc vu nhất nhân*” (thuộc về một người). Trưởng giả ở trong nhà, có thể trông nom lửa cẩn thận. Do ông ta ra ngoài, các con vô tri, khiến cho lửa bốc lên. Ví như khi đức Phật thân cận Đại Thông Trí Thắng Phật, thường giáo hóa bọn họ, khiến cho họ chế phục ngũ trược. Cơ cảm của chúng sanh đã hết, Như Lai xả ứng thân. Ngay sau đó, ngũ trược bèn dậy lên, Phật ứng duyên trong cõi khác, chẳng phải là vĩnh viễn bỏ đi. Vì thế nói là “*cận xuất*”. Hơn nữa, bậc đã chứng Vô Sanh chẳng sanh trong tam giới nữa, cho nên nói là “*xuất*”. Chẳng lâu sau bèn ứng hiện, nên nói là “*cận*”. Phẩm Thọ Lượng nói: “*Sổ hiện Niết Bàn*” (Nhiều lượt thị hiện nhập Niết Bàn), tức là ý nghĩa “*xuất trạch*” (ra khỏi nhà) vậy. Tam giới là nhà, Ngũ Âm là xá.

3.3.1.2.2.2.1.4.1.3. Nêu ra bản thể của lửa

Sánh ví ngũ trược dậy khởi.

(Kinh) Tứ diện nhất thời, kỳ diễm câu xí. Đổng lương chuyên trụ, bộc thanh chấn liệt, tồi chiết đọa lạc, tường bích băng đảo.

(經)四面一時，其燄俱熾。棟梁椽柱，爆聲震裂，摧折墮落，牆壁崩倒。

(Kinh: Bốn mặt cùng một lúc, ngọn lửa đều hùng hực. Kèo, rường, xà, và cột, nứt nổ tiếng vang rền, nát gãy và rơi rụng, tường vách đều đổ sụp).

“*Tứ diện*” ví như thân, thọ, tâm, pháp. Đột ngột dậy lên tứ đảo, ngũ trược, bát khổ. Vì thế nói “*nhất thời kỳ diễm câu xí*” (bỗng chốc ngọn lửa cùng cháy rực). Mạng đoạn là “*bộc*” (bùng nổ), phong đao cửa nát thân là “*liệt*” (xé rách). Tất hơi, xương xẩu chia lìa là “*tồi chiết đọa lạc*” (nát gãy, rơi rụng). Tứ Đại tan tác là “*tường bích băng đảo*” (tường vách đổ sụp). Do ngũ trược, tứ đảo mà thân mạng vô thường.

3.3.1.2.2.2.1.4.1.4. Tường bị thiêu đốt

Sánh ví bát khô, ngũ trực bức bách, nào hại chúng sanh lợi căn và độn căn.

(Kinh) *Chư quỷ thần đẳng, dương thanh đại khiêu. Điều thứu chư điều, Cưu Bàn Trà đẳng, châu chương hoàng bố, bất năng tự xuất.*

(經)諸鬼神等，揚聲大叫。鵩鷲諸鳥，鳩槃荼等，周樟惶怖，不能自出。

(Kinh: *Các loài quỷ thần thấy, cùng kêu gào ầm ĩ. Các chim ưng, kên kên... và Cưu Bàn Trà thấy, kinh hoảng chạy quần quanh, chẳng thể tự thoát được).*

“Chư quỷ thần đẳng” (Các loài quỷ thần): Gồm chung hết thấy các Lợi Sứ và Độn Sứ. “Dương thanh đại khiêu” (Cất tiếng kêu to): Hoảng sợ, luống cuống. “Điều thứu chư điều” (Các loài chim như Ưng, kên kên): Nêu ra Độn Sứ mạnh nhất trong các Độn Sứ. Nói “Cưu Bàn Trà” có nghĩa là đề ra thứ mạnh mẽ nhất trong các Lợi Sứ. Nhưng đều “châu chương hoàng bố, bất năng tự xuất” (kinh hoảng chạy quần quanh, chẳng thể tự thoát ra): Do vậy biết là nếu chẳng có Tam Bảo, Tứ Đế, pháp Tứ Niệm Xứ, dầu là trời, rồng, thần thánh, chắc chắn chẳng thoát khỏi luân hồi.

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện trên mặt đất nhằm sánh ví Dục Giới” đã xong.

3.3.1.2.2.1.4.2. Trùng tụng chuyện trong hang hốc nhằm sánh ví Sắc Giới

3.3.1.2.2.1.4.2.1. Nêu ra các loài bị thiêu đốt

(Kinh) *Ác thú độc trùng, tàng thoán khổng huyết, Tỳ Xá Xà quỷ, diệp trụ kỳ trung.*

(經)惡獸毒蟲，藏竄孔穴，毘舍闍鬼，亦住其中。

(Kinh: *Ác thú và trùng độc, ẩn nấp trong hang lỗ. Loài quỷ Tỳ Xá Xà, cũng trụ ở trong ấy).*

“*Khổng huyệt*” (Lỗ hang) tuy chẳng thông thoáng bằng ngoài cửa, vẫn có thể tránh khỏi lửa dữ. Do tránh khỏi lửa dữ, sánh ví Tứ Thiên tuy chẳng sánh bằng sự an lạc nơi giới ngoại (ngoài tam giới), vẫn tránh khỏi sự thô ác trong Dục Giới. “*Ác thú, độc trùng*” là nói chung về Độn Sử chúng sanh. “*Tỳ Xá Xà quý*”: Nêu đại lược Lợi Sử chúng sanh vẫn có thể đắc Thiền, sanh vào Sắc Giới. Tỳ Xá Xà (Pisāca, Điên Cuồng Quỷ) được phương này dịch là Đạm Tinh Khí (ăn nuốt tinh khí).

3.3.1.2.2.2.1.4.2.2. Nói rõ nguyên do bốc lửa và thế lửa cháy

(Kinh) Bạc phước đức cố, vị hỏa sở bức, cộng tương tàn hại, ẩm huyết đạm nhục.

(經)薄福德故，為火所逼，共相殘害，飲血噉肉。

(Kinh: Do phước đức mỏng manh, bị lửa nóng bức bách, liền tàn hại lẫn nhau, uống máu rồi ăn thịt).

Câu “*bạc phước đức cố*” (do phước đức mỏng) nói về nguyên do bốc lửa. Từ “*vị hỏa sở bức*” (bị lửa bức bách) trở đi, nói về thế lửa cháy, ý nói: Trong lỗ hang, tuy chẳng có lửa dữ, vẫn có sự nóng bức, ví như trong Tứ Thiên, tuy chẳng có ác pháp của Dục Giới, vẫn có nỗi khổ vì té do ái vị. Lần lượt chán ghét cõi dưới, ưa thích cõi trên. Do dùng cõi trên để chế phục cõi dưới, cho nên nói “*tàn hại lẫn nhau*”. Chấp vào sự lạng lẽ thì ví như “uống máu”. Chấp trước công đức chi ly thì giống như “ăn thịt”.

3.3.1.2.2.2.1.4.2.3. Tương bị lửa thiêu

(Kinh) Dã can chi thuộc, tịnh dĩ tiền tử, chư đại ác thú, cạnh lai thực đạm. Xú yên bông bột, tứ diện sung tắc.

(經)野干之屬，並已前死，諸大惡獸，競來食噉。臭煙燄孛，四面充塞。

(Kinh: Các loài như dã can, đều đã bị chết trước, các loài ác thú lớn, tranh nhau đến ăn nuốt. Khói thối bốc ngùn ngụt, tràn lấp cả bốn phía).

Đã can ví như lòng tham trong Dục Giới, cho nên đã chết trước! Các ác thú lớn ví như lòng tham trong Sắc Giới, có thể nuốt lòng tham trong Dục Giới. Tứ đảo và bát khổ trong Dục Giới giống như lửa dữ. Tứ đảo trong Sắc Giới ví như “xú yên” (khói thối), bao gồm thân, thọ, tâm, pháp và Tứ Đại. Vì thế nói “*tứ diện sung tắc*” (bốn phía đều tràn ngập).

Phần thứ hai, “trùng tụng chuyện trong hang hốc để sánh ví Sắc Giới” đã xong.

3.3.1.2.2.1.4.3. Trùng tụng chuyện ngoài hang hốc nhằm sánh ví Vô Sắc Giới

3.3.1.2.2.1.4.3.1. Nói về các loài bị thiêu đốt

(Kinh) Ngô công, du diên, độc trùng chi loại, vị hỏa sở thiêu, tranh tẩu xuất huyệt, Cưu Bàn Trà quỷ, tùy thủ nhi thực.

(經)蜈蚣蚰蜒，毒蟲之類，為火所燒，爭走出穴，鳩槃荼鬼，隨取而食。

(Kinh: Con rết và cuốn chiếu, các loài trùng độc hại, do bị lửa nung đốt, tranh nhau chạy khỏi hang, loài quỷ Cưu Bàn Trà, tùy tiện bắt lấy ăn).

Chán sợ cái lồng Sắc là chướng ngại thô thiển, vui thích hướng về Vô Sắc, ngộ là sự lìa thoát tịnh diệu. Vì thế nói “*vị hỏa sở thiêu, tranh tẩu xuất huyệt*” (bị lửa thiêu, tranh nhau chạy ra khỏi hang). Đã giữ lấy thượng định, sẽ diệt các duyên thuộc cõi dưới. Vì thế nói “*Cưu Bàn Trà quỷ, tùy thủ nhi thực*” (quỷ Cưu Bàn Trà tùy ý bắt lấy ăn), nhưng nói chung Lợi Sử và Độn Sử đều có thể kham đắc Vô Sắc Định. Nay riêng xét theo sự chán nhàm Độn Sử, chán cõi dưới, cho nên nắm níu cõi trên. Lợi Sử chúng [cảnh giới thuộc] cõi trên, cho nên diệt cõi dưới.

3.3.1.2.2.1.4.3.2. Nói về tướng thiêu đốt

(Kinh) Hựu chư ngạ quỷ, đầu thượng hỏa nhiên, cơ khát nhiệt, 周樟悶走。

(經)又諸餓鬼，頭上火然，饑渴熱惱，周樟悶走。

(Kinh: Lại còn các ngạ quỷ, trên đầu lửa bùng cháy, đói khát, nóng bức khổ. Mê mẩn chạy quẩn quanh).

Chư thiên thuộc Tứ Không Thiên hoàn toàn thiếu thức ăn vô lậu, vì thế [sánh ví] như ngọc quý. Tuy ở tột đỉnh của tam giới, chẳng tránh khỏi vô thường thiêu đốt. Vì thế như “*đầu thượng hỏa nhiên*” (trên đầu bị đốt lửa). Không có thức ăn chánh đạo, cho nên đói. Chẳng có nước ép trợ đạo, cho nên khát. Vẫn bị tám khổ vì tế bức bách, cho nên Nhiệt (nóng bức). Vẫn bị các Hoặc vì tế hiện hành, cho nên Não. Vẫn nhiều lượt luân hồi trong sanh tử, chẳng biết lẽ xuất yếu, cho nên nói “*châu chướng muộn tẩu*” (mê muội chạy quanh).

Phần thứ ba, “trùng tụng chuyện ở ngoài hang hốc để sánh ví Vô Sắc Giới” đã xong.

3.3.1.2.2.2.1.4.4. Tổng kết các nạn chẳng phải chỉ có một thứ

(Kinh) Kỳ trạch như thị, thậm khả bố úy, độc hại hỏa tai, chúng nạn phi nhất.

(經)其宅如是，甚可怖畏，毒害火災，眾難非一。

(Kinh: Nhà ấy như thế đó, hết sức đáng sợ hãi, hỏa tai lắm độc hại, các nạn chẳng phải một).

Phần thứ nhất, trùng tụng Tổng Thí đã xong.

3.3.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng Biệt Thí

Chia thành ba phần:

- Một là trùng tụng thí dụ trưởng giả thấy lửa.
 - Hai là trùng tụng thí dụ “bỏ ghế²²⁶, dùng xe”.
 - Ba là trùng tụng thí dụ bình đẳng ban cho cỗ xe lớn.
- Lược đi không trùng tụng thí dụ “*chẳng hư vọng*”.

3.3.1.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng thí dụ trưởng giả thấy lửa

²²⁶ Trong phần Trường Hàng có nói: Ông trưởng giả nghĩ thân và tay của chính mình có sức mạnh to lớn, có thể dùng bàn, ghế, hoặc áo để vượt thoát cái cửa đang cháy, nhưng nghĩ các con thơ dại, ham chơi, cửa lại hẹp nhỏ, cho nên từ bỏ không dùng cách ấy.

(Kinh) Thị thời trạch chủ, tại môn ngoại lập, văn hữu nhân ngôn: “Nhữ chư tử đẳng, tiên nhân du hý, lai nhập thử trạch. Trĩ tiểu vô tri, hoan ngu nhạo trước”. Trưởng giả văn dĩ, kinh nhập hỏa trạch.

(經)是時宅主，在門外立，聞有人言：「汝諸子等，先因遊戲，來入此宅。稚小無知，歡娛樂著」。長者聞已，驚入火宅。

(Kinh: Khi đó, ông chủ nhà, đang đứng ở ngoài cửa, nghe có người kể rằng: “Các đứa con của ông, trước đó vì chơi đùa, mà vào trong nhà này. Thơ dại, chẳng hiểu biết, vui đùa, rất ưa thích”. Trưởng giả nghe nói xong, kinh hãi vào nhà lửa).

Ba câu đầu trùng tụng người trông thấy. Năm câu kế đó, trùng tụng điều được trông thấy. Hai câu sau cùng, trùng tụng nỗi kinh sợ. Người ở ngoài cửa thuộc địa vị Pháp Thân. “Lập” (Đứng) nghĩa là thường ôm lòng đại bi, muốn cứu chúng sanh, chẳng ngự trên tòa Đệ Nhất Nghĩa Không! Kinh văn trong phần trước (phần Trường Hàng) nói “thấy”, phần kệ tụng nói là “nghe”. Dùng “nghe” thay cho “thấy”, hiển lộ “thấy” và “nghe” chẳng hai! Có người nói: “Pháp là thầy của Phật”, tức là nói đến pháp tam-muội! Nếu nhập tam-muội, sẽ có thể thấy căn cơ. Tam-muội khiến cho Phật trông thấy. Vì thế nói “văn hữu nhân ngôn” (nghe có người nói rằng). “Tiên nhân du hý, lai nhập thử trạch” (Trước đó, do chơi đùa mà vào trong nhà này) có hai nghĩa:

- Một là khi mới phát tâm, liền gọi là Xuất. Chưa dự vào địa vị Bất Thoái, vẫn dấy lên Kiến Tư. Vì thế nói “du hý lai nhập thử trạch” (vui chơi vào trong nhà này).

- Hai là Lý tánh vốn tịnh, chẳng phải là pháp thuộc tam giới. Do vô minh, cho nên dấy lên hý luận, hư vọng có sanh tử. Vì thế nói “do vui chơi mà vào trong nhà này”.

“Trĩ tiểu” (Thơ dại): Chưa đạt đến đại thiện. “Vô tri”: Bị Si Hoặc quán trói. “Kinh nhập” (Kinh hãi tiến vào): Do đại bi mà ứng hiện.

3.3.1.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

3.3.1.2.2.2.1.2.2.1. Trùng tụng chuyện bỏ ghế

Trong phần kết hợp thí dụ với pháp thuộc phần trước, chỉ kết hợp thí dụ với Khuyến môn. Nay chỉ trùng tụng Giới môn, [tuy vậy, ý nghĩa] vẫn hiển hiện lẫn nhau.

(Kinh) Phương nghi cứu tế, linh vô thiêu hại. Cáo dụ chư tử, thuyết chúng hoạn nạn: “Ác quỷ, độc trùng. Tai hỏa mạn diên, chúng khổ thứ đệ, tương tục bất tuyệt. Độc xà, ngoan, phúc, cập chư Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà quý. Dã can, hồ, cầu, điêu, thứu, si, kiêu, bách túc chi thuộc, cơ khát não cấp, thậm khả bố úy. Thử khổ nạn xứ, hưởng phục đại hỏa!” Chư tử vô tri, tuy văn phụ hồi, do cố nhạo trước, hy hý bất dĩ.

(經)方宜救濟，令無燒害。告喻諸子，說眾患難：「惡鬼毒蟲，災火蔓延，眾苦次第，相續不絕。毒蛇虵蝮，及諸夜叉，鳩槃荼鬼。野干狐狗，鵄鷲鴟梟，百足之屬，饑渴惱急，甚可怖畏。此苦難處，況復大火」。諸子無知，雖聞父誨，猶故樂著，嬉戲不已。

(Kinh: Tìm phương cách cứu vớt, để khỏi bị thiêu hại. Bèn khuyên dụ các con, nói rõ các hoạn nạn: “Ác quỷ và trùng độc, lửa tai ương tràn lan. Các khổ theo thứ tự, liên tục chẳng hề dứt. Rắn độc dữ, rắn lục, và các quỷ Dạ Xoa, cùng quỷ Cưu Bàn Trà. Chó rừng, cáo, chồn, chó. Diều, cú, ưng, kên kên, và loài trùng trăm chân, bị đói khát bức bách, rất đáng nên sợ hãi. Đó là chốn khổ nạn, lại còn có lửa dữ!” Các con chẳng hay biết, tuy nghe cha khuyên răn, vẫn ham đắm như cũ, đùa giỡn chẳng hề ngại).

Bốn bài kệ rưới đầu tiên trùng tụng [trưởng giả] toan vận dụng các cách khuyên răn. Bài kệ sau đó, trùng tụng chuyện sử dụng phương cách ấy chẳng đạt hiệu quả. “*Phương nghi*”: Toan dùng Đại giáo hòng thích hợp tình thế. “*Cáo dụ*” (Bảo ban, khuyên dụ): Tức là [vận dụng] phương cách khuyên răn, nêu ra các hoạn nạn. “*Ác quỷ, độc trùng*”: Nêu chung các thứ bị thiêu đốt, tức là chúng sanh có độn sử và lợi sử gồm mười thứ. Ba câu kể từ “*tai hỏa mạn diên*” (lửa tai ương lan tràn): Nêu chung thể lửa đốt và tướng trạng thiêu đốt. Hai bài kệ nói về rắn độc v.v... nhằm nói cặn kẽ những thứ bị thiêu đốt, tức là liệt kê các thứ Sử lợi, độn,

chẳng theo thứ tự. Hai câu kệ từ “*thử khổ nạn xứ*” (chón khổ nạn ấy), nhằm tổng kết bằng cách so sánh, nhân quả trong tam giới đã chẳng thể chịu đựng nổi; huống hồ còn có Ngũ Trược đẩy lên ư?

“*Chư tử vô tri*” (Các con chẳng hay biết), tức là chẳng có căn cơ Đại Thừa, chẳng chịu tin nhận. Con đã chấp trước Kiến Tư sâu đậm, cứ chơi đùa chẳng thôi. Cha khuyên răn chẳng thể lay chuyển được; đó chính là ý nghĩa “*ngưng dứt sự giáo hóa*” [bằng các pháp viên đôn thuộc Đại Thừa].

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2. Trùng tụng thí dụ dùng ba loại xe

Lược đi không trùng tụng chuyện cha đã biết trước tâm [ham thích] của các con.

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2.1. Trùng tụng chuyện tính nên dùng ba loại xe

(*Kinh*) *Thị thời trưởng giả, nhi tác thị niệm: “Chư tử như thử, ích ngã sâu não. Kim thử xá trạch, vô nhất khả nhạo! Nhi chư tử đẳng, đam miện hy hý, bất thọ ngã giáo, tương vị hỏa hại”. Tức tiện tư duy, thiết chư phương tiện.*

(經)是時長者，而作是念：「諸子如此，益我愁惱。今此舍宅，無一可樂！而諸子等，耽湏嬉戲，不受我教，將為火害」。即便思惟，設諸方便。

(*Kinh*: Lúc đó, ông trưởng giả, bèn nghĩ như thế này: “Các con như thế đó, khiến ta thêm sâu não. Nay trong nhà lửa này, không chuyện gì đáng vui! Thế mà các con ta, cứ ham đắm giỡn đùa, chẳng nghe lời ta dạy, chắc sẽ bị lửa thiêu”. Ông lập tức suy nghĩ, lập ra các phương tiện).

Bài kệ thứ nhất nêu ra ý tưởng suy nghĩ. Bài kệ kế tiếp, nêu ra nguyên do vận dụng Tiểu pháp: Do [chúng sanh] chấp trước Kiến Tư; vì thế, chỉ có cách vận dụng Tiểu pháp. Hai câu kệ đó, nói rõ ý nghĩa vận dụng Tiểu pháp. Nếu chẳng dùng Tiểu pháp thì Đại lẫn Tiểu đều cùng mất. Vì thế nói: “*Tương vị hỏa hại*” (Sẽ bị lửa làm hại). Hai câu kệ đó, [ý nói] thật sự suy nghĩ cách vận dụng Tiểu pháp.

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2.2. Trùng tụng lời tán thán ba loại xe hy hữu

(Kinh) Cáo chư tử đẳng: - Ngã hữu chủng chủng, trân ngoạn chi cụ, diệu bảo hảo xa, dương xa, lộc xa, đại ngư chi xa. Kim tại môn ngoại, nhữ đẳng xuất lai. Ngô vị nhữ đẳng, tạo tác thử xa, tùy ý sở nhạo, khả dĩ du hý.

(經)告諸子等：「我有種種，珍玩之具，妙寶好車，羊車鹿車，大牛之車。今在門外，汝等出來。吾為汝等，造作此車，隨意所樂，可以遊戲」。

(Kinh: Liền bảo các con rằng: - Cha có rất nhiều thứ, đồ chơi đáng vui thích, các xe báu tốt đẹp, xe dê và xe nai, cùng với xe trâu lớn. Nay đang đặt ngoài cửa, các con hãy ra đây. Cha đã vì các con, tạo tác các xe ấy, tùy ý các con thích, bèn có thể dạo chơi).

Bốn câu đầu trùng tụng sự Khuyên Chuyển. Ba câu kế tiếp đó trùng tụng Thị Chuyển (chuyển bằng cách chỉ bày hoặc thị hiện). Câu “nhữ đẳng xuất lai” (các con hãy ra đây) trùng tụng Khuyên Chuyển. Bài kệ sau cùng, trùng tụng sự Chứng Chuyển. “Ta có thể chế tạo xe” tức nghĩa là dẫn điều chính mình đã chứng hòng chứng minh chẳng sai lầm.

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2.3. Trùng tụng [chuyện các thứ xe] ấy vừa đúng lòng mong mỏi của các con

(Kinh) Chư tử văn thuyết, như thử chư xa, tức thời bôn cạnh, trì tẩu nhi xuất, đáo ư không địa, ly chư khổ nạn.

(經)諸子聞說，如此諸車，即時奔競，馳走而出，到於空地，離諸苦難。

(Kinh: Các con nghe cha nói, các xe như thế đó, lập tức tranh giành nhau, rảo chạy ra khỏi cửa, đến được chỗ đất trống, lìa khỏi các khổ nạn).

“Văn thuyết” (Nghe nói): Trùng tụng Văn Huệ. “Bôn cạnh” (Tranh giành): Trùng tụng Tư Huệ và Tu Huệ. “Trì tẩu nhi xuất” (Rảo

chạy thoát ra): Trùng tụng Kiến Đê²²⁷. “Đáo ư không địa” (Đến nơi đất trống): Trùng tụng Vô Học. Hai bài tụng nhằm trùng tụng chuyện “bỏ ghế, dùng xe” để sánh ví cảnh.

3.3.1.2.2.1.2.2.3. Trùng tụng thí dụ bình đẳng ban cho cỗ xe lớn

3.3.1.2.2.1.2.2.3.1. Trùng tụng thí dụ cha hoan hỷ vì thấy các con thoát nạn

(Kinh) Trưởng giả kiến tử, đắc xuất hỏa trạch. Trụ ư tứ cù, tọa sư tử tòa, nhi tự khánh ngôn: “Ngã kim khoái lạc! Thử chư tử đẳng, sanh dục thậm nan, ngu, tiểu, vô tri, nhi nhập hiểm trạch, đa chư độc trùng, ly my khả úy. Đại hỏa mãnh diễm, tứ diện câu khởi, nhi thử chư tử, tham lạc hy hý. Ngã dĩ cứu chi, linh đắc thoát ly. Thị cố chư nhân! Ngã kim khoái lạc”.

(經)長者見子，得出火宅。住於四衢，坐師子座，而自慶言：「我今快樂！此諸子等，生育甚難，愚小無知，而入險宅，多諸毒蟲，魑魅可畏。大火猛燄，四面俱起，而此諸子，貪樂嬉戲。我已救之，令得脫離。是故諸人！我今快樂」。

(Kinh: Trưởng giả thấy các con, đều thoát khỏi nhà lửa. Ở nơi ngã tư đường, ngồi trên tòa sư tử, vui mừng tự nhủ rằng: “Ta nay vui sướng lắm, các đứa con ta đây, để nuôi rất khó khăn, nhỏ, dại, chẳng hiểu biết, đi vào căn nhà hiểm, có nhiều thứ trùng độc, loài ly my đáng sợ. Lửa to cháy hừng hực, bốn phía đều cháy bùng, nhưng các đứa con này, ham vui cứ đùa giỡn. Nay ta đã cứu được, khiến chúng được thoát lìa. Vì thế, mọi người ơi! Ta nay vui sướng lắm”).

“Trụ ư tứ cù” (Ở nơi ngã tư) biểu thị đã thấy rành rẽ Tứ Đê. “Tọa sư tử tòa” (Ngồi trên tòa sư tử): Chủ nhà thoát đầu ở ngoài cửa, còn mang nỗi lo âu, sợ hãi, nên nói là “lập” (đứng). Nay thấy con thoát nạn

²²⁷ Kiến Đê: Hiểu theo nghĩa hẹp là “đã thấu hiểu chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đê”, tức là từ quả Dự Lưu (Nhất Quả) trở lên. Hiểu theo nghĩa rộng thì là “thấu hiểu, chứng ngộ chân lý”. Nếu xét theo Tiểu Thừa thì từ Sơ Quả trở lên, còn xét theo Đại Thừa thì từ Sơ Địa trở lên.

mới chẳng sợ hãi; vì thế nói là “*tọa*” (ngồi). Phẩm Phương Tiện nói: “*Kim ngã hỷ vô úy*” (Nay ta vui mừng, không sợ hãi) chính là nghĩa này.

Lại nữa, trước đó, căn cơ Đại Thừa chưa thấu hiểu, nên nói là “*lập*”. Nay giáo hóa Tiểu Thừa đã hoàn tất, nên nói là “*tọa*”. “*Lập*” là ngầm lợi lạc, “*tọa*” là lợi ích hiển nhiên. “*Nhi tự khánh ngôn*” (Tự vui mừng, nói rằng): Có căn cơ để có thể hóa độ, cho nên vui mừng. Nơi hai vạn ức chư Phật, đều dạy các căn cơ ấy bằng Đại Thừa, cho nên nói là “*sanh*”. Trong chặng giữa, dùng pháp Tiểu Thừa để thành thực họ. Vì thế nói là “*dục*” (nuôi nấng). Trải qua nhiều thời gian nhiều lượt nuôi nấng; vì thế nói là “*thậm nan*” (rất khó). Thiện căn vẫn còn ít ỏi, cho nên nói là “*ngu tiểu*” (ngu dại, nhỏ nhoi). Bị vọng Hoặc che lấp, nên nói là “*vô tri*”. Do vô tri, cho nên dấy lên trược. Dấy trược, ắt chuốc quả. Vì thế nói là “*nhập trạch*” (vào trong nhà).

Hai câu như “*đa chư độc trùng*” (nhiều loại độc trùng) v.v... trần thuật chung tướng lợi độn trong tam giới. Hai câu như “*đại hỏa mãnh diễm*” (lửa to cháy mạnh) v.v... trần thuật chung thể lực của tám khổ trong tam giới. Hai câu “*nhi thử chư tử*” (nhưng các đứa con này) v.v... nêu ra sự khỏi Kiến, khỏi ái, chẳng thể tự dẹp trừ. Hai câu “*ngã dĩ cứu chi*” (ta đã cứu được) v.v... nêu rõ nguyên do [khiến cho trưởng giả] hoan hỷ. Hai câu như “*thị cố chư nhân*” (vì thế mọi người ới) tổng kết ý hoan hỷ.

3.3.1.2.2.2.1.2.2.3.2. Trùng tụng thí dụ các con đòi cha ban cho xe

(Kinh) Nhĩ thời chư tử, tri phụ an tọa, giai nghệ phụ sở, nhi bạch phụ ngôn: “Nguyện tứ ngã đẳng, tam chủng bảo xa, như tiên sở hứa. Chư tử xuất lai, đương dĩ tam xa, tùy nhữ sở dục. Kim chánh thị thời, duy thù cấp dĩ”.

(經)爾時諸子，知父安坐，皆詣父所，而白父言：「願賜我等，三種寶車，如前所許。諸子出來，當以三車，隨汝所欲。今正是時，惟垂給與」。

(Kinh: Lúc bấy giờ các con, biết cha đã an tọa, đều cùng đến chỗ cha, mà thưa cùng cha rằng: “Xin cha cho chúng con, ba loại xe quý báu, như cha đã từng hứa. Các con ra khỏi cửa, sẽ cho ba loại xe, tùy lòng con mong muốn. Nay chính là đúng lúc, xin rủ lòng ban cho”).

“*Tri phụ an tọa*” (Biết cha đã ngồi yên) là lúc đòi xin xe, tương ứng với lúc sắp nói kinh Pháp Hoa. “*Giai nghệ phụ sở*” (Đều đến chỗ cha): Cung cách đòi xin xe, tương ứng với chuyện trong hội này, mọi người đều dùng tâm cung kính đến chỗ đức Phật. “*Nguyện tứ ngã đẳng, tam chủng bảo xa*” (Nguyện ban cho các con ba loại xe báu): Tức là chánh thức cầu xin. “*Như tiền sở hứa*” (Như đã hứa trước đó): Do chấp vào quá khứ mà nghi hiện tại. Trước kia, [đức Phật] nói thật sự có tam thừa, thuận theo lòng ham muốn của con. Nay lại quả trách đó là phương tiện, ắt sẽ rửa lòng ban bố riêng cho con.

3.3.1.2.2.1.2.2.3.3. Trùng tụng thí dụ bình đẳng ban xe lớn cho các con

(Kinh) Trưởng giả đại phú, khổ tạn chúng đa, kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, dĩ chúng bảo vật, tạo chư đại xa, trang hiệu nghiêm sức. Châu táp lan thuần, tứ diện huyền linh. Kim thằng giao lạc. Chân châu la võng, trướng thi kỳ thượng. Kim hoa chư anh, xú xú thùy hạ, chúng thái tạp sức, châu táp vi nhiều. Nhu nhuyển tăng khoáng, dĩ vi nhân nhục, thượng diệu tế diệu, giá trị thiên ức. Tiền bạch tịnh khiết, dĩ phú kỳ thượng. Hữu đại bạch ngưu, phì tráng đa lực, hình thể xu hảo, dĩ giá bảo xa. Đa chư tân tòng, nhi thị vệ chi. Dĩ thị diệu xa, đẳng tứ chư tử.

(經)長者大富，庫藏眾多，金銀瑠璃，碑磔碼瑙，以眾寶物，造諸大車，莊校嚴飾。周帀欄楯，四面懸鈴。金繩交絡。真珠羅網，張施其上。金華諸纓，處處垂下，眾綵雜飾，周帀圍繞。柔輦繒纊，以為茵褥，上妙細氎，價值千億。鮮白淨潔，以覆其上。有大白牛，肥壯多力，形體殊好，以駕寶車。多諸僮從，而侍衛之。以是妙車，等賜諸子。

(Kinh: Trưởng giả rất giàu có, kho tàng thật rất nhiều, vàng, bạc và lưu ly, xa cừ với mã não, dùng các vật quý báu, chế tạo các xe lớn, trang hoàng đẹp lộng lẫy. Chung quanh có bao lơn, bốn phía đều treo linh. Dây vàng dùng giăng xen. Màn lưới bằng chân châu, căng che ở

phía trên. Hoa vàng, các chuỗi ngọc, treo rủ khắp mọi chỗ. Trang hoàng đủ màu sắc, phủ trọn khắp quanh xe. Dùng lụa là mềm mại, để lót làm nệm ngồi. Vải mềm mịn quý báu, giá trị tới ngàn ức. Trắng trong, rất sạch sẽ, để phủ ở trên nệm. Có trâu trắng to lớn, mập khỏe, lại rất mạnh. Thân hình rất đẹp đẽ, dùng để kéo xe báu. Đông đảo các tôi tớ, theo hầu và hộ vệ. Dùng các xe quý ấy, bình đẳng cho các con).

Hai câu đầu, trùng tụng nguyên do vì sao có các cỗ xe. Sáu bài kệ rưới tiếp đó, đều nhằm trùng tụng rõ ràng thể chất của xe. Hai câu sau cùng, nhắc lại ý nghĩa [bình đẳng ban cho các con xe báu], nhưng lược đi chẳng nói đến chuyện tâm cha bình đẳng. Nhưng xe bình đẳng, các con được nhận xe bình đẳng, ắt cái tâm bình đẳng đã rõ rệt rồi! Nhà để chứa đồ vật gọi là Khố (庫), có thể sánh ví lục căn có đủ hết thấy các pháp. Đất chứa vật gọi là Tạng (藏), có thể sánh ví các hạnh trọn đủ hết thấy các pháp. Lại còn Âm, Giới, Nhập v.v... trọn đủ hết thấy các pháp, có thể sánh ví như Tạng. Xét ra, do Lý như đất. Đạo phẩm, Lục Độ trọn đủ hết thấy các pháp, có thể sánh ví với Khố (kho). Do xét theo Tu giống như nhà, trong mỗi pháp thật sự có đủ hết thấy các hạnh và hết thấy các pháp. Trong mỗi hạnh, trọn đủ hết thấy các pháp và hết thấy các hạnh. Vì thế, gọi là “*khố tạng chúng đa*” (có nhiều kho tạng), giàu to. Tánh trọn đủ các pháp, gọi chung là “*chúng bảo*” (các thứ báu).

Từ tánh mà khởi tu thì gọi là “*tạo*”. Con đông sẽ đi nhiều, xe cũng phải nhiều theo, bèn gọi là “*chư*” (các). Thể chất của mỗi cỗ xe, không cỗ nào chẳng cao rộng, nên gọi là “*đại*”. Lại cần phải chỉ bày mới biết, con có tu thì [mới biết], nên gọi là “*tạo*”. Do trong tánh chẳng có tu, [tuy nói là] “*tạo*” mà vốn là sẵn có. Đó là bản thể của xe. Từ chữ “*trang hiệu*” (trang hoàng) trở đi, hàm nghĩa đều trọn đủ các Độ. Bốn câu đầu như vừa mới giải thích. Hai câu “*chân châu la võng*” (lưới màn hình chân châu) v.v... trùng tụng lưới màn [che phủ trên xe]. Lòng Từ chẳng phải chỉ có một môn, giống như các mắt lưới. Trong mỗi mắt lưới, đều có một viên chân châu, như các môn Từ đều cùng được gọi là Thật. Hai câu “*kim hoa, chư anh*” (các chuỗi hoa vàng) trùng tụng chuyện treo các chuỗi hoa rủ xuống, nhằm hiển thị ý nghĩa: Các căn cơ đều vui sướng trọn khắp.

“*Chúng thái tạp sức*” (Trang hoàng đủ màu sắc) là nói đến các chỗ được [đức Phật] rủa lòng hóa độ. Lập bày phương tiện ứng hiện bất đồng là “*châu tấp vi nhiểu*” (vây khắp chung quanh), tức là nói đến cơ

nghi nhiếp hóa chúng sanh chẳng hề khuyết thiếu! “*Nhu nhuyển tăng khoáng*” (Lụa là mềm mại) trùng tụng chữ Uyển (婉, mềm mại). “*Dĩ vi nhân nhục*” (Dùng làm đệm ngồi), trùng tụng chữ Diên (筵, nệm lót ngồi). Bốn câu “*thượng diệu tế diệu*” (vải mềm mịn quý báu) v.v... trùng tụng hai chữ “*trùng phu*” (重敷, xếp chồng lên nhiều lớp), ý nói: Các loại Sự Thiện (Thiện Định thuộc về sự tướng) đều chính là Thật Tướng, chẳng giống với các thứ phiền não xen tạp của phàm phu, tiểu quả. Vì thế, “*tiền bạch tịnh khiết thượng diệu*” (trắng trẻo, tinh sạch, tốt đẹp nhất)! “*Đại bạch ngưu*” thì như trong phần trước đã giải thích. “*Tân tùng*” (僮從) chính là “*bộc tùng*” (僕從, tôi tớ, người theo hầu). Những điều khác dễ hiểu!

3.3.1.2.2.2.1.2.2.3.4. Trùng tụng thí dụ các con được xe đều hoan hỷ

(Kinh) Chư tử thị thời, hoan hỷ dũng được, thừa thị bảo xa, du w tứ phương, hỷ hỷ khoái lạc, tự tại vô ngại.

(經)諸子是時，歡喜踴躍，乘是寶車，遊於四方，嬉戲快樂，自在無礙。

(Kinh: Lúc bấy giờ các con, rất vui mừng, hớn hở, ngồi cỗ xe báu ấy, dạo chơi khắp bốn phương, vui chơi rất sung sướng, tự tại chẳng ngăn ngại).

Nương vào diệu huệ Trung Đạo, theo chiều ngang dạo chơi bốn thứ Tứ Môn²²⁸, bốn thứ Tứ Đế, theo chiều dọc trải qua bốn mươi một địa vị, chúng Tứ Đức “*thường, lạc, ngã, tịnh*” rất ráo.

Phần thứ nhất, “trùng tụng thí dụ” đã xong.

3.3.1.2.2.2.2. Trùng tụng nhằm đối ứng thí dụ với pháp

3.3.1.2.2.2.2.1. Đối ứng tổng thí

3.3.1.2.2.2.2.1.1. Đối ứng thí dụ về trường giả với pháp

(Kinh) Cáo Xá Lợi Phất! Ngã diệc như thị, chúng thánh trung tôn, thế gian chi phụ.

²²⁸ Tứ Môn là một thuật ngữ của tông Thiên Thai chỉ Không Môn, Hữu Môn, Diệc Hữu Diệc Không Môn và Phi Hữu Phi Không Môn.

(經)告舍利弗！我亦如是，眾聖中尊，世間之父。

(Kinh: Bảo với Xá Lợi Phất! Ta cũng như thế đó, tôn quý trong các thánh, là cha của thế gian).

Câu “ngã diệc như thị” (ta cũng giống như thế) trùng tụng địa vị và danh hiệu. Hai câu kế đó, trùng tụng đối ứng danh và hạnh với pháp, đồng thời tán thán đức.

3.3.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng nhằm kết hợp thí dụ “năm trăm người” với pháp

Phần này kèm thêm ý nghĩa “ba mươi đứa con”.

(Kinh) Nhất thiết chúng sanh, giai thị ngô tử, thâm trước thế lạc, vô hữu huệ tâm.

(經)一切眾生，皆是吾子，深著世樂，無有慧心。

(Kinh: Hết thấy các chúng sanh, đều là con của ta, chấp sâu thế gian lạc, chẳng có tâm trí huệ).

“Nhất thiết” (Hết thấy) chỉ năm đường trong tam giới. “Ba mươi” là con thuộc về duyên nhân, “nhất thiết” là con thuộc về chánh nhân.

3.3.1.2.2.2.1.3. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của toàn thể ngôi nhà và ý nghĩa “một cửa”

(Kinh) Tam giới vô an, do như hỏa trạch.

(經)三界無安，猶如火宅。

(Kinh: Tam giới chẳng yên ổn, ví như nhà lửa cháy).

3.3.1.2.2.2.1.4. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện lửa bốc cháy

(Kinh) Chúng khổ sung mãn, thậm khả bố úy, thường hữu sanh lão, bệnh tử ưu hoạn. Như thị đẳng hỏa, xí nhiên bất tức.

(經)眾苦充滿，甚可怖畏，常有生老，病死憂患。如是等火，熾然不息。

(Kinh: Các nỗi khổ đầy đầy, rất đáng nên kinh sợ, thường có sanh và lão, bệnh, chết cùng lo sầu. Các thứ lửa như thế, cháy hừng hực chẳng ngại).

Hai câu đầu nhằm nêu bày [các sự khổ và nỗi kinh hãi]. Hai câu kế đó giải thích, hai câu cuối nhằm kết lại.

Phần thứ nhất, trùng tụng kết hợp Tổng Thí với ý nghĩa biểu thị pháp đã xong.

3.3.1.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp Biệt Thí với pháp

3.3.1.2.2.2.2.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “thấy lửa”

(Kinh) Như Lai dĩ ly, tam giới hỏa trạch, tịch nhiên nhàn cư, an xử lâm dã. Kim thử tam giới, giai thị ngã hữu. Kỳ trung chúng sanh, tất thị ngô tử. Nhi kim thử xứ, đa chư hoạn nạn, duy ngã nhất nhân, năng vi cứu hộ.

(經)如來已離，三界火宅，寂然閑居，安處林野。今此三界，皆是我有。其中眾生，悉是吾子。而今此處，多諸患難，唯我一人，能為救護。

(Kinh: Như Lai đã lìa khỏi, ngôi nhà lửa tam giới, nhàn cư trong thanh vắng, ở yên nơi đồng, rừng. Nay cả tam giới này, đều cùng thuộc về ta. Chúng sanh ở trong đó, đều là con của ta. Nhưng nay nơi chốn này, có nhiều nỗi hoạn nạn, chỉ riêng một mình ta, có thể cứu giúp họ).

Bài kệ đầu tiên trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chủ thể có thể trông thấy (năng kiến). Chính vì vương tam-muội vắng lặng, tịch mà thường chiếu; cho nên có thể thấy. Sáu câu kế tiếp trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của những điều được trông thấy (sở kiến). Hai câu sau cùng, trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện trưởng giả kinh hãi vào trong nhà lửa.

3.3.1.2.2.2.2.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện “bỏ ghế, dùng xe”

3.3.1.2.2.2.2.2.1 Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện bỏ ghế

(Kinh) Tuy phục giáo chiếu, nhi bất tín thọ, ư chư dục nhiễm, tham trước thâm cố.

(經)雖復教詔，而不信受，於諸欲染，貪著深故。

(Kinh: Dẫu ta đã dạy bảo, nhưng họ chẳng tin nhận. Đối với các dục nhiễm, tham đắm đã rất sâu).

Câu thứ nhất trùng tụng ý nghĩa suy tính [dùng pháp nào] thích hợp [để hóa độ]. Câu thứ hai nhắc lại ý [dùng các Đại pháp để hóa độ] đều chẳng được! Hai câu cuối giải thích nguyên do “vì chúng sanh chẳng tin”; và cũng bao hàm ý nghĩa “thôi hóa độ”.

3.3.1.2.2.2.2.2.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện “dùng xe để tiếp dẫn”

(Kinh) Dĩ thị phương tiện, vị thuyết tam thừa, linh chư chúng sanh, tri tam giới khổ, khai thị diễn thuyết, xuất thế gian đạo. Thị chư tử đẳng, nhược tâm quyết định, cụ túc Tam Minh, cập lục thần thông, hữu đắc Duyên Giác, bất thoái Bồ Tát.

(經)以是方便，為說三乘，令諸眾生，知三界苦，開示演說，出世間道。是諸子等，若心決定，具足三明，及六神通，有得緣覺，不退菩薩。

(Kinh: Do bởi phương tiện ấy, vì họ nói tam thừa, khiến cho các chúng sanh, biết tam giới là khổ, khai thị và diễn nói, đạo xuất ly thế gian. Nếu các đấng con ấy, tâm đều đã quyết định, trọn đủ ba thứ Minh, và sáu món thần thông, có kẻ đắc Duyên Giác, hoặc bất thoái Bồ Tát).

Hai câu đầu trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của việc suy tính vận dụng tam thừa. Bốn câu kế tiếp trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của việc khen ngợi ba loại xe hy hữu. Sáu câu cuối trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện [ba loại xe] phù hợp mong ước của các con. “*Nhược tâm quyết định*” (Nếu tâm quyết định): Trùng tụng chung các địa vị chúng đắc trong tam thừa. Bốn câu từ “*cụ túc*” (đầy đủ) trở đi, riêng trùng tụng

khi các địa vị tam thừa tranh nhau thoát khỏi tam giới, thông với ý nghĩa bất thoái và ba giáo trước.

Phần thứ hai, “trùng tụng chuyện bỏ ghế, dùng xe” đã xong.

3.3.1.2.2.2.2.2.3. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện bình đẳng ban cho [các con] cỗ xe lớn

3.3.1.2.2.2.2.2.3.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện bình đẳng ban cho

(Kinh) Nhữ Xá Lợi Phất! Ngã vị chúng sanh, dĩ thử thí dụ, thuyết nhất Phật Thừa. Nhữ đẳng nhược năng, tín thọ thị ngữ, nhất thiết giai đương, thành đắc Phật đạo.

(經)汝舍利弗！我為眾生，以此譬喻，說一佛乘。汝等若能，信受是語，一切皆當，成得佛道。

(Kinh: Đây ông Xá Lợi Phất! Ta đã vì chúng sanh, sử dụng thí dụ này, để nói một Phật Thừa. Nếu các ông có thể, tin nhận lời nói này, thì hết thảy sẽ đều, được thành tựu Phật đạo).

Trước hết, trùng tụng ý nghĩa “[tất cả] đều là con của ta, bình đẳng ban cho Đại Thừa”, cho đến “đều dùng sự diệt độ của Như Lai để giúp họ diệt độ”, tương ứng với tâm bình đẳng.

(Kinh) Thị thừa vi diệu, thanh tịnh đệ nhất, ưu chư thế gian, vô hữu thượng. Phật sở duyệt khả, nhất thiết chúng sanh, sở ưng xưng tán, cúng dường, lễ bái.

(經)是乘微妙，清淨第一，於諸世間，為無有上。佛所悅可，一切眾生，所應稱讚，供養禮拜。

(Kinh: Phật Thừa này vi diệu, là thanh tịnh bậc nhất, ở trong các thế gian, không gì hơn được nữa. Được chư Phật ưa thích, hết thảy các chúng sanh, đều phải nên ca ngợi, cúng dường và lễ bái).

Đây chính là trùng tụng nhất tướng, nhất chủng. “Được các đức thánh ca ngợi” vì có thể sanh ra niềm vui tịnh diệu bậc nhất, ứng hợp với thể chất của các cỗ xe [được nói trong thí dụ].

(Kinh) Vô lượng ức thiên, chư lực giải thoát, Thiền Định trí huệ, cập Phật dư pháp, đắc như thị thừa.

(經)無量億千，諸力解脫，禪定智慧，及佛餘法，得如是乘。

(Kinh: Có vô lượng ức ngàn, các lực và giải thoát, Thiền Định với trí huệ, và các Phật pháp khác, đạt được thừa như thế).

Đây là trùng tụng ý nghĩa “ta có vô lượng vô biên các pháp tạng trí huệ, lực, vô úy v.v... của chư Phật”, tương ứng với nguyên do có xe.

Phần thứ nhất, “trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của việc bình đẳng ban cho” đã xong.

3.3.1.2.2.2.2.3.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của thí dụ các con hoan hỷ

(Kinh) Linh chư tử đẳng, nhật dạ kiếp số, thường đắc du hý, dữ chư Bồ Tát, cập Thanh Văn chúng, thừa thử bảo thừa, trực chí đạo tràng. Dĩ thị nhân duyên, thập phương để cầu, cánh vô dư thừa, trừ Phật phương tiện.

(經)令諸子等，日夜劫數，常得遊戲，與諸菩薩，及聲聞眾，乘此寶乘，直至道場。以是因緣，十方諦求，更無餘乘，除佛方便。

(Kinh: Khiến cho các đứa con, ngày đêm trải kiếp số, thường luôn được vui chơi, cùng với các Bồ Tát, và các bậc Thanh Văn, ngồi trên xe báu ấy, đến thẳng chốn đạo tràng. Do bởi nhân duyên đó, tìm kỹ khắp mười phương, chẳng có thừa nào khác, trừ Phật nói phương tiện).

Bảy câu đầu chỉ ra ai nấy đều đạt được Đại Thừa pháp hỷ. Bốn câu sau tổng kết khuyến tín. “*Nhật dạ*” (Ngày đêm): Vừa mới đạt được trí quang Trung Đạo từ tri kiến của Phật, giống như “ban ngày”; các thứ vô minh hãy còn, giống như “ban đêm”. Tự đạt được trí Trung Đạo như ban ngày, từ bi vào trong sanh tử như đêm. Thường hành hai pháp; vì thế nói là “*du hý*”. Rộng hóa độ tam thừa cùng đạt được Nhất Thừa, vì thế

nói “*dữ chư Bồ Tát cập Thanh Văn chúng, thừa thừa bảo thừa*” (cùng với các vị Bồ Tát và hàng Thanh Văn ngồi xe báu ấy). Thừa ấy viên đôn, chẳng có tướng cong vạy. Vì thế nói “*trực chỉ đạo tràng*” (đến thẳng đạo tràng). Kế đó, tổng kết nhân duyên “*chỉ có một thừa duy nhất, chẳng có ba thừa*”, ý nghĩa dễ hiểu.

Phần thứ ba, trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “*bình đẳng ban cho cỗ xe lớn*” đã xong!

3.3.1.2.2.2.2.2.4. Trùng tụng nhằm đối ứng “vô hư vọng” với pháp

(Kinh) Cáo Xá Lợi Phất! Nhữ chư nhân đẳng, giai thị ngô tử, ngã tắc thị phụ. Nhữ đẳng lũy kiếp, chúng khổ sở thiêu, ngã giai tế bạt, linh xuất tam giới. Ngã tuy tiên thuyết, nhữ đẳng diệt độ, dẫn tận sanh tử, nhi thật bất diệt. Kim sở ưng tác, duy Phật trí huệ. Nhược hữu Bồ Tát, ưng thị chúng trung, năng nhất tâm thính, chư Phật thật pháp. Chư Phật Thế Tôn, tuy dĩ phương tiện, sở hóa chúng sanh, giai thị Bồ Tát.

(經)告舍利弗！汝諸人等，皆是吾子，我則是父。汝等累劫，眾苦所燒，我皆濟拔，令出三界。我雖先說，汝等滅度，但盡生死，而實不滅。今所應作，唯佛智慧。若有菩薩，於是眾中，能一心聽，諸佛實法。諸佛世尊，雖以方便，所化眾生，皆是菩薩。

(Kinh: Bảo với Xá Lợi Phất! Toàn thể nhóm các ông, đều là con của ta, còn ta chính là cha. Các ông trải nhiều kiếp, bị các khổ nung đốt. Ta đều cứu vớt cho, khiến thoát khỏi tam giới. Tuy ta trước kia nói, các ông đều diệt độ, chỉ là hết sanh tử, chẳng phải thật diệt độ! Nay việc phải nên làm, chỉ có trí huệ Phật. Nếu có Bồ Tát nào, ở trong đại chúng này, có thể nhất tâm nghe, thật pháp của chư Phật. Các vị Phật Thế Tôn, tuy đều dùng phương tiện, hòng hóa độ chúng sanh, đều thành Bồ Tát cả!)

Bốn câu đầu trước hết xác định tình cha con thiên tánh tương quan tốt bậc! Tức là trùng tụng ý “*Như Lai cũng giống như thế, chẳng có hư vọng*”. Bốn câu kế tiếp, trùng tụng ý “*thoạt đầu nói tam thừa để dẫn dắt*

chúng sanh”. Mười bốn câu kệ đó trùng tụng ý “sau đó, chỉ dùng Đại Thừa để độ thoát”.

(Kinh) Nhược nhân tiểu trí, thâm trước ái dục, vị thử đẳng cố, thuyết u Khổ Đế. Chúng sanh tâm hỷ, đắc vị tăng hữu. Phật thuyết Khổ Đế, chân thật vô dị. Nhược hữu chúng sanh, bất tri khổ bốn, thâm trước khổ nhân, bất năng tạm xả. Vị thị đẳng cố, phương tiện thuyết đạo: Chư khổ sở nhân, tham dục vi bốn. Nhược diệt tham dục, vô sở y chỉ? Diệt tận chư khổ, danh đệ tam đế. Vị Diệt Đế cố, tu hành u đạo, ly chư khổ phục, danh đắc giải thoát.

(經)若人小智，深著愛欲，為此等故，說於苦諦。眾生心喜，得未曾有。佛說苦諦，真實無異。若有眾生，不知苦本，深著苦因，不能暫捨。為是等故，方便說道：諸苦所因，貪欲為本。若滅貪欲，無所依止？滅盡諸苦，名第三諦。為滅諦故，修行於道，離諸苦縛，名得解脫。

(Kinh: Nếu là kẻ trí nhỏ, chấp ái dục sâu đậm, ta vì hạng người ấy, nói ra lý Khổ Đế. Chúng sanh nghe vui mừng, được điều chưa từng có. Đức Phật nói Khổ Đế, chân thật, chẳng sai khác. Nếu có chúng sanh nào, chẳng biết cội gốc khổ, chấp khổ nhân sâu đậm, chẳng thể tạm bỏ được. Sẽ vì hạng người ấy, phương tiện để nói đạo: Trong các nhân gây khổ, tham dục là cội gốc. Nếu diệt trừ tham dục, khổ còn nương vào đâu? Diệt sạch hết các khổ, gọi là Đế thứ ba. Do vì Diệt Đế ấy, mà tu hành nơi Đạo, lìa khỏi khổ trói buộc, thì gọi là “giải thoát”).

Đây là trùng tụng ý “chẳng phải là trọn hết chúng sanh đều có thể thọ trì pháp Đại Thừa”. Do đó, đức Phật dùng sức phương tiện, vì họ nói Sanh Diệt Tứ Đế. Cội gốc của Khổ chính là Tập Đế. “*Phương tiện thuyết đạo*”: Vẫn là nói phương tiện. “*Đệ tam đế*” chính là Diệt Đế. Những điều khác dễ hiểu!

(Kinh) Thị nhân u hà, nhi đắc giải thoát? Dẫn ly hư vọng, danh vi giải thoát. Kỳ thật vị đắc, nhất thiết giải thoát! Phật thuyết thị nhân, vị thật diệt độ, tư nhân vị đắc, vô thượng đạo cố! Ngã ý bất dục, linh

chí diệt độ. Ngã vì pháp vương, u pháp tự tại. An ổn chúng sanh, cố hiện u thể.

(經)是人於何，而得解脫？但離虛妄，名為解脫。其實未得，一切解脫！佛說是人，未實滅度，斯人未得，無上道故！我意不欲，令至滅度。我為法王，於法自在。安隱眾生，故現於世。

(Kinh: Người ấy nơi pháp nào, mà đạt được giải thoát? Chỉ là lìa hư vọng, bèn gọi là “giải thoát”. Thật ra, chưa đạt được, hết thấy các giải thoát! Đức Phật nói kẻ đó, chưa thật sự diệt độ, vì kẻ đó chưa đắc, đạo quả vô thượng vậy! Ý của ta chẳng muốn, khiến người đó diệt độ. Ta là đáng pháp vương, nơi pháp được tự tại. Vì an ổn chúng sanh, mà xuất hiện trong đời).

Đây là trùng tụng ý “Nhu Lai có vô lượng pháp tạng ‘trí huệ, lực, vô sở úy’ v.v... Có thể ban pháp Đại Thừa cho hết thấy chúng sanh”. “Đản ly hư vọng” (Chỉ lìa hư vọng) tức là lìa Kiến Tư. “Nhất thiết giải thoát” (Hết thấy các giải thoát) tức Đại Niết Bàn của Như Lai. “Vị thật diệt độ” (Chưa thật sự diệt độ): Biến Dịch sanh tử vẫn còn. “Vô thượng đạo”: Nhất Thiết Chứng Trí. Pháp vương xuất hiện trong cõi đời để an ủi chúng sanh, hứa ba mà ban một, há có hư vọng? Phần trùng tụng đã xong. Trong bốn đoạn lớn của phần Thí Thuyết Châu, phần đầu tiên là thí dụ khai tam hiển nhất, có thỉnh, có đáp. Trong phần đáp có ba đoạn.

Phần chánh yếu nói về Thí Thuyết đã xong.

3.3.1.3. Khuyến tín lưu thông

“Tín” là tin vào lời Phật dạy “đối với các đối tượng nào chớ nên nói [khai tam, hiển nhất]”. “Khuyến” là khuyên [tin nhận] đối tượng nào thì có thể lưu truyền hay chẳng lưu truyền pháp này. Do có hai nghĩa ấy, cho nên nói là “khuyến tín”.

3.3.1.3.1. Nêu bày cả hai ý nghĩa [khi nào nên tuyên nói và khi nào chớ nên nói]

(Kinh) Nhữ Xá Lợi Phát! Ngã thử pháp ấn, vị dục lợi ích, thế gian cố thuyết. Tại sở du phương, vật vọng tuyên truyền.

(經)汝舍利弗！我此法印，為欲利益，世間故說。在所遊方，勿妄宣傳。

(Kinh:) *Này ông Xá Lợi Phát! Pháp ấn²²⁹ này của ta, vì muốn tạo lợi ích, cho thế gian nên nói, các chỗ ông đi qua, chớ tùy tiện tuyên truyền).*

Bốn câu đầu nêu rõ [lúc nào] có thể nói hoặc chớ nên nói [pháp này]. Vì lợi ích thế gian mà nói ra pháp ấn Thật Tướng này của ta. Như trong bốn mươi mấy năm, lúc chưa nói ra là vì năm ngàn người chưa lui về, cho nên chẳng nói. Hai câu kế đó, chỉ ra: Đối với đối tượng nào thì có thể hay chẳng thể lưu truyền pháp này, chớ nên tuyên truyền bừa bãi. Đối với kẻ ác mà cứ cưỡng nói, sẽ khiến cho họ đọa khổ! Đối với người thiện mà chẳng nói, sẽ khiến cho họ lầm lỡ, chẳng đạt được niềm vui này. Do lòng đại bi thương xót kẻ ác, cho nên chẳng nói với họ. Do lòng đại từ nghĩ đến người thiện, hãy nên nói cho họ biết. Xét ra đoạn văn này, chính là đức Phật đã phó chúc ngài Thân Tử (Xá Lợi Phát) như thế, tức là giống như Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật phó chúc ngài Diệu Quang. Còn như ngài Thân Tử nhập diệt trước Phật, bất quá là tiểu cơ thấy như thế. Ngày nay được nghe Pháp Hoa, há chẳng phải là do sức lưu thông của ngài Thân Tử ư?

3.3.1.3.2. Giải thích

3.3.1.3.2.1. Giải thích đối với ai có thể nói, và đối với ai chớ nên nói

(Kinh) Nhược hữu văn giả, tùy hỷ danh thọ, đương tri thị nhân, A Duy Việt Trí. Nhược hữu tín thọ, thử kinh pháp giả, thị nhân dĩ tăng, kiến quá khứ Phật, cung kính cúng dường, diệc văn thị pháp. Nhược nhân hữu năng, tín nhữ sở thuyết, tắc vi kiến ngã, diệc kiến u nhữ, cập tỳ-kheo tăng, tịnh chư Bồ Tát. Tư Pháp Hoa kinh, vị thâm trí thuyết. Thiển thức văn chi, mê hoặc bất giải. Nhất thiết Thanh Văn,

²²⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ấn là ấn chứng. Pháp là pháp lý. Phàm kinh văn có pháp lý để ấn chứng thì gọi là pháp ấn. Do pháp lý để ấn chứng trong kinh này là Nhất Thừa Thật Tướng, cho nên gọi là Thật Tướng ấn. Vì thế, phẩm Phương Tiện mới nói: Vì nói Thật Tướng ấn”.

cập Bích Chi Phật, u thử kinh trung, lực sở bất cập. Nhữ Xá Lợi Phất! Thượng u thử kinh, dĩ tín đắc nhập, hướng dư Thanh Văn. Kỳ dư Thanh Văn, tín Phật ngữ cổ, tùy thuận thử kinh, phi kỷ trí phận.

(經)若有聞者，隨喜頂受，當知是人，阿惟越致。若有信受，此經法者，是人已曾，見過去佛，恭敬供養，亦聞是法。若人有能，信汝所說，則為見我，亦見於汝，及比丘僧，并諸菩薩。斯法華經，為深智說。淺識聞之，迷惑不解。一切聲聞，及辟支佛，於此經中，力所不及。汝舍利弗！尚於此經，以信得入，況餘聲聞。其餘聲聞，信佛語故，隨順此經，非己智分。

(Kinh: Nếu có ai được nghe, tùy hỷ, kính cần nhận, hãy nên biết người đó, là A Duy Việt Trí. Nếu có ai tin nhận, kinh pháp vô thượng này, người ấy ắt đã từng, thấy chư Phật quá khứ, cung kính cùng cúng dường, và cũng nghe pháp này. Nếu người nào có thể, tin tưởng lời ông nói, tức là đã thấy ta, cũng như đã thấy ông, và thấy tỳ-kheo tăng, cùng các vị Bồ Tát. Phật vì người trí sâu, nói kinh Pháp Hoa này. Kẻ thức cạn nghe đến, mê hoặc, chẳng hiểu được! Hết thấy các Thanh Văn, cùng với Bích Chi Phật, đối với kinh pháp này, sức họ chẳng hiểu được. Ông Xá Lợi Phất ơi! Chính ông với kinh này, còn do tin mà vào, hướng các Thanh Văn khác! Những vị Thanh Văn khác, do tin tưởng lời Phật, bèn tùy thuận kinh này, chẳng do trí của họ).

Đây là nói rõ tướng trạng lợi ích thế gian của Như Lai, luận định chung thì là lợi ích trong ba đời. Luận định riêng biệt thì là bàn về hàng Nhị Thừa sanh lòng tin. Bài kệ thứ nhất chính là xét theo sự lợi ích trong hiện tại để nói. A Duy Việt Trí (Avaivartika) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Bất Thoái. Sáu câu kế tiếp, xét theo điều thiện trong quá khứ để nói. Sáu câu kế tiếp, xét theo điều thiện trong vị lai mà nói. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Nhược thâm tín giải giả, kiến Phật thường tại Linh Thửu*” (Nếu người tin hiểu sâu, sẽ thấy Phật thường tại Linh Thửu) chính là nghĩa này. Bốn câu kế tiếp, tổng kết phần trước hòng dẫn khởi phần sau: Như Lai quán thấy bậc trí sâu đạt được lợi ích trong ba đời; do đó, Ngài vì họ nói [kinh Pháp Hoa]. “*Thiển thức bất*

giải” (Kẻ hiểu biết nông cạn sẽ chẳng hiểu), sẽ chẳng vì kẻ đó nói. Ba bài kệ sau cùng, minh xác: Nhị Thừa do tín mà nhập. “Phi kỷ trí phận” (Chẳng do trí huệ của chính mình): Người thật sự đắc A La Hán ắt tin lời Phật. Vì thế, dầu là người trí yếu kém, vẫn có thể nói với người ấy. Còn như năm ngàn kẻ tăng thượng mạn, đức Phật chẳng nói với họ.

3.3.1.3.2.2. Giải thích đối với đối tượng nào có thể lưu truyền, đối tượng nào thì đừng nên

3.3.1.3.2.2.1. Xét theo đại bi môn, đừng nói với kẻ ác

(Kinh) Hưu Xá Lợi Phát! Kiêu mạn, giải đãi, kế ngã kiến giả, mạn thuyết thử kinh. Phàm phu thiểu thức, thâm trước ngũ dục, văn bất năng giải, diệc vật vị thuyết. Nhược nhân bất tín, hủy báng thử kinh, tắc đoạn nhất thiết, thế gian Phật chủng.

(經)又舍利弗！憍慢懈怠，計我見者，莫說此經。凡夫淺識，深著五欲，聞不能解，亦勿為說。若人不信，毀謗此經，則斷一切，世間佛種。

(Kinh: Ông Xá Lợi Phát ơi! Với kẻ kiêu, lười nhác, chấp trước nơi ngã kiến, chớ nên nói kinh này. Với phàm phu hiểu cạn, chấp sâu nơi ngũ dục, nghe rồi chẳng thể hiểu, cũng chớ nói kinh này. Nếu kẻ nào chẳng tin, hủy báng kinh điển này, chính là đoạn hết thầy, Phật chủng của thế gian).

Những điều được tuyên thuyết trong kinh này thuần luận bàn Thật Tướng. Dùng ấn Thật Tướng để in vào trọn khắp các pháp, cho nên khiến cho điều thiện bé tí, điều hiểu biết nhỏ nhoi đều cùng trở thành duyên. Nhưng người Kiến Tư nặng nề, nghe [pháp này], sẽ phạm hai lỗi: Một là chẳng tin; hai là hiểu lầm. Nói “chẳng tin” là do trí nông cạn, chấp Quyền, nghi Thật. Nói “hiểu lầm” là do chấp vào kinh văn, thẳng thừng coi chấp trước “*thường, lạc, ngã, tịnh*” của ngoại đạo chẳng khác viên lý. Ví như [thí dụ] gã thầy thuốc cũ chuyên dùng sữa độc để chữa bệnh [trong kinh Niết Bàn]. Hai lỗi ấy cùng gọi là “*hủy báng kinh này*”, đều đoạn Phật chủng trong thế gian. Vì lẽ nào vậy? Kinh này dùng duyên nhân và liễu nhân để làm Phật chủng. Nếu chấp Quyền, nghi Thật, sẽ chẳng tin “do điều thiện nhỏ mà thành Phật”. Đây là đoạn duyên nhân chủng trong thế gian, mà cũng là tự đoạn liễu nhân chủng. Nếu hiểu lầm

thường lạc, tức là [giống như gã thầy thuốc dốt được nói trong kinh Niết Bàn] chẳng biện định sữa tốt hay xấu, chính là đoạn liễu nhân chủng trong thế gian. Lại tự nói “Hoặc chính là Bát Nhã, nghiệp chính là giải thoát, chẳng còn tu các thiện pháp”, cũng là tự đoạn duyên nhân chủng. Nay bài kệ đầu tiên nói về kẻ Kiến Hoặc nặng nề. Bài kệ kế tiếp nói về Tư Hoặc nặng nề. Bài kệ sau cùng nêu chung hai lỗi.

(Kinh) Hoặc phục tần túc²³⁰, nhi hoài nghi hoặc. Nhữ đương thính thuyết, thử nhân tội báo: Nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, kỳ hữu phỉ báng, như tư kinh điển. Kiến hữu độc tụng, thư trì kinh giả, khinh tiện tăng tật, nhi hoài kết hận. Thử nhân tội báo, nhữ kim phục thính. Kỳ nhân mạng chung, nhập A Tỳ ngục, cụ túc nhất kiếp. Kiếp tận cánh sanh, như thị triển chuyển, chí vô số kiếp. Tùng địa ngục xuất, đương đọa súc sanh. Nhược cầu, dã can, kỳ hình khố²³¹ sâu, lê thăm giới lại, nhân sở xúc nhiều. Hựu phục vi nhân, chi sở ố tiện, thường khốn cơ khát, cốt nhục khô kiệt. Sanh thọ sở độc. Tử bị ngãa thạch. Đoạn Phật chủng cổ, thọ tư tội báo. Nhược tác trách đà²³², hoặc sanh lục trung, thân thường phụ trọng, gia chư trượng chủ. Dẫn niệm thủy thảo, dư vô sở tri. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Hữu tác dã can, lai nhập tụ lạc. Thân thể giới lại, hựu vô nhất mục, vị chư đồng tử, chi sở đả trịch, thọ chư khổ thống. Hoặc thời trí tử. Ư thử tử dĩ, cánh thọ mạng thân. Kỳ hình trường đại, ngũ bách do-tuần, lung ngãi vô túc, uyển chuyển phúc hành. Vị chư tiểu trùng, chi sở táp thực. Trú dạ thọ khổ, vô hữu hưu tức. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Nhược đắc vi nhân, chư căn ám độn. Toa lậu loan tích, manh lung bối ử. Hữu sở ngôn thuyết, nhân bất tín thọ. Khẩu khí thường xú, ly my sở trước. Bần cùng, hạ tiện, vị nhân sở sử, đa bệnh, tiêu sấu. Vô sở y hỗ. Tuy thân phụ nhân, nhân bất tại ý. Nhược hữu sở đắc, tầm phục vong thất. Nhược tu y đạo, thuận phương trị bệnh, cánh tăng tha tật, hoặc phục trí tử. Nhược tự hữu

²³⁰ Chữ này thường đọc là “tần thích”, nhưng theo tự điển trực tuyến zdic.net/hans thì âm Phổ Thông là píncù, tức là phải đọc là “tần túc”. Hơn nữa, tự điển Khang Hy phiên thiết chữ 蹙 là “tử lục thiết” hay “thất lục thiết”, tức là chỉ có thể đọc thành âm “túc” hay “thúc”.

²³¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Khố (頤) có nghĩa là đầu không có tóc, hay con vật trụi lông”.

²³² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trách đà (駝) chính là lạc đà”.

bệnh, vô nhân cứu liệu. Thiết phục lương dược, nhi phục tăng kịch. Nhược tha phản nghịch, sao kiếp thiết đạo. Như thị đẳng tội, hoạnh ly kỳ ương. Như tư tội nhân, vĩnh bất kiến Phật, chúng thánh chi vương, thuyết pháp giáo hóa. Như tư tội nhân, thường sanh nạn xứ, cuồng lung tâm loạn, vĩnh bất văn pháp. U vô số kiếp, như Hằng hà sa, sanh triếp lung á, chư căn bất cụ, thường xử địa ngục, như du viên quán. Tại dư ác đạo, như kỷ xá trạch. Đà, lư, trư, cầu, thị kỳ hành xứ. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Nhược đắc vi nhân, lung, manh, ẩm, á, bản cùng chư suy, dĩ tự trang nghiêm. Thủy thũng, càn tiêu, giới lại, ung thư. Như thị đẳng bệnh, dĩ vi y phục. Thân thường xú xứ, cấu uế bất tịnh. Thân trước ngã kiến. Tăng ích sân khuể. Dâm dục xí thịnh, bất trạch cảm thú. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Cáo Xá Lợi Phất! Báng tư kinh giả, nhược thuyết kỳ tội, cùng kiếp bất tận. Dĩ thị nhân duyên, ngã cố ngữ nhữ, vô trí nhân trung, mặc thuyết thử kinh.

(經)或復瞶瞶，而懷疑惑。汝當聽說，此人罪報：若佛在世，若滅度後，其有誹謗，如斯經典。見有讀誦，書持經者，輕賤憎嫉，而懷結恨。此人罪報，汝今復聽。其人命終，入阿鼻獄，具足一劫。劫盡更生，如是展轉，至無數劫。從地獄出，當墮畜生。若狗野干，其形頹瘦，黧黧疥癩，人所觸憊。又復為人，之所惡賤，常困饑渴，骨肉枯竭。生受楚毒。死被瓦石。斷佛種故，受斯罪報。若作駝駝，或生驢中，身常負重，加諸杖捶。但念水草，餘無所知。謗斯經故，獲罪如是。有作野干，來入聚落。身體疥癩，又無一目，為諸童子，之所打擲，受諸苦痛。或時致死。於此死已，更受蟒身。其形長大，五百由旬，聾聵無足，宛轉腹行。為諸小蟲，之所啞食。晝夜受苦，無有休息。謗斯經故，獲罪如是。若得為人，諸根闇鈍。矬陋癡瞶，盲聾背偃。有所言說，人不信受。口氣常臭，魑

魅所著。貧窮下賤，為人所使，多病痼瘦。無所依怙。雖親附人，人不在意。若有所得，尋復忘失。若修醫道，順方治病，更增他疾，或復致死。若自有病，無人救療。設服良藥，而復增劇。若他反逆，抄劫竊盜。如是等罪，橫罹其殃。如斯罪人，永不見佛，眾聖之王，說法教化。如斯罪人，常生難處，狂聾心亂，永不聞法。於無數劫，如恒河沙，生輒聾瘡，諸根不具，常處地獄，如遊園觀。在餘惡道，如己舍宅。駝驢豬狗，是其行處。謗斯經故，獲罪如是。若得為人，聾盲瘡瘻，貧窮諸衰，以自莊嚴。水腫乾癆，疥癩癰疽。如是等病，以為衣服。身常臭處，垢穢不淨。深著我見。增益瞋恚。淫欲熾盛，不擇禽獸。謗斯經故，獲罪如是。告舍利弗！謗斯經者，若說其罪，窮劫不盡。以是因緣，我故語汝，無智人中，莫說此經。

(*Kinh*: Hoặc có kẻ cau có, mà ôm lòng ngờ vực. Ông hãy nên lắng nghe, tội báo của kẻ đó: Như Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, hề kẻ nào phỉ báng, kinh điển như thế này. Thấy có người đọc, tụng, chép, phụng trì kinh này, bèn khinh miệt ghen ghét, rồi ôm lòng kết hận. Tội báo của kẻ đó, ông nay lại nên nghe. Kẻ đó sau khi chết, sẽ vào ngục A Tỳ, trọn đủ suốt một kiếp. Kiếp hết rồi lại sanh, cứ xoay vần như thế, cho đến vô số kiếp. Từ địa ngục thoát ra, sẽ đọa làm súc sanh. Hoặc chó nhà, chó rừng, thân trụi lủi, tong teo, đen đúa, còn ghẻ lác, bị loài người chọc ghẹo. Lại còn bị người ta, ghét bỏ và khinh rẻ, thường khổ sở đói khát, xương và thịt khô khao. Sống chịu nỗi khổ nhục, chết bị quăng ngói, đá. Vì đoạn mất Phật chúng, hứng chịu tội báo ấy. Hoặc lại làm lạc đà, hoặc sanh trong loài lừa. Tám thân thường chở nặng, lại còn bị roi vọt. Chỉ nghĩ tới cỏ, nước, chẳng biết đến chi khác. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Có kẻ làm chó hoang, đi vào trong xóm làng. Thân thể đầy ghẻ lở, lại chột mắt một mắt, bị bọn trẻ nít vây, quăng ném và đánh đập, chịu các nỗi đau khổ. Hoặc có lúc chết đi. Đời này đã chết

rồi, lại phải làm thân rắn. Thân thể nó to dài, đến năm trăm do-tuần, điếc, ngậy, lại không chân, quần quai bò trườn đi. Bị các loài trùng nhỏ, cắn rủa nơi thân hình. Suốt ngày đêm chịu khổ, chẳng có lúc ngưng nghỉ. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Nếu lại được làm người, các căn đều tối, đụt. Lùn, xấu lại vẹo què. Lòa, điếc, lại gù lưng. Hễ có nói năng gì, chẳng có ai tin tưởng. Hơi miệng thường hôi thối, bị quỷ mỵ dựa thân. Bần cùng và hèn mọn, thường bị người sai khiến. Lắm bệnh, thân còm côi. Chẳng có chỗ nương cậy. Tuy thân cận ai đó, người ta chẳng quan tâm. Nếu có được điều gì, liền quên bằng mắt ngay. Nếu học làm nghề thuốc, theo đúng toa chữa bệnh, người ta bệnh nặng thêm, hoặc đến nỗi chết ngắc. Nếu chính mình có bệnh, chẳng ai cứu chữa nổi. Dù uống thuốc tốt lành, bệnh tật càng nguy ngập. Hoặc kẻ khác phản nghịch, cướp giết, trộm lấy mất. Các tội lỗi như thế, luôn mang vạ bất ngờ. Tội nhân như thế đó, vĩnh viễn chẳng thấy Phật, là vua trong các thánh, thuyết pháp giáo hóa cho. Kẻ tội nhân như thế, thường sanh chỗ hoạn nạn. Tâm cuồng loạn, tai điếc, vĩnh viễn chẳng nghe pháp. Ở trong vô số kiếp, nhiều như cát sông Hằng, sanh ra liền điếc, câm, các căn chẳng toàn vẹn. Thường ở trong địa ngục, như dạo chơi vườn nhà. Trong các đường ác khác, như trong nhà chính mình. Lạc đà, lừa, lợn, chó, là chỗ hấn thường đi. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Nếu được làm thân người, điếc, đui, lẫn câm ngọng, nghèo túng, các suy bại, dùng để tự trang nghiêm. Phù thũng, bệnh khô khát, ghẻ, lác và ung thư. Các bệnh như thế ấy, dùng để làm y phục. Thân thể thường hôi hám, dơ bẩn, chẳng sạch sẽ. Chấp ngã kiến sâu đậm. Sân khú càng lừng lẫy. Tánh dâm dục hừng hực, chẳng màng loài cảm thú. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Bảo với Xá Lợi Phất! Kẻ phỉ báng kinh này, nếu nói tội của hắn, hết kiếp chẳng thể xong. Do bởi nhân duyên này, nên ta bảo với ông, đối với kẻ vô trí, chớ nên nói kinh này!)

Đây là nói cặn kẽ ác báo sẽ chiêu cảm do phỉ báng kinh, răn nhắc [người hoằng kinh] chớ nên tuyên truyền bừa bãi!

Hỏi: - Báng kinh sanh tội, há chẳng phải kinh là cái duyên gây nên tội ư?

Đáp: - Đức Phật nói kinh chỉ nhằm sanh phước. Kẻ mê chẳng tin, tự mắc tội ương. Như Tứ Đại vốn để dưỡng dục người và vật. Kẻ ngu xâm phạm, tự chuốc lấy tổn hại. Nay Phật ra rả răn nhắc, khiến cho người hoằng kinh phải suy xét căn cơ, cũng như khiến cho kẻ khác biết [tội ương] hòng tránh khổ. Có thể nói là đại bi triệt để!

Phần thứ nhất, “xét theo đại bi, đừng nói kinh này với kẻ ác” đã xong.

3.3.1.3.2.2.2. Xét theo đại từ, hãy nên nói với thiện nhân

3.3.1.3.2.2.2.1. Nêu ra tướng trạng của năm cặp thiện nhân có thể tuyên nói kinh

(Kinh) Nhược hữu lợi căn, trí huệ minh liễu, đa văn cường thức, cầu Phật đạo giả. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết. Nhược nhân tăng kiến, ức bách thiên Phật, thực chư thiện bản, thâm tâm kiên cố. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經) 若有利根，智慧明了，多聞強識，求佛道者。如是之人，乃可為說。若人曾見，億百千佛，植諸善本，深心堅固。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu có người lợi căn, trí huệ lại thông sáng, nghe nhiều và hiểu rộng, tâm mong cầu Phật đạo. Đối với người như thế, mới nên giảng nói cho. Nếu ai đã từng thấy, ức trăm ngàn vị Phật, gieo bồi các cội lành, thâm tâm rất kiên cố. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Lợi căn và nhớ dai thuộc về hiện tại. “Thấy Phật, gieo căn lành” là quá khứ. Đây là một cặp quá khứ và hiện tại.

(Kinh) Nhược nhân tinh tấn, thường tu Từ tâm, bất tích thân mạng, nãi khả vị thuyết. Nhược nhân cung kính, vô hữu dị tâm, ly chư phàm ngu, độc xử sơn trạch. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經) 若人精進，常修慈心，不惜身命，乃可為說。若人恭敬，無有異心，離諸凡愚，獨處山澤。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu có người tinh tấn, thường tu hành lòng Từ, chẳng tiếc nuôi thân mạng, mới nên giảng nói cho. Nếu có ai cung kính, chẳng có tâm khác biệt, lìa các kẻ phàm ngu, ở riêng nơi núi đầm. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

“Tu lòng Từ” là thương xót kẻ dưới. “Cung kính” là tôn trọng người trên. Lại nữa, tinh tấn tu Từ sẽ chẳng vướng mắc trong Niết Bàn. Là các phàm ngu, sẽ chẳng vướng mắc sanh tử. Đây là một cặp “phước - huệ”.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Nhược kiến hữu nhân, xả ác tri thức, thân cận thiện hữu. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết. Nhược kiến Phật tử, trì giới thanh khiết, như tịnh minh châu, cầu Đại Thừa kinh. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經)又舍利弗！若見有人，捨惡知識，親近善友。如是之人，乃可為說。若見佛子，持戒清淨，如淨明珠，求大乘經。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Nếu thấy có người nào, là bỏ ác tri thức, thân cận các bạn lành. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho. Nếu thấy có Phật tử, giữ gìn giới thanh khiết, như bảo châu sáng sạch, cầu kinh điển Đại Thừa. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Bỏ ác, thân thiện. Đó là ngoại cầu, gọi là Quý (thẹn). Trì giới như minh châu, tức là gìn giữ bên trong, thì gọi là Tàm (hỗ). Đây là một cặp hổ thẹn.

(Kinh) Nhược nhân vô sân, chất trực nhu nhuyển, thường mãn nhất thiết, cung kính chư Phật. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết. Phục hữu Phật tử, ư đại chúng trung, dĩ thanh tịnh tâm, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, thuyết pháp vô ngại. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經)若人無瞋，質直柔輒，常慙一切，恭敬諸佛。如是之人，乃可為說。復有佛子，於大眾中，以清淨心，種種因緣，譬喻言辭，說法無礙。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu có người chẳng sân, thẳng thắn, tánh mềm mỏng, thường thương xót hết thảy, cung kính các đức Phật. Người được như

thế đó, mới nên giảng nói cho. Lại có Phật tử nào, ở giữa các đại chúng, dùng cái tâm thanh tịnh, đủ mọi thứ nhân duyên, thí dụ và ngôn từ, thuyết pháp chẳng ngăn ngại. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Chất trực, kính Phật, chính là tự hành. Thí dụ, thuyết pháp là hóa độ người khác. Đây là cặp “tự - tha”.

(Kinh) Nhược hữu tỳ-kheo, vị Nhất Thiết Trí, tứ phương cầu pháp, hiệp chưởng đảnh thọ, đảnh nhạo thọ trì, Đại Thừa kinh điển. Nãi chí bất thọ, dư kinh nhất kệ. Như thị chí nhân, nãi khả vị thuyết. Như nhân chí tâm, cầu Phật xá-lợi. Như thị cầu kinh, đắc dĩ đảnh thọ. Kỳ nhân bất phục, chí cầu dư kinh, diệc vị tăng niệm, ngoại đạo điển tịch. Như thị chí nhân, nãi khả vị thuyết.

(經)若有比丘，為一切智，四方求法，合掌頂受，但樂受持，大乘經典。乃至不受，餘經一偈。如是之人，乃可為說。如人至心，求佛舍利。如是求經，得已頂受。其人不復，志求餘經，亦未曾念，外道典籍。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu như có tỳ-kheo, vì cầu Nhất Thiết Trí, cầu pháp khắp bốn phương, chấp tay, cung kính nhận, chỉ ưa thích thọ trì, các kinh điển Đại Thừa. Cho đến chẳng tiếp nhận, một bài kệ kinh khác. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho. Như có người chí tâm, mong cầu xá-lợi Phật. Cầu được kinh như thế, được rồi cung kính thọ. Người ấy lại chẳng còn, mong cầu kinh gì khác, mà cũng chưa hề niệm, các sách vở ngoại đạo. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Cầu pháp bốn phương là khởi đầu của “thỉnh ích” (cầu thỉnh pháp ích). “Đảnh thọ chuyên tu” (Cung kính tiếp nhận, chuyên tu) là kết cục nương tựa. Đây là một cặp khởi đầu và kết thúc.

Hỏi: - Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thọ nhất phi dư, thị danh ma nghiệp” (Thọ một điều, chẳng thọ chi khác thì gọi là ma nghiệp). Có sao nay nói: Thậm chí chẳng thọ một bài kệ của kinh khác?

Đáp: - Nếu chấp vào tình kiến để nói, sẽ là “thọ nhất”, ắt sẽ chẳng đến nỗi chẳng có thứ khác. Vì thế là ma nghiệp. Nếu luận theo nghĩa khai hiển, thì ngoài một (nhất Phật Thừa), sẽ chẳng có gì khác. Vì thế, có thể dùng “một” để gồm thâu các thứ khác.

Phần thứ nhất, “nói về năm cặp thiện nhân” đã xong.

3.3.1.3.2.2.2. Tổng kết đối với những đối tượng nào có thể nói kinh này

(Kinh) Cáo Xá Lợi Phất! Ngã thuyết thị tướng, cầu Phật đạo giả, cùng kiếp bất tận, như thị đẳng nhân, tắc năng tín giải. Như đương vị thuyết, Diệu Pháp Hoa kinh.

(經)告舍利弗！我說是相，求佛道者，窮劫不盡，如是等人，則能信解。汝當為說，妙法華經」。

(Kinh: Bảo với Xá Lợi Phất! Ta nói tướng trạng ấy, của người cầu Phật đạo, dầu hết kiếp chẳng trọn, những người như thế đó, sẽ có thể tin hiểu. Ông hãy vì họ nói, kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

Thiện tín rất đông, nêu đại lược mười tướng để chỉ bày phương pháp lưu thông. Trong châu thứ hai là Thí Thuyết Châu, phần thứ nhất là khai tam hiển nhất đã xong.

Trên đây, giải thích phẩm Thí Dụ đã xong. Sau đây, sẽ giải thích phẩm Tín Giải.

4. Tín Giải Phẩm Đệ Tứ

信解品第四

Phẩm thứ tư: Tín Giải

Căn cơ có lợi hay độn, Hoặc (phiền não) thì có dày hay mỏng. Thuyết thì có pháp và thí (thí dụ), ngộ thì có trước, sau. Kinh văn nói: “Thế Tôn vãng tích thuyết pháp ký cứu. Ngã thời tại tòa, thân thể bì giải, đản niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác. Ư Bồ Tát pháp, bất sanh nhất niệm hảo nhạo chi tâm” (Xưa kia, đức Thế Tôn thuyết pháp đã lâu. Khi đó con ngồi nơi đó, thân thể mỗi một, sanh lười nhác, chỉ nghĩ tới Không, Vô Tướng, Vô Tác. Đối với pháp Bồ Tát, chẳng sanh một niệm tâm ưa thích). Thoạt đầu, nghe nói đại lược, do dấy động chấp trước bèn sanh

nghi. Khi nghe nói căn kể về năm loại Phật, [vẫn còn] mông lung, chưa hiểu. Nay nghe Thí Dụ, hoan hỷ, hớn hở, tín giải phát sanh, hết nghi, hiểu lý. Hoan hỷ là Thế Giới Tất Đàn. Tín tâm sanh khởi là Vị Nhân Tất Đàn. Hết nghi là Đối Trị Tất Đàn. Hiểu lý chính là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Viên dung Tứ Tất Đàn, cùng lúc đều đạt được! Vì thế, gọi là phẩm Tín Giải.

Lại nữa, phàm là bầm thọ Đại giáo hay Tiểu giáo, đổi phàm thành thánh, mỗi đẳng đều có địa vị theo thứ tự. Tiểu Thừa do nghe mà sanh giải, Khổ nhần sáng tỏ, tín tâm tương xứng với hạnh. Quán sát trọn khắp các pháp, Khổ nhần sáng tỏ, pháp bèn xứng với hạnh. Nếu tín hạnh chuyển vào tu đạo, thì gọi là “*tín giải*”. Nếu pháp hạnh chuyển vào tu đạo, thì gọi là “*kiến đắc*”. Chuẩn theo Tiểu Thừa để xét Đại Thừa, cũng phải nên như thế. Nay kẻ trung căn nghe nói Thí Dụ, trước hết là phá nghi hoặc, nhập Đại Thừa kiến đạo. Vì thế, gọi là Tín. Tiến nhập Đại Thừa tu đạo, cho nên gọi là Giải. Kinh văn chép: “*Vô thượng bảo tự, bất cầu tự đắc. Ngã đẳng kim nhật, chân thị Thanh Văn. Dĩ Phật đạo thanh, linh nhất thiết văn*” (Khởi báu vô thượng, chẳng cầu mà tự đạt được. Chúng con ngày nay, thật sự là Thanh Văn. Dùng âm thanh Phật đạo, khiến cho hết thấy đều được nghe), tức là nghe Viên Giáo, dự vào các địa vị của Viên Giáo. Vì thế gọi là phẩm Tín Giải.

Xét theo Bốn Tích, bốn vị đại đệ tử nhập Đại Thừa đã lâu, đã thành tựu Phật pháp. Nơi Tích thì do dần khởi trung căn, cho nên thị hiện mới vừa tín giải. Vì thế, gọi là phẩm Tín Giải.

Xét theo quán tâm, liễu đạt “*ngoài tâm chẳng có pháp*”, thì gọi là Tín. Từ trong một niệm tâm nhỏ nhoi hiện tiền mà thấy hết thấy các pháp, thì gọi là Giải. Từ Danh Tự Tín Giải cho đến Cứu Cánh Tín Giải.

*** Trung căn lãnh giải trong Thí Thuyết Châu**

Gần là lãnh ngộ nhà lửa, xa là lãnh ngộ phương tiện.

4.1. Người kết tập kinh trần thuật

(Kinh) Nhĩ thời, Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Mục Kiền Liên, từng Phật sở văn vị tăng hữu pháp, Thế Tôn thọ Xá Lợi Phất A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, phát hy hữu tâm, hoan hỷ, dũng được, tức từng tòa khởi, chỉnh y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, nhất tâm hiệp chưởng,

khúc cung cung kính, chiêm ngưỡng tôn nhan.

(經)爾時，慧命須菩提、摩訶迦旃延、摩訶迦葉、摩訶目犍連，從佛所聞未曾有法，世尊授舍利弗阿耨多羅三藐三菩提記，發希有心，歡喜踴躍，即從座起，整衣服，偏袒右肩，右膝著地，一心合掌，曲躬恭敬，瞻仰尊顏。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Mục Kiền Liên, từ Phật được nghe pháp chưa từng có, [nghe] đức Thế Tôn thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho ngài Xá Lợi Phất, phát tâm hy hữu, hoan hỷ, hớn hởi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, nhất tâm chấp tay, khom mình cung kính, chiêm ngưỡng tôn nhan).

Phần đầu kinh văn trước hết trần thuật nội tâm. Kế đó, từ “*tức từng tòa khởi*” (liền từ chỗ ngồi đứng dậy), trần thuật oai nghi bên ngoài. Riêng ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề) được gọi là Huệ Mạng; ba vị kia được gọi là Ma Ha. Luận định chung, [cả bốn vị] đều là đại, đều là huệ. Ngài Thiện Cát giải Không, Không Huệ là mạng. Đó là xét theo hạnh. (Nếu xét theo nhân duyên), trong các vị có trí huệ thì Phật huệ là bậc nhất. Trong thời Bát Nhã, đức Phật sai ngài Tu Bồ Đề dạy thay. Bậc trí huệ vâng theo mệnh lệnh, nên gọi là Huệ Mạng. (Xét theo giáo), ba vị đệ tử kia ít thọ lãnh mệnh lệnh. Ma Ha đã được giải thích trong phần trước. Ở đây, cũng có đủ sự lãnh giải nơi ba nghiệp. Phát tâm hy hữu, tức là tâm lãnh giải (tiếp nhận và giải ngộ). “*Từ chỗ ngồi đứng dậy*” chính là thân lãnh giải. “*Nhi bạch Phật ngôn*” (Mà bạch cùng đức Phật rằng) tức là khẩu lãnh giải.

“*Từng Phật sở văn vị tăng hữu pháp*” (Được nghe pháp chưa từng có từ đức Phật): Gần là chỉ thí dụ về nhà lửa, xa thì là phần Pháp Thuyết Châu giản lược và chi tiết. Lại nghe đức Thế Tôn thọ ký cho ngài Thân Tử, những người cùng hàng suy ngẫm, sẽ biết chính mình ắt có phần. Do vậy, phát khởi tâm hy hữu, hoan hỷ, hớn hởi. Sự biểu hiện bên ngoài dễ hiểu. Nếu xét theo sự biểu thị pháp, “*từ chỗ ngồi đứng dậy*” [biểu thị] bỏ sự chứng Không của Tiểu Thừa. “*Chỉnh đốn y phục*”: Trí Đoạn của Thanh Văn chính là Pháp Nhãn của Bồ Tát. “*Trật vai áo phải*”: Bên phải biểu thị Quyền. Xưa kia, chưa khai Quyền, ví như vai phải còn [bị y ca-sa] che đậy. Nay đã khai Quyền, cho nên trật vai áo bên phải. “*Gối*

phải đặt sát đất”: Đất biểu thị Nhất Thật. Biết Quyền chính là Nhất Thật.

“*Chấp tay*” biểu thị Quyền và Thật bất nhị. Bất nhị tức là nhất tâm “*chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*”. “*Cung*” (躬, khom mình) là chẳng phải thẳng, chẳng phải cong, mà có thể thẳng, có thể cong. Thẳng biểu thị Thật, cong biểu thị Quyền. Nay khom mình cung kính chiêm ngưỡng tôn nhan, biểu thị dùng Quyền của ta để tiến nhập Thật của Phật.

4.2. Bạch Phật, tự trần thuật

Phân Trường Hàng và Trùng Tụng trần thuật sự giải ngộ. Mười ba bài kệ kể đó nhằm tán thán ân sâu của Phật.

4.2.1. Trường Hàng và Trùng Tụng

4.2.1.1. Trường Hàng

4.2.2.1.1. Dựa theo pháp để lược thuật sự nhận lãnh, giải ngộ

4.2.2.1.1.1. Chánh pháp thuyết

4.2.2.1.1.1.1. Nói rõ trước đó [hàng Thanh Văn] do sẵn có ba điều, cho nên chẳng cầu [tấn tu]

4.2.2.1.1.1.1.1. Nêu bày

(Kinh) Nhi bạch Phật ngôn: - Ngã đẳng cư tăng chi thủ, niên tịnh hủ mại, tự vị dĩ đắc Niết Bàn vô sở kham nhậm, bất phục tấn cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)而白佛言：「我等居僧之首，年並朽邁，自謂已得涅槃無所堪任，不復進求阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Mà bạch cùng đức Phật rằng: - Chúng con đứng đầu tăng chúng, tuổi đã già suy, tự cho là đã đắc Niết Bàn, chẳng còn kham gánh vác [pháp Đại Thừa], chẳng còn tiến cao hơn cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

- Một là do đã đứng đầu trong tăng chúng, cho nên chẳng cầu. Pháp lập²³³ đã cao, kẻ hậu học lấy ta làm khuôn phép. Nếu bỗng dưng

²³³ Pháp lập còn gọi là pháp tuế, hạ lập, pháp hạ, giới lập, tăng lập, sanh lập, sanh hạ pháp lập, chỉ số năm đã an cư kết hạ sau khi đã thọ giới Cụ Túc của một vị tăng hay

sửa đổi đường lối, bỏ Tiểu, cầu Đại, sợ sẽ gây trở ngại cho kẻ hậu học. Tự củng cố mình, hộ trì kẻ khác; do vậy, chẳng cầu. Nhưng chấp vào điều nhỏ nhặt là pháp lạc, Đại pháp hoàn toàn bị thiếu khuyết. Chẳng bỏ Tiểu pháp, do chưa biết đến chuyện “*khai tam*”. “*Tự củng cố*” tức là chấp trước vào Tiểu pháp chẳng rời. “*Hộ trì người khác*” tức là mê nơi khuôn phép to lớn. Đó là lỗi lầm thứ nhất.

- Hai là do tuổi già, suy yếu, cho nên không cầu. Nếu làm bậc Bồ Tát, phải nên gánh vác đại đạo, rộng độ chúng sanh. Nay đã già suy, chẳng thể kham nổi, cho nên chẳng cầu. Nhưng đối với chuyện đoạn chứng ngay trong một đời, lại viện vào lý do tuổi cao để tự coi thường chính mình, hạt giống lép chưa loại trừ. Đó là vì vọng kiến mà chẳng đảm nhiệm. Đây là lỗi lầm thứ hai.

- Ba là [tưởng lầm] “*đã đắc Niết Bàn*”, cho nên chẳng cầu. Cao nguyên, đất bằng chẳng sanh hoa sen. Đã nhập chánh vị vô vi, chẳng lại kham phát đại tâm. Do đó, chẳng cầu. Nhưng trước kia, đối với thật nghĩa đã mê, chỉ so đo công lao nơi chánh vị. Do tình chấp kiên cố ấy, chẳng biết những gì chính mình đã hành chính là Bồ Tát đạo. Đó là lỗi lầm thứ ba.

4.2.2.1.1.1.2. Giải thích

(Kinh) Thế Tôn vãng tích thuyết pháp ký cửu, ngã thời tại tòa, thân thể bì giải, dẫn niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác, ư Bồ Tát pháp, du hý, thần thông, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, tâm bất hỷ nhạo. Sở dĩ giả hà? Thế Tôn linh ngã đẳng xuất ư tam giới, đắc Niết Bàn chứng. Hựu kim ngã đẳng niên dĩ hủ mại, ư Phật giáo hóa Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bất sanh nhất niệm hảo nhạo chi tâm.

ni. Theo quy củ từng lâm, ngày cuối cùng của kỳ An Cư Kết Hạ được gọi là “*thọ tuế nhật*”, kể từ hôm đó, hạ lạc (pháp lạc) được tăng thêm một năm. Căn cứ vào pháp lạc nhiều hay ít mà định ra hạ lạc, trung lạc, thượng lạc hồng ấn định thứ tự nhằm tỏ lòng tôn kính. Vị có pháp lạc cao nhất sẽ được gọi là Nhất Lạc, Lạc Mãn, hoặc Cực Lạc. Trong thiên lâm Trung Hoa, pháp lạc của các vị tăng được ghi chép cẩn thận vào tăng tịch, gọi là Giới Lạc Ba (sổ ghi chép giới lạc). Tuân theo thứ tự giới lạc ấy để xếp chỗ ngồi thành thượng tọa, trung tọa, hạ tọa trong các pháp đàn, gọi chung là Lạc Thứ (thứ tự theo giới lạc).

(經)世尊往昔說法既久，我時在座，身體疲懈，但念空，無相，無作，於菩薩法，遊戲，神通，淨佛國土，成就眾生，心不喜樂。所以者何？世尊令我等出於三界，得涅槃證。又今我等年已朽邁，於佛教化菩薩阿耨多羅三藐三菩提，不生一念好樂之心。

(Kinh: Khi trước, đức Thế Tôn nói pháp đã lâu, lúc đó chúng con đang ngồi nơi tòa, thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ nghĩ Không, Vô Tướng, Vô Tác, đối với pháp Bồ Tát, du hý, thần thông, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh, tâm chẳng ưa thích. Vì có sao vậy? Đức Thế Tôn dạy chúng con ra khỏi tam giới, chứng đắc Niết Bàn. Nay chúng con lại do tuổi tác già nua, đối với pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác do Phật dạy cho hàng Bồ Tát, chẳng sanh một tâm niệm ưa thích).

Ngồi trong pháp hội mỗi mệt, giải thích chuyện [tự thấy] chính mình thuộc loại đứng đầu tăng chúng cho nên chẳng cầu. Kế đó, giải thích chuyện đắc Niết Bàn. Sau cùng, giải thích [lý do chẳng tấn tu] là vì tuổi tác đã già lụn.

Phần thứ nhất, “chỉ ra trước kia do đã có ba điều, cho nên chẳng cầu [Vô Thượng Chánh Giác]” đã xong!

4.2.2.1.1.2. Nay do hiểu Nhất Thừa, cho nên tự đạt được

(Kinh) Ngã đẳng kim ư Phật tiền, văn thọ Thanh Văn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, tâm thậm hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, bất vị ư kim, hốt nhiên đắc văn hy hữu chi pháp, thâm tự khánh hạnh, hoạch đại thiện lợi.

(經)我等今於佛前，聞授聲聞阿耨多羅三藐三菩提記，心甚歡喜，得未曾有，不謂於今，忽然得聞希有之法，深自慶幸，獲大善利。

(Kinh: Chúng con nay ở trước Phật, nghe Thanh Văn được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tâm rất hoan hỷ, đạt được điều

chưa từng có, chẳng ngờ ngày nay bỗng được nghe pháp hy hữu, tự mừng rỡ sâu xa, đạt được điều lợi lành to lớn).

Do nghe Pháp Thuyết và Thí Thuyết tầng tầng khai hiển đại lược và căn kẽ, cho nên tín giải. Chỉ nêu chuyện Thanh Văn được thọ ký, vì thọ ký ắt phải do khai hiển mà đạt được.

Phần thứ nhất là Chánh Pháp Thuyết đã xong.

4.2.2.1.1.2. Nêu đại lược thí dụ

(Kinh) Vô lượng trân bảo, bất cầu tự đắc.

(經)無量珍寶，不求自得。

(Kinh: Vô lượng trân bảo chẳng cầu mà tự đạt được).

Xưa kia, trong thời Bát Nhã lãnh giáo, đã nói là vì Bồ Tát, chẳng phải là đến hiện thời [mới là] hoàn toàn được bình đẳng ban cho!

Phần thứ nhất, “xét theo pháp, trần thuật đại lược sự tiếp nhận, giải ngộ” đã xong.

4.2.2.1.2. Xét theo thí dụ để nói rộng về sự lãnh nhận, giải ngộ

4.2.2.1.2.1. Lập thí dụ

4.2.2.1.2.1.1. Thỉnh cầu được nêu thí dụ

(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả nhạo thuyết thí dụ dĩ minh tư nghĩa.

(經)世尊！我等今者樂說譬喻以明斯義。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con nay thích nói thí dụ để nêu rõ nghĩa ấy).

Giống như lễ nghi trong thế gian, mong được chấp thuận, trước hết cần phải thỉnh cầu [cho phép] phát khởi.

4.2.2.1.2.1.2. Lập thệ

4.2.2.1.2.1.2.1. Thí dụ về cha con thất lạc nhau

[Dùng thí dụ để trần thuật] sự lãnh ngộ tổng thí trong phần trước (thí dụ trong phẩm Thí Dụ) và phần trùng tụng đại lược trong phẩm Phương Tiện.

4.2.2.1.2.1.2.1.1. Con bỏ cha rời đi

4.2.2.1.2.1.2.1.1.1. Trái nghịch cha mà bỏ đi

(Kinh) Thí nhược hữu nhân, niên ký ấu trĩ, xả phụ đào thệ, cửu trụ tha quốc, hoặc thập, nhị thập, chí ngũ thập tuế.

(經) 譬若有人，年既幼稚，捨父逃逝，久住他國，或十，二十，至五十歲。

(Kinh: Ví như có người, tuổi còn thơ dại, bỏ cha trốn đi, ở lâu nơi nước khác, hoặc mười, hai mươi, cho đến năm mươi năm).

“Thí như hữu nhân” (Ví như có người): Hàng Nhị Thừa tự sánh ví. “Niên ấu trĩ” (Tuổi còn thơ dại): Sánh ví thiện căn yếu ớt, ít ỏi. “Cha” ví như Ứng Thân của Như Lai, tức là nói do được hai vạn ức Phật dạy vô thượng đạo, đã trở thành cha con. Sau khi Ứng Thân chấm dứt sự ứng hóa, [hàng Nhị Thừa] thoái thất đại tâm, đó gọi là “xả phụ” (lìa bỏ cha). Tự bị che lấp bởi vô minh, gọi là “đào” (逃, trốn tránh). Tiên hướng sanh tử, gọi là Thệ (逝, đi đến). Luân hồi trong tam giới, ngũ dục, thì gọi là “cửu trụ tha quốc” (ở lâu nơi nước khác). Thiên đạo là “hoặc thập” (hoặc mười). Nhân đạo là “nhị thập” (hai mươi). Trải qua khắp năm đường là “chí ngũ thập tuế” (tới năm mươi năm). Đây là lãnh ngộ ý nghĩa “các con trước đó do vui chơi mà vào trong nhà ấy” được nói trong phần trước.

Hỏi: - Ứng Thân thôi hóa hiện, chúng sanh dấy lên Hoặc, đó là cha lìa bỏ con, chẳng phải là con bỏ cha [thì mới là đúng chứ?]

Đáp: - Do chúng sanh chẳng cảm, cho nên Ứng Thân rời khỏi thế gian, vẫn thành ý nghĩa “con bỏ cha”.

Lại dựa theo quán tâm để giải thích, Bốn Giác là cha, chúng tử Thỉ Giác là con. Súc chúng tử nhỏ nhoi, tức là “ấu trĩ”. Do trái nghịch Bốn Giác, dấy khởi vô minh, tức là “xả phụ đào thệ” (bỏ cha trốn đi). Tịch Quang lý tánh là “bốn quốc”. Ngũ dục sanh tử là “tha quốc” (nước khác). Trải qua năm đường thì là “năm mươi năm”.

4.2.2.1.2.1.2.1.2. Hướng đến bốn quốc để trở về

(Kinh) Niên ký trưởng đại, gia phục cùng khốn, trì sinh tứ phương, dĩ cầu y thực, tiệm tiệm du hành, ngộ hướng bốn quốc.

(經)年既長大，加復窮困，馳騁四方，以求衣食，漸漸遊行，遇向本國。

(Kinh: Kẻ đó tuổi đã lớn, càng thêm bần cùng, khốn khổ, rong ruổi bốn phương để cầu cơm áo, du hành dần dần, tình cờ trở về nước mình).

“Niên ký trưởng đại” (Tuổi tác đã lớn): Ví như thiện căn Đại Thừa đã ngấm hun đúc. “Gia phục cùng khốn” (Càng thêm bần cùng, khốn khổ): Ví như thoái thất Đại Thừa đã lâu, tàn phước dần dần mất đi, chịu đủ tám nỗi khổ, chẳng đạt được lẽ xuất yếu. Vì thế “cùng” (窮, nghèo túng). Bị tám khổ thiêu đốt, cho nên “khốn” (困, khốn đốn). “Trì sinh tứ phương” (Rong ruổi bốn phương): Trải khắp “thân, thọ, tâm, pháp”; suy cầu trọn khắp có, không, song diệc (vừa có vừa không), song phi (chẳng phải có, chẳng phải không). “Dĩ cầu y thực” (Để cầu cơm áo): Trong ấy, cầu thức ăn chánh đạo, cầu áo trợ đạo. “Tiệm tiệm du hành, ngộ hướng bốn quốc” (Du hành dần dần, tình cờ trở về nước mình): Bất ngờ gặp gỡ thì gọi là Ngộ. Ngoại đạo chán khổ, cầu lý, tuy chẳng thích đáng, vẫn có thể là duyên “được hóa độ”. Lúc đức Phật mới xuất thế, các hàng ngoại đạo đều đặc độ trước, tức là ý này.

Phần thứ nhất, “thí dụ con bỏ cha mà đi” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.1.2. Cha tìm con, ở lại giữa chừng

(Kinh) Kỳ phụ tiên lai cầu tử bất đắc, trung chỉ nhất thành. Kỳ gia đại phú, tài bảo vô lượng, kim, ngân, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu đẳng. Kỳ chư thương khố tất giai doanh dật, đa hữu đồng bộc, thần, tá, lại dân, tượng, mã, xa thặng, ngư, dương vô số. Xuất nhập tức lợi, nãi biến tha quốc. Thương cô, cổ khách, diệc thậm chúng đa.

(經)其父先來求子不得，中止一城。其家大富，財寶無量，金，銀，琉璃，珊瑚，琥珀，玻瓈，珠等。其諸倉庫悉皆盈溢，多有僮僕，臣，佐，吏民，象，馬，車乘，牛，羊無數。出入息利，乃徧他國。商估，賈客，亦甚眾多。

(Kinh: Cha kẻ đó từ trước đến nay tìm con chẳng được, bèn ở lại một thành trong đó. Nhà ông ta giàu to, của báu vô lượng, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu v.v... Các kho vừa thấy đều đầy ắp, có nhiều tôi tớ, người trợ tá, kẻ chạy việc, nhân dân, voi, ngựa, xe cộ, trâu, dê vô số. Chỉ ra, thuê vào, lợi tức trồn khắp các nước khác. Thương nhân, lái buôn, cũng rất đông đảo).

Sau khi thoái thất Đại Thừa, cầu cơ duyên mà chẳng được! Vì thế nói “*cầu tử bất đắc*” (tìm con chẳng được). Chẳng vì một đứa con mà phế bỏ gia nghiệp, ví như đức Phật chẳng vì một chỗ không có căn cơ mà bỏ các phương khác, chẳng giáo hóa. Vì thế nói “*trung chỉ nhất thành*” (ở lại một thành trong đó), tức là cõi Phương Tiện. Ở giữa hai cõi Thật Báo và Đồng Cư, thì gọi là Trung. Xét theo Hữu Dư Niết Bàn mà gọi là Thành. Trụ trong Quyền Lý thì gọi là Chỉ (ngưng lại, ở lại), Quyền Lý ấy chính là Thật Tướng. Vì thế gọi là “*kỳ gia*” (nhà của ông ta). Trọn đủ vạn đức; vì thế là “*đại phú*”. Phước đức thuộc Ngũ Độ (Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định) là Tài (của cải), trí huệ Bát Nhã là Bảo (vật báu). Hướng dẫn hết thấy các pháp đều là Ma Ha Diễn (Đại Thừa); vì thế nói là “*vô lượng*”. Bảy báu như vàng, bạc v.v... chính là ba mươi bảy đạo phẩm trong Viên Giáo. Đó là lãnh ngộ ý nghĩa “*trưởng giả giàu to*” [trong phẩm Thí Dụ] thuộc phần trước.

“*Thương khó doanh dật*” (Kho vừa đầy ắp): Chỗ để chứa gạo là Thương (倉, vừa), sánh ví Thiền Định có thể sanh ra một trăm lẻ tám môn tam-muội. Chứa vật là Khố (庫, kho), sánh ví Thật Tướng có thể phát khởi mười tám Không trí. Tự cung cấp cho mình là Doanh (盈), giáo hóa ra ngoài là Dật (溢). Đây là lãnh giải ý nghĩa “*có nhiều ruộng nương, nhà cửa*” trong phần trước. “*Đồng bộc*” (Tôi tớ) ví như Phương Tiện Ba La Mật, tức là lãnh giải ý nghĩa “*cập chư đồng bộc*” (và các tôi tớ) trong phần trước. Hơn nữa, Nhị Thừa thuộc hai giáo và Bồ Tát trong Thông

Giáo, ba mươi tâm (tức ba mươi địa vị thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) trong Biệt Giáo, đều như tôi tớ. Thập Địa trong Viên Giáo như “*thần*” (臣, bày tôi thân cận). Thập Hồi Hướng như Tá (佐, kẻ phụ tá, trợ tá, trợ lý). Thập Hạnh như Lại (吏, các nhân viên cấp dưới của thần, tá). Thập Trụ như dân. Vừa mới nhập cảnh giới của Phật thì người trong cả nước đều là dân của vua. Thập Hạnh tu tập các pháp, rong ruổi các thứ; vì thế như Lại. Thập Hồi Hướng Lý Sự hơi sâu, chức vị gần bên vua; vì thế như Tá. Thập Địa phù tá Phật giáo hóa, hàng ma, chế địch; vì thế như Thần (bày tôi thân cận, cận thần).

“*Voi*” ví như Nhất Tâm Tam Quán, chuyển vận Viên Giáo Đại Thừa. “*Ngựa*” ví như Thứ Đệ Tam Quán, chuyển vận Biệt Giáo Đại Thừa. “*Trâu*” ví như hai phép Quán Tức Không (Thể Không) và Tích Không, chuyển vận Thông Giáo và Tạng Giáo Đại Thừa. “*Dê*” ví như pháp tự phân tích để tự hành Quán, chuyển vận Thanh Văn Thừa. Không nói đến nai là do kinh văn giản lược.

Lại nữa, Bích Chi Phật gặp Phật, được gom vào hàng Thanh Văn. “*Vô số*” là nói đến các pháp Quyền và Thật, đều gọi là “*xa thặng*” (xe cộ). Quán trí Quyền Thật được gọi là “*voi, ngựa, trâu, dê*”. Không chỉ là giáo pháp rất nhiều mà Quán Trí cũng lại vô số. “*Xuất nhập*” (Ra vào): Tuy hai mà chẳng hai thì là Nhập (nhập Trung). Bất nhị mà là hai, thì là Xuất (xuất Trung).

Lại nữa, bất nhị mà là hai thì là Nhập (nhập Không, nhập Hữu). Hai mà chẳng hai thì là Xuất (Xuất Không Hữu. Hai đẳng dung thông lẫn nhau, đây là nói theo Tam Đế). Vô lượng quy hoàn một thì là Nhập. Từ trong một sanh ra vô lượng là Xuất (đây là nói theo Nhị Đế). Có tác dụng hóa độ người khác là Xuất, có tác dụng tự hành thì là Nhập (đây là nói theo Tự và Tha, chỉ là vận dụng Tam Đế hay Nhị Đế trên đây). Ban ra pháp ích cho chúng sanh là Túc (tiền lãi), công giáo hóa quy về chính mình là Lợi. Trộn khắp ba cõi chính là “*nãi biến tha quốc*” (trộn khắp tới các nước khác). Chỉ có pháp tánh độ, thì gọi là “*kỷ quốc*” (nước của chính mình). Hàng hóa lưu động gọi là Thương (商), chứa hàng tại một chỗ gọi là Cỗ (賈), ví như các Bồ Tát vào khắp ba cõi để cầu pháp lợi; vì thế nói “*thậm đa*” (rất nhiều). Hoặc Bồ Tát cõi này đến cõi khác để nghe pháp, hoặc bậc đại sĩ từ phương khác đến cõi này để nghe kinh.

Lại nữa, Ứng Thân và Hóa Thân ví như lái buôn, đem thật pháp vào trộn khắp ba cõi, hóa độ, lợi ích chúng sanh quy vào Pháp Thân, cho

nên nói là “thậm đa”. Như người trong thế gian khiến cho kẻ khác kiếm tiền, sanh lợi, thì chính mình cũng có lợi.

4.2.2.1.2.1.2.1.3. Con tình cờ đến thành của cha

(Kinh) Thời, bần cùng tử du cư tụ lạc, kinh lịch quốc ấp, toại đáo kỳ phụ sở chỉ chi thành.

(經)時，貧窮子遊諸聚落，經歷國邑，遂到其父所止之城。

(Kinh: Khi đó, đứa con nghèo túng ấy đi qua các làng xóm, trải qua thành ấp của các nước, đến tòa thành chỗ cha hẳn ở).

Đây là sánh ví sau khi đã thoát thất Đại Thừa, gặp đủ mọi nỗi khổ, sanh lòng chán sợ sâu đậm, muốn cầu xuất ly. Dùng tà huệ Đoạn Thường để quán sát thôn xóm Ngũ Âm, nước “mười tám Giới”, ấp “mười hai Nhập”, cầu áo cơm chánh đạo và trợ đạo khắp nơi! Do cảnh khổ ấy làm cơ duyên, cảm lòng đại bi của Phật, có ý nghĩa “đắc Niết Bàn”. Vì thế nói là “toại đáo phụ sở chỉ chi thành” (bên đến tòa thành nơi cha hẳn ở).

4.2.2.1.2.1.2.1.4. Cha buồn nhớ con

(Kinh) Phụ mỗi niệm tử, dữ tử ly biệt ngũ thập dư niên, nhi vị tăng hướng nhân thuyết như thử sự, dẫn tự tư duy, tâm hoài hối hận. Tự niệm lão hủ, đa hữu tài vật, kim, ngân, trân bảo, thương khó doanh dật, vô hữu tử tức. Nhất đán chung một, tài vật tán thất, vô sở ủy phó. Thị dĩ ân cần mỗi ức kỳ tử. Phục tác thị niệm: “Ngã nhược đắc tử, ủy phó tài vật, thân nhiên khoái lạc, vô phục ưu lự”.

(經)父每念子，與子離別五十餘年，而未曾向人說如此事，但自思惟，心懷悔恨。自念老朽，多有財物，金，銀，珍寶，倉庫盈溢，無有子息。一旦終沒，財物散失，無所委付。是以殷懃每憶其子。復作是念：「我若得子，委付財物，坦然快樂，無復憂慮」。

(**Kinh:** *Cha thường nghĩ đến con, cùng con ly biệt hơn năm mươi năm, nhưng chưa từng nói với người khác chuyện như thế đó, chỉ tự suy nghĩ, ôm lòng hối hận, tự nghĩ già suy, có nhiều của cải, vàng, bạc, trân bảo, kho vừa đầy ắp, chẳng có con cái. Một mai chết mất, của cải tiêu tán, tài vật thất lạc, không người giao phó. Vì thế, thường ân cần nhớ đến con. Lại nghĩ như thế này: “Nếu ta tìm được con, giao phó của cải cho nó, tâm sẽ thanh thản, vui sướng, chẳng còn lo nghĩ nữa”*).

Từ “*phụ mỗi niệm tử*” (cha thường nghĩ tới con) trở đi, là nghĩ đến nỗi khổ do mất con. Từ “*phục tác thị niệm*” (lại nghĩ như thế này) trở đi, ngẫm nghĩ niềm vui do tìm được con. Như Lai từ xưa đến nay, luôn nghĩ đến các con có căn cơ Đại Thừa. Vì thế nói “*mỗi niệm*” (thường nghĩ tới). Mở ra quỹ đạo và Tu La, cho nên nói “*ngũ thập dư niên*” (hơn năm mươi năm).

“*Vị tăng thuyết*” (Chưa từng nói): Chưa từng hướng về thần, tá, lại dân trong cõi Phương Tiện để nói về cơ duyên của đứa con ấy (các thần, tá v.v... ấy chẳng phải là hoàn toàn không biết căn cơ, tánh tình của đứa con nghèo, nhưng chưa đến lúc nói với đứa con nghèo! Chủ và bạn cùng ẩn Thật chưa nói, quyền biến thuận theo căn cơ của chúng sanh. Do vậy, chẳng nói).

Hơn nữa, kể từ khi [đức Phật] ứng thế tới nay, từ các pháp tòa Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, cũng chưa từng hướng đến các đại sĩ nói rành rẽ “*Thanh Văn vốn là Phật tử!*”

“*Tâm hoài hối hận*” (Ôm lòng hối hận): Hối tiếc trước kia chẳng siêng năng dạy bảo, đến nỗi con do không được dạy bảo mà bỏ trốn. Hận con chẳng suy nghĩ ân nghĩa, lọt lạt tình thân của ta! Dùng chuyện này để sánh ví Như Lai hối hận chẳng ân cần giáo hóa, khiến cho chúng sanh nhập nội phàm²³⁴, đến nỗi họ thoái thất sự hiểu biết sẵn có, tiếc hận họ chẳng thể tinh tấn, chí ý kiên cố, lọt lạt chánh pháp của ta, thân cận sáu trần.

²³⁴ Nội Phàm là một giai vị trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo. Hễ tu hành Phật đạo mà chưa chứng chánh lý thì đều gọi là phàm phu, nhưng nếu đã phát khởi trí giải tương tự chánh lý thì gọi là Nội Phàm. Chưa phát trí giải tương tự chánh lý thì gọi là Ngoại Phàm. Ngũ Đình Tâm trong Tiểu Thừa, Niệm Xứ trong Biệt Giáo, Tổng Tướng Niệm Xứ thuộc địa vị Tam Hiền được gọi chung là Ngoại Phàm. Đã chứng Noãn, Đánh, Thê Đệ Nhất thì gọi là Nội Phàm. Trong Đại Thừa, coi địa vị Phục Nhẫn trong Thập Tín là Ngoại Phàm, còn Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng gọi là Nội Phàm.

“*Tự niệm lão hủ*” (Tự nghĩ chính mình già suy): Thời giáo hóa sắp xong, Đại pháp chưa truyền, như già suy mà chẳng có con.

Hỏi: - Các vị Bồ Tát được Pháp Thân giáo hóa, đều kham thành bậc Bồ Xứ, sao lại ưu tư như thế?

Đáp: - Pháp Thân hóa độ, vốn chẳng hưng phế, ai bàn đến chuyện già suy? Nay nói về quyền thuộc của Hóa Thân thì có hai loại:

- Một là bậc Pháp Thân đại sĩ cùng làm Ảnh Hưởng Chúng, nơi Tích tuy là đệ tử, nhưng nơi Bồn có thể là thầy. Hạng này cũng chẳng thuộc loại “*tự niệm lão hủ*” (tự nghĩ già suy).

- Hai là phàm phu trong cõi Đồng Cư, thoát đầu từ hóa Phật mà phát khởi đạo tâm, gọi đó là “con”. Con kế nghiệp cha khiến cho dòng tộc chẳng dứt. Như ngài Thân Tử được thọ ký làm Hoa Quang Phật, tức là Phật chủng trong một phương sẽ liên tục bất đoạn, gia nghiệp Đại Thừa được nối tiếp giao phó. Nếu ngài Thân Tử là căn cơ chẳng thể hóa độ, pháp tài Đại Thừa hiện thời sẽ chẳng được giao phó, Phật chủng sau này biết gởi gắm vào đâu? Chính vì thế mà rên rầm “*già suy*”. Có căn cơ để có thể hóa độ thì gọi là “*đắc tử*” (có con). Thọ ký thành Phật chính là “*phó tài vật*” (giao phó của cải). Xứng với bốn tâm thì gọi là “*khoái lạc*”.

Phần thứ nhất, “thí dụ cha con lạc mất nhau” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2. *Thí dụ cha con gặp nhau*

[Đây chính là] lãnh ngộ thí dụ “*trưởng giả thấy lửa*” trong phần trước (phẩm Thí Dụ) và Ngũ Trước được nói trong phần Trùng Tụng thuộc phẩm Phương Tiện. Nhưng trong phần Pháp Thuyết và Thí Thuyết đều nói cha thấy con trước; ở đây, lại nói con thấy cha trước. Ấy là vì xét theo phía Phật, do linh trí liền biết trước. Xét theo phía chúng sanh, do căn cơ đã thành thực, sẽ cảm ứng. Ứng hiện tương ứng căn cơ chẳng trước, chẳng sau, chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đặc biệt nêu ra chuyện trước sau!

4.2.2.1.2.1.2.2.1. *Con thấy cha*

(Kính) Thế Tôn! Nhĩ thời, cùng tử dung nhĩ triển chuyển, ngộ đáo phụ xá, trụ lập môn trắc, dao kiến kỳ phụ, cử sư tử sàng, bảo kỷ thừa túc. Chư Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ, giai cung kính vi nhiễu. Dĩ chân châu anh lạc, giá trị thiên vạn, trang nghiêm kỳ thân. Lại dân,

đồng bệ, thủ chấp bạch phát, thị lập tử hữu. Phú dĩ bảo trướng, thùi chư hoa phan. Hương thủy sái địa, tán chúng danh hoa, la liệt bảo vật, xuất, nội, thủ dĩ, hữu như thị đẳng chủng chủng nghiêm sức, oai đức đặc tôn. Cùng tử kiến phụ hữu đại thế lực, tức hoài khủng bố, hối lai chí thử, thiết tác thị niệm: “Thử hoặc thị vương, hoặc thị vương đẳng, phi ngã dụng lực đắc vật chi xứ. Bất như vãng chí bản lý, tứ lực hữu địa, y thực dị đắc. Nhược cửu trụ thử, hoặc kiến bức bách, cưỡng sử ngã tác”. Tác thị niệm dĩ, tất tẩu nhi khứ.

(經)世尊！爾時，窮子傭賃展轉，遇到父舍，住立門側，遙見其父，踞師子床，寶几承足。諸婆羅門、刹利、居士，皆恭敬圍繞。以真珠瓔珞，價直千萬，莊嚴其身。吏民僮僕，手執白拂，侍立左右。覆以寶帳，垂諸華旛。香水灑地，散眾名華，羅列寶物，出內取與，有如是等種種嚴飾，威德特尊。窮子見父有大勢力，即懷恐怖，悔來至此，竊作是念：「此或是王，或是王等，非我傭力得物之處。不如往至貧里，肆力有地，衣食易得。若久住此，或見逼迫，強使我作」。作是念已，疾走而去。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, gã nghèo lần lượt làm mướn, tình cờ đến nhà cha, đứng ở bên cửa, từ xa thấy cha mình ngồi trên giường sư tử, ghé bấu đỡ chân. Các Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ đều cung kính vây quanh. Dùng chuỗi ngọc chân châu giá trị ngàn vạn để tô điểm thân hình. Thuộc hạ, tôi tớ tay cầm phát trần trắng, đứng hầu hai bên. Che bằng trướng báu, treo rủ các phan hoa. Nước thơm rưới đất, rải các hoa quý, báu vật la liệt phát ra, thân vào, lấy, cho, có các thứ trang hoàng như thế, oai đức đặc biệt tôn quý. Gã nghèo thấy cha có thế lực to lớn, liền ôm lòng hoảng sợ, hối hận đã đến nơi đây, trộm nghĩ như thế này: “Đây hoặc là vua, hoặc bậc ngang hàng với vua, chẳng phải là chỗ ta làm thuê để được vật dụng. Chẳng bằng đến xóm nghèo, có chỗ để ta tha hồ ra sức, dễ kiếm được cơm áo. Nếu ở lâu nơi đây, có thể sẽ bị bức bách, ép ta phải làm”. Suy nghĩ như thế xong, liền nhanh chóng rời khỏi).

Đoạn kinh văn này có bốn ý:

- Một, nguyên do đến gặp cha: Do vì đi làm mướn.
- Hai, ở chỗ trông thấy cha, nép ở bên cửa.
- Ba, thấy tướng trạng của cha ngồi trên giường sư tử cho tới oai đức đặc biệt tôn quý.
- Bốn, sanh lòng sợ hãi, trốn lánh. Tức là thấy cha có đại thể lực, bèn hồi hận đã đến đây v.v...

1) “*Lần lượt đi làm thuê*”: Do chán khổ, ưa lạc, tìm cầu lý vị, dần dần tích tập thiện căn giúp cho việc xuất thế. Do thiện căn ấy, cảm ứng Phật từ bi ứng hiện. Vì thế nói “*ngộ đạo phụ xá*” (tình cờ đến nhà cha). “*Cha*” ví như đạo hậu Pháp Thân. “*Xá*” (Nhà) sánh ví vô duyên từ bi. Hai căn cơ Tiểu Thừa và Đại Thừa, cùng đả động “*căn nhà*” ấy. Do có căn cơ Đại Thừa, cho nên nói “*dao kiến kỳ phụ*” (từ xa thấy cha). Do có căn cơ Tiểu Thừa, nên nói “*trụ lập môn trắc*” (đứng ở bên cửa). Nếu chỉ có Tiểu Thừa, chẳng có Đại Thừa, sẽ chẳng thể “*dao kiến tôn đặc chi thân*” (từ xa trông thấy thân tôn quý, đặc biệt), mà cha cũng chẳng nên hoan hỷ vì nay tài vật, kho đụn có người để giao phó. Nếu chỉ có Đại Thừa, chẳng có Tiểu Thừa, sẽ chẳng thể “*trụ lập môn trắc*”, mà cũng chẳng thể nói “*phi ngã dung lực đắc vật chi xư*” (chẳng phải là chỗ ta ra sức làm thuê để có được vật dụng).

2) Trong ý thứ hai, nói “*môn trắc*”, [hàm ý] hai phép Quán là phương tiện, như hai bên cửa. Căn cơ trong Viên Giáo sẽ đứng ngay cửa để nhìn thẳng, Nhị Thừa Thiên Chân ví như ở bên cạnh cửa, chỉ là Không tam-muội. Thiên Chân huệ nhãn liếc nhìn Pháp Thân. Đả động, chuốc vời xa xôi, cho nên nói là “*dao*” (遙, từ đằng xa).

3) Trong ý thứ ba, nói “*cư sư tử sàng*” (ngồi trên giường sư tử): Pháp Thân viên báo, ngự yên trên tòa pháp tánh Đệ Nhất Nghĩa Không, chẳng còn các nỗi sợ hãi vì thông hoặc, biệt hoặc, tám ma²³⁵ v.v... “*Bảo kỹ thừa túc*” (Ghế báu đỡ chân): Định và Huệ làm chân. Thật Đế làm ghế. Vô sanh Định Huệ nương vào cảnh Chân Như. Bà-la-môn là tịnh hạnh. Quý tộc cao quý, thanh khiết ví như bậc Ly Cấu Bồ Tát thuộc địa vị Đăng Giác trong hội Hoa Nghiêm. Sát-lợi (Kṣatriya) là dòng dõi vua chúa, ví như các vị đại Bồ Tát từ Cửu Địa cho đến Sơ Địa trong hội Hoa Nghiêm. Cư sĩ giàu mà chưa quý, ví như các vị Bồ Tát thuộc ba mươi

²³⁵ Tám ma: Phiền não ma, Ám ma, tử ma, Tha Hóa Tụ Tại Thiên Tử ma (Thiên ma), vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh.

tâm (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) trong hội Hoa Nghiêm. “*Chân châu anh lạc*” ví như giới rốt ráo, Thủ Lăng Nghiêm Định, hết thấy các thứ huệ, pháp âm Đà La Ni là bốn loại anh lạc. “*Giá trị thiên vạn*” (Giá trị ngàn vạn): Sánh ví dùng công đức thuộc bốn mươi địa vị đề trang nghiêm Pháp Thân. “*Lại dân đồng bộc*”: Nếu xét theo dị môn để giải thích ý nghĩa, “*dân*” ví như người bầm thọ phương tiện giáo để đoạn Thông Hoặc. “*Lại*” ví như người bầm thọ Biệt Giáo để đoạn Thông Hoặc. Nếu xét theo đồng môn để giải thích ý nghĩa, vẫn là sánh ví Phương Tiện Ba La Mật, trong là đồng với Thật Trí, ngoài tương đồng cơ duyên. Ví như “*lại dân*” có ý nghĩa: “Trong là phụng sự, ngoài là phục dịch”.

“*Bạch phát*” (Phát trần trắng) nhằm sánh ví tác dụng của Quyền Trí. “*Hữu*” ví như nhập Không Trí, dùng phỉ trừ bụi Tứ Trụ. “*Tả*” ví như nhập Giả Trí, dùng phỉ trừ bụi vô tri. Hai điều ấy chính là phương tiện Trung Đạo. Vì thế nói là “*thị lập*” (đứng hầu). “*Bảo trướng*” (Trướng báu) ví như từ bi chân thật. “*Hoa*” sánh ví Tứ Nhiếp (Catvāri Saṃgrahavastūni, tức Bố Thí, Đồng Sự, Lợi Hành, Ái Ngữ). “*Phan*” sánh ví thần thông. “*Hương thủy sái địa*” (Nước thơm rưới đất): Ví như pháp thủy rảy vào tâm địa của các Bồ Tát để lắng đọng Hoặc trần, cũng ví như Định thủy rảy trừ tán tâm. “*Tán chúng danh hoa*” (Rải các hoa quý): Ví như hoa Thất Tịnh: Một là tam tụ tịnh giới, hai là Thủ Lăng Nghiêm đại định, ba là Thật Huệ, bốn là đoạn nổi nghi đối với Nhị Đế, năm là hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo, sáu là trí đức viên mãn, hiểu rõ kiến tánh, bảy là Đoạn Đức thành tựu, vĩnh viễn hết sạch vô minh. “*La liệt bảo vật*”: Ví như công đức chân thật la liệt trong các địa vị. “*Xuất nội thủ dũ*” (Chi ra, thâm vào, cho lấy) như đã giải thích trong phần trước. “*Oai đức đặc tôn*”: Quang minh vô biên, hình sắc vô biên, tướng hải và tùy hảo lồng lộng vọi vọi.

4) Trong ý thứ tư, “*hữu đại thế lực*”: Trí to lớn thì gọi là “*đại lực*”, thần thông to lớn thì gọi là “*đại thế*”, ví như ý nghĩa [ông trưởng giả] “*thân thủ hữu lực*” (thân và tay có sức) trong phần kinh văn trước đó (phẩm Thí Dụ). “*Khủng bố*” (Kinh hoàng sợ hãi): Căn cơ Tiểu Thừa yếu kém, khiếp sợ đại đạo. “*Hối lai chí thử*” (Hối hận đã đến nơi đây): Phật vốn muốn dùng Đại pháp để tiếp độ, nhưng chẳng có căn cơ tương xứng, chỉ có chúng sanh mang ý nghĩ thoái thất Đại Thừa. “*Thiết tác thị niệm*” (Trộm nghĩ như thế này): Trong căn cơ ngấm ngấm có ý nghĩa ấy, chẳng phải là hiển nhiên thấy trực tiếp Thắng Ứng Thân. Bởi lẽ, cha con thấy nhau, tuy ví như cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, nhưng luận

theo sự giáo hóa thì cha thấy con trước, đó là Như Lai soi xét căn cơ. Đạo lý là như thế đó. Nay nói là con thấy cha trước và nơi chốn v.v... hoàn toàn chẳng phải là con đã thấy, chỉ là xét theo căn cơ tương ứng, trần thuật cặn kẽ từ đầu đến đuôi nguyên do tiếp nhận sự giáo hóa đó thôi!

“Thử hoặc thị vương, hoặc thị vương đẳng” (Đây hoặc là vua, hoặc bậc ngang với vua): Ba Tuần là vua, đồ đệ của hắn là *“đẳng”*. Căn cơ Tiểu Thừa hồi đoạn (diệt thân sau khi nhập diệt, chẳng còn sắc thân), chẳng có ngôn từ để nói năng, dứt bật hình sắc. Nhìn Thắng Ứng từ xa, trời, người chẳng thể sánh bằng. Pháp tướng do [Thắng Ứng Thân] nói ra, khác hẳn Nhị Thừa vời vợi. Tiểu trí, đức mỏng, chưa từng thấy nghe, liền ngỡ đó là ma, hoặc bè lũ ma! Lại như [trong đoạn kinh văn] khai tam hiển nhất đại lược, ngài Thân Tử còn tự hồ nghi *“chẳng phải là ma hiện thành Phật, nhiều loạn tâm ta ư?”* Huống hồ, lúc [đức Phật] mới thành đạo, nếu Ngài dùng ngay Đại Thừa để tiếp độ tiểu căn, họ chẳng thể nào không ngỡ Phật là ma ư?

Lại nữa, Pháp Thân là vua, cùng nói đến Báo Thân và pháp tương xứng thì gọi là *“vương đẳng”*. Pháp Thân và Báo Thân của Đại Thừa chẳng phải là chỗ đạt được lợi ích của Tiểu Thừa. Vì thế nói *“phi ngã dụng lực đắc vật chi xứ”* (chẳng phải là chỗ để ra sức làm thuê hòng đạt được vật dụng). Ví như căn cơ Tiểu Thừa chẳng thể tiếp nhận sự giáo hóa bằng Đại Thừa. *“Bản lý”* (Xóm nghèo) ví như cái lý Không rỗng tuếch, chẳng chứa đựng vạn đức, hoặc sánh ví cảnh Tứ Kiến (bốn thứ kiến chấp đối với nhị biên, hoặc kiến chấp đối với thường, lạc, ngã, tịnh). *“Tứ lực hữu địa”* (Có chỗ để tha hồ dốc hết sức): Ví như Thiên Không tương xứng tiểu trí, hoặc sánh ví Tứ Kiến tương xứng với thế trí (trí huệ thế gian). *“Y”* (Áo) ví như hành hạnh, *“thực”* (cơm) ví như huệ hạnh. *“Y thực dị đắc”* (Dễ có được cơm áo): Ví như có thể đạt được áo cơm vô lậu nơi Hữu Dư Niết Bàn, hoặc sánh ví có thể đạt được thế gian vị Thiên. *“Nhiệm cửu trụ thử”* (Nếu ở lâu nơi đây): Hành Đại Thừa đạo, trải qua vô lượng kiếp. Vì thế nói là *“cửu trụ”*. Ta vốn chán sợ sanh tử, nếu tu Đại Thừa, ắt phải vào trong sanh tử, rộng học vạn hạnh. Vì thế nói là *“bức bách”*. Ta vốn ưa thích Tiểu pháp, nay buộc ta phát tâm Đại Thừa, tức là *“cưỡng sử”* (ép buộc làm). Bỏ Đại giữ lấy Tiểu, cho nên nói là *“tật tẩu”* (nhánh chóng đi khỏi).

4.2.2.1.2.2.2. Cha thấy con

(Kinh) Thời, phú trưởng giả u sư tử tòa, kiến tử tiện thức, tâm đại hoan hỷ, tức tác thị niệm: “Ngã tài vật khổ tạng, kim hữu sở phó. Ngã thường tư niệm thử tử, vô do kiến chi, nhi hốt tự lai, thậm thích ngã nguyện. Ngã tuy niên hủ, do cố tham tích”.

(經)時，富長者於師子座，見子便識，心大歡喜，即作是念：「我財物庫藏，今有所付。我常思念此子，無由見之，而忽自來，甚適我願。我雖年朽，猶故貪惜」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, ông trưởng giả giàu có ở trên tòa sư tử, thấy con liền nhận biết, tâm rất hoan hỷ, liền nghĩ như thế này: “Của cải, kho tàng của ta nay đã có người để giao phó. Ta thường nghĩ nhớ đưa con này, không cách nào gặp nó, nay nó bỗng tự đến, rất hợp lòng ta mong mỏi. Ta tuy đã già, vẫn còn tham tiếc”).

Đoạn kinh văn này cũng có bốn ý:

- Một, tòa sư tử là chỗ trông thấy con. Pháp Thân của Như Lai ngự trong cảnh Đệ Nhất Nghĩa Không vô úy, chiếu rõ căn cơ.

- Hai, thấy con liền nhận biết, biết đó là chúng sanh đã kết duyên xưa kia.

- Ba, thấy con bèn hoan hỷ. Phật luôn tìm cầu căn cơ của con, nay căn cơ xứng hợp lòng Từ. Vì thế hoan hỷ. Đây là sự lãnh ngộ “chuyện kinh sợ to lớn trong thí dụ” thuộc phần trước. Từ trong phương tiện mà khởi tâm đại bi. Trong phần trước nói về sự đẹp khổ, nên bảo là “*kinh bố*” (kinh hoảng, sợ hãi). Nay nói về sự ban vui, cho nên bảo là “*hoan hỷ*”.

- Bốn, do thấy con bèn thỏa nguyện. Xưa kia thấy chúng sanh sau khi đã thoát thất Đại Thừa, rong ruổi bốn phương tìm cầu cơm áo, lần lượt làm thuê, thường muốn ban tài sản cho con, nhưng do chẳng có căn cơ [trương xứng], cho nên chẳng thực hiện được. Hiện thời, căn cơ tìm đến, xứng hợp tâm đại từ. Vì thế nói “*khổ tạng kim hữu sở phó*” (kho tàng nay đã có chỗ để giao phó). Chúng sanh lưu chuyển sanh tử, bị các sự khổ bức bách, khiến cho tâm đại bi đau đớn. Vì thế nói “*ngã thường tư niệm*” (ta thường nghĩ nhớ). Tuy muốn cứu bạt, nhưng chẳng có căn cơ [trương xứng] làm sao té độ? Do vậy nói “*vô do kiến chi*” (không cách nào trông thấy). Nay có căn cơ để có thể độ, vì thế nói “*nhi hốt tự lai*” (bỗng nó tự đến). Tương xứng với tâm đại bi, cho nên “*thậm thích ngã nguyện*” (rất hợp lòng ta mong mỏi). Một kỳ hóa độ đã xong, cho

nên nói “*niên hủ*” (lại còn xét theo sự thị hiện được Phật Nhiên Đăng thọ ký, cho đến từ Đâu Suất giáng thần, xuất gia, thành đạo, tức là chuyện hóa độ trong một thời kỳ đã sắp xong). Chưa thấy căn cơ Đại Thừa, pháp sẽ chẳng thể giao phó được. Các đồ đệ trong tương lai sẽ do ai mà được độ thoát? Vì người đáng độ, cho nên nói “*tham tích*” (tham tiếc).

Phần thứ hai, “thí dụ về cha con gặp nhau” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.3. Thí dụ về sự truy đuổi và khuyên dụ

Lãnh ngộ thí dụ “bỏ ghế, dùng xe” trong phần trước, và ý nghĩa thực thi phương tiện để hóa độ trong phẩm Phương Tiện.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.1. Sai người bên cạnh đuổi theo

(Kinh) Tức khiển bàng nhân, cấp truy tương hoàn. Nhĩ thời, sứ giả tạt tầu vãng tróc, cùng tử kinh ngạc, xưng oan đại oán: “Ngã bất tương phạm, hà vị kiến tróc?” Sứ giả chấp chỉ dữ cấp, cưỡng khiến tương hoàn. Vu thời, cùng tử tự niệm vô tội, nhi bị tù chấp, thử tất định tử, chuyển cánh hoàng bố, muộn tuyệt tích địa.

(經)即遣旁人，急追將還。爾時，使者疾走往捉，窮子驚愕，稱怨大喚：「我不相犯，何為見捉？」使者執之逾急，強牽將還。于時，窮子自念無罪，而被囚執，此必定死，轉更惶怖，悶絕蹙地。

(Kinh: Liền sai người bên cạnh gấp rút đuổi theo bắt lại. Khi đó, kẻ được sai bảo nhanh chóng đuổi bắt. Gã nghèo kinh ngạc, lớn tiếng kêu oán: “Tôi chẳng xúc phạm, vì sao bị bắt?” Kẻ được sai bảo càng gấp gáp, bắt lấy hắn, cưỡng lôi trở về. Lúc đó, gã nghèo tự nghĩ mình vô tội mà bị bắt bớ, đây ắt là phải chết, càng thêm hoảng sợ, mê ngất, ngã quỵ xuống đất).

Đây là lãnh ngộ “cả hai môn Khuyên và Giới đều chẳng có căn cơ tương ứng”. “*Bàng nhân*” (Người bên cạnh): Trí là chủ thể sai khiến, Giáo là đối tượng được sai khiến. Từ Phật mà phát xuất mười hai bộ loại kinh điển. Lại nữa, “*thần, tá*” v.v... chính là người bên cạnh. Như trong

kinh Hoa Nghiêm, Pháp Huệ Bồ Tát nói Thập Trụ, Công Đức Lâm Bồ Tát nói Thập Hạnh, Kim Cang Tràng Bồ Tát nói Thập Hồi Hướng, Kim Cang Tạng Bồ Tát nói Thập Địa v.v... “*Cấp truy tương hoàn*” (Gấp rút đuổi theo bắt về): Toan dùng Khuyển môn thuộc giáo pháp Đốn [để hóa độ]. “*Tật tẩu vãng tróc*” (Nhanh chóng đến bắt): Đại Thừa nêu bày nghĩa hiển lộ chánh trực, dùng đó để đối ứng căn cơ, hòng nhanh chóng đạt đến Bồ Đề. Nếu coi Bồ Tát là “*người bên cạnh*” thì Bồ Tát đều tự có thần lực, lại được Phật gia bị, cũng có thể khiến cho kẻ đó nhanh chóng nhập Bồ Đề.

“*Cùng tử kinh ngạc*” (Gã nghèo kinh ngạc) tức là thực hiện Khuyển Môn thì chẳng có căn cơ. Đã chẳng có căn cơ, dầu cho họ xưa kia đã từng phát [tâm Bồ Đề], nhưng bỏ quên lâu ngày chẳng nhớ, chột nghe Đại giáo, tâm chống trái, cho nên kinh hoảng. Do chẳng biết, nên ngạc nhiên. Tiểu Thừa coi phiền não là oán, coi sanh tử là khổ. Nếu khuyển “*phiền não chính là Bồ Đề*”, họ sẽ gào to kêu oan uổng! Nếu nghe “*sanh tử chính là Niết Bàn*”, sẽ gào to kêu đau khổ! Ta chẳng dính dáng gì đến chuyện cầu Đại Thừa, sao lại dùng Đại Thừa để bắt ta?

“*Sứ giả chấp chi dữ cấp, cưỡng khiến tương hoàn*” (Kẻ được sai khiến càng gấp gáp bắt lấy, cưỡng lôi về), ví như toan dùng Giới môn của Đại Thừa để hóa độ, vì kẻ đó nói các chuyện đáng sợ hãi. “*Cùng tử tự niệm vô tội*” (Gã nghèo tự nghĩ vô tội): Ví như Giới môn chẳng có căn cơ [tương xứng để tiếp nhận]. “*Tội*” sánh ví như từ bi. Chúng sanh do mắc tội, vào trong nhà ngục sanh tử; Bồ Tát vì lòng từ bi, vào ngục cứu giúp. Nhị Thừa chẳng có lòng đại từ đại bi ấy, vì thế nói là “*vô tội*”. Bảo họ nhập sanh tử, tức là “*bị tù chấp*” (bị bắt bớ, tù đầy). Chẳng có đại phương tiện để nhập sanh tử, ắt sẽ vĩnh viễn đánh mất huệ mạng tam thừa. Vì thế nói “*thử tất định tử*” (đây là ắt phải chết). Do suy nghĩ các chuyện như thế đó, cho nên nói “*chuyển cánh hoàng bố*” (càng thêm hoảng sợ). Tiểu trí chẳng hiểu Đại giáo, vì thế nói “*muộn tuyệt*” (mê ngất). Yếu ớt nơi đất vô minh, cho nên nói là “*tích địa*” (lăn quay ra đất).

(Kinh) Phụ dao kiến chi, nhị ngữ sứ ngôn: “Bất tu thử nhân, vật cường tương lai. Dĩ lãnh thủy sái diện, linh đắc tỉnh ngộ, mạc phục dữ ngữ”. Sở dĩ giả hà? Phụ tri kỳ tử chí ý hạ liệt, tự tri hào quý, vi tử sở nan. (Cố tuy) thẩm tri thị tử, nhị dĩ phương tiện, bất ngữ tha nhân, vân thị ngã tử. (Ư thời) sứ giả ngữ chi: “Ngã kim phóng nhữ,

tùy ý sở thú”. Cùng tử hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, tùng địa nhi khởi, vãng chí bản lý, dĩ cầu y thực.

(經)父遙見之，而語使言：「不須此人，勿強將來。以冷水灑面，令得醒悟，莫復與語」。所以者何？父知其子志意下劣，自知豪貴。為子所難。（故雖）審知是子，而以方便，不語他人，云是我子。（於時）使者語之：「我今放汝，隨意所趣」。窮子歡喜，得未曾有，從地而起，往至貧里，以求衣食。

(*Kinh*: Cha từ xa trông thấy, bảo kẻ được sai khiến rằng: “Chẳng cần gã đó, đừng cưỡng ép hắn đến. Dùng nước lạnh tưới vào mặt cho hắn tỉnh lại. Đừng nói gì với hắn nữa!” Vì lẽ nào vậy? Cha biết con chí ý kém hèn, tự biết chính mình giàu có, sang cả, khiến cho con khiếp sợ. (Vì thế, tuy) biết rõ là con mình, mà dùng phương tiện, chẳng nói với người khác “đó là con ta”. (Khi đó), kẻ được sai khiến bảo: “Nay ta thả người đi đâu tùy ý”. Gã nghèo hoan hỷ, được điều chưa từng có, từ dưới đất đứng lên, đi qua xóm nghèo để cầu cơm áo).

Đây là lãnh ngộ [ý nghĩa] “đối với cả hai môn Khuyến và Giới, đều ngưng dứt sự giáo hóa”. Ấy là vì đã nắm rõ sâu xa ý Phật, tuy [đức Phật] toan vận dụng Khuyến môn [để hóa độ], nhưng chẳng có căn cơ [tương xứng]. Ý [hóa độ] vẫn chưa ngơi, lại toan dùng Giới môn, nhưng chẳng thể thực hiện được. Sau đấy mới thôi [dùng pháp Đại Thừa viên đôn đê] hóa độ. Kinh văn cũng gồm bốn ý:

- Một, suy nghĩ chấm dứt sự hóa độ [bằng Đại pháp viên đôn]. Nói “*phụ dao kiến*” (cha từ xa trông thấy), tức là Tiểu Thừa cách biệt Đại Thừa xa thăm, cho nên nói là “*dao*” (遙, từ đằng xa). “*Ngữ sư ngôn*” (Nói với kẻ được sai khiến): Nếu coi giáo là “*sứ*” thì trí vốn thuyết giáo, nhưng trí biết [thính chứng] chẳng có căn cơ. Do trí ngưng dứt, cho nên giáo ngưng dứt. Nếu coi người là “*sứ*”, thì như trong kinh Tịnh Danh có nói “*nhiep nhữ thân hương, vô linh bỉ chư chúng sanh nhi khởi Hoặc trước*” (hãy thâm nhiếp mùi hương nơi thân người lại, đừng

khuyến cho chúng sanh khởi Hoặc chấp trước)²³⁶. Lại như ngài Phổ Hiền vào cõi Sa Bà này, rút thân nhỏ lại, đều là do nghĩa này. “*Vật cường tương lai*” (Đừng cường bức đem tới): Đã chẳng có căn cơ Đại Thừa, sợ thương tổn thiện căn của người ấy. “*Lãnh thủy sái diện*” (Dùng nước lạnh rảy vào mặt): Biết kẻ đó tiểu chí, hãy nên dùng nước lý “*hôi đoạn*” để rảy vào khuôn mặt hướng về Niết Bàn của người ấy, khiến cho người ấy lìa phiền muộn, dần dần ngộ Tứ Đế. “*Mạc phục dữ ngữ*” (Đừng nói gì với hần nữa): Quyết định phải nên ngưng giáo hóa bằng Đại Thừa.

- Thứ hai, từ “*sở dĩ giả hà*” (vì lẽ nào vậy) trở đi, giải thích ý nghĩa [vì sao phải] ngưng dứt sự giáo hóa bằng Đại Thừa. [Do chúng sanh] chán khô, thích Không. Vì thế, “*chí ý hạ liệt*” (chí ý hèn kém). Bi và Trí chưa phát; vì thế, sợ hãi kẻ quyền quý. Biết chắc chắn [các chúng sanh ấy] ở chỗ hai vạn ức Phật đã từng phát đạo tâm, thật sự là Phật tử; nhưng vì bảo vệ, cho nên chẳng nói với ai khác, tức là từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, chưa từng nói rõ “*Nhị Thừa thành Phật*”!

- Thứ ba, từ “*sứ giả ngữ*” (kẻ được sai khiến nói), nêu rõ ngưng dứt sự giáo hóa bằng Đại Thừa. “*Ngã kim phóng như*” (Nay ta thả người) tức là biết căn cơ Đại Thừa [của chúng sanh] yếu ớt. “*Tùy ý sở thú*” (Đi đâu tùy ý): Tức là biết điều lành thuộc về Tiểu pháp mạnh mẽ.

- Thứ tư, từ “*cùng tử hoan hỷ*” (gã nghèo hoan hỷ) trở đi, chính là dứt sự giáo hóa nhằm tương xứng với căn cơ. Do kẻ đó chẳng bị Đại giáo bức bách, cho nên hoan hỷ. Do dùng Tiểu pháp tương xứng, cho nên [kẻ đó] có thể tỉnh ngộ. Vì thế nói “*tùng địa nhi khởi*” (từ dưới đất đứng lên). Cầu chánh trợ đạo nơi lý đản Không (chỉ biết Chân Không, chẳng biết Diệu Hữu), hoặc cầu chánh trợ đạo từ nơi Tứ Kiến. Vì thế nói “*vãng chí bản lý, dĩ cầu y thực*” (đi qua xóm nghèo để cầu cơm áo).

²³⁶ Đây là một câu chuyện trong phẩm Hương Tích của kinh Duy Ma Cát (kinh Tịnh Danh). Khi các vị Bồ Tát và hàng Thanh Văn theo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cát. Sau một hồi vấn đáp pháp môn Bát Nhị, đã đến giờ thọ trai của chư tăng, cư sĩ Duy Ma Cát liền biến hiện thần thông, sai hóa Bồ Tát đến cõi Chúng Hương cách Sa Bà bốn mươi hai Hằng sa cõi Phật ở phương trên để xin cơm. Trong cõi ấy, Phật hiệu là Hương Tích dùng mùi thơm để làm Phật sự. Y báo và chánh báo trong cõi Chúng Hương đều có mùi thơm. Có chín trăm vạn Bồ Tát trong cõi Chúng Hương thấy hóa Bồ Tát, biết cõi Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh, bèn xin phép Hương Tích Phật qua cõi Sa Bà nghe kinh. Phật Hương Tích dạy các vị Bồ Tát ấy phải thâm nhiếp mùi hương nơi thân để chúng sanh trong cõi Sa Bà chẳng sanh tham đắm.

Phần thứ nhất, “sai người bên cạnh đuổi theo” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2. Thí dụ “sai hai người khuyên dụ”

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1. Lãnh ngộ ý nghĩa “cùng dạy cả ba thừa”

Lãnh ngộ gần thì là hiểu ý chỉ “dùng ba loại xe để cứu con”, xa thì “thực hiện quyền biến, [tuyên thuyết pháp Tứ Đế] ở Ba La Nại”. Phần này lại chia thành bốn phần: Một, lãnh ngộ chuyện “nên dùng ba loại xe”, hai là lãnh ngộ chuyện “cha biết trước tâm ý của con”, ba là lãnh ngộ chuyện “tán thán ba cỗ xe”, bốn là lãnh ngộ chuyện “do đúng ý mong muốn của các con, nên chúng tranh giành nhau ra khỏi nhà lửa”.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1.1. Lãnh ngộ chuyện toan dùng ba loại xe

(Kinh) Nhĩ thời, trưởng giả tương dục dụ dẫn kỳ tử, nhi thiết phương tiện, mật khiển nhị nhân, hình sắc tiều tụy, vô oai đức giả: “Nhữ khả nghệ bỉ, từ ngữ cùng tử, thử hữu tác xứ, bội dữ nhữ tri²³⁷. Cùng tử nhược hứa, tương lai sử tác. Nhược ngôn dục hà sở tác, tiện khả ngữ chi, cố nhữ trừ phần. Ngã đẳng nhị nhân, diệc cộng nhữ tác”.

(經)爾時，長者將欲誘引其子，而設方便，密遣二人，形色憔悴，無威德者：「汝可詣彼，徐語窮子，此有作處，倍與汝直。窮子若許，將來使作。若言欲何所作，便可語之，雇汝除糞。我等二人，亦共汝作」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trưởng giả muốn dẫn dụ con mình, bèn lập phương tiện, ngầm sai hai người, hình sắc tiều tụy, chẳng có oai đức: “Các ngươi hãy đến chỗ nó, thông thả nói với gã nghèo, ở đây có chỗ để làm thuê, trả công gấp bội cho ngươi. Nếu gã nghèo chấp thuận, hãy đưa nó đến làm. Nếu nó hỏi muốn nó làm gì, có thể bảo rằng: Mướn ngươi dọn phân. Hai người chúng ta cũng sẽ làm chung với ngươi”).

²³⁷ Theo pháp sư Phổ Hành, tuy chữ này viết là Trục, phải đọc là Trị, vì văn bản cổ viết theo lối giả tá.

Đã thôi giáo hóa bằng Đại Thừa, chẳng nở bỏ con côi, tính lập phương tiện. Vì thế nói “*tương dục*” (mong muốn). Bốn vị đại đệ tử đều đã lãnh ngộ phần nào, chẳng dính dáng đến hàng Bồ Tát. Vì thế, ngầm sai hai người. Xét theo pháp, [“hai người”] chính là Tứ Đế và mười hai nhân duyên. Xét theo lý, chính là hữu tác chân tục (chân và tục có tạo tác). Xét theo người thì chính là Thanh Văn và Duyên Giác. Nhưng nói “*mật khiển*” (ngầm sai), xét theo giáo, ẩn tàng pháp môn tự là “*mật*”, chỉ bày pháp bản tự là “*khiển*” (sai khiến). Xét theo Lý, ẩn Thật là Mật, chỉ bày Quyền là Khiển. Xét theo người, “*trong ngầm là Bồ Tát hạnh*”, chính là Mật, “*ngoài hiện tướng Thanh Văn*” là Khiển. Trong giáo pháp Nhị Thừa, chẳng tu tướng hảo, chỉ nói Khổ, Vô Thường, Vô Ngã, Bất Tịnh. Vì thế nói “*hình sắc tiêu tụy*”. Chẳng trọn đủ Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy; cho nên nói “*vô oai đức*”. Do dùng Tiểu giáo để độ Tiểu cơ (căn cơ Tiểu Thừa), vì thế nói “*nhữ khả nghệ bỉ*” (người có thể đến chỗ nó). Lý được nói trong Tiểu giáo thì quanh co, ẩn tàng, chẳng thẳng thừng nắm bắt như Đại Thừa, cho nên nói “*từ ngữ cùng tử*” (thong thả nói với gã nghèo). Kiến đạo và tu đạo là hai chỗ để thực hiện đoạn Hoặc. Vì thế nói “*thử hữu tác xư*” (ở đây có chỗ làm). Sáu hạnh của ngoại đạo chỉ có thể chế phục Hoặc, sanh vào hai giới trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới); nay tu để duyên (Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên), sẽ có thể đoạn Hoặc, ra khỏi biển sanh tử. Vì thế nói “*bội dữ nhữ trị*” (trả giá gấp bội cho người). “*Cùng tử nhược hứa*” (Nếu gã nghèo chấp thuận): Có căn cơ là “*hứa*”, bèn lập giáo. Chẳng có căn cơ thì sẽ chẳng hứa, chẳng lập giáo. Nhị Thừa chỉ muốn trừ Hoặc, giữ lấy sự chứng đắc, chẳng bàn tới chuyện nghiêm tịnh (trang nghiêm thanh tịnh) cõi Phật hay thành tựu chúng sanh. Vì thế nói “*cố nhữ trừ phần*” (mướn người dọn phân). “*Ngã đẳng nhị nhân diệc cộng nhữ tác*” (Hai người chúng ta cũng làm chung với người): Xét theo giáo, tức là độn căn Nhị Thừa dựa vào giáo mà hành hạnh thì mới có thể tu nghiệp. Xét theo lý, Trí và Đế giúp lẫn nhau. Xét theo người, Quyền nhân và Thật nhân cùng tu hành.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1.2. Lãnh ngộ chuyện “cha biết trước tâm ý của con” và lãnh ngộ sự tán thán ba loại xe

(Kinh) Thời, nhị sứ nhân tức cầu cùng tử. Ký dĩ đắc chi, cụ trần thượng sự.

(經)時，二使人即求窮子。既已得之，具陳上事。

(Kinh: Khi đó, hai người được sai khiến liền tìm gã nghèo. Đã tìm được bèn nói cặn kẽ chuyện trên đây).

Biết chắc chắn là có căn cơ; vì thế nói là “*đắc chi*” (đã tìm được), tức là lãnh ngộ chuyện biết trước tâm ý của con. “*Cụ trần thượng sự*” (Nói cặn kẽ chuyện trên đây): Thuê về cùng nhau làm chung. Dọn phân Tập Khổ, trả cho giá tiền Đạo Diệt, tức là lãnh ngộ sự tán thán ba loại xe.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1.3. Lãnh ngộ chuyện “xứng với ước nguyện của con, chúng nó tranh nhau ra khỏi nhà lửa”

(Kinh) Nhĩ thời, cùng tử tiên thủ kỳ giá, tầm dữ trừ phần. Kỳ phụ kiến tử, mẫn nhi quái chi.

(經)爾時，窮子先取其價，尋與除糞。其父見子，慙而怪之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, gã nghèo trước đã chấp nhận giá ấy, bèn tìm đến dọn phân. Cha hắn thấy con bèn thương xót và trách móc).

Hâm mộ Diệt thì mới chịu tu Đạo. Vì thế nói “*tiên thủ kỳ giá*” (trước đó đã chấp nhận giá ấy). “*Tầm dữ trừ phần*” (Tìm đến dọn phân): Giống như nói trước đó đã hỏi giá, thấy giá vừa hợp ước nguyện. “*Trừ phần*” là tranh nhau ra khỏi [tam giới]. “*Mẫn*” là thương xót vì con chấp lấy quả Tiểu Thừa, “*quái*” (trách móc) vì con chẳng cầu Phật đạo.

Phần thứ nhất, “lãnh ngộ chuyện vì sao phải cùng dạy ba thừa” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2. Lãnh ngộ dụng ý giáo hóa

Lãnh ngộ nơi địa vị Pháp Thân, [đức Phật] soi chiếu phương tiện đã lâu; chẳng phải là đến đạo thụ (lúc thị hiện thành đạo dưới cội Bồ Đề), [đức Phật] mới biết dùng Tiểu Thừa [để tiếp độ]. Sớm biết chúng sanh kiêng sợ thân tôn quý đặc biệt, [đức Phật giống như ông trưởng giả trong thí dụ này] đích thân khoác áo bản thủ (tức là thọ thân trượng sáu giống như người bình phàm). Vì thế, suy từ chuyện trước mà lãnh ngộ để thấu hiểu chuyện hiện thời.

Hỏi: - Bốn vị đại đệ tử do nhân gì mà có thể biết Pháp Thân chiếu soi đã lâu?

Đáp: - Suy từ cái gần mà biết cái xa! Nếu tới đạo thụ mới biết chẳng có căn cơ Đại Thừa, sẽ chẳng nên từ Đâu Suất giáng thân, chánh huệ nương gá vào thai, cho đến thị hiện có phiền não, lấy phi tần, sanh con. Ba mươi bốn tâm, hậu thân đoạn kết; trải nghiệm tháo gỡ chuỗi ngọc tướng hải²³⁸ vi diệu, mặc áo bản thủ, thô hèn [tức thọ thân cao] trượng sáu [chỉ có ba mươi hai tướng đại nhân và tám mươi tùy hình hảo]. Đó là vì soi xét căn cơ đã lâu.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2.1. Lãnh ngộ Phật đã từ lâu toan dùng Quyền trí để phương tiện hóa độ

(Kinh) Hựu dĩ tha nhật, ư song dĩ trung, dao kiến tử thân.

(經)又以他日，於牕牖中，遙見子身。

(Kinh: Lại một ngày nọ, từ trong cửa sổ, trông thấy thân con từ xa).

“Hựu” là từ ngữ trình trọng. Muốn lãnh ngộ ý nghĩa nơi địa vị Pháp Thân, biết sự mâu nhiệm của việc thực hiện hóa độ thuận theo căn cơ, nhắc lại ý Phật. Vì thế, mở đầu chương này bèn nói “hựu”. “Tha” chỉ Pháp Thân. Nhị Thừa tự cho rằng Quyền Lý là chính mình; vì thế, coi Thật Lý đối lập với mình mà gọi là Tha. “Nhật” là thời, mà cũng là trí. Khi nương vào Pháp Thân, dùng trí để chiếu soi căn cơ; vì thế, nói là “tha nhật”. Trong phần lãnh hội chuyện cùng dùng ba thừa để giáo hóa trong phần trước, đã lãnh ngộ tác dụng hành xử của Hóa Thân. Vì thế, Nhị Thừa nói là “kỷ nhật” (ngày của chính mình). Nay lãnh ngộ ý nghĩa, lãnh ngộ các chuyện thuộc tác dụng của Pháp Thân; vì thế, Nhị Thừa được gọi là “tha nhật”. Lại xét theo Pháp Thân của Như Lai để nói, Thật Trí chiếu Thật là “kỷ”, Quyền Trí chiếu phương tiện là Tha.

Lại nữa, tự hành Quyền Thật là “kỷ”. Hóa tha Quyền Thật là Tha. Lại nữa, Hóa Tha chiếu Thật là Kỷ, Hóa Tha chiếu Quyền là Tha. Nay đứng trong lúc tham cứu, lãnh ngộ Pháp Thân, dùng Hóa Tha Quyền trí chiếu Quyền cơ (căn cơ thuộc về Quyền) dường có, dường không, chiếu

²³⁸ Các tướng của Phật vô lượng, mỗi tướng lại có vô lượng tùy hình hảo làm quyền thuộc. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dùng chữ Tướng Hải để diễn tả tướng đại nhân và tùy hình hảo nơi báo thân Phật chẳng thể thấy biết trọn hết.

Quyền dụng (tác dụng của Quyền) dường như có thể, chẳng thể. Vì thế nói “tha nhật”.

“Song dữ”: [Cửa sổ trở] nơi nhà gọi là Song (牖), [lỗ to khoét] trên tường thì gọi là Dũ (牖). Đã chẳng phải là cửa giữa, cho thấy nơi chón chật hẹp, ví như Quyền Trí chiếu căn cơ thiên lệch. “Dao” (遙, cách xa): Tiểu Thừa cách Đại Thừa quá xa. “Kiến” (Thấy): Toan muốn tiếp độ. “Tử” (Con): Kẻ đã từng kết duyên khi xưa. Đây là do con cách biệt ở ngoài cửa sổ, chẳng phải là do lỗi trưởng giả có cái nhìn thiên kiến!

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2.2. Lãnh ngộ chuyện từ lâu đã biết những kẻ đó yêu thích Tiểu pháp

(Kinh) Luy sáu tiểu tụy, phần thổ trần bộn, ô uế bất tịnh.

(經)羸瘦憔悴，糞土塵坌，汙穢不淨。

(Kinh: Còm cỗi, tiểu tụy, phân đất lấm lem, ô uế, chẳng sạch).

Do tu trí nơi nhân thì kém sức nên “luy” (羸, gầy còm). Do tu phước nơi nhân thì lực ít ỏi, nên là “sấu” (瘦, tong teo). Trong thì sợ vô thường nên là “tiểu” (憔, mòn mỏi, khô khao), ngoài gặp tám nỗi khổ, nên là Tụy (悴, xơ xác). Tứ Trụ là “phần thổ” (phân đất), vô tri là “trần bộn” (bụi bám lem luốc).

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2.3. Lãnh ngộ ý từ lâu đã biết cần phải tán thán ba loại xe

(Kinh) Tức thoát anh lạc, tế nhuyễn thượng phục, nghiêm sức chi cụ, canh trước thô tộ, cấu nị chi y, trần thổ bộn thân, hữu thủ chấp trì trừ phần chi khí, trạng hữu sở úy.

(經)卽脫瓔珞，細軟上服，嚴飾之具，更著麤弊，垢膩之衣，塵土坌身，右手執持除糞之器，狀有所畏。

(Kinh: Liền tháo chuỗi ngọc, y phục quý báu, mềm mịn, các vật trang sức, đổi sang mặc áo thô tộ, bán thủ, bụi đất lấm thân, tay phải cầm nắm dụng cụ dọn phân, đáng vẻ đáng sợ).

“*Tức thoát*” (Liên tháo) ví như Ứng Thân và Báo Thân vô lượng công đức, thường gọi là chuỗi ngọc Đà La Ni Giới, Định, Huệ thuộc bốn mươi hai địa vị. “*Tế nhuyển thương phục*” (Áo quý báu mềm mịn) là Tịch Diệt Nhân, và các vật trang nghiêm, tức các tướng hải lớn nhỏ. Bởi lẽ, nếu dung mạo và y phục tốt đẹp, con sẽ kinh sợ. Nhị Thừa chẳng nên trông thấy tướng hảo ấy; vì thế gỡ ra. “*Canh trước*” (Đổi sang mặc): Hiện hình tướng cao trượng sáu thì gọi là Thô. Sanh Nhân và Pháp Nhân thì gọi là Tệ. Thị hiện có phiền não hữu vi, hữu lậu, thì gọi là “*trần thổ bộn thân*” (bụi đất lấm thân). “*Hữu thủ*” (Tay phải) sánh ví Quyền dụng (tác dụng của Quyền). “*Trừ phần chi khí*” (Dụng cụ dọn phân): Ví như pháp môn đề đối trị Kiến Tư; tự dùng pháp ấy để đoạn kết sử hòng thành Phật. Lại dùng pháp ấy để hóa độ người khác; vì thế gọi là “*chấp trì*” (cầm nắm). Thị hiện cùng sợ hãi sanh tử [giống như chúng sanh], lại còn thị hiện có các quả báo như gió lạnh, ăn lúa mạch dành cho ngựa v.v... cho nên nói là “*trạng hữu sở úy*” (dáng vẻ đáng sợ).

4.2.2.1.2.2.3.2.2.4. Lãnh ngộ “từ lâu đã biết tương xứng ý nguyện” tiếp nhận vãng hành

(Kinh) *Ngữ chư tác nhân: “Nhữ đắc cần tác, vật đắc giải tức”. Dĩ phương tiện cố, đắc cận kỳ tử, hậu phục cáo ngôn: “Đốt! Nam tử! Nhữ thường thử tác, vật phục dư khí, đương gia nhữ giá. Chư hữu sở tu, bồn, khí, mẽ, miễn, diêm, thổ chi thuộc, mặc tự nghi nan. Diệc hữu lão tề sứ nhân, tu giả tương cấp, hảo tự an ý. Ngã như nhữ phụ, vật phục ưu lự. Sở dĩ giả hà? Ngã niên lão đại, nhi nhữ thiếu tráng. Nhữ thường tác thời, vô hữu khi đãi, sân hận, oán ngôn, đô bất kiến nhữ hữu thử chư ác như dư tác nhân. Tự kim dĩ hậu, như sở sanh tử”. Tức thời, trưởng giả cánh dữ tác tự, danh chi vi nhĩ. Nhĩ thời, cùng tử tuy hân thử ngộ, do cố tự vị khách tác tiện nhân. Do thị chi cố, u nhĩ thập niên trung, thường linh trừ phần.*

(經)語諸作人：「汝得勤作，勿得懈怠」。以方便故，得近其子，後復告言：「咄！男子！汝常此作，勿復餘去，當加汝價。諸有所須，盆，器，米，麵，鹽，醋之屬，莫自疑難。亦有老弊使人，須者相給，好自安意。我如汝

父，勿復憂慮。所以者何？我年老大，而汝少壯。汝常作時，無有欺怠，瞋恨，怨言，都不見汝有此諸惡如餘作人。自今已後，如所生子」。卽時，長者更與作字，名之為兒。爾時，窮子雖欣此遇，猶故自謂客作賤人。由是之故，於二十年中，常令除糞。

(*Kinh: Bảo các người làm: “Các người phải siêng làm việc, đừng nên lười nghỉ”. Dùng phương tiện đó để được gần con. Sau đấy, lại bảo rằng: “Này chàng trai! Người thường làm nơi đây, đừng đi nơi khác, ta sẽ trả công thêm cho người. Các thứ cần dùng như chậu, bát, gạo, bột, muối, dấm, người chớ nghỉ ngại. Cũng có gã đầy tớ già hèn hạ, nếu cần thì ta sẽ ban cho, hãy khéo an lòng. Ta như cha người, chớ nên lo sầu. Vì có sao vậy? Vì ta tuổi đã già cả, còn người trẻ mạnh. Trong lúc làm việc, người thường chẳng lừa dối, giận hờn, thốt lời oán thán. Trọn chẳng thấy người có các tật xấu đó như những kẻ làm công khác! Từ nay trở đi, người như con đẻ của ta”. Ngay khi đó, trưởng giả liền đặt tên cho hắn, gọi hắn là con. Lúc đó, gã nghèo tuy vui mừng trước sự đãi ngộ ấy, vẫn tự cho mình là khách, là kẻ hèn. Do bởi lẽ đó, trong hai mươi năm, thường sai dọn phân).*

Đoạn kinh văn này sánh ví đầy đủ pháp môn [ba mươi bảy] đạo phẩm, gồm bảy khoa, dùng tướng trạng dọn phân hiển nhiên để lãnh ngộ [ý nghĩa] “các con tâm hơn hờ, hăng hái, xô đẩy giành nhau cùng rảo chạy ra khỏi nhà lửa” trong phần trước:

- Một là câu “*ngũ chư tác nhân*” (nói với những người làm công), sánh ví pháp Tứ Niệm Xứ. Dụng cụ dọn phân chính là cảnh để đoạn trừ kết sử, tức là địa vị ngoại phàm Văn Huệ.

- Hai là “*nhữ đẳng cần tác, mạc đắc giải tức*” (các người hãy siêng năng làm việc, đừng nên lười biếng, thôi nghỉ), ví như Tứ Chánh Cần, có thể phát khởi địa vị Noãn. [Địa vị] Noãn là nội phàm. Vì thế, nói “*đắc cận kỳ tử*” (để được gần con).

- Ba là “*hậu phục cáo ngôn*” (sau đó lại bảo rằng), ví như Tứ Như Ý Túc. “Đốt” (咄, chao ôi) là từ ngữ kinh ngạc cảm thán, khiến cho [người nghe] bỏ tán loạn, nhập tĩnh. Chánh Cần thuộc trí, như nam tử thuộc Dương. Như Ý Túc thuộc Định, như phụ nữ là Âm. Nếu chỉ có

Chánh Cần thúc giục, sẽ chẳng tương ứng với Chân. Vì thế, nói “đốt” để khiến [cho hành nhân] tu Như Ý Túc. Niệm, Xứ, Chánh Cần là động, chẳng chuyên nhất, chẳng gọi là Thường.

Trong Tứ Như Ý, Định chẳng duyên theo lẽ khác, tư duy là Định, hễ tư duy bèn đoạn. Định là đoạn, chuyên nhất. Vì thế nói “*nhữ thường thử tác*” (người thường làm ở nơi đây), chẳng còn động loạn lằng xằng nữa! Vì thế nói “*vật phục dư khứ*” (đừng đi nơi khác nữa). Đây là Đánh vị.

Trong Như Ý Quán, có thể phát sanh vô lậu. Vì thế nói “*đương gia nhữ giá*” (sẽ tăng thêm tiền công cho người). Hữu lậu, vô lậu, trợ đạo, chánh đạo đều cầu từ Như Ý Quán. Hễ cần liền đạt được, cho nên nói “*chư hữu sở tu mạc tự nghi nan*” (các thứ cần dùng, chớ nên nghi ngại).

“Chậu, đồ đựng” sánh ví bản thể của Tứ Thiên chứa đựng chi lâm²³⁹. Gạo ví như Sanh Không Trí là thô, bột ví như Pháp Không Trí là tế (trong Tạng Giáo cũng có Pháp Không, chẳng phải là Pháp Không của Đại Thừa). Những điều này thuộc về chánh đạo. Muối ví như vô thường trong mười sáu hành quán. Dấm ví như khổ. Các điều này thuộc về trợ đạo. Như [chỉ có] gạo và bột sẽ khó ăn, cần phải có muối, dấm trộn vào. Ví như chánh đạo khó hiển lộ, cần phải có trợ đạo giúp sức.

“*Diệc hữu lão tệ sứ nhân*” (Cũng có kẻ tứ già hèn tệ): Trong Như Ý Quán, có thể phát khởi thần thông để thay thế tay chân, nhưng thần thông kém cỏi, yếu ớt; cho nên nói là “*lão tệ*”. Lại nữa, trong các pháp môn, trợ đạo như cửu tướng, thập tướng, bát bội xả v.v... được sánh ví như kẻ dễ sai khiến. Trong Như Ý Quán, cũng có các pháp ấy. Cần phải có các pháp ấy để giúp cho chánh đạo, để đều trở thành người cùng được giải thoát. Vì thế nói “*tu giả tương cấp*” (hễ cần thì sẽ ban cho).

²³⁹ “*Chi lâm*” nói đầy đủ là “*chi lâm công đức*”, tức mười tám loại công đức sanh khởi bởi Tứ Thiên Định. Theo sách Pháp Giới Thứ Đệ, quyển thượng, mười tám chi gồm:

1. Sơ Thiên Thiên Định gồm năm chi: Giác chi, quán chi, hỷ chi, lạc chi, nhất tâm chi.
2. Nhị Thiên Thiên Định gồm bốn chi: Nội tịnh chi, hỷ chi, lạc chi, nhất tâm chi.
3. Tam Thiên Thiên Định gồm năm chi: Xả chi, niệm chi, huệ chi, lạc chi, nhất tâm chi.
4. Tứ Thiên Thiên Định gồm bốn chi: Bát khổ bất lạc chi, xả chi, niệm thanh tịnh chi, nhất tâm chi.

- Bốn, “*hảo tự an ý*” (khéo tự an lòng): Sánh ví Ngũ Căn. Nếu có Ngũ Căn, thì sẽ an ổn, chắc chắn, khó hư hoại. Đây là Nhân vị.

- Năm, “*ngã như nhữ phụ*” (ta như cha của người): Sánh ví Ngũ Lực thuộc địa vị Thế Đệ Nhất, dường như đã hiểu, đã gần với lẽ Chân. Vì thế nói “*ngã như nhữ phụ*” (ta như cha của người) cho đến “*như sở sanh tử*” (như con ruột của ta).

Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích ý nghĩa “*như cha*”. Phật thuộc chỗ chung cực của đạo, đã trọn đủ Trí Đoạn; cho nên nói là “*lão đại*” (già cả). Người thuộc chỗ khởi đầu của đạo, chẳng có Trí Đoạn; cho nên nói là “*thiếu tráng*” (trẻ mạnh). Do có Tín Lực, nên chẳng lừa dối. Do có Tinh Tấn Lực, cho nên chẳng biếng nhác. Do có Niệm Lực, cho nên chẳng sân. Do có Định Lực, cho nên chẳng hận. Do có Huệ Lực, cho nên chẳng oán. Xa là ví như các kiến chấp cầu lý của ngoại đạo; gần thì ví như bốn địa vị Tứ Niệm Xứ v.v... cũng chưa tránh khỏi năm lỗi²⁴⁰.

- Sáu, “*tức thời cánh dữ tác tự, danh chi vi nhi*” (lập tức bèn đặt tên, gọi hần là con): Sánh ví Thất Giác, Bát Chánh Đạo, nhập địa vị Kiến Đạo. Tâm Thế Đệ Nhất chẳng gián đoạn chứng Chân. Vì thế nói “*tức thời*”. Từ đây trở đi, chuyển phàm thành thánh. Do đó, nói: “*Cánh tác dữ tự*” (Bèn đặt tên cho hần). Kinh A Hàm nói năm loại Phật tử, tức Tứ Quả và Bích Chi Phật. Bồ Tát chẳng đoạn kết sử, nghĩa của “con” chưa thành, đó chính là nghĩa này.

- Bảy, “*nhĩ thời, cùng tử tuy hân thử ngộ*” (lúc bấy giờ, gã nghèo vui mừng trước sự đãi ngộ ấy) trở đi, ví như địa vị tu đạo Thất Giác, Bát Chánh. Do chẳng biết đảm nhiệm nối tiếp Đại Thừa; cho nên nói “*nhị thập niên trung, thường linh trừ phần*” (trong hai mươi năm, thường sai dọn phân). Vì thế nói “*do cố tự vị khách tác tiện nhân*” (vẫn như cũ, tự cho mình là khách, là kẻ hạ tiện). Do kẻ đó chỉ bám thọ Quyền giáo tu hành để hết khổ. Vì thế nói “*nhị thập niên trung, thường linh trừ phần*”,

²⁴⁰ Năm lỗi (ngũ quá):

1. Tự hại: Tức là kẻ hủy phạm giới, thân, khẩu, ý nghiệp thường bất tịnh, thường hứng chịu bần cùng, khổ sở, thiếu phước, thiện thần xa lánh.
2. Bị kẻ trí quả trách: Tức là người hủy giới bị các thiện tỳ-kheo quả trách, xa lánh.
3. Tiếng xấu đồn rộng: Tức kẻ hủy giới do ba nghiệp chẳng thanh tịnh, sống chung với những kẻ bất thiện, tiếng xấu lan xa.
4. Lâm chung sanh hối hận.
5. Chết rồi sẽ đọa ác đạo.

tức là Kiến Đế “nhất vô ngại, nhất giải thoát”. Tư duy đạo “cửu vô ngại, cửu giải thoát”.

Phần ba, “truy ngược lại các thí dụ [để lãnh hội]” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.4. Thí dụ về lãnh nhận, giao phó gia nghiệp

Gần là lãnh ngộ thí dụ “bình đẳng ban cho cỗ xe lớn trong nhà lửa”; xa là lãnh ngộ phần Hiền Thật thuộc Kệ Tụng trong phẩm Phương Tiện.

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1. Nhận lãnh gia nghiệp

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1.1. Thấu hiểu, tin nhận

(Kinh) Quá thị dĩ hậu, tâm tương thể tín, nhập xuất vô nan, nhiên kỳ sở chỉ do tại bốn xứ.

(經)過是已後，心相體信，入出無難，然其所止猶在本處。

(Kinh: Sau đó, tâm già dần dần thấu hiểu, tin tưởng, ra vào chẳng e sợ, nhưng vẫn ở chỗ cũ).

Đây chính là sánh ví thời Phương Đẳng quả trách Tiểu pháp. Do kẻ đó đã đạt được cái “giá” [chứng đắc] Niết Bàn, đã chẳng phải là chuyện hư huyền. Nay vì hàng Bồ Tát nói pháp Đại Thừa, cũng ắt là con tin tưởng cha chẳng hư dối. Đức Phật biết họ đã đoạn Kiến Tư, nghe Đại Thừa chẳng báng bỏ, vô lậu căn nhạy bén, có thể sanh khởi tín tâm nhỏ nhoi, tức là cha tin tưởng con. Do vậy, được thấy thân tôn quý, đặc biệt. Nghe giáo pháp Đại Thừa, thì gọi là Nhập. Lại bị quả trách, chiết phục, vẫn thấy thân tượng sáu thuyết pháp Tiểu Thừa, thì gọi là Xuất. Đối với đại, tiểu, xuất, nhập, tuy chẳng còn nghi nan, vẫn cho rằng “Đại Thừa là chuyện của hàng Bồ Tát, chẳng phải là bốn phận thuộc về trí huệ của chính mình”, chẳng chịu hồi tâm hướng về Đại Thừa. Vì thế, nói “sở chỉ do tại bốn xứ” (vẫn ở lại chỗ cũ).

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1.2. Bảo con nhận lãnh gia nghiệp

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1.2.1. Bảo con trông coi gia sự

(Kinh) Thế Tôn! Nhữ thời, trưởng giả hữu tật, tự tri tương tử bất cửu, ngữ cùng tử ngôn: - Ngã kim đa hữu kim, ngân, trân bảo, thương khó doanh dật. Kỳ trung đa thiếu, sở ưng thủ dữ, nhữ tất tri chi. Ngã tâm như thị, đương thế thử ý. Sở dĩ giả hà? Kim ngã dữ nhữ, tiện vì bất dị, nghi gia dụng tâm, vô linh lậu thất.

(經)世尊！爾時，長者有疾，自知將死不久，語窮子言：「我今多有金，銀，珍寶，倉庫盈溢。其中多少，所應取與，汝悉知之。我心如是，當體此意。所以者何？今我與汝，便為不異，宜加用心，無令漏失」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, trưởng giả bị bệnh, tự biết chẳng lâu sau sẽ chết, bảo gã nghèo rằng: “Ta nay có nhiều vàng, bạc, trân bảo, kho đụn đầy ắp. Số lượng trong ấy nhiều ít, nên thu chi ra sao, con đều phải biết. Tâm cha như thế, con hãy nên hiểu ý ấy. Vì có sao vậy? Nay cha và con chẳng khác biệt gì, con hãy nên gắng dụng tâm, đừng để hao hụt, mất mát”).

Đây chính là sánh ví thời Bát Nhã chuyên giáo. “*Tương tử bất cửu*” (Chẳng lâu sau sẽ chết): Có căn cơ bèn ứng. Đó là Sanh. Căn cơ đã hết, sự ứng hiện phải chấm dứt. Đó là Tử. Nay căn cơ đáng giáo hóa đã sắp hết, Ứng Thân do đó chẳng thể trụ thế lâu dài. “Vàng” ví như lý Trung Đạo, “bạc” ví như chân lý. Lý chẳng phải nhiều, nhưng xét theo các môn thì cũng có thể nói là “nhiều”. Chẳng hạn như Không chẳng phải chỉ có mười tám món, nhưng do xét theo mười tám pháp được phá mà gọi là Thập Bát Không. Trong phần khuyến học, đã nói hết thấy các pháp môn đều là trân bảo.

“*Thương*” (Vừa) ví như Định môn, tức một trăm lẻ tám tam-muội. “*Khó*” (Kho) ví như Huệ môn, tức là mười tám Không cảnh. Kho vừa Định Huệ gồm thấu hết thấy Thiên Định, trí huệ, chẳng bị thiếu khuyết. Trong dư dả, ngoài đầy ắp! Vì thế nói là “*doanh dật*”. “*Kỳ trung đa thiếu*” (Số lượng nhiều ít trong ấy) ví như hai môn Bát Nhã rộng và lược. Bồ Tát hành Bát Nhã, phải nên biết tướng rộng và lược. “*Lược*” tức Thiếu, “*rộng*” tức là Đa. Tự hành là Thủ (lấy), hóa độ người khác là Dữ (cho). Trong Đại Phẩm có nói: “*Nhữ đương vị Bồ Tát thuyết*” (Ông hãy nên vì hàng Bồ Tát mà nói). Do vậy, nói: “*Nhữ tất tri chi*” (Con đều nên biết hết). “*Ngã tâm như thị*” (Tâm cha như thế): Phật dùng Bát Nhã

làm tâm. “*Đương thể thử ý*” (Hãy thấu hiểu ý ấy): Răn nhắc con hãy cùng ta lãnh hội Pháp Không.

“*Kim ngã dữ nhữ tiện vi bất dị*” (Nay cha và con chẳng khác nhau) có ba nghĩa:

- Một là gia bị khiến cho nói; vì thế, [Thanh Văn thay Phật giảng pháp trong hội Bát Nhã] chẳng khác Phật nói.

- Hai, các pháp đều Như; cho nên chẳng khác! Đó gọi là “*Thiện Cát như, Như Lai như*”. Nhất như, chẳng phải là nhị như.

- Ba, ngày nay mới ngộ cha con thiên tánh tương quan, cho nên chẳng khác. Nhưng hàng Nhị Thừa một mực cho rằng “được gia bị”, cho nên trở thành khác biệt (như Bát Nhã nói: “*Khởi Nhị Thừa nhân, cảm hữu sở thuyết. Hữu sở thuyết giả, giai thị Phật lực*” (Hàng Nhị Thừa há dám nói năng gì. Có nói năng gì, đều là do Phật lực). Do căn cơ chưa chuyển, cho nên nói là “gia bị”).

“*Nghi gia dụng tâm, vô linh lậu thất*” (Hãy nên gắng dụng tâm, đừng để sai sót, mất mát) có hai nghĩa:

- Một là xét theo giáo, vì hàng Bồ Tát mà nói, đừng để sai sót, thất lạc.

- Hai là xét theo lý. Đây chính là vật của ông, chớ nên để sót mất!

4.2.2.1.2.2.4.1.2.2. Vãng mạng nhận lãnh hiểu biết

(Kinh) Nhĩ thời, cùng tử tức thọ giáo sắc, lãnh tri chúng vật, kim, ngân, trân bảo, cập chư khổ tạng, nhi vô hy thủ nhất xan chi ý. Nhiên kỳ sở chỉ cố tại bốn xứ, hạ liệt chi tâm, diệc vị năng xả.

(經)爾時，窮子即受教敕，領知眾物，金，銀，珍寶，及諸庫藏，而無希取一餐之意。然其所止故在本處，下劣之心，亦未能捨。

(Kinh: Lúc bấy giờ, gã nghèo liền vãng theo lời răn truyền, tiếp nhận coi sóc các vật, vàng, bạc, trân bảo, và các kho tàng, nhưng chẳng có ý niệm mong lấy [của cải] đáng chừng một bữa ăn. Chỗ ở của gã vẫn ở tại chỗ cũ, cái tâm kém hèn cũng chưa thể xả).

“Vô hy thủ” (Chẳng mong lấy): Như ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề) tuy nói Bát Nhã, nhưng tự nhủ “ta chẳng có phần nơi đây”! “*Chỉ bốn xứ*” (Ở tại chỗ cũ): Vẫn giữ chắc cái quả Tiểu Thừa đã chứng. “*Vị xả hạ*

liệt tâm” (Chưa bỏ cái tâm kém hèn): Tuy hổ thẹn vì tu tập Tiểu pháp, nhưng chưa thể hồi tâm hướng Đại.

Hỏi: - Tới thời Bát Nhã, hàng Nhị Thừa ngằm đạt được lợi ích, vì sao chẳng có ý mong cầu đạt được?

Đáp: - Lãnh biết vô lượng pháp môn sai biệt, cho nên gọi là “*biệt ích*”. Chẳng có tâm mong cầu giữ lấy, cho nên gọi là “*mật đắc*” (ngằm được). Nếu chịu mong mỏi, giữ lấy, sẽ là “*hiển đắc*”, lẽ đâu gọi là “*mật đắc*”?

Phần thứ nhất, trong thí dụ về lãnh nhận gia nghiệp, phần lãnh hội ý nghĩa “thoát nạn, hoan hỷ” trong phần trước đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.4.2. Thí dụ về giao phó gia nghiệp

4.2.2.1.2.1.2.2.4.2.1. Chánh thức giao phó gia nghiệp, tức lãnh ngộ hai ý nghĩa “con đòi xin xe” và “cha bình đẳng thí cho cỗ xe lớn như nhau”

(Kinh) Phục kinh thiếu thời, phụ tử tử ý, tiệm dĩ thông thái, thành tựu đại chí, tự bỉ tiên tâm. Lâm dục chung thời, nhi mạng kỳ tử, tịnh hội thân tộc, quốc vương, đại thần, Sát-lợi, cư sĩ, giai tất dĩ tập, tức tự tuyên ngôn: “Chư quân đương tri, thử thị ngã tử, ngã chi sở sanh. Ư mẫu thành trung, xả ngã đào tẩu, linh bình tân khổ, ngũ thập dư niên. Kỳ bốn tự mẫu, ngã danh mẫu giáp, tích tại bốn thành, hoài ưu thôi mịch, hốt ư thử gian, ngộ hội đắc chi. Thử thật ngã tử, ngã thật kỳ phụ. Kim ngã sở hữu nhất thiết tài vật, giai thị tử hữu, tiên sở xuất nội, thị tử sở tri”.

(經)復經少時，父知子意，漸以通泰，成就大志，自鄙先心。臨欲終時，而命其子，并會親族，國王、大臣、刹利、居士，皆悉已集，即自宣言：「諸君當知，此是我子，我之所生。於某城中，捨我逃走，矜憊辛苦，五十餘年。其本字某，我名某甲，昔在本城，懷憂推覓，忽於此間，遇會得之。此實我子，我實其父。今我所有一切財物，皆是子有，先所出內，是子所知」。

(Kinh: Lại qua ít lâu sau, cha biết ý con đã dần dần thông thái, thành tựu chí lớn, tự chê tâm trước. Khi sắp lâm chung, ông bảo con và

thân tộc nhóm lại. Quốc vương, đại thần, Sát-lợi, cư sĩ đã đều tụ tập, ông tự tuyên bố: “Các vị nên biết: Đây là con tôi, do tôi sanh ra. Ở trong thành nọ, nó bỏ tôi trốn đi, trôi nổi, cay đắng suốt hơn năm mươi năm. Nó vốn tên đó, còn tôi tên là... Xưa ở tại thành này, ôm lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây, tình cờ gặp nó. Đây thật là con tôi, tôi thật sự là cha nó. Nay tất cả hết thảy tài vật tôi đã có đều là của con tôi, trước đây các thứ phát ra, thâu vào, con tôi đều coi sóc”).

“Phục kinh thiếu thời” (Lại qua ít lâu sau): Ví như sau thời Bát Nhã. Ngay trong khi nói kinh Vô Lượng Nghĩa, đã nghe “vốn từ một pháp, sanh ra vô lượng các pháp”, ắt suy nghĩ “vô lượng các pháp phải nên hoàn nhập một pháp!” Khi suy nghĩ như thế, dần dần thông thái. Do vậy, căn cơ Đại Thừa được phát khởi. Cho đến trong kinh này, đã thốt ra ba lượt thỉnh, gọi là “tự bỉ tiên tâm” (tự chê cái tâm trước đó). Đây chính là lãnh hội ý nghĩa [các con] đòi xin xe trong phần trước. “Lâm dục chung thời” (Lúc sắp lâm chung) như kinh văn trong phần sau đã nói: “Như Lai bất cứu tương nhập Niết Bàn” (Chẳng lâu sau, Như Lai sẽ nhập Niết Bàn), đó là nói đến thời Pháp Hoa vậy. “Mạng kỳ tử” (Truyền lệnh cho con mình): Tức là những người được hóa độ bởi hai vạn ức Phật, căn cơ Đại Thừa đã chín muồi, mười phương vân tập. Hai chữ “tịnh hội” (cùng nhóm họp) gồm chung các điều tiếp đó. Nói “thân tộc” là nói đến Ảnh Hưởng Chúng, bao gồm mười phương Pháp Thân Bồ Tát. Nói “quốc vương” tức là hết thảy các kinh tiệm và đốn. Đúng theo căn cơ mà tạo lợi ích cho chúng sanh, mỗi bộ mỗi khác, cho nên gọi là Quốc. Kinh nào cũng đều nói là “bậc nhất”, cho nên mỗi kinh đều gọi là “vương”. Nay kinh này dung thông các kinh, cho nên gọi là “tịnh hội quốc vương” (và nhóm họp các quốc vương). Đẳng Giác Bồ Tát là “đại thần”. Thập Địa Bồ Tát là Sát-lợi; hàng Bồ Tát thuộc ba mươi tâm (các địa vị thuộc Tam Hiền) là “cư sĩ”. Từ “chư quân đương tri” (các vị nên biết) trở đi, tổng kết, dung hội cha con. Thật sự theo ta học, cho nên nói “thử thị ngã tử” (đây là con ta). Từ ta mà hiểu biết, cho nên nói là “ngã chi sở sanh” (do ta sanh ra).

“U mô thành giả” (Ở tại thành nọ): Tại Tây Trúc, kinh văn của kinh này nhiều, có thể nói đến danh tự của quốc độ trước kia, chẳng hạn như nhân duyên của Đại Thông Trí Thắng Phật. Nay kinh này giản lược, chỉ nói là “mô mô” (này nọ). Trái nghịch pháp Đại Thừa, trốn vào sanh tử. Vì thế nói “xả ngã đào tẩu” (bỏ ta trốn đi). Trải qua đủ cả sáu đường, cho nên nói “ngũ thập dư niên” (hơn năm mươi năm). Trong địa

vị Pháp Thân, thường tìm tòi căn cơ có thể hóa độ. Vì thế nói “*tích tại bốn thành, hoài ưu thôi mịch*” (xưa kia ở tại thành ấy, lo buồn tìm kiếm), cho đến ngày nay mới cảm ứng đạo giao. Vì thế nói “*hốt ư thử gian, ngộ hội đắc chi*” (bỗng ở nơi đây tình cờ tìm được). Từ chữ “*kim ngã sở hữu*” (nay các thứ ta có) trở đi, chánh thức giao phó gia nghiệp. Hết thấy tài vật tức là vạn hạnh, vạn đức của Đại Thừa. “*Tiên sở xuất nội*” (Các thứ chi ra, thâu vào trước kia) tức là nói đến các pháp Bát Nhã cộng và bất cộng đại lược hay chi tiết. “*Tiên dĩ lãnh tri*” (Nó đã trông coi từ trước): Nay chỉ giao phó. Do vậy, kinh Pháp Hoa chỉ đàm luận “*khai, thị, ngộ, nhập*” tri kiến của Phật, chẳng còn nói cặn kẽ hết thấy các hành tướng. Đây là lãnh hội ý nghĩa “*bình đẳng ban cho cỗ xe lớn*”.

4.2.2.1.2.1.2.2.4.2.2. Được giao phó bèn hoan hỷ

Lãnh hội ý nghĩa “*được xe, hoan hỷ*” trong phần trước.

(Kinh) Thế Tôn! Thị thời, cùng tử văn phụ thử ngôn, tức đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, nhi tác thị niệm: “Ngã bốn vô tâm hữu sở hy cầu, kim thử bảo tạng tự nhiên nhi chí”.

(經)世尊！是時，窮子聞父此言，即大歡喜，得未曾有，而作是念：「我本無心有所希求，今此寶藏自然而至」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, gã nghèo nghe lời ấy của cha, liền rất hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có, mà nghĩ thế này: “Ta vốn chẳng có lòng mong cầu, nay kho báu này tự nhiên đưa đến”).

Sánh ví trong thời Tam Tạng, tâm vốn chẳng mong cầu. Trong thời Phương Đẳng, tuy hổ thẹn vì Tiểu pháp, tự cho là chính mình chẳng có hy vọng, cho nên chẳng cầu. Trong thời Bát Nhã, tuy lãnh nhận, hiểu biết, nhưng tự cho chẳng thuộc về bốn phần của chính mình, cho nên không cầu. Chẳng cầu như thế mà nay tự đạt được! Nhưng nguyên do của sự hoan hỷ ấy có gần và xa. Nếu [cha] chẳng dạy [con] làm thuê trước đó, ban cho cái giá (tiền công) một ngày, há tâm con có thể dần dần thấu hiểu, tin tưởng ư? Ủy thác gia nghiệp, giao phó tài sản, ví như do Tam Tạng mà đoạn kết sử thì mới kham cùng [hàng Bồ Tát] nghe Đại

Tập. Bị ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật) chiết phục, chuyển giáo Bát Nhã, dẫn đến ngày nay được khai hiển, thọ ký. Làm thuê, chấp nhận công sá, tức là nguyên do xa. Thấu hiểu, tin tưởng, thông hiểu tường tận chính là nguyên do gần.

Lại nữa, trong phần thí dụ dẫn dụ trước đó, đều cùng có hai ý:

- Một, lãnh ngộ chuyện đức Phật dùng cả ba thừa để giáo hóa khởi nguồn từ dưới cội đạo thụ (cội Bồ Đề), cuối cùng là thoát khỏi nhà [lửa đang cháy hừng hực].

- Hai, suy lường để lãnh hội ý nghĩa, khởi đầu từ Pháp Thân, kết thúc bằng suy nghĩ nhập diệt.

Nay trong phần lãnh nhận và giao phó, cũng có hai ý:

- [Một là] suy tìm lãnh hội lòng từ bi dùng bốn vị (sữa, lạc, sanh tô, và thực tô) để điều phục.

- Hai là rốt cuộc tiếp nhận tài sản được giao phó rốt ráo là một vị [đề hồ].

“*Xa, gần, đầu, cuối*”, gộp chung lại để luận định ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ), vì sao? Chính là sai khiến người bên cạnh. Lời nói của người bên cạnh ví như pháp viên đốn trong hội Hoa Nghiêm. Đó là khởi đầu của giáo. Người bên cạnh ví như bò, lời họ nói ví như sữa. Vì thế nói “*từ Phật mà phát ra mười hai bộ kinh*”, tức là vị đầu tiên (vị sữa). Nếu dùng pháp đó (pháp Hoa Nghiêm viên đốn) để tiếp độ hàng Nhị Thừa, sẽ chẳng có căn cơ [tương xứng để] tiếp nhận, họ sẽ “*mê muội, ngã lăn ra đất*”, căn cơ hoàn toàn sống sít như sữa [chưa qua tinh luyện].

Kế đó, [trong thí dụ] nêu ra: Ngâm sai hai người đến nói pháp “*dọn phân*” (dẹp trừ trần cấu trong tâm), ví như tại Lộc Uyển, nói ba thừa, Tiểu căn bèn tin tưởng, đổi phàm thành thánh, như chuyển sữa thành lạc. Vì thế nói “*từ mười hai bộ xuất sanh Tu Đa La*”, tức là vị thứ hai (lạc).

Kế đó, nói “*tâm thấu hiểu, tin tưởng, ra vào chẳng gặp khó khăn*”, ví như nói các kinh Phương Đẳng, Tịnh Danh, đề cao Đại, chiết phục Tiểu, hàng Nhị Thừa nghe Đại pháp chẳng phỉ báng, chiết phục căn cơ Tiểu Thừa chẳng thoái thất [tín tâm đối với Đại Thừa]. Ấy là do Tam Tạng đoạn kết sử, nhận lấy cái giá một ngày. Vì thế, chấp thuận khen ngợi [Đại pháp], chê bai [Tiểu pháp]. Nếu chưa đoạn kết sử, sẽ không thể kham nghe hoàng dương Đại pháp! Nếu trước đó, chẳng tiếp nhận Khuyến môn, cũng chẳng thể kham nghe chiết phục Tiểu pháp. Nếu trước đó, chẳng tiếp nhận Giới môn, mà nay chẳng phỉ báng, chẳng lui

sự, là do tâm dần dần tin tưởng, thấu hiểu. Đã đích thân chứng Tiểu, cho nên tin Đại chẳng hư dối. Đạt được giá trị Niết Bàn, cho nên thấu hiểu sự chiết phục mà chẳng sân, tuy [luôn nghĩ các pháp môn Đại Thừa] chẳng phải là chuyện của chính mình, nhưng chẳng ngờ vực, báng bổ! Cái tâm thuần thực như từ lạc sanh ra sanh tô. Vì thế nói “*từ Tu Đa La xuất sanh kinh Phương Đẳng*”, tức vị thứ ba (sanh tô).

Kế đó, trưởng giả tự biết không lâu sẽ chết, ví như trong hội Bát Nhã, khiến cho họ (các vị đại Thanh Văn) lãnh giáo, vì hàng đại Bồ Tát nói Ma Ha Bát Nhã. Đã nhận coi sóc các vật (các pháp môn Đại Thừa), thống nhiếp trọn khắp pháp môn, tâm sáng tỏ, biện tài càng tăng thêm hăm mộ vui sướng. Chỉ hận [căn tánh Nhị Thừa vẫn] trụ trong Tiểu pháp, [tự coi các pháp tài Đại Thừa] chẳng phải là vật của chính mình, [đức Phật bèn] tháo bỏ chuỗi anh lạc, đổi sang áo cũ dơ, mở phương tiện, hứa khả, [các chúng sanh căn tánh Nhị Thừa hướng về Đại pháp], há chẳng vui sướng ư? Do vậy, tâm họ dần dần thông thái, thành tựu đại chí, như từ sanh tô sanh ra thực tô. Vì thế nói: “*Từ Phương Đẳng xuất sanh Ma Ha Bát Nhã*”, tức vị thứ tư (thực tô).

Kế đó, lúc sắp lâm chung, dặn bảo con, ví như sau thời Bát Nhã, phán biện thiên tánh (chân tánh), xác định cha con, hội quy tam thừa về Nhất Thừa, giao phó tài sản và thọ ký, nói giáo pháp Pháp Hoa, khai tri kiến của Phật, chỉ bày tướng chân thật. Nghi tâm của hàng Bồ Tát đã trừ, Thanh Văn được làm Phật, đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ, như từ thực tô sanh ra đề hồ. Cho nên nói “*từ Ma Ha Bát Nhã xuất sanh Đại Niết Bàn*”, tức vị thứ năm (đề hồ).

Bốn vị đại đệ tử thấu hiểu sâu xa ý Phật, nhận lãnh giáo pháp “*nhất hóa ngũ vị*” (từ Nhất Thừa mà thuận theo căn tánh của chúng sanh, chia thành năm thời giáo hóa), theo thứ tự từ đầu đến đuôi, kinh văn xuất sanh ý nghĩa ấy (Đây chính là hàng Thanh Văn chậm lụt nhất, cần phải trải qua năm vị. Nếu căn cơ hơi nhạy bén hơn đôi chút, sẽ là bốn, ba, hoặc hai vị, liền được nhập Thật. Vì thế, ngũ thời giáo riêng biệt này chỉ xét theo một loại căn tánh nghe pháp [để luận định như thế]. Chớ nên chấp vào một trường hợp riêng biệt, để rồi bắt bẻ các trường hợp chung. Lại nữa, Hoa Nghiêm như mặt trời chiếu vào núi cao. A Hàm như ánh sáng mặt trời soi thấu hang thẳm. Khi chiếu vào hang thẳm, chưa hề chẳng chiếu núi cao. Khi nói A Hàm, lẽ nào chẳng nói Hoa Nghiêm? Phương Đẳng và Bát Nhã cứ phỏng theo đó mà suy. Người

hiện thời chỉ đọc một sách Tứ Giáo Nghi²⁴¹, chẳng biết học rộng [các giáo nghĩa của] Thai Tông, há có thể biết nổi đại dụng và đại cơ của Như Lai ư?)

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

4.2.2.1.2.2. Kết hợp thí dụ với pháp

Phần này hết sức giản lược, do trong phần thí dụ đã nói cặn kẽ, cho nên chẳng luận định lần nữa, cốt sao hiểu ý, chẳng cần phải rườm rà!

4.2.2.1.2.2.1. Đối ứng thí dụ “cha con lạc mất nhau” với pháp

(Kinh) Thế Tôn! Đại phú trưởng giả, tất thị Như Lai. Ngã đẳng giai tự Phật tử.

(經)世尊! 大富長者, 則是如來。我等皆似佛子。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Ông trưởng giả giàu to chính là Như Lai. Chúng con đều giống như con của Phật).

“Tự” có hai nghĩa:

- Một, là do giữ lấy căn cơ Đại Thừa, cho nên là con. Xưa kia chưa bỏ trốn, đã chẳng phải là chân vị, do vẫn còn thuộc địa vị ngoại phạm. Vì thế gọi là Tự (似, dường như).

- Hai, do giữ lấy căn cơ Tiểu Thừa mà là con. Con đã trốn khỏi cha, do chê bai, bèn nói là Tự (dường như), tức là dùng chữ Tự để kết hợp với ý nghĩa biểu pháp của chuyện cha con lạc mất nhau.

4.2.2.1.2.2.2. Nêu ý nghĩa biểu pháp của chuyện “cha con gặp nhau”

(Kinh) Như Lai thường thuyết ngã đẳng vi tử.

²⁴¹ Tứ Giáo Nghi là một tác phẩm gồm sáu quyển, do tổ Thiên Thai Trí Giả đại sư soạn vào đời Tùy, thuyết minh khái niệm hóa nghi và hóa pháp. Sách này lại được nhiều vị đại tri thức chú giải như Tứ Giáo Nghi Tập Giải (do Tùng Nghĩa soạn vào đời Tống), Tứ Giáo Nghi Bị Thích (Nguyên Túy soạn vào thời Nguyên), Tứ Giáo Nghi Tập Chú (do Mông Luận soạn vào đời Nguyên), Tứ Giáo Nghi Tập Chú Tiết Nghĩa (do Linh Diệu tiết lược), Tứ Giáo Nghi Chú Vựng Bồ Phụ Hoàng Ký (do Tánh Quyền soạn) v.v...

(經)如來常說我等為子。

(Kinh: Như Lai thường nói chúng con là con).

Chỉ kết hợp với pháp chuyện “trưởng giả thấy con liền nhận biết”, tức là đã bao gồm tám ý nghĩa trong hai đoạn kinh văn nói về “cha thấy con” và “con thấy cha”.

4.2.2.1.2.2.3. Nêu ý nghĩa biểu pháp của thí dụ [cha cho người] “truy đuổi và khuyên dụ”

4.2.2.1.2.2.3.1. Nêu ý nghĩa biểu pháp của chuyện “sai người bên cạnh truy đuổi”

(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng dĩ tam khổ cố, ư sanh tử trung, thọ chư nhiệt não, mê hoặc, vô tri, nhạo trước Tiểu pháp.

(經)世尊！我等以三苦故，於生死中，受諸熱惱，迷惑，無知，樂著小法。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con do vì tam khổ, ở trong sanh tử, hứng chịu các thứ nhiệt não, mê hoặc, vô tri, ưa thích, chấp trước Tiểu pháp).

Tam khổ là Hoại Khổ, Hành Khổ, và Khổ Khổ. “Thọ chư nhiệt não” tức là ngũ trước chương nặng. “Mê hoặc, vô tri” tức là chẳng tiếp nhận lời khuyên răn. “Nhạo trước Tiểu pháp” (Ưa thích, chấp chặt pháp Tiểu Thừa): Tức là chỉ có tiểu chí, chẳng kham tiếp nhận sự giáo hóa bằng pháp Đại Thừa.

4.2.2.1.2.2.3.2. Đối ứng chuyện “hai người đến khuyên dụ” với pháp

4.2.2.1.2.2.3.2.1. Kết hợp chuyện “cùng tiếp nhận sự giáo hóa bằng tam thừa” với pháp

(Kinh) Kim nhật Thế Tôn linh ngã đẳng tư duy, quyền trừ chư pháp hý luận chi phần. Ngã đẳng ư trung, cần gia tinh tấn, xưng chí “Niết Bàn nhất nhất” chi giá. Kỳ đắc thử dĩ, tâm đại hoan hỷ, tự dĩ vì túc, tiện tự vi ngôn: “Ư Phật pháp trung, cần tinh tấn cố, sở đắc hoằng đa”.

(經)今日世尊令我等思惟，蠲除諸法戲論之糞。我等於中，勤加精進，稱至「涅槃一日」之價。既得此已，心大歡喜，自以為足，便自謂言：「於佛法中，勤精進故，所得宏多」。

(Kinh: Ngày nay đức Thế Tôn bảo chúng con tư duy, dẹp trừ phân dơ, tức các pháp hý luận. Ở trong ấy, chúng con siêng năng, ra sức tinh tấn, gọi là đạt tới cái giá “Niết Bàn một ngày”²⁴². Đã đạt được điều ấy rồi, tâm hết sức hoan hỷ, tự cho là đủ, liền tự nhủ rằng: “Do siêng năng tinh tấn trong Phật pháp mà đạt được rộng nhiều”).

“*Linh ngã đẳng tư duy*” (Khiến cho chúng con tư duy) chính là kết hợp các chuyện đã trần thuật cặn kẽ trong phần trước với ý nghĩa biểu pháp. “*Cần gia tinh tấn*” (Càng thêm siêng năng tinh tấn) tức là kết hợp với pháp chuyện “tìm con về, bảo dọn phân”. “*Đắc chí Niết Bàn*” (Được đạt tới Niết Bàn) là nêu ý nghĩa biểu pháp của chuyện “đã chấp nhận giá cả [thuê mướn về dọn phân]” trong phần trước.

4.2.2.1.2.3.2.2. Kết hợp với pháp chuyện lãnh thọ ý nghĩa

(Kinh) Nhiên Thế Tôn tiên tri ngã đẳng tâm trước tề dục, nhạo ư Tiểu pháp, tiện kiến tưng xả, bất vị phân biệt: “Nhữ đẳng đương hữu Như Lai tri kiến bảo tạng chi phần”.

(經)然世尊先知我等心著弊欲，樂於小法，便見縱捨，不為分別：「汝等當有如來知見寶藏之分」。

(Kinh: Nhưng trước đó, đức Thế Tôn đã biết trước tâm chúng con chấp trước ham muốn hèn tẻ, ưa thích Tiểu pháp, chúng con liền bị Phật buông bỏ, Ngài chẳng vì chúng con nói phân biệt: “Các ông sẽ có phần nơi kho báu tri kiến của Như Lai”).

Trong phần trước, đã nói “một ngày nọ, từ xa trông thấy thân con”, nay lại nói “đã biết trước”. Trong phần trước nói “*luy sáu tiểu tụy*”

²⁴² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Hàng Nhị Thừa siêng khổ đoạn Hoặc, chỉ đạt được Hữu Dư Niết Bàn thuộc Tiểu Quả, chẳng đạt được thọ dụng to lớn, nên nói là cái giá một ngày”.

(còm côi, tiều tụy), nay nói “*tâm trước tệ dục*” (tâm chấp trước các ham muốn kém cỏi) v.v... Trong phần trước nói “*tức thoát anh lạc*” (liền tháo chuỗi ngọc), phần này nói “*bất vị phân biệt*” (chẳng vì chúng con phân biệt) v.v...

Phần thứ ba, “cho người truy đuổi và khuyên dụ” đã xong.

4.2.2.1.2.2.4. Kết hợp với pháp chuyện lãnh nhận và giao phó gia nghiệp

4.2.2.1.2.2.4.1. Kết hợp với pháp chuyện nhận lãnh gia nghiệp

(Kinh) Thế Tôn dĩ phương tiện lực, thuyết Như Lai trí huệ. Ngã đẳng tùng Phật đắc Niết Bàn nhất nhật chi giá, dĩ vi đại đắc. Ư thử Đại Thừa, vô hữu chí cầu, ngã đẳng hựu nhân Như Lai trí huệ, vị chư Bồ Tát khai thị diễn thuyết, nhi tự ư thử vô hữu chí nguyện. Sở dĩ giả hà? Phật tri ngã đẳng tâm nhạo Tiểu pháp, dĩ phương tiện lực, tùy ngã đẳng thuyết, nhi ngã đẳng bất tri chân thị Phật tử.

(經)世尊以方便力，說如來智慧。我等從佛得涅槃一日之價，以為大得。於此大乘，無有志求，我等又因如來智慧，為諸菩薩開示演說，而自於此無有志願。所以者何？佛知我等心樂小法，以方便力，隨我等說，而我等不知真是佛子。

(Kinh: Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện, nói trí huệ của Như Lai. Chúng con từ Phật đạt được cái giá Niết Bàn một ngày, cho là đã đạt được rất nhiều, đối với pháp Đại Thừa này chẳng có chí mong cầu. Chúng con lại nhờ vào trí huệ của Phật mà khai thị, diễn nói cho các vị Bồ Tát, nhưng chính mình đối với các pháp ấy chẳng có chí nguyện! Vì lẽ nào vậy? Phật biết tâm chúng con ưa pháp Tiểu Thừa, bèn dùng sức phương tiện, thuận theo chúng con mà nói, nhưng chúng con chẳng biết chính mình là con thật sự của Phật).

“*Dĩ phương tiện lực, thuyết Như Lai trí huệ*” (Dùng sức phương tiện, nói trí huệ của Như Lai), tương ứng với “*tâm tương thể tín, xuất nhập vô nan*” (tâm dần dần thấu hiểu, tin tưởng, ra vào chẳng ngăn ngại) trong phần trước. “*Ư thử Đại Thừa vô hữu chí cầu*” (Đối với Đại Thừa,

chẳng có chí mong cầu), tương ứng với “sở chỉ do tại bốn xứ” (vẫn ở tại chỗ cũ) trong phần trên. “Hữu nhân Như Lai trí huệ vị chư Bồ Tát khai thị, diễn thuyết” (Lại nhờ vào trí huệ của Như Lai mà vì các vị Bồ Tát khai thị, diễn nói), tương ứng với “thọ mạng lãnh tri” (vâng lệnh nhận lãnh trông coi) trong phần trước. “Nhi tự ư thử, vô hữu chí nguyện” (Nhưng chính mình đối với các pháp ấy, chẳng có chí nguyện) tương ứng với “vô hy thủ” (chẳng mong giữ lấy) trong phần trước. Từ “sở dĩ giả hà” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích ý “vô hy thủ”. Do sức phương tiện của Phật, Ngài dùng pháp Thật Tướng để nói với hàng Nhị Thừa, nhưng [tuy Phật giảng nói như thế], chúng con chẳng hiểu ý nghĩa bất cộng [giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa].

4.2.2.1.2.2.4.2. Kết hợp với pháp về chuyện giao phó gia nghiệp

4.2.2.1.2.2.4.2.1. Giao phó gia nghiệp

(Kinh) Kim ngã đẳng phương tri Thế Tôn ư Phật trí huệ vô sở lận tích. Sở dĩ giả hà? Ngã đẳng tích lai, chân thị Phật tử, nhi dẫn nhạo Tiểu pháp. Nhược ngã đẳng hữu nhạo Đại chi tâm, Phật tắc vị ngã thuyết Đại Thừa pháp. Ư thử kinh trung, duy thuyết Nhất Thừa, nhi tích ư Bồ Tát tiền, hủy tư Thanh Văn nhạo Tiểu pháp giả, nhiên Phật thật dĩ Đại Thừa giáo hóa.

(經)今我等方知世尊於佛智慧無所慙惜。所以者何？我等昔來，真是佛子，而但樂小法。若我有樂大之心，佛則為我說大乘法。於此經中，唯說一乘，而昔於菩薩前，毀訾聲聞樂小法者，然佛實以大乘教化。

(Kinh: Nay chúng con mới biết đối với trí huệ của Phật, đức Thế Tôn chẳng hề keo tiếc. Vì có sao vậy? Chúng con xưa nay thật sự là Phật tử, nhưng chỉ ưa thích pháp Tiểu Thừa. Nếu chúng con có tâm ưa thích Đại Thừa, Phật sẽ vì chúng con nói pháp Đại Thừa. Trong kinh này, chỉ nói Nhất Thừa, nhưng trước kia, đối trước các Bồ Tát, [Phật] đã chê trách hàng Thanh Văn ưa chuộng pháp Tiểu Thừa, nhưng Phật thật sự dùng Đại Thừa để giáo hóa).

4.2.2.1.2.2.4.2.2. Hoan hỷ

(Kinh) Thị cố, ngã đẳng thuyết bốn vô tâm hữu sở hy cầu, kim Pháp Vương đại bảo tự nhiên nhi chí, như Phật tử sở ưng đắc giả, giai dĩ đắc chi.

(經)是故，我等說本無心有所希求，今法王大寶自然而至，如佛子所應得者，皆已得之」。

(Kinh: Vì thế, chúng con nói [chính mình] vốn chẳng có tâm mong cầu mà vật báu lớn của đấng Pháp Vương tự nhiên đưa đến, đối với các thứ mà Phật tử đáng phải nên có, liền đều đạt được).

Phản Trường Hàng của chương “trung căn lãnh ngộ, bạch Phật tự trần thuật” đã xong.

4.2.2.2. Trùng Tụng

4.2.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

(Kinh) Nhĩ thời, Ma Ha Ca Diếp dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đẳng kim nhật, văn Phật âm giáo, hoan hỷ, dũng được, đắc vị tăng hữu. Phật thuyết Thanh Văn, đương đắc tác Phật, vô thượng bảo tự, bất cầu tự đắc.

(經)爾時，摩訶迦葉欲重宣此義，而說偈言：「我等今日，聞佛音教，歡喜踴躍，得未曾有。佛說聲聞，當得作佛，無上寶聚，不求自得。

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Ma Ha Ca Diếp muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Chúng con trong hiện thời, nghe thanh giáo của Phật, lòng hoan hỷ, hớn hở, được điều chưa từng có. Phật nói hàng Thanh Văn, sẽ được thành Phật quả, khỏi quý báu vô thượng, chẳng cầu mà tự được).

4.2.2.2.2. Nêu thí dụ

4.2.2.2.2.1. Lập thí dụ

4.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng chuyện cha con thất lạc nhau

4.2.2.2.2.1.1.1. Trùng tụng chuyện con bỏ cha trốn đi

(Kinh) Thí như đồng tử, ấu trĩ vô thức, xả phụ đào thế, viễn đáo tha thổ, châu lưu chư quốc, ngũ thập dư niên.

(經)譬如童子，幼稚無識，捨父逃逝，遠到他土，周流諸國，五十餘年。

(Kinh: Ví như đứa trẻ nhỏ, thơ dại, chẳng hiểu biết, rời bỏ cha trốn đi, xa lánh sang chốn khác, nổi trôi khắp các nước, suốt hơn năm mươi năm).

“Châu lưu chư quốc” (Trôi nổi các nước) ví như luân hồi trong tam giới. “Ngũ thập dư niên” (Hơn năm mươi năm) ví như trải trọn khắp sáu đường.

4.2.2.2.1.1.2. Trùng tụng “cha tìm cầu con [chẳng được], bèn dừng lại”

(Kinh) Kỳ phụ ưu niệm, tứ phương thôi cầu, cầu chi ký bì, đồn chỉ nhất thành, tạo lập xá trạch, ngũ dục tự ngu. Kỳ gia cự phú, đa chư kim, ngân. Xa cừ, mã nã. Chân châu, lưu ly. Tượng, mã, ngư, dương. Liên, dư, xa thặng. Điền nghiệp, đồng bộc. Nhân dân chúng đa. Xuất nhập tức lợi, nãi biến tha quốc. Thương cô, cổ nhân, vô xứ bất hữu, thiên vạn ức chúng, vi nhiều cung kính. Thường vị vương giả, chi sở ái niệm. Quần thần, hào tộc, giai cộng tôn trọng. Dĩ chư duyên cố, vãng lai giả chúng. Hào phú như thị, hữu đại lực thế.

(經)其父憂念，四方推求，求之既疲，頓止一城，造立舍宅，五欲自娛。其家巨富，多諸金銀，碑磔碼瑙，真珠琉璃，象馬牛羊，輦輿車乘。田業僮僕，人民眾多，出入息利，乃徧他國。商估賈人，無處不有，千萬億眾，圍繞恭敬。常為王者，之所愛念。群臣豪族，皆共宗重。以諸緣故，往來者眾。豪富如是，有大力勢。

(Kinh: Cha nó thường buồn nhớ, tìm kiếm khắp bốn phương, tìm kiếm mỗi một rồi, bèn ở lại một thành, cho xây cất nhà cửa, vui hưởng năm món dục. Nhà ông ta giàu to, có rất nhiều vàng, bạc. Xa cừ và mã

não. Chân châu cùng lưu ly. Voi, ngựa, trâu, và dê, kiệu, cang và xe cộ. Ruộng, vườn, nhà, tôi tớ, nhân dân thật đông đảo. Thâu, chi, kiếm lời lãi, tới trọn khắp nước khác, khách thương và doanh nhân, không xứ nào chẳng có. Ngàn vạn ức nhân vật, cung kính vây quanh ông. Thường được bậc vua chúa, yêu mến, nghĩ nhớ tới. Quan lại, hàng quyền quý, đều cùng nhau tôn trọng. Do bởi các duyên đó, người lui tới đông đảo. Giàu mạnh như thế đó, có thể lực to lớn).

“Tứ phương thôi cầu” (Tìm cầu khắp bốn phương): Sánh ví chuyện tìm kiếm căn cơ có thể hóa độ trong tứ sanh. “Đốn chỉ nhất thành” (Ở lại một thành): Ví như phương tiện tịnh Niết Bàn trong cõi khác, dựng nhà từ bi, lập viện tánh Không, hưởng thụ ngũ trần thù thắng, nhiệm mầu, pháp lạc xứng tánh. Ấy là do Phật ngự trong cõi Phương Tiện, mà cũng chính là Thật Báo, và cũng chính là cõi Tịch Quang. “Vua” ví như Pháp Thân và Tự Thọ Dụng Thân, đây là Thắng Ứng Thân. Vì thế, được vua yêu mến. “Quần thần, hào tộc” ví như bậc Pháp Thân đại sĩ. “Vãng lai giả chúng” (Người qua lại đông đảo) ví như Bồ Tát từ các cõi khác qua lại nghe pháp.

4.2.2.2.2.1.1.3. Trùng tụng chuyện cha lo sầu, tưởng nhớ

(Kinh) Nhi niên hủ mại, ích ưu niệm tử, túc dạ duy niệm, tử thời tương chí, si tử xả ngã, ngũ thập dư niên, khổ tạn chư vật, đương như chi hà?

(經)而年朽邁，益憂念子，夙夜惟念，死時將至，癡子捨我，五十餘年，庫藏諸物，當如之何？

(Kinh: Nhưng tuổi đã già nua, càng thêm buồn nhớ con, ngày đêm chỉ suy nghĩ, giờ chết đã sắp đến, con si dại bỏ ta, đã hơn năm mươi năm, kho tàng cùng các vật, sẽ làm như thế nào?)

4.2.2.2.2.1.1.4. Trùng tụng chuyện con tình cờ đến thành của cha

(Kinh) Nhĩ thời cùng tử, cầu sách y thực, tùng ấp chí ấp, tùng quốc chí quốc, hoặc hữu sở đắc, hoặc vô sở đắc, cơ ngạ luy sáu, thể sanh sang tiển, tiếm thứ kinh lịch, đáo phụ trụ thành.

(經)爾時窮子，求索衣食，從邑至邑，從國至國，或有所得，或無所得，饑餓羸瘦，體生瘡癬，漸次經歷，到父住城。

(Kinh: Lúc đó, đứa con nghèo, vì kiếm tìm cơm áo, ấp này sang ấp khác, nước này sang nước kia, hoặc có khi cầu được, có lúc chẳng cầu được, đói kém, thân còm cõi, thân thể sanh ghẻ lở, dần dần trải các nơi, đến tòa thành cha ở).

Trải qua Thập Nhị Xứ và Thập Bát Giới đề cầu chánh đạo và trợ đạo. Vì thế nói “*tùng ấp chí ấp, tùng quốc chí quốc*” (từ ấp này sang ấp kia, từ nước này sang nước nọ). Xét theo điều thiện hữu lậu, thì sẽ có sở đắc. Xét theo điều thiện vô lậu, sẽ chẳng có sở đắc. Chẳng có pháp Đại Thừa là “*cơ ngạ*” (đói khát). Chẳng có lực dụng to lớn là “*luy*” (gầy mòn), chẳng có công đức to lớn là “*sầu*” (ốm o, còm cõi, gầy mòn). Mê nơi để lý bèn dấy lên Kiến Tư, tức là “*thể sanh sang tiền*” (thân thể sanh ghẻ lở).

Phần thứ nhất, trùng tụng “cha con thất lạc nhau” đã xong.

4.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng chuyện cha con gặp nhau

4.2.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng chuyện con thấy cha

(Kinh) Dung nhằm triển chuyển, toại chí phụ xá. Nhĩ thời trưởng giả, ư kỳ môn nội, thị đại bảo trưởng, xử sự tử tòng, quyền thuộc vi nhiều. Chư nhân thị vệ, hoặc hữu kế toán. Kim, ngân, bảo vật, xuất nội tài sản, chú ký khoán số. Cùng tử kiến phụ, hào quý tôn nghiêm, vị thị quốc vương, nhược quốc vương đẳng, kinh bố tự quái: Hà cố chí thử? Phú tự niệm ngôn: Ngã nhược cửu trụ, hoặc kiến bức bách, cưỡng khu sử tác. Tư duy thị dĩ, trì tẩu nhi khứ, tá vấn bản lý, dục hướng dung tác.

(經)傭賃展轉，遂至父舍。爾時長者，於其門內，施大寶帳，處師子座，眷屬圍繞。諸人侍衛，或有計算。金銀寶物，出內財產，注記券疏。窮子見父，豪貴尊嚴，謂是國王，若國王等，驚怖自怪：何故至此？覆自念言：我

若久住，或見逼迫，強驅使作。思惟是已，馳走而去，借問貧里，欲往傭作。

(Kinh: Lần lượt làm thuê mướn, đến trước nhà của cha. Khi đó, ông trưởng giả, ở trong nhà của mình, căng màn châu báu lớn, ngự trên tòa sư tử. Các quyến thuộc vây quanh, đông đảo kẻ hầu hạ. Hoặc có kẻ tính toán, vàng, bạc, các vật báu. Thu chi các tài sản, biên chép các bằng khoán. Đứa con nghèo thấy cha, sang quý và tôn nghiêm, nghĩ đó là quốc vương, hay bậc giống như vua, kinh hãi tự trách mình: “Sao ta lại đến đây?” Gã thâm tự nhủ rằng: “Nếu ta ở đây lâu, chắc sẽ bị bức bách, cưỡng ép sai khiến làm”. Nghĩ ngại như thế rồi, rảo chạy khỏi chỗ đó, hỏi thăm xóm nghèo nàn, muốn đến để làm thuê).

Hai câu đầu trùng tụng nguyên do thấy cha. Mười câu kế tiếp, trùng tụng con thấy tướng trạng của cha. Trong phần trên nói chỗ con thấy cha là ở bên cạnh cửa, đoạn này nói ông trưởng giả ở bên trong cửa, tức là nói rõ nơi chốn. Đối với hạnh nguyện của Bồ Tát, phần nhiều nói tới các chuyện thuộc mặt Sự, cho nên nói là “kế toán”. Dùng chi tiết để nói rõ những điều đại lược thì gọi là Chú, thọ ký là Ký. Tứ Hoàng Thệ là Khoán, tu hành là Sớ. Mười bốn câu kế đó từ “cùng tử kiến phụ” (đứa con nghèo thấy cha) trở đi trùng tụng con sanh lòng sợ hãi, tránh né, ý nghĩa dễ hiểu.

4.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng chuyện cha thấy con

Chỉ trùng tụng “chỗ cha thấy con” và “vừa thấy liền nhận biết”, không trùng tụng chuyện “hoan hỷ, hợp với ý nguyện”.

(Kinh) Trưởng giả thị thời, tại sư tử tòa, dao kiến kỳ tử, mặc nhi thức chi.

(經)長者是時，在師子座，遙見其子，默而識之。

(Kinh: Lúc ấy ông trưởng giả, ở trên tòa sư tử, xa trông thấy con mình, im lặng, nhận biết nó).

Phần thứ hai, “trùng tụng chuyện cha con gặp nhau” đã xong.

4.2.2.2.1.3. Trùng tụng chuyện truy đuổi, khuyên dụ

4.2.2.2.2.1.3.1. Trùng tụng chuyện người bên cạnh [ông trưởng giả] truy đuổi

(Kinh) Tức sắc sứ giả, truy tróc tương lai. Cùng tử kinh hoán, mê muộn tích địa: Thị nhân chấp ngã, tất đương kiến sát. Hà dụng y thực, sử ngã chí thử? Trưởng giả tri tử, ngu si hiệp liệt, bất tín ngã ngôn, bất tín thị phụ.

(經)即勅使者，追捉將來。窮子驚喚，迷悶躑地：是人執我，必當見殺。何用衣食，使我至此？長者知子，愚癡狹劣，不信我言，不信是父。

(Kinh: Ông liền sai người hầu, đuổi theo bắt đem về. Gã nghèo hoảng sợ gào, mê ngất, ngã xuống đất: “Người này bắt bớ ta, ắt sẽ đem giết chết, cần gì vì cơm áo, khiến ta đến nỗi này?” Trưởng giả biết con mình, ngu si, tâm hẹp, hèn, chẳng tin tưởng lời cha, chẳng tin ta là cha).

4.2.2.2.2.1.3.2. Trùng tụng chuyện hai người đến khuyên dụ

4.2.2.2.2.1.3.2.1. Trùng tụng chuyện thuê mướn

(Kinh) Tức dĩ phương tiện, cánh khiến dư nhân, điều mục toa lậu, vô oai đức giả, nhữ khả ngữ chi, vân đương tương cố, trừ chư phần uế, bội dĩ nhữ giá. Cùng tử văn chi, hoan hỷ tùy lai. Vị trừ phần uế, tịnh chư phòng xá.

(經)即以方便，更遣餘人，眇目矬陋，無威德者，汝可語之，云當相雇，除諸糞穢，倍與汝價。窮子聞之，歡喜隨來。為除糞穢，淨諸房舍。

(Kinh: Liền vận dụng phương tiện, lại sai khiến kẻ khác, mắt chột và lùn xấu, chẳng có oai đức gì, người hãy nên bảo nó, ta sẽ thuê mướn nó, dọn trừ các phân nhơ, trả nó giá gấp bội. Dừa con nghèo nghe nói, hoan hỷ theo họ về. Vì dọn các phân nhơ, dọn sạch các phòng nhà).

“Điều mục” (眇目, mắt chột): Ví như Thiên Không tiêu trí. “Toa” (矬) là theo chiều dọc thì ngắn ngủn, ví như chẳng thấu hiểu nguồn cội

của Thật Tướng. “Lậu” (陋) là theo chiều ngang thì hẹp hòi, ví như chẳng tròn đủ vạn thiện để trang nghiêm. Chẳng phải là Tứ Vô Sở Ủy, cho nên “vô oai”. Chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh, nên “vô đức”. “Tịnh chư phòng xá” là thanh tịnh sáu căn và nhà cửa Ngũ Âm.

4.2.2.2.1.3.2.2. Trùng tụng chuyện sai làm

(Kinh) Trưởng giả ư dũ, thường kiến kỳ tử, niệm tử ngu liệt, nhạo vì bỉ sự. Ư thị trưởng giả, trước tộ cầu y, chấp trừ phần khí, vãng đáo tử sở, phương tiện phụ cận, ngũ linh cần tác. Ký ích nhữ giá, tịnh đồ túc du, ẩm thực sung túc, tiến tịch hậu noãn. Như thị khổ ngôn: Nhữ đương cần tác. Hựu dĩ nhuyển ngữ: Nhược như ngô tử.

(經)長者於牖，常見其子，念子愚劣，樂為鄙事。於是長者，著弊垢衣，執除糞器，往到子所，方便附近，語令勤作。既益汝價，并塗足油，飲食充足，薦席厚暖。如是苦言：汝當勤作。又以軟語：若如吾子。

(Kinh: Trưởng giả trong cửa sổ, thường trông thấy con mình, nghĩ con mình ngu hèn, thích làm chuyện hèn kém. Do vậy, ông trưởng giả, mặc y phục xấu dơ, tay cầm đồ dọn phân, qua đến chỗ con làm, tạo phương cách thân cận, bảo con hãy siêng làm, đã tặng giá cho người, cùng với dầu bôi chân, thức ăn đều đầy đủ, đệm chiếu đều dày ấm. Tha thiết bảo thế này: “Người hãy nên siêng làm”, lại dịu dàng bảo nó: “Coi người như con ta”).

Hai câu đầu, trùng tụng chuyện toan dùng Quyền Trí đã lâu. Hai câu kế, trùng tụng chuyện từ lâu đã biết họ ưa thích Tiểu pháp. Bốn câu kế tiếp, trùng tụng từ lâu đã biết cần phải tán thán ba loại xe. Mười câu kế tiếp, trùng tụng từ lâu đã biết do thỏa thích ý nguyện, họ sẽ thọ hành. Chữ “ngũ” (nói) nhằm trùng tụng Tứ Niệm Xứ. Ba chữ “linh cần tác” (dạy hãy siêng làm) trùng tụng Tứ Chánh Cần. Sáu câu từ “ký ích nhữ giá” (tặng giá cho người) trùng tụng Tứ Như Ý Túc. “Đồ túc du” (Dầu bôi chân): Dầu có thể trừ phong, sánh ví Thiên Định; lại có thể nổi trên nước, ví như thần thông. “Ẩm thực” tức gạo, bột, muối, dấm... “Tiến tịch hậu noãn” (Đệm, chiếu dày ấm): Sánh ví chuyện rèn luyện huân tu các môn Thiền.

“*Như thị khổ ngôn, như đương cần tác*” (Nói tha thiết như thế đó, người hãy nên siêng làm): Kết lại “*đốt, nam tử, như thường thử tác*” (này chàng trai, người hãy thường làm ở chỗ này) v.v... trong phần trước. “*Hựu dĩ nhuyển ngữ, nhược như ngã tử*” (Lại dùng lời mềm mỏng: “Coi người như con ta”) tức là trùng tụng phần kinh văn nói về Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác, Bát Chánh v.v... từ câu “*hảo tự an ý*” (hãy khéo an lòng) trong phần trước.

Phần thứ ba, trùng tụng về chuyện “*đuổi theo, khuyên dụ*” đã xong.

4.2.2.2.1.4. Trùng tụng chuyện “lãnh nhận và giao phó gia nghiệp”

4.2.2.2.1.4.1. Trùng tụng chuyện lãnh nhận gia nghiệp

(*Kinh*) *Trưởng giả hữu trí, tiệm linh nhập xuất, kinh nhị thập niên, chấp tác gia sự, thị kỳ kim, ngân, chân châu, pha lê, chư vật xuất nhập, giai sử linh tri. Do xử môn ngoại, chỉ túc thảo am, tự niệm bản sự, ngã vô thử vật.*

(經)長者有智，漸令入出，經二十年，執作家事，示其金銀，真珠玻瓈，諸物出入，皆使令知。猶處門外，止宿草菴，自念貧事，我無此物。

(*Kinh*: Ông trưởng giả có trí, cho con dần ra vào, trải qua hai mươi năm, chăm sóc chuyện trong nhà, dạy con biết vàng, bạc, chân châu và pha lê, các vật được thu chi, đều dạy con biết rõ. Con vẫn ở ngoài cửa, nương nấu nơi am tranh, tự nghĩ phận nghèo nàn, ta chẳng có vật đó).

Hai câu đầu trùng tụng chuyện “tâm dần dần thấu hiểu, tin tưởng”. Sáu câu kế, trùng tụng chuyện đưa con vâng lời cha đứng ra coi sóc [gia nghiệp]. Bốn câu sau cùng, trùng tụng [con tuy trông coi tài sản], chẳng mong cầu giữ lấy.

“*Kinh nhị thập niên*” (Trải qua hai mươi năm): Dạy Bồ Tát đoạn Kiến Tư thuộc giới ngoại, chẳng giống với hai mươi năm dọn phân trước đó.

4.2.2.2.1.4.2. Trùng tụng chuyện giao phó gia nghiệp

4.2.2.2.1.4.2.1. Trùng tụng chuyện chánh thức giao phó gia nghiệp

(Kinh) Phụ tri tử tâm, tiệm dĩ khoáng đại, dục dữ tài vật, tức tụ thân tộc, quốc vương, đại thần, Sát-lợi, cư sĩ. Ư thử đại chúng, thuyết thị ngã tử, xả ngã tha hành, kinh ngũ thập tuế. Tự kiến tử lai, dĩ nhị thập niên. Tích ư mỗ thành, nhi thất thị tử, châu hành cầu sách, toại lai chí thử. Phàm ngã sở hữu, xá trạch, nhân dân, tất dĩ phó chi, tứ kỳ sở dụng.

(經)父知子心，漸已曠大，欲與財物，即聚親族，國王大臣，剎利居士。於此大眾，說是我子，捨我他行，經五十歲。自見子來，已二十年。昔於某城，而失是子，周行求索，遂來至此。凡我所有，舍宅人民，悉以付之，恣其所用。

(Kinh: Cha biết tâm con mình, đã dần dần lớn rộng, muốn trao cho tài vật, bèn nhóm họp thân tộc, quốc vương và đại thần, Sát-lợi cùng cư sĩ. Giữa đại chúng đó, nói: - Đây là con của ta, bỏ ta sang nơi khác, đã suốt năm mươi năm. Từ khi thấy con tới, là đã hai mươi năm. Xưa kia tại thành đó, lạc mất đứa con này, trải khắp nơi tìm kiếm, nên mới đến nơi đây. Phàm những gì ta có, nhà cửa và nhân dân, đều giao phó cho nó, mặc tình nó sử dụng).

“*Nhị thập niên*” (Hai mươi năm): Nếu xét theo sự tự hành của Nhị Thừa thì là hai mươi năm dọn phân, hoặc sau khi đã dọn phân thì mới gọi là con. Tức là chuyện chuyển giao và làm lụng thì gọi là “*hai mươi năm*”, hoặc là xét theo Nhị Thừa mà gọi là hai mươi năm.

4.2.2.2.1.4.2.2. Trùng tụng niềm hoan hỷ do được giao phó

(Kinh) Tử niệm tích bản, chí ý hạ liệt, kim ư phụ sở, đại hoạch trân bảo, tịnh cập xá trạch, nhất thiết tài vật, thậm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu.

(經)子念昔貧，志意下劣，今於父所，大獲珍寶，并及舍宅，一切財物，甚大歡喜，得未曾有。

(Kinh: Con nghĩ xưa nghèo khó, chí ý cam kém hèn, nay ở nơi cha mình, được rất nhiều trân bảo, cùng với nhiều nhà cửa, hết thấy các tài vật, lòng hoan hỷ rất lớn, đạt được chưa từng có).

Phản thứ nhất, “trùng tụng về chuyện lập thí dụ” đã xong.

4.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp

4.2.2.2.2.1. Đối ứng với pháp chuyện [cha con] cùng lạc mất nhau, cùng thấy nhau

(Kinh) Phật diệt như thị, như ngã nhạo Tiểu.

(經)佛亦如是，如我樂小。

(Kinh: Đức Phật cũng như thế, biết con ưa Tiểu Thừa).

Do con ưa thích Tiểu Thừa, cho nên lạc mất cha. Do Phật biết căn tánh của con, giống như cha trông thấy con.

4.2.2.2.2.2. Đối ứng với pháp chuyện “truy đuổi, khuyên dụ”

(Kinh) Vị tăng thuyết ngôn: nhữ đẳng tác Phật. Nhi thuyết ngã đẳng: Đắc chư vô lậu, thành tựu Tiểu Thừa, Thanh Văn đệ tử.

(經)未曾說言：汝等作佛。而說我等：得諸無漏，成就小乘，聲聞弟子。

(Kinh: Nên chưa hề bảo con: “Các ông sẽ thành Phật”. Chỉ nói với chúng con: - Đạt được các vô lậu, thành tựu pháp Tiểu Thừa, là đệ tử Thanh Văn).

Hai câu đầu tương ứng với chuyện truy đuổi, bốn câu cuối tương ứng với chuyện khuyên dụ.

4.2.2.2.2.3. Đối ứng với chuyện lãnh nhận và giao phó gia nghiệp

4.2.2.2.2.3.1. Đối ứng với pháp chuyện lãnh nhận gia nghiệp

4.2.2.2.2.3.1.1. Đối ứng với pháp chuyện vâng lệnh trông coi

(Kinh) Phật sắc ngã đẳng, thuyết tối thượng đạo, tu tập thử giả, đương đắc thành Phật. Ngã thừa Phật giáo, vì đại Bồ Tát, dĩ chư nhân duyên, chủng chủng thí dụ. Nhược can ngôn từ, thuyết vô thượng đạo.

Chư Phật tử đấng, từng ngã văn pháp, nhật dạ tư duy, tinh cần tu tập. Thị thời chư Phật, tức thọ kỳ ký: Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật. Nhất thiết chư Phật, bí tạng chi pháp, dẫn vị Bồ Tát, diễn kỳ thật sự, nhi bất vị ngã, thuyết tư chân yếu.

(經)佛勅我等，說最上道，修習此者，當得成佛。我承佛教，為大菩薩，以諸因緣，種種譬喻。若干言辭，說無上道。諸佛子等，從我聞法，日夜思惟，精勤修習。是時諸佛，即授其記：汝於來世，當得作佛。一切諸佛，秘藏之法，但為菩薩，演其實事，而不為我，說斯真要。

(Kinh: Phật truyền dạy chúng con, nói đạo pháp tối thượng, người tu tập pháp ấy, sẽ được thành Phật quả. Con vâng lời Phật dạy, vì các đại Bồ Tát, dùng các món nhân duyên, cùng đủ mọi thí dụ. Bao nhiêu thứ ngôn từ, để nói đạo vô thượng. Các hàng Phật tử thấy, nghe pháp từ chúng con, suốt ngày đêm tư duy, siêng ròng mà tu tập. Lúc bấy giờ, chư Phật, liền vì họ thọ ký: “Ông trong đời mai sau, sẽ được thành Phật quả”. Pháp ẩn tàng bí mật, của hết thấy chư Phật, chỉ vì hàng Bồ Tát, diễn nói sự chân thật, nhưng chẳng vì chúng con, nói pháp chân yếu ấy).

Trong phần [kinh văn Trường Hàng] kết hợp với pháp, đã đối ứng chuyện “thâu hiểu, tin tưởng, ủy thác, giao phó gia nghiệp” với pháp; nhưng kệ tụng chỉ đối ứng với pháp chuyện “ủy thác gia nghiệp”. “Tối thượng đạo” chính là Ma Ha Bát Nhã.

4.2.2.2.2.3.1.2. Trùng tụng sự đối ứng với pháp chuyện “con chẳng có ý mong cầu”

Phần kinh văn này nói rộng, lại chia thành ba tiểu đoạn.

4.2.2.2.2.3.1.2.1. Trùng tụng nhắc lại thí dụ nêu rõ “con không có ý mong cầu”

(Kinh) Như bĩ cùng tử, đắc cận kỳ phụ, tuy tri chư vật, tâm bất hy thủ. Ngã đẳng tuy thuyết, Phật pháp bảo tạng, tự vô chí nguyện, diệt phục như thị.

(經)如彼窮子，得近其父，雖知諸物，心不希取。我等雖說，佛法寶藏，自無志願，亦復如是。

(Kinh: Như đứa con nghèo kia, được thân cận bên cha, tuy hiểu biết các vật, tâm chẳng hề mong cầu. Chúng con tuy diễn nói, tạng báu trong Phật pháp, tự chẳng có chí nguyện, cũng giống như thế đó).

4.2.2.2.2.3.1.2.2. Giải thích vì sao chẳng có ý niệm mong cầu

(Kinh) Ngã đẳng nội diệt, tự vị vi túc, duy liễu thử sự, cánh vô dư sự. Ngã đẳng nhược văn, tịnh Phật quốc độ, giáo hóa chúng sanh, đô vô hân nhạo. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chư pháp, giai tất không tịch, vô sanh, vô diệt, vô đại, vô tiểu, vô lậu, vô vi. Như thị tư duy, bất sanh hỷ nhạo. Ngã đẳng trường dạ, ư Phật trí huệ, vô tham, vô trước, vô phục chí nguyện, nhi tự ư pháp, vị thị cứu cánh. Ngã đẳng trường dạ, tu tập Không pháp, đắc thoát tam giới, khổ não chi hoạn, trụ tối hậu thân, hữu dư Niết Bàn. Phật sở giáo hóa, đắc đạo bất hư, tắc vì dĩ đắc, báo Phật chi ân.

(經)我等內滅，自謂為足，唯了此事，更無餘事。我等若聞，淨佛國土，教化眾生，都無欣樂。所以者何？一切諸法，皆悉空寂，無生無滅，無大無小，無漏無為。如是思惟，不生喜樂。我等長夜，於佛智慧，無貪無著，無復志願，而自於法，謂是究竟。我等長夜，修習空法，得脫三界，苦惱之患，住最後身，有餘涅槃。佛所教化，得道不虛，則為已得，報佛之恩。

(Kinh: Chúng con đã nội diệt, tự cho đã đủ rồi, chỉ xong được việc ấy, chẳng có chuyện chi khác. Nếu chúng con được nghe, thanh tịnh Phật quốc độ, giáo hóa các chúng sanh, thấy đều chẳng ưa thích. Vì lẽ nào như vậy? Bởi hết thấy các pháp, thấy đều là không tịch, vô sanh và

vô diệt, chẳng lớn, cũng chẳng nhỏ, vô lậu và vô vi. Do suy nghĩ như thế, chẳng sanh lòng ưa thích. Chúng con trong đêm dài, đối với trí huệ Phật, chẳng tham, chẳng chấp giữ, cũng chẳng có chí nguyện, đối với pháp của mình, tự cho là rất ráo. Chúng con trong đêm dài, thường tu tập pháp Không, được thoát khỏi hoạn nạn, khổ não trong tam giới, trụ trong thân cuối cùng, hữu dư y Niết Bàn. Như Phật đã giáo hóa, đắc đạo chẳng hư huyền, tức là đã có thể, báo đền ân đức Phật).

Bài kệ thứ nhất ý nói: Do đã đoạn chứng trong pháp Tiểu Thừa, chẳng mong cầu đoạn chứng của Đại Thừa. Bài kệ kế tiếp nói: Do đã có trí huệ Tiểu Thừa, chẳng ưa thích trí huệ Đại Thừa. Hai bài kệ kế tiếp, giải thích sự đoạn chứng trong Tiểu Thừa. Nửa bài kệ kế đó, giải thích trí huệ Tiểu Thừa. Nửa bài kệ kế tiếp, giải thích lần nữa về sự đoạn chứng của Tiểu Thừa. Bài kệ sau cùng giải thích lần nữa trí huệ của Tiểu Thừa.

4.2.2.2.2.3.1.2.3. Kết lại ý chẳng mong cầu

(Kinh) Ngã đẳng tuy vị, chư Phật tử đẳng, thuyết Bồ Tát pháp, dĩ cầu Phật đạo, nhi ư thị pháp, vĩnh vô nguyện nhạo. Đạo sư kiến xả, quán ngã tâm cố, sơ bất khuyến tấn, thuyết hữu thật lợi.

(經)我等雖為，諸佛子等，說菩薩法，以求佛道，而於是法，永無願樂。導師見捨，觀我心故，初不勸進，說有實利。

(Kinh: Tuy chúng con đã vì, các hàng Phật tử thấy, tuyên thuyết pháp Bồ Tát, để mong cầu Phật đạo, nhưng đối với pháp ấy, trọn chẳng hề mong thích. Đức đạo sư buông bỏ, vì quán sát tâm con, thoạt đầu chẳng khuyến khích, nói các điều lợi thật).

Do con chẳng mong ước, ưa thích, khiến cho đáng đạo sư phải buông bỏ. Do Ngài quan sát tâm con, trọn chẳng phải là tiếc nuôi Đại pháp.

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện lãnh nhận gia nghiệp” đã xong.

4.2.2.2.2.3.2. Trùng tụng chuyện kết hợp pháp với giao phó gia nghiệp

4.2.2.2.2.3.2.1. Trùng tụng kết hợp pháp với chuyện giao phó gia nghiệp

Sáu câu đầu nhắc lại thí dụ, sáu câu cuối nhằm kết hợp với pháp.

(Kinh) Như phú trưởng giả, tri tử chí liệt, dĩ phương tiện lực, nhu phục kỳ tâm, nhiên hậu nãi phó, nhất thiết tài vật. Phật diệt như thị, hiện hy hữu sự, tri nhạo Tiểu giả, dĩ phương tiện lực, điều phục kỳ tâm, nãi giáo đại trí.

(經)如富長者，知子志劣，以方便力，柔伏其心，然後乃付，一切財物。佛亦如是，現希有事，知樂小者，以方便力，調伏其心，乃教大智。

(Kinh: Như trưởng giả giàu có, biết con chí kém hèn, bèn dùng sức phương tiện, để điều phục tâm con, sau đó mới giao phó, hết thảy các tài vật. Đức Phật cũng như thế, hiện ra chuyện hy hữu, biết con chuộng Tiểu pháp, bèn dùng sức phương tiện, điều phục cái tâm con, rồi dạy cho đại trí).

4.2.2.2.2.3.2.2. Trùng tụng kết hợp pháp với hoan hỷ

(Kinh) Ngã đẳng kim nhật, đắc vị tăng hữu, phi tiên sở vọng, nhi kim tự đắc. Như bỉ cùng tử, đắc vô lượng bảo. Thế Tôn ngã kim, đắc đạo, đắc quả, ư vô lậu pháp, đắc thanh tịnh nhãn. Ngã đẳng trường dạ, trì Phật tịnh giới, thử ư kim nhật, đắc kỳ quả báo. Pháp vương pháp trung, cứu tu phạm hạnh, kim đắc vô lậu. Vô thượng đại quả, ngã đẳng kim giả, chân thị Thanh Văn. Dĩ Phật đạo thanh, linh nhất thiết văn. Ngã đẳng kim giả, chân A La Hán, ư chư thế gian, thiên, nhân, ma, Phạm, phổ ư kỳ trung, ưng thọ cúng dường.

(經)我等今日，得未曾有，非先所望，而今自得。如彼窮子，得無量寶。世尊我今，得道得果，於無漏法，得清淨眼。我等長夜，持佛淨戒，始於今日，得其果報。法王法中，久修梵行，今得無漏。無上大果，我等今者，真

是聲聞。以佛道聲，令一切聞。我等今者，真阿羅漢，於諸世間，天人魔梵，普於其中，應受供養。

(Kinh: Chúng con trong hiện thời, được pháp chưa từng có, chẳng phải điều sẵn mong, thế mà nay tự được. Như đứa con nghèo kia, có được vô lượng báu. Bạch Thế Tôn, con nay, đắc đạo và đắc quả, ở trong pháp vô lậu, đạt được mắt thanh tịnh. Chúng con trong đêm dài, giữ Phật giới thanh tịnh, mới từ ngày hôm nay, đạt được quả báo ấy. Trong pháp của Pháp Vương, tu phạm hạnh đã lâu, nay đạt được vô lậu. Quả báo lớn vô thượng, chúng con trong ngày nay, thật sự là Thanh Văn. Khiến tiếng đạo của Phật, hết thảy đều được nghe. Chúng con trong ngày nay, thật là A La Hán, ở trong các thế gian, trời, người, ma, Phạm vương, ở trong khắp chúng đó, đáng tiếp nhận cúng dường).

“Đắc đạo” là đắc đạo Thật Tướng. “Đắc quả” đạt được một phần Vô Thượng Bồ Đề Đại Thừa Tập Quả. “Vô lậu pháp” là Trung Đạo chẳng rò rỉ nhị biên. “Đắc thanh tịnh nhãn” (Đạt được mắt thanh tịnh): Đạt được một phần Phật nhãn. Đó là nói đến khai tri kiến của Phật. Tịnh giới trở thành duyên nhân chân thật. Vì thế, đạt được diệu báo. Phạm hạnh trở thành liễu nhân chân thật, cho nên đạt được diệu quả. Những điều thấy biết chính là chánh nhân lý tánh, tức Pháp Thân đức. “Thật sự là Thanh Văn, thật sự là A La Hán” tức địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Một phần là Chân, thì hết thảy các phần đều chân, tức là phân chứng tam đức trong mười pháp giới, chỉ là xét theo địa vị của chính mình mà khai hiển. Vì thế nói là Thanh Văn, A La Hán.

Phần thứ nhất, “trùng tụng sự trần thuật giải ngộ trong phần Trường Hàng” đã xong.

4.2.2.2.2.3.3. Tán tán ơn Phật sâu đậm

(Kinh) Thế Tôn đại ân, dĩ hy hữu sự, lân mẫn giáo hóa, lợi ích ngã đẳng, vô lượng ức kiếp, thù năng báo giả? Thủ túc cung cấp, đầu đánh lễ kính, nhất thiết cúng dường, giai bất năng báo. Nhược dĩ danh đối, lưỡng kiên hà phụ, ư Hằng sa kiếp, tận tâm cung kính. Hựu dĩ mỹ thiện, vô lượng bảo y, cập chư ngọa cụ, chủng chủng thang được. Ngưu đầu Chiên Đàn, cập chư trân bảo, dĩ khởi tháp miếu, bảo y bố địa. Như tư đẳng sự, dĩ dụng cúng dường, ư Hằng sa kiếp, diệc

bất năng báo. Chư Phật hy hữu, vô lượng vô biên, bất khả tư nghị, đại thần thông lực, vô lậu, vô vi. Chư pháp chi vương, năng vì hạ liệt, nhân u tư sự. Thủ tướng phàm phu, tùy nghi vị thuyết. Chư Phật u pháp, đắc tối tự tại, tri chư chúng sanh, chủng chủng dục lạc, cập kỳ chí lực, tùy sở kham nhậm, dĩ vô lượng dụ, nhi vị thuyết pháp. Tùy chư chúng sanh, tức thể thiện căn. Hựu tri thành thực, vị thành thực giả, chủng chủng trừ lượng, phân biệt tri dĩ, u Nhất Thừa đạo, tùy nghi thuyết tam.

(經)世尊大恩，以希有事，憐愍教化，利益我等，無量億劫，誰能報者？手足供給，頭頂禮敬，一切供養，皆不能報。若以頂戴，兩肩荷負，於恆沙劫，盡心恭敬。又以美膳，無量寶衣，及諸臥具，種種湯藥。牛頭栴檀，及諸珍寶，以起塔廟，寶衣布地。如斯等事，以用供養，於恆沙劫，亦不能報。諸佛希有，無量無邊，不可思議，大神通力，無漏無為。諸法之王，能為下劣，忍於斯事。取相凡夫，隨宜為說。諸佛於法，得最自在，知諸眾生，種種欲樂，及其志力，隨所堪任，以無量喻，而為說法。隨諸眾生，宿世善根。又知成熟，未成熟者，種種籌量，分別知己，於一乘道，隨宜說三」。

(Kinh: Đại ân của Thế Tôn, đem việc hiếm có này, thương xót dạy bảo cho, khiến chúng con lợi ích, dầu vô lượng ức kiếp, ai có thể đáp đền? Dâng lên tay lẫn chân, mọp đầu để lễ kính, dùng hết thầy cúng dường, đều chẳng thể báo đáp. Nếu lại dùng đầu đội, hai vai cùng công vác, trái kiếp cát sông Hằng, dốc hết lòng cung kính. Lại dùng món ăn ngon, vô lượng áo quý báu, và các thứ đồ trái, cùng các thứ thuốc thang. Gõ ngưu đầu Chiên Đàn, và các thứ trân bảo, dùng để dựng tháp, miếu, y báu đem phủ đất. Làm những chuyện như thế, dùng để cúng dường Phật, trong Hằng hà sa kiếp, vẫn chẳng thể báo đền! Chư Phật rất hy hữu, có vô lượng vô biên, sức thần thông to lớn, vô lậu và vô vi, đều chẳng thể nghĩ bàn. Là vua của các pháp, hay vì kẻ hèn kém, nhân thọ

được chuyện này: Với phàm phu chấp tướng, tùy nghi vì họ nói. Ở trong hết thấy pháp, chư Phật tự tại nhất, biết rành các dục lạc, cũng như các chí lực, của hết thấy chúng sanh, tùy sức họ kham nổi, dùng vô lượng thí dụ, để vì họ thuyết pháp. Thuận theo các thiện căn, túc thế của chúng sanh, lại biết đã thành thực, hay vẫn chưa thành thực, trừ tính đủ mọi lẽ, phân biệt để biết rành, từ trong đạo Nhất Thừa, tùy nghi nói thành ba).

“*Thế Tôn đại ân*”:

- Một, đức Phật thoát đầu kiến lập từ bi, dẹp trừ nỗi khổ cho lục đạo, ban cho bốn thánh lạc, trọn khắp mười pháp giới, vào trong Tứ Hoàng Thế. Đó là ân đức thuộc về Như Lai thất (nhà của Như Lai).

- Hai, Như Lai hành Bồ Tát đạo, giáo hóa tạo lợi ích, hoan hỷ, từng dạy chúng con Đại Thừa. Tuy giữa chừng [chúng con] lại quên mất, nhưng trí nguyện chẳng mất, do nhà của Như Lai thanh lương, ấm áp. Đó là ân “đại từ ban vui”.

- Ba, chúng sanh gặp khổ, ngóng nhìn cha mà thôi! Đức Phật xét cơ nghi ấy, như ghé con tìm mẹ, hành trọn Lục Độ để lợi ích chúng sanh. Đây chính là nhà của Như Lai che lạnh, ngăn nóng, tức ân “đại bi dẹp khổ”.

- Bốn, đức Phật đã thành đạo, đáng hưởng niềm vui tịch diệt vô vi, nhưng ẩn tàng thân đức ấy, dùng pháp vui của kẻ nghèo, Ngũ Giới, Thập Thiện, nước lạnh rảy vào mặt, khiến cho họ tỉnh ngộ. Đó chính là ân “áo Phật ngăn che cái nóng tham dục”.

- Năm, thị hiện hình tượng của vị lão tỳ-kheo để thuận tiện thân cận, ban cho [chúng sanh] cái giá một ngày. Đó là ân “áo Phật ngăn trừ cái lạnh do kiến chấp, nóng bức do ái”.

- Sáu, sau đó trở đi, do tâm [của hàng Nhị Thừa] dần dần thấu hiểu, tin tưởng, [đức Phật] quở trách, chê bai [Tiểu pháp], khiến cho họ thẹn Tiểu, hâm mộ Đại. Đó là ân “áo Phật che chắn xấu xí”.

- Bảy, [con] tuân lệnh coi sóc gia nghiệp. Vàng, bạc, kho tàng [cha] đều dạy cho con hiểu biết. Đó là ân “áo Phật ban cho con sự trang nghiêm”.

- Tám, nhóm họp thân tộc, xác định quan hệ cha con, giao phó gia nghiệp. Khỏi bấu vô thượng, chẳng cầu mà tự đạt được. Đó chính là ân nơi tòa của Như Lai.

- Chín và mười là đã ngồi nơi tòa, thân ý thanh thản, vui sướng, an ổn, dùng tiếng đạo của Phật để khiến cho hết thấy đều được nghe, đáng

được trọn khắp trời người cúng dường. Đó là ân của Như Lai tòa khiến cho trọn đủ tự hành và hóa độ người khác.

“*Ngưu đầu Chiên Đàn*”: Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Xuất Ly Cấu sơn, nhược dụng đồ thân, hỏa bất năng thiêu*” ([Hương này] sanh từ núi Ly Cấu, nếu dùng để bôi thân, lửa sẽ chẳng thể đốt). Mười ân ở đây, nhà gồm ba ân, áo gồm bốn ân, tòa gồm ba ân. Hãy nên biết từ trong nhà mà được áo, có ân che chở, nuôi nấng. Do trong nhà có tòa, tạo thành tác dụng ban cho và dẹp trừ. Tòa nhờ vào áo và nhà, khiến cho tự hạnh và tha hạnh đều thành tựu. Áo nhờ vào tòa và nhà, khiến cho lý đầu tiên và lý sau cùng đều được hiển. Do vậy, ba nghĩa hợp thành đại ân, luận định ân sâu nặng khó báo, chớ nên quên báo ân.

Trong phần hai, tức phần Thí Thuyết Châu, chương thứ hai nói về sự lãnh nhận giải ngộ của hàng trung căn đã xong. Giải thích phẩm Tín Giải xong, kể đến giải thích phẩm Dược Thảo Dụ.

5. Dược Thảo Dụ Phẩm Đệ Ngũ

藥草喻品第五

Phẩm thứ năm: Dược Thảo Dụ

Trong phẩm này có đủ núi, sông, mây, mưa, riêng dùng Dược Thảo để đặt tên [cho phẩm này]. Đất đai là cái có thể sanh. Mây và mưa là cái có thể nhuần thấm, cỏ cây là cái được sanh, được nhuần thấm. Cái được sanh và được nhuần thấm nói chung đều có tác dụng (nếu xét theo ý nghĩa do Như Lai đã nói, trọn hết đại địa, không gì chẳng phải là thuốc), nhưng tác dụng của dược thảo mạnh mẽ (nếu xét theo các ý nghĩa do các vị như Ca Diếp v.v... lãnh hội thì chính là [căn cơ của các vị đại đệ tử trong phẩm này được sánh ví như] cỏ thuốc loại trung), ví như các điều thiện hữu lậu đều có thể trừ ác, nhưng [điều thiện] vô lậu thù thắng nhất. Nay bốn vị đại đệ tử trong các vị vô lậu dùng thí dụ để [nêu bày sự] lãnh hội [của chính mình đối với] thí dụ của đức Phật, thấu hiểu sâu xa thánh tâm. Đức Phật khen ngợi “*lành thay*”, rất hy hữu! Trần thuật sự lãnh hội của chính mình để khuyên dụ người khác. Vì thế, gọi là phẩm Dược Thảo Dụ (đó là Thế Giới Tất Đàn).

Cỏ thuốc nảy nở um tùm đã lâu, rễ gặp được mây tuôn mưa, sẽ tăng trưởng môn môn, mầm, thân rậm rạp, tỏ lộ ra ngoài, lực dụng sung mãn, tươi nhuận bên trong. Ví như các vị [đã chứng] vô lậu, thân cuối cùng trụ trong Hữu Dư Niết Bàn, lại chẳng nguyện cầu Phật đạo. Nay

được nghe kinh này, tự thừa và Phật thừa đều dùng để chuyên chở người khác, dùng âm thanh Phật đạo khiến cho hết thấy đều được nghe. “Trong, ngoài, ta, người” đều trọn đủ lực dụng thù thắng. Vì thế, gọi là phẩm Dược Thảo Dụ (đó là Vị Nhân Tất Đàn).

Phẩm dược thảo có thể chữa trị Tứ Đại, bổ dưỡng ngũ tạng, giữ gìn vẻ thanh xuân (dược thảo của thế gian có ba loại: Loại hạ có thể điều trị Tứ Đại, loại trung bổ ích ngũ tạng²⁴³, loại thượng có thể duy trì, hoặc tái tạo nét thanh xuân; nhưng đều chẳng phải là dược vương. Ví như xưa kia trừ bệnh Tứ Tru, dưỡng năm phần thân, phục hồi tuổi thọ chân lý, duy trì Sắc đang bị biến đổi). Nay nhờ mây mưa, bỗng trở thành dược vương, [trở thành] thuốc men trị khắp các bệnh, đổi thân thể thành tiên; ví như những vị vô lậu nghe kinh, phá Vô Minh Hoặc, khai tri kiến của Phật. Chúng con ngày nay thật sự là Phật tử; khối báu vô thượng chẳng cầu mà tự đạt được. Vì thế, gọi là phẩm Dược Thảo Dụ (phá Hoặc tương ứng với thí dụ “trị khắp”, tức là Đối Trị Tất Đàn. Khai tri kiến của Phật tương ứng với thí dụ “thành tiên”, tức Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, ba loại cỏ là Tạng Giáo, cây nhỏ là Thông Giáo, cây to là Biệt Giáo, mưa thấm đất là Viên Giáo. Trước kia chưa khai hiển thì Quyền và Thật khác biệt vời vợi. Nay đã khai hiển, ba loại cỏ, hai loại cây đều cùng do một cuộc đất sanh ra, do cùng một trận mưa nhuần tưới. Bốn thứ vi tế sắc nơi “rễ, thân, cành, lá” có gì khác biệt? Phải nên trải khắp năm vị để hiển lộ sự độc diệu.

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ nơi trí địa, từng thực hiện giảng mây tuôn mưa; nơi Tích là thảo mộc, dẫn khởi tăng trưởng. Quán tâm thì như trong phần Huyền Nghĩa đã nói sau phần luận định về Lợi Ích Diệu.

5.1. Phần thứ ba của Thí Thuyết Châu, Như Lai trần thuật thành tựu

5.1.1. Trần thuật đại lược sự thành tựu

5.1.1.1. Trần thuật Như Lai hai lượt khen ngợi “lành thay”

²⁴³ Ngũ Tạng: Danh xưng tổng quát chỉ các cơ quan nội tạng chủ yếu trong thân thể; nói riêng thì như trong thiên Ngũ Tạng Biệt Luận của sách Tố Vấn đề xương, ngũ tạng bao gồm: Gan, tim, tỳ, phổi, thận (nếu kể cả màng bao bọc quả tim thì sẽ thành lục tạng).

(Kinh) Nhữ thời, Thế Tôn cáo Ma Ha Ca Diếp, cập chư đại đệ tử: - Thiện tai! Thiện tai! Ca Diếp thiện thuyết Như Lai chân thật công đức, thành như sở ngôn.

(經)爾時，世尊告摩訶迦葉，及諸大弟子：「善哉！善哉！迦葉善說如來真實功德，誠如所言。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Ma Ha Ca Diếp và các vị đại đệ tử: - Lành thay! Lành thay! Ca Diếp khéo nói công đức chân thật của Như Lai, đúng như ông đã nói).

Ngài Ca Diếp đứng đầu tăng chúng; vì thế, [đức Phật] nói riêng với Ngài. Trong phẩm Tín Giải kể tên đủ bốn vị, tuy ngài Không Sanh (Tu Bồ Đề) được nêu ra đầu tiên, nhưng vị xướng suốt trần thuật là ngài Ca Diếp, cho nên nay [đức Phật] nói riêng với Ngài. Kinh văn lại nói “*cập chư đại đệ tử*” (và các vị đại đệ tử) đủ biết là không chỉ riêng bốn vị ấy đặc ngộ. “*Thiện tai*” lần thứ nhất trần thuật sự lãnh ngộ Thật nơi hai chỗ Pháp và Thí, “*thiện tai*” lần thứ hai trần thuật sự lãnh ngộ Quyền nơi hai chỗ Pháp và Thí. Lại nữa, toan dùng Hoa Nghiêm để hóa độ, đó là lãnh ngộ Thật. Dùng Tam Tạng để dẫn dụ, đó là lãnh ngộ Quyền. Thời Phương Đẳng thấu hiểu, tin tưởng; thời Bát Nhã chuyển giáo, chính là cùng lãnh ngộ Quyền và Thật. Thời Pháp Hoa giao phó gia nghiệp, tức là chỉ bày “*Quyền chính là Thật*”. Lời lẽ khéo léo, uyển chuyển tốt bậc, cho nên nói là “*thiện thuyết*” (khéo nói). [Những lời hay khéo ấy] đều là Phật pháp. Vì thế nói là “*chân thật công đức*”. Ấn định chẳng sai lầm, cho nên nói là “*thành như sở ngôn*” (đúng như ông đã nói).

5.1.1.2. Chẳng lãnh ngộ nổi

(Kinh) Như Lai phục hữu vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức. Nhữ đẳng nhược ư vô lượng ức kiếp, thuyết bất năng tận.

(經)如來復有無量無邊阿僧祇功德。汝等若於無量億劫，說不能盡。

(Kinh: Như Lai lại có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức. Dẫu các ông nói trong vô lượng ức kiếp, vẫn chẳng thể tận).

“*Bát cập*” (Chẳng đạt tới) là như thế nào? Tức là “*thoái, tiến, ngang, dọc, vừa ngang vừa dọc, chẳng phải ngang chẳng phải dọc*”, đều

chẳng thấu đạt. Vì sao vậy? Mây to phủ trọn, khắp chốn được che chở mát mẻ. Mưa to cùng tưới gội, không gì chẳng được thấm đẫm, khiến cho khắp thế gian đều được thấy biết pháp chưa từng có. Sao lại bỗng dưng coi giáo pháp ngang bằng nhất loạt, chỉ lãnh ngộ hàng Nhị Thừa đạt được lợi ích, chẳng nói tới loại cỏ nhỏ, tức là hàng nhân thiên [cũng đạt được lợi ích]; đó chính là “*thoái sở bất cập*” (đối với căn tánh kém hơn [căn tánh của chính mình] bèn chẳng thấu đạt [những người ấy cũng đạt được lợi ích]).

Bồ Tát được gọi là được thảo loại thượng, còn gọi là cây nhỏ hay cây to, tươi tốt, rậm rạp, lợi ích ta lẫn người, nhưng lại chẳng lãnh hội điều ấy. Đó chính là “*tấn sở bất cập*” (chẳng thấu đạt căn tánh cao hơn). Hơn nữa, mười pháp giới cùng trở thành Phật pháp giới, sao lại chỉ lãnh ngộ Nhị Thừa, tám pháp giới khác đều chẳng nhắc tới? Đó là “*hoành sở bất cập*” (chẳng thấu đạt căn tánh xét theo chiều ngang). Lại nữa, bảy phương tiện từ cạn đến sâu, đều nhập chân thật, sao lại chỉ lãnh ngộ Nhị Thừa, còn năm phương tiện kia đều chẳng được nhắc tới? Đó là “*thụ sở bất cập*” (chẳng thấu đạt các căn tánh xét theo chiều dọc). Hơn nữa, lợi ích trong ba đời trọn khắp mười pháp giới trong mười phương, chưa từng tạm thời phé trừ, nhưng đều chẳng nhắc tới. Đó là “*diệc hoành diệc thụ lãnh sở bất cập*” (theo chiều ngang lẫn chiều dọc đều chẳng thấu đạt).

Lại nữa, núi, sông, khe, hang v.v... nói chung là một cõi đất. Một cõi đất có thể sanh trưởng, chưa từng chọn lựa! Chủng tử của thảo mộc đều nương vào đất, chẳng nương vào đâu khác. Một vầng mây dày đặc đen kịt, không đâu chẳng phủ kín. Một trận mưa một vị, chẳng phân biệt [cây cỏ] khô khao hay tươi tốt. Nhuần thấm trọn khắp đã giống hết nhau, [thảo mộc] đều cùng được tăng trưởng trọn khắp. Như Lai bình đẳng chẳng thể nghĩ bàn! Quả thật, chẳng có trước Đốn, sau Tiệm. Thoạt đầu là ba thừa, cuối cùng là Nhất Thừa, như rồng nổi mây, tuôn mưa trọn khắp hết thảy. Chẳng từ thân tâm mà tuôn xuống, trừ nóng bức, được mát mẻ. Đó là ngũ thừa thất phương tiện. Mười phương ba đời bình đẳng rộng lớn, rất sâu, rất xa, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng sai biệt. Đó là “*không lãnh hội thấu đạt chẳng phải ngang, chẳng phải dọc*”. Nói “*chẳng thấu đạt*” trọn chẳng phải là “*nhANH chóng đoạt mất*”, mà là đặc biệt đem sơ tâm đối ứng với hậu tâm, chưa đạt tới địa vị tột cùng. Vì thế nói là “*bất tận*” (đó là xét theo nhân duyên).

Lại nữa, đã ngộ chữ A đầu tiên thì cũng trọn đủ công đức của chữ Trà [là chữ cuối cùng trong văn tự Tất Đàm (Siddhām)²⁴⁴], nhưng sự lãnh hội giáo pháp theo kiểu chỉ hạn cuộc nơi trình độ của chính mình thì sẽ chẳng rảnh rang để tiến nhập lãnh hội theo các phương diện ngang dọc trọn khắp! (Đó là xét theo giáo). Lại nữa, bậc quyền hành đại sĩ phải nên [thị hiện lãnh ngộ hạn hẹp] như thế (đó là xét theo Bồn Tích).

Xét theo quán tâm thì tiến, thoái, ngang, dọc, vừa ngang vừa dọc, chẳng sai biệt mà là sai biệt. Chẳng dọc, chẳng ngang, sai biệt chính là không sai biệt. Quán tâm chính là Không thì sai biệt chính là chẳng sai biệt. Quán tâm tức Giả thì không sai biệt chính là sai biệt. Quán tâm tức Trung thì chẳng sai biệt, chẳng không sai biệt, cùng chiều sai biệt và không sai biệt (người hiện thời chỉ đọc một bộ sách Tứ Giáo Nghi liên chấp vào ngũ thời chuyên biệt²⁴⁵ để phán giáo, chỉ là trộm lấy nước rã thừa của ngài Ca Diếp, há có biết tam luân giáo hóa của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn dường ấy ư?)

Phần thứ nhất, “trần thuật đại lược sự thành tựu” đã xong.

5.1.2. Trần thuật cận kề sự thành tựu

5.1.2.1. Trường Hàng

Đã nói cận kề ba loại cỏ, hai loại cây sai biệt, chẳng sai biệt v.v... đều là do ngài Ca Diếp chẳng lãnh hội tới mức, nhưng [đức Phật] vẫn cứ tiếp dẫn. Vì thế, Ngài kết lại lời tán thán như sau: “*Nhữ đẳng thậm vi hy hữu, năng tri Như Lai tùy nghi thuyết pháp, năng tín, năng thọ*” (Các ông rất hy hữu, có thể biết Như Lai tùy theo cơ nghi thuyết pháp, có thể tin, có thể nhận). Ấy là vì đại chúng đối với tiến, thoái, ngang, dọc v.v...

²⁴⁴ Tất Đàm (Siddhām có nghĩa là “thành tựu” hay “hoàn mỹ”, còn gọi là Siddhāmātrkā). Đây là một loại văn tự cổ của Ấn Độ, thường được người Hoa gọi là Phạm Thư hay Phạm Tự, tức là một loại văn tự cổ để ghi chép ngôn ngữ Sankrit (Phạn ngữ) từ 600 năm trước Công Nguyên cho đến năm 1200. Các nhà nghiên cứu cho rằng Tất Đàm phát triển từ bộ chữ Gupta Brahmi, và được sử dụng trong thời kỳ vương triều Cấp Đa (Gupta) của Ấn Độ cổ. Hiện thời, Tất Đàm vẫn chủ yếu sử dụng trong các văn bản Mật Giáo để ghi chép các bài thần chú hay các chủng tự (seed syllable) của các bài Đà La Ni. Tất Đàm chính là gốc của loại văn tự được sử dụng để ghi chép các ngôn ngữ Assame, Bengali, Tirhuta, Odia, và tiếng Nepali trong hiện thời.

²⁴⁵ Gọi là “*ngũ thời chuyên biệt*” vì xét theo độn căn chúng sanh, phải trải qua khắp năm thời để dần dần dần dần hòng chứng nhập Nhất Thừa, chứ đối với bậc lợi căn, vừa nghe liền chứng nhập Chân Đế, sẽ chẳng còn có thời nào khác biệt nữa.

tuy chẳng thể lãnh ngộ kịp, nhưng xét theo đại ý thì chẳng vượt ra ngoài Quyền và Thật!

5.1.2.1.1. Nêu rõ Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn

5.1.2.1.1.1. Pháp thuyết

5.1.2.1.1.1.1. Nêu rõ giáo pháp Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn

(Kinh) Ca Diếp đương tri: Như Lai thị chư pháp chi vương, nhược hữu sở thuyết, giai bất hư dã. Ư nhất thiết pháp, dĩ trí phương tiện nhi diễn thuyết chi. Kỳ sở thuyết pháp, giai tất đáo ư Nhất Thiết Trí địa.

(經)迦葉當知：如來是諸法之王，若有所說，皆不虛也。於一切法，以智方便而演說之。其所說法，皆悉到於一切智地。

(Kinh: Ca Diếp hãy nên biết: Như Lai là vua của các pháp. Những điều Ngài đã nói đều chẳng hư dối. Trong hết thảy các pháp, Ngài dùng trí phương tiện để diễn nói. Pháp do Ngài đã nói đều đạt đến địa vị Nhất Thiết Trí).

Đây là chỉ bày chung chỗ lãnh ngộ không tới mức [của hàng Thanh Văn]. Nếu dựa theo thí dụ đứa con nghèo [trong phẩm Tín Giải để nói], ắt trước hết [đức Phật] toan dùng Đại Thừa; sau đó, [đành phải] dùng Tiểu Thừa để tiếp độ họ. Sau khi họ đã thấu hiểu, tin tưởng, thì mới có thể tiếp nhận, hiểu biết. Sau khi đã tiếp nhận, hiểu biết, mới có thể giao phó gia nghiệp! Đó chính là đường lối của hàng Thanh Văn độn căn trải khắp ngũ vị hòng được hưởng lợi ích đó thôi! Há có biết Như Lai là đại pháp vương, đạt được đại tự tại? Ngài dùng một âm thanh diễn thuyết, mỗi loài đều được thông hiểu. Ba loại cỏ, hai loại cây đạt được lợi ích chẳng hư dối. Dùng trí phương tiện để diễn nói pháp, có Quyền pháp nào chẳng thực hiện? Há chỉ thực thi tam thừa ư? Những pháp do Ngài đã nói đều [khiến cho hành nhân] đạt đến địa vị Nhất Thiết Trí, vậy thì có Thật nào chẳng được hiển lộ, há chỉ Nhị Thừa ư? Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn! Nói “*Nhất Thiết Trí địa*” (địa vị Nhất Thiết Trí) thì rất ráo chẳng hai, cho nên nói là Nhất. Tánh ấy rộng lớn, cho nên nói là Thiết. Tịch mà thường chiếu, cho nên gọi là Trí. Từ cái gốc vô trụ mà lập ra hết thảy các pháp, cho nên nói là Địa.

5.1.2.1.1.2. Nói rõ trí Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn

(Kinh) Như Lai quán tri nhất thiết chư pháp chi sở quy thú, diệt tri nhất thiết chúng sanh thâm tâm sở hành, thông đạt vô ngại. Hựu, u chư pháp cứu tận mình liễu, thị chư chúng sanh nhất thiết trí huệ.

(經)如來觀知一切諸法之所歸趣，亦知一切眾生深心所行，通達無礙。又，於諸法究盡明了，示諸眾生一切智慧。

(Kinh: Như Lai thấy biết chỗ hướng về của hết thảy các pháp, cũng biết sở hành trong thâm tâm của hết thảy chúng sanh, thông đạt vô ngại. Lại nữa, đối với các pháp đều hiểu rõ cùng tận rốt ráo, chỉ bày hết thảy trí huệ cho chúng sanh).

Đây là nói đến các giáo pháp Quyền và Thật; do vậy, “*giai tất bất hư*” (thầy đều chẳng hư dối). “*Bất khả tư nghị*” (Chẳng thể nghĩ bàn) chính là do trí Quyền Thật của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn! “*Quán tri nhất thiết chư pháp chi sở quy thú*” (Thấy biết chỗ hướng về của hết thảy các pháp): Khế hợp lý Quyền Thật, biết thuốc sâu hay cạn, mà cũng biết sở hành trong thâm tâm của hết thảy chúng sanh. “*Thông đạt vô ngại*” tức là khế hội căn cơ của mười pháp giới, nhận biết bệnh từ gốc đến ngọn. Hết thảy các pháp, mỗi pháp đều có viển thú và cận thú. Nói “*cận thú*” (hướng đến cái quả trong thời gian gần) là [các pháp như] giới, thiện v.v... sẽ dẫn tới nhân, thiện. Niệm Xứ, đạo phẩm v.v... sẽ dẫn đến Niết Bàn. [Tu tập] Lục Độ trong ba A-tăng-kỳ dẫn đến Phật quả trong Tam Tạng. Thễ quán vô sanh dẫn đến Thật Tướng chung cho tam thừa. Thứ Đệ Tam Quán hướng đến quả đầu²⁴⁶ Diệu Giác trong Biệt Giáo. Nói “*viển thú*” (hướng đến cái quả trong thời gian dài lâu) thì “giơ tay, cúi đầu” đều là duyên nhân thiện tánh. Hễ nghe một câu, đều là liễu nhân huệ tánh, không gì chẳng phải là rốt ráo hướng đến Phật quả tột bậc trong Viên Giáo. Hết thảy các pháp chính là các pháp thuộc mười pháp giới. “*Thâm tâm sở hành*” chính là căn cơ trong mười pháp giới. Nay nói “*tri sở quy thú, thông đạt vô ngại*” (biết chỗ hướng về, thông đạt vô

²⁴⁶ Quả đầu (果頭): Quả vị tột bậc trong mỗi giáo thì được gọi là “quả đầu”. Diệu Giác chính là Phật quả.

ngại) tức là sai biệt mà chẳng sai biệt, tức là Quyền mà chính là Thật. [Điều được] “*cứu tận mình liễu*” (hiểu rõ rốt ráo cùng tận) chính là lý Thật Tướng. “*Nhất thiết trí huệ*” (Hết thảy trí huệ) là trí tốt cùng viên mãn. Nay nói “*hựu ư chư pháp, thị chư chúng sanh*” (lại dùng các pháp dạy cho chúng sanh) tức là chẳng sai biệt mà sai biệt, ngay nơi Thật chính là Quyền. Chẳng sai biệt mà sai biệt, nào phải chỉ có thể dẫn dụ đứa con nghèo? Sai biệt mà chẳng sai biệt, há chỉ hạn cuộc trong ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) theo thứ tự? Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn!

Phần thứ nhất, “*pháp thuyết*” đã xong!

5.1.2.1.1.2. Lập thí dụ

5.1.2.1.1.2.1. Nói rõ “*chẳng sai biệt mà sai biệt*”, ví như ngay nơi Thật chính là Quyền

5.1.2.1.1.2.1.1. Dựa theo “*cái có thể sanh*” và “*cái được sanh*” để nói rõ “*chẳng sai biệt mà sai biệt*”

(Kinh) Ca Diếp! Thí như tam thiên đại thiên thế giới, sơn, xuyên, khe, cốc thổ địa, sở sanh hủy mộc, rừng lâm, cập chư được thảo, chủng loại nhược can, danh sắc các dị.

(經)迦葉！譬如三千大千世界，山，川，谿，谷土地，所生卉木，叢林，及諸藥草，種類若干，名色各異。

(Kinh: Đây Ca Diếp! Ví như đất đai nơi núi, sông, khe, hang trong tam thiên đại thiên thế giới sanh ra các loại thảo mộc, rừng rậm, và các loại cỏ thuốc, bao nhiêu chủng loại có tên gọi và hình sắc sai khác).

“*Tam thiên đại thiên sơn, xuyên, khe, cốc, thổ địa*” (Đất đai nơi núi, sông, khe, hang trong tam thiên đại thiên thế giới) nêu ra “*năng sanh*” (cái có thể sanh) chẳng sai khác. “*Hủy mộc, rừng lâm, được thảo*” (Thảo mộc, rừng rậm, cỏ thuốc) là nói tới “*sở sanh*” (cái được sanh ra) sai khác. “*Tam thiên đại thiên*” ví như chúng sanh thế gian. Chúng sanh chẳng phải là pháp nào khác, chỉ nương vào Ngũ Âm hòa hợp mà lập ra danh xưng ấy. Tam thiên đại thiên cũng chẳng phải là pháp nào khác, nương vào đất đai nơi núi, sông, khe, hang mà lập ra danh xưng ấy. “*Núi*” ví như Sắc Âm, là thứ hiển nhiên có thể trông thấy. “*Sông*” ví như

Thọ Âm, nước chảy tràn trề hay khô cạn. “Khe” (suối nhỏ) ví như Tường Âm, quanh co sáng tối. “Hang” ví như Hành Âm, ẩn kín khó thấy. “Đất đai” ví như Thức Âm, đều là thứ để nương vào. Ngũ Âm như thế đều là chỗ để hết thấy Tập nhân và Tập quả nương vào, ví như đất đai nơi núi, sông, khe, hang đều là chỗ nương tựa cho hạt giống, rễ, thân, cành, lá của hết thấy thảo mộc. “Hủy” (卉) là tên gọi chung của các loài cỏ. “Mộc” (木) là tên gọi chung của cây cối. Các thứ cỏ [tụ tập] là Tùng (叢), các thứ cây tụ tập là Lâm (林). Có lực dụng chữa bệnh thù thắng thì gọi là Dược (藥, thuốc). Nay nói “*dược thảo*” tức là nêu ra vô lậu thiện của Nhị Thừa. Ngũ thừa, bảy phương tiện nhân quả bất đồng. Vì thế nói là “*chúng loại nhược can*” (bao nhiêu chúng loại). Mỗi loài đều có tên gọi riêng, đó là Danh. Mỗi loài đều có thể tướng, đó là Sắc. Nói tóm lại, các pháp nhân quả trong mười pháp giới chẳng lìa khỏi Ngũ Âm giả danh. Mười vạn tám ngàn dược phẩm dù có chất độc hay không độc, đều chẳng lìa đất đai của cõi đại thiên.

Lại nữa, tam thiên đại thiên có thể sánh ví chánh nhân lý tánh, đều là chỗ nương tựa cho hết thấy. Đất đai nơi núi, sông, khe, hang có thể ví như sắc tâm Ngũ Âm nơi quả báo của chúng sanh. “*Hủy mộc, tùng lâm*” (Thảo mộc, rừng rậm) có thể sánh ví Tập nhân nơi mười pháp giới của chúng sanh. Ba pháp ấy chẳng tách rời, Tập nhân nương vào các Báo Âm, Báo Âm chẳng lìa khỏi pháp tánh. Như cỏ cây nương vào đất đai nơi núi, sông; đất đai, núi, sông nương vào thế giới. Đó chính là ba cái nhân của Tánh Đức. Pháp tánh chính là chánh nhân Pháp Thân đức. Quả báo chính là duyên nhân Giải Thoát đức. Tập nhân tức là liễu nhân Bát Nhã đức. Nếu đem chánh nhân đối ứng với duyên nhân và liễu nhân của mười pháp giới thì sẽ là chẳng sai biệt mà sai biệt. “*Chúng loại nhược can, danh sắc các dị*” (Bao nhiêu chúng loại, tên gọi và hình sắc mỗi thứ mỗi khác): Nếu đem duyên nhân và liễu nhân đối ứng với chánh nhân lý tánh thì là sai biệt mà chẳng sai biệt, cùng quy vào một chỗ. Cảnh Quyền Thật như thế chẳng thể nghĩ bàn! Nhanh chóng đánh đồng Phật, há có phải là riêng hàng Nhị Thừa tự lãnh ngộ ư?

5.1.2.1.1.2. Dựa theo “cái có thể nhuận thấm” và “cái được nhuận thấm” để nói rõ “chẳng sai biệt mà sai biệt”

(Kinh) Mật vân di bố, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, nhất thời đẳng chú, kỳ trạch phổ hiệp. Hủy mộc, tùng lâm, cập chư dược

thảo, tiểu căn, tiểu hành, tiểu chi, tiểu điệp, trung căn, trung hành, trung chi, trung điệp, đại căn, đại hành, đại chi, đại điệp, chư thụ đại tiểu, tùy thượng, trung, hạ, các hữu sở thọ. Nhất vân sở vũ, xứng kỳ chủng tánh, nhi đắc sanh trưởng, hoa quả phu thật.

(經)密雲彌布，遍覆三千大千世界，一時等澍，其澤普洽。卉木，叢林，及諸藥草，小根，小莖，小枝，小葉，中根，中莖，中枝，中葉，大根，大莖，大枝，大葉，諸樹大小，隨上，中，下，各有所受。一雲所雨，稱其種性，而得生長，華果敷實。

(Kinh: Mây dày trải khắp, phủ trọn tam thiên đại thiên thế giới, cùng lúc tuôn mưa bình đẳng, tưới thấm trọn khắp. Thảo mộc, rừng rậm, và các cỏ thuốc, rễ nhỏ, thân nhỏ, cành nhỏ, lá nhỏ, rễ vừa, thân vừa, cành vừa, lá vừa, rễ to, thân to, cành to, lá to, các cây lớn nhỏ, tùy loại thượng, trung, hạ, mỗi loại đều hấp thụ khác nhau. Một vầng mây tuôn mưa, mỗi loài thuận theo chủng tánh của chính mình mà được sanh trưởng, trở hoa, kết trái).

“Mật vân biến phủ, đẳng chú phổ hiệp” (Mây dày phủ trọn, bình đẳng tuôn mưa, tưới ướt trọn khắp): Nêu ra cái có thể nhuần thấm chẳng sai khác. “Căn, hành, chi, điệp, tiểu, trung, đại đẳng các hữu sở thọ xứng kỳ chủng tánh” (Rễ, thân, cành, lá, nhỏ, vừa, lớn đều hấp thụ tương xứng với chủng tánh của chúng): Nêu ra cái được nhuần thấm có sai biệt! Mây có hình sắc, ví như thân mật của Như Lai. “Di bố biến phủ” (Trải khắp, phủ trọn): Ví như [thân Như Lai] hiện trọn khắp trước hết thấy các chúng sanh. Lại nữa, đại từ bình đẳng che phủ, ví như ý mật. Kinh văn trong phần sau nói “lôi thanh viễn chấn” (tiếng sấm rền xa), tức là sánh ví khẩu mật. “Nhất thời đẳng chú” (Cùng lúc bình đẳng tuôn xuống) ví như bát âm, tứ biện tài tuyên rót mưa pháp. “Kỳ trạch phổ hiệp” (Tưới đầm trọn khắp) ví như hai thứ hóa nghi Bí Mật và Bất Định. Trong mỗi niệm, mỗi pháp giới trong mười pháp giới đều đạt được các lợi ích Quyền và Thật, chẳng giống như ngài Ca Diếp lãnh thọ ngũ vị theo thứ tự, chỉ là trước hết suy tính, sau đó tiếp dẫn, trước là thực hiện, sau đó phế trừ [các pháp quyền biến ấy] đó thôi! Rễ ví như Tín, thân ví như Giới, cành ví như Định, lá ví như Huệ. Đối với Tiểu cơ, bèn thí

Giới, Định, Huệ của nhân thiên. Đối với trung cơ, thí Giới, Định, Huệ của Nhị Thừa. Đối đại cơ, thí Tín, Giới, Định, Huệ của Bồ Tát.

“*Chư thụ đại tiểu*” (Các loại cây lớn nhỏ) chính là hai loại Bồ Tát thuộc Thông Giáo và Biệt Giáo. Trong mỗi loại, đều luận thượng, trung, hạ, nêu ra các căn cơ bất đồng trong vạn hữu, ai nấy đều cùng lúc lãnh nhận. Chỉ một vàng thân vân²⁴⁷, một âm thanh diễn nói, có thể khiến cho tiêu căn chẳng quá phân, đại căn chẳng giảm thiểu, tương xứng với hai loại nhân chủng tánh của Tập báo mà được sanh trưởng, khiến cho Tập quả đơm hoa, báo quả kết trái, trở hạt. Giáo pháp Quyền và Thật như thế chẳng thể nghĩ bàn, thích ứng trọn khắp các căn cơ, há chỉ riêng xét trên sự lãnh ngộ năm vị theo thứ tự ư?

Phần thứ nhất, “nêu rõ chẳng sai biệt mà sai biệt, sánh ví Quyền chính là Thật” đã xong.

5.1.2.1.1.2.2. Nêu rõ “tuy sai biệt mà chẳng sai biệt” nhằm sánh ví tuy Quyền mà là Thật

(Kinh) Tuy nhất địa sở sanh, nhất vũ sở nhuận, nhi chư thảo mộc, các hữu sai biệt.

(經)雖一地所生，一雨所潤，而諸草木，各有差別。

(Kinh: Tuy do cùng một cuộc đất sanh trưởng, do một trận mưa nhuận tưới, nhưng các loài cỏ cây mỗi loài đều sai khác).

Nếu xét theo văn nghĩa, tợ hồ kết lại [ý nghĩa] “*chẳng sai biệt mà sai biệt*”. Nếu luận theo ý nghĩa của thí dụ thì phần trước sánh ví “chẳng sai biệt mà sai biệt” đã xong. Nay ý nghĩa [ở đây] nhằm hiển thị “ba loại cỏ, hai loại cây, mỗi loài đều có sai biệt, nhưng đất và mưa chẳng sai biệt”. “*Nhất địa sở sanh*” (Do cùng một cuộc đất sanh ra), ví như do đạo tiền tâm địa sanh ra, cái nhân rốt cuộc là đạo hậu trí (“Đạo tiền” và “đạo hậu” ở đây đều có thông và biệt. “Đạo hậu” chắc chắn là sau khi đã đắc quả, còn “đạo tiền” thì thông đến phàm phu. Vì thế, trong phẩm Phương Tiện, cũng coi trước khi đạt tới Đẳng Giác là “đạo tiền”. Ở đây, cần phải coi hạng phàm phu lè tè sát đất, chẳng có giới, thiện là “đạo tiền”, coi ngũ thừa là “đạo trung”. Vì thế, lý Chân Như nơi đạo tiền và đạo hậu

²⁴⁷ Thân Phật có vô lượng tướng hảo, vô lượng tùy hình hảo, vô lượng phước đức trang nghiêm, không gì có thể sánh ví, suy lường được nên nói là “*thân vân*” (vàng mây thân thể, hoặc thân rộng lớn như mây).

đều bình đẳng là “đất”. Bản thể của đất chẳng khác, nhưng đều có thể sanh thành. Vì thế, biết đạo tiền tâm địa của chúng sanh há có khi nào chẳng có tánh “có thể sanh” ư? “Chẳng thể sanh, chẳng thể thành” ắt sẽ nhờ vào đạo hậu cực quả trí địa khiến cho sanh, khiến cho thành. Sau khi đã phát tâm, trước khi rốt ráo, đều nhờ vào trí địa mà thành thực).

“*Nhất vũ sở nhuận*” (Một trận mưa nhuần thấm) ví như pháp môn Nhất Thừa do một âm thanh tuyên nói, đã khai phát thiện căn của ngũ thừa thuộc đạo trung. Rốt cuộc là do cùng một giáo pháp bình đẳng [được diễn nói bằng] một âm thanh, nhưng các loài cỏ cây mỗi loài đều có [sự hấp thụ] sai biệt! Ví như thiện căn của ngũ thừa nhờ vào mưa pháp của Phật mà tùy phần tăng trưởng, [nhưng chúng sanh thuộc ngũ thừa] chẳng biết cái nhân của năm loại đều nương vào một Phật Tánh, cũng chẳng tự biết giáo pháp ngũ thừa đều là một Đại Thừa, cũng chẳng tự biết [các thừa ấy] đồng quy Phật huệ! Chỉ riêng Như Lai có thể biết mà thôi!

Phần thứ hai, “lập thí dụ” đã xong!

5.1.2.1.1.3. Đối ứng thí dụ với pháp

5.1.2.1.1.3.1. Đối ứng với pháp chuyện “chẳng sai biệt mà sai biệt”

5.1.2.1.1.3.1.1. Phần đối ứng với pháp chánh yếu

5.1.2.1.1.3.1.1.1. Đối ứng chuyện “có thể nhuần thấm” với pháp

(Kinh) *Ca Diếp đương tri: Như Lai diệt phục như thị, xuất hiện ư thế, như đại vân khởi, dĩ đại âm thanh, phổ biến thế giới thiên, nhân, A Tu La, như bỉ đại vân biến phủ tam thiên đại thiên quốc độ, ư đại chúng trung, nhi xướng thị ngôn: “Ngã thị Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, vị độ giả linh độ, vị giải giả linh giải, vị an giả linh an, vị Niết Bàn giả linh đắc Niết Bàn. Kim thế, hậu thế, như thật tri chi, ngã thị nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả, tri đạo giả, khai đạo giả, thuyết đạo giả. Nhữ đẳng thiên, nhân, A Tu La chúng, giai ưng đáo thử, vị thính pháp cố”*.

(經)迦葉當知：如來亦復如是，出現於世，如大雲起，以大音聲，普遍世界天、人、阿修羅，如彼大雲遍覆三千大千國土，於大眾中，而唱是言：「我是如來、應供、

正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，未度者令度，未解者令解，未安者令安，未涅槃者令得涅槃。今世，後世，如實知之，我是一切知者，一切見者，知道者，開道者，說道者。汝等天、人、阿修羅眾，皆應到此，為聽法故」。

(Kinh: Ca Diếp hãy nên biết: Như Lai cũng giống như thế, xuất hiện trong cõi đời, như mây to giăng phủ, dùng đại âm thanh trọn khắp trời, người, A Tu La trong thế giới, như vàng mây to kia phủ trọn khắp các cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới, ở trong đại chúng mà xướng như thế này: “Ta là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, khiến cho người chưa được độ sẽ được độ, người chưa hiểu sẽ được hiểu, người chưa an sẽ được an, người chưa đắc Niết Bàn sẽ đắc Niết Bàn. Đời này, đời sau, đều biết như thật. Ta là đáng biết hết thấy, đáng thấy hết thấy, là đáng biết đạo, là đáng khai đạo, là đáng nói đạo. Đại chúng trời, người, A Tu La các nơi đều nên tới đây để nghe pháp”).

Phần này tương ứng với “mật vân di bố biến phủ” (mây dày trải khắp phủ trọn) [trong thí dụ trên đây], cũng như tương ứng với thí dụ “lôi thanh viễn chấn” (tiếng sấm rền xa) trong phần Kệ Tụng, nhằm hiển thị tam mật của Như Lai. “Xuất hiện ư thế” (Xuất hiện trong cõi đời) tức là Ứng Thân xuất thế. Đó là thân mật. “Như đại vân khởi” (Như mây to kéo giăng): Nêu thí dụ phù hợp khít khao với thân mật. Dùng đại âm thanh trọn khắp các trời, người, A Tu La trong thế giới; đây chính là khẩu mật. Đó chính là “lôi thanh viễn chấn” được nói trong phần Kệ Tụng. Thân mật và khẩu mật đều do đại từ hun đúc, cho nên ứng hiện chẳng lỡ thời. Thuộc ắt tương ứng với bệnh, kiêm thêm ý nghĩa “ý mật”.

“Thế giới” là nói chung lục đạo tứ sanh trong tam thiên đại thiên thế giới, hàm nghĩa mười pháp giới. Nói “thiên, nhân, A Tu La” nhằm nêu riêng ba thiện đạo có thể hưởng lợi ích do bẩm thọ thanh giáo²⁴⁸,

²⁴⁸ Đức Phật dùng âm thanh để thuyết pháp, cho nên giáo pháp của Ngài còn gọi là “thanh giáo”.

mang ý nghĩa sánh ví căn tánh tam thừa như “*ba mươi đứa con*” [trong phẩm Thí Dụ]. “*Như bi đại vân biến phú*” (Như vàng mây to kia bao phủ trọn khắp): Nêu thí dụ phù hợp khít khao với khẩu mật. “*U đại chúng trung, nhi xướng thị ngôn*” (Ở trong đại chúng xướng như thế này): Nhắc lại âm thanh to lớn trọn khắp, xướng đại lược sáu loại pháp môn, nhóm họp đại chúng nghe pháp, giống như tiếng sấm rền vang xa:

- Một, [nói tới các đức hiệu] Như Lai v.v... tức pháp môn Thập Hiệu.

- Hai, nói “*vị độ*” (chưa độ) v.v... là pháp môn Tứ Hoằng Thệ, khiến cho kẻ chưa thoát khổ sẽ được thoát khổ, khiến cho người chưa hiểu Tập sẽ hiểu Tập, khiến cho người an trụ nơi đạo sẽ được an trụ trong đạo, khiến cho người chưa chứng Diệt Đế Niết Bàn, sẽ chứng Niết Bàn. Nơi nhân thì gọi là Tăng Na Tăng Niết (Saṃnāha-samnaddha), phương này dịch là Hoằng Thệ. Quả cùng tột thì gọi là đại từ đại bi. Bi dẹp trừ Khổ Tập, Từ ban cho Đạo Diệt. Bốn hoằng thệ ấy đã nương vào Tứ Đế. Tứ Đế có “*sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác*” bất đồng. Phát tâm đạt được quả cũng là mỗi loại mỗi khác. Nay tự hành chỉ có Viên Giáo (tức vô tác Tứ Đế), còn hóa tha (hóa độ người khác) thì dùng cả bốn loại [Tứ Đế]. Tuy dùng khắp cả bốn loại, cả bốn loại đều quy vào Viên Giáo. Nếu chẳng quy vào Viên Giáo, sẽ chẳng phải là bản ý xuất thế. Nếu chẳng dùng cả bốn loại, sẽ chẳng thể tiếp thâu căn cơ trọn khắp!

- Ba, đời này và đời sau đều biết như thật chính là pháp môn Tam Đạt, [tức là] thông đạt ba đời chẳng có chướng ngại.

- Bốn, “*ta là đáng biết hết thảy*” chính là pháp môn nhất tâm tam trí.

- Thứ năm, “*đáng biết hết thảy*” tức là trọn đủ pháp môn Ngũ Nhân.

- Thứ sáu, “*đáng biết đạo*” tức là pháp môn Tam Bất Hộ²⁴⁹. “*Tri đạo*” nghĩa là ý nghiệp thuận theo trí huệ mà hành. “*Khai đạo*”: Thân

²⁴⁹ Tam Bất Hộ (Trīṇi-Tathāgatasyārakṣyāṇi) tức là thân bất hộ, ngữ bất hộ, và ý bất hộ. Tức là tam nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai vốn sẵn thanh tịnh, không làm lỗi, chẳng cần phải ngăn ngừa, bảo vệ. Đôi khi còn thêm Mạng Bất Hộ, trở thành Tứ Bất Hộ (tức là thọ mạng của Phật chẳng ai có thể xâm đoạt, trừ khi vì bản nguyện từ bi giảm bớt tuổi thọ để tạo dư phước cho chúng sanh, như Phật Thích Ca giảm thọ hai mươi năm để tạo phước cho chúng sanh trong đời vị lai).

nghiệp thuận theo trí huệ mà hành. “Thuyết đạo”: Khẩu nghiệp thuận theo trí huệ mà hành.

Hỏi: - Cổ đức coi đoạn văn này tương ứng với thí dụ về tuôn mưa, nay sao lại giải thích khác biệt?

Đáp: - Kinh văn trong đoạn sau có nói “tùy theo sức người nghe có thể kham nổi mà thuyết pháp cho họ” chính là tương ứng với chuyện “tuôn mưa”. Ở đây đã tổng kết chuyện “khuyến chúng sanh nghe nhận”, hướng hồ có âm thanh to lớn xướng trọn khắp như thế. Do vậy biết phải ứng hợp [với thí dụ về] “tiếng sấm”.

5.1.2.1.1.3.1.1.2. Đối ứng “năng sanh, sở sanh” với pháp

(Kinh) Nhữ thời, vô số thiên vạn ức chủng chúng sanh lai chí Phật sở nhi thính pháp.

(經)爾時，無數千萬億種眾生來至佛所而聽法。

(Kinh: Lúc bấy giờ, vô số ngàn vạn ức loại chúng sanh đến chỗ đức Phật để nghe pháp).

Hai chữ “chúng sanh” tương ứng với giả danh “tam thiên đại thiên thế giới” cũng như “núi, sông, khe, hang, đất đai” Ngũ Âm, vì giả danh và Thật pháp chẳng tách lìa nhau. “Vô số ngàn vạn ức loại” tương ứng với “thảo mộc, rừng rậm, và các cỏ thuốc”. Nói chung, chẳng ra khỏi các căn cơ trong mười pháp giới. Nói riêng, tức là ngũ thừa bảy phương tiện đều có thể được nhuần thấm vậy!

5.1.2.1.1.3.1.1.3. Đối ứng “cái có thể nhuần thấm, cái được nhuần thấm” với pháp

5.1.2.1.1.3.1.1.3.1. Đối ứng “cái có thể nhuần thấm” với pháp

(Kinh) Như Lai u thời, quán thị chúng sanh chư căn lợi độn, tinh tấn, giải đãi, tùy kỳ sở kham, nhi vị thuyết pháp.

(經)如來於時，觀是眾生諸根利鈍，精進，懈怠，隨其所堪，而為說法。

(Kinh: Lúc đó, Như Lai quán các chúng sanh ấy là lợi căn hay độn căn, biếng nhác hay tinh tấn, tùy theo sức họ kham được mà vì họ thuyết pháp).

Điều này tương ứng với thí dụ “*nhất thời đẳng chú*” (cùng lúc bình đẳng tuôn xuống). Nhưng dùng đám mây tuôn mưa lớn để sánh ví Như Lai thuyết pháp thì chỉ là sánh ví chút phần. Vì lẽ nào vậy? Mây tuôn mưa là do cộng nghiệp của chúng sanh cảm vơi, tức [mưa] là tướng được biến hiện bởi Thức của chúng sanh, chẳng thuộc vào loại hữu tình, chỉ thuộc loại vô phú vô ký²⁵⁰. Cho nên chẳng thể quán sát căn tánh hòng [thuyết pháp, hóa độ] thích hợp căn cơ được, lại còn có ích hoặc gây tổn hại cho các vật. Như Lai chẳng như vậy! Ngài có đại thệ nguyện, có đại từ bi, có đại trí huệ. Tuy cũng do cộng nghiệp tăng thượng của chúng sanh cảm vơi Phật xuất thế, tuy cũng từ tâm thức của mỗi chúng sanh mà tự biến hiện Phật tướng [khác biệt], nhưng bản chất cảnh là vô lậu thiện, là tác dụng ứng hiện bởi cái Thể của toàn bộ pháp báo. Vì thế, có thể dùng Điều Quán Sát Trí để quán các chúng sanh ấy là lợi căn hay độn căn, tinh tấn hay biếng nhác, hòng thuận theo đó, vận dụng Thành Sở Tác Trí, tùy theo sức họ kham được mà thuyết pháp cho họ, tức là dùng Đại Viên Kính Trí để gìn giữ trọn khắp, dùng Bình Đẳng Tánh Trí để ấn chiếu.

“*U thời*” (Ngay lúc đó) tức là lúc chúng sanh đến chỗ Phật để nghe pháp. “*Chư căn lợi độn*” (Các căn nhạy bén hay chậm lụt): Chẳng thể tiếp nhận đạo thì là Độn, có thể tiếp nhận đạo thì là Lợi. Lại nữa, chẳng thể giữ giới thì là Độn, có thể giữ giới thì là Lợi. Chẳng thể tu Định thì là Độn, có thể tu Định thì là Lợi. Chẳng thể đoạn Hoặc thì là Độn, có thể đoạn Hoặc, thoát khỏi tam giới thì Lợi. Tích Không Quán đoạn Hoặc thì là Độn, Thể Không Quán đoạn Hoặc thì là Lợi. Quyết chứng Chân Không thì là Độn, xuất Giả giáo hóa chúng sanh thì là Lợi. Dùng hai phép Quán làm phương tiện thì là Độn, quán thẳng vào Trung Đạo thì là Lợi, truyền thừa khác nhau! Lại nữa, đối với người thuộc ngũ thừa, bảy phương tiện, đều luận định lợi và độn. Tinh tấn và giải đãi cũng thế.

“*Tùy kỳ sở kham*” (Tùy theo sức họ kham được): Tương xứng với cơ nghi, chẳng phạm khuyết điểm tăng hay giảm. Điều này khởi đầu từ Hoa Nghiêm, kết thúc nơi Bát Nhã, trong mỗi một thời, dù bí mật hay bất định, do một âm thanh thuyết pháp, mỗi loại đều hiểu. Thần lực bất

²⁵⁰ “Phú” ở đây là ngăn chướng thánh đạo, “vô ký” là chẳng thiện chẳng ác. Như vậy, “vô phú vô ký” tức là pháp chẳng thiện chẳng ác, chẳng có tác dụng gây ngăn chướng thánh đạo.

cộng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều khiến cho [chúng sanh] đạt được lợi ích, khiến cho họ chẳng đoạ khổ. Do đó, “*nhất thời đẳng chú*” (cùng lúc bình đẳng tuôn xuống) tức là trong mỗi thời, đều trọn đủ năm vị dù thiên lệch hay viên mãn, phù hợp trọn khắp căn tánh của chúng sanh. Cho đến trong hội Pháp Hoa, năm ngàn người lui về, hoặc [trong phẩm Hiện Bảo Tháp, đại chúng nhân thiên] được dời sang phương khác, tuy trong cùng một pháp hội, được gọi là “*hiển lộ quyết định*”. Nếu so với mười phương thì chẳng ngại gọi là “*bí mật*”. Tam mật giáo hóa của Phật chỉ là cùng một đám mây tuôn mưa tưới tắm trọn khắp, nhưng đối với trận mưa vô ký (chẳng thiện, chẳng ác) ấy, [các căn cơ] được lợi ích bất đồng như thế đó! Nếu dựa trên sự lãnh ngộ năm thời theo thứ tự của ngài Ca Diếp, sao gọi là “*nhất thời đẳng chú*” cho được?

5.1.2.1.1.3.1.1.3.2. Đối ứng “cái được nhuần thấm” với pháp

(Kinh) Chúng chúng vô lượng, giai linh hoan hỷ, khoái đắc thiện lợi. Thị chư chúng sanh văn thị pháp dĩ, hiện thể an ổn, hậu sanh thiện xứ, dĩ đạo thọ lạc, diệc đắc văn pháp. Kỳ văn pháp dĩ, ly chư chướng ngại, ư chư pháp trung, nhậm lực sở năng, tiệm đắc nhập đạo.

(經)種種無量，皆令歡喜，快得善利。是諸眾生聞是法已，現世安隱，後生善處，以道受樂，亦得聞法。既聞法已，離諸障礙，於諸法中，任力所能，漸得入道。

(Kinh: Các thứ vô lượng đều khiến cho họ hoan hỷ, vui sướng đạt được lợi ích tốt lành. Các chúng sanh ấy nghe pháp đó xong, trong đời hiện tại an ổn, đời sau sanh vào chốn lành, do đạo mà hưởng vui, cũng được nghe pháp. Đã nghe pháp rồi, lìa các chướng ngại, ở trong các pháp, tùy theo sức kham nổi mà dần dần nhập đạo).

Đây là nói căn kể lợi ích do nghe pháp, mà các chúng tử đã gieo trong ba đời được thành thực bèn giải thoát. Từ “*chúng chúng vô lượng*” (các thứ vô lượng) cho đến “*hiện thể an ổn*” (an ổn trong đời hiện tại) tương ứng với thí dụ “*kỳ trạch phổ hiệp*” (thấm đầm trọn khắp). Từ “*hậu sanh thiện xứ*” (đời sau sanh vào chốn lành) cho đến “*diệc đắc văn pháp*” (cũng được nghe pháp) tương ứng với thí dụ “*xứng kỳ chúng tánh, nhi đắc sanh trưởng*” (tương xứng với chúng tánh mà được sanh

trường). Từ “*ký văn pháp dĩ*” (đã nghe pháp rồi) cho đến “*tiệm linh nhập đạo*” (khiến cho dần dần nhập đạo) tương ứng với thí dụ “*hoa quả phu thật*” (đơm hoa kết trái).

“*Giai linh hoan hỷ*” (Đều khiến cho hoan hỷ) chính là Thế Giới Ích (Thế Giới Tất Đàn). “*An ổn, sanh thiện*” là Vị Nhân Ích (Vị Nhân Tất Đàn). “*Ly chư chướng ngại*” (Lìa các chướng ngại) là Đối Trị Ích (Đối Trị Tất Đàn). “*Tiệm đắc nhập đạo*” (Dần dần được nhập đạo) là Đệ Nhất Nghĩa Ích (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Lại nữa, xét ra thì nay mới nghe pháp mà gieo thiện căn, đời kế tiếp [nhân duyên] chín muồi, đời sau nữa bèn được giải thoát. Hoặc đã gieo [thiện căn] trong đời quá khứ, nay bèn chín muồi, đời sau giải thoát. Hoặc đời quá khứ đã chín muồi, đời này hễ nghe bèn được giải thoát! Sự chẳng phải là nhất loạt như nhau.

Lại nữa, bốn thứ lợi ích Tất Đàn bao quát Quyền và Thật, mỗi thứ Tứ Tất Đàn đều là Đốn hay Tiệm khác nhau. Nếu muốn nói cặn kẽ, sẽ mênh mông chẳng có bờ bến, [chỉ đành] nêu bày thô thiển đại cương, ngõ hầu [người nghe sẽ] biết Như Lai thuyết pháp lợi ích trọn khắp vị lai đó thôi! Lại còn “*chủng chủng giai linh hoan hỷ*” (các thứ đều khiến cho hoan hỷ), tức là xứng hợp chủng tánh của mỗi loài mà được sanh trưởng. “*Khoái đắc thiện lợi*” (Vui sướng được hưởng điều lợi ích tốt lành): Có thiện lợi Quyền và Thật của tứ giáo, tức là “*hoa quả phu thật*” (đơm hoa, kết trái) trong đời này. “*Hiện thế an ổn*” (Đời hiện tại an ổn): Kết lại bốn thứ lợi ích hoan hỷ và thiện lợi trong hiện tại như vừa nói trên đây. “*Hậu sanh thiện xứ, dĩ đạo thọ lạc*” (Đời sau sanh vào chốn lành, do [đã tu tập] đạo mà được hưởng vui): Do báo nhân mà cảm vời báo quả.

“*Diệc đắc văn pháp*” (Cũng được nghe pháp): Tập nhân cảm Tập quả. “*Sở thọ đạo lạc*” (Nhận lãnh niềm vui do đạo) ắt có Quyền và Thật. Đối với đạo Quyền Thật, lại luận định cạn hay sâu. Đối với pháp được nghe, cũng giống như thế, tức là biện định bốn thứ lợi ích trong đời kế tiếp. “*Ký văn pháp dĩ, ly chư chướng ngại*” (Đã nghe pháp rồi, lìa các chướng ngại): Cái bị rời lìa cũng có cạn hay sâu khác nhau; nói chung là báo nhân cảm vời báo quả. “*Nhập lực sở năng, tiệm đắc nhập đạo*” (Tùy theo sức họ kham nổi mà dần dần nhập đạo): Sở nhập cũng có Quyền và Thật khác nhau. Nói chung là Tập nhân cảm Tập quả, tức là biện định bốn thứ lợi ích trong đời thứ ba, hoặc đời sau nữa! Căn cơ được tiếp độ theo chiều ngang trùm khắp mười pháp giới. Thọ nhận lợi ích theo chiều dọc thấu triệt tứ giáo, như Hoa Nghiêm, Bát Nhã v.v...

khuyến cho [chúng sanh trong] địa ngục đạt được lợi ích. Những điều khác cứ suy ra mà biết.

Phần thứ nhất, “ứng hợp [các thí dụ] với pháp” đã xong!

5.1.2.1.1.3.1.2. Nêu ra từng từng thí dụ để kết hợp khít khao với pháp

(Kinh) Như bĩ đại vân, vũ u nhất thiết hỷ mộc, tùng lâm, cập chư được thảo, như kỳ chủng tánh, cụ túc mônng nhuận, các đắc sanh trưởng.

(經)如彼大雲，雨於一切卉木，叢林，及諸藥草，如其種性，具足蒙潤，各得生長。

(Kinh: Như đám mây to, xối mưa xuống hết thảy cỏ cây, rừng rậm, và các cỏ thuốc, [mỗi loài] đúng theo chủng tánh của chúng mà đều được nhuần thấm trọn đủ, đều được sanh trưởng).

Mây lớn và mưa có thể nhuần thấm, tương ứng với tam mật và thanh giáo của Như Lai. Hai chữ “nhất thiết” (hết thảy) tương ứng với giả danh “chúng sanh”. “Hỷ mộc, tùng lâm, được thảo” tương ứng với ngũ thừa, bảy phương tiện. “Chủng tánh” tương ứng với “chư căn lợi độn, giải đãi, tinh tấn” (các căn nhạy bén hay chậm lụt, biếng nhác hay tinh tấn). “Cụ túc mônng nhuận” (Đều được nhuần thấm trọn đủ) tương ứng với “giai linh hoan hỷ, khoái đắc thiện lợi” (đều khiến cho hoan hỷ, vui sướng đạt được lợi ích tốt lành). “Các đắc sanh trưởng” (Đều được sanh trưởng) tương ứng với “đời hiện tại an ổn, đời sau sanh vào chốn lành” v.v...

Phần thứ nhất, kết hợp “chẳng sai biệt mà sai biệt” với pháp đã xong!

5.1.2.1.1.3.2. Đối ứng “sai biệt mà chẳng sai biệt” với pháp

5.1.2.1.1.3.2.1. Chánh thức đối ứng

5.1.2.1.1.3.2.1.1. Đối ứng “một cõi đất sanh trưởng, một trận mưa thấm nhuần” với pháp

(Kinh) Như Lai thuyết pháp, nhất tướng, nhất vị, sở vị giải thoát tướng, ly tướng, diệt tướng, cứu cánh chí u Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)如來說法，一相，一味，所謂解脫相，離相，滅相，究竟至於一切種智。

(Kinh: Như Lai thuyết pháp, một tướng, một vị, tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt, cho đến rốt ráo Nhất Thiết Chung Trí).

“*Nhất tướng*” là tâm tánh của chúng sanh, đồng nhất Chân Như làm tướng, tương ứng với “*nhất địa*” (một cõi đất). “*Nhất vị*” là pháp Nhất Thừa, cùng diễn tả một lý, tương ứng với “*nhất vũ*” (một trận mưa). Nói “*hạ*” (tuôn xuống) nhằm cùng giải thích “*nhất tướng, nhất vị*”.

“*Giải thoát tướng*”: Nghiệp chính là giải thoát, vốn chẳng có tướng bị nghiệp thuộc nhị biên trói buộc. “*Ly tướng*”: Phiền Hoặc chính là Bát Nhã, vốn lìa hai tướng Thông Hoặc và Biệt Hoặc. “*Diệt tướng*”: Khổ chính là Pháp Thân, hai thứ sanh tử (Phản Đoạn và Biến Dịch) vốn tịch diệt. Tâm tánh của chúng sanh tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt nơi Tánh Đức, tức là tướng “*tuy một mà ba, tuy ba mà một*”. Một âm thanh của Như Lai nói pháp “*tuy một mà chính là ba, tuy ba mà chính là một*” ấy, tức là giáo pháp “*một vị mà là ba, tuy ba vị mà chính là một*”. Chúng sanh vâng theo giáo pháp tu hành, tức là dùng ba tướng hay một tướng của Tánh Đức làm cảnh để quán, nương vào giáo pháp ba vị hay một vị trong tam-muội của đức Phật làm tăng thượng duyên, dấy lên hạnh Trung Đạo ba tướng hay một tướng, rốt ráo thành tựu cái quả Nhất Thiết Chung Trí ba tướng hay một tướng. Đối với pháp nhất Thiết Tướng của Phật, phương tiện mở ra ba, năm, bảy, chín tướng v.v... Đối với giáo pháp nhất vị, nói phân biệt thành các vị nói kèm theo hoặc chỉ đối ứng v.v... Chúng sanh vâng theo giáo pháp tu hành, ai nấy đều được chứng quả. Ai có thể biết được? Chỉ có Phật là có thể biết rốt ráo [các giáo pháp ấy] rốt cuộc quy về một tướng, một vị.

5.1.2.1.1.3.2.1.2. Đối ứng “thảo mộc mỗi loại sai biệt” với pháp

5.1.2.1.1.3.2.1.2.1. Chỉ ra chúng sanh giống như thảo mộc cho nên chẳng tự biết

(Kinh) Kỳ hữu chúng sanh văn Như Lai pháp, nhược trì độc tụng, như thuyết tu hành, sở đắc công đức, bất tự giác tri.

(經)其有眾生聞如來法，若持讀誦，如說修行，所得功德，不自覺知。

(Kinh: Có các chúng sanh nghe pháp của Như Lai, nếu vâng giữ, đọc tụng, tu hành đúng như lời dạy, sẽ đạt được công đức mà chẳng tự hay biết).

“Kỳ hữu chúng sanh” (Có các chúng sanh): Nêu chung những kẻ không biết, tương ứng với ba loại cỏ, hai loại cây [trong thí dụ]. “Pháp” chính là pháp “nhất âm, nhất vị”. “Nhược trì, độc tụng, như thuyết tu hành” (Nếu vâng giữ, đọc tụng, tu hành đúng như lời dạy): Nói rõ chuyện không biết. Vì sao vậy? “T trì” và “thuyết” bất đồng, tu hành mỗi cách mỗi khác! Nhân thiên hiệu “giới, thiện”; tam thừa hiệu “đế duyên độ” (Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ). Sự hiểu biết đã bất đồng, tức là sai biệt! “Sở đắc công đức bất tự giác tri” (Đạt được công đức mà chẳng hay biết): Chẳng biết [giáo pháp của] Phật là giáo pháp nhất vị, chẳng sai biệt, nhưng [chúng sanh thuộc bảy loại phương tiện đối với] bảy loại Quyền công đức, mỗi căn tánh đắc một loại, mỗi căn tánh hiểu theo một loại. Đã chẳng biết rốt ráo [các Quyền công đức ấy] đều rốt ráo quy vào Thật, mà cũng chẳng biết công đức đã đạt được chính là Quyền, tức là đối với Quyền lẫn Thật đều mê, cho nên gọi là “bất tự giác tri” (chẳng tự hay biết).

5.1.2.1.1.3.2.1.2.2. Nêu rõ: “Chỉ riêng Như Lai là có thể biết vì giống như mây to, mà lại bất đồng”

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Duy hữu Như Lai tri thử chúng sanh chủng, tướng, thể tánh, niệm hà sự, tư hà sự, tu hà sự, vân hà niệm, vân hà tư, vân hà tu, dĩ hà pháp niệm, dĩ hà pháp tư, dĩ hà pháp tu, dĩ hà pháp đắc hà pháp, chúng sanh trụ ư chủng chủng chi địa, duy hữu Như Lai như thật kiến chi, minh liễu vô ngại.

(經)所以者何？唯有如來知此眾生種，相，體性，念何事，思何事，修何事，云何念，云何思，云何修，以何法念，以何法思，以何法修，以何法得何法，眾生住於種種之地，唯有如來如實見之，明了無礙。

(**Kinh:** Vì có sao vậy? Chỉ có Như Lai biết chủng loại, tướng trạng, thể tánh của các chúng sanh ấy, họ nhớ tới chuyện gì, nghĩ chuyện gì, tu chuyện gì, nhớ như thế nào, nghĩ như thế nào, tu như thế nào, dùng pháp gì để niệm, dùng pháp gì để nghĩ, dùng pháp gì để tu, dùng pháp nào để đạt được pháp nào, chúng sanh trụ trong các loại địa vị, chỉ có Như Lai thấy như thật, hiểu rõ vô ngại).

“*Như Lai năng tri*” (Như Lai có thể biết) tức là biết bằng Nhất Thiết Chủng Trí. “*Như thật kiến chi*” (Thấy như thật) tức là thấy bằng Phật nhãn. “*Minh liễu vô ngại*” (Hiểu rõ vô ngại) tức là thấu triệt từ đầu đến đuôi, thấu triệt từ trong ra ngoài, thấy đều thấu tỏ. Nếu xét theo cái có thể thấy, có thể biết, chỉ có Phật trí, Phật nhãn. Nếu xét theo cái được thấy, cái được biết, thì sẽ nêu đại lược một số ít là mười cảnh, hợp thành bốn ý. Mỗi mỗi đều không gì “*sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt*”.

Bốn ý là: Một là xét theo bốn pháp, hai là xét theo ba pháp, ba là xét theo hai pháp, bốn là xét theo một pháp.

1) Một, xét theo bốn pháp, tức là chủng, tướng, thể, tánh. “*Chủng*” có hai nghĩa:

- Nếu dựa theo tương đối để luận định Chủng thì tam đạo chính là tam đức chủng. Vì thế, kinh Tịnh Danh dạy: “*Nhất thiết phiền não chi trừ, vi Như Lai chủng*” (Hết thấy các thứ phiền não đều là chủng tánh Như Lai), do phiền não đạo có chủng tánh Bát Nhã. Lại nói: “*Ngũ Vô Gian giai giải thoát tướng*” (Năm thứ Vô Gian đều là tướng giải thoát), do bất thiện nghiệp có chủng tử giải thoát của thiện nghiệp. Lại nói: “*Nhất thiết chúng sanh tức Niết Bàn tướng, bất khả phục diệt*” (Hết thấy chúng sanh chính là tướng Niết Bàn, chẳng thể diệt nữa), do đường khổ sanh tử chính là chủng tử của Pháp Thân.

- Nếu dựa theo loại để luận định Chủng, thì hết thấy các [hành vi như] “*cúi đầu, gιο tay*” đều là chủng tử giải thoát! Hết thấy trí thế gian và tâm giải ngộ thuộc tam thừa chính là chủng tử Bát Nhã. Phàm những ai có tâm đều sẽ thành Phật, tức là chủng tử Pháp Thân. Các chủng tử sai biệt như thế, chỉ riêng Phật có thể biết. Hết thấy chủng tử chỉ là một chủng tử, tức là chẳng sai biệt, cũng chỉ riêng Phật có thể biết. “*Sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt*”, cũng chỉ riêng Phật có thể biết.

“*Tướng*” là xét theo bề ngoài, còn *Thể* là bản chất chủ yếu. *Tánh* là xét theo bề trong, như đã giải thích cặn kẽ trong phần Thập Như Thập

Giới. Nếu luận định sai biệt thì tướng của mười pháp giới chỉ riêng đức Phật có thể biết. Nếu luận theo chẳng sai biệt, thì chính là tướng của một Phật giới, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Thể và Tướng cũng phỏng theo đó mà biết.

2) Hai, xét theo ba pháp, tức là Tam Huệ “*Văn, Tư, Tu*”, lại còn có ba tầng:

- Một, nói “*niệm hà sự, tư hà sự, tu hà sự*” (nhớ chuyện gì, nghĩ chuyện gì, tu chuyện gì), tức là cảnh được chấp giữ bởi Tam Huệ. “*Chủng, tướng, thể, tánh*” được diễn nói bởi giáo, tùy theo từng giáo mà có Tu và Tư bất đồng. Đối trước giới (từng pháp giới trong mười pháp giới) làm cảnh, sẽ có nhiều, ít, tăng, giảm. Quán Thể khéo hay vụng, cứ tùy theo nghĩa, sẽ biết là sai biệt hay chẳng sai biệt, dùng Quyền đối ứng Thật [để luận định].

- Nói “*vân hà niệm, vân hà tư, vân hà tu*” (nhớ như thế nào, nghĩ như thế nào, tu như thế nào) [là nói đến] bản thể của Tam Huệ. Cái Thể ấy có thể nghe, có thể nghĩ, có thể tu, và cũng có sai biệt, chẳng sai biệt v.v... Cứ phỏng theo phần trước sẽ biết!

- Ba là nói “*dĩ hà pháp niệm, dĩ hà pháp tư, dĩ hà pháp tu*” (dùng pháp nào để nhớ, dùng pháp nào để nghĩ, dùng pháp nào để tu). Đó là nhân duyên của Tam Huệ. Do nghe pháp thì mới có thể giữ lấy cảnh. Vì thế, dùng chuyện nghe pháp làm nhân duyên. Tam Huệ của tam thừa như thế, trước kia nói “*cảnh, thể, nhân duyên đều sai khác*”, tức là sai biệt. Nếu nhập Tam Huệ viên diệu, sẽ là chẳng sai biệt. Sự sai biệt ấy chỉ riêng đức Phật có thể biết! Sự “chẳng sai biệt” ấy cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Lại nữa, sai biệt chính là không sai biệt, không sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết.

3) Ba, xét theo hai pháp, tức là nhân quả. Dùng pháp nào làm nhân, đạt được cái quả là pháp nào? Do mỗi nhân của ngũ thừa, đều đạt được cái quả, đó chính là sai biệt, chỉ riêng đức Phật có thể biết. Chúng sanh như, Phật như, nhất như, vô nhị như, chỉ là một nhân, một quả, tức là chẳng sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Lại nữa, sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết!

4) Bốn, xét theo một pháp, tức “*chúng sanh trụ ở chủng chủng chư địa*” (chúng sanh trụ nơi các thứ địa vị), tức những người thuộc bảy phương tiện, trụ trong bảy địa vị ấy chính là sai biệt, chỉ riêng đức Phật có thể biết.

“*Như thật kiến chi*” (Thấy như thật): Chỉ là một địa vị, tức là chẳng sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Lại nữa, sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Vì thế nói “*minh liễu vô ngại*” (hiểu rõ vô ngại). Bốn ý trong ấy thâm nhiếp trọn các pháp. “*Chúng, tướng, thể, tánh*” là đối tượng của Tam Huệ, bốn pháp được chấp giữ ấy chẳng ra ngoài nhân quả. Cái thể của nhân quả chỉ là Thật Tánh đó thôi!

5.1.2.1.1.3.2.1.2.3. Nêu thí dụ phù hợp khít khao với chuyện “chúng sanh không biết”

(*Kinh*) *Như bử hỷ mộc, tùng lâm, chư dược thảo đẳng, nhi bất tự tri thượng, trung, hạ tánh.*

(經)如彼卉木，叢林，諸藥草等，而不自知上，中，下性。

(*Kinh*: *Như thảo mộc, rừng rậm, các cỏ thuốc kia chẳng tự biết có tánh chất thượng, trung, hạ*).

Khi chưa khai hiển, người thuộc bảy phương tiện đều giống như thảo mộc, chỉ có thể tiếp nhận sự nhuần thấm để tăng trưởng, chẳng thể tự biết. Sau khi đã được khai hiển, mới biết ba loại cỏ, hai loại cây, dù rễ, dù thân, dù cành, dù lá, dù hoa, dù quả, mỗi mỗi không gì chẳng phải là Tứ Vi²⁵¹ của đất, bèn có thể ngộ hoàn toàn Tánh Đức lý địa của chúng sanh chính là Nhất Thiết Trí địa rốt ráo của chư Phật. Từ trí địa ấy, nổi mây đại bi, xối mưa Quyền Thật, hóa độ vô lượng. Sở dĩ đức Như Lai thuyết kinh Pháp Hoa là vì muốn khiến cho mọi người ngộ sự bí yếu ấy của Tánh và Tu đó thôi!

Phần thứ nhất, “đối ứng thí dụ với pháp” đã xong.

5.1.2.1.1.3.2.2. Kết lại lời giải thích

5.1.2.1.1.3.2.2.1. Tổng kết “sai biệt chính là chẳng sai biệt”

²⁵¹ Đây là một khái niệm xuất phát từ tác phẩm Kim Quang Kinh Văn Cú Ký (do ngài Tri Lễ biên soạn vào đời Tống). Có thể hiểu đơn giản Tứ Vi (四微) chính là các phần tử cực vi của Sắc, Hương, Vị và Xúc. Bốn thứ này chính là nguyên tố của Sắc pháp. Do nương vào chúng mà hình thành Tứ Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong).

(Kinh) Như Lai tri thị nhất tướng, nhất vị chi pháp, sở vị giải thoát tướng, ly tướng, diệt tướng, cứu cánh Niết Bàn thường tịch diệt tướng, chung quy u Không.

(經)如來知是一相，一味之法，所謂解脫相，離相，滅相，究竟涅槃常寂滅相，終歸於空。

(Kinh: Như Lai biết pháp nhất tướng, nhất vị ấy, tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt, tướng Niết Bàn rốt ráo thường tịch diệt, rốt cuộc đều quy vào Không).

“Nhất tướng, nhất vị” như đã giải thích đối với “chúng sanh” trong phần trước. Phân biệt nói pháp “nhất tướng, nhất vị, giải thoát, ly diệt” ấy thì chính là “vô lượng trong một”. “Cứu cánh Niết Bàn thường tịch diệt tướng, chung quy u Không” (Tướng Niết Bàn rốt ráo thường tịch diệt, rốt cuộc quy vào Không) chính là “một trong vô lượng”. Vì thế, kết lại “tất cánh vô sai biệt” (rốt ráo chẳng sai biệt). Nói “cứu cánh Niết Bàn” (Niết Bàn rốt ráo) tức là chẳng giống hai thứ Niết Bàn Hữu Dư và Vô Dư của Nhị Thừa. Nói “thường tịch diệt tướng” thì chẳng phải là dứt trôi buộc thì mới gọi là giải thoát. Pháp vốn chẳng trôi buộc, nay cũng chẳng có thoát. Chẳng phải vì lìa bỏ hay kết hợp mà gọi là “ly tướng”. Pháp vốn chẳng kết hợp, cho nên nay cũng chẳng lìa. Chẳng phải do hết sanh mà gọi là “diệt tướng”. Pháp vốn vô sanh, nay cũng vô diệt. Đó gọi là “chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng” (các pháp từ trước đến nay, tướng thường tự tịch diệt), chẳng giống ba tướng của Nhị Thừa. “Chung quy u Không” (Cuối cùng quy vào Không), tức là quy vào Trung Đạo Độ Nhất Nghĩa Không, trọn chẳng phải là Không do “hôi đoạn” của Nhị Thừa. [Đức Phật] cần trọng giải thích lần nữa, nhằm loại trừ [kiến chấp] “Thật khác với Quyền”, lòng Từ to lớn của Phật ân cần thiết tha tột bậc!

5.1.2.1.1.3.2.2.2. Giải thích ý nghĩa “vì sao chẳng nói ngay vào Thật pháp”

(Kinh) Phật tri thị dĩ, quán chúng sanh tâm dục nhi tương hộ chi. Thị cố, bất tức vị thuyết Nhất Thiết Chứng Trí.

(經)佛知是已，觀眾生心欲而將護之。是故，不即為說一切種智。

(Kinh: Đức Phật đã biết như thế, quán sự ưa muốn trong tâm của chúng sanh để bảo vệ họ. Vì thế, chẳng nói ngay vào Nhất Thiết Chúng Trì).

Như Lai đã biết từ đầu đến cuối đều là một, có sao chẳng trong hết thấy các thời chỉ nói một Thật pháp? Vì thế, nay bèn giải thích: Do Ngài quán lòng ưa muốn trong tâm của chúng sanh mà dưỡng dục, hộ trì, [cho nên] chẳng lập tức nói pháp ấy.

Phần thứ nhất, nói rõ “Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn” đã xong.

5.1.2.1.2 Tổng kết lời tán thán, trần thuật

(Kinh) Nhữ đẳng Ca Diếp thậm vi hy hữu, năng tri Như Lai tùy nghi thuyết pháp, năng tín, năng thọ. Sở dĩ giả hà? Chư Phật Thế Tôn tùy nghi thuyết pháp, nan giải, nan tri.

(經)汝等迦葉甚為希有，能知如來隨宜說法，能信，能受。所以者何？諸佛世尊隨宜說法，難解，難知」。

(Kinh: Ca Diếp các ông rất là hy hữu, có thể biết Như Lai tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp, có thể tin, có thể tiếp nhận. Vì có sao vậy? Chư Phật Thế Tôn tùy theo cơ nghi thuyết pháp, khó hiểu, khó biết).

Phần trước đã nói tới vô lượng công đức của Như Lai, dầu các ông trong vô lượng ức kiếp vẫn chẳng thể nói trọn hết được! Như mây to tuôn mưa, chẳng thể nghĩ bàn như thế đó! Sợ có kẻ nghi ngờ bốn vị đệ tử lãnh nhận, giải ngộ dựa theo giáo pháp của chính mình chưa chắc đã là thật, cho nên đức Phật xưng tán, trần thuật. Tuy [bốn vị ấy] chưa đạt đến địa vị Phật rốt ráo, nhưng đã lãnh ngộ trọn năm thời Quyền Thật, mở mang tri kiến của Phật, phần chứng Phật quả, cũng thật sự là chẳng hư dối. Lại còn muốn dẫn dắt hàng hạ căn phát khởi, khiến cho họ cùng được ngộ. Trước hết, [đức Phật] tán thán các vị ấy hy hữu, [bởi lẽ], phàm phu có kẻ phải nghe đi, nghe lại thì mới có thể đạt được lợi ích. Bồ Tát coi đó là chuyện của mình (chuyện thuộc về bốn phận của chính mình), dầu hiểu cũng chẳng thấy là lạ! Nay do chẳng phải là chánh vị (“chánh vị” là đã thật sự chứng đắc chánh trí từ Sơ Địa trở lên) mà có thể xả chứng (bỏ sự chứng đắc nơi Tiểu quả quyền biến) để nhập Thật, cho nên rất hy hữu! [Kinh văn nói các vị ấy] có thể biết [đức Phật] tùy nghi

thuyết pháp nhằm trần thuật các vị ấy có thể lãnh ngộ [ý chỉ vì sao đức Phật] mở ra ba thừa. Nói “*năng tín, năng thọ*” (có thể tin, có thể tiếp nhận) nhằm trần thuật các vị ấy có thể lãnh ngộ [ý chỉ vì sao] đức Phật hiển thị Nhất Thừa. Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích sự hy hữu, ý nghĩa dễ hiểu!

Lại nữa, trong phần trước đã nói “*nhữ đẳng thuyết bất năng tận*” (các ông chẳng thể nói trọn hết được), nay nói “*nhữ đẳng thậm vi hy hữu*” (các ông rất hiếm có). Trong phần trước là xét theo khía cạnh “*Phật ân hóa độ trọn khắp*”, giống như mây tuôn mưa, không gì chẳng được che chở, nhuần thấm. Phật ân trọn khắp, giống như đại địa, không gì chẳng sanh thành, há chỉ một phương, một căn cơ mà thôi ư? Vì thế, “*thuyết bất năng tận*” (chẳng thể nói trọn hết được). Nay do Phật ân tuy trọn khắp, chúng sanh sử dụng hằng ngày mà chẳng tự hay biết. Như ba loại cỏ, hai loại cây, bén rễ nơi đất, tiếp nhận mưa tưới tắm, nhưng chẳng thể biết. Các ông có thể biết mười ân từ đầu đến cuối, rất là hy hữu. [Nói] “*vị độ linh độ*” (khiến cho người chưa được độ sẽ được độ) v.v... nhằm trần thuật ân Tứ Hoàng Thệ của Phật rất hy hữu. “*Hiện thế an ổn, hậu sanh thiện xứ, dĩ đạo thọ lạc*” (Đời hiện tại an ổn, đời sau sanh vào chốn lành, do đạo mà hưởng vui), trần thuật họ (các vị đại đệ tử) biết ân “đại từ ban vui” rất hy hữu. “*Ly chư chương ngại, tiêm đắc nhập đạo*” (Lìa các chương ngại, dần dần được nhập đạo): Trần thuật họ biết ân “đại bi dẹp khổ” rất hy hữu. [Nhắc đến] “*Luân vương, Đế Thích, Phạm vương*” là tiểu được thảo, nhằm trần thuật họ biết ân “khuyến thiện, trừ phiền não” rất hy hữu. Biết do pháp vô lậu có thể đạt được Niết Bàn và chứng Duyên Giác chính là được thảo loại trung, trần thuật sự hiểu biết ân “trừ lạnh, nóng, kiến chấp, ái kiến” rất hy hữu. Được thảo loại thượng và cây nhỏ là thên [vì thực hành] Tiểu pháp, hâm mộ Đại pháp, trần thuật ân “biết ngăn che sự hèn kém” rất hy hữu. [Nói đến] cây to là trần thuật ân trang nghiêm rất hy hữu. Sự thật tối hậu là “cùng một cuộc đất, cùng một cơn mưa”, trần thuật ân “giao phó gia tài, ngồi nơi pháp tòa, [thụ hưởng] tài pháp nơi thân tâm tự tại an lạc” rất hy hữu. Đức Phật trần thuật, tán thán các sự sai biệt ấy. Sau khi nói xong phần kinh văn tán thán mười ân, bèn trần thuật sự tán thán chẳng sai biệt; đó chính là một đại ân.

Phần kinh văn Trường Hàng “trần thuật căn kẽ sự thành tựu” đã xong.

5.1.2.2. Trùng tụng

5.1.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Phá hữu pháp vương, xuất hiện thế gian, tùy chúng sanh dục, chủng chủng thuyết pháp. Như Lai tôn trọng, trí huệ thâm viển, cứu mặc tư yếu²⁵², bất vụ tốc thuyết. Hữu trí nhược văn, tắc năng tín giải, vô trí nghi hối, tắc vi vĩnh thất. Thị cố Ca Diếp, tùy lực vị thuyết, dĩ chủng chủng duyên, linh đắc chánh kiến.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「破有法王，出現世間，隨眾生欲，種種說法。如來尊重，智慧深遠，久默斯要，不務速說。有智若聞，則能信解，無智疑悔，則為永失。是故迦葉，隨力為說，以種種緣，令得正見

。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa ấy, bèn nói kệ rằng: - Pháp vương phá các cõi, xuất hiện trong thế gian, thuận lòng chúng sanh muốn, nói ra đủ loại pháp. Đức Như Lai tôn trọng, có trí huệ sâu xa, với pháp bí yếu này, giữ im lặng đã lâu, chẳng vội nói ra ngay. Nếu người trí được nghe, sẽ có thể tin hiểu. Kẻ vô trí nghi hối, vĩnh viễn bị mất mát. Vì thế, này Ca Diếp, tùy sức vì họ nói, vận dụng các thứ duyên, khiến họ được chánh kiến).

“Phá hữu pháp vương” (Đấng pháp vương phá các cõi)²⁵³: Nhân quả chẳng mất, được gọi là “hữu”. Phạm phu coi Kiến Tư là nhân, Phần Đoạn sanh tử là quả. Nhị Thừa lấy Trần Sa [phiền não] làm nhân, phương tiện biến dịch làm quả. Bồ Tát lấy vô minh làm nhân, tự tánh

²⁵² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Theo chiều dọc, chẳng có ngăn mé, đó là Thâm. Theo chiều ngang, chẳng có giới hạn, đó là Viển. Chẳng nói là Mặc, nhanh chóng hướng đến là Vụ. Pháp Hoa là lẽ bí yếu của đức Phật, Ngài im lặng hơn bốn mươi năm, chẳng nói ra lẽ bí yếu ấy; cho nên nói là cứu mặc tư yếu, bất vụ tốc thuyết”.

²⁵³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đức Phật đã phá hai mươi lăm Hữu, vượt thoát sanh tử, thuộc địa vị pháp vương. Vì thế gọi là ‘phá Hữu pháp vương’. Nói là Hữu vì chúng sanh chấp Có, đức Phật dùng Không để phá. Pháp Hoa Kinh Sở nói ‘phá hết thấy các pháp có sở đắc, cho nên gọi là phá Hữu’. Như nói Nhất Thừa, sẽ phá các pháp sở đắc nơi tam thừa. Nói ‘chẳng phải ba, chẳng phải một’ nhằm phá chấp trước pháp sở đắc nơi Nhất Thừa”.

biến dịch làm quả. Chỉ có chư Phật, đã mất cái nhân ngũ trụ, chôn vùi cái quả nhị tử (Biến Dịch và Phần Đoạn sanh tử), đắc đại tự tại trong các pháp, xuất hiện trong thế gian chỉ vì lợi ích chúng sanh. Vì thế, các giáo pháp Quyền, Thật đều khiến cho người lãnh thọ đạt được lợi ích chẳng hư dối.

Hai câu “tùy chúng sanh dục...” (thuận theo lòng ham muốn của chúng sanh) trùng tụng Quyền Trí nói Quyền giáo. Bốn câu “*Như Lai tôn trọng*²⁵⁴...” trùng tụng Thật Trí nói Thật giáo. Bốn câu “*hữu trí nhược văn...*” (nếu kẻ có trí nghe) nhằm giải thích [vì sao đức Phật] chẳng nhanh chóng nói Thật pháp. Bốn câu từ “*thị có Ca Diếp*” (vì thế này Ca Diếp) trở đi, hiển thị sự hay khéo “trước là Quyền, sau là Thật”. “*Dĩ chủng chủng duyên*” (Dùng các thứ duyên) tức là trước hết bèn thí Quyền, khiến cho họ đạt được chánh kiến; sau đây bèn hiển Thật, chỉ vì Nhất Thật, cho nên gọi là “*chánh kiến*”. Do vậy, trong kinh Niết Bàn, Ca Diếp đồng tử²⁵⁵ đã lãnh giải, bèn thưa: “*Tự thử dĩ tiền, ngã đẳng giai danh tà kiến nhân*” (Từ đây trở về trước, chúng con đều đáng gọi là kẻ tà kiến)!

5.1.2.2.2. Trùng tụng về thí dụ đã lập

5.1.2.2.2.1. Chẳng sai biệt mà sai biệt

5.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng “cái có thể nhuần thấm” chẳng sai biệt

(Kinh) Ca Diếp đương tri, thí như đại vân, khởi u thế gian, biến phú nhất thiết. Huệ vân hàm nhuận, điện quang hoảng diệu, lôi thanh viễn chấn, linh chúng duyệt dục. Nhật quang yểm tế, địa thượng thanh

²⁵⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Riêng vượt xa chín pháp giới là Tôn, phàm lẫn thánh cùng kính ngưỡng là Trọng*”.

²⁵⁵ Ca Diếp đồng tử chính là Ca Diếp Bồ Tát, là một vị Bồ Tát trong pháp hội Đại Bát Niết Bàn. Những lời vấn đáp giữa Ngài và đức Phật được chép thành phẩm Ca Diếp Bồ Tát trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Vị này không phải là ngài Ma Ha Ca Diếp, vì kinh Đại Bát Niết Bàn chép rõ: Sau khi đức Phật đã nhập diệt, các đệ tử đã đặt kim thân của đức Phật vào kim quan xong, đặt nắp lại, ngài Ma Ha Ca Diếp đang nhập tam-muội tại núi Kỳ Xà Quật, bỗng tim nhảy, thân rung, liền xuất Định, thấy núi lẫn cây cối đều chấn động, biết đức Như Lai đã nhập Niết Bàn. Ngài than thở, do lòng kính trọng, chẳng dám dùng thần thông, dẫn năm trăm tỳ-kheo đi bộ bảy ngày mới về đến Câu Thi Na. Đức Phật vì Ngài hiện thần lực, kim quan mở tung nắp, ngàn bức bạch điệp bọc kim thân đều mở tung ra. Ngài bèn dùng hương thủy tắm rửa kim thân của Phật, dùng bông đầu la miên mới bao phủ thân Phật, dùng một ngàn bức bạch điệp mới bọc thân Phật, chủ trì lễ trà-tỳ.

lượng, ái đãi thủy bố, như khả thừa lã. Kỳ vũ phổ đẳng, tứ phương câu hạ, lưu chú vô lượng, suất thổ sung hiệp.

(經)迦葉當知，譬如大雲，起於世間，遍覆一切。慧雲含潤，電光晃曜，雷聲遠震，令眾悅豫。日光揜蔽，地上清涼，飄颻垂布，如可承攬。其雨普等，四方俱下，流澍無量，率土充洽。

(Kinh: Ca Diếp hãy nên biết, ví như vàng mây to, nổi lên trong thế gian, che phủ khắp hết thủy. Mây trí huệ nhuần chứa, ánh chớp lờ chọi ngời, tiếng sấm rền xa thẳm, khiến mọi loài sướng vui. Ánh mặt trời ẩn khuất, cõi đất được mát mẻ. Mây dày giăng bủa thấp, dường như nắm lấy được. Mưa tuôn khắp bình đẳng, bốn phương đều trút xuống, tuôn rót đều vô lượng, khắp cõi đều tưới dẫm).

Mây ví như Ứng Thân, Ứng Thân thuận theo trí huệ mà hành. Vì thế nói là “huệ vân”. Có thể trọn đủ mười hai bộ pháp; vì thế nói là “hàm nhuận”. “Điện quang hoảng diệu” (Ánh chớp lóe sáng lòa) ví như thân tỏa quang minh lớn. “Lôi thanh viễn chấn” (Tiếng sấm vang rền tận phương xa) ví như miệng tuyên thuyết Tứ Biện Tài. “Nhật quang yếm tế” (Ánh sáng mặt trời bị che lấp): Ví như chín mươi lăm thứ tà quang chẳng hiện. “Địa thượng thanh lương” (Cõi đất được mát mẻ): Ví như chín mươi tám thứ nhiệt não được trừ khử. “Ái đãi thủy bố, như khả thừa lã” (Mây dày giăng rất thấp, dường như có thể nắm được): Ví như oai nghi và tướng hảo nơi Ứng Thân dường như giống [chúng sanh trong] tam hữu, người có tâm toan nắm bắt, nhưng thật sự chẳng thể được! “Kỳ vũ phổ đẳng, tứ phương câu hạ” (Trận mưa ấy bình đẳng trọn khắp, bốn phương đều trút xuống): Ví như bát âm, tứ biện tài ứng khắp các căn cơ. “Lưu chú vô lượng” (Tuôn rót vô lượng): Ví như trong mỗi thời đều chứa đủ ngũ thời, bát giáo. “Suất thổ sung hiệp” (Cả cõi đất đều được tưới dẫm): Sánh ví những ai có tâm đều được lợi ích nhuần thấm. Trong mỗi thời, ai nấy đều đạt được lợi ích thuộc ngũ vị trong Tạng, Thông, Biệt, Viên, đốn, tiệm, bí mật và bất định!

5.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng “cái có thể sanh” [bình đẳng, nhưng] “cái được sanh” thì được nhuần thấm sai biệt

(Kinh) Sơn, xuyên, hiểm cốc, u thúy sở sanh, hỷ mộc, được thảo, đại tiểu chư thụ, bách cốc miêu giá, cam giá, bồ đào, vũ chi sở nhuận, vô bất phong túc. Càn địa phổ hiệp, được mộc tịnh mậu. Kỳ vân sở xuất, nhất vị chi thủy. Thảo mộc, tùng lâm, tùy phần thọ nhuận. Nhất thiết chư thụ, thượng, trung, hạ đẳng, xứng kỳ đại tiểu, các đắc sanh trưởng. Cấn, hành, chi, diệp, hoa quả quang sắc. Nhất vũ sở cập, giai đắc tiền trạch.

(經)山川險谷，幽邃所生，卉木藥草，大小諸樹，百穀苗稼，甘蔗葡萄，雨之所潤，無不豐足。乾地普洽，藥木並茂。其雲所出，一味之水，草木叢林，隨分受潤。一切諸樹，上中下等，稱其大小，各得生長。根莖枝葉，華果光色。一雨所及，皆得鮮澤。

(Kinh: Núi, sông, hang hiểm trở, chỗ tắm tối sanh trưởng, thảo mộc và cỏ thuốc, các loại cây lớn, nhỏ, trăm giống lúa, mộng mạ, các thứ mía và nho, được mưa tưới nhuận thấm, không gì chẳng tươi tốt. Đất khô được tưới khắp, thuốc, cây đều sum suê. Vàng mây tuôn mưa xuống, nước chỉ có một vị, nhưng thảo mộc, rừng rậm, tùy phần được tưới tắm. Hết thấy các cây cối, thuộc loại thượng, trung, hạ, tương xứng lớn hay bé, thấy đều được sanh trưởng. Rễ, thân, cùng cành, lá, hoa, quả, sắc sáng đẹp. Một trận mưa tuôn xuống, đều cùng được tươi nhuận).

“Sơn, xuyên, hiểm cốc” (Núi, sông, hang hiểm trở): Trùng tụng đại lược chỗ có thể sanh. “U thúy” (Tối tăm, sâu thẳm): Ví như tập nhân mà chúng sanh gieo trồng đã lâu, ẩn tàng trong sắc tâm nơi quả báo. “Bách cốc”: Sánh ví Thập Thiện trang nghiêm lẫn nhau. Thập Thiện là “bách” (một trăm). “Cam giá” (Mía) thể chất là một, có thể sánh ví cảnh sở duyên bởi Thiên Định. “Bồ đào” (Nho) có hình thể nhiều, có thể sánh ví trí huệ phá Hoặc nhiều. Đất khô được tưới đầm trọn khắp, ví như khiến cho kẻ chưa tin sẽ tin. Những điều khác dễ hiểu.

Phần thứ nhất, trùng tụng “chẳng sai biệt mà sai biệt” đã xong!

5.1.2.2.2. Trùng tụng sai biệt mà chẳng sai biệt

(Kinh) Như kỳ thể tướng, tánh phân đại, tiểu, sở nhuận thị nhất, nhi các tư mậu.

(經)如其體相，性分大小，所潤是一，而各滋茂。

(Kinh: Như thể tướng của chúng, tánh chia ra lớn, nhỏ, nhuận thấm đều như một, mỗi thứ được sum suê).

Hai câu đầu trùng tụng cái được sanh trưởng, được nhuận thấm. Câu thứ ba trùng tụng chủ thể thực hiện [nhuận thấm] (tức mây tuôn mưa) không sai biệt. Lược đi chẳng trùng tụng cái có thể sanh trưởng (đất đai), tức là coi cái được sanh (cỏ cây, dược thảo, bách cốc, mía, nho) là chuyện nói kèm thêm. Câu thứ tư trùng tụng “[các loài thảo mộc] sai biệt mà chúng chẳng tự biết”.

Phần thứ hai, “trùng tụng về thí dụ được lập” đã xong.

5.1.2.2.2.3. Trùng tụng chuyện đối ứng thí dụ với pháp

5.1.2.2.2.3.1. Trùng tụng đối ứng “chẳng sai biệt mà sai biệt” với pháp

5.1.2.2.2.3.1.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “cái có thể nhuận thấm”

(Kinh) Phật diệt như thị, xuất hiện ư thế. Thí như đại vân, phổ phú nhất thiết. Kỳ xuất ư thế, vị chư chúng sanh, phân biệt diễn thuyết, chư pháp chi thật. Đại thánh Thế Tôn, ư chư thiên nhân, nhất thiết chúng trung, nhi tuyên thị ngôn: “Ngã vi Như Lai, lưỡng túc chi tôn, xuất ư thế gian, do như đại vân, sung nhuận nhất thiết, khô cảo chúng sanh, giai linh ly khổ, đắc an ổn lạc, thế gian chi lạc, cập Niết Bàn lạc. Chư thiên nhân chúng, nhất tâm thiện thính, giai ứng đảo thử, cận Vô Thượng Tôn. Ngã vi Thế Tôn, vô năng cập giả, an ổn chúng sanh. Cố hiện ư thế, vị đại chúng thuyết, cam lộ tịnh pháp”. Kỳ pháp nhất vị, giải thoát Niết Bàn. Dĩ nhất diệu âm, diễn sướng tư nghĩa, thường vị Đại Thừa, nhi tác nhân duyên.

(經)佛亦如是，出現於世。譬如大雲，普覆一切。既出於世，為諸眾生，分別演說，諸法之實。大聖世尊，於諸天人，一切眾中，而宣是言：「我為如來，兩足之尊，出於世間，猶如大雲，充潤一切，枯槁眾生，皆令離苦，

得安隱樂，世間之樂，及涅槃樂。諸天人眾，一心善聽，皆應到此，覲無上尊。我為世尊，無能及者，安隱眾生。故現於世，為大眾說，甘露淨法」。其法一味，解脫涅槃。以一妙音，演暢斯義，常為大乘，而作因緣。

(Kinh: Phật cũng như thế đó, xuất hiện trong cõi đời. Ví như vàng mây to, che trọn khắp hết thấy. Đã xuất hiện trong đời, bèn vì các chúng sanh, phân biệt để diễn nói, thật tướng của các pháp. Đức đại thánh Thế Tôn, ở trong các trời người, trong hết thấy đại chúng, tuyên nói như thế này: “Ta chính là Như Lai, là đáng phước trí vẹn, xuất hiện trong thế gian, ví như vàng mây lớn, tưới đầm cho hết thấy, các chúng sanh khô héo, đều khiến họ lìa khổ, đạt niềm vui an ổn, cùng niềm vui thế gian, và niềm vui Niết Bàn. Các đại chúng trời người, hãy một dạ lắng nghe, đều nên đến nơi đây, thân cận đáng Vô Thượng. Ta chính là Thế Tôn, không ai sánh bằng nổi, vì an ổn chúng sanh, nên hiện ra trong đời. Vì đại chúng nói ra, pháp thanh tịnh cam lộ”. Pháp ấy chỉ một vị, giải thoát, đắc Niết Bàn. Dùng một âm màu nhiệm, diễn nói trọn nghĩa ấy, thường hay vì Đại Thừa, mà tạo nhân duyên đó).

Ba bài kệ kể từ “kỳ xuất ư thế” (đã xuất hiện trong thế gian) trở đi, trùng tụng đại lược mười hiệu. Sáu câu như “sung nhuận nhất thiết...” (tưới nhuận sung mãn hết thấy) trùng tụng đại lược Tứ Hoằng Thệ, chẳng trùng tụng bốn pháp môn khác. Bốn bài kệ từ câu “chư thiên nhân chúng” trở đi nhằm trùng tụng khuyên nghe nhận. “Kỳ pháp nhất vị” (Pháp ấy một vị): Bảy loại phương tiện, không gì chẳng đều quy vào Nhất Thừa, sai biệt mà chẳng sai biệt. “Thường vì Đại Thừa, nhi tác nhân duyên” (Thường vì Đại Thừa mà tạo nhân duyên): Đã tạo nhân duyên, ắt dùng phương tiện, tức là chẳng sai biệt mà sai biệt.

5.1.2.2.3.1.2. Cùng trùng tụng “cái có thể sanh” và “cái được sanh”

(Kinh) Ngã quán nhất thiết, phổ giai bình đẳng, vô hữu bỉ thử, ái tăng chi tâm. Ngã vô tham trước, diệc vô hạn ngại, hằng vị nhất thiết, bình đẳng thuyết pháp. Như vị nhất nhân, chúng đa diệc nhiên. Thường diễn thuyết pháp, tăng vô tha sự. Khứ, lai, tọa, lập, chung bất bì yếm, sung túc thế gian, như vũ phổ nhuận.

(經)我觀一切，普皆平等，無有彼此，愛憎之心。我無貪著，亦無限礙，恆為一切，平等說法。如為一人，眾多亦然。常演說法，曾無他事。去來坐立，終不疲厭，充足世間，如雨普潤。

(Kinh: Ta quán sát hết thấy, đều trọn là bình đẳng, chẳng hề có đây kia, ôm lòng ghét yêu nhau. Ta chẳng có tham chấp, cũng chẳng bị ngăn ngại, luôn luôn vì hết thấy, bình đẳng mà thuyết pháp. Như vì một người nói, đông người cũng vẫn thế. Thường luôn diễn nói pháp, chưa từng làm chuyện khác. Đi, đến, và ngồi, đứng, trọn chẳng hề chán mệt, sung túc khắp thế gian, như mưa nhuần thấm khắp).

Đoạn kinh văn trên đây đối ứng pháp với “cái có thể sanh” và “cái được sanh”, tức là nói vô số ngàn vạn ức loại chúng sanh tới chỗ đức Phật để nghe pháp. Bài kệ tụng này nói rõ: Đức Phật quán hết thấy đều trọn khắp bình đẳng. Căn cơ Phật là “thử” (cái này), các căn cơ khác là “bỉ” (cái kia). Phật thuyết pháp bình đẳng, chẳng đối với người có căn cơ thành Phật mà yêu thương, chán ghét các căn cơ khác! Ví như mưa xối xuống, chẳng chọn lựa khe suối hay hang hốc. Phật sự là Tự, ma sự là Tha. Ứng lúc sau là Khứ (đi), ứng thoát đầu là Lai (đến). Nhập Thật là Tọa (ngồi), xuất Quyền là Lập (đứng). Các điều khác dễ hiểu.

5.1.2.2.2.3.1.3. Trùng tụng kép sự đối ứng “cái có thể nhuần thấm” và “cái được nhuần thấm” với pháp

5.1.2.2.2.3.1.3.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của cái có thể nhuận

(Kinh) Quý, tiện, thượng, hạ, trì giới, hủy giới, oai nghi cụ túc, cập bất cụ túc, chánh kiến, tà kiến, lợi căn, độn căn, đẳng vũ pháp vũ, nhi vô giải quyện.

(經)貴賤上下，持戒毀戒，威儀具足，及不具足，正見邪見，利根鈍根，等雨法雨，而無懈倦。

(Kinh: Sang, hèn, và trên, dưới, trì giới hay hủy giới, oai nghi đều trọn đủ, và kẻ chẳng trọn đủ, chánh kiến với tà kiến, lợi căn hoặc độn căn, bình đẳng tuôn mưa pháp, nhưng chẳng hề lười mỏi).

Đây là trùng tụng Như Lai khi đó quán các chúng sanh ấy là lợi căn hay độn căn, tinh tấn hay giải đãi, tùy theo sức họ kham được mà vì họ thuyết pháp. “Quý, tiện, thượng, hạ” là xét theo địa vị. “Trì giới, hủy giới” là xét theo hạnh. Lợi căn hay độn căn là xét theo sự tu tập. Căn phải dựa theo ngũ thừa bảy phương tiện để lần lượt nói.

5.1.2.2.2.3.1.3.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “cái được nhuần thấm”

5.1.2.2.2.3.1.3.2.1. Trùng tụng “hoan hỷ thiện lợi, đời hiện tại an ổn” tương ứng với thí dụ “tưới đầm trọn khắp”

(Kinh) Nhất thiết chúng sanh, văn ngã pháp giả, tùy lực sở thọ, trụ u chư địa, hoặc xử nhân thiên, Chuyển Luân Thánh Vương, Thích, Phạm chư vương, thị tiểu được thảo. Tri vô lậu pháp, năng đắc Niết Bàn, khởi lực thần thông, cập đắc Tam Minh, độc xử sơn lâm, thường hành Thiền Định, đắc Duyên Giác chứng, thị trung được thảo. Cầu Thế Tôn xứ, ngã đương tác Phật, hành tinh tấn Định, thị thượng được thảo. Hựu chư Phật tử, chuyên tâm Phật đạo, thường hành từ bi, tự tri tác Phật, quyết định vô nghi, thị danh tiểu thụ. An trụ thần thông, chuyển bất thoái luân, độ vô lượng ức, bách thiên chúng sanh. Như thị Bồ Tát, thị danh đại thụ. Phật bình đẳng thuyết, như nhất vị vũ, tùy chúng sanh tánh, sở thọ bất đồng. Như bĩ thảo mộc, sở bẩm các dị. Phật dĩ thử dụ, phương tiện khai thị, chủng chủng ngôn từ, diễn thuyết nhất pháp. Ư Phật trí huệ, như hải nhất trích.

(經)一切眾生，聞我法者，隨力所受，住於諸地，或處人天，轉輪聖王，釋梵諸王，是小藥草。知無漏法。能得涅槃，起六神通，及得三明，獨處山林，常行禪定，得緣覺證，是中藥草。求世尊處，我當作佛，行精進定，是上藥草。又諸佛子，專心佛道，常行慈悲，自知作佛，決定無疑，是名小樹。安住神通，轉不退輪，度無量億，百千眾生。如是菩薩，是名大樹。佛平等說，如一味雨，隨

眾生性，所受不同。如彼草木，所稟各異。佛以此喻，方便開示，種種言辭，演說一法。於佛智慧，如海一滴。

(Kinh: Hết thấy các chúng sanh, được nghe pháp của ta, tùy sức mình tiếp nhận, trụ trong các địa vị, hoặc ở trong trời, người, hoặc Chuyển Luân Thánh Vương, Đế Thích, Phạm các vua, đó là cỏ thuốc nhỏ. Biết do pháp vô lậu, có thể đắc Niết Bàn, dấy lên sáu thần thông, cùng với ba thứ Minh, ở riêng nơi núi rừng, để thường hành Thiền Định, được chứng quả Duyên Giác, là cỏ thuốc bậc trung. Cầu nơi đức Thế Tôn, con sẽ được thành Phật, thực hành tinh tấn Định, là cỏ thuốc bậc thượng. Lại có các Phật tử, chuyên tâm nơi Phật đạo, thường thực hành từ bi, tự biết sẽ thành Phật, quyết định chẳng ngại vực. Gọi đó là cây nhỏ. An trụ trong thần thông, chuyển pháp luân bất thoái, hóa độ vô lượng ức, trăm ngàn các chúng sanh. Hàng Bồ Tát như thế, được gọi là cây to. Phật bình đẳng thuyết pháp, như mưa chỉ một vị, tùy căn tánh chúng sanh, mà bám thọ sai khác. Như loài cỏ cây kia, mỗi loài hưởng mỗi khác. Phật dùng thí dụ này, để phương tiện khai thị, dùng các thứ ngôn từ, hồng diễn nói một pháp. Ở nơi trí huệ Phật, như một giọt nước biển).

Bài kệ thứ nhất, nêu chung các thứ được nhuần thấm. Bảy bài kệ kế đó, nói riêng từng thứ được nhuần thấm. Ba bài kệ sau cùng nhằm kết luận, và nói rõ “cái có thể nhuần thấm” chẳng thể nghĩ bàn! Các vua trong hàng trời, người đều chưa đoạn Hoặc. Vì thế, tương ứng với cỏ nhỏ. Nhị Thừa đều có đoạn chứng, cho nên tương ứng với thảo mộc loại trung. Hàng Bồ Tát vâng hành Lục Độ, chí cầu làm Phật, đã phát tâm vượt xa hàng Nhị Thừa. Vì thế, riêng họ là thảo mộc bậc thượng. Thông Giáo Bồ Tát đã đoạn Thông Hoặc, thề nâng đỡ hóa độ chúng sanh còn có tập khí sót thừa. Vì thế gọi là cây nhỏ. Biệt Giáo Bồ Tát tự hành, hóa độ người khác, phước huệ cao rộng; cho nên gọi là cây to. Lại có thể dựa vào ý nghĩa của hàng Bồ Tát trong tam giáo, mỗi giáo đều có ba loại cây tiểu, trung, đại, Lục Độ thì xét theo ba A-tăng-kỳ, Thông Giáo thì xét theo Thất Địa, Bát Địa, và Cửu Địa, Biệt Giáo xét theo ba mươi tâm. Trí huệ của Phật như một giọt nước biển có thể thấm nhuần như biển. Đối với một giọt công đức, trong vô lượng ức kiếp, vẫn chẳng thể nói trọn hết được!

5.1.2.2.3.1.3.2.1.2. Trùng tụng “đời sau sanh vào chốn lành, cho đến dần dần nhập đạo” đối ứng với “sanh trưởng, đơm hoa, kết hạt”

(Kinh) Ngã vũ pháp vũ, sung mãn thế gian. Nhất vị chi pháp, tùy lực tu hành, như bĩ từng lâm, dược thảo chư thụ, tùy kỳ đại tiểu, tiệp tăng mậu hảo. Chư Phật chi pháp, thường dĩ nhất vị, linh chư thế gian, phổ đắc cụ túc, tiệp thứ tu hành, giai đắc đạo quả. Thanh Văn, Duyên Giác, xử ư sơn lâm, trụ tối hậu thân, văn pháp đắc quả. Thị danh dược thảo, các đắc tăng trưởng. Nhược chư Bồ Tát, trí huệ kiên cố, liễu đạt tam giới, cầu tối thượng thừa. Thị danh tiểu thụ, nhi đắc tăng trưởng. Phục hữu trụ Thiên, đắc thần thông lực, văn chư pháp Không, tâm đại hoan hỷ, phóng vô số quang, độ chư chúng sanh. Thị danh đại thụ, nhi đắc tăng trưởng.

(經)我雨法雨，充滿世間。一味之法，隨力修行，如彼叢林，藥草諸樹，隨其大小，漸增茂好。諸佛之法，常以一味，令諸世間，普得具足，漸次修行，皆得道果。聲聞緣覺，處於山林，住最後身，聞法得果。是名藥草，各得增長。若諸菩薩，智慧堅固，了達三界，求最上乘。是名小樹，而得增長。復有住禪，得神通力，聞諸法空，心大歡喜，放無數光，度諸眾生。是名大樹，而得增長。

(Kinh: Ta tuôn cơn mưa pháp, sung mãn khắp thế gian, là pháp chỉ một vị, họ tùy sức tu hành, như khu rừng rậm kia, dược thảo, các loại cây, tùy từng loại lớn, nhỏ, dần dần thêm tươi tốt. Pháp của các vị Phật, thường là dùng một vị, khiến cho các thế gian, trọn đều được đầy đủ, theo thứ tự tu dần, đều sẽ đắc đạo quả. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, ở trong chốn núi rừng, trụ nơi thân cuối cùng, nghe pháp bèn đắc quả. Đó gọi là cỏ thuốc, mỗi loài được tăng trưởng. Nếu các vị Bồ Tát, trí huệ đều kiên cố, liễu đạt trọn tam giới, mong cầu tối thượng thừa. Đó gọi là cây nhỏ, mà cùng được tăng trưởng. Lại có người trụ Thiên, đạt được sức thần thông, nghe nói các pháp Không, tâm bèn đại hoan hỷ, tỏa vô số quang minh, hóa độ các chúng sanh. Đó gọi là cây to, mà cùng được tăng trưởng).

Hai bài kệ đầu trùng tụng chung sự tăng trưởng. Sáu bài kệ rưỡi kệ đó, trùng tụng riêng sự tăng trưởng [của từng loại chúng sanh]. Trong phần trùng tụng riêng, sáu câu kệ từ “*chư Phật chi pháp*” (pháp của chư Phật), nói về sự tăng trưởng của nhân, thiên. Sáu câu kệ từ chữ Thanh Văn trở đi, nói đến sự tăng trưởng của Nhị Thừa. “*Trụ tối hậu thân*” (Trụ nơi thân cuối cùng) có hai nghĩa:

- Một là Nhị Thừa nếu chẳng gặp Phật, chưa chắc đã là thân cuối cùng! Do được thấy Phật, trở thành thân cuối cùng; đó chính là ý nghĩa “*tăng trưởng*”.

- Hai là Nhị Thừa đã trụ Hữu Dư Niết Bàn, gọi là “*thân cuối cùng*”. Nay được nghe pháp Đại Thừa, đạt được quả Đại Thừa, tức là nghĩa “*tăng trưởng*”.

Kể đó, sáu câu kệ từ “*chư Bồ Tát*” trở đi, nói về sự tăng trưởng của Thông Giáo, thấu hiểu pháp, trí nhạy bén; vì thế gọi là “*kiên cố*”. Đoạn tam giới Hoặc, nên gọi là “*liễu đạt*”. Kể đó, hai bài kệ từ “*phục hữu trụ Thiên*” (lại có người trụ Thiên) trở đi, nói về sự tăng trưởng của Biệt Giáo. Thiên và thần thông chính là sức nhập Giả. Nghe các pháp Không, tâm đại hoan hỷ, tức là nghe Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Không, có thể tùy thuận quan sát. Lược đi chẳng trùng tụng sự tăng trưởng Lục Độ. Lục Độ là Quyền trong Quyền. Có giáo mà chẳng có người [tu tập giáo pháp ấy], lại chưa đoạn Hoặc, có thể xếp vào hàng nhân thiên.

Phần thứ nhất, trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “chẳng sai biệt mà sai biệt” đã xong.

5.1.2.2.2.3.1.3.2.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “sai biệt mà chẳng sai biệt” (kinh văn nói chi tiết, còn trùng tụng nói đại lược)

(Kinh) Như thị Ca Diếp! Phật sở thuyết pháp, thí như đại vân, nhuận nhất vị vũ, nhuận ư nhân hoa, các đắc thành thật. Ca Diếp đương tri: Dĩ chư nhân duyên, chủng chủng thí dụ, khai thị Phật đạo, thị ngã phương tiện, chư Phật diệt nhiên. Kim vị nhữ đẳng, thuyết tối thật sự. Chư Thanh Văn chúng, giai phi diệt độ. Nhữ đẳng sở hành, thị Bồ Tát đạo, tiệm tiệm tu học, tất đương thành Phật.

(經)如是迦葉！佛所說法，譬如大雲，以一味雨，潤於人華，各得成實。迦葉當知：以諸因緣，種種譬喻，開示佛道，是我方便，諸佛亦然。今為汝等，說最實事。諸

聲聞眾，皆非滅度。汝等所行，是菩薩道，漸漸修學，悉當成佛」。

(Kinh: Như thế đó, Ca Diếp! Pháp do Phật đã nói, ví như vàng mây to, dùng trận mưa một vị, nhuần thấm các hoa người, khiến họ đều kết trái. Ca Diếp hãy nên biết: Vận dụng các nhân duyên, và các thứ thí dụ, để khai thị Phật đạo, là phương tiện của ta, chứ Phật cũng như thế. Nay ta vì các ông, nói sự thật cuối cùng. Các vị Thanh Văn ấy, đều chẳng phải diệt độ. Những gì các ông hành, đều là đạo Bồ Tát, hãy tu học dần dần, thấy sẽ đều thành Phật).

Sáu câu đầu nêu thí dụ phù hợp khít khao với ý nghĩa “chẳng sai biệt mà sai biệt, sai biệt tức là chẳng sai biệt”. Mưa một vị là chẳng sai biệt. “*Nhuần ư nhân hoa*” (Nhuần thấm các loại hoa trong loài người) là nói tới bảy loại hoa thiện nhân (bảy loại phương tiện) sai biệt, mỗi loại đều được thành tựu Thật, Tứ Vi rốt ráo cùng trở về đại địa, sai biệt chính là chẳng sai biệt. Ba bài kệ rưới kết đó, kết lại [ý nghĩa] “Quyền Thật bất nhị”. Dùng các nhân duyên, các loại thí dụ [để hiển thị] “ngay nơi Thật chính là Quyền”. Khai thị Phật đạo, ngay nơi Quyền chính là Thật. “*Kim vị như đẳng, thuyết tối thật sự*” (Nay ta vì các ông, nói sự thật cuối cùng) chính là khai hiển Thật, chẳng giống như Quyền đối với Thật trong Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã v.v... tức là Giáo Nhất. “*Thanh Văn giai phi diệt độ*” (Các Thanh Văn đều chẳng diệt độ) tức là Nhân Nhất. “*Nhữ đẳng sở hành thị Bồ Tát đạo*” (Những điều các ông hành chính là Bồ Tát đạo) tức Hạnh Nhất. “*Tiệm tiệm tu học, tất đương thành Phật*” (Tu học dần dần, đều sẽ thành Phật): Tri kiến của Phật chính là Lý Nhất.

Phần thứ ba, “Như Lai trần thuật sự thành tựu trong Thí Thuyết Châu” đã xong. Giải thích phẩm Dược Thảo Dụ xong. Tiếp theo đây, sẽ giải thích phẩm Thọ Ký.

6. Thọ Ký Phẩm Đệ Lục

授記品第六

Phẩm thứ sáu: Thọ Ký

Âm tiếng Phạn là Hòa Già La (Vyākāraṇa), phương này dịch là Thọ Ký (授記), cũng nói là Thọ Ký (受記), Thọ Quyết (受決), Thọ Biệt (受別). Thọ (授) nghĩa là “trao cho”. Thọ (受) có nghĩa là “đạt được”. Ký (記) là ghi nhận sự việc. Quyết (決) là quyết định. Biệt (別) là liễu biệt (rành rẽ chắc chắn). Các kinh có thể đả phá thọ ký, như kinh Tịnh Danh nói: “*Vị tùng Như sanh đắc thọ ký? Vị tùng Như diệt đắc thọ ký? Như vô sanh diệt, tác tri vô ký*” (Do Như sanh mà được thọ ký? Hay do Như diệt mà được thọ ký? “Như” chẳng có sanh diệt, cho nên biết là chẳng thọ ký). Kinh Tư Ích nói: “*Nguyện bất văn thọ ký danh*” (Nguyện chẳng nghe thấy danh xưng thọ ký). Kinh Đại Phẩm [Bát Nhã] nói: “*Thọ ký thị hý luận*” (Thọ ký là hý luận). Nay kinh này vì sao [lại thọ ký?]

Đáp: - Nếu thấy có thọ ký và người được thọ ký, thì cái Thấy ấy cần phải phá trừ. Nếu Bồ Tát thề được thọ ký, sự thọ ký ấy cần phải tương ứng với đường lối tu hành chung (đó là đáp theo cách hiểu thông thường). Lại nữa, Thế Đế thì có thọ ký, Đệ Nhất Nghĩa thì không (bốn giáo đều luận Nhị Đế, há nên dùng Chân để cật vấn Tục?) Lại nữa, khi dùng Tứ Tất Đàn để giải thích thì có thọ ký. Như trong phần sau có nói (bốn giáo, mỗi giáo đều luận định Tứ Tất Đàn). Nay kinh này có năm ý:

- Hoặc là thọ ký theo đường lối chung, như phần đầu phẩm Pháp Sư; hoặc thọ ký riêng biệt, như cuối phần tam châu (loại thứ nhất là Thông Biệt Ký).

- Hoặc thọ ký theo chánh nhân như ngài Thường Bất Khinh [thọ ký mọi người đều thành Phật]. Hoặc thọ ký theo duyên nhân, như mười loại cúng dường được nói trong phẩm Pháp Sư. Hoặc thọ ký theo liễu nhân, như thọ ký cho người thuộc ba loại căn cơ. Thọ ký theo chánh nhân thì rộng, [thọ ký theo] duyên nhân và liễu nhân thì hẹp (loại thứ hai là Tam Nhân Ký, tức thọ ký theo ba loại nhân).

- Hoặc thọ ký chậm, hoặc thọ ký nhanh (loại thứ ba là Nhanh Chậm. Chậm thì như [thọ ký cho] Thanh Văn, nhanh thì như [thọ ký cho] long nữ).

- Hoặc thọ ký thành Phật, như kinh văn trong phẩm này. Hoặc thọ ký quả Bồ Tát, như trong phẩm Thường Bất Khinh, tuy không có tên kiếp và quốc độ nhất định, vẫn có thể coi là thọ ký (loại thứ tư là thầy trò trợ ký).

- Lại còn có huyền ký, như trong phẩm Hóa Thành, thọ ký cho các đệ tử trong vị lai (loại thứ năm là thọ ký trong hiện tại hay vị lai).

Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội nói bốn loại thọ ký, nay kinh này đều có đủ [các loại ấy]:

- Chưa phát tâm đã được thọ ký, như trong phẩm Thường Bất Khinh. Phát tâm hiện tiền vô sanh, chính là sự thọ ký trong tam châu. Xét theo Tứ Tất Đàn, chư Phật vốn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian, khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Nay đại sự đã được hiển lộ, đức Phật đã nói xong, chúng sanh đã nhập, thỏa thích bốn hoài của Phật, nguyện của chúng sanh đã mãn, theo đúng pháp phải nên thọ ký. Như cha gặp con, há chẳng giao phó tài sản? Lại nữa, hành nhân có hạnh nguyện trong vô lượng đời và nguyện ở nơi đức Phật hiện tại. Kinh văn chép: “*Kỳ bốn nguyện như thử, cố hoạch tu ký*” (Bốn nguyện của người ấy như thế, cho nên nay được thọ ký như vậy). Hai duyên ấy chính là vì Thế Giới Tất Đàn mà được thọ ký (loại đầu là so sánh giữa căn cơ và ứng hiện; loại thứ hai chỉ xét theo căn cơ của chúng sanh).

- Lại nữa, Nhị Thừa nghe kinh, đổi Tiểu pháp, tiến nhập Đại pháp, viên nhân đã trọn, nhân ắt chuốc quả. Vì thế, Như Lai thọ ký. Lại nữa, đại chúng khi ấy đều biết, phát nguyện vì sanh thân, Pháp Thân, nội ngoại quyến thuộc, hoặc nguyện chỉ sanh về cõi ấy hòng lợi ích chúng sanh. Hai loại này chính là do Vị Nhân Tất Đàn mà thọ ký (một là tự mình sanh điều lành cho chính mình, hai là có thể sanh điều thiện cho người khác).

- Lại nữa, thọ ký cho Nhị Thừa, nhằm phá trừ [ý niệm] muốn thoái Đại nhập Tiểu của Bồ Tát. Vì sao? Nếu chắc chắn có Nhị Thừa, sẽ có thể lui sụt thành Tiểu Thừa. Nếu chẳng nhất định có Nhị Thừa, sao có thể lui sụt cho được? (Một là phá điều ác “muốn lui sụt thành Tiểu Thừa”). Lại còn phá ý niệm muốn phát tâm Nhị Thừa. Các vị ấy đã xả sở chứng, sao ta còn giữ lấy? (Điều thứ hai là phá điều ác “muốn phát tâm Tiểu Thừa”). Lại còn phá trừ những kẻ chưa thay đổi ý nguyện [hành trì] Tiểu Thừa, tức là thay đổi Tiểu pháp (điều thứ ba là “thẳng thừng phá điều ác Tiểu Thừa”). Lại còn đối với người sắp chứng Tiểu quả, khiến cho chẳng chứng (điều thứ tư là phá điều ác “muốn chứng Tiểu quả”). Bốn loại ấy chính là do Đối Trị Tất Đàn mà thọ ký.

- Lại nữa, vô sanh hiện tiền, ắt do đã hiểu Thật, mở mang tri kiến của Phật chẳng sai lầm. Vì thế, bèn thọ ký. Lại nữa, hết thấy chúng sanh chỉ có chánh nhân, chẳng có duyên nhân. Nay Tiểu Thừa nghe kinh tín giải, duyên nhân và chánh nhân đều trọn đủ, mở mang tri kiến của Phật,

cho nên được thọ ký. Hai loại này chính là vì Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn mà thọ ký.

Bốn loại thọ ký ấy đã thâm nhiếp trọn hết thảy các thứ thọ ký. Hạng trung căn nghe “*khai tam, hiển nhất*” trong hai châu Pháp Thuyết và Thí Thuyết, bèn lãnh ngộ, thấu hiểu trọn đủ, [được nghe] Như Lai trần thuật sự thành tựu, tuy tự biết chính mình sẽ thành Phật, nhưng chưa hiểu rõ thời và sự, nếu được lời thành thật của Phật thọ ký họ sẽ đắc cái quả ấy, kiếp số và quốc độ quyết định, hiểu rành rẽ [thời gian thành Phật] gần hay xa, họ sẽ hoan hỷ to lớn. Nay do được đức Phật thọ ký mà đặt tên [cho phẩm kinh này]; vì thế gọi là phẩm Thọ Ký.

Lại luận định chung thì ghi nhớ chuyện trong cả mười pháp giới đều gọi là “*thọ ký*”. Nay chỉ thọ ký thành Phật. Lại nữa, Phật trong tứ giáo đều có thọ ký; nhưng nay chỉ nói về Viên Giáo. Lại còn có thọ ký cho Pháp Thân và Ứng Thân, nay chỉ nói đến Ứng Thân. Xét theo Bốn Tích, các vị đại đệ tử đã được thọ ký từ lâu, nay nơi Tích thị hiện được thọ ký lần đầu, nhằm dẫn khởi người thực hành quán tâm sẽ có thể quán “*tâm tánh chính là Không, Giả, Trung*”, liền được chư Phật thọ ký, và cũng có thể thọ ký cho hết thảy giống như ngài Thường Bất Khinh.

6.1. Thí Thuyết Châu, truyền trao thọ ký

6.1.1. Thọ ký cho bậc trung căn

6.1.1.1. Thọ ký cho ngài Đại Ca Diếp

6.1.1.1.1. Trường Hàng

6.1.1.1.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị kệ dĩ, cáo chư đại chúng, xướng như thị ngôn: - Ngã thử đệ tử Ma Ha Ca Diếp, ư vị lai thế, đương đắc phụng cận tam bách vạn ức chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, quảng tuyên chư Phật vô lượng Đại pháp.

(經)爾時，世尊說是偈已，告諸大眾，唱如是言：

「我此弟子摩訶迦葉，於未來世，當得奉觀三百萬億諸佛世尊，供養，恭敬，尊重，讚歎，廣宣諸佛無量大法。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo các đại chúng, xướng lời như thế này: - Đệ tử Ma Ha Ca Diếp này của ta trong đời vị lai, sẽ được phụng sự, thân cận ba trăm vạn ức chư Phật Thế Tôn,

cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, rộng tuyên vô lượng Đại pháp của chư Phật).

Xét ra, khi đức Thế Tôn đã nhập diệt, ngài Ca Diếp liền bạch với đại chúng: “*Như Lai xá-lợi phi ngã đẳng sự. Ngã đẳng sự giả, nghi ưng kết tập pháp tạng, vật linh chánh pháp tốc diệt*” (Xá-lợi của Như Lai chẳng phải là chuyện của chúng ta. Chuyện của chúng ta là hãy nên kết tập pháp tạng, đừng để chánh pháp nhanh chóng bị diệt mất). Đây là chứng cứ rõ ràng về sự tuyên dương rộng lớn Đại pháp. Ngài truyền tâm ấn của Phật, làm Sơ Tổ của cõi Tây Trúc. Khổ tâm đường ấy, lại thân cận chừng ấy chư Phật rồi mới thị hiện thành Phật. Người thời nay vừa mới đạt được ánh sáng nho nhỏ liền muốn quở Phật, chửi Tổ! Buồn thay! Sầu thay!

6.1.1.1.2. Đắc quả

(Kinh) U' tối hậu thân, đắc thành vi Phật, danh viết Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)於最後身，得成為佛，名曰光明如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Nơi thân cuối cùng, được thành Phật quả, tên là Quang Minh (Rāsmiprabhāsa) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Nơi nhân, thân thường là khối quang minh tử kim viên mãn, quả hiệu (danh hiệu khi đắc quả) là Quang Minh Như Lai, lại còn truyền trì Đại pháp chiếu khắp hết thảy. Vì thế, hiệu là Quang Minh.

6.1.1.1.3. Kiếp số và tên quốc độ

(Kinh) Quốc danh Quang Đức, kiếp danh Đại Trang Nghiêm.

(經)國名光德，劫名大莊嚴。

(Kinh: Tên nước là Quang Đức (Avabhāsaprāpta), kiếp tên là Đại Trang Nghiêm - Mahāvīha).

6.1.1.1.1.4. Thọ mạng

(Kinh) Phật thọ thập nhị tiểu kiếp.

(經)佛壽十二小劫。

(Kinh: Phật thọ mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.1.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp [trụ thế] bao lâu

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế nhị thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世二十小劫，像法亦住二十小劫。

(Kinh: Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp).

6.1.1.1.1.6. Quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Quốc giới nghiêm sức, vô chư uế ác, ngỗ lịch, kinh cức, tiện lợi bất tịnh. Kỳ độ bình chánh, vô hữu cao hạ, khanh khảm đôi phụ, lưu ly vi địa, bảo thụ hàng liệt, hoàng kim vi thắng, dĩ giới đạo trức. Tán chư bảo hoa, châu biến thanh tịnh. Kỳ quốc Bồ Tát, vô lượng thiên ức, chư Thanh Văn chúng, diệt phục vô số. Vô hữu ma sự. Tuy hữu ma, cập ma dân, giai hộ Phật pháp.

(經)國界嚴飾，無諸穢惡，瓦礫，荊棘，便利不淨。

其土平正，無有高下，坑坎堆阜，琉璃為地，寶樹行列，黃金為繩，以界道側。散諸寶華，周徧清淨。其國菩薩，無量千億，諸聲聞眾，亦復無數。無有魔事。雖有魔及魔民，皆護佛法」。

(Kinh: Cõi nước được tô điểm trang nghiêm, không có các thứ như ác, ngói, sỏi, gai góc, các thứ bài tiết chẳng sạch. Cõi ấy bằng phẳng, chẳng có cao, thấp, hầm hố, gò, đống. Lưu ly làm đất, cây báu bày hàng, vàng ròng làm dây để ngăn ranh giới bên đường. Rải các hoa báu, trồn khắp thanh tịnh. Bồ Tát trong cõi ấy vô lượng ngàn ức, các vị Thanh Văn cũng là vô số. Chẳng có ma sự. Tuy có ma và dân ma, nhưng đều hộ trì Phật pháp).

Trong lúc tu nhân, thâm tâm hộ trì chánh pháp. Vì thế, cảm vời cõi nước thanh tịnh, chẳng có ma sự. Những điều khác dễ hiểu.

Phần thứ nhất, văn Trường Hàng đã xong.

6.1.1.1.2. Trùng tụng

6.1.1.1.2.1. Trùng tụng “do hành nhân mà đạt được quả”

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Cáo chư tỳ-kheo, ngã dĩ Phật nhãn, kiến thị Ca Diếp, ư vị lai thế, quá vô số kiếp, đương đắc tác Phật, nhi ư lai thế, cúng dường phụng cận, tam bách vạn ức, chư Phật Thế Tôn, vị Phật trí huệ, tịnh tu phạm hạnh, cúng dường tối thượng, Nhị Túc Tôn dĩ, tu tập nhất thiết, vô thượng chi huệ, ư tối hậu thân, đắc thành vi Phật.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「告諸比丘，我以佛眼，見是迦葉，於未來世，過無數劫，當得作佛，而於來世，供養奉觀，三百萬億，諸佛世尊，為佛智慧，淨修梵行，供養最上，二足尊已，修習一切，無上之慧，於最後身，得成為佛。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Bảo với các tỳ-kheo, ta nay dùng Phật nhãn, thấy ông Ca Diếp này, ở trong đời vị lai, trải qua vô số kiếp, sẽ được thành Phật quả, mà trong đời vị lai, cúng, phụng sự, thân cận, tới ba trăm vạn ức, các vị Phật Thế Tôn, vì trí huệ của Phật, mà tịnh tu phạm hạnh, cúng dường đáng tối thượng, trồn đủ phước lẫn huệ, và tu tập hết thấy, trí huệ tột vô thượng, ở nơi thân cuối cùng, được thành tựu làm Phật).

6.1.1.1.2.2. Trùng tụng cõi nước thanh tịnh

(Kinh) Kỳ độ thanh tịnh, lưu ly vi địa, đa chư bảo thụ, hàng liệt đạo trắc, kim thắng giới đạo, kiến giả hoan hỷ. Thường xuất hảo hương, tán chúng danh hoa, chủng chủng kỳ diệu, dĩ vi trang nghiêm. Kỳ địa bình chánh, vô hữu khâu khanh. Chư Bồ Tát chúng, bất khả xưng kể. Kỳ tâm điều nhu, đãi đại thần thông, phụng trì chư Phật, Đại Thừa kinh điển. Chư Thanh Văn chúng, vô lậu hậu thân, pháp vương chi tử, diệc bất khả kể. Nãi dĩ thiên nhân, bất năng số tri.

(經)其土清淨，琉璃為地，多諸寶樹，行列道側，金繩界道，見者歡喜。常出好香，散眾名華，種種奇妙，以為莊嚴。其地平正，無有丘坑。諸菩薩眾，不可稱計。其心調柔，逮大神通，奉持諸佛，大乘經典。諸聲聞眾，無漏後身，法王之子，亦不可計。乃以天眼，不能數知。

(Kinh: Cõi nước ấy thanh tịnh, lưu ly dùng làm đất, có nhiều cây quý báu, xếp dọc theo bên đường, dùng dây vàng ngăn lối, người trông thấy hoan hỷ. Cây thường tỏa hương thơm, rải các thứ hoa quý, cùng các thứ kỳ diệu, được dùng để trang nghiêm. Cõi ấy đất bằng phẳng, chẳng có gò, hầm hố. Có các vị Bồ Tát, chẳng thể tính kể được. Tâm điều phục, nhu thuận, đều đắc thần thông lớn, phụng trì các vị Phật, và kinh điển Đại Thừa. Các vị Thanh Văn chúng, thân cuối cùng vô lậu, là con đáng pháp vương, cũng chẳng thể tính đếm. Dẫu cho dùng thiên nhân, chẳng thể đếm biết được).

6.1.1.1.2.3. Trùng tụng thọ mạng của Phật

(Kinh) Kỳ Phật đương thọ, thập nhị tiểu kiếp.

(經)其佛當壽，十二小劫。

(Kinh: Vị Phật ấy sẽ thọ, tới mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.1.2.4. Trùng tụng Chánh Pháp và Tượng Pháp

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế, nhị thập tiểu kiếp. Tượng Pháp diệc trụ, nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世，二十小劫。像法亦住，二十小劫。

(Kinh: Chánh Pháp sẽ trụ thế, đến hai mươi tiểu kiếp. Tượng Pháp cũng trụ thế, tới hai mươi tiểu kiếp).

6.1.1.1.2.5. Tổng kết, lược đi không trùng tụng tên kiếp và tên quốc độ

(Kinh) Quang Minh Thế Tôn, kỳ sự như thị.

(經)光明世尊，其事如是」。

(Kinh: Đức Quang Minh Thế Tôn, chuyện là như thế đó).

Phần thứ nhất, thọ ký cho ngài Đại Ca Diếp đã xong.

6.1.1.2. Thọ ký cho ba vị còn lại

6.1.1.2.1. Thỉnh cầu thọ ký

6.1.1.2.1.1. Chánh thức thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên đảnh, giai tất tưng lật²⁵⁶, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tạm xả, tức cộng đồng thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Đại hùng mãnh Thế Tôn, chư Thích chi pháp vương, ai mẫn ngã đẳng cố, nhi tứ Phật âm thanh.

(經)爾時，大目犍連、須菩提、摩訶迦旃延等，皆悉悚慄，一心合掌，瞻仰尊顏，目不暫捨，即共同聲，而說偈言：「大雄猛世尊，諸釋之法王，哀愍我等故，而賜佛音聲。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên v.v... thấy đều run sợ, một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng tôn nhan, mắt chẳng tạm rời, liền cùng nhau lên tiếng mà nói kệ rằng: - Thế

²⁵⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tưng Lật là tướng mạo kinh sợ, hoảng hốt. Ba vị này tự cho rằng mình đã hiểu Đại Thừa, nhưng chưa được thọ ký, rất sợ mình chưa hiểu mà nói là đã hiểu, dọa vào tăng thượng mạn. Vì thế, run sợ bất an”.

Tôn đại hùng mãnh, pháp vương các Thích tử²⁵⁷, do thương xót chúng con, ban âm thanh của Phật).

“Tùng lật” (Run sợ): Đổi từ Tiểu pháp, tiến nhập Đại pháp, khác nào thay da đổi xương. Đúng là một phen cảnh giới trời đất xoay chuyển!

6.1.1.2.1.2. Lập thí dụ

(Kinh) Nhược tri ngã thâm tâm, kiến vị thọ ký giả, như dĩ cam lộ sái, trừ nhiệt đắc thanh lương. Như tùng cơ quốc lai, hốt ngộ đại vương thiện, tâm do hoài nghi cụ, vị cảm tức tiện thực. Nhược phục đắc vương giáo, nhiên hậu nãi cảm thực.

(經)若知我深心，見為授記者，如以甘露灑，除熱得清涼。如從饑國來，忽遇大王膳，心猶懷疑懼，未敢即便食。若復得王教，然後乃敢食。

(Kinh: Nếu biết thâm tâm con, xin hãy thọ ký cho, như dùng cam lộ rưới, trừ nóng, được mát mẻ. Như từ nước đói tới, bỗng gặp cỗ đại vương, vẫn ôm lòng nghi sợ, bèn chưa dám ăn ngay. Nếu lại được vua truyền, sau đó mới dám ăn).

6.1.1.2.1.3. Đối ứng với pháp

(Kinh) Ngã đẳng diệc như thị, mỗi duy Tiểu Thừa quá, bất tri đương vân hà, đắc Phật vô thượng huệ. Tuy văn Phật âm thanh, ngôn ngã đẳng tác Phật, tâm thượng hoài nghi cụ, như vị cảm tiện thực, nhược môn Phật thọ ký, nhĩ nãi khoái an lạc.

(經)我等亦如是，每惟小乘過，不知當云何，得佛無上慧。雖聞佛音聲，言我等作佛，心尚懷憂懼，如未敢便食，若蒙佛授記，爾乃快安樂。

²⁵⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trong những người họ Thích, chỉ riêng đức Phật là pháp vương, cho nên nói [Phật] là chư Thích chi pháp vương”.

(Kinh: Chúng con cũng như thế, thường nghĩ lỗi Tiểu Thừa, chẳng biết như thế nào, đắc Phật vô thượng huệ. Tuy nghe tiếng của Phật, nói chúng con thành Phật, vẫn ôm lòng lo sợ, như chưa dám ăn ngay, nếu được Phật thọ ký, mới vui sướng, an lạc).

6.1.1.2.1.4. Kết lại lời thỉnh

(Kinh) Đại hùng mãnh Thế Tôn, thường dục an thế gian, nguyện tứ ngã đẳng ký, như cơ tu giáo thực.

**(經)大雄猛世尊，常欲安世間，願賜我等記，如饑須
教食」。**

(Kinh: Thế Tôn đại hùng mãnh, thường muốn yên thế gian, xin thọ ký cho con, như đói cần bảo ăn).

Phần thứ nhất, “thỉnh cầu thọ ký” đã xong.

6.1.1.2.2. Thọ ký

6.1.1.2.2.1. Thọ ký cho Tu Bồ Đề

6.1.1.2.2.1.1. Trường Hàng

6.1.1.2.2.1.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri chư đại đệ tử tâm chi sở niệm, cáo chư tỳ-kheo: - Thị Tu Bồ Đề, u đương lai thế, phụng cận tam bách vạn ức na-do-tha Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, thường tu phạm hạnh, cụ Bồ Tát đạo.

**(經)爾時，世尊知諸大弟子心之所念，告諸比丘：
「是須菩提，於當來世，奉覲三百萬億那由他佛，供養，
恭敬，尊重，讚歎，常修梵行，具菩薩道。**

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết những điều suy nghĩ trong tâm của các vị đại đệ tử, bảo các tỳ-kheo: - Ông Tu Bồ Đề này trong đời tương lai, sẽ phụng sự, thân cận ba trăm vạn ức na-do-tha Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, thường tu phạm hạnh, trọn đủ Bồ Tát đạo).

6.1.1.2.2.1.1.2. **Đắc quả**

(Kinh) Ư tối hậu thân, đắc thành vi Phật, hiệu viết Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)於最後身，得成為佛，號曰名相如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Nơi thân cuối cùng, được trở thành Phật, hiệu là Danh Tướng (Yaśasketu)²⁵⁸ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Nay tên là Không Sanh, đắc quả thì có hiệu là Danh Tướng. Danh tướng vốn là Không, Không thì sẽ trọn đủ hết thảy danh tướng, chẳng giống như khi thị hiện dấu tích quán Không trong nhà đá, chỉ ngộ lý Thiên Không.

6.1.1.2.2.1.1.3. **Tên kiếp và quốc độ trang nghiêm**

(Kinh) Kiếp danh Hữu Bảo, quốc danh Bảo Sanh. Kỳ độ bình chánh, pha lê vi địa, bảo thụ trang nghiêm, vô chư khâu, khanh, sa, lịch, kinh cức, tiện lợi chi uế. Bảo hoa phú địa, châu biến thanh tịnh. Kỳ độ nhân dân, giai xử bảo đài, trân diệu lâu các. Thanh Văn đệ tử vô lượng vô biên, toán số, thí dụ sở bất năng tri. Chư Bồ Tát chúng, vô số thiên vạn ức na-do-tha.

(經)劫名有寶，國名寶生。其土平正，玻瓈為地，寶樹莊嚴，無諸丘，坑，沙，礫，荊棘，便利之穢。寶華覆地，周徧清淨。其土人民，皆處寶臺，珍妙樓閣。聲聞弟

²⁵⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài Tu Bồ Đề giải Không đệ nhất, liễu đạt hết thảy các pháp trọn chẳng phải là thật sự có, chỉ là tướng giả danh. Vì thế, Ngài thành Phật, lập hiệu là Danh Tướng”.

子無量無邊，算數，譬喻所不能知。諸菩薩眾，無數千萬億那由他。

(*Kinh*: Kiếp tên là Hữu Bảo (Ratnāvabhāsa), nước tên là Bảo Sanh (Ratnasambhava). Cõi ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, không có các gò, hầm, cát, sỏi, gai góc, các chất bài tiết như uế. Hoa báu phủ đất, trợn khắp thanh tịnh. Nhân dân trong cõi ấy đều ở trên đài báu, lâu, gác quý đẹp. Đệ tử Thanh Văn vô lượng, vô biên, [dùng] toán số, thí dụ [để tính kể] đều chẳng thể biết [được số lượng]. Các vị Bồ Tát vô số ngàn vạn ức na-do-tha).

6.1.1.2.2.1.1.4. Thọ mạng

(*Kinh*) Phật thọ thập nhị tiểu kiếp.

(*經*)佛壽十二小劫。

(*Kinh*: Phật thọ mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.2.2.1.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp

(*Kinh*) Chánh Pháp trụ thế nhị thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Kỳ Phật thường xử hư không, vị chúng thuyết pháp, độ thoát vô lượng Bồ Tát, cập Thanh Văn chúng.

(經)正法住世二十小劫，像法亦住二十小劫。其佛常處虛空，為眾說法，度脫無量菩薩，及聲聞眾」。

(*Kinh*: Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Vị Phật ấy thường ở trên hư không, vì đại chúng thuyết pháp, độ thoát vô lượng Bồ Tát và đại chúng Thanh Văn).

Thường ở trên hư không, biểu thị Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Không.

Phân Trường Hàng đã xong.

6.1.1.2.2.1.2. Trùng tụng

6.1.1.2.2.1.2.1. Răn hãy nghe

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư tỳ-kheo chúng, kim cáo nhữ đẳng, giai đương nhất tâm, thính ngã sở thuyết.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸比丘眾，今告汝等，皆當一心，聽我所說。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nay các thầy tỳ-kheo, nay ta bảo các vị, hãy đều nên nhất tâm, nghe lời ta sẽ nói).

6.1.1.2.2.1.2.2. Trùng tụng hạnh nhân, đắc quả

(Kinh) Ngã đại đệ tử, Tu Bồ Đề giả, đương đắc tác Phật, hiệu viết Danh Tướng, đương cúng vô số, vạn ức chư Phật, tùy Phật sở hành, tiếm cụ đại đạo, tối hậu thân đắc, tam thập nhị tướng, đoan chánh xu diệu, do như bảo sơn.

(經)我大弟子，須菩提者，當得作佛，號曰名相，當供無數，萬億諸佛，隨佛所行，漸具大道，最後身得，三十二相，端正殊妙，猶如寶山。

(Kinh: Đại đệ tử của ta, là ông Tu Bồ Đề, sẽ được thành Phật quả, danh hiệu là Danh Tướng, sẽ cúng dường vô số, vạn ức các vị Phật, hành theo hạnh của Phật, dần dần trọn đại đạo, thân cuối cùng đạt được, đủ ba mươi hai tướng, đoan chánh đẹp nhiệm mầu, giống như tòa núi báu).

6.1.1.2.2.1.2.3. Trùng tụng quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Kỳ Phật quốc độ, nghiêm tịnh đệ nhất, chúng sanh kiến giả, vô bất ái nhạo. Phật ư kỳ trung, độ vô lượng chúng. Kỳ Phật pháp trung, đa chư Bồ Tát, giai tất lợi căn, chuyển bất thoái luân. Bỉ quốc thường dĩ, Bồ Tát trang nghiêm. Chư Thanh Văn chúng, bất khả xưng số, giai đắc Tam Minh, cụ lực thần thông, trụ bát giải thoát, hữu đại oai đức. Kỳ Phật thuyết pháp, hiện ư vô lượng, thần thông biến hóa, bất khả tư nghị, chư thiên nhân dân, số như Hằng sa, giai cộng hiệp chưởng, thính thọ Phật ngữ.

(經)其佛國土，嚴淨第一，眾生見者，無不愛樂。佛於其中，度無量眾。其佛法中，多諸菩薩，皆悉利根，轉不退輪。彼國常以，菩薩莊嚴。諸聲聞眾，不可稱數，皆得三明，具六神通，住八解脫，有大威德。其佛說法，現於無量，神通變化，不可思議，諸天人民，數如恆沙，皆共合掌，聽受佛語。

(Kinh: Cõi nước đức Phật ấy, trang nghiêm, thanh tịnh nhất, chúng sanh được trông thấy, không ai chẳng yêu thích. Phật ở trong cõi ấy, hóa độ vô lượng chúng. Trong Phật pháp của Ngài, có nhiều vị Bồ Tát, thấy đều là lợi căn, chuyển pháp luân bất thoái. Quốc độ ấy thường dùng, Bồ Tát để trang nghiêm. Các đệ tử Thanh Văn, chẳng thể tính kể được, đều đạt được Tam Minh, trọn đủ sáu thần thông, trụ trong tám giải thoát, đều có oai đức lớn. Đức Phật ấy thuyết pháp, hóa hiện ra vô lượng, các thần thông biến hóa, đều chẳng thể nghĩ bàn. Chư thiên và nhân dân, số như cát sông Hằng, đều cùng nhau chấp tay, nghe nhận lời Phật dạy).

6.1.1.2.2.1.2.4. Trùng tụng thọ mạng

(Kinh) Kỳ Phật đương thọ, thập nhị tiểu kiếp.

(經)其佛當壽，十二小劫。

(Kinh: Vị Phật ấy sẽ thọ, đúng mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.2.2.1.2.5. Trùng tụng Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Chánh pháp trụ thế, nhị thập tiểu kiếp. Tượng Pháp diệt trụ, nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世，二十小劫。像法亦住，二十小劫」。

(Kinh: Chánh Pháp trụ trong đời, suốt hai mươi tiểu kiếp. Tượng Pháp cũng trụ thế, cả hai mươi tiểu kiếp).

Phần thứ nhất, thọ ký cho Tu Bồ Đề đã xong.

6.1.1.2.2.2. Thọ ký cho Ca Chiên Diên

6.1.1.2.2.2.1. Trường Hàng

6.1.1.2.2.2.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo chư tỳ-kheo chúng: - Ngã kim ngữ nhữ, thị Đại Ca Chiên Diên, u đương lai thế, dĩ chư cúng cụ, cúng dường, phụng sự bát thiên ức Phật, cung kính tôn trọng. Chư Phật diệt hậu, các khởi tháp miếu, cao thiên do-tuần. Tung quảng chánh đẳng, ngũ bách do-tuần. Dĩ kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khôi, thất bảo hợp thành, chúng hoa, anh lạc, đồ hương, mật hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, cúng dường tháp miếu. Quá thị dĩ hậu, đương phục cúng dường nhị vạn ức Phật, diệc phục như thị. Cúng dường thị chư Phật dĩ, cụ Bồ Tát đạo.

(經)爾時，世尊復告諸比丘眾：「我今語汝，是大迦旃延，於當來世，以諸供具，供養，奉事八千億佛，恭敬尊重。諸佛滅後，各起塔廟，高千由旬。縱廣正等，五百由旬。以金，銀，琉璃，硨磲，碼瑙，真珠，玫瑰，七寶合成，眾華，瓔珞，塗香，末香，燒香，繒蓋，幢幡，供養塔廟，過是已後，當復供養二萬億佛，亦復如是。供養是諸佛已，具菩薩道。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo các vị tỳ-kheo: - Ta nay bảo các ông, ông Đại Ca Chiên Diên này trong đời tương lai, dùng các vật cúng để cúng dường, phụng sự tám ngàn ức Phật, cung kính, tôn trọng. Sau khi chư Phật diệt độ, đều dựng tháp miếu, cao một ngàn do-tuần, ngang dọc [mỗi bề] vừa đúng năm trăm do-tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khôi, bảy báu hợp thành, các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương bôi, hương bột, hương đốt, lọng lụa, tràng phan để cúng dường tháp miếu. Từ đó về sau, sẽ lại cúng dường hai vạn ức Phật, cũng giống như thế. Cúng dường các đức Phật ấy xong, trọn đủ Bồ Tát đạo).

6.1.1.2.2.2.1.2. Đắc quả

(Kinh) Đương đắc tác Phật, hiệu viết Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)當得作佛，號曰閻浮那提金光如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Sẽ được làm Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang (Jāmbūnadābhāsa)²⁵⁹ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

6.1.1.2.2.1.3. Quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Kỳ độ bình chánh, pha lê vi địa, bảo thụ trang nghiêm, hoàng kim vi thăng, dĩ giới đạo trục, diệu hoa phú địa, châu biến thanh tịnh, kiến giả hoan hỷ. Vô tứ ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La đạo. Đa hữu thiên nhân, chư Thanh Văn chúng, cập chư Bồ Tát, vô lượng vạn ức trang nghiêm kỳ quốc.

(經)其土平正，玻瓈為地，寶樹莊嚴，黃金為繩，以界道側，妙華覆地，周徧清淨，見者歡喜。無四惡道，地獄，餓鬼，畜生，阿修羅道。多有天人，諸聲聞眾，及諸菩薩，無量萬億莊嚴其國。

(Kinh: Cõi ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để ngăn lối bên đường. Hoa nhiệm màu phủ đất, trổ khắp thanh tịnh, người trông thấy hoan hỷ. Chẳng có bốn ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La đạo. Có nhiều trời, người, các vị Thanh Văn, và các vị Bồ Tát vô lượng vạn ức trang nghiêm cõi đó).

²⁵⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Diêm Phù là tên cây, Na Đề là sông. Dưới gốc cây Diêm Phù có sông, gọi là Diêm Phù Na Đề. Trong sông sanh ra vàng, sắc vàng bất biến, ví như Phật Tánh. Kim quang tối thắng, ví như Phật trí. Vì thế, Phật có hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang”.

6.1.1.2.2.2.1.4. Thọ mạng

(Kinh) Phật thọ thập nhị tiểu kiếp.

(經)佛壽十二小劫。

(Kinh: Phật thọ mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.2.2.2.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế nhị thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世二十小劫，像法亦住二十小劫」。

(Kinh: Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ thế hai mươi tiểu kiếp).

Phản Trường Hàng đã xong.

6.1.1.2.2.2.2. Trùng tụng

6.1.1.2.2.2.2.1. Khuyến răn lắng nghe

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư tỳ-kheo chúng, giai nhất tâm thính, như ngã sở thuyết, chân thật vô dị.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸比丘眾，皆一心聽，如我所說，真實無異。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nay các vị tỳ-kheo, đều nên nhất tâm nghe, như lời ta đã nói, chân thật, chẳng khác lạ).

6.1.1.2.2.2.2.2. Trùng tụng hạnh nhân

(Kinh) Thị Ca Chiên Diên, đương dĩ chủng chủng, diệu hảo cúng cụ, cúng dường chư Phật. Chư Phật diệt hậu, khởi thất bảo tháp, diệt dĩ hoa hương, cúng dường xá-lợi.

(經)是迦旃延，當以種種，妙好供具，供養諸佛。諸佛滅後，起七寶塔，亦以華香，供養舍利。

(Kinh: Ông Ca Chiên Diên này, sẽ dùng đủ các loại, vật cúng dường quý đẹp, để cúng dường chư Phật. Chư Phật nhập diệt rồi, sẽ dựng tháp bảy báu, cũng lại dùng hoa, hương, để cúng dường xá-lợi).

6.1.1.2.2.2.3. Trùng tụng đắc quả

(Kinh) Kỳ tối hậu thân, đắc Phật trí huệ, thành Đăng Chánh Giác.

(經)其最後身，得佛智慧，成等正覺。

(Kinh: Nơi thân cuối cùng ấy, sẽ đắc trí huệ Phật, trở thành Đăng Chánh Giác).

6.1.1.2.2.2.4. Trùng tụng quốc độ, lược đi không trùng tụng thọ mạng, Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Quốc độ thanh tịnh, độ thoát vô lượng, vạn ức chúng sanh, giai vi thập phương, chỉ sở cúng dường. Phật chỉ quang minh, vô năng thắng giả. Kỳ Phật hiệu viết, Diêm Phù Kim Quang, Bồ Tát, Thanh Văn, đoạn nhất thiết hữu, vô lượng, vô số, trang nghiêm kỳ quốc.

(經)國土清淨，度脫無量，萬億眾生，皆為十方，之所供養。佛之光明，無能勝者。其佛號曰，閻浮金光，菩薩聲聞，斷一切有，無量無數，莊嚴其國」。

(Kinh: Cõi nước ấy thanh tịnh, Phật độ thoát vô lượng, vạn ức các chúng sanh, được mười phương cúng dường. Quang minh của Phật ấy, không ai hơn được nổi. Danh hiệu của Phật ấy, là Diêm Phù Kim Quang, Bồ Tát và Thanh Văn, đoạn trừ hết tất hữu, vô lượng, nhiều vô số, để trang nghiêm cõi ấy).

Phần thứ hai, thọ ký cho ngài Ca Chiên Diên đã xong.

6.1.1.2.2.3. Thọ ký ngài Mục Kiền Liên

6.1.1.2.2.3.1. Trường hàng

6.1.1.2.2.3.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo đại chúng: - Ngã kim ngữ nhữ, thị Đại Mục Kiền Liên, đương dĩ chủng chủng cúng cụ, cúng dường bát thiên chư Phật, cung kính, tôn trọng. Chư Phật diệt hậu, các khởi tháp miếu, cao thiên do-tuần. Tung quảng chánh đẳng ngũ bách do-tuần. Dĩ kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khô, thất bảo hợp thành, chúng hoa, anh lạc, đồ hương, mật hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, dĩ dụng cúng dường. Quá thị dĩ hậu, đương phục cúng dường nhị bách vạn ức chư Phật, diệt phục như thị.

(經)爾時，世尊復告大眾：「我今語汝，是大目犍連，當以種種供具，供養八千諸佛，恭敬尊重。諸佛滅後，各起塔廟，高千由旬。縱廣正等五百由旬。以金，銀，琉璃，磑磑，碼瑙，真珠，玫瑰，七寶合成，眾華，瓔珞，塗香，末香，燒香，繒蓋，幢幡，以用供養。過是已後，當復供養二百萬億諸佛，亦復如是。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng: - Ta nay bảo các vị, ông Đại Mục Kiền Liên đây sẽ dùng các thứ vật cúng để cúng dường tám ngàn vị Phật, cung kính, tôn trọng. Sau khi chư Phật diệt độ, đều dựng tháp miếu, cao một ngàn do-tuần. Ngang dọc mỗi bề đều vừa đúng năm trăm do-tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khô, bảy báu hợp thành, các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương bôi, hương bột, hương đốt, lọng lụa, tràng, phan, dùng để cúng dường. Sau đó trở đi, sẽ lại cúng dường hai trăm vạn ức chư Phật cũng giống như thế).

6.1.1.2.2.3.1.2. Đắc quả

(Kinh) Đương đắc thành Phật, hiệu viết Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiệt Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)當得成佛，號曰多摩羅跋旃檀香如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Sẽ được thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai (Tamālapatracandanagandha)²⁶⁰, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

6.1.1.2.2.3.1.3. Tên kiếp và quốc độ

(Kinh) Kiếp danh Hỷ Mãn, quốc danh Ý Lạc. Kỳ độ bình chánh, pha lê vi địa, bảo thụ trang nghiêm, tán chân châu hoa, châu biến thanh tịnh, kiến giả hoan hỷ, đa chư thiên nhân, Bồ Tát, Thanh Văn, kỳ số vô lượng.

(經)劫名喜滿，國名意樂。其土平正，玻瓈為地，寶樹莊嚴，散真珠華，周徧清淨，見者歡喜，多諸天人，菩薩聲聞，其數無量。

(Kinh: Kiếp tên là Hỷ Mãn (Ratiprapūrṇa), cõi nước tên Ý Lạc (Manobhirāma)²⁶¹. Cõi đất ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, rải các hoa bằng chân châu, trổ khắp thanh tịnh, người trông thấy hoan hỷ, có nhiều vị trời, người, Bồ Tát, Thanh Văn, số đến vô lượng).

6.1.1.2.2.3.1.4. Thọ mạng

(Kinh) Phật thọ nhị thập tứ tiểu kiếp.

(經)佛壽二十四小劫。

(Kinh: Phật thọ hai mươi bốn tiểu kiếp).

²⁶⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đa Ma La Bát được phương này dịch là Tánh Vô Cấu Hiền, chính là từ ngữ để hình dung phẩm đức của Chiên Đàn Hương, Phật Tánh vô cấu, diệu dụng như hương. Cùng nêu lên hai thứ Pháp và Dụ để lập danh hiệu”.

²⁶¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trong kiếp ấy được gặp Phật, nên gọi là Hỷ Mãn. Quốc độ thanh tịnh, nên gọi là Ý Lạc”.

6.1.1.2.2.3.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế tứ thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ tứ thập tiểu kiếp.

(經)正法住世四十小劫，像法亦住四十小劫」。

(Kinh: Chánh Pháp trụ thế bốn mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ thế bốn mươi tiểu kiếp).

Phản Trường Hàng đã xong.

6.1.1.2.2.3.2. Trùng tụng

6.1.1.2.2.3.2.1. Trùng tụng hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã thử đệ tử, Đại Mục Kiền Liên, xả thị thân dĩ, đắc kiến bát thiên, nhị bách vạn ức, chư Phật Thế Tôn. Vị Phật đạo cố, cúng dường, cung kính, ư chư Phật sở, thường tu phạm hạnh, ư vô lượng kiếp, phụng trì Phật pháp. Chư Phật diệt hậu, khởi thất bảo tháp, trường biểu kim sát²⁶², hoa, hương, kỹ nhạc, nhi dĩ cúng dường, chư Phật tháp miếu.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我此弟子，大目犍連，捨是身已，得見八千，二百萬億，諸佛世尊。為佛道故，供養恭敬，於諸佛所，常修梵行，於無量劫，奉持佛法。諸佛滅後，起七寶塔，長表金剎，華香伎樂，而以供養，諸佛塔廟。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa ấy, bèn nói kệ rằng: - Đệ tử này của ta, là Đại Mục Kiền Liên, xả thân này rồi, sẽ được thấy tám ngàn, và hai trăm vạn ức, các đức Phật Thế Tôn. Do vì đắc Phật đạo, bèn cúng dường, cung kính, ở nơi các đức Phật, thường tu

²⁶² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Sát tức là tháp thờ Phật, cõi này (Trung Hoa) dịch là Thổ Điện, Quốc, hoặc Xứ. Tháp là nơi thờ phụng xá-lợi. Trên đỉnh tháp thường có trụ bằng vàng, cho nên tháp được gọi là Kim Sát. Tháp cao một ngàn do-tuần, biểu thị phẩm đức tốt cùng của Phật, nên gọi là trường biểu”.

tập phạm hạnh, trong suốt vô lượng kiếp, phụng trì pháp của Phật. Chư Phật diệt độ rồi, đều dựng tháp bảy báu, tháp vàng hiển chí đức, dùng hoa, hương, kỹ nhạc, để thực hiện cúng dường, tháp miếu của chư Phật).

“Sát” nói đầy đủ là Sát-ma (Ksamā), phương này dịch là Thổ Điền. Dùng trụ để biểu thị nơi tháp, hòng tỏ rõ chỗ cư trụ (ý nói: Chỗ có xá-lợi của Phật an trụ).

6.1.1.2.2.3.2.2. Trùng tụng đặc quả và tên của quốc độ

(Kinh) Tiệm tiệm cụ túc, Bồ Tát đạo dĩ, ư Ý Lạc quốc, nhi đắc tác Phật, hiệu Đa Ma La, Chiên Đàn chi Hương.

(經)漸漸具足，菩薩道已，於意樂國，而得作佛，號多摩羅，旃檀之香。

(Kinh: Sẽ dần dần trọn đủ, hành Bồ Tát đạo rồi, bên trong nước Ý Lạc, được thành tựu Phật quả, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Hương Phật).

6.1.1.2.2.3.2.3. Trùng tụng thọ mạng

(Kinh) Kỳ Phật thọ mạng, nhị thập tứ kiếp.

(經)其佛壽命，二十四劫。

(Kinh: Thọ mạng của Phật ấy, là hai mươi bốn kiếp).

6.1.1.2.2.3.2.4. Trùng tụng quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Thường vị thiên nhân, diễn thuyết Phật đạo, Thanh Văn vô lượng, như Hằng hà sa, Tam Minh, lục thông, hữu đại oai đức. Bồ Tát vô số, chí cố tình tấn, ư Phật trí huệ, giai bất thoái chuyển.

(經)常為天人，演說佛道，聲聞無量，如恆河沙，三明六通，有大威德。菩薩無數，志固精進，於佛智慧，皆不退轉。

(**Kinh:** Thường vì các trời, người, mà diễn nói Phật đạo, hàng Thanh Văn vô lượng, số như cát sông Hằng, đắc Tam Minh, lục thông, đều có oai đức lớn. Bồ Tát nhiều vô số, chí kiên cố tinh tấn, đối với trí huệ Phật, đều đắc bất thoái chuyển).

6.1.1.2.2.3.2.5. Trùng tụng Chánh Pháp, Tượng Pháp

(**Kinh**) **Phật diệt độ hậu, Chánh Pháp đương trụ, tứ thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt nhĩ.**

(經)佛滅度後，正法當住，四十小劫，像法亦爾。

(**Kinh:** Sau khi Phật diệt độ, Chánh Pháp sẽ trụ thế, tới bốn mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng như vậy).

Phần thứ nhất, “thọ ký cho bậc trung căn” đã xong.

6.2. Hứa khả sẽ nói nhân duyên túc thế của hàng hạ căn

(**Kinh**) **Ngã chư đệ tử, oai đức cụ túc. Kỳ số ngũ bách, giai đương thọ ký, vị lai thế, hàm đắc thành Phật. Ngã cập nhữ đẳng, túc thế nhân duyên, ngô kim đương thuyết, nhữ đẳng thiện thính.**

(經)我諸弟子，威德具足。其數五百，皆當授記，於未來世，咸得成佛。我及汝等，宿世因緣，吾今當說，汝等善聽」。

(**Kinh:** Các đệ tử của ta, oai đức đã trọn đủ. Số lượng tới năm trăm, ta sẽ đều thọ ký: Họ trong đời vị lai, đều sẽ được thành Phật. Nhân duyên trong đời trước, của ta và các ông, ta nay sẽ nói ra, các ông hãy khéo nghe).

Hạ căn đã nghe Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu, lại thấy thượng căn và trung căn được thọ ký, sợ họ vẫn ngò vức chính mình chẳng được thọ ký, sanh lòng hổ thẹn sâu xa. Vì thế, sáu câu đầu là [đức Phật] hứa khả thọ ký chung. Bốn câu kế đó, hứa khả sẽ nói duyên trong đời trước, làm như thế để dẫn khởi họ tiến nhập.

Phần thứ hai, Thí Thuyết Châu đã xong. Giải thích phẩm Thọ Ký xong, kế đó, sẽ giải thích phẩm Hóa Thành Dụ.

7. Hóa Thành Dụ Phẩm Đệ Thất

化城喻品第七

Phẩm thứ bảy: Hóa Thành Dụ

“Hóa” là do thần lực tạo thành. Do bởi thần lực, đang là không bỗng có, bèn gọi là Hóa. Ngăn ngừa sai trái, chế ngự kẻ địch, thì gọi là Thành. Ví như Niết Bàn của Nhị Thừa (thành) do Quyền trí gây tạo (hóa). Do sức của Quyền trí, tuy là không mà nói là có. Dùng giáo là Hóa; ngăn ngừa, chế ngự Kiến Tư thì gọi là Niết Bàn, vừa mới nghỉ ngơi [noi Quyền], bèn dần nhập [tiến vào Thật] (Tam Tạng là mới vừa nghỉ ngơi; [giáo pháp thuộc] hai thứ tô (sanh tô và thực tô) [trong ngũ vị, tức Phương Đẳng và Bát Nhã] là dẫn khởi, Pháp Hoa là “nhập”). Chưa rốt ráo Thật, (do hóa) bèn nói là “*diệt độ*”. “*Thành*” là do Quyền giả lập bày, vì thế nói là “*hóa thành*” (cái thành được biến hóa ra). Chữ Dụ thì như đã giải thích trong phần trước. Đây là giải thích [tên phẩm] theo nhân duyên (Nếu nói theo căn cơ, là Không mà bỗng thấy. Thấy rồi sanh hoan hỷ, tức là Thế Giới Ích (Thế Giới Tất Đàn). Được dự vào địa vị “*tạm nghỉ*” tức là Vị Nhân Ích (Vị Nhân Tất Đàn). Ngăn ngừa sai trái, chế ngự kẻ địch, tức là Đối Trị Ích (Đối Trị Tất Đàn). Nói “*diệt độ*”, tức là Đệ Nhất Nghĩa Ích (Đệ Nhất Tất Đàn). Nếu nói theo sự ứng hóa, quyền biến lập ra cái thành ấy, tức là “*thế giới hóa*”. Sanh ra điều thiện nhỏ, chính là “*vị nhân hóa*”. Lại còn trừ bỏ Kiến Tư, tức là “*đối trị hóa*”. Rốt cuộc dẫn vào Đại Thừa, tức là “*Đệ Nhất Nghĩa hóa*”).

Xét theo giáo, Tam Tạng đối với Niết Bàn sanh ý tưởng an ổn, sanh ý tưởng diệt độ. Nhị Thừa trong Thông Giáo giống như [Nhị Thừa trong Tam Tạng]. Bồ Tát chẳng vậy! Thích Luận viết: “*Như cha đi qua chỗ hiểm nghèo, một chân đã bước vào thành, chân kia còn ở ngoài cửa. Do nhớ đến con, từ thành vào chỗ hiểm. Do thế nâng đỡ những kẻ còn tập khí thừa sót mà vào sanh tử, nhưng chẳng coi Không là chứng*”. Biệt Giáo chẳng nói “*thành như hóa*”. Dùng thành để phòng ngự nguy hiểm, từ cửa thành mà đi vượt qua, coi thành như phương tiện để đoạn Kiến Tư Hoặc, chẳng nói đó là tốt cùng! Viên Giáo biết chẳng có nhân tố gây bệnh (phiền não), cũng chẳng cần tới thành. Vì thế nói là “*hóa thành*”. Ở đây, nói theo ý nghĩa trong Viên Giáo. Vì thế, tựa đề của phẩm này là Hóa Thành Dụ Phẩm (Viên Giáo nói “*hóa*” thì trước đó đã bài xích, phủ định, chỉ nói là “*chẳng kham*”, cũng chưa từng nói “*Niết Bàn là hóa*”).

Vì thế, cho đến giáo pháp hiện thời (giáo pháp trong kinh Pháp Hoa), [hàng Thanh Văn] đầy động chấp trước, bèn khai Quyền mới nói là “*hóa*”. Cho đến khi hiển Thật, thì “*hóa*” trở thành chân, chính là “*chỗ có của báu*” (bảo sở). Vì thế biết: Tạng Giáo và Thông Giáo nói “*cùng cực, chẳng phải là hóa*”; Biệt Giáo thì “*chẳng phải cùng cực, chẳng phải là hóa*”. Viên Giáo thì “*chẳng phải cực là hóa*”, mà cũng có thể “*vừa là cực vừa là hóa*”, mà cũng có thể “*là cực, chẳng phải hóa*”, tuy có cùng cách nói với Tạng Giáo và Thông Giáo, nhưng ý nghĩa khác biệt. Nay nói theo ý trong Viên Giáo, cũng là do phá trừ sự so đo, cho nên nói là “*hóa*”. Nếu đã khai hiển, sẽ không gì chẳng phải là chân thật).

Xét theo Bốn Tích, nếu nói theo căn cơ thì phải nên nói: Bốn là trụ trong thành Tam Đức, Tích thì vào trong hóa thành. Nếu nói theo sự ứng hiện, sẽ là thị hiện dấu tích để thuyết pháp, hóa độ.

Xét theo quán tâm, quán “*các pháp sanh bởi nhân duyên chính là Không*” tức là “*nhập hóa thành*”. Nhân duyên chính là Giả, tức là “*xuất hóa thành*”. Nhân duyên tức Trung, chính là “*trở về chỗ có của báu*”. Lại nữa, quán Không tức là Trung, chính là hiểu rõ “*hóa mà chẳng phải là hóa, ngay nơi Quyền chính là Thật*”. Lại nữa, đối với hóa thành và bảo sở (chỗ có của báu), nếu luận định chung theo Lục Tức: Tâm tánh vốn là Không, chẳng lúc nào không phải là Không. Đó là Lý Túc hóa thành. Tâm tánh vốn là Trung, không lúc nào chẳng phải là Trung. Đó là Lý Túc bảo sở. Nghe lý tánh ấy, có thể sanh khởi tín giải. Đó là Danh Tự hóa thành và [Danh Tự] bảo sở. Chế phục trọn vẹn ngũ trụ, tức là Quán Hạnh hóa thành và [Quán Hạnh] bảo sở. Cho đến Cứu Cánh [hóa thành và bảo sở], cứ phỏng theo đó sẽ biết.

Hỏi: - Phẩm này nói về chuyện nhân duyên, hạ căn đặc ngộ, đáng lẽ phải gọi là phẩm Túc Thế chứ?

Đáp: - Phần đầu của phẩm này nói rộng về nhân duyên, đến phần cuối thì kết lại bằng thí dụ về hóa thành. Nếu xét theo phần đầu, [phẩm này] đáng nên gọi là Túc Thế (đời trước). Người kết tập kinh dựa theo phần sau, cho nên nói là Hóa Thành. Lại nữa, nổi nghi của bậc thượng căn mỏng ít, chỉ chọn lấy việc [đức Phật] tư duy hai mươi một ngày dưới cội Bồ Đề [sau khi thành đạo] để nêu rõ cơ duyên. Trung căn do nghi sâu dày, phải kèm thêm thí dụ, chọn lựa sâu xa vô thượng đạo do hai vạn ức vị Phật đã dạy để nói rõ cơ duyên. Hạ căn nghi hoặc càng dày hơn, vì thế phải nói rõ cơ duyên xa xôi từ đời trước. Nếu xét theo khởi đầu xa xôi thì gọi là Túc Thế. Nếu xét theo trung gian thì gọi là Hóa Thành. Nếu xét theo cái rốt ráo thì gọi là Bảo Sở (chỗ có của báu). Người kết tập

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

kinh đã xét theo trung gian để đặt tên cho phẩm này, hòng gộp chung ý nghĩa khởi đầu và sau rốt. Xét theo ý nghĩa thuận tiện ấy, cho nên nói là phẩm Hóa Thành Dụ (Kinh Chánh Pháp Hoa²⁶³ gọi phẩm này là phẩm Vãng Cổ (xa xưa); do vậy có sự vấn đáp này).

Hỏi: - Hóa thành là Quyền, bảo sở là Thật, vì lẽ nào mà bỏ Thật theo Quyền?

Đáp: - Do biết thành là hóa hiện, sẽ biết bảo sở là Thật. Vì thế, nêu ra “hóa” mà chẳng đánh mất Thật vậy!

**** Nhân Duyên Thuyết Châu***

Gồm hai phần:

- Nói thẳng vào nhân duyên.
- Thọ ký cho hạ căn.

Đối với hai ý lãnh giải (lãnh ngộ, tín giải) và thuật thành (trần thuật sự thành tựu), kinh vẫn có lúc nói trước hay sau bất định. Lại nữa, đối với sự lãnh giải thì hoặc thâm nghĩ, hoặc thốt ra lời khác nhau. Do kinh vẫn ít ỏi không đủ để chia thành từng phẩm riêng biệt, cho nên đều gom vào phần Thọ Ký.

7.1. Nêu ra nhân duyên

7.1.1. Trước hết, nói về sự thấy biết lâu xa

7.1.1.1. Trường Hàng

7.1.1.1.1. Nêu ra chuyện được thấy

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Nãi vãng quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, nhĩ thời, hữu Phật danh Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh

²⁶³ Chánh Pháp Hoa chính là một bản dịch cổ nhất của kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Bản này do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tây Tấn. Trong công cuộc dịch kinh này, ngài Trúc Pháp Hộ giảng nghĩa Phạn bản, ngài Nhiếp Thừa Viên chuyển sang tiếng Hán, các vị Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh làm bút thọ, các vị Trúc Lực, Bạch Nguyên Tín giảng đính. Kinh gồm hai mươi bảy phẩm, nội dung tương đồng với bản của ngài La Thập, nhưng có nhiều chi tiết sai biệt. Chẳng hạn như ghép phẩm Đề Bà Đạt Đa và Kiến Bảo Tháp thành một phẩm, gọi là Thất Bảo Tháp Phẩm, dịch toàn bộ chú ngữ sang tiếng Hán, dịch danh hiệu của ngài Quán Thế Âm là Quang Thế Âm (phẩm Phổ Môn thiếu phần kệ tụng) v.v... Do vậy, kinh này được coi là một tài liệu quan trọng để đối chiếu.

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kỳ quốc danh Hảo Thành, kiếp danh Đại Tướng. Chư tỳ-kheo! Bĩ Phật diệt độ dĩ lai, thậm đại cửu viễn.

(經)佛告諸比丘：「乃往過去無量無邊不可思議阿僧祇劫，爾時，有佛名大通智勝如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。其國名好城，劫名大相。諸比丘！彼佛滅度已來，甚大久遠。」

(Kinh: Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: - Trong quá khứ vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp trước, khi đó, có Phật tên là Đại Thông Trí Thắng (Mahābhijñāññānābhībhū)²⁶⁴ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi ấy tên là Hảo Thành (Susaṃbhavā), kiếp tên là Đại Tướng (Mahārūpa)²⁶⁵. Nay các tỳ-kheo! Vị Phật ấy kể từ khi diệt độ cho tới nay đã rất lâu xa).

7.1.1.1.2. Nêu ra thí dụ để chỉ rõ sự lâu xa

(Kinh) “Thí như tam thiên đại thiên thế giới sở hữu địa chủng, giả sử hữu nhân, ma dĩ vi mặc. Quá u Đông phương thiên quốc độ, nãi hạ nhất điểm, đại như vi trần. Hựu quá thiên quốc độ, phục hạ nhất điểm. Như thị triển chuyển, tận địa chủng mặc. Ư nhữ đẳng ý vân hà? Thị chư quốc độ, nhược toán sư, nhược toán sư đệ tử, năng đắc biên tế, tri kỳ số phủ?” “Bất dã, Thế Tôn”. “Chư tỳ-kheo! Thị nhân sở kinh quốc độ, nhược điểm, bất điểm, tận mạt vi trần, nhất trần, nhất kiếp, bĩ Phật diệt độ dĩ lai, phục quá thị số vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp”.

²⁶⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Thần thông của Phật diệu dụng không ngăn mé, do vậy gọi là Đại. Trí huệ của Phật rất ráo hiểu rõ; vì thế nói là Thắng. [Trí huệ ấy] Nhị Thừa lẫn Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng được. Do vậy gọi là Đại Thông Trí Thắng”.

²⁶⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Y báo trang nghiêm nên gọi là Hảo Thành; trụ kiếp lâu xa nên gọi là Đại Tướng”.

(經)譬如三千大千世界所有地種，假使有人，磨以為墨。過於東方千國土，乃下一點，大如微塵。又過千國土，復下一點。如是展轉，盡地種墨。於汝等意云何？是諸國土，若算師，若算師弟子，能得邊際，知其數不？」

「不也，世尊！」「諸比丘！是人所經國土，若點，不點，盡抹為塵，一塵，一劫，彼佛滅度已來，復過是數無量無邊百千萬億阿僧祇劫。」

(Kinh: “Vị như đối với tất cả địa chủng²⁶⁶ trong tam thiên đại thiên thế giới, giả sử có người đều mài thành mực, đi qua khỏi một ngàn quốc độ²⁶⁷ ở phương Đông mới chấm một điểm to bằng vi trần. Lại qua một ngàn quốc độ nữa, lại chấm một điểm. Cứ lần lượt như thế cho đến hết mực mài bằng địa chủng [trên đây]. Ý các ông nghĩ sao? Các quốc độ ấy dù là bậc thầy tính toán, hay đệ tử của bậc thầy tính toán có thể biết được chừng hạn, số lượng hay không?” “Bạch Thế Tôn! Không ạ”. “Này các tỳ-kheo! Các quốc độ người ấy đã đi qua, dù có chấm mực hay không, đều đem nghiền hết thành bụi, cứ một hạt bụi là một kiếp. Vị Phật ấy kể từ khi diệt độ đến nay lại lâu hơn số đó vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp”).

7.1.1.1.3. Kết lại bằng ý nghĩa “thấy chuyện xưa như ngay trong hiện tại”

(Kinh) Ngã dĩ Như Lai tri kiến lực cố, quán bỉ cửu viễn do nhược kim nhật.

(經)我以如來知見力故，觀彼久遠猶若今日」。

(Kinh: Ta do sức tri kiến của Như Lai, thấy chuyện lâu xa ấy giống như trong hiện thời).

²⁶⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Địa chủng là một loại trong Tứ Đại (địa, thủy, hỏa, phong), tánh nó kiên cố, cho nên gọi là Địa. Có thể sanh ra hết thảy các sắc pháp, nên gọi là Chủng”.

²⁶⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Một quốc độ là một tam thiên đại thiên thế giới”.

Đây là nêu rõ Tam Đạt²⁶⁸ của Như Lai thấu suốt thẳm sâu. Dẫn chuyện quá khứ phân minh, chẳng hư dối; sau đó nói đến túc duyên. Hãy nên biết mười đời xưa nay, đích xác là từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm hiện tại. Lìa khỏi một niệm tâm tánh hiện tại này, chẳng thể đạt được một pháp nào thật sự đến đi! Do vì vô minh mà hư vọng so đo đời đời, diệt mất.

Trong sự “dời đổi, diệt mất”, có nhớ, có quên. Đối với chuyện nhớ được thì có xa hay gần. Nhưng chuyện nhớ được dù xa hay gần, hoàn toàn là Tướng Phần được biến hiện bởi một niệm hiện tiền, chẳng phải là ngoài tâm riêng có một vật nào khác! Ngay như chúng ta nhớ lại chuyện thuộc mười năm, hai mươi năm trước, [chuyện ấy] cũng rành rành ở ngay trước mắt. Do vậy, có thể biết tâm tánh vốn theo chiều dọc thấu suốt ba đời, ba đời chẳng ra ngoài một niệm hiện tiền. Chỉ vì vô minh, chẳng thể thấy xa được! Phật đã đoạn sạch vô minh, tâm tánh rỗng rang, rạng ngời; vì thế, theo chiều dọc cùng tột ba đời từ đầu đến cuối, theo chiều ngang cùng tột ngàn mé của pháp giới, đều thấy biết rành rành, há đáng để khởi nghi?

Phần kinh văn Trường Hàng đã xong.

7.1.1.2. Trùng tụng

7.1.1.2.1. Trùng tụng chuyện đã thấy

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã niệm quá khứ thế, vô lượng vô biên kiếp, hữu Phật Lương Túc Tôn, danh Đại Thông Trí Thắng.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我念過去世，無量無邊劫，有佛兩足尊，名大通智勝。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ta nhớ đời quá khứ, vô lượng vô biên kiếp, có Phật Lương Túc Tôn, tên Đại Thông Trí Thắng).

7.1.1.2.2. Trùng tụng chuyện nêu thí dụ về sự lâu xa

²⁶⁸ Theo Phật Học Đại Từ Điển của Đinh Phước Bảo, nơi La Hán thì gọi là Tam Minh, nơi Phật thì gọi là Tam Đạt, tức Thiên Nhân, Túc Mạng, và Lậu Tận. Do thấu đạt tột cùng rốt ráo, nên gọi là Tam Đạt.

(Kinh) Như nhân dĩ lực ma, tam thiên đại thiên thổ, tận thử chư địa chủng, giai tất dĩ vi mặc. Quá u thiên quốc độ, nãi hạ nhất trần điểm. Như thị triển chuyển điểm, tận thử chư trần mặc. Như thị chư quốc độ, điểm dữ bất điểm đẳng, phục tận mạt vi trần. Nhất trần vi nhất kiếp. Thử chư vi trần số, cộng kiếp phục quá thị. Bỉ Phật diệt độ lai, như thị vô lượng kiếp.

(經)如人以力磨，三千大千土，盡此諸地種，皆悉以為墨。過於千國土，乃下一塵點。如是展轉點，盡此諸塵墨。如是諸國土，點與不點等，復盡抹為塵。一塵為一劫。此諸微塵數，共劫復過是。彼佛滅度來，如是無量劫。

(Kinh: Như người dùng sức mài, đất tam thiên đại thiên, trọn hết địa chủng ấy, thấy đều mài thành mực. Qua khỏi ngàn quốc độ, bèn chấm một điểm bụi. Lần lượt chấm như thế, hết sạch mực bụi ấy. Các quốc độ như thế, dù chấm hay không chấm, lại mài hết thành bụi. Mỗi bụi là một kiếp. Tổng số các kiếp kia, lại hơn số bụi ấy. Phật diệt độ đến nay, vô lượng kiếp như thế).

7.1.1.2.3. Trùng tụng “thấy chuyện xưa như trong hiện tại”

(Kinh) Như Lai vô ngại trí, tri bỉ Phật diệt độ, cập Thanh Văn, Bồ Tát, như kiến kim diệt độ. Chư tỳ-kheo đương tri: Phật trí tịnh vi diệu, vô lậu, vô sở ngại, thông đạt vô lượng kiếp.

(經)如來無礙智，知彼佛滅度，及聲聞菩薩，如見今滅度。諸比丘當知：佛智淨微妙，無漏無所礙，通達無量劫」。

(Kinh: Trí Như Lai vô ngại, biết Phật đó diệt độ, và Thanh Văn, Bồ Tát, thấy như hiện thời diệt. Các tỳ-kheo nên biết: Trí Phật sạch, vi diệu, vô lậu, chẳng ngăn ngại, thông đạt vô lượng kiếp).

Do “tức Không” nên Tịnh, do “tức Giả” nên Vi, do “tức Trung” nên Diệu. Lại do tam trí nhất tâm nên Tịnh, do nhất tâm tam trí nên Vi, do “chẳng phải một, chẳng phải ba, mà là ba, là một” nên Diệu. Do Thế

viên mãn nên “vô lậu”. Do Dụng thông đạt trọn khắp nên “vô sở ngại” (không bị ngăn ngại).

Phần thứ nhất, nói về chuyện thấy biết lâu xa đã xong.

7.1.2. Nêu ra nhân duyên trong đời trước

7.1.2.1. Trần thuật chi tiết

7.1.2.1. Nguyên do kết duyên

7.1.2.1.1. Nguyên do xa

7.1.2.1.1.1. Trần thuật chuyện Đại Thông Trí Thắng thành Phật

7.1.2.1.1.1.1. Phật thọ dài lâu

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Đại Thông Trí Thắng Phật thọ ngũ bách tứ thập vạn ức na-do-tha kiếp.

(經)佛告諸比丘：「大通智勝佛壽五百四十萬億那由他劫。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Đại Thông Trí Thắng Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha kiếp).

7.1.2.1.1.1.2. Chuyện trước khi Ngài thành đạo

(Kinh) Kỳ Phật bản tọa đạo tràng, phá ma quân dĩ, thùy đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhi chư Phật pháp bất hiện tại tiền. Như thị nhất tiểu kiếp, nãi chí thập tiểu kiếp, kết gia phu tọa, thân tâm bất động, nhi chư Phật pháp do bất hiện tiền.

(經)其佛本坐道場，破魔軍已，垂得阿耨多羅三藐三菩提，而諸佛法不現在前。如是一小劫，乃至十小劫，結加趺坐，身心不動，而諸佛法猶不現前。

(Kinh: Vị Phật ấy vốn ngồi nơi đạo tràng, đã phá ma quân²⁶⁹, sắp thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng pháp của chư Phật

²⁶⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đạo tràng có hai nghĩa: 1) Nơi chốn để do cái nhân vạn hạnh mà thành tựu cái quả Bồ Đề đạo, nơi đó được gọi là Pháp Thân đạo tràng. 2) Cội Bồ Đề nơi xứ Ma Kiệt Đề là cội nguồn của đạo Phật, được gọi là Ứng Thân đạo tràng. Khi chư Phật sắp thành Chánh Giác, ắt có ma vương suất lĩnh ma chúng khuấy phá. Vì thế, cần phải phá ma, sau đó thành đạo”.

chẳng hiện tiền. Như thế một tiểu kiếp, cho tới mười tiểu kiếp ngồi xếp bằng, thân tâm bất động mà pháp của chư Phật vẫn chẳng hiện tiền).

Đạo của chư Phật giống như nhau, do duyên [khác nhau mà trở thành] sự việc khác nhau. Đức Thích Ca khổ hạnh sáu năm, ngài Di Lặc đắc đạo ngay trong ngày hôm ấy (ngày Ngài xuất gia), đức Phật kia (Đại Thông Trí Thắng) mười kiếp mà [quả Chánh Giác] vẫn chưa hiện tiền, chẳng phải là căn cơ có lợi hay độn, hay đạo có khó hay dễ, chỉ vì duyên đáng nên dài lâu hay ngắn ngủi, mà phải thị hiện [thời gian tu đạo chứng quả] dài hay ngắn. Trong hết thấy các chỗ, hễ thị hiện tám tướng thành đạo, đều trước hết là phá ma. Sắp thuyết kinh Pháp Hoa, cũng phải thuyết tiêm pháp trước. Lại nói “*phá ma*” thì [cõi của Đại Thông Trí Thắng Phật] dường như là uế độ, nhưng xét theo thọ mạng dài lâu, lại chẳng phải là uế độ. Vì thế biết: Cõi Đồng Cư tịnh hay uế, vốn có nhiều tướng. Đối với các chuyện như thành đạo v.v... chẳng bắt buộc phải hoàn toàn giống như [các sự việc đã tường thuật trong thời] Tam Tạng nơi cõi này.

(Kinh) Nhĩ thời, (Phật vị tọa đạo tràng tiền), Đạo Lợi chư thiên tiên vị bĩ Phật, ư Bồ Đề thụ hạ, phu sư tử tòa, cao nhất do-tuần, (hàm tác thị niệm): “Phật ư thử tọa, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. (Đãi Phật) thích tọa thử tòa thời, chư Phạm thiên vương vũ chúng thiên hoa, diện bách do-tuần. Hương phong thời lai, xuy khứ ủy hoa, cánh vũ tân giả. Như thị bất tuyệt, mãn thập tiểu kiếp, cúng dường ư Phật. Nãi chí diệt độ, thường vũ thử hoa. Tứ vương chư thiên, vị cúng dường Phật, thường kích thiên cổ. Kỳ dư chư thiên, tác thiên kỹ nhạc, mãn thập tiểu kiếp, chí ư diệt độ, diệc phục như thị.

(經)爾時, (佛未坐道場前), 忉利諸天先為彼佛, 於菩提樹下, 敷師子座, 高一由旬, (咸作是念): 「佛於此坐, 當得阿耨多羅三藐三菩提」。(逮佛)適坐此座時, 諸梵天王雨眾天華, 面百由旬。香風時來, 吹去萎華, 更雨新者。如是不絕, 滿十小劫, 供養於佛。乃至滅度, 常雨此華。

四王諸天，為供養佛，常擊天鼓。其餘諸天，作天伎樂，滿十小劫，至於滅度，亦復如是。

(Kinh: Lúc bấy giờ, (trước khi đức Phật ngồi nơi đạo tràng), chư thiên Đạo Lợi đã trước đó vì đức Phật ấy mà trải tòa sư tử²⁷⁰ cao một do-tuần dưới cội Bồ Đề. (Họ đều nghĩ như thế này): “Đức Phật sẽ ở trên tòa này mà đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. (Đợi) cho đến khi (đức Phật) vừa ngồi trên tòa ấy, các Phạm thiên vương tuôn các hoa trời, mỗi phía rộng tới một trăm do-tuần. Gió thơm đúng thời thổi đến, cuốn đi hoa héo, lại mưa hoa mới, chẳng ngớt như thế, trồn mười tiểu kiếp cúng dường đức Phật. Cho đến khi Ngài diệt độ, thường mưa hoa ấy. Chư thiên thuộc Tứ Vương Thiên nhằm cúng dường Phật, thường gõ trống trời. Các vị trời khác thường tấu kỹ nhạc²⁷¹ cõi trời trồn mười tiểu kiếp, cho đến khi diệt độ, cũng giống như thế).

7.1.2.1.1.1.3. Nói về sự thành đạo

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Đại Thông Trí Thắng Phật quá thập tiểu kiếp, chư Phật chi pháp nãi hiện tại tiền, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)諸比丘！大通智勝佛過十小劫，諸佛之法乃現在前，成阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nay các tỳ-kheo! Đại Thông Trí Thắng Phật sau mười tiểu kiếp, pháp của chư Phật mới hiện tiền, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

7.1.2.1.1.1.4. Sau khi Phật thành đạo, quyền thuộc cúng dường

(Kinh) Kỳ Phật vị xuất gia thời, hữu thập lục tử. Kỳ đệ nhất giả, danh viết Trí Tích. Chư tử các hữu chủng chủng thân dị ngoại hảo

²⁷⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Sư tử là vua trong loài thú, ngạo nghễ một mình chẳng e sợ. Vì thế, trong kinh sánh ví Phật như sư tử trong loài người, hàng phục hết thầy ngoại đạo, tà ma. Ngài ngồi ở nơi đâu, nơi đó được gọi là tòa sư tử”.

²⁷¹ Kỹ nhạc là âm nhạc, “kỹ” có nghĩa là hay khéo. Gọi âm nhạc là kỹ nhạc với ngụ ý: Nhạc được diễn tấu bởi những người chuyên nghiệp, hay có trình độ diễn tấu cao.

chi cụ, văn phụ đắc thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai xả sở trân, vãng nghệ Phật sở. Chư mẫu thể khắp, nhi tùy tống chi. Kỳ tổ Chuyển Luân Thánh Vương, dữ nhất bách đại thần, cập dư bách thiên vạn ức nhân dân, giai cộng vi nhiều, tùy chí đạo tràng, hàm dục thân cận Đại Thông Trí Thắng Như Lai, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Đáo dĩ, đầu diện lễ túc, nhiều Phật tất dĩ, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng Thế Tôn, dĩ kệ tụng viết: - Đại oai đức Thế Tôn, vị độ chúng sanh cố, ư vô lượng ức tuế, nhĩ nãi đắc thành Phật. Chư nguyện dĩ cụ túc. Thiện tai! Cát vô thượng. Thế Tôn thậm hy hữu, nhất tọa thập tiểu kiếp, thân thể cập thủ túc, tĩnh nhiên an bất động. Kỳ tâm thường đảm phạ, vị tăng hữu tán loạn. Cứu cánh vĩnh tịch diệt, an trụ vô lậu pháp. Kim giả kiến Thế Tôn, an ổn thành Phật đạo. Ngã đẳng đắc thiện lợi, xưng khánh đại hoan hỷ. Chúng sanh thường khổ não, manh minh vô đạo sư, bất thức khổ tận đạo, bất tri cầu giải thoát. Trường dạ tăng ác thú, giảm tổn chư thiên chúng, từng minh nhập ư minh, vĩnh bất văn Phật danh. Kim Phật đắc tối thượng, an ổn vô lậu đạo. Ngã đẳng cập thiên nhân, vị đắc tối đại lợi. Thị cố hàm khể thủ, quy mạng vô thượng tôn.

(經)其佛未出家時，有十六子。其第一者，名曰智積。諸子各有種種珍異玩好之具，聞父得成阿耨多羅三藐三菩提，皆捨所珍，往詣佛所。諸母涕泣，而隨送之。其祖轉輪聖王，與一百大臣，及餘百千萬億人民，皆共圍繞，隨至道場，咸欲親近大通智勝如來，供養，恭敬，尊重，讚歎。到已，頭面禮足，繞佛畢已，一心合掌，瞻仰世尊，以偈頌曰：「大威德世尊，為度眾生故，於無量億歲，爾乃得成佛。諸願已具足，善哉吉無上。世尊甚希有，一坐十小劫，身體及手足，靜然安不動。其心常憺怕，未曾有散亂。究竟永寂滅，安住無漏法。今者見世尊，安隱成佛道。我等得善利，稱慶大歡喜。眾生常苦惱，盲瞶無導

師，不識苦盡道，不知求解脫。長夜增惡趣，減損諸天眾，從冥入於冥，永不聞佛名。今佛得最上，安隱無漏道。我等及天人，為得最大利。是故咸稽首，歸命無上尊」。

(Kinh: Lúc Phật chưa xuất gia, có mười sáu đứa con. Đứa con thứ nhất tên là Trí Tích (Jñānākara)²⁷². Các con mỗi người đều có các món vật quý lạ, đáng ưa thích, nghe cha thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều bỏ thứ quý báu, qua tới chỗ Phật. Các bà mẹ khóc lóc đưa tiễn. Ông nội của họ là Chuyển Luân Thánh Vương và một trăm vị đại thần, cùng với trăm ngàn vạn ức nhân dân khác đều cùng vây quanh, theo đến đạo tràng, đều muốn thân cận Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Đã đến nơi, đầu mặt lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật xong xuôi, một dạ chấp tay, chiêm ngưỡng Thế Tôn, dùng kệ tụng rằng: - Thế Tôn oai đức lớn, do vì độ chúng sanh, trong vô lượng ức năm, mới bèn được thành Phật. Các nguyện đã đầy đủ. Hay thay! Lành vô thượng. Thế Tôn rất hy hữu, tinh tọa mười tiểu kiếp, thân thể và tay chân, an tĩnh, chẳng hề động²⁷³. Tâm Ngài thường tĩnh lặng, chưa hề bị tán loạn. Rót ráo mãi tịch diệt, an trụ pháp vô lậu. Nay được thấy Thế Tôn, an ổn thành Phật đạo. Chúng con được lợi lành, khen mừng, rất hoan hỷ. Chúng sanh thường khổ não, lừa dối không thầy dạy, chẳng biết đạo dứt khổ, chẳng biết cầu giải thoát. Đêm dài, tăng đường ác, tổn giảm các thiện chúng, từ tối vào trong tối, mãi chẳng nghe tên Phật. Nay Phật đắc tối thượng, đạo an ổn vô lậu. Hàng trời người chúng con, vì được lợi lớn nhất. Cho nên đều đánh lễ, quy mạng vô thượng tôn).

Nếu xét theo ý nghĩa biểu pháp, mười sáu vị vương tử chính là Bát Chánh Đạo tự hành, hóa độ người khác.

7.1.2.1.1.5. Thỉnh chuyển pháp luân

²⁷² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trí Tích là tích tụ vạn đức; do vậy, gọi là Trí Tích. Hơn nữa, nhằm tương ứng cái tâm tu nhân với sự giác ngộ khi đắc quả, cho nên cha tên là Trí Thắng, con là Trí Tích”.

²⁷³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Năm căn chẳng duyên theo trần cảnh bên ngoài, cho nên chân tay bất động. Tám thức đã lìa nội nhiễm, cho nên thường tĩnh lặng. Chữ Đẳng Phạm có cùng ý nghĩa với chữ “đạm bạc”, đều có nghĩa là điềm tĩnh vô vi”.

(Kinh) Nhĩ thời, thập lục vương tử kệ tán Phật dĩ, khuyến thỉnh Thế Tôn chuyển u pháp luân, hàm tác thị ngôn: “Thế Tôn thuyết pháp, đa sở an ổn, lân mãn nhiều ích chư thiên, nhân dân”. Trùng thuyết kệ ngôn: - Thế hùng vô đẳng luân, bách phước tự trang nghiêm, đắc vô thượng trí huệ. Nguyên vị thế gian thuyết, độ thoát u ngã đẳng, cập chư chúng sanh loại, vị phân biệt hiển thị, linh đắc thị trí huệ. Nhược ngã đẳng đắc Phật, chúng sanh diệt phục nhiên. Thế Tôn tri chúng sanh, thâm tâm chỉ sở niệm, diệt tri sở hành đạo. Hựu tri trí huệ lực, dục lạc cập tu phước, túc mạng sở hạnh nghiệp, Thế Tôn tất tri dĩ, đương chuyển vô thượng luân.

(經)爾時，十六王子偈讚佛已，勸請世尊轉於法輪，咸作是言：「世尊說法，多所安隱，憐愍饒益，諸天，人民」。重說偈言：世雄無等倫，百福自莊嚴，得無上智慧。願為世間說，度脫於我等，及諸眾生類，為分別顯示，令得是智慧。若我等得佛，眾生亦復然。世尊知眾生，深心之所念，亦知所行道。又知智慧力，欲樂及修福，宿命所行業，世尊悉知己，當轉無上輪」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, mười sáu vương tử nói kệ tán Phật xong, khuyến thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân, đều nói như thế này: “Đức Thế Tôn thuyết pháp, [khiến cho chúng sanh] được nhiều an ổn, Ngài thương xót, tạo lợi ích cho chư thiên, nhân dân”. Lại nói kệ rằng: - Đẳng Thế Hùng khôn sánh, trăm phước tự trang nghiêm, đắc trí huệ vô thượng²⁷⁴. Nguyên vì thế gian nói, hòng độ thoát chúng con, và các loài chúng sanh, mà phân biệt, hiển thị, khiến đắc trí huệ ấy. Nếu chúng con thành Phật, chúng sanh cũng giống vậy. Thế Tôn biết chúng sanh, ý niệm trong thâm tâm, cũng biết đạo họ hành. Lại biết sức trí huệ, ưa muốn và tu phước, nghiệp gây tạo đời trước, Thế Tôn đều biết trọn, hãy chuyển vô thượng luân).

²⁷⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là tán thán đức Phật trí huệ và phước đức đều trọn vẹn. Tu năm độ trước trong Lục Độ là phước, tu độ cuối cùng (Bát Nhã) là huệ. Phước trọn đủ nên nói là Trăm. Huệ trọn đủ nên nói là Vô Thượng”.

Đã nói “*linh đặc thị trí huệ*” (khiến cho đạt được trí huệ ấy), lại nói “*nhược ngã đẳng đặc Phật*” (nếu chúng con được thành Phật), lại kết thúc bằng câu “*đương chuyển vô thượng luân*” (hãy nên chuyển pháp luân vô thượng). Hãy nên biết [những lời ấy] nhằm thỉnh cầu mãn tự giáo, như Phật Hoa Nghiêm trong hiện thời.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện Đại Thông Trí Thắng thành Phật” đã xong.

7.1.2.1.1.2. Phạm vương từ mười phương đến thỉnh pháp

7.1.2.1.1.2.1. Oai quang chiếu thấu khiến họ rung động

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Đại Thông Trí Thắng Phật đặc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thời, thập phương các ngũ bách vạn ức chư Phật thế giới, lục chủng chấn động. Kỳ quốc trung gian u minh chi xứ, nhật, nguyệt oai quang sở bất năng chiếu, nhi giai đại minh. Kỳ trung chúng sanh, các đặc tương kiến, hàm tác thị ngôn: “Thử trung vân hà hốt sanh chúng sanh?” Hựu kỳ quốc giới, chư thiên cung điện nãi chí Phạm cung, lục chủng chấn động, đại quang phổ chiếu, biến mãn thế giới, thắng chư thiên quang.

(經)佛告諸比丘：「大通智勝佛得阿耨多羅三藐三菩提時，十方各五百萬億諸佛世界，六種震動。其國中間幽冥之處，日月威光所不能照，而皆大明。其中眾生，各得相見，咸作是言：「此中云何忽生眾生？」又其國界，諸天宮殿乃至梵宮，六種震動，大光普照，徧滿世界，勝諸天光。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Khi Đại Thông Trí Thắng Phật đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong mười phương, mỗi phương đều có năm trăm vạn ²⁷⁵ thế giới của chư Phật, sáu thứ chấn động. Chỗ tối tăm trong các cõi ấy ²⁷⁶, oai quang của mặt trời, mặt trăng

²⁷⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Năm trăm vạn ức là nói đến chúng sanh trong năm đường”.

²⁷⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chỗ tối tăm trong cõi ấy chính là trong núi Thiết Vi, tức chốn địa ngục”.

chẳng thể chiếu thấu, thấy đều sáng bừng. Chúng sanh trong ấy đều trông thấy nhau, đều nói lời này: “Trong đây có sao bỗng sanh ra chúng sanh?” Lại nữa, trong quốc giới ấy, cung điện của chư thiên cho đến cung điện của Phạm thiên, sáu thứ chấn động, quang minh to lớn chiếu khắp, trọn khắp thế giới, vượt xa quang minh của chư thiên).

Lúc đức Phật giáng thân, lúc Ngài sơ sanh, lúc Ngài thành đạo, tự nhiên thế giới chấn động, quang minh to lớn chiếu trọn khắp, nhưng kẻ hữu duyên ở phương khác dầu xa xôi cũng nhận biết. Kẻ vô duyên dầu ở gần vẫn chẳng biết. Xét theo quán tâm để giải thích ý nghĩa “*hốt sanh chúng sanh*” (bỗng sanh ra chúng sanh): Tâm tánh vốn tịnh, do bị Âm, Nhập, Giới che lấp, cho nên tối tăm. Nếu tu Quán Huệ, lý bản tánh hiển hiện. Lại nữa, hai quả núi là Nhị Đế, chính giữa đó là Trung Đạo. Mặt trời, mặt trăng là nói đến nhị trí (Quyền Trí và Thật Trí), Phật quang là Trung Đạo. Trí quang (quang minh trí huệ) vô phân biệt chiếu rộng rang, rạng ngời Tam Đế vốn có.

7.1.2.1.1.2.2. Phạm vương đến thỉnh pháp

7.1.2.1.1.2.2.1. Phương Đông

7.1.2.1.1.2.2.1.1. Thấy điềm lành bèn kinh hãi

(Kinh) Nhĩ thời, Đông phương ngũ bách vạn ức chư quốc độ trung Phạm thiên cung điện, quang minh chiếu diệu, bội u thường minh. Chư Phạm thiên vương các tác thị niệm: “Kim giả cung điện quang minh, tích sở vị hữu, dĩ hà nhân duyên nhi hiện thử tướng?”

(經)爾時，東方五百萬億諸國土中梵天宮殿，光明照曜，倍於常明。諸梵天王各作是念：「今者宮殿光明，昔所未有，以何因緣而現此相？」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, cung điện của Phạm Thiên trong năm trăm vạn ức các quốc độ ở phương Đông được quang minh chiếu sáng rực, gấp bội ánh sáng thường ngày. Các Phạm thiên vương đều nghĩ như thế này: “Nay cung điện sáng ngời từ xưa chưa có, do nhân duyên gì mà hiện tướng này?”)

7.1.2.1.1.2.2.1.2. Hỏi han lẫn nhau để quyết nghị

(Kinh) *Thị thời, chư Phạm thiên vương, tức các tương nghệ, cộng nghị thử sự. Thời bỉ chúng trung, hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh Cứu Nhất Thiết, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đẳng chư cung điện, quang minh tích vị hữu, thử thị hà nhân duyên? Nghi các cộng cầu chi, vị đại đức thiên sanh? Vì Phật xuất thế gian? Nhi thử đại quang minh, biến chiếu w thập phương.*

(經)是時，諸梵天王，即各相詣，共議此事。時彼眾中，有一大梵天王，名救一切，為諸梵眾，而說偈言：「我等諸宮殿，光明昔未有，此是何因緣？宜各共求之，為大德天生？為佛出世間？而此大光明，徧照於十方」。

(Kinh: *Khi đó, các Phạm thiên vương liền đến gặp nhau để cùng bàn chuyện này. Lúc ấy, trong đại chúng có một vị đại Phạm thiên vương tên là Cứu Nhất Thiết (Sarvasattvatrātar) vì các vị Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Cung điện của chúng ta, quang minh xưa chưa có, đây là nhân duyên gì? Hãy nên cùng tìm kiếm, là trời đức lớn sanh? Hay Phật hiện thế gian? Quang minh lớn như thế, chiếu trọn khắp mười phương.*

7.1.2.1.1.2.2.1.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) *Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức quốc độ chư Phạm thiên vương, dĩ cung điện câu²⁷⁷, các dĩ y kích, thịnh chư thiên hoa, cộng nghệ Tây phương, suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai, xử vu đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.*

(經)爾時，五百萬億國土諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣西方，推尋是相，見大通智勝如來，處于道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、

²⁷⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chư thiên đi đến đâu, cung điện theo sát thân họ. Vì thế nói là dĩ cung điện câu”.

緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị Phạm thiên vương trong năm trăm vạn ức quốc độ cùng với cung điện, mỗi vị đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng đến phương Tây tìm kiếm tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi trên tòa sư tử dưới cội Bồ Đề²⁷⁸ nơi đạo tràng. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.1.4. Tam nghiệp cúng dường

(Kinh) Tức thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiễu bách thiên táp. Tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Kỳ sở tán hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Kỳ Bồ Đề thụ cao thập do-tuần. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung điện phụng thượng bĩ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung điện, nguyện thù nạp xứ”. Thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thế Tôn thậm hy hữu, nan khả đắc trị ngộ, cụ vô lượng công đức, năng cứu hộ nhất thiết. Thiên nhân chi đại sư, ai mãn ư thế gian. Thập phương chư chúng sanh, phổ giai mong nhiều ích. Ngã đẳng sở tùng lai, ngũ bách vạn ức quốc, xả thân Thiền Định lạc, vị cúng dường Phật cố. Ngã đẳng tiên thế phước, cung điện thậm nghiêm sức, kim dĩ phụng Thế Tôn, duy nguyện ai nạp thọ.

(經)即時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝。即以天華而散佛上。其所散華如須彌山，并以供養佛菩提樹。其菩提樹高十由旬。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍饒益我等。所獻宮殿，願垂納處」。時，諸梵

²⁷⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Cây Bồ Đề vốn là cây Tát Bát La (Pippala). Do Phật ngồi dưới cội cây ấy mà thành Chánh Giác, cho nên gọi là Bồ Đề thụ, dịch nghĩa là Giác Thụ, hay Đạo Thụ”.

天王卽於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「世尊甚希有，難可得值遇，具無量功德，能救護一切。天人之大師，哀愍於世間。十方諸眾生，普皆蒙饒益。我等所從來，五百萬億國，捨深禪定樂，為供養佛故。我等先世福，宮殿甚嚴飾，今以奉世尊，惟願哀納受」。

(Kinh: Ngay khi đó, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên Phật. Hoa được rải như núi Tu Di, cũng dùng [hoa đó] để cúng dường cội Bồ Đề của Phật. Cây Bồ Đề cao mười do-tuần. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, nói như thế này: “Kính mong thương xót, tạo lợi ích cho chúng con. Xin hãy rủ lòng thu nhận, ngự trong cung điện dâng lên này”. Khi đó, các Phạm thiên vương liền ở trước đức Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Thế Tôn rất hy hữu, khó thể gặp gỡ được. Đủ vô lượng công đức, cứu, che chở hết thấy. Đáng đại sư trời người, thương xót khắp thế gian. Chúng sanh trong mười phương, đều trọn hưởng lợi ích. Chúng con từ năm trăm, vạn ức quốc độ đến, bỏ vui Thiền Định sâu, vì để cúng dường Phật. Chúng con phước đời trước, cung điện rất trang nghiêm, nay dâng lên Thế Tôn, kính mong thương nhận lấy).

Hỏi: - Phạm thiên tuôn mưa hoa như núi Tu Di. Cây [Bồ Đề] và tòa [sư tử] đều thấp hơn, tương trạng ấy là như thế nào?

Đáp: - Chuyện chẳng thể nghĩ bàn, đôi bên cũng chẳng trở ngại nhau!

7.1.2.1.1.2.2.1.5. Thỉnh chuyển pháp luân

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương kệ tán Phật dĩ, các tác thị ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn chuyển u pháp luân, độ thoát chúng sanh, khai Niết Bàn đạo”. Thời, chư Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Hùng Lương Túc Tôn, duy nguyện diễn thuyết pháp, dĩ đại từ bi lực, độ khổ não chúng sanh.

(經)爾時，諸梵天王偈讚佛已，各作是言：「惟願世尊轉於法輪，度脫眾生，開涅槃道」。時，諸梵天王一心同聲，而說偈言：「世尊兩足尊，惟願演說法，以大慈悲力，度苦惱眾生」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, ai nấy nói như thế này: “Kính mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân, độ thoát chúng sanh, mở đường Niết Bàn”. Khi đó, các Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh mà nói kệ rằng: - Thế Hùng Lương Túc Tôn, kính mong diễn nói pháp, dùng sức đại từ bi, độ chúng sanh khổ não).

Đã nói “độ chúng sanh khổ não” tức là thỉnh bán tự giáo, như tại Lộc Uyển trong đời này!

7.1.2.1.1.2.2.1.6. Như Lai im lặng hứa khả

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên hứa chi.

(經)爾時，大通智勝如來默然許之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng chấp thuận).

Nghi thức thọ thỉnh của chư Phật, đương nhiên đều là im lặng hứa khả, vì tùy thuận quy tắc của các vị Phật trong quá khứ, vì khiến cho chúng sanh tôn trọng, khát ngưỡng, vì chẳng giống như phạm phu, ngoại đạo, vì có thể khiến cho người tận mắt trông thấy sẽ sanh tâm duy trì đạo.

Phần thứ nhất, phương Đông [thỉnh pháp] đã xong.

7.1.2.1.1.2.2.2. Phương Đông Nam

7.1.2.1.1.2.2.2.1. Thấy tướng lành kinh hải

(Kinh) Hựu chư tỳ-kheo! Đông Nam phương ngũ bách vạn ức quốc độ chư đại Phạm vương, các tự kiến cung điện, quang minh chiếu diệu, tích sở vị hữu, hoan hỷ, dũng dục, sanh hy hữu tâm.

(經)又諸比丘！東南方五百萬億國土諸大梵王，各自見宮殿，光明照曜，昔所未有，歡喜，踴躍，生希有心。

(Kinh: Lại này các tỳ-kheo! Các đại Phạm vương trong năm trăm vạn ức quốc độ ở phương Đông Nam đều tự thấy cung điện quang minh chiếu sáng ngời xua kia chưa từng có, hoan hỷ, hớn hở, sanh lòng hy hữu).

7.1.2.1.1.2.2.2. Hỏi lẫn nhau để quyết nghị

(Kinh) Tức các tương nghê, cộng nghị thử sự. Thời bĩ chúng trung, hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh viết Đại Bi, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Thử sự hà nhân duyên, nhi hiện như thử tướng? Ngã đẳng chư cung điện, quang minh tích vị hữu, vị đại đức thiên sanh? Vi Phật xuất thế gian? Vị tăng kiến thử tướng, đương cộng nhất tâm cầu, quá thiên vạn ức độ, tầm quang cộng suy chi. Đa thị Phật xuất thế, độ thoát khổ chúng sanh.

(經)即各相詣，共議此事。時，彼眾中，有一大梵天王，名曰大悲，為諸梵眾，而說偈言：「是事何因緣，而現如此相？我等諸宮殿，光明昔未有，為大德天生？為佛出世間？未曾見此相，當共一心求，過千萬億土，尋光共推之。多是佛出世，度脫苦眾生」。

(Kinh: Mỗi vị đều đến gặp nhau, cùng bàn chuyện này. Khi đó, trong đại chúng đó, có một vị đại Phạm thiên vương, tên là Đại Bi (Adhimātrakāruṇika), vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Chuyện này nhân duyên gì, mà hiện tướng như vậy? Cung điện của chúng ta, sáng sủa chưa từng có, là trời đại đức sanh? Hay là Phật xuất thế? Chưa từng thấy tướng này, hãy nên nhất tâm tìm, qua ngàn vạn ức cõi, theo quang minh cùng tìm. Phần nhiều Phật xuất thế, độ chúng sanh thoát khổ).

7.1.2.1.1.2.2.2.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, dữ cung điện câu, các dĩ y kích, thịnh chư thiên hoa, cộng nghệ Tây Bắc phương, suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai, xử ư đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣西北方，推尋是相，見大通智勝如來，處於道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương cùng với cung điện, ai nấy đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng đến phương Tây Bắc tìm tòi tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngự dưới cội Bồ Đề nơi đạo tràng, ngồi trên tòa sư tử. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.4. Tam nghiệp cúng dường

(Kinh) Thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiễu bách thiên táp, tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Sở tán chi hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung điện phụng thượng bỉ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn, nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung điện, nguyện thù nạp thọ”. Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thánh chúa thiên trung vương, Ca Lăng Tần Già thanh²⁷⁹, ai mãn chúng sanh giả, ngã đẳng kim kính lễ. Thế Tôn

²⁷⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật được mười pháp giới tôn trọng, vì được coi là chúa của các vị thánh, là vua trong chư thiên. Do vậy nói ‘thánh chúa, thiên trung vương’. Ca Lăng Tần Già là tên một loại chim sống tại Tuyết Sơn, tiếng hót cực hay, du dương, hòa nhã. Loài chim này từ khi còn nằm trong trứng đã biết hát. Vì thế dùng tiếng loài chim này để sánh ví âm thanh thuyết pháp vi diệu của đức Phật”.

thậm hy hữu, cứu viễn nãi nhất hiện. Nhất bách bát thập kiếp, không quá vô hữu Phật. Tam ác đạo sung mãn, chư thiên chúng giảm thiểu. Kim Phật xuất ư thế, vị chúng sanh tác nhân, thế gian sở quý thú, cứu hộ ư nhất thiết. Vì chúng sanh chi phụ, ai mãn nhiều ích giả. Ngã đẳng tức phước khánh. Kim đắc trị Thế Tôn.

(經)時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝，即以天華而散佛上。所散之華如須彌山，并以供養佛菩提樹。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍，饒益我等。所獻宮殿，願垂納受」。爾時，諸梵天王即於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「聖主天中王，迦陵頻伽聲，哀愍眾生者，我等今敬禮。世尊甚希有，久遠乃一現。一百八十劫，空過無有佛。三惡道充滿，諸天眾減少。今佛出於世，為眾生作眼，世間所歸趣，救護於一切。為眾生之父，哀愍饒益者，我等宿福慶，今得值世尊」。

(Kinh: Lúc ấy, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên đức Phật. Hoa đã rải như núi Tu Di, và cũng dùng [hoa ấy] để cúng dường cây Bồ Đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, mà nói như thế này: “Kính mong thương xót, lợi ích chúng con. Kính mong thu nhận, ngự trong cung điện đã dâng hiến”. Lúc đó, các Phạm thiên vương liền ở trước Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Thánh chúa thiên trung vương, tiếng Ca Lăng Tần Già, đáng thương xót chúng sanh, chúng con nay kính lễ. Thế Tôn rất hy hữu, lâu xa hiện một lần. Một trăm tám mươi kiếp, luống qua chẳng có Phật. Ba ác đạo đầy dẫy, các chúng trời giảm thiểu. Nay Phật hiện trong đời, làm mắt cho chúng sanh²⁸⁰, chỗ thế gian hướng về, cứu giúp cho hết thảy. Làm cha của chúng sanh, đáng thương xót, lợi ích, chúng con nhờ phước xưa, nay được gặp Thế Tôn).

²⁸⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chúng sanh mù lòa, tăm tối, đánh mất chánh kiến, ở trong đêm dài sanh tử, chẳng biết thoát ra. Đức Phật hướng dẫn họ thoát khỏi, vì thế nói Ngài làm mắt cho chúng sanh”.

7.1.2.1.1.2.2.2.5. *Thỉnh chuyển pháp luân*

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương kệ tán Phật dĩ, các tác thị ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhất thiết, chuyển u pháp luân, độ thoát chúng sanh”. Thời, chư Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Đại thánh chuyển pháp luân, hiển thị chư pháp tướng, độ khổ não chúng sanh, linh đắc đại hoan hỷ. Chúng sanh văn thử pháp, đắc đạo nhược sanh thiên. Chư ác đạo giảm thiểu, nhân thiện giả tăng ích.

(經)爾時，諸梵天王偈讚佛已，各作是言：「惟願世尊哀愍一切，轉於法輪，度脫眾生」。時，諸梵天王一心同聲，而說偈言：「大聖轉法輪，顯示諸法相，度苦惱眾生，令得大歡喜。眾生聞此法，得道若生天。諸惡道減少，忍善者增益」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, đều nói như thế này: “Kính mong đức Thế Tôn thương xót hết thảy, chuyển pháp luân độ thoát chúng sanh”. Khi đó, các Phạm thiên vương một dạ đồng thanh, nói kệ rằng: - Đại thánh chuyển pháp luân, hiển thị các pháp tướng, độ chúng sanh khổ não, khiến được hoan hỷ lớn. Chúng sanh nghe pháp này, đắc đạo hoặc sanh thiên. Các đường ác giảm bớt, người nhân thiện tăng thêm).

Đây cũng là thỉnh bán tự giáo giống như trong phần trước.

7.1.2.1.1.2.2.2.6. *Như Lai yên lặng hứa khả*

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên hứa chi.

(經)爾時，大通智勝如來默然許之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng chấp thuận).

Phần thứ hai, phương Đông Nam đã xong.

7.1.2.1.1.2.2.3. Phương Nam

7.1.2.1.1.2.2.3.1. Thấy tướng lành kinh hãi

(Kinh) Hựu chư tỳ-kheo! Nam phương ngũ bách vạn ức quốc độ chư đại Phạm vương, các tự kiến cung điện quang minh chiếu diệu, tích sở vị hữu, hoan hỷ, dũng được, sanh hy hữu tâm.

(經)又諸比丘！南方五百萬億國土諸大梵王，各自見宮殿光明照曜，昔所未有，歡喜，踴躍，生希有心。

(Kinh: Lại này các tỳ-kheo! Các đại Phạm vương trong năm trăm vạn ức quốc độ ở phương Nam, đều tự thấy cung điện được quang minh chiếu sáng ngời, xưa kia chưa có, hoan hỷ, hớn hở, sanh tâm hy hữu).

7.1.2.1.1.2.2.3.2. Hỏi nhau để quyết nghị

(Kinh) Tức các tương nghê, cộng nghị thử sự: “Dĩ hà nhân duyên, ngã đẳng cung điện hữu thử quang diệu?” Nhi bỉ chúng trung, hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh viết Diệu Pháp, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đẳng chư cung điện, quang minh thậm oai diệu. Thử phi vô nhân duyên, thị tương nghị cầu chi. Quá u bách thiên kiếp, vị tăng kiến thị tướng, vị đại đức thiên sanh? Vi Phật xuất thế gian?

(經)即各相詣，共議此事：「以何因緣，我等宮殿有此光曜？」而彼眾中，有一大梵天王，名曰妙法，為諸梵眾，而說偈言：「我等諸宮殿，光明甚威曜。此非無因緣，是相宜求之。過於百千劫，未曾見是相，為大德天生？為佛出世間？」

(Kinh: Mỗi vị liền đến gặp nhau, cùng bàn chuyện này: “Do nhân duyên nào, cung điện của chúng ta sáng ngời như thế?” Nhưng trong đại chúng ấy, có một đại Phạm thiên vương tên là Diệu Pháp (Sudharma), vì các vị Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Cung điện của chúng ta, quang minh rất oai diệu, chẳng phải không nhân duyên, hãy

nên tìm kiếm xem. Trải qua trăm ngàn kiếp, chưa từng thấy tướng này, là trời đức lớn sanh? Hay Phật hiện thế gian?)

7.1.2.1.1.2.2.3.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, dữ cung điện câu, các dĩ y kích, thịnh chư thiên hoa, cộng nghệ Bắc phương suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai xử vu đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣北方推尋是相，見大通智勝如來處于道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương cùng với cung điện, mỗi vị đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng tới phương Bắc dò tìm tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngự nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.3.4. Tam nghiệp cúng dường

(Kinh) Thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiễu bách thiên táp, tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Sở tán chi hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung điện phụng thượng bĩ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn, nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung điện, nguyện thù nạp thọ”. Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thế Tôn thậm nan kiến, phá chư phiền não

giả, quá bách tam thập kiếp, kim nãi đắc nhất kiến. Chư cơ khát chúng sanh, dĩ pháp vũ sung mãn. Tích sở vị tăng đồ, vô lượng trí huệ giả, như Ưu Đàm Bát hoa, kim nhật nãi trị ngộ. Ngã đẳng chư cung điện, môn quang cố nghiêm sức. Thế Tôn đại từ mẫn, duy nguyện thù nập thọ.

(經)時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝，即以天華而散佛上。所散之華如須彌山，并以供養佛菩提樹。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍，饒益我等。所獻宮殿，願垂納受」。爾時，諸梵天王即於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「世尊甚難見，破諸煩惱者，過百三十劫，今乃得一見。諸饑渴眾生，以法雨充滿。昔所未曾覩，無量智慧者，如優曇鉢華，今日乃值遇。我等諸宮殿，蒙光故嚴飾。世尊大慈愍，惟願垂納受」。

(Kinh: Lúc ấy, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên đức Phật. Hoa đã rải như núi Tu Di, và cũng dùng [hoa ấy] để cúng dường cây Bồ Đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, mà nói như thế này: “Kính mong thương xót, lợi ích chúng con. Kính mong thân nhận cung điện đã dâng hiến”. Lúc đó, các Phạm thiên vương liền ở trước Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Thế Tôn rất khó thấy, đáng phá các phiền não. Trải trăm ba mươi kiếp, nay mới gặp một lần. Các chúng sanh đói khát, dùng mưa pháp sung mãn. Xưa kia chưa từng thấy, đáng vô lượng trí huệ, như hoa Ưu Đàm Bát, ngày nay được gặp gỡ. Cung điện của chúng con, được quang minh trang nghiêm. Thế Tôn đại từ mẫn, mong rủ lòng tiếp nhận).

7.1.2.1.1.2.2.3.5. Thỉnh chuyển pháp luân

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương kệ tán Phật dĩ, các tác thị ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn chuyển ư pháp luân, linh nhất thiết thế gian chư thiên, ma, Phạm, sa-môn, Bà-la-môn, giai hoạch an ổn, nhi đắc độ thoát”. Thời, chư Phạm thiên vương, nhất tâm đồng thanh,

dĩ kệ tụng viết: - *Duy nguyện thiên nhân tôn, chuyển vô thượng pháp luân, kích vu đại pháp cổ, nhi xuy đại pháp loa, phổ vũ đại pháp vũ, độ vô lượng chúng sanh. Ngã đẳng hàm quy thỉnh, đương diễn thâm viển âm.*

(經)爾時, 諸梵天王偈讚佛已, 各作是言: 「惟願世尊轉於法輪, 令一切世間諸天、魔、梵、沙門、婆羅門, 皆獲安隱, 而得度脫」。時, 諸梵天王, 一心同聲, 以偈頌曰: 「惟願天人尊, 轉無上法輪, 擊于大法鼓, 而吹大法螺, 普雨大法雨, 度無量眾生。我等咸歸請, 當演深遠音」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, đều nói như thế này: “Kính mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân, khiến cho hết thấy chư thiên, ma, Phạm, sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều được an ổn để được độ thoát”. Khi đó, các Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh, dùng kệ tụng nói: “Kính mong thiên nhân tôn, chuyển vô thượng pháp luân, giống hồi trống đại pháp, và thổi ốc pháp lớn, tuôn khắp mưa pháp lớn, độ vô lượng chúng sanh. Chúng con đều quy thỉnh, xin diễn tiếng sâu xa”).

Đã nói “vô thượng pháp luân”. Lại nói “đại pháp cổ, đại pháp loa” tức là đối với bán giáo mà nói rõ cầu thỉnh mãn giáo, như Phương Đẳng trong hiện thời.

7.1.2.1.1.2.2.3.6. Như Lai yên lặng hứa khả

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên hứa chi.

(經)爾時, 大通智勝如來默然許之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai yên lặng hứa khả).

Phần thứ ba, phương Nam đã xong.

7.1.2.1.1.2.2.4. *Nêu chung sáu phương kia*

(Kinh) Tây Nam phương nãi chí hạ phương, diệc phục như thị.

(經)西南方乃至下方，亦復如是。

(Kinh: Phương Tây Nam cho đến phương dưới cũng giống như thế).

Liệt kê Phạm vương thuộc mười phương. Trong kinh Chánh Pháp Hoa, trước hết nói phương Tây, kế đến là bốn góc (bốn phương bàng), rồi đến phương trên và phương dưới, hoàn toàn tùy theo ý của dịch giả, chẳng rõ thứ tự trong bản gốc tiếng Phạn như thế nào!

7.1.2.1.1.2.2.5. *Phương trên*

7.1.2.1.1.2.2.5.1. *Thấy tướng lành kinh hải*

Mười phương thỉnh cầu đã xong, đức Thế Tôn liền nói. Cho nên chẳng yên lặng hứa khả.

(Kinh) Nhĩ thời, thượng phương ngũ bách vạn ức quốc độ chư đại Phạm vương, giai tất tự đồ sở chỉ cung điện, quang minh oai diệu, tích sở vị hữu, hoan hỷ, dũng được, sanh hy hữu tâm.

(經)爾時，上方五百萬億國土諸大梵王，皆悉自觀所止宮殿，光明威曜，昔所未有，歡喜，踴躍，生希有心。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các đại Phạm vương trong năm trăm vạn ức quốc độ ở phương trên, thấy đều tự thấy cung điện mình đang ở quang minh oai mãnh, sáng ngời, xưa kia chưa có, đều hoan hỷ, hớn hở, sanh tâm hy hữu).

7.1.2.1.1.2.2.5.2. *Hỏi nhau để quyết nghị*

(Kinh) Tức các tương nghệ, cộng nghị thử sự: “Dĩ hà nhân duyên, ngã đẳng cung điện hữu tư quang minh?” Thời, bỉ chúng trung hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh viết Thi Khí, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Kim dĩ hà nhân duyên, ngã đẳng chư cung điện. Oai đức quang minh diệu, nghiêm sức vị tăng hữu? Như thị chi diệu tướng, tích sở vị văn kiến. Vi đại đức thiên sanh? Vi Phật xuất thế gian?

(經)即各相詣，共議此事：「以何因緣，我等宮殿有斯光明？」。時，彼眾中有一大梵天王，名曰尸棄，為諸梵眾，而說偈言：「今以何因緣，我等諸宮殿。威德光明曜，嚴飾未曾有？如是之妙相，昔所未聞見。為大德天生？為佛出世間？」

(Kinh: Mỗi vị liền đến gặp nhau, cùng bàn chuyện này: “Do nhân duyên nào mà cung điện của chúng ta có quang minh này?” Khi đó, trong đại chúng có một vị đại Phạm thiên vương tên là Thi Khí (Śikhin), vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Nay do nhân duyên nào, cung điện của chúng ta, quang minh oai đức diệu, trang nghiêm chưa từng có? Diệu tướng như thế đó, xưa chưa được thấy, nghe. Là trời đại đức sanh? Hay là Phật xuất thế?)

7.1.2.1.1.2.2.5.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, dữ cung điện câu, các dĩ y kích, thịnh chư thiên hoa, cộng nghị hạ phương suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai, xử vu đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣下方推尋是相，見大通智勝如來，處于道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương cùng với cung điện, mỗi vị đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng tới phương Bắc dò tìm tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngự nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử. Chư thiên, long, nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử. Chư thiên, long

vuông, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.5.4. Tam nghiệp cúng dường

(Kinh) Thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiều bách thiên táp. Tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Sở tán chi hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung diện phụng thượng bỉ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn, nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung diện, nguyện thù nạp xử”. Thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thiện tai kiến chư Phật, cứu thế chi thánh tôn, năng ư tam giới ngục, miễn xuất chư chúng sanh. Phổ trí thiên nhân tôn, ai mãn quần manh loại, năng khai cam lộ môn, quảng độ ư nhất thiết. Ư tích vô lượng kiếp, không quá vô hữu Phật. Thế Tôn vị xuất thời, thập phương thường ám minh. Tam ác đạo tăng trưởng, A Tu La diệc thịnh, chư thiên chúng chuyển giảm. Tử đa đạo ác đạo, bất tùng Phật văn pháp, thường hành bất thiện sự. Sắc lực cập trí huệ, tư đẳng giai giảm thiểu. Tội nghiệp nhân duyên cố, thất lạc cập lạc tướng, trụ ư tà kiến pháp, bất thức thiện nghi tác. Bất mộng Phật sở hóa, thường đạo ư ác đạo. Phật vị thế gian nhân, cứu viễn thời nãi xuất. Ai mãn chư chúng sanh, cố hiện ư thế gian. Siêu xuất thành Chánh Giác. Ngã đẳng thậm hân khánh, cập dư nhất thiết chúng, hỷ thán vị tăng hữu. Ngã đẳng chư cung diện, mong quang cố nghiêm sức. Kim dĩ phụng Thế Tôn, duy thù ai nạp thọ. Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư nhất thiết, ngã đẳng dữ chúng sanh, giai cộng thành Phật đạo.

(經)時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝。即以天華而散佛上。所散之華如須彌山，并以供養佛菩提樹。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍，饒益我等。所獻宮殿，願垂納處」。時，諸梵天王即於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「善哉見諸佛，救世之聖尊，能於三界獄，勉出諸眾生。普智天人尊，哀愍群萌類，能開甘露

門，廣度於一切。於昔無量劫，空過無有佛。世尊未出時，十方常闇暝。三惡道增長，阿修羅亦盛，諸天眾轉減。死多墮惡道，不從佛聞法，常行不善事。色力及智慧，斯等皆減少。罪業因緣故，失樂及樂想，住於邪見法，不識善儀則。不蒙佛所化，常墮於惡道。佛為世間眼，久遠時乃出。哀愍諸眾生，故現於世間。超出成正覺。我等甚欣慶，及餘一切眾，喜歎未曾有。我等諸宮殿，蒙光故嚴飾。今以奉世尊，惟垂哀納受。願以此功德，普及於一切，我等與眾生，皆共成佛道」。

(Kinh: Lúc ấy, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên đức Phật. Hoa đã rải như núi Tu Di, và cũng dùng [hoa ấy] để cúng dường cây Bồ Đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, mà nói như thế này: “Kính mong thương xót, lợi ích chúng con. Kính mong thu nhận, ngự trong cung điện đã dâng hiến”. Lúc đó, các Phạm thiên vương liền ở trước Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Lành thay thấy chư Phật, đáng thánh chuyên cứu đời, hay trong ngục tam giới, cứu thoát các chúng sanh. Thiên nhân tôn²⁸¹ trí khắp, thương xót loài quần sanh, hay mở cửa cam lộ, rộng độ hết tất cả. Xưa trong vô lượng kiếp, luống qua chẳng có Phật. Thế Tôn chưa xuất thế, mười phương thường tối tăm. Ba ác đạo tăng trưởng, A Tu La cũng đông, các chúng trời giảm bớt. Chết thường đọa đường ác. Chẳng theo Phật nghe pháp, thường làm chuyện chẳng lành. Sắc lực và trí huệ, các thứ đều giảm ít. Do nhân duyên tội nghiệp, mất lạc và lạc tướng. Trụ trong pháp tà kiến, chẳng biết thiện nghi tắc. Chẳng được Phật hóa độ, thường đọa trong nẻo ác. Phật là mắt thế gian, lâu xa mới xuất hiện. Thương xót các chúng sanh, nên hiện trong thế gian. Siêu việt thành Chánh Giác. Chúng con rất vui mừng, và hết thấy chúng khác, mừng khen chưa từ có! Cung điện của chúng con, được quang minh trang hoàng. Nay dâng lên Thế

²⁸¹ “Thiên nhân tôn” là đáng được trời lẫn người đều tôn kính.

Tôn, xin rủ lòng *thương nhận*. Nguyên đem công đức này, *hướng về* khắp hết thấy, *chúng con và chúng sanh*, đều cùng thành Phật đạo).

Trong đoạn trước, phương Đông Nam nói “*một trăm tám mươi kiếp luống qua chẳng có Phật*”; phương Nam nói “*một trăm ba mươi kiếp mới được thấy Phật*”. Nay nói “*xưa kia vô lượng kiếp luống qua chẳng có Phật*”. Cơ duyên bất đồng, cho nên thấy Phật gần hay xa như thế đó. Được quang minh chiếu đến bèn cùng nhau nhóm họp, há ngẫu nhiên ư? Dùng cổ để suy ra kim, lý chẳng hai nẻo! Hễ thấy, hễ nghe, đều thuận theo mà cảm ứng. Người nghe pháp hãy nên tưởng hân hạnh, khó gặp như thế nào!

7.1.2.1.1.2.2.5.5. Thỉnh chuyển pháp luân

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, kệ tán Phật dĩ, các bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn chuyển u pháp luân, đa sở an ổn, đa sở độ thoát”. Thời, chư Phạm thiên vương nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn chuyển pháp luân, kích cam lộ pháp cổ, độ khổ não chúng sanh, khai thị Niết Bàn đạo. Duy nguyện thọ ngã thỉnh, dĩ đại vi diệu âm, ai mãn nhi phu diễn, vô lượng kiếp tập pháp.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，偈讚佛已，各白佛言：「惟願世尊轉於法輪，多所安隱，多所度脫」。時，諸梵天王而說偈言：「世尊轉法輪，擊甘露法鼓，度苦惱眾生，開示涅槃道。惟願受我請，以大微妙音，哀愍而敷演，無量劫習法」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, đều bạch cùng đức Phật rằng: “Kính mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân, nhiều an ổn, nhiều độ thoát”. Khi đó, các Phạm thiên vương bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn chuyển pháp luân, giống trống pháp cam lộ, độ chúng sanh khổ não, khai thị đạo Niết Bàn. Mong nhận lời con thỉnh, dùng tiếng vi diệu lớn, thương xót mà diễn bày, pháp tu vô lượng kiếp).

Đã nói “*dĩ đại vi diệu âm, phu diễn vô lượng kiếp tập pháp*” (dùng âm thanh vi diệu to lớn để diễn bày pháp tu tập trong vô lượng kiếp). Lại nói “*độ khổ chúng sanh*” v.v... tức là cầu thỉnh mãn giáo kèm thêm bán giáo, như Bát Nhã trong hiện thời. Nhưng pháp đạo của chư Phật giống nhau, chẳng nên thỉnh riêng lẻ. Như nay đức Phật từ đầu tới cuối, chuyển trọn vẹn pháp luân ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ), mỗi mỗi đều là tương ứng với lời thỉnh của Phạm vương. Đức Phật kia cũng nên như thế, nay để nói cho tiện, kinh văn ghi mười sáu vương tử thoát đầu thỉnh Hoa Nghiêm, cho đến [các vị Phạm vương thuộc] phương trên thỉnh Bát Nhã. Sau đó, mười sáu vị vương tử thỉnh Pháp Hoa, lớp lang rành rành, xưa và nay nhất trí.

Phần thứ nhất, “nguyên do kết duyên” đã xong.

7.1.2.1.2. Nguyên do gần

Do Phật tiếp nhận lời thỉnh cầu bèn thuyết pháp; vì thế, lại nhắc lại chuyện kết duyên. Kinh văn được chia thành hai phần: Một, chuyển bán tự pháp luân; hai, chuyển pháp luân phế bán tự, nêu ra mãn tự.

7.1.2.1.2.1. Thọ thỉnh

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai thọ thập phương chư Phạm thiên vương, cập thập lục vương tử thỉnh.

(經)爾時，大通智勝如來受十方諸梵天王，及十六王子請。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai tiếp nhận lời thỉnh của các vị Phạm thiên vương từ mười phương và mười sáu vị vương tử).

7.1.2.1.2.2. Chuyển pháp luân

Ở đây, phải nói tam thừa giống như kinh văn trong phẩm Tự, nhưng nay chẳng nói, chính là vì luận theo phương diện kết duyên, khai hiển v.v... cho hạ căn mà lược đi chẳng nhắc tới Lục Độ. Lại nữa, đức Phật ấy thành đạo, ắt cũng diễn nói Đại Hoa Nghiêm, nhưng do đó chẳng phải là nguyên do chánh yếu để kết duyên, cho nên lược đi chẳng nói.

Kinh văn được chia thành hai phần: Một, nói về Tứ Đế. Hai, nói về mười hai nhân duyên.

7.1.2.1.2.2.1. Nói về Tứ Đế

(Kinh) Tức thời tam chuyển thập nhị hành pháp luân, nhược sa-môn, Bà-la-môn, nhược thiên, ma, Phạm, cập dư thế gian sở bất năng chuyển, vị thị Khổ, thị Khổ Tập, thị Khổ Diệt, thị Khổ Diệt Đạo.

(經)即時三轉十二行法輪，若沙門、婆羅門，若天、魔、梵，及餘世間所不能轉，謂是苦，是苦集，是苦滅，是苦滅道。

(Kinh: Lập tức ba lượt chuyển pháp luân mười hai hành, dù sa-môn, Bà-la-môn, hay thiên, ma, Phạm, và những kẻ khác trong thế gian đều chẳng thể chuyển, tức là Khổ, là Khổ Tập, là Khổ Diệt, là Khổ Diệt Đạo).

“Tam chuyển”: Một là Thị Chuyển, hai là Khuyến Chuyển, ba là Chứng Chuyển.

1) Thị Chuyển (chuyển pháp luân bằng cách chỉ bày): Tức là nói “đây là Khổ”, tức quả báo trong hai mươi lăm Hữu thuộc tam giới, đều là pháp sanh tử khổ sở. Lạc là Hoại Khổ. Khổ là Khổ Khổ. Chẳng khổ chẳng lạc là Hành Khổ. Thật sự là khổ, chẳng thể khiến cho [chúng sanh] an vui. Đây là Khổ Tập, tức Kiến Tư phiền não thuộc tam giới, và ba nghiệp “hữu lậu thiện, bất thiện, bất động”, đích xác là cái nhân chuốc khổ, chẳng còn cái nhân nào khác! Đây là Khổ Diệt, tức là diệt Kiến Tư, cho nên hữu lậu diệt. Do hữu lậu diệt nên sanh tử diệt. Chỉ có nơi ấy là chỗ tịch tĩnh, an ổn, chẳng có nơi nào khác! Đây là Khổ Diệt Đạo. Do Giới sanh ra Định, do Định phát Huệ. Nương vào Tứ Niệm Xứ, trọn đủ ba mươi bảy đạo phẩm, nhập tam thoát môn²⁸². Đó là đạo diệt Khổ, chẳng còn đạo nào khác.

²⁸² Tam thoát môn (ba cửa giải thoát, Trīni Vimoksa-mukhāni) tức Không môn (Śūnyatā), Vô Tướng môn (Animitta), và Vô Nguyên môn (Apranihita, còn gọi là Vô Tác, Vô Dục).

2) Khuyên Chuyển (chuyển pháp luân bằng cách khuyên răn): Đây là Khổ, các người nên biết. Đây là Tập, các người nên đoạn. Đây là Diệt, các người nên chứng. Đây là Đạo, các người nên tu.

3) Chứng Chuyển (chuyển pháp luân bằng chứng nhập): Đây là Khổ, ta đã biết, chẳng còn gì phải biết nữa. Đây là Tập, ta đã đoạn, chẳng còn phải đoạn gì nữa. Đây là Diệt, ta đã chứng, chẳng còn chứng chi khác. Đây là Đạo, ta đã tu, chẳng còn tu gì nữa.

Vì sao tam chuyển? Chư Phật thuyết pháp, pháp trở thành ba là do chúng sanh có ba loại căn cơ (thượng, trung, hạ), vì sanh khởi Tam Huê “Văn, Tư, Tu”, vì sanh Tam Đạo “Kiến, Tu, Vô Học”.

“Mười hai hành”: Một là xét theo giáo, hai là xét theo hạnh. Xét theo giáo, tức là Thị, Khuyển, Chứng (ba lần bốn thành mười hai, tức là Tứ Đế được chuyển ba lần sẽ thành mười hai Đế). Xét theo hạnh, tam chuyển đều sanh ra “*nhãn, trí, minh, giác*”, tức: Khổ Pháp Nhãn là mắt (nhãn), Khổ Pháp Trí là trí, Khổ Loại Nhãn là minh, Khổ Loại Trí là giác. Ba đế kia (Tập, Diệt, Đạo) cũng thế. Do vậy thành mười sáu tâm (Tứ Đế, mỗi Đế đều có nhãn, trí, minh, giác, cho nên thành mười sáu tâm). Người thuộc ba loại căn cơ đều có mười sáu tâm; do vậy, thành bốn mươi tám hạnh. Lại xét theo một Đế bèn gọi là “*mười hai hạnh*”. Mười hai đế là giáo pháp luân. Mười hai hạnh là hành pháp luân. Mười hai Đế trong giáo là năng chuyển (chủ thể có thể chuyển), mười hai điều thuộc hạnh là sở chuyển (cái được chuyển). Giáo luân thì năng chuyển chỉ có một là Quyền Trí. Sở chuyển thì có mười hai giáo. Đối với hành pháp luân thì “giáo để có thể chuyển” (năng chuyển chỉ giáo) gồm mười hai món. Sở chuyển hạnh cũng có mười hai điều. Hoặc chung cho cả ba loại căn cơ, hoặc chỉ xét theo một loại căn cơ; nay là xét theo Kiến Đế Đạo. Hàng lợi căn trong tam thừa nghe Thị Chuyển, ai nấy đều sanh “*nhãn, trí, minh, giác*”. Do nói gộp chung ba loại căn cơ, nên nói là “*mười hai hành*”. “*Luân*” là chuyển, tức đem các pháp môn đã ngộ trong tâm Phật chuyển sang tâm người khác. Vì thế nói là Luân. Luân lại có nghĩa là “*nghe*”. Chúng sanh nghe giáo khởi hạnh, phá tan các Hoặc. Vì thế gọi là Luân.

Sa-môn chẳng nghe, còn chẳng thể biết, huống hồ có thể chuyển ư? Bích Chi Phật tuy ngộ, miệng chẳng thể nói. Bà-la-môn tuy nghe danh tự, khó hiểu lý này. Thiên, ma, Phạm thiên v.v... cũng thế. Vì thế nói là “*sở bất năng chuyển*” (chẳng thể chuyển). Nhưng Tứ Đế thông Đại, Tiểu, và Thiên, Viên, tức là “*sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác*” [Tứ Đế]. Tùy theo trí thấu hiểu, mỗi mỗi khác biệt. Đại lược như trong

phần Huyền Nghĩa đã nói kinh Hoa Nghiêm có phẩm Tứ Thánh Đế do ngài Văn Thù nương vào thần lực của Phật mà tuyên thuyết, há có nên phán định [Tứ Đế] chỉ thuộc vào pháp Thanh Văn ư?

7.1.2.1.2.2.2. Mười hai nhân duyên

(Kinh) Cập quảng thuyết thập nhị nhân duyên pháp: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão, Tử, ưu bi khổ não. Vô Minh diệt tắc Hành diệt. Hành diệt tắc Thức diệt. Thức diệt tắc Danh Sắc diệt. Danh Sắc diệt tắc Lục Nhập diệt. Lục Nhập diệt tắc Xúc diệt. Xúc diệt tắc Thọ diệt. Thọ diệt tắc Ái diệt. Ái diệt tắc Thủ diệt. Thủ diệt tắc Hữu diệt. Hữu diệt tắc Sanh diệt. Sanh diệt tắc Lão, Tử, ưu bi khổ não diệt.

(經)及廣說十二因緣法：無明緣行，行緣識，識緣名色，名色緣六入，六入緣觸，觸緣受，受緣愛，愛緣取，取緣有，有緣生，生緣老死憂悲苦惱。無明滅則行滅。行滅則識滅。識滅則名色滅。名色滅則六入滅。六入滅則觸滅。觸滅則受滅。受滅則愛滅。愛滅則取滅。取滅則有滅。有滅則生滅。生滅則老死憂悲苦惱滅。

(Kinh: Và nói rộng pháp mười hai nhân duyên (Dvādaśāiga Pratityasamutpāda): Vô Minh (Avidyā) duyên Hành (Saṃskāra), Hành duyên Thức (Vijñāna), Thức duyên Danh Sắc (Nāmarūpa), Danh Sắc duyên Lục Nhập (Saḍāyatana), Lục Nhập duyên Xúc (Sparśa), Xúc duyên Thọ (Vedanā), Thọ duyên Ái (Trṣṇā), Ái duyên Thủ (Upādāna), Thủ duyên Hữu (Bhava), Hữu duyên Sanh (Jāti), Sanh duyên Lão Tử (Jarāmarāṇa), ưu bi khổ não. Vô Minh diệt thì Hành diệt. Hành diệt thì Thức diệt. Thức diệt thì Danh Sắc diệt. Danh Sắc diệt thì Lục Nhập diệt. Lục Nhập diệt thì Xúc diệt. Xúc diệt thì Thọ diệt. Thọ diệt thì Ái diệt. Ái diệt thì Thủ diệt. Thủ diệt thì Hữu diệt. Hữu diệt thì Sanh diệt. Sanh diệt thì Lão Tử, ưu bi khổ não diệt).

“*Cập quang thuyết*” (Và nói rộng) tức là nói mười hai nhân duyên, vẫn là nói Tứ Đế theo biệt tướng. Năm chi Vô Minh, Hành, Ái, Thủ, Hữu vẫn là Tập Đế. Bảy chi kia vẫn là Khổ Đế. Vô Minh diệt thì Hành diệt, cho đến già chết diệt, vẫn là Diệt Đế. Cái trí quán nhân duyên chính là Đạo Đế. Vì thế nói “*cập quang thuyết*”. Mười hai pháp ấy cũng thông Đại, Tiểu, Thiên, Viên, tức là tư nghị sanh diệt, tư nghị bất sanh diệt, bất tư nghị sanh diệt, bất tư nghị bất sanh diệt, đại lược như trong phần Huyền Nghĩa đã nói. Trong kinh Hoa Nghiêm, Lục Địa Bồ Tát có mười loại quan sát mười hai nhân duyên, thành tựu Bát Nhã Vô Phân Biệt Trí, há có nên phán định [mười hai nhân duyên] chỉ thuộc vào pháp của Bích Chi Phật? Nay lại nương theo Duy Thức, trình bày đại lược tướng tư nghị sanh diệt.

- Một, Vô Minh tức là phát nghiệp vô minh (cái vô minh có thể đẩy khởi nghiệp), tức là sự ngu muội đối với dị thực quả²⁸³, chẳng hiểu thiện hay ác đều nhất định có quả báo, và ngu muội đối với nghĩa chân thật, tức là do chẳng hiểu tam giới là khổ, không, cho nên có thể phát khởi cái nghiệp chiêu cảm sanh tử. Tuy sân, mạn v.v... đều có thể phát khởi nghiệp, nhưng Vô Minh là chủ yếu. Vì thế, riêng nói đến nó.

- Hai, Hành chính là ba thứ hữu lậu nghiệp thiện, ác, bất động (chẳng thiện chẳng ác) do vô minh phát khởi, có thể cảm vởi dị thực quả thật sự trong tương lai. Hai chi này (Vô Minh và Hành) được gọi là Năng Dẫn Chi (chi có thể dẫn khởi).

- Ba, Thức: Do Vô Minh và Hành làm cái có thể dẫn khởi, mà tạo thành cái được dẫn khởi là chủng tử của tổng báo trong tương lai,

- Bốn, Danh Sắc: Do có thức chủng tử của tổng báo, sẽ trọn đủ chủng tử của Ca La La²⁸⁴ v.v... khi vừa thọ sanh trong tương lai. Bốn Âm Thọ, Tướng, Hành, Thức là Danh, Sắc Âm là Sắc.

²⁸³ Dị Thực Quả (Vipāka-phala) chính là quả báo chiêu cảm bởi dị thực nhân. Có nhiều cách giải thích, nhưng phổ biến nhất: Dị Thực Quả chính là quả báo sẽ chín muồi không cùng thời với nhân. Chẳng hạn như tạo nghiệp lành hay ác trong hiện thời, sẽ chiêu cảm cái quả sướng hay khổ trong tương lai, cái quả ấy được gọi là Dị Thực Quả.

²⁸⁴ Ca La La (Kalala), còn phiên âm là Yết La Lam, Yết Lạt Lam, Yết La La v.v... dịch nghĩa là Ngưng Hoạt, Tập Uế v.v... Tức là thứ do tinh của cha và trứng của mẹ kết hợp thành, khởi điểm của sự thọ thân, thuộc vào giai đoạn bảy ngày đầu tiên khi trứng của mẹ được thụ tinh từ cha. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa giảng: “*Yết La Lam, cựu dịch là Ca La La, phương này dịch là Hòa Hợp, hoặc Ngưng Hoạt, do thứ bất tịnh của cha mẹ hòa hợp, như mật, như lạc, ngưng đọng thành một giọt. Trong vòng bảy ngày cần thai, ngưng đọng như chất lạc*”.

- Năm, Lục Nhập: Đã có chủng tử của Thức và Danh Sắc, sẽ trọn đủ chủng tử của Lục Xứ trong tương lai, [Lục Xứ] tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

- Sáu, Xúc: Đã có chủng tử của Thức, Danh Sắc, và Lục Nhập, sẽ trọn đủ chủng tử Xúc Tâm Sở khi sáu căn tiếp xúc cảnh trong tương lai.

- Bảy, Thọ: Đã có chủng tử của Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, và Xúc, sẽ trọn đủ chủng tử của ba thứ Thọ Tâm Sở (Khổ, Lạc, Xả) khi lãnh nạp các cảnh thuận, nghịch v.v... trong tương lai.

Năm chi này (Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ) đều được gọi là Sở Dẫn Chi. Do Vô Minh chẳng phát khởi dẫn nghiệp thì thôi; hễ đã phát khởi dẫn nghiệp, lẽ đương nhiên là dẫn khởi năm thứ chủng tử ấy, chẳng mất, chẳng hoại. Do vậy, chúng được gọi là Sở Dẫn Chi.

- Tám, Ái: Do từ Vô Minh và Hành đã dẫn khởi năm thứ chủng tử như Thức v.v... được thành tựu trong tương lai. Lại do mê sự mà vô minh, chẳng hiểu cảnh là hư vọng, đối với những điều được cảm thọ mà làm lạc nẩy sanh tham ái! Tuy ở trong nghịch cảnh, cũng khởi sân v.v... nhưng ái tập (tập khí Ái) như nước, có khả năng nhuận sanh (tăng trưởng tham ái) mạnh nhất. Vì thế, riêng nói đến nó.

- Chín, Thủ: Do Ái, theo đuổi cảnh giới yêu mến bằng đủ mọi cách, sanh đắm nhiễm sâu đậm.

- Mười, Hữu: Do từ Ái và Thủ dấy khởi nghiệp lực, nhiều lượt vun bồi Thức v.v... Do chủng tử của năm chi, chủng tử được vun bồi bèn nẩy sanh mầm mống của Hữu, chắc chắn sẽ cảm dị thực quả báo trong tương lai.

Ba chi này (Ái, Thủ, Hữu) được gọi là Năng Sanh Chi.

- Mười một, Sanh tức là cái mầm của hậu hữu (thân trong đời sau). Nó đã thành tựu, hễ xả cuộc đời này bèn sanh vào đời kia.

- Mười hai, Lão Tử: Đã sanh, sẽ dần dần biến đổi suy vi, được gọi là Lão. Rốt cuộc quy vào vô thường thì gọi là Tử²⁸⁵.

²⁸⁵ Đúng như Tổ đã nói, tùy theo từng giáo, từng tông mà Thập Nhị Nhân Duyên được giải thích theo các mức độ khác nhau, nhưng đối với những kẻ sơ cơ độn căn như mặt nhân thì Thập Nhị Nhân Duyên [giải thích theo Duy Thức] khá khó hiểu. Nhận thấy lời giảng của pháp sư Phổ Hành tương đối đơn giản dễ hiểu, chúng tôi xin trích lục như sau: “*Vô Minh duyên Hành: Hết thấy Hoặc chương phiền não trong quá khứ được gọi là Vô Minh. Hết thấy các nghiệp thiện ác đã tạo tác được gọi là Hành. Do vì mê hoặc mà tạo nghiệp, nên nói là ‘Vô Minh duyên Hành’. Một niệm đầu thai trong hiện tại được gọi là Thức. Cái Thức ấy do nghiệp lực trong quá khứ*”

Hai chi này (Sanh và Lão Tử) được gọi là Sở Sanh Chi. Mười chi trước là nhân, cùng thuộc về hiện tại. Hai chi sau cùng là quả, riêng xét theo vị lai. Do mười chi của đời trước, cảm vởi sanh tử trong đời này. Do mười chi trong đời này, lại cảm sanh tử trong đời sau. Nhân quả ba đời, luân hồi không dứt. Vì thế gọi là tướng Thập Nhị Duyên Sanh, tức là Khổ Đế và Tập Đế được nói rộng. Nếu chán ghét già chết, hãy biết lão và tử là do sanh mà có. Kế đó liền chán sanh, biết Sanh do Hữu mà có. Biết Hữu do Thủ, biết Thủ do Ái. Ái có nhân là Thọ, Xúc là nhân của Thọ. Xúc có nhân là Lục Nhập. Lục Nhập có nhân là Danh Sắc. Danh Sắc do Thức mà có, Thức do Hành mà có, Hành do Vô Minh mà có. Vô Minh chỉ vì điên đảo, vọng tưởng mà có, chẳng còn do chi khác.

Chánh niệm quán sát, chẳng ngu làm đối với dị thực quả. Tin sâu đậm “làm ác sẽ mắc họa ương, làm lành được vui”, chẳng ngu làm đối với nghĩa chân thật. Tin sâu “ở trong tam giới là khổ, thoát khỏi tam giới là lạc”. Đó gọi là trí quán nhân duyên. Do bởi trí ấy, Vô Minh bèn diệt. Vô Minh diệt thì Hành diệt, cho đến già, chết, ưu bi, khổ não đều diệt. Do đó gọi là Diệt Tướng của mười hai nhân duyên, tức là Đạo Đế và Diệt Đế được nói rộng. Liệu giản ý nghĩa của mười hai chi cũng có nhiều môn, do ở đây chẳng cần thiết lắm, cho nên không sao lục trọn vẹn. Phần Đoạn sanh tử đã là như thế, Biến Dịch sanh tử cũng có tướng duyên sanh và duyên diệt. Phần Đoạn gồm mười hai món, tức là tư nghi

lời kéo đến, cho nên nói là ‘Hành duyên Thức’. Ngũ Ấm ở trong thai, Sắc Ấm có hình tướng, bốn Ấm kia chỉ có tên gọi, nên gọi là Danh. Gọi gộp chung Ngũ Ấm là Danh Sắc. Cái Danh Sắc ấy do Thức [của người đầu thai] nắm giữ tinh huyết của cha mẹ mà thành, cho nên gọi là ‘Thức duyên Danh Sắc’. Sáu căn nơi Sắc Ấm là chỗ để các trần tiến nhập (sáu căn tiếp xúc sáu trần), nên gọi là Lục Nhập. Do Lục Nhập mà Danh Sắc tăng trưởng thành hình; cho nên nói là ‘Danh Sắc duyên Lục Nhập’. Sau khi đã ra khỏi thai, sáu căn có thể tiếp xúc ngoại cảnh, nên nói ‘Lục Nhập duyên Xúc’. Do Xúc làm duyên, sanh khởi Thọ (cảm nhận) đối với khổ lạc hay chẳng khổ chẳng lạc, nên nói là ‘Xúc duyên Thọ’. Do Thọ làm duyên, sanh ý tưởng ưa thích cảnh lạc, chán lìa cảnh khổ, nên gọi là ‘Thọ duyên Ái’. Do Ái làm duyên, tâm truy cầu cảnh ham muốn, chấp giữ chẳng bỏ, nên gọi là ‘Ái duyên Thủ’. Do Thủ làm duyên, tạo các nghiệp thiện hay ác hữu lậu, chắc chắn sanh ra các thứ quả báo trong tam giới nơi đời vị lai, nên nói là ‘Thủ duyên Hữu’. Do cái Hữu mang tánh chất quyết định trong đời này, sẽ sanh trong lục đạo thuộc đời sau, cho nên nói ‘Hữu duyên Sanh’. Do sanh thân biến đổi, hư hoại, cho nên mới có già, chết, ưu bi khổ não. Vì thế nói là ‘Sanh duyên Lão Tử, ưu bi khổ não’. Vô Minh và Hành là cái nhân trong quá khứ. Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc và Thọ là cái quả trong hiện tại. Ái, Thủ, Hữu là cái nhân trong hiện tại. Sanh và Lão Tử là cái quả trong vị lai”. Đây là cách giải thích theo giáo nghĩa A Hàm.

sanh diệt. Nếu thấu đạt các pháp ấy chính là Không, sẽ là tư nghị bất sanh diệt. Biến Dịch sanh tử gồm mười hai món, tức là bất tư nghị sanh diệt. Nếu thấu đạt chúng chính là Trung, thì chính là bất tư nghị bất sanh diệt.

Lại nữa, nếu ngộ bất tư nghị bất sanh diệt, thì mười hai món Phần Đoạn sanh tử cũng chính là bất tư nghị bất sanh diệt. Vì thế nói: “*Hoặc chính là Bát Nhã, nghiệp chính là Giải Thoát, Khổ chính là Pháp Thân. Đương xứ (ngay nơi ấy) thanh tịnh, đương xứ tự tại, đương xứ rốt ráo*”. Một thứ đã thanh tịnh thì hết thấy đều thanh tịnh. Một thứ tự tại thì hết thấy đều tự tại. Một thứ rốt ráo thì hết thấy đều rốt ráo.

Phần thứ hai, “chuyển pháp luân” đã xong!

7.1.2.1.2.3. Nghe pháp đặc đạo

(Kinh) Phật ở thiên nhân đại chúng chỉ trung thuyết thị pháp thời, lục bách vạn ức na-do-tha nhân dĩ bất thọ nhất thiết pháp cố, nhi ở chư lậu tâm đắc giải thoát, giai đắc thâm diệu Thiên Định, tam minh, lục thông, cụ bát giải thoát. Đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thuyết pháp thời, thiên vạn ức Hằng hà sa na-do-tha đẳng chúng sanh diệt dĩ bất thọ nhất thiết pháp cố, nhi ở chư lậu tâm đắc giải thoát. Tùng thị dĩ hậu, chư Thanh Văn chúng vô lượng vô biên bất khả xưng số.

(經)佛於天人大眾之中說是法時，六百萬億那由他人以不受一切法故，而於諸漏心得解脫，皆得深妙禪定，三明，六通，具八解脫。第二，第三，第四說法時，千萬億恆河沙那由他等眾生亦以不受一切法故，而於諸漏心得解脫。從是已後，諸聲聞眾無量無邊不可稱數。

(Kinh: Lúc đức Phật ở giữa đại chúng trời người nói pháp ấy, sáu trăm vạn ức na-do-tha người do chẳng thọ hết thấy các pháp, bèn đối với các lậu, tâm được giải thoát, đều đạt được Thiên Định sâu mầu, tam minh, lục thông, trọn tám món giải thoát. Khi thuyết pháp lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, ngàn vạn ức Hằng hà sa na-do-tha v.v... chúng sanh cũng do chẳng thọ hết thấy các pháp mà đối với các lậu, tâm được giải thoát. Từ đây trở đi, các vị Thanh Văn vô lượng vô biên chẳng thể tính kể).

“**Bất thọ nhất thiết pháp**” (Chẳng thọ hết thấy các pháp) tức là chẳng thọ Tứ Kiến²⁸⁶, chứng Sơ Quả. “**Ư chư lậu tâm đắc giải thoát**” (Đối với các lậu, tâm được giải thoát) tức là thoát khỏi các trói buộc bởi Kiến Tư Hoặc, đã chứng Vô Học. “**Thâm diệu Thiền Định**”: Quán luyện, huân tu các món Thiền đều được giải thoát.

Hỏi: - Tứ Đế, mười hai nhân duyên đã chung khắp cho tứ giáo, [vậy thì] cũng có người [do nghe Đại Thông Trí Thắng Phật nói Tứ Đế, mười hai nhân duyên mà] chứng Đại pháp hay không?

Đáp: - Chẳng hạn như Phật Thích Ca thoát đầu nói Tam Quy Ngũ Giới, còn có tám vạn chư thiên ngũ Vô Sanh Nhân. Phật Phật đạo đồng, lẽ nào vị Phật ấy (Đại Thông Trí Thắng Phật) chẳng giống như vậy? Kinh văn ở đây chú trọng lược thuật nguyên do kết duyên, rảnh đâu đề trần thuật các lợi ích bí mật, bất định v.v... thuở xa xưa?

Phần thứ nhất, “chuyển bán tự pháp luân” đã xong.

7.1.2.2. Chuyển pháp luân phế bán giáo, nêu rõ mãn giáo

7.1.2.2.1. Các con xuất gia

(Kinh) Nhĩ thời, thập lục vương tử, giai dĩ đồng tử xuất gia nhi vi sa-di, chư căn thông lợi, trí huệ minh liễu, dĩ tăng cúng dường bách thiên vạn ức chư Phật, tịnh tu phạm hạnh, cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)爾時，十六王子，皆以童子出家而為沙彌，諸根通利，智慧明了，已曾供養百千萬億諸佛，淨修梵行，求阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Lúc bấy giờ, mười sáu vương tử đều là đồng tử xuất gia làm sa-di, các căn thông suốt, nhạy bén, trí huệ sáng tỏ, đã từng cúng dường trăm ngàn vạn ức chư Phật, tịnh tu phạm hạnh, cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

²⁸⁶ Tứ Kiến là bốn cách kiến giải đối với sự vật: “Nhất, di, thường, phi thường”. Tức là đối với sự vật khác nhau, chúng ta nghĩ chúng là một hoặc giống nhau (đó là Nhất), chúng hoàn toàn khác nhau (đó là Di), chúng thường tồn tại vĩnh hằng (đó là Thường), chúng chẳng bền chắc, sẽ bị diệt mất (đó là Phi Thường).

“Chư căn thông lợi” (Các căn thông suốt, nhạy bén) tức là sáu căn thanh tịnh. Hơn nữa, sáu căn dùng lẫn cho nhau gọi là Thông; chứng cảnh giới của Phật là Lợi. “Trí huệ minh liễu” chính là khai thị ngộ nhập (thoạt đầu, xét theo địa vị Tương Tự để giải thích. Kế đó, dựa theo địa vị Phân Chứng để giải thích).

7.1.2.2.2. Thỉnh pháp

(Kinh) Câu bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị chư vô lượng thiên vạn ức đại đức Thanh Văn giai dĩ thành tựu. Thế Tôn diệc đương vị ngã đẳng thuyết A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Ngã đẳng văn dĩ, giai cộng tu học. Thế Tôn! Ngã đẳng chí nguyện Như Lai tri kiến, thâm tâm sở niệm, Phật tự chứng tri.

(經)俱白佛言：「世尊！是諸無量千萬億大德聲聞皆已成就。世尊亦當為我等說阿耨多羅三藐三菩提法。我等聞已，皆共修學。世尊！我等志願如來知見，深心所念，佛自證知」。

(Kinh: Đều bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vô lượng ngàn vạn ức đại đức Thanh Văn đây đều đã thành tựu, Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng con nghe rồi, đều cùng tu học. Bạch Thế Tôn! Chúng con chí nguyện tri kiến của Như Lai, thâm tâm nghĩ tưởng, Phật tự chứng biết).

Thoạt đầu, đức Phật ấy nói pháp viên đôn. Các con đều đã trọn đủ công đức Đại Thừa, thương xót các phương tiện (tức bảy loại căn cơ, thường gọi là “bảy phương tiện”), lại thỉnh Phật khai Quyền hiển Thật. “Thanh Văn giai dĩ thành tựu” (Thanh Văn đều đã thành tựu) nói rõ đã trừ chướng, căn cơ [Đại Thừa] đã dậy động. Do vậy, [các vương tử sa-di] vì họ thỉnh cầu. “Ngã đẳng chí nguyện Như Lai tri kiến giả” (Chúng con chí nguyện tri kiến của Như Lai): Kinh Pháp Hoa chỉ nói về tri kiến của Phật, chỉ dốc chí vào đó. Đây chính là phần kinh văn thỉnh cầu mãn tự, phệ trừ bán tự vậy!

7.1.2.2.3. Những người được dẫn theo cũng xuất gia

(Kinh) Nhĩ thời, Chuyển Luân Thánh Vương sở tương chúng trung bát vạn ức nhân, kiến thập lục vương tử xuất gia, diệc cầu xuất gia. Vương tức thỉnh hứa.

(經)爾時，轉輪聖王所將眾中八萬億人，見十六王子出家，亦求出家。王即聽許。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tám vạn ức người trong số những người do Chuyển Luân Thánh Vương dẫn tới, thấy mười sáu vương tử xuất gia, cũng xin xuất gia. Vua liền chấp thuận).

7.1.2.2.4. Đức Phật chấp thuận lời thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, bỉ Phật thọ sa-di thỉnh, quá nhị vạn kiếp dĩ, nãi ư tứ chúng chi trung thuyết thị Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Thuyết thị kinh dĩ, thập lục sa-di vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố, giai cộng thọ trì, phúng tụng thông lợi.

(經)爾時，彼佛受沙彌請，過二萬劫已，乃於四眾之中說是大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念。說是經已，十六沙彌為阿耨多羅三藐三菩提故，皆共受持，諷誦通利。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật nhận lời thỉnh của các sa-di, sau hai vạn kiếp, bèn vì tứ chúng nói kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói kinh ấy rồi, mười sáu sa-di vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều cùng thọ trì, phúng tụng²⁸⁷ thông suốt).

“Quá nhị vạn kiếp” (Qua hai vạn kiếp): Ban bố tam thừa đã lâu, chẳng để cho khoảng giữa vô sự; đối ứng với ý nghĩa trong Trùng Tụng thuộc phần sau, [sẽ biết là trước khi nói kinh Pháp Hoa, Đại Thông Trí Thắng Như Lai] ắt nói Phương Đẳng, Bát Nhã. Kệ tụng ghi: “Thuyết Lục Ba La Mật, cập chư thần thông sự” (Nói sáu Ba La Mật và các

²⁸⁷ Phúng (諷) là đối trước kinh bản để đọc ra tiếng, Tụng (誦) là đọc thuộc lòng, không cần kinh bản.

chuyện thần thông). Bát Nhã là hạnh, thần thông là Sự. Các kinh Phương Đẳng phần nhiều nói về chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Kệ tụng còn nói: “*Phân biệt chân thật pháp*”, ngụ ý kinh Đại Phẩm giảng về Thật Tướng Bát Nhã.

7.1.2.2.5. Đại chúng khi ấy có người hiểu, có người chẳng hiểu

(Kinh) Thuyết thị kinh thời, thập lục Bồ Tát sa-di giai tất tín thọ. Thanh Văn chúng trung, diệc hữu tín giải. Kỳ dư chúng sanh thiên vạn ức chủng giai sanh nghi hoặc.

(經)說是經時，十六菩薩沙彌皆悉信受。聲聞眾中，亦有信解。其餘眾生千萬億種皆生疑惑。

(Kinh: Lúc nói kinh ấy, mười sáu vị Bồ Tát sa-di thấy đều tin nhận. Trong các vị Thanh Văn, cũng có người tin hiểu. Ngàn vạn ức loại chúng sanh khác đều sanh nghi hoặc).

Tin nhận thì sẽ có thể hoằng truyền, lưu thông; tin hiểu sẽ có thể nhập Thật. Ngờ vực, chẳng hiểu có đến ngàn vạn ức người, tức là những kẻ kết duyên Pháp Hoa với mười sáu vị vương tử.

Hỏi: - Từ khi Phật chấp thuận lời thỉnh cầu cho tới nay đã qua hai vạn kiếp rồi, vì lẽ nào mười sáu vị vương tử vẫn chẳng tiến lên thọ Cụ Túc Giới, vẫn gọi là sa-di? Đã là sa-di, sao lại gọi là Bồ Tát?

Đáp: - Mười sáu vị vương tử vốn là Bồ Tát, do sót sáng học Đại Thừa, chẳng rảnh để tiến nhập Cụ Túc Giới, từ đầu đến cuối hiện thân đồng tử. Sa-di được thọ Bồ Tát đại giới chính là quy củ thường hằng của chư Phật, sao đáng để khởi nghi? Dầu thọ đại giới, địa vị vẫn là sa-di, chưa hề tiếm việt địa vị tỳ-kheo, rồi loạn bản thể trụ trì Tăng Bảo! Chẳng hạn như đại thánh Văn Thù [trong] hết thấy [oai nghi] đi ngồi đều nương ngài Ma Ha Ca Diếp, đã có kinh văn rõ ràng, chỉ do người ta chẳng suy xét đó thôi!

Hỏi: - Ngàn vạn ức người đã chẳng thể hiểu, sao không khiến cho họ lui ra như năm ngàn người [trong hội Pháp Hoa của Thích Ca Mâu Ni Phật]? Sao không dời họ sang cõi Phật ở phương khác [như khi hiện bảo tháp, thuyết thọ mạng của Như Lai] để họ đến nỗi nảy sanh nghi hoặc?

Đáp: - Dầu sanh nghi thì cũng trở thành Kết Duyên Chúng; vì thế, chẳng dời họ đi. Nếu [là kẻ] sanh lòng hủy báng, sẽ đọa khổ, cho nên

cần phải trực xuất họ. Tức là khi vị Phật hiện tại (Phật Thích Ca) nói Pháp Hoa, đảm bảo chẳng có kẻ sanh nghi!

7.1.2.2.6. Thời tiết

(Kinh) Phật thuyết thị kinh, ư bát thiên kiếp vị tăng hưu phế.

(經)佛說是經，於八千劫未曾休廢。

(Kinh: Đức Phật nói kinh này trong tám ngàn kiếp, chưa từng nghỉ ngơi, phế bỏ).

Hỏi: - Tương truyền Phật Thích Ca nói kinh Pháp Hoa chỉ tám năm, đã khó tin rồi. Khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bồn thì phải nói chẳng ngại phiền! Đức Phật kia trong tám ngàn kiếp chưa từng nghỉ ngơi, phế trừ, chẳng biết Ngài nói những gì vậy?

Đáp: - Chỉ bốn chữ “*khai Quyền, hiển Thật*”, giả sử nói trong Hằng hà sa kiếp cũng chẳng cùng tận, huống hồ chỉ tám ngàn kiếp, hoặc chỉ tám năm ư? Và nữa, Thật Tướng của các pháp [được diễn tả] bằng mấy câu, nghĩa lý đã mênh mông, bao gồm thấu triệt trọn hết ba pháp “*tánh tu, nhân quả, ngang dọc*” trong bách giới Thiên Như chẳng còn sót gì, có thể diễn nói đến cùng tận đời vị lai, huống hồ khai Tịch hiển Bồn nói trọn vẹn chuyện chẳng thể nghĩ bàn trong bao kiếp vời vợi ư? Lại như các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, dùng các loại pháp tán thán của Bồ Tát để tán thán đức Phật suốt năm mươi tiểu kiếp. Khi chư Phật hiện thân lực, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, liền [hiện tướng ấy] trọn đủ trăm ngàn năm. Sao lại dùng cái tâm phàm phu để toan suy lường pháp vi diệu rất sâu của Như Lai ư?

7.1.2.2.7. Nói xong nhập Định

(Kinh) Thuyết thị kinh dĩ, tức nhập tĩnh thất, trụ ư Thiên Định bát vạn tứ thiên kiếp.

(經)說是經已，即入靜室，住於禪定八萬四千劫。

(Kinh: Nói kinh ấy xong, liền vào tĩnh thất, trụ trong Thiên Định tám vạn bốn ngàn kiếp).

Đây chính là nguyên do gần của chuyện kết duyên. Do Phật nhập Định, những người nghi hoặc không có chỗ nào để thưa hỏi. Mười sáu vị vương tử vì những kẻ chẳng hiểu mà giảng lại kinh này. Kinh văn nói rõ

chỗ nhập Định, tức là “*tĩnh thất*”. “*Chánh nhập Định*” tức là trụ trong Thiền Định. Thời gian nhập Định là tám vạn bốn ngàn kiếp; nhưng tâm chư Phật không lúc nào chẳng Định, há có xuất nhập? Chỉ vì cơ duyên của đại chúng thuở ấy ở nơi mười sáu người con, cho nên đối với chừng hạn của việc kết duyên phải nên ấn định thời hạn như thế.

Phần thứ nhất, “nguyên do kết duyên” đã xong.

7.1.3. Chánh kết duyên

7.1.3.1 Kết duyên cho Pháp Thuyết Châu

7.1.3.1.1. Kết duyên với Phật và Bồ Tát trong quá khứ

7.1.3.1.1.1. [Mười sáu Sa-di Bồ Tát] giảng lại kinh hồng lợi ích chúng sanh

(Kinh) Thị thời, thập lục Bồ Tát sa-di tri Phật nhập thất, tịch nhiên Thiền Định, các thăng pháp tòa, diệc ư bát vạn tứ thiên kiếp, vị tứ bộ chúng quảng thuyết phân biệt Diệu Pháp Hoa kinh. Nhất nhất giai độ lục bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng chúng sanh, thị giáo lợi hỷ, linh phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

(經)是時，十六菩薩沙彌知佛入室，寂然禪定，各升法座，亦於八萬四千劫，為四部眾廣說分別妙法華經。一一皆度六百萬億那由他恆河沙等眾生，示教利喜，令發阿耨多羅三藐三菩提心。

(Kinh: Khi đó, mười sáu vị Bồ Tát sa-di biết Phật nhập thất, lặng lẽ Thiền Định, đều lên pháp tòa, cũng trong tám vạn bốn ngàn kiếp, vì bốn bộ chúng rộng nói phân biệt kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Mỗi vị đều độ chúng sanh nhiều như số cát trong sáu trăm vạn ức na-do-tha sông Hằng, chỉ dạy khiến cho họ được lợi ích, hoan hỷ, khiến cho họ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Sa-di thăng tòa [thuyết pháp]; không chỉ mười sáu vị Bồ Tát là như thế, ngay như trong Tỳ Ni Tạng hiện thời cũng có kinh văn ghi chép rõ rệt, chú trọng nơi giải, chứ không phải tuổi tác. “*Linh phát đại Bồ Đề tâm*” (Khiến cho họ phát tâm đại Bồ Đề) thì gọi là Độ. Thệ nguyện sẽ thành Phật là đã vượt xa thế gian, tức là ý nghĩa “*độ bảy loại phương tiện đạt đến bờ kia*”.

7.1.3.1.1.2. Đức Phật xuất Định, khen ngợi

7.1.3.1.1.2.1. Xưng tán

(Kinh) Đại Thông Trí Thắng Phật quá bát vạn tứ thiên kiếp dĩ, từng tam-muội khởi, vãng nghệ pháp tòa, an tường nhi tọa, phổ cáo đại chúng: - Thị thập lục Bồ Tát sa-di thậm vi hy hữu, chư căn thông lợi, trí huệ minh liễu, dĩ từng cúng dường vô lượng thiên vạn ức số chư Phật, ư chư Phật sở, thường tu Phạm hạnh, thọ trì Phật trí, khai thị chúng sanh, linh nhập kỳ trung.

(經)大通智勝佛過八萬四千劫已，從三昧起，往詣法座，安詳而坐，普告大眾：「是十六菩薩沙彌甚為希有，諸根通利，智慧明了，已曾供養無量千萬億數諸佛，於諸佛所，常修梵行，受持佛智，開示眾生，令入其中。」

(Kinh: Đại Thông Trí Thắng Phật qua khởi tám vạn bốn ngàn kiếp, từ tam-muội dậy, đi đến pháp tòa, ngồi an tường, bảo khắp các đại chúng: - Mười sáu Bồ Tát sa-di này rất hy hữu, các căn thông suốt, lanh lợi, trí huệ sáng tỏ, đã từng cúng dường vô lượng ngàn vạn ức chư Phật, ở nơi chư Phật thường tu Phạm hạnh, thọ trì Phật trí, khai thị chúng sanh khiến họ nhập vào trong ấy).

7.1.3.1.1.2.2. Khuyên hãy đích thân tin tưởng

(Kinh) Nhữ đẳng giai đương sở sở thân cận, nhi cúng dường chi. Sở dĩ giả hà? Nhược Thanh Văn, Bích Chi Phật, cập chư Bồ Tát năng tín thị thập lục Bồ Tát sở thuyết kinh pháp, thọ trì bất hủy giả, giai đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Như Lai chi huệ.

(經)汝等皆當數數親近，而供養之。所以者何？若聲聞、辟支佛，及諸菩薩能信是十六菩薩所說經法，受持不毀者，皆當得阿耨多羅三藐三菩提如來之慧」。

(Kinh: Các ông hãy nên nhiều lượt thân cận để cúng dường. Vì có sao vậy? Nếu Thanh Văn, Bích Chi Phật, và các Bồ Tát có thể tin kinh

pháp do mười sáu vị Bồ Tát ấy nói, thọ trì, chẳng hủy báng, sẽ đều đạt được trí huệ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai).

Đây là phần kinh văn thọ ký u huyền của vị cổ Phật.

Phần thứ nhất, “cùng kết duyên với cổ Phật, Bồ Tát” đã xong.

7.1.3.1.2. Gặp gỡ trong khoảng giữa²⁸⁸

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Thị thập lục Bồ Tát thường nhạo thuyết thị Diệu Pháp Liên Hoa kinh, nhất nhất Bồ Tát sở hóa lục bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng chúng sanh, thể thể sở sanh dữ Bồ Tát câu, từng kỳ văn pháp, tất giai tín giải. Dĩ thử nhân duyên, đắc trị tứ vạn ức chư Phật Thế Tôn vu kim bất tận.

(經)佛告諸比丘：「是十六菩薩常樂說是妙法蓮華經，一一菩薩所化六百萬億那由他恆河沙等眾生，世世所生與菩薩俱，從其聞法，悉皆信解。以此因緣，得值四萬億諸佛世尊于今不盡。

(Kinh: Phật bảo các tỳ-kheo: - Mười sáu vị Bồ Tát ấy thường ra thích nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, mỗi vị Bồ Tát giáo hóa sáu trăm vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chúng sanh, họ đời đời thường sanh cùng với các Bồ Tát, theo các Ngài nghe pháp, thấy đều tín giải. Do nhân duyên ấy, được gặp bốn vạn ức chư Phật Thế Tôn tới nay chẳng tận).

Gặp gỡ có ba loại:

- Một là từ thuở đầu thường thọ lãnh Đại Thừa, trong khoảng giữa đều đã thành tựu, chẳng đợi đến ngày nay.

- Hai là người thoát đầu thọ lãnh Đại Thừa, giữa chừng thoái thất Đại Thừa, tiếp đó tu Tiểu pháp. Hạng người này do khoảng giữa chưa tận (chưa đoạn tuyệt thiện căn Đại Thừa), đến nay vẫn gặp đại giáo.

- Ba là chỉ nói theo người gặp gỡ Tiểu Thừa, chẳng luận người gặp Đại pháp. Hoặc là thoát đầu tuy thọ Đại Thừa, sau khi thoái thất bèn chẳng có căn cơ, cho nên trong khoảng giữa chưa đắc độ, tới nay cũng chẳng tận (thiện căn đắc độ bởi Đại Thừa chẳng tận), cho đến sau khi

²⁸⁸ Nói trong “khoảng giữa” tức là khoảng thời gian sau khi mười sáu vị sa-di Bồ Tát nói kinh Pháp Hoa cho đến trước khi các Ngài thành Phật ở mười phương.

Phật diệt độ bèn đắc đạo (hạng người này do thoát đầu khi nghe Tiểu pháp bèn kết duyên ban đầu, trong khoảng giữa lại chỉ tu tập Tiểu pháp. Nay gặp các vương tử. Hơn nữa, có kẻ thoát đầu nghe Tiểu pháp, nay thấy trong giáo pháp một đời của Phật Thích Ca có phán định hàng Thanh Văn chưa phát tâm, liền phán đoán những người ấy sẽ vĩnh viễn diệt độ (nhập Thiên Chân Niết Bàn), chẳng phát [tâm Đại Thừa]. Đó là vì chẳng biết sự giáo hóa dài lâu của Như Lai).

Hỏi: - Từ số kiếp nhiều bằng số vi trần như trên đây cho tới nay mới chứng đắc A La Hán, cho nên biết Vô Sanh Pháp Nhẫn há dễ đạt được!

Đáp: - Có thể nói là đại thánh (tức đức Phật) thiện xảo nương theo Tứ Tất Đàn mà nói như thế. Hoặc nói là Phật đạo dài lâu, hoặc nói Phật đạo dễ đạt được, hoặc tùy theo lòng ham muốn của thế gian, hoặc vì phát sanh điều thiện trong quá khứ, nhằm đối trị kẻ chán sợ đạo dài lâu mà nói ngắn ngủi, hoặc đối với kẻ có ý tưởng coi đạo là dễ dàng, bèn nói [thời gian tu đạo] dài lâu. Do nghe nói [thời gian tu đạo] dài hay ngắn mà họ được nhập Đệ Nhất Nghĩa. Hãy nên biết: Nói “*trải qua kiếp số như thế cho tới nay mới đắc La Hán*” chính là quyền hành Tứ Tất Đàn, dẫn khởi các Thật hạnh, hòng khiến cho họ nhập đạo. Lại nữa, Lý không có dài hay ngắn, dài hay ngắn là do căn cơ, sao không dốc sức tự mình siêng gắng, cần gì phải luận định thời gian người khác tu tập dài hay ngắn?

7.1.3.1.3. Ngày nay vẫn nói kinh Pháp Hoa

7.1.3.1.3.1. Trước hết kết lại để dung hội xưa và nay

7.1.3.1.3.1. Tổng kết về thầy xưa và nay

(Kính) Chư tỳ-kheo! Ngã kim ngữ nhữ, bỉ Phật đệ tử thập lục sa-di, kim giai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ư thập phương quốc độ, hiện tại thuyết pháp, hữu vô lượng bách thiên vạn ức Bồ Tát, Thanh Văn dĩ vi quyến thuộc. Kỳ nhĩ sa-di Đông phương tác Phật: Nhất danh A Súc tại Hoan Hỷ quốc, nhĩ danh Tu Di Đảnh. Đông Nam phương nhĩ Phật: Nhất danh Sư Tử Âm, nhĩ danh Sư Tử Tướng. Nam phương nhĩ Phật: Nhất danh Hư Không Trụ, nhĩ danh Thường Diệt. Tây Nam phương nhĩ Phật: Nhất danh Đế Tướng, nhĩ danh Phạm Tướng. Tây phương nhĩ Phật: Nhất danh A Di Đà, nhĩ danh Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não. Tây Bắc phương nhĩ Phật: Nhất danh Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Thần Thông, nhĩ danh

Tu Di Tướng. Bắc phương nhị Phật: Nhất danh Vân Tụ Tại, nhị danh Vân Tụ Tại Vương. Đông Bắc phương Phật danh Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy. Đệ thập lục, ngã Thích Ca Mâu Ni Phật, ư Sa Bà quốc độ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)諸比丘！我今語汝，彼佛弟子十六沙彌，今皆得阿耨多羅三藐三菩提，於十方國土，現在說法，有無量百千萬億菩薩、聲聞以為眷屬。其二沙彌東方作佛：一名阿閼在歡喜國，二名須彌頂。東南方二佛：一名師子音，二名師子相。南方二佛：一名虛空住，二名常滅。西南方二佛：一名帝相，二名梵相。西方二佛：一名阿彌陀，二名度一切世間苦惱。西北方二佛：一名多摩羅跋旃檀香神通，二名須彌相。北方二佛：一名雲自在，二名雲自在王。東北方佛名壞一切世間怖畏。第十六，我釋迦牟尼佛，於娑婆國土成阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Này các tỳ-kheo! Ta nay bảo các ông, mười sáu sa-di đệ tử của đức Phật ấy, nay đều đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nay đang thuyết pháp trong các cõi nước ở mười phương, có vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ Tát và Thanh Văn làm quyến thuộc. Hai sa-di làm Phật ở phương Đông, vị thứ nhất là A Súc (Akṣobhya) ở nước Hoan Hỷ (Abhirati), vị thứ hai tên là Tu Di Đảnh (Merukūṭa). Hai vị Phật ở phương Đông Nam, vị thứ nhất tên là Sư Tử Âm (Simhaghoṣa), vị thứ hai tên là Sư Tử Tướng (Simhadvaja). Phương Nam hai vị Phật, vị thứ nhất tên là Hư Không Trụ (Ākāśapratiṣṭhita), vị thứ hai tên là Thường Diệt (Nityaparinirvṛta). Phương Tây Nam hai vị Phật, vị thứ nhất tên là Đế Tướng (Indradhvaja), vị thứ hai tên là Phạm Tướng (Brahmadhvaja). Phương Tây hai vị Phật, vị thứ nhất tên là A Di Đà (Amitāyus), vị thứ hai tên Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não (Sarvalokadhātūpadravodvega-pratyuttīrṇa). Phương Tây Bắc hai vị Phật, vị thứ nhất tên Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông (Tamālapatracandanagandhābhijña), vị thứ hai tên Tu Di Tướng (Merukalpa). Phương Bắc hai vị Phật, vị thứ nhất tên Vân Tụ Tại (Meghasvaradīpa),

vị thứ hai tên Vân Tự Tại Vương (Meghasvararāja). Phật ở phương Đông Bắc tên là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy (Sarvalokabhayacchambhitatvavidhvamsanakara). Vị Phật thứ mười sáu là ta, Thích Ca Mâu Ni Phật (Śākyamuni), ở trong cõi Sa Bà (Sahālokā) thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác²⁸⁹.

Mười sáu vị sa-di là cỏ, thành Phật ở tám phương là kim. A Súc được phương này dịch là Vô Động.

7.1.3.1.3.2. Dung hội đệ tử xưa và nay

²⁸⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “A Súc nói đầy đủ là A Súc Bệ, còn dịch là Bất Động. Phương Đông thuộc quẻ Chấn [theo kinh Dịch], đứng đầu các sự chấn động. Phật có thể ở trong động mà bất động; vì thế gọi là A Súc. Hoan Hỷ quốc chính là Diệu Hỷ tịnh độ ở phương Đông. Phật tròn đủ vạn đức, cao vượt tất cả muôn vật, vì thế gọi là Tu Di Đảnh. Phật thuyết pháp vô úy như sư tử rống. Vì thế tên là Sư Tử Âm. Cử chỉ, biểu lộ thần thái oai nghiêm như sư tử, chẳng giận mà tự uy. Vì thế tên là Sư Tử Tướng. Xa lìa các cõi, trụ trong pháp tánh Không, cho nên gọi là Hư Không Trụ. Thường là sanh diệt, vắng lặng, dứt bật các phiền não. Vì thế tên là Thường Diệt. Phật có oai đức tôn nghiêm, như đế vương trong thế gian. Vì thế tên là Đế Tướng. Phạm hạnh thanh tịnh, nên tên là Phạm Tướng. Kinh Di Đà nói: ‘Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi nước. Vì thế tên là A Di Đà’. Lại nói: ‘Thọ mạng của đức Phật và nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Vì thế tên là A Di Đà’. Phật dùng đại bi độ người khác, độ trọn hết các hữu tình, nên tên là Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não. Đa Ma La Bát dịch nghĩa là Tánh Vô Cấu Hiền, [là từ ngữ] hình dung hương Chiên Đàn. Thần thông của Phật có thể độ chúng sanh, lìa phiền não cấu, đạt được thanh tịnh. Do vậy gọi là Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Thần Thông. Tướng hảo trang nghiêm, ví như Tu Di. Vì thế gọi là Tu Di Tướng. Phật tâm vô tư, diệu hạnh vô trụ, ví như mây phình ra hoặc co lại tự tại, che rợp hết thấy, nên gọi là Vân Tự Tại. Thánh đức lưu hành, phủ trùm nhân dân như vua trong thế gian, nên gọi là Vân Tự Tại Vương. Nỗi khổ do già, bệnh, chết là chuyện đáng sợ hãi trong thế gian. Phật độ hữu tình lìa khỏi nỗi khổ ấy, đạt được an ổn. Do vậy tên là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy. Thích Ca dịch là Năng Nhân, Mâu Ni dịch là Tịch Mặc. Quyền trí lợi lạc chúng sanh, nhuận trạch muôn loài, cho nên gọi là Năng Nhân. Đó chính là diệu dụng nơi Ứng Thân. Thật trí chứng Lý, lìa ngôn từ, dứt bật hình tướng, cho nên nói là Tịch Mặc. Đó chính là Pháp Thân Lý Thể. Quyền chính là Thật, Thật chính là Quyền, Thể lẫn Dụng đều viên dung. Vì thế gọi là Thích Ca Mâu Ni. Sa Bà được phương này dịch là Nhẫn Độ, có hai nghĩa: Một, như sách Pháp Hoa Văn Cú giảng: ‘Chúng sanh cõi ấy an trụ trong Thập Ác, chẳng chịu xuất ly. Do tánh chất của nhân loại mà đặt tên quốc độ. Vì thế gọi là Kham Nhẫn. Hai, như sách Pháp Hoa Huyền Tán chép: ‘Tiếng Phạn là Sách Ha, phương này dịch là Kham Nhẫn, các hàng Bồ Tát khi làm chuyện lợi lạc, bị nhiều ghen ghét, các nỗi khổ não hại, các Ngài đều có thể chịu đựng nhọc nhằn, khổ sở. Do vậy mà gọi tên quốc độ như thế. [Phiên âm là] Sa Bà tức là bị sai ngoa”.

7.1.3.1.3.2.1. Vốn kết duyên to lớn

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Ngã đẳng vi sa-di thời, các các giáo hóa vô lượng bách thiên vạn ức Hằng hà sa đẳng chúng sanh, từng ngã văn pháp, vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)諸比丘！我等為沙彌時，各各教化無量百千萬億恆河沙等眾生，從我聞法，為阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Đây các tỳ-kheo! Chúng ta khi làm sa-di, mỗi người đều giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa chúng sanh theo chúng ta nghe pháp vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây là nói về lúc mới nghe pháp, đều vì Vô Thượng Bồ Đề. Đó gọi là “tam thừa sơ tâm đều chẳng ngu muội nơi pháp”. Nhưng từ đây trở đi, có thoái chuyển và bất thoái, khiến cho người được giải thoát có trước sau sai khác!

7.1.3.1.3.2.2. Giải trừ mối nghi đối với những người hiện thời vẫn trụ nơi địa vị Thanh Văn

(Kinh) Thử chư chúng sanh vu kim hữu trụ Thanh Văn địa giả, ngã thường giáo hóa A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị chư nhân đẳng, ưng dĩ thị pháp tiệm nhập Phật đạo. Sở dĩ giả hà? Như Lai trí huệ nan tín, nan giải.

(經)此諸眾生于今有住聲聞地者，我常教化阿耨多羅三藐三菩提。是諸人等，應以是法漸入佛道。所以者何？如來智慧難信，難解。

(Kinh: Các chúng sanh ấy tới nay có người trụ trong địa vị Thanh Văn, ta thường giáo hóa Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những người ấy đáng nên dùng pháp này để dần dần nhập Phật đạo. Vì có sao vậy? Trí huệ của Như Lai khó tin, khó hiểu).

Trước hết nói rõ các chúng sanh ấy vào thời Đại Thông [Trí Thắng] Phật đã theo ta nghe pháp, chính là vì Vô Thượng Bồ Đề. Có sao cho đến nay vẫn có người còn trụ trong địa vị Thanh Văn? Giải rằng: Ta

thường dùng Vô Thượng Bồ Đề để giáo hóa, nhưng do [căn cơ của] những người ấy đáng nên dùng pháp Quyền Tiếu để khiến cho họ dần dần nhập Phật đạo. Lại có kẻ nghi: “Những người ấy vì lẽ nào đáng nên dùng pháp đó để dần dần tiến nhập?” Giải rằng: Ấy là vì trí huệ của Như Lai khó tin, khó hiểu.

7.1.3.1.3.2.3. Tổng kết dung hội xưa nay

(Kinh) Nhữ thời, sở hóa vô lượng Hằng hà sa đẳng chúng sanh giả, nhữ đẳng chư tỳ-kheo, cập ngã diệt độ hậu, vị lai thế trung Thanh Văn đệ tử thị dã.

(經)爾時，所化無量恆河沙等眾生者，汝等諸比丘，及我滅度後，未來世中聲聞弟子是也。

(Kinh: Thuở đó, vô lượng Hằng hà sa chúng sanh được giáo hóa chính là hàng tỳ-kheo các ông, và các đệ tử Thanh Văn trong đời vị lai sau khi ta diệt độ).

Nói “nhữ đẳng chư tỳ-kheo” (hàng tỳ-kheo các ông) tức là kết lại, dung hội những người trụ trong địa vị Thanh Văn xưa lẫn nay, và các đệ tử Thanh Văn sau khi ta diệt độ, tức là kết lại ý nghĩa “xưa nay bất tận” trong hiện thời (tức ý nghĩa được nêu ra trong kinh này).

7.1.3.1.3.2.4. Giải trừ mối nghi cho các đệ tử trong vị lai

(Kinh) Ngã diệt độ hậu, phục hữu đệ tử bất văn thị kinh, bất tri, bất giác Bồ Tát sở hành, tự ư sở đắc công đức sanh diệt độ tướng, đương nhập Niết Bàn. Ngã ư dư quốc tác Phật, cánh hữu dị danh. Thị nhân tuy sanh diệt độ chi tướng, nhập ư Niết Bàn, nhi ư bỉ độ cầu Phật trí huệ, đắc văn thị kinh, duy dĩ Phật thừa nhi đắc diệt độ, cánh vô dư thừa, trừ chư Như Lai phương tiện thuyết pháp.

(經)我滅度後，復有弟子不聞是經，不知，不覺菩薩所行，自於所得功德生滅度想，當入涅槃。我於餘國作佛，更有異名。是人雖生滅度之想，入於涅槃，而於彼土求

佛智慧，得聞是經，唯以佛乘而得滅度，更無餘乘，除諸如來方便說法。

(Kinh: Sau khi ta diệt độ, lại có đệ tử chẳng nghe kinh này, chẳng biết, chẳng hay sở hành của Bồ Tát, đối với công đức do chính mình đạt được tự sanh ý tưởng diệt độ, sẽ nhập Niết Bàn. Ta làm Phật ở nước khác, bèn có danh hiệu khác. Người ấy tuy sanh ý tưởng diệt độ, nhập Niết Bàn, nhưng cầu trí huệ của Phật trong cõi ấy, được nghe kinh này, chỉ dùng Phật thừa để được diệt độ, chẳng có thừa nào khác, trừ các vị Như Lai phương tiện thuyết pháp).

Có kẻ ngờ rằng: Thanh Văn trong hiện thời được nghe đức Phật nói Pháp Hoa, khai hiển, ngộ nhập, tức là hạng người kết duyên. Kẻ trong đời vị lai chẳng nghe Pháp Hoa mà nhập diệt độ, há có thể bỏ Tiểu pháp để nhập Nhất Thừa hay chẳng? Giải rằng: Tuy họ sanh ý tưởng nhập Niết Bàn, vẫn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, thọ thân Biên Dịch. Ta (Phật Thích Ca) sẽ ở trong cõi đó, ắt vẫn vì họ nói kinh này, ắt khiến cho họ nhập đạo Nhất Thừa. “*Chẳng còn thừa nào khác, trừ phi các đức Như Lai phương tiện thuyết pháp*” chính là để đoạn nghi. Ba thừa là phương tiện mà giả nói, thật ra chắc chắn chẳng có tam thừa!

Phần thứ nhất, “kết lại chuyện dung hội xưa nay” đã xong.

7.1.3.1.3.3. Chỉ rõ “vẫn nói kinh Pháp Hoa”

7.1.3.1.3.3.1. Do đúng thời nên nói

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Nhược Như Lai tự tri Niết Bàn thời đáo, chúng hựu thanh tịnh, tín giải kiên cố, liễu đạt Không pháp, thâm nhập Thiền Định, tiện tập chư Bồ Tát cập Thanh Văn chúng, vị thuyết thị kinh. Thế gian vô hữu Nhị Thừa nhi đắc diệt độ, duy nhất Phật thừa đắc diệt độ nhĩ.

(經)諸比丘！若如來自知涅槃時到，眾又清淨，信解堅固，了達空法，深入禪定，便集諸菩薩及聲聞眾，為說是經。世間無有二乘而得滅度，唯一佛乘得滅度耳。

(Kinh: Nay các tỳ-kheo! Nếu Như Lai tự biết lúc nhập Niết Bàn đã đến, đại chúng lại thanh tịnh, tín giải kiên cố, liễu đạt pháp Không, thâm

nhập Thiền Định, liền nhóm họp các vị Bồ Tát và hàng Thanh Văn, vì họ nói kinh này. Thế gian chẳng có hai thừa để được diệt độ, chỉ có một Phật Thừa để được diệt độ mà thôi!)

“*Niết Bàn thời đáo*” (Lúc nhập Niết Bàn đã đến): Chư Phật xuất thế, lúc hóa đạo sắp hoàn tất, như Ca Diếp Phật, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật v.v... nói kinh này xong, liền nhập Niết Bàn. Trong kinh này, Phật Thích Ca cũng tuyên xưng chẳng lâu sau Ngài sẽ nhập diệt. Vì vậy, kinh này là lời tuyên xưng cùng cực tối hậu. “*Chúng thanh tịnh*” tức là Đoạn Đức thành tựu. “*Tín*” tức là bốn thứ bất hoại tín²⁹⁰. “*Giải*” là vô lậu chánh giải, liễu đạt pháp Không, chứng Chân Đế, đều tức là Trí Đức thành tựu. Trí Đức và Đoạn Đức đã lập, lại còn “*thâm nhập Thiền Định*”, đủ hai món giải thoát, kham nghe đại giáo, có thể tin nhận. Lại nữa, chúng thanh tịnh đạt được lợi ích nơi Tam Tạng giáo, thoát khỏi nạn nhà lửa. Người tín giải kiên cố sẽ đạt được lợi ích nơi giáo pháp Phương Đăng, tâm dần dần tin tưởng, thấu hiểu. Người “*liễu đạt Không pháp*” đạt được lợi ích nơi giáo pháp Bát Nhã, có thể dạy lại cho người khác. “*Tập chư Bồ Tát*” (Nhóm họp các Bồ Tát) tức là “*hội thân tộc*” (tụ họp thân tộc) [như trong thí dụ thuộc phẩm Tín Giải]. “*Cập Thanh Văn chúng*” (Và hàng Thanh Văn) tức là “*mạng kỳ tử*” (sai con mình). Giả sử thời Niết Bàn đã đến, nhưng đại chúng chẳng thanh tịnh, vẫn chẳng thể nói kinh này. Như Đa Bảo Như Lai do trong hiện đời chẳng có cơ duyên, chẳng thể nói kinh Pháp Hoa. Vì thế, Ngài lưu lại tháp chứa đựng toàn thân, thế sau khi diệt độ sẽ làm chứng khắp nơi!

7.1.3.1.3.3.2. Giải thích ý nghĩa vì sao trước đó mở ra ba thừa

(Kinh) Tỳ-kheo đương tri: Như Lai phương tiện thâm nhập chúng sanh chỉ tánh, tri kỳ chí nhạo Tiểu pháp, thâm trước ngũ dục, vị thị đẳng cố, thuyết ư Niết Bàn. Thị nhân nhược văn, tắc tiện tín thọ.

²⁹⁰ Tứ Bất Hoại Tín (Catvāro-aveccappasāda), còn gọi là Tứ Kiên Tín (bốn niềm tin kiên cố), tức là tin vào Phật, Pháp, Tăng và Giới kiên cố, không gì có thể phá hoại được.

(經)比丘當知：如來方便深入眾生之性，知其志樂小法，深著五欲，為是等故，說於涅槃。是人若聞，則便信受。

(Kinh: Tỳ-kheo hãy nên biết: Như Lai phương tiện thâm nhập tánh của chúng sanh, biết họ dốc chí, ưa thích Tiểu pháp, chấp sâu ngũ dục, vì hạng người ấy mà nói Niết Bàn. Kẻ đó nếu được nghe, sẽ liền tin nhận).

Nếu thật sự chẳng có Nhị Thừa để được diệt độ, có sao trước kia Như Lai nói Quyền giáo? Giải rằng: Như Lai hiểu rõ chúng sanh có tánh ham ưa Tiểu pháp, chấp trước ngũ trần, bị che lấp bởi ngũ trước. Vì thế, trước hết nói tam thừa, khiến cho họ phá trước, thoát nạn. Sau đó nói Nhất Thừa.

Phần thứ nhất, “kết duyên nơi Pháp Thuyết Châu” đã xong.

7.1.3.2. Kết duyên nơi Thí Thuyết Châu

7.1.3.2.1. Lập thí dụ

7.1.3.2.1.1. Thí dụ về người dẫn đường

(Kinh) Thí như ngũ bách do-tuần hiểm nạn ác đạo, khoáng tuyệt vô nhân, bố úy chi xứ. Nhược hữu đa chúng dục quá thử đạo, chí trân bảo xứ, hữu nhất đạo sư²⁹¹, thông huệ minh đạt, thiện tri hiểm đạo thông tắc chi tướng.

(經)譬如五百由旬險難惡道，曠絕無人，怖畏之處。若有多眾欲過此道，至珍寶處。有一導師，聰慧明達，善知險道通塞之相。

(Kinh: Ví như con đường ác hiểm nạn [dài] năm trăm do-tuần, hoang vu, trợn chẳng có người, là chỗ đáng sợ hãi. Nếu có nhiều người muốn đi qua con đường đó để tới chỗ có trân bảo, có một người dẫn đường, thông minh, trí huệ, sáng suốt, thấu đạt, khéo biết tướng thông hay tắc nơi đường hiểm).

²⁹¹ Chữ Đạo (導) ở đây có nghĩa là hướng dẫn, dẫn đường.

“*Ngũ bách do-tuần*” (Năm trăm do-tuần): Nếu xét theo quả báo, sẽ tách chỗ Đồng Cư Phần Đoạn thành ba trăm, chỗ Phương Tiện Biến Dịch thành bốn trăm, chỗ Thật Báo Biến Dịch là năm trăm. Nếu xét theo phiền não, Kiến Tư thuộc tam giới là ba trăm, Trần Sa là bốn trăm, Vô Minh là năm trăm. Nhập Không Quán, có thể vượt qua ba trăm. Nhập Giả Quán, có thể vượt qua bốn trăm. Nhập Trung Quán, có thể vượt qua năm trăm.

“*Hiểm nạn ác đạo*” (Đường ác nguy hiểm, lắm tai nạn) ví như nhân quả sanh tử. Phần Đoạn và Biến Dịch chính là hiểm nạn nơi quả. Kiến Tư ngũ trụ chính là hiểm nạn nơi nhân. Do nhân quả ấy mà nói là “*ác đạo*”. Đường có hai loại: Một là tuy hoang vắng, nhưng người có thể nương vào đó. Hai là hoang vắng, không có ai có thể nương cậy. Ví như trong sanh tử có Niết Bàn, trong phiền não có Bồ Đề, tuy hoang vắng nhưng có người có thể nương vào. Nếu sanh tử phiền não chẳng có Niết Bàn và Bồ Đề, trong thuốc chẳng có bệnh, trong bệnh chẳng có thuốc thì là chỗ hoang vắng đáng sợ, trọn chẳng có người! (Biệt Giáo và Viên Giáo chẳng phải là hoang vu, có người. Nhị Thừa trong Thông Giáo thì hoang vu nhưng có người. Nhị Thừa trong Tam Tạng hoang vu, chẳng có người. Do vậy, vì hạng người ấy mà lập bày cách giáo hóa).

“*Nhược hữu đa chúng*” (Nếu có nhiều chúng sanh) ví như các chúng sanh tuy được các vương tử giáo hóa nhưng chưa giải thoát. “*Dục quá thử đạo chí trân bảo xứ*” (Muốn vượt qua đường ấy để tới chỗ có trân bảo): Ví như phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. “*Hữu nhất đạo sư*” (Có một người hướng dẫn): Ví như vị vương tử thứ mười sáu (tiền thân của Phật Thích Ca)²⁹². Tai thanh tịnh là Thông, ý thanh tịnh là Huệ, mắt thanh tịnh là Minh. Các căn khác thanh tịnh là Đạt. Nói tóm lại, chính là sáu căn thanh tịnh. Lại nữa, Huệ chính là nhất tâm tam trí. Minh chính là trọn đủ năm loại mắt. Hơn nữa, Tam Minh là Minh, Thập Lực là Đạt. “*Thiện tri hiểm đạo thông tắc chi tướng*” (Khéo biết tướng thông tắc nơi đường hiểm): Tuy là đường hiểm có tắc và thông²⁹³, hễ đầy đủ phương tiện thì tắc thành thông. Thiếu thiện xảo thì thông thành tắc. Tư lương, khí giới, can đảm, hiểu biết, dũng lực, đều cần phải trọn đủ. Đối với cỏ nước nơi con đường trước mặt, đều cần phải am hiểu!

²⁹² Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Phật đạo bất nhị, nên nói là Nhất. Có thể hướng dẫn chúng sanh thoát mê nhập ngộ, nên nói là đạo sư*”.

²⁹³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Khế lý là Thông, trái lý là Tắc*”.

7.1.3.2.1.2. *Thí dụ về sự dẫn đường*

7.1.3.2.1.3.1. *Thí dụ về những người được hướng dẫn*

(Kinh) Tương đạo chúng nhân, dục quá thử nạn.

(經)將導眾人，欲過此難。

(Kinh: Hướng dẫn mọi người muốn vượt qua [con đường] hiểm nạn ấy)²⁹⁴.

Sánh ví những người vốn kết duyên nhưng chưa được giải thoát. Duyên ấy chẳng mất, bèn được người dẫn đường dắt dìu.

7.1.3.2.1.3.2. *Thí dụ về sự lười nhác, thoái thất giữa đường*

7.1.3.2.1.3.1. *Thoái thất Đại Thừa*

(Kinh) Sở tương nhân chúng, trung lộ giải thoái, bạch đạo sư ngôn: “Ngã đẳng bì cực, nhi phục bố úy, bất năng phục tấn. Tiền lộ do viễn, kim dục thoái hoàn”.

(經)所將人眾，中路懈退，白導師言：「我等疲極，而復怖畏，不能復進。前路猶遠，今欲退還」。

(Kinh: Những người được dẫn dắt, nửa đường lười nhác, lui sụt, thưa cùng người dẫn đường: “Chúng tôi mệt mỏi tột bậc, lại còn sợ hãi, chẳng thể tiến lên nữa. Đường phía trước còn xa, nay muốn lui về”).

“Trung lộ” chẳng phải là nửa đường, chỉ là coi “phát tâm là khởi đầu, thành Phật là kết thúc”. Giữa hai chặng ấy mà dấy lòng thoái chuyển; vì thế gọi là “trung lộ”. “Bạch đạo sư”: Đại cơ (căn cơ Đại Thừa) đã thoái thất, Tiểu cơ sẽ sanh. Dùng điều này để ngẫm cảm vò lòng từ bi của Pháp Thân, có ý nghĩa như “bạch”. “Bì cực” (Mệt mỏi tột bậc): Ví như thiện căn mỏng manh, bị vô minh che lấp. “Bố úy” (Sợ hãi) ví như ghét sợ sanh tử. “Tiền lộ do viễn” (Đường phía trước còn xa): Ví như Tam Hoặc khó đoạn do thiếu dũng lực Đại Thừa; vì thế “bì cực” (mệt mỏi tột cùng). Do thiếu lòng can đảm, tư lương và khí giới

²⁹⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Những người được dắt dìu chính là những người được hóa độ bởi mười sáu vị vương tử. Có thể mong cầu Phật đạo, xa lìa hai thứ chết, thì gọi là ‘dục quá thử nạn’ (muốn vượt qua nạn ấy)”.

Đại Thừa; cho nên sợ hãi. Do chẳng am hiểu cỏ nước trong con đường phía trước; vì vậy nói “tiền lộ do viên”.

7.1.3.2.1.3.2. Tiếp dẫn bằng Tiểu Thừa

7.1.3.2.1.3.2.1. Lập phương tiện giáo hóa

(Kinh) Đạo sư đa chư phương tiện, nhi tác thị niệm: “Thử đẳng khả mãn, vân hà xả đại trân bảo, nhi dục thoái hoàn?” Tác thị niệm dĩ, dĩ phương tiện lực, ư hiểm đạo trung, quá tam bách do-tuần, hóa tác nhất thành, cáo chúng nhân ngôn: “Nhữ đẳng vật bố, mạc đắc thoái hoàn. Kim thử đại thành, khả ư trung chỉ, tùy ý sở tác. Nhược nhập thị thành, khoái đắc an ổn. Nhược năng tiền chí bảo sở, diệt khả đắc khứ”.

(經)導師多諸方便，而作是念：「此等可慙，云何捨大珍寶，而欲退還？」作是念已，以方便力，於險道中，過三百由旬，化作一城，告眾人言：「汝等勿怖，莫得退還。今此大城，可於中止，隨意所作。若入是城，快得安隱。若能前至寶所，亦可得去」。

(Kinh: Người hướng dẫn có nhiều phương tiện, nghĩ như thế này: “Những kẻ này đáng thương, sao lại bỏ trân bảo to lớn mà muốn lui về?” Nghĩ như thế xong, dùng sức phương tiện ở giữa đường hiểm, qua khỏi ba trăm do-tuần²⁹⁵, hóa hiện một cái thành, bảo mọi người rằng: “Các người chớ sợ, đừng nên lui về. Nay thành lớn này, có thể nghỉ lại trong đó, tùy ý mà làm²⁹⁶. Nếu vào thành này, sẽ được vui sướng, an ổn²⁹⁷. Nếu có thể tiến lên trước đến chỗ có của báu thì cũng có thể đi được”)²⁹⁸.

²⁹⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là thí dụ về sự lập bày giáo pháp. Vì để giải quyết Phần Đoạn sanh tử, thoát lìa tam giới, cho nên nói ‘quá ba trăm do-tuần’. Giả nói diệt độ, nhưng thật ra chẳng diệt độ, nên nói là hóa tác (biến hóa)”.

²⁹⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tùy thuận ý muốn của những người căn cơ Tiểu Thừa để họ tu tập, sanh ý tưởng diệt độ, cho nên nói là tùy ý sở tác”.

²⁹⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nếu nhập Niết Bàn, sanh tử đã giải quyết xong. Vì thế nói: - Nhược nhập thị thành, khoái đắc an ổn”.

²⁹⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nếu phát Bồ Đề tâm, cũng có thể chứng đắc Phật quả. Do đó nói: Nếu có thể tiến lên trước đến chỗ có của báu thì cũng có thể đi được”.

“*Đa chư phương tiện*” (Có nhiều phương tiện): Ví như Quyền Trí của Như Lai có thể suy tính pháp hóa độ thích hợp. “*Thử đẳng khả mãn*” (Bọn này đáng thương): Biết họ chẳng có căn cơ Đại Thừa. “*Hóa tác nhất thành*” (Hóa hiện một tòa thành): Biết có thể dùng Tiểu Thừa để tiếp dẫn họ. “*Nhữ đẳng vật bố, mạc đắc thoái hoàn*” (Các người đừng sợ, đừng nên lui về), tức là khuyên họ hãy tiến lên trước, sánh ví Khuyển Chuyền. “*Kim thử đại thành khả ư trung chỉ, tùy ý sở tác*” (Nay tòa thành lớn này, có thể nghỉ lại trong đó, tùy ý mà làm), tức là chỉ bày “thành có thể ở”, ví như Thị Chuyền. “*Nhược nhập thị thành, khoái đắc an ổn*” (Nếu vào thành này, sẽ vui sướng, an ổn), tức là tán thán công đức của cái thành, ví như Chứng Chuyền. “*Nhược năng tiền chí bảo sở, diệt khả đắc khứ*” (Nếu có thể tiến lên trước đến chỗ có của báu thì cũng có đến được): Nay trước khi đức Phật khai hiện, do chẳng thể chỉ rõ, cho nên nói lời ấy. Nếu luận định theo sự ngầm nghe, sẽ chẳng trở ngại. Nếu luận theo túc thế, phải nên có lời ấy. Vì sao? Các vương tử đã biết ý tưởng lui sụt của bọn họ, liền giáo hóa rằng: “Nếu các người sợ sanh tử, hãy giữ lấy Niết Bàn, sau đây mới hành đại đạo thì cũng tùy ý các người!” Lại nữa, sau khi đã khai Quyền hiển Thật, [đối với những người ấy], sẽ bèn nói [Nhất Thừa], như các vị giữ lấy quả La Hán trong hội Niết Bàn đều là ý nghĩa ấy.

7.1.3.2.1.3.2.2. Hoan hỷ tiến vào

(Kinh) *Thị thời, bì cực chi chúng tâm đại hoan hỷ, thán vị tăng hữu: “Ngã đẳng kim giả miễn tư ác đạo, khoái đắc an ổn”. Ư thị, chúng nhân tiền nhập hóa thành, sanh dĩ độ tưởng, sanh an ổn tưởng.*

(經)是時，疲極之眾心大歡喜，歎未曾有：「我等今者免斯惡道，快得安隱」。於是，眾人前入化城，生已度想，生安隱想。

(Kinh: Lúc bấy giờ, những kẻ mệt mỏi tội bậc tâm rất hoan hỷ, khen là chưa từng có: “Chúng ta nay thoát khỏi đường dữ này, vui sướng an ổn”. Khi đó, mọi người tiến vào cái thành đã được biến hóa ấy, sanh ý tưởng đã đắc độ, sanh ý tưởng an ổn).

“Đại hoan hỷ” ví như Văn Huệ. “Thán vị tăng hữu” (Khen là chưa từng có), ví như địa vị Noãn. “Miễn ác đạo” (Tránh thoát đường ác) ví như địa vị Đảnh. “Khoái an ổn” (Vui sướng an ổn) ví như địa vị Nhẫn. “Tiền nhập hóa thành” (Tiền lên trước, vào trong hóa thành) ví như địa vị Kiến Đê. “Dĩ độ tướng” (Có ý tưởng đã diệt độ) ví như đạt được tận trí. “An ổn tướng” ví như đắc Vô Sanh Trí. Lại nữa, “dĩ độ tướng” ví như trọn đủ Trí Đức, “an ổn tướng” ví như chứng Đoạn Đức.

Phần thứ hai, “nửa đường lười mỗi, lui sụt” đã xong.

7.1.3.2.1.3.2.3. Thí dụ về diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu

(Kinh) Nhữ thời, đạo sư tri thử nhân chúng ký đắc chỉ tức, vô phục bì quyện, tức diệt hóa thành, ngữ chúng nhân ngôn: “Nhữ đẳng khứ lai, bảo xứ tại cận. Hướng giả đại thành, ngã sở hóa tác, vị chỉ tức nhĩ”.

(經)爾時，導師知此人眾既得止息，無復疲倦，即滅化城，語眾人言：「汝等去來，寶處在近。向者大城，我所化作，為止息耳」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, người hướng dẫn biết mọi người đã được nghỉ ngơi, chẳng còn mệt mỏi, liền diệt hóa thành, bảo mọi người rằng: “Các người hãy tiến lên, chỗ có của báu gần đây. Thành lớn trước đó do ta biến hóa ra để nghỉ ngơi vậy”).

“Ký đắc chỉ tức” (Đã được nghỉ ngơi) ví như thoát nạn. “Vô phục bì quyện” (Chẳng còn mệt mỏi) ví như căn cơ Đại Thừa đã phát khởi. “Bảo xứ tại cận” (Chỗ có của báu ở gần đây) ví như hiển Thật. Thành lớn được biến hóa, ví như phé Quyền. “Bảo sở” có hai nghĩa:

- Nếu xét rốt ráo, coi cực quả là bảo sở, như kinh văn trong phần trước đã nói: “Duy Phật dĩ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp).

- Nếu xét theo sự tiến nhập một phần, sẽ coi Sơ Phát Tâm Trụ là bảo sở. Như kinh văn trong phần trước đã nói: “Vô thượng bảo tự, bất cầu tự đắc” (Khỏi báu vô thượng chẳng cầu mà tự đạt được). Lại nói: “Đắc Phật pháp phần, như Phật tử sở ưng đắc giả, giai dĩ đắc chi” (Có

phần trong Phật pháp, như những gì Phật tử đáng nên đạt được thì con đã đều đạt được).

Hỏi: - Vì sao [kinh này] “*khai tam, hiển nhất*” đến năm chỗ, có gì khác biệt?

Đáp: - Luận định chung thì chẳng khác! Nhưng luận định riêng thì có sai khác. Phẩm Phương Tiện là dựa theo giáo để khai tam hiển nhất. Kinh văn chép: “*Như Lai đản dĩ nhất Phật thừa, cố vị chúng sanh thuyết pháp, vô hữu dư thừa, nhược nhị, nhược tam*” (Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, vì thế, cho nên vì chúng sanh thuyết pháp, chẳng có thừa nào khác, dù hai hay ba). Trong thí dụ nhà lửa [thuộc phẩm Thí Dụ], dựa theo hạnh để khai tam hiển nhất. “Xe” có ý nghĩa chuyên chở. Chuyên chở là sánh ví hạ nh. Kinh văn chép: “*Các thừa đại xa, du vu tứ phương, hy hý khoái lạc*” (Đều cưỡi cỗ xe lớn, dạo chơi bốn phương, đùa giỡn vui sướng). Phẩm Tín Giải thì dựa theo người để khai tam hiển nhất, quy kết, dung hội kẻ làm thuê chính là con ông trưởng giả. Kinh văn chép: “*Ngã đẳng tích lai chân thị Phật tử*” (Chúng con từ trước đã thật sự là con Phật). Phẩm Dược Thảo, xét theo sai biệt và không sai biệt để nói rõ Quyền và Thật hòng chẳng chấp lấy. Nhưng chúng sanh không biết, Phật khiến cho họ biết. Nếu biết bảy loại phương tiện thì chính là biết Quyền. Cùng nương vào một lý chẳng sai biệt, tức là biết Thật. Sai biệt mà chẳng sai biệt, chẳng sai biệt mà sai biệt, khiến cho họ biết ý ấy, trọn chẳng nói có một, hay không có một (Nhất Thừa). Đó là dựa hai trí thuộc Tự Hành Quyền Thật để thuận theo ý của chính mình để nói. Vì thế, Phật có thể biết, nhưng chúng sanh không biết, cũng thông với phần trước và phần sau, [dựa theo chuyện] biết hay chẳng biết để nói về Quyền và Thật. Nay [thí dụ] hóa thành chính là dựa theo Lý để khai tam hiển nhất. Bảo sở và hóa thành chính là hai lý Đại Thừa và Tiểu Thừa. Phá trừ Quyền lý Nhị Thừa để hiển chân thật nhất lý của Như Lai. Trong kinh văn thuộc phần sau, năm trăm [vị Thanh Văn] lãnh nhận, giải ngộ, nêu ra thí dụ viên châu trong chéo áo, cũng là dựa theo Lý. Đây là một mực dựa theo văn tướng (tướng trạng trong kinh văn) để nói, nhưng mỗi đoạn kinh văn đều có đủ Tứ Nhất (Lý Nhất, Giáo Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất), hoàn toàn là điều Như Lai có thể biết, chứ chúng sanh chẳng biết! Nếu biết thì chính là đã “*khai tri kiến của Phật*”.

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

7.1.3.2.2. Đối ứng thí dụ với pháp

7.1.3.2.2.1. Phần kết hợp chánh yếu

7.1.3.2.2.1.1. Kết hợp thí dụ “người dẫn đường” với pháp

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Như Lai diệt phục như thị, kim vị nhữ đẳng tác đại đạo sư, tri chư sanh tử phiền não ác đạo, hiểm nạn trường viễn, ưng khứ, ưng độ.

(經)諸比丘！如來亦復如是，今為汝等作大導師，知諸生死煩惱惡道，險難長遠，應去應度。

(Kinh: Đây các tỳ-kheo! Như Lai cũng giống như thế, nay làm đại đạo sư cho các ông, biết đường ác sanh tử phiền não, hiểm nạn dài xa, đáng nên vượt qua).

“Như Lai” tương ứng với “đạo sư” (người dẫn đường) [trong thí dụ]. “Nhữ đẳng” (Các ông) tương ứng với “chúng đa” (nhiều người) [trong thí dụ “hóa thành”]. “Sanh tử” tương ứng với “hiểm nạn” nơi quả. “Phiền não” tương ứng với “hiểm nạn” nơi cái nhân. “Trường viễn” (Dài lâu) tương ứng với “ngũ bách do-tuần” (năm trăm do tuần). “Ưng khứ, ưng độ” (Hãy nên vượt qua) tương ứng với “tri thông tác chi tướng” (biết tướng thông tác), và cũng tương ứng với “dục chí bảo sở” (muôn đến chỗ có của báu).

7.1.3.2.2.1.2. Kết hợp thí dụ “dẫn dắt” với pháp

(Kinh) Nhược chúng sanh dẫn văn nhất Phật thừa giả, tắc bất dục kiến Phật, bất dục thân cận, tiện tác thị niệm: “Phật đạo trường viễn, cứu thọ cần khổ, nãi khả đắc thành”. Phật tri thị tâm khiếp nhược hạ liệt, dĩ phương tiện lực, nhi ư trung đạo, vị chỉ tức cố, thuyết nhị Niết Bàn. Nhược chúng sanh trụ ư nhị địa, Như Lai nhĩ thời, tức tiện vị thuyết: “Nhữ đẳng sở tác vị biện, nhữ sở trụ địa cận ư Phật huệ, đương quán sát, trừ lượng, sở đắc Niết Bàn phi chân thật dã, dẫn thị Như Lai phương tiện chi lực, ư nhất Phật thừa, phân biệt thuyết tam”.

(經)若眾生但聞一佛乘者，則不欲見佛，不欲親近，便作是念：「佛道長遠，久受勤苦，乃可得成」。佛知是心怯弱下劣，以方便力，而於中道，為止息故，說二涅槃。

若眾生住於二地，如來爾時，即便為說：「汝等所作未辦，汝所住地近於佛慧，當觀察，籌量，所得涅槃非真實也，但是如來方便之力，於一佛乘，分別說三」。

(*Kinh*: Nếu chúng sanh chỉ nghe một Phật thừa, sẽ chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn thân cận, sẽ nghĩ như thế này: “Phật đạo dài lâu, phải chịu siêng khổ lâu dài thì mới có thể được thành tựu”. Phật biết tâm họ khiếp nhược, hèn kém, bèn dùng sức phương tiện, ở giữa đường, nói ra hai loại Niết Bàn để họ nghỉ ngơi. Nếu chúng sanh trụ trong nhị địa, khi đó, Như Lai liền bảo họ: “Việc làm (việc tu tập) của các ông chưa xong, địa vị các ông đang trụ gần với Phật huệ. Hãy nên quan sát, suy lường Niết Bàn mà các ông đã đắc chẳng phải là chân thật, chỉ là do sức phương tiện của Như Lai từ trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba”).

Ba chữ “*nhược chúng sanh*” (nếu chúng sanh) tương ứng với “*tương nhân chúng*” (dẫn mọi người) trong thí dụ. Từ “*dẫn văn nhất Phật thừa*” (chỉ nghe một Phật thừa) cho đến “*nãi khả đắc thành*” (mới có thể được thành tựu) tương ứng với thí dụ “*giữa đường lười nhác, thoái thất*”. Từ “*Phật tri thị tâm*” (Phật biết tâm ấy) cho tới “*thuyết nhị Niết Bàn*” (nói hai loại Niết Bàn) ứng hợp với thí dụ “*biến hóa một cái thành*”, mang ý nghĩa “*đã ra khỏi Đồng Cư, nhưng chưa đạt tới Thật Báo*”. Ở trong khoảng giữa ấy thì gọi là “*trung đạo*”. Hữu Dư và Vô Dư thì gọi là “*nhị Niết Bàn*”, đó cũng là sở chứng của hai hạng Thanh Văn và Duyên Giác. Từ “*nhược chúng sanh trụ u nhị địa*” (nếu chúng sanh trụ nơi hai địa vị [Thanh Văn và Duyên Giác]) trở đi, ứng hợp với thí dụ “*diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu*”.

Phần thứ nhất, “kết hợp [thí dụ] với pháp” đã xong.

7.1.3.2.2.2. Nhắc lại thí dụ để kết hợp chặt chẽ với pháp

(*Kinh*) *Như bỉ đạo sư, vị chỉ tức cố, hóa tác đại thành. Ký tri tức dĩ, nhi cáo chi ngôn: “Bảo xứ tại cận, thử thành phi thật, ngã hóa tác nhĩ”*.

(經)如彼導師，為止息故，化作大城。既知息已，而告之言：「寶處在近。此城非實。我化作耳」。

(Kinh: Như người dẫn đường kia, vì nghỉ ngơi bèn hóa ra một tòa thành lớn. Đã biết [mọi người] nghỉ xong, bèn bảo rằng: “Chỗ có của báu gần đây, thành này chẳng thật, do ta hóa ra đó thôi”).

Hóa ra thành lớn tương ứng khít khao với chuyện thực thì tam thừa. “*Bảo xứ tại cận*” (Chỗ có của báu ở gần đây) ứng hợp với chuyện hiển nhất (hiển thị Nhất Thừa).

Phần thứ nhất, “trần thuật cận kề” đã xong.

7.2. Trùng tụng

7.2.1. Trùng tụng nguyên do kết duyên

7.2.1.1. Trùng tụng nguyên do xa

7.2.1.1.1. Trùng tụng chuyện Đại Thông Trí Thắng thành Phật

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Đại Thông Trí Thắng Phật, thập kiếp tọa đạo tràng, Phật pháp bất hiện tiền, bất đắc thành Phật đạo. Chư thiên thần, long vương, A Tu La đẳng chúng, thường vũ ư thiên hoa, dĩ cúng dường bỉ Phật. Chư thiên kích thiên cổ, tịnh tác chúng kỹ nhạc. Hương phong xuy ủy hoa, cánh vũ tân hảo giá. Quá thập tiểu kiếp dĩ, nãi đắc thành Phật đạo. Chư thiên cập thế nhân, tâm giai hoài dĩng dục. Bỉ Phật thập lục tử, giai dĩ kỳ quyến thuộc, thiên vạn ức vi nhiều, câu hành chí Phật sở. Đầu diện lễ Phật túc, nhi thỉnh chuyển pháp luân. Thánh sư tử pháp vũ, sung ngã cập nhất thiết.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「大通智勝佛，十劫坐道場，佛法不現前，不得成佛道。諸天神龍王，阿修羅等眾，常雨於天華，以供養彼佛。諸天擊天鼓，并作眾伎樂。香風吹萎華，更雨新好者。過十小劫已，乃得成佛道。諸天及世人，心皆懷踴躍。彼佛十六子，皆與其眷屬，千萬億圍繞，俱行至佛所。頭面禮佛足，而請轉法輪。聖師子法雨，充我及一切。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đại Thông Trí Thắng Phật, mười kiếp ngồi đạo tràng,

Phật pháp chẳng hiện tiền, chẳng được thành Phật đạo. Các thiên thần, long vương, chúng A Tu La thấy, thường tuôn mưa hoa trời, để cúng dường Phật ấy. Chư thiên gióng trống trời, và tấu các kỹ nhạc. Gió thơm cuốn hoa héo, lại mưa hoa mới đẹp. Đã qua mười kiếp rồi, bèn được thành Phật đạo. Chư thiên và người đời, đều ôm lòng hớn hởi. Mười sáu người con Phật, cùng với quyến thuộc mình, ngàn vạn ức vây quanh, đều đi tới chỗ Phật. Đầu mặt lễ chân Phật, để thỉnh chuyển pháp luân: - Thánh sư tử mưa pháp, lợi con và hết thấy).

Ba bài kệ đầu, trùng tụng chuyện thứ hai [trong thí dụ, tức là] chuyện trước khi [Đại Thông Trí Thắng Phật] thành đạo. Bài kệ kế tiếp, trùng tụng chuyện thứ ba, tức là chuyện khi Ngài đã thành đạo. Bài tụng thứ năm trùng tụng chuyện thỉnh chuyển pháp luân và chuyện thứ tư là “quyến thuộc cúng dường”. Lược đi không trùng tụng chuyện thứ nhất là “thọ mạng của Phật dài lâu”.

7.2.1.1.2. Trùng tụng mười phương Phạm vương thỉnh pháp

7.2.1.1.2.1. Trùng tụng chuyện oai quang chiếu rọi, chấn động Phạm cung

(Kinh) Thế Tôn thậm nan trị, cứu viễn thời nhất hiện, vị giác ngộ quần sanh, chấn động u nhất thiết.

(經)世尊甚難值，久遠時一現，為覺悟群生，震動於一切。

(Kinh: Thế Tôn rất khó gặp, đã lâu xa mới hiện, vì giác ngộ quần sanh, bèn chấn động hết thấy).

7.2.1.1.2.2. Trùng tụng chuyện Phạm vương đến cầu thỉnh

(Kinh) Đông phương chư thế giới, ngũ bách vạn ức quốc, Phạm cung điện quang diệu, tích sở vị tăng hữu. Chư Phạm kiến thử tướng, tầm lai chí Phật sở, tán hoa dĩ cúng dường, tịnh phụng thượng cung điện. Chư Phật chuyển pháp luân, dĩ kệ nhi tán thán. Phật tri thời vị chí, thọ thỉnh, mặc nhiên tọa. Tam phương, cập tứ duy, thượng hạ diệc phục nhĩ. Tán hoa, phụng cung điện, thỉnh Phật chuyển pháp

luân. Thế Tôn thậm nan trị, nguyện dĩ bốn từ bi, quảng khai cam lộ môn, chuyển vô thượng pháp luân.

(經)東方諸世界，五百萬億國，梵宮殿光曜，昔所未曾有。諸梵見此相，尋來至佛所，散華以供養，并奉上宮殿。諸佛轉法輪，以偈而讚歎。佛知時未至，受請默然坐。三方及四維，上下亦復爾。散華奉宮殿，請佛轉法輪。

世尊甚難值，願以本慈悲，廣開甘露門，轉無上法輪。

(Kinh: Phương Đông các thế giới, năm trăm vạn ức cõi, cung Phạm thiên chói ngời, xưa kia chưa từng có. Phạm thiên thấy tướng ấy, tìm đến chỗ đức Phật. Rải hoa để cúng dường, và dâng lên cung điện. Chư Phật chuyển pháp luân, dùng kệ để tán thán. Phật biết chưa tới lúc, nhận thỉnh, ngồi yên lặng. Ba phương và bốn góc, trên dưới cũng như thế. Rải hoa, dâng cung điện, thỉnh Phật chuyển pháp luân. Thế Tôn rất khó gặp, nguyện rủ lòng từ bi, mở rộng cửa cam lộ, chuyển pháp luân vô thượng).

Ba bài kệ đầu tiên trùng tụng phương Đông; hai bài kệ sau, trùng tụng chung chín phương.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nguyên do xa” đã xong.

7.2.1.2. Trùng tụng nguyên do gần

7.2.1.2.1. Trùng tụng chuyển bán tự pháp luân

(Kinh) Vô lượng huệ Thế Tôn, thọ bĩ chúng nhân thỉnh, vị tuyên chủng chủng pháp, Tứ Đế, thập nhị duyên, Vô Minh chí lão tử, giai tùng sanh duyên hữu. Như thị chúng quá hoạn, như đẳng ưng đương tri. Tuyên sướng thị pháp thời, lục bách vạn ức cai, đắc tận chư khổ tế, giai thành A La Hán. Đề nghị thuyết pháp thời, thiên vạn Hằng sa chúng, ư chư pháp bất thọ, diệt đắc A La Hán. Tùng thị hậu đắc đạo, kỳ số vô hữu lượng, vạn ức kiếp toán số, bất năng đắc kỳ biên.

(經)無量慧世尊，受彼眾人請，為宣種種法，四諦十二緣，無明至老死，皆從生緣有。如是眾過患，汝等應當

**知。宣暢是法時，六百萬億垓，得盡諸苦際，皆成阿羅漢。
。第二說法時，千萬恆沙眾，於諸法不受，亦得阿羅漢。
從是後得道，其數無有量，萬億劫算數，不能得其邊。**

(Kinh: Thế Tôn vô lượng huệ, nhận lời mọi người thỉnh, tuyên nói các loại pháp, Từ Đế, mười hai duyên: Vô Minh đến lão tử, từ sanh duyên mà có. Các lỗi hại như thế, các người hãy nên biết. Lúc tuyên dương pháp ấy, sáu trăm vạn ức cai²⁹⁹, hết sạch các nỗi khổ, đều thành A La Hán. Hội thuyết pháp thứ hai, ngàn vạn Hằng sa chúng, đối các pháp chẳng thọ, cũng thành A La Hán. Từ sau đó đặc đạo, số lượng chẳng ngần mé, vạn ức kiếp tính toán, chẳng biết nổi chừng hạn).

Nửa bài kệ đầu trùng tụng chuyện Phật thọ thỉnh. Nửa phần sau bài kệ, trùng tụng chuyện chuyển pháp luân. Ba bài kệ sau đó, trùng tụng chuyện nghe pháp đặc đạo. Nói “Vô Minh chí lão tử, giai tùng sanh duyên hữu”, tức là nói Vô Minh là sanh duyên của Hành, Hành là sanh duyên của Thức, cho đến Sanh là sanh duyên của Lão, Tử. Biết lỗi hại của chúng thì hãy nên dùng sức quán trí để diệt Vô Minh. Do cái này diệt cho nên cái kia diệt.

²⁹⁹ Cai (垓) theo cách tính đếm của Trung Hoa cổ, chính là một vạn vạn (đây là cách hiểu con số nhỏ nhất). Từ điển Khang Hy giảng: “Mười triệu là một Kinh, mười Kinh là một Cai”. Theo thuật toán thời cổ, các con số lớn tại Trung Hoa là Vạn, Ưc, Triệu, Kinh, Cai, Tỷ, Nhượng, Câu, Giản, Chánh, Tái. Các con số này lại có bốn cách tính:

- Hạ số: Mỗi số sau gấp 10 lần số trước. Như vậy, một Vạn là mười ngàn, một Ưc là mười vạn, một Triệu là một trăm vạn, một Kinh là một ngàn vạn, một Cai là một vạn vạn...

- Vạn tấn: Tức là mỗi số sau bằng một vạn lần số trước, tức là một Vạn là mười ngàn, một Ưc là một Vạn Vạn, một Triệu là một vạn vạn vạn, một Kinh là một vạn vạn vạn vạn, một Cai là một vạn vạn vạn vạn vạn (10^{20})...

- Trung số: Một Ưc là một vạn vạn, sau đó, kể từ Ưc, mỗi số sau đó là một vạn vạn lần số trước. Do vậy, một Triệu là một vạn vạn vạn vạn (10^{16}). Bởi vậy, một Cai là 10^{32} (sau số 1 là 32 con số 0)...

- Thượng số: Mỗi số sau là lũy thừa hai của số trước. Một Vạn là mười ngàn, một Ưc là một vạn vạn, một Triệu là một vạn vạn vạn vạn (10^{16}), một Kinh là 10^{32} , một Cai là 10^{64} .

Không rõ ở đây dùng Cai theo ý nghĩa nào.

7.2.1.2.2. Trùng tụng chuyển pháp luân phế bán giáo, nói mãn giáo

(Kinh) Thời thập lục vương tử, xuất gia tác sa-di, giai cộng thỉnh bĩ Phật, diễn thuyết Đại Thừa pháp: “Ngã đẳng cập doanh tụng, giai đương thành Phật đạo. Nguyên đắc như Thế Tôn, huệ nhân đệ nhất tịnh”. Phật tri đồng tử tâm, tức thể chỉ sở hành, dĩ vô lượng nhân duyên, chủng chủng chư thí dụ, thuyết Lục Ba La Mật, cập chư thần thông sự, phân biệt chân thật pháp. Bồ Tát sở hành đạo, thuyết thị Pháp Hoa kinh, như Hằng hà sa kệ. Bĩ Phật thuyết kinh dĩ, tinh thất nhập Thiền Định, nhất tâm nhất xứ tọa, bát vạn tứ thiên kiếp.

(經)時十六王子，出家作沙彌，皆共請彼佛，演說大乘。乘法：「我等及營從，皆當成佛道。願得如世尊，慧眼第一淨」。佛知童子心，宿世之所行，以無量因緣，種種諸譬喻，說六波羅蜜，及諸神通事，分別真實法。菩薩所行道，說是法華經，如恆河沙偈。彼佛說經已，靜室入禪定，一心一處坐，八萬四千劫。

(Kinh: Mười sáu vương tử ấy, xuất gia làm sa-di, đều cùng thỉnh Phật ấy, diễn nói pháp Đại Thừa: “Chúng con và quyến thuộc, sẽ đều thành Phật đạo. Nguyên được như Thế Tôn, huệ nhân sạch bậc nhất”. Phật biết tâm đồng tử, các hạnh trong đời trước, dùng vô lượng nhân duyên, cùng các thứ thí dụ, nói Lục Ba La Mật, và các chuyện thần thông, phân biệt pháp chân thật. Đạo Bồ Tát đã hành, nói kinh Pháp Hoa này, kệ như cát sông Hằng. Phật ấy nói kinh xong, tinh thất nhập Thiền Định, nhất tâm ngồi một chỗ³⁰⁰, tám vạn bốn ngàn kiếp).

Hai câu đầu, trùng tụng chuyện thứ nhất “các con xuất gia”. Sáu câu kế tiếp, trùng tụng chuyện thứ hai là “thỉnh pháp”. Lược đi, chẳng trùng tụng chuyện thứ ba, tức “những người được dẫn theo cũng xuất gia”, chỉ dùng hai chữ “doanh tụng” (những kẻ đi theo) để bao gồm. Hai

³⁰⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Quán Tam Đế* viên dung, tâm chẳng duyên theo điều nào khác, cho nên nói là ‘nhất tâm’. Sáu căn và sáu trần hợp thành mười hai xứ. Do căn và trần cùng mất, nên gọi là Nhất Xứ. Lại nữa, ý nghiệp bất động là nhất tâm, thân nghiệp bất động là nhất xứ”.

bài kệ từ chữ “*Phật tri*” (Phật biết) trở đi, trùng tụng chuyện thứ tư, “[Đại Thông Trí Thắng Phật] thọ thỉnh (chấp thuận lời thỉnh cầu chuyển pháp luân của đại chúng) trong hai vạn kiếp”. Trước hết, nói Phương Đăng, Bát Nhã. Hai câu kệ tiếp, trùng tụng “chấp nhận lời thỉnh, nói kinh Pháp Hoa”. Lược đi không trùng tụng chuyện thứ năm “có kẻ hiểu và chẳng hiểu” và chuyện thứ sáu là “thời tiết” (thời gian nói kinh bao lâu). Bài kệ cuối cùng trùng tụng chuyện thứ bảy “nói xong liền nhập Định”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nguyên do kết duyên” đã xong.

7.2.2. Trùng tụng chuyện kết duyên

7.2.2.1. Trùng tụng pháp thuyết

7.2.2.1.1. Trùng tụng chuyện cùng nhau kết duyên từ xưa

(Kinh) Thị chư sa-di đẳng, tri Phật Thiên vị xuất, vị vô lượng ức chúng, thuyết Phật vô thượng huệ. Các các tọa pháp tòa, thuyết thị Đại Thừa kinh. Ư Phật yển tịch hậu, tuyên dương trợ pháp hóa. Nhất nhất sa-di đẳng, sở độ chư chúng sanh, hữu lục bách vạn ức, Hằng hà sa đẳng chúng.

(經)是諸沙彌等，知佛禪未出，為無量億眾，說佛無上慧。各各坐法座，說是大乘經。於佛宴寂後，宣揚助法化。——沙彌等，所度諸眾生，有六百萬億，恆河沙等 眾

。

(Kinh: Các vị sa-di ấy, biết Phật chưa xuất Thiên, vì vô lượng ức chúng, nói Phật vô thượng huệ. Mỗi vị ngồi pháp tòa, nói kinh Đại Thừa này. Sau khi Phật xả Thiên, tuyên dương giúp pháp hóa. Mỗi một vị sa-di, hóa độ các chúng sanh, có sáu trăm vạn ức, đông như cát sông Hằng).

7.2.2.1.2. Trùng tụng chuyện gặp gỡ trong khoảng giữa

(Kinh) Bỉ Phật diệt độ hậu, thị chư văn pháp giả, tại tại chư Phật độ, thường dữ sư câu sanh.

(經)彼佛滅度後，是諸聞法者，在在諸佛土，常與師俱生。

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, những người nghe pháp ấy, trong khắp các cõi Phật, thường sanh cùng với thầy).

7.2.2.1.3. Trùng tụng hiện thời vẫn nói Pháp Hoa

7.2.2.1.3.1. Dung hội xưa nay

(Kinh) Thị thập lục sa-di, cụ túc hành Phật đạo, kim hiện tại thập phương, các đắc thành Chánh Giác. Nhĩ thời, văn pháp giả, các tại chư Phật sở. Kỳ hữu trụ Thanh Văn, tiêm giáo dĩ Phật đạo. Ngã tại thập lục số, tăng diệc vị nhữ thuyết. Thị cố dĩ phương tiện, dẫn nhữ thú Phật huệ.

(經)是十六沙彌，具足行佛道，今現在十方，各得成正覺。爾時聞法者，各在諸佛所。其有住聲聞，漸教以佛道。我在十六數，曾亦為汝說。是故以方便，引汝趣佛 慧

。

(Kinh: Mười sáu sa-di ấy, hành Phật đạo trọn đủ, nay đang ở mười phương, đều được thành Chánh Giác. Lúc đó, người nghe pháp, đều ở chỗ chư Phật. Có người trụ Thanh Văn, dần dần dạy Phật đạo. Ta thuộc số mười sáu, cũng từng vì ông nói. Vì thế, dùng phương tiện, dẫn ông nhập Phật huệ).

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng chuyện xưa và nay của thầy (mười sáu vị vương tử). Bài kệ thứ hai, chỉ trùng tụng đệ tử xưa và nay trong hiện tại. Lược đi chẳng trùng tụng các đệ tử trong vị lai.

7.2.2.1.3.2. Nêu rõ “vẫn nói Pháp Hoa”

(Kinh) Dĩ thị bốn nhân duyên, kim thuyết Pháp Hoa kinh, linh nhữ nhập Phật đạo, thậm vật hoài kinh cụ.

(經)以是本因緣，今說法華經，令汝入佛道，慎勿懷驚懼。

(Kinh: Do bởi nhân duyên ấy, nay nói kinh Pháp Hoa, khiến ông nhập Phật đạo, cẩn thận, đừng kinh sợ).

Chỉ trùng tụng “do đúng thời nên nói”, lược đi không trùng tụng giải thích ý nghĩa “mở ra ba thừa”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Pháp Thuyết” đã xong.

7.2.2.2. Trùng tụng Thí Thuyết

7.2.2.2.1. Lập thí dụ

7.2.2.2.1.1. Trùng tụng thí dụ về người hướng dẫn

(Kinh) Thí như hiểm ác đạo, huýnh tuyệt đa độc thú, hựu phục vô thủy thảo, nhân sở bố úy xứ. Vô số thiên vạn chúng, dục quá thử hiểm đạo. Kỳ lộ thậm khoáng viễn, kinh ngũ bách do-tuần. Thời hữu nhất đạo sư, cường thức hữu trí huệ, minh liễu tâm quyết định, tại hiểm tế chúng nạn.

(經)譬如險惡道，迴絕多毒獸，又復無水草，人所怖畏處。無數千萬眾，欲過此險道。其路甚曠遠，經五百由旬。時有一導師，強識有智慧，明了心決定，在險濟眾 難

。

(Kinh: Ví như đường hiểm ác, hoang vắng, nhiều thú độc, lại chẳng có nước, cỏ, là chỗ người sợ hãi. Vô số ngàn vạn người, muốn vượt đường hiểm ấy. Đường ấy rất dài xa, trải năm trăm do-tuần. Có một vị dẫn đường, hiểu rộng, có trí huệ, sáng suốt, tâm quyết định, cứu nạn trong chốn hiểm).

Phân Trường Hàng nói “khoáng tuyệt, vô nhân” (hoang vu, không có người), nay kệ tụng nói “huýnh tuyệt đa độc thú” (hoang vắng, nhiều thú độc). “Người” là sánh ví Bồ Đề Niết Bàn, “thú” là sánh ví phiền não sanh tử.

Thú đã nhiều lại có độc, chính là vì căn cơ Tiểu Thừa Kiên Tu Hoặc nặng nề, ngũ trược chướng sâu đậm, chẳng thể đi trên đường thẳng to lớn. “*Nước*” là sánh ví Thiên Định, “*thảo*” sánh ví trí huệ. Hai câu từ chữ “*cường thức*” (hiều rộng) trở đi, trùng tụng ý “*thông huệ minh đạt*”. Câu “*tại hiểm*” trùng tụng ý khéo biết tướng thông tắc của đường hiểm. Những điều khác dễ hiểu!

7.2.2.2.1.2. Trùng tụng thí dụ những người được hướng dẫn

7.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng những người được hướng dẫn giữa đường lười nhác, lui sụt

7.2.2.2.1.2.1.1. Trùng tụng chuyện mọi người thoái thất Đại Thừa

(Kinh) Chúng nhân giai bì quyện, nhi bạch đạo sư ngôn: “Ngã đẳng kim đồn pháp, ư thử dục thoái hoàn”.

(經)眾人皆疲倦，而白導師言：「我等今頓乏，於此欲退還」。

(Kinh: Mọi người đều mệt mỏi, thưa cùng người hướng dẫn: “Chúng tôi nay kiệt quệ, do vậy muốn lui về”).

7.2.2.2.1.2.1.2. Trùng tụng người hướng dẫn dùng Tiểu pháp để tiếp dẫn

7.2.2.2.1.2.1.2.1. Lập phương tiện để hóa độ

(Kinh) Đạo sư tác thị niệm: “Thử bối thậm khả mẫn, như hà dục thoái hoàn, nhi thất đại trân bảo?” Tầm thời tư phương tiện, đương thiết thân thông lực, hóa tác đại thành quách, trang nghiêm chư xá trạch. Châu táp hữu viên lâm, cừ lưu cập dục trì. Trùng môn, cao lâu các. Nam nữ giai sung mãn. Tức tác thị hóa dĩ, ỷ chúng ngôn vật cụ: “Nhữ đẳng nhập thử thành, các khả tùy sở nhạo”.

(經)導師作是念：「此輩甚可憊，如何欲退還，而失大珍寶？」尋時思方便，當設神通力，化作大城郭，莊嚴諸舍宅。周匝有園林，渠流及浴池。重門高樓閣。男女皆充滿。卽作是化已，慰眾言勿懼：「汝等入此城，各可隨所樂」。

(Kinh: Người dẫn đường nghĩ rằng: “Bọn này rất đáng thương, có sao muốn lui về, đánh mất trân bảo lớn?” Lập tức nghĩ phương tiện, nên dùng sức thần thông, hóa ra thành quách lớn, trang nghiêm các nhà cửa. Chung quanh có vườn rừng. Khe suối và ao tắm. Cửa nhiều tầng, lầu cao. Nam nữ đều đông đảo. Biến hóa như thế xong, an ủi bảo đừng sợ: “Các người vào thành này, đều thuận lòng ưa thích”).

Trong là thành, ngoài là quách, ví như hai loại Niết Bàn Hữu Dư và Vô Dư. “Xá” ví như sanh duyên từ bi của Nhị Thừa, “trạch” ví như sanh không trí cảnh của Nhị Thừa. “Viên lâm” (Vườn rừng) ví như rừng pháp tổng trì vô lậu của Nhị Thừa. “Cửu lưu” (Khe suối) ví như Cửu Thứ Đệ Định. “Dục trì” (Ao tắm) ví như bát giải thoát. “Trùng môn” (Cửa nhiều tầng) ví như ba cửa tam-muội “Không, Vô Tướng, Vô Nguyên”, cũng sánh ví trùng Không tam-muội của Nhị Thừa, tức là Sanh Không và Pháp Không, cho đến vô nguyên cũng chẳng nguyên (chẳng giống với Nhị Không của Đại Thừa). “Cao lâu các” (Lầu gác cao) ví như Tận Trí và Vô Sanh Trí vượt khỏi tam giới. “Nam” ví như trí huệ, “nữ” ví như Thiền Định.

Giải thích theo quán tâm, trí thể trọn đủ như thành, thiện pháp trọn đủ như quách. Tất Cánh Không là “xá trạch”. Tánh có đủ vạn hạnh là “viên lâm”. Chín loại đại Thiên là “cửu lưu, dục trì”. Sanh Không và Pháp Không là “trùng môn”. Nhất tâm tam trí là “cao lâu các”. Trục thiện có thể trở thành tự hành, như nam có thể làm chủ gia đình. Từ bi có thể hóa độ người khác bên ngoài, như nữ thì kết hôn với người ngoài (giải thích sự giáo hóa theo sự quán tâm thì cũng thông bốn giáo, nay chỉ xét theo Viên Giáo).

7.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng sự hoan hỷ tiến nhập

(Kinh) Chư nhân ký nhập thành, tâm giai đại hoan hỷ, giai sanh an ổn tưởng, tự vị dĩ đắc độ.

(經)諸人既入城，心皆大歡喜，皆生安隱想，自謂已得度。

(Kinh: Mọi người đã vào thành, tâm đều hoan hỷ lớn, sanh ý tưởng an ổn, tự cho đã đắc độ).

Phần thứ nhất, trùng tụng “người được hướng dẫn giữa đường lười nhác, thoái thất” đã xong.

7.2.2.2.1.3. Trùng tụng diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu

(Kinh) Đạo sư tri tức dĩ, tập chúng nhi cáo ngôn: “Nhữ đẳng đương tiền tiến, thử thị hóa thành nhĩ. Ngã kiến nhữ bì cực, trung lộ dục thoái hoàn. Cố dĩ phương tiện lực, quyền hóa tác thử thành. Nhữ kim cần tinh tấn, đương cộng chí bảo sở”.

(經)導師知息已，集眾而告言：「汝等當前進，此是化城耳。我見汝疲極，中路欲退還。故以方便力，權化作此城。汝今勤精進，當共至寶所」。

(Kinh: Người hướng dẫn đã biết, nhóm chúng để bảo rằng: “Các người nên tiến lên, đây là hóa thành thôi. Ta thấy người mệt mỏi, giữa đường muốn lui về. Nên dùng sức phương tiện, quyền biến hóa thành này. Người nay siêng tinh tấn, nên cùng đến chỗ báu”).

Phần thứ nhất, trùng tụng “lập thí dụ” đã xong.

7.2.2.2.2. Trùng tụng nhằm kết hợp thí dụ với pháp

7.2.2.2.2.1. Phần kết hợp chánh yếu

7.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng kết hợp thí dụ “người hướng dẫn” với pháp

(Kinh) Ngã diệc phục như thị, vi nhất thiết đạo sư.

(經)我亦復如是，為一切導師。

(Kinh: Ta cũng giống như thế, đạo sư của hết thầy).

7.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ “hướng dẫn” với pháp

(Kinh) Kiến chư cầu đạo giả, trung lộ nhi giải phế, bất năng độ sanh tử, phiến não chư hiểm đạo. Cố dĩ phương tiện lực, vị tức thuyết Niết Bàn. Ngôn nhữ đẳng khổ diệt, sở tác giai dĩ biện. Ký tri đáo Niết Bàn, giai đắc A La Hán, nhĩ nãi tập đại chúng, vị thuyết chân thật pháp: Chư Phật phương tiện lực, phân biệt thuyết tam thừa, duy hữu nhất Phật thừa, tức xứ cố thuyết nhị. Kim vị nhữ thuyết thật, nhữ sở

đắc phi diệt, vị Phật nhất thiết trí, đương phát đại tinh tấn. Nhữ chứng Nhất Thiết Trí, Thập Lực đẳng Phật pháp, cụ tam thập nhị tướng, nãi thị chân thật diệt.

(經)見諸求道者，中路而懈廢，不能度生死，煩惱諸險道。故以方便力，為息說涅槃。言汝等苦滅，所作皆已辦。既知到涅槃，皆得阿羅漢，爾乃集大眾，為說真實法：「諸佛方便力，分別說三乘，唯有一佛乘，息處故說二。今為汝說實，汝所得非滅，為佛一切智，當發大精進。汝證一切智，十力等佛法，具三十二相，乃是真實滅」。

(Kinh: Thấy các người cầu đạo, giữa đường bèn lười bỏ, chẳng thể vượt sanh tử, các đường hiểm phiền não. Nên dùng sức phương tiện, vì nghỉ nói Niết Bàn. Nói “các người diệt khổ, việc làm đã hoàn thành”. Đã biết đến Niết Bàn, đều đắc A La Hán, bèn nhóm họp đại chúng, giảng nói pháp chân thật: - Sức phương tiện chư Phật, phân biệt nói tam thừa. Chỉ có một Phật thừa, do nghỉ nên nói hai. Nay vì người nói thật, sở đắc chẳng phải diệt, vì Phật Nhất Thiết Trí, hãy phát tinh tấn lớn. Người chứng Nhất Thiết Trí, Thập Lực, các Phật pháp, đủ ba mươi hai tướng, mới là diệt chân thật).

Câu thứ nhất, trùng tụng pháp tương ứng với những người được hướng dẫn. Ba câu kế, trùng tụng pháp tương ứng với thí dụ “giữa đường lười nhác, lui sụt”. Bài kệ kế đó trùng tụng pháp tương ứng với thí dụ “diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu”. “Tam thừa” là xét theo các Quyền hạnh có thể dẫn đến [Quyền lý]. “Hai” tức là Quyền lý được [các Quyền hạnh] dẫn đến, chính là Hữu Dư và Vô Dư [Niết Bàn], mà cũng là hai thứ quả chứng của Thanh Văn và Duyên Giác. Nhất Thiết Trí là Bát Nhã. “Ba mươi hai tướng” là Pháp Thân. “Chân thật diệt” là giải thoát. Tam Đức chẳng dọc, chẳng ngang, tức là tạng bí mật của Như Lai. Lại nữa, Nhất Thiết Trí chính là Thức trong pháp tánh. Thập Lực v.v... chính là Thọ, Tưởng, Hành trong pháp tánh. “Ba mươi hai tướng” chính là Sắc trong pháp tánh, đạt được “thường, lạc, ngã, tịnh” rốt ráo nơi Ngũ Âm trong pháp tánh, cho đến hết đời vị lai chẳng sanh, chẳng diệt. Vì thế

gọi là “chân thật diệt”. Há giống như so đo hư vọng và hồi đoạn của Nhị Thừa, vẫn phải hứng chịu Biến Dịch sanh tử ư?

Phần thứ nhất, “phần kết hợp chánh yếu pháp với thí dụ” đã xong!

7.2.2.2.2. Trùng tụng nhắc lại thí dụ để kết hợp với pháp

(Kinh) Chư Phật chỉ đạo sư, vị tức thuyết Niết Bàn. Ký tri thị tức dĩ, dẫn nhập ư Phật huệ.

(經)諸佛之導師，為息說涅槃。既知是息已，引入於佛慧」。

(Kinh: Chư Phật là đạo sư, vì nghỉ nói Niết Bàn. Đã biết là nghỉ rồi, dẫn nhập vào Phật huệ).

Hai câu đầu, kết hợp với pháp khít khao chuyện thực hiện Quyền. Hai câu kế đó, kết hợp khít khao với pháp chuyện hiển Thật.

Phần thứ ba, nói nhân duyên trong Nhân Duyên Thuyết Châu đã xong. Giải thích phẩm Hóa Thành Dụ cũng xong; kế đó, giải thích phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký.

8. Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký Phẩm Đệ Bát

五百弟子受記品第八

Phẩm thứ tám: Năm trăm đệ tử được thọ ký

Phẩm này thọ ký cho một ngàn hai trăm vị, nhưng chỉ nêu ra năm trăm vị. Năm trăm vị được thọ ký cùng một danh hiệu, năm trăm vị ấy thừa trình sự lãnh giải.

*** Nhân duyên thuyết châu: Thọ ký cho hạ căn**

Phẩm này thọ ký cho một ngàn hai trăm vị, phẩm sau là phẩm Thọ Học Vô Học Ký, thọ ký cho hai ngàn vị.

8.1. Thọ ký cho một ngàn hai trăm vị đệ tử

8.1.1. Thọ ký cho Mãn Từ Tử

8.1.1.1. Trần thuật ngài Mãn Từ Tử lặng yên lãnh ngộ

8.1.1.1.1. Trần thuật Ngài tự lãnh ngộ, hoan hỷ

(Kinh) Nhữ thời, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử từ Phật văn thí trí huệ phương tiện, tùy nghi thuyết pháp. Hữu văn thọ chư đại đệ tử A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, phục văn tức thể nhân duyên chi sự, phục văn chư Phật hữu đại tự tại thần thông chi lực, đắc vị tăng hữu, tâm tịnh, dũng được, tức từng tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, khước trụ nhất diện, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tạm xả.

(經)爾時，富樓那彌多羅尼子從佛聞是智慧方便，隨宜說法。又聞授諸大弟子阿耨多羅三藐三菩提記，復聞宿世因緣之事，復聞諸佛有自在神通之力，得未曾有，心淨，踊躍，即從座起，到於佛前，頭面禮足，卻住一面，瞻仰尊顏，目不暫捨。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử (Pūrṇa Maitrāyaṇīputra) từ đức Phật nghe phương tiện trí huệ ấy, tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp. Lại nghe thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho các đại đệ tử, lại nghe chuyện nhân duyên trong đời trước, lại nghe chư Phật có sức thần thông đại tự tại, đạt được điều chưa từng có, tâm thanh tịnh, hớn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ chân Phật, đứng qua một bên, chiêm ngưỡng tôn nhan, mắt chẳng tạm rời).

Trước hết, trần thuật nguyên do đạt được giải ngộ có bốn điều:

- Một, do nghe “khai tam, hiển nhất” trong Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu. [Nhắc đến] “trí huệ” là lãnh ngộ chuyện “hiển Thật” tại hai chỗ. Nói “*phương tiện tùy nghi*” là lãnh ngộ “*khai Quyền*” tại hai chỗ.

- Hai, nghe ngài Xá Lợi Phất và năm vị đại đệ tử v.v... được thọ ký, các vị đại đệ tử liền lãnh ngộ “*khai Quyền*”. Thọ ký Bồ Đề tức là lãnh ngộ “*hiển Thật*”.

- Ba, lại nghe nhân duyên trong đời trước. Trước kia đã dạy đạo vô thượng, tới nay vẫn còn nói Pháp Hoa. Đó là “*hiển Thật*”. “*Thường dĩ sư câu sanh, tiêm giáo dĩ Phật đạo*” (Thường sanh cùng với thầy, dần dần dùng Phật đạo để dạy) chính là “*khai Quyền*”.

- Bốn, lại nghe sức thần thông đại tự tại. Quán chuyện xa xôi trước kia giống như ngay trong hiện tại. Quyền biến lập ra hóa thành, giống như người hướng dẫn kia, cũng đều trọn đủ hai nghĩa Quyền và Thật.

Kể đó, trần thuật sự nội giải (sự hiểu biết trong tâm) và hoan hỷ. “*Đắc vị tăng hữu*” (Đạt được điều chưa từng có): Trước kia, do chưa được nghe khai Hiển, tới nay mới được nghe. “*Tâm tịnh*”: Trừ Niết Bàn ái, phá Vô Minh Hoặc. “*Dũng được*” (Hón hờ): Khai tri kiến của Phật, hoan hỷ, vui sướng to lớn. Sau đó, trần thuật lòng cung kính được thể hiện ra ngoài như trong chánh kinh đã miêu tả.

Nếu xét theo Bốn Tích, đó chính là vui mừng trước các Thật hạnh. Quán tâm thì như trong phần trước đã nói.

8.1.1.1.2. Trần thuật Ngài im lặng suy nghĩ, lãnh ngộ

(Kinh) Nhi tác thị niệm: “Thế Tôn thậm kỳ đặc, sở vi hy hữu, tùy thuận thế gian nhược can chủng tánh, dĩ phương tiện tri kiến nhi vị thuyết pháp, bạt xuất chúng sanh xứ xứ tham trước. Ngã đẳng u Phật công đức, ngôn bất năng tuyên. Duy Phật Thế Tôn năng tri ngã đẳng thâm tâm bốn nguyện”.

(經)而作是念：「世尊甚奇特，所為希有，隨順世間若干種性，以方便知見而為說法，拔出眾生處處貪著。我等於佛功德，言不能宣。唯佛世尊能知我等深心本願」

。

(Kinh: Mà nghĩ như thế này: - Đức Thế Tôn rất đặc biệt lạ lùng, việc làm hiếm có, tùy thuận bao nhiêu chủng tánh trong thế gian, dùng phương tiện tri kiến để thuyết pháp, cứu vớt chúng sanh khỏi các chỗ tham đắm. Chúng con đối với công đức của Phật chẳng thể dùng ngôn ngữ để tuyên nói được. Chỉ có Phật Thế Tôn có thể biết bốn nguyện trong thâm tâm của chúng con).

Kinh văn có hai ý:

- Một, thâm suy nghĩ lãnh ngộ.
- Kể đó, từ “*duy Phật Thế Tôn*” (chỉ Phật Thế Tôn) trở đi, [hàm ý] thâm cầu thỉnh [đức Phật sẽ] nêu rõ Tích và thọ ký.

Hỏi: - Những vị lãnh ngộ trong hai châu trước (Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu) đều thừa trình sự lãnh ngộ, nay sao [ngài Phú Lô Na] lại thăm nghĩ?

Đáp: - Trước đó là vì hạ căn chưa ngộ, đối với Sự tu (tu hành nơi phương diện sự tướng), cần phải nói rõ để khuyến nhủ, nhằm đả động [hàng hạ căn chưa ngộ sẽ phát tâm]. Nay hạ căn đã ngộ, chẳng cần phải khuyến nhủ, đả động. Vì thế, nghĩ thăm (đó là Thế Giới Tất Đàn). Hơn nữa, trong các phần trước, chỉ lãnh nhận, giải ngộ, chẳng cầu nêu rõ [sự thị hiện tu tập] nơi Tích, dầu có nói ra cũng không có vấn đề gì. Nay thì vừa tín giải, vừa cầu “phát Tích” (nêu rõ sự tu tập nơi Tích), do lãnh nhận, tín giải, cho nên suy nghĩ; do tránh chúng sanh chê gièm, cho nên “*thăm lặng*”. Im lặng suy nghĩ là [cách cư xử] thích đáng (đó là Đối Trị Tất Đàn). Hơn nữa, thăm suy nghĩ để lãnh nhận, tín giải chính là sự lãnh nhận tín giải to tát, như ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật) im lặng [khi được Văn Thù Bồ Tát hỏi về pháp môn Bất Nhị]; đó chính là chân thật nhập pháp môn Bất Nhị (đấy là Vị Nhân Tất Đàn). Lại nữa, Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn, chẳng nói năng, chẳng suy nghĩ, thế mà lại vừa nói vừa suy nghĩ. Do chẳng nói mà nói, cho nên trong phần trước dùng lời lẽ để trần thuật sự lãnh nhập tín giải. Do chẳng suy nghĩ mà suy nghĩ, cho nên nay thăm suy nghĩ để lãnh nhận, tín giải (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Hỏi: - Trong phần trước, vì lẽ nào chẳng cầu nêu rõ Tích?

Đáp: - Vì hạ căn chưa ngộ. Nay hạ căn đã hiểu, chuyện thuộc về quyền biến hóa hiện đã đầy đủ. Nếu hạ căn được nêu rõ Tích, sẽ biết trung căn và thượng căn cũng là Quyền. Nếu “*phát Tích*” trước cho thượng căn và trung căn, ắt sẽ chẳng thuận tiện cho hạ căn.

“*Thế Tôn thậm kỳ đặc, sở vi hy hữu*” (Đức Thế Tôn rất lạ lùng, đặc biệt, việc làm hy hữu): Lãnh ngộ Thật Trí. “*Tùy thuận thế gian nhược can chủng tánh, nhi vị thuyết pháp*” (Tùy thuận bao nhiêu chủng tánh trong thế gian mà vì họ thuyết pháp): Lãnh ngộ Quyền Trí. Đó chính là ngộ ý nghĩa “*khai hiển*” (khai tam, hiển nhất) trong phương tiện. “*Bạt xuất chúng sanh xứ xứ tham trước*” (Cứu vớt chúng sanh khỏi các chỗ đắm chấp): Lãnh ngộ ý nghĩa “*khai hiển*” trong nhà lửa. “*Ngã đẳng ư Phật công đức, ngôn bất năng tuyên*” (Chúng con đối với công đức của Phật chẳng thể tuyên nói): Lãnh ngộ ý nghĩa “*Như Lai lại có vô lượng công đức*” v.v... trong phẩm Dược Thảo Dụ. Trong lời thỉnh cầu phát Tích, [hàm ý] chúng con đều nghĩ thỉnh [cầu đức Phật] nêu bày Tích của mọi người. “*Thâm tâm*” tức là bồn hoài giúp Phật tuyên dương, giáo hóa suốt ba đời. “*Bổn nguyện*” vốn cầu Vô Thượng Đại Bồ

Đề. Do thâm tâm, cho nên cần phải nêu bày Tích. Do bốn nguyện, cho nên cần được thọ ký.

Phần thứ nhất, “trần thuật sự im lặng lãnh nhận tín giải” đã xong.

8.1.1.2. Như Lai trần thuật và thọ ký

8.1.1.2.1. Trường Hàng

8.1.1.2.1.1. Trần thuật Bốn Tích

8.1.1.2.1.1.1. Nêu rõ các chuyện nhân hạnh thuộc Tích [của ngài Phú Lô Na] trong thời đức Phật Thích Ca

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư tỳ-kheo: - Nhữ đẳng kiến thị Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử phủ? Ngã thường xưng kỳ u thuyết pháp nhân trung, tối vi đệ nhất, diệc thường tán kỳ chủng chủng công đức, tinh cần hộ trì, trợ tuyên ngã pháp, năng u tứ chúng thị giáo lợi hỷ, cụ túc giải thích Phật chỉ chánh pháp, nhi đại nhiều ích đồng phạm hạnh giả. Tự xả Như Lai, vô năng tận kỳ ngôn luận chi biện.

(經)爾時，佛告諸比丘：「汝等見是富樓那彌多羅尼子不？我常稱其於說法人中，最為第一，亦常歎其種種功德，精勤護持，助宣我法，能於四眾示教利喜，具足解釋佛之正法，而大饒益同梵行者。自捨如來，無能盡其言論之辯。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: - Các ông thấy ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đây chăng? Ta thường ca ngợi ông ta là bậc nhất trong những người thuyết pháp, cũng thường tán thán các thứ công đức của ông ta, siêng năng chuyên rờn hộ trì, giúp đỡ tuyên dương pháp của ta, có thể chỉ dạy khiến cho tứ chúng được lợi lạc, hoan hỷ, giải thích trọn vẹn chánh pháp của Phật, tạo lợi ích to lớn cho những người cùng hạnh thanh tịnh. Ngoài trừ Như Lai, không ai có thể thấu hiểu cùng tận biện tài ngôn luận của ông ta).

Nêu bày bằng cách nói “nhữ đẳng” (các ông) là có hai ý:

- Một, có thấy hạnh Tiểu Thừa nơi Tích của ông ta hay không?
- Hai, có thấy công đức nơi Bốn của ông ta hay không?

Mọi người chỉ thấy nơi Tích, ông ta là Thanh Văn, chẳng thể biết nơi Bồn, ông ta chính là Bồ Tát. Vì thế [đức Phật] nói “*kiến phủ*” (thấy hay không)? Từ “*ngã thường xưng kỳ*” (ta thường ca ngợi ông ta) trở đi, nêu ra Tích của ông ta. Nơi Tích thì ngài Phú Lô Na là bậc nhất trong các vị thuyết pháp. Nếu chẳng có cái gốc Pháp Thân màu nhiệm, sẽ chẳng có gì để thị hiện dấu tích thù thắng bậc nhất. Đó là nêu ra Tích để hiển lộ Bồn. Từ “*diệc thường tán kỳ*” (cũng thường tán thán ông ta) trở đi, nêu ra Bồn. Nơi Bồn, phước huệ vạn hạnh trang nghiêm; vì thế nói là “*chủng chủng*” (các thứ). Nơi Bồn, đã có các thứ công đức, có sao nơi Tích chỉ là Nhị Thừa? Đây chính là nêu ra Bồn để làm rõ Tích.

Từ “*tinh cần hộ trì*” (siêng ròng hộ trì) trở đi là giải thích Bồn và Tích. “*Trợ tuyên ngã pháp*” (Giúp tuyên dương pháp của ta) tức là nơi Tích, giúp Phật tuyên dương pháp bán mãn. Trong Tam Tạng thì Tích là ngộ Tứ Chân Đế (Tứ Thánh Đế). Đó là hộ trì, giúp tuyên dương pháp thuộc vị lạc [trong ngũ vị]. Nơi Tích thì trong thời Phương Đẳng, thị hiện hứng chịu bài xích, quả trách. Đó là hộ trì, giúp tuyên dương pháp thuộc vị sanh tô. Nơi Tích, tiếp nhận Bát Nhã, chuyển giáo Bồ Tát. Đó là hộ trì, giúp tuyên dương pháp thuộc vị thực tô. Nơi Tích, trong thời Pháp Hoa, do tam châu (Pháp Thuyết, Thí Thuyết, Nhân Duyên Thuyết) mà đắc ngộ. Đó là hộ trì, giúp đỡ tuyên dương pháp thuộc vị đề hồ. Trọn vẹn công đức Quyền và Thật, nơi Tích thì dấy lên ngũ vị, chính là giúp Phật điều phục, thuần thực chúng sanh hành theo Thật. Vì thế nói “*diệc thường tán kỳ chủng chủng công đức*” (cũng thường tán thán các thứ công đức của ông ta). “*Năng ư tứ chúng thị giáo lợi hỷ*” (Có thể chỉ dạy khiến cho tứ chúng được lợi lạc, hoan hỷ) chính là trần thuật nơi Tích, giúp Phật tuyên dương pháp môn bán tự. “*Cụ túc giải thích Phật chỉ chánh pháp*” (Giải thích trọn vẹn chánh pháp của Phật): Trần thuật nơi Tích, ngài Phú Lô Na giúp đỡ tuyên dương pháp môn bán mãn tự. “*Nhi đại nhiều ích đồng phạm hạnh*” (Mà tạo lợi ích to lớn cho những người cùng hạnh thanh tịnh) chính là giúp Phật tạo lợi ích cho các đệ tử bán giáo và mãn giáo. “*Tự xả Như Lai*” tức là những người thấp hơn Diệu Giác, sẽ đều chẳng thể biết [công đức của hàng Bồ Tát thị hiện làm Thanh Văn]. Đây chính là trần thuật công đức nơi Bồn.

8.1.1.2.1.2. Xét theo đời quá khứ để hiển thị bốn hạnh của Ngài

(Kinh) Nhữ đẳng vật vị Phú Lô Na dẫn năng hộ trì, trợ tuyên

ngã pháp, diệt u quá khứ cửu thập ức chư Phật sở, hộ trì, trợ tuyên Phật chỉ chánh pháp. U bỉ thuyết pháp nhân trung, diệt tối đệ nhất. Hựu u chư Phật sở thuyết Không pháp, minh liễu, thông đạt, đắc tứ vô ngại trí, thường năng thâm đế, thanh tịnh thuyết pháp, vô hữu nghi hoặc, cụ túc Bồ Tát thần thông chỉ lực. Tùy kỳ thọ mạng, thường tu phạm hạnh. Bỉ Phật thể nhân, hàm giai vị chi thật thị Thanh Văn, nhi Phú Lô Na dĩ tư phương tiện, nhiều ích vô lượng bách thiên chúng sanh. Hựu hóa vô lượng A-tăng-kỳ nhân, linh lập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vị tịnh Phật độ cố, thường tác Phật sự, giáo hóa chúng sanh.

(經)汝等勿謂富樓那但能護持，助宣我法，亦於過去九十億諸佛所，護持，助宣佛之正法。於彼說法人中，亦最第一。又於諸佛所說空法，明了，通達，得四無礙智，常能審諦，清淨說法，無有疑惑，具足菩薩神通之力。隨其壽命，常修梵行。彼佛世人，咸皆謂之實是聲聞，而富樓那以斯方便，饒益無量百千眾生。又化無量阿僧祇人，令立阿耨多羅三藐三菩提。為淨佛土故，常作佛事，教化眾生。

(Kinh: Các ông đừng cho rằng Phú Lô Na chỉ có thể hộ trì, giúp tuyên dương pháp của ta! Ông ta cũng ở nơi chín mươi ức vị Phật trong quá khứ, hộ trì, giúp tuyên dương chánh pháp của Phật. Trong các người thuyết pháp thuở đó, cũng là bậc nhất. Lại còn đối với pháp Không do chư Phật đã nói, đều hiểu rõ, thông đạt, đạt được tứ vô ngại trí, thường hay suy nghĩ chắc chắn, thuyết pháp thanh tịnh, chẳng có ngờ vực, trọn đủ sức thần thông của Bồ Tát. Tùy theo thọ mạng, thường tu phạm hạnh. Người đời nơi các đức Phật kia đều cho rằng ông ta thật sự là Thanh Văn, nhưng Phú Lô Na dùng phương tiện đó để lợi lạc vô lượng trăm ngàn chúng sanh. Lại còn giáo hóa vô lượng A-tăng-kỳ người, khiến họ trụ vững nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thanh tịnh cõi Phật, thường làm Phật sự, giáo hóa chúng sanh).

Hiện Bồn gồm hai nghĩa: Một là viễn Bồn, hai là cận Bồn. Viễn Bồn thăm thẳm, xa vời, khó thể tin tưởng. Vì thế, lược đi chẳng trần thuật, chỉ nói cận Bồn là chín mươi ức vị Phật. Có Túc Mạng Trí, sẽ có thể biết cận Bồn. Vì thế, nêu chuyện gần để chứng thực chuyện xa. Trong phần kinh văn nói về chín mươi ức Phật, nói cận kề [ngài Phú Lô Na] giúp Phật tuyên dương giáo pháp Quyền và Thật, điều phục chúng sanh.

“*Hộ trì trợ tuyên Phật chỉ chánh pháp*” (Hộ trì, giúp tuyên dương chánh pháp của Phật) tức là nêu chung “*Quyền và Thật đều là chánh pháp*”. “*Hựu ư Không pháp minh liễu*” (Lại còn đối với pháp Không bèn hiểu rõ): Nói riêng, giúp đỡ tuyên dương chính là vì Thật mà thực hiện Quyền, biết rõ Tích Không (thấu hiểu cái Không bằng cách phân tích, chia chẻ) chính là từ Đề Nhất Nghĩa Không mà kiến lập sai biệt, sử dụng [giáo pháp thuộc] ba vị A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã. “*Bỉ Phật thế nhân hàm giai vị chi thật thị Thanh Văn*” (Người đời trong thuở các đức Phật đó đều cho rằng [Phú Lô Na] thật sự là Thanh Văn): Thuở ấy, chưa nêu rõ Tích, chỉ nói Tam Tạng là thật chứng. Thời Phương Đẳng, [hàng Nhị Thừa] bị quở trách; thời Bát Nhã thì được [Phật lực] gia bị, được [đức Phật] sai bảo nói pháp [cho hàng Bồ Tát], [người đời] trọn chẳng biết Ngài là bậc đại Bồ Tát. “*Hựu hóa vô lượng linh lập Bồ Đề*” (Lại còn giáo hóa vô lượng [chúng sanh], khiến cho họ trụ vững nơi Bồ Đề): Tức là nói riêng về chuyện khai Quyền hiển Thật, giống như vị đề-hồ của thời Pháp Hoa trong hiện thời. Nhưng ở chỗ quá khứ chư Phật, há Ngài cũng chẳng giúp [chư Phật] tuyên dương các pháp bán, đơn, mãn v.v.. ư?

Chỉ vì đức Phật hiện tại (Phật Thích Ca) xuất hiện trong đời ngũ trước, [thuận theo cơ nghi], đáng phải nên dẫn dắt, thực hiện các việc giáo hóa bằng cách “*khai, phé, dung hội*” v.v... Vì thế, đều nói theo những điều cùng loại, chẳng hạn như quang minh chiếu qua phương Đông, ngài Văn Thù trần thuật chuyện xưa, há có phương cách nào khác? [Đấy chính là] dẫn khởi những biện pháp cùng loại vậy. Lại nữa, [dùng các pháp] đơn bán, đơn mãn để giáo hóa chẳng khó! Thực hiện “*khai, phé, dung hội*” thì mới trọn hết sự mầu nhiệm “*ứng theo bệnh mà cho thuốc*” của Như Lai.

8.1.1.2.1.1.3. Xét theo sự tu nhân của tam thế chư Phật

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Phú Lâu Na diệc ư thất Phật thuyết pháp nhân trung, nhi đắc đệ nhất. Kim ư ngã sở thuyết pháp nhân trung, diệc vi đệ nhất. Ư Hiền Kiếp trung đương lai chư Phật thuyết pháp nhân trung, diệc phục đệ nhất, nhi giai hộ trì, trợ tuyên Phật pháp, diệc ư vị lai hộ trì, trợ tuyên vô lượng vô biên chư Phật chi pháp, giáo hóa nhiều ích vô lượng chúng sanh, linh lập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị tinh Phật độ cố, thường cần tinh tấn, giáo hóa chúng sanh.

(經)諸比丘！富樓那亦於七佛說法人中，而得第一。今於我所說法人中，亦為第一。於賢劫中當來諸佛說法人中，亦復第一，而皆護持，助宣佛法，亦於未來護持，助宣無量無邊諸佛之法，教化饒益無量眾生，令立阿耨多羅三藐三菩提，為淨佛土故，常勤精進，教化眾生。

(Kinh: Đây các tỳ-kheo! Phú Lâu Na cũng là bậc nhất trong những người thuyết pháp thời bảy đức Phật. Nay trong các người thuyết pháp của ta, cũng là bậc nhất. Trong số các người thuyết pháp của đương lai chư Phật trong Hiền Kiếp, cũng là bậc nhất, đều hộ trì, giúp tuyên dương Phật pháp, cũng trong vị lai hộ trì, giúp tuyên dương pháp của vô lượng vô biên chư Phật, giáo hóa, lợi lạc vô lượng chúng sanh, khiến cho họ trụ vững nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì thanh tịnh cõi Phật, thường siêng năng, tinh tấn giáo hóa chúng sanh).

Cũng phỏng theo trên đây mà giúp tuyên dương các pháp bán tự và mãn tự thuộc ngũ vị, lợi ích Đại, Tiểu.

Phần thứ nhất, “trần thuật Bốn Tích” đã xong.

8.1.1.2.1.2. Truyền trao thọ ký

8.1.1.2.1.2.1. Nêu rõ nhân viên, quả mãn

(Kinh) Tiệm tiệm cụ túc Bồ Tát chi đạo, quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, đương ư thử độ, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hiệu viết Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh

(Kinh: Dần dần trọn đủ đạo Bồ Tát, sau vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sẽ ở trong cõi này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Pháp Minh³⁰¹ (Dharmaprabhāsa) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

680

báu đầy ắp trong đó. Cung điện của chư thiên ở gần trên hư không, trời người giao tiếp, đôi bên trông thấy nhau).

“Địa bình như chưởng” (Đất bằng phẳng như lòng bàn tay): Có người nói: “Đáy biển có đá gọi là Chưởng. Đá ấy không có chỗ nào to bằng một vi trần mà chẳng bằng phẳng”. Có người nói: “Kinh Hiền Kiếp nói rõ [“bình như chưởng”] tức là như lòng bàn tay của đức Phật, chẳng phải là nói tới lòng bàn tay của con người”.

8.1.1.2.1.2.2.2. Thuần là thiện đạo

(Kinh) Vô chư ác đạo, diệt vô nữ nhân. Nhất thiết chúng sanh giai dĩ hóa sanh, vô hữu dâm dục.

(經)無諸惡道，亦無女人。一切眾生皆以化生，無有淫欲。

(Kinh: Không có các ác đạo, cũng chẳng có nữ nhân. Hết thấy chúng sanh đều là hóa sanh, chẳng có dâm dục).

Có nữ nhân mà chẳng có ác đạo, như cõi của A Súc Phật: Tuy có nữ nhân mà chẳng có chuyện thuộc nữ giới. Nay thì ác đạo và nữ nhân đều chẳng có thì như cõi A Di Đà, thanh tịnh bậc nhất.

8.1.1.2.1.2.2.3. Trời, người phước huệ trọn đủ

(Kinh) Đắc đại thần thông. Thân xuất quang minh, phi hành tự tại. Chí niệm kiên cố, tinh tấn, trí huệ. Phổ giai kim sắc, tam thập nhị tướng, nhi tự trang nghiêm. Kỳ quốc chúng sanh, thường dĩ nhĩ thực: Nhất giả, pháp hỷ thực. Nhị giả, Thiên duyệt thực.

(經)得大神通。身出光明，飛行自在。志念堅固，精進，智慧。普皆金色，三十二相，而自莊嚴。其國眾生，常以二食：一者、法喜食。二者、禪悅食。

(Kinh: Đạt được thần thông to lớn. Thân tỏa quang minh, bay đi tự tại. Chí niệm kiên cố, tinh tấn, trí huệ. [Người trong cõi ấy, thân] đều là sắc vàng, ba mươi hai tướng để tự trang nghiêm. Chúng sanh trong

cồi ấy thường dùng hai món ăn: Một là pháp hỷ thực, hai là Thiền duyệt thực).

Nghe Pháp hoan hỷ vun bồi huệ mạng thì gọi là “*pháp hỷ thực*”. Nhập Thiền vui sướng, dùng điều này để gìn giữ Pháp Thân, thì gọi là “*Thiền duyệt thực*”, chẳng cần thức ăn phần đoạn!

8.1.1.2.1.2.2.4. Số lượng Bồ Tát và Thanh Văn rất nhiều

(Kinh) Hữu vô lượng A-tăng-kỳ thiên vạn ức na-do-tha chư Bồ Tát chúng đắc đại thần thông, tứ vô ngại trí, thiện năng giáo hóa chúng sanh chi loại. Kỳ Thanh Văn chúng toán số giáo kế sở bất năng tri, giai đắc cụ túc Lục Thông, Tam Minh, cập Bát Giải Thoát.

(經)有無量阿僧祇千萬億那由他諸菩薩眾得大神通，四無礙智，善能教化眾生之類。其聲聞眾算數校計所不能知，皆得具足六通，三明，及八解脫。

(Kinh: Có vô lượng A-tăng-kỳ ngàn vạn ức na-do-tha các vị Bồ Tát đắc đại thần thông, tứ vô ngại trí, khéo có thể giáo hóa các loài chúng sanh. Tính toán, so sánh, tính đếm, đều chẳng thể biết số lượng các vị Thanh Văn. Các Ngài đều trọn đủ Lục Thông, Tam Minh, và Bát Giải Thoát).

8.1.1.2.1.2.2.5. Tổng kết sự trang nghiêm

(Kinh) Kỳ Phật quốc độ, hữu như thị đẳng vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu.

(經)其佛國土，有如是等無量功德莊嚴成就。

(Kinh: Cõi Phật ấy có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế đó).

Phần thứ hai, “nói rõ quốc độ rộng lớn, thanh tịnh” đã xong.

8.1.1.2.1.2.3. Tên gọi của kiếp và quốc độ

(Kinh) Kiếp danh Bảo Minh, quốc danh Thiện Tịnh.

(經)劫名寶明，國名善淨。

(Kinh: Kiếp tên là Bảo Minh (Ratnāvabhāsa), cõi tên là Thiện Tịnh - Suvisuddha)³⁰².

8.1.1.2.1.2.4. Thọ mạng của Phật và thời gian chánh pháp trụ thế

(Kinh) Kỳ Phật thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, pháp trụ thậm cửu.

(經)其佛壽命無量阿僧祇劫，法住甚久。

(Kinh: Thọ mạng của đức Phật ấy là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, Phật pháp trụ thế rất lâu).

8.1.1.2.1.2.5. Sau khi Phật diệt độ, cúng dường xá-lợi

(Kinh) Phật diệt độ hậu, khởi thất bảo tháp biến mãn kỳ quốc.

(經)佛滅度後，起七寶塔徧滿其國」。

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, dựng tháp bảy báu trọn khắp cả nước).

Phần thứ hai, phần kinh văn Trường Hàng trần thuật sự thọ ký của Như Lai đã xong.

8.1.1.2.2. Trùng tụng

8.1.1.2.2.1. Trùng tụng nêu bày Tích

8.1.1.2.2.1.1. Nêu chung Tích của các Thanh Văn

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư tỳ-kheo để thính! Phật tử sở hành đạo, thiện học phương tiện cố, bất khả đắc tư nghị. Tri chúng nhạo Tiểu pháp, nhi úy đại trí. Thị cố chư Bồ Tát, tác Thanh Văn, Duyên Giác, dĩ vô số phương tiện, hóa chư chúng sanh loại. Tự thuyết thị Thanh Văn, khứ

³⁰² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chúng sanh thuở ấy thân tỏa ra quang minh, thân tướng của toàn thể mọi người đều là sắc vàng ròng. Vì thế, kiếp có tên là Bảo Minh. Do chẳng có ba ác đạo, mà cũng chẳng có dâm dục, cho nên quốc độ có tên là Thiện Tịnh”.

Phật đạo thậm viển, độ thoát vô lượng chúng, giai tất đắc thành tựu. Tuy tiểu dục giải đãi, tiệm đương linh tác Phật. Nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại hiện thị Thanh Văn. Thiếu dục, yếm sanh tử, thật tự tịnh Phật độ. Thị chúng hữu tam độc, hựu hiện tà kiến tướng. Ngã độ tử như thị, phương tiện độ chúng sanh. Nhược ngã cụ túc thuyết, chúng chúng hóa hiện sự, chúng sanh văn thị giả, tâm tắc hoài nghi hoặc.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸比丘諦聽！佛子所行道，善學方便故，不可得思議。知眾樂小法，而畏於大智。是故諸菩薩，作聲聞緣覺，以無數方便，化諸眾生類。自說是聲聞，去佛道甚遠，度脫無量眾，皆悉得成就。雖小欲懈怠，漸當令作佛。內秘菩薩行，外現是聲聞。少欲厭生死，實自淨佛土。示眾有三毒，又現邪見相。我弟子如是，方便度眾生。若我具足說，種種化現事，眾生聞是者，心則懷疑惑。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Các tỳ-kheo lắng nghe! Đạo Phật tử đã hành, do khéo học phương tiện, chẳng thể nghĩ bàn được. Biết chúng thích Tiểu pháp, nhưng sợ hãi đại trí. Vì thế, các Bồ Tát, làm Thanh Văn, Duyên Giác, dùng vô số phương tiện, giáo hóa các chúng sanh. Tự nói là Thanh Văn, cách Phật đạo rất xa, độ thoát vô lượng chúng, thấy đều được thành tựu. Tuy tiểu dục, lười nhác, dần dần sẽ thành Phật. Trong ngàm hành Bồ Tát, ngoài thị hiện Thanh Văn. Thiếu dục, chán sanh tử, thật ra tịnh cõi Phật. Thị hiện có tam độc, lại hiện tướng tà kiến. Độ tử ta như thế, phương tiện độ chúng sanh. Nếu ta nói đầy đủ, các chuyện họ hóa hiện, chúng sanh nghe như thế, sẽ ôm lòng nghi hoặc).

“Tiểu dục” tức là chuyên chú, ưa thích Tiểu Thừa. “Giải đãi” (Lười nhác) tức là chẳng cầu Đại Thừa. “Thị chúng hữu tam độc” (Thị hiện cho đại chúng thấy chính mình có tam độc): Không chỉ thị hiện làm Thanh Văn, mà còn thị hiện là tam độc phàm phu và tà kiến ngoại đạo. Lại như ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) thị hiện sân, ngài Nan Đà thị hiện tham, ngài Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) thị hiện si v.v...

8.1.1.2.2.1.2. Trùng tụng nêu bày Tích của ngài Phú Lô Na

(Kinh) Kim thử Phú Lô Na, ư tích thiên ức Phật, cần tu sở hành đạo, tuyên hộ chư Phật pháp, vị cầu vô thượng huệ, nhi ư chư Phật sở, hiện cư đệ tử thượng, đa văn, hữu trí huệ. Sở thuyết vô sở úy, năng linh chúng hoan hỷ, vị tăng hữu bì quyên, nhi dĩ trợ Phật sự. Dĩ độ đại thần thông, cụ tứ vô ngại trí, tri chư căn lợi độn, thường thuyết thanh tịnh pháp. Diễn sướng như thị nghĩa, giáo chư thiên ức chúng, linh trụ Đại Thừa pháp, nhi tự tịnh Phật độ. Vị lai diệc cúng dường, vô lượng vô số Phật, hộ trợ tuyên chánh pháp, diệc tự tịnh Phật độ. Thường dĩ chư phương tiện, thuyết pháp vô sở úy, độ bất khả kể chúng, thành tựu Nhất Thiết Trí.

(經)今此富樓那，於昔千億佛，勤修所行道，宣護諸佛法，為求無上慧，而於諸佛所，現居弟子上，多聞有智慧。所說無所畏，能令眾歡喜，未曾有疲倦，而以助佛事。已度大神通，具四無礙智，知諸根利鈍，常說清淨法。演暢如是義，教諸千億眾，令住大乘法，而自淨佛土。未來亦供養，無量無數佛，護助宣正法，亦自淨佛土。常以諸方便，說法無所畏，度不可計眾，成就一切智。

(Kinh: Nay Phú Lô Na đây, xưa nơi ngàn ức Phật, siêng tu đạo đã hành. Nói, hộ trì Phật pháp, vì cầu vô thượng huệ, bèn ở nơi chư Phật, hiện thân phận đệ tử, đa văn, có trí huệ. Nói năng không sợ hãi, hay khiến chúng hoan hỷ, chưa hề có mệt mỏi, để giúp hành Phật sự. Đã đắc đại thần thông, đủ tứ vô ngại trí³⁰³, biết các căn lợi độn, thường nói pháp thanh tịnh. Diễn bày nghĩa như thế, dạy ngàn ức đại chúng, khiến

³⁰³ Tứ vô ngại trí tức là tứ biện tài gồm:

- Pháp vô ngại: Đối với giáo pháp chẳng vướng mắc, diễn nói thông đạt đúng lý, khéo cơ.
- Nghĩa vô ngại: Thông hiểu giáo nghĩa và nghĩa lý chẳng vướng mắc.
- Từ vô ngại: Thông đạt ngôn từ lẫn các ngôn ngữ địa phương, có thể diễn nói pháp bằng đủ mọi cách vô ngại.
- Nhạo thuyết vô ngại: Diễn nói vô ngại, không chán mệt, không lười mỏi.

trụ pháp Đại Thừa, tự thanh tịnh cõi Phật. Vị lai cũng cúng dường, vô lượng vô số Phật, hộ trì, giúp nói pháp, cũng tự tịnh cõi Phật. Thường dùng các phương tiện, thuyết pháp không sợ hãi, độ chẳng tính kể chúng, thành tựu Nhất Thiết Trí).

Năm bài kệ đầu nhằm trùng tụng hiển Bỏn theo quá khứ. Hai bài kệ sau, xét theo hạnh nhân trong thời vị lai Phật để trùng tụng. Lược đi không trùng tụng hiện tại Phật và bảy vị Phật.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nêu bày Tích” đã xong.

8.1.1.2.2.2. Trùng tụng thọ ký

Lược đi, không trùng tụng thọ mạng của Phật, thời gian Phật pháp trụ thế, và sau khi Phật diệt độ, đại chúng dựng tháp.

8.1.1.2.2.2.1. Trùng tụng nhân viên quả mãn

(Kinh) Cúng dường chư Như Lai, hộ trì pháp bảo tạng. Kỳ hậu đắc thành Phật, hiệu danh viết Pháp Minh.

(經)供養諸如來，護持法寶藏。其後得成佛，號名曰法明。

(Kinh: Cúng dường các Như Lai, hộ trì pháp bảo tạng. Sau đó, được thành Phật, danh hiệu là Pháp Minh).

8.1.1.2.2.2.2. Trùng tụng tên của quốc độ và kiếp

(Kinh) Kỳ quốc danh Thiện Tịnh, thất bảo sở hợp thành. Kiếp danh vi Bảo Minh.

(經)其國名善淨，七寶所合成。劫名為寶明。

(Kinh: Quốc độ tên Thiện Tịnh, do bảy báu hợp thành. Kiếp tên là Bảo Minh).

8.1.1.2.2.2.3. Trùng tụng quốc độ rộng lớn, thanh tịnh

(Kinh) Bồ Tát chúng thậm đa, kỳ số vô lượng ức, giai độ đại thần thông, oai đức lực cụ túc, sung mãn kỳ quốc độ. Thanh Văn diệt

vô số. Tam Minh, Bát Giải Thoát, đắc tứ vô ngại trí. Dĩ thị đẳng vi tăng. Kỳ quốc chư chúng sanh, thâm dục giai dĩ đoạn, thuần nhất biến hóa sanh, cụ tướng trang nghiêm thân. Pháp hỷ, Thiền duyệt thực, cánh vô dư thực tướng. Vô hữu chư nữ nhân, diệt vô chư ác đạo. Phú Lâu Na tỳ-kheo, công đức tất thành mãn, đương đắc tư Tịnh Độ, hiện thánh chúng thậm đa. Như thị vô lượng sự, ngã kim dẫn lược thuyết.

(經)菩薩眾甚多，其數無量億，皆度大神通，威德力具足，充滿其國土。聲聞亦無數。三明八解脫，得四無礙智。以是等為僧。其國諸眾生，淫欲皆已斷，純一變化生，具相莊嚴身。法喜禪悅食，更無餘食想。無有諸女人，亦無諸惡道。富樓那比丘，功德悉成滿，當得斯淨土，賢聖眾甚多。如是無量事，我今但略說」。

(Kinh: Hàng Bồ Tát rất đông, số đến vô lượng ức, đều đắc đại thần thông, sức oai đức trọn đủ, đầy ấp quốc độ ấy. Thanh Văn cũng vô số. Tam Minh, Bát Giải Thoát, đắc tứ vô ngại trí. Hạng như thế làm tăng. Các chúng sanh cõi ấy, đều đã đoạn thâm dục, thuần nhất là hóa sanh. Thân đủ tướng trang nghiêm, pháp hỷ, Thiền duyệt thực, chẳng nghĩ ăn gì khác. Chẳng có các nữ nhân, cũng chẳng có ác đạo. Tỳ-kheo Phú Lâu Na, công đức đều thành mãn, sẽ được Tịnh Độ ấy, bậc hiện thánh rất đông. Vô lượng chuyện như thế, ta nay chỉ nói lược).

Phần thứ nhất, thọ ký Mãn Từ Tử đã xong.

8.1.2. Thọ ký một ngàn hai trăm vị

8.1.2. 1. [Các vị La Hán] nghĩ thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, thiên nhị bách A La Hán tâm tự tại giả, tác thị niệm: “Ngã đẳng hoan hỷ, đắc vị tăng hữu. Nhược Thế Tôn các kiến thọ ký như dư đại đệ tử giả, bất diệt khoái hồ?”

(經)爾時，千二百阿羅漢心自在者，作是念：「我等歡喜得未曾有。若世尊各見授記如餘大弟子者，不亦快乎？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, một ngàn hai trăm vị A La Hán là những vị tâm được tự tại, nghĩ như thế này: “Chúng ta hoan hỷ, được điều chưa từng có. Nếu đức Thế Tôn thọ ký cho từng người như các vị đại đệ tử khác, cũng chẳng vui sướng lắm ư?”)

8.1.2.2. Trao thọ ký

8.1.2.2.1. Trường Hàng

8.1.2.2.1.1. Thọ ký chung cho một ngàn hai trăm vị

(Kinh) Phật tri thủ đẳng tâm chi sở niệm, cáo Ma Ha Ca Diếp: - Thị thiên nhị bách A La Hán, ngã kim đương hiện tiền thứ đệ dữ thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.

(經)佛知此等心之所念，告摩訶迦葉：「是千二百阿羅漢，我今當現前次第與授阿耨多羅三藐三菩提記。」

(Kinh: Phật biết điều họ suy nghĩ trong tâm, bảo ngài Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa): - Một ngàn hai trăm A La Hán đây, ta sẽ hiện tiền theo thứ tự thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho họ).

8.1.2.2.1.2. Thọ ký riêng cho Kiều Trần Như

(Kinh) Ư thủ chúng trung, ngã đại đệ tử Kiều Trần Như tỳ-kheo, đương cúng dường lục vạn nhị thiên ức Phật. Nhiên hậu, đắc thành vi Phật, hiệu viết Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)於此眾中，我大弟子憍陳如比丘，當供養六萬二

千億佛。然後，得成為佛，號曰普明如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Trong các vị này, đại đệ tử của ta là tỳ-kheo Kiều Trần Như (Ājñātakauṇḍinya) sẽ cúng dường sáu vạn hai ngàn ức Phật. Sau đó, được thành Phật, hiệu là Phổ Minh (Samantaprabha) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Ngài Kiều Trần Như đắc độ trước hết, làm bậc Thượng Tọa trong tăng chúng. Cho nên Ngài được thọ ký riêng.

8.1.2.2.1.3. Thọ ký riêng cho năm trăm vị La Hán

(Kinh) Kỳ ngũ bách A La Hán: Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu Đà Di, A Nậu Lâu Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà, Sa Già Đà đẳng, giai đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tận đồng nhất hiệu, danh viết Phổ Minh.

(經)其五百阿羅漢：優樓頻螺迦葉、伽耶迦葉、那提迦葉、迦留陀夷、優陀夷、阿菴樓陀、離婆多、劫賓那、薄拘羅、周陀、莎伽陀等，皆當得阿耨多羅三藐三菩提，盡同一號，名曰普明」。

(Kinh: Năm trăm vị A La Hán: Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (Uruvilva-kāśyapa), Già Da Ca Diếp (Gayākāśyapa), Na Đề Ca Diếp (Nadīkāśyapa), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Ưu Đà Di (Udāyin), A Nậu Lâu Đà (Anirudha), Ly Bà Đa (Revata), Kiếp Tân Na (Kapphina), Bạc Câu La (Bakkula), Châu Đà (Cūḍa), Sa Già Đà (Svāgata) v.v... đều sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều có cùng một danh hiệu là Phổ Minh).

Ca Lưu Đà Di, phương này dịch là Hắc Quang. Sau khi đức Phật thành đạo, phụ vương sai Ngài đến thỉnh Phật. Đức Phật liền dạy Ngài xuất gia. Theo kinh Bảo Tích, Ngài chính là bậc “*thiện lai*”³⁰⁴ đắc đạo, dùng sức thần thông, chuyển hóa phụ vương. Theo phần Tỳ Ni trong kinh A Hàm, Ngài là một trong Lục Quân tỳ-kheo. Tuy đã xuất gia, vẫn phạm rất nhiều lỗi. Tuổi ngoài bảy mươi mới được điều phục, chứng A La Hán. Ngài khuyến hóa bậc nhất. Ngài hóa độ vợ chồng đều thấy đạo chân thật số đến một ngàn gia đình. Vì thế, biết căn cơ Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa sở kiến đều khác biệt như thế, há chỉ có thân mật của đức Phật là chẳng thể nghĩ bàn, mà thân mật của các vị đại đệ tử cũng đều là chẳng thể nghĩ bàn!

Ưu Đà Di, còn gọi là Ưu Ba Ly, còn phiên âm là Ô Ba Ly, [phiên âm khác biệt là do đọc] âm tiếng Phạn nặng hay nhẹ, Ngài trì luật bậc nhất. Châu Đà, phương này dịch là Đại Lộ, chứng A La Hán, có thể trì Tam Tạng, làm bậc đại pháp sư, tức là tên của người anh. Sa Già Đà, phương này dịch là Tiểu Đạo, còn dịch là Kế Đạo, tức là tên người em. Người anh truyền cho em một câu kệ, suốt một trăm ngày, [người em] chẳng thể tụng thuộc. Anh đuổi khỏi tăng phòng, đức Phật đích thân dạy sáu chữ “*ngã phát trần, ngã trừ cấu*” (ta phủ bụi, ta trừ dơ), Ngài nhớ phần trước thì quên phần sau, nhớ phần sau liền quên phần trước. Đức Phật dạy Ngài điều hòa hơi thở, mới chứng thánh quả, trọn vẹn đại thần lực, hàng phục độc hỏa long.

Khi liệt kê thánh chúng trong phần trước (trong phẩm Tự), không nêu tên bốn vị tôn giả ấy, nên nay giải thích. Trong phần ấy, lại còn liệt kê các vị Kiều Phạm Ba Đề, Tất Lăng Già Bà Tha, Ma Ha Câu Hy La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, năm vị ấy đều không được thọ ký riêng, hoặc là phần tiếng Phạn chưa truyền đến [Trung Hoa], hoặc là nói gộp chung trong năm trăm người, hoặc một ngàn hai trăm người.

Phần văn Trường Hàng đã xong.

8.1.2.2.2. Kệ tụng

8.1.2.2.2.1. Trùng tụng chuyện thọ ký cho ngài Kiều Trần Như và năm trăm A La Hán

³⁰⁴ Tức là bậc tỳ-kheo khi cầu xuất gia, đức Phật bèn nói “*thiện lai tỳ-kheo*”, vị ấy liền râu tóc tự rụng, y ca-sa khoác trên thân. Khi râu tóc rụng, phiền não cũng rơi rớt, tối thiểu là chứng Sơ Quả.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Kiều Trần Như tỳ-kheo, đương kiến vô lượng Phật. Quá A-tăng-kỳ kiếp, nãi thành Đẳng Chánh Giác, thường phóng đại quang minh, cụ túc chư thần thông. Danh văn biến thập phương, nhất thiết chi sở kính. Thường thuyết vô thượng đạo. Cổ hiệu vi Phổ Minh. Kỳ quốc độ thanh tịnh, Bồ Tát giai dũng mãnh, hàm thăng diệu lâu các. Du chư thập phương quốc, dĩ vô thượng cúng cụ, phụng hiến ư chư Phật. Tác thị cúng dường dĩ, tâm hoài đại hoan hỷ. Tu du hoàn bốn quốc, hữu như thị thần lực. Phật thọ lục vạn kiếp, Chánh Pháp trụ bội thọ, Tượng Pháp phục bội thị. Pháp diệt, thiên nhân ưu. Kỳ ngũ bách tỳ-kheo, thứ đệ đương tác Phật, đồng hiệu viết Phổ Minh, chuyển thứ nhi thọ ký: “Ngã diệt độ chi hậu, mỗi giáp đương tác Phật, kỳ sở hóa thế gian, diệc như ngã kim nhật. Quốc độ chi nghiêm tịnh, cập chư thần thông lực. Bồ Tát, Thanh Văn chúng, Chánh Pháp cập Tượng Pháp, thọ mạng kiếp đa thiểu, giai như thượng sở thuyết”.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「憍陳如比丘，當見無量佛。過阿僧祇劫，乃成等正覺，常放大光明，具足諸神通。名聞徧十方，一切之所敬。常說無上道。故號為普明。其國土清淨，菩薩皆勇猛，咸升妙樓閣。遊諸十方國，以無上供具，奉獻於諸佛。作是供養已，心懷大歡喜。須臾還本國，有如是神力。佛壽六萬劫，正法住倍壽，像法復倍是。法滅天人憂。其五百比丘，次第當作佛，同號曰普明，轉次而授記：「我滅度之後，某甲當作佛，其所化世間，亦如我今日。國土之嚴淨，及諸神通力。菩薩聲聞眾，正法及像法，壽命劫多少，皆如上所說」。

。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Tỳ-kheo Kiều Trần Như, sẽ thấy vô lượng Phật. Sau A-tăng-kỳ kiếp, bèn thành Đẳng Chánh Giác, thường phóng quang minh lớn, trọn đủ các thần thông. Tiếng tăm rền mười phương, được hết thấy

tôn kính. Thường nói đạo vô thượng; vì thế, hiệu Phổ Minh. Quốc độ ấy thanh tịnh, Bồ Tát đều dùng mãnh, đều lên diệu lâu các. Đạo chơi mười phương cõi, dùng đồ cúng vô thượng, dâng hiến lên chư Phật. Cúng dường như thế xong, ôm lòng hoan hỷ lớn. Khoảnh khắc về nước mình, có thần lực như thế. Phật thọ sáu vạn kiếp, Chánh Pháp dài gấp đôi, Tượng Pháp gấp đôi đó. Pháp diệt, trời người buồn. Năm trăm vị tỳ-kheo, theo thứ tự thành Phật, cùng hiệu là Phổ Minh, lần lượt thọ ký nhau: “Sau khi ta diệt độ, ông đó sẽ thành Phật, giáo hóa trong thế gian, cũng như ta ngày nay. Cõi trang nghiêm, thanh tịnh, và các sức thần thông. Hàng Bồ Tát, Thanh Văn, Chánh Pháp và Tượng Pháp, thọ mạng bao nhiêu kiếp, đều như trên đã nói”).

Phần Trường Hàng nói đại lược, kệ tụng nói chi tiết. Trước hết, trong phần trùng tụng ngài Kiều Trần Như được thọ ký, hai câu đầu nói về hạnh nhân. Hai bài kệ kế đó nói về đắc quả. Hai bài kệ rười kế đó nói cõi nước thanh tịnh. Câu kệ đó nói về thọ mạng của Phật. Hai câu kệ tiếp nói về Chánh Pháp và Tượng Pháp. Câu kệ đó, “*pháp diệt thiên nhân ưu*” (pháp diệt, trời người buồn) kết lại phần trước để dẫn khởi phần sau. Ba bài kệ rười kế đó trùng tụng chuyện thọ ký cho năm trăm vị tỳ-kheo.

8.1.2.2.2. Trùng tụng chuyện thọ ký chung cho hết thầy Thanh Văn

(Kinh) Ca Diếp nhữ dĩ tri, ngũ bách tự tại giả, dư chư Thanh Văn chúng, diệt đương phục như thị. Kỳ bất tại thử hội, nhữ đương vi tuyên thuyết.

(經)迦葉汝已知，五百自在者，餘諸聲聞眾，亦當復如是。其不在此會，汝當為宣說」。

(Kinh: Ca Diếp ông đã biết, năm trăm vị tự tại, cùng các Thanh Văn khác, cũng sẽ giống như thế. Ai vắng mặt hội này, ông nên tuyên thuyết cho).

“*Dư chư Thanh Văn*” (Các Thanh Văn khác) tức là một ngàn hai trăm người. Đã thọ ký cho năm trăm vị, còn lại bảy trăm vị, và nói chung hết thầy các Thanh Văn, cũng như các vị không hiện diện trong hội này. Bất luận có mặt hay không, đều được thọ ký như nhau.

Trong phần thọ ký một ngàn hai trăm vị, phần thứ hai là thọ ký đã xong.

8.1.2.3. Lãnh nhận tín giải

8.1.2.3.1. Trường Hàng

8.1.2.3.1.1. Người kết tập kinh trần thuật sự hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách A La Hán ư Phật tiền đắc thọ ký dĩ, hoan hỷ, dũng dục, tức tùng tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, hối quá tự trách.

(經)爾時，五百阿羅漢於佛前得受記已，歡喜，踊躍，即從座起，到於佛前，頭面禮足，悔過自責。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vị A La Hán ở trước Phật được thọ ký rồi, hoan hỷ, hớn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân đức Phật, hối lỗi, tự trách).

“Hoan hỷ, dũng dục” (Hoan hỷ, hớn hở) tức là mừng vì nay được tín giải. “Hối quá tự trách” (Hối lỗi, tự trách) vì hổ thẹn trước kia chẳng hiểu.

8.1.2.3.1.2. Trần thuật sự lãnh nhận tín giải

8.1.2.3.1.2.1. Pháp Thuyết

(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng thường tác thị niệm, tự vị “dĩ đắc cứu cánh diệt độ”. Kim nãi tri chi như vô trí giả, sở dĩ giả hà? Ngã đẳng ưng đắc Như Lai trí huệ, nhi tiện tự dĩ tiểu trí vi túc.

(經)「世尊！我等常作是念，自謂「已得究竟滅度」。今乃知之如無智者，所以者何？我等應得如來智慧，而便自以小智為足。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con thường nghĩ thế này, tự cho là “đã đạt được diệt độ rốt ráo”, nay mới biết mình như kẻ vô trí. Vì có sao vậy? Chúng con đáng nên được trí huệ của Như Lai, mà lại coi tiểu trí là đủ).

“*Tự vị dĩ đắc cứu cánh diệt độ*” (Tự cho là đã đạt được diệt độ rất ráo): Tức là hối hận, tự trách mình trước đó mê muội! Mừng vì nay mới ngộ, mới biết trước kia là tiểu trí, hoàn toàn giống như vô trí, cũng tự trách độn căn, chẳng thể sớm ngộ! Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích ý nghĩa “*vô trí*”: Ngày nay mới biết chính mình đáng nên đạt được đại trí của Như Lai, nhưng trước kia cứ coi tiểu trí là đủ rồi, khư khư nơi Tiểu pháp, bỏ mất Đại pháp, há chẳng phải giống hệt kẻ vô trí ư?

8.1.2.3.1.2.2. Thí Thuyết

8.1.2.3.1.2.2.1. Lập thí dụ

8.1.2.3.1.2.2.1.1. Thí dụ về người say rượu

Ví như tự cho là diệt độ, coi tiểu trí là đủ.

8.1.2.3.1.2.2.1.1.1. Thí dụ buộc châu

Trần thuật sự lãnh ngộ đối với chuyện “*[mười sáu vị] vương tử kết duyên*” trong phần trước.

(Kinh) Thế Tôn! Thí như hữu nhân, chí thân hữu gia, túy tửu nhi ngộa. Thị thời thân hữu quan sự đương hành, dĩ vô giá bảo châu hệ kỳ y lý, dữ chi nhi khứ.

(經)世尊！譬如有人，至親友家，醉酒而臥。是時親友官事當行，以無價寶珠繫其衣裏，與之而去。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Ví như có người, đến nhà bạn thân, say rượu mà nằm. Khi đó, người bạn thân do có việc công phải đi, đem bảo châu vô giá buộc vào trong áo kẻ đó, tặng cho rồi ra đi).

“*Hữu nhân*” (Có người) tức là năm trăm vị [La Hán] ấy tự sánh ví. “*Thân hữu*” ví như mười sáu vị vương tử thuở trước. “*Gia*” (Nhà): Sánh ví giáo pháp Đại Thừa như nhà. “*Túy tửu nhi ngộa*” (Say rượu mà nằm): Ví như vô minh chưa từng tỉnh. Say có hai nghĩa:

- Một là say bết nhè, hoàn toàn chẳng hay biết. Ví như [do nghe] một câu, một kệ mà kết duyên, chưa từng nhập phẩm vị.

- Hai là say nhẹ, hơi mất tri giác, còn gọi là “*bất giác*”. Ví như có Văn Huệ đôi chút, thuộc giai đoạn đầu của Ngũ Phẩm, chưa dưng vào địa vị Tương Tự.

“*Quan sự đương hành*” (Có việc quan phải đi) ví như vương tử do căn cơ hưng khởi ở nơi khác, liền thuận theo cơ duyên mà tới ứng hiện, hoằng pháp hóa độ người khác, hoàn toàn chẳng phải là việc riêng. Vì thế nói là “*quan sự*” (việc quan, việc công). “*Vô giá bảo châu*” ví như báu Thật Tướng Chân Như Trí của Nhất Thừa. “*Hệ kỳ y lý*” (Buộc vào trong áo): Y ví như cái tâm tầm quý, nhẫn nhục và tín nhạo (tín tưởng, ưa thích) thuở đó. Do lúc nghe pháp mà sanh tín nhạo, được thành tựu chủng tử trí nguyện thuộc về liễu nhân.

8.1.2.3.1.2.2.1.1.2. *Thí dụ say ngủ chẳng biết*

Lãnh ngộ chuyện giữa chừng thoái thất Đại Thừa.

(Kinh) *Kỳ nhân túy ngọa, đô bất giác tri.*

(經)其人醉臥，都不覺知。

(Kinh: *Người ấy say ngủ, trọn chẳng hay biết*).

Đây là sánh ví cái tâm vô minh nặng nề, trọn chẳng nhớ gì. [Nêu thí dụ này để trần thuật] sự lãnh ngộ đối với chuyện “giải đãi, thoái thất giữa chừng, chẳng tiếp nhận Đại pháp”.

8.1.2.3.1.2.2.1.1.3. *Thí dụ thức dậy bèn du hành*

Lãnh ngộ sự tiếp nhận Tiểu pháp trong phần trên.

(Kinh) *Khởi dĩ du hành, đáo u tha quốc, vị y thực cố, cần lực cầu sách, thậm đại gian nan. Nhược thiếu hữu sở đắc, tiện dĩ vi túc.*

(經)起已遊行，到於他國，為衣食故，勤力求索，甚大艱難。若少有所得，便以為足。

(Kinh: *[Kẻ đói] thức dậy ra đi, đến nước khác, vì cơm áo, ra sức tìm kiếm, hết sức gian nan*³⁰⁵. *Nếu đạt được chút ít, liền cho là đủ*).

“*Khởi dĩ du hành*” (Thức dậy, ra đi) ví như thiện căn sắp phát khởi, chán khổ, cầu lạc. “*Đáo ư tha quốc*” (Tới nước khác) ví như vô minh che lấp kiến giải, chẳng biết hướng đến bốn quốc Đại Thừa. “*Y thực*” (Cơm áo) ví như chánh đạo và trợ đạo. “*Cầu sách gian nan*” (Tìm kiếm nhọc nhằn) ví như lúc chưa nhập chánh pháp, rồng tuếch, chẳng có chứng đắc. “*Đắc thiểu vi túc*” (Được chút ít cho là đủ): Ví như nương vào Quyền giáo để tu hành, đạt được cái quả Tiểu Thừa, đây chính là lãnh ngộ “*trong khoảng trung gian đã tiếp nhận Tiểu pháp*”.

Thí dụ thứ nhất, “say sưa ngủ mất” đã xong.

8.1.2.3.1.2.2.1.2. Thí dụ “được bạn thân giác ngộ”

Lãnh ngộ ý trong phần trước “*do nhân duyên ấy, nay nói kinh Pháp Hoa, bình đẳng ban cho các con cỗ xe trâu trắng lớn*”.

8.1.2.3.1.2.2.1.2.1. Quả trách

(Kinh) *Ư hậu, thân hữu hội ngộ kiến chi, nhi tác thị ngôn: - Đốt tai trượng phu! Hà vị y thực, nãi chí như thị?*

(經)於後，親友會遇見之，而作是言：「咄哉丈夫！何為衣食，乃至如是？」

(Kinh: *Sau đấy, người bạn thân gặp lại, bèn nói như thế này: - Ôi chao anh kia! Sao lại vì cơm áo mà đến nỗi như thế?*)

“*Hội ngộ kiến chi*” ví như căn cơ Đại Thừa đã phát động. “*Đốt tai*” (Ôi chao) là lời quả trách, ví như do đấy động chấp trước bèn sanh nghi. Trong tam châu đều có ý này. Trong Pháp Thuyết Châu có nói:

³⁰⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Sánh ví như bỏ Đại Thừa, tu Tiểu Thừa. Do căn cơ Tiểu Thừa đầy động nên tu hành Tiểu Thừa. Vì thế nói ‘khởi dĩ du hành’.* Cõi Đại Thừa là ‘bốn quốc’, Tiểu Thừa là ‘tha quốc’ (nước khác). Mê muội đối với Đại bèn chấp Tiểu, nên nói là ‘đáo ư tha quốc’ (đến nước khác). Niết Bàn của Tiểu Thừa ví như cơm áo. Vì cầu Niết Bàn, siêng gắng đoạn Kiến Tư, cho nên nói vì cơm áo mà ra sức tìm kiếm. Đạo Tiểu Thừa hẹp hòi, cho nên nói ‘hết sức gian nan’. Để đạt được quả vị Tiểu Thừa, đã cho là đủ”.

“Ngã linh thoát khổ phược” (Ta khiến cho kẻ đó thoát khỏi sự khổ trôi buộc) v.v... Trong Thí Thuyết Châu nói “ngã tiên bắt ngôn giai vị Tam Bồ Đề da?” (trước đó, ta chẳng nói điều gì Chánh Giác ư?) Trong Nhân Duyên Châu nói: “Túc thế nhân duyên, ngã kim đương thuyết” (Nhân duyên đời trước, ta điều sẽ nói). Đây đều là những lời quở trách.

8.1.2.3.1.2.2.1.2.2. Chỉ ra bảo châu

(Kinh) Ngã tích dục linh nhữ đắc an lạc, ngũ dục tự tứ, u mô niên nhật nguyệt, dĩ vô giá bảo châu hệ nhữ y lý, kim cố hiện tại, nhi nhữ bất tri, cần khổ, ưu não dĩ cầu tự hoạt, thậm vi si dã.

(經)我昔欲令汝得安樂，五欲自恣，於某年日月，以無價寶珠繫汝衣裏，今故現在，而汝不知，勤苦，憂惱以求自活，甚為癡也。

(Kinh: Xưa kia, tôi muốn cho anh được yên vui, vui thỏa ngũ dục, vào ngày, tháng, năm đó đã đem bảo châu vô giá cột vào trong áo của anh, nay vẫn còn đó, nhưng anh không biết, cứ vất vả, lo buồn để cầu tự nuôi sống, hết sức si dại).

“An lạc” ví như Vô Thượng Đại Niết Bàn. “Ngũ dục tự tứ” (Vui thỏa ngũ dục) ví như thọ dụng chân thật Đại Thừa xứng tánh, như ngũ trần thù thắng, nhiệm màu được nói đến trong cõi Thật Báo, có thể khiến cho ngài Ca Diếp đứng dậy múa may. “Mô niên nhật nguyệt” (Ngày tháng năm nào đó) ví như khi giảng lại kinh Pháp Hoa trong thời Đại Thông Trí Thắng Phật. “Kim cố hiện tại” (Nay vẫn đang còn đó) ví như hiện Thật. Trong phần Pháp Thuyết Châu, nói rộng năm loại Phật, hoặc “bình đẳng ban cho cỗ xe lớn” trong phần Thí Thuyết Châu, [hoặc nêu rõ những chuyện đã nói] trong phần Nhân Duyên Châu, vẫn là vì nói Đại Thừa. Đây đều là ý nghĩa “chỉ bày bảo châu”.

8.1.2.3.1.2.2.1.2.3. Khuyến đổi châu

(Kinh) Nhữ kim khả dĩ thử bảo mậu dịch sở tu, thường khả như ý, vô sở phạp đoản.

(經)汝今可以此寶貿易所須，常可如意，無所乏短」。

(Kinh: *Nay anh có thể đem viên bảo châu này đổi lấy thứ cần dùng, sẽ thường được vừa ý, chẳng bị thiếu thốn).*

Châu tuy giá trị vô lượng, vẫn cần phải đổi chác thì mới hữu dụng. Ví như người nội giải liễu nhân đầu đạt đến mức rốt ráo, ắt cần phải đổi lấy một cách thể hiện khác, nhờ vào “một điều đã hiểu, hết thấy đều hiểu” trước đó để đổi lấy “hành một điều, hết thấy đều hành”. Bản thể của châu chẳng cạn kiệt, đổi chác cũng vô cùng tận. Vì thế, cần phải càng nghe càng tu thì mới hiển lộ công dụng của chất báu. Như đạt được châu Ma Ni trong kinh Hoa Nghiêm, mười loại giới mài [khiến cho bảo châu] trong suốt thì mới có thể tuôn ra các báu. Giải và hạnh tương xứng thì mới kham tiếp nhận Phật thọ ký. Từ đây trở đi, ắt có “áo” Tịch Diệt Nhân, “cơm” Thủ Lăng Nghiêm, tự hành, hóa tha vô lượng các báu, thuộc vào địa vị vô công dụng, đôi bên chẳng cùng tận. Vì thế nói: “*Thường khả như ý, vô sở pháp đoản*” (Sẽ thường được như ý, chẳng bị thiếu thốn). Trong Pháp Thuyết Châu, ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) được thọ ký. Trong Thí Thuyết Châu, bốn vị (Ma Ha Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Mục Kiền Liên) được thọ ký. Trong Nhân Duyên Châu, hai ngàn vị [Thanh Văn] được thọ ký, đều chính là ý nghĩa “*khuyên đổi châu*”.

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

8.1.2.3.1.2.2.2. Kết hợp thí dụ với pháp

8.1.2.3.1.2.2.2.1. Kết hợp thí dụ “say rượu” với pháp

8.1.2.3.1.2.2.2.1.1. Kết hợp thí dụ “buộc châu” với pháp

(Kinh) *Phật diệt như thị. Vi Bồ Tát thời, giáo hóa ngã đẳng, linh phát Nhất Thiết Trí tâm.*

(經)佛亦如是。為菩薩時，教化我等，令發一切智 心

•

(Kinh: *Đức Phật cũng giống như thế. Khi Ngài làm Bồ Tát, đã giáo hóa chúng con, khiến phát tâm Nhất Thiết Trí).*

8.1.2.3.1.2.2.2.1.2. Kết hợp thí dụ “say sưa nằm ngủ chẳng hay biết” với pháp

(Kinh) *Nhi tâm phế vong, bất tri bất giác.*

(經)而尋廢忘，不知不覺。

(Kinh: Nhưng [chúng con] liền quên mất, chẳng biết, chẳng hay).

8.1.2.3.1.2.2.2.1.3. Kết hợp thí dụ “tĩnh dậy, lang thang, cầu được chút ít đã cho là đủ” với pháp

(Kinh) Ký đắc A La Hán đạo, tự vị diệt độ, tư sanh gian nan, đắc thiếu vi túc.

(經)既得阿羅漢道，自謂滅度，資生艱難，得少為足

◦

(Kinh: Đã đắc đạo A La Hán, tự cho là đã diệt độ, vất vả kiếm sống, được chút ít đã cho là đủ).

Do vất vả sanh tồn trong tam giới; vì thế, đối với tiêu quả tự cho là đủ, nhưng chẳng có pháp tài công đức Đại Thừa, tức là vẫn kiếm sống gian nan.

Phần thứ nhất, kết hợp thí dụ “say rượu” với pháp đã xong.

8.1.2.3.1.2.2.2.2. Kết hợp thí dụ “được thân hữu giác ngộ” với pháp

8.1.2.3.1.2.2.2.2.1. Kết hợp thí dụ “quở trách” với pháp

(Kinh) Nhất thiết trí nguyện do tại bất thất. Kim giả Thế Tôn giác ngộ ngã đẳng, tác như thị ngôn: “Chư tỳ-kheo! Nhữ đẳng sở đắc phi cứu cánh diệt”.

(經)一切智願猶在不失。今者世尊覺悟我等，作如是言：「諸比丘！汝等所得非究竟滅。」

(Kinh: Hết thấy trí nguyện vẫn còn, chẳng mất, nay đức Thế Tôn giác ngộ chúng con, nói như thế này: - Các tỳ-kheo! Điều các thầy đạt được chẳng phải là diệt rốt ráo).

8.1.2.3.1.2.2.2.2.2. Kết hợp thí dụ “chỉ bày châu” với pháp

(Kinh) Ngã cứu linh nhữ đẳng chúng Phật thiện căn. Dĩ phương tiện cố, thị Niết Bàn tướng, nhi nhữ vị vi thật đắc diệt độ.

(經)我久令汝等種佛善根。以方便故，示涅槃相，而汝謂為實得滅度」。

(Kinh: Từ lâu, ta đã khiến cho các thầy gieo thiện căn của Phật. Do vì phương tiện, mà chỉ bày tướng Niết Bàn, nhưng các thầy lại cho là thật sự được diệt độ).

8.1.2.3.1.2.2.2.3. Kết hợp thí dụ “khuyên đôi châu” với pháp

(Kinh) Thế Tôn! Ngã kim nãi tri thật thị Bồ Tát, đắc thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký. Dĩ thị nhân duyên, thậm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu.

(經)世尊！我今乃知實是菩薩，得受阿耨多羅三藐三菩提記。以是因緣，甚大歡喜，得未曾有」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết [chính mình] thật sự là Bồ Tát, được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nhân duyên ấy, hết sức hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có).

Trong phần lãnh ngộ tín giải, tiểu đoạn thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

8.1.2.3.2. Kệ Tụng

8.1.2.3.2.1. Trùng tụng sự lãnh nhận tín giải trong tâm

(Kinh) Nhĩ thời, A Nhã Kiều Trần Như đặng, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đặng văn vô thượng, an ổn thọ ký thanh, hoan hỷ vị tăng hữu. Lễ vô lượng trí Phật, kim ư Thế Tôn tiền, tự hồi chư quá cũ.

**(經)爾時，阿若憍陳如等，欲重宣此義，而說偈言：
「我等聞無上，安隱授記聲，歡喜未曾有。禮無量智佛，
今於世尊前，自悔諸過咎。**

(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị như A Nhã Kiều Trần Như muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Con nghe tiếng vô thượng, an ổn nói

thọ ký, hoan hỷ chưa từng có. Lễ Phật vô lượng trí, nay đối trước Thế Tôn, tự hối các lầm lỗi).

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng niềm hoan hỷ do thấu hiểu. Nửa bài kệ kế tiếp trùng tụng sự hối lỗi, tự trách.

8.1.2.3.2.2. Trùng tụng nhằm trần thuật sự lãnh nhận tín giải của chính mình

8.1.2.3.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

(Kinh) U' vô lượng Phật bảo, đắc thiếu Niết Bàn phần, như vô trí ngu nhân, tiện tự dĩ vì túc.

(經)於無量佛寶，得少涅槃分，如無智愚人，便自以為足。

(Kinh: Nơi vô lượng Phật bảo, được chút phần Niết Bàn, như kẻ ngu vô trí, liền tự cho là đủ).

8.1.2.3.2.2.2. Trùng tụng Thí Thuyết

8.1.2.3.2.2.2.1. Trùng tụng lập thí dụ

8.1.2.3.2.2.2.1.1. Trùng tụng thí dụ say rượu

(Kinh) Thí như bần cùng nhân, vãng chí thân hữu gia. Kỳ gia thậm đại phú, cụ thiết chư hào thiện. Dĩ vô giá bảo châu, hệ trước nội y lý, mặc dữ nhi xả khứ. Thời ngộ bất giác tri, thị nhân ký dĩ khởi, du hành nghệ tha quốc. Cầu y thực tự tế, tư sanh thậm gian nan. Đắc thiếu tiện vì túc, cánh bất nguyện hảo giả. Bất giác nội y lý, hữu vô giá bảo châu.

(經)譬如貧窮人，往至親友家。其家甚大富，具設諸肴膳。以無價寶珠，繫著內衣裏，默與而捨去。時臥不覺知，是人既已起，遊行詣他國。求衣食自濟，資生甚艱難。得少便為足，更不願好者。不覺內衣裏，有無價寶珠。

(Kinh: Ví như kẻ bần cùng, tìm đến nhà bạn thân. Nhà ấy rất giàu có, bày đủ các món ngon. Đem bảo châu vô giá, cột vào trong áo lót, ngầm cho rồi rời đi. Kẻ ấy ngủ chẳng biết, ngủ rồi bèn thức dậy, lang

thang sang nước khác. Cầu áo com nuôi thân, kiếm sống rất nhọc nhằn, được một ít đã đủ, chẳng mong tốt lành hơn. Chẳng biết trong áo lót, có vô giá bảo châu).

Bảy câu đầu trùng tụng thí dụ “buộc châu”. Câu thứ tám, trùng tụng thí dụ say sưa ngủ mất, chẳng hay biết. Hai bài kệ sau cùng, trùng tụng thí dụ người ấy thức dậy, đi lang thang. Phạm phu chẳng có Tu Đức, gọi là “*bần cùng nhân*”. Chư Phật Bồ Tát có cùng một tâm tánh với chúng sanh, được gọi là “*thân hữu*”. Trọn đủ các thứ công đức Quyền và Thật, gọi là “*đại phú*”. Các giáo pháp phương tiện được gọi là “*hào thiện*” (cỗ bàn ngon lành). Lý Đôn Giáo Nhất Thừa viên đốn gọi là “*bảo châu*”. Hồ thẹn, nhẩn nhục gọi là “*ngoại y*”. Tâm tin tưởng, ưa thích gọi là “*nội y*”. Lúc mới kết duyên, trọn đủ hai lớp áo. Thoái thất Đại Thừa, đọa vào chón ác, tức là chẳng có ngoại y. Nếu xét theo hiện thời chẳng có lòng tin tưởng, ưa thích, thì nội y cũng chẳng có, nhưng chủng tử vẫn còn, chỉ là bị áo che lấp, chẳng phải là hoàn toàn không có! Những điều khác dễ hiểu!

8.1.2.3.2.2.1.2. Trùng tụng thí dụ thân hữu giác ngộ

(Kinh) Dữ châu chi thân hữu, hậu kiến thử bần nhân, khổ thiết trách chi dĩ, thị dĩ sở hệ châu. Bần nhân kiến thử châu, kỳ tâm đại hoan hỷ, phú hữu chư tài vật, ngũ dục nhi tự tị.

(經)與珠之親友，後見此貧人，苦切責之已，示以所繫珠。貧人見此珠，其心大歡喜，富有諸財物，五欲而自恣。

(Kinh: Thân hữu cho châu ấy, sau gặp gã nghèo đó, xỉ vả, trách móc xong, chỉ bày châu trong áo. Gã nghèo thấy châu ấy, tâm hẳn rất hoan hỷ, các tài vật giàu có, thỏa thích hưởng ngũ dục).

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

8.1.2.3.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp

8.1.2.3.2.2.2.2.1. Trùng tụng kết hợp thí dụ “say rượu” với pháp

(Kinh) Ngã đẳng diệt như thị, Thế Tôn ư trường dạ, thường mãn kiến giáo hóa, linh chủng vô thượng nguyện. Ngã đẳng vô trí cố, bất giác diệt bất tri, đắc thiểu Niết Bàn phần, tự túc bất cầu dư.

(經)我等亦如是，世尊於長夜，常慍見教化，令種無上願。我等無智故，不覺亦不知，得少涅槃分，自足不求餘。

(Kinh: Chúng con cũng như thế, Thế Tôn trong đêm dài, thường xót thương giáo hóa, khiến gieo vô thượng nguyện. Chúng con do vô trí, chẳng hay cũng chẳng biết, được chút phần Niết Bàn, tự đủ, chẳng cầu khác).

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng kết hợp thí dụ “buộc châu” với pháp. Nửa bài kệ kế tiếp, trùng tụng thí dụ “say rượu ngủ mê không biết” với pháp. Nửa bài kệ sau trùng tụng thí dụ “tỉnh dậy, đi lang thang, được chút ít đã cho là đủ” với pháp.

8.1.2.3.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ “giác ngộ” với pháp

(Kinh) Kim Phật giác ngộ ngã, ngôn “phi thật diệt độ, đắc Phật vô thượng huệ, nhĩ nãi vì chân diệt”. Ngã kim tùng Phật văn, thọ ký trang nghiêm sự, cập chuyển thứ thọ quyết, thân tâm biến hoan hỷ.

(經)今佛覺悟我，言「非實滅度，得佛無上慧，爾乃為真滅」。我今從佛聞，授記莊嚴事，及轉次授決，身心徧歡喜」。

(Kinh: Nay Phật giác ngộ con, nói “chẳng thật diệt độ, đắc Phật vô thượng huệ, thì mới là thật diệt”. Nay con từ Phật nghe, chuyển thọ ký trang nghiêm, và lần lượt thọ ký, thân tâm khắp hoan hỷ).

Nửa bài kệ đầu trùng tụng thí dụ “quở trách” với pháp. Nửa bài kệ kế tiếp, trùng tụng kết hợp thí dụ “chỉ bày bảo châu” với pháp. Bài kệ cuối cùng, trùng tụng kết hợp thí dụ “khuyên đổi châu” với pháp.

Thọ ký cho một ngàn hai trăm vị [A La Hán] đã xong. Giải thích phẩm Ngũ Bách Độ Tử Thọ Ký cũng đã xong; kể đó, giải thích phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký.

9. Thọ Học Vô Học Nhân Ký Phẩm Độ Cửu

授學無學人記品第九

Phẩm thứ chín: Thọ ký cho bậc hữu học và vô học

Nghiên cứu lẽ Chân, đoạn Hoặc, hâm mộ, mong cầu kiến giải thù thắng, thì gọi là Học, tức Tam Quả Tứ Hướng chân vô lậu huệ. Chân cùng, Hoặc tận, kiến giải thù thắng đã tột cùng, chẳng còn học nữa, thì gọi là Vô Học, tức là quả A La Hán (Học và Vô Học khác biệt, tức Thế Giới Tất Đàn. Nghiên cứu lẽ Chân tức là Vị Nhân Tất Đàn. Đoạn Hoặc tức Đối Trị Tất Đàn. “Chân cùng, Hoặc tận” tức là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, dùng cách phân tích các pháp để thấu hiểu lẽ Chân thì gọi là Học. Hoặc (phiền não) hết sạch, thấu triệt cùng tận lẽ Chân thì gọi là Vô Học; đó là ý nghĩa [Vô Học] trong Tam Tạng. Dùng Thể pháp (Thể Không Quán) để thấu hiểu lẽ Chân thì gọi là Học. Vô chân, vô Hoặc thì gọi là Vô Học. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Từ cạn đến sâu thì là Học, Thông Hoặc và Biệt Hoặc đều hết, thấu đạt tột cùng Quyền lý và Thật lý thì là Vô Học. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Học hỏi, nghiên ngầm Như Lai Tạng, [đó chính là] hữu học mà vô học. Đối với Pháp Tánh Thật Tướng, chẳng phải là học, chẳng phải là vô học, tuy học mà vô học; đó là ý nghĩa trong Viên Giáo. Hai ngàn vị này hoặc là Học, hoặc là Vô Học, đều là bậc nhất, cùng lúc được thọ ký cùng một danh hiệu. Vì thế, lập riêng thành một phẩm.

Xét theo Bốn Tích, nơi Tích, ngài A Nan là bậc Hữu Học. Nơi Tích, La Hầu La là bậc Vô Học, nhưng nơi Bốn địa [cả hai vị] đều chẳng thể nghĩ bàn. Dùng điều này để suy lường hai ngàn vị kia, mỗi vị cũng đều phải có Bốn và Tích!

Xét theo quán tâm, bốn địa vị từ Danh Tự cho tới Phần Chứng được gọi là Học. Riêng địa vị Cứu Cánh được gọi là Vô Học. Địa vị Lý Túc chẳng phải Học, chẳng phải Vô Học. Lại nữa, Lục Túc đều chẳng phải là Học, chẳng phải Vô Học. Từ Phần Chứng trở đi, tuy là Học mà Vô Học. Lại nữa, Lý Túc có thể học mà vô học, cho đến Cứu Cánh cũng là học mà vô học.

9.1. Thọ ký hai ngàn người

9.1.1. Thỉnh cầu thọ ký

9.1.1.1. Hai vị thỉnh cầu

9.1.1.1.1. Thăm nghĩ thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, A Nan, La Hầu La nhi tác thị niệm: “Ngã đẳng mỗi tự tư duy, thiết đắc thọ ký, bất diệc khoái hồ?”

(經)爾時，阿難、羅睺羅而作是念：「我等每自思惟，設得授記，不亦快乎？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài A Nan và La Hầu nghĩ như thế này: “Chúng ta thường tư duy, nếu được thọ ký cũng chẳng vui sướng lắm ư?”)

9.1.1.1.2. Thốt lời thỉnh cầu

9.1.1.1.2.1. Dẫn lệ [Thanh Văn được thọ ký để thỉnh cầu]

(Kinh) Tức tùng tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, câu bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng ư thử, diệc ưng hữu phần, duy hữu Như Lai, ngã đẳng sở quy.

**(經)即從座起，到於佛前，頭面禮足，俱白佛言：
「世尊！我等於此，亦應有分，唯有如來，我等所歸。**

(Kinh: Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ chân Phật, đều bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con đối với chuyện này, cũng phải nên có phần, chỉ có Như Lai là chỗ nương về cho chúng con).

9.1.1.1.2.2. Dẫn điều mong mỏi [của đại chúng để thỉnh cầu được thọ ký]

(Kinh) Hựu ngã đẳng vi nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La sở kiến tri thức. A Nan thường vi thị giả, hộ trì pháp tạng. La Hầu La thị Phật chi tử. Nhược Phật kiến thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký giả, ngã nguyện ký mãn, chúng vọng diệc túc.

(經)又我等為一切世間天、人、阿修羅所見知識。阿難常為侍者，護持法藏。羅睺羅是佛之子。若佛見授阿耨多羅三藐三菩提記者，我願既滿，眾望亦足」。

(Kinh: Chúng con lại được hết thấy trời, người, A Tu La trong thế gian coi là bậc tri thức. A Nan thường làm thị giả, hộ trì pháp tạng. La Hầu La là con của Phật. Phật thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nguyện của con được thỏa, mà điều mong mỏi của đại chúng cũng trọn vẹn).

Xét theo đại chúng đã được liệt kê trước đó, hai vị này đều là bậc được nhiều người hay biết. Nay hai ngàn vị Hữu Học và Vô Học cùng được thọ ký là vì để dẫn khởi Thật, vì Tứ Tất Đàn.

Phần thứ nhất, “hai vị thỉnh cầu thọ ký” đã xong.

9.1.1.2. Kế đó, hai ngàn vị thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, học vô học Thanh Văn đệ tử nhị thiên nhân, giai tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, đáo ư Phật tiền, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng Thế Tôn, như A Nan, La Hầu La sở nguyện, trụ lập nhất diện.

(經)爾時，學無學聲聞弟子二千人，皆從座起，偏袒右肩，到於佛前，一心合掌，瞻仰世尊，如阿難、羅睺羅所願，住立一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, hai ngàn vị đệ tử Thanh Văn học và vô học, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải, đến trước đức Phật, nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng Thế Tôn, nguyện giống như A Nan và La Hầu La rồi đứng qua một bên).

Chỉ có ý nghĩa dẫn theo thể lệ (tức hàng Thanh Văn được thọ ký), chẳng dẫn điều mong mỏi. Vì thế, chỉ thâm niệm cầu thỉnh, chẳng thốt ra lời.

Phần thứ nhất, “thỉnh cầu thọ ký” đã xong.

9.1.2. Thọ ký

9.1.2.1. Thọ ký cho hai vị

9.1.2.1.1. Thọ ký A Nan

9.1.2.1.1.1. Trường Hàng

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo A Nan: - Nhữ u lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, đương cúng dường lục thập nhị ức chư Phật, hộ trì pháp tạng. Nhiên hậu, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giáo hóa nhị thập thiên vạn ức Hằng hà sa chư Bồ Tát đẳng, linh thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Quốc danh Thường Lập Thắng Phan. Kỳ độ thanh tịnh, lưu ly vi địa. Kiếp danh Diệu Âm Biến Mãn. Kỳ Phật thọ mạng, vô lượng thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp. Nhược nhân u thiên vạn ức vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trung toán số, giáo kế, bất năng đắc tri. Chánh Pháp trụ thế bội u thọ mạng. Tượng Pháp trụ thế, phục bội Chánh Pháp. A Nan! Thị Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Phật, vị thập phương vô lượng thiên vạn ức Hằng hà sa đẳng chư Phật Như Lai sở cộng tán thán, xưng kỳ công đức.

(經)爾時，佛告阿難：「汝於來世，當得作佛，號山海慧自在通王如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，當供養六十二億諸佛，護持法藏。然後，得阿耨多羅三藐三菩提，教化二十千萬億恆河沙諸菩薩等，令成阿耨多羅三藐三菩提。國名常立勝幡。其土清淨，琉璃為地。劫名妙音徧滿。其佛壽命，無量千萬億阿僧祇劫。若人於千萬億無量阿僧祇劫中算數，校計，不能得知。正法住世，倍於壽命。像法住世，復倍正法。阿難！是山海慧自在通王佛，為十方無量千萬億恆河沙等諸佛如來所共讚歎，稱其功德」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài A Nan: - Ông trong đời mai sau, sẽ được làm Phật, hiệu là *Son Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương*³⁰⁶ (*Sāgaradhara-buddhivikrīḍitarājābhijña*) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ông sẽ cúng dường sáu mươi hai ức chư Phật, hộ trì pháp tạng. Sau đấy, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, giáo hóa hai mươi ngàn vạn ức Hằng hà sa các vị Bồ Tát, khiến họ đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cõi nước tên là *Thường Lập Thắng Phan* (*Avanāmita-vaijayantā*)³⁰⁷. Cõi ấy thanh tịnh, lưu ly làm đất. Kiếp tên *Diệu Âm Biến Mãn* (*Manojñaśabdābhi-garjita*)³⁰⁸. Đức Phật ấy có thọ mạng đến vô lượng ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp. Nếu có kẻ trong ngàn vạn ức vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tính toán, so, đếm, vẫn chẳng thể biết [con số ấy]. Chánh Pháp trụ thế gấp bội thọ mạng. Tượng Pháp trụ thế lại gấp bội Chánh Pháp. Này A Nan! Vị *Son Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Phật* ấy được mười phương vô lượng ngàn vạn ức chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng cùng tán thán, ca ngợi công đức của Ngài).

9.1.2.1.1.2. Trùng tụng

(Kinh) *Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã kim tăng trung thuyết, A Nan trì pháp giả, đương cúng dường chư Phật, nhiên hậu thành Chánh Giác. Hiệu viết Sơn Hải Huệ, Tụ Tại Thông Vương Phật. Kỳ quốc độ thanh tịnh, danh Thường Lập Thắng Phan. Giáo hóa chư Bồ Tát, kỳ số như Hằng sa. Phật hữu đại oai đức, danh văn mãn thập phương. Thọ mạng vô hữu lượng. Dĩ mãn chúng sanh cố, Chánh Pháp trụ bội thọ, Tượng Pháp*

³⁰⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài A Nan do cái nhân đa văn, hộ trì pháp tạng, cảm vời quả đức trí huệ cao sâu, ví như non cao, biển thẳm. Thần thông tự tại, là vua của các pháp, cho nên khi thành Phật có đức hiệu là *Son Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương*”.

³⁰⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật dùng chánh pháp để duy trì cõi đời, được cõi đời quy ngưỡng, như lập cột phan nơi phạm sát (tự viện), nhằm biểu lộ dấu tích thù thắng, khiến cho hết thấy đều quy kính. Vì thế, dùng danh xưng ấy (*Thường Lập Thắng Phan*) để đặt tên cho quốc độ”.

³⁰⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Pháp âm vi diệu, tùy thời ứng hợp căn cơ, trọn khắp pháp giới, cho nên dùng danh hiệu ấy (*Diệu Âm Biến Mãn*) để đặt tên cho thời kiếp”.

phục bội thị, như Hằng hà sa đẵng. Vô số chư chúng sanh, u thử Phật pháp trung, chủng Phật đạo nhân duyên.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我今僧中說，阿難持法者，當供養諸佛，然後成正覺。號曰山海慧，自在通王佛。其國土清淨，名常立勝幡。教化諸菩薩，其數如恆沙。佛有大威德，名聞滿十方。壽命無有量。以愍眾生故，正法住倍壽，像法復倍是，如恆河沙等。無數諸眾生，於此佛法中，種佛道因緣」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nay ta nói trong tăng, A Nan người trì pháp, sẽ cúng dường chư Phật, sau đó thành Chánh Giác. Hiệu là Sơn Hải Huệ, Tự Tại Thông Vương Phật. Cõi nước ấy thanh tịnh, tên Thường Lập Thắng Phan. Giáo hóa các Bồ Tát, số như cát sông Hằng. Phật có oai đức lớn, danh rền khắp mười phương. Thọ mạng chẳng hạn lượng. Vì thương xót chúng sanh, Chánh Pháp gấp bội thọ, Tượng Pháp gấp bội đó, nhiều như cát sông Hằng. Vô số các chúng sanh, ở trong Phật pháp ấy, gieo nhân duyên Phật đạo).

9.1.2.1.1.3. Các vị tân phát ý sanh nghi

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung tân phát ý Bồ Tát bát thiên nhân, hàm tác thị niệm: “Ngã đẵng thượng bất văn chư đại Bồ Tát đắc như thị ký. Hữu hà nhân duyên, nhi chư Thanh Văn đắc như thị quyết?”

(經)爾時，會中新發意菩薩八千人，咸作是念：「我等尚不聞諸大菩薩得如是記。有何因緣，而諸聲聞得如是決？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, tám ngàn người thuộc hàng tân phát ý Bồ Tát trong hội, đều nghĩ như thế này: “Chúng ta còn chưa nghe các vị đại Bồ Tát được thọ ký như thế. Do có nhân duyên nào mà các Thanh Văn được thọ ký như thế?”)

9.1.2.1.1.4. Như Lai giải trừ mối nghi

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri chư Bồ Tát tâm chi sở niệm, nhi cáo chi viết: - Chư thiện nam tử! Ngã dĩ A Nan đẳng, ư Không Vương Phật sở, đồng thời phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. A Nan thường nhạo đa văn, ngã thường cần tinh tấn. Thị cố, ngã dĩ đắc thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhi A Nan hộ trì ngã pháp, diệc hộ tương lai chư Phật pháp tạng, giáo hóa thành tựu chư Bồ Tát chúng. Kỳ bốn nguyện như thị, cố hoạch tư ký.

(經)爾時，世尊知諸菩薩心之所念，而告之曰：「諸善男子！我與阿難等，於空王佛所，同時發阿耨多羅三藐三菩提心。阿難常樂多聞，我常勤精進。是故，我已得成阿耨多羅三藐三菩提，而阿難護持我法，亦護將來諸佛法藏，教化成就諸菩薩眾。其本願如是，故獲斯記」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết suy nghĩ của các vị Bồ Tát, bèn bảo rằng: - Các thiện nam tử! Ta cùng A Nan v.v... ở chỗ Không Vương (Dharma-gaganābhyudgatarāja)³⁰⁹ Phật, cùng lúc phát tâm Vô

³⁰⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tát Cánh Không là vua của chư Phật. Phật hành Tát Cánh Không, cho nên hiệu là Không Vương Phật. Do vậy, Trí Độ Luận viết: ‘Tánh Không là hạnh của Bồ Tát, Tát Cánh Không là hạnh của Phật’. Vị Phật này còn được nhắc đến trong các kinh. Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm có nói Phật Thích Ca còn tu nhân, từng làm vương tử Thiện Phục con của vua Thắng Quang. Do phát tâm tu Bồ Tát hạnh, vương tử xin vua cha phế trừ nhà tù. Năm trăm vị đại thần kịch liệt phản đối. Vương tử vẫn khẳng khái đòi thả tội nhân. Cuối cùng trước sức ép của các đại thần, vua Thắng Quang hạ lệnh xử tử Thiện Phục. Trên đường đến đài hành hình, Thiện Phục được nghe Pháp Luân Âm Hư Không Đẳng Vương Như Lai dạy môn giải thoát sanh thiện căn, liền theo Phật xuất gia. Phật thọ ký: ‘Đời sau ông sẽ gặp Pháp Không Vương Như Lai để thừa sự, cúng dường. Sau đó, cũng sẽ gặp Không Vương Như Lai để thừa sự cúng dường’. Trong phần hai mươi lăm pháp Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, Hóa Đầu Kim Cang Ô Sô Sắt Ma (Uế Tích Kim Cang) trần thuật nhân địa, cho biết: Ngài nhiều ức kiếp lâu xa trước kia, tánh nhiều tham dục, có Phật xuất thế, tên là Không Vương Như Lai, dạy Ngài lỗi hại của tham dục, và dạy phép quán các đốt xương trong thân, biến đổi lửa dâm thành lửa trí huệ. Ngài nói: ‘Con do sức của Hóa Quang tam-muội mà thành A La Hán, tâm phát đại nguyện, chư Phật thành đạo, con sẽ làm lực sĩ, thân cận chế phục ma oán. Phật hỏi pháp Viên Thông, con quán kỹ noãn xúc (cảm giác ấm nóng) nơi

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nan thường chuộng đa văn, ta thường siêng tinh tấn. Vì thế, ta đã thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn A Nan hộ trì pháp của ta, cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa hồng thành tựu các vị Bồ Tát. Bốn nguyện như thế, cho nên được thọ ký như thế).

9.1.2.1.1.5. A Nan trần thuật, tán thán

(Kinh) A Nan diện ư Phật tiền, tự văn thọ ký, cập quốc độ trang nghiêm, sở nguyện cụ túc, tâm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu. Tức thời, ức niệm quá khứ vô lượng thiên vạn ức chư Phật pháp tạng, thông đạt vô ngại như kim sở văn, diệt thức bốn nguyện. Nhĩ thời, A Nan nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn thậm hy hữu, linh ngã niệm quá khứ, vô lượng chư Phật pháp, như kim nhật sở văn. Ngã kim vô phục nghi, an trụ ư Phật đạo. Phương tiện vi thị giả, hộ trì chư Phật pháp.

(經)阿難面於佛前，自聞授記，及國土莊嚴，所願具足，心大歡喜，得未曾有。即時，憶念過去無量千萬億諸佛法藏，通達無礙如今所聞，亦識本願。爾時，阿難而說偈言：「世尊甚希有，令我念過去，無量諸佛法，如今日所聞。我今無復疑，安住於佛道。方便為侍者，護持諸佛法」。

(Kinh: A Nan đối trước đức Phật, tự nghe thọ ký, và cõi nước trang nghiêm, sở nguyện trọn đủ, tâm hoan hỷ to lớn, đạt được điều chưa từng có. Ngay lập tức, nghĩ nhớ pháp tạng của quá khứ vô lượng ngàn vạn ức chư Phật, thông đạt vô ngại như nghe trong hiện thời, và cũng biết bốn nguyện. Khi đó, ngài A Nan bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn rất hy hữu, khiến con nhớ quá khứ, vô lượng các Phật pháp, như ngày nay được nghe. Con nay chẳng còn nghi, an trụ trong Phật đạo. Phương tiện làm thị giả, hộ trì các Phật pháp).

thân tâm lưu thông vô ngại, các lậu liên tiêu, sanh đại bảo diệm (ngọn lửa báu lớn), chứng Vô Thượng Giác. Đó là đệ nhất'. Ngoài ra các kinh Yếu Hành Xả Thân và Quán Phật Tam Muội Hải đều có nhắc đến Không Vương Phật. Do sợ rườm rà, không trích lục vào đây".

Phần thứ nhất, “thọ ký cho A Nan” đã xong.

9.1.2.1.2. Thọ ký La Hầu La

9.1.2.1.2.1. Trường Hàng

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo La Hầu La: - Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đương cúng dường thập thế giới vi trần đẳng số chư Phật Như Lai, thường vị chư Phật nhi tác trưởng tử, do như kim dĩ. Thị Đạo Thất Bảo Hoa Phật, quốc độ trang nghiêm, thọ mạng kiếp số, sở hóa đệ tử, Chánh Pháp, Tượng Pháp diệc như Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai vô dị, diệc vị thử Phật nhi tác trưởng tử. Quá thị dĩ hậu, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)爾時，佛告羅睺羅：「汝於來世，當得作佛，號蹈七寶華如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。當供養十世界微塵等數諸佛如來，常為諸佛而作長子，猶如今也。是蹈七寶華佛，國土莊嚴，壽命劫數，所化弟子，正法，像法亦如山海慧自在通王如來無異，亦為此佛而作長子。過是已後，當得阿耨多羅三藐三菩提」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài La Hầu La: - Ông trong đời tương lai, sẽ được thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa (Saptaratnapadmavikrama)³¹⁰ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Sẽ cúng dường chư Phật Như Lai nhiều như số vi trần trong mười thế giới, thường làm con

³¹⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trí Độ Luận dùng bảy loại hoa để sánh ví Thất Giác Chi. Nay dùng hoa để biểu thị diệu hạnh, từ hạnh mà nêu rõ cái quả, cho nên gọi là Đạo Thất Bảo Hoa”.

trưởng của chư Phật giống như hiện thời. Quốc độ của vị Đạo Thất Bảo Hoa Phật ấy trang nghiêm, thọ mạng, kiếp số, các đệ tử được giáo hóa, Chánh Pháp, Tượng Pháp cũng giống như Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai chẳng khác, cũng làm trưởng tử cho vị Phật ấy. Từ đó về sau, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

9.1.2.1.2.2. Trùng Tụng

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã vi Thái Tử thời, La Hầu vi trưởng tử. Ngã kim thành Phật đạo, thọ pháp vi pháp tử. Ư vị lai thế trung, kiến vô lượng ức Phật, giai vi kỳ trưởng tử. Nhất tâm cầu Phật đạo. La Hầu La mật hạnh, duy ngã năng tri chi. Hiện vi ngã trưởng tử, dĩ thị chư chúng sanh, vô lượng ức thiên vạn, công đức bất khả số. An trụ ư Phật pháp, dĩ cầu vô thượng đạo.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我為太子時，羅睺為長子。我今成佛道，受法為法子。於未來世中，見無量億佛，皆為其長子。一心求佛道。羅睺羅密行，唯我能知之。現為我長子，以示諸眾生，無量億千萬，功德不可數。安住於佛法，以求無上道」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Khi ta làm Thái Tử, La Hầu làm con trưởng. Ta nay thành Phật đạo, thọ pháp làm pháp tử. Ở trong đời vị lai, thấy vô lượng ức Phật, làm con trưởng các Ngài. Nhất tâm cầu Phật đạo. Mật hạnh La Hầu La, chỉ ta có thể biết. Hiện làm con trưởng ta, để chỉ dạy chúng sanh, vô lượng ức ngàn vạn, công đức chẳng thể tính. An trụ trong Phật pháp, để cầu vô thượng đạo).

Phần thứ nhất, “thọ ký cho hai vị” đã xong.

9.1.2.2. Kế đó, thọ ký cho hai ngàn vị

9.1.2.2.1. Trường Hàng

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn kiến Học Vô Học nhị thiên nhân, kỳ ý nhu nhuyển, tịch nhiên thanh tịnh, nhất tâm quán Phật. Phật cáo A Nan: “Nhữ kiến thị Học Vô Học nhị thiên nhân phủ?” “Dụy nhiên dĩ kiến!” “A Nan! Thị chư nhân đẳng, đương cúng dường ngũ thập thế giới vi trần số chư Phật Như Lai, cung kính, tôn trọng, hộ trì pháp tạng. Mạt hậu, đồng thời ư thập phương quốc, các đắc thành Phật, giai đồng nhất hiệu, danh viết Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng nhất kiếp, quốc độ trang nghiêm, Thanh Văn, Bồ Tát, Chánh Pháp, Tượng Pháp, giai tất đồng đẳng”.

(經)爾時，世尊見學無學二千人，其意柔輒，寂然清淨，一心觀佛。佛告阿難：「汝見是學無學二千人不？」

「唯然已見！」「阿難！是諸人等，當供養五十世界微塵數諸佛如來，恭敬，尊重，護持法藏。末後，同時於十方國，各得成佛，皆同一號，名曰寶相如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。壽命一劫，國土莊嚴，聲聞、菩薩，正法，像法，皆悉同等」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thấy Học và Vô Học hai ngàn người, tâm ý nhu nhuyển, vắng lặng, thanh tịnh, nhất tâm quán Phật. Đức Phật bảo A Nan: “Ông có thấy hai ngàn vị Học Vô Học này hay không?” “Thưa vâng, con đã thấy”. “Này A Nan! Những người này sẽ cúng dường chư Phật Như Lai nhiều như số vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính, tôn trọng, hộ trì pháp tạng. Cuối cùng, đồng thời ở các cõi nước trong mười phương, đều được thành Phật, đều cùng một hiệu, tên là Bảo Tướng (Ratnaketurāja) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng một kiếp, quốc độ trang nghiêm, Thanh Văn, Bồ Tát, Chánh Pháp, Tượng Pháp thấy đều như nhau”).

9.1.2.2.2. Trùng tụng

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhị thiên Thanh Văn, kim ư ngã tiền trụ, tất giai dĩ thọ ký, vị lai đương thành Phật. Sở cúng dường chư Phật, như thượng thuyết trần số, hộ trì kỳ pháp tạng. Hậu đương thành Chánh Giác, các ư thập phương quốc, tất đồng nhất danh hiệu, câu thời tọa đạo tràng, dĩ chứng vô thượng huệ, giai danh vi Bảo Tướng. Quốc độ cập đệ tử, Chánh Pháp dĩ Tượng Pháp, tất đẳng vô hữu dị. Hàm dĩ chư thần thông, độ thập phương chúng sanh, danh văn phổ châu biến, tiệp nhập ư Niết Bàn.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是二千聲聞，今於我前住，悉皆與授記，未來當成佛。所供養諸佛，如上說塵數，護持其法藏。後當成正覺，各於十方國，悉同一名號，俱時坐道場，以證無上慧，皆名為寶相。國土及弟子，正法與像法，悉等無有異。咸以諸神通，度十方眾生，名聞普周徧，漸入於涅槃」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Hai ngàn Thanh Văn này, nay đứng ở trước ta, thấy đều được thọ ký, mai sau sẽ thành Phật. Họ cúng dường chư Phật, như trần số đã nói. Hộ trì Phật pháp tạng. Sau đó, thành Chánh Giác, đều trong mười phương cõi, đều cùng một danh hiệu, cùng lúc đến đạo tràng, để chứng vô thượng huệ, đều tên là Bảo Tướng. Quốc độ và đệ tử, Chánh Pháp và Tượng Pháp, đều như nhau chẳng khác. Dùng các thần thông, độ mười phương chúng sanh, tiếng tăm trọn rền khắp, dần tiến nhập Niết Bàn).

9.1.2.2.3. Được thọ ký hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, học vô học nhị thiên nhân, văn Phật thọ ký, hoan hỷ, dũng dục, nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn huệ đẳng minh, ngã văn thọ ký âm, tâm hoan hỷ sung mãn, như cam lộ kiến quán.

(經)爾時，學無學二千人，聞佛授記，歡喜，踊躍，而說偈言：「世尊慧燈明，我聞授記音，心歡喜充滿，如甘露見灌」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, hai ngàn vị học vô học nghe đức Phật thọ ký, hoan hỷ, hớn hởi, bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn đèn huệ sáng, con nghe tiếng thọ ký, tâm hoan hỷ tràn đầy, như được rưới cam lộ).

Phần thứ hai, chánh thuyết của Tích Môn đã xong.

Giải thích phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký đã xong; kế tiếp sẽ giải thích phẩm Pháp Sư.

10. Pháp Sư Phẩm Đệ Thập

法師品第十

Phẩm thứ mười: Pháp Sư

Phẩm này nêu ra năm loại pháp sư: Một là thọ trì, hai là đọc, ba là tụng, bốn là giải nói, năm là biên chép. Đại Luận nói sáu loại pháp sư:

- Một, do tín lực nên Thọ.
- Hai, do niệm lực nên Trì.
- Ba, do xem kinh văn nên Đọc.
- Bốn, chẳng quên là Tụng.
- Năm, tuyên truyền là nói.
- Sáu, kinh sách của thánh nhân khó hiểu, cần phải giải thích.

Nay kinh này gộp chung Thọ và Trì thành một, gộp chung Giải và Thuyết thành một, cho nên Biên Chép trở thành điều thứ năm. Nếu luận định riêng biệt, bốn điều kia là tự hành, còn giải nói (Giải Thuyết) nhằm hóa độ người khác. Nếu luận định chung, nếu chính mình vâng theo năm pháp đó, sẽ gọi là “tự hành pháp sư”. Dạy người khác năm pháp thì gọi là “hóa tha pháp sư”. Vì sao nói như vậy? “Pháp” là khuôn phép. “Sư” là bậc thầy dạy bảo. Pháp tuy có thể noi theo, nhưng tự nó vốn chẳng thể tự hoàng truyền. Được lưu truyền là do con người. Năm loại người thông kinh (lưu truyền kinh điển) đều được gọi là Sư. Nêu ra pháp để thành tựu tự hạnh, đều lấy diệu pháp làm thầy. Tôn diệu pháp làm thầy, tự hạnh thành tựu; vì thế gọi là Pháp Sư.

Lại có năm loại người có thể dùng diệu pháp để dạy bảo họ. Vì thế, nêu ra pháp hòng đặt tên cho thầy, cho nên gọi là Pháp Sư. Dù là pháp để tự uốn nắn mình, hay là pháp để đào luyện người khác, đều được gọi là Pháp Sư Phẩm. Đây là giải thích theo Nhân Duyên (Tự hành và hóa độ người khác bất đồng, tức là Thế Giới Tất Đàn. Tự hạnh thành tựu tức là Sanh Thiện Tất Đàn. Hóa độ người khác trừ ác chính là Đối Trị Tất Đàn. Mình và người đều cùng đạt được thì gọi là Pháp Sư, chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, mỗi giáo trong bốn giáo đều có “chủ thể diễn nói” (năng thuyết) và “pháp được diễn nói” (sở thuyết), đều được gọi là Pháp. Mỗi giáo đều luận định tự hành và hóa độ người khác, đều được gọi là Sư. Nay chỉ luận theo Viên Giáo, thì là năm loại [pháp sư] trong Viên Giáo. Nếu nói theo cách rút gọn, thì gộp năm loại thành bốn loại, tức là Tứ An Lạc Hạnh như sẽ được nói trong phần sau. Lại gom thành ba loại thì là ba nghiệp:

- Thọ trì là ý nghiệp.
- Đọc tụng, diễn nói là khẩu nghiệp.
- Biên chép là thân nghiệp.

Luận định riêng biệt thì khẩu nghiệp là hóa độ người khác, còn thân nghiệp và ý nghiệp là tự hành. Luận định chung thì tự uốn nắn ba nghiệp chính là tự hành pháp sư. Dùng tam nghiệp [làm gương] để răn dạy chính là hóa tha pháp sư. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư. Lại là ba môn:

- Hành năm pháp ấy để huân tu chính mình, tức là phước đức môn.
- Hoảng truyền, tuyên dương năm pháp hòng lợi ích người khác rộng lớn, tức là hóa tha môn.
- Tự tu hay lợi ích người khác đều tùy thuận giáo pháp của đức Phật, chính là báo ân môn.

Luận định riêng thì tự tu và báo ân gọi là tự hành. Tạo ích lợi người khác chính là hóa tha. Luận định chung thì tự uốn nắn và uốn nắn người khác, đều gọi là pháp sư. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư.

Lại còn là Tam Quỹ (三軌, ba thứ khuôn phép):

- Đọc tụng và biên chép là ngoại hạnh, tức áo của Như Lai.
- Thọ trì là nội hạnh, tức tòa của Như Lai.
- Giải nói hòng lợi ích người khác, chính là nhà của Như Lai.

Luận định riêng thì “nhà” chính là đào tạo người khác, áo và tòa là tự đào luyện chính mình. Luận định chung, từ bi che chở chúng sanh, lợi ích rộng lớn quy về chính mình, gọi là “*như thất*” (giống như nhà). Ngăn che điều ác của kẻ khác, chướng ngại điều xấu xa của chính mình, được gọi là Y. An tâm nơi Không thì mới có thể an người khác. An người khác và an chính mình thì gọi là Tòa. Đây chính là dùng ba pháp để tự uốn nắn mình, cũng gọi là Pháp Sư. Lợi lạc chúng sanh ắt dùng “*từ bi nhập thất*” làm đầu, ắt kèm thêm dùng nhẫn nhục làm nền tảng. Giúp đỡ người khác, ắt lấy “quên chính mình” làm gốc. Có thể hành ba pháp ấy, đại giáo sẽ được tuyên dương, thông truyền, kham làm bậc y chỉ cho thế gian. Vì thế, gọi là Pháp Sư Phẩm.

Lại gom thành hai, tức là tự hành và hóa tha, điều này dễ biết. Lại rút gọn thành một, tức là Như Lai hạnh trọn đủ hết thấy các hạnh. Luận định chung thì Bi dẹp trừ hết thấy các khổ, tức là các nỗi khổ trong bốn đường, tam giới, Nhị Thừa và Bồ Tát. Lòng Từ ban vui cho hết thấy, tức là các niềm vui nhân, thiên, Niết Bàn thường trụ v.v... Áo “*nhu hòa*” ngăn che hết thấy các điều xấu xa, tức là các điều xấu xa như tứ trụ, vô tri, vô minh v.v... “*Không tòa*” quên hết thấy các tướng, tức là hữu tướng, vô tướng, phi hữu phi vô tướng. Luận định riêng thì từ bi sanh ra hết thấy điều thiện, nhu hòa ngăn che hết thấy điều ác, Không tòa quét sạch hết thấy các tướng. Lại nữa, Từ và Nhẫn lập hết thấy phước đức, Không tòa thành tựu hết thấy trí huệ. Trí huệ là mắt, phước đức là chân. Lại nữa, từ bi thắng hết thấy Thanh Văn và Duyên Giác, nhu hòa thắng hết thấy phàm phu, ngoại đạo. Không tòa thắng các hạng Bồ Tát Tích, Thế, Thiên v.v...

Lại nữa, từ bi phá thiên ma, nhu hòa phá Âm ma, Không phá phiền não ma và tử ma. Lại nữa, do Từ và Nhẫn nên có thể hỏi. Do Không tòa nên có thể đáp, trọn đủ hai thứ trang nghiêm. Lại nữa, do quán Không nên có thể hỏi. Do Từ và Nhẫn nên có thể đáp. Lại nữa, do Từ và Nhẫn cho nên có thể gieo, có thể lập, có thể bồi đắp. Do Không Huệ cho nên có thể cày, có thể phá, có thể hướng dẫn. Lại nữa, do từ bi cho nên há có gì ngăn cách. Do nhu hòa nên há có gì trở ngại? Do Không tòa nên há có gì tranh giành? Vì thế, kinh dạy: “*Nhất thiết thiện pháp, từ vi căn bản, nhẫn nhục đệ nhất đạo, vô tướng tối thượng*” (Hết thấy các thiện pháp, lấy lòng Từ làm căn bản. Nhẫn nhục đạo bậc nhất, vô tướng tối thượng). Vô tướng chính là các pháp Không. Nếu luận theo hạnh trong Viên Giáo, sẽ nói chẳng thể tận, [luận định] chi tiết thì như

Nhất Tâm Ngũ Hạnh trong phần Huyền Nghĩa đã thâm nhiếp hết thấy các hạnh.

Hỏi: - Vì sao dựa theo ba pháp để giải thích Pháp Sư?

Đáp: - Nếu một mực luận định theo mặt Sự, ắt cần phải đăng đường, y phục tề chỉnh, ngồi nơi tòa rồi mới có thể phô diễn, hoàng dương. Vì thế, dựa theo ba pháp. Nếu gộp chung Sự và Lý để luận định, mê hoặc chẳng ra ngoài ba loại:

- Một là do khổ quả mà đày Hoặc, ắt cần dùng từ bi để dẹp khổ, ban vui.

- Hai là do kết nghiệp mà khởi Hoặc, cần phải dùng nhu hòa và nhẫn nhục để xa lìa.

- Ba là dựa theo đế lý mà khởi Hoặc, cần phải dùng Pháp Không để liễu đạt (hai loại đầu thuộc về Sự, loại cuối thuộc về Lý. Lý và Sự đều là cảnh bị mê).

Nếu chỉ xét theo Lý, do mê Chân nên đọa khổ, cần phải dùng Từ Bi môn. Do mê Tục nên chìm đắm trong Không, hưởng lạc, cần phải dùng Hòa Nhẫn môn (nhu hòa và nhẫn nhục). Do mê Trung nên trở thành trí chướng, cần phải dùng Pháp Không môn. Bốn Tích và quán tâm có thể hiểu.

*** Phần lưu thông của Tích Môn**

Năm phẩm kinh không chỉ tạo lợi ích phủ rợp thuở ấy, mà còn nhuần thấm tận đời vị lai:

- Một là phẩm Pháp Sư.

- Hai là phẩm Bảo Tháp, đều nêu rõ: Hoàng truyền kinh có công đức sâu thẳm, phước nặng, lợi ích rộng lớn.

- Ba là phẩm Đề Bà Đạt Đa, dẫn chuyện hoàng kinh thuở xa xưa, khiến cho mình lẫn người đều được lợi ích, hòng chứng minh công đức sâu nặng.

- Bốn là phẩm Trì, tám vạn Đại Sĩ nhẫn lực thành tựu, hoàng kinh trong cõi này. Những người mới được thọ ký, hoàng kinh trong cõi khác.

- Năm là phẩm An Lạc Hạnh, ngoại phạm sơ tâm vui thích phước thù thắng ấy, thấy Thanh Văn sợ hãi, nghe Bồ Tát bị xua đuổi, làm nhục, nghĩ mình sức kém, vô ích cho mình lẫn người, liền sanh tâm thoái thất. Vì hạng người ấy, đức Phật nói An Lạc Hạnh để họ nương theo đó mà hoàng pháp, chẳng lo nguy khổ.

Lại nữa, trong phẩm Pháp Sư, đức Thích Ca tự nói công đức và phước đức của việc hoằng kinh, truyền dạy tìm kiếm người [phát nguyện] lưu thông. Trong phẩm Bảo Tháp, Đa Bảo Phật và phân thân [của Phật Thích Ca] vừa chứng minh vừa tán trợ, khuyên nhủ, tìm kiếm người lưu thông (vì chứng minh kinh Pháp Hoa mà tháp báu hiện tới. Phân thân [của Phật Thích Ca] do giúp mở tháp báu mà tụ tập).

10.1. Khen ngợi người có thể trì pháp

10.1.1. Nói rõ các đệ tử thọ lãnh đạo pháp có công sâu, phước nặng

10.1.1.1. Đệ tử thời đức Phật tại thế

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhân Dược Vương Bồ Tát, cáo bát vạn Đại Sĩ: - Dược Vương! Nhữ kiến thị đại chúng trung, vô lượng chư thiên, long vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân dữ phi nhân, cập tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cầu Thanh Văn giả, cầu Bích Chi Phật giả, cầu Phật đạo giả, như thị đẳng loại, hàm ư Phật tiền, văn Diệu Pháp Hoa Kinh nhất kệ, nhất cú, nãi chí nhất niệm tùy hỷ giả, ngã giai dữ thọ ký đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)爾時，世尊因藥王菩薩，告八萬大士：「藥王！

汝見是大眾中，無量諸天、龍王、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人與非人、及比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，求聲聞者，求辟支佛者，求佛道者，如是等類，咸於佛前，聞妙法華經一偈，一句，乃至一念隨喜者，我皆與授記當得阿耨多羅三藐三菩提」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn do nói với Dược Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát mà bảo tám vạn Đại Sĩ: - Nay Dược Vương! Ông thấy trong đại chúng đây, vô lượng chư thiên, long vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và chẳng phải người, cùng với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là kẻ cầu Thanh Văn, kẻ cầu Bích Chi Phật, là kẻ cầu Phật đạo, các loại như thế đều ở trước Phật nghe một bài kệ, hoặc một câu kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho đến một niệm tùy hỷ, ta đều thọ ký [người ấy] sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

“*Nhân*” là nhờ vào. “*Cáo*”: Bảo trọn khắp. Dược Vương Bồ Tát³¹¹ vị pháp thiêu thân. Tám vạn Đại Sĩ nhẫn lực sâu chắc, cho nên nay lưu truyền diệu pháp. Trước hết, do nói với Dược Vương mà bảo trọn khắp tám vạn [Bồ Tát], mong họ sẽ siêng ròng hộ trì, giúp đỡ tuyên dương. Từ câu “*nhữ kiến thị đại chúng đẳng*” (ông thấy đại chúng này hay chẳng) trở đi là thọ ký trọn khắp. Không chỉ riêng Thân Tử, mà còn có bốn vị, Mãn Từ Tử, năm trăm Thanh Văn, và một ngàn, hai ngàn vị Thanh Văn được thọ ký đâu nhé, mà người cầu tam thừa trong tám bộ bốn chúng chỉ nghe một kệ hoặc một câu, nhất niệm tùy hỷ, đều được thành Phật, quyết định chẳng nghi ngờ! Vì thế, nay đều vì họ mà thọ ký trọn khắp.

“*Nhất kệ, nhất cú*” (Một kệ, một câu): Nêu ra ít để sánh ví nhiều. “*Nhất niệm tùy hỷ*”: Nêu cạn để suy ra sâu. Được nghe bất luận bài kệ nào, câu kinh nào, chỉ cần sao cho ý nghĩa ứng hợp với Quyền, Thật,

³¹¹ Dược Vương Bồ Tát là một trong hai mươi lăm vị đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau này, Ngài sẽ thành Phật, có hiệu là Tịnh Nhân Như Lai. Theo kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát, trong quá khứ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp trước, có một quốc độ tên là Huyền Thắng Phan. Trong cõi ấy, có Phật xuất thế hiệu là Lưu Ly Quang Chiếu Như Lai. Sau khi đức Phật ấy nhập Niết Bàn, trong thời Tượng Pháp có tỳ-kheo Nhật Tạng, thông minh, đa trí, vì đại chúng rộng nói Đại Thừa. Trong thính chúng, có trưởng giả Tinh Tú Quang nghe kinh Đại Thừa Bình Đẳng Đại Huệ, trong tâm mười phần hoan hỷ, dùng dược thảo tốt lành tại Tuyết Sơn dâng cúng tỳ-kheo Nhật Tạng và chúng tăng, phát nguyện hồi hướng công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề. Ngài lại phát nguyện, nếu chúng sanh nghe tên Ngài sẽ trừ bệnh khổ. Lúc đó, em trai của trưởng giả tên là Nguyệt Quang cũng bắt chước anh, dâng thuốc tốt lành lên tỳ-kheo Nhật Tạng và chúng tăng, cũng phát đại Bồ Đề tâm, nguyện được thành Phật. Khi ấy, đại chúng đều cùng tán thán trưởng giả Tinh Tú Quang là bậc dược vương, gọi Nguyệt Quang là dược thượng (bậc đứng đầu về thuốc). Do vậy, hai Ngài thường dùng danh xưng Dược Vương và Dược Thượng để tu hành. Trong kinh Pháp Hoa, có riêng hai phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự và Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự trần thuật nhân hạnh của hai Ngài. Có thuyết nói hai vị Nhật Quang và Nguyệt Quang Bồ Tát (thị giả của Phật Dược Sư chính là Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát). Theo kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát cao mười hai do-tuần, thân kim sắc, đủ ba mươi hai tướng đại nhân và tám mươi tùy hình hảo chẳng khác gì Ứng Thân Phật. Trên nhục kế có mười bốn viên châu Ma Ni. Mỗi viên châu có mười bốn cạnh, mỗi cạnh có mười bốn đóa hoa để trang nghiêm mào trời. Trong mào trời có mười phương Phật và các vị Bồ Tát, đều hiện bóng trong các bảo châu. Giữa hai chân mày của Ngài có tướng bạch lưu ly, từ các đầu ngón tay thường tuôn ra mưa bảy báu.

Bổn, Tích, Thập Diệu, Tứ Nhất v.v... thì công và phước đều là như thế. [Ở đây, nói tới] tùy hỷ thì chẳng bàn tới đọc tụng hay tu hành, chỉ cốt sao có thể trong một niệm tâm, hiểu sâu đậm “khai Quyền, hiển Thật”, tức là Lý vốn chẳng Quyền, chẳng Thật. Cho nên có thể Quyền, có thể Thật, Quyền và Thật chẳng hai, Sự và Lý viên dung, tánh có đủ phiên nào mà có thể biết tạng bí mật của Như Lai! Lại còn ngay trong một niệm tâm, rộng hiểu hết thấy tâm và hết thấy pháp đều là Phật pháp chẳng có chướng ngại. Nếu muốn phân biệt, sẽ biện thuyết vô cùng. Pháp đã là như thế, người cũng là như thế. Trong kinh văn thuộc phần sau, ngài Thường Bất Khinh thọ ký tứ chúng, chính là vì đã lãnh hội ý này vậy. Do đó, Đại Kinh nói: “*Ninh nguyện thiếu văn, đa giải nghĩa vị*” (Nguyện thà ít nghe để hiểu được nghĩa vị nhiều hơn). Nghĩa này đến phần sau, khi giải thích phẩm Tùy Hỷ Công Đức sẽ lại nói.

10.1.1.2. Độ tử sau khi đức Phật nhập diệt

(Kinh) Phật cáo Dược Vương: - Hữu Như Lai diệt độ chi hậu, nhược hữu nhân văn Diệu Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất kệ, nhất cú, nhất niệm tùy hỷ giả, ngã diệc dữ thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.

(經)佛告藥王：「又如來滅度之後，若有人聞妙法華經，乃至一偈，一句，一念隨喜者，我亦與授阿耨多羅三藐三菩提記。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Dược Vương: - Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thậm chí một bài kệ, một câu, [mà sanh] một niệm tùy hỷ, ta cũng thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho người ấy).

Sau khi Phật diệt độ, nghe kinh tùy hỷ, công và phước ấy giống hệt như khi đức Phật tại thế. Cho nên cũng cùng được thọ ký.

Phần thứ nhất, “nói rõ các đệ tử bẩm thọ đạo pháp có công sâu phước nặng” đã xong.

10.1.2. Nói rõ Pháp sư dạy đạo công sâu, phước nặng

10.1.2.1. Trường Hàng

Phần này chia thành Biệt Minh và Tổng Minh. “*Biệt*” là [căn cơ của mỗi] người có thượng, hạ; thời có hiện tại và vị lai. “*Tổng*” là bất luận thượng hạ, hoặc hiện tại, vị lai, đều nêu rõ: “*Trái nghịch sẽ mắc tội, tùy thuận bèn được phước*”.

10.1.2.1.1. Biệt minh

10.1.2.1.1.1. Nói về đời hiện tại

Đều là dựa theo địa vị của phàm phu để phán định.

10.1.2.1.1.1.1. Nói về pháp sư thuộc hạ phẩm

(Kinh) Nhược phước hữu nhân thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, thư tả Diệu Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất kệ, ư thủ kinh quyển, kính thị như Phật, chủng chủng cúng dường, hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, nãi chí hiệp chuông cung kính.

(經)若復有人受持，讀誦，解說，書寫妙法華經，乃至一偈，於此經卷，敬視如佛，種種供養，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，繒蓋，幢幡，衣服，技樂，乃至合掌恭敬。

(Kinh: Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thậm chí một bài kệ, đối với quyển kinh này, coi tôn kính như Phật, cúng dường bằng các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương bôi, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, cho đến chấp tay cung kính).

Trước hết, nói về tướng trạng của pháp sư thuộc hạ phẩm: Một là thọ trì, hai là đọc, ba là tụng, bốn là giải nói, năm là biên chép, tức là năm loại pháp sư. Một là hoa, hai là hương, ba là chuỗi ngọc, bốn là hương bột, năm là hương bôi, sáu là hương đốt, bảy là lọng lụa, tràng phan, tám là y phục, chín là kỹ nhạc, mười là chấp tay, tức mười thứ cúng dường.

(Kinh) Dược Vương đương tri: Thị chư nhân đẳng dĩ tăng cúng dường thập vạn ức Phật. Ư chư Phật sở, thành tựu đại nguyện, mãn chúng sanh cố, sanh thử nhân gian. Dược Vương! Nhược hữu nhân vấn hà đẳng chúng sanh ư vị lai thế đương đắc tác Phật? Ưng thị thị chư nhân đẳng, ư vị lai thế, tất đắc tác Phật. Hà dĩ cố? Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư Pháp Hoa kinh, nãi chí nhất cú, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, thư tả, chũng chũng cúng dường kinh quyển, hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, hiệp chưởng cung kính, thị nhân nhất thiết thế gian sở ưng chiêm phụng, ưng dĩ Như Lai cúng dường nhi cúng dường chi. Đương tri thử nhân thị đại Bồ Tát, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ai mãn chúng sanh, nguyện sanh thử gian, quảng diễn, phân biệt Diệu Pháp Hoa Kinh.

(經)藥王當知：是諸人等已曾供養十萬億佛。於諸佛所，成就大願，愍眾生故，生此人間。藥王！若有人問何等眾生於未來世當得作佛？應示是諸人等，於未來世，必得作佛。何以故？若善男子，善女人於法華經，乃至一句，受持，讀誦，解說，書寫，種種供養經卷，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，繒蓋，幢幡，衣服，技樂，合掌恭敬，是人一切世間所應瞻奉，應以如來供養而供養之。當知此人是大菩薩，成就阿耨多羅三藐三菩提，哀愍眾生，願生此間，廣演分別妙法華經。

(Kinh: Dược Vương hãy nên biết: Những người ấy đã từng cúng dường mười vạn ức Phật. Ở nơi chư Phật, đã thành tựu đại nguyện, vì thương xót chúng sanh, mà sanh trong nhân gian này. Nay Dược Vương! Nếu có kẻ hỏi hạng chúng sanh như thế nào trong đời vị lai sẽ được thành Phật? Hãy nên chỉ bày hạng người ấy trong đời vị lai, ắt được làm Phật. Vì lẽ nào? Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với kinh Pháp Hoa, thậm chí đối với một câu mà thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, cúng dường quyển kinh bằng các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương bôi, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, chấp tay

cung kính, người ấy đáng nên được hết thảy thế gian chiêm ngưỡng, phụng sự, đáng nên dùng sự cúng dường Như Lai để cúng dường người ấy. Hãy nên biết người ấy là bậc đại Bồ Tát thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thương xót chúng sanh, nguyện sanh vào cõi này để rộng diễn, phân biệt kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

Đoạn này nói cặn kẽ công đức và phước báo của pháp sư thuộc hạ phẩm. Từ câu “*đã từng cúng dường*” (đã từng cúng dường) trở đi, nói về cái nhân sâu xa trước đó. Từ “*mẫn chúng sanh cố*” (vì thương xót chúng sanh) trở đi, nói tới công đức to lớn trong hiện thời. Từ “*nhược hữu nhân vấn*” (nếu có kẻ hỏi) trở đi, nói tới quả báo sâu dày trong vị lai.

10.1.2.1.1.1.2. Nói về pháp sư thuộc thượng phẩm

(Kinh) Hà hướng tận năng thọ trì chủng chủng cúng dường giả. Dục Vương đương tri: Thị nhân tự xả thanh tịnh nghiệp báo, ư ngã diệt độ hậu, mẫn chúng sanh cố, sanh ư ác thế, quảng diễn thử kinh.

(經)何況盡能受持種種供養者。藥王當知：是人自捨清淨業報，於我滅度後，愍眾生故，生於惡世，廣演此 經

•

(Kinh: Hướng hồ có thể tận sức thọ trì, cúng dường các thứ. Dục Vương hãy nên biết: Người ấy tự xả nghiệp báo thanh tịnh, sau khi ta diệt độ, vì thương xót chúng sanh, mà sanh trong đời ác để rộng diễn kinh này).

Trước hết, nêu ra tướng trạng của vị pháp sư thượng phẩm. Từ “*Dục Vương đương tri*” (Dục Vương hãy nên biết) trở đi, nói đại lược công đức và phước báo của vị pháp sư thượng phẩm. Do bị nguyện dẫn dắt, vẫn là quyền thuộc sanh bởi nghiệp, chưa phải là do thần thông ứng hiện thác sanh. Nguyện kèm theo nghiệp, nói cặn kẽ thì như trong phần Quyền Thuộc Diệu thuộc Huyền Nghĩa.

Phần thứ nhất, “nói về đời hiện tại” đã xong.

10.1.2.1.1. 2. Nói về đời tương lai

10.1.2.1.1. 2.1. Pháp sư thuộc hạ phẩm

(Kinh) Nhược thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngã diệt độ hậu, năng thiết vị nhất nhân thuyết Pháp Hoa kinh, nãi chí nhất cú, đương tri thị nhân tắc Như Lai sứ, Như Lai sở khiến hành Như Lai sự.

(經)若是善男子，善女人，我滅度後，能竊為一人說法華經，乃至一句，當知是人則如來使，如來所遣行如來事。

(Kinh: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, sau khi ta diệt độ, có thể riêng vì một người nói kinh Pháp Hoa, thậm chí chỉ một câu, hãy nên biết người ấy là sứ giả của Như Lai, được Như Lai sai khiến làm chuyện của Như Lai).

“Thiết vị nhất nhân” (Riêng vì một người): Nói đến mức cùng cực nhằm mô tả sự giáo hóa rất ít! “Nãi chí nhất cú” (Thậm chí một câu): Nói tới mức cùng cực nhằm mô tả sự cải biến rất ít. Ấy là vì có trí huệ nhưng chưa đa văn, chưa kham diễn giảng rộng rãi trước đại chúng. Đó là nói tới tướng trạng của pháp sư hạ phẩm. Nhưng kinh này đúng như trí mà nói, nói đúng như lý. Nay hành nhân nương vào giáo pháp như thế để tuyên nói đúng như lý. Vì thế, [người ấy] chính là sứ giả của Như Lai, được Như Lai sai khiến. Lại nữa, như trí chiếu như lý chính là Sự; nay hành nhân nương vào như giáo để hành như lý. Vì thế, đó là “hành Như Lai sự”. Lại nữa, “dùng như trí để giáo hóa chúng sanh là Sự”; nay hành nhân có tâm đại bi, có thể đem lý Chân Như trong kinh này nói với người khác, khiến cho họ được lợi ích. Vì thế, gọi là “hành Như Lai sự”. Đây là nói về công đức và phước báo của vị pháp sư thuộc hạ phẩm.

Giải thích theo quán tâm, trí tâm quán cảnh, cảnh tức là Chân Như. Cảnh đưa đến bèn phát sanh trí. Trí là do Như sai khiến. “Như Lai sở khiến” (Như Lai sai khiến): Quán trí do Như mà có. “Hành Như Lai sự” (Làm chuyện của Như Lai): Trải qua hết thấy các pháp, không gì chẳng phải là Chân Như, Chân Như chính là Phật sự.

10.1.2.1.1. 2.2. Pháp sư thuộc thượng phẩm

(Kinh) Hà huống ư đại chúng trung, quảng vị nhân thuyết.

(經)何況於大眾中，廣為人說。

(Kinh: Huống hồ ở trong đại chúng, rộng vì người khác nói).

Do riêng vì một người [mà công đức còn to lớn như thế], huống hồ khắp vì đại chúng. Thậm chí [chỉ diễn nói] một câu [mà công đức còn to tát như thế], huống hồ nói rộng! Đây là tướng trạng của pháp sư thượng phẩm, công đức và phước báo to lớn, chẳng thể diễn tả để biết được.

Phần thứ nhất, tức “phần Biệt Minh” đã xong.

10.1.2.1.2. Nói chung về các pháp sư thuộc thượng phẩm và hạ phẩm trong hiện tại hay vị lai

Trái nghịch sẽ mắc tội, thuận tùng sẽ được phước.

(Kinh) Dục Vương! Nhược hữu ác nhân, dĩ bất thiện tâm, u nhất kiếp trung, hiện u Phật tiền thường hủy mạ Phật. Kỳ tội thượng khinh, nhược nhân dĩ nhất ác ngôn, hủy tư tại gia, xuất gia độc tụng Pháp Hoa kinh giả, kỳ tội thậm trọng.

(經)藥王！若有惡人，以不善心，於一劫中，現於佛前常毀罵佛。其罪尚輕，若人以一惡言，毀訾在家，出家讀誦法華經者，其罪甚重。

(Kinh: Nay Dục Vương! Nếu có kẻ ác dùng tâm bất thiện, trong một kiếp, đối trước đức Phật thường hủy báng, chửi rửa Phật, tội ấy còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời ác hủy báng, chê bai người tại gia hay xuất gia độc tụng kinh Pháp Hoa, tội ấy rất nặng).

Đoạn này trước hết nói rõ “trái nghịch sẽ mắc tội”. Phàm tội phước nặng hay nhẹ, có lúc luận theo điển³¹², có lúc luận theo tâm, hoặc luận theo tổn hại hay lợi ích có nặng hay nhẹ. Ở đây, kinh xét theo tổn hại và lợi ích nặng hay nhẹ. Ví như kẻ ác do cái tâm bất thiện, tức là cái tâm đã nặng nề, hiện tiền chửi Phật, “điển” lại tôn quý. Suốt một kiếp thường chửi, tức là nghiệp lại lâu dài, thế mà nói [tội nghiệp ấy] “vẫn

³¹² “Diễn” tức là phước điển. Phước điển lại chia thành bi điển và kính điển. Kính điển là như Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, thánh nhân thế gian và xuất thế gian, cha mẹ, trưởng bối, người có ân với ta v.v... Bi điển là những người đáng thương xót cứu vớt, nói rộng là các chúng sanh trong ác đạo hoặc còn đang luân hồi.

còn nhẹ”, chẳng phải có nghĩa là quả báo của cái tội ấy nhẹ nhàng, chỉ là tội ấy chẳng nặng nề bằng tội hủy báng, chê bai người đọc tụng kinh Pháp Hoa! Vì sao vậy? Đức Phật đã chứng bình đẳng đại từ, luôn sanh tâm bi mẫn đối với kẻ ác. Kẻ ác lại chẳng thể bức bách, nã hại Ngài. Vì thế, kẻ đó chửi rửa thì thoát đầu ví như đem lễ vật tặng cho người khác, người ta chẳng nhận, đành tự ôm họa trở về, đọa lạc trong tam đồ trăm ngàn ức kiếp. Rốt cuộc ví như đánh chửi Chiên Đàn, vẫn nhuốm mùi thơm, đâm ra được Phật giáo hóa, rốt cuộc được thành tựu nhân duyên xuất thế. Nay sơ tâm hành nhân đọc tụng Pháp Hoa, nhẫn lực chưa thành tựu, dễ bị thoái thất. Nếu thốt lời hủy báng, chê gièm, trở ngại chuyện thù thắng, sẽ là đoạn Phật chủng, tổn hại rất sâu! Vì thế, tội ấy rất nặng.

(Kinh) Dược Vương! Kỳ hữu độc tụng Pháp Hoa kinh giả, đương tri thị nhân, dĩ Phật trang nghiêm nhi tự trang nghiêm, tác vi Như Lai kiên sở hà đảm. Kỳ sở chí phương, ưng tùy hướng lễ. Nhất tâm hiệp chưởng, cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán. Hoa, hương, anh lạc, mặt hương, đồ hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, y phục, hào soạn, tác chư kỹ nhạc, nhân trung thượng cúng nhi cúng dường chi. Ứng trì thiên bảo nhi dĩ tán chi. Thiên thượng bảo tự, ưng dĩ phụng hiến. Sở dĩ giả hà? Thị nhân hoan hỷ thuyết pháp, tu du văn chi, tức đắc cứu cánh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố.

(經)藥王！其有讀誦法華經者，當知是人，以佛莊嚴而自莊嚴，則為如來肩所荷擔。其所至方，應隨向禮。一心合掌，恭敬供養，尊重，讚歎。華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，繒蓋，幢幡，衣服，肴饌，作諸技樂，人中上供而供養之。應持天寶而以散之。天上寶聚，應以奉獻。所以者何？是人歡喜說法，須臾聞之，即得究竟阿耨多羅三藐三菩提故」。

(Kinh: Nay Dược Vương! Nếu có người đọc tụng kinh Pháp Hoa, hãy nên biết người ấy dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm, được Như Lai công vác trên vai. Người đó đến đâu, hãy nên hướng về đó làm lễ, nhất tâm chấp tay, cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán, hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương bôi, hương đốt,

lọng lựa, tràng phan, y phục, thức ăn ngon quý, tấu các kỹ nhạc, dùng vật cúng bậc thượng trong loài người để cúng dường. Hãy nên cầm báu cõi trời để rải lên. Hãy nên dùng khối báu trên trời dâng lên. Vì có sao vậy? Người ấy hoan hỷ thuyết pháp, nghe trong khoảnh khắc, liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rốt ráo).

Kể đó, nói rõ “tùy thuận sẽ được phước”. Phật dùng Định và Huệ để trang nghiêm. Người ấy có thể tu Định Huệ, vì thế nói “*dĩ Phật trang nghiêm nhi tự trang nghiêm*” (dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm). Đặt trên lưng là Hà (荷, cõng), đặt trên vai là Đảm (擔, gánh). Tu cái Thể của Pháp Thân “chẳng Quyền, chẳng Thật”, tức là “*vi Như Lai hà*” (được Như Lai cõng). Có đủ tác dụng của hai trí có thể Quyền, có thể Thật, tức là “*Như Lai đảm*”. “*Kỳ sở chí phương, ưng tùy hướng lễ*” (Người ấy tới nơi đâu đều nên hướng về đó làm lễ): Người ấy hướng tới đâu đều tương ứng với Thật Tướng, đều có thể kính thuận. Thuận chính là Hướng. Kính tức là Lễ. Kính mà thuận theo, và đầy khởi cúng dường. “*Ưng trì thiên bảo*” (Hãy nên cầm báu trời): Nêu lên những điều nặng nề để biết những điều nhẹ nhàng. Báu trên cõi trời còn phải nên dâng cúng, huống hồ chỉ là các vật cúng trong nhân gian ư? Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao) trở đi, giải thích ý nghĩa [vì sao] hãy nên lễ, hãy nên cúng. “*Tu du đắc cứu cánh*” (Trong khoảnh khắc liền được rốt ráo): Do có thể hiển lộ trọn vẹn rốt ráo diệu lý. Vẫn cần phải phân biệt, thoát đầu từ Danh Tự cho đến Cứu Cánh, cho đến rốt ráo Cứu Cánh.

Trong phần nói về công sâu phước nặng của vị thầy dạy đạo, phần Trường Hàng đã xong.

10.1.2.2. Kệ tụng

10.1.2.2.1. Khuyên nhủ tự hành lợi tha

(Kính) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược dục trụ Phật đạo, thành tựu Tự Nhiên Trí, thường đương cần cúng dường, thọ trì Pháp Hoa giả. Kỳ hữu dục tât đắc, Nhất Thiết Chủng Trí huệ, đương thọ trì thị kinh, tịnh cúng dường trì giả.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若欲住佛道，成就自然智，常當勤供養，受持法華者。其有欲疾得，一切種智慧，當受持是經，并供養持者。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu muốn trụ Phật đạo, thành tựu Tự Nhiên Trí³¹³, thường nên siêng cúng dường, người thọ trì Pháp Hoa. Nếu mong mau đạt được, Nhất Thiết Chung Trí huệ, nên thọ trì kinh này, và cúng dường người trì).

10.1.2.2.2. Trùng tụng hai nghĩa Biệt và Tổng

10.1.2.2.2.1. Trùng tụng Biệt Minh

10.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng đời này

(Kinh) Nhược hữu năng thọ trì, Diệu Pháp Hoa kinh giả, đương tri Phật sở sứ, mãn niệm chư chúng sanh. Chư hữu năng thọ trì, Diệu Pháp Hoa kinh giả, xả u thanh tịnh độ, mãn chúng cố sanh tử. Đương tri như thị nhân, tự tại sở dục sanh, năng u thử ác thế, quảng thuyết vô thượng pháp. Ứng dĩ thiên hoa hương, cập thiên bảo y phục, thiên thượng diệu bảo cụ, cúng dường thuyết pháp giả.

(經)若有能受持，妙法華經者，當知佛所使，愍念諸眾生。諸有能受持，妙法華經者，捨於清淨土，愍眾故生此。當知如是人，自在所欲生，能於此惡世，廣說無上法。應以天華香，及天寶衣服，天上妙寶聚，供養說法者。

(Kinh: Nếu có người thọ trì, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hãy biết là Phật sứ, nghĩ thương các chúng sanh. Những ai hay thọ trì, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đã bỏ cõi thanh tịnh, thương chúng mà sanh đây. Nên biết người như vậy, chỗ sanh về tự tại, có thể trong đời ác, rộng nói pháp vô thượng. Hãy dùng hoa hương trời, y phục báu cõi trời, khối diệu bảo trên trời, cúng dường người thuyết pháp).

³¹³ Tự Nhiên Trí còn gọi là Vô Sư Trí, Vô Công Dụng Trí, đều là tên gọi khác của Nhất Thiết Chung Trí.

Hai câu đầu trùng tụng pháp sư hạ phẩm. Hai câu kế đó, trùng tụng công đức và phước báo của pháp sư hạ phẩm. Hai câu kế đó trùng tụng pháp sư thượng phẩm. Mười câu sau đó, trùng tụng công đức và phước báo của pháp sư thượng phẩm.

10.1.2.2.1.2. Trùng tụng đời vị lai

(Kinh) Ngô diệt hậu ác thế, năng trì thị kinh giả, đương hiệp chưởng lễ kính, như cúng dường Thế Tôn. Thượng soạn, chúng cam mỹ, cập chủng chủng y phục, cúng dường thị Phật tử, ký đắc tu du văn. Nhược năng ư hậu thế, thọ trì thị kinh giả, ngã khiển tại nhân trung, hành ư Như Lai sự.

(經)吾滅後惡世，能持是經者，當合掌禮敬，如供養世尊。上饌眾甘美，及種種衣服，供養是佛子，冀得須臾聞。若能於後世，受持是經者，我遣在人中，行於如來 事

。

(Kinh: Đời ác, ta nhập diệt, với người trì kinh này, nên chấp tay lễ kính, như cúng dường Thế Tôn. Đồ ngon ngọt tuyệt diệu, và các thứ y phục, cúng dường Phật tử ấy, mong nghe trong khoảnh khắc! Nếu ai trong đời sau, thọ trì bản kinh này, ta sai trong nhân gian, thực hiện chuyện Như Lai).

Hai câu đầu tiên, trùng tụng pháp sư thượng phẩm. Sáu câu kế tiếp, nói về công đức và phước báo thượng phẩm (Trường Hàng chẳng nói, nay trong kệ tụng bèn có). Hai câu kế tiếp, trùng tụng pháp sư hạ phẩm. Hai câu sau cùng, trùng tụng công đức và phước báo của pháp sư hạ phẩm.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Biệt Minh” đã xong.

10.1.2.2.2. Trùng tụng Tổng Minh

(Kinh) Nhược ư nhất kiếp trung, thường hoài bất thiện tâm, tác sắc nhi mạ Phật, hoạch vô lượng trọng tội. Kỳ hữu độc tụng trì, thị Pháp Hoa kinh giả, tu du gia ác ngôn, kỳ tội phục quá bỉ. Hữu nhân cầu Phật đạo, nhi ư nhất kiếp trung, hiệp chưởng tại ngã tiền, dĩ vô số

kệ tán. Do thị tán Phật cố, đắc vô lượng công đức. Thán mỹ trì kinh giả, kỳ phước phục quá bỉ! Ư bát thập ức kiếp, dĩ tối diệu sắc thanh, cập dĩ hương, vị, xúc, cúng dường trì kinh giả. Như thị cúng dường dĩ, nhược đắc tu du văn, tác ưng tự hân khánh, ngã kim hoạch đại lợi.

(經)若於一劫中，常懷不善心，作色而罵佛，獲無量重罪。其有讀誦持，是法華經者，須臾加惡言，其罪復過彼。有人求佛道，而於一劫中，合掌在我前，以無數偈讚。由是讚佛故，得無量功德。歎美持經者，其福復過彼。於八十億劫，以最妙色聲，及與香味觸，供養持經者。如是供養已，若得須臾間，則應自欣慶，我今獲大利。

(Kinh: Nếu ở trong một kiếp, thường ôm lòng chẳng lành, dõ mặt chửi mắng Phật, mắc vô lượng tội nặng. Đối người đọc, tụng, trì, bộ kinh Pháp Hoa này, khoảnh khắc buông lời ác, tội ấy còn hơn thế! Có người cầu Phật đạo, bèn ở trong một kiếp, chấp tay đối trước ta, dùng vô số kệ tán. Do vì tán thán Phật, được vô lượng công đức. Ca ngợi người trì kinh, phước ấy lại hơn đó! Trong tám mươi ức kiếp, dùng sắc, thanh đẹp nhất, cùng với hương, vị, xúc, cúng dường người trì kinh. Cúng dường như thế xong, nếu được nghe giây lát, hãy nên tự vui mừng, ta nay được lợi lớn).

Hai bài kệ đầu tiên, trùng tụng ý “kẻ trái nghịch mắc tội”. Bốn bài kệ sau đó trùng tụng ý “thuận theo thì được phước”. Công đức tán Phật cố nhiên là vô lượng. Phật chẳng do được tán thán mà tăng tán. Nếu tán thán người trì kinh Pháp Hoa, kinh điển ở nơi đâu, nơi đó có Phật, công đức giống hệt như nhau. Lại còn khiến cho người trì kinh ấy sẽ từ đó mà tăng tán, cho nên phước thù thắng gấp bội.

Phần thứ hai, “trùng tụng hai ý nghĩa Biệt và Tổng” đã xong.

10.1.2.2.3. Kết lại, tán thán kinh là bậc nhất

(Kinh) Được Vương kim cáo nhữ, ngã sở thuyết chư kinh, nhi ư thử kinh trung, Pháp Hoa tối đệ nhất.

(經)藥王今告汝，我所說諸經，而於此經中，法華最第一」。

(Kinh: Được Vương nay bảo ông, các kinh do ta nói, nhưng trong các kinh ấy, Pháp Hoa tốt bậc nhất).

“Thử kinh trung” (Trong các kinh ấy), tức là giống như “thử chư kinh trung”, tức là nêu chung các kinh được nói trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật], bắt đầu từ Hoa Nghiêm cho tới kết cục là kinh Niết Bàn. Các kinh Đại Thừa, kinh nào cũng đều được xưng tụng là “lời dạy bậc nhất”. Nhưng đó là bậc nhất tương đối, chẳng bằng kinh này là bậc nhất dứt tuyệt đối đãi. Do vậy gọi là “tối đệ nhất” (đệ nhất tuyệt đối).

Phần thứ nhất, “khen ngợi người có thể trì pháp” đã xong.

10.2. Khen ngợi pháp được trì và dạy phương cách lưu thông

10.2.1. Trường Hàng

10.2.1.1. Tán thán kinh pháp

10.2.1.1.1. Xét theo pháp mà tán thán

(Kinh) Nhĩ thời, Phật phục cáo Được Vương Bồ Tát Ma Ha Tát: - Ngã sở thuyết kinh điển, vô lượng thiên vạn ức, dĩ thuyết, kim thuyết, đương thuyết, nhi ư kỳ trung, thử Pháp Hoa kinh, tối vi nan tín, nan giải. Được Vương! Thử kinh thị chư Phật bí yếu chi tạng, bất khả phân bố, vọng thọ dữ nhân, chư Phật Thế Tôn chi sở thủ hộ. Tùng tích dĩ lai, vị tăng hiển thuyết. Nhĩ thử kinh giả, Như Lai hiện tại, do đa oán tật, huống diệt độ hậu.

(經)爾時，佛復告藥王菩薩摩訶薩：「我所說經典，無量千萬億，已說，今說，當說，而於其中，此法華經，最為難信，難解。藥王！此經是諸佛秘要之藏，不可分布，妄授與人，諸佛世尊之所守護。從昔已來，未曾顯說。而此經者，如來現在，猶多怨嫉，況滅度後。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật lại bảo Được Vương Bồ Tát Ma Ha Tát: - Kinh điển do ta đã nói vô lượng ngàn vạn ức, đã nói, đang nói, sẽ nói, nhưng trong số đó, kinh Pháp Hoa này khó tin, khó hiểu nhất. Nay Được Vương! Kinh này là tạng bí yếu của chư Phật, chẳng thể lưu

truyền, tùy tiện trao cho người khác, [kinh này] được chư Phật Thế Tôn thủ hộ. Từ xưa đến nay, chưa từng nói rõ. Nhưng kinh này khi Như Lai tại thế mà còn có nhiều kẻ oán ghét, hướng hồ sau khi Phật diệt độ).

“*Dĩ thuyết*” (Đã nói): Chỉ các giáo pháp Tiệm Đốn từ thời Bát Nhã trở về trước. “*Kim thuyết*” (Nay nói): Chỉ kinh Vô Lượng Nghĩa trong cùng một pháp hội này. “*Đương thuyết*” (Sẽ nói): Chỉ kinh Đại Niết Bàn. Các kinh Đốn Tiệm như Bát Nhã v.v... đều kèm theo phương tiện, dễ tin tưởng. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói “*một sanh ra vô lượng*”, chưa nói “*vô lượng quy hoàn một*”, cũng dễ tin tưởng. Nay kinh Pháp Hoa, luận về pháp, thì hết thầy sai biệt, dung thông quy nhất. Luận về người, thì Bản và Tích của thầy và trò đều rất lâu xa. Hai môn ấy (pháp và nhân) đều trái ngược với trước kia, [cho nên] khó tin, khó hiểu, là chuyện khó khăn bậc nhất. Hễ đã nói Pháp Hoa thì kinh Niết Bàn là chuyện về sau, sẽ dễ tin tưởng được.

“*Bí yếu chi tạng*” (Tạng bí mật, trọng yếu): Ẩn đi chẳng nói, thì gọi là Bí. Tóm giữ hết thầy các pháp, thì gọi là Yếu. Chân Như Thật Tướng bao trùm không gì ra ngoài được, thì gọi là Tạng. “*Bất khả phân bố*” (Chẳng thể lưu truyền), tức là do diệu pháp khó tin, chỉ có người trí sâu thì mới có thể trao truyền; [lầm lạc truyền trao cho] kẻ vô trí, sẽ càng thêm tội. Vì thế “*bất khả vọng thọ*” (chẳng thể tùy tiện truyền dạy). “*Tùng tích dĩ lai, vị tăng hiển thuyết*” (Từ trước tới nay, chưa từng nói rõ): Trong Tam Tạng, chẳng nói “*Nhị Thừa thành Phật*”, cũng chẳng nói rõ Bản Tích của thầy và trò. Phương Đẳng, Bát Nhã tuy nói lý Thật Tướng Như Lai Tạng, vẫn chẳng nói “*ngũ thừa thành Phật*”, mà cũng chẳng chỉ ra Tích, hiển lộ Bản, các kinh Đốn và Tiệm đều chẳng dung hội. Vì thế, gọi là Bí. Kinh này nói trọn vẹn các bí pháp trước kia, tức là “*khai bí mật tạng*”, mà cũng chính là bí mật tạng. Tạng bí mật ấy, xưa kia là vì một loại chúng sanh căn cơ đã chín muồi, tuy có mật thuyết, nhưng hơn bốn mươi năm, chưa từng nói rõ ràng, rành rẽ! “*Do đa oán tật*” (Còn có nhiều kẻ oán ghét): Như năm ngàn người lui về! Thuở đức Phật tại thế mà còn như thế, huống hồ đời vị lai, đương nhiên là càng khó giáo hóa!

10.2.1.1.2. Xét theo người mà tán thán

(*Kinh*) **Được Vương đương tri: Như Lai diệt hậu, kỳ năng thư tri, độc tụng, cúng dường, vị tha nhân thuyết giả, Như Lai tắc vị dĩ y**

phủ chi, hựu vị tha phương hiện tại chư Phật chi sở hộ niệm. Thị nhân hữu đại tín lực, cập chí nguyện lực, chư thiện căn lực. Đương tri thị nhân dữ Như Lai cộng túc, tắc vi Như Lai thủ ma kỳ đầu.

(經)藥王當知：如來滅後，其能書持，讀誦，供養，為他人說者，如來則為以衣覆之，又為他方現在諸佛之所護念。是人有大信力，及志願力，諸善根力。當知是人與如來共宿，則為如來手摩其頭。

(Kinh: Dược Vương nên biết: Sau khi Như Lai diệt độ, ai có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, vì người khác nói, Như Lai sẽ dùng y phủ lên người ấy. [Người ấy] lại được chư Phật hiện tại trong các phương khác hộ niệm. Người ấy có đại tín lực và chí nguyện lực, các sức thiện căn. Hãy nên biết người ấy ở cùng chỗ với Như Lai, được Như Lai xoa đầu).

Pháp này ở nơi người, người bèn tôn quý. “*Như Lai y phủ*” (Y của Như Lai che trùm) tức là coi tu học đại nhân là Y. “*Chư Phật hộ niệm*”: Thật Tướng là Phật, Thật Trí là con. Tôn sùng Thật Tướng, sẽ phát sanh Thật Trí; đó chính là “*chư Phật sở hộ niệm*” (được chư Phật hộ niệm). Tứ bất hoại tín trong Viên Giáo là đại tín lực. Tứ Hoằng Thệ trong Viên Giáo là chí nguyện lực. Đại trí viên diệu là thiện căn lực. Tín chính là tin vào Lý, Lý chính là Pháp Thân. “*Chí nguyện*” là lập hạnh, hạnh tức là giải thoát. Thiện căn rễ vững, khó động, tức là Bát Nhã. Hãy nên biết ba lực (đại tín lực, chí nguyện lực và thiện căn lực) tức là tam đức bí tạng. Sơ tâm nương vào đây, chẳng khác gì Phật. Vì thế, “*dữ Như Lai cộng túc*” (cùng ở một chỗ với Phật).

Lại nữa, tín lực tu Tất Cánh Không Như Lai Trí, Như Lai ngụ nơi nhà Tất Cánh Không, người ấy cũng học Tất Cánh Không. Vì thế, cùng ở chung với Như Lai. Dùng chí nguyện lực và thiện căn lực để tự hành Quyền Thật hòng cơ cảm. Cơ cảm gọi là Đầu. Như Lai dùng hai trí Hóa Tha Quyền Thật làm tay, để khai phát cái “đầu” Tự Hành Quyền Thật của người ấy, cảm ứng đạo giao; vì thế nói là “*ma đầu*” (xoa đầu). “*Xoa đầu*” tức là thọ ký.

10.2.1.1.3. Xét theo xứ mà tán thán

(Kinh) Dược Vương! Tại tại xứ xứ, nhược thuyết, nhược đọc, nhược tụng, nhược thư, nhược kinh quyển sở trụ xứ, giai ưng khởi thất bảo tháp, cực linh cao quảng, nghiêm sức, bất tu phục an xá-lợi. Sở dĩ giả hà? Thử trung dĩ hữu Như Lai toàn thân. Thử tháp ưng dĩ nhất thiết hoa, hương, anh lạc, tăng cái, tràng phan, kỹ nhạc, ca tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nhược hữu nhân đắc kiến thử tháp lễ bái, cúng dường, đương tri thị đẳng giai cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)藥王！在在處處，若說，若讀，若誦，若書，若經卷所住處，皆應起七寶塔，極令高廣，嚴飾，不須復安舍利。所以者何？此中已有如來全身。此塔應以一切華，香，瓔珞，繒蓋，幢幡，技樂，歌頌，供養，恭敬，尊重，讚歎。若有人得見此塔禮拜，供養，當知是等皆近阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nay Dược Vương! Nơi nơi chốn chốn, dù nói, dù đọc, dù tụng, dù viết, hễ chỗ nào có kinh quyển, đều nên dựng tháp bảy báu, sao cho tốt bậc cao rộng, trang hoàng lộng lẫy, chẳng cần đặt xá-lợi. Vì lẽ nào vậy? Trong ấy đã có toàn thân của Như Lai. Đối với tháp ấy, hãy nên dùng hết thấy hoa, hương, chuỗi ngọc, lọng lụa, tràng phan, kỹ nhạc để ca tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nếu có ai được thấy tháp ấy mà lễ bái, cúng dường, hãy nên biết những người như thế đều đã gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Pháp này ở chỗ nào, chỗ đó bèn tôn quý. Phàm chỗ Phật giảng sanh, chỗ đắc đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ nhập Niết Bàn, đều nên dựng tháp. Kinh này là chỗ sanh của Pháp Thân, là nơi chốn để đắc đạo, là chánh thể của pháp luân, là hang Đại Niết Bàn. Vì thế, phải nên dựng tháp cúng dường. “Bất tu phục an xá-lợi” (Chẳng cần đặt xá-lợi): Thích Luận viết: “Xương nát là sanh thân xá-lợi. Kinh quyển là Pháp Thân xá-lợi”. “Dĩ hữu Như Lai toàn thân” (Đã có toàn thân của Như Lai): Sanh thân xá-lợi có nát vụn và có toàn thân. Nát vụn như [xá-lợi của] Phật Thích Ca. Toàn thân như Phật Đa Bảo. Pháp Thân xá lợi cũng có nát vụn và toàn thể. Các giáo pháp phương tiện là nát vụn. Pháp Hoa Nhất Thiết

là toàn thể (xét theo tứ giáo ngũ thời, hoặc thuần là nát vụn, chẳng có toàn thể, hoặc nát vụn một nửa, chỉ có Pháp Hoa là thuần toàn thể).

10.2.1.1.4. Xét theo cái nhân mà tán thán

(Kinh) Dược Vương! Đa hữu nhân tại gia, xuất gia hành Bồ Tát đạo, nhược bất năng đắc kiến, văn, đọc, tụng, thư, trì, cúng dường thị Pháp Hoa kinh giả, đương tri thị nhân vị thiện hành Bồ Tát đạo. Nhược hữu đắc văn thị kinh điển giả, nãi năng thiện hành Bồ Tát chi đạo.

(經)藥王！多有人在家，出家行菩薩道，若不能得見，聞，讀，誦，書，持，供養是法華經者，當知是人未善行菩薩道。若有得聞是經典者，乃能善行菩薩之道。

(Kinh: Nay Dược Vương! Có nhiều người tại gia hay xuất gia hành Bồ Tát đạo, nếu chẳng thể thấy, nghe, đọc, tụng, viết, trì kinh Pháp Hoa này, hãy nên biết người đó chưa khéo hành Bồ Tát đạo. Nếu có ai được nghe kinh điển này, có thể biết người đó khéo hành đạo Bồ Tát).

Các kinh khác kèm thêm cái nhân phương tiện, nên gọi là Chuyết Độ (độ bằng cách vụng về). Kinh này hiển lộ viên nhân (cái nhân viên mãn), nghe hiểu viên nhân thì mới gọi là Xảo Độ. Xảo Độ là “khéo hành” (Đại Luận coi tất cả các môn thuộc Đại Thừa đều là xảo, kinh này riêng coi Nhất Thật là xảo).

10.2.1.1.5. Xét theo quả mà tán thán

10.2.1.1.5.1. Cận quả

(Kinh) Kỳ hữu chúng sanh cầu Phật đạo giả, nhược kiến, nhược văn thị Pháp Hoa kinh, văn dĩ tín giải, thọ trì giả, đương tri thị nhân đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)其有眾生求佛道者，若見，若聞是法華經，聞已信解，受持者，當知是人得近阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nếu có chúng sanh cầu Phật đạo, mà được thấy hay nghe kinh Pháp Hoa này, nghe rồi tin hiểu, thọ trì, hãy nên biết người ấy được gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

A Nậu Bồ Đề (Anuttara-samyak-sambodhi) có hai nghĩa:

- Một là sơ tâm Bồ Đề, tức Sơ Trụ trong Viên Giáo.
- Hai là hậu tâm Bồ Đề, tức Diệu Giác cực quả (Phật quả).

Nay nói “gần” thì tức là gần với Sơ Trụ Bồ Đề. Trong phần trước tán thán dựa theo cái nhân, tu cái nhân Thông hay Biệt, tức là “chưa khéo”, còn cách xa Viên quả. Nếu tu viên nhân, tức là “*khéo hành*”, sẽ gần với Viên quả. Nay dùng Như Thật Trí của Viên Giáo làm nhân, lại còn dùng đó làm quả. Đạo tiền Chân Như tuy có ba cái nhân, cùng gọi là Chánh Nhân. (Lý Túc) Trung Đạo Chân Như cũng có ba cái nhân, cùng gọi là Duyên Nhân. (Danh Tự Túc, Quán Hạnh Túc, Tương Tự Túc) cũng gọi là Liễu Nhân. (Phân Chứng Túc) đạo hậu Chân Như, cũng chỉ là ba pháp, đổi tên thành Viên quả (Cứu Cánh Túc). Vì thế, kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng thị. Đại Thừa quả giả, diệc chư pháp Thật Tướng thị*” (Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp. Cái quả của Đại Thừa cũng là Thật Tướng của các pháp). Thích Luận nói: “*Sơ quán Thật Tướng gọi là Nhân. Quán xong gọi là Quả*”. Luận theo Lý, Chân Như Thật Tướng chẳng được coi là nhân quả, cũng chẳng phải là trước sau. Nay xét theo sự tu hành, bèn có trước sau và nhân quả!

10.2.1.1.5.2. Lập thí dụ

(Kinh) Dược Vương! Thí như hữu nhân khát pháp tu thủy, ư bỉ cao nguyên, xuyên tạc cầu chi, do kiến càn thổ, tri thủy thượng viễn. Thi công bất dĩ, chuyển kiến thấp thổ, toại tiệm chí nê, kỳ tâm quyết định tri thủy tất cận.

(經)藥王！譬如有人渴乏須水，於彼高原，穿鑿求之，猶見乾土，知水尚遠。施功不已，轉見濕土，遂漸至泥，其心決定知水必近。

(Kinh: Nay Dược Vương! Ví như có người do khát mà tìm nước. Ở chốn cao nguyên đào bới để tìm, vẫn thấy đất khô, biết nước còn xa.

Ra sức chẳng ngừng, dần dần thấy đất ướt, rồi dần dần đến bùn, tâm biết quyết định ắt đã gần đến nước).

Giải thích đoạn này chia làm hai: Một là xét theo quán môn, hai là xét theo giáo môn.

1) Quán môn: Tâm chúng sanh có đủ các phiền não thì gọi là “cao nguyên”. Tu tập quán trí là “xuyên quật” (穿掘, đào bới; chánh kinh ghi là “xuyên tạc”, 穿鑿), mới chứng Lý vị như đạt được nước trong. Xét theo Thông Quán, Càn Huệ Địa³¹⁴ như “càn thổ” (đất khô), Tánh địa như “thấp thổ nê” (đất bùn ướt). Kiến Đế là đạt được nước trong. Xét theo Biệt Quán, từ Giả nhập Không, chỉ thấy Không, chẳng thấy Bát Không. Đoạn Tứ Trụ Hoặc như đào bới đất khô. “*Khứ thủy thượng viễn*” (Cách nước còn xa): Từ Không nhập Giả, trước hết biết chẳng phải Giả, nay biết là chẳng phải Không. Do hai phép Quán ấy, được nhập Trung Đạo. Có thể chế phục vô minh, dần dần thấy đất ướt, [biết là] đã gần nước rồi. Nếu viên quán Trung Đạo, “chẳng phải Không, chẳng phải Giả” mà chiếu Không lẫn Giả. Tứ Trụ đã tận, vô minh đã chế phục, đã đạt được tương tự viên giải nơi Trung Đạo. Vì thế nói “*như tiệm chí nê*” (như dần dần đạt tới bùn). Nếu nhập Sơ Trụ, phát khởi sự hiểu biết thật sự đối với Trung, liền phá vô minh, như bùn lắng xuống, liền thấy Trung Đạo, như có được nước trong. Vì thế, Pháp Hoa Luận viết: “*Hãy nên biết thứ tự của nước Phật Tánh*”.

2) Xét theo giáo môn, đất ví như kinh giáo, nước ví như Trung Đạo. Giáo điển nói Trung Đạo như đất chứa nước. Tam Tạng chưa nói Trung Đạo, giống như đất khô. Phương Đẳng và Bát Nhã phương tiện nói kèm thêm Trung Đạo, giống như đất ướt. Pháp Hoa thẳng thừng nói hiển lộ Trung Đạo, giống như bùn. Do giáo pháp Pháp Hoa mà sanh Văn, Tư, Tu, tức là ngộ Trung Đạo, thật sự thấy Phật tánh, phát sanh chân huệ, chẳng còn dựa vào kinh văn, như có được nước trong, chẳng còn thấy tướng đất. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Sơ phát tâm thời, tiện thành Chánh Giác, thành tựu huệ thân, bất do tha ngộ*” (Khi vừa mới phát tâm liền thành Chánh Giác, thành tựu thân trí huệ, chẳng do ai khác mà ngộ).

10.2.1.1.5.3. Kết hợp thí dụ với pháp

³¹⁴ Càn Huệ Địa (Śukla-giòṇvidarśanā-bhūmi) tức là Sơ Địa trong Thập Địa.

(Kinh) Bồ Tát diệc phục như thị. Nhược vị văn, vị giải, vị năng tu tập thị Pháp Hoa kinh, đương tri thị nhân khứ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thượng viễn. Nhược đắc văn, giải, tư duy, tu tập, tất tri đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)菩薩亦復如是。若未聞，未解，未能修習是法華經，當知是人去阿耨多羅三藐三菩提尚遠。若得聞，解，思惟，修習，必知得近阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Bồ Tát cũng giống như thế. Nếu chưa nghe, chưa hiểu, chưa thể tu tập kinh Pháp Hoa này, hãy nên biết người ấy còn cách xa Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu được nghe, hiểu, tư duy, tu tập, tất biết vị ấy đã gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Nơi Pháp Hoa được nghe Văn, Tư, Tu, tức là Tam Huệ trong Viên Giáo thì mới có thể gần với quả, chẳng phải là Tam Huệ trong các giáo pháp khô khan hay âm uớt v.v...

10.2.1.1.5.4. Giải thích cận quả

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai thuộc thử kinh. Thử kinh khai phương tiện môn, thị chân thật tướng. Thị Pháp Hoa kinh tạng, thâm cố u viễn, vô nhân năng đáo. Kim Phật giáo hóa thành tựu Bồ Tát, nhi vị khai thị.

(經)所以者何？一切菩薩阿耨多羅三藐三菩提，皆屬此經。此經開方便門，示真實相。是法華經藏，深固幽遠，無人能到。今佛教化成就菩薩，而為開示。

(Kinh: Vì có sao vậy? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thảy Bồ Tát đều thuộc vào kinh này. Kinh này mở ra môn phương tiện, chỉ bày tướng chân thật. Kinh tạng Pháp Hoa này sâu xa, u viễn, không ai có thể thấu đạt được. Nay Phật do giáo hóa thành tựu Bồ Tát mà vì họ khai thị).

“**Nhất thiết Bồ Tát**” (Hết thầy Bồ Tát) là nói tới Quyền nhân (cái nhân quyền biến). A Nậu Bồ Đề là nói tới các Quyền quả. Quyền nhân và Quyền quả đều thuộc về kinh này. Như các thứ đất khô, ướm v.v... đều nung vào nước. “*Khai phương tiện môn, thị chân thật tướng*” (Mở ra cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật): Trước kia chẳng nói, nay đều nói. Trước kia nói hai phép Quán làm phương tiện môn, nay đều khai, tức là chân thật, há còn là môn? Xưa kia nói phương tiện Tiểu Thừa và quả Tiểu Thừa. Quả Tiểu Thừa còn chẳng phải là Thật Tướng, huống hồ phương tiện Tiểu Thừa mà được coi là môn ư? Nay đều mở ra, tức là Thật Tướng. “*Nhữ đẳng sở hành thị Bồ Tát đạo*” (Những gì các ông đã hành đều là Bồ Tát đạo), giải quyết xong xuôi pháp Thanh Văn. Kinh này là vua trong các kinh, cho đến các ngôn ngữ khiến cho cõi đời bình trị, các nghề nghiệp kiếm sống v.v... trước kia có bao giờ nói những thứ đó đều là phương tiện? Nay đều khơi mở, [chỉ rõ] chúng chính là Thật Tướng, chẳng hề trái nghịch, đều khiến cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật. Mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Phật pháp. Dù là môn hay chẳng phải môn, thấy đều khơi mở, chỉ bày tướng chân thật, hiển lộ tánh thủy của Phật. Nếu chẳng mở ra, tức là “*sâu chắc, u viễn, không ai có thể đạt đến được*”. Nhưng nay đã mở, tức là được thấy nước, chẳng có đất khô khan!

10.2.1.1.5.5. Loại trừ phi quả

(Kinh) Dục Vương! Nhược hữu Bồ Tát văn thị Pháp Hoa kinh, kinh nghi, bố úy, đương tri thị vi tân phát ý Bồ Tát. Nhược Thanh Văn nhân, văn thị kinh, kinh nghi, bố úy, đương tri thị vi tăng thượng mạn giả.

(經)藥王！若有菩薩聞是法華經，驚疑，怖畏，當知是為新發意菩薩。若聲聞人，聞是經，驚疑，怖畏，當知是為增上慢者。

(Kinh: Đây Dục Vương! Nếu có Bồ Tát nghe kinh Pháp Hoa này mà kinh hoảng, ngờ vực, sợ hãi, hãy nên biết đó là Bồ Tát vừa mới phát ý. Nếu hàng Thanh Văn nghe kinh này mà kinh hoảng, ngờ vực, sợ hãi, hãy nên biết đó là kẻ tăng thượng mạn).

Tân phát ý Bồ Tát, tăng thượng mạn Thanh Văn đã kinh hoảng, ngờ vực, sợ hãi đối với kinh này, đều là đất khô, còn chưa phải là đất ướt, huống hồ có thể thấy nước ư?

Phần thứ nhất, “tán thán kinh pháp” đã xong.

10.2.1.2. Chỉ bày phương pháp

10.2.1.2.1. Thẳng thừng nêu bày phương pháp

10.2.1.2.1.1. Nêu bày đề mục

(Kinh) Được Vương! Nhục hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, Như Lai diệt hậu, dục vị tứ chúng thuyết thị Pháp Hoa kinh giả, vân hà ưng thuyết? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân nhập Như Lai thất, trước Như Lai y, tọa Như Lai tòa, nhĩ nãi ưng vị tứ chúng quảng thuyết tư kinh.

(經)藥王！若有善男子，善女人，如來滅後，欲為四眾說是法華經者，云何應說？是善男子，善女人入如來室，著如來衣，坐如來座，爾乃應為四眾廣說斯經。

(Kinh: Nay Được Vương! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, sau khi Như Lai diệt độ, muốn vì tứ chúng nói kinh Pháp Hoa này, hãy nên nói như thế nào? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai rồi thì mới nên vì tứ chúng rộng nói kinh này).

10.2.1.2.1.2. Giải thích

(Kinh) Như Lai thất giả, nhất thiết chúng sanh trung đại từ bi tâm thị. Như Lai y giả, nhu hòa nhẫn nhục tâm thị. Như Lai tòa giả, nhất thiết pháp không thị.

(經)如來室者，一切眾生中大慈悲心是。如來衣者，柔和忍辱心是。如來座者，一切法空是。

(Kinh: Nhà Như Lai là tâm đại từ bi đối với hết thấy chúng sanh. Áo Như Lai là tâm nhu hòa, nhẫn nhục. Tòa của Như Lai là hết thấy pháp Không).

“Đại từ bi thất”: Nếu là đồng thể thì chính là Pháp Thân. Nếu tiếp độ chúng sanh, sẽ chính là Giải Thoát. Có thể khiến cho chúng sanh hiểu đồng thể, tức là Bát Nhã. “Áo nhu hòa, nhẫn nhục”: Nếu xét theo cái được che phủ thì là Pháp Thân. Nếu xét theo cái có thể che phủ hồng trang nghiêm thân thì chính là Bát Nhã. Nếu xét theo chuyện hòa quang lợi vật thì chính là Giải Thoát. “Tòa pháp không” nếu có thể ngồi thì chính là Bát Nhã. Nếu xét theo cái được ngồi thì là Pháp Thân. Thân và tòa ngăm xúng hợp thì là Giải Thoát. Lại nữa, đại từ an lạc tức là Tư Thành Quỹ (資成軌, khuôn phép giúp cho thành tựu). Nhu hòa chế phục sân, đoạn Hoặc, tức Quán Chiếu Quỹ (觀照軌). Ngồi nơi tòa tức Chân Tánh Quỹ (真性軌). Trong phẩm An Lạc Hạnh còn nói rộng ba pháp này. Trong phần trước đã nói “dùng sự trang nghiêm của Phật [để tự trang nghiêm]”, lại nói “dùng y để che phủ”, chính là tấm y này. Trong phần trước nói “Nhu Lai dùng vai để gánh vác”, lại nói “dùng tay xoa đầu”, tức là tòa này. Trong phần trước nói “ở cùng chỗ với Nhu Lai” tức là cái nhà này.

10.2.1.2.1.3. Khuyên tu

(Kinh) An trụ thị trung, nhiên hậu, dĩ bất giải đãi tâm, vị chư Bồ Tát cập tứ chúng, quảng thuyết thị Pháp Hoa kinh.

(經)安住是中，然後，以不懈怠心，為諸菩薩及四眾，廣說是法華經。

(Kinh: An trụ trong ấy, sau đó, dùng cái tâm chẳng lười nhác, vì các Bồ Tát và tứ chúng rộng nói kinh Pháp Hoa này).

Đã khuyên an trụ trong ba pháp, còn khuyên tâm chẳng lười nhác, sau đó mới rộng nói. Vì thế, biết dùng điều này để thúc giục kẻ quán hạnh sơ tâm đạt tới địa vị Tương Tự, tùy ý diệu âm trọn khắp tam thiên, chẳng đợi khuyên nhủ.

Phần thứ nhất, “nói về phương pháp” đã xong.

10.2.1.2.2. Nêu ra năm thứ lợi ích

(Kinh) Dược Vương! Ngã ư dư quốc, khiến hóa nhân vị kỳ tập thính pháp chúng, diệc khiến hóa tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thính kỳ thuyết pháp. Thị chư hóa nhân, văn pháp tín thọ, tùy thuận bất nghịch. Nhược thuyết pháp giả, tại không nhàn xứ, ngã thời quảng khiến thiên, long, quỷ thần, Càn Thát Bà, A Tu La đẳng thính kỳ thuyết pháp. Ngã tuy tại dị quốc thời, thời linh thuyết pháp giả đắc kiến ngã thân. Nhược ư thử kinh vong thất cú độc, ngã hoàn vị thuyết, linh đắc cụ túc.

(經)藥王！我於餘國，遣化人為其集聽法眾，亦遣化比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷聽其說法。是諸化人，聞法信受，隨順不逆。若說法者，在空閑處。我時廣遣天、龍、鬼神、乾闥婆、阿修羅等聽其說法。我雖在異國時，時令說法者得見我身。若於此經忘失句讀，我還為說，令得具足」。

(Kinh: Đây Dược Vương! Ta ở nước khác sai hóa nhân nhóm họp làm đại chúng nghe pháp cho người ấy, cũng sai hóa tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nghe người ấy thuyết pháp. Các hóa nhân ấy nghe pháp, tin nhận, tùy thuận chẳng trái nghịch. Nếu người thuyết pháp ở chỗ thanh vắng, khi đó, ta rộng sai trời, rồng, quỷ thần, Càn Thát Bà, A Tu La v.v... nghe người ấy thuyết pháp. Ta tuy ở nước khác, vẫn luôn khiến cho người thuyết pháp được thấy thân ta. Nếu người ấy quên mất câu nào trong kinh này, ta còn nói cho [người ấy] khiến cho được đầy đủ).

Nếu [người giảng nói Pháp Hoa là kẻ] sơ tâm chưa thuần, [đức Phật] chỉ có thể sai khiến hóa nhân [đến làm nghe pháp], chưa thể sai hóa tứ chúng bát bộ. Nếu [người thuyết pháp] trông thấy, sẽ cậy vào đó mà tự cao, thương tổn đến đạo. Vì thế, chẳng thể khiến cho người ấy trông thấy. Nếu tâm [người thuyết Pháp Hoa] chẳng y lại, chấp trước, sẽ được thấy Phật, lại còn đạt được tổng trì, chúng lợi ích to lớn, hướng hò [trông thấy] trời, rồng v.v... [đến nghe pháp] ư?

Phần thứ hai, kinh văn Trường Hàng tán thán kinh pháp và chỉ dạy phương pháp đã xong.

10.2.2. Kệ tụng

10.2.2.1. Tổng khuyến

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Dục xả chư giải đãi, ưng đương thính thử kinh. Thử kinh nan đắc văn, tín thọ giả diệt nan.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「欲捨諸懈怠，應當聽此經。此經難得聞，信受者亦難。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Muốn bỏ các giải đãi, hãy nên nghe kinh này. Kinh này khó được nghe, người tin nhận cũng khó).

10.2.2.2. Trùng tụng phần Trường Hàng

10.2.2.2.1. Chỉ trùng tụng sự tán thán dựa theo quả

10.2.2.2.1.1. Trùng tụng lập thí dụ

Lược đi không trùng tụng [các ý nghĩa] cận quả, giải thích cận quả và loại trừ nhân tố chẳng phải quả.

(Kinh) Như nhân khát tu thủy, xuyên tạc ư cao nguyên, do kiến càn tảo thổ, tri khứ thủy thượng viễn. Tiệm kiến thấp thổ nê, quyết định tri cận thủy.

(經)如人渴須水，穿鑿於高原，猶見乾燥土，知去水尚遠。漸見濕土泥，決定知近水。

(Kinh: Như người khát cần nước, đào bới nơi cao nguyên, vẫn thấy đất khô ráo, biết cách nước còn xa. Dần dần thấy đất bùn, biết chắc gần nước).

10.2.2.2.1.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp

(Kinh) Dục Vương như đương tri: Như thị chư nhân đẳng, bất văn Pháp Hoa kinh, khứ Phật trí thậm viễn. Nhược văn thị thâm kinh, quyết liễu Thanh Văn pháp. Thị chư kinh chi vương, văn dĩ để tư duy. Đương tri thử nhân đẳng, cận ư Phật trí huệ.

(經)藥王汝當知：如是諸人等，不聞法華經，去佛智甚遠。若聞是深經，決了聲聞法。是諸經之王，聞已諦思惟。當知此人等，近於佛智慧。

(Kinh: Dược Vương hãy nên biết: Những người như thế đó, chẳng nghe kinh Pháp Hoa, cách Phật trí rất xa. Nếu nghe kinh sâu này, hiểu rõ pháp Thanh Văn. Kinh này vua các kinh, nghe rồi suy nghĩ kỹ. Hãy nên biết người ấy, gần với trí huệ Phật).

Phần thứ nhất, “chỉ xét theo quả để trùng tụng phần tán thán” đã xong.

10.2.2.2.2. Trùng tụng phương pháp

10.2.2.2.2.1. Nói thẳng vào phương pháp

(Kinh) Nhược nhân thuyết thử kinh, ưng nhập Như Lai thất, trước ư Như Lai y, nhi tọa Như Lai tòa, xử chúng vô sở úy, quảng vị phân biệt thuyết. Đại từ bi vi thất, nhu hòa nhẫn nhục y. Chư pháp Không vi tòa, xử thử vi thuyết pháp. Nhược thuyết thử kinh thời, hữu nhân ác khẩu mạ, như đao, trượng, ngỗ, thạch, niệm Phật cố ưng nhẫn.

(經)若人說此經，應入如來室，著於如來衣，而坐如來座，處眾無所畏，廣為分別說。大慈悲為室，柔和忍辱衣。諸法空為座，處此為說法。若說此經時，有人惡口罵，如刀杖瓦石，念佛故應忍。

(Kinh: Nếu người nói kinh này, nên vào nhà Như Lai, mặc áo của Như Lai, ngồi nơi tòa Như Lai, trong chúng không sợ hãi, vì họ rộng phân biệt. Đại từ bi làm nhà, áo nhu hòa nhẫn nhục. Các pháp Không làm tòa, ngự nơi đó thuyết pháp. Nếu lúc nói kinh này, có người ác khẩu chửi, dùng đao, gậy, ngỗ, đá, do niệm Phật nên nhẫn).

Nửa bài kệ đầu trùng tụng nêu các đề mục. Bài kệ kế tiếp trùng tụng lời giải thích. Bài kệ cuối cùng trùng tụng khuyên tu.

10.2.2.2.2. Trùng tụng năm thứ lợi ích

(Kinh) Ngã thiên vạn ức độ, hiện tịnh kiên cố thân, ư vô lượng ức kiếp, vị chúng sanh thuyết pháp.

(經)我千萬億土，現淨堅固身，於無量億劫，為眾生說法。

(Kinh: Trong ngàn vạn ức cõi, ta hiện thân chắc sạch, trong vô lượng ức kiếp, vì chúng sanh thuyết pháp).

Đoạn này nêu chung Như Lai dùng năm chuyện để lợi ích. Chính là do Ứng Thân trọn khắp mười phương, [cho nên] có thể thực hiện năm sự để thủ hộ hành nhân.

(Kinh) Nhược ngã diệt độ hậu, năng thuyết thử kinh giả, ngã khiến hóa tứ chúng, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cập thanh tịnh nam nữ, cúng dường ư pháp sư.

(經)若我滅度後，能說此經者，我遣化四眾，比丘比丘尼，及清淨士女，供養於法師。

(Kinh: Sau khi ta diệt độ, ai hay nói kinh này, ta sai hóa tứ chúng, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, và nam nữ thanh tịnh, cúng dường cho pháp sư).

Trùng tụng chuyện thứ hai là sai khiến tứ chúng.

(Kinh) Dẫn đạo chư chúng sanh, tập chi linh thánh pháp. Nhược nhân dục gia ác, đao, trượng, cập ngỗa thạch, tắc khiến biến hóa nhân, vị chi tác vệ hộ.

(經)引導諸眾生，集之令聽法。若人欲加惡，刀杖及瓦石，則遣變化人，為之作衛護。

(Kinh: Hướng dẫn các chúng sanh, tụ tập để nghe pháp. Nếu có kẻ toan hại, dùng đao, gậy, ngói, đá, liền sai người biến hóa, đến bảo vệ pháp sư).

Trùng tụng chuyện thứ nhất: Sai khiến người biến hóa.

(Kinh) Nhược thuyết pháp chi nhân, độc tại không nhàn xứ, tịch mịch vô nhân thanh. Độc tụng thử kinh điển, ngã nhĩ thời vị hiện, thanh tịnh quang minh thân. Nhược vong thất chương cú, vị thuyết linh thông lợi.

(經)若說法之人，獨在空閑處，寂寞無人聲。讀誦此經典，我爾時為現，清淨光明身。若忘失章句，為說令通利。

(Kinh: Nếu như người thuyết pháp, ở riêng nơi thanh vắng, vắng vẻ, không tiếng người. Đọc tụng kinh điển này, lúc ấy ta bèn hiện, thân quang minh thanh tịnh. Nếu quên mất chương cú, sẽ nói khiến thông suốt).

Trùng tụng chuyện thứ năm: Ban cho tổng trì.

(Kinh) Nhược nhân cụ thị đức, hoặc vị tứ chúng thuyết, không xử độc tụng kinh, giai đắc kiến ngã thân.

(經)若人具是德，或為四眾說，空處讀誦經，皆得見我身。

(Kinh: Nếu người đủ đức ấy, hoặc vì tứ chúng nói, thanh vắng đọc tụng kinh, đều được thấy thân ta).

Trùng tụng chuyện thứ tư: Khiến cho thấy Phật. “Cụ thị đức” (Đủ các đức ấy) tức là nói đến ba đức “nhà, áo, tòa”.

(Kinh) Nhược nhân tại không nhàn, ngã khiển thiên, long vương, Dạ Xoa, quỷ thần đẳng, vì tác thánh pháp chúng. Thị nhân nhạo thuyết pháp, phân biệt vô quái ngại, chư Phật hộ niệm cố, năng linh đại chúng hỷ.

(經)若人在空閑，我遣天龍王，夜叉鬼神等，為作聽法眾。是人樂說法，分別無罣礙，諸佛護念故，能令大眾喜。

(**Kinh:** Nếu ai nơi thanh vắng, ta sai trời, long vương, Dạ Xoa, các quỷ thần, đều làm người nghe pháp. Người ấy thích thuyết pháp, phân biệt không vướng mắc, do chư Phật hộ niệm, khiến đại chúng hoan hỷ).

Trùng tụng chuyện thứ ba: Sai khiến tám bộ.

Phần thứ hai, “trùng tụng kinh văn Trường Hàng” đã xong.

10.2.2.3. Kết lại lời khuyên

(**Kinh**) *Nhược thân cận pháp sư, tốc đắc Bồ Tát đạo, tùy thuận thị sư học, đắc kiến hằng sa Phật.*

(經)若親近法師，速得菩薩道，隨順是師學，得見恆沙佛。

(**Kinh:** Nếu thân cận pháp sư, mau đắc Bồ Tát đạo. Tùy thuận theo thầy học, được thấy hằng sa Phật).

Phẩm Pháp Sư đã xong.

11. Kiến Bảo Tháp Phẩm Đệ Thập Nhất

見寶塔品第十一

Phẩm thứ mười một: Kiến Bảo Tháp

“Tháp” nói đủ là Tháp Bà (塔婆, Stūpa), hoặc là Thâu Bà (偷婆), tân dịch là Tốt Đồ Ba (宰堵波), phương này dịch là Phương Phần (方墳, mộ vuông), còn dịch là Linh Miếu (靈廟, miếu thiêng), cũng dịch là Cao Hiển (高顯, cao rạng), cũng dịch là Phù Đồ (浮圖)³¹⁵. Có chứa xá-lợi thì gọi là Tháp, không có xá-lợi thì gọi là Chi Đề (支提, Caitya). Xá-lợi (Śarīra) lại còn luận định là toàn thân hay nát vụn. Như Phật Thích Ca

³¹⁵ Phù Đồ vốn là cách phiên âm xưa của chữ Buddha trong thời kỳ đầu dịch kinh. Trong các bản dịch cổ, chữ Phật được phiên âm là Phật Đồ, Phù Đà, Phù Đồ, Bội Đồ v.v... từ đời Tùy - Đường trở đi, luôn phiên âm thống nhất là Phật Đà hay Phật. Tháp thờ Phật thoát đầu thường được gọi là Phù Đồ Tháp rồi dần dần chữ Tháp bị rơi mất, dân gian vẫn quen gọi tháp thờ Phật là Phù Đồ.

nát thân thành tám học xá-lợi. Về sau, vua A Dục (Asoka) tạo tám vạn bốn ngàn tháp báu để cúng dường trọn khắp các danh sơn trong thiên hạ. Cho đến nay, xá-lợi toàn thân của Phật Đa Bảo chẳng tiêu tan; vì thế, chỉ có một tháp.

Lại nữa, theo Luật Tạng, có bốn chỗ để dựng tháp: Chỗ Phật đản sanh, chỗ Phật đắc đạo, chỗ Phật chuyển pháp luân, và chỗ Phật nhập Niết Bàn. Nay tam thân của chư Phật đều sanh từ Thật Tướng Pháp Hoa, chư Phật ngồi đạo tràng ở đó, chư Phật chuyển pháp luân tại đó, chư Phật bát Niết Bàn tại đó. Chỉ riêng kinh Pháp Hoa này chính là bốn tòa tháp của tam thể Phật. Phật quá khứ đã ngự tại đó, Phật hiện tại đều cùng ngự tại đó, Phật vị lai cũng thế. Tháp này xuất hiện nhằm nêu tỏ chuyện ấy, tứ chúng đều trông thấy; vì thế gọi là phẩm Kiến Bảo Tháp (thấy tháp báu; đó là giải thích theo Thế Giới Tất Đàn).

Kinh Anh Lạc nói: *“Cúng dường nhất Phật xá-lợi, khởi tháp mãn tứ thiên hạ, bất như cúng dường Như Lai sanh thân, do sắc thân hữu xá-lợi cố. Hữu khởi tháp mãn đại thiên cúng dường sắc thân, bất như cúng dường Pháp Thân, do Pháp Thân hữu sắc thân cố”* (Cúng dường xá-lợi của một vị Phật, dựng tháp trọn khắp tứ thiên hạ, chẳng bằng cúng dường sanh thân (sắc thân tại thế) của Như Lai, do sắc thân có xá-lợi. Lại dựng tháp trọn khắp đại thiên thế giới để cúng dường sắc thân, chẳng bằng cúng dường Pháp Thân, do Pháp Thân có sắc thân). Hãy nên biết: Thấy sắc chẳng sánh bằng nghe kinh, do từ nghe kinh mà có Pháp Thân. Kinh có Thiên hay Viên, tức là Pháp Thân toàn vẹn hay nát vụn, công đức khác nhau. Nay kinh này thuần diễn nói Viên lý, tức là Pháp Thân toàn vẹn. Vì thế, trì kinh có công đức sâu xa, có sức hoằng truyền, tuyên dương to lớn. Tháp của Phật Đa Bảo từ dưới đất vọt lên để chứng minh chuyện này. Tứ chúng đều trông thấy; do đó nói là phẩm Kiến Bảo Tháp (Đó là Vị Nhân Tất Đàn).

Tam châu thuyết pháp đã xong, [tháp báu] từ dưới đất vọt lên, phát ra âm thanh to lớn, lại còn tán thán *“lành thay”*. Xét theo sự thành tựu nơi Thật để nói thì là *“chứng tiền”* (chứng thực những điều đã nói trước đó). Vì để mở tháp, cần phải nhóm họp phân thân. Đã mở tháp rồi, [Phật Thích Ca] vào tháp cùng ngồi, dùng tiếng to lớn bảo trọn khắp, triệu vời các đệ tử nơi Bốn. Do [đại chúng] đều nghị [các vị Bồ Tát] từ dưới đất vọt lên, [đức Phật] mới nói rõ thọ lượng, lần lượt nêu ra nguyên do, tức là *“thỉnh hậu”*. Chính vì *“chứng tiền”* mà *“thỉnh hậu”*. Từ dưới đất vọt lên, tứ chúng đều trông thấy. Vì thế nói là phẩm Kiến Bảo Tháp (đó là Đối Trị Tất Đàn).

Phật Đa Bảo thị hiện diệt độ, toàn thân xá-lợi nghiêm nghiêm chẳng tan. Lại nghe Ngài (Phật Đa Bảo) nói, tức là “*diệt mà chẳng diệt*”, có thể biểu thị Pháp Thân. Đức Thích Ca vào tháp, hai thân (thân của Phật Đa Bảo và thân Phật Thích Ca) tương xứng. Như và Trí tương xứng với cảnh, có thể biểu thị Báo Thân. Phân thân [của Phật Thích Ca] vân tập (nhóm lại cuộn cuộn như mây đùn), có thể biểu thị Ứng Thân. Tam thân của tam thế Phật chẳng phải là một hay khác, khiến cho tứ chúng trông thấy. Vì thế nói là phẩm Kiến Bảo Tháp (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Tháp xuất hiện có hai ý:

- Một, phát ra âm thanh để “*chứng tiền*”. Tam châu thuyết pháp, công đức do lưu thông đều là chân thật, chẳng giống các lời đàm luận nói kèm thêm hoặc đối ứng. Đó chính là xét theo giáo nghĩa.

- Hai, vì mở tháp mà phát khởi cho phần sau. Tiếng nói thấu triệt phương dưới, triệu vời các đệ tử nơi Bôn, nói rõ sự trường thọ, nhanh chóng phá tan mối nghi [Phật Thích Ca mới chỉ] thành Phật trong thời gian gần đây nơi Tịch Diệt Đạo Tràng. Đây chính là ý nghĩa xét theo Bôn Tích.

Lại nữa, tháp từ thuở xa xôi từ dưới đất vọt ra, tỏ lộ sức thần thông tự tại, hiển lộ đời quá khứ đã từng lợi ích chúng sanh. Phát ra âm thanh to lớn, hiển lộ sức Sư Tử Phấn Tấn³¹⁶, hiển hiện chuyện “*khai Quyền, hiển Thật*” trong hiện tại nơi mười phương. Ngài (Phật Đa Bảo) có đại thệ nguyện “*nếu vị lai chư Phật nói kinh này, tháp báu của ta sẽ đều tới đó để chứng minh*”, tỏ lộ sức oai mãnh thế lực to lớn, hiển lộ vị lai thường trụ bất diệt.

Giải thích theo quán tâm, nương theo kinh đề tu Quán, tương ứng với Pháp Thân, ắt thấu hiểu cảnh và trí. Như tháp hiện đến chứng minh kinh, cảnh và trí đã hiểu, sẽ là đại báo viên mãn. Như Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo ngồi chung một tòa, do vì đại báo viên mãn, sẽ tùy cơ xuất hiện, ứng hóa. Như phân thân đều tụ tập, do Đa Bảo Phật xuất hiện, Phật ba đời đều hiển lộ. Do trì kinh liền trọn đủ ba thân. Kinh Phổ Hiền

³¹⁶ Theo nghĩa thông thường, Phấn Tấn là trạng thái tinh thần phấn chấn, mạnh mẽ, hành động nhanh chóng, mạnh mẽ, hùng tráng. Giải thích về Sư Tử Phấn Tấn tam-muội, ông Đinh Phước Bảo viết: “*Khi sư tử phấn tấn, các căn đều căng ra, lông trên thân dựng lên, hiện tướng trạng oai vũ, phấn nộ, gào rống. Phật nhập môn tam-muội này, chân động thân đại bi pháp giới, mở toang đại bi môn căn, hiện oai thế tương ứng căn cơ, khiến cho hàng ngoại đạo, Tiểu Thừa đều khiếp phục. Vì thế gọi là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội*”.

Quán³¹⁷ chép: “*Phật tam chủng thân từng Phương Đẳng sanh*” (Ba loại thân của Phật sanh từ Phương Đẳng) chính là nghĩa này.

11.1. Trường Hàng

11.1.1. [Tháp báu của] Phật Đa Bảo vọt lên, hiện ra

11.1.1.1. Tháp hiện tướng

(Kinh) Nhĩ thời, Phật tiền hữu thất bảo tháp, cao ngũ bách do-tuần, tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần, từng địa dũng xuất, trụ tại không trung. Chủng chủng bảo vật nhi trang hiệu chi, ngũ thiên lan thuần, khám thất thiên vạn, vô số tràng phan dĩ vi nghiêm sức, thù bảo anh lạc. Bảo linh vạn ức nhi huyền kỳ thượng. Tứ diện giai xuất Đa Ma La Bát Chiên Đàn chi hương, sung biến thế giới. Kỳ chư phan, cái, dĩ kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khô, thất bảo hợp thành, cao chí Tứ Thiên Vương cung.

(經)爾時，佛前有七寶塔，高五百由旬，縱廣二百五十由旬，從地涌出，住在空中。種種寶物而莊校之，五千欄楯，龕室千萬，無數幢幡以為嚴飾，垂寶瓔珞。寶鈴萬億而懸其上。四面皆出多摩羅跋栴檀之香，充徧世界。其諸幡，蓋，以金，銀，琉璃，磑磑，碼瑙，真珠，玫瑰，七寶合成，高至四天王宮。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trước đức Phật có tháp bảy báu cao năm trăm do-tuần (yojanas), ngang dọc mỗi bề hai trăm năm mươi do-tuần, từ dưới đất vọt ra, trụ trong không trung. Các thứ vật báu để trang điểm. Năm ngàn lan can, ngàn vạn khám thất³¹⁸. Vô số tràng phan dùng để

³¹⁷ Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp, là một trong ba bộ kinh trọng yếu để lập cước của tông Thiên Thai (kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Pháp Hoa, và kinh Phổ Hiền Hành Pháp). Kinh này do ngài Đàm Ma Mật Đa dịch sang tiếng Hán vào năm Nguyên Gia nguyên niên đời Lưu Tống (424). Kinh giới thiệu pháp quán Phổ Hiền Bồ Tát và cách tu tập Pháp Hoa tam-muội.

³¹⁸ Khám là danh từ để gọi chung các cấu trúc nhỏ để thờ Phật, thần thánh, hay tổ tiên, có thể hiểu đại lược như trang thờ của người Việt. “*Khám thất*” thường là các ô lõm khắc vào trong tường, vách của một kiến trúc (như tháp, chùa, miếu) để thờ

trang hoàng. Treo rủ các chuỗi ngọc báu, vạn ức linh báu treo trên đó. Bốn mặt đều tỏa ra mùi hương Đa Ma La Bát Chiên Đàn, đầy khắp thế giới. Các phan, lọng do vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khô, bảy báu hợp thành, cao đến cung điện của Tứ Thiên Vương).

Bảy báu biểu thị Thất Giác, Thất Thánh Pháp Tài trong Tánh Đức. “Tháp” biểu thị cảnh Thật Tướng, là chỗ Pháp Thân nương vào (bốn giáo, mỗi giáo đều luận định Thất Giác, Thất Tài, nay chỉ luận theo Viên Giáo. Nơi địa vị tu nhân cũng có Thất Giác, Thất Tài, nay chỉ xét theo cực quả. Thất Giác, Thất Tài đều do tu được; nay nói rõ “toàn tánh khởi tu, toàn tu hiển tánh”. Vì thế là vô tác Tánh Đức).

“Cao ngũ bách do-tuần” (Cao năm trăm do-tuần) là cao hai vạn dặm, theo chiều dọc biểu thị vạn hạnh nơi cái nhân, là vạn đức nơi cái quả. “Tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần” (Ngang dọc mỗi bề là hai trăm năm mươi do-tuần): Tức là một vạn dặm, theo chiều ngang, biểu thị vạn thiện trang nghiêm. “Đất” biểu thị vô minh tâm địa, “không” (không gian) biểu thị Độ Nhất Nghĩa Không. Dùng “không có gì để phá” mà phá đất vô minh. Dùng vô sở trụ (chẳng trụ vào đâu) để trụ trong Độ Nhất Nghĩa Không. Vì thế nói “tùng địa dũng xuất” (từ trong đất vọt ra).

“Trụ tại không trung” (Trụ trong hư không) cũng nhằm “chứng tiền, khởi hậu”. Người thuộc bảy phương tiện chưa khai Tạng lý, bị vô minh ẩn lấp, như tháp ở trong đất. Nay nghe “khai tam, hiển nhất” trong tam châu khai tri kiến của Phật, hiển lộ Pháp Thân như tháp vọt lên hư không. Đấy chính là “chứng tiền”. Tu đắc Pháp Thân, đã rành rẽ từ lâu. Như tháp ở trên hư không, không ai có thể mở được, biểu thị nơi bốn địa đã thành tựu từ lâu, nhưng mọi người chẳng biết. Nếu nêu bày Tích, hiển lộ Bản, sẽ liễu đạt chẳng nghi. Đấy chính là “khởi hậu” (phát khởi cho phần sau, tức là mở đầu phần Bản Môn). Như tháp từ đất hiện ra, biểu thị Pháp Thân hiển hiện, vừa giống vừa khác với các kinh. Bồ Tát hiển lộ Pháp Thân thì đồng; Nhị Thừa hiển lộ Pháp Thân thì dị (khác). Như tháp ở trên hư không, mở cửa tháp bên thấy Phật, biểu thị “tỏ bày Tích, hiển lộ Bản”, vĩnh viễn khác với các kinh! Như tháp đến “chứng tiền”, sự đã rành rành, cho nên chẳng cần phải nghi nữa! Tháp đến “khởi hậu”, ngầm có ý ấy, nhưng mọi người chẳng biết!

Phật, Bồ Tát, thường được trang trí, điêu khắc như một cung điện nhỏ hay một điện đường nhỏ.

“*Chủng chủng bảo vật*” (Các thứ vật báu) biểu thị sử dụng rất nhiều thứ Định và Huệ để trang nghiêm. “*Lan thuần*” (Lan can) biểu thị Tổng Trì. “*Khám thất*” biểu thị vô lượng từ bi thất, và cũng biểu thị vô lượng Không xá (nhà Không). “*Tràng phan*” biểu thị tướng thân thông thù thắng. “*Thùy chur anh lạc*” (Treo rủ các chuỗi ngọc) biểu thị công đức thuộc Giới, Định, Huệ, Đà La Ni nơi bốn mươi địa vị. Trên là trang nghiêm Pháp Thân, dưới là tiếp độ chúng sanh. “*Bảo linh*” (Linh báu) biểu thị bát âm³¹⁹, tứ biện tài. “*Tứ diện xuất hương*” (Bốn phía tỏa mùi thơm) biểu thị gió đạo Vô Tác Tứ Đế thổi qua, tỏa ngát hương Tứ Đức. “*Thất bảo phan cái cao chí Tứ Thiên Vương cung*” (Phan, lọng bảy báu cao tới cung điện của bốn thiên vương), biểu thị thân thông từ lực, đều do Thất Giác và Thất Tài trong Tánh Đức tạo thành, đều thâu tột cùng tận lý Vô Tác Tứ Đế.

11.1.1.2. Chư thiên cúng dường

(Kinh) Tam thập tam thiên vũ thiên Mạn Đà La hoa cúng dường bảo tháp. Dư chư thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng thiên vạn ức chúng, dĩ nhất thiết hoa, hương, anh lạc, phan, cái, kỹ nhạc, cúng dường bảo tháp, cung kính, tôn trọng, tán thán.

³¹⁹ Bát âm ở đây là tám loại âm thanh của đức Phật:

- 1) Cực hảo âm: Do Phật đức rộng lớn, âm thanh cực tốt đẹp, khiến người người được nghe đều nhập đường lành.
- 2) Nhu nhuyễn âm: Tiếng nói mềm mọng, dịu dàng, khiến cho người nghe vui sướng, đều bỏ tâm ương ngạnh, tự nhiên tuân hành luật hạnh.
- 3) Hòa thích âm: Phật ngữ trong lý Trung Đạo, vì thế âm thanh có thể khiến cho người nghe được điều phục, dịu dàng, tự hiểu lý.
- 4) Tôn huệ âm: Người nghe thấy Phật nói sẽ tôn trọng, trí thông hiểu, tỏ ngộ.
- 5) Bất nữ âm: Âm thanh chẳng ảo lả, mà hùng tráng, khiến cho người nghe trấn định, sanh lòng kính ngưỡng.
- 6) Bất ngộ âm: Phật trí viên minh, chiếu liễu chẳng sai lầm, khiến cho người nghe ai nấy đạt được chánh kiến.
- 7) Thâm viễn âm: Phật trí thâu đạt Chân Tế, hạnh vị cực cao, âm thanh thâu triệt mười phương, khiến cho kẻ ở gần chẳng nghe to, kẻ ở xa chẳng nghe nhỏ, nghe xong đều chứng nhập lý rất sâu.
- 8) Bất kiệt âm: Như Lai cực quả nguyện hạnh vô tận, trụ trong pháp tạng vô tận. Vì thế, âm thanh thao thao bất tận, âm vang chẳng cạn kiệt, khiến cho người nghe lãnh hội ngay ý nghĩa, đạt được cái quả thường trụ, thấy rõ thứ tự trong pháp giới.

(經)三十三天雨天曼陀羅華供養寶塔。餘諸天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等千萬億眾，以一切華，香，瓔珞，幡，蓋，伎樂，供養寶塔，恭敬，尊重，讚歎。

(Kinh: Trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi) mưa hoa Mạn Đà La (Māṇḍārava) cúng dường tháp báu. Các vị trời khác, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... ngàn vạn ức người, dùng hết thấy các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, phan, lọng, kỹ nhạc để cúng dường tháp báu, cung kính, tôn trọng, tán thán).

Giải thích theo phương diện sự tướng thì dễ hiểu. Lại xét theo Lý, Tam Thập Tam Thiên biểu thị ba mươi địa vị thuộc Trụ, Hạnh, Hồi Hướng. Thập Địa là một, Đẳng Giác là một nữa, Diệu Giác là một nữa, gộp chung thành ba mươi ba, cùng nương vào cảnh Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa. “*Vũ thiên Mạn Đà La hoa*” (Tuôn mưa hoa Mạn Đà La cõi trời): Sơ tâm cũng trọn đủ công đức thuộc bốn mươi hai địa vị, hậu tâm cũng thế, đều dùng tất cả nhân hoa thuộc bốn mươi địa vị quy hướng Pháp Thân. Từ “*du chư thiên long*” (các trời, rồng khác) trở đi là biểu thị nội phạm, ngoại phạm v.v... cũng nương vào Thật Tướng, hướng theo quả đề tu hành cái nhân.

11.1.1.3. Phật Đa Bảo xưng dương, tán thán

(Kinh) Nhĩ thời, bảo tháp trung xuất đại âm thanh, thán ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn năng dĩ bình đẳng đại huệ giáo Bồ Tát pháp Phật sở hộ niệm Diệu Pháp Hoa kinh, vị đại chúng thuyết. Như thị! Như thị! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, như sở thuyết giả, giai thị chân thật”.

(經)爾時，寶塔中出大音聲，歎言：「善哉！善哉！釋迦牟尼世尊能以平等大慧教菩薩法佛所護念妙法華經，

為大眾說。如是！如是！釋迦牟尼世尊，如所說者，皆是真實」。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, trong tháp báu phát ra âm thanh lớn, khen rằng: - Lành thay! Lành thay! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn có thể đem kinh Diệu Pháp Liên Hoa là pháp đại huệ bình đẳng để dạy các Bồ Tát, được chư Phật hộ niệm mà vì đại chúng nói. Đúng như thế! Đúng như thế! Như những lời Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đã nói đều là chân thật).

“Thiện tai! Thiện tai” (Lành thay! Lành thay): Tán thán khế lý, khế cơ. “*Bình đẳng*” có hai nghĩa:

- Một, pháp bình đẳng, tức lý Trung Đạo.

- Hai, chúng sanh bình đẳng: Hết thảy chúng sanh đều cùng đạt được Phật huệ.

“*Đại*” giống như ý nghĩa “*cao quảng*” trong phần trước. “*Như thị, như thị*”: Một, đúng như pháp tánh thật lý. Hai, đúng như căn tánh của chúng sanh. Vì thế, đều là chân thật. Đây chính là chứng minh “*khai Quyền, hiển Thật*” trong phần trước là chân thật, chẳng dối!

11.1.1.4. Đại chúng trong thuở ấy kinh nghi

(*Kinh*) *Nhĩ thời, tứ chúng kiến đại bảo tháp trụ tại không trung. Hựu văn tháp trung sở xuất âm thanh, giai đắc pháp hỷ, quái vị tăng hữu, tùng tòa nhi khởi, cung kính, hiệp chưởng, khước trụ nhất diện.*

(經)爾時，四眾見大寶塔住在空中。又聞塔中所出音聲，皆得法喜，怪未曾有，從座而起，恭敬，合掌，卻住一面。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, tứ chúng thấy tháp báu lớn trụ trong hư không. Lại nghe trong tháp phát ra âm thanh, đều được pháp hỷ, cảm thấy lạ lùng chưa từng có, từ chỗ ngồi đứng lên, cung kính chấp tay rồi đứng qua một phía).

“*Giai đặc pháp hỷ*” (Đều được pháp hỷ): Tỏ rõ họ đã lãnh ngộ “*chứng tiền*”. “*Quái vị tăng hữu, khởi trụ nhất diện*” (Lạ lòng chưa từng có, đứng dậy, đứng qua một phía) ngầm giúp cho “*khởi hậu*”.

11.1.1.5. Ngài Đại Nhạo Thuyết thừa hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, hữu Bồ Tát Ma Ha Tát danh Đại Nhạo Thuyết, tri nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La đẳng tâm chí sở nghi, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Dĩ hà nhân duyên hữu thử bảo tháp tùng địa dũng xuất. Hựu ư kỳ trung phát thị âm thanh?

(經)爾時，有菩薩摩訶薩名大樂說，知一切世間天、人、阿修羅等心之所疑，而白佛言：「世尊！以何因緣有此寶塔從地涌出。又於其中發是音聲？」

(Kinh: Lúc đó, có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Đại Nhạo Thuyết (Mahāpratibhāna) biết điều nghi trong tâm của hết thấy trời, người, A Tu La v.v... trong thế gian, bèn bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có tháp báu này từ dưới đất vọt lên, lại từ trong đó phát ra âm thanh ấy?)

Dựa theo ý trong lời đáp thuộc phần sau thì lời hỏi cũng có ba ý:

- Một, hỏi do đâu mà có tháp ấy?
- Hai, hỏi do nguyên cớ nào mà tháp ấy từ đất vọt ra?
- Ba, do nguyên nhân nào phát ra âm thanh ấy?

11.1.1.6. Như Lai giải đáp

11.1.1.6.1. Giải đáp vì sao [tháp báu] vọt ra

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát: - Thử bảo tháp trung, hữu Như Lai toàn thân. Nãi vãng quá khứ, Đông phương vô lượng thiên vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, quốc danh Bảo Tịnh. Bỉ trung hữu Phật, hiệu viết Đa Bảo. Kỳ Phật hành Bồ Tát đạo thời, tác đại thệ nguyện: “Nhuộc ngã thành Phật, diệt độ chi hậu, ư thập phương quốc độ, hữu thuyết Pháp Hoa kinh xứ, ngã chi tháp miếu vị thánh thị kinh cổ, dũng hiện kỳ tiền, vị tác chứng minh, tán ngôn thiện tai!”

(經)爾時，佛告大樂說菩薩：「此寶塔中，有如來全身。乃往過去，東方無量千萬億阿僧祇世界，國名寶淨。彼中有佛，號曰多寶。其佛行菩薩道時，作大誓願：「若我成佛，滅度之後，於十方國土，有說法華經處，我之塔廟為聽是經故，涌現其前，為作證明，讚言善哉！」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát: - Trong tháp báu này, có toàn thân của Như Lai. Trong đời quá khứ, qua khỏi vô lượng ngàn vạn ức A-tăng-kỳ thế giới ở phương Đông, có cõi nước tên là Bảo Tịnh (Ratnavisuddha)³²⁰. Trong ấy có Phật, hiệu là Đa Bảo (Prabhūtaratna). Vị Phật ấy khi hành Bồ Tát đạo, đã phát ra thệ nguyện to lớn: “Nếu ta thành Phật, sau khi diệt độ, sẽ ở trong mười phương quốc độ, chỗ nào có nói kinh Pháp Hoa, tháp miếu của ta sẽ vì nghe kinh ấy mà vọt lên, hiện ra trước đó để chứng minh, khen ngợi lành thay!”)

Đây là nói rõ tháp báu vì chứng minh kinh Pháp Hoa cho nên từ đất vọt ra.

Hỏi: - Trước đó đã nói “từ đất vọt lên”, nay nói là phương Đông là vì lẽ nào?

Đáp: - Nói “phương Đông” là nói đến bốn duyên, “vọt hiện ra” là trần thuật nguyện xưa, chẳng hề mâu thuẫn. Nếu xét theo sự biểu pháp, phương Đông đứng đầu các phương. Vì thế, biểu thị sự mở đầu. “Từ đất vọt lên” nhằm biểu thị sự hiển lộ.

11.1.1.6.2. Giải đáp do nhân duyên nào mà có tháp

Do đức Phật ấy căn dặn, dạy [đại chúng] tạo tháp ấy.

(Kinh) Bửi Phật thành đạo dĩ, lâm diệt độ thời, u thiên nhân đại chúng trung, cáo chư tỳ-kheo: - Ngã diệt độ hậu, dục cúng dường ngã toàn thân giả, ưng khởi nhất đại tháp.

³²⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Thế giới do bảy báu hợp thành, thanh tịnh vô cấu, nên gọi là Bảo Tịnh”.

(經)彼佛成道已，臨滅度時，於天人大眾中，告諸比丘：「我滅度後，欲供養我全身者，應起一大塔」。

(Kinh: Đức Phật ấy đã thành đạo, khi sắp diệt độ, đã ở giữa đại chúng trời, người, bảo các tỳ-kheo: - Sau khi ta diệt độ, muốn cúng dường toàn thân của ta, hãy nên dựng một tháp lớn).

11.1.1.6.3. Giải đáp vì sao phát ra âm thanh ấy: Do có thần thông và bốn nguyện

(Kinh) Kỳ Phật dĩ thần thông nguyện lực, thập phương thế giới tại tại xứ xứ, nhược hữu thuyết Pháp Hoa kinh giả, bĩ chi bảo tháp giai dũng xuất kỳ tiền, toàn thân tại u tháp trung, tán ngôn: “Thiện tai, thiện tai!” Đại Nhạo Thuyết! Kim Đa Bảo Như Lai tháp văn thuyết Pháp Hoa kinh cổ, tùng địa dũng xuất, tán ngôn “thiện tai, thiện tai”.

(經)其佛以神通願力，十方世界在在處處，若有說法華經者，彼之寶塔皆涌出其前，全身在於塔中，讚言：「善哉，善哉！」大樂說！今多寶如來塔聞說法華經故，從地涌出，讚言「善哉，善哉」。

(Kinh: Vị Phật ấy do thần thông nguyện lực, nơi nơi chốn chốn trong mười phương thế giới, nếu [chỗ nào] có nói kinh Pháp Hoa, tháp báu ấy sẽ vọt lên, hiện ra trước đó, toàn thân [của Đa Bảo Như Lai] ở trong tháp, khen ngợi: “Lành thay, lành thay!” Nay Đại Nhạo Thuyết! Nay tháp của Đa Bảo Như Lai do nghe nói kinh Pháp Hoa bèn từ đất vọt lên, khen rằng “lành thay, lành thay”).

Thích Luận nói “Phật Đa Bảo do chẳng thể thuyết pháp mà diệt độ”. Nam Nhạc đại sư (Huệ Tư đại sư) nói: “Vị Phật ấy bảo các tỳ-kheo, tỳ-kheo chính là người được giáo hóa, sao lại nói Ngài hoàn toàn chẳng thuyết pháp? Hãy nên hiểu là Ngài chỉ có thể nói tam thừa, chẳng thể hiển thị Nhất Thừa. Vì thế [Thích Luận nói Ngài] chẳng thể thuyết pháp”. Do bởi nghĩa ấy, tuy đã diệt độ, nhưng nơi nơi chốn chốn, hễ chỗ nào nói kinh Pháp Hoa, Ngài đều tùy hỷ, chứng minh.

Hỏi: - Mười phương thế giới, há chẳng có vị Phật nào khác chẳng thể khai tam hiện nhất ư? Nếu chẳng thể khai hiện, thì đều phải nên phát nguyện, sao lại riêng mình Phật Đa Bảo? Nếu chẳng phát nguyện, Phật đạo bất đồng! Nếu đã phát nguyện, đều phải nên đến nghe kinh. Hơn nữa, chư Phật giáo hóa đều phải soi xét căn cơ từ trước, há đợi tới khi thành Phật rồi mới biết là chẳng thể khai tam hiện nhất ư?

Đáp: - Đồng và bất đồng, khai và chẳng khai, có nguyện hay chẳng có nguyện, đều là tùy duyên. Nếu phải nên có nguyện, sẽ đều hiện đến [chứng minh] trọn hết, cần gì phải lo các Ngài chẳng nhóm họp? Sau đó mới phát nguyện cũng là do soi xét căn cơ!

Phần thứ nhất, “nói về chuyện [tháp báu của] Phật Đa Bảo vọt hiện ra” đã xong.

11.1.2. Phân thân [của Phật Thích Ca] từ xa nhóm họp

11.1.2.1. Ngài Đại Nhạo Thuyết thỉnh cầu được thấy Phật Đa Bảo

(Kinh) Thị thời, Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát dĩ Như Lai thần lực cố, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng nguyện dục kiến thử Phật thân.

(經)是時，大樂說菩薩以如來神力故，白佛言：「世尊！我等願欲見此佛身」。

(Kinh: Khi đó, Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát do thần lực của Như Lai, bạch cùng đức Phật: - Bạch Thế Tôn! Chúng con mong được thấy thân của đức Phật ấy).

Muốn mở tháp, cần phải nhóm họp [các phân thân của đức] Phật. Nhóm họp chư Phật, sẽ phước chúc. Phước chúc bèn triệu vời [các vị Bồ Tát ở] phương dưới. Từ phương dưới hiện ra, tức là phải nên “*khai cận, hiện viễn*” (chỉ bày thọ mạng gần gũi trong hiện thời là thị hiện, chứ thọ mạng của Như Lai thật sự rất lâu xa). Đây chính là nguyên do của sự vân tập to lớn. Vì thế, Như Lai dùng thần lực khiến cho [ngài Đại Nhạo Thuyết] thưa hỏi³²¹.

11.1.2.2. Nói rõ phải nên nhóm họp các phân thân

³²¹ Pháp sư Phổ Hành chú giải: “Phật Đa Bảo hiện tháp, không chỉ nhằm chứng minh kinh Pháp Hoa, mà còn vì hiển thị Pháp Thân bất diệt. Do vậy, ngài Đại Nhạo Thuyết muốn thấy Phật Đa Bảo, cũng là vì đã biết Pháp Thân bất diệt”.

(Kinh) Phật cáo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát: - Thị Đa Bảo Phật hữu thâm trọng nguyện: “Nhược ngã bảo tháp, vị thính Pháp Hoa kinh cổ, xuất u chư Phật tiền thời, kỳ hữu dục dĩ ngã thân thị tứ chúng giả, bỉ Phật phân thân chư Phật tại u thập phương thế giới thuyết pháp, tận hoàn tập nhất xứ, nhiên hậu, ngã thân nãi xuất hiện nhĩ”. Đại Nhạo Thuyết! Ngã phân thân chư Phật tại u thập phương thế giới thuyết pháp giả, kim ưng đương tập.

(經)佛告大樂說菩薩摩訶薩：「是多寶佛有深重願：

「若我寶塔，為聽法華經故，出於諸佛前時，其有欲以我身示四眾者，彼佛分身諸佛在於十方世界說法，盡還集一處，然後，我身乃出現耳」。大樂說！我分身諸佛在於十方世界說法者，今應當集」。

(Kinh: Đức Phật bảo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát: - Vị Đa Bảo Phật này có nguyện sâu nặng: “Nếu tháp báu của ta vì nghe kinh Pháp Hoa mà xuất hiện trước chư Phật, nếu vị nào muốn chỉ bày thân ta cho tứ chúng thì phân thân chư Phật của vị Phật ấy đang thuyết pháp trong mười phương thế giới đều phải nhóm họp trọn hết về một chỗ, sau đó, thân ta mới xuất hiện”. Đây Đại Nhạo Thuyết! Phân thân chư Phật của ta đang thuyết pháp trong mười phương thế giới nay phải nên nhóm họp).

Cần phải nhóm họp các phân thân thì mới có thể mở tháp, đây chính là ngầm nêu bày công đức nơi Bốn địa. Rễ sâu, ắt cành sum suê. Nguồn xa, ắt dòng chảy sẽ dài. Phân thân đã theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Bốn địa há chẳng theo chiều dọc vượt khỏi kiếp số nhiều như vi trần!

11.1.2.3. Ngài Đại Nhạo Thuyết thỉnh cầu phân thân [của đức Phật] nhóm họp

(Kinh) Đại Nhạo Thuyết bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc nguyện dục kiến Thế Tôn phân thân chư Phật, lễ bái, cúng dường.

(經)大樂說白佛言：「世尊！我等亦願欲見世尊分身諸佛，禮拜，供養」。

(Kinh: Ngài Đại Nhạo Thuyết bạch cùng đức Phật: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn thấy phân thân chư Phật của đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường).

11.1.2.4. Phóng quang chiếu thấu phương xa để triệu tập

(Kinh) Nhĩ thời, Phật phóng bạch hào nhất quang, tức kiến Đông phương ngũ bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng quốc độ chư Phật. Bĩ chư quốc độ, giai dĩ pha ly vi địa, bảo thụ, bảo y dĩ vi trang nghiêm. Vô số thiên vạn ức Bồ Tát sung mãn kỳ trung, biến trướng bảo mạn, bảo võng phú thượng. Bĩ quốc chư Phật dĩ đại diệu âm nhi thuyết chư pháp, cập kiến vô lượng thiên vạn ức Bồ Tát biến mãn chư quốc, vị chúng thuyết pháp. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, bạch hào tướng quang sở chiếu chi xứ, diệc phục như thị.

(經)爾時，佛放白毫一光，即見東方五百萬億那由他恆河沙等國土諸佛。彼諸國土，皆以玻璃為地，寶樹，寶衣以為莊嚴。無數千萬億菩薩充滿其中，徧張寶幔，寶網覆上。彼國諸佛以大妙音而說諸法，及見無量千萬億菩薩徧滿諸國，為眾說法。南，西，北方，四維，上，下，白毫相光所照之處，亦復如是。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật phóng một tia sáng từ bạch hào, liền thấy chư Phật trong các quốc độ ở phương Đông số nhiều như cát trong năm trăm vạn ức na-do-tha (nayutas) sông Hằng. Các quốc độ đó đều dùng pha lê làm đất, cây báu và y báu để trang nghiêm. Vô số ngàn vạn ức Bồ Tát đầy ấp trong đó. Màn báu treo khắp, lưới báu phủ lên trên. Chư Phật trong các cõi ấy dùng âm thanh màu nhiệm to lớn để nói các pháp. Và thấy vô lượng ngàn vạn ức Bồ Tát đầy khắp cõi ấy, vì đại chúng thuyết pháp. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới, chỗ nào

được quang minh từ tướng bạch hào chiếu đến cũng đều giống như vậy).

Phân thân chư Phật phần lớn ngự tại tịnh độ, chỉ có Sa Bà này là uế độ. Đức Phật [Thích Ca] có thể nói kinh Pháp Hoa trong Sa Bà uế độ, đó là điều khó nhất trong các điều khó khăn. Nhưng do vì ở trong cõi uế độ này, cho nên ắt cần phải vì Thật mà thực hiện Quyền. Lại do thực hiện Quyền, cho nên ắt cần phải khai Quyền hiển Thật. Bởi lẽ, hiển Thật thì mới phơi bày trọn vẹn sự khéo nhiệm nơi cách lập bày giáo hóa của Như Lai, nguyên khởi và kết quả từ đầu đến cuối được phơi bày không gì chẳng trọn hết. Có thể nói là “*sen trở từ bùn lầy*”. Lại cũng nên biết: [Nói đến] đức Phật Thích Ca trong cõi này tức là nói “chư Phật là phân thân”, [thi hiện thành] Phật trong mỗi cõi. Lại cũng có nghĩa là nói chư Phật và Phật Thích Ca là phân thân [của Pháp Thân Phật]. Nói kinh Pháp Hoa trong cõi này, chư Phật đã vân tập, đều bày tỏ ý muốn mở tháp. Trong các cõi, nơi nào có nói kinh Pháp Hoa, chư Phật và Phật Thích Ca cũng ắt cùng tới đó tỏ ý muốn mở tháp. Đó là tịnh uế giao xen lẫn nhau, dung thông lẫn nhau, khách và chủ rành rành, năng và sở chẳng hai. Đây là tông chỉ Thật Tướng của Nhất Thừa, là cốt lõi của “pháp giới vô ngại” rạng ngời nơi thấy nghe vậy!

11.1.2.5. Chư Phật cùng đến

(Kinh) Nhữ thời, thập phương chư Phật các cáo chúng Bồ Tát ngôn: “Thiện nam tử! Ngã kim ưng vãng Sa Bà thế giới Thích Ca Mâu Ni Phật sở, tịnh cúng dường Đa Bảo Như Lai bảo tháp”.

(經)爾時，十方諸佛各告眾菩薩言：「善男子！我今應往娑婆世界釋迦牟尼佛所，并供養多寶如來寶塔」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, mười phương chư Phật, mỗi vị đều bảo hàng Bồ Tát rằng: “Thiện nam tử! Nay ta nên đến chỗ của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà, và cúng dường tháp báu của Đa Bảo Như Lai”).

11.1.2.6. Nghiêm tịnh quốc giới

11.1.2.6.1. Biến đổi cõi Sa Bà

(Kinh) Thời, Sa Bà thế giới tức biến thành tịnh, lưu ly vi địa, bảo thụ trang nghiêm. Hoàng kim vi thành, dĩ giới bát đạo. Vô chư tụ lạc, thôn doanh, thành ấp, đại hải, giang, hà, sơn, xuyên, lâm tảo. Thiêu đại bảo hương, Mạn Đà La hoa biến bố kỳ địa. Dĩ bảo vô lượng mạn la phú kỳ thượng. Huyền chư bảo linh. Duy lưu thử hội chúng, dĩ chư thiên nhân, trí u tha độ. Thị thời, chư Phật các tương nhất đại Bồ Tát dĩ vi thị giả, chí Sa Bà thế giới, các đáu bảo thụ hạ. Nhất nhất bảo thụ, cao ngũ bách do-tuần. Chi, diệp, hoa, quả, thứ đệ trang nghiêm. Chư bảo thụ hạ, giai hữu sư tử tòa, cao ngũ do-tuần. Diệc dĩ đại bảo nhi hiệu sức chi. Nhĩ thời, chư Phật các u kỳ tòa, kết già phu tọa. Như thị triển chuyển, biến mãn tam thiên đại thiên thế giới, nhi u Thích Ca Mâu Ni Phật nhất phương sở phân chi thân, do cố vị tận.

(經)時，娑婆世界即變清淨，琉璃為地，寶樹莊嚴。黃金為繩，以界八道。無諸聚落，村營，城邑，大海，江河，山，川，林藪。燒大寶香，曼陀羅華徧布其地。以寶網幔羅覆其上。懸諸寶鈴。唯留此會眾，移諸天人，置於他土。是時，諸佛各將一大菩薩以為侍者，至娑婆世界，各到寶樹下。一一寶樹，高五百由旬。枝，葉，華，果，次第莊嚴。諸寶樹下，皆有師子之座，高五由旬。亦以大寶而校飾之。爾時，諸佛各於其座，結跏趺坐。如是展轉，徧滿三千大千世界，而於釋迦牟尼佛一方所分之身，猶故未盡。

(Kinh: Khi đó, thế giới Sa Bà liền biến thành thanh tịnh: Lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Vàng ròng làm dây để phân ranh đường thông sang tám phương. Chẳng có làng xóm, thôn xã, doanh trại, thành, ấp, biển cả, sông ngòi, núi, sông, rừng rú. Đốt hương báu lớn, hoa Mạn Đà La phủ khắp mặt đất. Dùng màn lưới báu phủ lên trên. Treo các linh báu. Chỉ để lại đại chúng trong hội này, dời các trời, người đặt sang cõi khác. Khi đó, chư Phật mỗi vị dẫn theo một vị đại Bồ Tát làm thị giả, tới thế giới Sa Bà, mỗi vị đến dưới cội cây báu. Mỗi cây báu cao năm trăm do-tuần, cành, lá, hoa, quả, theo thứ tự trang nghiêm. Dưới các cây

báu đều có tòa sư tử, cao năm do-tuần, cũng dùng chất báu lớn để tô điểm. Lúc bấy giờ, chư Phật đều ngồi xếp bằng trên tòa ấy. Lần lượt như vậy trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới, nhưng phân thân của Thích Ca Mâu Ni trong một phương vẫn chưa hết được)³²².

11.1.2.6.2. Ở mỗi phương trong tám phương đều biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi

(Kinh) Thời, Thích Ca Mâu Ni Phật dục dung thọ sở phân thân chư Phật cổ, bát phương các cánh biến nhị bách vạn ức na-do-tha quốc, giai linh thanh tịnh. Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cập A Tu La. Hựu di chư thiên nhân trí u tha độ. Sở hóa chi quốc, diệc dĩ lưu ly vi địa, bảo thụ trang nghiêm. Thụ cao ngũ bách do-tuần, chi, diệp, hoa, quả thứ đệ nghiêm sức. Thụ hạ giai hữu bảo sư tử tòa, cao ngũ do-tuần. Chủng chủng chư bảo, dĩ vi trang hiệu. Diệc vô đại hải, giang, hà, cập Mục Chân Lô Đà sơn, Ma Ha Mục Chân Lô Đà sơn, Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, Tu Di sơn đẳng chư sơn vương, thông vi nhất Phật quốc độ, bảo địa bình chánh. Bảo giao lộ mạn biến phú kỳ thượng. Huyền chư phan cái, thiêu đại bảo hương. Chư thiên bảo hoa biến bố kỳ địa.

(經)時，釋迦牟尼佛欲容受所分身諸佛故，八方各更變二百萬億那由他國，皆令清淨。無有地獄，餓鬼，畜生，及阿修羅。又移諸天人置於他土。所化之國，亦以琉璃為地，寶樹莊嚴。樹高五百由旬，枝，葉，華，果次第嚴飾。樹下皆有寶師子座，高五由旬。種種諸寶，以為莊校。亦無大海，江，河，及目真鄰陀山，摩訶目真鄰陀山，

³²² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm nhằm phá tình kiến chấp trước mê tịnh của chúng sanh. Nói ‘lưu ly làm đất...’ là nói tướng cõi đất trang nghiêm. Nói ‘chẳng có làng xóm...’ là ẩn tàng tướng mạo của cõi Sa Bà. Nhưng Sa Bà tuy ẩn mà chẳng diệt, Tịnh Độ tuy hiển mà chẳng tăng. Chẳng tăng, chẳng giảm, nhiễm và tịnh thật sự là một tướng. Nói ‘đốt hương báu lớn...’ là nói đến quả đức trang nghiêm, hiển thị diệu hạnh nơi nhân địa. Thiêu đại bảo hương chính là nghe pháp trong khi tu nhân, treo các linh báu chính là thuyết pháp vô ngại. Chư Phật đến thế giới Sa Bà biểu thị hoàn Tịch về Bản. Nói ‘như thị triển chuyển’ hàm nghĩa thế giới có cùng tận, nhưng Chân Như vô tận”.

鐵圍山，大鐵圍山，須彌山等諸山王，通為一佛國土，寶地平正。寶交露幔徧覆其上。懸諸幡蓋，燒大寶香。諸天寶華徧布其地。

(Kinh: Khi đó, Thích Ca Mâu Ni Phật muốn dung nạp phân thân chư Phật, ở mỗi phương trong tám phương, lại biến hiện hai trăm vạn ức na-do-tha quốc độ, đều khiến cho [các cõi ấy] thanh tịnh. Chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và A Tu La. Lại dõ trời, người, đặt sang cõi khác. Cõi được biến hóa cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Cây cao năm trăm do-tuần, cành, lá, hoa, quả theo thứ tự trang nghiêm đẹp đẽ. Dưới mỗi cây, đều có tòa sư tử báu, cao năm do-tuần. Các thứ món báu dùng để trang hoàng. Cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, và núi Muc Chân Lân Đà (Mucilinda)³²³, núi Ma Ha Muc Chân Lân Đà (Mahā-mucilinda), núi Thiết Vi (Cakravāḍa), núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di (Sumeru) v.v... các núi chúa. Thông thoáng làm một cõi Phật, đất báu bằng phẳng, các màn báu giăng xen, phủ lên trên. Treo các phan, lọng, thiêu hương báu lớn. Hoa báu của chư thiên phủ khắp mặt đất).

11.1.2.6.3. Lại biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi ở mỗi phương trong tám phương

(Kinh) Thích Ca Mâu Ni Phật vị chư Phật đương lai tọa cố, phục ư bát phương, các cánh biến nhị bách vạn ức na-do-tha quốc, giai linh thanh tịnh. Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cập A Tu La. Hựu di chư thiên nhân trí ư tha độ. Sở hóa chi quốc, diệc dĩ lưu ly vi địa, bảo thụ trang nghiêm. Thụ cao ngũ bách do-tuần. Chi, diệp, hoa, quả, thứ đệ trang nghiêm. Thụ hạ giai hữu bảo sư tử tòa, cao

³²³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Mục Chân Lân Đà là tên của một long vương. Núi ấy là nơi long vương đó cư ngụ, cho nên núi được đặt tên theo long vương. Tòa núi sắt vây quanh một tiểu thế giới được gọi là núi Thiết Vi. Núi sắt vây quanh một tam thiên đại thiên thế giới thì được gọi là Đại Thiết Vi”. Chính long vương Mục Chân Lân Đà (còn phiên âm là Mục Chi Lân Đà) đã dùng thân làm tòa và dùng chín cái đầu để làm lọng che mưa cho Phật Thích Ca khi Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề tư duy hồng đắc đạo. Do chuyện này, các chùa theo truyền thống Nam Tông thường đắp tượng hình rắn hổ mang chín đầu châu hai bên lối vào chánh điện, cũng như tượng Phật ngồi Thiền trên mình rắn chín đầu.

ngũ do-tuần. Diệc dĩ đại bảo nhi hiệu sức chi. Diệc vô đại hải, giang, hà, cập Mục Chân Lân Đà sơn, Ma Ha Mục Chân Lân Đà sơn, Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, Tu Di sơn đẳng chư sơn vương, thông vi nhất Phật quốc độ. Bảo địa bình chánh, bảo giao lộ mạn biến phú kỳ thượng, huyền chư phan cái, thiêu đại bảo hương. Chư thiên bảo hoa biến bố kỳ địa. Nhĩ thời, Đông phương Thích Ca Mâu Ni Phật sở phân chi thân, bách thiên vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng quốc độ trung chư Phật, các các thuyết pháp, lai tập ư thử. Như thị thứ đệ, thập phương chư Phật giai tất lai tập, tọa ư bát phương. Nhĩ thời, nhất nhất phương, tứ bách vạn ức na-do-tha quốc độ, chư Phật Như Lai biến mãn kỳ trung.

(經)釋迦牟尼佛為諸佛當來坐故，復於八方，各更變二百萬億那由他國，皆令清淨。無有地獄，餓鬼，畜生，及阿修羅。又移諸天人置於他土。所化之國，亦以琉璃為地，寶樹莊嚴。樹高五百由旬。枝，葉，華，果次第莊嚴。樹下皆有寶師子座，高五由旬。亦以大寶而校飾之。亦無大海，江，河，及目真鄰陀山，摩訶目真鄰陀山，鐵圍山，大鐵圍山，須彌山等諸山王，通為一佛國土。寶地平正，寶交露幔徧覆其上，懸諸幡蓋，燒大寶香。諸天寶華徧布其地。爾時，東方釋迦牟尼佛所分之身，百千萬億那由他恆河沙等國土中諸佛，各各說法，來集於此。如是次第，十方諸佛皆悉來集，坐於八方。爾時，一一方，四百萬億那由他國土，諸佛如來徧滿其中。

(Kinh: Thích Ca Mâu Ni Phật vì chư Phật sẽ đến ngôi, lại trong tám phương, nơi mỗi phương đều biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi, đều khiến cho thanh tịnh. Chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và A Tu La. Lại dời các trời, người, đặt sang cõi khác. Cõi nước được hóa ra cũng dùng lưu ly làm đất. Cây báu trang nghiêm, cây cao năm trăm do-tuần. Cành, lá, hoa, quả theo thứ tự trang nghiêm. Dưới mỗi cây đều có

tòa sư tử báu, cao năm do-tuần, cũng dùng chất báu lớn để trang hoàng. Cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, và núi Mục Chân Lân Đà, núi Ma Ha Mục Chân Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di v.v... các núi chúa, thông thoáng thành một cõi Phật. Đất báu bằng phẳng, các màn báu giăng xen, phủ lên trên. Treo các phan, lọng, đốt các hương báu lớn. Hoa báu của chư thiên phủ khắp mặt đất. Lúc bấy giờ, chư Phật là phân thân của Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương Đông trong các cõi nước nhiều như số cát trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha sông Hằng, mỗi vị đều thuyết pháp, đến tụ họp ở nơi đây. Theo thứ tự như thế, mười phương chư Phật đều tới nhóm họp, ngồi ở tám phương. Lúc bấy giờ, nơi mỗi phương có bốn trăm vạn ức na-do-tha quốc độ, chư Phật Như Lai đầy ắp trong đó).

Ba lượt biến hóa cõi nước thanh tịnh, chính là vì tam-muội. Tam-muội có ba thứ: Lần đầu tiên, biến đổi cõi Sa Bà là do bói xả lực, có thể biến ược thành tịnh. Kế đó, nơi mỗi phương trong tám phương, đều có hai trăm vạn ức na-do-tha cõi. Đó là thắng xứ lực, chuyển biến tự tại. Lần thứ ba là trong tám phương, mỗi phương lại biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi, chính là do mười món Nhất Thiết Xứ Lực, trọn khắp vô ngại.

Lại nữa, phép biến hóa thứ nhất biểu thị trừ sạch Kiến Tư. Lần biến hóa thứ hai, biểu thị trừ sạch Trần Sa. Lần biến hóa thứ ba, biểu thị trừ sạch vô minh.

Hỏi: - Trong kinh Hoa Nghiêm, mười phương chư Phật, Bồ Tát có cùng danh hiệu đến chứng minh pháp môn đã nói, chỉ nói trọn khắp mười phương, chẳng nói biến hiện ược hay tịnh, nhằm hiển thị “*tịnh và ược bình đẳng, tịnh và ược chẳng có tánh*”. Lại còn hiển thị “*tự tha chẳng ngăn cách, lớn nhỏ vô ngại*”. Nay biến ược thành tịnh, tức là tịnh và ược chưa quên. Dời các trời người [sang cõi khác], tức là tự và tha ngăn cách. Muốn dung nạp phân thân bèn biến thêm cõi nước, tức là lớn nhỏ rành rành tồn tại, há chẳng sánh bằng Hoa Nghiêm ư?

Đáp: - Thần thông được vận dụng trong các kinh, bất luận nhiều, ít, rộng, hẹp, cốt sao phù hợp căn cơ, hiển lộ Lý. Hoa Nghiêm riêng tương ứng với căn cơ to lớn, hiển thị thắng thùng viên lý. Vì thế, cảnh giới thần lực vừa nhiều, vừa rộng, chẳng phải là chuyện khó khăn! Nay kinh này khai Tiểu để thành tự Đại, từ ngay Thiên mà nói đến Viên, như phá kẻ giấc hùng mạnh; cho nên là hy hữu. Huống hồ nếu tịnh và ược là tánh có thật, sao có thể biến ược thành tịnh? Nếu tự và tha thật sự có ngăn cách, há có thể bị an ổn dời đi ư? Nếu lớn và nhỏ thật sự có ngăn

ngai, sao có thể thông thoáng thành một cõi nước? Hãy nên biết dung thông tuyệt đối sự tướng “tịnh, uế, đây, kia, lớn, nhỏ” để hiển Lý, có khác gì môn Sự Lý Vô Ngai? Chẳng hoại sự tướng “tịnh, uế, đây, kia, lớn, nhỏ” để hiển lý “chẳng tịnh, chẳng uế, chẳng kia, chẳng đây, chẳng lớn, chẳng nhỏ”. Tuy hiển thị lý “chẳng tịnh, chẳng uế, chẳng kia, chẳng đây, chẳng lớn, chẳng nhỏ”, nhưng “tịnh, uế, kia, đây, lớn, nhỏ” nơi Sự vẫn rành rành. Đây chính là Sự Sự Vô Ngai môn! Vì thế, nếu xét theo đại huệ bình đẳng thì đối với Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, chớ nên xằng bậy so đo hơn kém. Nếu xét theo “*khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bốn*” thì chỉ riêng Pháp Hoa có công năng ấy. Người khéo đọc kinh, quý ở chỗ thấu đạt Thể, Tông, Dụng, Tướng, chớ nên uổng công dùng các dấu vết nơi sự tướng để xằng bậy so đo, phê phán, đèn nổi đối với đại pháp của Như Lai một đấng tán thán, đấng khác lại hủy báng, giống như ca ngợi Đế Thích mà hủy báng Kiều Thi Ca³²⁴!

Hỏi: - Ba lượt biến hóa cõi nước thanh tịnh, phải nên là do sức Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, sao lại coi đó là Thiên thuộc sự tướng của Tiểu Thừa?

Đáp: - Bối Xả của Tiểu Thừa chỉ có thể biến hóa trong một tiểu thiên thế giới. Thắng Xứ chỉ có thể biến hóa trong một trung thiên thế giới. Mười món Nhất Thiết Xứ chỉ có thể biến hóa trong một đại thiên thế giới. Nay khai Quyền hiển Thật thì Thiên thuộc vào sự tướng của Tiểu Thừa chính là Thủ Lăng Nghiêm. Vì thế, tuy xếp vào Tiểu Thừa, nhưng lực dụng là Đại Thừa.

Hỏi: - Nếu là như vậy, tùy ý [sử dụng] một môn tam-muội sẽ có thể biến hóa ba lượt, cần gì phải nhất định dùng ba môn tam-muội?

Đáp: - Cũng chính vì chẳng hoại giả danh của các pháp.

³²⁴ Kiều Thi Ca (Kausika) là tên gọi khác của Đế Thích, còn được phiên âm là Kiều Chi Ca. Theo quyển bốn mươi sáu của Đại Trí Độ Luận: Xưa kia, Đế Thích làm Bà-la-môn trong xứ Ma Già Đà (Ma Kiệt Đà), có họ là Kiều Thi Ca, tên là Ma Già. Do nhân duyên ấy, khi thuyết pháp, đôi lúc đức Phật vẫn gọi Đế Thích là Kiều Thi Ca. Trong thuở ấy, Bà-la-môn Ma Già Kiều Thi Ca cùng với ba mươi hai người cùng tu trí huệ và phước đức, cho nên khi mạng chung, họ đều sanh vào tầng trời thứ hai. Ma Già làm thiên chúa (tức Đạo Lợi thiên vương), ba mươi hai người kia làm phụ thần (quan lại phù tá). Do có ba mươi ba người cầm đầu, cho nên cõi trời ấy mới có danh xưng là Đạo Lợi (Trāyastriṃśa, Tam Thập Tam Thiên). Đế Thích cùng với Phạm Vương là hai vị thần hộ pháp chủ yếu của Phật giáo, cho nên có nhiều nơi tạc tượng hai vị này châu hầu bên Phật.

Hỏi: - Như ba loại tam-muội của Tiểu Thừa chẳng thể phá trọn khắp Tam Hoặc. Nếu chẳng thể phá trọn khắp Tam Hoặc, vậy thì ba loại tam-muội của Phật quả chẳng nên phá Hoặc theo thứ tự?

Đáp: - Thủ Lăng Nghiêm đã là Sự từ ngay nơi Lý, sẽ tự có thể mỗi mỗi đều phá Tam Hoặc trọn vẹn. Nay chỉ xét theo tam-muội để luận định công dụng. Lại còn xét theo điều được biểu thị, cho nên nói là “phá Hoặc”. Công dụng thuộc nơi Phật, còn cái được biểu thị thuộc về căn cơ. Căn cơ thì tuy đối với ba loại căn đã phá Tam Hoặc, nhưng về sau vẫn phải phá lần nữa.

Phần thứ sáu, “nghiêm tịnh quốc giới” đã xong.

11.1.2.7. Tổ ý mong muốn mở tháp

11.1.2.7.1. Chư Phật [sai thị giả] thưa hỏi, nêu bày ý muốn

(Kinh) Thị thời, chư Phật các tại bảo thụ hạ, tọa sư tử tòa, giai khiển thị giả vấn tán³²⁵ Thích Ca Mâu Ni Phật, các tể bảo hoa mãn cúc, nhi cáo chi ngôn: - Thiện nam tử! Nhữ vãng nghệ Kỳ Xà Quật sơn Thích Ca Mâu Ni Phật sở, như ngã từ viết: “Thiếu bệnh, thiếu não, khí lực an lạc, cập Bồ Tát, Thanh Văn chúng tể an ổn phủ?” Dĩ thử bảo hoa tán Phật cúng dường, nhi tác thị ngôn: “Bỉ mỗ giáp Phật dữ dực khai thử bảo tháp”. Chư Phật khiển sứ, diệc phục như thị.

(經)是時，諸佛各在寶樹下，坐師子座，皆遣侍者問訊釋迦牟尼佛，各齎寶華滿掬，而告之言：「善男子！汝往詣耆闍崛山釋迦牟尼佛所，如我辭曰：「少病，少惱，氣力安樂，及菩薩、聲聞眾悉安隱不？」以此寶華散佛供

³²⁵ Hiện thời, trong Phật môn, khi nói “vấn tán”, thường được hiểu là “chấp tay cúi đầu xá trước khi đánh lễ”, nhưng nghĩa gốc của Vấn Tán là hỏi thăm để tỏ lòng quan tâm. Nay gọi xá trước khi đánh lễ là Vấn Tán vẫn hàm nghĩa, khi đối trước Phật, Bồ Tát, tôn đức, xá trước khi lễ giống như một biểu hiện quan tâm thăm hỏi trước khi đánh lễ. Sách Thích Thị Yếu Lãm chép: “*Thiên Trúc có chín nghi thức tỏ lòng cung kính*”. Tây Vực Ký chép kỹ càng hơn: “*Nghi thức tỏ lòng tôn kính tại Thiên Trúc có chín cách: Một là thốt lời thưa hỏi, hai là cúi đầu tỏ lòng tôn kính, ba là khể cúi đầu, vòng tay giơ lên cao, bốn là chấp tay, năm là khụy gối, sáu là quỳ thẳng, bảy là áp khụy tay sát đất, tám là năm vóc đều chạm đất, chín là năm vóc ép sát đất*”.

養，而作是言：「彼某甲佛與欲開此寶塔」。諸佛遣使，亦復如是」。

(Kinh: Khi đó, chư Phật, mỗi vị ở dưới cây báu, ngồi trên tòa sư tử, đều sai thị giả đến thưa hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, đều trao cho [mỗi thị giả] một vốc đầy hoa báu, bảo rằng: “Này thiện nam tử! Ông nên sang chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật ở núi Kỳ Xà Quật, thưa lời ta rằng: ‘Ít bệnh, ít não, khí lực an vui³²⁶, và đại chúng Bồ Tát, Thanh Văn, có đều được an ổn hay chăng?’ Dùng hoa báu này rải lên Phật để cúng dường, mà nói như thế này: ‘Vị Phật có danh hiệu là... tỏ ý mong mở tháp báu’. Chư Phật sai thị giả đều giống như thế).

Chư Phật cùng nêu bày ý muốn mong mở tháp, giống như cách tác pháp nêu bày ý muốn trong tạng chúng. Nhóm họp đông đảo, tỏ rõ bao nhiêu vị Phật đều nêu rõ ý muốn. Kinh Đại Phẩm cũng nói một ngàn vị Phật cùng thuyết Bát Nhã, nhưng đều chẳng nói các Ngài chính là phân thân của Phật Thích Ca. Chuẩn theo kinh này, phải nên hiểu là phân thân. Do các Ngài kèm theo phương tiện, cho nên chẳng nói rõ! Trong kinh này, không chỉ là số lượng nhiều, mà còn nói thẳng thừng là phân thân đều đến tỏ ý muốn [Phật Thích Ca mở tháp báu].

11.1.2.7.2. Phật Thích Ca mở tháp

³²⁶ Đây là cách hỏi thăm thông thường giữa Phật với Phật, Bồ Tát đối với Phật, đệ tử thưa hỏi Phật, Phật hỏi các vị tỳ-kheo, chư tăng hoặc Phật tử hỏi thăm nhau như thường thấy chép trong các kinh luật luận, chẳng hạn như kinh Ma Ha Bát Nhã, kinh Duy Ma Cật, kinh Pháp Hoa, Tứ Phần Luật, kinh Tạp A Hàm, Ngũ Phần Luật, Du Già Sư Địa Luận, Đại Trí Độ Luận, Ma Ha Tăng Kỳ Luật v.v... Đại Trí Độ Luận quyển mười giải thích vì sao “vấn tán” Phật, người khác cũng hỏi Ngài ít bệnh, ít não như sau: “Phật tuy là Nhất Thiết Trí, nhưng tùy thuận pháp thế gian, người đời thăm hỏi Phật cũng hỏi han: Phật ở trong nhân gian, thọ pháp của nhân gian, nóng, lạnh, sanh tử giống như con người, cho nên cách thăm hỏi cũng giống như thế”. Luận còn giảng thêm: “Có hai cách vấn tán, hỏi han về thân và hỏi han về tâm. Hỏi ít bệnh, ít não, đi lại nhanh nhẹn, và khí lực, tức là hỏi han về thân. Nếu nói an lạc hay chăng, thì là hỏi han về tâm. Các thứ bệnh trong ngoài, gọi là thân bệnh. Các thứ phiền não như dâm dục, sân khuể, ghen ghét, keo tham, uơ sầu, sợ hãi v.v... là tâm bệnh. Đối với mỗi thứ bệnh đều hỏi han, cho nên nói ‘ít bệnh, ít não, đi đứng nhanh nhẹn, khí lực an lạc hay chăng?’” Theo Ma Ha Tăng Kỳ Luật, người được hỏi cũng trả lời: “Nhân giả ít bệnh, ít não, đi đường có mệt mỏi, nhọc nhằn hay không?”

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật kiến sở phân thân Phật tất dĩ lai tập, các các tọa sư tử chi tòa, giai văn chư Phật dữ dục đồng khai bảo tháp, tức tùng tòa khởi, trụ hư không trung. Nhất thiết tứ chúng, khởi lập hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật. Ư thị, Thích Ca Mâu Ni Phật dĩ hữu chỉ khai thất bảo tháp hộ, xuất đại âm thanh như khước quan thược, khai đại thành môn.

(經)爾時，釋迦牟尼佛見所分身佛悉已來集，各各坐於師子之座，皆聞諸佛與欲同開寶塔，即從座起，住虛空中。一切四眾，起立合掌，一心觀佛。於是，釋迦牟尼佛以右指開七寶塔戶，出大音聲如卻關鑰，開大城門。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật thấy phân thân của Ngài đều đã nhóm đến, mỗi vị đều ngồi nơi tòa sư tử, đều nghe chư Phật tỏ ý muốn cùng mở tháp báu, liền từ tòa đứng dậy, đứng trong hư không. Hết thấy tứ chúng đứng dậy, chắp tay, nhất tâm quán Phật. Khi đó, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng ngón tay phải mở cửa tháp bảy báu, vang ra âm thanh lớn như tháo chốt khóa, mở cửa thành lớn).

Dùng ngón tay bên phải để mở, biểu thị dùng Quyền. “Mở tháp” biểu thị khai Quyền. “Thấy Phật” biểu thị hiển lộ Thật, tức là “chứng tiền”. Lại còn sẽ “khai hậu”. Vì thế, “như tháo chốt khóa” biểu thị trừ chướng. “Mở cửa thành lớn” ngầm biểu thị khai Tịch.

11.1.2.7.3. Tứ chúng đều cùng thấy nghe

(Kinh) Tức thời, nhất thiết chúng hội giai kiến Đa Bảo Như Lai, ư bảo tháp trung tọa sư tử tòa, toàn thân bất tán, như nhập Thiền Định. Hựu văn kỳ ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thích Ca Mâu Ni Phật khoái thuyết thị Pháp Hoa kinh. Ngã vị thánh thị kinh cổ, nhi lai chí thử”. Nhĩ thời, tứ chúng đẳng kiến quá khứ vô lượng thiên vạn ức kiếp diệt độ Phật thuyết như thị ngôn ‘thán vị tăng hữu’, dĩ thiên bảo hoa tu, tán Đa Bảo Phật cập Thích Ca Mâu Ni Phật thượng.

(經)即時，一切眾會皆見多寶如來，於寶塔中坐師子座，全身不散，如入禪定。又聞其言：「善哉！善哉！釋

迦牟尼佛快說是法華經。我為聽是經故，而來至此」。爾時，四眾等見過去無量千萬億劫滅度佛說如是言「歎未曾有」，以天寶華聚，散多寶佛及釋迦牟尼佛上。

(Kinh: Ngay khi đó, hết thấy đại chúng trong hội đều thấy Đa Bảo Như Lai ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu, toàn thân chẳng tan hoại, như nhập Thiền Định. Lại nghe Ngài nói: “Lành thay! Lành thay! Thích Ca Mâu Ni Phật vui sướng nói kinh Pháp Hoa này. Ta vì nghe kinh này, cho nên đến nơi đây”. Lúc bấy giờ, tứ chúng đều thấy quá khứ chư Phật đã diệt độ trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp đều nói như thế, bèn than là “chưa từng có”, dùng đồng hoa trời rải lên Đa Bảo Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật).

11.1.2.7.4. Hai vị Phật chia tòa cùng ngồi

(Kinh) Nhữ thời, Đa Bảo Phật ở bảo tháp trung, phân bán tòa dữ Thích Ca Mâu Ni Phật, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật khả tợu thử tòa”. Tức thời, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập kỳ tháp trung, tọa kỳ bán tòa, kết già phu tọa.

(經)爾時，多寶佛於寶塔中，分半座與釋迦牟尼佛，而作是言：「釋迦牟尼佛可就此座」。即時，釋迦牟尼佛入其塔中，坐其半座，結跏趺坐。

(Kinh: Lúc đó, Đa Bảo Phật ở trong tháp báu, chia nửa tòa cho Thích Ca Mâu Ni Phật, mà nói như thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật có thể đến ngồi trên tòa này”. Ngay khi ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật vào trong tháp đó, ngồi xếp bằng trên nửa tòa ấy)³²⁷.

11.1.2.7.5. Tứ chúng thỉnh cầu được gia bị ngự lên hư không

³²⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Điều này có hai ý nghĩa:

- Một, hiển thị chư Phật đạo đồng, chẳng hai mà hai, tuy hai mà chẳng hai.
- Hai, nhằm phá trừ chấp trước Phật Thích Ca có sanh diệt. Vì thế, dùng chuyện Đa Bảo Phật tuy diệt mà chẳng diệt, chẳng diệt mà thị hiện diệt độ, nhằm hiển thị Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng sanh mà sanh, sanh mà chẳng sanh”.

(Kinh) Nhĩ thời, đại chúng kiến nhị Như Lai tại thất bảo tháp trung, sư tử tòa thượng, kết già phu tọa, các tác thị niệm: “Phật tòa cao viễn, duy nguyện Như Lai dĩ thần thông lực, linh ngã đẳng bối, câu xử hư không”. Tức thời, Thích Ca Mâu Ni Phật dĩ thần thông lực, tiếp chư đại chúng giai tại hư không.

(經)爾時，大眾見二如來在七寶塔中，師子座上，結跏趺坐，各作是念：「佛坐高遠，惟願如來以神通力，令我等輩，俱處虛空」。即時，釋迦牟尼佛以神通力，接諸大眾皆在虛空。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đại chúng thấy hai vị Như Lai ngồi xếp bằng trên tòa sư tử trong tháp bảy báu, đều nghĩ như thế này: “Tòa Phật cao xa, kính mong Như Lai dùng sức thần thông, khiến cho chúng con đều ở trên hư không”. Ngay lập tức, Thích Ca Mâu Ni dùng sức thần thông đưa các đại chúng đều lên hư không).

Hỏi: - Đại chúng đều ở trên hư không, có sao phân thân vẫn ở dưới đất?

Đáp: - Đại chúng lúc đó đã nghe phần Khai Quyền thuộc Tích Môn, mới vào cõi Thường Tịch Quang. Vì thế, dùng hư không để biểu thị. Phân thân thị hiện Tích, mỗi vị đều có quốc độ để giáo hóa, cho nên ở trên đất để biểu thị. Lại nữa, không lâu nữa, Phật Thích Ca sẽ hiện Bồn, trước hết cũng dùng chuyện ở trên hư không để biểu thị. Mỗi đảng đều có lý do riêng, chớ nên ngờ vực!

Phần thứ hai, “nói về các phân thân từ xa đến nhóm họp” đã xong.

11.1.3. Phật Thích Ca xướng lời tuyên mộ

(Kinh) Dĩ đại âm thanh, phổ cáo tứ chúng: - Thùy năng ư thử Sa Bà quốc độ, quảng thuyết Diệu Pháp Hoa kinh, kim chánh thị thời. Như Lai bất cửu đương nhập Niết Bàn, Phật dục dĩ thử Diệu Pháp Hoa kinh phó chúc hữu tại.

(經)以大音聲，普告四眾：「誰能於此娑婆國土，廣說妙法華經，今正是時。如來不久當入涅槃，佛欲以此妙法華經付囑有在」。

(Kinh: Dùng âm thanh to lớn, bảo khắp bốn chúng: “Ai có thể ở trong quốc độ Sa Bà, rộng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì nay chính là đúng lúc. Như Lai chẳng lâu sau sẽ nhập Niết Bàn. Phật mong sẽ có người để phó chúc [lưu thông] kinh Diệu Pháp Liên Hoa này”).

- Một, tuyên mộ ai có thể rộng nói? Tức là [tuyên mộ người hoằng dương] trong cõi Sa Bà.

- Hai, đã tới lúc phó chúc, tức là Ngài sẽ nhập Niết Bàn.

- Ba, có người để Ngài phó chúc. Điều này lại có hai ý:

1) Một, nói về người được phó chúc ở gần, tức là nói đến tám vạn đại sĩ thuộc phần đầu phẩm Pháp Sư, hai vạn đại Bồ Tát trong phẩm Trì, và tám mươi vạn ức na-do-tha các vị Bồ Tát do đức Thế Tôn trông thấy.

2) Hai là nói tới người phó chúc ở xa, tức là nói tới các vị đệ tử thuộc Bốn địa sẽ từ dưới đất vọt lên. Đức Phật dạy họ lưu thông [kinh Pháp Hoa] khắp chốn, lại còn phát khởi [sự thật về] thọ lượng.

Phần thứ nhất, văn Trường Hàng đã xong.

11.2. Kệ tụng

11.2.1. Trùng tụng về Phật Đa Bảo

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thánh chúa Thế Tôn, tuy cứu diệt độ, tại bảo tháp trung, thượng vị pháp lai. Chư nhân vân hà, bất cần vị pháp? Thử Phật diệt độ, vô vương sở kiếp, xú xú thính pháp, dĩ nan ngộ cố. Bĩ Phật bốn nguyện: “Ngã diệt độ hậu, tại tại sở trụ, thường vị thính pháp”.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「聖主世尊，雖久滅度，在寶塔中，尚為法來。諸人云何，不勤為法？此佛滅度，無央數劫，處處聽法，以難遇故。彼佛本願：「我滅度後，在在所住，常為聽法」。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đức thánh chúa Thế Tôn, tuy diệt độ đã lâu, ngự trong tòa tháp báu, còn vì pháp mà đến. Các người bởi có nào, chẳng vì pháp siêng gắng? Vị Phật ấy diệt độ, đã vô ương số kiếp, nghe pháp tại khắp nơi, vì pháp này khó gặp. Phật ấy có bốn nguyện: “Sau khi ta diệt độ, trụ ở khắp các nơi, thường vì để nghe pháp”).

11.2.2. Trùng tụng phân thân

(**Kinh**) *Hựu ngã phân thân, vô lượng chư Phật, như Hằng sa đẳng, lai dục thính pháp, cập kiến diệt độ, Đa Bảo Như Lai. Các xả diệu độ, cập đệ tử chúng. Thiên, nhân, long thần, chư cúng dường sự, linh pháp cứu trụ; cố lai chí thử. Vị tọa chư Phật, dĩ thần thông lực, dĩ vô lượng chúng, linh quốc thanh tịnh. Chư Phật các các, nghệ bảo thụ hạ, như thanh tịnh trì, liên hoa trang nghiêm. Kỳ bảo thụ hạ, chư sư tử tòa, Phật tọa kỳ thượng, quang minh nghiêm sức, như dạ ám trung, nhiên đại cự hỏa. Thân xuất diệu hương, biến thập phương quốc. Chúng sanh mong huân, hỷ bất tự thắng. Thí như đại phong, xuy tiểu thụ chi. Dĩ thị phương tiện, linh pháp cứu trụ.*

(經)又我分身，無量諸佛，如恆沙等，來欲聽法，及見滅度，多寶如來。各捨妙土，及弟子眾，天人龍神，諸供養事，令法久住，故來至此。為坐諸佛，以神通力，移無量眾，令國清淨。諸佛各各，詣寶樹下，如清淨池，蓮華莊嚴。其寶樹下，諸師子座，佛坐其上，光明嚴飾，如夜闇中，然大炬火。身出妙香，徧十方國。眾生蒙熏，喜不自勝。譬如大風，吹小樹枝。以是方便，令法久住。

(**Kinh:** Ta lại còn phân thân, thành vô lượng chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, nhóm tới muốn nghe pháp, và thấy Phật diệt độ, là Đa Bảo Như Lai. Mỗi vị bỏ cõi diệu, và các hàng đệ tử, trời, người, rồng, các thần, cùng các sự cúng dường, khiến pháp trụ dài lâu. Vì thế đến nơi đây. Để chư Phật an tọa, ta dùng sức thần thông, dời đi vô lượng chúng, khiến cõi nước thanh tịnh. Chư Phật mỗi vị đều, đến ngồi dưới cây báu, như ao nước thanh tịnh, trang nghiêm bằng hoa sen. Dưới các cội cây

báu, có các tòa sư tử, Phật ngồi trên tòa ấy, dùng quang minh trang nghiêm, như trong đêm tối tăm, thấp bó đuốc to lớn. Thân tỏa hương nhiệm màu, trọn khắp mười phương cõi. Chúng sanh được xông ướp, vui mừng khôn ngăn nổi! Ví như trận gió lớn, thổi qua cành cây nhỏ. Dùng phương tiện như thế, khiến pháp trụ dài lâu).

Trong phần trên, chánh kinh nói các phân thân từ phương xa nhóm họp gồm bảy đoạn kinh văn.

Nay kệ tụng rất giản lược. Ba bài kệ đầu, trùng tụng ý nghĩa của đoạn kinh thứ hai nói tới các ứng thân nhóm họp, nghĩa đã kiêm ý thứ nhất là [Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát] thỉnh cầu, mong được thấy Đa Bảo Phật, và [phân thân của Phật Thích Ca] ba lượt nhóm họp để cầu thỉnh [Phật Thích Ca mở tháp]. Bài kệ kế đó trùng tụng chuyện trang nghiêm thanh tịnh quốc giới. Bốn bài kệ rưỡi sau đó trùng tụng chuyện chư Phật cùng đến.

11.2.3. Trùng tụng sự phó chúc

11.2.3.1. Nêu ra tam thế Phật để khuyên lưu thông

11.2.3.1.1. Tuyển mộ tìm kiếm người để phó chúc [hộ trì, hoằng truyền kinh này]

(Kinh) Cáo chư đại chúng: Ngã diệt độ hậu, thùy năng hộ trì, độc thuyết tư kinh, kim ư Phật tiền, tự thuyết thệ ngôn.

(經)告諸大眾：我滅度後，誰能護持，讀說斯經，今於佛前，自說誓言。

(Kinh: Bảo cùng các đại chúng: Sau khi ta diệt độ, ai có thể hộ trì, đọc, diễn nói kinh này, nay hãy đối trước Phật, tự nói lời thệ nguyện).

11.2.3.1.2. Nêu ra ba loại Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) để khuyên trì kinh

(Kinh) Kỳ Đa Bảo Phật, tuy cửu diệt độ, dĩ đại thệ nguyện, nhi sư tử hống. Đa Bảo Như Lai, cập dữ ngã thân, sở tập hóa Phật, đương tri thử ý. Chư Phật tử đẳng, thùy năng hộ pháp, đương phát đại nguyện, linh đắc cửu trụ.

(經)其多寶佛，雖久滅度，以大誓願，而師子吼。多寶如來，及與我身，所集化佛，當知此意。諸佛子等，誰能護法，當發大願，令得久住。

(Kinh: Vị Phật Đa Bảo ấy, tuy diệt độ đã lâu, do bởi đại thệ nguyện, bèn hiện sư tử hống. Đức Đa Bảo Như Lai, cùng với các hóa Phật, do chính ta phân thân, thấy đều cùng nhóm lại. Hãy nên biết ý ấy. Hỡi các vị Phật tử, ai có thể hộ pháp, hãy nên phát đại nguyện, khiến pháp trụ dài lâu).

11.2.3.1.3. Giải thích ý nghĩa khuyên lớn

(Kinh) Kỳ hữu năng hộ, thử kinh pháp giả, tắc vi cúng dường, ngã cập Đa Bảo. Thử Đa Bảo Phật, xử ư bảo tháp, thường du thập phương. Vị thị kinh cổ, diệt phục cúng dường, chư lai hóa Phật, trang nghiêm quang sức. Chư thế giới giả, nhược thuyết thử kinh, tắc vi kiến ngã, Đa Bảo Như Lai, cập chư hóa Phật.

(經)其有能護，此經法者，則為供養，我及多寶。此多寶佛，處於寶塔，常遊十方。為是經故，亦復供養，諸來化佛，莊嚴光飾。諸世界者，若說此經，則為見我，多寶如來，及諸化佛。

(Kinh: Nếu là người có thể, hộ trì kinh pháp này, tức là đã cúng dường, ta và Phật Đa Bảo. Vị Phật Đa Bảo này, ngự trong tòa tháp báu, thường dạo chơi mười phương. Do vì bộ kinh này, cũng sẽ lại cúng dường, các hóa Phật nhóm đến, trang nghiêm bằng quang minh. Ở trong các thế giới, nếu diễn nói kinh này, tức là sẽ thấy ta, và Đa Bảo Như Lai, cùng với các hóa Phật).

Có thể hộ trì kinh tức là cúng dường tam thế Phật. Nếu nói kinh này, tức là thấy trọn tam thế Phật. Vì thế, giải thích ý nghĩa khuyên lớn.

Phần thứ nhất, “nêu ra tam thế Phật để khuyên lưu thông” đã xong.

11.2.3.2. Nêu ra pháp khó trì để khuyên lưu thông

11.2.3.2.1. Nêu ra lời khuyên

11.2.3.2.1.1. Khuyên răn

(Kinh) Chư thiện nam tử, các để tư duy. Thử vì nan sự, nghi phát đại nguyện.

(經)諸善男子，各諦思惟。此為難事，宜發大願。

(Kinh: Hồi các thiện nam tử, hãy tư duy chắc thật. Đây là chuyện khó khăn, hãy nên phát đại nguyện).

11.2.3.2.1.2. Nêu ra sự khó trì để khuyên lớn

(Kinh) Chư dư kinh điển, số như Hằng sa. Tuy thuyết thử đẳng, vị tức vì nan. Nhược tiếp Tu Di, trịch trí tha phương, vô số Phật độ, diệt vị vì nan. Nhược dĩ túc chỉ, động đại thiên giới, viễn trịch tha quốc, diệt vị vì nan. Nhược lập Hữu Đảnh, vị chúng diễn thuyết, vô lượng dư kinh, diệt vị vì nan. Nhược Phật diệt hậu, u ác thế trung, năng thuyết thử kinh, thị tắc vì nan. Giả sử hữu nhân, thủ bả hư không, nhi dĩ du hành, diệt vị vì nan. Ư ngã diệt hậu, nhược tự thọ trì, nhược sử nhân thọ, thị tắc vì nan. Nhược dĩ đại địa, trí túc giáp thượng, thăng u Phạm Thiên, diệt vị vì nan. Phật diệt độ hậu, u ác thế trung, tam độ thử kinh, thị tắc vì nan. Giả sử kiếp thiên, đảm phụ càn thảo, nhập trung bất thiên, diệt vị vì nan. Ngã diệt độ hậu, nhược trì thử kinh, vị nhất nhân thuyết, thị tắc vì nan. Nhược trì bát vạn, tứ thiên pháp tạng, thập nhị bộ kinh, vị nhân diễn thuyết, linh chư thánh giả, đắc lục thần thông. Tuy năng như thị, diệt vị vì nan. Ư ngã diệt hậu, thánh thọ thử kinh, vấn kỳ nghĩa thú, thị tắc vì nan. Nhược nhân thuyết pháp, linh thiên vạn ức, vô lượng vô số, Hằng sa chúng sanh, đắc A La Hán, cụ lục thần thông. Tuy hữu thị ích, diệt vị vì nan. Ư ngã diệt hậu, nhược năng phụng trì, như tư kinh điển, thị tắc vì nan.

(經)諸餘經典，數如恆沙。雖說此等，未足為難。若接須彌，擲置他方，無數佛土，亦未為難。若以足指，動大千界，遠擲他國，亦未為難。若立有頂，為眾演說，無量餘經，亦未為難。若佛滅後，於惡世中，能說此經，是

則為難。假使有人，手把虛空，而以遊行，亦未為難。於我滅後，若自書持，若使人書，是則為難。若以大地，置足甲上，升於梵天，亦未為難。佛滅度後，於惡世中，暫讀此經，是則為難。假使劫燒，擔負乾草，入中不燒，亦未為難。我滅度後，若持此經，為一人說，是則為難。若持八萬，四千法藏，十二部經，為人演說，令諸聽者，得六神通。雖能如是，亦未為難。於我滅後，聽受此經，問其義趣，是則為難。若人說法，令千萬億，無量無數，恆沙眾生，得阿羅漢，具六神通。雖有是益，亦未為難。於我滅後，若能奉持，如斯經典，是則為難。

(Kinh: Các bộ kinh điển khác, số như cát sông Hằng, tuy nói các kinh ấy, chưa đáng gọi là khó. Hoặc đỡ lấy Tu Di, đem quăng sang phương khác, vô số các cõi Phật, vẫn chẳng phải là khó. Nếu lấy ngón chân động, cả đại thiên thế giới, hất sang nước xa khác, vẫn chưa phải là khó. Nếu đứng trên Hữu Đảnh³²⁸, vì đại chúng diễn thuyết, vô lượng các kinh khác, vẫn chưa phải là khó. Nếu Phật đã diệt độ, ở trong đời ác trước, có thể nói kinh này, đây chính là khó khăn. Giả sử có một người, tay nắm lấy hư không, để cầm đi du hành, vẫn chưa phải là khó. Sau khi ta diệt độ, nếu tự mình chép, trì, hoặc khiến người khác chép, đó chính là khó khăn. Nếu đem cả đại địa, đặt trên móng ngón chân, vượt lên cõi Phạm Thiên, vẫn chưa phải là khó. Sau khi Phật diệt độ, ở trong cõi đời ác, tạm đọc bộ kinh này, đó chính là khó khăn. Giả sử kiếp hỏa đốt, gánh một gánh cỏ khô, vào trong lửa chẳng cháy, vẫn chưa đáng là khó. Sau khi ta diệt độ, nếu phụng trì kinh này, vì một người mà nói, đó chính là khó khăn. Nếu phụng trì tám vạn, bốn ngàn thứ pháp tạng, gồm mười hai bộ kinh, vì người khác diễn nói, khiến cho các thánh chúng, đắc sáu

³²⁸ Hữu Đảnh (Akaniṣṭha) còn gọi là A Ca Nị Trá thiên, dịch nghĩa là Sắc Cứu Cánh Thiên, tức là tầng trời cao nhất trong Sắc Giới. Đây là tầng trời cao nhất mà chúng sanh trong đó còn có hình sắc, cho nên còn gọi là Hữu Đảnh (tốt cùng của cõi hữu hình).

món thần thông, tuy làm được như thế, vẫn chưa phải là khó. Sau khi ta diệt độ, nghe nhận bộ kinh này, hỏi han các nghĩa thú, đó chính là khó khăn. Nếu có người thuyết pháp, khiến cho ngàn vạn ức, vô lượng và vô số, Hằng sa các chúng sanh, đều đắc A La Hán, trọn đủ sáu thần thông. Tuy hữu ích như thế, vẫn chưa phải là khó. Sau khi ta diệt độ, nếu có thể phụng trì, kinh điển như thế này, đó chính là khó khăn).

Tám vạn bốn ngàn pháp tạng, mười hai bộ kinh đều thông Đại và Tiểu. Hoàng dương, lưu thông các giáo thuộc bốn vị trước (sữa, lạc, sanh tô, thực tô), đều kèm theo phương tiện. Vì thế, vẫn là dễ dàng. Do trì và nói kinh này chính là thuận nêu ra Nhất Thật, cho nên khó khăn gấp bội!

11.2.3.2.1.3. Giải thích ý nghĩa khó trì

(Kinh) Ngã vị Phật đạo, ư vô lượng độ, từng thử chí kim, quảng thuyết chư kinh, nhi ư kỳ trung, thử kinh đệ nhất. Nhược hữu năng trì, tắc trì Phật thân.

(經)我為佛道，於無量土，從始至今，廣說諸經，而於其中，此經第一。若有能持，則持佛身。

(Kinh: Ta chính vì Phật đạo, trong vô lượng cõi nước, từ đầu cho tới nay, rộng nói các kinh điển, nhưng trong các kinh ấy, kinh này là bậc nhất. Nếu ai có thể trì, chính là trì thân Phật).

Không chỉ hơn bốn mươi năm trong cõi này, chưa từng nói rõ rệt, mà ngay cả trong vô lượng cõi, từ đầu cho tới nay, tuy nói rất nhiều kinh, [các kinh ấy] vẫn chẳng đàm luận sâu xa ý Phật như kinh này. Ba thứ Thê, Tông, Dụng của kinh này, ba thứ “áo, tòa, nhà” chính là tam thân của Phật. Có thể trì kinh này chính là trì thân Phật, ý ấy há dễ dàng ư?

Phần thứ nhất, “nêu ra lời khuyên” đã xong.

11.2.3.2.2. Giải thích ý khuyên lớn

11.2.3.2.2.1. Nhắc lại ý tuyển mộ người trì kinh

(Kinh) Chư thiện nam tử! Ư ngã diệt hậu, thùy năng thọ trì, đọc tụng thử kinh, kim ư Phật tiền, tự thuyết thệ ngôn.

(經)諸善男子！於我滅後，誰能受持，讀誦此經，今於佛前，自說誓言。

(Kinh: Đây các thiện nam tử! Sau khi ta diệt độ, ai có thể thọ trì, đọc tụng bộ kinh này, nay hãy đối trước Phật, tự thốt lời thệ nguyện).

11.2.3.2.2. Có thể trì kinh khó trì thì sẽ được chư Phật hoan hỷ tán thán

(Kinh) Thử kinh nan trì, nhược tạm trì giả, ngã tắc hoan hỷ, chư Phật diệc nhiên. Như thị chi nhân, chư Phật sở tán.

(經)此經難持，若暫持者，我則歡喜，諸佛亦然。如是之人，諸佛所歎。

(Kinh: Kinh này khó thể trì, nếu có kẻ tạm trì, thì ta sẽ hoan hỷ, chư Phật cũng như thế. Người làm được như thế, được chư Phật khen ngợi).

11.2.3.2.2.3. Chỉ rõ đó chính là thành tựu hạnh thù thắng “tự hành, hóa độ người khác”

(Kinh) Thị tắc dũng mãnh, thị tắc tinh tấn, thị danh trì giới, hành đầu đà giả, tắc vi tât đắc, vô thượng Phật đạo. Năng ư lai thế, độc trì thử kinh, thị chân Phật tử, trụ thuần thiện địa.

(經)是則勇猛，是則精進，是名持戒，行頭陀者，則為疾得，無上佛道。能於來世，讀持此經，是真佛子，住淳善地。

(Kinh: Đây chính là dũng mãnh, đây chính là tinh tấn, đây gọi là trì giới, là người hành đầu đà, sẽ nhanh chóng đạt được, Phật đạo quả vô thượng. Có thể trong tương lai, đọc, phụng trì kinh này, thì là chân Phật tử, trụ địa vị thuần thiện).

Đây chính là tự hành hạnh thù thắng.

(Kinh) Phật diệt độ hậu, năng giải kỳ nghĩa, thị chư thiên nhân, thế gian chi nhân, ư khứng úy thể, năng tu du thuyết. Nhất thiết thiên nhân, giai ưng cúng dường.

**(經)佛滅度後，能解其義，是諸天人，世間之眼，於
恐懼世，能須臾說。一切天人，皆應供養」。**

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, có thể hiểu nghĩa này, các hàng trời người ấy, là mắt của thế gian, ở trong đời kinh sợ, diễn nói trong khoảnh khắc. Hết thấy các trời người, nên cúng dường người ấy).

Đây là hạnh hóa độ người khác thù thắng. Phẩm Kiến Bảo Tháp đã xong.

12. Đề Bà Đạt Đa Phẩm Đệ Thập Nhị

提婆達多品第十二

Phẩm mười hai: Đề Bà Đạt Đa

Đề Bà Đạt Đa (Devadatta)³²⁹ còn gọi là Đạt Đâu, cũng gọi là Điều Đạt, phương này dịch là Thiên Nhiệt, do Ngài ứng hiện thực hành ba chuyện ác nghịch. Cho nên khi Ngài sanh ra, tâm của trời lẫn người đều nóng nảy. Vì thế, đặt tên như thế. Đó là giải thích theo Nhân Duyên (Hỏi: - Người ác ra đời, sao gọi là cảm ứng? Đáp: - Khiến cho vô lượng người chẳng dám tạo ác, [tức là] cũng trọn đủ Tứ Tất Đàn. Người trông thấy [Đề Bà Đạt Đa do tạo ác, chuốc lấy ác quả] sẽ mừng rỡ chính mình chẳng làm; đó chính là Thế Giới Tất Đàn. Chẳng tạo [ác nghiệp], sẽ sanh

³²⁹ Kinh sách còn phiên âm tên vị này thành Đề Bà Đạt Đâu, Đế Bà Đạt Đa, Địa Bà Đạt Đa, Địa Bà Đạt Đâu, Điều Bà Đạt Đa v.v... Nếu dịch nghĩa thì ngoài Thiên Nhiệt, còn được dịch thành Thiên Thọ (trời truyền trao) và Thiên Dữ (trời trao cho). Vị này là con của Học Phạn Vương (Dronodana, em của Tịnh Phạn Vương), là anh ruột của ngài A Nan. Do vậy, Ngài chính là em họ bên nội của đức Phật. Từ bé, khi cùng học tập nghệ thuật, vũ thuật, Đề Bà Đạt Đa đã luôn tranh chấp với thái tử Tất Đạt Đa. Sau khi Phật thành đạo, bèn theo đức Phật xuất gia, thiện tâm tu hành suốt mười hai năm, siêng gắng chẳng lười nhác. Sau đó, vì không đắc thánh quả, bèn thoái chuyển, dần dần nẩy sanh ác niệm, muốn học thần thông để cầu lợi dưỡng. Do không được Phật chấp thuận, ông ta bèn lén gạt ngài Thập Lực Ca Diếp học được thần thông. Sau đó, thị hiện thần thông, lôi cuốn vua A Xà Thế tin tưởng cúng dường. Sau đó, thị hiện chia rẽ tăng đoàn, cũng như nhiều lần toan hãm hại hoặc sát hại Phật.

điều lành, tức là Vị Nhân Tất Đàn. Chẳng làm ác, tức là Đối Trị Tất Đàn. Không có chuyện chướng ngại chứng quả, tức là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, trong ba giáo trước, nghịch chỉ là nghịch, nay tuy nghịch mà thuận; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, Bốn địa thanh lương, chúng sanh phiền não. Vì thế, Bồ Tát thị hiện nóng bức, có cùng bệnh hạnh đề độ thoát họ. Đại Kinh chép: “*Đề Bà Đạt Đa tất bất phá tạng*” (Đề Bà Đạt Đa ắt chẳng phá hoại tạng đoàn). Kinh Báo Ân chép: “*Nhược hữu nhân ngôn Đề Bà Đạt Đa thật thị ác nhân, nhập A Tỳ ngục giả, vô hữu thị xứ*” (Nếu có kẻ nói Đề Bà Đạt Đa thật sự là kẻ ác, là kẻ vào địa ngục A Tỳ, chẳng có lẽ ấy!) Kinh Đại Vân nói: “*Đề Bà Đạt Đa bất khả tư nghị, sở hữu hạnh nghiệp đồng ư Như Lai*” (Đề Bà Đạt Đa chẳng thể nghĩ bàn, tất cả hạnh nghiệp giống như Như Lai).

Xét theo quán tâm, rốt ráo đoạn các tướng khác nhau do các Âm hòa hợp và tích tập, thì gọi là “*phá tạng*”. Rốt ráo đoạn chủng tử tập khí của các Sở thì gọi là “*hại A La Hán*”. Rốt ráo đoạn các thứ ô nhiễm thuộc bảy loại thức thân phiền não sở tri thì gọi là “*ác tâm khiến cho thân Phật chảy máu*” (trích từ quyển thứ ba của kinh Lăng Già). Ngài La Thập dịch kinh xong, cung nhân xin đem phẩm này ẩn tàng, vùng Giang Đông chỉ truyền hai mươi bảy phẩm. Đời Lương có Mãn pháp sư giảng kinh một trăm lượt, thiêu thân tại quận Trường Sa, Sư đem phẩm này đặt trước phẩm Trì. Nam Nhạc đại sư cũng đặt phẩm này sau phẩm Kiến Bảo Tháp. Về sau, tôi thấy cựu bản tại Trường An, mới biết hai vị đã thấu đạt sâu xa ý kinh.

Duyên do của phẩm thứ ba trong phần Lưu Thông của Tích Môn: Dẫn gương xưa hoàng truyền kinh [hòng chứng minh] lợi ích do truyền bá càng chẳng sai lầm. Nay nói tới sự tuyên dương, giáo hóa, nhằm dùng sự việc để chứng nghiệm chẳng hư dối. Nêu chuyện trước để khuyên lớn trong hiện tại, khiến cho kinh được lưu thông. Kinh văn chia thành hai phần:

- Một, xưa kia Đạt Đa lưu thông kinh, Phật Thích Ca thành đạo.
- Hai, hiện thời, ngài Văn Thù lưu thông kinh, long nữ thành Phật.

Vâng nhận giáo pháp mà còn [thành tựu] như thế, huống hồ đồ công tuyên dương, lưu thông, lợi ích há chẳng to lớn ư? Vì thế, Đạt Đa được thọ ký, đối với ngài Văn Thù [tuy kinh không nói Ngài được thọ ký], nhưng có thể suy ra ý đó!

12.1. Đạt Đa lưu thông kinh, Phật Thích Ca thành đạo

12.1.1. Tướng trạng thầy trò trì kinh thuở trước

12.1.1.1. Trường Hàng

12.1.1.1.1. Thời tiết cầu pháp sư

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát, cập thiên nhân tứ chúng: - Ngô ư quá khứ vô lượng kiếp trung cầu Pháp Hoa kinh, vô hữu giải quyet.

(經)爾時，佛告諸菩薩，及天人四眾：「吾於過去無量劫中求法華經，無有懈倦。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát và tứ chúng trời, người: - Ta trong vô lượng kiếp quá khứ cầu kinh Pháp Hoa chẳng hề lười nhác, mệt mỏi).

12.1.1.1.2. Trần thuật chuyện cầu pháp

12.1.1.1.2.1. Phát nguyện

(Kinh) Ư đa kiếp trung, thường tác quốc vương, phát nguyện cầu ư Vô Thượng Bồ Đề, tâm bất thoái chuyển.

(經)於多劫中，常作國王，發願求於無上菩提，心不退轉。

(Kinh: Trong nhiều kiếp, thường làm quốc vương, phát nguyện cầu Vô Thượng Bồ Đề, tâm chẳng thoái chuyển).

12.1.1.1.2.2. Tu hành

12.1.1.1.2.2.1. Mong muốn viên mãn Đàn Na [Ba La Mật], siêng năng hành bố thí

(Kinh) Vị dục mãn túc Lục Ba La Mật, cần hành bố thí, tâm vô lận tích. Tượng, mã, thất trân, quốc thành, thê tử, nô tỳ, bộc tòng, dầu, mực, tủy, não, thân nhục, thủ, túc, bất tích khu mạng.

(經)為欲滿足六波羅蜜，勤行佈施，心無慍惜。象，馬，七珍，國城，妻子，奴婢，僕從，頭，目，髓，腦，身肉，手，足，不惜軀命。

(Kinh: Vì muốn viên mãn Lục Ba La Mật, siêng hành bố thí, tâm chẳng keo tiếc. Voi, ngựa, bảy báu, quốc thành, vợ con, nô tỳ, tôi tớ, đầu, mắt, tủy, não, trên thân, tay, chân, chẳng tiếc thân mạng).

12.1.1.1.2.2. Vì viên mãn Bát Nhã, siêng năng cầu diệu pháp

(Kinh) Thời thế nhân dân, thọ mạng vô lượng. Vì ư pháp cố, quyền xả quốc vị, ủy chánh Thái Tử, kích cổ, tuyên lệnh tứ phương cầu pháp: “Thùy năng vị ngã thuyết Đại Thừa giả, ngô đương chung thân cung cấp tâu sớ”.

(經)時世人民，壽命無量。為於法故，捐捨國位，委政太子，擊鼓，宣令四方求法：「誰能為我說大乘者，吾當終身供給走使」。

(Kinh: Nhân dân thọ ắc thọ mạng vô lượng. Nhà vua vì pháp, vứt bỏ ngôi vua, giao việc triều chánh cho Thái Tử, đánh trống, tuyên bố mạng lệnh cầu pháp bốn phương: “Ai có thể vì ta nói pháp Đại Thừa, ta sẽ suốt đời làm kẻ hầu hạ cho người đó”).

Phần thứ hai, “nói về chuyện cầu pháp” đã xong.

12.1.1.1.3. Cầu được pháp sư

(Kinh) Thời, hữu tiên nhân lai bạch vương ngôn: - Ngã hữu Đại Thừa, danh Diệu Pháp Hoa kinh. Nhược bất vì ngã, đương vị tuyên thuyết.

(經)時，有仙人來白王言：「我有大乘，名妙法華經。若不違我，當為宣說」。

(**Kinh:** Khi ấy, có tiên nhân đến bạch với vua rằng: - Ta có pháp Đại Thừa tên là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu chẳng trái nghịch ta, ta sẽ vì nhà vua tuyên nói).

12.1.1.1.4. Nhận lãnh pháp, phụng hành

(**Kinh**) *Vương văn tiên ngôn, hoan hỷ, dũng dục, tức tùy tiên nhân, cung cấp sở tu: Thải quả, cấp thủy, thập tân, thiết thực, nãi chí dĩ thân nhi vi sàng tòa, thân tâm vô quyện. Ư thời phụng sự, kinh ư thiên tuế, vị ư pháp cố, tình cần cấp thị, linh vô sở pháp.*

(經)王聞仙言，歡喜，踊躍，即隨仙人，供給所須：采果，汲水，拾薪，設食，乃至以身而為牀，座，身心無倦。於時奉事，經於千歲，為於法故，精勤給侍，令無所乏」。

(**Kinh:** Nhà vua nghe tiên nhân nói, hoan hỷ, hớn hở, liền theo tiên nhân cung cấp những thứ cần dùng: Hái quả, gánh nước, nhặt củi, nấu ăn, cho đến dùng thân làm giường, tòa, thân tâm chẳng mệt mỏi. Khi đó, nhà vua phụng sự trải qua một ngàn năm, do vì pháp, siêng rông hầu hạ, khiến cho tiên nhân chẳng thiếu thốn).

Phản văn Trường Hàng đã xong.

12.1.1.2. Kệ Tụng

12.1.1.2.1. Trùng tụng thời tiết và cầu chánh pháp

(**Kinh**) *Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã niệm quá khứ kiếp, vị cầu đại pháp cố. Tuy tác thế quốc vương, bất tham ngũ dục lạc, chùy chung cáo tứ phương, thù hữu đại pháp giả, nhược vị ngã giải thuyết, thân đương vi nô bộc.*

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我念過去劫，為求大法故。雖作世國王，不貪五欲樂，椎鐘告四方，誰有大法者，若為我解說，身當為奴僕。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ta nhớ kiếp quá khứ, vì mong cầu đại pháp. Tuy làm vua

trong đời, chẳng tham vui ngũ dục, gõ chuông báo bốn phương, hễ ai có đại pháp, nếu vì ta giải nói, ta sẽ làm nô bộc).

12.1.1.2.2. Trùng tụng cầu được pháp sư

(Kinh) Thời hữu A Tư tiên, lai bạch ư đại vương: “Ngã hữu vi diệu pháp, thế gian sở hy hữu. Nhược năng tu hành giả, ngô đương vị nhữ thuyết”.

(經)時有阿私仙，來白於大王：「我有微妙法，世間所希有。若能修行者，吾當為汝說」。

(Kinh: Khi đó, A Tư tiên (Asita)³³⁰, đến bạch cùng đại vương: - Ta có pháp vi diệu, hiếm có trong thế gian. Nếu có thể tu hành, ta sẽ vì vua nói).

12.1.1.2.3. Trùng tụng chuyện thọ pháp, phụng hành

(Kinh) Thời vương văn tiên ngôn, tâm sanh đại hỷ duyệt, tức tiệp tùy tiên nhân, cung cấp ư sở tu, thái tân cập quả lỏa, tùy thời cung kính dũ. Tình tồn diệu pháp cố, thân tâm vô giải quệ, phổ vị chư chúng sanh, cần cầu ư đại pháp.

(經)時王聞仙言，心生大喜悅，即便隨仙人，供給於所須，采薪及果蓏，隨時恭敬與。情存妙法故，身心無懈倦，普為諸眾生，勤求於大法。

(Kinh: Lúc vua nghe tiên nói, tâm sanh đại hoan hỷ, liền đi theo tiên nhân, cung phụng các nhu cầu, dẫn củi, hái quả, củ, luôn cung kính đưa cho. Do tâm vì diệu pháp, thân tâm chẳng lười, mệt, vì khắp các chúng sanh, siêng cầu đắc đại pháp).

12.1.1.2.4. Kết lại lời chứng minh để khuyến tín

³³⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “A Tư dịch nghĩa là Vô Tỷ Đoan Chánh (đoan chánh không ai sánh bằng), do hình mạo và pháp của vị tiên nhân này đoan chánh không ai bằng, cho nên có tên như thế”.

(Kinh) Diệc bất vị kỷ thân, cập dĩ ngũ dục lạc, cố vi đại quốc vương. Cần cầu hoạch thử pháp, toại trí đắc thành Phật. Kim cố vị nhữ thuyết.

(經)亦不為己身，及以五欲樂，故為大國王。勤求獲此法，遂致得成佛。今故為汝說」。

(Kinh: Cũng chẳng vì chính mình, chẳng vì năm dục lạc, mà làm đại quốc vương. Siêng cầu đắc pháp này, vì thế được thành Phật. Nên nay vì ông nói).

Phần thứ nhất, “tướng trạng thầy trò trì kinh thuở trước” đã xong.

12.1.2. Kết lại, dung hội xưa và nay

12.1.2.1. Kết lại để dung hội

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Nhĩ thời, vương giả tắc ngã thân thị. Thời tiên nhân giả, kim Đề Bà Đạt Đa thị.

(經)佛告諸比丘：「爾時，王者則我身是。時仙人者，今提婆達多是。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Nhà vua thuở đó là thân ta. Tiên nhân khi ấy nay là Đề Bà Đạt Đa).

12.1.2. Chỉ rõ thầy lẫn trò công đức và phước báo đều viên mãn

12.1.2.1. Nói rõ đệ tử nhân tròn quả vẹn

(Kinh) Do Đề Bà Đạt Đa thiện tri thức cố, linh ngã cụ túc Lục Ba La Mật, từ, bi, hỷ, xả.

(經)由提婆達多善知識故，令我具足六波羅蜜，慈，悲，喜，捨。

(Kinh: Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa khiến cho ta trọn đủ Lục Ba La Mật, từ, bi, hỷ, xả).

Đây là trước hết nói về cái nhân viên mãn.

Hỏi: - Đề Bà Đạt Đa đòi đòi là kẻ oán của đức Phật, có sao nói là thiện tri thức?

Đáp: - Nhập Đại Thừa Luận nói: “*Nếu là kẻ oán, sao có thể đòi đòi gặp gỡ? Như hai người đi đường, mỗi người hướng về Đông, hoặc tiến về Tây khác nhau, từng bước cách xa, há trở thành bầu bạn ư?*”

Ý nghĩa của Lục Độ rất nhiều, nay chỉ nói đại lược. Như Đại Luận nói: “*Xả y báo và chánh báo gọi là Đàn (bồ thí). Phòng ngừa bảy chi³³¹ gọi là Giới. Bị chửi mắng chẳng đáp trả là Nhẫn. Làm mọi việc [đều hoàn tất] từ đầu đến cuối là Tinh Tấn. Tứ Thiên Bát Định là Thiên. Tùy thuộc vào địa vị mà chấm dứt đua tranh thì là Bát Nhã*”. Lại còn gom Thập Thiện thành Lục Độ: Từ “chẳng giết chóc” cho đến “chẳng nói dối” là Đàn (bồ thí). Chẳng nói đôi chiều là Thi La (giới). Chẳng ác khẩu là Nhẫn. Chẳng nói thêu dệt là Tấn (Tinh Tấn). Chẳng tham và sân là Thiên. Chẳng tà kiến là Bát Nhã. Lại nữa, kinh Bồ Tát Thiện Giới quyển thứ mười chép: “*Lục Ba La Mật hữu tam chủng: Nhất, đối trị, vị xan, ó, sân, đãi, loạn, si. Nhị, tương sanh, vị xả gia trì giới, ngũ nhục tu nhẫn, nhẫn dĩ tinh tấn, tấn dĩ điều ngũ căn, căn điều tri pháp giới. Tam, quả báo, vị đại phú nhiều tài, chư căn cụ túc, dung sắc đoan chánh, hữu đại oai lực, thọ mạng an khang, biện tài vô ngại*” (Lục Ba La Mật có ba loại: Một là đối trị, tức là [đối trị] keo kiệt, ghét bỏ, giận dữ, lười nhác, tán loạn, si mê. Hai là sanh ra nhau, tức là do bỏ nhà (xuất gia) bèn trì giới, gặp nhục bèn tu nhẫn, do đã nhẫn nên tinh tấn, do đã tinh tấn nên điều phục năm căn, do đã điều phục các căn nên biết pháp giới. Ba là quả báo, tức là giàu to, lăm của, các căn đầy đủ, dung mạo và hình sắc đoan chánh, có oai lực lớn, sống lâu, an ổn, khỏe mạnh, biện tài vô ngại). Các kinh khác lại nói: Quả báo của Thí là giàu, quả báo của Giới là [sanh trong] đường lành. Quả báo của Nhẫn là đoan chánh. Quả báo của Tinh Tấn là thần thông. Quả báo của Thiên là sanh lên trời. Quả báo của Huệ là phá phiền não. Những điều giống như thế đều là tướng trạng của Lục Độ được nói trong Tam Tạng.

Nếu ba sự “người thí”, “người nhận”, và “tài vật” [dùng để bồ thí] đều là Không thì gọi là Đàn. Chẳng thấy trì giới hay phạm giới, gọi là Giới. Người có thể nhẫn và điều phải nhẫn đều chẳng thể được thì gọi là Nhẫn. Thân tâm bất động gọi là Tinh Tấn. Chẳng loạn, chẳng đắm chấp Thiên vị thì gọi là Thiên. Chẳng phải trí, chẳng phải ngu thì gọi là Bát

³³¹ “*Bảy chi*” được nói ở đây chính là ba điều ác nơi thân (giết, trộm, dâm) và bốn điều ác nơi miệng (nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, nói lời thô ác).

Nhã. Những cách giải thích theo kiểu như vậy chính là tướng trạng của Lục Độ theo Thông Giáo.

Nếu nói Đàn có mười điều lợi:

- Một là điều phục Xan phiền não (phiền não keo tham).
- Hai là bỏ cái tâm tiếp nối.
- Ba là khiến cho chúng sanh đều cùng có của cải.
- Bốn là sanh trong nhà giàu có, quyền thế.
- Năm là sanh tâm bố thí hiện tiền.
- Sáu là tứ chúng yêu thích.
- Bảy là ở trong đại chúng chẳng khiếm nhược, sợ hãi.
- Tám là danh xưng thù thắng trọn khắp.
- Chín là tay chân mềm mại.
- Mười là sẽ đến đạo tràng, luôn gặp gỡ thiện tri thức.

Giới có mười điều lợi:

- Một là viên mãn Nhất Thiết Trí.
- Hai là học giống như Phật.
- Ba là chẳng hủy báng bậc trí.
- Bốn là thệ nguyện chẳng lui sụt.
- Năm là an trụ trong chánh hạnh.
- Sáu là dứt bỏ sanh tử.
- Bảy là hâm mộ, ưa thích Niết Bàn.
- Tám là đạt được cái tâm chẳng trối buộc.
- Chín là đạt được tam-muội thù thắng.
- Mười là chẳng thiếu tín tài.

Nhẫn có mười điều lợi:

- Các điều một, hai, ba, bốn chính là lửa, đao, chất độc, nước đều chẳng thể làm hại.

- Năm là được phi nhân bảo vệ.
- Sáu là thân tướng trang nghiêm.
- Bảy là đóng chặt đường ác.
- Tám là sanh lên Phạm Thiên.
- Chín là ngày đêm thường an ổn.
- Mười là thân chẳng lìa hỷ lạc.

Tĩnh Tấn có mười điều lợi:

- Một là kẻ khác chẳng thể chiết phục.
- Hai là được Phật nhiếp thọ.
- Ba là được phi nhân hộ vệ.
- Bốn là nghe pháp chẳng quên.

- Năm là [pháp] chưa nghe sẽ có thể được nghe.
- Sáu là tăng trưởng biện tài.
- Bảy là đạt được tam-muội tánh.
- Tám là ít bệnh tật phiền não.
- Chín là ăn liền có thể tiêu³³².
- Mười là tăng trưởng như hoa Ưu Bát (Utpala, hoa sen xanh).

Thiền có mười điều lợi:

- Một là an trụ nghi thức.
- Hai là hành cảnh giới của lòng Từ.
- Ba là chẳng bút rút, hối hận.
- Bốn là thủ hộ các căn.
- Năm là đạt được niềm vui chẳng ăn (tức chẳng cần ăn uống vì

trụ trong Thiền Duyệt Thực).

- Sáu là lìa ái dục.
- Bảy là tu Thiền bất không.
- Tám là giải thoát khỏi lưới rập của ma.
- Chín là an trụ trong cảnh Phật.
- Mười là giải thoát thành thực.

Bát Nhã có mười điều lợi:

- Một là chẳng giữ lấy tướng Thí.
- Hai là chẳng nương vào Giới.
- Ba là chẳng trụ trong Nhẫn lực.
- Bốn là chẳng lìa thân tâm tinh tấn.
- Năm là Thiền chẳng trụ vào đâu.
- Sáu là ma chẳng thể nhiễu loạn.
- Bảy là ngôn luận của kẻ khác chẳng thể lay động.
- Tám là thấu đạt tận đáy sanh tử.
- Chín là đầy lòng Từ tăng thượng.
- Mười là chẳng thích địa vị Nhị Thừa.

Lại còn có bốn sự phải nên tu Đàn:

- Một là phá keo tham.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề.

³³² Ở đây, “*tiêu*” nên hiểu theo nghĩa “có thể kham lãnh thọ sự cúng dường của đại chúng”, giống như câu kệ trong nghi thức Quán Đường “*tán tâm tạp thọai, tín thí nan tiêu*” (tâm tán loạn, chuyện gẫu, đồ cúng dường của tín thí sẽ khó tiêu).

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Ba là tự mình lẫn người khác đều đạt được lợi ích. Khi sắp thí, khi đang thí, khi đã thí xong đều hoan hỷ thì gọi là tự lợi. Trừ đói khát cho kẻ khác thì gọi là lợi tha.

- Bốn là đạt được đại thiện quả trong đời sau, tức là tôn quý, tài sản phong phú.

Có bốn sự hãy nên trì giới:

- Một là tự tu thiện pháp diệt ác giới.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là ngủ an ổn, tỉnh giác an ổn, chẳng hối hận, chẳng có tâm hại chúng sanh.
- Bốn là mai sau sẽ được hưởng sự vui sướng nơi nhân, thiên, Niết Bàn.

Có bốn sự hãy nên tu nhẫn:

- Một là trừ khử chướng nhẫn.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề, nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là đôi bên đều xa lìa nỗi sợ hãi, đời sau chẳng sân, quyến thuộc chẳng hoại, chẳng chịu khổ não.
- Bốn là đạt được niềm vui nhân, thiên, Niết Bàn.

Có bốn sự hãy nên tu tinh tấn:

- Một là phá giải đãi.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là tăng thêm thiện pháp tức là tự lợi, chẳng nào hại người khác thì chính là lợi tha.

- Bốn là sau đó sẽ đắc đại lực, đạt đến Bồ Đề.

Có bốn sự phải nên tu Thiền:

- Một là phá loạn tâm.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là thân tâm tịch tĩnh, đó là tự lợi. Chẳng nào hại chúng sanh là lợi tha.

- Bốn là về sau sẽ được thân thanh tịnh, an ổn đắc Niết Bàn.

Có bốn sự phải nên tu Bát Nhã:

- Một là phá vô minh.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là trí huệ tự vui sướng, đó là tự lợi. Có thể dạy chúng sanh là lợi tha.

- Bốn là có thể phá hoại phiền não và trí chướng. Đó là đại quả.

Các cách nói giống như thế đều là tướng trạng của Lục Độ được nói trong Biệt Giáo.

Kinh Nguyệt Tạng quyển thứ nhất nói: “*Nhược chúng sanh duy y độc tụng, cầu Bồ Đề, thị nhân vị trước thể tục, thượng bất điều kỳ phiên nào, hà năng điều tha? Thị nhân trước tột đố, danh lợi, phú quý, cao tâm tự thị, khinh mạn, hủy tha, thượng bất đắc Dục Giới thiện căn, hướng Sắc, Vô Sắc thiện căn? Hướng Nhị Thừa Bồ Đề? Hướng Vô Thượng Bồ Đề? Như tinh hỏa bất năng càn hải, khẩu khí bất năng động sơn, ngẫu ty bất năng xúng nhạc. Đương tri thể tục bất năng mãn Bồ Đề, hà đẳng thị Đệ Nhất Nghĩa? Vị tạo nhất thiết phước sự, cập tu thân, tu tâm, tu huệ, dĩ Đệ Nhất Nghĩa huân tu, tắc tốc mãn Lục Ba La Mật. Nhược hành, nhược tọa, xả phan duyên tướng, thị Đàn. Xả phan duyên bất phạm, thị Thi. Ư cảnh giới, bất sanh sang vu, thị Sạn. Bất xả ư lý, thị Tinh Tấn. Ư sự trung bất phóng dật, thị Thiền. Ư chư pháp thể tánh vô sanh, thị Bát Nhã. Phục thứ ư Ám xả, thị Đàn. Bất kế niệm Ám, thị Thi. Ư Ám vô ngã tướng, thị Sạn. Ư Ám khởi oán tướng, thị Tấn. Ư Ám bất xí nhiên, thị Thiền. Ư Ám tắt cánh khí, thị Bát Nhã. Ư giới xả, thị Đàn. Ư giới bất nhiều trước, thị Thi. Ư giới xả nhân duyên, thị Sạn. Ư giới số số xả, thị Tấn. Ư giới bất khởi phát, thị Thiền. Ư giới như huyền tướng, thị Bát Nhã. Như thị đẳng thị danh Đệ Nhất Nghĩa Đệ thiện xảo phương tiện thậm thâm pháp yếu, năng mãn Lục Ba La Mật. Dĩ thử pháp tự vi, vi tha, tam thế Bồ Tát tất tu thị pháp thành Bồ Đề cố, phi thể tục dã. Thử pháp năng tức chúng sanh phiên nào đạo, khổ đạo, an trí Bồ Đề đạo”* (Nếu chúng sanh chỉ nương vào đọc tụng để cầu Bồ Đề, người ấy vì chấp trước thể tục, còn chẳng thể điều phục phiên nào của chính mình, sao có thể điều phục người khác? Kẻ đó chấp trước ghen ghét, danh lợi, phú quý, tâm cao ngạo, tự cho là đúng, khinh mạn, hủy báng người khác, còn chẳng đạt được thiện căn trong Dục Giới, hướng hồ thiện căn trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới ư? Hướng hồ Nhị Thừa Bồ Đề ư? Hướng hồ Vô Thượng Bồ Đề ư? Như đóm lửa chẳng thể khô cạn biển, một hơi thổi chẳng thể lay động núi, sợi tơ từ ngó sen chẳng thể cân quả núi. Hãy nên biết thể tục chẳng thể viên mãn Bồ Đề. Những gì là Đệ Nhất Nghĩa? Chính là tạo hết thảy phước sự, và tu thân, tu tâm, tu huệ, dùng Đệ Nhất Nghĩa để huân tu, sẽ mau chóng viên mãn Lục Ba La Mật. Dù đi, dù ngồi, đều bỏ ý tưởng nắm níu, đó là Đàn Na (Bố Thí). Bỏ nắm níu chẳng phạm thì là Thi La (Giới). Đối với cảnh giới, chẳng sanh đau ngứa, là Sạn Đề (Nhẫn). Chẳng xả lìa bỏ, đó là Tinh Tấn. Chẳng buông lung nơi Sự, là Thiền. Đối với các pháp [thấu hiểu] thể tánh vô sanh, thì là Bát Nhã. Lại còn xả Ám là Đàn. Chẳng so đo, nghĩ tới Ám là Thi La. Đối với Ám, tưởng là vô ngã, chính là Sạn Đề. Đối với Ám, tưởng như oán

cừu thì là Tinh Tấn. Chẳng khiến cho Âm lưng lầy thì là Thiên. Rốt ráo bỏ Âm thì là Bát Nhã. Đối với Giới bèn xả là Đàn. Chẳng nhiễu loạn, ô trược Giới thì là Thi La. Xả nhân duyên nơi Giới thì là Sạn Đề. Đối với Giới nhiễu lượt xả thì là Tinh Tấn. Đối với Giới, chẳng dấy động, phát khởi thì là Thiên. Tưởng Giới như huyền thì là Bát Nhã. Những điều như thế gọi là pháp yếu phương tiện thiện xảo rất sâu trong Độ Nhất Nghĩa Đệ, có thể toàn vẹn Lục Ba La Mật. Dùng các pháp ấy để tự hành, hành cho người khác, Bồ Tát trong ba đời đều do tu pháp này mà thành Bồ Đề, chẳng phải là pháp thế tục. Pháp này có thể dứt phiền não đạo và khổ đạo cho chúng sanh, an trí họ nơi Bồ Đề đạo).

Kinh Hoa Nghiêm lại nói Thất Địa Bồ Tát trong mỗi niệm đều trọn đủ mười Ba La Mật. Hãy nên biết các địa đều là “niệm nào cũng đều trọn đủ”; chỉ vì dạy bảo thích đáng, cho nên tới Thất Địa mới nói. Những cách nói giống như thế chính là tướng trạng của Lục Độ trong Viên Giáo. Nay nói đến nhân hạnh của Phật Thích Ca, cần phải biết nơi Tích, Ngài thị hiện bốn tướng, nhưng nơi Bản thì chỉ hành Viên. Kế đó, từ, bi, hỷ, xả, mỗi pháp đều có sanh duyên, pháp duyên, và vô duyên, ba loại bất đồng. Tam Tạng là sanh duyên, Nhị Thừa chỉ có thể điều phục chính mình, chỉ có thể thâm nhiếp vào Định học. Bồ Tát vì độ hết thảy, riêng tu tứ vô lượng tâm. Nếu quả vị thành tựu, sẽ được gọi là “đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả”.

Pháp duyên trong Thông Giáo thì tam thừa đều cùng tu, nhưng nơi Tích thì tự lợi và lợi tha cách biệt. Biệt Giáo thì theo thứ tự tu ba món. Viên Giáo thì nhất tâm trọn đủ, nơi Tích là bốn, nhưng nơi Bản chỉ là một. Phỏng theo Lục Độ trong đoạn trước, sẽ có thể biết.

(Kinh) Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, tử ma kim sắc, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Tứ Nhiếp Pháp, thập bát bất cộng, thần thông, đạo lực, thành Đẳng Chánh Giác, quảng độ chúng sanh.

(經)三十二相，八十種好，紫磨金色，十力，四無所畏，四攝法，十八不共，神通，道力，成等正覺，廣度眾生。

(Kinh: Ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, sắc vàng tía được giới mài, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Tứ Nhiếp Pháp, mười tám món bất cộng, thần thông, đạo lực, thành Đẳng Chánh Giác, rộng độ chúng sanh).

Kể đó, đoạn này nói đến cái quả đã viên mãn. Ba mươi hai tướng được nói chi tiết trong Pháp Giới Thứ Độ Sơ Môn³³³ và Pháp Số v.v... Sách Pháp Hoa Văn Cú cũng nêu đại lược, ở đây chẳng phiên trích lục. Tam Tạng coi tinh tấn và trì giới là căn bản của [ba mươi hai] tướng. Nếu chẳng trì giới thì còn chẳng thể đạt được thân trời người, huống hồ thân tướng của Phật! Thông Giáo coi Không và Vô Sanh là căn bản của các tướng. Biệt Giáo coi Đạo Chung Trí là căn bản của các tướng. Viên Giáo coi Thật Tướng là căn bản của các tướng. Nay nghe Pháp Hoa khiến cho ta trọn đủ, tức là xứng tánh mà phát khởi để đạt được, cũng là do nơi Tích đã tu ba món [căn bản của các tướng] trước đó. Tám mươi thứ hảo, Thập Lực, thần thông v.v... như sách Pháp Số đã nói cặn kẽ. Phỏng theo trên đây, sẽ biết trong tứ giáo, mỗi giáo đều có tướng trạng bất đồng. Sau đó, đều kết quy vào Viên tông.

(Kinh) Giai nhân Đề Bà Đạt Đa thiện tri thức cố.

(經)皆因提婆達多善知識故」。

(Kinh: Điều do Đề Bà Đạt Đa làm thiện tri thức).

Điều này kết lại điều chứng minh “do lưu thông kinh mà đạt được lợi ích”.

Phần thứ nhất, “đệ tử nhân tròn quả vẹn” đã xong.

12.1.2.2. Nói rõ pháp sư sẽ thành tựu diệu quả

12.1.2.2.1. Thành tựu chánh quả

(Kinh) Cáo chư tứ chúng: - Đề Bà Đạt Đa khước hậu quá vô lượng kiếp, đương đắc thành Phật, hiệu viết Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới danh Thiên Đạo.

³³³ Pháp Giới Thứ Độ Sơ Môn là tác phẩm do ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư) biên soạn, thường được gọi tắt là Pháp Giới Thứ Độ, nói về các danh tướng và giáo nghĩa trong A Tỳ Đàm. Đồng thời, Tổ còn luận định mức độ cạn sâu của các giáo để hướng dẫn hành nhân tu tập Tam Quán theo thứ tự, bao gồm sáu mươi môn kể từ Danh Sắc cho tới Tứ Niệm Xứ.

(經)告諸四眾：「提婆達多卻後過無量劫，當得成佛，號曰天王如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。世界名天道。」

(Kinh: Bảo tứ chúng: - Đề Bà Đạt Đa trong vô lượng kiếp sau, sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương (Devarāja) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới tên là Thiên Đạo - Devasopānā).

Nơi nhân tên là Thiên Nhiệt, nơi quả hiệu là Thiên Vương, nước tên là Thiên Đạo, đều là do triệt ngộ Đề Nhất Nghĩa Thiên trong Tánh Đức, chẳng nghịch, chẳng thuận, mà là nghịch, là thuận. Chẳng nghịch mà nghịch chẳng thể nghĩ bàn. Chính từ nghịch mà thuận, cho nên gọi là Thiên Nhiệt. Chẳng thuận mà thuận, sự thuận ấy chẳng thể nghĩ bàn. Gom nghịch thành thuận, cho nên tên là Thiên Vương. Hành phi đạo mà thông đạt Phật đạo, cho nên gọi là Thiên Đạo.

Hỏi: - Trong Tỳ Ni Tạng nói rõ Điều Đạt khi sắp vào địa ngục, đã đạt được Vô Căn Tín, miệng xưng Nam-mô, chưa kịp xưng chữ Phật, thân liền hãm đọa. Đức Phật thọ ký sau ba kiếp, [Đề Bà Đạt Đa] sẽ hết tội, thoát khỏi địa ngục, sanh làm người, sẽ đạt được quả vị Bích Chi Phật, hiệu là Nam Mô. Đã ngộ đạo, ôm bát khát thực, khi mới vừa xin được thức ăn, do Túc Mạng Thông, tự quán túc hạnh, biết là do sức thiện căn vì xưng Nam-mô khi lâm chung, hổ thẹn chẳng thọ thực, bèn diệt độ, sao lại rất khác với sự thọ ký trong kinh này?

Đáp: - Du hý thần thông, phổ môn thị hiện, ba mươi hai ứng hiện của chư đại Bồ Tát, trọn đủ các thân trong mười pháp giới, trọn khắp pháp giới đến tột cùng vị lai. Chẳng hạn như chuyện của Ương Quật Ma La, Tát Giá Ni Kiền, Ca Lưu Đà Di v.v... căn cơ Đại, Tiểu Thừa, đều do đạt được một phần Ba La Mật của Như Lai. Nếu biết ý này, sẽ biết đức Thích Ca đã thành Phật từ lâu xa, nhưng vẫn thị hiện hành nhân hạnh nơi Đại Thông Trí Thắng Phật, Oai Âm Vương Phật v.v... cho đến trong phẩm này nêu chuyện Ngài cầu pháp, được Phật Nhiên Đăng thọ ký, mỗi mỗi không gì chẳng phải là phương tiện quyền biến khéo léo thị hiện dấu tích hồng lợi sanh, là phương tiện ân cần xưng dương, tán thán, đều có nguyên do vậy!

12.1.2.2.2. Nói về người được hóa độ

(Kinh) Thời, Thiên Vương Phật trụ thế nhị thập trung kiếp, quảng vị chúng sanh thuyết diệu pháp. Hằng hà sa chúng sanh đắc A La Hán quả, vô lượng chúng sanh phát Duyên Giác tâm. Hằng hà sa chúng sanh phát vô thượng đạo tâm, đắc Vô Sanh Nhân, chí bất thoái chuyển.

(經)時，天王佛住世二十中劫，廣為眾生說於妙法。

恆河沙眾生得阿羅漢果，無量眾生發緣覺心。恆河沙眾生發無上道心，得無生忍，至不退轉。

(Kinh: Khi đó, Thiên Vương Phật trụ thế hai mươi trung kiếp, rộng vì chúng sanh nói diệu pháp. Hằng hà sa chúng sanh đắc quả A La Hán, vô lượng chúng sanh phát tâm Duyên Giác. Hằng hà sa chúng sanh phát vô thượng đạo tâm, đắc Vô Sanh Nhân, cho đến chẳng thoái chuyển).

12.1.2.2.3. Lợi ích sau khi diệt độ

(Kinh) Thời, Thiên Vương Phật bát Niết Bàn hậu, chánh pháp trụ thế nhị thập trung kiếp, toàn thân xá-lợi khởi thất bảo tháp, cao lục thập do-tuần, tung quảng tứ thập do-tuần. Chư thiên, nhân dân tất dĩ tạp hoa, mật hương, thiêu hương, đồ hương, y phục, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, ca tụng, lễ bái, cúng dường thất bảo diệu tháp. Vô lượng chúng sanh đắc A La Hán quả, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật. Bất khả tư nghị chúng sanh phát Bồ Đề tâm, chí bất thoái chuyển.

(經)時，天王佛般涅槃後，正法住世二十中劫，全身舍利起七寶塔，高六十由旬，縱廣四十由旬。諸天人民，悉以雜華，末香，燒香，塗香，衣服，瓔珞，幢幡，寶蓋，技樂，歌頌，禮拜，供養七寶妙塔。無量眾生得阿羅漢

果，無量眾生悟辟支佛。不可思議眾生發菩提心，至不退轉」。

(Kinh: Thuở ấy, sau khi Thiên Vương Phật bát Niết Bàn, chánh pháp trụ thế hai mươi trung kiếp, dựng tháp bảy báu thờ toàn thân xá-lợi, cao sáu mươi do-tuần, ngang dọc mỗi bề bốn mươi do-tuần. Chư thiên, nhân dân đều dùng các thứ hoa, hương bột, hương đốt, hương bôi, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc để ca tụng, lễ bái, cúng dường diệu tháp bảy báu. Vô lượng chúng sanh đắc quả A La Hán, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật. Chẳng thể nghĩ bàn chúng sanh phát Bồ Đề tâm cho đến chẳng thoái chuyển).

Phần thứ hai, “kết lại, dung hội cổ kim” đã xong.

12.1.3. Khuyến tín

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn Diệu Pháp Hoa kinh Đề Bà Đạt Đa phẩm, tịnh tâm tín kính, bất sanh nghi hoặc giả, bất đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, sanh thập phương Phật tiền. Sở sanh chi xứ thường văn thử kinh. Nhược sanh nhân thiên trung, thọ thắng diệu lạc. Nhược tại Phật tiền, liên hoa hóa sanh.

(經)佛告諸比丘：「未來世中，若有善男子，善女人聞妙法華經提婆達多品，淨心信敬，不生疑惑者，不墮地獄，餓鬼，畜生，生十方佛前。所生之處常聞此經。若生人天中，受勝妙樂。若在佛前，蓮華化生」。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa của kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà tịnh tâm tin tưởng, kính trọng, chẳng sanh ngờ vực, sẽ chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, sẽ sanh trước chư Phật trong mười phương. Ở nơi sanh về, thường nghe kinh này. Nếu sanh trong trời, người, sẽ hưởng lạc thù thắng, mẫu nhiệm. Nếu sanh trước chư Phật, sẽ là hóa sanh trong hoa sen).

“*Tịnh tâm tín kính*”: Chẳng làm lạc nấy sanh phiền não đối với dấu tích thị hiện thiện ác thì gọi là “*tịnh tâm*”. Biết rõ đời đời thị hiện làm kẻ oán chính là lò rèn để thành tựu “*thành Phật*” to lớn, thì gọi là Tín. Đối với kẻ oán cừu, bức não, có thể khởi lên ý tưởng “*đó là thiện tri thức chân thật*” thì gọi là Kính. Liễu đạt chuông do gõ mà ngân vang, đao do được mài mà sắc bén, vàng do nung luyện bền tinh ròng, hoa mai do trời lạnh mà ngát hương, chỉ quan tâm đến lợi ích, chẳng màng những điều sai trái khác, như con bú sữa, chẳng chê mẹ xấu xí. Như người hái quả, chẳng hiểm cạnh cây cong queo, đó là “*bất sanh nghi hoặc*” (chẳng sanh lòng ngờ vực). Như thế mới là Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, mới có thể vĩnh viễn lìa tam đồ, thường phụng sự chư Phật, luôn nghe diệu pháp, liên hoa hóa sanh.

Phần thứ nhất, “*Đạt Đa lưu thông kinh thuở trước, Phật Thích Ca thành đạo*” đã xong.

12.2. Hiện thời, ngài Văn Thù lưu thông kinh, long nữ thành Phật

12.2.1. Nói về chuyện lưu thông kinh

12.2.1.1. Trí Tích Bồ Tát thỉnh [Đa Bảo Phật] lui về

(*Kinh*) *Ư thời, hạ phương Đa Bảo Thế Tôn sở tùng Bồ Tát, danh viết Trí Tích, bạch Đa Bảo Phật đương hoàn bản độ.*

(經)於時，下方多寶世尊所從菩薩，名曰智積，白多寶佛當還本土。

(*Kinh*: *Khi đó, vị Bồ Tát đi theo Đa Bảo Thế Tôn ở phương dưới tên là Trí Tích (Prajñākūṭa) bạch Đa Bảo Phật hãy nên trở về cõi mình*).

Hỏi: - Đa Bảo Phật đã thị hiện nhập diệt, sao lại có Bồ Tát đi theo Ngài?

Đáp: - Ất hẳn là người cúng dường, hầu cận tháp của Phật Đa Bảo trong cõi đó, có thể vận dụng thần thông nguyện lực đi theo tháp báu tới nghe kinh các nơi, mà cũng do thần lực của Đa Bảo Như Lai dẫn khởi, nhiếp thọ.

12.2.1.2. Phật Thích Ca ngăn cản

(Kinh) Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Trí Tích viết: - Thiện nam tử! Thả đãi tu du, thử hữu Bồ Tát danh Văn Thù Sư Lợi, khả dữ tương kiến, luận thuyết diệu pháp, khả hoàn bốn thổ.

(經)釋迦牟尼佛告智積曰：「善男子！且待須臾，此有菩薩名文殊師利，可與相見，論說妙法，可還本土」。

(Kinh: Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Trí Tích rằng: - Nay thiện nam tử! Hãy chờ giây lát, nơi đây có Bồ Tát tên là Văn Thù Sư Lợi, ông có thể gặp gỡ, luận nói diệu pháp rồi hãy trở về cõi mình).

Ý của ngài Trí Tích cho rằng tháp của Đa Bảo Phật chỉ vì chúng mình kinh mà xuất hiện. Nay phần khuyên lơn chúng sanh lưu thông đã xong, cho nên thỉnh Phật trở về. Phật Thích Ca thì do Tích Môn đã xong, Bốn Môn chưa nêu bày, cho nên mượn ngài Văn Thù làm có để lưu Phật Đa Bảo lại. Mật ý của Phật, Bồ Tát chẳng biết được!

12.2.1.3. Ngài Văn Thù liền đến

(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi tọa thiên diệp liên hoa, đại như xa luân, câu lai Bồ Tát diệp tọa bảo liên hoa, tùng u đại hải Sa Kiệt La long cung, tự nhiên dũng xuất, trụ hư không trung, nghệ Linh Thứu sơn, tùng liên hoa hạ, chí u Phật sở, đầu diện kính lễ nhị Thế Tôn túc. Tu kính dĩ tất, vãng Trí Tích sở, cộng tương úy vấn, khước tọa nhất diện.

(經)爾時，文殊師利坐千葉蓮華，大如車輪，俱來菩薩亦坐寶蓮華，從於大海娑竭羅龍宮，自然涌出，住虛空中，詣靈鷲山，從蓮華下，至於佛所，頭面敬禮二世尊足。修敬已畢，往智積所，共相慰問，卻坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi ngồi trên hoa sen ngàn cánh, to như bánh xe, các Bồ Tát cùng đến với Ngài cũng ngồi trên hoa sen báu, từ cung rồng Sa Kiệt La (Sāgara)³³⁴ trong biển cả, tự nhiên vọt ra, trụ trong hư không, tới núi Linh Thứu (Gṛdhrakūṭa), từ hoa sen bước

³³⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Sa Kiệt La dịch nghĩa là Hàm Hải (biển nước mặn) ở ngoài phía rặng Kim Sơn thứ bảy [bao quanh núi Tu Di]. Rồng sống ở đó, nên gọi là long cung”.

xuống, đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ dưới chân hai đức Thế Tôn. Tu kính xong xuôi, qua chỗ ngài Trí Tích, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi qua một bên).

Hỏi: - Trong phẩm Tụ có nói ngài Văn Thù hiện diện trong pháp hội, nay sao lại từ biển xuất hiện?

Đáp: - Có ba nghĩa:

- Một, chẳng rời khỏi hội này, giáo hóa chúng sanh trong biển. Thánh cảnh ẩn hiển, phạm phu chẳng thể suy lường được!

- Hai, trong phẩm Tụ, sau khi Ngài đã tạo lợi ích xong, lúc Ngài rời đi, há ắt chẳng biết rõ ư? Khi Ngài đến thì lợi ích to lớn mới sanh, cùng với đại chúng từ biển mà đến.

- Ba, Phạm văn rất rộng, truyền dịch [sang tiếng Hán] rất đại lược. Trong bản ấy (nguyên bản bằng tiếng Phạn), không chừng có chép lúc Ngài rời khỏi hội. Chẳng hạn như phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm³³⁵ v.v...

Hỏi: - Ngoài tam thiên, đều có bốn trăm vạn ức na-do-tha cõi [do Phật Thích Ca biến hóa ra, các cõi ấy đều] chẳng có biển cả. Vì sao vẫn nói ngài Văn Thù từ biển đến?

Đáp: - Giải thích theo sự tương mà còn chẳng thể nói rõ rệt được, huống hồ [bàn luận] chuyện chẳng thể nghĩ bàn ư! Nay dùng ba nghĩa để đa thông:

- Một, đã dời trời, người [sang cõi khác] và biến hóa biển cả, nay do sức thần thông, từ chốn xa xôi đã dời đi đó mà đến, đương nhiên là chẳng bị xa xôi ngăn trở.

- Hai, dầu đại chúng đã được dời đi, nhưng cung rồng bất động. Rồng cho là bất động, nhưng chỗ họ ở đã biến đổi. Do từ chỗ “biển nhưng chẳng biến” mà đến, có gì là không được?

- Ba, kẻ chẳng có duyên bị dời đi, người có duyên thì nay mới đến. Núi, sông chẳng thể nghĩ bàn rành rành mà khiến cho đại chúng chẳng thấy, chỉ là biến Kiến (cái Thấy bị biến đổi), chẳng phải là cái Thể biến đổi. Ngài Văn Thù đã chẳng khởi mà đến, cõi ấy cũng chính là uế

³³⁵ Trong kinh Hoa Nghiêm, vừa mở đầu, Văn Thù Bồ Tát đã hiện diện và Ngài giảng nói mấy phẩm liên về công hạnh của hàng Thập Tín Bồ Tát, chẳng hạn như phẩm Tịnh Hạnh. Nhưng đến phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đồng tử lại cầu pháp với ngài Văn Thù tại rừng Thệ Đa (tức vườn Kỳ Đà), có sáu ngàn vị tỷ-kheo tùy tùng Bồ Tát. Đồng tử được Bồ Tát dạy đi tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức, tức là Bồ Tát có đến dự và rời pháp hội.

mà tịnh. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói “*di trí tha độ, đồ bất sử nhân hữu vãng lai tướng*” (dời đặt sang cõi khác đều chẳng khiến cho mọi người có tướng đến đi); ở đây tuy khiến cho có tướng đến đi, nhưng vốn chẳng dời. Vì thế, phải nên biết là đối với căn cơ hữu duyên, cõi nước biến đổi, đại chúng được dời đi, nhưng vẫn đến. Kẻ vô duyên dầu cõi nước trở lại như cũ, đại chúng tìm đến [pháp hội này để nghe kinh Pháp Hoa], nhưng kẻ đó (kẻ vô duyên) chẳng đến.

Do vậy, lý tuy chẳng động, nhưng chuyện biến hóa tuân theo nề nếp, cho nên khiến cho [mọi người] được thấy khác nhau. Qua lại khác thời, quy cách ứng hóa của Bồ Tát còn là như thế, há Phật lập cách biến hóa giống như phàm phu ư?

Hỏi: - Chẳng khởi mà qua tới, sao lại nói là “đến”?

Đáp: - Thị hiện cho đại chúng đây kia biết công lực của kinh, biết đến lợi ích do lãnh thọ giáo pháp. Vì thế, cần phải nói là “đến”. Chẳng qua mà qua, không đến mà đến, đều vì lợi lạc chúng sanh, cần gì phải cần vận điều này? Vì thế biết là tuy nói “dời khỏi cõi này”, nhưng nơi cõi khác chưa chắc đã thấy đến! Cõi kia chẳng thấy đến, cõi này chẳng thấy đi. Chẳng đến, chẳng đi, nhưng chuyện dời đi rành rành. Như trong kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cật), Như Lai ấn ngón chân xuống đất, khi đó, đại chúng tự thấy [chính mình] ngồi trên hoa sen báu, mà cõi nước vẫn là uế độ như cũ.

12.2.1.4. Trí Tích hỏi han

(Kinh) Trí Tích Bồ Tát vấn Văn Thù Sư Lợi: - Nhân vãng long cung, sở hóa chúng sanh kỳ số kỷ hà?

(經)智積菩薩問文殊師利：「仁往龍宮，所化眾生其數幾何？」

(Kinh: Trí Tích Bồ Tát hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: - Nhân giả qua long cung, hóa độ chúng sanh số lượng là bao nhiêu?)

12.2.1.5. Ngài Văn Thù giải đáp

12.2.1.5.1. Trả lời: Lợi ích rất nhiều

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Kỳ số vô lượng, bất khả xưng kể, phi khẩu sở tuyên, phi tâm sở trắc. Thả đãi tu du, tự đương chứng tri.

(經)文殊師利言：「其數無量，不可稱計，非口所宣，非心所測。且待須臾，自當證知」。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: - Số ấy vô lượng, chẳng thể tính kể, miệng chẳng thể nói được, tâm chẳng thể lường được. Hãy chờ giây lát, sẽ tự chứng biết).

12.2.1.5.2. Kể được lợi ích đều nhóm đến chứng thực

(Kinh) Sở ngôn vị cánh, vô số Bồ Tát tọa bảo liên hoa, tùng hải dũng xuất, nghệ Linh Thứu sơn, trụ tại hư không. Thử chư Bồ Tát giai thị Văn Thù Sư Lợi chi sở hóa độ, cụ Bồ Tát hạnh, giai cộng luận thuyết Lục Ba La Mật. Bốn Thanh Văn nhân tại hư không trung thuyết Thanh Văn hạnh, kim giai tu hành Đại Thừa Không nghĩa.

(經)所言未竟，無數菩薩坐寶蓮華，從海涌出，詣靈鷲山，住在虛空。此諸菩薩皆是文殊師利之所化度，具菩薩行，皆共論說六波羅蜜。本聲聞人在虛空中說聲聞行，今皆修行大乘空義。

(Kinh: Nói chưa xong, vô số Bồ Tát ngồi trên hoa sen báu từ biển vọt ra, tới núi Linh Thứu, trụ trong hư không. Các vị Bồ Tát ấy đều do ngài Văn Thù Sư Lợi hóa độ, trọn đủ Bồ Tát hạnh, đều cùng luận bàn Lục Ba La Mật. Những vị vốn là Thanh Văn ở trong hư không, nói hạnh Thanh Văn, nay đều tu hành không nghĩa của Đại Thừa).

Vô số Bồ Tát ngồi trên hoa sen báu, có hai loại:

- Một là những vị vốn phát tâm Đại Thừa.
- Hai là những vị vốn là Thanh Văn, nay được ngài Văn Thù giáo hóa, cùng quy vào Nhất Thật.

“Đại Thừa Không nghĩa” chính là Thật Tướng của các pháp.

12.2.1.5.3. Ngài Văn Thù kết lại lợi ích

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi vị Trí Tích viết: - U' hải giáo hóa, kỳ sự như thị.

(經)文殊師利謂智積曰：「於海教化，其事如是」。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi bảo ngài Trí Tích: - Chuyện giáo hóa trong biển là như thế đó).

12.2.1.5.4. Ngài Trí Tích nói kệ tán thán

(Kinh) Nhĩ thời, Trí Tích Bồ Tát dĩ kệ tán viết: - Đại trí đức dũng kiện, hóa độ vô lượng chúng. Kim thử chư đại hội, cập ngã giai dĩ kiến, diễn sướng Thật Tướng nghĩa, khai xiển Nhất Thừa pháp, quảng đạo chư chúng sanh, linh tốc thành Bồ Đề.

(經)爾時，智積菩薩以偈讚曰：「大智德勇健，化度無量眾。今此諸大會，及我皆已見，演暢實相義，開闡一乘法，廣導諸眾生，令速成菩提」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Trí Tích Bồ Tát dùng kệ tán thán rằng: - Đại trí đức mạnh mẽ, hóa độ vô lượng người. Nay trong các đại hội, tôi đều đã trông thấy, diễn bày nghĩa Thật Tướng, khai xiển pháp Nhất Thừa, rộng hướng dẫn chúng sanh, khiến mau thành Bồ Đề).

Phần thứ nhất, “nói về chuyện lưu thông” kinh đã xong.

12.2.2. Giảng về lợi ích

12.2.2.1. Ngài Văn Thù tự trần thuật

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Ngã ư hải trung, duy thường tuyên thuyết Diệu Pháp Hoa kinh.

(經)文殊師利言：「我於海中，唯常宣說妙法華 經」

。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: - Tôi ở trong biển chỉ thường tuyên nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

12.2.2.2. Ngài Trí Tích hỏi han

(Kinh) Trí Tích vấn Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Thử kinh thậm thâm vi diệu, chư kinh trung bảo, thế sở hy hữu, phả hữu chúng sanh cần gia tinh tấn, tu hành thử kinh, tốc đắc Phật phử?

(經)智積問文殊師利言：「此經甚深微妙，諸經中寶，世所希有，頗有眾生勤加精進，修行此經，速得佛不？」

(Kinh: Ngài Trí Tích hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: - Kinh ấy rất sâu vi diệu, là của báu trong các kinh, hiếm có trong cõi đời, há có chúng sanh nào siêng năng, ra sức tinh tấn tu hành kinh này, mau chóng thành Phật hay không?)

12.2.2.3. Văn Thù trả lời

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Hữu Sa Kiệt La long vương nữ, niên thử bát tuế, trí huệ lợi căn, thiện tri chúng sanh chư căn hạnh nghiệp, đắc Đà La Ni. Chư Phật sở thuyết thậm thâm bí tạng, tất năng thọ trì, thâm nhập Thiền Định, liễu đạt chư pháp. U' sát-na khoảnh, phát Bồ Đề tâm, đắc bất thoái chuyển, biện tài vô ngại, từ niệm chúng sanh, do như xích tử, công đức cụ túc. Tâm niệm khẩu diễn, vi diệu quảng đại, từ bi nhân nhượng, chí ý hòa nhã, năng chí Bồ Đề.

(經)文殊師利言：「有娑竭羅龍王女，年始八歲，智慧利根，善知眾生諸根行業，得陀羅尼。諸佛所說甚深秘藏，悉能受持，深入禪定，了達諸法。於剎那頃，發菩提心，得不退轉，辯才無礙，慈念眾生，猶如赤子，功德具足。心念口演，微妙廣大，慈悲仁讓，志意和雅，能至菩提」。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: - Có con gái của vua rồng Sa Kiệt La mới tám tuổi, trí huệ lợi căn, khéo biết các căn và hạnh nghiệp của chúng sanh, đắc Đà La Ni. Tạng bí mật rất sâu do chư Phật đã nói,

đều có thể thọ trì, thâm nhập Thiền Định, liễu đạt các pháp. Trong khoảng sát-na, phát Bồ Đề tâm, đắc bất thoái chuyển, biện tài vô ngại, từ bi nghĩ thương chúng sanh khác nào con đò. Công đức đầy đủ, tâm nghĩ, miệng nói, vì diệu rộng lớn, từ bi, nhân từ, nhường nhịn, chí ý hòa nhã, có thể đạt tới Bồ Đề).

Trí huệ khéo biết chúng sanh, tổng trì có thể thọ lãnh Phật tạng, đều là viên huệ. Thâm nhập Thiền Định, liễu đạt các pháp chính là viên định. Do Định Huệ bình đẳng, cho nên có thể trong khoảng sát-na phát Bồ Đề tâm.

Nói “ngộ Vô Sanh mới thấy sát-na” chính là Sát Na Tể tam-muội. Thông đạt sát-na ấy vô sanh, vô tánh, nhanh chóng nhập pháp giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là “giới nhĩ hữu tâm, tam thiên cụ túc” (vừa mới nảy chút tâm, tam thiên đại thiên thế giới đã trọn đủ). Tam thiên tức Không, đạt được Vị Bất Thoái. Tam thiên tức Giả, đạt được Hạnh Bất Thoái. Tam thiên tức Trung, đạt được Niệm Bất Thoái. Biết rõ chẳng ngang, chẳng dọc, cùng chiều ngang lẫn dọc, cho nên biện tài vô ngại, tự ngộ tâm tánh và chư Phật giống nhau, nghĩ thương xót chúng sanh đồng thể vẫn đang mê. Vì thế “từ niệm do như xích tử” (từ bi nghĩ tưởng ví như con đò). Đã có thể trên ứng hợp chư Phật, dưới là giống như chúng sanh. Cho nên công đức trọn đủ, có thể đạt tới Bồ Đề. Bốn câu kể từ “tâm niệm, khẩu diễn” (tâm nghĩ, miệng nói) đều nhằm tán thán Viên hạnh.

12.2.2.4. Ngài Trí Tích do chấp Biệt Giáo bèn nghi ngờ

(Kinh) Trí Tích Bồ Tát ngôn: - Ngã kiến Thích Ca Như Lai u vô lượng kiếp nan hành khổ hạnh, tích công lũy đức, cầu Bồ Đề đạo, vị tăng chỉ tức. Quán tam thiên đại thiên thế giới, nãi chí vô hữu như giới tử húa, phi thị Bồ Tát xả thân mạng xứ vị chúng sanh cố. Nhiên hậu nãi đắc thành Bồ Đề đạo, bất tín thử nữ u tu du khoảnh tiện thành Chánh Giác.

(經)智積菩薩言：「我見釋迦如來於無量劫難行苦行，積功累德，求菩提道，未曾止息。觀三千大千世界，乃至無有如芥子許，非是菩薩捨身命處為眾生故。然後乃得成菩提道，不信此女於須臾頃便成正覺」。

(Kinh: Trí Tích Bồ Tát nói: - Tôi thấy Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp hành khổ hạnh khó làm, tích lũy công đức để cầu Bồ Đề đạo chưa từng ngưng dứt. Xem cả tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào to bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh. Sau đấy Ngài mới được thành đạo Bồ Đề, chẳng tin cô gái này trong khoảnh khắc sẽ liền thành Chánh Giác).

Trí Tích theo hầu bảo tháp, chuyên chứng minh kinh Viên Giác, há có nên chẳng tin? Đây chính là Ngài vì chúng sanh mà nêu bày mỗi nghi. Phật Thích Ca khổ hạnh, thị hiện Tích giống với Biệt Giáo, đó chính là phương tiện quyền biến để hóa độ kẻ khác. Long nữ phát tâm liền ngự lên Bát Thoái, tức là tự hành Thật (đây chỉ là đối ứng với Thiên mà coi là Quyền, coi Viên là Thật). “Tu du” (Khoảnh khắc, giây lát) tức là “sát-na khoảnh” (trong khoảng sát-na) trong câu trước đó. Nhưng Quyền và Thật chẳng hai, Lý và Sự dung thông lẫn nhau. Phật Thích Ca thị hiện dấu tích hành trọn khắp các chuyện khó khăn, nhưng trước đó Ngài đã chứng Viên lý từ lâu. Long nữ thị hiện phát tâm trong sát-na, ắt cũng tích lũy tư lương rất lâu, hướng vô lượng kiếp ư? Giải rằng: Vốn là nhất niệm, chỉ trong khoảnh khắc, tánh trọn đủ mười đời xưa nay. Như tiên nhân Cù Mục³³⁶ nắm tay Thiện Tài, trong vòng một niệm, [Thiện Tài] trải khắp số kiếp như số vi trần trong một cội nước để thừa sự chư Phật, hành Bồ Tát đạo. Lý tánh bất động, Phật sự rành rành. Nếu bảo Biệt Giáo một mực thuộc về Sự, Viên Giáo một mực thuộc về Lý, thì Lý và Sự tách rời, vẫn đọa vào chấp trước Biên Kiến. Sự chẳng có Lý thì dùng gì để tự lập? Lý chẳng có Sự thì dùng gì để tự phô bày? Nguyên người đọc kinh hãy suy xét!

³³⁶ Cù Mục tiên nhân gọi đầy đủ là Tỳ Mục Cù Sa tiên nhân (Bhīṣmottara-nirghoṣa) là vị thiện tri thức thứ tám trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Theo lời dạy của ưu-bà-di Hưu Xả (Ashā), Thiện Tài đồng tử đến nước Na Lại Tổ, tìm được vị tiên nhân này trong một khu rừng lớn. Tiên nhân có hơn một vạn đồ chúng. Tiên nhân cho biết Ngài đã đắc Bồ Tát Vô Thắng Tràng Giải Thoát pháp môn. Tiên nhân dùng tay xoa đầu Thiện Tài, rồi cầm tay Thiện Tài. Thiện Tài liền nhập tam-muội, thấy đạo tràng của chư Phật trong mười phương thế giới, thấy các cội ấy, thấy tướng hảo trang nghiêm của chư Phật, đồng thời nghe hết thảy chư Phật đồng thời thuyết pháp, nghe hiểu, tin nhận từng câu từng chữ chẳng sót v.v... Đồng thời, trải trần số kiếp, vào các cội Phật, phụng sự chư Phật, hành Bồ Tát đạo, thâm nhập Tỳ Lô Giá Na Tạng tam-muội...

12.2.2.5. Long nữ nêu bày Viên Giáo để cởi gỡ mọi nghi

(Kinh) Ngôn luận vị ngật, thời, long vương nữ hốt hiện ư tiền, đầu diện lễ kính, khước trụ nhất diện, dĩ kệ tán viết: “Thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương. Vì diệu tịnh Pháp Thân, cụ tướng tam thập nhị. Dĩ bát thập chủng hảo, dụng trang nghiêm Pháp Thân. Thiên nhân sở đối ngưỡng, long thần hàm cung kính. Nhất thiết chúng sanh loại, vô bất tông phụng giả. Hựu văn thành Bồ Đề, duy Phật đương chứng tri. Ngã xiển Đại Thừa giáo, độ thoát khổ chúng sanh”.

(經)言論未訖，時，龍王女忽現於前，頭面禮敬，卻住一面，以偈讚曰：「深達罪福相，徧照於十方。微妙淨法身，具相三十二。以八十種好，用莊嚴法身。天人所戴仰，龍神咸恭敬。一切眾生類，無不宗奉者。又聞成菩提，唯佛當證知。我聞大乘教，度脫苦眾生」。

(Kinh: Bàn nói chưa xong, khi đó, con gái của long vương bỗng hiện ra trước mặt, đầu mặt lễ kính, đứng lui qua một bên, dùng kệ tán thán [đức Phật] rằng: “Hiểu sâu tướng tội phước, chiếu trọn khắp mười phương. Pháp Thân sạch vì diệu, đủ ba mươi hai tướng, dùng tám mươi thứ hảo, để trang nghiêm Pháp Thân. Trời, người đều kính ngưỡng, long thần cùng cung kính. Hết thấy loài chúng sanh, không ai chẳng sùng phụng. Lại nghe thành Bồ Đề, chỉ Phật sẽ chứng biết. Con xiển giáo Đại Thừa, độ thoát chúng sanh khổ”).

Đây là do long nữ trì kinh mà được hiểu. Vì thế, lưu loát tán Phật, chính là nêu rõ Viên Giáo hòng tháo gỡ mọi nghi. Hai bài kệ rưới đầu tiên, tán thán đức Phật đã nêu bày Viên Giáo. Bài kệ sau đó là dẫn chứng để cởi gỡ mọi nghi. Thoạt đầu nói “*thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương*” (liều đạt sâu xa tướng tội phước, chiếu trọn khắp mười phương): Tướng tội phước chỉ là tướng mười pháp giới. Tam đồ là tội, nhân thiên là phước. Hữu lậu là tội, vô lậu là phước. Thiên Không là tội, xuất Giả là phước. Nhị Biên là tội, Trung Đạo là phước. Đản Trung (chỉ chấp vào Trung) là tội, viên Trung là phước. Đã nêu ra tướng của mười pháp giới, vậy thì Tánh, Thể, cho đến Quả Báo, không gì chẳng được gồm thâu trọn vẹn. Tướng tội phước của mười pháp giới v.v... đều là

các pháp sanh bởi nhân duyên. Ngay nơi bản thể chính là Không, là Giả, là Trung. Tam Tạng chỉ thấu đạt một câu nhân duyên, chiếu sáu pháp giới chứ không chiếu mười. Thấu đạt chẳng sâu, chẳng chiếu trọn khắp. Thông Giáo chỉ thấu đạt nhân duyên của sáu pháp giới chính là Không, nhưng thấu đạt cũng chẳng sâu, chiếu cũng chẳng trọn khắp. Biệt Giáo thấu đạt theo thứ tự, và cũng chiếu theo thứ tự, vẫn chẳng thể gọi “*thấu đạt sâu xa, chiếu trọn khắp*”. Chỉ có người thuộc Viên Giáo biết rõ một niệm hiện tiền theo chiều dọc tốt cùng tận đáy của Tam Đế, theo chiều ngang tốt cùng bờ mé của mười pháp giới, chẳng Đế nào không phải là mười pháp giới, tức là theo chiều dọc mà chẳng phải là chiều dọc. Không pháp giới nào chẳng phải là Tam Đế, tức là theo chiều ngang mà chẳng phải chiều ngang. Chẳng phải dọc, chẳng phải ngang, mà vừa ngang, vừa dọc. Do đó, nói: “*Thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương*” (Thấu đạt sâu xa tướng tội phước, chiếu trọn khắp mười phương). Lại gồm thân ngang và dọc, cùng gọi là Tánh Đức. Tánh Đức chẳng phải ngang, chẳng phải dọc, do các phàm thánh thường bình đẳng. Lại nói là chiều ngang, nắm vững tánh thành tu, cần phải hiểu rõ Lục Tức. Tu cũng chẳng phải là ngang, chẳng phải là dọc, do pháp vô vi mà có sai biệt. Lại nói là dọc, Lý ở ngay nơi mê, thấu đạt mà chẳng thấu đạt, chiếu mà chẳng chiếu, danh tự đã mất, được gọi là “*đạt chiếu*”. Khi đã rốt ráo, thấu đạt bèn sâu nhất, chiếu bèn trọn khắp nhất. Nay tán thán Phật đức rốt ráo, vì thế nói “*thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương*”.

“*Vi diệu tịnh Pháp Thân*”: Tam thiên tức Giả, nên là Vi. Tam thiên tức Trung, nên Diệu. Tam thiên tức Không, nên Tịnh. Tam đức chẳng ngang dọc, chẳng cùng nhau hay tách biệt; đó chính là Pháp Thân do chư Phật đã chứng. Pháp Thân vô tướng, không gì chẳng phải là tướng. Thật Tướng là cội gốc của tướng hải trong Đại Thừa và Tiểu Thừa. Vì thế, trọn đủ ba mươi hai tướng và tám mươi tướng thứ hảo. Mỗi tướng hảo đều chính là pháp giới, Pháp Thân vốn trọn đủ, lại dùng để trang nghiêm Pháp Thân. Đó gọi là “*toàn tánh thành tu, toàn tu hiển tánh*”.

Bốn câu từ “*thiên nhân*” trở đi dễ hiểu. Lại nữa, “*văn thành Bồ Đề*” (nghe thành tựu Bồ Đề) nhắc lại ý nghĩa ngài Văn Thù ca ngợi long nữ “*trong khoảng sát-na có thể đạt tới Bồ Đề*” trong phần trên. “*Duy Phật đương chứng tri*” (Chỉ có Phật sẽ chứng biết): Dẫn Phật để làm chứng, nhằm tháo gỡ mọi nghi của ngài Trí Tịch. “*Ngã văn Đại Thừa giáo, độ thoát khổ chúng sanh*” (Con nghe giáo pháp Đại Thừa, độ cho

chúng sanh đang khổ sở được giải thoát) nhằm tỏ lộ ý nghĩa: Không lâu sau, [long nữ] sẽ qua thế giới Vô Cấu ở phương Nam, thành Đẳng Chánh Giác, chuyển đại pháp luân!

12.2.2.6. Ngài Thân Tử do chấp vào Tam Tạng Quyền Giáo bèn cất vấn

(Kinh) Thời, Xá Lợi Phất ngữ long nữ ngôn: - Nhữ vị bất cửu đắc vô thượng đạo, thị sự nan tín. Sở dĩ giả hà? Nữ thân cấu uế, phi thị pháp khí, vân hà năng đắc Vô Thượng Bồ Đề? Phật đạo huyền khoáng, kinh vô lượng kiếp cần khổ tích hạnh, cụ tu chư độ, nhiên hậu nãi thành. Hựu, nữ nhân thân do hữu ngũ chướng: Nhất giả, bất đắc tác Phạm thiên vương. Nhị giả, Đế Thích. Tam giả, ma vương. Tứ giả, Chuyển Luân Thánh Vương. Ngũ giả, Phật thân. Vân hà nữ thân tốc đắc thành Phật?

(經)時，舍利弗語龍女言：「汝謂不久得無上道，是事難信。所以者何？女身垢穢，非是法器，云何能得無上菩提？佛道懸曠，經無量劫勤苦積行，具修諸度，然後乃成。又，女人身猶有五障：一者、不得作梵天王。二者、帝釋。三者、魔王。四者、轉輪聖王。五者、佛身。云何女身速得成佛？」

(Kinh: Khi đó, ngài Xá Lợi Phất nói với long nữ rằng: - Người nói không lâu sẽ đắc vô thượng đạo, chuyện ấy khó tin. Vì lẽ nào vậy? Thân nữ cấu uế, chẳng phải là pháp khí, sao có thể đắc Vô Thượng Bồ Đề? Phật đạo lâu xa, phải trải qua vô lượng kiếp siêng khổ tích lũy công hạnh, tu trọn các Độ rồi mới thành tựu. Lại nữa, thân nữ nhân còn có năm chướng: Một, chẳng thể làm Phạm thiên vương, hai là [chẳng thể làm] Đế Thích, ba là [chẳng thể làm] ma vương, bốn là [chẳng thể làm] Chuyển Luân Thánh Vương, năm là [chẳng thể làm] thân Phật. Lẽ nào thân nữ nhanh chóng thành Phật cho được?)

Trong kinh Tịnh Danh, Thân Tử từng vấn đáp với thiên nữ, đã biết rõ nam nữ chẳng có tướng nhất định, huống nay Ngài đã đắc ngộ ngay

trong châu đầu tiên (Pháp Thuyết Châu), dự vào địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, sở chứng tương đồng với long nữ, há thật sự có chuyện bắt bẻ này ư? Đây cũng là vì lợi ích chúng sanh mà nêu lời cật vấn ấy!

12.2.2.7. Long nữ dùng Nhất Thật để trừ nghi

(Kinh) Nhĩ thời, long nữ hữu nhất bảo châu, giá trị tam thiên đại thiên thế giới, trì dĩ thượng Phật, Phật tức thọ chi. Long nữ vị Trí Tích Bồ Tát, tôn giả Xá Lợi Phất ngôn: “Ngã hiến bảo châu, Thế Tôn nạp thọ, thị sự tât phủ?” Đáp ngôn: “Thậm tât”. Nữ ngôn: “Dĩ như thần lực quán ngã thành Phật, phục tốc ư thử!”

(經)爾時，龍女有一寶珠，價值三千大千世界，持以上佛，佛即受之。龍女謂智積菩薩，尊者舍利弗言：「我獻寶珠，世尊納受，是事疾不？」答言：「甚疾」。女言：「以汝神力觀我成佛，復速於此！」

(Kinh: Lúc bấy giờ, long nữ có một viên bảo châu, giá trị bằng tam thiên đại thế giới, cầm dâng lên Phật. Đức Phật liền nhận lấy. Long nữ bảo Trí Tích Bồ Tát và tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Tôi dâng bảo châu, đức Thế Tôn tiếp nhận, chuyện ấy có nhanh chóng hay không?” Đáp rằng: “Rất nhanh”. Cô ta bảo: “Hãy dùng thần lực của các vị để quán tôi thành Phật còn nhanh hơn thế!”)

“Bảo châu” biểu thị tu tập viên nhân. “Dâng lên Phật”: Biểu thị do cái nhân quyết đạt được cái quả. “Phật tức thọ chi” (Phật liền nhận lấy): Biểu thị đạt được cái quả rất nhanh. Giải thích theo quán tâm thì Thi Giác là bảo châu, Bồn Giác là Phật. Thi Giác xứng hợp Bồn Giác, tức là dùng châu dâng lên Phật, Phật liền nhận thấy.

(Kinh) Đương thời chúng hội giai kiến long nữ hốt nhiên chi gian, biến thành nam tử, cụ Bồ Tát hạnh, tức vãng Nam phương Vô Cấu thế giới, tọa bảo liên hoa, thành Đẳng Chánh Giác, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, phổ vị thập phương nhất thiết chúng sanh diễn thuyết diệu pháp.

(經)當時眾會皆見龍女忽然之間，變成男子，具菩薩行，即往南方無垢世界，坐寶蓮華，成等正覺，三十二相，八十種好，普為十方一切眾生演說妙法。

(Kinh: Chúng hội khi ấy đều thấy long nữ bỗng dung biến thành nam tử, trọn đủ hạnh Bồ Tát, liền qua thế giới Vô Cấu (Vimalā) ở phương Nam, ngồi trên hoa sen báu, thành Đẳng Chánh Giác, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, khắp vì hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới diễn nói diệu pháp).

Hỏi: - Thai kinh (kinh Bồ Tát Xử Thai) nói: “Ma, Phạm, Thích, nữ, giai bất xả thân, bất thọ thân, tất ư hiện thân đắc thành Phật” (Ma, Phạm, Đế Thích, nữ nhân đều chẳng xả thân, chẳng thọ thân, đều từ ngay trong thân hiện tại mà được thành Phật). Nay [long nữ] biến thành nam tử rồi mới thành Phật, Quyền Thật như thế nào?

Đáp: - Thai Kinh nói đến chuyện thành Phật nơi thân hiện tại là nói theo khía cạnh tự hành phá Vô Minh Hoặc, đó là Thật. Kinh này nói “*biến thành nam tử*” tức là nói theo khía cạnh hóa độ người khác, thị hiện tám tướng thành đạo, tức là Quyền. Cần phải biết: Nương theo giáo pháp viên đốn để tu diệu hạnh, đích xác có thể ngay lập tức thành Phật. Vì thế nói: “*Pháp tánh như đại hải, bất thuyết hữu thị phi. Phàm phu, hiền thánh nhân, bình đẳng vô cao hạ. Duy tại tâm cầu diệt, thủ chứng như phản chưởng*” (Pháp tánh như biển cả, chẳng nói có đúng sai. Phàm phu, bậc hiền thánh, bình đẳng, chẳng cao thấp. Cốt sao tâm cầu diệt, chứng đắc như lật tay). Do vì hành theo Thật rất nhanh chóng, cho nên dùng Quyền hạnh để thị hiện chứng minh sự thành tựu, khiến cho kẻ khác tin sâu, chẳng nghi.

Hỏi: - Nữ biến thành nam liền ngồi nơi đạo tràng, đã chẳng có các tướng giáng thần [nhập thai mẹ], ở trong thai, xuất gia v.v... Sao gọi là tám tướng thành đạo?

Đáp: - Cõi tịnh hay uế khác biệt, tám tướng việc gì phải hoàn toàn giống hệt như nhau! Hơn nữa, Pháp Thân thị hiện chẳng thể nghĩ bàn. Trong cõi này, tự thấy biến nữ thành nam, cõi kia từ đầu đến cuối vẫn thấy tám tướng cũng chẳng hề không thể!

Hỏi: - Các vị như Xá Lợi Phất v.v... đã dự vào Sơ Trụ của Viên Giáo, cũng có thể [thị hiện] tám tướng thành Phật, vì lẽ nào [đức Phật]

thọ ký [các vị ấy] phải trong bao kiếp rộng lớn mai sau [mới được thành Phật]?

Đáp: - Tự hành theo Thật, ắt sở chứng xét theo Lý sẽ như nhau. Hóa độ người khác tuân theo Quyền, ắt vì căn cơ của chúng sanh [mà thị hiện sự tướng] khác nhau! Huống hồ các vị đại đệ tử toàn là Pháp Thân ứng hiện, thị hiện dấu tích ở các chỗ đều khác nhau? Sao dám biết chắc Ngài chẳng thị hiện thành Phật ở cõi khác ư?

Hỏi: - Giả sử các vị như Xá Lợi Phất v.v... đều đã thành Phật ở thế giới khác, vì sao lại thị hiện được thọ ký trong cõi này?

Đáp: - Thọ ký ở nơi đây hòng khiến cho chúng sanh thấy nghe, sẽ kết duyên trong mai sau, khiến cho họ đắc độ trong vị lai. Như thế thì theo chiều ngang tròn khắp mười phương, theo chiều dọc sẽ nhiều lượt chẳng ngớt rộng độ chúng sanh. Chúng sanh giới vẫn chẳng thể tận, há có thể dùng cái tâm tình kiến so đo để suy lường đại sự pháp giới ư?

12.2.2.8. Đại chúng thuở đó thấy nghe bèn đạt được lợi ích

(Kinh) Nhĩ thời, Sa Bà thế giới Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhân dữ phi nhân, giai dao kiến bỉ long nữ thành Phật, phổ vị thời hội nhân thiên thuyết pháp, tâm đại hoan hỷ, tất dao kính lễ. (Bỉ độ) vô lượng chúng sanh văn pháp giải ngộ, đắc bất thoái chuyển. Vô lượng chúng sanh đắc thọ đạo ký. Vô Cấu thế giới lục phản chấn động. Sa Bà thế giới tam thiên chúng sanh trụ Bất Thoái địa, tam thiên chúng sanh phát Bồ Đề tâm nhi đắc thọ ký.

(經)爾時，娑婆世界菩薩、聲聞、天龍八部、人與非人，皆遙見彼龍女成佛，普為時會人天說法，心大歡喜，悉遙敬禮。（彼土）無量眾生聞法解悟，得不退轉。無量眾生得受道記。無垢世界六反震動。娑婆世界三千眾生住不退地。三千眾生發菩提心而得受記。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhân và phi nhân trong thế giới Sa Bà đều từ xa thấy cô long nữ ấy thành Phật, khắp vì trời người trong hội thuở ấy thuyết pháp, tâm đại hoan hỷ, đều vọng bái kính lễ. Vô lượng chúng sanh (trong cõi ấy) nghe pháp giải ngộ, đắc bất thoái chuyển. Vô lượng chúng sanh thọ đạo ký. Thế giới Vô

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Cầu chấn động sáu lượt. Ba ngàn chúng sanh trong thế giới Sa Bà trụ địa vị bất thoái, ba ngàn chúng sanh phát tâm Bồ Đề bèn được thọ ký).

Trước hết nói “*dao kiến, dao văn*” (thấy từ xa, nghe từ xa); vì thế “*dao kính lễ*” (hướng đến phương xa kính lễ). Kế đó, nói rõ cõi ấy được lợi ích, sau đó nói cõi này được lợi ích. Vì phương Nam duyên đã chín muồi, đáng nên dùng tám tướng thành Phật. Cõi này duyên mỏng, chỉ dùng [thân phận] long nữ để giáo hóa, đều là từ Thể khởi Dụng, do sức của Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội mà đạt được, thân và hết thảy các thân đều có thể tùy nghi thị hiện.

12.2.2.9. Trí Tích và Thân Tử im lặng tin nhận

(Kinh) Trí Tích Bồ Tát cập Xá Lợi Phất, nhất thiết hội chúng, mặc nhiên tín thọ.

(經)智積菩薩及舍利弗，一切眾會，默然信受。

(Kinh: Trí Tích Bồ Tát và Xá Lợi Phất, hết thảy đại chúng trong hội đều im lặng tin nhận).

Phẩm Đề Bà Đạt Đa đã xong.

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 1 hết**



“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 2**

妙法蓮華經

綸貫會義

卷二

**Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Đức Phong - Huệ Trang - Diệu Âm Trịnh Lộc**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

(trang trống)

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 2

妙法蓮華經綸貫會義卷二

Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
古吳後學藕益智旭述

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong - Huệ Trang - Diệu Âm Trịnh Lộc

13. Trì Phẩm Đệ Thập Tam

持品第十三

Phẩm thứ mười ba: Phẩm Trì

Hai vạn Bồ Tát phụng mạng hoàng kinh; vì thế gọi là phẩm Trì. Lại khuyên tám mươi vạn ức na-do-tha [Bồ Tát] hoàng kinh; do vậy gọi là phẩm Trì. Đây là phẩm thứ tư thuộc phần Lưu Thông của Tích Môn, kinh văn được chia làm hai phần:

- Một là nói về sự thọ trì.
- Hai là khuyên trì.

13.1. Nói về sự thọ trì

13.1.1. Hai vạn Bồ Tát phụng mạng trì kinh trong cõi này

(Kinh) Nhĩ thời, Dược Vương Bồ Tát Ma Ha Tát, cập Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ nhị vạn Bồ Tát quyền thuộc câu, giai ư Phật tiền, tác thị thệ ngôn: - Duy nguyện Thế Tôn bất dĩ vi lự. Ngã đẳng ư Phật diệt hậu, đương phụng trì, độc tụng, thuyết thử kinh điển. Hậu ác thế chúng sanh thiện căn chuyển thiểu, đa tăng thượng mạn, tham lợi cúng dường, tăng bất thiện căn, viễn ly giải thoát. Tuy nan khả giáo hóa, ngã đẳng đương khởi đại nhân lực, độc tụng thử kinh, trì thuyết, thư tả, chủng chủng cúng dường, bất tích thân mạng.

(經)爾時，藥王菩薩摩訶薩，及大樂說菩薩摩訶薩，與二萬菩薩眷屬俱，皆於佛前，作是誓言：「惟願世尊不以為慮。我等於佛滅後，當奉持，讀誦，說此經典。後惡

世眾生善根轉少，多增上慢，貪利供養，增不善根，遠離解脫。雖難可教化，我等當起大忍力，讀誦此經，持說，書寫，種種供養，不惜身命」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Dược Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát Ma Ha Tát, và Đại Nhạo Thuyết (Mahāpratibhāna) Bồ Tát Ma Ha Tát, cùng với hai vạn Bồ Tát quyền thuộc, đều đối trước đức Phật, thốt lời thề rằng: - Kính mong đức Thế Tôn đừng lo nghĩ. Sau khi đức Phật diệt độ, chúng con sẽ phụng trì, đọc tụng, nói kinh điển này. Chúng sanh trong đời ác sau này, thiện căn chuyển thành ít đi, nhiều tăng thượng mạn, tham lợi lộc cúng dường, tăng thêm bất thiện căn, xa lìa giải thoát. Tuy khó thể giáo hóa, chúng con sẽ dấy lên nhẫn lực to lớn, đọc tụng kinh này, gìn giữ, giảng nói, biên chép, cúng dường đủ mọi cách, chẳng tiếc thân mạng).

13.1.2. Hàng Thanh Văn phát thệ lưu thông [kinh này] trong cõi khác

(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung ngũ bách A La Hán đắc thọ ký giả, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã đẳng diệt tự thệ nguyện ư dị quốc độ, quảng thuyết thử kinh”. Phục hữu Học, Vô Học bát thiên nhân đắc thọ ký giả, tùng tòa nhi khởi, hiệp chưởng hướng Phật, tác thị thệ ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệt đương ư tha quốc độ, quảng thuyết thử kinh. Sở dĩ giả hà? Thị Sa Bà quốc trung, nhân đa tệ ác, hoài tăng thượng mạn, công đức thiểu bạc, sân trược, siểm khúc, tâm bất thật cố.

(經)爾時，眾中五百阿羅漢得受記者，白佛言：「世尊！我等亦自誓願於異國土，廣說此經」。復有學，無學八千人得受記者，從座而起，合掌向佛，作是誓言：「世尊！我等亦當於他國土，廣說此經。所以者何？是娑婆國中，人多弊惡，懷增上慢，功德淺薄，瞋濁，諂曲，心不實故」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong đại chúng, năm trăm vị A La Hán đã được thọ ký bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện rộng nói kinh này ở cõi khác”. Lại có tám ngàn vị Học và Vô Học đã được thọ ký, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về đức Phật, thốt lời thề rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ở trong quốc độ khác, rộng nói kinh này. Vì lẽ nào vậy? Vì trong cõi Sa Bà này, lắm kẻ tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, sân hận, uế trước, siểm khúc, tâm chẳng chân thật).

Hỏi: - Các vị Thanh Văn ấy đã thành đại sĩ, vì sao chẳng thể hoằng kinh trong cõi này?

Đáp: - Nhằm dẫn khởi những người sơ tâm mới hành Bồ Tát chẳng thể lưu thông kinh trong đời ác khổ sở. Lại còn vì muốn mở ra phẩm An Lạc Hạnh vậy!

13.1.3. Các tỳ-kheo-ni xin được thọ ký

13.1.3.1. Thọ ký cho bà Đại Ái Đạo và sáu ngàn vị ni

(Kinh) Nhữ thời, Phật di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, dữ Học Vô Học tỳ-kheo-ni lục thiên nhân câu, tùng tòa nhi khởi, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tàm xả. Ư thời, Thế Tôn cáo Kiều Đàm Di: - Hà cố ưu sắc nhi thị Như Lai? Nhữ tâm tương vô vị ngã bất thuyết nhữ danh, thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký da? Kiều Đàm Di! Ngã tiên tổng thuyết nhất thiết Thanh Văn, giai dĩ thọ ký. Kim dục nhữ tri ký giả. Tương lai chi thế, đương ư lục vạn bát thiên ức chư Phật pháp trung, vi đại pháp sư, cập lục thiên Học Vô Học tỳ-kheo-ni câu vi pháp sư. Nhữ như thị tiệm tiệm cụ Bồ Tát đạo, đương đắc tác Phật, hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kiều Đàm Di! Thị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật, cập lục thiên Bồ Tát, chuyển thứ thọ ký đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)爾時，佛姨母摩訶波闍波提比丘尼，與學無學比丘尼六千人俱，從座而起，一心合掌，瞻仰尊顏，目不暫捨。於時，世尊告憍曇彌：「何故憂色而視如來？汝心將

無謂我不說汝名，授阿耨多羅三藐三菩提記耶？憍曇彌！我先總說一切聲聞，皆已授記。今欲汝知記者。將來之世，當於六萬八千億諸佛法中，為大法師，及六千學無學比丘尼俱為法師。汝如是漸漸具菩薩道，當得作佛，號一切眾生喜見如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。憍曇彌！是一切眾生喜見佛，及六千菩薩，轉次授記得阿耨多羅三藐三菩提」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, dì của đức Phật là tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpatī Gautamī), cùng với sáu ngàn vị tỳ-kheo Học và Vô Học, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng tôn nhan, mắt chẳng tạm rời. Lúc đó, đức Thế Tôn bảo bà Kiều Đàm Di: - Vì sao bà lộ vẻ buồn rầu nhìn Như Lai? Chẳng phải là trong tâm bà cho rằng ta không nhắc đến tên bà để thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư? Nay Kiều Đàm Di! Trước đó, ta đã nói chung, đều đã thọ ký cho hết thấy các Thanh Văn. Nay bà muốn biết chuyện thọ ký thì trong đời tương lai, bà sẽ làm đại pháp sư trong pháp của sáu vạn tám ngàn ức chư Phật, và sáu ngàn tỳ-kheo-ni Học và Vô Học đều làm pháp sư. Bà dần dần tròn đủ Bồ Tát đạo như thế, sẽ được thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến (Sarvarūpasamdarśana)¹ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay Kiều Đàm Di! Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật và sáu ngàn Bồ Tát sẽ lần lượt thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho nhau).

Kiều Đàm Di (Gautamī) còn dịch là Kiều Đáp Ma, tức Cù Đàm (Gautama)², do phiên âm tiếng Phạn nặng hay nhẹ. Phương này dịch là

¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến: Bồ Tát nơi nhân địa tu hạnh từ nhẫn, được hết thấy chúng sanh trông thấy đều hoan hỷ. Vì thế, dùng danh xưng này để đặt tên cho Phật hiệu nơi quả địa”.

² Do bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề là vợ vua Tịnh Phạn thuộc thị tộc Thích Ca, họ Gautama (còn phiên âm là Cù Đàm, Cồ Đàm, hoặc Kiều Đáp Ma), nên bà cũng được

Địa Tới Thắng, chính là dòng họ Sát-lợi tôn quý. Vì thế, dùng danh xưng ấy để gọi.

13.1.3.2. Thọ ký cho Da Thân Đà La

(Kinh) Nhĩ thời, La Hầu La mẫu Da Thân Đà La tỳ-kheo-ni tác thị niệm: “Thế Tôn ư thọ ký trung, độc bất thuyết ngã danh”. Phật cáo Da Thân Đà La: - Nhữ ư lai thế bách thiên vạn ức chư Phật pháp trung, tu Bồ Tát hạnh, vi đại pháp sư, tiếm cụ Phật đạo, ư Thiện Quốc trung, đương đắc tác Phật, hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật thọ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.

(經)爾時，羅睺羅母耶輸陀羅比丘尼作是念：「世尊於授記中，獨不說我名」。佛告耶輸陀羅：「汝於來世百千萬億諸佛法中，修菩薩行，為大法師，漸具佛道，於善國中，當得作佛，號具足千萬光相如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。佛壽無量阿僧祇劫」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, mẹ của La Hầu La là tỳ-kheo-ni Da Thân Đà La (Yasodharā) nghĩ như thế này: “Trong khi thọ ký, đức Thế Tôn chỉ không nói đến một mình tên tôi”. Đức Phật bảo Da Thân Đà La: - Bà trong pháp của trăm ngàn vạn ức chư Phật trong đời mai sau, tu Bồ Tát hạnh, làm đại pháp sư, dần dần trọn đủ Phật đạo, trong cõi Thiện Quốc (Bhadrā), sẽ được thành Phật, hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng (Rāsmīśatasahasraparipūrṇadhvaṃsa)³ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

gọi là Gautamī (tức phu nhân hoặc người nữ thuộc họ Gautama). Bà có hai người con với vua Tịnh Phạn tức công chúa Sundari Nanda (Tôn Đà Lợi Nan Đà) và Nanda (tôn giả Nan Đà). Khi biết đức Phật sắp nhập Niết Bàn, bà đã đến đánh lễ và xin phép nhập diệt trước. Khi trở về, bà nhập Thiên Định và nhập diệt vài ngày sau đó. Lúc ấy, bà đã 120 tuổi.

³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật tướng hảo trang nghiêm, thân có quang minh vô lượng; vì thế, dùng điều này để lập danh hiệu”.

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật thọ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp).

13.1.3.3. Các tỳ-kheo-ni lãnh ngộ

(Kinh) Nhĩ thời, Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, cập Da Thâu Đà La tỳ-kheo-ni, tịnh kỳ quyến thuộc, giai đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, tức ư Phật tiền, nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn đạo sư, an ổn thiên nhân. Ngã đẳng văn ký, tâm an cụ túc.

(經)爾時，摩訶波闍波提比丘尼，及耶輸陀羅比丘尼，并其眷屬，皆大歡喜，得未曾有，即於佛前，而說偈言：「世尊導師，安隱天人。我等聞記，心安具足」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và tỳ-kheo-ni Da Thâu Đà La cùng với quyến thuộc đều hết sức hoan hỷ, đạt được chưa từng có, liền đối trước đức Phật, nói kệ rằng: - Đức Thế Tôn đạo sư, an ổn trời và người, chúng con nghe thọ ký, tâm an ổn trọn đủ).

13.1.3.4. Các tỳ-kheo-ni phát nguyện

(Kinh) Chư tỳ-kheo-ni thuyết thị kệ dĩ, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc năng ư tha phương quốc, quảng tuyên thử kinh.

(經)諸比丘尼說是偈已，白佛言：「世尊！我等亦能於他方國，廣宣此經」。

(Kinh: Các tỳ-kheo-ni nói bài kệ ấy xong, bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng có thể ở trong quốc độ phương khác rộng tuyên nói kinh này).

Khiêm tốn nhường cõi này, ý muốn giống như các Thanh Văn trong phần trên. Hoặc có thể là các vị ni và Thanh Văn đều do duyên đã chín muồi ở phương khác.

Phần thứ nhất, “nói về sự thọ trì” đã xong.

13.2. Khuyển trì

13.2.1. Trường Hàng

13.2.1.1. Phật nhìn đại chúng

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thị bát thập vạn ức na-do-tha chư Bồ Tát Ma Ha Tát.

(經)爾時，世尊視八十萬億那由他諸菩薩摩訶薩。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn tám mươi vạn ức na-do-tha các vị Bồ Tát Ma Ha Tát).

Đại chúng thấy đức Phật ngăm khuyên, nhưng chẳng truyền dạy. Trong phần trên, tuy Ngài không đặc biệt truyền bảo, nhưng đã nêu ra công đức trì kinh sâu dày, dẫn chứng phân minh. Phật Đa Bảo và các phân thân [của Phật Thích Ca] từ xa đến khuyên lơn [đại chúng] phát tâm. Sự lẫn nghĩa của lòng ân cần ấy đều vẹn toàn. Có ai muốn vâng theo mạng lệnh, hãy nên phát thệ, chẳng phiền phải rườm lời nữa! Lại vì hộ trì ý nguyện [hoằng dương kinh này] ở phương khác của hàng Thanh Văn, cho nên [đức Phật] chẳng xưng dương.

13.2.1.2. Bồ Tát thỉnh cầu [đức Phật] sắc truyền

(Kinh) Thị chư Bồ Tát giai thị A Duy Việt Trí, chuyển bất thoái pháp luân, đắc chư Đà La Ni, tức tùng tòa khởi, chí ư Phật tiền, nhất tâm hiệp chưởng, nhi tác thị niệm: - Nhược Thế Tôn cáo sắc⁴ ngã đẳng trì thuyết thử kinh giả, đương như Phật giáo, quảng tuyên tư pháp.

(經)是諸菩薩皆是阿惟越致，轉不退法輪，得諸陀羅尼，即從座起，至於佛前，一心合掌，而作是念：「若世尊告敕我等持說此經者，當如佛教，廣宣斯法」。

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy đều là A Duy Việt Trí, chuyển pháp luân bất thoái, đạt được các Đà La Ni, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tới trước đức Phật, nhất tâm chấp tay, nghĩ như thế này: - Nếu đức Thế Tôn truyền dạy chúng con hộ trì, tuyên nói kinh này, chúng con sẽ làm đúng như lời đức Phật dạy, rộng tuyên nói pháp này).

⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Cáo sắc là lời truyền lệnh của người bề trên cho kẻ dưới, cũng có nghĩa là răn bảo”.

13.2.1.3. Suy nghĩ vì sao đức Phật vẫn im lặng

(Kinh) Phục tác thị niệm: - Phật kim mặc nhiên, bất kiến cáo sắc, ngã đương vân hà?

(經)復作是念：「佛今默然，不見告敕，我當云何？」

(Kinh: Lại nghĩ như thế này: - Nay đức Phật im lặng, chẳng truyền bảo, chúng ta nên làm như thế nào?)

13.2.1.4. Tùy thuận ý Phật bèn phát nguyện

(Kinh) Thời, chư Bồ Tát kính thuận Phật ý, tịnh dục tự mãn bốn nguyện, tiện ư Phật tiền, tác sư tử hống, nhi phát thệ ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng ư Như Lai diệt hậu, châu toàn vãng phản thập phương thế giới, năng linh chúng sanh thư tả thử kinh, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết kỳ nghĩa, như pháp tu hành, chánh ức niệm, giai thị Phật chi oai lực. Duy nguyện Thế Tôn tại ư tha phương dao kiến thủ hộ.

(經)時，諸菩薩敬順佛意，并欲自滿本願，便於佛前，作師子吼，而發誓言：「世尊！我等於如來滅後，周旋往反十方世界，能令眾生書寫此經，受持，讀誦，解說其義，如法修行，正憶念，皆是佛之威力。惟願世尊在於他方遙見守護」。

(Kinh: Khi đó, các Bồ Tát kính thuận ý Phật và muốn tự thỏa mãn bốn nguyện, liền đối trước Phật, thực hiện sư tử hống để phát thệ rằng: - Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con qua lại trọn khắp mười phương thế giới, có thể khiến cho chúng sanh biên chép kinh này, thọ trì, đọc tụng, giải nói ý nghĩa, tu hành đúng như pháp, nghĩ nhớ chánh đáng, đều là do oai lực của Phật. Kính mong đức Thế Tôn ở nơi phương xa nhìn thấy, thủ hộ [chúng con]).

Phần thứ nhất là Trường Hàng trong đoạn thứ hai là Khuyến Trì đã xong.

13.2.2. Kệ tụng

Kệ tụng là Cô Khởi⁵. Các vị Bồ Tát thỉnh cầu, hộ trì, hoằng truyền kinh này, cho nên tự trần thuật phương pháp và đường lối hoằng kinh. Bởi lẽ, trong phẩm Pháp Sư, [đức Phật] đã nói phương pháp, đường lối. Trong phần Kiến Bảo Tháp, Ngài lại tuyên mộ, tìm kiếm người vận dụng phương pháp, đường lối ấy. Trong phẩm Đề Bà Đạt Đa, Ngài lại dẫn dụng phương pháp và đường lối [hoằng truyền kinh] trong quá khứ. [Trong phẩm đó], Phật Thích Ca là người vâng hành theo khuôn khổ ấy. Vì thế, kinh nói Ngài dùng thân làm giường, tòa cho [thầy ngồi, hoặc dựa] v.v... Phẩm này nói đến đường lối, khuôn phép [hoằng truyền kinh] trong đời ác. Phẩm An Lạc Hạnh mới là bắt đầu thực hành khuôn phép. Vì thế nói “*trụ nhĩn nhục địa*” (trụ trong địa vị nhĩn nhục) v.v... như trong phần sau sẽ rộng nói. Nếu chẳng như vậy, hoằng truyền kinh sẽ chẳng có khuôn phép, như mình trần xông vào trận, sẽ bị thương tổn chẳng sai ngoa! Lời khuyên “*mặc áo giáp*” đâu phải là nói suông! Xét theo kinh văn, thì gồm có bốn phần:

- Nêu rõ mặc áo [Như Lai] để hoằng truyền kinh.
- Nêu rõ nhà [Như Lai] để hoằng truyền kinh.
- Nêu rõ ngồi trên tòa [Như Lai] để hoằng truyền kinh.
- Tổng kết bằng lời thỉnh cầu [đức Phật] chứng tri.

13.2.2.1. Nêu rõ mặc áo Như Lai để hoằng truyền kinh

13.2.2.1.1. Tổng luận thời tiết để nói rõ chuyện mặc áo [Như Lai]

(Kinh) Tức thời, chư Bồ Tát câu đồng phát thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Duy nguyện bất vi lự, ư Phật diệt độ hậu, khểng bố ác thế trung, ngã đẳng đương quảng thuyết.

(經)即時，諸菩薩俱同發聲，而說偈言：「惟願不為慮，於佛滅度後，恐怖惡世中，我等當廣說。」

(Kinh: Ngay khi đó, các vị Bồ Tát đều cùng phát ra tiếng, nói kệ rằng: - Kính mong chớ lo nghĩ, sau khi Phật diệt độ, trong đời ác đáng sợ, chúng con sẽ rộng nói).

⁵ Gọi là Cô Khởi vì thể loại kệ tụng này không nhằm nhắc lại ý nghĩa trong phần Trường Hàng trước đó.

13.2.2.1.2. Nói riêng về cảnh kham nhẫn

Đoạn này chia thành ba phần [nhằm phân loại các đối tượng mà người hoằng kinh phải chịu đựng]:

- Một là kẻ thông minh tà kiến, tức những kẻ thế tục.
- Hai là kẻ tăng thượng mạn trong nhà Phật.
- Ba là kẻ tăng thượng mạn tiềm xưng thánh nhân.

Đối với hạng thứ nhất vẫn có thể nhẫn, hạng thứ hai khó nhẫn hơn, hạng thứ ba khó nhẫn nhất. Càng về sau, lại càng khó nhận biết hơn.

13.2.2.1.2.1 [Nhẫn đối với] kẻ thông minh tà kiến

(Kinh) Hữu chư vô trí nhân, ác khẩu mạ lỵ đẳng, cập gia đao trượng giả, ngã đẳng giai đương nhẫn.

(經)有諸無智人，惡口罵詈等，及加刀杖者，我等皆當忍。

(Kinh: Có những kẻ vô trí, nói ác và chửi rủa, dùng đao, trượng đánh đập, chúng con sẽ đều nhẫn).

13.2.2.1.2.2. [Nhẫn đối với] kẻ tăng thượng mạn trong nhà Phật

(Kinh) Ác thế trung tỳ-kheo, tà trí, tâm siểm khúc, vị đắc vị vi đắc, ngã mạn tâm sung mãn.

(經)惡世中比丘，邪智心諂曲，未得謂為得，我慢心充滿。

(Kinh: Tỳ-kheo trong đời ác, tà trí, tâm siểm khúc, chưa đắc bảo đã đắc, tâm ngã mạn tràn trề).

13.2.2.1.2.3. [Nhẫn đối với] kẻ tăng thượng mạn tiềm xưng thánh nhân

(Kinh) Hoặc hữu A Luyện Nhã, nập y tại không nhàn, tự vị hành chân đạo, khinh tiện nhân gian giả. Tham trước lợi dưỡng cố, dữ bạch y thuyết pháp, vị thế sở cung kính, như Lục Thông La Hán.

Thị nhân hoài ác tâm, thường niệm thể tục sự, giả danh A Luyện Nhã, háo xuất ngã đẳng quá, nhi tác như thị ngôn: “Thử chư tỳ-kheo đẳng, vị tham lợi dưỡng cố, thuyết ngoại đạo luận nghị. Tự tác thử kinh điển, cuống hoặc thể gian nhân. Vị cầu danh văn cố, phân biệt u thị kinh”. Thường tại đại chúng trung, dục hủy ngã đẳng cố, hướng quốc vương đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, cập dư tỳ-kheo chúng, phỉ báng thuyết ngã ác. Vị thị tà kiến nhân, thuyết ngoại đạo luận nghĩa.

(經)或有阿練若，納衣在空閑，自謂行真道，輕賤人間者。貪著利養故，與白衣說法，為世所恭敬，如六通羅漢。是人懷惡心，常念世俗事，假名阿練若，好出我等過，而作如是言：「此諸比丘等，為貪利養故，說外道論議。自作此經典，誑惑世間人。為求名聞故，分別於是經」。常在大眾中，欲毀我等故，向國王大臣，婆羅門居士，及餘比丘眾，誹謗說我惡。謂是邪見人，說外道論義。

(Kinh: Hoặc kẻ trụ Lan Nhã, y chăm⁶, trụ chỗ vắng, tự nói hành chân đạo, khinh rẻ người trong đời! Vì tham đắm lợi dưỡng, thuyết pháp cho tại gia, được cõi đời cung kính, như Lục Thông La Hán. Kẻ đó ô m lòng ác, thường nghĩ chuyện thế tục, giả danh trụ Lan Nhã, chuộng nói lỗi chúng con, mà nói như thế này: “Cái lũ tỳ-kheo này, vì tham chuộng lợi dưỡng, nói luận thuyết ngoại đạo. Tự soạn kinh điển này, dối lừa người thế gian. Vì cầu mong tiếng tăm, phân biệt giảng kinh này”. Hắn thường trong đại chúng, muốn hủy báng chúng con, bảo quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, và các tỳ-kheo khác, phỉ báng, vạch lỗi con, quở là phường tà kiến, nói luận nghĩa ngoại đạo).

A Luyện Nhã (Aranya) còn gọi là A Lan Nhã, cũng gọi là A Lan Na, hoặc gọi là A Luyện Nhi, phương này dịch là Vô Tránh (無諍, không tranh chấp), cũng dịch là Vô Huyên Tạp Xứ (無喧雜處, chỗ chẳng ồn ào, tạp loạn). Nếu sống trong chỗ A Luyện Nhã, đây là vì muốn điều phục phiền não. Nay [kẻ đó] tự đề cao mình, miệt thị kẻ khác, chẳng phải là hạnh Vô Tránh. Do đó, nói là “giả danh A Luyện Nhã”. Trong Tỳ Ni

⁶ Áo ca-sa do các mụn vải (các mảnh vải nhỏ) chằm lại (khâu dính lại với nhau).

Tạng (Luật Tạng), và pháp hội Bảo Lương Tự trong kinh Đại Bảo Tích⁷, cùng với kinh Bảo Vân⁸, kinh Phật Tạng⁹ v.v... mỗi mỗi đều nói cặn kẽ

⁷ Kinh Đại Bảo Tích (Mahāratnakūṭasūtra) gồm 120 quyển là một bộ kinh rất lớn, vốn là tổng tập của nhiều bộ kinh nhỏ. Mỗi bộ kinh nhỏ được gọi là “một hội” trong ấy (có tất cả bốn mươi chín hội), mở đầu bằng hội Tam Tự Luật Nghi, và kết thúc bằng hội Quảng Bác Tiên Nhân. Trong số đó, hội thứ năm là hội Vô Lượng Thọ Như Lai (do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch), được gọi là bản Đường dịch của kinh Vô Lượng Thọ. Hội thứ bốn mươi bốn là hội Bảo Lương Tự (Ratnarāśi). Chủ đề chính yếu của kinh này là các pháp tu hành của Bồ Tát và các lời thọ ký thành Phật. Trong bốn mươi chín hội, có hai mươi ba hội do các vị dịch kinh từ đời Tấn đến thời Tùy – Đường như Trúc Pháp Hộ (đời Tấn), Mạn Đà La Tiên (đời Lương), Phật Đà Phiến Đa (đời Nguyên Ngụy), Thật Xoa Nan Đà (đời Đường), Na Liên Đề Da Xá (thời Bắc Tề), Nguyệt Bà Thủ Na (đời Nguyên Ngụy), Đạt Ma Cấp Đa (đời Tùy), Nhiếp Đạo Chân (đời Tây Tấn) v.v... Những bản dịch này được gọi chung là Cựu Dịch. Hai mươi sáu hội còn lại do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch thì được gọi là Tân Dịch. Các chủ đề được nêu ra trong kinh này rất rộng từ Bát Nhã Tánh Không (hội thứ mười sáu, tức hội Văn Thù Thuyết Bát Nhã), hội thứ hai, thứ ba, thứ bảy, thứ mười một, và thứ hai mươi bốn nói về giáo nghĩa của Mật Giáo (chẳng hạn hội thứ ba nói về Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ), hội thứ năm nói về bốn nguyện của A Di Đà Phật, hội thứ nhất và hội thứ hai mươi ba nói về Luật Nghi v.v... Hội Bảo Lương Tự giải thích ý nghĩa của Sa-môn, nêu ra hai mươi hai món cầu, tám pháp che lấp hạnh Sa-môn, ba mươi hai pháp phải hành của Bồ Tát, các phép Thật Quán đối với Trung Đạo, tướng trạng cầu tâm, hai thứ tâm bất tịnh của người xuất gia, bốn loại Sa-môn v.v...

⁸ Kinh Bảo Vân (Ratnameghasūtra) là một bộ kinh được xếp vào hệ thống Kinh Tập trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, chủ yếu luận định về Thiên Định, Không Quán, và tâm tánh. Đại Vân hàm nghĩa sánh ví Phật pháp như vàng mây to có thể tuôn mưa nhuần thấm đại địa, khiến cho muôn loài tăng trưởng. Theo kinh văn, kinh này còn có tên là Trừ Cái Chướng Bồ Tát Sở Vấn, hoặc Trừ Cái Chướng Bồ Tát Chi Sở Thọ Trì, hoặc Chỉ Nhất Thiết Cái Bồ Tát Sở Vấn Pháp Môn, hoặc kinh Bảo Tích Công Đức, hoặc kinh Bảo Vũ Pháp Môn. Trong Đại Tạng, kinh này gồm bốn bản dịch:

- Đại Vân Kinh, bảy quyển, do ngài Mạn Đà La Tiên xứ Phù Nam dịch vào đời Lương.
- Đại Thừa Bảo Vân Kinh, tám quyển, do ngài Tu Bồ Đề xứ Phù Nam dịch vào thời Nam Trần.
- Bảo Vũ Kinh, mười quyển, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch vào đời Đường dưới thời Vũ Tắc Thiên.
- Trừ Cái Chướng Bồ Tát Sở Vấn Kinh, hai mươi quyển, do ngài Pháp Hộ và Duy Tịnh dịch vào thời Bắc Tống.

Kinh này được các vị luận sư như Thanh Biện, Nguyệt Xứng, Liên Hoa Giới của Ấn Độ và Tông Khách Ba (Tsongkhapa), Đạt Ba Trát Tây Nam Gia (Dagpo Tashi Namgyal), Tướng Công Khang Sở (Jamgon Kongtrul) đời thứ nhất v.v... của Tây Tạng trích dẫn rất nhiều trong các bộ luận của họ.

về hạnh A Luyộn Nhã. Nếu chưa tương ứng, hãy nên tầm sư vấn đạo, sao lại giữ lấy sự ngu muội, tự cho là đúng? Nguyên các hành giả hãy nên tự suy xét cặn kẽ.

Phần thứ hai, “nêu riêng cảnh kham nhẫn” đã xong!

13.2.2.1.3. Nêu ý nghĩa mặc áo [Như Lai] để hoằng kinh

(Kinh) Ngã đẳng kính Phật cố, tất nhẫn thị chư ác, vì tư sở khinh ngôn: “Nhữ đẳng giai thị Phật”. Như thử khinh mạn ngôn, giai đương nhẫn thọ chi. Trước kiếp ác thế trung, đa hữu chư khủng bố. Ác quỷ nhập kỳ thân, mạ lỵ hủy nhục ngã. Ngã đẳng kính tín Phật, đương trước nhẫn nhục khải. Vị thuyết thị kinh cố, nhữ thử chư nan sự. Ngã bất ái thân mạng, dẫn tích vô thượng đạo. Ngã đẳng ư lai thế, hộ trì Phật sở chúc. Thế Tôn tự đương tri: Trước ác thế tỳ-kheo, bất tri Phật phương tiện, tùy nghi sở thuyết pháp, ác khẩu nhi tàn túc, sở kiến tận xuất, viễn ly ư tháp tự. Như thị đẳng chúng ác, niệm Phật cáo sắc cố, giai đương nhẫn thị sự.

(經)我等敬佛故，悉忍是諸惡，為斯所輕言：「汝等皆是佛」。如此輕慢言，皆當忍受之。濁劫惡世中，多有諸恐怖。惡鬼入其身，罵詈毀辱我。我等敬信佛，當著忍辱鎧。為說是經故，忍此諸難事。我不愛身命，但惜無上道。我等於來世，護持佛所囑。世尊自當知：濁惡世比丘，不知佛方便，隨宜所說法，惡口而嚙齷，數數見擯出，遠離於塔寺。如是等眾惡，念佛告敕故，皆當忍是事。

(Kinh: Chúng con do kính Phật, đều nhẫn các ác ấy. Bị họ khinh rẻ nói: “Các người đều là Phật”. Lời khinh mạn như thế, sẽ đều nhẫn,

⁹ Kinh Phật Tạng (Buddhapitakaduḥṣṭlanirgraha) do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Hoằng Thi thứ bảy (405) đời Diêu Tần. Bộ kinh này được tôn xưng là kính chiếu yêu cho người học Phật, vì trong kinh này, đức Phật đã chỉ ra các chỗ sai lầm trong học Phật. Kinh gồm bảy phẩm: Chư Pháp Thật Tướng, Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Tịnh Giới, Tịnh Pháp, Vãng Cổ, Tịnh Kiến, Liễu Giới, Chúc Lụy. Kinh luận định cặn kẽ về vô sanh, vô diệt, vô tướng, vô vi, và Thật Tướng của các pháp, quả trách các thứ tội tướng, nêu bày quả báo to lớn do bất tịnh thuyết pháp v.v...

chịu đựng. Trong đời ác kiếp trước, có nhiều nỗi hoảng sợ. Kẻ ác quý dựa thân, chửi bới, hủy nhục con. Chúng con kính tin Phật, sẽ mặc giáp nhẫn nhục. Do vì nói kinh này, nhẫn các chuyện khó ấy. Con chẳng yêu thân mạng, chỉ tiếc đạo vô thượng. Con trong đời tương lai, hộ trì lời Phật dạy. Thế Tôn hãy tự biết! Tỳ kheo đời trước ác, chẳng biết Phật phương tiện, tùy cơ nghi thuyết pháp, buông lời ác, cau mặt, nhiều lượt bị trục xuất, xa lìa nơi tháp, chùa. Các điều ác như thế, do nghĩ Phật dạy rắn, đều nhẫn các chuyện ấy).

“Khải” (鎧) là áo giáp. “Nhẫn nhục khai” (Áo giáp nhẫn nhục) tức là có thể nhẫn nhục, dấn vào trong đời ác, vẫn chẳng bị thương tổn. Ví như vào trong chiến trận mà có áo giáp, chẳng bị tổn thương bởi đao, tên. Cần phải biết tứ giáo, mỗi giáo đều có áo giáp nhẫn nhục.

Như trong kinh Trung A Hàm, tỳ-kheo Hắc Xỉ (Kaṭāra) mách với đức Phật: “Xá Lợi Phất chửi con, cần nhẫn con”. Đức Phật liền gọi ngài Xá Lợi Phất, hỏi rằng: “Ông có thật sự chửi mắng, cần nhẫn tỳ-kheo Hắc Xỉ hay không?” Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Kẻ tâm chưa định thì có lẽ sẽ cần nhẫn, mắng chửi. Tâm con đã định, làm sao cần nhẫn, mắng chửi cho được? Như sừng trâu gãy chẳng đụng chạm, quấy nhiễu người khác. Như đĩa bé tàn tật hổ thẹn, chẳng nỡ hại người khác. Tâm con như đất, nước, lửa, gió, đối với tịnh và bất tịnh, đại tiện, tiểu tiện, mùi rãi đều hứng chịu mà chẳng chửi bới. Tâm như chổi quét, tịnh và bất tịnh đều quét. Lại như đồ đựng bị hư nứt chứa mỡ, để qua một ngày, luôn rỉ từng giọt. Tự quán chín lỗ thường rò rỉ thứ bất tịnh, sao lại chửi bới, cần nhẫn người khác cho được? Lại như rắn, chó v.v... đã chết, buộc vào cổ đĩa bé thanh tịnh, hổ thẹn, tự ngượng, chẳng chửi bới, cần nhẫn người khác”.

Đức Phật hỏi: “Đối với kẻ ác như thế, ông quán như thế nào?” Ngài Xá Lợi Phất đáp rằng: “Người có năm loại: Một là thân thiện, khẩu và ý bất thiện, chỉ nghĩ tới điều thiện của người ấy, chẳng nghĩ tới điều bất thiện. Như tỳ-kheo áo chàm, thấy vải rách bám phân, tay trái nắm lấy, tay phải căng ra, cắt bỏ chỗ bất tịnh, giữ lấy chỗ thanh tịnh. Nghĩ dùng điều thanh tịnh nơi thân của người ấy để làm khuôn phép cho thân ta, vứt bỏ [điều ác nơi] khẩu và ý của kẻ đó để rắn dè khẩu và ý của ta. Hai là người khẩu hạnh thanh tịnh, nhưng thân và ý bất tịnh, cũng nghĩ tới khẩu [thanh tịnh] của người ấy, bỏ đi thân hạnh và ý hạnh. Như người bị nóng bức quá khát, gắp cái ao có nhiều cỏ, gạt cỏ ra, vốc nước

để mát thân, hết khát. Ba là ý tịnh, thân, khẩu bất tịnh, vẫn chỉ nghĩ tới ý, chẳng màng đến thân và khẩu. Như đi đường nóng bức, quá khát, chỉ có chút nước nơi dấu chân trâu. Nếu dùng tay vốc nước, ắt nước sẽ vắn đục, hãy nên quỳ sát hai gối, hai tay bám xuống đất, miệng hút lấy nước để trừ nóng và khát. Bốn là tam nghiệp đều bất tịnh, tuy chẳng thể dùng, hãy nên đau đáu nghĩ tưởng, như trên đường thấy người bệnh, bèn sắp đặt ổn thỏa cho người ấy, nghĩ tới người ấy bất tịnh, khiến cho người ấy gặp được bậc thiện tri thức đối trị ba nghiệp của kẻ đó, chẳng để kẻ đó đọa trong tam đồ. Năm là ba nghiệp đều tịnh, thường nghĩ tới người ấy để tự uốn nắn chính mình, mong được bằng, nguyện được bằng, như ao nước trong mát, có nhiều các loại hoa cỏ, kẻ khát nước nóng bức vào trong đó liền thoải mái, thường nghĩ tới cảnh giới để trừ điều ác của ta”. Đó là [giáo huấn] trong giáo pháp Tam Tạng, dùng khổ, vô thường, bất tịnh, vô ngã, và không làm áo giáp.

Nho gia nói: “Kiến hiền tư tề, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh” (Thấy người hiền bèn mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền, trong tâm bèn tự phản tỉnh). Lại nói: “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư; trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi. Kỳ bất thiện giả nhi cải chi” (Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta; chọn lấy điều tốt lành của người ấy mà vâng theo. Đối với điều chẳng tốt của người ấy bèn sửa đổi) cũng là nghĩa này. Luận Tỳ Bà Sa nói: “Nghĩ câu chữ là một lời nói, những điều khác đều là tiếng kêu réo. Suốt ngày kêu réo, liên quan gì đến ta” (chữ A Câu Lô Xa (Akrośa) [trong tiếng Phạn] được phương này dịch là “mạ” (chửi bới). Câu Lô Xá (krośa) được phương này dịch là “hoán thanh” (tiếng kêu réo). Nay ta chẳng nên đọc chữ A, vì nếu có chữ A, sẽ gọi là “chửi bới”. Nếu chẳng có chữ A, sẽ là tiếng kêu réo).

Hơn nữa, ở nơi này, [một từ ngữ] có thể là lời lẽ hèn hạ, thô lậu, nơi phương khác lại là lời khen ngợi. Nếu ta nghĩ đó là lời thô hèn, sẽ chẳng có chỗ nào được vui sướng (Lệ này rất nhiều, như Thi La (Giới) và Sạn Đề (Nhẫn Nhục)¹⁰, ở cõi này chẳng phải là từ ngữ đẹp đẽ, nhưng nơi cõi kia (Thiên Trúc) thì là hai môn Ba La Mật. Lại như ngay trong cõi này, Nam Bắc gọi bằng danh xưng khác nhau, đất Chiết và đất Mân gọi khác nhau. Ở phương kia là khen ngợi, nơi phương này là hủy báng, chẳng thể nêu trọn). Lại quán chữ [bị coi là] chửi bới ấy, nếu đảo ngược lại chữ ấy, sẽ thành khen ngợi (như thấy khách ra đi, nếu nói “khứ tảo”

¹⁰ Nếu chỉ xét theo mặt chữ Hán, thì Thi trong Thi La (尸羅) có nghĩa là “xác chết”, còn Sạn trong Sạn Đề (羼提) là “tạp loạn, lẫn lộn”.

(đi sớm thế) sẽ thành ý giữ khách. Nếu nói “*tảo khứ*” (đi cho sớm) thì thành ý xua đuổi! Xua đuổi tức là chửi, giữ lại tức là khen ngợi. Lại như lúc đang ăn, gặp khách đến, nếu nói “*lai tảo*” (đến sớm quá), tức là chửi. Nếu nói “*tảo lai*” (hãy đến sớm) tức là ý khen ngợi. Người đời chấp trước, nắm chặt thứ tự trước sau, đều cùng cho là khen hay chửi, tình kiến hư vọng tích tụ, [chẳng biết là] ngôn từ và âm thanh tánh Không!)

Lại nữa, chửi là một chút phần của Giới, một chút phần của Nhập, một chút phần của Âm, chửi là phần nhỏ, chẳng chửi là phần nhiều (trong mười tám giới, [chửi] là chút phần của Thanh Giới. Trong mười hai Nhập, [chửi] là chút phần của Thanh Nhập. Trong Ngũ Âm, nó là chút phần của Sắc Âm. Chỉ có chút phần ấy là chửi, những thứ khác chẳng phải là chửi). Lại nữa, kẻ nào thành tựu chửi? Kẻ chửi thành tựu! Thành tựu nơi hấn, liên quan gì đến ta? (Kẻ đó tự nắm giữ âm thanh để thành danh từ, câu chữ, mà gọi là “chửi”, như cái mặt xấu xí, liên quan gì đến tấm gương!) Hơn nữa, Chửi là một chữ, một chữ chẳng thành chửi. Hai chữ sẽ thành chửi, chẳng có lúc nào đồng thời nói hai chữ! Nếu nói chữ sau thì chữ trước đã mất! Lại nữa, người chửi và kẻ bị chửi trong cùng lúc, ngay trong một sát-na đều diệt mất, liên quan gì đến ta? [Suy nghĩ] giống như thế chính là dùng Tích Không (phân tích cái Không) để làm áo giáp.

Lại nữa kẻ chửi và kẻ bị chửi đều giống như huyễn nhân (kẻ huyễn hóa), chữ dùng để chửi và âm thanh chửi bới giống như tiếng vang trong hang. Quán kỹ thật ngã và thật pháp đều trọn chẳng thể được, có sao chẳng nhận? Đây chính là dùng Tức Không làm áo giáp. Hơn nữa, phàm phu chẳng thể chửi bới Không, dấy các ưu não, tăng trưởng tam độc. Vì thế có tam đồ pháp giới. Hoặc do cưỡng chế an trụ nơi Nhẫn, cho nên có nhân thiên pháp giới. Thánh nhân hiểu chửi là Không, tự đoạn kết sử, vì thế có Nhị Thừa pháp giới. Lại còn sanh tâm đại bi đối với kẻ chửi bới, nghĩ cách dẹp trừ nỗi khổ cho kẻ đó. Như con do cuồng mê chửi mẹ, mẹ thường nghĩ xót thương, mong cho con khỏi bệnh. Vì thế có chư Phật, Bồ Tát pháp giới. Theo thứ tự quán sát Chửi như thế, bèn sanh ra mười pháp giới sai biệt bất đồng; đó là dùng “*tức Giả*” làm áo giáp.

Kinh này nói “*niệm Phật cáo sắc cố, giai đương nhẫn thị sự*” (do nghĩ tới lời Phật răn truyền, đều nhẫn được chuyện ấy). Phật chính là Phật Bảo, “*cáo sắc*” chính là Pháp Bảo, Phật và Pháp chẳng hai, tức là Tăng Bảo. Nhất Thể Tam Bảo phàm thánh bình đẳng, chư Phật đã ngộ, chúng sanh vẫn còn mê. Ta là chúng sanh bỏ mê về ngộ, trì nói kinh này,

biết rõ tâm ta “trên là bằng với chư Phật, dưới là bằng với chúng sanh”. Chư Phật ngộ chính là tâm ta ngộ, chúng sanh mê chính là tâm ta mê. Áo giáp như thế chính là “từ bi thất” (nhà từ bi), tức tòa “pháp Không”. Một thứ thành áo giáp, hết thấy đều là áo giáp. Đó chính là áo giáp trong Viên Giáo.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện mặc áo [Như Lai] để hoằng kinh” đã xong.

13.2.2.2. Vào nhà [Như Lai] để hoằng kinh

(Kinh) Chư tụ lạc, thành ấp, kỳ hữu cầu pháp giả, ngã giai đáo kỳ sở, thuyết Phật sở chúc pháp.

(經)諸聚落城邑，其有求法者，我皆到其所，說佛所囑法。

(Kinh: Các làng xóm, thành ấp, nếu có người cầu pháp, con đều đến chỗ họ, nói pháp Phật phó chúc).

13.2.2.3. Ngồi trên tòa [Như Lai] để hoằng kinh

(Kinh) Ngã thị Thế Tôn sứ, xử chúng vô sở úy. Ngã đương thiện thuyết pháp, nguyện Phật an ổn trụ.

(經)我是世尊使，處眾無所畏。我當善說法，願佛安隱住。

(Kinh: Con là sứ Thế Tôn, trong chúng chẳng sợ hãi. Con sẽ khéo thuyết pháp, nguyện Phật an ổn trụ).

13.2.2.4. Tổng kết bằng chuyện thỉnh cầu chúng tri

(Kinh) Ngã ư Thế Tôn tiền, chư lai thập phương Phật, phát như thị thế ngôn, Phật tự tri ngã tâm.

(經)我於世尊前，諸來十方佛，發如是誓言，佛自知我心。

(Kinh: Con đối trước Thế Tôn, và chư Phật mười phương, phát lời thề như thế, Phật tự biết tâm con).

Phẩm Trì đã xong.

14. An Lạc Hạnh Phẩm Đệ Thập Tứ

安樂行品第十四

Phẩm thứ mười bốn: An Lạc Hạnh

Giải thích phẩm này, chia thành ba phần:

- Một là giải thích dựa theo sự tướng.
- Hai là giải thích bằng cách kèm thêm kinh văn.
- Ba là giải thích dựa theo pháp môn.

Mỗi phần đều có giải thích đại lược hay chi tiết.

- Giải thích đại lược dựa theo sự tướng: Thân chẳng có nguy hiểm, cho nên An. Tâm chẳng ưu não, cho nên Lạc. Thân tâm an lạc, cho nên có thể tiến nhập hạnh hồng kinh bằng khẩu nghiệp.

- Giải thích đại lược kèm thêm kinh văn thì trước hết là nói kèm thêm kinh văn trong phẩm trước: Mặc áo Như Lai thì Pháp Thân an. Vào nhà Như Lai, do tâm giải thoát nên lạc. Do ngồi tòa của Như Lai, cho nên Bát Nhã hướng dẫn hạnh thăng tấn. Lại nữa, kèm thêm kinh văn trong phẩm này: Do trụ nhứt nhục địa, cho nên thân an; do trọn chẳng bộp chộp nên tâm lạc. Do quán Thật Tướng của các pháp, cho nên hạnh thăng tấn.

- Giải thích đại lược dựa theo pháp môn: An là bất động, Lạc là vô thọ (chẳng tiếp nhận), Hạnh là vô hành. “*Bất động*”: Lục đạo sanh tử, Niết Bàn của Nhị Thừa chẳng thể động. Đã chẳng duyên theo nhị biên, cho nên Pháp Thân chẳng lay động. An trụ bất động như núi Tu Di, thì gọi là pháp môn “*thường trụ bất động*”. Trong phần trước, kinh văn có nói: “*Thân thể cập thủ túc, tịch nhiên an bất động. Kỳ tâm thường đảm phạ, vị tăng hữu tán loạn*” (Thân thể và chân tay, vắng lặng, an bất động, tâm thường luôn tĩnh lặng, chưa từng có tán loạn). Đây chính là nghĩa này. “*Vô thọ*” là chẳng nhận lãnh năm thứ cảm nhận của phàm phu, cho đến ngũ thọ sanh kiến của Viên Giác cũng đều chẳng tiếp nhận (Trước hết là xét theo ngoại đạo, bốn câu (có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không) và tuyệt ngôn (dứt bất nói năng) được gọi là “*ngũ thọ*” (năm thứ cảm nhận). Kế đó, xét theo Tạng, Thông, Biệt Giác, đối với mỗi giáo đều có bốn môn và một môn tuyệt ngôn, cũng gọi là “*ngũ thọ*”. Sau đó, xét theo bốn môn và một môn tuyệt ngôn của Viên

Giáo, nếu chưa chứng Thật mà sanh chấp trước nơi kiến giải thì cũng gọi là Ngũ Thọ. Thấu hiểu giáo, nhập Lý, Lý chẳng có gì để tiếp nhận thì mới gọi là “chẳng thọ”). Có thọ sẽ có khổ, chẳng có thọ sẽ chẳng khổ. Chẳng khổ, chẳng vui, bèn gọi là “đại lạc”. “Vô hành”: Nếu có cái để hứng chịu, thì sẽ có cái để hành. “Vô thọ” thì chẳng có gì để hành, chẳng hành hạnh phàm phu, chẳng hành hạnh hiền thánh. Cho nên nói là “vô hành”, mà hành Trung Đạo. Vì thế gọi là Hành.

Kế đó, giải thích chi tiết theo sự tướng. An lạc chính là Đại Niết Bàn, tức là đặt tên dựa theo quả. Hạnh chính là đạo Niết Bàn, đặt tên dựa theo nhân. Như thường kiến ngoại đạo (kẻ ngoại đạo chấp mọi thứ là thường hằng) hành khô hạnh, tức là nhân lẫn quả đều khô. Như đoạn kiến ngoại đạo mặc sức chấp giữ lạc, cho nên nhân là lạc, mà quả là khổ. Như “tích pháp” Nhị Thừa (hàng Nhị Thừa tư duy bằng cách phân tích các pháp) tu tập bằng phương pháp vụng về, đổ công vất vả cùng cực thì mới nhập Niết Bàn, tức là nhân khổ, quả vui. Nay kinh này là “*như thật xảo diệu*” (khéo léo tu tập như thật), cho nên nhân lẫn quả đều vui. Đại Kinh nói: “*Định khổ hành giả, vị chư phàm phu. Khổ lạc hành giả, Thanh Văn, Duyên Giác. Định lạc hành giả, vị chư Bồ Tát*” (Kẻ chắc chắn làm chuyện khổ là phàm phu. Người làm chuyện khổ lẫn vui là Thanh Văn, Duyên Giác. Người chắc chắn làm chuyện vui là các Bồ Tát).

Nay trong hàng Bồ Tát, càng phải nên phân biệt:

- Tam Tạng Bồ Tát có giáo mà chẳng có người.
- Tam thừa trong Thông Giáo thì nhân lẫn quả đều lệch lạc.
- Biệt Giáo Bồ Tát thì nhân thiên lệch, nhưng quả viên mãn.
- Viên Giáo Bồ Tát thì nhân lẫn quả đều viên.

Nay do diệu nhân và diệu quả đều vui, đều viên mãn, cho nên gọi là An Lạc Hạnh.

Kế đó, giải thích chi tiết bằng cách nói kèm thêm kinh văn: An Lạc Hạnh là Niết Bàn đạo. Niết Bàn có ba nghĩa, tức là tam đức bí tạng (Pháp Thân, Bát Nhã, và giải thoát). Hạnh có ba nghĩa, tức là Chỉ Hạnh, Quán Hạnh, và Từ Bi Hạnh:

- Chỉ Hạnh thì ba nghiệp nhu hòa, trái nghịch hay thuận theo đều vắng lặng, tức là thấu hiểu Pháp Thân hạnh, tức là “*áo Như Lai*” được nói trong kinh văn thuộc phần trước.

- Quán Hạnh là trí huệ nhất Thật Tướng, là quang minh vô phân biệt, tức là thấu hiểu hạnh Bát Nhã, tức là “*tòa Như Lai*” được nói trong kinh văn thuộc phần trước.

- Từ Bi Hạnh là Tứ Hoàng Thệ Nguyên, rộng độ hết thảy, tức là thấu hiểu giải thoát hạnh, tức là “*nhà Như Lai*” được nói trong kinh văn thuộc phần trên.

Gộp chung ba hạnh ấy thành Niết Bàn đạo. Gộp chung ba đức, sẽ thành cảnh của hạnh. Cảnh được gọi là An Lạc, còn đạo được gọi là Hạnh. Đại Luận nói: “*Bồ Tát từ sơ phát tâm, thường quán Niết Bàn hành đạo, do luôn dùng ba pháp để hướng dẫn ba nghiệp làm hạnh, vì ba nghiệp thanh tịnh chính là sáu căn thanh tịnh*”. Sáu căn nếu thanh tịnh, sẽ phát khởi tương tự giải mà được nhập Chân. Khi ở quả thì gọi là Phật nhãn, Phật nhĩ v.v... còn cái Nhân được gọi là Chỉ Hạnh, quả được gọi là Đoạn Đức. Lại nữa, nhân được gọi là Quán Hạnh, quả được gọi là Trí Đức. Nhân được gọi là Từ Bi Hạnh, quả được gọi là Ân Đức.

Lại nữa, nhân được gọi là Tam Nghiệp, quả được gọi là Tam Mật. Khi ở nhân thì từ bi hướng dẫn ba nghiệp lợi lạc người khác, nơi quả thì gọi là tam luân (thân luân, khẩu luân, ý luân) giáo hóa chẳng nghĩ bàn. Khi quán như thế, chẳng còn phân biệt. Trong hết thảy các pháp, đều có tánh an lạc. Hết thảy chúng sanh chính là Đại Niết Bàn, chẳng thể diệt nữa. Hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo; do đó gọi là An Lạc Hạnh. Hạnh ấy ứng hợp với ý nghĩa Niết Bàn. Kinh đó (tức kinh Đại Bát Niết Bàn) còn nói có một hạnh là Như Lai hạnh. Như Lai là người, An Lạc là pháp. Như Lai là người an lạc. An lạc là Như Lai pháp. Nói tóm gọn, nghĩa này chẳng khác, mà Biệt cũng chẳng khác. Kinh đó nói “*cây báu bằng vàng bạc*” nhằm sánh ví rừng báu vô lậu, ứng hợp “áo Tịch Diệt Nhẫn” trong kinh này.

Kinh ấy nói “*sông lớn phủ cát vàng đổ thẳng vào biển Tây*” nhằm sánh ví trí huệ Nhất Thật, ứng với “tòa Không pháp” trong kinh này. Kinh ấy nói “*nữ nhân đắc đạo chẳng có siểm khúc*” nhằm sánh ví vô duyên đại từ, ứng hợp với “từ bi thất” trong kinh này. Kinh đó gọi là “*vô dư nghĩa*” (chẳng có nghĩa nào khác), còn kinh này gọi là Vô Thượng Đạo. Kinh ấy lại nói tới Thánh Hạnh tức là Như Lai tòa, Thiên Hạnh là Như Lai y. Phạm Hạnh, Bệnh Hạnh và Anh Nhi Hạnh chính là Như Lai thất (nhà Như Lai).

Hỏi: - Đại Kinh nói “*thân cận quốc vương, đeo cung, mang tên để chế phục kẻ ác*”. Kinh này dạy “*xa lìa kẻ quyền thế. Hãy khiêm hạ, từ thiện*”, [tức là hai kinh] cương nhu khá trái nghịch, sao lại [bảo hai kinh] chẳng khác?

Đáp: - Đại Kinh riêng luận định về sự chiết phục, trụ trong địa vị “*con một*”, chưa từng chẳng nhiếp thọ. Kinh này riêng nói về sự nhiếp

thọ, nhưng [như phẩm Đà La Ni nói] “*đầu phá tác thất phần*” (đầu nút làm bảy miếng)¹¹, há chưa từng chiết phục ư? Tuy mỗi kinh đều nêu riêng một phương diện, nhưng Lý ấy trọn đủ bốn [Tất Đàn]. “*Thời tiết thích đáng, cơ nghi xứng hợp*” chính là ý nghĩa Thế Giới Tất Đàn. “*Nhiếp thọ*” tức là ý nghĩa Vị Nhân Tất Đàn. “*Chiết phục*” chính là ý nghĩa Đối Trị Tất Đàn. “*Ngộ đạo*” chính là ý nghĩa Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Kế đó, giải thích cặn kẽ theo pháp môn, sẽ được gọi là “bất động môn”, “bất thọ môn”, và “bất hành môn”. Nói cặn kẽ thì như mười thứ “*ba pháp*” trong sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa, cứ chuẩn theo đó sẽ biết. Nếu coi nghĩa này là Tứ Tất Đàn thì ba pháp khác nhau chính là Thế Giới Tất Đàn. Giải Thoát chính là Vị Nhân Tất Đàn. Bát Nhã tức là Đối Trị Tất Đàn. Pháp Thân tức Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Hỏi: - An Lạc Hạnh có thứ tự như thế nào?

Đáp: - Viên hạnh Pháp Hoa, một hạnh là vô lượng hạnh chẳng thể nghĩ bàn, há định ra trước sau? Nay một mực nói theo kinh văn thì trong phẩm Pháp Sư đã chỉ bày đại lược chuyện hoằng kinh, tức là lấy chuyện “lợi ích kẻ khác” làm gốc. Vì thế, trước hết nói đến chuyện “*nhập thất*” (vào trong nhà của Như Lai). Phẩm này biện định chuyện hoằng kinh trong đời ác, an định các thứ bức bách, não hại. Do vậy, trước hết nói đến chuyện “mặc áo” [Như Lai]. Trước sau hiển hiện lẫn nhau. Nếu xét theo hạnh để nói, các pháp từ thuở đầu thường là tướng tịch diệt. Do trái nghịch tịch diệt mà dấy lên tướng, trước hết, hãy nên dùng Bát Nhã để trừ sạch. Đó là “*ngồi tòa Như Lai*”. Các pháp chẳng sanh mà Bát Nhã sanh, đồng thể từ bi. Vì thương xót chúng sanh mà hành đạo. Kế đó, “*nhập Như Lai thất*” (vào nhà của Như Lai). Đã dùng từ bi để hóa độ cõi đời, ắt sẽ dính dáng tới trái nghịch hay thuận tùng, chắc chắn cần phải an nhẫn.

Kế đó, “*trước Như Lai y*” (mặc áo Như Lai). Nhưng tuy nói theo thứ tự, khi hành chẳng theo thứ tự. Khi hành, nhập Không tức là có đủ hết thấy các pháp, hướng hồ là Từ và Nhẫn ư?

Tứ An Lạc Hạnh:

- Một là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn thân nghiệp.

¹¹ Trong phẩm Đà La Ni của kinh này, các vị La Sát nữ như Lam Bà, Hoa Xỉ v.v... sau khi nói thần chú ủng hộ người thọ trì kinh Pháp Hoa, đã nói kệ rằng: “*Nhược bất thuận ngã chú, não loạn thuyết pháp giả, đầu phá tác thất phần, như A Lê thụ chi*” (Nếu chẳng thuận chú này, não loạn bậc thuyết pháp, đầu nút thành bảy miếng, như cành cây A Lê).

- Hai là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn khẩu nghiệp.
- Ba là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn ý nghiệp.
- Bốn là Chỉ Quán từ bi hướng dẫn thệ nguyện.

Do thân nghiệp có Chỉ, bèn lìa nghiệp thô nơi thân. Do có Quán, cho nên chẳng có thân, chẳng có thân nghiệp, chẳng có cái có thể lìa, chẳng có cái để đạt được, cho nên chẳng đọa vào địa vị phàm phu. Do có từ bi, siêng tu thân nghiệp, rộng lợi ích hết thảy, sẽ chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa. Do có Chỉ Hạnh, mặc áo Như Lai. Do có Quán Hạnh, ngồi tòa Như Lai. Do có từ bi, vào nhà Như Lai. Chỉ Hạnh lìa lỗi, tức thành tựu Đoạn Đức. Quán Hạnh chẳng chấp trước, tức thành tựu Trí Đức. Từ bi lợi lạc kẻ khác, tức thành tựu Ân Đức. Ân Đức giúp cho Trí Đức thành tựu. Trí Đức có thể thông đạt Đoạn Đức; đó gọi là “*thân nghiệp An Lạc Hạnh*”. Các thệ nguyện nơi khẩu và ý cũng giống như thế. Đó là ý nghĩa tồn tại của phẩm này. Nếu các vị đại Bồ Tát vâng mạng hoàng kinh, biết Quyền Thật sâu xa, rộng biết Tiệm và Đốn, lại thấu đạt cơ duyên, thần lực tự tại, chẳng có nào loạn nào trong đời ô trược có thể chướng ngại, ngăn trở được, sẽ chẳng đợi chỉ dạy phương pháp. Nhưng nếu là kẻ mới nương vào cái tâm ban đầu, muốn tu viên hạnh, vào cõi ô trược để hoàng kinh, bị ô trược bức não, tự hạnh chẳng lập, cũng chẳng có công năng hóa độ người khác, ắt cần phải chỉ dạy An Lạc Hạnh.

Đây là phẩm kinh thứ năm thuộc phần Lưu Thông của Tích Môn, chia thành hai phần: Một là hỏi, hai là đáp.

14.1. Thừa hỏi

14.1.1. Tán thán bậc Bồ Tát hạnh sâu trong phẩm trước có thể hoàng kinh đúng như pháp

(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị chư Bồ Tát thậm vi hy hữu, kính thuận Phật cố, phát đại thệ nguyện: Ư hựu ác thế, hộ trì, độc thuyết thị Pháp Hoa kinh.

(經)爾時，文殊師利法王子菩薩摩訶薩白佛言：「世尊！是諸菩薩甚為希有，敬順佛故，發大誓願：於後惡世，護持，讀說是法華經。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát Ma Ha Tát bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ Tát này rất là hy

hữu, do kính thuận Phật nên phát thệ nguyện lớn: Trong đời ác mai sau, hộ trì, đọc, nói kinh Pháp Hoa này).

14.1.2. Thưa hỏi “hàng Bồ Tát mới hành [Bồ Tát đạo] thì nên hoằng kinh trong đời ác như thế nào?”

(Kinh) Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát ư hậu ác thế, vân hà năng thuyết thị kinh?

(經)世尊！菩薩摩訶薩於後惡世，云何能說是經？」

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát trong đời ác mai sau, như thế nào thì sẽ có thể nói kinh này?)

14.2. Trả lời

14.2.1. Nêu chung các đề mục

(Kinh) Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát ư hậu ác thế, dục thuyết thị kinh, đương an trụ tứ pháp.

(經)佛告文殊師利：「若菩薩摩訶薩於後惡世，欲說是經，當安住四法。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: - Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát trong đời ác mai sau muốn nói kinh này, hãy nên an trụ trong bốn pháp).

14.2.2. Giải thích phương pháp tu hành

14.2.2.1. Thân an lạc hạnh

14.2.2.1.1. Trường Hàng

14.2.2.1.1.1. Nêu đề mục

(Kinh) Nhất giả, an trụ Bồ Tát hành xứ, thân cận xứ, năng vị chúng sanh diễn thuyết thị kinh.

(經)一者、安住菩薩行處，親近處，能為眾生演說是經。

(Kinh: Một là an trụ trong hành xứ và thân cận xứ của Bồ Tát, sẽ có thể vì chúng sanh diễn nói kinh này).

Hướng theo lý nói đại lược thì gọi là Hành Xứ, tức là xét theo chánh hạnh. Kèm theo sự đề nói cận kề thì gọi là Thân Cận Xứ, tức là xét theo trợ hạnh. Nhưng giải nói [các hạnh An Lạc] thì có chi tiết hay đại lược, chứ Lý chẳng có cận hay sâu. Giải thích cận kề như sau:

14.2.2.1.1.2. Giải thích

14.2.2.1.1.2.1. Giải thích Hành Xứ

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Vân hà danh Bồ Tát Ma Ha Tát hành xứ? Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát trụ nhĩ nhục địa, nhu hòa, thiện thuận, nhĩ bất tốt bạo, tâm diệc bất kinh¹². Hựu phục ư pháp vô sở hành¹³, nhĩ quán chư pháp như thật tướng¹⁴, diệc bất hành, bất phân biệt. Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát hành xứ.

(經)文殊師利！云何名菩薩摩訶薩行處？若菩薩摩訶薩住忍辱地，柔和，善順，而不卒暴，心亦不驚。又復於法無所行，而觀諸法如實相，亦不行，不分別。是名菩薩摩訶薩行處。

(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là Hành Xứ của Bồ Tát Ma Ha Tát? Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát trụ nơi nhĩ nhục địa, nhu hòa, khéo tùy thuận, chẳng bộp chộp, tâm cũng chẳng kinh sợ, lại còn đối với pháp tùy

¹² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhĩ nhục bao gồm:

- Nhĩ nại trước sự lăng nhục của các hữu tình, đó gọi là Sanh Nhẫn.

- Chịu đựng các họa hoạn do phi tình (chẳng phải hữu tình) gây ra, đó là Pháp Nhẫn.

Có thể an trụ bất động đối với hai thứ ấy thì gọi là trụ Nhĩ Nhục địa. Ôn hòa, mềm mỏng, khiêm nhường, chẳng siểm nịnh thì gọi là Nhu Hòa. Tùy theo lẽ đáng nên mà tùy thuận phương tiện, nhưng tâm chẳng cong vạy, quanh quẹo, thì gọi là Thiện Thuận. Gấp rút, bộp chộp thì gọi là Tốt Bạo. Trấn định thì gọi là Bất Kinh”.

¹³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chẳng chấp trước người hành và chuyện được hành, tức là tùy hành mà như chẳng có gì để hành thì gọi là ư pháp vô sở hành”.

¹⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Quán sát các pháp bình đẳng không hai thì là Như, lý vốn không tịch nên gọi là Thật, do giả lập danh từ nên gọi là Tướng. Không và Giả bất nhị, tức là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Lý Đệ Nhất Nghĩa Đế, tâm hạnh xứ diệt, chẳng thể duyên theo suy nghĩ, cho nên nói ‘diệc bất hành’. Ngôn ngữ dứt bật, chẳng thể diễn nói, giải thích, cho nên nói là bất phân biệt”.

hành mà như chẳng hành, quán tướng như thật của các pháp, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt. Đó gọi là Hành Xứ của Bồ Tát Ma Ha Tát).

Giải thích đoạn này có ba phần:

- Một là xét theo một pháp, tức là một Thật Đế.
- Hai là xét theo hai pháp, tức là Sanh Nhẫn và Pháp Nhẫn.
- Ba là xét theo ba pháp, tức là Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn.

1) Xét theo một Thật Đế, đó là chỗ để hết thấy các pháp quay về. Nó làm gốc cho hết thấy, nhưng trọn khắp, chẳng phân biệt, là chỗ nương về của hết thấy. Vì thế nói là “*trụ nhẫn nhục địa*”. Do các pháp quy vào, cho nên gọi là Địa. Các hạnh đều ngưng dứt, cho nên gọi là Nhẫn Nhục. Đây là hạnh “*hành mà chẳng hành*”, tức “áo của Như Lai!” (Lý tuy chẳng có hành, nhưng nương theo Lý mà hành. Hành sao cho Lý ngưng bật thì gọi là Bất Hành. Hành tức là Bất Hành. Vì thế nói “*hành hạnh chẳng hành mà hành*”). Đó là cái gốc của hết thấy. Vì thế nói “*nhu hòa, thiện thuận*” v.v... Các hạnh do đạt được lý mà thành tựu. Ví như vạn vật do có đất mà sanh. Nếu đạt được cái gốc nơi Lý, tại chỗ cương mà có thể nhu, nơi nghịch mà có thể thuận, nơi cấp bách mà có thể an định, nơi kinh hoàng mà có thể an tĩnh, vô lượng công đức sanh từ đất Nhất Thật Trung Đạo. Đất chẳng sanh gì mà sanh ra công đức. Đây chính là hạnh “*chẳng hành mà hành*”, tức “*nhà của Như Lai*” (nương theo lý ‘chẳng hành’ mà hành nơi hạnh), trọn khắp chẳng phân biệt. Vì thế nói “*hựu phục ư pháp...*” (lại còn đối với pháp), ngụ ý: Biết rõ hành và bất hành, tánh và tướng chẳng hai, thấy lẽ Thật nơi các pháp, thì gọi là “*chẳng phân biệt*”. Nhưng cũng không có tướng “*chẳng phân biệt*” để có thể đạt được! Đó là “*diệc bất hành, bất phân biệt*” (cũng chẳng hành, chẳng phân biệt), tức là hạnh “*chẳng hành, chẳng không hành*”, chính là “*Như Lai tòa*” (đối với pháp [tuy hành, mà thấy như] chẳng có gì để hành, cho nên nói “*phi hành*” (chẳng phải hành). Cũng do chẳng hành, chẳng phân biệt, cho nên nói là “*phi bất hành*”). Chẳng có tam hạnh (Chỉ Hạnh, Quán Hạnh, Từ Bi Hạnh), mà là tam hạnh, cho nên gọi là Hành, có cùng một Thật Đế. Vì thế gọi là Xứ. Trước hết, “*xét theo pháp để giải thích Hành Xứ*” đã xong.

2) Kế đó, [xét theo hai pháp] Sanh Nhẫn và Pháp Nhẫn, tức là Sanh Không và Pháp Không. Đó là chỗ khác biệt so với Nhị Thừa. Sanh Không của Nhị Thừa chỉ phá Ngã Chấp trong tam giới. Pháp Không của Nhị Thừa chỉ phá pháp chấp “*tà nhân duyên, vô nhân duyên*” trong tam

giới. Nay nói rõ Nhị Không (Sanh Không và Pháp Không) theo Viên Giáo. Xét theo “*giả danh ‘mười pháp giới’ chính là Trung Đạo*”, sẽ chẳng còn có giả danh “*mười pháp giới*” để đạt được. Vì thế gọi là Sanh Không. Xét theo “*Thật pháp của mười pháp giới chính là Trung Đạo*”, sẽ chẳng còn Thật pháp trong mười pháp giới để có thể đạt được, cho nên gọi là Pháp Không. Nếu mở rộng ra, sẽ là Tứ Nhẫn, tức Phục Nhẫn, Thuận Nhẫn, Vô Sanh Nhẫn, và Tịch Diệt Nhẫn. Hoặc là Ngũ Nhẫn, tức là [Tứ Nhẫn trên đây] kể thêm Tín Nhẫn. Hoặc thành sáu nhẫn, tức là [Ngũ Nhẫn] kể thêm Hòa Tòng Nhẫn (nhẫn pháp hòa thuận, vâng theo). Hoặc đối ứng với bốn mươi hai địa vị [Bồ Tát trong Viên Giáo] mà thành bốn mươi hai món Nhẫn. Một địa vị bèn có công đức của bốn mươi hai địa vị; một Nhẫn há chẳng có bốn mươi hai Nhẫn pháp ư?

Nay lại xét theo Tứ Nhẫn để giải thích kinh văn, nhưng rất khác với Biệt Giáo. Phục Nhẫn và Thuận Nhẫn của Biệt Giáo chính là địa vị Sanh Nhẫn, cho nên nông cạn. Vô Sanh Nhẫn và Tịch Diệt Nhẫn thuộc địa vị Pháp Nhẫn thì sâu. Viên Giáo chẳng như vậy. Hai Nhẫn và bốn Nhẫn đều thông trước sau, vì sao? Lý Nhị Không chính là Trung Đạo. Thoạt đầu tu bốn môn Nhẫn, nhập Trung Đạo, thấy lý Nhị Không, cho đến hậu tâm, cũng chỉ cùng tận lý Nhị Không. Vì thế, Đại Kinh nói: “*Phát tâm tất cánh nhị bất biệt*” ([Vừa mới] phát tâm và [đã chứng đắc] rốt ráo hai thứ chẳng sai khác). Nếu xét theo “*chẳng sâu hay cạn*” để phán định bốn môn Nhẫn thì từ sơ phát tâm, chế phục trọn vẹn ngũ trụ, đạt tới kim cang đánh¹⁵, đều gọi là Phục Nhẫn. Do trước và sau đều chẳng trái nghịch Thật Tướng, cho nên đều gọi là Thuận Nhẫn. Do sơ tâm (vừa mới phát tâm) và hậu tâm (đã chứng đắc) đều chẳng khởi tâm nhị biên, cho nên đều gọi là Vô Sanh Nhẫn. Do sơ tâm và hậu tâm đều ngưng dứt các hạnh, cho nên đều gọi là Tịch Diệt Nhẫn (phàm phu đang mê. Đó là Lý Tức Nhị Không Tứ Nhẫn. Nghe kinh sanh giải thì gọi là Danh Tự Nhị Không Tứ Nhẫn. Chế phục trọn vẹn ngũ trụ thì là Quán Hạnh Nhị Không Tứ Nhẫn. Sáu căn thanh tịnh thì là Tương Tự Nhị

¹⁵ Trong Pháp Hoa Kinh Huyền Thiêm Chứng Thích, quyển năm, pháp sư Trí Thuyên viết: “*Nói kim cang đánh thì kim cang ví như Định, Đánh chính là tam-muội. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc chẳng nói đến Đẳng Giác, [kim cang đánh] chính là sau khi đã viên mãn tâm Thập Địa*”. Ngài Trí Viên trong Duy Ma Kinh Lược Sớ Thùỵ Dụ Ký, quyển bốn, chú giải phẩm Phật Quốc đã viết: “*Kim cang đánh tức là bậc Đẳng Giác nhập Kim Cang Dụ Định, có thể phá tan vô minh cội gốc, cho nên gọi là Kim Cang Đánh, còn gọi là Kim Cang Tâm. Do môn Định này như Kim Cang có thể phá tan tất cả môn Hoặc khó phá*”.

Không Tứ Nhẫn. Bốn mươi một địa vị (tức là từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác) chính là Phần Chứng Nhị Không Tứ Nhẫn. Điều giác cực quả (Phật quả rốt ráo) chính là Cứu Cánh Nhị Không Tứ Nhẫn). Kinh nói “*trụ nhẫn nhục địa*” tức là trụ trong “*Nhị Không Tứ Nhẫn địa*”.

“*Nhu hòa*” chính là Phục Nhẫn. “*Thiện thuận*” v.v... chính là Thuận Nhẫn. Nghe nổi khổ sanh tử, chẳng bộp chộp sanh lòng sợ hãi. Nghe niềm vui Niết Bàn, chẳng bộp chộp cầu chứng. Nghe Phật thương và vô thương, Nhị Thừa thành Phật hay chẳng thành Phật, sanh tử và Niết Bàn khác nhau hay chẳng khác, Phật đạo dài, ngắn, khó, dễ, hay chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng khó, chẳng dễ v.v... đều chẳng kinh sợ. Vì thế gọi là Thuận Nhẫn. Lại còn đối với “*pháp chẳng có gì để hành*” (tức tuy hành mà chẳng thấy có hành) mà quán tưởng như thật của các pháp. Đó chính là Vô Sanh Nhẫn. “Cũng chẳng hành, chẳng phân biệt”, tức là Tịch Diệt Nhẫn. Hai món đầu (Phục Nhẫn và Thuận Nhẫn) gọi là Sanh Nhẫn, hai món sau gọi là Pháp Nhẫn. Từ đầu tới cuối, dùng lý Nhị Không để nhẫn các pháp, tức là “*mặc áo Như Lai*”. An trụ nơi lý Nhị Không, tức là “*ngôi tòa của Như Lai*”. Thương xót các chúng sanh, tức là “*vào nhà Như Lai*”. Nhị Không Tứ Nhẫn là Hạnh, Lý tức là Xứ. Vì thế nói là “*Bồ Tát hành xứ*”. Xét theo hai pháp để giải thích Hành Xứ đã xong!

3) Kế đó, xét theo Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn [để giải thích Hành Xứ]. Trụ Nhẫn Nhục địa, luận định chung Tam Đế. Như có đất để nương cậy thì mới có thể nhẫn nhục. “*Nhu hòa, thiện thuận*”: Khéo thuận theo Chân Đế, có thể nhẫn các thứ kiến ái¹⁶, nóng, lạnh v.v... hư vọng trong tam giới và ngoài tam giới, chẳng sanh tâm bộp chộp. “*Diệt bất kinh*” (Cũng chẳng kinh sợ), tức là an trụ trong Tục Đế, nhẫn các căn duyên, tương xứng, thích đáng cơ nghi. Vì thế chẳng bộp chộp. Thấu hiểu, kham nhẫn trái nghịch và thuận từng, cho nên tâm chẳng kinh sợ. “*U pháp vô sở hành*” v.v... (Đối với pháp [tuy hành mà như] chẳng có gì để hành) tức là an trụ trong Trung Đế, có thể nhẫn thọ Nhị Biên. Vì thế nói “*vô sở hành*”. Chánh trụ Trung Đạo, cho nên nói “*quán như thật tướng*”.

¹⁶ Kiến ái: Các thứ chấp trước hư vọng do mê Lý như tà kiến, ngã kiến v.v... thì gọi là Kiến, còn tham, dục, sân, khuê v.v... tức các thứ phiền não do mê Sự thì gọi là Ái. Nói cách khác Kiến chính là Kiến Hoặc, còn Ái là Tư Hoặc. Do Ái là cội gốc của các khổ do chấp trước, nên dùng Ái để gọi chung Tư Hoặc.

Do cũng chẳng đạt được Trung hay Thật, cho nên nói “*diệc bất hành, bất phân biệt*” (cũng chẳng hành, chẳng phân biệt). Đây chính là dựa trên đất Tam Đế, cho nên gọi là Xứ. Kham nhẫn nổi nhục ngũ trụ, cho nên gọi là Hạnh. Hạnh cũng là ba, tức là:

- Chỉ Hạnh chính là hành mà chẳng hành; đó là “mặc áo Như Lai”.

- Quán Hạnh tức là chẳng phải hành, chẳng phải không hành; đó là “ngồi tòa Như Lai”.

- Từ Bi Hạnh tức là chẳng hành mà hành; đó là “vào nhà Như Lai”.

Đây là xét theo ba pháp để giải thích Hành Xứ của Bồ Tát, hồng nêu rõ phương pháp và đường lối để hoằng kinh vậy.

14.2.2.1.1.2.2. Giải thích Thân Cận Xứ

14.2.2.1.1.2.2.1. Xét theo sự xa lìa để luận định sự thân cận

Tức là kèm thêm Giới môn để giúp cho Chỉ Quán, hồng thành tựu lòng từ bi, mà cũng là nói rộng “*hành mà chẳng hành*” thuộc “*trụ nhẫn nhục địa*” trong phần trên. Kinh văn được chia thành mười đoạn, từ đoạn thứ nhất là “xa lánh kẻ quyền thế” cho đến điều thứ mười là “xa lìa sự nuôi nấng”. Trong đó, điều thứ chín là sanh tử, điều thứ năm tức là Niết Bàn của chúng tánh Nhị Thừa. Hai đẳng đều xa lìa, cho nên gọi là “*thân cận Trung Đạo*”.

14.2.2.1.1.2.2.1.1. Xa lìa kẻ quyền thế

(Kinh) Vân hà danh Bồ Tát Ma Ha Tát thân cận xứ? Bồ Tát Ma Ha Tát bất thân cận quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng.

(經)云何名菩薩摩訶薩親近處？菩薩摩訶薩不親近國王，王子，大臣，官長。

(Kinh: Thế nào là chỗ thân cận của Bồ Tát Ma Ha Tát? Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng thân cận quốc vương, vương tử, đại thần, trưởng quan).

Do sợ người mới hành sẽ dựa dẫm thế lực, đánh mất chánh đạo. Thoạt đầu tựa hồ là điều lợi ích nhỏ nhất, nhưng lâu ngày sẽ là tổn hại to lớn.

14.2.2.1.1.2.2.1.2. Xa lìa tà nhân, tà pháp

(Kinh) Bất thân cận chư ngoại đạo, Phạm Chí, Ni Kiên Tử đẳng, cập tạo thế tục văn bút, tán vịnh ngoại thư, cập lộ già da đà, nghịch lộ già da đà giả.

(經)不親近諸外道，梵志，尼犍子等，及造世俗文筆，讚詠外書，及路伽耶陀，逆路伽耶陀者。

(Kinh: Chẳng thân cận các ngoại đạo, Phạm Chí, Ni Kiên Tử v.v... và kẻ biên soạn, viết lách thế tục, ca ngợi, ngâm vịnh sách vở ngoại đạo, và lộ già da đà, nghịch lộ già da đà).

Phạm Chí còn gọi là Tịnh Duệ (淨裔, hậu duệ của dòng dõi thanh tịnh), tức kẻ tại gia thờ phụng Phạm thiên. Ni Kiên Tử (Nirgrantha)¹⁷, phương này dịch là Ly Hệ (lìa trói buộc), là tiếng gọi chung những kẻ xuất gia ngoại đạo. Lộ-già-da-đà (Lokāyatika, thuận theo thế gian), còn gọi là Vi Đà (Vedas), là kinh sách của ngoại đạo tại Tây Vực, nương theo ái kiến mà giải đáp, giải thích. “*Nghịch*” có nghĩa là gạn hỏi (cật vấn), tức là nương theo ái kiến để bắt bẻ! Chánh quán chưa thành, rất cần phải ngăn ngừa, cắt đứt, sợ [thân cận những thứ đó sẽ] nhiễm đắm tập khí, mê mất chánh lý.

14.2.2.1.1.2.2.1.3. Xa lìa những trò hung bạo, nguy hiểm

¹⁷ Hiểu theo nghĩa rộng, Ni Kiên Tử là từ ngữ chỉ toàn thể ngoại đạo tại Ấn Độ. Hiểu theo nghĩa hẹp, Ni Kiên Tử gọi đầy đủ là Ni Kiên Đề Nhã Đề Tử (Nirgrantha-jñāniputra, còn phiên âm là Ni Can Tử), tức là một trong lục sư ngoại đạo, là người sáng lập ra đạo Jain (Kỳ Na Giáo, tuy tín đồ đạo Jain thường nói ông ta chỉ là người kế thừa đời thứ 24 của các vị sáng tổ (Tirthankara, vị thầy siêu việt) của đạo Jain). Ông ta thường được đệ tử tôn xưng là Đại Hùng (Mahāvīra). Do một số tu sĩ của họ thường trần truồng, chỉ mang theo một cái chổi kết bằng lông thú để xua đuổi ruồi bọ, cho nên kinh Phật thường gọi Kỳ Na Giáo là Lỗa Hình Ngoại Đạo. Kinh thường dùng chữ Ni Kiên Tử để chỉ các tín đồ của giáo phái này.

(Kinh) Diệt bất thân cận chư hữu hung hý, tương xoa, tương phác¹⁸, cập Na La đẳng chủng chủng biến hiện chi hý.

(經)亦不親近諸有兇戲，相掬，相撲，及那羅等種種變現之戲。

(Kinh: Cũng không thân cận các thứ trò chơi biến hiện có tánh chất hung bạo, đâm nhau, vật nhau, và Na La v.v...)

Na La (Nāḷa) phương này dịch là Lực, tức là trò thi đấu sức mạnh. Cũng chẳng thân cận [những trò ấy] vì sợ tán loạn, phóng dật.

14.2.2.1.1.2.2.1.4. Xa lìa Chiên-đà-la

(Kinh) Hựu bất thân cận Chiên-đà-la¹⁹, cập súc trư, dương, kê, cẩu, điền liệp, ngư bộ, chư ác luật nghi. Như thị nhân đẳng hoặc thời lai giả, tắc vị thuyết pháp, vô sở hy vọng.

(經)又不親近旃陀羅，及畜豬，羊，雞，狗，畋獵，漁捕，諸惡律儀。如是人等或時來者，則為說法，無所希望。

(Kinh: Lại chẳng thân cận Chiên-đà-la, và những kẻ nuôi lợn, dê, gà, chó, săn bắn, bắt cá, các [kẻ hành theo] ác luật nghi. Nếu có lúc hạng người như vậy tìm đến, liền vì họ thuyết pháp, nhưng chẳng mong mồi).

Thân cận Chiên-đà-la sẽ khiến cho người ta chẳng có lòng Từ.

¹⁸ Hòa thượng Thánh Nghiêm giảng: “Tương xoa còn gọi là Sai Quyền, giống như đấm bốc (boxing) trong hiện thời. Tương phác là vật nhau, quăng ném nhau”.

¹⁹ Chiên-đà-la (Caṇḍāla) còn phiên âm Chiên Đồ La, dịch nghĩa là Đồ Tể, Bạo Lê (hung bạo, dữ dằn), Chấp Ác, Hiểm Ác Nhân (kẻ hiểm ác), thuộc địa vị thấp nhất trong chủng tánh Thủ Đà La (giai cấp nông nô, thợ thuyền). Họ chuyên làm những nghề bị coi thường trong xã hội như coi ngục, buôn bán rong, đồ tể, săn bắn, thiêu xác v.v... Hiểm theo một nghĩa nghiêm ngặt như trong luật Mã Nỗ (Manu), Chiên-đà-la là con của một người thuộc giai cấp Thủ Đà La với một phụ nữ thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Do những người này thường làm nghề hạ tiện, dơ bẩn, cho nên từ ngữ Chiên-đà-la về sau thường dùng để chỉ kẻ hung ác, thích giết chóc, tàn nhẫn v.v...

14.2.2.1.1.2.2.1.5. Xa lìa hàng Nhị Thừa

(Kinh) Hựu bắt thân cận cầu Thanh Văn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, diệc bắt vấn tẩn. Nhược ư phòng trung, nhược kinh hành xứ, nhược tại giảng đường trung, bất cộng trụ chỉ. Hoặc thời lai giả, tùy nghi thuyết pháp, vô sở hy cầu.

(經)又不親近求聲聞比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，亦不問訊。若於房中，若經行處，若在講堂中，不共住止。或時來者，隨宜說法，無所希求。

(Kinh: Lại chẳng thân cận tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cầu Thanh Văn, cũng chẳng chào hỏi. Dù là ở trong nhà, hoặc chỗ kinh hành, hoặc trong giảng đường, đều chẳng cùng họ ở chung. Nếu có lúc họ tìm đến, sẽ tùy nghi thuyết pháp, chẳng mong cầu gì).

Gần hàng Nhị Thừa, sẽ khiến cho người ta xa lìa Bồ Đề. Tại Tây Trúc, Đại Thừa và Tiểu Thừa đều ở riêng, chẳng xen tạp. Vì thế nói là “hoặc lai” (có khi đến). Đã chẳng tiếp nhận Đại pháp, chẳng phương ngại chí hướng Tiểu Thừa, cho nên nói “tùy nghi thuyết pháp”.

14.2.2.1.1.2.2.1.6. Xa lìa dục tướng

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Hựu Bồ Tát Ma Ha Tát bắt ưng ư nữ nhân thân, thủ năng sanh dục tướng tướng, nhi vị thuyết pháp, diệc bất nhạo kiến. Nhược nhập tha gia, bất dữ tiểu nữ, xử nữ, quả nữ đẳng cộng ngữ.

(經)文殊師利！又菩薩摩訶薩不應於女人身，取能生欲想相，而為說法，亦不樂見。若入他家，不與小女，處女，寡女等共語。

(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Lại Bồ Tát Ma Ha Tát chớ nên đối với thân người nữ chấp giữ ý tướng, coi đó là hình tướng có thể nảy sanh dục vọng mà vì họ thuyết pháp, cũng chẳng thích thấy. Nếu vào

nhà người khác, chẳng cùng bé gái, gái trinh, gái góa v.v... trò chuyện).

Dục tướng có thể sát hại tâm Bồ Đề mạnh nhất.

14.2.2.1.1.2.2.1.7. Xa lìa hạng bất nam

(Kinh) Diệt phục bất cận ngũ chủng bất nam chi nhân, dĩ vi thân hậu.

(經)亦復不近五種不男之人，以為親厚。

(Kinh: Cũng lại đừng thân cận năm loại bất nam, coi là thân thiết).

Do kẻ bất nam có thể hoại loạn chí hướng Bồ Đề nhất. Năm loại bất nam là:

- Một là sanh bất nam, tức là ở trong thai, hoặc lúc mới sanh ra đã thiếu nam căn.

- Hai là kiền bất nam (“kiền” (犍) là thiếu), tức là do cắt bỏ hay bị hư nát.

- Ba là đồ bất nam (“đồ” là ghen ghét), tức là do kẻ khác dâm dục, [kẻ đó] chột sanh ra nam căn, nhưng không dùng được.

- Bốn là biến bất nam, tức là thấy người nam, [kẻ đó] liền biến thành nữ. Thấy người nữ, liền biến thành nam.

- Năm là bán bất nam, tức là nửa thág sử dụng được, nửa thág chẳng thể.

Những kẻ ấy đều là xưa kia đã tạo ác nghiệp, nay cảm ác báo, chẳng kham tải đạo, chẳng phải là pháp khí của Phật. Vì thế, gọi là “trọng nạn” (nạn lớn), chẳng được phép xuất gia, và cũng chớ nên thân thiết với họ.

14.2.2.1.1.2.2.1.8. Xa lìa nguy hại

(Kinh) Bất độc nhập tha gia. Nhược hữu nhân duyên, tu độc nhập thời, dẫn nhất tâm niệm Phật.

(經)不獨入他家。若有因緣，須獨入時，但一心念 佛

。

(Kinh: Đừng một mình vào nhà người khác. Nếu lúc có nhân duyên, cần phải một mình đi vào, chỉ nhất tâm niệm Phật).

Một mình vào nhà kẻ khác, sợ chuốc phải nổi nguy hại. Nhất tâm niệm Phật, chướng nạn đều trừ!

14.2.2.1.1.2.2.1.9. Xa lìa sự chê gièm

(Kinh) Nhược vị nữ nhân thuyết pháp, bất lộ xỉ tiếu, bất hiện hung ức, nãi chí vị pháp, do bất thân hậu, hướng phục dư sự.

(經)若為女人說法，不露齒笑，不現胸臆，乃至為法，猶不親厚，況復餘事。

(Kinh: Nếu vì người nữ thuyết pháp, chớ cười lộ răng, chẳng để lộ ngực, cho đến vì pháp còn chẳng nên thân thiết, hướng hồ các chuyện khác!)

Theo Luật, nếu vì kẻ nữ thuyết pháp, cần phải có người nam biết tốt xấu ở bên cạnh. Nếu chẳng có kẻ nam hiểu biết, chẳng được nói hơn năm sáu câu, [những điều này] đều nhằm xa lìa ty hiềm, ngờ vực, chẳng khiến cho kẻ khác tăng trưởng tâm bất thiện.

14.2.2.1.1.2.2.1.10. Xa lìa chuyện nuôi nấng

(Kinh) Bất nhạo súc niên thiếu đệ tử, sa di, tiểu nhi, diệc bất nhạo dĩ đồng sư.

(經)不樂畜年少弟子，沙彌，小兒，亦不樂與同師。

(Kinh: Chẳng thích nuôi đệ tử, sa di nhỏ tuổi, trẻ nhỏ, cũng chẳng thích cùng thầy với chúng nó).

Thiếu niên tập tánh chưa định, [nếu người muốn hoằng kinh Pháp Hoa mà] tự mình nuôi, sẽ trở ngại cho việc tu tập chánh nghiệp. Cùng thầy, ắt sẽ nhiều loạn sự thịnh ích (thừa hỏi cầu pháp ích). Kinh văn

trong phần trước chỉ nói “*trụ nhĩn nhục địa*” tức là trực tiếp duyên theo lý. Nay giới môn nêu rộng các duyên tạo thành các nỗi nhục, phải nên xa lìa. Chẳng cầm đao, trượng, mà cũng chẳng vứt bỏ, chỉ dùng chánh huệ để xa lìa. Mười pháp như thế đều được các giáo dạy như thế, chỉ là đối với chuyện lìa Nhị Thừa, các giáo sai khác đôi chút. Nay hoàng dương diệu điển, cần phải phó chúc cho người thuộc Viên Giáo.

Giải thích theo quán tâm thì phải nên chia thành hai loại Tổng và Biệt. Tổng thì không gì chẳng phải là pháp giới, có gì để có thể lìa? Có gì để chẳng lìa? Chẳng lìa, chẳng không lìa, mà bàn luận “lìa” đó thôi! Vẫn giống như chẳng xa lìa, chẳng thân cận, mà luận định thân cận. Sơ tâm tuy hiểu “hết thấy vốn là không”, nhưng cần phải nhiều lượt xa lìa. Nói theo Biệt thì xa lìa giáo chủ oai thế của tam giáo, pháp nhị biên chính là tà pháp. Kẻ nhị biên được gọi là “*tà nhân*”. Thần thông do hai phép Quán được gọi là “*hung hỷ*” (trò chơi hung bạo). Tam Hoặc là Chiên-đà-la giết mạng Tam Trí. Ý tưởng diệt độ Thiên Không được gọi là “*Nhị Thừa chúng*”. Quán lệch về Chân hay Tục, cho đến Trung Đạo pháp ái, đều gọi là “*dục tướng*”. Diệt Sắc, trụ vào Không thì là “*bất nam*”. Phương tiện quán trí đều gây hại cho sự tốt cùng viên mãn. Hết thấy tục cảnh được gọi là “*cơ hiểm*” (chê gièm). Thiện căn trong ba giáo trước được gọi là “*thiếu niên, trẻ nít*”.

Phần thứ nhất, “dựa theo xa lìa để luận định thân cận” đã xong.

14.2.2.1.1.2.2.2. Xét theo sự thân cận để luận định thân cận

Chính là kèm theo Định môn để giúp cho Chỉ Quán, thành tựu từ bi, cũng là mở rộng ý “*nhu hòa, thiện thuận, chẳng bộp chộp, tâm cũng chẳng kinh sợ, hành mà chẳng hành*” trong phần trước. Trong phần trên, [kinh văn] đã nói thẳng thừng “*chẳng bộp chộp, chẳng kinh sợ*”. Nay rộng nêu cái tâm tu Định, chỗ tu Định, và điều cốt yếu trong tu Định. Do sức của Định, sẽ ở trong chỗ gấp rút mà an bình, trong kinh hãi mà an định.

(Kinh) Thường hảo tọa Thiền, tại ư nhàn xứ, tu nhiếp kỳ tâm. Văn Thủ Sư Lợi! Thị danh sơ thân cận xứ.

(經)常好坐禪，在於閑處，修攝其心。文殊師利！是名初親近處。

(Kinh: *Thường thích tọa Thiền, ở nơi thanh vắng, tu tập, thâm nhiếp cái tâm. Nay Văn Thù Sư Lợi! Đó gọi là chỗ thân cận thứ nhất).*

“*Thường thích tọa Thiền*” là cái tâm tu Định. Thích Thiền pháp nơi Trung Đạo Thật Tướng, tức là đối với Dục trong ngũ pháp, kèm thêm tinh tấn, niệm, xả huệ, nhất tâm. “*Tại u nhàn xứ*” (Ở nơi thanh vắng) tức là chỗ tu Định, tức là Xứ trong năm duyên. “*Tu nhiếp kỳ tâm*” (Tu tập, thâm nhiếp cái tâm) chính là điều trọng yếu trong tu Định, tức là quở trách ngũ dục, vứt bỏ Ngũ Cái, điều phục ngũ sự. Trong hai mươi lăm môn phương tiện, kinh văn trong phần trước đã nói kèm thêm Giới môn, lia mười thứ nhiễu loạn, tức là điều thứ nhất “*trì giới thanh tịnh*”. Nay nói “*tại u nhàn xứ*” (ở nơi thanh vắng) tức là điều thứ ba “*nhàn cư tĩnh xứ*” (ở nơi thanh vắng). Đã ở nơi thanh vắng, đương nhiên sẽ gồm thâm điều thứ tư “*tức chư duyên vụ*” (dứt các duyên và sự vụ), chỉ lược đi chẳng nói đến điều thứ hai là “*y thực cụ túc*” (áo cơm đầy đủ) và điều thứ năm là “*có thiện tri thức*”.

Nếu xét theo quán tâm để luận định trọn đủ năm duyên, thì Tam Quán là áo, Thiền Duyệt Pháp Hỷ là thức ăn. Chư Phật, Bồ Tát, Lục Độ, đạo phẩm, pháp tánh, Thật Tế, đều là thiện tri thức. “*Quở trách ngũ dục*” tức là nói đến sắc, thanh, hương, vị, xúc, những thứ ấy đều là giặc cướp bóc công đức. Biết rất rõ lỗi của chúng, ngưng dứt tham nhiễm. “*Vứt bỏ Ngũ Cái*”: [Ngũ Cái] tức là tham dục, sân khuê, ngu nghệ, điều hối (lao chao, thường làm chuyện gì rồi lại sanh lòng hối hận), và nghi hoặc [đều phải nên xả trừ]. Chúng nó che lấp Định, Huệ, cho nên cần phải nhanh chóng trừ bỏ. Như chặt bỏ cây cối có chất độc, như kiểm chế kẻ trộm cắp. “*Điều hòa ngũ sự*”, tức là nói điều hòa ăn uống sao cho chẳng đói, chẳng no. Điều hòa ngũ nghệ sao cho chẳng thiếu ngủ, chẳng ngủ quá nhiều. Điều hòa cái thân sao cho chẳng buông lung, chẳng tất bật. Điều hòa hơi thở sao cho chẳng thô rít, chẳng thở gấp. Điều tâm sao cho chẳng chìm đắm, chẳng phập phều. Hai mươi pháp ấy, mỗi pháp đều có sự tướng, lý quán, nói cận kề thì như sách Ma Ha Chỉ Quán [đã dạy], người cần biết hãy nên tìm đọc. “*Hành ngũ pháp*” do muốn đạt được Sơ Thiền, cũng tu năm pháp, cho đến các môn Thiền cũng giống như thế.

Nay xét theo Viên quán thì là muốn từ nhị biên mà chánh nhập Trung Đạo. Chẳng xen tạp nhị biên thì là Tinh, tùy ý lưu nhập thì là Tấn. Duyên gắn chặt với pháp giới, nhất niệm pháp giới là Niệm. Tu phương tiện Trung Quán thì gọi là Xảo Huệ. Dứt bất nhị biên, tâm thủy lắng trong, có thể biết pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Đây là “*cái tâm*

bất nhị, thanh tịnh thường chuyên nhất”, sẽ có thể thấy Bát Nhã. Dùng hai môn Giới và Định ấy để làm tiền phương tiện. Vì thế nói tổng kết là “phần Thân Cận Xứ đầu tiên”.

14.2.2.1.1.2.2.3. Xét theo “chẳng xa lìa, chẳng thân cận” để luận định thân cận

Đây là nói kèm thêm Huệ môn để giúp đỡ Chỉ Quán, thành tựu lòng từ bi, cũng là nói rộng “nơi pháp không có gì để hành, mà quán tướng như thật của các pháp, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt”, cũng như “chẳng hành, chẳng bất hành” trong phần trên.

14.2.2.1.1.2.2.3.1. Nêu chung cảnh trí

(Kinh) Phục thứ, Bồ Tát Ma Ha Tát quán nhất thiết pháp Không.

(經)復次，菩薩摩訶薩觀一切法空。

(Kinh: Lại nữa, Bồ Tát Ma Ha Tát quán hết thấy các pháp là Không).

“Quán” chính là quán trí Trung Đạo. “Hết thấy các pháp” chính là cảnh thuộc mười pháp giới. “Không” tức là Đệ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chỉ luận về trí, thì trí chẳng có gì để quán, cho nên nêu lên “hết thấy” để hiển thị [các pháp] đều là Không. Cái Không ấy chính là Thật Tướng của các pháp, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt cùng tận. Nay Bồ Tát sơ tâm vận dụng Trung Đạo Chỉ Quán để quan sát. Thường nói là “từ đầu đến cuối, đều dùng tri kiến của Phật để tu hành”. Vì thế, có thể khai, thị, ngộ, nhập. Trong chặng giữa, vĩnh viễn không có các tướng cong vạy!

14.2.2.1.1.2.2.3.2. Giải thích riêng

(Kinh) Như Thật Tướng bất diên đảo, bất động, bất thoái, bất chuyển. Như hư không vô sở hữu tánh. Nhất thiết ngữ ngôn đạo đoạn, bất sanh, bất xuất, bất khởi, vô danh, vô tướng, thật vô sở hữu, vô lượng, vô biên, vô ngại, vô chướng.

(經)如實相不顛倒，不動，不退，不轉。如虛空無所有性。一切語言道斷，不生，不出，不起，無名，無相，實無所有，無量，無邊，無礙，無障。

(Kinh: Như Thật Tướng chẳng điên đảo, bất động, chẳng lui sụt, chẳng chuyển. Như hư không chẳng có tánh sở hữu. Hết thảy ngôn ngữ dứt bật, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng dậy lên, chẳng có tên, chẳng có tướng, thật sự vô sở hữu, vô lượng, vô biên, chẳng ngăn ngại, chẳng ngăn chướng).

Câu “*nưh Thật Tướng*” nhằm giải thích riêng cảnh thuộc mười pháp giới để quán. Từ “*bất điên đảo*” trở đi, giải thích riêng về trí Trung Đạo có thể quán. Nhị biên và Tam Đế chẳng một, chẳng khác, thì gọi là Như. Chẳng phải là bảy loại phương tiện, cho nên gọi là Thật. Dùng Thật để làm tướng, cho nên nói “*nưh thật tướng*” (đối ứng nhị biên với Trung thì Trung ắt có Tam Đế. Tuy là ba mà chẳng phải là ba, thì gọi là “chẳng một, chẳng khác”. Tam Đế như thật, do đối ứng với bảy loại phương tiện mà biện định sai khác. Cho nên nói là Thật. Thật chính là vô tướng, tướng trọn khắp hết thảy). “*Bất điên đảo*”: Chẳng có bốn thứ điên đảo “thường, lạc, ngã, tịnh” của phàm phu, chẳng có bốn thứ điên đảo “vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh” của Nhị Thừa, cũng chẳng có bốn thứ điên đảo “thường, lạc, ngã, tịnh” xuất Giả, tức là “chẳng tươi tốt, chẳng khô héo, cùng chiếu tươi tốt lẫn khô héo”. Đó chính là Chánh Trung Đạo Quán. “*Bất động*” là chẳng bị lay động bởi hai thứ tử (Phân Đoạn và Biến Dịch). “*Bất thoái*” là tâm luôn tịch diệt, tự nhiên lưu nhập biển Tát Bà Nhã (Sarvajña, Nhất Thiết Trí). “*Bất chuyển*”: Chẳng như phàm phu luân chuyển sanh tử, chẳng như Nhị Thừa chuyển phàm thành thánh.

“*Nưh hư không*”: Chỉ có danh tự, danh tự chẳng thể được. Trung Đạo quán trí cũng chỉ có danh tự, cầu chẳng thể được! “*Vô sở hữu tánh*”: Chẳng có tự tánh, chẳng có tha tánh, chẳng có cộng tánh, chẳng có vô nhân tánh. “*Nhất thiết ngữ ngôn đạo đoạn*” (Hết thảy ngôn ngữ dứt bật): Là bốn câu, tuyệt bách phi. Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn. “*Bất sanh*”: Hoặc (phiền não) và trí lý đều chẳng sanh, tức là “cái bị phá” (sở phá) và “cái có thể phá” (năng phá) do xưng lý nên đều chẳng sanh, tức là hạnh, vị, nhân, quả v.v... đều chẳng sanh. “*Bất xuất*”: Được Như Lai đối trị, toàn thể chính là [tâm tánh], cho nên chẳng thể xuất, rốt ráo

chẳng còn phát khởi. “*Bất khởi*” là do nhập Lý. Hết thấy phương tiện lý giáo đều là tịch diệt. “*Vô danh*”: Hết thấy các tên gọi đều chẳng thể diễn nói được, tức là từ “chẳng diễn đảo” cho đến bất khởi cũng chẳng đáng gọi là “*danh tự*” vậy! “*Vô tướng*”: Hết thấy các tướng đều chẳng thể hình dung, tức là từ “chẳng diễn đảo” cho đến “bất khởi” cũng đều chẳng đủ để hình dung. “*Vô danh*” chính là tánh Không. “*Vô tướng*” chính là tướng Không. “*Thật vô sở hữu*” là lần nữa tán thán Quán Thế chẳng phải là Hữu trong nhị biên. “*Vô lượng*”: Chẳng phải là các pháp số Âm, Nhập, Giới v.v... “*Vô biên*”: Chẳng phải các pháp có ngăn hạn, Thiên, Tiểu v.v... “*Vô ngại*”: Nhập khắp hết thấy các pháp. “*Vô chướng*”: Chẳng có một pháp nào có thể che lấp, ngăn trở. Tuy nói nhiều câu, chỉ nhằm nêu bày: Trí có thể quán vô tướng, vô tác, và cái cảnh được quán đều tương xứng với Thật Tướng đó thôi!

14.2.2.1.1.2.2.3.3. Kết luận

(Kinh) Đản dĩ nhân duyên hữu, tùng diên đảo sanh. Cổ thuyết: “Thường nhạo quán như thị pháp tướng”. Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị thân cận xứ.

(經)但以因緣有，從顛倒生。故說：「常樂觀如是法相」。是名菩薩摩訶薩第二親近處」。

(Kinh: Chỉ do nhân duyên mà có, từ diên đảo mà sanh. Vì thế nói: “Thường thích quán pháp tướng như thế”. Đây gọi là chỗ thân cận thứ hai của Bồ Tát Ma Ha Tát).

“*Đản dĩ nhân duyên hữu*” (Chỉ do nhân duyên mà có) là kết luận. Trong phần trên, đã thẳng thừng nói về Trung Đạo quán huệ, nay nói về sự song chiếu nhị biên. Lý tánh rốt ráo thanh tịnh. Như trong phần trên đã nói, [lý tánh] chẳng phải là hiểu, chẳng phải là mê hoặc, nhưng do mê hoặc đối với nhân duyên mà sanh ra sanh tử, từ thấu hiểu nhân duyên mà sanh ra Niết Bàn. Sanh tử và Niết Bàn như sáu con rồng múa! Do từ diên đảo mà có sanh tử; do từ sanh tử mà có Niết Bàn. Vì thế, [Niết Bàn và sanh tử] đều từ diên đảo mà sanh! Do có sanh tử và Niết Bàn, cho nên có mười pháp giới và hết thấy các pháp để có thể nói. Nhưng hết thấy các pháp trong mười pháp giới rốt ráo đều là Không, đều là tướng như thật (trong phần trên đã trực tiếp nói đến Trung Đạo Quán Huệ, nhưng phần

nhiều xét theo song phi (hai bên đều chẳng có), nhưng há có Trung Đạo chẳng chiếu nhị biên? Ở đây, nhắc lại chuyện “chiếu nhị biên” để kết lại phần kinh văn, hòng hiển thị cái Thể chẳng thể nghĩ bàn của Trung Quán).

Lại do nhân duyên mà có, cho nên có Niết Bàn. Từ điên đảo mà sanh, cho nên sanh trong sanh tử. Do có Niết Bàn và sanh tử, cho nên có thể nói. Nhưng cái Thể của Trung Đạo Thật Tướng chứng Niết Bàn mà chẳng phải là Niết Bàn, ở trong sanh tử mà chẳng phải là sanh tử, trọn chẳng thể nói. Vì thế, Bồ Tát thường thích quán. Quán Niết Bàn là Chân Đế, sanh tử là Tục Đế. Cái Thể để Niết Bàn và sanh tử nương vào chẳng phải là Niết Bàn hay sanh tử, mà là Trung Đế (đây cũng là tách nhân duyên và điên đảo thành nhị biên, ý nghĩa càng rõ rệt. Nhưng sanh tử vốn thuộc về nhân duyên, lại còn thuộc về phía điên đảo, cho nên gọi là “điên đảo”. Nếu thấu đạt nhân duyên, sẽ có Niết Bàn. Vì thế, phán định câu đầu tiên thuộc về Niết Bàn. Hơn nữa, ba loại Niết Bàn đều do quán nhân duyên mà có. Hai loại sanh tử đều từ Tam Hoặc điên đảo mà sanh. Chỉ ra mê, trở về ngộ, cho nên có ngôn thuyết).

Lại dùng câu “*đản dĩ nhân duyên hữu, tòng điên đảo sanh*” (chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh) để kết luận cảnh Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, “*thuyết*” là giáo pháp chẳng thể nghĩ bàn. “*Thường nhạo quán*” (Thường thích quán) là Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn (hết thấy các pháp điên đảo sanh từ nhân duyên, không gì chẳng phải là diệu cảnh. Do diệu cảnh vốn có ấy mà nói đến Trung Đạo diệu quán trong phần trên. Nương vào diệu thuyết ấy, thường thích quán diệu cảnh như thế). Ba tiểu mục trên đây chính là cùng dựa vào cảnh và trí để giải thích đã xong.

Nay lại dựa theo kinh văn của cả ba tiểu mục trên đây, hoàn toàn xét theo Quán để giải thích. Trước hết, nói “*quán nhất thiết pháp không như thật tướng*” (quán tướng như thật của hết thấy các pháp không) chính là nêu ra cái Thể của Quán. Thật Tướng chính là cái được quán. Dùng “*đối tượng được quán*” (sở quán) để hiển lộ “*chủ thể thực hiện quán*” (năng quán) thì phép Quán mới có cái Thể. [Các câu kinh] từ “*bất điên đảo*” trở đi, đều nhằm giải thích quán tướng. Chẳng bị nhị biên, tám món điên đảo lay động, cho nên nói “*bất đảo, bất động*” (chẳng điên đảo, chẳng dao động). Chẳng đọa vào hai địa vị phàm phu và Nhị Thừa, cho nên nói là “*bất thoái, bất chuyển*”. Chẳng phải là vị lai, cho nên “*bất sanh*”. Chẳng phải quá khứ, cho nên “*bất xuất*”. Chẳng phải là hiện tại, cho nên “*bất khởi*”. Thích Luận nói: “*Như hư không chẳng*

nhập, chẳng xuất, chẳng trụ tướng”. Nhiếp Đại Thừa Luận cũng nói như thế. Chẳng có chỗ nhập nơi vị lai (do chẳng từ hiện tại mà nhập vị lai, tức là “*bất sanh*”). Chẳng có chỗ xuất trong quá khứ (do chẳng từ hiện tại để ra khỏi quá khứ). Chẳng có chỗ trụ trong hiện tại (hiện tại chẳng trụ, tức là chẳng khởi). Những điều khác đều có thể hiểu như trong phần trên.

Kinh văn lại có mười chín câu. Câu đầu tiên là Tổng, mười tám câu sau đó đối ứng với mười tám món Không trong kinh Đại Phẩm [Bát Nhã]:

- “*Như Thật Tướng*” tức là Đệ Nhất Nghĩa Không.
- “*Bất điền đảo*” tức là Nội Không, nghĩa là trong thì chẳng có Lục Nhập, chấp trước Ngã và Ngã Sở (cái của ta), cho nên chẳng điền đảo.
- “*Bất động*” tức là Ngoại Không, chính là ngoài thì chẳng bị sáu trần dao động.
- “*Bất thoái*” chính là Nội Ngoại không, vì mười hai Nhập đều là Không, cho nên nói là “*bất thoái*”.
- “*Bất chuyển*” tức Không Không, do Không phá sạch các pháp. Các pháp đều là cái bị phá (sở phá), còn Không là cái có thể phá (năng phá). Chẳng còn các pháp, chỉ có Không tồn tại. Cái Không ấy cũng là Không. Cho nên nói là Không Không. Không đã là không, chẳng còn gì để có thể chuyển; cho nên nói là “*bất chuyển*”.
- “*Như hư không*” tức là Đại Không. Có chấp thì mới tính đến phá; cho nên nói “*như hư không*”.
- “*Vô sở hữu tánh*” tức là Tất Cánh Không. Các pháp chẳng thừa sót, cho nên nói là Tất Cánh Không. Do đã rốt ráo là Không, cho nên chẳng có tánh.
- “*Nhất thiết ngữ ngôn đạo đoạn*” (Hết thầy nói năng dứt bật) tức là Nhất Thiết Không. Hết thầy là Không thì chẳng thể nói; vì thế, nói năng dứt bật!
- “*Bất sanh*” tức là Hữu Vi Không. Hữu Vi là do nhân duyên hòa hợp. Đã chẳng hòa hợp, cho nên chẳng sanh.
- “*Bất xuất*” tức là Vô Vi Không. Vô vi được gọi là xuất ly. Xuất ly Pháp Không, cho nên nói là “*bất xuất*”.
- “*Bất khởi*” chính là Vô Thi Không. Tìm cầu cái nguyên sơ chẳng thể được, vì thế “*bất khởi*”.
- “*Vô danh*” chính là tánh Không.
- “*Vô tướng*” chính là Tướng Không. Hai điều này dễ hiểu.

- “*Thật vô sở hữu*” chính là Bất Khả Đắc Không.
- “*Vô lượng*” chính là Hữu Pháp Không. Có pháp thì sẽ có hạn lượng. Có hạn lượng đã là Không, cho nên nói “*vô lượng*”.
- “*Vô biên*” tức là Vô Pháp Không. Chẳng có pháp chính là biểu hiện của Biên (ngăn mé, chừng hạn). Nay do đã là Không, cho nên nói “*vô biên*”.
- “*Vô ngại*” tức là Hữu Pháp Vô Pháp Không, cả hai (Hữu Pháp và Vô Pháp) đều chẳng thể được. Cho nên nói là “*vô ngại*”.
- “*Vô chướng*” tức Tán Không, trở ngại, ngăn chướng đều chẳng thể được. Vì thế nói là “*vô chướng*”.

Mười tám món Không đều là Trung Đạo chánh huệ, đều gọi là Không. Thuận theo mười tám loại cảnh, nên nói là “*mười tám món*”. Đại Kinh nói: “*Như Lai thường tu thập bát Không nghĩa*” (Như Lai thường tu mười tám nghĩa Không). Do vậy, dùng mười tám món Không để giải thích mười tám câu.

Lại còn dựa theo mười tám món Không có thể nói “câu đầu là Tổng, các câu sau là Biệt”. Trong phần trước, xét theo thể tướng, cũng có thể nói là “Tổng Thể, Biệt Thể, Tổng Tướng, Biệt Tướng”. Lại nữa, phần trước là cùng dựa theo cảnh và trí để giải thích. Kế đó, hoàn toàn dựa theo Quán để giải thích. Nhưng Quán ấy phải có quán cảnh. Vì thế, có thể chỉ hoàn toàn dựa theo Quán. Cảnh có thể phát khởi Quán, cũng có thể chỉ hoàn toàn dựa theo cảnh [để giải thích]. Nay riêng hoàn toàn dựa theo cảnh để giải thích, tức là Bồ Tát quán hết thấy các pháp không gì chẳng đều là Không. Hết thấy các pháp đều là tướng như thật. Hết thấy các pháp đều chẳng điên đảo. Hết thấy các pháp đều bất động, đều bất thoái, đều bất chuyển. Hết thấy các pháp đều như hư không, chẳng có tánh sở hữu. Hết thấy ngôn ngữ dứt bật, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi. Hết thấy các pháp đều vô danh. Hết thấy các pháp đều vô tướng. Hết thấy các pháp đều thật sự chẳng sở hữu. Hết thấy các pháp đều vô lượng. Hết thấy các pháp đều vô biên. Hết thấy các pháp đều vô ngại, vô chướng. Điều này hiển thị các pháp trong bách giới thiên như, mỗi pháp không gì chẳng phải là Thật Tướng. Ngay từ Quyền mà là Thật, ngay từ Tục mà chính là Chân. Chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh, cho nên có nói năng. Điều này hiển thị bản thể vô tướng của Thật Tướng. Tùy thuộc cái duyên là nhiễm hay tịnh, mà tạo trọn đủ mười giới, bách giới thiên như, hết thấy các pháp. Ngay nơi Thật mà chính là Quyền. Đã là Chân mà là Tục. Quyền và Thật bất nhị. Đó chính

là Nhị Đế viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Thể của chúng chính là lẫn nhau, bèn gọi là Nhất Thật Đế.

Nói là Không thì hết thấy đều là Không. Nói là Có thì hết thấy đều là Có. Nói là Trung thì hết thấy đều là Trung. Lại gọi là “viên dung Tam Đế”. Chẳng phải là “một, hai, ba”, mà là “một, hai, ba”. Tuy là “một, hai, ba”, nhưng nơi chân lý chẳng có tên gọi “một, hai, ba”. Lại gọi nó là “viên diệu Vô Đế”. Thường thích quán pháp tướng như thế tức là chánh quán nơi cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, kết luận là “*chỗ thân cận thứ hai*”.

Hỏi: - Trong phần trước đã nói “*Hành Xứ là chánh hạnh, Thân Cận Xứ là trợ hạnh*”; nay sao Thân Cận Xứ thứ hai lại được gọi là Chánh Quán?

Đáp: - Trong phần trước đã chẳng nói rồi đó sao? Dựa theo lý để nói đại lược thì gọi là Hành Xứ. Phần nói đại lược gọi là Chánh. Kèm theo sự để nói cận kề thì gọi là Thân Cận Xứ. Nói cận kề thì gọi là Trợ. Tuy nói có sơ lược hay chi tiết, nhưng Lý chẳng có sâu hay cạn. Chánh Hạnh và Trợ Hạnh trong Viên Giáo thì Chánh lẫn Trợ đều Viên, thật sự là diệu lý Viên đạo chẳng chánh, chẳng trợ. Xét theo phần kinh văn nói cận kề, sẽ có thể quán Thiền lý, bèn gọi là Trợ.

Trong phần thứ nhất của An Lạc Hạnh, phần Trường Hàng đã xong.

14.2.2.1.2. Kệ tụng

14.2.2.1.2.1. Trùng tụng đề mục

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược hữu Bồ Tát, ư hậu ác thế, vô bố úy tâm, dục thuyết thị kinh, ưng nhập Hành Xứ, cập Thân Cận Xứ.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若有菩薩，於後惡世，無怖畏心，欲說是經，應入行處，及親近處

。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu có hàng Bồ Tát, trong đời ác mai sau, chẳng có lòng sợ hãi, muốn tuyên nói kinh này, hãy nên nhập Hành Xứ, cùng với Thân Cận Xứ).

14.2.2.1.2.2. Trùng tụng phần giải thích

Trong phần Trường Hàng, Hành Xứ và Thân Cận Xứ được tách ra để giải thích, nhưng trong kệ tụng, gộp chung ý nghĩa để trùng tụng, chẳng theo thứ tự, nhằm hiển thị kinh văn nói đại lược hay chi tiết, nhưng lý chẳng có cạn hay sâu.

14.2.2.1.2.2.1. Trùng tụng dựa theo xa lìa để luận định thân cận

(Kinh) Thường ly quốc vương, cập quốc vương tử, đại thần, quan trưởng, hung hiểm hý giả, cập Chiên-đà-la, ngoại đạo, Phạm Chí. Diệc bất thân cận, tăng thượng mạn nhân, tham trước Tiểu Thừa, Tam Tạng học giả, phá giới tỳ-kheo, danh tự La Hán, cập tỳ-kheo-ni. Hảo hý tiểu giả, tham trước ngũ dục, cầu hiện diệt độ, chư ưu-bà-di, giai vật thân cận. Nhược thị nhân đẳng, dĩ hảo tâm lai, đáo Bồ Tát sở, vị văn Phật đạo. Bồ Tát tắc dĩ, vô sở úy tâm, bất hoại hy vọng, nhi vị thuyết pháp. Quả nữ, xử nữ, cập chư bất nam, giai vật thân cận, dĩ vi thân hậu. Diệc mặc thân cận, đồ nhi, khôi khoái, điền liệp, ngư bộ, vị lợi sát hại, phiến nhục tự hoạt, huyển mại nữ sắc. Như thị chi nhân, giai vật thân cận. Hung hiểm tương phác, chủng chủng hy hý, chư dâm nữ đẳng, tận vật thân cận. Mặc độc bình xứ, vị nữ thuyết pháp. Nhược thuyết pháp thời, vô đắc hý tiểu. Nhập lý khát thực, tương nhất tỳ-kheo. Nhược vô tỳ-kheo, nhất tâm niệm Phật. Thị tắc danh vi, Hành Xứ, Cận Xứ. Dĩ thị nhị xứ, năng an lạc thuyết.

(經)常離國王，及國王子，大臣官長，兇險戲者，及旃陀羅，外道梵志。亦不親近，增上慢人，貪著小乘，三藏學者，破戒比丘，名字羅漢，及比丘尼。好戲笑者，深著五欲，求現滅度，諸優婆夷，皆勿親近。若是人等，以好心來，到菩薩所，為聞佛道。菩薩則以，無所畏心，不懷希望，而為說法。寡女處女，及諸不男，皆勿親近，以為親厚。亦莫親近，屠兒魁膾，畋獵漁捕，為利殺害，販肉自活，銜賣女色。如是之人，皆勿親近。兇險相撲，種

種嬉戲，諸淫女等，盡勿親近。莫獨屏處，為女說法。若說法時，無得戲笑。入里乞食，將一比丘。若無比丘，一心念佛。是則名為，行處近處。以此二處，能安樂說。

(Kinh: Thường rời lìa quốc vương, cùng với các vương tử. Đại thần, hàng trưởng quan. Kẻ chơi đùa hung hiểm, cùng bọn Chiên-đà-la, ngoại đạo và Phạm Chí. Cũng đừng nên thân cận, những kẻ tăng thượng mạn, tham đắm nơi Tiểu Thừa, kẻ học pháp Tam Tạng, hàng tỳ-kheo phá giới, La Hán mang danh sông, và các tỳ-kheo-ni. Kẻ ưa chuộng cười đùa, đắm chấp sâu ngũ dục, cầu diệt độ hiện tại, các hàng ưu-bà-di, đều chớ nên thân cận. Nếu như hạng người ấy, vì hảo tâm tìm tới, đến chỗ của Bồ Tát, để được nghe Phật đạo. Bồ Tát liền vận dụng, cái tâm chẳng sợ hãi, chẳng ôm lòng mong mỏi, để vì họ thuyết pháp. Gái góa và gái trinh, cùng các loại bất nam, đều đừng nên thân cận, coi họ là thân thiết. Cũng chớ nên thân cận, kẻ đồ tể, đao phủ, săn bắn và đánh cá, vì lợi mà giết hại, bán thịt để tự sống, kẻ buôn bán nữ sắc. Các hạng người như thế, đều chớ nên thân cận. Hung hiểm quăng ném nhau, đủ mọi thứ trò vui, cùng các dâm nữ thấy, tận lực đừng thân cận. Đừng ở riêng chỗ khuất, vì nữ nhân thuyết pháp. Nếu lúc cần thuyết pháp, chớ nên đùa giỡn cười. Vào trong làng khát thực, dắt theo một tỳ-kheo. Nếu chẳng có tỳ-kheo, hãy nhất tâm niệm Phật. Các điều ấy gọi là, Hành Xứ, Thân Cận Xứ. Do bởi hai xứ ấy, có thể an lạc nói).

Kẻ “tăng thượng mạn” tức là [nói tới] hạng người tọa Thiền được đôi chút khinh an, bèn xằng bậy nói [chính mình] đã chứng đắc. “Tham trước Tiểu Thừa, Tam Tạng học giả” (Kẻ tham đắm Tiểu Thừa, học Tam Tạng) có nghĩa là kẻ chuyên cầu tìm danh tướng, có học văn sông do tai nghe, miệng nói, chẳng chịu quán tâm tu chứng! “Danh tự La Hán” tức là kẻ giả danh trụ A Luyện Nhã. “Thâm trước ngũ dục” (Đắm chấp sâu ngũ dục) chính là kẻ chuyên ưa chuộng ngũ trần sắc, thanh, hương, vị, xúc. “Cầu hiện diệt độ” (Cầu diệt độ trong hiện tại) tức là kẻ chỉ cầu quả chứng Tiểu Thừa, chẳng có lòng đại từ bi. Đắm chấp ngũ dục thuộc về bên sanh tử; cầu diệt độ thuộc về bên Niết Bàn. Đối với cả hai bên đó, đừng nên thân cận. Hãy nên thân cận Trung Đạo, [ý nghĩa ấy] đã rõ lắm rồi! Đó chính là những điều được kể ra trong phần Thân Cận Xứ của đoạn Trường Hàng, nhưng trong phần kết luận, lại nói là

Hành Xứ và Thân Cận Xứ. Do vậy biết Chánh hay Trợ chỉ là xét theo nói chi tiết hay đại lược, chắc chắn chẳng có sâu hay cạn!

14.2.2.1.2.2.2. Trùng tụng chẳng xa lìa, chẳng thân cận

(Kinh) Hựu phục bất hành, thượng trung hạ pháp, hữu vi, vô vi, thật, bất thật pháp, diệt bất phân biệt, thị nam, thị nữ. Bất đắc chư pháp, bất tri, bất kiến. Thị tắc danh vi, Bồ Tát hành xứ.

(經)又復不行，上中下法，有為無為，實不實法，亦不分別，是男是女。不得諸法，不知不見。是則名為，菩薩行處。

(Kinh: Lại còn chẳng có hành, các pháp thượng, trung, hạ, hữu vi hay vô vi, pháp thật và chẳng thật, cũng lại chẳng phân biệt, là nam hay là nữ. Các pháp đều chẳng được, chẳng biết và chẳng thấy. Đó bèn được gọi là, hành xứ của Bồ Tát).

Biệt Giáo gọi là thượng pháp. Thông Giáo gọi là trung pháp. Tạng Giáo gọi là hạ pháp, [các pháp ấy] đều mở ra để nhập Viên. Lại chẳng có các pháp Tạng, Thông, Biệt để có thể đạt được; vì thế “*bất hành*” (chẳng hành). Hoặc, Nghiệp, Khổ v.v... của lục phàm pháp giới được gọi là pháp hữu vi, hữu lậu. Công đức và trí huệ của tứ thánh pháp giới được gọi là pháp vô lậu. Tánh Chân Như bình đẳng của mười pháp giới được gọi là pháp vô vi. Sắc tâm hữu vi tạm có Thể và Dụng, được gọi là “*thật pháp*”, chẳng tương ứng với hạnh. Nương vào phân vị giả lập của sắc tâm thì gọi là “*pháp chẳng thật*”.

Lại nữa, hoặc có hữu vi được gọi là “*pháp chẳng thật*”, do tánh của nó sanh diệt. Vô vi được gọi là “*thật pháp*”, do tánh chẳng thay đổi. Hoặc có hữu lậu được gọi là “*pháp chẳng thật*”, do trái nghịch với Tánh. Vô lậu được gọi là “*thật pháp*”, do vì xứng tánh, hoặc là hết thảy đều thật, cả hai đều được gọi là Đế (hữu vi là Tục Đế, vô vi là Chân Đế). Hết thảy chẳng thật, tình có, lý không. Do lý có, tình không (hữu lậu thì là “*tình có, lý không*”. Do lý là không, nên gọi là “*chẳng thật*”. Vô lậu thì do “*lý có, tình không*”, do tình là không, cho nên gọi là “*chẳng thật*”). Nay đều chẳng hành, do quán các pháp như Thật Tướng, thì hữu vi cũng là Thật Tướng, chẳng còn là hữu vi. Vô vi cũng là Thật Tướng, chẳng còn vô vi. Thật cũng là Thật Tướng, chẳng còn là Thật. “*Chẳng thật*”

cũng là Thật Tướng, chẳng còn “chẳng thật”. Cho nên chẳng hành! Đây là trùng tụng ý “*ư pháp vô sở hành, nhi quán chư pháp như thật tướng*” (đối với pháp chẳng có gì để hành, mà quán tướng như thật của các pháp).

“*Diệc bất phân biệt thị nam, thị nữ*” (Cũng chẳng phân biệt là nam hay nữ): Nam chính là Huệ, nữ chính là Định. Pháp Định Huệ tánh vốn dứt bất nói năng, cho nên chẳng thể phân biệt. “*Bất đắc chư pháp*” (Chẳng đạt được các pháp) do tướng thường tự tịch diệt. “*Bất tri, bất kiến*” (Chẳng biết, chẳng thấy): Xa lìa tướng hý luận của “chủ thể giữ lấy” (năng thủ) và “cái được giữ lấy” (sở thủ). Đây là trùng tụng ý “*diệc bất hành, bất phân biệt*” (cũng chẳng hành, chẳng phân biệt).

(Kinh) Nhất thiết chư pháp, không vô sở hữu, vô hữu thường trụ, diệc vô khởi diệt. Thị danh trí giả, sở thân cận xứ.

(經)一切諸法，空無所有，無有常住，亦無起滅。是名智者，所親近處。

(Kinh: Hết thấy các pháp, Không vô sở hữu, chẳng có thường trụ, cũng chẳng khởi, diệt, là thân cận xứ, của người có trí).

Đây là trùng tụng đại lược đoạn kinh văn “*quán nhất thiết pháp Không...*” (quán hết thấy các pháp là Không...) [Nói] “*vô hữu thường trụ*” (chẳng có thường trụ) nhằm ngăn trở [chấp trước đối với] Chân Đế. [Lại nói] “*diệc bất khởi diệt*” (cũng chẳng dấy lên, hay diệt mất): Ngăn trở sự chấp trước đối với Tục Đế. Chân lẫn Tục đều bị ngăn che, chân thật hiển thị Trung Đạo. Tuy nói đại lược, nhưng ý nghĩa trọn vẹn.

(Kinh) Diên đảo phân biệt, chư pháp hữu vô, thị thật, phi thật, thị sanh, phi sanh. Tại ư nhàn xứ, tu nhiếp kỳ tâm, an trụ bất động, như Tu Di sơn. Quán nhất thiết pháp, giai vô sở hữu, do như hư không, vô hữu kiên cố, bất sanh, bất xuất, bất động, bất thoái, thường trụ nhất tướng, thị danh Cận Xứ.

(經)顛倒分別，諸法有無，是實非實，是生非生。在於閑處，修攝其心，安住不動，如須彌山。觀一切法，皆

無所有，猶如虛空，無有堅固，不生不出，不動不退，常住一相，是名近處。

(*Kinh: Diên đảo phân biệt, các pháp có, không, là thật, chẳng thật, là sanh, chẳng sanh. Ở nơi thanh vắng, tu nhiếp tâm mình. An trụ bất động, như núi Tu Di, quán hết thấy pháp, đều vô sở hữu. Giống như hư không, chẳng hề kiên cố. Chẳng sanh, chẳng xuất, bất động, bất thoái, thường trụ một tướng, là chỗ thân cận*).

Đây là trùng tụng ý “từ diên đảo mà sanh”, cho nên nói là “dùng làm cảnh được quán”, kiêm trùng tụng “xét theo xa lìa để luận định thân cận” hòng làm phương tiện. Sau đó, trùng tụng “chánh quán hết thấy các pháp đều là Không...” Kinh văn trong phần trước nói kèm thêm Giới và Định, hợp thành chỗ thân cận thứ nhất. Huệ được gọi là chỗ thân cận thứ hai. Nay gộp chung Định và Huệ để trùng tụng, nhưng trùng tụng Giới môn thì đã tổng kết cả hai môn Hành Xứ và Thân Cận Xứ, hiển thị Tam Học dung thông lẫn nhau, Lý và Sự chẳng hai.

Hỏi: - Trong phần trên đã nói “chẳng có thường trụ”, nay nói “thường trụ nhất tướng” là vì lẽ nào?

Đáp: - Nếu đối ứng với “khởi, diệt” mà nói là thường trụ, đó chính là tình chấp so đo. Vì thế, cần phải phá. Đã phá tình kiến so đo thì lý vốn là thường trụ. Lại nữa, đối với “khởi, diệt” mà nói là “thường trụ” thì [thành ra] có hai tướng! Nay hết thấy các pháp đều vô sở hữu, cho nên chẳng khởi, chẳng diệt. Bản thể thường trụ, cho nên được gọi là “nhất tướng”. Nhất tướng chính là Thật Tướng. Thật Tướng tức là các pháp mà chẳng phải là các pháp. Các pháp chính là phi pháp. Vì thế, gọi là Thật Tướng.

Phần thứ hai, “giải thích ý nghĩa của kệ tụng” đã xong.

14.2.2.1.2.3. Hạnh thành tựu

14.2.2.1.2.3.1. Nêu ra hạnh thành tựu

(*Kinh*) *Nhược hữu tỳ-kheo, u ngã diệt hậu, nhập thị Hành Xứ, cập Thân Cận Xứ, thuyết tư kinh thời, vô hữu khiếp nhược.*

(經)若有比丘，於我滅後，入是行處，及親近處，說斯經時，無有怯弱。

(Kinh: Nếu có các tỳ-kheo, sau khi ta diệt độ, tiến nhập Hành Xứ này, và môn Thân Cận Xứ, khi nói bộ kinh này, sẽ chẳng có khiếp nhược).

Sự đã thành thì biểu hiện ra ngoài sẽ chẳng sai lệch; lý đã thành thì nội tâm không trầm trệ, cho nên “*chẳng khiếp nhược*”.

14.2.2.1.2.3.2. Giải thích do hạnh thành tựu bèn được an lạc

(Kinh) Bồ Tát hữu thời, nhập ư tĩnh thất, dĩ chánh ức niệm, tùy nghĩa quán pháp. Từng Thiên Định khởi, vị chư quốc vương, vương tử, thần dân, Bà-la-môn đẳng, khai hóa diễn sưṃg, thuyết tư kinh diễn. Kỳ tâm an ổn, vô hữu khiếp nhược.

(經)菩薩有時，入於靜室，以正憶念，隨義觀法。從禪定起，為諸國王，王子臣民，婆羅門等，開化演暢，說斯經典。其心安隱，無有怯弱。

(Kinh: Bồ Tát có lúc, vào trong tĩnh thất, dùng chánh ức niệm, theo nghĩa quán pháp. Từ Thiên Định dậy, vì các quốc vương, vương tử, quan, dân, Bà-la-môn thầy, khai hóa, diễn bày, nói kinh diễn này. Tâm họ an ổn, chẳng có khiếp nhược).

Đây là giải thích cái nhân an lạc. Do tu Thiên Định, dứt các lỗi ác, đắc Nhân Vô Ngã, bên ngoài thì chẳng tổn. Do tu trí huệ, lìa các chấp trước, đắc Pháp Vô Ngã, bên trong chẳng điên đảo. Vì vậy, tâm chẳng khiếp nhược. Chẳng khiếp nhược thì gọi là An Lạc.

14.2.2.1.2.3.3. Trùng tụng tổng kết

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị danh Bồ Tát, an trụ sơ pháp, năng ư hậu thế, thuyết Pháp Hoa kinh.

(經)文殊師利！是名菩薩，安住初法，能於後世，說法華經。

(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Đó gọi là Bồ Tát, an trụ pháp đầu tiên, có thể trong đời sau, nói kinh Pháp Hoa này).

Phần thứ nhất, “hạnh An Lạc nơi thân” đã xong.

14.2.2.2. Khẩu an lạc hạnh

14.2.2.2.1. Trường Hàng

14.2.2.2.1.1. Nêu ra đề mục

(Kinh) Hựu Văn Thù Sư Lợi! Như Lai diệt hậu, ư Mạt Pháp trung, dục thuyết thị kinh, ưng trụ An Lạc Hạnh.

(經)又文殊師利！如來滅後，於末法中，欲說是經，應住安樂行。

(Kinh: Lại này Văn Thù Sư Lợi! Sau khi Như Lai diệt hậu, trong đời Mạt Pháp, muốn nói kinh này, hãy nên trụ trong An Lạc Hạnh).

14.2.2.2.1.2. Giải thích

Phần này chia làm hai:

Một là Chỉ Hạnh, hai là Quán Hạnh. Chỉ Hạnh nhằm ngăn ngừa sai trái, tức là “áo của Như Lai”. Quán Hạnh thuyết pháp, là “tòa của Như Lai”. Lại nữa, Chỉ Hạnh đẹp khổ, Quán Hạnh ban vui, tức là “nhà của Như Lai”.

14.2.2.2.1.2.1. Chỉ Hạnh

14.2.2.2.1.2.1.1. Chẳng nói lỗi [của người khác]

(Kinh) Nhược khẩu tuyên thuyết, nhược độc kinh thời, bất nhạo thuyết nhân, cập kinh điển quá.

(經)若口宣說，若讀經時，不樂說人，及經典過。

(Kinh: Hoặc là miệng tuyên nói, hoặc khi đọc kinh điển, chẳng thích nói khuyết điểm, của người và kinh điển).

Người khác dẫu có lỗi, liên quan gì đến ta? Chỉ nên trong tâm tự phản tỉnh [chính mình có phạm lỗi ấy hay chẳng], rảnh đâu mà chê bai kẻ khác! Nếu thích đàm tiếu lỗi của kẻ khác, sẽ giống như phô bày phân nhơ, xông sục cả mình lẫn người, tổn hại, bức náo thật nặng, chẳng phải là An Lạc Hạnh! Hết thấy các kinh điển đều là phương tiện tùy thuận cơ nghi để nói của Như Lai, như ăn thạch mật, ở giữa [chén mật] hay ngoài

rià đều ngọt, há có khuyết điểm? Rao nói khuyết điểm của kinh điển đều là vì chẳng hiểu diệu lý Quyền Thật, cho nên cũng chẳng phải là An Lạc Hạnh.

14.2.2.2.1.2.1.2. Chẳng khinh mạn

(Kinh) Diệc bất khinh mạn, chư dư pháp sư.

(經)亦不輕慢，諸餘法師。

(Kinh: Cũng đừng nên khinh mạn các vị pháp sư khác).

Chẳng cậy Viên mà miệt thị Thiên, chẳng trọng Thật mà khinh Quyền. Phật còn dùng phương tiện lạ để giúp hiển thị Đệ Nhất Nghĩa Đế, [phàm phu như bọn ta] há nên tự hợm hĩnh, chẳng hộ trì căn cơ của chúng sanh ư?

14.2.2.2.1.2.1.3. Chẳng khen ngợi hay hủy báng

(Kinh) Bất thuyết tha nhân, hảo ác, trường đoản. Ư Thanh Văn nhân, diệc bất xưng danh, thuyết kỳ quá ác. Diệc bất xưng danh, tán thán kỳ mỹ.

(經)不說他人，好惡長短。於聲聞人，亦不稱名，說其過惡。亦不稱名，讚歎其美。

(Kinh: Chẳng nói điều tốt xấu, hay dở của kẻ khác. Đối với bậc Thanh Văn, cũng chẳng nêu tên họ, kể lỗi, vạch khuyết điểm. Cũng chẳng nêu tên họ để khen ngợi điều tốt lành).

Con người đều chẳng thích nghe [kẻ khác phôi bày] khuyết điểm của chính mình, cho nên chẳng bàn tán khuyết điểm. Ca ngợi kẻ khác trước mặt người này, sẽ giống như hủy báng người này! Vì thế, chẳng ca ngợi ưu điểm. Đại Luận nói: “Kẻ tự ca ngợi thì là phùng kiêu căng. Kẻ tự gièm chê chính mình là phùng đối gạt người! Ca ngợi kẻ khác thì là phùng siểm nịnh, hư ngụy. Kẻ hủy báng người khác thì là hạng người sàm tặc. Người trí hãy nên dùng bốn món Tát Đàn để trừ tính, suy

lường, hòng tự bảo vệ mình và bảo vệ người khác”. Kinh Nhật Tạng²⁰ lại nói: “Sơ, trung, hậu dạ, giảm tỉnh thủy miên, tỉnh tấn tọa Thiền, tụng kinh, tu đạo, bồi xả sanh tử, hướng Niết Bàn lộ. Bất xưng tha đoãn, bất thuyết kỷ trường, khiêm hạ, ty tốn, bất tự kiêu cao, y phục tri túc, bất phóng dật hành, hệ niệm tư duy, tâm bất trì tán. Ư nhất thiết chúng sanh, khởi từ bi tâm” (Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, giảm bớt ngủ nghỉ, tỉnh tấn tọa Thiền, tụng kinh, tu đạo, trái bỏ sanh tử, hướng theo con đường Niết Bàn. Chẳng kể lỗi của kẻ khác, chẳng nói ưu điểm của chính mình. Khiêm tốn, nhún nhường, chẳng tự kiêu căng, cao ngạo, dùng sự biết đủ làm y phục, chẳng làm chuyện buông lung. Hệ niệm tư duy, tâm chẳng rong ruổi, tán loạn, dấy lòng từ bi đối với hết thảy chúng sanh). Đây chính là tướng trạng của An Lạc Hạnh. Đối với hạng người Thanh Văn, do căn tánh của họ bất định, nếu tán thán Nhị Thừa, có thể sẽ khiến cho họ thoái thất Đại Thừa, chấp lấy Tiểu Thừa. Nếu hủy báng, chê bai Nhị Thừa, sẽ có thể khiến cho họ Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều mất sạch, hai đảng đều chẳng giữ lấy!

14.2.2.2.1.2.1.4. Chẳng oán hiềm

(Kinh) Hữu diệc bất sanh oán hiềm chi tâm.

(經)又亦不生怨嫌之心。

(Kinh: Cũng lại chẳng sanh tâm oán hiềm).

Nếu nói người đó hoặc pháp đó gây hại cho đạo của ta, tức là tâm hờn oán. Nếu bảo người đó, pháp đó hèn kém, tức là tâm tự hiềm. Hễ tâm cơ dấy động, bèn thốt ra lời nói. Để ngăn dứt cội nguồn của sự kể lỗi, cho nên chẳng sanh tâm oán hiềm! Kinh Đại Tập dạy: “*Quá khứ Câu Lưu Tôn Phật pháp trung, hữu nhất tỳ-kheo phát Bồ Đề tâm, tụng*

²⁰ Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Đẳng Đại Thừa Nhật Tạng Kinh, gồm mười quyển, mười ba phẩm, do ngài Na Liên Đề Da Xá dịch vào đời Tùy, thuộc hệ thống kinh Đại Tập. Trong kinh ấy, đức Phật ngự tại Trúc Viên (Trúc Lâm Tinh xá) ở thành Vương xá, dạy các pháp quán nhân duyên bất tịnh, xa-ma-tha v.v... để khiến cho các tỳ-kheo sợ hãi tội lỗi. Sau đó, bốn phương chư Phật đều sai Bồ Tát mang thần chú đến pháp hội ấy, đức Phật bèn tuyên nói đại pháp. Ngài lại dạy dưới chân núi Kỳ La Chỉ phía dưới núi Tu Di có Quang Vĩ đại tiên chuyên thuyết pháp cho các long vương, đồng thời xưng dương công đức của các vị Phật trong Tinh Tú Kiếp v.v...

trì Đại Tiểu Thừa pháp tụ các bát vạn tứ thiên, ý hiềm đầu đà tỳ-kheo bất tụng kinh điển, do như chu ngọt. Do thử, đọa ngục, thọ đại khổ não. Từ địa ngục xuất, thọ La Sát thân, chí Hiền Kiếp Phật, Lô Lô Chí Phật thời, phương thoát quỷ thân” (Trong pháp của Câu Lưu Tôn Phật thời quá khứ, có một tỳ-kheo phát Bồ Đề tâm, tụng trì pháp tụ Đại Thừa và Tiểu Thừa, mỗi đẳng đều tám vạn bốn ngàn, ý chê gièm đầu-đà tỳ-kheo chẳng tụng kinh điển giống như cái cây bị cụt ngọn. Do vậy, đọa vào địa ngục, chịu khổ não to lớn. Từ địa ngục thoát ra, thọ thân La Sát, tới thời Lô Lô Chí Phật là vị Phật [cuối cùng] trong Hiền Kiếp mới thoát thân quỷ). Người thường còn như thế, huống hồ [người hành] An Lạc Hạnh ư? Vì hoằng dương kinh điển Đại Thừa, hộ trì người hành hạnh Tiểu Thừa, tâm niệm há chẳng nên cẩn thận ư? Oán hờn, trách móc, tỵ hiềm, chê trách, oán thì sâu, tỵ hiềm thì cạn, nhưng dù cạn hay sâu đều bỏ thì mới gọi là Chánh Hạnh. Đó chính là nói đến cái tâm của An Lạc Hạnh nơi miệng nhằm chế ngự cái miệng!

Phần thứ nhất, Chỉ Hạnh đã xong.

14.2.2.2.1.2.2. Quán Hạnh

(Kinh) Thiện tu như thị an lạc tâm cố, chư hữu thính giả, bất nghịch kỳ ý. Hữu sở nạn vấn, bất dĩ Tiểu Thừa pháp đáp, dẫn dĩ Đại Thừa nhi vị giải thuyết, linh đắc Nhất Thiết Chung Trí.

(經)善修如是安樂心故，諸有聽者，不逆其意。有所難問，不以小乘法答，但以大乘而為解說，令得一切種智」。

(Kinh: Do khéo tu cái tâm an lạc như thế, hễ có người nghe, sẽ chẳng trái nghịch ý họ. Có ai cất vấn, chẳng dùng pháp Tiểu Thừa để đáp, chỉ dùng Đại Thừa để giải nói cho họ, khiến cho họ đắc Nhất Thiết Chung Trí).

Quán các pháp Không, chẳng chấp giữ. Nếu tâm chẳng chấp, sẽ chẳng trái nghịch ý người khác, chẳng trái nghịch pháp tướng. Vì thế, chẳng dùng pháp Tiểu Thừa để đáp.

Nếu thấy [người đó] chẳng có căn cơ Đại Thừa, bèn nói pháp Tiểu Thừa cho người ấy, khiến cho người ấy đạt được lợi ích nơi phương tiện. Nếu chẳng thấy [người đến hỏi pháp] không có căn cơ Đại Thừa mà nói

pháp Tiêu Thừa cho người ấy, sợ rằng sẽ trở ngại nhân duyên Đại Thừa của người đó. Vì thế, người thuộc địa vị sâu, có trí biết căn cơ, sẽ có thể tùy nghi thuyết pháp. Người mới hành chẳng có năng lực soi xét căn cơ, chỉ nên nói pháp Đại Thừa!

Phần thứ nhất, “kinh văn Trường Hàng của khẩu An Lạc Hạnh” đã xong.

14.2.2.2.2. Kệ tụng

14.2.2.2.2.1. Trùng tụng nêu bày đề mục

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Bồ Tát thường lạc, an ổn thuyết pháp. Ư thanh tịnh địa, nhi thi sàng tòa. Dĩ du đồ thân, tháo dục trần uế, trước tâm tịnh y, nội ngoại câu tịnh.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「菩薩常樂，安隱說法。於清淨地，而施牀座。以油塗身，澡浴塵穢，著新淨衣，內外俱淨。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Bồ Tát thường vui sướng, an ổn mà thuyết pháp. Ở nơi đất thanh tịnh, bèn đặt bày giường, tòa. Dùng dầu để bôi thân, tắm gội sạch bụi dơ, khoác mặc áo mới sạch, trong ngoài đều thanh tịnh).

Phần Trường Hàng chỉ nói “*ưng trụ*” (hãy nên trụ). Ở đây, riêng nêu ra hành tướng. “*An ổn thuyết pháp*” là muốn cho người được nói trong đoạn trước sẽ đạt được đạo an ổn và cái quả an ổn, tức là “*vào nhà Như Lai*”. Ở nơi chỗ đất thanh tịnh, đặt bày giường, tòa, tức là “*ngồi tòa của Như Lai*”. Bốn câu kể từ “*dĩ du đồ thân*” (dùng dầu để bôi thân) tức là “*mặc áo Như Lai*”. Dùng ba pháp ấy để hướng dẫn khẩu nghiệp thì gọi là An Lạc Hạnh.

14.2.2.2.2.2. Trùng tụng giải thích

14.2.2.2.2.2.1. Trùng tụng Chỉ Hạnh

Phần Trường Hàng nói theo phương diện Chỉ Thiện (điều thiện do ngăn dứt lỗi ác), còn kệ tụng nói theo phương diện Hành Thiện (làm lành).

14.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng hạnh thứ hai “chẳng khinh mạn”

(Kinh) An xử pháp tòa, tùy vấn vị thuyết.

(經)安處法座，隨問為說。

(Kinh: Ngồi yên trên pháp tòa, tùy theo hỏi mà nói).

Khinh mạn thì chẳng tùy thuận, “tùy” nghĩa là chẳng khinh mạn.

14.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng hạnh thứ ba “chẳng tán thán hay hủy báng”

(Kinh) Nhược hữu tỳ-kheo, cập tỳ-kheo-ni, chư ưu-bà-tắc, cập ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quần thần, sĩ dân, dĩ vi diệu nghĩa, hòa nhan vị thuyết. Nhược hữu nạn vấn, tùy nghĩa nhi đáp.

(經)若有比丘，及比丘尼，諸優婆塞，及優婆夷，國王王子，群臣士民，以微妙義，和顏為說。若有難問，隨義而答。

(Kinh: Nếu có hàng tỳ-kheo, cùng với tỳ-kheo-ni, các vị ưu-bà-tắc, và hàng ưu-bà-di, quốc vương, và vương tử, quần thần và dân chúng, đều dùng nghĩa vi diệu, vui vẻ nói với họ. Nếu có kẻ cất vấn, thuận theo nghĩa mà đáp).

Chỉ nương theo nghĩa lý, chẳng bàn điều tốt xấu của kẻ khác. “Tùy nghĩa đáp” có hai nghĩa: Một là có thể đáp, hai là chẳng thể đáp. Như vấn đáp và cất vấn để phân định thượng hạ, dù thắng hay thua thì tự mình biết. Đó là lời lẽ của người trí, trường hợp này thì có thể đáp. Nếu [là hạng người] mặc tình khoái ý, kẻ nào dám trái nghịch sẽ giết ngay. Đó là giọng điệu của vua chúa. Nếu hay, dở, đúng, sai đều chẳng biết, chỉ mong giành phần thắng mà thôi! Đó là ngôn luận của kẻ ngu. Đối với hai loại ấy, đều chớ nên đáp.

14.2.2.2.2.1.3. Trùng tụng hạnh đầu tiên “chẳng nói dối”

(Kinh) Nhân duyên thí dụ, phu diễn phân biệt, dĩ thị phương tiện, giai sử phát tâm. Tiệm tiệm tăng ích, nhập ư Phật đạo.

(經)因緣譬喻，敷演分別，以是方便，皆使發心。漸漸增益，入於佛道。

(Kinh: Nhân duyên và thí dụ, phô diễn và phân biệt, sử dụng phương tiện ấy, khiến họ đều phát tâm. Dần dần sẽ tăng tấn, tiến hướng nhập Phật đạo).

Nếu chuộng kẻ lỗi của người khác và kinh điển, sẽ sanh ra ý niệm độc hại. Nay do chẳng nói lỗi, sẽ khiến cho người khác phát tâm tiến nhập Phật đạo. Phật đạo sanh từ lòng hoan hỷ.

14.2.2.2.2.1.4. Trùng tụng hạnh thứ tư “chẳng oán hiềm”

(Kinh) Trừ lẫn nọ ý, cập giải đãi tưởng, ly chư ưu não, từ tâm thuyết pháp.

(經)除懶惰意，及懈怠想，離諸憂惱，慈心說法。

(Kinh: Trừ khử ý lười nhác, và ý tưởng giải đãi, là bỏ các ưu não, từ tâm mà thuyết pháp).

Tâm oán hiềm dấy lên, sẽ lười nhác, ưu não. Nay do từ tâm thuyết pháp, sẽ tinh tấn, vui sướng.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Chỉ Hạnh” đã xong.

14.2.2.2.2.2.2. Trùng tụng Quán Hạnh

(Kinh) Trú dạ thường thuyết, vô thượng đạo giáo. Dĩ chư nhân duyên, vô lượng thí dụ, khai thị chúng sanh, hàm linh hoan hỷ. Y phục, ngọa cụ, ẩm thực, y dược, nhi ư kỳ trung, vô sở hy vọng. Đản nhất tâm niệm, thuyết pháp nhân duyên, nguyện thành Phật đạo, linh chúng diệc nhĩ. Thị tắc đại lợi, an lạc cúng dường.

(經)晝夜常說，無上道教。以諸因緣，無量譬喻，開示眾生，咸令歡喜。衣服臥具，飲食醫藥，而於其中，無所希望。但一心念，說法因緣，願成佛道，令眾亦爾。是則大利，安樂供養。

(Kinh: Suốt ngày đêm thường nói, giáo pháp vô thượng đạo. Vận dụng các nhân duyên, và vô lượng thí dụ, để khai thị chúng sanh, khiến họ đều hoan hỷ. Y phục, đồ trải nằm, thức ăn và thuốc thang, nhưng đối với các thứ đó, tâm chẳng hề mong mỏi. Chỉ có nhất tâm niệm, nhân duyên thuyết pháp thôi, nguyện sẽ thành Phật đạo, khiến mọi người cũng thế. Đó chính là lợi lớn, an lạc mà cúng dường).

“Thuyết vô thượng đạo” chính là “chỉ dùng pháp Đại Thừa để đáp”.

“Nguyện thành Phật đạo, linh chúng diệc nhĩ” (Nguyện sẽ thành Phật đạo, khiến đại chúng cũng thế) tức là trùng tụng “khiến cho [mọi người] đều đắc Nhất Thiết Chúng Trí”.

Phần thứ hai, “trùng tụng ý giải thích” đã xong.

14.2.2.2.3. Trùng tụng hạnh thành tựu

14.2.2.2.3.1. Nêu ra hạnh thành tựu

(Kinh) Ngã diệt độ hậu, nhược hữu tỳ-kheo, năng diễn thuyết tư, Diệu Pháp Hoa kinh.

(經)我滅度後，若有比丘，能演說斯，妙法華經。

(Kinh: Sau khi ta diệt độ, nếu có bậc tỳ-kheo, có thể diễn thuyết kinh, Diệu Pháp Liên Hoa này).

14.2.2.2.3. Nói rõ “do trong tâm chẳng có lỗi lầm, nạn bên ngoài chẳng sanh, như chẳng có vật hôi thối, ruồi nhặng sẽ không bu đến”

(Kinh) Tâm vô tật khuể, chư não chương ngại, diệc vô ưu sầu, cập mạ lý giả. Hựu vô bố úy, gia đao trượng đẳng, diệc vô tấn xuất, an trụ nhĩ cố.

(經)心無嫉恚，諸惱障礙，亦無憂愁，及罵詈者。又無怖畏，加刀杖等，亦無擯出，安住忍故。

(Kinh: Tâm chẳng có ghét, giận, các não chẳng chương ngại, cũng chẳng bị ưu sầu, và bị chửi rủa. Lại chẳng có kinh sợ, chẳng bị đao gây hại, cũng chẳng bị xua đuổi, do an trụ nơi nhĩ).

14.2.2.2.3. Nói rõ “do trong tâm có thiện pháp, cho nên hạnh thành tựu”

(Kinh) Trí giả như thị, thiện tu kỳ tâm, năng trụ an lạc, như ngã thượng thuyết.

(經)智者如是，善修其心，能住安樂，如我上說。

(Kinh: Bậc trí như thế đó, khéo tu cái tâm mình, hay trụ trong an lạc, như ta đã nói trên).

Nếu trong tâm chẳng có làm lỗi, sẽ như phần kinh văn Trường Hàng đã nói. Trong tâm có điều thiện thì như phần Kệ Tụng đã nói.

14.2.2.2.2.4. Phẩm định công đức

(Kinh) Kỳ nhân công đức, thiên vạn ức kiếp, toán số thí dụ, thuyết bất năng tận.

(經)其人功德，千萬億劫，算數譬喻，說不能盡。

(Kinh: Công đức của người ấy, trải ngàn vạn ức kiếp, dùng toán, số, thí dụ, vẫn chẳng thể nói hết).

Phần thứ hai, “khâu An Lạc Hạnh” đã xong.

14.2.2.3. Ý an lạc hạnh

14.2.2.3.1. Trường Hàng

14.2.2.3.1.1. Nêu đề mục

(Kinh) Hựu Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát ư hậu Mạt thế, pháp diệt thời, thọ trì, đọc tụng tư kinh điển giả.

(經)又文殊師利！菩薩摩訶薩於後末世，法欲滅時，受持，讀誦斯經典者。

(Kinh: Lại này Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát vào cuối thời Mạt mai sau, khi pháp sắp diệt, thọ trì, đọc tụng kinh điển này).

14.2.2.3.1.2. Giải thích

“Chỉ Hạnh” là áo, “Quán Hạnh” là tòa. “Dẹp khổ, ban vui” là nhà.

14.2.2.3.1.2.1. *Chỉ Hạnh*

14.2.2.3.1.2.1.1. *Chẳng ghen ghét, dối trá*

(Kinh) Vô hoài tật đố, siểm cuống chi tâm.

(經)無懷嫉妬，諂誑之心。

(Kinh: Chẳng ôm lòng ghen ghét, siểm khúc, dối gạt).

Chẳng chịu nổi người khác vẻ vang thì là “tật đố” (ghen ghét, ganh tỵ). Do vì tham nên sân; sân cấu nặng nề nhất. Cong vạy lừa gạt người khác thì gọi là Siểm. Giấu diếm chống đối, làm ra vẻ thuận tòng, chẳng kham rắn dạy, tham và si làm Thễ, hết sức trái nghịch đạo. Dối trá làm ra vẻ có đức để mong cầu lợi dưỡng, thì gọi là Cuống. Do vì tham, si, đọa vào pháp tà mạng, xằng bậy tiếp nhận [người khác] cung kính, chuốc khổ vô cùng. Vì vậy, các cái tâm như vậy đều là chướng ngại to lớn cho người học đạo. Nếu có một thứ đó, còn chẳng thể đạt được Bồ Đề của Nhị Thừa, huống hồ hoằng dương, lưu thông đại pháp, thượng cầu, hạ hóa ư? An Lạc Hạnh Bồ Tát cần phải gấp trừ bỏ!

14.2.2.3.1.2.1.2. *Chẳng khinh rẻ, chửi bới*

(Kinh) Diệc vật khinh mạ học Phật đạo giả, cầu kỳ trường đoản.

(經)亦勿輕罵學佛道者，求其長短。

(Kinh: Cũng chớ khinh rẻ, chửi bới người học Phật đạo, tìm kiếm điều hay, thói dở của họ).

Họ đã phát tâm học Phật, tức là đã thuộc số các vị Phật trong vị lai. Dẫn cho tập tánh phiền não khác nhau, có hay, có dở, chỉ nên học theo điều hay của họ để tự mình được lợi ích, chớ bới tìm khuyết điểm để chống trái họ.

14.2.2.3.1.2.1.3. *Chẳng nhiễu loạn*

(Kinh) Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cầu Thanh Văn giả, cầu Bích Chi Phật giả, cầu Bồ Tát đạo giả, vô đắc não chi, linh kỳ nghi hối, ngữ kỳ nhân ngôn: “Nhữ đẳng khứ đạo thậm

viễn, chung bất năng đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Sở dĩ giả hà? Nhữ thị phóng dật chi nhân, ư đạo giải đãi cố”.

(經)若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷求聲聞者，求辟支佛者，求菩薩道者，無得惱之，令其疑悔，語其人言：「汝等去道甚遠，終不能得一切種智。所以者何？汝是放逸之人，於道懈怠故」。

(Kinh: Nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cầu Thanh Văn, cầu Bích Chi Phật, cầu Bồ Tát đạo, chẳng được nào loạn, khiến cho người ấy nghi ngờ, hối hận, chẳng được nói với người ấy: “Các người cách đạo rất xa, trọn chẳng thể đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Vì lẽ nào vậy? Vì các người là kẻ buông lung, giải đãi nơi đạo”).

Mỗi chúng trong tứ chúng đều có người cầu tam thừa. Tam thừa do họ cầu có ý nghĩa chung cho cả ba giáo Tạng, Thông, Biệt. Ba giáo pháp ấy đều là phương tiện thiện xảo của Như Lai, khéo khuyên dụ dần dần, vì Thật mà thực thi Quyền. Nếu tứ chúng có thể nương theo đó để cầu đạo, sẽ tự có thể dần dần được dẫn dắt trở về Viên. Nếu cậy mình hiểu biết Viên Giáo, chê trách họ cách đạo còn xa, tự cậy chính mình có đôi chút hạnh môn bên quở trách họ buông lung, giải đãi; họ bị quở trách, sẽ sanh lòng ngờ vực, hối hận, sẽ chẳng thể tiến lên nắm giữ viên lý, sẽ lui sụt, chẳng thể tuân thủ ba Quyền giáo. Đây chính là nào loạn hành nhân, chuốc lỗi chẳng nhỏ vậy! Nếu biết căn cơ và có trí nhãn thì có thể tán đồng hay phủ quyết thích nghi!

14.2.2.3.1.2.1.4. Chẳng tranh giành

(Kinh) Hựu diệc bất ưng hý luận chư pháp, hữu sở tranh cạnh.

(經)又亦不應戲論諸法，有所爭競。

(Kinh: Lại cũng chẳng nên hý luận các pháp, có những chuyện tranh đua).

Người thuộc địa vị Danh Tự hiểu văn nghĩa sơ sài, chưa thể niệm nào cũng quán tâm, thường đối với chuyện giải thích văn nghĩa dấy lên chuyện tranh cãi. Chỉ riêng tranh cãi kiêu đó, đã gọi là Hý Luận. Huống

hồ kẻ có tập khí buông lung, ăn nói trào phúng, bồn cọt, khiến cho tâm thần ô trược, tán loạn, tăng trưởng sự buông lung, chẳng phải là An Lạc Hạnh. Rất nên răn dè!

Phần thứ nhất, Chỉ Hạnh đã xong.

14.2.2.3.1.2.2. Quán Hạnh

14.2.2.3.1.2.2.1. Dùng đại bi tưởng để đối trị sự ghen ghét, đối trá

(Kinh) Đương ư nhất thiết chúng sanh, khởi đại bi tưởng.

(經)當於一切眾生，起大悲想。

(Kinh: Hãy nên phát khởi ý tưởng đại bi đối với hết thảy chúng sanh).

Đã dấy lòng đại bi, thế sẽ đẹp khổ, há còn nỡ lòng ghen ghét, siểm khúc, dối gạt ư?

14.2.2.3.1.2.2.2. Tưởng như cha lành để đối trị sự khinh rẻ, chửi mắng

(Kinh) Ư chư Như Lai, khởi từ phụ tưởng.

(經)於諸如來，起慈父想。

(Kinh: Đối với các đức Như Lai, tưởng như cha lành).

Đã học Phật đạo, tức là vị lai Phật. Phật chính là vị cha đại từ bi của chúng ta, há có thể khinh rẻ, chửi mắng, bới móc điều hay, thói dở của người ấy nữa chăng?

14.2.2.3.1.2.2.3. Tưởng như đại sư để đối trị sự nhiễu loạn

(Kinh) Ư chư Bồ Tát, khởi đại sư tưởng. Ư thập phương chư đại Bồ Tát, thường ưng thâm tâm, cung kính lễ bái.

(經)於諸菩薩，起大師想。於十方諸大菩薩，常應深心，恭敬禮拜。

(Kinh: Đối với các Bồ Tát, khởi lên ý tưởng coi như đại sư. Đối với các vị Bồ Tát trong mười phương, thường hãy nên thâm tâm cung kính lễ bái).

Tứ chúng trong tam thừa, không ai chẳng phải là Bồ Tát, có đức hạnh giáo huấn, đều là thầy của chúng sanh, thường phải nên thâm tâm lễ kính, há có nên nào loạn khiến cho họ hoài nghi ư?

14.2.2.3.1.2.2.4. Bình đẳng thuyết pháp để đối trị sự tranh chấp

(Kinh) U' nhất thiết chúng sanh, bình đẳng thuyết pháp. Dĩ thuận pháp cố, bất đa, bất thiếu, nãi chí thâm ái pháp giả, diệc bất vị đa thuyết.

(經)於一切眾生，平等說法。以順法故，不多，不少。乃至深愛法者，亦不為多說。

(Kinh: Đối với hết thảy chúng sanh, bình đẳng thuyết pháp. Vì thuận theo pháp, cho nên [thuyết pháp] chẳng nhiều, chẳng ít. Thậm chí đối với kẻ yêu mến pháp sâu xa, cũng chẳng vì họ nói nhiều).

Văn tùy nghĩa, nghĩa tùy văn, thì gọi là bình đẳng. Bình đẳng thì chẳng thiên lệch, chấp trước, cho nên chẳng dấy lên tranh chấp. “**Dĩ thuận pháp cố, bất đa, bất thiếu**” (Vì thuận theo pháp, cho nên [thuyết pháp] chẳng nhiều, chẳng ít): Căn nhắc căn cơ là lợi hay độn, thuận theo căn khí mà trao truyền. Nói nhiều sẽ trở thành hý luận, do kẻ đó chẳng kham lãnh nhận, thông hiểu, chỉ uống phí văn từ, chẳng có lợi ích thật sự. Nếu có thể lãnh nhận, giải ngộ, sẽ như long vương Sa Kiệt La tuôn mưa xuống biển cả, cho đến vi trần nói, cỗi nước nói, vẫn chẳng là nhiều.

Phần thứ hai là giải thích đã xong.

14.2.2.3.1.3. Kết lại hạnh thành tựu

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị Bồ Tát Ma Ha Tát ư hậu Mạt thế, pháp diệt thời, hữu thành tựu thị đệ tam an lạc hạnh giả, thuyết thị pháp thời, vô năng nào loạn.

(經)文殊師利！是菩薩摩訶薩於後末世，法欲滅時，有成就是第三安樂行者，說是法時，無能惱亂。

(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trong cuối đời Mạt mai sau, khi pháp sắp diệt, hễ thành tựu hạnh an lạc thứ ba này, lúc nói pháp này, sẽ chẳng có gì có thể nào loạn được).

Đây là do Chỉ Hạnh mà thành, sự ác chẳng thể quấy nhiễu được!

(Kinh) Đắc hảo đồng học, cộng đọc tụng thị kinh, diệc đắc đại chúng nhi lai thính thọ. Thính dĩ năng trì. Trì dĩ năng tụng. Tụng dĩ năng thuyết. Thuyết dĩ năng thư. Nhược sử nhân thư, cúng dường kinh quyển, cung kính, tôn trọng, tán thán.

(經)得好同學，共讀誦是經，亦得大眾而來聽受。聽已能持。持已能誦。誦已能說。說已能書。若使人書，供養經卷，恭敬，尊重，讚歎」。

(Kinh: Có đồng học tốt đẹp cùng đọc tụng kinh này, cũng được đại chúng đến nghe nhận. Nghe rồi có thể trì, trì rồi có thể tụng, tụng rồi có thể nói, nói rồi có thể biên chép. Nếu có thể khiến cho người khác biên chép, cúng dường kinh quyển, cung kính, tôn trọng, tán thán).

Điều này do Quán Hạnh mà thành: Người thù thắng nhóm đến.
Phân Trường Hàng của Ý An Lạc Hạnh đã xong.

14.2.2.3.2. Kệ tụng

Lược đi không trùng tụng phần nêu đề mục.

14.2.2.3.2.1. Trùng tụng phần giải thích

14.2.2.3.2.1.1. Trùng tụng Chỉ Hạnh

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược dục thuyết thị kinh, đương xả tật, khuể, mạn, siểm cuồng, tà ngụy tâm, thường tu chất trực hạnh, bất khinh miệt ư nhân, diệc bất hỷ luận pháp, bất linh tha nghi hối, vân nhữ bất đắc Phật.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若欲說是經，當捨嫉恚慢，諂誑邪偽心，常修質直行，不輕蔑於人，亦不戲論法，不令他疑悔，云汝不得佛。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu muốn nói kinh này, nên bỏ ghen, giận, mạn, siểm cuống, tâm tà ngụy, thường tu hạnh chất trực, chẳng khinh miệt người khác, cũng chẳng hý luận pháp, chẳng khiến họ nghi hối, nói “ngươi chẳng thành Phật”).

Bốn câu đầu trùng tụng điều thứ nhất “không ghen ghét, dối gạt”. Hai chữ “khuể mạn” (sân hận và ngạo mạn) chính là cái gốc của ghen ghét. Hai chữ “tà ngụy” là cước chú của “siểm cuống”. “Thường tu hạnh chất trực” (Thường tu hạnh chất trực) chính là nói đến cách đối trị. Câu thứ năm trùng tụng điều thứ hai tức “chẳng khinh rẻ, chửi rửa”. Câu thứ sáu trùng tụng điều thứ tư “chẳng tranh giành”. Hai câu cuối, trùng tụng điều thứ ba “chẳng nào loạn”.

14.2.2.3.2.1.2. Trùng tụng Quán Hạnh

(Kinh) Thị Phật tử thuyết pháp, thường nhu hòa năng nhẫn, từ bi u nhất thiết, bất sanh giải đãi tâm. Thập phương đại Bồ Tát, mãn chúng cố hành đạo. Ưng sanh cung kính tâm, thị tắc ngã đại sư. Ư chư Phật Thế Tôn, sanh vô thượng phụ tướng, phá u kiêu mạn tâm, thuyết pháp vô chướng ngại.

(經)是佛子說法，常柔和能忍，慈悲於一切，不生懈怠心。十方大菩薩，愍眾故行道。應生恭敬心，是則我大師。於諸佛世尊，生無上父想，破於憍慢心，說法無障 礙

。

(Kinh: Phật tử ấy thuyết pháp, thường nhu hòa, nhẫn nhục, từ bi với hết thảy, chẳng sanh tâm giải đãi. Mười phương đại Bồ Tát, thương chúng sanh hành đạo. Nên sanh tâm cung kính, coi là bậc đại sư. Với chư Phật Thế Tôn, nghĩ cha lành vô thượng, phá cái tâm kiêu mạn, thuyết pháp chẳng chướng ngại).

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng điều thứ nhất là “*đại bi tướng*”. Bài kệ thứ hai, trùng tụng điều thứ ba “*tướng như đại sư*”. Nửa bài kệ kế đó, trùng tụng điều thứ hai “*tướng như cha lành*”. Nửa bài kệ cuối, trùng tụng điều thứ tư “*bình đẳng thuyết pháp*”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng lời giải thích” đã xong.

14.2.2.3.2.2. Trùng tụng hạnh thành tựu

(Kinh) *Đệ tam pháp như thị, trí giả ưng thủ hộ, nhất tâm an lạc hạnh, vô lượng chúng sở kính.*

(經)第三法如是，智者應守護，一心安樂行，無量眾所敬。

(Kinh: *Pháp thứ ba như thế, bậc trí nên thủ hộ, nhất tâm an lạc hạnh, vô lượng chúng cùng kính.*)

Phần thứ ba, Ý An Lạc Hạnh đã xong.

14.2.2.4. Thệ nguyện an lạc hạnh

14.2.2.4.1. Trường Hàng

14.2.2.4.1.1. Nêu ra hành pháp

14.2.2.4.1.1.1. Nêu đề mục

(Kinh) *Hỷ Văn Thủ Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát ư hậu Mạt thế, pháp diệt thời, hữu trì thị Pháp Hoa kinh giả.*

(經)又文殊師利！菩薩摩訶薩於後末世，法欲滅時，有持是法華經者。

(Kinh: *Lại này Văn Thủ Sư Lợi! Bồ Tát Ma Ha Tát trong đời Mạt mai sau, lúc pháp sắp diệt, có người trì kinh Pháp Hoa này.*)

14.2.2.4.1.1.2. Giải thích

14.2.2.4.1.1.2.1. Nêu rõ cảnh sở duyên của thệ nguyện

(Kinh) *Ư tại gia, xuất gia nhân trung, sanh đại từ tâm. Ư phi Bồ Tát nhân trung, sanh đại bi tâm.*

(經)於在家，出家人中，生大慈心。於非菩薩人中，生大悲心。

(Kinh: Đối với người tại gia, xuất gia, sanh tâm đại từ. Đối với kẻ chẳng phải là Bồ Tát, hãy sanh tâm đại bi).

Đã phát tâm tam thừa xuất thế thì gọi là “*tại gia*”. Người xuất gia hoàn toàn chưa phát tâm thì gọi là “*phi Bồ Tát nhân*” (kẻ chẳng phải là Bồ Tát). Trong số người đã phát tâm, người chưa đoạn Thông Hoặc, ở trong tam giới, thì gọi là “*tại gia nhân*”. Đã đoạn Thông Hoặc, thoát khỏi tam giới, thì gọi là “*xuất gia nhân*”. Điều này bao gồm trọn hết ba thừa trong Tạng Giáo và Thông Giáo cũng như bốn mươi tâm trong Biệt Giáo. “*Phi Bồ Tát nhân*” bao gồm trọn hết lục đạo tứ sanh. Cảnh mười pháp giới như thế, mỗi cảnh đều có Khổ và Tập cần phải dẹp trừ, hãy đều nên khởi lòng đại bi. [Mỗi giáo] đều có Đạo và Diệt phải nên ban cho, đều phải nên dấy lòng đại từ. Nhưng người đã phát tâm, mầm thiện đã nảy sanh, do điều thiện ấy mà thành tựu tốt đẹp. Vì vậy, dấy lòng đại từ. Lòng từ ấy có thể dẹp trừ nổi khổ do Tam Hoặc. Kẻ chưa phát tâm, tập khí ác đặc biệt mạnh mẽ, do điều ác ấy phải nên cứu vớt, cho nên dấy lòng đại bi. Lòng bi ấy có thể ban cho niềm vui Tam Đức. Đó gọi là “*duyên theo Vô Tác Đức, dấy lên thệ nguyện Vô Tác*”.

14.2.2.4.1.1.2.2. Nêu ra nguyên do của thệ nguyện

(Kinh) Ứng tác thị niệm: Như thị chi nhân, tắc vi đại thất. Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, bất văn, bất tri, bất giác, bất vấn, bất tín, bất giải.

(經)應作是念：如是之人，則為大失。如來方便隨宜說法，不聞，不知，不覺，不問，不信，不解。

(Kinh: Hãy nên nghĩ như thế này: Người như thế chính là bị mất mát to lớn. Đối với phương tiện tùy nghi thuyết pháp của Như Lai, [kẻ đó] chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu).

“*Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp*” là nói chung giáo pháp trong cả một đời [đức Phật], dù Đốn hay Tiệm, dù Đại hay Tiểu, dù

Viên hay Thiên, dù Hiển hay Mật, hoặc định, bất định, cho đến nói kèm theo, hoặc nói đơn độc, hoặc là đối lập, hoặc dung hòa, hoặc khai, hoặc hiển, hoặc phế, hoặc lập, mỗi mỗi đều là phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn! Mỗi mỗi đều là tùy thuận thích đáng với chúng sanh. Kẻ chẳng phải là Bồ Tát sẽ chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay Quyền pháp. Tại gia, xuất gia Bồ Tát chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu diệu pháp. Do chẳng nghe, cho nên chẳng có Văn Huệ nơi tam thừa. Do chẳng biết, cho nên chẳng có Tư Huệ nơi tam thừa. Do chẳng hay, nên chẳng có Tu Huệ nơi tam thừa. Do chẳng hỏi, nên chẳng có Văn Huệ nơi Nhất Thừa. Do chẳng tin, nên chẳng có Tư Huệ nơi Nhất Thừa. Do chẳng hiểu, nên chẳng có Tu Huệ nơi Nhất Thừa. Đây đều là vì mê đối với Đạo và Diệt nơi Bốn, cho nên đều là các thứ Khổ và Tập trong và ngoài tam giới, chẳng thấu đạt bản thể của Khổ và Tập chính là Đạo, Diệt! Đây chính là nguyên do dấy lên thế nguyện rộng lớn!

14.2.2.4.1.1.2.3. Chánh lập thế nguyện

(Kinh) Kỳ nhân tuy bất vấn, bất tín, bất giải thị kinh, ngã đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thời, tùy tại hà địa, dĩ thần thông lực, trí huệ lực, dẫn chỉ linh đắc trụ thị pháp trung.

(經)其人雖不問，不信，不解是經，我得阿耨多羅三藐三菩提時，隨在何地，以神通力，智慧力，引之令得住是法中。

(Kinh: Người ấy tuy chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, khi ta đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ tùy theo người ấy thuộc địa vị nào mà dùng sức thần thông, sức trí huệ dẫn dắt, khiến cho người ấy được trụ trong pháp này).

Trong phần trước đã nói về nguyên do của sự thế nguyện, cùng nêu ra chẳng có Tam Huệ Quyền Thật. Nay chỉ xét theo “không có Viên Giác Tam Huệ” để lập thế. Do Thật có thể nhiếp Quyền, chỉ thiếu Viên huệ, vẫn còn đáng thương! Huống hồ những kẻ đang trầm mê, càng phải nên đau đáu xót thương. “*Thần thông lực*” chính là sức từ “áo Như Lai” và “nhà Như Lai”, chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi. Trước hết, dùng Định để lay động họ. “*Trí huệ lực*” là sức từ “tòa của Như Lai”, từ

biện tài trang nghiêm. Sau đó, dùng Huệ để cứu bạt, dẫn dắt họ trụ trong pháp này, ắt vì Thật mà thực hiện Quyền, khai Quyền hiển Thật.

Phần thứ hai, “giải thích” đã xong.

14.2.2.4.1.1.3. Kết luận về hạnh thành tựu

14.2.2.4.1.1.3.1. Nói về là lỗi

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị Bồ Tát Ma Ha Tát ư Như Lai diệt hậu, hữu thành tựu thứ đệ tứ pháp giả, thuyết thị pháp thời, vô hữu quá thất.

(經)文殊師利！是菩薩摩訶薩於如來滅後，有成就此第四法者，說是法時，無有過失。

(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy sau khi Như Lai diệt hậu, thành tựu pháp thứ tư này, lúc nói pháp này, sẽ chẳng có lầm lỗi).

Dây lòng đại từ bi là thành tựu hạnh “nhập Như Lai thất”. Biết các Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát v.v... đánh mất Tam Huệ Quyền Thật, chính là thành tựu hạnh “ngôi tòa Như Lai”. Hoàng thế chế phục cái tâm, từ đầu tới cuối chẳng mệt mỏi, chính là thành tựu hạnh “áo của Như Lai”. Do thành tựu hạnh “Như Lai thất” (nhà của Như Lai), chẳng có lỗi lầm sâu cấu. Do thành tựu hạnh “ngôi tòa Như Lai”, chẳng có lỗi lầm siểm khúc, dối lừa. Do thành tựu hạnh “áo Như Lai”, chẳng có lỗi lầm giải đãi. Đã tự dẹp khổ, lại còn dẹp khổ trọn khắp cho người khác, có ý nghĩa giống như thành tựu Chỉ Hạnh.

14.2.2.4.1.1.3.2. Nêu ra lợi ích

14.2.2.4.1.1.3.2.1. Nêu ra điều lợi ích

(Kinh) Thường vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà-la-môn, cư sĩ đẳng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Hư không chư thiên vị thính pháp cố, diệc thường tùy thị. Nhược tại tự lạc, thành ấp, không nhân, lâm trung, hữu nhân lai dục nạn vấn giả, chư thiên trú dạ thường vị pháp cố, nhi vệ hộ chi, năng linh thính giả giai đắc hoan hỷ.

(經)常為比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、國王、王子、大臣、人民、婆羅門、居士等供養，恭敬，尊重，讚歎。虛空諸天為聽法故，亦常隨侍。若在聚落，城邑，空閑，林中，有人來欲難問者，諸天晝夜常為法故，而衛護之，能令聽者皆得歡喜。

(Kinh: Thường được tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà-la-môn, cư sĩ v.v... cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Chư thiên trong hư không vì nghe pháp, cũng thường theo hầu. Nếu ở trong xóm làng, thành ấp, chỗ thanh vắng, hoặc trong rừng, có người đến muốn vấn hỏi, chư thiên ngày đêm thường vì pháp mà bảo vệ, khiến cho người nghe đều được hoan hỷ).

Do thành tựu hạnh “*Như Lai thất*”, được trời, người cúng dường. “*Tùy thị thính pháp*” (Theo hầu nghe pháp) là hạnh “*áo Như Lai*” thành tựu. “*Chư thiên bảo vệ, [kẻ khác] chẳng thể vấn hỏi*” là do hạnh “*tòa Như Lai*” thành tựu. Người nghe hoan hỷ là tự mình đã đạt được an lạc, làm cho trọn khắp người khác cũng được vui sướng, có ý nghĩa giống như Quán Hạnh thành tựu!

14.2.2.4.1.1.3.2.2. Kết lại lời giải thích

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thử kinh thị nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật thần lực sở hộ cố.

(經)所以者何？此經是一切過去，未來，現在諸佛神力所護故。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Do kinh này được gia hộ bởi thần lực của hết thảy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật).

Tam thế chư Phật đều cùng thủ hộ kinh điển mâu nhiệm như thế. Người nói kinh há chẳng đạt được lợi ích to lớn như vậy ư?

Phần thứ nhất, “nói về hành pháp” đã xong.

14.2.2.4.1.2. Tán thán kinh

14.2.2.4.1.2.1. Dựa theo pháp, tán thán đại lược

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thị Pháp Hoa kinh ư vô lượng quốc trung, nãi chí danh tự bất khả đắc văn, hà hướng đắc kiến thọ trì, đọc tụng.

(經)文殊師利！是法華經於無量國中，乃至名字不可得聞，何況得見受持，讀誦。

(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này trong vô lượng cõi, thậm chí còn chẳng thể được nghe danh tự, hướng hồ là được thấy, thọ trì, đọc tụng).

Chư Phật xuất thế lâu xa khó gặp gỡ. Ngay như khi Phật xuất thế, [vẫn phải] giữ kín điều trọng yếu này đã lâu. Vì thế, nghe tên còn chẳng thể được, hướng hồ được thấy ư? Hướng hồ thọ trì ư? Hướng hồ đọc tụng ư? Có nghĩa là nay được thấy, thọ trì, đọc tụng [kinh này], thì chính là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, hãy nên trân trọng, tu hành đúng như lời dạy.

14.2.2.4.1.2.2. Dùng thí dụ để tán thán cận kề

14.2.2.4.1.2.2.1. Thí dụ chẳng ban cho viên châu

14.2.2.4.1.2.2.1.1. Lập thí dụ

14.2.2.4.1.2.2.1.1.1. Oai thế chế phục các nước

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thí như cường lực Chuyển Luân Thánh Vương, dục dĩ oai thế hàng phục chư quốc.

(經)文殊師利！譬如強力轉輪聖王，欲以威勢降伏諸國。

(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có sức mạnh mẽ, muốn dùng oai thế để hàng phục các nước).

Luân Vương ví như Như Lai hóa độ cõi đời. “Chư quốc” ví như các cảnh Âm, Nhập, Giới.

14.2.2.4.1.2.2.1.1.2. Tiểu vương chẳng tuân phục

(Kinh) Nhi chư tiểu vương bất thuận kỳ mạng.

(經)而諸小王不順其命。

(Kinh: Nhưng các tiểu vương chẳng tuân theo mạng lệnh vua).

“Tiểu vương” ví như các phiến não ma “kiến, ái” v.v... tức là phùng giặc cướp thường được gọi là “vua trong rừng”. Chưa được vô lậu điều phục thì gọi là “bất thuận kỳ mạng”.

14.2.2.4.1.2.2.1.1.3. Khởi binh thảo phạt

(Kinh) Thời, Chuyển Luân Vương khởi chủng chủng binh, nhi vãng thảo phạt.

(經)時，轉輪王起種種兵，而往討伐。

(Kinh: Khi đó, Chuyển Luân Vương dậy các thứ quân tới đánh dẹp).

Giới như áo giáp cứng, Định như doanh trại, thành lũy. Huệ như vũ khí sắc bén, Phương pháp trong Thất Hiền như tiền quân. Phương pháp của Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm là thứ quân. Phương pháp của A Na Hàm, A La Hán là hậu quân. Đối tượng bị phá là tám vạn bốn ngàn loại giặc cướp như Tam Độc v.v... Người phá giặc chính là binh lính tám vạn bốn ngàn pháp môn (tức tám vạn bốn ngàn pháp uẩn trong Tiểu Thừa).

14.2.2.4.1.2.2.1.1.4. Do [binh tướng] có công nên hoan hỷ ban thưởng

(Kinh) Vương kiến binh chúng chiến hữu công giả, tức đại hoan hỷ, tùy công thưởng tứ. Hoặc dĩ điền trạch, tỳ lạc, thành ấp, hoặc dĩ y phục, nghiêm thân chi cụ, hoặc dĩ chủng chủng trân bảo, kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, tượng, mã, xa thặng, nô tỳ, nhân dân.

(經)王見兵眾戰有功者，即大歡喜，隨功賞賜。或與田宅，聚落，城邑。或與衣服，嚴身之具。或與種種珍寶，金，銀，琉璃，磑磑，碼瑙，珊瑚，琥珀，象，馬，車乘，奴婢，人民。

(Kinh: Vua thấy các binh sĩ chiến đấu có công, liền hết sức hoan hỷ, tùy theo công mà ban thưởng. Hoặc ban cho ruộng, nhà, làng xóm, thành ấp. Hoặc ban cho y phục, vật dụng trang hoàng nơi thân. Hoặc ban cho các thứ trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, nhân dân).

Ruộng ví như Thiên Định, nhà ví như giải thoát, làng xóm ví như Sơ Quả, Nhị Quả. Ấp sánh ví Tam Quả. Thành ví như Niết Bàn, tức đệ tứ quả. Y phục ví như Tàm, Nhẫn, các thiện pháp. Vật dụng trang sức thân thể ví như hết thảy thiện pháp trợ đạo. Các thứ bảy báu ví như bảy khoa vô lậu đạo phẩm. Voi, ngựa, xe cộ ví như Tận Trí và Vô Sanh Trí của Nhị Thừa. Nô tỳ ví như thân thông. Nhân dân ví như thiện pháp hữu lậu.

14.2.2.4.1.2.2.1.1.5. Chỉ không ban cho bảo châu

(Kinh) Duy kể trung minh châu, bất dĩ dữ chi. Sở dĩ giả hà? Độc vương dẫn thượng hữu thử nhất châu. Nhược dĩ dữ chi, vương chư quyền thuộc tất đại kinh quái.

(經)唯髻中明珠，不以與之。所以者何？獨王頂上有此一珠。若以與之，王諸眷屬必大驚怪。

(Kinh: Chỉ có viên minh châu trong búi tóc là chẳng dùng để ban cho. Vì lẽ nào vậy? Chỉ riêng trên đỉnh đầu nhà vua có một viên châu ấy. Nếu đem cho thì các quyền thuộc của nhà vua sẽ hết sức kinh hãi, ngạc nhiên).

Có kẻ căn cơ “thoát khỏi Phân Đoạn” đầy động thì gọi là “tiểu công huân”. Có kẻ căn cơ “thoát khỏi Biến Dịch” đầy động thì là “đại công huân”. Nếu chưa được Đại Thừa huân tập, bỗng ban cho viên châu trong búi tóc, quyền thuộc sẽ kinh hoảng, ngạc nhiên. Ví như căn cơ Đại Thừa của chúng sanh chưa phát khởi, bỗng nói kinh này, không chỉ Nhị Thừa nghi hoặc, ngay cả Bồ Tát cũng kinh động, lầy làm lạ.

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

14.2.2.4.1.2.2.1.2. Đối ứng thí dụ với pháp

14.2.2.4.1.2.2.1.2.1. Đối ứng thí dụ oai thế hàng phục các nước với pháp

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Như Lai diệt phục như thị, dĩ Thiên Định, trí huệ lực, đắc pháp quốc độ, vương ư tam giới.

(經)文殊師利！如來亦復如是，以禪定，智慧力，得法國土，王於三界。

(Kinh: Này Văn Thù Sư Lợi! Như Lai cũng giống như thế, dùng sức Thiên Định và trí huệ, đạt được cõi nước pháp, làm vua trong tam giới).

“Thiên Định, trí huệ lực, đắc pháp quốc độ”: Thiên Định là hạnh từ nhẫn thành tựu. Phước đức trang nghiêm là giải thoát đức. Trí huệ là do hạnh “Không tòa” thành tựu. Trí huệ trang nghiêm chính là Bát Nhã đức. Dùng hai phép tu ấy để hiển thị một tánh, tương ứng với [thí dụ] Chuyển Luân Thánh Vương trong phần trên. Tuy là dòng dõi nhà vua, do có sức mạnh mẽ, cho nên được lên ngôi cao tột; vì thế nói “*đắc pháp quốc độ*” (đạt được cõi nước pháp), tức là chứng cõi Thường Tịch Quang. “*Vương ư tam giới*” (Vua trong tam giới): Thống nhiếp ba cõi Thật Báo, Phương Tiện và Đồng Cư, tương ứng với “*dục dĩ oai thế hàng phục chư quốc*” (muốn dùng oai thế hàng phục các nước), khiến cho họ đoạn Tam Hoặc, thoát khỏi hai loại tử (Biến Dịch và Phần Đoạn), thuận theo pháp tánh.

14.2.2.4.1.2.2.1.2.2. Đối ứng thí dụ “tiểu vương chẳng thuận tùng” với pháp

(Kinh) Nhi chư ma vương, bất kháng thuận phục.

(經)而諸魔王，不肯順伏。

(Kinh: Nhưng các ma vương chẳng chịu thuận theo, phục tùng).

Nơi tam giới thuộc Đồng Cư bèn có ma vương Ái Kiến (Kiến Tư Hoặc), tam giới trong cõi Phương Tiện thì có ma vương Trần Sa, tam giới trong Thật Báo thì có ma vương Vô Minh. Chúng đều chẳng thuận theo pháp tánh.

14.2.2.4.1.2.2.1.2.3. Đối ứng với pháp chuyện dấy binh chinh phạt

(Kinh) Như Lai hiện thánh chư tướng, dũ chi cộng chiến.

(經)如來賢聖諸將，與之共戰。

(Kinh: Các tướng hiện thánh của Như Lai cùng chiến đấu với bọn chúng).

Tức là Thất Hiền tiền quân cho đến Tứ Quả hậu quân, giao chiến với các phiến não ái kiến trong tam giới.

14.2.2.4.1.2.2.1.2.4. Đối ứng với pháp chuyện “có công được vua hoan hỷ ban thưởng”

(Kinh) Kỳ hữu công giả, tâm diệt hoan hỷ, ư tứ chúng trung, vị thuyết chư kinh, linh kỳ tâm duyệt. Tứ dĩ Thiên Định, giải thoát, vô lậu, căn, lực chư pháp chi tài. Hựu phục tứ dũ Niết Bàn chi thành, ngôn đắc diệt độ, dẫn đạo kỳ tâm, linh giai hoan hỷ.

(經)其有功者，心亦歡喜，於四眾中，為說諸經，令其心悅。賜以禪定，解脫，無漏，根，力諸法之財。又復賜與涅槃之城，言得滅度，引導其心，令皆歡喜。

(Kinh: Do họ có công, tâm Phật cũng hoan hỷ, ở trong tứ chúng, vì họ nói các kinh, khiến cho tâm họ vui sướng. Ban cho các pháp tài như Thiên Định, giải thoát, vô lậu, căn, lực... Lại còn ban thưởng thành Niết Bàn, nói là “được diệt độ”, hướng dẫn tâm họ, khiến cho họ đều hoan hỷ).

Có thể hàng phục kiến ái thì gọi là “có công”, những điều khác dễ hiểu!

14.2.2.4.1.2.2.1.2.5. Đối ứng với pháp chuyện “chỉ không cho châu”

(Kinh) Nhi bất vị thuyết thị Pháp Hoa kinh.

(經)而不為說是法華經。

(Kinh: Nhưng chẳng vì họ nói kinh Pháp Hoa này).

Tuy trừ trước chướng, căn cơ Đại Thừa chưa phát. Vì thế, chẳng vì họ nói. Phần thứ nhất, “thí dụ về chẳng cho viên minh châu” đã xong.

14.2.2.4.1.2.2.2. Thí dụ ban cho viên châu

14.2.2.4.1.2.2.2.1. Lập thí dụ

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Như Chuyển Luân Vương kiến chư binh chúng hữu đại công giả, tâm thậm hoan hỷ, dĩ thử nan tín chi châu, cửu tại kế trung, bất vọng dữ nhân, nhi kim dữ chi.

(經)文殊師利！如轉輪王見諸兵眾有大功者，心甚歡喜，以此難信之珠，久在髻中，不妄與人，而今與之。

(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Như vua Chuyển Luân thấy các quân lính có công to, tâm rất hoan hỷ, dùng viên châu khó tin ấy ở trong búi tóc đã lâu, chẳng tùy tiện cho người khác, mà nay đem cho).

Như Ý châu vương tròn sáng ví như Trung Đạo Thật Trí, thể toàn vẹn ba đức, “viên” tức là Pháp Thân đức, “minh” tức là Bát Nhã đức. Châu Như Ý tuôn ra chất báu, tức Giải Thoát đức. Cực quả được tôn sùng, cho nên ở trên đỉnh đầu của vua. Kẻ bày tội từ trước tới nay chưa hề thấy nghe, vì thế gọi là “nan tín” (khó tin). Thật vì Quyền mà ẩn, cho nên nói “cửu tại kế trung” (ở trong búi tóc đã lâu). Tháo búi tóc tức là khai Quyền. “Cho châu” tức là hiển Thật.

14.2.2.4.1.2.2.2.2. Đối ứng với pháp

(Kinh) Như Lai diệt phục như thị, u tam giới trung, vi đại pháp vương, dĩ pháp giáo hóa nhất thiết chúng sanh. Kiến hiện thánh quân, dữ ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma cộng chiến, hữu đại công huân, diệt tam độc, xuất tam giới, phá ma vông. Nhĩ thời, Như Lai diệt đại hoan hỷ. Thử Pháp Hoa kinh năng linh chúng sanh chí Nhất Thiết Trí, nhất thiết thế gian đa oán, nan tín, tiên sở vị thuyết, nhi kim thuyết chi.

(經)如來亦復如是，於三界中，為大法王，以法教化一切眾生。見賢聖軍，與五陰魔，煩惱魔，死魔共戰，有

大功勳，滅三毒，出三界，破魔網。爾時，如來亦大歡喜。此法華經能令眾生至一切智，一切世間多怨，難信，先所未說，而今說之。

(Kinh: Như Lai cũng giống như thế, ở trong tam giới, làm đại pháp vương, dùng pháp giáo hóa hết thấy chúng sanh. Thấy quân hiền thánh giao chiến với ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma, có công huân to lớn, diệt tam độc, thoát tam giới, xé rách lưới ma. Lúc bấy giờ, Như Lai cũng rất hoan hỷ. Kinh Pháp Hoa này có thể khiến cho chúng sanh đạt tới Nhất Thiết Trí, hết thấy thế gian phần nhiều oán hận, khó tin, trước kia chưa từng nói mà nay nói ra).

Kinh Đại Tập nói: “Tri khổ, hoại Âm Ma. Đoạn Tập, ly phiền não ma. Chứng Diệt, ly tử ma. Tu Đạo, hoại thiên tử ma” (Biết khổ, hoại Âm Ma. Đoạn Tập là phiền não ma. Chứng Diệt, là tử ma. Tu Đạo, hoại thiên ma). Đây là xét theo Tiểu Thừa phá tứ ma trong tam giới mà nói. Nhưng Tiểu Thừa tu đạo xuất thế, chỉ có thiên ma chẳng thể ngăn chướng, cho nên nói là “hoại thiên tử ma”. Thật ra, chưa thể hàng phục thiên ma.

Chỉ có Ứng Thân của Như Lai trong tám tướng thành đạo là thị hiện hàng phục thiên ma. Nay nói “dĩ ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma cộng chiến, diệt tam độc, xuất tam giới” (cùng giao chiến với ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma, diệt tam độc, ra khỏi tam giới), tức là thành tựu Phần Đoạn. Lại nói “hữu đại công huân, phá ma vông” (có công huân lớn, xé rách lưới ma), tức là căn cơ Đại Thừa đã phát khởi. Vì thế nói “đại hoan hỷ nhi thuyết thử nan tín chi diệu kinh” (rất hoan hỷ mà nói kinh màu nhiệm khó tin này).

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Thử Pháp Hoa kinh thị chư Như Lai đệ nhất chi thuyết. Ư chư pháp trung, tối vi thậm thâm, mật hậu tứ dĩ, như bĩ cường lực chi vương, cứu hộ minh châu, kim nãi dĩ chi. Văn Thù Sư Lợi! Thử Pháp Hoa kinh chư Phật Như Lai bí mật chi tạng. Ư chư kinh trung, tối tại kỳ thượng, trường dạ thủ hộ, bất vọng tuyên thuyết. Thử u kim nhật, nãi dĩ nhữ đẳng nhi phu diễn chi.

(經)文殊師利！此法華經是諸如來第一之說。於諸法中，最為甚深，末後賜與，如彼強力之王，久護明珠，今乃與之。文殊師利！此法華經諸佛如來秘密之藏。於諸經中，最在其上，長夜守護，不妄宣說。始於今日，乃與汝等而敷演之」。

(Kinh: Đây Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này là lời dạy bậc nhất của các Như Lai. Trong các pháp, rất sâu tột cùng, ban cho sau cùng, [giống như] mình châu được nhà vua mạnh mẽ gìn giữ lâu ngày, nay bèn ban cho. Đây Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của chư Phật Như Lai. Trong các kinh là tối thượng, đêm dài thủ hộ, chẳng tùy tiện tuyên nói. Ngày nay mới phô diễn cho các ông).

Đã kết hợp pháp với thí dụ xong, lại nêu thí dụ nhằm phù hợp khí khai, ân cần tán thán, không gì chẳng trọn đủ. Muốn cho người nghe sanh ý tưởng khó gặp gỡ, nương vào An Lạc Hạnh để kính yêu, thọ trì, hoằng dương.

Phần Trường Hàng của thế nguyện An Lạc Hạnh đã xong.

14.2.2.4.2. Kệ tụng

14.2.2.4.2.1. Trùng tụng hành pháp

14.2.2.4.2.1.1. Trùng tụng hạnh thành tựu

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thường hành hạnh nhẫn nhục, ai mãn nhất thiết, nãi năng diễn thuyết, Phật sở tán kinh.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「常行忍辱，哀愍一切，乃能演說，佛所讚經。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Thường hành hạnh nhẫn nhục, tâm xót thương hết thấy, bèn có thể diễn nói, kinh được Phật tán thán).

Trong phần trước đã nói chung hạnh thành tựu, nay trùng tụng sự hiển thị riêng biệt. Câu thứ nhất trùng tụng hạnh “mặc áo [Như Lai]” thành tựu. Câu kế tiếp, trùng tụng hạnh “nhập thất” (vào nhà Như Lai)

thành tựu. “Diễn thuyết” là trùng tụng hạnh “ngồi tòa của Như Lai” thành tựu.

14.2.2.4.2.1.2. Truy tụng hành pháp

14.2.2.4.2.1.2.1. Trùng tụng cảnh sở duyên của thế nguyện

(Kinh) Hậu Mạt thế thời, trì thử kinh giả, ư gia, xuất gia, cập phi Bồ Tát, ưng sanh từ bi.

(經)後末世時，持此經者，於家出家，及非菩薩，應生慈悲。

(Kinh: Vào đời Mạt sau này, người thọ trì kinh này, với tại gia, xuất gia, và chẳng phải Bồ Tát, nên sanh lòng từ bi).

14.2.2.4.2.1.2.2. Trùng tụng nguyên do đẩy lên thế nguyện

(Kinh) Tư đẳng bất văn, bất tín thị kinh, tắc vi đại thất.

(經)斯等不聞，不信是經，則為大失。

(Kinh: Bọn họ chẳng được nghe, chẳng tin tưởng kinh này, chính là mất mát to lớn).

14.2.2.4.2.1.2.3. Trùng tụng lập thế nguyện

(Kinh) Ngã đắc Phật đạo, dĩ chư phương tiện, vị thuyết thử pháp, linh trụ kỳ trung.

(經)我得佛道，以諸方便，為說此法，令住其中。

(Kinh: Ta đã đắc Phật đạo, bèn dùng các phương tiện, vì họ thuyết pháp này, khiến họ trụ trong đó).

Phần thứ nhất, “trùng tụng hành pháp” đã xong.

14.2.2.4.2.2. Trùng tụng tán thán kinh

Chỉ trùng tụng phần dựa theo thí dụ để rộng tán thán, chẳng trùng tụng sự tán thán đại lược dựa theo pháp. Phần Trường Hàng lại có hai thí dụ và hai phần đối ứng thí dụ với pháp, nay kệ tụng chia thành hai phần:

Một là trùng tụng chung hai thí dụ. Hai là trùng tụng chung hai phần đối ứng với pháp.

14.2.2.4.2.2.1. Trùng tụng chung hai thí dụ

(Kinh) Thí như cường lực, Chuyển Luân chi vương, binh chiến hữu công, thưởng tứ chư vật, tượng, mã, xa thặng, nghiêm thân chi cụ, cấp chư điền trạch, tុ lạc, thành ấp, hoặc dĩ y phục, chủng chủng trân bảo, nô tỳ, tài vật, hoan hỷ tứ dĩ. Như hữu dũng kiện, năng vì nan sự, vương giải kể trung, minh châu tứ chi.

(經)譬如強力，轉輪之王，兵戰有功，賞賜諸物，象馬車乘，嚴身之具，及諸田宅，聚落城邑，或與衣服，種種珍寶，奴婢財物，歡喜賜與。如有勇健，能為難事，王解髻中，明珠賜之。

(Kinh: Ví như vua mạnh mẽ, bậc Chuyển Luân thánh vương, quân chiến đấu có công, ban thưởng cho các vật, voi, ngựa, và xe cộ, các vật trang nghiêm thân, và thưởng cho ruộng nhà, thôn xóm, hoặc thành ấp, hoặc ban cho y phục, đủ mọi thứ trân bảo, nô tỳ và của cải, đều hoan hỷ thưởng cho. Như có kẻ mạnh mẽ, có thể làm chuyện khó, vua bèn tháo búi tóc, thưởng cho viên minh châu).

Ba bài kệ đầu trùng tụng thí dụ “chẳng ban cho bảo châu”, bài kệ cuối cùng trùng tụng thí dụ “ban thưởng bảo châu”.

14.2.2.4.2.2.2. Trùng tụng hai phần đối ứng với pháp

(Kinh) Như Lai diệt nhĩ, vì chư pháp vương, nhĩ nhục đại lực, trí huệ bảo tạng, dĩ đại từ bi, như pháp hóa thế. Kiến nhất thiết nhân, thọ chư khổ não, dục cầu giải thoát, dĩ chư ma chiến. Vị thị chúng sanh, thuyết chủng chủng pháp. Dĩ đại phương tiện, thuyết thử chư kinh. Ký tri chúng sanh, đắc kỳ lực dĩ, mật hậu nãi vị, thuyết thị Pháp Hoa. Như vương giải kể, minh châu dĩ chi. Thử kinh vì tôn, chúng sanh trung thượng. Ngã thường thủ hộ, bất vọng khai thị. Kim chánh thị thời, vị nhữ đẳng thuyết.

(經)如來亦爾，為諸法王，忍辱大力，智慧寶藏，以大慈悲，如法化世。見一切人，受諸苦惱，欲求解脫，與諸魔戰。為是眾生，說種種法。以大方便，說此諸經。既知眾生，得其力已，末後乃為，說是法華。如王解髻，明珠與之。此經為尊，眾經中上。我常守護，不妄開示。今正是時，為汝等說。

(Kinh: Như Lai cũng như thế, là vua của các pháp, sức nhẫn nhục to lớn, có kho báu trí huệ, do lòng đại từ bi, đúng như pháp độ đời. Thấy hết thấy mọi người, đang chịu các khổ não, mong muốn được giải thoát, cùng các ma chiến đấu. Bèn vì chúng sanh ấy, nói ra các thứ pháp. Dùng phương tiện to lớn, để nói các kinh điển. Đã biết các chúng sanh, đều đắc lực cả rồi, cuối cùng sẽ vì họ, nói kinh Pháp Hoa này. Như vua gỡ búi tóc, đem mình châu ban cho. Kinh này đáng tôn quý, đứng đầu trong các kinh. Ta thường luôn thủ hộ, chẳng tùy tiện khai thị. Nay chính là phải lúc, bèn vì các ông nói).

Ba bài kệ rưới đầu trùng tụng đối ứng pháp với thí dụ “chẳng cho châu”. Ba bài kệ sau, trùng tụng đối ứng pháp với chuyện “cho châu”.

Phần thứ hai, “giải thích phương pháp tu hành” đã xong.

14.2.3. Nêu chung tướng thực hành thành tựu

14.2.3.1. Kết khuyến tứ hạnh

(Kinh) Ngã diệt độ hậu, cầu Phật đạo giả, dục đắc an ổn, diễn thuyết tư kinh, ưng đương thân cận, như thị tứ pháp.

(經)我滅度後，求佛道者，欲得安隱，演說斯經，應當親近，如是四法。

(Kinh: Sau khi ta diệt độ, hễ ai cầu Phật đạo, mong muốn được an ổn, diễn nói bộ kinh này, thì phải nên thân cận, bốn pháp như thế đó).

14.2.3.2. Nêu ra ba quả báo để khuyến nhủ

Cũng gọi là “ba chướng thanh tịnh”. Phần này lại chia thành ba tiểu đoạn:

14.2.3.2.1. Chuyển báo chướng, tức chuyển hiện báo

(Kinh) Độc thị kinh giả, thường vô ưu não, hựu vô bệnh thống, nhan sắc tiền bạch.

(經)讀是經者，常無憂惱，又無病痛，顏色鮮白。

(Kinh: Người đọc bộ kinh này, thường chẳng có ưu não, lại chẳng bị đau bệnh, vẻ mặt trắng, sáng tươi).

Thường chẳng có ưu sầu, khổ não, [tức là] chuyển cái tâm trong hiện báo. Lại chẳng có bệnh khổ v.v... tức là chuyển sắc diện trong hiện báo.

14.2.3.2.2. Chuyển nghiệp chướng báo, tức là chuyển sanh báo

(Kinh) Bất sanh bần cùng, ty tiện xú lậu.

(經)不生貧窮，卑賤醜陋。

(Kinh: Chẳng sanh làm bần cùng, hèn hạ và xấu xí).

Do cái nhân ác nghiệp, bèn cảm ác quả. Trì kinh thì sẽ chẳng tạo nghiệp bần tiện. Do vậy, chẳng sanh vào chỗ hèn tệ!

14.2.3.2.3. Chuyển phiền não chướng, tức là chuyển hậu báo

14.2.3.2.3.1. Nói riêng: Chuyển biến ba món phiền não chướng

14.2.3.2.3.1.1. Chuyển tham chướng

(Kinh) Chúng sanh nhạo kiến, như mộ hiền thánh. Thiên chư đồng tử, dĩ vi cấp sử.

(經)眾生樂見，如慕賢聖。天諸童子，以為給使。

(Kinh: Chúng sanh ưa thích thấy, như ngưỡng mộ hiền thánh. Các đồng tử cõi trời, sẽ làm kẻ hầu hạ).

Người lăm tham dục sẽ bị kẻ khác coi thường, khinh mạn. Lại còn chướng ngại sanh làm Phạm Thiên. Nay chuyển tham dục chướng, cho nên được chúng sanh tôn kính, ngưỡng mộ, các đồng tử cõi trời làm kẻ hầu!

14.2.3.2.3.1.2. Chuyển sân chướng

(Kinh) Đao trượng bất gia, độc bất năng hại. Nhược nhân ác mạ, khẩu tắc bế tắc. Du hành vô úy, như sư tử vương.

(經)刀杖不加，毒不能害。若人惡罵，口則閉塞。遊行無畏，如師子王。

(Kinh: Đao, gây chẳng thể đánh, chất độc chẳng thể hại. Nếu kẻ nào rửa sả, miệng hẳn sẽ tắc nghẽn. Đạo chơi không sợ hãi, giống như sư tử chúa).

Xả sân sẽ trừ đao tiễn bên trong. Vào trong chiến trận thì những thứ sắc bén bên ngoài chẳng thể gây tổn thương được!

14.2.3.2.3.1.3. Chuyển si chướng

(Kinh) Trí huệ quang minh, như nhật chi chiếu.

(經)智慧光明，如日之照。

(Kinh: Quang minh của trí huệ, chiếu như vàng mặt trời).

Phần thứ nhất, “nói riêng về sự chuyển biến của ba món phiền não chướng” đã xong.

14.2.3.2.3.2. Nói chung về sự chuyển đổi hết thấy phiền não chướng

Do An Lạc Hạnh đã là hạnh của Như Lai; cho nên người hoằng kinh biểu hiện sẵn sự thành tựu nơi quả. Hãy nên biết công năng hoằng dương có sức mạnh chẳng nhỏ. Hơn nữa, chuyện trong trăm ngàn vạn ức kiếp đều ở trong một niệm mộng, biểu thị diệu pháp chẳng thể nghĩ bàn. Vô lượng trong một, một trong vô lượng, tướng ấy hiện tiền, sau này chắc chắn sẽ đắc quả. Suốt đời hoằng giáo, công siêu lũy kiếp!

14.2.3.2.3.2.1. Trong mộng, thấy được dự vào địa vị Thập Tín Tương Tự

(Kinh) Nhược ư mộng trung, dẫn kiến diệu sự. Kiến chư Như Lai, tọa sư tử tòa, chư tỳ-kheo chúng, vì nhiều thuyết pháp. Hựu kiến long thần, A Tu La đẳng, số như Hằng sa, cung kính hiệp chưởng. Tự kiến kỳ thân, nhi vị thuyết pháp.

(經)若於夢中，但見妙事。見諸如來，坐師子座，諸比丘眾，圍繞說法。又見龍神，阿修羅等，數如恆沙，恭敬合掌。自見其身，而為說法。

(Kinh: Hoặc là ở trong mộng, chỉ thấy chuyện mầu nhiệm. Thấy các vị Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, thấy các vị tỳ-kheo, vây quanh nghe thuyết pháp. Lại thấy các rồng, thần, hàng A Tu La thấy, số như cát sông Hằng, đều cung kính chấp tay. Tự thấy thân chính mình, đang vì họ thuyết pháp).

Hai câu đầu, nói gộp chung cho các câu kinh văn [trong đoạn này]. Bốn câu kế đó, thấy Phật, nghe pháp, biểu thị “trên là cầu Phật đạo”. “Vị long thần đẳng thuyết pháp” (Vì rồng, thần thuyết pháp) biểu thị “dưới hóa độ chúng sanh”.

14.2.3.2.3.2.2. Trong mộng, nhập địa vị Kiến Đạo thuộc Sơ Trụ

(Kinh) Hựu kiến chư Phật, thân tướng kim sắc, phóng vô lượng quang, chiếu ư nhất thiết. Dĩ phạm âm thanh, diễn thuyết chư pháp. Phật vị tứ chúng, thuyết vô thượng pháp, kiến thân xử trung, hiệp chưởng tán Phật. Văn pháp hoan hỷ, nhi vị cúng dường, đắc Đà La Ni, chứng bất thoái trí. Phật tri kỳ tâm, thâm nhập Phật đạo, tức vị thọ ký, thành tối Chánh Giác. Nhữ thiện nam tử, đương ư lai thế, đắc vô lượng trí, Phật chi đại đạo. Quốc độ nghiêm tịnh, quảng đại vô tỷ. Diệc hữu tứ chúng, hiệp chưởng thỉnh pháp.

(經)又見諸佛，身相金色，放無量光，照於一切。以

梵音聲，演說諸法。佛為四眾，說無上法，見身處中，合掌讚佛。聞法歡喜，而為供養，得陀羅尼，證不退智。佛知其心，深入佛道，即為授記，成最正覺。汝善男子，當於來世，得無量智，佛之大道。國土嚴淨，廣大無比。亦有四眾，合掌聽法。

(Kinh: Lại còn thấy chư Phật, thân tướng sắc vàng ròng, phóng vô lượng quang minh, chiếu soi khắp hết thấy. Dùng âm thanh thanh tịnh, để diễn nói các pháp. Phật bèn vì tứ chúng, diễn nói vô thượng pháp. Tự thấy mình trong đó, chấp tay tán thán Phật. Nghe pháp lòng hoan hỷ, bèn thực hiện cúng dường, đạt được Đà La Ni, chứng được trí bất thoái. Phật biết tâm người ấy, đã thâm nhập Phật đạo, thọ ký cho người ấy: Thành Chánh Giác cao tốt. Các ông thiện nam tử! Sẽ ở trong đời sau, đạt được vô lượng trí, đạo to lớn của Phật. Quốc độ đều nghiêm tịnh, rộng lớn chẳng sánh bằng. Cũng sẽ có tứ chúng, chấp tay lắng nghe pháp).

Thấy thân mình ở trong ấy, biểu thị nhập Thật. Nghe pháp hoan hỷ, biểu thị ngộ viên nhân. Sở chứng giống như Hoan Hỷ Địa trong Biệt Giáo, đạt được Đà La Ni, tức ba món Tổng Trì. Chứng bất thoái trí tức là ba món Bất Thoái. Thọ ký thành Phật tức là thọ ký Vô Sanh trong hiện tiền.

14.2.3.2.3.2.3. Mộng thấy dự vào địa vị Tu Đạo trong Trụ, Hạnh, Hồi Hướng

(Kinh) Hựu kiến tự thân, tại sơn lâm trung, tu tập thiện pháp, chứng chư Thật Tướng, thâm nhập Thiền Định, kiến thập phương Phật.

(經)又見自身，在山林中，修習善法，證諸實相，深入禪定，見十方佛。

(Kinh: Lại thấy chính thân mình, ở trong chốn núi rừng, tu tập các thiện pháp, chứng được các Thật Tướng, thâm nhập các Thiền Định, trông thấy mười phương Phật).

“Thiện pháp” là đầy lên huệ hạnh và hành hạnh xứng tánh, tức là bảy khoa đạo phẩm, mười Ba La Mật, tứ đẳng, tứ nhiếp, tam-muội, tổng trì v.v... hết thấy các Phật đạo. Thật Tướng chính là Trung Đạo. Trung Đạo chẳng phải một, chẳng phải nhiều. Do phá bốn mươi phẩm Hoặc, liền có bốn mươi lượt phần chứng Trung Đạo. Vì thế nói là “*chứng chư Thật Tướng*”. “*Thâm nhập Thiền Định*” tức là Thủ Lăng Nghiêm Định, chẳng dùng hai tướng để thấy Như Lai. Vì thế nói “*thấy thập phương Phật*”. Lại nữa, hậu tâm Bồ Tát nhập Kim Cang Định, chư Phật hiện tiền quán đánh thọ chúc. Vì thế nói “*thấy thập phương Phật*”.

14.2.3.2.3.2.4. Mộng nhập địa vị Cứu Cánh Diệu Giác

(Kinh) Chư Phật thân kim sắc, bách phước tướng trang nghiêm. Văn pháp vị nhân thuyết, thường hữu thị hảo mộng. Hựu mộng tác quốc vương, xả cung điện, quyền thuộc, cập thượng diệu ngũ dục, hành nghệ u đạo tràng. Tại Bồ Đề thụ hạ, nhi xử sư tử tòa, cầu đạo quá thất nhật, đắc chư Phật chỉ trí. Thành vô thượng đạo dĩ, khởi nhi chuyển pháp luân. Vị tứ chúng thuyết pháp, kinh thiên vạn ức kiếp, thuyết vô lậu diệu pháp, độ vô lượng chúng sanh. Hậu đương nhập Niết Bàn, như yên tận đẳng diệt.

(經)諸佛身金色，百福相莊嚴。聞法為人說，常有是好夢。又夢作國王，捨宮殿眷屬，及上妙五欲，行詣於道場。在菩提樹下，而處師子座，求道過七日，得諸佛之智。成無上道已，起而轉法輪。為四眾說法，經千萬億劫，說無漏妙法，度無量眾生。後當入涅槃，如煙盡燈滅。

(Kinh: Chư Phật thân kim sắc, tướng trăm phước trang nghiêm. Nghe pháp vì người nói, thường sẽ có mộng lành. Lại mộng làm quốc vương, bỏ cung điện, quyền thuộc, và ngũ dục thượng diệu, đi tới chỗ đạo tràng. Ở dưới cội Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử, cầu đạo quá bảy ngày, đạt được trí chư Phật. Đã thành vô thượng đạo, đứng lên chuyển pháp luân. Vì tứ chúng thuyết pháp, trải ngàn vạn ức kiếp, nói diệu pháp vô lậu, độ vô lượng chúng sanh. Sau sẽ nhập Niết Bàn, như khói hết, đèn tắt).

Mộng tám tướng thành Phật nhằm hiển thị Diệu Giác. Từ Tu Đà Hoàn cho đến Bích Chi Phật đều có mộng, chỉ riêng Phật không có mộng, do chẳng có nghi, chẳng có tập khí. Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương²¹ nói khi sắp chứng Thập Địa, đều là trước tiên nằm mộng. Mộng chính là độc đầu ý thức²², xứng hợp với thủy miên tâm sở, huyền hiện các thứ cảnh giới trong ba đời. Mộng tương ứng với chuyện quá khứ, tức là hình bóng của tập khí. Nếu tương ứng với chuyện trong

²¹ Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương gồm mười quyển do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường. Đây là một bản dịch khác của kinh Kim Quang Minh (Suvānaprabhāsottama-sūtra), được coi là bản hoàn bị nhất trong các bản dịch kinh Kim Quang Minh. Kinh này cùng với kinh Pháp Hoa và Nhân Vương Hộ Quốc được coi là kinh trấn quốc tức tai, thường được đọc tụng trong các pháp hội để cầu quốc thái dân an, tiêu tai giải nạn. Sở dĩ được coi là kinh trấn quốc vì trong kinh có dạy đọc tụng kinh này sẽ được Tứ Thiên Vương ủng hộ đất nước bình an. Điểm tương đồng với kinh Pháp Hoa là trong phẩm Thọ Lượng, Tín Tướng Bồ Tát hoài nghi Phật Thích Ca thọ mạng ngắn ngủi, tứ phương Phật liền hiện thân giảng rõ Phật có thọ mạng dài lâu, cũng như dạy cách sám hối. Đặc biệt là bài Thiện Nữ Thiên Chú trong phần Thập Chú của khóa tụng buổi sáng sau chú Lăng Nghiêm trích từ kinh này. Phẩm Không trong kinh này cũng đã nói về giáo nghĩa Bát Nhã khá cặn kẽ. Theo các sách về mục lục kinh điển, kinh này có năm bản dịch:

1. Kim Quang Minh Kinh, bốn quyển, do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Lương.
2. Kim Quang Minh Đế Vương Kinh, bảy quyển, do ngài Chân Đế dịch vào đời Trần.
3. Kim Quang Minh Cánh Quảng Đại Biện Tài Đà La Ni Kinh, năm quyển, do ngài Da Xá Quật Đa dịch vào đời Bắc Châu.
4. Hiệp Bộ Kim Quang Kinh, tám quyển, do ngài Bảo Quý biên tập vào đời Tùy.
5. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh, mười quyển, do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường.

Hiện thời, Đại Tạng Kinh chỉ thu nhập bản thứ nhất, thứ tư và thứ năm, hai bản kia chỉ được lưu giữ được một phần trong các tạng kinh cổ.

Đối với tông Thiên Thai, kinh này cũng được coi là một giáo điển trọng yếu vì tổ Trí Giả đại sư đã soạn tác phẩm Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa và Kim Quang Minh Kinh Văn Cú để chú giải.

²² Gọi là Độc Đầu Ý Thức nhằm nhấn mạnh ý thức khởi lên chẳng liên quan đến năm thức trước, vì thông thường do năm căn tiếp xúc năm trần, sẽ dẫn lên năm thức (nhãn thức, nhĩ thức...) dẫn khởi ý thức phát sanh, tạo thành các chủng tử được chứa vào A Lại Da Thức. Độc đầu ý thức gồm có bốn loại:

- Ý thức trong mộng.
- Ý thức trong Định.
- Ý thức trong khi cuồng loạn.
- Ý thức trong khi suy tưởng tán loạn.

vị lai, tức là điềm báo trước tốt xấu. Nay trì “*kinh vương*” (vua của các kinh), có giấc mộng lành, vị lai chẳng hư huyền, chính là điều tốt lành.

Phần thứ hai, “nêu ra ba thứ quả báo để khuyên nhủ” đã xong.

14.2.3.3. Tổng kết

(Kinh) Nhược hậu ác thế trung, thuyết thị đệ nhất pháp, thị nhân đắc đại lợi, như thượng chư công đức.

(經)若後惡世中，說是第一法，是人得大利，如上諸功德」。

(Kinh: Nếu trong đời ác sau, nói pháp bậc nhất này, người ấy được lợi lớn, các công đức như trên).

Phẩm An Lạc Hạnh này vốn đặc biệt chỉ bày đường lối hoàng pháp cho kẻ sơ tâm, có đủ quán pháp của mười thừa. Nay chỉ bày đại lược, khiến cho [hành nhân] có chỗ để duyên tâm. Quán tướng như thật của các pháp:

- Phép Quán thứ nhất là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Đối với người tại gia và xuất gia khởi tâm đại từ. Đối với kẻ chẳng phải Bồ Tát, khởi tâm đại bi.

- Thứ hai là thật sự phát Bồ Đề tâm. Đối với mỗi nghiệp trong ba nghiệp, đều có Chỉ Hạnh và Quán Hạnh.

- Thứ ba là thiện xảo an tâm. Quán hết thấy các pháp là Không, bình đẳng.

- Thứ tư là phá pháp trọn khắp, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt.

- Thứ năm là biết thông, tắc, ba nghiệp và thệ nguyện chính là Tứ Niệm Xứ của Viên Giáo. Nương vào Viên Giáo mà đoạn nhị ác, sanh nhị thiện, thành tựu Như Ý, Căn, Lực, Giác, Đạo.

- Thứ sáu là điều hòa đạo phẩm thích đáng, là mười thứ não loạn V.V...

- Thứ bảy đối trị nhằm giúp cho khai hiển.

- Điều được thấy trong mộng biểu thị địa vị thứ tám, chẳng bộn chộn, tâm cũng chẳng kinh hoảng.

- Thứ chín là có thể an nhẫn. Đối với pháp, chẳng thấy có gì để hành.

- Thứ mười là lìa pháp ái, gộp chung tứ hạnh.

Mười phép Quán đã đều nói đại lược.

Lại luận định tỉ mỉ, trong mỗi hạnh, đều trọn đủ mười pháp. Lại nữa, mười pháp là chánh. Tứ hạnh là trợ. Dù bốn hay mười, đều dính dáng nhân quả. Lại nữa, bốn hạnh là Tổng, mười Quán là Biệt. Dù tổng hay biệt, đều thông ngang lẫn dọc, mười pháp hướng dẫn lý không gì chẳng rốt cùng, sự an bài sắp đặt trong tứ hạnh há hạn cuộc nơi khởi đầu? Diệu hạnh Viên đạo từ đầu đến cuối chẳng khác! Nghĩa Lục Tức đã rõ, đã có chỗ để đặt chân. Phần thứ nhất, “khai Quyền hiển Thật trong Tích Môn” đã xong. Giải thích phẩm An Lạc Hạnh cũng xong; kể đó, giải thích phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

15. Tùng Địa Dũng Xuất Phẩm Đệ Thập Ngũ

從地涌出品第十五

Phẩm thứ mười lăm: Từ dưới đất vọt lên

Thầy nghiêm, đạo tôn quý, tận tụy vâng hành. Do mạng lệnh của Như Lai, [các vị Bồ Tát từ] bốn phương ồ ạt vọt lên. Vì thế nói là phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (đạo ở nơi thầy, vì thế là “*đạo tôn quý*”). Thầy có đạo nên là “*thầy nghiêm*”. Do thầy nghiêm, cho nên mạng lệnh của thầy chẳng thể trái. Do đạo tôn quý, nên thầy hạ mạng lệnh, [các đệ tử] ắt phải nhóm tới). “*Mạng lệnh*”:

- Một, do cuối phẩm Kiến Bảo Tháp có nói: “*Phật dục dĩ thử Diệu Pháp Hoa Kinh phó chúc hữu tại*” (Đức Phật mong có người để phó chúc kinh Diệu Pháp Liên Hoa này). Mạng lệnh ấy chính là mạng lệnh chung.

- Hai, do trong phần đầu phẩm này, các vị Bồ Tát ở phương khác thỉnh Phật cho phép hoằng pháp, đức Phật ngăn lại, bảo: “*Ngã thử Sa Bà thế giới, tự hữu lục vạn Hằng hà sa đẳng*” (Thế giới Sa Bà của ta tự có Bồ Tát nhiều như số cát trong sáu vạn sông Hằng). Đó chính là mạng lệnh riêng. Đây là Thế Giới Tất Đàn.

Hóa độ chúng sanh khắp ba đời, tạo lợi ích rộng lớn không ngần hạn. Một vàng trắng có vạn bóng, ai có thể suy lường? Triệu vời [các vị Bồ Tát từ phương dưới] tới để thị hiện, càng nhấn mạnh thêm lợi ích do hoằng kinh. Vì thế nói là phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (đó là Vị Nhân Tất Đàn).

Hư không lặng lẽ, chẳng sáng, chẳng tối, hoặc là do [chúng sanh] chấp Tích mà ẩn khuất Bỏn, [đức Phật phải] triệu vời [các đệ tử từ] thuở

xưa để chỉ bày hiện tại, phá chấp trước đối với “gần” (tức chấp trước “Nhu Lai chỉ mới thành Phật trong đời này hơn bốn mươi năm”) để hiển lộ chuyện “xa” (Ngài đã thành Phật từ vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn kiếp trước). Vì thế nói là phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (“Hư không” là sánh ví Lý. Lý chẳng có sáng hay tối. Nương theo Lý mà thành tựu Sự. Sự có Bồn và Tích. Hoặc chấp Tích gần gũi mà đánh mất Bồn xa xôi. Đối với Bồn Tích mà còn mê, hướng hồ đối với chuyện Nhất Thừa chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, các đệ tử thuộc Bồn sống trong hư không thuộc phương dưới. Vị thầy thuộc Bồn địa, ngự trong hư không đã lâu. Nay thầy trò đều ở trong hư không trong hiện thời. Hư không lâu đời và hư không hiện thời, hư không thuộc phương dưới và hư không thuộc phương trên, tuy về Thể là một, nhưng đệ tử nơi Bồn vốn đã biết cận Tích, chứ các đệ tử trong hiện thời vẫn mê nơi viễn Bồn. Vì sự chấp trước đối với Cận (mê chấp đối với cận Tích), [đức Phật] bèn triệu vời [các đệ tử] xưa kia để chỉ bày [cho các đệ tử trong] hiện tại. Nay đệ tử [trong hiện tại] do nghi mà thỉnh vấn, được nghe nói [thọ lượng lâu xa của Nhu Lai] mới phá điều ác “*chấp gần*”. Đó là Đối Trị Tất Đàn).

Nơi Tịch Diệt đạo tràng, cha trẻ tuổi, lại còn uống thuốc Chủng Trí trẻ trung đã lâu, cho nên già chẳng bằng trẻ. Con đã già nua nơi Tịch Quang cũng từ lâu đã nhận lấy toa thuốc bất tử thường trụ, cho nên trẻ mà như già, chỉ bày lực dụng của thuốc ấy, khiến cho [chúng sanh nghe pháp này sẽ] đều hay biết. Vì thế nói phẩm Tùng Địa Dũng Xuất (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Kinh văn chép “*tùng hà sở lai, dĩ hà nhân duyên tập?*” (từ chỗ nào đến? Do nhân duyên gì mà tụ tập?) Hãy nên biết nhân duyên Tứ Tất Đàn; vì thế “*dũng xuất*” (món Tất Đàn thứ nhất thuộc kinh văn trong phẩm này. Ý thứ hai kèm thêm kinh văn trong phẩm sau. Món Tất Đàn thứ ba và thứ tư tham chiếu phẩm sau, đều nhằm giúp thành tựu chuyện “*hiển viễn*” trong phần sau. “*Thiện sanh, ác phá*” là do đã thấy Bồn. Vì thế biết Thế Giới Tất Đàn chính là nguyên do của ba món Tất Đàn (Vị Nhân, Đối Trị, Đệ Nhất Nghĩa) sau đó. Nay phẩm Dũng Xuất chuyên thuộc Thế Giới Tất Đàn).

*** Phần “*khai cận, hiển viễn*” thuộc Bồn Môn**

Chia thành ba phần:

- Một, từ đầu phẩm này cho tới câu “*nhữ đẳng tự đương nhân thị đắc văn*” (chính các ông sẽ do đó mà được nghe) là Tự Đoạn (đoạn kinh văn tương ứng với Tự Phần của Bốn Môn).

- Hai, từ “*nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Di Lặc Bồ Tát*” (lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Di Lặc Bồ Tát) trở đi cho đến phần đầu phẩm Phân Biệt Công Đức, ngài Di Lặc nói kệ, chính là đoạn Chánh Thuyết [của Bốn Môn].

- Ba, từ “*nhĩ thời, Phật cáo Di Lặc*” (Lúc bấy giờ, Phật bảo Di Lặc) cho đến hết phẩm Thường Bất Khinh, gồm ba phẩm rưỡi, chính là đoạn Lưu Thông [của Bốn Môn].

15.1. Tự đoạn (Tự phần của Bốn Môn)

15.1.1. Từ dưới đất vọt lên

15.1.1.1. Bồ Tát trong phương khác thỉnh cầu hoằng kinh

(Kinh) Nhĩ thời, tha phương quốc độ chư lai Bồ Tát Ma Ha Tát quá bát Hằng hà sa số, u đại chúng trung khởi, hiệp chưởng tác lễ, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược thỉnh ngã đẳng u Phật diệt hậu, tại thử Sa Bà thế giới, cần gia tinh tấn, hộ trì, đọc tụng, thư tả, cúng dường thị kinh điển giả, đương u thử độ nhi quảng thuyết chi.

(經)爾時，他方國土諸來菩薩摩訶薩過八恒河沙數，於大眾中起，合掌作禮，而白佛言：「世尊！若聽我等於佛滅後，在此娑婆世界，勤加精進，護持，讀誦，書寫，供養是經典者，當於此土而廣說之」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đến từ các quốc độ ở phương khác nhiều hơn số cát trong tám sông Hằng, từ trong đại chúng đứng dậy, chắp tay làm lễ, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu cho phép chúng con sau khi đức Phật diệt độ, ở trong thế giới Sa Bà này, càng thêm siêng năng, tinh tấn, hộ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường kinh điển này, chúng con sẽ rộng nói trong cõi này).

Các Bồ Tát ở phương khác đã nghe phần Lưu Thông thuộc Tích Môn xong, ngưỡng mộ phước thù thắng do lưu thông kinh, cho nên nguyện trụ trong cõi này để hoằng truyền, tuyên dương.

15.1.1.2. Như Lai chẳng hứa khả

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng: - Chử! Thiện nam tử! Bất tu nhữ đẳng hộ trì thử kinh. Sở dĩ giả hà? Ngã Sa Bà thế giới tự hữu lục vạn Hằng hà sa đẳng Bồ Tát Ma Ha Tát. Nhất nhất Bồ Tát, các hữu lục vạn Hằng hà sa quyển thuộc. Thị chư nhân đẳng năng ư ngã diệt hậu, hộ trì, đọc tụng, quảng thuyết thử kinh.

(經)爾時，佛告諸菩薩摩訶薩：「止！善男子！不須汝等護持此經。所以者何？我娑婆世界自有六萬恒河沙等菩薩摩訶薩。一一菩薩，各有六萬恒河沙眷屬。是諸人等能於我滅後，護持，讀誦，廣說此經」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị Bồ Tát Ma Ha Tát: - Thôi! Thiện nam tử! Chẳng cần các ông hộ trì kinh này. Vì lẽ nào vậy? Thế giới Sa Bà của ta tự có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều như số cát trong sáu vạn sông Hằng. Mỗi vị Bồ Tát đều có quyển thuộc nhiều như số cát trong sáu vạn sông Hằng. Những người ấy sau khi ta diệt độ sẽ có thể hộ trì, đọc tụng, rộng nói kinh này).

Như Lai ngăn trở, có ba nghĩa:

- Một, các ông ai nấy đều đã có trách nhiệm của chính mình. Nếu trụ trong cõi này, sẽ bỏ phế lợi ích trong cõi kia!

- Hai, Bồ Tát ở phương khác kết duyên sự với cõi này nông cạn. Dầu muốn tuyên nói, truyền trao, ắt chẳng có lợi ích to lớn.

- Ba, nếu [đức Phật] lại chấp thuận, sẽ chẳng thể triệu vời [các Bồ Tát thuộc] phương dưới. Nếu các Bồ Tát từ phương dưới chẳng đến, sẽ chẳng thể “*phá cận, hiển viễn*”.

Hỏi: - Chư Phật, Bồ Tát phân thân tán ảnh trọn khắp mười phương, khuyến dụ, giáo hóa hết thảy, há có đây, kia, mà nói là “trách nhiệm của chính mình” và “phế bỏ phương kia?”

Đáp: - Tâm của Phật, Bồ Tát thật sự chẳng có đây hay kia, nhưng căn cơ thì có tồn tại hay không; từ vô thủy vốn đã là như vậy! Thoạt đầu, Phật, Bồ Tát kết duyên từ chỗ này, mà Phật, Bồ Tát cũng thành thực từ chỗ này. Do vậy, cần phải triệu vời [các Bồ Tát] từ phương dưới. Triệu vời các Bồ Tát từ phương dưới tới cũng có ba nghĩa:

- Một, họ là đệ tử của ta, phải nên hoằng dương pháp của ta.

- Hai, do [họ có] duyên sâu rộng, họ có thể tạo lợi ích trọn khắp trong cõi này và trọn khắp các cõi ta đã phân thân.

- Ba, nhằm khai cận, hiển viễn (do mỗi vị [Bồ Tát từ các quốc độ ở phương khác] đều có trách nhiệm riêng của chính họ, sẽ chẳng có Thế Giới Ích [đối với chúng sanh trong cõi Sa Bà]. Do kết duyên sự nông cạn, chẳng có Vị Nhân Ích. Chẳng thể phá [chấp trước “Phật Thích Ca mới thành Phật”] gần đây, sẽ không có Đối Trị Ích. Chẳng hiển lộ [Như Lai đã thành Phật từ lâu] xa, sẽ chẳng có Đệ Nhất Nghĩa Ích. Do không có bốn điều lợi ích, cho nên [đức Phật] ngăn trở. Con hoàng pháp của cha, sẽ có Thế Giới Ích. Kết duyên sâu rộng, bèn có Vị Nhân Ích. Khai cận (chỉ ra Phật Thích Ca thành Phật mới hơn bốn mươi năm chỉ là thị hiện), bèn có Đối Trị Ích. Hiển viễn (chỉ ra Phật Thích Ca thật sự đã thành Phật từ bao kiếp trước), bèn có Đệ Nhất Nghĩa Ích. Do có bốn điều lợi ích, cho nên triệu vời).

15.1.1.3. [Bồ Tát] từ phương dưới vọt lên

15.1.1.3.1. Người kết tập kinh trần thuật sự tướng

15.1.1.3.1.1. Vọt lên

(Kinh) Phật thuyết thị thời, Sa Bà thế giới tam thiên đại thiên quốc độ, địa giai chấn liệt, nhi u kỳ trung, hữu vô lượng thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời dũng xuất.

(經)佛說是時，娑婆世界三千大千國土，地皆振裂，而於其中，有無量千萬億菩薩摩訶薩同時涌出。

(Kinh: Lúc đức Phật nói như thế, trong tam thiên đại thiên quốc độ của thế giới Sa Bà, đất đều rung động, nứt ra, nhưng ở trong đó, có vô lượng ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát cùng lúc vọt ra).

Đất che phủ quyền thuộc tại Bôn, như Tích ân Bôn. Nay khai Tích hiển Bôn, cho nên đất nứt ra để biểu thị.

15.1.1.3.1.2. Thân tướng [của các vị Bồ Tát ấy]

(Kinh) Thị chư Bồ Tát, thân giai kim sắc, tam thập nhị tướng, vô lượng quang minh.

(經)是諸菩薩，身皆金色，三十二相，無量光明。

(**Kinh:** Các vị Bồ Tát ấy, thân đều sắc vàng, ba mươi hai tướng, vô lượng quang minh).

15.1.1.3.1.3. Trụ xứ

(**Kinh**) *Tiên tận tại thử Sa Bà thế giới chi hạ, thử giới hư không trung trụ.*

(經)先盡在此娑婆世界之下，此界虛空中住。

(**Kinh:** Trước đó, họ đều ở phía dưới thế giới Sa Bà này, cõi ấy trụ trong hư không).

[Chánh kinh nói] “*tại thử thế giới chi hạ*” (ở phía dưới thế giới này) tức là chẳng thuộc vào thế giới này. Cõi ấy trụ trong hư không, cho nên chẳng thuộc vào thế giới dưới đó (tức thế giới ở phương dưới của Sa Bà). Chẳng phải đây, chẳng phải kia, chính nhằm biểu thị cõi Trung Đạo Thường Tịch Quang. “*Thường*” tức là Thường Đức. “*Tịch*” tức Lạc Đức. “*Quang*” tức là Pháp Thân. “*Tịch*” tức là giải thoát. “*Quang*” chính là Bát Nhã. Tam Đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát) không gì chẳng phải là “*thường, lạc, ngã, tịnh*”. Tứ Đức (thường, lạc, ngã, tịnh) không gì chẳng chính là “*tức Giả, tức Không, tức Trung*”. Đó là tạng bí mật chẳng ngang, chẳng dọc. Chẳng phải chính là cõi này, nhưng chẳng phải là lìa cõi này; vì thế dùng “*thế giới chi hạ*” (ở phía dưới thế giới), và “*thử giới hư không trung trụ*” (trụ trong hư không của cõi này) để biểu thị.

“*Trụ*”: Dùng pháp bất trụ để trụ trong tạng bí mật. Hãy nên biết vốn có Tứ Đức để làm “chỗ nương vào” (sở y). Tu đạt được Tứ Đức để làm “chủ thể nương vào” (năng y). Năng và Sở đều có cái thân để có thể nương vào, nương tựa vào Năng và Sở của cõi nước sở y, hai nghĩa đều bình đẳng thì mới là tướng trạng của thân và cõi nước Tỳ Lô Giá Na. Vì thế, khi một người thành Phật, pháp giới đều là y báo và chánh báo của vị Phật ấy. Một vị Phật đã là như thế, hãy nên biết hết thấy chư Phật cũng lại như thế! Tầng tầng đều trọn khắp, tầng tầng dung nhập lẫn nhau, tầng tầng hiển hiện lẫn nhau, tầng tầng dung nạp lẫn nhau. Lại nữa, chư Phật đã là như thế, hãy nên biết “*phân chứng*” của hết thấy các vị Bồ Tát cũng là như thế.

Lại nữa, Tu Đức mãn phần của chư Phật, Bồ Tát đã là như thế, hãy nên biết tất cả Tánh Đức của hết thấy chúng sanh cũng lại là như

thế, không gì chẳng phải là trọn khắp lẫn nhau, nhập vào lẫn nhau, hiển hiện lẫn nhau, dung nạp lẫn nhau, nhưng mê và ngộ rất khác! Vì thế, tuy “tức” (chúng sanh chính là Phật, Phật chính là chúng sanh, phiền não chính là Niết Bàn, Niết Bàn chính là phiền não v.v...) mà thường sáu (tức Lục Tức Phật). Do pháp tánh bình đẳng, cho nên tuy sáu mà thường tức. Vì vậy, y báo và chánh báo của A Tỳ hoàn toàn ở trong tự tâm của bậc cực thánh, thân và cõi nước của Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng là một niệm của kẻ phàm phu bậc hạ!

15.1.1.3.1.4. Nghe theo mạng lệnh [triệu tập]

(Kinh) Thị chư Bồ Tát văn Thích Ca Mâu Ni Phật sở thuyết âm thanh, tùng hạ phát lai.

(經)是諸菩薩聞釋迦牟尼佛所說音聲，從下發來。

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy nghe âm thanh của Thích Ca Mâu Ni đã nói, bèn từ phương dưới đến đây).

Tức là do nghe mạng lệnh mà đến, do hoằng pháp mà đến, do phá chấp mà đến, do hiển Bồn mà đến.

15.1.1.3.1.5. Quyển thuộc

(Kinh) Nhất nhất Bồ Tát giai thị đại chúng xướng đạo chi thủ, các tướng lục vạn Hằng hà sa quyển thuộc, hướng tương ngũ vạn, tứ vạn, tam vạn, nhị vạn, nhất vạn Hằng hà sa đẳng quyển thuộc giả, hướng phục nãi chí nhất Hằng hà sa, bán Hằng hà sa, tứ phần chi nhất, nãi chí thiên vạn ức na-do-tha phần chi nhất, hướng phục thiên vạn ức na-do-tha quyển thuộc, hướng phục ức vạn quyển thuộc, hướng phục thiên vạn, bách vạn, nãi chí nhất vạn, hướng phục nhất thiên, nhất bách, nãi chí nhất thập, hướng phục tương ngũ, tứ, tam, nhị, nhất đệ tử giả, hướng phục đơn kỷ nhạo viễn ly hạnh. Như thị đẳng tỷ, vô lượng vô biên, toán số thí dụ sở bất năng tri.

(經)一一菩薩皆是大眾唱導之首，各將六萬恒河沙眷屬，況將五萬，四萬，三萬，二萬，一萬恒河沙等眷屬者，況復乃至一恒河沙，半恒河沙，四分之一，乃至千萬億

**那由他分之一，況復千萬億那由他眷屬，況復億萬眷屬，
況復千萬，百萬，乃至一萬，況復一千，一百，乃至一十
，況復將五，四，三，二，一弟子者，況復單己樂遠離行
。如是等比，無量無邊，算數譬喻所不能知。**

(Kinh: Mỗi vị Bồ Tát đều là bậc đứng đầu xướng suất, hướng dẫn của đại chúng, mỗi vị đem theo sáu vạn Hằng hà sa quyển thuộc, lại còn có vị dẫn theo năm vạn, bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn Hằng hà sa quyển thuộc. Cho đến còn có vị dẫn theo một Hằng hà sa, nửa Hằng hà sa, một phần tư, cho đến một phần ngàn vạn ức na-do-tha phần, hướng hồ ngàn vạn ức na-do-tha quyển thuộc, hướng hồ ức vạn quyển thuộc, hướng hồ ngàn vạn, trăm vạn, cho đến một vạn. Hướng hồ lại có vị [dẫn theo] một ngàn, một trăm, cho đến mười [quyển thuộc]. Có vị còn dẫn theo năm, bốn, ba, hai, một đệ tử. Hướng hồ còn có vị là người thích hạnh viễn ly đến một mình. Số nhiều vô lượng vô biên ngàn ấy, [dầu dùng] toán, số, thí dụ [để tính đếm], đều chẳng thể biết được).

Mỗi vị đều có phẩm đức của bậc đạo sư, có thể dẫn chúng sanh đến chỗ có của báu. Hãy nên biết một đã chẳng phải là một mình, mà sáu vạn quyển thuộc cũng chẳng phải là nhiều! Nếu xét theo pháp môn: Một chính là nhất đạo thanh tịnh. Hai là phước và trí. Ba là Giới, Định, Huệ. Bốn chính là Tứ Đế. Năm là ngũ nhân. Sáu chính là Lục Độ. Mỗi độ có đủ mười pháp giới. Mỗi giới đều có mười lần mười liền thành một trăm (mỗi giới đều có mười giới kia, nên mười giới thành một trăm). Hễ có trăm liền có ngàn. Thập Thiện bèn có vạn, một độ trọn đủ con số vạn, [cho nên] Lục Độ chính là sáu vạn pháp môn! Nhiều chẳng phải là nhiều, một chẳng phải là một. Chẳng nhiều, chẳng một, mà là nhiều, là một.

Phản trần thuật của người kết tập kinh đã xong.

15.1.1.3.2. Nêu ra sự thăm hỏi

15.1.1.3.2.1. Tam nghiệp cúng dường

15.1.1.3.2.1.1. Nói về sự cúng dường

(Kinh) Thị chư Bồ Tát tùng địa xuất dĩ, các nghệ hư không thất bảo diệu tháp Đa Bảo Như Lai, Thích Ca Mâu Ni Phật sở. Đáo dĩ,

hướng nhị Thế Tôn, đầu diện lễ túc, cập chí chư bảo thụ hạ sư tử tòa thượng Phật sở, diệc giai tác lễ, hữu nhiều tam tán, hiệp chưởng cung kính, dĩ chư Bồ Tát chủng chủng tán pháp nhi dĩ tán thán, trụ tại nhất diện, hân nhạo chiêm ngưỡng ư nhị Thế Tôn.

(經)是諸菩薩從地出已，各詣虛空七寶妙塔多寶如來、釋迦牟尼佛所。到已，向二世尊，頭面禮足，及至諸寶樹下師子座上佛所，亦皆作禮，右遶三帀，合掌恭敬，以諸菩薩種種讚法而以讚歎，住在一面，欣樂瞻仰於二世尊

•

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy từ đất hiện ra xong, đều tới diệu tháp bằng bảy báu trên hư không là nơi của Đa Bảo Như Lai và Thích Ca Mâu Ni Phật. Đã đến nơi, bèn hướng về hai đức Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân, và đến chỗ các đức Phật đang ngự trên tòa sư tử dưới các cây báu, cũng đều làm lễ, nhiều theo chiều phải ba vòng, chắp tay cung kính, dùng các cách tán thán của Bồ Tát để tán thán, đứng qua một bên, vui thích, chiêm ngưỡng hai đức Thế Tôn).

“Làm lễ, nhiều theo chiều bên phải” là thân nghiệp cúng dường. Các thứ tán thán là khẩu nghiệp cúng dường. “Vui thích chiêm ngưỡng” là ý nghiệp cúng dường. Dùng ba nghiệp chẳng thể nghĩ bàn ấy để cúng dường tam thân chẳng thể nghĩ bàn, hồng làm “chủ thể cảm vời” (năng cảm), cho nên Phật dùng thần lực để ứng, khiến cho đại chúng cho rằng thời gian dài lâu là ngắn ngủi, từ ngay nơi hẹp mà thấy rộng vậy!

5.1.1.3.2.1.2. Nêu ra thời gian đã trải qua

(Kinh) Thị chư Bồ Tát Ma Ha Tát tùng sơ dũng xuất, dĩ chư Bồ Tát chủng chủng tán pháp nhi tán ư Phật. Như thị thời gian kinh ngũ thập tiểu kiếp. Thị thời, Thích Ca Mâu Ni Phật mặc nhiên nhi tọa, cập chư tứ chúng diệc giai mặc nhiên.

(經)是諸菩薩摩訶薩從初涌出，以諸菩薩種種讚法而讚於佛。如是時間經五十小劫。是時，釋迦牟尼佛默然而坐，及諸四眾亦皆默然。

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy từ lúc mới vọt ra, dùng các cách tán thán của Bồ Tát để tán dương đức Phật, thời gian như thế trải qua năm mươi tiểu kiếp. Khi đó, Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi yên lặng, và tứ chúng cũng đều im lặng).

Dùng các cách tán thán để tán Phật, trải qua năm mươi tiểu kiếp, há chỉ là trăm ngàn Hằng hà sa kê? Vì thế biết Phạn văn (nguyên văn bằng tiếng Phạn của kinh Pháp Hoa) chất tới tám dặm vẫn chưa đủ là nhiều!

Hỏi: - Phật Thích Ca trụ thế chỉ tám mươi năm, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Tương truyền Ngài nói kinh Pháp Hoa trong tám năm, sao lại có năm mươi tiểu kiếp này?

Đáp: - Như cái thất vuông vức một trượng của ngài Duy Ma Cật có thể chứa ba vạn hai ngàn tòa sư tử, mỗi tòa cao tám vạn bốn ngàn do-tuần²³. Đã theo chiều ngang luận định lớn nhỏ, nhỏ có thể chứa đựng

²³ Theo phẩm Bất Tư Nghị của Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh, khi đại chúng theo ngài Văn Thù Sư Lợi đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật, tôn giả Xá Lợi Phất thấy trong cái thất vuông vức một trượng của cư sĩ chẳng có bàn ghế gì, chỉ duy nhất có cái giường nơi ngài Duy Ma Cật đang nằm, bèn nghĩ: “Các vị Bồ Tát và hàng đại đệ tử sẽ ngồi ở nơi đâu?” Ngài Duy Ma Cật bèn cất vắn: “Nhân giả vì pháp mà đến? Hay vì sàng tòa mà đến?” Nhân đó, giảng cho ngài Xá Lợi Phất về sự không chấp trước. Kế đó, ngài Duy Ma Cật hỏi Văn Thù Bồ Tát cõi nào có tòa sư tử đẹp nhất. Bồ Tát Văn Thù bảo qua khỏi ba mươi sáu Hằng hà sa cõi Phật từ phương Đông của thế giới Sa Bà, có thế giới tên Tu Di Tướng, Phật hiệu Tu Di Đăng Vương, thân Phật cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, tòa sư tử cũng cao ngang đó, trang nghiêm tốt đẹp bậc nhất. Ngài Duy Ma Cật liền hiện sức thần thông, khiến cho ba vạn hai ngàn tòa sư tử nương theo thần lực của đức Phật ấy vào trong thất của ngài Duy Ma Cật chẳng bị ngăn ngại. Cõi Sa Bà cũng chẳng bị chèn ép chật chội. Ngài Duy Ma Cật mời các vị Bồ Tát và đại đệ tử ngồi lên tòa đó. Tức thời, các đại Bồ Tát liền hiện thân cao bằng tòa ngồi lên đó, còn các vị sơ phát tâm Bồ Tát và Thanh Văn thì không ngồi được. Ngài Duy Ma Cật bảo ngài Xá Lợi Phất và các vị Bồ Tát, đại đệ tử đánh lễ Tu Di Đăng Vương Phật, thân hình của họ liền cao bằng tòa sư tử, đều ngồi lên được. Khi ngài Xá Lợi Phất thắc mắc, ngài Duy Ma Cật bèn giải thích: Chư Phật và chư Bồ Tát có pháp giải thoát tên là Bất Khả Tư Nghị. Trụ trong pháp đó, có thể đem núi Tu Di nhét vào hạt cải, hoặc

lớn, thì theo chiều dọc luận định lâu dài hay tạm thời, há tạm thời chẳng thể dung lâu dài ư?

Hỏi: - Nếu là như vậy, coi kéo dài nửa ngày là năm mươi tiểu kiếp, có sao kinh văn trong phần sau nói “*do thần lực của Phật khiến cho các đại chúng thấy như nửa ngày*”?

Đáp: - Chẳng phải là kéo dài nửa ngày thành năm mươi tiểu kiếp, mà là nạp năm mươi tiểu kiếp vào nửa ngày. Cũng giống như từ xa đem tòa đại sư tử của cõi [Tu Di] Đấng Vương Phật bỏ vào cái thất vuông vức một trượng, chẳng biến cái thất vuông vức một trượng thành tòa sư tử.

Hỏi: - “*Thời*” (thời gian) chẳng phải là thật pháp (pháp thật sự tồn tại), dài hoặc ngắn vốn là Không, có sao lại hý luận là có “*nạp vào*” vậy?

Đáp: - Nếu xét theo Chân Đế thì lớn, nhỏ, lâu dài, hay tạm thời, thấy đều bình đẳng. Nếu xét theo Tục Đế thì “lớn, nhỏ, dài lâu, tạm thời” vẫn tự rành rành! Nếu xét theo tình chấp mê muội, chẳng biết toàn thể Tục chính là Chân, cho nên khi nói theo Tục thì lớn vốn tự lớn, nhỏ sẽ tự nhỏ, lâu dài tự lâu dài, tạm thời sẽ tự tạm thời, chẳng dung nhiếp lẫn nhau. Khi nói theo Chân, sẽ một mực quét sạch! Nếu xét theo chư Phật, Bồ Tát, [các Ngài] đã liễu đạt “*Chân, Tục chẳng hai*”, cho nên chẳng phải chỉ là “*một Sự nhiếp hết thấy Lý*”, mà còn là “*một sự nhiếp hết thấy các sự*”.

Do đó, cái thất vuông vức một trượng chứa đựng tòa sư tử, tòa sư tử chẳng nhỏ, cái thất vuông vức một trượng chẳng lớn. Như vậy thì sẽ hiểu nửa ngày dung nạp năm mươi kiếp, năm mươi kiếp chẳng rút ngắn, nửa ngày cũng chẳng kéo dài. Lại nữa, nếu luận theo cảnh giới của Tịch Quang và Thật Báo, Bồ Tát ở phương dưới thường đối diện xưng dương, Như Lai im lặng, thường tiếp nhận sự tán thán ấy, cho đến tột cùng đời vị lai, chẳng hề chán mệt, cũng chẳng ngưng nghỉ. Nếu luận theo cơ duyên của Đồng Cư Uế Độ, ắt Phật trụ thế tám mươi năm. Nơi mặt Sự, cần phải xướng “*nhập Diệt*”, cho nên khiến cho đại chúng tưởng như nửa ngày.

Nếu luận theo cơ duyên của cõi Phương Tiện Tịnh Độ, tức là đã phá Kiến Tư trong tam giới, nhưng chưa phá vô minh Biệt Hoặc, sẽ phải nên thấy Bồ Tát tán thán trải qua năm mươi kiếp. Do vậy biết từ ngay

cho nước bốn biển vào một lỗ chân lông mà chúng sanh trong ấy đều không hay biết v.v...

Linh Sơn này, theo chiều ngang luận định bốn cõi, chúng sanh do phước mỏng, thấy Phật nhập diệt. Đó là tướng trạng trong cõi Đồng Cư. Năm mươi tiểu kiếp tán thán Phật, nghiễm nhiên chưa tan, chính là tướng trạng trong cõi Phương Tiện. Trong A-tăng-kỳ kiếp, thường tại núi Linh Thứu, “*chúng sanh thấy kiếp tận, cõi này của ta luôn an ổn*”. Đó là tướng trạng trong cõi Thật Báo Tịnh Quang.

Hỏi: - Nếu trong cõi Phương Tiện, Bồ Tát tán thán năm mươi tiểu kiếp, nay vẫn còn chưa giải tán, vậy thì mười ba phẩm kinh sau phẩm này do đâu mà có?

Đáp: - Thần lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn, vì kẻ này thị hiện dài, vì kẻ kia mà thị hiện ngắn. Ba đời nhập vào lẫn nhau, cũng chẳng có nơi chốn. Như người hành hạnh An Lạc nằm mộng còn có thể trải qua ngàn vạn ức kiếp, há chẳng thể thâm nhiếp chuyện vị lai vào trong hiện tại, ngộ hầu chúng sanh trong cõi này sẽ được hưởng lợi ích do lưu thông [kinh Pháp Hoa] sau khi đức Phật đã diệt độ ư?

15.1.1.3.2.1.3. Thần lực của Phật gia trì

(Kinh) Ngũ thập tiểu kiếp, Phật thần lực cố, linh chư đại chúng vị như bán nhật. Nhĩ thời, tứ chúng diệc dĩ Phật thần lực cố, kiến chư Bồ Tát biến mãn vô lượng bách thiên vạn ức quốc độ hư không.

(經)五十小劫，佛神力故，令諸大眾謂如半日。爾時，四眾亦以佛神力故，見諸菩薩徧滿無量百千萬億國土虛空。

(Kinh: Do thần lực của Phật khiến cho các đại chúng nghĩ năm mươi tiểu kiếp giống như nửa ngày. Lúc bấy giờ, tứ chúng cũng do thần lực của Phật, thấy các Bồ Tát trọn khắp hư không của vô lượng trăm ngàn vạn ức quốc độ).

Nếu xét theo Chân Đế thì thời kiếp vốn là Không. Nay xét theo Tục Đế, năm mươi tiểu kiếp là thật. Vì thế, người đã phá vô minh biết là năm mươi tiểu kiếp; kẻ chưa phá vô minh chẳng kham nổi lâu dài, do thần lực của Phật, khiến cho họ nghĩ là như nửa ngày, chẳng sanh tâm mệt mỏi. Lại nữa, chư Phật Bồ Tát trọn khắp hư không trong vô lượng quốc độ, há chỉ nhục nhãn chẳng thể thấy xa xôi cùng tột, ngay như thiên nhãn còn chẳng thể nhìn trọn! Nhưng nay tứ chúng do thần lực của Phật, bèn có thể thấy trọn khắp. Hãy nên biết là dài mà nói là ngắn do bởi mê

tình (tình kiến mê muội) chưa trừ. Tuy hẹp mà thấy là rộng, chính vì căn cơ mâu nhiệm phát khởi. Hơn nữa, là dài mà nói là ngắn, mang ý nghĩa biểu thị “*Bốn bị Tích ẩn lấp*”. Tích cần phải phơi bày, cho nên tuy hẹp mà thấy là rộng, mang ý nghĩa biểu thị “*Tích chứa đựng trong Bốn*”. Bốn cần phải được hiển lộ.

Lại nữa, nhìn theo Phật nhãn thì dài và ngắn bình đẳng, rộng và hẹp bình đẳng. Theo Lý thì chẳng phải Bốn, chẳng phải Tích. Nhìn bằng bốn loại mắt kia (nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn) thì người đã hiểu sẽ thấy dài, thấy rộng, đúng như thật mà biết viển Bốn. Kẻ mê hoặc sẽ thấy ngắn, thấy hẹp, bèn chấp cận Tích. Nay do mê đối với dài mà nói là ngắn, cũng nói là “*do Phật thần lực*”, nhằm hiển thị “Phật có thể tùy thuận tình kiến [của chúng sanh]”. Ngay như do hẹp mà thấy rộng, vẫn nói là “*do thần lực của Phật*”, nhằm hiển thị “Phật có thể phá tình kiến”. Hơn nữa, chưa bàn tới thọ lượng, dẫu dài mà khiến cho thấy là ngắn, [các vị Bồ Tát] từ phương dưới đã vọt lên. Vì thế, tuy hẹp mà khiến cho thấy là rộng. Thấy mưa to biết là rộng to. Thấy hoa [sen] sum suê, biết là ao sâu. Thấy “cái được biến hóa” (sở hóa) nhiều ngàn ấy, ắt biết “cái có thể biến hóa” (năng hóa) lâu xa rất lớn. Đã khai hiển, há đại chúng mê hoặc mãi? Vì thế, trong phẩm Như Lai Thần Lực thuộc phần sau, [các đức Như Lai hiện tướng thần biến] trọn trăm ngàn năm, sau đây mới thâm nhiếp tướng lưới, chẳng còn nói “*cho là như nửa ngày*”.

Phần thứ nhất, “tam nghiệp cúng dường” đã xong.

15.1.1.3.2.2. Trần thuật lời thăm hỏi

(Kính) Thị Bồ Tát chúng trung, hữu tứ đạo sư: Nhất, danh Thượng Hạnh. Nhị, danh Vô Biên Hạnh. Tam, danh Tịnh Hạnh. Tứ, danh An Lập Hạnh. Thị tứ Bồ Tát ư kỳ chúng trung, tối vi thượng thủ xướng đạo chi sư. Tại đại chúng tiền, các cộng hiệp chưởng, quán Thích Ca Mâu Ni Phật nhi vấn tấn ngôn: “Thế Tôn! Thiếu bệnh, thiếu não, an lạc hạnh phủ? Sở ưng độ giả, thọ giáo dị phủ? Bất linh Thế Tôn sanh bì lao da?” Nhĩ thời, tứ đại Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn: “Thế Tôn an lạc, thiếu bệnh, thiếu não, giáo hóa chúng sanh, đắc vô bì quyện. Hựu chư chúng sanh, thọ hóa dị phủ? Bất linh Thế Tôn, sanh bì lao da?”

(經)是菩薩眾中，有四導師：一、名上行。二、名無邊行。三、名淨行。四、名安立行。是四菩薩於其眾中，最為上首唱導之師。在大眾前，各共合掌，觀釋迦牟尼佛而問訊言：「世尊！少病，少惱，安樂行不？所應度者，受教易不？不令世尊生疲勞耶？」爾時，四大菩薩而說偈言：「世尊安樂，少病少惱，教化眾生，得無疲倦。又諸眾生，受化易不？不令世尊，生疲勞耶？」

(Kinh: Trong các vị Bồ Tát ấy, có bốn vị đạo sư, một là Thượng Hạnh (Viśiṣṭacāritra), hai là Vô Biên Hạnh (Anantacāritra), ba là Tịnh Hạnh (Viśuddha -cāritra), bốn là An Lập Hạnh (Supraṭiṣṭhitacāritra))²⁴. Bốn vị Bồ Tát ấy là bậc thầy xướng suốt, hướng dẫn thượng thủ cao tốt nhất trong các vị ấy. Các Ngài ở trước đại chúng, đều cùng chấp tay nhìn Thích Ca Mâu Ni Phật mà thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Ngài ít bệnh, ít phiền não, có an vui hay chẳng?”²⁵ Những kẻ đáng được hóa độ có tiếp nhận giáo hóa dễ dàng hay không? Chẳng khiến cho đức Thế Tôn sanh mệt nhọc hay chẳng?” Lúc bấy giờ, bốn vị đại Bồ Tát bèn nói kệ rằng: “Thế Tôn được an lạc, ít bệnh, ít phiền não, Ngài giáo hóa chúng sanh, có chẳng mệt nhọc chẳng? Lại nữa, các chúng sanh, có dễ nghe dạy chẳng? Chẳng khiến cho Thế Tôn, sanh mệt nhọc đó chẳng?”)

Đầu tiên, nêu ra bốn vị đạo sư, vì muốn [khiến cho người nghe kinh sẽ được] khai thị ngộ nhập bốn mươi địa vị [Bồ Tát trong Viên Giáo]. Như trong kinh Hoa Nghiêm, chỉ nêu ra Pháp Huệ, Công Đức Lâm, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tạng [lần lượt nói] bốn mươi địa vị²⁶.

²⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Biểu thị vượt khỏi Không và Hữu nên tên là Thượng Hạnh. Vượt khỏi bờ mé Đoạn và Thường nên gọi là Vô Biên Hạnh. Là cầu niêm, nên gọi là Tịnh Hạnh. Chẳng bị sanh tử lay động, nên gọi là An Lập Hạnh”.

²⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Như Lai do thương xót chúng sanh vướng mắc trong kết sử là bệnh, là não, là chẳng an lạc. Chúng sanh chẳng có kết sử chính là Như Lai ít bệnh, ít não, được an lạc. Do đó Bồ Tát thưa hỏi như vậy. Lại còn thuận theo pháp thế gian, cho nên thưa hỏi như vậy”.

²⁶ Pháp Huệ Bồ Tát là thượng thủ của các vị Bồ Tát có chữ Huệ (Pháp Huệ, Nhất Thiết Huệ, Thắng Huệ...) vân tập đến cung trời Đao Lợi. Pháp Huệ Bồ Tát giảng

Tên của bốn vị ấy (bốn vị thượng thủ Bồ Tát trong phẩm này) đều có chữ Hạnh, tức là thành tựu An Lạc Hạnh. Thượng Hạnh là khai tri kiến của Phật, vượt khỏi chín pháp giới. Vô Biên Hạnh là “*thị Phật tri kiến*” (chỉ bày tri kiến của Phật). Một hạnh chính là hết thấy các hạnh. Tịnh Hạnh là ngộ Phật tri kiến, Lý và Sự dung hội màu nhiệm. An Lập Hạnh là “*nhập Phật tri kiến*”, tự an, an người khác, giống như đại địa.

Trong lời thừa hỏi bao gồm phần Trường Hàng (văn xuôi) và trùng tụng, mỗi phần đều có hai ý: Một là hỏi Như Lai an lạc, hai là hỏi chúng sanh dễ độ [hay không]? “An lạc” chính là tự hành, “dễ độ” chính là hóa độ người khác; nói chung chẳng ra ngoài ba thứ “áo, nhà, tòa” [của Như Lai]. Ba thứ “áo, tòa, nhà” chính là An Lạc Hạnh. Phẩm trước dùng [ba điều ấy] để đốc thúc bậc Bồ Tát mới hành. Nay [các vị Bồ Tát từ dưới đất] vọt lên hỏi Phật, cũng chẳng qua là nói an lạc hạnh hay không mà thôi! Vì thế biết: Viên Hạnh từ đầu đến cuối có cùng một lý, Phật là an lạc hạnh rốt ráo, Bồ Tát là phần chứng an lạc hạnh. Phẩm trước nói về quán hạnh An Lạc Hạnh, cho đến hết thấy chúng sanh không gì chẳng phải là “*lý tức An Lạc Hạnh*”.

15.1.1.3.2.3. Đức Phật trả lời an lạc

(Kính) Nhĩ thời, Thế Tôn ư Bồ Tát đại chúng trung, nhi tác thị ngôn: - Như thị, như thị! Chư thiện nam tử! Như Lai an lạc, thiếu bệnh, thiếu não. Chư chúng sanh đẳng dị khả hóa độ, vô hữu bì lao. Sở dĩ giả hà? Thị chư chúng sanh thế thế dĩ lai, thường thọ ngã hóa, diệt ư quá khứ chư Phật cung kính, tôn trọng, chướng chư thiện căn. Thử chư chúng sanh thử kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ, trừ tiên tu tập học Tiểu Thừa giả. Như thị chi nhân, ngã kim diệt linh đắc văn thị kinh, nhập ư Phật huệ.

Thập Trụ. Công Đức Lâm Bồ Tát là thượng thủ trong mười vị Bồ Tát có chữ Lâm trong danh hiệu (Công Đức Lâm, Thắng Lâm, Vô Úy Lâm, Tàm Quý Lâm...) vân tập đến cung trời Dạ Ma. Ngài Công Đức Lâm giảng Thập Hạnh. Tại cung trời Đâu Suất, các vị Bồ Tát có chữ Tràng vân tập như Kim Cang Tràng, Kiên Cố Tràng, Dũng Mãnh Tràng, Quang Minh Tràng... Ngài Kim Cang Tràng giảng Thập Hồi Hướng. Tại cung trời Tha Hóa Tự Tại, các vị Bồ Tát có chữ Tạng vân tập như Kim Cang Tạng, Bảo Tạng, Liên Hoa Tạng, Đức Tạng, Liên Hoa Đức Tạng... Ngài Kim Cang Tạng vì đại chúng giảng Thập Địa.

(經)爾時，世尊於菩薩大眾中，而作是言：「如是，如是！諸善男子！如來安樂，少病，少惱。諸眾生等易可化度，無有疲勞。所以者何？是諸眾生世世已來，常受我化，亦於過去諸佛恭敬，尊重，種諸善根。此諸眾生始見我身，聞我所說，即皆信受，入如來慧，除先修習學小乘者。如是之人，我今亦令得聞是經，入於佛慧」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong đại chúng Bồ Tát mà nói như thế này: - Đúng như vậy, đúng như thế! Đây các thiện nam tử! Như Lai an lạc, ít bệnh, ít não. Các hàng chúng sanh dễ hóa độ, chẳng mệt nhọc. Vì sao vậy? Các chúng sanh ấy từ nhiều đời đến nay thường được ta giáo hóa, và cũng cung kính, tôn trọng quá khứ chư Phật, gieo các thiện căn. Các chúng sanh ấy vừa mới thấy thân ta, nghe ta nói pháp, liền đều tin nhận, nhập Như Lai huệ, trừ những kẻ trước đó đã tu tập, học pháp Tiểu Thừa. Đối với kẻ như thế, ta nay cũng khiến cho họ được nghe kinh này, nhập vào trí huệ của Phật).

Đức Phật đáp “an lạc, dễ độ” là do hai chuyện thành tựu lẫn nhau: Do an lạc nên dễ độ; do dễ độ cho nên an lạc. Từ “sở dĩ giả hà” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích nguyên do “dễ độ”: Do các chúng sanh đời đời được giáo hóa, nhưng có hai loại:

- Một là kẻ đã gieo các căn lành, vừa mới thấy thân ta, nghe nói Hoa Nghiêm liền đều tin nhận, nhập trí huệ của Như Lai, hoặc nghe Phương Đẳng, Bát Nhã cũng nhập Phật huệ.

- Hai là người trước đó đã tu tập Tiểu Thừa, sẽ dần dần được điều phục. Cho tới thời Pháp Hoa, cũng khiến cho họ nghe kinh, được nhập Phật huệ (Đối với Phương Đẳng và Bát Nhã, hàng Tiểu Thừa cũng có người ngầm nhập, nhưng chẳng nêu tỏ, cho nên ở đây chẳng nhắc tới). Do vậy biết Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Phật huệ chẳng khác, chớ nên thấy có ưu việt hay kém cỏi. Thế nhưng, Phật huệ tuy đồng, giáo tướng sai khác đôi chút.

Lại đối chiếu theo Hoa Nghiêm và Pháp Hoa để biện định, nêu ra đại lược mười điều khác biệt:

1. Thứ nhất, “*thỉ kiến, kim kiến*”. Lúc mới thành đạo trong thời Hoa Nghiêm thì gọi là “*thỉ kiến*”. Thời Pháp Hoa lâu sau mới nói Thật, vì thế gọi là “*kim kiến*”. Thỉ kiến và kim kiến, Phật huệ chẳng khác.

2. Thứ hai, “*khai hợp*” và “*bất khai hợp*”: Thời Hoa Nghiêm như mặt trời chiếu tới núi cao, nói ngay vào Đốn, cho nên chẳng cần khai hợp (tách ra hay gộp lại). Vì kẻ chẳng nhập, liền khai Đốn nói Tiệm, lần lượt điều phục, khiến cho họ dần dần trở về Đốn. Vì thế, Pháp Hoa là “*đã khai bèn hợp*” (trước thời Pháp Hoa, khai tam thừa. Đến thời Pháp Hoa, gộp chung tam thừa thành Nhất Thừa). Khai và hợp tuy khác, nhưng hai thứ Đốn chẳng khác.

3. Thứ ba, “*ngang, dọc, cặn kẽ, sơ lược*”: Hoa Nghiêm nhanh chóng, thẳng thừng, tiến nhập theo chiều dọc để nhập pháp giới. Vì thế nói là “*thụ quảng*” (theo chiều dọc thì nói rộng, tức nói chi tiết). Do chẳng cần trải qua phương tiện, cho nên nói là “*hoành lược*” (theo chiều ngang thì đại lược). Pháp Hoa trải đủ năm vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) tức là “*hoành quảng*” (theo chiều ngang thì nói rộng). Được nhập Phật huệ cũng là “*thụ quảng*”. Nhưng đã nhập pháp giới, sẽ tự thông đạt hết thảy các phương tiện; [vì thế] hai kinh chẳng khác nhau!

4. Thứ tư, “*Bổn và Tích bất đồng*”: Hoa Nghiêm coi đức Tỳ Lô Giá Na Phật là Bổn, trăm ngàn ức Thích Ca là Tích. Pháp Hoa thì coi thành Phật đã lâu là Bổn, [đức Thích Ca thị hiện thành Phật] nơi Tịch Diệt đạo tràng là Tích. Như vậy Bổn trong Hoa Nghiêm chỉ là Tích của Pháp Hoa. Lại nữa, Hoa Nghiêm tuy nói “*thấy Như Lai vừa mới thành đạo*”, hoặc “*thấy Như Lai thành đạo đã vô lượng kiếp*”, cũng có ý nghĩa ngầm hiển lộ Bổn, nhưng chưa nói rõ ràng, rành rẽ “*Phật đã thành đạo lâu xa đường ấy*”. Đây là chẳng phải Bổn, chẳng phải Tích, pháp giới có cùng một Lý. Bổn đã lâu, Tích thì gần; chuyện được ẩn và hiển khác biệt.

5. Thứ năm, “*được gia bị để nói*” và “*chẳng gia bị để nói*”: Trong kinh Hoa Nghiêm, chỉ có phẩm A Tăng Kỳ và [Như Lai] Tùy Hảo [Quang Minh] do đức Phật tự nói, các phẩm khác đều do các vị Bồ Tát được Phật gia bị mà nói. Pháp Hoa thì tam châu của Tích Môn và Thọ Lượng của Bổn Môn hoàn toàn do đức Phật tự nói. Tuy là gia bị [hàng Bồ Tát] nói hay tự nói, lý thường bình đẳng, nhưng hóa nghi (phương cách giáo hóa) sai khác.

6. Thứ sáu, “*biến đổi cõi nước*” hay “*chẳng biến đổi*”: Hoa Nghiêm thì ngay từ ướm mà tịnh, biểu thị đại đạo viên mãn, trực tiếp, cho nên chẳng cần biến đổi [cõi nước]. Pháp Hoa chuyển ướm thành tịnh, biểu

thị hội Quyền về Thật, cho nên cần phải ba lượt biến đổi. Dù biến đổi hay chẳng biến đổi, Tịnh Độ chẳng hủy, cho nên chẳng khác!

7. Thứ bảy, nhiều chỗ hay không nhiều chỗ: Kinh Hoa Nghiêm gồm bảy xứ chín hội, tức là có nhiều chỗ. Pháp Hoa thì [chỉ nói tại] Linh Thứu và trong hư không, cho nên chẳng có nhiều chỗ. Chỗ tuy nhiều hay ít, nhưng lý thường bình đẳng.

8. Thứ tám, “quở trách, phủ định” hay “không quở trách, phủ định”: Trong hội đầu của Hoa Nghiêm hoàn toàn chẳng có Thanh Văn, cho nên chẳng quở trách, phủ định. Pháp Hoa chính vì nhằm phá chấp trước Tiểu Thừa, cho nên có quở trách, phủ định. Hơn nữa, trong phẩm Nhập Pháp Giới [của kinh Hoa Nghiêm], hàng Nhị Thừa như điếc, như câm, cho nên có quở trách, phủ định. Pháp Hoa thọ ký [mọi căn cơ] đều thành Phật, cho nên chẳng có quở trách, phủ định! Hoa Nghiêm chỉ tiếp độ hai loại căn cơ ngoài tam giới, như chữa hai thứ bệnh nặng và bệnh nhẹ chẳng chết, còn dễ đạt được công lao. Pháp Hoa có thể trị định tánh Thanh Văn, giống như khiến cho hạt giống hư nát lại nảy mầm, đạt được công lao càng lạ lùng!

9. Thứ chín, “trực hiển và khai hiển”: Hoa Nghiêm hạnh to lớn, đường lối trực tiếp, được gọi là “trực hiển Thật”. Pháp Hoa thì phủ quyết pháp Thanh Văn, gọi là “*khai Quyền hiển Thật*”. Cái Thật được hiển lộ ấy rốt cuộc bất nhị.

10. Thứ mười, “lợi căn và độn căn”: Kẻ lợi căn ngộ ngay trong thời Hoa Nghiêm. Kẻ độn căn thì đến thời Pháp Hoa mới ngộ. Lợi độn tuy khác, ngộ lý là một! Có thể khiến cho kẻ độn căn giải ngộ, công càng khó gấp bội!

Xét theo lẽ thích nghi khác nhau, đại lược thì có mười loại khác nhau, nhưng Chung Trí pháp giới bình đẳng chẳng sai biệt. Vì thế nói: “*Thĩ kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ. Trừ tiên tu tập học Tiểu Thừa giả, ngã kim diệc linh đắc văn thị kinh, nhập ư Phật huệ*” (Vừa mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, đều liền tin nhận, nhập vào trí huệ của Phật. Trừ những kẻ trước đó đã tu tập, học pháp Tiểu Thừa, nay ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này, nhập trí huệ của Phật). Kinh văn đã nói rõ ràng tại đó, chẳng cần nghi nữa! Các vị sư (các vị chú giải hoặc giảng sư thuở trước) do thấy duyên khác nhau, bèn chạy theo duyên mà hiểu sai khác, mê muội chẳng biết phản tỉnh, cách đạo ngày càng xa! Nếu hiểu Lý giống hệt như nhau, ngàn cỗ xe sẽ đi cùng một lối, Phật huệ chẳng khác biệt. Nhưng Hoa Nghiêm nói kèm thêm Biệt Giáo để giảng về Phật huệ. Phương Đẳng thì đối ứng với

tam thừa để giảng Phật huệ. Bát Nhã thì nói kèm thêm Nhị Thừa để giảng Phật huệ. Chỉ có Pháp Hoa vạch rõ những pháp nói kèm thêm, nói đối ứng, nói phụ thêm, cho đến Tam Tạng chỉ là pháp sanh diệt, nhưng đều thành Phật huệ. Do vậy, viên lý được diễn nói trong pháp này hay các pháp kia chẳng khác. Tuy giáo pháp có thể diễn nói thuận hay tạp sai khác, nhưng đều đặc biệt được gọi là Diệu, vì [các pháp ấy] chẳng hư huyền vậy. Cổ nhân nói: “*Hoa Nghiêm liễu nghĩa mãn tự thường trụ. Pháp Hoa bất liễu nghĩa chẳng mãn, chẳng thường*”. Nay sử dụng câu ấy để cùng nói thì “nhập từ thuở đầu” là liễu nghĩa, “cho đến nay mới nhập” là bất liễu nghĩa, cũng phải nên là “nhập từ ban đầu là Phật huệ, nay mới nhập sẽ chẳng phải là Phật huệ”. Nếu Phật huệ đã là như nhau, thì liễu nghĩa [và bất liễu nghĩa] cũng bình đẳng. Mãn và thường cũng thế. Lại nữa, các vị bên Địa Luận Tông cho rằng “*Hoa Nghiêm là viên tông, Pháp Hoa chẳng phải là chân tông*”, nay cũng dùng đoạn kinh văn này để xóa trừ sự chấp trước ấy!

15.1.1.3.2.4. Kệ tụng tùy hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, chư đại Bồ Tát nhi thuyết kệ ngôn: - Thiện tại, thiện tại! Đại hùng Thế Tôn, chư chúng sanh đẳng, dị khả hóa độ, năng vãn chư Phật, thậm thâm trí huệ, vãn dĩ tín hành, ngã đẳng tùy hỷ.

(經)爾時，諸大菩薩而說偈言：「善哉善哉，大雄世尊，諸眾生等，易可化度，能問諸佛，甚深智慧，聞已信行，我等隨喜」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị đại Bồ Tát bèn nói kệ rằng: - Lành thay, lành thay! Đại hùng Thế Tôn, các hàng chúng sanh, dễ được hóa độ, hay hỏi chư Phật, trí huệ rất sâu, nghe rồi tin, hành. Chúng con tùy hỷ).

“*Có thể hỏi*” là như trong kinh Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, đều có bậc Bồ Tát đương cơ hỏi pháp. Cho đến kinh Pháp Hoa, ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) ba lượt thỉnh, đều là “*có thể hỏi*”. Điều được hỏi chính là trí huệ rất sâu, đó gọi là Như Lai huệ!

15.1.1.3.2.5. Như Lai trần thuật, tán thán

*(Kinh) U' thời, Thế Tôn tán thán thượng thủ chư đại Bồ Tát: -
Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ đẳng năng ư Như Lai phát
tùy hỷ tâm.*

**(經)於時，世尊讚歎上首諸大菩薩：「善哉！善哉！
善男子！汝等能於如來發隨喜心」。**

*(Kinh: Ngay khi đó, đức Thế Tôn tán thán các vị đại Bồ Tát
thượng thủ: - Lành thay! Lành thay! Đây thiện nam tử! Các ông có thể
phát tâm tùy hỷ đối với Như Lai).*

Bồ Tát tùy hỷ người có thể hỏi, có thể tin. Đức Phật bèn tán thán
các vị ấy có thể phát tâm tùy hỷ đối với Như Lai, ngụ ý nêu rõ: Những
người có thể hỏi đều là bậc cổ Phật thị hiện dấu tích, cho nên Bồ Tát tùy
hỷ sự rủ lòng thị hiện ấy. Như Lai trần thuật, tán thán Bôn của họ, cũng
ngâm hiển lộ thọ lượng.

Phần thứ nhất, tức “Tự phần trần thuật chuyện từ dưới đất vọt lên”
đã xong.

15.1.2. Tự phần: Nghi vấn

15.1.2.1. Bồ Tát trong cõi này nghi vấn

15.1.2.1.1. Phần Trường Hàng trần thuật nghi niệm

*(Kinh) Nhữ thời, Di Lặc Bồ Tát cập bát thiên Hằng hà sa chư Bồ
Tát chúng, giai tác thị niệm: “Ngã đẳng từng tích dĩ lai, bất kiến, bất
văn như thị đại Bồ Tát Ma Ha Tát chúng từng địa dũng xuất, trụ Thế
Tôn tiền, hiệp chưởng, cúng dường, vãn tán Như Lai”.*

**(經)爾時，彌勒菩薩及八千恒河沙諸菩薩眾，皆作是
念：「我等從昔已來，不見，不聞如是大菩薩摩訶薩眾從
地涌出，住世尊前，合掌，供養，問訊如來」。**

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát và các vị Bồ Tát nhiều như số
cát trong tám ngàn sông Hằng đều nghĩ như thế này: “Từ trước đến nay,
chúng ta chẳng thấy, chẳng nghe các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát như thế
từ dưới đất vọt lên, ở trước đức Thế Tôn, chấp tay cúng dường, thưa hỏi
Như Lai”).*

“*Di Lặc và các vị Bồ Tát đều nảy sanh nghi niệm*” có bốn ý nghĩa:

- Một, kể từ sau Tịch Diệt đạo tràng cho đến trước pháp tòa này, mười phương đại sĩ đến dự hội [thuyết pháp của đức Phật] chẳng dứt. Tuy chẳng thể nói rõ ngần hạn, nhưng con dùng trí lực của bậc Bồ Xứ đều biết, đều thấy, có sao đối với các vị này, chẳng biết một vị nào? Lại nữa, con du hóa mười phương, phụng sự, thân cận chư Phật. Đối với hết thấy các hải hội đều am hiểu. Ngay như đối với chỗ đã từng trải của họ, cũng chẳng biết dù đến hay đi, dù tìm cầu vẫn chẳng biết. Chẳng biết thì sẽ không có Thế Giới Ích. Cho nên cần phải nghi hoặc, hỏi han.

- Hai, các vị đại sĩ đó là bậc tiền bối liễu đạt, ngài Di Lặc là mặt học thuộc lớp sau. Lớp sau chẳng biết lớp trước, chẳng hạn như ngài Văn Thù chẳng biết cảnh giới của nữ nhân nhập Định. Nữ nhân chẳng biết cảnh giới của Khí Chư Âm Cái Bồ Tát (Sarvanīvaraṇa-*viṣkambhin*)²⁷. Do chẳng biết, sẽ chẳng hiểu sự nội thiện của họ. Do tự

²⁷ Đây là một câu chuyện được trích từ bộ Chư Phật Yếu Tập Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn. Theo đó, trong cõi Phổ Quang của Thiên Vương Như Lai, ngồi bên trái Thiên Vương Như Lai có một nữ nhân tên là Ly Ý. Cô này ngồi xếp bằng, tán nhập Phổ Nguyệt Ly Cầu Quang Minh tam-muội rất sâu. Ngài Văn Thù Sư Lợi dốc trọn đại thân thông, chẳng thể nào khiến cho cô ta xuất Định. Ngài bèn thưa hỏi Thiên Vương Phật về duyên do. Sau khi dạy rõ công hạnh của cô Ly Ý, Thiên Vương Phật bảo: “Chỉ có Như Lai mới có thể khiến cho cô ta xuất Định, và cũng chỉ có Khí Chư Âm Cái Bồ Tát cũng có thể làm như thế”. Phật dạy: Trong thế giới Cẩm Tràng, có Phật hiệu là Sư Tử Ứng Tượng Đảnh Hống Như Lai đang thuyết pháp. Khí Chư Âm Cái Bồ Tát đang du hóa trong cõi ấy. Sau đó, Thiên Vương Phật giảng rõ: Trong chín mươi sáu ức trăm ngàn câu-chỉ A-tăng-kỳ kiếp trước, cô Ly Ý đã từng tu tập. Về sau, cô ta khuyên ngài Văn Thù sơ phát đạo tâm. Số người được cô hóa độ giống như ngài Văn Thù nhiều như cát sông Hằng nơi các quốc độ trong mười phương, mà cô Ly Ý lại được Khí Chư Âm Cái Bồ Tát khuyên phát đạo tâm. Khí Chư Âm Cái Bồ Tát cũng là người khuyên Thiên Vương sơ phát đạo tâm. Khí Chư Âm Cái Bồ Tát là cách dịch khác của danh xưng Trừ Cái Chướng Bồ Tát. Danh hiệu của Ngài còn được dịch là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng, Hàng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại v.v... Theo Mật Giáo, Ngài là chủ tôn trong Trừ Cái Chướng Viện thuộc Thai Tạng Mạn Đà La. Đại Nhật Kinh Sớ nói Ngài dùng tâm Bồ Đề thanh tịnh soi tỏ các pháp, cho nên đạt được Trừ Cái Chướng tam-muội, thấy Thật Tướng của tám vạn bốn ngàn phiền não, thành tựu tám vạn bốn ngàn bảo tự môn. Trong Thai Tạng Mạn Đà La, Ngài được mô tả tay trái cầm hoa sen, trên hoa có Như Ý Châu, tay phải kết ấn Thí Vô Úy, thí Như Ý Châu cho hết thấy chúng sanh, thỏa mãn nguyện vọng của họ. Ngài có mật hiệu là Ly Nảo Kim Cang. Trong Đại Tạng Kinh còn có các bộ Trừ Cái Chướng Bồ Tát Sở Vấn Kinh, Bảo Vũ Kinh,

thiện chẳng sanh, sẽ chẳng có Vị Nhân Ích. Vì thế, cần phải nghi hoặc, hỏi han.

- Ba, các vị đại sĩ ấy vốn do căn bản Thật Tướng, ứng hiện trong mười phương, giáo hóa riêng biệt. Tất cả chân ứng đều chẳng phải là cảnh giới của ngài Di Lặc. Đã chẳng biết đạo “lợi vật” (lợi lạc chúng sanh) của họ, tức là chẳng biết bệnh, sẽ chẳng có Đối Trị Ích. Vì thế, cần phải nghi hoặc, hỏi han.

- Bốn, đức Phật phó thác chuyện hoàng kinh, triệu tập các vị đại sĩ. Các vị đại sĩ tuân phụng nghiêm mạng của thầy nên tới nhóm họp, ngầm khai thọ lượng. Đại chúng trong hội khi ấy chẳng thể biết được [điều đó]. Đã không biết ý chỉ bí mật của Như Lai, sẽ chẳng có Đệ Nhất Nghĩa Ích. Cho nên cần phải nghi hoặc, thưa hỏi.

Nhưng ngài Di Lặc nơi Tích thuộc địa vị Bồ Xứ, Bốn cũng phải nên sâu, sao lại chẳng biết như thế? Điều này có hai ý nghĩa:

- Nếu dựa theo Thật để luận định, Ngài mới thành Bồ Xứ gần đây, sẽ chẳng biết Bốn lâu xa.

- Nếu dựa theo Quyền để luận định thì Bốn cao, Tích thấp, Ngài vì chúng sanh mà nêu lên nghi hoặc vậy!

15.1.2.1.2. Kệ tụng nêu lên thắc mắc

15.1.2.1.2.1. Thắc mắc [các vị Bồ Tát ấy] từ đâu đến, do duyên nào mà đến

(Kinh) Thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát tri bát thiên Hằng hà sa chư Bồ Tát đẳng tâm chí sở niệm, tịnh dục tự quyết sở nghi, hiệp chưởng hướng Phật, dĩ kệ vấn viết: - Vô lượng thiên vạn ức, đại chúng chư Bồ Tát, tích sở vị tăng kiến, nguyện Lương Túc Tôn thuyết. Thị tùng hà sở lai? Dĩ hà nhân duyên tập? Cự thân, đại thần thông, trí huệ phá tư nghi. Kỳ chí niệm kiên cố, hữu đại nhẫn nhục lực. Chúng sanh sở nhạo kiến, vị tùng hà sở lai?

(經)時，彌勒菩薩摩訶薩知八千恒河沙諸菩薩等心之所念，并欲自決所疑，合掌向佛，以偈問曰：「無量千萬

Đại Thừa Bảo Vân Kinh, kinh Viên Giác, Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh, Vô Cầu Tịnh Quang Đại Đà La Ni Kinh, và Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Khế Nhất Bách Bát Danh Vô Cầu Đại Thừa Kinh nói về Trừ Cái Chương Bồ Tát.

億，大眾諸菩薩，昔所未曾見，願兩足尊說。是從何所來？以何因緣集？巨身大神通，智慧叵思議。其志念堅固，有大忍辱力。眾生所樂見，為從何所來？

(Kinh: Khi đó, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát biết tâm niệm của các vị Bồ Tát nhiều như số cát trong tám ngàn sông Hằng, và mong giải quyết điều nghi của chính mình, chấp tay hướng về đức Phật, dùng kệ hỏi rằng: - Vô lượng ngàn vạn ức, đại chúng các Bồ Tát, xưa kia chưa từng thấy. Nguyên Lưỡng Túc Tôn nói, họ từ đâu mà đến, nhân duyên nào nhóm họp? Thân to, thần thông lớn, trí huệ chẳng nghĩ bàn. Chí niệm họ kiên cố, có sức đại nhẫn nhục, chúng sanh ưa thích thấy, từ chỗ nào mà đến?)

Một là hỏi họ từ nơi nào đến? Hai là hỏi do nhân duyên gì mà đến? “Cự thân, đại thần thông” (Thân to, thần thông lớn): Tán thán đã “vào nhà Như Lai”. “Trí huệ phá tư nghi” (Trí huệ chẳng nghĩ bàn): Tán thán đã “ngồi tòa của Như Lai”. “Kỳ chí niệm kiên cố, hữu đại nhẫn nhục lực” (Chí niệm họ kiên cố, có sức đại nhẫn nhục): Tán thán “mặc áo Như Lai”. Ba điều ấy đều là tự hành đức. “Chúng sanh sở nhạo kiến” (Chúng sanh ưa thích thấy) là tán thán hóa tha đức (phẩm đức giáo hóa người khác).

15.1.2.1.2.2. Trần thuật số lượng quyền thuộc

(Kinh) Nhất nhất chư Bồ Tát, sở tương chư quyền thuộc, kỳ số vô hữu lượng, như Hằng hà sa đẳng. Hoặc hữu đại Bồ Tát, tương lục vạn Hằng sa. Như thị chư đại chúng, nhất tâm cầu Phật đạo. Thị chư đại sư đẳng, lục vạn Hằng hà sa, câu lai cúng dường Phật, cập hộ trì thị kinh. Tương ngũ vạn Hằng sa, kỳ số quá u thị. Tứ vạn cập tam vạn, nhị vạn chí nhất vạn. Nhất thiên, nhất bách đẳng, nãi chí nhất Hằng sa. Bán cập tam tứ phần. Ưc vạn phần chi nhất. Thiên vạn na-do-tha, vạn ức chư đệ tử, nãi chí u bán ức, kỳ số phục quá thượng. Bách vạn chí nhất vạn, nhất thiên cập nhất bách, ngũ thập dữ nhất thập, nãi chí tam, nhị, nhất. Đơn kỷ vô quyền thuộc, nhạo u độc xử giả, câu lai chí Phật sở. Kỳ số chuyển quá thượng. Như thị chư đại chúng, nhược nhân hành trừ số, quá u Hằng sa kiếp, do bất năng tận tri.

(經)——諸菩薩，所將諸眷屬，其數無有量，如恒河沙等。或有大菩薩，將六萬恒沙。如是諸大眾，一心求佛道。是諸大師等，六萬恒河沙，俱來供養佛，及護持是經。將五萬恒沙，其數過於是。四萬及三萬，二萬至一萬。一千一百等，乃至一恒沙。半及三四分。億萬分之一。千萬那由他，萬億諸弟子，乃至於半億，其數復過上。百萬至一萬，一千及一百，五十與一十，乃至三二一。單己無眷屬，樂於獨處者，俱來至佛所。其數轉過上。如是諸大眾，若人行籌數，過於恒沙劫，猶不能盡知。

(Kinh: Mỗi mỗi vị Bồ Tát, dẫn theo các quyển thuộc, số ấy chẳng hạn lượng, nhiều như cát sông Hằng. Hoặc có đại Bồ Tát, dẫn sáu vạn Hằng sa. Các đại chúng như thế, nhất tâm cầu Phật đạo. Các vị đại sư thấy, sáu vạn Hằng hà sa, đều tới cúng dường Phật, và hộ trì kinh này. Dẫn năm vạn Hằng sa, số ấy nhiều hơn thế. Bốn vạn và ba vạn, hai vạn tới một vạn, một ngàn, một trăm thấy, cho đến một Hằng sa, nửa và ba bốn phần, một phần của ức vạn. Ngàn vạn na-do-tha. Vạn ức các đệ tử, cho đến chỉ nửa ức. Số ấy lại hơn thế, trăm vạn đến một vạn, một ngàn và một trăm, năm mươi và mười người, cho đến ba, hai, một, đơn độc không quyển thuộc, người thích ở một mình, đều đến chỗ đức Phật. Số ấy nhiều hơn thế. Các đại chúng như vậy, nếu người phát thệ đếm, hơn một Hằng sa kiếp, vẫn chẳng thể biết trọn).

15.1.2.1.2.3. Hỏi họ đã học pháp với vị thầy nào

(Kinh) Thị chư đại oai đức, tinh tấn Bồ Tát chúng, thùy vị kỳ thuyết pháp, giáo hóa nhi thành tựu? Tùng thùy sơ phát tâm? Xưng dương hà Phật pháp? Thọ trì hành thùy kinh? Tu tập hà Phật đạo?

(經)是諸大威德，精進菩薩眾，誰為其說法，教化而成就？從誰初發心？稱揚何佛法？受持行誰經？修習何佛道？

(Kinh: Các vị đại oai đức, tinh tấn Bồ Tát ấy, ai vì họ thuyết pháp? Giáo hóa mà thành tựu? Từ ai sơ phát tâm? Xưng dương Phật pháp gì? Thọ trì, hành kinh gì? Tu tập Phật đạo nào?)

15.1.2.1.2.4. Kết lại lời thỉnh giải quyết mối nghi

15.1.2.1.2.4.1. Kết lại lời tán thán

(Kinh) Như thị chư Bồ Tát, thần thông đại trí lực.

(經)如是諸菩薩，神通大智力。

(Kinh: Các Bồ Tát như thế, sức thần thông, đại trí).

15.1.2.1.2.4.2. Xin giải đáp họ từ chỗ nào đến

(Kinh) Tứ phương địa chấn liệt, giai tùng trung dũng xuất. Thế Tôn, ngã tích lai, vị tăng kiến thị sự. Nguyên thuyết kỳ sở tùng, quốc độ chi danh hiệu. Ngã thường du chư quốc, vị tăng kiến thị chúng. Ngã ư thử chúng trung, nãi bất thức nhất nhân.

(經)四方地振裂，皆從中涌出。世尊我昔來，未曾見是事。願說其所從，國土之名號。我常遊諸國，未曾見是眾。我於此眾中，乃不識一人。

(Kinh: Bốn phương đất rung nứt, đều từ đó vọt ra. Thế Tôn, con xưa nay, chưa từng thấy chuyện này! Mong nói từ đâu đến, danh hiệu của cõi nước. Con thường dạo các nước, chưa từng thấy bọn họ. Trong số các người ấy, con chẳng biết một ai!)

15.1.2.1.2.4. Xin giải đáp do duyên gì họ [nhóm đến]

(Kinh) Hốt nhiên tùng địa xuất, nguyên thuyết kỳ nhân duyên.

(經)忽然從地出，願說其因緣。

(Kinh: Bỗng dưng từ đất ra, nguyên nói nhân duyên ấy).

15.1.2.1.2.4. Nêu rõ đại hội cùng thỉnh cầu

(Kinh) Kim thử chi đại hội, vô lượng bách thiên ức, thị chư Bồ Tát đẳng, giai dục tri thử sự. Thị chư Bồ Tát chúng, bồn mạt chi nhân duyên. Vô lượng đức Thế Tôn, duy nguyện quyết chúng nghi.

(經)今此之大會，無量百千億，是諸菩薩等，皆欲知此事。是諸菩薩眾，本末之因緣。無量德世尊，唯願決眾疑」。

(Kinh: Nay trong đại hội này, vô lượng trăm ngàn ức, các hàng Bồ Tát thấy, đều muốn biết chuyện ấy: Nhân duyên đầu đến cuối, của các Bồ Tát ấy. Thế Tôn vô lượng đức, mong giải quyết nghi hoặc).

Đã nói muốn biết nhân duyên từ đầu đến cuối, thì dù là họ đến từ chỗ nào, hay duyên do [vì sao các vị Bồ Tát ấy] nhóm đến; nói chung, đều cầu Phật giải đáp rõ ràng.

Phần thứ nhất, “Bồ Tát cõi này nghi vấn” đã xong.

15.1.2.2. Bồ Tát trong cõi khác nghi vấn

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni phân thân chư Phật từ vô lượng thiên vạn ức tha phương quốc độ lai giả, tại u bát phương, chư bảo thụ hạ sư tử tòa thượng, kết gia phu tọa, kỳ Phật thị giả, các các kiến thị Bồ Tát đại chúng, u tam thiên đại thiên thế giới tứ phương từ địa dũng xuất, trụ u hư không, các bạch kỳ Phật ngôn: “Thế Tôn! Thử chư vô lượng vô biên A-tăng-kỳ Bồ Tát đại chúng từ hà sở lai?” Nhĩ thời, chư Phật các cáo thị giả: “Chư thiện nam tử! Thả dãi tu du. Hữu Bồ Tát Ma Ha Tát danh viết Di Lặc, Thích Ca Mâu Ni Phật chi sở thọ ký thứ đương tác Phật, dĩ vấn tư sự, Phật kim đáp chi. Nhữ đẳng tự đương nhân thị đắc văn”.

(經)爾時，釋迦牟尼分身諸佛從無量千萬億他方國土來者，在於八方，諸寶樹下師子座上，結加趺坐，其佛侍者，各各見是菩薩大眾，於三千大千世界四方從地涌出，住於虛空，各白其佛言：「世尊！此諸無量無邊阿僧祇菩

薩大眾從何所來？」爾時，諸佛各告侍者：「諸善男子！且待須臾。有菩薩摩訶薩名曰彌勒，釋迦牟尼佛之所授記次當作佛，已問斯事，佛今答之。汝等自當因是得聞」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, chư Phật phân thân của Thích Ca Mâu Ni từ vô lượng ngàn vạn ức quốc độ ở phương khác đến, ngồi xếp bằng trên tòa sư tử dưới các cây báu trong tám phương, thị giả của các Ngài mỗi vị đều thấy đại chúng Bồ Tát ấy tại bốn phương của tam thiên đại thiên thế giới, từ dưới đất vọt lên, trụ trong hư không, [thấy rồi], đều bạch với đức Phật của mình rằng: “Bạch Thế Tôn! Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ đại chúng Bồ Tát này từ đâu mà đến?” Khi đó, chư Phật mỗi vị đều bảo thị giả: “Các thiện nam tử! Hãy chờ trong giây lát. Có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Di Lặc, được Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký sẽ kế tiếp Ngài thành Phật, đã hỏi chuyện ấy. Nay Phật sẽ đáp, các ông sẽ nhờ đó mà được nghe”).

Quyển thuộc của phân thân [chư Phật] theo chiều ngang khắp mười phương cũng chẳng biết Bốn địa, chưa có tứ ích (bốn món Tát Đàn), cho nên có cùng nghi vấn giống như ngài Di Lặc. Chư Phật đều chẳng giải đáp, đều đợi Phật Thích Ca giải đáp cho ngài Di Lặc. Lời hỏi của ngài Di Lặc có sự tích chẳng nhẹ; cả một đời giáo hóa của đức Thích Ca, Ngài chưa từng nói rõ. Do cuộc vấn đáp này, rộng hiển thị sự trường thọ của Như Lai. Sự huyền bí to lớn ấy cần phải đợi Phật Thích Ca tự mở ra. “*Nhữ tự đương văn*” (Các ông sẽ tự được nghe): Phân thân nhóm đến, vốn là để chứng minh. Cho nên [phân thân chư Phật] chẳng nên đáp.

Phần thứ nhất, “*phần Tự của Bốn Môn*” đã xong.

15.2. Phần Chánh Thuyết (phần Chánh Tông của Bốn Môn)

15.2.1. Răn nhắc, hứa khả

15.2.1.1. Trường Hàng

15.2.1.1.1. Trần thuật, tán thán

**(Kinh) Nhữ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Di Lặc Bồ Tát: -
Thiện tai! Thiện tai! A Dật Đa! Nãi năng văn Phật như thị đại sự.**

(經)爾時，釋迦牟尼佛告彌勒菩薩：「善哉！善哉！

阿逸多！乃能問佛如是大事。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Di Lặc Bồ Tát: “Lành thay! Lành thay! Nay A Đạt Đa! Có thể hỏi Phật đại sự như thế”).

“Thiện tai” lần thứ nhất trần thuật [câu hỏi ấy] trên là khế hợp tâm Phật. “Thiện tai” lần thứ hai trần thuật [câu hỏi ấy] dưới là khế hợp ý niệm của quần sanh.

“Khai Tịch, hiển Bốn” chính là điều chưa được nói rõ trong giáo pháp suốt một đời đức Phật, cho nên đó là đại sự của Phật. Lại cần phải xét theo tu đức và quả vị sâu xa, chẳng xét theo lý thú bình đẳng nơi Tánh Đức, cho nên nói là Sự.

15.2.1.1.2. Răn truyền

(Kinh) Nhữ đẳng đương cộng nhất tâm, bị tinh tấn khai, phát kiên cố ý.

(經)汝等當共一心，被精進鎧，發堅固意。

(Kinh: Các ông hãy nên nhất tâm, mặc giáp tinh tấn, phát khởi ý niệm bền vững).

[Căn dặn] “nhất tâm” tức là răn đừng loạn. “Tinh tấn” là răn đừng biếng trễ. “Kiên cố” là răn đừng lui sụt. Ấy là vì Thật Trí của Như Lai thành tựu đã lâu, Quyền Tịch lâu xa, giáo hóa cùng tột ba đời, lợi ích trọn khắp mười phương. Những kẻ thấp hơn bậc Đăng Giác chẳng thể nghĩ bàn được; đây cũng là thông qua ngài Di Lặc mà răn nhắc [mọi người trong] đại hội.

15.2.1.1.3. Hứa khả

(Kinh) Như Lai kim dục hiển phát tuyên thị chư Phật trí huệ, chư Phật tự tại thân thông chi lực, chư Phật sư tử phần tấn chi lực, chư Phật oai mãnh đại thể chi lực.

(經)如來今欲顯發宣示諸佛智慧，諸佛自在神通之力，諸佛師子奮迅之力，諸佛威猛大勢之力」。

(Kinh: Nay Như Lai muốn hiển lộ, phát khởi, tuyên nói, chỉ bày trí huệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sư tử phần tấn của chư Phật, sức thế lực to lớn oai nghiêm mạnh mẽ của chư Phật).

“Chư Phật trí huệ”: Nêu chung quả trí. “Tự tại” là Ngã đức, “thần thông” là Lạc đức. “Phần tấn trừ cấu” là Tịnh đức. “Đại thế oai mãnh” là Thường đức. Đây chính là chỉ ra Tứ Đức viên mãn, có thể lợi ích trọn khắp chúng sanh trong ba đời. Vì thế, đều gọi là Lực. Xét theo quá khứ rất đời lâu xa, thì gọi là “thần thông tự tại”. Xét ra phân thân nay đang trọn khắp mười phương, thì gọi là Sư Tử Phần Tấn. Xét theo vị lai, lợi ích chúng sanh mãi mãi chẳng cùng tận, thì gọi là “đại thế oai mãnh”. Hoặc có thể nói “phần tấn” là tướng trạng tiên khởi, biểu thị sự lợi ích chúng sanh trong tương lai. “Đại thế” là chấn động mười phương, tức là lợi ích chúng sanh trong hiện tại, cũng là không gì chẳng thể! Lại nữa, thần thông tự tại chính là “nhà” từ bi rốt ráo. “Sư tử phần tấn” là “tòa” Pháp Không rốt ráo. “Oai mãnh đại thế” chính là “áo” nhần nhục rốt ráo. Chúng ba đức rốt ráo ấy, cho nên sức trọn khắp mười phương ba đời, tạo lợi ích chẳng cùng tận.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

15.2.1.2. Kệ Tụng

15.2.1.2.1. Trùng tụng lời răn nhắc

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Đương tinh tấn nhất tâm. Ngã dục thuyết thử sự, vật đắc hữu nghi hối.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「當精進一心。我欲說此事，勿得有疑悔。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Hãy tinh tấn nhất tâm. Ta muốn nói chuyện này, chớ nên có nghi hối).

15.2.1.2.2. Trùng tụng lời hứa khả, lược đi không trùng tụng phần trần thuật, tán thán

(Kinh) Phật trí phải tư nghị, như kim xuất tín lực, trụ ở nhẫn thiện trung. Tích sở vị văn pháp, kim giai đương đắc văn. Ngã kim an ủy như, vật đắc hoài nghi cụ. Phật vô bất thật ngữ, trí huệ bất khả lượng, sở đắc đệ nhất pháp, thậm thâm phải phân biệt. Như thị kim đương thuyết, như đẳng nhất tâm thính.

(經)佛智叵思議，汝今出信力，住於忍善中。昔所未聞法，今皆當得聞。我今安慰汝，勿得懷疑懼。佛無不實語，智慧不可量，所得第一法，甚深叵分別。如是今當說，汝等一心聽」。

(Kinh: Phật trí chẳng nghĩ bàn, ông nay khởi tín lực, trụ vào trong nhẫn thiện, pháp xưa kia chưa nghe, nay sẽ đều được nghe. Ta nay an ủi ông, đừng ôm lòng nghi sợ. Phật luôn nói chân thật, trí huệ chẳng thể lường, đạt được pháp bậc nhất, rất sâu chẳng phân biệt. Như thế nay sẽ nói, các ông nhất tâm nghe).

Phần thứ nhất, “răn nhắc, hứa khả” đã xong.

15.2.2. Chánh thuyết

Chia thành ba đoạn:

- Từ đây trở đi cho đến hết phẩm Thọ Lượng, chánh thức khai cận hiển viên.

- Phần Trường Hàng của phẩm Phân Biệt Công Đức là thọ ký chung cho Pháp Thân.

- Ngài Di Lặc nói kệ trình bày chung sự lãnh nhận, tín giải.

Phần thứ nhất lại chia làm hai:

- Một, cho đến hết phẩm này, do [đức Phật] khai hiển đại lược [thọ lượng của Như Lai], thính chúng dấy động chấp trước, sanh nghi.

- Hai, trong phẩm Thọ Lượng, rộng khai hiển hòng đoạn nghi sanh tín.

15.2.2.1. Khai hiển đại lược

15.2.2.1.1. Trường Hàng

Do đức Phật chẳng đáp nhân duyên gì mà [các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên] nhóm họp, cho nên kinh văn trong phần sau sẽ thỉnh vấn lần nữa.

15.2.2.1.1.1. Giải đáp thắc mắc ai là thầy của họ

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo Di Lặc Bồ Tát: - Ngã kim ư thử đại chúng, tuyên cáo nhữ đẳng. A Dật Đa! Thị chư đại Bồ Tát Ma Ha Tát vô lượng vô số A-tăng-kỳ tòng địa dũng xuất, nhữ đẳng tích sở vị kiến giả, ngã ư thị Sa Bà thế giới, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dĩ giáo hóa, thị đạo thị chư Bồ Tát, điều phục kỳ tâm, linh phát đạo ý.

(經)爾時，世尊說此偈已，告彌勒菩薩：「我今於此大眾，宣告汝等。阿逸多！是諸大菩薩摩訶薩無量無數阿僧祇從地涌出，汝等昔所未見者，我於是娑婆世界，得阿耨多羅三藐三菩提已教化，示導是諸菩薩，調伏其心，令發道意。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo Di Lặc Bồ Tát: - Nay ta ở trong đại chúng này, tuyên cáo với các ông. Nay A Dật Đa! Các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát này vô lượng, vô số A-tăng-kỳ từ dưới đất vọt lên, các ông trước kia chưa thấy, là do ta ở trong thế giới Sa Bà này, sau khi đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã giáo hóa, chỉ dạy các Bồ Tát ấy, điều phục tâm họ, khiến cho họ phát đạo ý).

Đây là trước hết giải đáp “ai là người thuyết pháp cho họ, giáo hóa khiến cho họ thành tựu, từ ai mà phát tâm ban đầu”.

15.2.2.1.1.2. Giải đáp họ từ đâu đến

15.2.2.1.1.2.1. Trả lời

(Kinh) Thử chư Bồ Tát giai ư thị Sa Bà thế giới chi hạ, thử giới hư không trung trụ. Ư chư kinh điển, độc tụng thông lợi, tư duy phân biệt, chánh ức niệm.

(經)此諸菩薩皆於是娑婆世界之下，此界虛空中住。

於諸經典，讀誦通利，思惟分別，正憶念。

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy đều ở dưới thế giới Sa Bà, cõi đó ở trong hư không. Đối với các kinh điển, [các Bồ Tát ấy] đều đọc tụng thông suốt, tư duy, phân biệt, suy nghĩ chân chánh).

“Giới hạ không trung” (Ở phía dưới thế giới này, trong không trung) như đã giải thích đại lược trong phần trước. Đây là giải đáp về trụ xứ, tức là họ đến từ chỗ nào. Từ “*ư chư kinh điển*” (đối với các kinh điển) trở đi, trả lời câu hỏi “*xưng dương hà Phật pháp, thọ trì hành thù kinh, tu tập hà Phật đạo*” (xưng dương Phật pháp nào, thọ trì, thực hành kinh nào, tu tập Phật đạo nào). “*Ư chư kinh điển*” (Đối với các kinh điển): Người căn tánh Viên Giác thọ pháp, không pháp nào chẳng viên. Diệu điển Pháp Hoa hết thấy kinh điển trong mười phương ba đời đều gom vào đó, Quyền và Thật chẳng hai, trọn chẳng lấy hay xả pháp nào! Đây là giải đáp về [thắc mắc] “*xưng dương*” [kinh điển nào]. “*Độc tụng thông lợi, tư duy phân biệt*” (Đọc tụng thông suốt, tư duy phân biệt) là lời đáp về thọ trì. “*Chánh ức niệm*” là giải đáp [thắc mắc về sự] tu tập.

15.2.2.1.1.2.2. Giải thích

15.2.2.1.1.2.2.1. Giải thích trụ xứ

(Kinh) A Dật Đa! Thị chư thiện nam tử đẳng, bất nhạo tại chúng đa hữu sở thuyết, thường nhạo tĩnh xứ, cần hành tinh tấn, vị tăng hưu tức, diệc bất y chỉ nhân thiên nhi trụ.

(經)阿逸多！是諸善男子等，不樂在眾多有所說，常樂靜處，勤行精進，未曾休息，亦不依止人天而住。

(Kinh: Này A Dật Đa! Các thiện nam tử này chẳng thích ở trong đại chúng nhiều điều bàn nói, thường thích ở chỗ tĩnh lặng, siêng hành tinh tấn, chưa từng nghỉ ngơi, cũng chẳng nương tựa người, trời để ở).

“*Bất nhạo tại chúng*” (Chẳng thích ở trong đại chúng): Trong tam giới, ngoài tam giới, và Ngũ Âm thì gọi là Chúng. Nhị biên phân biệt gọi là “*đa hữu sở thuyết*” (có nhiều điều bàn nói). “*Tĩnh xứ*” (Chỗ yên tĩnh) chính là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Pháp giới nhất tướng, dứt bật đối

đãi, chẳng còn thừa sót. Vì thế gọi là “*tĩnh xứ*”. “*Cần hành tinh tấn, vị tăng hưu tức*” (Siêng hành tinh tấn, chưa từng nghỉ ngơi): Tâm tâm tuôn rót, tùy ý tương ứng với Tát Bà Nhã (Sarvajña, Nhất Thiết Trí). “*Bát y nhân thiên*” (Chẳng nương tựa trời, người): Người biểu thị Hữu biên, trời biểu thị Không biên. Chẳng nương vào hai bên, cho nên dùng hư không trong cõi này để biểu thị, chứ họ thật sự trụ trong Thường Tịch Quang Pháp Tánh Độ.

15.2.2.1.1.2.2.2. Giải thích [thắc mắc về] thọ trì, xưng dương, tu tập

(Kinh) Thường nhạo thâm trí, vô hữu chướng ngại, diệt thường nhạo ư chư Phật chi pháp, nhất tâm tinh tấn, cầu vô thượng huệ.

(經)常樂深智，無有障礙，亦常樂於諸佛之法，一心精進，求無上慧」。

(Kinh: Thường ưa thích trí sâu, chẳng có chướng ngại, cũng thường ưa thích pháp của chư Phật, nhất tâm tinh tấn cầu trí huệ vô thượng).

Do họ thường ưa thích trí sâu, chẳng có chướng ngại, cho nên đối với các kinh điển, thấy đều xưng tụng, tán dương. Do họ thường ưa thích pháp của chư Phật, cho nên đọc tụng thông suốt, nhanh nhạy, tư duy, phân biệt. Do họ nhất tâm tinh tấn cầu trí huệ vô thượng, cho nên có thể nghĩ nhớ chân chánh.

Phần thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

15.2.2.1.2. Kế tụng

15.2.2.1.2.1. Trùng tụng Trường Hàng

15.2.2.1.2.1.1 Trùng tụng lời đáp về thầy

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - A Dật như đương tri: Thị chư đại Bồ Tát, tụng vô số kiếp lai, tu tập Phật trí huệ, tất thị ngã sở hóa, linh phát đại đạo tâm. Thử đẳng thị ngã tử.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「阿逸汝當知：是諸大菩薩，從無數劫來，修習佛智慧，悉是我所化，令發大道心。此等是我子。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, mà nói kệ rằng: - A Diệt, ông nên biết: Các đại Bồ Tát này, vô số kiếp đến nay, tu tập trí huệ Phật, đều do ta giáo hóa, khiến phát đại đạo tâm. Bọn này là con ta).

Phân Trường Hàng chỉ nói “*đắc Bồ Đề dĩ, hóa linh phát tâm*” (sau khi đã đắc Bồ Đề, bèn giáo hóa, khiến cho họ phát tâm), chẳng nói “*từ vô số kiếp đến nay*”, có thể là ngụ ý “[những người được giáo hóa ấy] chỉ là hàng lợi căn viên đốn, trong một đời bèn siêu việt, chứng đắc”. Ở đây, [kệ tụng] chỉ nói “*từ vô số kiếp đến nay, họ do ta giáo hóa*”, chẳng nói “*sau khi thành đạo*”, chắc là có ý nói “chỉ là trong khi tu nhân hạnh, đã giáo hóa khiến cho họ phát tâm”.

Vì thế, đức Phật chỉ đáp ai là thầy của họ, chưa hề khai hiển rành rành.

15.2.2.1.2.1.2. Trùng tụng lời đáp họ từ đâu đến

(Kinh) Y chỉ thị thế giới, thường hành đầu đà sự. Chí nhạo u tĩn xĩ, xả đại chúng hội náo, bất nhạo đa sở thuyết. Như thị chư tử đẳng, học tập ngã đạo pháp, trú dạ thường tinh tấn, vì cầu Phật đạo cố. Tại Sa Bà thế giới, hạ phương không trung trụ. Chí niệm lực kiên cố, thường cần cầu trí huệ, thuyết chủng chủng diệu pháp. Kỳ tâm vô sở úy.

(經)依止是世界，常行頭陀事。志樂於靜處，捨大眾憤鬧，不樂多所說。如是諸子等，學習我道法，晝夜常精進，為求佛道故。在娑婆世界，下方空中住。志念力堅固，常勤求智慧，說種種妙法。其心無所畏。

(Kinh: Nương tựa thế giới này, thường hành chuyện đầu-đà. Chí ưa thích chỗ vắng, bỏ đại chúng ồn ào. Chẳng thích nói năng nhiều. Các con như thế ấy, học tập đạo pháp ta, ngày đêm thường tinh tấn, vì để cầu

Phật đạo, trong thế giới Sa Bà, trụ không trung phương dưới. Sức chỉ niệm bền vững, thường siêng cầu trí huệ, nói đủ loại diệu pháp, tâm họ chẳng sợ hãi).

Phần thứ nhất, “trùng tụng kinh văn Trường Hàng” đã xong.

15.2.2.1.2.2. Trùng tụng phần khai hiển đại lược

(Kinh) Ngã ư Già Da²⁸ thành, Bồ Đề thụ hạ tọa, đắc thành tối Chánh Giác, chuyển vô thượng pháp luân. Nhĩ nữ giáo hóa chi, linh sơ phát đạo tâm, kim giai trụ bất thoái, tất đương đắc thành Phật. Ngã kim thuyết thật ngữ, nhữ đẳng nhất tâm tín. Ngã tùng cửu viễn lai, giáo hóa thị đẳng chúng.

(經)我於伽耶城，菩提樹下坐，得成最正覺，轉無上法輪。爾乃教化之，令初發道心，今皆住不退，悉當得成佛。我今說實語，汝等一心信。我從久遠來，教化是等眾」。

(Kinh: Ta ở thành Già Da, ngồi dưới cội Bồ Đề, thành Chánh Giác tối thượng, chuyển pháp luân vô thượng. Do vậy bền giáo hóa, khiến sơ phát đạo tâm, nay đều trụ bất thoái, tất đều sẽ thành Phật. Ta nay nói lời thật, các ông nhất tâm tin. Từ lâu xa tới nay, ta giáo hóa bọn họ).

Đã nói “sau khi thành đạo khiến cho họ sơ phát tâm”, lại nói “từ lâu xa đã giáo hóa bọn họ”, tức là đại lược khai cận hiển viễn. Vì thế, [thính chúng] dậy động chấp trước, sanh nghi.

Phần thứ nhất, “[trùng tụng] khai hiển đại lược” đã xong.

²⁸ Thành Già Da (Gayā) là một đô thành của xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) thời cổ, nay là thành phố Gayā cách thành phố Patna 86 km về phía Tây Nam, nằm trên sông Falgu (một chi lưu của sông Hằng). Theo Tây Vực Ký của ngài Huyền Trang, thành ấy ít dân cư, chỉ có hơn một ngàn gia đình Bà La Môn. Nơi đây có di tích thành đạo của đức Phật, được gọi là Buddhagayā trong tiếng Phạn, nhưng người Ấn hiện thời gọi là Bodh Gaya. Đây cũng là nơi có di tích tu hành của ba anh em ngài Ca Diếp khi còn theo ngoại đạo thờ lửa, Chánh Giác sơn, cây Bồ Đề, di tích kim cang tòa của đức Phật v.v...

15.2.2.2. Nghi hoặc, thỉnh vấn

15.2.2.2.1. Trường Hàng

15.2.2.2.1.1. Người kết tập kinh trần thuật

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát, cập vô số chư Bồ Tát đẳng, tâm sanh nghi hoặc, quái vị tăng hữu, nhi tác thị niệm: - Vân hà Thế Tôn ư thiếu thời gian, giáo hóa như thị vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư đại Bồ Tát, linh trụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?

(經)爾時，彌勒菩薩摩訶薩，及無數諸菩薩等，心生疑惑，怪未曾有，而作是念：「云何世尊於少時間，教化如是無量無邊阿僧祇諸大菩薩，令住阿耨多羅三藐三菩提？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát và vô số các vị Bồ Tát tâm sanh nghi hoặc, lấy làm lạ chưa từng có, nghĩ như thế này: - Sao đức Thế Tôn có thể trong thời gian ngắn giáo hóa vô lượng vô biên A-tăng-kỳ các vị đại Bồ Tát như thế, khiến cho họ trụ trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?)

15.2.2.2.1.2. Phơi bày mối nghi, xin giải đáp

15.2.2.2.1.2.1. Phơi bày mối nghi

15.2.2.2.1.2.1.1. Pháp thuyết

15.2.2.2.1.2.1.1.1. Chấp gần nghi xa²⁹

(Kinh) Tức bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Như Lai vì thái tử thời, xuất ư Thích cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa ư đạo tràng, đắc thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tùng thị dĩ lai, thử quá tứ thập dư niên. Thế Tôn! Vân hà ư thử thiếu thời, đại tác Phật sự, dĩ Phật thế lực, dĩ Phật công đức, giáo hóa như thị vô lượng đại Bồ Tát chúng, đương thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?

²⁹ Chấp trước đức Phật mới thành Phật trong thời gian gần đây, nghi ngờ Ngài chẳng thể giáo hóa các vị Bồ Tát lâu xa dường ấy.

(經)即白佛言：「世尊！如來為太子時，出於釋宮，去伽耶城不遠，坐於道場，得成阿耨多羅三藐三菩提。從是已來，始過四十餘年。世尊！云何於此少時，大作佛事，以佛勢力，以佛功德，教化如是無量大菩薩眾，當成阿耨多羅三藐三菩提？」

(Kinh: Liền bạch cùng đức Phật rằng; - Bạch Thế Tôn! Như Lai khi làm thái tử, rời cung họ Thích, cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, từ đó đến nay, mới hơn bốn mươi năm. Bạch Thế Tôn! Sao Ngài có thể trong thời gian ít ỏi ấy, thực hiện Phật sự to lớn, dùng thế lực của Phật, dùng công đức của Phật, giáo hóa vô lượng các vị đại Bồ Tát như thế được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?)

15.2.2.2.1.2.1.1.2. Cháp xa nghi gần

(Kinh) Thế Tôn! Thử đại Bồ Tát chúng, giả sử hữu nhân, u thiên vạn ức kiếp, sở bất năng tận, bất đắc kỳ biên. Tư đẳng cửu viễn dĩ lai, u vô lượng vô biên chư Phật sở, thực chư thiện căn, thành tựu Bồ Tát đạo, thường tu phạm hạnh.

(經)世尊！此大菩薩眾，假使有人，於千萬億劫，數不能盡，不得其邊。斯等久遠已來，於無量無邊諸佛所，植諸善根，成就菩薩道，常修梵行。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Các vị đại Bồ Tát này giả sử có người trong ngàn vạn ức kiếp, đếm chẳng thể hết, chẳng biết được chừng hạn. Các vị ấy từ lâu xa đến nay đã gieo thiện căn nơi vô lượng vô biên chư Phật, thành tựu Bồ Tát đạo, thường tu phạm hạnh).

15.2.2.2.1.2.1.1.3. Kết luận là khó tin

(Kinh) Thế Tôn! Như thử chi sự, thế sở nan tín.

(經)世尊！如此之事，世所難信。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chuyện như vậy cỗi đời khó tin được!)

Phần thứ nhất là Pháp Thuyết đã xong.

15.2.2.2.1.2.1.2. Lập thí dụ

(Kinh) Thí như hữu nhân, sắc mỹ, phát hắc, niên nhị thập ngũ, chỉ bách tuế nhân, ngôn thị ngã tử.

(經)譬如有人，色美，髮黑，年二十五，指百歲人，言是我子。

(Kinh: Ví như có người đẹp đẽ, tóc đen, hai mươi lăm tuổi, chỉ người trăm tuổi nói đó là con của ta).

Đây là thí dụ về sự “chấp gần, nghi xa” trong phần trên. “Sắc mỹ, phát hắc” (Sắc vóc xinh đẹp, tóc đen) nói chung là người trẻ tuổi vậy.

(Kinh) Kỳ bách tuế nhân, diệc chỉ niên thiếu, ngôn thị ngã phụ, sanh dục ngã đẳng.

(經)其百歲人，亦指年少，言是我父，生育我等。

(Kinh: Người trăm tuổi đó, cũng chỉ kẻ trẻ tuổi, nói đó là cha ta, để nuôi ta thấy).

Đây là sánh ví chuyện “chấp xa, nghi gần” trong phần trên.

(Kinh) Thị sự nan tín.

(經)是事難信。

(Kinh: Chuyện ấy khó tin).

Đây là kết lại thí dụ về sự khó tin.

15.2.2.2.1.2.1.3. Kết hợp thí dụ với pháp

(Kinh) Phật diệc như thị, đắc đạo dĩ lai, kỳ thật vị cửu.

(經)佛亦如是，得道已來，其實未久。

(Kinh: Phật cũng như thế, đắc đạo đến nay thật ra chưa lâu).

Đây là ứng thí dụ “tuổi hai mươi lăm, chẳng nên có đứa con đã trăm tuổi”!

(Kinh) Nhi thử đại chúng chư Bồ Tát đẳng, dĩ vô lượng thiên vạn ức kiếp vị Phật đạo cố, cần hành tinh tấn, thiện nhập xuất trụ vô lượng bách thiên vạn ức tam-muội, đắc đại thần thông, cứu tu phạm hạnh, thiện năng thứ đệ tập chư thiện pháp, xảo u vấn đáp, nhân trung chi bảo, nhất thiết thế gian thậm vi hy hữu!

(經)而此大眾諸菩薩等，已於無量千萬億劫為佛道故，勤行精進，善入出住無量百千萬億三昧，得大神通，久修梵行，善能次第習諸善法，巧於問答，人中之寶，一切世間甚為希有。

(Kinh: Nhưng các vị đại Bồ Tát trong đại chúng này đã trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp vì Phật đạo mà siêng hành tinh tấn, khéo nhập, xuất, trụ trong vô lượng trăm ngàn vạn ức tam-muội, đắc đại thần thông, tu phạm hạnh đã lâu, khéo có thể theo thứ tự tu tập các thiện pháp, khéo léo hỏi đáp, là của báu trong loài người, rất hy hữu trong hết thấy thế gian).

Đây là ứng hợp với thí dụ “người trăm tuổi chẳng nên do kẻ hai mươi lăm tuổi sanh ra”.

(Kinh) Kim nhật Thế Tôn phương vân: Đắc Phật đạo thời, sơ linh phát tâm, giáo hóa, thị đạo, linh hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thế Tôn đắc Phật vị cứu, nãi năng tác thử đại công đức sự!

(經)今日世尊方云：得佛道時，初令發心，教化，示導，令向阿耨多羅三藐三菩提。世尊得佛未久，乃能作此大功德事！

(Kinh: Ngày nay đức Thế Tôn mới nói: Khi Ngài đắc đạo, khiến cho họ phát tâm ban đầu, giáo hóa, chỉ dạy, khiến cho họ hướng tới Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa lâu bèn có thể làm chuyện công đức to lớn này!)

Đây là ứng hợp với lời kết luận “khó tin” [trong thí dụ].
Phần thứ nhất, “nêu bày mối nghi” đã xong!

15.2.2.2.1.2.2. Xin giải đáp

15.2.2.2.1.2.2.1. Nêu rõ ý câu thỉnh

15.2.2.2.1.2.2.1.1. Vì [chúng sanh] hiện tại [mà cầu thỉnh]

(Kinh) Ngã đẳng tuy phục tín Phật tùy nghi sở thuyết, Phật sở xuất ngôn, vị tăng hư vọng, Phật sở tri giả, giai tất thông đạt.

(經)我等雖復信佛隨宜所說，佛所出言，未曾虛妄，佛所知者，皆悉通達。

(Kinh: Chúng con đều vẫn tin lời đức Phật nói thuận theo cơ nghi, Phật chưa từng thốt lời hư vọng, những điều Phật biết thấy đều thông suốt).

Chúng con tuy chưa biết rõ, do kính ngưỡng mà tin tưởng thôi!

15.2.2.2.1.2.2.1.2. Vì vị lai [mà cầu thỉnh]

(Kinh) Nhiên chư tân phát ý Bồ Tát, ư Phật diệt hậu, nhược văn thị ngữ, hoặc bất tín thọ, nhi khởi phá pháp tội nghiệp nhân duyên.

(經)然諸新發意菩薩，於佛滅後，若聞是語，或不信受，而起破法罪業因緣。

(Kinh: Nhưng các vị Bồ Tát mới phát ý, sau khi đức Phật diệt độ, nếu nghe lời ấy, có thể chẳng tin nhận, bèn dấy lên nhân duyên tội nghiệp phá pháp).

Do hạnh nông cạn, sẽ dễ sanh tâm phi báng. Do báng mà đọa vào ác đạo. Hàng Bất Thoái tuy do ngưỡng mộ mà tin tưởng, nhưng chưa biết rõ, sẽ chẳng thể tăng tấn đạo tâm, giảm bớt phiền cấu. Vì thế, cần phải trả lời, giải thích, khiến cho kẻ báng bỏ sanh lòng tin, kẻ đã tin sẽ tăng tấn đạo tâm, giảm bớt phiền cấu.

Phần thứ nhất, “nêu ra ý nghĩa câu thỉnh” đã xong!

15.2.2.2.1.2.2.2. Chánh thức cầu giải đáp

(Kinh) Dục nhiên Thế Tôn! Nguyên vì giải thuyết, trừ ngã đẳng nghi, cập vị lai thế chư thiện nam tử văn thử sự dĩ, diệt bất sanh nghi.

(經)唯然世尊！願為解說，除我等疑，及未來世諸善男子聞此事已，亦不生疑」。

(Kinh: Thừa vâng đức Thế Tôn! Nguyên vì con giải nói, trừ mọi nghi cho chúng con, và các thiện nam tử trong đời vị lai nghe chuyện này rồi cũng chẳng sanh nghi).

Một là thỉnh trừ nghi cho hiện tại, hai là thỉnh trừ nghi cho vị lai.
Phần thứ nhất, kinh văn Trường Hàng đã xong.

15.2.2.2.2. Kệ tụng

15.2.2.2.2.1. Trùng tụng nêu bày mối nghi

15.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

15.2.2.2.2.1.1.1. Trùng tụng chấp gần

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Phật tích tùng Thích chủng, xuất gia cận Già Da, tọa ư Bồ Đề thụ, nhĩ lai thượng vị cứu.

(經)爾時，彌勒菩薩欲重宣此義，而說偈言：「佛昔從釋種，出家近伽耶，坐於菩提樹，爾來尚未久。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Phật xưa từ họ Thích, xuất gia gần Già Da, ngồi dưới cội Bồ Đề, đến nay còn chưa lâu).

15.2.2.2.2.1.1.2. Trùng tụng chấp xa

(Kinh) Thử chư Phật tử đẳng, kỳ số bất khả lượng, cứu dĩ hành Phật đạo, trụ ư thần thông lực, thiện học Bồ Tát đạo, bất nhiễm thế gian pháp, như liên hoa tại thủy, tùng địa nhi dũng xuất, giai khởi cung kính tâm, trụ ư Thế Tôn tiền.

(經)此諸佛子等，其數不可量，久已行佛道，住於神通力，善學菩薩道，不染世間法，如蓮華在水，從地而涌出，皆起恭敬心，住於世尊前。

(Kinh: Các vị Phật tử đây, số lượng chẳng thể lường, hành Phật đạo đã lâu, trụ vào sức thần thông, khéo học đạo Bồ Tát, chẳng nhiễm pháp thế gian, như hoa sen trong nước, từ đất mà vọt lên, đều đầy lòng cung kính, đứng trước mặt Thế Tôn).

15.2.2.2.1.1.3. Trùng tụng kết luận “khó tin”

(Kinh) Thị sự nan tư nghị, vân hà nhi khả tín? Phật đắc đạo thậm cận, sở thành tựu thậm đa. Nguyên vị trừ chúng nghị, như thật phân biệt thuyết.

(經)是事難思議，云何而可信？佛得道甚近，所成就甚多。願為除眾疑，如實分別說。

(Kinh: Chuyện này khó nghĩ bàn, làm sao có thể tin? Phật đắc đạo rất gần, thành tựu lại rất nhiều. Nguyên trừ nghị cho chúng, như thật phân biệt nói).

Phần thứ nhất, “trùng tụng Pháp Thuyết” đã xong.

15.2.2.2.1.2. Trùng tụng lập thí dụ

(Kinh) Thí như thiếu tráng nhân, niên thỉ nhị thập ngũ, thị nhân bách tuế tử, phát bạch nhi diện trứ: “Thị đẳng ngã sở sanh”. Tử diệt thuyết thị phụ. Phụ thiếu nhi tử lão, cử thế sở bất tín.

(經)譬如少壯人，年始二十五，示人百歲子，髮白而面皺：「是等我所生」。子亦說是父。父少而子老，舉世所不信。

(Kinh: Ví như người trẻ khỏe, tuổi mới hai mươi lăm, chỉ người trăm tuổi già, tóc bạc và mặt nhăn: “Bọn này do ta sanh”. Con cũng nói là cha. Cha trẻ mà con già, cõi đời chẳng tin nổi!)

Năm câu đầu trùng tụng thí dụ về “chấp gần, nghi xa”. Câu kế tiếp trùng tụng thí dụ “chấp xa, nghi gần”. Hai câu cuối trùng tụng kết luận “khó tin”.

15.2.2.2.2.1.3. Trùng tụng chuyện kết hợp thí dụ với pháp

(Kinh) Thế Tôn diệc như thị, đắc đạo lai thậm cận, thị chư Bồ Tát đẳng, chí cố vô khiếp nhược. Tùng vô lượng kiếp lai, nhi hành Bồ Tát đạo, xảo u nan vấn đáp. Kỳ tâm vô sở úy, nhân nhục tâm quyết định. Đoan chánh hữu oai đức, thập phương Phật sở tán, thiện năng phân biệt thuyết. Bất nhạo tại nhân chúng, thường háo tại Thiền Định. Vị cầu Phật đạo cố, u hạ không trung trụ.

(經)世尊亦如是，得道來甚近，是諸菩薩等，志固無怯弱。從無量劫來，而行菩薩道，巧於難問答。其心無所畏，忍辱心決定。端正有威德，十方佛所讚，善能分別說。不樂在人眾，常好在禪定。為求佛道故，於下空中住。

(Kinh: Thế Tôn cũng như thế, đắc đạo rất gần đây, nhưng các Bồ Tát ấy, chí vững, chẳng khiếp nhược. Vô lượng kiếp tới nay, thường hành đạo Bồ Tát, khéo gạn hỏi, giải đáp. Tâm họ chẳng sợ hãi, tâm nhân nhục quyết định. Đoan chánh, có oai đức, được mười phương Phật khen, khéo hay phân biệt nói. Chẳng ưa nơi đông người, thường chuộng trụ Thiền Định. Vì mong cầu Phật đạo, trụ hư không phương dưới).

Nửa bài kệ đầu trùng tụng pháp đối ứng với thí dụ “tuổi mới hai mươi lăm”. Ba bài kệ rưỡi kế đó, trùng tụng đối ứng thí dụ “con trăm tuổi”. Lược đi không trùng tụng kết luận “khó tin”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nêu bày mối nghi” đã xong.

15.2.2.2.2.2. Trùng tụng thỉnh cầu giải đáp

(Kinh) Ngã đẳng tùng Phật văn, u thử sự vô nghi. Nguyên Phật vị vị lai, diễn thuyết linh khai giải. Nhược hữu u thử kinh, sanh nghi bất tín giả, tức đương đọa ác đạo. Nguyên kim vị giải thuyết! Thị vô lượng Bồ Tát, vân hà u thiếu thời, giáo hóa linh phát tâm, nhi trụ Bất Thoái địa.

(經)我等從佛聞，於此事無疑。願佛為未來，演說令開解。若有於此經，生疑不信者，即當墮惡道。願今為解說！是無量菩薩，云何於少時，教化令發心，而住不退地」。

(Kinh: Chúng con nghe lời Phật, chẳng nghi ngờ chuyện này. Nguyên Phật vì mai sau, diễn nói khiến hiểu rõ. Nếu ai với kinh này, sanh nghi, chẳng tin tưởng, sẽ đọa vào đường ác. Nguyên nay giải nói cho! Vô lượng Bồ Tát này, sao trong thời gian ngắn, giáo hóa khiến phát tâm, trụ địa vị Bất Thoái).

Phần thứ nhất, “do [đức Phật] khai hiện đại lược, thính chúng đông chấp trước, sanh nghi” đã xong. Giải thích phẩm Tùng Địa Dững Xuất cũng đã xong, kể đến giải thích phẩm Thọ Lượng.

16. Như Lai Thọ Lượng Phẩm Đệ Thập Lục

如來壽量品第十六

Phẩm thứ mười sáu: Thọ lượng của Như Lai

Như Lai là thông hiệu của mười phương ba đời chư Phật, hai loại Phật (Chân Thân, Ứng Thân), ba loại Phật (Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân), Bốn Phật, và Tích Phật. “Thọ” (壽) là “thọ” (受, tiếp nhận). Nói Lượng (量) là bàn định, cân nhắc công đức của mười phương tam thế chư Phật, hai loại Phật, ba loại Phật, Bốn Phật và Tích Phật.

Phẩm này chính là bàn định, cân nhắc công đức của ba loại Phật nơi Bốn Địa. Vì thế, nói là phẩm Như Lai Thọ Lượng. Như Lai có rất nhiều nghĩa, nay chỉ nói về hai thân và ba thân, các loại khác cứ phỏng theo đó để hiểu.

Hai loại là Chân Thân Như Lai và Ứng Thân Như Lai. Như Thành Thật Luận nói: “Thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác, cố danh Như Lai” (Nương vào đạo như thật để đạt thành Chánh Giác, cho nên gọi là Như Lai). Đó chính là hiển thị ý nghĩa của hai thân. Vì sao? “Thừa” là Như Trí, “Thật” là Như Cảnh, Đạo là nhân, Giác là quả. Nếu chỉ luận về Thừa, sẽ là như không có gì để hay biết. Nếu chỉ luận về Thật, sẽ là như không có gì có thể biết. Cảnh và trí hòa hợp, sẽ có nhân quả. Chiếu cảnh

chưa cùng tột thì gọi là Nhân. Tận cùng nguồn cội là Quả. Nhân viên, quả mãn, chính là *“thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác”*. Đó chính là Chân Thân Như Lai. Dùng Như Thật Trí để nương vào đạo như thật, sanh vào tam hữu (ba cõi, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), thị hiện thành Chánh Giác; đây chính là Ứng Thân Như Lai (trí huệ của Báo Thân ngầm khéo hợp pháp, thì gọi là Chân Thân. Từ Thể khởi Dụng, thì gọi là Ứng Thân. Chỉ nói hai thân, đã nhiếp trọn Pháp Thân).

Tam thân là Pháp Thân Như Lai, Báo Thân Như Lai, và Hóa Thân Như Lai. Như Đại Luận nói: *“Như pháp tướng giải, như pháp tướng thuyết, cố danh Như Lai”* (Hiểu đúng như pháp tướng, nói đúng như pháp tướng. Vì vậy gọi là Như Lai). Đây chính là trọn đủ ý nghĩa tam thân. Vì sao? *“Như”* tức pháp như, như cảnh, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, có Phật, hay không có Phật, tánh và tướng thường hằng, trọn khắp hết thấy các chỗ, chẳng có gì sai khác. Vì thế, gọi là Như. Bất động mà đến thì gọi là Lai. Đó là xét theo sở chứng (pháp được chứng). Đây chính là Pháp Thân Như Lai. Lại nữa, như trí tương xứng như lý, từ Lý mà gọi là Như, từ trí mà Lai (đến). Vì thế gọi là *“như pháp tướng giải”*. Đây là xét theo năng chứng (chủ thể chứng) thì là Báo Thân Như Lai. Lại do cảnh và trí *“như như hòa hợp”*, cho nên có thể thị hiện thành Chánh Giác ở mọi nơi, chuyển chánh pháp luân. Vì thế nói *“như pháp tướng thuyết”*. Đó là xét theo sự đầy khởi tác dụng, tức là Hóa Thân Như Lai. Kệ rằng: *“Thủy ngân hòa chân kim, năng đồ chư sắc tượng, công đức hòa Pháp Thân, xú xú ứng hiện vãng”* (Thủy ngân và vàng ròng, hay thép các bức tượng. Công đức và Pháp Thân. Tới ứng hiện khắp chốn). Như bóng trắng sáng in xuống khắp muôn sông, cho nên gọi là Ứng, cũng gọi là Hóa. Ba thân ấy chẳng thể giữ riêng lấy một [thân nào]. Vì thế, Đại Kinh nói: *“Pháp Thân diệc phi Niết Bàn, Bát Nhã diệc phi Niết Bàn, giải thoát diệc phi Niết Bàn”* (Pháp Thân cũng chẳng phải là Niết Bàn, Bát Nhã cũng chẳng phải là Niết Bàn, giải thoát cũng chẳng phải là Niết Bàn). Ba pháp trọn đủ, được gọi là Bí Mật Tạng, đặt tên là Đại Niết Bàn.

Hãy nên biết: Đối với tam thân, chẳng thể [nảy sanh ý niệm] “một, khác, ngang, dọc, cùng nhau, khác biệt”. Nắm trọn vẹn ba pháp thì gọi bằng giả danh Như Lai. Kinh văn nói *“phi như, phi dị, phi bỉ thiên Như”* (chẳng phải giống nhau, chẳng phải khác nhau, chẳng phải cái Như thiên lệch) nhằm hiển thị Viên Như, tức là ý nghĩa Pháp Thân Như Lai. Lại nói *“Như Lai như thật tri kiến tam giới chi tướng”* (Như Lai như thật thấy biết tướng của tam giới) tức là Như Như Trí xứng hợp Như Như

Cảnh. Dùng Nhất Thiết Chúng Trí để biết, dùng Phật nhãn để thấy. Đó là ý nghĩa Báo Thân Như Lai. Lại nói “*hoặc thị kỷ thân, kỷ sự, hoặc thị tha thân, tha sự*” (hoặc chỉ bày thân mình, chuyện của chính mình, hoặc chỉ bày thân người khác, chuyện của kẻ khác), đó là ý nghĩa Ứng Thân Như Lai. Nếu chỉ xét tam Như Lai nơi Tánh Đức thì là chiều ngang. Nếu xét tam Như Lai (Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân) nơi Tu Đức thì là theo chiều dọc. Nếu nói trước là Pháp Thân, kể đến là Báo Thân, sau cùng là Ứng Thân thì cũng là theo chiều dọc. Kinh này nói trọn vẹn tam Như Lai chẳng dọc, chẳng ngang. Ba thân dù dọc hay ngang, đều chẳng phải là ý nghĩa trong kinh này, huống hồ Như Lai được nói trong Tam Tạng hoặc Thông Giáo ư? Lại nữa, trước thời Pháp Hoa, cũng nói ý nghĩa ba thân trong Viên Giáo, nhưng đều là ba thân nơi Tích mà thôi! Ba loại Như Lai thuộc “*phát Tích hiển Bốn*” (chỉ ra Tích để hiển lộ Bốn) rất khác với các kinh. Vì thế, trong luận (Pháp Hoa Luận), ngài Thiên Thân viết: “*Do thị hiện thành đại Bồ Đề vô thượng, cho nên chỉ bày ba loại Bồ Đề: Một là Ứng Hóa Bồ Đề, tùy theo đáng nên hiện như thế nào, liền thị hiện như thế đó, như kinh nói [Phật Thích Ca] vượt khỏi cung của dòng họ Thích. Hai là Báo Phật Bồ Đề, Thập Địa trọn vẹn, đạt được thường Niết Bàn, như kinh nói: ‘Từ khi ta thật sự thành Phật đến nay, đã là vô lượng vô biên kiếp’. Ba là Pháp Phật Bồ Đề, tức là Như Lai Tạng, tánh tịnh Niết Bàn bất biến, như kinh nói: ‘Như Lai như thật thấy biết tướng của tam giới’*”. Kinh có đủ các nghĩa ấy, còn luận thì nêu ra danh xưng. Chẳng giải thích như trên đây, sao có thể dung hội kinh và luận ư? Lại nữa, đôi với mỗi thân trong tam thân, đều luận đơn và phức. Ý nghĩa Đơn như trên. Pháp Thân phức thì một là tự tánh thanh tịnh Pháp Thân, hai là ly cấu diệu cực Pháp Thân. Báo Thân phức thì một là Tự Thọ Dụng Báo, hai là Tha Thọ Dụng Báo. Ứng Thân phức thì một là Thắng Ứng, hai là Liệt Ứng. Lại còn một là thân ứng hiện trong Phật giới, hai là thân ứng hiện trong chín pháp giới kia. Nếu gộp ba thân đơn và phức ấy thành hai thân, thì hai loại Pháp Thân và Tự Thọ Dụng Báo Thân được gọi là Chân Thân; Tha Thọ Dụng Báo Thân và Thắng Ứng Thân, Liệt Ứng Thân v.v... được gọi là Ứng Thân. Vì thế biết: Dù đơn hay phức, dù hai hay ba, đều là bình đẳng.

Nếu muốn nói rộng thì là bốn thân, mười thân, ba mươi hai thân, vô lượng thân v.v... tách ra hay gộp vào tự tại. Nhiều chẳng là nhiều, ít chẳng là ít. Chẳng ít, chẳng nhiều mà là ít, là nhiều. Nếu chấp vào danh tướng để rồi mong xằng bậy so đo các kinh hơn kém, sẽ cách biệt càng xa vậy! Kế đó, nói về thọ lượng. Chân Như chẳng ngăn cách các pháp;

cho nên gọi là Thọ (受, tiếp nhận). Đó là Pháp Thân Thọ (thọ lượng của Pháp Thân). Do cảnh và trí tương ứng, cho nên gọi là Thọ. Đó là Báo Thân Thọ. Thị hiện trong một giai đoạn, duy trì liên tục chẳng đoạn, cho nên gọi là Thọ. Đó là Ứng Thân Thọ. Cân nhắc thọ mạng như lý của Pháp Thân Như Lai, cân nhắc thọ mạng trí huệ của Báo Thân Như Lai, cân nhắc thọ mạng đồng duyên của Ứng Thân Như Lai. Vì thế nói là Thọ Lượng.

“Thọ mạng như lý của Pháp Thân Như Lai”: Có Phật hay không có Phật, tánh và tướng thường hằng. Chẳng luận tương ứng, chẳng luận duy trì liên tục, chẳng phải là vô lượng, chẳng phải là hữu lượng. Vì thế, kinh văn nói: *“Phi như, phi dị, phi thật, phi hư”* (Chẳng như, chẳng khác, chẳng thật, chẳng hư). Do vậy, bàn luận, cân nhắc thọ mạng như lý của Pháp Thân.

“Thọ mạng trí huệ của Báo Thân Như Lai”: Dùng Như Như Trí khế hợp Như Như Cảnh. Cảnh phát khởi Trí là Báo. Trí ngàm khế hợp Cảnh là Thọ. Cảnh đã là vô lượng vô biên, thường trụ bất diệt, [cho nên] Trí cũng giống như thế. Ví như hộp to thì nắp to. Vì thế, kinh văn nói: *“Ngã trí lực như thị, cứu tu nghiệp sở đắc, huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp”* (Trí lực ta như thế, nghiệp tu lâu đạt được. Huệ quang chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp). Đó là nói đến thọ mạng trí huệ của Báo Thân.

“Thọ mạng đồng duyên của Ứng Thân Như Lai”: Duyên dài, [thọ mạng] sẽ dài; duyên ngắn, ắt [thọ mạng] ngắn ngủi. Như nước trong trăng hiện, trăng thật sự chẳng đến [in bóng trong nước]. Nước đục, bóng trăng mất, trăng cũng chẳng đi. Vì thế, kinh văn nói: *“Số số hiện sanh, số số hiện diệt. Hoặc phục tự thuyết danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu”* (Nhiều lượt hiện sanh, nhiều lượt hiện diệt. Hoặc lại còn tự nói danh tự khác nhau, tuổi tác lớn nhỏ). Đó là nói đến thọ mạng đồng duyên của Ứng Thân.

Hãy nên biết thọ mạng được nói đó chẳng ra ngoài bốn câu: Một là hữu lượng, hai là vô lượng, ba là vừa hữu lượng vừa vô lượng, bốn là chẳng phải hữu lượng chẳng phải vô lượng. Hữu lượng sẽ vô thường, vô lượng thì thường. Vừa hữu lượng vừa vô lượng thì vừa thường vừa vô thường. Chẳng phải hữu lượng chẳng phải vô lượng thì chẳng phải thường mà cũng chẳng phải vô thường! Nay dùng bốn câu để giải thích theo Biệt và Viên:

- Một, giải thích theo Biệt Giáo. Đối với “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”, lý “cả hai đằng đều chẳng phải” ấy đến tột cùng chính là Pháp Thân. “Thường” tức là Báo Thân. Báo Trí ngậm khế hợp pháp, cũng là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”. Nhưng sau khi giữ lấy Kim Cang Đạo, chánh trí viên mãn, chẳng còn sanh diệt, cho nên gọi là Thường. Lại dựa theo Duy Thức thì Pháp Thân chẳng sanh, chẳng diệt, cho nên gọi là Thường. Báo Thân được sanh bởi sanh nhân, cho nên chẳng phải là thường. Do [Báo Thân] thành tựu viên mãn, cho nên là chẳng phải là vô thường. Đó chính là “*song phi cú*” (雙非句, câu nói thể hiện ý “cả hai đằng đều chẳng phải”, tức chẳng phải thường, chẳng phải vô thường). “Vừa thường, vừa vô thường” thì là Ứng Thân. Do ứng dụng vô tận, nên cũng là thường. Nhiều lần tuyên xưng “*diệt độ*” nên cũng là vô thường. “Vô thường” tức là tác dụng tăng tấn của trí trước khi đạt được cái tâm kim cang, cho đến phàm phu sanh, diệt, xuất hiện, mất đi, đều là vô thường. Ba loại Phật thì mỗi loại có một câu, phàm phu có một câu, cho nên là nghĩa sai biệt.

- Hai, giải thích chung theo Viên Giáo: Trong ba thân, mỗi thân đều có đủ bốn câu:

a) “*Bốn câu của Pháp Thân*”: Bất sanh, bất diệt, cho nên gọi là Thường. Chẳng phải là Thường theo kiểu so đo điên đảo hư vọng của phàm phu; vì thế gọi là Vô Thường. Tịch mà cùng chiếu cả hai (chiếu lẫn Thường và Vô Thường, chiếu sanh và diệt v.v...); vì thế gọi là “cũng Thường, cũng Vô Thường”. Cùng phá tám món điên đảo của thánh lẫn phàm, cho nên gọi là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”.

b) “*Bốn câu của Báo Thân*”: Vượt khỏi Nhị Thừa, cho nên gọi là Thường. Do chẳng phải là Thường theo kiểu so đo hư vọng, cho nên gọi là Vô Thường. Trí có thể cùng chiếu cả hai bên, cho nên gọi là “vừa thường, vừa vô thường”. Trí ngậm khế hợp cảnh chân thật, cho nên gọi là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”.

c) “*Bốn câu của Ứng Thân*”: Ứng dụng bất tuyệt, cho nên gọi là Thường. Thị hiện cùng sanh diệt [giống như phàm phu], cho nên gọi là Vô Thường. Hai nghĩa đều trọn đủ, nên gọi là “vừa thường, vừa vô thường”. Đã chẳng phải là Thật Báo, mà cũng chẳng phải là nghiệp cảm, cho nên gọi là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”.

Thậm chí phàm phu cũng trọn đủ ba loại “bốn câu” ấy: Tâm tánh tùy duyên bất biến, cho nên gọi là Thường. Như đã nói: Từ vô thủy cho đến tận vị lai, luân hồi sanh tử, tuy sanh nhưng thật sự chẳng sanh, tuy

chết mà thật sự chẳng chết. Đây là tánh trọn đủ “*Pháp Thân thường*”. Tâm tánh ấy bất biến tùy duyên, lưu chuyển trong năm đường, sanh diệt chẳng ngừng, thì gọi là vô thường. Đó là nghĩa “*vô thường*” của Pháp Thân. Do tùy duyên mà bất biến, cho nên cũng là thường. Do bất biến mà tùy duyên, cho nên cũng là vô thường. Đây là ý nghĩa “*song diệc*” (cũng thường, cũng vô thường) của Pháp Thân. Tuy bất biến mà chẳng ngưng lặng; tuy tùy duyên mà chẳng đoạn diệt. Đây chính là ý nghĩa “*song phi*” (chẳng thường, chẳng vô thường) của Pháp Thân.

Xét theo Pháp Thân “*tánh vốn trọn đủ*” thì đã thành ra bốn câu ấy. Nương theo Pháp Thân mà dấy Hoặc, Hoặc chính là Bát Nhã, tức là Báo Thân “*tánh vốn trọn đủ*”, cũng tạo thành bốn câu. Nương theo Hoặc và Khổ mà dấy nghiệp, nghiệp chính là giải thoát, tức là Ứng Thân “*tánh vốn trọn đủ*”, cũng tạo thành bốn câu. Đó chính là Lý Túc Tam Thân của phàm phu, mỗi thân đều có bốn câu. Danh Tự Tứ Cú còn chẳng có, hà huống hạnh và dụng? Người thuộc căn cơ Viên Giáo hiểu xứng lý, cho nên có bốn câu thuộc về Danh Tự Tam Thân, bốn câu thuộc về Quán Hạnh Tam Thân, cho đến đã thành tựu quả thì sẽ là bốn câu thuộc về Cứu Cánh Tam Thân. Từ đầu tới cuối, một thân chính là ba thân, ba thân chính là một thân, chẳng một, chẳng khác, mà cũng chẳng ngang dọc!

Hãy nên biết một Phật thân trọn đủ công đức thọ mạng của các thân, tùy theo duyên cảm vơi mà trông thấy [thọ mạng nơi thân ấy] dài hay ngắn khác nhau. Đại Kinh dạy: “*Phàm phu, Nhị Thừa kiến Phật thọ mạng do như Đông nhật. Bồ Tát sở kiến do như Xuân nhật. Duy Phật kiến Phật thọ mạng vô lượng, do như Hạ nhật*” (Phàm phu, Nhị Thừa thấy thọ mạng của Phật như ngày Đông, Bồ Tát thấy như ngày mùa Xuân, chỉ có Phật thấy thọ mạng của Phật vô lượng như ngày mùa Hạ). Vì lẽ nào vậy? Phàm phu lè tè sát đất bị chướng lấp mờ mịt. Tạng Thông Nhị Thừa tuy đoạn tứ trụ, chẳng thấy Trung Đạo. Nếu xả Phân Đoạn [sanh tử], thọ Pháp Tánh Thân, chưa phá vô minh, sẽ thấy Phật trong cõi Phương Tiện, vẫn là thân Thắng Ứng. Hãy nên biết Nhị Thừa chỉ thấy [thọ mạng của Phật ngắn ngủi như] ngày mùa Đông. Nếu là các vị Bồ Tát chưa dự vào Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, sẽ thấy [thọ mạng của Phật] giống như phàm phu và Nhị Thừa. Nếu đã phá vô minh cho đến thọ phần chứng Pháp Thân, nói theo phương diện chấp giữ, sẽ là được thấy thọ mạng của Báo Thân. Nói theo phương diện phủ định, sẽ là Tha Thọ Dụng Báo Thân, vẫn gọi là Thắng Ứng. Do chưa tột cùng nguồn cội của Báo Thân, chưa tột cùng pháp tánh; vì thế, thấy thọ

mạng của Phật giống như ngày mùa Xuân. Chỉ có Phật và Phật, tốt cùng tánh, thấu tốt nguồn, thấy thọ mạng của Pháp Thân giống như ngày Hè. Do vậy, nêu ra cả ba thí dụ để sánh ví:

- Một, trong các pháp thường, hư không bậc nhất. Trong hết thấy thọ mạng, [thọ mạng của] Như Lai bậc nhất. Đây là sánh ví thọ mạng của Pháp Thân chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, tánh tướng tính lặng.

- Hai, ví như bốn con sông đều đổ vào biển cả. Đây là sánh ví thọ mạng của Báo Thân. Tu tập muôn điều thiện đều cảm vời Phật báo, quy vào biển thọ mạng.

- Ba là ao to A Nậu Đạt (Anavatapta)³⁰ chảy ra bốn con sông lớn. Đó là sánh ví thọ mạng của Ứng Thân từ Pháp Thân và Báo Thân lưu xuất, tùy duyên mà dài hay ngắn.

Sự luận định, cân nhắc [thọ lượng của Phật] trong phẩm này gồm chung cả ba thân. Nếu nói theo biệt ý, thì chính là nói về Báo Thân. Vì sao vậy? Thuận tiện về nghĩa, dung hội về kinh văn! “*Thuận tiện về ý nghĩa*”: Trí huệ của Báo Thân ngầm ứng hợp trên dưới (trên là ứng hợp chư Phật, dưới là ứng hợp chúng sanh), tam thân rành rành trọn đủ. “*Dung hội kinh văn*”: “*Ngã thành Phật lai, thậm đại cứu viễn*” (Ta kể từ khi thành Phật đến nay đã rất lâu xa). Vì thế, có thể lợi ích chúng sanh suốt ba đời. “Cái được thành tựu” (sở thành) chính là Pháp Thân. “Cái có thể thành tựu” (năng thành) chính là Báo Thân. Do Pháp Thân và Báo Thân hòa hợp bèn có thể lợi ích chúng sanh. Dùng điều này để suy ra, ý nghĩa chủ chốt [trong phẩm này] là luận định công đức của Báo Thân Phật. Các thứ công đức của ba thân như thế đều do [đức Thế Tôn] đã thành tựu dưới cội cây đạo tràng từ bao kiếp lâu xa trong quá khứ trước kia, gọi đó là Bản. Trong khoảng giữa và ngày nay (tức là trong nhiều lượt thị hiện giáng sanh trong cõi này và các cõi khác), [thị hiện] thành tựu [Phật quả] nơi Tịch Diệt đạo tràng, thì gọi là Tích. Chẳng có Bản, sẽ không có gì để thùy Tích (thị hiện dấu Tích). Chẳng có Tích, sẽ chẳng có

³⁰ Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển mười lăm, cái ao này nằm ở phía Bắc Đại Tuyết sơn (Hy Mã Lạp sơn) và phía Nam Hương Túy sơn (Gandhamādana, tức núi Kailasa), dịch nghĩa là ao Vô Nhiệt Não (không khổ não vì nóng bức), rộng tám trăm dặm, dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê ghép thành bờ. Đáy ao rải cát vàng, trong vắt như một tấm gương lớn. Long vương sông trong ấy cũng tên là A Nậu Đạt. Nước trong ao trong mát, chảy theo bốn cửa, tạo thành sông Hằng (Ganges), sông Tín Độ (Sindhu, tức sông Indus), sông Phược Sô (Vaksa, tức sông Amu Daria hiện thời), và sông Tỳ Đa (Sītā, tức sông Sir Daria hiện thời).

gì để hiển lộ Bồn. Bồn và Tích tuy khác, đều chẳng thể nghĩ bàn như nhau! Như Bồn Tích được nói trong các kinh khác, coi Pháp Thân và Báo Thân thành tựu nơi Tịch Diệt đạo tràng là Bồn. Từ Bồn khởi lên hai loại Thắng Ứng Thân và Liệt Ứng Thân, đó là Tích. Nay [kinh Pháp Hoa] coi ba thân thành tựu nơi Tịch Diệt đạo tràng cho đến ba thân đã thành tựu từ vô lượng kiếp đến nay đều gọi là Tích, chỉ riêng coi ba thân được thành tựu do thật sự đắc Bồ Đề thuở ban đầu là Bồn. Vì thế, khác hẳn các kinh kia.

*** *Rộng khai hiển [thọ lượng của Như Lai] hòng đoạn nghi sanh tín***
16.1. Răn hãy tin tưởng

Tổng cộng là bốn lần thỉnh, bốn lần răn nhắc [trong Bồn Môn], cùng với ba lần thỉnh một lần răn nhắc trong Tích Môn, hợp thành năm lượt răn nhắc, bảy lượt thỉnh, [thể hiện ý nghĩa]: Đối với đại sự đặc biệt lạ lùng, phải nên ân cần trịnh trọng.

16.1.1. Ba lượt răn nhắc

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát cập nhất thiết đại chúng: “Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng đương tín giải Như Lai thành để chi ngữ”. Phục cáo đại chúng: “Nhữ đẳng đương tín giải Như Lai thành để chi ngữ”. Hựu phục cáo chư đại chúng: “Nhữ đẳng đương tín giải Như Lai thành để chi ngữ”.

(經)爾時，佛告諸菩薩及一切大眾：「諸善男子！汝等當信解如來誠諦之語」。復告大眾：「汝等當信解如來誠諦之語」。又復告諸大眾：「汝等當信解如來誠諦之語」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị Bồ Tát và hết thảy đại chúng: “Các thiện nam tử! Các ông hãy nên tin hiểu lời chân thành của Như Lai”. Lại bảo đại chúng: “Các ông hãy nên tin hiểu lời chân thành của Như Lai”. Rồi lại bảo các đại chúng: “Các ông hãy nên tin hiểu lời chân thành của Như Lai”.

“Thành” là trung thành. “Đế” là chân thật. Chẳng lừa dối chúng sanh, lời lẽ dẫn đến lẽ Chân. Trước kia, do căn cơ [của chúng sanh] nông cạn, chỉ có thể thuận theo ý họ để nói. Vì thế, phương tiện thực hiện Quyền, nói tam thừa, nói thọ mạng của Như Lai ngắn ngủi, chưa nói chân thành, thật sự. Nay là nói theo ý mình, cho nên nói lời chân thành, chắc thật.

16.1.2. Ba lượt thỉnh

(Kinh) Thị thời, Bồ Tát đại chúng, Di Lặc vi thủ, hiệp chưởng, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thuyết chi. Ngã đẳng đương tín thọ Phật ngữ”. Như thị tam bạch dĩ.

(經)是時，菩薩大眾，彌勒為首，合掌，白佛言：

「世尊！惟願說之。我等當信受佛語」。如是三白已。

(Kinh: Khi đó, đại chúng Bồ Tát do ngài Di Lặc cầm đầu, chấp thay, bạch cùng đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Kính mong hãy nói. Chúng con sẽ tin nhận lời Phật”. Bạch ba lần như thế xong).

Bồ Tát đã vâng nhận lời răn chân thành, chẳng dám nẩy lòng ngờ vực. Hễ đức Phật nói ra, ắt sẽ tin nhận.

16.1.3. Ba lượt trùng thỉnh

(Kinh) Phục ngôn: - Duy nguyện thuyết chi, ngã đẳng đương tín thọ Phật ngữ.

(經)復言：「惟願說之，我等當信受佛語」。

(Kinh: Lại nói: - Kính mong hãy nói, chúng con sẽ tin nhận lời Phật).

16.1.4. Răn nhắc lần nữa

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri chư Bồ Tát tam thỉnh bất chi, nhi cáo chi ngôn: - Nhữ đẳng đế thính.

(經)爾時，世尊知諸菩薩三請不止，而告之言：「汝等諦聽。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết các Bồ Tát thỉnh ba lượt không ngừng, bèn bảo rằng: - Các ông hãy nghe kỹ).

Phần thứ nhất, “răn hãy tin tưởng” đã xong.

16.2. Chánh thức giải đáp

16.2.1. Trường Hàng

16.2.1.1. Khai cận hiển viễn

16.2.1.1.1. Nêu ra tình kiến chấp gần

(Kinh) Như Lai bí mật thần thông chi lực. Nhất thiết thế gian thiên, nhân, cập A Tu La, giai vị kim Thích Ca Mâu Ni Phật xuất Thích thị cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa u đạo tràng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)如來秘密神通之力。一切世間天、人、及阿修羅，皆謂今釋迦牟尼佛出釋氏宮，去伽耶城不遠，坐於道場，得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Sức thần thông bí mật của Như Lai. Hết thấy trời, người, và A Tu La trong thế gian đều cho rằng nay Thích Ca Mâu Ni Phật ra khỏi cung họ Thích, cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đoạn kinh văn này có ba ý:

- Một, nói đến “*Như Lai bí mật thần thông chi lực*” (sức thần thông bí mật của Như Lai) tức là nói đến pháp để thoát mê.

- Hai, nói “*nhất thiết thế gian thiên, nhân, cập A Tu La*” (hết thấy trời, người và A Tu La trong thế gian) là nói đến đại chúng có thể thoát mê.

- Ba, nói “*giai vị Thích Ca...*” (đều nói Phật Thích Ca...) là nói đến tình kiến do mê mất [thọ mạng] dài lâu của Như Lai mà ra.

“*Bí mật*”: Một thân chính là ba thân thì gọi là Bí. Ba thân chính là một thân thì gọi là Mật. Lại nữa, trước kia chẳng nói thì gọi là Bí. Chỉ có Phật tự biết, cho nên gọi là Mật. “*Thần thông chi lực*” (Sức thần thông):

Tác dụng của ba thân. “*Thân*” là lý tự nhiên bất động, tức Pháp Tánh Thân. “*Thông*” là trí huệ không úng tắc chẳng thể nghĩ bàn, tức là Báo Thân nơi quả. “*Lực*” là vận dụng tự tại, tức Ứng Hóa Thân. Phật trong ba đời, bình đẳng có ba thân. Thật sự đạt được ba thân cho đến nay đã rất lâu. Trong các giáo, giữ kín điều này chẳng nói. Vì thế, hết thầy trời, người, A Tu La đều cho rằng ngày nay đức Phật ở dưới cội Bồ Đề mới đạt được ba thân ấy. Đó chính là chấp gần mà nghi xa vậy.

Nói theo Bốn, chẳng còn nhắc tới Nhị Thừa. Sau khi đã khai bày Nhị Thừa [là pháp quyền biến, tất cả các đệ tử Thanh Văn và Duyên Giác] đều gọi là Bồ Tát. Vì thế, chỉ đối trước Bồ Tát [mà giảng nói]. Bồ Tát được nói gộp trong ba thiện đạo “*thiên, nhân, A Tu La*”. Ba đường ác kia do tội nặng, căn độn, trí ít, hoàn toàn chẳng biết đến cách nói theo tình kiến này. Bồ Tát cũng có ba loại: Hạ phương, phương khác, và cự trụ. Hạ phương tức những vị được hóa độ nơi Bốn; vì thế họ chẳng có sự chấp trước đối với thọ mạng gần đây. Phương khác và cự trụ đều có hai loại:

- Một là từ Pháp Thân mà ứng hiện sanh ra. Đời trước đã đắc Vô Sanh, hoặc trước đó đã nghe phơi bày Tích, hiển lộ Bốn. Dù là đời trước chưa nghe hay đã được nghe, khi báo tận trong đời trước, sẽ thọ Pháp Tánh Thân. Trong địa vị Pháp Thân, đương nhiên được nghe nói [thọ mạng của Như Lai] dài lâu. Vì thế, họ là Ứng Sanh Bồ Tát (hàng Bồ Tát do ứng hiện mà sanh trong thế gian này). Phần nhiều [các vị Bồ Tát ấy] chẳng chấp trước [“Như Lai mới thành Phật”] trong thời gần đây.

- Hai là các vị trong đời này mới đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn và các vị chưa đắc thì sẽ đều cùng nói [chấp trước] như thế!

16.2.1.1.2. *Phá chấp gần để hiển viễn*

Lời răn chân thành, chắc thật trong phần trên chỉ nhằm ý này. Phần này lại chia thành hai [tiểu đoạn]:

- Một, chỉ rõ đức Phật đã thành Phật từ lâu.
- Hai, nêu thí dụ để sánh ví sự dài lâu ấy.

16.2.1.1.2.1. *Chỉ rõ đức Phật đã thành Phật từ lâu*

(Kinh) *Nhiên thiện nam tử, ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp.*

(經)然善男子，我實成佛已來，無量無邊百千萬億那由他劫。

(Kinh: Nhưng thiện nam tử, ta thật sự thành Phật tới nay đã là vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp).

[Nay do biết đức Phật] thành Phật quá lâu xa, cho nên ý niệm chấp trước [“Phật mới đắc đạo”] gần đây tại thành Già Da liền bị phá.

16.2.1.1.2.2. Nêu thí dụ để sánh ví sự lâu xa

16.2.1.1.2.2.1. Nêu thí dụ để hỏi

(Kinh) Thí như ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới, giả sử hữu nhân mạt vi vi trần, quá ư Đông phương ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc, nãi hạ nhất trần. Như thị Đông hành, tận thị vi trần. Chư thiện nam tử! U ý vân hà? Thị chư thế giới, khả đắc tư duy, giáo kế, tri kỳ số phủ?

(經)譬如五百千萬億那由他阿僧祇三千大千世界，假使有人抹為微塵，過於東方五百千萬億那由他阿僧祇國，乃下一塵。如是東行，盡是微塵。諸善男子！於意云何？是諸世界，可得思惟，校計，知其數不？」

(Kinh: Ví như năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới, giả sử có người nghiền nát thành vi trần, qua khỏi năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ thế giới ở phương Đông mới để xuống một hạt vi trần. Đi về phương Đông như thế cho đến hết số vi trần ấy. Các thiện nam tử! Ý các ông nghĩ sao? Các thế giới ấy có thể tư duy, so sánh, tính toán để biết được con số hay chăng?)

Ngay như số thế giới đã đặt vi trần còn chẳng thể nói, huống hồ các thế giới chẳng đặt vi trần há có thể nói được ư?

16.2.1.1.2.2.2. Trả lời

(Kinh) Di Lặc Bồ Tát đặng câu bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị chư thế giới vô lượng vô biên, phi toán số sở tri, diệc phi tâm lực sở cập. Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật dĩ vô lậu trí, bất năng tư duy tri kỳ hạn số. Ngã đặng trụ A Duy Việt Trí địa, ư thị sự trung diệc sở bất đạt. Thế Tôn! Như thị thế giới vô lượng vô biên.

(經)彌勒菩薩等俱白佛言：「世尊！是諸世界無量無邊，非算數所知，亦非心力所及。一切聲聞、辟支佛以無漏智，不能思惟知其限數。我等住阿惟越致地，於是事中亦所不達。世尊！如是世界無量無邊」。

(Kinh: Các vị như Di Lặc Bồ Tát v.v... đều bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Các thế giới ấy vô lượng vô biên, chẳng thể tính toán để biết được, mà cũng chẳng do tâm lực mà có thể biết được. Hết thấy Thanh Văn và Bích Chi Phật dùng trí vô lậu, chẳng thể tư duy biết nổi chừng hạn của con số ấy. Chúng con trụ trong địa vị A Duy Việt Trí, đối với chuyện này cũng chẳng thông đạt. Bạch Thế Tôn! Các thế giới như thế vô lượng vô biên).

Một là chẳng thể dùng tính toán hay tâm lực để thấu đạt. Hai là chẳng phải do vô lậu trí mà tư duy được. Ba là bậc A Duy Việt Trí chẳng thông đạt, bởi chỉ có Phật trí là hay biết mà thôi! Vì thế, [cổ nhân sánh ví] “công đức của Phật như đất nơi đại địa trong mười phương, công đức của bậc Thập Địa như đất trong cõi Diêm Phù”, chẳng phải là lời hư dối vậy!

16.2.1.1.2.2.3. Gộp chung lại để hiển lộ sự lâu xa

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo đại Bồ Tát chúng: - Chư thiện nam tử! Kim đương phân minh tuyên ngữ như đặng: Thị chư thế giới, nhược trước vi trần cập bất trước giả, tận dĩ vi trần, nhất trần nhất kiếp. Ngã thành Phật dĩ lai, phục quá ư thử bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp.

(經)爾時，佛告大菩薩眾：「諸善男子！今當分明宣語汝等：是諸世界，若著微塵及不著者，盡以為塵，一塵一劫。我成佛已來，復過於此百千萬億那由他阿僧祇劫。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng Bồ Tát: - Các thiện nam tử! Nay ta sẽ tuyên nói phân minh với các ông: Các thế giới ấy dù đặt vi trần hay chẳng đặt, đều coi trọn hết các vi trần [trong các thế giới ấy], cứ một vi trần là một kiếp, ta thành Phật đến nay lại hơn số ấy trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp).

Các thế giới dù đặt vi trần hay chẳng đặt vi trần đã là chẳng thể diễn nói, huống hồ số lượng vi trần trong các thế giới ấy? Huống hồ lại còn hơn số lượng ấy? Ngài Tăng Phó nói: “*Bản dịch cổ của ngài La Thập không có bốn chữ ‘nhất trần, nhất kiếp’, có vị cao tăng là Đàm Phó đời Tề tụng kinh, cảm mộng [thần nhân bảo] ‘[kinh ông tụng] thiếu một câu’. Về sau, quả nhiên có được [câu bị thiếu ấy]”*. Kinh Kim Quang Minh nói: “*Nhất thiết hải thủy, khả tri trích số, vô hữu năng tri Như Lai chi thọ*” (Có thể biết số lượng giọt nước trong hết thảy các biển, chẳng ai có thể biết tuổi thọ của Như Lai). Đây cũng là nói Ngài thường trụ trong vị lai, chẳng phải là nói Ngài đã [thành Phật] từ lâu trong quá khứ. Nếu dẫn câu kinh ấy làm chứng, sẽ chẳng tương ứng cho lắm!

Lại có người dựa theo Pháp Thân để giải thích điều này, như thế thì sẽ có hai điều mê:

- Một, Pháp Thân không có khởi đầu, há luận kiếp lâu xa được ư?

- Hai, Pháp Thân bình đẳng, lẽ đâu riêng mình đức Thích Ca thành tựu Pháp Thân trước?

Vì thế, biết [giải thích thọ lượng của Như Lai dựa theo Pháp Thân] là chẳng thấu đạt điều cốt lõi của kinh, cầu sâu mà đâm ra cạn!

Hỏi: - Hết thảy chư Phật có đều hiển Bồn hay không? Nếu có trường hợp hiển và chẳng hiển, sẽ chẳng thể nói “*chư Phật đạo đồng*”, cũng chẳng thể nói “*phương tiện này của ta, chư Phật cũng thế!*” Nếu đều cùng hiển Bồn, chư Phật phải đều cùng nói “*đã thành Phật rất lâu xa*” chứ?

Đáp: - Hiển Bồn thì có thể đồng, nhưng xa hay gần khác nhau. Chẳng hạn như Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có tám người con, Đại Thông Trí Thắng Phật có mười sáu người con, Phật Thích Ca chỉ có một.

Có con giống nhau, nhưng số lượng không bắt buộc phải như nhau. Lại nữa, phàm thành Phật thì chứng đắc ba thân giống nhau; vì thế nói “*chư Phật đạo đồng*”. Ba đời lợi ích chúng sanh đều như nhau, cho nên nói “*phương tiện này của ta, chư Phật cũng giống như thế*”. Huống hồ Bốn cao, Tích thấp, Bốn thấp, Tích cao, Bốn và Tích đều cao, Bốn và Tích đều thấp, có đến bốn câu, khai hiển trong một giai đoạn [giáo hóa], cần gì phải đều giống hệt như nhau? Chỉ có đối với nguyên nhân khởi đầu và kết quả kết thúc thì xét theo bản thể sở chứng của chư Phật, sẽ là “cùng viên mãn ba thân”, còn tác dụng khởi lên, sẽ là “cùng lợi ích ba đời”. Do vậy, chẳng thể nói có sai khác!

Phân thứ nhất, “khai cận, hiển viễn” đã xong!

16.2.1.2 . Nói rõ ba đời đều lợi lạc chúng sanh

Ở đây, lấy chuyện thành đạo lần đầu tiên làm Thể, làm Bản. Từ Thể khởi tác dụng là Tích. Lại coi lúc đầu tiên thật sự đắc Thể và Dụng là Bản. Từ đó trở đi, tất cả các sự khởi tác dụng trong ba đời đều là Tích. Kinh văn chia làm hai phần: Một là pháp thuyết, hai là thí thuyết.

16.2.1.2.1. Pháp thuyết (dùng pháp để giảng nói)

16.2.1.2.1.1. Nêu rõ cả ba đời đều lợi ích chúng sanh

16.2.1.2.1.1.1. Lợi ích chúng sanh trong quá khứ

16.2.1.2.1.1.1.1. Chỗ lợi ích chúng sanh trong quá khứ

(Kinh) Tự từng thị lai, ngã thường tại thử Sa Bà thế giới thuyết pháp, giáo hóa. Diệc ư dư xứ, bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc đạo lợi chúng sanh.

(經)自從是來，我常在此娑婆世界說法，教化。亦於餘處，百千萬億那由他阿僧祇國導利眾生。

(Kinh: Từ đó trở đi, ta thường ở trong thế giới Sa Bà này thuyết pháp, giáo hóa. Cũng ở các nơi khác, trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi để hướng dẫn, lợi ích chúng sanh).

Cần phải nêu rõ nơi chốn là vì trong phần trước đã nói thành đạo rất lâu, nhưng Ngài ở tại chỗ nào đã lâu? Do vậy nói Ngài thường ở trong thế giới này và các cõi khác để thuyết pháp lợi sanh. Cõi Sa Bà này

chính là chỗ để Bồn Ứng Thân cư trụ. Hiện thời cư trụ là thị hiện, nhưng chẳng dời khỏi Bồn. Chỉ là xưa nay thời điểm khác nhau, người thấy Kiếp Hỏa thiêu đốt thì cho là gần (tức là nghĩ “Phật mới thành đạo gần đây”), người chiếu tỏ Bồn thì thông đạt xa (tức biết Phật đã thành đạo từ chẳng thể nghĩ bàn vô lượng kiếp trước). Vì thế nói: “*Ngã tịnh độ bất hủy, thường tại Linh Thứu sơn*” (Tịnh độ của ta chẳng hủy hoại, ta thường ở núi Linh Thứu). Chẳng lìa Già Da để cầu cỗi Thường Tịch nào khác, chẳng ra ngoài Tịch Quang mà riêng có Sa Bà được!

16.2.1.2.1.1.1.2. Loại trừ mỗi nghi hoặc đối với Tích trong quá khứ

(Kinh) Chư thiện nam tử! Ư thị trung gian, ngã thuyết Nhiên Đăng Phật đấng, hựu phục ngôn kỳ “nhập ư Niết Bàn”. Như thị giai dĩ phương tiện phân biệt.

(經)諸善男子！於是中間，我說然燈佛等，又復言其「入於涅槃」。如是皆以方便分別。

(Kinh: Các thiện nam tử! Trong khoảng trung gian ấy, ta nói Nhiên Đăng Phật [thọ ký cho ta] v.v... lại còn nói “nhập Niết Bàn”. [Những điều] giống như vậy đều là phương tiện phân biệt).

Nghi rằng: Nếu đã thành Phật lâu như thế, có sao trong kinh nói vào thời Nhiên Đăng Phật, [Phật Thích Ca] mới được thọ ký? Lại nữa, đã thành Phật, chứng thân thường trụ, vì sao trong thời Phật Nhiên Đăng, Nho Đồng Bồ Tát (tiền thân của Phật Thích Ca) được thọ ký rồi hoằng pháp, hết tuổi thọ bèn nhập diệt, lại sanh trong các xứ khác? Các điều [cật vấn] như thế chẳng thể nói trọn hết từng điều được! Nay để loại trừ [các mối nghi ấy] bèn nói: “Đó đều là phương tiện phân biệt”. Ví như huyễn sư (người làm ảo thuật) biến hiện huyễn sự, chẳng phải là thật sự vào lúc đó (lúc được Phật Nhiên Đăng thọ ký), Phật Thích Ca mới được thọ ký [lần đầu], cũng chẳng phải là thân Phần Đoạn xả thọ, nhập diệt, mà đều là từ Bồn mà thị hiện các dấu vết vậy!

16.2.1.2.1.1.1.3. Trong quá khứ, đã lợi ích các chúng sanh đáng được lợi ích như thế nào?

16.2.1.2.1.1.1.3.1. Cảm ứng

(Kinh) Chư thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh lai chí ngã sở, ngã dĩ Phật nhãn quán kỳ tín đẳng, chư căn lợi độn, tùy sở ưng độ.

(經)諸善男子！若有眾生來至我所，我以佛眼觀其信等，諸根利鈍，隨所應度。

(Kinh: Các thiện nam tử! Nếu có chúng sanh đến chỗ của ta, ta dùng Phật nhãn để xem xét các căn tín, tấn v.v... của họ là lợi hay độn, rồi sẽ tùy theo lẽ đáng nên mà độ họ).

“Chí ngã sở” (Đến chỗ của ta), tức là hai căn cơ Tiệm và Đốn của chúng sanh trong quá khứ, ngầm đánh động Pháp Thân. “Phật nhãn quán” tức là Ngài thành Phật đã từ lâu, dùng Phật nhãn để xét soi [căn cơ của người đáng được hóa độ] chẳng hề sai sót; sau đó sẽ dùng Liệt Ứng Thân hay Thắng Ứng Thân hòng lợi ích họ. Căn cơ thiện có hai lực:

- Một, cảm hoa báo trong trời người và Quyền quả trong tam thừa.
- Hai, cảm Thật quả trong Phật đạo.

Nếu dùng pháp nhãn để quán biết muôn điều thiện, tùy thuộc điều thiện ấy là nhẹ hay nặng, mỗi đẳng đều đạt được hoa báo và Quyền quả báo, nhưng chẳng thể rốt ráo biết họ sẽ trọn đạt được quả báo nơi Chủng Trí. Nếu dùng Phật nhãn chiếu soi muôn điều thiện, sẽ có thể biết trọn vẹn hoa báo và quả báo từ đầu đến cuối. Kinh này một mực nói dùng Phật nhãn để quán, sẽ có thể biết tất cả muôn điều thiện của chúng sanh, rốt ráo đạt được cái quả nơi Chủng Trí của Phật.

“Tín đẳng chư căn” (Các căn như Tín v.v...) chính là Ngũ Căn [trong ba mươi bảy đạo phẩm]. Huệ căn chính là liễu nhân, còn bốn căn Tín, Tấn, Niệm, Định đều thuộc về duyên nhân. Hai thứ thiện căn này, mỗi thứ đều có lợi hay độn, nhiếp chung cơ duyên Đốn và Tiệm. Căn cơ thuộc Đốn dù lợi hay độn đều là căn cơ thuộc Viên Giáo và Biệt Giáo. Căn cơ thuộc Tiệm Giáo dù lợi hay độn đều là căn cơ thuộc về Thông Giáo và Tạng Giáo. Lại nữa, căn cơ Đại Thừa được gọi là Lợi, căn cơ Tiểu Thừa được gọi là Độn. Lại nữa, căn cơ Tiểu Thừa được gọi là Lợi, [căn cơ] nhân thiên thừa được gọi là Độn. Lại nữa, đối với các căn thuộc tứ giáo cho đến các căn cơ thuộc nhân thiên đều luận định là lợi hay độn. Tất cả các thiện căn lợi hay độn của chúng sanh trong mười pháp giới đều là căn cơ. Như Lai đều xét soi, chẳng hề sai sót, tùy thuộc [kê ấy]

đáng độ như thế nào, bèn hiện hình hay dùng âm thanh để tạo lợi ích cho kẻ đó!

16.2.1.2.1.1.1.3.2. Thực hiện sự giáo hóa

16.2.1.2.1.1.1.3.2.1. Hai thứ lợi ích bằng hình tướng và âm thanh

(Kinh) Xứ xứ tự thuyết danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu, diệt phục hiện ngôn ‘đương nhập Niết Bàn’. Hựu dĩ chủng chủng phương tiện thuyết vi diệu pháp.

(經)處處自說名字不同，年紀大小，亦復現言「當入涅槃」。又以種種方便說微妙法。

(Kinh: Ở các nơi, tự nói danh tự khác nhau, tuổi tác lớn nhỏ, cũng lại thị hiện nói “sẽ nhập Niết Bàn”. Lại dùng các thứ phương tiện để nói pháp vi diệu).

“Danh tự bất đồng, tuổi tác lớn nhỏ”, tức là chẳng phải sanh mà thị hiện sanh. “Sẽ nhập Niết Bàn” tức là chẳng phải diệt mà thị hiện diệt, đều là dùng hình tướng để tạo lợi ích. “Phương tiện thuyết pháp” chính là dùng âm thanh để tạo lợi ích. “Xứ xứ” (Nơi nơi) tức là theo chiều dọc thì là vi trần kiếp số, theo chiều ngang thì là mười phương sát hải. Trong mỗi kiếp, đều trọn khắp mười phương. Trong mỗi cõi, đều trải qua kiếp số nhiều như vi trần, không gì chẳng phải là nơi chốn và thời điểm Như Lai thị hiện dấu tích. “Danh tự bất đồng”: Hoặc thị hiện Thắng Ứng, hoặc thị hiện Liệt Ứng, hoặc thị hiện thân Phật, hoặc thị hiện các thân Bồ Tát, Thanh Văn v.v... Thân đã bất đồng, cho nên danh tự cũng bất đồng. “Niên kỷ đại tiểu” (Tuổi tác lớn hay nhỏ): Đã thị hiện có thân, bèn có thọ mạng dài hay ngắn khác nhau! Đáng nên dùng thị hiện sanh để đắc độ thì đã có thể chốn chốn “chẳng phải sanh mà thị hiện sanh”. Đáng nên thị hiện diệt để đắc độ thì ắt cũng chốn chốn “chẳng phải diệt mà thị hiện diệt”. Vì thế nói “diệt phục hiện ngôn đương nhập Niết Bàn” (cũng thị hiện nói “sẽ nhập Niết Bàn”). “Chủng chủng phương tiện thuyết vi diệu pháp” (Các thứ phương tiện để nói pháp vi diệu): Hoặc Đốn, hoặc Tiệm, hoặc Hiện, hoặc Mật, hoặc Định, hoặc Bất Định, hoặc nói kèm, hoặc nói đơn độc, hoặc đối ứng, hoặc ngụ ý, hoặc thực hiện [quyền biến], hoặc khai, hoặc phế, hoặc lập, nói chung là phương tiện thiện xảo

của Như Lai, luôn khiến cho chúng sanh rốt ráo được thành tựu Nhất Thiết Chứng Trí. Do vậy là vi diệu!

16.2.1.2.1.1.3.2.2. [Chúng sanh do] đạt được lợi ích bèn hoan hỷ

(Kinh) Năng linh chúng sanh phát hoan hỷ tâm.

(經)能令眾生發歡喜心。

(Kinh: Có thể khiến cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ).

Do hai cách giáo hóa bằng hình tướng hay âm thanh, khiến cho [những người được hóa độ] đạt được bốn món lợi ích (Tứ Tắt Đàn) Quyền và Thật, nhưng nói là “hoan hỷ”, tức là nêu ra một thứ để gồm chung ba thứ còn lại.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện lợi ích chúng sanh trong quá khứ” đã xong.

16.2.1.2.1.1.2. Lợi ích chúng sanh trong hiện tại

16.2.1.2.1.1.2.1. Cảm ứng

(Kinh) Chư thiện nam tử! Như Lai kiến chư chúng sanh nhạo u Tiểu pháp, đức bạc, cấu trọng giả.

(經)諸善男子！如來見諸眾生樂於小法，德薄，垢重者。

(Kinh: Các thiện nam tử! Như Lai thấy các chúng sanh là những kẻ chuộng Tiểu pháp, đức mỏng, cấu chướng nặng nề).

“Như Lai kiến” tức là Phật nhãn soi xét. “Chư chúng sanh nhạo u Tiểu pháp” (Các chúng sanh chuộng Tiểu pháp) chính là căn cơ được thấy [bởi Phật nhãn]. Tham ái hai mươi lăm Hữu tức là căn cơ nhân thiên, thì gọi là “chuộng Tiểu pháp”. “Tự cầu diệt độ trong hiện tiền” tức là căn cơ Nhị Thừa, được gọi là “chuộng Tiểu pháp”. Ưa thích theo thứ tự dần dần tu tập quanh co trong Phật đạo thì chính là căn cơ Bồ Tát thuộc tam giáo, cũng gọi là “chuộng Tiểu pháp”. Cho đến kẻ thích “cận thuyết” (thích nói “Như Lai mới thành đạo trong thời gần đây”) cũng gọi là “chuộng Tiểu pháp”. Vì hai công dụng nơi duyên thiện và liễu thiện nhỏ nhoi, kém cỏi, cho nên gọi là “đức bạc” (đức mỏng manh). Do ba

thứ Hoặc tức Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh sâu dày, nên gọi là “*cấu trọng*”.

Hỏi: - Chẳng phải sanh mà thị hiện sanh, nhằm thực hiện sự giáo hóa Đốn và Tiệm cho bảy loại phương tiện, có thể gọi [những kẻ đó] là “*chuộng Tiểu pháp*”, chứ căn cơ viên đốn đáng nên gọi là “*chuộng Đại pháp*”, sao lại gọi tuốt là “*chuộng Tiểu pháp*” vậy?

Đáp: - Điều này có bốn nghĩa:

- Một, xét theo khi xưa tuy đã phát đại tâm, nhưng chẳng thể chuyên ròng, phần nhiều chấp trước ham muốn hèn tẻ, chẳng thể xuất thế. Vì thế, gọi ham muốn hèn tẻ là “*chuộng Tiểu pháp*”.

- Hai, xét theo hiện tại. Như khi đức Phật chưa xuất thế, hàng trời người tuy có căn cơ Đại Thừa, nhưng tâm đắm nhiễm niềm vui thế gian, hoặc chấp vào tà kiến. Vì thế gọi là “*chuộng Tiểu pháp*”. Hai nghĩa này có cùng ý nghĩa với “*uỷển chuyển ư địa*” (quần quại trên đất) trong thí dụ thuộc phần sau.

- Ba, xét theo tu hành. Tuy chẳng ưa thích Tiểu pháp ái kiến trong tam giới, nhưng ưa chuộng sự “*hôi đoạn*” (đoạn chúng, diệt thân) trong tam thừa thì cũng gọi là “*Tiểu pháp*”. Tuy chẳng ưa chuộng cận quả trong tam thừa, nhưng thích tu hành một thừa theo Biệt Giáo, chẳng thể nhất tâm viên đốn tu trọn khắp. Vì thế gọi là “*chuộng Tiểu pháp*”.

Ba ý này đều xét theo tu nhân mà nói là “*chuộng Tiểu pháp*”.

- Bốn là xét theo quả môn. Ưa thích nghe “*Phật thành đạo mới gần đây*” thì là Tiểu, [tức là cho rằng Phật] thoát khỏi cung họ Thích mới đắc Bồ Đề, chẳng thích nghe nói [đức Phật đã thành đạo] từ rất lâu xa. Vì thế nói là “*chuộng Tiểu pháp*”. Cái tâm nhỏ nhoi kiêu đó chẳng phải là ngày nay [mới có]. Nếu trước đó họ đã ưa thích Đại pháp, đức Phật sẽ chẳng nói Ngài mới thành Phật. Ngài nói “*mới thành Phật*” đều là vì [chúng sanh] ưa thích Tiểu pháp vậy.

16.2.1.2 .1.1.2.2. Thực hiện sự hóa độ

16.2.1.2.1.1.2.2.1. Hiện thân hình

(Kinh) Vị thị nhân thuyết: “Ngã thiểu xuất gia, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai, cửu viễn nhược tư, dẫn dĩ phương tiện giáo hóa chúng sanh linh nhập Phật đạo, tác như thị thuyết.

(經)為是人說：「我少出家，得阿耨多羅三藐三菩提」。
。然我實成佛已來，久遠若斯，但以方便教化眾生令入佛道，作如是說。

(Kinh: Bèn vì kẻ đó nói: “Ta xuất gia chẳng lâu, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Nhưng kể từ khi ta thật sự thành Phật đến nay, đã lâu dường ấy! Chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ nhập Phật đạo mà nói như thế).

Đây là nói vì chúng sanh trong hiện tại, chẳng phải sanh mà thị hiện sanh, tuy sanh nhưng thật sự chẳng sanh. Trước đó, đã nói hai căn cơ Đốn và Tiệm cảm vờ Pháp Thân; nay bèn hiện hai thứ Ứng Thân thắng và liệt. Liệt Ứng Thân nhằm thích ứng căn cơ Tiệm. Thắng Ứng Thân nhằm thích ứng căn cơ Đốn. Hai thứ ứng thân ấy đều có tướng thị hiện sanh thân và Pháp Thân. Hai tướng sanh của thân Liệt Ứng chính là do chánh huệ gá vào thai, sanh ra từ hông phải [của mẹ], liền đi bảy bước, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, tự nói: “*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngô độc tôn*” (天上天下。唯吾獨尊, trên trời, dưới trời, chỉ có Ngã là độc tôn). Đây chính là tướng sanh ra của sanh thân. Ngồi trên cỏ Cát Tường, ba mươi bốn tâm đoạn hết kết tập, chúng trọn hết năm phần Pháp Thân; đây chính là tướng sanh ra của Pháp Thân. Sanh tướng của hai thân Thắng Ứng thì là ngồi trong cung bằng Chiên Đàn, cùng các vị Bồ Tát ngự trong thai tạng của bà Ma Da, thường nói Đại Thừa, thực hiện Phật sự lớn lao, từ hông phải [của mẹ] sanh ra, trong mười phương, mỗi phương đều đi trọn bảy bước, hiện tướng sư tử hống. Đây chính là sanh tướng nơi sanh thân. Tại Tịch Diệt đạo tràng, ngồi tòa Bồ Đề, đắc Kim Cang hậu tâm, đoạn sạch vô minh, diệu giác rạng ngời, chiếu tận cùng pháp tánh, Chứng Trí viên minh, vạn đức trọn đủ. Đó là sanh tướng của Pháp Thân. “*Xuất gia*” chính là Liệt Ứng Thân ra khỏi nhà Phần Đoạn, hoặc Thắng Ứng Thân ra khỏi nhà Nhị Tử (hai thứ sanh tử, tức Phần Đoạn và Biên Dịch). “*Đắc Bồ Đề*”: Liệt Ứng Thân đắc Sanh Diệt Tứ Đế, phát khởi vô lậu tận vô sanh trí, thì gọi là Bồ Đề. Thắng Ứng Thân chiếu đạo Nhất Thật nơi Tam Đế, rốt ráo Nhất Thiết Chứng Trí thì là Bồ Đề (Sanh tướng của hai thứ sanh thân thuộc Thắng Ứng và Liệt Ứng chỉ là một phen gá thai rồi xuất sanh, nhưng căn cơ Đại Thừa và Tiêu Thừa sẽ thấy bất đồng. Vì thế, cần phải thật sự hiểu rõ: Chẳng phải

là có hai phen gá thai và xuất sanh. Hai thứ xuất gia, hai thứ thành đạo, hai thứ sanh tướng của Pháp Thân cũng không gì chẳng phải là như vậy! Vì thế nói “*song thùi lưỡng tướng*” (cùng rủ lòng thị hiện hai tướng), cả hai bắt đầu đồng thời). Từ “*nhiên ngã thật thành Phật*” (nhưng ta thật sự thành Phật) trở đi, nói rõ Bốn thật sự chẳng sanh. Các hàng trời, người, A Tu La kia nay mới thấy hai thứ sanh thân và pháp thân ấy, cho rằng “*mới sanh*”. Thật ra, chẳng phải vậy! “*Nhưng ta thật sự thành Phật đã rất lâu xa*”, như trong thí dụ ở phần trên đã nói [thời gian ấy] còn nhiều hơn số vi trần trong cõi nước. Nay thị hiện sanh, nhưng chẳng thật sự sanh. Nếu ngờ rằng “*đã chẳng phải là thật sự sanh, vì sao lại thị hiện sanh?*” Giải rằng: Chỉ là phương tiện để giáo hóa chúng sanh đức mỏng, nghiệp cấu nặng nề, khiến cho họ nhập Phật đạo. Do đó, nói như thế này “*ta xuất gia chẳng lâu bèn đắc Bồ Đề*”. Các kinh Đại Thừa khác chỉ phá hai thứ sanh thân và pháp thân của thân Liệt Ứng “*tuy sanh mà chẳng phải thật sự sanh*”, chẳng phá sanh thân và pháp thân của thân Thắng Ứng. Nay nói “*đã thành Phật rất lâu*”, chính là nhằm phá trừ [chấp trước] “*Pháp Thân của Thắng Ứng kể từ Tịch Diệt đạo tràng mới sanh*”. Do đó, hoàn toàn khác với các kinh khác!

16.2.1.2 .1.1.2.2.2. Thuyết pháp

16.2.1.2 .1.1.2.2.2.1. Các pháp đã nói trong một đời giáo hóa

(Kinh) Chư thiện nam tử! Như Lai sở diễn kinh điển, giai vị độ thoát chúng sanh, hoặc thuyết kỹ thân, hoặc thuyết tha thân, hoặc thị kỹ thân, hoặc thị tha thân, hoặc thị kỹ sự, hoặc thị tha sự, chư sở ngôn thuyết, giai thật bất hư.

(經)諸善男子！如來所演經典，皆為度脫眾生，或說己身，或說他身，或示己身，或示他身，或示己事，或示他事，諸所言說，皆實不虛。

(Kinh: Các thiện nam tử! Kinh điển do Như Lai đã diễn nói đều vì độ thoát chúng sanh, hoặc nói về thân mình, hoặc nói về thân người khác, hoặc chỉ bày thân mình, hoặc chỉ bày thân người khác, hoặc chỉ bày chuyện của mình, hoặc chỉ bày chuyện của người khác, các lời lẽ đã nói đều chân thật chẳng dối).

“*Sở diễn kinh điển*” là nói khắp tất cả ngũ vị bát giáo trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật]. “*Giai vị độ thoát chúng sanh*” (Đều vì độ thoát chúng sanh): Giải thích chung [các giáo] Đốn, Tiệm, Hiện, Mật, Định, Bất Định, không gì chẳng nhằm ứng với bệnh mà cho thuốc, khiến cho họ được độ thoát. “*Hoặc thuyết kỷ thân...*” (Hoặc nói thân mình...): Nêu đại lược tất cả các chuyện thị hiện sai biệt trong một đời giáo hóa. Nói nhân duyên xưa kia của chính mình thì gọi là “*thuyết kỷ thân*”. Nói các thứ nhân duyên của chư Phật, Bồ Tát, và các đệ tử, thì gọi là “*thuyết tha thân*”. Hiện hình tượng thuộc Phật giới thì gọi là “*thị kỷ thân*”. Hiện hình tượng trong chín pháp giới kia thì gọi là “*thị tha thân*”. Hoặc hiện thân Thắng Ứng thì gọi là “*thị kỷ thân*”. Hiện thân Liệt Ứng thì gọi là “*thị tha thân*”. Hiện chuyện thuộc Phật giới thì gọi là “*thị kỷ sự*”. Hiện chuyện thuộc chín pháp giới thì gọi là “*thị tha sự*”. Hoặc hiện Chủng Trí thì gọi là “*thị kỷ sự*”. Hiện sự đoạn chứng của tiểu trí thì gọi là “*thị tha sự*”. Hiện đại tự tại thì gọi là “*thị kỷ sự*”. Hiện các thứ như chín loại phiền não v.v... thì gọi là “*thị tha sự*”.

“*Chư sở ngôn thuyết giai thật bất hư*” (Những lời nói ra đều chân thật, chẳng dối): Chỉ rõ [những lời dạy của đức Phật] khác với ngu ngôn trong thế gian. Do vì chúng sanh mà mỗi mỗi đều thị hiện, mỗi mỗi đều có nhân, có quả. Mỗi mỗi đều có khởi đầu và kết thúc. Chỉ là dù nói thân mình, hay thân người khác, chỉ bày thân mình, hay thân người khác, chuyện của chính mình, hay chuyện của người khác, hoàn toàn chẳng có mảy may thốt lời hư huyền, dối trá! Vì thế, có thể độ thoát hết thảy chúng sanh. Ví như huyền sư (nhà ảo thuật) ở ngã tư đường, biến huyền các loài vật như voi, ngựa, trâu, dê... Voi ra voi, ngựa ra ngựa, chẳng có con vật nào chẳng giống hệt, bèn có thể khiến cho kẻ ngu, tiểu trí vui thích. Phật cũng giống như thế, dùng Pháp Tánh Đại Huyền tam-muội trọn khắp mười phương ba đời, biến huyền thân mình, thân người, chuyện mình, chuyện người, chỉ dạy cho kẻ khác, khiến cho các chúng sanh đó đều được thấy nghe, hoàn toàn chẳng có chuyện nào bịa đặt, nói suông, khiến cho chúng sanh hể tin nhận đều được độ thoát.

16.2.1.2.1.1.2.2.2.2. Giải thích nguyên do vì sao nói thiện xảo

16.2.1.2.1.1.2.2.2.2.1. Do chiếu lý Quyền Thật, đó chính là cái gốc để nói năng, chỉ bày

(*Kinh*) *Sở dĩ giả hà? Như Lai như thật tri kiến tam giới chi tướng, vô hữu sanh tử, nhược thoát, nhược xuất, diệt vô tại thế, cập*

diệt độ giả, phi thật, phi hư, phi như, phi dị, bất như tam giới, kiến u tam giới. Như tư chỉ sự, Như Lai minh kiến, vô hữu thác mậu.

(經)所以者何？如來如實知見三界之相，無有生死，若退，若出，亦無在世，及滅度者，非實，非虛，非如，非異，不如三界，見於三界。如斯之事，如來明見，無有錯謬。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Như Lai đúng như thật thấy biết tướng của tam giới, chẳng có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất, cũng chẳng ở đời và diệt độ, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng khác, chẳng như tam giới mà thấy tam giới. Chuyện như vậy Như Lai thấy rõ, chẳng có sai lầm).

Một niệm hiện tiền Chân Như pháp tánh vốn chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, nhưng chẳng có pháp nào không đầy đủ, chẳng có pháp nào không tạo. Hết thấy phạm thánh bình đẳng, chẳng sai biệt; nhưng phạm phu và hàng Nhị Thừa vương mặc nơi hai loại tử (Phản Đoạn và Biến Dịch), chẳng thể tự độ, tự thoát. Các hàng đại Bồ Tát còn thuộc địa vị tu nhân thì hạn cuộc nơi số lượng, chẳng thể theo chiều dọc trọn khắp, theo chiều ngang cùng tột, đều là do chưa thể chứng triệt để viên mãn Chân Như pháp tánh ấy. Chỉ có Như Lai từ kiếp lâu xa đến nay đã viên mãn chứng triệt để chân pháp tánh ấy. Cho nên Ngài có thể dùng Chung Trí Phật nhãn như thật thấy biết hai thứ tướng tam giới Phản Đoạn và Biến Dịch. Ngay nơi bản thể chính là Chân Như Thật Tướng, biết rõ hai loại sanh tử chẳng phải là sanh tử. Chẳng có thoái thất mà ở trong thế gian: Đã chẳng có sanh tử để lùi bước, sẽ chẳng có sanh tử để thoát ra. Vì thế chẳng có thoát ra mà diệt độ.

“*Chẳng có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất*” tức là Thật pháp trong mười pháp giới đều là Không. “*Diệt vô tại thế, cập diệt độ*” (Cũng chẳng đang tại thế và diệt độ): Giả danh trong mười pháp giới đều là Không. Sanh tử và Niết Bàn đều bình đẳng, giống như giấc mộng đêm qua, cho nên “*chẳng thật*”. Mê là sanh tử, ngộ bèn chứng Niết Bàn, duyên khởi rành rành; vì thế “*chẳng hư huyền*”. Chẳng sai biệt mà mười pháp giới sai biệt, cho nên “*chẳng Như*”. Tức là sai biệt, nhưng một tánh dung thông, cho nên “*chẳng khác*”. Chẳng giống như hai loại người trong tam giới: Hoặc thấy tam giới là Có, hoặc thấy tam giới là Không.

Vì thế nói “*bất như tam giới kiến ư tam giới*” (chẳng như tam giới mà thấy tam giới). “*Như tư chi sự*” (Chuyện như thế đó) chính là tổng kết Chân Tục Diệu Đế vừa được diễn tả trong phần kinh văn trước đó, tức là sanh tử mà chẳng có sanh tử, tức là thoát thất mà chẳng thoát thất, tức là thoát ra mà chẳng thoát ra, tức là ở trong thế gian mà chẳng ở trong thế gian, tức là diệt độ mà chẳng diệt, tức là Chân mà chẳng phải Chân, tức là hư mà chẳng phải hư, tức là Như mà chẳng phải Như, tức là dị (khác biệt) mà chẳng phải dị. Có nghĩa là đối với chuyện “*ngay nơi Tục chính là Chân*”, Như Lai dùng trí như lý để thấy rõ, chẳng hề sai lầm. Vì thế, Ngài có thể thuận theo trí mà nói theo ý mình, khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bỏ. [Chúng sanh vốn] chẳng có sanh tử mà hư vọng thấy có sanh tử, chẳng có thoát xuất mà hư vọng thấy thoát xuất, chẳng có tại thế mà hư vọng thấy tại thế, chẳng diệt độ mà hư vọng thấy diệt độ, chẳng thật mà hư vọng thấy là thật, chẳng hư mà hư vọng thấy là hư, chẳng như mà hư vọng thấy là như, chẳng khác mà hư vọng thấy là khác. Đó gọi là đối với chuyện “*Chân chính là Tục*”, Như Lai dùng như lượng trí để thấy rõ, chẳng hề sai lầm! Vì thế, có thể thuận theo tình kiến mà nói thuận theo ý của người khác. Do Thật mà thực hiện Quyền, vì Bỏ mà rũ lòng thị hiện Tịch vậy!

16.2.1.2.1.1.2.2.2.2. Do tương xứng với căn cơ Tiệm hay Đốn, đó chính là cái duyên để diễn nói, chỉ bày

(Kinh) Dĩ chư chúng sanh hữu chủng chủng tánh, chủng chủng dục, chủng chủng hạnh, chủng chủng ức tướng phân biệt cố, dục linh sanh chư thiện căn, dĩ nhược can nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, chủng chủng thuyết pháp, sở tác Phật sự, vị tăng tàm phế.

(經)以諸眾生有種種性，種種欲，種種行，種種憶想分別故，欲令生諸善根，以若干因緣，譬喻，言辭，種種說法，所作佛事，未曾暫廢。

(Kinh: Do các chúng sanh có các thứ tánh, các thứ dục, các thứ hạnh, các thứ nhớ nghĩ, phân biệt, muốn khiến cho họ sanh các căn lành, liền dùng ngàn ấy nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, các cách thuyết pháp, thực hiện Phật sự, chưa từng tạm bỏ).

“*Chủng chủng*” (Các thứ) là Đốn, Tiệm, lợi, độn, ngàn vạn sai khác! “*Tánh*” [ở đây phải hiểu là “tập tánh”], tức là do thói quen và ham muốn tạo thành, tức là nói đến các thứ căn cội, chủng tử trong quá khứ. “*Dục*” là sự ưa muốn, tức là từ chủng tử phát khởi mà hiện hành. “*Hạnh*” tức là nghiệp hạnh thiện ác đã tạo do thuận theo các thứ ưa muốn, cho đến các hạnh xuất thế trong tam thừa hay nhất thừa. “*Ưc tưởng phân biệt*”: Thuận theo những gì đã làm mà sanh ra sự thấu hiểu, tức là tương tự trí huệ. Đối với các thứ tánh, đáng nên sử dụng các thứ Vị Nhân Tất Đàn. Đối với các thứ dục, đáng nên sử dụng các thứ Thế Giới Tất Đàn. Đối với các thứ hạnh, đáng nên sử dụng hai loại Vị Nhân và Đôi Trĩ Tất Đàn. Đối với các thứ nghĩ nhớ, phân biệt, đáng nên sử dụng các thứ Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Vì lẽ nào vậy? Thuận theo sự hiểu biết nghĩ nhớ của họ mà vì họ thuyết pháp, họ sẽ hiểu rõ ràng Đệ Nhất Nghĩa, cho đến hàng Sơ Địa khi ưa muốn tu hành Đệ Nhị Địa, cũng ắt phải nghĩ nhớ cảnh thuộc Nhị Địa. Đó chính là “*niệm tưởng*”. Nếu phát khởi chân giải (sự thông hiểu chân thật) thuộc Nhị Địa thì tức là niệm tưởng quán trừ, ngôn ngữ và pháp đều diệt. Cho đến địa vị Phật thì mới rốt ráo lìa khỏi nhớ tưởng, đạt được thường tịch chiếu. Vì thế, dùng ngàn ấy nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, các cách thuyết pháp, khiến cho họ sanh trưởng các thiện căn, thực hiện các Phật sự chưa từng tạm bỏ! Thiện căn Quyền Thật có ba loại, năm loại, bảy loại, chín loại khác nhau; vì thế gọi là Chư. Rốt ráo đều quy vào Nhất Thiết Chủng Trí, cho nên gọi là “*Phật sự*”. Tam luân giáo hóa (dùng thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp để giáo hóa) chẳng thể nghĩ bàn, suốt ngày đêm thường diễn nói, khiến cho người khác đạt được lợi ích chẳng hề có gián đoạn, ngưng nghỉ. Do đó nói là “*vị tăng tạm phế*” (chưa từng tạm bỏ).

Phần thứ hai, “nói sự lợi ích chúng sanh trong hiện tại” đã xong!

16.2.1.2 .1.1.3. Lợi ích chúng sanh trong vị lai

16.2.1.2 .1.1.3.1. Nói rõ “chẳng diệt độ mà xướng sẽ diệt độ” hòng tạo lợi ích cho vị lai

16.2.1.2 .1.1.3.1.1. Nói rõ nơi Bốn thật sự chẳng diệt

(Kính) Như thị ngã thành Phật dĩ lai, thậm đại cứu viễn, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường trụ bất diệt. Chư thiện nam tử! Ngã bốn hành Bồ Tát đạo thời, sở thành thọ mạng, kim do vị tận, phục bội thượng số.

(經)如是我成佛已來，甚大久遠，壽命無量阿僧祇劫，常住不滅。諸善男子！我本行菩薩道時，所成壽命，今猶未盡，復倍上數。

(Kinh: Như thế đó, ta từ khi thành Phật cho đến nay hết sức lâu xa, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường trụ bất diệt. Các thiện nam tử! Khi ta vốn hành Bồ Tát đạo, đã thành tựu thọ mạng cho đến nay vẫn chưa hết, còn gấp bội số trên đây).

[Nói] “hết sức lâu xa, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp” nhằm nhắc lại chuyện quá khứ trong phần trước. “*Thường trụ bất diệt*” nghĩa là trong vị lai luôn vĩnh viễn tạo lợi ích cho chúng sanh. Từ “*ngã bốn hành*” (ta vốn hành) trở đi, nêu ra cái nhân hòng sánh ví cái quả để nói rõ sự thường trụ. Tức là ở nơi Bôn, trước khi thành Phật, thoát đầu ngũ viên nhân bèn chứng Viên Trụ (Sơ Trụ trong Viên Giáo), phần chứng tuổi thọ của Pháp Thân thường trụ. [Tuổi thọ ấy] đã chẳng thể tận, gấp bội số lượng vì trần đã nói trong phần trên, hưởng hồ quả thọ (thọ mạng khi đắc Phật quả) mà chẳng phải là thường trụ ư? Ví như khi làm Thái Tử, bổng lộc đã chẳng thể tận, hưởng hồ khi lên ngôi vị tôn quý tốt bậc (làm vua), bổng lộc há có thể tận ư? Hãy nên biết thọ mạng của Pháp Thân chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Thọ mạng của Ứng Thân tùy duyên mà dài hay ngắn, thị hiện có khởi đầu và kết thúc. Ở đây, kinh nói tới thọ mạng do Báo Thân tu được, cho nên trong quá khứ tuy đã dựa theo số vi trần trong cõi nước để làm thí dụ, vẫn là có khởi đầu. Đối với vị lai, bèn nói thẳng thừng “*thường trụ bất diệt*”, tức là chẳng có kết thúc. Nhưng tam thân vốn chẳng phải là một hay khác, kẻ độn căn chỉ thấy thân ứng hóa, chẳng biết đó chính là Báo Thân, chính là Pháp Thân. Do đó, hư vọng so đo vô thường! Kẻ lợi căn đối với thân Ứng Hóa liền ngộ đầy chính là Pháp Thân, hay Báo Thân. Vì vậy, có thể biết là thường trụ!

16.2.1.2 .1.1.3.1.2. Nói rõ phương tiện xưng “diệt độ”

(Kinh) Nhiên kim phi thật diệt độ, nhi tiện xưng ngôn “đương thủ diệt độ”. Như Lai dĩ thị phương tiện giáo hóa chúng sanh.

(經)然今非實滅度，而便唱言「當取滅度」。如來以是方便教化眾生。

(Kinh: Nhưng nay chẳng phải là thật sự diệt độ, mà bèn xưng rằng “sẽ diệt độ”. Như Lai dùng phương tiện ấy để giáo hóa chúng sanh).

Chúng sanh trong hiện tại thấy Phật, nghe pháp, hoặc mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, liền đều tin nhận, nhập Như Lai huệ. Hoặc kẻ trước kia đã tu tập, học pháp Tiểu Thừa, ta nay cũng khiến cho họ được nghe kinh này, nhập vào Phật huệ. Đã nhập Phật huệ, liền biết Như Lai thường trụ bất diệt. [Như Lai] chẳng vì hạng người như thế mà xưng “diệt độ”. Có các đại chúng kết duyên sơ sài, cho đến năm ngàn người rồi pháp hội lui về, hoặc những kẻ được dời sang phương khác, hiện thời chưa gieo duyên, hay duyên chưa chín muồi để được độ thoát; các chúng sanh ấy sẽ hữu duyên trong tương lai. Vì thế, [đức Phật] dùng phương tiện xưng “diệt độ” để giáo hóa họ. Hãy nên biết: Tam thân đều có ý nghĩa “chẳng phải diệt mà xưng diệt”. Pháp Thân chẳng diệt mà xưng là diệt, như kinh Tịnh Danh nói: “Pháp bốn bất sanh, kim tức vô diệt” (Pháp vốn chẳng sanh, nay thì chẳng diệt). Đó chính là Pháp Thân chẳng diệt. Kinh lại nói: “Thị tịch diệt nghĩa” (Là ý nghĩa tịch diệt), tức là Pháp Thân xưng “diệt độ”. Vì sao? Nếu đã liễu đạt, sẽ chẳng xưng tịch diệt; chỉ vì kẻ chưa liễu đạt mà xưng [“sẽ diệt độ”] đó thôi! Lại nữa, nếu nói “chiếu tịch” tức là xưng “diệt”. Nếu nói “tịch chiếu” tức là xưng “sanh”. Tuy Pháp Thân chẳng sanh, chẳng diệt, nhưng cũng có sanh diệt: Nếu mê tâm chấp trước, sẽ là phiền não sanh mà trí huệ diệt. Nếu giải tâm vô nhiễm, tức là trí huệ sanh mà phiền não diệt. Diệt Hoặc sanh giải, đây chính là vô thường diệt. Nếu giải sanh, Hoặc diệt, thì chính là tịch diệt. Sự sanh diệt ấy đều xét theo pháp tánh mà biện định. Nếu chẳng có hai duyên mê và giải, sẽ chẳng xưng có sự sanh diệt ấy.

“Báo Thân chẳng diệt mà xưng diệt”: Ai có trí huệ, ai có phiền não mà nói “trí huệ có thể phá phiền não”? Đây chính là sáng và tối chẳng trừ khử lẫn nhau. Đó chính là ý nghĩa “Báo Thân bất diệt”. Chúng sanh chưa hiểu rõ, nghe điều ấy bèn cho rằng chính mình là Phật, sanh lòng kiêu căng, phóng túng, chẳng còn tu đạo. Vì thế, lại xưng rằng: “Đạo có thể diệt Hoặc. Khi có phiền não thì sẽ chẳng có trí huệ. Khi có trí huệ thì sẽ chẳng có phiền não”, há chẳng phải là trí huệ có thể diệt phiền não ư?

“*Ứng Thân chẳng diệt mà xướng diệt*”: Ứng là tác dụng của Pháp Thân và Báo Thân. Thể đã là chẳng diệt, há Dụng có cùng tận ư? Tức là Ứng Thân bất diệt. Chỉ vì chúng sanh nếu thường thấy Phật, sẽ sanh tâm kiêu căng, phóng túng. Vì thế xướng “*ngã ư kim dạ đương thủ diệt độ*” (đêm nay ta sẽ diệt độ). Lại nữa, bản thể của Pháp Thân là bất sanh, bất diệt. Báo Thân liễu đạt “chẳng thể sanh diệt”. Ứng Thân liên tục chẳng sanh, chẳng diệt. Do đó, ba thân đều chẳng phải là diệt. Nay vì phương tiện giáo hóa chúng sanh, nơi Ứng Thân bèn xướng diệt. Về mặt Sự thì giống như ba thân đều xướng diệt độ.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện chẳng diệt độ mà xướng diệt độ hòng lợi ích chúng sanh” đã xong.

16.2.1.2 .1.1.3.2. Giải thích ý nghĩa vì sao cần phải xướng “diệt độ”

16.2.1.2 .1.1.3.2.1. Chẳng diệt độ sẽ có tổn hại

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Nhược Phật cửu trụ ư thế, bạc đức chi nhân, bất chủng thiện căn, bần cùng, hạ tiện, tham trước ngũ dục, nhập ư ức tướng, vọng kiến vãng trung. Nhược kiến Như Lai thường tại bất diệt, tiện khởi kiêu tứ, nhi hoài yếm đãi, bất năng sanh nan tạo chi tướng, cung kính chi tâm.

(經)所以者何？若佛久住於世，薄德之人，不種善根，貧窮，下賤，貪著五欲，入於憶想，妄見網中。若見如來常在不滅，便起憍恣，而懷厭怠，不能生難遭之想，恭敬之心。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Nếu Phật trụ thế lâu dài, kẻ đức mỏng, chẳng gieo thiện căn, bần cùng, hèn hạ, tham chấp ngũ dục, sẽ rơi vào lưới ức tướng, kiến giải hư vọng. Nếu họ thấy Như Lai thường còn chẳng diệt, sẽ liền dấy lòng kiêu căng, phóng túng, lười nhác, chẳng thể sanh ý tưởng khó gặp gỡ và tâm cung kính).

“*Bất chủng thiện căn*” (Chẳng gieo thiện căn) tức là chẳng sanh hai điều thiện đối với lẽ Chân, sẽ là vô ích. Tư Hoặc tham chấp ngũ dục, Kiến Hoặc rơi vào ức tướng. Do Kiến Tư mới sanh mà chẳng đoạn, vô minh trùng điệp mà chẳng biết, tức là chẳng đoạn thông ác và biệt ác; đó là có tổn hại! Lại còn dấy lòng kiêu căng, buông lung, tức là tăng thêm

Kiến Hoặc. Ôm lòng lười nhác, biếng trễ, tức là tăng thêm Tư Hoặc. Vì thế có tổn hại. Chẳng sanh ý tưởng khó gặp gỡ, tức là chẳng thể nầy sanh sự hiểu biết đối với Kiến Đê. Chẳng sanh tâm cung kính tức là chẳng thể sanh tâm tư duy đạo. Vì thế vô ích. Nếu thấy nghe ba loại Phật chẳng diệt, sẽ đều có ý nghĩa “kiêu căng, phóng túng”. Nghe Pháp Thân bất diệt, sẽ cho rằng “*chúng sanh như, Di Lạc như, nhất như, vô dị như*”, bình đẳng chính là Chân. Do vậy, sanh tâm kiêu ngạo tăng thượng mạn; [sẽ tưởng lầm] “hết thấy phiền não vốn tự chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt, cần gì tu đạo?” Dầu mặc sức buông lung, vẫn cứ bảo đó là nghĩa Tịch Diệt! Lại nghe “*hết thấy chúng sanh chính là Bồ Đề tướng. Bồ Đề tướng chính là phiền não tướng, sáng và tối chẳng trừ khử lẫn nhau, hiển xuất Bồ Đề của Phật*”, liền dấy lòng ngạo mạn, buông lung, chẳng còn tu điều thiện. Giải đãi, buông lung mà bảo là “Báo Thân trí huệ có thể diệt phiền não. Đối với sức vô minh to lớn, Bồ Đề trí của Phật có thể diệt”. [Tương tự], đối với Ứng Thân bất diệt, sẽ nầy sanh kiêu ngạo, phóng túng là điều dễ hiểu!

16.2.1.2 .1.1.3.2.2. Xướng “diệt độ” sẽ hữu ích

(Kinh) Thị cố, Như Lai dĩ phương tiện thuyết: “Tỳ-kheo đương tri, chư Phật xuất thế nan khả trị ngộ”. Sở dĩ giả hà? Chư bậc đức nhân quá vô lượng bách thiên vạn ức kiếp, hoặc hữu kiến Phật, hoặc bất kiến giả, dĩ thử sự cố, ngã tác thị ngôn: “Chư tỳ-kheo! Như Lai nan khả đắc kiến”. Tự chúng sanh đẳng văn như thị ngữ, tất đương sanh ư nan tạo chi tướng, tâm hoài luyến mộ, khát ngưỡng ư Phật, tiện chủng thiện căn. Thị cố, Như Lai tuy bất thật diệt, nhi xướng diệt độ.

(經)是故，如來以方便說：「比丘當知，諸佛出世難可值遇」。所以者何？諸薄德人過無量百千萬億劫，或有見佛，或不見者，以此事故，我作是言：「諸比丘！如來難可得見」。斯眾生等聞如是語，必當生於難遭之想，心懷戀慕，渴仰於佛，便種善根。是故，如來雖不實滅，而言滅度。

(Kinh: Vì thế, Như Lai dùng phương tiện để nói: “Tỳ-kheo nên biết! Chư Phật xuất thế, khó thể gặp gỡ”. Vì lẽ nào vậy? Những kẻ đức mỏng qua khỏi vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, có kẻ thấy Phật, hoặc có kẻ chẳng thấy. Do bởi chuyện này, ta nói như thế này: “Các tỳ-kheo! Như Lai khó thể thấy”. Các chúng sanh đó nghe lời như vậy, ắt sẽ sanh ý tưởng khó gặp, ôm lòng luyến mộ, khát ngưỡng đối với Phật, liền gieo thiện căn. Do vậy, tuy Như Lai chẳng thật sự diệt độ mà nói diệt độ).

“Thị cố, xướng ngôn” (Vì thế, xướng rằng): Tuy pháp vốn chẳng sanh, nhưng nay cũng chẳng diệt, cần phải diệt Hoặc thì mới tịch diệt. Đây là ý nghĩa “Pháp Thân khó thấy”. Tuy nói “trí huệ chẳng diệt phiền não”, nhưng khi sáng thì sẽ chẳng tối. Các ông nay trọn đủ phiền não, sao có thể có huệ cho được? Hãy nên biết: Trí huệ có thể diệt chướng Hoặc. Đây là ý nghĩa “Báo Thân khó thấy”. “Ứng Thân khó thấy” dễ hiểu! Chúng sanh nghe xướng diệt độ như thế, sẽ dễ dàng sanh ý tưởng khó gặp đối với tam thân Phật, bèn luyến mộ, khát ngưỡng, ác diệt, thiện sanh. Vì thế, ba thân tuy chẳng thật sự diệt mà xướng diệt.

Phần thứ nhất, “nói về ba đời đều lợi ích chúng sanh” đã xong.

16.2.1.2 .1.2. Tổng kết chẳng hư dối

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Chư Phật Như Lai pháp giai như thị, vị độ chúng sanh, giai thật bất hư.

(經)又善男子！諸佛如來法皆如是，為度眾生，皆實不虛。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Pháp của chư Phật Như Lai đều như thế, vì độ chúng sanh, đều là chân thật chẳng dối).

Đã thành Phật, sẽ thật sự đắc ba thân, thấy đều bất sanh, bất diệt. Vì các chúng sanh cho đến hết đời vị lai, mà thường hiện sanh, hiện diệt, thật sự đắc ba thân cũng là chân thật chẳng dối. “Hiện sanh, hiện diệt” cũng là chân thật, chẳng dối. Vì vậy, chúng sanh trong ba đời ai nấy đều đạt được lợi ích cũng chẳng hư dối. Nếu chỉ luận định Lý, chẳng luận định Sự, chỉ luận tánh, mà chẳng luận tu, sẽ giống như ngu ngôn trong thế gian, sao có thể gọi là “chẳng hư dối” cho được? Lại nữa, nếu chỉ luận Sự mà chẳng thấu đạt Lý, chỉ luận tu mà chẳng ngộ tánh, sẽ giống như cảnh giới sanh diệt thuộc Quyền Tiểu, sao có thể gọi là chẳng hư dối

cho được? Vì thế, “*đều chân thật, chẳng hư dối*” chính là Quyền Thật Bồn Tích, không gì chẳng phải là chân thật, chắc chắn.

Phần thứ nhất, Pháp Thuyết đã xong.

16.2.1.2.2. Thí thuyết

16.2.1.2.2.1. Lập thí dụ

16.2.1.2.2.1.1. Thí dụ về lương y trị bệnh cho con nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong ba đời” của phần trên

16.2.1.2.2.1.1.1. Thí dụ “cha đi xa” nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong quá khứ”

(Kinh) Thí như lương y trí huệ thông đạt, minh luyện phương dược, thiện trị chúng bệnh. Kỳ nhân đa chư tử tức, nhược thập, nhị thập, nãi chí bách số. Dĩ hữu sự duyên, viễn chí dư quốc.

(經)譬如良醫智慧聰達，明練方藥，善治眾病。其人多諸子息，若十，二十，乃至百數。以有事緣，遠至餘國

。

(Kinh: Ví như lương y trí huệ thông đạt, hiểu rành các phương thuốc, khéo trị các bệnh. Người ấy có nhiều con cái, hoặc mười, hai mươi, cho đến số trăm. Do có sự duyên, đến nước xa khác).

Trong phần Pháp Thuyết thuộc phần trước có ba ý: Một là chỗ tạo lợi ích cho chúng sanh, hai là giải trừ mối nghi đối với Tích, ba là nên lợi ích chúng sanh như thế nào. Nay chỉ thí dụ chuyện nên làm như thế nào để lợi ích chúng sanh. Trong phần nên làm như thế nào, lại có [hai tiểu đoạn] là cảm ứng và thực hiện sự giáo hóa, nay đều thí dụ đầy đủ. Ví như lương y khéo trị các căn bệnh, tức là sánh ví cái trí “ta dùng Phật nhãn để nhìn (quan sát căn cơ của chúng sanh) sẽ có thể ứng”. Người ấy có nhiều con cho đến số trăm, sánh ví chuyện “chúng sanh đến chỗ của ta”, tức là căn cơ có thể cảm. Trong phần thực hiện sự giáo hóa, lại có hai loại lợi ích bằng hình tướng và âm thanh, cũng như do được lợi ích bèn hoan hỷ. Nay lược đi, chẳng thí dụ chuyện hoan hỷ. Lại lược đi chẳng thí dụ chuyện dùng âm thanh tạo lợi ích. Trong phần tạo lợi ích bằng hình tướng, lại lược đi chẳng thí dụ chuyện “chẳng sanh mà thị hiện sanh”, chỉ thí dụ ý “*chẳng diệt mà thị hiện diệt*”, tức là “*dĩ hữu sự duyên, viễn chí tha quốc*” (do có sự duyên, đi xa sang nước khác).

Nói tới “*luong y*” thì thầy thuốc có mười loại:

- Một, chữa bệnh, bệnh tăng thêm, chẳng giảm, hoặc có lúc chết mất. Ví như ngoại đạo Không kiến, làm ác bừa bãi, dạy kẻ khác các pháp đầy lên tà kiến, đoạn thiện căn. Pháp Thân đã mất, huệ mạng cũng chết luôn!

- Hai là kẻ chữa bệnh, khiến cho bệnh chẳng tăng, chẳng giảm. Ví như ngoại đạo khổ hạnh có kiến chấp, gieo mình vào gộp đá, gieo thân vào lửa, khổ hạnh làm lạnh, chẳng đắc Thiền Định, chẳng thể đoạn kết sử, cho nên [bệnh phiền não] chẳng tổn (chẳng giảm bớt). Do cũng chẳng đoạn điều lành, cho nên [bệnh phiền não] chẳng tăng.

- Ba là kẻ chữa bệnh chỉ giảm, không tăng, nhưng bệnh đã lành rồi phát trở lại. Ví như ngoại đạo tu Định, đoạn kết sử.

- Bốn là kẻ chữa bệnh có thể khiến cho bệnh đã lành chẳng phát trở lại, nhưng chữa trị chẳng trọn khắp. Ví như hàng Nhị Thừa, chỉ trị một hai loại người hữu duyên, chẳng thể trị khắp hết thầy.

- Năm là kẻ tuy có thể chữa bệnh trọn khắp, nhưng chẳng có phương tiện khéo léo để trị bệnh, [ngõ hầu chẳng khiến cho bệnh nhân] đau khổ. Ví như Lục Độ Bồ Tát từ bi chữa trị rộng khắp, hành hạnh khó, hạnh khổ. Thích Luận gọi hạng người này là “*chuyết độ*” (độ bằng phương cách vụng về).

- Sáu là kẻ chữa bệnh có tài khéo trị bệnh, khiến [cho bệnh nhân] không đau khổ, nhưng chẳng thể chữa trị người ắt phải chết. Ví như Thông Giáo Bồ Tát, hiểu thấu pháp khéo độ, chỉ trị phạm phu qua lại [trong sanh tử], chẳng thể trị hàng Nhị Thừa bại chủng (hạt giống hư lép).

- Bảy là tuy có thể trị bệnh khó chữa, nhưng không thể cùng lúc trị hết thầy các bệnh. Ví như Biệt Giáo Bồ Tát trước khi tiến nhập Sơ Địa.

- Tám là có thể cùng lúc trị hết thầy các bệnh, nhưng không thể khiến cho [bệnh nhân] bình phục như cũ. Ví như Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo.

- Chín là có thể trị hết thầy [các bệnh], cũng khiến cho [bệnh nhân] bình phục như cũ, nhưng không thể khiến cho họ tốt hơn [thể trạng] vốn sẵn có được! Ví như bốn mươi địa vị [Bồ Tát trong] Viên Giáo.

- Mười là cùng lúc trị hết thầy các bệnh, khiến cho họ bình phục ngay, lại có thể khiến cho họ tốt hơn trước, tức là Như Lai.

(Y sĩ có mười loại, gồm thân trọn tà lẫn chánh, thông khắp Thiên lẫn Viên. Ba loại đầu cũng gọi là y sĩ, khi Phật chưa xuất thế, hết thầy

ngoại đạo đều tự xưng là xuất gia, đều tự lãnh chúng. Trong loại y sĩ thứ ba, nói “bệnh đã lành rồi phát trở lại” tức là tuy đã đoạn Hoặc nơi Sự, vẫn đoạn trong tam đồ, do chưa đoạn Kiến Hoặc. Vì thế, sau khi thuận theo Thiền mà thọ sanh, vẫn phải hứng chịu luân hồi. Như kinh A Hàm nói: “*Lương y hữu tứ: Nhất thiện tri bệnh tướng, nhị tri bệnh nhân khởi, tam thiện tri phương trị, tứ tất cánh bất phát*” (Lương y có bốn loại: Một khéo trị chứng bệnh, hai là biết bệnh do nguyên nhân nào phát ra, ba là khéo biết phương cách để chữa trị, bốn là [chữa trị khiến cho] bệnh rốt ráo chẳng phát lại). Nhưng ở đây, hai loại y sĩ thứ tư và thứ năm là trị chứng bệnh (chữa bệnh đang ngọn), do vì lẽ nào? Bệnh trạng mà họ đã biết chẳng thoát khỏi tam giới, hoặc biết nguyên nhân gây ra bệnh, chẳng thoát khỏi y báo và chánh báo. Tất cả phương cách để chữa trị không vượt ngoài “sanh, diệt, vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh!” Nói “*chẳng bị bệnh trở lại*” thì chỉ là “trụ trong hai loại Niết Bàn”. Nếu dùng bốn danh nghĩa áp dụng chung cho các giáo, mỗi giáo sẽ tùy theo giáo nghĩa mà đều sai khác, cho đến Viên Giáo, đối với Lý chẳng trở ngại. Nếu trực tiếp dẫn các điều đó để chứng minh kinh này, sẽ còn chẳng giống với cách khéo trị trong Thông Giáo, sao có thể sánh ví nhiều lượt sanh diệt trong Bốn Môn, hết sức chẳng thể! Loại thứ tám chẳng thể khiến cho [bệnh nhân] bình phục là do tự nhập chưa sâu, không thể làm cho người khác thấy Pháp Thân vốn có. Pháp Thân bị vô minh che lấp, có ý nghĩa như bệnh gây hao tổn. Khiến cho lại được thấy [Pháp Thân] thì gọi là “hồi phục”. Loại thứ mười nói “tốt hơn trước khi bệnh”, Pháp Thân vốn sẵn có, nay khiến cho [chúng sanh] chứng cái gốc, thì gọi là “*khôi phục*”, do đối ứng với Tánh Đức vô công dụng. Vì thế, tu tập được gọi là “*vượt quá*”. Nhưng từ Sơ Trụ trở lên, cũng được gọi là “*phản quá*”. Do Hoặc nông cạn vẫn còn, bèn gọi là “*khôi phục*”. Lại do kém hơn cực địa rốt ráo, nên gọi là “*quá*”).

Ba loại thầy thuốc đầu chính là gã thầy thuốc cũ dùng sữa làm thuốc [cho bất cứ căn bệnh nào như] được nói trong Đại Kinh (ở đây là kinh Đại Bát Niết Bàn). Bảy loại sau hoàn toàn là khách y (vị thầy thuốc mới đến). “*Vô xảo thuật*” (Chẳng có thuật khéo): Chỉ dùng pháp “vô thường, khổ, vô ngã” giống như dùng thuốc đắng, chua, mặn. Người thầy thuốc có tài khéo từ xa đến, vẫn cho [bệnh nhân] uống sữa, chính là loại thầy thuốc tối hậu rốt ráo. “*Lương*” là tốt lành, thông hiểu trọn vẹn

tám thuật³¹, ví như tam đạt³², ngũ nhân. “*Trí huệ*” là hai trí Quyền và Thật, biết sâu xa Nhị Đế. “*Thông đạt*”: Ngũ nhân soi xét căn cơ là Đốn hay Tiệm chẳng sai. “*Minh luyện phương dược*” (Hiểu rành rẽ các toa thuốc) ví như mười hai bộ giáo, văn lý rất sâu. Văn từ có thể diễn nói giống như Phương (toa thuốc), Lý được diễn nói giống như Dược. Dược bao gồm hành và lý, nay nói đến Lý thì Lý đã bao gồm hạnh. “*Thiện trị chúng bệnh*” (Khéo trị các bệnh) ví như có thể thấy biết các căn là lợi hay độn, khéo vận dụng Tứ Tật Đàn.

“*Đa chư tử tức*” (Có nhiều con cái): Con có ba loại:

- Một, chánh nhân Phật tử, tức là hết thầy chúng sanh đều có ba loại tánh đức Phật tánh, tức là Phật tử. Cho nên nói: “*Kỳ trung chúng sanh, tất thị ngô tử*” (Chúng sanh trong ấy đều là con của ta).

- Duyên nhân Phật tử, tức là kẻ từng nghe một câu, một kệ, vâng theo lời dạy mà tu hành, sanh khởi hiểu biết nhỏ nhiệm, tức là liễu nhân tánh. Tu hạnh nhỏ nhặt chính là duyên nhân tánh. Chánh tánh là gốc, gom chung ba tánh ấy (chánh nhân tánh, duyên nhân tánh, liễu nhân tánh), gọi chung là “*duyên nhân*”, do nó có thể giúp phát khởi sự giải ngộ Nhất Thật. Vì thế, [phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa] nói: “*Trường giả chư tử nhược thập, nhị thập, nãi chí tam thập, tiên nhân du hý, nhập hóa trạch dã*” (Các con của ông trường giả hoặc mười, hai mươi, cho đến ba mươi, trước đó do vui chơi mà vào trong nhà lửa).

- Ba, liễu nhân Phật tử, tức là kẻ nghe pháp ngộ đạo. Ba nhân khai phát, chánh nhân lý tâm phát, tức Pháp Thân đức. Liễu nhân huệ tâm phát, tức Bát Nhã đức. Duyên nhân thiện tâm phát, tức giải thoát đức. Gom ba tánh ấy lại, gọi chung là “*liễu nhân*”, do có thể liễu đạt nghĩa Trung Đạo. Vì thế nói: “*Tùng Phật khẩu sanh, tùng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần, chân thị Phật tử*” (Từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, có phần nơi Phật pháp, thật sự là con của Phật).

Nếu nói theo “con” thuộc loại liễu nhân thì là “*thường được thấy cha, cha chẳng đi xa*”. Nếu nói theo “con” thuộc loại duyên nhân, thì do căn cơ chưa chín muồi, cha liền đi xa, bèn có ý nghĩa “[các con] uống các loại thuốc độc khác”. Nay nói “*đa chư tử tức*” (có nhiều con cái)

³¹ Bát Thuật tức là tám kỹ năng chữa bệnh của thầy thuốc theo y học cổ: Trị thân, trị bệnh mắt, trị bệnh liên quan đến thai sản, trị bệnh trẻ nhỏ, trị các bệnh do tổn thương, trị bệnh do trúng độc, trị bệnh do trúng tà, và biết cách chiêm tinh để chữa trị đúng thời cơ.

³² Tam Đạt là Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, và Lậu Tận Minh. Ba thứ này còn gọi là Tam Minh hay Tam Đạt Minh.

chính là gồm thâu trọn khắp các con thuộc loại chánh nhân. “*Nhược thập*” (Hoặc mười): Căn cơ thuộc Phật pháp giới trong mười pháp giới. “*Hai mươi*”: Căn cơ thuộc hai giới Phật và Bồ Tát trong mười pháp giới. “*Nãi chí bách số*” (Cho đến số trăm): Mười pháp giới mỗi pháp giới đều có đủ mười pháp giới kia, cho nên là một trăm. Trăm giới đều có ba nhân thuộc tánh đức, và có ý nghĩa “*sinh ra điều lành*”. Vì thế đều gọi là “*tử tức*” (con cái). “*Dĩ hữu sự duyên*” (Do có duyên sự): Ví như căn cơ trong cõi này nông cạn, duyên trong phương khác đã chín muồi. “*Viễn chí tha quốc*” (Đi xa sang nước khác): Ví như chẳng diệt mà hiện diệt độ, đó cũng chính là “*diệt phục hiện ngôn đương nhập Niết Bàn*” (cũng lại thị hiện nói là “sẽ nhập Niết Bàn”).

16.2.1.2.2.1.1.2. Thí dụ “cha trở về” nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong hiện tại”

16.2.1.2.2.1.1.2.1. Thí dụ về sự cảm ứng

(Kinh) Chư tử ư hậu ảm tha độc dược, dược phát muện loạn, uyển chuyển ư địa.

(經)諸子於後飲他毒藥，藥發悶亂，宛轉於地。

(Kinh: Sau đó, các con uống loại thuốc độc khác, thuốc độc phát ra, điên loạn, quẫn quai trên mặt đất).

Đây là sánh ví mối tương quan giữa căn cơ và ứng hiện trong phần kinh văn trước đó: Thấy các chúng sanh ưa thích Tiểu pháp, đức mỏng, nghiệp cấu nặng nề. Thuở đức Phật tại thế, không chỉ người đã nghe pháp sẽ đạt được giải hạnh đôi chút, dầu kẻ chẳng thấy nghe, cũng đạt được lợi ích. Như kẻ mù từ thuở lọt lòng chẳng thấy vầng mặt trời, vẫn nhờ vào mặt trời mà sanh sống. Phật chẳng diệt mà thị hiện diệt độ, không chỉ đại địa tối tăm, dầu là kẻ đã từng kết duyên, chỉ vì Thông Hoặc chưa đoạn, sẽ dần dần đắm nhiễm thuốc độc Kiến Tư Hoặc. Do vậy, nói là “*ảm tha độc dược*” (uống loại thuốc độc khác). Do chẳng biết lẽ xuất yếu, cho nên nói là “*muện loạn*” (điên đảo, cuồng loạn). Luân chuyển trong sáu đường, cho nên nói là “*uyển chuyển ư địa*” (quẫn quai trên mặt đất).

16.2.1.2.2.1.1.2.2. Thí dụ về thực hiện giáo hóa

16.2.1.2.2.1.1.2.2.1. Thí dụ về hiện hình

(Kinh) Thị thời, kỳ phụ hoàn lai quy gia. Chư tử ẩm độc hoặc thất bốn tâm, hoặc bất thất giả, dao kiến kỳ phụ, giai đại hoan hỷ, bái quy, vấn tấn: “Thiện an ổn quy! Ngã đẳng ngu si, ngộ phục độc dược, nguyện kiến cứu liệu, cánh tứ thọ mạng”.

(經)是時，其父還來歸家。諸子飲毒或失本心，或不失者，遙見其父，皆大歡喜，拜跪，問訊：「善安隱歸！我等愚癡，誤服毒藥，願見救療，更賜壽命」。

(Kinh: Khi đó, cha họ trở về nhà. Các con do uống chất độc hoặc đánh mất bốn tâm, hoặc chẳng bị mất, từ xa trông thấy cha mình, đều hết sức hoan hỷ, quỳ lạy, hỏi han: “Cha khéo trở về an ổn! Chúng con ngu si, uống lầm thuốc độc, nguyện cha cứu chữa, ban cho thọ mạng”).

“Hoàn lai quy gia” sánh ví ý nghĩa “thị nhân thuyết ngã thiếu xuất gia đắc Tam Bồ Đề” (những kẻ đó nói ta xuất gia trong thời gian ngắn bèn đắc Chánh Giác) nói trong phần trên, tức là “chẳng phải là sanh mà thị hiện sanh”. “Hoặc thất bốn tâm” ví như kẻ tham đắm tam giới, đánh mất các thiện căn đã gieo dùm Đốn hay Tiệm trước đó. “Hoặc bất thất giả”: Sánh ví những kẻ tuy đắm chấp ngũ dục, nhưng chẳng đánh mất thiện căn tam thừa. “Dao kiến kỳ phụ” (Từ xa trông thấy cha mình) ví như lúc Phật xuất thế, chúng sanh cũng trông thấy sắc thân, nhưng do Kiến Tư chướng ngại, ngăn cách ngũ phần [Pháp Thân], mà chẳng được thân cận, phụng sự Pháp Thân. Cho nên nói là “dao” (遙, xa xôi). Thấy nghe Phật xuất thế, sẽ đều có các chuyện “*ưa thích, cung kính, cầu được cứu vớt*” trọn như các kinh đã nói!

16.2.1.2.2.1.1.2.2.2. Thí dụ về thuyết pháp

Kinh văn trong phần trên đã nói cặn kẽ về các pháp đã nói trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật], và giải thích nguyên do nói thiện xảo, tức là soi xét theo lý, soi xét căn cơ. Nay chỉ nói chung ba ý:

- Một, đức Phật chấp nhận lời thỉnh bèn chuyển pháp luân Đốn hay Tiệm.

- Hai, thí dụ về sự khuyên răn.

- Ba, thí dụ về chuyện đạt được lợi ích.

16.2.1.2.2.1.1.2.2.2.1. Đức Phật chấp nhận lời thỉnh, bèn chuyển pháp luân Đốn Tiệm

(Kinh) Phụ kiến tử đẳng, khổ não như thị, y chư kinh phương, cầu hảo dược thảo, sắc, hương, mỹ vị, giai tất cụ túc, đảo si hòa hợp, dữ tử linh phục.

(經)父見子等，苦惱如是，依諸經方，求好藥草，色，香，美味，皆悉具足，擣篩和合，與子令服。

(Kinh: Cha thấy các con khổ não như thế, dựa theo sách thuốc, tìm các loại dược thảo tốt lành, sắc, hương, vị ngon thấy đều đầy đủ, giã, lọc, pha trộn, đưa cho con uống).

“*Kinh phương*” (Sách thuốc) ví như hết thấy các giáo điển dù Đốn hay Tiệm. “*Dược thảo*” ví như hết thấy các pháp môn dù Đốn hay Tiệm, đều là chánh pháp xuất thế; vì thế gọi là “*hảo*”. “*Sắc*” ví như các giới của Đại, Tiểu Thừa. Giới ngăn ngừa [các sai trái nơi] thân và miệng, sự tương hiển lộ rành rành. “*Hương*” ví như các môn Thiên dù Lý hay Sự, công đức đều huân ướp trọn khắp. “*Vị*” ví như các huệ dù Quyền hay Thật, có thể chứng lý vị thuộc Không. “*Giai tất cụ túc*” (Thấy đều trọn đủ): Bát luận Đốn, Tiệm, Đại, Tiểu, Thiên, Viên, đều có Tam Học. Hơn nữa, *Sắc* là Pháp Thân, do có ý nghĩa thể chất. *Hương* là giải thoát, do có ý nghĩa “*lìa hôi thối*”. *Vị* là Bát Nhã, do có ý nghĩa “*chứng giác*”. Hết thấy các pháp môn Đại, Tiểu, Thiên, Viên đều nắm giữ ba đức ấy làm Thể. “*Giã*” ví như Không tam-muội, “*rây lọc*” ví như Vô Tướng tam-muội. “*Hòa hợp*” ví như Vô Tác tam-muội. Đại, Tiểu, Thiên, Viên đều có ba loại tam-muội ấy. Mỗi môn tam-muội đều có đủ ba thứ Giới, Định, Huệ, cũng đều lấy Tam Đức làm thể tánh của chúng, chỉ có sáng tỏ hay tối tăm khác nhau mà thôi!

Lại nữa, Không Quán như giã, Giả Quán như râu lọc, Trung Quán như hòa hợp. Tam Quán đều chẳng lìa Giới, Định, Huệ, cũng là đều chẳng ra ngoài thể tánh của Tam Đức. Đem các pháp ấy trao cho chúng sanh dù Đốn hay Tiệm, khiến cho họ tu hành, thì gọi là “*linh phục*” (bảo uống).

16.2.1.2.2.1.1.2.2.2.2. Thí dụ về sự khuyên răn

(Kinh) Nhi tác thị ngôn: “Thử đại lương dược, sắc, hương, mỹ vị, giai tất cụ túc. Nhữ đẳng khả phục, tốc trừ khổ não, vô phục chúng hoạn”.

(經)而作是言:「此大良藥, 色, 香, 美味。皆悉具足。汝等可服, 速除苦惱, 無復眾患」。

(Kinh: Mà nói như thế này: “Thuốc rất tốt lành này, sắc, hương, vị ngon thấy đều đầy đủ. Các con nên uống, sẽ mau chóng trừ khổ não, chẳng còn các bệnh”).

“Nhữ đẳng khả phục” (Các con nên uống) là khuyên. “Tốc trừ khổ não” (Mau chóng trừ khổ não) là răn. Khuyên lơn, răn các con hãy sớm uống, răn đừng trì hoãn. Các kinh dù Đốn hay Tiệm đều có khuyên và răn.

16.2.1.2.2.1.1.2.2.2.3. Thí dụ về sự đạt được lợi ích

(Kinh) Kỳ chư tử trung bất thất tâm giả, kiến thử lương dược, sắc hương câu hảo, tức tiện phục chi, bệnh tận trừ dã.

(經)其諸子中不失心者, 見此良藥, 色香俱好, 即便服之, 病盡除愈。

(Kinh: Những đứa chẳng đánh mất bốn tâm trong các con thấy thuốc tốt lành ấy sắc lẫn hương đều tốt đẹp, liền uống vào, bệnh hết, khỏe mạnh).

“Các con” gồm khắp mười pháp giới. Vì thế, riêng nêu ra những ai không đánh mất bốn tâm sẽ có thể đạt được lợi ích trong hiện tại. Từ lúc đức Phật mới thành đạo cho đến cuối cùng khi Ngài nhập Niết Bàn, những kẻ đắc độ đều do chẳng đánh mất thiện căn tam thừa. Thấy sắc và hương tốt đẹp, liền uống vào, do uống vào bèn đạt được vị, do đạt được vị, bệnh được lành, ví như do Giới sanh Định, do Định phát Huệ, có thể đoạn Tam Hoặc.

Phần “thí dụ lợi sanh trong hiện tại” thuộc thí dụ “cha trở về” đã xong.

16.2.1.2.2.1.1.3. Thí dụ uống thuốc bèn hết bệnh nhằm sánh ví “lợi ích chúng sanh trong vị lai”

Kinh văn trong phần trước có hai ý: Một là chẳng diệt mà xướng “diệt độ”; kế đó, giải thích vì sao cần phải xướng diệt độ. Đối với ý thứ nhất, lại có hai ý: Một là vốn thật sự chẳng diệt, hai là giải thích vì phương tiện mà xướng diệt độ. Đoạn văn thứ hai cũng có hai ý: Một, chẳng diệt sẽ có tổn hại; hai, nói rõ xướng diệt độ sẽ hữu ích. Nay đều thí dụ đầy đủ thì chia thành bốn [tiểu đoạn]:

- Một, thí dụ “chẳng diệt độ sẽ có tổn hại”.
- Hai, thí dụ “do phương tiện mà xướng diệt độ”.
- Ba, thí dụ “xướng diệt độ sẽ hữu ích”.
- Bốn, thí dụ “nơi Bốn thật sự chẳng diệt”.

16.2.1.2.2.1.1.3.1. Thí dụ “[Phật] chẳng diệt độ sẽ có tổn hại”

(Kinh) Dư thất tâm giả, kiến kỳ phụ lai, tuy diệt hoan hỷ, vẫn tấn, cầu sách trị bệnh. Nhiên dữ kỳ được, nhi bất khảng phục. Sở dĩ giả hà? Độc khí thâm nhập, thất bốn tâm cố, ư thử hảo sắc hương được, nhi vị bất mỹ.

(經)餘失心者，見其父來，雖亦歡喜，問訊，求索治病。然與其藥，而不肯服。所以者何？毒氣深入，失本心故，於此好色香藥，而謂不美。

(Kinh: Những đứa khác đã mất bốn tâm, thấy cha trở về, tuy cũng hoan hỷ, hỏi han, cầu mong được chữa bệnh, nhưng cho chúng nó thuốc, chúng lại chẳng chịu uống. Vì lẽ nào vậy? Độc khí đã ngấm sâu, do mất bốn tâm, đối với thuốc có sắc hương tốt đẹp ấy, cho là chẳng tốt).

“Dư thất tâm” (Những kẻ đánh mất bốn tâm khác) ví như kẻ kết duyên nông cạn trong đời xa xưa và những kẻ trước kia chưa kết duyên, chẳng thể đắc độ trong thuở đức Phật tại thế hiện tại, cần phải tới khi đức Phật đã diệt độ rồi thì mới dần dần chín muồi, độ thoát, tức là căn cơ [đắc độ] trong vị lai. “Độc khí thâm nhập” ví như kẻ tham chấp ngũ dục [đã nói] trong phần trên, rơi vào trong lưới ức tướng vọng kiến. Tuy thuốc sắc lẫn hương tốt lành, nhưng cho là không ngon lành, tức là chẳng thể trì giới, tu Định. Do vậy, rốt cuộc chẳng thể đạt được lý vị, ví

như kẻ dấy lòng kiêu căng, phóng túng, ôm lòng biếng nhác trong phần trên.

16.2.1.2.2.1.1.3.2. Thí dụ “do phương tiện mà xướng diệt độ”

(Kinh) Phụ tác thị niệm: “Thử tử khả mẫn! Vị độc sở trúng, tâm giai điên đảo. Tuy kiến ngã hỷ, cầu sách cứu liệu, như thị hảo dược, nhi bất khảng phục. Ngã kim đương thiết phương tiện, linh phục thử dược”. Tức tác thị ngôn: “Nhữ đẳng đương tri, ngã kim suy lão, tử thời dĩ chí. Thị hảo lương dược, kim lưu tại thử, nhữ khả thủ phục, vật ưu bất sai”. Tác thị giáo dĩ, phục chí tha quốc, khiến sứ hoàn cáo: “Nhữ phụ dĩ tử”.

(經)父作是念：「此子可憫！為毒所中，心皆顛倒。雖見我喜，求索救療，如是好藥，而不肯服。我今當設方便，令服此藥」。即作是言：「汝等當知，我今衰老，死時已至。是好良藥，今留在此，汝可取服，勿憂不差」。作是教已，復至他國，遣使還告：「汝父已死」。

(Kinh: Cha nghĩ như thế này: “Đứa con này đáng thương! Do bị trúng độc, tâm đều điên đảo, tuy thấy ta liền hoan hỷ, cầu xin cứu chữa, nhưng thuốc tốt lành này, chẳng chịu uống vào. Nay ta nên bày phương tiện khiến cho nó uống thuốc này”. Liền nói như sau: “Các con nên biết, cha nay đã già suy, giờ chết đã đến. Thuốc tốt lành này nay để lại đây, các con có thể lấy uống, đừng lo chẳng lành bệnh”. Dạy như thế xong, lại đến nước khác, sai người trở lại báo: “Cha người đã chết”).

“Tử thời dĩ chí” (Giờ chết đã đến) ví như sẽ nhập Niết Bàn. “Để lại thuốc tốt lành” ví như lưu lại kinh giáo, pháp môn. “Phục chí tha quốc” (Lại sang nước khác) ví như thị hiện diệt độ ở phương này, thị hiện sanh trong phương khác. Vì thế, kinh văn trong phần trước có câu: “Duy nguyện Thế Tôn tại u tha phương đạo kiến thủ hộ” (Kính mong đức Thế Tôn từ phương xa trông thấy, thủ hộ). “Khiến sứ” (Sai người [trở về báo tin]), hoặc coi “âm thanh to lớn bảo trọn khắp” khi Phật nhập Niết Bàn là người đưa tin, hoặc vận dụng thần thông, hoặc dùng xá-lợi, hoặc dùng kinh giáo v.v... để làm sứ giả. Nay dùng Tứ Y Bồ Tát để nói với chúng sanh rằng: “Phật đã diệt độ, chỉ lưu lại pháp này, ta nay tuyên

duong, hoằng truyền. Các vị nên tiếp nhận, hành theo”. Mai sau, nếu chẳng có Tứ Y truyền thuật kinh pháp, chúng sanh sao có thể tự biết Phật đã diệt? Vì thế dùng Tứ Y làm sứ giả để sai khiến.

16.2.1.2.2.1.1.3.3. Thí dụ về “xương diệt độ sẽ hữu ích”

(Kinh) Thị thời, chư tử văn phụ bối táng, tâm đại ưu não, nhi tác thị niệm: “Nhược phụ tại giả, từ mẫn ngã đẳng, năng kiến cứu hộ. Kim giả xả ngã, viễn táng tha quốc”, tự duy cô lộ, vô phục thị hốt, thường hoài bi cảm. Tâm toại tỉnh ngộ, nãi tri thử dược sắc hương mỹ vị, tức thủ phục chi, độc bệnh giai dĩ.

(經)是時，諸子聞父背喪，心大憂惱，而作是念：「若父在者，慈愍我等，能見救護。今者捨我，遠喪他國」，自惟孤露，無復恃怙，常懷悲感。心遂醒悟，乃知此藥色香美味，即取服之，毒病皆愈。

(Kinh: Bấy giờ, các con nghe cha đã chết, tâm hết sức lo sầu, áo não, bèn nghĩ thế này: “Nếu cha ta còn sống, nhân từ thương xót chúng ta, sẽ có thể cứu vớt, che chở. Nay cha bỏ ta, chết nơi đất khách xa xôi”, thường ôm lòng bi cảm, tự nghĩ mình cô cút, bơ vơ, chẳng còn có nơi nương cậy, tâm bèn tỉnh ngộ, mới biết thuốc ấy sắc hương, vị ngon, liền lấy uống vào, bệnh vì trúng độc đều khỏi hẳn).

16.2.1.2.2.1.1.3.4. Thí dụ “vốn thật sự chẳng diệt”

(Kinh) Kỳ phụ văn tử tất dĩ đắc sai, tâm tiện lai quy, hàm sử kiến chi.

(經)其父聞子悉已得差，尋便來歸，咸使見之。

(Kinh: Cha nghe con đều đã lành bệnh, liền trở về cho [các con] đều thấy).

Do vì sau khi [đức Phật] diệt độ, chúng sanh tỉnh ngộ, uống thuốc “tu hành” để làm nhân duyên, sẽ có thể cảm sự ứng hóa trong vị lai. Như kinh Di Giáo dạy: “Kỳ vị độ giả, diệt giai dĩ tác đắc độ nhân duyên” (Đối với kẻ chưa được độ, cũng đều tạo thành nhân duyên sẽ đắc độ).

Cũng có kẻ do tình tấn siêng khổ đạt mức, liền ở ngay trong đạo tràng mà cảm vơi, thấy chư Phật, [chẳng hạn] như Thiên Thai đại sư đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Đó là chứng nghiệm của chuyện “uống thuốc hết bệnh”. Vì thế biết: Tuy diệt, nhưng thật ra chẳng diệt, lợi ích trọn khắp vị lai.

Phần thứ nhất, “thí dụ về thuốc tốt lành trị bệnh cho các con, sánh ví chuyện lợi ích chúng sanh trong ba đời được nói trong phần trước” đã xong.

16.2.1.2.2.1.2. Thí dụ về lợi ích thật sự do con được chữa trị, nhằm sánh ví phần tổng kết “chân thật chẳng dối” trên đây

(Kinh) Chư thiện nam tử! Ý ý vân hà? Phả hữu nhân năng thuyết thử lương y hư vọng tội phủ?” “Bất dã Thế Tôn!”

(經)諸善男子！於意云何？頗有人能說此良醫虛妄罪不？」「不也世尊！」

(Kinh: “Các thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Há có kẻ nào có thể nói vị lương y ấy mắc tội hư vọng hay chăng?” “Thưa không, bạch Thế Tôn!”)

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

16.2.1.2.2.2. Kết hợp thí dụ với pháp

(Kinh) Phật ngôn: - Ngã diệt như thị, thành Phật dĩ lai, vô lượng, vô biên, bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp, vị chúng sanh cố, dĩ phương tiện lực. Ngôn đương diệt độ, diệt vô hữu năng như pháp thuyết ngã hư vọng quá giả.

(經)佛言：「我亦如是，成佛已來，無量，無邊，百千萬億那由他阿僧祇劫，為眾生故，以方便力。言當滅度，亦無有能如法說我虛妄過者」。

(Kinh: Đức Phật nói: - Ta cũng giống như thế, từ khi thành Phật đến nay, trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp, do vì chúng sanh mà dùng sức phương tiện, nói sẽ diệt độ, cũng

chẳng có kẻ nào có thể theo đúng như pháp mà nói ta phạm lỗi hư vọng được).

Thành Phật tới nay đã vô lượng kiếp tức là ứng hợp với thí dụ “lợi ích chúng sanh trong quá khứ”. Nói “*sẽ diệt độ*” ứng hợp thí dụ “lợi ích chúng sanh trong đời vị lai”. Đối với hiện tại thì dễ biết; vì thế, lược đi chẳng nói đối ứng. “*Cũng không ai có thể nói ta hư vọng*” ứng hợp thí dụ về lợi ích thật sự do chữa cho các con lành bệnh. Phần trước đã chỉ rõ quá khứ lâu xa, nay ý nghĩa kết hợp [thí dụ với pháp] ở đây nhằm phô bày “*vị lai thường trụ*”, có cùng ý nghĩa với các kinh Đại Niết Bàn và Kim Quang Minh.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

16.2.2. Kệ tụng

16.2.2.1. Trùng tụng hiển viễn

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tự ngã đắc Phật lai, sở kinh chư kiếp số, vô lượng bách thiên vạn, ức tải A-tăng-kỳ.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「自我得佛來，所經諸劫數，無量百千萬，億載阿僧祇。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Từ khi ta thành Phật, trải qua các kiếp số, vô lượng trăm ngàn vạn, ức tải A-tăng-kỳ).

Chẳng trùng tụng tình kiến “chấp gần”, chỉ trùng tụng hiển viễn. “*Úc, tải*”³³ đều là danh xưng của các con số.

³³ Tải là một con số rất lớn. Tính theo thứ tự thì các con số lớn là vạn, ức, triệu, kinh, tỷ, nhuông, câu, giảm, chánh, tải. Và cách tính cũng chia thành bốn:

- Hạ số: Tức là mỗi số sau gấp 10 lần số trước. Vạn là mười ngàn, ức là một trăm ngàn, cho đến Tải là 10 lũy thừa mười bốn (tức là 14 con số không sau số 1).

- Vạn tấn: Mỗi số sau gấp một vạn lần số trước, tức là Vạn là mười ngàn, ức là một vạn vạn, cho đến Tải là 10 lũy thừa 44.

- Trung số: Tức là một Úc vẫn là một vạn, kể từ Úc trở đi, mỗi số sau là 10 lũy thừa tám của số trước. Chẳng hạn một triệu là mười lũy thừa sáu, một kinh là mười lũy thừa 24, cho đến Tải là mười lũy thừa tám mươi.

16.2.2.2. Trùng tụng ba đời đều lợi ích chúng sanh

16.2.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

16.2.2.2.1.1. Trùng tụng nêu rõ chuyện ba đời đều lợi ích chúng sanh

16.2.2.2.1.1.1. Trùng tụng quá khứ

16.2.2.2.1.1.1.1. Trùng tụng trong quá khứ đã nên làm như thế nào để lợi ích chúng sanh

(Kinh) Thường thuyết pháp giáo hóa, vô số ức chúng sanh, linh nhập ư Phật đạo. Nhĩ lai vô lượng kiếp, vị độ chúng sanh cố, phương tiện hiện Niết Bàn.

(經)常說法教化，無數億眾生，令入於佛道。爾來無量劫，為度眾生故，方便現涅槃。

(Kinh: Thường thuyết pháp giáo hóa, vô số ức chúng sanh, khiến tiến nhập Phật đạo. Tới nay vô lượng kiếp, vì để độ chúng sanh, phương tiện hiện Niết Bàn).

“Thuyết pháp giáo hóa” là trùng tụng lợi ích bằng âm thanh. “Khiến nhập Phật đạo” là trùng tụng [chúng sanh] đạt được lợi ích. “Phương tiện nhập Niết Bàn”: Trùng tụng do “chẳng diệt mà thị hiện diệt” trong việc tạo lợi ích do hình tướng, tức là gồm cả chuyện “chẳng sanh mà thị hiện sanh”.

16.2.2.2.1.1.1.2. Trùng tụng chỗ lợi ích chúng sanh trong quá khứ

(Kinh) Nhi thật bất diệt độ, thường trụ thử thuyết pháp.

(經)而實不滅度，常住此說法。

(Kinh: Nhưng thật chẳng diệt độ, thường ở đây thuyết pháp).

16.2.2.2.1.1.1.3. Trùng tụng chuyện quét sạch mọi nghi đối với Tích trong quá khứ

(Kinh) Ngã thường trụ ư thử, dĩ chư thần thông lực, linh diên đảo chúng sanh, tuy cận nhi bất kiến.

- Thượng số: Mỗi số sau gấp bội số trước, tức một vạn là 10 ngàn (10 lũy thừa 4), ức là mười lũy thừa tám, triệu là mười lũy thừa 16, cho đến Tái là 10 lũy thừa 4096!

(經)我常住於此，以諸神通力，令顛倒眾生，雖近而不見。

(Kinh: Ta thường trụ nơi đây, dùng các sức thần thông, khiến chúng sanh điên đảo, tuy gần nhưng chẳng thấy).

Tuy gần mà chẳng thấy; vì thế, chỉ thấy Nho Đồng (tiền thân của Phật Thích Ca) được [Phật Nhiên Đăng] thọ ký và mạng chung v.v...

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện quá khứ” đã xong.

16.2.2.2.1.1.2. Trùng tụng hiện tại

16.2.2.2.1.1.2.1. Trùng tụng cảm ứng

(Kinh) Chúng kiến ngã diệt độ, quảng cúng dường xá-lợi, hàm giai hoài luyến mộ, nhi sanh khát ngưỡng tâm. Chúng sanh ký tín phục, chất trực, ý nhu nhuễn. Nhất tâm dục kiến Phật, bất tự tích thân mạng.

(經)眾見我滅度，廣供養舍利，咸皆懷戀慕，而生渴仰心。眾生既信伏，質直意柔輒。一心欲見佛，不自惜身命。

(Kinh: Chúng thấy ta diệt độ, rộng cúng dường xá-lợi, đều ôm lòng luyến mộ, mà sanh tâm khát ngưỡng. Chúng sanh đã tin phục, chất trực, ý mềm mỏng, nhất tâm muốn thấy Phật, chẳng tự tiếc thân mạng).

Trong phần nói về sự cảm ứng thuộc phần kinh văn Trường Hàng đã nói “nhạo ư Tiểu pháp, đức bạc, cấu trọng” (chuyện Tiểu pháp, đức mỏng, cấu chướng nặng nề), nay phần trùng tụng nêu ra “cúng dường, khát ngưỡng” v.v... [tức là trong phần trước], đã dựa theo ý nghĩa “chẳng biết [Như Lai thành Phật] đã lâu” để nói, phần này dựa theo ý nghĩa “có thể cảm vờ Phật ứng Tích giáo hóa” để nói. Lại nữa, tuy luyến mộ, khát ngưỡng, thậm chí chẳng tiếc thân mạng, nhưng dùng Phật nhân để xem xét, [sẽ thấy các chúng sanh ấy] luôn thích “đức Phật mới thành Phật gần đây” và Tiểu pháp mà thôi!

16.2.2.2.1.1.2.2. Trùng tụng sự thí hóa

(Kinh) Thời ngã cập chúng tăng, câu xuất Linh Thứu sơn, ngã thời ngữ chúng sanh: “Thường tại thử bất diệt. Dĩ phương tiện lực cố, hiện hữu diệt bất diệt”.

(經)時我及眾僧，俱出靈鷲山，我時語眾生：「常在此不滅。以方便力故，現有滅不滅」。

(Kinh: Ta cùng với chúng tăng, đều ra khỏi Linh Thứu. Khi đó, bảo chúng sanh: “Thường ở đây chẳng diệt. Do vì sức phương tiện, hiện có diệt, chẳng diệt”).

“Câu xuất Linh Thứu sơn” (Đều ra khỏi núi Linh Thứu): Trùng tụng chuyện hiện hình. “Ngã thời ngữ chúng sanh” (Lúc đó, ta bảo các chúng sanh): Trùng tụng chuyện thuyết pháp. Trong phần Trường Hàng nói về thuyết pháp, trước hết nói các giáo pháp đã được nói trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật]. Kế đó, giải thích nguyên do nói thiện xảo. Đoạn kinh văn ấy rất rộng, nay trùng tụng rất sơ lược. Câu “*thường tại thử bất diệt*” (thường ở đây, chẳng diệt) chỉ nhằm trùng tụng chuyện “hiện Thật”. Hai câu “*dĩ phương tiện lực...*” (dùng sức phương tiện) trùng tụng đại lược chuyện “tương xứng căn cơ”.

Phân thứ hai, “trùng tụng lợi ích trong hiện tại” đã xong.

16.2.2.2.1.1.3. Trùng tụng vị lai

Kinh văn Trường Hàng gồm hai phần: Một, nói rõ chẳng diệt mà xướng diệt độ; hai là giải thích ý nghĩa [vì sao] cần phải xướng diệt độ. Trong phần thứ nhất, lại có hai ý: Một, nêu rõ vốn thật sự chẳng diệt; hai, nói rõ do phương tiện mà xướng diệt độ. Nay chẳng trùng tụng theo thứ tự, một là trùng tụng “do phương tiện mà xướng diệt độ”, kiêm trùng tụng ý nghĩa “[vì sao] cần phải xướng diệt độ”. Hai là trùng tụng “vốn thật sự chẳng diệt độ”, kiêm giải thích rộng nguyên do chẳng thấy hay được thấy [Phật].

16.2.2.2.1.1.3.1. Trùng tụng do phương tiện mà xướng diệt độ, kiêm trùng tụng ý nghĩa “cần phải xướng diệt độ”

(Kinh) Dư quốc hữu chúng sanh, cung kính tín nhạo giả, ngã phục ư bỉ trung, vị thuyết vô thượng pháp. Nhữ đẳng bất văn thử, dẫn

vị ngã diệt độ. Ngã kiến chư chúng sanh, một tại u khổ não. Cố bất vị hiện thân, linh kỳ sanh khát ngưỡng, nhân kỳ tâm luyến mộ, nãi xuất vị thuyết pháp.

(經)餘國有眾生，恭敬信樂者，我復於彼中，為說無上法。汝等不聞此，但謂我滅度。我見諸眾生，沒在於苦惱。故不為現身，令其生渴仰。因其心戀慕，乃出為說法

。

(Kinh: Nước khác có chúng sanh, lòng cung kính, tin ưa, ta lại trong cõi ấy, nói cho pháp vô thượng. Ông chẳng nghe điều này, chỉ nói ta diệt độ. Ta thấy các chúng sanh, chìm đắm trong khổ não. Cho nên chẳng hiện thân, khiến họ sanh khát ngưỡng. Do tâm họ luyến mộ, bèn xuất thế thuyết pháp).

Bài kệ thứ nhất, trước hết, nói rõ bất diệt. Nửa bài kệ kế đó, trùng tụng lời giải thích ý nghĩa vì sao cần phải xưng “diệt độ”. Hai câu sau, trùng tụng “xưng diệt độ sẽ hữu ích”.

Phân “thành tựu căn cơ trong vị lai” đã xong.

16.2.2.2.1.1.3.2. Trùng tụng “vốn thật sự chẳng diệt,” kèm thêm lời giải thích căn kể nguyên do thấy hay chẳng thấy Phật

(Kinh) Thần thông lực như thị, u A-tăng-kỳ kiếp, thường tại Linh Thứu sơn, cập dư chư trụ xứ. Chúng sanh kiến kiếp tận, đại hỏa sở thiêu thời. Ngã thử độ an ổn, thiên nhân thường sung mãn. Viên lâm, chư đường các, chủng chủng bảo trang nghiêm. Bảo thụ đa hoa quả, chúng sanh sở du lạc, chư thiên kích thiên cổ, thường tác chúng kỹ nhạc. Vũ Mạn Đà La hoa, tán Phật cập đại chúng.

(經)神通力如是，於阿僧祇劫，常在靈鷲山，及餘諸住處。眾生見劫盡，大火所燒時。我此土安隱，天人常充滿。園林諸堂閣，種種寶莊嚴。寶樹多華果，眾生所遊樂，諸天擊天鼓，常作眾伎樂。雨曼陀羅華，散佛及大眾。

(Kinh: Sức thần thông như thế, trong A-tăng-kỳ kiếp, thường tại núi Linh Thứu, và các trụ xứ khác. Chúng sanh thấy kiếp tận, lúc đại hỏa thiêu đốt, cõi ta vẫn an ổn, trời người thường đầy ắp. Vườn rừng, các điện gác, các thứ báu trang nghiêm. Cây báu nhiều hoa quả, chúng sanh thường vui chơi. Chư thiên giống trống trời, thường tấu các kỹ nhạc. Mưa hoa Mạn Đà La, tán Phật và đại chúng).

Đây là trùng tụng “vốn thật sự chẳng diệt”. “*Thường tại Linh Thứu sơn*”: Chỉ lúc Ứng Thân thường cư trụ trong cõi này khi xét theo Bản. “*Cập dư chư trụ xứ*” (Và các trụ xứ khác): Tại Bản, Ứng Thân cũng trọn khắp mười phương trong các chốn dù tịnh hay uế. Nơi Bản đã ngụ tại các xứ thì Tích cũng chẳng chuyển dời. Nhưng chúng sanh hư vọng thấy kiếp tận, chứ cõi Phật vốn chẳng sanh diệt, tức là cõi Đồng Cư này chính là Phương Tiện, Thật Báo, và Tịch Quang diệu độ. Vì sao nói vậy? “*Ngã thử độ an ổn*” (Cõi này của ta an ổn) chính là Phật đã chứng pháp an ổn, tức là cõi Thường Tịch Quang. Do Phật có thể chứng, tức là cõi Tự Thọ Dụng Báo. “*Thiên nhân thường sung mãn*” (Trời, người thường đầy ắp): Thập Địa là trời, ba mươi tâm (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) là người, tức cõi Tha Thọ Dụng Báo. “*Chúng sanh sở du lạc*” (Chúng sanh thường vui chơi) tức cõi Phương Tiện Hữu Dư, là nơi chín loại phương tiện chúng sanh cư trụ. Trống trời, kỹ nhạc và hoa trời v.v... chính là ngũ trần thù thắng nhiệm màu thuộc Tục Đế trong cõi Thật Báo, mà cũng chính là ngũ trần thuộc pháp tánh Chân Đế trong cõi Phương Tiện.

(Kinh) Ngã Tịnh Độ bất hủy, nhi chúng kiến thiêu tận, ưu bố chư khổ não. Như thị tất sung mãn. Thị chư tội chúng sanh, dĩ ác nghiệp nhân duyên, quá A-tăng-kỳ kiếp, bất văn Tam Bảo danh.

(經)我淨土不毀，而眾見燒盡，憂怖諸苦惱。如是悉充滿。是諸罪眾生，以惡業因緣，過阿僧祇劫，不聞三寶名。

(Kinh: Tịnh Độ ta chẳng hủy, đại chúng thấy cháy sạch, lo sợ, các khổ não. Như thế thường đầy ắp. Chúng sanh tội khổ ấy, do nhân duyên ác nghiệp, trải A-tăng-kỳ kiếp, chẳng nghe tên Tam Bảo).

Đây là giải thích nguyên do chẳng thấy: Do mắc tội vì ác nghiệp! Ba loại Tịnh Độ Tịch Quang, Thật Báo, và Phương Tiện thấy đều chẳng

hủy. Do nhân duyên ác nghiệp, hư vọng thấy chấy sạch. Nơi các chúng sanh ấy, chính là “*đồng phận vọng kiến*” (cái thấy hư vọng do cùng thuộc một loại nghiệp cảm). Nhưng Phật, Bồ Tát thấy rõ: Đây vẫn chỉ là cái thấy hư vọng do biệt nghiệp mà thôi.

(Kinh) Chư hữu tu công đức, nhu hòa, chất trực giả, tắc giai kiến ngã thân, tại thử nhi thuyết pháp.

(經)諸有修功德，柔和質直者，則皆見我身，在此而說法。

(Kinh: Có người tu công đức, tánh nhu hòa, chất trực, sẽ đều thấy thân ta, đang thuyết pháp tại đây).

Đây là giải thích nguyên do được thấy: Do vì tu duyên nhân và liễu nhân. Chữ Chư chỉ chung duyên tu và chân tu Quyền Thật trong tam thừa. “*Công đức*” chính là nhà Như Lai. “*Nhu hòa*” là áo Như Lai. “*Chất trực*” là tòa Như Lai. Hành ba pháp tương tự thành tựu, sẽ thấy Phương Tiện Ứng Thân của Như Lai. Hành thành tựu ba pháp phần chứng, sẽ thấy Báo Thân của Như Lai trong cõi Thật Báo. Hành thành tựu ba pháp rốt ráo, sẽ thấy Pháp Thân trong cõi Tịch Quang của Như Lai.

(Kinh) Hoặc thời vị thử chúng, thuyết Phật thọ vô lượng, cửu nãi kiến Phật giả, vị thuyết Phật nan trị.

(經)或時為此眾，說佛壽無量，久乃見佛者，為說佛難值。

(Kinh: Có lúc vì chúng này, nói Phật thọ vô lượng, rất lâu mới thấy Phật, nói Phật khó gặp gỡ).

Đây là tổng kết nguyên do chúng sanh có người thấy, có người không thấy. Vì thế, khiến cho Như Lai nói khác nhau. Có nghĩa là tuy hiển thuyết bất đồng, nhưng đều là chân thật chẳng dối.

Phần thứ nhất, “trùng tụng ba đời lợi ích chúng sanh” đã xong!

16.2.2.2.1.2. Trùng tụng tổng kết chẳng hư dối

(Kinh) Ngã trí lực như thị, huệ quang chiếu vô lượng. Thọ mạng vô số kiếp, cửu tu nghiệp sở đắc. Nhữ đẳng hữu trí giả, vật ư thử sanh nghi, đương đoạn linh vĩnh tận, Phật ngữ thật bất hư.

(經)我智力如是，慧光照無量。壽命無數劫，久修業所得。汝等有智者，勿於此生疑，當斷令永盡，佛語實不虛。

(Kinh: Trí lực ta như thế, huệ quang chiếu vô lượng. Thọ mạng vô số kiếp, do tu lâu đạt được. Các ông bậc có trí, đừng sanh nghi chuyện này, hãy nên dứt hẳn nghi, lời Phật thật chẳng dối).

Bài kệ thứ nhất trùng tụng pháp của chư Phật Như Lai đều là như thế. Phần Trường Hàng dẫn chứng chư Phật để chứng minh cho ta (Phật Thích Ca). “*Cửu tu nghiệp sở đắc*” (Do nghiệp tu đã lâu mà đạt được): Nêu rõ phẩm này diễn nói thọ lượng của Như Lai; đó là xét theo tu đắc (do tu mà đạt được), chứ tánh đắc (có sẵn trong tánh) thì không có khởi đầu, không có kết thúc, chúng sanh và Phật có cùng một Thể. Tu đắc thì có khởi đầu có kết thúc. Phật Phật đạo đồng, chỉ riêng chuyện này (thọ lượng của Báo Thân) là có khởi đầu, cho nên có chuyện đã thật sự thành Phật trong quá khứ gần đây hay đã lâu xa. Vì thế, cho đến tận vị lai, thường trụ bất diệt. Bài kệ kế tiếp trùng tụng ý nghĩa “vì độ chúng sanh [mà nói phương tiện], đều là chân thật chẳng dối”. Kết lại bằng lời khuyên hãy đoạn “chấp gần” (chấp đức Phật mới chỉ thành Phật trong một thời gian ngắn) để rời sanh nghi.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Pháp Thuyết” đã xong.

16.2.2.2. Trùng tụng Thí Thuyết

16.2.2.2.1. Trùng tụng lập thí

(Kinh) Như y thiện phương tiện, vị trị cuồng tử cố, thật tại nhi ngôn tử, vô năng thuyết hư vọng.

(經)如醫善方便，為治狂子故，實在而言死，無能說虛妄。

(Kinh: Lương y phương tiện khéo, vì trị con bệnh cuồng, còn sống nói đã chết, chẳng thể nói hư vọng).

Ba câu đầu chỉ trùng tụng ý nghĩa “chẳng diệt mà hiện diệt độ”, tức hiển thị phương tiện lợi ích chúng sanh trong ba đời. Lại hiển thị “tuy diệt mà thật sự chẳng diệt”. Quá khứ lâu xa, vị lai thường trụ, đều chân thật chẳng dối. Câu thứ tư, trùng tụng ý nghĩa “tổng kết chẳng hư dối”.

16.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp

(Kinh) Ngã diệt vì thế phụ, cứu chư khổ hoạn giả, vị phàm phu điên đảo, thật tại nhi ngôn diệt. Dĩ thường kiến ngã cố, nhi sanh kiêu tứ tâm, phóng dật trước ngũ dục, đọa ư ác đạo trung.

(經)我亦為世父，救諸苦患者，為凡夫顛倒，實在而言滅。以常見我故，而生憍恣心，放逸著五欲，墮於惡道中。

(Kinh: Ta là cha cõi đời, cứu kẻ khổ, hoạn nạn. Vì phàm phu điên đảo, thật còn mà nói diệt. Do họ thường thấy ta, sẽ sanh kiêu, buông lung, phóng dật, chấp ngũ dục, đọa vào trong đường ác).

Đây cũng là trùng tụng chung ý nghĩa “chẳng diệt mà hiện diệt độ”, kiêm trùng tụng “chẳng diệt sẽ tôn hại”, nêu rõ “xương diệt độ là phương tiện”.

(Kinh) Ngã thường tri chúng sanh, hành đạo, bất hành đạo. Tùy sở ưng khả độ, vị thuyết chủng chủng pháp. Mỗi tự tác thị ý: Dĩ hà linh chúng sanh, đắc nhập vô thượng huệ, tức thành tựu Phật thân.

(Kinh: Ta thường biết chúng sanh, hành đạo, chẳng hành đạo. Tùy đáng nên hóa độ, mà nói các thứ pháp. Thường suy nghĩ thế này: Dùng gì khiến chúng sanh, nhập được vô thượng huệ, mau thành tựu thân Phật).

Đây là trùng tụng ý nghĩa tổng kết trong phần kết hợp thí dụ với pháp: Không hư vì đó là phương tiện của lương y trị bệnh cho con.

Phần thứ nhất, “khai cận hiền viên” đã xong. Giải thích phẩm Như Lai Thọ Lượng cũng xong; kế đó, sẽ giải thích phẩm Phân Biệt Công Đức.

17. Phân Biệt Công Đức Phẩm Đệ Thập Thất

分別功德品第十七

Phẩm thứ mười bảy: Phân Biệt Công Đức

Phẩm này có thọ ký và lãnh giải. Sự lưu thông trong phần Thọ Ký và Lưu Thông đều có [mức độ] cạn hay sâu khác nhau; vì thế nói là Phân Biệt.

Đức Phật nói thọ lượng, hai loại đệ tử Bồn và Tích đều đạt được các thứ lợi ích. Cho đến Tứ Tín trong hiện tại và Ngũ Phẩm sau khi [đức Phật] diệt độ, cũng đều được lợi ích. Vì thế nói là Công Đức (đệ tử thuộc Bồn tức là các vị từ dưới đất vọt lên. Đệ tử nơi Tích tức là các vị tại Linh Sơn).

17.1. Thọ ký chung cho hàng Pháp Thân

17.1.1. Người kết tập kinh trần thuật chung

(Kinh) Nhĩ thời, đại hội văn Phật thuyết thọ mạng kiếp số trường viễn như thị, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chúng sanh đắc đại nhiều ích.

(經)爾時，大會聞佛說壽命劫數長遠如是，無量無邊阿僧祇眾生得大饒益。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đại hội nghe đức Phật nói thọ mạng kiếp số dài lâu như thế, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chúng sanh đạt được lợi ích to lớn).

17.1.2. Như Lai phân biệt [các công đức]

(Kinh) Ư thời, Thế Tôn cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - A Dật Đa! Ngã thuyết thị Như Lai thọ mạng trường viễn thời, lục bách bát thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chúng sanh đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

(經)於時，世尊告彌勒菩薩摩訶薩：「阿逸多！我說是如來壽命長遠時，六百八十萬億那由他恆河沙眾生得無生法忍。」

(Kinh: Khi đó, đức Thế Tôn bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - Nay A Dật Đa (Ajita)! Khi ta nói thọ mạng dài lâu của Như Lai, sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chúng sanh đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn).

Tam châu thuyết pháp trong Tích Môn, ba loại căn cơ đều được thọ ký, đều là địa vị Kiến Đạo Vô Sanh Pháp Nhẫn³⁴ thuộc Sơ Trụ. Nay nghe Bốn Môn, lại có ngàn ấy chúng sanh được nhập Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vì thế biết [kinh Pháp Hoa] là lời tuyên xưng tột bậc trong giáo pháp suốt một đời [của đức Phật], có lợi ích khó thể nghĩ tưởng!

(Kinh) Phục hữu thiên bội Bồ Tát Ma Ha Tát, đắc Văn Trì Đà La Ni môn.

(經)復有千倍菩薩摩訶薩，得聞持陀羅尼門。

(Kinh: Lại có gấp ngàn lần Bồ Tát Ma Ha Tát, đạt được Văn Trì Đà La Ni³⁵ môn).

Người trước đó đã chứng Vô Sanh, nay nghe lời tuyên xưng tột bậc trong Bốn Môn, chuyển nhập [địa vị] Tu Đạo, tăng trưởng đạo viên mãn, màu nhiệm, giảm thiểu Biện Dịch Sanh Tử, chứng Thập Trụ trong Viên Giáo, đắc đại Văn Trì, diệu pháp viên đôn. Có thể thọ, có thể trì, giống như biển cả có thể thọ trì trọn khắp mưa của long vương.

(Kinh) Phục hữu nhất thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát đắc nhạo thuyết vô ngại biện tài.

(經)復有一世界微塵數菩薩摩訶薩得樂說無礙辯才。

(Kinh: Lại có một thế giới vi trần số³⁶ Bồ Tát Ma Ha Tát đắc nhạo thuyết vô ngại biện tài³⁷).

³⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Vô Sanh Pháp Nhẫn: Chân trí an trụ trong Thật Tướng Lý Thể của hết thảy các pháp vốn chẳng sanh diệt, chẳng dấy lên nghiệp hạnh”.

³⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Văn Trì Đà La Ni: Đã đắc Vô Sanh, đối với giáo pháp đã được nghe, liền nhớ giữ chẳng quên”.

Đây là tăng tấn trí huệ, tổn giảm phiền não sanh tử, chứng Giả thuộc Thập Hạnh chẳng thể nghĩ bàn trong Viên Giáo. Hằng sa Phật pháp ngang dọc đều gồm thâu, cho nên có thể tự tại diễn nói, biện tài vô ngại.

(Kinh) Phục hữu nhất thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát đắc bách thiên vạn ức vô lượng Toàn Đà La Ni.

(經)復有一世界微塵數菩薩摩訶薩得百千萬億無量旋陀羅尼。

(Kinh: Lại có một thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát đắc trăm ngàn vạn ức vô lượng Toàn Đà La Ni³⁸).

Đây là tăng trưởng trí huệ, tổn giảm phiền não sanh tử, chứng pháp Thập Hồi Hướng thuộc Viên Giáo, Lý Sự viên dung, Chân Tục chẳng hai, vô lượng trong một, một trong vô lượng, trùng trùng xoay chuyển, tổng trì lẫn nhau.

(Kinh) Phục hữu tam thiên đại thiên thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát năng chuyển bất thoái pháp luân.

(經)復有三千大千世界微塵數菩薩摩訶薩能轉不退法輪。

(Kinh: Lại có một tam thiên đại thiên thế giới vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát có thể chuyển pháp luân bất thoái).

Đây là tăng trưởng trí huệ, tổn giảm sanh tử phiền não, chứng Sơ Địa trong Viên Giáo, tâm luôn tưới rót biển Tát Bà Nhã (Sarvajñā, Nhất Thiết Trí), chuyển tròn ba thứ bất thoái luân.

³⁶ Thế giới vi trần số: Số lượng bằng số vi trần trong một thế giới (một tiểu thế giới là một hệ thống vũ trụ gồm có một núi Tu Di, nhật, nguyệt, và bốn bộ châu vây quanh núi Tu Di).

³⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài: Văn Trì chỉ có thể tự hiểu. Nhạo thuyết (ưa thích nói) là kiêm giáo hóa chúng sanh, ý nghĩa càng thêm thù thắng”.

³⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Toàn Đà La Ni: Xoay chuyển Không và Giả, thông đạt trăm ngàn vạn ức vô lượng pháp môn”.

(Kinh) Phục hữu nhị thiên trung thiên quốc độ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát năng chuyển thanh tịnh pháp luân.

(經)復有二千中干國土微塵數菩薩摩訶薩能轉清淨法輪。

(Kinh: Lại có số lượng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần thuộc nhị thiên trung thiên quốc độ³⁹ có thể chuyển pháp luân thanh tịnh).

Đây là tăng trưởng trí huệ, tổn giảm sanh tử phiền não, chứng Nhị Địa trong Viên Giáo, tự là cầu như Tam Hoặc, cũng khiến cho người khác là cầu chứng Tam Hoặc. Vì thế nói là “chuyển pháp luân thanh tịnh”.

(Kinh) Phục hữu tiểu thiên quốc độ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, bát sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)復有小干國土微塵數菩薩摩訶薩，八生當得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần thuộc các quốc độ trong một tiểu thiên thế giới, sau tám đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây là tăng trưởng trí huệ, tổn giảm sanh tử phiền não, chứng Tứ Địa trong Viên Giáo, chỉ còn sót lại tám phẩm Vô Minh vi tế. Vì thế nói là “bát sanh đương đắc Bồ Đề” (tám đời sẽ đắc Bồ Đề). Đoạn một phẩm, nhập Ngũ Địa. Đoạn hai phẩm, nhập Lục Địa. Đoạn ba phẩm, nhập Thất Địa. Đoạn bốn phẩm, nhập Bát Địa. Đoạn năm phẩm, nhập Cửu Địa. Đoạn sáu phẩm, nhập Thập Địa. Đoạn bảy phẩm, nhập Đẳng Giác. Đoạn sạch tám phẩm, nhập Diệu Giác. Mỗi lần đoạn một phẩm vô minh, chính là tổn giảm Biến Dịch Sanh Tử, tăng thêm hiểu rõ một phần Trung Đạo.

³⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Một ngàn tiểu thế giới là một tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Do vậy có thể biết nhị thiên trung thiên tức là hai đại thiên thế giới”.

(Kinh) Phục hữu tứ tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, tứ sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)復有四四天下微塵數菩薩摩訶薩，四生當得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong bốn tứ thiên hạ⁴⁰, qua bốn đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây là tăng trưởng trí huệ, tồn giảm sanh tử phiền não, đã chứng Bát Địa trong Viên Giáo, chỉ còn sót lại bốn phẩm vi tế Vô Minh. Giảm tồn một phẩm sanh tử phiền não, nhập Cửu Địa. Tồn giảm hai phẩm sanh tử phiền não, nhập Thập Địa. Tồn ba phẩm sanh tử phiền não, nhập Đẳng Giác. Tồn giảm hết sạch bốn phẩm sanh tử phiền não, liền thành Diệu Giác.

(Kinh) Phục hữu tam tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, tam sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)復有三四天下微塵數菩薩摩訶薩，三生當得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong ba tứ thiên hạ, qua ba đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây là tăng trưởng trí huệ, tồn giảm sanh tử phiền não, chứng Cửu Địa trong Viên Giáo, cho nên chỉ còn dư lại ba đời.

(Kinh) Phục hữu nhị tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, nhị sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)復有二四天下微塵數菩薩摩訶薩，二生當得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong hai tứ thiên hạ, sau hai đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

⁴⁰ Tứ Thiên Hạ chính là cõi chúng ta đang sống. Do ở dưới ngay tầng trời của Tứ Thiên Vương cho nên gọi là Tứ Thiên Hạ. Lại do tầng này có bốn đại châu (Diêm Phù Đề, Cù Da Ni, Phất Bà Đề, và Uất Đan Việt), cho nên gọi là Tứ Thiên Hạ.

Đây là tăng trưởng trí huệ, tồn giảm sanh tử phiền não, chúng Thập Địa trong Viên Giáo. Vì thế, chỉ còn sót lại hai đời.

(Kinh) Phục hữu nhất tứ thiên hạ vi trần số Bồ Tát Ma Ha Tát, nhất sanh đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)復有一四天下微塵數菩薩摩訶薩，一生當得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Lại có hàng Bồ Tát Ma Ha Tát bằng số vi trần trong một tứ thiên hạ, trong một đời sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây là tăng trưởng trí huệ, tồn giảm sanh tử phiền não, chúng Đẳng Giác trong Viên Giáo. Vì thế, chỉ còn sót lại một đời.

(Kinh) Phục hữu bát thế giới vi trần số chúng sanh giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

(經)復有八世界微塵數眾生皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

(Kinh: Lại có chúng sanh bằng số vi trần trong tám thế giới đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây chính là kẻ phàm phu lè tè sát đất, do sức nghe kinh, chúng Thập Tín của Viên Giáo, phát sanh tương tự tâm. Trong Bốn Môn, đặc đạo nhiều như thế đó, hết thấy các kinh đều chẳng sánh bằng. Ấy là do từ Bốn mà thị hiện Tích, chốn chốn khơi mở, dẫn dắt, gặp gỡ trong khoảng giữa, nhiều lần được thành thực. Đời này thì [dùng giáo pháp thuộc] năm vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) để điều phục từng bước một, thâm thập, gom năm quy về dung hội Pháp Hoa. Ví như nhà nông mùa Xuân sanh thành, mùa Hạ tăng trưởng, cày cuốc, gieo hạt, chăm bón, mùa Thu thu hoạch, mùa Đông tàng ẩn. Thu hoạch, hái gặt một phen. Từ đây về sau, dầu có người đặc đạo thì cũng đều được gom về [Nhất Thừa].

Hỏi: - Thọ ký cho Pháp Thân, vì sao lại thiếu các vị thuộc Ngũ Địa, Lục Địa, Thất Địa vậy?

Đáp: - Chuyện này chẳng thể suy nghĩ mà hòng biết được! Chỉ có Như Lai có thể phân biệt. Chỉ có bậc Bồ Xứ là có thể lãnh nhận, ngộ giải! Cần gì cứ phải sanh nghi như thế?

Hỏi: - Các pháp như Văn Trì Đà La Ni v.v... nếu đối chiếu với các địa vị trong các kinh văn thuộc phần trước, vì sao lại có đôi chút khác biệt?

Đáp: - Các danh tự như Vô Sanh Nhẫn v.v... đều thông với Thiên, Viên, Quyền, Thật, vốn chẳng nhất định, chỉ cần giải thích để [người nghe] lãnh hội viên lý. Nay xét theo ý nghĩa thuận tiện, mà phân định như thế. Nếu muốn dung thông lẫn nhau, có gì là chẳng thể? Hãy nên biết chỉ có các thứ tự như tám đời, bốn đời v.v... Những điều khác xét theo nghĩa để giải thích tương ứng là được rồi.

Phần thứ hai, “Như Lai phân biệt [các công đức do nghe thọ mạng của Như Lai]” đã xong.

17.1.3. Diễm lành biểu thị sự lợi ích trong Viên Giáo

(Kinh) Phật thuyết thị chư Bồ Tát Ma Ha Tát đắc đại pháp lợi thời, ư hư không trung, vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, dĩ tán vô lượng bách thiên vạn ức bảo thụ hạ sư tử tòa thượng chư Phật. Tịnh tán thất bảo tháp trung sư tử tòa thượng Thích Ca Mâu Ni Phật, cập cứu diệt độ Đa Bảo Như Lai, diệt tán nhất thiết chư đại Bồ Tát cập tứ bộ chúng. Hựu vũ tế mạt Chiên Đàn, trầm thủy hương đăng. Ư hư không trung, thiên cổ tự minh, diệu thanh thâm viển. Hựu vũ thiên chủng thiên y, thùy chư anh lạc, chân châu anh lạc, Ma Ni châu anh lạc, Như Ý Châu anh lạc, biến ư cứu phương. Chúng bảo hương lô thiêu vô giá hương, tự nhiên châu chí, cúng dường đại hội. Nhất nhất Phật thượng, hữu chư Bồ Tát chấp trì phan, cái, thứ đệ nhi thượng, chí ư Phạm Thiên. Thị chư Bồ Tát dĩ diệu âm thanh, ca vô lượng tụng, tán thán chư Phật.

(經)佛說是諸菩薩摩訶薩得大法利時，於虛空中，雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅華，以散無量百千萬億寶樹下師子座上諸佛。并散七寶塔中師子座上釋迦牟尼佛，及久滅度多寶如來，亦散一切諸大菩薩及四部眾。又雨細末栴檀，

沉水香等。於虛空中，天鼓自鳴，妙聲深遠。又雨千種天衣，垂諸瓔珞，真珠瓔珞，摩尼珠瓔珞，如意珠瓔珞，徧於九方。眾寶香鑪燒無價香，自然周至，供養大會。一一佛上，有諸菩薩執持幡，蓋，次第而上，至於梵天。是諸菩薩，以妙音聲，歌無量頌，讚歎諸佛」。

(Kinh: Khi đức Phật nói các Bồ Tát Ma Ha Tát ấy đạt được lợi ích to lớn nơi pháp, ở trong hư không, mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, dùng để rải lên chư Phật trên các tòa sư tử dưới vô lượng trăm ngàn vạn ức cây báu, và rải lên Thích Ca Mâu Ni và Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu [đang ngủ] trên tòa sư tử trong tháp bảy báu. Cũng rải lên hết thấy các vị đại Bồ Tát và bốn bộ chúng. Lại mưa các thứ bột mịn Chiên Đàn, trầm thủy hương v.v... Ở trong hư không, trống trời tự kêu, tiếng màu nhiệm sâu xa. Lại mưa ngàn loại áo trời, rải các chuỗi anh lạc: Anh lạc bằng chân châu, anh lạc bằng Ma Ni châu, anh lạc bằng Như Ý Châu trọn khắp chín phương. Các thứ lò hương báu đốt hương vô giá, tự nhiên lan tỏa trọn khắp, cúng dường đại hội. Trên mỗi vị Phật, có các vị Bồ Tát cầm nắm phan, lọng, lần lượt cao dần lên đến tận Phạm Thiên. Các vị Bồ Tát ấy dùng âm thanh màu nhiệm, ca vô lượng kệ tụng để tán thán chư Phật).

Trong đoạn này, cũng có sáu điềm lành:

- Một là điềm lành mưa hoa.
- Hai là điềm lành mưa hương. [Điềm lành thứ nhất và thứ hai] biểu thị phước và huệ viên mãn, nhiệm màu, tức tự hành đức.
- Ba là điềm lành trống trời.
- Bốn là điềm lành áo trời và anh lạc. [Điềm lành thứ ba và thứ tư] biểu thị giáo hạnh viên mãn, màu nhiệm, tức hóa tha đức.
- Năm là điềm lành đốt hương cúng dường.
- Sáu là điềm lành phan, lọng, tán thán. [Hai điềm lành này] biểu thị tự hành và hóa tha viên mãn, màu nhiệm, cùng quy vào cực quả.

Trước hết, hư không mưa hoa: Hư không biểu thị pháp tánh bình đẳng. Từ pháp tánh ấy, sanh ra huệ hoa viên diệu thuộc bốn mươi địa vị chân thật. Kinh văn trong phần trước đã mượn phân thân [của Phật Thích Ca] để biểu thị Ứng Thân, Phật Thích Ca biểu thị Báo Thân, Phật Đa

Bảo biểu thị Pháp Thân. Nay trước hết, rải [hoa cúng dường] phân thân chư Phật, kể đến là Phật Thích Ca rồi Phật Đa Bảo, mang ý nghĩa hiển thị tuy ba thân “chẳng một, chẳng khác”, nhưng do được thấy Ứng Thân mà biết Tu Đức của Báo Thân và Tánh Đức của Pháp Thân. Cũng rải lên hết thấy các Bồ Tát và tứ chúng, tức là biểu thị đại hội đều đạt được viên nhân diệu huệ, đều thành diệu quả tam thân chẳng sai biệt. Bội mận Chiên Đàn, trầm thủy... chính là các thứ hương phước đức, cũng xuất sanh từ pháp tánh, cũng dùng chúng để phụng cúng tam thân, cúng khắp tứ chúng, nhưng kinh văn nói lược qua.

“*Thiên cổ tự minh*” (Trống trời tự kêu) biểu thị viên âm diễn bày giáo pháp sâu mầu. “*Thiên chủng thiên y*” (Ngàn loại áo trời) biểu thị áo Tịch Diệt Nhẫn che khắp hết thấy. “*Thùy chư anh lạc*” (Rủ các chuỗi anh lạc): Biểu thị bốn loại anh lạc gồm Giới, Định, Huệ và Đà La Ni nhiếp hóa chúng sanh, khiến cho họ sanh lòng vui sướng. Ma Ni được phương này dịch là Như Ý; lại nói là Như Ý Châu, hoặc là đôi khi trùng lập, ghép chung tiếng Hán và tiếng Phạn (tức là nói “*Ma Ni Như Ý Châu*”). [Ở đây, kinh văn] dùng bốn lần chữ “*anh lạc*” chắc là để diễn tả bốn thứ anh lạc Giới, Định v.v... “*Biến ư cửu phương*” (Trộn khắp chín phương): Vốn từ phương trên tuôn xuống, trộn khắp tám phương và dưới đất.

Hỏi: - Sao không như là Hoa Nghiêm đã nói “*sung mãn mười phương*”?

Đáp: - Hoa Nghiêm dùng “mười” để biểu thị vô tận, kinh này dùng “một” để biểu thị “*đồng quy*”. Nay nói “*trộn khắp chín phương*” chính là biểu thị lý một Phật giới. Trộn khắp cả chín giới, chín giới không gì chẳng phải là một Phật giới.

“*Chúng bảo hương lô thiêu vô giá hương, tự nhiên châu chí cúng dường đại hội*” (Các thứ lò hương báu đốt hương vô giá, tự nhiên lan tỏa trộn khắp cúng dường đại hội): Tức là biểu thị tự hành diệu đức luôn hướng tới cực quả. Trước đó đã mưa hoa, mưa hương, nhằm biểu thị phước huệ. Nay thì đốt hương, tức là dùng “đốt” để biểu thị huệ, dùng “hương” để biểu thị phước. Cúng dường tam thân của chư Phật trong đại hội, cũng dùng đó để [cúng dường] trộn khắp Bồ Tát, và tứ chúng là các vị Phật trong tương lai. Vì thế nói là “*tiến hướng cực quả*”. Nói “*tự nhiên*” nghĩa là chẳng dùng đến sức người, cũng từ pháp tánh hư không mà hiển hiện. “*Hữu chư Bồ Tát*” (Có các Bồ Tát): Cũng là tự nhiên hóa hiện các hình tượng Bồ Tát, cũng từ pháp tánh hư không mà sanh ra. “*Phan*” có nghĩa là “*chuyển*”, tức là biểu thị tăng trưởng trí huệ, tồn

giảm phiền não. “Cái” (Lọng) có nghĩa là “che phủ”, tức là biểu thị từ bị lợi ích chúng sanh. “Thứ đệ nhị thượng” (Theo thứ tự mà lên cao), tức là biểu thị từ nhân đến quả. “Chí ư Phạm Thiên” (Đến trời Phạm Thiên): “Phạm” có nghĩa là thanh tịnh, tức biểu thị Tứ Đức rất ráo. “Diệu âm ca tụng tán thán chư Phật” tức là biểu thị dùng âm thanh Phật đạo khiến cho hết thảy đều được nghe. Trong phần trước đã dùng trống trời để biểu thị giáo pháp hóa độ người khác, dùng áo trời và anh lạc để biểu thị hạnh hóa độ người khác. Nay còn dùng phan và lọng để biểu thị hạnh. “Ca tán” (Ca vịnh tán thán) biểu thị giáo pháp. Hai loại diệu đức hóa độ người khác cùng tiến nhập cực quả. Lợi ích trong Viên Giáo sâu xa, cho nên hiện điềm lành để biểu thị. Các kinh Hoa Nghiêm và Phật Đảnh (Thủ Lăng Nghiêm) nói đại pháp xong, đều hiện tướng lành lạ lùng, há kinh này lại riêng chẳng vậy ư?

Phần thứ hai, “thọ ký chung cho Pháp Thân” đã xong.

17.2. Ngài Di Lặc thừa bày sự lãnh ngộ chung

Trong phần Tích Môn trước đó, Bồ Tát cũng ngộ, nhưng đại sự chưa xong, cho nên chẳng trần thuật. Nay Bản Môn đã [diễn bày] xong, cho nên cây vào bậc Bồ Xứ để trần thuật chung.

17.2.1. Trùng tụng sự giải ngộ của đại chúng khi đó

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát tùng tòa nhi khởi, thiên đản hữu kiên, hiệp chương hướng Phật nhi thuyết kệ ngôn:

(經)爾時，彌勒菩薩從座而起，偏袒右肩，合掌向佛而說偈言：

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, chấp tay, hướng về đức Phật mà nói kệ rằng).

Hết thảy các vị Bồ Tát phần chứng Pháp Không thì gọi là Tòa. Nay từ chỗ ngồi đứng dậy, biểu thị “chẳng trụ vào pháp đã chứng”, lần lượt tăng tấn. Bản là Thật, Tích là Quyền, trước nay chưa phơi bày, giống như vai phải bị che phủ. Nay đã khơi mở xong, cho nên dùng “thiên đản hữu kiên” (trật vai áo phải) để biểu thị. Bản và Tích tuy khác, nhưng chẳng thể nghĩ bàn như nhau. Vì thế dùng “chấp tay” để biểu thị.

Tăng trưởng trí huệ, tôn giảm sanh tử phiền não, mau chóng tiến hướng cực quả, vì thế, dùng “*hướng về đức Phật*” để biểu thị.

(Kinh) Phật thuyết hy hữu pháp, tích sở vị tăng văn. Thế Tôn hữu đại lực, thọ mạng bất khả lượng. Vô số chư Phật tử, văn Thế Tôn phân biệt, thuyết đắc pháp lợi giả, hoan hỷ sung biến thân.

(經)「佛說希有法，昔所未曾聞。世尊有大力，壽命不可量。無數諸佛子，聞世尊分別，說得法利者，歡喜充徧身。」

(Kinh: Phật nói pháp hiếm có, xưa chưa hề được nghe. Thế Tôn có đại lực, thọ mạng chẳng thể lường. Vô số các Phật tử, nghe Thế Tôn phân biệt, nói pháp lợi đạt được, hoan hỷ ngập tràn thân).

17.2.2. Trùng tụng các lời phân biệt công đức của Như Lai

(Kinh) Hoặc trụ bất thoái địa, hoặc đắc Đà La Ni, hoặc vô ngại nhạo thuyết, vạn ức Toàn tổng trì.

(經)或住不退地，或得陀羅尼，或無礙樂說，萬億旋總持。

(Kinh: Hoặc trụ bất thoái địa, hoặc đắc Đà La Ni, hoặc vô ngại nhạo thuyết, vạn ức Toàn Tổng Trì).

[Nói] “*bất thoái địa*” (địa vị chẳng thoái chuyển) tức là trùng tụng Vô Sanh Pháp Nhãn. Sơ Trụ là địa vị Niệm Bất Thoái, [cứ phỏng theo đó] cũng biết các địa vị khác!

(Kinh) Hoặc hữu đại thiên giới, vì trần số Bồ Tát, các các giai năng chuyển, bất thoái chi pháp luân. Phục hữu trung thiên giới, vì trần số Bồ Tát, các các giai năng chuyển, thanh tịnh chi pháp luân. Phục hữu tiểu thiên giới, vì trần số Bồ Tát, dư các bát sanh tại, đương đắc thành Phật đạo. Phục hữu tứ, tam, nhị, như thử tứ thiên hạ, vì trần chư Bồ Tát, tùy sở sanh thành Phật. Hoặc nhất tứ thiên hạ, vì trần số Bồ Tát, dư hữu nhất sanh tại, đương thành Nhất Thiết Trí.

Như thị đẳng chúng sanh, văn Phật thọ trường viễn, đắc vô lượng vô lậu, thanh tịnh chi quả báo.

(經)或有大千界，微塵數菩薩，各各皆能轉，不退之法輪。復有中千界，微塵數菩薩，各各皆能轉，清淨之法輪。復有小千界，微塵數菩薩，餘各八生在，當得成佛道。復有四三二，如此四天下，微塵諸菩薩，隨數生成佛。或一四天下，微塵數菩薩，餘有一生在，當成一切智。如是等眾生，聞佛壽長遠，得無量無漏，清淨之果報。

(Kinh: Hoặc có đại thiên giới, vì trần số Bồ Tát, ai nấy đều hay chuyển, pháp luân chẳng thoái chuyển. Lại trung thiên thế giới, vì trần số Bồ Tát, ai nấy đều có thể, chuyển pháp luân thanh tịnh. Lại có tiểu thiên giới, vì trần số Bồ Tát, chỉ sót lại tám đời, sẽ được thành Phật đạo. Lại có bốn, ba, hai, tứ thiên hạ như thế, vì trần các Bồ Tát, vài đời sẽ thành Phật. Hoặc một tứ thiên hạ, vì trần số Bồ Tát, còn sót lại một đời, sẽ thành Nhất Thiết Trí. Các chúng sanh như thế, nghe Phật thọ dài lâu, đắc vô lượng vô lậu, quả báo rất thanh tịnh).

[Nói] “vô lượng vô lậu” nhằm [biểu thị] khác với Nhị Thừa. Do diệu nhân cảm vời, cho nên nói là “thanh tịnh”. Do cõi nước chẳng chướng ngại, cho nên nói là “quả báo”.

(Kinh) Phục hữu bát thế giới, vì trần số chúng sanh, văn Phật thuyết thọ mạng, giai phát vô thượng tâm.

(經)復有八世界，微塵數眾生，聞佛說壽命，皆發無上心。

(Kinh: Lại có tám thế giới, vì trần số chúng sanh, nghe Phật nói thọ mạng, đều phát vô thượng tâm).

Phân thứ hai, “trùng tụng các công đức do Như Lai phân biệt” đã xong.

17.2.3. Trùng tụng tướng lành biểu thị lợi ích viên mãn

(Kinh) Thế Tôn thuyết vô lượng, bất khả tư nghị pháp, đa hữu sở nhiều ích, như hư không vô biên. Vũ thiên Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Đà La. Thích, Phạm như hằng sa, vô số Phật độ lai, vũ Chiên Đàn, trầm thủy, tân phân nhi loạn trụ, như điều phi không hạ, cúng tán ư chư Phật.

(經)世尊說無量，不可思議法，多有所饒益，如虛空無邊。雨天曼陀羅，摩訶曼陀羅，釋梵如恆沙，無數佛土來，雨栴檀沉水，繽紛而亂墜，如鳥飛空下，供散於諸 佛

。

(Kinh: Thế Tôn thuyết vô lượng, pháp chẳng thể nghĩ bàn, có nhiều điều lợi ích, như hư không vô biên. Mưa Mạn Đà La trời, Ma Ha Mạn Đà La. Thích, Phạm như hằng sa, từ vô số cõi Phật, tuôn Chiên Đàn, trầm thủy, phát phối rơi tán loạn, như chim đang đáp xuống, cúng tán lên chư Phật).

Đây là trùng tụng hai điệp lành mưa hoa và mưa hương, đều là rải cúng dường chư Phật. Thêm vào hai câu “Thích, Phạm” để biểu thị các căn cơ trọn khắp mười phương.

(Kinh) Thiên cổ hư không trung, tự nhiên xuất diệu thanh. Thiên y thiên vạn chủng, toàn chuyển nhi lai hạ.

(經)天鼓虛空中，自然出妙聲。天衣千萬種，旋轉而來下。

(Kinh: Trống trời trong hư không, tự nhiên vang tiếng diệu. Ngân vạn loại áo trời, xoay tròn rồi rơi xuống).

Đây là trùng tụng hai điệp lành trống trời và áo trời, lược đi chẳng trùng tụng anh lạc. Đối với áo trời, có thêm chữ Vạn, nhằm hiển lộ ý che phủ rất nhiều.

(Kinh) Chúng bảo diệu hương lô, thiên vô giá chi hương, tự nhiên tất châu biến, cúng dường chư Thế Tôn.

(經)眾寶妙香鑪，燒無價之香，自然悉周徧，供養諸世尊。

(Kinh: Các lò hương báu diệu, đốt loại hương vô giá, tự nhiên đều trọn khắp, cúng dường các Thế Tôn).

Đây là trùng tụng điệp lành “đốt hương cúng dường”. Phần Trường Hàng nói là “đại hội”, nay [kệ tụng] nói là Thế Tôn. Hãy nên biết “đại hội” đều là tam thế Phật.

(Kinh) Kỳ đại Bồ Tát chúng, chấp thất bảo phan cái, cao diệu vạn ức chủng, thứ đệ chí Phạm Thiên. Nhất nhất chư Phật tiền, bảo tràng, huyền thắng phan, diệc dĩ thiên vạn kệ, ca vịnh chư Như Lai.

(經)其大菩薩眾，執七寶幡蓋，高妙萬億種，次第至梵天。一一諸佛前，寶幢懸勝幡，亦以千萬偈，歌詠諸如來。

(Kinh: Các vị đại Bồ Tát, cầm phan lọng bảy báu, cao đẹp vạn ức thứ, lần lượt tới Phạm Thiên. Ở trước mỗi đức Phật, treo tràng báu, phan đẹp, cũng dùng ngàn vạn kệ, ca vịnh các Như Lai).

Đây là trùng tụng điệp lành “phan, lọng, tán thán”.

(Kinh) Như thị chủng chủng sự, tích sở vị tăng hữu. Văn Phật thọ vô lượng, nhất thiết giai hoan hỷ. Phật danh văn thập phương, quảng nhiều ích chúng sanh. Nhất thiết cụ thiện căn, dĩ trợ vô thượng tâm.

(經)如是種種事，昔所未曾有。聞佛壽無量，一切皆歡喜。佛名聞十方，廣饒益眾生。一切具善根，以助無上心」。

(Kinh: Các thứ chuyện như thế, xưa kia chưa từng có. Nghe Phật thọ vô lượng, hết thấy đều hoan hỷ. Phật tiếng rền mười phương, rộng lợi ích chúng sanh. Hết thấy vẹn thiện căn, giúp đỡ tâm vô thượng).

Bài tụng này kết lại các điềm lành biểu thị sự lợi ích viên mãn. Các tướng lành chẳng giống với lẽ thường, cho nên nói là “*tích sở vị tăng hữu*” (xưa kia chưa từng có).

Phần thứ hai, Chánh Thuyết (Chánh Tông Phần) của Bốn Môn đã xong.

Đoạn thứ ba là Lưu Thông. Phẩm này cùng với tất cả mười một phẩm kinh rười trong phần sau đều thuộc về Lưu Thông. Nay xét theo phương diện gần thì ba phẩm rười là phần Lưu Thông của Bốn Môn, có hai ý:

- Một, tứ tín và ngũ phẩm hoàn toàn do nghe nói thọ mạng dài lâu mà khởi nguồn. Hai phẩm Tùy Hỷ Công Đức và Pháp Sư Công Đức chỉ nhằm nói rõ công đức nhân quả thuộc sơ phẩm (phẩm đầu tiên trong ngũ phẩm, tức tùy hỷ). Phẩm Thường Bất Khinh chỉ nhằm dẫn chứng “*phước do tán thán, tội do hủy báng*”. Hãy nên biết ba phẩm rười này chính là để lưu thông Bốn Môn, giống như từ phẩm Pháp Sư cho tới An Lạc Hạnh là phần Lưu Thông của Tích Môn.

- Hai, đã coi phần Biệt Tự trong phẩm Tự thứ nhất là phần Tự của Tích Môn, mà Tích Môn đã có đủ ba đoạn (Tự, Chánh Tông, Lưu Thông), cho nên ba phẩm rười này (tức nửa phần còn lại của phẩm Phân Biệt Công Đức với Tùy Hỷ Công Đức và Pháp Sư Công Đức) chính là phần Lưu Thông của Bốn Môn. [Như vậy thì] Bốn Môn cũng có đủ ba đoạn. Bốn và Tích mỗi môn đều có ba đoạn, được gom thành phần Chánh Thuyết [của toàn thể kinh này]. Dùng năm chuyện thuộc Thông Tự để làm Tự Phần cho cả hai môn (Bốn Môn và Tích Môn). Tám phẩm kể từ Chúc Lụy trở đi là phần Lưu Thông cho cả hai môn, thể cách trọn vẹn, chính đáng, mảy mốt phân minh.

Nay xét theo ba phẩm rười [thuộc Bốn Môn] mà được chia thành ba ý:

- Một phẩm rười nhằm nói rõ công đức của cái nhân thuộc sơ phẩm để khuyên lưu thông.

- Hai, phẩm Pháp Sư Công Đức nhằm nói rõ công đức của cái quả thuộc sơ phẩm hòng khuyên lưu thông.

- Ba, phẩm Thường Bất Khinh dẫn tội phước do tin nhận hay hủy báng làm chứng hòng khuyên lưu thông.

17.3. Nói rõ công đức của cái nhân thuộc sơ phẩm để khuyên lưu thông

17.3.1. Nêu ra tứ tín trong hiện tại

17.3.1.1. Nhất niệm tín giải

17.3.1.1.1. Trường Hàng

17.3.1.1.1.1. Nêu tướng mạo

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - A Dật Đa! Kỳ hữu chúng sanh văn Phật thọ mạng trường viễn như thị, nãi chí năng sanh nhất niệm tín giải.

(經)爾時，佛告彌勒菩薩摩訶薩：「阿逸多！其有眾生聞佛壽命長遠如是，乃至能生一念信解。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - Nay A Dật Đa! Có chúng sanh nghe thọ mạng của Phật dài lâu như thế, tối thiểu là có thể sanh một niệm tin hiểu).

Trong phần trước, đã phân biệt người nghe thọ mạng dài lâu của đức Phật sẽ đạt được lợi ích sâu rộng. Người chưa nhập Sơ Trụ, ngộ Vô Sanh Nhân. Người đã chứng nhập Sơ Trụ, sẽ tăng trưởng trí huệ, tổn giảm nghiệp cấu sanh tử, địa vị gần với bậc cực thánh. Người chưa phát tâm, sẽ phát tâm vô thượng, dự vào hàng Thập Tín. Những người ấy đều đã gieo chủng tử sâu đậm trong đời trước, nay [chủng tử] chín muồi, được độ thoát. Hai địa vị Vô Sanh và Phát Tâm hoàn toàn thuộc vào bậc đương cơ. “*Tăng trưởng trí huệ, tổn giảm Biến Dịch sanh tử*” chung cho cả ba chúng Ảnh Hưởng, Phát Khởi và Đương Cơ. Vì thế, thuộc vào phần Thọ Ký của đoạn Chánh Thuyết. Nay khởi đầu phần Lưu Thông, xét theo người mới kết duyên. Người chưa dự vào Thập Tín, hoặc do được nghe đại lược trong hội này, hoặc từ các vị Bồ Tát trong hiện tại mà lần lượt được nghe, [tức là] nghe thọ mạng của đức Phật dài lâu như thế, dẫu thời gian nghe rất ngắn ngủi, mà cũng chẳng nghe được nhiều, cho nên nói “*nãi chí năng sanh nhất niệm tín giải*” (tối thiểu có thể sanh một niệm tin hiểu). Nói tốt bậc, do thời gian [được nghe] ngắn ngủi, [cho nên] đạt được lợi ích nông cạn. “*Nhất niệm*” chính là một niệm tâm nhỏ bé trong hiện tiền. “*Tín giải*” là tin vào Lý được chứng bởi đức Phật nơi Bồn Địa, [Lý ấy] chính là diệu lý pháp giới. Lý ấy chẳng phải Thật, chẳng phải Quyền, mà có thể là Thật, có thể là Quyền. Tự hành ngẫm khế hợp Lý thì gọi là Thật. Các thứ phương tiện hóa độ người khác thì gọi là Quyền. Lý ấy chẳng phải Bồn, chẳng phải Tích, mà có thể là Bồn, có thể là Tích. Thoạt đầu, chứng Thể và Dụng của Quyền và Thật thì gọi

là Bốn. Sau khi đã chứng, thực hiện Thể và Dụng của Quyền Thật thì gọi là Tích. Lại còn tin hiểu lý ấy chính là lý được chứng đã lâu bởi đức Thích Ca, đó cũng là chỗ chúng sanh mê muội đã lâu, mà đây cũng là chỗ cùng tròn đủ của một niệm nhỏ bé trong hiện tiền. Vì thế nói: *“Nhu tâm, Phật diệt nhĩ. Như Phật, chúng sanh nhiên. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt”* (Giống như tâm, Phật cũng thế. Giống như Phật, chúng sanh cũng thế. Tâm, Phật và chúng sanh, ba điều ấy chẳng sai biệt).

Thuận theo chỗ được nghe như thế, bỗng dưng sáng tỏ; thuận theo lời nói mà nhập, chẳng bị vướng mắc, tin *“hết thấy các pháp đều là Phật pháp”* (ngay nơi Quyền chính là Thật, đó là Chân chẳng thể nghĩ bàn). Lại tin *“Phật pháp chẳng cách biệt hết thấy các pháp”* (ngay nơi Thật mà chính là Quyền, tức là Tục chẳng thể nghĩ bàn). Chẳng đạt được Phật pháp, chẳng đạt được hết thấy các pháp (đó là *“song giá”*, tức cùng ngăn che đôi bên), mà thấy hết thấy các pháp, cũng thấy Phật pháp (song chiếu cả hai câu ấy, đó chính là Trung chẳng thể nghĩ bàn). Tuy một mà chính là ba (nêu ra bất cứ một Đế nào, đều tròn đủ Tam Đế), tuy ba mà là một (tuy chia thành Tam Đế, chỉ là nhất tâm), cũng là hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo (chín pháp giới chẳng phải là đạo, thuận là tác dụng của diệu đạo thuộc Phật pháp giới, [đó là] giải thích câu *“hết thấy các pháp đều là Phật pháp”* trên đây). Hành nơi Phật đạo mà thông đạt hết thấy các đạo (giải thích câu *“Phật pháp chẳng ngăn cách hết thấy các pháp”* trên đây). Chẳng đạt được Phật đạo, chẳng đạt được hết thấy các đạo (giải thích về *“song giá”*, tức là phủ định cả hai bên), mà thông đạt hết thấy Phật đạo và hết thấy các đạo (song chiếu). Vô sở hữu mà có (Tam Đế đều có); tuy có mà vô sở hữu (Tam Đế đều là Không), chẳng phải là sở hữu, chẳng phải là vô sở hữu (Tam Đế đều chẳng phải có, chẳng phải không), giống như đường trước cửa thông đạt hết thấy Đông, Tây, Nam, Bắc, chẳng bị ngăn ngại. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hễ có đối tượng [để nhận biết] thì đều là như thế (bản thể của lục trần là pháp giới, dù xưa hay nay, không gì chẳng phải là Tam Đế viên diệu). Chẳng nghi là Tín, hiểu rõ là Giải, tức là cái tâm nhất niệm tín giải vậy (trên đây là xét theo chuyện nghe pháp mà tín giải, tức là *“tín hạnh”*). Nếu ngòai tư duy, thuận theo điều được tư duy mà rỗng rang khai ngộ, thông đạt Tam Đế, cũng giống như thế (lại dựa theo tư duy mà sanh một niệm tín giải, tức là *“pháp hạnh”*). Tín giải như thế chính là Sơ Tâm

trong Thập Tín, chưa đạt được sáu căn thanh tịnh, chưa nhập chánh vị Thiết Luân⁴¹.

17.3.1.1.1.2. Nói rõ công đức

17.3.1.1.1.2.1. Tổng luận vô lượng

(Kinh) Sở đắc công đức, vô hữu hạn lượng.

(經)所得功德，無有限量。

(Kinh: Đạt được công đức chẳng có hạn lượng).

17.3.1.1.1.2.2. Suy lường hồng hiển thị [công đức] rất nhiều

17.3.1.1.1.2.2.1. Nêu ra Ngũ Độ để suy lường Bốn

(Kinh) Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố, ư bát thập vạn ức na-do-tha kiếp hành ngũ Ba La Mật, Đàn Ba La Mật, Thi La Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiển Ba La Mật, trừ Bát Nhã Ba La Mật.

(經)若有善男子，善女人，為阿耨多羅三藐三菩提故，於八十萬億那由他劫行五波羅蜜、檀波羅蜜、尸羅波羅蜜、羼提波羅蜜、毗梨耶波羅蜜、禪波羅蜜，除般若波羅蜜。

⁴¹ Ở đây, Thiết Luân là một địa vị của Viên Giáo Bồ Tát theo giáo nghĩa tông Thiên Thai. Tức là theo tông Thiên Thai, các địa vị chứng đắc được chia thành Thiết Luân, Đồng Luân, Ngân Luân, Kim Luân, Lưu Ly Luân, và Ma Ni Luân. Tổ Thiên Thai (Trí Giả đại sư) đã dựa theo giáo nghĩa của kinh Bồ Tát Anh Lạc Bồ Nhiếp để lập ra sáu luân. Phẩm Hiền Thánh Học Quán của kinh ấy đã đem quả báo hiền thánh phối ứng với các danh hiệu của Luân Vương mà lập ra Đồng Bảo Anh Lạc, Ngân Bảo Anh Lạc, Kim Bảo Anh Lạc v.v... nhằm phối ứng với các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, gọi chung là Lục Luân Đối Vị. Ngài Thiên Thai đã dùng ý ấy để lập ra Lục Luân, coi Thiết Luân là địa vị Thập Tín, lược bỏ địa vị Thủy Tinh Anh Lạc (tương ứng với Diệu Giác). “Luân” có nghĩa là vận chuyển và nghiền nát. Nói đơn giản, Thiết Luân là địa vị Thập Tín, Đồng Luân là địa vị Thập Trụ, Ngân Luân là địa vị Thập Hạnh, Kim Luân là địa vị Thập Hồi Hướng, Lưu Ly Luân tức địa vị Thập Địa, Ma Ni Luân tức địa vị Đẳng Giác. Những điều trên đây được chép trong bộ Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết.

(Kinh: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà trong tám mươi vạn ức na-do-tha kiếp hành năm Ba La Mật, tức Đàn Ba La Mật (Dāna-pāramitā, Bố Thí Độ), Trì Ba La Mật (Śīla-pāramitā, Giới Độ), Sạn Đề Ba La Mật (Kṣānti-pāramitā, Nhẫn Độ), Tỳ Lê Da Ba La Mật (Vīrya-pāramitā, Tinh Tấn Độ), và Thiền Ba La Mật (Dhyāna-pāramitā, Thiền Độ), ngoại trừ Bát Nhã Ba La Mật).

Bát Nhã (Prajñā) tức là chánh huệ trong hiện thời, vì thế nói “ngoại trừ Bát Nhã”.

Hỏi: - Đã lia Bát Nhã thì năm Độ trước chẳng nên gọi là Ba La Mật!

Đáp: - Xét theo người thuộc Biệt Giáo, vì cầu Vô Thượng Bồ Đề đều trọn hết năm độ ấy thì cũng được gọi là Độ (Ba La Mật), do trong Biệt Giáo, sau khi đã viên mãn tâm Thập Hồi Hướng thì được gọi là “giả biên tế”.

Hỏi: - Biệt Giáo cũng có Bát Nhã theo thứ tự, so ra vẫn tương đồng, có sao lại loại ra?

Đáp: - Theo chiều dọc, chẳng luận Không và Giả Bát Nhã, có thể coi là tương đồng. Nhưng đã chứng Trung thì sẽ chẳng khác, gọi là Thể bình đẳng. Vì thế, cần phải loại trừ.

17.3.1.1.1.2.2.2. Phán định công đức tín giải rất nhiều

(Kinh) Dĩ thị (ngũ độ) công đức, tỷ tiền (nhất niệm tín giải) công đức, bách phần, thiên phần, bách thiên vạn ức phần, bất cập kỳ nhất, nãi chí toán số, thí dụ sở bất năng tri.

(經)以是(五度)功德,比前(一念信解)功德,百分,千分,百千萬億分,不及其一,乃至算數,譬喻所不能知。

(Kinh: Đem công đức của (Ngũ Độ) ấy so với công đức (của một niệm tín giải) trên đây, thì trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, [công đức tu trì Ngũ Độ] chẳng thể bằng một phần [của công đức nhất niệm tín giải], cho đến dùng toán số, thí dụ [để suy lường], đều chẳng thể biết được).

17.3.1.1.1.3. Chỉ ra Vị và Hạnh Bất Thoái

(Kinh) Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân hữu như thị công đức, ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thoái giả, vô hữu thị xứ.

(經)若善男子，善女人有如是功德，於阿耨多羅三藐三菩提退者，無有是處」。

(Kinh: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có công đức như thế mà thoái thất Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì chẳng có lẽ ấy).

Trong Biệt Giáo, Lục Tâm còn thoái thất, Thất Tâm bất thoái. Nay Sơ Tâm trong Viên Giáo đã bất thoái, do công đức của việc nghe thọ lượng giúp sức từ bên ngoài, sẽ thuận theo mà tín giải trọn vẹn, [được công đức] từ bên trong huân tập, cho nên bất thoái.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

17.3.1.1.2. Kệ Tụng

17.3.1.1.2.1. Trùng tụng công đức

17.3.1.1.2.1.1. Trùng tụng sự suy lường để hiển thị công đức rất nhiều

17.3.1.1.2.1.1.1. Trùng tụng “nêu ra ngũ Độ để suy lường Bốn”

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược nhân cầu Phật huệ, ư bát thập vạn ức, na-do-tha kiếp số, hành ngũ Ba La Mật. Ư thị chư kiếp trung, bố thí, cúng dường Phật, cập Duyên Giác đệ tử, tịnh chư Bồ Tát chúng. Trân di chí ẩm thực, thượng phục dữ ngọa cụ, Chiên Đàn lập tinh xá, dĩ viên lâm trang nghiêm. Như thị đẳng bố thí, chủng chủng giai vi diệu. Tận thử chư kiếp số, dĩ hồi hướng Phật đạo. Nhược phục trì cấm giới, thanh tịnh vô khuyết lậu, cầu ư vô thượng đạo, chư Phật chỉ sở thán. Nhược phục hành nhẫn nhục, trụ ư điều nhu địa. Thiết chúng ác lai gia, kỳ tâm bất khuynh động. Chư hữu đắc pháp giả, hoài ư tăng thượng mạn, vị tư sở khinh não, như thị diệc năng nhẫn. Nhược phục cần tinh tấn, chí niệm thường kiên cố. Ư vô lượng ức kiếp, nhất tâm bất giải tức. Hựu ư vô số kiếp, trụ ư không nhàn xứ, nhược tọa, nhược kinh hành, trừ thụy, thường nhiếp tâm. Dĩ thị nhân duyên cố, năng sanh chư Thiền Định, bát thập ức vạn kiếp, an trụ tâm bất loạn. Trì thử nhất tâm phước, nguyện cầu vô thượng đạo. Ngã đắc Nhất

Thiết Trí, tận chư Thiền Định trí. Thị nhân u bách thiên, vạn ức kiếp số trung, hành thử chư công đức, như thượng chi sở thuyết.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若人求佛慧，於八十萬億，那由他劫數，行五波羅蜜。於是諸劫中，佈施供養佛，及緣覺弟子，并諸菩薩眾。珍異之飲食，上服與臥具，栴檀立精舍，以園林莊嚴。如是等佈施，種種皆微妙。盡此諸劫數，以迴向佛道。若復持禁戒，清淨無缺漏，求於無上道，諸佛之所歎。若復行忍辱，住於調柔地。設眾惡來加，其心不傾動。諸有得法者，懷於增上慢，為斯所輕惱，如是亦能忍。若復勤精進，志念常堅固。於無量億劫，一心不懈息。又於無數劫，住於空閑處，若坐若經行，除睡常攝心。以是因緣故，能生諸禪定，八十億萬劫，安住心不亂。持此一心福，願求無上道。我得一切智，盡諸禪定智。是人於百千，萬億劫數中，行此諸功德，如上之所說。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu người cầu Phật huệ, trong tám mươi vạn ức, na-do-tha kiếp số, hành năm Ba La Mật. Ở trong các kiếp đó, bố thí cúng dường Phật, và đệ tử Duyên Giác, cùng các vị Bồ Tát. Các thức ăn quý lạ, áo đẹp, đồ trải nằm, tinh xá bằng Chiên Đàn, dùng vườn rừng trang nghiêm. Bố thí như thế đó, các thứ đều vì diệu. Trọn hết các kiếp số, để hồi hướng Phật đạo. Nếu lại giữ giới cấm, thanh tịnh, chẳng thiếu sót, cầu nơi đạo vô thượng, được chư Phật khen ngợi. Nếu lại hành nhẫn nhục, trụ địa vị điều nhu. Nếu các ác đưa đến, tâm chẳng bị khuynh động. Những kẻ đã hiểu pháp, ôm lòng tăng thượng mạn. Bị bọn họ khinh nhạo, như thế vẫn nhẫn được. Nếu lại siêng tinh tấn, chí niệm thường kiên cố. Trong vô lượng ức kiếp, nhất tâm chẳng lười nghỉ. Lại trong vô số kiếp, trụ trong chỗ thanh vắng, dù ngồi hay kinh hành, trừ ngủ, thường nhiếp tâm. Do bởi nhân duyên ấy, hay sanh các Thiền Định,

tám mươi ức vạn kiếp, an trụ tâm chẳng loạn. Phước do trì nhất tâm, nguyện cầu đạo vô thượng. Ta đăc Nhất Thiết Trí, trọn các trí Thiền Định. Người ấy trong trăm ngàn, muôn ức kiếp số đó, hành các công đức ấy, như trên đây đã nói).

17.3.1.1.2.1.2. Trùng tụng suy lường công đức tín giải rất nhiều

(Kinh) Hữu thiện nam nữ đăng, văn ngã thuyết thọ mạng, nãi chí nhất niệm tín, kỳ phước quá u bỉ.

(經)有善男女等，聞我說壽命，乃至一念信，其福過於彼。

(Kinh: Có các thiện nam nữ, nghe ta nói thọ mạng, dẫu chỉ một niệm tin, phước này hơn phước trước).

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện so lường nhằm hiển thị công đức rất nhiều” đã xong.

17.3.1.1.2.1.2. Trùng tụng tổng luận vô lượng

(Kinh) Nhược nhân tất vô hữu, nhất thiết chư nghi hối, thâm tâm tu du tín, kỳ phước vi như thử.

(經)若人悉無有，一切諸疑悔，深心須臾信，其福為如此。

(Kinh: Nếu người đều chẳng có, hết thảy các nghi hối, thâm tâm tin chốc lát, phước ấy như thế đó).

“Tu du” tức là một niệm.

Phần thứ nhất, “trùng tụng công đức” đã xong.

17.3.1.1.2.2. Trùng tụng Vị Hạnh Bất Thoái

17.3.1.1.2.2.1. Nói rõ “chẳng dễ tín giải”

(Kinh) Kỳ hữu chư Bồ Tát, vô lượng kiếp hành đạo, văn ngã thuyết thọ mạng, thị tắc năng tín thọ.

(經)其有諸菩薩，無量劫行道，聞我說壽命，是則能信受。

(Kinh: Nếu có các Bồ Tát, hành đạo vô lượng kiếp, nghe ta nói thọ mạng, bèn có thể tin nhận).

“Kỳ hữu chư Bồ Tát” (Có các Bồ Tát): Nói đến các vị độn căn Bồ Tát, hành đạo trải qua vô lượng kiếp, thiện căn thuần thực thì mới có thể tin nhận. Nếu căn cơ chưa chín muồi, Phật sẽ chẳng vì kẻ đó nói. Dầu có được nghe, kẻ đó ắt ngờ vực. Vì thế, tín giải đúng là chẳng dễ. Nay nếu là bậc lợi căn, vừa nghe liền có thể sanh một niệm tín giải, liền có thể bằng với các Bồ Tát khổ hạnh đã lâu, lại còn vượt hơn họ!

17.3.1.1.2.2.2. Đã tín giải, ắt sẽ phát nguyện, cho nên đắc bất thoái

(Kinh) Như thị chi nhân đẳng, đánh thọ⁴² thử kinh điển: “Nguyện ngã vị lai, trường thọ độ chúng sanh, như kim nhật Thế Tôn, chư Thích trung chi vương, đạo tràng sư tử hống, thuyết pháp vô sở úy. Ngã đẳng vị lai thế, nhất thiết sở tôn kính, tọa u đạo tràng thời, thuyết thọ diệc như thị”.

(經)如是之人等，頂受此經典：「願我於未來，長壽度眾生，如今日世尊，諸釋中之王，道場師子吼，說法無所畏。我等未來世，一切所尊敬，坐於道場時，說壽亦是」。

(Kinh: Những người như thế đó, cung kính nhận kinh này: - Nguyện con trong vị lai, trường thọ độ chúng sanh, như Thế Tôn ngày nay, là vua trong họ Thích, đạo tràng sư tử rống, thuyết pháp chẳng sợ hãi. Chúng con trong mai sau, được hết thảy tôn kính, lúc ngồi nơi đạo tràng, nói thọ mạng cũng thế).

⁴² Hiểu theo nghĩa đen, “đánh thọ” có thể hiểu theo hai nghĩa: Đánh lễ thọ trì, hoặc trân trọng giống như đặt trên đầu mà tiếp nhận. Như vậy “đánh thọ” có nghĩa là tiếp nhận hết sức cung kính, trân trọng vâng giữ.

“*Như thị chi nhân đẳng*” (Những người như thế) chỉ cả hai hạng người lợi căn lẫn độn căn. Hễ nghe rồi tín giải, ắt sẽ cung kính tiếp nhận, phát nguyện, cho nên chắc chắn bất thoái.

Hỏi: - Người mới thành đạo gần đây thì chẳng thể nói lâu dài như thế, sao lại đều nói là “cũng như thế”?

Đáp: - Nói “như thế” nghĩa nói là đến trường thọ. Nếu đạt được trường thọ, sẽ tột cùng đời vị lai, ắt sẽ vượt hơn số đó, chẳng phải chỉ là như thế! Nay [nói] từ lúc thật sự thành đạo trở đi, cho nên nêu ra số kiếp nhiều như vi trần.

Phần thứ hai, “trùng tụng Vị Hạnh Bất Thoái” đã xong.

17.3.1.1.2.3. Trùng tụng tướng mạo

(Kinh) Nhược hữu thâm tâm giả, thanh tịnh nhi chất trực, đa văn năng tổng trì, tùy nghĩa giải Phật ngữ. Như thị chi nhân đẳng, ư thử vô hữu nghi.

(經)若有深心者，清淨而質直，多聞能總持，隨義解佛語。如是之人等，於此無有疑。

(Kinh: Nếu ai có thâm tâm, thanh tịnh, lại chất trực, đa văn, hay tổng trì, hiểu nghĩa lời Phật dạy. Những người như thế đó, chẳng nghi ngờ chuyện này).

Phần Trường Hàng nói thẳng thừng “*nãi chí năng sanh nhất niệm tín giải*” (dẫu chỉ có thể sanh một niệm tin hiểu) rồi so sánh nêu rõ công đức. Phần này chánh thức giải thích tướng mạo, hòng tỏ rõ “khó đạt được một niệm tín giải”. Nếu muốn đối với chuyện Phật thọ dài lâu này mà chẳng nghi, bất luận tu lâu hay mới tu, đều cần phải có thâm tâm. Lại còn phải thanh tịnh, chất trực. Lại còn phải đa văn, tổng trì, có thể hiểu theo nghĩa, chẳng thuận theo văn tự (tức là thấu hiểu nghĩa lý ẩn tàng trong giáo pháp, chẳng chấp trước văn tự). Có đủ ba pháp ấy thì mới có thể một niệm tín giải, như thế thì một niệm tín giải há dễ dàng ư? Tín giải đã chẳng dễ dàng, cho nên công đức chẳng thể không nhiều.

“*Thâm tâm*” là cái tâm “*thượng cầu, hạ hóa*” (trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh), biết rõ tâm, Phật, và chúng sanh về lý vốn chẳng hai. Nương vào đó, dấy khởi Vô Tác Tứ Hoằng Thệ. Vì thế, gọi là “*thâm tâm*”, tức “Như Lai thất” (nhà Như Lai). Thanh tịnh, chất trực,

tức là chẳng bị ngũ trụ ô nhiễm, chánh niệm Chân Như, tức “áo của Như Lai”. Đa văn và có thể tổng trì, thuận theo nghĩa mà hiểu lời Phật dạy, tức là thuận theo điều được nghe bèn có thể tổng trì hết thấy các pháp, trì hết thấy các nghĩa, sẽ có thể hiểu những lời Như Lai đã nói là “tùy theo tình” (tức là thuận theo tình kiến chấp trước của chúng sanh để nói) hay “tùy theo trí”. Vì thế, tuy nghe ít mà hiểu nhiều nghĩa, cũng gọi là “đa văn”, tức “Như Lai tòa”. Có ba pháp quán hạnh ấy, bèn có thể tin hiểu rốt ráo ba pháp. Đã tin lý rốt ráo của ba pháp, bèn cũng có thể chẳng ngờ đối với tất cả các chuyện thuộc Bốn Tích trong địa vị rốt ráo.

Phần thứ nhất, “một niệm tín giải” đã xong.

17.3.1.2. Thấu hiểu ý thú trong ngôn từ

(Kinh) Hựu A Dật Đa! Nhược hữu văn Phật thọ mạng trường viễn, giải kỳ ngôn thú, thị nhân sở đắc công đức vô hữu hạn lượng, năng khởi Như Lai vô thượng chi huệ.

(經)又阿逸多！若有聞佛壽命長遠，解其言趣，是人所得功德無有限量，能起如來無上之慧。

(Kinh: Lại này A Dật Đa! Nếu có người nghe nói thọ mạng dài lâu của đức Phật, thấu hiểu ý thú trong ngôn từ, người ấy đạt được công đức chẳng có hạn lượng, có thể dậy lên trí huệ vô thượng của Như Lai).

Một niệm tín giải trước đó như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Ở đây là hiểu ý thú trong ngôn từ, sẽ có thể nêu đại lược [ý nghĩa] tương tự cho người khác. Vì vậy, có thể phát khởi trí huệ vô thượng cho cả mình lẫn người.

17.3.1.3. Nghe rồi gìn giữ, cúng dường

(Kinh) Hà hướng quảng văn thị kinh. Nhược giáo nhân văn, nhược tự trì, nhược giáo nhân trì, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư, nhược dĩ hoa, hương, anh lạc, tràng phan, tăng cái, hương du, tô đăng cúng dường kinh quyển, thị nhân công đức vô lượng, vô biên, năng sanh Nhất Thiết Chứng Trí.

(經)何況廣聞是經。若教人間，若自持，若教人持，若自書，若教人書，若以華，香，瓔珞，幢幡，繒蓋，香油，蘇燈供養經卷，是人功德無量無邊，能生一切種智。

(Kinh: Huống hồ nghe rộng kinh này. Hoặc dạy người khác nghe, hoặc tự trì, hoặc dạy người khác trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người khác chép, hoặc dùng hoa, hương, anh lạc, tràng, phan, lọng lụa, đèn dầu thơm, dầu tô để cúng dường kinh quyển⁴³, người ấy công đức vô lượng, vô biên, có thể sanh Nhất Thiết Chung Trí).

Rộng nghe, rộng trì, rộng viết, rộng tu cúng dường, công đức tự hành và hóa độ người khác sẽ giúp đỡ bên ngoài, khiến cho [người ấy] nhanh chóng nhập nội trí. Vì thế, có thể sanh ra Nhất Thiết Chung Trí.

17.3.1.4. Tin sâu, quán thành tựu

(Kinh) A Dật Đa! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân văn ngã thuyết thọ mạng trường viễn, thâm tâm tín giải, tắc vì kiến Phật thường tại Kỳ Xà Quật sơn, cộng đại Bồ Tát, chư Thanh Văn chúng vì nhiều thuyết pháp. Hựu kiến thử Sa Bà thế giới, kỳ địa lưu ly thân nhiên, bình chánh, Diêm Phù Đà kim dĩ giới bát đạo, bảo thụ hàng liệt. Chư đài, lâu quán, giai tất bảo thành. Kỳ Bồ Tát chúng hàm xử kỳ trung. Nhược hữu năng như thị quán giả, đương tri thị vì thâm tín giải tướng.

(經)阿逸多！若善男子，善女人聞我說壽命長遠，深心信解，則為見佛常在耆闍崛山，共大菩薩，諸聲聞眾圍遶說法。又見此娑婆世界，其地琉璃坦然，平正，閻浮檀金以界八道，寶樹行列。諸臺，樓觀，皆悉寶成。其菩薩眾咸處其中。若有能如是觀者，當知是為深信解相。

⁴³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Kinh quyển là nói đến hết thầy các kinh điển do đức Phật đã nói. Cúng dường kinh quyển phải hiểu là theo đúng lời dạy mà tu hành, hoàn toàn chẳng phải là coi kinh điển như thứ để thờ phụng, chỉ dùng hoa, hương để cúng dường mà thôi!”

(Kinh: Này A Dật Đa! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe ta nói thọ mạng dài lâu, thâm tâm tin hiểu, tức là thấy Phật thường ở núi Kỳ Xà Quật, cùng với các đại Bồ Tát, các vị Thanh Văn vây quanh thuyết pháp. Lại thấy thế giới Sa Bà này, đất bằng lưu ly phẳng phiu, ngay ngắn, dùng vàng Diêm Phù Đà để phân ranh đường thông tám phương, cây báu bày hàng. Các đài, lầu gác đều do chất báu tạo thành. Các vị Bồ Tát ấy đều ở trong đó. Nếu có ai có thể quán như thế, hãy nên biết đó là tướng tín giải sâu đậm).

“Thấy đức Phật thường ở Linh Sơn cùng các vị đại Bồ Tát, các vị Thanh Văn thuyết pháp” chính là tướng trạng của cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lại thấy đất Sa Bà bằng lưu ly, cho đến [trông thấy] Bồ Tát đều ở trong ấy; đó là tướng trạng của cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Lý có tướng ấy. Nay nương theo Lý đề tu Quán; vì thế, quán thành tựu sẽ liền có thể thấy tướng. Lại nữa, thấy tướng ấy, tuy chưa thật sự chứng, nhưng do quán lực, sẽ tạm thấy hai cõi. Nếu diệt được một phần Tam Hoặc thì mới là vĩnh viễn tương ứng. Trong cõi Hữu Dư có Thanh Văn, chính là Nhị Thừa thuộc Tạng Giáo và Thông Giáo đã đoạn Thông Hoặc, xuất sanh trong đó, nhưng vốn chỉ là danh tự (gọi phân biệt như vậy). Trong cõi Thật Báo, thuần là các Bồ Tát, cũng là Tha Thọ Dụng. Nhưng nương vào phép Quán này, sẽ dần dần thâm nhập, dần dần thành tựu. Nhập Sơ Trụ của Viên Giáo, sẽ tùy ý thấy trọn khắp, ứng dụng không ngăn ngại.

Hỏi: - Xứng Lý tu Quán, chỉ quán nhất niệm diệu lý là đủ rồi, cần gì phải dựa theo cõi nước để nói rõ tướng tín giải sâu đậm?

Đáp: - Sơ tâm trong Tạng Giáo và Thông Giáo đều diệt Âm, Nhập, huông hồ có thể thấy cõi nước. Sơ tâm trong Biệt Giáo cũng đã phá Âm, hậu tâm bèn thấy cõi nước để vãng⁴⁴. Chỉ có Viên Giáo là quán nhất niệm tam thiên, Tam Đế trọn đủ, tức là “một tâm chính là hết thấy các tâm, một thân là hết thấy các thân, một cõi là hết thấy các cõi”. Trong một niệm cùng quán “thân, tâm, cõi nước” dù Không, Giả, hay Trung, đều chẳng có trước sau. Vì thế, khi Quán thành tựu, một tâm thấy hết thấy các tâm, một thân thấy hết thấy các thân, một cõi thấy hết thấy các cõi, do hiện trong thân của mười phương chư Phật, cho nên trong

⁴⁴ Đế vãng là cái lưới của Đế Thích. Trong mỗi mắt lưới có một viên châu, mỗi viên châu sẽ phản chiếu ánh sáng của các viên châu khác, hiện bóng trong các viên châu khác, trùng trùng vô tận. Vì thế, cõi Đế Vãng chỉ có nghĩa là cõi nước trùng trùng vô tận, Sự Sự vô ngại.

Thường Tịch Quang nơi tự tâm, thấy trọn khắp mười phương hết thấy các thân và cõi. Nếu chỉ quán tâm mà chẳng quán trọn khắp, có khác gì Quyền Thừa? Nếu chỉ quán cõi của đức Tỳ Lô Giá Na, ắt sẽ mê cảnh của chính mình. Nếu hiểu rõ tâm và cảnh, tự sẽ chính là tha, tha chính là tự. Quán cõi nước đã là như thế, [quán] “thân, tâm, Phật” cũng thế. Vì vậy, nghe nói trường thọ, cần phải liễu giải tông chỉ. Do đó, nghe trường thọ trong Bồn Môn có lợi ích gấp bội các kinh khác. Ấy là do điều được nghe khác hẳn lẽ thường.

Phần thứ nhất, “nói về tứ tín trong hiện tại” đã xong.

17.3.2. Ngũ phẩm sau khi đức Phật đã diệt độ

Chia thành hai phần:

- Một, liệt kê [danh tướng] ngũ phẩm, so lường đại lược công đức của bốn phẩm sau [trong ngũ phẩm].

- Hai, phẩm Tùy Hỷ Công Đức sẽ so lường cận kề công đức của phẩm đầu (tức tùy hỷ).

Đã so lường cận kề xong, nhờ vào đó để suy ra các điều thù thắng, ngõ hầu [người nghe] có thể tự lãnh hội ý nghĩa, đức Phật chẳng tốn công nói nhiều, khéo nói dường ấy!

17.3.2.1. Liệt kê năm phẩm

17.3.2.1.1. Trường Hàng

17.3.2.1.1.1. Trực tiếp đẩy lên tâm tùy hỷ

(Kinh) Hựu, phục Như Lai diệt hậu, nhược văn thị kinh nhi bất hỷ tư, khởi tùy hỷ tâm, đương tri dĩ vi thâm tín giải tướng.

(經)又，復如來滅後，若聞是經而不毀訾，起隨喜心，當知己為深信解相。

(Kinh: Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu nghe kinh này mà chẳng hỷ báng, chê gièm, dấy lòng tùy hỷ, hãy biết đó đã là tướng tín giải sâu đậm).

Phẩm đầu tiên chỉ nêu ra “người” (tức đối tượng để biện định công đức) mà thôi, phần suy lường sẽ được nói trong phẩm sau.

17.3.2.1.1.2. Kể thêm thọ trì, đọc tụng

17.3.2.1.1.2.1. *Nêu tướng người (đối tượng thực hiện hành vi thọ trì và đọc tụng)*

(Kinh) Hà hướng đọc tụng, thọ trì chi giả.

(經)何況讀誦，受持之者。

(Kinh: Hướng hồ người đọc tụng, thọ trì).

17.3.2.1.1.2.2. *Số lường công đức*

(Kinh) Tư nhân tắc vi đánh đối⁴⁵ Như Lai. A Dật Đa! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân bất tu vị ngã phục khởi tháp tự, cập tác tăng phùng, dĩ tứ sự cúng dường chúng tăng. Sở dĩ giả hà? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng thị kinh điển giả, vị dĩ khởi tháp, tạo lập tăng phùng⁴⁶, cúng dường chúng tăng, tắc vị dĩ Phật xá-lợi khởi thất bảo tháp, cao quảng tiệm tiểu chí ư Phạm Thiên, huyền chư phan cái, cập chúng bảo linh, hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, chúng cổ kỹ nhạc, tiêu, địch, không hầu, chủng chủng vũ hý, dĩ diệu âm thanh ca bá, tán tụng, tắc vi ư vô lượng thiên vạn ức kiếp tác thị cúng dường dĩ.

(經)斯人則為頂戴如來。阿逸多！是善男子，善女人不須為我復起塔寺，及作僧坊，以四事供養眾僧。所以者何？是善男子，善女人受持，讀誦是經典者，為已起塔，造立僧坊，供養眾僧，則為以佛舍利起七寶塔，高廣漸小至於梵天，懸諸幡蓋，及眾寶鈴，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，眾鼓伎樂，簫，笛，箏篴，種種舞戲，以妙音聲歌唄，讚頌，則為於無量千萬億劫作是供養已。

(Kinh: Người ấy chính là đầu đội Như Lai. Nay A Dật Đa! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy chẳng cần vì ta dựng tháp, chùa, và xây tăng phùng nữa, hoặc dùng tứ sự để cúng dường chúng tăng. Vì lẽ nào vậy?

⁴⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đánh đối tức là phụng trì (kính vâng gìn giữ). Kinh điển là toàn thân của Như Lai. Phụng trì kinh điển chính là đánh đối Như Lai”.

⁴⁶ “Tăng phùng” chính là tăng xá, là phòng ốc để chư tăng cư trú.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy thọ trì, đọc tụng kinh điển này là đã dựng tháp, tạo lập tăng phước, cúng dường chúng tăng, chính là đã dùng xá-lợi của Phật để dựng tháp bảy báu, cao rộng, nhỏ dần, cao đến Phạm Thiên. Treo các phan, lọng, và các linh báu, hoa, hương, anh lạc, hương bột, hương bôi, hương đốt, tấu các kỹ nhạc, tiêu, sáo, đàn không hầu, các thứ ca vũ, dùng âm thanh màu nhiệm để ca vịnh tán tụng, tức là đã trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp cúng dường như thế rồi).

“Bất tu vị ngã phục khởi tháp tự...” (Chẳng cần vì ta tạo dựng tháp, chùa nữa...): Sợ kẻ sơ tâm bị sự duyên lành nổi khuấy động, trở ngại tu tập chánh nghiệp. “Tắc vi dĩ Phật xá-lợi” (Tức là đã dùng xá-lợi của Phật): Ý nói lý được diễn tả trong kinh này chính toàn thân xá-lợi của Pháp Thân. Kinh văn diễn tả [lý ấy] chẳng khác diệu tháp cao rộng bằng bảy báu. Năng (kinh là chủ thể diễn tả lý ấy) và sở (lý ấy chính là toàn thân xá-lợi của Pháp Thân, được diễn tả bởi kinh này) hòa hợp chẳng hai, cũng là Đệ Nhất Nghĩa Tăng. Vì thế, thẳng thừng chuyên trì kinh này chính là cúng dường rộng lớn. Bỏ Sự tuân theo Lý, lợi ích rộng nhiều. Nếu đạt tới hậu tâm, Lý Quán đã thuần thực, dầu dính lúu bên ngoài, chẳng trở ngại nội quán, Sự sẽ giúp đỡ đạo, như dầu nhiều thì lửa mạnh, thuận dòng, căng buồm, lại thêm chèo chống, thế ắt chuyển dời nhanh chóng.

Hỏi: - Nếu trì kinh tức là dựng tháp, cho đến chính là Đệ Nhất Nghĩa Tăng, chẳng cần dựng tháp, cúng tăng; vậy thì trì kinh cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa giới, chẳng cần trì giới nữa ư?

Đáp: - Trì kinh chính là thuận theo lý giới, tùy ý chẳng phạm tánh tội⁴⁷, và cũng tự tùy ý trì thiên thứ nhất và thiên thứ hai. Đó gọi là “*thừa cấp, giới hoãn*”, chẳng phải là hoàn toàn không có giới. Nếu đạt đến mức “*kiêm hành Lục Độ*” thì năm thiên, bảy tự⁴⁸, tánh nghiệp, giá

⁴⁷ Tánh Tội tức là tội lỗi thuộc về tự tánh. Còn gọi là Tự Tánh Tội, Tánh Trọng, Thật Tội, hàm nghĩa: Bất luận trong hoàn cảnh nào, hề phạm sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, thì đều thuộc về hành vi có tội lỗi nơi bản chất, cho nên gọi là Tánh Tội.

⁴⁸ Ngũ Thiên Thất Tự (hay gọi tắt là Thiên Tự) tức là cách phân loại các giới trong Cụ Túc Giới của tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni. Tùy quan điểm phân loại khác nhau mà Cụ Túc Giới được chia thành năm loại (ngũ thiên) hay bảy loại (thất tự). Do bản chất tế nhị của giới tướng, chúng tôi chỉ nêu danh xưng, không đi sâu vào chi tiết để các vị sơ tâm khỏi tạo khẩu nghiệp do không hiểu kỹ giới tướng, bản chất và dụng ý của các giới bèn tùy tiện phê phán, chỉ trích hàng xuất gia.

Ngũ Thiên là:

ngiệp⁴⁹, thấy đều thanh tịnh, tức là “*thừa và giới đều cấp*”. Lại nữa, phạm là người tu Viên Quán, cần phải tự suy nghĩ lý. Nếu sơ tâm niệm nào cũng thường ở trong bốn thứ tam-muội, ở ngoài hai thiên (tức chẳng phạm Ba La Di và Tăng Già Bà Thi Sa), đối với tất cả tánh tội, có lẽ trái phạm đôi chút. Nếu chưa thể chuyên tâm nơi bốn loại tam-muội, thì đối với năm thiên, bảy tụ, giới Bồ Tát trọng hay khinh, đều chẳng thể vi phạm đôi chút; đấy mới là hợp nhất với ý chỉ chánh yếu của giáo môn trong một đời [đức Phật]. Vì lẽ nào vậy? Xuất gia Bồ Tát giữ vững trọn đủ Tỳ Ni Thiên Tụ, chính là ý nghĩa của giới Đại Thừa. Hết thấy đều là như thế, huống hồ chỉ gìn giữ Thiên Tụ ư? Tám vạn luật nghi theo kinh Phạm Võng còn chưa đủ coi là tướng trì giới! Chỉ vì căn khí trong cõi này kém cõi, đành phải lấy sự kiềm chế nhỏ nhặt hòng thành tựu oai nghi to lớn. Vẫn cần phải hiểu “khai, giá, nặng, nhẹ, chế duyên (duyên do chế định giới luật), tiêm, đốn, có ý nghĩa xả hay không, phân định tội lỗi theo thứ tự, cách sám hối không để tội lỗi cách ngày”⁵⁰. Lại có thất chúng⁵¹ giống nhau hay khác nhau, [hiểu rõ] chỗ giống nhau và khác nhau của giới Đại Thừa và Tiểu Thừa thì mới tự hành. Hãy cân nhắc

1) Ba La Di (Pārājika, dịch nghĩa là Đoạn Đầu): Phạm giới thuộc loại này sẽ không còn tư cách là tăng sĩ, giống như người đã bị đứt đầu không thể sống được nữa.

2) Tăng Già Bà Thi Sa (Saṃghāvasesa, dịch nghĩa là Tăng Tàn): Phạm tội này, tư cách tỳ-kheo bị tàn khuyết, phải đối trước đại chúng tăng sám hối để cầu duy trì giới.

3) Ba Dật Đề (Pāyattika, dịch nghĩa là Đọa): Người phạm các tội ấy sẽ đọa địa ngục.

4) Ba La Đề Đề Xá (Pratidesāniya, dịch nghĩa Hướng Bỏ Hối): Nhẹ hơn loại trên, cần phải đối trước tăng đoàn sám hối.

5) Đột Cát La (Duṣkṛta, dịch nghĩa là Ác Tác), tức các lỗi ác nhẹ do vô tình hay không cẩn thận.

Thất Tụ là ngoài năm loại trên lại có thêm hai loại là Thâu Lan Giá (Sthūlātyaya, dịch nghĩa là Chướng Thiện Đạo) và Ác Thuyết (Durbhāṣita). Kinh Đại Bát Niết Bàn có nêu ra một thí dụ về tội Thâu Lan Giá: Tỳ-kheo thấy tràng hoa cúng Phật đã héo, vứt bỏ đi, tự tiện lấy chỉ khâu hoa để dành mà không thừa với chúng tăng để được chúng tăng cho phép sử dụng, vị tỳ-kheo ấy phạm tội Thâu Lan Giá.

⁴⁹ Tánh nghiệp và giá nghiệp tức là các nghiệp gây tạo nên tánh tội hay giá tội. Giá tội là tội lỗi không thuộc về tánh tội, nhưng có thể dẫn đến các tánh tội, chẳng hạn hành vi uống rượu tuy là giá tội, nhưng xét theo nghiệp thì lại là tánh nghiệp, do người say sưa có thể dẫn đến các hành vi sát, đạo, dâm, vọng.

⁵⁰ Tức là hề phạm lỗi, vừa nhận biết liền sám hối ngay, không chần chừ để đến ngày hôm sau mới sám hối.

⁵¹ Bảy chúng là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, ưu-bà-tắc, và ưu-bà-di.

theo đúng phẩm vị của chính mình để chọn lựa thích đáng thời nghi, đừng hâm mộ bản lãnh to lớn để rồi mê muội đối với sự “mất còn” (còn giữ giới hay không), đừng chấp theo kinh văn Tiểu Thừa để rồi mê mất quán đạo! Nếu hiểu ý trong đoạn kinh văn này, trước hết, hãy nên dùng Lý và Giáo để quyết định; kế đến là kiểm điểm hạnh vị [của chính mình]. Nếu chẳng phải như vậy, sẽ là phường chim kêu, chuột rúc⁵², há luận phẩm vị nữa ư? Kính xin hãy nhận lấy di ngôn của đức Phật, cung kính vâng giữ chút phần!

17.3.2.1.1.3. Cộng thêm dạy bảo người khác

17.3.2.1.1.3.1. Nêu tướng trạng người [thực hiện hạnh dạy người khác]

(Kinh) A Dật Đa! Nhược ngã diệt hậu, văn thị kinh điển, hữu năng thọ trì, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư.

(經)阿逸多！若我滅後，聞是經典，有能受持，若自書，若教人書。

(Kinh: Đây A Dật Đa! Nếu sau khi ta diệt độ, có người nghe kinh điển này, mà có thể thọ trì, hoặc tự mình chép, hoặc bảo người khác chép).

17.3.2.1.1.3.2. So lường công đức

(Kinh) Tắc vi khởi lập tăng phùng, dĩ xích Chiên Đàn tác chư điện đường tam thập hữu nhị, cao bát Đa La thụ, cao quảng nghiêm hảo. Bách thiên tỳ-kheo ư kỳ trung chỉ. Viên lâm, dục trì, kinh hành, thiền quật, y phục, ẩm thực, sàng nhục, thang dược, nhất thiết lạc cụ, sung mãn kỳ trung. Như thị tăng phùng, đường các, nhược can bách

⁵² Tức là thành ngữ “thử tức, điều không” được nhắc đến trong sách A Di Đà Kinh Yếu Giải. Đây là thành ngữ chế giễu kẻ học Phật không hiểu biết, nhưng thích phô trương, nên cứ lặp lại như vẹt, hoặc chỉ thích bàn suông, ăn nói lớn lối, chẳng chân chánh tu hành. Nghe nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật” thì cũng cứ lặp lại “tức tức” giống như tiếng chuột kêu “tức tức” (chữ Tức (即) có âm Quan Thoại là Jí, khá giống với tiếng chuột kêu chít chít), mà chẳng hiểu “tức tức” là gì. Lại nghe nói: “Vạn pháp là không” thì cũng nói: “Không, không” giống như tiếng chim kêu trên không trung, mà chẳng hiểu “không không” là gì.

thiên vạn ức. Kỳ số vô lượng, dĩ thử hiện tiền cúng dường u ngã cập tỳ-kheo tăng. Thị cố, ngã thuyết Như Lai diệt hậu, nhược hữu thọ trì, độc tụng, vị tha nhân thuyết, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư, cúng dường kinh quyển, bất tu phục khởi tháp tự, cập tạo tăng phòng, cúng dường chúng tăng.

(經)則為起立僧坊，以赤梅檀作諸殿堂三十有二，高八多羅樹，高廣嚴好。百千比丘於其中止。園林，浴池，經行，禪窟，衣服，飲食，牀褥，湯藥，一切樂具，充滿其中。如是僧坊，堂閣，若干百千萬億。其數無量，以此現前供養於我及比丘僧。是故，我說如來滅後，若有受持，讀誦，為他人說，若自書，若教人書，供養經卷，不須復起塔寺，及造僧房，供養眾僧。

(Kinh: Tức là tạo dựng tăng phòng. Dùng Chiên Đàn đỏ để cắt các điện đường ba mươi hai chỗ, cao bằng tám cây Đa La (Tāla)⁵³, cao rộng, trang nghiêm đẹp đẽ. Trăm ngàn tỳ-kheo ở trong đó. Vườn rừng, ao tắm, chỗ kinh hành, hang ngồi Thiền, y phục, thức ăn, giường đệm, thuốc men, hết thấy các vật vui sướng đầy ấp trong đó. Tăng phòng, điện gác như thế trăm ngàn vạn ức ngàn ấy, số đến vô lượng, dùng các

⁵³ Đa La là một loại cây thuộc họ Cọ, tên tiếng Anh là Palmyra Palm (tên khoa học là *Borassus Flabellifer*), tức là cây Thốt Nốt trong tiếng Việt (do mô phỏng tên gọi Th'not trong tiếng Khmer). Cây có thể cao đến 30 mét. Cây có trái ăn được. Tại Bangladesh, người ta còn trích lấy nhựa từ trái của loại cây này để nấu với sữa làm thành món ăn ngọt gọi là Taal-kheer (Kheer là tiếng gọi chung các món cháo sữa, có thể thêm quế, hạnh nhân cắt lát mỏng; hoặc đôi khi còn thêm xoài vào), hoặc dùng để chế đường thốt nốt. Lá cây rất to, có hình quạt, có thể rộng đến hơn hai mươi mét, chia thành nhiều phiến nhỏ. Lá cây này thường được lược sơ qua với bột nghệ và muối, rồi đem phơi khô. Sau khi đánh bóng sẽ cắt thành từng miếng hình chữ nhật dài 30 cm, rộng 6 cm để chếp kinh. Kinh chếp bằng cách dùng kim xuyên trên lá, sau đó bôi mực để chữ hiện ra (kinh kiểu này thường được gọi là “bối điệp kinh văn”). Lá cũng được sử dụng làm quạt (đa phần quạt dùng để che mặt khi làm lễ của các sư Nam Tông tại Sri Lanka làm bằng lá cây này) hoặc lợp nhà, đan rổ rá, đệm, nón v.v... Gỗ của cây này có thể sử dụng để xây cất nhà cửa hoặc các vật dụng như bàn, ghế, tủ v.v... Thậm chí, tại Indonesia, rễ cây này được phơi khô để làm kẹo nhai vật gọi là Odiyal.

thứ đó để hiện tiền cúng dường ta và các tỳ-kheo tăng. Vì thế ta nói: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có kẻ thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người khác chép, cúng dường quyển kinh, chẳng cần dựng chùa, tháp và xây tăng phòng, cúng dường chúng tăng nữa).

Trong phần trước, chỉ là chính mình đọc tụng, thọ trì, thì đã là trọn đủ cúng dường Tam Bảo, huống hồ nay lần lượt dạy cho người khác, ắt công đức pháp thí há chẳng phải là sự cúng dường cao tột nhất ư?

17.3.2.1.1.4. Cộng thêm kiêm hành Lục Độ

17.3.2.1.1.4.1. Nêu ra tướng người

(Kinh) Huống phục hữu nhân năng trì thị kinh, kiêm hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí huệ.

(經)況復有人能持是經，兼行佈施，持戒，忍辱，精進，一心，智慧。

(Kinh: Huống hồ lại còn có người có thể trì kinh này, kiêm hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí huệ).

Viên Quán sâu dày, dầu dính dáng Sự, vẫn chẳng trở ngại chánh hạnh. Vì thế, dùng Sự để giúp Lý, gọi là Kiêm Hạnh.

17.3.2.1.1.4.2. So lường công đức

(Kinh) Kỳ đức tối thắng vô lượng, vô biên. Thí như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, tứ duy, thượng, hạ, vô lượng vô biên. Thị nhân công đức diệc phục như thị vô lượng, vô biên, tất chí Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)其德最勝無量，無邊。譬如虛空，東，西，南，北，四維，上，下，無量無邊。是人功德亦復如是無量，無邊，疾至一切種智。

(Kinh: Đức ấy tối thắng vô lượng, vô biên. Ví như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, vô lượng vô biên. Công đức

của người ấy cũng vô lượng, vô biên giống như thế, mau đạt tới Nhất Thiết Chứng Trí).

17.3.2.1.1.5. Cộng thêm chánh hành Lục Độ

17.3.2.1.1.5.1. Nêu ra tướng người [tu chánh hạnh Lục Độ]

(Kinh) Nhược nhân độc tụng, thọ trì thị kinh, vị tha nhân thuyết, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư. Phục năng khởi tháp, cập tạo tăng phòng, cúng dường, tán thán Thanh Văn chúng tăng. Diệc dĩ bách thiên vạn ức tán thán chí pháp tán thán Bồ Tát công đức. Hựu vị tha nhân chủng chủng nhân duyên, tùy nghĩa giải thuyết thử Pháp Hoa kinh. Phục năng thanh tịnh trì giới, dữ nhu hòa giả, nhi cộng đồng chí, nhẫn nhục vô sân, chí niệm kiên cố, thường quý tọa Thiền, đắc chư thâm Định, tinh tấn dũng mãnh, nhiếp chư thiện pháp, lợi căn trí huệ, thiện đáp vấn nạn.

(經)若人讀誦，受持是經，為他人說，若自書，若教人書。復能起塔，及造僧房，供養，讚歎聲聞眾僧。亦以百千萬億讚歎之法讚歎菩薩功德。又為他人種種因緣，隨義解說此法華經。復能清淨持戒，與柔和者，而共同止，忍辱無瞋，志念堅固，常貴坐禪，得諸深定，精進勇猛，攝諸善法，利根智慧，善答問難。

(Kinh: Nếu ai đọc tụng, thọ trì kinh này, vì người khác nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người khác chép, lại có thể dựng tháp, và tạo tăng phòng, cúng dường tán thán các vị tăng Thanh Văn. Cũng dùng trăm ngàn vạn ức cách tán thán để tán thán công đức của Bồ Tát. Lại vì người khác, dùng các thứ nhân duyên để thuận theo nghĩa mà giải nói kinh Pháp Hoa này. Lại có thể trì giới thanh tịnh, cùng với người nhu hòa ở chung, nhẫn nhục, chẳng sân, chí niệm vững vàng, thường chuộng tọa Thiền, đạt được các Định sâu, tinh tấn, dũng mãnh, nhiếp các thiện pháp, lợi căn, trí huệ, khéo trả lời các thứ cật vấn).

Trong An Lạc Hạnh, [đức Thế Tôn dạy] “chẳng thân cận người cầu Thanh Văn”, cũng chẳng kể lỗi họ, cũng chẳng ca ngợi họ. Nay nói “cúng dường, tán thán các vị tăng Thanh Văn” là vì lẽ nào? Thoạt đầu

tâm quán nông cạn, sợ nhiễm tập khí Tiểu Thừa. Vì thế, răn đừng thân cận. Nay quán sâu, lực lớn, cho nên cúng dường, tán thán họ, liền có thể hóa độ họ tiến nhập Đại Thừa. Lại còn giúp đỡ rất lớn cho diệu quán Quyền Thật bất nhị. Trong kinh văn, Thiền được nói trước Tinh Tấn, nhưng ý nghĩa chẳng có trước hay sau!

17.3.2.1.1.5.2. So lường công đức

(Kinh) A Dật Đa! Nhược ngã diệt hậu, chư thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng thị kinh điển giả, phục hữu như thị chư thiện công đức, đương tri thị nhân dĩ thú đạo tràng, cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tọa đạo thụ hạ. A Dật Đa! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân nhược tọa, nhược lập, nhược hành xứ, thử trung tiện ưng khởi tháp, nhất thiết thiên nhân giai ưng cúng dường như Phật chi tháp.

(經)阿逸多！若我滅後，諸善男子，善女人受持，讀誦是經典者，復有如是諸善功德，當知是人已趣道場，近阿耨多羅三藐三菩提，坐道樹下。阿逸多！是善男子，善女人若坐，若立，若行處，此中便應起塔，一切天人皆應供養如佛之塔」。

(Kinh: Nay A Dật Đa! Nếu sau khi ta diệt độ, các thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng kinh điển này, lại có các thiện công đức như thế, hãy nên biết người ấy đã đến đạo tràng, gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ngồi dưới gốc đạo thụ. Nay A Dật Đa! Chỗ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy dù ngồi, dù đứng, hay đi, ở nơi đó đều nên dựng tháp, hết thấy trời, người đều nên cúng dường như tháp của Phật).

“Dĩ thú đạo tràng, tọa đạo thụ hạ” (Đã đến đạo tràng, ngồi dưới đạo thụ): Thuộc địa vị Thiết Luân, chẳng lâu sau sẽ được nhập Đồng Luân, có thể dùng tám tướng thành Phật. “Tọa, lập, hành xứ, tiện ưng khởi tháp, giai ưng cúng dường như Phật tháp” (Đối với chỗ [người ấy] ngồi, đứng, đi, hãy nên dựng tháp, đều nên cúng dường như tháp thờ Phật): Thoạt đầu nương vào người mà gọi là Như Lai. Kết lại năm phẩm

này thì ba phẩm đầu là Văn Huệ, phẩm thứ tư là Tư Huệ, phẩm thứ năm là Tu Huệ, đều là trước khi đạt đến Thập Tín. Hoặc có người nói phẩm tùy hỷ thứ nhất chính là nhập địa vị Tín tâm (Sơ Tín), chia một phẩm thành hai tâm, năm phẩm chính là mười tín tâm, tức là địa vị Thiết Luân lục căn thanh tịnh. Nay tôi cho rằng: Hai cách giải thích ấy xét theo Lý đều chấp thuận được. Nếu là lợi căn thuộc Viên Giáo, một niệm tùy hỷ, thoát đầu phiền cấu rơi trước, cho đến [khi đạt tới phẩm thứ năm là] Chánh Hành [Lục Độ], Trần Sa cũng hết, tức là Tương Tự Như Lai, thuộc địa vị Thiết Luân. Nếu Giải tuy viên đốn, nhưng sự chướng (chướng ngại nơi mặt Sự) chưa trừ, chỉ có thể chế phục trọn vẹn ngũ trụ, chủng tử của Thông Hoặc vẫn còn, thì là Quán Hạnh Như Lai. Phẩm phủ trọn đủ trói buộc [bởi phiền não] mà có thể biết được tạng bí mật của Như Lai! Nếu đem ngũ phẩm đối ứng với Tứ Tín trong phần trước thì hai phẩm đầu chính là nhất niệm tín giải. Phẩm thứ ba là hiểu ý thú trong ngôn từ. Phẩm thứ tư chính là Văn Trí cúng dường. Phẩm thứ năm là tin sâu, quán thành tựu. Nghĩa lý của chúng bình đẳng, phẩm bốn và năm chẳng khác, chỉ là sau khi đã diệt độ, bèn thêm địa vị đọc tụng làm phẩm thứ hai đó thôi!

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

17.3.2.1.2. Kệ Tụng

17.3.2.1.2.1. Trùng tụng phẩm thứ hai [trong ngũ phẩm]

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược ngã diệt độ hậu, năng phụng trì thử kinh. Tư nhân phước vô lượng, như thượng chi sở thuyết. Thị tắc vi cụ túc, nhất thiết chư cúng dường. Dĩ xá-lợi khởi tháp, thất bảo nhi trang nghiêm. Biểu sát thậm cao quảng, tiệp tiểu chí Phạm Thiên. Bảo linh thiên vạn ức, phong động xuất diệu âm. Hựu ư vô lượng kiếp, nhi cúng dường thử tháp: Hoa, hương, chư anh lạc; thiên y, chúng kỹ nhạc. Nhiên hương du, tô đăng, châu táp thường chiếu minh. Ác thế, Pháp Mạt thời, năng trì thị kinh giả, tắc vi dĩ như thượng, cụ túc chư cúng dường.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若我滅度後，能奉持此經。斯人福無量，如上之所說。是則為具足，一切諸供養。以舍利起塔，七寶而莊嚴。表刹甚高廣，

漸小至梵天。寶鈴千萬億，風動出妙音。又於無量劫，而供養此塔：華香諸瓔珞，天衣眾伎樂。然香油蘇燈，周匝常照明。惡世法末時，能持是經者，則為已如上，具足諸供養。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Sau khi ta diệt độ, hay phụng trì kinh này, người đó phước vô lượng; như trên đây đã nói. Đó chính là trọn đủ, hết thấy các cúng dường. Đem xá-lợi dựng tháp, bảy báu để trang nghiêm. Biểu sát⁵⁴ rất cao rộng, nhỏ dần đến Phạm Thiên. Ngàn vạn ức linh báu, gió lay phát diệu âm. Lại trong vô lượng kiếp, cúng dường tòa tháp ấy. Hoa, hương, chuỗi anh lạc. Áo trời, các kỹ nhạc. Thắp đèn dầu thơm, tô, thường chiếu sáng quanh khắp. Thời Mạt Pháp đời ác, người hay trì kinh này, tức là đã trọn đủ, cúng dường như trên đây).

17.3.2.1.2.2. Trùng tụng phẩm thứ ba

(Kinh) Nhược năng trì thử kinh, tức như Phật hiện tại. Dĩ Ngưu Đâu Chiên Đàn, khởi tăng phòng cúng dường. Đường hữu tam thập nhị, cao bát Đa La thụ. Thượng soạn, diệu y phục. Sàng ngọa giai cụ túc. Bách thiên chúng trụ xứ. Viên lâm, chư dục trì. Kinh hành cập Thiên quật. Chủng chủng giai nghiêm hảo.

(經)若能持此經，則如佛現在。以牛頭栴檀，起僧房供養。堂有三十二，高八多羅樹。上饌妙衣服。牀臥皆具足。百千眾住處。園林諸浴池。經行及禪窟。種種皆嚴 好

。

⁵⁴ Biểu Sát chính là một kiến trúc thường đặt trên đỉnh tháp hoặc trên nóc đại điện, gồm nhiều vòng tròn nhỏ chồng lên nhau, hoặc chia thành nhiều tầng, hình dạng giống như một trụ tràng phan, tượng trưng cho các tầng lộng nhằm trang nghiêm kiến trúc ấy. Kiến trúc này còn gọi là Tướng Luân, gồm rất nhiều bộ phận hợp thành (tính từ dưới lên trên là lộ bàn, phục bát, thọ luân, phong đặc, thủy yên, long xa và bảo châu).

(Kinh: Nếu hay trì kinh này, sẽ như Phật hiện diện. Dùng Ngưu Đầu Chiên Đàn⁵⁵, dựng tăng phòng cúng dường. Ba mươi hai tòa điện, cao tám cây Đa La. Cổ ngon, y phục đẹp. Giường nằm đều đầy đủ. Trăm ngàn chỗ để ở. Vườn rừng, các ao tắm. Chỗ kinh hành, hang Thiền. Các thứ trang nghiêm, đẹp).

17.3.2.1.2.3. Trùng tụng phẩm thứ tư

(Kinh) Nhược hữu tín giải tâm, thọ trì, đọc tụng giả, nhược phục giáo nhân thư, cập cúng dường kinh quyển. Tán hoa, hương, mật hương, dĩ Tu Mạn, Chiêm Bạc, A Đề Mục Đa Già, huân du thường nhiên chi. Như thị cúng dường giả, đắc vô lượng công đức, như hư không vô biên, kỳ phước diệc như thị.

(經)若有信解心，受持讀誦者，若復教人書，及供養經卷。散華香末香，以須曼薤蔔，阿提目多伽，熏油常然之。如是供養者，得無量功德，如虛空無邊，其福亦如 是

。

(Kinh: Nếu ai tâm tin hiểu, thọ trì và đọc tụng, hoặc dạy người khác chép, và cúng dường kinh quyển. Rải hoa, hương, hương bột, hoa Tu Mạn, Chiêm Bạc, A Đề Mục Đa Già, dầu thơm thường thắp đèn.

⁵⁵ Ngưu Đầu Chiên Đàn (Gośīṛṣaka Candana) chính là Xích Chiên Đàn. Do loại cây này sanh trưởng ở núi Ngưu Đầu nên gọi là Ngưu Đầu Chiên Đàn. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Núi Ma La Da sanh ra hương Chiên Đàn, gọi là Ngưu Đầu. Nếu dùng để bôi thân, dầu vào hầm lửa, chẳng bị lửa đốt cháy”. Sách Tây Vực Ký chép: “Nơi bờ biển phía Nam nước ấy, có núi Mạt Lạt Da. Núi cao ngất, nhiều hang, hốc, khe suối. Trong ấy có cây Bạch Đàn, cây Chiên Đàn Nễ Bà... chẳng thể phân biệt. Chỉ có vào lúc giữa mùa Hạ, lên cao, nhìn ra xa, cây nào có rắn quấn quanh thì biết [chính là cây Ngưu Đầu Chiên Đàn], bởi cây ấy bầm chất mát lạnh, cho nên rắn thích cuộn quanh. Đã trông thấy, họ liền bắn tên vào thân cây để ghi nhớ, đợi đến mùa Đông sẽ đốn lấy”. Theo Phật Quang A Hàm Tạng, loại cây này có màu như chất đồng đỏ, thơm nhất trong các loại Chiên Đàn, mùi thơm tồn tại rất lâu. Thời cổ, người ta dùng loại gỗ này để chế tạo tượng Phật, điện đường, vật dụng quý v.v... Bột gỗ có thể dùng làm thuốc, dầu của nó để làm nguyên liệu chế dầu thơm. Rừng núi Malaya nay nằm giữa tiểu bang Kerala và Tamil Nadu của Ấn Độ, là một phần của rừng Tây Ghats (mạch núi này chạy qua các tiểu bang Gujarat, Maharastra, Goa, Karnataka, Kerala và Tamil Nadu).

Người cúng dường như thế, được vô lượng công đức. Như hư không vô biên, phước ấy cũng như thế).

Kinh văn Trường Hàng chỉ nói kiêm hành bố thí. Nay kệ tụng nói “*cúng dường kinh quyền*”, tức là kiêm thêm ý phụng hành. Tu Mạn Hoa (Sumanā)⁵⁶ được phương này dịch là Thiện Nhiếp Ý Hoa. Hoa Chiêm Bắc (Campaka)⁵⁷ phương này dịch là Hoàng Hoa. A Đề Mục Đa Già (Atimukta)⁵⁸, phương này dịch là Long Thi Hoa, còn dịch là Thiện Tư Di Hoa.

17.3.2.1.2.4. Trùng tụng phẩm thứ năm

(Kinh) Huống phục trì thử kinh, kiêm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhạo Thiền Định, bất sân, bất ác khẩu. Cung kính u thập miếu, khiêm hạ chư tỳ-kheo, viễn ly tự cao tâm, thường tư duy trí huệ. Hữu vấn nạn bất sân, tùy vấn vị giải thuyết. Nhược năng hành thị hạnh, công đức bất khả lượng. Nhược kiến thử pháp sư, thành tựu như thị đức. Ứng dĩ thiên hoa tán, thiên y phú kỳ thân. Đầu diện tiếp túc lễ, sanh tâm như Phật tướng. Hựu ưng tác thị niệm: Bất cửu nghệ đạo thụ, đắc vô lậu, vô vi, quảng lợi chư nhân thiên. Kỳ sở trụ chỉ xứ, kinh hành, nhược tọa, ngọa, nãi chí thuyết nhất kệ, thị trung ưng khởi tháp. Trang nghiêm linh diệu hảo, chủng chủng dĩ cúng dường. Phật

⁵⁶ Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa chú giải: “Tu Mạn Na còn gọi là Tu Ma Na, Tô Na Na, sắc trắng lẫn vàng, rất thơm. Cây không to, cao chừng ba bốn thước, hoa rủ xuống như hình cái lọng”. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa nói: “Hoa Tu Mạn Na được phương này dịch là Duyệt Ý Hoa, vì hình dáng lẫn màu sắc đều xinh đẹp, khiến cho người trông thấy tâm vui sướng, cho nên có tên như vậy”.

⁵⁷ Loại hoa này còn gọi là Chiêm Ba, Chiêm Bốc Già, Chiên Bà Ca, Thiêm Ba (tùy theo cách phiên âm) v.v... dịch nghĩa là Uất Kim Hoa, hay Hoàng Hoa. Cũng có người cho rằng đây là hoa dành dành, nhưng xét ra, hoa dành dành không phù hợp với các miêu tả về loại hoa này. Theo kinh Trường A Hàm, hoa Chiêm Bắc thân cây to lớn, vỏ cây, cánh hoa và nhựa cây đều thơm ngát. Sắc hoa óng ánh như vàng, mùi hương lan tỏa mây dậm. Có thuyết cho rằng đây là hoa Mộc Lan (Magnolia), nhưng hoa Mộc Lan vẫn không phù hợp với những miêu tả trên đây.

⁵⁸ A Đề Mục Đa Già, thường được gọi là Hiptage trong tiếng Anh, tên khoa học là Hiptage Bengalensis, là một loại cây mọc thành bụi, dây leo, thân có những sợi tơ màu vàng. Hoa trắng hồng, rất thơm, trái có ba cánh có thể bay theo gió, thường mọc rất phổ biến tại Bengal. Người Hoa còn gọi loại hoa này bằng cách danh xưng Phi Diên, Viên Vĩ Đằng, Ngưu Khiên Đằng, Hồng Dược Đầu, Phong Tranh Quả, Hoàng Ngưu Diệp, Hồng Long v.v...

tử trụ thử địa, tắc thị Phật thọ dụng. Thường tại u kỳ trung, kinh hành cập tọa ngọa.

(經)況復持此經，兼佈施持戒，忍辱樂禪定，不瞋不惡口。恭敬於塔廟，謙下諸比丘，遠離自高心，常思惟智慧。有問難不瞋，隨問為解說。若能行是行，功德不可量。若見此法師，成就如是德。應以天華散，天衣覆其身。頭面接足禮，生心如佛想。又應作是念：不久詣道樹，得無漏無為，廣利諸人天。其所住止處，經行若坐臥，乃至說一偈，是中應起塔。莊嚴令妙好，種種以供養。佛子住此地，則是佛受用。常在於其中，經行及坐臥」。

(Kinh: Huống hồ trì kinh này, kiêm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, chuộng Thiền Định, chẳng sân, chẳng nói ác. Đối tháp miếu cung kính. Khiêm hạ với tỳ-kheo, xa lìa tâm tự cao, thường tư duy trí huệ. Bị căn vận chẳng sân, giải nói theo lời hỏi. Nếu hay hành hạnh ấy, công đức chẳng thể lường. Nếu thấy pháp sư ấy, thành tựu đức như thế, nên dùng hoa trời rải, dùng áo trời phủ thân. Đầu mặt áp chân lễ, sanh tâm tưởng như Phật. Lại nên nghĩ thế này: Chẳng lâu tới đạo thụ, đắc vô lậu, vô vi, rộng lợi các trời, người. Nơi người ấy cư trụ, kinh hành và ngồi, nằm, cho tới nói một kệ, nên xây tháp tại đó. Trang hoàng cho đẹp đẽ, dùng các thứ cúng dường. Phật tử trụ nơi đây, chính là Phật thọ dụng. Thường trụ ở trong đó, kinh hành và ngồi, nằm).

Phần thứ nhất, liệt kê năm phẩm, so lường đại lược công đức của bốn phẩm sau đã xong. Giải thích phẩm Phân Biệt Công Đức đã xong; kế đó giải thích phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

18. Tùy Hỷ Công Đức Phẩm Đệ Thập Bát

隨喜功德品第十八

Phẩm thứ mười tám: Tùy Hỷ Công Đức

“Tùy”: Nghe pháp sâu thẳm, uyên áo, tùy thuận Sự Lý chẳng hai, chẳng khác. “Hỷ” là mừng cho mình, mừng cho người. “Lý” chính là bản tánh của một niệm tâm hiện tiền, tức là cái Thể của Thật Tướng pháp giới. Chẳng phải Bồn, chẳng phải Tích, gọi là Lý Bồn. Chẳng phải Thật, chẳng phải Quyền, gọi là Thật Lý. “Sự” là Như Lai đã chứng diệu lý ấy từ lâu xa. Vì thế gọi là Bồn. Từ Bồn, hiện ra các thứ ứng hóa trọn khắp mười phương ba đời. Do vậy gọi là Tích. Bồn là Tu Đức tự hành khế lý; Tích là diệu dụng lợi tha sau khi đắc quả. Hai chuyện Bồn và Tích cùng nương vào một Lý. Vì thế nói: *“Bồn và Tích tuy khác, nhưng chẳng thể nghĩ bàn như nhau”*. Nói thẳng thừng Lý Sự viên diệu như thế, thì gọi là Thật. Các thứ phương tiện hướng dẫn chúng sanh thì gọi là Quyền. Chẳng có Thật thì Quyền chẳng có gì để nương vào! Chẳng có Quyền, Thật sẽ không do đâu hiển lộ được. Gọi Thật Lý, Thật Sự là Lý; gọi Quyền Lý, Quyền Sự là Sự. Sự và Lý tuy khác, ngoài tâm chẳng có pháp, cũng là chẳng thể nghĩ bàn giống hệt như nhau. Nay *“thuận Lý”* là nghe bồn địa lâu xa của Phật, chứng diệu lý đã lâu xa, tín thuận chẳng trái nghịch, chẳng có mảy may nghi ngờ, trầm trệ. *“Thuận Sự”* là nghe nói Phật lợi ích chúng sanh suốt ba đời, ngang lần dọc đều gồm thâu, trọn khắp hết thấy các xứ, cũng chẳng có mảy may nghi ngờ, trầm trệ. Từ ngay nơi Sự rộng rãi mà thấu đạt Lý sâu, từ Lý sâu mà thấu đạt Sự rộng. Chẳng hai mà là hai, cho nên nói là Sự Lý. Chẳng khác mà là khác, cho nên nói Bồn Tích (Bồn và Tích đều là nói theo Sự). Tuy hai, tuy khác, nhưng chẳng hai, chẳng khác (Lý trọn đủ tam thiên, Sự tạo tam thiên, cùng ở trong một niệm. Vì thế, tuy hai mà chẳng hai. Sự Lý nơi Bồn và Sự Lý nơi Tích chẳng thể nghĩ bàn như nhau. Vì thế, tuy khác mà chẳng khác!)

Tín giải như thế thì gọi là Tùy. Do Như Lai đã chứng Thật Tướng trong một niệm hiện tiền này, Bồn, Tích, Quyền Thật đều chẳng thể nghĩ bàn. Ta và chúng sanh có cùng tâm tánh ấy. Phật đã là như thế, ta và chúng sanh cũng sẽ đạt được! Vì thế, mừng cho mình, mừng cho người khác, cho nên gọi là Hỷ. Hơn nữa, tuy Bồn, Tích, Quyền, Thật tánh vốn sẵn đủ, Như Lai xuất thế hơn bốn mươi năm, chưa hiển lộ lẽ chân thật. Người thuộc bảy phương tiện chẳng nghe lẽ chân thật. Mừng cho ta và người: [Vì nghe kinh Pháp Hoa], do cái tâm phàm phu mà hiểu biết giống như Phật; dùng con mắt [phàm tục] bầm sanh mà thấy giống như Như Lai. Tri kiến như thế rốt ráo pháp giới, sâu rộng không ngần mé, không gì sánh bằng. Cho nên gọi là Tùy Hỷ. Do thuận Lý, bèn có Thật công đức. Do thuận Sự, bèn có Quyền công đức. Do mừng cho chính

mình, bèn có công đức trí huệ tự hành. Do mừng cho người khác, có công đức từ bi hóa độ người khác. Do gộp chung Quyền, Thật, Tự, Tha để nói, cho nên gọi là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đó là ý nghĩa Thế Giới Tất Đàn (Lý Sự, Bồn Tích, Tự Tha xưa nay đối ứng. Vì thế là Thế Giới).

Người thứ năm mươi [do lần lượt được nghe nói lại kinh Pháp Hoa rồi tùy hỷ] chính là người sơ sai nhất trong sơ phẩm (phẩm thứ nhất trong ngũ phẩm, tức Tùy Hỷ), chỉ có một niệm diệu giải, chỉ có một niệm mừng cho mình, mừng cho người khác, chưa có viên hạnh, ân chưa thấm đến người khác, mà đã đạt được công đức chẳng thể sánh bằng. Huống hồ người được nghe đầu tiên trong hội ư? Huống hồ người đọc tụng, giảng nói, kiêm hành chánh hạnh ư? Huống hồ lại còn [thuộc vào các địa vị] Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, cho đến Đăng Giác, Diệu Giác ư? Ai nghe công đức sâu mầu như thế mà chẳng kính ngưỡng, hâm mộ? Như Lai nói điều này khiến cho chúng sanh ngưỡng vọng. Vì thế gọi là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đó là ý nghĩa Vị Nhân Tất Đàn. Trong phần trước đã ca ngợi công đức trì kinh, đại chúng khi ấy đều cho rằng đã nhập địa vị “*chân nhân*” (cái nhân chân thật), đã đạt tới đức ấy. Đối với kẻ sơ sai nhất trong những kẻ sơ tâm, dấy lên ý tưởng yếu ớt, bỗng nghe chỗ tốt đẹp chắc thật, mầm mống đã nảy sanh trăm mối. Chim Ca Lãng Tàn Già còn đang ở trong trứng, tiếng hót đã vượt xa các loài chim, [người được nghe công đức] hy hữu, đặc biệt, lạ lùng [của kinh Pháp Hoa], ý tưởng khinh thường đã được cởi gỡ, cho nên gọi là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đó là ý nghĩa Đối Trị Tất Đàn.

Hàng ngoại đạo đắc Ngũ Thông có thể dời núi, cạn biển, nhưng chẳng thể chế phục kiến ái (Kiến Tư Hoặc), chẳng sánh bằng người đắc pháp Noãn. Bạc Nhị Thừa Vô Học đều thoát các quả sanh bởi chủng tử, nhưng vẫn còn bị Niết Bàn trói buộc, chẳng biết nhân và quả ấy đều là Quyền. Bạc Thông Giáo tu nhân tuy khéo léo, phát tâm chẳng biết [chỗ có của báu ở ngoài] năm trăm do-tuần, tuy đắc quả, chỉ trừ Tứ Trụ Thông Hoặc. Hàng Biệt Giáo tuy vượt xa Nhị Thừa, nhưng tu cái nhân thiên lệch, đường nẻo lại vụng về, chẳng được Phật khen ngợi, đều chẳng sánh bằng người tùy hỷ thoát đầu. Nay đức Phật nêu ra quán hạnh sơ tâm để [người nghe] sẽ so sánh, hòng nhận biết cực quả vượt xa các giáo. Vì thế nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đây chính là xét theo giáo để hiển thị Độ Nhất Nghĩa vậy!

*** So lường cận kề công đức của phẩm đầu tiên**

18.1. Hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị Pháp Hoa kinh tùy hỷ giả, đắc kỷ sở phước?” Nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn diệt độ hậu, kỳ hữu văn thị kinh, nhược năng tùy hỷ giả, vi đắc kỷ sở phước?

(經)爾時，彌勒菩薩摩訶薩白佛言：「世尊！若有善男子，善女人聞是法華經隨喜者，得幾所福？」而說偈 言：「世尊滅度後，其有聞是經，若能隨喜者，為得幾所福？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh Pháp Hoa này rồi tùy hỷ, sẽ được bao nhiêu phước?” Ngài bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn diệt độ rồi, có kẻ nghe kinh này, nếu có thể tùy hỷ, sẽ được bao nhiêu phước?)

Phẩm trước đã so lường công đức của bốn phẩm sau, chẳng nói đến phẩm đầu. Vì thế, ngài Di Lạc thừa dịp nêu câu hỏi.

18.2. Đức Phật trả lời

18.2.1. Trường Hàng

18.2.1.1. Trả lời công đức của người trong tâm tùy hỷ

18.2.1.1.1. Xét theo sự lần lượt dạy bảo lẫn nhau, nêu ra công đức của người cuối cùng để hiển thị công đức của người đầu tiên trong những người sơ tâm

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát: - A Dật Đa! Như Lai diệt hậu, nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cập dư trí giả, nhược trưởng, nhược ấu, văn thị kinh tùy hỷ dĩ, tùng pháp hội xuất, chí u dư xứ. Nhược tại tăng phùng, nhược không nhân địa, nhược thành ấp hạng mạch, tụ lạc, điền lý, như kỳ sở văn, vị phụ mẫu, tông thân, thiện hữu tri thức, tùy lực diễn thuyết. Thị chư nhân đẳng văn dĩ tùy hỷ, phục hành chuyển giáo. Dư nhân văn dĩ, diệc tùy hỷ chuyển giáo. Như thị triển chuyển, chí đệ ngũ thập. A Dật Đa! Kỳ đệ ngũ thập thiện nam tử, thiện nữ nhân tùy hỷ công đức, ngã kim thuyết chi, nhữ đương thiện thính.

(經)爾時，佛告彌勒菩薩摩訶薩：「阿逸多！如來滅後，若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，及餘智者，若長，若幼，聞是經隨喜已，從法會出，至於餘處。若在僧坊，若空閑地，若城邑巷陌，聚落，田里，如其所聞，為父母，宗親，善友知識，隨力演說。是諸人等聞已隨喜，復行轉教。餘人聞已，亦隨喜轉教。如是展轉，至第五十。阿逸多！其第五十善男子，善女人隨喜功德，我今說之，汝當善聽。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát: - Này A Dật Đa! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, và những người có trí khác dù lớn hay bé, nghe kinh này bèn tùy hỷ, từ pháp hội trở ra, tới các chỗ khác, hoặc là tại tăng phòng, hoặc chỗ thanh vắng, hoặc nơi đường phố của chốn thành ấp, thôn xóm, làng quê, đúng như điều đã được nghe, vì cha mẹ, họ hàng, bạn lành, người quen biết, tùy sức diễn nói. Những người ấy nghe xong tùy hỷ, lại dạy cho người khác. Người khác nghe xong, cũng tùy hỷ, dạy lại cho người khác nữa. Xoay vần như thế cho đến người thứ năm mươi. Này A Dật Đa! Ta nay sẽ nói công đức tùy hỷ của thiện nam tử hay thiện nữ nhân thứ năm mươi ấy, ông hãy nên khéo nghe!)

Lần lượt tới người thứ năm mươi, có ý nghĩa “càng về sau, càng kém hơn người trước đó”. Vì sao? Nương vào Tứ Y để hoằng pháp, ắt phải có biện tài. Nghe rồi tùy hỷ, pháp vị ắt sâu đậm. Tới khi người ấy từ pháp hội trở ra, tùy sức diễn nói, tuy nói đúng như điều đã được nghe, lý chắc chắn chẳng sai lầm, nhưng biện thuyết trang nghiêm chưa chắc đã có thể giống như pháp sư, huống hồ có thể vượt hơn ư? Xoay vần như thế, người thứ hai, thứ ba, hoặc hai mươi, đã dần dần chẳng bằng, huống hồ tới người thứ năm mươi, há chẳng càng thua kém hơn ư? Hơn nữa, bốn mươi chín người trước đó đều có công đức dạy lại. Nay đối với người thứ năm mươi, chỉ luận một niệm tùy hỷ, chẳng luận sẽ lại dạy cho người khác! Hãy nên biết [người thứ năm mươi] đúng là quá xa xôi lọt lạt so với những người thuộc phẩm đầu (tùy hỷ)! Nay xét theo kẻ xa

vì nhất ấy để nói rõ công đức của một niệm tùy hỷ thì công đức của những người trước đó chẳng cần nói cũng biết. Nói “*triển chuyển chỉ ngũ thập giả*” (xoay vần đến người thứ năm mươi) chỉ nhằm nêu rõ pháp vị dần dần nhạt bớt, công đức dần dần kém hơn, chẳng cần phải giải thích theo ý nghĩa biểu pháp.

18.2.1.1.2. So lường Bốn

(Kinh) Nhược tứ bách vạn ức A-tăng-kỳ thế giới lục thú tứ sanh chúng sanh: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, nhược hữu hình, vô hình, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, vô túc, nhị túc, tứ túc, đa túc. Như thị đẳng tại chúng sanh số giả, hữu nhân cầu phước, tùy kỳ sở dục ngu lạc chi cụ, giai cấp dữ chi. Nhất nhất chúng sanh dữ mãn Diêm Phù Đề kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chư diệu trân bảo, cập tượng, mã, xa thặng, thất bảo sở thành cung điện, lâu các đẳng. Thị đại thí chủ như thị bố thí mãn bát thập niên dĩ, nhi tác thị niệm: “Ngã dĩ thí chúng sanh ngu lạc chi cụ, tùy ý sở dục. Nhiên thử chúng sanh giai dĩ suy lão, niên quá bát thập, phát bạch, bì trứ, tương tử bất cử. Ngã đương dĩ Phật pháp nhi huân đạo chi”. Tức tập thử chúng sanh, tuyên bố pháp hóa, thị giáo lợi hỷ. Nhất thời giai đắc Tu Đà Hoàn đạo, Tư Đà Hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo, tận chư hữu lậu, u thâm Thiền Định, giai đắc tự tại, cụ bát giải thoát.

(經)若四百萬億阿僧祇世界六趣四生眾生：卵生，胎生，濕生，化生，若有形，無形，有想，無想，非有想，非無想，無足，二足，四足，多足。如是等在眾生數者，有人求福，隨其所欲娛樂之具，皆給與之。一一眾生與滿閻浮提金，銀，琉璃，磑磑，碼碯，珊瑚，琥珀，諸妙珍寶，及象，馬，車乘，七寶所成宮殿，樓閣等。是大施主如是佈施滿八十年已，而作是念：「我已施眾生娛樂之具，隨意所欲。然此眾生皆已衰老，年過八十，髮白，皮皺

，將死不久。我當以佛法而訓導之」。即集此眾生，宣佈法化，示教利喜。一時皆得須陀洹道，斯陀含道，阿那含道，阿羅漢道，盡諸有漏，於深禪定，皆得自在，具八解脫。

(**Kinh:** Như chúng sanh thuộc tứ sanh sáu đường trong bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới: Sanh bằng trứng, sanh bằng thai, sanh nơi ẩm ướt, hóa sanh, hoặc hữu hình, vô hình, có tư tưởng, chẳng có tư tưởng, chẳng phải hữu tưởng, chẳng phải vô tưởng, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân. Đối với số lượng chúng sanh như thế đó, có người cầu phước, tùy theo các vật ưa thích mà chúng sanh mong muốn đều ban cho. Với mỗi chúng sanh, đều cho vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, các món trân bảo nhiệm mầu đầy ấp Diêm Phù Đề (Jambudvīpa), và voi, ngựa, xe cộ, cung điện, lầu gác v.v... do bảy báu tạo thành. Vị đại thí chủ đó bố thí như thế tròn tám mươi năm xong, bèn nghĩ thế này: “Ta đã thí cho chúng sanh vật ưa thích, thuận theo ý họ mong muốn. Nhưng các chúng sanh này đều đã già suy, tuổi quá tám mươi, tóc bạc, da nhăn, không lâu sau sẽ chết. Ta nên dùng Phật pháp để dạy bảo họ”. Liên nhóm họp các chúng sanh ấy, tuyên nói pháp giáo hóa, chỉ dạy, khiến cho họ được lợi ích, vui mừng. Cùng lúc đắc đạo Tu Đà Hoàn (Srota-āpanna), đạo Tư Đà Hàm (Sakṛdāgāmin), đạo A Na Hàm (Anāgāmin), đạo A La Hán (Arhat), hết các hữu lậu, nơi Thiên Định sâu đều được tự tại, đủ tám món giải thoát).

“Lục thú” (Sáu đường): Trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Phương pháp thọ sanh chẳng ra ngoài bốn loại: Ở trong vỏ thì gọi là Trứng, ở trong bụng là Thai, do hơi nóng là Thấp, biến đổi là Hóa. Chư thiên chỉ hóa sanh; loài người có đủ tứ sanh, nhưng phần nhiều là thai sanh. Tu La tứ sanh, địa ngục hóa sanh. Quỷ và súc sanh đủ bốn cách sanh. “Hữu hình” tức là Dục Giới và Sắc Giới. “Vô hình” là Vô Sắc Giới. “Hữu tướng” là Không Xứ Thiên (Ākāśānantyāyatana) và Thức Xứ Thiên (Vijñānānantyāyatana). “Vô tướng” là Vô Sở Hữu Xứ Thiên (Ākiñcanyāyatana). “Phi hữu tướng phi vô tướng” tức là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên (Naivasamjñānāsamjñāyatana).

18.2.1.1.3. Hỏi

(Kinh) Ư như ý vân hà? Thị đại thí chủ sở đắc công đức, ninh vi đa phủ?

(經)於汝意云何？是大施主所得功德，寧為多不？」

(Kinh: Ý ông nghĩ sao? Vị đại thí chủ ấy đạt được công đức há có nhiều chăng?)

18.2.1.1.4. Đáp

(Kinh) Di Lặc bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị nhân công đức thậm đa, vô lượng, vô biên. Nhược thị thí chủ dẫn thí chúng sanh nhất thiết lạc cụ, công đức vô lượng, hà huống linh đắc A La Hán quả.

(經)彌勒白佛言：「世尊！是人功德甚多，無量，無邊。若是施主但施眾生一切樂具，功德無量，何況令得阿羅漢果」。

(Kinh: Ngài Di Lặc bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Người ấy công đức rất nhiều, vô lượng, vô biên. Nếu vị thí chủ ấy chỉ thí cho chúng sanh hết thấy các vật vui thích, công đức đã là vô lượng, huống hồ khiến cho họ đắc quả A La Hán).

18.2.1.1.5. Thật sự so lường

(Kinh) Phật cáo Di Lặc: - Ngã kim phân minh ngữ nhữ: Thị nhân dĩ nhất thiết lạc cụ, thí ư tứ bách vạn ức A-tăng-kỳ thế giới lục thú chúng sanh, hựu linh đắc A La Hán quả, sở đắc công đức, bất như thị đệ ngũ thập nhân văn Pháp Hoa kinh nhất kệ tùy hỷ công đức, bách phần, thiên phần, bách thiên vạn ức phần, bất cập kỳ nhất. Nãi chí toán số, thí dụ, sở bất năng tri! A Dật Đa! Như thị đệ ngũ thập nhân triển chuyển văn Pháp Hoa kinh tùy hỷ công đức, thượng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, hà huống tối sơ ư hội trung văn nhi tùy hỷ giả. Kỳ phước phục thắng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, bất khả đắc tỷ!

(經)佛告彌勒：「我今分明語汝：是人以一切樂具，施於四百萬億阿僧祇世界六趣眾生，又令得阿羅漢果，所

得功德，不如是第五十人聞法華經一偈隨喜功德，百分，千分，百千萬億分，不及其一。乃至算數，譬喻，所不能知！阿逸多！如是第五十人展轉聞法華經隨喜功德，尚無量無邊阿僧祇，何況最初於會中聞而隨喜者。其福復勝無量無邊阿僧祇，不可得比！

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Ta nay nói rõ ràng với ông: Người ấy dùng hết thấy các vật vui thích thí cho chúng sanh trong sáu đường thuộc bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, lại khiến cho họ đắc quả A La Hán, [người ấy] đạt được công đức chẳng bằng công đức của người thứ năm mươi nghe một bài kệ của kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, chẳng sánh bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn ức phần. Cho đến dùng toán số, thí dụ [để suy lường], đều chẳng thể biết. Nay A Dật Đa! Công đức tùy hỷ của người thứ năm mươi do được lần lượt nghe kinh Pháp Hoa còn là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ như thế, huống hồ người đầu tiên trong hội nghe rồi tùy hỷ! Phước ấy lại vượt hơn vô lượng vô biên A-tăng-kỳ lần, chẳng thể sánh bằng!)

Người nhận bồ thí trọn khắp bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới chẳng thể coi là không nhiều! Trước hết, ban cho họ sự vui sướng thế tục tròn tám mươi năm; sau đó, ban cho pháp lạc chứng tứ thánh quả, chẳng thể coi là không lớn! Nhưng chẳng sánh bằng người có một niệm tùy hỷ trọn vẹn sau rốt nhất, vì một niệm ấy ắt sẽ trọn hết hư không giới, trọn hết thời vị lai, phổ độ hết thấy, khiến cho người ấy thành Phật. Công đức cuối cùng chẳng lìa một niệm tối sơ. Lại dựa theo ý so sánh trong Đại Luận để giải thích ý chỉ này. Phước của toàn thể người trong Diêm Phù Đề châu (Jambudvīpa) chẳng bằng phước của một người thuộc Tây Cù Da Ni châu (Aparagodānīya, Tây Ngưu Hóa Châu). Phước của toàn thể người trong Tây Châu chẳng bằng phước của một người thuộc Đông Phất Bà Đề châu (Pūrvavideha, Đông Thắng Thần Châu). Phước của toàn thể mọi người thuộc ba châu (Diêm Phù Đề, Cù Da Ni, Phất Bà Đề) chẳng sánh bằng phước của một người thuộc Bắc Uất Đan Việt châu (Uttarakuru, Bắc Câu Lô Châu). Phước của toàn thể người trong khắp cả bốn châu chẳng sánh kịp [phước của] một vị trong tứ thiên vương. Bốn vị thiên vương chẳng sánh bằng một vị Đế Thích. Cho đến Đệ Lục Thiên

(Tha Hóa Tự Tại Thiên) chẳng sánh bằng phước của một vị Phạm Thiên. Lại nữa, Sơ Thiên chẳng sánh bằng Nhị Thiên, Nhị Thiên chẳng sánh bằng Tam Thiên, Tam Thiên chẳng sánh bằng Tứ Thiên. Cho đến Vô Sở Hữu Xứ chẳng sánh bằng Phi Phi Tướng Xứ. Phi Phi Tướng Xứ cực tôn quý trong ba cõi, chẳng sánh bằng phước của Tu Đà Hoàn. Phước của Tu Đà Hoàn chẳng sánh bằng Nhị Quả. Nhị Quả chẳng sánh bằng Tam Quả. Tam Quả chẳng sánh bằng Tứ Quả. Tứ Quả chẳng sánh bằng Bích Chi Phật. Tạng Giáo Nhị Thừa chẳng sánh bằng bậc Nhị Thừa thấu hiểu pháp trong Thông Giáo. Bậc Nhị Thừa thấu hiểu pháp [trong Thông Giáo] chẳng sánh bằng xuất Giả Bồ Tát. Thông Giáo Bồ Tát chẳng sánh bằng sơ tâm trong Biệt Giáo do nghe Trung. Bậc hậu tâm Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo chẳng sánh bằng tùy hỷ sơ tâm trong Viên Giáo do nghe Viên Giáo. Vì thế biết kinh Hoa Nghiêm so sánh công đức phát tâm vẫn chưa là kỳ lạ. Kinh này so sánh công đức tùy hỷ khó tin nhất! Nhưng một niệm tùy hỷ liền trọn đủ mười thừa. Nếu hiểu mười thừa, ắt công đức sẽ có căn cứ. Xin hãy hiểu đại lược như thế.

“Tùy” là thuận Sự, thuận Lý, Sự Lý chính là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. “Hỷ” là mừng cho mình, mừng cho người, tức là Bồ Đề tâm. Một niệm tùy hỷ chẳng tán loạn tức là Chỉ, chẳng hôn trầm tức là Quán, chính là khéo léo an tâm. Thuận Lý chế phục trọn vẹn vô minh Kiến Tư. Thuận Sự, chế phục trọn vẹn Trần Sa và Vô Minh. Đó là cách phá trọn khắp. Liễn đạt Quyền và Thật chẳng hai, tức là biết thông và tắc, chỉ trong một niệm tâm, tin hiểu Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Đó là Niệm Xứ của Viên Giáo. Pháp vốn sẵn trọn đủ bảy khoa đạo phẩm, điều hòa thích đáng! Đã tùy hỷ, xót xa, bi thương, ắt cần phải tu Ngũ Hối⁵⁹, đó là giúp mở mang. Đã có thể tín thuận Sự Lý, Bỏ Tịch, quyết chẳng dùng phàm tình hư vọng để suy lường bậc thượng thánh. Đó là biết địa vị. Thuận Sự, thuận Lý, các loại ma dù cứng cõi hay mềm mỏng đều chẳng thể động. Đó là “có thể an nhẫn”. Thật tâm chuyên chú nơi Thật cảnh,

⁵⁹ Ngũ Hối là năm phương pháp hay năm bước cần phải thực hiện trong khi tu sám hối nhằm diệt tội, tăng phước. Tông Thiên Thai đề xướng Ngũ Hối gồm sám hối, khuyến thỉnh (khuyến mời mười phương chư Phật chuyển pháp luân), tùy hỷ, hồi hướng và phát nguyện (tổ Thiên Thai đề xướng điều này trong bộ Ma Ha Chỉ Quán). Trong khi đó, Mật Tông lại đề xướng Ngũ Hối hơi khác. Ngũ Hối trong Mật Tông gồm quy mạng, sám hối, tùy hỷ, khuyến thỉnh, và hồi hướng (quan điểm này được đề xướng trong bộ Kim Cang Đánh Liên Hoa Bộ Tâm Niệm Tụng Nghi Quỹ). Do quan điểm này trùng với các nguyện trong Phổ Hiền Thập Đại Nguyện Vương, nên cách tu Ngũ Hối của Mật Tông đôi khi còn được gọi là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tán.

Thật duyên theo thứ đệ nầy sanh. Thật lần lượt chuyển vào Thật; đó là lìa pháp ái. Công đức như thế, há tài thí của thế gian hoặc pháp thí của tiểu quả có thể sánh bằng ư? Viên quán như thế, há kẻ tu Trung Quán theo thứ tự có thể sánh bằng được ư?

Phần thứ nhất, “giải đáp về công đức của người tùy hỷ từ trong nội tâm” đã xong.

18.2.1.2. Nói rõ công đức của người được nghe pháp từ bên ngoài

18.2.1.2.1. Tự đến nghe

(Kinh) Hựu A Dật Đa! Nhược nhân vị thị kinh cố, vãng nghệ tăng phùng, nhược tọa, nhược lập, tu du thính thọ, duyên thị công đức, chuyển thân sở sanh, đắc hảo thượng diệu tượng, mã, xa thặng, trân bảo liên dư, cập thừa thiên cung.

(經)又阿逸多！若人為是經故，往詣僧坊，若坐，若立，須臾聽受，緣是功德，轉身所生，得好上妙象，馬，車乘，珍寶輦輿，及乘天宮。

(Kinh: Này A Dật Đa! Nếu có người vì kinh này, đi đến tăng phùng, dù ngồi, hay đứng, nghe nhận trong khoảnh khắc, do công đức ấy, khi chuyển sanh vào thân sau, sẽ được voi, ngựa, xe cộ tốt đẹp nhất, kiệu cang trân quý và ngự nơi cung trời⁶⁰).

18.2.1.2.2. Chia chỗ ngồi

(Kinh) Nhược phục hữu nhân, ư giảng pháp xứ tọa, cánh hữu nhân lai, khuyến linh tọa thính. Nhược phân tòa linh tọa, thị nhân công đức chuyển thân đắc Đế Thích tọa xứ, nhược Phạm Vương tọa xứ, nhược Chuyển Luân Thánh Vương sở tọa chi xứ.

⁶⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tự đến nghe kinh, do tâm niệm thuần hay tạp mà chia thành ba phẩm: Hạ phẩm chuyển sanh làm kẻ phú quý, được quả báo có voi, ngựa, xe cộ đẹp đẽ. Trung phẩm thì được làm vua có quả báo kiệu cang bằng châu báu. Thượng phẩm thì được sanh lên trời, hưởng quả báo đi đến đâu cung điện theo sát thân, cho nên nói là thừa cung điện”.

(經)若復有人，於講法處坐，更有人來，勸令坐聽。若分座令坐，是人功德轉身得帝釋坐處，若梵王坐處，若轉輪聖王所坐之處。

(Kinh: Nếu lại có người ngồi nơi chỗ giảng pháp, lại có người khác đến, bèn khuyên ngồi nghe, hoặc chia chỗ cho ngồi. Công đức của người ấy là trong đời sau sẽ được chỗ ngồi của Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Phạm Vương, hoặc chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh Vương).

18.2.1.2.3. Khuyên người khác

(Kinh) A Dật Đa! Nhược phục hữu nhân ngữ dư nhân ngôn: “Hữu kinh danh Pháp Hoa, khả cộng vãng thính”, tức thọ kỳ giáo, nãi chí tu du gian văn. Thị nhân công đức chuyển thân đắc dữ Đà La Ni Bồ Tát cộng sanh nhất xứ, lợi căn, trí huệ. Bách thiên vạn thể chung bất ẩm á. Khẩu khí bất xú, thiết thường vô bệnh, khẩu diệp vô bệnh. Xỉ bất cấu hắc, bất hoàng, bất sơ, diệp bất khuyết lạc, bất sai, bất khúc. Thần bất hạ thù, diệp bất khiên súc, bất thô sáp, bất sang chấn, diệp bất khuyết hoại, diệp bất oa tà, bất hậu, bất đại, diệp bất lê hắc, vô chư khả ố. Tỳ bất biến thể, diệp bất khúc lệ. Diện sắc bất hắc, diệp bất hiệp trường, diệp bất dữ khúc, vô hữu nhất thiết bất khả hỷ tướng. Thần, thiết, nha xỉ tất giai nghiêm hảo. Tỳ tu cao trực, diện mạo viên mãn, my cao nhi trường. Ngạch quảng bình chánh, nhân tướng cụ túc. Thể thể sở sanh, kiến Phật văn pháp, tín thọ giáo hối.

(經)阿逸多！若復有人語餘人言：「有經名法華，可共往聽」，即受其教，乃至須臾間聞。是人功德轉身得與陀羅尼菩薩共生一處，利根，智慧。百千萬世終不瘡啞。口氣不臭，舌常無病，口亦無病。齒不垢黑，不黃，不疎，亦不缺落，不差，不曲。唇不下垂，亦不褻縮，不麤澀，不瘡疹，亦不缺壞，亦不局斜，不厚，不大，亦不黧黑，無諸可惡。鼻不匾匾，亦不曲戾。面色不黑，亦不陘長，亦不窳曲，無有一切不可喜相。唇，舌，牙齒悉皆嚴好。

**鼻脩高直，面貌圓滿，眉高而長。額廣平正，人相具足。
世所生，見佛聞法，信受教誨。**

(**Kinh:** *Này A Dật Đa! Nếu lại có người nói với người khác: “Có kinh tên là Pháp Hoa, hãy nên cùng đến nghe”. [Người đó] liền vâng lời, dẫn chỉ tới nghe trong khoảnh khắc. Công đức của người ấy (người khuyên đi nghe kinh) là thân sau sẽ được sanh cùng một chỗ với Đà La Ni Bồ Tát⁶¹, lợi căn, trí huệ. Trong trăm ngàn vạn năm, trọn chẳng cảm ngong. Hơi miệng chẳng thối, lưỡi thường không bệnh, miệng cũng không bệnh. Răng chẳng đen dơ, chẳng vàng, chẳng thừa, cũng chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng cong vẹo. Môi chẳng trề, cũng chẳng co rút, chẳng thô rít, chẳng gẻ nhọt, cũng chẳng thiếu khuyết (môi trót hoặc sứt môi), hư hoại, cũng chẳng cong quắp, chẳng dày, chẳng to, cũng chẳng đen đúa, không có các hình dạng khó ưa. Mũi chẳng tẹt xẹp, cũng chẳng cong vẹo. Sắc mặt chẳng đen, mặt chẳng hẹp dài, cũng chẳng cong gẫy, chẳng có hết thấy các tướng khó ưa. Môi, lưỡi, răng lợi thấy đều ngay ngắn, đẹp đẽ, mũi dài, cao, thẳng, diện mạo viên mãn, lông mày cao dài. Trán rộng phẳng phiu. Tướng người trọn vẹn, đời đời sanh ra đều thấy Phật, nghe pháp, tin nhận lời răn dạy).*

Đoạn kinh văn này cũng nêu ra công đức nơi sáu căn. “Lợi căn” là sáu căn đều nhạy bén. “Trí huệ” là công đức nơi ý. “Chẳng cảm ngong” là công đức nơi lưỡi. “Dài cao, thẳng” là công đức nơi mũi. “Thấy Phật” là công đức nơi mắt. “Nghe pháp” là công đức nơi tai. Các điều khác là công đức nơi thân. Phần sau (tức phẩm Pháp Sư Công Đức) nói sáu căn thanh tịnh chính là công đức nơi địa vị Tương Tự. Ở đây là công đức trước khi đạt tới địa vị Tương Tự. Nhưng năm mươi công đức ấy, hoặc trọn đủ, hoặc chẳng trọn đủ, hoặc đạt được một, hai phần, tùy theo sức công đức, chẳng thể nhất loạt như nhau được! Lại nữa, Tùy Hỷ là địa vị Quán Hạnh, nay nói ba loại là tự đến [nghe kinh], chia chỗ ngồi, và khuyên người khác [nghe kinh], chưa bàn tới Lý Quán, tức là địa vị Danh Tự. Công đức của [địa vị] Danh Tự mà còn là như thế, huống hồ [địa vị] Quán Hạnh ư? Huống hồ Tương Tự Phần Chứng và Cứu Cánh ư?

⁶¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đà La Ni Bồ Tát là bậc Bồ Tát đã đắc Tổng Trì, theo Thập Địa Luận, đó là Ngũ Địa Bồ Tát trong Viên Giáo”.

18.2.1.2.4. Nghe trọn vẹn rồi tu hành

(Kinh) A Dật Đa! Nhữ thử quán thị khuyến ư nhất nhân linh vãng thánh pháp, công đức như thử, hà hướng nhất tâm thánh thuyết, độc tụng, nhi ư đại chúng vị nhân phân biệt, như thuyết tu hành.

(經)阿逸多！汝且觀是勸於一人令往聽法，功德如此，何況一心聽說讀誦，而於大眾為人分別，如說修行」。

(Kinh: Nay A Dật Đa! Ông hãy xem khuyên một người, khiến cho người ấy đến nghe pháp, công đức như thế đó, hướng hô nhất tâm nghe nói, đọc, tụng, ở trong đại chúng vì người khác phân biệt, tu hành đúng như lời dạy).

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

18.2.2. Kệ tụng

18.2.2.1. Trùng tụng công đức do nội tâm tùy hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược nhân ư pháp hội, đắc văn thị kinh điển, nãi chí ư nhất kệ, tùy hỷ vị tha thuyết. Như thị triển chuyển giáo, chí ư đệ ngũ thập. Tối hậu nhân hoạch phước, kim đương phân biệt chi. Như hữu đại thí chủ, cung cấp vô lượng chúng, cụ mãn bát thập tuế, tùy ý chi sở dục. Kiến bỉ suy lão tướng, phát bạch nhi diện trứu, xỉ sơ, hình khô kiệt. Niệm kỳ tử bất cứu, ngã kim ưng đương giáo, linh đắc ư đạo quả. Túc vị phương tiện thuyết, Niết Bàn chân thật pháp. Thế giai bất lao cố, như thủy mặt, bào, diêm. Nhữ đẳng hàm ưng đương, tât sanh yếm ly tâm. Chư nhân văn thị pháp, giai đắc A La Hán, cụ túc lục thần thông, tam minh, bát giải thoát. Tối hậu đệ ngũ thập, văn nhất kệ tùy hỷ, thị nhân phước thắng bỉ, bất khả vi thí dụ. Như thị triển chuyển văn, kỳ phước thượng vô lượng. Hà hướng ư pháp hội, sơ văn tùy hỷ giả.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若人於法會，得聞是經典，乃至於一偈，隨喜為他說。如是展轉教，至於第五十。最後人獲福，今當分別之。如有大施主，供給無量眾，具滿八十歲，隨意之所欲。見彼衰老相，髮

白而面皺，齒疎形枯竭。念其死不久，我今應當教，令得於道果。即為方便說，涅槃真實法。世皆不牢固，如水沫泡燄。汝等咸應當，疾生厭離心。諸人聞是法，皆得阿羅漢，具足六神通，三明八解脫。最後第五十，聞一偈隨喜，是人福勝彼，不可為譬喻。如是展轉聞，其福尚無量。何況於法會，初聞隨喜者。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này bèn nói kệ rằng: - Nếu ai trong pháp hội, được nghe kinh điển này, dầu chỉ một bài kệ, tùy hỷ vì người nói. Lần lượt dạy như thế, tới người thứ năm mươi. Người cuối cùng được phước, nay sẽ phân biệt nói. Như có đại thí chủ, cung cấp vô lượng chúng, trọn đủ tám mươi năm, thuận lòng họ mong muốn. Thấy họ tướng già suy, tóc bạc và mặt nhăn, răng thưa, thân còm cõi. Nghĩ không lâu sẽ chết, ta nay nên dạy họ, khiến họ đắc đạo quả. Liền phương tiện giảng nói, pháp Niết Bàn chân thật. Đòi đều không chắc chắn, như bọt nước, gợn nắng. Các người hãy đều nên, mau sanh lòng chán lìa. Mọi người nghe pháp ấy, đều đắc A La Hán, trọn đủ sáu thần thông, tam minh, tám giải thoát. Người năm mươi cuối cùng, nghe một kệ tùy hỷ, được phước hơn thí chủ, chẳng thể thí dụ được! Lần lượt nghe như thế, còn hưởng phước vô lượng. Huống hồ trong pháp hội, nghe tùy hỷ đầu tiên).

18.2.2.2. Trùng tụng công đức của người nghe pháp ngoài pháp hội

18.2.2.2.1. Trùng tụng [công đức] của người khuyên kẻ khác

(*Kinh*) *Nhược hữu khuyến nhất nhân, tương dẫn thánh Pháp Hoa, ngôn thử kinh thâm diệu, thiên vạn kiếp nan ngộ. Túc thọ giáo vãng thánh, nãi chí tu du văn. Tư nhân chi phước báo, kim đương phân biệt thuyết: Thế thế vô khẩu hoạn, xử bất sơ hoàng hắc. Thần bất hậu, khiên, khuyết, vô hữu khả ố tướng. Thiết bất cần, hắc, đoản. Ty cao tu thả trực. Ngạch quảng nhi bình chánh. Diện mục tất đoan nghiêm, vị nhân sở hỷ kiến. Khẩu khí vô xú uế. Ưu Bát hoa chi hương, thường tùng kỳ khẩu xuất.*

(經)若有勸一人，將引聽法華，言此經深妙，千萬劫難遇。即受教往聽，乃至須臾聞。斯人之福報，今當分別說：世世無口患，齒不疎黃黑。唇不厚褰缺，無有可惡相。舌不乾黑短。鼻高脩且直。額廣而平正。面目悉端嚴，為人所喜見。口氣無臭穢。優鉢華之香，常從其口出。

(Kinh: Nếu ai khuyên một người, dẫn dụ nghe Pháp Hoa, nói kinh ấy sâu mầu, ngàn vạn kiếp khó gặp. Liền nghe lời tới nghe, dầu chỉ trong giây lát. Phước báo của kẻ đó, nay sẽ phân biệt nói: Đời đời miệng chẳng bệnh, răng chẳng thưa, vàng, đen. Môi chẳng dày, tím, khuyết, chẳng có tướng đáng ghét. Lưỡi chẳng khô, đen, ngắn. Mũi cao, dài và thẳng. Trán rộng mà phẳng phiu. Diện mạo đều đoan nghiêm, người khác thích trông thấy. Hơi miệng chẳng hôi thối. Mùi hương hoa Ưu Bát, thường từ miệng phả ra).

18.2.2.2.2. Trùng tụng chuyện tự đến nghe

(Kinh) Nhược cổ nghệ tăng phùng, dực thánh Pháp Hoa kinh. Tu du văn hoan hỷ, kim đương thuyết kỳ phước: Hậu sanh thiên nhân trung, đắc diệu tượng, mã xa, trân bảo chi liên dư, cập thừa thiên cung điện.

(經)若故詣僧坊，欲聽法華經。須臾聞歡喜，今當說其福：後生天人中，得妙象馬車，珍寶之輦輿，及乘天宮殿。

(Kinh: Có ý đến tăng phùng, muốn nghe kinh Pháp Hoa. Nghe giây lát, hoan hỷ. Nay sẽ nói phước đó: Sau sanh trong trời, người, được voi, xe ngựa đẹp, kiệu cáng bằng trân bảo, và ngự cung điện trời).

18.2.2.2.3. Trùng tụng chuyện chia chỗ ngồi

(Kinh) Nhược ư giảng pháp xứ, khuyến nhân tọa thánh kinh. Thị phước nhân duyên đắc, Thích, Phạm, Chuyển Luân tòa.

(經)若於講法處，勸人坐聽經。是福因緣得，釋梵轉輪座。

(Kinh: Nếu ở chỗ giảng pháp, khuyên người ngồi nghe kinh. Nhân duyên phước sẽ đắc, tòa Thích, Phạm, Chuyển Luân).

18.2.2.2.4. Trùng tụng nghe trọn đủ, tu hành

(Kinh) Hà hướng nhất tâm thính, giải thuyết kỳ nghĩa thú, như thuyết nhi tu hành, kỳ phước bất khả hạn.

(經)何況一心聽，解說其義趣，如說而修行，其福不可限」。

(Kinh: Hướng hồ một dạ nghe, giải nói nghĩa thú ấy, tu hành đúng lời dạy, phước đó chẳng thể ngăn).

Phần thứ nhất, “dùng công đức nơi nhân để khuyên lưu thông” đã xong. Giải thích phẩm Tùy Hỷ Công Đức cũng xong; kể đó, giải thích phẩm Pháp Sư Công Đức.

19. Pháp Sư Công Đức Phẩm Đệ Thập Cửu

法師功德品第十九

Phẩm thứ mười chín: Công đức của pháp sư

“*Pháp sư*” tức là năm loại pháp sư: Thọ trì, đọc tụng v.v... như đã giải thích cặn kẽ trong phẩm Pháp Sư thuộc phần trước. Năm loại hạnh ấy bắt đầu từ Danh Tự cho đến Phân Chứng, đều có thể thực hiện. Bất cứ hạnh nào, đều do ngũ phẩm mà thanh tịnh lục căn; nhưng ngũ phẩm thuộc về Quán, còn năm loại [pháp sư] thuộc về Sự. Vì thế, “*đọc tụng*” được nói trong phẩm này chưa chắc là đã nói đến hạng người thứ hai [trong năm loại người được nói trong phẩm Phân Biệt Công Đức]. “*Giải nói*” trong phẩm này chưa chắc là nói đến hạng người thứ ba. Phẩm Tùy Hỷ Công Đức trên đây đã nói rõ công đức của kẻ sơ tâm trong phẩm thứ nhất, còn phẩm này xét chung năm sự, bất luận hành chuyện gì, sẽ đều đạt được sáu căn thanh tịnh. Đã nói là “*đương đắc*” (sẽ đạt được), tức là nêu ra cái quả để khuyên, chính là [nêu ra] công đức đạt được bởi năm

loại pháp sư. Nhưng muốn thanh tịnh sáu căn, cần phải tu quán pháp thuộc mười thừa, hoặc dùng đọc để tu mười pháp Quán, hoặc dùng tụng để tu mười pháp Quán, hoặc dùng giải nói để tu mười pháp Quán, hoặc dùng biên chép để tu mười pháp Quán.

Bậc thượng căn quán cảnh liền thanh tịnh sáu căn. Trung căn thì từ hai tới sáu căn trong lục căn sẽ được thanh tịnh. Hạ căn vận dụng trọn mười pháp, đối với lục căn thanh tịnh đều là phần chứng. Năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) thanh tịnh được gọi là “*ngoại trang nghiêm*” (trang nghiêm bên ngoài). Ý căn thanh tịnh gọi là “*nội trang nghiêm*” (trang nghiêm bên trong). Lại nữa, từ địa ngục cho đến sắc tượng của hết thảy chư Phật đều hiện trong thân thì gọi là “*nội trang nghiêm*”. Dùng Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội, hiện hình tượng của mười pháp giới, hóa độ hết thảy, gọi là “*ngoại trang nghiêm*”. Thân căn đã là như thế, năm căn kia cũng thế.

Thọ trì đã là như vậy, bốn chuyện kia (đọc, tụng, giải nói, biên chép) cũng thế. Phẩm Tùy Hỷ đã là như thế, bốn phẩm kia càng bội phần. Tương Tự đã là như thế, Phần Chân sẽ đều như thế. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Thế Giới Tất Đàn. Hành giả nghe nói công đức lợi ích ấy, vui mừng khôn ngăn, siêng cầu chẳng chán! Tín và Tinh Tấn tăng gấp bội. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Vị Nhân Tất Đàn. Nghe nói điều này xong, biết sâu xa Đại Thừa có thể lực lớn, quyết chẳng mắc vào lưới ngò! Vì thế nói phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Đồi Trại Tất Đàn. Kẻ sơ sài nhất nơi Tương Tự Giải mà [công đức] gấp trăm ngàn vạn lần tốt bậc nơi Nhị Thừa, chỉ ra cái khởi đầu để hiển lộ cái chung cục, càng hiểu Độ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư Công Đức. Đó là ý nghĩa Nhập Lý vậy.

*** *Nêu ra công đức của cái quả nơi phẩm đầu (phẩm tùy hỷ) để khuyên lưu thông***

19.1. Liệt kê số lượng

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát:
- *Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị Pháp Hoa kinh, nhược đọc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, thị nhân đương đắc bát bách nhãn công đức, thiên nhị bách nhĩ công đức, bát bách ty công đức, thiên nhị bách thiết công đức, bát bách thân công đức, thiên nhị bách ý công đức. Dĩ thị công đức trang nghiêm lục căn, giai linh thanh tịnh.*

(經)爾時，佛告常精進菩薩摩訶薩：「若善男子，善女人受持是法華經，若讀，若誦，若解說，若書寫，是人當得八百眼功德，千二百耳功德，八百鼻功德，千二百舌功德，八百身功德，千二百意功德。以是功德莊嚴六根，皆令清淨。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát (Satatasamitābhiyukta): - Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh Pháp Hoa này, dù đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người ấy sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Dùng công đức ấy để trang nghiêm sáu căn khiến cho đều thanh tịnh).

Ngũ phẩm quán hạnh theo chiều dọc xét theo một người. Năm loại pháp sư theo chiều ngang bao gồm năm loại người. Nhưng quán bất cứ loại người nào, cũng đều có thể thanh tịnh trọn vẹn sáu căn, tức là theo chiều dọc mà chẳng phải là dọc. Bất cứ người nào cũng đều có thể kiên hành năm sự, tức là theo chiều ngang mà chẳng ngang. Nay nhờ vào “ngang mà chẳng phải là ngang” để đối ứng với “dọc mà chẳng phải là dọc”. Tin tưởng, lãnh nhận gọi là Thọ, gánh vác là Trì. Thọ tức là Tùy (thuận theo), Trì chính là Hỷ. Vì thế, dùng thọ trì để mô phỏng phẩm Tùy Hỷ. Đọc và tụng còn dùng để tương ứng với phẩm thứ hai, giải nói tương ứng với phẩm thứ ba. Biên chép và cúng dường tương ứng với hai phẩm thứ tư và thứ năm, do trong mỗi phẩm, ắt tương ứng với quán pháp của mười thừa. Vì thế, sẽ đạt được quả báo sáu căn thanh tịnh. Tám trăm hay một ngàn hai trăm [công đức] v.v... chỉ là dựa theo kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) để giải thích các tướng là do Tánh Đức tu được, cả hai nghĩa đều thành tựu. Ấy là vì một niệm tâm tánh hiện tiền vốn sẵn theo chiều dọc cùng tốt, theo chiều ngang trọn khắp. Do theo chiều dọc cùng tốt, cho nên huyền hiện ba đời. Do theo chiều ngang trọn khắp, cho nên huyền hiện bốn phương. Xét theo đời thì đời nào cũng có phương, ba lần bốn cũng là mười hai. Xét theo phương thì phương nào cũng có đời, bốn lần ba cũng là mười hai! Do vậy, nói “ba lần bốn” hay “bốn lần ba” uyển chuyển thành mười hai. Bất cứ mỗi phương hay mỗi

đời nào, ắt cũng đều có mười pháp giới. Đó là một trăm hai mươi. Trong mỗi pháp giới, đều có Thập Như (tánh như thị, tướng như thị v.v...). Cho nên [mười nhân với một trăm hai mươi] thành một ngàn hai trăm. Vì thế nói: “*Lưu xuất, biến ba tầng từ một thành mười, trăm, ngàn*” (Vốn chỉ là nhất tâm, lần biến đổi thứ nhất là ba lần bốn hoặc bốn lần ba thành mười hai. Tầng thứ hai, do [mười hai nhân với] mười giới mà thành một trăm hai mươi. Tầng thứ ba, [một trăm hai mươi ấy] nhân với Thập Như mà thành một ngàn hai trăm).

Xét theo mười phương ba đời, hết thấy mười pháp giới, cũng chỉ có con số “một ngàn hai trăm” này đủ để gồm trọn hết. Xét theo mỗi chúng sanh, ai nấy cũng đều có đủ con số một ngàn hai trăm ấy, chẳng thừa, chẳng thiếu! Xét theo mỗi chúng sanh, đã trọn đủ con số một ngàn hai trăm ấy. Xét theo mỗi căn, cũng hoàn toàn có đủ con số một ngàn hai trăm ấy. Đây là pháp tánh chẳng thể nghĩ bàn. Toàn chân thành vọng, toàn vọng tức chân. Nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm không giảm. Nơi sáu căn chẳng nhiều, nơi một căn chẳng ít! Vì thế gọi là Tánh Đức. Chúng sanh do mê Tánh Đức ấy mà tu hành trái nghịch, đến nỗi khiến cho tác dụng của sáu căn có nhiều, có ít! Mắt thì thấy đằng trước mà chẳng thấy đằng sau, đối với bốn góc thì bỏ sót một nửa; vì thế chỉ có tám trăm [công đức]. Tai nghe trọn khắp mười phương; vì thế là một ngàn hai trăm [công đức]. Mũi thì thở ra bèn giữ hơi, hít vào liền biết mùi, giữa hai khoảng ấy sẽ chẳng có lực dụng thù thắng; vì thế chỉ có tám trăm [công đức]. Lưỡi tuyên dương vô tận, cho nên có một ngàn hai trăm [công đức]. Thân thì có tiếp xúc mới biết là vừa lòng hay trái ý, [hể các trần] tách khỏi thân thì chẳng biết; cho nên chỉ có tám trăm. Ý ngâm dung hợp pháp thế gian hay xuất thế gian, tốt cùng bờ mé; cho nên là một ngàn hai trăm [công đức]. Đó là xét riêng theo mê tình để nói. Người thuộc Viên Giáo nương theo Tánh Đức ấy mà dứt khỏi sự thuận tu, sáu căn sẽ dùng lẫn cho nhau, chẳng còn hơn kém! Một căn chiếu trọn khắp hết thấy các cảnh, một cảnh đối ứng trọn khắp hết thấy các căn. Căn căn, trần trần, hiển lộ trọn vẹn pháp giới. Đó là riêng xét theo khai ngộ để nói. Nay trên là thuận theo khai ngộ, cho nên nói “*công đức trang nghiêm thanh tịnh*”; dưới thuận theo mê tình, cho nên vẫn là tám trăm hay một ngàn hai khác nhau! Kinh văn chép: “*Tuy vị đắc Thiên Nhân*” (Tuy chưa đắc Thiên Nhân), tức là dưới thì thuận theo mê tình. Lại nói: “*Nhục nhãn lực như thị*” (Sức của nhục nhãn là như thế), tức là trên thì thuận theo khai ngộ. Một căn đã là như thế, các căn khác đều có thể suy ra mà biết!

19.2. Giải thích riêng biệt

19.2.1. Nhãn căn

(Kinh) “Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân phụ mẫu sở sanh thanh tịnh nhục nhãn kiến u tam thiên đại thiên thế giới nội ngoại sở hữu sơn, lâm, hà, hải, hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí Hữu Đảnh, diệc kiến kỳ trung nhất thiết chúng sanh, cập nghiệp nhân duyên, quả báo, sanh xứ, tất kiến, tất tri”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược u đại chúng trung, dĩ vô sở úy tâm, thuyết thị Pháp Hoa kinh, nhữ thính kỳ công đức. Thị nhân đắc bát bách, công đức thù thắng nhãn. Dĩ thị trang nghiêm cố, kỳ mục thậm thanh tịnh, phụ mẫu sở sanh nhãn, tất kiến tam thiên giới, nội ngoại Di Lâu sơn, Tu Di cập Thiết Vi, tịnh dư chư sơn lâm, đại hải, giang hà thủy, hạ chí A Tỳ ngục, thượng chí Hữu Đảnh xứ, kỳ trung chư chúng sanh, nhất thiết giai tất kiến. Tuy vị đắc Thiên Nhãn, nhục nhãn lực như thị.

(經)是善男子，善女人父母所生清淨肉眼見於三千大千世界內外所有山，林，河，海，下至阿鼻地獄，上至有頂，亦見其中一切眾生，及業因緣，果報，生處，悉見，悉知」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若於大眾中，以無所畏心，說是法華經，汝聽其功德。是人得八百，功德殊勝眼。以是莊嚴故，其目甚清淨，父母所生眼，悉見三千界，內外彌樓山，須彌及鐵圍，并餘諸山林，大海江河水，下至阿鼻獄，上至有頂處，其中諸眾生，一切皆悉見。雖未得天眼，肉眼力如是」。

(Kinh: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân do cha mẹ sanh ra mà thấy tam thiên đại thiên thế giới trong ngoài tất cả núi, rừng, sông, biển, dưới là tới địa ngục A Tỳ, trên là đến trời Hữu Đảnh. Cũng thấy hết thấy chúng sanh trong đó và nghiệp nhân duyên, quả báo, chỗ họ sanh sống, đều thấy, đều biết”. Lúc bấy giờ, đức

Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu ở trong đại chúng, dùng tâm không sợ hãi, nói kinh Pháp Hoa này, ông hãy nghe công đức. Người ấy đắc tám trăm, mất công đức thù thắng. Do được trang nghiêm vậy, mất hết sức thanh tịnh, nhục nhãn cha mẹ sanh, thấy trọn cõi tam thiên, trong ngoài núi Di Lâu (Meru), Tu Di (Sumeru) và Thiết Vi (Cakravāḍa), và các núi rừng khác. Nước biển cả, sông ngòi, dưới tới ngục A Tỳ, trên đến trời Hữu Đảnh. Các chúng sanh trong đó, hết thấy đều thấy trọn. Dầu chưa đắc Thiên Nhãn, sức nhục nhãn như thế).

Xét ngũ nhãn theo thứ tự, nhục nhãn thường thấy Hiện Đối Sắc⁶², thiên nhãn thấy chướng ngoại sắc⁶³, huệ nhãn quán Không, pháp nhãn quán Tục, Phật nhãn quán Trung. Xét theo thiên nhãn thì trên có thể thấy dưới, dưới chẳng thể thấy trên⁶⁴. Báo đắc thiên nhãn của Phạm Vương thấy trọn khắp các cõi thuộc quyền thống trị, nhưng chẳng thể thấy các cõi bên cạnh. Thiên nhãn của Nhị Thừa có thể thấy đại thiên thế giới, nhưng tác ý thì thấy, chẳng tác ý sẽ không thấy. Lại như ngài Mục Kiền Liên dùng tám ngàn tam-muội, có thể thấy tám ngàn thế giới. Ngài Xá Lợi Phất dùng một vạn tam-muội có thể thấy một vạn thế giới v.v... Hoàn toàn là do nhập Định mới thấy, xuất Định sẽ chẳng thấy. Nay kinh nói rõ nhục nhãn do cha mẹ sanh thành có thể thấy đại thiên trong, ngoài, trên, dưới, hoàn toàn chẳng do người khác dạy bảo. Hãy nên biết đó chính là nhục nhãn viên dung, một mắt là hết thấy các mắt. Chỉ trong nhục nhãn mà có đủ tác dụng của ngũ nhãn:

- Thấy đại thiên tức là tác dụng của thiên nhãn.
- Thấy nghiệp nhân duyên quả báo tức là tác dụng của pháp nhãn.
- Do thanh tịnh nên chẳng có Kiến Tư Hoặc, tức là tác dụng của huệ nhãn.
- Do thanh tịnh, nên chế phục Vô Minh Hoặc, tức là tác dụng của Phật nhãn.

⁶² Hiện Đối Sắc: Sắc tướng có thể thấy bằng mắt thường.

⁶³ Chướng ngoại sắc: Sắc tướng bị ngăn che bởi một vật khác, chẳng hạn như vật ở sau bức tường thì mắt thường chẳng thể nhìn xuyên qua tường được. Sắc tướng ấy được gọi là Chướng Ngoại Sắc.

⁶⁴ Ý nói: Cõi trên có thể thấy cõi dưới, nhưng cõi dưới chẳng thấy cõi trên, như chư thiên trời Tứ Thiên Vương có thể thấy nhân gian, nga quý, súc sanh, A Tu La, địa ngục v.v... rành rành, nhưng chẳng thể thấy cảnh tượng trên trời Đạo Lợi.

Đại Kinh nói: “*Tuy thị nhục nhãn, danh vi Phật nhãn*” (Tuy là nhục nhãn, mà gọi là Phật nhãn). Do chính là Phật nhãn, nên gọi là “*thanh tịnh*”. Do trọn đủ ngũ nhãn, nên gọi là “*trang nghiêm*”, tức là tương tự Phật nhãn, mà cũng là tương tự Phật ngũ nhãn. Do là thân phần đoạn, cho nên gọi là “*phụ mẫu sở sanh nhục nhãn*” (nhục nhãn do cha mẹ sanh ra). Vì thế, thuận theo mê tình mà nói tám trăm [công đức]. Đã chứng tương tự giải, cho nên giống như ngũ nhãn xứng tánh của Như Lai. Do thuận theo khai ngộ mà nói đến công đức. Lại chuẩn theo kinh văn trong phần sau, cũng phải nên thấy trọn Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn v.v... Cũng phải nên thấy trọn thanh, hương, vị, xúc và pháp v.v... Đã đắc tương tự viên dung ngũ nhãn, ắt sẽ đắc tương tự lục căn dùng lẫn cho nhau, nhưng kinh văn lược đi [chẳng nói căn kẽ].

Ba câu đầu trong phần kệ đã hiển thị trọn vẹn ba khuôn khổ. “*Nhược ư đại chúng trung*” (Nếu ở trong đại chúng) tức là “nhà Như Lai”. “*Dĩ vô sở úy tâm*” (Dùng tâm chẳng sợ hãi) tức là “áo Như Lai”. “*Thuyết thị Pháp Hoa kinh*” (Nói kinh Pháp Hoa này) là “tòa Như Lai”. Ba khuôn khổ hoằng kinh, mười thừa trọn đủ. Vì thế, đạt được sáu căn thanh tịnh, há có phải là bỗng dung ư? Di Lâu được phương này dịch là Quang, tức là một trong bảy rặng Kim Sơn.

19.2.2. Nhĩ Căn

(Kinh) “*Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thử kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách nhĩ công đức. Dĩ thị thanh tịnh nhĩ, văn tam thiên đại thiên thế giới, hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí Hữu Đảnh. Kỳ trung nội ngoại chủng chủng ngữ ngôn âm thanh: Tượng thanh, mã thanh, ngưu thanh, xa thanh, đề khốc thanh, sấu thán thanh, loa thanh, cổ thanh, chung thanh, linh thanh, tiểu thanh, ngữ thanh, nam thanh, nữ thanh, đồng tử thanh, đồng nữ thanh, pháp thanh, phi pháp thanh, khổ thanh, lạc thanh, phàm phu thanh, thánh nhân thanh, hỷ thanh, bất hỷ thanh, thiên thanh, long thanh, Dạ Xoa thanh, Càn Thát Bà thanh, A Tu La thanh, Ca Lâu La thanh, Khẩn Na La thanh, Ma Hầu La Già thanh, hỏa thanh, thủy thanh, phong thanh, địa ngục thanh, súc sanh thanh, ngạ quỷ thanh, tỳ-kheo thanh, tỳ-kheo-ni thanh, Thanh Văn thanh, Bích Chi Phật thanh, Bồ Tát thanh, Phật thanh. Dĩ yếu ngôn chi, tam thiên đại thiên thế giới trung nhất thiết nội ngoại sở hữu chư thanh, tuy vị đắc Thiên*

Nhĩ, dĩ phụ mẫu sở sanh thanh tịnh thường nhĩ, giai tất văn tri. Như thị phân biệt chủng chủng âm thanh, nhi bất hoại nhĩ căn”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Phụ mẫu sở sanh nhĩ, thanh tịnh vô trước uest. Dĩ thử thường nhĩ văn. Tam thiên thế giới thanh. Tượng, mã xa, ngư thanh. Chung, linh, loa, cổ thanh. Cầm, sắt, không hầu thanh. Tiêu, địch chi âm thanh. Thanh tịnh hảo ca thanh. Thính chi nhi bất trước. Vô số chủng nhân thanh. Văn tất năng giải liễu. Hựu văn chư thiên thanh, vi diệu chi ca âm, cập văn nam nữ thanh. Đồng tử, đồng nữ thanh. Sơn, xuyên, hiểm cốc trung, Ca Lăng Tần Già thanh, Mạng Mạng đẳng chư điệu, tất văn kỳ âm thanh. Địa ngục chúng khổ thống, chủng chủng sở độc thanh. Ngạ quỷ cơ khát bức, cầu sách ẩm thực thanh. Chư A Tu La đẳng, cư tại đại hải biên, tự cộng ngôn ngữ thời, xuất u đại âm thanh. Như thị thuyết pháp giả, an trụ u thử gian, dao văn thị chúng thanh, nhi bất hoại nhĩ căn. Thập phương thế giới trung, cầm thú minh tương hô. Kỳ thuyết pháp chi nhân, u thử tất văn chi. Kỳ chư Phạm Thiên thượng, Quang Âm cập Biến Tịnh, nãi chí Hữu Đảnh Thiên, ngôn ngữ chi âm thanh. Pháp sư trụ u thử, tất giai đắc văn chi. Nhất thiết tỳ-kheo chúng, cập chư tỳ-kheo-ni. Nhược độc tụng kinh điển, nhược vị tha nhân thuyết. Pháp sư trụ u thử, tất giai đắc văn chi. Phục hựu chư Bồ Tát, độc tụng u kinh pháp. Nhược vị tha nhân thuyết, soạn tập giải kỳ nghĩa. Như thị chư âm thanh, tất giai đắc văn chi. Chư Phật đại thánh tôn, giáo hóa chúng sanh giả, u chư đại hội trung, diễn thuyết vi diệu pháp. Trì thử Pháp Hoa giả, tất giai đắc văn chi. Tam thiên đại thiên giới, nội ngoại chư âm thanh. Hạ chí A Tỳ ngục, thượng chí Hữu Đảnh thiên, giai văn kỳ âm thanh, nhi bất hoại nhĩ căn. Kỳ nhĩ thông lợi cố, tất năng phân biệt tri. Trì thị Pháp Hoa giả, tuy vị đắc Thiên Nhĩ, dẫn dụng sở sanh nhĩ, công đức dĩ như thị.

(經)「復次常精進！若善男子，善女人受持此經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得千二百耳功德。以是清淨耳，聞三千大千世界，下至阿鼻地獄，上至有頂。其中內外種種語言音聲：象聲，馬聲，牛聲，車聲，啼哭聲，愁歎聲，螺聲，鼓聲，鐘聲，鈴聲，笑聲，語聲，男聲，女

聲，童子聲，童女聲，法聲，非法聲，苦聲，樂聲，凡夫聲，聖人聲，喜聲，不喜聲，天聲，龍聲，夜叉聲，乾闥婆聲，阿修羅聲，迦樓羅聲，緊那羅聲，摩睺羅伽聲，火聲，水聲，風聲，地獄聲，畜生聲，餓鬼聲，比丘聲，比丘尼聲，聲聞聲，辟支佛聲，菩薩聲，佛聲。以要言之，三千大千世界中一切內外所有諸聲，雖未得天耳，以父母所生清淨常耳，皆悉聞知。如是分別種種音聲，而不壞耳根」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「父母所生耳，清淨無濁穢。以此常耳聞。三千世界聲。象馬車牛聲。鐘鈴螺鼓聲。琴瑟箏篴聲。簫笛之音聲。清淨好歌聲。聽之而不著。無數種人聲。聞悉能解了。又聞諸天聲，微妙之歌音，及聞男女聲。童子童女聲。山川險谷中，迦陵頻伽聲，命命等諸鳥，悉聞其音聲。地獄眾苦痛，種種楚毒聲。餓鬼饑渴逼，求索飲食聲。諸阿修羅等，居在大海邊，自共言語時，出於大音聲。如是說法者，安住於此間，遙聞是眾聲，而不壞耳根。十方世界中，禽獸鳴相呼。其說法之人，於此悉聞之。其諸梵天上，光音及徧淨，乃至有頂天，言語之音聲。法師住於此，悉皆得聞之。一切比丘眾，及諸比丘尼。若讀誦經典，若為他人說。法師住於此，悉皆得聞之。復有諸菩薩，讀誦於經法。若為他人說，撰集解其義。如是諸音聲，悉皆得聞之。諸佛大聖尊，教化眾生者，於諸大會中，演說微妙法。持此法華者，悉

皆得聞之。三千大千界，內外諸音聲。下至阿鼻獄，上至有頂天，皆聞其音聲，而不壞耳根。其耳聰利故，悉能分別知。持是法華者，雖未得天耳，但用所生耳，功德已如是。

(Kinh: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ đắc một ngàn hai trăm công đức nơi tai. Dùng tai thanh tịnh ấy, nghe trong tam thiên đại thiên thế giới, dưới là tới địa ngục A Tỳ, trên là đến trời Hữu Đảnh, các thứ ngôn ngữ âm thanh trong ngoài nơi đó: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng trâu, tiếng xe, tiếng gào khóc, tiếng sầu than, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng nam, tiếng nữ, tiếng trẻ trai, tiếng trẻ gái, tiếng pháp, tiếng phi pháp, tiếng khổ, tiếng lạc, tiếng phạm phu, tiếng thánh nhân, tiếng mừng, tiếng chẳng mừng, tiếng trời, tiếng rồng, tiếng Dạ Xoa, tiếng Càn Thát Bà, tiếng A Tu La, tiếng Ca Lô La, tiếng Khẩn Na La, tiếng Ma Hầu La Già, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, tiếng địa ngục, tiếng súc sanh, tiếng ngạ quỷ, tiếng tỳ-kheo, tiếng tỳ-kheo-ni, tiếng Thanh Văn, tiếng Bích Chi Phật, tiếng Bồ Tát, tiếng Phật. Nói chung, hết thấy tất cả các thứ tiếng trong ngoài tam thiên đại thiên thế giới. Tuy chưa đắc Thiên Nhĩ, dùng tai bình thường thanh tịnh do cha mẹ sanh ra, thấy đều nghe biết, phân biệt các thứ âm thanh như vậy, nhưng chẳng hoại nhĩ căn”. Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Tai do cha mẹ sanh, thanh tịnh, chẳng như bản. Dùng tai thường ấy nghe, tiếng trong cõi tam thiên. Tiếng voi, ngựa, xe, trâu. Tiếng chuông, linh, ốc, trống. Tiếng cầm, sắt, không hầu. Âm thanh của tiêu, sáo. Tiếng ca hay thanh tịnh. Tuy nghe, chẳng chấp trước. Tiếng vô số loại người, nghe rồi đều hiểu được. Lại nghe tiếng chư thiên, tiếng ca ngâm vi diệu. Và nghe tiếng nam, nữ. Tiếng bé trai, bé gái. Núi, sông, hang hiểm trở. Tiếng Ca Lãng Tần Già (Kalaviṅka), tiếng Mạng Mạng (Jīvakaḥjīvaka)⁶⁵... các chim. Đều nghe âm thanh ấy. Địa ngục các đau khổ, các thứ tiếng khổ độc, ngạ quỷ đói khát bức, tiếng cầu tìm thức ăn. Các loài A Tu La, ở bên cạnh biển cả, lúc cùng nhau trò chuyện, vang ra

⁶⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Mạng Mạng, còn gọi là Cộng Mạng, một thân hai đầu, mỗi đầu có ý thức riêng biệt”.

âm thanh lớn. Người thuyết pháp như thế, an trụ ở nơi đây, vắng nghe các tiếng ấy, nhưng chẳng hư nhĩ căn. Trong mười phương thế giới, tiếng cảm thú gọi nhau. Người thuyết pháp khi ấy, ở đây thấy đều nghe. Âm thanh của ngôn ngữ, trên cõi trời Phạm Thiên, Quang Âm (Ābhāsvara) và Biến Tịnh (Śubhakarṣna)⁶⁶, cho đến trời Hữu Đảnh. Âm thanh các ngôn ngữ, pháp sư ở nơi đây, thấy đều được nghe thấy. Hết thấy các tỳ-kheo, và các tỳ-kheo-ni, hoặc đọc tụng kinh điển, hoặc vì người khác nói. Pháp sư trụ nơi đây, thấy đều nghe thấy rõ. Lại có các Bồ Tát, đọc tụng các kinh pháp, hoặc vì người khác nói, soạn tập, giải ý nghĩa. Các âm thanh như thế, thấy đều được nghe thấy. Chư Phật đại thánh tôn, đáng giáo hóa chúng sanh, ở trong các đại hội, diễn nói pháp vi diệu. Người trì kinh Pháp Hoa, thấy đều được nghe thấy. Cõi tam thiên đại thiên, các âm thanh trong ngoài, dưới tới ngục A Tỳ, trên đến trời Hữu Đảnh, đều nghe âm thanh ấy, mà chẳng hoại nhĩ căn. Do vì tai thông sáng, đều hay phân biệt biết. Người trì kinh Pháp Hoa, tuy chưa đắc Thiên Nhĩ, nhưng nơi tai bắm sanh, công đức đã như vậy).

Nghe trọn khắp mười pháp giới trong ngoài cõi đại thiên, nghe tiếng của lục đạo, tức là nhục nhĩ và thiên nhĩ. Nghe Nhị Thừa, tức là huệ nhĩ. Nghe Bồ Tát tức là pháp nhĩ. Nghe Phật tức là Phật nhĩ. Lại tai do cha mẹ sanh ra tức là nhục nhĩ. Có thể nghe trong ngoài tức là thiên nhĩ. Nghe mà chẳng chấp trước chính là huệ nhĩ. đều có thể phân biệt biết rõ, tức là pháp nhĩ. Cùng lúc nghe lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn, tức là Phật nhĩ.

19.2.3. Tỳ căn

(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, thành tựu bát bách tỳ công đức. Dĩ thị thanh tịnh tỳ căn, văn u tam thiên đại thiên thế giới thượng, hạ, nội, ngoại chủng chủng chư hương: Tu Mạn Na hoa hương, Xà Đề hoa hương, Mạt Lợi hoa hương, Chiêm Bạc hoa hương, Ba La La hoa hương,

⁶⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Quang Âm là tức Nhị Thiên Thiên trong Sắc Giới. Chư thiên cõi này miêng thường phóng quang để giao tiếp thay cho ngôn ngữ. Biến Tịnh Thiên thuộc Tam Thiên Thiên, cõi trời ấy quang minh thanh tịnh trọn khắp nên có tên như thế”.

xích liên hoa hương, thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương, hoa thụ hương, quả thụ hương, Chiên Đàn hương, trầm thủy hương, Đa Ma La Bát hương, Đa Già La hương, cập thiên vạn chủng hòa hương. Nhược mật, nhược hoàn, nhược đồ hương. Trì thị kinh giả, ư thử gian trụ, tất năng phân biệt. Hựu phục biệt trì chúng sanh chi hương: Tượng hương, mã hương, ngư dương đằng hương, nam hương, nữ hương, đồng tử hương, đồng nữ hương, cập thảo mộc tùng lâm hương. Nhược cận, nhược viễn, sở hữu chư hương, tất giai đắc văn, phân biệt bất thác. Trì thị kinh giả, tuy trụ ư thử, diệc văn thiên thượng chư thiên chi hương: Ba Lợi Chát Đa La, Câu Bệ Đà La thụ hương, cập Mạn Đà La hoa hương, Ma Ha Mạn Đà La hoa hương, Mạn Thù Sa hoa hương, Ma Ha Mạn Thù Sa hoa hương, Chiên Đàn, trầm thủy, chủng chủng mật hương, chư tạp hoa hương. Như thị đẳng thiên hương hòa hợp sở xuất chi hương, vô bất văn tri. Hựu văn chư thiên thân hương, Thích Đề Hoàn Nhân tại thắng điện thượng, ngũ dục ngu lạc hy hý thời hương. Nhược tại Diệu Pháp Đường thượng, vị Đạo Lợi chư thiên thuyết pháp thời hương. Nhược ư chư viên du hý thời hương, cập dư thiên đẳng nam nữ thân hương, giai tất dao văn. Như thị triển chuyển, nãi chí Phạm Thế. Thượng chí Hữu Đảnh chư thiên thân hương, diệc giai văn chi. Tịnh văn chư thiên sở thiêu chi hương, cập Thanh Văn hương, Bích Chi Phật hương, Bồ Tát hương, chư Phật thân hương, diệc giai dao văn, tri kỳ sở tại. Tuy văn thử hương, nhiên ư tỵ căn bất hoại, bất thác. Nhược dục phân biệt, vị tha nhân thuyết, ức niệm bất mậu”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhân tỵ thanh tịnh, ư thử thế giới trung. Nhược hương, nhược xú vật, chủng chủng tất văn tri. Tu Mạn Na, Xà Đề, Đa Ma La, Chiên Đàn, trầm thủy cập quế hương. Chủng chủng hoa quả hương. Cập chư chúng sanh hương. Nam tử nữ nhân hương. Thuyết pháp giả viễn trụ, văn hương tri sở tại. Đại thế Chuyển Luân Vương, tiểu Chuyển Luân cập tử, quần thần chư cung nhân. Văn hương tri sở tại. Thân sở trước trần bảo, cập địa trung bảo tạng, Chuyển luân vương bảo nữ. Văn hương tri sở tại. Chư nhân nghiêm thân cụ, y phục cập anh lạc, chủng chủng sở đồ hương. Văn hương tri kỳ thân. Chư thiên nhược hành, tọa, du hý cập thân biến. Trì thị Pháp Hoa giả, văn hương tất năng tri. Chư thụ hoa quả thật, cập tô du hương khí. Trì kinh giả trụ thử, tất tri kỳ sở tại. Chư sơn thâm hiểm xứ, Chiên Đàn thụ hoa phu, chúng sanh tại trung giả, văn hương tất năng tri. Thiết Vi sơn, đại hải, địa trung chư chúng sanh. Trì kinh giả

văn hương, tất tri kỳ sở tại. A Tu La nam nữ, cập kỳ chư quyền thuộc. Đâu tránh du hý thời, văn hương giai năng tri. Khoáng dã, hiểm ải xứ, sư tử, tượng, hổ, lang, dã ngu, thủy ngu đẳng, văn hương tri sở tại. Nhược hữu hoài nhâm giả, vị biện kỳ nam nữ, vô căn cập phi nhân, văn hương tất năng tri. Dĩ văn hương lực cố, tri kỳ sở hoài nhâm, thành tựu, bất thành tựu. An lạc sản phước tử. Dĩ văn hương lực cố, tri nam nữ sở niệm, nhiễm dục si khuể tâm. Diệc tri tu thiện giả. Địa trung chúng phục tạng, kim ngân chư trân bảo, đồng khí chi sở thịnh. Văn hương tất năng tri. Chúng chủng chư anh lạc, vô năng thức kỳ giá, văn hương tri quý tiện, xuất xứ cập sở tại. Thiên thượng chư hoa đẳng, Mạn Đà, Mạn Thù Sa, Ba Lợi Chát Đa thụ, văn hương tất năng tri. Thiên thượng chư cung điện, thượng trung hạ sai biệt, chúng bảo hoa trang nghiêm, văn hương tất năng tri. Thiên viên lâm thắng điện, chư quán, diệu pháp đường. Tại trung nhi ngu lạc, văn hương tất năng tri. Chư thiên nhược thính pháp, hoặc thọ ngũ dục thời, lai vãng hành tọa ngọa, văn hương tất năng tri. Thiên nữ sở trước y, hảo hoa hương trang nghiêm, châu toàn du hý thời, văn hương tất năng tri. Như thị triển chuyển thượng, nãi chí u Phạm Thế. Nhập Thiên, xuất Thiên giả, văn hương tất năng tri. Quang Âm, Biến Tịnh thiên, nãi chí u Hữu Đảnh, sơ sanh cập thoái một, văn hương tất năng tri. Chư tỳ-kheo chúng đẳng, u pháp thường tinh tấn. Nhược tọa, nhược kinh hành, cập độc tụng kinh điển. Hoặc tại lâm thụ hạ, chuyên tinh nhi tọa Thiên. Trì kinh giả văn hương, tất tri kỳ sở tại. Bồ Tát chí kiên cố, tọa Thiên, nhược độc tụng, hoặc vị nhân thuyết pháp, văn hương tất năng tri. Tại tại phương Thế Tôn, nhất thiết sở cung kính, mãn chúng nhi thuyết pháp, văn hương tất năng tri. Chúng sanh tại Phật tiền, văn kinh giai hoan hỷ. Như pháp nhi tu hành, văn hương tất năng tri. Tuy vị đắc Bồ Tát, vô lậu pháp sanh ty, nhi thị trì kinh giả, tiên đắc thử tỳ tướng.

(經)「復次常精進！若善男子，善女人受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，成就八百四千萬功德。以是清淨鼻根，聞於三千大千世界上，下，內，外種種諸香：須曼那華香，闍提華香，末利華香，薝蔔華香，波羅羅華香，赤蓮華香，青蓮華香，白蓮華香，華樹香，果樹香，旃檀

香，沉水香，多摩羅跋香，多伽羅香，及千萬種和香。若末，若丸，若塗香。持是經者，於此間住，悉能分別。又復別知眾生之香：象香，馬香，牛羊等香，男香，女香，童子香，童女香，及草木叢林香。若近，若遠，所有諸香，悉皆得聞，分別不錯。持是經者，雖住於此，亦聞天上諸天之香：波利質多羅，拘鞞陀羅樹香，及曼陀羅華香，摩訶曼陀羅華香，曼殊沙華香，摩訶曼殊沙華香，旃檀，沉水，種種末香，諸雜華香。如是等天香和合所出之香，無不聞知。又聞諸天身香，釋提桓因在勝殿上，五欲娛樂嬉戲時香。若在妙法堂上，為忉利諸天說法時香。若於諸園遊戲時香，及餘天等男女身香，皆悉遙聞。如是展轉，乃至梵世。上至有頂諸天身香，亦皆聞之。并聞諸天所燒之香，及聲聞香，辟支佛香，菩薩香，諸佛身香，亦皆遙聞，知其所在。雖聞此香，然於鼻根不壞，不錯。若欲分別，為他人說，憶念不謬」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是人鼻清淨，於此世界中。若香若臭物，種種悉聞知。須曼那闍提，多摩羅旃檀。沉水及桂香，種種華果香。及諸眾生香。男子女人香。說法者遠住，聞香知所在。大勢轉輪王，小轉輪及子，群臣諸宮人。聞香知所在。身所著珍寶，及地中寶藏，轉輪王寶女。聞香知所在。諸人嚴身具，衣服及瓔珞，種種所塗香。聞香知其身。諸天若行坐，遊戲及神變。持是法華者，聞香悉能知。諸樹

華果實，及酥油香氣。持經者住此，悉知其所在。諸山深險處，栴檀樹華敷，眾生在中者，聞香悉能知。鐵圍山大海，地中諸眾生。持經者聞香，悉知其所在。阿修羅男女，及其諸眷屬。鬥爭遊戲時，聞香皆能知。曠野險隘處，師子象虎狼，野牛水牛等，聞香知所在。若有懷妊者，未辨其男女，無根及非人，聞香悉能知。以聞香力故，知其初懷妊，成就不成就。安樂產福子。以聞香力故，知男女所念，染欲癡恚心。亦知修善者。地中眾伏藏，金銀諸珍寶，銅器之所盛。聞香悉能知。種種諸瓔珞，無能識其價，聞香知貴賤，出處及所在。天上諸華等，曼陀曼殊沙，波利質多樹，聞香悉能知。天上諸宮殿，上中下差別，眾寶華莊嚴，聞香悉能知。天園林勝殿，諸觀妙法堂。在中而娛樂，聞香悉能知。諸天若聽法，或受五欲時，來往行坐臥，聞香悉能知。天女所著衣，好華香莊嚴，周旋遊戲時，聞香悉能知。如是展轉上，乃至於梵世。入禪出禪者，聞香悉能知。光音徧淨天，乃至於有頂，初生及退沒，聞香悉能知。諸比丘眾等，於法常精進。若坐若經行，及讀誦經典。或在林樹下，專精而坐禪。持經者聞香，悉知其所在。菩薩志堅固，坐禪若讀誦，或為人說法，聞香悉能知。在在方世尊，一切所恭敬，愍眾而說法，聞香悉能知。眾生在佛前，聞經皆歡喜。如法而修行，聞香悉能知。

。雖未得菩薩，無漏法生鼻，而是持經者，先得此鼻 相」

。

(**Kinh:** “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ thành tựu tám trăm công đức nơi mũi. Dùng tỵ căn thanh tịnh ấy để ngửi các thứ mùi hương trong tam thiên đại thiên thế giới, trong, ngoài, trên dưới: Mùi hoa Tu Mạn Na, mùi hoa Xà Đề (Jati)⁶⁷, mùi hoa Mạt Lợi (Mallikā)⁶⁸, mùi hoa Chiêm Bặc, mùi hoa Ba La La (Pātala)⁶⁹, mùi hoa sen đỏ, mùi hoa sen xanh, mùi hoa sen trắng, mùi cây có hoa, mùi cây ăn trái, mùi Chiên Đàn, mùi trầm thủy, mùi Đa Ma La Bạt (Tamāla), mùi Đa Già La (Tagara)⁷⁰, và ngàn vạn các thứ hương hòa hợp: Hoặc bột, hoặc viên, hoặc hương bôi. Người trì kinh này ở nơi đây đều có thể phân biệt. Lại còn phân biệt biết từng mùi của chúng sanh: Mùi voi, mùi ngựa, mùi trâu, dê v.v... mùi nam, mùi nữ, mùi bé trai, mùi bé gái, và mùi hương thảo mộc, rừng rậm. Dù gần hay xa, tất cả các mùi đều ngửi thấy, phân biệt chẳng sai. Người trì kinh này tuy trụ ở đây, cũng ngửi thấy mùi của chư thiên trên cõi trời: Mùi cây Ba Lợi Chát Đa La (Pāracitraka)⁷¹, cây Câu Bệ Đà La (Kovidāra)⁷², và mùi hoa Mạn Đà

⁶⁷ Hoa Xà Đề, còn phiên âm là Xà Đề, Xà Để, dịch nghĩa là Sanh Hoa hay Thật Hoa, có tên khoa học là *Jasminum Grandiflorum*, thuộc họ Nhục Đậu Khấu. Do vậy, hoa này còn được gọi là hoa Nhục Khấu, hoặc hoa Đậu Khấu, hay hoa Kim Tiền. Hoa có màu trắng, phía ngoài phớt hồng, hương thơm nồng. Loại hoa này thường thấy rất nhiều ở Nepal và chân núi Hy Mã Lạp Sơn.

⁶⁸ Hoa Mạt Lợi là một loại hoa nhài (Jasmine), có tên khoa học là *Jasminum Sambac*, thường gọi là Arabic Jasmine. Loại hoa nhài này mọc thành chùm đến mười hai hoa, cánh trắng, mỗi hoa có từ năm đến chín cánh rất thơm, nở về đêm. Hoa khép lại lúc ban ngày. Tuy gọi là Arabic Jasmine, hoa này mọc phổ biến tại Nam Á và Đông Nam Á. Người Ba Tư đã đem giống hoa này về Trung Đông và giới thiệu sang Âu Châu nên hoa này mới có danh xưng ấy.

⁶⁹ Pātala có nghĩa màu đỏ nhạt. Danh xưng này thường được dùng để chỉ nhiều loại hoa khác nhau. Phổ biến nhất là loại hoa *Begonia Suaveolens*, hoa có hình loa kèn màu hồng nhạt, rất thơm.

⁷⁰ Tagara là một loại hoa màu trắng (có tên tiếng Anh là Indian Valerian, hoa Cam Tùng), năm cánh thon dài, thơm ngát, thường được dùng làm thuốc. Hoa này thuộc họ Valerianeaceae (Nữ Lang).

⁷¹ Ba Lợi Chát Đa La dịch nghĩa là Hương Biến Thụ (cây tỏa hương trọn khắp), hoặc Thiên Thụ Vương (cây chúa trên cõi trời) hoặc Giác Thác Trang Nghiêm (trang

La, mùi hoa Ma Ha Mạn Đà La, mùi hoa Mạn Thù Sa, mùi hoa Ma Ha Mạn Thù Sa, Chiên Đàn, trầm thủy, các thứ hương bột, mùi của các thứ hoa. Mùi sanh từ các thứ hương trời hòa hợp như thế, không gì chẳng ngửi thấy. Lại ngửi thấy mùi hương nơi thân của chư thiên: Mùi hương lúc Thích Đề Hoàn Nhân ở trong cung điện thù thắng, hưởng thụ ngũ dục, vui chơi, hoặc mùi hương khi [ông ta] ở Diệu Pháp Đường vì chư thiên Đạo Lợi thuyết pháp. Hoặc mùi hương khi dạo chơi nơi các vườn, và mùi hương nơi thân của chư thiên nam nữ khác, thấy đều từ xa ngửi thấy. Lần lượt như thế cho đến trời Phạm Thế, cho tới mùi hương nơi thân của chư thiên Hữu Đảnh, cũng đều ngửi thấy. Và ngửi thấy mùi hương do chư thiên đốt, và mùi Thanh Văn, mùi Bích Chi Phật, mùi Bồ Tát, mùi nơi thân chư Phật, cũng đều ngửi thấy từ xa, biết các Ngài ở nơi đâu. Tuy ngửi các mùi ấy, nhưng tỵ căn chẳng hoại, chẳng sai lầm. Nếu muốn phân biệt, vì người khác nói, sẽ nhớ nghĩ chẳng sai lầm”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người ấy mũi thanh tịnh, ở trong thế giới này, vật dù thơm hay thối, các thứ đều ngửi biết. Tu Mạn Na, Xà Đề, Đa Ma La, Chiên Đàn, trầm thủy và quế hương. Mùi các thứ hoa quả, và mùi các chúng sanh. Mùi nam tử, nữ nhân. Người thuyết pháp ở xa, ngửi mùi biết ở đâu. Vua Chuyển Luân thế lớn, tiểu Chuyển Luân và con, quần thần, các cung nhân, ngửi mùi biết ở đâu. Thân đeo khoác trân bảo, và kho báu trong đất, Chuyển Luân Vương bảo nữ, ngửi mùi biết ở đâu. Vật trang hoàng thân người, y phục và chuỗi ngọc, các thứ hương để bôi, ngửi mùi biết thân họ. Chư thiên đi hay ngồi, vui chơi và thần biến. Người trì Pháp Hoa ấy, ngửi mùi đều biết trọn. Hoa, quả, hạt các cây, và mùi hương bơ, dầu. Người trì kinh ở đây, đều biết được nơi chốn. Các núi sâu, chốn hiểm, cây Chiên Đàn trở hoa, chúng sanh ở trong đó, ngửi hương đều biết trọn. Núi Thiết Vi, biển cả, các chúng sanh trong đất. Người trì kinh ngửi mùi, đều biết được nơi chốn. A Tu La nam nữ, cùng với các quyền thuộc, khi đấu tranh, vui chơi, ngửi hương đều biết trọn. Nơi hoang vu hiểm trở, sư tử, voi, hổ, sói, trâu rừng, trâu nước thấy, ngửi mùi biết chỗ ở. Nếu có người mang thai, chưa phân định trai, gái, thiếu căn hoặc phi nhân,

nghiêm xen kẽ). Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa nói cành, rễ, thân, lá, hoa, quả của nó đều tỏa hương xông khắp trời Đạo Lợi.

⁷² Câu Bệ Đà La (còn viết là Kudara) là một loại hắc đàn, dịch nghĩa là Địa Phá Thụ, có tên khoa học là Bauhinia Variegata (hoa Ban), mọc nhiều quanh sườn Tây của Hy Mã Lạp Sơn. Theo Lập Thế A Tỳ Đàm Luận, cây này thân cao lớn, hình dạng đẹp đẽ, cành lá um tùm, có thể che mưa tránh gió.

ngửi mùi đều biết trọn. Do bởi sức ngửi mùi, biết người mới hoài thai, thành tựu hay không thành. An lạc sanh con phước. Do nhờ sức ngửi mùi, biết nam nữ ý niệm, nhiễm dục, tâm si, giận. Cũng biết người tu thiện. Các kho tàng trong đất, vàng, bạc, các trân bảo, chỗ có chứa chất đồng, ngửi mùi đều biết hết. Đủ mọi thứ anh lạc, chẳng thể biết giá trị, ngửi mùi biết mắc rẻ, xuất xứ và chỗ có. Các loại hoa cõi trời, Mạn Đà, Mạn Thù Sa, cây Ba Lợi Chất Đa, ngửi mùi đều biết trọn. Các cung điện cõi trời, thượng, trung, hạ sai khác. Các hoa báu trang nghiêm, ngửi mùi đều biết trọn. Vườn rừng trời, điện đẹp, đền đài, diệu pháp đường, vui sướng ngự trong đó, ngửi mùi đều biết trọn. Nếu chư thiên nghe pháp, hoặc lúc hưởng ngũ dục. Qua lại, đi, ngồi, nằm, ngửi mùi đều biết trọn. Thiên nữ khoác áo trời, hoa hương tốt trang nghiêm, lúc qua lại vui chơi, ngửi mùi đều biết trọn. Dấn cao hơn như thế, cho đến trời Phạm Thế, kẻ nhập Thiền, xuất Thiền, ngửi mùi đều biết trọn. Trời Quang Âm, Biến Tịnh, cho đến trời Hữu Đảnh, mới sanh và mất đi. Ngửi mùi đều biết trọn. Các bậc tỳ-kheo tăng, nơi pháp thường tinh tấn, tĩnh tọa hoặc kinh hành, và đọc tụng kinh điển. Hoặc ở dưới rừng cây, chuyên tinh để tọa Thiền. Người trì kinh ngửi mùi, đều biết chỗ của họ. Bồ Tát chí kiên cố, tọa Thiền hoặc đọc tụng. Hoặc vì người thuyết pháp, ngửi mùi đều biết trọn. Thế Tôn khắp mọi nơi, được hết thấy cung kính, thương chúng sanh thuyết pháp. Ngửi mùi đều biết trọn. Chúng sanh đối trước Phật, nghe kinh đều hoan hỷ, đứng như pháp tu hành. Ngửi mùi đều biết trọn. Tuy chưa đắc Bồ Tát, mũi vô lậu pháp sanh, nhưng người trì kinh đó, được trước tướng mũi này).

Mũi do cha mẹ sanh ra tức nhục ty. [Ngửi khắp các mùi] trong ngoài đại thiên tức là thiên ty. Chưởng nhiễm, chưởng chấp, tức huệ ty. Phân biệt chẳng lầm, tức pháp ty. Cùng lúc dùng lẫn cho nhau, tức là Phật ty. Đây là nói rõ [các căn] dùng lẫn cho nhau rõ ràng, cận kề nhất. Biết tốt xấu, biện định sang hèn, phân định sự trang nghiêm nơi cung trời v.v... tức là mũi có tác dụng của mắt. Đọc kinh, thuyết pháp, ngửi mùi đều biết trọn, tức là mũi có tác dụng của tai. Hoa quả, hạt của các thứ cây và mùi bơ dầu [người trì kinh đều ngửi biết], tức là mũi có tác dụng của lưỡi. Nhập Thiền, xuất Thiền, Thiền có tám cảm xúc, ngũ dục vui đùa, cũng là Xúc Trần, tức là mũi có tác dụng của thân. Tâm nhiễm, dục, si khuê, cũng biết người tu thiện, tức là mũi có tác dụng của ý. Phàm mê tình, chấp kiến, tác dụng của mũi sẽ kém cõi nhất. Vì thế Lục Thông của Tiểu Thừa chỉ nói Nhãn, Nhĩ, Thân, Ý, chẳng nói đến hai thứ

thần thông nơi mũi và lưỡi. Nhưng lưỡi có thể thuyết pháp, vẫn còn thù thắng hơn đôi chút. Mũi chỉ để thở, chẳng thể làm gì khác! Nay riêng chương này nêu căn kế tác dụng thù thắng của nó, chánh hiển viên thông diệu tánh, quả thật chẳng có hơn kém! Chỉ là thuận theo mê tình, bèn nói tám trăm [công đức]. Tương tự Phật ty sẽ rành rành là một ngàn hai trăm [công đức]!

19.2.4. Thiệt căn

(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách thiệt công đức. Nhược hảo, nhược xú, nhược mỹ, bất mỹ, cập chư khổ sát vật, tại kỳ thiệt căn, giai biến thành thượng vị, như thiên cam lộ, vô bất mỹ giả. Nhược dĩ thiệt căn, ư đại chúng trung hữu sở diễn thuyết, xuất thâm diệu thanh, năng nhập kỳ tâm, giai linh hoan hỷ, khoái lạc. Hựu chư thiên tử, thiên nữ, Thích, Phạm chư thiên, văn thị thâm diệu âm thanh, hữu sở diễn thuyết, ngôn luận thứ đệ, giai tất lai thính, cập chư long, long nữ, Dạ Xoa, Dạ Xoa nữ, Càn Thát Bà, Càn Thát Bà nữ, A Tu La, A Tu La nữ, Ca Lô La, Ca Lô La nữ, Khẩn Na La, Khẩn Na La nữ, Ma Hầu La Già, Ma Hầu La Già nữ, vị thính pháp cố, giai lai thân cận, cung kính, cúng dường, cập tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quần thần, quyền thuộc, tiểu Chuyển Luân Vương, đại Chuyển Luân Vương, thất bảo, thiên tử, nội ngoại quyền thuộc, thừa kỳ cung điện, câu lai thính pháp. Dĩ thị Bồ Tát thiện thuyết pháp cố, Bà-la-môn, cư sĩ, quốc nội nhân dân, tận kỳ hình thọ, tùy thị cúng dường. Hựu chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thường nhạo kiến chi. Thị nhân sở tại phương diện, chư Phật giai hướng kỳ xứ thuyết pháp, tất năng thọ trì nhất thiết Phật pháp. Hựu năng xuất ư thâm diệu pháp âm”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhân thiệt căn tịnh, chung bất thọ ác vị. Kỳ hữu sở thực đạm, tất giai thành cam lộ. Dĩ thâm tịnh diệu thanh, ư đại chúng thuyết pháp. Dĩ chư nhân duyên dụ, dẫn đạo chúng sanh tâm. Văn giả giai hoan hỷ, thiết chư thượng cúng dường. Chư thiên, long, Dạ Xoa, cập A Tu La đẳng, giai dĩ cung kính tâm, nhi cộng lai thính pháp. Thị thuyết pháp chi nhân, nhược dục dĩ diệu âm, biến mãn tam thiên giới, tùy ý tức năng chí. Đại, tiểu Chuyển Luân Vương, cập thiên tử, quyền thuộc, hiệp chưởng cung kính tâm, thường lai thính thọ

pháp. Chư thiên, long, Dạ Xoa, La Sát, Tỳ Xá Xà, diệc dĩ hoan hỷ tâm, thường nhạo lai cúng dường. Phạm thiên vương, ma vương, Tỳ Tại, Đại Tỳ Tại, như thị chư thiên chúng, thường lai chí kỳ sở, chư Phật cập đệ tử, văn kỳ thuyết pháp âm, thường niệm nhi thủ hộ, hoặc thời vị hiện thân.

(經)「復次常精進！若善男子，善女人受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得千二百舌功德。若好，若醜，若美，不美，及諸苦澀物，在其舌根，皆變成上味，如天甘露，無不美者。若以舌根，於大眾中有所演說，出深妙聲，能入其心，皆令歡喜，快樂。又諸天子，天女，釋梵諸天，聞是深妙音聲，有所演說，言論次第，皆悉來聽，及諸龍、龍女、夜叉、夜叉女、乾闥婆、乾闥婆女、阿修羅、阿修羅女、迦樓羅、迦樓羅女、緊那羅、緊那羅女、摩睺羅伽、摩睺羅伽女，為聽法故，皆來親近，恭敬，供養，及比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，國王，王子，群臣，眷屬，小轉輪王，大轉輪王，七寶，千子，內外眷屬，乘其宮殿，俱來聽法。以是菩薩善說法故，婆羅門，居士，國內人民，盡其形壽，隨侍供養。又諸聲聞，辟支佛，菩薩，諸佛常樂見之。是人所在方面，諸佛皆向其處說法，悉能受持一切佛法。又能出於深妙法音」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是人舌根淨，終不受惡味。其有所食噉，悉皆成甘露。以深淨妙聲，於大眾說法。以諸因緣喻，引導眾生心。聞者皆歡喜，設諸上供養。諸天龍夜叉，及阿修羅等，皆以恭敬心，而共來聽法。是

說法之人，若欲以妙音，徧滿三千界，隨意即能至。大小轉輪王，及千子眷屬，合掌恭敬心，常來聽受法。諸天龍夜叉，羅刹毗舍闍，亦以歡喜心，常樂來供養。梵天王魔王，自在大自在，如是諸天眾，常來至其所，諸佛及弟子，聞其說法音，常念而守護，或時為現身」。

(Kinh: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ được một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi. Dù tốt hay xấu, dù ngon, hay không ngon, và các vật đắng rít, ở trên cái lưỡi ấy, đều biến thành vị ngon lành nhất như cam lộ cõi trời, không gì chẳng ngon lành. Nếu dùng cái lưỡi ấy để diễn thuyết trong đại chúng, phát ra tiếng sâu xa, mầu nhiệm, sẽ có thể lọt vào tâm họ, khiến cho họ đều hoan hỷ, sung sướng. Lại nữa, các thiên tử, thiên nữ, Đế Thích, Phạm Vương, chư thiên nghe âm thanh diễn nói sâu xa, mầu nhiệm ấy, ngôn luận có thứ lớp, thấy đều đến nghe. Và các rồng, long nữ, Dạ Xoa, Dạ Xoa nữ, Càn Thát Bà, Càn Thát Bà nữ, A Tu La, A Tu La nữ, Ca Lô La, Ca Lô La nữ, Khẩn Na La, Khẩn Na La nữ, Ma Hầu La Già, Ma Hầu La Già nữ vì nghe pháp đều đến thân cận, cung kính, cúng dường. Và tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quân thần, quyền thuộc, tiểu Chuyển Luân Vương, đại Chuyển Luân Vương, bảy báu, ngàn con⁷³, quyền thuộc trong ngoài, nương theo cung điện của họ, đều đến nghe pháp. Do vị Bồ Tát ấy khéo thuyết pháp, Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước cho đến hết tuổi thọ, luôn theo hầu, cúng dường. Các

⁷³ Bảy báu ở đây là bảy món báu của Chuyển Luân Vương. Khi Luân Vương lên ngôi, bảy báu sẽ tự nhiên xuất hiện:

- Kim luân bảo: Bánh xe báu có ngàn cánh. Chuyển Luân Vương ngự trên bánh xe ấy bay đi khắp bốn đại châu.

- Tượng Bảo (voi báu): Hình dáng trắng sạch, đoan nghiêm như hoa sen trắng.

- Mã Bảo: Ngựa báu lông óng đỏ như ngọn lửa, bờm và đuôi ánh sắc vàng ròng.

- Nữ bảo (cô gái đẹp): Hình dung đoan chánh, xinh đẹp bậc nhất.

- Ma Ni bảo châu: Có thể tuôn ra các thứ báu theo lòng mong muốn.

- Chủ Tạng Thần: Người có của cải nhiều vô lượng, sẵn sàng phụng sự Chuyển Luân các tài vật cần dùng, biết các kho tàng trong lòng đất.

- Chủ Binh Thần: Dũng mãnh, kiên cường, có tài điều khiển quân đội bậc nhất.

Ngoài bảy báu, Chuyển Luân Vương còn có một ngàn con trai.

Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật lại thường thích trông thấy. Chỗ người ấy ở, chư Phật đều hướng về chỗ đó thuyết pháp, [người ấy] đều có thể thọ trì hết thấy Phật pháp. Lại có thể phát ra pháp âm sâu mầu”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người ấy lưỡi thanh tịnh, trọn chẳng nếm vị xấu. Hễ ăn nuốt thứ gì, đều biến thành cam lộ. Dùng diệu thanh sâu tịnh, thuyết pháp trong đại chúng. Dùng thí dụ, nhân duyên, hướng dẫn tâm chúng sanh. Người nghe đều hoan hỷ, bày đồ cúng thượng diệu. Các trời, rồng, Dạ Xoa, và A Tu La thấy, đều dùng tâm cung kính, cùng nhau đến nghe pháp. Nếu người thuyết pháp ấy, muốn dùng tiếng mầu nhiệm, trọn khắp cõi tam thiên, tùy ý liền đạt tới. Chuyển Luân Vương lớn, bé, ngàn con trai, quyến thuộc, chấp tay, tâm cung kính, thường tới nghe nhận pháp. Các trời, rồng, Dạ Xoa (Yakṣa), La Sát (Rākṣasas), Tỳ Xá Xà (Piśāca)⁷⁴, cũng dùng tâm hoan hỷ, thường thích đến cúng dường. Phạm thiên vương, ma vương, Tự Tại, Đại Tự Tại, các chúng trời như thế, thường đến chỗ người ấy. Chư Phật và đệ tử, nghe tiếng thuyết pháp ấy, thường nghĩ nhớ thủ hộ, hoặc có lúc hiện thân).

[Lưỡi do] cha mẹ sanh ra tức nhục thiết. Có thể nói trong mười pháp giới, tức ý nghĩa ngũ thiết đã rõ rệt rồi. Có thể nói trong mười pháp giới tức là thiên thiết. Chẳng hoại tức huệ thiết. Chẳng sai lầm tức pháp thiết. Cùng lúc dùng lẫn nhau tức là Phật thiết.

Hỏi: - Các vị xấu đắng rít, chạm vào lưỡi đều biến thành vị ngon lành nhất, sao các sắc chạm vào mắt chẳng biến thành diệu sắc?

[Đáp]: - Các bản chú giải cũ trả lời: Chẳng phỏng theo lệ đó được, vì vị có tổn hại hay lợi ích. Tồn thì biến đổi, chẳng tồn thì không biến đổi. Các sắc chẳng hoại mắt, cho nên không phỏng theo lệ ấy. Nay tôi giải thích không giống vậy! Hết thấy các sắc chẳng đồng Phật sắc. Hết thấy các thanh đồng Phật thanh. Cho đến hết thấy các pháp đều đồng Phật pháp, đều cùng bình đẳng thanh tịnh, đâu có phỏng theo cùng một lệ vẫn chẳng trở ngại gì! Biết trọn khắp hết thấy các sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chẳng loạn, chẳng sai lầm, đâu phân biệt cũng chẳng trở

⁷⁴ Tỳ Xá Xà, còn phiên âm là Tát Xá Giá, Tỳ Xá Giá, Tịch Xá Chá, Tỷ Xá Trá, dịch nghĩa là Diên Quỷ, Diên Cuồng Quỷ, Đạm Tinh Quỷ, Thực Tinh Khí Quỷ, Thực Thi Quỷ (quỷ ăn xác chết), Thực Huyết Nhục Quỷ, Xan Thi Quỷ (quỷ ăn xác chết) v.v... Đây là một loài quỷ thường ăn xác chết và tinh khí của con người, có thể gây ra diên cuồng, bệnh tật cho con người. Có khả năng biến hóa thành mọi hình dáng để quyến rũ nạn nhân. Chúng thường lẫn lộn nơi các nghĩa địa, ngõ vắng vào lúc hoàng hôn.

ngại gì! Tuy chẳng chấp trước mà có thể phân biệt, há giống như Nhị Thừa quán Không ư? Tuy phân biệt mà chẳng hoại các căn, há giống như phàm phu vương mắc nơi Có? [Các cách chú giải cũ chính là] đối với căn tự tại mà lại hiểu là có trở ngại trở ngại vậy!

19.2.5. Thân căn

(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc bát bách thân công đức, đắc thanh tịnh thân như tịnh lưu ly, chúng sanh hỷ kiến. Kỳ thân tịnh cố, tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh sanh thời, tử thời, thượng, hạ, hảo, xú, sanh thiện xứ, ác xứ, tất ư trung hiện, cập Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, Di Lô sơn, Ma Ha Di Lô sơn đẳng chư sơn, cập kỳ trung chúng sanh, tất ư trung hiện. Hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí Hữu Đảnh, sở hữu cập chúng sanh, tất ư trung hiện. Nhược Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thuyết pháp, giai ư thân trung, hiện kỳ sắc tượng”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược trì Pháp Hoa giả, kỳ thân thậm thanh tịnh. Như bỉ tịnh lưu ly, chúng sanh giai hỷ kiến. Hựu như tịnh minh kính, tất kiến chư sắc tượng. Bồ Tát ư tịnh thân, giai kiến thể sở hữu. Duy độc tự minh liễu, dư nhân sở bất kiến. Tam thiên thế giới trung, nhất thiết chư quần manh, thiên, nhân, A Tu La, địa ngục, quỷ, súc sanh. Như thị chư sắc tượng, giai ư thân trung hiện. Chư thiên đẳng cung điện, nãi chí ư Hữu Đảnh, Thiết Vi cập Di Lô, Ma Ha Di Lô sơn, chư đại hải thủy đẳng, giai ư thân trung hiện. Chư Phật cập Thanh Văn, Phật tử Bồ Tát đẳng. Nhược độc, nhược tại chúng, thuyết pháp tất giai hiện. Tuy vị đắc vô lậu, pháp tánh chi diệu thân. Dĩ thanh tịnh thường thể, nhất thiết ư trung hiện.

(經)「復次常精進！若善男子，善女人受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得八百身功德，得清淨身如淨琉璃，眾生喜見。其身淨故，三千大千世界眾生生時，死時，上，下，好，醜，生善處，惡處，悉於中現，及鐵圍山，大鐵圍山，彌樓山，摩訶彌樓山等諸山，及其中眾

生，悉於中現。下至阿鼻地獄，上至有頂，所有及眾生，悉於中現。若聲聞、辟支佛、菩薩，諸佛說法，皆於身中，現其色像」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若持法華者，其身甚清淨。如彼淨琉璃，眾生皆喜見。又如淨明鏡，悉見諸色像。菩薩於淨身，皆見世所有。唯獨自明了，餘人所不見。三千世界中，一切諸群萌，天人阿修羅，地獄鬼畜生。如是諸色像，皆於身中現。諸天等宮殿，乃至於有頂，鐵圍及彌樓，摩訶彌樓山，諸大海水等，皆於身中現。諸佛及聲聞，佛子菩薩等。若獨若在眾，說法悉皆現。雖未得無漏，法性之妙身。以清淨常體，一切於中現」。

(*Kinh: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ đắc tám trăm công đức nơi thân, có được thân thanh tịnh như lưu ly sạch, chúng sanh thích thấy. Do thân ấy thanh tịnh, nên chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới khi sanh, khi chết, trên, dưới, tốt, xấu, sanh trong chốn thiện hay chốn ác, đều hiện trong thân. Và các núi như núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Di Lâu, núi Ma Ha Di Lâu v.v... cùng với chúng sanh trong ấy đều hiện trong đó. Dưới là đến địa ngục A Tỳ, trên là đến trời Hữu Đảnh, tất cả chúng sanh đều hiện trong đó. Nếu Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thuyết pháp, sẽ đều hiện hình ảnh trong thân”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu người trì Pháp Hoa, thân sẽ rất thanh tịnh. Như lưu ly thanh tịnh, chúng sanh đều thích thấy. Lại như gương sáng sạch, đều thấy các hình sắc. Bồ Tát nơi tịnh thân, thấy tất cả trong đời. Chỉ riêng mình hiểu rõ, người khác chẳng trông thấy. Trong tam thiên thế giới, hết thấy các quần manh, trời, người, A Tu La, địa ngục, quỷ, súc sanh, các hình sắc như thế, thấy đều hiện nơi thân. Cung điện của chư thiên, cho đến trời Hữu Đảnh. Thiết Vi và Di Lâu, núi Ma Ha Di Lâu, biển cả, các dòng nước, đều hiện ở trong thân. Chư Phật và Thanh*

Văn, Phật tử, Bồ Tát thấy. Ở riêng hay trong chúng, thuyết pháp thấy đều hiện. Tuy chưa đắc vô lậu, thân pháp tánh mẫu nhiệm, dùng thân thường thanh tịnh, hết thấy đều hiện trong).

Tất cả thể gian đều hiện trong thân [người trì kinh Pháp Hoa], đó là tác dụng của nhục thân. Trên đến trời Hữu Đảnh hiện bóng nơi thân, đó là tác dụng của thiên thân. Nhị Thừa hiện hình nơi thân, đó là tác dụng của huệ thân. Bồ Tát hiện trong thân, tức là tác dụng của Pháp Thân. Phật hiện trong thân, tức tác dụng của Phật thân. Cùng lúc hiện thân trọn vẹn, cùng lúc dùng lẫn nhau (Phật thân). Cùng lúc chẳng sai lầm (Pháp Thân). Cùng lúc chẳng chấp trước (huệ thân).

19.2.6. Ý căn

(Kinh) “Phục thứ Thường Tinh Tấn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân Như Lai diệt hậu, thọ trì thị kinh, nhược độc, nhược tụng, nhược giải thuyết, nhược thư tả, đắc thiên nhị bách ý công đức. Dĩ thị thanh tịnh ý căn, nãi chí văn nhất kệ, nhất cú, thông đạt vô lượng vô biên chi nghĩa. Giải thị nghĩa dĩ, năng diễn thuyết nhất cú, nhất kệ, chí u nhất nguyệt, tứ nguyệt, nãi chí nhất tuế. Chư sở thuyết pháp, tùy kỳ nghĩa thú, giai dĩ Thật Tướng bất tương vi bối. Nhược thuyết tục gian kinh thư, trị thể ngữ ngôn, tư sanh nghiệp đẳng, giai thuận chánh pháp. Tam thiên đại thiên thế giới lục thú chúng sanh tâm chí sở hành, tâm sở động tác, tâm sở hý luận, giai tất tri chi. Tuy vị đắc vô lậu trí huệ, nhi kỳ ý căn thanh tịnh như thử. Thị nhân hữu sở tư duy trừ lượng, giai thị Phật pháp, vô bất chân thật, diệt thị tiên Phật kinh trung sở thuyết”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhân ý thanh tịnh, minh lợi, vô trước uế. Dĩ thử diệu ý căn, tri thượng trung hạ pháp. Nãi chí văn nhất kệ, thông đạt vô lượng nghĩa, thứ đệ như pháp thuyết. Nguyệt, tứ nguyệt, chí tuế. Thị thế giới nội ngoại, nhất thiết chư chúng sanh. Nhược thiên, long, cập nhân, Dạ Xoa, quỷ thần đẳng. Kỳ tại lục thú trung, sở niệm nhược can chủng, trì Pháp Hoa chi báo, nhất thời giai tất tri. Thập phương vô số Phật, bách phước trang nghiêm tướng, vị chúng sanh thuyết pháp, tất văn năng thọ trì. Tư duy vô lượng nghĩa, thuyết pháp diệt vô lượng. Chung thử bất vong thác. Dĩ trì Pháp Hoa cố, tất tri chư pháp tướng. Tùy nghĩa thức thứ đệ, đạt danh tự ngữ ngôn. Như sở tri diễn thuyết. Thử nhân hữu sở thuyết, giai thị tiên Phật pháp. Dĩ diễn thử pháp cố, u chúng vô sở úy. Trì Pháp Hoa kinh giả, ý

căn tịnh nhược tư. Tuy vị đắc vô lậu, tiên hữu như thị tướng. Thị nhân trì thử kinh, an trụ hy hữu địa, vị nhất thiết chúng sanh, hoan hỷ nhi ái kính. Năng dĩ thiên vạn chủng, thiện xảo chi ngữ ngôn, phân biệt nhi thuyết pháp, trì Pháp Hoa kinh cổ.

(經)「復次常精進！若善男子，善女人如來滅後，受持是經，若讀，若誦，若解說，若書寫，得千二百億功德。以是清淨意根，乃至聞一偈，一句，通達無量無邊之義。解是義已，能演說一句，一偈，至於一月，四月，乃至一歲。諸所說法，隨其義趣，皆與實相不相違背。若說俗間經書，治世語言，資生業等，皆順正法。三千大千世界六趣眾生心之所行，心所動作，心所戲論，皆悉知之。雖未得無漏智慧，而其意根清淨如此。是人有所思惟籌量，皆是佛法，無不真實，亦是先佛經中所說」。爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是人意清淨，明利無濁穢。以此妙意根，知上中下法。乃至聞一偈，通達無量義，次第如法說。月四月至歲。是世界內外，一切諸眾生。若天龍及人，夜叉鬼神等。其在六趣中，所念若干種，持法華之報，一時皆悉知。十方無數佛，百福莊嚴相，為眾生說法，悉聞能受持。思惟無量義，說法亦無量。終始不忘錯。以持法華故，悉知諸法相。隨義識次第，達名字語言。如所知演說。此人有所說，皆是先佛法。以演此法故，於眾無所畏。持法華經者，意根淨若斯。雖未得無漏，先有如是相。是人持此經，安住希有地，為一切眾生，歡喜而愛

敬。能以千萬種，善巧之語言，分別而說法，持法華經故」。

(Kinh: “Lại này Thường Tinh Tấn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai diệt độ, thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, sẽ đắc một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Dùng ý căn thanh tịnh ấy, dầu chỉ nghe một kệ, một câu, bèn thông đạt vô lượng vô biên nghĩa. Đã hiểu nghĩa ấy rồi, có thể diễn nói một câu, một kệ trong một tháng, bốn tháng, cho tới một năm. Những lời thuyết pháp thuận theo nghĩa thú, đều chẳng trái nghịch Thật Tướng. Nếu nói kinh sách thế tục, các lời lẽ làm khuôn phép cho cõi đời, các nghề nghiệp kiếm sống v.v... đều thuận theo chánh pháp. Đối với tâm hạnh, những vận hành trong tâm, hý luận trong tâm của chúng sanh thuộc sáu đường trong tam thiên đại thiên thế giới, thấy đều hay biết. Tuy chưa đắc trí huệ vô lậu, nhưng ý căn đã thanh tịnh như thế. Những điều người ấy suy nghĩ, trừu tượng, cân nhắc đều là Phật pháp, không gì chẳng chân thật, mà cũng là những điều đã được nói trong kinh của cổ Phật”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người ấy ý thanh tịnh, sáng nhạy, không trước uế. Dùng diệu ý căn ấy, biết pháp thượng, trung, hạ. Dầu chỉ nghe một kệ, thông đạt vô lượng nghĩa. Đúng pháp nói thứ tự. Một, bốn tháng, tới năm. Trong ngoài thế giới này, hết thấy các chúng sanh, dù trời, rồng, và người, Dạ Xoa, các quỷ thần... Ở trong khắp sáu đường, suy nghĩ bao nhiêu thứ. Do báo trì Pháp Hoa, cùng lúc đều biết hết. Mười phương vô số Phật, tướng trăm phước trang nghiêm, vì chúng sanh thuyết pháp, đều nghe rồi thọ trì, tư duy vô lượng nghĩa. Thuyết pháp cũng vô lượng. Đầu cuối, chẳng quên lầm. Do trì kinh Pháp Hoa, đều biết các pháp tướng. Theo nghĩa biết thứ tự, hiểu danh tự, ngôn ngữ. Diễn thuyết theo chỗ biết. Người ấy hể nói năng, đều là pháp cổ Phật. Vì diễn thuyết pháp ấy, trong chúng chẳng sợ hãi. Người trì kinh Pháp Hoa, ý căn tịnh dường ấy. Tuy chưa đắc vô lậu, đã có tướng ấy trước. Người ấy trì kinh này, an trụ hy hữu địa, được hết thấy chúng sanh, hoan hỷ mà yêu kính. Hay dùng ngàn vạn loại, ngôn ngữ đều hay khéo, phân biệt mà thuyết pháp. Do trì Pháp Hoa vậy).

Các sản nghiệp kiếm sống trong thế gian đều thuận chánh pháp, tức là nhân ý tịnh. Sở hành trong tâm, động tác của chư thiên đều biết, chính là thiên ý tịnh. Bốn tháng biểu thị Tứ Đế. Một năm là mười hai

tháng, tức biểu thị Thập Nhị Nhân Duyên. Đều chẳng trái nghịch Thật Tướng tức là huệ ý tịnh. Một tháng biểu thị Đại Thừa, tức pháp ý tịnh. Những điều suy lường đều đã được nói trong kinh Phật của Phật quá khứ, tức là Phật ý tịnh. Cùng lúc viên minh, cùng lúc giúp nhau, cùng lúc chẳng nhiễm, cùng lúc chẳng sai lầm.

Phần thứ hai, “nêu ra công đức nơi cái quả của phẩm đầu để khuyên lưu thông” đã xong! Giải thích phẩm Pháp Sư Công Đức cũng đã xong; kế đó sẽ giải thích phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát.

20. Thường Bất Khinh Bồ Tát Phẩm Đệ Nhị Thập

常不輕菩薩品第二十

Phẩm thứ hai mươi: Thường Bất Khinh Bồ Tát

Trong tâm giữ sự hiểu biết chẳng khinh thường, ngoài thì kính trọng cảnh chẳng khinh. (Thế Giới Tất Đàn) là thân lập hạnh chẳng khinh. (Vị Nhân Tất Đàn): Miệng tuyên nói giáo pháp bất khinh. (Đôi Trĩ Tất Đàn): Làm con mắt chẳng khinh cho mọi người. (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn) chính là kiến giải chẳng khinh. Pháp Hoa Luận viết: “*Vị Bồ Tát này biết chúng sanh có Phật tánh, chẳng dám khinh rẻ*”. Phật tánh gồm năm điều:

- Chánh nhân Phật tánh là tánh chung khắp đương nhiên sẵn có (nhân quả chung cho mê lẫn ngộ).
- Duyên nhân Phật tánh và liễu nhân Phật tánh: Chủng tử vốn có, chẳng phải là nay mới có (vẫn là xét theo Tánh Đức mà nêu ra hai nhân (duyên nhân và liễu nhân), nhằm đối ứng với trường hợp mới huân tập, do tu giới mà đạt được).
- Quả Phật tánh (Bồ Đề).
- Quả quả Phật tánh (Niết Bàn) nhất định sẽ đạt được, quyết chẳng hư dối.

(Khi liễu nhân đạt tới quả, đổi tên thành Bồ Đề. Duyên nhân khi đạt tới quả, đổi tên thành Niết Bàn. Lại nữa, ba nhân nơi Phật tánh khi đạt tới quả, liễu nhân được gọi là “ba loại Bồ Đề”, duyên nhân được gọi là “ba loại Niết Bàn”).

Đó gọi là hiểu “*bất khinh*”. Dùng sự hiểu biết đó để đối xử với người khác, [thấu hiểu] người khác cũng giống như thế; đó gọi là cảnh “*kính trọng, chẳng khinh*”. Do kính trọng cảnh ấy, cho nên gọi là “*hạnh chẳng khinh*”. Tuyên nói lời ấy, sẽ gọi là “*giáo pháp chẳng khinh*”. Xưa

kia, kẻ hủy báng dùng từ ngữ ấy (Bất Khinh) để đặt tên cho vị ấy; nay người kết tập kinh dùng danh xưng này để đặt tên cho phẩm. Đó là giải thích theo nhân duyên.

Xét theo giáo, Tạng Giáo và Thông Giáo chẳng diễn nói Trung Đạo Phật tánh. [Tuy vậy], Biệt nhập Thông, Thông chứa Biệt (tức là giáo pháp thuộc Thông Giáo mà có chứa đựng phần nào giáo nghĩa của Biệt Giáo) thì nói hai loại người có Phật tánh và ba hạng người chẳng có Phật tánh. Biệt Giáo thì chỉ nói đến chánh nhân Phật tánh, chẳng nói đến có duyên nhân và liễu nhân Phật tánh, huống hồ có quả tánh và quả quả tánh ư? Nay nói “*nhữ đẳng giai đương tác Phật*” (các vị đều sẽ thành Phật) là vì có năm loại Phật tánh, tức là khai hiển Viên Giáo vậy. Vì thế, kinh Kiến Thật Tam Muội chép: “*Phật vị phụ vương thuyết: ‘Nhất thiết giai thị Phật’. Vương vấn: ‘Nhất thiết chúng sanh tức thị Phật phủ?’ Phật đáp: - Nhược như thật kiến chúng sanh, ư kỳ tức thị Phật*” (Đức Phật nói với phụ vương: “Hết thấy đều là Phật”. Vua hỏi: “Hết thấy chúng sanh chính là Phật ư?” Đức Phật đáp: “Nếu như thật thấy chúng sanh thì họ chính là Phật”). Nay dùng lời ấy để suy diễn tương đồng: Nếu chẳng như thật thấy Phật, sẽ thấy họ (chúng sanh) chẳng phải là thánh! Ví như lúc mới học bắn tên, trật nhiều, trúng ít. Nếu lấy mặt đất làm đích để bắn, không mũi tên nào chẳng bắn trúng! Nếu phân biệt hiền thánh, ai đúng, ai sai? Nếu nhìn như thật, [mọi người đều] chính là Phật.

Xét theo Bồn Tích, Bồn đã thành Phật, hết sức lâu xa. Trong chạng giữa, thị hiện dấu tích, lại ở trong thời Oai Âm Vương Phật làm Thường Bất Khinh. Lưu thông Bồn Tích Tứ Nhất (giáo nhất, nhân nhất, hạnh nhất, lý nhất), hóa độ chúng sanh, nay lại thị hiện dấu tích thành Chánh Giác, nhiều lượt vô tận, do thế lực to lớn, oai mãnh.

Xét theo quán tâm, Khổ chính là chánh nhân Phật tánh, Hoặc chính là liễu nhân Phật tánh, Nghiệp tức duyên nhân Phật tánh. Liễu nhân chính là Quả Phật tánh. Duyên nhân chính là Quả Quả Phật tánh. Lại nữa, khi ba nhân đạt tới quả, liền đổi tên thành ba loại Bồ Đề, ba loại Niết Bàn. Vì vậy, do ba nhân nơi Tánh Đức mà thành quả tánh và quả quả tánh. Một niệm trọn đủ ba nhân và năm nhân, chẳng dọc ngang, chẳng đồng, chẳng khác. Hết thấy chúng sanh không ai đều chẳng phải là như vậy. Thường hiểu như thế thì chính là Thường Bất Khinh.

***Dẫn “phước do tin, tội do hủy báng” làm chứng để khuyên lưu thông 20.1 Trường Hàng**

20.1.1. Cùng nhắc đến tội và phước đã nói trong phẩm trước

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát: - Nhữ kim đương tri, nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di trì Pháp Hoa kinh giả, nhược hữu ác khẩu, mạ lỵ, phỉ báng, hoạch đại tội báo như tiền sở thuyết. Kỳ sở đắc công đức như hướng sở thuyết nhân, nhĩ, tỳ, thiết, thân, ý thanh tịnh.

(經)爾時，佛告得大勢菩薩摩訶薩：「汝今當知，若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷持法華經者，若有惡口，罵詈，誹謗，獲大罪報如前所說。其所得功德如向所說眼，耳，鼻，舌，身，意清淨。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Đắc Đại Thế (Mahāsthāmaprāpta)⁷⁵ Bồ Tát Ma Ha Tát: - Ông nay hãy nên biết, nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di trì kinh Pháp Hoa, mà nếu có kẻ ác khẩu, chửi bới, phỉ báng, sẽ mắc tội báo như trong phần trước (tức phẩm Pháp Sư) đã nói, [người trì kinh sẽ] đạt được công đức như trong

⁷⁵ Đắc Đại Thế là cách dịch khác của danh xưng Đại Thế Chí. Do trí huệ quang của Ngài chiếu tròn khắp hết thảy, khiến cho chúng sanh lia tam đồ, đặc vô thượng lực. Lại nữa, khi Ngài đi, hết thảy các cõi trong mười phương thế giới đều chấn động. Vì thế gọi là Đại Thế Chí. Theo kinh Quán Vô Lượng Thọ, Ngài luôn niệm A Di Đà Phật, dùng quang minh trí huệ chiếu tròn khắp hết thảy, oai thế tự tại, khiến cho mọi người được vô thượng lực, tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ. Do Ngài dùng pháp môn Niệm Phật để tu hành chứng quả, cho nên được tôn xưng là Tịnh Tông Sơ Tổ trong pháp giới. Ngài thường được tạc tượng với dung mạo hiền từ, đứng bên phải A Di Đà Phật, tay cầm kinh văn, hoặc ngọc như ý, nhưng phổ biến nhất là cầm cành hoa sen. Đầu đội mão trời, trong mão trời có bảo bình chứa đựng quang minh chẳng thể nghĩ bàn, có thể hiện tròn khắp sự nghiệp của chư Phật. Theo kinh Bi Hoa, trong quá khứ lâu xa, có thế giới tên là San Đề Lam. Trong cõi ấy, Chuyển Luân Vương Vô Trách Niệm có một ngàn con trai. Trưởng tử là Bất Huyền, con thứ hai là Ni Ma. Vua Vô Trách Niệm phát nguyện, tu hành thành Phật, tức tiền thân của A Di Đà Phật. Bất Huyền thành Quán Thế Âm, Ni Ma thành Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong Tạng Truyền Phật giáo, Kim Cang Thủ Bồ Tát được coi là thân phần nộ của Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong khi đó, Đông Mật coi Kim Cang Thủ Bồ Tát là thân phần nộ của Phổ Hiền Bồ Tát. Tại Trung Hoa, chùa Quảng Giáo tại Lang Sơn (thuộc thành phố Nam Thông, tỉnh Giang Tô) do ngài Tăng Già đại thánh khai sơn vào năm Tống Chương thứ hai (669) đời Đường được coi là đạo tràng của Đại Thế Chí Bồ Tát. Tô Ân Quang cũng được coi là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát.

phần trước (tức phẩm Pháp Sư Công Đức) đã nói mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thanh tịnh).

20.1.2. Cùng nêu quả báo do tin tưởng hay hủy báng trong quá khứ

20.1.2.1. Nói về Sự Bỏn (tức là nói về Oai Âm Vương Phật thời quá khứ, coi chuyện của ngài Bất Khinh là gốc)

20.1.2.1.1. Vị Phật đầu tiên

20.1.2.1.1.1. Thời tiết

(Kinh) Đắc Đại Thế! Nãi vãng cổ tích, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp.

(經)得大勢！乃往古昔，過無量無邊不可思議阿僧祇劫。

(Kinh: Đắc Đại Thế! Thuở xa xưa kia, qua khỏi vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp).

Tuy nói là “vô lượng vô biên”, nhưng nếu so với phẩm Thọ Lượng nói “trần kiếp” (số kiếp nhiều như số vi trần) thì [vô lượng vô biên vẫn là] khá gần! Cho nên biết đây chính là tướng thị hiện tu nhân sau khi đã thật sự đắc quả.

Hỏi: - Trước đó đã phơi bày Tích, hiển lộ Bỏn, nay sao lại nêu ra nhân hạnh nơi Tích?

Đáp: - Chính vì đã hiển Bỏn, đại chúng trong pháp hội thuở ấy biết rõ chuyện thời Phật Nhiên Đăng, chuyện thời Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật, chuyện thời Đại Thông Trí Thắng Phật, chuyện thời Oai Âm Vương Phật như đã nói, hoàn toàn thuộc về phương tiện hóa độ người khác trong khoảng trung gian, hoàn toàn thuộc về sức thần thông tự tại, sức sư tử phần tán, đại thế lực oai mãnh.

Hỏi: - Sau khi đã đắc Phật quả, quyền biến thị hiện hạnh Bất Khinh, cho nên chỉ lưu truyền một câu “sẽ thành Phật” bèn thanh tịnh sáu căn. Nếu thật sự là sơ tâm, sợ rằng chưa chắc đã được như vậy?

Đáp: - Phạm nói đến Quyền thì đều nhằm dẫn khỏi Thật. Nếu Thật hạnh mà chẳng được như thế, ắt Quyền hạnh uổng công thực hiện! Huống hồ hiểu “bất khinh” chính là sơ tâm nhất niệm tùy hỷ. Công đức của sơ tâm đã là chẳng thể nghĩ bàn! Nương theo giải mà lập hạnh, ắt

thanh tịnh sáu căn, cần gì phải ngờ? Nhưng hạnh Bất Khinh chẳng phải là chuyên lễ bái, nói cặn kẽ thì như kinh văn trong phần sau sẽ nói.

20.1.2.1.1.2. Danh hiệu

(Kinh) Hữu Phật danh Oai Âm Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)有佛名威音王、如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Có Phật hiệu là Oai Âm Vương (Bhīṣmagarjitasvarāraja)⁷⁶, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

20.1.2.1.1.3. Tên kiếp và cõi nước

(Kinh) Kiếp danh Ly Suy, quốc danh Đại Thành.

(經)劫名離衰，國名大成。

(Kinh: Kiếp tên là Ly Suy (Vinirbhoga), cõi tên Đại Thành⁷⁷ - Mahāsaṃbhavā).

20.1.2.1.1.4. Thuyết pháp

(Kinh) Kỳ Oai Âm Vương Phật ư bỉ thế trung, vị thiên, nhân, A Tu La thuyết pháp. Vị cầu Thanh Văn giả, thuyết ỨNG TỬ ĐẾ PHÁP, ĐỘ SANH, LÃO, BỆNH, TỬ, CỨU CÁNH NIẾT BÀN. Vị cầu Bích Chi Phật giả, thuyết ỨNG THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN PHÁP. Vị chư Bồ Tát, nhân A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thuyết ỨNG LỤC BA LA MẬT PHÁP, CỨU CÁNH PHẬT HUỆ.

⁷⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật là pháp vương, viên âm trọn khắp, oai thế chế phục mười phương, vì thế tên là Oai Âm Vương”.

⁷⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Gặp thời hưng thịnh nên kiếp có tên là Ly Suy. Y báo do nhân duyên to lớn cảm vời, vì thế cõi nước tên là Đại Thành”.

(經)其威音王佛於彼世中，為天，人，阿修羅說法。為求聲聞者，說應四諦法，度生，老，病，死，究竟涅槃。為求辟支佛者，說應十二因緣法。為諸菩薩，因阿耨多羅三藐三菩提，說應六波羅蜜法，究竟佛慧。

(Kinh: Oai Âm Vương Phật trong đời ấy, vì trời, người, A Tu La thuyết pháp. Vì người cầu Thanh Văn mà nói tương ứng pháp Tứ Đế, độ thoát sanh, lão, bệnh, tử, rốt ráo Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật mà nói pháp tương ứng mười hai nhân duyên. Vì các Bồ Tát, do Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà nói tương ứng pháp Lục Ba La Mật, rốt ráo Phật huệ).

Trước là phương tiện thí tam thừa, sau rốt ráo Phật huệ là “hiền nhất”, đều giống như đức Phật trong hiện tại.

20.1.2.1.1.5. Thọ mạng của Phật

(Kinh) Đắc Đại Thế! Thị Oai Âm Vương Phật thọ tứ thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa kiếp.

(經)得大勢！是威音王佛壽四十萬億那由他恆河沙 劫

。

(Kinh: Đắc Đại Thế! Vị Oai Âm Vương Phật ấy thọ bốn mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa kiếp).

20.1.2.1.1.6. Chánh Pháp và Tượng Pháp

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế, kiếp số như nhất Diêm Phù Đề vi trần. Tượng Pháp trụ thế, kiếp số như tứ thiên hạ vi trần. Kỳ Phật nhiều ích chúng sanh dĩ, nhiên hậu diệt độ.

(經)正法住世，劫數如一閻浮提微塵。像法住世，劫數如四天下微塵。其佛饒益眾生已，然後滅度。

(Kinh: Chánh Pháp trụ thế kiếp số như số vì trần trong một Diêm Phù Đề. Tượng Pháp trụ thế kiếp số như số vì trần trong một tứ thiên hạ. Vị Phật ấy lợi ích chúng sanh rồi sau đó mới diệt độ).

Phần thứ nhất, “nói về vị Phật đầu tiên” đã xong.

20.1.2.1.2. Hai vạn ức Phật kế đó theo thứ tự [xuất thế]

(Kinh) Chánh Pháp, Tượng Pháp diệt tận chi hậu, ư thử quốc độ, phục hữu Phật xuất, diệt hiệu Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như thị thứ đệ hữu nhị vạn ức Phật, giai đồng nhất hiệu.

(經)正法，像法滅盡之後，於此國土，復有佛出，亦號威音王如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。如是次第有二萬億佛，皆同一號。

(Kinh: Sau khi Chánh Pháp và Tượng Pháp diệt hết, trong quốc độ ấy, lại có Phật xuất thế, cũng hiệu là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Có hai vạn ức Phật theo thứ tự như thế, đều có cùng một hiệu).

Sau khi Chánh Pháp và Tượng Pháp diệt hết, vị Phật sau đó mới xuất thế. Cơ duyên độ thoát do chúng sanh đã gieo được chín muồi, cho nên pháp ứng hiện như thế.

Phần thứ nhất, Sự Bỏ đã xong.

20.1.2.2. Nói về Bốn Sự

Riêng nói về chuyện của ngài Bất Khinh trong thời đức Phật Oai Âm Vương đầu tiên, ngài Bất Khinh chính là đức Bốn Sự Thế Tôn thị hiện Tích, trùng lặp thị hiện chuyện thuộc Bồ Tát đạo nơi bốn hạnh.

20.1.2.2.1. Cùng nêu tên của hai vị trong Bốn

(Kinh) Tới sơ Oai Âm Vương Như Lai ký dĩ diệt độ, Chánh Pháp diệt hậu, ư Tượng Pháp trung, tăng thượng mạn tỳ-kheo hữu đại thế lực. Nhĩ thời, hữu nhất Bồ Tát tỳ-kheo, danh Thường Bất Khinh.

(經)最初威音王如來既已滅度，正法滅後，於像法中，增上慢比丘有大勢力。爾時，有一菩薩比丘，名常不輕

。

(Kinh: Khi vị Oai Âm Vương Như Lai đầu tiên đã diệt độ, sau khi Chánh Pháp đã diệt, trong thời Tượng Pháp, tăng thượng mạn tỳ-kheo có thế lực lớn. Lúc bấy giờ, có một vị Bồ Tát tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh - Sadāparibhūta).

Vào lúc Bốn, trong thời Tượng Pháp của Oai Âm Vương Phật tới sơ, kẻ hủy báng khi đó được gọi là “tăng thượng mạn”, còn người tin tưởng trong thuở ấy được gọi là Thường Bất Khinh. Kẻ tăng thượng mạn do chấp giữ Quyền giáo, tu Quyền hạnh, có chút sở đắc, chẳng biết địa vị theo thứ tự sâu hay cạn, ngộ nhận Tứ Thiên Noãn pháp là Tứ Quả, làm lạc sanh ý tưởng thỏa mãn. Bọn họ thuộc loại tỳ-kheo “vô văn” (không được nghe chánh pháp), dẫu không phạm tội lớn là áp bức ngài Bất Khinh, cũng ắt bị đọa lạc, đều bị đọa lạc. Phải nên coi họ như chủng tánh bậc hạ trong Viên Giáo, cho nên ngài [Thường Bất Khinh] dùng lễ bái và thọ ký để làm nhân duyên đắc độ [cho những người ấy].

20.1.2.2.2. Nói về hai tướng tin tưởng và hủy báng

20.1.2.2.2.1. Nói về điều đạt được của người tin tưởng

(Kinh) Đắc Đại Thế! Dĩ hà nhân duyên danh Thường Bất Khinh? Thị tỳ-kheo phàm hữu sở kiến, nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, giai tất lễ bái, tán thán, nhi tác thị ngôn: “Ngã thâm kính nhữ đẳng, bất cảm khinh mạn. Sở dĩ giả hà? Nhữ đẳng giai hành Bồ Tát đạo, đương đắc tác Phật”. Nhi thị tỳ-kheo, bất chuyên độc tụng kinh điển, dẫn hành lễ bái. Nãi chí viễn kiến tứ chúng, diệc phục cố vãng lễ bái, tán thán, nhi tác thị ngôn: “Ngã bất cảm khinh ư nhữ đẳng. Nhữ đẳng giai đương tác Phật”.

(經)得大勢！以何因緣名常不輕？是比丘凡有所見，若比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，皆悉禮拜，讚歎，而作是言：「我深敬汝等，不敢輕慢。所以者何？汝等皆行菩薩道，當得作佛」。而是比丘，不專讀誦經典，但行禮拜。乃至遠見四眾，亦復故往禮拜，讚歎，而作是言：「我不敢輕於汝等。汝等皆當作佛」。

(Kinh: Đắc Đại Thế! Do nhân duyên gì mà tên là Thường Bất Khinh? Vị tỳ-kheo ấy hề trông thấy dù là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, hay ưu-bà-di, thấy đều lễ bái, tán thán, nói như thế này: “Tôi kính trọng các vị sâu xa, chẳng dám khinh mạn. Vì lẽ nào vậy? Quý vị đều hành Bồ Tát đạo, sẽ đều thành Phật”. Nhưng vị tỳ-kheo ấy chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ hành lễ bái. Thậm chí hề thấy từ chúng từ xa, cũng có ý đến đó lễ bái, tán thán, mà nói như thế này: “Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật”).

Tên là Thường Bất Khinh, tức Nhân Nhất. “Phàm hữu sở kiến” (Hễ trông thấy) tức là Lý Nhất. “Giai tất lễ bái” (Thấy đều lễ bái) tức là Hạnh Nhất. “Nhi tác thị ngôn” (Mà nói như thế này) tức là Giáo Nhất. Đây là tự hành Tứ Nhất (Lý Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất, Giáo Nhất). “Nhữ đẳng” (Các vị) tức là Nhân Nhất. “Giai hành Bồ Tát đạo” (Đều hành Bồ Tát đạo) tức là Hạnh Nhất. “Đương đắc tác Phật” (Sẽ đều thành Phật) là chứng Lý Nhất. Nói ba điều Nhất ấy, chính là Giáo Nhất. Đây chính là Tứ Nhất trong sự hóa độ người khác của đức Phật. Đó là phương tiện trong các phương tiện nhằm đối ứng với tứ chúng phần nhiều dấy lên tăng thượng mạn trong thuở ấy, chấp pháp nhỏ nhất trong các Tiểu pháp (Tạng Giáo đã là phương tiện, Noãn pháp lại là phương tiện của Tạng Giáo. Tứ Quả đã là nhỏ, Tứ Thiên lại là nhỏ nhất trong các Tiểu pháp). Vì thế, dùng Thật Nghĩa của Đại Thừa để khai thị, huấn dụ, chẳng dám khinh mạn, nhằm đối trị lỗi lầm tăng thượng mạn. Nói “*nhữ đẳng giai hành Bồ Tát đạo*” (các vị đều hành Bồ Tát đạo): Tứ Niệm Xứ là Ma Ha Diễn (Mahāyāna, Đại Thừa), Noãn pháp, Tứ Thiên, hoàn toàn giúp đỡ Thật Tướng. Nếu biết sở hành là Bồ Tát đạo, thì từ đầu đến cuối lý bình đẳng, địa vị theo thứ tự rành rành, sẽ trọn chẳng khởi tăng

thượng mạn. “*Bất chuyên độc tụng, đản hành lễ bái*” (Chẳng chuyên đọc tụng, chỉ hành lễ bái): Chỉ bày tướng trạng của phẩm đầu, tức phẩm Tùy Hỷ [trong ngũ phẩm], tùy hỷ hết thấy các pháp, đều có tánh chất an lạc, đều là một Thật Tướng. Tùy hỷ hết thấy mọi người, [vì ai nấy] đều có ba Phật tánh (chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân Phật tánh). Người có tâm sẽ đều được thành Phật, chính là chánh nhân tánh. Đọc tụng di pháp Quyền thừa của Oai Âm Vương Phật tức là liễu nhân tánh. Noãn pháp, Tứ Thiên đều là Bồ Tát đạo, tức là duyên nhân tánh. Vì thế, chẳng dám khinh mạn, mà kính trọng sâu xa. Kính người, kính pháp, chẳng dấy lên tranh đua, chính là ý nghĩa tùy hỷ, cho đến “*viễn kiến tứ chúng...*” (thấy tứ chúng từ đằng xa...) biểu thị Tứ Nhất nơi Bỏ. Thấy tứ chúng từ đằng xa, biểu thị Nhân Nhất nơi Bỏ. “*Cố vãng lễ bái*” (Cố ý đến chỗ họ lễ bái) biểu thị Hạnh Nhất nơi Bỏ. “*Nhi tác thị ngôn*” (Mà nói như thế này) biểu thị Giáo Nhất nơi Bỏ. “*Giai đương tác Phật*” (Đều sẽ thành Phật) biểu thị Lý Nhất nơi Bỏ. Dùng Tứ Nhất nơi Bỏ Tích để cường ép kẻ tăng thượng mạn, khiến cho họ thành tựu diệu chủng (chủng tử màu nhiệm) viên đốn. Có thể nói đó là cốt lõi hoàng truyền phần Chánh Thuyết (Chánh Tông) vậy. Lại chẳng khinh mạn, kính trọng sâu xa, tức là “*Như Lai tòa*”. Chịu đựng các đánh chửi chính là “*áo Như Lai*”. Dùng tâm từ bi thường hành như thế chẳng đổi, tức “*Như Lai thất*”. Lại nữa, kính trọng sâu xa là ý nghiệp. Nói lời chẳng khinh rẻ chính là khẩu nghiệp. Cố ý đến lễ bái chính là thân nghiệp. Ba điều này tương ứng với từ bi, tức là Thệ Nguyện An Lạc Hạnh. Có thể nói là đã đạt được lợi ích màu nhiệm trong Lưu Thông.

Hỏi: - Luật Tiểu Thừa và Đại Thừa đều chế định tỳ-kheo chẳng lễ người thế tục, sao Bất Khinh Bồ Tát lại lễ trọn khắp tứ chúng?

Đáp: - Vì độ kẻ tăng thượng mạn, khiến cho họ đạt được hai lợi ích gần và xa (trong tứ chúng, có người nhận, hoặc chẳng nhận [sự lễ bái ấy]). Tiếp nhận thì đạt được lợi ích gần, chẳng tiếp nhận thì đạt được lợi ích xa). Đại Quyền phương tiện biết căn cơ, chẳng trở ngại phá cách (vượt ngoài khuôn khổ) bốn hạnh An Lạc của hàng sơ tâm, [chứ nếu không vì độ kẻ tăng thượng mạn], sẽ cần phải nương theo kinh văn trong giới luật.

Hỏi: - Kinh Đại Thừa [dạy] lễ người biết pháp, trong kinh Tịnh Danh, [các tỳ-kheo đến thăm bệnh] lễ người thế tục (tức các tỳ-kheo lễ cư sĩ Duy Ma Cát), [so với chuyện ngài Thường Bất Khinh lễ tứ chúng ở đây] giống và khác nhau như thế nào?

Đáp: - Khác nhau! Đại kinh chuyên nói về cách thức tỏ bày chí nguyện cung kính, do từ người đó thỉnh pháp mà đạt được lợi ích, cho nên quên bằng tình kiến mà kính lễ. Còn trong kinh Tịnh Danh là do có ân đạt được Pháp Nhãn [từ những lời quở trách, chỉ dạy của cư sĩ Duy Ma], cho nên không tuân theo quy củ thông thường. Vì thế, chẳng quản trái phạm quy tắc mà lễ kính. Nếu xét theo chánh nghi của Đại Thừa, trong quy tắc thường hằng của người thoát tục, trọn chẳng có quy định “*vì đạo mà lễ kẻ thế tục*”. Nay ngài Bất Khinh lập hạnh, đã chẳng phải là do thỉnh pháp mà đạt được lợi ích, hay do báo ân, lại chẳng thuộc luật Đại Tiểu Thừa chế định, thẳng thừng là sau khi đã đắc quả bèn làm chuyện tu nhân, là phương tiện vượt ngoài khuôn khổ nhằm hóa độ người khác, chẳng thể coi đó là khuôn mẫu! Vì thế, đem so với Tứ An Lạc Hạnh để biện định, Lý tuy chẳng khác, nhưng về Sự thì có bảy điểm khác biệt:

- Một, An Lạc Hạnh là an trụ nơi pháp tòa, thuận theo lời hỏi mà nói. Ở đây là từ xa trông thấy tứ chúng, cố ý qua chỗ họ lễ bái.

- Hai, An Lạc Hạnh thì có người cất vấn thì mới trả lời cho người ấy. Ở đây là bị quăng ngói, đá, đánh đập, vẫn cương tuyên nói.

- Ba, An Lạc Hạnh thường chuộng tọa Thiên tại chỗ thanh vắng. Ở đây thì chẳng chuyên đọc tụng, cứ vào trong đại chúng để giải bày.

- Bốn, An Lạc Hạnh thì dẫu đối với kẻ yêu mến pháp sâu xa, vẫn chẳng vì kẻ đó nói nhiều. Ở đây thì dẫu bị hư vọng báng bổ, vẫn cương xưng dương!

- Năm, An Lạc Hạnh thì thoát đầu tu Lý Quán, quán mười tám pháp Không, Còn ở đây là tuyên nói một câu kiến giải “*sẽ thành Phật*”.

- Sáu, An Lạc Hạnh là giáo hóa kẻ thuận tùng, hộ trì luật nghi. Ở đây vì giáo hóa kẻ trái nghịch, bỏ mất các pháp tắc thông thường.

- Bảy, An Lạc Hạnh là sơ tâm thành tựu hạnh, mộng thấy được Phật thọ ký. Ở đây thì sau khi đắc quả, thị hiện rộng thọ ký cho người khác.

Lại so sánh phẩm này với phẩm Pháp Sư Công Đức, [hành giả trong] phẩm ấy hoằng dương toàn bộ kinh văn, còn phẩm này hoằng truyền đại lược ý kinh. Tuy nói toàn thể hay đại lược khác nhau, nhưng cái quả đạt được chẳng hai. Lại dùng ý này đối chiếu với các kinh giáo khác, sẽ có bốn điểm khác biệt:

- Một, sanh lòng tin đối với kinh điển Tiểu Thừa, chưa phải là cái nhân thành Phật. Nay thì dẫu hủy báng kinh này, vẫn trở thành chủng tử mầm nhiệm.

- Hai, các kinh chỉ nói giáo hóa, hoằng truyền cho người tín thuận, phẩm này thì lễ người thế tục, giáo hóa những kẻ trái nghịch để lưu thông kinh.

- Ba, các kinh khác đối với chuyện biểu thị Quyền và Thật còn bị cách trở, phẩm này phơi bày những điều được khơi mở, không gì chẳng phải là Tứ Nhất.

- Bốn, các kinh khác biểu lộ Tích vẫn chưa trọn hết, phẩm này biểu thị cả hai tướng Bồn và Tích.

20.1.2.2.2. Nói về những mắt mắt của người hủy báng

(Kinh) Tứ chúng chi trung, hữu sanh sân khuể, tâm bất tịnh giả, ác khẩu, mạ ly, ngôn: “Thị vô trí tỳ-kheo tòng hà sở lai? Tự ngôn ngã bất khinh nhữ, nhi dữ ngã đẳng thọ ký đương đắc tác Phật. Ngã đẳng bất dụng như thị hư vọng thọ ký”.

(經)四眾之中，有生瞋恚，心不淨者，惡口，罵詈，言：「是無智比丘從何所來？自言我不輕汝，而與我等授記當得作佛。我等不用如是虛妄授記」。

(Kinh: Trong tứ chúng, có kẻ sanh sân khuể, tâm bất tịnh, bèn ác khẩu, chửi bới rằng: “Gã tỳ-kheo vô trí này từ chỗ nào đến? Tự nói tôi chẳng dám khinh ngài, còn thọ ký chúng ta sẽ đều làm Phật. Chúng ta chẳng cần sự thọ ký hư vọng như thế”).

Đây là nói về kẻ tăng thượng mạn, chẳng tin Tứ Nhất, cho nên hủy báng, chửi rửa. Chẳng cần sự thọ ký hư vọng như thế, tức là chẳng tin Giáo Nhất. Coi thọ ký là hư vọng, tức là chẳng biết những gì chính mình đang hành chính là Bồ Tát đạo, tức là chẳng tin Hạnh Nhất. Chẳng biết “chúng ta sẽ đều thành Phật”, tức là chẳng tin Nhân Nhất và Lý Nhất.

(Kinh) Như thử kinh lịch đa niên, thường bị mạ ly, bất sanh sân khuể, thường tác thị ngôn: “Nhữ đương tác Phật”. Thuyết thị ngữ thời, chúng nhân hoặc dĩ trượng, mộc, ngỗa, thạch, nhi dĩ trích chi. Tự tẩu viễn trụ, do cao thanh xướng ngôn: “Ngã bất cảm khinh ư nhữ đẳng. Nhữ đẳng giai đương tác Phật”. Dĩ kỳ thường tác thị ngữ cố, tăng thượng mạn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hiệu chi vi Thường Bất Khinh.

(經)如此經歷多年，常被罵詈，不生瞋恚，常作是言：「汝當作佛」。說是語時，眾人或以杖，木，瓦，石，而打擲之。避走遠住，猶高聲唱言：「我不敢輕於汝等。汝等皆當作佛」。以其常作是語故，增上慢比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，號之為常不輕。

(Kinh: Trải qua nhiều năm như thế, thường bị chửi rủa, chẳng sanh sân khuể, thường nói như thế này: “Quý vị sẽ thành Phật”. Lúc nói lời ấy, mọi người hoặc dùng gậy, gỗ, ngói, đá, đánh ném. Chạy tránh, đứng đằng xa, vẫn lớn tiếng xưng rằng: “Tôi chẳng dám khinh các vị. Các vị đều sẽ thành Phật”. Do thường nói lời ấy, các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tăng thượng mạn gọi Ngài là Thường Bất Khinh).

[Chánh kinh nói] “*bị chửi không giận, thường nói lời ấy*”, hòng kết lại tướng tín tâm sâu đậm chẳng thoái chuyển. “*Bị đánh ném bằng gậy, đá v.v...*” nhằm kết lại [ý nghĩa] Tứ Nhất khai Quyền hiển Thật. “*Chạy tránh, đứng đằng xa, vẫn lớn tiếng xưng. Do hủy báng, chê gièm, bèn gọi Ngài là Thường Bất Khinh*”: Kết lại ý họ chẳng tiếp nhận Tứ Nhất khai cận hiển viên.

Hỏi: - Hơn bốn mươi năm, đức Thích Ca chẳng chú trọng nói ngay, còn Thường Bất Khinh hề trông thấy ai đều lỗ mãng nói, là vì lẽ nào?

Đáp: - Đối với kẻ đã có thiện căn, đức Phật Thích Ca dùng Tiểu pháp để gìn giữ họ. [Trong thuở ấy], đối với kẻ vốn chẳng có thiện căn, ngài Thường Bất Khinh dùng pháp Đại Thừa để cưỡng ép họ.

Phần thứ hai, “cùng nêu ra tướng tin tưởng và hủy báng” đã xong.

20.1.2.2.3. Cùng nêu quả báo của tin tưởng và hủy báng

20.1.2.2.3.1. Nêu quả báo của người tin tưởng

20.1.2.2.3.1.1. Nêu bày quả báo

(Kinh) Thị tỳ-kheo lâm dục chung thời, ư hư không trung, cụ văn Oai Âm Vương Phật tiên sở thuyết Pháp Hoa kinh nhị thập thiên vạn ức kệ, tất năng thọ trì, tức đắc như thượng nhãn căn thanh tịnh,

nhĩ, ty, thiết, thân, ý căn thanh tịnh. Đắc thị lục căn thanh tịnh dĩ, cánh tăng thọ mạng nhị bách vạn ức na-do-tha tuế. Quảng vị nhân thuyết thị Pháp Hoa kinh. U thời, tăng thượng mạn tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di khinh tiệt thị nhân, vị tác Bất Khinh danh giả, kiến kỳ đắc đại thần thông lực, nhạo thuyết biện lực, đại thiện tịch lực, văn kỳ sở thuyết, giai tín phục, tùy tùng. Thị Bồ Tát phục hóa thiên vạn ức chúng, linh trụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Mạng chung chi hậu, đắc trị nhị thiên ức Phật, giai hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. U kỳ pháp trung, thuyết thị Pháp Hoa kinh. Dĩ thị nhân duyên, phục trị nhị thiên ức Phật, đồng hiệu Vân Tụ Tại Đăng Vương. U thử chư Phật pháp trung, thọ trì, độc tụng, vị chư tứ chúng thuyết thử kinh điển cổ, đắc thị thường nhẫn thanh tịnh, nhĩ, ty, thiết, thân, ý, chư căn thanh tịnh. U tứ chúng trung thuyết pháp, tâm vô sở úy. Đắc Đại Thế! Thị Thường Bất Khinh Bồ Tát Ma Ha Tát cúng dường như thị nhược can chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, chủng chư thiện căn. U hậu, phục trị thiên vạn ức Phật, diệc u chư Phật pháp trung, thuyết thị kinh điển, công đức thành tựu, đương đắc tác Phật.

(經)是比丘臨欲終時，於虛空中，具聞威音王佛先所說法華經二十千萬億偈，悉能受持，即得如上眼根清淨，耳，鼻，舌，身，意根清淨。得是六根清淨已，更增壽命二百萬億那由他歲。廣為人說是法華經。於時，增上慢四眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷輕賤是人，為作不輕名者，見其得大神通力，樂說辨力，大善寂力，聞其所說，皆信伏，隨從。是菩薩復化千萬億眾，令住阿耨多羅三藐三菩提。命終之後，得值二千億佛，皆號日月燈明。於其法中，說是法華經。以是因緣，復值二千億佛，同號云自在燈王。於此諸佛法中，受持，讀誦，為諸四眾說此經典故，得是常眼清淨，耳鼻舌身意，諸根清淨。於四眾中說

法，心無所畏。得大勢！是常不輕菩薩摩訶薩供養如是若干諸佛，恭敬，尊重，讚歎，種諸善根。於後，復值千萬億佛，亦於諸佛法中，說是經典，功德成就，當得作佛。

(Kinh: Vị tỳ-kheo ấy khi sắp mạng chung, ở trong hư không, nghe trọn vẹn hai mươi ngàn vạn ức bài kệ của kinh Pháp Hoa do Oai Âm Vương Phật đã nói trước đó, đều có thể thọ trì, liền được nhãn căn thanh tịnh như trên, tai, mũi, lưỡi, thân, ý căn đều thanh tịnh. Đã đắc sáu căn thanh tịnh như thế rồi, thọ mạng lại tăng thêm hai trăm vạn ức na-do-tha năm, rộng vì người khác nói kinh Pháp Hoa này. Lúc đó, tứ chúng tăng thượng mạn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di khinh rẻ vị ấy, đặt tên cho Ngài là Bất Khinh, thấy Ngài đắc sức thần thông to lớn, sức nhạo thuyết biện tài, sức đại thiện tịch, nghe lời Ngài nói đều tin phục, vâng theo. Vị Bồ Tát ấy lại giáo hóa ngàn vạn ức người, khiến cho họ trụ trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau khi mạng chung, được gặp hai ngàn ức Phật, đều có hiệu là Nhật Nguyệt Đẳng Minh (Candrasūryapradīpa). Ở trong pháp của chư Phật, nói kinh Pháp Hoa này. Do nhân duyên ấy, lại được gặp hai ngàn ức Phật, có cùng hiệu là Vân Tụ Tại Đẳng Vương (Meghasvararāja). Ở trong pháp của các vị Phật ấy, thọ trì, đọc tụng, do vì các tứ chúng nói kinh điển này, đạt được mắt phàm thanh tịnh, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các căn thanh tịnh. Ở trong tứ chúng thuyết pháp, tâm không sợ hãi. Đây Đắc Đại Thế! Vị Thường Bất Khinh Bồ Tát Ma Ha Tát ấy cúng dường ngàn ức chư Phật như thế, cung kính, tôn trọng, tán thán, gieo các thiện căn. Sau đó, lại gặp gỡ ngàn vạn ức Phật, cũng ở trong pháp của chư Phật nói kinh điển này, công đức thành tựu, sẽ được thành Phật).

Hỏi: - Ngài Bất Khinh là Phật Thích Ca thị hiện Tích, đối với kẻ đáng nên dùng thân Bồ Tát tỳ-kheo đắc độ, liền hiện thân Bồ Tát tỳ-kheo để thuyết pháp cho kẻ đó. Lại còn chẳng sanh mà hiện sanh, chẳng diệt mà hiện diệt. Cố nhiên chẳng nghi. Còn như khi lâm chung nghe trọn vẹn kinh Pháp Hoa do Oai Âm Vương Phật đã nói mà đạt được sáu căn thanh tịnh, sao chẳng dùng quả Phật để hiện thân, còn phải đợi nghe [kinh Pháp Hoa] từ vị Phật khác, [trước đó, các] căn còn chưa tịnh, do văn trì thì mới tịnh vậy?

Đáp: - Đã thuộc về sự thị hiện sau khi đắc quả, có gì là chẳng được? Trước hết, sáu căn chưa thanh tịnh chính là Bệnh Hạnh trong

Viên Giáo. Lâm chung, nghe kinh thọ trì, chính là Anh Nhi Hạnh trong Viên Giáo. Sức đại thân thông tức là “Nhu Lai thất”. Sức nhạo thuyết biện tài tức là “Nhu Lai tòa”. Sức đại thiện tịch tức là “áo Nhu Lai”. Dùng ba pháp ấy để trang nghiêm sáu căn, có thể khiến cho tứ chúng chuyển hủy báng thành tin tưởng.

Lại hỏi: - Vốn đã thành Phật, cứ sao lại nói “gieo các thiện căn”, cho đến “công đức thành tựu, sẽ được thành Phật?”

Đáp: - Ví như Đào Châu Công (Phạm Lãi) khéo có thuật lạ để làm giàu, trụ ở một chỗ, buôn bán kiếm được vạn ức. Lại bỏ đi, chẳng mang theo một đồng, sang xứ khác, tay trắng lập nghiệp, thành công kinh doanh vạn ức. Lại bỏ đi, sang xứ khác, lại kinh doanh giàu vạn ức. Đức Phật cũng như thế, công đức nơi Bồ đề địa hoàn toàn để đó chẳng dùng tới, lại thị hiện tu nhân, lại thị hiện đắc quả, trọn khắp mười phương, trọn khắp ba đời, nhiều lượt chẳng thôi, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế nói: “*Thọ mạng thành tựu khi ta hành Bồ Tát đạo nơi Bồ đề đến nay vẫn chưa hết. Khi đã thành Phật, chẳng dùng tới thọ mạng đã thành tựu khi tu Bồ Tát*”. Vậy thì khi thị hiện Tích, cũng chẳng dùng tất cả công đức nơi Bồ đề địa. Lại nữa, kinh Phạm Võng chép: “*Ngô kim lai thử thế giới bát thiên phản, vị thử Sa Bà thế giới, tọa kim cang hoa quang vương tòa*” (Ta nay đến thế giới này tám ngàn lần, vì thế giới Sa Bà này, ngồi trên tòa kim cang hoa quang vương). Ngài đã thị hiện thành Phật tám ngàn lượt trong Sa Bà. Đối với phân thân của Ngài trọn khắp các xứ thuộc phương khác, cũng có thể phỏng theo đó mà biết. Ở đây, kinh đã luận định chung ba thứ báo của người tin tưởng:

- Sáu căn thanh tịnh bèn tăng thêm thọ mạng. Đó là hiện báo.
- Mạng chung gặp Phật. Đó là sanh báo.
- Lại gặp chư Phật, cho đến sẽ được làm Phật. Đó là hậu báo.

20.1.2.2.3.1.2. Dung hội xưa nay để kết luận

(Kinh) Đắc Đại Thế! Ư ý vân hà? Nhĩ thời, Thường Bất Khinh Bồ Tát khởi dị nhân hồ? Tắc ngã thân thị. Nhược ngã ư túc thế, bất thọ trì, độc tụng thử kinh, vị tha nhân thuyết giả, bất năng tât đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ngã ư tiên Phật sở, thọ trì, độc tụng thử kinh, vị nhân thuyết cố, tât đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)得大勢！於意云何？爾時，常不輕菩薩豈異人乎？則我身是。若我於宿世，不受持，讀誦此經，為他人說者，不能疾得阿耨多羅三藐三菩提。我於先佛所，受持，讀誦此經，為人說故，疾得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Này Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Thường Bất Khinh Bồ Tát thuở đó há có phải là ai khác? Chính là thân ta. Nếu ta trong đời trước chẳng thọ trì, đọc tụng kinh này, vì người khác nói, sẽ chẳng thể mau chóng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta ở chỗ chư Phật quá khứ, do thọ trì, đọc tụng kinh này, vì người khác nói mà mau chóng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Phần đầu là kết luận để dung hội. Kê đó, từ “*nhược ngã ư túc thế*” (nếu ta trong đời trước) trở đi, nêu ra tấm gương của người tin tưởng để khuyên nên thuận tùng. Như Đào Châu Công tay trắng lại sang xứ khác, nếu chẳng vận dụng thuật lạ để làm giàu, sẽ chẳng thể mau chóng kinh doanh vạn ức. Hãy nên biết Pháp Hoa chính là “*thuật lạ*” để mau chóng thành Phật.

Phần thứ nhất, “*nêu ra quả báo của người tin tưởng*” đã xong.

20.1.2.2.3.2. Nói về quả báo của kẻ hủy báng

20.1.2.2.3.2.1. Nêu ra quả báo

(Kinh) Đắc Đại Thế! Bĩ thời tứ chúng, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, dĩ sân khuể ý khinh tiện ngã cố, nhị bách ức kiếp, thường bất trị Phật, bất văn pháp, bất kiến tăng, thiên kiếp ư A Tỳ địa ngục, thọ đại khổ não. Tất thị tội dĩ, phục ngộ Thường Bất Khinh Bồ Tát giáo hóa A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)得大勢！彼時，四眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，以瞋恚意輕賤我故，二百億劫，常不值佛，不聞法，不見僧，干劫於阿鼻地獄，受大苦惱。畢是罪已，復遇常不輕菩薩教化阿耨多羅三藐三菩提。

(**Kinh:** *Này Đắc Đại Thế! Khi đó, tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di do ý sân khuể, khinh rẻ ta mà trong hai trăm ức kiếp, thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe pháp, chẳng thấy tăng, ngàn kiếp ở trong địa ngục A Tỳ chịu khổ não to lớn. Tội đó đã hết, lại gặp Thường Bất Khinh Bồ Tát giáo hóa Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Do báng mà đọa khổ. Do nghe thọ ký “sẽ thành Phật” mà cái duyên viên đốn. Lại do sức thệ nguyện rộng lớn của Thường Bất Khinh Bồ Tát nhiếp thọ mà lại được gặp gỡ, tiếp nhận giáo hóa.

Hỏi: - Tứ chúng thuở đó đã đều tin phục, vâng theo, có sao vẫn đọa khổ lâu dài?

Đáp: - Điều này có hai ý:

- Một, do thân đánh, miệng chửi, đã trở thành nghiệp nặng, theo đúng lý phải thọ báo. Nêu ra ý này nhằm cảnh tỉnh hành nhân chớ nên vừa nghe lọt qua tai liền nổi sân, dấy lỗi.

- Hai, trải qua thời gian đã lâu, trong tứ chúng có kẻ còn, người mất. Người còn thì tin phục, kẻ mất chưa hối hận. Lại nữa, trong số kẻ tin phục, vâng theo, hối lỗi có cạn và sâu, hành có siêng năng hay biếng nhác. Nếu hối sâu, tu hành siêng năng, chắc cũng chẳng đọa! Dầu bị đọa, dễ thoát ra. Nếu hối cạn, tu hành biếng nhác, tự nhiên sẽ bị đọa trước, sau đó mới đạt được lợi ích. Nếu kẻ chưa hối, sẽ đọa khổ lâu dài. Nhưng do được Bồ Tát nhiếp thọ, rốt cuộc sẽ được độ thoát.

Hỏi: - Nếu do phỉ báng mà đọa khổ, có sao Bồ Tát tạo ra cái nhân gây khổ vậy?

Đáp: - Bọn họ đã ôm lòng tăng thượng mạn. Dầu chẳng hủy báng, ắt cũng đọa khổ! Nay do báng bị đọa, tạo thành cái nhân xa [để được độ thoát]. Như người ngã xuống đất, vẫn phải từ đất đứng lên. Vì thế, dùng chánh báng để tiếp dẫn kẻ tà đọa.

Hỏi: - Vì sao chẳng dùng sức thần thông khiến cho họ đều liền tin phục, vâng theo?

Đáp: - Chư Phật Bồ Tát không vị nào chẳng muốn thế, nhưng do chúng sanh cơ nghi mỗi người mỗi khác, sẽ có kẻ rốt cuộc nếu chẳng rơi vào địa ngục, chắc chắn chẳng chịu phát tâm. Ví như lương y vì trị bệnh ngặt, chẳng thể không dùng châm cứu và thuốc đắng!

20.1.2.2.3.2.2. Kết luận dung hội xưa nay

(Kinh) Đắc Đại Thế! Ư' như ý vân hà? Nhĩ thời, tứ chúng thường khinh thị Bồ Tát giả, khởi dị nhân hồ? Kim thử hội trung Bạt Đà Bà La đẳng ngũ bách Bồ Tát, Sư Tử Nguyệt đẳng ngũ bách tỳ-kheo, Ni Tư Phật đẳng ngũ bách Ưu-bà-tắc, giai ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề bất thoái chuyển giả thị.

(經)得大勢! 於汝意云何? 爾時, 四眾常輕是菩薩者, 豈異人乎? 今此會中跋陀婆羅等五百菩薩, 師子月等五百比丘, 尼思佛等五百優婆塞, 皆於阿耨多羅三藐三菩提不退轉者是。

(Kinh: Đây Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Tứ chúng thường khinh rẻ Bồ Tát há có phải là ai khác? Nay trong hội này là năm trăm vị Bồ Tát như Bạt Đà Bà La (Bhadrāpāla), năm trăm vị tỳ-kheo như Sư Tử Nguyệt (Simhacandrā), năm trăm ưu-bà-tắc như Ni Tư Phật (Sugatacetanā), đều chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Phần thứ hai, “cùng nói quả báo do tin tưởng và hủy báng xưa kia” đã xong.

20.1.3. Khuyến trì

(Kinh) Đắc Đại Thế! Đương trì thị Pháp Hoa kinh, đại nhiều ích chư Bồ Tát Ma Ha Tát, năng linh chí ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố, chư Bồ Tát Ma Ha Tát ư Như Lai diệt hậu, thường ưng thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, thư tả thị kinh.

(經)得大勢! 當知是法華經, 大饒益諸菩薩摩訶薩, 能令至於阿耨多羅三藐三菩提。是故, 諸菩薩摩訶薩於如來滅後, 常應受持, 讀誦, 解說, 書寫是經」。

(Kinh: Đắc Đại Thế! Hãy nên biết kinh Pháp Hoa này lợi ích to lớn các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, có thể khiến cho họ đạt tới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát sau khi Như Lai diệt độ, hãy thường nên thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh này).

Tiếp nối điều được nói trên đây: Không chỉ người tin tưởng sẽ mau chóng được thành Phật, mà còn khiến cho người hủy báng rốt cuộc đạt được bất thoái. Vì thế, hãy nên siêng năng tu tập năm loại hạnh, tức là thọ trì, đọc, tụng, giải nói, biên chép.

Phần thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

20.2. Kệ tụng

20.2.1. Trùng tụng quả báo do tin tưởng hay hủy báng

20.2.1.1. Trùng tụng Sự Bồn

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Quá khứ hữu Phật, hiệu Oai Âm Vương, thần trí vô lượng, tương đạo nhất thiết. Thiên, nhân, long, thần, sở cộng cúng dường.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「過去有佛，號威音王，神智無量，將導一切。天人龍神，所共供養

。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đời quá khứ có Phật, hiệu là Oai Âm Vương, thần thông, trí vô lượng, hướng dẫn khắp hết thảy. Trời, người, rồng cùng thần, đều cùng nhau cúng dường).

20.2.1.2. Trùng tụng Bốn Sự

20.2.1.2.1. Trùng tụng nêu tên hai vị (tức nêu tên Oai Âm Vương Phật và Thường Bất Khinh Bồ Tát)

(Kinh) Thị Phật diệt hậu, pháp dục tận thời, hữu nhất Bồ Tát, danh Thường Bất Khinh. Thời chư tứ chúng, kế trước u pháp.

(經)是佛滅後，法欲盡時，有一菩薩，名常不輕。時諸四眾，計著於法。

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, lúc Phật pháp sắp diệt, có một vị Bồ Tát, tên là Thường Bất Khinh. Khi đó, cả bốn chúng, so đo, chấp trước pháp).

Nói “*kế trước ư pháp*” (so đo, chấp trước pháp) nhằm trùng tụng [ý nghĩa đại chúng thuở đó phần nhiều là kẻ] tăng thượng mạn. “*Thị pháp bất khả thị, ngôn từ tướng tịch diệt*” (Pháp ấy chẳng thể chỉ, tướng ngôn từ vắng lặng): Nếu khẳng khẳng cho là có, tức là chấp pháp. Nếu nhất quyết cho là không, cũng là chấp pháp. Khăng khăng cho là “cũng có, cũng không”, cũng là chấp pháp. Khăng khăng bảo “chẳng phải có, chẳng phải không”, cũng là chấp pháp. Khăng khăng bảo “do lia bốn câu cho nên chẳng thể nói” thì cũng là chấp pháp. Vì thế, kinh Phật Tạng dạy: “*Đao luân hại Diêm Phù nhân, kỳ tội do thiếu. Hữu sở đắc tâm thuyết Đại Thừa giả, kỳ tội quá bĩ*” (Dùng vàng đao hại người trong Diêm Phù, tội ấy còn ít. Dùng cái tâm có sở đắc để nói Đại Thừa thì tội còn nhiều hơn thế nữa). Đại Luận nói: “*Chấp trước tranh cãi có và không, cho đến chấp trước tranh cãi chẳng phải có, chẳng phải không cùng với có không ví như da bò, râu rồng⁷⁸, đều chẳng tránh khỏi mối họa*”. Trung Luận nói: “*Chư Phật nói pháp Không, vốn vì giáo hóa các cõi. Nếu có kẻ chấp Không, chư Phật chẳng giáo hóa*”. Nếu nói quyết định “các pháp chẳng phải có, chẳng phải không” thì gọi là ngu si luận. Hãy nên biết: Nếu hiểu ý nghĩa Tứ Tất Đàn, tự hành, giáo hóa người khác, sẽ đều có thể chẳng chấp! Nếu chấp vào ý nghĩa Tứ Tất Đàn, tự hành, giáo hóa người khác, sẽ đều gọi là chấp trước pháp. Do chấp pháp, sẽ có cái tâm có sở đắc, sẽ sanh lòng kiêu căng, cao ngạo đối với những chứng đắc kém cỏi, hẹp hòi, được gọi là “*tăng thượng mạn*”.

20.2.1.2.2. Trùng tụng cùng nêu chuyện tin tưởng và hủy báng

(Kinh) Bất Khinh Bồ Tát, vãng đáo kỳ sở, nhi ngữ chi ngôn: “Ngã bất khinh nhữ. Nhữ đẳng hành đạo, giai đương tác Phật”. Chư nhân văn dĩ, khinh hủy mạ lỵ. Bất Khinh Bồ Tát, năng nhẫn thọ chi.

⁷⁸ Đây là một điển tích hàm ý “bị trói buộc khó khăn”, như người khoác da bò gặp ánh nắng mặt trời hun đốt, da bò sẽ khô quắt lại, siết chặt thân. Người quán râu rồng xuống nước, sẽ bị râu rồng siết chặt lại, kinh luận dùng chuyện này để sánh ví phước hữu lậu trong nhân thiên. Sách Ma Ha Chỉ Quán quyển năm viết: “*Nếu muốn xả tam đồ bèn ưa thích Ngũ Giới, Thập Thiện mà tu phước, như đổi chác nơi chợ búa, càng đổi càng thêm tội, giống như cá chui vào ống, thiêu thân lao vào đèn... khát uống nước mặn, râu rồng quán thân vào nước sẽ chuyển thành đau khổ. Da trâu buộc mình, phơi mặt trời càng cứng, kẻ mù vào rừng gai*”.

(經)不輕菩薩，往到其所，而語之言：「我不輕汝。汝等行道，皆當作佛」。諸人聞已，輕毀罵詈。不輕菩薩，能忍受之。

(Kinh: Thường Bất Khinh Bồ Tát, đi đến chỗ của họ, mà nói như thế này: “Tôi chẳng dám khinh ngài. Các ngài đều hành đạo, sẽ đều được thành Phật”. Bọn họ nghe nói xong, khinh, hủy báng, chửi bới. Thường Bất Khinh Bồ Tát, có thể chịu đựng được).

20.2.1.2.3. Trùng tụng cùng nêu ra hai thứ quả báo

20.2.1.2.3.1. Trùng tụng quả báo của người tin tưởng

(Kinh) Kỳ tội tất dĩ, lâm mạng chung thời, đắc văn thử kinh, lục căn thanh tịnh. Thần thông lực cố, tăng ích thọ mạng. Phục vị chư nhân, quảng thuyết thị kinh. Chư trước pháp chúng, giai mông Bồ Tát, giáo hóa thành tựu, linh trụ Phật đạo. Bất Khinh mạng chung, tri vô số Phật. Thuyết thị kinh cố, đắc vô lượng phước. Tiệm cụ công đức, tất thành Phật đạo. Bỉ thời Bất Khinh, tắc ngã thân thị.

(經)其罪畢已，臨命終時，得聞此經，六根清淨。神通力故，增益壽命。復為諸人，廣說是經。諸著法眾，皆蒙菩薩，教化成就，令住佛道。不輕命終，值無數佛。說是經故，得無量福。漸具功德，疾成佛道。彼時不輕，則我身是。

(Kinh: Tội ấy đã hết rồi, khi sắp sửa mạng chung, do được nghe kinh này, sáu căn đều thanh tịnh. Do bởi sức thần thông, thọ mạng được tăng trưởng. Lại vì khắp mọi người, rộng nói kinh điển này. Những kẻ chấp trước pháp, đều được Bồ Tát này, giáo hóa khiến thành tựu, khiến trụ trong Phật đạo. Thường Bất Khinh mạng chung, gặp gỡ vô số Phật. Do vì nói kinh này, đạt được vô lượng phước. Dần dần đủ công đức, mau chóng thành Phật đạo. Thường Bất Khinh thuở đó, chính là thân của ta).

“Kỳ tội tất dĩ” (Tội ấy đã hết rồi): Đã thị hiện Tích, vì kẻ lục căn chưa thanh tịnh, ắt [Bồ Tát] sẽ thị hiện mắc tội có cùng Bệnh Hạnh. Do

vì tội ấy, chuốc lấy nhiều sự đánh, mắng. Do có thể chịu đựng, tội hết, căn tịnh.

20.2.1.2.3.2. Trùng tụng quả báo của kẻ hủy báng

(Kinh) Thời tứ bộ chúng, trước pháp chi giả, văn Bát Khinh ngôn, như đương tác Phật. Dĩ thị nhân duyên, trị vô số Phật. Thử hội Bồ Tát, ngũ bách chi chúng, tịnh cập tứ bộ, thanh tín sĩ nữ. Kim ư ngã tiền, thính pháp giả thị. Ngã ư tiền thế, khuyến thị chư nhân, thính thọ tư kinh, đệ nhất chi pháp, khai thị giáo nhân, linh trụ Niết Bàn. Thế thế thọ trì, như thị kinh điển.

(經)時四部眾，著法之者，聞不輕言，汝當作佛。以是因緣，值無數佛。此會菩薩，五百之眾，并及四部，清信士女。今於我前，聽法者是。我於前世，勸是諸人，聽受斯經，第一之法，開示教人，令住涅槃。世世受持，如是經典。

(Kinh: Bốn bộ chúng thưở đó, là kẻ chấp trước pháp, nghe lời Bát Khinh nói, các vị sẽ thành Phật. Do bởi nhân duyên ấy, gặp gỡ vô số Phật. Bồ Tát trong hội này, số đến năm trăm vị, cùng với bốn bộ chúng, gồm thanh tín nam nữ. Nay chính là những kẻ, đang nghe pháp trước ta. Ta ở trong đời trước, khuyên lơn những kẻ đó, nghe nhận kinh điển này, là diệu pháp bậc nhất, khai thị, dạy người khác, khiến họ trụ Niết Bàn. Đời đời luôn thọ trì, kinh điển như thế đó).

Phản đầu, “trùng tụng quả báo do tin tưởng hay hủy báng” đã xong!

20.2.2. Trùng tụng khuyến trì

(Kinh) Ưc ức vạn kiếp, chí bất khả nghị, thời nãi đắc văn, thị Pháp Hoa kinh. Ưc ức vạn kiếp, chí bất khả nghị, chư Phật Thế Tôn, thời thuyết thị kinh. Thị cố hành giả, ư Phật diệt hậu, văn như thị kinh, vật sanh nghi hoặc. Ưng đương nhất tâm, quảng thuyết thử kinh, thế thế trị Phật, tột thành Phật đạo.

(經)億億萬劫，至不可議，時乃得聞，是法華經。億億萬劫，至不可議，諸佛世尊，時說是經。是故行者，於佛滅後，聞如是經，勿生疑惑。應當一心，廣說此經，世世值佛，疾成佛道。

(Kinh: Trái ỨC ỨC Vạn kiếp, tới chẳng thể suy nghĩ, khi đó mới được nghe, bộ kinh Pháp Hoa này. Trái ỨC ỨC Vạn kiếp, tới chẳng thể suy nghĩ, các vị Phật Thế Tôn, mới bèn nói kinh này. Vì thế, các hành giả, sau khi Phật diệt độ, nghe kinh như thế này, chớ sanh lòng nghi hoặc. Hãy nên dốc một lòng, rộng nói kinh điển này, sẽ đời đời gặp Phật, mau chóng thành Phật đạo).

Hỏi: - Phần kinh văn Trường Hàng đã nói rõ kinh này có sự lợi ích to lớn, thậm chí kẻ hủy báng rốt cuộc cũng hưởng lợi ích. Vì sao ỨC ỨC Vạn kiếp cho đến chẳng thể nghĩ [kiếp số], chư Phật mới nói kinh này vậy?

Đáp: - Do có lợi ích Tứ Tất Đàn cho nên có thể nói. Chẳng có bốn lợi ích Tất Đàn, chư Phật sẽ trọn chẳng lầm lạc thuyết pháp. Vì thế, muốn hoằng dương đại pháp, trước tiên cần phải hiểu rõ nhân duyên Tứ Tất Đàn.

Phần thứ hai, “nói riêng về hai môn Bốn Tích” đã xong.

*** Phần Lưu Thông của hai môn Bốn và Tích**

Bao gồm tám phẩm kinh, chia thành ba ý:

- Một, hai phẩm Thần Lực và Chúc Lụy nói về chuyện phó chúc lưu thông.

- Hai, năm phẩm từ phẩm Dược Vương trở đi, xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông.

- Ba, phẩm Phổ Hiền Khuyên Phát xét theo tự hành để khuyên lưu thông.

Trong ý thứ nhất:

1) Phẩm Thần Lực nói rõ Bồ Tát vâng mạng hoằng kinh.

2) Phẩm Chúc Lụy nói đến chuyện Như Lai xoa đầu, phó chúc.

Giải thích phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát đã xong; kế đó, giải thích phẩm Như Lai Thần Lực.

21. Như Lai Thần Lực Phẩm Độ Nhị Thập Nhất

如來神力品第二十一

Phẩm hai mươi một: Như Lai Thần Lực

[Ý nghĩa của] Như Lai như trong phần trên đã giải thích. “Thần” là chẳng lường được. “Lực” là vận dụng. “Chẳng lường được” thì cái Thể tự nhiên sâu xa. “Vận dụng” thì sức chuyển biến to lớn. Ở đây, vì phò chúc pháp sâu, [đức Thế Tôn] hiện mười thứ lực mạnh mẽ; cho nên gọi là phẩm Thần Lực (Thần ở bên trong, tức là cái Tông của Thể. Lực là vận dụng, tức là hiển thị tác dụng của kinh. Đức Phật nói Bồn Tích, lực dụng của khẩu luân đã nói xong trong phần trước. Nay thân luân lại hiện tác dụng thù thắng để làm giáo pháp, hòng khiến cho đại chúng lưu thông Bồn Tích. Vì thế nói là “Thể sâu, lực lớn”).

*** Bồ Tát vãng mạng hoằng kinh**

21.1. Trường Hàng

21.1.1. Bồ Tát vãng mạng

(Kinh) Nhĩ thời, thiên thế giới vi trần đẳng Bồ Tát Ma Ha Tát tùng địa dũng xuất giả, giai ư Phật tiền, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng ư Phật diệt hậu, Thế Tôn phân thân sở tại quốc độ diệt độ chi xứ, đương quảng thuyết thử kinh. Sở dĩ giả hà? Ngã đẳng diệc tự dục đắc thị chân tịnh đại pháp, thọ trì, độc tụng, giải thuyết, thư tả, nhi cúng dường chi.

(經)爾時，千世界微塵等菩薩摩訶薩從地涌出者，皆於佛前，一心合掌，瞻仰尊顏，而白佛言：「世尊！我等於佛滅後，世尊分身所在國土滅度之處，當廣說此經。所以者何？我等亦自欲得是真淨大法，受持，讀誦，解說，書寫，而供養之」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát nhiều như số vi trần trong một ngàn thế giới từ dưới đất vọt lên, đều ở trước đức Phật, nhất tâm chấp

tay, chiêm ngưỡng tôn nhan, mà bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con sau khi đức Phật diệt độ, sẽ ở trong các quốc độ là nơi phân thân của đức Thế Tôn diệt độ mà rộng nói kinh này. Vì lẽ nào vậy? Chúng con cũng tự muốn đạt được đại pháp chân thật thanh tịnh này, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép để cúng dường).

Phát thế hoàng kinh gồm ba ý:

- Một, nêu ra thời tiết, tức là sau khi đức Phật diệt độ.
- Hai, nêu ra xứ sở, chính là quốc độ của các phân thân.
- Ba, nêu ra lợi ích. Nếu chẳng lợi ích cho người khác thì cũng mong tự mình đạt được đại pháp chân tịnh, giúp cho mình lẫn người. Thật Thế là Chân, Quyền dụng (tác dụng nơi Quyền) là Tịnh. Quyền Thật bất nhị là Đại; lại chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật thì là Chân. Có thể Quyền, có thể Thật thì là Tịnh, cùng chiếu bất nhị thì gọi là Đại.

21.1.2. Đức Phật hiện thần lực

21.1.2.1. Nêu chung đại chúng đối diện Phật

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn ư Văn Thù Sư Lợi đẳng vô lượng bách thiên vạn ức cự trụ Sa Bà thế giới Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, nhất thiết chúng tiền, hiện đại thần lực.

(經)爾時，世尊於文殊師利等無量百千萬億舊住娑婆世界菩薩摩訶薩，及諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，一切眾前，現大神力。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đối trước các vị như Văn Thù Sư Lợi v.v... vô lượng trăm ngàn vạn ức cự trụ Bồ Tát Ma Ha Tát trong thế giới Sa Bà, và các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... hết thấy đại chúng, hiện đại thần lực).

Các vị như Văn Thù v.v... chính là đại chúng được giáo hóa nơi Tích. “Cự trụ” chính là đại chúng ở phương dưới được giáo hóa nơi Bồn. “Cập chư tỳ-kheo đẳng nhất thiết chúng” (Và các hàng tỳ-kheo

v.v... hết thấy các đại chúng): Từ phương khác đến và từ chỗ của các phân thân Phật mà đến.

21.1.2.2. Hiện hiện các tướng để biểu thị trong mười phương

21.1.2.2.1. Hiện tướng lưỡi và lỗ chân lông phóng quang

(Kinh) Xuất quang trường thiết, thượng chí Phạm Thế. Nhất thiết mao khổng phóng ư vô lượng vô số sắc quang, giai tất biến chiếu thập phương thế giới. Chúng bảo thụ hạ sư tử tòa thượng chư Phật, diệc phục như thị xuất quang trường thiết, phóng vô lượng quang. Thích Ca Mâu Ni Phật cập bảo thụ hạ chư Phật hiện thần lực thời, mãn bách thiên tuế, nhiên hựu hoàn nhiếp thiết tướng.

(經)出廣長舌，上至梵世。一切毛孔放於無量無數色光，皆悉徧照十方世界。眾寶樹下師子座上諸佛，亦復如是出廣長舌，放無量光。釋迦牟尼佛及寶樹下諸佛現神力時，滿百千歲，然後還攝舌相。

(Kinh: Hiện tướng lưỡi rộng dài lên đến trời Phạm Thế. Hết thấy các lỗ chân lông tỏa ra vô lượng vô số ánh sáng có màu, thấy đều chiếu trọn khắp mười phương thế giới. Chư Phật trên tòa sư tử dưới các cây báu cũng giống như thế, hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật và chư Phật dưới các cây báu hiện thần lực trọn trăm ngàn năm, sau đấy mới thu lại tướng lưỡi).

Hiện tướng lưỡi rộng dài biểu thị lời nói thành thật. Người phước đức lưỡi [thè ra] chạm tới chót mũi, Phật trong Tam Tạng (Tạng Giáo) [lưỡi thè ra] chạm tới mí tóc. Nay [tướng lưỡi thè ra] tới trời Phạm Thiên, [tức là] vượt ngoài phạm thánh. Tướng đã hết sức khác thường, lời nói hết sức đáng tin. Hãy nên biết “*khai tam hiển nhất, khai cận hiển viễn*” đều chân thật, chẳng hư dối. Lỗ chân lông tỏa ánh sáng chiếu trọn khắp, biểu thị nhị môn nhất lý. Trong phẩm Tự, [quang minh từ] bạch hào chiếu sang phương Đông, biểu thị “bảy phương tiện thoát đầu thấy một lý”, nay Bốn Môn đã xong, phóng hết thấy quang minh, chiếu hết thấy cõi, có thể khiến cho kẻ sơ tâm lãnh hội rốt ráo Phật huệ, trọn hết trí cảnh. Hóa đạo của phân thân chư Phật cũng tương đồng, cho nên cũng lại [hiện thần lực] giống như thế. “*Trọn trăm ngàn năm*” mang ý nghĩa

biểu thị theo chiều ngang gồm khắp bách giới thiên như, theo chiều dọc tốt cùng mười đời xưa nay. Trong tám năm mà lại trọn trăm ngàn năm [thì ý nghĩa ẩn tàng trong ấy] như đã giải thích “*năm mươi tiểu kiếp*” trong phần trước. Nay đại hội này hoàn toàn phá vô minh, cho nên chẳng cần dùng thần lực khiến cho họ cảm thấy giống như nửa ngày.

21.1.2.2.2. *Đăng hắng và khảy ngón tay*

(Kinh) Nhất thời khánh khái, câu cộng đàn chỉ. Thị nhị âm thanh biến chí thập phương chư Phật thế giới.

(經)一時警咳，俱共彈指。是二音聲徧至十方諸佛世界。

(Kinh: Cùng lúc đăng hắng, và cùng khảy ngón tay. Hai âm thanh ấy vang trọn khắp các thế giới pháp giới trong mười phương).

“*Đăng hắng*” là tướng trạng thông thoáng, lưu loát. Lại còn là biểu hiện sắp nói [điều chi đó, bèn hắng giọng]. Hơn bốn mươi năm chưa thể nói về Thật, nay được thoải mái [diễn bày Thật Đế], chẳng còn vướng mắc gì! Đại sự đã thông thoáng, trôi chảy; vì thế đăng hắng. Muốn đem pháp này phó chúc các Bồ Tát, hòng hướng dẫn, tạo lợi ích cho chúng sanh trong đời sau, sắp nói chuyện ấy, cho nên đăng hắng. Đó chính là biểu thị Giáo Nhất. “*Khảy ngón tay*” là tùy hỷ, tùy hỷ bảy phương tiện cùng nhập Viên đạo. Tùy hỷ các địa vị thuộc Viên Giáo tăng trưởng trí huệ, tôn giảm Biên Dịch sanh tử. Tùy hỷ các Bồ Tát trì chân tịnh đại pháp. Tùy hỷ đời sau đạt được của báu vô thượng, tức là biểu thị Nhân Nhất. Vì vậy, khảy ngón tay và đăng hắng theo chiều dọc thì cùng tốt ba đời, theo chiều ngang bèn trọn khắp mười phương.

21.1.2.2.3. *Đại địa chấn động và thấy trọn khắp đại hội*

(Kinh) Địa giai lục chủng chấn động. Kỳ trung chúng sanh: Thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, dĩ Phật thần lực cố, giai kiến thử Sa Bà thế giới, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức chúng bảo thụ hạ sư tử tòa thượng chư Phật, cập kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, cộng Đa Bảo Như Lai, tại bảo tháp trung, tọa sư tử tòa. Hựu kiến vô lượng

vô biên bách thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư tứ chúng, cung kính vi nhiễu Thích Ca Mâu Ni Phật. Kỳ kiến thị dĩ, giai đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu.

(經)地皆六種震動。其中眾生：天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，以佛神力故，皆見此娑婆世界，無量無邊百千萬億眾寶樹下師子座上諸佛，及見釋迦牟尼佛，共多寶如來，在寶塔中，坐師子座。又見無量無邊百千萬億菩薩摩訶薩，及諸四眾，恭敬圍繞釋迦牟尼佛。既見是已，皆大歡喜，得未曾有。

(Kinh: Đại địa đều sáu thứ chấn động. Chúng sanh trong đó: Trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... do thần lực của Phật, đều thấy trong thế giới Sa Bà này, chư Phật trên tòa sư tử dưới vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các cây báu, và thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cùng với Đa Bảo Như Lai ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu. Lại thấy vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát và các tứ chúng, cung kính vây quanh Thích Ca Mâu Ni Phật. Đã thấy như thế, đều hết sức hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có).

Đất trong mười phương thế giới đều sáu thứ chấn động, biểu thị chấn động sáu căn của hết thảy chúng sanh hòng được thanh tịnh, cũng biểu thị Viên đạo từ đầu đến cuối sáu lượt phá vô minh, biểu thị Hạnh Nhất. Thấy trọn khắp đại hội trong thế gian này, biểu thị chư Phật đạo đồng, hiện tại và mai sau cũng đều là như thế. Trước đó, năm ngàn người rời đi, ba lượt [đại chúng trong thế giới Sa Bà và các quốc độ do đức Phật Thích Ca biến hóa ra] bị dời [sang phương khác], cho đến nhân, phi nhân v.v... vốn trụ trong mười phương chính là những kẻ căn cơ chưa thuần thực, đã chẳng thể vâng tập tới pháp hội này, nay do thần lực [của đức Bổn Sư và các phân thân chư Phật] đều khiến cho họ từ xa trông thấy [pháp hội Pháp Hoa này], kết duyên hoan hỷ, tức là điều lành chung [biểu thị] họ sẽ đắc độ trong vị lai.

21.1.2.2.4. Trong hư không vang ra âm thanh

(Kinh) Tức thời, chư thiên ở hư không trung, cao thanh xướng ngôn: - Quá thử vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, hữu quốc danh Sa Bà. Thị trung hữu Phật, danh Thích Ca Mâu Ni. Kim vị chư Bồ Tát Ma Ha Tát thuyết Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa, giáo Bồ Tát pháp, Phật sở hộ niệm. Nhữ đẳng đương thâm tâm tùy hỷ, diệc đương lễ bái, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật.

(經)即時，諸天於虛空中，高聲唱言：「過此無量無邊百千萬億阿僧祇世界，有國名娑婆。是中有佛，名釋迦牟尼。今為諸菩薩摩訶薩說大乘經，名妙法蓮華，教菩薩法，佛所護念。汝等當深心隨喜，亦當禮拜，供養釋迦牟尼佛」。

(Kinh: Ngay lập tức, chư thiên ở trong hư không, lớn tiếng xướng rằng: - Qua khỏi vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, có cõi nước tên là Sa Bà. Trong ấy có Phật, tên là Thích Ca Mâu Ni, nay vì các vị Bồ Tát Ma Ha Tát nói kinh Đại Thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm. Các ông hãy nên thâm tâm tùy hỷ, cũng nên lễ bái, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật).

Tuy do Phật lực khiến cho họ trông thấy đại hội từ xa, nhưng vẫn chẳng biết Phật có danh hiệu như thế nào, do duyên gì mà [đại chúng] tụ tập. Nay chư thiên trong hư không tuyên xướng, khiến cho mọi người nghe biết, khiến cho mọi người tùy hỷ diệu pháp, cúng dường đức Thế Tôn, tức là biểu thị trong vị lai họ sẽ có Giáo Nhất.

21.1.2.2.5. Quy mạng từ xa

(Kinh) Bĩ chư chúng sanh văn hư không trung thanh dĩ, hiệp chưởng hướng Sa Bà thế giới, tác như thị ngôn: “Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật”.

(經)彼諸眾生聞虛空中聲已，合掌向娑婆世界，作如是言：「南無釋迦牟尼佛，南無釋迦牟尼佛」。

(Kinh: Các chúng sanh ấy nghe tiếng trong hư không rồi, chấp tay hướng về thế giới Sa Bà, nói như thế này: “Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật”).

Chấp tay, xưng Nam-mô, là đệ tử của Phật, biểu thị sẽ là Nhân Nhất trong vị lai.

21.1.2.2.6. Cúng dường từ xa

(Kinh) Dĩ chủng chủng hoa, hương, anh lạc, phan, cái, cật chur nghiêm thân chi cụ, trân bảo diệu vật, giai cộng dao tán Sa Bà thế giới. Sở tán chur vật tùng thập phương lai. Thí như vân tập, biến thành bảo trướng, biến phủ thử gian chur Phật chi thượng.

(經)以種種華，香，瓔珞，旛，蓋，及諸嚴身之具，珍寶妙物，皆共遙散娑婆世界。所散諸物從十方來。譬如雲集，變成寶帳，徧覆此間諸佛之上。

(Kinh: Dùng các thứ hoa, hương, anh lạc, phan, lọng, và các vật trang nghiêm thân, các vật trân bảo diệu vật, đều cùng từ xa rải lên thế giới Sa Bà. Các vật được rải từ mười phương đến ví như mây nhóm, biến thành trướng báu, phủ khắp trên chư Phật trong cõi này).

Các vật được rải biến thành trướng báu, che trên chư Phật, biểu thị “vạn thiện đồng quy”, đều chứa đựng Phật quả, tức là sẽ có Hạnh Nhất trong vị lai.

21.1.2.2.7. Mười phương thế giới thông đạt như một cõi Phật

(Kinh) Ư thời, thập phương thế giới thông đạt vô ngại như nhất Phật độ.

(經)於時，十方世界通達無礙如一佛土。

(**Kinh:** Khi ấy, mười phương thế giới thông đạt vô ngại như một cõi Phật).

Điều này biểu thị Lý Nhất trong vị lai. Đã ngộ lý “Quyền, Thật, Bồn, Tích chẳng thể nghĩ bàn như nhau”. Sai biệt chính là chẳng sai biệt. Phần thứ hai, “Phật hiện thần lực” đã xong.

21.1.3. Kết lại điểm trọng yếu để khuyên thọ trì

21.1.3.1. Xưng tán, phó chúc

(**Kinh**) *Nhĩ thời, Phật cáo Thượng Hạnh đẳng Bồ Tát đại chúng: - Chư Phật thần lực như thị vô lượng vô biên bất khả tư nghị. Nhược ngã dĩ thị thần lực, ư vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp, vị chúc luy cố, thuyết thử kinh công đức, do bất năng tận.*

(經)爾時，佛告上行等菩薩大眾：「諸佛神力如是無量無邊不可思議。若我以是神力，於無量無邊百千萬億阿僧祇劫，為囑累故，說此經功德，猶不能盡。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị như Thượng Hạnh v.v... Bồ Tát đại chúng: - Thần lực của chư Phật vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn như thế! Nếu ta dùng thần lực ấy trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp vì chúc luy mà nói công đức của kinh này, vẫn chẳng thể hết).

21.1.3.2. Kết lại điểm trọng yếu để phó chúc

(**Kinh**) *Dĩ yếu ngôn chi, Như Lai nhất thiết sở hữu chi pháp, Như Lai nhất thiết tự tại thần lực, Như Lai nhất thiết bí yếu chi tạng, Như Lai nhất thiết thậm thâm chi sự, giai ư thử kinh tuyên thị, hiển thuyết.*

(經)以要言之，如來一切所有之法，如來一切自在神力，如來一切秘要之藏，如來一切甚深之事，皆於此經宣示，顯說。

(**Kinh:** Nói tóm lại, hết thấy tất cả các pháp của Như Lai, hết thấy thần lực tự tại của Như Lai, hết thấy tạng bí mật trọng yếu của Như Lai, hết thấy các chuyện rất sâu của Như Lai, đều được tuyên nói, chỉ bày, nêu rõ trong kinh này).

Tất cả các pháp, hết thấy các pháp, đều là Phật pháp. Đó là tổng kết “hết thấy đều là diệu danh”. “Tự tại thần lực”: Thông đạt vô ngại, có đủ tám món tự tại, nhằm kết lại diệu dụng. “Tạng bí mật, trọng yếu”: Trọn khắp hết thấy các chỗ đều là Thật Tướng, kết lại diệu thể. “Chuyện rất sâu”: Hết thấy nhân quả, đại sự duy nhất, kết lại diệu tông, đều được tuyên nói, chỉ bày, nêu rõ trong kinh này, nhằm tổng kết một bộ kinh chỉ có bốn điều trên đây mà thôi, được gom thành cốt lõi để trao truyền.

21.1.3.3. Khuyên lớn, khích lệ để phó chúc

(**Kinh**) *Thị cố, nhữ đẳng ư Như Lai diệt hậu, ưng nhất tâm thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, thư tả, như thuyết tu hành. Sở tại quốc độ, nhược hữu thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, thư tả, như thuyết tu hành, nhược kinh quyển sở trụ chi xứ, nhược ư viên trung, nhược ư lâm trung, nhược ư thụ hạ, nhược ư tăng phùng, nhược bạch y xá, nhược tại điện đường, nhược sơn cốc, khoáng dã, thị trung giai ưng khởi tháp cúng dường.*

(經)是故，汝等於如來滅後，應一心受持，讀，誦，解說，書寫，如說修行。所在國土，若有受持，讀，誦，解說，書寫，如說修行，若經卷所住之處，若於園中，若於林中，若於樹下，若於僧坊，若白衣舍，若在殿堂，若山谷，曠野，是中皆應起塔供養。

(**Kinh:** Vì thế, các ông sau khi Như Lai diệt độ, hãy nên nhất tâm thọ trì, đọc, tụng, giải nói, biên chép, tu hành đúng như lời dạy. Ở trong cõi nước, nếu có người thọ trì, đọc, tụng, giải nói, biên chép, tu hành đúng như lời dạy, hoặc chỗ có kinh quyển, hoặc ở trong vườn, hoặc ở trong rừng, hoặc dưới cội cây, hoặc trong tăng phùng, hoặc nhà bạch y, hoặc tại điện đường, hoặc hang núi, đồng hoang, đều nên dựng tháp cúng dường tại đó).

21.1.3.4. Giải thích việc phó chúc

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Đương tri thị xứ tức thị đạo tràng, chư Phật ư thử đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chư Phật ư thử chuyển ư pháp luân, chư Phật ư thử nhi bát Niết Bàn.

(經)所以者何? 當知是處即是道場, 諸佛於此得阿耨多羅三藐三菩提, 諸佛於此轉於法輪, 諸佛於此而般涅槃」。

(Kinh: Vì có sao vậy? Hãy nên biết chỗ ấy chính là đạo tràng, chư Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tại đó, chư Phật chuyển pháp luân tại đó, chư Phật bát Niết Bàn tại đó).

Đoạn này nhằm giải thích vì sao chỗ có kinh quyền đều phải nên dựng tháp. Do chỗ ấy chính là đạo tràng. Chỗ đắc đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ nhập Niết Bàn, đều gọi là “đạo tràng”. Đạo tràng là nói chung, nhằm giải thích “hết thấy đều là diệu danh”. “Đắc Bồ Đề” là chứng tạng bí mật, trọng yếu, nhằm giải thích diệu thể. “Chuyển pháp luân”: Tuyên nói, chỉ bày chuyện rất sâu thuộc tự hạnh, nhân quả Bốn Tích, nhằm giải thích diệu tông.

“Bát Niết Bàn”: Chẳng phải diệt mà xướng diệt, thần lực tự tại, giải thích diệu dụng. Đắc Bồ Đề là Pháp Thân, chuyển pháp luân là Bát Nhã, nhập Niết Bàn là giải thoát. Ba pháp hợp thành tạng bí mật, Phật trụ trong đó, tức là đạo tràng, tức là ý nghĩa của tháp. Vì thế, hãy nên dựng tháp để biểu thị rõ rệt.

Phần thứ nhất, Trường Hàng đã xong.

21.2. Kệ tụng

21.2.1. Trùng tụng thần lực

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư Phật cứu thế giả, trụ ư đại thần thông. Vị duyệt chúng sanh cố, hiện vô lượng thần lực. Thiết tướng chí Phạm Thiên, thân phóng vô số quang. Vị cầu Phật đạo giả, hiện thử hy hữu sự. Chư Phật khánh khái thanh, cập đàn chỉ chỉ thanh, châu văn thập phương quốc, địa giai lục chủng động. Dĩ Phật diệt độ hậu, năng trì thị kinh cố, chư Phật giai hoan hỷ, hiện vô lượng thần lực.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸佛救世者，住於大神通。為悅眾生故，現無量神力。舌相至梵天，身放無數光。為求佛道者，現此希有事。諸佛瞿咳聲，及彈指之聲，周聞十方國，地皆六種動。以佛滅度後，能持是經故，諸佛皆歡喜，現無量神力。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Chư Phật đáng cứu đời, trụ trong đại thần thông. Vì vui sướng chúng sanh, hiện vô lượng thần lực. Tướng lưỡi tới Phạm Thiên, thân phóng vô số quang. Vì người cầu Phật đạo, hiện chuyện hiếm có này. Tiếng chư Phật đảnh hắng, và tiếng khảy ngón tay, nghe trọn mười phương cõi, đất chấn động sáu cách. Do Phật diệt độ rồi, ai có thể trì kinh, chư Phật đều hoan hỷ, hiện vô lượng thần lực).

Đối với mười loại thần lực, chỉ trùng tụng năm thứ đầu, năm thứ sau đều do hai âm thanh chấn động mà hiện, cho nên lược đi. Lại nữa, năm thứ đầu và năm thứ sau biểu thị ý nghĩa chẳng khác biệt, nhưng có hiện tại và vị lai sai khác, cho nên tỉnh lược.

21.2.2. Trùng tụng kết lại những điều trọng yếu, khuyên thọ trì

21.2.2.1. Trùng tụng xưng tán

(Kinh) Chúc lụy thị kinh cố, tán mỹ thọ trì giả, ư vô lượng kiếp trung, do cố bất năng tận. Thị nhân chỉ công đức, vô biên vô hữu cùng, như thập phương hư không, bất khả đắc biên tế.

(經)囑累是經故，讚美受持者，於無量劫中，猶故不能盡。是人之功德，無邊無有窮，如十方虛空，不可得邊際。

(Kinh: Do chúc lụy kinh này, khen ngợi người thọ trì, trong vô lượng ức kiếp, vẫn chẳng thể cùng tận. Công đức của người ấy, vô biên, chẳng cùng tận, như mười phương hư không, chẳng thể đạt bờ mé).

Phần kinh văn Trường Hàng chỉ nói công đức của kinh này chẳng thể cùng tận. Nay kệ tụng nói công đức của người ấy (người thọ trì) là vô biên, chẳng thể cùng tận. Do pháp diệu nên người diệu. Do người diệu nên pháp diệu, hiển hiện lẫn nhau!

21.2.2.2. Trùng tụng kết lại điểm trọng yếu, kiêm giải thích

21.2.2.2.1. Trùng tụng hết thấy các pháp

(Kinh) Năng trì thị kinh giả, tắc vi dĩ kiến ngã, diệt kiến Đa Bảo Phật, cập chư phân thân giả. Hựu kiến ngã kim nhật, giáo hóa chư Bồ Tát.

(經)能持是經者，則為已見我，亦見多寶佛，及諸分身者。又見我今日，教化諸菩薩。

(Kinh: Người hay trì kinh này, chính là đã thấy ta, cũng thấy Phật Đa Bảo, và các vị phân thân. Lại thấy ta ngày nay, giáo hóa các Bồ Tát).

Tất cả các pháp chẳng ngoài người có thể giáo hóa, người có thể chứng, và đối tượng được giáo hóa. Do chẳng có Nhị Thừa, chẳng nói kèm theo, pháp này thuần diệu. Đó là dùng ba điều để hình dung tổng quát đạo tràng.

21.2.2.2.2. Trùng tụng thần lực tự tại

(Kinh) Năng trì thị kinh giả, linh ngã cập phân thân, diệt độ Đa Bảo Phật, nhất thiết giai hoan hỷ. Thập phương hiện tại Phật, tịnh quá khứ, vị lai, diệt kiến, diệt cúng dường, diệt linh đắc hoan hỷ.

(經)能持是經者，令我及分身，滅度多寶佛，一切皆歡喜。十方現在佛，并過去未來，亦見亦供養，亦令得歡喜。

(Kinh: Người hay trì kinh này, khiến ta và phân thân, diệt độ Đa Bảo Phật, hết thấy đều hoan hỷ. Mười phương hiện tại Phật, và quá khứ, vị lai, cũng thấy, cũng cúng dường, cũng khiến được hoan hỷ).

“Hoan hỷ” chính là tác dụng thông suốt của thần lực, cũng chính là Niết Bàn, nơi an ổn nhất.

21.2.2.2.3. Trùng tụng tạng bí yếu

(Kinh) Chư Phật tọa đạo tràng, sở đắc bí yếu pháp, năng trì thị kinh giả, bất cửu diệt đương đắc.

(經)諸佛坐道場，所得秘要法，能持是經者，不久亦當得。

(Kinh: Chư Phật ngồi đạo tràng, đạt được pháp bí yếu, người hay trì kinh này, chẳng lâu cũng sẽ được).

Giống như chư Phật đắc Chánh Giác, chứng được diệu thể bí mật tạng.

21.2.2.2.4. Trùng tụng chuyện rất sâu

(Kinh) Năng trì thị kinh giả, ư chư pháp chi nghĩa, danh tự cập ngôn từ, nhạo thuyết vô cùng tận. Như phong ư không trung, nhất thiết vô chướng ngại. Ư Như Lai diệt hậu, tri Phật sở thuyết kinh, nhân duyên cập thứ đệ, tùy nghĩa như thật thuyết. Như nhật nguyệt quang minh, năng trừ chư u minh. Tư nhân hành thế gian, năng diệt chúng sanh ám, giáo vô lượng Bồ Tát, tất cánh trụ Nhất Thừa.

(經)能持是經者，於諸法之義，名字及言辭，樂說無窮盡。如風於空中，一切無障礙。於如來滅後，知佛所說經，因緣及次第，隨義如實說。如日月光明，能除諸幽冥。斯人行世間，能滅眾生闇，教無量菩薩，畢竟住一乘。

(Kinh: Người hay trì kinh này, đối với nghĩa các pháp, danh tự và ngôn từ, thích nói chẳng cùng tận. Như gió trong hư không, hết thảy chẳng chướng ngại. Như Lai diệt độ rồi, biết kinh do Phật nói, nhân duyên và thứ tự, thuận nghĩa, như thật nói. Như ánh sáng nhật nguyệt, hay trừ các tối tăm. Người ấy trong thế gian, hay diệt chúng sanh tối, dạy vô lượng Bồ Tát, rốt ráo trụ Nhất Thừa).

Dùng cốt lõi của nhân quả Nhất Thừa để giáo hóa Bồ Tát, tức là chuyển pháp luân.

Phần thứ hai, “kết lại những điểm trọng yếu và kèm giải thích” đã xong.

21.2.2.3. Trùng tụng ý khuyên lớn, khích lệ

(Kinh) Thị cố hữu trí giả, văn thử công đức lợi, ư ngã diệt độ hậu, ưng thọ trì tư kinh. Thị nhân ư Phật đạo, quyết định vô hữu nghi.

(經)是故有智者，聞此功德利，於我滅度後，應受持斯經。是人於佛道，決定無有疑」。

(Kinh: Vì thế, người có trí, nghe công đức lợi này, sau khi ta diệt độ, nên thọ trì kinh này. Người ấy trong Phật đạo, quyết định chẳng có nghi).

Lược đi không trùng tụng chuyện dựng tháp cúng dường, chỉ nói “đôi với Phật đạo chẳng nghi ngờ”. Bởi lẽ, tin sâu chỗ ấy chính là đạo tràng. Ở đây, chư Phật đắc Bồ Đề, chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện Bồ Tát vãng mạng hoàng kinh” đã xong. Giải thích phẩm Như Lai Thần Lực đã xong; kế đó, giải thích phẩm Chúc Lụy.

22. Chúc Lụy Phẩm Đệ Nhị Thập Nhị

囑累品第二十二

Phẩm hai mươi hai: Chúc Lụy

“Chúc” là Phật phó chúc (giao phó, căn dặn). “Lụy” là phiên người hãy tuyên truyền. Đây là tuân theo thánh chỉ của Như Lai mà gọi như thế. “Chúc” là cung kính tiếp nhận lời căn dặn, “Lụy” là cam lòng chẳng mệt nhọc. Đây là do Bồ Tát kính thuận mà gọi như vậy. “Chúc” là kim khẩu của Như Lai căn dặn. “Lụy” là Bồ Tát lòng son kính cần gánh vác. Đây là gộp chung trao và nhận lại để luận định. Vì thế, Như Lai vươn mình từ chỗ ngồi đứng dậy, duỗi tay xoa đỉnh đầu [các Bồ Tát], truyền trao pháp khó được. Đại chúng nghiêng mình chấp tay, tuân

phụng lời sắc truyền của đức Thế Tôn, sẽ phụng hành đầy đủ. Ân cần trao nhận; vì thế gọi là phẩm Chúc Lụy.

22.1. Như Lai xoa đỉnh đầu phó chúc

22.1.1. Phó chúc

22.1.1.1. Như Lai phó chúc

22.1.1.1.1. Chánh thức phó chúc

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật tùng (bảo tháp trung) pháp tòa khởi, hiện đại thần lực, dĩ hữu thủ ma vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đánh, nhi tác thị ngôn: “Ngã ư vô lượng bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập thị nan đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, kim dĩ phó chúc nhữ đẳng. Nhữ đẳng ưng đương nhất tâm lưu bố thử pháp, quảng linh tăng ích”. Như thị tam ma chư Bồ Tát Ma Ha Tát đánh, nhi tác thị ngôn: “Ngã ư vô lượng bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp, tu tập thị nan đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, kim dĩ phó chúc nhữ đẳng. Nhữ đẳng đương thọ trì, độ, tụng, quảng tuyên thử pháp, linh nhất thiết chúng sanh phổ đắc văn tri.

(經)爾時，釋迦牟尼佛從（寶塔中）法座起，現大神力，以右手摩無量菩薩摩訶薩頂，而作是言：「我於無量百千萬億阿僧祇劫修習是難得阿耨多羅三藐三菩提法，今以付囑汝等。汝等應當一心流布此法，廣令增益」。如是三摩諸菩薩摩訶薩頂，而作是言：「我於無量百千萬億阿僧祇劫，修習是難得阿耨多羅三藐三菩提法，今以付囑汝等。汝等當受持，讀，誦，廣宣此法，令一切眾生普得聞知。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật từ pháp tòa (trong bảo tháp) đứng dậy⁷⁹, hiện đại thần lực, dùng tay phải xoa đỉnh đầu⁸⁰ vô

⁷⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Từ nơi nửa tòa do Đa Bảo Phật chia cho mà đứng dậy, biểu thị từ Đệ Nhất Nghĩa Không khởi vô lượng đại dụng”.

⁸⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Xoa đỉnh đầu biểu thị lòng từ ái của đức Phật đối với các đệ tử, dùng tay Quyền Trí xoa đỉnh đầu Thật Trí, biểu thị Quyền chính là Thật, Thật chính là Quyền”.

lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, mà nói như thế này: “Ta trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông. Các ông hãy nên nhất tâm lưu truyền pháp này, khiến cho nó rộng tăng trưởng”. Xoa đỉnh đầu các Bồ Tát Ma Ha Tát ba lượt như thế, nói như thế này: “Ta trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này, nay phó chúc cho các ông. Các ông hãy nên thọ trì, đọc, tụng, rộng tuyên dương pháp này, khiến cho hết thảy chúng sanh đều được nghe biết trọn khắp”).

Như Lai dùng tay Quyền Trí thiện xảo, cùng lúc xoa trọn khắp đỉnh đầu Thật Trí của vô lượng Bồ Tát; vì thế nói là “hiện đại thần lực”. Như Lai trao truyền hóa đạo cho họ. Vì thế, dùng tay phải để biểu thị Quyền. Bồ Tát tự hành tiếp nhận đạo, cho nên dùng đỉnh đầu để biểu thị Thật. Duỗi tay xoa đỉnh đầu tức là “thân phó chúc”. Quyền Trí gặp Thật Trí tức là “ý phó chúc”. “Mà nói như thế này” tức là “khẩu phó chúc”. Ba lượt xoa đỉnh đầu, ba lượt căn dặn, ân cần chẳng nhẹ, khiến cho tự hành và hóa độ người khác trọn khắp, khiến cho đạt được Tứ Tất Đản vĩnh viễn vô tận.

22.1.1.1.2. Giải thích sự phó chúc

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Như Lai hữu đại từ bi, vô chư xan lận, diệt vô sở úy, năng dứt chúng sanh Phật chi trí huệ. Như Lai trí huệ, tự nhiên trí huệ. Như Lai thị nhất thiết chúng sanh chi đại thí chủ, như đẳng diệt tùy học Như Lai chi pháp, vật sanh xan lận.

(經)所以者何？如來有大慈悲，無諸慳吝，亦無所畏，能與眾生佛之智慧。如來智慧，自然智慧。如來是一切眾生之大施主，汝等亦應隨學如來之法，勿生慳吝。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Như Lai có đại từ bi, chẳng có các thứ keo tiết, cũng chẳng sợ hãi, có thể ban cho chúng sanh trí huệ của Phật, trí huệ Như Lai, trí huệ tự nhiên. Như Lai là đại thí chủ của hết thảy chúng sanh, các ông cũng nên học theo pháp của Như Lai, đừng sanh lòng keo tiết).

“Có lòng đại từ bi” là “Nhu Lai thất”. “Vô chur xan lạn” (Chẳng có các thứ keo tiếc) là “[Nhu Lai] y rốt ráo”. “Diệc vô sở úy” (Cũng chẳng sợ hãi) là “[Nhu Lai] tòa rốt ráo”. “Phật chi trí huệ” (Trí huệ của Phật) là thật tánh của giác pháp, tức Nhất Thiết Trí. “Nhu Lai trí huệ” (Trí huệ của Nhu Lai) từ tánh khởi tu, từ nhân tới quả, tức Đạo Chứng Trí. “Tự nhiên trí huệ”: Thễ của nó tự nhiên, song chiếu bất nhị, tức Nhất Thiết Chứng Trí. Ba thứ “y, tòa, thất”, mỗi thứ đều có đủ ba trí. Ba và một chính là lẫn nhau, ba và một dung nhập lẫn nhau. Dùng điều này để giáo hóa người khác, gọi là “đại thí chủ”. Thất mà chẳng có y và tòa, hoảng thệ sẽ chẳng trọn khắp. Y mà chẳng có thất và tòa, Pháp Thân sẽ chẳng trọn đủ. Tòa mà chẳng có y và thất, sẽ phá Hoặc chẳng trọn vẹn. “Vật sanh xan lạn” (Chớ sanh lòng keo tiếc): Khuyên phần chứng thí chủ hãy nên học theo vị đại thí chủ rốt ráo. Nếu có keo tiếc, tức là chẳng từ bi. Đó là có sợ hãi; vì thế, nêu ra một lời, tức là khuyên hãy vâng theo ba khuôn khổ (y, thất, tòa của Nhu Lai) để hoảng kinh.

22.1.1.1.3. Phó chúc răn dạy

(Kinh) U vị lai thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tín Nhu Lai trí huệ giả, đương vị diễn thuyết thử Pháp Hoa kinh, sử đắc văn tri, vị linh kỳ nhân đắc Phật huệ cố. Nhược hữu chúng sanh bất tín thọ giả, đương ư Nhu Lai dư thâm pháp trung thị giáo lợi hỷ. Nhữ đẳng nhược năng như thị, tắc vi dĩ báo chur Phật chi ân.

(經)於未來世，若有善男子，善女人，信如來智慧者，當為演說此法華經，使得聞知，為令其人得佛慧故。若有眾生不信受者，當於如來餘深法中示教利喜。汝等若能如是，則為已報諸佛之恩。

(Kinh: Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, tín trí huệ của Nhu Lai, hãy vì người ấy diễn nói kinh Pháp Hoa này, khiến cho người ấy nghe biết, vì khiến cho người ấy đắc Phật huệ. Nếu có các chúng sanh chẳng tin nhận, hãy nên dùng các pháp sâu khác của Nhu Lai để chỉ dạy khiến cho họ đạt được lợi ích, hoan hỷ. Nếu các ông có thể làm như thế thì chính là đã báo ân của chur Phật).

Trừ Phật huệ ra, những điều khác đều gọi là “*du*”. Vì Thật mà hành Quyền, Quyền chứa đựng Thật. Vì thế, đều gọi là “*thâm*” (sâu). Do đó biết: Chỉ khen ngợi Phật thừa, sẽ chẳng thể thông trọn khắp ba giáo pháp trước (Tạng, Thông, Biệt), chẳng phải là truyền pháp báo ân Phật.

Phần thứ nhất, “Nhu Lai phó chúc” đã xong.

22.1.1.2. Bồ Tát lãnh nhận

(Kinh) Thời, chư Bồ Tát Ma Ha Tát văn Phật tác thị thuyết dĩ, giai đại hoan hỷ, biến mãn kỳ thân, ích gia cung kính, khúc cung, đê đầu, hiệp chưởng hướng Phật, câu phát thanh ngôn: “Nhu Thế Tôn sắc, đương cụ phụng hành. Dụ nhiên Thế Tôn, nguyện bất hữu lự”. Chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng như thị tam phần câu phát thanh ngôn: “Nhu Thế Tôn sắc, đương cụ phụng hành. Dụ nhiên Thế Tôn! Nguyện bất hữu lự”.

(經)時，諸菩薩摩訶薩聞佛作是說已，皆大歡喜，徧滿其身，益加恭敬，曲躬，低頭，合掌向佛，俱發聲言：

「如世尊敕，當具奉行。唯然世尊，願不有慮」。諸菩薩摩訶薩眾如是三反俱發聲言：「如世尊敕，當具奉行。唯然世尊！願不有慮」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các Bồ Tát Ma Ha Tát nghe Phật nói như thế rồi đều hết sức hoan hỷ trọn khắp cả thân, càng thêm cung kính, khom mình, cúi đầu, chắp tay hướng về đức Phật, đều phát ra tiếng thưa: “Nhu Thế Tôn sắc truyền, chúng con sẽ phụng hành trọn vẹn. Kính vâng đức Thế Tôn, xin chớ có lo”. Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát ba lượt đều phát ra tiếng thưa như thế: “Nhu Thế Tôn sắc truyền, chúng con sẽ phụng hành trọn vẹn. Kính vâng đức Thế Tôn! Xin chớ có lo”).

Hoan hỷ cung kính tức là “ý lãnh nhận”. Khom mình, cúi đầu là “thân lãnh nhận”. “Đều phát ra tiếng thưa trình” chính là khẩu lãnh nhận. “*Nhu Thế Tôn sắc*”: Lãnh nhận lời giao phó. “*Đương cụ phụng hành*” (Sẽ phụng hành trọn vẹn): Hành trọn ba pháp, lãnh nhận sự phó chúc. “*Nguyện bất hữu lự*” (Xin chớ có lo): Lãnh nhận lời giao phó răn

truyền. Như Lai ba lượt giao phó, Bồ Tát ba lượt tiếp nhận, ân cần trình trọng, suốt cả đời chẳng sót!

22.1.1.3. Xong việc bèn xuống tán

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật linh thập phương lai chư phân thân Phật các hoàn bốn độ, nhi tác thị ngôn: “Chư Phật các tùy sở an, Đa Bảo Phật tháp hoàn khả như cố”.

(經)爾時，釋迦牟尼佛令十方來諸分身佛各還本土，而作是言：「諸佛各隨所安，多寶佛塔還可如故」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo các vị Phật phân thân đến từ mười phương đều trở về cõi mình, mà nói như thế này: “Chư Phật mỗi vị hãy nên an trụ trong cõi mình hóa độ. Tháp Phật Đa Bảo hãy nên trở lại như cũ”).

Phân thân [chư Phật] vì mở tháp mà tụ tập. Chuyện mở tháp đã xong, cho nên bảo các vị hãy thuận theo cõi các Ngài vốn an trụ mà trở về từng cõi. Tháp báu vì chứng minh kinh mà hiện đến, nay hai môn Bốn và Tích đã xong, vì thế kính khuyên hãy đóng lại như cũ. Tháp chẳng mở nữa, cho nên các phân thân rời đi chẳng hiện. Tháp vẫn nghe pháp, cho nên trong kinh văn thuộc phần sau, tháp tuy đóng nhưng vẫn còn đó.

Hỏi: - Nếu tháp nghe pháp, cũng phải nên chẳng đóng lại?

Đáp: - Do đã chứng minh xong phần Chánh Thuyết, cho nên đóng lại. Do nghe lưu thông nên vẫn còn đó.

Phần thứ nhất là “phó chúc” đã xong.

22.1.2. Hoan hỷ

(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, thập phương vô lượng phân thân chư Phật, tọa bảo thụ hạ sư tử tòa thượng giả, cập Đa Bảo Phật, tịnh Thượng Hạnh đẳng vô biên A-tăng-kỳ Bồ Tát đại chúng, Xá Lợi Phất đẳng Thanh Văn tứ chúng, cập nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La đẳng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ.

(經)說是語時，十方無量分身諸佛，坐寶樹下師子座上者，及多寶佛，并上行等無邊阿僧祇菩薩大眾，舍利弗等聲聞四眾，及一切世間天、人、阿修羅等聞佛所說，皆大歡喜。

(Kinh: Khi nói lời ấy, mười phương vô lượng phân thân chư Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu, và Đa Bảo Phật, cùng với Thượng Hạnh v.v... vô biên A-tăng-kỳ Bồ Tát đại chúng. Xá Lợi Phất v.v... Thanh Văn tứ chúng, và hết thấy trời, người, A Tu La v.v... trong hết thấy các thế gian nghe lời đức Phật dạy, đều hết sức hoan hỷ).

Chư Phật vì chuyện hóa độ người khác đã toại, cho nên hoan hỷ. Bồ Tát vì tự hành đắc pháp nên hoan hỷ. Lại do người nói thanh tịnh, tức là đức Phật, cho nên hoan hỷ. Do nghe pháp thanh tịnh, tức diệu kinh, cho nên hoan hỷ. Do chứng đắc thanh tịnh, tức là những người đạt được lợi ích trong hiện tại và vị lai, cho nên hoan hỷ.

Phần thứ nhất, “phó chúc lưu thông” đã xong.

Năm phẩm kể từ Dược Vương trở đi là xét theo sự hóa độ người khác để lưu thông. [Phần này] lại chia thành bốn đoạn:

- Một, phẩm Dược Vương khích lệ bậc thầy hoằng pháp hãy nên như ngài Dược Vương, dốc cạn thân lực, trọn hết thân mạng, chỉ mong sao Đại pháp được hoằng truyền rộng rãi, chúng sanh đạt được lợi ích, ngõ hầu các đệ tử có pháp để noi theo.

- Hai phẩm Diệu Âm và Quán Âm khích lệ các đệ tử thọ pháp đừng sanh ý tưởng coi thường đối với người hoằng pháp. Vì lẽ nào vậy? Các vị đại sĩ ở phương khác phụng mạng hoằng kinh, hiện trọn khắp các sắc thân, hình dạng không nhất định! Chớ nên dùng mắt trâu dê để nhìn, chớ nên dùng phàm tình ngu phàm để suy lường.

- Ba là phẩm Đà La Ni nhằm nêu ra chuyện dùng chú để hộ trì.

- Bốn là phẩm Diệu Trang Nghiêm nhằm nói về chuyện thủ hộ người sáng suốt.

Lại nữa, phẩm Dược Vương dùng khổ hạnh để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Diệu Âm và Quán Âm dùng tam-muội để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Đà La Ni dùng Tổng Trì để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Diệu Trang Nghiêm dùng thệ nguyện để thực hiện Nhất Thừa. Phẩm Phổ Hiền dùng thần thông để thực hiện Nhất Thừa. Chân Như Thật Tướng là

cái Thể để thực hiện. Phật giới, nhân giới là chuyện để thực hiện. Các chuyện như khổ hạnh, tam-muội v.v... là duyên để thực hiện Nhất Thừa. Thuận theo cơ nghi của chúng sanh, cho nên khiến cho người hoằng kinh nêu bày cơ duyên bất đồng, nhưng cái Thể để thực hiện đều là diệu pháp. Tất cả nhân quả hoàn toàn nương vào Nhất Thật. Dùng điều này để lợi ích chúng sanh, cho nên nói “*thực hiện Nhất Thừa*”.

Giải thích phẩm Chúc Lụy đã xong; kế đó, giải thích phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự.

23. Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Tam

藥王菩薩本事品第二十三

Phẩm thứ hai mươi ba: Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự

Kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát⁸¹ nói: “*Tích danh Tinh Quang, từng tôn giả Nhật Tạng văn thuyết Phật huệ, dĩ Tuyết Sơn thượng dược cúng dường chúng tăng. Nguyên ngã vị lai, năng trị chúng sanh thân tâm lưỡng bệnh. Cử thể hoan hỷ, hiệu viết Dược Vương*” (Xưa tên là Tinh Quang, từ tôn giả Nhật Tạng nghe nói Phật huệ, dùng thuốc tốt nhất ở Tuyết Sơn để cúng dường chúng tăng, nguyện ta trong vị lai có thể trị hai căn bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Cả cõi đời hoan hỷ, gọi Ngài là Dược Vương). Kinh Đại Phật Đảnh (Lăng Nghiêm) nói: “*Ngã vô thi kiếp, vi thế lương y, khẩu thường Sa Bà thế giới sở hữu dược vị, thừa sự Như Lai, phân biệt vị nhân, từng thị khai ngộ. Như Lai ấn ngã côn quý Dược Vương, Dược Thượng nhị Bồ Tát danh*” (Trong vô thi kiếp trước, con làm lương y trong thế gian, miệng niệm tất cả dược vị trong thế giới Sa Bà, thừa sự Như Lai. Do phân biệt các vị, từ đó mà khai ngộ. Như Lai đặt tên cho anh em con là Dược Vương, Dược

⁸¹ Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát Kinh (Bhaiṣajyarāja Bhaiṣajyasamudgata Bodhisattva Sūtra) do ngài Cương Lương Da Xá dịch vào đời Lưu Tống. Kinh trần thuật đức Phật ngự tại tinh xá Thanh Liên Hoa Trì ở nước Tỳ Da Ly giảng về công hạnh của vị Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát, cách quán tưởng, và các nhân duyên trong quá khứ của hai Ngài. Hai Ngài trong đời quá khứ có tên là Tinh Tú Quang và Điện Quang, dùng trái Ha Lê Lặc và đề-hồ làm thuốc cúng dường tỳ-kheo Nhật Tạng. Do bởi nhân duyên ấy, các Ngài đời đời dùng pháp dược để cứu vớt chúng sanh, diệt trừ hết thảy phiền não. Trong nghi thức sám hối Hồng Danh Bảo Sám, năm mươi ba vị Phật từ Phổ Quang Phật cho đến Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật được trích từ phần dạy sám hối của kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát này.

Thượng Bồ Tát). Kinh văn trong phẩm này nói Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát nhanh chóng xả thân, lại thiêu hai cánh tay, khinh mạng sống, tôn trọng pháp, mất mạng để duy trì đạo. Kể chuyện xưa để hiển lộ hiện tại; vì thế nói là phẩm Bốn Sự. Nói các phẩm này, hoàn toàn khiến cho chúng sanh đạt được Tứ Tất Ích (bốn lợi ích Tất Đàn), chẳng cần khẳng khẳng phân định đoạn nào tương ứng với pháp Tất Đàn nào!

*** Khích lệ bậc thầy hoằng pháp**

23.1. Thưa hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, Tú Vương Hoa Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Dục Vương Bồ Tát vân hà du ư Sa Bà thế giới? Thế Tôn! Thị Dục Vương Bồ Tát hữu nhược can bách thiên vạn ức na-do-tha nan hành khổ hạnh? Thiện tai Thế Tôn! Nguyên thiếu giải thuyết, chư thiên, long, thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng. Hựu tha quốc độ chư lai Bồ Tát, cập thử Thanh Văn chúng văn giai hoan hỷ.

(經)爾時，宿王華菩薩白佛言：「世尊！藥王菩薩云何遊於娑婆世界？世尊！是藥王菩薩有若干百千萬億那由他難行苦行？善哉世尊！願少解說，諸天、龍、神、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等。又他國土諸來菩薩，及此聲聞眾聞皆歡喜」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Tú Vương Hoa (Nakṣatrarāja-saṃkusumitā-bhijña) Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Dục Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát dạo chơi trong thế giới Sa Bà như thế nào? Bạch Thế Tôn! Vị Dục Vương Bồ Tát này có ngần nào trăm ngàn vạn ức na-do-tha khổ hạnh khó hành? Lành thay đức Thế Tôn! Xin hãy giải nói đôi chút, chư thiên, rồng, thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, phi nhân v.v... và các vị Bồ Tát từ các quốc độ khác đến, cũng như các vị Thanh Văn này nghe rồi sẽ đều hoan hỷ).

Từ chữ “Thế Tôn” thứ nhất trở đi, hỏi chung về sự du hóa. Từ “Thế Tôn! Thị Dục Vương Bồ Tát nhược hữu...” (Bạch Thế Tôn! Vị

Được Vương Bồ Tát ấy nêu có...) trở đi, hỏi riêng về khổ hạnh. Từ “*thiện tai*” (lành thay) trở đi là xin giải đáp. Du hóa là lợi tha, khổ hạnh là tự lợi. Du hóa cũng là khổ hạnh, khổ hạnh cũng là lợi tha. [Từ phẩm này] cho đến kinh văn thuộc các phẩm sau như Diệu Âm v.v... nói chung chẳng ngoài hai hạnh tự lợi và lợi tha. Tự hành nói chung chẳng ngoài Trí Đức, Đoạn Đức, phước, huệ. Lợi tha chẳng ngoài tam-muội và thần thông. Hỏi chung về sự du hóa, thì du hóa ắt sẽ trọn đủ tất cả các thân trong mười pháp giới, hoàn toàn giống như Diệu Âm và Quán Âm, nhưng [phẩm này] chỉ nêu ra khổ hạnh nhằm thích hợp cơ nghi. Vì được thỉnh nên đáp như vậy, ý ở nơi khổ hạnh.

23.2. Trả lời

23.2.1. Chỉ đáp [câu hỏi về] khổ hạnh, du hóa là nói tới Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội, hoặc nói tới hai phẩm sau

23.2.1.1. Nói về Sự Bồn

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Nãi vãng quá khứ vô lượng Hằng hà sa kiếp, hữu Phật hiệu Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kỳ Phật hữu bát thập ức đại Bồ Tát Ma Ha Tát, thất thập nhị Hằng hà sa đại Thanh Văn chúng. Phật thọ tứ vạn nhị thiên kiếp, Bồ Tát thọ mạng diệc đẳng. Bĩ quốc vô hữu nữ nhân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh A Tu La đẳng, cập dĩ chư nạn. Địa bình như chường, lưu ly sở thành. Bảo thụ trang nghiêm, bảo trướng phủ thượng, thùy bảo hoa phan, bảo bình, hương lô, châu biến quốc giới. Thất bảo vi đài, nhất thụ nhất đài. Kỳ thụ khứ đài tận nhất tiền đạo. Thử chư bảo thụ giai hữu Bồ Tát, Thanh Văn nhị tọa kỳ hạ. Chư bảo đài thượng, các hữu bách ức chư thiên, tác thiên kỹ nhạc, ca tán u Phật dĩ vi cúng dường.

(經)爾時，佛告宿王華菩薩：「乃往過去無量恆河沙劫，有佛號日月淨明德、如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。其佛有八十億大菩薩摩訶薩，七十二恆河沙大聲聞眾。佛

壽四萬二千劫，菩薩壽命亦等。彼國無有女人，地獄，餓鬼，畜生阿修羅等，及以諸難。地平如掌，琉璃所成。寶樹莊嚴，寶帳覆上，垂寶華幡，寶瓶，香爐，周徧國界。七寶為臺，一樹一臺。其樹去臺盡一箭道。此諸寶樹皆有菩薩、聲聞而坐其下。諸寶臺上，各有百億諸天，作天技樂，歌歎於佛以為供養。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Trong quá khứ vô lượng hằng hà sa kiếp trước kia, có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai (Candrasūryavimalaprabhāsaśrī), Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị Phật ấy có tám mươi ức đại Bồ Tát Ma Ha Tát, bảy mươi hai Hằng hà sa các vị đại Thanh Văn. Phật thọ bốn vạn hai ngàn kiếp. Bồ Tát thọ mạng cũng như thế. Nước ấy không có nữ nhân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La v.v... cùng với các nạn. Đất bằng phẳng như lòng bàn tay, do lưu ly hợp thành. Cây báu trang nghiêm, trướng báu phủ bên trên, treo rủ các phan báu, bình báu, lò hương tròn khắp cõi nước. Bảy báu làm đài, cứ mỗi cây là một đài. Cây cách đài một tầm mũi tên. Các cây báu ấy đều có Bồ Tát, Thanh Văn ngồi dưới gốc. Trên các đài báu, đều có trăm ức chư thiên tấu các kỹ nhạc trời, ca tụng, tán thán Phật để cúng dường).

23.2.1.2. Nói về Bốn Sự

23.2.1.2.1. Đức Phật thuyết pháp

(Kinh) Nhĩ thời, bỉ Phật vị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát, cập chúng Bồ Tát, chư Thanh Văn chúng, thuyết Pháp Hoa kinh.

(經)爾時，彼佛為一切眾生喜見菩薩，及眾菩薩，諸聲聞眾，說法華經。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật vì Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến (Sarvarūpasamdarśana)⁸² Bồ Tát, và các vị Bồ Tát, các vị Thanh Văn nói kinh Pháp Hoa).

Cũng giống như nay đức Phật bảo dạy Xá Lợi Phất, hoặc Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật bảo dạy ngài Diệu Quang.

23.2.1.2.2. Tu cúng dường

23.2.1.2.2.1. Cúng dường trong hiện đời

23.2.1.2.2.1.1. Tu hành đặc pháp

(Kinh) Thị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát nhạo tập khổ hạnh u Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật pháp trung, tinh tấn kinh hành, nhất tâm cầu Phật, mãn vạn nhị thiên tuế dĩ, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội.

(經)是一切眾生喜見菩薩樂習苦行於日月淨明德佛法中，精進經行，一心求佛，滿萬二千歲已，得現一切色身三昧。

(Kinh: Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ưa thích tu tập khổ hạnh trong pháp của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, tinh tấn kinh hành⁸³, một lòng cầu Phật, mãn một vạn hai ngàn năm rồi, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội⁸⁴ - Sarvarūpasamdarśana).

23.2.1.2.2.1.2. Nghĩ báo ân

23.2.1.2.2.1.2.1. Cúng dường bằng sức tam-muội

(Kinh) Đắc thử tam-muội dĩ, tâm đại hoan hỷ, tức tác niệm ngôn: “Ngã đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội, giai thị đắc văn Pháp Hoa kinh lực. Ngã kim đương cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh

⁸² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến: Vị Bồ Tát này thích tu khổ hạnh, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội, tự tại hóa độ người khác, được hết thấy chúng sanh thích thấy, cho nên có tên như thế”.

⁸³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tinh tấn kinh hành tức là tấn tu chuyên ròng, chẳng ngòai, chẳng nằm, đích thân tu tập pháp Ban Châu tam-muội chẳng gián đoạn”.

⁸⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội tức là tự tại thị hiện sắc thân của hết thấy chúng sanh để thuyết pháp cho họ, giống hệt như các vị Diệu Âm và Quán Âm”.

Mình Đức Phật, cập Pháp Hoa kinh”. Tức thời nhập thị tam-muội, ư hư không trung, vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, tế mật Kiên Hắc Chiên Đàn mẫn hư không trung, như vân nhi hạ, cập vũ Hải Thử Ngạn Chiên Đàn chi hương. Thử hương lục thù giá trị Sa Bà thế giới, dĩ cúng dường Phật.

(經)得此三昧已，心大歡喜，即作念言：「我得現一切色身三昧，皆是得聞法華經力。我今當供養日月淨明德佛，及法華經」。即時入是三昧，於虛空中，雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅華，細末堅黑栴檀滿虛空中，如雲而下，及雨海彼岸栴檀之香。此香六銖價直娑婆世界，以供養佛。

(Kinh: Đã đắc tam-muội rồi, tâm hết sức hoan hỷ, liền nghĩ như thế này: “Ta đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội, đều do sức của nghe kinh Pháp Hoa. Ta nay nên cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật và kinh Pháp Hoa”. Tức thời nhập tam-muội ấy, ở trong hư không, mưa hoa Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Đà La, bột mịn Kiên Hắc Chiên Đàn (Kālānusāri-gandha) đầy khắp hư không, như mây sà xuống, và mưa hương Hải Thử Ngạn Chiên Đàn⁸⁵. Sáu thù⁸⁶ hương ấy có giá trị bằng thế giới Sa Bà, dùng để cúng dường Phật).

Phổ Hiện tam-muội xét theo Lý thì chẳng xuất nhập, biểu thị dùng sức tam-muội, cho nên nói là “nhập”.

23.2.1.2.2.1.2.2. Thiêu thân để cúng dường

⁸⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Hải Thử Ngạn Chiên Đàn: Loại hương này phát xuất từ vùng duyên hải Nam Ấn Độ, tại vùng núi Ma La Da. Do núi có hình dáng giống như đầu trâu, nên gọi là Ngưu Đầu. Hương xuất phát từ núi này nên cũng gọi là Ngưu Đầu Chiên Đàn”.

⁸⁶ Thù là đơn vị đo lường thời cổ. Hai mươi bốn Thù là một Lượng. Trong khi đó, Lượng biến thiên theo thời gian, chẳng hạn thời Chiến Quốc, một Lượng là 15.8g, đời Hán là 13.8g, đời Đường là 41.3g. Đời Minh Thanh là 36.9g. Từ năm 1959 trở đi, Trung Quốc quy định một Lượng là 50g. Trong khi đó, Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) dùng Lượng là 100g (và đơn vị này được gọi là Công Lượng). Tại Việt Nam, Lượng (thường đọc là Lạng) cũng được hiểu là 100g (áp dụng cho trà, đường, bột, gạo...), nhưng một lạng vàng thì chỉ là 37.5g. Kinh Phật phần lớn dịch vào đời Tùy - Đường, cho nên một Lượng trong kinh Phật ước chừng 41g. Vì thế, một Thù khoảng 1.7g. Kinh thường nói áo của chư thiên chỉ nặng sáu thù.

23.2.1.2.2.1.2.2.1. Thiêu thân

(Kinh) Tác thị cúng dường dĩ, tòng tam-muội khởi, nhi tự niệm ngôn: “Ngã tuy dĩ thân lực cúng dường ư Phật, bất như dĩ thân cúng dường”. Tức phục chư hương: Chiên Đàn, Huân Lục, Đầu Lô Bà, Tất Lực Ca, trầm thủy, giao hương. Hựu ẩm Chiêm Bạc chư hoa hương du, mãn thiên nhị bách tuế dĩ, hương du đồ thân, ư Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật tiền, dĩ thiên bảo y nhi tự triển thân, quán chư hương du, dĩ thân thông lực nguyện, nhi tự nhiên thân, quang minh biến chiếu bát thập ức Hằng hà sa thế giới.

(經)作是供養已，從三昧起，而自念言：「我雖以神力供養於佛，不如以身供養」。即服諸香：栴檀，薰陸，兜樓婆，畢力迦，沉水，膠香。又飲薝蔔諸華香油，滿千二百歲已，香油塗身，於日月淨明德佛前，以天寶衣而自纏身，灌諸香油，以神通力願，而自然身，光明徧照八十億恆河沙世界。

(Kinh: Cúng dường như thế xong, từ tam-muội dậy, bèn tự nghĩ rằng⁸⁷: “Ta tuy dùng thân lực cúng dường đức Phật, không bằng dùng thân cúng dường”. Liền ăn các thứ hương Chiên Đàn, Huân Lục⁸⁸, Đầu Lô Bà⁸⁹, Tất Lực Ca⁹⁰, trầm thủy, giao hương⁹¹. Lại uống các thứ dầu

⁸⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tam-muội là Định, ‘tự nghĩ’ là Huệ. Định có thể sanh ra Huệ. Vì thế nói: ‘Từ tam-muội dậy, bèn tự nghĩ rằng’. Dùng thân lực cúng dường, chẳng qua là ngoại tài. Vì thế, chẳng bằng dùng thân cúng dường. Sắc thân bất tịnh, sao có thể kham cúng dường Phật? Vì thế, cần phải uống các thứ hương, gột rửa cho thanh tịnh”.

⁸⁸ Huân Lục là phiên âm của chữ Kundura (còn viết là Kunduru, Kundu, hay Kunduruka) trong tiếng Phạn. Đây chính là Nhũ Hương (Frankincense, Olibanum). Nhũ Hương là nhựa của các loài cây có tên khoa học bắt đầu bằng từ ngữ Boswellia như Boswellia Sacra chẳng hạn. Cây Nhũ Hương cao từ hai tới tám mét, có hoa trắng pha vàng, năm cánh. Cây thường mọc trên triền dốc và nổi tiếng nhất là loại Nhũ Hương từ bán đảo Ả Rập.

⁸⁹ Đầu Lô Bà (Turuṣka), còn được phiên âm là Đầu Lô Bà, Đầu Lô Ba, Đầu Lũ Bà, Đô Lô Bà, Đố Lô Bà, Đốt Bà, hoặc Tốt Đồ Lô Ca, dịch nghĩa là Bạch Mao Hương, Mao Hương, Hương Thảo, tức là hương Tô Hợp (một loại Nhũ Hương).

thơm từ các loại hoa như Chiêm Bặc trồn một ngàn hai trăm năm xong, dùng dầu thơm bôi thân. Đối trước Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, dùng áo trời báu để tự quán thân, rưới các dầu thơm, dùng thần thông lực nguyện để tự đốt thân. Ánh sáng chiếu trồn khắp tám mươi ức Hằng hà sa thế giới).

“Thần thông lực nguyện”: Nói rõ chẳng dùng lửa thế gian, vẫn là nung vào tam-muội đã đạt được để khởi lên thế nguyện lợi lạc người khác, dùng lửa Quán Trí đốt cảnh khó nghĩ. Vì thế, khiến cho quang minh chiếu trồn khắp nhiều cõi nước.

23.2.1.2.2.1.2.2.2. Phật tán thán

(Kinh) Kỳ (bát thập ức Hằng hà sa thế giới) trung chư Phật đồng thời tán ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai. Nhược dĩ hoa, hương, anh lạc, thiêu hương, mật hương, đồ hương, thiên tăng phan cái, cập Hải Thử Ngạn Chiên Đàn chi hương, như thị đẳng chủng chủng chư vật cúng dường, sở bất năng cập. Giả sử quốc thành, thế tử bồ thí, diệc sở bất cập. Thiện nam tử! Thị danh đệ nhất chi thí. Ư chư thí trung, tối tôn, tối thượng, dĩ pháp cúng dường chư Như Lai cố”. Tác thị ngữ dĩ, nhi các mặc nhiên.

(經)其(八十億恆河沙世界)中諸佛同時讚言：「善哉！善哉！善男子！是真精進，是真法供養如來。若以華，香，瓔珞，燒香，末香，塗香，天繒幡蓋，及海彼岸栴檀之香，如是等種種諸物供養，所不能及。假使國城，妻子

⁹⁰ Tắt Lực Ca (Śephālikā) là một loại hương chế từ loài cỏ thơm Trigonella Corniculata (thường biết với tên gọi là Fenugreek, tức cỏ Hồ Lô Ba hay Khô Đậu). Tuy thế, các nhà nghiên cứu kinh Vệ Đà nói loại thảo mộc này chính là loài cỏ thuốc có tên khoa học Nyctanthes Arbor-tristis (loài hoa nhài nở về đêm). Hoa nở vào lúc hoàng hôn và rụng cánh vào sáng hôm sau.

⁹¹ Giao Hương chính là Bạch Giao Hương, tức là nhựa của một loại cây phong (Phong Hương Thụ, có tên khoa học là Liquidambar Formosana, tiếng Anh gọi là Formosa Gum). Nhựa, lá và quả hạt của cây này đều có thể dùng làm thuốc.

佈施，亦所不及。善男子！是名第一之施。於諸施中，最尊，最上，以法供養諸如來故」。作是語已，而各默然。

(**Kinh:** Chư Phật trong (tám mươi ức Hằng hà sa thế giới) cùng lúc khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Đó là thật sự tinh tấn, là pháp cúng dường Như Lai thật sự. Nếu dùng hoa, hương, anh lạc, hương đốt, hương bột, hương bôi, tràng phan lư côi trời, và hương Hải Thử Ngạn Chiên Đàn, dùng các thứ vật như thế để cúng dường, đều chẳng thể sánh bằng. Giả sử bố thí quốc thành, vợ con, cũng chẳng sánh bằng! Này thiện nam tử! Đó gọi là bố thí bậc nhất⁹². Trong các thứ bố thí, sẽ là tôn quý nhất, cao nhất, do dùng pháp để cúng dường Như Lai”. Nói lời ấy xong, đều cùng im lặng).

“**Chân pháp cúng dường**” (Pháp cúng dường chân thật): Chính là trong thì vận dụng quán trí, quán nhân quả phiền não, đều dùng Không Huệ để gột sạch. Vì thế nói là “**chân pháp**”. Lại quán dù thân hay lửa, người cúng hay vật để cúng, đều là Thật Tướng, ai đốt, ai cháy, ai cúng, ai nhận? Vì thế gọi là “**chân pháp**”. Khi quán như thế, khổ là pháp giới, thấy hay nghe đều đạt được lợi ích, cho nên nói là “**thừa thừa**” (nuong vào thừa). Nếu chẳng phải như vậy, sẽ trở thành khổ hạnh vô ích!

23.2.1.2.2.1.2.2.3. Thời tiết

(**Kinh:** Kỳ thân hỏa nhiên thiên nhị bách tuế. Quá thị dĩ hậu, kỳ thân nãi tận.

(經)其身火然干二百歲。過是已後，其身乃盡。

(**Kinh:** Thân ấy đốt cháy trong một ngàn hai trăm năm. Sau thời gian đó, thân ấy mới tận).

⁹² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Bồ Tát chẳng liễu giải Ngã và Pháp đều là Không, sao có thể khế hội lý Thật Tướng Chân Như, sẽ chẳng thể thiêu thân cúng dường, hành bố thí như pháp. Do vậy, chư Phật xưng tán. Hỏi: Đốt thân cúng dường há chẳng phải là đã phạm tội Thâu Lan Giá trong giới luật do đức Phật chế định ư? Vì sao chư Phật lại tán tán? Đáp: Giới luật Tiểu Thừa thì ngăn cấm, giới luật Đại Thừa cho phép. Vì thế, kinh Phạm Võng chép: - Nếu chẳng đốt thân, hoặc đốt ngón tay để cúng dường chư Phật, sẽ chẳng phải là xuất gia Bồ Tát”.

Trước đó, uống dầu thơm trọn một ngàn hai trăm năm, biểu thị “sử dụng phương tiện đạo”. Trước hết là tịnh trừ các khổ tập mười hai nhân duyên trong tam giới, nay dùng lửa đốt thân, cũng tròn một ngàn hai trăm năm, biểu thị dùng lửa Thật Trí vĩnh viễn trừ hết các Khổ Tập thuộc mười hai nhân duyên ngoài tam giới.

Phần thứ nhất, “khổ hạnh cúng dường trong đời hiện tại” đã xong.

23.2.1.2.2.2. Cúng dường trong đời kế tiếp

23.2.1.2.2.2.1. Sanh trong vương cung

(Kinh) Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát tác như thị pháp cúng dường dĩ, mạng chung chi hậu, phục sanh Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật quốc trung. Ư Tịnh Đức vương gia, kết già phu tọa, hốt nhiên hóa sanh.

(經)一切眾生喜見菩薩作如是法供養已，命終之後，復生日月淨明德佛國中。於淨德王家，結跏趺坐，忽然化生。

(Kinh: Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thực hiện pháp cúng dường như thế xong, sau khi mạng chung, lại sanh trong cõi của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Ở trong cung vua Tịnh Đức (Vimaladatta), ngồi xếp bằng, bỗng dưng hóa sanh).

23.2.1.2.2.2.2. Nói Bốn Sự

(Kinh) Tức vị kỳ phụ, nhi thuyết kệ ngôn: “Đại vương kim đương tri! Ngã kinh hành bỉ xứ, tức thời đắc Nhất Thiết, Hiện Chư Thân tam-muội, cần hành đại tinh tấn, xả sở ái chi thân”. Thuyết thị kệ dĩ, nhi bạch phụ ngôn: - Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, kim cố hiện tại. Ngã tiên cúng dường Phật dĩ, đắc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni. Phục văn thị Pháp Hoa kinh, bát bách thiên vạn ức na-do-tha, chân-già-la, tần-bà-la, a-súc-bà đẵng kệ. Đại vương! Ngã kim đương hoàn cúng dường thử Phật.

(經)即為其父，而說偈言：「大王今當知！我經行彼處，即時得一切，現諸身三昧，勤行大精進，捨所愛之身」

。說是偈已，而白父言：「日月淨明德佛，今故現在。我先供養佛已，得解一切眾生語言陀羅尼。復聞是法華經，八百千萬億那由他，甄迦羅，頻婆羅，阿閼婆等偈。大王！我今當還供養此佛」。

(Kinh: Liền vì cha mình mà nói kệ rằng: “Đại vương nay nên biết! Con kinh hành chốn kia, lập tức đắc Nhất Thiết, Hiện Chư Thân tam-muội. Siêng hành đại tinh tấn, bỏ thân đáng yêu mến”. Nói kệ ấy xong, liền bạch với cha rằng: - Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật nay vẫn còn trụ thế. Trước kia, con cúng dường đức Phật ấy rồi, đắc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni. Lại nghe kinh Pháp Hoa này, tám trăm ngàn vạn ức na-do-tha, chân-già-la, tần-bà-la, a-súc-bà⁹³ các kệ. Tâu đại vương! Nay con sẽ trở về cúng dường đức Phật ấy).

Thiền thân cúng dường Phật xong, đắc Đà La Ni. Nghe kệ của kinh Pháp Hoa, tức là đắc pháp tánh thân, do thường chẳng rời Phật. Nếu xét theo sự tướng thị hiện thì là trong thân Trung Âm này, được nghe diệu pháp, như Phật còn tự vào cõi Trung Âm để giáo hóa, hướng Bồ Tát mà chẳng có thân Trung Âm ư?

23.2.1.2.2.2.3. Tới chỗ Phật

(Kinh) Bạch dĩ, tức tọa thất bảo chi đài, thượng thăng hư không, cao thất Đa La thụ, vãng đáo Phật sở, đầu diện lễ túc, hợp thập chỉ thảo, dĩ kệ tán Phật: “Dung nhan thậm kỳ diệu, quang minh chiếu thập phương. Ngã thích tăng cúng dường, kim phục hoàn thân cận”. Nhĩ thời, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thuyết thị kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thế Tôn do cố tại thế?”

⁹³ Chân Già La (Kimkara, kaṅkara) là một con số lớn (còn phiên âm là Căng Yết La, Hằng Ca La), tức là một ngàn vạn ức.

Tần Bà La (Bimbara) là mười triệu.

A Súc Bà (Akṣobhya) là một vạn tải (nếu tính theo cách đếm nhỏ nhất, thì một Tải là 10 lũy thừa 44, tức sau số 1 có 44 con số không).

(經)白已，即坐七寶之臺，上升虛空，高七多羅樹，往到佛所，頭面禮足，合十指爪，以偈讚佛：「容顏甚奇妙，光明照十方。我適曾供養，今復還親覲」。爾時，一切眾生喜見菩薩說是偈已，而白佛言：「世尊！世尊猶故在世？」

(Kinh: Bạch xong, liền ngồi đài bảy báu, bay lên hư không cao bảy cây Đa La, đến chỗ đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, chấp mười ngón tay, dùng kệ tán Phật: “Dung nhan rất kỳ diệu, quang minh chiếu mười phương. Con vừa mới từng cúng dường, nay trở về thân cận”. Lúc bảy giờ, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát nói bài kệ ấy xong, bạch cùng đức Phật rằng: “Thế Tôn! Vì lẽ nào mà Thế Tôn còn tại thế?”)

23.2.1.2.2.2.4. Như Lai phó chúc

(Kinh) Nhĩ thời, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật cáo Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ngã Niết Bàn thời đáo, diệt tận thời chí, nhữ khả an thị sàng tòa. Ngã ư kim dạ, đương bát Niết Bàn”. Hựu sắc Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ngã dĩ Phật pháp chúc luy ư nhữ, cập chư Bồ Tát, đại đệ tử, tịnh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Diệc dĩ tam thiên đại thiên thất bảo thế giới chư bảo thụ, bảo đài, cập cấp thị chư thiên, tất phó ư nhữ. Ngã diệt độ hậu, sở hữu xá-lợi, diệc phó chúc nhữ, đương linh lưu bố, quảng thiết cúng dường, ưng khởi nhược can thiên tháp”. Như thị Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật sắc Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát dĩ, ư dạ hậu phần, nhập ư Niết Bàn.

(經)爾時，日月淨明德佛告一切眾生喜見菩薩：「善男子！我涅槃時到，滅盡時至，汝可安施牀座。我於今夜，當般涅槃」。又敕一切眾生喜見菩薩：「善男子！我以佛法囑累於汝，及諸菩薩，大弟子，并阿耨多羅三藐三菩提法

。亦以三千大千七寶世界諸寶樹，寶臺，及給侍諸天，悉付於汝。我滅度後，所有舍利，亦付囑汝，當令流布，廣設供養，應起若干千塔」。如是日月淨明德佛敕一切眾生喜見菩薩已，於夜後分，入於涅槃。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Thời Niết Bàn của ta đã đến, đã đến lúc diệt tận. Ông hãy nên sắp đặt giường, tòa. Đêm nay, ta sẽ nhập Niết Bàn”. Lại sắc truyền Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ta đem Phật pháp giao phó cho ông, và các Bồ Tát, đại đệ tử, và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cũng đem tam thiên đại thiên thế giới bảy báu, các cây báu và đài báu, các chư thiên hầu hạ, đều giao phó cho ông. Sau khi ta diệt độ, tất cả xá-lợi cũng phó chúc cho ông. Hãy nên lưu truyền, rộng xếp đặt cúng dường. Hãy nên dựng ngàn đó một ngàn tháp”. Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật sắc truyền Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát như thế xong, trong đêm hôm đó, nhập Niết Bàn).

“Phật pháp” chỉ chung cho các giáo pháp đã nói trong một đời đức Phật. Pháp A Nậu Bồ Đề là nói riêng về kinh Pháp Hoa.

23.2.1.2.2.2.5. Phụng mạng đảm nhiệm hộ trì

23.2.1.2.2.2.5.1. Dựng tháp

(Kinh) Nhĩ thời, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát kiến Phật diệt độ, bi cảm áo hối, luyến mộ ư Phật, tức dĩ Hải Thử Ngạn Chiên Đàn vì tích, cúng dường Phật thân, nhi dĩ thiêu chi. Hỏa diệt dĩ hậu, thu thập xá-lợi, tác bát vạn tứ thiên bảo bình, dĩ khởi bát vạn tứ thiên tháp, cao tam thế giới, biểu sát trang nghiêm, thù chư phan cái, huyền chúng bảo linh.

(經)爾時，一切眾生喜見菩薩見佛滅度，悲感懊悔，戀慕於佛，即以海此岸栴檀為積，供養佛身，而以燒之。

火滅已後，收取舍利，作八萬四千寶瓶，以起八萬四千塔，高三世界，表刹莊嚴，垂諸幡蓋，懸眾寶鈴。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thấy Phật diệt độ, bi cảm, áo não, hối hận, luyến mộ đức Phật. Liền dùng Hải Thử Ngạn Chiên Đàn chất lại⁹⁴ để cúng dường thân Phật rồi thiêu hóa. Sau khi lửa đã tắt, thu thập xá-lợi, làm tám vạn bốn ngàn bình báu [để đựng], đựng tám vạn bốn ngàn tháp. [Mỗi tháp] cao ba thế giới, tráng báu trang nghiêm [đỉnh tháp], treo rủ phan, lọng, treo các linh báu).

23.2.1.2.2.5.2. Thiêu tay

(Kinh) Nhĩ thời, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát phục tự niệm ngôn: “Ngã tuy tác thí cúng dường, tâm do vị túc. Ngã kim đương cánh cúng dường xá-lợi”. Tiện ngữ chư Bồ Tát đại đệ tử, cập thiên, long, Dạ Xoa đẳng, nhất thiết đại chúng: “Nhữ đẳng đương nhất tâm niệm. Ngã kim cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật xá-lợi”. Tác thí ngữ dĩ, tức ư bát vạn tứ thiên tháp tiền, nhiên bách phước trang nghiêm tý, thất vạn nhị thiên tuế nhi dĩ cúng dường.

(經)爾時，一切眾生喜見菩薩復自念言：「我雖作是供養，心猶未足。我今當更供養舍利」。便語諸菩薩大弟子，及天、龍、夜叉等，一切大眾：「汝等當一心念。我今供養日月淨明德佛舍利」。作是語已，即於八萬四千塔前，然百福莊嚴臂，七萬二千歲而以供養。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát lại tự nghĩ rằng: “Nay ta tuy đã cúng dường như thế, nhưng tâm chưa thỏa. Nay ta phải nên cúng dường xá-lợi”. Liền bảo các Bồ Tát đại đệ tử, và trời, rồng, Dạ Xoa v.v... hết thấy đại chúng: “Các ông hãy nên nhất tâm nghĩ, ta nay cúng dường xá-lợi của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật”.

⁹⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chất chứa Chiên Đàn làm củi [để thiêu] nhằm biểu thị tịnh đức của Phật. Trà-tỳ hỏa thiêu nhằm biểu thị sự giáo hóa đã chấm dứt. Thu thập xá-lợi, biểu thị vĩnh viễn tịch diệt”.

Nói lời ấy xong, liền ở trước tám vạn bốn ngàn tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm suốt bảy vạn hai ngàn năm để cúng dường).

Hỏi: - Thiêu thân chỉ một ngàn hai trăm năm, có sao thiêu cánh tay thời gian lại dài như thế?

Đáp: - Chuyện trước đó là tự hành, thân hết bèn nhập diệt. Nay vì hoàng pháp, khiến cho chúng sanh hiểu thấu tam thừa, vì thế nói “*khiến cho vô số...*” Đã nói vô số Thanh Văn phát Bồ Đề tâm, do vậy biết là sau khi đức Phật diệt độ, ngài Hỷ Kiến chẳng khiến cho bọn họ trụ trong Tiểu Quả. Trong cõi này cũng thế.

23.2.1.2.2.2.5.3. Lợi ích

(Kinh) Linh vô số câu Thanh Văn chúng, vô lượng A-tăng-kỳ nhân phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, giai sử đắc trụ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội.

(經)令無數求聲聞眾，無量阿僧祇人發阿耨多羅三藐三菩提心，皆使得住現一切色身三昧。

(Kinh: Khiến cho vô số người câu Thanh Văn, vô lượng A-tăng-kỳ người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều khiến cho họ đều trụ trong Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội).

23.2.1.2.2.2.5.4. Hiện báo

(Kinh) Nhĩ thời, chư Bồ Tát, thiên, nhân, A Tu La đẳng kiến kỳ vô tỷ, ưu não, bi ai, nhi tác thị ngôn: “Thử Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thị ngã đẳng sư, giáo hóa ngã giả, nhi kim thiêu tỷ, thân bất cụ túc”. Ư thời, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ư đại chúng trung, lập thử thệ ngôn: “Ngã xả lưỡng tỷ, tất đương đắc Phật kim sắc chi thân. Nhược thật bất hư, linh ngã lưỡng tỷ hoàn phục như cổ”. Tác thị thệ dĩ, tự nhiên hoàn phục. Do tư Bồ Tát phước đức trí huệ thuần hậu sở trí. Đương nhĩ chi thời, tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, thiên vũ bảo hoa, nhất thiết nhân thiên đắc vị tăng hữu.

(經)爾時，諸菩薩、天、人、阿修羅等見其無臂，憂惱，悲哀，而作是言：「此一切眾生喜見菩薩是我等師，教化我者，而今燒臂，身不具足」。於時，一切眾生喜見菩薩於大眾中，立此誓言：「我捨兩臂，必當得佛金色之身。若實不虛，令我兩臂還復如故」。作是誓已，自然還復。由斯菩薩福德智慧淳厚所致。當爾之時，三千大千世界六種震動，天雨寶華，一切人天得未曾有。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát, trời, người, A Tu La v.v... thấy Ngài không tay, ưu não, buồn bã, nói như thế này: “Vị Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát này là thầy của chúng ta, giáo hóa chúng ta, mà nay đốt cánh tay, thân chẳng toàn vẹn”. Khi đó, Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ở trong đại chúng, lập lời thề này: “Tôi bỏ hai cánh tay, ắt sẽ đạt được thân kim sắc của Phật. Nếu chân thật chẳng dối, sẽ khiến cho hai tay tôi hồi phục như cũ”. Thề như thế xong, tự nhiên khôi phục, do phước đức và trí huệ thuần hậu của vị Bồ Tát ấy khiến thành như thế. Ngay khi đó, tam thiên đại thiên thế giới sáu loại chấn động, trời mưa hoa báu, hết thấy trời, người đạt được điều chưa từng có).

Thân kim sắc là nói tới thường sắc rốt ráo của Diệu Giác cực quả.
Phần thứ hai, “tu cúng dường” đã xong.

23.2.1.2.3. Dung hội kết lại xưa nay

23.2.1.2.3.1. Kết lại để dung hội

(Kinh) Phật cáo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Ư như ý vân hà? Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát khởi dĩ nhân hồ? Kim Dược Vương Bồ Tát thị dã. Kỳ sở xả thân bố thí như thị vô lượng bách thiên vạn ức na-do-tha số.

(經)佛告宿王華菩薩：「於汝意云何？一切眾生喜見菩薩豈異人乎？今藥王菩薩是也。其所捨身佈施如是無量百千萬億那由他數。

(Kinh: Đức Phật bảo Tú Vương Hoa Bồ Tát: - Ý ông nghĩ sao? Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát há có phải người nào khác ư? Chính là Dược Vương Bồ Tát trong hiện thời. Ngài xả thân bố thí số đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha như thế).

23.2.1.2.3.2. Khuyên tu

(Kinh) Tú Vương Hoa! Nhược hữu phát tâm dục đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, năng nhiên thủ chỉ, nãi chí túc nhất chỉ, cúng dường Phật tháp, thắng dĩ quốc thành, thê tử, cập tam thiên đại thiên quốc độ sơn, lâm, hà, trì, chư trân bảo vật nhi cúng dường giả.

(經)宿王華！若有發心欲得阿耨多羅三藐三菩提者，能然手指，乃至足一指，供養佛塔，勝以國城，妻子，及三千大千國土山，林，河，池，諸珍寶物而供養者。

(Kinh: Nay Tú Vương Hoa! Nếu có người phát tâm muốn đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể đốt ngón tay, cho đến một ngón chân để cúng dường tháp của Phật, hơn dùng quốc thành, vợ con và núi, rừng, sông, ao, các bảo vật trong tam thiên đại thiên quốc độ để cúng dường).

“Thủ chỉ” tức là nói một ngón, hay hai ngón [ngón tay]. “Túc nhất chỉ” tức là trong một bàn chân toàn vẹn, bèn đốt một ngón chân cho cháy sạch. Thân Kiến của chúng sanh khó dẹp trừ nhất. Vì thế, công đức đốt ngón tay vượt xa ngoại thí (bố thí bằng tài vật bên ngoài). Vợ con là ngoại thân, quốc thành v.v... là ngoại tài.

Hỏi: - Trong Tỳ Ni (giới luật) chế định cấm đốt thân, ở đây lại khuyên đốt ngón tay, đó là chuyện như thế nào?

Đáp: - Đại Tiểu Thừa chế định khác biệt, giáo ý (ý nghĩa dạy bảo) khác biệt. Chế định Tiểu Thừa kết tội, chế định Đại Thừa khuyên thiêu.

Vì thế, kinh Phạm Võng dạy: “*Nhược bất thiêu thân tỳ chỉ cúng dường chư Phật, phi xuất gia Bồ Tát*” (Nếu chẳng đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật, chẳng phải là hàng xuất gia Bồ Tát). Kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) dạy: “*Năng ư Như Lai tượng tiền, thân nhiên nhất đặng, thiêu nhất chỉ tiết, cập ư thân thượng nhiệt nhất hương chú, vô thị túc trái, nhất thời thù tất*” (Có thể đối trước tượng Như Lai, dùng thân thắp một ngọn đèn, đốt một lóng tay, và ở trên thân đốt một lọn hương thì nợ nần xưa từ vô thủy đến nay sẽ cùng lúc trả sạch). Thuận theo hạnh Tiểu Thừa thì dễ, chẳng thiêu thì có khó khăn chi? Theo hạnh Đại Thừa thật khó, thiêu chẳng dễ đâu nhé! Cõi đời coi “chẳng vâng giữ” là Đại, vậy thì Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều bị khuynh đảo. Hãy nên biết cơ duyên trong cõi này đều là mê đối với Đại và Tiểu, chẳng biết trước là Tiểu sau là Đại, nương theo thứ tự của các tiết Hạ như thế nào? (Phải mở ra tiết Tiểu Hạ để thành tựu tiết Đại Hạ). Trước Đại sau Tiểu, tâm nào thọ? (Vì biết giới pháp tỳ-kheo là điều Đại Thừa phải nên học đó ư? Hay là vì hâm mộ địa vị cao cả của tỳ-kheo mà mong đeo cái danh suông? Hay là vì thoái Đại cầu Tiểu mà học ngược lại Tiểu pháp ư?) Trước Tiểu, sau Đại, có khai những điều ngăn che bởi Tiểu Thừa hay không? Trước Đại sau Tiểu, có ngăn che các pháp được khai của Bồ Tát hay không? (Pháp ngăn che hay cho phép (khai giá) được nói chi tiết trong Bồ Tát Giới Bản. Trước Đại sau Tiểu vẫn gọi là Bồ Tát tỳ-kheo). Trong một giới, hai chúng như thế nào? (Tức là chúng Đại Thừa thì nương theo giới Đại Thừa. Chúng Tiểu Thừa thì nương theo giới Tiểu Thừa). Trong một thân, hai Thể giống và khác (Đại Thừa là vô tác giới thể, đạt đến tột cùng là thân Phật. Vô tác luật nghi của tỳ-kheo đều là phải thọ suốt đời). Đại Thừa đối với Tiểu Thừa đạt được lợi ích do đâu? (Do Trụ Trì Tăng Bảo, làm tấm gương cho trời người, đối với khuôn phép của tỳ-kheo, chẳng thể thiếu sót một điều nào). Tiểu Thừa mà tụng đọc [giới luật] Đại Thừa, sẽ chuốc lấy tổn hại ai lường được (kẻ chưa thọ Đại Giới, chẳng nên trộm nghe, hà huống tự tụng?) Hãy nên siêng gắng suy xét, phân định hồng làm chủng tử trong vị lai. Cái thừa để nương theo mà hành trì đều là diệu pháp. Do nương vào Nhất Thật, do lập nhân quả, nương vào cái thừa đã được sử dụng ấy để lợi lạc chúng sanh, chỉ tự xét đức mình, trải cảnh để quán tâm, tương ứng với cái tâm, sẽ thuận tùng chế định nào⁹⁵?

⁹⁵ Ý nói: Đối với giới luật, phải nghiêm túc suy xét, đừng ham cao chuộng xa, đừng xằng bậy tự cho là mình đã liễu giải Đại Thừa, thấu hiểu Bát Nhã, không còn chấp

Phần thứ nhất, “đáp về khổ hạnh” đã xong!

23.2.2. Tán thán kinh

23.2.2.1. Tán thán người có thể trì kinh

(Kinh) Nhượng phục hữu nhân, dĩ thất bảo mãn tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường ư Phật, cập đại Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, thị nhân sở đắc công đức bất như thọ trì thử Pháp Hoa kinh nãi chí nhất tứ cú kệ, kỳ phước tối đa.

(經)若復有人，以七寶滿三千大千世界，供養於佛，及大菩薩、辟支佛、阿羅漢，是人所得功德不如受持此法華經乃至一四句偈，其福最多。

(Kinh: Nếu lại có người dùng bảy báu đầy ấp tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Phật, và đại Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, người ấy đạt được công đức chẳng bằng thọ trì kinh Pháp Hoa này dù chỉ một bài kệ bốn câu, phước ấy nhiều nhất).

Bảy báu dâng cúng tứ thánh (Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán) chẳng bằng trì một kệ. [Bởi lẽ], pháp là thánh sư (thầy của các vị thánh hiền), có thể sanh, có thể dưỡng, có thể thành tựu, có thể tươi nhuận, không gì hơn được pháp.

23.2.2.2. Tán thán pháp được trì

23.2.2.2.1. Tán thán pháp thể

Thể chẳng phải là Thể trong tông thể, mà chỉ chung cả một bộ kinh là Thể. Dụng chẳng phải là dụng trong tông dụng, mà là nói đến ba điều trong một bộ kinh tức là Thể, Tông, Dụng, bao gồm tác dụng dẹp trừ và ban cho như thế đó.

tướng, để rồi buông lung, tùy tiện, chẳng vâng giữ giới luật, thanh quy. Phải nghiêm túc suy xét bảm tánh của chính mình, rèn luyện cái tâm trong trần cảnh, quan sát tâm mình đã tương ứng với cảnh giới Đại Thừa hay vẫn còn là Tiểu Thừa, để rồi sẽ thuận theo cái tâm ấy mà vâng giữ giới luật theo tinh thần Đại Thừa hay Tiểu Thừa.

(Kinh) Tú Vương Hoa! Thí như nhất thiết xuyên lưu, giang, hà, chư thủy chi trung, hải vi đệ nhất. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, u chư Như Lai sở thuyết kinh trung, tối vi thâm đại.

(經)宿王華！譬如一切川流，江，河，諸水之中，海為第一。此法華經亦復如是，於諸如來所說經中，最為深大。

(Kinh: Đây Tú Vương Hoa! Ví như trong hết thủy sông ngòi, sông cái, các chỗ có nước, biển là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng lại như vậy, trong các kinh do Như Lai đã nói là sâu rộng nhất).

Sông ngòi, sông cái ví như giáo pháp thuộc bốn vị “sữa, lạc, sanh tô, thực tô”. Biển ví như Pháp Hoa là vị đề hồ nói cùng tột Bản địa; đó là sâu nhất. Khai trọn khắp hết thủy tức là lớn nhất.

(Kinh) Hựu như thổ sơn, hắc sơn, Tiểu Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, cập thập bảo sơn, chúng sơn chi trung, Tu Di sơn vi đệ nhất. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, u chư kinh trung, tối vi kỳ thượng.

(經)又如土山，黑山，小鐵圍山，大鐵圍山，及十寶山，眾山之中，須彌山為第一。此法華經亦復如是，於諸經中，最為其上。

(Kinh: Lại như trong các núi: Núi đất, hắc sơn, Tiểu Thiết Vi Sơn, Đại Thiết Vi Sơn, và mười núi báu, núi Tu Di là bậc nhất, kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, trong các kinh là cao hơn hết).

Tên của mười núi báu⁹⁶ xuất phát từ kinh Hoa Nghiêm, Tu Di cũng là bậc nhất. Thổ, hắc, Thiết Vi cố nhiên chẳng phải là núi báu. Chín

⁹⁶ Mười núi báu được nêu tên trong phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm là Tuyết Sơn (Himālaya), Hương sơn (Gandhamādana), Khư La Đà sơn (Kharādīya, Loa Lâm), Bệ Đà Lê sơn (Vaidharī, dịch nghĩa là Chủng Chủng Trì, núi này toàn do các chất báu tạo thành), Do Càn Đà sơn (Yugamdhara, dịch nghĩa là Trì Song), Mã Nhĩ sơn (Asvakaṇṇa), Ni Dân Đà La sơn (Nemimdhara, dịch nghĩa là Trì Biên), Chước Ca La sơn (Cakravāda, dịch nghĩa là Luân Vi, hay Kim Cang Luân Vi), Kế Độ Mạt Đề sơn (Ketumati, dịch nghĩa là Tràng Huệ), và Tu Di Lô sơn (Sumeru, Diệu Cao).

thứ khác tuy là báu, nhưng do một, hoặc hai [thứ báu hợp thành]. Thần và rồng sông lẫn lộn trong ấy, chỉ có Tu Di do bốn báu hợp thành, thuần là chư thiên cư trụ. Ví như những điều được diễn giảng trong các giáo khác, có thể nương vào bốn mươi tâm, Thập Địa, hoặc phàm, hoặc hiền, hoặc thánh. Lý đề [các giáo pháp ấy] nương vào hoặc Tục, hoặc Chân, hoặc Trung. Đó là kém hèn. Giáo pháp được nói trong kinh này thì năng y (chủ thể để nương vào) là “thiên chúng” khai thị ngộ nhập, cái được nương vào (sở y) là chất báu “*thường, lạc, ngã, tịnh*”. Vì thế, tối thượng bậc nhất.

(Kinh) Hựu như chúng tinh chi trung, nguyệt thiên tử tối vi đệ nhất. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, ư thiên vạn ức chúng chư kinh pháp trung, tối vi chiếu minh.

(經)又如眾星之中，月天子最為第一。此法華經亦復如是，於千萬億種諸經法中，最為照明。

(Kinh: Lại như trong các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng giống như thế, trong ngàn vạn ức các kinh pháp, [kinh này] chiếu sáng nhất).

Tinh tú và mặt trăng đều hiện ra vào ban đêm, có thể ví như Quyền Trí. Sao nhiều mà nhỏ, lại chẳng có tròn, khuyết, ví như các kinh diễn nói phương tiện thuận theo tình kiến. Mỗi kinh thích ứng với một căn cơ, chẳng được tự tại. Mặt trăng có một mình mà to lớn, lại có thể tròn, khuyết, ví như kinh này diễn nói phương tiện thuận theo trí huệ, ngay nơi Thật mà chính là Quyền. Mặt trăng chiếu hết thấy các pháp sáng tỏ nhất!

(Kinh) Hựu như nhật thiên tử năng trừ chư ám. Thử kinh diệc phục như thị, năng phá nhất thiết bất thiện chi ám.

(經)又如日天子能除諸闇。此經亦復如是，能破一切不善之闇。

(Kinh: Lại như mặt trời có thể trừ các tối tăm. Kinh này cũng lại giống như thế, có thể phá hết thấy các tối tăm bất thiện).

Mặt trời mọc thì gọi là “ban ngày”, có thể ví như Thật Trí. Các kinh khác chẳng khai hiển “chỉ có Nhất Thật”, cho nên chẳng thể trừ tối tăm “*chấp trước ba thừa*”. Lại chẳng thể trừ sự tối tăm do chấp gần (chấp Như Lai thành Phật mới gần đây). Kinh này còn phá sự tối tăm nơi địa vị Đẳng Giác, huông hồ các thứ tối tăm khác mà chẳng phá ư?

(Kinh) Hựu như chư tiểu vương trung, Chuyển Luân Thánh Vương tối vi đệ nhất. Thử kinh diệc phục như thị, ư chúng kinh trung, tối vi kỳ tôn.

(經)又如諸小王中，轉輪聖王最為第一。此經亦復如是，於眾經中，最為其尊。

(Kinh: Lại như trong các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương bậc nhất. Kinh này cũng giống như thế, là tôn quý nhất trong các kinh).

Tam Tạng giáo như túc tán vương⁹⁷, tam thừa đều khác biệt. Thông Giáo như Thiết Luân Vương, tam thừa đồng vị. Biệt Giáo như Đồng Luân Vương, theo thứ tự diễn nói lý Chân và Trung. Các kinh luận định viên lý còn thiên lệch, cách ngăn giống như Ngân Luân Vương. Đốn giáo nói Tam Đế, nhưng chẳng gồm thấu định tánh Nhị Thừa. Kinh này khai hiển viên, như Kim Luân Vương, [chúng sanh trong] Bắc Châu (Bắc Câu Lô Châu) tan hoại chấp trước, chẳng có ngã sở (chẳng chấp có cái thuộc về chính mình), cũng quy vào sự thông ngự [của Chuyển Luân Vương].

(Kinh) Hựu như Đế Thích, ư tam thập tam thiên trung vương. Thử kinh diệc phục như thị, chư kinh trung vương.

(經)又如帝釋，於三十三天中王。此經亦復如是，諸經中王。

⁹⁷ Túc tán vương: Tức là các tiểu vương. Do các tiểu vương trong thế gian quá nhiều ví như đem hạt bắp rải tung trên đất, nên gọi là Túc Tán Vương. Theo Nhân Vương Bát Nhã Kinh Sớ quyển ba: “*Tu Thập Thiện có ba phẩm, thượng phẩm thiện là Thiết Luân Vương giáo hóa một thiên hạ. Trung phẩm Thập Thiện là Túc Tán Vương, hạ phẩm thiện là vua trong những thiện nhân*”. Như vậy, Túc Tán Vương là người kiếp trước đã tu Thập Thiện trung và hạ phẩm, cai trị nước nhỏ.

(Kinh: Lại như Đế Thích là vua trong Tam Thập Tam Thiên. Kinh này cũng lại như thế, là vua trong các kinh).

Tam Thập Tam Thiên: Bốn phương, mỗi phương đều có tám thiên vương, có thể sánh ví các giáo mỗi giáo đều có bốn môn tự hành, hóa độ người khác, kinh này đều thống ngự. Vì thế, giống như Đế Thích là vua cõi trời Đạo Lợi.

(Kinh) Hựu như Đại Phạm Thiên Vương, nhất thiết chúng sanh chi phụ. Thử kinh diệc phục như thị, nhất thiết hiền thánh, học, vô học, cập phát Bồ Đề tâm giả chi phụ.

(經)又如大梵天王，一切眾生之父。此經亦復如是，一切賢聖，學，無學，及發菩薩心者之父。

(Kinh: Lại như Đại Phạm Thiên Vương là cha của hết thảy chúng sanh. Kinh này cũng giống như thế, là cha của hết thảy hiền thánh, học, vô học, và người phát tâm Bồ Đề).

Lúc kiếp sắp hết, hết thảy chúng sanh trong thế gian tự nhiên sẽ đắc Nhị Thiên, sanh lên Quang Thiên ([các tầng trời] Thiệu Quang, Vô Lượng Quang và Quang Âm được gọi chung là Quang Thiên). Kiếp hỏa vừa mới bốc lên, Hoại Kiếp rồi thành Không Kiếp, Không Kiếp rồi trở lại Thành Kiếp. Thế giới đã hình thành, chúng sanh trong Quang Thiên có kẻ mạng tận, do sức phước đức, hóa sanh trong Sơ Thiên, tức Đại Phạm Thiên Vương là người duy nhất sanh vào đó đầu tiên, bèn nghĩ thế này: “Cớ sao ở đây chẳng có bạn lữ?” Từ đó về sau, từ Quang Thiên lại có người mạng tận, cũng đến hóa sanh trong Sơ Thiên, tức là Phạm Phụ và Phạm Chúng. Vì thế, Đại Phạm Vương tự bảo “ta là cha của hết thảy chúng sanh”. Đó là suy tính hư vọng, chẳng phải là thật nghĩa. Nay thuận theo cách nói thuộc tình kiến của chúng sanh, mượn chuyện này để so sánh hòng diễn tả đó thôi. Kinh này diễn nói diệu lý Thật Tướng. Thật Tướng có thể sanh trọn khắp hết thảy các pháp, hết thảy hiền thánh, học, vô học và người phát Bồ Đề tâm trong tứ giáo, đều nương vào Thật Tướng mà được thành tựu. Vì thế, [kinh Pháp Hoa] là cha của họ.

(Kinh) Hựu như nhất thiết phàm phu nhân trung, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật vì đệ nhất. Thử

kinh diệc phục như thị, nhất thiết Như Lai sở thuyết, nhược Bồ Tát sở thuyết, nhược Thanh Văn sở thuyết, chư kinh pháp trung, tối vi đệ nhất. Hữu năng thọ trì thị kinh điển giả diệc phục như thị, ư nhất thiết chúng sanh trung, diệc vi đệ nhất.

(經)又如一切凡夫人中，須陀洹、斯陀含、阿那含、阿羅漢、辟支佛為第一。此經亦復如是，一切如來所說，若菩薩所說，若聲聞所說，諸經法中，最為第一。有能受持是經典者亦復如是，於一切眾生中，亦為第一。

(Kinh: Lại như trong hết thấy kẻ phàm phu, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì Bích Chi Phật là bậc nhất. Kinh này cũng giống như thế, trong hết thấy các lời dạy của Như Lai, hoặc lời nói của Bồ Tát, hoặc lời nói của Thanh Văn, và các kinh pháp, đều là bậc nhất. Có ai có thể thọ trì kinh điển này thì cũng giống như thế, trong hết thấy chúng sanh cũng là bậc nhất).

Bích Chi Phật xuất sanh trong cõi đời không có Phật, chẳng nhờ vào nghe pháp, riêng mình tự ngộ, siêu thoát. Vì thế, phước điền của các Ngài có thể vượt xa Tứ Quả. Những điều được nói trong các kinh khác đều dính líu đến phương tiện, như người thuộc Tứ Quả do Văn, Tư, Tu mới đắc ngộ. Những điều được nói trong kinh này thuần minh thị lý Vô Tác Nhất Thật, chỉ ngộ Thật Tướng, tùy ý khế nhập, như Bích Chi Phật chẳng nhờ vào ngoại duyên.

(Kinh) Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật trung, Bồ Tát vi đệ nhất. Thử kinh diệc phục như thị, ư nhất thiết chư kinh pháp trung, tối vi đệ nhất.

(經)一切聲聞、辟支佛中，菩薩為第一。此經亦復如是，於一切諸經法中，最為第一。

(Kinh: Trong hết thấy các Thanh Văn và Bích Chi Phật thì Bồ Tát là bậc nhất. Kinh này cũng lại giống như thế, trong hết thấy các kinh pháp, thật là bậc nhất).

Tam thừa đều thuộc địa vị tu nhân, chỉ có Bồ Tát là bậc nhất. Các kinh khác nói về người thuộc bảy phương tiện, ví như Nhị Thừa. Kinh này nói về cái nhân viên mãn vô thượng, ví như Bồ Tát, tức là cái nhân bậc nhất vậy.

(Kinh) Như Phật vì chư pháp vương. Thử kinh diệc phục như thị, chư kinh trung vương.

(經)如佛為諸法王。此經亦復如是，諸經中王。

(Kinh: Như Phật là vua của các pháp. Kinh này cũng giống như thế, là vua trong các kinh).

Các kinh nói đức Phật thành Phật mới gần đây nơi Tịch Diệt Đạo Tràng. Kinh này nói đức Phật đã thành Phật rất lâu. Vì thế, bản kinh mẫu nhiệm này thống nhiếp những lời dạy trong cả một đời của đức Phật, tức là quả bậc nhất. Biển cả, núi Tu Di, mặt trời, mặt trăng, Chuyển Luân Vương, Đế Thích, Đại Phạm Vương, Bích Chi, Bồ Tát, Phật, dùng mười thí dụ để hiển lộ sự tôn quý, mẫu nhiệm [của kinh Pháp Hoa].

Phần thứ nhất, “tán thán pháp thể” đã xong.

2.2.2.2. Tán thán pháp dụng (khen ngợi tác dụng của pháp)

(Kinh) Tú Vương Hoa! Thử kinh năng cứu nhất thiết chúng sanh giả. Thử kinh năng linh nhất thiết chúng sanh ly chư khổ não. Thử kinh năng đại nhiều ích nhất thiết chúng sanh, sung mãn kỳ nguyện, như thanh lương trì, năng mãn nhất thiết chư khát pháp giả, như hàn giả đắc hỏa, như khô giả đắc y, như thương nhân đắc chủ, như tử đắc mẫu, như độ đắc thuyền, như bệnh đắc y, như ám đắc đăng, như bần đắc bảo, như dân đắc vương, như cổ khách đắc hải, như cự trừ ám. Thử Pháp Hoa kinh diệc phục như thị, năng linh chúng sanh ly nhất thiết khổ, nhất thiết bệnh thống, năng giải nhất thiết sanh tử chi phược.

(經)宿王華！此經能救一切眾生者。此經能令一切眾生離諸苦惱。此經能大饒益一切眾生，充滿其願，如清涼池，能滿一切諸渴乏者，如寒者得火，如裸者得衣，如商

人得主，如子得母，如渡得船，如病得醫，如闇得燈，如貧得寶，如民得王，如賈客得海，如炬除闇。此法華經亦復如是，能令眾生離一切苦，一切病痛，能解一切生死之縛。

(Kinh: Đây Tú Vương Hoa! Kinh này có thể cứu hết tất cả chúng sanh. Kinh này có thể khiến cho hết tất cả chúng sanh lìa các khổ não. Kinh này có thể lợi ích rộng lớn hết tất cả chúng sanh, thỏa mãn trọn vẹn nguyện của họ, như ao nước trong mát có thể thỏa mãn hết tất cả những kẻ khát nước, như kẻ lạnh được lửa, như kẻ lỏa lồ được áo, như thương nhân có chủ, như con có mẹ, như vượt sông biển có thuyền, như bệnh có thầy thuốc, như tối tăm mà có đèn, như nghèo nàn được của báu, như dân có vua, như lái buôn gặp biển, như đuốc trừ tối. Kinh Pháp Hoa này cũng lại giống như thế, có thể khiến cho chúng sanh lìa hết tất cả các khổ, hết tất cả đau bệnh, có thể tháo gỡ hết tất cả trói buộc sanh tử)⁹⁸.

Phần thứ hai, “tán thán pháp được trì” đã xong.

23.2.2.3. Nêu rõ phước sâu do trì kinh

23.2.2.3.1. Phước do trì toàn bộ kinh này

(Kinh) Nhược nhân đắc văn thử Pháp Hoa kinh, nhược tự thư, nhược sử nhân thư, sở đắc công đức, dĩ Phật trí huệ trừ lượng đa

⁹⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Dựa theo sự diệt ác để tán thán, nhằm hiển thị kinh có tác dụng do lớn. Kinh dùng mười hai thí dụ để tuyên thị:

- Như ao nước, nhằm hiển thị nước lý Pháp Tánh.
- Như lửa, nhằm hiển thị trí huệ chói rực.
- Như áo, nhằm hiển thị trang nghiêm.
- Như chủ, nhằm hiển thị sự hướng về.
- Như mẹ, nhằm hiển thị đại từ.
- Như thuyền, nhằm hiển thị có thể đạt tới bờ kia.
- Như thầy thuốc, nhằm hiển thị có thể khiến cho người nghe được an ổn.
- Như đèn, nhằm hiển thị kinh có thể phá Hoặc.
- Như của báu, nhằm hiển thị pháp diệu.
- Như vua, nhằm hiển thị pháp tự tại.
- Như biển, nhằm hiển thị pháp sâu rộng.
- Như đuốc, nhằm hiển thị trí quang”.

thiếu, bất đắc kỳ biên. Nhược thư thị kinh quyển, hoa, hương, anh lạc, thiêu hương, mật hương, đồ hương, phan, cái, y phục, chuông chuông chi đặng: Tô đặng, du đặng, chư hương du đặng, Chiêm Bạc du đặng, Tu Mạn Na du đặng, Ba La La du đặng, Bà Lợi Sư Ca du đặng, Na Bà Ma Lợi du đặng cúng dường, sở đắc công đức, diệc phục vô lượng.

(經)若人得聞此法華經，若自書，若使人書，所得功德，以佛智慧籌量多少，不得其邊。若書是經卷，華，香，瓔珞，燒香，末香，塗香，幡，蓋，衣服，種種之燈：酥燈，油燈，諸香油燈，蒼蔔油燈，須曼那油燈，波羅羅油燈，婆利師迦油燈，那婆摩利油燈供養，所得功德，亦復無量。

(Kinh: Nếu ai được nghe kinh Pháp Hoa này, nếu tự chép, hoặc sai người khác chép, đạt được công đức dùng trí huệ của Phật để suy lường nhiều hay ít, sẽ chẳng biết được ngần mé. Nếu chép quyển kinh này, dùng hoa, hương, anh lạc, hương đốt, hương bột, hương bôi, phan, lọng, y phục, các thứ đèn: Đèn bơ, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm như đèn dầu Chiêm Bạc, đèn dầu Tu Mạn Na, đèn dầu Ba La La⁹⁹, đèn dầu Bà Lợi Sư Ca¹⁰⁰, đèn dầu Na Bà Ma Lợi¹⁰¹, đạt được công đức cũng lại là vô lượng).

23.2.2.3.2. Phước do trì phẩm này

23.2.2.3.2.1. So lường

⁹⁹ Ba La La (Pātali, Pulila), còn phiên âm là Ba Trá La, Ba La Lợi, Ba Trá Ly, dịch nghĩa là Trùng Diệp Thụ, Trùng Sanh Hoa, hoặc Thanh Đồng, có tên khoa học là Bignonia Suaveolens, thuộc loại thân mộc, có hoa tím hình loa kèn, nở vào cuối mùa Xuân, hương thơm nồng đậm.

¹⁰⁰ Bà Lợi Sư Ca (Varṣikāla), còn phiên âm là Bà Sủ Ca, Bà Lợi Sư, Bà Lợi Sủ Ca La, Bà Sư Ba Lợi, dịch nghĩa là Vũ Thời Hoa, nở hoa trắng vào mùa Hạ, rất thơm. Khi hoa này nở sẽ sắp đến mùa mưa, cho nên có tên gọi như vậy.

¹⁰¹ Na Bà Ma Lợi (Navamālīkā), dịch nghĩa là Như Thứ Đệ Hoa, là một loại dây leo, có tên khoa học là Jasminum Sambac, thuộc họ Nhài, hoa bé màu trắng, rất thơm. Tinh dầu chiết từ loại hoa này thường dùng để chế dầu thắp có mùi thơm hay làm nước hoa.

(Kinh) Tú Vương Hoa! Nhược hữu nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm giả, diệc đắc vô lượng, vô biên công đức. Nhược hữu nữ nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm, năng thọ trì giả, tận thị nữ thân, hậu bất phục thọ. Nhược Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế trung, nhược hữu nữ nhân văn thị kinh điển, như thuyết tu hành, ư thử mạng chung, tức vãng An Lạc thế giới. A Di Đà Phật, đại Bồ Tát chúng vì nhiều trụ xứ, sanh liên hoa trung, bảo tòa chi thượng, bất phục vị tham dục sở nã, diệc phục bất vị sân khuể, ngu si sở nã, diệc phục bất vị kiêu, mạn, tật đố, chur cấu sở nã, đắc Bồ Tát thần thông, Vô Sanh Pháp Nhân. Đắc thị nhân dĩ, nhân căn thanh tịnh. Dĩ thị thanh tịnh nhân căn, kiến thất bách vạn nhị thiên ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng chur Phật Như Lai. Thị thời, chur Phật dao cộng tán ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ năng ư Thích Ca Mâu Ni Phật pháp trung, thọ trì, độc tụng, tư duy thị kinh, vị tha nhân thuyết, sở đắc phước đức, vô lượng vô biên. Hỏa bất năng phân, thủy bất năng phiêu. Nhữ chi công đức, thiên Phật cộng thuyết, bất năng linh tận. Nhữ kim dĩ năng phá chur ma tặc, hoại sanh tử quân. Chur dư oán địch giai tất tột diệt. Thiện nam tử! Bách thiên chur Phật dĩ thần thông lực, cộng thủ hộ nhữ. Ư nhất thiết thế gian thiên nhân chi trung, vô như nhữ giả, duy trừ Như Lai. Kỳ chur Thanh Văn, Bích Chi Phật, nãi chí Bồ Tát trí huệ, Thiền Định, vô hữu dữ nhữ đẳng giả”. Tú Vương Hoa! Thử Bồ Tát thành tựu như thị công đức trí huệ chi lực. Nhược hữu nhân văn thị Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm, năng tùy hỷ tán thiện giả, thị nhân hiện thế, khẩu trung thường xuất thanh liên hoa hương, thân mao khổng trung thường xuất Ngưu Đầu Chiên Đàn chi hương, sở đắc công đức như thượng sở thuyết.

(經)宿王華！若有人聞是藥王菩薩本事品者，亦得無量，無邊功德。若有女人聞是藥王菩薩本事品，能受持者，盡是女身，後不復受。若如來滅後，後五百歲中，若有女人聞是經典，如說修行，於此命終，即往安樂世界。阿彌陀佛，大菩薩眾圍繞住處，生蓮華中，寶座之上，不復為貪欲所惱，亦復不為瞋恚，愚癡所惱，亦復不為憍，慢，嫉妬，諸垢所惱，得菩薩神通，無生法忍。得是忍已，

眼根清淨。以是清淨眼根，見七百萬二千億那由他恆河沙等諸佛如來。是時，諸佛遙共讚言：「善哉！善哉！善男子！汝能於釋迦牟尼佛法中，受持，讀誦，思惟是經，為他人說，所得福德，無量無邊。火不能焚，水不能漂。汝之功德，千佛共說，不能令盡。汝今已能破諸魔賊，壞生死軍。諸餘怨敵皆悉摧滅。善男子！百千諸佛以神通力，共守護汝。於一切世間天人之中，無如汝者，唯除如來。其諸聲聞、辟支佛，乃至菩薩智慧，禪定，無有與汝等者」。宿王華！此菩薩成就如是功德智慧之力。若有人聞是藥王菩薩本事品，能隨喜讚善者，是人現世，口中常出青蓮華香，身毛孔中常出牛頭栴檀之香，所得功德如上所說。

(Kinh: Này Tú Vương Hoa! Nếu có người nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này, cũng đạt được vô lượng vô biên công đức. Nếu có nữ nhân nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này mà có thể thọ trì, hết một thân nữ này, đời sau sẽ không thọ [thân nữ] nữa. Như sau khi đức Như Lai diệt độ, trong năm trăm năm sau, nếu có nữ nhân nghe kinh điển này, đúng như lời dạy mà tu hành, mạng chung nơi đây liền sanh về thế giới An Lạc. A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát vây quanh chỗ ở, sanh trong hoa sen, ở trên tòa báu, chẳng còn bị tham dục não loạn, cũng chẳng bị sân khuể, ngu si não loạn, cũng chẳng bị các cấu như kiêu, mạn, ghen ghét não loạn, đắc thần thông và Vô Sanh Pháp Nhân của Bồ Tát. Đã đắc môn nhân ấy, nhân căn thanh tịnh. Dùng nhân căn thanh tịnh ấy, thấy chư Phật Như Lai nhiều như số cát trong bảy trăm vạn hai ngàn ức na-do-tha sông Hằng. Khi đó, chư Phật từ xa cùng tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Ông có thể ở trong pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, thọ trì, đọc tụng, tư duy kinh này, vì người khác nói, thì sẽ đạt được công đức vô lượng vô biên, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể cuốn trôi. Ngàn vị Phật cùng nói công đức của

ông đều chẳng thể hết. Ông nay có thể phá các giặc ma, phá hoại quân sanh tử, các oán địch khác thấy đều dẹp tan. Nay thiện nam tử! Trăm ngàn chư Phật dùng sức thần thông cùng thủ hộ ông. Trong hết thấy trời, người thuộc thế gian, không có ai bằng ông, chỉ trừ Như Lai. Trí huệ và Thiên Định của các Thanh Văn, Bích Chi Phật, cho đến Bồ Tát, chẳng có ai bằng ông”. Nay Tú Vương Hoa! Vị Bồ Tát ấy thành tựu sức công đức trí huệ như thế. Nếu có ai nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự này mà có thể tùy hỷ, khen tốt lành, thì người ấy trong đời hiện tại, miệng thường tỏa ra mùi hoa sen xanh. Trong các lỗ chân lông, thường tỏa mùi Ngưu Đầu Chiên Đàn, đạt được công đức như trên đã nói).

Thọ trì phẩm này chẳng thọ thân nữ nữa. Nữ nhân kiến chấp rất nặng nề, nay do công đức khổ hạnh xả thân, bèn có thể dẹp trừ, tu hành đúng như lời dạy, sẽ có thể sanh về thế giới An Lạc, tức là dùng kinh này làm cái nhân cho Tịnh Độ, giống như Thập Lục Quán Kinh, Đại Tiểu A Di Đà Kinh v.v... chẳng hai, chẳng khác. Kinh nói như thế, tu hành ba khuôn phép, bốn hạnh an lạc. Nếu chế phục ngũ trụ, sẽ sanh vào Đồng Cư Tịnh Độ. Nếu thanh tịnh sáu căn, liền sanh vào Phương Tiện Tịnh Độ. Nếu phá vô minh, liền sanh vào Thật Báo Tịnh Độ, cũng lại phân chứng cõi Tịch Quang.

Hỏi: - Tịnh Độ rất nhiều, có gì cứ phải [vãng sanh] cõi An Lạc?

Đáp: - Do nguyện của Như Lai nhiếp thọ chúng sanh. Do căn cơ và túc duyên của chúng sanh sâu dày, chú tâm vào một phương hòng chuyên chú. Do một chính là hết thấy, chẳng thể nghĩ bàn, cho nên các kinh phần nhiều tán dương, nói về cõi An Lạc. Kinh văn nói thân và miệng đều tỏa hương, tức là hiện báo (báo ứng trong đời hiện tại), các điều khác là sanh báo và hậu báo.

23.2.2.3.2.2. Chúc lụy

(Kinh) Thị cố, Tú Vương Hoa! Dĩ thử Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm chúc lụy ư nhữ. Ngã diệt độ hậu, hậu ngũ bách tuế trung, quảng tuyên lưu bố ư Diêm Phù Đề, vô linh đoạn tuyệt, ác ma, ma dân, chư thiên, long, Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà đẳng, đắc kỳ tiện dã. Tú Vương Hoa! Nhữ đương dĩ thần thông chi lực thủ hộ thị kinh. Sở dĩ giả hà? Thử kinh tắc vi Diêm Phù Đề nhân bệnh chi lương dược. Nhược nhân hữu bệnh, đắc văn thị kinh, bệnh tức tiêu diệt, bất lão, bất tử. Tú Vương Hoa! Nhữ nhược kiến hữu thọ trì thị kinh giả, ưng

dĩ thanh liên hoa thịnh mãn mật hương, cúng tán kỳ thượng. Tán dĩ, tác thị niệm ngôn: “Thử nhân bất cứu tất đương thủ thảo, tọa ư đạo tràng, phá chư ma quân, đương xuy pháp loa, kích đại pháp cổ, độ thoát nhất thiết chúng sanh lão bệnh tử hải”. Thị cố, cầu Phật đạo giả, kiến hữu thọ trì thị kinh điển nhân, ưng đương như thị sanh cung kính tâm.

(經)是故，宿王華！以此藥王菩薩本事品囑累於汝。我滅度後，後五百歲中，廣宣流布於閻浮提，無令斷絕，惡魔、魔民、諸天、龍、夜叉、鳩槃荼等，得其便也。宿王華！汝當以神通之力守護是經。所以者何？此經則為閻浮提人病之良藥。若人有病，得聞是經，病即消滅，不老，不死。宿王華！汝若見有受持是經者，應以青蓮華盛滿末香，供散其上。散已，作是念言：「此人不久必當取草，坐於道場，破諸魔軍，當吹法螺，擊大法鼓，度脫一切眾生老病死海」。是故，求佛道者，見有受持是經典人，應當如是生恭敬心。

(Kinh: Vì thế, Tú Vương Hoa! Ta đem phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này chúc lụy cho ông. Sau khi ta diệt độ, vào năm trăm năm sau cùng, hãy tuyên nói, lưu truyền rộng rãi phẩm kinh này trong Diêm Phù Đề, chớ để đoạn tuyệt, [chẳng để cho] ác ma, ma dân, các trời, rồng, Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà v.v... có dịp thuận tiện [hãm hại người trì kinh]. Nay Tú Vương Hoa! Ông hãy nên dùng sức thần thông thủ hộ kinh này. Vì lẽ nào vậy? Kinh này chính là thuốc tốt lành cho bệnh tật của người trong Diêm Phù Đề. Nếu ai có bệnh, được nghe kinh này, bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết. Nay Tú Vương Hoa! Nếu ông thấy có người thọ trì kinh này, hãy nên dùng hoa sen xanh chứa đầy hương bột để cúng rải lên người đó. Rải xong, nghĩ như thế này: “Người này chẳng lâu sau, ắt sẽ kết cỏ, ngồi nơi đạo tràng, phá các ma quân, sẽ thổi ốc pháp, sẽ đánh trống pháp, độ thoát biển sanh già bệnh chết của hết thấy chúng sanh”. Vì thế, người cầu Phật đạo thấy có người thọ trì kinh điển này, hãy nên sanh tâm cung kính như thế).

Chẳng già là vui, chẳng chết là thường, nghe kinh luôn thường lạc giải, bệnh Tam Hoặc tiêu diệt.

Phần thứ nhất là hỏi và phần thứ hai là đáp trong phẩm này đã xong.

23.3. Lợi ích

(Kinh) Thuyết thị Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự phẩm thời, bát vạn tứ thiên Bồ Tát, đắc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Đà La Ni.

(經)說是藥王菩薩本事品時，八萬四千菩薩，得解一切眾生語言陀羅尼。

(Kinh: Lúc nói phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự này, tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đắc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Đà La Ni).

23.4. Phật Đa Bảo khen ngợi

(Kinh) Đa Bảo Như Lai ư bảo tháp trung, tán Tú Vương Hoa Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Tú Vương Hoa! Nhữ thành tựu bất khả tư nghị công đức, nãi năng vấn Thích Ca Mâu Ni Phật như thử chi sự, lợi ích vô lượng nhất thiết chúng sanh.

(經)多寶如來於寶塔中，讚宿王華菩薩言：「善哉！善哉！宿王華！汝成就不可思議功德，乃能問釋迦牟尼佛如此之事，利益無量一切眾生」。

(Kinh: Đa Bảo Như Lai ở trong tháp báu khen ngợi Tú Vương Hoa Bồ Tát rằng: - Lành thay! Lành thay! Này Tú Vương Hoa! Ông đã thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật chuyện như thế, lợi ích vô lượng hết thảy chúng sanh).

Phần thứ nhất, phẩm Dược Vương khích lệ các pháp sư hoằng pháp đã xong.

Trong phần xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông, tiết thứ hai là khích lệ thọ pháp đệ tử, bao gồm hai phẩm kinh: Một là phẩm Diệu Âm, hai là phẩm Phổ Môn. Nay giải thích phẩm Diệu Âm trước.

24. Diệu Âm Bồ Tát Bản Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Tứ

妙音菩薩本事品第二十四

Phẩm thứ hai mươi bốn: Diệu Âm Bồ Tát Bản Sự

Phóng quang minh triệu vời, [Diệu Âm Bồ Tát] từ phương Đông hiện đến, phẩm này được gọi là Bản Sự là do lời hỏi của Hoa Đức Bồ Tát, [đức Bản Sự bèn] nói căn kể nhân duyên quả báo xưa kia [của Diệu Âm Bồ Tát đã] dùng kỹ nhạc và bát báu để cúng Phật. Lại còn nêu rõ tác dụng của Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội; vì thế gọi là phẩm Bản Sự. Hơn nữa, phẩm Dược Vương chỉ nói về bản hạnh, chẳng nói về sự du hóa, phẩm Phổ Môn chỉ nói về sự du hóa, chẳng nói đến bản hạnh [của ngài Quán Âm]; phẩm này nêu trọn vẹn [cả hai chuyện ấy]. Hơn nữa, hai phẩm Dược Vương và Bản Môn đều là do được hỏi cho nên nói, còn phẩm này thì do quang minh [của đức Phật] triệu vời, cho nên do đức Phật tự nói. Đôi bên tỏ lộ lẫn nhau, cùng hiển lộ viên hạnh, chẳng thể nói là hơn hay kém được!

Kinh văn trong phẩm này được chia thành sáu phần:

- Một, [Phật Thích Ca] phóng quang chiếu sang phương Đông triệu vời [Diệu Âm Bồ Tát].
- Hai, [Diệu Âm Bồ Tát] phụng mạng đến [thế giới Sa Bà] ở phương Tây.
- Ba, hoàng kinh trong mười phương.
- Bốn, hai cõi đều được lợi ích.
- Năm, [Diệu Âm Bồ Tát] trở về cõi mình.
- Sáu, [chúng sanh] nghe phẩm này đạo bèn tăng tấn.

24.1. Phóng quang minh triệu vời [Diệu Âm Bồ Tát] từ phương Đông

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật phóng đại nhân tướng nhục kế quang minh, cập phóng mi gian bạch hào tướng quang, biến chiếu Đông phương bách bát vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới. Quá thị số dĩ, hữu thế giới danh Tịnh Quang Trang Nghiêm. Kỳ quốc hữu Phật, hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai,

Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, vị vô lượng vô biên Bồ Tát đại chúng cung kính vì nhiều, nhi vị thuyết pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật bạch hào quang minh biến chiếu kỳ quốc.

(經)爾時，釋迦牟尼佛放大人相肉髻光明，及放眉間白毫相光，徧照東方百八萬億那由他恆河沙等諸佛世界。過是數已，有世界名淨光莊嚴。其國有佛，號淨華宿王智如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，為無量無邊菩薩大眾恭敬圍繞，而為說法。釋迦牟尼佛白毫光明徧照其國。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật phóng quang minh từ nhục kế trong tướng đại nhân¹⁰² và quang minh từ tướng bạch hào giữa hai mày, chiếu trọn khắp các thế giới của chư Phật ở phương Đông nhiều như số cát trong một trăm lẻ tám vạn ức na-do-tha sông Hằng. Qua khỏi số đó, có thế giới tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm (Vairocanarāsmipratimaṇḍitā). Cõi ấy có Phật, hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí (Kamaladalavimalanaksatrarājasamkusumitābhijña)¹⁰³ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, được vô lượng vô biên Bồ Tát đại chúng cung kính vây quanh. Ngài vì họ thuyết pháp. Quang minh từ bạch hào của Thích Ca Mâu Ni Phật chiếu trọn khắp cõi ấy).

Phật là bậc rốt ráo; vì thế gọi là “đại nhân”. Pháp Thân thanh tịnh vì diệu, trọn đủ ba mươi hai tướng. Mỗi tướng đều là pháp giới; vì thế, gọi là “đại nhân tướng”. Nhục kế (Uṣṇīṣa) và bạch hào (Ūṇākośa)

¹⁰² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trong ba mươi hai tướng đại nhân của đức Phật, trên đỉnh đầu có tướng nhục kế (tức thịt đùn lên như hình búi tóc). Lúc mở đầu hội Pháp Hoa, đức Phật phóng quang từ tướng bạch hào chiếu sang phương Đông để biểu thị Trung Đạo. Nay phóng quang từ nhục kế, biểu thị diệu lý Nhất Thừa chí cao vô thượng, siêu việt Không và Hữu”.

¹⁰³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Vị Phật này nhân hạnh như hoa sen thanh tịnh, trí quả như vua của các tinh tú, cho nên lập hiệu như thế”.

chính là hai loại trong các tướng đại nhân. Nhục kế biểu thị Diệu Quả viên mãn tốt bậc. Bạch hào biểu thị diệu nhân Trung Đạo, hiển lộ ý nghĩa: Diệu Âm Bồ Tát sau khi đã đắc quả, bèn tu hành cái nhân chẳng khác các vị Văn Thù, Thường Bất Khinh, Dược Vương, Quán Âm, Phổ Hiền v.v...

Hỏi: - Như các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên và Dược Vương v.v... đã đủ để lưu thông diệu pháp, có gì phải triệu vời Diệu Âm từ chốn xa xôi?

Đáp: - Ngài Diệu Âm cũng có duyên với cõi này. Chúng sanh trong cõi này đáng nên từ ngài Diệu Âm mà đạt được được tứ ích (Tứ Tát Đàn), cho nên triệu vời.

Hỏi: - Mười phương Bồ Tát có thể khiến cho chúng sanh trong cõi này đạt được tứ ích, theo đúng lẽ ắt sẽ rất nhiều, có sao ở đây chỉ triệu vời ngài Diệu Âm ở phương Đông, và nói đến ngài Quán Âm ở phương Tây, chẳng nhắc đến tám phương kia?

Đáp: - Điều này có hai ý:

- Một, triệu vời trọn khắp: Nói “trọn khắp”, xét theo mặt Sự thì chẳng trở ngại gì! Kinh Pháp Hoa tại Ấn Độ chất đến tám dặm, làm sao biết [nguyên bản tiếng Phạn] không có phần kinh văn ấy?

- Hai, triệu vời từ phương Đông, nói tới phương Tây, xét theo Lý thì đã đủ rồi! Phương Đông biểu thị khởi đầu, phương Tây biểu thị chung cực. Khởi đầu biểu thị phát tâm, chung cực biểu thị rốt ráo. Phát tâm và rốt ráo hai đẳng chẳng khác nhau, có chỗ nào mà chẳng gồm thấu? Đức thánh (Phật) chẳng cần rườm rà, nêu lên một điều để chỉ chung các điều khác vậy!

24.2. [Diệu Âm Bồ Tát] phụng mạng đến phương Tây

24.2.1. Duyên do tới cõi này

24.2.1.1. Người kết tập trần thuật phẩm đức [của Diệu Âm Bồ Tát]

(Kính) Nhĩ thời, Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm quốc trung, hữu nhất Bồ Tát danh viết Diệu Âm, cứu dĩ thực chúng đức bốn, cúng dường, thân cận vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật, nhĩ tất thành tựu thậm thâm trí huệ, đắc Diệu Tràng Tướng tam-muội, Pháp Hoa tam-muội, Tịnh Đức tam-muội, Tú Vương Hý tam-muội, Vô Duyên tam-muội, Trí Ấn tam-muội, Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn tam-muội, Tập Nhất Thiết Công Đức tam-muội, Thanh Tịnh tam-muội, Thần Thông Du Hý tam-muội, Huệ Cự tam-muội,

Trang Nghiêm Vương tam-muội, Tịnh Quang Minh tam-muội, Tịnh Tạng tam-muội, Bất Cộng tam-muội, Nhật Toàn tam-muội, đặc như thị đẳng bách thiên vạn ức Hằng hà sa đẳng chư đại tam-muội.

(經)爾時，一切淨光莊嚴國中，有一菩薩名曰妙音，久已植眾德本，供養，親近無量百千萬億諸佛，而悉成就甚深智慧，得妙幢相三昧、法華三昧、淨德三昧、宿王戲三昧、無緣三昧、智印三昧、解一切眾生語言三昧、集一切功德三昧、清淨三昧、神通遊戲三昧、慧炬三昧、莊嚴王三昧、淨光明三昧、淨藏三昧、不共三昧、日旋三昧，得如是等百千萬億恆河沙等諸大三昧。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong cõi Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm, có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm (Gadgadasvara), đã gieo các cội đức từ lâu, cúng dường, thân cận vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, đã đều thành tựu trí huệ rất sâu, đặc Diệu Tràng Tướng (Dhvajāgrakeyūra) tam-muội, Pháp Hoa (Saddharma-puṇḍarīka) tam-muội, Tịnh Đức (Vimaladatta) tam-muội, Tú Vương Hỷ tam-muội (Nakṣatrarājavikrīḍita), Vô Duyên (Anilambha) tam-muội, Trí Ấn (Jñānamudrā) tam-muội, Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn (Sarvarutakauśalya) tam-muội, Tập Nhất Thiết Công Đức (Sarvapūṇya-samuccaya) tam-muội, Thanh Tịnh (Prasādavatī) tam-muội, Thần Thông Du Hỷ (Rddhivikrvikrīḍita) tam-muội, Huệ Cự (Jñānolkā) tam-muội, Trang Nghiêm Vương (Vyūharāja) tam-muội, Tịnh Quang Minh (Vimalaprabhāsa) tam-muội, Tịnh Tạng (Vimalagarbha) tam-muội, Bất Cộng (Apkṛtsna) tam-muội, Nhật Toàn (Sūryāvarta) tam-muội, đặc trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa các đại tam-muội như thế đó).

“Đức” chính là hai thứ phước và huệ trang nghiêm. Cúng dường chư Phật, trần thuật cội nguồn của phước huệ. “Thậm thâm trí huệ” (Trí huệ rất sâu): Trần thuật phước chính là huệ. “Chư đại tam-muội” (Các đại tam-muội): Trần thuật huệ chính là phước. Liệt kê đại lược mười sáu danh hiệu [tam-muội] đều là diệu định thuộc viên đạo:

- Diệu thể của Thật Tướng cao rộng vô thượng, vô tướng, mà cũng chẳng phải là không có tướng, thì gọi là Diệu Tràng Tướng tam-muội.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2

- Nhân quả chẳng hai, Quyền Thật chẳng hai, Bồn Tích chẳng hai, thì gọi là Pháp Hoa tam-muội.

- Là ba Hoặc câu, chúng tánh thanh tịnh vốn có, gọi là Tịnh Đức tam-muội.

- Quyền Trí chiếu soi căn cơ, khéo hiện ưu khuyết, thì gọi là Tú Vương Hỷ tam-muội (mặt trăng được gọi là Tú Vương, tức là vua của các tinh tú).

- Đại từ bình đẳng, chẳng duyên theo giả danh, chẳng duyên theo Thật pháp, thì gọi là Vô Duyên tam-muội.

- Nhất tâm tam trí, ẩn hết thấy các pháp, gọi là Trí Ẩn tam-muội.

- Ngôn ngữ trong mười pháp giới đều là pháp sanh bởi các nhân duyên, hiểu mỗi thứ đều chính là Không, Giả, Trung. Hết thấy các ngôn ngữ chính là một ngôn ngữ, một ngôn ngữ chính là hết thấy các ngôn ngữ, chẳng phải một, chẳng phải hết thấy, mà là một, là hết thấy, thì gọi là Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn tam-muội.

- Trụ trong một tam-muội, công đức của hết thấy các tam-muội đều nhập vào đó, gọi là Tập Nhất Thiết Công Đức tam-muội.

- Lục căn thanh tịnh, dùng lẫn cho nhau tự tại, gọi là Thanh Tịnh tam-muội.

- Tự tại giáo hóa chúng sanh, đạo trong các thế gian, đối với huyền sự [coi như] con rỗi, nhiếp khắp hết thấy, gọi là Thần Thông Du Hỷ tam-muội.

- Đại huệ bình đẳng, chiếu khắp các nẻo đường tối tăm, gọi là Huệ Cự (đuốc huệ) tam-muội.

- Tánh có đủ vạn đức, duyên nhân và liễu nhân dung thông, tùy ý nêu ra một pháp sẽ thông nhiếp hết thấy các pháp, gọi là Trang Nghiêm Vương tam-muội.

- Tam trí (Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, Nhất Thiết Chứng Trí) viên mãn, thanh tịnh, chiếu pháp chẳng sót, gọi là Tịnh Quang Minh tam-muội.

- Một niệm tịnh tâm dung nhiếp vạn đức, gọi là Tịnh Tạng tam-muội.

- Người thuộc bảy phương tiện đều chẳng thể nhập thì gọi là Bất Cộng tam-muội.

- Thật trí chiếu lý nhưng chẳng trụ, gọi là Nhật Toàn tam-muội.

24.2.1.2. [Diệu Âm Bồ Tát] được quang minh [của Phật Thích Ca] chiếu đến, bèn từ tạ đức Phật [trong cõi của Ngài]

(Kinh) Thích Ca Mâu Ni Phật quang chiếu kỳ thân, tức bạch Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đương vãng nghê Sa Bà thế giới, lễ bái, thân cận, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, cập kiến Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Tú Vương Hoa Bồ Tát, Thượng Hạnh Ý Bồ Tát, Trang Nghiêm Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát.

(經)釋迦牟尼佛光照其身，即白淨華宿王智佛言：「世尊！我當往詣娑婆世界，禮拜，親近，供養釋迦牟尼佛，及見文殊師利法王子菩薩、藥王菩薩、勇施菩薩、宿王華菩薩、上行意菩薩、莊嚴王菩薩、藥上菩薩」。

(Kinh: Quang minh của Thích Ca Mâu Ni Phật chiếu vào thân Ngài, liền bạch cùng Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ đi qua thế giới Sa Bà để lễ bái, thân cận, cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, và gặp Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí (Pradānaśūra) Bồ Tát, Tú Vương Hoa Bồ Tát, Thượng Hạnh Ý (Viśiṣṭacāritra) Bồ Tát, Trang Nghiêm Vương (Vyūharāja) Bồ Tát, Dược Thượng (Bhaiṣajyasamudgata) Bồ Tát).

24.2.1.3. Đức Phật trong cõi ấy răn nhắc

(Kinh) Nhữ thời, Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật cáo Diệu Âm Bồ Tát: - Nhữ mạc khinh bỉ quốc, sanh hạ liệt tướng. Thiện nam tử! Bỉ Sa Bà thế giới cao hạ bất bình, thổ, thạch chư sơn, uế ác sung mãn. Phật thân ty tiểu, chư Bồ Tát chúng kỳ hình diệc tiểu, nhữ thân tứ vạn nhị thiên do-tuần. Ngã thân lục bách bát thập vạn do-tuần. Nhữ thân đệ nhất đoan chánh, bách thiên vạn phước, quang minh thù diệu. Thị cố, nhữ vãng, mạc khinh bỉ quốc, nhược Phật, Bồ Tát, cập quốc độ, sanh hạ liệt tướng.

(經)爾時，淨華宿王智佛告妙音菩薩：「汝莫輕彼國，生下劣想。善男子！彼娑婆世界高下不平，土，石諸山，穢惡充滿。佛身卑小，諸菩薩眾其形亦小，而汝身四萬二千由旬。我身六百八十萬由旬。汝身第一端正，百千萬福

，光明殊妙。是故，汝往，莫輕彼國，若佛、菩薩，及國土，生下劣想」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật bảo Diệu Âm Bồ Tát rằng: - Ông đừng coi thường cõi ấy, nghĩ là kém hèn. Đây thiện nam tử! Thế giới Sa Bà ấy cao, thấp chẳng bằng phẳng, các núi bằng đất, đá, dơ xấu đầy dẫy. Thân Phật kém nhỏ, các vị Bồ Tát thân hình cũng nhỏ. Nhưng thân ông cao bốn vạn hai ngàn do-tuần. Thân ta cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần. Thân ông đoan chánh bậc nhất, trăm ngàn vạn phước, quang minh đẹp đẽ đặc biệt. Vì thế, ông đến đó, đừng coi thường dù là Phật, Bồ Tát, hay quốc độ trong cõi ấy, nảy sanh ý niệm cho là hèn kém).

Diệu Âm Bồ Tát hiểu rành rẽ Bốn Tích, cần gì phiền Phật phải nhắc? [Đó là vì] trong hàng quyến thuộc do Ngài dẫn theo, có thể là có vị chưa thông đạt. Do vậy, nhắc nhở người thuộc bậc thượng để uốn nắn kẻ bậc hạ vậy. Phật chứng pháp tánh bình đẳng, vì chúng sanh mà cõi áo quý báu, mặc áo xấu dơ, thị hiện thân kém cõi, nhỏ bé, và cõi nước xấu ác. Thế nhưng, bản thể của thân và cõi nước nhỏ hèn, xấu ác ấy chính là pháp giới, gì là lớn? Gì là nhỏ? Gì là tịnh? Gì là uế? Hãy nên biết: Chẳng phải nhỏ mà hiện nhỏ, chẳng phải uế mà hiện uế, tức “áo nhần nhục”. Nhỏ vốn chẳng nhỏ, uế vốn chẳng uế, tức là “tòa pháp Không”. Dùng nhỏ, dùng uế để khéo léo tùy thuận chúng sanh, chính là “nhà từ bi”. Phật đã là như thế, Bồ Tát cũng như thế. Vì thế, hãy nên liễu đạt ba khuôn phép (tức áo nhần nhục, tòa pháp Không, nhà từ bi), chớ giữ tình kiến [so đo] hơn kém!

Hỏi: - Trong cõi này, khi thân người cao tám thước thì thân Phật cao một trượng sáu, bất quá là Ngài cao gấp đôi [mọi người]. Thân tướng của Phật, Bồ Tát trong cõi kia (cõi của Diệu Âm Bồ Tát) sai biệt hơn một trăm năm mươi lần là vì lẽ nào?

Đáp: - Đó là tướng Thắng Ứng Thân trong Tịnh Độ. Sự chẳng phải nhất loạt như nhau, chẳng thể phỏng theo cùng một lệ được!

Hỏi: - Đã là quyến thuộc thù thắng, có sao có người chưa thông đạt?

Đáp: - Trược nhẹ, phước thù thắng, cho nên là Tịnh Độ. [Bồ Tát] thuộc địa vị Quyền thì trí nông cạn, cho nên cần phải nhắc nhở!

24.2.1.4. Bồ Tát lãnh thọ ý chỉ

(Kinh) Diệu Âm Bồ Tát bạch kỳ Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim nghệ Sa Bà thế giới, giai thị Như Lai chi lực, Như Lai thần thông du hý, Như Lai công đức trí huệ trang nghiêm.

(經)妙音菩薩白其佛言：「世尊！我今詣娑婆世界，皆是如來之力，如來神通遊戲，如來功德智慧莊嚴」。

(Kinh: Diệu Âm Bồ Tát bạch cùng đức Phật ấy rằng: - Bạch Thế Tôn! Con nay đến thế giới Sa Bà, đều là do sức của Như Lai, thần thông du hý của Như Lai, do công đức trí huệ trang nghiêm của Như Lai).

Đức Phật ấy đã dùng ba pháp để nhấn nhủ, răn dạy, Diệu Âm cũng dùng ba pháp để tiếp nhận ý chỉ. “Giai thị Như Lai chi lực” (Đều là sức của Như Lai): Quy kết chung công sức về Phật lực, cho nên chẳng dám coi thường. “Thần thông du hý”: Cởi áo quý giá, mặc áo hèn tẻ, nhưng thân trường giả chẳng đổi, tức là “áo nhần nhục”. “Công đức trang nghiêm” chính là “nhà đại từ bi”. “Trí huệ trang nghiêm” chính là tòa “các pháp đều là Không”. Nương vào ba lực ấy của Như Lai, nên mới có thể đi qua thế giới Sa Bà. Nhưng ngài Diệu Âm đã phân chứng ba lực; ở đây, Ngài nêu rõ ba lực rốt ráo của Như Lai, khiến cho quyền thuộc của Ngài chẳng khởi tâm coi thường!

24.2.1.5. Trước hết hiện tướng [biểu thị] sẽ đến [cõi Sa Bà]

24.2.1.5.1. Gởi hoa sen [đến cõi Sa Bà]

(Kinh) U thị, Diệu Âm Bồ Tát bất khởi ư tòa, thân bất động dao, nhi nhập tam-muội. Dĩ tam-muội lực, ư Kỳ Xà Quật sơn, khứ pháp tòa bất viển, hóa tác bát vạn tứ thiên chúng bảo liên hoa: Diêm Phù Đà kim vi hành, bạch ngân vi điệp, kim cang vi tu, Chân Thúc Ca bảo dĩ vi kỳ đài.

(經)於是，妙音菩薩不起於座，身不動搖，而入三昧。以三昧力，於耆闍崛山，去法座不遠，化作八萬四千眾寶蓮華：閻浮檀金為莖，白銀為葉，金剛為鬚，甄叔迦寶以為其臺。

(**Kinh:** Ngay khi đó, Diệu Âm Bồ Tát chẳng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, thân chẳng lay động, bèn nhập tam-muội. Do sức tam-muội, tại núi Kỳ Xà Quật, cách pháp tòa chẳng xa, hóa ra tám vạn bốn ngàn các hoa sen báu: Vàng Diêm Phù Đàn làm cọng, bạc trắng làm cánh, kim cang làm tua, báu Chân Thúc Ca¹⁰⁴ dùng làm đài).

24.2.1.5.2. Ngài Văn Thù thưa hỏi

(**Kinh**) *Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử kiến thị liên hoa, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị hà nhân duyên tiên hiện thử tướng, hữu nhược can thiên vạn liên hoa: Diêm Phù Đàn kim vi hành, bạch ngân vi diệp, kim cang vi tu, Chân Thúc Ca bảo dĩ vi kỳ đài?*

(經)爾時，文殊師利法王子見是蓮華，而白佛言：
「世尊！是何因緣先現此相，有若干千萬蓮華：閻浮檀金
為莖，白銀為葉，金剛為鬚，甄叔迦寶以為其臺？」

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử thấy các hoa sen ấy, bèn bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà trước hết hiện ra tướng này, có ngàn ấy ngàn vạn hoa sen: Vàng Diêm Phù Đàn làm cọng, bạc trắng làm cánh, kim cang làm tua, báu Chân Thúc Ca dùng làm đài?)

Hỏi: - Nếu ngài Văn Thù có địa vị thấp, khi Diệu Âm Bồ Tát từ tạ đức Phật ấy, chẳng nên nói là “[đến thế giới Sa Bà để] gặp Văn Thù”. Nếu ngài Văn Thù có địa vị cao, khi tướng ấy xuất hiện, có sao Ngài chẳng biết?

Đáp: - Dẫu có địa vị cao, chưa đạt đến Diệu Giác, chẳng biết tướng ấy thì cũng chẳng trở ngại gì! Giả sử Ngài thuộc địa vị thấp, nhưng Ngài có sở trường riêng, cho nên có người từ xa đến cầu kiến,

¹⁰⁴ Chân Thúc Ca (Kimsuka), còn được phiên âm là Kiên Thúc Ca, Khẩn Chúc Ca, là tên một loại bảo thạch, dịch nghĩa là Xích Bảo. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển sáu giảng: “Chân Thúc Ca bảo được dịch là Xích Sắc Bảo. Sách Tây Vực Truyện nói: Có loài cây Kiên Thúc Ca, hoa màu đỏ, hình dạng to như bàn tay. Màu của chất báu này giống như hoa ấy, cho nên gọi tên như vậy”. Sách Di Lặc Bồ Tát Thượng Sanh Kinh Sớ của ngài Khuy Cơ giảng: “Chân Thúc Ca bảo hình dạng như diên khuê, tương tự xích lưu ly”.

cũng chẳng có khuyết điểm gì! Huống hồ tuy cùng một địa vị, có khởi đầu, chẳng giữa, và cuối cùng. Tuy khởi đầu, chẳng giữa và cuối cùng cũng đều tương đồng, nhưng đối với cảnh giới tam-muội đạt được, cũng sẽ có những chỗ chưa thấu đạt. Đôi bên giúp cho nhau, đôi bên tạo lợi ích cho nhau, nếu cùng là cổ Phật, sẽ chẳng có cao hay thấp. Ngài Diệu Âm nhằm khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích, cho nên nói là “*cầu kiến*”. Ngài Văn Thù vì đại chúng trong pháp hội chẳng dám hỏi, cho nên thốt lời phát khởi cho mọi người hay biết.

24.2.1.5.3. Phật Thích Ca giải đáp

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Thị Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát dục tòng Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật quốc, dữ bát vạn tứ thiên Bồ Tát vi nhiều, nhi lai chí thử Sa Bà thế giới cúng dường, thân cận, lễ bái u ngã, diệc dục cúng dường, thỉnh Pháp Hoa kinh.

(經)爾時，釋迦牟尼佛告文殊師利：「是妙音菩薩摩訶薩欲從淨華宿王智佛國，與八萬四千菩薩圍繞，而來至此娑婆世界供養，親近，禮拜於我，亦欲供養，聽法華經」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: - Vị Diệu Âm Bồ Tát ấy muốn từ cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát vây quanh đến thế giới Sa Bà này để cúng dường, thân cận, lễ bái ta, và cũng cúng dường, nghe kinh Pháp Hoa).

24.2.1.5.4. Ngài Văn Thù xin được thấy

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị Bồ Tát chúng hà thiện bổn, tu hà công đức, nhi năng hữu thị đại thần thông lực? Hành hà tam-muội? Nguyện vị ngã đẳng thuyết thị tam-muội danh tự, ngã đẳng diệc dục cần tu hành chi. Hành thử tam-muội, nãi năng kiến thị Bồ Tát sắc tướng đại, tiểu, oai nghi tấn chỉ. Duy nguyện Thế Tôn dĩ thần thông lực, bĩ Bồ Tát lai, linh ngã đắc kiến.

(經)文殊師利白佛言：「世尊！是菩薩種何善本，修何功德，而能有是大神通力？行何三昧？願為我等說是三昧名字，我等亦欲勤修行之。行此三昧，乃能見是菩薩色相大，小，威儀進止。惟願世尊以神通力，彼菩薩來，令我得見」。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vị Bồ Tát ấy gieo cội lành gì, tu công đức gì, mà có thể có sức thần thông to lớn ấy? Hành tam-muội nào? Xin hãy vì chúng con nói danh tự của tam-muội ấy, chúng con cũng muốn siêng năng tu hành. Hành tam-muội ấy bèn có thể thấy được sắc tướng lớn nhỏ, oai nghi, cử chỉ của vị Bồ Tát ấy. Kính mong đức Thế Tôn dùng sức thần thông, khiến cho vị Bồ Tát ấy đến [thế giới này], cho con được thấy).

24.2.1.5.5. Phật Thích Ca nhượng công cho Phật Đa Bảo

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: - Thử cửu diệt độ Đa Bảo Như Lai, đương vị nhữ đẳng, nhi hiện kỳ tướng.

(經)爾時，釋迦牟尼佛告文殊師利：「此久滅度多寶如來，當為汝等，而現其相」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: - Đa Bảo Như Lai là vị diệt độ đã lâu này sẽ vì các ông mà hiện tướng ấy).

Ngài Văn Thù tuy hỏi công đức tam-muội, nhưng cốt ý là xin được thấy. Vì thế, [đức Bổn Sư] nhượng cho Phật Đa Bảo triệu vời [Diệu Âm Bồ Tát] đến cõi này. Trong phần sau, do Hoa Đức Bồ Tát lặp lại lời hỏi, [đức Phật] sẽ giải đáp về công đức và tam-muội [của Diệu Âm Bồ Tát]. Nhường cho Phật Đa Bảo thực hiện thì [Diệu Âm Bồ Tát] phải nên là đệ tử xưa kia của Đa Bảo Như Lai.

24.2.1.5.6. Phật Đa Bảo truyền bảo [Diệu Âm Bồ Tát] hãy đến

(Kinh) Thời, Đa Bảo Phật cáo bử Bồ Tát: - Thiện nam tử lai! Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử dục kiến nhữ thân!

(經)時，多寶佛告彼菩薩：「善男子來！文殊師利法王子欲見汝身！」

(Kinh: Khi ấy, Đa Bảo Phật bảo vị Bồ Tát ấy: - Thiện nam tử hãy đến! Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử muốn thấy thân ông!)

Phần thứ nhất, “duyên do [Diệu Âm Bồ Tát] đến [Sa Bà]” đã xong.

24.2.2. Trần thuật sự du hành của [Diệu Âm Bồ Tát]

24.2.2.1. Chỗ Ngài đi qua cùng với quyền thuộc

(Kinh) U' thời, Diệu Âm Bồ Tát ư bử quốc một, dữ bát vạn tứ thiên Bồ Tát câu cộng phát lai. Sở kinh chư quốc lục chủng chấn động, giai tất vũ ư thất bảo liên hoa, bách thiên thiên nhạc, bất cổ tự minh.

(經)於時，妙音菩薩於彼國沒，與八萬四千菩薩俱共發來。所經諸國六種震動，皆悉雨於七寶蓮華，百千天樂，不鼓自鳴。

(Kinh: Ngay khi đó, Diệu Âm Bồ Tát biến mất trong cõi ấy, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đều cùng lên đường. Các cõi nước đi qua đều sáu thứ chấn động, thấy đều mưa hoa sen bảy báu, trăm ngàn nhạc trời chẳng tấu tự kêu).

Xưa kia dâng bát báu, nay được hàng pháp khí Bồ Tát tùy tùng. Xưa kia dâng lên âm nhạc, nay được thiên nhạc cùng theo.

24.2.2.2. Trần thuật sắc tướng [của Diệu Âm Bồ Tát] và [chuyện Bồ Tát ngự] lên đài [bảy báu]

(Kinh) Thị Bồ Tát mục như quảng đại thanh liên hoa diệp. Chánh sử hòa hợp bách thiên vạn nguyệt, kỳ diện mạo đoan chánh, phục quá ư thử. Thân chân kim sắc, vô lượng bách thiên công đức trang nghiêm, oai đức xí thịnh, quang minh chiếu diệu, chư tướng cụ

túc như Na La Diên kiên cố chi thân. Nhập thất bảo đài, thượng thăng hư không, khứ địa thất Đa La thụ. Chư Bồ Tát chúng cung kính vi nhiễu, nhi lai nghệ thử Sa Bà thế giới Kỳ Xà Quật sơn.

(經)是菩薩目如廣大青蓮華葉。正使和合百千萬月，其面貌端正，復過於此。身真金色，無量百千功德莊嚴，威德熾盛，光明照曜，諸相具足如那羅延堅固之身。入七寶臺，上升虛空，去地七多羅樹。諸菩薩眾恭敬圍繞，而來詣此娑婆世界耆闍崛山。

(Kinh: Vị Bồ Tát ấy mắt như cánh hoa sen xanh¹⁰⁵ rộng lớn. Giả sử hòa hợp trăm ngàn vạn mặt trăng, diện mạo của Ngài còn đoan chánh hơn thế. Thân màu vàng ròng, vô lượng trăm ngàn công đức trang nghiêm, oai đức hùng hực, quang minh chiếu sáng rực, các tướng đầy đủ như thân Na La Diên¹⁰⁶ kiên cố. Ngài bước lên đài bảy báu,

¹⁰⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài Tăng Triệu nói: - Thiên Trúc có hoa sen xanh, cánh sen rộng lớn, xanh trắng phân minh, có hình dáng như con mắt”.

¹⁰⁶ Na La Diên (Nārāyaṇa): Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài La Thập nói: - Lực sĩ cõi trời tên là Na La Diên, đoan chánh, tráng kiện. Niết Bàn Kinh Sớ giảng: - Na La Diên được phương này dịch là Kim Cang”. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển hai mươi bốn lại giảng: “Na La dịch là Nhân, Diên dịch là Sanh Bồn, hàm nghĩa ‘là cội gốc sanh ra nhân loại’, tức là Phạm Vương. Ngoại đạo cho rằng hết thầy con người do Phạm Vương sanh ra, cho nên gọi [Phạm Vương] là Nhân Sanh Bồn”. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa lại giảng: “Na La Diên là một vị trời trong Dục Giới, có tên khác là Tỳ Nữu Thiên (Vishnu). Kẻ muốn cầu nhiều thần lực hãy thừa sự cúng dường, nếu tinh thành cầu đảo, sẽ được thần gia hộ thần lực”. Sách Đại Nhật Kinh Sớ quyển mười viết: “Tỳ Nữu Thiên có nhiều biệt danh, tức Na La Diên là một biệt danh. Vị này là hóa thân của Phật”. Ấn Độ Giáo coi Na La Diên là một biệt danh của thần Vishnu. Thần Vishnu còn có danh xưng là Purushottama (đáng tối cao), được coi là yếu tố nguyên thủy sanh ra vũ trụ, có công năng sáng tạo, duy trì và chuyển hóa vũ trụ. Ấn Độ Giáo cho rằng khi thế giới lâm vào cảnh xấu ác, thần sẽ hạ phàm dưới dạng hóa thân để duy trì thế giới. Kinh sách Ấn Giáo rằng thần Vishnu có mười hóa thân (Dhasavatara); trong số đó, hai hóa thân Rama và Krishna được sùng bái nhất (thậm chí đối với một số người Ấn, họ chỉ biết đến Krishna, không biết đến thần Vishnu). Thần Vishnu thường được tạc tượng có hình xanh đen, bốn tay, nằm trên hoa sen. Trong Mật Giáo, Na La Diên là một vị thần hộ pháp hộ trì Thai Tạng Giới, đôi khi được dịch là Kim Cang Lực Sĩ. Dù hiểu theo nghĩa nào, Na La Diên Thiên là một vị trời có sức mạnh to lớn, thân thể kiên cố.

thăng lên hư không, cách đất bảy cây Đa La. Các vị Bồ Tát cung kính vây quanh, đi đến núi Kỳ Xà Quật trong thế giới Sa Bà này).

24.2.2.3. Thưa hỏi, truyền đạt ý chỉ [của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật]

(Kinh) Đáo dĩ, hạ thất bảo đài. Dĩ giá trị bách thiên anh lạc, trì chí Thích Ca Mâu Ni Phật sở, đầu diện lễ túc, phụng thượng anh lạc, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật vẫn tấn Thế Tôn: Thiếu bệnh, thiếu não, khởi cư khinh lợi, an lạc hạnh phủ? Tứ Đại điều hòa phủ? Thế sự khả nhẫn phủ? Chúng sanh dị độ phủ? Vô đa tham dục, sân khuể, ngu si, tật đố, xan, mạn phủ? Vô bất hiểu phụ mẫu, bất kính sa-môn, tà kiến, bất thiện tâm phủ? Nhiếp ngũ tình phủ? Thế Tôn! Chúng sanh năng hàng phục chư ma oán phủ? Cứu diệt độ Đa Bảo Như Lai tại thất bảo tháp trung, lai thính pháp phủ? Hựu vẫn tấn Đa Bảo Như Lai an ổn, thiếu não, kham nhẫn cứu trụ phủ?

(經)到已，下七寶臺。以價直百千瓔珞，持至釋迦牟尼佛所，頭面禮足，奉上瓔珞，而白佛言：「世尊！淨華宿王智佛問訊世尊：少病，少惱，起居輕利，安樂行不？四大調和不？世事可忍不？眾生易度不？無多貪欲，瞋恚，愚癡，嫉妬，慳，慢不？無不孝父母，不敬沙門，邪見，不善心不？攝五情不？世尊！眾生能降伏諸魔怨不？久滅度多寶如來在七寶塔中，來聽法不？又問訊多寶如來安隱，少惱，堪忍久住不？

(Kinh: Đến nơi, xuống đài bảy báu. Cầm trăm ngàn chuỗi anh lạc có giá trị đem tới chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, đầu mặt lễ dưới chân, dâng lên chuỗi anh lạc, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật hỏi thăm đức Thế Tôn: Ít bệnh, ít não, đi đứng nhẹ nhàng, nhanh nhẹn hay không? Có an lạc hay không? Tứ Đại điều hòa hay không? Có thể nhẫn chuyện đời hay không? Chúng sanh có dễ độ hay không? Chẳng có kẻ tham dục, sân khuể, ngu si, ghen ghét, keo

kiệt, ngạo mạn hay không? Chẳng có kẻ bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính trọng sa-môn, tà kiến, tâm bất thiện hay không? Nhiếp ngũ tình¹⁰⁷ hay không? Bạch Thế Tôn! Chúng sanh có thể hàng phục các ma oán hay không? Đa Bảo Như Lai diệt độ đã lâu, ở trong tháp bảy báu có đến nghe pháp hay không? Lại hỏi thăm Đa Bảo Như Lai an ổn, ít não? Kham nhẫn trụ lâu trong đời hay không?)

24.2.2.4. Xin được thấy Phật Đa Bảo

(Kinh) Thế Tôn! Ngã kim dục kiến Đa Bảo Phật thân, duy nguyện Thế Tôn thị ngã linh kiến.

(經)世尊！我今欲見多寶佛身，惟願世尊示我令見

。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con nay muốn thấy thân Phật Đa Bảo, kính mong đức Thế Tôn chỉ bày cho con thấy).

24.2.2.5. Phật Thích Ca vì [Diệu Âm Bồ Tát] thông truyền

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật ngữ Đa Bảo Phật: - Thị Diệu Âm Bồ Tát dục đắc tương kiến.

(經)爾時，釋迦牟尼佛語多寶佛：「是妙音菩薩欲得相見」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật nói với Đa Bảo Phật: - Vị Diệu Âm Bồ Tát này muốn được gặp gỡ).

24.2.2.6. Trong tháp khen ngợi tốt lành

(Kinh) Thời, Đa Bảo Phật cáo Diệu Âm ngôn: - Thiện tai! Thiện tai! Nhữ năng vị cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, cập thánh Pháp Hoa kinh, tịnh kiến Văn Thù Sư Lợi đẳng, cố lai chí thử.

¹⁰⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Các căn như mắt v.v... đối trước trần cảnh có thể sanh ra tình thức, các tình thức sanh từ năm căn, được gọi chung là Ngũ Tình”. Như vậy “nhiếp ngũ tình” có thể hiểu là thu nhiếp các căn, chẳng mê muội chấp trước đối với tình thức nơi các căn, chẳng nắm níu trần cảnh.

(經)時，多寶佛告妙音言：「善哉！善哉！汝能為供養釋迦牟尼佛，及聽法華經，并見文殊師利等，故來至此」。

(Kinh: Lúc đó, Đa Bảo Phật bảo Diệu Âm rằng: - Lành thay! Lành thay! Ông có thể vì cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật và nghe kinh Pháp Hoa, cùng thấy Văn Thù Sư Lợi v.v... cho nên đến nơi này).

“Khen ngợi tốt lành” chính là gặp gỡ đã xong, chẳng cần mở tháp.

24.2.2.7. Hỏi đáp về cái nhân xưa kia của [Diệu Âm Bồ Tát]

24.2.2.7.1. Hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị Diệu Âm Bồ Tát chủng hà thiện căn? Tu hà công đức, hữu thị thần lực?

(經)爾時，華德菩薩白佛言：「世尊！是妙音菩薩種何善根？修何功德，有是神力？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Hoa Đức (Padmaśrī) Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vị Diệu Âm Bồ Tát này đã gieo thiện căn gì? Tu công đức gì mà có thần lực ấy?)

Diệu Âm chính là hậu thân của phu nhân Tịnh Đức. Hoa Đức chính là hậu thân của vua Diệu Trang Nghiêm, vốn là bậc đại thiện tri thức trong đời trước. Vì thế, nay Ngài vì đại chúng thưa hỏi, hiển thị công đức ấy!

24.2.2.7.2. Đáp

(Kinh) Phật cáo Hoa Đức Bồ Tát: - Quá khứ hữu Phật danh Vân Lô Âm Vương Đa-dà-a-già-độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà. Quốc danh Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp danh Hỷ Kiến. Diệu Âm Bồ Tát u vạn nhĩ thiên tuế, dĩ thập vạn chủng kỹ nhạc, cúng dường Vân Lô Âm Vương Phật, tịnh phụng thượng bát vạn tứ thiên

thất bảo bát. Dĩ thị nhân duyên quả báo, kim sanh Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật quốc, hữu thị thần lực. Hoa Đức! Ư nhữ ý vân hà? Nhĩ thời, Vân Lô Âm Vương Phật sở Diệu Âm Bồ Tát kỹ nhạc cúng dường, phụng thượng bảo khí giả, khởi dĩ nhân hồ? Kim thử Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát thị. Hoa Đức! Thị Diệu Âm Bồ Tát dĩ tăng cúng dường, thân cận vô lượng chư Phật, cứu thực đức bốn, hựu trị Hằng hà sa đẳng bách thiên vạn ức na-do-tha Phật.

(經)佛告華德菩薩：「過去有佛名雲雷音王多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀。國名現一切世間，劫名喜見。妙音菩薩於萬二千歲，以十萬種伎樂，供養雲雷音王佛，并奉上八萬四千七寶鉢。以是因緣果報，今生淨華宿王智佛國，有是神力。華德！於汝意云何？爾時，雲雷音王佛所妙音菩薩伎樂供養，奉上寶器者，豈異人乎？今此妙音菩薩摩訶薩是。華德！是妙音菩薩已曾供養，親近無量諸佛，久植德本，又值恆河沙等百千萬億那由他佛。

(Kinh: Đức Phật bảo Hoa Đức Bồ Tát: - Quá khứ có Phật tên là Vân Lô Âm Vương (Meghadundubhisvararāja)¹⁰⁸ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Cõi nước tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian (Sarvarūpasamdarśana), kiếp tên là Hỷ Kiến (Priyadarśana). Diệu Âm Bồ Tát trong một vạn hai ngàn năm, dùng mười vạn loại kỹ nhạc để cúng dường Vân Lô Âm Vương Phật, và dâng lên tám vạn bốn ngàn bát bằng bảy báu¹⁰⁹. Do nhân duyên quả báo ấy, nay sanh trong cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, bèn có thần lực ấy. Nay Hoa Đức! Ý ông nghĩ sao? Thuở đó, Diệu Âm Bồ Tát ở chỗ Vân Lô Âm Vương Phật, dùng kỹ nhạc cúng dường, dâng hiến bát báu, há phải là ai khác? Chính là vị Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát này trong hiện thời. Nay Hoa Đức! Vị

¹⁰⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật trí như mây, có thể tuôn mưa pháp, pháp âm như sấm, khiến cho quần sanh kinh động, giác ngộ, tự tại nơi pháp, ví như vua. Vì thế gọi là Vân Lô Âm Vương”.

¹⁰⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật chế định khát thực thì dùng bát đựng lớn, nhỏ, đều có dung lượng nhất định. Vì thế gọi là Ứng Lượng Khí. Loại bát ở đây chẳng phải bằng sành hay đá, mà do bảy báu chế thành, cho nên gọi là thất bảo bát”.

Diệu Âm Bồ Tát này đã từng cúng dường, thân cận vô lượng chư Phật, gieo cội đức đã lâu. Lại gặp gỡ Hằng hà sa trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật).

Phần thứ hai, “phụng mạng sang phương Tây” đã xong.

24.3. Hoằng kinh trong mười phương

24.3.1. Nói về sự hiện thân thuyết pháp

(Kính) Hoa Đức! Nhữ dẫn kiến Diệu Âm Bồ Tát kỳ thân tại thử, nhi thị Bồ Tát hiện chủng chủng thân, xứ xứ vị chư chúng sanh, thuyết thị kinh điển. Hoặc hiện Phạm Vương thân, hoặc hiện Đế Thích thân, hoặc hiện Tự Tại thiên thân, hoặc hiện Đại Tự Tại thiên thân, hoặc hiện thiên đại tướng quân thân, hoặc hiện Tỳ Sa Môn thiên vương thân, hoặc hiện chuyển luân thánh vương thân, hoặc hiện chư tiểu vương thân, hoặc hiện trưởng giả thân, hoặc hiện cư sĩ thân, hoặc hiện tể quan thân, hoặc hiện Bà La Môn thân, hoặc hiện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân, hoặc hiện trưởng giả, cư sĩ, phụ nữ thân, hoặc hiện tể quan phụ nữ thân, hoặc hiện Bà La Môn phụ nữ thân, hoặc hiện đồng nam, đồng nữ thân. Hoặc hiện thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng thân, nhi thuyết thị kinh. Chư hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cập chúng nạn xứ, giai năng cứu tế. Nãi chí ư vương hậu cung, biến vi nữ thân, nhi thuyết thị kinh. Hoa Đức! Thị Diệu Âm Bồ Tát năng cứu hộ Sa Bà thế giới chư chúng sanh giả. Thị Diệu Âm Bồ Tát như thị chủng chủng biến hóa hiện thân. Tại thử Sa Bà quốc độ, vị chư chúng sanh thuyết thị kinh điển. Ư thần thông, biến hóa, trí huệ, vô sở tổn giảm. Thị Bồ Tát dĩ nhược can trí huệ, minh chiếu Sa Bà thế giới, linh nhất thiết chúng sanh, các đắc sở tri. Ư thập phương Hằng hà sa thế giới trung, diệc phục như thị. Nhược ưng dĩ Thanh Văn hình đắc độ giả, hiện Thanh Văn hình nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bích Chi Phật hình đắc độ giả, hiện Bích Chi Phật hình nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bồ Tát hình đắc độ giả, hiện Bồ Tát hình nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Phật hình đắc độ giả, tức hiện Phật hình nhi vị thuyết pháp. Như thị chủng chủng, tùy sở ưng độ, nhi vị hiện hình, nãi chí ưng dĩ diệt độ nhi đắc độ giả, thị hiện diệt độ. Hoa Đức! Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu đại thần thông trí huệ chi lực, kỳ sự như thị.

(經)華德！汝但見妙音菩薩其身在此，而是菩薩現種種身，處處為諸眾生，說是經典。或現梵王身，或現帝釋身，或現自在天身，或現大自在天身，或現天大將軍身，或現毘沙門天王身，或現轉輪聖王身，或現諸小王身，或現長者身，或現居士身，或現宰官身，或現婆羅門身，或現比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身，或現長者、居士、婦女身，或現宰官婦女身，或現婆羅門婦女身，或現童男、童女身，或現天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等身，而說是經。諸有地獄、餓鬼、畜生、及眾難處，皆能救濟。乃至於王後宮，變為女身，而說是經。華德！是妙音菩薩能救護娑婆世界諸眾生者。是妙音菩薩如是種種變化現身。在此娑婆國土，為諸眾生說是經典。於神通，變化，智慧，無所損減。是菩薩以若干智慧，明照娑婆世界，令一切眾生，各得所知。於十方恆河沙世界中，亦復如是。若應以聲聞形得度者，現聲聞形，而為說法。應以辟支佛形得度者，現辟支佛形，而為說法。應以菩薩形得度者，現菩薩形，而為說法。應以佛形得度者，即現佛形，而為說法。如是種種，隨所應度，而為現形，乃至應以滅度而得度者，示現滅度。華德！妙音菩薩摩訶薩成就大神通智慧之力，其事如是」。

(Kinh: Đây Hoa Đức! Ông chỉ thấy thân của Diệu Âm Bồ Tát ở nơi đây, nhưng vị Bồ Tát này hiện đủ loại thân, tại các chốn vì các

chúng sanh nói kinh điển này. Hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Tự Tại Thiên (Īśvara), hoặc hiện thân Đại Tự Tại Thiên (Maheśvara), hoặc hiện thân thiên đại tướng quân, hoặc hiện thân Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa) thiên vương, hoặc hiện thân chuyển luân thánh vương, hoặc hiện các thân tiểu vương, hoặc hiện thân trưởng giả, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân tể quan¹¹⁰, hoặc hiện thân Bà La Môn, hoặc hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc hiện thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, hoặc hiện thân phụ nữ của tể quan, hoặc hiện thân Bà La Môn phụ nữ, hoặc hiện thân trẻ trai, trẻ gái, hoặc hiện thân trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... để nói kinh này. Các chỗ có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các chỗ hoạn nạn, Ngài đều có thể cứu giúp. Thậm chí ở trong hậu cung của nhà vua, biến thành thân nữ để nói kinh này. Nay Hoa Đức! Vị Diệu Âm Bồ Tát này có thể cứu độ, bảo vệ các chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Vị Diệu Âm Bồ Tát này biến hóa hiện thân đủ loại như thế trong quốc độ Sa Bà này, vì các chúng sanh nói kinh điển này, nhưng thần thông, biến hóa, trí huệ chẳng bị tổn giảm. Vị Bồ Tát này dùng ngàn ấy trí huệ chiếu sáng thế giới Sa Bà, khiến cho hết thảy chúng sanh ai nấy đều biết. Trong các thế giới nhiều như cát sông Hằng thuộc mười phương, cũng lại như thế. Nếu đáng nên dùng hình tướng Thanh Văn để đắc độ, bèn hiện hình tướng Thanh Văn để thuyết pháp. Đáng nên dùng hình tướng Bích Chi Phật để đắc độ, bèn hiện hình tướng Bích Chi Phật để thuyết pháp. Đáng nên dùng hình tướng Bồ Tát để đắc độ, bèn hiện hình tướng Bồ Tát để thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, liền hiện thân Phật để thuyết pháp. Các loại như thế, tùy theo sự đáng độ mà hiện hình tướng, cho đến đáng nên dùng diệt độ để đắc độ, bèn thị hiện diệt độ. Nay Hoa Đức! Diệu Âm

¹¹⁰ Tể quan theo nghĩa gốc là nói về chức quan Trùng Tể (冢宰), còn gọi là Thái Tể. Chức quan Trùng Tể được thiết lập vào đời Tây Châu, thấp hơn Tam Công, là người đứng đầu Lục Khanh. Theo sách Châu Lễ, Lục Khanh bao gồm Trùng Tể, Tư Đồ, Tông Bá, Tư Mã, Tư Khấu, Tư Không. Lục Khanh đôi khi được gọi thành Thiên Quan, Địa Quan, Xuân Quan, Hạ Quan, Thu Quan và Đông Quan, nên Trùng Tể thường được gọi gộp chung là Thiên Quan Trùng Tể. Trùng Tể đứng đầu các quan, đảm nhiệm vai trò đứng đầu guồng máy hành chánh, tương đương với các chức vụ Thượng Thư Lệnh, hoặc Thượng Thư Bộc Xạ về sau này. Dần dần, vai trò này bị thay thế bởi chức vụ Tể Tướng hay Thừa Tướng, và Trùng Tể chỉ là Lại Bộ Thượng Thư. Sau này, chữ Tể Quan thường được dùng như danh xưng phiếm chỉ những người quan cao chức cả.

Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu sức đại thần thông trí huệ, là chuyện như thế đó).

Thị hiện ba mươi bốn phàm thân và bốn thân thánh nhân (Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật), kết thành lục đạo mười pháp giới vậy! Điều này tỏ rõ sức khó suy nghĩ của Bồ Tát, tùy loại mà lưu thông kinh. Chúng sanh trông thấy hình tích của Ngài, chẳng suy lường được Bồn, chỉ đành nhận lãnh pháp vị, đừng chọn lựa hình tướng.

24.3.2. Hỏi đáp về các tam-muội do Diệu Âm Bồ Tát đã trụ

24.3.2.1. Hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị Diệu Âm Bồ Tát thâm chủng thiện căn. Thế Tôn! Thị Bồ Tát trụ hà tam-muội, nhi năng như thị tại sở biến hiện, độ thoát chúng sanh?

(經)爾時，華德菩薩白佛言：「世尊！是妙音菩薩深種善根。世尊！是菩薩住何三昧，而能如是在所變現，度脫眾生？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vị Diệu Âm Bồ Tát này gieo thiện căn sâu đậm. Bạch Thế Tôn! Vị Bồ Tát này trụ trong tam-muội nào mà có thể biến hiện khắp nơi, độ thoát chúng sanh như thế?)

“Thâm chủng thiện căn” tức là lãnh ngộ các Phật sự dùng bát báu, kỹ nhạc [cúng dường Phật] trong phần trước. “Trụ hà tam-muội” (Trụ trong tam-muội nào) chính là lời hỏi về nguyên do hiện thân hoằng pháp trong mười pháp giới vậy!

24.3.2.2. Đáp

(Kinh) Phật cáo Hoa Đức Bồ Tát: - Thiện nam tử! Kỳ tam-muội danh Hiện Nhất Thiết Sắc Thân. Diệu Âm Bồ Tát trụ thị tam-muội trung, năng như thị nhiều ích vô lượng chúng sanh.

(經)佛告華德菩薩：「善男子！其三昧名現一切色身。妙音菩薩住是三昧中，能如是饒益無量眾生」。

(Kinh: Đức Phật bảo Hoa Đức Bồ Tát: - Nay thiện nam tử! Tam-muội ấy tên là Hiện Nhất Thiết Sắc Thân (Sarvarūpasamdarśana). Diệu Âm Bồ Tát trụ trong tam-muội ấy, có thể lợi ích vô lượng chúng sanh như thế).

Phần thứ ba, “hoảng kinh trong mười phương” đã xong.

24.4. Hai cõi được lợi ích

(Kinh) Thuyết thị Diệu Âm Bồ Tát phẩm thời, dữ Diệu Âm Bồ Tát câu lai giả bát vạn tứ thiên nhân, giai đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Thử Sa Bà thế giới vô lượng Bồ Tát diệc đắc thị tam-muội cập Đà La Ni.

(經)說是妙音菩薩品時，與妙音菩薩俱來者八萬四千人，皆得現一切色身三昧。此娑婆世界無量菩薩亦得是三昧及陀羅尼。

(Kinh: Khi nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát, tám vạn bốn ngàn người cùng đến với Diệu Âm Bồ Tát đều đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Vô lượng Bồ Tát trong thế giới Sa Bà này cũng đắc môn tam-muội và Đà La Ni ấy).

Tam-muội và Đà La Ni có cùng một Thể, nhưng tác dụng khác nhau. Tác dụng về phương diện Tịch thì gọi là tam-muội, tác dụng Trì được gọi là Đà La Ni. Lại nữa, sắc thân biến hiện thì gọi là tam-muội, âm thanh biến thuyết thì gọi là Đà La Ni, chỉ là viên định và viên huệ đó thôi! Đã có thể hiện thân, ắt sẽ có thể thuyết pháp, tức là chẳng có thứ tự cũng được. Theo phẩm Dược Vương, trước đó đã đắc tam-muội, thiêu thân cúng Phật, bèn đạt được tổng trì, cho nên nói có sâu hay cạn cũng được! Nay xét theo hai cõi để nói thì các vị Bồ Tát cùng đến chính là dân trong cõi Tịnh Độ, phước vượt hẳn trí, cho nên chỉ đắc tam-muội. Bồ Tát trong cõi này là người thuộc uế độ, sức nhận trí rất mạnh; vì thế đắc kèm thêm tổng trì.

24.5. [Diệu Âm Bồ Tát] trở về nước mình

(Kinh) Nhĩ thời, Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, cập Đa Bảo Phật tháp dĩ, hoàn quy bốn độ. Sở kinh chư quốc, lục chủng chấn động, vũ bảo liên hoa, tác bách thiên vạn ức chủng chủng kỹ nhạc. Ký đáo bốn quốc, dĩ bát vạn tứ thiên Bồ Tát vi nhiều, chí Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật sở, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đáo Sa Bà thế giới nhiều ích chúng sanh, kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, cập kiến Đa Bảo Phật tháp, lễ bái, cúng dường. Hựu kiến Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, cập kiến Dược Vương Bồ Tát, Đắc Cần Tinh Tấn Lực Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát đẳng, diệc linh thị bát vạn tứ thiên Bồ Tát đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội.

(經)爾時，妙音菩薩摩訶薩供養釋迦牟尼佛，及多寶佛塔已，還歸本土。所經諸國，六種震動，雨寶蓮華，作百千萬億種種伎樂。既到本國，與八萬四千菩薩圍繞，至淨華宿王智佛所，白佛言：「世尊！我到娑婆世界饒益眾生，見釋迦牟尼佛，及見多寶佛塔，禮拜，供養。又見文殊師利法王子菩薩，及見藥王菩薩、得勤精進力菩薩、勇施菩薩等，亦令是八萬四千菩薩得現一切色身三昧」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật và tháp của Đa Bảo Phật xong, trở về cõi mình. Các nước Ngài đi qua đều sáu thứ chấn động, mưa hoa sen báu, tâu trăm ngàn vạn ức các thứ kỹ nhạc. Đã đến nước mình, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát vây quanh, đến chỗ Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con đến thế giới Sa Bà lợi ích chúng sanh, gặp Thích Ca Mâu Ni Phật và thấy tháp của Đa Bảo Phật, lễ bái, cúng dường. Lại thấy Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử Bồ Tát, và thấy Dược Vương Bồ Tát (Bhaiṣajyarāja), Đắc Cần Tinh Tấn Lực Bồ Tát (Vīrya-balavega-prāpta), Dũng Thí Bồ Tát (Pradānaśūra) v.v... Cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội).

24.6. Nghe phẩm này đạo tăng tấn

(Kinh) Thuyết thị Diệu Âm Bồ Tát lai vãng phẩm thời, tứ vạn nhị thiên tử đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, Hoa Đức Bồ Tát đắc Pháp Hoa tam-muội.

(經)說是妙音菩薩來往品時，四萬二千天子得無生法忍，華德菩薩得法華三昧。

(Kinh: Khi nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát đến đi này, bốn vạn hai ngàn thiên tử đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, Hoa Đức Bồ Tát đắc Pháp Hoa tam-muội).

Đắc Vô Sanh Nhẫn là khai Phật tri kiến. Đắc Pháp Hoa tam-muội là tăng tấn trí huệ, tôn giảm phiền cấu sanh tử. Ngài Hoa Đức chính là bậc đương cơ, cho nên đạt được lợi ích sâu gấp bội. Các thiên tử trước đó các căn đã tịnh, nay ngộ viên nhân (cái nhân viên mãn). Vì thế biết Chánh Thuyết và Lưu Thông, phần nào cũng đều có người do chủng tử thuần thực mà đạt được lợi ích giải thoát, công dụng chẳng khác nhau.

Giải thích phẩm Diệu Âm đã xong. Kế đó, giải thích phẩm Phổ Môn.

25. Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm Đệ Nhị Thập Ngũ

觀世音菩薩普門品第二十五

Phẩm thứ hai mươi lăm: Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn

“Quán” là năng quán trí (cái trí có thể quán), tức là nhất tâm tam trí. Thế Âm chính là cảnh được quán, tức căn cơ trong mười pháp giới. Cảnh và trí cùng được nêu lên, cảm và ứng được gộp chung lại để nêu ra. Vì thế, gọi là Quán Thế Âm. Từ ngữ Bồ Tát thì đã giải thích ý nghĩa trong phần trước. “Phổ” là trọn khắp. “Môn” có nghĩa là “có thể thông suốt”. Dùng một Thật Tướng có thể mở ra thành mười môn Phổ (trọn khắp), chẳng bị chướng ngăn gì! Vì thế gọi là Phổ Môn.

25.1. Giải thích danh xưng của phẩm này

Phần giải thích được chia thành hai đoạn: Một là Thông, hai là Biệt. Phần Thông Thích lại được chia làm bốn mục:

- Một, liệt kê danh xưng [của các khoa mục để thảo luận].

- Hai, thứ tự [của các khoa mục ấy].
- Ba, giải thích [nội dung của các khoa mục ấy].
- Bốn, liệt kê.

25.1.1. Thông Thích (phân giải thích chung)

25.1.1.1. Liệt kê danh xưng

Một là Nhân Pháp, hai là từ bi, ba là phước huệ, bốn là chân ứng, năm là được châu¹¹¹, sáu là minh hiển (âm thầm hay hiển lộ), bảy là Quyền Thật, tám là Bỏ Tích, chín là duyên liễu (duyên nhân và liễu nhân), mười là trí đoạn (Trí Đức và Đoạn Đức).

25.1.1.2. Thứ tự

Lại có hai ý:

- Một, xét theo Quán để giảng về thứ tự.
- Hai, xét theo Giáo để giảng về thứ tự.

25.1.1.2.1. Xét theo Quán để nói về thứ tự

Xét theo Quán, muốn nói về quán hạnh, ắt phải có người [thực hiện quán hạnh ấy]. Người ắt phải nắm giữ pháp. Vì thế, [nhân và pháp được] đặt đầu tiên. Kế đến là từ bi. Ấy là vì Quán Âm là người, quán pháp Thật Tướng Phổ Môn, thấu đạt lý Thật Tướng “*chẳng phải người, chẳng phải pháp*”, biết rõ hết thấy chúng sanh cũng đều giống như thế. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tâm, Phật, cập chúng sanh. Thị tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật và chúng sanh. Ba thứ ấy chẳng sai khác). Lý ấy trọn đủ, chẳng có khuyết giảm, có sao chúng sanh có đủ lý mà lại mê nơi tình, [để rồi] điên đảo, khổ não? Đã quán như thế rồi, liền dấy lên thệ nguyện từ bi “*đẹp khổ, ban vui*”.

Kế đó là Phước Huệ: Trước hết, Nhân và Pháp thành tựu lẫn nhau. Đây là dựa theo Tín. Kế đó, từ bi đẹp khổ, ban vui. Đây là nói về Nguyện. Muốn thỏa mãn nguyện ấy, ắt phải tu hành. Tu hành chẳng ra ngoài phước và huệ. Huệ tức Bát Nhã. Phước tức năm độ (Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục...) giúp đỡ, hướng dẫn lẫn nhau. Do hành thuận theo nguyện, Lý Sự trọn vẹn, sẽ có thể đẹp khổ, ban vui.

¹¹¹ Được là được thụ vương, Châu là Như Ý Châu. Đây là khoa mục dùng thí dụ để luận định tác dụng của pháp môn.

Kế đó là Chân Ứng: Phước huệ trọn đủ, khế hợp pháp tánh, pháp tánh tức Thật Tướng, thì gọi là Pháp Thân. Pháp Thân đã hiển, từ Chân (chân thân) bèn khởi Ứng (ứng thân).

Kế đó là Dược Châu: Chúng đắc Chân Ứng, đều có thể lợi ích chúng sanh: Phá bệnh Tam Hoặc như cây thuốc chúa (dược thụ vương); có thể tuôn ra báu Tam Đế như Như Ý Châu vương.

Kế đó là Minh Hiển: Chúng sanh cơ cảm, [Bồ Tát] dùng hai thân (Thắng Ứng Thân và Liệt Ứng Thân) để ứng, hoặc Minh (冥, ngấm ngầm, âm thầm) hoặc Hiển (顯, rõ rệt), [chúng sanh] đạt được lợi ích khác nhau.

Kế đó là Quyền Thật: Đạt được lợi ích khác nhau, đều do hai trí lực (Quyền Trí và Thật Trí), nhưng chẳng hề không hợp lẽ.

Kế đó là Bồn Tích: Tuy khéo dùng hai trí (Quyền Trí và Thật Trí) để lợi ích hết thảy, nhưng có hơn, kém khác nhau. Ấy là vì Bồn Tích [gồm có các trường hợp sau]:

- Bồn và Tích đều cao.
- Hoặc Bồn cao Tích thấp, hai trí ắt đều ưu việt.
- Nếu Bồn thấp, Tích cao, hoặc Bồn lẫn Tích đều thấp, hai trí sẽ đều thấp.

Kế đó là Duyên Liễu: Trong phần trên đã nói hành nhân phát tâm tu hành, từ nhân mà đạt được cái quả, giáo hóa người khác, lợi lạc chúng sanh, [công hạnh] sâu hay cạn khác nhau. Từ Nhân Pháp cho tới Chân Ứng, chính là thứ tự trong tự hành. Từ Dược Châu cho tới Bồn Tích, chính là thứ tự trong sự giáo hóa người khác. [Phán định thứ tự như thế] đều là luận định theo chiều thuận, chưa phải là tìm đến căn bản. Nay xét theo chủng tử trong Tánh Đức, nếu là người quán trí, bi tâm thệ nguyện, trí huệ trang nghiêm, hiển xuất chân thân, sẽ đều là liễu nhân làm chủng tử. Nếu là pháp Phổ Môn thì từ tâm thệ nguyện, phước đức trang nghiêm, hiển xuất Ứng Thân, sẽ đều là duyên nhân làm chủng tử.

Kế đó là Trí Đoạn: Lại bàn đến căn nguyên thì chính là luận theo chiều thuận đến rốt ráo, [sẽ thấy]: Khởi đầu là dấy lên liễu nhân của chính mình, kết thúc bằng Bồ Đề đại trí. Khởi đầu bằng dấy lên duyên nhân của chính mình, kết thúc bằng Niết Bàn đoạn đức.

25.1.1.2.2. Xét theo Giáo để luận định thứ tự

Lại có Thông và Biệt.

25.1.1.2.2.1. Thông luận về Giáo

Thông là năm thời bốn giáo, đối với mỗi điều, đều có thể luận định mười [khoa ý nghĩa trên đây, tức là từ Nhân Pháp, Phước Huệ, cho đến Trí Đoạn], thuận theo pháp nghĩa mà lập, chẳng thể thấu hiểu cùng tột sâu thẳm được.

Lại như đối với mười cặp [ý nghĩa trên đây] trong Tam Tạng: Dựa theo Ngũ Âm mà gọi là Nhân Đế (tức Nhân trong Nhân Pháp), dựa theo các Độ (Ba La Mật) mà gọi là Pháp. Pháp duyên của Thanh Văn và sanh duyên của Bồ Tát được gọi là Từ Bi. Tam Học của Thanh Văn và Lục Độ của Bồ Tát được gọi là Phước Huệ. Ngũ phần Pháp Thân (Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến) là Chân, tác ý thần thông (khởi lên ý niệm để thực hiện thần thông) là Ứng. Trị bệnh Tứ Trụ là Dược, tuôn mưa báu tam thừa là Châu. Thấy nghe được lợi ích là Hiện. Chẳng thấy, chẳng nghe là Minh (ngắm ngầm). Tương xứng với Chân là Thật, thuận theo tình kiến là Quyền. Tự chứng là Bản, thị hiện là Tích. Một câu một kệ là Liễu Nhân. Điều thiện nhỏ nhất nơi tam nghiệp là Duyên Nhân. Tận vô sanh trí là Trí. Hữu dư, vô dư là Đoạn. Thanh Văn chứng dần dần, Bồ Tát đốn thành (thành tựu ngay lập tức). Tam Tạng còn có đủ [mười pháp ấy], thì Thông Giáo và Biệt Giáo có thể biết, chẳng phiền phải rườm rà!

25.1.1.2.2.2. Biệt luận về Giáo

Biệt thì trải qua ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) để nói rõ nhiều hay ít khác nhau:

- Như Đốn giáo thuộc vị sữa, có giáo pháp tên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng là Pháp, Phật chính là Nhân (người). Người ấy nắm giữ pháp, ắt đủ từ bi. Nhân hoa chính là phước huệ nhị nghiêm (hai thứ phước và huệ trang nghiêm). Trang nghiêm quả đức chính là Chân Ứng. Đã có thể lợi lạc chúng sanh, ắt biện định Dược Châu. Chúng sanh đạt được lợi ích, ắt có Minh Hiện (rõ rệt hay ngắm ngầm), nhưng Quyền Thật, Bản Tích, Duyên Liễu, Trí Đoạn, luận định chung thì có, luận định riêng thì không. Vì sao vậy? Một thời giáo hóa chúng sanh của đức Phật, được thể hiện bằng Đốn và Tiệm. Nay Hoa Nghiêm là đốn thuyết, Tiệm Giáo chưa được nêu bày. Vì thế, chẳng nói rõ bốn ý (tức chẳng nói rõ bốn ý nghĩa Quyền Thật, Bản Tích,

Duyên Liễu, và Trí Đoạn). [Bối lễ], Tiểu cách biệt Đại, như điếc, như câm, còn bị che lấp bởi Quyền, chưa hiển lộ Thật. Vì thế, chẳng có Quyền và Thật.

Chưa nêu bày sanh thân trong cung vua [Tịnh Phạn] là Tích, chưa chỉ bày Pháp Thân nơi Tịch Diệt Đạo Tràng là Tích, chưa hiển lộ Bản đã thành Phật từ thuở lâu xa. Do đó, chẳng có Bản Tích. Chẳng nói Tiểu Thừa vốn có cái nhân “duyên nhân” và “liễu nhân” nơi Tánh Đức, sẽ nhất quyết đạt được cái quả Trí Đoạn vốn sẵn có. Vì thế, chẳng có hai ý sau.

- Tiếp đó, Tam Tạng giáo thuộc vị lạc, chỉ nói ba nghĩa Nhân Pháp, Từ Bi và Phước Huệ, chẳng có bảy nghĩa như Chân Ứng v.v... Vì sao vậy? Hối thân diệt trí (sau khi đã chứng Hữu Dư Niết Bàn bèn nát thân như tro tàn lửa tắt, trí trụ vào Diệt Tận Định), sao có thể từ Chân khởi Ứng cho được? Đã chẳng có Chân Ứng, dùng gì để lợi ích chúng sanh? Lại còn xét theo Chân Đế, luận định chung thì có mười [khoa như Nhân Pháp, Từ Bi, Phước Huệ v.v...], nhưng Bồ Tát chế phục Hoặc trong ba A-tăng-kỳ kiếp, cũng chẳng thể luận định Chân Ứng v.v... được!

- Kế đó, giáo pháp Phương Đẳng thuộc vị sanh tô, đối với Tiểu mà nói Đại, đạt được từ Nhân Pháp thuộc Đại Thừa Trung Đạo cho đến hai món lợi ích Minh và Hiển, nhưng vẫn còn vướng mắc nơi phương tiện điều phục, thuần thực chúng sanh. Vì thế, chẳng thể nói bốn ý như Quyền Thật, [Bản Tích, Trí Đoạn] v.v...

- Kế đó là giáo pháp Bát Nhã thuộc vị thực tô, tuy đã hiểu pháp Tiểu Thừa đều là Ma Ha Diễn (Đại Thừa), vẫn chưa lãnh hội người Tiểu Thừa cũng kèm theo phương tiện. Do vậy, cũng chỉ có sáu nghĩa, vì chưa nói rõ bốn ý Quyền Thật v.v...

- Nay giáo pháp Pháp Hoa thuộc vị đề hồ, thấu hiểu hàng Tiểu Thừa “*người thật sự là con ta, ta thật sự là cha người. Những điều người hành đều là Bồ Tát đạo, khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản*”, liễu nghĩa quyết định, chẳng còn nghi nan, đạt được tám ý từ Nhân Pháp thuộc về Trung Đạo cho đến Bản Tích v.v... Đại sự nhân duyên điều phục, thuần thực chúng sanh của chư Phật trong ba đời viên mãn rớt ráo đều trọn đủ trong kinh này. Vì thế, hai vị Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật chỉ nói Pháp Hoa rồi liền chấm dứt sự giáo hóa. Ca Diếp Như Lai cũng giống như thế. Còn như [Phật Thích Ca dạy] giáo pháp Niết Bàn là vì hàng đệ tử độn căn chưa thể ngộ nhập kinh Pháp Hoa, cho nên lại phải bàn luận nguyên do, nói rộng về duyên nhân và

liễu nhân, nhằm nêu rõ ba Phật tánh (chánh nhân Phật tánh, duyên nhân Phật tánh, liễu nhân Phật tánh). Liễu nhân chủng tử trong Tánh Đức hể tu được, sẽ trở thành ba thứ Bát Nhã Trí Đức Bồ Đề. Duyên nhân chủng tử trong Tánh Đức hể tu được, sẽ trở thành ba thứ Giải Thoát Đoạn Đức Niết Bàn.

Tánh Đức chẳng phải là duyên nhân, chẳng phải liễu nhân, mà chính là chánh nhân. Hể tu thành tựu, sẽ là Pháp Thân ba điểm chẳng dục, chẳng ngang¹¹². Vì thế biết: Điều được minh thị trong kinh Niết Bàn chính là nói: “*Khởi đầu là tám pháp, rốt cuộc thành tựu Trí Đoạn, trọn đủ mười nghĩa*”. Đã trải khắp ngũ vị để định luận thứ tự của mười pháp, thì sẽ hiểu: Xét theo bốn giáo, [đáng nên luận định như thế nào].

Lại nữa, sáu ý (Nhân Pháp, Từ Bi, Phước Huệ v.v...) của thời Hoa Nghiêm đối với người lợi căn sẽ thành đề hồ, đối với kẻ độn căn sẽ thành sữa. Đối với ba ý trong Tam Tạng (Nhân Pháp, Từ Bi, và Phước Huệ), người lợi căn ngậm trừ bỏ, cũng trở thành đề hồ, nhưng đối với người độn căn sẽ thành lạc. Sáu ý nghĩa của thời Phương Đẳng, đối với người lợi căn sẽ thành đề hồ, đối với kẻ độn căn sẽ thành sanh tô. Sáu ý của Bát Nhã đối với người lợi nhân sẽ trở thành đề hồ, đối với người độn căn sẽ trở thành thực tô. Tám ý của Pháp Hoa đối với người độn căn cũng thành đề hồ.

Phần thứ ba, “[luận định về] thứ tự” đã xong.

25.1.1.3. Giải thích

25.1.1.3.1. Giải thích Nhân Pháp

Trước hết, giải thích Nhân Pháp. Nhân chính là giả danh chúng sanh, Pháp chính là Ngũ Âm Thật pháp. Pháp là “cái có thể thành” (năng thành), Nhân là “điều được thành” (sở thành). Nhân Pháp ấy chung cho phàm lẫn thánh. Như Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức chính là pháp thế gian; do nắm nứu các pháp ấy mà trở thành phàm nhân sanh tử! Như Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến là pháp xuất thế, nắm giữ các pháp ấy, sẽ trở thành thánh nhân xuất thế. Vì thế, Đại Luận nói: “*Vô thượng đối với chúng sanh là Phật. Vô thượng đối với pháp là Niết*

¹¹² Đây là một thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn, ví như chữ Y trong tiếng Phạn do ba chấm hợp thành. Tánh Đức bao gồm Tam Đức ví như ba chấm hợp thành, ba chấm ấy bình đẳng, chẳng thể tách lìa, cho nên ở đây nói: “*Pháp Thân ba điểm, chẳng ngang, chẳng dục*”.

Bàn”. Nhưng tuy chung cho phạm lẫn thánh, chẳng phải là không sai biệt. Thượng, trung, hạ ác chính là Nhân Pháp để thành tựu tam đồ. Thượng, trung, hạ thiện chính là Nhân Pháp để thành tựu ba thiện đạo. Do đó, có sáu đường sai khác. Nếu luận định cặn kẽ hơn, sẽ là trăm ngàn vạn phẩm.

Nhân Pháp xuất thế cũng lại bất đồng! Như Hữu Môn của Tam Tạng quán ngã nhân của chúng sanh như “*lông rùa, sừng hổ*”, rốt ráo chẳng thể được, chỉ có pháp Ngũ Âm. Đó chính là “*nhân không, pháp chẳng không*”. Quán chắc chắn pháp vô thường sanh diệt ấy, có thể chế phục Kiến Ai (Kiến Tư Hoặc), phát sanh các điều thiện Ngũ Âm hữu lậu thuộc các địa vị Noãn, Đảnh v.v... tức là nắm vững pháp phương tiện ấy để thành bậc hiền nhân tự đạo (tương tự đắc đạo). Nếu phát khởi Giới, Định, Huệ v.v... vô lậu chân thật, tức là nắm giữ pháp vô lậu ấy để thành bậc thánh nhân Tứ Quả. Nếu chẳng nghe Thật giáo của Pháp Hoa, tùy ý nương vào Hữu Dur để diệt rồi hôi thân diệt trí, cứ tự cho là “*đã nhập Vô Dur Niết Bàn, Nhân lẫn Pháp đều tịch*”. Thật ra, [kẻ đó] sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dur ở ngoài tam giới. Do nắm giữ pháp Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thuộc pháp tánh, trở thành người giả danh trong cõi ấy.

Không Môn quán Ngũ Âm hòa hợp, giả gọi là “*người*”. Ba thứ hư giả đều hư huyền, hời hợt, sẽ nhập vào Không, phát sanh [các địa vị] Noãn, Đảnh v.v... như đã nói trong phần trước. Hai môn kia (tức Phi Hữu Phi Không và Diệc Hữu Diệc Không) cũng như thế. Nếu là người hiểu rõ Nhân Pháp trong Ma Ha Diễn thì cũng chẳng nói “*nhân không, pháp bất không*”, cũng chẳng nói “*nắm giữ cái Thể của Thật pháp để trở thành tác dụng của giả nhân*”, chỉ quán tánh của các pháp Âm, Giới, Nhập và giả danh nhân vốn tự Không. Do chẳng diệt nên là Không. Vì thế, Đại Phẩm nói: “*Sắc tánh như ngã tánh, ngã tánh như sắc tánh. Khởi đầu từ sơ tâm, kết thúc nơi hậu tâm, thường quán Nhân và Pháp đều là Không*”. Điều này lại chia thành ba ý:

- Một, chỉ quán Nhị Không (Nhân Không và Pháp Không), phát sanh tương tự giải, tức là nắm lấy pháp thiện hữu lậu như huyền, trở thành người như huyền nơi Tánh địa. Kế đó, phát sanh chân giải, đoạn Kiến Tư Hoặc, tức là nắm lấy các pháp vô lậu giới như huyền v.v... trở thành người như huyền nơi Kiến địa; nhưng do căn độn, chỉ thấy Không, chẳng thấy Bất Không, vẫn giống như “*hôi đoạn*” trong Tam Tạng, chẳng nhận biết là đang sống trong cõi Phương Tiện Hữu Dur, nắm giữ pháp của cõi ấy, trở thành người trong cõi ấy. Nếu là kẻ lợi căn, đã phát

khởi Chân, sẽ không chỉ thấy Không, mà còn thấy Bất Không, biết rõ hai tánh Nhân và Pháp chẳng thể đoạn diệt; tiến nhập Biệt Giáo và Viên Giáo.

- Hai, biết rõ sanh tử Nhân Pháp và xuất thế Nhân Pháp, gọi là Nhị Biên, nhưng Thật Tướng pháp tánh chẳng phải là Nhân, chẳng phải là Pháp, chẳng phải là thế gian, chẳng phải là xuất thế gian. Thể của nó thường trụ. Vì muốn chứng cái Thể của Thật Tướng ấy, trước hết, hãy quán sanh tử Nhân Pháp vốn là Không, đoạn Kiến Tư Hoặc, dựa vào phương tiện Ngũ Âm, trở thành người giả danh nơi Thập Trụ. Kế đó, quán xuất thế Nhân Pháp vốn là Không, chẳng trụ vào xuất thế vô lậu đạo, đoạn Trần Sa Hoặc, dựa vào phương tiện Ngũ Âm, thành tựu người giả danh trong Thập Hạnh. Kế đó, quán nhị biên Nhân Pháp đều là Không, chẳng trụ vào nhị biên, chế phục Vô Minh Hoặc, liền dựa vào phương tiện Ngũ Âm, thành người giả danh thuộc Thập Hồi Hướng. Kế đó, phát khởi Trung Đạo chân minh, phá Vô Minh Hoặc, liền dựa vào pháp Ngũ Âm thường trụ trong cõi Thật Báo, trở thành người giả danh thường trụ thuộc Thập Địa Bồ Tát.

- Ba, biết rõ sanh tử Nhân Pháp và xuất thế Nhân Pháp, mỗi đẳng không gì chẳng phải là Chân Như Thật Tướng. Vì thế, Đại Luận nói: *“Bồ Tát thường quán Niết Bàn hành đạo”*. Do quán Nhân Không chính là liễu nhân chủng tử, cho nên Đại Luận nói: *“Vô thượng đối với chúng sanh là Phật”*. Phật chính là Giác, Giác là trí huệ. Đã giác Nhân Không, cũng giác Pháp Không. Vì thế, biết quán Nhân Không chính là liễu nhân chủng tử, quán Pháp Không chính là duyên nhân chủng tử. Do đó, Đại Luận nói: *“Vô thượng trong các pháp là Niết Bàn”*. Đó chính là vì sanh tử ấm đã đoạn, Niết Bàn ấm bèn dậy lên. Như nước đông thành băng, băng lại tan thành nước. Đại Kinh dạy: *“Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc thường Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, diệc phục như thị”* (Do diệt Sắc ấy mà đạt được Sắc thường hằng. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại giống như thế). Kinh Đại Phẩm nói: *“Bồ Tát hành Bát Nhã thời, đắc vô đẳng đẳng Sắc, đắc vô đẳng đẳng Thọ, Tưởng, Hành, Thức”* (Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đạt được Sắc chẳng thể sánh bằng, đạt được Thọ, Tưởng, Hành, Thức chẳng thể sánh bằng). Hãy nên biết Niết Bàn là pháp vô thượng. Dựa theo pháp ấy để thành tựu vô thượng chúng sanh, bèn được gọi là Phật. Vì thế, biết quán pháp Không là duyên nhân chủng (chủng tử của duyên nhân). Do quán Nhân Pháp là Không, liền biết ba loại Phật tánh. Vì thế, Đại Kinh dạy: *“Chúng sanh, Phật tánh, bất tức lục pháp, bất ly lục pháp”* (Chúng sanh và Phật tánh chẳng phải chính là sáu pháp,

mà cũng chẳng là sáu pháp). “*Bất tức*” là nói chánh nhân Phật tánh chẳng phải Âm, chẳng phải Ngã. Do chẳng phải là Âm, cho nên chẳng phải là Pháp. Do chẳng phải là ngã, cho nên chẳng phải là Nhân. Do chẳng phải là Nhân, cho nên chẳng phải là Liễu. Do chẳng phải là Pháp, cho nên chẳng phải là Duyên. Vì thế nói: “*Bất tức lục pháp*” (Chẳng phải chính là sáu pháp). “*Bất ly lục pháp*” (Chẳng là sáu pháp): Chẳng là chúng sanh Không mà có liễu nhân. Chẳng là Ngũ Âm Không mà có duyên nhân. Vì thế nói “*bất ly lục pháp*” (chẳng là sáu pháp). Từ sơ phát tâm, Phật quán Nhân và Pháp đều là Không, tu ba Phật tánh (chánh nhân Phật tánh, liễu nhân Phật tánh, duyên nhân Phật tánh), trải qua các địa vị thuộc Lục Tức, thành tựu Lục Tức Nhân Pháp.

Nay Quán Thế Âm Phổ Môn chưa phải là Nhân Pháp rốt ráo, mà là phần chứng Nhân Pháp. Một phen vấn đáp đầu tiên [trong phẩm Phổ Môn này] nhằm giải thích một phần “*nhân vô thượng thì được gọi là Quán Thế Âm*”. Lược vấn đáp sau đó (tức phần hỏi về các phương tiện du hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát), nhằm phần nào giải thích “*nắm giữ pháp vô thượng thì gọi là Phổ Môn*”. Hãy nên biết nhân duyên của Nhân Pháp, cho nên gọi là phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn.

25.1.1.3.2. Giải thích theo Từ Bi

Bi được gọi là “thương xót”, Từ là ái niệm (do yêu mến bèn nghĩ tưởng). Do thương xót nên dẹp khổ; do nghĩ nhớ nên ban vui. Nhưng chỉ khởi từ bi, tâm chẳng bền vững, cần phải phát hoằng thệ để gia trì cho kiên cố. Ví như thợ thuyền tạo vật, tuy các khớp mộng tương ứng, nhưng nếu chẳng gắn keo, trét sơn, sẽ có thể bị rơi rớt. Thệ nguyện như keo, khiến cho cái tâm chẳng lui sụt. Bi tâm thương xót, dẹp các khổ quả tập nhân trong thế gian, hưng khởi hai thệ nguyện, tức là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Từ tâm ái niệm, muốn ban cho sự vui sướng “*đạo nhân diệt quả*” (Đạo là nhân, Diệt là quả) xuất thế, bèn hưng khởi hai thệ nguyện, tức là “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Chỉ là đối với Nhân Pháp trong phần trước, đã nói rõ “*phàm thánh bất đồng*”.

Nay biên định Từ Bi, Đại Thừa và Tiểu Thừa cũng khác. Như hành nhân phụng sự Lục Độ trong Tam Tạng, quán tám nỗi khổ thuộc Phần Đoạn sanh tử, thệ độ vô biên chúng sanh. Quán Kiến Tư điên đảo kết nghiệp, thệ đoạn vô tận phiền não. Quán nhân quả ấy vô thường sanh diệt, lưu chuyển trong mỗi niệm, bèn tu đối trị, thệ học vô lượng pháp

môn. Quán lý vô vi nơi Chân Đế, thề thành Phật đạo vô thượng. Từ bi như thế, tức là duyên theo hữu tác Tứ Đế mà khởi.

Nếu là hành nhân Thông Giáo, do quán tám nỗi khổ sanh tử như huyễn, như hóa, [thế mà] chúng sanh điên đảo, ngỡ là chân thật, [do vậy, hành nhân Thông Giáo] liền khởi thệ nguyện: “*Độ chúng sanh như huyễn*”. Tham, sân, si v.v... như huyễn, như hóa, nhưng chúng sanh điên đảo, bèn “hứng chịu khổ não”, [do vậy, hành nhân Thông Giáo] liền dấy lên thệ nguyện: “*Đoạn Hoặc như huyễn*”. Quán Sắc chính là Không vì nó như huyễn, cho đến “Thức chính là Không”, tức “tham, sân, si v.v... chính là Không vì như huyễn”. Do chẳng diệt nên là Không. Tánh vốn tự Không, Không cũng chẳng thể được, nhưng chúng sanh chẳng thể biết rõ “chính là Không”, [cho nên hành nhân trong Thông Giáo] liền khởi thệ nguyện “*học pháp môn như huyễn*”. Lại quán Niết Bàn, nếu có một pháp vượt khỏi Niết Bàn, ta cũng nói là “như huyễn hóa”. Nhưng chúng sanh cho rằng “*có Phật đạo để có thể cầu*”, khởi ý tưởng so đo, chấp trước đối với Phật, [vì thế, hành nhân Thông Giáo] liền khởi thệ nguyện: “*Thành như huyễn giác, giác như huyễn chúng*”. Từ bi như thế chính là duyên theo Vô Sanh Tứ Đế mà dấy khởi.

Nếu là hành nhân của Biệt Giáo, quán các pháp sanh bởi nhân duyên, giả gọi là “*vô lượng*”. Mười pháp giới sâm la¹¹³, hãy nên phân biệt nhằm hướng dẫn, lợi ích chúng sanh, há nên chìm đắm trong Không, chấp vào sự chứng đắc! Quán khổ quả ấy, không phải chỉ là một thứ. Phần Đoạn và Biến Dịch đều gọi là Khổ, liền dấy lên thệ nguyện: “*Độ vô lượng nỗi khổ của chúng sanh trong chín pháp giới*”. Do vô lượng Tập, tức là Nhị Hoặc (Kiến Hoặc và Tư Hoặc), Ngũ Trụ, mênh mông như cát bụi, liền khởi thệ nguyện: “*Độ các món Tập trong chín pháp giới*”. Tập đã là vô lượng thì cách đối trị cũng vô lượng. Đó gọi là pháp môn Tam Chỉ Tam Quán, tức là khởi thệ nguyện “*học trọn khắp, hành trọn khắp*”. Đối trị đã vô lượng, Diệt cũng vô lượng; đó gọi là “*bốn loại Niết Bàn*”. Đối với sáu loại vô vi¹¹⁴, liền dấy lên thệ nguyện: “*Khiến cho*

¹¹³ Sâm la (森羅), đôi khi bị đọc trại thành “*sum la*”, theo nghĩa đen là “la liệt, chi chít như cây cối trong rừng rậm”, hiểu theo nghĩa rộng là “đủ mọi thứ, đủ các chủng loại, chẳng thể kể xiết”.

¹¹⁴ Đây là sáu loại vô vi theo Bách Pháp Minh Môn Luận. Chúng vốn là một pháp, do chỉ dựa theo đối tượng được duyên bởi pháp tánh mà chia thành sáu thứ phân biệt:

- Hư không vô vi: Chân Như lìa khỏi các phiền não và sở tri chướng, hiển hiện chẳng chướng ngại, giống hệt như hư không.

người khác cùng chứng”. Từ bi như thế, chính là duyên theo Vô Lượng Tứ Đế mà đầy khởi!

Nếu là hành nhân Viên Giáo, sẽ quán Chân Như Thật Tướng của hết thấy các pháp, viên dung pháp giới, chẳng trái nghịch, chẳng thuận theo, chẳng phải sáng, chẳng phải tối. Nhưng do vô minh tối tăm, cho nên trái nghịch. Hễ trái nghịch, sẽ có nhân quả Khổ Tập. Do trí huệ sáng suốt, cho nên thuận theo. Thuận theo thì sẽ có nhân quả Đạo Diệt. Duyên theo sự trái nghịch hay tùy thuận nhân quả ấy mà đầy lên hoằng thệ: Ví như nam châm chẳng suy tưởng, cứ tùy ý hút sắt. Từ bi cũng thế, do chẳng tưởng là chúng sanh, cho nên dùng pháp tướng, tùy ý dẹp khổ, ban vui. Vì thế, gọi là Vô Duyên Đại Từ Đại Bi. Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm đã tu lòng Vô Duyên Từ Bi này, trải qua các địa vị thuộc Lục Thức, gần với địa vị Cứu Cánh. Nay lần vấn đáp đầu tiên [trong phẩm này] nhằm nói rõ “*đại bi dẹp khổ*”. Nhất tâm xưng danh, liền được giải thoát. Lần vấn đáp sau đó chính là giải thích “*đại từ ban vui, hiện thân thuyết pháp, khiến cho [tất cả chúng sanh] đều đắc độ*”. Hãy nên biết: Do nhân duyên đại từ, đại bi, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.3. Giải thích theo phước huệ

Giải thích theo phước huệ, cũng gọi là định huệ. Diệu trí tịch chiếu, không chỗ tối tăm nào chẳng [soi thấu, khiến cho] sáng tỏ, như gương sáng đặt trong nhà cao. Phước đức, Thiền Định thuần hậu giúp nhau phát khởi, giống như đèn sáng, dầu sạch, cũng gọi là “*mục tức*”

- Trạch diệt vô vi: Do căn cứ trên việc đoạn chương mà đặt tên, tức là khỏi các trói buộc, là khỏi hết thấy trói buộc hữu lậu, hiển hiện chân lý.

- Phi trạch diệt vô vi: Tự tánh của Chân Như vốn sẵn thanh tịnh, là các tạp nhiễm, chẳng do sức chọn lựa của trí vô lậu mà thành, cho nên gọi là Phi Trạch Diệt Vô Vi.

- Bất động vô vi: Chính là sự vô vi được hiển hiện bởi đệ tứ Tịnh Lự. Môn Đệ Tứ Tịnh Lự (Tứ Thiền) chỉ có Xả Thọ, là khỏi hai thứ Khổ Thọ và Lạc Thọ, cho nên gọi là Bất Động. Đối với diệt khổ lạc thọ, hiển hiện chân lý tịch tĩnh, cho nên gọi là Bất Động Vô Vi.

- Tướng Thọ Diệt Vô Vi: Hiển hiện sự vô vi trong Diệt Tận Định. Trong Diệt Tận Định, diệt sạch các tâm tướng thuộc lục thức, Khổ Thọ, và Lạc Thọ, cho nên gọi là Tướng Thọ Diệt Vô Vi.

- Chân Như Vô Vi: Vô vi chân thật, thường hằng, chẳng hư vọng, biến đổi, cho nên gọi là Chân Như Vô Vi.

Trong sáu món trên, năm món đầu là giả danh của tướng pháp tánh, món thứ sáu là giả danh của Thể pháp tánh.

(mắt và chân). Mắt và chân đều đầy đủ, vào trong ao thanh lương. Ao chính là Niết Bàn. Niết Bàn được gọi là “hai thứ trang nghiêm, trang nghiêm Pháp Thân”. Giải thích Định Huệ thì cũng có nhiều thứ:

- Tam Tạng coi quán lý vô thường là huệ, coi quán luyện huân tu các thứ Sự Thiền (Thiền theo sự tướng) là phước. Dùng Định để giúp Huệ, phát khởi vô lậu chân thật, chứng chân lý tự nhiên, gọi là Pháp Thân.

- Thông Giáo chỉ coi Thễ Pháp (thấu hiểu pháp) khác với Tích Pháp (lãnh hội pháp bằng cách phân tích, chia chẻ), những điều khác giống như Tam Tạng.

- Biệt Giáo thì nương vào tu tập trí huệ và các môn Thiền Định để giúp khai hiển Pháp Thân Trung Đạo.

- Viên Giáo coi Thật Tướng quán trí là huệ, Thật Tướng tịch định là phước, cùng hiển lộ lý “chẳng phải Định, chẳng phải Huệ” thì gọi là Thật Tướng Pháp Thân. Bồ Tát từ sơ phát tâm, tu môn Định Huệ bất nhị này, trải qua các địa vị thuộc Lục Tức, gần với Cứu Cánh.

Nay phần vấn đáp trước [trong phẩm Phổ Môn chính là] trí quang chiếu sáng tối tăm, ứng theo căn cơ mà đẹp khổ. Đó chính là do huệ trang nghiêm mà đặt tên. Điều được vấn đáp trong phần sau chính là Thủ Lăng Nghiêm Định, hiện trọn khắp các sắc thân, tức là do phước trang nghiêm mà thành tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên phước huệ, cho nên có tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.4. Giải thích theo Chân Ứng

Chân là chẳng hư ngụy, chẳng lay động. Ứng là tương xứng, thích đáng với căn duyên. Nếu khế nhập lý “*Thật Tướng chẳng hư ngụy, bất động*”, sẽ có thể tương xứng, thích ứng với duyên mà ứng. Ví như cầm gương, hễ hình sắc đối trước nó, gương sẽ hiện bóng. Chân và Ứng ấy chẳng hề rời nhau. Như ngoại đạo tu hữu lậu thông (thần thông hữu lậu), tuy có thể biến hóa, nhưng ví như ngói, đá, chẳng hiện bóng sáng, chẳng thể gọi là Ứng. Do chưa phá tứ trụ, chưa hiển lộ Thiên Chân, há có Viên Chân của Trung Đạo? Như tác ý thần thông của Nhị Thừa, cũng chẳng gọi là Ứng. Ví như vẽ vờ, phải tác ý (dấy lên ý niệm suy tưởng) thì mới thành, trọn chẳng thể tương tự! Do chỉ chứng Thiên Chân, thoát khỏi tam giới, chẳng thấu đạt lý Trung Đạo bất động, cho nên chẳng phải là Viên Chân, sẽ do đâu mà khởi Ứng cho được?

Đại Thừa chẳng phải vậy! Đạt được Thật Tướng Chân, ví như có gương sáng, chẳng cần phải tác ý, hình tượng chân thật trong pháp giới hể đối [trước gương, gương] sẽ liền ứng (tức hiện bóng), giống như gương sao chụp hình tượng vậy, chẳng khác với [hình tượng] chân thật [ở ngoài gương]! Như thế thì mới là chân tịch thân ứng. Bồ Tát từ sơ phát tâm, trải qua các địa vị thuộc Lục Tức, gần với Cứu Cánh. Nay phần vấn đáp trước nói rõ “*chân tịch bất động*”, pháp giới đạt được lợi ích chính là từ chân thân mà có tên như thế. Phần vấn đáp sau đó nói rõ Bồ Tát tùy thuận căn cơ mà tạo lợi ích rộng lớn, xuất hiện hay biến mất nhiều cách. Đây là từ Ứng Thân mà đặt tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên Chân Ứng, cho nên có tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.5. Giải thích theo Dược Châu

Cây thuốc chúa (dược thụ vương) chữa trị bệnh khổ, [điều này] trích từ kinh Nại Nữ¹¹⁵. Như Ý Châu vương có thể mưa các thứ báu, điều này được nói rộng khắp trong các kinh. Tam Tạng, Thông Giáo, Biệt Giáo cũng đều nói rõ chuyện chữa bệnh và tuôn các báu, nhưng chữa trị chẳng trọn khắp, tuôn mưa chẳng trọn khắp. Nay xét theo Viên Giáo để nói thì như kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Hữu thượng dược thụ, kỳ căn thâm nhập, chi diệp tứ bố. Căn, hành, chi, diệp, giai năng dĩ bệnh. Kiến, văn, khứu, xúc, vô bất đắc ích. Bồ Tát diệp nhĩ, đại bi huân thân, hình thanh lợi vật, danh đại dược vương thân. Hựu như Như Ý Châu vương, năng vũ đại thiên trân bảo, tùy ý vô tận. Bồ Tát diệp nhĩ, đại từ huân thân, dĩ chúng sanh lạc, danh Như Ý Châu vương thân*” (Có cây thuốc bậc thượng, rễ nó mọc sâu, cành lá tỏa ra bốn phía. Rễ, thân, cành, lá đều có thể chữa bệnh. Thấy, nghe, ngửi, chạm, không gì chẳng được lợi ích. Bồ Tát cũng thế, đại bi ướp thân, hình tượng và âm thanh đều lợi ích chúng sanh, gọi là thân đại dược vương. Lại như Như Ý Châu vương, có thể tuôn ra thứ báu trên quý khắp cõi đại thiên, tùy ý vô tận. Bồ Tát cũng thế, đại từ hun đúc thân, ban cho chúng sanh vui sướng, gọi là Như Ý Châu vương thân). Đây cũng chính là dựa theo Lục Tức để phán định địa vị.

¹¹⁵ Nại Nữ Kinh có hai bản dịch: Một là Nại Nữ Kỳ Vực Nhân Duyên Kinh do ngài An Thế Cao dịch vào đời Hậu Hán, hai là Nại Nữ Kỳ Bà Kinh cũng do ngài An Thế Cao dịch. Hai bản kinh này nói về nhân duyên tin Phật và hộ trì Phật pháp của bà Nại Nữ và con bà là danh y Kỳ Bà.

Nay phần vấn đáp trước [nêu tỏ] “*cứu trọn khắp các thứ khổ nạn nguy ngập, u ám*”, từ thân được vương mà thành tên. Phần vấn đáp sau do xứng hợp, thích nghi với điều [chúng sanh] mong cầu, mưa pháp vũ to lớn, khiến cho họ đều được độ thoát, từ thân Như Ý Châu vương mà có tên. Hãy nên biết nhân duyên của hai thân (thân được vương và thân như ý châu), cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.6. Giải thích theo hai thứ lợi ích Minh và Hiển

“*Minh*” là ngấm ngấm, kín đáo. “*Hiển*” là hiển lộ. Bậc đại thánh luôn dùng hai thứ lợi ích để làm lợi, an trụ hết thấy, nhưng chúng sanh và những người thuộc các địa vị thấp hèn ngày hưởng dụng [các lợi ích ấy] mà chẳng biết. Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu soi thế gian, kẻ mù tuy chẳng thấy, nhưng thật sự đội ân sâu. Thậm chí trong cùng một địa vị, nhưng hạ phẩm chẳng biết tác dụng do thần lực của thượng phẩm. Do chẳng biết, cho nên gọi là “*minh ích*” (lợi ích ngấm ngấm). Hơn nữa, lợi ích của bậc thánh nhân tuy chẳng thể biết, nhưng nếu thánh nhân muốn cho [chúng sanh] hay biết, dẫn côn trùng v.v... cũng có thể biết được! Do khiến cho hay biết, nên gọi là “*hiển ích*”. Đây cũng là dựa theo Lục Tức để phán định địa vị. Nay trong phần vấn đáp đầu tiên, do chẳng thấy hình tượng, âm thanh, nhưng được [Bồ Tát] che chở, gia hộ sâu kín, đó chính là “*minh ích*” (lợi ích ngấm). Phần vấn đáp sau là do nhìn vào các thân đã biến hiện, nghe Ngài thuyết pháp, đó chính là “*hiển ích*” (lợi ích hiển nhiên). Hãy nên biết: Do nhân duyên ngấm ngấm hay hiển lộ, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.7. Giải thích theo Quyền Thật

Bây, giải thích theo Quyền Thật. Quyền là tạm sử dụng. Thật thì chẳng phải là tạm sử dụng. Nói đại lược, Quyền Thật có ba thứ:

- Một, tự hành Quyền Thật. Trung Quán là Thật, hai môn Quán kia (Không Quán và Giả Quán) là Quyền.
- Hai, hóa tha Quyền Thật. Do người khác căn tánh bất đồng, hoặc nói Quyền là Thật, hoặc nói Thật là Quyền, chẳng thể phán định. Chỉ là xét theo ý người khác để nói là Quyền hay Thật đó thôi!
- Ba, tự hành và hóa tha cùng hợp lại để luận Quyền Thật. Tự hành có Quyền và Thật, đều gom thành Thật. Hóa tha cũng có Quyền và Thật, nhưng đều gộp chung thành Quyền.

Dùng ba ý này để trải khắp tứ giáo, lại xét theo tự hành Quyền Thật để phán định Lục Tức, như trong phần Huyền Nghĩa và phẩm Phương Tiện đã nói, có thể lãnh hội ý ấy. Nay phần vấn đáp trước tiên chính là xét theo tự và tha gộp chung lại để giảng về Thật Trí lợi ích chúng sanh. Phần vấn đáp sau gộp chung tự và tha để nói về Quyền Trí lợi ích chúng sanh. Hãy nên biết: Do nhân duyên Quyền Thật, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.8. Giải thích theo Bốn Tích

Bốn là thật sự đạt được, Tích là ứng hiện, đều có bốn câu: Bốn cao, Tích thấp; Bốn thấp, Tích cao v.v... Sự tướng chẳng phải là nhất loạt như nhau, cũng xét theo Lục Tức để phán định địa vị. Nay phần vấn đáp trước [nói rõ] chẳng thể thấy nghe, nhưng đạt được sự gia hộ ngầm ngầm. Đây là xét theo Bốn Địa mà thành tên. Phần vấn đáp sau đó, [Bồ Tát] ứng hiện các thân hình sai khác, thuyết pháp độ thoát [các chúng sanh]. Đây là từ Tích địa mà thành tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên Bốn Tích, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.9. Giải thích theo duyên liễu

Liễu là phát khởi hiển nhiên. Duyên là giúp đỡ, tức giúp đỡ cho Liễu, nhằm hiển lộ, phát khởi Pháp Thân. Liễu chính là Bát Nhã, còn gọi là Huệ Hạnh, còn gọi là Chánh Đạo, cũng gọi là “*trí huệ trang nghiêm*”. Duyên chính là Giải Thoát, cũng gọi là Hành Hạnh, cũng gọi là Trợ Đạo, cũng gọi là “*phước đức trang nghiêm*”. Đại Luận nói: “*Một đàng có thể cày, một đàng có thể gieo. Gieo ví như duyên nhân, cày ví như liễu nhân*”. Luận định chung thì bốn giáo đều có hai nghĩa duyên và liễu. Nay nói thẳng vào cái nhân “*hai thứ trang nghiêm*” (trí huệ trang nghiêm và phước đức trang nghiêm) của Viên Giáo, Phật có đủ hai loại quả trang nghiêm. Xét đến cội nguồn của nhân quả ấy thì căn bản chính là duyên và liễu trong Tánh Đức. Tánh Đức ấy vốn tự có, chẳng phải đến nay mới có. Đại Kinh dạy: “*Nhất thiết chư pháp, bốn tánh tự Không, diệt do Bồ Tát tu tập Không cố, kiến chư pháp Không*” (Hết thấy các pháp, tánh vốn tự Không, cũng do Bồ Tát tu tập Không mà thấy các pháp là Không). Đây chính là liễu nhân chủng tử vốn tự sẵn có. Lại nói: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Sơ Địa vị Thiên*” (Hết thấy chúng sanh đều có Thiên thuộc địa vị Sơ Địa). Kinh Tư Ích nói: “*Nhất thiết chúng sanh tức Diệt Tận Định*” (Hết thấy chúng sanh chính là Diệt Tận Định).

Đây chính là duyên nhân chủng tử, vốn tự sẵn có. Nương vào duyên liễu chủng tử vốn tự nhiên sẵn có ấy để làm phương tiện tu tập, dần dần tăng trưởng, từ mầm may trở thành cây to cả một ôm tay. Đó gọi là Ma Ha Bát Nhã và Thủ Lăng Nghiêm Định. Khoa này chẳng luận định Lục Tức, chỉ bàn theo Tánh Đức căn bản.

Nay phần vấn đáp trước là từ liễu chủng (liễu nhân chủng tử) mà đặt tên. Phần vấn đáp sau là từ duyên nhân chủng tử mà đặt tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên của liễu nhân và duyên nhân, cho nên có tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

25.1.1.3.10. Giải thích theo Trí Đoạn

Nói theo cách thông thường, Trí chính là công đức hữu vi viên mãn, cũng gọi là Bồ Đề; Đoạn chính là công đức vô vi viên mãn, cũng gọi là Niết Bàn. Nói “*công đức hữu vi*” tức theo ý nghĩa, “*khi tu nhân, do trí huệ có tác dụng Chiếu mà tu thành [công đức ấy]*”. Vì thế gọi là “*hữu vi*”. Cái nhân tuy vô thường, nhưng quả là thường. Dựa theo nhân mà đặt tên cho quả, nên nói là “*công đức hữu vi viên mãn*”. Nói tới “*công đức vô vi*” tức là như Tiểu Thừa chỉ coi “*diệt phiền não chẳng còn*” là Đoạn Đức, tức chỉ lìa hư vọng thì gọi là giải thoát, chứ thật ra chưa đạt được hết thấy giải thoát. Đây chính là Vô Thê Đoạn Đức. Đại Thừa là Hữu Thê Đoạn Đức, chẳng coi “*diệt Vô*” là Đoạn Đức, chỉ quan tâm tới chỗ điều phục chúng sanh, ác chẳng thể nhiễm, tùy ý tự tại, chẳng bị phiền lụy trói buộc, thì gọi là Đoạn Đức, đặt tên cho điều này là “*công đức vô vi*”. Vì thế, kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cật) dạy: “*Bất đoạn si ái, khởi chư minh thoát*” (Chẳng đoạn si ái, dậy lên sự giải thoát sáng suốt)¹¹⁶. Lại nói: “*U chư kiến bất động, nhi tu tam thập thất phẩm*.”

¹¹⁶ Trong tác phẩm Duy Ma Kinh Lục Giảng (giảng tại Pháp Cồ Sơn), pháp sư Thánh Nghiêm đã giảng câu này như sau: “*Si ái là gì? Si là ngu si, tức vô minh. Ái là ái dục. Ngu si chướng trí huệ, ái dục sanh phiền não. Căn nguyên của chúng là vô minh, nghiệp báo sanh tử từ ái dục mà có. Do nhân gian chúng ta có ái, nên mới có lấy bỏ. Do có lấy bỏ, mới tạo thành các thứ nghiệp, hứng chịu các thứ báo. Làm một vị Bồ Tát, do tâm địa thanh tịnh, tuy ở trong hoàn cảnh ái dục, chỉ nên quan sát, nhận biết, hiểu rõ ái dục là nhân của các khổ. Do đã thanh tịnh tự tâm, sẽ chẳng bị si ái mê nhiễm. Vì thế thường có thể tự tại giải thoát*”. Tổ Trí Khải (Trí Giả đại sư) trong bộ Duy Ma Kinh Huyền Sớ cũng nói: “*Nếu phải đoạn phiền não để được giải thoát thì là sự giải thoát có thể nghĩ bàn, là cảnh giới của Thanh Văn. Nếu chẳng đoạn phiền não, thì là sự giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nói chẳng đoạn si ái, mà dậy khởi sự giải thoát sáng suốt. Hỏi: Nếu chẳng đoạn phiền não, sao có thể đạt được giải thoát? Đáp: Ví như kẻ chưa đắc thần thông, nếu ở trong lao ngục, ắt cần*

Ái kiến vi thị giả, diệc danh Như Lai chủng. Nãi chí Ngũ Vô Giác, giai sanh giải thoát tướng, vô sở nhiễm ngại, danh vi nhất thiết giải thoát” (Bất động đối với các Kiến mà tu ba mươi bảy đạo phẩm. Ái kiến làm kẻ hầu, cũng gọi là chủng tánh Như Lai. Cho đến Ngũ Vô Giác đều là tướng giải thoát, chẳng bị ô nhiễm, chướng ngại, thì gọi là hết thảy giải thoát), tức là Đoạn Đức vô vi vậy.

Tịch mà thường chiếu, tức là Trí Đức. Tiểu Thừa hôi thân diệt trí, đã chẳng có thân, lấy gì để nhập sanh tử hồng bàn luận điều phục vô ngại, vô nhiễm? Đã chẳng có trí, chiếu tịch¹¹⁷ ở chỗ nào? Trí Đoạn của Đại Thừa viên mãn tốt bậc, cho nên Pháp Thân hiển lộ, tức là ý nghĩa của ba loại Phật tánh viên mãn. Pháp Thân tròn đủ, chính là chánh nhân “chẳng phải nhân, chẳng phải quả” trọn đủ. Vì thế nói: “*Ấn thì gọi là Như Lai Tạng, hiển thì gọi là Pháp Thân*”. Tuy chẳng phải là nhân, mà gọi là chánh nhân. Tuy chẳng phải là quả, mà gọi là Pháp Thân. Đại Kinh nói: “*Phi nhân, phi quả, danh vi Phật tánh*” (Chẳng phải nhân, chẳng phải quả, gọi là Phật Tánh). Đây chính là chánh nhân Phật tánh vậy. Lại nói: “*Thị nhân phi quả, danh vi Phật tánh*” (Là nhân mà chẳng phải là quả, thì gọi là Phật tánh); đây là xét theo duyên nhân và liễu nhân trong Tánh Đức, đều gọi là nhân. Lại nói: “*Thị quả phi nhân, danh vi Phật tánh*” (Là quả chẳng phải là nhân thì gọi là Phật tánh). Đây là xét theo tu đắc duyên nhân và liễu nhân đều trọn vẹn. Liễu nhân viên mãn thì đổi tên thành Bát Nhã, còn gọi là Đại Bồ Đề Quả. Duyên nhân viên mãn thì đổi tên thành Giải Thoát, cũng gọi là Đại Niết Bàn Quả, đều được gọi là Quả. Phật tánh chung cho nhân lẫn quả, chẳng dọc, chẳng ngang. Ba cái nhân nơi Tánh Đức chẳng dọc, chẳng ngang. Khi quả viên mãn thì gọi là Tam Đức, cũng chẳng dọc, chẳng ngang. Vì thế, kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng. Đại Thừa*

phải đực tường, phá vách thì mới chạy thoát. Nếu là người đã đắc thần thông, dẫn ở trong lao ngục, tuy chẳng đực tường, phá vách mà ra vào chẳng trở ngại”. Mặt học đoán ý của hai vị là: Cảnh giới của kinh Duy Ma là cảnh giới chẳng chấp trước vào nhị biên. Hễ còn thấy có phiền não để đoạn tức là còn vướng vào nhị biên, cho nên bị ngài Duy Ma Cật quở trách là cảnh giới Thanh Văn. Khi đã liễu đạt tánh của phiền não là Không thì phiền não chính là Bồ Đề, cho nên chẳng còn thấy có phiền não để đoạn. Do vậy, tự tại giải thoát.

¹¹⁷ Chiếu là nói đến tác dụng, Tịch là nói đến bản thể. Chiếu là tác dụng nhận biết, quán sát mọi vật, mọi pháp, mọi hoàn cảnh v.v... tức là chân tâm khởi tác dụng thì gọi là Chiếu. Tuy nhận biết rõ ràng vạn pháp, nhưng tâm chẳng bị vạn pháp ô nhiễm, chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng chướng ngại v.v... thì gọi là Tịch (vắng lặng).

quả giả, diệc chư pháp Thật Tướng” (Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp. Cái quả của Đại Thừa cũng là Thật Tướng của các pháp). Trí Đức đã mãn, vắng lặng thường chiếu, thuận theo căn cơ mà ứng, cùng lúc giải thoát. Đoạn Đức đã mãn, nơi nơi điều phục, hiện thân thuyết pháp, khiến cho đều đắc độ. Nay thì phần vấn đáp đầu tiên là vì Trí Đức được viên mãn một phần mà đặt tên. Phần vấn đáp sau là từ Đoạn Đức được viên mãn một phần mà đặt tên. Hãy nên biết: Do nhân duyên của Trí Đoạn, cho nên tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Phần thứ ba, “giải thích [danh xưng của phẩm này dựa theo mười khoa mục]” đã xong.

25.1.1.4. Liệu giản¹¹⁸

25.1.1.4.1. Liệu giản Nhân Pháp

Hỏi: - Nếu đem Nhân đối ứng với ngài Quán Âm, Pháp đối ứng với Phổ Môn, thì thời Phương Đẳng có Phổ Môn pháp vương tử, nêu ra tên người như thế là nghĩa như thế nào?

Đáp: - Điều này có hai nghĩa:

- Một, Nhân chẳng phải là Pháp, Pháp chẳng phải là Nhân.
- Hai, Nhân chính là Pháp, Pháp chính là Nhân.

Nếu xét theo Hoa Nghiêm, sẽ có hai ý:

- Một là ý nghĩa chẳng theo thứ tự. Nhân chính là Thật Tướng, Thật Tướng chính là Nhân. Nhân và Pháp chẳng hai.
- Hai là ý nghĩa theo thứ tự. Hành nhân thuộc sanh tử trước khi chứng Sơ Địa thì chưa phải là pháp Thật Tướng. Pháp ấy cũng chẳng phải là người đó. Nếu xét theo Hữu Môn của Tam Tạng thì chẳng có giá

¹¹⁸ Theo Phật Quang Đại Từ Điển: Liệu Giản, còn gọi là Liễu Giản, Lượng Giản, Lượng Kiến, hay Liệu Kiến, hàm nghĩa “khéo có thể chọn lựa chánh pháp”. Có nhiều cách hiểu như sau:

- Dùng các loại quan điểm, lập luận để bày tỏ ý kiến chọn lựa của chính mình. Nghĩa này thường được sử dụng nhiều nhất.
- Tông Lâm Tế thì coi Liệu Giản là một phương thức để hướng dẫn học nhân ngộ đạo. Họ nhấn mạnh Dữ (chấp nhận, tán đồng, khẳng định) và Đoạt (phủ định, phản bác), và đề ra các cách nói như đoạt nhân chẳng đoạt cảnh, đoạt cảnh chẳng đoạt nhân v.v...
- Liệu Giản được dùng theo ý nghĩa riêng trong tông Thiên Thai Nhật Bản: Dùng các cách nói, lập luận để điều hòa những chỗ thoát nhìn tương như mâu thuẫn giữa các kinh.

nhân (người giả danh)¹¹⁹, chỉ có Thật pháp. Pháp ấy chẳng phải là Nhân. Không Môn dạy dựa theo Thật pháp để thành giả nhân, cũng tức là Nhân và Pháp hai đẳng khác nhau. Dầu chẳng lìa Nhân để luận Pháp, hoặc chẳng lìa Pháp để luận Nhân, Tục có, Chân không, vẫn là ý nghĩa của Nhị Đế trong tam giới, chẳng phải là Nhân và Pháp theo Trung Đạo.

Nếu xét theo Phương Đăng đối chiếu với Tiểu Thừa để giảng Đại Thừa hòng luận định Nhân Pháp, thì Tiểu Thừa giống như Tam Tạng, Đại Thừa giống như Hoa Nghiêm. Bát Nhã và Niết Bàn cũng thế! Nay Phổ Môn Pháp Vương Tử được nói trong thời Phương Đăng chính là theo ý nghĩa Đại Thừa, giống như trong kinh này. Phổ Môn trong kinh này là Pháp, há có Pháp mà chẳng có Nhân ư? Phổ Môn [pháp vương tử] trong Phương Đăng là Nhân, há có Nhân mà chẳng có Pháp ư? Chỉ là Nhân và Pháp nêu bày lẫn nhau.

25.1.1.4.2. Liệu giản từ bi

Hỏi: - Nếu đại bi đẹp khổ, hễ khổ trừ thì chính là được vui; hoặc đại từ ban vui, đạt được vui chính là đẹp khổ. Do ý nghĩa nào mà tách thành hai?

Đáp: - Luận định chung thì đúng là như thế, nếu luận định riêng biệt thì chẳng phải vậy. Ví như đẹp trừ tội địa ngục, chưa ban cho ngũ trần, thân [người mang tội địa ngục] tuy khỏi đau khổ, nhưng tâm tình chưa thể vui sướng nổi, [cho nên] chẳng gọi là “ban vui”. Lại như bố thí ngũ trần trong địa ngục, năm tình kiến [của tội nhân] tuy vui sướng, chẳng thể gọi là “đẹp khổ”. Vì thuận theo biệt nghĩa, nhằm nêu rõ mỗi bên, cho nên nói riêng biệt (tức là tách Từ và Bi làm hai phương diện).

Lại nữa, ngoại đạo tu Tứ Vô Lượng (từ, bi, hỷ, xả), tự chứng Thiền Định, suy tưởng, vận dụng hư huyền, chẳng có lợi ích thật sự, chẳng thể đẹp khổ, chẳng thể khiến cho người khác được vui sướng. Dầu đắc Định, nhưng đó là pháp thế gian hư vọng; khi báo hết vẫn phải đọa, chẳng thể thoát khổ được! Mình lẫn người đều chẳng có lợi ích. Nhị Thừa tu Tứ Vô Lượng, chỉ tự đẹp nổi khổ Phần Đoạn, chẳng tránh khỏi Biến Dịch, [do vậy], chẳng phải là sự vui rốt ráo, mà cũng chẳng lợi ích kẻ khác! Bồ Tát chẳng phải vậy, chẳng phải là hạnh phàm phu, chẳng

¹¹⁹ Gọi là giả nhân hoặc giả danh nhân vì thân người do Tứ Đại Ngũ Âm hòa hợp mà thành, Tứ Đại và Ngũ Âm đều như huyền nên gọi là giả hòa hợp. Tạm gọi kết quả của sự hòa hợp ấy là người, nên gọi là “giả danh nhân”.

phải là hạnh hiền thánh! “*Chẳng phải là phàm phu*”: Chẳng giống như Thiền lạc tự thọ (tự hưởng niềm vui trong Thiền Định). “*Chẳng phải là hiền thánh*”: Chẳng giống tự đẹp khổ, chẳng giống như tự thọ nhận lạc, tức là ban sự vui cho người khác. Do chẳng giống như tự đẹp khổ; tức là đẹp khổ cho kẻ khác. Cũng có nghĩa “*đẹp khổ chính là ban vui, ban vui chính là đẹp khổ*”, chỉ là nói phân biệt đó thôi! Trước là nói “đẹp khổ”, sau là nói “ban vui”.

Lại còn chỉ luận từ bi, chẳng bàn tới hỷ xả. Tứ Vô Lượng Tâm tuy danh xưng có bốn món, nghĩa chỉ có ba! Đại Kinh nói: “*Ưu tất xoa: Ưu tất xoa danh Xả, tức thị lưỡng xả*” (Ưu-tất-xoa (Upekṣa): Ưu-tất-xoa là Xả, tức là xả hai thứ). Từ bi và chẳng từ bi có ý nghĩa “chẳng hai”, chẳng hai mà là hai, tức là từ bi. Hỷ: Do lạc mà sanh hỷ. Thoạt đầu nguyện “*ban vui*”, nhưng chúng sanh khổ sở nặng nề, chẳng thể đạt được lạc, cho nên chẳng thể hỷ. Đã đẹp khổ thì sẽ liền có thể đạt được vui sướng, do thỏa nguyện ban đầu. Vì thế sẽ hỷ.

25.1.1.4.3. Liệt giản phước huệ

Hỏi: - Vì sao ngài Quán Âm đối với Huệ, hễ xưng niệm thì là “đẹp khổ”? Phổ Môn tương ứng với phước, hễ trông thấy bèn “được vui”?

Đáp: - Huệ là quang minh, trực tiếp đối trị Hoặc tối tăm. Hoặc là sanh tử khổ não. Muốn đối trị nổi khổ do Hoặc tối tăm, há chẳng dùng ánh sáng trí huệ ư? Vì thế, xưng danh bậc trí huệ chính là “*đẹp khổ*”. Pháp là pháp môn, Môn là “*có thể thông*”, thông tới chỗ Niết Bàn an lạc. Thoạt đầu, tu tập pháp này tức là cái nhân để “*đắc lạc*”. Sau đó, chứng pháp này, tức là đạt được lạc quả. Vì thế, đối với pháp Phổ Môn bèn nói là “*dữ lạc*” (ban vui); nhưng có trí huệ là phước đức, phước đức là trí huệ. [Và cũng] có trí huệ chẳng phải là phước đức, phước đức chẳng phải là trí huệ. Đại Thừa và Tiểu Thừa đều có đủ bốn câu:

- Bốn câu của Tiểu Thừa: Như Lục Độ Bồ Tát tu Bát Nhã, chia Diêm Phù Đề thành bảy phần. Đây là trí huệ thế gian, chẳng thể đoạn Hoặc, vẫn thuộc về phước đức. Đó là câu đầu tiên (tức là “vừa là trí huệ, vừa là phước đức”). Gọi phước ấy là trí để dứt tranh cãi. Đó là câu thứ hai (tức “phước đức là trí huệ”). Như vị A La Hán đối bụng mà có thể đoạn Hoặc, bèn gọi là trí huệ mà chẳng phải là phước đức. Đó chính là câu thứ ba (“trí huệ chẳng phải là phước đức”). Như voi chúa trắng được thọ dụng to lớn. Đó gọi là phước đức, chẳng phải là trí huệ xuất thế, mà

cũng chẳng phải là trí huệ thể gian, chẳng được gọi là trí huệ. Đó chính là câu thứ tư (“phước đức chẳng phải là trí huệ”).

- Bốn câu của Đại Thừa: Đối với ba mươi tâm (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) của Biệt Giáo trước khi nhập Sơ Địa, Hành Hạnh gọi là phước đức, Huệ Hạnh gọi là trí huệ. Trí huệ ấy chẳng thể phá vô minh, vẫn thuộc vào phước đức. Đó chính là câu đầu tiên. Phước ấy cũng có thể đổi trị “*thủ tướng Hoặc*” (phiền hoặc do chấp tướng), cũng có thể gọi là “*trí huệ*”. Đó chính là câu thứ hai. Nếu là từ Sơ Địa trở lên thì đều gọi là trí huệ, chẳng gọi là phước đức. Đó chính là câu thứ ba. Nếu chưa đạt tới Sơ Địa thì đều gọi là phước đức, chẳng gọi là trí huệ. Đây là câu thứ tư. Nay Viên Giáo nói phước chính là huệ, huệ chính là phước, phước và huệ chẳng hai. Do vậy, Đại Luận nói: “*Người tôn quý, mẫu nhiệm như thế sẽ có thể thấy Bát Nhã*”, huệ ấy lẽ nào chẳng định? Lại nói: “*Kiến tướng tam-muội có thể phá cường địch*”, định ấy lẽ nào chẳng có huệ? Chẳng hai mà là hai; vì thế, nói phân biệt đó thôi!

25.1.1.4.3. Liệu giản Chân Ứng

Cũng có bốn câu: “*Chẳng phải Chân, chẳng phải Ứng*”, “*là Ứng, chẳng phải là Chân*”, “*là Chân, chẳng phải là Ứng*”, “*vừa là Chân, vừa là Ứng*”.

1) “*Chẳng phải Chân, chẳng phải Ứng*”: Xét theo Lý sẽ dễ hiểu. Lại nữa, phạm phu chẳng thấy Lý, cho nên chẳng phải Chân. Chẳng có tác dụng, cho nên chẳng phải Ứng.

2) “*Là Ứng, chẳng phải là Chân*”: Ngoại đạo tu đắc Ngũ Thông, biến hóa cho người khác thì cũng gọi là Ứng, nhưng chẳng kiến đế (thấy lẽ chân thật, chẳng thấy Đạo Đế), chẳng thể gọi là Chân.

3) “*Là Chân, chẳng phải là Ứng*”: Nhị Thừa đoạn kết, kiến đế, cũng được gọi là Chân. Nhưng do hôn thân diệt trí, chẳng thể khởi ứng.

4) “*Vừa là Chân, vừa là Ứng*”: Đây chính là riêng hiển thị “*Trung Đạo là Chân*”. Từ ngay nơi Chân mà luận định Dụng (tác dụng) thì là Ứng. Chân và Ứng chẳng hai, chẳng hai mà là hai. Vì thế, nương theo kinh văn cùng nêu ra. Nói chung, phần vấn đáp trước [trong phẩm Phổ Môn] nêu rõ “chân thân luôn tạo lợi ích”; phần vấn đáp sau đó nêu ra “sự lợi ích có thời hạn nơi ứng thân”, nhưng sự “lợi ích thường hằng” và sự “lợi ích nơi ứng thân trong một khoảng thời gian” đều chẳng hề tách lìa, giống như hai con chim cùng bay. Vì thế, nói tột cùng lý thì

“chân thân vừa là hằng, vừa là chẳng hằng”, “ứng thân vừa là gián cách, vừa là chẳng gián cách”.

25.1.1.4.5. Liệu giản về dược châu

Dược (thuốc) có công năng “chữa bệnh, dẹp khổ”, mà cũng có công dụng quý báu “bảo vệ thân, tăng thọ mạng”. Như Ý Châu vương không chỉ tuôn ra chất báu, mà còn có thể trừ bệnh. Thái tử Đại Thí¹²⁰ vào biển có dược châu ấy, cầm về trị bệnh mắt cho cha mẹ. Kinh Đại Phẩm nói: “*Nhược nhân nhãn thống, châu trước thân thượng, bệnh tức trừ dữ*” (Nếu ai bị đau mắt, đặt châu lên thân, bệnh liền được chữa khỏi). Vì thế biết [châu hay dược thụ, mỗi thứ đều] có trọn đủ cả hai nghĩa, nay cũng chỉ là nói riêng biệt theo một bên đó thôi!

25.1.1.4.6. Liệu giản hai thứ lợi ích Minh và Hiển

Có tất cả ba mươi sáu câu, chi tiết thì như trong sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa [đã nói].

25.1.1.4.7. Liệu giản Quyền Thật

Cũng có bốn câu:

- Hoặc do Thật Trí mà giải thoát nơi Quyền, bảy nạn (nạn lửa, nạn nước, nạn La Sát v.v...) tiêu trừ; hai điều cầu nguyện (cầu sanh con trai hay sanh con gái) đều được thỏa.

- Hoặc do Thật Trí mà giải thoát nơi Thật, tam độc đều lìa.

- Hoặc do Quyền Trí mà đắc độ nơi Thật, tức là do ba mươi ba thân [ứng hóa] mà [chúng sanh] đắc độ.

- Hoặc do Quyền Trí mà đắc độ nơi Quyền, tức là trong khi sợ hãi, nạn gấp, có thể đạt được vô úy (chẳng sợ hãi).

Hoặc là do cả hai mà độ thoát, hoặc là cả hai đều chẳng độ, chẳng thoát. Nay nương theo kinh văn mà lần lượt nêu ra một bên. Kinh văn

¹²⁰ Đây là một câu chuyện trong kinh Hiền Ngu: Thái tử Ma Ha Xà Ca Phàn (Đại Thí) là tiền thân của Phật Thích Ca. Thái Tử muốn chấn hưng nước nhà, bèn vào biển tìm Như Ý Châu. Do biết châu ở trên đầu long vương, Thái Tử muốn tát cạn nước biển để lấy, dầu gân xương hư nát, trọn chẳng biếng nhác. Chư thiên cảm động trước lòng chí thành ấy bèn đến giúp. Long vương hoảng sợ, dâng viên châu ấy. Kinh luận thường dùng chuyện này để sánh ví Tinh Tấn Ba La Mật.

trong phần đầu là sự giải thoát theo Quyền, kinh văn trong phần sau là đặc độ theo Thật.

25.1.1.4.8. Liệu giản Bồn Tích

Luận định chung thì Bồn và Tích đều có thể “đẹp khổ, ban vui”. Vì thế, phẩm [Như Lai] Thọ Lượng nói: “*Văn Phật thọ vô lượng, đắc vô lượng vô lậu, thanh tịnh chi quả báo*” (Nghe Phật thọ vô lượng, đắc quả báo vô lượng, vô lậu rất thanh tịnh), tức là từ Bồn mà đắc lạc. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: “*Hoặc du hý địa ngục, đại bi đại thọ khổ*” (Hoặc dạo chơi trong địa ngục, đáng đại bi chịu khổ thay [cho các tội nhân]), tức là từ Tích mà đẹp khổ! Nhưng chúng sanh chẳng thấu đạt cội nguồn, cho nên lưu chuyển, khổ não. Nếu hiểu lý nơi Bồn, liền được giải thoát khỏi khổ, chẳng thấy sự hóa hiện nơi Tích, chẳng thể gieo phước nơi ba nghiệp. Nếu thấy thân, nghe tiếng, đây chính là cái nhân để đạt được vui sướng. Vì thế, cũng một mực nói đến. Nhưng nếu chẳng có Bồn, sẽ không có gì để thù Tịch; chẳng có Tích, sẽ không có gì để hiển lộ Bồn, tức là [Bồn và Tích] tuy hai mà chẳng hai.

Hỏi: - Bồn Tích và Chân Ứng có gì khác nhau?

Đáp: - Chân Ứng là biện định theo chiều ngang trong một đời, còn Bồn Tích là luận định theo chiều dọc suốt ba đời.

25.1.1.4.9. Liệu giản duyên liễu

Hỏi: - Trong duyên liễu đã có điều thiện thuộc Tánh Đức, vậy thì cũng có điều ác trong Tánh Đức hay chẳng?

Đáp: - Có chứ!

Hỏi: - Xiển Đề và Phật đoạn các loại thiện ác nào?

Đáp: - Xiển Đề đoạn sạch tu thiện, chỉ còn tánh thiện tồn tại. Phật đoạn sạch tu ác, nhưng tánh ác còn đó.

Hỏi: - Vì sao chẳng thể đoạn thiện và ác trong Tánh Đức?

Đáp: - Thiện ác trong tánh chỉ là pháp môn “thiện, ác”, tánh chẳng thể thay đổi, trải khắp ba đời, ai có thể hủy, cũng lại chẳng thể đoạn hoại! Ví như ma tuy thiêu kinh, há có thể khiến cho pháp môn thiện đoạn sạch ư? Giả sử Phật thiêu các sách vở dạy điều ác, cũng chẳng thể khiến

cho ác pháp đoạn sạch! Như nhà Tần đốt sách, chôn Nho sĩ¹²¹, há có thể khiến cho thiện và ác đều bị đoạn sạch ư?

Hỏi: - Xiển Đề chẳng đoạn tánh thiện (điều thiện trong chân tánh), còn có thể khiến cho điều thiện dấy lên. Phật đã chẳng đoạn tánh ác (điều ác trong chân tánh), cũng sẽ khiến cho tu ác dấy lên đó chẳng?

Đáp: - Xiển Đề chẳng thấu đạt tánh thiện. Do chẳng thấu đạt, nên vẫn bị thiện lây nhiễm. Cho nên tu thiện (điều thiện do tu tập mà có) có thể dấy lên, rộng đối trị các điều ác. Tuy Phật chẳng đoạn tánh ác, nhưng tự tại đối với các ác, cho nên chẳng bị ác nhiễm, vĩnh viễn chẳng tu ác. Lại có thể tự tại rộng dùng các pháp môn ác để hóa độ chúng sanh. Suốt ngày sử dụng, nhưng suốt ngày chẳng nhiễm. Do chẳng nhiễm, cho nên chẳng dấy lên, há có thể dùng Xiển Đề làm lệ [để cật vấn ư?] Nếu Xiển Đề có thể thấu đạt thiện ác, sẽ chẳng gọi là Nhất Xiển Đề nữa!

25.1.1.4.10. Liệu giản Trí Đoạn

Đây là tên gọi khác nhau của cùng một pháp, chẳng hề tách rời. Như người bị trói, vận dụng sức lực bèn được thoát khỏi. Vận dụng sức lực là Trí, thoát khỏi trói buộc thì gọi là Đoạn. Vận dụng sức lực thuộc về tâm; cho nên gọi là “trí huệ trang nghiêm”. Thoát khỏi trói buộc thuộc về thân, cho nên gọi là “phước đức trang nghiêm”. Kinh này chẳng nói cùng một lúc, cho nên cùng nêu lên Trí và Đoạn. Nếu thấu hiểu sâu xa mười ý nghĩa này, hẳn hiểu được một điều thì ngàn điều sẽ thuận theo. Giải thích căn cứ Quán Thế Âm Phổ Môn thì ý nghĩa chẳng thể cùng tận.

Phần thứ nhất là “giải thích chung” đã xong.

¹²¹ Đây là chuyện xảy ra vào năm 34 đời Tần Thủy Hoàng (tức năm 213 trước Công Nguyên). Do quan Bác Sĩ là Thuần Vu Việt căn cứ theo chế định thời cổ, dâng biểu xin vua hãy nên phân phong đất đai cho con em. Điều này trái với ý muốn trung ương tập quyền của hoàng đế. Thừa tướng Lý Tư thừa dịp kết tội các Nho sĩ nệ cổ, chống đối những điều mới mẻ, dùng các trường tư thực để phỉ báng triều chánh, xin vua hạ chiếu đốt tất cả các sách vở trong thiên hạ, trừ sách lịch sử nhà Tần, sách thuốc, và sách bói toán. Kẻ nào đàm luận Thi, Thư, sẽ bị xử tử. Kẻ nào dùng cổ lệ để phản đối thể chế hiện thời sẽ bị diệt tộc. Năm sau, do các phái đoàn phương sĩ và nho sinh do nhà vua sai đi tìm thuốc trường sinh thất bại, kẻ cầm đầu là Lô Sinh bỏ trốn, Tần Thủy Hoàng tức giận, hạ lệnh chôn sống hơn 460 nho sinh tại kinh đô Hàm Dương và đốt bỏ kinh điển của Nho gia. Sử Trung Hoa gọi chuyện này là “*phần thư, khanh Nho*” (đốt sách, chôn các nhà Nho).

25.1.2. Biệt thích (tách ra để giải thích ý nghĩa của Quán Thế Âm Phổ Môn)

25.1.2.1. Giải thích danh xưng Quán Thế Âm

Do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm? Giải thích chung thì như trong phần trên. Giải thích riêng biệt thì là do nhân duyên cảnh và trí, cho nên tên là Quán Thế Âm. Cảnh và trí cũng có hai: Một là cảnh trí có thể nghĩ bàn, hai là cảnh trí chẳng thể nghĩ bàn!

25.1.2.1.1. Cảnh trí có thể nghĩ bàn

Cảnh trí có thể nghĩ bàn lại chia thành hai: Một là xét ngoài lý, hai là xét trong lý.

25.1.2.1.1.1. Cảnh trí ở ngoài lý

Cảnh trí ở ngoài lý lại có tất cả bốn câu: Một là cảnh trí tự nhiên. Hai là cảnh trí đối đãi. Ba là cảnh trí nhân duyên. Bốn là cảnh trí dứt bật đối đãi.

1) Cảnh trí tự nhiên: Cảnh tự là cảnh, tánh của nó thường hằng. Trí tự là trí, tánh của nó cũng thường hằng, chẳng do Phật, trời, hay người tạo tác. Vì thế gọi là “*tự nhiên*”. Đó chính là câu “*các pháp tự sanh*”.

2) Cảnh trí đối đãi: Cảnh chẳng tự là cảnh, do đối ứng với trí cho nên có cảnh. Trí chẳng tự là trí, do đối ứng với cảnh cho nên là trí. Vì thế, gọi là “*đối đãi*”, tức là “*chư pháp tha sanh*” (các pháp do các nhân khác mà sanh).

3) Cảnh trí nhân duyên: Không chỉ do cảnh mà có cảnh, cũng chẳng phải chỉ do trí cho nên có cảnh. Do cảnh làm nhân, trí làm duyên, cho nên có cảnh. Chẳng phải do trí nên có trí, cũng chẳng phải chỉ do cảnh cho nên có trí. Do trí làm nhân, cảnh làm duyên, cho nên có trí. Vì thế gọi là nhân duyên, tức là câu “*các pháp cộng sanh*”.

4) Cảnh trí dứt bật đối đãi: Chẳng do cảnh mà có cảnh, chẳng do trí mà có cảnh, chẳng do trí và cảnh làm nhân duyên hòa hợp mà có cảnh thì gọi là “*cảnh dứt bật đối đãi*”. Chẳng do trí mà có trí, chẳng do cảnh mà có trí, chẳng do trí và cảnh làm nhân duyên hòa hợp mà có trí thì gọi là “*trí dứt bật đối đãi*”, tức là “*các pháp do không có nhân mà sanh*”.

Nay sẽ theo thứ tự để phá. Nếu cảnh tự là cảnh, sẽ chẳng nên bị trí chiếu. Nếu trí tự là trí, sẽ chẳng nên chiếu cảnh. Nay cảnh đã được chiếu

bởi trí, tức là cảnh chẳng tự là cảnh. Trí có thể chiếu cảnh, tức trí chẳng phải tự là trí. Sao lại hư vọng so đo là [cảnh trí] tự nhiên vậy?

Nếu do đối đãi với trí mà có cảnh thì cảnh sanh từ trí, cảnh đáng lẽ phải gọi trí, sao lại gọi là cảnh? Như người chỉ nên gọi là người, chẳng nên gọi là gỗ, đá v.v... Lại nữa, nếu cảnh sanh từ trí, khi không có trí, cũng chẳng nên có cảnh! Lại nữa, nếu cảnh sanh từ trí, vậy thì trí lại sanh từ đâu? [Kiến chấp] “do đối đãi cảnh nên có trí” cũng bị phá giống như thế. Sao lại so đo là [cảnh trí] đối đãi?

Nếu cảnh làm nhân do trí làm duyên mà có cảnh, thì sẽ là trong cảnh đã có cảnh; cho nên mới nhờ vào trí làm duyên [để cảnh phát khởi]. Nếu trong cảnh chẳng có cảnh, nhưng nhờ vào trí làm duyên [để có cảnh], tức là trong trí phải có cảnh, thế nhưng [do đã nói] “nhờ vào cảnh làm nhân”, tức là trong trí chẳng có cảnh! [Đã nói] “nhờ vào cảnh làm nhân”, nếu trong cảnh [vốn sẵn] có cảnh, sẽ chẳng cần phải nhờ vào trí [làm duyên] thì mới có cảnh! Nếu trong trí [đã sẵn] có cảnh, sẽ chẳng cần phải nhờ vào cảnh [làm nhân] thì mới có [cảnh; tức là kiến chấp] “cảnh làm nhân, trí làm duyên, cho nên có cảnh” đã hoàn toàn bị phá].

Lại nữa, nếu như mỗi đấng đều có, nhưng vẫn phải nương nhờ vào nhau [để phát khởi], trong một thời phải nên có hai cảnh! Nếu trong cảnh chẳng có cảnh, dầu nhờ vào trí [làm duyên], cũng chẳng nên có cảnh! Nếu trong trí chẳng có cảnh, dầu nương nhờ cảnh [làm nhân], cũng chẳng nên có cảnh! Ví như một hạt cát chẳng có dầu, tuy gộp nhiều hạt cát lại, cũng chẳng thể sanh ra dầu được! Một kẻ mù chẳng thấy, tuy tập hợp nhiều kẻ mù lại, vẫn chẳng thể thấy! [Tương tự, kiến chấp] “trí làm nhân, cảnh làm duyên, cho nên có trí” cũng bị phá giống như thế. Sao lại so đo hư vọng [cảnh trí] là nhân duyên ư?

Nếu [chấp rằng] “chẳng do cảnh cho nên có cảnh” v.v... thì xét theo nhân duyên còn chẳng thể được, huống hồ chẳng có nhân duyên mà có thể gọi là cảnh ư? Trí cũng giống như thế. Một mực nói là “dứt bật”, nhưng xét theo Lý đến cùng tận, sẽ chẳng trở thành dứt bật đối đãi, vì còn nói là “cảnh có hoặc không có nhân duyên”, cũng như do nói “trí có hoặc không có nhân duyên”, sao lại còn so đo hư vọng là “dứt bật đối đãi” vậy?

Những thứ ấy đều là tâm hạnh ở ngoài lý, mà vọng tưởng suy đoán, hý luận phân biệt, rốt cuộc chẳng có thật nghĩa. Vì thế, Trung Luận nói: “*Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng từ thứ khác mà sanh, cũng chẳng cùng nhau sanh, cũng chẳng phải là không có nhân*”. Vì thế biết là vô sanh, sao lại có bốn thứ chấp trước như vừa nêu trên đây? Hề

chấp vào một thứ, tự cho là thật, sẽ nói những thứ khác là hư vọng. Do kiến ái (Kiến Tư Hoặc) bèn sanh chấp trước, mê nơi Tứ Đế, tám mươi tám Sở, mệnh mong chẳng ngần mé, cho nên mới chuốc vơi khổ quả, lưu chuyển chẳng thôi! Tuy dần kèm theo kinh luận, dần chứng văn tự, [vẫn là] như trùng ăn gỗ, ngẫu nhiên tạo thành chữ, thật sự chẳng thể hiểu đó là chữ hay chẳng phải là chữ. Do chẳng hiểu, bèn từ cảnh và trí mà sanh khởi kiến chấp, như uống cam lộ mà bị tổn hại mạng, chết yểu. Vì thế gọi là “*cảnh và trí ở ngoài lý*”, bị ngài Long Thọ đả phá. Nay chẳng lấy những điều ấy làm cảnh trí để giải thích danh xưng Quán Thế Âm!

25.1.2.1.1.2. Cảnh trí ở trong lý

Đối với cảnh trí có thể nghĩ bàn ở trong lý, cũng lập thành bốn môn như trên, danh xưng tuy giống nhau, nhưng quán trí thuần thực, chẳng sanh chấp kiến. Do đã hoàn tất, cho nên chẳng tạo cái mới nhằm thành tựu phương tiện đạo, phát sanh Noãn, Đảnh, cho đến mười sáu thứ tâm nhãn trí minh giác. Rõ ràng đặc ngộ, phá các Kiến Hoặc, tương ứng với Lý. Ví như kẻ mù được kim vàng¹²² nạo bỏ màng mộng, [mắt sáng trông thấy] rành rành chẳng sai. Chân Quán ấy được gọi là Trí. Cái lý được chiếu [bởi trí ấy] thì gọi là cảnh. Do phát khởi vô lậu, cho nên gọi là “*cảnh trí ở trong lý*”. Tuy thấy lý ấy, rốt cuộc là tác ý để nhập Chân. Vì thế gọi là “*cảnh trí có thể nghĩ bàn*”. Nay nói đến Quán Thế Âm, cũng chẳng do cảnh trí nhân duyên ấy mà đặt tên.

25.1.2.1.2. Cảnh trí chẳng thể nghĩ bàn

Cảnh trí tuy chẳng phải là “*tự, tha, cộng, vô nhân*”, nhưng dùng Tứ Tất Đàn ứng theo duyên để nói thành giả danh tự, hoặc nói “*cảnh tự là cảnh*”, “*trí tự là trí*”, khiến cho kẻ khác hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, nhập lý. Hoặc nói “*do trí nên có cảnh*”, “*do cảnh nên có trí*”, hoặc nói “*cảnh trí nhân duyên*”, hoặc nói “*cảnh trí dứt bất đối đãi*”, khiến cho đạt được bốn thứ lợi ích cũng giống như thế. Nếu chẳng có lợi ích Tứ Tất Đàn, chư Phật Như Lai sẽ chẳng nói pháp sông! Tuy nói thành bốn

¹²² Kim bè (金錐) là một thứ kim chế bằng vàng dùng để nạo màng mộng nơi mắt. Đại Nhật Kinh Sớ quyển hai viết: “*Phật tử! Phật vì ông trừ khử màng mộng vô minh, ví như lương y trong cõi đời khéo dùng kim vàng [trừ bỏ màng mộng che lấp con người]*”.

thuyết (tức các thuyết về cảnh trí như “*cảnh tự là cảnh, trí tự là trí*”, “*do cảnh nên có trí, do trí nên có cảnh*” v.v...), chẳng sanh bốn món chấp trước đối với tánh. Do chẳng chấp, cho nên chẳng có kiến ái. Chúng sanh nghe xong, giống như ngựa giỏi thấy bóng roi, liền có thể phá Hoặc, nhập đạo. Vì thế gọi là Trí. Cái được trí ấy chiếu soi thì gọi là Cảnh. Nếu dùng trí chiếu cảnh, nhập Không, coi đó là chúng, sẽ trở thành “cảnh trí có thể nghĩ bàn ở trong lý thuộc Chân Đế” như đã nói trong phần trước. Nếu chẳng coi Không là chúng, biết cảnh trí ấy chỉ có danh tự, gọi đó là Cảnh Trí thì danh tự ấy chẳng ở trong, ngoài, hay chẳng giữa. Chẳng trụ vào danh tự ấy, mà cũng chẳng không trụ. Do danh tự ấy vô sở hữu, tuy lập ra bốn câu để giảng giải cảnh trí, thật sự chẳng phân biệt bốn câu cảnh trí! Tuy lập ra bốn câu cảnh trí, thật sự chẳng thể có bốn câu cảnh trí. Tuy thấu đạt bốn câu cảnh trí, thật sự chẳng thể dùng bốn câu để suy lường cảnh trí. Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xur diệt, chẳng thể dùng bốn câu để tư duy, dò lường. Vì thế gọi là “*cảnh trí chẳng thể nghĩ bàn*”. Kinh Kim Quang Minh nói “*bất tư nghị trí chiếu bất tư nghị cảnh*” (trí chẳng thể nghĩ bàn chiếu cảnh chẳng thể nghĩ bàn). Huyền nghĩa như thế được giảng cặn kẽ trong phần Cảnh Diệu và Trí Diệu [của sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa].

Nay nói Quán thì chính là trí chẳng thể nghĩ bàn. Nói Thế Âm chính là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Nếu xét theo văn từ, hãy nên giải thích Trí trước; kế đó giải thích Cảnh. Nếu xét theo nghĩa, cần phải giảng rõ cảnh Thế Âm trước rồi mới luận bàn Quán Trí. “Thế” có ba thứ:

- Một là Ngũ Âm thế gian.
- Hai là chúng sanh thế gian.
- Ba là quốc độ thế gian.

Đã có Thật pháp, tức là có giả nhân. Giả và Thật hợp thành chánh báo, liền có y báo. Vì thế, gọi là ba loại thế gian. “Thế” có nghĩa là “*cách biệt*”, tức là thế gian gồm mười pháp giới, cũng là mười loại Ngũ Âm, mười loại giả danh, mười thứ y báo cách biệt khác nhau. Vì vậy gọi là Thế. “Gian” có nghĩa là “*sai khác*”. Ba mươi thứ Thế¹²³ sai biệt, chẳng làm loạn. Do đó gọi là Gian. Nói đến mười pháp giới, mỗi giới đều có nhân, mỗi giới đều có quả. Vì thế gọi là “*pháp*”. Mỗi pháp giới đều có giới hạn rạch ròi, cho nên gọi là Giới. Nay xét ra, mỗi pháp giới lại có mười pháp (Thập Như Thị), tức là Tướng, Tánh, Thể, Lực, Tác,

¹²³ Nói là “*ba mươi thứ Thế*” vì trong một Thế có mười pháp giới, do đó, tam thế (quá khứ, hiện tại, vị lai) là 3x10 thành ba mươi thứ Thế.

Nhân, Duyên, Quả, Báo, Bồn Mạt Cứu Cánh như thế. [Do vậy], mười pháp giới bèn có một trăm pháp. Mười giới dung hội lẫn nhau, bèn có một trăm pháp. Mười giới lại phối ứng lẫn nhau, bèn có một ngàn pháp. Một ngàn pháp như thế đều là các pháp sanh bởi nhân duyên. Lục đạo mê hoặc đối với các pháp nhân duyên, tứ thánh thì hiểu các pháp nhân duyên. Do đó, Đại Kinh nói: “*Vô lậu diệt hữu nhân duyên. Nhân diệt vô minh, tắc đắc xí nhiên Tam Bồ Đề đẳng*” (Vô lậu cũng có nhân duyên. Do diệt vô minh bèn đạt được đèn Chánh Giác rạng ngời). Bản thể của các pháp sanh bởi nhân duyên ấy chính là Tam Đế (Không, Giả, Trung). Do đó, Trung Luận nói: “*Pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa Trung Đạo*”. Vì thế, nêu ra mười loại pháp giới, ba mươi loại thế gian, tức là cảnh được quán.

Cảnh ấy lại gồm có hai, tức là tự và tha. “*Tha*” tức là chúng sanh và Phật. “*Tự*” có đủ ngay trong tâm. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tâm như công họa sư, tạo chủng chủng Ngũ Ấm. Nhất thiết chư thế gian, mạc bất do tâm tạo*” (Tâm như thợ vẽ khéo, tạo các thứ Ngũ Ấm. Hết thảy các thế gian, không gì chẳng tâm tạo). Lại nói: “*Như tâm Phật diệt nhiên. Như Phật chúng sanh nhiên. Tâm Phật cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt*” (Như tâm, Phật cũng thế. Như Phật, chúng sanh đồng. Tâm, Phật, và chúng sanh, cả ba chẳng sai khác). Vì thế, nêu ra bất cứ một niệm tâm nào, cũng đều trọn đủ ba ngàn tánh tướng¹²⁴ trong ba mươi loại thế gian. Nêu ra bất cứ Phật pháp nào, cũng đều trọn đủ ba ngàn tánh tướng của ba mươi loại thế gian. Nêu ra bất cứ một pháp chúng sanh nào, cũng liền trọn đủ ba ngàn tánh tướng trong ba mươi loại thế gian. Hãy nên biết: Dù tự hay tha, mỗi mỗi không gì chẳng phải là diệu cảnh Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn!

“*Ấm*” tức là căn cơ thuộc khẩu nghiệp trong mười pháp giới. Pháp giới đã bất đồng, âm cũng sai khác. Phát âm thành tiếng, tức là đầy đủ ba nghiệp. Dùng ba nghiệp ấy để làm cơ cảm. Quy kết cái cảnh “*thế âm*” ấy, phải nên có sáu loại:

- Một, quy kết mười pháp giới là cảnh nhân duyên.
- Hai, quy kết thành cảnh Tứ Đế.
- Ba, quy kết thành cảnh Tam Đế.

¹²⁴ “*Ba ngàn tánh tướng*” tức là ba loại thế gian nói trên (ngũ ấm, quốc độ, chúng sanh) phối ứng với một ngàn tánh tướng trong mỗi thế gian (tức là trong mỗi pháp giới đều có đủ mười pháp giới. Do đó, mười pháp giới có một trăm pháp giới. Trong mỗi pháp giới lại có mười món như thị, hợp thành mỗi thế gian có một ngàn món. Như, thường gọi là một ngàn tánh tướng).

- Bốn, quy kết thành cảnh Nhị Đế.
- Năm, quy kết thành cảnh Nhất Thật Đế.
- Sáu, quy kết thành cảnh Vô Đế.

Nói căn kẽ thì như trong sách Huyền Nghĩa đã giảng.

Kể đó, nói về quán trí. Kèm theo cảnh để nói về trí, bèn có năm lượt luận định về Quán. Nếu xét theo nhân duyên bèn luận định bốn loại Quán. Nếu xét theo Tứ Đế, cũng là bốn loại Quán. Nếu xét theo Tam Đế, sẽ có hai loại Quán. Nếu xét theo Nhị Đế, sẽ có bảy loại Quán. Nếu xét theo Nhất Thật Đế, chỉ có một loại Quán. Nếu Vô Đế thì chẳng có Quán. Những điều này cũng được nói căn kẽ trong sách Huyền Nghĩa.

Nay lại xét theo mười pháp giới để nói về hai loại Tam Đế: Một là Thông, hai là Biệt. Luận theo Thông, thì mười pháp giới đều là pháp sanh bởi nhân duyên, chẳng giới nào không phải là “*tức Không, tức Giả, tức Trung*”. Không là Chân Đế, Giả là Tục Đế, Trung là Trung Đạo Đế Nhất Nghĩa Đế. Biệt luận thì sáu phàm giới (nhân, thiên, A Tu La...) là pháp sanh bởi nhân duyên. Nhị Thừa giới là Không, Bồ Tát giới là Giả, Phật giới là Trung. Cảnh Đế đã có hai ý là Thông và Biệt.

Đối cảnh nói đến Quán, cũng có hai ý: Một là Thứ Đệ Tam Quán, hai là Nhất Tâm Tam Quán. Thứ Đệ là như kinh An Lạc dạy: “*Tùng Giả nhập Không, danh Nhị Đế Quán. Tùng Không nhập Giả, danh Bình Đẳng Quán*” (Từ Giả nhập Không, gọi là Nhị Đế Quán. Từ Không nhập Giả, gọi là Bình Đẳng Quán). Hai phép Quán làm phương tiện để nhập Trung Đạo Đế Nhất Nghĩa Quán. Ba món Quán ấy chính là Tam Trí được nói trong kinh Đại Phẩm [Bát Nhã]: Một là Nhất Thiết Trí, hai là Đạo Chứng Trí, ba là Nhất Thiết Chứng Trí.

Luận định chung thì Quán và Trí chỉ là một pháp, nhưng có tên gọi khác nhau. Luận định riêng thì khi tu nhân gọi là Quán, khi đắc quả thì gọi là Trí. Đại Kinh nêu ra mười hai nhân duyên, có bốn loại Quán, tức hạ trí, trung trí, thượng trí, và thượng thượng trí. Tích Không là hạ, tức Tạng Giáo. Thể Không là Trung, tức Thông Giáo. Từ Không nhập Giả là thượng, tức Biệt Giáo. Trung Đạo chánh quán là thượng thượng, tức Viên Giáo.

Hãy nên biết Tích Quán và Thể Quán đều thuộc về Nhất Thiết Trí. Nếu đem Tam Trí và Tứ Quán phối ứng với Ngũ Nhân thì:

- Nhục nhãn và thiên nhãn chiêu chuyện thô hay tế, đều là Thế Trí, đều là cái gốc của các quán cảnh.
- Huệ nhãn đối ứng với Không Quán, thuộc về Nhất Thiết Trí.
- Pháp nhãn đối ứng Giả Quán, thuộc về Đạo Chứng Trí.

- Phật nhãn đối ứng với Trung Quán, thuộc Nhất Thiết Chung Trí.

Câu kệ “*nhân duyên sở sanh pháp*” (pháp sanh bởi nhân duyên) trong Trung Luận chính là cái gốc của Quán Trí. Ba câu sau đó, theo thứ tự đối ứng với Tam Trí.

Nếu đối ứng với tứ giáo thì câu đầu tiên đối ứng với Tạng Giáo. Ba câu sau theo thứ tự đối ứng với Thông, Biệt, Viên. Vì thế, hễ đối ứng với tứ giáo, nếu chẳng có giáo, sẽ chẳng có Quán. Nương theo giáo để tu Quán, sẽ thành tựu trí. Vì thế, cần phải nói rõ giáo. Giáo ắt phải có chủ, “chủ” chính là Phật. Hoặc có thể là một vị Phật nói tứ giáo, hoặc có thể là thị hiện bốn tướng để nói bốn loại Phật, tức là phải có bốn loại Bồ Xứ Bồ Tát nhằm phù tá Phật hoàng truyền bốn giáo ấy. Hoặc là nói “*tướng tịch diệt của các pháp, chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn tả, thì sanh sanh*¹²⁵ *còn chẳng thể nói, hướng hồ sanh bất sanh*” v.v... ư? Hoặc nói “*do có nhân duyên nên cũng có thể nói*” thì không chỉ là sanh sanh có thể nói, mà cho đến bất sanh bất sanh cũng có thể nói! Dùng cửa Phật giáo để thoát khỏi nỗi khổ sanh tử, chớ nên một mực chấp trước “*vô thuyết*”!

Bậc Bồ Xứ trong Tam Tạng giáo thì trăm kiếp gieo nhân nơi tướng hảo, chế phục Hoặc, chứ chưa đoạn được, chỉ có thể đạt tới Nhân Vị của Thanh Văn. Chỉ vì hạnh Lục Độ thành tựu, thế nguyện sắp mãn, từ bi huân chúng sanh, cũng có thể dẹp khổ, ban vui, tức là xét theo Thế Trí thuộc các pháp sanh bởi nhân duyên. [Vị Bồ Xứ trong Tạng Giáo này] quán âm thanh trong lục đạo thế gian, cho nên gọi là Quán Thế Âm.

Bậc Bồ Xứ trong Thông Giáo quán Chân, đoạn kết sử, chẳng trụ vào Không. Từ Không xuất Giả, Đạo và Quán cùng lưu xuất, du hý thần

¹²⁵ Đây là một khái niệm dựa theo “*lục bất khả thuyết*” (sáu điều chẳng thể nói) trong kinh Đại Bát Niết Bàn (quyển hai mươi mốt). Tông Thiên Thai phối ứng điều này với tứ giáo, phán định như sau:

- Sanh sanh bất khả thuyết: Tạng Giáo nói nhân duyên là cái có thể sanh (năng sanh), các pháp là cái được sanh (sở sanh), cả hai đều là thật sự có, cho nên gọi là Sanh Sanh. Nếu xét theo Viên Giáo, cả hai điều ấy đều chẳng thể nói được, nên gọi là Sanh Sanh Bất Khả Thuyết.

- Sanh bất sanh bất khả thuyết: Thông Giáo nói bản thể của năng sanh và sở sanh đều là không, cho nên gọi là Sanh Bất Sanh.

- Bất sanh sanh bất khả thuyết: Biệt Giáo nói lý Chân Như chẳng sanh, sanh ra sự là mười pháp giới sai biệt. Vì thế nói là Bất Sanh Sanh.

- Bất sanh bất sanh bất khả thuyết: Viên Giáo nói lý Chân Như và Sự thuộc mười pháp giới chẳng hai, do vậy gọi là Bất Sanh Bất Sanh.

thông, thanh tịnh quốc độ của Phật, tức là dùng Thể Không Nhất Thiết Trí để quán âm thanh của lục đạo thế gian, bèn gọi là Quán Thế Âm.

Bạc Bồ Xứ của Biệt Giáo, Thập Trụ đoạn Kiến Tư Hoặc, thành Nhất Thiết Trí. Thập Hạnh thì dùng tứ môn của tứ giáo để quán Giả, đoạn Trần Sa Hoặc, thành tựu Đạo Chứng Trí. Thập Hồi Hướng tu tập Trung Quán, chế phục vô minh. Sơ Địa đoạn một phần vô minh, thành tựu một phần Nhất Thiết Chứng Trí. Sau khi đã đắc Thập Địa, vô minh sắp hết, quán đánh thọ chức¹²⁶, đại từ, đại bi huân khắp pháp giới, hễ có cơ cảm đều có thể “đẹp khổ, ban vui”, tức là dùng Thứ Đệ Tam Trí để quán âm thanh của mười pháp giới thế gian, cho nên gọi là Quán Thế Âm.

Bạc Bồ Xứ của Viên Giáo từ sơ phát tâm chánh quán Trung Đạo, biết rõ ba ngàn tánh tướng của chúng sanh trong mười pháp giới như hình tượng trong gương, như vàng trắng trong nước, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng thể nói là Có, chẳng thể nói là Không, rốt ráo chẳng thật, nhưng lý Tam Đế rành rành trọn đủ, chẳng trước, chẳng sau, ở trong nhất tâm, chính là một mà luận định là ba, tuy là ba mà luận một. Quán Trí đã là như thế, Đế lý cũng thế. Một Đế chính là Tam Đế, Tam Đế chính là một Đế, tức là từ trong sơ tâm mà quán trọn hết thấy các Phật pháp thuộc Tam Đế.

¹²⁶ “*Quán đánh thọ chức*” có hai cách hiểu:

- Bồ Tát từ đệ cửu địa khi tiến nhập địa vị thứ mười là Pháp Vân Địa, chư Phật dùng trí thủy để rưới lên đỉnh đầu, chứng minh vị ấy đã nhận chức Pháp Vương Tử.
 - Trong Mật Giáo, khi đệ tử đức hạnh và học vấn tốt đẹp, tương xứng, đúng là căn cơ thích đáng để nhận lãnh mật pháp, vị A Xà Lê liền làm lễ quán đánh truyền pháp. Khi đó, để chuẩn bị, hành giả phải tu gia hạnh (các hạnh phụ trợ để thanh tịnh tam nghiệp, chẳng hạn như cách tu Ngöndro (tiếng Phạn là pūrvaka, nghĩa là tiền phương tiện gia hạnh) của Mật Giáo Tây Tạng, tức là phải sám hối đủ mười ngàn lần, thực hiện nghi quỹ cúng dường Mạn Đà La mười ngàn lần, tụng Bách Tụng Chú của Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát mười ngàn lần v.v...) rồi mới được vào đàn tràng lãnh thọ pháp. Hành giả cầm hoa gieo vào Mạn Đà La, hoa rơi xuống vị Phật, Bồ Tát, thánh chúng nào được vẽ (hoặc ghi chủng tử) trong Mạn Đà La, sẽ được A Xà Lê truyền trao chân ngôn, thủ ấn, và cách tu pháp chân ngôn của vị tôn thánh ấy. Vị A Xà Lê dùng nước từ năm cái trí bình (đặt ở bốn góc và trung tâm Mạn Đà La) rưới lên đầu hành giả (gọi là “quán đánh”). Chuyện này thường được gọi là “*quán đánh thọ chức*”, hàm nghĩa hành giả được rưới nước trí thủy của mười phương chư Phật, tiếp nhận ngôi vị pháp vương tử.
- Ở đây, phải hiểu theo cách thứ nhất.

Vô Duyên Từ Bi ở trong nhất tâm, tu trọn vạn hạnh và các Ba La Mật, nhập địa vị Thập Tín, đã có thể vĩnh viễn già biệt khổ luân trong tam giới, tứ trụ rơi rụng trước, sáu căn thanh tịnh, được gọi là Tương Tự Giải. Tấn nhập sơ tâm của Thập Trụ, liền phá vô minh, khai phát Thập Tướng, đắc “một thân là vô lượng thân” của Như Lai, lặng lẽ ứng với hết thấy, trọn đủ Tam Trí. Từ sự thọ dụng thù thắng mà đặt tên, chỉ gọi là Nhất Thiết Chung Trí. Trọn đủ ngũ nhãn, từ sự thọ dụng thù thắng mà đặt tên, chỉ gọi là Phật nhãn. Vì thế nói là “*khai Phật tri kiến*”. Công đức của Sơ Trụ đã chẳng thể trọn hết, huống hồ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, huống hồ bậc Đẳng Giác ư? Nếu có thể hiểu như thế, sẽ gọi là Nhân Pháp của Viên Giáo.

Xét theo Vô Tác Tứ Đế, khởi Vô Duyên Từ Bi, tu Định Huệ bất nhị, thành tựu hai thân Chân và Ứng, thật sự trọn khắp pháp giới. Dược Châu (dược thụ vương và Như Ý Châu) ứng trọn khắp hết thấy, ngang hay dọc đều thích ứng căn cơ, hai thứ lợi ích ngấm ngấm và rõ rệt, dùng bảo tạng Kim Cang Bát Nhã chẳng khuyết để dẹp trừ các nỗi khổ vi tế thuộc hai loại sanh tử. Dùng Thủ Lăng Nghiêm pháp giới kiện tướng [tam-muội] và tam điểm Niết Bàn đại tự tại lạc, được gọi là “*nhất tâm tam trí chẳng thể nghĩ bàn*” để quán âm thanh chẳng thể nghĩ bàn thuộc nhất cảnh Tam Đế trong mười pháp giới, thì gọi là Quán Thế Âm.

Hỏi: - Đã quán chúng sanh “chẳng phải có, chẳng phải không”, có sao hành từ bi?

Đáp: - Nếu chẳng hiểu rõ Trung Đạo, sẽ chẳng biết “chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật”. Nếu không biết “chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật” thì cũng chính là “vô Quyền, vô Thật”. Nếu vô Quyền, vô Thật, sẽ chẳng có bốn phen nhân quả. Nếu hiểu rõ Trung Đạo thì Quyền và Thật cùng chiếu. Nếu Quyền và Thật cùng chiếu, sẽ có ba loại nhân quả thế gian và xuất thế gian thuộc Quyền Tứ Đế, và cũng có nhân quả thế gian và xuất thế gian thuộc Nhất Thật Vô Tác Tứ Đế, rành rành trọn đủ trong một niệm tâm. Vì lẽ nào vậy? Dùng Thật Tướng huệ để giác liễu các pháp “chẳng phải không, chẳng phải có” thì gọi là Phật Bảo. Lý pháp tánh được giác ấy trọn đủ Tam Đế thì chính là Pháp Bảo. Giác huệ như thế hòa hợp cùng Lý Sự, gọi là Tăng Bảo.

“*Sự hòa*” (Hòa hợp theo phương diện sự tướng) liền có thánh hiền tăng thuộc ba giáo trước (Tạng, Thông, Biệt). “*Lý hòa*” bèn có hiền thánh tăng thuộc bốn mươi hai địa vị trong Viên Giáo. Vì thế, Đại Kinh dùng chuyện mặt trăng tăng hay giảm để sánh ví Trí Đức và Đoạn Đức. Trăng trước ngày Rằm, ví như trí quang (quang minh trí huệ) dần dần

tăng trưởng, tức là Trí Đức. Quang minh sau Rằm ví như vàng trắng khuyết, dần dần giảm bớt, tức là Đoạn Đức. Bản thể của trắng vốn chẳng có tròn, khuyết, tương sáng cũng chẳng có vơi đầy. Thể chẳng thiên lệch hay toàn vẹn ví như Thật Tướng. Ánh sáng có vơi đầy ví như Trí Đoạn. Trí quang tăng thêm, tức là các pháp chẳng sanh mà sanh Bát Nhã. Đoạn quang giảm thiểu, tức các pháp chẳng diệt mà phiền não diệt. Tăng giảm như thế, hằng ngày đều có. Trí Đoạn như thế, chón chón đều có đủ. Như là trong ngày Rằm, Thể tròn vẹn, ánh sáng trọn đủ, nhưng trắng chẳng tròn hơn, ánh sáng chẳng mạnh hơn. Điều này ví như Lý Trung Đạo tột cùng, trí Bồ Đề viên mãn. Vì thế nói: *“Bất sanh bất diệt gọi là Đại Niết Bàn”*.

Nếu là ngày Ba Mươi, thể tận, quang diệt, rốt ráo chẳng còn sót gì. Điều này ví như vô minh đã trừ hết, tà vạy, điên đảo vĩnh viễn trừ diệt, chẳng có Hoặc để có thể đoạn. Vì thế nói: *“Bất diệt bất diệt gọi là Đại Niết Bàn”*. Nói về Trí Đoạn của Tăng Bảo như thế, đều là xét theo pháp Trung Đạo Nhất Thật Tướng, hết thấy nhân quả chẳng bị phá hoại, mất mát. Nếu chẳng hiểu *“Trung Đạo chẳng phải Không, chẳng phải Giả”*, chỉ chấp trước đoạn, thường v.v... thì chính là phá nhân quả thế gian và xuất thế gian thuộc Sanh Diệt Tứ Đế, phá Tam Bảo thuộc Tam Tạng Giáo. Nếu chỉ nói *“vô thường sanh diệt”* thì chính là phá Vô Sanh Tứ Đế và Tam Bảo của Thông Giáo. Nếu chỉ nói *“thấu hiểu Chân Đế chẳng sanh, chẳng diệt”* tức là phá Vô Lượng Tứ Đế và Tam Bảo của Biệt Giáo. Nếu chỉ nói theo thứ tự hiển lộ chẳng phải Không chẳng phải Hữu, thì cũng là phá Vô Tác Tứ Đế và Nhất Thể Tam Bảo của Viên Giáo. Truyền dạy lẫn nhau, người phá hoại đánh mất điều trước thì nhiều, kẻ phá hoại đánh mất điều sau thì ít. Nếu nay hiểu ý Viên Giáo, sẽ là hết thấy đều chẳng bị phá hoại, mất mát.

Hỏi: - Nếu viên tu Thật Tướng thì nhất pháp Tam Đế, nhất tâm tam quán trọn đủ các pháp, cũng phải nên là *“một giáo diễn tả trọn đủ bốn giáo”*. [Vậy thì] chỉ cần nói Viên Giáo là đủ rồi, cần gì phải phân biệt bốn giáo như trên đây?

Đáp: - *“Một giáo nói trọn vẹn hết thấy các pháp”* thì chỉ thích đáng cho người lợi căn, còn tứ giáo sai biệt nhằm tương ứng kẻ độn căn. Nếu chẳng do phân biệt theo thứ tự, sẽ do đâu để có thể hiểu viên đốn? Dùng Biệt để hiển Viên; vì thế, trước hết nói bốn giáo. Chẳng hạn như muốn nói rõ Nhất Tâm Tam Quán, trước hết bèn giảng rõ Thứ Đệ Tam Quán. Tuy nói các thứ đạo, thật ra là Nhất Thừa. Nếu có chúng sanh chẳng tin nhận, sẽ được chỉ dạy, đạt lợi ích, hoan hỷ trong các pháp sâu

xa khác của Như Lai. “Các pháp khác” chính là ba giáo trước. Đã nhập Phật huệ, phương tiện sẽ tự dứt. Vì thế nói: “Duy thứ nhất sự thật, duy nhị tắc phi chân” (Chỉ có một sự thật này, hai thứ khác chẳng thật). Vì thế biết: Chỉ một giáo pháp viên đôn, Nhất Thiết Chứng Trí, Trung Đạo chánh quán. Chỉ có điều ấy là Quán Thế Âm nơi Thật, các điều khác đều là nói phương tiện.

Xét theo Bốn Tích, kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi nói: “*Thử Bồ Tát bất khả tư nghị oai thần chi lực. Ư quá khứ vô lượng kiếp tiền, dĩ tác Phật cánh, hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai. Đại bi nguyện lực, an lạc chúng sanh, hiện tác Bồ Tát*” (Vị Bồ Tát này có sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn. Vô lượng kiếp trong thuở quá khứ trước kia, Ngài đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Do đại bi nguyện lực, an lạc chúng sanh, bèn hiện làm Bồ Tát). Kinh Quán Âm Tam Muội lại nói: “*Tiên dĩ thành Phật, hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai, Thích Ca vì bỉ Phật tác khổ hạnh đệ tử*” (Trước kia, Ngài đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Phật Thích Ca làm đệ tử khổ hạnh của đức Phật đó). Kinh Bi Hoa chép: “*Quá khứ Bảo Tạng Phật thời, Chuyển Luân vương đệ nhất thái tử, tam nguyệt cúng Phật cập tỳ-kheo tăng, phát Bồ Đề tâm. Nhược hữu chúng sanh, thọ tam đồ đẳng nhất thiết khổ não, nhược năng niệm ngã, xưng ngã danh tự, vì ngã thiên nhân, thiên nhĩ văn kiến, bất miễn khổ giả, ngã chung bất thành Vô Thượng Bồ Đề. Bảo Tạng Phật ngôn: - Nhữ quán nhất thiết chúng sanh, dực đoạn chúng khổ. Cố kim tự nhữ vi Quán Thế Âm*” (Trong quá khứ, thời Bảo Tạng Phật, Thái Tử thứ nhất của vua Chuyển Luân trong ba tháng cúng Phật và tỳ-kheo tăng, phát Bồ Đề tâm, [phát thệ rằng]: “Nếu có chúng sanh hứng chịu hết thấy các khổ não như tam đồ v.v... mà nếu có thể niệm ta, xưng danh tự của ta, được ngàn mắt ngàn tay của ta thấy nghe mà chẳng khỏi khổ, ta trọn chẳng thành Vô Thượng Bồ Đề”. Phật Bảo Tạng bảo: “Ông quán hết thấy chúng sanh, muốn đoạn các nỗi khổ. Nay ta đặt tên cho ông là Quán Thế Âm”). Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, [trong phần Nhĩ Căn Viên Thông] có nói: “*Ngã niệm vãng tích vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Quán Thế Âm. Ngã u bỉ Phật phát Bồ Đề tâm. Bỉ Phật giáo ngã tụng Văn, Tư, Tu, nhập tam-ma-địa. Sơ u văn trung, nhập lưu vong sở, nãi chí hốt nhiên siêu việt thế xuất thế gian, hoạch nhị thù thắng: Nhất giả, thượng hợp thập phương chư Phật, dữ Phật Như Lai đồng nhất từ lực. Nhị giả, hạ hợp thập phương nhất thiết chúng sanh, dữ chư chúng sanh đồng nhất bi nguyện, đắc thành tam thập nhị ứng, thập tứ vô úy, tứ bất tư nghị vô tác diệu đức. Bỉ Phật*

thán ngã thiện đắc Viên Thông pháp môn, u đại hội trung, thọ ký ngã vì Quán Thế Âm hiệu. Do ngã quán thính thập phương viên minh, cố Quán Âm danh, biến thập phương giới” (Con nhớ trong vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp xưa kia, có Phật xuất thế, tên là Quán Thế Âm. Con phát tâm Bồ Đề nơi đức Phật ấy. Đức Phật ấy dạy con từ Văn, Tư, Tu nhập tam-ma-địa. Thoạt đầu, từ cái Nghe, tiến nhập dòng tâm thức, quên đi cái được nghe (trần cảnh), cho đến bỗng dưng siêu việt thế gian và xuất thế gian, đạt được hai thứ thù thắng: Một là trên hợp với mười phương chư Phật, có cùng một từ lực với Phật Như Lai. Hai là dưới thì hợp với hết thảy chúng sanh trong mười phương, cùng với các chúng sanh cùng một niềm bi ngưỡng, đạt được ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy, bốn món vô tác diệu đức chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật ấy khen ngợi con khéo đạt được pháp môn Viên Thông, bèn ở trong đại hội, thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm. Do con xem xét, nghe mười phương viên minh, cho nên danh hiệu Quán Thế Âm trọn khắp mười phương cõi). Kinh Quán Thế Âm Đắc Đại Thế Nhị Bồ Tát Thọ Ký chép: “*Thứ A Di Đà Phật hậu, đương thành Chánh Giác, danh Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai*” (Kể đó, sau A Di Đà Phật, [Quán Thế Âm Bồ Tát] sẽ thành Chánh Giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai). Bốn Tích như thế khó thể suy lường để biết được!

Giải thích theo quán tâm:

- Quán tâm được sanh bởi nhân duyên, đó là Quán Thế Âm trong Tam Tạng.
- Quán tâm chính là Không, đó là Quán Thế Âm trong Thông Giáo.
- Quán tâm chính là Giả, tức là Quán Thế Âm trong Biệt Giáo.
- Quán tâm tức Trung, đó là Quán Thế Âm trong Viên Giáo.

Lại chỉ trong một tâm niệm nhỏ bé hiện tiền ấy, dấu hôn mê, điên đảo, làm lạc, nhưng Kiến Phần có thể duyên, bản thể của nó không gì chẳng phải là Nhất Tâm Tam Quán. Bản thể của Tướng Phần được duyên [bởi Kiến Phần], không gì chẳng phải là nhất cảnh Tam Đế. Tuy bản thể của chúng đều là diệu trí, diệu cảnh, cảnh và trí chẳng hai; nhưng chúng sanh hằng ngày sử dụng mà chẳng biết, oan uổng hững chịu luân hồi! Tuy luân hồi, Tánh Đức chẳng giảm. Đó là Lý Tức Quán Thế Âm.

Nếu nghe mà có thể hiểu, sẽ chẳng ở ngoài tâm để riêng hỏi Phật pháp và chúng sanh pháp. Đây chính là Danh Tự Tức Quán Thế Âm.

Nếu đúng như điều đã hiểu để tu Chỉ Quán, chế phục trọn vẹn ngũ trụ. Đó là Quán Hạnh Tức Quán Thế Âm.

Nếu sức Chỉ Quán mạnh mẽ, thô cấu rơi rụng trước, sáu căn thanh tịnh, sẽ là Tương Tự Túc Quán Thế Âm.

Nếu phát khởi chân vô lậu giải thuộc Trung Đạo, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, sẽ là Phần Chứng Túc Quán Thế Âm.

Nếu viên mãn Bồ Đề, trở về vô sở đắc, rốt ráo thấu hiểu trọn hết Thật Tướng của cõi tam thiên. Đó chính là Cứu Cánh Túc Quán Thế Âm.

25.1.2.2. Giải thích từ ngữ Phổ Môn

Kể đó, giải thích Phổ Môn, lại có hai ý:

- Một, giải thích Môn theo cách nói thông thường.
- Hai, xét theo mười nghĩa để giải thích.

25.1.2.2.1. Giải thích theo đường lối thông thường

Trong phần giải thích theo cách nói thông thường, lại có bốn ý:

- Một, liệt kê đại lược danh xưng của Môn.
- Hai, chỉ bày tướng trạng của Môn.
- Ba, nêu bày Quyền Thật.
- Bốn, luận định phổ và chẳng phổ.

25.1.2.2.1.1. Liệt kê đại lược danh xưng của Môn

Như cửa trong thế gian thông tới chỗ ở dù sang hay hèn. Kẻ phàm phu kém hèn dùng Thập Ác Ngũ Nghịch làm cửa để thông tới tam đồ. Kẻ thanh khiết hướng thượng dùng Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Thiên, Tứ Định làm cửa để thông tới nhân thiên. Ngoại đạo dùng Đoạn, Thường làm Môn để thông tới Hoặc khổ! Ái (Tư Hoặc) dùng bốn thứ điên đảo làm Môn, Kiến (Kiến Hoặc) dùng bốn câu làm Môn. Thiện ác tuy khác, nhưng nói tóm lại, đều là cửa dẫn tới hữu lậu thế gian, thông tới sanh tử.

Nếu nương vào pháp luân của Phật để làm môn, cũng lại rất nhiều:

- Bốn môn của Tam Tạng thông tới hữu dư và vô dư Niết Bàn.
- Bốn môn của Thông Giáo, gần thì thông tới hóa thành, xa thì thông tới thường trụ.
- Bốn môn của Biệt Giáo dần dần thông tới thường trụ.
- Bốn môn của Viên Giáo nhanh chóng thông tới thường trụ.

Đó chính là bốn lần bốn thành mười sáu giáo môn. Lại có mười sáu quán môn, hợp thành ba mươi hai, đều là ý nghĩa “có thể thông”, chi tiết thì như trong sách Huyền Nghĩa đã nói.

25.1.2.2.1.2. Nêu bày tướng trạng của Môn

Bốn môn trong Tam Tạng (Tạng Giáo), tức A Tỳ Đàm (Abhidharma) là Hữu môn, Thành Thật Luận¹²⁷ là Không môn, Côn Lặc¹²⁸ là diệc Hữu diệc Không môn (môn vừa Có vừa Không), Xa Nặc¹²⁹ là phi Không phi Hữu môn, mỗi mỗi rộng nêu hành pháp để phán định địa vị hiện thánh, do môn thông tới Lý.

¹²⁷ Thành Thật Luận (Satyasiddhi-sāstra) do ngài Ha Lê Bạt Ma (Harivarman) trước tác, được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán trong năm 411 tức trong niên hiệu Hoàng Thi nhà Diêu Tần. Thành Thật có nghĩa là “*thành tựu Tứ Đế chân thật*”. Luận quy kết tất cả các hiện tượng và vạn pháp trong vũ trụ đều không có thật thể, đều là Không. Dùng phép Quán như thế để thấu hiểu lý Tứ Đế, dùng bát thánh đạo diệt trừ các phiền não. Vào thời Nam Bắc Triều, đã thành lập một học phái chuyên nghiên cứu bộ luận này, gọi là Thành Thật Tông, và theo cách phán định thông thường, tông này được coi là Tiểu Thừa. Tuy thế, vẫn có những tranh luận giữa việc phán định luận này là Tiểu Thừa hay Đại Thừa. Chẳng hạn ba vị đại pháp sư đời Lương (Quang Trạch Pháp Vân, Trang Nghiêm Tăng Mân, và Khai Thiện Trí Tạng) dựa trên quan điểm của Pháp Hoa - Niết Bàn mà phán định luận này là Đại Thừa, trong khi ngài Gia Tường Cát Tạng lại cho rằng đây là luận Tiểu Thừa.

¹²⁸ Côn Lặc là một bộ luận của Tiểu Thừa, do tôn giả Ca Chiên Diên trước tác, luận về lý “diệc Hữu, diệc Vô”. Đại Trí Độ Luận quyển hai giảng: “*Thuở đức Phật tại thế, ngài Ma Ha Ca Chiên Diên hiểu lời Phật, soạn bộ Côn Lặc. Côn Lặc, dịch sang tiếng Hán là Khiếp Tạng, cho đến hiện thời vẫn lưu hành tại Thiên Trúc*”. Trong quyển mười tám của bộ luận ấy lại nói: “*Người trí nhập ba loại pháp môn, quán hết thấy lời Phật, đều là Thật Pháp chẳng hề trái nghịch, những gì là ba môn? Một là Côn Lặc môn, hai là A Tỳ Đàm môn, ba là Không môn. Côn Lặc là gì? Côn Lặc có ba trăm hai mươi vạn chữ, do ngài Đại Ca Chiên Diên trước tác thuở Phật tại thế. Sau khi Phật diệt độ, thọ mạng con người giảm dần, trí nhớ giảm bớt, chẳng thể tụng nhiều, những người đắc đạo bèn soạn thành ba trăm tám mươi bốn ngàn chữ. Nếu ai nhập vào Côn Lặc luận môn thì nghĩa lý vô cùng*”.

¹²⁹ Xa Nặc (Chandaka) tức là người hầu của đức Phật khi Ngài còn làm Thái Tử. Khi Thái Tử vượt thành xuất gia, Xa Nặc đã dẫn ngựa Kiền Trắc, mang tóc, và châu báu do Thái Tử trả lại cho vua Tịnh Phạn. Khi Thái Tử thành đạo, bèn theo Phật xuất gia. Thoạt đầu, do ý mình có thân phận tôn quý từ vương cung, Xa Nặc ôm tánh ngạo mạn, thường khinh miệt các tăng sĩ thuộc các tầng lớp thấp hơn, tập quán ác khẩu chẳng sửa đổi, bị người đời gọi là Ác Khẩu tỳ-kheo, hoặc Ác Tánh Xa Nặc. Khi Phật sắp nhập diệt, ngài A Nan xin chỉ dạy cách đối trị, đức Phật dạy cách đối trị bằng

Bốn môn của Thông Giáo tức là Hữu như huyễn, Không như huyễn, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng là mỗi mỗi đều dựa theo hành tướng để phán định địa vị hiện thánh do môn thông tới Lý.

Bốn môn của Biệt Giáo tức là: Quán Phật tánh như nhà tối, bình, bòn, tức là Hữu môn. Quán Phật tánh như hư không, thành Ca Tỳ La trống rỗng, tức là Vô môn. Quán Phật tánh như vàng trong quặng đá, người có phước đạt được của báu, kẻ có tội thấy là đá. Đó là môn “cũng có, cũng không”. Quán Phật tánh lìa nhị biên, tức môn “chẳng có, chẳng không” thuộc Trung Đạo. Mỗi mỗi dùng làm hành tướng để phán định địa vị do Môn thông tới Lý.

Bốn môn của Viên Giáo có danh xưng chẳng sai khác Biệt Giáo, nhưng một môn chính là ba môn, ba môn chính là một môn, chẳng phải một, chẳng phải bốn, không có trái khắp hay riêng biệt sai khác, viên dung chẳng phải bốn môn mà là bốn môn. Mỗi mỗi đều là tướng trạng để phán định hạnh vị chẳng thể nghĩ bàn, cũng do Môn mà thông tới Lý.

25.1.2.2.1.3. Nói về Quyền Thật

Hai giáo Tạng và Thông, dù giáo hay quán, tổng cộng mười sáu môn, cái có thể thông (năng thông) và cái được thông (sở thông) hoàn toàn là Quyền. Trong tám môn¹³⁰ giáo và quán của Biệt Giáo thì năng thông là Quyền, sở thông là Thật. Trong tám môn giáo quán của Viên Giáo, năng thông và sở thông đều là Thật.

25.1.2.2.1.4. Nói về phổ và chẳng phổ

Các môn Kiến, Ái v.v... của phàm phu và ngoại đạo còn chẳng thể dẫn đến thoát khỏi tam giới, hướng hồ là Phổ ư? Hai giáo Tạng và Thông chỉ thông tới hóa thành, cũng chẳng phải là Phổ! Biệt Giáo dần dần thông, cũng chẳng phải là ý nghĩa Phổ. Chỉ có giáo và quán của Viên Giáo là pháp môn Thật Tướng, có thể trọn khắp một ngàn tánh

mặc tẫn. Sau khi đức Phật nhập diệt, các tỳ-kheo vâng theo cách ấy để đối trị. Xa Nặc hỏi cải, theo A Nan học đạo, đắc A La Hán quả.

¹³⁰ Nói “tám môn” tức là đối với giáo bèn có bốn môn (có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không), quán cũng có bốn môn như vậy. Do đó, hợp thành tám môn.

tướng Tam Đế của mười pháp giới, cùng lúc viên thông, viên thông Trung Đạo, cùng chiếu hai Đế. Vì thế, gọi là Phổ Môn.

Phân giải thích Môn theo cách nói thông thường đã xong.

25.1.2.2.2. Dựa theo mười nghĩa để giải thích Phổ Môn

Lý tốt cùng chẳng thuộc về pháp số, do ứng với duyên hồng lợi lạc chúng sanh mà lập ra một, hai tên, hoặc nhiều đến vô lượng, rộng hay lược (tức một, hai tên hay vô lượng tên) đều thích đáng. Nay ở đây, nêu ra đại lược mười nghĩa: Một là từ bi phổ, hai là hoằng thệ phổ, ba là tu hành phổ, bốn là đoạn Hoặc phổ, năm là nhập pháp môn phổ, sáu là thần thông phổ, bảy là phương tiện phổ, tám là thuyết pháp phổ, chín là cúng dường chư Phật phổ, mười là thành tựu chúng sanh phổ.

Phổ Môn theo đường lối chung như trong phần trên là xét theo pháp, còn mười môn Phổ ở đây đều dựa trên sự tu hành phước đức trang nghiêm. Năm môn đầu (từ bi, hoằng thệ, tu hành, đoạn Hoặc, nhập pháp môn) là tự hành, ba môn kế tiếp (thần thông, phương tiện, thuyết pháp) là hóa độ người khác, hai môn sau cùng (cúng dường chư Phật và thành tựu chúng sanh) nhằm kết lại hai ý trên đây. Trong phần tự hành, bốn môn đầu (từ bi, hoằng thệ, tu hành, đoạn Hoặc) là tu nhân, môn thứ năm (nhập pháp môn) nói về quả. Tu nhân lại gồm hai phần: Hai môn đầu (từ bi và hoằng thệ) là nguyện, môn ba và bốn (tu hành và đoạn Hoặc) là hạnh.

Luận về sự sanh khởi chung [theo thứ tự của mười món Phổ ấy], Bồ Tát thấy hết thấy chúng sanh khổ não, dấy lòng đại từ bi. Cái tâm ấy tuy chưa phải là Bồ Đề tâm, nhưng có thể sanh khởi Bồ Đề tâm. Ví như địa và thủy tuy chưa phải là chủng tử, nhưng có thể khiến cho [hạt giống] nảy mầm. Nay do đại từ bi bèn khởi Bồ Đề tâm cũng giống như thế.

Kế đó là thệ nguyện. Nếu chỉ từ bi, thường là phần nhiều bị thoái đạo. Vì thế nói: “*Ngư tử, Am La hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ thành tựu thiểu*” (Cá con, hoa xoài, Bồ Tát sơ phát tâm. Ba chuyện ấy nơi nhân thì nhiều, nhưng thành tựu thì ít) do bất định vậy. Cần phải khởi thệ nguyện, mong quyết đạt được, để duy trì cái tâm ấy, khiến cho Bồ Đề kiên cố.

Tiếp đó là tu hành. Nếu chỉ phát nguyện, chưa lợi ích người khác, như chẳng có tài lực lẫn quyền mưu, sẽ chẳng thể dẹp nạn. Bồ Tát cũng thế, cần phải có “của cải” phước đức, sức thần thông, và mưu lược trí

huệ, thì mới có thể giáo hóa, hướng dẫn. Vì thế, cần phải tu hành để bồi đắp cho nguyện, tức là phương tiện đạo.

Kế đó là đoạn Hoặc, tức vô ngại đạo.

Kế đó, nhập pháp môn, tức là giải thoát đạo.

Đây chính là thứ tự trong tự hành.

Kế đến là thần thông v.v... [trong Thập Phổ]. Nếu muốn hóa độ người khác, cần phải chỉ bày tam luân: Thần thông là thân luân, phương tiện là ý luân, thuyết pháp là khẩu luân. Trước hết, dùng Định để đả động; sau đó, dùng Huệ để dẹp trừ [phiền não, mê hoặc]. Đó chính là thứ tự trong việc hóa độ người khác.

Kế đó, cúng dường chư Phật nhằm kết lại sự tự hành. Tùy thuận tu hành chính là Pháp Cúng Dường chân thật, là cao quý nhất trong các sự cúng dường. Do đó, Đại Kinh nói: “*Nhữ tùy ngã ngữ, tức cúng dường Phật*” (Ông tùy thuận lời ta thì chính là cúng dường Phật). Vâng theo giáo mà hành chính là kết lại sự tự hành. Thành tựu chúng sanh chính là kết lại sự hóa tha (hóa độ người khác). Bồ Tát nhập các pháp môn, thanh tịnh cõi Phật, đều vì lợi ích hết thảy chúng sanh.

25.1.2.2.2.1. Từ bi phổ

Giải thích [Thập Phổ, khởi đầu bằng Từ Bi Phổ]: Khởi đầu từ nhân thiên cho đến [hàng Bồ Tát đã] nhập Sơ Địa đều có từ bi. Nói kiểu ấy chính là Thông (nói chung, nói tổng quát), [từ bi] chẳng ra ngoài [ba loại là] chúng sanh duyên, pháp duyên, và vô duyên. Nếu xét theo thứ tự của ba lòng Từ thì khi duyên chúng sanh, do giả danh sai biệt của chúng sanh khác nhau, do nhân quả khổ hay lạc sai khác, vẫn chẳng thể nhập pháp duyên từ, sao có thể gọi là Phổ? Nếu là pháp duyên từ, thì vô nhân, vô ngã, vô chúng sanh. Từ Giả nhập Không, còn chẳng đạt được các giả danh, hà huống là Phổ? Nếu là vô duyên từ thì chẳng duyên theo giả danh trong hai mươi lăm Hữu (tam giới), chẳng duyên theo pháp Niết Bàn của Nhị Thừa. Tuy chẳng duyên theo, nhưng có thể cùng chiếu cả Không lẫn Giả. Dựa theo đó mà đáy lòng Từ thì gọi là Vô Duyên Từ. Tâm thông Tam Đế, bèn gọi là Phổ. Nếu xét theo nhất tâm viên diệu, ba lòng Từ chẳng phải vậy. [Phân tích cặn kẽ như sau]:

25.1.2.2.2.1.1. Chúng Sanh Duyên Từ Bi Phổ

Như chúng sanh duyên từ bi (lòng từ bi do thấy có chúng sanh đẹp khổ, ban vui), nếu quán giả danh của chúng sanh trong một pháp giới, sẽ chẳng thể gọi là Phổ. Nay quán giả danh của chúng sanh trong mười pháp giới, mỗi pháp giới đều có [mười món Như Thị là] tướng, tánh, bốn mặt cứu cánh v.v... của mười pháp giới. Mười pháp giới đối ứng lẫn nhau, bèn có “*bách giới, thiên như*”¹³¹ rành rành trọn đủ ở trong một niệm tâm. Ví như mặt người có đủ các tướng cát, hung, kẻ bình phàm chẳng biết, nhưng thầy coi tướng khéo biết. Một tâm của chúng sanh trọn đủ tánh và tướng của bách giới thiên như cũng giống như thế. Phàm phu điên đảo, lý trọn đủ, nhưng mê tình; thánh nhân hay biết, giống như thầy tướng biết ngàn loại tánh tướng ấy đều là các pháp sanh bởi nhân duyên. Nếu là pháp sanh bởi nhân duyên ác, sẽ chính là tánh, tướng khổ cho đến bốn mặt khổ. Do họ chưa giải thoát, do quán nổi khổ ấy, cho nên [Bồ Tát] dấy lòng đại bi. Nếu là pháp sanh bởi thiện nhân duyên, sẽ có tướng, tánh của lạc cho đến bốn mặt của lạc. Do họ chưa chứng đắc, cho nên quán điều này mà [Bồ Tát] khởi lòng đại từ. Nói chi tiết thì như trong sách Huyền Nghĩa đã giải thích căn cứ tánh, tướng v.v... của mười pháp giới. Bồ Tát quán sâu xa ngàn loại tánh tướng của chúng sanh trong mười pháp giới đều trọn đủ trong nhất tâm, tìm kiếm cội nguồn xa xôi, soi chiếu điều ác và điều thiện nơi Tánh Đức, còn tự lãnh hội phân minh; hướng hồ chẳng chiếu tỏ thiện ác do tu đắc ư? Như thấy Tuyết sơn có được vương, mà cũng có cỏ độc. Do quán sự ác độc trong Tánh Đức, sẽ động lòng xót thương, dấy tâm đại bi, muốn dẹp trừ nổi khổ ấy. Do quán sự thiện lạc trong Tánh Đức, bèn ái niệm hoan hỷ, khởi tâm đại từ, mong ban cho họ sự vui. Mười pháp giới ấy thấu nhiếp hết thảy chúng sanh chẳng còn sót. Duyên theo giả danh của các chúng sanh ấy mà tu từ bi, há chẳng phải là Chúng Sanh Duyên Từ Bi Phổ ư?

Hỏi: - Nổi khổ nặng nề trong địa ngục chưa dẹp trừ, ban vui bằng cách nào?

Đáp: - Khi chúng sanh vào địa ngục, phần nhiều khởi ba niệm, Bồ Tát thừa dịp [cứu độ]; đây chính là cái nhân ban vui. Vì thế nói là “ban vui”. Lại nữa, Bồ Tát có thể đại bi chịu khổ thay [cho các tội nhân trong địa ngục], khiến cho họ được ngôi nghỉ. Chính nổi khổ kia (tức nổi khổ

¹³¹ Mỗi pháp giới đều có đủ mười pháp giới (trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La...) nên 10x10 thành một trăm pháp giới. Đó là “bách giới”. Mỗi pháp giới lại có mười như thị (tánh như thị, tướng như thị...), nên 10x100=1.000 món như thị. Đó là Thiên Như.

trong chín pháp giới ngoài địa ngục giới) còn nhẹ; ý nghĩa “ban vui” dễ hiểu.

25.1.2.2.1.2. Pháp Duyên Từ Bi Phổ

Kể đó, nói đến Pháp Duyên Từ Bi Phổ. Quán tánh tướng của mười pháp giới, hết thấy thiện ác đều là hư không, mười pháp giới là giả danh. Giả danh thì đều là Không. Đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức trong mười pháp giới thì Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là Không. Xứ sở trong mười pháp giới, xứ sở đều là Không. Vô ngã, vô ngã sở, đều chẳng thể được, như huyễn, như hóa, chẳng có chân thật, tướng thường tịch diệt, rốt ráo quy vào Không. Có sao chúng sanh cưỡng chấp là thật, chẳng hay, chẳng biết, bị khổ, bị não, chẳng đạt được niềm vui vô vi tịch diệt? Nay muốn dẹp nỗi khổ ấy, khởi đại bi; do muốn ban cho [chúng sanh] niềm vui ấy, bèn dấy lòng đại từ. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói: “*Năng vị chúng sanh thuyết như thử pháp, tức chân thật Từ dã*” (Có thể vì chúng sanh nói pháp như thế thì chính là lòng Từ chân thật). Nếu duyên theo pháp của một pháp giới để khởi lòng từ bi, sẽ chẳng thể gọi là Phổ! Nay duyên theo pháp của mười pháp giới, há chẳng phải là Phổ ư?

25.1.2.2.1.3. Vô Duyên Từ Bi Phổ

Nếu duyên theo giả danh sai biệt của tánh, tướng v.v... trong mười pháp giới, thì cái giả ấy chẳng phải là giả; mười pháp giới như huyễn, như hóa, Không chẳng phải là Không. Do chẳng phải là Giả, cho nên chẳng duyên theo tánh tướng của mười pháp giới. Do chẳng phải là Không, cho nên chẳng duyên theo Chân trong mười pháp. Đã ngăn che hai bên (Không và Giả), chẳng trụ, chẳng chấp, cho nên gọi là Trung Đạo, mà cũng chẳng có Trung để có thể duyên theo, rốt ráo thanh tịnh. Khi quán như thế, tuy chẳng duyên theo Không và Giả, tùy ý cùng chiếu hai bên (Không và Giả), dấy lên Vô Duyên Từ Bi, dẹp trừ hai thứ tử khổ (Phân Đoạn và Biến Dịch), ban cho niềm vui Trung Đạo như nam châm hút sắt, chẳng có ai dạy bảo mà tự nhiên tương ứng. Vô Duyên Từ Bi thu hút căn cơ Tam Đế chẳng hề sai sót, chẳng cần phải dấy lên ý niệm. Hành giả thoát đầu từ địa vị phàm phu, do tu lòng từ bi ấy, liền nhập Vô Duyên Từ Bi thuộc Ngũ Phẩm Quán Hạnh, tiên nhập Tương Tự Vô Duyên Từ Bi của Thập Tín. Kể đó, nhập Thập Trụ thì mới là phản chứng

Vô Duyên Từ Bi. Cho đến Đẳng Giác, gần với địa vị từ bi tột cùng, phổ huân chúng sanh, bất động mà ứng, như gương sáng hiện hình bóng, như nam châm hút sắt, Tam Đế trọn đủ. Vì thế, gọi là Phổ, do thông tới Trung Đạo. Do đó, gọi là Môn.

25.1.2.2.2. Hoằng thệ phổ

“*Hoằng thệ*”: Hoằng (宏) là rộng lớn, Thệ là chế ngự. Nguyên là mong cầu, tức là chế ngự cái tâm để rộng cầu pháp thù thắng. Vì thế gọi là Tứ Hoằng Thệ Nguyên. Hoằng thệ vốn thành tựu từ bi, mà từ bi đã duyên theo khổ lạc, [cho nên] Hoằng Thệ cũng xét theo Tứ Đế. Nếu thấy Khổ Đế bức bách, tàn độc, đau xót, bèn nương theo đó dấy lên thệ nguyện. Vì thế nói “*kẻ chưa độ sẽ khiến cho được độ*”. Nếu thấy Tập Đế điên đảo, bị mê hoặc trói buộc, sẽ duyên theo đó dấy lên thệ nguyện. Vì thế nói “*sẽ khiến cho người chưa giải được giải*”, hành thanh tịnh đạo, có thể thoát khỏi sanh tử, đạt tới địa vị an lạc. Chúng sanh chẳng biết, muốn dạy cho chúng sanh trụ yên nơi đạo ấy. Vì thế nói “*kẻ chưa an sẽ khiến cho được an*”. Phiền não diệt mất, sự trói buộc của tử quả¹³² bị cắt đứt, thì gọi là Niết Bàn. Chúng sanh chưa chứng, duyên theo đó để dấy lên thệ nguyện. Vì thế nói “*kẻ chưa đắc Niết Bàn, sẽ khiến cho đắc Niết Bàn*”. Cái nhân sanh tử khó biết, khổ quả dễ biết. Vì thế, [trong khi dạy bảo nhân quả, phải nói theo thứ tự] “trước là quả, sau là nhân”. Diệu lý Niết Bàn cần phải có phương tiện thiện. Vì thế, [cần phải nói theo thứ tự] “trước là nhân, sau là quả”. Tứ Đế như thế chẳng ra ngoài nhất tâm. Do mê tâm mà dấy nghiệp, hễ có nghiệp liền cảm quả. Muốn biết cội nguồn của quả, thì quả chỉ do Tập. Chế phục cái tâm, dứt nghiệp, tức là sanh tử luân hư hoại. Điều phục phiền não thì gọi là Đạo. Tu hành chẳng lười nhác, khổ nhẫn sẽ sáng tỏ, dấy khởi, tử quả đều đoạn, thì gọi là Diệt. Tuy có bốn thứ sai khác (tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo), rốt cuộc là một niệm, chẳng có pháp nào khác. Tứ Đế đã là như thế, hoằng thệ cũng thế. Chỉ là do phàm phu chán ngán dưới, nắm níu trên, bèn duyên theo đó mà lập thệ. Hễ chưa thấu đạt Tứ Đế, sẽ chẳng gọi là Phổ.

Tạng Giáo và Thông Giáo chỉ thấy Phần Đoạn Tứ Đế, cũng chẳng gọi là Phổ. Biệt Giáo trước hết dựa theo Phần Đoạn rồi mới đến Biến

¹³² “Tử quả” tức là cái quả sanh bởi chủng tử, nói rộng hơn thì là cái quả sanh bởi phiền não trong quá khứ; đối lập với “quả tử” (chủng tử phát sanh khi quả báo chín muồi).

Dịch, đây cũng chẳng gọi là Phổ. Viên Giáo Bồ Tát trong nhất tâm, biết trọn khắp hết thấy Khô, Tập, Diệt, Đạo. “*Biết trọn khắp Tập*”: Kiến ái của phàm phu là hữu tác Tập. Nhị Thừa chấp Không, tức là vô tác Tập. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói: “*Pháp danh vô nhiễm. Nhược nhiễm ư pháp, thị danh nhiễm pháp, phi cầu pháp dã*” (Pháp là vô nhiễm. Nếu nhiễm nơi pháp thì gọi là nhiễm pháp, chẳng phải là cầu pháp). Lại nói: “*Kết tập vị tận, hoa tặc trước thân*” (Chưa sạch hết kết sử, tập khí thì hoa dính nơi thân)¹³³, tức là Biến Dịch Hoặc (chấp trước đối với Biến Dịch sanh tử) hoàn toàn chưa trừ. Đại Kinh nói: “*Nhữ chư tỳ-kheo, ư thủ Đại Thừa, vị vi chánh pháp trừ chư kết sử, tức Vô Tác Tập dã. Nãi chí thuận đạo pháp ái sanh, diệt thị Vô Tác Tập dã*” (Tỳ-kheo các ông đối với Đại Thừa này, chưa vì chánh pháp trừ các kết sử, thì chính là Vô Tác Tập. Cho đến thuận đạo pháp ái sanh cũng là Vô Tác Tập).

“*Biết trọn khắp Khô*”: Do có Tập, cho nên có thể chuốc khổ. Hữu Tác Tập chuốc vùi nổi khổ Phần Đoạn; Vô Tác Tập chuốc vùi nổi khổ Biến Dịch. Vì thế, Đạo Đế trong tam giới chính là Tập Đế ở ngoài tam giới.

¹³³ Đây là một câu chuyện trong phẩm Quán Chúng Sanh của kinh Duy Ma Cật khi ngài Văn Thù Sư Lợi dẫn các đệ tử Phật đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật. Sau khi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Duy Ma Cật đàm luận pháp bất tư nghị và cách quán chúng sanh, trong thất của Duy Ma Cật có một thiên nữ, do thấy các trời người nghe pháp, bèn hiện thân rải hoa lên các vị Bồ Tát và đại đệ tử. Hoa rơi xuống thân các vị Bồ Tát đều rớt, chỉ vương trên thân các vị Thanh Văn. Các vị Thanh Văn dùng trọn hết thân lực phửi hoa, nhưng hoa chẳng rớt. Nhân đó, thiên nữ hỏi Xá Lợi Phất vì sao phửi hoa. Ngài đáp: “Do chẳng như pháp nên phửi hoa”. Thiên nữ liền bảo: “*Vật vị thử hoa bất như pháp. Sở dĩ giả hà? Thị hoa vô sở phân biệt, nhân giả tự sanh phân biệt tướng nhĩ. Nhược ư Phật pháp xuất gia, hữu sở phân biệt, vi bất như pháp. Nhược vô sở phân biệt, thị tặc như pháp. Quán chư Bồ Tát hoa bất trước giả, dĩ đoạn nhất thiết phân biệt tướng cố. Thí như nhân úy thời, phi nhân đắc tiện. Như thị, đệ tử úy sanh tử cố, sắc, thanh, hương, vị, xúc đắc kỳ tiện dã. Dĩ ly úy giả, nhất thiết ngũ dục, vô năng vi dã. Kết tập vị tận, hoa trước thân nhĩ. Kết tập tận giả, hoa bất trước dã*” (Chớ bảo hoa ấy chẳng đúng pháp. Vì lẽ nào vậy? Hoa này chẳng phân biệt. Nhân giả tự sanh phân biệt đó thôi! Nếu người xuất gia trong Phật pháp có phân biệt, sẽ là chẳng đúng pháp. Nếu chẳng phân biệt thì là như pháp. Hãy xem các vị Bồ Tát chẳng dính hoa, do [các Ngài] đã đoạn hết thấy ý tưởng phân biệt. Ví như khi con người sợ hãi thì phi nhân mới thừa dịp [hãm hại]. Cũng giống như vậy, đệ tử vì sợ sanh tử, cho nên sắc, thanh, hương, vị, xúc mới thừa dịp. Do lìa sợ hãi, hết thấy ngũ dục sẽ chẳng làm gì được. Kết sử, tập khí chưa hết, hoa sẽ dính thân. Kết sử, tập khí đã hết, hoa sẽ chẳng dính).

“*Biết trọn khắp Đạo Diệt nhằm đối trị Khổ Tập*”: Ngũ Giới của nhân thiên, Thập Thiện, Tứ Thiên, Tứ Định, bất động, bất xuất. Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên của Tạng Giáo và Thông Giáo thông tới hai loại Niết Bàn hữu dư và vô dư. Biệt Giáo trải qua các địa vị thuộc Biệt, thông tới thường trụ. Nhưng chẳng thể trong một đạo mà có vô lượng đạo; [do vậy], chẳng thể gọi là Phổ Đạo. Trung Đạo của Viên Giáo chính là Thật Tướng. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng*” (Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp). Tu Đạo như thế thì gọi là “*viên nhân*” (cái nhân viên mãn), cho nên gọi là Phổ Đạo. Đạt được Niết Bàn chính là rốt ráo thường trụ. Hết thấy các phiền não vĩnh viễn chẳng còn thừa sót, ví như kiếp hỏa chẳng còn gì thừa sót. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa quả giả, chư pháp Thật Tướng*” (Quả của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp). Chứng Diệt như thế thì gọi là “*viên quả*”. Vì thế gọi là Phổ Diệt. Quán Tứ Đế đã trọn vẹn, duyên theo Đế để dấy lên thệ nguyện, lẽ nào chẳng trọn khắp? Vì thế nói là Hoằng Thệ Phổ.

25.1.2.2.2.3. Tu hành phổ

“*Tu hành*”: Theo thứ tự [tu tập] năm hạnh thì chẳng phải là Phổ. Nhất tâm [tu tập đồng thời] năm hạnh thì mới gọi là Phổ, cận kề thì như đã nói trong phần Hạnh Diệu của sách Huyền Nghĩa.

25.1.2.2.2.4. Đoạn Hoặc phổ

“*Đoạn Hoặc*”: Nếu từ Giả nhập Không, chỉ đoạn Tứ Trụ, hoa vẫn dính nơi thân, chưa vì chánh pháp trừ các kết sử, chỉ lìa hư vọng, chưa đạt được hết thấy các giải thoát. Cho nên chẳng gọi là Phổ. Nếu từ Không nhập Giả, chỉ trừ Trần Sa, chẳng nương theo căn bản để đoạn, cũng chẳng gọi là Phổ. Nếu Không và Giả chẳng hai, chánh quán Trung Đạo, cội rễ đã nghiêng, cành, lá tự rụng. Như đại địa bị che phủ, thảo mộc đều nát. Vì thế gọi là Đoạn Hoặc Phổ.

25.1.2.2.2.5. Nhập pháp môn phổ

“*Nhập pháp môn*”: Như Nhị Thừa nhập một pháp môn, chẳng thể nhập hai môn, huống hồ nhiều môn! Nếu tu khắp cách hạnh riêng biệt, giai vị sẽ sâu hay cạn sai khác, cũng chẳng gọi là Phổ. Nếu nhập vương

tam-muội, hết thầy tam-muội đều nhập vào đó. Ví như vua đi đến đâu, ắt có quần thần đi theo. Quần thần lại có kẻ hầu cận. Vương tam-muội cũng giống như thế. Nhất Đế tam-muội chính là Tam Đế tam-muội. Tam Đế tam-muội lại có vô lượng pháp môn làm quyền thuộc, cũng đều nhập vào trong vương tam-muội. Vì thế gọi là “nhập pháp môn phổ”.

25.1.2.2.2.6. Thần thông phổ

“*Thần thông*”: La Hán thấy đại thiên (một tam thiên đại thiên thế giới), Sơ Địa thấy một trăm cõi (một trăm cõi tam thiên đại thiên), Nhị Địa thấy một ngàn cõi v.v... đều là thần thông có hạn lượng, cho nên chẳng gọi là Phổ. Vì lẽ nào vậy? Đã duyên theo cảnh hạn hẹp, phát khởi thần thông cũng nhỏ nhoi. Nay Viên Giáo Bồ Tát duyên trọn khắp cảnh của mười pháp giới, phát khởi thần thông thấy trọn khắp mười pháp giới chẳng có cực hạn. Tam thừa còn chẳng biết tên gọi, huống hồ thấy các cảnh giới ấy! Mắt thấy đã là như vậy, các điều khác cũng có thể suy ra để biết.

25.1.2.2.2.7. Phương tiện phổ

“*Phương tiện*”: Có tiến hành phương tiện, tức là đạo tiền tự hành phương tiện (phương tiện để chính mình tu hành trước khi đắc quả), có khởi dụng phương tiện (phương tiện để phát khởi công dụng) tức là đạo hậu hóa tha phương tiện (phương tiện hóa độ người khác sau khi đã đắc đạo quả). Nay nói về đạo hậu hóa tha phương tiện. Nếu là tự hành phương tiện của Nhị Thừa và Bồ Tát thuộc các địa vị quyền biến thì chỉ có thể nhập một pháp môn. Do đó, khởi tác dụng hóa độ người khác chỉ có thể ngang bằng với những gì chính mình đã đạt được. [Bởi lẽ đó], đạo tiền hay đạo hậu [của Nhị Thừa và Quyền vị Bồ Tát] đều chẳng được gọi là Phổ. Nay Viên Giáo Bồ Tát dùng Nhị Đế làm phương tiện, gồm thấu hết thầy các phương tiện. Đã nhập Trung Đạo, song chiêu Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế). Thần biến (thần thông biến hóa) của Nhị Đế trọn khắp mười pháp giới, nhưng Trung Đạo chẳng bị tổn giảm, dù là đạo tiền hay đạo hậu, đều gọi là Phổ.

25.1.2.2.2.8. Thuyết pháp phổ

“*Thuyết pháp*”: Nhị Thừa và Quyền vị Bồ Tát chẳng thể cùng lúc đáp trọn khắp các chúng sanh. Lại nữa, do xứ sở và phong tục khác biệt, chẳng thể khiến cho [chúng sanh nghe pháp] đều hiểu biết. Nay người thuộc Viên Giáo thì cùng lúc diễn pháp, mỗi loài đều hiểu. Dùng một diệu âm trọn khắp mười phương, như đàn Tu La¹³⁴ tùy theo ý người mà phát ra tiếng. Vì thế gọi là Thuyết Pháp Phổ.

25.1.2.2.2.9. Cúng dường chư Phật phổ

“*Cúng dường chư Phật*” có hai ý: Một là Sự, hai là Lý.

1) Sự cúng dường thì như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Bất vị đản cúng dường nhất Phật cố, nãi chí bất vị đản cúng dường bất khả thuyết Phật sát vi trần số Phật cố, vị dục biến cúng dường tận pháp giới hư không giới nhất thiết chư Phật cố, bất khởi Diệt định, hiện chư oai nghi, an Thiên, hiệp chương, tán chư pháp vương. Dĩ thân, mạng, tài, nhất thiết cúng cụ, châu chí thập phương*” (Chẳng vì chỉ cúng dường một đức Phật, cho đến chẳng vì cúng dường bất khả thuyết Phật sát vi trần số Phật, mà là vì muốn cúng dường trọn khắp hết thấy chư Phật tận pháp giới hư không giới, chẳng khởi Diệt Tận Định, hiện các oai nghi, an trụ trong Thiên Định, chấp tay, tán thán các đáng pháp vương. Dùng thân thể, sanh mạng, tài vật, hết thấy các vật cúng trọn khắp mười phương) như trong Phổ Hiền Nguyện Vương đã nói.

2) Lý cúng dường là cái tâm viên trí chánh quán được gọi là Giác. Giác tức là Phật. Công đức của vạn hạnh huân tu trí ấy, tức là cúng dường Phật. Vì thế nói Cúng Dường Chư Phật Phổ.

25.1.2.2.2.10. Thành tựu chúng sanh phổ

“*Thành tựu chúng sanh*”: Ví như lửa đom đóm, đèn, đuốc, tinh tú, mặt trăng tạo lợi ích nhỏ nhoi. Nếu ánh sáng mặt trời chiếu thế gian, sẽ khiến cho trọn khắp hết thấy cỏ cây, rừng rậm đều được sanh trưởng, hoa quả thành tựu. Ngoại đạo như đom đóm, Nhị Thừa như đèn đuốc, tiểu Bồ Tát như tinh tú, Biệt Giáo như mặt trăng. Nay Viên Giáo Bồ Tát giống như vầng mặt trời, lại như mây to, cùng lúc bình đẳng tuôn mưa,

¹³⁴ Đây là một thí dụ được nhắc đến trong quyển mười bảy của Đại Trí Độ Luận: Do phước báo, A Tu La Vương có một cây đàn, muốn nghe loại âm nhạc nào, đàn tự vang ra khúc nhạc ấy. Dùng tỷ dụ này để sánh ví bậc Pháp Thân Bồ Tát chẳng có tâm phân biệt mà tùy ý ứng hiện thích đáng với căn cơ của chúng sanh.

bốn phương đều trút xuống. Ba loại cỏ, hai loại cây [như đã nói trong phẩm Dược Thảo Dụ] mỗi mỗi đều được sanh trưởng. Vì thế nói là Thành Tựu Chúng Sanh Phổ.

Ý nghĩa của Phổ Môn há có thể cùng tận ư? Nêu đại lược mười nghĩa hòng chỉ bày đầu mối đó thôi! Chỉ quán một niệm tâm tánh hiện tiền, vốn sẵn trọn đủ ba ngàn tánh tướng, tức Không, tức Giả, tức Trung, chính là diệu cảnh Vô Tác Tứ Đế. Duyên theo diệu cảnh ấy để khởi từ bi, từ bi sẽ trọn khắp (Từ Bi Phổ). Lập thệ nguyện rộng lớn, thệ nguyện rộng lớn ắt trọn khắp (Hoằng Thệ Phổ). Nương theo đây để tu hành, một hạnh chính là hết thấy các hạnh. Vì thế là Tu Hành Phổ. Nương theo đây để đoạn Hoặc, một thứ đã đoạn thì hết thấy đều đoạn. Vì thế là Đoạn Hoặc Phổ. Nương theo đây để nhập pháp môn, một pháp môn chính là hết thấy các pháp môn. Vì thế Nhập Pháp Môn Phổ. Nương theo đây để dấy lên thần thông, tức là vô ký hóa hóa¹³⁵, cho nên là Thần Thông Phổ. Nương theo đó dấy phương tiện, thích hợp các thứ cơ duyên Đốn Tiệm Quyền Thật trọn khắp mười pháp giới. Vì thế là Phương Tiện Phổ. Nương theo đó để cúng dường chư Phật, một âm bảo khắp các chúng sanh, cho nên là Thuyết Pháp Phổ. Nương theo đó để cúng dường chư Phật, tam thế chư Phật đều tiếp nhận vật cúng ấy. Cho nên là Cúng Dường Phổ. Nương theo đây để thành tựu chúng sanh, các căn cơ trong pháp giới đều được bốn món lợi ích (Tứ Tác Đàn), cho nên là Thành Tựu Chúng Sanh Phổ.

Tâm tánh của hết thấy chúng sanh chẳng giảm, đó là Lý Tức Phổ Môn. Nghe rồi bèn hiểu, cho nên gọi là Danh Tựu Tức Phổ Môn. Chế phục trọn vẹn ngũ trụ là Quán Hạnh Tức Phổ Môn. Thanh tịnh sáu căn, tức là Tương Tựu Tức Phổ Môn. Khai thị ngộ nhập là Phần Chứng Tức Phổ Môn. Thấu triệt rộng rang pháp giới, cùng tột nguồn cội của tánh, đó là Cứu Cánh Tức Phổ Môn. Giải thích tên phẩm này đã xong.

¹³⁵ Vô Ký Hóa Hóa là một loại Thiền được xếp vào thể loại Nhất Thiết Hạnh Thiền trong Cửu Chung Đại Thiền. Gọi là Nhất Thiết Hạnh Thiền, hàm nghĩa hết thấy các hành pháp không gì chẳng hàm nhiếp Thiền, vì Thiền có nghĩa là chuyên tâm nhất trí nơi hạnh pháp, buông xả mọi chấp trước, chẳng phải là tọa Thiền mới là hành Thiền. Nhất Thiết Hạnh Thiền lại chia thành mười ba tiểu loại. Vô Ký Hóa Hóa là một tiểu loại trong đó, hàm nghĩa: Tự nhiên có thể ở trong Định mà thực hiện vô ngại các sự biến hóa vô cùng. Do không cần tác ý khởi niệm, cho nên gọi là Vô Ký.

Phẩm này do pháp sư Đàm Ma La Sấm¹³⁶ dạy Hà Tây vương Thục Cừ Mông Tôn¹³⁷ tụng để trừ bệnh, cho nên [phẩm này] được lưu hành

¹³⁶ Pháp sư Đàm Ma La Sấm (Dharmakṣema), còn phiên âm là Đàm Vô Sấm, Đàm Ma Sấm, Đàm Mô Sấm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Pháp Phong, người xứ Trung Ấn Độ. Ngài còn được gọi là Y Ba Lạc Bô Tát. Phần lớn thư tịch ghi Ngài là người Trung Ấn, nhưng Ngụy Thục (sử ký nhà Ngụy) lại ghi Ngài là người xứ Kế Tân. Ngài đến Trung Hoa vào thời Thập Lục Quốc, là một vị dịch kinh nổi tiếng, được tôn xưng là thí tử của Niết Bàn Tông. Ngài mồ côi cha khi tròn sáu tuổi. Về sau được pháp sư Đạt Ma Đa Xá thu làm đệ tử, học tập Tiểu Thừa. Sau đó, Ngài theo thiền sư Bạch Đầu học Đại Thừa. Đến khi tròn hai mươi tuổi, Sư đã tụng đọc kinh Đại Tiểu Thừa hơn hai trăm vạn chữ. Sư thông hiểu chú thuật, được người Tây Vực gọi là Đại Chú Sư. Về sau, Sư sang nước Kế Tân (có lẽ vì vậy, Ngụy Thục ghi lầm Ngài là người xứ Kế Tân). Sư muốn diễn giảng Đại Thừa, nhưng xứ ấy chuộng Tiểu Thừa, chẳng thích hợp truyền pháp. Sư sang nước Quy Tư (Khố Xa, Kuche). Lâu sau, lại phải dời sang các nước Cô Tạng, Truyền Xá. Sư sợ mất kinh bản, gói đầu lên kinh để ngủ. Bỗng có kẻ lôi dậy, Sư giật mình, tưởng là kẻ trộm. Suốt ba đêm như thế, bỗng nghe trên không có tiếng mắng: “*Đây là tạng giải thoát của Như Lai, sao lại dùng làm gối đầu?*” Sư hổ thẹn, sám hối, đặt kinh trên chỗ cao. Đêm có kẻ đến trộm, chẳng thể nào động vào được. Sáng hôm sau, Sư gánh đi, chẳng thấy nặng nề chút nào. Sư đến vùng Đôn Hoàng, được Tây Hà vương là Thục Cừ Mông Tôn bảo hộ, bắt đầu dịch kinh. Mông Tôn tôn Sư làm quốc sư. Đến sau này, Mông Tôn sai người ám sát Sư. Có hai thuyết giải thích cái chết của Sư:

- Ngụy Thái Vũ Đế (Thác Bạt Đảo) nghe danh tiếng của Sư, đòi Mông Tôn giao nộp Sư cho nhà Ngụy. Mông Tôn sợ Sư tiết lộ quân cơ nên giết chết Sư.

- Theo Lương Cao Tăng Truyện, Sư xin Mông Tôn đi về Tây Vực tìm phần sau kinh Niết Bàn, Mông Tôn sợ Sư sẽ theo phục vụ người khác, nên sai thích khách giết chết Sư. Lúc ấy, Sư mới bốn mươi chín tuổi.

Sư dịch khá nhiều kinh như Đại Bát Niết Bàn Kinh, Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh (một vài hội trong ấy), Phương Đẳng Đại Vân Kinh, Bi Hoa Kinh, Bồ Đề Địa Trì Kinh, Ưu Bà Tắc Giới Kinh, Kim Quang Minh Kinh, Hải Long Vương Bồ Tát Giới Bản v.v...

¹³⁷ Thục Cừ Mông Tôn là vua thứ hai nhà Bắc Lương thời Thập Lục Quốc, thuộc sắc dân Hung Nô, vốn thuộc chi họ làm thủ lĩnh người Hung Nô tại Lô Thủy. Thục Cừ vốn là một chức quan của người Hung Nô, do tổ tiên nhiều đời làm chức quan này nên dùng làm họ. Mông Tôn học rộng, biết thiên văn, giỏi tài trí, mưu lược xuất chúng, khiến cho các tướng lĩnh của nhà Tiền Tần như Lương Hy, Lữ Quang đều kinh sợ, nghi kỵ. Sau khi nhà Tiền Tần diệt vong, Mông Tôn suất lĩnh bộ tộc phù tá Lữ Quang lập ra nhà Hậu Lương. Năm 379, bác của Mông Tôn là Thục Cừ La Cừ theo em của Lữ Quang là Lữ Diên tấn công tướng Khất Phục Càn Quy của nhà Tây Tần. Do Lữ Diên khinh địch nên thất bại tử trận. Lữ Quang đổ thừa thất bại ấy do La Cừ gây ra, hạ lệnh xử tử Thục Cừ La Cừ. Mông Tôn tức giận, triệu tập người trong tộc làm phản, tấn công nhà Tây Lương. Cùng năm, anh họ của Mông Tôn là Thục Cừ Nam Thành tôn Đoàn Nghiệp làm Lương Châu Mục lập ra nhà Bắc Lương. Mông

riêng. Ấy là vì Quán Âm đại sĩ có duyên với phương này nhất. Trí Giả đại sư cũng nói riêng hai quyển Huyền Nghĩa và Nghĩa Số [để giảng giải phẩm này]. Huyền Nghĩa [của phẩm Phổ Môn] cũng chia thành năm tầng, tức là dùng nhân, pháp v.v... để đặt tên như đã nói trong phần trước, coi linh trí hợp với Pháp Thân là Thể, cảm ứng là Tông, từ bi lợi lạc chúng sanh là Dụng, lưu thông giáo pháp thuộc vị đề hồ làm Giáo Tướng.

25.2. Giải thích kinh văn phẩm Phổ Môn

25.2.1. Trường Hàng

25.2.1.1. Lần vấn đáp thứ nhất

25.2.1.1.1. Hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ Tát tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn: - Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dĩ hà nhân duyên, danh Quán Thế Âm?

(經)爾時，無盡意菩薩即從座起，偏袒右肩，合掌向佛，而作是言：「世尊！觀世音菩薩以何因緣，名觀世音？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Vô Tận Ý (Akṣayamati)¹³⁸ Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, chắp tay hướng về đức Phật mà nói như

Tôn đóng góp rất nhiều công lao. Về sau, do thấy Đoàn Nghiệp kém sáng suốt, lại đem lòng nghi kỵ, nên vào năm 401, Mông Tôn làm phản, giết Đoàn Nghiệp, tự lập làm vua nhà Bắc Lương. Thời Mông Tôn làm vua, nhà Bắc Lương cực thịnh nhất. Hà Tây thường gọi là Hà Tây Tầu Lang (hành lang Hà Tây), hoặc hành lang Cam Túc, là vùng đất ở phía Tây Hoàng hà, nằm giữa vùng đất trũng Tháp Lý Mộc (Tarim) và bình nguyên tỉnh Thiểm Tây. Do nằm giữa cao nguyên Tây Tạng và bình nguyên Mông Cổ, kéo dài từ núi Hạ Lan đến nguồn Tây sông Hoàng Hà. Đây là một tuyến đường trọng yếu để sang các quốc gia Tây Vực thuở xưa. Do vậy, đây là một khu vực giao thương trọng yếu lúc Con Đường Tơ Lụa còn tồn tại. Một người em họ của Mông Tôn là Thư Cừ Kinh Thanh là một người tinh thông tiếng Phạn, hết sức tôn kính ngài Đàm Vô Sấm. Sau khi nhà Ngụy diệt Bắc Lương, Thư Cừ Kinh Thanh lánh xuống Nam Trung Hoa, và dịch nhiều bộ kinh điển như Bát Quan Trai, Quán Di Lặc Bồ Tát Thượng Sanh Đầu Suất Thiên...

¹³⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Sách Pháp Hoa Nghĩa Số* ghi: ‘Chúng sanh vô tận, đại bi vô cùng, vì thế tên là Vô Tận Ý’. Lại dẫn kinh Đại Tập rằng: - Vị này là bậc Bồ Xứ đại sĩ thuộc thế giới Bất Huyền ở phương Đông của Phổ Hiền Như Lai”. Vô

thế này: - Bạch Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Đề do nhân duyên nào mà tên là Quán Thế Âm (*Avalokiteśvara*)?

“*Nhĩ thời*” (Lúc bấy giờ) tức là lúc nói về vị Bồ Tát ở phương Đông đã xong, kể đó phải nên nói về vị Bồ Tát ở phương Tây (đó là Thế Giới Tát Đàn). Là lúc nói phương Đông sanh thiện đã xong, kể đó phải nên nói phương Tây sanh thiện (Vị Nhân Tát Đàn). Là lúc nói phương Đông đoạn nghi đã xong, kể đó phải nên nói phương Tây đoạn nghi (Đối Trị). Là lúc nói phương Đông đắc đạo đã xong, kể đó, phải nên nói phương Tây đắc đạo (Đệ Nhất Nghĩa).

Vô Tận là cảnh. Đại Phẩm nói Không là vô tận (đó là Chân). Kinh Đại Tập nói tám mươi môn vô tận, kinh Hoa Nghiêm nói mười loại chẳng thể tận¹³⁹ (đó là Tục). Kinh Tịnh Danh nói: “*Phù vô tận giả, phi tận, phi vô tận, cố danh vô tận*” (Vô tận: Chẳng tận, chẳng vô tận, thì gọi là vô tận). Đó là Trung.

Ý là trí, tức nhất tâm tam trí. Trí khế hợp cảnh, cảnh tùy thuận trí mà là Không, thì gọi là Vô Tận Ý (đó là Không). Lại nữa, Ý là căn bản của thế gian và xuất thế gian. Trí tùy thuận cảnh. Cảnh nhiều thì trí nhiều, gọi là Vô Tận Ý (đó là Giả). Lại nữa, Ý chính là pháp giới. Hết

Tận Ý Bồ Tát đôi khi còn được phiên âm là A Sai Mạt Đề, hoặc A Sai Mạt. Theo kinh Đại Tập, khi đức Phật ngự trong Bảo Trang Nghiêm đường để thuyết pháp, có Bồ Tát tên là Vô Tận Ý từ cõi Bất Huyền của Phổ Hiền Như Lai từ phương Đông hiện đến, rộng nói tám mươi pháp giới Vô Tận, gom thành pháp hội Vô Tận Ý trong kinh ấy. Trong Pháp Hoa Mạn Đà La (theo truyền thống Thai Mật của Pháp Hoa Tông Nhật Bản), hội Pháp Hoa được mô tả bằng ba tầng. Chính giữa tầng trong cùng là hoa sen tám cánh, trung tâm hoa sen là cung điện báu (tức tháp Đa Bảo), Phật Thích Ca ngồi bên trái, Phật Đa Bảo ngồi bên phải trong cung điện ấy. Trên tám cánh sen là tám vị Bồ Tát theo thứ tự: Phương Đông là Văn Thù, Đông Nam là Dược Vương, phương Nam là Diệu Âm, Tây Nam là Thường Tinh Tấn, phương Tây là Vô Tận Ý, Tây Bắc là Quán Âm, phương Bắc là Phổ Hiền, Đông Bắc là Di Lặc. Bốn góc của tầng ấy là bốn vị đại Thanh Văn: Góc Đông Bắc là ngài Ca Diếp, Đông Nam là Thiện Cát (Tu Bồ Đề), Tây Nam là Thân Tử (Xá Lợi Phất), Tây Bắc là Mục Liên...

¹³⁹ Thập Bát Khả Tận: Theo phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát trụ trong địa vị Hoan Hỷ (Sơ Địa) dùng mười pháp bất khả tận để sanh khởi trăm ngàn A-tăng-kỳ đại nguyện. Mười pháp bất khả tận chính là: 1) Chúng sanh bất khả tận 2) Thế giới bất khả tận 3) Hư không bất khả tận 4) Pháp giới bất khả tận 5) Niết Bàn bất khả tận 6) Phật xuất thế bất khả tận 7) Chư Phật trí huệ bất khả tận 8) Tâm sở duyên bất khả tận 9) Khởi trí bất khả tận 10) Thế gian chuyển, pháp chuyển và trí chuyển bất khả tận.

thầy đều là pháp giới; vì thế nói “*có thể quán tâm tánh thì gọi là thượng định*” (đó là Trung).

“*Nhi tác thị ngôn*” (Mà nói như thế này): Đủ hai thứ trang nghiêm, vì thế có thể hỏi. “*Dĩ hà nhân duyên*” (Do nhân duyên nào): Nếu xét theo phía chúng sanh thì dùng hai căn cơ thiện và ác làm nhân, linh trí từ bi của thánh nhân làm duyên. Nếu xét theo phía Bồ Tát thì dùng quán trí từ bi làm nhân, chúng sanh cơ cảm làm duyên.

25.2.1.1.2. Giải đáp

25.2.1.1.2.1. Đáp chung

(Kinh) Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nhược hữu vô lượng bách thiên vạn ức chúng sanh thọ chư khổ não, văn thị Quán Thế Âm Bồ Tát, nhất tâm xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát.

(經)佛告無盡意菩薩：「善男子！若有無量百千萬億眾生受諸苦惱，聞是觀世音菩薩，一心稱名。觀世音菩薩即時觀其音聲，皆得解脫。

(Kinh: Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe nói đến vị Quán Thế Âm Bồ Tát này, bèn nhất tâm xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát ngay lập tức quán âm thanh ấy, [khiến cho họ] đều được giải thoát).

“*Vô lượng bách thiên vạn ức chúng sanh*” (Vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh): Nêu ra các loại căn cơ trong mười pháp giới. “*Thọ chư khổ não*” (Chịu các khổ não): Nói rõ quả báo bất đồng do biệt nghiệp cảm vơi, có các trường hợp: Một người chịu một sự khổ, một người chịu nhiều sự khổ, nhiều người chịu cùng một sự khổ, nhiều người chịu nhiều sự khổ... Nay nói rõ “người nhiều, khổ nhiều”, đều là cảnh để Bồ Tát dẹp khổ và ban vui. Gặp khổ vì sự ác trong hai đời (quá khứ và hiện tại), nghe tên chính là điều thiện trong hai đời (hiện tại và vị lai).

Nhất tâm xưng danh có Sự, có Lý, thiện và ác kết hợp cơ cảm như thế. “*Tức thời quán kỳ âm thanh*” (Ngay lập tức quán âm thanh ấy): Ứng hiện nhanh chóng. “*Giai đắc giải thoát*” (Đều được giải thoát): Ứng

trộn khắp. “*Văn*” (Nghe) cũng có bốn nghĩa, tức là văn văn, văn bất văn, bất văn văn, và bất văn bất văn¹⁴⁰. Thấu đạt bất cứ một loại nào, sẽ chính là Văn Huệ trong tứ giáo. Nhất tâm xung danh tức Tư Huệ và Tu Huệ trong tứ giáo. “*Sự nhất tâm*” chính là niệm nào cũng tiếp nối, chẳng dấy các ý tưởng tạp loạn. “*Lý nhất tâm*” tức là cái tâm ấy chẳng phải tự, tha, cộng (do nhiều pháp hợp thành), mà cũng chẳng phải là “*vô nhân*” (không có nhân). Thể của năng xung (người xung niệm danh hiệu Bồ Tát) và sở xung (danh hiệu của Bồ Tát) là pháp giới. Sự nhất tâm sẽ giải thoát khó khăn thuộc Sự, Lý nhất tâm sẽ giải thoát khó khăn thuộc Lý. Hễ cảm đều ứng, như “*kêu, mổ*”¹⁴¹ đồng thời.

Nếu xung niệm nhiều năm, vẫn chẳng đạt được mảy may hiệu quả, chỉ là vì chưa đạt đến Sự nhất tâm, nhưng vẫn có thể tạo thành nhân duyên đặc độ trong vị lai. Vì thế, dẫu tâm tán loạn vừa xung danh hiệu, công chẳng luống uổng, chỉ là hiệu nghiệm nhanh hay chậm đó thôi!

25.2.1.1.2.2. Đáp riêng

25.2.1.1.2.2.1. Xét theo cơ cảm nơi khẩu nghiệp để nói về sự ứng hiện

25.2.1.1.2.2.1.1. Nêu ra bảy nạn

25.2.1.1.2.2.1.1.1. Nạn lửa

(Kinh) Nhược hữu trì thị Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu, do thị Bồ Tát oai thần lực cố.

(經)若有持是觀世音菩薩名者，設入大火，火不能燒，由是菩薩威神力故。

(Kinh: Nếu có người trì danh Quán Thế Âm Bồ Tát, dẫu vào trong lửa, lửa chẳng thể đốt cháy, là do sức oai thần của vị Bồ Tát này).

¹⁴⁰ Đây là một khái niệm thuộc giáo nghĩa của tông Thiên Thai. Thiều quốc sư giảng: “*Lúc mới chứng đạo, tu đạo bỗng rớt mất (tức là không còn thấy đang tu đạo), chẳng có gì để có thể được, thì gọi là Bất Văn (chẳng nghe). Do nghe mà chứng đắc Đại Bát Niết Bàn như thế, chẳng có tướng nghe, nên gọi là Bất Văn Bất Văn. Chứng dấy lên, Hoặc diệt mất, thì gọi là Văn Bất Văn. Tịch mà thường chiếu, như vừa đánh động liền ứng, thì gọi là Văn Văn. Câu đầu tiên (Bất Văn) là chứng trí, câu thứ hai là chứng lý, câu thứ ba là chứng đoạn, câu thứ tư là chứng ứng*”.

¹⁴¹ Nguyên văn là “*thối trắc*” (啐啄), hàm ý khi trứng gà sắp nở, gà con kêu chíp chíp trong trứng, gà mẹ liền mổ cho trứng nứt ra. Dùng hình ảnh này để sánh ví sự cảm ứng giữa chúng sanh và Phật, Bồ Tát.

Trì danh là thiện, “vào lửa” là ác. Thiện và ác kết hợp thành cơ cảm. Do sức oai thần, lửa chẳng thể đốt, tức là Ứng. Lửa quả báo, dưới là từ địa ngục, trên là đến tầng trời Sơ Thiên, đều luận về cơ ứng (機應, ứng hiện tương ứng với căn cơ). Lửa ác nghiệp dưới là từ địa ngục, trên là đến trời Phi Tướng, đều luận về cơ ứng. Lửa phiền não dưới là từ địa ngục, trên là đến bậc Đăng Giác, đều luận về cơ ứng¹⁴².

25.2.1.1.2.2.1.1.2. Nạn nước

(Kinh) Nhược vị đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đắc thiện xứ.

(經)若為大水所漂，稱其名號，即得淺處。

(Kinh: Nếu bị nước lớn cuốn trôi, xưng danh hiệu Ngài, liền đến được chỗ cạn).

“Nước cuốn trôi” là ác, xưng danh là thiện. Dùng điều này làm Cẩn, “đến được chỗ cạn” là Ứng. Nước quả báo dưới từ địa ngục, trên đến trời Nhị Thiên. Nước ác nghiệp thông tam giới. Nước phiền não thông chín pháp giới, đều luận về cơ cảm.

25.2.1.1.2.2.1.1.3. Nạn La Sát

¹⁴² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Do thần lực của Bồ Tát mà vào lửa, lửa chẳng thể cháy, chuyện này khó tin, lý cũng khó chứng minh. Nay nêu đại lược Sự Lý để chứng minh như sau:

- Kinh Lăng Nghiêm chép: ‘Tri kiến toàn phục, linh chư chúng sanh, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu’ (Tri kiến xoay chuyển, phục hồi, khiến cho các chúng sanh, dẫu vào trong lửa lớn, lửa chẳng thể thiêu đốt). ‘Tri kiến toàn phục’ phải hiểu là xoay chuyển cái tri kiến duyên theo trần cảnh quy hồi tự tánh, sẽ khiến cho hỏa trần do thiếu duyên phải tắt mất. Bồ Tát do vậy mà tự chứng sức oai thần, gia bị chúng sanh trì danh hiệu Ngài được thoát nạn lửa. Đó là chứng minh về Lý.

- Sách Ứng Nghiệm Ký chép: ‘Chức Trường Thư trong niên hiệu Nguyên Khang đời Tấn, sống trong nhà tranh tại Lạc Dương. Nhà hàng xóm bỗng bị hỏa tai, lửa sắp cháy lan qua nhà ông. Ông liền xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, bốn phía đã cháy sạch, riêng nhà ông còn nguyên. Lúc đó, có kẻ chẳng tin, lén vào đêm gió lớn, cầm đuốc quăng lên nóc nhà ông, ba lần quăng đều tắt ngúm, mới tin là thật’. Đó là chứng minh về mặt Sự”.

(Kinh) Nhược hữu bách thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu: Kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu đẳng bảo. Nhập ư đại hải, giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phảng, phiêu đọa La Sát quỷ quốc. Kỳ trung nhược hữu nãi chí nhất nhân xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư nhân đẳng giai đắc giải thoát La Sát chi nạn. Dĩ thị nhân duyên, danh Quán Thế Âm.

(經)若有百千萬億眾生，為求：金，銀，琉璃，磲磔，碼瑙，珊瑚，琥珀，真珠等寶。入於大海，假使黑風吹其船舫，飄墮羅刹鬼國。其中若有乃至一人稱觀世音菩薩名者，是諸人等皆得解脫羅刹之難。以是因緣。名觀世 音

。

(Kinh: Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh vì cầu các thứ báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu v.v... Vào trong biển cả, giả sử gió đen thổi thuyền bè của họ trôi giạt vào nước quỷ La Sát. Trong đó, thậm chí nếu có một người xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, những người ấy đều được thoát khỏi nạn La Sát. Do nhân duyên ấy, tên là Quán Thế Âm).

Nạn La Sát này cũng là nạn gió. Quả báo La Sát ở trong Dục Giới. Ác nghiệp La Sát trọn khắp tam giới. Phiền não La Sát thông khắp chín pháp giới. Lại nữa, gió quả báo tới tận trời Tam Thiên. Gió ác nghiệp trọn khắp tam giới. Gió phiền não chung khắp chín pháp giới, đều luận định cơ ứng, đều có thể phỏng theo đó để hiểu.

25.2.1.1.2.2.1.1.4. Nạn đao gậy

(Kinh) Nhược phục hữu nhân, lâm đương bị hại, xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, bỉ sở chấp đao trượng, tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.

(經)若復有人，臨當被害，稱觀世音菩薩名者，彼所執刀杖，尋段段壞，而得解脫。

(Kinh: Nếu lại có người sắp sửa bị hại, xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, những đao, gậy đang bị [kẻ ác] cầm nắm sẽ gãy từng khúc, người ấy liền được giải thoát).

Quả báo đao trượng hạn cuộc trong Địa Cư¹⁴³. Ác nghiệp đao trượng trọn khắp tam giới. Phiền não đao trượng thông khắp chín pháp giới.

25.2.1.1.2.2.1.1.5. Nạn quỷ

(Kinh) Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung Dạ Xoa, La Sát, dục lai não nhân, văn kỳ xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư ác quỷ thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, hướng phục gia hại.

(經)若三千大千國土，滿中夜叉、羅刹，欲來惱人，聞其稱觀世音菩薩名者，是諸惡鬼尚不能以惡眼視之，況復加害。

(Kinh: Nếu tam thiên đại thiên quốc độ đầy ấp Dạ Xoa, La Sát, muốn đến nỗi hại người, nghe người đó xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, các ác quỷ ấy còn chẳng thể dùng mắt ác để nhìn, hướng hồ làm hại).

Nạn quỷ có thể phỏng theo nạn La Sát trong đoạn trước để hiểu. Nói “đại thiên mãn trung” (Đầy ấp trong cõi đại thiên) là cách nói giả sử, biểu thị ác quỷ phiền não đầy dẫy, chỉ có xưng danh thì mới có thể hàng phục chúng.

25.2.1.1.2.2.1.1.6. Nạn gông xiềng

(Kinh) Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, sữ¹⁴⁴ giới già tảo kiểm hệ kỳ thân, xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải thoát.

¹⁴³ Địa Cư có nghĩa là trụ trên núi Tu Di, tức là địa ngục, nhân gian cho đến tầng trời thứ hai (Đạo Lợi Thiên).

(經)設復有人，若有罪，若無罪，杻械枷鎖檢繫其身，稱觀世音菩薩名者，皆悉斷壞，即得解脫。

(Kinh: Nếu lại có người dù có tội hay không có tội, gông cùm xiềng xích trói buộc thân hình, do xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, [các thứ đó] đều hư gãy, liền được giải thoát).

“Hữu tội” là điều ác trong đời hiện tại. “Vô tội” là điều ác trong quá khứ. Ở tay gọi là Sứ (杻, còng), ở chân gọi là Giới (械, cùm). Ở đầu gọi là Già (枷, gông), dính vào thân là Tỏa (鎖, xiềng xích). Phong kín gọi là Kiểm (檢), trói buộc là Hệ (繫). Gông xiềng quả báo thuộc Dục Giới. Gông xiềng ác nghiệp trọn khắp tam giới. Gông xiềng phiền não thông khắp chín pháp giới.

25.2.1.1.2.2.1.1.7. Nạn oán tặc

(Kinh) Nhược tam thiên đại thiên quốc độ mãn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ, tương chư thương nhân, tê trì trọng bảo, kinh quá hiểm lộ. Kỳ trung nhất nhân, tác thị xướng ngôn: “Chư thiện nam tử! Vật đắc khùng bố! Nhữ đẳng ưng đương nhất tâm xưng Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu. Thị Bồ Tát năng dĩ vô úy thí u chúng sanh, nhữ đẳng nhược xưng danh giả, u thử oán tặc, đương đắc giải thoát”. Chúng thương nhân văn, câu phát thanh ngôn: “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”, xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.

(經)若三千大千國土滿中冤賊，有一商主，將諸商人，齎持重寶，經過險路。其中一人，作是唱言：「諸善男子！勿得恐怖！汝等應當一心稱觀世音菩薩名號。是菩薩能以無畏施於眾生，汝等若稱名者，於此怨賊，當得解

¹⁴⁴ Thông thường chữ này hay đọc thành Nữ, nhưng theo tự điển Khang Hy, đọc là Nữ khi nói về một loại cây, lá giống như cây hạnh, vỏ đỏ, nhiều cành cong queo, rất nhiều lá, nở hoa vào tháng Hai. Hoa trở chỉ chít phủ kín cây, nên đôi khi còn gọi là Vạn Tuế Chi, gỗ nó thường dùng làm cung. Khi nói về gông cùm, xiềng còng v.v... thì phải đọc là Sứ.

脫」。眾商人間，俱發聲言：「南無觀世音菩薩」，稱其名故，即得解脫。

(Kinh: Nếu trong cõi nước tam thiên đại thiên đầy áp oán tặc, có một thương chủ dẫn các thương nhân chuyên chở vật quý báu đi qua đường hiểm. Trong ấy, có một người xướng như thế này: “Các thiện nam tử! Đừng nên sợ hãi! Các ông hãy nên nhất tâm xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Vị Bồ Tát ấy có thể ban cho chúng sanh không sợ hãi. Các ông nếu xưng danh Ngài, sẽ được thoát khỏi oán tặc này”. Các thương nhân nghe nói, đều thốt ra tiếng: “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”. Do xưng danh Ngài, liền được giải thoát).

“Đại thiên mãn trung” (Đầy áp trong cõi đại thiên) cũng là lời giả thiết. Đoạt mạng gọi là Oán, cướp tài vật gọi là Tặc. Oán tặc quả báo ở trong Dục Giới. Oán tặc ác nghiệp trọn khắp tam giới. Oán tặc phiền não thông khắp chín pháp giới.

Giải thích theo quán tâm, oán tặc đầy khắp trong cõi đại thiên chính là chủng tử phiền não từ vô thủy, nhóm họp trong thức thứ tám, tức Tạng Thức (A Lại Da Thức). “Hữu nhất thương chủ” (Có một người cầm đầu đoàn buôn) tức là thức thứ sáu. “Các thương nhân” là các tâm sở Biến Hành, Biệt Cảnh, và Thiện Tâm Sở. “Trọng bảo” tức pháp xuất thế của tam thừa. “Kinh quá hiểm lộ” (Đi qua đường hiểm): Các pháp đối trị và các phiền não gặp nhau. “Kỳ trung nhất nhân” (Trong ấy có một người): Hoặc là thắng giải, hoặc là thiện huệ, hoặc là tín. “Nhất tâm xưng danh” tức Văn, Tư, Tu trong tứ giáo. “Câu phát thanh” (Cùng thốt ra tiếng): Tâm vương và các tâm sở quyết định tương ứng. “Tức đắc giải thoát” (Liền được giải thoát): Chứng lý được nói trong tứ giáo.

Lại nữa, bảy nạn ấy biểu thị Lục Đại trong thân chúng sanh: Lửa tức Hỏa Đại, nước tức Thủy Đại, gió tức Phong Đại, đao, gậy, gông, xiềng chính là Địa Đại, tam thiên đại thiên biểu thị Không Đại, La Sát và oán tặc biểu thị Thức Đại. Quán Âm Bồ Tát quán sáu đại ấy đều là Như Lai Tạng, mỗi mỗi đều tức là Không, Giả, Trung. Ngài đã tự đạt được giải thoát, cho nên có thể khiến cho người khác được giải thoát. Chúng sanh mê tánh của sáu đại, oan uổng hứng chịu quả báo và các nạn phiền não ác nghiệp. Nhưng ngay trong khi đang mê, Tánh Đức chẳng đổi, vốn có cùng một Thể với Bồ Tát. Vì thế, nghe tên xưng niệm, tùy theo sự hiểu biết là lệch lạc hay viên mãn, hạnh sâu hay cạn, mà đạt được lợi ích

nơi tứ giáo cũng có sai khác. Rốt cuộc, [tới khi] đức Nhất Thiết Chúng Trí, sẽ chẳng sai biệt.

Phần thứ nhất, “nói về bảy nạn” đã xong.

25.2.1.1.2.2.1.2. Kết lại để tán thán

(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát oai thần chi lực, nguy nguy như thị.

(經)無盡意！觀世音菩薩摩訶薩威神之力，巍巍如 是

•

(Kinh: Đây Vô Tận Ý! Sức oai thần của Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát vợi vợi như thế).

“Nguy nguy” tức là cao hiển. Công siêu việt chín pháp giới nên là Cao, danh vang ba cõi nên là Hiền.

Phần thứ nhất, “xét theo căn cơ nơi khẩu nghiệp để nói về sự ứng hiện” đã xong.

25.2.1.1.2.2.2. Xét theo cơ cảm nơi ý nghiệp để nói về sự ứng hiện

25.2.1.1.2.2.2.1. Tam độc

(Kinh) Nhược hữu chúng sanh đa u dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly dục. Nhược đa sân khúế, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly sân. Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly si.

(經)若有眾生多於婬欲，常念恭敬觀世音菩薩，便得離欲。若多瞋恚，常念恭敬觀世音菩薩，便得離瞋。若多愚癡，常念恭敬觀世音菩薩，便得離癡。

(Kinh: Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được là dục. Nếu nhiều sân hận, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được là sân. Nếu nhiều ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được là si).

Đa dục, sân khuê, và si là ác. “*Thường niệm cung kính*” là thiện. Hai thứ ấy là Cơ, được lìa khỏi [dục, sân, si] chính là Ứng. Sự dục và Sự khuê thuộc vào Dục Giới. Sự si (si nơi sự tướng) thông khắp tam giới. Đối với Lý Tam Độc, Nhị Thừa coi đấm trước nơi Chân là dục, sợ Tục là sân, chẳng liễu giải “sinh tử và Niết Bàn như huyễn” là si. Xuất Giả Bồ Tát coi du hý thần thông là dục, quở trách, chán ngán Nhị Thừa là sân, chẳng liễu đạt Trung Đạo là si. Địa tiền Bồ Tát (hàng Bồ Tát chưa chứng Sơ Địa) coi tương tự ái trong Trung Đạo là dục, bỏ cả hai bên là sân, vô minh chưa phá là si. Cho đến Đẳng Giác hậu tâm (bậc Bồ Tát đã chứng Đẳng Giác) hãy còn vô minh vi tế chưa phá tức là vi tế dục khuê chưa trừ.

Nay do đại bi Bồ Tát từ sơ phát tâm, quán các phiền não tham, sân, si ấy đều là pháp sanh bởi nhân duyên, mỗi mỗi đều là Không, Giả, Trung. Do tức Không, cho nên lìa Tam Độc của phàm phu. Do tức Giả, nên lìa Tam Độc của Nhị Thừa. Do tức Trung, nên lìa Tam Độc của Bồ Tát, thành tựu ba loại thiện căn chẳng thể nghĩ bàn, cũng là thành tựu pháp môn “*đại tham, đại sân, đại si*” chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế dạy “*thường niệm cung kính*”, tùy theo hiểu biết thiên lệch hay viên mãn, tùy theo hạnh cạn hay sâu, mà được thoát lìa cũng có đủ loại sai biệt. Rốt ráo đều quy vào chẳng sai biệt.

25.2.1.1.2.2.2. Tán thán để kết luận

(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích. Thị cố, chúng sanh thường ưng tâm niệm.

(經)無盡意！觀世音菩薩有如是等大威神力，多所饒益。是故，眾生常應心念。

(Kinh: Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức oai thần to lớn như thế, tạo nhiều lợi ích. Vì thế, chúng sanh thường nên tâm niệm).

Phần thứ hai, “xét theo căn cơ nơi ý nghiệp” để nói về sự cảm ứng đã xong.

25.2.1.1.2.2.3. Xét theo cơ cảm nơi thân nghiệp để nói về sự ứng hiện

25.2.1.1.2.2.3.1. Hai điều mong cầu

(Kinh) Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức, trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ, tức thực đức bản, chúng nhân ái kính.

(經)若有女人，設欲求男，禮拜，供養觀世音菩薩，便生福德，智慧之男。設欲求女，便生端正有相之女，宿植德本，眾人愛敬。

(Kinh: Nếu có nữ nhân, nếu mong sanh con trai mà lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sanh con trai phước đức và trí huệ. Nếu muốn cầu con gái, sẽ sanh con gái đoan chánh, có phước tướng, xưa đã gieo cội đức, được mọi người yêu kính).

Đối với chuyện cầu con trai, cầu con gái, riêng nêu ra nữ nhân vì nữ nhân coi không có con là khổ, sẽ bị chồng lạnh nhạt, vợ coi rẻ¹⁴⁵, người bên cạnh chê cười. Lễ bái, cúng dường là cơ cảm, sẽ sanh con trai hay con gái là phổ ứng (ứng trọn khắp).

Giải thích theo pháp môn: Đối với tứ giáo, chưa chứng Thật lý đều gọi là “nữ nhân”. Tứ giáo đều luận “Huệ là nam, Định là nữ”. Ấy là do Đại Sĩ từ trước đã chứng Quyền Thật nam nữ, cho nên có thể làm tăng thượng duyên, khiến cho các hành nhân ai nấy đều được thành tựu các môn Định, Huệ. Hơn nữa, Dục Giới có Huệ, không có Định, sẽ là cuồng nam. Vô Sắc Giới có Định, chẳng có Huệ, sẽ là si nữ. Tứ Thiền Thiên thì Định và Huệ quân bình, như con trai phước đức, con gái đoan chánh. Nhưng nam chẳng có công năng phá Hoặc, nữ chẳng có sức xuất sanh vô lậu. Đây cũng là nam nữ vô dụng! Nhị Thừa trong Tạng Giáo và Thông Giáo thì Huệ có thể đoạn Kiến Tư Hoặc, tức là nam có thể thực hiện mọi chuyện. Định có thể phát sanh vô lậu, tức là nữ có thể sanh con nối dõi. Nhưng Huệ chẳng thể phá vô minh hồng thấy Phật tánh, tức là nam mà chẳng phải là nam. Định chẳng thể mang thai con Trung Đạo, tức là nữ giống như thạch nữ¹⁴⁶. Vì thế, Đại Kinh nói: “Nhị Thừa Định đa, Huệ thiếu, bất kiến Phật tánh. Bồ Tát Huệ đa, Định thiếu, diệt bất kiến Phật tánh dã” (Nhị Thừa Định nhiều, Huệ ít, chẳng thấy Phật tánh.

¹⁴⁵ Vợ trong câu này chính là vợ cả (chánh thất) của chồng, ý nói nếu tiêu thiếp mà không có con cái sẽ bị chồng và vợ cả không xem trọng.

¹⁴⁶ Người nữ không thể sanh con thì gọi là “thạch nữ”.

Bồ Tát Huệ nhiều, Định ít, cũng chẳng thấy Phật tánh). Chỉ có Sơ Địa trong Biệt Giáo hiểu rõ Chân, phát khởi Huệ, Vô Duyên Từ thành tựu, mới gọi là nam nữ thật sự. Sơ Trụ của Viên Giáo khi thấy Trung Đạo, Định Huệ trọn đủ, tướng nam nữ trọn vẹn. Vì thế, nam gọi là phước đức, tức Huệ có Định. Nữ gọi là đoan chánh, tức là Định có Huệ vậy.

25.2.1.1.2.2.3.2. Kết lại để tán thán

(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị lực. Nhược hữu chúng sanh cung kính lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, phước bất đường quên.

(經)無盡意！觀世音菩薩有如是力。若有眾生恭敬禮拜觀世音菩薩，福不唐捐。

(Kinh: Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức như thế. Nếu có chúng sanh cung kính lễ bái Quán Thế Âm, phước chẳng luống uổng).

“Đường quên” (唐捐) có nghĩa là “phí uổng”. Câu này kèm thêm ý nghĩa giải trừ nghi vấn: Cũng có người lễ bái, nhưng chẳng cầu được con trai, con gái! Chỉ do cơ cạn, cho nên sở cầu chẳng toại, nhưng phước do lễ bái ắt trọn chẳng mất mát.

Phần thứ hai, “biệt đáp” đã xong.

25.2.1.1.2.3. Khuyên trì danh để đáp (đó chính là mười bốn món Vô Úy được nói trong kinh Đại Phật Đảnh)

25.2.1.1.2.3.1. Khuyên trì danh

(Kinh) Thị cố, chúng sanh giai ưng thọ trì Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu.

(經)是故，眾生皆應受持觀世音菩薩名號。

(Kinh: Vì thế, chúng sanh đều nên thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát).

Trong phần trước đã nói nhân duyên [vì sao Bồ Tát] có tên là Quán Thế Âm. Sức của Ngài rộng lớn, đã chẳng thể biện định hình chất, chỉ thuật danh, luận đức. Nếu muốn quy ngưỡng, tôn sùng, hãy nên thọ trì danh hiệu. Vì thế, kết lại bằng việc khuyên trì danh. Đó là vì vạn đức

hồng danh, tương xứng triệu vời Thật, chỉ một tên, một chữ ấy về bản chất vốn sẵn trọn đủ ba ngàn tánh tướng, diệu lý Tam Đế, vốn sẵn gồm thâm trọn vẹn: Tiệm, Thiên, Viên, Quyền, Thật diệu trí, lý trí đương nhiên vốn sẵn bất nhị. Bất nhị mà nhị, lý trí rành rành. Nếu một giả danh thì hết thấy giả danh, hết thấy thật pháp, hết thấy quốc độ, không gì chẳng quy hướng vào trong giả danh ấy. Vì thế, công đức do nghe tên đã tự chẳng thể nghĩ bàn. Công đức thọ trì càng chẳng thể nghĩ bàn! Trì danh đã là như thế, suy ra chánh báo, y báo cũng giống như thế. Vì thế biết kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ và diệu kinh này đều là cùng một pháp môn viên đốn hy hữu rất sâu, chẳng có hơn kém.

25.2.1.1.2.3.2. So lường

(Kinh) “Vô Tận Ý! Nhược hữu nhân thọ trì lục thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh tự, phục tận hình cúng dường ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược, ư nhữ ý vân hà? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, công đức đa phủ?” Vô Tận Ý ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn!” Phật ngôn: “Nhược phục hữu nhân, thọ trì Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái, cúng dường, thị nhị nhân phước chánh đẳng vô dị, ư bách thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận”.

(經)無盡意！若有人受持六十二億恆河沙菩薩名字，復盡形供養飲食，衣服，臥具，醫藥，於汝意云何？是善男子，善女人，功德多不？」無盡意言：「甚多，世尊！」佛言：「若復有人，受持觀世音菩薩名號，乃至一時禮拜，供養，是二人福正等無異，於百千萬億劫，不可窮盡。

(Kinh: “Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát, lại suốt đời cúng dường thức ăn, y phục, đồ trải nằm, thuốc men, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy công đức có nhiều hay chăng?” Vô Tận Ý thưa: “Rất nhiều, bạch Thế Tôn” Đức Phật nói: “Nếu lại có người, thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, cho đến nhất thời lễ bái, cúng dường, phước của hai người ấy giống

hết nhau chẳng khác. Trong trăm ngàn vạn ức kiếp, chẳng thể cùng tận”).

Kinh văn có bốn ý: Một là so lường Bốn, hai là hỏi, ba là đáp, bốn là chính thức so lường. Trong phần so lường Bốn, cùng nêu ra bốn thứ “nhiều”: “*Sáu mươi hai ức Hằng hà sa*” là phước đức nhiều. “*Thọ trì*” là trì danh nhiều. “*Tận hình*” (Cho đến hết tuổi thọ) là thời tiết nhiều. Tứ sự cúng dường như thức ăn v.v... là chủng tử nhiều. Dùng bốn điều “nhiều” ấy để làm cơ sở so lường. Phần vấn đáp dễ hiểu. Trong phần chính thức so lường, còn nêu ra bốn phần “ít” để so sánh với bốn phần “nhiều”. [Đối tượng quy kính] chỉ có một mình đức Quán Thế Âm tức là phước điền ít. Trì danh cũng ít, thậm chí “*nhất thời*”, tức là thời ít. [Chỉ nói] lễ bái, cúng dường, chẳng nói bốn sự, tức là chủng tử ít, nhưng công đức giống hết như nhau không khác. Ấy là vì Chân Như Thật Tế một và nhiều chẳng có tánh, vốn tự bình đẳng. Quán Âm chứng Thật Tế ấy, một chẳng phải là một, giống hết như nhiều. Sáu mươi hai ức [Bồ Tát] chứng Thật Tế ấy, nhiều chẳng phải là nhiều, giống hết như một. Trong một, hiểu vô lượng. Vì thế nói “*sáu mươi hai ức*”. Trong vô lượng hiểu một, cho nên nói Quán Thế Âm. Kinh Chiêm Sát nói: “*Năng văn ngã danh giả, tức vi văn thập phương Phật danh*” (Có thể nghe danh hiệu ta, chính là nghe tên của mười phương Phật) cũng là ý nghĩa này!

25.2.1.1.2.3.3. Tán thán để kết luận

(Kinh) Vô Tận Ý! Thọ trì Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, đắc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi.

(經)無盡意！受持觀世音菩薩名號，得如是無量無邊福德之利」。

(Kinh: Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, đạt vô lượng vô biên lợi ích phước đức như thế).

Phần vấn đáp thứ nhất “nói rõ ba nghiệp chúng sanh, hiển thị căn cơ làm cảnh, Pháp Thân linh trí ngàm ứng hợp, cảnh và trí làm nhân duyên, thì gọi là Quán Thế Âm” đã xong.

25.2.1.2. Lần vấn đáp thứ hai

25.2.1.2.1. Hỏi

(Kinh) Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát vân hà du thử Sa Bà thế giới? Vân hà nhi vị chúng sanh thuyết pháp? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà?

(經)無盡意菩薩白佛言：「世尊！觀世音菩薩云何遊此娑婆世界？云何而為眾生說法？方便之力，其事云何？」

(Kinh: Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dạo trong thế giới Sa Bà này như thế nào? Vì chúng sanh thuyết pháp như thế nào? Sức phương tiện là chuyện như thế nào?)

Lời hỏi có ba ý:

- Một, “dạo chơi như thế nào?” tức là hỏi về thân nghiệp.
- Hai, “thuyết pháp như thế nào?” tức là hỏi về khẩu nghiệp.
- Ba, “phương tiện như thế nào” là hỏi về ý nghiệp.

Tức là sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn nơi tam luân (thân, khẩu, ý), cũng gọi là Tam Bất Hộ (chẳng cần phải phòng hộ ba nghiệp), hoặc Tam Vô Thất (ba nghiệp chẳng hề phạm lầm lỗi). “*Sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn*”: Hóa thành thân Phật, đó là hóa thành Phật khẩu, Phật tâm. Cho đến hóa thành thần Cháp Kim Cang, đó là cũng là hóa thành Kim Cang khẩu và Kim Cang tâm. Tuy khéo quyền biến lợi vật, nhưng trí huệ Pháp Thân chẳng bị tổn giảm. Vì thế, kinh Tịnh Danh dạy: “*Thiện năng phân biệt chư pháp tướng, ư Đệ Nhất Nghĩa nhi bất động*” (Khéo có thể phân biệt các pháp tướng, bất động đối với Đệ Nhất Nghĩa). Bất động mà động, được gọi là giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn.

Hỏi: - Ý nghiệp có thể giáo hóa như thế nào?

Đáp: - Thánh ý chẳng thể lường được! Nếu Ngài muốn chỉ bày, dầu là côn trùng cũng sẽ hiểu biết! Vì thế, Duy Thức nói: “*Vô thượng giác giả: Thần lực nan tư, hóa vô lượng loại, giai linh hữu tâm dã*” (Vô thượng giác: Thần lực khó nghĩ, giáo hóa vô lượng loài, khiến cho đều có tâm).

“*Bất hộ*”: Trụ trong pháp môn viên phổ chẳng thể nghĩ bàn, thật sự chẳng dấy ý niệm so đo, suy tính, hoặc toan tính theo thứ tự. Ví như gương sáng, hễ vật đối trước gương, gương liền hiện bóng, chẳng có phân biệt, mà cũng chẳng có trước sau.

“Vô thất”: Chúng sanh căn cơ bất đồng, cạn sâu khác nhau. Quán Âm tuy chẳng đầy niệm thích ứng căn cơ, nhưng phù hợp căn cơ chẳng sai sót, khéo hợp kẻ đối trước Ngài, [khiến kẻ đó] ngàm lãnh hội Sự Lý.

25.2.1.2.2. Đáp

25.2.1.2.2.1. Đáp riêng từng điều

(Kinh) Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nhược hữu quốc độ chúng sanh ưng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quán Thế Âm Bồ Tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bích Chi Phật thân đắc độ giả, tức hiện Bích Chi Phật thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Thanh Văn thân đắc độ giả, tức hiện Thanh Văn thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Phạm vương thân đắc độ giả, tức hiện Phạm vương thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Đế Thích thân đắc độ giả, tức hiện Đế Thích thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Tự Tại Thiên thân đắc độ giả, tức hiện Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Đại Tự Tại Thiên thân đắc độ giả, tức hiện Đại Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ thiên đại tướng quân thân đắc độ giả, tức hiện thiên đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Tỳ Sa Môn thân đắc độ giả, tức hiện Tỳ Sa Môn thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ tiểu vương thân đắc độ giả, tức hiện tiểu vương thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ trưởng giả thân đắc độ giả, tức hiện trưởng giả thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ cư sĩ thân đắc độ giả, tức hiện cư sĩ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ tể quan thân đắc độ giả, tức hiện tể quan thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Bà La Môn thân đắc độ giả, tức hiện Bà La Môn thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân đắc độ giả, tức hiện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà La Môn phụ nữ thân đắc độ giả, tức hiện phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ đồng nam, đồng nữ thân đắc độ giả, tức hiện đồng nam, đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng thân đắc độ giả, tức giai hiện chi, nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Cháp Kim Cang thần đắc độ giả, tức hiện Cháp Kim Cang thần nhi vị thuyết pháp.

(經)佛告無盡意菩薩：「善男子！若有國土眾生應以佛身得度者，觀世音菩薩即現佛身而為說法。應以辟支佛

身得度者，即現辟支佛身而為說法。應以聲聞身得度者，即現聲聞身而為說法。應以梵王身得度者，即現梵王身而為說法。應以帝釋身得度者，即現帝釋身而為說法。應以自在天身得度者，即現自在天身而為說法。應以大自在天身得度者，即現大自在天身而為說法。應以天大將軍身得度者，即現天大將軍身而為說法。應以毘沙門身得度者，即現毘沙門身而為說法。應以小王身得度者，即現小王身而為說法。應以長者身得度者，即現長者身而為說法。應以居士身得度者，即現居士身而為說法。應以宰官身得度者，即現宰官身而為說法。應以婆羅門身得度者，即現婆羅門身而為說法。應以比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身得度者，即現比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身而為說法。應以長者、居士、宰官、婆羅門婦女身得度者，即現婦女身而為說法。應以童男、童女身得度者，即現童男、童女身而為說法。應以天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等身得度者，即皆現之，而為說法。應以執金剛神得度者，即現執金剛神而為說法。

(Kinh: Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nếu có quốc độ, chúng sanh đáng nên dùng thân Phật để độ được, Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Bích Chi Phật để độ được, liền hiện thân Bích Chi Phật vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Thanh Văn để độ được, liền hiện thân Thanh Văn vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Phạm vương để độ được, liền hiện thân Phạm vương vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Đế

Thích để độ được, liền hiện thân Đế Thích vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Tự Tại Thiên để độ được, liền hiện thân Tự Tại Thiên vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Đại Tự Tại Thiên để độ được, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân thiên đại tướng quân để độ được, liền hiện thân thiên đại tướng quân vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Tỳ Sa Môn để độ được, liền hiện thân Tỳ Sa Môn vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tiểu vương để độ được, liền hiện thân tiểu vương vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân trưởng giả để độ được, liền hiện thân trưởng giả vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân cư sĩ để độ được, liền hiện thân cư sĩ vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tể quan để độ được, liền hiện thân tể quan vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Bà La Môn để độ được, liền hiện thân Bà La Môn vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di để độ được, liền hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà La Môn để độ được, liền hiện thân phụ nữ vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân trẻ trai, trẻ gái để độ được, liền hiện thân trẻ trai, trẻ gái vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... để độ được, liền đều hiện [các thân ấy] để vì kẻ đó thuyết pháp. Đáng nên dùng thân Cháp Kim Cang Thần¹⁴⁷ để độ được, liền hiện thân Cháp Kim Cang Thần vì kẻ đó thuyết pháp).

¹⁴⁷ Cháp Kim Cang Thần còn gọi là Cháp Kim Cang Dạ Xoa, Kim Cang Thủ, Kim Cang Lực Sĩ, chính là vị thần Dạ Xoa tay cầm kim Cang xử hộ vệ Thiên Đế Thích. Khi đức Phật xuất thế, vị này liền giáng hiện Diêm Phù Đề, hộ vệ đức Thế Tôn, thủ hộ đạo tràng. Tuy danh xưng giống nhau, nhưng có nhiều vị Cháp Kim Cang Thần; Tứ Phần Luật nói mỗi vị Phật có năm trăm Cháp Kim Cang Thần theo hộ trì. Theo pháp hội Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ trong kinh Đại Bảo Tích, trong quá khứ có Chuyển Luân vương tên là Dũng Quân Vương, có một ngàn con trai. Vua có hai phụ nhân, bỗng có hai đứa bé sanh từ trên đầu gối của hai bà, một tên là Pháp Ý, đứa kia tên Pháp Niệm. Vua biết các con đã phát đạo tâm, muốn biết thứ tự sẽ thành Phật của các con trong tương lai bèn cho rút thăm. Thái tử Tịnh Ý rút được cái thăm đầu tiên, tức là Câu Lưu Tôn Phật. Người rút được cái thăm thứ tư là tiền thân của Phật Thích Ca, người rút được cái thăm cuối cùng chính là tiền thân của Lô Chí Phật. Khi đó, Pháp Ý thệ nguyện: Ta sẽ làm Kim Cang Lực Sĩ để thân cận Phật khi các vị này thành Phật hòng được nghe chuyện bí yếu mật tích của hết thầy chư Phật, tin ưa chẳng hoài nghi. Em trai là Pháp Niệm nguyện sẽ là người khuyên Phật chuyển luân khi các vị vương tử ấy thành đạo. Dũng Quân Vương chính là Định Quang Như Lai.

Nói “*ưng dĩ*” (đáng nên dùng) nhằm đáp [câu hỏi] về phương tiện nơi ý nghiệp: Có thể biết căn cơ thích đáng. Nói “*hiện thân*” là đáp về thân nghiệp. Nói “*thuyết pháp*” tức là đáp về khẩu nghiệp. Ba nghiệp vốn chẳng tách rời. Trong đoạn này, nêu ra ba mươi ba thân khác nhau. Nếu gộp cả nhân và phi nhân, sẽ thành ba mươi lăm thân. Kinh Đại Phật Đảnh nói ba mươi hai ứng thân, tách ra thì Độc Giác là một thân riêng, gom bốn thân phụ nữ thành một, lược đi chẳng nói thân Ca Lô La. Kinh vẫn tuy tách ra hay gộp vào, nghĩa chẳng tăng giảm. Nói chung, chỉ là thân trong mười pháp giới đó thôi. Chẳng nói tới thân Bồ Tát chính là vì xét theo Bồ Tát pháp giới, nói cặn kẽ Ngài hiện hình tượng trong chín pháp giới kia, nhằm hiển thị ý nghĩa “*mười pháp giới, mỗi pháp giới đều là tầng tầng vô tận*”. Chẳng nói tới địa ngục giới, vì gộp chung vào phi nhân.

“*Nhược hữu quốc độ chúng sanh*” (Nếu có chúng sanh trong quốc độ) tức là căn cơ trong mười pháp giới thuộc ba loại cõi Thật Báo, Phương Tiện, và Đồng Cư. Trong cõi Thật Báo, thuần coi Bồ Tát là chúng sanh, chỉ có căn cơ thuộc một Phật giới. Trong cõi Phương Tiện, có chín loại chúng sanh, tức Nhị Thừa Vô Học thuộc Tạng Giáo. Thông Giáo thì là những người đoạn Thông Hoặc trong tam thừa, ba mươi tâm trong Biệt Giáo, Thập Tín trong Viên Giáo, có hai loại căn cơ: Một là căn cơ Phật giới, hai là căn cơ Bồ Tát giới. Trong cõi Đồng Cư, trọn đủ chúng sanh thuộc chín pháp giới và căn cơ thuộc mười pháp giới. Tương ứng căn cơ mà ứng hiện, trọn đủ thân Phật trong mười pháp giới.

Lại có tướng khác biệt trong tứ giáo: Bích Chi Phật lại có Duyên Giác và Độc Giác khác nhau. Thanh Văn lại có các loại Tích Pháp, Thế Pháp, Tứ Hướng, Tứ Quả, và các vị thị hiện thuận theo ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) lần lượt điều phục khác nhau! Đã hiện thân Phạm Vương, theo đúng lý cũng phải nên hiện thân của hai thiên vương Quang Âm, Biến Tịnh. Đã thị hiện Đế Thích, theo đúng lý cũng phải hiện thân ba thiên vương Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc. Tự Tại tức là chúa trời cõi Dục Giới, Đại Tự Tại tức chúa trời của Tứ Thiên. Đã nói Tỳ Sa Môn, cũng ắt phải hiện thân của ba vị thiên vương kia. Vì thế, kinh Phật Đảnh nói thẳng là Tứ Thiên Vương. Đã nói tiểu vương, cũng ắt hiện đủ bốn loại Chuyển Luân Vương. Đã nói “*nhân, phi nhân v.v...*”, nếu nói đến

Một ngàn vị vương tử chính là một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp. Pháp Ý thành Kim Cang Lực Sĩ, còn Pháp Niệm thành Phạm Vương.

người thì già, trẻ, sang, hèn, không gì chẳng gồm thâu. Nói “*phi nhân*” thì địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không gì chẳng thâu gồm! Vì thế, kinh văn trong phần sau nói: “*Dĩ chủng chủng hình du chư quốc độ*” (Dùng các thứ thân hình dạo trong các cõi nước), chỉ có thể lãnh hội ý, há có thể nói trọn hết được!

“*Vị thuyết pháp*” (Vì chúng sanh mà thuyết pháp): Thuận theo sức họ kham nổi, mà [nói ra giáo pháp] hoặc Quyền, hoặc Thật, hoặc Đốn, hoặc Tiệm, hoặc Hiện, hoặc Mật, đều khiến cho [chúng sanh được hóa độ] sẽ chứng đạt được Quyền Thật Tứ Ích, rốt ráo quy vào lợi ích Nhất Thật.

25.2.1.2.2.2. Đáp chung

(*Kinh*) **Vô Tận Ý! Thị Quán Thế Âm Bồ Tát thành tựu như thị công đức, dĩ chủng chủng hình, du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh.**

(經)無盡意！是觀世音菩薩成就如是功德，以種種形，遊諸國土，度脫眾生。

(*Kinh*: Vô Tận Ý! Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này thành tựu công đức như thế, dùng các thứ thân hình dạo trong các quốc độ để độ thoát chúng sanh).

Trong phần trước, đáp riêng ba mươi lăm thân, văn rộng nhưng ý hẹp. Phần tổng đáp về công đức như thế ở đây, văn hẹp nhưng nghĩa rộng. “*Dĩ chủng chủng hình*” (Dùng các thứ thân hình) tức là chẳng phải chỉ có ba mươi lăm thân. “*Du chư quốc độ*” (Dạo trong các cõi nước) tức là không hạn cuộc trong thế giới Sa Bà đã rõ rồi!

25.2.1.2.2.3. Khuyên cúng dường

25.2.1.2.2.3.1. Khuyên bảo

(*Kinh*) **Thị cố, nhữ đẳng ưng đương nhất tâm cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Thị Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát ư bố úy, cấp nạn chi trung, năng thí vô úy. Thị cố, thử Sa Bà thế giới giai hiệu chi vi Thí Vô Úy giả.**

(經)是故，汝等應當一心供養觀世音菩薩。是觀世音菩薩摩訶薩於怖畏，急難之中，能施無畏。是故，此娑婆世界皆號之為施無畏者」。

(Kinh: Vì thế, các ông hãy nên nhất tâm cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Vị Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát này có thể ban cho không sợ hãi trong khi sợ hãi, nạn gấp. Vì vậy, thế giới Sa Bà này đều gọi Ngài là đấng Thí Vô Úy).

Đã tên là Quán Thế Âm, cũng tên là Thí Vô Úy (Abhayamāda, ban cho không sợ hãi). Từ đức mà đặt tên. Đức đã vô tận, danh cũng vô tận.

25.2.1.2.2.3.2. Vãng lãnh ý chỉ

25.2.1.2.2.3.2.1. Vãng mạng

(Kinh) Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim đương cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát”. Tức giải cảnh chúng bảo châu anh lạc, giá trị bách thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi, tác thị ngôn: “Nhân giả! Thọ thử pháp thí trân bảo anh lạc”.

(經)無盡意菩薩白佛言：「世尊！我今當供養觀世音菩薩」。即解頸眾寶珠瓔珞，價直百千兩金，而以與之，作是言：「仁者！受此法施珍寶瓔珞」。

(Kinh: Vô Tận Ý Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay sẽ cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát”. Liền cởi chuỗi anh lạc bằng các bảo châu ở cổ, giá trị trăm ngàn lượng vàng để trao cho, nói như thế này: “Thưa nhân giả! Hãy nhận lấy chuỗi anh lạc pháp thí quý báu này”).

“Chúng bảo châu anh lạc” tức là các loại châu quý báu kết xen kẽ để cùng trang hoàng đẹp đẽ. Vô Tận Ý địa vị cao, chuỗi anh lạc há chỉ giá trị trăm ngàn lượng! Như nói “trăm họ vạn dân”, không chỉ là một trăm hay một vạn! Lại nữa, cử biểu thị lý Nhất Thật thuộc Trung Đạo. Dùng rất nhiều pháp môn vô tận để trang nghiêm Thật Tướng như chuỗi anh lạc đeo ở cổ. “Giải” (Tháo ra) biểu thị hạnh thường xả của Bồ Tát.

Vì thế, hết thầy công đức nguyện hạnh, cho đến Phật trí, Bồ Đề, Niết Bàn đều chẳng trụ, chẳng chấp, không nương cậy, chẳng dựa dẫm. Vì thế nói là Giải.

Kinh Đại Tập nói: “*Giới, Định, Huệ, Đà La Ni dĩ vi anh lạc trang nghiêm Pháp Thân*” (Dùng Giới, Định, Huệ, Đà La Ni làm chuỗi anh lạc để trang nghiêm Pháp Thân). Trăm ngàn là mười vạn, biểu thị Thập Địa, mỗi địa đều có mười vạn đức. “*Pháp thí*”: Tài chính là Pháp, Tài là pháp sanh bởi nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung. Tam Đế nhất tâm, hết thầy trọn đủ. Nơi pháp bình đẳng, nơi tài cũng bình đẳng. Thí như thế chính là pháp thí.

25.2.1.2.2.3.2.2. Chẳng nhận

(Kinh) Thời, Quán Thế Âm Bồ Tát bất khả thọ chi.

(經)時，觀世音菩薩不肯受之。

(Kinh: Khi đó, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu tiếp nhận).

Xét theo Sự, Vô Tận Ý vâng mạng cúng dường. Tôi chưa vâng mạng, cho nên chẳng nhận. Theo lễ, phải nên khiêm nhượng. Xét theo sự biểu thị pháp, chính là chẳng tiếp nhận tác dụng rộng lớn của tam-muội, cho nên không tiếp nhận.

25.2.1.2.2.3.2.3. Lại dâng lên

(Kinh) Vô Tận Ý phục bạch Quán Thế Âm Bồ Tát ngôn: - Nhân giả! Mẫn ngã đẳng cố, thọ thử anh lạc.

(經)無盡意復白觀世音菩薩言：「仁者！愍我等故，受此瓔珞」。

(Kinh: Vô Tận Ý lại bạch với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: - Thưa nhân giả! Hãy vì thương xót chúng tôi mà nhận chuỗi anh lạc này).

Hoặc thỉnh người trên thương xót kẻ dưới, hoặc địa vị ngang nhau cũng có thể thương xót lẫn nhau. Hoặc tôi vì tứ chúng cho nên thí. Do thương tứ chúng mà Ngài tiếp nhận. Dùng “không có gì tiếp nhận” để tiếp nhận các thọ.

25.2.1.2.2.3.2.4. Đức Phật khuyên bảo

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Đương mãn thử Vô Tận Ý Bồ Tát, cập tứ chúng thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng cố, thọ thử anh lạc.

(經)爾時，佛告觀世音菩薩：「當愍此無盡意菩薩，及四眾天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等故，受是瓔珞」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: - Hãy nên thương vị Vô Tận Ý Bồ Tát Bồ Tát này và tứ chúng trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v.. mà nhận chuỗi anh lạc ấy).

Chính vì Bồ Tát do chúng sanh mà bố thí, cũng phải nên vì chúng sanh mà nhận lấy.

25.2.1.2.2.3.2.5. Nhận lấy rồi dâng cúng

(Kinh) Tức thời, Quán Thế Âm Bồ Tát mãn chư tứ chúng, cập ư thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng, thọ kỳ anh lạc, phân tác nhị phần: Nhất phần phụng Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất phần phụng Đa Bảo Phật tháp.

(經)即時，觀世音菩薩愍諸四眾，及於天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等，受其瓔珞，分作二分：一分奉釋迦牟尼佛，一分奉多寶佛塔。

(Kinh: Ngay khi đó, Quán Thế Âm Bồ Tát thương xót tứ chúng, và trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... nhận lấy chuỗi anh lạc, chia làm hai phần: Một phần dâng lên Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng lên tháp của Đa Bảo Phật).

Chỉ một chuỗi anh lạc pháp thí, chia thành hai phần, biểu thị một Thật Tướng, toàn thể thành hai cái nhân Lý và Sự. Dâng cúng hai vị Phật, biểu thị dùng hai cái nhân để đạt đến hai cái quả. Lý viên thì là Pháp Phật. Sự viên chính là Báo Phật. Lại còn dùng hai vị Phật để biểu thị hai cái quả.

25.2.1.2.2.3.2.6. Kết luận bằng lời khuyên

(Kinh) Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát hữu như thị tự tại thần lực, du u Sa Bà thế giới.

(經)「無盡意！觀世音菩薩有如是自在神力，遊於娑婆世界」。

(Kinh: Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có thần lực tự tại như thế, dạo trong thế giới Sa Bà).

Phần kinh văn Trường Hàng đã xong

25.2.2. Kệ tụng

Ngài La Thập chẳng dịch [phần này]. Vì thế các bản cũ đều không có [kệ tụng sau phần Trường Hàng của phẩm Phổ Môn]. Các sách Văn Cú lần Nghĩa Sớ cũng đều chẳng giải thích. Sách Tục Cao Tăng Truyện¹⁴⁸ nói: Kệ là do ngài Xà Na Quật Đa¹⁴⁹ dịch, nay các bản lưu

¹⁴⁸ Đây là tác phẩm do ngài Đạo Tuyên biên soạn vào đời Đường, gồm ba mươi quyển, còn gọi là Đường Cao Tăng Truyện, nhằm tiếp nối bộ Cao Tăng Truyện đời Lương, chép tiểu truyện của 414 vị cao tăng (chép kèm thêm 201 vị nữa) từ đời Lương cho đến năm thứ 19 (645) niên hiệu Trinh Quán đời Đường. Bộ sách này cùng với Cao Tăng Truyện (do ngài Huệ Kiêu soạn vào đời Lương), Tổng Cao Tăng Truyện (do ngài Tấn Ninh soạn vào đời Tống), và Đại Minh Cao Tăng Truyện (do ngài Như Tĩnh soạn vào đời Minh) được gọi là Tứ Triều Cao Tăng Truyện. Cao Tăng Truyện chú trọng các vị cao tăng thuộc Giang Nam, còn Tục Cao Tăng Truyện chú trọng các vị tăng từ thời thống nhất Nam Bắc Triều cho đến đầu đời Đường tại Hoa Bắc, nhất là vùng Trường An. Do vậy, hai tài liệu này được coi là sử liệu Phật giáo quý giá để tìm hiểu tình hình Phật giáo thời đó.

¹⁴⁹ Xà Na Quật Đa (Jñānagupta, 523-600, dịch sang tiếng Hán là Trí Đức) là vị cao tăng dịch kinh người xứ Kiện Đà La (Gandhāra) của Ấn Độ. Ngài đến Trung Hoa giữa thời Bắc Châu và Tùy. Sư vốn là con của Tể Tướng xứ Kiện Đà La, nhưng mang chí hướng xuất gia từ bé. Ngài theo học với các vị Xà Na Đa Xá và Xà Nhã Na

thông đều có ghép thêm [phần Kệ Tụng này]. Vì thế, trong phần Khoa Chú, đã dựa theo các khoa mục do ngài Từ Vân¹⁵⁰ phân định để giải thích. Chia đại lược gồm ba khoa: Một là trùng tụng cả hai lượt hỏi, hai là trùng tụng hai lượt đáp, ba là trùng tụng hai lượt khuyên.

25.2.2.1. Trùng tụng hai lượt hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ Tát dĩ kệ văn viết: - Thế Tôn diệu tướng cụ, ngã kim trùng vấn bỉ, Phật tử hà nhân duyên, danh vi Quán Thế Âm?

(經)爾時，無盡意菩薩以偈問曰：「世尊妙相具，我今重問彼，佛子何因緣，名為觀世音？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Vô Tận Ý Bồ Tát dùng kệ hỏi rằng: - Thế Tôn diệu tướng vẹn, con nay lại hỏi Ngài, Phật tử do duyên gì, tên là Quán Thế Âm?)

Câu đầu tiên tán thán Phật đức. Câu thứ hai chứa đựng hai lượt hỏi, hai câu sau riêng trùng tụng lượt hỏi thứ nhất.

25.2.2.2. Trùng tụng hai lượt đáp

25.2.2.2.1. Trùng tụng lời tán thán chung về hạnh nguyện

Bạt Đạt La, theo thầy đi khắp các nước. Ngài đến Trung Hoa trong niên hiệu Vũ Thành (559-560) thời Minh Đế nhà Bắc Châu, thoát đầu trụ tại Thảo Đường Tự ở Trường An. Châu Vũ Đế dựng chùa Tứ Thiên Vương để Ngài dùng làm chỗ dịch kinh. Năm Kiến Đức thứ ba (574), Châu Vũ Đế nghe lời bọn đạo sĩ diệt Phật, buộc Ngài hoàn tục, nhận lãnh tước hiệu, tuân theo lễ pháp Nho Giáo. Ngài từ khước, từ Cam Châu trốn sang lãnh thổ Đột Quyết. Năm 575, Sư suất lãnh mười vị danh tăng sang Tây Vực thỉnh kinh. Bảy năm sau, đem hai trăm sáu mươi quyển kinh Phật về Đột Quyết. Lúc đó, Tùy Văn Đế đã diệt nhà Châu, hưng khởi Phật giáo, bèn xuống chiếu cầu thỉnh Sư trở lại Trung Hoa. Năm Khai Hoàng thứ năm (585), Văn Đế xây chùa Đại Hưng Thiện để làm đạo tràng dịch kinh cho Ngài. Các bộ kinh do Ngài dịch nổi tiếng nhất là Phật Bản Hạnh Tập Kinh, Pháp Cự, Oai Đức, Hộ Niệm, Hiền Hộ...

¹⁵⁰ Từ Vân tức là ngài Tuân Thức Tri Bạch, thường được gọi là Linh Ứng tôn giả, trụ trì chùa Thiên Trúc Linh Sơn tại Hàng Châu đời Tống. Tống Chân Tông ban cho Ngài phong hiệu Từ Vân. Ngài hoàng dương giáo nghĩa tông Thiên Thai. Do Ngài viết nhiều nghi thức sám pháp nên thường được gọi là Từ Vân Sám Chủ.

(Kinh) Cụ túc diệu tướng tôn, kệ đáp Vô Tận Ý: - Như thính Quán Âm hạnh, thiện ứng chư phương sở. Hoằng thệ thâm như hải, lịch kiếp bất tư nghị. Thị đa thiên ức Phật, phát đại thanh tịnh nguyện.

(經)具足妙相尊，偈答無盡意：「汝聽觀音行，善應諸方所。宏誓深如海，歷劫不思議。侍多千億佛，發大清淨願。」

(Kinh: Đẳng diệu tướng trọn đủ, kệ đáp Vô Tận Ý: - Ông nghe hạnh Quán Âm, khéo ứng các nơi chốn. Thệ rộng sâu như biển, trải kiếp chẳng nghĩ bàn. Hầu nhiều ngàn ức Phật, phát nguyện thanh tịnh lớn).

Hai câu đầu do người kết tập kinh trần thuật. Sáu câu kế đó, chính là lời giải đáp. “*Như thính*” (Ông nghe): Răn hãy sanh Tam Huệ. Hạnh của đức Quán Âm là nhất tâm tam trí, quán âm thanh của mười pháp giới, khiến cho vô lượng khổ đều cùng lúc giải thoát, tức là đã thành tựu hạnh lợi tha. “*Thiện ứng chư phương sở*” (Khéo ứng hiện các chốn): Bất động chân tâm hiện hình trong ba cõi. Ba mươi hai ứng thân hiện tướng khắp chốn, tức là sức Phổ Môn thần thông. Hai câu này tán thán chung: Quyết đạt được hai thân Chân và Ứng. “*Hoằng thệ thâm như hải*” (Thệ nguyện to lớn sâu như biển): Nêu rõ khi sơ phát tâm, duyên theo Vô Tác Tứ Đế. Vì thế, theo chiều ngang trọn khắp mười cõi, theo chiều dọc thấu triệt Tam Tế, đã rộng còn sâu. “*Lịch kiếp*” (Trải kiếp): Trong khoảng giữa, dùng Hạnh để bồi nguyện, trải qua thời gian lâu xa, hầu cận nhiều vị Phật, phát nguyện to lớn. Vì thế, thành tựu hai thân Chân và Ứng trong hiện thời, ví như nước lớn thuyền lên cao, đất sét nhiều thì tượng Phật to.

25.2.2.2.2. Riêng trùng tụng hai lượt đáp

25.2.2.2.2.1. Trùng tụng lượt đáp trước

25.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng lời đáp chung

(Kinh) Ngã vị nhữ lược thuyết, văn danh cập kiến thân, tâm niệm bất không quá, năng diệt chư hữu khổ.

(經)我為汝略說，聞名及見身，心念不空過，能滅諸有苦。

(Kinh: Ta vì ông nói lược, nghe tên và thấy thân, tâm niệm chẳng luống uổng, hay diệt khổ ba cõi).

“Lược thuyết” (Nói đại lược): Chỉ nêu ra những điều trọng yếu. Do “văn danh” (nghe tên) cho nên xưng niệm, đó là cơ cảm thuộc khẩu nghiệp. Do “kiến thân” (thấy thân) cho nên lễ, đó là cơ cảm thuộc thân nghiệp. “Tâm niệm” là cơ cảm thuộc ý nghiệp. “Chư hữu” tức là hai mươi lăm Hữu (tam giới).

25.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng lời đáp riêng

25.2.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng bảy nạn

25.2.2.2.2.1.2.1.1. Trùng tụng nạn thứ nhất: Nạn lửa

(Kinh) Giả sử hưng hại ý, thôi lạc đại hỏa khanh. Niệm bỉ Quán Âm lực, hỏa khanh biến thành trì.

(經)假使興害意，推落大火坑。念彼觀音力，火坑變成池。

(Kinh: Nếu có kẻ muốn hại, đẩy rớt hầm lửa lớn. Do sức niệm Quán Âm, hầm lửa biến thành ao).

Niệm đức Quán Âm, nếu nói theo phía Phật, Quán Âm là “bỉ” (người kia) tức là xét theo [quan hệ] thầy trò, giả phân chia đây kia. Nếu xét theo phía chúng sanh niệm đức Quán Âm thì là xét theo [quan hệ] cảm ứng, tạm chia thành đây kia. Cảm ứng giữa thầy và trò, không gì chẳng phải là pháp giới. Năng sở rành rành, năng sở cùng dứt. Chúng sanh niệm đức Quán Âm trong tự tâm, Quán Âm tự ứng chúng sanh trong tự tâm. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn.

25.2.2.2.2.1.2.1.2. Trùng tụng nạn thứ hai: Nạn nước

(Kinh) Hoặc phiêu lưu cự hải, long ngư chư quỷ nạn. Niệm bỉ Quán Âm lực, ba lăng bát năng một.

(經)或漂流巨海，龍魚諸鬼難。念彼觀音力，波浪不能沒。

(Kinh: Hoặc trôi giạt biển lớn, các nạn cá, rồng, quỷ. Do sức niệm Quán Âm, sóng gió chẳng nhấn chìm).

25.2.2.2.2.1.2.1.3. Trùng tụng nạn rơi xuống núi Tu Di

(Kinh) Hoặc tại Tu Di phong, vì nhân sở thôi đoạ. Niệm bỉ Quán Âm lực, như nhật hư không trụ.

(經)或在須彌峰，為人所推墮。念彼觀音力，如日虛空住。

(Kinh: Hoặc tại đỉnh Tu Di, bị người đẩy rơi xuống. Do sức niệm Quán Âm, như mặt trời treo không).

Xét theo Sự, đây chính là cách nói giả thiết: Giả sử từ núi Tu Di rơi xuống, vẫn không bị tổn thương, huống hồ các núi khác ư? Xét theo sự quán giải, vốn đang ở trên núi chúa Tu Di Thật Tướng tánh đức, bị kẻ ác vô minh đẩy rơi vào biển nhị tử (Phân Đoạn và Biến Dịch), do niệm tam trí và tam đức của Quán Âm, sẽ giống như chư Phật trụ vào không chỗ trụ.

25.2.2.2.2.1.2.1.4. Trùng tụng nạn đoạ núi Kim Cang, phỏng theo nạn núi Tu Di để hiểu

(Kinh) Hoặc bị ác nhân trục, đoạ lạc Kim Cang sơn. Niệm bỉ Quán Âm lực, bất năng tổn nhất mao.

(經)或被惡人逐，墮落金剛山。念彼觀音力，不能損一毛。

(Kinh: Hoặc bị kẻ ác đuổi, rơi xuống núi Kim Cang. Do sức niệm Quán Âm, chẳng tổn hại mấy lông).

25.2.2.2.2.1.2.1.5. Trùng tụng nạn thứ bảy: Oán tắc

(Kinh) Hoặc trị oán tặc nhiều, các chấp đao gia hại. Niệm bỉ Quán Âm lực, hàm tức khởi từ tâm.

(經)或值冤賊繞，各執刀加害。念彼觀音力，咸即起慈心。

(Kinh: Hoặc gặp oán tặc vây, đều cầm đao làm hại. Do sức niệm Quán Âm, họ liền dấy lòng Từ).

25.2.2.2.2.1.2.1.6. Trùng tụng nạn thứ tư: Đao, trượng

(Kinh) Hoặc tao vương nạn khổ, lâm hình dục thọ chung. Niệm bỉ Quán Âm lực, đao tằm đoạn đoạn hoại.

(經)或遭王難苦，臨刑欲壽終。念彼觀音力，刀尋段段壞。

(Kinh: Hoặc khổ vì nạn vua, hành hình sắp chết mất. Do sức niệm Quán Âm, đao liền gãy từng khúc).

25.2.2.2.2.1.2.1.7. Trùng tụng nạn thứ sáu: Gông xiềng

(Kinh) Hoặc tù cầm già tỏa, thủ túc bị sửu giới. Niệm bỉ Quán Âm lực, thích nhiên đắc giải thoát.

(經)或囚禁枷鎖，手足被杻械。念彼觀音力，釋然得解脫。

(Kinh: Hoặc tù rạc, gông cùm, tay chân bị còng, xiềng. Do sức niệm Quán Âm, lập tức được giải thoát).

25.2.2.2.2.1.2.1.8. Trùng tụng thêm nạn bị nguyên rửa, thuốc độc

(Kinh) Chú trở chư độc dược, sở dục hại thân giả. Niệm bỉ Quán Âm lực, hoàn trước ư bốn nhân.

(經)咒咀諸毒藥，所欲害身者。念彼觀音力，還著於本人。

(Kinh: *Nguyên rửa, các thuốc độc, toan muốn hại thân hình. Do sức niệm Quán Âm, trở ngược kẻ gây hại).*

[Kẻ ác dùng] cầm chú sai khiến quỷ thần đến giết người khác. Nếu người ấy (người bị giết) có các thứ phước đức bảo vệ, sẽ chẳng thể giết được! Theo đúng pháp, [các cách giết chóc, hãm hại ấy] sẽ trả ngược lại kẻ đầu tiêu. Mật Bộ (kinh điển Mật Giáo) đã nói rất tường tận. Cần phải biết: Cẩn trả lại kẻ xướng suất, cũng lại có Tứ Tắt Đàn. Tô Thức (Tô Đông Pha) sửa [câu “*hoàn trước ư bốn nhân*”] thành “*lưỡng gia câu một sự*” (hai đảng đều vô sự), [cho thấy ông ta] kiến thức nông cạn, ít ỏi, chẳng biết cái hay của sự chiết phục và nhiếp thọ!

25.2.2.2.2.1.2.1.9. Trùng tụng nạn thứ năm: Nạn quỷ

(Kinh) *Hoặc ngộ ác La Sát, độc long, chư quỷ đẳng. Niệm bỉ Quán Âm lực, thời tất bất cảm hại.*

(經)或遇惡羅刹，毒龍諸鬼等。念彼觀音力，時悉不敢害。

(Kinh: *Hoặc gặp ác La Sát, rồng độc, các loài quỷ. Do sức niệm Quán Âm, sẽ đều chẳng dám hại).*

25.2.2.2.2.1.2.1.10. Tụng thêm nạn ác thú

(Kinh) *Nhược ác thú vi nhiễu, lợi nha trảo khả bố. Niệm bỉ Quán Âm lực, tất tẩu vô biên phương.*

(經)若惡獸圍繞，利牙爪可怖。念彼觀音力，疾走無邊方。

(Kinh: *Nếu ác thú vây quanh, nhe nanh vuốt đáng sợ. Do sức niệm Quán Âm, rảo chạy không tung tích).*

25.2.2.2.2.1.2.1.11. Tụng thêm nạn rắn, bò cạp

(Kinh) *Ngoan xà cạp phúc yết, khí độc yên hỏa nhiên. Niệm bỉ Quán Âm lực, tầm thanh tự hồi khứ.*

(經) 𧈧蛇及蝮蠍，氣毒煙火然。念彼觀音力，尋聲自迴去。

(Kinh: Rắn độc và bò cạp, phun hơi độc mù mịt. Do sức niệm Quán Âm, nghe tiếng tự lui chạy).

25.2.2.2.2.1.2.1.12. Tụng thêm nạn giông tố

(Kinh) Vân lôi cổ xé điện, giáng bạc, chú đại vũ. Niệm bỉ Quán Âm lực, ứng thời đắc tiêu tán.

(經) 雲雷鼓掣電，降雹澍大雨。念彼觀音力，應時得消散。

(Kinh: Mây sấm nổ chớp sét, mưa đá, tuôn mưa lớn. Do sức niệm Quán Âm, lập tức bị tiêu tan).

Trùng tụng bảy nạn trong phần Trường Hàng, thêm vào năm nạn, thành mười hai, đều cần phải xét theo quả báo và ác nghiệp, phiền não, lục đạo, tứ giáo để giải thích từng điều. Nếu xét theo các pháp được biểu thị, sẽ chẳng ngoài Lục Đại: Tu Di và Kim Cang cũng là Địa Đại. Sấm chớp là Hỏa Đại. Mưa đá là Thủy Đại. Thúi, rắn, nguyên rửa đều biểu thị Thức Đại. Bồ Tát từ trong cái nhân, quán sáu đại ấy chính là Không, Giả, Trung. Nay do trong lúc trụ trong sáu thứ Như Thật, bèn cứu các khổ não trọn khắp pháp giới. Nói tóm lại, hết thấy y báo và chánh báo đều là diệu sắc và diệu tâm của đức Quán Âm. Hết thấy chúng sanh tự gây khó khăn trong thánh sắc tâm như trong nhà tối đưng phải vật bấu, tự tổn thương thân mình. Tam nghiệp cầu cứu, cũng chính là Quán Âm. Vì thế, căn cơ đã thành, bèn đúng lúc ứng hiện. Hãy nên niệm nào cũng quán nghĩa này, nào có khác gì Quán Âm lợi lạc chúng sanh!

Phần thứ nhất, “trùng tụng bảy nạn” đã xong.

25.2.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng tam độc, hai điều mong cầu

(Kinh) Chúng sanh bị khổ ách, vô lượng khổ bức thân. Quán Âm diệu trí lực, năng cứu thế gian khổ.

(經)眾生被困厄，無量苦逼身。觀音妙智力，能救世間苦。

(Kinh: Chúng sanh mắc ách nạn, vô lượng khổ bức thân. Sức diệu trí Quán Âm, hay cứu khổ thế gian).

Trong tam giới, ngoài tam giới, đều có nỗi khổ Tam Độc, đều có nỗi khổ vì không có con trai, con gái. Vì thế, [khổ não] vô lượng.

Phần thứ nhất, “trùng tụng lời giải đáp đầu tiên” đã xong.

25.2.2.2.2. Trùng tụng lượt đáp sau

25.2.2.2.2.1. Trùng tụng sự thị hiện

Phần kinh văn Trường Hàng gồm Biệt và Tổng. Biệt thì nói có ba mươi hai ứng thân, Tổng thì nói thân nhiều, cảnh nhiều. Nay chẳng phân Tổng hay Biệt, chỉ nói chung tam luân giáo hóa (giáo hóa bằng thân, miệng, ý) chẳng thể nghĩ bàn, tức là chia thành ba: Một là thân nghiệp ứng hiện trọn khắp, hai là ý nghiệp quán trọn khắp, ba là khẩu nghiệp thuyết pháp trọn khắp.

25.2.2.2.2.1.1. Thân nghiệp ứng hiện trọn khắp

(Kinh) Cụ túc thần thông lực, quảng tu trí phương tiện. Thập phương chư quốc độ, vô sát bất hiện thân. Chúng chúng chư ác thú: Địa ngục, quỷ, súc sanh. Sanh, lão, bệnh, tử khổ, dĩ tiệm tất linh diệt.

(經)具足神通力，廣修智方便。十方諸國土，無刹不現身。種種諸惡趣：地獄鬼畜生。生老病死苦，以漸悉令滅。

(Kinh: Trọn đủ sức thần thông, rộng tu trí phương tiện. Mười phương các quốc độ, không cõi chẳng hiện thân. Các loại đường xấu ác: Địa ngục, quỷ, súc sanh, khổ sanh, lão, bệnh, tử, đều dần dần diệt mất).

“Cụ túc thần thông lực” (Trọn đủ sức thần thông): Diệu dụng nơi toàn thể bách giới thiên như. “Quảng tu trí phương tiện” (Rộng tu trí phương tiện): Quyền Trí và Thật Trí chiếu tánh hòng phát khởi thần thông. Kinh văn trong phần trước chỉ dùng hai chữ Phi Nhân để bao hàm

ba đường ác, nay nêu ra căn kẽ. Vì thế biết Ngài hiện đủ các thân trong mười pháp giới. Phần Đoạn và Biến Dịch, mỗi thứ đều có nỗi khổ tứ tướng. “*Dĩ tiệm tất linh diệt*” (Dần dần đều khiến cho diệt mất): Quy vào Thường Tịch Quang, dù Quyền hay Thật, khuyên dụ dần dần, hợp lại để dùng. Thuộc chẳng chấp theo toa đã rõ vậy!

25.2.2.2.2.1.2. Ý nghiệp quán trọn khắp

(Kinh) Chân quán, thanh tịnh quán, quảng đại trí huệ quán. Bi quán cập từ quán, thường nguyện thường chiêm ngưỡng. Vô cấu thanh tịnh quang, huệ nhật phá chư ám. Năng phục tai phong hỏa, phổ minh chiếu thể gian.

(經)真觀清淨觀，廣大智慧觀。悲觀及慈觀，常願常瞻仰。無垢清淨光，慧日破諸暗。能伏災風火，普明照世間。

(Kinh: Chân quán, thanh tịnh quán, quán trí huệ rộng lớn. Bi quán và Từ quán, thường nguyện, thường chiêm ngưỡng. Sáng vô cấu thanh tịnh, huệ nhật phá các tối. Trừ tai ương gió lửa, chiếu trọn khắp thể gian).

Bài kệ thứ nhất nói về cái Thể được chứng. Bài kệ kế tiếp nói đến tác dụng được khởi lên. “*Chân quán*”: Chứng Không chẳng thể nghĩ bàn! “*Thanh tịnh quán*”: Chứng Giả chẳng thể nghĩ bàn. “*Quảng đại trí huệ quán*”: Chứng Trung chẳng thể nghĩ bàn. “*Bi quán*”: Do Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn, cùng một niềm bi ngưỡng với các chúng sanh. “*Từ quán*”: Dùng Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn để có cùng một từ lực với Phật Như Lai. Do cùng một từ lực, cho nên nói “*thường nguyện, thường chiêm ngưỡng*”. Do cùng một niềm bi ngưỡng nên thường chiêm ngưỡng. Do chúng sâu xa Nhất Tâm Tam Quán, cho nên phát ra quang minh thanh tịnh vô cấu, gọi là “*huệ nhật*”. Có thể phá Tập Đế trong mười pháp giới Tam Hoặc tối tăm, có thể chế phục Khổ Đế do tai ương gió lửa bởi hai thứ Tử trong tam giới, có thể cùng với Diệt và Đạo trong mười pháp giới mà chiếu sáng trọn khắp thể gian.

25.2.2.2.2.1.3. Khẩu nghiệp thuyết pháp trọn khắp

(Kinh) Bi thể giới lôi chấn, từ ý diệu đại vân. Chú cam lộ pháp vũ, diệt trừ phiền não diễm.

(經)悲體戒雷震，慈意妙大雲。澍甘露法雨，滅除煩惱燄。

(Kinh: Thê bi răn sấm rền, ý từ diệu đường mây. Tuôn mưa pháp cam lộ, diệt trừ lửa phiền não).

Muốn nói đại pháp, ắt nương vào thân và ý để làm cái gốc để truyền trao pháp. Vì độ chúng sanh, hiện thân thuyết pháp. Vì thế, các thân được hiện được gọi là “đại từ bi thể”. Cùng với ý Từ trong câu kệ đó, nêu lẫn nhau mỗi chữ để cùng phản chiếu lẫn nhau. Trước là dùng giới đức để cảnh tỉnh mọi người, như trời nổi sấm rền, không chúng sanh nào chẳng nghiêm túc. Vì thế nói “bi thể giới lôi chấn”. Dẹp khô, ban vui chính là “ý đại từ bi”. Vô duyên mà trọn đủ thì gọi là Diệu. Không chúng sanh nào chẳng được che chở, ví như “đại vân” (mây to). Vì thế nói “từ ý diệu đại vân”. Cam lộ của chư thiên uống vào sẽ bất tử, tuân mưa pháp cũng giống như thế. Người nghe ngộ đạo, chúng mạng thường trụ. Lửa khổ phiền não Tam Hoặc diệt trừ, dẹp khô và ban vui đồng thời, mười pháp giới đều được đặc độ.

Phần thứ nhất, “trùng tụng sự thị hiện” đã xong.

25.2.2.2.2.2. Trùng tụng hiển cơ hiển ứng

(Kinh) Tránh tụng kinh quan xứ, bố úy quân trận trung. Niệm bỉ Quán Âm lực, chúng oán tất thoái tán.

(經)諍訟經官處，怖畏軍陣中。念彼觀音力，眾冤悉退散。

(Kinh: Chỗ cửa quan thưa kiện, trong chiến trận đáng sợ. Do sức niệm Quán Âm, các oán đều lui tan).

Phần kinh văn Trường Hàng nêu ra ba mươi hai ứng thân. Ứng tuy thuộc về Hiển, còn Cơ thì hoặc là Minh (âm thầm) hay Hiển (rõ rệt), chẳng thể phán định nhất quyết được! Nay phần kệ tụng đã nói “niệm đức Quán Âm” thì hiển nhiên là hiển cơ. “Kiện cáo” và “sợ hãi” cũng là quả báo. Ác nghiệp có thể giải thích là ba thứ phiền não, hoặc có thể

hiếu là nói về những sai lầm trong bảy nạn. Chỉ nói “chúng oán thoái tán” (các oán tan lui) có thể là ngầm ứng.

Phần thứ hai, “trùng tụng hai lượt đáp” đã xong.

25.2.2.2.3. Trùng tụng hai lượt khuyên lớn

25.2.2.2.3.1. Trùng tụng lượt khuyên thứ nhất: Hãy trì danh

25.2.2.2.3.1.1. Nói rõ cảnh trí sâu mầu để khuyên thường niệm

(Kinh) Diệu Âm, Quán Thế Âm, Phạm âm, hải triều âm. Thắng bỉ thế gian âm, thị cố tu thường niệm.

(經)妙音觀世音，梵音海潮音。勝彼世間音，是故須常念。

(Kinh: Diệu âm, Quán Thế Âm. Phạm âm, hải triều âm. Vượt hơn tiếng thế gian, vì thế phải thường niệm).

Đây là nói rõ Bồ Tát có các thứ đức, trọn đủ các loại danh hiệu. Mỗi danh hiệu đều nói lên phẩm đức pháp giới viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, cần phải niệm. Ngay nơi Quyền mà là Thật, nên gọi là Diệu Âm. Ngay nơi Thật mà chính là Quyền, thì gọi là Quán Thế Âm. Khế hợp tánh vốn tịnh thì gọi là Phạm Âm. Khế hợp căn cơ trong mười pháp giới, gọi là Hải Triều Âm. Quyền Thật chẳng hai, tự tha chẳng hai, cho nên vượt xa âm thanh thế gian trong mười pháp giới. Do Quyền chính là Thật, do tha chính là tự, vượt khỏi chín pháp giới được nói trong Biệt Giáo mê Lý, dấy Hoặc. Do Thật chính là Quyền, do tự chính là tha, nên vượt hơn Phật giới được nói trong Biệt Giáo, duyên theo Lý mà đoạn chín pháp giới. Vì thế, một danh hiệu Quán Âm bằng với công đức của sáu mươi hai ức danh hiệu [các vị Bồ Tát khác].

25.2.2.2.3.1.2. Nói rõ cảm ứng khó lường để khuyên đừng nghi

(Kinh) Niệm niệm vật sanh nghi, Quán Thế Âm tịnh thánh. U khổ não tử ách, năng vị tác y hốt.

(經)念念勿生疑，觀世音淨聖。於苦惱死厄，能為作依怙。

(Kinh: Niệm niệm chớ sanh nghi, Quán Thế Âm tịnh thánh. Trong khổ não, nạn chết, hay làm chỗ nương tựa).

Trừ nghi thì niệm thành. Niệm thành sẽ có thể thoát hai thứ tử. Vì thế, khuyên đừng nghi.

Phần thứ nhất, “trùng tụng lần khuyên hãy trì danh lần thứ nhất” đã xong.

25.2.2.2.3.2. Trùng tụng lượt khuyên thứ hai: Hãy cúng dường

(Kinh) Cụ nhất thiết công đức, từ nhãn thị chúng sanh, phước tụ hải vô lượng. Thị cố ưng đánh lễ.

(經)具一切功德，慈眼視眾生，福聚海無量。是故應頂禮」。

(Kinh: Đủ hết thấy công đức, mắt từ nhìn chúng sanh, biển phước tụ vô lượng. Vì thế, nên đánh lễ).

“Đánh lễ” tức là ba nghiệp cúng dường.

Phần thứ nhất, “vấn đáp” đã xong.

25.2.2.3. Công đức do nghe phẩm này

25.2.2.3.1. Ngài Trì Địa tán thán, chứng minh

(Kinh) Nhĩ thời, Trì Địa Bồ Tát tức từng tòa khởi, tiền bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh văn thị Quán Thế Âm Bồ Tát phẩm tự tại chi nghiệp, Phổ Môn thị hiện thần thông lực giả, đương tri thị nhân công đức bất thiếu.

(經)爾時，持地菩薩即從座起，前白佛言：「世尊！若有眾生聞是觀世音菩薩品自在之業，普門示現神通力者，當知是人功德不少」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Trì Địa Bồ Tát (Dharaṇīdhara) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch trước đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nghe nghiệp tự tại, sức thần thông Phổ Môn thị hiện của phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát này, hãy nên biết người ấy công đức chẳng ít).

“*Nghiệp tự tại*” là nói trong bảy nạn, tam độc, hai điều mong cầu (cầu sanh con trai hay con gái) đều đạt được đại tự tại. “*Phổ Môn thị hiện*” tức là phương tiện hiện thân thuyết pháp trong mười pháp giới. Công đức của người nghe đã chẳng ít, huống hồ kẻ thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, đúng như lời dạy mà tu hành ư? Nhưng nếu chẳng riêng giải thích đề mục [của phẩm này] theo [ý nghĩa] Thông và Biệt, sao có thể khiến cho người nghe đạt được công đức to lớn? Vì thế, cần có Trì Địa Bồ Tát tán thán để chứng minh. Kinh Đại Phật Đảnh [phần nói về pháp Địa Đại Viên Thông của Trì Địa Bồ Tát] chép: “*Tỳ Xá Phù Phật ma đảnh, vị ngã đương bình tâm địa, tắc thế giới địa nhất thiết giai bình. Ngã tức tâm khai, kiến thân vi trần dữ tạo thế giới sở hữu vi trần, đẳng vô sai biệt, ngộ Vô Sanh Nhẫn. Văn chư Như Lai tuyên Diệu Liên Hoa Phật tri kiến địa, ngã tiên chứng minh nhi vi thượng thủ*” (Tỳ Xá Phù Phật xoa đỉnh đầu con, bảo con hãy nên bình tâm địa thì đất trong thế gian hết thấy đều bằng phẳng. Tâm con liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân và tất cả vi trần tạo ra thế giới đều bình đẳng chẳng sai biệt, ngộ Vô Sanh Nhẫn, nghe các đức Như Lai tuyên nói ‘đất’ tri kiến của Phật trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, con chứng minh trước hết, làm bậc thượng thủ). Đó là vì đã ngộ Địa Đại vốn là Như Lai Tạng, liền ngộ cả bảy Đại đều là Như Lai Tạng. Đã ngộ bảy Đại đều là Như Lai Tạng, liền ngộ Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, mười tám giới đều là Như Lai Tạng. Đã ngộ Ấm, Nhập, Xứ, Giới đều là Như Lai Tạng, liền ngộ bảy nạn, tam độc, cho đến thân trong mười pháp giới đều là Như Lai Tạng. Vì thế, có thể chứng minh công đức do nghe phẩm kinh này.

25.2.2.3.2. Người kết tập kinh trần thuật lợi ích

(Kinh) Phật thuyết thị Phổ Môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sanh giai phát Vô Đẳng Đẳng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

(經)佛說是普門品時，眾中八萬四千眾生皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心。

(Kinh: Khi đức Phật nói phẩm Phổ Môn này, tám vạn bốn ngàn chúng sanh trong đại chúng đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

“*Vô đẳng đẳng*”: Vô Thượng Bồ Đề không có gì sánh bằng. Đạt được lý này, sẽ bình đẳng với hết thảy các pháp, đều trở thành vô thượng. Tiên đan như thế, chẳng có gì sánh bằng. Có thể điểm hóa mọi vật khác cũng trở thành tiên đan. Đó là xét theo sự viên mãn khai hiển, theo chiều ngang có thể gồm thâu hết thảy, đều quy vào Nhất Thật. Lại nữa, Phật quả rốt ráo chẳng có gì sánh bằng, khi mới phát tâm, sẽ liền bình đẳng. Như Chuyển Luân Vương chẳng có ai sánh bằng, hoặc Thái Tử mới sanh, liền bằng với vua. Đó là xét theo bản thể của Thật Tướng để bàn luận nhân quả theo chiều dọc. Trước và sau đều hết như nhau. Lại nữa, tâm chính là Lý, Lý chính là tâm. Ngoài tâm chẳng có lý, ngoài lý chẳng có tâm. Tâm và lý chỉ có danh tự, tánh của danh tự là Không, đều chẳng thể nói, đem vật nào để sánh bằng vật nào, cho nên nói là “*vô đẳng đẳng*” ư? Chẳng thể nói mà nói. Nói cái tâm ấy bằng với lý ấy, cho nên nói là “*vô đẳng đẳng*”. Đây là xét theo song giá (cùng phủ định), song chiếu (cùng chấp thuận), chẳng ngang, chẳng dọc, mà là ngang, là dọc. Phát tâm có ba: Một là quán hạnh phát tâm, hai là tương tự phát tâm, ba là phần chứng phát tâm. Nay [phát tâm trong đoạn kinh văn này] ắt là phần chứng. Trong phần xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông, tiểu đoạn thứ hai là “khích lệ đệ tử thọ pháp” đã xong.

Giải thích phẩm Phổ Môn đã xong; kế đó, sẽ giải thích phẩm Đà La Ni.

26. Đà La Ni Phẩm Độ Nhị Thập Lục

陀羅尼品第二十六

Phẩm thứ hai mươi sáu: Đà La Ni

Đà La Ni (Dhāraṇī) phương này dịch là Tổng Trì, [hàm nghĩa]: “*Giữ cho điều ác chẳng dậy lên, giữ cho điều thiện chẳng mất*” (đó là Thế Giới Tất Đàn). Lại còn dịch là Giá Trì (遮持, ngăn che, gìn giữ), tức là có thể gìn giữ điều thiện (đó là Vị Nhân Tất Đàn), có thể ngăn che điều ác (đó là Đối Trì Tất Đàn). Ngăn che Biên Ác (điều ác do chấp trước nhị biên), gìn giữ Trung Thiện (điều thiện thuộc vào Trung Đạo). Đó là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Cách sử dụng [Đà La Ni] trong các kinh khác nhau, hoặc chuyên chữa bệnh, như kinh Liệu Trĩ v.v... Hoặc chuyên hộ pháp như trong kinh văn ở đây, hoặc chuyên diệt tội, như trong [các kinh thuộc thời] Phương Đẳng, hoặc dùng chung để chữa

bệnh, diệt tội, hộ trì kinh như kinh Thỉnh Quán Âm v.v... Hoặc là đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú (chú không có gì sánh bằng) thì chẳng phải là chữa bệnh, chẳng phải là diệt tội, chẳng phải là thủ hộ kinh.

Lại nữa, Mật Bộ có tất cả ba loại:

- Một là Phật Bộ, tự chia thành năm bộ [nhỏ hơn], tức [các Đà La Ni] do Ngũ Phật¹⁵¹ nói.

- Hai là Bồ Tát Bộ.

- Ba là quỷ thần Bộ.

Trong mỗi bộ đều luận định ba pháp thượng, trung, hạ:

¹⁵¹ Ngũ Phật tức Ngũ Trí Như Lai (còn gọi là Ngũ Thiên Na Phật), tức năm vị Phật biểu thị tác dụng chuyển bát thức thành ngũ trí.

Nếu xét theo Thai Tạng Giới được dạy trong kinh Đại Nhật (Mahavairocana Tantra), Ngũ Trí Như Lai có danh xưng là:

- Đông phương Bảo Tràng Phật (Ratnaketu).
- Nam phương Khai Hoa Phu Vương Phật (Samkusumitaraja).
- Tây phương Vô Lượng Thọ Phật.
- Bắc phương Thiên Cổ Lô Âm Phật (Divyadundubhimeganirghoṣa).
- Trung ương Đại Nhật Phật.

Năm vị Phật này được đặt ở trung tâm của Thai Tạng Mạn Đà La, bốn góc là bốn vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm và Di Lặc, hợp thành đóa sen tám cánh, nên thường gọi là Trung Đài Bát Diệp.

Trong hệ thống Kim Cang Giới (được diễn giảng trong kinh Kim Cang Đảnh) thì năm vị Phật là:

- Đông phương A Súc Bệ Phật (Akṣobhya), tương ứng với Đại Viên Kính Trí.
- Nam phương Bảo Sanh Phật (Ratnashambava), tương ứng với Bình Đẳng Tánh Trí.
- Tây phương A Di Đà Phật (Amitabha), tương ứng với Diệu Quán Sát Trí.
- Bắc phương Bất Không Thành Tựu Phật (Amoghasiddhi), tương ứng với Thành Sở Tác Trí.
- Trung ương Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana), tương ứng Pháp Giới Thể Tánh Trí.

Tuy danh xưng khác nhau, năm vị Phật này trong hai hệ thống Thai Tạng và Kim Cang Giới là một (do xét theo phương diện tu hành mà lập danh xưng khác nhau). Tương ứng với Ngũ Phật, Kim Cang Giới chia các mật chú thành năm hệ thống, gọi là Ngũ Bộ, tức Phật Bộ của Tỳ Lô Giá Na Phật, Yết Ma Bộ (Karma) của Bất Không Thành Tựu Phật, Liên Hoa Bộ của A Di Đà Phật, Bảo Bộ của Bảo Sanh Phật, và Kim Cang Bộ của A Súc Bệ Phật. Trong mỗi bộ, lại lập ra một vị Bồ Tát làm bộ chủ (giống như trưởng tử của vị Phật đứng đầu bộ ấy), bộ mẫu (vị Bồ Tát nữ tánh thể hiện lực dụng từ bi), minh vương (thân phần nộ có tác dụng chiết phục) v.v... Chẳng hạn như trong Liên Hoa Bộ, bộ chủ là Quán Thế Âm Bồ Tát, bộ mẫu là Độ Mẫu (Tara), minh vương là Mã Đầu Minh Vương (Hayagriva) v.v...

Cách chia thành ba bộ như tổ Ngẫu Ích nói chính là cách chia theo Thai Tạng Bộ.

- Thành tựu, tăng ích thì gọi là thượng pháp.
- Nhương tai (giải trừ tai nạn), nhiếp triệu (nhiếp thọ và triệu thỉnh) là trung pháp.
- Hàng phục thì gọi là hạ pháp.

Trong thượng pháp, lại chia ra ba phẩm, mỗi phẩm đều có hành nghi (nghi thức, quy cách để thực hiện riêng). Mỗi loại đều có quán pháp (cách quán tưởng vị tôn thánh nói ra thần chú và các chủng tử trong thần chú v.v...). Mỗi loại đều có những điều nghiêm cấm riêng, nhưng đều lấy tâm Vô Thượng Bồ Đề làm chủ. Nếu chẳng có thầy truyền, [mà tự tiện hành trì] thì gọi là “đạo pháp” (盜法, trộm pháp). Nếu trái nghịch hành nghi, ắt chuốc lấy ác báo. Nếu phạm nghiêm cấm, tự tiện nói với người khác sự hiệu nghiệm của pháp tu ấy, ắt sẽ chuốc phải tai vạ lạ lùng. [Các quy định nghiêm ngặt ấy] hoàn toàn là bốn món Tất Đàn hồng lợi ích chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn! Rất cần phải nương theo kinh, mong chớ trái nghịch giáo!

[Đà La Ni dịch nghĩa sang tiếng Hán] theo lối cựu dịch gọi là Chú, tân dịch thì gọi là Chân Ngôn, còn gọi là Minh. [Đà La Ni] có thể là tên của chúa các quỷ thần, cho nên có thể hàng phục quỷ thần (Thế Giới Tất Đàn), hoặc như mật hiệu trong quân đội, xướng lên sẽ sai khiến tương ứng (Vị Nhân Tất Đàn), hoặc như pháp bí mật, kín nhiệm để nghiêm trị điều ác (Đối Trị Tất Đàn), hoặc là mật ngữ của Như Lai. Như vua đòi Tiên Đà Bà (Saindhava)¹⁵², quần thần chẳng hiểu. Chỉ có bày tôi có trí mới có thể biết. Khi rửa bèn dâng nước, khi uống bèn dâng đồ đựng, khi ăn bèn dâng muối, khi [vua muốn] đi chơi bèn dâng ngựa. Đà La Ni cũng thế, chỉ là một pháp mà có trọn khắp các sức mạnh, chữa lành bệnh, trừ tội, sanh trưởng điều thiện, phù hợp đạo (đó là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Vì thế, giữ nguyên âm đọc (chỉ phiên âm), chẳng phiên dịch [ý nghĩa]¹⁵³.

¹⁵² Theo một thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn, chữ Tiên Đà Bà có bốn nghĩa là nước, đồ đựng, muối, và ngựa.

¹⁵³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đà La Ni dịch sang tiếng Hán là Tổng Trì, tức là nắm giữ pháp ngôn, chia thành bốn loại là pháp, nghĩa, chú, và nhẫn. Pháp và Nghĩa là nói dùng huệ và niệm làm Thể, còn Chú thì dùng Định làm Thể, Nhẫn thì dùng vô phân biệt trí làm Thể. Nói cách khác, dùng niệm lực để tổng trì giáo pháp của Phật, khiến cho chẳng quên thì gọi là Pháp Đà La Ni. Dùng huệ lực để tổng trì nghĩa lý của các pháp thì gọi là Nghĩa Đà La Ni. Dùng Định lực để tổng trì các mật ngữ đã phát khởi nhằm trừ khử khổ hoạn cho chúng sanh, có sự hiệu nghiệm thần diệu

“*Thần chú thủ hộ*”: Hoàng truyền kinh trong đời ác, thường gặp nhiều bức nã, tai nạn. Vì thế, dùng chân ngôn để bảo vệ, khiến cho đạo được lưu thông. Kinh văn chia làm bốn phần:

- Một, thưa hỏi công đức trì kinh.
- Hai, giải đáp [công đức ấy] rất nhiều.
- Ba, xin dùng chú thủ hộ.
- Bốn, nghe phẩm này đạt được lợi ích.

26.1. Thưa hỏi công đức trì kinh

(Kinh) Nhĩ thời, Dược Vương Bồ Tát tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, hữu năng thọ trì Pháp Hoa kinh giả, nhược độc tụng thông lợi, nhược thư tả kinh quyển, đắc kỷ sở phước?

(經)爾時，藥王菩薩即從座起，偏袒右肩，合掌向佛，而白佛言：「世尊！若善男子，善女人，有能受持法華經者，若讀誦通利，若書寫經卷，得幾所福？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Dược Vương Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, chắp tay hướng về đức Phật, bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, có ai có thể thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc tụng thông suốt, hoặc biên chép kinh quyển, sẽ được bao nhiêu phước?)

26.2. Giải đáp [công đức ấy] rất nhiều

(Kinh) Phật cáo Dược Vương: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường bát bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng chư Phật, ư nhữ ý vân hà? Kỳ sở đắc phước, ninh vi đa phủ?” “Thậm đa, Thế Tôn!” Phật ngôn: “Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân năng ư thị kinh, nãi chí thọ trì nhất tứ cú kệ, độc tụng, giải nghĩa, như thuyết tu hành, công đức thậm đa”.

chẳng thể lường thì gọi là Chú Đà La Ni. Dùng trí vô phân biệt, an trụ trong hiện thể Thật Tướng của các pháp, bất động, thì gọi là Nhẫn Đà La Ni”.

(經)佛告藥王：「若有善男子，善女人供養八百萬億那由他恆河沙等諸佛，於汝意云何？其所得福，寧為多不？」「甚多，世尊！」佛言：「若善男子，善女人能於是經，乃至受持一四句偈，讀誦，解義，如說修行，功德甚多」。

(Kinh: Đức Phật bảo Dược Vương: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường chư Phật nhiều như số cát trong tám trăm vạn ức na-do-tha sông Hằng, ý ông nghĩ sao? Người ấy đạt được phước đức, há có nhiều chăng?” “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều”. Đức Phật nói: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có thể đối với kinh này, dầu chỉ thọ trì một bài kệ gồm bốn câu, đọc tụng, hiểu nghĩa, tu hành đúng như lời dạy, công đức rất nhiều”).

26.3. Xin phép dùng chú để thủ hộ

26.3.1. Dược Vương Bồ Tát

26.3.1.1. thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, Dược Vương Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim đương dữ thuyết pháp giả Đà La Ni chú dĩ thủ hộ chi.

(經)爾時，藥王菩薩白佛言：「世尊！我今當與說法者陀羅尼咒以守護之」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Dược Vương Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con nay sẽ cho người thuyết pháp chú Đà La Ni để thủ hộ họ).

“Chú” là tiếng Hán, hàm nghĩa “cấm chú, chú chúc, chú nguyện”. Do bí mật chẳng phiên dịch, bèn dùng tên gọi ấy. Ở đây, do nêu danh xưng cả Hán lẫn Phạn, cho nên nói là “Đà La Ni chú”.

26.3.1.2. Nói thần chú

(Kinh) Tức thuyết chú viết: - An nhĩ, mạn nhĩ. Ma nễ, ma ma nễ. Chỉ lệ, giá lê đệ. Xa mê, xa lý đa vĩ, chiêm đế, mục đế, mục đa lý, sa lý. A vĩ sa lý, tang lý, sa lý. Xoa duệ, a xoa duệ. A kỳ nị. Chiên đế. Xa

lý. Đà la ni, a lô già bà sa, bả giá tỳ xoa nị. Nễ tỳ thê. A tiện đá la nễ lý thê. A dẫn, đá ba lệ thâm địa. Âu cứu lệ, mâu cứu lệ. A la lệ, ba la lệ. Thủ ca sai, a tam ma tam lý. Phật đà tỳ cát lợi trật đế. Đạt ma ba lợi sai đế. Tăng già niết cù sa nễ. Bà xá bà xá thâm địa. Mạn đá la. Mạn đá la xoa dạ đa. Bưu lâu đá. Bưu lâu đá kiêu xá lược. Ác xoa la. Ác xoa dã đa dã. A bà lô. A ma nhã na đa dạ.

(經)即說咒曰：「安爾，曼爾。摩禰，摩摩禰。旨隸，遮梨第。賒咩，賒履多瑋，羶帝，目帝，目多履，娑履。阿瑋娑履，桑履，娑履。叉裔，阿叉裔。阿耆膩。羶帝。賒履。陀羅尼，阿盧伽婆娑，簸蔗毗叉膩。禰毗剎。阿便哆邏禰履剎。阿亶，哆波隸輸地。歐究隸，牟究隸。阿羅隸，波羅隸。首迦差，阿三磨三履。佛陀毗吉利婁帝。達磨波利差帝。僧伽涅槃沙禰。婆舍婆舍輸地。曼哆邏。曼哆邏叉夜多。郵樓哆。郵樓哆憍舍略。惡叉邏。惡叉冶多冶。阿婆盧。阿摩若那多夜」。

(Kinh: Liên nói chú rằng: - Anye manye mane mamane, citte carite, same samitāvisānte, mukte muktatame, same avisame sama same jaye kṣaye akṣaye akṣiṇe śānte samite, dhāraṇi āloka-bhāṣe, pratyavekṣaṇi nidhiru, abhyantara-nirviṣṭe abhyantara pārisuddhi, mutkule, araḍe paraḍe sukāṅkṣi, asamasame. Buddhavilokite dharma parikṣite. Saṃghanirghoṣa nirghoṇi. Bhayābhaya-viśodhani manṭre. Mantrākṣayate rute rutaka-uśālye akṣaye akṣaya vanatāye vakkule valoda amanyanatāye)¹⁵⁴.

¹⁵⁴ Phần tiếng Phạn trong phẩm này hoàn toàn dựa theo bản dịch Anh ngữ “Lotus Sutra” của Tsugunari Kubo (Cửu Bảo Kế Thành) và Akira Yuyama (Thang Sơn Chiếu) của Phật Giáo Truyền Đạo Hiệp Hội (Bukkyō Dendō Kyōkai) Nhật Bản do tiến sĩ Yehan Numata (Chiêu Điền Huệ Phạm) sáng lập. Ông Numata vốn là một tu sĩ thuộc phái Tịnh Độ Chân Tông của Nhật Bản, từng theo học thống kê tại Mỹ khi sang Mỹ làm công tác truyền giáo. Trở về Nhật, ông sáng lập công ty Mitutoyo (chuyên sản xuất các dụng cụ đo lường vi mô) thành công vang dội. Ông sáng lập Phật Giáo Truyền Đạo Hiệp Hội vào năm 1965 và chủ trương ấn hành tác phẩm Teachings of Buddha để đặt trong mọi phòng của các khách sạn tại Nhật giống như

26.3.1.3. Tán thán

(Kinh) Thế Tôn! Thị Đà La Ni thần chú, lục thập nhị ức Hằng hà sa đẵng chư Phật sở thuyết. Nhược hữu xâm hủy thử pháp sư giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.

(經)「世尊！是陀羅尼神咒，六十二億恆河沙等諸佛所說。若有侵毀此法師者！則為侵毀是諸佛已」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Thần chú Đà La Ni này được chư Phật nhiều như số cát trong sáu mươi hai ức sông Hằng nói ra. Nếu có kẻ nào xâm phạm, hủy báng pháp sư này, tức là đã xâm phạm, hủy báng chư Phật).

26.3.1.4. Ấn khả

(Kinh) Thời, Thích Ca Mâu Ni Phật tán Dục Vương Bồ Tát ngôn: - Thiện tai! Thiện tai! Dục Vương! Nhữ mãn niệm, ủng hộ thử pháp sư cố, thuyết thị Đà La Ni, ư chư chúng sanh đa sở nhiều ích.

(經)時，釋迦牟尼佛讚藥王菩薩言：「善哉！善哉！藥王！汝愍念，擁護此法師故，說是陀羅尼，於諸眾生多所饒益」。

(Kinh: Khi ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán Dục Vương Bồ Tát rằng: - Lành thay! Lành thay! Đây Dục Vương! Ông do nghĩ thương xót, ủng hộ vị pháp sư ấy mà nói Đà La Ni này, tạo nhiều lợi ích cho các chúng sanh).

26.3.2. Dũng Thí Bồ Tát [nói thần chú ủng hộ]

26.3.2.1. Xin phép

kiểu hội Gideon Bible của Mỹ đặt Kinh Thánh trong các khách sạn tại Mỹ. Năm 1986, ông chủ trì công trình dịch Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sang tiếng Anh, đồng thời tích cực truyền bá giáo nghĩa của Tịnh Độ Chân Tông tại phương Tây.

(Kinh) Nhĩ thời, Dũng Thí Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã diệc vị ủng hộ độc tụng, thọ trì Pháp Hoa kinh giả, thuyết Đà La Ni. Nhược thử pháp sư đắc thị Đà La Ni, nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược Phú Đan Na, nhược Cát Giá, nhược Cưu Bàn Trà, nhược nga quỷ đẳng, tứ cầu kỳ đoản, vô năng đắc tiện.

(經)爾時，勇施菩薩白佛言：「世尊！我亦為擁護讀誦，受持法華經者，說陀羅尼。若此法師得是陀羅尼，若夜叉，若羅刹，若富單那，若吉蔗，若鳩槃荼，若餓鬼等，伺求其短，無能得便」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Dũng Thí Bồ Tát (Pradānaśūra) bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con cũng vì ủng hộ người đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa mà nói Đà La Ni. Nếu vị pháp sư ấy có được Đà La Ni này, dù Dạ Xoa (Yakṣa), dù La Sát (Rākṣasa), dù Phú Đan Na (Pūtana), dù Cát Giá (Kṛtya), dù Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa), hay quỷ đói v.v... tìm cầu khuyết điểm của người ấy đều chẳng thể có cơ hội).

Phú Đan Na là quỷ gây bệnh nhiệt. Cát Giá là khởi thi quỷ (quỷ khiến cho xác chết vùng dậy).

26.3.2.2. Nói thần chú

(Kinh) Tức ư Phật tiền nhi thuyết chú viết: - Toa lệ, ma ha toa lệ. Úc chỉ, mục chỉ. A lệ, a la bà đệ. Niết lệ đệ. Niết lệ đa bà đệ. Y trí nĩ, vi trí nĩ, chỉ trí nĩ, niết lệ trì nĩ. Niết lệ trì bà đế.

(經)即於佛前而說咒曰：「唵隸，摩訶唵隸。郁枳，目枳。阿隸，阿羅婆第。涅槃第。涅槃多婆第。伊緻柅，韋緻柅，旨緻柅，涅槃墀柅。涅槃墀婆底」。

(Kinh: Liên ở trước đức Phật, mà nói chú rằng: - Jvale mahā-jvale, ukke mukke. Aḍe aḍāvati nṛtye nṛtyāvati iṭṭini viṭṭini ciṭṭini nṛtyani nṛtyāvati).

26.3.2.3. Tán tán

(Kinh) Thế Tôn! Thị Đà La Ni thần chú, Hằng hà sa đẵng chư Phật sở thuyết, diệc giai tùy hỷ. Nhược hữu xâm hủy thử pháp sư giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.

(經)「世尊！是陀羅尼神咒，恆河沙等諸佛所說，亦皆隨喜。若有侵毀此法師者，則為侵毀是諸佛已」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Thần chú Đà La Ni này được chư Phật nhiều như số cát sông Hằng nói ra, và cũng đều tùy hỷ. Nếu có kẻ xâm phạm, hủy báng vị pháp sư này, tức là đã xâm phạm, hủy báng các đức Phật ấy).

26.3.3. Tỳ Sa Môn [nói thần chú]

26.3.3.1. Xin phép nói

(Kinh) Nhĩ thời, Tỳ Sa Môn thiên vương hộ thế giả, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã diệc vị mãn niệm chúng sanh, ủng hộ thử pháp sư cố, thuyết thị Đà La Ni.

(經)爾時，毗沙門天王護世者，白佛言：「世尊！我亦為愍念眾生，擁護此法師故，說是陀羅尼」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Tỳ Sa Môn thiên vương là bậc hộ trì thế gian, bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con cũng vì nghĩ thương xót chúng sanh, ủng hộ vị pháp sư ấy mà nói Đà La Ni này).

26.3.3.2. Nói thần chú

(Kinh) Tức thuyết chú viết: - A lê, na lê, nậu na lê, a na lô, na lý, câu na lý.

(經)即說咒曰：「阿梨，那梨，𪛗那梨，阿那盧，那履，拘那履」。

(Kinh: Liên nói chú rằng: - Aṭṭe naṭṭe vanaṭṭe anaḍe nāḍi kunaḍi).

26.3.3.3. Tán thán

(Kinh) Thế Tôn! Dĩ thị thần chú ủng hộ pháp sư, ngã diệt tự đương ủng hộ trì thị kinh giả, linh bách do-tuần nội, vô chư suy hoạn.

(經)「世尊！以是神咒擁護法師，我亦自當擁護持是經者，令百由旬內，無諸衰患」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Dùng thần chú này để ủng hộ pháp sư, con cũng sẽ tự ủng hộ người trì kinh này, khiến cho trong vòng một trăm do-tuần không có các suy hoạn¹⁵⁵).

26.3.4. Trì Quốc thiên vương [nói thần chú]

26.3.4.1. thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, Trì Quốc thiên vương tại thứ hội trung, dữ thiên vạn ức na-do-tha Càn Thát Bà chúng, cung kính vi nhiễu, tiền nghê Phật sở, hiệp chưởng, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã diệt dĩ Đà La Ni thần chú, ủng hộ trì Pháp Hoa kinh giả.

(經)爾時，持國天王在此會中，與千萬億那由他乾闥婆眾，恭敬圍繞，前詣佛所，合掌，白佛言：「世尊！我亦以陀羅尼神咒，擁護持法華經者」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Trì Quốc thiên vương (Dhṛtarāṣṭra)¹⁵⁶ ở trong hội này, cùng với ngàn vạn ức na-do-tha các Càn Thát Bà cung kính vây quanh, đến trước đức Phật, chấp tay, bạch Phật rằng: - Bạch

¹⁵⁵ Theo Đinh Phước Bảo trong Phật Học Đại Từ Điển, “suy hoạn” có nghĩa là các tai ương, hoạn nạn như dịch bệnh, đói kém, chiến tranh v.v...

¹⁵⁶ Trì Quốc thiên vương, phiên âm tiếng Phạn là Đề Đầu Lại Tra, là một trong bốn vị thiên vương của tầng trời thứ nhất trong Dục Giới, thủ hộ phương Đông. Tên gọi của vị thiên vương này hàm nghĩa: “Do lòng từ bi mà bảo vệ chúng sanh, hộ trì đất nước”. Vị này thường được tạc tượng thành hình thiên tướng, mặc giáp trụ, tay cầm đàn tỳ bà (tại Nhật, vị này được tạc tượng tay cầm cung). Tại các tông lâm, khi tiến vào sơn môn, điện thờ đầu tiên là Thiên Vương Điện, thờ Di Lặc Bồ Tát ngồi chính giữa, bốn góc là bốn vị thiên vương. Trì Quốc thiên vương thống lãnh Càn Thát Bà, Tát Xá Giá (Tỳ Xá Xà), Khẩn Na La... Do hai bộ thuộc hạ của Trì Quốc thiên vương đều là nhạc thần, cho nên tạc tượng Trì Quốc thiên vương cầm đàn tỳ bà, hàm ý: Vị thiên vương này dùng âm nhạc để nhiếp thọ chúng sanh hướng về Phật đạo. Đôi khi kinh Phật còn gọi Trì Quốc thiên vương là Càn Thát Bà vương.

Thế Tôn! Con cũng dùng thần chú Đà La Ni để ủng hộ người trì kinh Pháp Hoa).

26.3.4.2. Nói thần chú

(Kinh) Tức thuyết chú viết: - A già nễ, già nễ, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đẵng kỳ, thường cầu lợi, phù lâu sa nĩ, át đế.

(經)即說咒曰：「阿伽禰，伽禰，瞿利，乾陀利，旃陀利，摩蹬耆，常求利，浮樓莎昵，唵底」。

(Kinh: Liên nói chú rằng: - Agāṇe gaṇe gauri gandhāri caṇḍālī mātāṅgi jaṅguli vrūsaṇi agastī).

26.3.4.3. Tán thán

(Kinh) Thế Tôn! Thị Đà La Ni thần chú, tứ thập nhị ức chư Phật sở thuyết. Nhược hữu xâm hủy thử pháp sư giả, tắc vi xâm hủy thị chư Phật dĩ.

(經)「世尊！是陀羅尼神咒，四十二億諸佛所說。若有侵毀此法師者，則為侵毀是諸佛已」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Đà La Ni thần chú này do bốn mươi hai ức chư Phật đã nói. Nếu có kẻ xâm phạm, hủy báng pháp sư ấy, tức là đã xâm phạm hủy báng các vị Phật ấy).

26.3.5. La Sát nữ

26.3.5.1. Nêu tên các La Sát nữ cùng thỉnh

(Kinh) Nhĩ thời, hữu La Sát nữ đẳng: Nhất danh Lam Bà, nhị danh Tỳ Lam Bà, tam danh Khúc Xỉ, tứ danh Hoa Xỉ, ngũ danh Hắc Xỉ, lục danh Đa Phát, thất danh Vô Yểm Túc, bát danh Trì Anh Lạc, cửu danh Cao Đế, thập danh Đoạt Nhất Thiết Chúng Sanh Tinh Khí. Thị thập La Sát nữ, dĩ Quỷ Tử Mẫu, tịnh kỳ tử cập quyền thuộc, câu nghệ Phật sở, đồng thanh bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc dục ủng hộ độc tụng, thọ trì Pháp Hoa kinh giả, trừ kỳ suy hoạn. Nhược hữu tứ cầu pháp sư đoản giả, linh bất đắc tịen.

(經)爾時，有羅刹女等：一名藍婆、二名毗藍婆、三名曲齒、四名華齒、五名黑齒、六名多髮、七名無厭足、八名持瓔珞、九名臯帝、十名奪一切眾生精氣。是十羅刹女，與鬼子母，并其子及眷屬，俱詣佛所，同聲白佛言：「世尊！我等亦欲擁護讀誦，受持法華經者，除其衰患。若有伺求法師短者，令不得便」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, có các La Sát nữ (Rākṣasīs): Một tên là Lam Bà (Lambā), hai tên là Tỳ Lam Bà (Vilambā), ba tên là Khúc Xỉ (Kūṭadantī), bốn tên là Hoa Xỉ (Puṣpadantī), năm tên là Hắc Xỉ (Makuṭadantī), sáu tên là Đa Phát (Keśinī), bảy tên là Vô Yếm Túc (Acalā), tám tên là Trì Anh Lạc (Mālādhāri), chín tên là Cao Đế (Kuntī), mười tên là Đoạt Nhất Thiết Chúng Sanh Tinh Khí (Sarvasattvojoḥārī). Mười La Sát nữ¹⁵⁷ ấy cùng với Quỷ Tử Mẫu (Hārītī), các con bà ta, và quyến thuộc cùng đến chỗ đức Phật, đồng thanh bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa, trừ các suy hoạn. Nếu có kẻ tìm cầu khuyết điểm của pháp sư, sẽ chẳng có cơ hội).

26.3.5.2. Nói thần chú

¹⁵⁷ Phật giáo Nhật Bản coi mười La Sát nữ là tùy tùng của Phổ Hiền Bồ Tát. Theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa Tam Muội Da Bí Mật Tam Ma Da, họ là hóa thân của các vị Phật và Bồ Tát:

- Lam Bà là hóa thân của Thượng Hạnh (Viśiṣṭacāritra) Bồ Tát.
- Tỳ Lam Bà là hóa thân của Vô Biên Hạnh (Anantacāritra) Bồ Tát.
- Khúc Xỉ là hóa thân của Tịnh Hạnh (Anantacāritra) Bồ Tát.
- Hoa Xỉ là hóa thân của An Lập Hạnh (Supraṭiṣṭhitacāritra) Bồ Tát.
- Hắc Xỉ là hóa thân của Phật Thích Ca.
- Đa Phát là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát.
- Vô Yếm Túc là hóa thân của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát,
- Trì Anh Lạc là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát,
- Cao Đế là hóa thân của Di Lạc Bồ Tát.
- Đoạt Nhất Thiết Chúng Sanh Tinh Khí là hóa thân của Đa Bảo Như Lai.

(Kinh) *Tức ư Phật tiền, nhi thuyết chú viết: - Y đề lý, y đề mẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, lâu hê, lâu hê, lâu hê, lâu hê, đa hê, đa hê, đa hê, đầu hê, nậu hê.*

(經)即於佛前，而說咒曰：「伊提履，伊提泯，伊提履，阿提履，伊提履，泥履，泥履，泥履，泥履，泥履，樓醯，樓醯，樓醯，樓醯，多醯，多醯，多醯，兜醯，毖醯」。

(Kinh: *Liên đối trước Phật, mà nói chú rằng: - Itime itime itime itime itime, nime nime nime nime nime, ruhe ruhe ruhe ruhe, stuhe stuhe stuhe stuhe.*)

26.3.5.3. Tán thán

(Kinh) “*Ninh thương ngã đầu thương, mặc não ư pháp sư. Nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược ngạ quỷ, nhược Phú Đan Na, nhược Cát Giá, nhược Tỳ Đà La, nhược Kiền Đà, nhược Ô Ma Lạc Già, nhược A Bạt Ma La, nhược Dạ Xoa Cát Giá, nhược Nhân Cát Giá, nhược nhiệt bệnh, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược chí thất nhật, nhược thường nhiệt bệnh, nhược nam hình, nhược nữ hình, nhược đồng nam hình, nhược đồng nữ hình, nãi chí mộng trung, diệc phục mặc não*”. *Tức ư Phật tiền nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược bất thuận ngã chú, não loạn thuyết pháp giả, đầu phá tác thất phần, như A Lê thụ chi. Như sát phụ mẫu tội, diệc như áp du ương, đầu xứng khi cuồng nhân. Điều Đạt phá tăng tội. Phạm thử pháp sư giả, đương hoạch như thị ương.*

(經)「*盃上我頭上，莫惱於法師。若夜叉，若羅刹，若餓鬼，若富單那，若吉蔗，若毗陀羅，若犍馱，若烏摩勒伽，若阿跋摩羅，若夜叉吉蔗，若人吉蔗，若熱病，若一日，若二日，若三日，若四日，若至七日，若常熱病，若男形，若女形，若童男形，若童女形，乃至夢中，亦復莫惱*」。即於佛前而說偈言：「*若不順我咒，惱亂說法者*

，頭破作七分，如阿梨樹枝。如殺父母罪，亦如壓油殃，斗秤欺誑人。調達破僧罪。犯此法師者，當獲如是殃」。

(*Kinh*: “Thà trèo lên đầu con, đừng nào hại pháp sư. Dù Dạ Xoa, hoặc La Sát, hoặc ngạ quỷ, hoặc Phú Đan Na, hoặc Cát Giá, hoặc Tỳ Đà La (*Vetāla*), hoặc Kiền Đà (*Skanda*), hoặc Ô Ma Lạc Già (*Omāraka*), hoặc A Bạt Ma La (*Apasmāraka*), hoặc Dạ Xoa Cát Giá (*Yakṣakṛtya*), hoặc Nhân Cát Giá (*Manuṣyakṛtya*)¹⁵⁸, hoặc nhiệt bệnh, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc cho tới bảy ngày, hoặc thường nhiệt bệnh, hoặc thân nam, hoặc thân nữ, hoặc thân bé trai, hoặc thân bé gái, cho tới trong mộng cũng đừng nào hại”. Họ liền đối trước Phật mà nói kệ rằng: - Chẳng thuận chú của ta, nào loạn người thuyết pháp, đầu nứt thành bảy miếng, như cành cây A Lê. Như tội giết cha mẹ, cũng như họa ép dầu, cân đong lường gạt người. Tội Điều Đạt¹⁵⁹ phá tăng. Kẻ xâm phạm pháp sư, chuốc ương họa đường ấy).

Tỳ Đà La¹⁶⁰ là quỷ sắc đỏ. Kiền Đà là quỷ màu vàng. Ô Ma Lạc Già là quỷ màu đen. A Bạt Ma La là quỷ màu xanh. Cành cây A Lê (*Arjaka*) rơi xuống đất, tự nhiên liền nứt vỡ thành bảy miếng. “Giết cha, giết mẹ, phá tăng” là ba tội trong Ngũ Nghịch. “Áp du ương” (Tội ương do ép dầu): Tây Trúc ép dầu, nghiền mè cho sanh trùng rồi mới ép dầu. [Làm như vậy] thì dầu nhiều mà lại béo, sát nghiệp rất nặng. Kẻ lường cân tráo đấu lừa gạt người khác, khi chi ra thì dùng đấu nhỏ hơn, quả cân nhẹ hơn. Khi thu vào thì dùng quả cân nặng hơn, đấu to hơn; nghiệp trộm cắp rất nặng. Vì thế, phải răn nhắc kẻ vi phạm, tội ác [do phạm lỗi ấy] chẳng nhẹ!

26.3.5.4. Phát thệ

¹⁵⁸ Theo pháp sư Phổ Hành, Nhân Cát Giá là quỷ khiến cho xác chết vùng dậy giết người, còn Dạ Xoa Cát Giá là quỷ nhập vào xác chết để giết Dạ Xoa.

¹⁵⁹ Điều Đạt là phiên âm tắt của Đề Bà Đạt Đa.

¹⁶⁰ Tỳ Đà La tức là quỷ nhập tràng. Theo Thập Tụng Luật, quyển thứ hai, tại Tây Vực có thuật tụng chú vào xác chết còn nguyên vẹn, triệu quỷ hồn sai khiến thầy ma ấy đi giết người. Các loại quỷ nhập thầy chết ấy được gọi là Tỳ Đà La. Nếu người bị hại có công đức lớn, hoặc nhập Diệt Tận Định, hoặc có vị chú sư mạnh hơn bảo vệ, hoặc được thiên thần bảo vệ, quỷ sẽ quay lại tấn công kẻ sai khiến nó.

(Kinh) Chư La Sát nữ thuyết thử kệ dĩ, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc đương thân tự ủng hộ thọ trì, độc tụng, tu hành thị kinh giả, linh đắc an ổn, ly chư suy hoạn, tiêu chủng độc dục.

(經)諸羅刹女說此偈已，白佛言：「世尊！我等亦當身自擁護受持，讀誦，修行是經者，令得安隱，離諸衰患，消眾毒藥」。

(Kinh: Các La Sát nữ nói bài kệ ấy xong, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ đích thân ủng hộ người thọ trì, độc tụng, tu hành kinh này, khiến cho họ được an ổn, lìa các suy hoạn, tiêu trừ các thuốc độc).

26.3.5.5. [Đức Phật] ấn khả

(Kinh) Phật cáo chư La Sát nữ: - Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng dẫn năng ủng hộ thọ trì Pháp Hoa danh giả, phước bất khả lượng, hà huống ủng hộ cụ túc thọ trì, cúng dường kinh quyển, hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, phan, cái, kỹ nhạc, nhiên chủng chủng đẳng: Tô đẳng, du đẳng, chư hương du đẳng: Tô Ma Na hoa du đẳng, Chiêm Bặc hoa du đẳng, Bà Sư Ca hoa du đẳng, Ưu Bát La hoa du đẳng. Như thị đẳng bách thiên chủng cúng dường giả. Cao Đế! Nhữ đẳng cập quyển thuộc ưng đương ủng hộ như thị pháp sư.

(經)佛告諸羅刹女：「善哉！善哉！汝等但能擁護受持法華名者，福不可量，何況擁護具足受持，供養經卷，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，幡，蓋，伎樂，然種種燈：酥燈，油燈，諸香油燈：酥摩那華油燈，蒼蔔華油燈，婆師迦華油燈，優鉢羅華油燈。如是等百千種供養者。臯帝！汝等及眷屬應當擁護如是法師」。

(Kinh: Đức Phật bảo các La Sát nữ: - Lành thay! Lành thay! Các người có thể ủng hộ người thọ trì tên kinh Pháp Hoa, phước đã chẳng thể lường, huống hồ ủng hộ người thọ trì trọn vẹn quyển kinh, cúng

dường kinh quyền bằng hoa, hương, chuỗi anh lạc, hương bột, hương bôi, hương đốt, phan, lọng, kỹ nhạc, thắp các thứ đèn: Đèn thắp bằng tô, đèn dầu, đèn thắp bằng các thứ dầu thơm: Đèn dầu hoa Tô Ma Na, đèn dầu hoa Chiêm Bặc, đèn dầu hoa Bà Sư Ca, đèn dầu hoa Ưu Bát La. Trăm ngàn loại cúng dường như thế. Nay Cao Đế! Các người và quyền thuộc hãy nên ủng hộ pháp sư như thế).

Phần thứ ba, “xin phép dùng thân chú” ủng hộ đã xong.

26.4. Nghe phẩm này đạt được lợi ích

(Kinh) Thuyết thị Đà La Ni phẩm thời, lục vạn bát thiên nhân đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

(經)說是陀羅尼品時，六萬八千人得無生法忍。

(Kinh: Khi nói phẩm Đà La Ni này, sáu vạn tám ngàn người đắc Vô Sanh Pháp Nhân).

Giải thích các bài chú trong phẩm Đà La Ni đã xong; kể đó, giải thích phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Thất

27. Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự Phẩm Đệ Nhị Thập Thất 妙莊嚴王本事品第二十七

Phẩm thứ hai mươi bảy: Bốn Sự của vua Diệu Trang Nghiêm

Nhân duyên này xuất phát từ kinh khác. Trong thời Mật Pháp của quá khứ Phật, có bốn vị tỳ-kheo sanh lòng trân trọng tột bậc đối với kinh Pháp Hoa. Thoạt đầu, họ nghiên cứu, tìm cầu, vẫn chẳng ngộ, bèn kết bạn vào núi. Lại vì trợ đạo gian nan, chẳng thể chuyên tâm dốc chí. Một người nói: “Bốn đứa mình nghèo túng, thân còn chẳng giữ nổi, pháp sẽ gởi gắm vào đâu? Ba người các anh chỉ nên dốc hết tánh mạng để tuân phụng đạo, chẳng cần lo nghĩ. Tôi sẽ xả thân lực này, thề cung cấp các thứ cần thiết”. Do vậy, ba người kia có thể dốc trọn lòng thành, công siêu nhiều kiếp, còn người ấy do nhiều lượt lăn lộn trong nhân gian, đạo lực chẳng vững, gặp cỗ xe của vua, hâm mộ sự vinh hoa ấy, do phước lực vun đắp, thuận theo ý niệm mà thọ báo, thường được làm vua trong cõi người và trên trời. Hưởng thụ đã lâu, dần dần dấy lên lầm lỗi. Ba

người kia do đạo nhân trông thấy, bàn bạc cùng nhau tế độ, biết người ấy chấp dục, lại còn tà kiến. Nếu chẳng dùng Ái để lôi kéo, sẽ không có cách nào cứu bạt! Vì thế, một người làm vợ, hai người làm con, chi tiết thì như kinh này đã nói. Vợ tức là Diệu Âm Bồ Tát, vua chính là Hoa Đức Bồ Tát, hai con chính là Dược Vương và Dược Thượng. Diệu Âm hoàng kinh khắp chốn, Dược Vương nói chú hộ pháp, lưu thông diệu điển. Tứ thánh (bốn vị Bồ Tát tức Hoa Đức, Diệu Âm...) công sâu xa, nói duyên trước của họ, cho nên gọi là phẩm Diệu Trang Nghiêm Bốn Sự (đó là Thế Giới Tất Đàn).

Lại nữa, Diệu Trang Nghiêm là công đức của diệu pháp trang nghiêm sáu căn. Vị vua này thuở trước có duyên với diệu pháp. Lúc đạo được hun đúc chín muồi, các căn đều thanh tịnh, tuy chưa đạt Vô Sanh, nhưng Lý ắt đã thấu đạt. Vì thế, điềm lành linh ứng cảm thông, danh hiệu tốt lành đã sớm lập. Chẳng hạn như ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề), tuy chưa phải là hoàn toàn chẳng tranh chấp, đã có hiệu là Không Sanh. Trong phần sau kinh vẫn có nói: *“Bát vạn tứ thiên tuế tinh tấn tu hành Diệu Pháp Hoa kinh, đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội”* (Trong tám vạn bốn ngàn năm tinh tấn tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội). Do bởi nghĩa này, tên là Diệu Trang Nghiêm (Danh hiệu tốt lành đã sớm lập, tức là Vị Nhân Tất Đàn. Tinh tấn tu hành là Đối Trị Tất Đàn. Đắc tam-muội là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo Bốn Tích, Tích là một phàm (vua Diệu Trang Nghiêm) ba thánh (phu nhân Tịnh Đức và hai con, tức Tịnh Tạng và Tịnh Nhân). Bốn thì cả bốn vị đều là bậc đại Bồ Tát. Vì muốn hướng dẫn quyền thuộc thuở ấy và các chúng sanh [mà thị hiện như thế].

Xét theo quán tâm, bất động đối với các kiến mà thông đạt chánh kiến, thông lãnh, chế ngự chẳng sót, cho nên tên là Diệu Trang Nghiêm Vương.

Trong tiết thứ tư, tức “hộ trì người khác”, của phần “xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông [kinh Pháp Hoa]”, có sáu tiểu đoạn:

- Một, nêu ra Sự Bốn.
- Hai, cùng nêu ra người được giáo hóa và người giáo hóa.
- Ba, phương tiện để giáo hóa.
- Bốn, người được giáo hóa đạt lợi ích.
- Năm, kết lại để dung hội xưa nay.
- Sáu, nghe phẩm này ngộ đạo.

27.1. Nêu ra Sự Bốn

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư đại chúng: - Nãi vãng cổ thế, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật danh Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà. Quốc danh Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp danh Hỷ Kiến.

(經)爾時，佛告諸大眾：「乃往古世，過無量無邊不可思議阿僧祇劫，有佛名雲雷音宿王華智多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀。國名光明莊嚴，劫名喜見。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng: - Vào thời xưa kia, cách đây vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, có Phật hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai (Jaladharagarita-ghoṣasusvaranakṣatrarājasam-kusumitābhijña), Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Cõi nước tên là Quang Minh Trang Nghiêm (Vairocanaraśmi-pratimaṇḍitā), kiếp tên là Hỷ Kiến - Priyadarśana)¹⁶¹.

27.2. Cùng nêu ra người được hóa độ và người hóa độ

(Kinh) Bử Phật pháp trung, hữu vương danh Diệu Trang Nghiêm. Kỳ vương phu nhân, danh viết Tịnh Đức. Hữu nhị tử: Nhất danh Tịnh Tạng, nhị danh Tịnh Nhãn. Thị nhị tử hữu đại thần lực, phước đức, trí huệ, cứu tu Bồ Tát sở hành chi đạo. Sở vị: Đàn Ba La Mật, Thi La Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Ly Da Ba La Mật, Thiền Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, Phương Tiện Ba La Mật, từ bi hỷ xả, nãi chí tam thập thất phẩm trợ đạo pháp, giai tất minh liễu, thông đạt. Hựu đắc Bồ Tát Tịnh tam-muội, Nhật Tinh Tú tam-muội, Tịnh Quang tam-muội, Tịnh Sắc tam-muội, Tịnh Chiếu Minh tam-muội, Trường Trang Nghiêm tam-muội, Đại Oai Đức Tạng tam-muội. Ư thử tam-muội, diệc tất thông đạt.

¹⁶¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật pháp như mây, che rợp hết thấy, không căn cứ nào chẳng tiếp độ. Pháp âm như sấm, chẳng trái nghịch, chẳng ẩn khuất, quả trí viên minh, như vua của các tinh tú, rực rỡ chói ngời. Vì thế, hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí. Quốc độ được quang minh của Phật trang nghiêm, được mọi người ưa thích thấy. Do đó, cõi nước có tên là Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên là Hỷ Kiến”.

(經)彼佛法中，有王名妙莊嚴。其王夫人，名曰淨德。有二子：一名淨藏，二名淨眼。是二子有大神力，福德，智慧，久修菩薩所行之道。所謂：檀波羅蜜、尸羅波羅蜜、羼提波羅蜜、毗離耶波羅蜜、禪波羅蜜、般若波羅蜜、方便波羅蜜、慈悲喜捨，乃至三十七品助道法，皆悉明了，通達。又得菩薩淨三昧、日星宿三昧、淨光三昧、淨色三昧、淨照明三昧、長莊嚴三昧、大威德藏三昧。於此三昧，亦悉通達。

(*Kinh*: Trong pháp của đức Phật ấy, có vua tên là Diệu Trang Nghiêm (Śubhavyūha)¹⁶². Phu nhân của nhà vua tên là Tịnh Đức (Vimaladatta). Có hai người con: Một tên là Tịnh Tạng (Vimalagarbha), hai tên là Tịnh Nhãn (Vimalanetra). Hai người con ấy có đại thần lực, phước đức, trí huệ, đã tu tập đạo sở hành của Bồ Tát đã lâu. Tức là: Đàn Ba La Mật (Bồ Thí Ba La Mật), Trì La Ba La Mật (Trì Giới Ba La Mật), Sạn Đề Ba La Mật (Nhẫn Nhục Ba La Mật), Tỳ Ly Da Ba La Mật (Tĩnh Tấn Ba La Mật), Thiền Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, Phương Tiện Ba La Mật, từ bi hỷ xả, cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp, thấy đều hiểu rõ, thông đạt. Lại đắc Bồ Tát Tịnh tam-muội (Vimalasamādhi), Nhật Tinh Tú tam-muội (Nakṣatrarājāditya), Tịnh Quang tam-muội (Vimalanirbhāsa), Tịnh Sắc tam-muội (Vimalarūpa). Tịnh Chiếu Minh tam-muội, Trường Trang Nghiêm tam-muội (Alaṃkāraśubha), Đại Oai Đức Tạng tam-muội (Mahā-tejogarbha). Đối với các tam-muội ấy, cũng đều thông đạt).

Vua là người được giáo hóa; phu nhân và hai con là người giáo hóa. Riêng nêu công đức của hai con: Đại thần lực là “áo Như Lai”. Đại phước đức là “nhà Như Lai”. Đại trí huệ là “tòa Như Lai”. Lục Độ cộng thêm Phương Tiện thành bảy. Hoặc là từ Quyền Huệ mở rộng thành

¹⁶² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Dùng các phước đức màu nhiệm để trang nghiêm các căn, cho nên gọi là Diệu Trang Nghiêm. Tuy hiện nhiệm tướng, đức vốn thanh tịnh, cho nên tên là Tịnh Tạng. Tạng thức chỉ chứa đựng chủng tử thanh tịnh, cho nên tên là Tịnh Tạng. Đạt được pháp nhãn thanh tịnh, cho nên có tên là Tịnh Nhãn”.

Phương Tiện, Nguyên, Lực, Trí, bèn thành Thập Độ. Nay chỉ nói Phương Tiện, tức là gồm chung ba Độ kia (Nguyên, Lực, Trí). Từ bi hỷ xả là Tứ Vô Lượng Tâm. Ba mươi bảy phẩm (có kinh gọi các phẩm ấy là Chánh Đạo, vì đó là huệ hạnh. Ở đây là nói đến trợ đạo, do bảy khoa được ghép thêm vào theo chiều dọc, ngụ ý: Thập Độ là chánh đạo). Nhưng Thập Độ, Tứ Đăng (Tứ Vô Lượng Tâm) và ba mươi bảy phẩm của Viên Giáo đều là vô tác diệu đạo xứng tánh, chẳng phải chánh, chẳng phải trợ, một mực tùy theo ý nghĩa mà gọi là chánh hay trợ đó thôi! Trong Thiên có các tam-muội, mỗi phẩm trong đạo phẩm cũng đều có tam-muội. Nay kinh văn nêu tên bảy môn tam-muội, đều là dựa theo công dụng mà đặt tên, chứ lý chẳng khác! Là trọn vẹn tam cầu, thì gọi là Tịnh tam-muội. Thật Trí như mặt trời, Quyền Trí như tinh tú, Quyền và Thật chẳng hai, gọi là Nhật Tinh Tú tam-muội. Tánh thanh tịnh tỏa quang minh, gọi là Tịnh Quang tam-muội. Hiện trọn khắp các sắc thân, gọi là Tịnh Sắc tam-muội. Quang minh của tự tánh thanh tịnh chiếu rõ các pháp thì gọi là Tịnh Chiếu Minh tam-muội. Thị hiện trang nghiêm chẳng diệt trong một thời gian dài, gọi là Trường Trang Nghiêm tam-muội. Thập Lực oai đức chứa đựng các pháp, gọi là Đại Oai Đức Tạng tam-muội.

27.3. Phương tiện giáo hóa

27.3.1. Đã tới lúc

(Kinh) Nhĩ thời, bỉ Phật dục dẫn đạo Diệu Trang Nghiêm vương, cập mãn niệm chúng sanh cố, thuyết thị Pháp Hoa kinh.

(經)爾時，彼佛欲引導妙莊嚴王，及愍念眾生故，說是法華經。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật ấy do muốn hướng dẫn vua Diệu Trang Nghiêm và thương xót chúng sanh nên nói kinh Pháp Hoa này).

Đức Phật ấy xuất thế, thường tuyên nói chánh pháp, thấy căn cơ của nhà vua và chúng sanh đã chín muồi, bèn nói pháp này. Nói kinh Pháp Hoa tức là lúc đặc độ của nhà vua đã tới.

27.3.2. Bàn luận

(Kinh) Thời, Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn nhị tử, đáo kỳ mẫu sở, hợp thập chỉ thảo chưởng, bạch ngôn: “Nguyện mẫu vãng nghệ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật sở, ngã đẳng diệc đương thị tùng, thân cận, cúng dường, lễ bái. Sở dĩ giả hà? Thử Phật ư nhất thiết thiên nhân chúng trung thuyết Pháp Hoa kinh, nghi ưng thính thọ”. Mẫu cáo tử ngôn: “Nhữ phụ tín thọ ngoại đạo, thâm trước Bà La Môn pháp. Nhữ đẳng ưng vãng bạch phụ, dữ cộng câu khứ”. Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn hợp thập chỉ thảo chưởng, bạch mẫu: “Ngã đẳng thị pháp vương tử, nhi sanh thử tà kiến gia”. Mẫu cáo tử ngôn: “Nhữ đẳng đương ưu niệm nhữ phụ, vị hiện thân biến. Nhược đắc kiến giả, tâm tất thanh tịnh, hoặc thính ngã đẳng vãng đáo Phật sở”.

(經)時，淨藏、淨眼二子，到其母所，合十指爪掌，白言：「願母往詣雲雷音宿王華智佛所，我等亦當侍從，親近，供養，禮拜。所以者何？此佛於一切天人眾中說法華經，宜應聽受」。母告子言：「汝父信受外道，深著婆羅門法。汝等應往白父，與共俱去」。淨藏、淨眼合十指爪掌，白母：「我等是法王子，而生此邪見家」。母告子言：「汝等當憂念汝父，為現神變。若得見者，心必清淨，或聽我等往到佛所」。

(Kinh: Khi ấy, hai người con là Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn tới chỗ mẹ mình, chắp mười ngón tay, thưa rằng: “Xin mẹ tới chỗ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật, chúng con cũng sẽ theo hầu, thân cận, cúng dường, lễ bái. Vì lẽ nào vậy? Vị Phật ấy đang nói kinh Pháp Hoa trong hết thấy đại chúng trời người, hãy nên nghe nhận”. Mẹ bảo con rằng: “Cha con tin nhận ngoại đạo, chấp sâu pháp Bà La Môn. Các con hãy nên đến thưa với cha để cùng đi”. Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn chắp mười ngón tay, thưa với mẹ: “Chúng con là pháp vương tử mà sanh vào nhà tà kiến này”. Mẹ bảo con rằng: “Các con hãy nghĩ thương cha mình, mà hiện thân thông biến hóa. Nếu cha con được thấy, tâm ắt thanh tịnh, chắc sẽ cho phép chúng ta đến chỗ Phật”).

Con thưa với mẹ “*đã đến lúc*”, mẹ bảo con hóa độ cha. Con oán thán “*sinh vào nhà tà kiến*”, mẹ quả trách, bảo hãy nghĩ thương xót cha. Đó là xét theo hóa nghi (phương cách giáo hóa). Cơ duyên đã chín muồi, cần phải nên phát khởi. Nếu xét theo Bồn, mẹ lẫn con vốn biết. Nếu xét theo thói đời, phải thưa với mẹ trước. Nếu xét theo chuyện lợi tha, thì lòng Từ càng phải đặt hàng đầu.

27.3.3. Hóa hiện

(Kinh) U thị, nhị tử niệm kỳ phụ cố, dừng tại hư không, cao thất Đa La thụ, hiện chủng chủng thân biến: U hư không trung, hành, trụ, tọa, ngọa. Thân thượng xuất thủy, thân hạ xuất hỏa. Thân hạ xuất thủy, thân thượng xuất hỏa. Hoặc hiện đại thân mãn hư không trung, nhi phục hiện tiểu. Tiểu phục hiện đại, u không trung diệt, hốt nhiên tại địa. Nhập địa như thủy, lý thủy như địa. Hiện như thị đẳng chủng chủng thân biến, linh kỳ phụ vương tâm tịnh tín giải.

(經)於是，二子念其父故，涌在虛空，高七多羅樹，現種種神變：於虛空中，行，住，坐，臥。身上出水，身下出火。身下出水，身上出火。或現大身滿虛空中，而復現小。小復現大，於空中滅，忽然在地。入地如水，履水如地。現如是等種種神變，令其父王心淨信解。

(Kinh: Ngay khi đó, hai người con vì nghĩ đến cha, vọt lên hư không cao bảy cây Đa La, hiện các thứ thân biến: Ở trong hư không, đi, đứng, ngồi, nằm. Phía trên thân tuôn nước, phía dưới thân tuôn lửa. Phía dưới thân tuôn nước, phía trên thân tuôn lửa. Hoặc hiện thân lớn, đầy ấp hư không, hoặc lại hiện thân nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, biến mất trên không trung, bỗng hiện ra nơi đất. Vào đất như nước, đi trong nước như trên mặt đất. Hiện các thứ thân biến như thế đó, khiến cho phụ vương của họ tâm thanh tịnh, tin hiểu).

Phần thứ ba, “nói về phương tiện hóa hiện” đã xong.

27.4. Người được giáo hóa đạt được lợi ích

27.4.1. Do tin con bèn kính phục thầy [của con]

(Kinh) Thời, phụ kiến tử thần lực như thị, tâm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, hiệp chưởng hướng tử ngôn: “Nhữ đẳng sư vi thị thủy? Thủy chi đệ tử?” Nhị tử bạch ngôn: “Đại vương! Bửu Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật kim tại thất bảo Bồ Đề thụ hạ pháp tòa thượng tọa, ư nhất thiết thế gian thiên nhân chúng trung, quảng thuyết Pháp Hoa kinh thị ngã đẳng sư, ngã thị đệ tử”. Phụ ngữ tử ngôn: “Ngã kim diệc dục kiến nhữ đẳng sư, khả cộng câu vãng”.

(經)時，父見子神力如是，心大歡喜，得未曾有，合掌向子言：「汝等師為是誰？誰之弟子？」二子白言：「大王！彼雲雷音宿王華智佛今在七寶菩提樹下法座上坐，於一切世間天人眾中，廣說法華經是我等師，我是弟子」。父語子言：「我今亦欲見汝等師，可共俱往」。

(Kinh: Khi đó, cha thấy thần lực của con như thế, tâm hết sức hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có, chấp thảy, hướng về con, nói: “Thầy của các con là ai? Con là đệ tử của ai?” Hai con thưa rằng: “Tâu đại vương! Vô Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật đang ngồi trên pháp tòa bảy báu dưới cội cây Bồ Đề, ở trong hết thảy đại chúng trời người nơi thế gian mà rộng nói kinh Pháp Hoa là thầy của con, con là đệ tử”. Cha bảo con: “Ta nay cũng muốn thấy thầy của các con, có thể cùng đi”).

Nhà vua xưa kia tin nhận ngoại đạo, được trông thấy các sự biến hóa tà vạy [của ngoại đạo] chẳng qua là một hoặc hai chuyện, đã hẹp còn vụng. Do đó, nay thấy thần biến của con liền tin nhận, cầu kiến.

27.4.2. Thưa với mẹ xin xuất gia

(Kinh) U' thị, nhị tử tùng không trung hạ, đáo kỳ mẫu sở, hiệp chưởng bạch mẫu: “Phụ vương kim dĩ tín giải, kham nhậm phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Ngã đẳng vị phụ dĩ tác Phật sư, nguyện mẫu kiến thỉnh, ư bỉ Phật sở, xuất gia tu đạo”. Nhĩ thời, nhị tử dục trùng tuyên kỳ ý, dĩ kệ bạch mẫu: “Nguyện mẫu phóng ngã đẳng, xuất gia tác sa-môn. Chư Phật thậm nan trị, ngã đẳng tùy Phật học, như Ưu Đàm Bát hoa, trị Phật phục nan thị. Thoát chư nạn diệc

nan, nguyện thính ngã xuất gia”. Mẫu tức cáo ngôn: - Thính như xuất gia, sở dĩ giả hà? Phật nan trị cố.

(經)於是，二子從空中下，到其母所，合掌白母：「父王今已信解，堪任發阿耨多羅三藐三菩提心。我等為父已作佛事，願母見聽，於彼佛所，出家修道」。爾時，二子欲重宣其意，以偈白母：「願母放我等，出家作沙門。諸佛甚難值，我等隨佛學，如優曇鉢華，值佛復難是。脫諸難亦難，願聽我出家」。母即告言：「聽汝出家，所以者何？佛難值故」。

(Kinh: Khi đó, hai con từ không trung hạ xuống, đến chỗ mẹ, chắp tay thưa với mẹ: “Nay cha đã tin hiểu, kham phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng con đã vì cha làm Phật sự. Mong mẹ cho phép [chúng con] xuất gia tu đạo nơi đức Phật ấy”. Lúc bấy giờ, hai người con muốn nhắc lại ý này, bèn nói kệ rằng: “Xin buông xả chúng con, xuất gia làm sa-môn. Chư Phật rất khó gặp, chúng con theo Phật học, như hoa Ưu Đàm Bát, gặp Phật khó hơn thế. Muốn thoát nạn cũng khó, xin cho con xuất gia”. Mẹ liền bảo rằng: “Cho phép các con xuất gia. Vì lẽ nào vậy? Do Phật khó gặp ờ”).

Vua cha đã tin, [căn cơ] của tám vạn bốn ngàn người trong cung lại chín muồi. Vì thế, thưa cùng mẹ, ca tụng, vui mừng, mong cầu xuất gia, mẹ cũng chấp thuận.

27.4.3. Lại thúc giục [cha mẹ] đến gặp Phật

(Kinh) U thị, nhị tử bạch phụ mẫu ngôn: - Thiện tai, phụ mẫu! Nguyện thời vãng nghê Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật sở thân cận, cúng dường. Sở dĩ giả hà? Phật nan đắc trị, như Ưu Đàm Bát La hoa. Hựu như nhất nhân chi quy, trị phù mộc khổng, nhị ngã đẳng túc phước thâm hậu, sanh trị Phật pháp. Thị cố, phụ mẫu đương thính ngã đẳng linh đắc xuất gia. Sở dĩ giả hà? Chư Phật nan trị, thời diệc nan ngộ.

(經)於是，二子白父母言：「善哉，父母！願時往詣雲雷音宿王華智佛所親近，供養。所以者何？佛難得值，如優曇鉢羅華。又如一眼之龜，值浮木孔，而我等宿福深厚，生值佛法。是故，父母當聽我等令得出家。所以者何？諸佛難值，時亦難遇」。

(Kinh: Khi đó, hai con thưa với cha mẹ rằng: - Lành thay, thưa cha mẹ! Xin hãy kịp thời đến chỗ Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật để thân cận, cúng dường. Vì lẽ nào vậy? Phật khó thể gặp gỡ, như hoa Ưu Đàm Bát La¹⁶³, như con rùa một mắt gặp được bọng gỗ nổi¹⁶⁴, nhưng chúng ta do túc phước sâu dày, sanh nhằm lúc gặp gỡ Phật pháp. Vì thế, cha mẹ hãy nên cho phép con xuất gia, vì sao vậy? Chư Phật khó gặp gỡ, thời cũng khó gặp gỡ).

“Nhất nhãn quy” (Con rùa một mắt): Xét theo sự, chỉ là thí dụ về sự khó gặp gỡ. Nếu xét theo sự biểu pháp, phàm mắt cá hay rùa đều là dùng hai mắt để nhìn. Đã nói là “một mắt” thì sẽ thấy chẳng chánh đáng, ở trong biển sanh tử lại là tà kiến, há có thể gặp được bọng gỗ nổi Thật Đế của Phật pháp ư?

27.4.4. Trần thuật công đức tán thán

¹⁶³ Ưu Đàm Bát La (Udumbara), còn gọi là hoa Ưu Đàm, Ô Đàm, hay Đàm hoa, dịch nghĩa là Linh Thụy, hoặc Thụy Ứng. Sách Pháp Hoa Văn Cú giảng: “*Hoa Ưu Đàm, phương này dịch là Linh Thụy, ba ngàn năm mới xuất hiện một lần. Hễ xuất hiện, Kim Luân Vương xuất thế*”.

¹⁶⁴ Đây là một thí dụ được nhắc đến trong nhiều kinh luận nhằm sánh ví chuyện được làm người, được gặp gỡ Phật pháp rất khó khăn. Nói chi tiết nhất là như trong kinh Tạp A Hàm, quyển mười lăm đã chép: “*Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo: ‘Ví như đại địa đều trở thành biển cả, có một con rùa mù từ vô lượng kiếp, trăm năm mới nổi lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, [khúc gỗ ấy] chỉ có một lỗ hổng, trôi giạt trong biển, theo gió trôi nổi Đông, Tây. Con rùa mù trăm năm mới nổi lên một lần, có gặp được bọng cây ấy hay không?’ Ngài A Nan bạch Phật: ‘Thưa Thế Tôn, chẳng thể! Vì lẽ nào? Con rùa mù ấy nếu đến phía Đông của biển, bọng gỗ đã bị gió thổi, có thể giạt sang phía Tây, Nam, hoặc Bắc, hoặc bốn góc của biển, chẳng dễ gặp được’. Đức Phật bảo A Nan: - Rùa mù và bọng gỗ tuy rất khó có thể gặp gỡ, nhưng vẫn còn có thể. Kẻ phàm ngu trôi giạt trong năm đường, tạm được thân người, còn khó hơn thế nữa!’*”

(Kinh) Bĩ thời, Diệu Trang Nghiêm vương hậu cung bát vạn tứ thiên nhân, giai tất kham nhậm thọ trì thị Pháp Hoa kinh. Tịnh Nhãn Bồ Tát ư Pháp Hoa tam-muội cứu dĩ thông đạt. Tịnh Tạng Bồ Tát dĩ ư vô lượng bách thiên vạn ức kiếp thông đạt Ly Chư Ác Thú tam-muội, dục linh nhất thiết chúng sanh ly chư ác thú cố. Kỳ vương phu nhân đắc Chư Phật Tập tam-muội, năng tri chư Phật bí mật chi tạng. Nhị tử như thị dĩ phương tiện lực thiện hóa kỳ phụ, linh tâm tín giải, hảo nhạo Phật pháp.

(經)彼時，妙莊嚴王後宮八萬四千人，皆悉堪任受持是法華經。淨眼菩薩於法華三昧久已通達。淨藏菩薩已於無量百千萬億劫通達離諸惡趣三昧，欲令一切眾生離諸惡趣故。其王夫人得諸佛集三昧，能知諸佛秘密之藏。二子如是以方便力善化其父，令心信解，好樂佛法。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tám vạn bốn ngàn người trong hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm thấy đều kham nhiệm, thọ trì kinh Pháp Hoa này. Tịnh Nhãn Bồ Tát đã thông đạt Pháp Hoa (Saddharmapūṇḍarīka) tam-muội từ lâu. Tịnh Tạng Bồ Tát đã trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp thông đạt Ly Chư Ác Thú tam-muội (Sarvasattvapāpajahana), vì muốn khiến cho hết thấy chúng sanh lìa các đường ác. Phu nhân của nhà vua đắc Chư Phật Tập (Sarvabuddhasaṃgīti) tam-muội, có thể biết tạng bí mật của chư Phật. Hai con dùng sức phương tiện như thế khéo giáo hóa cha mình, khiến cho tâm cha tin hiểu, ưa thích Phật pháp).

Pháp Hoa tam-muội nhiếp hết thấy các pháp quy vào Nhất Thật Tướng như trong phần trước đã nói. Ly Chư Ác Thú tam-muội: Cứu giới Tam Hoặc là cái có thể tiến nhập [đường ác], hai loại sanh tử (Biến Dịch và Phần Đoạn) là cái được tiến nhập. Viên đạo chánh định có thể lìa [các đường ác], tức là hai mươi lăm môn vương tam-muội phá trọn vẹn hai mươi lăm Hữu. Phật Tập tam-muội là tạng Tam Đức bí mật. Phật nhóm họp trong ấy, chỉ có nơi đó là hành xứ của Phật.

27.4.5. Cùng đến chỗ Phật nghe pháp, cúng dường, thấy tướng lành hoan hỷ

(Kinh) U' thị, Diệu Trang Nghiêm vương dũ quần thần quyền thuộc câu. Tịnh Đức phu nhân dũ hậu cung thể nữ quyền thuộc câu. Kỳ vương nhị tử dũ tứ vạn nhị thiên nhân câu, nhất thời cộng nghị Phật sở. Đáo dĩ, đầu diện lễ túc, nhiều Phật tam táp, khước trụ nhất diện. Nhĩ thời, bĩ Phật vị vương thuyết pháp, thị giáo lợi hỷ. Vương đại hoan duyệt. Nhĩ thời, Diệu Trang Nghiêm vương cập kỳ phu nhân, giải cảnh chân châu anh lạc giá trị bách thiên, dĩ tán Phật thượng. U' hư không trung, hóa thành tứ trụ bảo đài. Đài trung hữu đại bảo sàng, phu bách thiên vạn thiên y. Kỳ thượng, hữu Phật kết gia phu tọa, phóng đại quang minh. Nhĩ thời, Diệu Trang Nghiêm vương tác thị niệm: “Phật thân hy hữu, đoan nghiêm thù đặc, thành tựu đệ nhất vi diệu chi sắc”.

(經)於是，妙莊嚴王與群臣眷屬俱。淨德夫人與後宮采女眷屬俱。其王二子與四萬二千人俱，一時共詣佛所。到已，頭面禮足，繞佛三匝，卻住一面。爾時，彼佛為王說法，示教利喜。王大歡悅。爾時，妙莊嚴王及其夫人，解頸真珠瓔珞價直百千，以散佛上。於虛空中，化成四柱寶臺。臺中有大寶牀，敷百千萬天衣。其上，有佛結加趺坐，放大光明。爾時，妙莊嚴王作是念：「佛身希有，端嚴殊特，成就第一微妙之色」。

(Kinh: Khi đó, vua Diệu Trang Nghiêm cùng với quần thần, quyền thuộc, phu nhân Tịnh Đức cùng với các thể nữ và quyền thuộc trong hậu cung, hai người con của nhà vua cùng với bốn vạn hai ngàn người, đồng thời cùng đến chỗ đức Phật. Đã đến nơi, đầu mặt lễ dưới chân, nhiều quanh đức Phật ba vòng, rồi lui ra đứng một bên. Lúc bấy giờ, đức Phật ấy vì nhà vua thuyết pháp, chỉ dạy khiến cho được lợi ích, vui mừng. Vua hết sức vui sướng. Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm và phu nhân tháo chuỗi chân châu anh lạc đeo ở cổ, giá trị trăm ngàn, để rải lên trên đức Phật. Ở trong hư không, hóa thành đài báu có bốn trụ. Trong đài có giường báu lớn, phủ trăm ngàn vạn áo trời báu. Trên đó, có Phật ngồi xếp bằng, tỏa quang minh to lớn. Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm

nghe thế này: “Thân Phật hy hữu, đoan nghiêm đặc biệt thù thắng, thành tựu hình sắc vi diệu bậc nhất”).

Thành tựu hình sắc vi diệu bậc nhất giống như long nữ đã tán thán “Pháp Thân thanh tịnh vi diệu, trọn đủ ba mươi hai tướng”. Đã ngộ Thật Tướng của sắc thân, cho nên Phật liền thọ ký.

27.4.6. Phật thọ ký cho nhà vua

(Kinh) Thời, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật cáo tứ chúng ngôn: - Nhữ đẳng kiến thị Diệu Trang Nghiêm vương, ư ngã tiền hiệp chưởng lập phủ? Thử vương ư ngã pháp trung tác tỳ-kheo, tinh cần tu tập trợ Phật đạo pháp, đương đắc tác Phật, hiệu Sa La Thụ Vương. Quốc danh Đại Quang, kiếp danh Đại Cao Vương. Kỳ Sa La Thụ Vương Phật hữu vô lượng Bồ Tát chúng, cập vô lượng Thanh Văn. Kỳ quốc bình chánh, công đức như thị.

(經)時，雲雷音宿王華智佛告四眾言：「汝等見是妙莊嚴王，於我前合掌立不？此王於我法中作比丘，精勤修習助佛道法，當得作佛，號娑羅樹王。國名大光，劫名大高王。其娑羅樹王佛有無量菩薩眾，及無量聲聞。其國平正，功德如是」。

(Kinh: Khi đó, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo tứ chúng rằng: - Các ông có thấy vua Diệu Trang Nghiêm đang đứng chấp tay trước mặt ta hay không? Vị vua này làm tỳ-kheo trong pháp của ta, siêng năng chuyên ròng tu tập trợ Phật đạo pháp, sẽ được thành Phật, hiệu là Sa La Thụ Vương (Śāleṇḍrarāja)¹⁶⁵, cõi nước tên là Đại Quang (Vistīrṇavatī), kiếp tên là Đại Cao Vương (Abhyudgatarāja). Vị Sa La Thụ Vương Phật này có vô lượng Bồ Tát chúng, và vô lượng Thanh Văn. Cõi ấy bằng phẳng, công đức như thế).

27.4.7. Xuất gia tu hành

¹⁶⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Vua phát tâm kiên cố, như cây Sa La, dẫu trời lạnh cách mấy chẳng rụng lá. Vì thế khi thành Phật, hiệu là Sa La Thụ Vương. Xa lìa tà si ám, cho nên quốc độ tên là Đại Quang. Pháp vương cao tột, to lớn nhất, vượt xa chín pháp giới, cho nên kiếp có tên là Đại Cao Vương”.

(Kinh) Kỳ vương tức thời dĩ quốc phó đệ, dữ phu nhân, nhị tử, tịnh chư quyến thuộc, ư Phật pháp trung, xuất gia tu đạo. Vương xuất gia dĩ, ư bát vạn tứ thiên tuế, thường cần tinh tấn, tu hành Diệu Pháp Hoa kinh. Quá thị dĩ hậu, đắc Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm tam-muội.

(經)其王即時以國付弟，與夫人，二子，并諸眷屬，於佛法中，出家修道。王出家已，於八萬四千歲，常勤精進，修行妙法華經。過是已後，得一切淨功德莊嚴三昧。

。

(Kinh: Vị vua ấy ngay lập tức đem nước giao cho em trai, cùng với phu nhân, hai con, và các quyến thuộc xuất gia tu đạo trong Phật pháp. Vua đã xuất gia, trong tám vạn bốn ngàn năm, thường siêng năng tinh tấn, tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sau thời gian đó, đạt được Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm (Sarvagunālamkāravayūha) tam-muội).

27.4.8. Ca ngợi hai con

(Kinh) Tức thăng hư không, cao thất Đa La thụ, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thử ngã nhị tử, dĩ tác Phật sự, dĩ thần thông biến hóa, chuyển ngã tà tâm, linh đắc an trụ ư Phật pháp trung, đắc kiến Thế Tôn. Thử nhị tử giả, thị ngã thiện tri thức, vị dục phát khởi túc thể thiện căn, nhiều ích ngã cố, lai sanh ngã gia.

(經)即升虛空，高七多羅樹，而白佛言：「世尊！此我二子，已作佛事，以神通變化，轉我邪心，令得安住於佛法中，得見世尊。此二子者，是我善知識，為欲發起宿世善根，饒益我故，來生我家」。

(Kinh: Liền bay lên hư không cao bảy cây Đa La, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Hai đứa con này của con đã làm Phật sự, dùng thần thông biến hóa chuyển tà tâm của con, khiến cho con được an trụ trong Phật pháp, được thấy đức Thế Tôn. Hai đứa con này là thiện

tri thức của con, vì muốn phát khởi thiện căn đời trước, lợi lạc con mà sanh vào nhà con).

27.4.9. Đức Phật trần thuật hạnh cao vời [của hai vương tử]

(Kinh) Nhĩ thời, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật cáo Diệu Trang Nghiêm vương ngôn: - Như thị! Như thị! Như như sở ngôn. Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân chủng thiện căn cố, thể thể đắc thiện tri thức. Kỳ thiện tri thức năng tác Phật sự, thị giáo lợi hỷ, linh nhập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đại vương đương tri: Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên. Sở dĩ hóa đạo, linh đắc kiến Phật, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Đại vương! Nhữ kiến thử nhị tử phủ? Thử nhị tử dĩ tăng cúng dường lục thập ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chư Phật, thân cận, cung kính. Ư chư Phật sở thọ trì Pháp Hoa kinh, mãn niệm tà kiến chúng sanh, linh trụ chánh kiến.

(經)爾時，雲雷音宿王華智佛告妙莊嚴王言：「如是！如是！如汝所言。若善男子，善女人種善根故，世世得善知識。其善知識能作佛事，示教利喜，令入阿耨多羅三藐三菩提。大王當知：善知識者，是大因緣。所以化導，令得見佛，發阿耨多羅三藐三菩提心。大王！汝見此二子不？此二子已曾供養六十五百千萬億那由他恆河沙諸佛，親近，恭敬。於諸佛所受持法華經，慙念邪見眾生，令住正見」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo vua Diệu Trang Nghiêm rằng: - Đúng như vậy! Đúng như vậy! Đúng như lời ông đã nói. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân do đã gieo căn lành, đời đời sẽ có thiện tri thức. Vị thiện tri thức ấy có thể làm Phật sự, chỉ dạy khiến cho lợi lạc, hoan hỷ, khiến cho người ấy nhập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương hãy nên biết: Thiện tri thức là nhân duyên to lớn, bởi có thể giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho được thấy Phật, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương! Ông có thấy hai

người con này hay chăng? Hai người con này đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm ngàn vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chư Phật, thân cận, cung kính. Ở chỗ chư Phật thọ trì kinh Pháp Hoa, nghĩ thương xót chúng sanh tà kiến, khiến cho họ trụ trong chánh kiến).

Thiện tri thức có ba loại: Một là ngoại hộ, hai là đồng hạnh, ba là giáo thọ (dạy bảo). Lại có ba loại: Một là chư Phật, Bồ Tát; hai là đạo phẩm Lục Độ; ba là thực tế Thật Tướng. Sáu loại tri thức đều có thể làm Phật sự. Hai loại giáo thọ và Phật, Bồ Tát có thể chỉ dạy tạo lợi ích, hoan hỷ. Ba loại giáo thọ, đồng hạnh và các Bồ Tát có thể giáo hóa, hướng dẫn khiến cho được thấy Phật. Thật Tướng thực tế có thể khiến cho nhập Bồ Đề. Sáu loại [thiện tri thức ấy] đều có sức toàn vẹn, trọn chẳng thể khuyết. Vì thế nói là “đại nhân duyên”.

27.4.10. [Vua] tán thán Phật, tự thề

(Kinh) Diệu Trang Nghiêm vương tức tùng hư không trung hạ, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Lai thậm hy hữu, dĩ công đức, trí huệ cố, dẫn thượng nhục kế, quang minh hiển chiếu. Kỳ nhãn trường quang, nhi cảm thanh sắc. Mi gian hào tướng, bạch như kha nguyệt. Xỉ bạch tề mật, thường hữu quang minh. Thần sắc xích hảo như tân bà quả”. Nhĩ thời, Diệu Trang Nghiêm vương tán thán Phật như thị đẳng vô lượng bách thiên vạn ức công đức dĩ, ư Như Lai tiền, nhất tâm hiệp chưởng, phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vị tăng hữu dã, Như Lai chi pháp cụ túc thành tựu bất khả tư nghị vì diệu công đức, giáo giới sở hành, an ổn khoái thiện. Ngã từng kim nhật, bất phục tự tùy tâm hạnh, bất sanh tà kiến, kiêu, mạn, sân khuể, chư ác chi tâm”. Thuyết thị ngữ dĩ, lễ Phật nhi xuất.

(經)妙莊嚴王即從虛空中下，而白佛言：「世尊！如來甚希有，以功德，智慧故，頂上肉髻，光明顯照。其眼長廣，而紺青色。眉間毫相，白如珂月。齒白齊密，常有光明。脣色赤好如頻婆果」。爾時，妙莊嚴王讚歎佛如是等無量百千萬億功德已，於如來前，一心合掌，復白佛言：

「世尊！未曾有也，如來之法具足成就不可思議微妙功德，教戒所行，安隱快善。我從今日，不復自隨心行，不生邪見，憍，慢，瞋恚，諸惡之心」。說是語已，禮佛而出

。

(*Kinh*: Vua Diệu Trang Nghiêm liền từ hư không hạ xuống, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Như Lai rất hy hữu, do công đức trí huệ mà nhục kế trên đỉnh đầu, quang minh chiếu rạng ngời. Mặt Ngài dài rộng, có sắc xanh biếc. Tướng bạch hào giữa hai mày trắng như kha nguyệt¹⁶⁶. Răng trắng, kín, ngay ngắn, thường có quang minh. Màu môi đỏ đẹp, như trái Tàn Bà”¹⁶⁷. Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm tán thán vô lượng trăm ngàn vạn ức công đức của Phật như thế xong, liền đối trước Như Lai, nhất tâm chấp tay. Lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chưa từng có vậy. Pháp của Như Lai thành tựu trọn đủ công đức vì diệu chẳng thể nghĩ bàn, dạy răn, tu hành an ổn, vui sướng, tốt lành. Từ hôm nay trở đi, con chẳng còn thuận theo tâm hạnh của chính mình, chẳng sanh tà kiến, kiêu, mạn, sân khuể, các tâm xấu ác”. Nói lời ấy xong, lễ Phật lui ra).

Liễu đạt sâu xa Thật Tướng. Vì thế, ngoài thì khâm ngưỡng Phật đức, trong là sửa đổi tâm mình, như liễu ngộ “băng và nước có cùng một tánh ướt”. Dùng nước nóng để tiêu băng, vĩnh viễn chẳng còn đông cứng nữa.

Phần thứ tư, “nói về sự lợi ích do được giáo hóa” đã xong!

27.5. Kết lại để dung hội cổ kim

(Kinh) Phật cáo đại chúng: - U ý vân hà? Diệu Trang Nghiêm vương khởi dị nhân hồ? Kim Hoa Đức Bồ Tát thị. Kỳ Tịnh Đức phu

¹⁶⁶ “Kha” là một loại bảo thạch rất trắng sạch, kém hơn ngọc, nhưng rất đẹp, thường dùng để trang trí yên cương cho người quyền quý. Kinh dùng cả Kha lẫn Nguyệt (mặt trăng) để sánh ví sự trắng ngần, tươi sạch.

¹⁶⁷ Tàn Bà (Bimba) là một loài quả có màu đỏ tươi đẹp. Đôi khi còn gọi là Tương Tư Quả. Cây này có thể cao đến mười mét, thân có gai lớn. Mùa Hạ trổ hoa, kết thành trái hình cầu trông như trái cam. Hoa loại cây này có thể dùng để chế nước hoa, rễ và vỏ cây đều có thể dùng làm thuốc.

nhân, kim Phật Tiền Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát thị, ai mãn Diệu Trang Nghiêm vương cập chư quyền thuộc cố, ư bỉ trung sanh. Kỳ nhĩ tử giả, kim Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát thị. Thị Dược Vương, Dược Thượng Bồ Tát thành tựu như thử chư đại công đức, dĩ ư vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật sở, thực chứng đức bốn, thành tựu bất khả tư nghị chư thiện công đức. Nhược hữu nhân thức thị nhĩ Bồ Tát danh tự giả, nhất thiết thế gian chư thiên nhân dân diệc ưng lễ bái.

(經)佛告大眾：「於意云何？妙莊嚴王豈異人乎？今華德菩薩是。其淨德夫人，今佛前光照莊嚴相菩薩是，哀愍妙莊嚴王及諸眷屬故，於彼中生。其二子者，今藥王菩薩、藥上菩薩是。是藥王、藥上菩薩成就如此諸大功德，已於無量百千萬億諸佛所，植眾德本，成就不可思議諸善功德。若有人識是二菩薩名字者，一切世間諸天人民亦應禮拜」。

(Kinh: Đức Phật bảo đại chúng: - Ý các ông nghĩ sao? Vua Diệu Trang Nghiêm há có phải ai khác? Nay chính là Hoa Đức (Padmaśrī) Bồ Tát. Phu nhân Tịnh Đức nay là Phật Tiền Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng¹⁶⁸ Bồ Tát (Vairocanaraśmipratimaṇḍitādhvajarāja), do thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và các quyền thuộc mà sanh trong cõi ấy. Hai người con nay là Dược Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát và Dược Thượng (Bhaiṣajyasamudgata) Bồ Tát. Dược Vương Bồ Tát và Dược Thượng Bồ Tát này thành tựu các công đức to lớn như thế, đã ở chỗ vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, gieo các cội đức, thành tựu các thiện công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có người nào nhận biết danh tự của hai vị Bồ Tát ấy, hết thấy chư thiên và nhân dân trong thế gian cũng phải nên lễ bái).

27.6. Nghe phẩm này ngộ đạo

¹⁶⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật Tiền Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát chính là Diệu Âm Bồ Tát được nói trong phẩm trước. Do Diệu Âm Bồ Tát biến hiện các thứ thân tướng được trang nghiêm bởi các thứ tam-muội như Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội v.v... nên gọi là Trang Nghiêm Tướng”.

(Kinh) Phật thuyết thị Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự phẩm thời, bát vạn tứ thiên nhân viễn trần ly cấu, u chư pháp trung, đắc pháp nhãn tịnh.

(經)佛說是妙莊嚴王本事品時，八萬四千人遠塵離垢，於諸法中，得法眼淨。

(Kinh: Khi đức Phật nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự, tám vạn bốn ngàn người xa lìa trần cấu, ở trong các pháp, đắc pháp nhãn tịnh).

Ở trong các pháp, đắc pháp nhãn tịnh, tức là soi tỏ trọn khắp ba ngàn tướng tánh của các pháp giả thật, thông đạt chẳng vướng mắc, chẳng đắm nhiễm. Hoặc là phân chứng, hoặc là tương tự hậu tâm.

Phần thứ hai, “xét theo sự hóa độ người khác để khuyên lưu thông” đã xong.

28. Phổ Hiền Bồ Tát Khuyên Phát Lưu Thông Phẩm Đệ Nhị Thập Bát 普賢菩薩勸發流通品第二十八

Phẩm thứ hai mươi tám: Phổ Hiền Bồ Tát khuyên lưu, phát khởi lưu thông

[Phổ Hiền trong] tiếng Phạn là Bát Thâu Bát Đà (Viśvabhadra), Đại Luận và Quán Kinh đều dịch nghĩa là Biến Cát (徧吉, tốt lành trọn khắp). Kinh này dịch là Phổ Hiền. Phổ có nghĩa là Biến (trọn khắp), Hiền nghĩa là Cát. Đẳng Giác cao tốt nhất trong những người đã chế phục Hoặc, phục đạo¹⁶⁹ trọn khắp. Vì thế gọi là Phổ. Đoạn đạo sắp hết, gần như chẳng còn mấy, đã gần với địa vị cùng tốt, cho nên gọi là Hiền. Như trăng đêm Mười Bốn, gần giống trăng đêm Rằm. Kinh Đại Phật Đảnh nói: “Ngã dụng tâm văn, phân biệt chúng sanh sở hữu tri kiến. Nhược u tha phương Hằng sa giới ngoại, hữu nhất chúng sanh tâm trung phát minh Phổ Hiền hạnh giả, ngã thừa lục nha tượng, phân thân bách thiên, giai chí kỳ xứ. Túng bỉ chương thâm, vị đắc kiến ngã, ngã dữ kỳ nhân ám trung ma đánh, ủng hộ, an úy, linh kỳ thành tựu” (Ta dùng

¹⁶⁹ Phục Đạo có nghĩa là sức chế phục khiến cho Hoặc chướng hữu lậu, vô lậu chẳng thể dậy lên hiện hành.

tâm để nghe, phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở ngoài các thế giới nhiều như cát sông Hằng nơi phương khác, có một chúng sanh trong tâm phát khởi hạnh Phổ Hiền, ta sẽ cười voi sáu ngà, phân thân trăm ngàn, đều đến chỗ người ấy. Nếu người ấy chướng sâu, chưa được thấy ta, ta sẽ âm thầm xoa đầu người ấy, ủng hộ, an ủi, khiến cho người ấy thành tựu). Nay nói “*khuyến phát*” tức từ ngữ [ngụ ý] “*luyện mộ pháp*”. [Phổ Hiền Bồ Tát] ở nơi nước xa kia, đã nghe trọn vẹn kinh này từ đầu đến đuôi, muốn tự hành và giáo hóa người khác vĩnh viễn chẳng ngại. Vì thế, Ngài từ phương Đông đến [cõi Sa Bà], hòng thỉnh chánh thuyết, khuyên lớn phát khởi [chúng sanh nghe kinh] hãy tự hành, còn thừa hỏi [phương cách] lưu thông, khuyến phát hóa độ người khác. Lại còn dùng thế nguyện để khuyến phát chung. Kinh văn [trong phẩm này] có đủ bốn ý nghĩa Tất Đàn:

- Ta vì cúng dường kinh Pháp Hoa mà tự hiện thân mình. Nếu thấy thân ta, [hành nhân] sẽ hết sức hoan hỷ. Đó là Thế Giới Tất Đàn.

- Do thấy thân ta, càng thêm tinh tấn, liền đắc tam-muội và Đà La Ni. Đó là Vị Nhân Tất Đàn.

- Chẳng có phi nhân nào có thể phá hoại, cũng chẳng bị nữ nhân mê hoặc, làm rối loạn, tức là Đối Trị Tất Đàn.

- Bồ Tát nhiều như số vi trần trong một cõi nước trọn đủ đạo Phổ Hiền, tức là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Dùng bốn môn Tất Đàn ấy làm nhân duyên, cho nên Ngài đến [thế giới Sa Bà] để khuyến phát. Trong phần trước, đã phán định phần Lưu Thông [của kinh Pháp Hoa] được chia thành ba tiết:

- Hai phẩm Như Lai Thần Lực và Chúc Lụy nói về chuyện phó chúc lưu thông.

- Năm phẩm từ Dược Vương trở đi, nêu ra sức hóa đạo (giáo hóa, hướng dẫn) to lớn của Bồ Tát để khuyên lưu thông.

- Phẩm này nêu ra sức thế nguyện rộng lớn của Phổ Hiền Bồ Tát để khuyên lưu thông.

Kinh văn được chia làm bốn tiết:

- Một, Bồ Tát đến cõi này.

- Hai, phát khởi [lưu thông] bằng cách khuyên nhủ.

- Ba, phát khởi bằng cách trần thuật.

- Bốn, lợi ích do khuyến phát.

28.1. Bồ Tát đến cõi này

28.1.1. Dâng cúng

(Kinh) Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát dĩ tự tại thần thông lực, oai đức danh văn, dĩ đại Bồ Tát vô lượng vô biên bất khả xưng số, tùng Đông phương lai. Sở kinh chư quốc, phổ giai chấn động, vũ bảo liên hoa, tác vô lượng bách thiên vạn ức chủng chủng kỹ nhạc.

(經)爾時，普賢菩薩以自在神通力，威德名聞，與大菩薩無量無邊不可稱數，從東方來。所經諸國，普皆震動，雨寶蓮華，作無量百千萬億種種伎樂。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát do sức thần thông tự tại mà oai đức vang dội, cùng với các vị đại Bồ Tát vô lượng vô biên chẳng thể tính kể từ phương Đông đến. Các cõi nước đi qua khắp đều chấn động, mưa hoa sen báu, tấu vô lượng trăm ngàn ức các thứ kỹ nhạc).

“Tự tại” là Lý Nhất. “Thần thông” là Hạnh Nhất. “Oai đức” là Nhân Nhất. “Danh văn” là Giáo Nhất. Lại nữa, “tự tại” là Thường, “thần thông” là Lạc, “oai đức” là Ngã, “danh văn” là Tịnh. Nói như thế thì một chính là bốn, không đức nào chẳng trọn! Do oai đức nên chấn động. Do nổi danh nên tuôn mưa hoa. Do thần thông nên tấu nhạc. Do tự tại cho nên [các cõi Ngài đi qua] đều động theo. Thuận theo mà mưa, thuận theo mà tấu nhạc, ví như rồng lớn phi hành, giăng mây, tuôn mưa. Đây là tâm lực, pháp lực, chúng sanh lực, ứng hóa lực, bất tư nghị lực cảm vơi. Dùng diệu lực Tứ Đức ấy để từ xa đến khuyên phát Tứ Nhất. Những chỗ Ngài đi qua, tự hành cúng dường, chuyện là như thế đó.

Hỏi: - Kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát nương vào Chân mà trụ, chẳng phải là quốc độ. Nay vì sao nói Ngài từ phương Đông đến?

Đáp: - Kinh kia (kinh Hoa Nghiêm) nêu bày tự thể của pháp do Ngài đã chứng. Kinh này nói theo những gì Ngài ứng tích. Đối với Chân Như pháp tánh, Sơ Trụ đã có thể phân chứng, hướng hô ngài Phổ Hiền ư? Thuận theo sự ứng tích thì cũng nói là Phật Đa Bảo từ phương Đông. Nếu biết ngoài chân tánh chẳng có quốc độ, sẽ biết ngoài chân tánh cũng chẳng phải riêng có Chân để có thể trụ!

28.1.2. Hạ hóa

(Kinh) Hựu dữ vô số chư thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân đẳng, đại chúng vi nhiều, các hiện oai đức thần thông chi lực.

(經)又與無數諸天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等，大眾圍繞，各現威德神通之力。

(Kinh: Lại cùng vô số các trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân v.v... đại chúng vây quanh, ai nấy hiện sức oai đức thần thông).

Tùy thuận thích đáng đối với [căn cơ của] người khác mà hiện hình tượng tám bộ [quỷ thân]. Chủ và bạn đều trọn đủ Tứ Đức, nhưng chỉ nêu ra hai đức để gồm thâu hai đức kia. Vì thế nói là “các hiện oai đức thần thông lực” (đều hiện sức oai đức thần thông). Hãy nên biết những vị đi theo [Phổ Hiền Bồ Tát] đều là bậc Pháp Thân. Lại còn “cùng với các đại Bồ Tát”, tức là hiện Thật công đức, “cùng với tám bộ” tức là thị hiện Quyền công đức. Quyền và Thật đều trọn đủ Tứ Đức, đều có hai ý nghĩa “trên là dăng cúng, dưới hóa độ [chúng sanh]”.

28.1.3. Tu kính

(Kinh) Đáo Sa Bà thế giới, Kỳ Xà Quật sơn trung, đầu diện lễ Thích Ca Mâu Ni Phật, hữu nhiều thất táp.

(經)到娑婆世界，耆闍崛山中，頭面禮釋迦牟尼佛，右遶七匝。

(Kinh: Đến núi Kỳ Xà Quật trong thế giới Sa Bà, đầu mặt lễ Thích Ca Mâu Ni Phật, nhiều theo chiều phải bảy vòng).

Phần thứ nhất, “đến thế giới Sa Bà” đã xong.

28.2. Khuyến phát

28.2.1. Thừa hỏi khuyến phát

28.2.1.1. Hỏi

(Kinh) Bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã ư Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật quốc, dao văn thử Sa Bà thế giới thuyết Pháp Hoa kinh, dữ vô lượng vô biên bách thiên vạn ức chư Bồ Tát chúng, cộng lai thỉnh thọ. Duy nguyện Thế Tôn đương vị thuyết chi: Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư Như Lai diệt hậu, vân hà năng đắc thị Pháp Hoa kinh?

(經)白佛言：「世尊！我於寶威德上王佛國，遙聞此娑婆世界說法華經，與無量無邊百千萬億諸菩薩眾，共來聽受。惟願世尊當為說之：若善男子，善女人於如來滅後，云何能得是法華經？」

(Kinh: Bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con ở trong cõi của Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật¹⁷⁰ (Ratnatejo 'bhyudgatarāja), từ xa nghe thế giới Sa Bà nói kinh Pháp Hoa, bên cùng với vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các vị Bồ Tát cùng đến nghe nhận. Kính mong đức Thế Tôn hãy vì chúng con nói: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai đã diệt độ, phải làm như thế nào để được kinh Pháp Hoa này?)

“Đương vị thuyết chi” (Hãy nên vì chúng con mà nói): Xin hãy nói thẳng vào ý chỉ trọng yếu trong lưu thông. Làm như thế nào để có thể đạt được kinh này, hàm nghĩa “đạt được diệu giải trong sự chánh thuyết lưu thông”. Xin đức Phật chánh thuyết, tức là khuyến phát tự hành, xin lưu thông tức là khuyến phát hóa độ người khác, mong cho quang minh diệu pháp sẽ lưu truyền vô cực. Đây chính là ý nghĩa “luyện mộ pháp” chẳng ngại vậy!

28.2.1.2. Đáp

(Kinh) Phật cáo Phổ Hiền Bồ Tát: - Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu tứ pháp, ư Như Lai diệt hậu, đương đắc thị Pháp Hoa kinh: Nhất giả, vị chư Phật hộ niệm. Nhị giả, thực chúng đức bốn. Tam giả, nhập Chánh Định Tự. Tứ giả, phát cứu nhất thiết

¹⁷⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Oai đức cao vời đáng trọng, ví như chất báu (Bảo), đáng tôn kính ngưỡng tột bậc, nên tôn xưng là Thượng Vương. Vì thế có tên là Bảo Oai Đức Thượng Vương”.

chúng sanh chỉ tâm. Thiện nam tử, thiện nữ nhân như thị thành tựu tứ pháp, u Như Lai diệt hậu, tất đắc thị kinh.

(經)佛告普賢菩薩：「若善男子，善女人成就四法，於如來滅後，當得是法華經：一者、為諸佛護念。二者、植眾德本。三者、入正定聚。四者、發救一切眾生之心。善男子，善女人如是成就四法，於如來滅後，必得是 經」

。

(Kinh: Đức Phật bảo Phổ Hiền Bồ Tát: - Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ có được kinh Pháp Hoa này: Một là được chư Phật hộ niệm. Hai là trồng các cội đức. Ba là nhập Chánh Định Tụ. Bốn là phát tâm cứu hết thấy chúng sanh. Thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp như thế, sau khi Như Lai diệt độ, tất sẽ được kinh này).

Phổ Hiền Bồ Tát đã thỉnh [đức Phật dạy] cả hai chuyện chánh thuyết và lưu thông. Nay đức Phật cũng dùng bốn pháp để giải đáp cả hai chuyện. Trước là giải đáp về chánh thuyết, tức khai Quyền hiển Thật. Tuy đối với chúng sanh, đức Phật đại từ bình đẳng phổ độ, nhưng các chúng sanh mê trái pháp tánh, như cái chậu úp xuống, tự ngăn cách ánh sáng mặt trời. Nếu có thể xa lìa điều ác (Thế Giới Tất Đàn), tuân theo điều thiện (Vị Nhân Tất Đàn), bỏ mê (Đôi Trị Tất Đàn) trở về ngộ (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn), khai tri kiến [của Phật] cho chúng sanh, hiển lộ tri kiến của Phật, sẽ xứng hợp thánh tâm. Đó chính là “*được chư Phật hộ niệm*” (đấy là Pháp Thân). Nếu tri kiến của Phật được khai, Bát Nhã sẽ tỏa sáng. Đấy là “*thực chứng đức bốn*” (gieo trồng các cội đức). Đó cũng là bất loạn, bất muội (chẳng mê mờ), chẳng lấy, chẳng bỏ; tức là “*nhập Chánh Định Tụ*” (đấy là Bát Nhã). Cũng tức là trên thì hợp với từ lực, dưới là cùng một niềm bi ngưỡng, tức là “*phát cứu chúng sanh chi tâm*” (đấy là Giải Thoát). Hãy nên biết bốn pháp chỉ là khai Quyền hiển Thật, chứng Tam Đức trong Viên Giáo.

Lại nữa, “*chư Phật hộ niệm*” chính là khai Phật tri kiến. “*Thực chứng đức bốn*” là thị Phật tri kiến. “*Nhập Chánh Định Tụ*” là nhập Phật tri kiến. “*Phát cứu chúng sanh chi tâm*” là ngộ Phật tri kiến. Điều trọng yếu trong Tích Môn đã được gồm thâu trong bốn điều ấy. Lại nữa,

Tích ắt có Bồn, từ Tam Đức của Bồn, cho nên Tích có Tam Đức. Từ Bồn mà khai, thị, ngộ, nhập. Do đó, trong Tích có khai, thị ngộ, nhập. Nay khai Tích chính là hiển Bồn, Bồn và Tích chẳng hai, chẳng khác. Bởi thế, dùng bốn pháp ấy để đáp lời thưa hỏi về chánh thuyết.

Kế đó, giải đáp về lưu thông. Điều trọng yếu trong lưu thông chỉ là ba hay bốn điều. Nay chư Phật hộ niệm và nhập Chánh Định Tự chính là “mặc áo Như Lai”. Gieo trồng các cội đức chính là “ngồi tòa Như Lai”. Phát tâm cứu chúng sanh chính là “vào nhà Như Lai” [Đó là ba điều chánh yếu trong lưu thông]. Lại nữa, chư Phật hộ niệm chính là thân an lạc hạnh. Gieo trồng các cội đức tức khẩu an lạc hạnh. Nhập Chánh Định Tự tức ý an lạc hạnh. Phát tâm cứu chúng sanh chính là thệ nguyện an lạc hạnh. Vì thế, dùng bốn pháp ấy để đáp lời thưa hỏi về lưu thông. Một câu giải đáp ứng với hai lời thỉnh. Nêu ra bốn điều, thấu tóm toàn thể một kinh. Từ phương xa đến khuyến phát, có ý nghĩa như thế đó. Có thể hành bốn pháp, ắt hiểu bản thể của kinh. Vì thế nói “*tất đắc thị kinh*” (ắt đạt được kinh này). Đây chính là kết lại lời thỉnh về chánh thuyết. Có thể truyền tải sự hiểu biết này cho người khác, người khác sẽ đạt được sự tín giải ấy, tức là người thành tựu điều nương tựa thứ nhất [trong Tứ Y, tức “*y pháp, bất y nhân*”]. Nếu thật sự hiểu, sẽ là người thành tựu điều nương tựa thứ hai, thứ ba, và thứ tư. Đây chính là kết lại lời thỉnh về lưu thông vậy.

Phần thứ nhất, “thưa hỏi về sự khuyến phát” đã xong.

28.2.2. Thệ nguyện khuyến phát

28.2.2.1. Thệ nguyện hộ trì người [thọ trì, lưu thông]

28.2.2.1.1. Giải trừ tai nạn bên ngoài

(Kinh) Nhữ thời, Phổ Hiền Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! U hậ ngũ bách tuế, trước ác thế trung, kỳ hữu thọ trì thị kinh điển giả, ngã đương thủ hộ, trừ kỳ suy hoạn, linh đắc an ổn, sử vô tứ cầu đắc kỳ tiện giả. Nhược ma, nhược ma tử, nhược ma nữ, nhược ma dân, nhược vị ma sở trước giả, nhược Dạ Xoa, nhược La Sát, nhược Cưu Bàn Trà, nhược Tỳ Xá Xà, nhược Cát Giá, nhược Phú Đan Na, nhược Vi Đà La đẳng, chư nã nhân giả, giai bất đắc tiện.

(經)爾時，普賢菩薩白佛言：「世尊！於後五百歲，濁惡世中，其有受持是經典者，我當守護，除其衰患，令得安隱，使無伺求得其便者。若魔，若魔子，若魔女，若

魔民，若為魔所著者，若夜叉，若羅刹，若鳩槃荼，若毘舍闍，若吉蔗，若富單那，若韋陀羅等，諸惱人者，皆不得便。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Trong đời trước ác năm trăm năm sau, nếu có người thọ trì kinh điển này, con sẽ thủ hộ, diệt trừ sự suy hoại cho người ấy, khiến cho được an ổn, khiến cho chẳng có ai tìm cầu cơ hội hại người ấy. Dù là ma, dù ma tử, dù ma nữ, dù là ma dân, hoặc kẻ bị ma dựa, hoặc Dạ Xoa, hoặc La Sát, hoặc Cưu Bàn Trà, hoặc Tỳ Xá Xà, hoặc Cát Giá, hoặc Phú Đan Na, hoặc Vi Đà La v.v... những kẻ nào hại người khác đều chẳng có dịp làm hại).

Vi Đà La là quỷ chuyên yểm đảo, phương này dịch là Thiện Diệu.

28.2.2.1.2. Dạy cho nội pháp

28.2.2.1.2.1. Đi, đứng đọc tụng

(Kinh) Thị nhân nhược hành, nhược lập, độc tụng thử kinh, ngã nhĩ thời thừa lục nha bạch tượng vương, dữ đại Bồ Tát chúng, câu nghệ kỳ sở, nhi tự hiện thân cúng dường, thủ hộ, an úy kỳ tâm, diệt vị cúng dường Pháp Hoa kinh cổ.

(經)是人若行，若立，讀誦此經，我爾時乘六牙白象王，與大菩薩眾，俱詣其所，而自現身供養，守護，安慰其心，亦為供養法華經故。

(Kinh: Người ấy nếu đi hay đứng đọc tụng kinh này, khi đó, con sẽ cưỡi voi chúa trắng sáu ngà¹⁷¹ với các vị đại Bồ Tát cùng tới chỗ người ấy để tự hiện thân cúng dường, thủ hộ, an ủi tâm người đó, cũng vì cúng dường kinh Pháp Hoa).

28.2.2.1.2.2. Nếu ngồi tư duy

¹⁷¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Voi trắng sáu ngà biểu thị Lục Độ thanh tịnh, Lục Độ đứng đầu vạn hạnh”.

(Kinh) Thị nhân nhược tọa tư duy thử kinh, nhĩ thời, ngã phục thừa bạch tượng vương, hiện kỳ nhân tiền. Kỳ nhân nhược ư Pháp Hoa kinh, hữu sở vong thất nhất cú, nhất kệ, ngã đương giáo chi, dữ cộng độc tụng, hoàn linh thông lợi. Nhĩ thời, thọ trì, độc tụng Pháp Hoa kinh giả đắc kiến ngã thân, thậm đại hoan hỷ, chuyển phục tinh tấn. Dĩ kiến ngã cố, tức đắc tam-muội cập Đà La Ni, danh vi Toàn Đà La Ni, bách thiên vạn ức Toàn Đà La Ni, Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni, đắc như thị đẳng Đà La Ni.

(經)是人若坐思惟此經，爾時，我復乘白象王，現其人前。其人若於法華經，有所忘失一句，一偈，我當教之，與共讀誦，還令通利。爾時，受持，讀誦法華經者得見我身，甚大歡喜，轉復精進。以見我故，即得三昧及陀羅尼，名為旋陀羅尼，百千萬億旋陀羅尼、法音方便陀羅尼，得如是等陀羅尼。

(Kinh: Người ấy nếu ngồi tư duy kinh này, khi đó, con lại cưỡi voi chúa trắng hiện trước người ấy. Nếu người ấy quên mất một câu, một kệ trong kinh Pháp Hoa, con sẽ dạy bảo cho người ấy đọc tụng lại được thông suốt. Lúc đó, người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa được thấy thân con, hoan hỷ rất lớn, càng thêm tinh tấn. Do được thấy con, liền đắc tam-muội và Đà La Ni, tên là Toàn Đà La Ni, trăm ngàn vạn ức Toàn Đà La Ni, Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni, đạt được các Đà La Ni như thế đó).

“Toàn” là chuyển từ Giả nhập Không. “Trăm ngàn vạn ức”: Chuyển từ Không nhập Giả. “Pháp âm phương tiện”: Dùng hai thứ làm phương tiện để nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế.

28.2.2.1.2.3. Hai mươi một ngày tinh tấn

(Kinh) “Thế Tôn! Nhược hậu thế hậu ngũ bách tuế, trước ác thế trung, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cầu sách giả, thọ trì giả, độc tụng giả, thư tả giả, dục tu tập thị Pháp Hoa kinh, ư tam thất nhật trung, ưng nhất tâm tinh tấn. Mãn tam thất nhật dĩ, ngã

đương thừa lục nha bạch tượng, dữ vô lượng Bồ Tát nhi tự vi nhiều, dĩ nhất thiết chúng sanh sở hỷ kiến thân, hiện kỳ nhân tiền, nhi vị thuyết pháp, thị giáo lợi hỷ, diệc phục dữ kỳ Đà La Ni chú. Đắc thị Đà La Ni cố, vô hữu phi nhân năng phá hoại giả, diệc bất vị nữ nhân chi sở hoặc loạn. Ngã thân diệc tự thường hộ thị nhân. Duy nguyện Thế Tôn, thỉnh ngã thuyết thử Đà La Ni chú”. Tức ư Phật tiền, nhi thuyết chú viết: - A đàn địa, đàn đà bà địa, đàn đà bà đế, đàn đà cư xá lệ, đàn đà tu đà lệ. Tu đà lệ, tu đà la bà đế, Phật đà ba chiên nễ. Tát bà đà la ni a bà đa ni. Tát bà bà sa a bà đa ni. Tu a bà đa ni. Tăng già bà lý xoa ni. Tăng già niết già đà ni, a tăng kỳ. Tăng già bà già địa. Đế lệ. A nọ tăng già đầu lược. A la đế ba la đế. Tát bà tăng già địa tam ma địa già lan địa. Tát bà đạt ma tu ba lợi sát đế. Tát bà tát đóa lâu đà kiêu xá lược a nậu già địa. Tân a tỳ cát lợi địa đế.

(經)世尊！若後世後五百歲，濁惡世中，比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，求索者，受持者，讀誦者，書寫者，欲修習是法華經，於三七日中，應一心精進。滿三七日已，我當乘六牙白象，與無量菩薩而自圍繞，以一切眾生所喜見身，現其人前，而為說法，示教利喜，亦復與其陀羅尼咒。得是陀羅尼故，無有非人能破壞者，亦不為女人之所惑亂。我身亦自常護是人。惟願世尊，聽我說此陀羅尼咒」。即於佛前，而說咒曰：「阿檀地，檀陀婆地，檀陀婆帝，檀陀鳩舍隸，檀陀修陀隸。修陀隸，修陀羅婆底，佛陀波羶欄。薩婆陀羅尼阿婆多尼。薩婆婆沙阿婆多尼。修阿婆多尼。僧伽婆履叉尼。僧伽涅槃陀尼，阿僧祇。僧伽婆伽地。帝隸。阿惰僧伽兜略。阿羅帝波羅帝。薩婆僧伽地三摩地伽蘭地。薩婆達磨修波利刹帝。薩婆薩埵樓駄憍舍略阿菟伽地。辛阿毗吉利地帝」。

(Kinh: “Thế Tôn! Nếu trong đời trước ác trong năm trăm năm thuộc đời sau, có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di hoặc tìm cầu, hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hoặc biên chép, muốn tu tập kinh Pháp Hoa này, trong hai mươi một ngày, hãy nên nhất tâm tinh tấn. Trọn hai mươi một ngày xong, con sẽ cười voi trắng sáu ngà, cùng vô lượng Bồ Tát tự vây quanh, dùng thân mà hết thấy chúng sanh ưa thích thấy để hiện trước người ấy, vì người ấy thuyết pháp, chỉ dạy khiến cho được lợi ích, hoan hỷ. Lại còn truyền trao chú Đà La Ni. Do có được Đà La Ni ấy, sẽ chẳng có phi nhân có thể phá hoại, cũng chẳng bị nữ nhân mê hoặc, gây rối. Con cũng đích thân thường bảo vệ người ấy. Kính mong đức Thế Tôn nghe con nói chú Đà La Ni này”. Liền đối trước Phật, mà nói chú rằng: - *Adaṇḍe daṇḍapati daṇḍāvantani daṇḍakuśale daṇḍa sudhāri sudhāri sudhāra-pati buddha-pāsyane sarva-dhāraṇī āvantani sarva-bhāṣyāvantane suāvantane saṃgha-parīkṣaṇi saṃgha-nirghātani asaṃge saṃgāpa-gate tṛadhva-saṃgatulya prāpte sarvasaṃgasama tīkrānte sarvadharmā suparīkṣite sarvasattva rutakauśalyānugate simha-vikrīḍite*).

Phần thứ hai, “dạy cho nội pháp” đã xong.

28.2.2.1.3. Dùng thần lực che chở

(Kinh) Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát đắc văn thị Đà La Ni giả, đương tri Phổ Hiền thần thông chi lực. Nhược Pháp Hoa kinh hành Diêm Phù Đề hữu thọ trì giả, ưng tác thử niệm: Giai thị Phổ Hiền oai thần chi lực.

(經)世尊！若有菩薩得聞是陀羅尼者，當知普賢神通之力。若法華經行闍浮提有受持者，應作此念：皆是普賢威神之力。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát được nghe Đà La Ni này, hãy nên biết là do sức thần thông của Phổ Hiền. Nếu kinh Pháp Hoa lưu truyền trong cõi Diêm Phù Đề, có người thọ trì, hãy nên nghĩ thế này: Đều là do sức oai thần của Phổ Hiền).

28.2.2.1.4. Nêu bày cái nhân thù thắng

(Kinh) Nhược hữu thọ trì, độc tụng, chánh ức niệm, giải kỳ nghĩa thú, như thuyết tu hành, đương tri thị nhân hành Phổ Hiền hạnh, u vô lượng vô biên chư Phật sở, thâm chủng thiện căn, vị chư Như Lai thủ ma kỳ đầu.

(經)若有受持，讀誦，正憶念，解其義趣，如說修行，當知是人行普賢行，於無量無邊諸佛所，深種善根，為諸如來手摩其頭。

(Kinh: Nếu có người thọ trì, độc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, thấu hiểu ý nghĩa, tu hành đúng như lời dạy, hãy nên biết người ấy hành hạnh Phổ Hiền, gieo thiện căn sâu xa nơi vô lượng vô biên chư Phật, được Như Lai dùng tay xoa đầu).

Hành Phổ Hiền hạnh, cùng vị lai Phật được giải thoát. “Thâm chủng thiện căn” (Gieo sâu thiện căn): Chủng tử gieo nơi quá khứ Phật, nay chín muồi nơi Phật hiện tại.

28.2.2.1.5. Chỉ bày cái quả gần

(Kinh) Nhược dẫn thư tả, thị nhân mạng chung, đương sanh Đao Lợi thiên thượng. Thị thời, bát vạn tứ thiên thiên nữ tác chúng kỳ nhạc, nhi lai nghênh chi. Kỳ nhân tức trước thất bảo quan, u thể nữ trung ngu lạc khoái lạc. Hà hướng thọ trì, độc tụng, chánh ức niệm, giải kỳ nghĩa thú, như thuyết tu hành? Nhược hữu nhân thọ trì, độc tụng, giải kỳ nghĩa thú, thị nhân mạng chung, vị thiên Phật thọ thủ, linh bất khủng bố, bất dọa ác thú, tức vãng Đâu Suất thiên thượng Di Lặc Bồ Tát sở. Di Lặc Bồ Tát hữu tam thập nhị tướng, đại Bồ Tát chúng sở cộng vi nhiều, hữu bách thiên vạn ức thiên nữ quyến thuộc, nhi u trung sanh, hữu như thị đẳng công đức lợi ích.

(經)若但書寫，是人命終，當生忉利天上。是時，八萬四千天女作眾伎樂，而來迎之。其人即著七寶冠，於采女中娛樂快樂。何況受持，讀誦，正憶念，解其義趣，如說修行？若有人受持，讀誦，解其義趣，是人命終，為千

佛授手，令不恐怖，不墮惡趣，即往兜率天上彌勒菩薩所。彌勒菩薩有三十二相，大菩薩眾所共圍繞，有百千萬億天女眷屬，而於中生，有如是等功德利益。

(Kinh: Nếu chỉ biên chép, người ấy mạng chung, sẽ sanh lên cõi trời Đao Lợi. Khi đó, tám vạn bốn ngàn thiên nữ tấu các kỹ nhạc đến nghênh đón. Người ấy liền đội mũ bảy báu, hưởng vui sướng trong các thể nữ. Huống hồ người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, thấu hiểu nghĩa thú, đúng như lời dạy tu hành? Nếu có người thọ trì, đọc tụng, thấu hiểu nghĩa lý, người ấy mạng chung được ngàn đức Phật xòe tay [đón tiếp], khiến cho chẳng sợ hãi, chẳng đọa vào đường ác, liền sanh vào trời Đâu Suất là chỗ của Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát có ba mươi hai tướng, các vị đại Bồ Tát cùng vây quanh. Có trăm ngàn vạn ức thiên nữ làm quyến thuộc, sanh vào trong đó, có công đức và lợi ích như thế).

Chỉ có thể biên chép, gần thì sanh vào trời Đao Lợi. Pháp sư trọn đủ năm loại (tức thọ trì, đọc tụng....) sẽ có thể sanh lên trời Đâu Suất, được làm quyến thuộc của bậc Bồ Xứ.

Hỏi: - Sao chẳng sanh về cõi An Lạc?

Đáp: - Nếu phát tịnh nguyện, sẽ tùy theo quán hạnh sâu hay cạn mà sanh vào bốn loại cõi An Lạc (Phương Tiện, Thật Báo, Đồng Cư, Thường Tịch Quang). Chẳng phát tịnh nguyện, sẽ tùy theo mức thành tựu của công đức do ngũ phẩm (thọ trì, đọc tụng, biên chép v.v...) mà sanh vào trời Đâu Suất.

28.2.2.1.6. Tổng kết lời khuyên

(Kinh) Thị cố, trí giả ưng đương nhất tâm tự thư, hoặc sử nhân thư, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như thuyết tu hành.

(經)是故，智者應當一心自書，若使人書，受持，讀誦，正憶念，如說修行。

(Kinh: Vì thế, người có trí hãy nên nhất tâm tự chép, hoặc sai người chép, thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, đúng như lời dạy mà tu hành).

Phần thứ nhất, “phát nguyện hộ trì người [hành trì, biên chép, đọc tụng...kinh Pháp Hoa]” đã xong.

28.2.2.2. Thệ nguyện hộ trì pháp

(Kinh) Thế Tôn! Ngã kim dĩ thần thông lực cố, thủ hộ thị kinh. Ư Như Lai diệt hậu, Diêm Phù Đề nội quảng linh lưu bố, sử bất đoạn tuyệt.

(經)世尊！我今以神通力故，守護是經。於如來滅後，閻浮提內廣令流布，使不斷絕。

(Kinh: Bạch đức Thế Tôn! Con nay do dùng sức thần thông mà thủ hộ kinh này. Sau khi Như Lai diệt độ, sẽ lưu truyền rộng rãi trong Diêm Phù Đề, khiến cho chẳng đoạn tuyệt).

Phần thứ hai, “khuyến phát” đã xong.

28.3. Trần thuật để phát khởi

28.3.1. Trước là trần thuật sự hộ trì pháp

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật tán ngôn: - Thiện tai! Thiện tai! Phổ Hiền! Nhữ năng hộ trợ thị kinh, linh đa sở chúng sanh an lạc, lợi ích. Nhữ dĩ thành tựu bất khả tư nghị công đức, thâm đại từ bi, từng cửu viễn lai, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ý, nhĩ năng tác thị thần thông chí nguyện, thủ hộ thị kinh. Ngã đương dĩ thần thông lực thủ hộ năng thọ trì Phổ Hiền Bồ Tát danh giả.

(經)爾時，釋迦牟尼佛讚言：「善哉！善哉！普賢！汝能護助是經，令多所眾生安樂，利益。汝已成就不可思議功德，深大慈悲，從久遠來，發阿耨多羅三藐三菩提意，而能作是神通之願，守護是經。我當以神通力守護能受持普賢菩薩名者。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật khen rằng: - Lành thay! Lành thay! Nay Phổ Hiền! Ông có thể hộ trì, giúp đỡ kinh này,

khuyến cho nhiều chúng sanh an lạc, lợi ích. Ông đã thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn, đại từ bi sâu đậm. Từ lâu xa đến nay, ông phát ý Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể phát ra nguyện thần thông ấy để thủ hộ kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông thủ hộ người có thể thọ trì danh tự của Phổ Hiền Bồ Tát).

Nghe kinh Pháp Hoa, thọ trì Pháp Hoa, đều do thần lực của ngài Phổ Hiền. Nghe danh hiệu Phổ Hiền, thọ trì danh hiệu Phổ Hiền, đều do thần lực của Như Lai, tức là chuyện được nói kèm thêm trong phần thứ ba, tức dùng thần lực để che chở trong phần “hộ trì người [thọ trì kinh này]”.

28.3.2. Trần thuật chuyện hộ trì hành giả

28.3.2.1. Trần thuật chuyện thứ hai: Dùng nội pháp để dạy

(Kinh) Phổ Hiền! Nhượng hữu thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, tu tập, thư tả thị Pháp Hoa kinh giả, đương tri thị nhân tắc kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, như tùng Phật khẩu, văn thử kinh điển. Đương tri thị nhân cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Đương tri thị nhân Phật tán “thiện tai”. Đương tri thị nhân vị Thích Ca Mâu Ni Phật thủ ma kỳ đầu. Đương tri thị nhân vị Thích Ca Mâu Ni Phật y chi sở phủ.

(經)普賢！若有受持，讀誦，正憶念，修習，書寫是法華經者，當知是人則見釋迦牟尼佛，如從佛口，聞此經典。當知是人供養釋迦牟尼佛。當知是人佛讚「善哉」。當知是人為釋迦牟尼佛手摩其頭。當知是人為釋迦牟尼佛衣之所覆。

(Kinh: Phổ Hiền! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, tu tập, biên chép kinh Pháp Hoa này, hãy nên biết người ấy thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, như từ miệng Phật được nghe kinh điển này. Hãy nên biết người ấy đã cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Hãy nên biết người ấy được đức Phật khen “lành thay”. Hãy nên biết người ấy được tay của Thích Ca Mâu Ni Phật xoa đầu. Hãy nên biết người đó được y của Thích Ca Mâu Ni Phật che phủ).

“Thấy Phật Thích Ca”: Không chỉ thấy thân Phổ Hiền Bồ Tát cười trên voi trắng sáu ngà. “Từ miệng Phật được nghe”: Không chỉ cùng ngài Phổ Hiền đọc tụng. “Phật khen lành thay, xoa đầu, y che phủ”: Không chỉ ngài Phổ Hiền chú nguyện, gia hộ. Khen lành thay là “hạnh Không tòa” thành tựu. Xoa đầu là hạnh “nhà từ bi” thành tựu. Y che phủ là hạnh “áo nhần nhục” thành tựu.

28.3.2.2. Trần thuật điều thứ tư: Cái nhân thù thắng

(Kinh) Như thị chi nhân, bất phục tham trước thế lạc, bất háo ngoại đạo kinh thư, thủ bút, diệc phục bất hỷ thân cận kỳ nhân, cập chư ác giả, nhược đồ nhi, nhược súc trư, dương, kê, cẩu, nhược liệt sư, nhược huyễn mại nữ sắc. Thị nhân tâm ý chất trực, hữu chánh ức niệm, hữu phước đức lực. Thị nhân bất vị tam độc sở nã, diệc bất vị tật đố, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn sở nã. Thị nhân thiếu dục, tri túc, năng tu Phổ Hiền chi hạnh.

(經)如是之人，不復貪著世樂，不好外道經書，手筆，亦復不喜親近其人，及諸惡者，若屠兒，若畜豬，羊，雞，狗，若獵師，若街賣女色。是人心意質直，有正憶念，有福德力。是人為三毒所惱，亦不為嫉妬，我慢，邪慢，增上慢所惱。是人少欲，知足，能修普賢之行。

(Kinh: Người như thế chẳng còn tham đắm niềm vui thế gian, chẳng chuộng kinh sách và tác phẩm viết lách của ngoại đạo, cũng chẳng ưa thân cận họ và những kẻ ác, như là đồ tể, hoặc kẻ nuôi lợn, dê, gà, chó, hoặc kẻ săn bắn, hoặc kẻ buôn bán nữ sắc. Người ấy tâm ý chất trực, ngay thẳng, nghĩ nhớ chân chánh, có sức phước đức. Người ấy chẳng bị tam độc nã hại, cũng chẳng bị ghen ghét, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn nã hại. Người ấy ít ham muốn, biết đủ, có thể tu hạnh Phổ Hiền).

28.3.3. Trần thuật điều thứ năm: Chỉ bày cái quả gần

(Kinh) Phổ Hiền! Nhược Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, nhược hữu nhân kiến thọ trì, đọc tụng Pháp Hoa kinh giả, ưng tác thị

niệm: Thử nhân bất cứu đương nghệ đạo tràng, phá chư ma chúng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chuyển pháp luân, kích pháp cổ, xuy pháp loa, vũ pháp vũ, đương tọa thiên nhân đại chúng trung sư tử pháp tòa thượng. Phổ Hiền! Nhược ư hậu thế thọ trì, đọc tụng thị kinh điển giả, thị nhân bất phục tham trước y phục, ngọa cụ, ẩm thực, tư sanh chi vật, sở nguyện bất hư, diệc ư hiện thế đắc kỳ phước báo.

(經)普賢！若如來滅後，後五百歲，若有人見受持，讀誦法華經者，應作是念：此人不久當詣道場，破諸魔眾，得阿耨多羅三藐三菩提，轉法輪，擊法鼓，吹法螺，雨法雨，當坐天人大眾中師子法座上。普賢！若於後世受持，讀誦，是經典者，是不復貪著衣服，臥具，飲食，資生之物，所願不虛，亦於現世得其福報。

(Kinh: Nay Phổ Hiền! Nếu sau khi Như Lai diệt độ, vào năm trăm năm sau, có ai thấy người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa, hãy nên nghĩ như thế này: “Người này chẳng lâu sau, sẽ đến đạo tràng, phá các ma chúng, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân, đánh trống pháp, thổi ốc pháp, tuôn mưa pháp, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đại chúng trời, người”.

Này Phổ Hiền! Nếu trong đời sau, ai thọ trì, đọc tụng kinh điển này, người ấy sẽ chẳng còn tham đắm y phục, đồ trải nằm, thức ăn, vật dụng sinh hoạt, sở nguyện chẳng dối, và cũng đạt được phước đức ấy trong đời hiện tại).

“Đương nghệ đạo tràng” (Sẽ đến đạo tràng): Ất thành tựu cái quả lâu xa, đâu chỉ là quả gần [được sanh lên các cõi trời] Đạo Lợi, Đâu Suất! Tuy chẳng tham đắm tứ sự, cũng sẽ đạt được phước báo ấy trong đời hiện tại, đâu phải chỉ mạng chung rồi mới sanh lên trời!

28.3.4. Trần thuật chuyện thứ nhất: Giải trừ tai nạn bên ngoài

(Kinh) Nhược hữu nhân khinh hủy chi ngôn: “Nhữ cuồng nhân nhĩ, không tác thị hạnh, chung vô sở hoạch”. Như thị tội báo,

đương thể thể vô nhân. Nhược hữu cúng dường, tán thán chi giả, đương ư kim thể, đắc hiện quả báo. Nhược phục kiến thọ trì thị kinh giả, xuất kỳ quá ác, nhược thật, nhược bất thật, thử nhân hiện thể đắc bạch lại bệnh. Nhược khinh tiểu chi giả, đương thể thể nha xỉ sơ khuyết, xú thân, bình ty, thử cước liêu lệ, nhãn mục giác lãi, thân thể xú ứ, ác sang nùng huyết, thủy phúc, đoãn khí, chư ác trọng bệnh.

(經)若有人輕毀之言：「汝狂人耳，空作是行，終無所獲」。如是罪報，當世世無眼。若有供養，讚歎之者，當於今世，得現果報。若復見受持是經者，出其過惡，若實，若不實，此人現世得白癩病。若輕笑之者，當世世牙齒疎缺，醜屑，平鼻，手腳繚戾，眼目角眦，身體臭穢，惡瘡膿血，水腹，短氣，諸惡重病。

(Kinh: Nếu có kẻ khinh miệt, hủy báng, nói như thế này: “Người là kẻ cuồng, uống công làm chuyện này, trọn chẳng đạt được gì!” Do tội báo như thế, sẽ đời đời không có mắt. Nếu có ai cúng dường, tán thán, sẽ được quả báo hiện tại ngay trong đời này.

Nếu lại thấy người thọ trì kinh này, mà nêu ra lỗi lầm, khuyết điểm của người đó, dù thật hay chẳng thật, người ấy trong đời này sẽ mắc bệnh bạch lại¹⁷². Nếu là kẻ khinh miệt, cười cợt, sẽ đời đời răng lợi thừa thốt, thiếu khuyết, môi xấu, mũi tẹt, chân tay còng quèo, mắt lé lệch lạc, thân thể hôi thối, ghẻ độc mủ máu, bụng phù đầy nước, hột hơi, các bệnh nặng ngặt nghèo).

Đức Phật dạy cặn kẽ tội hủy báng, khiến cho [người nghe] biết lỗi, ắt sửa, chẳng nào loạn nhau, không chỉ là người trì kinh tai nạn tiêu diệt, mà còn muốn cho kẻ hủy báng được sanh phước. Chẳng hủy báng, chẳng chương nạn, đôi bên an lạc, rộng cứu tế khôn ngần. Lòng từ cùng cực vậy!

28.3.5. Tổng kết để khuyên lơn

¹⁷² Bạch lại là một chứng bệnh cùi.

(Kinh) Thị cố, Phổ Hiền! Nhược kiến thọ trì kinh điển giả, đương khởi viển nghênh, đương như kính Phật.

(經)是故，普賢！若見受持是經典者，當起遠迎，當如敬佛」。

(Kinh: Vì thế, này Phổ Hiền! Nếu thấy người thọ trì kinh điển này, hãy nên đứng dậy, đón tiếp từ xa, hãy nên như kính Phật).

Phần thứ ba, “trần thuật để phát khởi” đã xong.

28.4. Lợi ích do phát khởi

28.4.1. Lợi ích do nghe phẩm này

(Kinh) Thuyết thị Phổ Hiền Khuyến Phát phẩm thời, Hằng hà sa đẳng vô lượng vô biên Bồ Tát đắc bách thiên vạn ức Toàn Đà La Ni, tam thiên đại thiên thế giới vi trần đẳng chư Bồ Tát cụ Phổ Hiền đạo.

(經)說是普賢勸發品時，恆河沙等無量無邊菩薩得百千萬億旋陀羅尼，三千大千世界微塵等諸菩薩具普賢道。

(Kinh: Khi nói phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát này, vô lượng vô biên Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng đắc trăm ngàn vạn ức Toàn Đà La Ni. Các vị Bồ Tát nhiều như vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới trọn đủ đạo Phổ Hiền).

Trăm ngàn vạn ức Toàn Đà La Ni chỉ là pháp giới sai biệt trí mà thôi! “Cụ Phổ Hiền đạo” (Trọn đủ đạo Phổ Hiền) tức là viên mãn Thập Địa, gần với bậc cực thánh.

28.4.2. Lợi ích do nghe kinh này

(Kinh) Phật thuyết thị kinh thời, Phổ Hiền đẳng chư Bồ Tát, Xá Lợi Phất đẳng chư Thanh Văn, cập chư thiên, long, nhân, phi nhân đẳng, nhất thiết đại hội, giai đại hoan hỷ, thọ trì Phật ngữ, tác lễ nhi khứ.

(經)佛說是經時，普賢等諸菩薩，舍利弗等諸聲聞，及諸天、龍、人、非人等，一切大會，皆大歡喜，受持佛語，作禮而去。

(Kinh: Khi đức Phật nói kinh này, các vị Bồ Tát như Phổ Hiền v.v... các vị Thanh Văn như Xá Lợi Phất v.v... và các trời, rồng, nhân, phi nhân v.v... hết thấy đại hội đều hết sức hoan hỷ, thọ trì lời Phật, làm lễ lui ra).

Ba chuyện hoan hỷ như đã nói trong phần trước. Ở đây vì sao vẫn nói là Thanh Văn? Đó là vì người kết tập kinh vẫn giữ địa vị vốn có của họ. Lại nữa, kinh này nói đến Đại Thừa Thanh Văn, tức là dùng Phật đạo thanh khiến cho hết thấy đều được nghe.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa hết



Lời Bạt

Than ôi! Diệu pháp viên đốn, bao kiếp lâu xa khó gặp gỡ, tôi là kẻ ngu muội, do duyên gì may mắn gặp gỡ? Mỗi lần giờ xem, dường như đã được nghe từ trước, há chẳng phải do sức oai thần của ngài Phổ Hiền, do công thủ hộ của đức Thích Ca ư? Trí Giả đại sư chẳng thể biên soạn thêm, bậc hậu hiền chấp chặt, tranh đấu ào ạt nầy sanh, [khiến cho] pháp môn ‘viên dung, dứt bất đối đãi’ gần như trở thành tình kiến “đây, kia, đúng, sai!” Tường thành, hào lũy của người hoằng kinh ngày càng cao,

càng sâu. Kẻ ngóng nhìn, nỗi nghi sợ mỗi ngày thêm nẩy! Tai nghe, mắt nhìn, vận tay, đau lòng, chẳng nề hà bản thân kém cỏi, vụng về, đông dài [viết lòi] giới thiệu. Cất bút từ ngày Mồng Năm tháng Mười Một năm Kỷ Sửu, mới viết xong lời tựa, nằm bệnh mất nửa tháng. Tới ngày Mười Chín, mới có thể miễn cưỡng tiến hành. Sáng tối siêng gắng, tay chẳng ngừng viết, mắt không ngừng đọc, tới ngày Hai Mươi Sáu tháng Chạp chỉ hoàn thành ba quyển kinh văn, tính ra được tám quyển Hội Nghĩa, nghỉ ba ngày Tết, tới hôm Nguyên Đán năm Canh Dần, liền thử nhắc bút. Lại phải qua một tháng mới hoàn thành, tính ra Hội Nghĩa gồm mười sáu quyển, vận dụng trọn tâm lực suốt sáu mươi tám ngày. Chao ơi! Từng nghe cổ nhân trong một nén hương, liền có thể tụng rành rẽ một bộ Hoa Nghiêm, nhưng Húc tôi cũng là hạng độn căn, cặm cùi đến mức ấy, cũng đáng chê cười lắm thay! Nhưng nhờ vào lời khuyên nhủ này để tiếp dẫn kẻ sơ học, khiến cho họ dần dần ngộ Thật Tướng của Pháp Hoa, chẳng đến nỗi rớt cuộc gác kiếm, mà cũng chẳng ngó nhìn biển khơi [ngao ngán], thì Thích Ca, Phổ Hiền, và Trí Giả cũng đều soi thấu nỗi khổ tâm của Húc vậy.

Giờ Ty, ngày mồng Một tiết Trọng Xuân năm Canh Dần, gác bút đề lời bạt.



Phụ lục 1: Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục

(ghi chép những điều linh ứng hiển nhiên của kinh Pháp Hoa)

法華經顯應錄

Tứ Minh Thạch Chi sa-môn Tông Hiểu¹⁷³ biên soạn

¹⁷³ Tông Hiểu (1151-1214) là một vị cao tăng thời Nam Tống, quê ở Tứ Minh (nay là huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang). Sư có pháp tự là Đạt Tiên, hiệu là Thạch Chi. Sư thọ Cụ Túc Giới lúc mười tám tuổi, theo học với các vị Cụ Am Cường và Vân Am Hồng. Sư từng làm trụ trì chùa Thúy La tại Tứ Minh rồi ẩn cư tại Tây Sơn, chuyên

四明石芝沙門宗曉編

I. Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục Quyển Thượng

法華經顯應錄卷上

Xưa kia, Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư (tổ Vĩnh Minh Diên Thọ) dùng đại biện tài, soạn ra năm bài phú, tức là Hoa Nghiêm Cảm Thông, Kim Cang Chứng Nghiệm, Pháp Hoa Linh Thụy, Quán Âm Hiện Thân (Quán Âm biến hiện thân thông), và Thần Thê An Dưỡng (gợi tâm nơi Cực Lạc), ngõ hầu điểm xuyết thánh giáo, cổ vũ các căn cơ. Có thể nói Ngài có công to lớn đối với pháp vận trong thời Tượng Pháp. Nhưng soạn phú thì đặc biệt chú trọng dùng [phương cách] ca vịnh, tán dương, đối với các sự tích nếu chẳng tìm từ truyện ký, sẽ chẳng thể biết trọn vẹn từ đầu đến cuối được! Vì thế, đối với Hoa Nghiêm bèn có Cảm Ứng Truyện, Kim Cang thì có Ứng Nghiệm Lục, Pháp Hoa thì có Linh Thụy Tập, Quán Âm thì có Cảm Ứng Tập, Tịnh Độ bèn có Vãng Sanh Truyện. Đọc kỹ, xem rộng, sẽ biết sự ứng nghiệm linh dị trong Phật pháp chẳng phải là một vài trường hợp đơn lẻ. Nay Linh Thụy Tập được lưu hành trong cõi đời có hai bản, tức là [một bản] chỉ ghi là Linh Thụy Tập, và [bản kia là] Tục Linh Thụy Tập.

Trong Linh Thụy Tập, ghi chép sáu mươi chuyện, nhưng chẳng ghi tên người sưu tập, biên soạn, chỉ có lời tựa do Dương Hy soạn trong niên hiệu Gia Hựu¹⁷⁴. Bản này đã có từ lâu, gần đây được khắc in vài lượt; nhưng trong ấy chẳng nêu xuất xứ [của các câu chuyện], mà cũng chẳng phân loại đạo tục. Đối với sự tích của chư Tổ, cũng chẳng ghi chép niên hiệu. Do có các thiếu sót ấy, cho nên chẳng phải là điển tịch mẫu mực.

tụng kinh Pháp Hoa. Về sau, Sư trụ tại chùa Diên Khánh, ngoài việc giảng diễn, Sư dốc sức biên soạn Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục, Lạc Bang Văn Loại, Minh Lương Sùng Thích Chí, Lạc Bang Di Cảo, Tứ Minh Giáo Hạnh Lục, Tam Giáo Xuất Hưng Tụng Chú, Bảo Vân Chấn Tổ Tập, Kim Quang Minh Chiếu Giải, Thí Thực Thông Lãm, Minh Giáo Biên v.v... Sư từng trích máu chép kinh Pháp Hoa, dùng mực chép các bộ Hoa Nghiêm, Bảo Tích, Bát Nhã, Niết Bàn... Sư từng bỏ tiền đào giếng tại Thành Nam, đặt tên là Pháp Hoa Tuyền, lập đình nghi chân cho khách lữ hành, thí trà nước.

¹⁷⁴ Gia Hựu là niên hiệu thứ chín và là niên hiệu cuối cùng của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) sử dụng từ năm 1056 đến năm 1063.

Tục Linh Thụy Tập do pháp sư Nguyên Dĩnh tại Ngô Hưng biên soạn trong niên hiệu Đại Quán¹⁷⁵ nhằm tiếp nối bản cũ. Sách được chia thành mười khoa, bắt đầu từ ngài Phổ Hiền chứng minh, cuối cùng là Hương Quang tỏ lộ điềm lành. Bản này khá tốt đẹp, đã loại trừ các khuyết điểm trong bản trước, hiềm rằng quê quán [của các nhân vật được nhắc tới trong sách] đã bị mất từ lâu, thường là phần nhiều chẳng được nhắc đến!

Tôi trộm cho rằng bảo điển cùng tột Pháp Hoa quả thật là cội gốc to lớn để thể hiện sự linh hiển của chư Phật, là nguồn cội sâu thẳm để các loài chúng sanh đạt đạo, được bậc á thánh đại sĩ¹⁷⁶ khuyến phát, được các vị thượng thủ của chư thiên hộ trì. Hiện thời, dù hàng xuất gia hay kẻ tại gia, không ai chẳng dốc lòng thành đọc tụng, tâm nghĩ nhớ tột bậc tu tập. Nếu công năng thần diệu, sự tích vĩ đại chẳng được ghi chép trong các sách vở, cõi đời sẽ chẳng được nghe ngôn hạnh của tiên nhân, sao có thể tạo thành đầu mối để khuyến tín cho được? Tông Hiểu lạm dự vào tăng chúng, chí ưa thích Văn Trì, than thở sâu xa bản cũ chưa toàn vẹn, tục bản lại tàn khuyết. Do vậy, đồ công tìm tòi khắp trong Đại Tạng, các truyện ký của chư tăng trong ba triều, và các nội điển, ngoại thư, [hể tìm được các sự tích linh ứng] dù ẩn hay hiển đều gom góp; cũ, mới cùng xếp bày, hợp thành hai trăm ba mươi chín chuyện. Trước là nêu bày [sự tích của các] bậc cổ thánh, xếp vào đầu sách; kế đó, phân biệt theo bốn thể lệ, tức là cao tăng, cao ni, tín nam, và tín nữ, chia thành hai quyển, đặt tên là Pháp Hoa Hiển Ứng Lục. Đó là vì dựa theo tướng trạng thù thắng do thân khẩu cảm vời trong đời hiện tại [của các vị] thuộc tông Thiên Thai, coi đó là Hiện Cơ Hiển Ứng vậy. Mong sao sách này đều khiến cho người đọc dốc lòng nơi Thật Tướng, bàn luận, nghĩ ngợi chân thừa, giữ vững tiết tháo vượt hơn từng trúc, lòng tinh thành đủ để xuyên thủng đá vàng! Vì thế, lòng thành trần thuật sự ứng nghiệm, khác nào tiếng sáo triệu vời chim phượng hoàng, dùng điều này để biếu tặng cho người đời sau: Một người hiểu sẽ khuyên bảo ngàn vạn người. Không ai chẳng phải là kẻ ở trong tòa nhà hư nát mà hay biết nạn lửa, đào bới [tìm nước] chôn cao nguyên, liền ngự trên cỗ xe cao rộng, thẳng thừng tạo tác cảnh giới rất sâu! Đây chính là điều tôi mong mỏi! Trong các vị được ghi lại, có vị chỉ có sự tích, chẳng có sự cảm ứng [rõ rệt].

¹⁷⁵ Đại Quán là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1107 đến năm 1110.

¹⁷⁶ Do các vị Đẳng Giác Bồ Tát đã gần với địa vị Diệu Giác nên gọi là “á thánh”.

Đây lại chính là “hiển cơ minh ứng” (căn cơ hiển nhiên, cảm ứng ngầm ngầm), mong người đọc hãy hiểu cho.

Ngày mùng Một giữa Xuân (tháng Hai) năm Mậu Ngọ (1198) thuộc niên hiệu Khánh Nguyên¹⁷⁷, Tông Hiếu kính cần đề tựa.

1. Cổ thánh (bảy chuyện này đều trích từ kinh Pháp Hoa)

*** Tháp báu của Phật Đa Bảo do nghe kinh mà từ dưới đất hiện lên**

Trong quá khứ, có vị Phật hiệu là Đa Bảo. Khi vị Phật này hành Bồ Tát đạo, đã phát đại thệ nguyện: “Nếu ta thành Phật, sau khi diệt độ, các quốc độ trong mười phương, chỗ nào có nói kinh Pháp Hoa, tháp miếu của ta do nghe kinh sẽ vọt lên, hiện ra nơi đó để chứng minh”. Nay tháp của Đa Bảo Như Lai, do nghe nói kinh Pháp Hoa bèn từ đất vọt ra, khen ngợi: “Lành thay, lành thay!” Phật Đa Bảo có nguyện: “Ai muốn chỉ bày thân ta cho tứ chúng, cần phải nhóm họp phân thân chư Phật của vị Phật ấy. Đã nhóm đủ rồi mới mở tháp được!” Phật Đa Bảo chia tòa ngồi, Phật Thích Ca cùng ngồi thuyết pháp. Thánh chúa Thế Tôn tuy diệt độ đã lâu, ở trong tháp báu còn vì pháp mà đến, sao mọi người chẳng siêng năng vì pháp?

*** Phật Thích Ca làm vua cầu kinh chẳng mệt mỏi**

Đức Phật bảo tứ chúng: - Trong quá khứ vô lượng kiếp, ta cầu kinh Pháp Hoa chẳng lười nhác, mệt mỏi. Trong nhiều kiếp, thường làm quốc vương, phát nguyện cầu Vô Thượng Bồ Đề, tâm chẳng thoái chuyển; vì pháp bỏ ngôi vua, giao việc triều chánh cho Thái Tử, đánh trống tuyên lệnh cầu pháp tứ phương: “Ai có thể vì ta nói Đại Thừa, ta sẽ suốt đời cung cấp, hầu hạ”. Khi đó, có A Tư tiên đến thưa cùng vua rằng: “Ta có pháp Đại Thừa tên là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu chẳng trái nghịch ta, ta sẽ tuyên nói cho nhà vua”. Vua nghe lời tiên nhân nói, hoan hỷ, hớn hờ, liền theo tiên nhân cung cấp các thứ cần dùng: Hái quả, gánh nước, nhặt củi, nấu nướng. Thậm chí dùng thân thể làm giường, tòa [cho tiên nhân dựa, ngồi], thân tâm chẳng mệt mỏi. Khi đó, vua phụng sự trải qua ngàn năm, vì pháp mà siêng năng, chuyên ròng hầu hạ, khiến cho tiên nhân chẳng thiếu thốn. Vị vua khi ấy chính là đức Thích Ca Văn

¹⁷⁷ Khánh Nguyên là niên hiệu của Tống Ninh Tông (Triệu Khoách) nhà Nam Tống từ năm 1195 đến năm 1200.

(Thích Ca Mâu Ni Phật). Tiên nhân thuở đó nay là Đề Bà Đạt Đa. [Đức Phật nói]: Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa khiến cho ta trọn đủ Lục Ba La Mật, thành Đẳng Chánh Giác, rộng độ chúng sanh.

*** Thường Bất Khinh Bồ Tát lưu thông kinh Pháp Hoa**

Vào thuở xa xưa, trong thời Tượng Pháp của Oai Âm Vương Như Lai, tăng thượng mạn tỳ-kheo có thể lực to lớn. Lúc bấy giờ, có một vị tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh. Vị tỳ-kheo ấy hằng thấy tứ chúng, thấy đều lễ bái, tán thán, nói như thế này: *“Tôi tôn kính quý vị sâu xa, chẳng dám khinh mạn. Các vị hành Bồ Tát đạo, sẽ được thành Phật”*. Vị tỳ-kheo ấy chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ hành lễ bái. Trong tứ chúng, có kẻ sanh lòng sân khuể, tâm bất tịnh, ác khẩu rửa sả: *“Gã vô trí tỳ-kheo này từ đâu đến đây? Chúng ta chẳng cần lời thọ ký hư vọng ấy!”* Mọi người có khi dùng gậy gộc, ngói, đá đánh ném. Vị ấy chạy tránh ra đứng đằng xa, vẫn lớn tiếng xưng rằng: *“Tôi chẳng dám khinh các vị. Các vị sẽ đều thành Phật”*. Do thường nói lời ấy, cho nên bị gọi là Thường Bất Khinh. Vị tỳ-kheo ấy khi lâm chung, nghe từ hư không trọn đủ kinh Pháp Hoa do Oai Âm Vương Phật đã nói trước đó, đều có thể thọ trì, liền được sáu căn thanh tịnh, rộng vì người khác nói kinh Pháp Hoa này. Bất Khinh thuở đó chính là Thích Ca Văn. Nếu trong đời trước ta chẳng thọ trì kinh này, vì người khác giảng nói, sẽ chẳng thể mau chóng đắc Bồ Đề.

Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: *“Thích Ca xuất thế, chần chừ chẳng nói. Bất Khinh vừa trông thấy [người khác], bèn lỗ mãng nói, vì lẽ nào? Đáp: [Những kẻ được Thường Bất Khinh nói “chẳng dám khinh”] vốn đã có điều thiện. Phật Thích Ca vì bảo vệ hàng Tiểu Thừa, vì họ chưa có điều thiện [cho nên Ngài chần chừ chẳng nói]. Bất Khinh do thấy họ đã có căn cơ Đại Thừa bèn cưỡng ép”*. Trong bài Uẩn Tế Tụng của ngài Nam Bình Thanh Biện có viết: *“Giương báu chưa dùng, cất hộp ngọc. Thất tình bóng lạnh, hiện lờ mờ. Ân cần nói với người bên cạnh, Long Tuyền trong hộp chớ xem thường”*.

*** Ngài Hỷ Kiến đốt thân cúng dường kinh mẫu nhiệm**

Trong quá khứ, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật vì Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát và các Thanh Văn nói kinh Pháp Hoa. Vị Bồ Tát ấy thích tu tập khổ hạnh, nhất tâm cầu Phật đạo, tròn một vạn hai ngàn năm, đắc Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đã đắc tam-muội

ấy, liền nghĩ rằng: “*Ta đắc tam-muội này đều do sức nghe kinh Pháp Hoa. Ta nay nên cúng dường Phật và kinh Pháp Hoa. Tuy ta đã dùng thần lực để cúng dường, chẳng bằng dùng thân cúng dường*”. Liền đối trước Phật tự đốt thân, quang minh soi tròn khắp các thế giới nhiều như số cát trong tám mươi ức sông Hằng. Chư Phật trong các cõi ấy đồng thời tán thán: “*Lành thay! Lành thay! Là chân tinh tấn, được gọi là pháp cúng dường thật sự*”. Thân ấy cháy trong một ngàn hai trăm năm. Sau khi mạng chung, [Bồ Tát] lại sanh trong cõi của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, trong vương cung của vua Tịnh Đức, bạch với cha rằng: “*Con trước đó đã cúng dường Phật, đạt được Giải Nhất Thiết Chúng Ngữ Ngôn Đà La Ni. Lại nghe kinh Pháp Hoa này*”. Cho đến sau khi đức Phật ấy diệt độ, ngài Hỷ Kiến liền đối trước tám vạn bốn ngàn tháp thờ xá-lợi, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm suốt bảy vạn hai ngàn năm để cúng dường. Sách Pháp Hoa Văn Cú chú giải: “*Hỷ Kiến nhanh chóng bỏ một thân, lại đốt hai cánh tay, khinh sanh mạng, tôn trọng pháp, mạng mất, đạo còn*”.

*** Ngài Diệu Âm từ xa đến nghe kinh Pháp Hoa**

Thích Ca Mâu Ni Phật phóng quang minh từ nhục kế, chiếu tròn khắp các thế giới nhiều như cát trong một trăm lẻ tám vạn ức na-do-tha sông Hằng. Qua khỏi số ấy, có cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật. Cõi đó có Bồ Tát tên là Diệu Âm, đã gieo trồng cội đức từ lâu. Vị Bồ Tát ấy từ cõi của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đến thế giới Sa Bà này, cúng dường Phật Thích Ca, và cũng muốn cúng dường, nghe kinh Pháp Hoa. Khi đó, Diệu Âm Bồ Tát biến mất trong cõi kia, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ Tát tới đây. Lúc ấy, Phật Đa Bảo bảo ngài Diệu Âm rằng: “*Lành thay! Lành thay! Ông có thể vì cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật và nghe kinh Pháp Hoa mà đến nơi đây*”.

*** Bốn vị tỳ-kheo tu tập Pháp Hoa thuở trước**

Xưa kia, có bốn vị tỳ-kheo, sanh lòng ân cần, trân trọng tột bậc đối với kinh Pháp Hoa, nhưng chưa được cam lộ từ giáo pháp bí mật của kinh điển tươi tắn. Do vậy, họ kết bạn vào núi tu hành để cùng mong đắc Phật huệ. Ăn cư lâu ngày, lương thực cạn sạch. Một bữa ăn phải đi vạn dặm, chí xông thấu trời thăm há có thể đạt được ư? Một người bèn nói: “*Bốn người bọn ta nghèo đến nỗi chẳng giữ nổi cái thân, pháp sẽ*

gởi gắm vào đâu? Ba người các anh hãy nên dốc hết tánh mạng phụng sự đạo, một mình tôi sẽ cung cấp các thứ cần dùng cho các anh”. Từ đó, [vị ấy] chống tích trượng nơi xóm làng để tìm cầu các thứ cung cấp, dầu nóng lạnh đắp đổi, vẫn cam tâm vui sướng, chẳng bức bối! Vì thế, ba người kia công đức viên thành, lợi ích trong một đời mà thành vô lượng đời. Người kia do nhiều lượt lăn lộn trong nhân gian, nhiều lần gặp thanh sắc, đồ gốm chưa nung khó thể gìn giữ. Ngẫu nhiên thấy bậc vương giả ra vào, xe cộ rộn rịp, tâm sanh động niệm, mến chuộng sự vinh hoa ấy. Do công đức huân tu, theo niệm thọ báo, thường được làm vua trên cõi trời và nhân gian. Phước tuy chẳng thể lường, nhưng vẫn hữu hạn! Ba người đã đắc đạo, tự lại bàn bạc: “Ta thoát khỏi lòng bầy do công của người này. Ông ta đắm đuối quả báo, tăng trưởng hữu vi. Từ đây chết đi, sẽ chìm vào hố lửa. May vẫn còn chưa đọa, đúng là lúc hãy nên lập cách giáo hóa”. Một người nói: “Vị vua này chấp dục, lại còn tà kiến. Nếu chẳng dùng ái để lôi móc, sẽ chẳng có cách nào cứu bạt! Một người có thể làm vợ đoan chánh, hai người kia làm con thông minh. Vợ con như thế, ắt vua sẽ thuận theo. Lập cách giáo hóa như thế, ắt vua sẽ cải tà!” Quốc vương khi đó chính là vua Diệu Trang Nghiêm, nay là Hoa Đức Bồ Tát. Người vợ là phu nhân Tịnh Đức, nay là Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát. Hai con khi xưa tức là Tịnh Nhân và Tịnh Tạng, nay là hai vị Bồ Tát Dục Vương và Dục Thượng. Nêu ra cái nhân trước của bốn vị thánh, cho nên phẩm này có tên là Bốn Sự. Nói căn kể thì như trong Pháp Hoa Văn Cú. Ngài Nam Bình tụng rằng: “*Tích niên tự thủ tịch liêu khô, tam bộ thanh vân, nhất đọa nê. Tiểu kỹ lược thi cam chiết giác, đại gia phủ chưởng nhiếp thiên thể*” (Lược dịch: Năm xưa tự hợp chốn hoang vu, ba người giải thoát, một người mê. Trò mọn tạm bày thôi đắm đuối, vỗ tay vượt thoát chốn tam đồ).

*** Phổ Hiền Bồ Tát khuyến phát lưu thông**

Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát từ phương Đông đến, bạch Phật rằng: “Con từ cõi nước của Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, vắng nghe thế giới Sa Bà này nói kinh Pháp Hoa, bèn cùng với các vị đại Bồ Tát cùng đến nghe nhận. Kính xin đức Thế Tôn hãy vì con mà nói: Sau khi đức Như Lai diệt độ, người ta phải làm như thế nào để được kinh Pháp Hoa?” Đức Phật bảo ngài Phổ Hiền: “Nếu người đó thành tựu bốn pháp thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ đạt được kinh Pháp Hoa này. Một là được chư Phật hộ niệm, hai là gieo các cội đức, ba là nhập Chánh Định

Tu, bốn là phát tâm cứu hết tất cả chúng sanh. Thành tựu bốn pháp như thế, tất sẽ đạt được kinh này”. Phổ Hiền bạch Phật rằng: “Trong đời ác trước vào năm trăm năm sau, sẽ có người thọ trì kinh điển này, con sẽ thủ hộ, trừ các suy hoạn cho người ấy. Người ấy dù đi, hay đứng, đọc tụng kinh này, con sẽ liền cười voi trắng sáu ngà, cùng các vị đại Bồ Tát tự hiện thân để cúng dường, thủ hộ, cũng vì cúng dường kinh Pháp Hoa vậy. Nếu người ấy đối với kinh Pháp Hoa quên mất một câu, một kệ, con sẽ dạy cho”.

Sách Pháp Hoa Văn Cú giải thích: “Phật nêu ra bốn pháp thâm tóm trọn vẹn một kinh. Pháp Hoa được trùng diễn, Phật huệ được trùng tuyên. Từ xa đến khuyến phát, có ý nghĩa như thế đó”. Ngài Nam Bình tụng rằng: “Biển Cát tầm thanh đặc đặc lai, cự linh tài tịch tuyệt tiêm ai. Tượng vương hà sự tần di bộ, vị ái Phân Đà mãn thế đài” (Tạm dịch: Theo tiếng, Phổ Hiền đến cõi này. Thần linh tránh né, sạch trần ai. Voi chúa vì đâu dời bước mãi? Do chuộng kinh sen giẫm bậc rêu).

2. Cao tăng (gồm một trăm bảy mươi ba người)

*** Tỳ-kheo Ma Ha La tại Thiên Trúc**

Xưa kia, tại nước Thiên Trúc, có một vị tỳ-kheo trụ A Lan Nhã, tên là Ma Ha La, đọc kinh Đại Thừa rất nhiều, đức hạnh hiển hách. Quốc vương chánh tín, từng trải tóc phủ chỗ đất bùn để tỳ-kheo đi qua. Lại có tỳ-kheo đến tâu với vua rằng: “Vị này chẳng đọc nhiều kinh điển, sao bề hạ lại cúng dường trọng thể?” Vua đáp: “Có một hôm, trầm từng nửa đêm muốn đến gặp vị tỳ-kheo ấy, liền đến chỗ Ngài, thấy Ngài ở trong một cái hang đọc kinh Pháp Hoa. Có một người quang minh sắc vàng ròng, cười voi chúa trắng [ở bên cạnh], chấp tay cúng dường. Trầm vừa mới đến gần, người ấy liền biến mất. Trầm hỏi đại đức: ‘Vì sao trầm đến thì người có quang minh sắc vàng ròng ấy diệt mất?’ Tỳ-kheo bảo: ‘Đây là Biển Cát Bồ Tát. Ngài Biển Cát tự nói: ‘Nếu có ai tụng kinh Pháp Hoa, ta sẽ cười voi trắng đến dạy bảo. Tôi đọc kinh này, ngài Biển Cát tự đến’. Biển Cát chính là Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh Pháp Hoa vậy. Trầm nghe xong, lễ dưới chân [vị tỳ-kheo ấy] rồi lui về. Vì thế, trầm nay thường cúng dường” (trích từ Đại Trí Độ Luận).

*** Tam Tạng Hộ Pháp sư ở Đôn Hoàng**

Ngài Tam Tạng Đàm Ma La Sát (Dharma-rakṣa), phương này dịch là Pháp Hộ, vốn là người xứ Nhục Chi¹⁷⁸, tám tuổi là côi tục. Hề kinh sách nào lướt qua mắt, Sư đều thuộc lòng; mỗi ngày nhớ được một vạn chữ. Sư đi sang phương Tây, trải qua các nước, thông thạo ba mươi sáu loại ngôn ngữ, văn pháp, cách giải thích, âm đọc của chúng. Sư trụ tại Đôn Hoàng đã lâu, người thời ấy gọi Sư là Đôn Hoàng Bồ Tát. Vào thời Vũ Đế nhà Tây Tấn, Sư mang kinh bản tiếng Phạn đến Lạc Dương. Sư còn thông thạo rộng rãi ngũ kinh, sử truyện [của Trung Hoa]. Trong niên hiệu Vĩnh Khang¹⁷⁹, Sư trụ trong ngôi chùa lớn ở ngoài cửa Thanh Môn của Trường An, dịch bộ Chánh Pháp Hoa Kinh gồm mười quyển, lại còn vì tứ chúng diễn giảng. Sư còn dịch các kinh khác, tổng cộng một trăm năm mươi bốn bộ, đều được sắc truyền lưu thông. Thuở đó, Sư ẩn cư trong núi sâu, trong núi có con suối trong vắt, có thể dùng để tắm rửa. Một hôm, do có tiểu phụ nhuộm bẩn, suối bỗng khô cạn. Ngài Pháp Hộ than rằng: “Người vô đức đến nỗi suối trong ngưng chảy. Đã thiếu thứ cần dùng, ta nên rời đi”. Nói xong, nước suối trong vắt lại trào lên. Chi Độn¹⁸⁰ tán thán: “*Hộ công chứng Tịch, đạo đức uyên mỹ, vi ngâm khung cốc, khô tuyền sáu thủy. Mạc dĩ Hộ Công, thiên đỉnh hoàng ý, trạc túc lưu sa, khuynh bạt huyền trí*” (Hộ công chứng tịch diệt, đạo đức thật sâu màu, khe than chôn hang thăm, suối khô bỗng nước trào, ngài Pháp Hộ

¹⁷⁸ Nhục Chi, còn đọc là Nguyệt Thị là một sắc dân sống trên vùng thảo nguyên thuộc địa phận tỉnh Cam Túc của Trung Hoa hiện thời vào thế kỷ thứ nhất. Sau khi bị người Hung Nô đánh bại, họ tách thành hai nhóm:

- Đại Nhục Chi di cư tới vùng thung lũng Ili (phía Bắc Thiên Sơn, thuộc biên giới giữa Kazakhstan và Trung Hoa). Sau đó, họ bị người Ô Tôn (Wusun) đánh đuổi, phải di cư đến Khang Cư (Sogdia), cuối cùng đến lãnh thổ Đại Hạ (Bactria). Trong thế kỷ thứ nhất, một bộ tộc của Đại Nhục Chi là Quý Sương (Kushana) trở thành hùng mạnh nhất, lập nên vương triều Quý Sương có lãnh thổ chiếm trọn vùng trũng Tarim và vùng đồng bằng giữa sông Pataliputra và sông Hằng. Vương triều này đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo vào Trung Hoa. Một vài bộ lạc của họ đã di cư đến tận vùng biên giới giữa Tajikistan và Uzbekistan hiện thời.

- Tiểu Nhục Chi di cư về phương Nam đến giáp vùng biên giới Tây Tạng. Một nhóm nhỏ của nhánh này hòa nhập vào tộc người Yết ở Sơn Tây (người Yết sau này lập ra nhà Hậu Triệu).

¹⁷⁹ Vĩnh Khang là niên hiệu của Tấn Huệ Đế (Tư Mã Trung) từ năm 300 đến năm 301.

¹⁸⁰ Chi Độn, tức ngài Chi Đạo Lâm (314-366). Sư vốn họ Quan, tên là Độn, quê ở Trần Lưu tỉnh Hà Nam, nhưng theo gia đình xuống Giang Nam từ bé. Do Sư theo học đạo với một vị tăng xứ Nhục Chi, bèn đổi họ là Chi, pháp hiệu là Đạo Lâm.

cao thẳm, bầm tánh đẹp tốt vời, rửa chân chốn lưu sa, nắm vững lẽ huyền diệu) (theo Lương Cao Tăng Truyện).

*** Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập thời Diêu Tần**

Pháp sư Cưu Ma La Thập, Hán dịch là Đồng Thọ, người xứ Quy Tư. Bảy tuổi xuất gia, mỗi ngày tụng một ngàn bài kệ. Mẹ Ngài từng dẫn con sang nước Nhục Chi, gặp một vị La Hán bảo: “Sa Di này tới năm ba mươi lăm tuổi, nếu chẳng phá giới, sẽ tuyên dương Phật giáo rộng lớn, độ vô số người. Nếu giới chẳng toàn vẹn, sẽ chỉ là một vị pháp sư tài năng, sáng suốt mà thôi!” Mẹ suy nghĩ lời ấy, một hôm bảo con: “Đối với giáo pháp sâu thẳm như Phương Đăng, phải nên dốc một tấm lòng son xiền dương rộng lớn. Chỉ có điều tận lực làm như thế thì chẳng có ích cho bản thân con”. Ngài La Thập đáp: “Đạo của bậc đại sĩ là vong thân hòng lợi lạc người khác. Nếu khiến cho đại pháp lưu truyền, sẽ có thể gột rửa cõi tục mông muội. Dầu thân con trong lò than, vạc dầu, cũng chẳng hối hận!” Khi đó, Phù Kiên chiếm đóng Quan Trung¹⁸¹. Quan Thái Sử tâu rằng: “Có đức tinh xuất hiện trong phạm dã¹⁸² của ngoại

¹⁸¹ Quan Trung (關中) là vùng đồng bằng nằm ở trung bộ tỉnh Thiểm Tây, ở dưới chân núi Tần Lĩnh. Vùng này thời cổ đất đai trù phú, là một trung tâm kinh tế quan trọng từ đời Tần đến đời Đường. Vì để vào vùng này trong thời Chiến Quốc, phải đi qua bốn cửa ải, tức Đại Tán Quan ở phía Tây, Hàm Cốc Quan ở phía Đông, Vũ Quan ở phía Nam, và Tiêu Quan ở phía Bắc, nên gọi là Quan Trung (ở trong các cửa ải). Kinh đô Trường An (thành phố Tây An hiện thời) chính là kinh đô của nhiều triều đại (Tây Châu, Tần, Tây Hán, Tân, Tây Tấn, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Ngụy, Bắc Châu, Tùy, Đường).

¹⁸² “Phạm dã” (分野) là một khái niệm quan trọng trong thiên văn học cổ của người Hán. Họ chia các ngôi sao trên bầu trời (thật ra, họ chỉ quan tâm hai mươi tám chòm sao, tức Nhị Thập Bát Tú) thành từng khu vực tương ứng với châu quốc của Trung Hoa. Họ căn cứ vào đường dịch chuyển của Tuế Tinh (Mộc Tinh) trong suốt một năm (đường di chuyển ấy được gọi là “hoàng đạo”), mà chia hoàng đạo thành mười hai cung hoàng đạo (còn gọi là Thập Nhị Thứ), tức Tinh Kỷ, Huyền Hiêu, Tu Tứ, Giáng Lâu, Đại Lương, Thập Thâm, Thuần Thủ, Thuần Hỏa, Thuần Vĩ, Thọ Tinh, Đại Hỏa, và Tích Mộc. Chẳng hạn Tinh Kỷ ứng với hai chòm sao Đẩu, Ngưu (tương với chòm sao Ma Yết (Scorpion, bò cạp) trong tử vi phương Tây) và khu vực Ngô, Dương Châu của Trung Hoa. Khi nào có sao “lạ” (tức các ngôi sao chưa biết đến trước đó, hoặc các ngôi sao không thuộc một phạm dã nào đó), hoặc các lưu tinh bỗng di chuyển vào một phạm dã khác, quan Thái Sử hoặc vị đứng đầu Khâm Thiên Giám sẽ bói toán để xem điềm cát hung, hoặc tiên đoán vùng đất đó có loạn lạc hay điềm bất tường nào hay không.

quốc, sẽ có bậc đại trí vào phù tá Trung Hoa”. Phù Kiên nói: “Trẫm nghe Tây Vực có sư La Thập, chẳng phải là người đó hay sao?” Vua liền sai Lữ Quang dẫn binh chinh phạt Quy Tư. Lữ Quang đã bắt được ngài La Thập, về tới Lương Châu, nghe Phù Kiên đã bị Diêu Trành làm hại, bèn chiếm đóng vùng Quan Ngoại¹⁸³, tiếm xưng quốc hiệu là Hậu Lương.

Diêu Trành chết, con là Diêu Hưng kế vị. Trong sân châu, bỗng mọc cây có cành nhánh giao kết với nhau. Hành trong vườn Tiêu Dao đều biến thành cỏ Xi¹⁸⁴. Vua cho đó là điềm lành, bèn chinh phạt Lữ Long¹⁸⁵, đón Sư vào Trường An, dùng lễ quốc sư để đối đãi. Diêu Hưng suất lĩnh các sa-môn nghe ngài La Thập giảng kinh trong vườn Tiêu Dao. Biện tài của ngài La Thập vang khắp Hoa Hạ. Sư thấy các bản dịch cũ sai lệch so với bản tiếng Phạn, bèn vào năm Hoàng Thi thứ tám (406), ở chùa Thảo Đường, cùng với hơn tám trăm người như Tăng Triệu v.v... khảo đính các bản dịch kinh trước đó. Sư dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa thành một bộ bảy quyển.

Diêu Hưng nói: “Pháp sư thông minh, giác ngộ siêu quần, thiên hạ không hai, sao có thể để Ngài không có người nối dõi cho được!” Do vậy, đem mười kỹ nữ ép Sư nhận lấy. Từ đó, người tịnh hạnh then nghe nói đến chuyện ấy. Sư tới giảng thuyết, ắt đều bảo trước: *“Vĩ như bùn thối sanh ra hoa sen, chỉ quan tâm hoa sen, đừng nhìn vào bùn thối!”* Về sau, Sư bỗng ngã bệnh, liền bảo đại chúng: *“Do pháp mà gặp gỡ, vẫn chưa trọn hết tâm lòng, không thể nhờ vào đâu để đáp tạ. Mong cho các kinh đã dịch như Pháp Hoa v.v... đều cùng được truyền bá. Nếu tôi dịch chẳng sai lầm, nguyện sau khi thiêu thân, lưỡi chẳng cháy nát!”* Nói xong, Sư qua đời. Đến khi xà-duy (Jhāpeti, trà-tỳ, hỏa thiêu), quả nhiên lưỡi chẳng cháy tan. Xem chi tiết cận kề trong Lương Tăng

¹⁸³ Đồi Tần - Hán, do kinh đô đặt tại Trường An thuộc tỉnh Thiểm Tây, cho nên vùng đất ở ngoài ải Hàm Cốc thì gọi là Quan Ngoại (關外). Từ đồi Đường trở đi, vùng đất ngoài ải Nhạn Môn Quan thì gọi là Quan Ngoại. Lữ Quang chiếm đóng vùng đất ở phía Tây tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc.

¹⁸⁴ Cỏ Xi (葑) theo sách cổ là một loại cỏ thơm. Hiện thời, các nhà nghiên cứu cho rằng đây là tên gọi khác của loài dược thảo Bạch Chi (白芷), rễ được dùng làm thuốc, có tác dụng chữa phong thấp, trừ mù, giải cảm v.v...

¹⁸⁵ Lữ Long là con trai của Lữ Bảo (em trai Lữ Quang). Khi đó, Lữ Quang chết, em trai của Lữ Long là Lữ Siêu không phục Lữ Toàn (con trai của Lữ Quang), dấy loạn giết chết Lữ Toàn, ủng hộ Lữ Long lên ngôi vua nhà Hậu Lương. Lữ Long làm vua chưa đầy hai năm thì bị Diêu Hưng nhà Diêu Tần công phạt, nhà Hậu Lương diệt vong.

Truyện (Lương Cao Tăng Truyện) và Tấn Thư¹⁸⁶. Trong Nam Sơn Cảm Thông Truyện¹⁸⁷, Vi Đà Thiên đã nói: “Ngài La Thập thông minh, khéo hiểu Đại Thừa. Kể từ thời bảy đức Phật, Sư đã truyền bá, dịch thuật, đạt được những điều pháp vương gởi gắm! Thế tục phê phán Sư khuyết giới, chẳng cần bàn tới! Ngài La Thập thuộc địa vị Tam Hiền, há có phải là kẻ lơ mơ ư?”

*** Pháp sư Huệ Duệ ở Trường An**

Thích Huệ Duệ là người Ký Châu, giữ khí tiết thanh cao, nghiêm túc. Sư tham học khắp nơi, đi tới tận địa giới của Nam Thiên Trúc. Đối với các sách vở ở chốn khác, không gì chẳng hiểu rõ. Chúa nhà Tấn là Diêu Hưng vời Sư vào gặp, trông thấy phong thái, ngôn từ của Sư, vua hết sức tán thưởng, gọi Ngài là Tứ Hải Tiêu Lãnh (người cầm đầu tiêu biểu trong bốn biển). Xưa kia, ngài Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm Thọ Quyết có câu: “*Thiên kiến nhân, nhân kiến thiên*” (Người thấy trời, trời thấy người). Ngài La Thập dịch kinh Pháp Hoa, đến chỗ đó, bèn nói: “Lời này tương đồng cách nói tại Tây Vực, nhưng lời lẽ quá thô ráp!” Huệ Duệ nói: “Há chẳng phải là trời người giao tiếp đôi bên trông thấy nhau ư?” La Thập vui mừng nói: “Thật vậy!” Sư lãnh ngộ cao vời đường ấy. Kinh phiên dịch vừa xong, [ngài La Thập] bèn sai Huệ Duệ giảng giải. Huệ Duệ bèn châm chúc những điều u huyền, chia thành “*cửu triệt*” (九轍, chín khuôn phép, đường lối):

- Một, hôn thánh tương khẩu triệt (phàm thánh gặp gỡ), tức phẩm Tự.
- Hai, thiệp giáo quy Chân triệt (gom các giáo về lẽ chân), là bậc thượng căn (tức phẩm Phương Tiện).

¹⁸⁶ Tấn Thư là bộ sử chép về lịch sử nhà Tấn từ thời Tư Mã Ý cho đến năm Nguyên Hy thứ hai (420) đời Tấn Cung Đế, Lưu Dụ phế Tấn Đế, lập ra nhà Lưu Tống. Bộ sử này do hai mươi một người cầm đầu bởi Phòng Huyền Linh, vâng lệnh Đường Thái Tông biên soạn cho đến năm Trinh Quán 22 (648) mới hoàn thành, gồm 130 quyển.

¹⁸⁷ Bộ sách này có tên gọi là Đạo Tuyên Luật Sư Cảm Thông Lục, còn gọi là Đạo Tuyên Luật Sư Cảm Thiên Thị Truyện (truyện ngài Đạo Tuyên luật sư cảm vị trời hầu hạ), hoặc còn gọi là Luật Tướng Cảm Thông Truyện. Trong ấy có chép nhiều cuộc vấn đáp giữa ngài Đạo Tuyên (tổ Nam Sơn Luật Tông) và vị trời ấy về các sự tướng trong Luật Tông.

- Ba, hưng loại tiêm hình triệt (nêu bày sự thật, vì chúng sanh chấp trước mà phải thị hiện quyền pháp hồng dẫn về Nhất Thừa), tức người trung căn.

- Bốn, thuật kim thông tích triệt (trần thuật chuyện hiện tại, phơi bày Bốn nơi Tích), trung căn lãnh ngộ.

- Năm, chương nhân tấn ngộ triệt (nêu bày cái nhân để kẻ hạ căn được lãnh ngộ), tức là kẻ hạ căn (tiêu biểu là phẩm Hóa Thành).

- Sáu, tán dương hạnh lý triệt, tức phẩm Pháp Sư.

- Bảy, Bốn Tích vô sanh triệt, Đa Bảo bất diệt là Bốn, Thích Ca bất sanh là Tích. Bốn và Tích tuy khác, nhưng đều chẳng thể nghĩ bàn như nhau.

- Tám, cử nhân trung quả triệt (nêu ra cái nhân, gạn hỏi cái quả), tức các phẩm Dũng Xuất và Thọ Lượng.

- Chín, xưng dương viển tế triệt (khen ngợi công đức, lực dụng cùng cực của kinh), tức là từ phẩm Tùy Hỷ cho đến hết phần Lưu Thông.

Ngài Huệ Duệ lại viết lời tựa cho kinh này, xem [lời tựa ấy] trong Đại Tạng. [Lại chỉ rõ] kinh lại có hai mươi tám phẩm sanh khởi (tức là duyên khởi vì sao có hai mươi tám phẩm theo thứ tự). Ngài Kinh Khê khen ngợi [lập luận của ngài Huệ Duệ] hết sức có thứ lớp phân minh. Sư thường hồi hướng, tán dương lợi ích tốt lành [của kinh Pháp Hoa] để nguyện sanh về Tây Phương. Ngày lâm chung, Sư tắm rửa, thay áo, đốt hương, lễ bái, ngời chấp tay, hướng về Tây. Khi Sư mất, [đại chúng] thấy mây thơm năm màu từ trong phòng thoát ra. Cối đời xưng tụng “*Thập Môn tứ thánh*” (Bốn vị thánh nhân môn đồ của ngài La Thập) là Sanh, Triệu, Dung, Duệ. Sư là một trong bốn vị ấy (xem *Lương Cao Tăng Truyện*, “*cửu triệt*” trích từ quyển thứ tám của *Pháp Hoa Văn Cú*).

*** Pháp sư Đạo Sanh ở Hồ Khâu**

Sư húy là Đạo Sanh, lấy họ theo thầy là Trúc¹⁸⁸. Sư quanh năm đốc chí học tập, lời lẽ trong sáng, mới mẻ, mọi người đều nể phục. Sư

¹⁸⁸ Ngài Đạo Sanh họ Ngụy, quê ở Cự Lộc, do nương theo ngài Trúc Pháp Thái xuất gia, nên đổi họ là Trúc. Sau này theo Huệ Duệ, Huệ Nghiêm sang Trường An, mới trở thành đồ chúng của pháp sư La Thập. Sư trước tác Nhị Đề Luận, Phật Tánh Thường Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Sanh Tịnh Độ Luận v.v... có những ý nghĩa độc đáo vượt trước thời đại, nên bị kẻ thù cự chấp chặt văn tự phê phán nặng nề. Nhất là khi Sư đọc bản Nê Hoàn Kinh sáu quyển, liền đề xướng “*Xiển*

thường cho rằng: “Điều trọng yếu để nhập đạo là phải dùng huệ giải làm gốc”. Vì thế, Sư dùi mài nơi các kinh, chẳng nề hà nhọc nhằn, khổ sở, liền đến Quan Trung theo học với ngài La Thập. Do biện luận, vấn đáp cao vợi, Sư thường được xưng tụng là bậc “*thần ngộ*”. Về sau, Sư ẩn giấu tung tích tại chùa Hồ Khâu, đá nơi giảng đài hãy còn.

Có một thuở, Sư ở Bán Đường tụng kinh Pháp Hoa, bỗng có một con trỉ thường đến nghe kinh. Một hôm, chẳng thấy nó, Sư nghĩ tới nó, đêm mộng thấy nó nói: “Con do nghe kinh mà được thay đổi quả báo, nay làm con ở nhà nọ. Đợi sau mấy năm nữa, con sẽ đến phụng sự”. Tới khi Sư dò hỏi, quả đúng là như thế. Đến khi [đứa bé ấy] xuất gia, nào ngờ chưa trưởng thành mà đã mạng chung. Do vậy, Sư đem chôn trong rừng. Một tối, chợt có quang minh chiếu sáng vùng Đường Ổ, người trong làng kinh ngạc. Đào lên xem thì thấy cái lười [của đứa bé ấy] sanh hoa sen xanh. Do đó, dựng tháp, sau này biến thành chùa, tức là chùa Bán Đường hiện thời.

Sư từng lập thuyết: “*Chớ nên thọ báo do hành thiện, hãy đón ngộ thành Phật*”, nhưng kẻ chấp trước văn tự, thủ cựu cho đó là tà thuyết. Sư đối trước đại chúng phát thệ: “*Nếu thuyết do tôi đã lập chẳng trái nghịch kinh, lúc xả mạng sẽ ngồi trên tòa sư tử*”. Về sau, kinh Đại Niết Bàn được dịch ra, quả nhiên phù hợp với các điều Sư đã nói. Sư liền thăng tòa, giảng diễn, người nghe đều giải ngộ, vui sướng. Tiệc pháp sắp hoàn tất, bỗng đuôi của chiếc phát trần [Sư đang cầm nơi tay] lả tả rụng xuống. Sư về mặt đoan nghiêm qua đời, dường như đang nhập Định. Người thời ấy nói: “*Sanh Duệ phát thiên chân*” (Đạo Sanh và Huệ Duệ giác ngộ chân tánh). Vì thế biết Ngài là bậc lỗi lạc (*sự tích chùa Bán Đường trích từ Tục Linh Thụy Tập, các chuyện khác trích từ Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Đại thiên sư Nam Nhạc Huệ Tư**

Sư húy Huệ Tư, sanh trong nhà họ Lý ở Vũ Tân. Thuở bé, Sư mộng thấy vị Phạm tăng khuyên xuất gia, liền nhập đạo. Sư lập chí mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng dường riêng. Suốt mười năm, Sư chuyên tụng Pháp Hoa, bảy năm thường hành Phương Đẳng, suốt chín

Đề cũng có thể thành Phật” liền bị quy kết là tà ngụy, phản giáo. Sư phải nấu mình tại Hồ Khâu. Sư giảng kinh cho đá nghe, hỏi: “Nêu tôi giảng kinh đúng ý Phật, đá hãy gập đầu”. Quả nhiên đá gập đầu. Mãi cho đến khi kinh Niết Bàn được dịch đủ, mọi người mới khâm phục kiên giải lỗi lạc của Sư.

mười ngày thường ngồi tu Nhất Hạnh tam-muội. Do công phu tinh tấn ấy, Sư thấy thấu triệt sự tích hành đạo suốt ba đời. Tiếp đó, Sư đến chỗ thiền sư Huệ Văn nhà Bắc Tề¹⁸⁹ để theo học Thiền pháp. Sư nhiếp tâm suốt thời gian kết hạ. Cho đến khi an cư mùa Hạ đã hết, tuổi Hạ được tăng thêm, Sư bụi ngùi chẳng chứng được gì! Sư thả lỏng thân, dựa vào vách, trong khoảnh khắc lưng chưa kịp tựa vào vách, đã rỗng rang khai ngộ Pháp Hoa tam-muội và các pháp môn Đại Tiểu Thừa khác.

Về sau, Sư trụ tại núi Đại Tô ở Quang Châu. Tăng tục làm phước, quyên góp cho Sư chép kinh Bát Nhã và kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng. Đại chúng thỉnh Sư giảng hai kinh, Sư liền diễn thuật, không gì chẳng sâu thẳm. Sau đó, Sư tới Nam Nhạc, thấy rừng suối thanh tịnh, bèn nói: “Đây là chỗ nền của chùa cũ”. [Đại chúng] vâng lời đào lên, quả nhiên thu được các vật dụng và nền cũ của điện đường. Sư lại tới dưới gộp đá, bảo: “Đời trước, tôi đã tọa Thiền tại đây, bị giặc chém đầu, do đó mạng chung, cho nên mới có đời này”. Mọi người cùng tìm kiếm, bèn tìm được đầu lâu. Sư tìm được, bèn đội lên đầu. Vì thế, dựng tháp để báo ơn trước. Trần Tuyên Đế¹⁹⁰ hạ chiếu vời Sư trụ tại chùa Thê Huyền, tăng tục đều kính ngưỡng.

Sư từng đến chùa Ngõa Quan, gặp mưa mà chẳng ướt, đi trên bùn chẳng bị nhuốm bẩn. Hoặc hiện thân lớn nhỏ, hoặc lặng lẽ ẩn thân. Bình đựng nước thường đầy ắp, dường như có đồng tử cỡi trời hầu hạ. Nếu có người hỏi địa vị của Sư, đáp: “Tôi thuộc địa vị Thập Tín”. Ngày lâm chung, Sư nhóm họp môn đồ đông đảo để thuyết pháp, người nghe lạnh lòng. Sư bèn nói: “*Nếu có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu Pháp Hoa hoặc Ban Châu tam-muội, tôi sẽ tận lực cung cấp. Nếu chẳng có người như vậy, tôi liền đi ngay*”. Chuyện khổ hạnh khó khăn, chẳng có ai đáp lời! Do vậy, Sư liền thâm liêm ý niệm, xướng rằng: “*Thánh chúng đến đón*”, ung dung mạng chung, cảm vời mùi hương lạ đầy nhà, xa gần đều ngửi thấy. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi, tức là năm Đại Kiến thứ

¹⁸⁹ Bắc Tề (Cao Tề, Hậu Tề) là một triều đại do người Tiên Ty sáng lập vào thời Nam Bắc Triều, tồn tại từ năm 550 tới năm 577, do Văn Tuyên Đế (Cao Dương) vốn là quyền thần nhà Đông Ngụy soán ngôi nhà Đông Ngụy lập ra. Kinh đô là Nghiệp Thành (nay là huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Bắc). Nhà Bắc Tề truyền được sáu đời rồi bị Bắc Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) diệt quốc.

¹⁹⁰ Trần Tuyên Đế (530-582) tên thật là Trần Húc, là hoàng đế thứ tư của nhà Trần thuộc Nam Triều thời Nam Bắc Triều. Ông được coi là một vị vua có tài năng và siêng năng coi sóc việc nước.

chín (576) nhà Trần. Từ thuở có Phật pháp đến nay, phần nhiều [tăng sĩ] chú trọng nghĩa môn (giải thích, phô diễn giáo nghĩa), chỉ riêng Sư cùng hoàng dương Định Huệ. Sư thốt lời sâu tột, Thiền Tông Nam Bắc chẳng ai không tuân phụng. Ngài từng được Phổ Hiền Bồ Tát xoa đỉnh đầu, khiến [đầu Sư] bỗng mọc nhục kế, người khác trông thấy đều cho là hiếm có. Sư hành đại từ bi, vâng giữ giới Bồ Tát, chẳng dùng hay mặc các thứ làm bằng da, hoặc lụa là, chỉ khoác áo chàm vá bằng vải thô, xông xáo gió sương. Những điều Sư trước thuật, hoặc truyền dạy đều được chép thành sách, nhưng do lâu ngày, các văn từ của Sư đã bị thất lạc chẳng còn, chỉ còn Pháp Hoa An Lạc Hạnh Nghĩa và Phát Nguyên Văn lưu hành trong cõi đời (trích từ *Đường Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Trí Giả đại sư ở núi Thiên Thai**

Ngài Trí Khải¹⁹¹ là quốc sư hai triều Trần và Tùy, quê ở Dĩnh Xuyên. [Dòng họ] nhiều đời sống tại huyện Hoa Dung thuộc Kinh Châu. Sư là con thứ hai của quan Thường Thị¹⁹² Trần Khởi Tổ, mẹ họ Từ, mộng thấy mây thom sáng ngời soi vào bụng, bèn mang thai Sư. Tới khi sanh nở, trong nhà hiện thần quang. Sư mỗi mắt có hai tròng như vua Thuấn, lông mày có tám sắc như vua Nghiêu. Bảy tuổi Sư đến chùa, tăng dạy truyền khẩu phẩm Phổ Môn một lượt bèn thông suốt. Mười lăm tuổi, Sư bèn đối trước tượng ở Trường Sa phát thệ, nguyện làm sa-môn gánh vác chánh pháp. Mười tám tuổi, xuất gia tại chùa Quả Nguyên ở Tương Châu. Hai mươi tuổi, xuống tóc, thọ Cụ Túc, liền đến núi Đại Hiền, tụng kinh Pháp Hoa, kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Phổ Hiền Quán suốt hai mươi ngày. Tụng xong ba bộ kinh ấy, Sư miệng tụng lời vàng, tay viết kinh, vẽ tượng, tâm thân sáng khoái, linh lợi, lại còn vui hưởng Thiền duyệt.

Sau đó, Sư lại đến núi Đại Tô lễ đại thiên sư Huệ Tư. Ngài Huệ Tư trông thấy, than rằng: “Xưa kia cùng nghe kinh Pháp Hoa tại Linh Sơn, túc duyên theo đuổi, nay lại gặp gỡ”. Do vậy, truyền dạy Tứ An Lạc Hạnh thuộc Phổ Hiền đạo tràng. Sư ngày đêm cần mẫn hết mực,

¹⁹¹ Đúng ra, tên Ngài phải đọc là Trí Nghĩ (智顗), nhưng từ trước đến nay sách vở quen ghi tên ngài là Trí Khải (có lẽ do lầm lẫn giữa chữ Khải (覲) và Nghĩ - 顗), cho nên chúng tôi vẫn tuân theo cách đọc này.

¹⁹² Trần Khởi Tổ từng giữ chức Sứ Trì Tiết Tán Kỵ Thường Thị, nên thường gọi là quan Thường Thị.

đúng như lời dạy mà mở mang tâm trí. Trải qua mười bốn ngày, Sư tụng kinh Pháp Hoa đến chỗ ngài Dược Vương xả thân được chư Phật cùng khen ngợi: *“Thị chân tinh tấn, thị chân pháp cúng dường Như Lai”* (Đây là tinh tấn thật sự, là pháp cúng dường Như Lai chân thật). Tụng đến đó, tâm bám chặt nơi khổ hạnh, rỗng rang nhập Định, thấu hiểu Pháp Hoa dường như ánh sáng chiếu từ nơi cao thấu đến hang thẳm, liễu đạt các pháp tướng, dường như gió mát thổi qua thái hư. Ngài Huệ Tư ẩn khả: *“Chẳng phải là ông chẳng chứng, chẳng phải là tôi không biết. Ông nhập Định chính là tiền phương tiện của Pháp Hoa tam-muội. Tổng trì mà ông đã phát chính là Toàn Đà La Ni. Hạng pháp sư chấp trước vẫn tự dấu ngăn người vạn kẻ, đều chẳng thể thấu hiểu cùng tột biện tài của ông được. Tôi hâm mộ Nam Nhạc đã lâu, hận pháp chẳng có người giao phó. Ông có thể truyền đăng hóa độ chúng sanh, đừng là kẻ cuối cùng đoạn diệt Phật chủng!”*

Sư tuân phụng lời giáo huấn nghiêm cẩn ấy, bèn chán tích¹⁹³ ở Kim Lăng, trụ tại chùa Ngõa Quan, bắt đầu mở ra Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Từ đây, diễn giảng suốt tám năm. Sau đó, đồ chúng đông dần, nhưng người đắc đạo ít ỏi. Sư bèn lánh đời, giữ lấy sự huyền nhiệm, ẩn cư tại núi Thiên Thai. Thoạt đầu, Sư nấu mình nơi Ngân Địa, có lúc đi kinh hành trên ngọn Đông Nam, hoặc ở trong phương trượng tụng kinh Pháp Hoa, nhập tam-muội. Lũ ma và ác quỷ tranh nhau đến nhiễu hại, Sư trụ trong Thiền Định, trọn chẳng cảm thấy sự biến hiện quái lạ của các thần. Có lúc nọ, Sư giảng tụng Pháp Hoa, cảm đức Phổ Hiền cười voi trắng giáng xuống trước mặt. Sư thuyết pháp, dùng *“ngũ thời, bát giáo”* để phân thích các kinh trong suốt một đời giáo hóa của đức Phật, không gì chẳng cùng tận. Giáo nghĩa Thiên Thai thật sự do Sư khởi xướng.

Không lâu sau, Sư vâng chiếu trở ra Kim Lăng, giảng đại luận tại Đại Cực Điện, giảng kinh Nhân Vương tại chùa Quang Trạch. Vua nhà Trần lễ Sư ba lạy tỏ lòng tôn kính. Tới khi nhà Tùy thôn tính nhà Trần, Sư bèn ẩn cư tại Lư Sơn. Trong niên hiệu Khai Hoàng¹⁹⁴, Dạng Đế cư

¹⁹³ Theo cổ chế, tăng sĩ đi khát thực hoặc du hóa cầm theo tích trượng, gọi là *“chấn tích”*. Do vậy, *“chấn tích”* ở đây có nghĩa là Sư dời sang hành đạo tại Kim Lăng (Nam Kinh).

¹⁹⁴ Khai Hoàng là niên hiệu của Tùy Văn Đế (Dương Kiên) từ năm 581 đến năm 600, lúc này Tùy Dạng Đế (Dương Quảng) còn đang là hoàng tử, với tước hiệu là Tấn Vương. Do Dương Quảng còn là phiên vương (chư hầu làm phen dậu của hoàng đế), cho nên nói là *“cư phiên”*.

phiên, thỉnh Sư làm vị thầy truyền Bồ Tát Giới, ban cho Sư hiệu là Trí Giả. Sau đó, Sư dưỡng già tại Thiên Thai.

Một đêm, Sư bỗng mộng thấy gió to thổi sập bảo tháp. Khi đó, chiếu thư liên tiếp vờn Sư đến chứng minh tượng tại Thạch Thành. Sư bèn cáo bệnh, rồi dặn bảo các đệ tử xướng kinh Pháp Hoa. Sư tự tán thán rằng: *“Pháp môn như cha mẹ, huệ giải bởi đó sanh, Bốn và Tích mệnh môn, vì diệu khó lường được. Phá búa, đứt dây đàn¹⁹⁵, chính là ngày hôm nay”*. Lại bảo: *“Nếu ta không lãnh chúng, ắt thanh tịnh lực căn. Vì kẻ khác mà tổn mình, lui sụt xuống ngũ phẩm. Các thầy bạn của ta và Quán Âm đến đón!”* Nói xong, Sư ngồi xếp bằng qua đời, nhằm giờ Mùi ngày Hai Mươi Bốn tháng Mười Một năm Kỷ Ty, tức năm Khai Hoàng 17 (597), xuân thu sáu mươi tuổi, hạ lạc bốn mươi năm. [Triều đình] sắc truyền phong [nhục thể của Sư] trong tháp thiêu thuộc ngọn Tây Nam của rừng Phật Lũng. Mỗi năm, sai sứ giả đứng ngày đến mở tháp cúng tế. Lần mở niêm phong cuối cùng, chẳng thấy toàn thân của Ngài đâu nữa. Ngô Việt Tiền vương từng truy tặng Ngài thụy hiệu là Pháp Không Bảo Giác.

Kể từ lúc Sư nhập diệt, đến nay đã là sáu trăm lẻ hai năm. Sư hoàng dương Giáo Quán, không chú trọng viết số giải, chỉ dùng biện tài như *“sông treo”*¹⁹⁶ giảng các ý nghĩa vượt ngoài văn tự của kinh. Sư nói Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Văn Cú để mở mang diệu giải. Kế đó, diễn giảng [Ma Ha] Chỉ Quán để [hành nhân] nương vào giải mà lập chánh hạnh. Vì thế, ngài Kinh Khê nói: *“Chẳng có Huyền Nghĩa, sẽ không có gì để hướng dẫn. Chẳng có Văn Cú, sẽ không có gì để gìn giữ. Chẳng có Chỉ Quán, sẽ không có gì để thông đạt. Chẳng do một nhà (tông Thiên Thai) [lập giáo], sẽ không có gì để tiến nhập, chính là nói đến điều này đó chẳng? Vĩ đại thay! Đạo sáng cứu đời được thấy trong ba bộ sách của tông Thiên Thai!”* Sư giáo hóa, dẫn dắt hơn sáu mươi châu, đạo ấy

¹⁹⁵ Nguyên văn “xuyết cân, đoạn huyền”. Đây là thành ngữ ngụ ý đã thôi làm gì đó. Câu này dựa theo một câu nói trong truyện Dương Hùng sách Hán Thư: *“Chung Kỳ tử, Bá Nha đoạn huyền, nhi bất kháng dĩ chúng cổ. Quỷ nhân vong, tắc tượng thạch xuyết cân, nhi bất cảm vọng trác”* (Chung Kỳ chết, Bá Nha cắt đứt dây đàn, chẳng chịu khảy đàn cho mọi người. Thợ nề khéo chết, thợ đá phá búa chẳng dám đẽo bừa bãi).

¹⁹⁶ “Sông treo” (Huyền Hà) còn gọi là Địa Thượng Hà tức là lòng sông cao hơn mặt đất chung quanh. Vùng hạ lưu sông Hoàng thuộc địa phận tỉnh Hà Nam và Sơn Đông có hơn 800 km lòng sông cao hơn mặt đất chung quanh khiến nước sông đổ ra biển cuộn cuộn rất hùng mãnh.

càng lâu càng thêm rạng rỡ. Phàm các sự tích của Ngài đều được chép cặn kẽ trong truyện ký riêng và các ghi chép nơi mười hai đạo tràng của Thiên Thai!

*** *Trừng Chiêu luật sư ở Nam Sơn***

Luật chủ Đạo Tuyên là người xứ Đan Đồ, cha là Lại Bộ Thị Lang¹⁹⁷ Tiền Thân. Lúc mẹ mang thai Sư, mộng thấy mặt trắng xuyên vào lòng. Rồi lại mộng thấy một vị Phạm tăng bảo: “Bà đang mang thai luật sư Tăng Hựu đời Lương (Tăng Hựu tức là ngài Tăng Hộ chùa Ân Nhạc tại Diêm Khê đời Nam Tề). Hãy nên cho [đứa bé này] xuất gia để hoằng dương Phật giáo rộng khắp”. Tới lúc Sư mười lăm tuổi, mẹ nhớ lại giấc mộng ấy, liền cho phép con lìa tục. Sư miệt mài tụng các kinh như Pháp Hoa v.v... không gì chẳng thông suốt.

Lúc mười sáu tuổi, Sư xuống tóc, thọ Cụ Túc, chuyên học Tỳ Ni (Luật Tạng). Về sau, Sư lại trung hưng đạo ấy, là người khéo kể tục ngài Ưu Ba Ly. Ba y của Sư đều bằng vải thô, ngày ăn một bữa chỉ toàn đậu. Chấy rận mặc sức sanh sôi, thân hình như gỗ, đất. Sư ở đâu cũng cảm thần hay loài vật dâng hiến hoa quả, cúng dường thức ăn cõi trời. Nếu Sư trượt chân nơi bậc thang, liền có Na Tra nâng đỡ; hoặc đắp đàn bầu (giới đàn), có thần tăng lễ bái, tán thán. Từ năm Càn Phong¹⁹⁸ trở đi, trời người lũ lượt kéo đến, cùng Sư đàm luận các tướng trạng trong Luật học. Vì thế, số sao¹⁹⁹ do Sư trước tác thể hiện được bốn ý của Phật, do cảm thông thần minh mà được như thế, thiên hạ hậu thế đều tôn sùng. Đạo của Sư là “*phòng phi, chỉ ác*” (ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác), được gọi là Nam Sơn giáo. Sư soạn bài tựa hoằng truyền kinh Pháp Hoa đặt ở đầu kinh ấy, chỉ thú rộng sâu, ngôn từ cao diệu, trăm vua chẳng sửa đổi

¹⁹⁷ Thị Lang là chức quan được lập ra từ thời Hán, vốn đầu tiên là chức quan cận thần của hoàng đế. Về sau, do guồng máy hành chính càng kèn, Thị Lang được phái làm phụ tá cho các Thượng Thư. Lúc mới được bổ vào Thượng Thư Tỉnh, quan viên được gọi là Lang Trung, tròn một năm thành Thượng Thư Lang, tới thiếu ba năm mới được bổ làm Thị Lang. Thị Lang tương đương với phó bộ trưởng (thứ trưởng) hiện thời.

¹⁹⁸ Càn Phong là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 666 đến năm 668. Trước sau, Đường Cao Tông sử dụng 14 niên hiệu khác nhau trong thời gian nhà vua trị vì.

¹⁹⁹ Sư trước tác chú giải Tứ Phần Luật khá nhiều bộ, chẳng hạn như Tứ Phần Luật Xan Phiên Bồ Khuyết Hành Sự Sao, Tứ Phần Luật Xan Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ, Tứ Phần Luật Tỳ Kheo Hàm Chú Giới Bồn Sớ, Tứ Phần Luật Tỳ Ni Sao v.v...

được, ngàn đời truyền tụng. Sư nêu bày bốn nguyện rằng: “*Mong được sớm thanh tịnh sáu căn, ngưỡng vọng hội tốt lành của đấng Từ Tôn, mau thành Tứ Đức, hướng đến cơ mưu huyền diệu nơi lạc độ*” (sự tích của Sư có thể thấy trong bộ *Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

*** *Pháp sư Từ Ân ở Kinh Triệu***

Sư húy Khuy Cơ, là cháu²⁰⁰ của Uất Trì Kính Đức (Uất Trì Cung) đời Đường, cha là Kim Ngô Vệ Tướng Quân Uất Trì Kính Tông. Mẹ họ Bùi, đêm mộng thấy nuốt mặt trăng, bèn có thai. Sanh ra, Sư mới sáu tuổi đã thông huệ hơn người, lập tức viết bình thư tới mấy ngàn chữ. Thuở đó, Tam Tạng Huyền Trang sang phương Tây, thân nhận một bé trai có trí nhớ rất mạnh. Do vậy, Ngài dẫn nó theo đến gặp ông Tông. Ông Tông gọi Khuy Cơ ra chào. Huyền Trang sai nó đọc [bình thư do Khuy Cơ] đã trước tác. Ngài Huyền Trang cho xem vài lượt, đứa bé đã nhớ như in văn từ đã đọc xong. Ngài Huyền Trang đùa bảo: “*Đây là sách cổ*”. Kính Tông chẳng tin, Huyền Trang bảo đứa bé nhắc lại, [nó đọc] chẳng sai một chữ. Kính Tông giận con đạo văn, toan giết chết [Khuy Cơ]. Ngài Huyền Trang liền xin cho Khuy Cơ xuất gia. Khuy Cơ nói: “*Chấp thuận cho tôi ba chuyện, tức ăn mặn, không kiêng sắc dục, ăn tối, thì tôi liền xuất gia. Nếu không, thà chết dưới kiếm!*” Huyền Trang ái mộ [Khuy Cơ] tài năng cao vời, giả vờ chấp thuận. Khuy Cơ nhập đạo tại chùa Đại Từ Ân, khéo thông hiểu Đại Tiêu Thừa. Phàm là luận số hề đọc qua một lượt, bèn ghi nhớ chẳng sai.

Trước đó, ở Tây Vực, ngài Huyền Trang nhận lãnh Du Già Sư Địa Luận và tông chỉ Duy Thức từ luận sư Giới Hiền, nhưng chưa có ai kế thừa. [Đến nay truyền cho] Khuy Cơ lãnh thọ. Sư hoặc tông, hoặc thích²⁰¹, soạn thuật hơn một trăm bộ sách, nên được gọi là Bách Bộ Luận

²⁰⁰ Uất Trì Kính Tông là em trai của Uất Trì Kính Đức. Uất Trì là một bộ tộc lớn thuộc lớp quý tộc của người Tiên Ty tại nước Vu Điền thời cổ. Họ vốn là người Tắc, tức Tư Cơ Thái (Scythians). Sau khi vào Trung Nguyên, họ trở thành một bộ tộc hùng mạnh của người Tiên Ty, lập nhiều chiến công dưới thời Bắc Ngụy, trở thành một trong tám bộ tộc khai quốc công thần của nhà Bắc Ngụy. Uất Trì có nghĩa là “người chinh phục”, hoặc “người thắng lợi”. Do nỗ lực Hán hóa của nhà Bắc Ngụy, người trong bộ tộc đều lấy chữ Uất Trì làm họ.

²⁰¹ Chú giải kinh luận chỉ chú trọng giáo nghĩa chánh yếu hoặc pháp môn chủ chốt trong một bộ kinh thì gọi là “tông kinh”, phán định kinh luận và giải thích từng câu thì gọi là “thích kinh”.

Sư. Sư (ngài Khuy Cơ) giáo hóa đồ chúng các nơi, người được lợi ích rất đông. Sư sang phía Đông, tới Bắc Lăng, có người thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa, Sư bèn soạn bộ Pháp Hoa Huyền Tán Đại Sớ gồm mười quyển. Ngài giải thích tựa đề kinh như sau: *“Nêu lời tuyên xưng tốt bậc về giếng mới rộng lớn, phô tỏ danh xưng đẹp đẽ của cả bộ kinh. Pháp chứa đựng khuôn phép, xuyên suốt các điều tốt lành, nên gọi là Diệu. Hoa kèm thêm sự phát khởi tươi đẹp, gồm trọn các điều đẹp đẽ hòng tỏ rõ hoa sen”*. Ngài lập thuyết, dựng tông, xiển dương nghĩa lý uyên áo, các vị tông sư nơi đất Bắc thường nghiên cứu, học tập (ngôn hạnh của Sư được chép tường tận trong Đại Tổng Tăng Truyện. Chuyện lúc Sư xuất gia được chép trong bộ Thích Thị Biên, quyển năm).

*** Quốc sư Thanh Lương ở Ngũ Đài**

Ngài Thích Trùng Quán họ Hạ Hầu, người xứ Sơn Âm²⁰². Sư xuất gia tại chùa Ứng Thiên, tụng kinh Pháp Hoa. Lúc mười bốn tuổi, Sư được ân chuẩn đắc độ²⁰³. Thoạt đầu, Sư học Nam Sơn Luật Tạng; sau đó, tại Kim Lăng, được truyền thừa Tam Luận. Lại sang núi Thiên Trúc học tập Hoa Nghiêm đại kinh. Về già, Sư trụ tại Tô Châu, nghe thiền sư Kinh Khê truyền dạy Thiên Thai Chỉ Quán, nghe giảng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma v.v... Sư lại tham học với các vị Ngưu Đầu Huệ Trung, Kính Sơn Đạo Khâm, thấu đạt pháp Thiền của Nam và Bắc Tông [trong nhà Thiền]. Sư học rộng, nghiên cứu sâu xa, kiến thức sâu rộng, trước tác các bộ sớ giải như Hoa Nghiêm Trình Quán Sớ v.v... Sư tác tượng, chép kinh chẳng thể kể trọn. Sư từng phát mười đại nguyện để suốt đời tu tập:

- Một, chỉ giữ ba y một bát, chẳng chứa thêm thứ dư thừa nào khác.
- Hai, vứt bỏ danh lợi đương thời như đồ thừa thải.
- Ba, mắt chẳng nhìn người nữ.
- Bốn, chẳng in bóng nơi nhà người thế tục.
- Năm, quanh năm tụng kinh Pháp Hoa.
- Sáu, miệt mài đọc kinh Đại Thừa.
- Bảy, miệt mài giảng kinh Hoa Nghiêm.
- Tám, cả đời suốt ngày đêm chẳng nằm.

²⁰² Sơn Âm thuộc Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang).

²⁰³ Tức là được thọ đại giới (Cụ Túc Giới) trước khi đủ mười tám tuổi.

- Chín, chẳng dối gạt đại chúng, khoe tài.
- Mười, chẳng thoái thất lòng đại từ bi.

Sư sống qua chín đời vua, là thầy của bảy hoàng đế²⁰⁴. Đường Hiến Tông từng vời Sư vào cung giảng tông chỉ đại lược của kinh Hoa Nghiêm. Vua đẹp dạ, sắc truyền Hữu Ty đức ấn, phong làm quốc sư, thống lãnh tăng chúng trong thiên hạ. Sư thọ một trăm lẻ hai tuổi, thân cao chín thước hai tấc, ban đêm mắt tỏa sáng, ngày thì nhìn chẳng nháy. Thơ văn của Sư thanh điệu, âm vận như chuông rung. Phạm tăng xưng tụng Sư là hậu thân của ngài Văn Thù. [Sau khi Sư đã mất], trà-tỳ, lưỡi [chăng cháy], giống như sen hồng, xá-lợi sáng ngời, tươi nhuận. Quan Tướng Quốc Bùi Hưu vâng sắc chỉ soạn bia [nơi tháp thờ xá-lợi của Ngài] (*chuyện ngài sống qua chín triều vua, xem quyển năm bộ Thích Thị Biên. Những điều khác trích từ Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

*** Quang thiền sư xứ Cao Ly**

Sa-môn Huyền Quang người đất Hùng Châu (Ungjin) thuộc Hải Đông (Cao Ly, Đại Hàn), từ bé đã chán trần tục, chuyên tu Phạm hạnh. Tới lớn, Sư bèn vượt biển thăm sang Trung Hoa cầu Thiền pháp. Do vậy, du lãm Trung Hoa. Sư đến Hành Sơn, tham yết đại thiền sư Huệ Tư. Ngài Huệ Tư xem xét căn khí của Sư, truyền dạy Tứ An Lạc Hạnh. Huyền Quang thông minh, lanh lợi như búa thần, không chỗ cứng rắn nào chẳng phá được. Sư đã được bẩm thọ bèn hành trì, không lâu sau chứng Pháp Hoa tam-muội. Ngài Huệ Tư ấn khả rằng: “*Sở chứng của ông chân thật, chẳng dối. Hãy nên trở về nước mình, lập bày, thực hiện phương tiện quyền biến để hoằng dương giáo pháp của ta*”. Huyền Quang đánh lễ, từ biệt thầy, quây tích trượng trở lại Giang Nam, ngồi thuyền ra biển cả. Bỗng dưng trong đám mây màu, có người phơ phới, cầm cờ tiết đỏ rực²⁰⁵ đi tới. Trong hư không có tiếng nói: “*Thiên Đế triệu vời thiền sư Huyền Quang ở Hải Đông đích thân nói pháp môn*”

²⁰⁴ Tổ sống qua các đời vua nhà Đường: Huyền Tông (Đường Minh Hoàng tức Lý Long Cơ), Túc Tông (Lý Hanh), Đại Tông (Lý Dục), Đức Tông (Lý Quát), Thuận Tông (Lý Tụng), Hiến Tông (Lý Thuần), Mục Tông (Lý Hằng), Kính Tông (Lý Đàm), Văn Tông (Lý Ngang). Kể từ thời Đường Đại Tông, Ngài được tôn làm Quốc Sư nên nói là “*thầy của bảy hoàng đế*”.

²⁰⁵ Cờ tiết là biểu hiện của sứ giả. Theo truyền thuyết cổ đại, sứ giả của Thiên Đế hoặc thần tiên bậc cao sẽ cầm cờ tiết màu đỏ.

Ngài chứng đắc tại cung rồng”. Huyền Quang vòng tay thoái thác, chỉ thấy người áo xanh dẫn đường, liền vào cung thành.

[*Sư thấy long cung*] chẳng giống như phủ thự của quan lại trong nhân gian, không đâu chẳng phải là quỷ thần có mai, có vảy. Đã tới điện báu. Tiếp đó. *Sư* bước lên đài báu, thuận theo lời hỏi mà đàm luận suốt bảy ngày. Xong việc, vua khom mình tiễn biệt. Huyền Quang lại lên thuyền. Người trong thuyền cho biết chỉ mới trôi nổi trên biển nửa ngày mà thôi. Huyền Quang bèn đến Ông Sơn ở Hùng Châu kết lều tranh, [*về sau*] trở thành cảnh chùa. *Sư* thăng đường [*thuyết pháp, trong số các người nghe*], một người chứng Hỏa Quang tam-muội, một người nữa chứng Thủy Quang tam-muội, những người khác như các loài chim bám vào núi Tu Di, đều có cùng một sắc. Đối với chuyện thị hiện nhập diệt, chẳng biết rõ! Trong hai mươi tám vị được thờ tại tổ đường ở Nam Nhạc, *Sư* là một vị trong số đó (*theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện*).

*** Thành thiền sư ở Kinh Châu**

Vị tăng Huệ Thành là con nhà họ Đoàn ở Lễ Dương, làm tăng sống tại chùa Thập Trụ. *Sư* tụng kinh Pháp Hoa và Đại Phẩm [Bát Nhã] hai mươi mấy quyển. Về sau, đi khắp nơi hỏi đạo, đến Lư Sơn, gặp gỡ Thiên Thai Khải thiền sư (Trí Giả đại sư). Do nghe giáo nghĩa Lục Túc của Nam Nhạc Huệ Tư đại hòa thượng, liền tới yết kiến. Đã được gặp gỡ, bèn dốc lòng ngưỡng mộ, muốn học Định nghiệp. Ngài Huệ Tư nói: “*Công ông soạn sớ giải suốt một đời còn chẳng nóng bằng tôi thiêu tay, phí uống công phu, tiếc thay!*” Huệ Thành phát phần, vứt bỏ, đốt rụi các bản sớ giải [*do chính mình đã trước tác*]. Suốt từ đêm đến sáng, *Sư* mở mắt tọa Thiền trải qua mười lăm năm. Ngài Huệ Tư lại dạy *Sư* vào đạo tràng Pháp Hoa và Ban Châu để tiêu chương trong ba năm, lại còn dạy bảo chánh pháp. *Sư* bèn chứng Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn tam-muội, so với chuyện “nhắm mắt nhập Quán, mở mắt liền mất”, khác nào một trời một vực. Ngài Huệ Tư nói: “*Trí Khải trước là phát khởi tam-muội, sau chứng tổng trì. Huệ Thành ngang ngửa, hai ông giải hạnh ngang nhau*”. Huệ Thành bèn đến Chi Giang ở Kinh Châu dựng chùa. Do đạo đức lan tỏa, chẳng mấy chốc, chùa đã hoàn thành. Vua nhà Trần nhiều lần triệu vời, *Sư* mới đến truyền trao giới pháp rồi quay về. Khi *Sư* sắp siêu hóa, bèn giảng kinh Niết Bàn. Bỗng ngài Trí Giả từ chùa Ngọc Tuyền đến đó, ngâm phù hợp, cùng nhau đàm luận lý huyền diệu hồi lâu rồi *Sư* qua đời (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Siêu thiền sư ở Chung Nam**

Sư tên là Huệ Siêu, sanh trong nhà họ Trầm ở Đan Dương. Tánh tình ôn hòa, rộng rãi. Sư xuất gia từ bé, công khóa chuyên tụng Pháp Hoa. Sư nghe danh đại thiền sư Huệ Tư ở Quang Châu, thông tỏ Định lẫn Huệ, lại còn giỏi giới luật, liền cùng với ngài Trí Giả trông lòng, tịnh tâm, cung kính cầu học. Ngài Huệ Tư nói: *“Huệ Siêu có tâm tánh của người đặc nhân”*. Tới khi sang Hành Sơn, Sư lại cùng ở với ngài Trí Giả, tụng kinh nhiều năm. Về sau, Sư ẩn cư tại Chung Nam, trải tám năm hành đạo, Tam Huệ tăng trưởng gấp bội. Tới niên hiệu Đại Nghiệp²⁰⁶, vua xuống chiếu vời Sư vào cung cấm. Nhà Đại Đường khai quốc, Sư càng được trọng vọng tại kinh đô. Từ lúc nhập đạo, Sư liền tụng kinh Pháp Hoa suốt năm mươi mấy năm, hơn cả một vạn lượt. Cho tới khi mắc bệnh, sắp mất, Sư gọi đại chúng bảo rằng: *“Đến đi là chuyện bình thường của chúng ta. Trường sanh chẳng mừng, [sáng sanh] tới chết chẳng sầu. Đệ Nhất Nghĩa Không, thanh tịnh trí quán chính là chỗ nương cậy của ta”*. Nói xong, hướng về Tây, qua đời. Sư có di ngôn dặn đệ tử thể phôi trên hòn đá dưới gốc tùng để thí cho chim, thú. Đệ tử vâng lời dạy, quàn xác hơn một tháng, vẻ mặt Sư vẫn như còn sống; sau đó, họ đặt [di thể] vào trong tháp (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Quán pháp sư ở Thiên Trúc**

Thích Chân Quán, họ Phạm, người xứ Tiền Đường. Mẹ Ngài tụng kinh Dược Sư và Quán Âm để cầu con, sanh ra Sư. Sư từ bé đã sẵn tiết tháo, trên lưỡi có vân màu tía, tay hiện tướng lạ. Sư tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày hết một quyển. Từ thầy được nghe Thập Tụng Luật, bèn dừng mãnh tu tập. Sư bỗng mộng thấy có người nói: *“Ông có căn cơ Đại Thừa, sao lại giữ tiểu đạo?”* Sư bèn học Ma Ha Diễn, sáng tỏ mọi nỗi nghi nan, dừng mãnh tiến nhập cửa huyền. Ngạn ngữ thời ấy có câu: *“Tiền Đường có Chân Quán, là một vị tăng rười trong thiên hạ”*. Tuổi Sư xấp xỉ ngài Trí Giả, là pháp huynh, pháp đệ với nhau, đàm luận lễ tịch chiếu cao siêu, vàng đá tương hợp.

²⁰⁶ Đại Nghiệp là niên hiệu của Tùy Dạng Đế (Dương Quảng) từ năm 605 đến năm 618.

Về sau, Sư dựng chùa Nam Thiên Trúc ở núi Linh Ẩn để ở. Sư thường giảng kinh Pháp Hoa, coi đó là tâm yếu, thọ trì, đọc tụng, cung kính biên chép, hoằng dương, trọn đủ hạnh của năm loại pháp sư. Mỗi khi Sư rửa mặt, nước văng ra, đất chẳng thấm ướt, mọi người đều lấy làm lạ. Một ngày nọ, thần Cao Đình thỉnh Ngài giảng Pháp Hoa, cảm vời thần [nghe giảng xong, xả] đền biến thành chùa. Có quan Tư Mã là Lý Tử Thâm thỉnh Sư giảng Niết Bàn. Giảng tới phẩm Hiện Bệnh, Sư mộng thấy ba người cầm phan đến bảo: “Tịnh Cư Thiên sai chúng tôi đến đón”. Kế đó, Sư ngã bệnh, mộng thấy ngồi cùng xe với ngài Trí Giả, theo châu đức Phật trở về núi. Tỉnh giấc, Sư than rằng: “*Xưa kia đã có người bảo ta đến sáu mươi hai tuổi ắt phải chết. Do sức giảng kinh Pháp Hoa, tăng thêm tuổi thọ mười hai năm. Nay đã bảy mươi bốn tuổi, lại gặp chuyện ứng nghiệm này, sanh mạng ắt đã tới lúc chấm dứt vậy!*” Sư bèn bảo người thân cận: “*Muốn thoát sanh tử, phải nên trì giới, tu Định, học Huệ, hoằng dương, lưu thông chánh pháp, chớ để luống qua!*” Khi đó, [mọi người] nghe trên không trung có tiếng âm nhạc. Tới nửa đêm, Sư liền ngồi xếp bằng mà tịch.

Sư chính là thí tổ khai sơn của chùa Linh Sơn ở Hạ Thiên Trúc, hạnh nghiệp thần dị. Xưa kia, thiền sư Chương An Quán Đảnh đã soạn biệt truyện để ghi chép đức hạnh của Sư, lâu ngày [tác phẩm ấy] đã thất lạc. Nay chỉ thấy [hành trạng của Sư được ghi] trong Tục Cao Tăng Truyện. Mộ tháp của Sư vẫn còn, Từ Vân Tuân Thúc sám chủ từng trùng tu. Chuyện này được chép căn kẽ trong Linh Uyển Tập, đại lược như sau: Sư dốc chí nơi Phật thừa, khế hợp đạo tốt bậc, trọn chẳng bị ảnh hưởng bởi thế lực to lớn của đế vương, công, hầu, hoàn toàn chẳng bị kẻ lắm tài khéo, hay biện tài, danh vọng to lớn nhiễu loạn. Vời vọi nêu gương cho đời sau, thăm thăm chẳng thể phỏng theo được! Nay cửa tháp tự mở, chẳng còn sót một vật gì. Chẳng biết có phải là toàn thân [của Sư] đã theo Phật Đa Bảo [đến mười phương] chứng minh kinh hay không? Hay là giống như ngài Phật Lũng (Trí Giả đại sư) đến khắp nơi giáo hóa đó chẳng? Kính cẩn soạn sáu bài thơ để vĩnh viễn nêu bày khuôn mẫu như sau: “*Chẳng khuất phục vương hầu* (ba lần Sư được vua Tùy vời vào châu hỏi đạo, Tần Vương hai lượt mời coi phủ, thấy đều viện có bệnh tật để chẳng đến), *giữ vững thân xuất gia, xương trắng đã thành đất, gió lành vẫn mát người. Mộ nát rồi lại đắp, chùa hoang lại trùng tu, riêng mình đất chẳng ướt, không ai sánh gót Ngài*” (những bài thơ khác xem trong Linh Uyển Tập).

*** Thiên sư Chương An Tổng Trì**

Sư hứy Quán Đảnh, Tổng Trì là thụy hiệu do Ngô Việt Vương phong tặng. Sư sanh trong gia đình họ Ngô ở huyện Chương An (nay thuộc huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang). Kể từ thuở bé, mới ba tuổi, Sư đã có thể theo mẹ xưng danh hiệu Tam Bảo, người thuở đó đều kinh ngạc. Do vậy, Sư được đặt tiểu tự (tên gọi thân mật cho trẻ nhỏ) là Phi Phàm. Đã nhập đạo, mỗi ngày Sư có thể nhớ một vạn chữ. Dốc sức nơi lễ huyền và đạo Nho, bẩm thừa pháp Định Huệ của tổ Thiên Thai, nối tiếp chí tổ, củng cố tông phong. Phàm những pháp do tổ Trí Giả nói, đều do Sư ghi chép thành văn bản.

Về già, Sư trụ tại Xúng Tâm tinh xá, liên tục giảng Pháp Hoa, pháp hóa lưu truyền khắp cõi tục, tác dụng thần kỳ chẳng ngần. Thuở đó, có người dân ở thôn Pháp Long, cách núi ba mươi dặm, nhiễm bệnh sắp chết. Con của người ấy chạy đến núi cầu cứu. Sư vì người ấy tụng kinh Pháp Hoa, đốt hương Chiên Đàn. Người bệnh từ xa, ngửi thấy mùi hương bèn lành bệnh. Vùng núi phía Nam của vùng Lạc An được gọi là An Châu, cây biếc, suối trong, nhưng đường đi chẳng thông. Sư đến xem xét, lần quần chẳng rời, bèn phát thệ rằng: *“Nếu cõi đất này khoảng khoát, bằng phẳng, tôi sẽ đến đây giảng kinh Pháp Hoa”*. Chưa đầy mười ngày, cát trắng trào lên khắp nơi, [nơi ấy] phẳng phiu như gương ngọc. Đề đền đáp chí nguyện khi trước, Sư đến đó giảng kinh. Sư lại từng giảng kinh Niết Bàn ở chùa Nhiếp Tĩnh, gặp phải cướp biển đến cướp đoạt. Sư gõ chuông, giảng kinh. Lũ giặc xông vào, thấy cờ quạt của quân đội chói rực ánh mặt trời. Kẻ cầm cung, người vác kích đều cao hơn cả trượng. Do vậy, chúng tháo chạy.

Năm Trinh Quán thứ sáu (632), Sư thị hiện bị bệnh tại chùa Quốc Thanh, chẳng cho chữa trị. Trong thất có mùi hương lạ. Sư bảo đệ tử rằng: *“Kinh Di Lặc nói ngày đức Phật nhập diệt, khói hương như mây. Quý vị hãy thấp nhiều hương, tôi sắp đi rồi”*. Nói xong, Sư qua đời. Khi đó, có thiên sư Trí Hy đã nhập diệt trước vào năm Trinh Quán nguyên niên (627), lúc sắp mất, [ngài Trí Hy] bảo: *“Ta sanh lên trời Đâu Suất, thấy tổ Trí Giả ngồi trên một tòa báu. Các hàng ghế đều có người, chỉ có một chỗ để trống. Thiên tử nói: - Đợi sáu năm nữa, thiên sư Quán Đảnh sẽ lên đây thuyết pháp”*. Ý nghĩa ứng nghiệm của việc [Sư bảo đại chúng] dâng hương chính là vì ngài Từ Thị (Di Lặc Bồ Tát) giảng hạ (theo Cô Sơn Nhàn Cư Biên).

*** Thiên Thai Tảo thiền sư**

Sa-môn Trí Tảo, họ Trương, người xứ Thanh Nghi. Lúc mười bảy tuổi, song thân đều mất. Sư bị bệnh ngặt nghèo, biết là chẳng còn có cơ hội sống sót, ban đêm bỗng thấy mặt trăng, bèn niệm Nguyệt Quang Bồ Tát. Do vậy, lành bệnh, biết sâu xa Tam Bảo là chỗ nương cậy của mình, liền đến chùa An Tĩnh xin xuất gia. Sư chí hướng kiệt xuất, cao vời, ngôn hạnh đều chân thật. Nghe nói ngài Trí Giả ngộ giải siêu quần, bèn tìm đến núi Thiên Thai thọ học. Tổ Trí Giả quan sát căn khí, dạy Sư hành Pháp Hoa tam-muội. Sư tu tập mười bốn ngày, đầu đêm tọa Thiền, thấy một con rồng chín đầu từ dưới đất trời lên, bay lên hư không. Hôm sau, Sư thưa với thầy. Thầy dạy: *“Điều ấy biểu thị chúng sanh trong chín pháp giới nghe kinh Pháp Hoa, trong tương lai sẽ phá vô minh nơi thế gian, nhập pháp tánh Không”*.

Sư lại từng ở chùa Bảo Lâm mong đắc Pháp Hoa tam-muội. Đêm đầu tiên vừa tu, dường như có người đến lắc cánh cửa. Sư hỏi thì có tiếng đáp: “Tôi đến thấp đèn”. Mấy lượt như thế, hỏi đáp đều như trước. Trong chùa có thiền sư Huệ Thành nghe chuyện ấy, bèn nói: “Trong tòa nhà ấy, trước nay có đại ác quỷ. Nay nghe tiếng ấy, ắt sẽ bị hại”. Trời sáng, vị ấy đến gõ cửa hỏi thăm, thấy Sư vẫn còn đó, rất mừng. Nhân đó, Huệ Thành báo lên Vĩnh Dương Vương²⁰⁷, vương liền sai mấy chục quân lính và thuộc hạ cầm vũ khí bảo vệ. Sư đáp: *“Mạng do nghiệp, há do phòng vệ”*. Sư cảm tạ, từ khước. Tới đêm thứ hai, quỷ vào đập mọi thứ. Suốt trong hai mươi một ngày luôn gây rối như thế. Sư thản nhiên, chẳng sợ hãi. Hành pháp sắp hoàn tất, thấy một bé trai mặc áo xanh khen ngợi “lành thay!” Nói xong, chẳng thấy đâu nữa! Sư đức hạnh đều vẹn toàn, là người phù tá tổ Trí Giả. Sư triều kiến thiên tử chín lần, hành sự tốt đẹp từ đầu đến cuối. Sư thọ tám mươi ba tuổi mới mất (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Chí thiền sư ở Lư Sơn**

²⁰⁷ Trong lịch sử có tám người được phong Vĩnh Dương Vương, chuyện này lại không ghi rõ niên hiệu, chỉ nói Sư là đệ tử tổ Trí Giả, mà tổ sống vào đời Trần, như vậy có lẽ Vĩnh Dương Vương là Trần Bá Trí, tự Sách Chi, là con trai thứ mười hai của Trần Thế Tổ (Trần Thiển). Ông này là người tính tình đôn hậu, học rộng, từng giữ các chức Thị Trung, Tả Sứ, Tán Kỵ Thường Thị. Về sau làm Thượng Thư Tả Bộc Xạ, kiêm chức Tư Nghiệp Quốc Tử Giám.

Sư là con nhà họ Cố ở Cối Kê, đến tuổi vỡ lòng bèn xuất gia. Sư theo hầu ngài Thiên Thai Trí Giả. Tổ Trí Giả thấy Sư thần thái ung dung, cao vời, đáng làm gương cho mọi người, bèn đặt tên là Đại Chí. Sư tụng kinh Pháp Hoa, âm thanh mộc mạc, nhàn tĩnh, trong trẻo, lan xa, khiến cho người nghe quên mệt. Về sau, Sư hành hạnh Đầu Đà tại ngọn núi Cam Lộ thuộc Lư Sơn. Có lúc lạc bước vào giữa bầy mãnh thú, chúng đều tránh né. Nếu hết lương thực, Sư chỉ dùng trái cây để duy trì tánh mạng mà thôi. Suốt bảy năm như thế, Sư tọa Thiền, tụng kinh chẳng ngơi.

Về già, Sư trụ tại chùa Phước Lâm. Trong niên hiệu Đại Nghiệp, triều đình phế trừ Phật giáo, Sư cảm khái đại pháp gặp cảnh ngược đãi, bèn mặc đồ tang, khóc lóc buồn bã suốt ba ngày đêm trong Phật đường, thề xả hình hài để nêu tỏ chánh giáo, liền tới Đông Đô dâng biểu²⁰⁸ rằng: “*Nguyện bệ hạ hưng long Tam Bảo, bản đạo sẽ đốt một tay nơi Tung Nhạc hòng báo ân nước nhà*”. Vua chấp thuận. Sư bèn tổ chức trai đàn lớn, bảy chúng đều tụ tập. Sư nhịn ăn ba ngày, lên một chiếc giàn lớn, dùng vải quấn chặt cánh tay, tưới sáp lên rồi đốt như thắp đuốc. Ánh sáng soi khắp núi non, hang hốc đều sáng ngời. Đại chúng thấy Ngài khổ hạnh, đau lòng tận xương tủy, nhưng ngài Đại Chí thần sắc bất biến, hoặc tụng kinh văn, hoặc tán dương Phật đức, hoặc vì đại chúng thuyết pháp, từng tiếng chẳng ngớt. Thiêu xong, Sư xuống khỏi giàn, ngồi xếp bằng nhập Định, bảy ngày sau liền qua đời. Sư lưu lại hơn bảy mươi trang nguyện văn, ngụ ý muốn làm thiện tri thức cho chúng sanh. Ai đọc cũng đều cảm kích, không ai chẳng rơi lệ! (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Duyệt thiền sư ở Kinh Châu**

Vị tăng Đạo Duyệt, họ ngoài đời là Trương, người Kinh Châu. Mười hai tuổi, Sư xuất gia tại chùa Ngọc Tuyên, bản tính trầm ổn, cam sống nghèo hèn, nỗ lực giữ vững khí tiết. Sư quanh năm tụng Pháp Hoa để làm đức nghiệp. Chùa Ngọc Tuyên do tổ Trí Giả khai sơn, chưa có chuông, khánh. Tại đầu nguồn con suối, Sư tìm được một mảnh đá kỳ lạ, đem treo lên, mỗi khi tụng kinh đều gõ một lượt. Tiếng nó vang vọng trong trẻo, người nghe đều nghiêm túc; nẻo u minh nhiều lượt cảm vơi điềm lạnh. Sư biết nhưng chẳng nói. Sư từng bị thủy thũng, bụng to như

²⁰⁸ Bầy tôi gởi sớ hoặc công văn để tâu trình lên vua thì gọi là ‘dâng biểu’.

cái trống. Một đêm tụng kinh, nước bỗng tuôn ra, thủy thũng nhanh chóng tiêu mất.

Thuở đó, Châu Sán²⁰⁹ làm giặc cướp bóc, chỉ có mình ngài Đạo Duyệt giữ chùa. Giặc sai Sư dẫn đường, Sư đáp: “Tăng chẳng phải là kẻ dẫn đường! Hình hài hư huyền này phó mặc cho gươm sắc!” Giặc kính nể, tha cho. Lúc đó, Hán Dương Vương thỉnh Sư làm thầy truyền giới, ban cho áo màu. Ngài Đạo Duyệt chẳng nhận. Vương hỏi vì sao không mặc tơ lụa? Ngài Đạo Duyệt đáp: “*Áo bằng tơ tằm tổn mạng, trái nghịch danh xưng nhẫn nhục. Áo vải giản dị, thanh bạch, biểu thị hình tướng từ bi*”. Vương nói: “*Trọng Do²¹⁰ chẳng thẹn với lời khen của phu tử. Sa-môn từ bi, nhẫn nhục là lẽ đương nhiên!*” (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Việt thiền sư ở Thiên Thai**

Vị tăng Trí Việt, sanh trong nhà họ Trịnh ở Nam Dương, từ bé đã mang chí hướng thoát tục. Cha tính chuyện hôn nhân cho Sư, Sư dùng phương tiện tránh né. Thuở đó, Nhạc Dương điện hạ²¹¹ thống lãnh Kinh Châu, lấy làm lạ, cho Sư xuống tóc. Về sau, Sư vấn đạo khắp nơi. Tới

²⁰⁹ Châu Sán vốn là quan huyện thời Tùy, về sau làm phản, quy tụ loạn dân tới mười vạn người, đem quân chiếm đất vùng Hồ Bắc, An Huy, Thiểm Tây, Tứ Xuyên, giết chóc vô số. Hần từng xưng là Sở Vương, lập ra nước Sở. Nhưng khi thiếu lương, hần và thuộc hạ đã tàn nhẫn ăn thịt người. Hần từng đầu hàng nhà Đường, được Đường Cao Tổ Lý Uyên phong làm Sở Vương rồi lại phản Đường, chạy theo Vương Thế Sung chống Đường. Cuối cùng bị Đường vương Lý Thế Dân (tức Đường Thái Tông sau này) giết chết.

²¹⁰ Trọng Do, tên tự là Tử Lộ, còn gọi là Quý Lộ, người đất Biện, nước Lỗ, là đệ tử trứ danh của Khổng Tử, được xếp vào hàng Thập Triết (mười môn sinh đặc ý nhất của Khổng Tử). Ông là người theo học với Khổng Tử sớm nhất. Ông nổi tiếng với chuyện đi rất xa đội gạo về nuôi cha mẹ. Có khi quá túng quẫn, phải hái rau lê, rau hoắc cho cha mẹ đỡ lòng. Về sau, ông ra làm thuộc hạ của đại phu nước Vệ là Khổng Khôi, đã khá giả thì cha mẹ không còn nữa. Ông thường đau xót, than thở. Trong tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu, cụ Lý Văn Phức đã viết như sau: “*Thầy Tử Lộ cũng người nước Lỗ, thờ hai thân từng bữa canh lê. Thường khi đội gạo đi về, xa xôi trăm dặm, nặng nề hai vai. Đỉnh hoa biểu từ khơi bóng hạc, gót nam du nhẹ bước tang bồng. Xe trăm cỗ, thóc muôn chung. Ngồi chồng đệm ghép, ăn chồng vạc cao. Thân phú quý ngấm vào thêm tủi, đức cù lao chạnh tới lòng đau. Nào khi đội gạo, canh rau. Muốn còn như cũ, dễ hầu được chăng?*”

²¹¹ Nhạc Dương điện hạ chính là Tiêu Sát, ông là con trai của Chiêu Minh thái tử (Tiêu Thống), tức là cháu nội của Lương Vũ Đế. Về sau, Tiêu Sát trở thành Lương Tuyên Đế.

Kim Lăng, gặp tổ Trí Giả đang xiển dương, giáo hóa, Sư bèn lắng lòng theo học, thấu đạt sâu xa yếu nghĩa nhà Thiền. Sư lại còn giữ giới phẩm chuyên ròng, tụng kinh Pháp Hoa hơn một vạn bộ. Bình chứa nước luôn đầy, mọi người đều lấy làm lạ. Người theo học với tổ Trí Giả tuy đông, nhưng ngài Trí Việt đứng đầu. Tại Lộ Sơn Tinh Xá ở Lâm Hải, tổ Trí Giả sai Trí Việt làm người ảnh hưởng. Suốt hai mươi năm, Sư ngoan ngoãn vâng theo lệnh thầy. Sau đó, Sư dưỡng bệnh tại chùa Quốc Thanh, nằm bên hông phải mà hóa, cảm vờn núi lở, động đất, đạo tục đều thấy nghe (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Quán pháp sư ở Tiền Đường**

Sư Đăng Quán sanh trong nhà họ Tôn ở Phú Dương. Sau khi đã xuất gia, Sư nghe ngài Trí Giả khai pháp ở Phật Lũng, bèn theo nương cây, thọ học. Sư chuyên tụng Pháp Hoa, lại còn có thể giảng nói. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư sang giảng tại chùa Pháp Nhãn ở Dư Hàng. Bỗng một đêm, Sư thấy một vị thần nói: “Con là thần đền Cao Đình tại Tiền Đường. Thầy từng đi qua miếu đình, đệ tử tuần du chẳng gặp, nay đặc biệt đến cầu thầy truyền giới pháp”. Sư liền vì thần thắp hương, tuyên dạy. Tới nửa đêm hôm sau, Sư tắm rửa, thay áo sạch, gọi Huệ pháp sư đến, giảng giải giáo nghĩa Tam Quán rồi nói: “*Ta đích thân được tổ Trí Giả dạy truyền khẩu pháp này*”. Nói xong, Sư ngồi xếp bằng hướng về Tây, xưng danh hiệu Phật và tôn hiệu của tổ Thiên Thai Trí Giả, lặng lẽ qua đời (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Mãn pháp sư đời Lương**

Pháp sư La Thập dịch kinh Pháp Hoa tại Trường An gồm hai mươi tám phẩm. Cung nhân tại Trường An thỉnh Ngài giảng phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm này bị cất giấu trong nội cung. Kinh được lưu truyền tại Giang Đông²¹² chỉ có hai mươi bảy phẩm. Đời Lương, có Mãn pháp sư giảng kinh này một trăm lượt, thiêu thân phụng sự pháp tại Trường

²¹² Giang Đông là từ ngữ chỉ chung nằm ở phía Đông Trường Giang (sông Dương Tử) tại Hoa Nam. Vùng này còn gọi là Giang Tả, hoặc Giang Biều. Do đời Đường lập ra khu hành chính Giang Nam Đông Đạo thuộc địa phận Giang Đông, nên về sau vùng này còn gọi là Giang Nam, bao gồm khu vực phía Nam tỉnh An Huy, phía Nam Tô Châu, Giang Tây. Từ ngữ này đôi khi hiểu theo nghĩa phiếm chỉ là vùng đất phía Nam Trường Giang giáp biển.

Sa. Sư từng đem phẩm ấy đặt trước phẩm Trì. Đó là do Sư tự xếp đặt, chưa được lưu truyền trong thiên hạ. Đời Trần có đại thiên sư Nam Nhạc Huệ Tư đặt phẩm này sau phẩm Bảo Tháp. Văn bối dùng kinh Chánh Pháp Hoa để đối chiếu, thấy rất tương ứng. Nay bốn biên lạng trong, được thấy cựu bản ở Trường An, cho nên biết hai vị ấy đã thấu hiểu sâu xa ý kinh (*trích từ Pháp Hoa Văn Cú*).

**** Trang pháp sư ở Lư Sơn***

Tỳ-kheo Pháp Trang là người ở Hoài Nam. Sư mười tuổi xuất gia, làm đệ tử tổ Huệ Viễn ở Lư Sơn. Sư bẩm tánh thẳng thắn, chất phác, nổi danh khổ hạnh. Sư lấy chuyện tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh thường tu. Thường trong đêm vắng, nghe trước phòng của Sư có tiếng quân binh thủ vệ, há chẳng phải không duyên cớ mà thành như vậy ư? (*theo Tục Linh Thụy Tập*).

**** Mạng pháp sư đời Hậu Châu***

Tỳ-kheo Huệ Mạng, họ Quách, người xứ Tấn Dương, thân thiết với đạo, nhàm lìa vật chất, châu quận đều tán thán, tôn trọng. Từ mười lăm tuổi, Sư tụng kinh Pháp Hoa, trong vòng hai mươi ngày đã tụng trôi chảy từ đầu đến đuôi. Tới khi xuất gia, Sư chuyên tu Pháp Hoa Sám Pháp. Vào ngày mùng Năm giữa mùa Đông năm Thiên Hòa thứ ba (568)²¹³ nhà Châu, Sư ngồi xếp bằng, hướng thẳng về Tây, thấy Phật đến đón tiếp, bèn chấp tay thị tịch. Toàn thể đại chúng đều mộng thấy chư thiên giáng hạ, tràng phan chiếu sáng ngời. Lại nghe nhạc lạ, hương lạ, khen ngợi “lành thay!” (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

**** Minh pháp sư ở Thiên Thai***

Sư có tên trước đó là Pháp Kinh, họ Châu, người đất Cối Kê. Thuở bé, Sư gom cát làm tháp, cắt rơm làm điện đường, chấp tay xưng danh hiệu Phật. Bỗng gặp một vị tăng khát thực khuyên rằng: “Con nên sang núi Thiên Thai xuất gia. Nơi đó có bậc Bồ Tát áo mỏng thuyết pháp hóa độ cõi đời”. Đứa trẻ liền đi ngay, theo hầu tổ Trí Giả làm đệ tử. Tổ

²¹³ Thiên Hòa là niên hiệu của Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) nhà Bắc Châu từ năm 566 đến năm 572.

Trí Giả cười bảo: “*Do xưa có nguyện lực, nay được gặp nhau*”. Do vậy, Sư sáng tối châu hầu quanh thầy, chẳng biếng nhác. Thầy nhân đó, dạy Sư tụng một bộ kinh Pháp Hoa, kiêm tu sám pháp. Về sau, Sư theo hầu ngài Trí Giả vào Lư Sơn. Sư ở trong gác đặt bức tượng tốt lành của Đào Khả²¹⁴, muốn soạn Pháp Hoa tam-muội, bỗng thấy một vị tăng nói: “Pháp danh của thầy chưa hay lắm. Hãy nên sửa thành Phổ Minh sẽ chiếu tỏ ba đời!” Từ đấy, Sư đổi pháp hiệu [thành Phổ Minh]. Tuổi già, Sư quay về chùa Quốc Thanh. Phòng Sư đang ở thiếu nước. Sư vừa nghĩ ngợi, trên đá bỗng tuôn ra dòng suối. Sư từng đúc tượng Phật Lô Xá Na cao một trượng sáu, cảm dị nhân thí vàng rồi ẩn mất. Có lúc, Sư ở trong rừng tùng tại Xích Thành hiện thân cao mấy chục trượng, thiền sư Chương An Quán Đảnh đích thân trông thấy. Dõi nhìn tác dụng của Sư, Ngài há có phải là kẻ tầm thường ư? (theo *Tục Linh Thụy Tập*).

*** *Thúy pháp sư ở Hà Âm***

Vị tăng Đàm Thúy không rõ họ, xuất gia trụ tại chùa Bạch Mã ở Hà Âm, ăn rau, mặc áo vải, hằng ngày tụng bộ kinh Chánh Pháp Hoa gồm mười quyển, lại còn vì đại chúng giảng nói ý chỉ chung [của kinh ấy]. Bỗng Sư đêm mộng thấy có người gõ cửa, thưa: “Muốn thỉnh pháp sư giảng kinh chín mươi ngày”. Ngài Đàm Thúy chẳng chấp thuận. Người ấy cố kéo nài, Sư liền đi, dường như tỉnh giấc mà chưa tỉnh. Bỗng dưng Sư thấy mình đang ở trong đền thờ thần Bạch Mã Ô, một người đệ tử cũng tham dự. Từ đấy, mỗi ngày Sư đều ngẫm đến, kẻ khác chẳng hay biết. Một hôm, có vị tăng trong chùa đi qua đền thờ thần, ngẫu nhiên thấy hai tòa cao: Ngài Đàm Thúy ngồi ở tòa phía Bắc, đệ tử ngồi tòa

²¹⁴ Bức tượng này chẳng phải là tượng khắc hay vẽ của Đào Khả, mà là tượng Văn Thù Bồ Tát. Nguyên lai, Đào Khả là một danh tướng đời Tây Tấn. Khi ông làm thứ sử Quảng Châu, có ngư dân đến báo: Gần bờ biển, đêm tối thường có ánh sáng chiếu lên. Đào Khả liền sai người tìm kiếm, rốt cuộc tìm được một bức tượng Bồ Tát kim sắc, trên lưng đề “*tượng Văn Thù Sư Lợi do vua A Dục tạo*”. Đào Khả liền thỉnh về thờ tại chùa Hàn Khê ở huyện Vũ Xương, dân chúng quen gọi là “*Đào Khả thụ tượng*” (bức tượng tốt lành của Đào Khả). Tới khi Đào Khả trở về Kinh Châu, sai người chuyển vận bức tượng theo. Dù dùng sức mạnh của nhiều người cộng thêm trâu bò kéo, chỉ miễn cưỡng chuyển được tượng tới kè đá. Khi chuyển tượng lên thuyền, thuyền chìm ngay. Đào Khả biết Bồ Tát không chịu đi, lại rước về thờ tại chùa Hàn Khê như cũ. Về sau, tổ Huệ Viễn dựng chùa Đông Lâm tại Lư Sơn. Chùa xây xong, tổ thấp hương thỉnh cầu, tượng chuyển về đó nhẹ nhàng, không tổn chút công sức nào. Từ đó, tượng được thờ tại chùa Đông Lâm.

phía Nam. Thoảng nghe tiếng giảng nói, lại ngửi thấy mùi hương lạ thơm ngào ngạt. Đạo tục truyền tụng, đều xưng tụng là thần dị. Kết hạ xong, thần cúng một con ngựa trắng, năm con dê trắng, năm mươi xấp lụa để cúng dường công lao giảng pháp. Sư chú nguyện, nhận lấy rồi đi; về sau, chẳng biết kết cục như thế nào (*Theo Lương Cao Tăng Truyện*).

*** *Sanh tự chủ tại Thành Đô***

Tăng Sanh là người huyện Phi thuộc Thục Quận (Tứ Xuyên). Họ ngoài đời là Viên, làm tăng từ bé. Do có tiếng khồ hạnh, Sư được Thái Thú Thành Đô là Tống Phong thỉnh trụ trì chùa Tam Hiền. Sư tụng kinh Pháp Hoa, lại tu tập Thiền Định. Sư từng tụng kinh trong núi, bỗng có một con cọp đến ngồi chồm hổm trước mặt. Sư tụng kinh xong nó mới đi. Sau này, sau khi tụng niệm, tu tập xong, Sư thường thấy bốn vị thần châu hầu, bảo vệ chung quanh. Tuổi tuy đã già suy, hạnh nghiệp của Sư càng vững bền. Tới khi mắc bệnh, Sư căn dặn môn đệ rồi ngồi xếp bằng mà hóa (*Theo Lương Cao Tăng Truyện*).

*** *Tự sư tại nước Cao Xương***

Vị tăng Pháp Tự ở Cao Xương²¹⁵, đức hạnh nghiêm cẩn, cao cả, ăn rau, uống nước. Sau đó, Sư vào đất Thục, sống tại vùng mộ của Lưu Sư để hành hạnh Đầu Đà. Hồ, răn thấy Sư chẳng gây thương tổn. Sư thường ở trong nhà đá, tụng ba kinh Pháp Hoa, Duy Ma, Kim Quang Minh. Trong một Hạ, Sư bỗng ở trong nhà đá, nằm bên hông trái, mạng chung, bảy ngày [thi thể] chẳng hoại. Mùi thơm lôi kéo người khác tìm

²¹⁵ Cao Xương là một quốc gia cổ ở Tây Vực. Cao Xương là phiên âm của chữ Qocho trong tiếng Uigur (Duy Ngô Nhĩ), thuộc địa bàn thành phố Thổ Lỗ Phiên (Turpan Shehiri) thuộc tỉnh Tân Cương hiện thời. Vùng này thời Tần - Hán là một khu chiếm đóng và đặt đồn điền của người Hán, trực thuộc quyền quản hạt của Lương Châu. Tới thời Bắc Lương, một tay hào phú ở Cao Xương là Hám Sảng do được người Nhu Nhiên (Rouran, Lâu Lan) chống lưng, đã tự lập làm Thái Thú, biến nơi này thành một quốc gia độc lập. Cho tới thời Thái Bình Chân Quân (440-451), Thur Cừ Vô Hủy đánh bại Hám Sảng, chiếm Cao Xương, đổi tên thành Bắc Lương Cao Xương. Đến năm 460, Cao Xương bị người Nhu Nhiên thôn tính, đưa Hám Bá Châu lên làm vua. Cao Xương trải qua nhiều triều đại do các sắc dân khác nhau chiếm đóng, thành lập các vương triều khác nhau. Cao Xương Quốc tồn tại cho đến năm 640 thì bị nhà Đường thôn tính, đổi thành Cao Xương Huyện. Sau đó, đến năm 840, vùng này bị người Hồi Hột chiếm, gọi là Cao Xương Hồi Hột.

đền. Mỗi tối, tỏa sáng chiếu thấu mấy dặm. Người làng lấy làm lạ, liền dựng tháp mộ nơi di thể. Sư là người thời Tấn (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Nghĩa pháp sư ở Cối Kê**

Sư Pháp Nghĩa, họ ngoài đời là Trúc. Mười ba tuổi nhập đạo, chuyên ròng siêng hành Phạm hạnh, tụng kinh Chánh Pháp Hoa, trụ tại chùa Ngõa Quan. Sau Sư dời sang Bảo Sơn tỉnh xá ở Cối Kê. Năm Hàm Hòa (327)²¹⁶ thứ hai, Sư nhiễm bệnh, nhưng tụng niệm, tu tập chẳng thiếu sót. Đêm mộng thấy một vị tăng lôi ruột và bao tử của Sư ra gột rửa cầu uế xong, lại nhét vào trong bụng. Tỉnh giấc, bệnh tật đã tiêu trừ. Vua Tấn từng tuyên triệu Sư vào cung cấm để truyền thọ Ngũ Giới, cung phụng trọng hậu. Tới niên hiệu Đại Hòa, Sư chẳng bệnh tật mà mất. Vua sắc truyền dựng tháp an táng tại Tân Đình Cương, nay là chùa Trung Hưng (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Đạt thượng nhân ở đất Khương**

Trong niên hiệu Long An²¹⁷ đời Tấn, vị tăng Huệ Đạt khi đào cam thảo ở Sơn Bắc Lũng, người Khương²¹⁸ do đói kém đã bắt người về ăn thịt. Ngài Huệ Đạt bị chúng bắt, nhốt trong cũi. Chúng nó chọn người mập để ăn trước. Huệ Đạt hết sức hoảng sợ, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Quán Âm, và tụng phẩm Phổ Môn. Người trong cũi bị chúng ăn sạch, chỉ còn Huệ Đạt và một đứa nhỏ, mạng chỉ còn lại một ngày. Huệ Đạt suốt đêm trì niệm, chẳng bỏ. Tới sáng, bỗng có một con hổ từ trong đám cỏ chạy ra, gào rống chân động cả núi. Lũ người Khương hoảng sợ, tháo chạy. Cọp bèn cắn cũi thùng thành lỗ rồi bỏ đi. Huệ Đạt và đứa bé vội bỏ chạy, thoát nạn (theo *Thai Tông Biệt Hành Nghĩa Sớ*).

*** Khoáng pháp sư ở Ngô Hưng**

²¹⁶ Hàm Hòa là niên hiệu của Tấn Thành Đế (Tư Mã Diễn) từ năm 326 đến năm 334.

²¹⁷ Long An là niên hiệu của Tấn An Đế (Tư Mã Đức Tông) nhà Đông Tấn từ năm 397 đến năm 402.

²¹⁸ Người Khương còn gọi là Nhĩ Mã (Rma), là một sắc dân thiểu số sống tại vùng Tây Nam Trung Hoa (chủ yếu là tại Tứ Xuyên). Tuy họ có văn tự riêng nhưng đã bị thất truyền. Ngôn ngữ của họ chia thành hai loại lớn là Bắc Khương và Nam Khương thuộc ngữ hệ Tạng Miến (Tibeto-Burman languages).

Pháp sư Trúc Pháp Khoáng, họ ngoài đời là Cao, ngụ cư²¹⁹ ở Ngô Hưng. Sư chí hướng cao cả, trác tuyệt, giới hạnh uyên thâm. Do bỗng sư ngã bệnh, Pháp Khoáng vì thầy chí thành cầu đảo, lễ sám suốt bảy ngày đêm. Do vậy, cảm vời quang minh năm màu chiếu vào phòng, bệnh thầy liền khỏi. Về sau, Sư trụ tại thạch thất trong núi Tiềm Thanh, thường diễn nói ý chỉ “*hội tam thừa quy vào nhất thừa*” của kinh Pháp Hoa và cái nhân của Tịnh Độ. Sư thường ngâm vịnh hai bộ (tức kinh Pháp Hoa và kinh Vô Lượng Thọ), có người thì giảng, không có người thì tụng niệm. Tạ An là Thái Thú ở Ngô Hưng, đặc biệt tới chỗ Sư bày tỏ lòng tôn kính. Tấn Giản Văn Đế (Tư Mã Dục) triệu vời, sai Sư làm trai đàn, hành sám pháp để đuổi sao xấu. Sư về già, dời sang chùa Xương Nguyên ở Vũ Huyệt, vì bá tánh cứ vót khổ ách, không gì chẳng hiệu nghiệm. Có người thường thấy tại chỗ Sư đi hay ngồi, luôn có quỷ thần mấy chục kẻ hộ vệ trước sau. Sư thọ bảy mươi sáu tuổi, quan Thường Thị là Cố Khải soạn truyện ghi chép lại đức hạnh của Sư (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Vị sư bị quên mất tên ở Trường Sa**

Trong năm Kiến Hưng thứ hai (314) đời Tây Tấn (nhằm đời vua Tấn Mẫn Đế Tư Mã Nghiệp), ở phía Tây huyện Trường Sa, cách hơn một trăm dặm, trổ hai gốc hoa sen xanh mọc trên đất bằng. Đạo tục tranh nhau đến xem. Do vậy, đào sâu xuống một trượng hai thước đất, tìm được một cỗ quan tài bằng sành. Hoa sen mọc từ chỗ bị hư hoại của quan tài. Mở quan tài ra xem, thấy đầu lâu bị hoa sen xuyên qua. Rễ hoa sen mọc từ chỗ xương má và răng hàm của đầu lâu. Khi đó, có người nói: “*Xưa kia có vị tăng, chẳng biết tên họ, tụng kinh Pháp Hoa mười vạn bộ, không bệnh tật mà hóa, có di ngôn dùng áo liệm bằng giấy, dùng sành làm quan tài. Đây chính là quan tài của Sư*”. Nay dựng chùa trên nền cũ tại Dịch Đình²²⁰, đặt tên là Liên Hoa vậy (*xem trong Hồng Giác Phạm Văn Tự Thiền Tập*).

²¹⁹ Không phải dân địa phương mà đến sống ở một vùng nào đó thì gọi là “*ngụ cư*”.

²²⁰ Dịch Đình ở đây là cái đình nghỉ chân. Thuở xưa, do chuyển vận công văn cho mau chóng, thiết lập dịch trạm. Tại dịch trạm có chỗ cho phu trạm đổi ngựa, uống nước, chuyển công văn cho người khác đưa tiếp v.v... Quy định cứ bao nhiêu dặm thì đặt một dịch trạm. Về sau, trên quan lộ, cứ cách bao nhiêu dặm lại lập cái đình

*** Hai vị tăng đã quên mất tên thời cổ**

Vị tăng chùa Vương Hầu ở Phạm Dương đã quên mất tên, chuyên lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm công khóa thường nhật. Lúc Sư mới mất, tạm thời chôn dưới đê. Về sau cải táng, hài cốt đều hư nát, chỉ có cái lưỡi chẳng nát. Tại Ung Châu, lại có một vị tăng cũng tụng Pháp Hoa, ẩn cư trong núi Bạch Lộc, cảm một bé trai đến hầu hạ. Tới khi Sư mất, vùi thân dưới gộp đá, các phần khác đều khô quắt, chỉ có cái lưỡi vẫn như cũ! (trích từ *Tam Bảo Cảm Thông Lục*).

*** Vũ pháp sư ở Ký Châu**

Vị tăng Pháp Vũ người Ký Châu, lúc mười lăm tuổi đã quyết chí xuất gia, làm đệ tử ngài Huệ Thi. Ngài Huệ Thi giới hạnh tinh nghiêm, tu hạnh Đầu Đà. Pháp Vũ có phong phạm cao cả, dũng mãnh, thấu đạt sâu xa đạo của thầy. Do tụng kinh Pháp Hoa, Sư ngưỡng mộ, thề phỏng theo ngài Dược Vương thiêu thân cúng dường Đại Thừa. Khi đó, Tấn Vương nhà Ngụy Tồn là Diêu Tự đang trấn thủ vùng Bồ Bản. Sư đem chuyện ấy tâu với vương, vương bảo: “Nhập đạo có nhiều lối, cần gì cứ phải hủy thân mạng! Chẳng dám cố trái ý, mong thầy hãy suy nghĩ đôi ba lượt”. Chí hướng, thệ nguyện của Pháp Vũ đã sâu nặng, Sư liền uống dầu thơm, dùng vải quấn thân, tưới dầu sáp lên, tụng phẩm Dược Vương rồi nổi lửa tự thiêu. Đạo tục tranh nhau đến xem, đều sanh lòng thương tiếc (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Thiệu pháp sư ở Lâm Xuyên**

Ngài Huệ Thiệu chẳng biết quê quán. Lúc còn thơ, mẹ mới cá thịt, Sư liền phun ra. Do vậy, chẳng ăn mặn. Tám tuổi, Sư xuất gia làm tăng, thông hiểu kinh Pháp Hoa, dùng khổ hạnh để nêu bày khí tiết. Về sau, do sư tăng yêu cầu, Sư trụ tại chùa Chiêu Đề ở Lâm Xuyên. Sư thường nghĩ ân Phật sâu nặng, thề muốn xả thân để báo đáp, bèn thuê người dẫn cũi, chắt tại hang đá tại Đông Sơn cao đến một trượng. Chính giữa, khoét một cái khám. Trở về chùa, thưa với thầy, thầy can gián,

làm chỗ nghỉ chân cho người đi đường, gọi là Dịch Đình. Đôi khi dịch đình có đặt sẵn củi nước cho hành nhân uống nước hay tự nấu cơm.

nhưng Sư chẳng nghe. Do vậy, chọn ngày mở hội Bát Quan Trai trong núi. Cả xứ tụ về đây nghệt hang núi. Tối đêm, ngài Huệ Thiệu tự chạy hương, cầm đuốc đốt củi rồi vào khảm ngồi, tụng phẩm Dược Vương xả thân. Lửa cháy tới trán vẫn nghe tiếng Sư tụng kinh. Đại chúng bỗng thấy một ngôi sao to như cái đầu giáng thẳng xuống lửa, chốc lát bay lên trời, đều cho đó là điềm lành thiên cung nghênh tiếp. Huệ Thiệu từng nói với một vị đồng học: “*Chỗ tôi thiêu thân sẽ mọc một cây ngô đồng, xin đừng chặt*”. Ba ngày sau, quả nhiên cây mọc lên. Đạo tục đều lấy làm lạ. Đó là năm Nguyên Gia 28 (451)²²¹ đời Tống (theo Lương Cao Tăng Truyện).

*** Khánh pháp sư ở Lư Sơn**

Vị tăng Huệ Khánh, người xứ Quảng Lăng. Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, Sư trụ tại Lư Sơn, học thông thạo kinh luật, giới hạnh tinh nghiêm. Suốt đêm, Sư tụng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma v.v... thường nghe trong bóng tối có tiếng khảy ngón tay tán thán. Sư từng gặp cơn lốc tại Tiểu Lôi, thuyền sắp chìm, Huệ Khánh một dạ tụng kinh để cầu an ổn. Thuyền đang bị vùi dập trong sóng, bỗng cảm thấy có người nâng đỡ, kéo đi, chốc lát đến được bờ. Từ đây, Sư tụng niệm, tu tập đến già chẳng lười nhác (theo Pháp Uyển Châu Lâm).

*** Quỳnh pháp sư ở Quảng Lăng**

Vị tăng Đạo Quỳnh, họ Mã, người xứ Phù Phong. Sư bỏ nhà lễ ngài Đạo Ý làm thầy. Thầy bị bệnh, sai nhóm Đạo Quỳnh bốn người đến Hoắc Sơn hái chung nhũ²²². Vào hang được mấy dặm, cưỡi bè gỗ vượt sông. Ba người chết chìm, đèn đuốc lại tắt mất. Đạo Quỳnh một mực tụng kinh Pháp Hoa, niệm thánh hiệu Quán Âm. Trong chốc lát, thấy một tia sáng như lửa đóm, noi theo đó thoát ra. Sư lại từng cùng bốn vị đồng học đi về phương Nam lên kinh đô, trong đêm đi trên băng vượt sông. Giữa dòng, băng nứt, đồng học không thể cứu giúp được. Đạo Quỳnh chỉ dựa vào tụng niệm, bỗng đứng dưới chân như có vật nâng đỡ.

²²¹ Nguyên Gia là niên hiệu từ năm 424 tới năm 453 của Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) nhà Lưu Tống thời Nam Triều.

²²² Thạch nhũ mọc trong lòng hang có hình nón thì gọi là chung nhũ (stalagmite).

Lại thấy ánh sáng đỏ dẫn đường đằng trước, bèn tới được chùa Nam Giản.

Lại có một đêm, Sư nhập Định, chợt thấy bốn người ngồi xe báu mời Đạo Quynh lên xe. Sư lên xe, bỗng thấy đang ở cạnh cầu Trầm Gia tại châu ấy. Bên đường, có một người ngồi trên hồ sàng²²³ chỉ huy mọi người: “Trước đó, ta chỉ hạ lệnh cho mọi người biết trụ xứ của Sư thôi, sao lại phiền Sư từ xa đến tận đây? Hãy mau đưa Sư về!” Về đến chùa, mọi người đều chẳng biết Sư mới vừa đi về. Khi đó nhằm niên hiệu Nguyên Gia đời Tống (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Minh pháp sư ở Lâm Truy**

Trong niên hiệu Kiến Sơ đời Tống, có vị tăng tên Phổ Minh, xuất gia từ bé, tánh tình thuần lương, chất phác, thường ăn rau, mặc áo vải. Sư dùng Pháp Hoa và Duy Ma làm nhật khóa. Khi tụng có áo riêng, tòa riêng, chưa hề hỗn tạp. Thường là khi tụng tới phẩm Khuyến Phát, liền thấy đức Phổ Hiền cười voi đứng trước mặt. Khi Sư tụng kinh Duy Ma, liền nghe trong hư không có tiếng xướng nhạc. Vợ ông Vương Đạo Chân trong làng bệnh ngặt, thỉnh Sư trị chú. Sư mới vừa vào cửa, người bệnh đã chết ngất, bỗng thấy có một vật giống như con lửng chó (raccoon) dài mấy thước, chui theo lỗ chó trốn mất, bà ta liền lành bệnh. Lại có lần Sư đi gần chỗ có nước, có kẻ đồng cốt nói: “Thần minh trông thấy pháp sư đều rảo chạy” (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Huệ pháp sư ở Việt Châu**

Sa-môn Pháp Huệ, họ Hạ Hầu. Kể từ lúc mười lăm tuổi, Sư đã có kiên thức trác tuyệt, đến lúc thôi để chỏm, ngôn hạnh càng thêm cao cả. Trong niên hiệu Đại Minh²²⁴ đời Tống, Sư sang Vũ Huyệt ở phương Đông, về dưỡng già tại ngọn Thiên Trụ, suốt đời dùng tụng niệm Pháp Hoa làm công khóa chẳng lười nhác, thọ dụng thanh đạm, ăn rau, mặc áo vải mà thôi! Sư thường ở riêng trong một ngôi gác, chẳng dính líu đến nhân gian suốt ba mươi mấy năm. Vương hầu mời mọc, đón rước, Sư

²²³ Hồ sàng còn gọi là “giao y” là một loại ghế xếp, chỗ mặt ghế để ngồi thường dùng dây bện hoặc các giải băng vải dây căng trên mặt ghế để có thể xếp lại dễ dàng.

²²⁴ Đại Minh là niên hiệu của Tống Hiếu Vũ Đế (Lưu Tuấn) thuộc Nam Triều từ năm 457 đến năm 464.

đều chẳng gặp gỡ. Chỉ có Châu Ngung do có tín giải đều sâu là được Sư đặc biệt tiếp kiến. Khi đó, người mộ đức chiêm lễ có thể nhờ theo Châu Ngung²²⁵ mà gặp Sư (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** *Hầu pháp sư ở Kinh Châu***

Ngài Tăng Hầu, họ ngoài đời là Cung, nhiều đời sống ở Tây Lương. Trong niên hiệu Hiếu Kiến²²⁶ đời Tống, Sư tới kinh đô. Đối với các kinh Pháp Hoa, Duy Ma, và Kim Quang Minh, cứ hai ngày là Sư tụng xong một bộ. Như thế cho đến sáu mươi mấy năm chẳng thiếu sót. Về sau, Sư ẩn cư tại một hang đá thuộc rừng núi phía sau kinh thành để làm chỗ tu Thiền và tụng niệm. Một hôm, Sư mắc bệnh nhẹ, bèn thay áo, rửa mặt, súc miệng, oai dung nghiêm túc, chấp tay qua đời, thọ tám mươi chín tuổi. Sư từ thuở mười tám tuổi cho đến lúc xả mạng, hể bóng mặt trời chênh quá Ngọ đôi chút, [mà chưa kịp ăn trưa, Sư] sẽ chẳng thọ trai (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** *Tấn pháp sư ở kinh đô***

Sư tên là Huệ Tấn, là con cháu nhà họ Diêu ở Ngô Hưng. Từ thuở bé đã thích đi khắp nơi hành hiệp, tới bốn mươi tuổi mới tỉnh ngộ. Do vậy, xuất gia, bèn trụ tại chùa Cao Tòa ở kinh đô. Sư chuyên tu Phạm hạnh, một mực đam bạc, thề tụng kinh Pháp Hoa. Sư dụng tâm nhọc nhằn, tụng niệm đến nổi thành bệnh. Do vậy, Sư phát tâm tạo một trăm bộ kinh Pháp Hoa để sám hối tội lỗi thuở xưa. Bởi đó, hằng ngày tích góp tiền bạc do thí chủ quyên tặng [để thuê người chép kinh]. Kinh chép

²²⁵ Châu Ngung, tự là Ngạn Luân, người ở An Thành, huyện Nhữ Nam. Ông nổi tiếng có văn tài từ bé, học rộng, ưa thích Phật giáo. Ông được bạn thân của ông nội là Tiêu Huệ Khai thương thức tài năng, mang theo vào đất Thục, làm cố vấn trong quân rồi làm huyện lệnh của Phì Hương và Thành Đô. Ông thường nói Huệ Khai tánh tình quá nghiêm ngặt, thường dùng kinh Phật để khuyên can. Về sau, ông trở thành phủ quân hành tham quân của An Thành Vương Lưu Hoài. Đến năm Kiến Nguyên nguyên niên (479), ông được phong làm huyện lệnh Sơn Âm, rồi thăng làm Thái Tử Bộc, kiêm trước tác, giáo định lễ nhạc. Sau ông ẩn cư ở Chung Sơn, chuyên ăn chay, ở riêng một mình trong lều tranh trong núi. Tuy vậy, về sau do bị triệu vời, ông nhận chức Quốc Tử Bác Sĩ, rồi mất trong khi đang giữ chức Cấp Sự Trung. Ông viết nhiều tác phẩm như Châu Ngung Tập, Châu Dịch Luận, Đầu Hồ Kinh v.v... nhưng đều bị thất truyền.

²²⁶ Hiếu Kiến là niên hiệu của Tống Hiếu Vũ Đế sử dụng từ năm 454 đến 456.

đủ số thì bệnh cũng lành. Sau đó, Sư càng phúng tụng gấp bội, hồi hướng các phước nghiệp, nguyện sanh Tây Phương. Một hôm, Sư bỗng nghe trên không trung có tiếng nói: *“Đúng như ông ước nguyện, ắt sẽ được vãng sanh”*. Tới năm Vĩnh Minh thứ ba (485) đời Tề [Vũ Đế (Tiêu Trách) thuộc Nam Triều], Sư không bệnh mà hóa, thọ tám mươi lăm tuổi (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Quả pháp sư ở kinh đô**

Vị tăng Huệ Quả là người ở Dự Châu. Sư chẳng ăn mặn từ bé, trụ tại chùa Ngõa Quan ở kinh đô, để tụng các kinh như Pháp Hoa v.v... Sư từng ở trong nhà xí thấy một con quỷ cung kính thưa: *“Xưa kia, tôi làm duy-na, do có chút việc không đúng pháp, phải đọa làm quỷ ăn phân. Tôi từng có ba ngàn đồng, chôn dưới cây thị. Xin pháp sư từ bi dùng món tiền ấy làm phước”*. Sư liền bảo đại chúng đem món tiền ấy tạo một bộ kinh Pháp Hoa để truy điệu. Sau đó, Sư bỗng mộng thấy quỷ ấy đến cảm tạ, thưa: *“Đã được sửa thành quả báo tốt đẹp hơn trước rất nhiều”*. Đó là chuyện trong niên hiệu Thái Thi (465-471) đời Lưu Tống (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Du pháp sư ở Lư Sơn**

Sư húy là Tăng Du, họ ngoài đời là Châu, người xứ Ngô Hưng. Tuổi hai mươi xuất gia, hạnh nghiệp tinh thuần, trọn đủ. Sư dựng chùa Chiêu Đề ở phía Nam Lư Sơn để ở, thường trì kinh Pháp Hoa, chưa từng thiếu sót chút nào! Một hôm, Sư bảo bạn bè: *“Do kết sử gây lụy tam đồ cho nên có hình hài, nay tình kiến sắp hết, hình thể cũng nên bỏ đi, đường lối của ngài Dược Vương há xa xôi ư?”* Sư bèn chắt cùi làm khám, sắp đặt trai tăng, từ biệt đại chúng. Hôm ấy, mưa lác rác, trời kéo mây. Sư bèn phát thệ rằng: *“Nếu tôi bỏ thân chẳng hối tiếc, trời sẽ quang tạnh. Nếu không, trời sẽ đổ mưa to”*. Nói xong, quả nhiên tạnh mưa. Đến đêm, Sư vào khám, chấp tay, ngồi xếp bằng, tụng phẩm Dược Vương Bản Sự. Lửa cháy tới thân, Sư vẫn ngồi thản nhiên. Mọi người thấy một luồng hơi tía tủa lên trời mấy ngày chẳng tan mất. Khi đó, Sư bốn mươi bốn tuổi, nhằm ngày mùng Ba tháng Sáu năm Hiếu Kiến thứ hai (455) đời Tống.

Mười bốn ngày sau, nơi phòng cũ của ngài Tăng Du bỗng mọc hai cây ngô đồng, cành lá sum suê, mọc vươn thẳng tắp. Người hiểu biết bảo

đó là Sa La song thụ, quyết nêu rạng đạo Nê Hoàn (Niết Bàn), chắc ngài Tăng Du có phần, cho nên hiện điềm lành này! Do vậy, Sư có hiệu là Song Đồng Sa Môn. Trưởng biện của Ngô Quận là quan trưởng sử Bình Nam đích thân trông thấy chuyện đó, bèn khen rằng: *“Du du huyền cơ, mang mang chí đạo. Xuất sanh nhập tử, thực vi chí bảo”* (Huyền cơ dằng dặc, đạo cực mênh mang, vào sanh ra tử, đúng là chí bảo). Đó là bài thứ nhất. *“Tự tích Dục Vương, thù hóa tuyệt luân. Vãng vãn kỳ thuyết, kim đồ tư nhân”* (Dấu xưa Dục Vương, giáo hóa tuyệt vời, xưa nghe nói đến, nay đích thân thấy). Đó là bài thứ hai. *“Anh anh sa môn, huệ định tâm cố, ngưng thần hơi tía xong, biểu lộ thành Song Thụ”* (Bậc sa-môn anh tài, tâm huệ định kiên cố, ngưng thần hơi tía xong, biểu lộ thành Song Thụ). Đó là bài thứ ba. *“Kỳ đức khả nhạo, kỳ tháo khả quý, văn chi tác hỹ, thức dương phảng phất”* (Đức ngài đáng chuộng, tiết tháo đáng quý, soạn văn tán dương, phong phạm phảng phất). Đó là bài thứ tư (theo Lương Cao Tăng Truyện).

*** Ích pháp sư ở Chung Sơn**

Sư tên là Huệ Ích, người xứ Quảng Lăng. Sư xuất gia tại Thọ Xuân, sau này, nấu mình tại chùa Trúc Lâm. Sư khí tiết trác tuyệt, chuyên rông tụng Pháp Hoa, thệ nguyện đốt thân để thực hiện chân pháp cúng dường. Thoạt đầu, Sư thôi ăn ngũ cốc, chỉ uống bơ. Kẻ thấy nghe hủy báng hay tán thán rất nhiều. Sau đó, Sư thôi uống bơ, chỉ nuốt các viên hương. Tuy Tứ Đại yếu ớt, nhưng tinh thần thanh tỉnh, chánh niệm. Tổng Hiếu Vũ Đế càng thêm kính trọng, ngạc nhiên sâu đậm, sai sứ giả đến can gián Sư thôi làm thế. Sư chẳng nghe theo.

Trong ngày Phật Đản năm Đại Minh thứ bảy (463), Sư đặt cái vạc ở phía Nam của Chung Sơn, chuẩn bị dầu, rồi đến cung khuyết từ biệt hoàng đế. Vua nhìn Sư, sắc mặt bi thương, Sư đôi ba lượt dùng Phật pháp can dạn rồi lui về. Vua đích thân xa giá đến xem. Khi đó, tứ chúng vội vàng kéo đến. Sư vào trong vạc, dùng bông vải bó thân, tưới dầu lên. Sư sắp nhóm lửa thì vua ngăn lại. Ngài Huệ Ích kiên quyết, chẳng tuân theo, lại nói: *“Thân hèn mạng tẻ nào đáng để thánh ý quan tâm. Kính xin bệ hạ độ hai mươi người xuất gia hòng giúp đỡ Phật pháp”*. Vua đồng ý, Huệ Ích cầm đuốc tự thiêu, chấp tay tụng phẩm Dục Vương. Lửa cháy tới lông mi, lông mày, vẫn nghe tiếng tụng kinh. Mọi người nhìn vào, tiếng kêu đau lòng vang rền hang núi. Vua bỗng nghe trên hư không có tiếng đàn, sáo, mùi hương lạ tỏa ngào ngạt cả ngày mới tan.

Đêm đó, vua lại mộng thấy ngài Huệ Ích chống tích trượng tìm đến, lại căn dặn vua tuân hành Phật pháp. Hôm sau, vua mở đại hội, độ hai mươi người xuất gia, sắc truyền dựng chùa Dược Vương nơi Sư thiêu thân (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Tông pháp sư ở Pháp Hoa Đài**

Vị tăng Pháp Tông, người xứ Lâm Hải. Thuở bé, Sư thích săn bắn, từng ở Diêm Xuyên bắn trúng con nai có chữa, nó bỗng trở dạ sanh con. Nai mẹ vẫn mang mũi tên liếm con. Pháp Tông hỏi hận nói: “*Tham sống, yêu con, loài có tình thức đều giống nhau*”, bèn bẻ gãy cung tên, xuống tóc làm tăng, khát thực để tự nuôi thân. Mỗi ngày, Sư chỉ ăn một bữa, sáu thời lễ Phật để sám hối tội khiên thuở trước. Sư thường ngâm vịnh hai kinh Pháp Hoa và Duy Ma, tiếng vọng khắp bốn phương. Nam nữ theo Sư thọ Tam Quy, Ngũ Giới hơn ba ngàn người. Sư mở rộng chỗ cư trụ làm tinh xá, dùng kinh đã tụng để đặt tên, nên gọi là Pháp Hoa Đài (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Đăng pháp sư ở Lư Sơn**

Vị sư Tăng Đăng trụ tại chùa Đại Lâm núi Khuông Lư, chuyên tụng kinh Pháp Hoa suốt ngày đêm chẳng ngớt. Một hôm, Sư bỗng thấy một tòa điện đường bằng bạc từ từ hạ xuống nơi tầng phòng, bỗng biến thành điện vàng. Sư bèn vào điện, ngồi, đứng, kinh hành như thế suốt ba năm. Tấn An Vương (Tiêu Tử Loan, con trai thứ bảy của Tề Vũ Đế Tiêu Trách) nghe nói, nhiều lần xuống chiếu nghênh đón. Do vậy, Sư tạm xuống núi. Vương và tứ chúng nghiêm cẩn cầm hương, hoa xin Sư truyền giới. Ngài Tăng Đăng nói: “Ban ngày nhiều tiếng ồn ào, xen tạp, tâm lắm nổi tán loạn. Hãy nên thọ giới trong đêm khuya thanh vắng”. Đến đêm, đang trong lúc Sư thuyết giới tướng, Tam Quy, khéo miệng Sư bỗng tỏa quang minh chiếu khắp đại chúng. Mọi người thấy quang minh, đua nhau lễ bái, ồn ào. Sư liền thôi nói, quang minh tiêu lại. Sư nói: “Ta vốn muốn truyền giới, nhưng kẻ thấy quang minh liền kêu gào. Quang minh hiện ra chỉ là tướng lành thọ giới, chưa phải là chánh duyên đắc giới. Nay làm lại từ đầu”. Đại chúng im lặng, Sư lại thuyết pháp, lại tỏa ra quang minh. Đại chúng lại ồn ào. Do vậy, Sư bèn thôi, [bảo họ] ngày mai lại tới. Sư liền từ biệt, trở về núi. Điện vàng đã hiện lại hồi phục như cũ. Một hôm, Sư bỗng bảo người cùng chùa: “*Nay tôi lên điện vàng,*

chẳng trở lại nữa!” Ngay trong hôm ấy, Sư thông dong siêu hóa (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Chí thiền sư ở Dư Hàng**

Thời Đông Tấn, có vị tăng Pháp Chí kết am ở núi Dư Hàng, tụng kinh Pháp Hoa, sáng tối chẳng lười nhác. Có con chim trĩ làm tổ cạnh am. Mỗi khi nghe tiếng tụng kinh, nó bèn bay lượn cạnh tòa, hoặc đứng châu bên cạnh, tỏ vẻ nghe nhận. Bảy năm như thế, một ngày chim tiều tụy. Sư vỗ về bảo: “Người tuy thuộc loài chim mà có thể nghe kinh, nếu thoát khỏi thân nghiệp báo, ắt sanh làm người”. Hôm sau, nó chết. Sư liền đem chôn. Đến đêm, Sư vừa nằm nghỉ, mộng thấy một bé trai đến bái tạ: “Con chính là chim trĩ, do nghe thầy tụng kinh mà được thoát thân chim. Đời này, làm con nhà họ Vương trước núi. Nách bên phải có lông chim trĩ, thầy có thể kiểm nghiệm”. Tới sáng, vị tăng đến nhà ấy, hỏi thăm thì đúng là như thế. Một hôm, nhà họ Vương đãi trai tăng. Ngài Pháp Chí vừa đặt chân đến cửa, đứa nhỏ bỗng nói: “Hòa thượng của con đã đến”, mọi người đều lấy làm lạ, ôm đứa bé cho Sư xem. Ngài Pháp Chí vỗ về, bảo: “Đây là bé trĩ của ta”, liền cởi áo nó xem kỹ. Dưới nách nó, quả nhiên có ba cọng lông chim trĩ, [bảo họ]: “Tới bảy tuổi nên cho nó xuất gia”. Cha mẹ nó vâng lời. Tới tuổi, bèn cho nó vào núi. Mười sáu tuổi xuống tóc, do nách nó có lông trĩ, đặt tên là Đàm Dục. Sư truyền dạy kinh Pháp Hoa, nó nhớ không sai một chữ. Đàm Dục chính là tổ thứ hai của núi ấy!

*** Thiên y Phi Vân đại sư**

Sư húy Đàm Dục, dòng họ xem trong phần trước. Sư đã thành tăng, tham học khắp nơi. Thoạt đầu, Sư đến Lư Sơn, nương tựa pháp sư Huệ Viễn để liễu ngộ tông thừa. Sau đó, vào Quan Trung lễ quán kinh luận do ngài La Thập đã dịch, thông đạt vô ngại, đặc đại biện tài. Về sau, Sư cùng đồng học là Đàm Học sang Cối Kê ở phương Đông, đến núi Tần Vọng, thấy núi có riêng năm ngọn, hai con suối, khí tượng hào hùng, tuyệt vời. Do vậy, bèn xẻ đá, trừ cỏ, tính ở lại trong núi. Sư chuyên tụng Pháp Hoa suốt mười hai năm. Một hôm, lúc sắp hoàng hôn, có một nữ nhân khoác áo màu, tay xách lồng trúc. Trong đó, có một con lợn trắng, hai củ tỏi. Cô ta đứng trước Sư khóc lóc nói: “Thiếp là con gái nhà nọ ở trước núi, vào núi hái rau Vi, trên đường gặp cọp dữ, rảo chạy

đến đây. Trời đã tối, cây cỏ rậm rạp, sài lang tung hoành, trở về sẽ chẳng có lẽ sống, dám xin Sư cho ở nhờ một đêm có được hay chẳng?” Sư viện lẽ hiềm nghi, kiên quyết khước từ, chẳng thuận. Cô ta chảy nước mắt, buồn khóc. Bất đắc dĩ, Sư phải nhường cho cô ta nằm trên giường cỏ rồi liền che đầu tụng kinh.

Tối canh ba, cô ta kêu gào bị bệnh, bảo bụng đau quặn, mong Sư xem thử. Sư trao thuốc, cô ta càng đau đớn nhiều hơn, rên siết không dứt tiếng: “Nếu được Sư xoa bụng, may ra sẽ yên đôi chút. Nếu không, sẽ chết. Phật pháp lấy phương tiện từ bi làm gốc. Sư nữ lòng ngời nhìn mà chẳng đưa tay cứu vớt ư?” Sư đáp: “Ta là tăng sĩ đã thọ đại giới, lý đâu xoa bóp thân người nữ!” Cô ta càng khẩn cầu tha thiết. Sư liền dùng khăn vải bọc đầu tích trượng để xoa bóp từ xa. Trong khoảnh khắc, cô ta bảo: “Đã chẳng cần nữa!” Sáng hôm sau, cô ta bước ra sân, áo màu biến thành mây lành, lợn biến thành voi trắng, tỏi hóa thành hai đóa hoa sen. Cô gái chân đạp lên hoa sen, cưỡi voi, ngự lên mây, bảo Sư: “*Ta là Phổ Hiền Bồ Tát. Do chẳng lâu sau, ông sẽ về trong hàng đại chúng của ta, cho nên đặc biệt đến thử. Xem ra, tâm ông như nước, như trăng, chẳng thể ô nhiễm*”. Nói xong, phơ phới ra đi. Lúc bấy giờ, trời tuôn mưa hoa, cỏi đất đều rung động. Người làng thấy nghe, không ai chẳng ca ngợi. Ngày hôm ấy, Thái Thú là Mạnh Công Nghĩ sáng sớm thức dậy xem xét công việc, bỗng thấy phương Nam mây lành ùn ùn giăng bủa, ánh sáng chiếu rực tới sân nhà. Phía dưới mây, mơ hồ có tiếng vàng, đá, tơ trúc. Dò hỏi mới biết là tướng trạng biến hóa do Sư gặp đức Phổ Hiền, bèn tâu trình đạo hạnh của Sư lên triều đình. Ông Mạnh bèn vâng chiếu dựng chùa, đề tên là Pháp Hoa (tức là chùa Thiên Y hiện thời). Khi đó nhằm năm Nghĩa Hy 13 (417) đời Tấn An Đế (Tư Mã Đức Tông).

Sư thọ bảy mươi tuổi, viên tịch trong núi ấy. Tăng chúng trong chùa dùng chân thân của Sư để tạo thành tượng. Tối khi Đường Vũ Tông phế trừ Phật giáo, tăng chúng đem tượng ấy giấu trong ruột cây tại phía Nam của chùa, cho nên chẳng bị hủy hoại. Vũ Túc Vương nước Ngô Việt phong thụy hiệu là Phi Vân đại sư (*sự tích của Sư được các bộ Cao Tăng Truyện và Pháp Uyển Châu Lâm ghi chép. Đối với chuyện áo trời, lại có truyện ghi chép riêng. Đối với tất cả các chỗ giống nhau hay khác nhau, đều sao lục cân thận, tường tận*).

*** Minh pháp sư ở Việt Châu**

Sa-môn Hoàng Minh sanh trong nhà họ Doanh ở Côi Kê; xuất gia tại chùa Vân Môn, khí tiết, phẩm hạnh cao vời, mọi người đều chiêm

ngưỡng. Sư tụng kinh Pháp Hoa, tọa Thiền, lễ sám, sáu thời chẳng thiếu sót, cảm vời nước trong tịnh bình thường đầy ắp. Mọi người nói là các thiên đồng tử hầu cận. Một hôm, Sư tọa Thiền xong, bỗng có một con hổ phủ phục trước mặt, một lúc lâu sau mới bỏ đi. Sau đó, Sư sang Thạch Mỗ Nham ở Vĩnh Hưng nhập định, cũng có sơn tinh đến quấy nhiễu. Ngài Hoàng Minh dùng dây lưng trói nó, sơn tinh nhún nhường, tạ lỗi, xin cởi trói, liền nói: “Sau này chẳng dám tới nữa!” Từ đó, nó tuyệt tích. Đó là chuyện vào năm Vĩnh Minh đời Tề (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**** Dự pháp sư ở kinh đô***

Vị tăng Huệ Dự người xứ Hoàng Long, từ bé đã chuyên học tập. Sư lên kinh đô, trụ tại chùa Linh Tướng, tham học trọn khắp các vị danh sư. Nếu nghe có kẻ phê phán ai đó, liền bịt tai không nghe. Sư tụng các kinh Pháp Hoa, Đại Niết Bàn v.v... Lại còn tu tập Thiền Định. Một hôm, nằm ngủ, Sư chợt mộng thấy ba người gõ cửa, áo mũ rạng rỡ, cảm lộng nghênh tiếp. Hỏi lý do, họ nói: “Từ kỳ của pháp sư đã đến, cho nên chúng tôi đến đón tiếp”. Huệ Dự nói: “Còn có duyên nhỏ chưa xong, có thể trì hoãn một năm hay không?” Họ vâng lời ra đi. Tới đúng ngày ấy năm sau, lại mộng thấy ba người như trước. Do vậy, Sư liền qua đời. Sư cũng sống vào đời Tề (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**** Quỹ pháp sư ở kinh đô***

Vị tăng Pháp Quỹ đời Tề, họ ngoài đời là Nguyễn. Thuở nhỏ, Sư theo xuất gia tại Kỳ Viên Tự. Bản tánh cung kính, trầm lặng, lấy chuyện tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp. Hễ được cúng thí, Sư đều gom góp để tạc tượng. Gia đình Sư kiều cư (ngụ cư) tại một ngôi chợ lớn tại kinh đô. Một hôm Sư về nhà, lại tới chùa Định Lâm, lại còn ở Kỳ Viên. Sau đó, có người hỏi dò ba chỗ, họ đều nói thấy Sư đến thọ trai. Ngày hôm ấy, Sư trở về phòng cũ, nằm lặng yên qua đời. Thi thể thơm tho, mềm mại, gập hai ngón tay lại. Mọi người cho rằng Sư đã chứng Nhị Quả. Lương Vũ Đế khâm phục sự thần dị, thiết trai tăng tại chùa ấy, sắc truyền nhà chùa vâng chiếu an táng (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

**** Biện pháp sư ở kinh đô***

Đời Tề có sa-môn Siêu Biện tại Đôn Hoàng, đỉnh ngộ từ bé, hành xử sâu xa, trầm tĩnh. Sư ở kinh đô; sau đó, Sư từ kinh đô đến Kiến Khang, qua Đông Việt²²⁷, tìm đến tham lễ các vị danh sư. Sau đó, Sư quay về trụ tại chùa Định Lâm, nhàn cư dưỡng chí, vui thỏa chốn núi rừng cho đến hết đời. Sư mỗi lần tụng, đều tụng trọn một bộ Pháp Hoa bảy quyển, tâm mãn tiếp, miệng thốt lời, luôn có thừa sức. Sư lễ danh hiệu một ngàn vị Phật hơn một trăm năm mươi vạn lạy. Sư chẳng ra khỏi cửa suốt ba mươi năm, thọ bảy mươi ba tuổi rồi tịch. Toàn thân được chôn tại phía Nam chùa. Ngài Tăng Hựu lập bia ghi chép đức hạnh của Sư (theo *Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Sa môn Trường pháp sư**

Ngài Bạt Trường lúc hai mươi tuổi xuất gia làm tăng, căn khí quẻ ketch, chậm lụt, chẳng thể làm thế nào được! Sư bèn lập chí, thề tụng kinh Pháp Hoa để cầu về Tây. Mỗi ngày, Sư ghi nhớ một dòng kinh, hoặc nhớ nửa bài kệ. Siêng khổ như thế tới tám mươi tuổi mới thông suốt cả bộ. Một hôm, Sư ngồi xếp bằng nhập Định, bỗng thấy một vị thần mặc áo đỏ, tay cầm tờ sớ cầu thỉnh, tới nói: “Thiên đế nghênh đón đại đức Bạt Trường”. Sư nói: “*Ta sanh ra ngu độn, tùy sức tụng trì, chuyên cầu Cực Lạc. Đạo Lợi tuy là chỗ thù thắng, chẳng phải là nơi ta ước nguyện!*” Do vậy, vị thần tạ từ rồi đi. Lại một lúc khác, Sư mộng thấy tháp lớn bằng bảy báu, thân Sư đang ở trong tầng thứ năm, nhìn ra xa thấy có thành trì bằng bảy báu chẳng có ngần hạn. Phía ngoài, có hai vị Kim Cang cầm xử đứng hai bên, mấy chục người áo xanh tay cầm phát trần trắng, phẩy bậc thềm. Ngài Bạt Trường hỏi thì họ đáp: “Đây chính là bậc thềm của thành báu chốn Tây Phương”. Sư tỉnh mộng, liền

²²⁷ Đông Việt còn gọi là Mân Việt chính là một quốc gia cổ được thành lập tại vùng Phước Kiến hiện thời. Sau khi nước Việt của Câu Tiễn bị Sở diệt quốc, một số người thuộc bộ tộc U Việt chạy tới kết hợp với bộ tộc Mân lập ra quốc gia này, đặt kinh đô tại Đông Dã (thành phố Phước Châu hiện thời). Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên, đã xóa sổ Mân Việt, lập ra quận Mân Trung. Do người Việt bất khuất, nhà Tần không phái huyện lệnh cai trị, chỉ phong cho lãnh tụ người Việt làm quận trưởng. Cho tới khi Lưu Bang diệt Tần và Hạng Vũ lập ra nhà Hán, đã phong Vô Tự làm Mân Việt Vương. Đó là thời thịnh trị của Mân Việt. Tới thời Hán Vũ Đế, do các mưu mẹo của người Hán gây chia rẽ, cuối cùng Mân Việt hoàn toàn bị diệt quốc. Về sau, khi nói tới Mân Việt thì có nghĩa là phần lớn tỉnh Phước Kiến và một phần tỉnh Giang Tây.

bảo đệ tử: “Ông hãy đem bán y bát của ta để lo liệu cơm chay dâng cúng đại chúng”, lại nói: “Các ông lúc này có thấy ngàn đức Phật hay không?” Mọi người đáp: “Không thấy!” Lại nói: “Có cảm thấy mùi hương lạ thường hay không?” Đáp rằng: “Đều ngửi thấy”. Sư nói xong, hướng về Tây, lặng lẽ qua đời (theo *Linh Thụ Tập*).

*** Vân pháp sư ở Kim Lăng**

Pháp sư là người xứ Dương Tiễn, họ ngoài đời là Châu. Lúc mẹ Sư mới sanh ra Sư, thấy mây phủ đầy nhà. Do vậy, dùng chữ Vân làm tiểu tự. Sư bảy tuổi xuất gia, được đặt pháp danh là Pháp Vân. Sư điển trai, anh tuấn, trác tuyệt thuở đó. Lương pháp sư trông thấy, khen ngợi: “Tâm trí của ta chẳng sánh bằng Vân. Ông này ắt sẽ là bậc rường cột nơi đại pháp”. Lúc ba mươi tuổi, Sư giảng Pháp Hoa và Tịnh Danh, biện tài như gió cuốn, học trò tụ về đông đảo. Lương Vũ Đế kính phục, sắc truyền Sư trụ trì chùa Quang Trạch. Pháp Vân từ thuở làm Sa Di đã yêu chuộng Pháp Hoa, chuyên ròng tham cứu, suy niệm, từng đến chỗ vách đá sâu để riêng mình đọc, giảng kinh này. Sư bày đá làm học trò, bẻ cành tùng làm phát trần, tự xưng, tự hướng dẫn, lại còn tự cất ván. Hơn nữa, sỏi giải tàng tàng, trước sau soi tỏ cặn kẽ lẫn nhau.

Sư từng diễn giảng kinh này tại một ngôi chùa, bỗng cảm hoa trời có hình dạng như tuyết bay rơi xuống đầy trời, tràn vào trong điện, lơ lửng trên hư không chẳng rơi xuống. Sư giảng xong, chúng liền biến mất. Thuở đó, ngài Chí Công đạo siêu việt chư tăng, có lúc tới chỗ ngài Pháp Vân nói: “Tôi muốn hiểu sư tử hống, xin sư hãy giảng cho”. Sư liền lên pháp tòa phân tích, ngài Chí Công khảy ngón tay nói: “Lành thay! Vi diệu quá!” Vũ Đế một hôm đem chuyện trời hạn hán hỏi ngài Chí Công: “Làm cách nào để có mưa?” Chí Công đáp: “Pháp Vân có thể khiến cho trời mưa. Hãy nên thỉnh sư Pháp Vân giảng kinh”. Ngài Pháp Vân giảng kinh Pháp Hoa, đến câu “*kỳ trạch phổ hiệp*” (nhuần thấm tưới khắp), trời liền giáng trận mưa to nhuần thấm. Quan Nghi Đồng²²⁸ là Viên Ngang nói: “*Nhà tôi có người thường cúng dường tăng, phát nguyện ‘nguyện đạt được huệ giải như ngài Pháp Vân’, bỗng mộng thấy một vị tăng bảo: ‘Sư Pháp Vân vào thời Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật*

²²⁸ Viên Ngang làm quan trái hai triều đại Nam Tề và Nam Lương, từng làm quan tới chức Thượng Thư Lệnh, kiêm nhiệm chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty nên thường được gọi là Nghi Đồng Viên Ngang.

đã giảng kinh này’, sao có thể sánh bằng được?” (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Viễn pháp sư đời Hậu Châu²²⁹**

Ngài Huệ Viễn làm tăng, khí lượng chẳng cạn. Ngài cao chín thước năm tấc, lưng rộng chín vòng ôm. Ngài lên tòa thuyết pháp như sấm rền khiến sâu bộ tỉnh giấc. Nhằm lúc Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) muốn phế trừ hai giáo Thích và Đạo, triệu các sa-môn vào triều. Vua trần thuật: “Trẫm vâng lãnh mạng trời, nuôi nấng dân đen. Tam giáo lưu truyền trong cõi đời, suy xét lý cùng tột, Nho thì lễ, nghĩa, trung, tiết, thích đáng cho cõi đời, cần phải lập định. Chân Phật thì chẳng có hình tượng, kính ngưỡng từ xa trong tâm, nhưng Phật tháp cao vót, tráng lệ. Đây thật sự là thứ vô tình, sao có thể ban ân huệ, chẳng đáng để giữ lại! Ý trẫm như thế đó, các vị tôn đức nghĩ như thế nào?” Khi đó, hơn năm trăm vị tăng thất sắc, không nói được gì!

Ngài Huệ Viễn từ trong đại chúng bước ra, tâu: “Bệ hạ nói: ‘Chân Phật chẳng có hình tượng’, đúng như Ngài đã nói. Nhưng tại mắt sanh ra linh tri, nhờ vào kinh để nghe Phật pháp, cậy vào tượng để biểu thị lẽ chân. Nếu phế trừ, sẽ chẳng có gì để dấy lòng tôn kính”. Vua nói: “Chân Phật trong hư không đều tự biết”. Huệ Viễn đáp: “Trước thời Hán Minh Đế, kinh tượng chưa truyền đến cõi này, vì lẽ gì chẳng biết?” Vua chẳng đáp được. Ngài Huệ Viễn nói: “Nếu chẳng nhờ vào kinh giáo, trước thời Tam Hoàng chưa có văn tự, nhân loại phải nên hiểu Ngũ Thường rồi chứ?” Vua chẳng đáp được. Huệ Viễn nói: “Nếu cho rằng hình tượng vô tình phải phế bỏ, vậy thì bảy miếu²³⁰ của nước nhà há có phải là hữu tình ư?” Vua nói: “Trẫm cũng không cho rằng bảy miếu là đúng!” Huệ

²²⁹ Ở đây ngài Tông Hiểu viết lầm, xét theo sự kiện được nêu trong câu chuyện này thì phải là nhà Bắc Châu (vì Châu Vũ Đế là vua thứ ba của nhà Bắc Châu, do quyền thần Vũ Văn Thái thời Tây Ngụy kiến lập nên móng quyền lực. Sau khi Vũ Văn Thái mất, cháu trai ông ta là Vũ Văn Hộ nắm quyền, buộc Tây Ngụy Cung Đế thoái vị, nhường ngôi cho Vũ Văn Giác tức Hiếu Mẫn Đế, chính thức kiến lập nhà Bắc Châu). Trong khi đó, Hậu Châu là triều đại cuối cùng của thời Ngũ Đại (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Châu). Hậu Châu do Quách Oai sáng lập năm 951, còn Bắc Châu do Vũ Văn Hộ sáng lập vào năm 557.

²³⁰ Bảy miếu tức miếu thờ tổ tiên của đế vương thời cổ. Lễ Ký quy định thiên tử thờ tổ tiên bảy đời. Miếu thờ Thái Tổ (vua sáng lập triều đại) đặt ở giữa, hai bên mỗi bên có ba miếu thờ dòng Chiêu (bên trái) và ba miếu thờ dòng Mục (bên phải). Tính từ Thái Tổ, nếu thế hệ thuộc đời số lẻ thì thờ bên Mục, số chẵn thì thờ bên Chiêu.

Viễn nói: “*Nếu phé bảy miếu tức là chẳng tôn kính tổ tiên, sao có thể nói là giữ đạo Nho ư? Nếu tam giáo đều phé, lấy gì để trị quốc vậy?*” Vua cũng chẳng đáp được. Huệ Viễn nói: “*Bệ hạ nay dùng sức vua để phá diệt Tam Bảo, địa ngục chẳng chọn lựa sang hèn, sao chẳng sợ hãi?*” Vua nói: “*Chỉ khiến cho trăm họ được vui sướng, nào ngại địa ngục!*” Huệ Viễn đáp: “*Bệ hạ dùng tà kiến hóa độ người khác, dân chúng sẽ theo bệ hạ cùng vào A Tỳ, há có vui chi?*” Vua giận dữ, truyền chư tăng lui ra, sẽ lại triệu tập sau. Từ đó, vua thi hành chánh sách bạo ngược, cùng phé cả hai giáo Phật và Đạo. Ngài Huệ Viễn bèn ẩn cư ở Tây Sơn thuộc Cấp Quận, chuyên tụng kinh Pháp Hoa và Duy Ma, mỗi kinh trọn một ngàn lượt, thâm nhập lý càng sâu, kinh luôn để trong túi đựng sách chẳng bỏ. Tới niên hiệu Đại Tự tượng²³¹, giáo pháp nhà Phật mới bắt đầu khôi phục. Đầu triều đại Đại Tùy, Sư mới lại dự vào hàng tăng chúng²³², tiếng vang đến cung vua. Vua xuống chiếu sắc truyền Sư đứng đầu các sa-môn ở Lạc Châu để khuông phò Phật pháp. Tuy Huệ Viễn từ chối, vua chẳng thuận, Sư liền phải nhận địa vị ấy (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Phương pháp sư ở Dương Châu**

Sa-môn Trí Phương là người đất Thục (Tứ Xuyên), nổi danh xứ Dương Việt (vùng Dương Châu, Tô Châu). Sư [nói năng] từ nghĩa trong sáng, phong phú. Sư giảng kinh Pháp Hoa tới phẩm Bảo Tháp: “*Tháp báu cao đẹp năm trăm do-tuần, ngang dọc mỗi bề hai trăm năm mươi do-tuần*”, bèn nói: “*Sao cứ phải khăng khăng cỗi Phật xưa kia có sự cao đẹp ấy, ngay phước địa Dương Châu này cũng rất trang nghiêm. Ngay như tháp Di Thiên bảy tầng cùng nhật nguyệt tranh sáng, tháp Đồng Thái chín tầng đua sắc với khói mây. Giếng vuông thì thả lá sen, thùng tròn thì đặt hoa sen bên cạnh. Giống như để an trụ thì sống ở phương Nam, đường như Ni Khư thì để trấn phương Bắc. Tại nghe, mắt thấy, có thể sánh đôi so lường vậy*”. Ngài thốt lời thành văn điệu như thế đó. Thuở đó, có pháp sư Bảo Hải. Sư từng đối trước Lương Vũ Đế diễn giảng; hôm ấy, [Bảo Hải] cũng hiện diện, liền cất vấn rằng: “Trong kinh,

²³¹ Đại Tự tượng là niên hiệu của Châu Tĩnh Đế (Vũ Văn Xiển, cháu nội của Châu Vũ Đế) sử dụng từ năm 579 đến năm 580.

²³² Vì Châu Vũ Đế phé Phật, đuổi tăng sĩ về nhà, tăng sĩ phải ẩn nấu, không còn được cạo tóc, hành đạo, cho nên coi như đã không còn tăng tướng. Khi pháp nạn chấm dứt, các vị tăng phải thọ giới lại.

cõi nước ba lượt biến đổi, phương này đổi uế thành tịnh. [Vậy thì] cũng có thể biến phàm thành thánh hay chăng?” Ngài Trí Phương đáp: “*Hóa Phật rất nhiều, do [cõi nước] hẹp hòi nên cần phải [biến hóa cho] rộng, chứ phàm thánh vốn tự như thế, cần gì phải nhọc công biến đổi?*” Bảo Hải lại cất vấn: “Nếu nói sáu mươi tiểu kiếp như trong khoảng bữa ăn, chỉ là bậc thánh trông thấy [như thế. Vậy thì] chỉ là thánh thấy, chứ phàm chẳng thể thấy. Nếu phàm và thánh cùng thấy, phàm lẫn thánh đều là thánh hay sao?” Trí Phương cười bảo: “*Cao tòa có bao giờ nói như vậy, mà chính mình tự nói, tự bắt bẻ*”. Bảo Hải nhận biết mình đã lỡ lời, bèn bào chữa: “Cái thưng gỗ ba ngăn, sao gọi là Trí Phương?” Trí Phương liền đáp ngay: “*Ao tù toàn ngói, sỏi, sao gọi là Bảo Hải?*” Mọi người cười xòa, giải tán (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Tịnh pháp sư ở Chân Thừa**

Sư Huệ Tịnh người xứ Chân Thừa, gia đình nhiều đời học Nho. Sư bẩm tánh hiểu biết trác tuyệt, mỗi ngày học thuộc tám ngàn câu, hiếm ai sánh bằng, đến nỗi thanh danh đẹp lòng vua, quan liêu đều ngưỡng mộ. Năm Trinh Quán 13 (639), vua sắc truyền các học sĩ thuộc tam giáo tranh luận tại điện Hoàng Văn, vời Huệ Tịnh đến giảng kinh Pháp Hoa, đạo sĩ Thái Hoảng giảng Đạo Luận. Thái Hoảng hỏi: “Kinh đề là Tự Phẩm đệ nhất, chẳng rõ Tự và Đệ phân định như thế nào?” Huệ Tịnh đáp: “*Như Lai nhập định, phóng quang, mưa hoa, chính là nền tảng to lớn để phá Nhị Thừa, lần lượt sẽ nói Nhất Thừa. Vì thế nói là Tự. Đệ là vị trí. Nhất là khởi đầu. Phân Tự đặt ở trước nhất; vì thế nói là đệ nhất*”. Thái Hoảng nói: “Đệ là em, là em thì chẳng được gọi là Nhất. Hễ nói Nhất thì chẳng nói Đệ! Hai chữ mâu thuẫn, sao có thể dung hội cho được?” Huệ Tịnh đáp: “*Trước đó, tôi chẳng nói rồi đó sao. Đệ là vị trí. Nhất là khởi đầu. Tiên sinh chẳng hiểu câu đáp trước, làm lần nêu bày lời cất vấn sau đó!*” Thái Hoảng nói: “Lời Sư chẳng ra khỏi mép, sao có thể lãnh hội được?” Huệ Tịnh đáp: “*Bồ Tát thuyết pháp, tiếng vang rền mười phương, đạo sĩ hiện diện tại đó, như mê, như say*”. Thái Hoảng nói: “*Dã can thuyết pháp, do đâu mà nghe được?*” Huệ Tịnh nói: “*Thiên cung phòng vệ nghiêm mật, theo đúng lý chẳng có dấu vết loài thú! Đạo sĩ thần trí mông muội, nói người là súc vật*”. Tâm vua hết sức vui sướng, cả hội hoan hỷ, hớn hờ giải tán. Ngài Huệ Tịnh là bậc then chốt trong giáo pháp của chúng ta như thế đó (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Tam Tạng Kiệt pháp sư**

Vào đầu niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, có sa-môn Đàm Vô Kiệt (Dharmodgata, Pháp Dũng) ở Hoàng Long siêng rông hành khổ hạnh. Sư thường tụng phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, cùng với hai mươi lăm đồ chúng đi qua phương Tây, sang Thiên Trúc, trải đủ mọi hiểm nạn. Đàm Vô Kiệt chí nguyện càng kiên cố. Đã tới Xá Vệ, trên đường gặp bầy voi, Đàm Vô Kiệt tâm kiên thành tụng niệm, liền cảm sư tử từ trong rừng chạy ra, lũ voi tháo chạy. Lại có bầy trâu rừng rống lên ủa tới, sắp làm hại. Đàm Vô Kiệt miệt mài niệm như cũ, bỗng có con chim kên kên lớn bay tới, lũ trâu kinh hoàng, chạy mất hút. Mọi người được thoát nạn (theo *Pháp Uyển Châu Lâm*).

*** Lãng pháp sư**

Vị tăng Pháp Lãng, tụng trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa có công. Một đêm, Sư mộng thấy vào cõi âm. Quan cõi âm hỏi hạnh nghiệp xong, liền ghi lời phán định rằng: *“Ba ác đạo bít lấp, đường nhân thiên thông suốt. Thấy Phật, siêng hành, không chỉ ngừng ở hóa thành, có thể chỉ bày cung trời là nơi sẽ thấy vị Phật tương lai”* (theo *Linh Thụy Phú Chú Văn*).

*** Chiêu thượng nhân ở Tản Châu**

Trong niên hiệu Vĩnh Thái nhà Ngụy, tại chùa Đan Lãnh tại Tản Châu, có vị tăng tên là Tăng Chiêu, bẩm tánh thanh nhàn, thường thích đi đây đó vân cảnh. Một hôm, Sư tới Huỳnh Sơn, thấy dưới thác nước có một cái hang, liền vào đó. Đi chừng năm sáu dặm, lại ra khỏi hang, thấy có con suối chảy xen trong đá mấy dặm về phía Đông Bắc. Bỗng thấy một căn nhà bụi phủ tới tận đầu gối, nhìn bốn phía là rừng sâu. Trong chốc lát, Sư gặp một vị tăng, khoảng sáu mươi tuổi, lông mày bạc trắng dài hơn một trượng quấn vòng trên tai, vui vẻ tiếp chuyện. Hỏi ra, vị tăng ấy đáp: “Ba người đồng học chúng tôi đến đây lánh đời, một người chưa trở lại, một người thì đang nhập Diệt Định”. Sư lại hỏi: “Hiện thời người nào làm vua?” v.v... Vị tăng lấy thóc lúa giã ra để làm bữa ăn. Vị tăng hỏi Tăng Chiêu: “Ông thường tụng kinh gì?” Tăng Chiêu thưa: “Tụng kinh Pháp Hoa”. Sư gật đầu nói: “Nghiệp tinh tấn rất tốt”. Tăng liền chỉ: “Các kinh ở chái Đông nhà này đều do ta tụng, có muốn nghe

hay không?” Tăng Chiêu chấp tay thưa vâng. Vị tăng liền tụng, âm điệu rõ ràng, Sư tụng từ đêm tới sáng. Tăng Chiêu buồn ngủ, vị tăng bảo: “Ông hãy tự ngủ, ta vẫn thường [thức suốt đêm tụng niệm] như thế”. Sáng hôm sau, tăng lại dọn thức ăn. Tăng Chiêu từ tạ lui về, vị tăng cũng chẳng giữ lại, chỉ nói: “Đồng học của ta đã ra ngoài. Nếu ông được gặp, ắt sẽ đại khai ngộ”. Tăng Chiêu trở về, kết bạn trở lại tìm kiếm, chẳng thấy ở chỗ nào (*Theo Tục Linh Thụy Tập*).

*** Thừa pháp sư đời Nguyên Ngụy**

Trong thời Nguyên Ngụy, tại phương Bắc có Thừa thiên sư thọ trì Pháp Hoa, tinh tấn chẳng lười nhác. Mạng chung, Sư thác sanh làm con thứ năm nhà họ Tiết ở Hà Đông. Sanh ra, đã có thể nói chuyện đời trước, chẳng thích ở trong cũi tục, ý muốn lại làm tăng. Cha ông ta làm thứ sử Tứ Châu, bèn theo cha đến chỗ trấn nhậm. Tới chùa Thất Đế ở Trung Sơn, ông ta giật mình nhớ chỗ kinh hành thuở trước. Do vậy, tìm đệ tử thuở đó, bảo: “Ông còn nhớ chuyện khi theo tôi vượt sông đến Lang Sơn hay không? Thừa thiên sư nay chính là thân tôi! Bàn thờ linh trong phòng có thể bỏ đi!” Cha mẹ sợ ông ta xuất gia, liền cưới vợ cho. Sau đó, ông ta quên hẳn chuyện túc mạng, nhưng thường sanh lòng chán lìa, giữ mình đoan chánh, sống thanh tịnh (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Trạng pháp sư ở Tề Châu**

Vị tăng Chí Trạng, người Tề Châu, bẩm tánh thuần hậu, giảm bớt muôn duyên, chất trực, chỉ lấy nhân từ làm gốc. Sư trụ tại chùa Hàm Thảo nơi hang sâu thuộc núi Nhân Đầu, quanh năm tụng Pháp Hoa, chưa từng bỏ lỡ chút nào. Hôm Sư sắp mất, Chí Công tâu với Lương Vũ Đế rằng: “*Bậc thánh tăng Tu Đà Hoàn tại chùa Hàm Thảo ở phương Bắc hôm nay diệt độ*”. Trong ngoài nghe tin, đều hướng về đó vọng bái, “ngài Chí Trạng sắp mất!” Ngài Chí Trạng vắng lặng, chẳng còn thừa sót phiền não, đoan nghiêm qua đời. Hai tay đều có một ngón duỗi ra. Khi đó, có vị Phạm tăng luận rằng: “*Duỗi một ngón tay là chứng Sơ Quả*”. Đạo tục tôn sùng, kính trọng, dựng tháp thờ toàn thân Sư tại núi ấy. Chim thú chẳng làm bản tháp, tới nay vẫn còn (*theo Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Thiên pháp sư ở Giang Lăng**

Vị tăng tên là Tăng Thiên ở Ngô Quận, sanh từ nhà họ Nghiêm. Sư từ bé đã sắc sảo, thần dị, người quen biết đều lấy làm lạ. Sư theo hầu pháp sư Đạo Tắc, cũng là sự quyền biến biểu lộ ra bên ngoài, coi trọng sâu xa. Ngài Tăng Thiên đến các nơi giảng pháp, biện tài mặc sức tung hoành. Lương Cao Tổ (Lương Vũ Đế)²³³ sắc truyền Sư giảng tập giáo nghĩa tại điện Hưng Thiện. Vua coi trọng Sư thông duệ, bèn phong Sư làm gia tăng²³⁴. Ngài Tăng Thiên từ lúc tròn hai mươi tuổi liền tụng kinh Pháp Hoa, vượt hơn sáu ngàn bộ. Một hôm, Sư đang tĩnh tọa, dường như ngủ thiếp đi, mộng thấy Phổ Hiền Bồ Tát quang minh thom ngát chiếu chạm thân thể, Bồ Tát đích thân xoa đầu. Sư ghi lại chuyện ấy, nhưng chẳng kể với ai. Đến khi đã lớn tuổi, mới dần dần kể cho người cùng chí hướng biết. Đồi mỗi kinh trong mười tám bộ như Pháp Hoa, Đại Phẩm, Niết Bàn v.v... Sư đều giảng mười lượt, đều soạn nghĩa sớ (sách chú

²³³ Cao Tổ là miếu hiệu của Lương Vũ Đế. Miếu hiệu là danh xưng để dùng trong khi tuyên sớ cúng tế các vị đế vương đã qua đời tại Thái Miếu. Miếu hiệu thường chỉ có một chữ đi kèm với Tổ hay Tông (chữ Tổ thường dùng cho vị sáng lập vương triều, hoặc những vị coi như có công ngang với vua sáng lập), trong khi thụy hiệu là tên nhằm ca ngợi đức của nhà vua rất dài. Miếu hiệu thường có ý nghĩa khen chê của người đời sau đối với một vị vua, như Thái Tổ và Cao Tổ là vua khai sáng triều đại. Thái Tông là người phát dương quang đại vương triều. Thế Tổ và Thành Tổ thường là người có công lao không kém vị vua khai sáng. Thế Tông là người khiến cho vương triều bền vững. Hiến Tông, Thánh Tông, Trung Tông là những vị vua khiến cho triều đại trung hưng. Nhân Tông, Duệ Tông, Hiêu Tông là vua nhân ái, hiếu thuận, hiền lương. Triết Tông, Thành Tông, Hưng Tông, Hiến Tông là những vị vua giữ vững sự thành tựu của triều đại trước. Túc Tông hàm nghĩa ý nguyện trung hưng triều đại chưa thành công, có tâm mà không thực hiện được! Tuyên Tông, Cảnh Tông là vừa có công vừa có tội. Đức Tông là vua từng gặp phải cảnh loạn lạc phải đào vong. Ninh Tông hàm ý vua quá nhu nhược. Chân Tông, Huyền Tông, Lý Tông, Thần Tông, Đạo Tông là vua thích chuyện huyền diệu, ưa chuộng Đạo Giáo. Văn Tông là vua nhu nhược, thiếu năng lực. Vũ Tông là vua ưa chuộng vũ lực, thích chinh chiến. Cao Tông là triều đại trở nên suy vi. Mục Tông, Quang Tông là vua có thời gian làm vua quá ngắn ngủi, hầu như không làm được gì. Độ Tông, Thuận Tông, Định Tông hàm nghĩa vua thuộc quá trình chuyển tiếp, ảnh hưởng không lớn. Huệ Tông là không có phương pháp trị quốc, giang sơn bị tàn phá. Hy Tông là vua hủ bại, hôn ám. Ai Tông, Tư Tông là vua mất nước.

²³⁴ “Gia tăng” là vị tăng riêng cho nhà vua học đạo, khác với quốc sư vừa là thầy vừa là người thống lãnh tăng chúng cả nước. Đôi khi quốc sư còn kiêm nhiệm địa vị cố vấn tối cao của nhà vua và hoàng tộc.

giải ý nghĩa) lưu truyền hàng hậu học. Về sau, Sư thị tịch, chôn tại núi Trung Hoa ở Giang Lăng (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Quán pháp sư ở Nam Giản**

Huệ Quán làm tăng, do nghe Tiên pháp sư ở chùa Nam Giản giảng pháp, mà thành người lãnh đạo. Về sau, do mắc bệnh, Sư bèn đóng cửa, không ra ngoài, chuyên tụng Pháp Hoa, kiên thành cầu sám hối, bệnh liền khỏi hẳn. Từ đấy, Sư chẳng bỏ sót hạnh nghiệp ấy. Lương Vũ Đế kính trọng, sắc truyền Sư trụ trì chùa Nam Giản để hoằng dương, giảng giải Pháp Hoa. Sư từ ngữ phong phú, ý nghĩa dồi dào, luôn hơn hẳn các cách diễn đạt của người khác. Vì thế, đương thời có câu ngạn ngữ: “*Ca la ngữ, Huệ Quán lục*” (Chép lại kịp lúc lời sư Huệ Quán nói ra), [hàm ý] người đương thời chép lại [lời Sư giảng giải] coi như châu ngọc (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Nhân thiên sư ở Kinh Châu**

Vị tăng Pháp Nhân người xứ Giang Lăng, xuất gia tại chùa Thiên Hoàng, giới hạnh trọn đủ, chuyên trì Pháp Hoa và Duy Ma, mỗi ngày hai lượt. Do chùa đông người tụ tập, nhiều tiếng ồn ào, Sư bèn qua Phúc Thuyền Nham ở Kinh Châu để hành hạnh Đầu Đà, yên tĩnh quán tưởng suốt ba mươi năm. Sư tự vào núi, chẳng cần ngoại hộ. Lương thực đã cạn sạch, bèn dùng trái cây, hoặc bảy ngày ăn một bữa. Từng có lúc cả một kỳ Kết Hạ (ba tháng) mà chỉ tốn ba đấu gạo, tới ngày Tụ Tứ, hầy còn năm thung. Sư chỉ bó gói trong khám thất, chưa từng bước ra ngoài. Một hôm, bỗng có con voi đến ở phía sau khám. Sư nằm bệnh mười ngày rồi nằm bên hông phải mà hóa. Y bát bụi phủ, hư nát, đại chúng ước lượng chưa đáng giá mười đồng. Khi đó nhằm thời Hậu Lương²³⁵ (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Lâm pháp sư tại Ngọc Tuyền**

²³⁵ Hậu Lương (907-923) là một vương triều thời Ngũ Đại, do Châu Ôn (Lương Thái Tổ) soán ngôi nhà Đường. Do trước đó, Châu Ôn (Châu Toàn Trung) được phong là Lương Vương, nên lấy quốc hiệu là Lương. Gọi là Hậu Lương nhằm phân biệt với nhà Nam Lương (Tiền Lương) của Lương Vũ Đế thời Nam Bắc Triều. Do vua sáng lập họ Châu, nên còn gọi là Châu Lương. Đôi khi sử gọi triều đại này là Ngụy Lương theo cách nói phủ nhận của các triều đại cùng thời. Về sau, vương triều này bị diệt bởi nhà Hậu Đường của Lý Tồn Húc.

Vị tăng Pháp Lãm đời Hậu Lương là con nhà họ Nghiêm ở Chi Giang. Sư mới mười lăm tuổi, kiến thức đã khác lạ tốt vời. Sư xuất gia tại chùa Ngọc Tuyền, chẳng mặc lụa là, khát thực tự nuôi thân. Dùng vải thô làm áo, Thiền niệm làm nghiệp, quanh năm tụng Pháp Hoa, chẳng đặt hông xuống giường. Sư đi khắp nơi tham yết, tầm đạo, không nơi xa xôi nào chẳng tới. Sư khí chất, dung mạo thanh cao, nghiêm túc, người trông thấy không ai chẳng ngưỡng mộ phong thái cao cả. Sư từng đến Đại Nhạc, gặp một vị huyện lệnh, xét hỏi giấy thông hành. Pháp Lãm thường mang theo một hộp đựng kinh Pháp Hoa, liền bảo: “Trong hộp này có giấy thông hành”. Quan huyện lục soát, chẳng tìm thấy, bèn tức giận, [chất vấn]. Sư đáp: “*Kinh này là hình tích đã hành của chư Phật, bản đạo noi theo đó để hành. Đây chính là giấy thông hành của Lãm vậy*”. Huyện lệnh bỏ tù Sư, suốt bảy ngày chẳng cho ăn. Sư chỉ nhất tâm tụng kinh. Huyện lệnh bị ác mộng, bèn sám hối, thả Sư. Về sau, Sư ở lại Mặc Sơn, ngồi mát dưới gộp đá. Mọi người ngửi thấy mùi hương lạ, mười ngày mới tan (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Lãng Pháp Hoa ở Ngạc Châu**

Tăng Lãng, họ ngoài đời là Hứa, người xứ Nam Dương. Đến tuổi hai mươi bèn lìa tục, dự kỳ thi dành cho tăng sĩ. Sư phần nhiều sống ở Ngạc Châu, thường nuôi một con khỉ và một con chó. Sư dùng bát gỗ thọ thực, thức ăn còn dư thì cho hai con thú ăn. Ăn xong, khỉ cầm bát không, cười chó mà đi. Tăng Lãng mặc cho chó đi lòng vòng, trọn chẳng quản tới. Sư đọc tụng các kinh, riêng lấy Pháp Hoa làm kinh trọng yếu, tinh tâm tu trì. Mỗi lần tụng là tròn bảy lượt, thậm chí bảy mươi, hoặc bảy trăm lượt, số lượng chẳng ít. Âm thanh phóng khoáng, có khi như tiếng đàn, tiếng sáo. Người bên cạnh nhìn vào, [nhận thấy] Sư chẳng còn thấy nghe, chân tay của Tăng Lãng đều rút vào trong lòng, hình dạng giống như con rùa rúc vào trong mai. Hoặc có lúc Sư ở chốn tửu quán, ăn thịt, uống rượu, đều là chẳng biết do đâu mà có! Vì thế, ngạn ngữ có câu: “*Lãng Pháp Hoa, năm chỗ đều co rút, thịt lợn đầy miệng, má*”. Khi đó, tại ngôi chùa gần đó, có vị tỷ-kheo-ni ngộ giải kinh luận, xướng suốt giảng dạy, người nghe kéo tới như mây đùn. Tăng Lãng nghe vậy, bảo: “Đó là do tà quý gia trì, há có chánh lý? Cần phải đến giáo nghiêm”. Một hôm, Sư đến chùa ấy nhằm lúc vị ni đang giảng nói, Tăng Lãng bèn lớn tiếng quở trách: “Tiểu tỷ! Ta đã đến sao ngươi không xuống khỏi

tòa?” Ni vừa nghe tiếng liền ngã nhào, đứng trước điện đường, mồ hôi tuôn ướt đất, đứng sững bất động. Sư hỏi đến huệ giải, bà ta câm lặng như kẻ si điên. Một trăm ngày sau mới khôi phục bốn tánh. Đó là chuyện trong niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** *Kiên pháp sư ở Đông Nhạc***

Thích Hạnh Kiên đời Tùy chẳng biết người xứ nào, thường tu Thiền Quán, giữ tiết tháo hết sức nghiêm cẩn. Do có việc đi qua Thái Sơn, đến đêm, Sư vào miếu thờ thần núi để nghỉ đêm. Người giữ đèn nói: “Nơi đây chẳng có quán xá, chỉ có tòa thần miếu này, nhưng người ngủ lại nơi này, ắt sẽ chết bất ngờ”. Hạnh Kiên nói “chẳng sao”, bèn trải rơm dưới chái miếu. Hạnh Kiên ngồi ngay ngắn, tụng kinh chừng một canh giờ, bỗng thấy vị thần ấy áo mũ rất lớn, hướng về Sư chấp tay. Hạnh Kiên hỏi: “Nghe nói ai nghỉ lại đây phần nhiều bị chết mất, có phải là vì đàn việt làm hại hay không?” Thần đáp: “Do người sắp chết tình cờ tới đây, nghe tiếng đệ tử mà tự chết, chẳng phải là đệ tử giết”. Sư lại hỏi: “Cõi đời truyền tụng Thái Sơn cai trị quỷ đúng không?” Thần nói: “Đệ tử phước bạc, có chuyện ấy”. Hạnh Kiên nói: “Có hai vị tăng đồng học đã chết, nay còn là quỷ hay không?” Thần hỏi tên rồi cho biết: Một người đã sanh trong nhân gian, người kia đang chịu đói khát trong tù ngục. Sư muốn đến gặp, thần sai thuộc hạ dẫn vào trong viện. Sư thấy một người đang kêu gào trong lửa, thân hình biến đổi chẳng nhận biết được, máu thịt cháy khét. Hạnh Kiên chẳng nỡ nhìn, liền trở về chái miếu, lại ngồi cùng với thần. Hạnh Kiên nói: “Tôi muốn cứu vị tăng ấy có được hay không?” Thần đáp: “Được chứ! Có thể vì người ấy chép kinh Pháp Hoa, ắt sẽ được thoát khỏi!” Sau đó, Sư từ biệt thần. Sáng ra, người trông miếu thấy Hạnh Kiên chẳng chết, ngạc nhiên. Hạnh Kiên rời đi, nhanh chóng hoàn nguyện trước. Kinh chép, đóng thành sách xong, cầm đèn miếu. Thần xuất hiện như cũ, Sư báo cho thần biết chuyện ấy. Thần nói: “Sư vì người ấy vừa chép tựa đề kinh, người ấy đã thoát khỏi rồi. Nay ông ta sanh trong nhân gian, nhưng nơi đây không thanh khiết, chẳng nên đặt kinh. Xin thầy lại đem về tặng vào chùa để cúng dường”. Sư bèn giã biệt thần (theo *Đại Tóng Cao Tăng Truyện*).

*** *Luân pháp sư ở Việt Châu***

Thích Tăng Luân lúc mới năm tuổi, tự thấy quang minh màu trắng đầy nhà, bèn đến chùa Vân Môn ở Việt Châu xin xuất gia. Hạnh tu của Sư là tụng kinh Pháp Hoa. Trong niên hiệu Khai Hoàng, Phật pháp hết sức hưng thịnh. Sư nghe Lý luật sư giảng pháp tại Vũ Dương, bỗng thấy quang minh năm màu giống như bánh xe chiếu vào tự tâm, liền ở trong quang minh lễ năm mươi ba vị Phật. Quang minh vẫn chưa mất, Sư lại lễ năm mươi lăm vị Phật, quang minh mới thu lại. Lúc Sư tám mươi lăm tuổi, bỗng gọi đệ tử, bảo: “*Đêm thanh hôm nay, ta sẽ được giải thoát các pháp, tức là thành đạo vô học, chẳng biết thiên đế có đón tiếp hay không?*” Nói xong liền qua đời. Ngày an táng, tiết trời hết sức trong trẻo, không mây mà bỗng đổ mưa, mọi người đều lấy làm lạ (theo *Tục Linh Thụy Tập*).

*** Siêu pháp sư ở Tề Châu**

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, có vị tăng Huệ Siêu, lập hạnh tốt vời. Sư thường tụng Pháp Hoa, có một đệ tử đã quên mất tên, đang tuổi cầu học, cũng thông thạo ba quyển kinh Pháp Hoa. Một hôm, đưa đệ tử ấy ngã bệnh, chết ở đất Tề, cách Thái Sơn không xa. Huệ Siêu đến dâng hương, trần thuật căn kẽ ý định vì sao đến đó. Tượng gỗ bỗng phát ra tiếng bảo: “Sư giới hạnh chuyên ròng, gắng gỏi, điều Sư hỏi han, tôi chẳng dám bảm báo”. Liền dẫn Sư đến trước phủ quân²³⁶. Huệ Siêu hỏi: “Đệ tử tôi nay ở tại chỗ nào?” Phủ quân nói: “Người chết ở nơi đây, chưa có chỗ để sanh về”. Huệ Siêu nói: “Tôi muốn gặp mặt có được hay không?” Phủ quân liền sai người hầu dẫn Sư đi về phía Đông rặng núi mấy chục bước, quả nhiên gặp mặt. Do vậy, Sư hỏi [đưa đệ tử ấy] sượng khổ như thế nào? Đệ tử thưa: “Chỉ bị gò bó, trói buộc, cũng chẳng sượng khổ gì! Nghĩ chỗ sanh về chưa quyết định, xin thầy cứu vớt cho”. Sư hỏi: “Làm công đức gì?” Đệ tử nói: “Xin thầy tạo một bộ kinh Pháp

²³⁶ Phủ Quân (府君) là danh xưng hàm ý nhiều nghĩa:

- Cách gọi tôn kính quan Thái Thú hoặc Tri Phủ.
- Tiếng tôn xưng khi nói về cha hay ông nội.
- Tiếng tôn xưng chung đối với người nam đã chết.

Khi nói về các vị thành hoàng một vùng, người Hoa hay gọi là Phủ Quân. Ở đây, Phủ Quân là tiếng tôn xưng thần núi Thái Sơn, tức Đông Nhạc Đại Đế. Trong tín ngưỡng dân gian, Đông Nhạc Đại Đế chủ quản thần hồn người mới chết, thống lãnh các thành hoàng trong thiên hạ. Thần Đông Nhạc xét xử tội báo, thẩm vấn trước khi giao tội nhân cho Phong Đô Đại Đế (cai quản địa ngục).

Hoa, đãi trai tăng một trăm vị”. Sư trở về liền chép kinh, trai tăng. Xong việc, lại đến yết kiến phủ quân. Phủ quân tiếp đãi như trước, Sư kể lại những gì đã làm. Phủ quân nói: “Sư vừa mới chép xong chữ Diệu trong tựa đề kinh, vị ấy đã sanh vào chỗ thù thắng”. Sư hỏi: “Sanh vào nơi đâu?” Phủ quân nói: “Sanh làm con trai nhà giàu họ Vương ở Tề Quận, đợi nó tròn ba tuổi, sẽ có thể đến tìm”. Ba năm sau, Sư liền tìm đến, nói: “Muốn được gặp gỡ con trai đàn việt”. Họ Vương cự tuyệt, nói chẳng có con. Sư bèn kể cặn kẽ lời phủ quân. Người vợ đang ở trong phòng, bảo chồng: “Pháp sư linh cảm đường ấy, có thể cho gặp mặt”, liền ôm con ra đặt ngoài cũi. Đứa trẻ vừa thấy Sư, chạy đến nhào vào thầy, ôm thầy buồn khóc hồi lâu. Cho tới khi nó lớn lên, mang chí nguyện xuất gia, lại trở về phụng sự sư Huệ Siêu (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Từ thiên sư ở Kỳ Châu**

Vị tăng tên Hiếu Từ sống ở chùa Từ Môn. Từ bé, Sư đã tin theo Tam Giới Phật pháp do thiên sư Tín Hành đề xướng, bèn tu khổ hạnh, thân thường khát thực, mặc y phẩn tảo, sáu thời lễ sám. Hễ trụ nơi đâu, Sư cũng dùng lời sau đây để giáo hóa người khác, đề xướng: “Kẻ tụng kinh Đại Thừa liền vào địa ngục A Tỳ trong mười phương, hãy mau sám hối”. Một lúc nọ, sau khi Sư thuyết pháp ở Kỳ Châu, có vị ưu-bà-di trì kinh Pháp Hoa khuyên những người hữu duyên cùng tụng. Sư nói: “Người trì Pháp Hoa, chẳng thích hợp căn cơ, đáng đọa địa ngục, hãy mau bỏ tụng đi!” Những người khác đều bỏ tụng. Vị ưu-bà-di cầm đầu chẳng tức giận, liền trong ngày đại trai, vạn người tụ hội, đốt hương, phát thệ rằng: “*Nếu tôi trì kinh Pháp Hoa chẳng xứng hợp ý Phật, nguyện thân nhiễm bệnh ngặt khiến cho đại chúng trông thấy. Lại nguyện thân này hãm nhập địa ngục ngay khi còn sống. Nếu tôi trì kinh Pháp Hoa xứng thuận ý Phật, nguyện thiên sư liền thọ ngay báo ấy*”. [Bà ta] nói xong, Hiếu Từ liền bị thần đánh, mất tiếng, chẳng thể nói được. Những kẻ đề xướng, ghi chép của Sư cũng bị mất tiếng. Trong số đó, có năm vị lão thiên sư cũng chẳng thể nói được. Những người bỏ đọc tụng do thấy sự báo ứng lạ ấy lại đọc tụng như trước (theo *Tự Kính Lục*).

*** Sùng pháp sư ở Tương Châu**

Vị tăng Pháp Sùng đọc chí nơi kinh luận, tinh thông Pháp Hoa nhất, soạn số giải bốn quyển. Sư từng tới Lộc Sơn ở Tương Châu. Sơn tinh hóa thành phu nhân tới chỗ ngài Pháp Sùng xin thọ giới. Do vậy,

[sơn tinh] bỏ ngọn núi đang ở để dựng chùa, chẳng mấy chốc hóa thành cuộc đẹp đẽ ở đất Tương (theo tục Linh Thụy Tập).

*** Hai vị tăng ở Dương Châu và Kỳ Châu**

Đầu niên hiệu Khai Hoàng, tại Dương Châu có vị tăng tụng thông thảo kinh Niết Bàn, khoe khoang hạnh nghiệp ấy. Tại Đông Sơn ở Kỳ Châu có sa-di chỉ tụng phẩm Phổ Môn. Hai người đều chết bất ngờ, cùng tới âm ty. Diêm Vương liền mời sa-di ngự tòa vàng, tụng kinh mà vị ấy thường tụng, hết sức trịnh trọng. Lại đề vị tăng kia ngồi tòa bạc, tụng kinh Niết Bàn, tâm chẳng tôn kính cho lắm. Tụng xong, vua hỏi người giữ sổ sách, rồi bảo: “Hai người đều còn tuổi thọ”, bèn thả về. Vị tăng tụng kinh Niết Bàn ý mình tụng nhiều, tâm rất oán hận, hỏi trụ xứ của sa-di, nguyện sau này sẽ tìm kiếm. Hai người đã sống lại, vị tăng tụng kinh Niết Bàn tới Kỳ Châu, thật sự tìm được sa-di, hỏi han nguyên do. Sa-di thưa: “Con tụng phẩm này có áo riêng, chỗ riêng, đốt hương chú nguyện rồi mới mở miệng [tụng niệm], hành pháp này chẳng biếng nhác, chứ chẳng có thuật gì khác”. Tăng cảm tạ rằng: “Ta có tội sâu lắm! Ta tụng kinh Niết Bàn oai nghi chẳng tề chỉnh, thân và miệng bất tịnh, qua quýt cho xong đó thôi!” Cổ nhân có nói: “Nhiều mà ác chẳng bằng ít mà lành”, được chứng nghiệm qua chuyện này. Đây cũng là tinh tấn, nhưng chưa phải là Ba La Mật (theo Chỉ Quán Phụ Hành).

*** Thái pháp sư ở My Châu**

Thời Đại Tỳ, có vị tăng tên là Pháp Thái, họ Lữ. Thoạt đầu, Sư làm đạo sĩ đã mười mấy năm, bỗng chán đạo ấy, hỏi tâm về đấng Đại Giác, qua Ty Sơn ở My Châu, theo thầy xuống tóc, trì tụng kinh Pháp Hoa, liền được thông thảo. Sư còn đích thân chép một bộ kinh ấy, có vài điều linh dị. Do vậy, Sư lo liệu hai ngàn đồng, mang kinh tới Ích Châu để trang hoàng. Sư mang kinh tới Tạc Kiêu thì cầu gãy, rơi xuống nước. Tuy người hầu vớt được Sư, nhưng mất rương đựng áo. Pháp Thái gào to: “Tiền bạc, vật dụng chẳng quản, sao nữa mất kinh? Có ai vớt được, tôi sẽ biếu hai ngàn đồng”. Khi đó, có người lặn xuống nước tìm kiếm, chỉ tìm được tiền bạc, vật dụng. Pháp Thái bèn đi dọc sông tìm kiếm, bỗng thấy trên cồn bãi có một gói vải, nhặt lấy xem thử, thì ra là kinh. Kinh được cỏ cây nâng đỡ, trọn chẳng ướt chỗ nào! Sư bèn đem trang hoàng, đem về chùa thờ phụng. Thường nghe có mùi hương lạ ngung động, Sư

càng tinh tấn gấp bội. Mỗi đêm tụng niệm một bộ là lệ thường. Trong chùa có Bưu pháp sư chuyên giảng dạy, chiều tối xem đọc [kinh điển], ngại Pháp Thái tụng kinh gây phiền, muốn ép Sư đọc nhỏ tiếng. [Bưu pháp sư] đến chỗ Sư, bỗng thấy trước cửa phòng Pháp Thái có vô số vị thần đều quỳ gối, chấp tay. Bưu pháp sư hổ thẹn, toát mồ hôi, lui về (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** *Cung thượng nhân ở Thành Đô***

Thượng nhân Huệ Cung, họ ngoài đời là Châu, là người ở phủ Thành Đô, xuất gia tại chùa Thiệu Đề, kết bạn với vị tăng Huệ Viễn để siêng năng học đạo, mong thành pháp khí. Huệ Viễn sang Trường An nghe giảng Thành Thập Luận rồi trở về quê giảng dạy, trác tuyệt không ai bằng! Huệ Cung sang Kinh Dương, tham phỏng học đạo rồi quay về. Thấm thoát đã ba mươi năm. Đêm hội ngộ chuyện trò, Huệ Viễn nói năng như nước chảy, Huệ Cung câm lặng, chẳng đáp được. Huệ Viễn chê cười, Huệ Cung nói: “Tôi bảm tánh cực ngu, chẳng hiểu biết gì!” Huệ Viễn hỏi: “Có tụng nổi một kinh nào chẳng?” Huệ Cung đáp: “Biết tụng phẩm Phổ Môn”. Huệ Viễn vẫn khinh thường. Huệ Cung nói: “Quyển kinh tuy nhỏ, nhưng do chính miệng đức Phật tuyên thuyết. Tôi sẽ vì huynh tụng một lượt”. Huệ Cung liền trải tòa tụng niệm. Vừa mới cất tiếng, liền cảm thấy có mùi hương; kế đó thấy hoa trời rơi tán loạn, nhạc trời vang rền. Tụng kinh xong, [các thứ tướng lành] ngưng dứt. Huệ Viễn làm lễ, tán thán, xin Huệ Cung lưu lại dạy bảo. Huệ Cung nói: “Chẳng phải là sức của tôi, mà là sức của chư Phật”. Huệ Cung bèn giũ áo rồi đi, chẳng biết kết cục như thế nào! (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** *Ẩn thiền sư ở Kinh Châu***

Thiền sư Pháp Ẩn trụ đã lâu ở phía Đông rừng Phúc Thuyền tại Kinh Châu, dùng chuyện tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp của chính mình. Sư thường hận chưa rảnh để quán tâm, bèn sang Tùng Tư để hỏi phương cách nơi thiền sư Pháp Thường, đạt được lý thú sâu xa. Một hôm, Sư đến từ biệt bạn cũ là Hồ Quân Nghĩa, nhưng không gặp, bèn đề trên vách: “Ngày tháng năm đó, tôi sẽ đi xa”. Sau đó, Sư bỗng nói với chư tăng rằng: “Hôm nay tôi sẽ ngủ một giấc dài, ngày mai chẳng thức dậy”. Mọi người chen chúc ngoài cửa xem, thấy Sư nằm bên hông phải,

như ve thoát xác. Xem năm tháng Sư đã đề trên vách khi trước, không gì chẳng phù hợp! (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**** Sung pháp sư ở Lư Sơn***

Sư tên là Pháp Sung, con nhà họ Tất ở Cửu Giang, chán đời xuất gia, thường trì Pháp Hoa và Đại Phẩm rất nhiều lượt, nhưng chưa ghi nhớ. Sư trụ tại chùa Hóa Thành ở Lư Sơn, lại tu tập chánh định, chẳng dính dáng nhân gian, thường khuyên chúng tăng chẳng cho người nữ vào chùa: [Nêu cho họ vào], trên là tổn hại sự giáo hóa của Phật, dưới là sẽ vướng vào lời đồn thổi của thế tục. Có kẻ chẳng thuận theo, Pháp Sung nói: “Chánh giáo chẳng lưu hành, theo nghĩa phải nên sớm chết, còn lo gì cõi nước không tuân phụng giới ư?” Liền ngâm sang đỉnh Hương Lô, gieo thân cho nát xương, thể sanh Tịnh Độ. Có người thấy Sư rơi xuống, liền tìm kiếm thì thấy ngài Pháp Sung thân thể chẳng bị tổn hại, tưng kinh như cũ. Vì thế, khẩn khoản mời Sư về chùa. Tăng cảm động trước chuyện Sư dùng cái chết để can gián, liền thôi cho nữ nhân vào chùa. Sáu năm sau, Sư mất, đang lúc nắng gắt, nhưng thi thể chẳng hư nát, thơm tho như hoa lan. Đó là chuyện trong niên hiệu Khai Hoàng (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**** Tú thượng nhân ở Hoàng Châu***

Cuối đời Tùy, có vị tăng Huyền Tú, sống tại chùa Tùy Hoa ở Hoàng Châu, tánh thanh cao, ôn hòa, thường tụng Pháp Hoa luôn có tướng lạ, nhưng Sư chẳng cho đó là lạ. Lúc đó, đang mùa Hạ nắng gắt, bạn bè sai người hầu tới mời Sư đi hóng mát. Kẻ hầu đến trước phòng cửa Sư, bỗng thấy có người ngựa chen chúc canh giữ, hoảng sợ quay về. Bạn bè đích thân đến đó, thấy đúng như vậy, xoay mình đi vào cửa sau, thấy binh giáp càng nhiều, chật ních không trung, chẳng thể đếm nổi. Tứ chúng truyền tụng sôi nổi, đều nói là “*thần dị*” (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

**** Sanh pháp sư ở Tề Châu***

Thích Tăng Sanh ở Tề Châu, tánh thích cô độc. Thoạt đầu, Sư không trụ một nơi cố định. Chỉ cần là chốn già lam, chẳng cần biết có tăng chúng hay không, Sư liền tạm ở nơi đó, khát thực để tự sống. Sư tụng kinh Pháp Hoa [tại đó] tròn một ngàn bộ liền dời sang nơi khác.

Trong niên hiệu Khai Hoàng, Sư tới chùa Linh Nham trì tụng. Một đêm, bỗng thấy thần nhân mấy chục người phủ phục lắng nghe. Tăng Sanh hỏi: “Các vị là ai?” Thần thưa: “Đệ tử là sơn thần, sống ở đây đã bảy trăm năm. Nay nghe tiếng pháp sư tụng kinh, đặc biệt tới nghe nhận; xin thầy vì chúng con tụng niệm”. Rất lâu sau họ mới rời đi. Từ đấy, họ thường tới. Kế đó, Sư sang chùa Pháp Tạng ở Tương Châu để lo khắc Đại Tạng. Sư thắp đèn trong mắt để cúng dường Đại Thừa, tụng niệm không ngừng. Về sau, Sư tịch tại đó (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Lượng pháp sư ở Tô Châu**

Trong niên hiệu Đại Nghiệp, tại Hồ Khâu có sư Tăng Lượng, mười hai tuổi xuất gia, học đạo, chỉ tụng Pháp Hoa. Tụng chưa đầy bốn mươi ngày, đã thông suốt cả bộ. Sư đi về phương Nam, đến Côi Kê, đối trước tượng Tam Sanh²³⁷ ở huyện Diêm và tháp xá-lợi ở Mậu Sơn, ở mỗi nơi đều đốt một ngón tay nhằm biểu thị dùng huệ đăng để cúng dường. Sau đó, Sư quay về quê cũ, trụ tại chùa Bắc Thiên. Một hôm, Sư bỗng đòi nước nóng để tắm rửa, từ biệt các đàn việt, ngồi ngay ngắn, qua đời, cảm mùi hương lạ đầy phòng (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Hiển thiên sư nước Bách Tế²³⁸**

²³⁷ Đây chính là tượng Di Lặc Bồ Tát, thường được gọi là Giang Nam Đệ Nhất Đại Phật. Tượng được điêu khắc từ năm Vĩnh Minh thứ tư (386) nhà Nam Tề cho đến năm Thiên Giám 15 (516) đời Lương, mất ba mươi năm mới hoàn tất. Do tượng là công sức của ba vị Tăng Hộ, Tăng Thục và Tăng Hựu nối tiếp nhau chủ trì tạo tác, nên gọi là Tam Sanh Tượng. Tượng Di Lặc ngồi xếp bằng, tòa ngồi cao 2m, thân cao 13,74m, đầu cao 3,8m. Tượng được tạc dưới hình thức Bồ Đại hòa thượng, có dung mạo thanh nhã, hoan hỷ, siêu thoát, trí huệ. Tuy tượng rất to, nhưng rất đẹp đẽ, sinh động, không hề thô vụng.

²³⁸ Bách Tế (Baekje, hoặc Paekche), còn phiên âm là Bách Tế, là một vương quốc cổ nằm ở phía Tây Nam bán đảo Đại Hàn, tồn tại từ thế kỷ 18 trước Công Nguyên cho đến năm 660, là một trong ba vương quốc cổ của Đại Hàn (tức Cao Câu Ly (Goguryeo, đôi khi còn gọi là Cao Lặc), Tân La (Silla) và Bách Tế). Vương quốc Bách Tế được sáng lập bởi Ôn Tộ vương (Onjo), con trai thứ ba của Châu Mông (Jumong). Châu Mông là người sáng lập vương quốc Cao Câu Ly. Vương quốc này lần lượt đóng đô tại thành Úy Lễ (Wiriyeoseong, tức Hanam ngày nay), Hùng Tân (Unjin, còn gọi là Hùng Châu), cuối cùng là Tử Tỳ (Sabi, nay thuộc quận Phù Dư (Buyeo), phía Tây Đại Hàn). Thời cực thịnh, Bách Tế kiểm soát toàn bộ miền Tây Đại Hàn, kể cả một phần lãnh thổ Liêu Tây của Trung Hoa. Dân Bách Tế giỏi hàng hải, buôn bán khắp vùng Đông Á và góp phần lớn trong việc truyền bá Phật giáo

Sa-môn Huệ Hiền ở nước Bá Tế, xuất gia từ bé, có chí lớn, chỉ tụng kinh Pháp Hoa. Nếu Sư cầu phước hoặc thỉnh nguyện, không gì chẳng như ý. Sư nghe giảng Tam Luận, liền đến nghe nhận. Pháp vừa nhiệm vào tâm thức, huệ giải càng tăng. Thoạt đầu, Sư trụ tại chùa Tu Đức ở nước ấy, có đại chúng thì giảng, không có thì thanh tịnh tụng niệm. Tứ phương vắng nghe đạo phong, đều đến tham yết, xin chỉ dạy. Sư phiên chán phải đón tiếp, bèn qua núi Đạt Noa²³⁹ ở phương Nam. Núi ấy hết sức sâu và hiểm trở, Huệ Hiền ngồi trong ấy, chuyên tu hành như cũ, rốt cuộc chết tại đó. Đồng học đặt thi thể Sư trong hang đá. Cọp ăn sạch thân thể, chỉ còn đầu lâu và lưỡi còn lại. Trải qua ba năm, lưỡi đỏ tươi, mềm mại hơn trước; về sau biến thành màu tím, cứng như đá. Đạo tục ngưỡng mộ vô cùng, dựng tháp để ghi nhớ. Đó là chuyện xảy ra vào đầu niên hiệu Trinh Quán đời Đường (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Hỷ pháp sư ở Kinh Châu**

Vị tăng Pháp Hỷ sanh trong nhà họ Lý ở Tương Dương. Bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Thanh Khê ở Kinh Châu. Đại chúng trong chùa hơn bốn mươi người, Pháp Hỷ làm sa-di, tu hạnh Đầu Đà hầu hạ tăng chúng. Ngày thì nấu nướng, đêm thì tụng niệm, tu tập. Trong núi chẳng có dầu, dùng củi để thắp sáng. Mỗi đêm, Sư tụng một trang kinh. Tuy học các kinh, Sư chỉ lấy Pháp Hoa làm cốt lõi. Tùy Văn Đế sắc truyền Sư trụ tại chùa Thiên Định. Lúc tuổi già, do mong được cảm thông, Sư thề tụng kinh Pháp Hoa một ngàn lượt. Do vậy, chẳng ở trong phòng cũ mà đi vòng quanh nhiều tháp. Trong hai oai nghi, thề hành đủ số một vạn tám trăm hạnh trong bốn nguyện. Tăng chúng trong chùa bỗng thấy cỗ xe báu trắng ngựa trắng vào phòng Pháp Hỷ, tìm thì chẳng thấy. Đó là chuyện cảm thông vậy!

Về sau, Sư về dưỡng già tại Lô Lăng. Năm Trinh Quán thứ sáu (632), Sư nhiễm bệnh, gọi môn nhân đến bảo: “*Vô thường đã tới, chớ*

sang Nhật Bản. Năm 660, Bách Tế bị liên quân Tân La và nhà Đường đánh bại dưới triều vua Nghĩa Từ (Uija), bị sát nhập vào vương quốc Thống Nhất Tân La (Tongsilsilla).

²³⁹ Tức là núi Hán Noa (Hallasan), đôi khi viết theo kiểu Hán tự (Hanja) là Hán Nã sơn, vốn là một núi lửa nằm trên đảo Jeju (Tế Châu) ở cực Nam Hàn quốc. Qua nhiều triều đại, núi lần lượt có tên là Buak (Phủ Nhạc), Seonsan (Tiên sơn), Wonsan (Viên sơn), Jinsan (Trần sơn), Dumuak (Đầu Vô Nhạc), Burasan (Phù La sơn), và Yeongjusan (Doanh Châu sơn).

chú trọng ồn náo, phiền nhiễu. Tam giới hư vọng, chỉ là nhất tâm”. Đại chúng bỗng nghe ở phía Bắc khu rừng có tiếng âm nhạc và xe cộ văng vẳng; do vậy, thưa với Pháp Hỷ. Pháp Hỷ nói: “Đã xả quả báo thế gian, như thế nào lại sanh vào chỗ vui sướng?” Trong khoảnh khắc, mùi hương lạ đầy thất, Sư ngồi ngay ngắn mà hóa (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Thông pháp sư ở Chung Nam**

Vị tăng tên Hội Thông là người xứ Ung Châu, từ bé đã ưa thích học đạo, tánh cương nghị, tiết tháo cao cả. Sư ẩn cư tại Báo Lâm Cốc ở núi Chung Nam để chuyên dốc sức đọc kinh Pháp Hoa. Do thấy ngài Dục Vương xả thân, Sư liền mong phỏng theo, riêng gom góp gỗ củi hòng thực hiện. Cuối niên hiệu Trinh Quán, trong đêm thanh, Sư tụng phẩm Bồ Đề của Bồ Tát, dùng lửa đốt thân. Khói lửa hùng hực, Sư nghiêm nhiên ngồi xếp bằng tụng kinh như cũ. Lúc đó, mọi người bỗng thấy từ phương Tây có luồng sáng trắng to lớn xuyên vào đồng lửa. Thiêu xong, [đại chúng] gom góp di hài, liền dựng tháp thù thắng để lưu truyền hành trạng bất hủ của Sư (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Thông pháp sư ở Ngưu Đầu**

Sa-môn Trí Thông ở Tử Châu, họ ngoài đời là Trần. Tám tuổi xuất gia, làm đệ tử của pháp sư Chánh Đạo, chuyên tụng Pháp Hoa, và dùng kinh ấy để giảng dạy. Sư trụ trong núi Ngưu Đầu, oai nghi giữ giới, hàng phục các đạo sĩ. Thường có hai con ngỗng đến nghe thuyết pháp. Sư giảng hơn trăm lượt, hai lần phóng quang. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư từ biệt đại chúng mà mất. Toàn thể nhà cửa, điện đường trong chùa đều chấn động, biến thành sắc trắng trong khoảng một bữa ăn (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Mân pháp sư ở Tô Châu**

Sư húy Huệ Mân, người xứ Hà Đông. Chín tuổi xuất trần, lại còn siêng tu bạch nghiệp (thiện nghiệp), tụng kinh Pháp Hoa, sau một tháng liền thông thạo. Mười lăm tuổi, Sư thỉnh pháp nơi Quang pháp sư ở Tân La, tài hoa bộc phát, được khen ngợi là túc sĩ (bậc lão thành học rộng). Lúc mười lăm tuổi, Sư trở về chùa Thi Quang Hưng ở Hải Diêm giảng

kinh Pháp Hoa. Mùi hương lạ, tiếng khảy ngón tay nhiều lượt vang trên không trung. Thính chúng như mây đùn, đều nói là điềm lành. Sau đó, Sư dời sang chùa Thông Huyền, kết đồ chúng hành đạo mười bảy năm, chân không ra khỏi cổng chùa. Cuối đời Tùy, ly loạn, vùng Ngô Trung đói kém, tứ chúng chạy nạn, chỉ có ngài Huệ Mân kiên quyết thà chết giữ chùa, tu Thiền, tụng niệm. Triều đại nhà Đường mở ra, Sư trụ tại chùa Nam Giải. Hai con thảo, một con báo cùng thân cận, ở chung với Sư. Ba ngày trước khi Sư sắp mất, mùi hương lạ ngập nhà, toàn thể đại chúng hỏi Sư, Sư đáp: *“Ngày mai ta sẽ ra đi; sanh tử là chuyện thường của con người. Gởi thân trong cõi đời như mây trôi, ai nấy hãy nghĩ tới vô thường, sớm cầu tự độ”*. Tới hạn, quả nhiên Sư thuận theo vô thường mà hóa (Theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Đạt pháp sư ở Ly Sơn**

Trong niên hiệu Trinh Quán, có vị tăng tên Huệ Đạt, sống tại Tân Lương Tự ở Ly Sơn. Sư dốc chí tụng kinh Pháp Hoa, tính ra hơn sáu ngàn lượt. Trong các oai nghi đi, ngồi, tiếng tụng niệm chẳng dứt. Sư giữ lòng yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh, một mực nhìn xuống, trên đất nếu có trùng, bọ, liền xoay mình tránh né. Có người gạn hỏi, Sư đáp: *“Bọn chúng và tôi sanh tử bất định, đâu có biết ai sẽ thành Chánh Giác trước! Há nên khinh thường?”* Sau này, Sư ngồi xếp bằng qua đời, người khác cho là Sư đang nhập Định. Lưu lại năm đêm mới biết Sư đã qua đời từ lâu. Thân thể lại chẳng hư thối, bèn chôn luôn cả giường trong hang đá (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Tục thượng nhân ở Ung Châu**

Lúc nhà Đường vừa mở nước, tại huyện Lễ Tuyền ở Ung Châu có vị tăng tên Di Tục, từ bé đã tụng kinh Pháp Hoa trọn mấy ngàn lượt. Một hôm, Sư nhiễm bệnh sắp mất, liền căn dặn bạn là Huệ Khoách rằng: *“Do đọc tụng, tôi mong điềm lành ứng hiện để sanh tín tâm cho cõi tục. Sau khi tôi chết, chôn rồi thì mười năm sau xin hãy đào lên. Nếu lười hư hoại thì biết tôi đọc tụng chẳng có công hiệu gì! Nếu vẫn còn, xin hãy báo với đạo tục xây dựng một tháp để biểu thị tướng trạng linh ứng”*. Nói xong, qua đời. Về sau, [Huệ Khoách] làm theo lời dặn, thấy máu thịt của Sư đã tan hết sạch, chỉ còn lười chẳng hư hoại, bèn đựng lười trong hộp, dựng tháp ở gộp đá phía Nam Cam Cốc (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** *Pháp sư Cao Tịch thời cổ***

Vị tăng Cao Tịch làm bạn với Nhãn pháp sư chùa Kiến Sơ, tụng thông thạo kinh Pháp Hoa, nhưng không tinh tường giới luật. Một hôm, Sư bệnh sắp mất, Nhãn pháp sư hỏi: “Ông chết rồi, sẽ thọ sanh ở đâu? Xin hãy báo cho biết”. Cao Tịch nói: “Trước nay, tôi thường cảm khái chuyện ấy. Nếu do thiện ác trong chôn âm thầm [mà sanh về đâu], chắc chắn sẽ báo cho ông biết”. Sau đó, Sư mất. Suốt hai năm vẫn chẳng có tin tức. Tới năm thứ ba, Nhãn pháp sư bèn đến nhà Cao Tịch, cùng người nhà trèo lên núi. Nhãn pháp sư ngồi một mình, trong lúc mộng lung, thấy Cao Tịch bảo: “Lúc lâm chung đã ước hẹn, muốn báo tin đã lâu, nhưng vì sự duyên chẳng thực hiện được, cho nên đến trễ. Tôi nay làm tiểu lại ở Thái Sơn, cũng chẳng khổ cho lắm”. Nhãn pháp sư hỏi: “Ông bình sanh tụng kinh, nghe pháp, sao lại có quả báo như thế?” Cao Tịch nói: “Do nhờ đó mà được như vậy. Nếu không, còn kém hơn nữa”. Nói xong ắt mất. Do vậy, Nhãn pháp sư càng thêm tinh tấn (*xem ở cuối bản in kinh Pháp Hoa thời cổ*).

*** *Vị tăng chùa Ngô Chân***

Trong niên hiệu Trinh Quán, vị tăng tên là Diên Cán thuộc chùa Ngô Chân núi Vương Thuận, ban đêm đi qua Lam Khê, bỗng nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa. Âm thanh ấy tuy nhỏ nhưng vang xa. Lúc đó, trăng sao đã mờ, ngó bốn phía mây chực dậm không có ai. Vị tăng nghiêng tai nghe kỹ, rồi vội trở về, tìm bạn đến cùng tìm kiếm. Họ nhận thấy âm thanh ấy từ trong đất vang ra, bèn đánh dấu chỗ ấy. Tới sáng hôm sau đào lên, từ trong đất vùi, tìm được một chiếc đầu lâu, màu sắc đã khô xỉn, chỉ riêng môi và lưỡi tươi nhuận. Sư liền mang về, dùng hộp đá đựng, cất bên hông đại điện. Từ đó, mỗi đêm thường nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa. Nam nữ ở Trường An kéo nhau đến xem. Trong niên hiệu Khai Nguyên, bỗng bị vị tăng xứ Tân La lấy trộm hộp ấy đem đi. Tăng chúng trong chùa đuổi theo thì ông ta đã về tới Hải Quốc (Đại Hàn) rồi (*theo Thái Bình Quảng Ký*).

*** *Vị tăng chùa Huyền Pháp***

Tại phường An Ấp ở Trường An có chùa Huyền Pháp, vốn là nhà cũ của người trong làng là Trương Tàn. Trương Tàn từng cúng dường

một vị tăng. Vị tăng ấy chuyên niệm kinh Pháp Hoa cả mười mấy năm. Đồ đệ của Tàn bồng vu cáo vị tăng ấy thông dâm với một đứa hầu gái, lại còn do chuyện khác mà giết chết Sư. Sau đó, trong nhà ấy nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa chẳng ngớt suốt ngày đêm. Trương Tàn biết Sư bị oan, thẹn hồi chẳng kịp. Vì thế, đổi nhà thành chùa (theo *Thái Bình Quảng Ký*).

*** Vị tăng chùa Trĩ Sơn**

Ở ngoài thành Quế Phủ, cách Giang Đông năm dặm có chùa Trĩ Sơn. Thoạt đầu, có một vị tăng dựng am nơi đây, hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, lại còn có thể giảng nói. Bồng có một con trĩ thường đến xếp cánh lắng nghe. Hết quyển thứ năm, trĩ chẳng đến nữa! Tám năm sau, nhà dân dưới chân núi sanh ra một đứa con trai. Đứa bé mới tám tuổi, chẳng ăn mặn, chẳng đùa giỡn, kiên quyết muốn xuất gia với vị tăng ấy. Cha mẹ cho nó đi tu. Một hôm, Sư tắm rửa, bảo nó chà lưng giùm. Nó nhất quyết không chịu cởi áo. Sư hỏi, nó đáp: “Con đời trước chính là chim trĩ. Do nghe Sư giảng kinh, tụng niệm mà được quả báo làm người. Nay dưới nách vẫn còn lông chim trĩ. Vì thế chẳng cởi áo”. Do vậy, Sư dạy nó năm quyển đầu của kinh ấy, giống như nó đã quen học tập từ trước. Hai quyển sau nó chẳng thể học. Từ đó, núi ấy dùng chim trĩ để gọi tên. Do có núi bèn dựng chùa, chùa đến nay hãy còn (theo *Giới Sát Loại*).

*** Thông pháp sư ở Dương Châu**

Vị tăng tên Trí Thông trụ tại chùa Bạch Mã ở Dương Châu, chuyên tu tập Tam Luận, rồi qua sông, trụ tại chùa An Lạc. Gặp lúc nhà Tùy mất nước, Sư nghĩ cách quay về chẳng được, bèn núp trong lau lách bên sông, tụng kinh Pháp Hoa. Suốt bảy ngày Sư chẳng đói, luôn có bốn con cọp đi tuần chung quanh. Trí Thông nói: “Ta đã mười ngày không ăn, mạng chỉ trong hơi thở, người có thể ăn thịt ta”. Hổ thốt ra tiếng người: “Tạo trời, lập đất, chẳng có lẽ ấy!” Bồng thấy có một ông cụ kẹp nách một chiếc thuyền nhỏ tới nói: “Sư muốn vượt sông thì lên thuyền”. Bốn con hổ nhìn thấy bèn ứa lệ. Trí Thông nói: “Giữ gìn trong lúc nguy ngập, cứu nạn chính là lúc này”. Bèn cùng bốn con hổ lên thuyền, thuận lợi vượt sang bờ Nam. Thuyền cập bờ, thuyền và ông cụ bồng chẳng thấy đâu nữa! Trí Thông dẫn bốn con hổ nghỉ tại phía Tây tháp Tây Hà,

kinh hành, thiên tụng, thề không ngủ. Đồ chúng theo Sư tám mươi mấy người. Nếu có chuyện hung hiểm, hổ sẽ rống to. Do vậy, mọi người sẽ cảnh giác. Tới giữa niên hiệu Trinh Quán, lúc Sư đã chín mươi chín tuổi, trong ngày Phật Đản, Sư đốt lò hương, lễ khắp các vị thánh tăng, trở về tĩnh thất, ngồi đốn nghiêm qua đời (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** *Hưởng pháp sư ở Thê Hà***

Pháp Hưởng người xứ Dương Châu, thân cao tám thước. Cốt cách, bộ dáng khôi ngô. Mười sáu tuổi xuất gia, Sư tu tập siêng khổ, tụng thông suốt kinh Pháp Hoa, coi đó là đức nghiệp. Đến già, Sư sang chùa Tây Hà, lập thêm Pháp Hoa Đường để hành Pháp Hoa tam-muội của tổ Trí Giả. Tịch tấn suốt hai mươi một ngày, thu được điềm lành linh nghiệm to lớn. Sư nhận biết, nhưng chẳng nói. Có một thuở nọ, cọp xâm hại nhân dân suốt mấy chục ngày. Đạo tục thiết đại trai cầu giải nạn, hổ bỗng xông vào chỗ hành lễ, quắp một người mang đi. Sư đuổi theo sau, kêu nó đứng lại: “Sao lại lỗ mãng vậy? Nay đang cử hành trai đàn, hãy thả người ra”. Hổ liền thả người ấy. Sau đó, các con hổ đều kéo đến. Sư dùng trượng gõ đầu hổ, giảng thuyết chánh pháp. Từ đấy, chúng chẳng còn làm hại nữa! (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** *Thành pháp sư ở Chung Nam***

Vị tăng tên Pháp Thành ở Ung Châu, từ bé đã dĩnh ngộ khác thường. Sư xuất gia tại chùa Lam Điền, theo hầu ngài Tăng Hoằng. Tăng Hoằng cũng là một vị tăng thần dị. Pháp Thành vâng lời thầy răn, tụng kinh Pháp Hoa, lấy đó làm bạch nghiệp. Lại hành trì Pháp Hoa tam-muội, từng mộng thấy đức Phổ Hiền khuyên biên chép đại giáo. Sư liền cậy người chép tám bộ Bát Nhã, lại chép kinh Hoa Nghiêm, cảm chìm có màu lạ nhảy múa nơi án chép kinh. Sư chép kinh Hoa Nghiêm ở nơi đất trống, do có chuyện phải đi, chưa kịp thu dọn. Mưa to trút tầm tã. Tới khi trở về, án chép kinh vẫn còn nguyên đó, các thứ khác đều bị cuốn trôi. Tới giữa niên hiệu Trinh Quán, Sư ngã bệnh, có chí nguyện sanh lên trời Đâu Suất, bèn nói: “Nay có đồng tử đến đón, ta đi đây”. Nói xong, miêng phóng quang minh, mùi hương lạ đầy thất, điềm nhiên ngồi qua đời. Sư tụng kinh Pháp Hoa mỗi kỳ kết Hạ năm trăm lần, những lúc khác thì trì kèm thêm, vẫn được hai lượt. Nếu như gặp khách đến mà chưa tụng xong bộ kinh, sẽ chẳng nói chuyện chi khác. Tính đại

lược trong mười năm, số các bộ kinh được tụng phải hơn một vạn (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Diễm pháp sư ở Tô Châu**

Sa-môn Trí Diễm đời Đường là con nhà họ Châu ở Ngô Quận. Mẹ Sư họ Trương, nằm mộng thấy lên ngôi trên tướng luân²⁴⁰ của tháp chùa Thông Huyền, bèn sanh ra Sư. Tám tuổi, Sư xuất gia, phong cách kiên cường, tài hoa, tài năng khác vời. Mười hai tuổi, Sư đọc trôi chảy kinh Pháp Hoa, ai nấy đều gọi là “*thần đồng*”. Tới khi chính thức xuống tóc (thọ Cụ Túc Giới), Sư liền ra ngoài (du phương tham học) để nghe giảng, thông huệ khai phát. Sau đó, Sư ẩn cư tại núi Vũ Khâu ở Tô Châu. Ngoài lúc giảng giải, tu luyện, Sư đều tu Phổ Hiền sám, tụng kinh Pháp Hoa, tính ra ba ngàn bộ. Lò hương chưa đốt, tự tỏa khói thơm tho. Bình chứa nước để dùng vào ban tối mới cạn, đã ngậm tràn đầy nước, dường như có các đồng tử cỡi trời hầu hạ vậy. Sư lại hành ba thứ Tịnh nghiệp, tu tập mười sáu phép Quán mẫu nhiệm (các phép Quán trong Quán Kinh), từng dẫn dắt hơn năm trăm người. Mỗi tháng, Sư tổ chức trai hội giảng kinh, trải hơn mười năm, thệ nguyện giống hết như Lư

²⁴⁰ Tướng Luân (相輪) là một cấu trúc có hình cột dài, thường đặt trên đầu các tháp hoặc nóc các tòa điện (nhất là trong các đền chùa của Nhật Bản), mô phỏng lọng nhiều tầng che Phật trong quá khứ. Tướng luân gồm một trụ dài, xuyên qua các thành phần như sau (tính từ trên đỉnh xuống):

- Bảo Châu (宝珠): Có hình cầu hoặc giọt nước mắt, đôi khi phần này được tạo hình có các tia lửa bao quanh (trong trường hợp này, nó được gọi “hỏa viêm bảo châu”). Đôi khi trong phần này, có đặt ngọc quý hoặc xá-lợi.
- Phần kế tiếp gọi là Long Xa (竜車), thường chỉ là một khối cầu, nhỏ hơn một chút so với phần Bảo Châu.
- Phần kế tiếp gọi là Thủy Yên (水煙) gồm bốn miếng kim loại, khắc rỗng, nhiều họa tiết, đặt vuông góc 90 độ.
- Phần kế tiếp là Phong Đạc (風鐸), gồm nhiều chiếc chuông nhỏ gắn quanh phần Thủy Yên.
- Dưới đó là Cửu Luân (九輪) gồm chín miếng đồng hoặc kim loại có hình bát úp, mô phỏng lọng sáu nhiều tầng. Tuy thế, đôi khi phần này chỉ có tám hay bảy miếng.
- Phần Thọ Hoa (受花) bằng kim loại mô phỏng đóa sen có cánh cong lên. Thường là hoa sen tám cánh, đôi khi làm thành hai tầng cánh.
- Phần Phục Bát (伏鉢) có hình bát úp ngược.
- Cuối cùng là Lộ Bàn (露盤) là phần đế của tướng luân.

Son, nào có khác gì? Trước sau, Sư giảng Pháp Hoa và Duy Ma mỗi kinh đều ba mươi lượt. Giảng Quán Kinh một trăm lần. Tới khi gần mất, Sư răn nhắc, khích lệ học trò, thản nhiên qua đời (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Tạng pháp sư ở Việt Châu**

Pháp sư Cát Tạng người xứ Kim Lăng, bảy tuổi xuất gia, nương cậy pháp sư Hưng Hoàng Lăng. Đối với những chỗ quyết nghị, Sư khéo thông đạt lẽ uyên áo. Do sang chơi Bách Việt, Sư ngụ tại chùa Gia Tường, giảng kinh, diễn giáo. Người hỏi đạo kéo đến như mây. Tùy Dạng Đế khâm phục, sắc truyền Sư trụ tại chùa Nhật Nghiêm. Khi đó, đại chúng ưa thích, tôn sùng diệu kinh, Sư liền vì họ phân tích. Bốn bộ chúng nghe tiếng, cầu thỉnh muôn cách. Sư từng chép hai ngàn bộ kinh Pháp Hoa, tạo hai mươi lăm bức tượng. Lại dựng Phổ Hiền Đường, cung kính đối trước thánh tượng tọa Thiền, tụng niệm. Tới thời Vũ Tắc Thiên đời Đường, do khâm kính đức hạnh của Sư, xuống chiếu mời Sư trụ trì chùa Diên Hưng. Khi đó, Sư tuổi đã cao, bệnh phát ra, triều đình ban tặng thuốc thang. Ngài Cát Tạng biết sắp thọ chung, soạn bộ luận Tử Bất Bô (chết chẳng sợ hãi). Nội dung đại lược như sau: “*Tử do sanh mà có, hãy nên sợ sanh. Nếu ta chẳng sanh, do đâu mà có tử?*” Viết xong, bỗng vào lúc sáng sớm, Sư tắm gội, thay áo, thắp hương, niệm Phật, an nhiên ngồi qua đời. Sư giảng Pháp Hoa hơn một trăm lượt, lại còn giảng Đại Phẩm, Đại Luận, Hoa Nghiêm, Duy Ma, mỗi kinh đều mười lượt, lại còn viết số giải lưu hành trong cõi đời (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Bạt pháp sư ở Tương Châu**

Vị tăng ở Tương Dương là Trí Bạt, con nhà họ Trương, sáu tuổi xuất gia tại chùa Thường Tế trong quận ấy. Hằng ngày, Sư tụng năm trang kinh Pháp Hoa. Đối với nghĩa lý trong kinh, áng chừng có chỗ nắm vững, bèn nói: “*Kinh này chính là đại sự xuất thế to lớn của chư Phật. Một người đắc đạo, chẳng hoảng dương sẽ không được!*” Sư thề suốt đời nương tựa, hành trì để khai hóa cho kẻ tục nhân mê muội được nghe hiểu trọn vẹn. Sư vâng mạng lệnh của pháp sư Cát Tạng ở kinh đô trần thuật lại, Trí Bạt nói: “*Nhất Thừa là mây, bèn chia thành ba. Cũng có thể là Nhất Thừa tuôn mưa, chia thành ba [trận mưa] hay không?*” Đại chúng chẳng đáp được. Ngài Cát Tạng nói: “*Câu hỏi này của ông*

Bạt đã thấu đạt sâu xa ý chỉ của kinh!” Ngài bèn phó chúc đại pháp [cho Trí Bạt]. Về sau, Sư trụ tại chùa Kỳ Xà, thường giảng Pháp Hoa, mỗi năm giảng năm lần. Một hôm, Sư bỗng cáo biệt đại chúng, mọi người đều chẳng lường được ý Sư. Sư liền ngồi xếp bằng mà hóa (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Huýnh pháp sư ở Biện Châu**

Sư tên là Công Huýnh, họ ngoài đời là Biên. Sáu tuổi xin theo Phật, mẹ lấy làm lạ, dạy truyền miệng kinh Quán Âm, Sư liền thuộc ngay. Mười sáu tuổi, Sư được thỏa chí. Do vậy, vào Thái Sơn, theo hầu Hoảng pháp sư. Công Huýnh nói: *“Khoanh tay ngồi yên trong núi rừng chính là đường lối tốt lành cho riêng mình, còn như duy trì những đường lối khác, chẳng dùng cách giáo hóa khuyên dụ sẽ chẳng thể được!”* Sư bèn đi về phương Nam tham học, trụ tại chùa Huệ Phước nơi đất Biện (Khai Phong, tỉnh Hà Nam), chuyên dùng Pháp Hoa làm công khóa trọng yếu, soạn năm quyển sớ, thường giảng diễn trong trấn. Mỗi lần Sư giảng đến phẩm Dược Thảo Dụ, trời ắt đổ mưa, mọi người đều lấy làm lạ. Sư giảng kinh Pháp Hoa từ đầu đến cuối, tính ra năm mươi lần, còn giảng giải các kinh khác, chưa dễ nêu trọn. Về sau, Sư mất tại chùa ấy. Trước hôm Sư mất, có mùi hương lạ và quang minh. Ngài Công Huýnh trông thấy [điềm lành ấy], bèn nói: *“Nguyện nương theo điềm lành này sanh về Tịnh Độ”*. Nước trong cái giếng Sư uống, lúc Sư mất bỗng khô cạn. Tổng táng xong xuôi mấy hôm sau, nước mới lại đầy tràn như cũ (theo Tục Cao Tăng Truyện).

*** Chứng pháp sư ở kinh đô**

Ông nội của pháp sư Trí Chứng chính là vua Minh Đế nhà Tiêu Lương²⁴¹. Sư trụ tại chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, coi nhẹ địa vị,

²⁴¹ Tiêu Lương (502-557) còn gọi là Nam Lương, Tiền Lương, hoặc Nam Triều Lương chính là triều đại do Tiêu Diễn (Lương Vũ Đế) sáng lập. Do đất phong của Tiêu Diễn là Lương Quận, nên khi làm hoàng đế, nhà vua đã chọn quốc hiệu là Lương. Lãnh thổ nhà Lương bao gồm trọn vùng Hoa Nam gồm 107 châu và 586 quận, kinh đô là Kiến Khang (Nam Kinh). Lương Minh Đế tên thật là Tiêu Vị. Cha của Tiêu Vị là Nhạc Dương Quận Vương Tiêu Sát (con trai của Chiêu Minh Thái Tử Tiêu Thống) bất hòa với Tiêu Dịch (con trai thứ bảy của Lương Vũ Đế). Khi Tiêu Dịch lên ngôi, trở thành Lương Nguyên Đế, Tiêu Sát bèn quy thuộc nhà Tây Ngụy,

vinh hoa, ưa chuộng đạo nghiệp. Gia đình Sư nhiều đời thờ Phật, đặc biệt tôn sùng kinh Pháp Hoa. Người trên kẻ dưới trong họ đều kiên thành tụng niệm. Sư từng soạn sớ giải cho kinh, ngâm thâu thập lời phê chú của mấy vị [cổ đức chú giải trước đó], in hẳn trong tâm tưởng. Soạn xong, Sư báo người trong họ dâng lên vua Đường. Sư thường tự diễn giảng, hoằng dương. Cha của Sư giữ chức Thái Phủ Khanh²⁴², tâm chuộng thiện pháp, từ trẻ tới già, tụng trọn một vạn lượt. Lại sai người sao chép, tính ra hơn một ngàn bộ. Mỗi ngày vào chầu vua, ắt sai kẻ hầu bưng kinh đi trước. Hễ công việc rảnh rồi đôi chút, ông liền đọc tụng. Bạn đồng triều ngưỡng mộ, coi là tuyệt luân. Kể từ Phật pháp truyền sang phương Đông, họ Tiêu quả thật là gương mẫu cho thiên hạ về hành trì Pháp Hoa (*theo Tăng Truyền Truyện*).

Vị quan trong cõi tục là Tiêu Tử Lương đã tạo một ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Ông mộng thấy một người tặng cho một bộ kinh, nói có chỗ sai lầm, tức là trong phẩm Thọ Lượng thuộc quyển thứ năm thiếu mất câu “*nhất trần nhất kiếp*” (mỗi vi trần là một kiếp), đó chính là chỗ cốt lõi tội bậc của Pháp Hoa. Do vậy, ông ghi thêm câu đó, bèn cảm điếm lành có chim sẻ trắng bay lượn (*chuyện này trích từ bài văn chú giải bài Linh Thụy Phú của thiền sư Diên Thọ*). Ông Tiêu Tử Lương ắt là quan Thái Phủ Khanh [*cha của pháp sư Trí Chứng*]; do vậy chép thêm vào đây).

*** An pháp sư ở Trường Sa**

Vị tăng tên Pháp An trụ tại chùa Kiến Nguyên, nghe Sùng pháp sư giảng giải, thông đạt rộng rãi các lẽ huyền diệu trọng yếu. Sư lại quanh năm tụng Pháp Hoa, giảng giải bốn mươi lần. Bốn góc giảng tòa bồng

được phong làm Lương Vương, cai quản vùng Tương Dương, Kinh Châu. Tiêu Sát bèn tự xưng đế, cũng lấy quốc hiệu là Lương, lấy Giang Lăng làm kinh đô. Sử gọi nước Lương này là Tây Lương, tồn tại ba mươi năm, truyền được ba đời vua. Tây Lương về sau bị Tùy Văn Đế (Dương Kiên) diệt quốc.

²⁴² Thái Phủ Khanh gọi đầy đủ là Thái Phủ Tự Khanh, tức là người đứng đầu Thái Phủ Tự. Thái Phủ Tự là cơ quan được thiết lập từ thời Bắc Tề, có nhiệm vụ chưởng quản kho tàng của cung đình và các cơ sở thương mại do hoàng gia làm chủ (việc thương mại này được gọi là “hoàng thương”). Đến đời Tùy, Thái Phủ Tự quản lý toàn bộ việc mua bán tại các châu quận, quản lý bổng lộc của các quan liêu, điều hành vật giá. Đồng thời, triều đình còn thiết lập Thiệu Phủ Giám chuyên lo kiến tạo cung điện, sản xuất vật dụng cho triều đình. Đến thời Minh - Thanh, Thái Phủ Tự và Thiệu Phủ Giám bị gộp chung vào bộ Công.

sanh một bụi hoa, có mười mấy nhánh. Trắng vàng xen kẽ, cao năm sáu tấc, hình dạng giống như hoa sen, thơm tho, tỏa sáng chói ngời. Có kẻ nghi là do khí hậu nóng ẩm mà trở hoa. Lại qua mấy ngày sau, ở bên giảng sàng (chỗ pháp sư ngồi giảng) và chỗ ngồi của đại chúng đều sanh tám chín cành hoa, [hoa nở] suốt một tháng mới héo tàn. Đạo tục xúm lại xem, đều nói là điềm lành do giảng kinh. Về sau, Sư mất tại Trường Sa (theo *Linh Thụ Tập*).

*** *Hướng pháp sư ở Giang Đô***

Vị tăng Huệ Hướng họ Lưu, thường tụng kinh Pháp Hoa, kiêm giảng giải nghĩa sâu. Về sau, Sư tới Giang Đô ở Hoài Dương, trụ tại thôn Cổ Đình, mọi người thỉnh Sư giảng kinh này. Khi đó, Sư đã một trăm lẻ một tuổi, dáng vẻ vẫn tráng kiện, bỗng bảo đại chúng: “Tôi phải đi rồi”. Nói xong, Sư chấp tay ngồi ngay ngắn, qua đời. Họ liền chôn Sư ở Đồng Sơn. Về sau, tiều phu thường nghe tiếng tụng kinh ở chỗ chôn Sư. Một hôm, quan Tư Mã Triệu Nguyên Khác đi qua đó, thấy một đóa hoa sen, kinh ngạc hỏi han. Người trong thôn thưa đó là mộ của Hướng pháp sư. Nguyên Khác sai thuộc hạ đào lên, thấy một khối xương trắng, nhưng lưỡi vẫn ngiêm nhiên đỏ tươi. Rễ sen sanh từ cái lưỡi đó. Trông thấy tướng lành linh dị ấy, châu quận dâng sớ. Vua sắc truyền dựng tháp để tôn sùng, kính phụng tại đó (theo *Linh Thụ Tập*).

*** *Pháp sư Bảo Thông***

Ngài Bảo Thông tu tập Phạm hạnh chuyên ròng, quanh năm tụng phẩm Đà La Ni của kinh Pháp Hoa, khá có linh dị. Khi đó, trong thôn Dương Kiều, có người họ Triệu, vợ bị thần ám, mời Bảo Thông đến trị chú. Bảo Thông tới nơi, thần liền hiện hình. Bảo Thông nói: “Thần ở trong thôn, lẽ ra phải nên tạo phước, sao lại ngược ngạo ám người?” Thần thưa: “Đây chẳng phải là do đệ tử làm, mà lũ tiểu quỷ thuộc hạ gây ra”. Bèn gọi tiểu quỷ tới trước mặt trách phạt. Do vậy, vợ họ Triệu lành bệnh. Sau đó, vợ họ Triệu lại phát bệnh, ca ngâm suốt ngày! Họ lại đến báo với ngài Bảo Thông. Bảo Thông lại đến nơi, thấy con quỷ đã từng bị quả trách ở trước giường bệnh. Bảo Thông nói: “Trước kia đã từng răn trị, sao ngươi lại tái phạm? Nếu ngươi không đi, ta sẽ tụng chú khiến cho đầu ngươi nứt thành bảy miếng như cành cây A Lê”. Quỷ bèn khấu đầu

xin Sư thương xót. Từ đó trở đi, bệnh khỏi hẳn, quỷ chẳng còn tới nữa (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Nghi thiền sư ở Tô Châu**

Thiền sư Tăng Nghi trụ tại chùa Khai Nguyên ở Tô Châu. Tại đại Phật điện, Sư bỗng thấy một phụ nữ ôm con tới thưa với Sư: “Con tôi mắc bệnh, xin Sư tụng một bộ kinh Pháp Hoa”. Thiền sư vừa tụng xong, liền có một người áo đỏ, đeo gươm tới lễ bái, thưa: “Hôm trước, vợ tôi vì con bị bệnh, nhờ thầy tụng kinh, nay đã lành bệnh, đặc biệt đến cảm tạ. Nghe nói Sư xây đại điện, kính dùng mười ngàn đồng để góp sức. Đề tử là Hứa tướng quân”. Sư hỏi: “Ông ở nơi đâu?” Họ Hứa nói: “Ở sau nhà của Sư”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Sư sai người đào đất tìm kiếm, thấy một bộ hài cốt, có bội kiếm đặt ngang thân. Mọi người đều than lạ. Sư làm lễ cúng, an táng (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Chiêu sư ở Biện Châu**

Vị tăng Thần Chiêu là người Biện Châu. Lúc Sư chín tuổi, gặp thời ly loạn, quyền thuộc chết sạch, chỉ còn Sư và mẹ bơ vơ, không nơi nương tựa. Không lâu sau, mẹ chết. Sư bèn nương theo Minh Trí luật sư xuất gia. Phàm những gì được nghe giảng giải một lượt, Sư đều chẳng quên. Sư chỉ lấy tụng kinh Pháp Hoa làm đức nghiệp. Sư lại nuôi một con chó, đi đâu nó cũng đi theo. Tới khi Sư ngã bệnh, chó tru suốt đêm, mọi người chẳng biết vì lẽ gì. Tới khi Sư đã tịch, họ mới hiểu điềm báo của con chó. Tới khi an táng, chó phủ phục, khóc ròng, bỏ ăn mà chết (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Trang pháp sư ở Kinh Châu**

Trong niên hiệu Cảnh Long²⁴³ đời Đường, có vị tăng tên Huyền Trang²⁴⁴, người xứ Giang Lăng. Nhập đạo từ bé, Sư thông hiểu rộng rãi Đại Thừa và Tiểu Thừa. Sư thông hiểu kinh Pháp Hoa nhất, coi như tánh

²⁴³ Cảnh Long là niên hiệu của Đường Trung Tông (Lý Hiễn) từ năm 707 đến năm 710.

²⁴⁴ Vị này không phải là Tam Tạng pháp sư Huyền Trang (thường gọi là Đường Tam Tạng hoặc Đường Tăng), vì ngài Đường Tam Tạng Huyền Trang pháp sư (602-664) họ Trần, quê ở Lạc Dương, sống vào thời Đường Thái Tông và Đường Cao Tông.

mạng. Suốt năm mươi năm, mỗi ngày tụng bảy lượt. Sư từng tụng ra tiếng trong tĩnh thất, cảm thiên nhân giáng hạ lắng nghe. Khi Sư thiết trai, giảng giải, điềm lành lũ lượt. Hiếu Hòa Đế²⁴⁵ coi trọng đức hạnh của Sư, thiết trai để Sư giảng giải tại Lâm Quang Điện. Huyền Trang dâng biểu xin hồi hương, vua xuống chiếu ban cho ngự thi, trăm quan cùng họa vận. Xem chi tiết trong Đại Tổng Cao Tăng Truyện.

*** Triệt thiên sư ở Giảng Châu**

Thiên sư Pháp Triệt, người Giảng Châu. Từ bé đã cần mẫn, thông thuộc kinh Pháp Hoa, thường coi đó là hạnh nghiệp để khuyên dụ, giáo hóa hết thầy. Sư lập điện đường tại Tây Hà thuộc Cô Sơn, sáng lập già-lam. Chỗ ấy vốn chẳng có nước, một hôm, đất sụt xuống, dòng suối trong tuôn ra. Vì thế, thứ sử Tần Châu là Phòng Nhân Dụ đích thân xin vua ban biểu đề tên chùa, dùng ngay chữ Hãm Tuyền làm tên. Sư còn khéo trì chú, có nhiều ứng nghiệm. Tháng Hai năm Vĩnh Huy thứ hai (651) đời Đường [thuộc triều vua Đường Cao Tông], Sư biết mình sắp chết, căn dặn đồ chúng, rồi ngồi thẳng qua đời. Khi đó, sắc trời quang đãng, mưa hoa như tuyết, thơm ngát nhưng không tan. Cành lá cây cỏ đều có màu trắng như bột, [hiện tượng ấy kéo dài] tròn đôi ba ngày rồi mới biến mất. Sư mất đã ba năm, thân vẫn ngồi yên, bất hoại. Công hạnh của Sư đúng là khó nghĩ bàn (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Nghĩa pháp sư ở Sơn Âm**

Thích Đại Nghĩa là con nhà họ Từ ở Sơn Âm, sanh ra đã sáng láng hơn người. Lên bảy tuổi, cha dạy đọc sách, mỗi ngày Sư nhớ mấy ngàn

²⁴⁵ Đường Trung Tông có thụy hiệu là Hiếu Hòa Hoàng Đế, về sau Đường Huyền Tông tôn phong là Hiếu Hòa Đại Thánh Hoàng Đế, rồi lại dâng thụy hiệu lần nữa là Đại Hòa Đại Thánh Đại Chiêu Hiếu Hoàng Đế. Do vậy, Sử thường gọi ông là Hiếu Hòa Đế. Ông từng làm vua lần thứ nhất khi cha là Đường Cao Tông qua đời vào năm 684. Chưa đầy một tháng, ông bị mẹ là Vũ Tắc Thiên phế truất, ép nhường ngôi cho em là Lý Đán (Đường Duệ Tông) kế vị. Năm 698, ông lại được Vũ Tắc Thiên chỉ định làm Thái Tử. Đến năm 705, do Tể Tướng Trương Gián Chi, Thị Lang Thôi Huyền Vĩ, tả vũ lâm tướng quân Hoàn Nhan Phạm v.v... dùng cấm quân đảo chánh Vũ Tắc Thiên (Sử gọi là Thần Long Chánh Biến) thành công, lại đưa Lý Hiển lên ngôi vua trở lại. Trong lịch sử, ông là người duy nhất có ông nội (Đường Thái Tông), cha (Đường Cao Tông), mẹ (Vũ Tắc Thiên), em trai (Đường Duệ Tông), con (Đường Thương Đế Lý Trọng Mậu), cháu trai (Đường Huyền Tông Lý Long Cơ là con trai thứ ba của Đường Duệ Tông) đều là hoàng đế, rất hiếm thấy.

câu. Mười hai tuổi, Sư đi tu tại chùa Linh Ẩn ở Sơn Âm. Kinh giáo hễ đọc rồi đều thông thuộc, mọi người đều kính sợ. Nhằm lúc Đường Trung Tông kế vị, ban ân cho mở giới đàn thế độ tăng chúng. Sư thi đậu hạng nhất trong cuộc khảo hạch về kinh Pháp Hoa. Từ đấy, Sư tu tập, nghe kinh, hoằng dương xiển hóa tại chùa Xứng Tâm. Trong niên hiệu Khai Nguyên²⁴⁶, Sư chôn cha mẹ; do vậy, vào Phật Lũng ở Thiên Thai đọc Đại Tạng hòng báo ân cù lao. Sư yết kiến ngài Tả Khê, theo học Chỉ Quán, siêu nhiên ngộ tâm. Để hoàn tất đại sự, Sư bình sanh tụng Pháp Hoa và Niết Bàn, giữ giới Đại Tiểu Thừa làm hạnh nghiệp. Lúc Sư mất, đại chúng đều nghe trên hư không có tiếng tấu nhạc cõi trời (theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện).

*** Tu pháp sư ở Thiên Thai**

Pháp sư Quảng Tu họ ngoài đời là Lưu, người xứ Đông Dương. Bẩm tánh kiên nghị, thông sáng hơn người. Khi trưởng thành, Sư nương cậy tổ mười bốn của tông Thiên Thai là Thúc pháp sư, đạt được hết truyền thừa của thầy. Người học chen nhau theo hầu, lắm phen chật ních ngoài cửa. Sư hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, Duy Ma, và Kim Quang Minh v.v... sáu thời hành đạo. Tuổi già càng thêm vững chí. Mỗi năm, Sư tu sám hối bốn mươi chín ngày. Đó chính là môn thứ tư tức Tùy Tự Ý tam-muội trong Chỉ Quán. Sau đó, Sư truyền trao Tam Quán cho môn nhân và tín chúng tại gia. Trong niên hiệu Hội Xương²⁴⁷, Sư mất tại chùa Thiên Lâm, di quan sang kim địa nơi Phật Lũng. Đệ tử là Lương Ván tạo mộ phần, hỏa táng, thâu được hơn một ngàn viên xá-lợi, bèn dựng tháp để thờ (theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện).

*** Đoan Pháp Hoa ở Minh Châu**

Theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện ghi chép, vị tăng Toại Đoan, họ ngoài đời là Trương, chẳng biết quê quán. Sư xin xuất gia tại chùa Đức Nhuận. Chùa ấy chính là Hám Trạch Thư Đường của quan Ngô Thái Phó (tức là chùa Đông Phổ Tế tại Từ Khê hiện thời). Sư là người chất trực, thanh cao, thuần hậu, chẳng giao du bừa bãi. Được thầy truyền dạy

²⁴⁶ Khai Nguyên là niên hiệu của Đường Huyền Tông từ năm 713 đến năm 741.

²⁴⁷ Hội Xương là niên hiệu của Đường Vũ Tông (Lý Viêm) sử dụng từ năm 841 đến năm 847.

kinh Pháp Hoa, Sư tụng đọc như đã quen từ trước, mọi người đều kinh hãi, tán thán. Trong mười hai thời, miệng niệm chẳng bỏ sót. Tới già vẫn chẳng lười nhác. Năm Hàm Thông thứ hai (861) đời Đường [Ý Tông], sau khi ngồi xếp bằng, Sư thanh thản, an định qua đời. Trong khoảnh khắc, miệng sanh ra bảy đóa sen xanh, tinh khiết, thơm tho ngào ngạt. Xa gần chen nhau đến xem. Do vậy, [môn đệ] tạo khám, chôn Sư dưới chân núi Đông Sơn. Suốt hai mươi mấy năm, trong tháp nhiều lượt hiện quang minh. Tới khi mở tháp ra xem, hình chất hết như còn sống, lại rước về chùa, đắp sơn để gìn giữ. Đến nay, chân thân Ngài vẫn còn đó (nghe nói lại).

Đối với chuyện bảy cảnh hoa sen, tôi từng hỏi dò bậc kỳ túc, họ đều nói “Trước đó vẫn còn, sau loạn Kiến Viêm²⁴⁸ mới bị mất”. Nhưng chân thân của Sư còn đó, cổ điện oai nghiêm, tiên hiền đều kính sợ. Có người làm thơ để lưu truyền đức hạnh của Ngài. Trương Ngang làm thơ rằng: *“Tặng sử danh văn tại, vân khám hương hỏa thâm. Thử thân phi cố vật, bất hoại bốn tòng tâm. Môn tĩnh hồ sơn bích, đình hàn cối bá âm. Hậu nhân hoàn khả kế, chân giáo quyển hoàng kim”* (Danh lừng trong tặng sử, khám mây hương lửa dày, thân chẳng phải vật cũ, chẳng hoại tâm thuở đầu. Cửa tĩnh, núi hồ biếc, sân lạnh rợp bóng tùng. Người đời sau kế tục, chân giáo quý tựa vàng). Vị tăng Bảo Xung đề thơ rằng: *“Kinh tích tụng bạch liên, thần di kỷ bách niên? Sắc thân di thử địa, chân tánh tại hà thiên? Hồ nguyệt doanh hoàn khuyết, nham hoa lạc phục nghiên. Duy sư công đức cốt, đoan tọa nhược an Thiên”* (Đã tụng kinh sen từ thuở trước, tinh thần truyền lại mấy trăm năm? Sắc thân để lại nơi này nhi? Chân tánh tầng trời nào ngự đây? Trăng in mặt hồ tròn rồi khuyết, gành đá hoa rơi, bông lại đơm. Chỉ có xương Sư ngồi công đức, đoan tọa an vui trong lẽ Thiên) (hai bài thơ ấy được khắc vào đá).

*** Tổ pháp sư ở Kinh Triệu**

Vị tăng Thủ Tổ bản tánh cao cả, bén nhạy tuyệt luân. Sư trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô, luôn lấy việc tụng niệm, hành trì làm chuyện quan trọng nhất. Sư không bước chân ra khỏi cổng chùa suốt ba

²⁴⁸ Kiến Viêm (1127-1130) là niên hiệu của Tống Cao Tông (Triệu Cấu). Trong năm Kiến Viêm thứ ba (1129), thống chế Miêu Phó và thứ sử Oai Châu Lưu Chánh Ngạn phát động binh biến (làm phản, đảo chánh), ủng hộ đưa Thái Tử Triệu Phu mới ba tuổi lên ngôi, bức Cao Tông thoái vị. Sự gọi chuyện này là “*Kiến Viêm binh biến*”. Về sau, phe phản loạn bị Trương Tuấn và Hàn Thế Trung của nhà Tống dẹp tan.

mười năm, tụng kinh Pháp Hoa ba vạn bảy ngàn bộ. Hằng đêm, thường có con lửng chó (raccoon) đi vây quanh nghe kinh. Khi Sư thọ trai, sẽ có chim quạ đậu trên tay mổ thức ăn. Trong niên hiệu Trường Khánh (821-825) đời Đường, có vị tăng là U Huyền đề tặng rằng: “*Tam vạn liên kinh tam thập xuân, bán sanh bất đạt viện môn trần*” (Ba vạn kinh sen ba mươi xuân, nửa đời chẳng dính bụi ngoài sơn môn), quả thật là câu thơ hay đáng sao lục (Theo Đại Tống Tăng Truyện).

*** Tam Bạch hòa thượng ở Gia Hòa**

Sư tên là Nguyên Huệ, là hậu duệ của quan Bình Nguyên Nội Sử Lục Cơ đời Tấn. Thuở còn nhỏ, Sư đã dấn ngộ, trưởng thành thì ôn nhu. Sau khi xuất trần, thọ giới, Sư vào Ngũ Đài Sơn chiêm lễ thánh tích. Trở về, Sư an cư tại chùa Kiến Hưng, lập chí “*trì tam bạch*” (giữ ba thứ trắng). Trong niên hiệu Hội Xương²⁴⁹ gặp nạn [triều đình] sa thải [tăng sĩ]. Đến đời Đường Tuyên Tông, Sư lại dự vào dòng pháp. Trong niên hiệu Hàm Thông (860-874), Sư đưa xá-lợi xương Phật sang Phụng Tường, đốt ngón cái bên trái, miệng tụng kinh Pháp Hoa, ngón cái bên mọc lại. Bình sanh, Sư tụng kinh Pháp Hoa chẳng đếm nổi số. “*Tam bạch*” là cơm trắng, nước trắng, muối trắng. Thân lại chẳng còn đụng chạm, miệng tụng chân kinh, ý chẳng duyên theo hư vọng. Ba điều ấy minh bạch, cho nên có danh hiệu đẹp để ấy. Vì thế, người đất Ngô gọi Sư là Tam Bạch hòa thượng (theo Đại Tống Tăng Truyện).

*** Sở pháp sư ở Ôn Châu**

Thích Hồng Sở đời Đường, người xứ Vĩnh Gia. Hồng Sở và anh em khí độ rộng rãi, đều chuộng thoát tục. Song thân cũng bằng lòng, anh em giúp đỡ lẫn nhau, thẳng thừng tụng trì, tu tập kinh Pháp Hoa. Khi đó,

²⁴⁹ Hội Xương là niên hiệu của Đường Vũ Tông (Lý Viêm). Năm 845, do mê đắm Đạo Giáo, nghe theo mưu mô của đạo sĩ Triệu Quy Chân, Vũ Tông tấn công Phật giáo trên quy mô lớn. Trừ bốn ngôi quốc tự Từ Ân, Tiến Phước, Tây Minh, Trang Nghiêm tại Trường An, mỗi chùa giữ lại 10 tăng sĩ trông nom, toàn bộ chùa miếu trong cả nước bị phá hoại hay đóng cửa, tượng Phật, chuông khánh bằng đồng bị nấu chảy để đúc tiền, các thứ dụng cụ khác bằng kim loại sẽ đúc thành nông cụ. Tăng sĩ bị đuổi về đời, ruộng nương và tài sản bị sung công. Sự gọi cuộc đàn áp này là “*Hội Xương pháp nạn*”. Cho tới năm Hội Xương thứ bảy (847), Vũ Tông chết, pháp nạn mới chấm dứt.

chùa Đại Vân hoang vu, bỏ phế, Đường Chiêu Tông sắc truyền trùng tu, Sư trông coi cho hoàn thành. Lương Thái Tổ (Châu Ôn) ban y tía và phong hiệu, Sư từ tạ chẳng nhận. Khi đó, Trịnh Thuyết tặng thơ rằng: “*Giá thượng tử y nhàn bất trước, án đầu kim tự tọa trường khan*” (Chẳng màng y tía phơi trên giá, chữ vàng trên án chẳng buồn nhìn). Sư bản tánh rộng rãi, từ bi, mặt không có sắc giận, mắt chẳng ngó xéo, chẳng thốt lời hư vọng. Sư giảng kinh Pháp Hoa tới năm mươi lượt. Có lúc, giảng đường bỗng sanh một đóa hoa sen, đài to, cánh kép, tỏa hương thơm ngát. Mọi người đua nhau khen lạ. Sư còn trích máu chép một bộ kinh này, cho đến nay vùng Vĩnh Gia coi là của báu truyền đời (theo Đại Tóng Tăng Truyện).

*** Cử pháp sư ở Việt Châu**

Vị tăng Hồng Cử chính là anh của sư Hồng Sở [vừa nói trên đây]. Sư xuất gia tại chùa Long Cung ở đất Việt, tinh thông kinh Pháp Hoa. Do vậy, đắc độ. Về sau, Sư qua Trường An học Tỳ Ni. Do đọc chữ ở bia chùa Hóa Độ, mắt mới lướt qua hai hàng, có vị Cử Nhân trông thấy, yêu cầu Sư đọc lại, [Sư đọc lại] chẳng sai một chữ. Sư có trí nhớ mạnh mẽ dường ấy. Sư ngày đêm tụng kinh, thường thấy quỷ thần phù trợ, hộ vệ, hoặc vì Sư thêm hương, thêm đèn. Tới niên hiệu Trường Hưng nhà Lý Đường²⁵⁰, Sư không bệnh, ngồi mất. [Đệ tử đặt Sư vào trong khám], cho tới canh ba, Sư gõ tay vào cửa khám nói: “Do thiện hữu ở cõi Phật hiềm ta ăn mặc bất tịnh, cho nên chuyển về [để thay đổi]”. Thay đổi [y phục] xong, Sư lại ngồi ra đi. Đến ngày thứ bảy, đỉnh đầu Sư vẫn còn âm. Sau khi an táng, thường có một con hổ nhiễu quanh tháp kêu gào (theo Đại Tóng Tăng Truyện).

*** Hồi pháp sư ở Đông Kinh**

Thích Trinh Hồi, họ Bao, người Ngô Quận. Mười ba tuổi, xuất gia tại chùa Long Hưng, giữ tánh trầm tĩnh, tranh giành từng giây phút để tu tập, [cho nên] qua khỏi một năm, Sư đã tụng lưu loát kinh Pháp Hoa,

²⁵⁰ Trường Hưng là niên hiệu của Đường Minh Tông (Lý Tự Nguyên) nhà Hậu Đường từ năm 930 đến năm 934. Hậu Đường (hoặc Lý Đường) là triều đại thứ hai thời Ngũ Đại, chỉ tồn tại 14 năm. Triều đại này do Lý Tồn Úc sáng lập sau khi diệt nhà Hậu Lương của Châu Ôn, với danh nghĩa khôi phục Đường triều, cho nên cũng xưng quốc hiệu là Đường.

dùng đó làm thường nghiệp. Mỗi ngày, Sư tụng trọn hai bộ. Mười chín tuổi, xuống tóc. Từ đấy, quanh vùng Y Lạc²⁵¹, hễ chỗ nào có giảng pháp, không đâu Sư chẳng tới nghe. Trong niên hiệu Thiên Hựu (904-907) đời Đường, Sư tới trú ngụ tại chùa Tướng Quốc ở kinh đô, giảng kinh Pháp Hoa khoảng mười lượt, nhưng người ta chưa quý hướng, kính trọng. Sư biết là “bán hàng hóa lạ lòng” cũng phải có thời cơ. Sau đó, Sư gặp thủ lãnh Tổng Châu là ông Không ngưỡng mộ cao hạnh của Sư, bèn bỏ ra bổng lộc dựng điện đường để Sư giảng Pháp Hoa quanh năm tại Tây Tháp Viện. Từ đấy bèn ứng cơ.

Sư lại giở xem Đại Tạng để mở rộng tri kiến. Phàm là ngôn từ của bách gia chư tử trong sách vở thế gian, Sư chẳng ngó tới, răn môn nhân rằng: “*Các thuyết dị đoan khiến cho chân tâm của ta bị chìm đắm rối loạn, cần gì phải học tập? Ta chỉ nguyện sư tử hống, trọn chẳng làm chó rình gào rú!*” Về sau, khi sắp mất, Sư tự chuẩn bị nước nóng tắm gội, thay áo sạch sẽ, ngâm xướng phẩm Thượng Sanh, lễ Phật. Sư bỗng hướng vọng hư không, thưa: “*Nhọc công thánh chúng xếp hàng trên không tới đón*”. Đồ đệ, bạn hữu khi đó đều nghe tiếng nhạc trời. Trong khoảnh khắc, Sư qua đời (theo Đại Tổng Cao Tăng Truyện).

*** Vị tăng chùa Thanh Y ở Đàm Châu**

Tại ngõ Bắc trên đường phố tại cửa Đàm Châu có chùa Thanh Y. Xưa kia, có vị tăng đã quên mất tên, tụng kinh Pháp Hoa tại nơi đây, thường đặt được linh dị, cõi đời chẳng thể lưu truyền cạn kể. Có lúc, cảm vời hai đồng tử mặc áo xanh tới phụng dưỡng. Sau khi Sư mất, được an táng, bỗng trên mộ sanh hai đóa hoa sen. Đào lên xem thì ra hoa sen mọc từ lưỡi. Khi đó, châu quận ghi lại chuyện đó, trình tâu triều đình. Do vậy, vua ban cho tám biển đề tên là “*chùa Thanh Y*”, dựng chùa tại đó (theo Linh Thụy Tập).

*** Kinh đề trên vách đá tại chùa Cô Sơn ở Hàng Châu**

Chùa Cô Sơn ở Tây Hồ tại Hàng Châu. Vách đá khắc kinh Pháp Hoa ở trong chùa. Thoạt đầu vào năm Nguyên Hòa 12 (817), khi Nghiêm Hưu Phục làm Thứ Sử, vị tăng tên Huệ Minh đã bắt đầu có cái

²⁵¹ Y Lạc là sông Y Thủy và Lạc Thủy là hai con sông bao quanh Lạc Dương, nên Lạc Dương cũng thường được gọi là Y Lạc. Tấn Giao là kinh đô Trường An.

tâm thực hiện, hoàn tất vào năm Trường Khánh thứ tư (824), khi Bạch Cư Dị làm Thứ Sử. Vách khắc kinh theo chiều dọc là sáu thước năm tấc, theo chiều ngang là năm mươi bảy thước sáu tấc. Tiền chuyển vận do Nghiêm Hưu Phục, Bạch Cư Dị, thứ sử Hồ Châu Thôi Huyền Lượng, thứ sử Mục Châu Vi Văn Khắc, thứ sử Xử Châu Vi Công Lập, thứ sử Cù Châu Trương Duật, thứ sử Tô Châu Lý Lượng, thứ sử Việt Châu Nguyên Chấn, thứ sử Xử Châu Trần Hồ [cùng đóng góp]. Thứ sử Bạch xin tôi đề văn. Tôi thấy sở dĩ vị tăng mưu tính cho khắc kinh lên đá, cho đề văn lên bia, là vì muốn cho chẳng hư hoại. Nay văn đã khắc trên bia, kinh đã khắc trên đá, lại là chuyện do chín vị chư hầu xướng suất, cúng tiền. Nói gần thì cũng đáng gọi là do biểu lộ sự tôn sùng khác thường mà thành chuyện bất hủ. Nói xa xôi, thì chẳng biết có phần mấy vạn năm, bị trời đất cùng chèn ép, bị âm dương cùng nung nấu, bị lửa gió cùng tàn phá, tên gọi và hình hài đều diệt, bốn biển chín châu đều là một hạt vi trần trong cõi thái hư, sao biết là bất hủ được chăng? Do suy nghĩ như thế thì [xét ra] mưu tính của vị tăng cũng ổn vậy. Ngự Sử Nguyên Chấn ghi (theo Đường Văn Túy).

**** Kinh khắc trên vách đá tại Pháp Hoa Viện ở Tô Châu***

Trong Pháp Hoa Viện chùa Trọng Huyền ở Tô Châu, dùng vách đá để khắc kinh đạo Phật. Khai thị ngộ nhập tri kiến của chư Phật, dùng liễu nghĩa độ vô biên, dùng Viên Giáo phổ độ vô cùng, không gì tôn quý bằng kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Chứng Vô Sanh Nhẫn, tạo Bất Nhị môn, trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, không gì tốt bậc bằng kinh Duy Ma Cật. Tiếp độ tứ sanh cứu loại nhập Vô Dư Niết Bàn, nhưng thật sự chẳng độ, không gì hơn kinh Kim Cang Bát Nhã. Diệt tội, gom phước, tịnh hóa hết thấy đường ác, không gì nhanh chóng bằng kinh Phật Đảnh Tôn Thắng. Ứng niệm thuận nguyện, sanh vào cõi Cực Lạc, không gì nhanh chóng bằng kinh A Di Đà. Nêu rõ chánh quán Thật Tướng, không gì hơn kinh Phổ Hiền Quán. Diễn nói tự tánh, chấp nhận Bồn Giác, không gì sâu bằng kinh Thật Tướng Pháp Mật. Rỗng tuếch pháp trần, nương vào vô trí, không gì bằng Bát Nhã Tâm Kinh. Tám loại kinh ấy trọn đủ mười hai bộ loại, hợp thành mười một vạn sáu ngàn tám trăm năm mươi bảy chữ, bao gồm ý chỉ trọng yếu của tam thừa, trọn hết tạng bí mật của chư Phật.

Vách đá ấy gồm bốn tầng, cao một tầm (tám thước), dài mười lăm trượng, dày một thước tám tấc. Có hoa sen bằng đá che phủ trên dưới, có

thần bằng đá tạc để bảo vệ trước sau. Nước chẳng thể nhân chìm, lửa chẳng thể đốt cháy, gió chẳng thể thổi nát. Đó gọi là “*thí pháp vô thượng cho đến hết đời vị lai*”. Vách đá khắc kinh ấy được làm vào năm Trường Khánh thứ hai (822) đời Đường, hoàn thành vào năm Đại Hòa thứ ba (829), sa-môn Thanh Hoảng vạch ra kế hoạch, tăng Khế Nguyên viết chữ, quan Đô Thủ Bạch Cư Dị ban lời ca tụng (*trích từ Bạch Thị Trường Khánh Tập*).

*** Kinh sen tại chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai**

Tôi vừa đến Thiên Thai lễ tổ tháp. Tới chùa Quốc Thanh, nghe nói người coi kho cất giữ các di vật lạ; do vậy, kéo nài cho xem. Vị ấy đem ra rất nhiều vật, nay nêu đại lược bốn món:

- Một là khám chứa tượng thờ bằng Tử Đàn Hương, cao chừng một thước. Trong ấy, điêu khắc tám tướng thánh dung của Thích Ca Như Lai như tướng giảng sanh v.v... Khám thờ gồm hơn bảy trăm hình tượng, tinh xảo thần diệu, thật sự khó nghĩ tưởng. Đây là tổ Trí Giả khi truyền Bồ Tát Giới cho Tùy Dạng Đế đã được ban tặng.

- Hai là bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng do tổ Trí Giả chép tay. Toàn bộ bản kinh bút pháp thuần túy, khác nào do trời tạo ra. Đây là khi tổ chúng ta vâng chiếu của Trần Tuyên Đế mà viết ở Kim Lăng.

- Ba là Tâm Kinh viết trên lá bối tại Thiên Trúc. Vào triều đại Đại Tùy, một vị Phạm tăng đã mang đến tặng cho tổ Trí Giả.

- Bốn là kinh Pháp Hoa viết bằng chữ vàng do Tiền Việt Vương chép, vi diệu, tinh xảo, mẫu mực. Phía sau đề: “*Ngô Việt quốc vương Tiền Thục kính chép*”. [Các bản trân quý của] kinh này [tại chùa Quốc Thanh] gồm hai mươi bộ, bộ kinh ấy là một trong hai mươi bộ đó. Nay lại thấy Thọ thiên sư dâng bài Pháp Hoa Kinh Linh Thụy Phú [lên Ngô Việt Vương], Tiền Việt Vương soạn văn tán dương. Do đó, vua truyền lệnh dùng vàng để chép một trăm bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, [đó là] chuyện thù thắng tốt bậc lắm thay! Xét ra, từ xưa để vương lưu truyền Phật giáo cố nhiên là nhiều, nhưng chưa hề nghe [có vua chúa nào] biên chép siêng năng như thế. Ấy là vì [nhà vua] chẳng phụ trong hội Linh Sơn [được đức Phật] phó chúc mà đặc biệt đến Chấn Đán làm đầu mỗi quy y cho quần sanh vậy! Tông Hiều do sưu tập, biên soạn đã xong, đối với chuyện đã được thấy khi trước cứ canh cánh trong lòng, nguyện khiến cho người chưa nghe sẽ được nghe, bèn nâng bút ghi lại.

Pháp Hoa Kinh Hiện Ứng Lục, quyển thượng chung

II. Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục Quyển Hạ

法華經顯應錄卷上

* Đạt thiên sư ở Hồng Châu

Thiên sư Pháp Đạt, người xứ Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, tụng kinh Pháp Hoa. Sau khi đã xuống tóc, thọ Cụ Túc Giới, Sư đến lễ thiên sư Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê. Tổ bảo: “Ông lễ mà đầu không sát đất, chẳng bằng không lễ! Xem ra, trong tâm ông ắt chứa đựng vật gì đó!” Pháp Đạt thưa: “Con đã niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ”. Tổ nói: “Lễ vốn để đánh gãy tràng ngao mạn, [thế mà ông lễ bái] đầu chẳng hề chạm đất”. Tổ lại nói: “Ông nay tên là Pháp Đạt, siêng tụng chưa ngưng nghỉ, chỉ là tụng suông theo âm thanh, minh tâm thì gọi là Bồ Tát, chỉ tin theo lời Phật vô ngôn, hoa sen từ miệng phát ra”. Tổ lại nói: “Kinh ấy lấy gì làm tông?” Pháp Đạt thưa: “Học nhân ngu độn không biết”. Tổ nói: “Kinh ấy lấy nhân duyên xuất thế làm tông. Chỉ có một đại sư là tri kiến của Phật! Ông chớ nên hiểu sai rằng khai thị ngộ nhập chính là tri kiến của Phật, chứ bọn ta chẳng có phần! Ngài đã là Phật, đã đầy đủ tri kiến, có sao lại phải khai? Hãy nên biết tri kiến của Phật chỉ là tự tâm của ông, chẳng có cái Thể nào khác! Chỉ vì tự che lấp quang minh, tham ái trần cảnh, nhọc công Phật phải từ tam-muội khởi, dùng các thứ khuyên nhủ để [chúng sanh] ngưng dứt [trần lao]. Ông chỉ chấp niệm kinh là công đức, có khác gì mao ngưu yêu chuộng cái đuôi?”

Pháp Đạt thưa: “Nếu đúng như Tổ dạy, con chẳng cần tụng kinh ư?” Tổ bảo: “Kinh có lỗi gì mà ngăn chướng ông niệm. Hãy nghe ta nói kệ: Tâm mê, Pháp Hoa chuyển. Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa. Tụng lâu, chẳng hiểu mình, là oán cừu của nghĩa. Vô niệm, niệm tức chánh. Hữu niệm, niệm thành tà. Hữu vô đều chẳng được, xe trâu trắng ngựa hoai”. Pháp Đạt đã được khai mở, hoan hỷ nói kệ rằng: “Tụng kinh ba ngàn bộ. Tào Khê một câu quên. Chẳng hiểu ý xuất thế, đâu hết cuồng nhiều đời. Dê, nai, trâu quỳn lập. Trước, giữa, sau khéo bày. Ai biết trong nhà lửa. Vốn sẵn đáng pháp vương”. Tổ nói: “Nay ông mới đáng gọi là vị tăng niệm kinh”. Pháp Đạt đã lãnh thọ huyền chỉ; từ đó, tụng trì chẳng thiếu sót. Xem tường tận [chuyện này] trong Truyền Đăng Lục.

*** Dung thiền sư núi Ngưu Đầu**

Bộ Đường Tục Tăng Truyện có chép vị tăng Pháp Dung, họ ngoài đời là Vi, người xứ Nhuận Châu. Gia đình Sư nhiều đời học Nho; Sư thông thạo rộng khắp sử sách, nhưng chẳng có ý định kinh bang tế thế. Một hôm, Sư ngẫu nhiên đọc Bát Nhã, liễu đạt Chân Không, bèn bỏ Nho, trốn vào Lữ Sơn, đổi áo phùng dịch²⁵² thành nâu sòng, tham cứu đạo này. Trong suốt hai mươi năm, Sư chuyên rỗng chẳng biếng nhác. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư ở thạch thất núi Ngưu Đầu vì tứ chúng hơn bốn trăm người, giảng kinh Pháp Hoa. Khi đó, tuyết đọng đầy bậc thềm. Bỗng từ trong băng đọng, nảy sanh hai đóa hoa, hình dạng như hoa phù dung, rạng rỡ như sắc vàng, suốt cả bảy ngày mới ẩn.

Lại có vị quan lớn là Tiêu Nguyên Thiện thỉnh Sư giảng Bát Nhã, cảm vời đại địa rung động. Chuông, khánh, hương án thấy đều rung động, bay ra ngoài chùa, Sư vẫn điềm nhiên chẳng hay. Lưu Vũ Tích lại viết bia nơi tháp Sư rằng: *“Công đức thần diệu của Sư cảm sùng núi không hạn có suối trào ra, sen trở giữa tuyết mênh mông, rắn to khuất phục, bầy nai nghe pháp. Xét ra, Sư trụ tại Ngưu Đầu... Tứ Tổ Đạo Tín thiền sư giữa trông núi ấy có khí lành, hỏi thăm thì quả nhiên thấy có nhiều... dấu tích²⁵³. Một lời khế ngộ, truyền đại pháp của Phật. Từ đó, ứng duyên giảng kinh, đều đạt được linh nghiệm”*. Bèn biết xưa nay Thiện và Giáo vận dụng lẫn nhau, nhưng hiện thời chẳng phải là như vậy!

*** Thiền sư Thái Bạch ở Minh Châu**

Cảnh Đức Thiền Tự tại núi Thiên Đồng đã có từ thời Tây Tấn. [Thoạt đầu], có người học Phật lập đền thờ trên gộp đá, trải qua bốn trăm năm. Tới năm Khai Nguyên 20 (732) đời Đường, cao tăng Pháp Tuyên dựa theo đồ ký²⁵⁴, vạch lùm bụi, tìm được dấu tích cũ, bèn tạo tinh xá ở

²⁵² Phùng Dịch (逢掖) vốn là một loại áo rộng tay mà Nho sĩ thường mặc. Do phần nách áo (thân áo nối với tay áo) may rất rộng nên gọi là Phùng Dịch (Dịch (掖) là chữ giả tá của Dịch (腋) có nghĩa là nách).

²⁵³ Do trong nguyên bản có nhiều chữ bị mất, nên câu này dịch không trọn vẹn.

²⁵⁴ Đồ Ký (圖記) là cách gọi khác của Phương Chí (方志), tức sách vở ghi lại hình thế, đặc điểm, phong tục của một địa phương.

sườn núi phía Đông. Quan Chánh Tự của Bí Thư Tỉnh²⁵⁵ là Vạn Tế Dung trước hết dựng tháp Đa Bảo ở góc Tây Nam, cao vót tới mây nhận²⁵⁶. Ngài Pháp Tuyên sống tại đó, hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, cảm đồng tử cõi trời đập mây thăng giáng, đem thức ăn cõi trời dâng cúng. Đến đêm, Sư nhiều tháp, kinh hành. Người khác từ xa thấy thân Sư cao bằng Tượng Luân trên đỉnh tháp. Thoạt đầu, mẹ Sư nằm mộng thấy thiên nữ Cát Tường²⁵⁷ dẫn bà đến cung của Ma Lợi Chi Thiên²⁵⁸.

²⁵⁵ Bí Thư Tỉnh còn gọi là Lan Đài, Lân Đài, Phùng Sơn, hoặc Bí Thư Giám, là một cơ quan hành chính được thiết lập từ thời Hoàn Đế nhà Đông Hán, trực thuộc Thái Thường Tự, về sau thành một cơ quan chuyên biệt. Cơ quan này có trách nhiệm quản lý tất cả hồ sơ, sổ sách, thư tịch, các trước tác của hoàng gia, cũng như soạn thảo các văn bản dùng trong tế lễ của hoàng tộc. Từ đời Đường trở đi, trong Bí Thư Tỉnh lại thiết lập các chức quan Bí Thư Giám (đứng đầu Bí Thư Tỉnh), Bí Thư Thiếu Giám (còn gọi là Lan Đài Thị Lang) làm phó, Bí Thư Thừa (giống như người xử lý thường vụ), Bí Thư Lang, Giáo Thư Lang, Chánh Tự, Chủ Sự, Lệnh Sử, Thư Lệnh Sử, Điền Thư, Khái Thư, Đình Trưởng, Chương Cố, Thục Chi, Trang Hoàng, Bút Tượng, tổng số đến tám mươi tám người.

²⁵⁶ Nhận (仞, còn đọc là Nhấn) là đơn vị đo lường thời cổ, được quy định là chiều dài khi giang thẳng hai tay của một người đàn ông trưởng thành. Đời Châu quy định tám thước là một Nhận, đời Hán thì bảy thước là một Nhận.

²⁵⁷ Cát Tường thiên nữ (Lakṣmī), còn dịch là Công Đức Thiên Nữ, Tài Bảo Thiên Nữ, Bảo Tạng Thiên Nữ, Công Đức Thiên Nữ (Sridevi), Thế Mẫu, Nhũ Hải Nữ, Cát Khánh Nữ, Liên Hoa Nghiêm Sức, Cụ Tài, Bạch Sắc, Đại Danh Xưng, Liên Hoa Nhãn, Đại Quang Diệu, Bảo Quang... là vị thiên nữ chủ trì tài bảo, ban phước lạc cho chúng sanh, giữ vai trò hộ pháp trong Phật giáo (thuộc nhóm Nhị Thập Chư Thiên). Bà là vợ của Tỳ Nữ Thiên (Vishnu, Tỳ Thấp Nô). Thần chú Thiện Nữ Thiên thuộc Thập Tiểu Chú trong khóa tụng buổi sáng của Thiền môn là bài chú do bà đã nói trong kinh Kim Quang Minh. Trong Phật giáo Tây Tạng, bà được coi là vị hộ pháp bảo hộ riêng của Đại Lai Lạt Ma. Điểm đặc biệt là khác với các hình tượng xinh đẹp hiền hậu như thường thấy trong Ấn giáo hoặc Phật giáo Bắc Tông nói chung, Tạng truyền Phật giáo tạc tượng bà dưới dạng phần nộ, da đen đúa, nhe nanh, trợn mắt, bốn tay, da xanh dương, cười lừa, dùng yên cương bằng các con rắn, đeo chuỗi anh lạc kết bằng đầu lâu v.v...

²⁵⁸ Ma Lợi Chi Thiên (Marici, có nghĩa là “tia sáng”) là một vị Bồ Tát thị hiện thân thiên nữ, thuộc nhóm Nhị Thập Tứ Thiên thường được mô tả trong các mạn đà la của Phật giáo. Ngài được coi là vị thiên nữ tương ứng với ánh sáng mặt trời, chủ trì việc trừ si ám cho chúng sanh. Ngài thường được tạc tượng dưới hình dạng thiên nữ có ba mặt, hình dung tươi trẻ xinh đẹp, tám tay, ngồi trên tòa sen đặt trên lưng của tám con lợn. Theo các nhà nghiên cứu, Đạo Giáo đã vay mượn vị Bồ Tát này từ Phật giáo để tạo ra nữ thần Đẩu Mẫu Nguyên Quân (mẹ của Cửu Hoàng Đại Đế tức chín vì sao trong chòm sao Bắc Đẩu (Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân) cộng với Tả Phù và Hữu Bật).

Sau đó, bà hoài thai Sư. Do vậy, Sư được gọi là thiền sư Thái Bạch. Trong chùa có Phạm Đích soạn bài ký thuật rõ chuyện này (theo *Tứ Minh Đồ Kinh*).

*** Tích thiền sư ở Hồ Châu**

Ni sư húy là Đạo Tích, hiệu Tổng Trì, không rõ người xứ nào. Ngài đắc pháp nơi tổ Bồ Đề Đạt Ma. Xét theo Truyền Đăng Lục, ngài Đạt Ma chẳng khế hợp Lương Vũ Đế, bèn sang Thiệu Lâm, nhìn vách chín năm. Một hôm, Tổ bảo đại chúng: “Ta muốn về lại Thiên Trúc ở phương Tây, các vị hãy nói sở đắc của chính mình”. Khi đó, ngài Đạo Dục nói: “*Như con thấy, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đó là công dụng của đạo*”. Tổ bảo: “Ông đạt được phần da của ta”. Ni Tổng Trì thưa: “*Nay con hiểu: Như ngài Khánh Hỷ (A Nan) thấy cội của A Súc Phạt, hề thấy rồi sẽ chẳng thấy nữa*”. Tổ bảo: “Bà được phần thịt của ta”. Ngài Đạo Phó thưa: “*Tứ Đại vốn là Không, Ngũ Âm chẳng phải là có, nhưng theo chỗ con thấy thì chẳng có một pháp*”. Tổ bảo: “Ông được phần xương của ta”. Ngài Huệ Khả lễ bái, đứng nguyên tại chỗ mình. Tổ bảo: “Ông đạt được phần tủy của ta”. Tổ Đạt Ma bèn phó pháp cho ngài Huệ Khả để lập tông.

Ngài Đạo Tích tuy chưa đạt được phần tủy [trong giáo pháp của tổ Đạt Ma], nhưng chí hành đạo chưa hề quên. Ngài liền ẩn cư trên đỉnh núi của rừng Biện Lãnh tại Hồ Châu, ngày đêm tụng kinh Pháp Hoa trọn mười vạn bộ. Gần hai mươi năm chẳng xuống núi. Về sau, Ngài quy tịch. [Môn nhân] dựng tháp dựng toàn thân tại chỗ Ngài kết am tranh. Tới Đại Đồng nguyên niên (535), trong tháp bỗng có một đóa hoa sen xanh. Đạo tục đều lấy làm lạ; do vậy, mở tháp ra xem, thấy nhục thân của ni sư bất hoại. Hoa ấy sanh từ lưỡi của Ngài. Lại từ trong tháp tìm thấy một bộ kinh Sen (kinh Pháp Hoa). Châu quận dâng biểu tâu trình sự việc, triều đình sắc truyền dựng chùa Pháp Hoa. Chùa ấy đến đời Đại Tống sửa đổi thành Quán Âm Viện, dùng Pháp Hoa để đặt tên cho núi. Tháp của ni sư hãy còn. Trong niên hiệu Thuần Hy²⁵⁹, vị tăng trụ trì là Tịnh Nhiên lại xây Tổ Đường để phụng sự hương khói, khắc đá ghi lại [sự tích của ngài Đạo Tích].

²⁵⁹ Thuần Hy là niên hiệu của Tống Hiếu Tông (Triệu Thận) từ năm 1174 đến năm 1189.

*** Thượng tọa Thiên Hạ ở Hồ Châu**

Sư vốn tên là Bảo Ngọc (抱玉, ôm ngọc), họ Đường, người xứ An Cát ở Ngô Hưng. Mẹ họ Mai, khi mới vừa ốm nghén đã ghét thức ăn mặn tanh hôi. Đến khi Sư sanh ra, trong độ tuổi mọc răng sữa, Sư đã nghĩ tới Phật thừa. Sư bèn theo xuất gia với ni Tổng Trì chùa Pháp Hoa, nguyện tụng kinh Pháp Hoa. Ba tháng đã đọc thông suốt. Từ đó, hằng ngày Sư trì bảy bộ. Lúc vừa hai mươi tuổi, Sư lên kinh đô thọ giới. Khi đó, hoàng đế Đường Túc Tông đêm mộng thấy một vị tăng ở xứ Ngô tụng kinh Pháp Hoa, miệng tỏa quang minh năm màu, giọng xứ Ngô trong trẻo. Cho tới sáng ra châu, vua sắc truyền hơn hai trăm vị tăng tại kinh thành có thể tụng Pháp Hoa vào cung cấm. Vua nhìn thì thấy họ đều chẳng phải là người trong giấc mộng.

Bảo Ngọc vừa vào cửa ải, vị quan coi cửa ải hỏi “vì sao Sư từ xa đến?” Sư đáp: “Tôi khéo tụng kinh Pháp Hoa, cầm kinh đến thọ giới”. Vị quan tâu lên; vua liền giáng chỉ triệu kiến. Vua viết: “Giọng nói và dáng vẻ của Sư giống như người trăm đã mộng thấy”. Vua liền ban pháp tòa cho ngồi để tụng kinh. Tới phẩm Tùy Hỷ Công Đức, khéo miệng Sư phóng quang minh năm màu. Vua hết sức vui sướng, nói: “Chính là ánh sáng như trăm đã thấy trong mộng”. Kinh tụng vừa xong, vua ban canh thất bảo, sai đắp đàn thơm riêng để Sư thọ giới, ban hiệu là Đại Quang, phong làm “Thiên Hạ thượng tọa”. Sư ở kinh đô ba năm, chuyên nhất trì tụng. Lại vâng sắc chỉ tới hành đạo tại chùa Thiên Phước, trải qua hai mươi tám ngày, Phạm âm trọn khắp, vua [ở trong cung] còn nghe tiếng. Sư ở riêng tại Lam Điền tỉnh xá. Sư lại vâng chiếu trụ trì chùa Từ Thánh.

Sư Đại Quang viện có mẹ còn ở đất Ngô, dâng biểu xin quay về báo ân. Vua chẳng đồng ý. Sư lại đeo vật trang hoàng lên đầu, đội kinh Pháp Hoa tụng niệm, liền có chiếu chấp thuận cho Sư trở về. Đại Quang tâu rằng: “Thân trở về quê hương, có ba điều nguyện: Một là phụng dưỡng mẹ già. Hai là xin bệ hạ độ tăng trong thiên hạ. Ba là mong tu bổ chùa Pháp Hoa”. Vua xuống chiếu ban tiền cho Hồ Châu để dựng một tòa tháp Đa Bảo, tượng Di Lặc, một bộ kinh Pháp Hoa, một người hầu. Đã về quê, Sư dựng am tại Tùng Kính của chùa Pháp Hoa, hằng ngày trì kinh kệ Pháp Hoa để báo đại ân của vua. Tới cuối Đông, khi niên hiệu

đổi thành Vĩnh Trinh²⁶⁰, Sư sang từ biệt thứ sử Nhan Phòng Thiện, nói: “Tôi phải đi. Cõi người vô thường, giống như mộng huyễn”. Trở về chùa, Sư điềm nhiên ngồi qua đời, cảm mùi hương lạ phảng phất suốt ba ngày chẳng tan. Sư được chôn cạnh am. Thưở ấy, đại chúng đều nói Sư là hậu thân của ni sư Tổng Trì đời Lương. Sự giáo hóa của bậc chí nhân ai có thể luận bàn được thay! Chuyện này được thấy ghi trên bia do Nhiên sư đã lập.

Nếu xét theo Đại Tổng Tăng Truyện, sách ấy cho rằng Đại Quang và Bảo Ngọc là hai người [khác nhau], tức là do sưu tầm tài liệu sai lệch. Nay tôi lại trích lục tiểu truyện trong sách ấy để chép thêm: Khi Sư trụ tại Lam Điền, tăng chúng trong chùa trước đó mộng thấy đồng tử cõi trời giáng hạ, bảo: “Tiếng tụng kinh của ngài Đại Quang thấu tới trời Hữu Đảnh, chẳng phải là chuyện nói suông”. Sư Đại Quang một hôm ngồi yên nơi đạo tràng, tự thấy thần nhân từ trời giáng xuống, dùng tay xoa bóp tim Sư. Từ đấy, Sư công lực càng thêm mạnh hơn, thân thể, tinh thần chẳng mệt nhọc. Có lần Sư vô tình đi trong núi, bỗng rơi xuống giếng, liền nghĩ tới tháp Phật Đa Bảo, nguyện trì phẩm ấy mười vạn lượt, bỗng dung tung mình thoát ra, dường như có thần nhân nâng lên.

Về sau, Sư vâng chiếu trụ chùa Tư Thánh, chùa do Văn Đức hoàng hậu²⁶¹ xây dựng. Chùa bỗng bị hỏa tai, từ trong ngói, gạch, tìm được mấy bộ kinh không tổn hại một chữ. Dem chuyện ấy trình tâu lên, vua giáng chỉ xây lại. Đại Quang nhận lãnh kinh văn, tinh tấn gấp bội. Kế đó, Sư xin trở về đất Ngô. Đã trở về, Sư đến huyện Ô Trình. Tướng quốc Lý Thân làm thứ sử của Ngô Hưng, ở lại đạo tràng trì kinh [của sư Đại Quang]. Ông bỗng thấy bạch quang đầy khắp hư không. Tìm xem thì thấy ngài Đại Quang đang ngồi yên, trì kinh; ánh sáng tỏa ra từ mặt Ngài. Áo ca-sa của Sư bốn mươi năm chưa từng giặt giũ, nhưng giới hương ngào ngạt. Sư mỗi ngày ăn một bữa, suốt bảy mươi năm chưa hề

²⁶⁰ Vĩnh Trinh là niên hiệu của Đường Thuận Tông (Lý Tụng) sử dụng từ năm 805 đến năm 806.

²⁶¹ Văn Đức hoàng hậu (601-636) chính là vợ vua Đường Thái Tông. Sử không chép tên bà, chỉ biết bà là người Tiên Ty, họ Trương Tôn, có hiệu là Quán Âm Ty (đầy tớ của đức Quán Âm), con gái của quan Hữu Kiêu Vệ Tướng Quân Trương Tôn Thịnh. Anh bà là Trương Tôn Vô Kỵ được xếp vào hàng khai quốc công thần của nhà Đường. Bà mồ côi cha từ lúc tám tuổi, được cậu là Cao Sĩ Liêm nuôi dưỡng. Bà lấy Lý Thế Dân (Đường Thái Tông) lúc 13 tuổi, được phong là Tàn Vương Phi. Bà là người hiền hậu, luôn can ngăn chồng, tận lực bảo vệ các vị đại thần trung chính quá thẳng tính làm trái ý vua. Bà mất khi mới 36 tuổi, được chôn tại Chiêu Lăng.

ăn phi thời. Lý tướng quốc trọn chẳng tin tưởng Không môn cho mấy, nhưng hết sức kính trọng Sư, đích thân viết văn bia, ghi là Mặc Chiêu Trì Kinh Đại Đức Thần Di Bi Minh (bài minh ngự chế nơi văn bia ghi lại chuyện thần di của vị đại đức trì kinh).

*** Thiên sư Đại Viên ở Tây Kinh**

Tên húy của ngài là Sở Kim, sanh trong nhà họ Trần ở đất Kinh Triệu (kinh đô). Mẹ Ngài do mộng thấy chư Phật, bèn có thai Sư. Sư quả thật là con đáng pháp vương, bảy tuổi đã chán cõi tục, theo xuất gia tại chùa Long Hưng ở phủ nhà. Tới khi lễ tạt thắm kinh²⁶², rút được kinh Pháp Hoa, liền tụng thông suốt, thanh vận như nước chảy. Sau khi đã thọ Cụ Túc Giới, Sư thẳng đường nghe giảng, nhanh chóng thấu nhận tạng báu. Sư từng trong đêm thanh phô diễn, tán vịnh kinh này, tụng tới phẩm Bảo Tháp, thân tâm nhẹ nhàng, bỗng thấy tháp báu ở đằng trước, phân thân của Phật Thích Ca đầy đầy trên hư không. Từ đó, Sư không ra khỏi Thiền phòng, tụng niệm suốt sáu năm, thề dựng tháp ấy để đền đáp sự linh ứng.

Hoài bão chân thành vừa dậy, đàn-na tín thí tìm đến, liền khởi công xây cất. Tại chỗ đắp nền, Sư mỗi đêm trì niệm công khóa. Đại chúng bỗng nghe tiếng nhạc trời, mùi hương lạ ngào ngạt. Sư đã khế lý, tiến nhập Phật tâm, liền cảm vời vua mộng thấy. Đường Huyền Tông thấy dưới pháp danh [của người dựng tháp] có chữ Kim²⁶³, thẳng triều hỏi [các quan đó] là ai, nhưng chẳng ai biết. Thanh danh của Sư truyền đến kinh đô, phù hợp với điều vua tìm cầu từ giấc mộng. Do vậy, vua ban năm mươi vạn đồng, một ngàn xấp lụa để [dùng làm chi phí] xây

²⁶² Lễ tạt thắm kinh: Khi chưa biết chắc nên tu tập pháp môn nào hòng phù hợp căn cơ, cổ đức thường lễ sám tinh thành, sau đó vào Tàng Kinh Các, lễ bái Đại Tạng Kinh, nhắm mắt rút một quyển kinh, mở ra trúng kinh nào thì tu theo pháp môn dạy trong kinh đó.

²⁶³ Theo bi ký tại tháp Đa Bảo tại chùa Thiên Phước, sự kiện này được ghi chép rõ ràng hơn: Đường Huyền Tông trong năm Thiên Bảo nguyên niên (742) mộng thấy mình bước lên một tòa bảo tháp chín tầng. Vua thấy trên đó có đề pháp danh của người kiến tạo, phía dưới có ghi một chữ Kim. Vua hỏi triều đình, mới biết có thiên sư Sở Kim [đang quyên góp dựng tháp Đa Bảo], bèn thưởng vàng lụa để dựng tháp. Mất bốn năm, tháp mới xây xong, được vua đích thân ngự đề tên tháp. Lối chữ viết của Nhan Chân Khanh trên bia tháp này được coi là mẫu mực thư pháp, nên có nhiều người rập chữ (tức là dùng giấy than chà lên bia để lấy nét chữ đem bán cho người đang tập viết).

cát. Lại ngự đề bức hoành Đa Bảo Tháp đề treo nơi tháp... [Tháp xây xong], Sư hành sám pháp, liên cảm mây ngũ sắc vờn quanh trên tháp... [Sư bày tỏ ước nguyện] *“ta muốn tập hợp bảy vị tăng, hợp thành cùng một chí nguyện, ngày đêm tụng trì dưới tháp, khiến cho khói hương chẳng dứt, pháp âm vô cùng”*. Mọi người vui vẻ vâng theo. Mỗi dịp Xuân Thu, Sư tập hợp bốn mươi chín người đồng hạnh cùng hành trì Pháp Hoa tam-muội. Sư liền được vua hạ chiếu chấp thuận thành thường lệ. Trong đạo tràng, thấu được rất nhiều xá-lợi. Một hôm, Sư vẽ tượng Phổ Hiền, cảm được mười chín viên xá-lợi hiện ra từ ngọn bút. Sư lại trích huyết chép các kinh như Pháp Hoa Hành Pháp v.v... cũng dùng vàng ròng [hòa mực] chép ba mươi sáu bộ kinh màu nhiệm này để trần tháp báu. Lại chép một ngàn bộ phân phát cho đại chúng thọ trì.

Hóa duyên hoàn tất, ngày Thất Tịch (mùng Bảy tháng Bảy) năm Càn Nguyên thứ hai (759) [đời Đường Túc Tông], Sư nằm bên hông phải, an nhiên qua đời. Xuân thu sáu mươi hai năm. Thiên tử đau xót, sai sứ phúng điếu. Sư được dựng tháp tại Pháp Hoa Lan Nhã ở phía Tây thành ấy. Từ thuở để chòm, Sư đã cam phận đạm bạc, chẳng mặc tơ lụa, chân chỉ đi hài bằng cỏ bện, mỗi ngày ăn một bữa trưa, khổ học suốt ba Đông. Đức hạnh [của Sư] nhiều đến nỗi chẳng thể tuyên dương, ghi chép trọn đủ. Tới năm Trinh Nguyên 13 (797), Đậu Văn Trường tâu rằng: *“Trong năm Thiên Bảo, ngài Sở Kim đã vì nước dựng tháp, đặt tại Pháp Hoa đạo tràng, nay đã hơn sáu mươi năm, tăng chúng lễ niệm, tiếng tụng kinh chẳng dứt. Đã trải qua bốn đời vua mà chưa từng biểu dương phẩm đức”*. Vua xuống chiếu chấp thuận, sắc truyền thụy hiệu là Tại Viên thiền sư (*sự tích của Sư ghi trong Đại Tổng Cao Tăng Truyện do dựa theo bia Phi Tích Thiền Sư. Tướng lành linh dị được chép trong bài ký của Sầm Huân. Do ghi chép bất đồng, có chỗ sai khác. Nay tổng hợp cả hai bài văn ấy để mong [hành trạng của Sư] được toàn mỹ*).

*** *Tuân pháp sư ở Tô Châu***

Sư giữ chí nguyện cao khiết khác vời, chẳng màng sự vinh diệu... Nhất tâm tam quán, sùng phụng Phật thừa. Do chép rộng kinh Pháp Hoa, bèn lập Khán Kinh Viện tại núi Chi Hình ở Tô Châu. Ngày thứ nhất phát tâm, ngày thứ hai liền quy hoạch nền móng, chẳng vượt khỏi lẽ lối. Điện các xây dựng hoàn tất. Đại Lịch nguyên niên (766), các quan đứng đầu Tô Châu như Vi Nguyên Phủ v.v... đều cùng thấy tướng thù thắng, bèn cùng nhau dâng biểu. Vua xuống chiếu đặc biệt dựng Pháp Hoa Đạo

Tràng. Đọc theo Trường Giang về phương Đông, kiến lập mười bảy chỗ, đều do sức của Tuân pháp sư. Sư lại còn chọn ra hai mươi bảy vị tăng hạnh chuyên ròng để thường trì kinh này hòng báo ân vua. Sư lại đúc tượng Lô Xá Na Phật, dựng tháp Đa Bảo, tạo tượng Di Đà, chép ba bộ lớn (Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán) đầy khắp đạo tràng.

Về sau, Sư hành Pháp Hoa tam-muội tại Linh Nham, bỗng thấy ánh sáng to lớn tủa lên trời. Tuân pháp sư ngự trong chánh niệm, nghiêm nhiên ở trong quang minh. Hôm sau, Sư đem chuyện ấy hỏi ngài Kinh Khê Tràm Nhiên, Ngài bảo: “*Quang minh trí huệ từ tâm lưu xuất, chẳng phải là do lòng tinh thành đạt đến cùng cực ư?*” Lại có lần Sư ở trong chùa mình, vào Pháp Hoa đạo tràng, tự thấy thân mình ngồi trên không trung. Bậc đã chứng ngộ trước biết đây chính là tướng trạng đã gột sạch phiền cấu. Sư quy tịch, [trước hôm đó], trong núi ấy có hai vị tăng là Ích pháp sư và Hàn pháp sư cùng nằm mộng thấy đại điện đồ nát. Thật ra, đây là điềm báo Tuân pháp sư đã mất (theo Đại Tống Tăng Truyện).

*** Vận pháp sư ở Tây Hà**

Trong niên hiệu Trinh Quán, có pháp sư Đàm Vận. Từ bé, Sư đã khác thể tục, chuyên tụng kinh Pháp Hoa; nhưng hãy còn hai quyển [chưa tụng xong]. Sư vào Hằng Nhạc tìm nơi yên tĩnh để tụng cho xong bộ kinh ấy. Bỗng gặp một vị ẩn thiền sư nói: “*Tụng kinh không gì chẳng phải là đạo duyên!*”... [Nói xong], Ngài đem âm vận tụng niệm mà mình thường hành để dạy bảo, Sư kính cẩn hành theo. Sư đọc kinh tới khi trụ tại Ngũ Đài suốt hai mươi năm. Thân mặc áo cũ nát, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Đối với kinh đã tụng khi trước, tâm chẳng nghĩ mà miệng niệm suốt ba mươi năm, chẳng sót một chữ nào! Về sau, Sư thông suốt cả hai quyển sau.

Sư thường muốn khiết tịnh chép một bộ kinh ấy. Đã mấy năm mà chẳng thực hiện được, bỗng cảm vờ một thư sinh đến nói [chính mình] giỏi sao chép. Ngài Đàm Vận bèn lập quy củ, [thư sinh ấy] liền [tuân theo quy củ ấy], ở trong nhà đá sao chép. Sáng vào, chiều ra, bộ dạng khác lạ, thâm sâu. Chưa đầy mười ngày, bảy quyển đã trọn đủ. Sư vui mừng, nấu cơm đáp tạ, bỗng chẳng thấy [thư sinh ấy] đâu nữa. Về sau, giặc giã loạn lạc, Sư giấu kinh trong hang đá. Giặc yên, Sư trở về tìm kinh. Do chôn trong rừng, rương và vải gói kinh đã mục nát, nhưng kinh vẫn y như thuở đầu. Sư ngồi mất tại núi Bình Dao ở Tây Hà. [Sư thọ]

hơn tám mươi tuổi. Sư ẩn cư trong núi rừng sáu mươi năm, chẳng màng danh lợi, chẳng nuôi người hầu, không ghi tên vào sổ sách [quản lý tăng ni của triều đình], chẳng cô phụ trách nhiệm của chính mình. Đúng là bậc thượng sĩ đức nghiệp vĩ đại, thanh khiết (theo *Tục Cao Tăng Truyện*).

*** Chương pháp sư ở Đông Kinh**

Pháp sư Phó Chương, người phủ Khai Phong. Cha Sư là phú nông tại ấp Bành Ân. Ngoài việc thế tục, [ông cụ] luôn tụng niệm kinh Phật, lại còn hiểu ý chỉ giảng nói [trong kinh]. Mẹ Sư họ Hình, mộng thấy vào chùa, tay ôm lấy pháp khí, do vậy mà hoài thai Sư. Cha biết con là đứa bé khác lạ, chỉ tay vào bụng vợ, thề sẽ cho con xuất gia. Sư mười một tuổi nhập đạo, được thầy dạy kinh Pháp Hoa, Nhân Vương, Tịnh Danh, chẳng bao lâu đã thông suốt. Tới khi thôi để chỏm, Sư bèn nghe giảng, học tập kinh Pháp Hoa ở chỗ Lăng pháp sư. Sư miệt mài nơi pháp thủy suốt hai mươi năm, chưa từng xao lãng ngày nào. Sư nói kệ tịch diệt. Khi trà-tỳ, khói hết, lửa tắt, lưỡi chẳng cháy thành tro. Trước đó, cha của Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa, sau khi mất, hỏa thiêu, lưỡi cũng chẳng hoại. Cha con có cùng một chứng nghiệm, đúng là hiếm có! (theo *Đại Tạng Kinh*).

*** Luân Tăng Lục ở Tinh Châu**

Sa-môn Kê Luân, họ Tào, quê ở Tấn Dương. Tuổi thiếu niên, Sư đã mang chí lớn, quyết cầu xuất gia. Bỏ Sư truyền dạy kinh Pháp Hoa, Sư mỗi ngày niệm ba trang, lay động sự tu tập trong quá khứ. Sau khi đã làm tăng²⁶⁴, Sư học thông thuộc kinh này, thấu hiểu giáo nghĩa uân tàng tột bậc. Do vậy, soạn Pháp Hoa Kinh Sao ba quyển. Họ Lưu chiếm cứ vùng Tinh Phần, coi trọng đạo hạnh của Sư, phong cho Sư làm Hữu Nhai Tăng Lục²⁶⁵. Sư đối xử với đại chúng vừa khoan dung vừa kiên

²⁶⁴ Ý nói: Sau khi đã thọ Cụ Túc Giới thì mới chính thức là tăng.

²⁶⁵ Đây là một chức vụ quản lý các tăng ni để đảm bảo không có tăng sĩ giả danh chẳng thọ giới trà trộn vào hàng ngũ tăng ni. Chức quan này được thiết lập dưới đời Đường và Tống nhằm quản trị tăng ni và bổ nhiệm các vị tăng giữ chức vụ quản lý, kiểm tăng, trực xuất tăng sĩ giả mạo hoặc vi phạm giới luật. Thoạt đầu, trong niên hiệu Trinh Nguyên, lập ra chức Tả Nhai và Hữu Nhai Công Đức Sư, sau đó đặt thêm chức Hữu Nhai và Tả Nhai Tăng Lục để giúp. Đến đời Tống, lập ra riêng một cơ cấu

quyết, chẳng ai dám trái nghịch, chống đối. Một ngày nọ, Sư thị hiện ngã bệnh, nêu ý nguyện muốn sanh về Tri Túc Thiên (Đâu Suất Thiên). Sau khi Sư mất, đỉnh đầu vẫn nóng cả nửa ngày mới lạnh. Sau khi xà-duy (trà-tỳ, hỏa thiêu), xá-lợi sáng bóng, xa gần tranh nhau thỉnh về cúng dường (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

*** Anh pháp sư ở Ngũ Đài**

Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường, có vị tăng tên Thần Anh, người xứ Thương Châu. Sư phúng tụng kinh điển, ngày đêm chẳng lười nhác. Sư tham học khắp các tri thức, tới núi Ngũ Đài. Một hôm, Sư vào chơi khu rừng ở phía Tây chùa, bỗng nhiên thấy một tòa viện, có biển đề là Pháp Hoa. Ngài Thần Anh thông thả bước vào, thấy một tòa tháp Đa Bảo Phật rực rỡ, tráng lệ y như kinh Pháp Hoa đã nói. Lại có tượng Văn Thù và Phổ Hiền bằng ngọc thạch tinh tế, đẹp đẽ rạng ngời, khéo léo khó lường. Quy mô của tòa viện giống như Thập Tự tại núi Ngũ Đài... Ngài Thần Anh ra khỏi chùa, kể với chúng tăng những điều phi thường đã thấy. [Họ cùng Sư đi tìm], đi chừng ba mươi dặm, chẳng thấy có gì. Ngài Thần Anh buồn khóc nói: “Đây chính là đức đại thánh cảnh tỉnh, giác ngộ tôi”. Sư liền kết lều tranh ở lại chỗ đường như có tháp Đa Bảo, phát nguyện rằng: “Con sẽ ở trên nền của viện biến hóa này mà dựng một ngôi chùa, hòng đáp tạ sự linh ứng”. Lâu ngày chầy tháng, đàn tín như rừng, Sư bèn tậu ngọc thạch từ Dịch Châu cách đó ngàn dặm để tạo tượng hai vị Bồ Tát, xinh khéo như đã từng trông thấy. Viện đã hoàn thành, lại đặt tên là Pháp Hoa. Ngài Thần Anh thuyết pháp, trụ trì, chỉnh tề như được cắt xén vậy! (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

*** Lân cung phụng ở kinh đô**

Sư họ ngoài đời là Phạm, người Duyện Châu. Cha Ngài không thích Tam Bảo, hề thấy tăng ắt khạc nhổ. Sư có nhũ danh là Lân Nhi, từ

quản trị gọi là Tăng Lục Ty. Tăng sĩ phải thông qua khảo hạch mới được Tăng Lục Ty cho phép thọ giới và cấp giấy chứng nhận gọi là Độ điệp. Trong Tăng Lục Ty, lại đặt ra các chức Tăng Lục (đứng đầu tăng sĩ cả nước), không còn chức Công Đức Sư, phía dưới có các vị phụ tá như Giảng Kinh Thủ Tòa, Giảng Luận Thủ Tòa, Giám Nghĩa v.v... Các chức vụ này dưới thời Minh - Thanh được coi như quan chức của triều đình có phẩm trật và lương bổng, nhưng bỏ các danh xưng Tả Nhai và Hữu Nhai.

bé, hễ gặp tăng liền ngưỡng mộ. Do vậy, Sư trốn nhà xuất gia, nương vào chùa Quảng Ái tại Đông Đô. Tới lúc được thọ giới, pháp danh là Tử Lâm. Sau mười một năm, Sư bỗng nhớ cha mẹ, trở về thăm. Cha đã mù mắt, mẹ mất đã ba năm rồi. Sư muốn báo ân nuôi nấng, vì thế, tới đền thờ thần Thái Sơn (Đông Nhạc Đại Đế) cầu biết chỗ mẹ sanh về đâu trong cõi âm. Sư liền trải tọa cụ, một dạ tụng kinh Pháp Hoa, thề gặp Thiên Tê Vương²⁶⁶. Vương thương xót tâm Sư khẩn thiết, hiện hình hỏi han. Ngài Tử Lâm nói: “Mẹ tôi họ Vương mất đã ba năm rồi, nay ở nơi đâu?” Kẻ giữ sổ sách của vua nói: “Vương thị nay đang bị giam trong ngục chịu khổ!” Tử Lâm hỏi: “Mẹ tôi tội gì mà đến nỗi ấy?” Vua nói: “Lúc sanh hòa thượng, mẹ Ngài ăn nhiều trứng gà. Lại lấy lòng trắng trứng để bôi lên ghềnh nhọt trên đầu”. [Sư than khóc]: “Mẹ do Lâm mà tạo nghiệp, phải chịu khổ trong ngày nay, há Lâm chẳng có phần ư?” [Sư cầu xin mẹ được phóng thích. Vua nói]: “Không có cách nào phóng thích. Nếu Sư qua Mậu Sơn lễ tháp A Dục Vương...”²⁶⁷ Sư đối trước [tháp thờ xá-lợi] tại chùa Chương Sơn, dập đầu xót xa thừa thỉnh. Lễ tới bốn vạn lạy, bỗng nghe có tiếng gọi “*Tử Lâm*”. Nhìn lên hư không, Sư thấy mẹ ở trong đám mây, cảm tạ: “Do sức của con, mẹ được sanh lên trời Đạo Lợi. Do vậy, tới báo với con”. Nói xong ẩn mất. Nay trên đỉnh núi sau chùa A Dục Vương, có Thúy Vi Am chính là nơi Sư cư trú. Về sau, Sư giảng giải rộng rãi kinh luận, thanh danh rất hậu. Túc Tông hoàng đế triệu vào cung cấm để thừa hỏi. Sư biện tài cao thâm, miễn tiệp, được vua ban cho áo tía, phong làm quan Cung Phụng²⁶⁸ (theo Đại Tổng Tăng Truyền).

²⁶⁶ Thiên Tê Vương chính là tước hiệu của thần núi Thái Sơn. Vị thần này được Đạo Giáo tôn xưng là Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tê Đại Sanh Nhân Thánh Đại Đế, nên được gọi tắt là Thiên Tê Vương, đôi khi còn gọi là Thái Sơn Phủ Quân, Đông Nhạc Đế Quân, Nhạc Đế Gia, Nhạc Đế v.v... Theo Đạo Giáo, Ngài đứng đầu năm vị đại đế cai quản ngũ nhạc, có chức trách cai trị cõi âm. Ngài được coi là một vị thần hộ pháp trong Hán truyền Phật giáo.

²⁶⁷ Phần này nguyên bản bị mất chữ.

²⁶⁸ Cung Phụng quan là danh xưng để chỉ chung các quan viên thuộc Trung Thư Tỉnh và Môn Hạ Tỉnh. Đôi khi, quan viên thuộc Ngự Sử Đài cũng gọi là Cung Phụng Quan. Xét ra, Trung Thư Tỉnh và Môn Hạ Tỉnh đều là các cơ cấu hành chánh, không thích hợp cho một vị tăng, Ngự Sử Đài cũng thế. Đời Đường, có lập ra Cung Phụng Cục bao gồm những người có một tài khéo đặc biệt nào đó để cống hiến đế vương; những người thuộc Cung Phụng Cục đều gọi là Cung Phụng Quan. Có lẽ Sư thuộc trường hợp này vì Sư là vị thầy hỏi đạo của nhà vua.

*** Siêu pháp sư ở Lư Sơn**

Vị tăng Cảnh Siêu luôn trì giới, bảm tánh khuôn phép, chất trực, chẳng hề cầu thả, lười nhác. Sư trụ tại Lư Sơn, chỉ lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm sự vụ thường nhật. Sư lễ kinh Hoa Nghiêm mỗi chữ là một lạy, [lễ như thế] đã hai lượt. Sư đốt một ngón tay để cúng dường. Kế đó, lễ Pháp Hoa, Sư cũng đốt ngón tay như thế. Từ đó, dưới da nơi thân Sư ần ần xuất hiện xá-lợi, tròn trặn, bóng sáng. Hễ có người xin, nơi chiếu Sư ngồi, hoặc chỗ Sư đi đều có [xá-lợi rơi ra]. Trong năm Thiên Phước²⁶⁹ đời Thạch Tấn, Sư mất tại am (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

*** Chân pháp sư ở Lạc Kinh (kinh đô Lạc Dương)**

Pháp sư tên là Hồng Chân, là con nhà họ Thuần Vu ở Hoạt Châu. Sư ngộ cõi trần là lòng rọ từ bé, quyết cầu xuất ly, bảm tánh chuyên nhất, xuất trần. Thầy dạy cho diệu pháp, Sư học một lượt đã thông suốt. Cả đời Sư tụng kinh Pháp Hoa khoảng một vạn lần... Về sau, Sư đến triều đình dâng biểu xin thiêu thân để cúng dường tháp thờ Phật. Vua chẳng đồng ý, ngài Hồng Chân than thở: “*Thiện căn kém cõi, ma chướng càng mạnh*”. Bèn lui về chùa Quảng Ái, xả sạch y bát, bỏ thí bất kể lúc nào. Bỗng Sư ngồi diêm nhiên qua đời. Qua mấy ngày mà vẻ mặt vẫn như còn sống. Khi đưa Sư đi thiêu hóa, lưỡi nghiêm nhiên hầy còn, càng thêm tươi đỏ. Người vùng Y Lạc (Lạc Dương) kính trọng Sư như Phật. Đó là chuyện vào thời Lưu Hán²⁷⁰ (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

²⁶⁹ Thiên Phước là niên hiệu của Hậu Tấn Cao Tổ (Thạch Kính Đường) từ năm 936 tới năm 944. Vào thời Ngũ Đại, Thạch Kính Đường thuộc sắc dân Sa Đà, do lập nhiều công lao với nhà Hậu Đường, trở thành quyền thần. Ông ta diệt nhà Hậu Đường năm 936, lập ra nhà Hậu Tấn. Triều đại này trước sau chỉ tồn tại được hai đời vua, tồn tại 12 năm. Nhà Hậu Tấn bị Khiết Đan diệt quốc, vì khởi đầu, Thạch Kính Đường nhờ quân Khiết Đan ủng hộ mà đủ sức diệt Hậu Đường. Sau đó, để lấy lòng người Khiết Đan, Thạch Kính Đường đã cắt đất của mười sáu châu thuộc các tỉnh Hà Bắc và Sơn Tây cho vương triều Liêu của người Khiết Đan, tôn vua Liêu (Da Luật Đức Quang) làm cha, dẫn tới việc các ngoại tộc như Mông Cổ, Khiết Đan, Đảng Hạng, Nữ Chân v.v... chiếm đóng miền Bắc Trung Hoa hơn 400 năm cho tới khi Châu Nguyên Chương thống nhất Trung Hoa.

²⁷⁰ Nhà Lưu Hán (còn gọi là Hậu Hán) là triều đại do Lưu Trí Viễn (thuộc sắc tộc Sa Đà) thành lập vào thời Ngũ Đại sau khi nhà Hậu Tấn (Thạch Tấn) diệt vong và Liêu Thái Tông (Da Luật Đức Quang) của nhà Liêu vừa chết, khiến cho tình hình nước Liêu rối ren. Trí Viễn đã thừa cơ sáng lập nhà Hậu Hán, nhưng chỉ làm vua được một

*** Vị tăng quên mất tên ở Đàm Châu**

Trong niên hiệu Càn Hựu (948) đời Hán, tại Đàm Châu có một vị tăng đã quên mất tên, luôn tụng kinh Pháp Hoa, miệng chẳng nói lời chi khác. Trường Sa Văn Chiêu Vương (Mã Hy Phạm) đặc biệt tôn trọng, triệu vời Sư về Tương Tây Viện ở phủ Thiên Sách để cúng dường. Nhưng Sư nói chuyện quý dị, một hôm gọi vị tri điện tăng²⁷¹ sai ông ta hãy mau đi chuyển tượng Phật sang hai chái. Đại chúng đều cho là Sư đã phát cuồng. Sư trợn mắt cười, trong khoảnh khắc tự vào chánh điện, chiếm tòa Phật, nghiêm nhiên ngồi qua đời. Đạo tục trong cả châu đều tôn kính, lấy làm lạ (*theo Đại Tống Tăng Truyện*).

*** Vị thần tăng núi Tuyên Thành**

Dưới thời Tiền Vũ Túc Vương (Tiền Lưu), có vị tăng tên Tự Tân, trụ tại Thụy Ứng Viện, từng vào núi Tuyên Thành hái thuốc. Sư đi vào động chừng mấy dặm, bỗng thấy dưới cội tùng bên khe suối có am tranh. Một vị tăng lông mày trắng như tuyết, khoác ca-sa tọa Thiền, bên cạnh có một cái khánh. Tự Tân gõ khánh, vị tăng mở mắt hỏi “do duyên nào mà đến đây?” Sư bèn nổi lửa, nấu trà tiếp đãi. Chiều xuống, Tự Tân được vị tăng nhường chỗ cho ngủ, chính mình thì vào trong một cái ổ lớn trên chót cây tùng để tụng kinh Pháp Hoa, âm thanh tốt bậc trong trẻo, khiến người khác ưa thích nghe. Chốc lát lại nghe quả mãng: “Bây sức sanh lông lá này sao lại khổ sở khiến cho chúng sanh sợ hãi, mau trở về rừng đi, đi nhanh đi!” Tự Tân liếc nhìn thì ra là hổ báo. Sáng hôm sau, Tự Tân xin ở lại hầu hạ Sư. Sư đáp: “Nơi này toàn là cỏ khô, bốn phía tuyết chẳng có khói bếp, chẳng phải là chỗ thầy cư ngụ được!” Sư lại hái kê, nấu thành cơm đãi ăn rồi tiễn về, còn nói: “Ông ăn món này, cả đời chẳng thiếu cái ăn”. Tự Tân trở về tự viện, [mới biết đã rời chùa] hơn một tháng rồi. Tới khi trở lại tìm [chỗ vị thần tăng ở] thì đã quên mất đường (*theo Đại Tống Tăng Truyện*).

năm rồi chết, con là Lưu Thừa Hựu (Hán Ân Đế) lên ngôi, chẳng biết cách cai trị, lại nghi kỵ công thần Quách Oai, toan giết chết ông ta. Quách Oai làm phản, diệt nhà Hậu Hán, lập ra nhà Hậu Châu. Trước sau, nhà Hậu Hán chỉ tồn tại chưa đầy bốn năm!

²⁷¹ Tri Điện Tăng là vị tăng trông coi chánh điện trong một tông lâm, chuyên lo bảo trì, sắp đặt, trang hoàng trong chánh điện.

*** Vị tăng ở phủ Thành Đô**

Phủ Thành Đô có vị tăng tụng kinh Pháp Hoa hữu công. Tuy Vương Quân và Lý Thuận²⁷² hai phen dấy loạn đất Thục, Sư cũng chẳng gặp hại. Một hôm, Sư bỗng thấy sơn bộc²⁷³ nói: “Sáng mai tiên sinh thỉnh Sư tụng kinh, sẽ nghênh đón ở chợ bán thuốc”. Sư tới nơi thì có người đã chờ ở đó, dẫn vào Khê Lãn, [trông thấy] mấy tầng khói biếc rồi thấy một ngôi gác trên Khê Sơn, đó chính là chỗ người ấy ở. Người hầu ra thưa: “Tiên sinh thỉnh Sư tụng kinh; do già bệnh nên [tiên sinh] thức dậy chậm trễ. Nếu tụng tới phẩm Bảo Tháp, xin báo cho biết”. Sư báo [đã tụng tới phẩm đó], tiên sinh quả nhiên đi ra, mặc y phục nhà quê, cầm gậy bằng gỗ lê, hai mày rủ xuống tận vai, lặng lẽ chấp tay, thấp hương, nghe kinh ở bên cạnh. Lúc mời Sư thọ trai thì mâm đàn bằng dây mây, đĩa tre, cơm nấu bằng hạt kê, [rau bằng] củ kỷ và hoa cúc, chẳng nêm muối hay dầu, nhưng ăn ngon như cam lộ. Dùng cơm xong, biểu

²⁷² Vương Quân vốn xuất thân là nông dân vốn là thuộc hạ của quan Kiềm Hạt Ích Châu (nay là Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên) là Phù Thiệu Thọ. Năm Hàm Bình thứ ba (1000), quân đồn thú là Triệu Diên Thuận chẳng chịu nổi thượng cấp chèn ép, tụ họp đồng bạn giết chết Phù Thiệu Thọ, tôn Vương Quân làm lãnh tụ, đặt quốc hiệu là Đại Thục, niên hiệu là Hóa Thuận, công phá Hán Châu (nay là huyện Quảng Hán tỉnh Tứ Xuyên). Số người đi theo lên đến mười mấy vạn. Quân khởi nghĩa đánh bại tướng nhà Tống là Dương Hoài Trung. Mãi cho đến tháng Chín năm ấy, tướng nhà Tống là Trương Cát vận chuyển lương thảo đến nơi, sai bộ tướng là Lôi Hữu Chung phản công, phá tan quân phản loạn tại Thành Đô. Vương Quân phá vòng vây, chạy đến Phú Thuận. Thế cùng lực kiệt, ông ta tự tử vào tháng Mười năm ấy.

Năm Thuận Hóa thứ tư (993), tại huyện Thanh Thành một tay phú nông chuyên trồng trà là Vương Tiểu Ba đề ra khẩu hiệu “san bằng giàu nghèo”, tuyên bố “ta ghét giàu nghèo bất bình đẳng, ta sẽ vì các người thực hiện công bằng”, phát động khởi nghĩa. Sau khi hấn tử trận năm ấy, em vợ hấn là Lý Thuận trở thành lãnh tụ quân khởi nghĩa. Lý Thuận suất lĩnh đại quân từ Giang Nguyên tấn công Thục Châu, Cung Châu, giết chết quan tri châu, thông phán v.v... Sau đó, chia quân thành hai tấn công và chiếm đóng một loạt các quận huyện tại Tứ Xuyên như Song Lưu, Ôn Giang, Bì Huyện v.v... Cánh quân do Lý Thuận suất lĩnh thì tấn công Thành Đô, Hán Châu, Bành Châu. Quân phản loạn đông tới mấy chục vạn người. Hai lượt triều đình nhà Tống sai người dẹp loạn đều đại bại, Lý Thuận bèn xưng là Đại Thục Vương, lấy niên hiệu là Ứng Vận. Về sau, Tống Thái Tông phái các tướng lãnh nhiều kinh nghiệm như Vương Kế Ân, Lôi Hữu Chung, Doãn Nguyên v.v... từ nhiều ngả phối hợp tấn công, mất một năm mới giết chết Lý Thuận, cầm tù các lãnh tụ quân phản loạn khác. Dư đảng vẫn dấy binh các nơi, mãi cho đến năm Chí Đạo thứ hai (996) mới hoàn toàn dẹp yên.

²⁷³ Sơn bộc: Tùỳ tùng, người hầu của thần núi.

tặng Sư sáu lượng tiền bạc. Người hầu thưa: “Tiên sinh gửi lời nhắn Sư đã từ xa đến, tạ lỗi chẳng kịp đón tiếp”. Người hầu liền đưa Sư về. Ở trên đường, tăng hỏi: “Tiên sinh họ là gì?” Đáp: “Họ Tôn”. Hỏi: “Tên gì?” Người hầu liền viết hai chữ *Tư Mạc*²⁷⁴ trên bàn tay của Sư. Sư kinh hãi, người hầu chẳng thấy đâu nữa. Tìm kiếm suốt ba ngày, hoàn toàn đã quên mất lối. Trở về, nhìn lại món tiền tặng thì là một trăm đồng vàng. Trong ấy, có năm sáu phần là vàng, một nửa còn là sắt. Do một bữa cơm ấy mà Sư thân nhẹ nhàng, chẳng bệnh tật. Tới niên hiệu Nguyên Hy đời Tống, Sư đã một trăm năm mươi tuổi, dạo chơi mãi nơi đô thị. Về sau, ắt mắt chẳng thấy nữa! (*theo Sơn Dã Lục*).

*** *Ngang pháp sư ở Tương Châu***

Tại Tương Châu, có pháp sư Đạo Ngang, trụ tại chùa Khai Nguyên. Sư thường giảng kinh Pháp Hoa. Một hôm giảng xong, Sư bỗng thấy thánh chúng cầm tràng phan và tấu nhạc từ không trung hạ xuống, bảo rằng: “Đâu Suất Đà Thiên đặc biệt đến đón tiếp”. Ngài Đạo Ngang nói: “*Cõi trời là căn bản sanh tử, trước nay tôi chưa hề mong. Nguyên của tôi là Tây Phương*”. Nói xong, họ chẳng hiện nữa. Trong khoảnh

²⁷⁴ Tôn Tư Mạc (541-682) là một y sĩ kiêm đạo sĩ trứ danh đời Đường. Ông được coi là một thầy thuốc kiêm hóa học gia vĩ đại thời cổ, được tôn xưng là Dược Vương. Triều Tống sắc phong tôn hiệu là Diệu Ứng Chân Nhân, Đạo Giáo tôn ông là Thiên Y Diệu Ứng Quảng Viện Thiện Tế Chân Quán, tôn thờ làm Y Thần. Ông sống vào thời Tây Ngụy, nổi tiếng thông minh và nhớ dai từ bé. Ông tinh thông học thuyết của bách gia chư tử, hứng thú sâu đậm với đạo Lão Trang, giỏi lý luận âm dương, giỏi bói toán. Điểm đặc biệt là ông cũng hiểu kinh Phật rất sâu. Ông bẩm bệnh tật từ bé, đến nỗi than thở “tiền mua thuốc làm khánh kiệt gia sản”. Nhận thấy dân nghèo chết vì không có tiền mua thuốc, nên từ lúc mười tám tuổi, ông lập chí học y để cứu người, trở thành một vị y sư lỗi lạc. Các đời vua Châu Tuyên Đế, Châu Tĩnh Đế, Tùy Văn Đế, Đường Thái Tông, Đường Cao Tông đều ra sức dùng quan cao lộc cả để chèo kéo ông làm ngự y, nhưng ông đều ưuển chuyển từ chối, hoặc chỉ làm ngự y một thời gian ngắn cho vua Đường Thái Tông. Ông cáo bệnh, xin về hưu, ẩn cư trong núi Vương Ốc. Tác phẩm *Bị Cấp Thiên Kim Yếu Phương* (các toa thuốc trọng yếu đáng giá ngàn vàng ứng dụng cho các trường hợp cấp bách) của ông được đánh giá rất cao. Dân gian Trung Hoa truyền tụng rằng sau khi chết, trở thành thần, ông kết bái huynh đệ với hai vị thầy thuốc nổi tiếng khác là Ngô Thao và Hứa Tồn, gọi chung là Bảo Sanh Tam Chân Nhân. Có nơi như vùng Mân Nam, Đài Loan lại tương truyền rằng Tôn Tư Mạc, Ngô Thao và Hứa Tồn thật ra chỉ là cùng một người, tái sanh trong các triều đại khác nhau để cứu đời và được gọi chung là Bảo Sanh Đại Đế.

khắc, liền nghe tiếng nhạc ở Tây Phương rộn rã, khác hẳn nhạc khi trước. Sư vui vẻ, nói: “*Đã tới lúc rồi, ta sẽ đi đây. Mọi người hãy khéo trụ, siêng niệm Di Đà, cùng sanh về cõi tịnh*”. Nói xong, lư hương rơi khỏi tay, Sư liền ở trên tòa cao, nhắm mắt, qua đời. Tứ chúng hết sức kinh ngạc, tán thán (theo *Vãng Sanh Lược Truyện*).

*** Trí Giác thiền sư ở Hàng Châu**

Sư húy Diên Thọ, người đất Dư Hàng. Từ thuở bé, Sư đã biết kính trọng Phật thừa. Tuổi hai mươi học tập, tụng niệm Pháp Hoa, thực hiện cả năm hạnh, mới vừa sáu mươi ngày đã xong xuôi. Thuở đó, có con dê quý nghe kinh. Sư từng làm quan trông coi tiền thuế ở Bắc Quách, thấy tôm cá liền mua ngay để phóng sanh hết cả. Sư lấy trộm tiền công quỹ để dùng phóng sanh. Sự việc bị phát giác, Sư mắc tội chết. Tiền vương (vua xứ Ngô Việt) sai sứ quan sát. Nếu Sư sợ hãi liền giết chết; nếu không thì tha. Tới khi [đạo phủ] sắp vung đao, sắc diện Sư chẳng thay đổi, [sứ giả liền vâng lệnh vua] xá tội ấy. Do vậy, Sư xin xuất gia tại Thúc Nham ở Minh Châu. Văn Mục Vương (Tiền Nguyên Quán, vua xứ Ngô Việt) cho phép Sư xuống tóc. Sư từng hành Pháp Hoa tam-muội tại chùa Quốc Thanh. Ban đêm thấy thần cảm kích tiến vào. Sư trách kẻ đó tự tiện bước vào. Thần thưa: “Con gieo tịnh nghiệp đã lâu mới đến được nơi đây”.

Lại có một lần, Sư giữa đêm tu hành xong, hoa sen cúng dường trước tượng Phổ Hiền bỗng rơi vào tay. Do vậy, Sư nghĩ tới hai điều nguyện: Một là nguyện suốt đời thường tụng Pháp Hoa, hai là nguyện suốt đời rộng lợi ích các phẩm (các loại chúng sanh). Nhớ tới hai điều nguyện ấy, Sư lại thích Thiền tịch (tọa Thiền), chẳng thể tự quyết. Sư bèn làm hai cái thăm, một đề là “nhất tâm thiền định”, hai là đề “tụng kinh, vạn thiện trang nghiêm”. Giữa hai con đường ấy, sẽ có một con đường thành công, cần phải rút thăm bảy lượt. Sư bèn tinh thành cầu đảo Phật, Tổ, thuận tay rút thăm. Cả bảy lượt, đều rút được cái thăm “*tụng kinh, vạn thiện trang nghiêm*”. Do vậy, Sư một dạ chuyên tu Tịnh nghiệp. Sư liền qua đỉnh núi Thiên Trụ, tụng kinh suốt ba năm. Trong Thiền Quán, Sư thấy đức Quán Âm dùng cam lộ rưới vào miệng, từ đó, Sư phát khởi biện tài của đức Quán Âm.

Thoạt đầu, Sư trụ tại Tuyết Đậu, sau chọn [trụ tích tại] Vĩnh Minh. Đại chúng [theo học] tới hai ngàn người. Người đương thời gọi Sư là Di Lặc Hạ Sanh. Sư hết sức siêng năng tinh tấn, mỗi ngày hành một trăm lễ

tám thiện sự. Sư bình sanh tụng kinh khoảng một vạn ba ngàn bộ, soạn Tông Kính Lục gồm một trăm quyển. Tác phẩm ấy được đưa vào Đại Tạng. Tới niên hiệu Khai Bảo²⁷⁵ nhà Đại Tống, Sư thị hiện ngã bệnh, dâng hương, bảo ban đại chúng rồi ngồi xếp bằng mà tịch (*sự tích của Sư đều được chép căn kẽ trong Đại Tống Tăng Truyện, Tăng Bảo Truyện, Bảo Châu Tập. Chuyện Sư dùng tiền công quỹ để phóng sanh, xem trong bộ Đông Pha Đại Toàn*).

*** Đức pháp sư ở Tứ Châu**

Trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc²⁷⁶, vị tăng tên Hoài Đức ở Giang Nam, tự là tục, kính cần dùng nguyện để trang nghiêm thân. Sư tụng thông thuộc Pháp Hoa, do vậy đắc độ. Từ đó, tuy lên tòa giảng, Sư rất cuộc chuyên chú tụng trì. Tuổi già, Sư du hóa bốn phương, lễ tháp của ngài Tăng Già. Nhà Đại Tống sai sứ giả cầm phan, hoa dâng cúng. Ngài Hoài Đức thề muốn đốt thân cúng dường. Trước hết, Sư xả y bát để đãi trai tăng. Kế đó, dùng giấy làm y phục quán thân, tưới sáp, lễ bái, từ tạ tăng chúng, tay cầm hai cây đuốc, lên đỉnh đóng cũi, nổi lửa tụng kinh. Ngọn lửa bốc cao, thân Ngài nghiêng ngửa, vẫn nghe tiếng tụng kinh. Người xem không ai chẳng buồn tiếc. Cho tới khi thu thập tàn cốt, xá-lợi rất nhiều. Sứ giả trở về tâu trình, vua còn phải biến sắc mặt (*theo Đại Tống Tăng Truyện*).

*** Nham pháp sư ở Hàng Châu**

Vị tăng tên Thiệu Nham là con nhà họ Lưu ở Ung Châu, bảy tuổi nhập đạo. Kinh sách hễ xem qua, sẽ giống như ôn tập. Sư du hành khắp nơi, tới Hàng Châu, quải tích tại chùa Thủy Tâm. Sư luôn trì kinh Pháp Hoa chẳng xả suốt ngày đêm. Chợt cảm vờ trên đất nảy sanh hoa sen, cả thành chiêm ngưỡng, sư Thiệu Nham vội đập cho nát. Nhân đó, Sư phát thệ phóng theo ngài Dược Vương thiêu thân. Khi đó, Tiền vương dốc lòng tôn trọng, quý kính, khẩn khoản xin Sư đừng làm. Sư lại ngầm gieo thân xuống sông Tào Nga để nuôi cá. Sư nhảy xuống sông, nhưng chẳng

²⁷⁵ Khai Bảo là niên hiệu của Tống Thái Tổ (Triệu Khuông Dẫn) sử dụng từ năm 968 cho đến năm 976.

²⁷⁶ Thái Bình Hưng Quốc là niên hiệu của Tống Thái Tông (Triệu Quang Nghĩa) từ năm 976 đến năm 984.

chìm, nói: “Đường như có thần nhân nâng chân”. Đúng lúc gặp ngư dân vớt lên. Tiền vương liền dựng Thượng Phương Viện, vời Sư sống tại đó. Trong niên hiệu Khai Bảo, Sư cảm bệnh, chẳng dùng thuốc thang, cơm nước, liền dặn dò rằng: *“Ta tụng kinh Pháp Hoa tới hai vạn bộ, quyết dùng đó để mong về An Dưỡng. Nay may mắn thỏa lòng ấp ủ”*. Nói xong bèn ngồi mất. [Môn đồ] di quan đến trà-tỳ ở núi Long Tĩnh, thu được xá-lợi chẳng đếm xiết. Xương sáng bóng như ngọc. Họ bèn dùng hộp đá đựng lấy, đặt ở Ảnh Đường. Thái Sư Tôn Thừa Hựu soạn văn bia (theo Đại Tổng Tăng Truyện).

*** Vân thượng nhân ở Hành Nhạc**

Sở Vân thượng nhân ở Hành Nhạc, sanh vào cuối đời Đường, là người có chí hạnh. Sư từng trích máu chép một bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dài bảy tấc, rộng bốn tấc, dày hai tấc. Sư làm hộp đựng bằng Chiên Đàn cất trong Phước Nghiêm Tam Sanh Tạng. Lại khắc tám chữ trên hộp rằng: *“Nếu mở kinh này, thẻ đồng Từ Thị”*. Trong niên hiệu Hoàng Hựu²⁷⁷ có quý nhân đến chơi núi, trông thấy, nghi là hư vọng, sai người dùng kèm phá [niêm phong], liền có máu như từng sợi chảy ra. Trong khoảnh khắc, gió, sấm rung chuyển núi, khói mây ủa vào nhà, [mọi người] sờ soạng, chẳng thấy đường suốt cả ngày. Quý nhân hết sức kinh hãi, dốc lòng thành sám hối. Than ôi! Nguyên lực đường ấy!

Tôi từng đến thăm nơi đó, đến đánh lễ, nhìn kỹ vẫn thấy tơ máu như cũ. Thiền Nguyệt Quán Hưu có thơ vịnh rằng: *“Dịch bì, thích huyết thành hà khổ, vị tả Linh Sơn tam hội văn. Thập chỉ lịch càn chung thất trục. Hậu lai cầu pháp cánh vô quân”* (Tạm dịch: Lột da trích máu, vì sao khổ? Vì chép Linh Sơn tam hội văn. Huyết mười ngón cạo thành bảy quyển, cầu pháp sau này ai bằng ông). Chuyện này được thấy chép trong Lâm Gian Lục. Trong niên hiệu Thuần Hy, quan Tham Chánh Phạm Thành Đại đã đi qua chùa này, xin được thấy bộ kinh ấy, dùng kệ tán thán rằng: *“Phật tử chân pháp thân, hoảng diệu tử kim sắc, tán mãn thập phương giới, tị vi thất quyển thư. Thất quyển biến hà sa, chấn được thuyết diệu pháp, phi tị diệc phi tán, thị tắc pháp nhãn quán”* (Chân pháp thân Phật tử, màu vàng tía chói ngời, tỏa khắp mười phương cõi, tị

²⁷⁷ Hoàng Hựu là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1049 đến năm 1054.

thành sách bảy quyển. Bảy quyển cát sông Hằng, phần chân nói diệu pháp, chẳng tụ cũng chẳng tán, chính là pháp nhãn quán).

*** Quang pháp sư ở Kỳ Châu**

Tại chùa Vĩnh Lạc ở Kỳ Châu, có vị tăng tên là Đạo Quang. Sư là người thuần hậu, được xóm làng tôn kính. Sư từng trích huyết hòa mực để chép một bộ kinh Pháp Hoa. Bên cạnh mỗi dòng đều vẽ vờn tô điểm như giọt mưa trên hư không, chĩnh tề như cá bàng chài²⁷⁸ quây quần, đều do sức tinh tấn tạo thành, hương tri kiến hun xông. Nếu chẳng phải như vậy, sao có thể vi diệu dường ấy? Lại nữa, trong một hào tướng, thấy một vạn tám ngàn cõi Phật, trong một sát-na nhập Vô Lượng Nghĩa tam-muội, gọi là “*báo Phật ân*”. Kinh hành, nói năng, im lặng, không gì chẳng phải là thọ dụng. Tôi từ phương Bắc trở về, trông thấy bộ kinh ấy do Sư chép, xét hành vi của Sư, đúng là tương ứng với ngôn ngữ của Phật, Bồ Tát, há còn có ý niệm thế gian ư? Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Niệm niệm bất dư thế gian tâm hợp, thị đại tinh tấn*” (Niệm nào cũng chẳng dính dáng đến thế gian, thì là đại tinh tấn). Đó chính là [nói về] sư Đạo Quang vậy (theo Thạch Môn Văn Tự Thiên).

*** Ngôn Pháp Hoa ở kinh đô**

Ngôn Pháp Hoa chẳng biết từ đâu tới, Ngài du hành tại kinh đô. Thoạt đầu, thấy Sư trụ tại Câu Chi Viện thuộc Cảnh Đức, phạm tướng lạ lùng, cổ xưa, nhìn thẳng chẳng nháy, mồm luôn mấp máy chẳng biết Sư đang nói gì. Tương truyền là Sư đang tụng kinh Pháp Hoa; vì thế, [đại chúng] gọi là [Ngôn Pháp Hoa]. Ngài ăn uống chẳng chọn lựa, đạo tục gọi Ngài là “*cuồng tăng*”. Khi Tống Nhân Tông, chưa lập Thái Tử, vào ban đêm, thắp hương cầu khẩn: “Ngày mai, con thiết trai tại điện Hóa Thành, thỉnh Pháp Hoa đại sĩ giảng lâm”. Sáng ra, vua khoác pháp phục chờ đợi. Bỗng có người tâu rằng: “Ngôn Pháp Hoa từ cửa ngách bên phải đi vào tam điện, quát Sư ngưng lại chẳng được”. Vua cười bảo: “Trẫm thỉnh Ngài đến”. Đã đến nơi, Sư thẳng lên giường ngự, ngồi xếp bằng, thọ cúng xong. Vua nói: “Trẫm do chưa lập Thái Tử, các đại thần

²⁷⁸ Nguyên văn “*lại ngư*” (瀬魚, wrasse, rainbow fish) là một loại cá biển nhỏ, nhiều màu sắc rực rỡ. Chúng có tập tính bơi thành bầy ngay ngắn, nương theo các đàn cá lớn hơn để kiếm ăn.

đều bàn tán. Vì thế trăm muôn biết có con cái hay không, xin Đại Sĩ quyết đoán cho!” Sư cầm bút viết: “*Thập tam, thập tam*” mấy chục hàng. Vua không hiểu ý Sư. Về sau, Tống Anh Tông²⁷⁹ lên ngôi vua, chính là con trai thứ mười ba của Bộc An Ý Vương, mọi người mới hiểu ý ấy. Lúc sắp mất, Sư nói: “*Ta từ vô lượng kiếp đến nay, thành tựu quốc độ Thệ Đa, phân thân hoằng dương, giáo hóa, nay trở về Nam*”. Nói xong bèn tịch (theo Tăng Bảo Truyện).

*** Ân Pháp Hoa ở Diêu Giang**

Phía trên Long Tuyền ở Dư Diêu có vị tăng tên là Thiệu Ân, chẳng biết người thời nào! Sư chuyên tụng kinh Pháp Hoa làm đức nghiệp. Khi đó, tại Hồ Khâu có bậc tu nhã trong họ Thích²⁸⁰ soạn ca từ đề tán dương chuyện ấy. Ý nghĩa ca từ rạn rở, trác tuyệt xưa nay. Hạnh nghiệp của ngài Thiệu Ân tuy chưa được ghi chép trong truyện ký, nhưng xem kỹ bài ca ấy, đủ thấy công hạnh tụng niệm, tu tập của Sư. Nêu đại lược như sau: “*Sắc núi trăm trăm, khói từng bảng lảng, dưới khu rừng vắng, trên tảng đá to, có một vị tăng, xếp bằng trên đó, cầm ngang tích trượng, tụng kinh Sen Trắng, từ sáng đến tối. Bên phải, bên trái, dấu cạp, vết sói, mười đống, năm đống, hoa chát tán loạn. Ngẫu nhiên gặp gỡ, chưa biết sâu xa, chẳng biết người thời nay, hay người thời xưa. Sư là Đàm Ngạn, hay là Đàm Dục?*” Cho đến nói: “*Người đời nếu thấy, hình dáng của Sư, ai biết tâm Sư? Người đời đâu biết tâm Sư, ai có thể biết tên Sư? Sư tên Y Vương Hành Phật Lệnh, đến trị tâm bệnh cho chúng sanh nhọc nhằn, có thể khiến cho kẻ cuồng đắc định, kẻ nhơ được tịnh, kẻ tà được chánh, kẻ phạm thành thánh. Như thế thì không chỉ loài người cung kính, mà cũng sẽ khiến cho rồng, quỷ tán vịnh. Há phùng trái giác xuôi theo trần lao chẳng đánh lễ, quy mạng ư?*”

²⁷⁹ Tống Anh Tông vốn tên là Triệu Tông Thật, về sau đổi tên thành Triệu Thự, là con của Bộc An Ý Vương (Triệu Doãn Nhượng), cháu nội của Triệu Nguyên Phần (con trai thứ tư của Tống Thái Tông). Khi ba tuổi, được Tống Nhân Tông (do ba người con trai của Tống Nhân Tông đều chết sớm) đưa vào cung nuôi dưỡng. Anh em của Tống Nhân Tông đều chết cả rồi, nên Triệu Thự được lập làm hoàng tử khi ông đã ba mươi tuổi. Ông lên ngôi vua năm Gia Hựu thứ tám (1063) sau khi Tống Nhân Tông chết.

²⁸⁰ “*Tu nhã*” (修雅) là từ ngữ tán thán người thanh cao, không thô tục. “*Tu nhã trong họ Thích*” tức là một vị tăng thanh cao.

*** Cổ thiên sư ở Linh Phong**

Trong niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc (1011), có Cổ thiên sư, đạo hiệu là Linh Phong Tầu (ông già ở Linh Phong). Lúc mười ba tuổi, Sư do nghe người khác tụng kinh Pháp Hoa, bỗng như trở về chốn cũ, do vậy bèn niệm kinh ấy. Chẳng mấy tháng đã thông suốt. Các anh cho là có thể dạy bảo, bèn ngăn cấm, bắt đọc sách Nho. Sư liền bị bệnh mắt chẳng lành, bèn cầu nguyện với Tăng Già đại sĩ²⁸¹. Bỗng Sư mộng thấy sét đánh trúng mắt, đang ngủ gào to, mọi người kinh hãi đến xem, thấy mắt đã hết bệnh. Sư bèn xin xuất gia, quả nhiên thi đậu [cuộc khảo hạch về] kinh này. [Tăng quan] tâu lên [triều đình], Sư được phép xuống tóc. Sau đó, Sư tham học ba mươi năm; do vậy, lơ là việc tụng niệm. Tuổi già, Sư nghĩ tới, bèn tụng thử, chẳng sót một chữ. Sư lại tham cứu rộng rang ý chỉ của kinh, tham cứu thấu hiểu “ý tổ sư từ Tây qua”, cảm ân sâu của Phật, liền dựa theo đề cương của từng phẩm, viết thành ba mươi hai bài tụng. Bài đầu tiên là: “Huýnh tuyệt ngôn tư xưng diệu pháp. Bỏ lại thanh tịnh dụ liên hoa. Hội Quyền quy Thật chân phương tiện. Phổ vị nhân trù nhân lý sa” (Nói nghĩ dứt bật gọi diệu pháp. Vốn sẵn thanh tịnh ví liên hoa. Hội Quyền về Thật, chân phương tiện. Trừ cát trong mắt cho mọi người). Bài tụng cuối cùng như sau: “Bất thuyết thuyết kinh siêu tích tích. Bất ngôn ngôn cú hiển huyền huyền. Thắng nhân kích tiết khai tâm nhãn. Nhất hội Linh Sơn thượng nghiệm nhiên” (Chẳng nói, nói kinh vượt mọi Tích. Chẳng bảo, mọi câu hiển lẽ huyền. Nếu do khơi gợi, khai tâm nhãn. Một hội Linh Sơn vẫn nghiệm nhiên).

*** Khả thiên sư ở Lư Sơn**

²⁸¹ Ngài Tăng Già (628-710) là cao tăng đời Đường, được tôn xưng là Tứ Châu Đại Thánh, còn được dân gian tôn xưng là Tứ Châu Phật. Ngài từ Lương Châu vào Trung Hoa khuyên hóa, hóa duyên chủ yếu tại các vùng Tần, Lạc, Ngô, Sở. Năm Long Sóc nguyên niên (601), Ngài nhận lời thỉnh đến Tứ Châu truyền giáo. Sư thuyết pháp xong, bảo chủ nhân: “Nơi này chính là đất già lam xưa kia, đào đất lên sẽ biết”. Chủ nhân sai người đào lên, quả nhiên tìm được một tấm bia, đề tên Hương Tích Tự, một tượng Phật, đại sư bảo đó là Phổ Chiếu Vương Phật. Chủ nhân liền phát tâm biến nhà thành chùa, tức Phổ Chiếu Vương Tự. Đường Trung Tôn tôn Ngài làm quốc sư, đón về kinh làm phưng tượng chùa Tiên Phước. Từng có người đàm luận Phật pháp với Sư, bỗng thấy Ngài hóa thành Thập Nhất Diện Quán Âm. Sư nhập Niết Bàn năm Cảnh Long thứ tư (710), chân thân chẳng mục nát.

Thích Tổ Khả, tự Chánh Bình, là con của Tô Bá Cố²⁸² ở Tây Thục, em của Dưỡng Trục (Tô Tường). Trong niên hiệu Sùng Ninh²⁸³, Sư trụ tại Lư Sơn. Thuở bé, theo đuổi học vấn trong gia đình, dự vào Giang Tây Thi Phái²⁸⁴, tài năng sâu thẳm, ý tưởng sâu xa, tao nhã, chẳng kém cô nhân. Một hôm, Sư bỗng mạnh mẽ tỉnh ngộ, nói: “*Diện mạo đã vào Thu, cứ chuyên ngâm vịnh, nếu bỗng bị ma chết lòi đi, chiến tướng nào bày ra để đối địch?*” Do vậy, Sư yết kiến bậc kỳ túc, thưa: “Trong tạng thừa bí điển, kinh nào là thù thắng?” Bậc kỳ túc bảo: “*Pháp Hoa là vua trong các kinh*”. Cố nhiên, Tổ Khả tin tưởng, bèn cung kính xem xong, nói: “Kinh này tạm được, chỉ có hai câu ‘*huương phong xuy ủy hoa, cánh vũ tân hảo giả*’ (gió thơm cuốn đi hoa héo, lại mưa hoa mới đẹp) là khá xứng hợp với ý trong đoạn sau!” Do Khả Cố coi thường, thốt ra lời ấy, liền mắc bệnh Ca Ma La (bệnh cùi), khắp thân thối nát, chẳng thể gần, cả ba mươi năm mới mất. Vì thế, trong tông lâm gọi Sư là Lại Khả (ông Khả cùi). Kinh dạy: “*Nhược kiến thọ trì thị kinh giả, xuất kỳ quá ác, thử nhân hiện thế đắc bạch lại bệnh*” (Nếu thấy người thọ trì kinh này mà nói lỗi ác của kẻ đó, người ấy trong đời này sẽ bị bệnh bạch lại) có thể suy ra mà biết: Phật ngôn chẳng hư huyền vậy! (theo Chú Pháp Hoa Kinh).

*** Quán đại sư ở Hàng Châu**

Sư tên là Thiện Thắng, là hậu duệ của họ Trọng tại Tiền Đường. Sư mười tuổi xuất gia, mười lăm tuổi thông thạo kinh Pháp Hoa. Mười bảy xuống tóc, sang Đông Kinh học đạo ba mươi năm, giao du với bậc cao nho, hoặc người thông đạt đạo Thích, thấu hiểu Phật học sâu xa. Trong niên hiệu Thiên Hy²⁸⁵, Sư vâng chiếu làm Tăng Lục, cùng với

²⁸² Bá Cố chính là tên tự của Tô Kiên, một thi nhân nổi danh đời Bắc Tống. Ông này quê ở Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, làm quan đến chức Kiến Xương Quân Thông Phán, bạn rất thân với Tô Đông Pha.

²⁸³ Sùng Ninh là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1102 đến năm 1106.

²⁸⁴ Giang Tây Thi Phái là một trào lưu thơ ca đời Tống, do Hoàng Đình Kiên chủ xướng, các thành viên bao gồm Trần Sư Đạo, Phan Đại Lâm, Tạ Dật, Hồng Sô, Nhiều Tiết, Tăng Tổ Khả, Từ Phủ, Hồng Bằng, Lâm Mẫn Tu, Tô Dương v.v... Đại đa số các thành viên là người Giang Tây. Thơ của họ chuộng dùng điển cố, gieo những vần hiểm, âm điệu du dương, phần nhiều chú trọng hình thức.

²⁸⁵ Thiên Hy là niên hiệu của Tống Chân Tông (Triệu Đức Xương) từ năm 1017 tới năm 1021.

Giản Trường v.v... chú thích Ngự Chế Pháp Âm Tập, Sư được dự vào trong số những người biên soạn. Xong việc, được vua ban hiệu, Sư liền trở về quê. Trong niên hiệu Khang Định²⁸⁶, Sư vào núi Thiên Trúc, sống tại Nhật Quán Am của Tuân Thúc Sám Chủ. Sư chẳng xuống núi suốt mười mấy năm, tụng kinh Pháp Hoa hơn một vạn biến. Tới Tiên Đường, liền vào núi gặp. Sư khỏe mạnh, tinh tường, sáng suốt, nói năng như cũ. Một hôm, Sư gửi thư nói: *“Nguyện của tôi đã trọn rồi, sắp qua đời. Người ta ắt sẽ chôn tôi dưới tháp. Xin ông ghi nhớ, ngày sau sẽ đem thiêu hóa”*. Do vậy, tôi soạn bài minh rằng: *“Sơn nguyệt đình đình hê Sư chi tâm, sơn tuyến lãnh lãnh hê Sư chi cảm. Kỳ tánh tồn hê thực vi cổ kim. Liêu chí chi hê Thiên Trúc chi sầm”* (Trăng soi đỉnh núi vọi vọi, ấy là tâm Sư, nước khe núi lành lạnh, ấy là tiếng đàn của Sư. Tánh ấy tồn tại nào phân xưa nay. Tạm gởi chí nơi đỉnh Thiên Trúc) (Phạm Văn Hy ghi, xem trong bộ Thánh Tông Văn Hải).

*** Đoan Sư Tử ở Hồ Châu**

Sư tên là Pháp Đoan, họ ngoài đời là Khâu, người xứ Ô Trình. Từ lúc thôi bú sữa, Sư liền chẳng ăn mặn. Chưa đến tuổi hai mươi, Sư đã thi khảo hạch kinh điển. [Trúng tuyển], Sư xuống tóc, theo tu học tại Giải Không Viện ở Ngô Sơn. Thoạt đầu, theo pháp sư Tường Phù Tịnh Giác học Thai Hành Tam Quán. Về sau, Sư đi tham học khắp nơi. Sư đặc pháp đạo [của thiền phái] Hoàng Long, ba lượt chuyển dời đến Tây Du, thường thực hiện sư tử hồng. Lại còn làm sư tử hý, mọi người gọi Sư là Đoan Sư Tử. Về sau, Sư lui về trụ tại Quy Vân Am ở Ngô Sơn, suốt ngày đêm tụng kinh Pháp Hoa. Làm thơ rằng: *“Niên lão hoàng hoàng thần cánh thanh, dạ thâm u thất tụng liên kinh. Nhi tôn thùy giác ung hiềm ngã, thạch bản thời xao tam tứ thanh”* (Tuổi già hoàng hốt, càng thanh tĩnh, đêm sâu thất kín tụng kinh sen. Cháu con say giác càng bực lão, khánh đá lại khua ba bốn phen).

Có mộ của mẹ Sư ở trước núi khoảng một dặm. Mỗi sáng, Sư thông thả đi đến đó tụng kinh một bộ rồi mới về. Người ở Hồ Châu tranh nhau thỉnh Sư tụng kinh. Sư nhất quyết [người thỉnh] phải có đủ năm trăm đồng mới bắt đầu tụng kinh. Đọc mấy câu rồi Sư liền cầm tiền bỏ đi, hề gặp người đói lạnh bèn cho hết. Sư chuộng lời ca từ của ngư phủ,

²⁸⁶ Khang Định là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1040 đến năm 1041.

hề sáng trắng bèn ngâm ngợi cho tới sáng! Tại Tráp Khê (Chiết Giang), có vị tăng tên là Hồi Đầu, đầu hàng sĩ phu cũng tin vào sự hư vọng của hắn; Tú Châu có gã cuồng tăng hiệu là Bất Thác, thuyết pháp cuồng loạn cõi đời, Sư đều có thể phá trừ²⁸⁷. Du Tú Lão viết bài sớ trần thuật chuyện Sư khai đường thuyết pháp như sau: “*Xô ngã Hồi Đầu, đập ngã Bất Thác, bảy quyển kinh Sen chưa tụng, một tiếng ca ngư phủ đã nghe trước*”. Sư nghe lời ấy, liền lên tòa ngâm rằng: “*Vốn là một gã câu cá ở Tiêu Tương, từ Đông, từ Nam, từ Tây, từ Bắc*”. Đại chúng khen hay. Sư nói: “*Ta quán pháp của đấng pháp vương, pháp của đấng pháp vương là như thế*”, liền bước xuống tòa. Về sau, Sư do bị bệnh liền mất, thọ bảy mươi hai tuổi. Người Đông Ngô thờ phụng, gọi Ngài là Tán Thánh (Sư có ngữ lục, cũng xem trong Tăng Bảo Truyện).

*** Oánh giáo chủ ở Minh Châu**

Sư húy là Oánh, chẳng biết pháp tự, trụ tại Quảng Nghiêm Viện ở Giang Đông, là môn đệ của tôn giả Diên Khánh Pháp Trí, bẩm thừa Giáo Quán, bản lãnh sâu xa. Vì thế, người ta gọi Sư là Giáo Chủ. Sư từng dùng bạc [hòa mực] để chép một bộ kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển. [Đối với] danh tự của Phật, Bồ Tát trong ấy thì đổi sang viết bằng chữ vàng. Bút pháp cứng cáp, vượt xa giới thư pháp, kinh đựng trong hộp có trục ngọc, người trông thấy đều kính sợ. Rốt cuộc, Sư quy tịch tại viện ấy, mộ tháp hãy còn. Nay kinh ấy tuy đã trải qua nhiều năm, vẫn nghiêm nhiên còn đó. Trong niên hiệu Kiến Viêm²⁸⁸, viện đường bị cướp phá nát, trong đồng ngói sỏi, chỉ tìm được một bộ kinh ấy. Trong niên hiệu Thuần Hy²⁸⁹, có Pháp Liên Giảng Chủ trụ trì [chùa ấy]. Một hôm, Sư đang ngủ say, bỗng nghe có tiếng huyền não như tiếng ngàn vạn người. Sư kinh hãi, chồm dậy mới thấy là Phương Trượng Biệt Thất bị hỏa

²⁸⁷ Trong tác phẩm Lâm Gian Lục do pháp sư Huệ Hồng biên tập, chuyện này được nói rõ ràng hơn: “*Khi đó, có một gã cuồng tăng sách động mọi người tuân theo thói tục, ngay cả hàng sĩ đại phu cũng tin theo lời hư vọng của hắn. Hắn mới vừa cùng Thái Thú Nhuận Châu ăn thịt, Sư đã xông tới, chỉ vào hắn nói: ‘Ngay trong lúc này, Phật là như thế nào?’ Hồi Đầu quần bách, chẳng trả lời được. Sư đập vào đầu hắn, xô ngã rồi bỏ đi. Lại có cuồng tăng hiệu là Bất Thác, thuyết pháp ở Tú Châu. Người nghe đông nghẹt cả thành. Sư nắm chặt hắn, hỏi: ‘Phật là như thế nào?’ Bất Thác còn đang nghĩ ngợi, Sư đập ngã hắn rồi đi*”.

²⁸⁸ Kiến Viêm là niên hiệu của Tống Cao Tông từ năm 1127 đến năm 1129.

²⁸⁹ Thuần Hy là niên hiệu của Tống Hiếu Tông từ năm 1174 đến năm 1189.

hoạn. Lửa đã bao trùm cả tòa nhà. Kinh ấy được đặt trên chiếc đài nhỏ gác lên trụ. Sư xông vào lửa, đỡ xuống, kinh chẳng bị tổn hại gì. Than ôi! Kinh này hai lượt trải qua lửa dữ, xa là do công huân Đại Thừa được thiên long bảo vệ, gần thì do hạnh nguyện kiên cố của pháp sư gìn giữ. Phật dạy người đọc kinh này, lửa chẳng thể đốt, đã được ứng nghiệm vậy (*Tông Hiếu đích thân được Pháp Liên Giảng Chủ kể lại*).

*** Cứu Pháp Hoa ở Minh Châu**

Vị tăng tên Khả Cứu ở Khai Nguyên thuộc Minh Châu thường tụng kinh Pháp Hoa. Người đương thời gọi Sư là Cứu Pháp Hoa. Bình sanh, Sư hồi hướng thiện căn trì tụng để trang nghiêm Tịnh Độ. Năm Nguyên Hựu thứ tám (1092), Sư không bệnh mà ngồi ngay ngắn qua đời. Qua ba ngày sau, Sư bỗng sống lại, nói: *“Thần thức của ta dạo chơi Tịnh Độ. Tương trạng cõi ấy hết như sự trang nghiêm mà Thập Lục Quán Kinh đã nói. Đài sen trong ao bảy báu đều ghi tên họ người sẽ vãng sanh. Một đài sen tử kim ghi tên Huân Pháp Hoa thuộc Quảng Giáo Viện tại phủ Thành Đô xứ Đại Tống đã sanh về đó. Lại có một đài vàng ghi Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu. Lại có một đài vàng ghi tên Cứu Pháp Hoa ở Minh Châu. Lại còn một đài bạc ghi tên Từ đạo cô ở Minh Châu”*. Nói xong, Sư lại ngồi mất. Năm năm sau, quả nhiên Từ đạo cô ngồi qua đời. Lúc bà mất, mùi hương lạ đầy thất. Mười hai năm sau, Tôn Thập Nhị Lang mất; khi đó, nghe tiếng thiên nhạc. Tương lãnh linh ứng trùng điệp, mọi người đều ngưỡng mộ (*theo Long Thư Tịnh Độ Văn*).

*** Phạm pháp chủ ở Tô Châu**

Sư tên là Tịnh Phạm, người xứ Gia Hòa, họ ngoài đời là Thả. Mẹ mộng thấy quang minh đầy nhà, thấy thần nhân giống như Phật; do vậy hoài thai Sư. Sư sanh ra, mới mười tuổi, đã nương vào chùa Thắng Quả để xuất gia, xuống tóc. Sư theo hai vị pháp sư là Trạm và Khiêm học giáo, đạt được truyền thừa. Thoạt đầu, Sư trụ tại Vô Lượng Thọ Viện, giảng kinh Pháp Hoa mười mấy lượt. Trong niên hiệu Đại Quán²⁹⁰, Sư tập hợp hai mươi bảy vị tăng tu Pháp Hoa Sám. Mỗi kỳ, phương tiện và

²⁹⁰ Đại Quán là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1107 đến năm 1110.

chánh tu gồm hai mươi tám ngày, thực hiện liên tiếp ba hội. Lòng tinh thành cảm thông bề trên, cảm đức Phổ Hiền truyền thọ pháp Yết Ma, gọi tên “*Tịnh Phạm tỳ-kheo*”, tiếng như gõ chuông. Khi đó, tri huyện Trường Châu là Vương Công Độ đích thân thấy chuyện ấy, khắc đá ghi lại bài ký.

Sư lại từng mộng thấy một người mặc áo vàng mời vào cội âm, thấy vua (Diêm vương) sai thuộc hạ kiểm sổ sách, nói: “*Tịnh Phạm tỳ-kheo trải nhiều kiếp số giảng kinh Pháp Hoa*”. Liền sai sứ giả đưa Sư về. Một hôm, trong khi Thiền Quán, toàn thể đại chúng thấy kim giáp thần nhân hồ quỳ trước mặt Sư. Lại nữa, trong kỳ tu Sám ở nơi khác, được Vi Đà Thiên kiểm điểm trong đại chúng có kẻ nào giới hạnh chẳng nghiêm tịnh. Sám kỳ tuy đã dự định từ trước, nhưng sau đó, quả nhiên chẳng tu sám pháp toàn vẹn được. Lúc đó, quan thái thú ở Cô Tô là Ứng Công có đứa tớ gái bị quỷ mị gây rối, liền thỉnh Sư truyền giới. Yêu quái ấy liền diệt. Cát thị thỉnh Sư thí giới để siêu độ chồng, thấy chồng nhiều quanh Sư ba vòng rồi rời đi. Ông Giả là quan Đãi Chế²⁹¹, thấy đạo hạnh của Sư liền bổ nhiệm Sư làm quản nội pháp chủ. Sư truyền trì hơn bốn mươi năm. Sau khi mất, hỏa thiêu, thân được xá-lợi ngũ sắc (theo *Bảo Châu Tập*).

*** Minh Ngô pháp sư ở Hồ Châu**

Đại sư Nhược Quán, người ở trấn Thê Ô, họ ngoài đời là Tiền. Sư xuất gia tại Gia Hội Viện, lập hạnh tốt vời, tứ chúng khâm ngưỡng. Năm Thiệu Hưng 18 (1148), Sư từng kết mười vạn người cùng tu hành Tịnh nghiệp.

Bảng khuyến hóa ghi: “*Tôi trộm nghĩ sanh tử không ngăn mé, luân hồi chẳng dứt. Chỉ có về An Dưỡng là chẳng thoái chuyển. Tôi ẩn*

²⁹¹ Đãi Chế là chức quan được thiết lập từ đời Đường, từ ngũ phẩm trở lên, có nhiệm vụ trực ban hằng ngày tại Trung Thư Tỉnh và Môn Hạ Tỉnh để vua tham khảo ý kiến khi có chánh sự cần phải giải quyết. Năm Văn Minh nguyên niên (684), triều đình hạ lệnh: Quan ngũ phẩm trở lên, có tiếng thanh liêm, phải luân phiên túc trực ở Chương Thiện Môn và Minh Phước Môn để làm cố vấn cho hoàng đế. Chuyện này được gọi là Đãi Chế (chờ chiếu chỉ). Đến đời Tống, triều đình thiết lập chức vụ này thành chức quan thường trực, có trách nhiệm vừa làm cố vấn vừa truyền đạt chiếu chỉ của nhà vua. Đối với mỗi điện đường để thiết tiểu triều hay đại triều, đều lập quan Đãi Chế riêng, như Bảo Hòa Điện Đãi Chế, Long Đồ Các Đãi Chế, Thiên Chương Các Đãi Chế v.v...

giấu tung tích chốn núi non, sanh diệt mộng huyền gần hai mươi năm, chẳng vào thành thị. Thường xem hai kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh, mỗi ngày một trăm lượt. Tính ra đã sáu mươi vạn bộ, thề cùng pháp giới chúng sanh trang nghiêm Tịnh Độ. Người nhập hội mỗi người niệm Phật hiệu mười vạn tiếng. Người đắc đạo trước sẽ lần lượt độ thoát người sau. Người mạng chung trước sau đều cầm hoa sen vãng sanh Tịnh Độ”. Một hôm, Không Tướng Giảng Chủ đến thăm. Thọ trai xong, Sư bồng cầm bút viết kệ, rồi ngồi xếp bằng qua đời. Ngài Không Tướng chứng minh [tướng trạng vãng sanh của Sư] hết sức khác lạ thù thắng. Hôm trà-tỳ nhằm ngay lúc giữa trưa, xá-lợi đua nhau xuất hiện, sáng ngời chói mắt. Đạo tục tranh nhau nhặt lấy, xương cũng chẳng còn. Than ôi! Sự tưng trì của Sư trong cõi đời chưa từng có. Phàm kẻ thấy nghe, không ai chẳng bội phần ca ngợi! (theo Bảo Châu Tập).

*** Bao pháp sư ở Ôn Châu**

Sa-môn Khế Bao, gởi thân trong nhà họ Từ, là người xứ Hoàn Hư nơi đất Đại. Từ bé, Sư đã ôm chí hướng xuất tục. Sư đắc độ nơi Thọ Thánh Viện, là người giản dị, thận trọng, thông sáng. Cho đến khi tham học, do đến Bách Việt, trông thấy hạnh nghiệp của thiền sư Đàm Dực ở núi Thiên Y, Sư xúc động, ngưỡng mộ, bèn phát tâm suốt đời tụng kinh Pháp Hoa. Từ đấy, Sư trở về quê nhà, chẳng dính líu đến việc đời, một dạ tuyên dương, trì tụng. Cho đến cuối Đông, khi niên hiệu đổi thành Chí Hòa (1054), Sư niệm Phật suốt bảy ngày, tắm gội, thay áo, xưng tụng Phật hiệu mà qua đời. Thường ngày, đối với các kinh chú Đại Thừa, danh hiệu của Phật, Bồ Tát thì Sư hoặc ra rả niệm, hoặc trích máu biên chép. Nếu nhìn vào các ghi chép, sẽ [thấy hành trạng của Sư] được ghi chép trong các tác phẩm riêng; ở đây, chẳng thể thuật trọn.

Đương thời, hàng văn sĩ đến thăm tháp của Ngài, phần nhiều để lại thơ vịnh. Nay nêu đại lược ba chương, ngõ hầu [độc giả] có thể thấy muôn một công hạnh của Sư vậy! Châu Khản ở Vĩnh Gia đề thơ rằng: “Phi sương phi lộ. Hàn không, hàn dạ, dạ dạ bán băng, lan can tử hoàng, thiên chúng hiệp chí, chứng thính tụng tự. Tự đạo nhật thượng” (Sương tuôn, móc rưới, trời đêm rét buốt, đêm lạnh băng đọng, lan can sắc tía, chư thiên chấp tay, lắng nghe giọng tụng, cho đến sáng bùng). Trường Cát ở Thiên Thai đề thơ: “Kim nghệ hương phún không nhân đường. Kinh thanh tụng vận hòa thanh thương. Tây phong nguyệt lạc hàn dạ trường. Bạch phù dung mãn tâm địa hương” (Tạm dịch: Nghệ

vàng²⁹² hương tỏa viển thanh nhàn, thông quyện tiếng kinh vang thánh thót. Trăng lặn, gió Tây, đêm buốt lạnh. Phù dung thơm ngát cõi tâm điền). Có danh nhân chẳng ghi tên họ nói: *“Ứng hưởng Thửu phong thân đắc ký. Đề hồ hương vị mãn tâm điền. Nhân gian kiếp thạch chung tu hoại. Nan hoại ngô Sư thiết thượng liên”* (Linh Sơn đáng được thân thọ ký. Hương vị đề hồ ngập tự tâm. Kiếp thạch²⁹³ nhân gian dầu có hoại. Lưỡi thầy vẫn khó hoại sen hồng) (theo Chi Viên Tập).

*** Pháp sư Thanh Biện ở Nam Bình**

Pháp sư Ôn Tề sanh trong nhà họ Châu ở Tiền Đường. Sư xuất gia chuyên học tập giáo nghĩa Thiên Thai, thâm nhập chỗ sâu thẳm của Pháp Hoa, tiếng tăm rền khắp. Sư bảy lượt ngồi đạo tràng, người theo về như mây. Lúc Sư trụ trì Nam Bình, viên Xu Mật Sứ là Tướng Dĩnh Thúc tặng thơ rằng: *“Đạo nhân trùng diễn liên hoa giáo. Phật Lũng gia phong hảo đế thính”* (Đạo nhân nhiều lượt giảng kinh Sen. Phật Lũng gia phong mãi khéo truyền). Sư từng nói: *“Ta thấy Pháp Hoa Nhất Thừa đã được bậc tiên hiền nhiều phen tán dương, trần thuật, nhưng chưa nghe nói có vị nào dùng kệ để phụ dương. Xưa kia, Thiện Huệ đại sĩ²⁹⁴ ca tụng kinh Kim Cang trọn chẳng chán. Ta thuở bé đã từng học theo cái học của bá gia trong sáu kinh đạo Nho, thích viết thơ thần. Nay tuy già lùn, đối với chuyện này, gieo vần cũng chẳng xấu hổ vậy!”* Do vậy, đối với mỗi phẩm trong hai mươi tám phẩm [của kinh Pháp Hoa], Sư đều đặt một bài tụng. Đối với phẩm Tự, Sư viết: *“Nhất đa thâm diệu tích niên hy, vân ảnh phi hoa ảnh tượng kỳ, Di Lặc, Văn Thù lưỡng nhiều thiết, thi*

²⁹² Nghê ở đây là con Toan Nghê, tức một loại sư tử, do có truyền thuyết nói Toan Nghê là một trong chín đứa con của rồng, thích ngửi và phun khói hương, cho nên người ta thường đắp hình nó trên các cái lư hay đỉnh đốt hương.

²⁹³ Kiếp thạch: Để giải thích một đại kiếp dài lâu như thế nào, kinh văn thường dùng tỷ dụ như sau: Có một hòn đá mỗi bề rộng bốn mươi dặm. Cứ mỗi trăm năm, thiên nhân giáng xuống dùng áo trời phủ qua một lần cho đến khi hòn đá ấy mòn hết thì là một đại kiếp.

²⁹⁴ Thiện Huệ đại sĩ tức là Phó Đại Sĩ. Phó Đại Sĩ (497-569), tên là Phó Hấp, tự Huyền Phong, tự hiệu là Thiện Huệ đại sĩ, người huyện Nghĩa Ô thuộc Vụ Châu, là một cư sĩ trú danh trong Phật giáo sống vào thời Lương Vũ Đế, hành tụng thần dị. Ngài cùng với tổ Đạt Ma và Bảo Chí thiên sư được gọi là Lương Đại Tam Đại Sĩ (ba vị đại sĩ đời Lương). Ngài được coi là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát, giảng giải kinh Kim Cang theo một phong cách riêng biệt, và được đánh giá là người tiên phong khiến cho Thiên Tông hưng thịnh tại Trung Hoa.

tri cung bảu cự oai nghi” (Tạm dịch: Một nhiều thâm diệu nhiều năm hiêm, mây rợp hoa bay cũng lạ kỳ, Văn Thù, Di Lặc cùng đua tiếng, mới hay vốn giữ cự oai nghi). Đối với phẩm Phương Tiện thì viết: *“Trùng quan vô kiện thán nan nhập, diệu thủ xao khai xứ xứ thông. Mật điệp tàn chi đồn linh lạc. Trác nhiên cao cách chiến thanh phong”* (Tạm dịch: Cửa nhiều tầng mà không chìa khóa, chỉ đành than thở khó vào sông. Tay khéo nếu như vừa gõ, mở. Nơi nơi chốn chốn thấy đều thông. Lá dày, cành úa mau rơi rụng. Phong cách cao vời thách gió Đông). Các bài tụng này đã có bản in lưu hành từ trước, chỉ chép một hai bài, ngõ hầu đồng đạo ngưỡng mộ!

*** *Dĩnh pháp sư ở Hồ Châu***

Trong niên hiệu Đại Quán, tại Ngô Hưng có pháp sư Nguyên Dĩnh truyền dạy tông [Thiên Thai] tại Phật Lũng. Sư nghĩa học rộng sâu, tới đích thân thấy trước thuật của Sư được ghi rất nhiều trong các mục lục giáo điển. Trong đó, có bộ Pháp Hoa Tục Linh Thụy Tập, cõi đời chưa được thấy tác phẩm ấy. Về sau, tìm cầu khắp nơi, quả nhiên tìm được. Sách ấy gồm hai quyển, ghi chép hơn một trăm người, chia thành mười khoa: Một là Phổ Hiền chứng minh, hai là diệu nhân thành tựu, ba là quỷ thần cung kính, bốn là cảm thú khâm phục, năm là sở nguyện thành tựu, sáu là hóa Phật đến đón, bảy là vãng sanh Tịnh Độ, tám là quả báo sanh thiên, chín là lưới chẳng hư hoại, mười là hương quang biểu lộ diễm lành. Ấy là vì Phật Thừa là một, nhưng cảm vờ tùy theo cơ nghi, Thụy tướng rất nhiều. Nếu Sư chẳng tổng hợp lại để nêu bày, cõi đời sao có thể biết được? Cuối cùng Sư kết xướng rằng: *“Nếu coi Thật Tướng là Pháp Hoa thì các kinh, các hạnh, không gì chẳng phải là Pháp Hoa. Nếu coi chuyện hy hữu là diễm linh ứng tốt lành, thân này, thân khác, không gì chẳng phải là diễm lành linh ứng. Nay riêng vì lẽ này, gom các sự tích lạ lùng, nguyện cho người thấy nghe cũng sẽ đạt được điều mà người con Phật đáng nên đạt được”*.

*** *Nhã xà-lê ở Hàng Châu***

A-xà-lê Tùng Nhã, người xứ Tiền Đường, dốc lòng tu tập tại Tịnh Trụ Viện, nương theo thầy Hải Nguyệt Đô chùa Thiên Trúc, đạt được truyền thừa Tam Quán của tông Thiên Thai, nhưng không có ý dẫn mình vào cõi đời, bèn nói: *“Hâm mộ hư danh sao bằng tu thật hạnh; nói năng*

thanh tịnh mà hạnh ô trước, [sẽ bị] hiển thánh quả trách”. Sư nấu mình tại Thiên Vương Viện ở Nam Sơn, chuyên lấy đọc tụng làm nghiệp hạnh. Bình sanh, Sư xem kinh Pháp Hoa năm tạng²⁹⁵, kinh Kim Cang bốn tạng, kinh Di Đà mười tạng, lễ Phật Thích Ca ba mươi vạn lạy, lễ tháp thờ chân thân [của ứng thân Phật, Bồ Tát] mười lượt. [Đối với] mỗi chữ [trong kinh văn] đều lễ ba lạy thì Sư lễ kinh Pháp Hoa [như thế] ba lượt. Lễ Phật Di Đà một trăm vạn lạy. Tụng Phật hiệu của Ngài năm ngàn vạn câu. Khi đó, Hiến Sứ²⁹⁶ Dương Kiệt khâm phục sự tinh tu của Ngài, tự soạn An Lạc Quốc Tán gồm ba mươi chương biểu tặng. Sư muốn cho hóa đạo vô cùng, bèn vẽ chân dung tam bối cửu phẩm, ghép vào bài văn tán dương ấy, cho khắc lên đá tại Tịnh Trụ Viện. Suốt đời, Sư chẳng xoay lưng về phía Tây. Lòng tinh thành như thế đó. Về sau, Sư chẳng bệnh tật mà ngồi qua đời, cảm mùi hương lạ đầy nhà, nhạc trời rền vang hư không. Mọi người đều nói đó là điềm cảm vời thánh chúng từ Tây Phương đến đón Sư vậy (theo *Bảo Châu Tập*).

*** *Ác pháp sư ở Hàng Châu***

Thích Duy Ác là con nhà họ Kim ở Tiền Đường, là tục tử thuở thơ dại. Sư siêng năng dốc sức nơi kinh Pháp Hoa. [Sau khi] thi đậu kỳ khảo thí kinh sách, bèn được dự vào dòng pháp. Sư lập chí sâu xa, tĩnh

²⁹⁵ Theo Phật Học Từ Điển của Đinh Phước Bảo, Tạng là cách tính số lượng kinh đã đọc tụng. Cứ năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển (lần đọc tụng) được tính là một tạng. Cách tính này bắt nguồn từ Khai Nguyên Thích Giáo Lục thống kê trong thời ấy, kinh điển nhà Phật [được dịch sang tiếng Hán] gồm năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển. Nếu tính theo các Đại Tạng Kinh đời sau như Tổng Tạng, Vĩnh Lạc Đại Tạng, Càn Long Tạng thì số lượng các quyển trong Đại Tạng Kinh càng nhiều hơn nữa, nhưng thế tục đã quen gọi con số năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển (lượt) là một Tạng. Ngoài ra, còn có những cách hiểu khác như năm trăm là một tạng (hiểu tương ứng theo ngũ vị tấn tu có năm trăm môn Ba La Mật), hoặc coi một ngàn là một tạng (nhằm hiển thị bách giới thiên như), hoặc coi ba ngàn là một tạng (theo quan điểm ba ngàn tánh tướng của tông Thiên Thai), hoặc coi năm ngàn là một tạng (do năm trăm môn Ba La Mật, mỗi môn đều có Thập Như Thị), hoặc coi một vạn là một tạng (hiển thị ý nghĩa: Vạn đức cùng phô bày), hoặc coi tám vạn bốn ngàn là một tạng, hiển thị ý nghĩa tám vạn bốn ngàn trần lao. Tuy có nhiều cách nói, nhưng cách hiểu “*một tạng là năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển*” vẫn là cách hiểu phổ biến nhất.

²⁹⁶ Hiến Sứ là danh thông tục để gọi chức quan Đề Hình (Đề Điểm Hình Lộ), còn gọi là Hiến Ty, tức chức quan chương quản việc tố tụng, chấp pháp, và quản trị tù ngục tại các châu huyện.

lặng, đóng cửa, tạ tuyệt mọi chuyện, lắng lòng tụng kinh này đủ năm ngàn lượt. Từ năm Khang Định thứ hai (1041), Sư bắt đầu duyệt Tạng (xem Đại Tạng Kinh). Cứ hết một quyển bèn tụng năm quyển Tâm Kinh. Một tạng đã mãn, năm tạng Tâm Kinh cũng trọn vẹn. Sư ba lượt duyệt Đại Tạng như thế. Sư xem kinh Hoa Nghiêm hai trăm bộ, kinh Kim Quang Minh năm ngàn bộ, Tâm Kinh một trăm tạng. Kim Cang, Tiểu Di Đà, chú Đại Bi, mỗi thứ hai mươi tạng. Lăng Nghiêm, Viên Giác, Duy Ma, mỗi thứ ba ngàn bộ, kinh Thiên Phật Danh hai ngàn bộ, tôn hiệu Di Đà một ngàn vạn tiếng. Tất cả nhân lành đều một dạ trang nghiêm Tịnh Độ. Mùa Thu năm Sùng Ninh nguyên niên (1102), Sư bỗng mắc bệnh, kết ấn, ngồi mất, thọ tám mươi chín tuổi. Hỏa thiêu thì mấy chiếc răng chẳng cháy thành tro. Linh Chi Đại Trí Luật Sư ngưỡng mộ phẩm đức của Sư, đề rằng: *“Tôi từng thấy các vị cao tăng trong ba triều đại chỉ tu Thiền, tụng kinh, tướng lạ lúc lâm chung há chẳng phải là tâm thần tĩnh lặng, chú mục nơi thánh cảnh đó ư? Môn trọng yếu để xuất ly, không gì hơn được pháp này! Cổ đức đã nói: Làm tăng mà chẳng dùng mười khoa để phụng sự Phật, uổng phí trăm năm. Nhấn nhủ học nhân trong tương lai, há chẳng mong được bằng Ngài ư?”* (theo Bảo Châu Tập).

*** Dị xà-lê ở Dư Diêu**

A-xà-lê Đàm Dị sanh trong nhà họ Đỗ ở Diêu Giang, thoát tục tại chùa Long Tuyên. Trong niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1054), Sư được ân chuẩn đặc độ, tu tập giáo pháp Thiên Thai tại vùng Lưỡng Chiết²⁹⁷. Sở nghiệp đã toại, Sư trở về chốn cũ. Nếu ép Sư làm trụ trì, Sư đều kiên quyết chẳng thuận. Tuổi già, Sư bế quan, dứt tuyệt mọi chuyện, chuyên tu Tịnh nghiệp.

Sư tụng kinh Pháp Hoa đủ năm ngàn bộ. Kinh Phổ Hiền Quán, kinh Di Đà, [mỗi thứ] một vạn quyển, Phật hiệu chẳng thể tính số. Khi

²⁹⁷ Do Sư sống vào thời Tống Nhân Tông, Lưỡng Chiết ở đây phải hiểu là Lưỡng Chiết Lộ (Lộ là một khu vực hành chánh đời Tống. Lãnh thổ Đại Tống được chia thành mười lăm lộ), bao gồm mười bốn châu như Tô Châu, Thường Châu, Nhuận Châu, Hàng Châu, Hồ Châu, Minh Châu, Việt Châu v.v... Tức là bao gồm toàn bộ tỉnh Chiết Giang, thành phố Trấn Giang của tỉnh Giang Tô, và Thượng Hải hiện thời. Sở dĩ gọi là Lưỡng Chiết vì dựa theo tên gọi Chiết Giang Đông Đạo và Chiết Giang Tây Đạo thời Ngũ Đại. Lưỡng Chiết Lộ thoát đầu có tên là Lưỡng Chiết Đông Bắc Lộ được lập ra trong năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba (978). Đến thời Nam Tống, lại tách ra thành Lưỡng Chiết Tây Lộ và Lưỡng Chiết Đông Lộ.

đổi sang niên hiệu Sùng Ninh (1102), Sư bỗng mắc bệnh, gọi đồ đệ, dặn họ dâng hương, bảo rằng: *“Đã tới lúc ta sanh về Tịnh Độ. Ta sẽ nương đài kim cang theo Phật về Tây. Nguyện [đại chúng] nỗ lực tán tu hồng được gặp gỡ!”* Nói xong, tay kết Phật ấn, đàm bạc ngồi qua đời. Khi trà-tỳ, lưỡi và xương chuỗi chẳng hoại, mọi người đều kính trọng (theo Chi Viên Tập).

*** Thông thượng nhân ở Tiền Đường**

Vị tăng tên Tư Thông, người Tiền Đường. Lúc mười lăm tuổi, cha mẹ muốn con lấy vợ, Sư chán ghét sâu xa tù ngục gia đình, liền trốn vào núi Thiên Trúc Linh Ân, xuất gia tại chùa Pháp An. Sư lập chí siêng khổ. Hằng ngày, Sư ra ngoài thành khát thực, đêm chẳng ngủ, chuyên tụng kinh Pháp Hoa.

Tới lúc hai mươi tuổi, Sư ôm kinh đi thi, liền đỗ kỳ thi tuyển tăng. Từ đó, Sư mỗi ngày trì hai bộ; ngoài ra thì niệm Phật hiệu. Nếu có kẻ nói: *“Tụng kinh là đủ rồi, cần gì phải niệm thêm Phật hiệu?”* Sư đáp: *“Mạng chung muốn sanh về nước ấy, há chẳng hệ niệm trong tâm?”* Một hôm, Sư mắc bệnh thời khí, bèn nói: *“Ta trong đêm đã thấy Phật, Bồ Tát, thánh chúng cùng nói đều đến tiếp dẫn; hai ngày nữa, ta sẽ ra đi”*. Đệ tử là Tổ An thưa: *“Sợ là ma cảnh, chẳng thể vội vàng theo ngay!”* Sư đáp: *“Lúc ta mạng chung, nếu nơi ngực sanh hoa sen, tức là điềm ứng nghiệm đã sanh về Tịnh Độ vậy”*. Hai ngày sau, trời mới hừng sáng, Sư bảo Tổ An gõ khánh, nói: *“Phật và Bồ Tát đã đầy trong hư không”*. Đại chúng cùng niệm Phật, Sư lặng lẽ qua đời. Dò thử, toàn thân đều lạnh, chỉ có nơi ngực có một khoảng chừng bằng bàn tay ôn nhuận, hình dạng như hoa sen xòe nở, quả nhiên phù hợp với lời Sư đã nói (theo Bảo Châu Tập).

*** Chiếu pháp sư ở Tú Châu**

Pháp sư Linh Chiếu, người Đông Dương, sanh ra đã cao cả bất phàm, có chí nguyện làm tăng. Từ khi vào Không Môn, Sư chưa từng nằm xuống, ngày đêm lễ tụng. Chưa đầy một tháng, Sư đã thông thuộc hai kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh. Đến tuổi hai mươi, Sư thi đỗ khoa khảo hạch kinh điển. Sau khi thọ Cụ Túc, Sư quả tráp theo học các nơi, thấu đạt trọn hết đạo Tam Quán của tông Thiên Thai, thăm viếng các chùa nổi tiếng. Tuổi già, Sư trụ tại chùa Siêu Quả ở Hoa Đình.

Trong niên hiệu Nguyên Phong²⁹⁸, Sư kết xã hơn hai vạn người, phỏng theo phong thái của Đông Lâm, hăm mộ giáo huấn sanh về Tây Phương. Sư từng mộng thấy Di Đà Tam Thánh, Sư quỳ hỏi: “Con suốt đời tụng kinh cầu sanh Tịnh Độ, có được thỏa nguyện hay chăng?” Ngài Quán Âm chỉ dạy: “*Tịnh Độ chẳng xa, hễ có nguyện liên sanh, chớ nên ngờ nữa!*”

Lại nữa, trong đêm thanh, Sư tụng kinh, mộng thấy ngài Phổ Hiền, do vậy liền phát tâm tạo tượng Bồ Tát, thề tụng một vạn bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa để trang nghiêm quả báo nơi Tịnh Độ. Sư tụng các kinh khác chẳng tính nổi số. Sư bỗng nằm bệnh, bảo đại chúng rằng: “*Ta trong khi bệnh thấy có tướng lạ, quyết sẽ thỏa nguyện sanh về Tịnh Độ*”. Sư bèn xếp chân qua đời. Lúc xà-duy (hỏa táng), lưỡi chẳng hoại, mềm mại, tươi nhuận như lúc còn sống, xá-lợi tràn trề, đỏ trắng xen lẫn, há có thể nói chẳng phải là do sức tinh tấn duy trì ư? (theo *Chi Viên Tập*).

*** Trạng pháp sư ở Ô Trấn**

Sư họ Tiêu, tên là Duy Trạng, [gia tộc] nhiều đời sống ở Vĩnh Gia. Mẹ Sư ban đêm mộng thấy nuốt bảo tháp mà có thai Sư. Sư lia tục từ bé, chuyên tụng Pháp Hoa. Khảo thí trúng cách, được xuất gia. Sư theo học với Đông Linh Khâm công, Huệ Giác Ngọc công, Phổ Từ Thâm công, giỏi mài nghiêm mật, đạt trọn hết lẽ huyền áo. Trong niên hiệu Kiến Viêm, Sư thuyết pháp tại Thọ Thánh Viện, viết các bộ Quang Minh Ký, Hộ Quốc Ký v.v... Phàm thực hiện Phật sự, đều đạt ứng nghiệm. Sư mỗi ngày tụng một bộ Pháp Hoa, niệm Phật hiệu hai vạn tiếng. Bình nhật, Sư ít ngủ. Mỗi lúc nắng gắt hoàng hôn, Sư ngồi ngay ngắn trong chỗ cỏ cây rậm rạp để thí cho muỗi mòng đốt. Đệ tử thấy Sư tuổi đã cao, xin thôi khổ hạnh. Sư nói: “*Các loài xuẩn động sao có thể kết duyên thù thắng cùng Pháp Hoa? Khiến cho chúng nó hút máu ta để gieo chủng tử Đại Thừa! Nguyện đời đời giải thoát*”.

Về sau, Sư thoái cư am thất, suốt mấy năm chuyên ròng tu Tịnh nghiệp. Một hôm, Sư nhiễm bệnh, ngồi nghiêm nhiên qua đời. Khói trà-tỳ bay tới đâu, chỗ đó có xá-lợi. Dân chúng thỉnh cầu, đều được như nguyện. Đoan Sư Tử từng tham học với Sư, có bài kệ khóc rằng: “*Son*

²⁹⁸ Nguyên Phong là niên hiệu của Tống Thần Tông (Triệu Húc) từ năm 1078 đến năm 1085.

tăng hà sự dã bi tình? Vị ức lâm gian thiện hữu nhân. Vạn bộ liên kinh do vị mãn, thập phương duyên thực dĩ phân thân. Đình tiền lão thụ phiêu hoàng diệp, vân ngoại thiêm quang tổ mãn luân. Nhược vấn ngã Sư hành xứ khứ? Vô biên giới nội dĩ thê thần” (Tạm dịch: Sơn tăng sao cũng đắm buồn thương? Vì nhớ bạn lành chốn núi rừng. Vạn bộ kinh sen còn chưa trọn, mười phương duyên chín đã phân thân. Cây cổ trước sân vàng lá rụng, vượt mây vàng nguyệt sáng mười phần. Thầy tôi nếu hỏi về đâu tá? Vô biên cõi nước thấy hiện thân) (theo *Bảo Châu Tập*).

*** *Minh Trí pháp sư ở Minh Châu***

Sư hủ Trung Lập, con nhà họ Trần ở Ngân Chi. Mẹ mộng thấy vàng mặt trời xuyên vào bụng mà sanh ra Sư. Sư từ bé đã cao vời bất phàm, bèn cho xuất gia. Mới chín tuổi, được thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư vừa mới đọc đã in sâu vào thần thức. Trong niên hiệu Gia Hựu²⁹⁹, Sư dự thi [khảo hạch kinh điển] ở phủ Khai Phong, đắc độ, theo xuất gia với ngài Quảng Trí chùa Diên Khánh tại quận nhà. Sư siêng năng học đạo, chẳng biết bản lãnh sâu tới đâu. Về sau, Sư được thỉnh trụ trì chùa ấy. Từ đầu đến cuối, trong mười năm, Sư mở rộng pháp tòa. Mỗi năm đều chọn lựa đồ chúng cùng tu Pháp Hoa Sám. Một hôm, trong khi Thiền Quán, bỗng [mọi người] thấy một chiếc thuyền to. Đại chúng muốn lên thuyền đều không thể, một mình Sư qua lại trong đó. Từ đó, huệ giải phát khởi như suối trào, Sư giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán, mỗi bộ mấy chục lượt. Bình thời, dường như chẳng thể nói, nhưng khi giảng giải, biện định, thì Sư hùng hồn, cương nghị, thính giả nghe quên mệt. Suốt đời, Sư tụng kinh Pháp Hoa cả vạn lần. Các hạnh môn khác chẳng dễ gì chép đủ. Sư bỗng mắc bệnh, hai lượt ngủ thấy mùi hương lạ, bèn triệu tập học trò, bảo: “*Ai nấy hãy nên tán tu, sẽ lại gặp gỡ trong hội của chư Phật*”. Nói xong, Sư hướng về Tây ngòai mất. Quan Đãi Chế Triều Thuyết Chi soạn văn bia ghi lại đức hạnh của Ngài, quả thật là của báu văn chương tại Tứ Minh vậy!

*** *Pháp sư Vô Úy ở Minh Châu***

²⁹⁹ Gia Hựu là niên hiệu của Tống Nhân Tông từ năm 1056 đến năm 1063.

Sư tên là Pháp Cừu, họ ngoài đời là Trịnh, người xứ Diêu Giang. Bảy tuổi, Sư xuất gia tại Long Tuyên Tự. Trong niên hiệu Chánh Hòa³⁰⁰, Sư thi đỗ khóa khảo thí kinh Pháp Hoa, được xuống tóc. Tới tuổi năm mươi, quy ẩn nơi núi Thanh Tu thuộc Minh Châu. Sư phong thái cao đẹp, trí huệ sắc bén hơn người, đối với chúng sanh chẳng hề vui giận, cười nói như xuân về. Thoạt đầu, Sư nghe giảng, tu tập dưới tòa của ngài Quảng Nghiêm Trí Dững. Kế đó, tham học khắp nơi rồi ở dưới pháp tòa của ngài Tô Đài Huệ Giác, khẳng khẳng đốc sức, chẳng ngại nóng lạnh, đạt được trọn hết truyền thừa huyền diệu của tông Thiên Thai. Kế đó, Sư quảy gói đạo chơi mây nước, gặp ngài Đại Huệ tại Song Kính, được ấn khả sâu xa. Hiềm rằng tông phong lôi kéo Sư nhập thế, buộc Ngài trụ trì Thanh Tu Viện bảy năm. Ngài mở học đường, dạy dỗ đại chúng, thầy trò nghiêm túc, hết sức có phong độ của từng lâm thời cổ. Trong núi có Sư Tử Nham, Sư bèn lập Vô Úy Thất, an trụ trong đó. Khóa tụng thường nhật là mười bộ kinh. Riêng một bộ Pháp Hoa, Sư tụng tới hai mươi vạn lượt. Cảnh giới u thâm chẳng ai có thể đạt tới được!

Thầy Tuyết Khê Hy Nhan từng làm thơ truy điệu rằng: “*Sa khám mình diệt triện yên tàn, thất trục liên kinh tại thiết đoan. Cảo mộc thân chi song kỷ lãnh, lưu tuyến thanh lạc xỉ nha hàn. Hiểm di nhất tiết chung vô biến. Phục lập tam y cánh độc nan. Do hận tê chi từng thử thử, đàm huyền vô phục khẩu lan phiên*” (Tạm dịch: Bảy quyển kinh sen trên chót lưỡi, giảng tòa đèn tắt, khói hương tàn. Thân gỗ héo gầy, song ghé lạnh. Suối tuôn róc rách, rét run người. Hiểm, yên một tiết không thay đổi, càng hiềm ba y suốt trọn năm. Vẫn hận cơ phong nay dứt bật, đàm huyền thôi vắng tiếng thầy tuyên). Khi đó, có Hà Khuê thuộc Lại Bộ ngưỡng vọng đạo hạnh của Sư, kết giao làm bạn phương ngoại. Ông ta từng trong ngày giỗ của mẹ, cậy Sư thăng tòa tụng kinh Pháp Hoa. Do lòng tinh thành cảm vời [điềm lành], bèn soạn Nhất Thừa Am Ký để ghi lại phẩm đức của Sư.

*** Chiêu xà-lê ở Hàng Châu**

Sư Tư Chiêu người Tiền Đường. Sau khi đã là tăng, Sư tham học khắp nơi, nghiên cứu tông thừa. Do giải đã đạt được, liền lập hạnh. Mỗi đêm cho đến canh tư, Sư liền thức dậy, huân luyện Tịnh nghiệp, xưng

³⁰⁰ Chánh Hòa là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1111 đến năm 1118.

tụng Phật danh. Các tỳ-kheo giải đãi nghe tiếng Sư [tụng niệm], chẳng dám ngủ yên! Xưa kia, tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, Sư cũng ngưỡng vọng phông theo, liền cầm lư hương, bạch rằng: “*Cổ Phật chẳng đoạt nguyện của kim Phật. Kim Phật há trái nguyện của cổ Phật ư?*” Sư tự tin dường ấy. Sư từng trích máu chép một bộ Pháp Hoa, cứ mỗi chữ là một lễ. Thực hiện mười lượt như thế. Như thế cho đến các kinh Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm v.v... tổng cộng lễ hơn hai trăm bảy mươi quyển. Sư đọc kinh Pháp Hoa một ngàn bộ, Quán Kinh năm tạng, Di Đà mười tạng. Lại còn giáo hóa đạo tục kết hệ niệm tịnh nghiệp hội suốt ba mươi năm. Một hôm, Sư bị bệnh, đêm mộng thấy thân vàng trượng sáu. Từ đó, mỗi ngày luân phiên thỉnh bảy vị tăng giúp Sư thành tựu mười niệm. Đủ bảy ngày, Sư ngồi dậy, chấp tay, cùng đại chúng lớn tiếng xưng Phật hiệu. Hồi lâu, Sư gập ngón tay kết ấn, lặng lẽ ngồi qua đời. Xà-duy, răng và râu chuồi chẳng hoại, đại chúng đều thấy. Vì thế, chẳng phải là giả trá, hư huyền vậy (theo *Bảo Châu Tập*).

*** Nam thượng nhân ở Hành Châu**

Đầu niên hiệu Thiệu Hưng³⁰¹, tại Hành Châu có vị tăng tên Tô Nam, trụ tại chùa Pháp Luân thuộc quận ấy. Kể từ khi xuống tóc, Sư chuyên tu khổ hạnh, cắt ngón tay lấy máu chép kinh Pháp Hoa mười mấy bộ, kinh Kim Cang một trăm quyển, kinh Di Đà năm vạn quyển. Biên chép như thế suốt hai mươi bảy năm, từ đầu đến cuối hết như nhau. Sư thường niệm Di Đà cầu sanh Tịnh Độ. Lúc tuổi già, huyết cạn, thân khô, không bệnh tật, vẫn có thể đi và ngồi được. Một hôm, Sư yết kiến phương trượng, gập mặt rồi tròn chẳng nói gì, bỗng Sư ngồi ngay ngắn, nhắm mắt qua đời. Hóa ra, ý Sư muốn vị Đường Đầu chứng minh hậu sự vậy. Sau khi hỏa táng, nơi giữa mày của Sư tuôn ra ngũ sắc xá-lợi, chẳng đếm nổi bao nhiêu viên. Đạo tục thỉnh cầu, đều được như nguyện. To lớn thay! Phật tử khắp khổ, xét khắp xưa nay, hiếm ai sánh bằng! Trong lúc tọa thoát, há chẳng phải là trở về Tây Phương ư? (theo *Bảo Châu Tập*).

*** Tông đại sư ở Minh Châu**

³⁰¹ Thiệu Hưng là niên hiệu của Tống Cao Tông (Triệu Cấu) từ năm 1131 đến năm 1162.

Tại Quảng Phước Viện ở trong thành, vị tăng Khả Tông, họ ngoài đời là Dương, người Ngân huyện. Sư bảy tuổi xuất gia, tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa. Hai mươi hai tuổi, thi đậu khảo thí về kinh điển, bèn xuống tóc. Sư cốt cách thanh cao hơn người, chí thú khác người, oai nghi tề chỉnh, nói năng thận trọng, lập công khóa thường nhật đọc tụng sách Phật. Hễ rảnh rỗi thì giờ xem ngoại điển, giỏi thơ phú, khéo viết thư pháp theo lối chữ Thảo. Đến già, một hôm Sư bỏ sạch [thơ phú, thư pháp, xem đọc ngoại điển], dốc lòng thành tu Tịnh nghiệp. Sư xem trọn Đại Tạng Kinh một lượt, chín năm huân tu Pháp Hoa Sám. Đi, đứng, nằm ngồi thường ở trong đó, chẳng thấy lầm lỗi của thế gian. Một hôm, Sư ngã bệnh, gọi đệ tử nói: *“Đại sự của ta sắp tới rồi, các con hãy nên tinh tấn hành đạo, đừng quên mất lời ta. Ta bình sanh tấn tu, chưa từng phạm giới. Nếu thật sự đắc đạo, chết rồi ắt có điềm lạ”*. Sau mấy ngày, bỗng trên chân giường nảy sanh một gốc cỏ Chi màu trắng, có vằn như hoa sen. Sư trông thấy bèn nói rằng: *“Chỗ ta ở hiện ra điềm này, đã đến lúc phải đi rồi”*. Liền viết kệ rằng: *“Vô kinh khả tụng, vô Phật khả niệm. Kim nhật lâm hành, đại gia chứng nghiệm”* (Chẳng có kinh để tụng, chẳng có Phật để niệm, hôm nay sẽ ra đi, mọi người hãy chứng nghiệm). Sư buông bút, ngồi xếp bằng qua đời. Người trong quận chen nhau đến xem.

Quan Thái Thú Đãi Chế là ông Tàn cũng dốc lòng muốn thấy, bèn khoét đất chỗ hoa mọc, thấy điều lạ lùng là đất khô ran mà rễ cành và hoa mơn mớn. Mọi người tấm tắc hồi lâu, dâng hương rồi quay về. Bậc hiền nhân thuở trước đã tán thán rằng: *“Kinh khán nhất Đại Tạng giáo, sám-ma cứu tải huân tu, dĩ chứng Pháp Hoa tam-muội, bạch liên bình địa sanh thu”* (Xem kinh trọn một giáo pháp Đại Tạng, huân tu sám hối suốt chín năm, đã chứng Pháp Hoa tam-muội, đất bằng sen trắng trở tươi tắn). Chuyện này xảy ra vào năm Thiệu Hưng 16 (1146). Viện ấy có ghi lại tình trạng, hoa ấy tới nay vẫn còn, nay ghép thêm [hình vẽ hoa ấy] vào tiểu truyện để người đọc có thể hình dung.

*** Thật thiền sư ở Minh Châu**

Vị tăng trụ trì truyền pháp của thiền viện Nhiều Ích tại Thạch Môn, huyện Tứ Minh, là Ngạn Thật xuất tục từ nhỏ, tụng kinh Pháp Hoa. Đến tuổi hai mươi, Sư thi kinh sách, được ân chuẩn đặc độ. Từ đấy, suốt sáu mươi năm, chẳng quên kinh nơi tâm và miệng. Tuổi già, Sư trụ tại chùa Thiên Y ở Thiệu Hưng, giữ chức Thủ Tọa Liâu. Ngày Hai Mươi

Lăm tháng Năm năm Càn Đạo thứ năm (1170), bỗng từ chỗ chiếu trúc trải dưới án kinh, sanh ra một đóa hoa lạ. Hoa ấy màu xanh và trắng, hai cánh có gân nhỏ giống như hoa sen, mỗi ngày một to hơn, cao chừng một thước. Tới khi hoa tàn, đến ngày Mười Bốn tháng Sáu, lại mọc ra một cành, cũng có hai lá, dài bốn tấc, linh thủy dị thường. Cối đời truyền tụng ca ngợi rất nhiều. Trong quận, có quan thừa ở huyện Vũ Khang là Tăng Tấn yêu chuộng đạo bèn trần thuật duyên có, cho khắc gỗ in rồi biểu tặng, chỉ có ba ngàn bản. Nay tôi lại đăng tải, ngõ hầu chuyện này chẳng bị thất truyền.

*** Pháp sư Trùng Chiếu ở Minh Châu**

Dòng họ của pháp sư nhiều đời sống tại Từ Khê. Sư họ Trần, tên là Giác Tiên. Trùng Chiếu là pháp hiệu được ban tặng. Sư sanh ra thông minh, mẫn tiệp, xuất gia tại Tinh Tấn Viện. Thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư vừa đọc đã thông thuộc. Sau khi thọ giới, thoát đầu, Sư theo học với ngài Diên Khánh Minh Trí, lại theo học với ngài Thiên Trúc Huệ Giác. Sư học hỏi, suy tư, đối với Giáo Quán của tông Thiên Thai, không gì chẳng thấu hiểu. Mọi người thỉnh Sư trụ trì Bảo Lâm Viện. Sư liên hoàn giảng tập Pháp Hoa Tam Đại Bộ (Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán), truyền dạy chưa từng phí uổng ngày nào. Mùa Xuân năm Tĩnh Khang (1127), trời đại hạn, Sư đối trước long thiên giảng kinh, trời liền mưa dầm suốt ba ngày, trăm dặm hoan hô. Đạo tục cảm kích sự thần dị của Sư, bèn dựng Quang Minh Tràng để vĩnh viễn nêu bày.

Kế đó, Sư dời sang pháp tòa Diên Khánh, khôi phục, hoằng dương giáo pháp của Tổ, đi khắp trong ngoài. Năm Thiệu Hưng thứ tám (1138), Sư lui về Bảo Lâm để tính an cư cho đến hết đời. Ngoài việc giáo hóa, Sư chỉ lấy Pháp Hoa làm tâm yếu, khóa tụng hằng ngày chưa hề thiếu khuyết. Sư đã tụng kinh đến một vạn bộ. Sư chọn chỗ sâu kín trong [cuộc đất dật] Phương Trượng để dựng một gian thất, đặt tên là Diệu Liên Đường. Sư an trụ trong đó, chỉ chú trọng một chuyện ấy, chí mong về Tây. Sư trì kinh Di Đà bốn mươi bảy tạng, tam tâm (tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai) đặt nơi Tịnh nghiệp, có thể nói là “chuyên chú”. Về sau, Sư cảm bệnh nhẹ, vì đại chúng thuyết pháp, an nhiên qua đời.

Liên Bồ soạn văn bia ghi đức hạnh của Sư có đoạn: “*Khi Sư trụ tại Diên Khánh, thầy Nguyệt Đường vừa tới tham học. Sư biết đó là căn khí thích đáng, liền bảo rằng: ‘Ông ắt trụ tại núi này’. Sau này, quả nhiên phù hợp lời ấy. Ngài Nguyệt Đường sắp mất, liền bảo môn nhân*

rằng: ‘Nơi tháp của cụ Trùng Chiếu ở trong lùm cỏ tại Bảo Lâm, thường có người trong đêm sâu thanh tĩnh nghe tiếng tụng kinh Pháp Hoa’. Chuyện này rất lạ, hướng hồ Sư trụ trong núi này, truyền trì cật lực. Ta chết rồi, các ông hãy nên dựng riêng một tòa tháp tại Tổ Lũng để đón [linh cốt] của Ngài dời về đó”. Tới khi mở tháp [của ngài Trùng Chiếu] để rước [linh cốt] về, thấy trên linh cốt của Sư mọc một cành ngọc trúc, màu sắc như đồng xanh!

*** Pháp sư Nguyệt Đường tại Minh Châu**

Sư húa Huệ Tuân, đạo hiệu Nguyệt Đường, họ Trần. Tổ tiên là người Vĩnh Gia, đến đời ông Ngài, bèn dời sang Cù Sơn thuộc Minh Châu. Mẹ Ngài từng mộng thấy một vị tăng đến nhà hóa duyên, sau đó có thai Ngài. Từ thuở đẻ chớm, Ngài cử chỉ cao vời bất phàm. Do vậy, xả gia vào cửa Phật, giới mài trong Tổ Ấn Viện. Thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư xem đọc mấy lượt liền thông thuộc, mọi người đều kinh hãi, lấy làm lạ.

Sau khi đã thọ Cụ Túc, Sư trở về thăm cha mẹ. Bà nội khuyên nhủ: “Cháu đã xuất gia, hãy nên là vị tăng giống như một Phật tử trung hậu của Ôn Châu, đừng quan tâm lưu luyến nhà cha mẹ!” Sư vâng theo lời dạy ấy, dốc chí học tập. Thoạt đầu, theo học với ngài Trùng Chiếu chùa Diên Khánh. Thầy vừa thấy, liền biết là pháp khí. Thuở đó, ngài Thảo Am là bậc nhất, Sư liền lên phương Bắc cầu đạo, thông hiểu trọn hết đạo trọng yếu. Kế đó, Sư lại muốn học thêm, bèn tham học khắp vùng Lương Chiết. Quay về, gặp thầy Viên Biện tại Nam Hồ đang khôi phục, hoàng dương tông chỉ. Sư trí giải cao ngất, cơ phong lãnh ngộ sắc bén.

Cuối niên hiệu Thiệu Hưng, Sư được chọn làm Trụ Trì. [Sau đó] qua bốn lượt chuyển dời, Ngài dời tới Diên Khánh. Pháp tòa vời vọi, muôn ý chỉ đông đầy, mọi người ca ngợi Ngài biện tài tuyên dương thông dong chẳng khác ngài Phú Lô Na, há chẳng phải đúng như vậy ư? Sư tuy thuận duyên tiếp độ chúng sanh, nhưng nội hạnh càng siêng gắng. Công khóa hằng ngày lấy [tụng trọn hết] bảy quyển kinh Pháp Hoa là lệ thường. Dầu lạnh buốt, nắng gắt, bệnh tật, vẫn chẳng lười nhác. Suốt mười năm đều như thế, ngôn lẫn hạnh đều trọn vẹn. Một hôm, Sư ngã bệnh, khí sắc dường như sắp ra đi. Đệ tử thỉnh Sư thuyết pháp. Sư nói: “Há pháp có nói năng ư?” Sư liền cầm bút viết kệ để bảo ban đại chúng, xưng Phật hiệu liên tiếp. [Sau đó], hai tay buông xuống, kết Di

Đà Ấn³⁰², ngồi xếp bằng qua đời. Theo di ngôn, tuân theo chế định của Phật [quần xác] năm ngày sau mới hỏa thiêu, pháp cốt chia làm hai phần: Một phần đưa về Thân Lũng ở Cù Sơn, một phần dựng tháp ở Nam Thành Tổ Nguyên. Có kẻ bàn rằng chư Tổ đều được táng toàn thân, [không nên chia đôi pháp cốt, họ] bèn dùng tóc cắt từ đỉnh đầu của Sư để biểu thị chí nguyện của Sư. Chưa đầy một năm sau, ngẫu nhiên có học nhân đến xin mở tháp thờ tóc Sư để chiêm lễ, bỗng thấy cả một vốc xá-lợi, tươi sáng lóng lánh. Ghi chép lại chuyện này thì có quan Đề Cử là ông Lục Nguyên soạn bài tán. Ở đây, chỉ ghi lại các điểm chánh yếu đó thôi!

*** Hòa Pháp Hoa ở Minh Châu**

Đời Tống, tại Quảng Tế thuộc huyện Phụng Hóa, có vị tăng tên là Pháp Hòa, sanh trong nhà họ Giang. Sư lìa tục từ bé, bẩm tánh bình dị,

³⁰² Di Đà Ấn gần giống như ấn Thiền Định, hai tay xếp lại đặt trước bụng, lòng bàn tay ngửa lên, tay phải đặt trên tay trái, đặt ở trước bụng, hai ngón nhỏ và ngón cái của mỗi tay tạo thành hình khuyên tròn, lưng hai ngón trở đặt sát nhau. Ấn này còn gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh Ấn (tượng Phật Di Đà ngồi thường được tạc kết ấn này). Cũng kết ấn như thế, nhưng thay ngón trở bằng ngón giữa thì thành Thượng Phẩm Trung Sanh Ấn. Vẫn kết ấn như thế, nhưng thay ngón giữa bằng ngón đeo nhẫn thì gọi là Thượng Phẩm Hạ Sanh Ấn. Hai tay nâng lên ngang ngực, hai bàn tay đặt trước hai vai, lòng bàn tay hướng ra trước, ngón trở và ngón cái tạo thành hình khuyên nơi mỗi bàn tay thì gọi là Trung Phẩm Thượng Sanh Ấn. Cũng giữ nguyên tư thế ấy, nhưng thay ngón trở bằng ngón giữa thì là Trung Phẩm Trung Sanh Ấn. Cũng làm như thế, thay ngón giữa bằng ngón áp út thì gọi là Trung Phẩm Hạ Sanh Ấn. Hai lòng bàn tay hướng ra trước, tay phải giơ lên đặt gần vai, tay trái hướng xuống dưới, ngón trở và ngón cái kết thành hình khuyên. Đó là Hạ Phẩm Thượng Sanh Ấn. Lần lượt thay ngón trở bằng ngón giữa và ngón áp út, sẽ có Hạ Phẩm Trung Sanh Ấn và Hạ Phẩm Hạ Sanh Ấn. Trong Mật Tông còn dạy một loại ấn Di Đà nữa, tức là ấn được Phật Di Đà sử dụng trong Kim Cang Giới Mạn Đà La: Hai bàn tay chấp lại, giơ ngang ngực, hai ngón giữa dựng lên hơi cong chống vào nhau như cánh sen. Hai ngón cái đặt chéo nhau, các ngón còn lại đan chéo vào nhau, sao cho ngón phải ở trên, ngón trái ở dưới. Sách Mật Tông chú giải rằng: Các ngón đan vào nhau biểu thị sanh tử kết phược, cong xòe giống như hoa sen tám cánh, biểu thị Như Lai Tạng Thức, đồng thời biểu thị phạm thánh bất nhị. Ngón giữa cong như cánh sen biểu thị Bản Tôn tức Phật tánh siêu xuất trần phược. Nói cách khác, trong sanh tử triền phược, chân tánh chẳng mất. Để tiến nhập Chân Như pháp giới, không thể nào tìm cầu phương tiện ở ngoài triền phược, phải tự chuyển hóa triền phược thành cảnh giới như như bất nhị.

mặc áo vải chằm vá, có phong độ của cô nhân, thường tụng kinh Pháp Hoa, sáng tối chẳng nghỉ. Vì thế, người thuở đó gọi Sư là Hòa Pháp Hoa. Trong viện có giảng tăng để có thể nương tựa. Một hôm, Sư đáp y đến thưa hỏi về chuyện Được Vương thiêu thân. Thầy chẳng hiểu dụng tâm của Sư, bèn giảng giải ý chỉ *“chân pháp cúng dường”*. Pháp Hòa nghe lời ấy, hoan hỷ, hớn hở rời đi. Khi đó, nhằm đêm Hai Mươi Bốn trong tiết Thượng Nguyên, nơi góc Đông Bắc của Phương Trung Viện, lửa lớn cháy tận trời. Một vị tăng chạy tới chữa lửa, bỗng thấy Sư chấp tay ngồi xếp bằng trong lửa, miệng ra rả tụng kinh. Trước mặt, bày hương đèn cúng dường kinh Pháp Hoa. Lại còn đặt bài tụng già biệt cõi đời vào văn phát nguyện. Bài tụng như sau: *“Nước xiết chèo thuyền, đến bờ chẳng trôi. Tàn tuyết theo lửa hồng tan sạch. Thân thanh thảo theo bước thánh hiền phiêu du”*. Nguyên văn đại lược như sau: *“Pháp Hòa nguyện đốt thân hư huyền này để thành hương vô giá. Trước là dâng lên mười phương Tam Bảo điều pháp thượng thừa. Kế đến, dâng thiên long bát bộ. Trước là mong nhị thánh hồi loan³⁰³ trùng hưng xã tắc, sau là nguyện con khi tái sanh trong đời sau, thường diễn Đại Thừa, rộng độ các phẩm”* v.v...

Lửa bốc cao, trong ấy có luồng sáng năm màu chiếu lên không. Đêm ấy chẳng có gió lộng, bỗng nghe có tiếng trống rền lẫm liệt, lại có mùi hương lạ ngào ngạt. Hôm sau, bốn sư thâm liệm hài cốt ở ngoài

³⁰³ Trong tháng Mười Một năm 1125, do triều đình nhà Tống hủ bại, nhà Liêu yếu kém, Kim Thái Tông của người Nữ Chân (tức dân Mãn Thanh sau này) xua quân Nam Hạ. Quân Kim thiện chiến, tiên công chiếm sạch vùng Bắc Hoàng Hà. Tống Huy Tông hốt hoảng, muốn trốn khỏi kinh đô. Triều thần xin nhà vua nhường ngôi cho Thái Tử Triệu Hoàn. Ngày 7 tháng 1, Huy Tông xuống chiếu nhường ngôi cho thái tử, xưng Giáo Chủ Đạo Quân Thái Thượng Hoàng, thái tử Triệu Hoàn trở thành Khâm Tông, niên hiệu là Tĩnh Khang. Khâm Tông nhu nhược, thiếu quyết đoán, chỉ tính kế tháo chạy, một lòng nghị hòa, tuy nhiều trung thần, tướng giỏi, quân dân quyết tâm kháng địch. Vua lại mê tín, cấp vũ khí cho bọn du đảng lập ra đội quân gồm 7777 người, gọi là Lục Giáp Binh, nhưng họ không chống nổi quân Kim. Lúc bấy giờ có gã đạo sĩ bịp bợm là Quách Kinh xưng có pháp thuật đánh tan quân Kim. Tướng lãnh cần vương là Trương Thúc Dạp sai hấn cầm quân, hấn lén mở cửa thành bỏ trốn, quân Kim thừa cơ đánh úp kinh đô Biện Kinh. Thấy quân Tống còn đông, dân chúng nhiều người yêu nước, quân Kim nhân nhượng, đòi nhà Tống đầu hàng. Cuối cùng, cha con Huy Tông và Khâm Tông bị Kim Thái Tông ra lệnh bắt giải về Bắc, các tông thất nhà Tống bị cầm tù, nhà Bắc Tống diệt vong. Sự gọi sự kiện này là Tĩnh Khang Chi Biến (biến loạn trong năm Tĩnh Khang) hay Tĩnh Khang Chi Sĩ (nổi nhục Tĩnh Khang). Ở đây, sư Pháp Hòa nguyện hai vua được thả về để trùng hưng xã tắc nhà Tống.

phòng. Có bốn tín nữ đến lễ chỗ Ngài hóa thân, thấy chỗ tro còn lại rúng động, bèn thử bới ra tìm, ngẫu nhiên được hai mươi mấy viên xá-lợi. Mọi người kéo nhau tới xem. Di cốt như các viên châu chồng chất. Từ đó, tiếng đồn lan xa, người đến thỉnh càng đông, ứng hiện càng nhiều. Xương và tro đều bị thỉnh sạch.

Có người thỉnh được một cái răng, chứa trong tráp, có nhà giàu ưa thích, mong đổi lấy bằng ba mươi ngàn đồng. Sư được mọi người dốc lòng tôn kính như thế đó... Hiềm rằng tứ chúng lũ lượt kéo tới chiêm lễ, người kính mộ khác nào ong dòn kiến tỵ, khiến cho việc lễ chân thân nơi đỉnh Ngọc Kỷ gây trở ngại. Liền có người thưa kiện là nhà chùa làm chuyện mê hoặc quần chúng. Thái Thú Thiếu Bảo Quách công cai trị nghiêm ngặt, bắt vị tăng chủ chùa tống giam. Mấy ngày sau, sau khi bản án trình lên, [quan cầm bút toan phê án xử tội], bỗng có một con ruồi bám vào đầu bút, phát ra tiếng khóc ai oán, xua đuổi chẳng được. Quan biết là do di thân (thân thể còn sót lại của sư Pháp Hòa) cảm thông, liền quăng bút tha cho. Đó là năm Giáp Dần tức năm Thiệu Hưng thứ tư (1134). Viện chẳng lập bia nêu chí, Tông Hiệu đến thăm, hãy còn bậc kỳ túc trong viện từng đích thân thấy nghe. Do vậy, ghi lại để mong ngày sau sẽ chép vào tăng sử.

*** Tá Pháp Hoa ở Minh Châu**

Vị tăng tên Vân Tá xuất gia tại Hải Huệ Viện ở đất Ngân, chuyên trì kinh Pháp Hoa. Sư thi đậu [cuộc khảo hạch kinh điển], được phép xuất gia. Từ đây, Sư tham học tông Thiên Thai. Dẫu qua lại nhiều nơi [để tham học] đã nhiều năm, nhưng Sư chưa hề phé bỏ hạnh nghiệp. Về già, Sư trở về Diên Khánh. Bốn mươi mấy năm, Sư quanh quẩn nơi tĩnh thất, tụng đọc rõ ràng, du dương. Hằng ngày, Sư lấy chuyện tụng đủ bốn bộ [kinh Pháp Hoa] làm chuẩn. Lúc ngoài tám mươi, Sư ngẫu nhiên mắc bệnh cũ, chẳng đến nỗi suy sụp, khốn khổ, liền tắm gội, thay áo chỉnh tề, nghiêm túc, bảo các huynh đệ phúng tụng phẩm An Lạc Hạnh. Trong khoảng bữa ăn, Sư ngồi ngay ngắn qua đời. Cho tới lúc hỏa táng, khói lửa như kim sắc, hoặc có năm màu thơm ngát. Tới lúc thâu thập di cốt, thì thấy xương Ngài có màu đen, kiên cố, trong rỗng, ngoài tròn, có hình dạng như [các hạt] xâu chuỗi bằng gỗ Mộc Hoạn³⁰⁴, mọi người đều lấy làm lạ.

³⁰⁴ Mộc Hoạn (Aristakāsa) là một loại cây thân gỗ, rụng lá theo mùa, nở hoa nhỏ

*** Kinh Pháp Hoa tại chùa Nhạc Lâm ở Minh Châu**

Chùa Tông Phước tại Nhạc Lâm, huyện Phụng Hóa thuộc Minh Châu có Sắc Tứ Sùng Ninh Các, là nơi thờ phụng chân tượng của ngài Bồ Đại hòa thượng. Năm Thiệu Hưng 31 (1161) bị hỏa hoạn, cháy sạch. Từ trong ngôi gạch, tìm được một bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng tổn hại mấy may, đó là đầu mối linh ứng của chân pháp môn vậy. Khi đó, có pháp sư Nguyệt Đường Huệ Tuân làm thơ ca ngợi rằng: “Ngọc trục kim văn khởi phạm cung, tín tri diệu kệ diệc nan đồng. Kỳ tăng lâu các tùy yên mặc, nhất bộ liên kinh xuất hỏa hồng. Hương phùng thụ quang phân bảo giám, nguyệt hàm chân sắc xạ hàn không. Khả lân pháp mạt nhân kiêu mạn, trùng hiển Ma Đằng trúc phạm công” (Trục ngọc, kinh vàng, dựng phạm cung, biết rõ diệu kệ cũng khó đồng. Mấy tầng lâu các tùy yên mặc, nhất bộ liên kinh xuất hỏa hồng. Hương tỏa thụ quang phân bảo giám, nguyệt hàm chân sắc xạ hàn không. Đáng thương pháp mạt, người kiêu mạn, hiện lại Ma Đằng đã dày công)³⁰⁵.

Có người nói: “Trước kia, tại Tuyên Châu có một tòa gác báu thuộc Tịnh Nhân Thiên Viện bị hỏa hoạn. Trong đám tro tàn, chỉ riêng có một bộ kinh Pháp Hoa nghiêm nhiên như cũ. Tứ chúng không ai chẳng khâm ngưỡng công đức thần diệu của Phật pháp. Vị tăng tên là Triều Phụng bèn làm bài thơ ấy”. Nhưng người và vật ở hai nơi quá xa, không cách nào hỏi han biết được. Nay tôi ghi lại cả hai chuyện, mong người biết đầu mối sẽ đính chánh cho.

*** Bài thơ của thầy Giám Tông ở Minh Châu**

màu vàng vào mùa Hạ. Quả của nó tách ra làm ba, chứa nhiều hạt cứng, tròn, đen tuyền, kích thước từ 5 đến 8 mm, có thể dùng làm hạt khâu chuỗi.

³⁰⁵ Ở đây, do cố gắng chuyển ngữ thành thơ, nhưng vì văn bút vụng về, ý thơ của ngài Nguyệt Đường đã bị bỏ sót, xin dịch nghĩa như sau: Trục ngọc, kinh văn bằng chữ vàng, được dựng phạm cung (chùa tháp) để thờ phụng. Biết chắc là các bài kệ màu nhiệm trong kinh văn cũng khó có gì để có thể sánh bằng! Mấy tầng lầu gác do hỏa hoạn đã bị ám khói đen như mực, chỉ riêng bộ kinh Pháp Hoa thoát khỏi lửa đỏ. Kinh điển quý báu được hương thơm, ánh sáng tốt lành nâng đỡ. Ánh trắng chứa đựng màu sắc chân thật chiếu lên hư không trong đêm lạnh. Đáng thương người đời Mạt Pháp kiêu mạn, cho nên [Tam Bảo] lại hiển hiện lần nữa công lao đắp nền (tạo cơ sở truyền trì Phật pháp tại Trung Hoa) của ngài Ca Diếp Ma Đằng.

Cuối niên hiệu Thiệu Hưng, tại Vân Giám Tự Phòng của Từ Khê Đông Tự thuộc Minh Châu có một đứa trẻ từ vùng núi tên là Hồng Chí, xuất gia lúc bảy tuổi. Do được thầy rắn dạy đúng mực, nó tụng thông suốt kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày tới lúc đêm thâu, nó nhiễu quanh điện Phổ Hiền tụng kinh, âm thanh thanh nhã, người nghe đều lấy làm lạ. Trong chùa có Tuyết Am Tông Sư Giám Công tặng thơ rằng: “*Sở sở sơn đồng tình tự nhàn. Vị tri thân thể lưỡng tương can, thời tương bích triện dao song hạ, mỗi bả thanh liên vị thiết đoan. Hồ nguyệt phi lai vân ốc lãnh. Tùng phong xuy lạc tiến sàng hàn. Thử thời lưu thủy thanh thê uyển, trắc nhĩ thiên tiên phạ dạ lan*” (Đứa bé vùng núi thanh tao, tâm tình thanh nhàn, chẳng biết thân thể hai đằng liên quan, đúng thời ở bên dưới khung cửa sổ chạm trổ, nó sẽ dùng chót lưỡi như đoá sen xanh [để tụng niệm]. Ánh trăng bên hồ chiếu tới ngôi nhà phủ trong mây lạnh. Gió lùa cuốn lá thông rơi trên giường lạnh. Khi đó, tiếng nước chảy róc rách êm ả, nghiêng tai nghe tiếng thiên tiên, sợ [vô ý] làm vỡ đêm thâu).

*** Toàn Pháp Hoa ở Minh Châu**

Trong niên hiệu Nguyên Hựu, tại Từ Phước Viện ở Minh Châu có Toàn Pháp Hoa, tụng kinh ba mươi năm. Tính theo bộ, sẽ là một vạn năm ngàn. Sư thường ở trong một cái thất tiêu điều, ngồi lọt thỏm trong ghế, tay cầm râu chuôi, chí thành tụng niệm trong tâm. Ngoài cửa lảng xảng, Sư vẫn bất động. Ngày là vậy, mà đêm cũng vậy, chẳng có mảy may lười nhác. Sư có đệ tử là Phạm Dung, lên kinh đô tham học. Khi đó, Tả Nhai Tăng Lục là Tịnh Chiếu Thiên Sư Đạo Trăn, trụ tại Thập Phương Tịnh Nhân Lễ Tự, nghe đức hạnh của Sư, bèn gởi thi phú [biểu tặng]. Bậc hiền nhân trong triều đình trông thấy, đều gởi lời chúc tụng rất nhiều. Quan Tả Triều Tán Lang Đại Lý Tự Bạ là Từ Vân soạn lời tựa, khắc vào đá nơi viện.

Nay ghi lại sáu bài, để truyền tụng đức hạnh của Sư. Tăng Lục viết: “*Kỷ hồi thất trục đoạn vi biên, trì tụng do tâm cửu dĩ kiên. Văn thuyết cao niên bội tinh tấn. Thiết căn ưng tự nhất hồng liên*” (Mấy lần bảy quyển dây lè đứt³⁰⁶, trì tụng tâm thành càng vững bền, nghe nói tuổi

³⁰⁶ Vi biên (韋編) là cái dây buộc lè sách bằng da trâu. Thuở xưa, chưa có giấy, sách viết lên các thẻ tre rồi dùng dây bằng da trâu buộc lại cho khỏi thất lạc, cái dây ấy gọi là Vi Biên. Khổng Tử đọc kinh Dịch đến nổi ba lượt vi biên bị đứt. Ở đây do Sư

cao càng tinh tấn, lưới Ngài nhất định nẩy hồng liên). Tả Triều Nghị Đại Phu Thượng Thư Đồn Điền Lang Trung là Lý Chi Thuần viết: “*Khứ lý vi tăng thoát hộ biên, tinh trì diệu pháp cứu di kiên. Thân tâm thanh tịnh tương hà tịnh? Đại hoa phong điền ngọc tỉnh liên*” (Lìa tục, xuất gia, thoát buộc ràng, chuyên trì diệu pháp vững lòng son. Thân tâm đều tịnh, còn gì tịnh? Giếng ngọc sen tươi đỉnh Đại Hoa). Tả Triều Phụng Đại Phu Thượng Thư Hộ Bộ Lang Trung là Lâm Thiệu viết: “*Ẩn kỹ tiêu nhiên tụng bảo biên. Chân Như bất động thử tâm kiên. Thanh thần sở quyển liêu giá nhãn. Hảo đối Khuông Lư xã lý liên*” (Dựa ghế lặng thảnh thơi tụng kinh báu, Chân Như bất động tâm càng bền, tinh mơ mấy quyển lướt qua mắt, khéo xứng Khuông Lư dự hội sen). Tả Triều Tán Đại Phu Thượng Thư Hình Bộ Lang Trung là Mạc Quân Trần viết: “*Đại sự nhân duyên tụng thất biên, nhất lô hương hỏa lão di kiên. Sư ưng ngộ nhập thân thanh tịnh. Nguyên hiệu đương niên tán bích liên*” (Đại sự nhân duyên tụng bảy quyển, một lò hương đốt vững bền tâm. Sư đã ngộ nhập thân thanh tịnh, sen biếc mong Sư rải hiện tiền). Tả Triều Phụng Lang Hành Bí Thư Tỉnh Trước Tác là Hoàng Đình Kiên nói: “*Nhiếp ý trì kinh tận kiếp hồi, nhân gian xức xức diệu liên khai. Đà niên tụng mãn tam thiên bộ, hựu mệnh Tào Khê nhất cú lai*” (Nhiếp ý trì kinh tận kiếp trần, nhân gian chồn chồn nở sen tươi, bao năm tụng trọn ba ngàn bộ, lại kiếm Tào Khê một câu thiền) (*Khắc đá chép hai mươi bài*).

*** Thân Pháp Hoa ở Minh Châu**

Vị tăng tên Trí Thân, họ ngoài đời là Tiết, người làng Vạn Linh thuộc huyện Ngân. Từ thuở bé, Sư xuất gia tại chùa Thê Tâm, được thầy dạy kinh Pháp Hoa, thề đọc thuộc lòng. Đầu niên hiệu Thiệu Hưng, triều đình mở khoa thi kinh sách, Sư trúng tuyển làm tăng. Từ đó, học trọn khắp giáo luật. Đã khai phát bốn tâm, Sư bèn trở về chỗ cũ, đóng cửa ở trong một cái thất, dứt hẳn danh lợi. Hằng ngày, Sư lấy trì một bộ kinh Pháp Hoa làm chuẩn. Khi đó, ở phía Đông thành, đại chúng nhóm họp tụng tập kinh này, thỉnh Sư làm giáo thọ. Sư chẳng từ chối được, bèn tận lực chủ trì. Sư đặt tên cho hội ấy là Đàm Hoa Xã, đến nay hãy còn. Về già, Sư càng thêm dụng công tu hành, mỗi ngày tụng hai bộ, hoặc đến ba bộ. Sư thập phần xứng chức, chẳng thiếu sót trong việc giảng dạy lẫn trì

đọc kinh Pháp Hoa nhiều lượt, nên Từ Vân cũng dùng điển tích này để sánh ví sự dụng công của Sư chẳng kém Khổng Tử.

tụng. Khi đó, có nhiều vị học Thiên, học Giáo bèn [xướng vịnh] lan truyền danh tiếng của Sư. Thơ ca tích tập từ các trước tác của hơn ba mươi người, cũng là chuyện nổi tiếng một thời.

Đệ tử Sư là Pháp Mâu vẫn còn giữ được bút tích của Sư, nay tóm tắt các điều trọng yếu, ngõ hầu truyền xa. Thiên sư Huệ Phổ ở Thương Châu làm thơ xướng rằng: “*Thiệt thương thanh liên phún dị hương. Công thành vạn bộ khả du dương. Vị thường an tâm trường tinh tấn. Cá thị tăng trung chân đồng lương*” (Trên lưỡi sen xanh phun hương lạ, kinh tụng vạn bộ đáng tuyên dương. Chưa từng ngủ nghỉ, luôn tinh tấn, quả đúng tăng nhân bậc đồng lương). La Nguyệt thiên sư đề: “*Kinh liêm chung nhật đối lô hương. Lưu thủy thanh thanh tự ức dương, hữu đạo chỉ ưng sanh gián thế. Cao tăng bất độc tại Tề Lương*” (Nước chảy êm đềm dường khen ngợi, tụng kinh suốt buổi trước lò hương, bậc hữu đạo chỉ ưng sanh gián thế, cao tăng đâu phải chỉ Tề Lương³⁰⁷). Sư Huệ Vân nói: “*Mật thất liên phương viễn thấu hương. Tam châu đại sự quảng phụ dương. Lữ tỳ hạ hữu kinh thiên trụ. Đại hạ cao đường không đồng lương*” (Mật thất hương sen tỏa ngát hương, tam châu đại sự rộng phụ dương, trụ chống trời cao lều tranh có, viện lớn tòa cao thiếu cột rường)³⁰⁸. Thầy Trí Tâm viết: “*Trúc phần cúng khóa bảo văn hương, thiết quyển triều âm biến cử dương. Thước đỉnh hữu hoài huân tịnh Phạm. Yên nê vô phục nọa điều lương*” (Mộ trúc tụng kinh hương sức nức, triều âm lưỡi chuyển tiếng vang rền, sớ quần đỉnh hương xông Phạm hạnh. Yên thôi kết tổ bản kèo hoa)³⁰⁹.

*** Thuần Pháp Hoa tại Minh Châu**

³⁰⁷ Ý nói: Không phải chỉ đời Tề, đời Lương mới có bậc cao tăng!

³⁰⁸ Hai câu này mang ý nghĩa ca ngợi sư Trí Thân: Ngài tuy sống trong lều tranh rách nát nhưng là bậc lương đồng (rường cột chính yếu) cho Phật pháp, ví như trụ chống trời, còn các nơi tự viện cao lớn, nguy nga lại không có người làm rường cột cho Phật pháp như Ngài.

³⁰⁹ Ý nói: Sư ẩn cư trong lều tranh nơi rừng trúc, không bon chen với đời, giống như vui thân trong nắm mộ bằng trúc, nhưng hương thơm giới hạnh bát ngát. Âm thanh tụng kinh của Sư cuộn cuộn như sóng biển, vì lều vắng, chim sẽ bay quần quanh nơi lò hương, vô tình được hun đúc bởi Phạm hạnh của Sư. Chim én cũng thôi làm tổ nơi nhà cao sang (thôi tha bunn kết tổ nơi chốn có rường kèo chạm khắc của nhà giàu có) để kéo về nơi Sư hòng nghe kinh.

Vị tăng tên Đạo Thuần tại Huệ Đăng Viện thuộc Ngân Thủy, họ ngoài đời là Vương. Sư nhập đạo trong niên hiệu Chánh Hòa. Tới niên hiệu Kiến Viêm, giặc giã (quân Kim) tràn vào cõi, sát hại lương dân không thể đếm. Sư trông thấy ô m lòng trắc ẩn, nghĩ chỉ có Phật pháp là có thể cứu vớt. Do vậy phát đại tâm, công khóa chuyên tụng niệm Pháp Hoa. Chỉ trong hai mươi năm, Sư tụng trọn một vạn bốn ngàn bộ. Tụng tập [kinh Pháp Hoa] trước đó chẳng tính vào số ấy. Bước vào tuổi bảy mươi, Sư thiết trai tăng, lễ sám. Sau đó, được Tuân thiền sư ở Nguyên Sơn soạn sớ, đại lược như sau: “*Kể từ khi nước nhà gặp nạn đao binh, con người gặp phải nỗi lo đồ thán. Do vậy, cảm phát tấm lòng son, càng thêm tu tập bạch nghiệp, thọ trì bí cáo Nhất Thừa³¹⁰, quyết để lại dư phong siêng năng, tinh tấn, khói hương chẳng ngừng vờn quanh nơi song cửa sáng ngời. Kinh văn giở mãi trên án kinh thanh tịnh. Xuân thu qua mắt, mấy phen lá rụng, hoa thắm, sự vật hư hoại, vạn cảnh nước chảy mây tan. Thấy long nữ thành Phật, biết rõ chẳng phải là tướng. Ngưỡng mộ Dược Vương thiêu cánh tay, thể muốn vong thân. Ba lần tắm gội, ba phen hun đúc, tiêu tháng ngày nơi bảy ngàn hai trăm³¹¹. Một duỗi, một cuộn, lật quyển vàng nơi chín vạn tám ngàn³¹², đạt được duyên không nạn, vui mừng sâu xa*”. Sư thọ tám mươi bảy tuổi. Ngày Rằm tháng Mười năm Thiệu Hưng 27 (1157), Sư tắm gội, rửa tay, thay áo sạch, bảo ban đại chúng rồi ra đi. Sau khi trà-tỳ, đại chúng tranh nhau thu thập xá-lợi, chẳng biết số lượng. Sự giáo hóa của Phật chẳng phải càng thêm sáng ngời bởi vị này ư?

*** Giới giảng sư ở Minh Châu**

³¹⁰ Bí cáo Nhất Thừa chính là kinh Pháp Hoa, do kinh phơi bày bảo ban lễ bí mật nên gọi là “bí cáo”.

³¹¹ Sư tụng kinh trong 20 năm, một năm âm lịch chỉ có 360 ngày, tức là $360 \times 20 = 7.200$ ngày. Vì thế nói là “*tiêu tháng ngày nơi bảy ngàn hai trăm*”. Trước mỗi lần tụng kinh, Sư đều tắm gội, xông hương thanh tịnh, nên nói là “*ba lần tắm gội, ba lần xông*”.

³¹² Sư tụng được một vạn bốn ngàn bộ, mà kinh Pháp Hoa có bảy quyển nên $14.000 \times 7 = 98.000$ quyển, do vậy nói “*lật quyển vàng nơi chín vạn tám ngàn*”. Hơn nữa, đời Tống chưa in kinh theo lối đóng thành sách (phương sách) mà vẫn in kinh trên một miếng giấy dài, hai đầu có trục gỗ để tiện mở kinh, nên mới gọi là Quyển. Khi đọc kinh phải mở ra một đầu, cuộn vào một đầu để đọc phần kế tiếp, nên nói là “*một cuộn, một duỗi*”. Giấy in kinh thường tẩm nhựa cây hòe để giấy vừa dai vừa chống mối mọt nên có sắc vàng. Vì thế gọi là “*quyển vàng*” (hoàng quyển).

Tại Pháp Khánh Viện ở Quán Giang thuộc Ngân Xuyên, có vị tăng tên là Pháp Giới, họ ngoài đời là Đỗ. Chánh nhân xuất gia, hạnh nghiệp chân thật. Bình sanh, Sư ăn rau, chẳng đoái tưởng hình hài. Sư từng tạo Đại Phật Điện tại viện ấy, dựng tháp Đa Bảo, đào vét ao to để tưới tắm ruộng đất. Đại chúng chịu ân chẳng ít. Năm Thiệu Hưng 20 (1150), pháp đường hư nát, Sư phát tâm sửa chữa. Sư liền lặn lội trong nhân gian, trích máu chép một bộ kinh Pháp Hoa, gom góp tiền bố thí để hoàn thành. Xây dựng xong, Sư chia các cuộn kinh chép làm ba phần, bọc trong ba tầng vải bọc. Phía ngoài quấn giấy dầu, đặt trong ba viên hỏa châu [gắn ở kèo chính của đại điện], ý muốn dùng để trấn tự viện vĩnh viễn chẳng hư hoại. Hai mươi năm sau, kèo chính lại bị hư, ngài Pháp Giới lại trùng tu. Sư lấy hỏa châu xuống, xem kinh đã đặt trong đó thì trọn chẳng thấy trang nào, đạo tục đều than lạ. Có người hiểu biết bảo do thành ý của Sư, cảm vờ thiên long đón về thờ phụng rồi. Vị tăng ấy về sau truyền thừa giáo nghĩa Thiên Thai, trụ trì núi này, Tông Hiếu từng đích thân bái phỏng; bởi thế, biết tường tận chuyện này.

3. Cao ni (gồm mười ba vị)

*** Hình pháp sư ở Lạc Dương**

Thời Đông Tấn có ni sư Trúc Đạo Hình, sanh trong nhà họ Dương ở Thái Sơn. Sư bẩm tánh chuyên chú, cẩn thận, chẳng hề trái nghịch chúng sanh. Khi làm sa-di-ni, bị đại chúng sai khiến, Sư cam chịu khổ, chẳng mệt mỏi. Lúc hai mươi tuổi, Sư tụng hai kinh Pháp Hoa và Duy Ma, nghiên cứu, tìm cầu ý vị nơi nghĩa lý. Đến già, càng thêm siêng năng. [Truyền thống] tỳ-kheo-ni tụng kinh được khởi đầu từ ngài Đạo Hình vậy. Sư trụ tại Đông Tự ở Lạc Dương, tuân giữ khí tiết, giới hạnh, được mọi người tôn kính. Khi đó, có một ả tên là Dương Lệnh Biện, chuyên tu tập thuật hít thở của Hoàng Lão, cũng được mọi người kính trọng, nhưng ganh ghét ngài Đạo Hình, liền ngầm đem thuốc độc bỏ vào thức ăn của Ngài. Ngài Đạo Hình trúng độc, đệ tử hỏi nguyên do bị bệnh. Ni sư đáp: “Đạo chẳng thành đều là nhằm đền trả túc duyên đó thôi!” Sư liền qua đời (Theo Đại Tạng Cao Ni Truyện trong hòm kinh chữ Quán).

*** Hiền pháp sư ở Tư Châu**

Ni sư hỷ Trí Hiền, họ ngoài đời là Triệu, người Thường Sơn. Sư tu giới hạnh cẩn trọng, tuy phóng khoáng nhưng chẳng xen tạp. Khi đó, quan cai quản châu quận là Thái Thú Đỗ Bá tin phục Hoàng Lão, đố kỵ đạo Phật, tìm cách kiềm chế, đặt ra các quy định ngặt nghèo chẳng thể thực hiện được để thử thách ngài Trí Hiền. Thấy ngài Trí Hiền thừa sức chịu đựng, liền ép buộc Sư ở một mình [không được có đồ chúng]. Ngài Trí Hiền biết ý hấn, thề chẳng vi phạm [lệnh cấm của hấn]. Tới khi Phù Kiên lên ngôi, đặc biệt kính trọng ni sư, vì ni sư mà tạo áo ca-sa thêu thùa [để ban tặng]. Về sau, Sư trụ tại Tây Tự, hiển dương rộng lớn đại pháp. Sư tụng kinh Chánh Pháp Hoa cứ một ngày đêm là hết một bộ. Chỗ Ngài ở thường có các loài chim nưong đậu; khi Ngài kinh hành, chúng liền bay theo (theo Cao Ni Truyện).

*** Thọ pháp sư ở Giang Lăng**

Trong niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống, có ni sư Đạo Thọ, chẳng rõ là người ở đâu. Sư thanh cao, hòa nhã, điềm đạm, tĩnh lặng, được ca ngợi là người có hiếu, cung kính. Từ bé, Sư đã thọ Ngũ Giới, chưa từng hủy phá. Do buồn vì nổi tang cha mà Sư trở thành ốm yếu, bệnh tật đã lâu năm chẳng lành. Sư từng phát nguyện: “Nếu tôi lành bệnh, sẽ liền xuất gia”. Quả nhiên lành bệnh; do vậy bèn xuống tóc. Tuổi già, Sư trụ tại chùa Kỳ Hoàn ở Giang Lăng, siêng khổ hơn người. Sư tụng kinh Pháp Hoa trọn ba ngàn lượt, thường thấy điềm lành quang minh, nhưng chẳng nói. Một đêm, Sư bỗng thấy trên hư không có lọng báu rủ xuống che đỉnh đầu. Người đương thời nói đó là sự ứng nghiệm do trì tụng (theo Cao Ni Truyện).

*** Ngọc pháp sư ở Giang Lăng**

Ni sư Huệ Ngọc, người Trường An, siêng hành giới thiện, đạo đức đều hoàn bị. Sư giáo hóa du hành chẳng ngại nóng lạnh. Sư trụ tại chùa Mục Ngưu ở Giang Lăng, tụng kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v... trong vòng mười ngày đã thông suốt, cõi đời cho là kỳ lạ. Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, Sư khổ hạnh trai giới, phát thệ rằng: “Nếu con thành tâm có cảm ứng, sau khi xả thân, ắt thấy cõi Phật. Trong bảy ngày, nguyện thấy Phật quang”. Tới đêm thứ năm, trong rừng cây ở phía Đông chùa bỗng hiện tướng quang minh, hình sắc chói ngời. Mọi người

trông thấy đều hoan hỷ. Sư liền lập Thiền Đường nơi cuộc đất tỏa quang minh để an trụ thanh chúng (theo *Cao Ni Truyện*).

*** Tuyên pháp sư ở Sơn Âm**

Ni sư Pháp Tuyên là con gái nhà họ Vương ở Diêm Xuyên. Từ bé, Sư đã quyết chí lìa tục, bảy tuổi liền ăn chay. Mười tám tuổi, Sư tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa, lại còn có thể thấu hiểu chỉ quy. Trong lúc ngồi, nằm, Sư liền thấy trướng lọng che phía trên. Bỗng có kẻ mai mối, Sư đều từ khước. Đến tuổi hai mươi, cha mẹ dẫn Ngài đến chùa Tề Minh xuất gia. Ngay trong hôm đó, trướng lọng chẳng hiện nữa. Từ đó, Sư thông thạo rộng khắp kinh luận, nghiên cứu thông hiểu lý sâu. Tuổi già, Sư dời sang chùa Chiêu Minh ở Sơn Âm, nhiều lượt giảng kinh luật, thanh danh rền khắp vùng Vũ Huyệt. Hễ được cúng thí, Sư đều dùng để tạc tượng, chép kinh. Đời Lương, Vương Nguyên Giản ở Hành Dương đến quận thỉnh Sư làm thầy cho mẹ mình (theo *Cao Ni Truyện*).

*** Ni sư Hoa Thủ ở Cao Bru**

Ni sư người huyện Cao Bru, chí tiết thanh sạch, ngôn ngữ và hành vi thanh cao, tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa suốt ngày đêm chẳng bỏ. Thoạt đầu, Sư tụng một quyển, bỗng trên móng tay phải sanh một đoá hoa có hình dạng như lụa buộc. Theo thứ tự, tụng tới quyển thứ năm, trên năm móng tay đều sanh một hoa. Tụng đến quyển thứ sáu và thứ bảy, trên bàn tay cùng sanh hai hoa to hơn hoa trên móng tay. Do vậy, thanh danh truyền đến cung vua. Trần Vũ Hoàng (Trần Bá Tiên)³¹³ sắc truyền nhập cung cho vua xem, Từ đấy trở đi, người trong quận đua nhau gọi bà là Hoa Thủ Ni (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Ni sư Pháp Tín ở Hà Đông**

Trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường, có ni sư Pháp Tín, trì tụng thông suốt kinh Pháp Hoa. Sư thệ nguyện nghiêm cẩn từ đầu đến cuối, còn muốn chép một bộ thật tinh tường, bèn tìm kiếm người chép, hứa trả giá gấp bội. Mỗi sáng thức dậy, [người chép kinh phải] tắm gội, thay áo

³¹³ Trần Vũ Hoàng là thụy hiệu của Trần Bá Tiên (Trần Cao Tổ), người sáng lập vương triều nhà Trần trong thời Nam Bắc Triều.

mới sạch. Trên án kinh, lại còn khoét vách, [đặt ống] thông ra ngoài, hình dạng như ống trúc. Người viết hễ thở ra, liền nhẹ ngậm ống trúc phun hơi thở ra ngoài. Chép kinh bảy quyển, mất tám năm mới xong. Ni sư bày cỗ chay, bái sám ăn mừng, lập đạo tràng thanh tịnh, hương, hoa tín phụng. Tới năm Trinh Quán 13 (639), có vị tăng ở chùa Long Môn là Pháp Đoan thường giảng kinh này. Do bản kinh này của Sư tốt đẹp tốt bậc, ông ta liền sai người đi thỉnh. Sư cố từ chối, chẳng được, đành tự đưa đến. Tới khi Pháp Đoan mở ra đọc, chỉ thấy giấy vàng, tròn chẳng có một chữ nào! Pháp Đoan xấu hổ, sợ hãi, liền trao trả. Sư biết là do mạo phạm, bèn dùng nước thơm xối rửa hộp đựng kinh, đội kinh nhiều Phật kinh hành suốt bảy ngày đêm. Tới lúc mở ra xem, kinh hoàn phục như cũ! (theo *Pháp Uyển Châu Lâm*).

*** Hai vị pháp sư Pháp Nhãn ở Đông Kinh**

Họ Hoàng ở Tấn Lăng sanh hai con gái, chị năm tuổi, em ba tuổi. Thấy có người tụng kinh Pháp Hoa trong sân, chị em nghe xong bèn nói: “Tôi hiểu kinh này”. Từ đấy trở đi, họ bèn có thể đàm luận nghĩa Thật Tướng. Về sau, cùng làm ni tại chùa An Quốc ở kinh đô. Chị pháp danh là Trì Pháp, em là Huệ Nhãn. Hai vị cùng chí hướng tu Pháp Hoa tam-muội. Bỗng có một vị ni tự xưng là Không Cô, dung mạo, ngôn từ rất lạ lùng, cùng ở chung với họ. Thường là tới nửa đêm, quang minh nơi thân chói ngời. Ba năm như thế rồi rồi đi. Nếu có ai hỏi, hai vị ni cười xòa chẳng đáp. Người hiểu biết đoán đây là đức Phổ Hiền. Do vậy, danh rền kinh đô, dấu là thiền sư Nhất Hạnh³¹⁴ cũng dốc lòng kính ngưỡng. Lương Túc đã ghi chép hành trạng của họ.

³¹⁴ Nhất Hạnh (683-727) là một vị cao tăng đời Đường. Ngài họ Trương, pháp hiệu là Kính Hiền, đạo hiệu Đại Huệ thiền sư, còn gọi là Nhất Hạnh A-xà-lê. Ngài còn được xưng tụng là nhà thiên văn học, lịch pháp gia, toán học gia, phong thủy gia lỗi lạc nhất thời ấy. Ngài được tôn xưng là một vị tổ trong bát tổ của Chân Ngôn Tông (Mật Tông Đông Độ). Ngài là hậu duệ của Trương Công Cẩn (đại thần thời Đường Thái Tông). Năm hai mươi tuổi, do song thân đều khuất bóng, lại gặp gỡ Hoàng Cảnh đại sư chùa Ngọc Tuyền điểm hóa, Ngài manh nha ý niệm xuất gia. Sau đó, Ngài xin xuất gia với pháp sư Phổ Tịch ở Tung Sơn. Do thâm nhập Nhất Hạnh tam-muội, cho nên có pháp danh là Nhất Hạnh. Khi pháp sư Thiện Vô Úy từ Na Lan Đà tại Thiên Trúc đến Trường An, Sư theo ngài học Thai Tạng giáo pháp. Ngài vâng lệnh Đường Huyền Tông, theo hầu Sư và tham gia đạo tràng dịch kinh Đại Nhật. Khi ngài Kim Cang Trí đến Lạc Dương, Ngài lại được truyền thọ giáo pháp Kim Cang Giới. Ngài thông thạo Phạm văn, đồng thời hiểu sâu xa toán pháp và thiên văn học

*** Hai chị em ni sư ở Kinh Châu**

Đầu thời Trinh Quán, tại Kinh Châu có hai vị ni là chị em, cùng tụng Pháp Hoa, nhằm chán sâu xa thân thể, đều muốn xả thân để cầu vô thượng đạo. Từ đây, trở đi, họ liền đoạn ngũ cốc, uống các loại dầu thơm, bảo sẵn đạo tục ngày ước hẹn đốt thân. Trên phố lớn, họ bày hai tòa cao, dùng vải thấm sáp quần thân, chỉ chừa khuôn mặt. Hai vị tụng kinh Pháp Hoa tới phẩm Dược Vương, chị dùng lửa đốt đỉnh đầu em, em dùng lửa đốt đỉnh đầu chị. Trong đêm khuya thanh tĩnh, hai bó đuốc cháy rực sáng ngời. Lửa cháy tới mắt, tiếng tụng kinh vẫn còn vang vọng. Cho tới sáng, cả tòa [họ ngồi] cũng cháy, xương thịt đều tiêu, chỉ lưỡi vẫn còn. Đại chúng dựng tháp để biểu dương muôn đời, xem khoa Di Thân trong Tục Cao Tăng Truyện.

*** Nhuận pháp sư ở Nhuận Châu**

Ni sư Pháp Nhuận, trụ tại chùa Tam Muội Vương ở Đan Dương. Từ bé, Sư đã ít nói, tu rỗng thiền huệ, tụng thông thạo kinh Diệu Pháp Liên Hoa suốt ngày đêm chẳng thiếu sót. Tới lúc bảy mươi bốn tuổi, Sư mạng chung, di ngôn để lộ xác thí cho chúng sanh, căn dặn đệ tử vâng theo. Trùng, thú ăn sạch, chỉ còn lưỡi và tim, lưỡi vẫn đỏ, tim hơi đen. Đại chúng liền dựng tháp thờ phụng (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Ni sư Trí Thông ở kinh đô**

Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Lưu Tống, tại chùa Giản Tĩnh ở kinh đô, có ni sư Trí Thông, tuổi tác và diện mạo đều đẹp đẽ. Ni sư tin

của Ấn Độ. Do vậy, Ngài là người có trình độ thiên văn học và lịch pháp cao nhất thời ấy. Đặc biệt, Ngài là người thông thạo lượng giác học (trigonometry), vận dụng chúng rất xảo diệu trong công cuộc trắc địa, tính quỹ đạo tinh tú. Do tinh thông lịch số, Ngài được vua Đường sai tu chỉnh Đại Diễn Lịch, cùng với Lương Lệnh Toàn chế tạo hoàng đạo du nghi, hốn nghi, phục củ v.v... để xem thiên văn, tính toán quỹ đạo của các tinh tú để tính lịch chính xác hơn, thực hiện công cuộc trắc địa đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa. Tác phẩm nổi tiếng nhất của Ngài là Đại Nhật Kinh Sớ (chú giải kinh Đại Nhật). Có lẽ do quá lao lực, Ngài mất khi mới 45 tuổi, nhưng khi mất, Ngài ngồi xếp bằng, an nhiên thị tịch. Các tác phẩm nổi tiếng của Ngài là Đại Nhật Kinh Sớ, Đại Diễn Lịch, Nhiếp Điều Phục Tạng, Đại Tỳ Lô Giá Na Phật Nhân Tu Hành Nghi Quỹ.

đạo chẳng chuyên dốc, bèn hoàn tục làm vợ của ông Lương Quân Phủ. Về sau, bà ta sanh một trai tròn bảy tuổi thì nhà nghèo chẳng trông cậy vào đâu được! Thuở làm ni, bà ta có mấy quyển kinh như Pháp Hoa v.v... đều viết trên lụa, bèn giặt giũ, gột tẩy để may áo. Con mắc vào ngã bệnh. Bà ta hoảng hốt, kinh hãi, hổ thẹn, khắp thân biến thành tróc lở, hư nát, trông giống như bị bỏng lửa, sanh ra trùng trắng. Mỗi ngày, có hơn một thung [trùng như thế]. Đau đớn, bứt rứt, ngày đêm kêu gào. Bỗng nghe trên không trung có tiếng bảo: “*Hoại kinh làm áo, mắc phải báo ứng kịch liệt ấy*”. Hơn mười ngày sau, bà ta bèn chết (theo Pháp Uyển Châu Lâm).

4. Tín nam (ba mươi hai người)

*** Lưu Di Dân ở Lư Sơn**

Lưu Trình Chi đức hiệu là Di Dân, là hậu duệ của Sở Nguyên Vương (Lưu Giao)³¹⁵ đời Hán. Ông thông thạo sách vở của bách gia, ưa chuộng nhất Phật lý, đạo nghĩa khiến bậc công hầu kính trọng, nhưng hễ được mời mọc, chèo kéo, ông đều thoái thác, tránh né. Viễn công ở Lư Sơn kết liên xã gồm mười tám vị hiền nhân, tôn ông làm thượng khách. Từ đó, ông chọn sống tại Tây Lâm, suốt mười hai năm tu Niệm Phật tam-muội. Một hôm, ông mắc bệnh, chú tâm niệm xong, thấy quang minh từ tướng bạch hào của Phật. Lại thấy thân Phật Di Đà như núi từ kim, hào quang tỏa ra các màu sắc. Trình Chi thỉnh Phật xoa đỉnh đầu, dùng y che cho con. Phật liền xoa đầu ông, kéo y che cho. Ông lại thấy thân mình vào ao bảy báu, uống nước tám công đức. Uống vào, [cảm thấy] nước thơm ngọt, mùi hương lạ toát ra từ lỗ chân lông. Do vậy, ông bảo đại chúng: “*Khi tướng này đã hiện thì duyên Tịnh Độ của tôi đã tới*”. Ông liền đối trước tôn tượng, dâng hương, chúc nguyện rằng: “*Con vâng theo di giáo của đức Thích Ca, biết đến Tây Phương Tịnh Độ. Trước là cảm hương này dâng lên đức Thích Ca, kể đó, cúng Phật Di Đà, nguyện đều chiết phục, nhiếp thọ. Ba là phụng trì kinh Pháp Hoa màu nhiệm, do vậy được vãng sanh. Công do kinh này*”. Nói xong, ông

³¹⁵ Ông này chính là em ruột của Hán Cao Tổ (Lưu Bang). Ông này từng theo học với Phù Khâu Bá (học trò của Tuân Tử), từng chú thích kinh Thi. Khi Lưu Bang khởi nghĩa chống Tần, ông theo phù tá anh, rất được Lưu Bang tín nhiệm. Sau này, khi đã thành hoàng đế, Lưu Bang nghi kỵ các công thần, bèn giả vờ đi chơi đến Vân Mộng, lập kế bắt giam Hàn Tín đang làm Sở Vương, giáng xuống làm Hoài Âm Hầu, chia nước Sở thành hai: Lưu Cổ làm Kinh Vương, Lưu Giao làm Sở Vương.

hướng về Tây, chấp tay, qua đời. Ông Lưu được như thế, toàn là do sức của kinh Pháp Hoa. Do vậy, thỉnh tăng chúng cùng tụng kinh này mấy trăm biến để làm trợ hạnh (*theo Lư Sơn Tập của pháp sư Huệ Viễn*).

*** Người do tụng kinh mà lười thông lợi tại Tinh Châu**

Dưới triều đại Vũ Thành hoàng đế nhà Bắc Tề³¹⁶, ở sườn núi Đông Hân tại Tinh Châu, có người đào đất, thấy có một chỗ trắng vàng xen lẫn. Bỗng tìm được một vật, có hình dạng như hai cái môi. Trong đó, có một cái lưỡi màu đỏ tươi nhuận. Châu huyện lấy làm lạ, đem chuyện ấy tâu lên. Vua hỏi quan lại, không ai đáp được. Vua bèn xuống chiếu sai sa-môn Đại Thống Pháp Thượng [xem xét]. Pháp Thượng tâu: “*Đây là quả báo của người trì kinh Pháp Hoa lục căn bất hoại. Người này tụng ngàn bộ, hiện ra sự ứng nghiệm như thế*”. Vua bèn sắc truyền quan Trung Thư là Cao Trân: “Khanh là người tin tưởng, tự đến xem, ắt có sự linh dị”. Cao Trân vâng mệnh đến đó, bèn tụ tập các vị tăng trì kinh Pháp Hoa, cầm lò hương nhiều quanh, tuyên tụng kinh này, bảo rằng: “*Bồ Tát Niết Bàn đã nhằm lúc Tượng Pháp lưu hành; nếu không sai lầm, xin hiện tướng lành linh ứng*”. Nói rồi cao giọng tụng kinh. Lưỡi và môi ấy ngay lập tức chấn động, có dáng vẻ như đang đọc tụng. Tứ chúng trông thấy, không ai chẳng rớn da gà. Đạo Trân trở về tâu lên, vua hạ chiếu dùng hộp đá đựng, lập tháp để biểu dương (*theo Lương Cao Tăng Truyện*).

*** Trưởng sử Trương Sướng**

Đời Tấn có Trương Sướng làm trưởng sử³¹⁷ của Tiểu vương³¹⁸. Vương và Trương Sướng do có chuyện bị trói buộc ở chỗ Đình Úy³¹⁹.

³¹⁶ Vũ Thành hoàng đế chính là Cao Tràm, là con trai thứ tư của Cao Hoan (quyền thần nhà Đông Ngụy). Sau khi Cao Hoan và người anh cả là Cao Trừng chết, người anh thứ hai của ông là Cao Dương nắm trọn quyền hành. Cao Dương thao túng Đông Ngụy, cuối cùng ép Ngụy Hiếu Tĩnh Đế (Nguyên Thiện Kiến) phải nhường ngôi, lập ra nhà Cao Tề.

³¹⁷ Trưởng Sử là chức quan có nhiệm vụ tương đương với Bí Thư Trưởng, còn gọi là Biệt Giá. Chức quan này có tánh chất không nhất định. Thời Hán, Trưởng Sử là quan phụ tá của Thái Thú (người đứng đầu một quận). Đến thời Nam Bắc Triều, Trưởng Sử là cấp dưới của Thứ Sử, nhưng thường cai trị một quận, hoặc các châu phủ. Trong các vương phủ, người đứng đầu coi việc hành chánh cũng gọi là Trưởng Sử. Đền

Trương Sướng đã có chánh tín từ trước, liền phát tâm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa một ngàn lần để cầu thoát nạn. Tiếng niệm vang ra, gông cùm liền hư gãy, hai người đều được thoát ra. Quán Âm Truyện của Tạ Phu đời Tấn có ghi chép truyện này, sách Thiên Thai Biệt Hành Nghĩa Sớ³²⁰ có trích dẫn.

*** *Trình Tiết xử sĩ Dữu Sân***

Dữu Sân đời Lương, tự là Ngạn Bảo, người Tân Dã. Thuở bé, do nghe răn nhắc, bèn dốc sức học kinh sử. Ông bẩm tánh hiền lành, đơn giản, đặc biệt yêu thích chôn lâm tuyền, ăn rau, áo vải thô, chẳng chú trọng sản nghiệp. Thuở bé, ông đã quen biết Lương Vũ Đế. Tới khi vua khởi binh, phong cho ông làm Bình Tây Phủ Ký Thất³²¹. Lại hạ chiếu phong làm Hoàng Môn Thị Lang³²², ông đều lấy cớ bị bệnh không dấy

thời Đường, người đứng đầu hành chánh các vương phủ, đô hộ phủ, đô đốc phủ, tướng soái phủ, châu phủ, đều gọi là Trưởng Sử. Nếu là Đại Đô Đốc Phủ, Trưởng Sử có quyền điều khiển Tiết Độ Sử. Đến đời Tống thì chỉ có thân vương phủ (vương gia thuộc hoàng tộc), công chúa phủ mới có chức quan Trưởng Sử.

³¹⁸ Tiểu Vương ở đây là Tư Mã Thừa (264-322). Ông là cháu nội của Tư Mã Tấn (con trai thứ sáu của Tư Mã Ý). Thời Đông Tấn, ông làm quan đến chức Thứ Sử Tương Châu. Khi Vương Đôn dấy loạn, ông cầm binh đánh dẹp, bị vây khốn tại Trường Sa (trị sở của Tương Châu). Cuối cùng, Trường Sa thất thủ, Tư Mã Thừa và thuộc hạ bị bắt, không lâu sau, bị giết chết.

³¹⁹ Đình Úy (còn gọi là Đại Lý Tự Khanh, hoặc Tác Sĩ) là chức quan được thiết lập vào đời Tần, chương quản hình ngục, dự vào Cửu Khanh. Có thể hiểu Đình Úy tương đương với Bộ Trưởng Tư Pháp, đồng thời là Chánh Án Tối Cao Pháp Viện hiện thời.

³²⁰ Tức là bộ Quán Âm Nghĩa Sớ. Tác phẩm này nhằm chú giải phẩm Phổ Môn do tổ Trí Khải giảng, đệ tử là Chương An Quán Đăng ghi lại. Tuân theo cách giải thích như trong Pháp Hoa Văn Cú, tổ cũng dùng tứ giáo, tứ thích (nhân duyên, ước giáo, bản tích và quán tâm) để giải thích phẩm Phổ Môn. Về sau, ngài Tri Lễ lại còn soạn Quán Âm Nghĩa Sớ Ký để chú giải bộ sớ này.

³²¹ Ký Thất là chức quan văn chương quản văn thư. Từ đời Tấn trở đi, các quan địa phương, vương gia, vương phủ đều có chức quan Ký Thất để quản trị văn thư. Trong quân đội thì lập ra Ký Thất Tham Quân để soạn thảo các văn thư thông cáo, báo tin, tấu trình tình hình chiến trận về triều đình, ghi chép công huân, lịch công tác v.v...

³²² Hoàng Môn Thị Lang còn gọi là Hoàng Môn Lang, hoặc Cấp Sự Hoàng Môn Thị Lang, tức là chức quan hầu cận thân cận nhất của hoàng đế. Thoạt đầu, người giữ chức vị này là người đóng vai trò truyền đạt chiếu chỉ của hoàng đế. Về sau, với guồng máy hành chính phình to, Hoàng Môn Thị Lang trực thuộc Môn Hạ Tỉnh (cơ quan có trách nhiệm thẩm tra chiếu lệnh, tức là đóng vai trò giám sát các chiếu lệnh

nổi. Tuổi già, ông chuyên dốc lòng nơi đạo Thích. Trong nhà lập đạo tràng, sáu thời lễ sám, tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một lượt. Bỗng trong một đêm thanh, ông thấy một đạo nhân tự xưng là Nguyễn Công, dung mạo và cử chỉ rất lạ, gọi Dữu Sơn là Thượng Hạnh tiên sinh, trao cho hương rồi đi. Về sau, ông mắc bệnh, kinh ngạc nói: “Nguyễn Công lại đến, chẳng thể ở lâu”. Về mặt ông chẳng thay đổi, bỗng dung qua đời. Cả nhà đều nghe trên hư không xướng rằng: “*Thượng Hạnh tiên sinh đã sanh về Di Đà tịnh vực*”. Vua xuống chiếu ban thụy hiệu là Trinh Tiết Xử Sĩ để hiển lộ khí tiết cao cả của ông (theo Nam Sử).

*** Thứ sử Ngụy Châu Thôi Ngạn Vũ**

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, thứ sử Ngụy Châu là Thôi Ngạn Vũ ở Bắc Lăng lên đường nhận chức. Tới một ấp, ông bỗng bảo người theo hầu: “Xưa kia, ta đã từng làm vợ người khác trong ấp này, nay biết chỗ ở cũ”. Do vậy, cuỡi ngựa theo đường nẻo quanh co đến một căn nhà, sai người hầu gõ cửa. Chủ nhà là một ông lão ra chào, mời vào. Ông Vũ thẳng đường, ngồi xuống. Ông cụ hỏi: “Quan nhân do chuyện gì mà đến đây?” Ông Vũ nói: “Đời trước tôi là vợ ông”. Ông cụ nói: “Lấy gì làm bằng chứng để kiểm nghiệm?” Ông Vũ nói: “Quyển kinh Pháp Hoa do tôi đã tụng khi trước và năm chiếc thoa vàng giấu trong vách phía Đông, cách mặt đất chừng sáu bảy thước. Chỗ cao gỗ lên trên tường chính là chỗ đó. Trang cuối của quyển thứ bảy kinh ấy bị lửa đốt mất chữ. Tôi nay tụng kinh ấy, phần sau thường quên mất”. Do vậy, sai người khoét chỗ cao trên tường, quả nhiên tìm được kinh bị lửa thiêu mất trang cuối, và cũng kiếm được thoa vàng, giống hệt như lời ông Vũ đã nói. Chủ nhà khóc nói: “Lúc vợ tôi còn sống thường tụng kinh này,

đã ban hành có được thực hiện đúng với quy định hay không. Nói cách khác, trong cơ cấu Tam Tỉnh, Thượng Thư Tỉnh tương đương với cơ quan hành pháp tối cao, người đứng đầu Thượng Thư Tỉnh tương đương với Thủ Tướng hiện thời (Lục Bộ trực thuộc Thượng Thư Tỉnh). Trung Thư Tỉnh tương đương với guồng máy lập pháp, quyết định quốc sách, soạn thảo chiếu chỉ. Môn Hạ Tỉnh đóng vai trò giám sát, đàn hặc các quan chức, quan chức đứng đầu Môn Hạ Tỉnh gọi là Thị Trung. Từ đời Tùy trở đi, Hoàng Môn Thị Lang (Môn Hạ Thị Lang) là phó thủ trưởng của Môn Hạ Tỉnh. Đến đời Tống, vai trò của tam tỉnh bị xóa nhòa vì người đứng đầu các quan được gọi là Thượng Thư Tả Bộc Xá kiêm Môn Hạ Thị Lang. Tuy danh xưng tam tỉnh vẫn còn, nhưng thực chất chỉ là một tỉnh. Dưới Hoàng Môn Thị Lang là quan Trung Thường Thị (đến đời Đường Tống gọi là Tả Tán Kỵ Thường Thị), và dưới nữa là các quan gián nghị đại phu.

thoa vàng cũng là của bà ta”. Ngạn Vũ lại nói: “Bọng cây hòe trước sân là chỗ tôi chứa tóc rụng khi sanh nở”. Thử cho kẻ khác tìm, quả nhiên thấy tóc ấy. Chủ nhà trông thấy, vui buồn đan xen. Ngạn Vũ bèn tặng y phục, vật dụng rồi đi (theo *Linh Thụy Tập*).

*** *Thư sinh ở Tinh Châu***

Phía Tây thành Tinh Châu có một thư sinh, chưa tới tuổi ba mươi, tụng trì kinh Pháp Hoa, đạt được ý của Phật pháp, thệ nguyện đốt thân cúng dường Đại Thừa. Anh ta bèn gom góp mấy trăm bó rơm khô, xếp thành một cái lều. Ai hỏi nguyên do, đều giấu kín chẳng nói. Anh ta bỗng nửa đêm nổi lửa tự thiêu, đến khi có người tới cứu thì đã cháy đến bụng rồi! (theo *Linh Thụy Tập*).

*** *Sâm Văn Bồn ở Giang Lăng***

Trung Thư Lệnh³²³ Sâm Văn Bồn là người Giang Lăng, ôm lòng chánh tín từ nhỏ, thường tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Ngẫu nhiên do công cán, ông ngồi thuyền vượt Tùng Giang ở đất Ngô. Giữa dòng nổi gió, người lái thuyền đều chìm. Văn Bồn nổi lên mặt nước, nghe có người nói: “*Chỉ niệm Phật, tụng kinh ắt chẳng chết*”. Nói như thế ba lượt. Do đó, ông theo sóng cuốn lên được bờ Bắc. Sau đó, ông trai tăng tại Giang Lăng, chúng tăng đều tụ tập. Có một vị tăng rồi đi

³²³ Trung Thư Lệnh là người đứng đầu cơ quan Trung Thư Tỉnh. Thoạt đầu, Trung Thư Tỉnh chỉ có trách nhiệm quản trị văn khố, thư phòng của hoàng đế, do các hoạn quan đảm nhiệm. Do vua khi đọc chiếu chỉ, lúc muốn quyết định thường hỏi ý kiến của người hầu chung quanh, mà hoạn quan không đủ học thức, cũng như do họ sống lẫn lộn trong cung cấm, bị hoen ố bởi các chuyện đấu đá trong cung đình, nên dễ đưa ra những ý kiến sai lạc. Do vậy, Trung Thư Tỉnh dần dần mở rộng cho các đại sĩ phu tham dự và trở thành một cơ cấu tham vấn giúp hoàng đế quyết định quyết sách, thậm chí soạn thảo chiếu chỉ. Sau này, các chức vị Trung Thư Lệnh, Thượng Thư Lệnh, Thượng Thư Bộc Xạ... dần dần trở thành hư vị, chỉ là tước do các trọng thần giữ quyền hành trọng yếu kiêm nhiệm. Dưới đời Đường Thái Tông, Sâm Văn Bồn thoát đầu làm Bí Thư Lang, Trung Thư Thị Lang, cùng với Lệnh Hồ Đức Phân biên soạn Châu Thư (sử ký nhà Bắc Châu). Về sau, ông được bổ làm Trung Thư Lệnh, cùng giữ ngôi tể tướng với các vị Trương Tôn Vô Kỵ, Cao Sĩ Liêm, Đường Kiệm, Dương Sư Đạo, Lưu Tự, Mã Châu, Chủ Toại Lương... Ông là người điềm tĩnh, trung hậu, chân thật, rất được Đường Thái Tông tín nhiệm. Khi Đường Thái Tông chinh phạt Cao Ly, đã ủy nhiệm ông phụ tá thái tử Lý Trị giám quốc, đồng thời quản trị mọi việc hậu cần điều phối quân lương, chiến phí cho chiến dịch.

sau cùng, bảo Văn Bôn: “Thiên hạ mới loạn, ông may mắn chẳng bị hại, sẽ gặp lúc thái bình mà được phú quý”. Nói xong đi mất, Văn Bôn có một lúc trong chén ăn cơm tìm được hai viên xá-lợi, đặt được phú quý thái bình đều đúng như lời vị tăng đã nói (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Vương Phạm Hạnh ở Lâm Nghi**

Trong niên hiệu Khai Hoàng, tại Lâm Nghi có Vương Phạm Hạnh, từ bé đã mù hai mắt. Mẹ thương xót, dạy truyền khẩu kinh Pháp Hoa. Phạm Hạnh tụng được một vạn bảy ngàn bộ. Sau đó, mắt tuy mù, nhưng các chuyện như ngày đêm đi lại, bện đệm, may áo v.v... đều chẳng trở ngại. Người khác nghi ông có sở đắc riêng biệt, hỏi thì trọn chẳng chịu nói. Ông áo vải, ăn rau, suốt đời không lấy vợ. Lúc bảy mươi mốt tuổi bèn mất, di ngôn bỏ xác trong thi lâm mặc cho chim thú ăn nuốt. Thịt hết, xương còn, lưỡi chẳng hoại, màu như hoa sen. Người em trai là Huệ Nghĩa dùng hộp sứ đựng lấy, hương đèn tôn kính thờ phụng (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Vương Yêm ở Lâm Nghi**

Vương Yêm là người Lâm Nghi thuộc Lang Gia, ông nội và cha đều làm quan to. Vương Yêm làm quan tới chức Hoàng Môn Thị Lang, phẩm tước tể tướng, chuyên ưa thích Đại Thừa, tụng một bộ Pháp Hoa từ đầu tới cuối thông suốt. Về sau, ông chết vì bệnh. Ông có em trai là Cố, tức thái thú Tân An, cũng tụng kinh Pháp Hoa. Ông Cố bỗng mộng thấy anh trai nói: “*Ta sanh về Tây Phương trong thai hoa sen cánh sắt. Sau năm trăm năm hoa nở mới được thấy Phật. Do chuyên chí siêng khổ tụng kinh, cho nên được sanh về Tây Phương. Do chậm lụt nên vẫn còn phải thọ thai báo. Nay báo cho các người biết, hãy nên nghĩ đến quả báo sau này mà dốc lòng siêng năng nơi kinh điển, đừng biếng nhác*”. Nói xong liền từ biệt (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Lục Thuần ở Ngô Quận**

Lục Thuần là người Ngô Quận, tuy tại gia, tâm thường mộ đạo. Một bộ kinh Pháp Hoa ngày đêm trì tụng. Về sau, ông bỗng bị bệnh, một mực nằm ngửa, mở mắt nhìn lên trần nhà, trọn chẳng tạm nháy mắt. Có vị tăng quen biết đến hỏi: “Ông nằm ngửa để nhìn trần nhà làm gì vậy?” Đáp: “Phật thọ ký Lục Thuần sẽ sanh lên trời Dạ Ma. Nay tôi trông thấy

cung điện, thành khuyết và các thiên chúng trên cõi trời ấy. Vì thế, tôi nay ngấm nhìn chẳng mệt”. Bốn ngày sau, ông mất. Đó là chuyện trong niên hiệu Đại Nghiệp (theo *Linh Thụ Tập*).

*** *Nghiêm Pháp Hoa ở Dương Châu***

Trong triều đại Đại Tùy, có Nghiêm Cung là người Đan Dương, cả nhà tin tưởng, thường tụng kinh Pháp Hoa. Có lúc, tụng tới phẩm Bảo Tháp, ông bèn buông kinh than thở: “*Trong tháp báu có hai vị Như Lai. Phân thân chư Phật số lượng chẳng ít, vì sao ta nay chẳng thể cảm thấy?*” Ông than thở, cảm khái rất lâu. Tới đêm, mộng thấy một vị Hộ tạng, tự xưng là Pháp Thoát bảo: “*Nếu tụng kinh này, muốn thấy chư Phật, hãy nên giải nói, lưu thông, cúng dường, nguyện ấy có thể thỏa*”. Nhân đó, Nghiêm Cung phát tâm tạo một trăm bộ kinh. Chưa kịp thực hiện, ông bỗng mắc bệnh nặng, bèn phát nguyện tạo thêm một ngàn bộ. Bệnh đã lành, ông liền dựng Tạo Kinh Đường trong nhà mình ở Dương Đô. Dù giấy hay bút [để chép kinh], ắt đều phải tịnh tâm, chẳng được dôi trá, hễ cần liền lo liệu. Thụ sinh [chép kinh] thường có mười mấy người, ông đúng pháp cung cấp. Nghiêm Cung đích thân kiểm giáo [các bản kinh đã chép], dầu nhọc nhằn chẳng than mệt.

Tùng có người vay một vạn đồng từ số tiền tạo kinh. Nghiêm Cung bắt đắc dĩ phải đưa cho. Kẻ đó được tiền, thuyền ra giữa dòng, bỗng thuyền bị lật, tiền mất, người còn. Ngày hôm ấy, ông Cung vào kho, thấy tiền bạc ẩm ướt, khá ngạc nhiên! Về sau, gặp người vay tiền, mới biết ông ta bị chìm thuyền. Một hôm, bỗng có một vị dị tăng khoảng tám mươi tuổi, tự nói: “Ta từ nước Quy Tư đến, nay sẽ sang núi La Phù, nghe ông tạo kinh, xin thỉnh một bộ”. Nghiêm Cung trao kinh, tặng tặng một bình vàng nặng bốn mươi lượng, nguyện giúp tạo kinh. Nói xong rồi đi. Nghiêm Cung dò theo, chẳng biết vị ấy ở đâu!

Lại có Hầu Chí từ Bà Dương đến, tới hồ Cung Đình gặp trận gió, người cùng thuyền đều chết chìm, chỉ có Hầu Chí còn sống. Có người dẫn ông ta vào miếu, thấy thần nhân cầm gương ngời, hỏi Hầu Chí: “Có biết ông Nghiêm Cung tạo kinh Pháp Hoa ở Tương Sơn hay không? Ta muốn gởi một vạn đồng để dự vào công đức đó!” Nói xong, ẩn mất. Ngày kế đó, Hầu Chí tới Dương Đô, bỗng thấy có một người tự nói là họ Hứa đến tìm Hầu Chí, để lại một vạn đồng, ép ông ta nhận lấy rồi đi. Hầu Chí suy nghĩ, mới biết là tiền của thần, liền chở đến Giang Ninh, giao tiền cho Nghiêm Cung.

Nghiêm Cung càng vững chí, tạo tới ba ngàn bộ. Lại có người đánh cá trong đêm thấy có ngọn lửa lấp loáng nổi trên mặt sông, bèn lấy thuyền ra đón lấy, thì ra là một rương kinh do ông Nghiêm Cung tạo. Sau đó, ông phát nguyện rằng: “*Không một chữ nào chẳng qua mắt, không chữ nào mà chẳng dụng tâm*”. Do Nghiêm Cung tạo nhiều kinh, con cháu vẫn nối tiếp nghiệp ấy. Cối đời gọi ông là Cung Pháp Hoa. Cuối đời Tùy, đạo tắc tung hoành, nghe ông tích thiện, đều cùng ước hẹn chẳng vào làng ấy, người làng đều được nhờ! (xem trong *Linh Thụy Tập* và *Nam Sơn Tam Bảo Cảm Ứng Lục*).

*** *Sử Ha Thệ ở kinh đô***

Đời Đường, tại làng Phong Cốc ở phía Tây Nam kinh thành, có Sử Ha Thệ lòng ôm ấp thiện đạo từ bé, giữ khí tiết thanh cao, thường tụng phẩm An Lạc Hạnh của kinh Pháp Hoa chẳng sót thời khắc nào. Ông ôm lòng bi nhẫn, thề chẳng cười ngửa, do kinh dạy thương xót hết thảy, ngậm giữ trong tâm, thanh danh truyền đến tận quan lại đứng đầu địa phương. Ông qua lại giữa kinh thành và quê nhà, tâm luôn ngậm trì tụng, do sợ gặp kẻ quen biết, toàn đi ngõ rẽ. Tới ngày lâm chung, cảm hương lạ ngập nhà. Thân thích, làng xóm đều ngửi thấy. An táng mười năm, vợ ông ta chết, [con cái] bèn chôn chung một chỗ [với cha]. Do vậy, mở quan tài ra xem, thấy lưỡi vẫn tươi hồng. Do vậy, dời đi, chôn ông riêng một chỗ để hiển lộ công hạnh (theo *Pháp Uyển Châu Lâm*).

*** *Lý Sơn Long ở Phùng Dục***

Tả Giám Môn Hiệu Úy³²⁴ Lý Sơn Long, người xứ Phùng Dục. Trong niên hiệu Vũ Đức³²⁵ đời Đường bỗng chết đột ngột. Do sờ thấy

³²⁴ Tả Giám Môn Vệ là một trong mười sáu vệ tức là các cơ cấu quản lý cấm vệ quân (quân binh bảo vệ hoàng thành và hoàng cung). Tả Giám Môn Vệ và Hữu Giám Môn Vệ có trách nhiệm bảo vệ các cửa cung (nhất là chống lại phản loạn khi họ tấn công vào cung cấm, toan hại vua), nhưng không được quyền điều động quân đội thuộc quyền quan phủ doãn (quan cai trị kinh đô). Đứng đầu mỗi vệ là tướng quân, phó quan gọi là lang tướng. Dưới đó đặt các chức hiệu úy và trực trưởng. Lại còn lập ra các chức trưởng sử, tư mã, lục sự và thương tào tham vận sứ, binh tào tham vận sứ v.v... Hiệu úy trực tiếp cầm quân, huấn luyện quân đội, do vậy, đôi khi có sức ảnh hưởng mạnh hơn các tướng quân và có nhiều thủ hạ trung thành hơn. Chẳng hạn vào thời Đông Hán, khi đại tướng quân Hà Tiến bị hoạn quan mưu sát, các thủ hạ như

tim còn nóng, người nhà không nở an táng. Bảy ngày sau, ông sống lại, nói rằng: “Thoạt đầu bị một sứ giả bắt tới trước điện Diêm Vương, thấy mấy ngàn tù nhân. Vua hỏi Sơn Long rằng: “Người tạo phước nghiệp gì?” Đáp: “Tụng được hai quyển kinh Pháp Hoa”. Vua khen đại thiện, liền sai trái tòa, thỉnh ông tụng kinh. Sơn Long xướng “*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tự phẩm đệ nhất*”, vua liền bảo thôi. Sơn Long hạ tòa. Nhìn lại, các tù nhân đều bay lên không mà đi. Vương xưng tụng do công đức của kinh, khiến cho mọi người đều được giải thoát. Vua liền sai đưa Sơn Long tái sanh. Lại truyền sứ giả dẫn dạo chơi các ngục. Sơn Long thấy một tòa thành sắt cao lớn, phía trên có nhà, chung quanh có nhiều cửa sổ nhỏ. Nam nữ đều bay vào, chẳng thoát ra được nữa! Sơn Long buồn đau, sợ hãi, xưng “*nam-mô Phật*”, xin sứ giả dẫn ra. Lại thấy các chuyện như vạc sôi sùng sục v.v... Sứ giả nói: “Nay ông được thoát, đều là do sức của kinh. Ông trở về hãy nên đãi ăn chúng tôi”. Sơn Long bèn hứa. Đã sống lại, ông thấy thân thuộc đang chuẩn bị đồ liệm, liền sai chuẩn bị đồ ăn đặt bên chỗ có nước để cúng tế. Bỗng thấy ba người đến cảm tạ: “Ông chẳng thất tín”. Nói xong, họ ẩn mất (theo *Thái Bình Quảng Ký*).

*** *Lệnh Hồ Nguyên Quỳ ở Long Châu***

Năm Trinh Quán thứ năm (631), Lệnh Hồ Nguyên Quỳ là người huyện Ba Tây thuộc Long Châu, tin tưởng, coi trọng Phật pháp, chép các kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Niết Bàn v.v... Ông sợ phạm sai lầm, bèn cây Kháng thiên sư kiểm giáo. Kinh chép xong liền mang đến trang trại ở Kỳ Châu. Một hôm, ông đi khỏi, trang trại ấy bị lửa từ bên ngoài cháy lan, trong chốc lát cháy rụi. Nguyên Quỳ trở về than thở khôn xiết. Do vậy, bảo người khác gạt tro, tìm thấy ông đồng bịt vàng, bỗng thấy các kinh còn y nguyên, màu vàng vẫn chẳng thay đổi, nhưng tựa đề Kim Cang Bát Nhã bị cháy đen. Ông bèn tự nói nguyên nhân: Do lúc viết, có một vị quan nhân có thể viết, người ấy do đi gấp, chẳng rảnh để khiết tịnh, mà cầm bút viết ngay. Do vậy bị lửa thiêu. Người ấy hiện thời còn sống, kinh tốt lành cũng còn. Chuyện này do sư Thần Sát chủ chùa Tây Minh tại kinh đô chính mắt trông thấy bèn kể lại (*trích từ Nam Sơn Cảm Thông Lục*).

Viên Thiệu, Tào Tháo đã dấy binh báo thù và trở thành các quân phiệt đáng gờm thuở ấy.

³²⁵ Vũ Đức là niên hiệu của Đường Cao Tổ (Lý Uyên) từ năm 618-626.

*** *Đồng Hùng ở Hà Đông***

Đồng Hùng người Hà Đông. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, ông ta làm Đại Lý Thừa³²⁶, chánh tể, thờ Phật, ăn chay đã nhiều năm. Về sau, do có chuyện, ông cùng với đồng sự Lý Kính Huyền, Vương Hân bị tù đầy. Đồng Hùng chuyên niệm phẩm Phổ Môn đủ ba ngàn lượt để cầu thoát khỏi. Bỗng một đêm, gông cùm tự rơi rớt, lính coi ngục kinh hoàng. Họ xích lại, niêm phong rồi rời đi. Đồng Hùng lại phúng tụng đến khi trống đổ canh năm, xiềng xích lại tự tuột ra. Kính Huyền trọn chẳng tin Phật, tới khi thấy Đồng Hùng có chuyện ấy, mới biết Phật pháp linh ứng. Vương Hân cũng niệm tôn hiệu của tám vị Bồ Tát ba vạn lần, cùng với Đồng Hùng đều được xá tội (*theo Pháp Uyển Châu Lâm*).

*** *Viên Chí Thông ở Lũng Thành***

Viên Chí Thông người huyện Lũng Thành. Từ bé, ông đã trai giới, tụng hai kinh Pháp Hoa và Kim Cang. Lúc hai mươi tuổi, bị bắt lính, bị sai đi đánh dẹp tám giặc man, cách nhà vạn dặm. Trên đường, ông trì tụng chẳng dứt. Tới biên cương phía Nam, quân đại bại, phần nhiều bị tổn thương, kinh hoàng không cùng. Bỗng có năm người cưỡi ngựa đi đằng trước, người cuối cùng nói với Chí Thông: “Ông tu thiện quả, tụng niệm kinh văn, chúng tôi thủ hộ những người tốt lành khiến cho họ chẳng thể bị hại. Ông đi thêm chừng bảy dặm, có một tòa tháp, có thể vào núp trong đó. Quân man sẽ trở về doanh trại của họ”. Lại thấy hai vị tăng bảo Chí Thông: “Đàn việt do sức đọc tụng, cho nên vừa sai năm người hộ vệ. Ông hãy nên tinh tấn, sẽ luôn có thiện thần khuông phù, tán trợ”. Nói xong, nương theo hư không bay đi. Ông tự nghĩ mình đã trải qua ba trận, không có tác sứt trong tay. Giặc man bình định, ông được trở về.

Năm Trinh Quán thứ tám (634), ông mắc bệnh qua đời, thấy sứ giả bắt tới trước điện Diêm Vương. Vua hỏi làm thiện hạnh gì? Chí

³²⁶ Đại Lý Thừa là chức quan phụ tá cho trưởng quan của Đại Lý Tự. Đại Lý Tự là cơ quan tư pháp, đảm nhiệm việc chấp pháp, xét án, điều tra và xử phạt v.v... Thoạt đầu, đời Tân Hán có quan Đinh Úy, đến đời Bắc Tề đổi thành Đại Lý Tự, người đứng đầu Đại Lý Tự là Đại Lý Tự Khanh, phó quan thì gọi là Thiệu Khanh, và các cấp cộng sự thuộc hạ gọi chung là Thừa.

Thông thưa: “Thường trì hai kinh Pháp Hoa và Kim Cang, trai giới, lễ sám”. Vua nghe nói, chấp tay khen “lành thay”, truy xét xem nguyên nhân giả thật nào khiến cho ông tới đây? Vua tâu lên thiên tào kiểm điểm, vua lại lấy ấn từ viết rằng: “Người này hãy còn sáu năm tuổi thọ”. Vua sai đem giường vàng, ghế ngọc lên điện, xếp bày mền đệm, thỉnh Chí Thông ngồi trên đó để tụng kinh, mỗi kinh vừa hết một quyển liền thôi. Vua sai người giữ sổ sách đem sổ ghi công đức tới, thấy trong đó viết: “*Chí Thông tụng Pháp Hoa và Kim Cang mỗi thứ một vạn lượt*”. Lễ Phật, trai sám đều ghi rõ từng điều trong ấy. Vua nói: “Đức nghiệp của ông quá sâu, hãy nên cho xem địa ngục để biết tội phước chẳng sai!” Sai người dẫn ông đi về phía Tây chừng năm dặm, thấy một tòa thành lớn, lầu canh chen chúc, lưới sắt buông phủ. Trong cửa có ngục tốt, thân hình cao lớn, tay cầm chìa sắt, đứng ở hai bên. Chó bằng đồng ở ngay trước cửa, phun nước đồng sôi thiêu đốt tội nhân. Mười tám địa ngục đều ở trong đó. Chí Thông trông thấy run sợ, lại đến chỗ vua. Vua bảo: “Ông thấy địa ngục, càng phải nên siêng tu. Vì thế, nay tôi xin cho ông được sống thọ”. Chí Thông sống lại, thuật chuyện như trên (*theo Linh Thụ Tập*).

*** Mộ Dung Văn Sách ở Tần Châu**

Trong niên hiệu Đại Nghiệp, tại Tần Châu có Mộ Dung Văn Sách tụng kinh Pháp Hoa và Kim Cang suốt ngày đêm không ngớt. Một hôm, bỗng có hai người cầm một tờ văn thiếp cho xem nói: “Diêm La đại vương sai tới bắt ông, ông hãy đi ngay”. Văn Sách kinh sợ, theo sứ giả tới một tòa thành lớn, có sáu tầng tường vây, cửa nẻo hắc ám. Bước vào, liền thấy cung điện, có Diêm Vương đang ngồi, bộ hạ hộ vệ oai nghiêm. Phía dưới có nam nữ thuộc các nước, hình dáng khác biệt. Mỗi người đều được gọi tên, tới Văn Sách, vua hỏi có hạnh nghiệp gì? Văn Sách thưa các chuyện có thể thực hiện như tụng kinh Kim Cang, Pháp Hoa, trai giới v.v... Vua chấp tay, sai tra sổ sách, bảo: “Chưa đáng chết!” Vua phán đưa về. Văn Sách đi về phía Tây chẳng biết đường nẻo, bỗng gặp một vị sa-di nói: “Ông có thể đi theo tôi”. Qua khỏi sáu tầng cửa, gặp chỗ hắc ám, sa-di tay cầm bó đuốc sáng [soi đường]. Ông liền được thoát ra, sống lại. Do vậy, Văn Sách tụng niệm chuyên ròng, siêng gắng (*theo Linh Thụ Tập*).

*** Người cùi ở Giáng Châu**

Đời Đường, tại chùa Hãm Tuyền thuộc Cô Sơn, Giáng Châu, có thiền sư Pháp Triệt. Sư đi trong núi, thấy một người cùi ở trong huyệt đất xin Sư thức ăn. Sư thương xót, dẫn về sống trong chùa, vãi đào huyệt đất cho người ấy ở, trao cho cơm áo, căn dặn người ấy tụng kinh Pháp Hoa. Kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết chữ, đã thế còn dốt nát. Sư dạy từng câu một, trọn chẳng nề hà mệt nhọc. Sư dạy được một nửa, người ấy bỗng mộng thấy được một vị tăng chỉ dạy. Từ đó về sau, dần dần thông huệ. Tới quynh thứ năm, thứ sáu, lở loét trên thân dần dần lành. Khi thông thuộc cả bộ kinh, toàn thân lành bệnh. Đức Phật nói kinh là thuốc lành chữa bệnh tật, lời ấy đã được chứng nghiệm (*theo Linh Thụ Tập*).

*** Cao Văn ở kinh đô**

Trong niên hiệu Long Sóc³²⁷, tại kinh đô có Cao Văn là cháu nội của Cao Biểu Nhân³²⁸, từng đọc kinh Pháp Hoa. Một hôm, anh ta cười ngửa ra ngoài cửa Thuận Nghĩa, bỗng thấy hai kỵ sĩ đuổi theo. Hỏi han thì họ nói: “Ta là sứ giả của Diêm Vương đến bắt ngươi!” Cao Văn kinh hoảng, trốn tránh đều chẳng khỏi, liền bị họ tóm xuống ngựa, lôi tuột đầu tóc giống như dao cắt. Người nhà căng về, tới khi sống lại, bèn nói: “Diêm Vương hỏi ta vì sao ăn trộm trái cây của tăng? Vì sao kể lỗi Tam Bảo? Bèn theo đúng pháp chịu tội, chẳng dám thốt lời. Vua phán tội trộm trái cây đáng nuốt bốn trăm năm mươi viên sắt, chịu phạt trong bốn năm. Cái tội kể lỗi đáng bị cày lưỡi. Sau đó, sai thả ra, bèn sống lại”. Được ít lâu sau, Cao Văn lại chết ngất, miệng như nuốt vật, toàn thân đỏ au, có tướng trạng khổ sở. Lại trải qua một ngày mới tỉnh lại, nói: “Ta trải qua bốn ngày trong địa ngục, nuốt hết hòn sắt, khổ sở chẳng thể nói nổi! [Quý sứ] vừa mới muốn kéo lưỡi ra cày, nhưng kéo không ra, tra hồ sơ thì nguyên nhân là do từng đọc kinh Pháp Hoa, cho nên chẳng thể lôi lưỡi ra được, bèn thả cho sống lại”. Nay thấy ông ta đang ở chùa Hóa Độ, nghe pháp, sám hối nơi pháp sư Viên Mãn (*theo Nam Sơn Tam Bảo Cảm Thông Lục*).

³²⁷ Long Sóc là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 661 đến năm 663.

³²⁸ Cao Biểu Nhân là con trai thứ ba của Cao Huýnh (Thượng Thư Tả Bộc Xạ đời Tùy), được phong làm Bột Hải Quận Công. Tới nhà Đường, ông làm Thứ Sử Tân Châu, từng phụng mạng đi sứ Nhật Bản.

*** Tiêu Khanh và tỳ nữ Tố Ngọc**

Trong năm Long Sóc thứ ba (663), có vợ chồng Tư Nguyên Thiều Thường Bá Thôi Nghĩa Khởi chẳng tin Phật pháp cho lắm! Cha vợ của ông ta là Tiêu Khanh, rượu thịt chẳng cho vào cửa, chuyên tụng Pháp Hoa, Bát Nhã mấy ngàn lượt. Một hôm, vợ ông ta (vợ Thôi Nghĩa Khởi) chết, ông vì bà ta tu phước ba thất. Cúng chay xong, bà ta nhập vào cô tở gái tên Tố Ngọc nói: “Lúc sống, tôi tuy nghe nói đến địa ngục nhưng chẳng tin, nay chịu khổ chẳng thể nói được! Do các vị vì tôi tụng kinh, thấp đèn, bèn được tạm trở về. Mấy ngày nữa, tôi sẽ đến dẫn Tố Ngọc tới cõi âm”. Tới kỳ, quả nhiên Tố Ngọc chết đột ngột. Cô ta bỗng thấy một tòa quan phủ to lớn. Phu nhân vào biệt viện. Trong chốc lát, vạc lửa, giường sắt đều kéo tới, phu nhân hứng chịu các sự khổ sở. Bỗng nhiên, Tố Ngọc thấy cha bà ta là Tiêu Khanh ngồi trên đài hoa sen, bảo Tố Ngọc rằng: “Con gái ta lúc sống chẳng nghe lời ta, chẳng tin thiện ác, thường có nhiều sân hận, đố kỵ, nay chịu nỗi khổ này. Người trở về, hãy nên bảo con cái cô ta làm các công đức để cô ta được giải thoát”. Lúc bấy giờ, [Tố Ngọc] lại thấy một vị tăng Bà La Môn từ không trung hạ xuống, dạy Tố Ngọc tụng kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Dược Sư, mỗi thứ một biến, hoàn toàn dùng tiếng Phạm để tụng. Tố Ngọc hoàn toàn hiểu ngôn âm. Như thế suốt ba ngày, Tố Ngọc mới sống lại, thuật căn kể chuyện trên đây. Khi đó, có Tiết tướng quân nghe chuyện, bèn kính trọng, sắp đặt cỗ chay mời Tố Ngọc, bảo cô hãy thử niệm các kinh ấy. Cô ta liền lên tòa tụng niệm, chẳng sót chữ nào. Một vị Phạm tăng hiện diện tại đó, chấp tay tán thán: “Giống hệt như tại Tây Vực, ngữ âm chẳng khác”. Toàn thể đại chúng kinh ngạc. Ông Tiết bèn tâu lên thiên tử, thiên tử tán thán: “Trong bá quan cũng có người chẳng tin Phật pháp, [thế mà] cõi âm như thế đó, há chẳng sợ hãi ư?” Quý nhân trong triều nghe nói, đều sanh chánh tín (theo *Cảm Thông Lục*).

*** Ưu-bà-tắc ở Phủ Châu**

Tại Phủ Châu có chùa Hoa Tạng cách huyện về phía Nam bảy mươi bước. Xưa kia, trong thời Lý Đường, chùa có tên là Quang Độ Tự. Vì đời Đường có ưu-bà-tắc chuyên tụng kinh Pháp Hoa tại đây. Một hôm, ông đột nhiên thấy một cụ già nói: “Thất Lang Quân ở Đàm Pha

(miếu thờ Đàm Pha Thất Lang Quân có chép trong tự điển³²⁹ của quận ấy) bảo rằng: Xin hãy ngưng trì tụng chốc lát để mượn đường đi qua. Trong ngày hôm nay, sẽ kiến tạo tinh xá”. Chiều hôm ấy, sấm sét, mưa gió ồ ạt, khi trời quang tạnh, bỗng thấy kèo, xà, cột, chất chồng phía trên. Sau này, vị ưu-bà-tắc ấy quy tịch, được dựng tháp thờ toàn thân ở phía Nam chùa. Tới niên hiệu Tường Phù³³⁰ thuộc bốn triều, trong tháp bỗng sanh bảy đóa hoa sen, cả quận đều lấy làm lạ. Thái Thú đích thân lên, [vua truyền] sửa biển đề theo tên được ban hiện thời (theo *Phủ Châu Đồ Kinh*).

*** Trương Bình ở Ký Châu**

Trương Bình cai trị Ký Châu. Một hôm, có gã trộm cướp bóc tài vật của dân, lại gian dân con gái của họ. Cha mẹ tố cáo, ông tức giận, sai bày giàn đóng đinh tên cướp ở cửa [công đường]. Ba ngày sau, sai người băm vụn hắn. Mọi người bàn tán [ông làm như vậy] khiến dân chúng thỏa dạ. Mấy năm sau, ông bỗng bị bắt tới âm phủ, nghe trên điện, sau rèm châu có tiếng quát vang: “Trương Bình sao dám phi pháp sát hại mạng người?” [Quý sứ] dẫn ông đến trước ngục để đối chất, ông liền thấy một tù nhân máu thịt đầm đìa, khóc rằng: “Mày phi pháp giết tao, nay tao không có chỗ thọ sanh”! Ông mới nhớ đó là gã giặc ở Ký Châu, liền mắng nhiếc: “Dẫu giết vạn cái thân của mày cũng chẳng đủ rửa nhục cho cha mẹ của họ, mày còn dám tố cáo ư?” Có một viên nha lại bên cạnh nói: “Ngũ hình³³¹ đều có thường điển, cũng chẳng trách bị thừa

³²⁹ Tự điển (祀典): Sách ghi chép các vị thần thánh được sắc phong, tức là các vị thần được coi là chánh thần được công nhận, có thần phủ đẳng hoàng, và những vị thượng đẳng thần còn được quan viên địa phương chủ trì tế lễ (Tự (祀) ở đây có nghĩa là “thờ cúng”). Những thần thánh không được ghi tên vào tự điển của châu huyện, sẽ gọi là tà thần, hay dân thần (hiểu theo ý nghĩa là vị thần bậy bạ, vớ vẩn, do quỷ mị nương vào, không phải là thần thánh công chánh).

³³⁰ Tường Phù gọi đủ là Đại Trung Tường Phù là niên hiệu thứ ba của Tống Chân Tông, sử dụng từ năm 1008 đến năm 1016.

³³¹ Ngũ Hình là năm loại hình phạt nhằm trừng trị kẻ phạm tội thời cổ, theo thời điểm mà hơi khác nhau:

- Thời Tiên Tần (trước khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên), ngũ hình là Mặc (墨, còn gọi là Kinh (黥), tức là xăm chữ vào trán hoặc mặt tội nhân), Ty (劓, cắt mũi), Nguyệt (刖, hoặc tẩn (臢), chặt một chân, hai chân, hoặc phá vỡ xương bánh chè), Cung (宮, còn gọi là dâm hình (淫刑), hủ hình (腐刑), tằm thất hình (蠶室刑), tức

kiện vậy!”³³² Ông nhìn lại thì ra đó là một thuộc hạ khi ông giữ chức ở Hà Dương. Ông hỏi: “Nên làm như thế nào?” Viên nha lại đáp: “May là tuổi thọ của ông chưa hết, chỉ cần khiến cho nó thọ sanh là được rồi!” Ông bối rối, hỏi viên nha lại cách thực hiện. Viên nha lại nói: “Công đức chuyển dời to lớn không gì bằng kinh Diệu Pháp Liên Hoa”. Ông liền hứa tụng một trăm bộ; tăng thêm đến một ngàn bộ, gã tù nhân đó vẫn chẳng buông tha. Viên nha lại nói: “Chẳng cần nhiều như vậy. Chỉ cốt sao [trì niệm] lâu dài, sao bằng mỗi ngày trì một bộ, cho đến hết đời chẳng bỏ ư?” Trương Bình bằng lòng làm theo lời đó, gã tù nhân bỗng được thả đi. Trương Bình đã sống lại, liền suốt đời chẳng quên trì tụng! (theo Nhạo Thiện Tập).

*** Vô Vi Quân Lý Ngộ**

Năm Thiệu Hưng 28 (1158), Vô Vi Quân Chỉ Huy Sứ Lý Ngộ đón tiếp vị quận thái thú³³³ mới ở phía Tây thành. Đã đi hơn mười dặm, nghe thái thú còn ở xa, ông liền trở về nhà. Bỗng nhiên thấy khoảng một trăm người từ bên cạnh đường xuất hiện, đều như những đứa trẻ dăm ba tuổi,

là thiên), Đại Tịch (大辟, tử hình, lại chia thành chém, đâm cho chết, thắt cổ, chôn xuống hố cho chết, dùng ngựa hay xe kéo phanh thây, lăng trì, luộc trong vạc dầu...)

- Từ thời Hán trở đi, ngũ hình là Xuy (笞, dùng roi nhỏ đánh vào mông, nặng nhất là năm mươi roi), Trượng (杖, dùng gậy thô to đánh vào mông, nặng nhất là 100 trượng. Tội nhân sau khi bị phạt trượng thường tan xương, nát thịt, tàn tật suốt đời), Đồ (杖, bắt làm lao dịch. Tội đồ thường bị phạt trượng trước khi làm lao dịch), Lưu (流, đi đày đến biên cương, không cho trở về quê nhà. Đi xa nhất là 3.000 dặm, còn bị phạt 100 trượng trước khi đi đày. Luật nhà Tống cho phép dùng tiền để khỏi bị phạt trượng), Tử (死, phạt chết).

Hình phạt dành cho nữ giới thì khác, nhưng cũng tàn nhẫn không kém, chẳng hạn như tán hình là dùng nhiều thanh gỗ xâu dây kẹp nát ngón tay để tra khảo.

³³² Câu này do hơi tối nghĩa nên xin diễn giải thêm: Để quy định xử phạt thì phải tuân theo mức độ quy định của pháp điển (luật lệ của quốc gia). Gã đó tuy đáng tội chết, nhưng ông xử phạt quá nghiêm khắc (bấm vụn hấn ra), cho nên hấn mới có dịp tố cáo trong cõi âm.

³³³ Chỉ Huy Sứ là người đứng đầu quân đội tại một địa phương. Ở đây Vô Vi Quân là quân đội địa phương đóng tại lý sở thuộc Lô Châu thời ấy, bao gồm Sào Huyện, Lô Huyện và Giang Huyện. Quan thái thú đứng đầu một quận, nên gọi là quận thái thú. Quận và huyện tại Trung Hoa rất lớn, chẳng hạn cả miền Bắc nước ta cho đến vùng Thanh Nghệ thời Bắc Thuộc chỉ được gọi là Giao Chỉ Quận.

hồ to xông tới trước mặt, hợp lại công kích. Thoạt đầu, ông Lý chẳng sợ cùng chúng nó đấu sức. Mỗi nắm đấm vung ra, ắt có mười mấy đũa ngã lăn xuống đất. Chúng nó vừa ngã liền đứng dậy, đã tan tác rồi liền hợp lại. Như thế bốn lượt, có đũa hăm hờ treo lên vai, giựt khăn, nắm tóc. Ông Lý càng quăn bách, chẳng thể chạy thoát được. Chúng nó vừa tấn công vừa lôi ông lên trước. Bỗng có một cụ già áo vải, giày cỏ, chẳng biết từ đâu đến, lớn tiếng quát rằng: “Vị quan nhân này thường trì kinh Pháp Hoa. Nếu tổn thương ông ta, há chẳng phiền lụy ta ư?” Cụ quát bảo chúng nó lui ra, quỳ liền tan mất, cụ già cũng chẳng thấy đâu nữa! Ông Lý trở về tới cửa thành, không thể đi nổi nữa. Người giữ cửa nâng trở về. Tới nhà, ông hôn mê bất tỉnh. Các con cởi áo nhìn xem, chỉ thấy vết bầm xanh khắp thân, liền chiêu hồn ở chỗ ấy, thỉnh tăng tụng kinh Pháp Hoa. Hơn nửa năm, ông mới có thể chống gậy đi lại, ông ngờ cụ già là thổ thần (theo *Di Kiên Đình Chí*).

*** Tả Thân ở Thai Châu**

Tả Thân là người Lâm Hải thuộc Thai Châu. Tánh tình khiêm cung, ngay thẳng. Ông luôn giữ thái độ chẳng nhận của phi nghĩa dầu mấy may. Chưa đến tuổi trưởng thành, ông đã thọ Bồ Tát Giới từ pháp sư Thần Chiêu ở Đông Dịch. Từ đó, giữ vững, ngoài lúc thọ trai vào buổi trưa ra, dầu thuốc thang cũng không uống. Ông cho khắc tượng Tây Phương Tam Thánh, chuyên cần hương đèn, tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bốn trăm bộ, kinh Kim Cang Bát Nhã hai vạn lần, dựng cầu, đắp đường, cứu trợ kẻ cô độc, túng thiếu. Năm Thiệu Thánh thứ ba (1096), ông ngã bệnh, vẫn gắng ngồi dậy lớn tiếng niệm Phật, căn dặn người thân cận, bảo con thỉnh vị tăng Tịnh Viên giảng Pháp Hoa đại nghĩa, lại còn thọ thêm giới pháp. Ông liền mộng thấy ba người vẻ mặt tươi nhuận, tinh sạch, đứng trên bờ sông, rủ ông lên thuyền, chớp mắt đi về phương Tây. Ông tỉnh giấc, liền thỉnh tăng phúng tụng kinh Di Đà. Chưa tụng xong, bèn nói: “*Ta đã thấy Phật quang, ắt sanh về Tịnh Độ*”. Ông bèn chồm dậy tắm rửa, thay áo, dặn dò đừng khóc, rồi xưng Phật hiệu, kết ấn, vui sướng qua đời (theo *Bảo Châu Tập*).

*** Phạm Nghiễm tại phủ Lâm An**

Phạm Nghiễm người huyện Nhân Hòa. Ông thường ăn chay, chẳng dính líu chuyện đời. Con ông chẳng thể duy trì gia nghiệp, ông

chẳng màng tới, chỉ nói: “Ta là khách trọ mà thôi!” Do vậy, ông hằng ngày đọc kinh Pháp Hoa, chuyên tâm chẳng lười nhác. Lại còn biên chép một bộ kinh ấy. Trong niên hiệu Đại Quán, ông đã hơn bảy mươi tuổi, bỗng gọi cháu là Từ Khả bảo: “Cháu hãy nên vì ta lo liệu hậu sự. Ta chỉ sống đôi ba ngày nữa thôi”. Kể đó, Từ Khả nghe ông Phạm Nghiễm ở trong Phật đường lớn tiếng gọi Phổ Hiền Bồ Tát, vâng dạ mấy lượt, phần nhiều nói hai chữ “*cố thị*” (cố nhiên là như thế). Từ Khả hỏi han, ông đáp: “*Ta thấy Phổ Hiền Bồ Tát cười voi trắng sáu ngà, quang minh soi vào ta, thuần là kim sắc, cho biết: Do ta xem kinh Pháp Hoa, niệm Phật Di Đà, được sanh về Tịnh Độ. Cho nên Ngài đến báo cho biết, giờ Mão ngày mai, ta sẽ ra đi, Ngài và đức Phật sẽ cùng đến tiếp dẫn. Kể từ đây, ta vâng dạ*”. Tới lúc đó, ông Nghiễm liền niệm Phật, Bồ Tát, trông thấy thánh chúng xòe tay, tự nói: “*Nghiễm là người như thế nào mà được Phật, Bồ Tát tiếp dẫn?*” Ông nói liên tiếp: “*Thật là ngại quá*” rồi ngồi chấp tay, nhắm mắt qua đời (theo *Bảo Châu Tập*).

*** Triều đãi chế ở Tung Sơn**

Vào thời Tống Huy Tông, ông Triều Thuyết Chi giữ chức Trung Thư Đãi Chế, tên tự là Dĩ Đạo, là cháu bốn đời của Văn Nguyên Công (Triều Quýnh)³³⁴. Văn Nguyên Công giữ tước Thái Tử Thiếu Phó, về dưỡng lão tại Thanh Phong, tâm vui hưởng cảnh nhàn, quy hướng Phật Thừa. Ông soạn bia Pháp Tạng, có Kim Đạo Viện Tập được lưu hành trong cõi đời. Ông hiểu lý mâu nhiệm, cốt lõi của Nho và Mặc. Triều Đãi Chế do sẵn có gia học, xem khắp các kinh sách nhà Phật. Do làm quan mà tới Tứ Minh, dự vào hàng ngũ môn đệ của pháp sư Diên Khánh Minh Trí, đạt được chỗ sâu thẳm trong giáo nghĩa Thiên Thai. Tông Hiếu từng đọc mấy bài trong bộ Tung Sơn Tập của ông diễn giảng cặn kẽ các pháp như cảnh quán nhất niệm tam thiên v.v... Xét bản lãnh của

³³⁴ Triều Quýnh (960-1126) người xứ Thanh Phong thuộc Thiên Châu. Ông đỗ tiến sĩ năm 980, được bổ làm Thái Thường Thừa, được nâng lên Tri Chế Cáo thời Tống Chân Tông, rồi được cử vào Hàn Lâm Viện, sau đó được thăng làm Tri Thâm Quan Viện, Hàn Lâm Học Sĩ Thừa Chỉ. Ông được vua tín nhiệm, cử làm Công Bộ Thượng Thư rồi Lễ Bộ Thượng Thư, gia phong hàm Thái Tử Thiếu Phó. Khi ông mất, được ban thụy hiệu là Văn Nguyên Công. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Pháp Tạng Túy Kim Lục (tổng hợp những hiểu biết của ông về Phật học) và Chiêu Đức Tân Biên (ghi nhận những suy nghĩ của ông về đạo bình trị, khuyên mọi người sống đức hạnh).

ông, nếu chẳng có Lương Kính Chi³³⁵ tái thế, không ai có thể sánh bằng ông được. Cháu nội của ông tên là Tử Kiện, có bài ký viết: “*Ông nội tôi học giáo pháp của ngài Thiên Thai Trí Giả, hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, có đạo hiệu là Thiên Thai Giáo Tăng. Lại còn được gọi là Lão Pháp Hoa*”. Nhìn vào những điều được nói, đủ biết ông đã thọ dụng Phật thừa viên diệu, uẩn tàng chẳng cạn vậy!

*** Lục Lang Trung tại Minh Châu**

Lục Nguyên Đạo hiệu là Tĩnh Am cư sĩ, sống tại Hoàn Khê thuộc Minh Châu, là cháu nội của Văn Chương Tả Thừa Tướng Lục Điền. Ông làm quan tới chức Hình Bộ Đô Quan Lang Trung³³⁶, đảm nhiệm chức Đề Cử tại Phước Kiến. Do tang mẹ nên về quê. Do va chạm lời nói với Trịnh Hưng Duệ, bèn xin từ quan, về nhà. Khách đến, ông ắt chấp tay nói: “Tôi cùng ông Trịnh chẳng có hiềm khích; đây là cừu oán nhiều đời. Nếu tâm này chẳng quên, ắt đôi bên sẽ ăn miếng trả miếng chẳng có lúc nào dứt. Tôi kính cần dùng thiện pháp để giải trừ”. Ông bèn dốc chí trì kinh Pháp Hoa. Mỗi sáng, ông thức dậy tắm gội, thay quần áo, vào tịnh thất, dâng hương, ngồi xếp bằng, mắt chẳng nhắm. Trước hết, xướng kệ rằng: “*Quán thủ thanh thần bối điệp khai, bát cầu chư phước, bất nhưong tai. Thế duyên đoạn xư từng tha đoạn, kiếp hỏa quang trung vũ nhất hồi*” (Sáng dậy rửa tay để tụng kinh, chẳng cầu được phước, giải tai ương. Duyên đời nên đoạn đều nên đoạn, kiếp hỏa sáng lòe múa một hồi). Sau đó, ông mở quyển kinh ra tụng đọc, chẳng rời, chẳng gấp gáp, tiếng tụng như chuỗi ngọc. Mỗi ngày, ông tụng một biến suốt ba mươi năm. Tới tuổi tám mươi, bèn tăng thành ba bộ.

Nhìn vào thơ phú của ông, sẽ thấy được ý ông; chẳng hạn như thơ ông có câu “*thanh thần tam độ đáo Linh Sơn*” (sáng sớm ba lượt đến Linh Sơn). Ông dùng giấy mực vẽ [cảnh pháp hội Linh Sơn] gồm một trăm bức, tạo thành một bức vẽ lớn, con ông tích lại thành một quyển to.

³³⁵ Cư sĩ Lương Kính Chi (751-793), tên thật là Tiêu, Kính Chi là tên tự, người huyện Định Tây, tỉnh Cam Túc. Ông làm quan đến chức Hàn Lâm Học Sĩ, kiêm Hữu Bộc Khuyết (đảm nhiệm việc can gián vua, tiến cử hiền tài). Ông theo học Thiên Thai Chỉ Quán với ngài Kinh Khê Tràm Nhiên, đạt được tâm yếu, từng biên soạn các bộ Thiên Thai Chỉ Quán (sáu quyển) và Chỉ Quán Thống Lệ được đánh giá rất cao.

³³⁶ Đô Quan Ty là một cơ cấu trực thuộc Hình Bộ, chuyên đặc trách xét án (điều tra và tái thẩm nếu có nghi vấn), đồng thời giám sát các trại giam. Khi gặp chiến sự, sẽ giúp sức cho việc quân sự. Đô Quan Lang Trung là người đứng đầu cơ quan này.

Tính chung số lượt tụng kinh là chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm lần. Tính số quyển thì là sáu vạn sáu ngàn ba trăm chín mươi lăm quyển. Lúc rảnh rỗi, ông lại đọc Tỳ Lô Đại Tạng³³⁷. Phàm giáo nghĩa Thiên Thai, Luật Bộ, Thiếu Lâm tâm tông (Thiền Tông), không gì chẳng tham cứu rộng rãi. Ông lại tụng Phật hiệu Di Đà, một dạ về Tây. Năm Thiệu Hy thứ năm (1194), ông đã tám mươi lăm tuổi. Ngày mùng Sáu tháng Tư, ông đòi nước nóng để tắm gội, đội mũ, mặc áo chỉnh tề, liền nằm qua đời. Tới khi nhập liệm, [người nhà] bỗng ngửi thấy mùi hoa sen ngào ngạt, chẳng biết từ đâu đến. Tới khi đặt nắp quan tài, mới biết hơi thơm ấy phun ra từ miệng và mũi [của ông]. Khi đó, nữ nhân đa số chẳng ngửi thấy mùi hương, há có phải là do ngũ chướng ngăn lấp đó chăng? Em trai ông là Hoa Văn Các Học Sĩ³³⁸ Lục Du soạn mộ chí cho ông, có nói cặn kẽ chuyện ấy.

*** Đổ Tín ở Minh Châu**

Tại cuộc đất tên là Quán Giang thuộc làng Tường Phụng, huyện Ngân, có Đổ Tín kết Bội Phục Xã để tụng kinh Pháp Hoa. Ông dành ra hai gian nhà để làm chỗ cho đại chúng tụ tập. Về sau, có một gã không ra gì họ Uất Trì sống ở đó, bèn phé bỏ chỗ ấy, biến thành chỗ giết chóc, nấu nướng. Năm Càn Đạo thứ tám (1172), mưa Thu khiến cho nước lụt dâng trào. Đổ Tín ở gần suối, tuy nhà cao năm tầng vẫn bị lũ cuốn trôi, đất đá cũng chẳng còn. Kinh của ông ta tụng theo sóng trôi đi mười mấy

³³⁷ Tỳ Lô Đại Tạng là Đại Tạng Kinh được khắc bởi chùa Khai Nguyên thuộc núi Đông Chi, huyện Mân của Phước Châu (Phước Kiến). Công cuộc khắc kinh này do các vị tăng như Bồn Minh, Bồn Ngộ, Hành Sùng v.v... phát khởi, và các vị cư sĩ tại địa phương như Sái Tuấn Thần, Trần Tuân, Trần Tĩnh, Lưu Tiệm v.v... tán trợ, khởi công từ năm Chánh Hòa thứ hai (1112) cho đến năm Thiệu Hưng 21 (1151), tức là mất 39 năm mới hoàn tất (công cuộc bị gián đoạn do quân Kim xâm lăng Bắc Tống). Kinh được chia thành 595 hòm, gồm 1.451 bộ, 6.132 quyển. Do quyển đầu tiên của tạng kinh này có đề “*Phước Châu Quán Nội chúng tăng ký Khai Nguyên thiên tự điều tạo Tỳ Lô Giá Na Đại Tạng Kinh ấn bản nhất phó ngũ bách dư hòm*” (Các vị tăng thuộc Phước Châu gởi thân nơi Khai Nguyên thiên tự khắc tạo bản in Tỳ Lô Giá Na Đại Tạng Kinh gồm hơn năm trăm hòm kinh), cho nên bản này được gọi là Tỳ Lô Đại Tạng.

³³⁸ Hoa Văn Các là một ngôi lầu gác được thiết lập vào năm Khánh Nguyên thứ hai (1196) bởi Tống Ninh Tông (Triệu Khoách) để tàng trữ các tác phẩm ngự chế của ông nội là Tống Hiếu Tông (Triệu Thận). Vua cho đặt ra các chức quan Học Sĩ, Trục Học Sĩ, Đãi Chế, Trục Các v.v... để quản thủ, biên tập.

dậm, ngừng ở bãi đất hoang thuộc Nam Hải. Ba bốn ngày sau nước rút, có người họ Kim ở Quán Sơn nhặt được. Thoạt đầu mở gói ra xem, thấy lầy nhầy nước bùn. Kế đó, mở kinh ra xem, trong ngoài thanh tịnh chẳng có một tí ướt át nào. Vĩ đại thay! Phật nói đọc tụng kinh này nước chẳng thể trôi; nhìn vào chuyện tốt lành kỳ lạ này, quả thật là phù hợp! Trong đời có gã ma hủy kinh Phật, chúng nó có biết là “có chỗ chẳng thể diệt tuyệt” như thế hay chăng?

*** Ngô Chấn ở Minh Châu**

Tại huyện Từ Khê, có Phụng Công Ngô Chấn, tâm chú trọng thiện đạo. Ông từng dùng mực tự chép một bộ kinh Pháp Hoa, đọc tụng chẳng sơ sót. Ngày Hai Mươi tháng Sáu năm Nhâm Dần trong niên hiệu Thiệu Hy³³⁹ [nhà ông] bị hỏa hoạn, mọi người vội vàng chữa lửa, đồ đạc bị thất tán. Sau cơn hỏa hoạn, ông nghĩ tới kinh ấy. Hôm sau, mới tìm được ở nhà hàng xóm, hiềm rằng đã mất quyển thứ tư. Ông biết là bị lửa đốt. Bảy ngày sau, con trai ông là Hưng Tông lật ngói gạch tìm kiếm, thấy kinh ấy nghiễm nhiên dưới đó, chỉ có phần đầu quyển hơi bị tổn hoại đôi chút. Tứ chúng trông thấy đều than thở là lạ lùng. Kinh ấy được con cháu ông trân quý, gìn giữ. Một hôm, thiền sư Nhật Chiêu do nhận lời mời, đi qua chỗ ấy, bèn xin đến thăm. Do vậy, họ xin Sư lưu lại một bài tụng, [Sư viết]: “*Cư sĩ Tứ Nhất ở Diên Lăng bảm tánh tình thuần, chuyên dốc, nguyện lực vững chắc, đích thân chép kinh Liên Hoa, gặp hỏa hoạn chẳng hoại. Do vậy, đề bài kệ quê kệch để chứng minh như sau: “Kiếp hỏa trung tồn thất quyển kinh, duy bằng nhất niệm khế thiên chân, đăng kim huy cổ hồn vô biến, tận thị Linh Sơn hội thượng nhân”* (Kiếp hỏa riêng còn bảy quyển kinh, chỉ nhờ một niệm khế thiên chân, sáng rực xưa nay không biến đổi, Linh Sơn toàn bậc thượng thiện nhân). Chuyết Am Đức Quang chùa A Dục Vương viết”.

*** Trần Thế Nhân ở Minh Châu**

³³⁹ Có lẽ ở đây bị chép sai, vì trong niên hiệu Thiệu Hy (1190-1194), tức niên hiệu của Tống Quang Tông (Triệu Đôn) chỉ có Giáp Dần (1194) hoặc Nhâm Tý (1192).

Trong niên hiệu Thiệu Hy, phía sau Tuần Kiểm Ty³⁴⁰ ở ngoài cửa Tây của Minh Châu, có Trần Thế Nhân, đêm mộng thấy một dị nhân, mũ xiêm hùng vĩ tựa như bậc vương giả, gọi Thế Nhân bảo: “Ta có bảy viên minh châu ban cho ngươi”. Thế Nhân thưa: “Nhà tôi thô hèn, chẳng dám tham nhận lấy”. Vị vua ấy nói: “Châu này là của báu vô giá. Ta đã cho ngươi, ngươi chỉ nên nhận lãnh”. Thế Nhân bèn ký tên, ôm về đặt trên bàn, bỗng dưng [các viên châu] tỏa ra quang minh to lớn, người nhà không ai chẳng hoan hỷ. Ông tỉnh mộng, suy nghĩ, tuy chẳng biết nguyên do, nhưng trong tâm luôn cho là tướng lành. Sáng ra bỗng một người bạn thân đến cửa, khuyên nhủ hãy tụng kinh Pháp Hoa. Ông liền phát tâm dự hội [tụng kinh Pháp Hoa ấy]. Ghi tên xong, bỗng nhớ đến bảy viên châu và vị vua trong giấc mộng, đó chẳng phải là đấng pháp vương ban cho ta bảy quyển kinh Pháp Hoa đó ư? Tâm thần cảm vờn như thế đó. Người truyền dạy kinh là Tạ Văn Bản. Do giấc mộng ấy, thuận duyên phù hợp, bèn được làm tăng, tới nay vẫn còn. Khi đó, nhiều người dùng kệ tán thán, pháp sư Từ Thất Diệu Vân chùa Diên Khánh nói: *“Đắc châu thất khóa mộng phân minh, thiên hiệu phùng nhân khuyến tụng kinh, vị động xỉ nha tiên cảm ứng, phương tri diệu pháp bốn viên thành”* (Được châu bảy hạt mộng phân minh, sáng ra gặp bạn khuyến tụng kinh, chưa động môi răng đã cảm ứng, mới hay diệu pháp bốn viên thành). Vị thiền sư đã xin thôi làm trụ trì của chùa Báo Ân là Huệ Anh nói: *“Mộng lý minh châu thất khóa viên, toàn cai diệu pháp phi tâm truyền. Chỉ kim hội đắc cá trung ý, tận tại xuân phong bách thảo biên”* (Minh châu trong mộng bảy hạt tròn, toàn thể diệu pháp vốn tâm truyền. Hễ nay thấu hiểu chân ý ấy, gió xuân trăm cỏ thổi rạp rờn).

*** *Uông Kính ở phủ Khánh Nguyên***

Tại Lô Phong thuộc Ngân Huyện có Uông Kính, con ông tên là Long Chuyên. Gia đình sống bằng nghề đồ tể. Lúc Uông Kính tám mươi tám tuổi, bỗng có thiện tâm, từ niên hiệu Càn Đạo³⁴¹ liền gia nhập Pháp Hoa xã. Tới ngày Mười Bảy giữa Đông năm Khánh Nguyên cải nguyên (1194), bị hỏa hoạn. Cả hai gian nhà tranh bắt lửa cháy rụi. Kinh Pháp

³⁴⁰ Tuần Kiểm Ty là cơ quan trực thuộc quyền quản trị của các châu huyện, có trách nhiệm trông coi trị an, bắt cướp, tuần tiễu đề phòng giặc cướp, trộm cắp, nhất là các chỗ hoang vắng hay ít người ở.

³⁴¹ Càn Đạo là niên hiệu của Tống Hiếu Tông (Triệu Thận) từ năm 1165 đến năm 1173.

Hoa trong Phật đường được hàng xóm cứu ra, chỉ được một nửa, phần còn lại vẫn ở trong khối lửa bốc lên hùng hực. Người đứng gần xem thì nói là làn khí giống như lụa trắng, kẻ ở xa thì nói giống như rồng trắng cuộn mình. Làn hơi ấy nghi ngút bốc lên xông thẳng đến Từ Khê Áo cách đó mười mấy dặm, quện vào hàng cây. Có tiểu phu họ Chương nhặt được, chính là bảy phẩm kinh từ phẩm Phương Tiện trở đi. Kế đó, có người phụ nữ vùng núi họ Thịnh, từ nơi đồng hoang lại nhặt được phẩm Tự. Ông Kính nhất nhất thỉnh về, chỉ thiếu phần tựa hoàng truyền mà thôi. Ông Hiếu ẩn cư chẳng xa, nhưng nghe nói lại chẳng đích xác. Một hôm, tôi đến thăm ông Kính, xin xem kinh ấy, thì ra là bản kinh do tiền sĩ Ông Trạch cúng thí.

*** Vương Văn Phú ở Minh Châu**

Trên hồ Quảng Đức ở phía Tây huyện Ngân, có hai anh em họ Vương, sống bằng nghề chài lưới. Anh là Văn Phú hơi có thiện tâm, lúc rảnh rỗi bèn đọc kinh Pháp Hoa. Kinh đặt trong Phật đường. Trong tháng Tư của năm Thuần Hy thứ năm (1178), mưa to trút xuống. Bỗng sấm sét đánh chết vợ người em, lửa trời đốt rụi nhà tranh, chỉ chừa lại ba cây cột đỡ bốn kèo nhà bắc trên Phật đường, kinh nghiễm nhiên đặt dưới đó. Cho tới khi thầy đồng bói toán, bốn phương đến xem, đều nói là “thần dị”.

5. Tín nữ (gồm mười bốn người)

*** Vợ chàng họ Mã ở Thiểm Hữu**

Vợ chàng họ Mã, chẳng rõ xuất xứ. Thời Đại Đường, Phật giáo hưng thịnh, đất Thiểm Hữu³⁴² có tập tục cưới ngựa bắn tên, nghe danh hiệu Tam Bảo bèn khinh miệt. Cô ta thương xót họ ngu muội, đến chỗ đó. Mọi người thấy thiếu nữ phong vận đơn chiếc, muốn che chở cô ta. Cô gái nói: “Tôi chẳng có cha mẹ, cũng mong có chỗ nương nhờ; nhưng chẳng ham muốn tài sản thế gian, chỉ cần là người thông minh, hiền thiện, có thể tụng kinh Phật thì tôi sẽ muốn theo”. Đám đàn ông đều ủa đến xem mắt. Cô ta bèn trao cho họ phẩm Phổ Môn, ai có thể trong một đêm đọc thông thuộc thì sẽ gả cho. Tới hôm sau, người tụng thông thuộc chỉ còn hai mươi mấy người. Cô ta nói: “Con gái chỉ một thân, gia thế

³⁴² Thiểm Hữu chính là tỉnh Thiểm Tây, cổ nhân gọi phía Tây là Hữu, phía Đông là Tả. Do vậy, Sơn Tả chính là Sơn Đông.

trình khiết, chẳng thể dùng một thân phụng sự nhiều người, hãy đổi sang tụng thứ khác”. Do vậy, dùng Kim Cang Bát Nhã. Tới hôm sau, có mười người thuộc. Cô gái lại trao cho họ bảy quyển Pháp Hoa, ước hẹn ba ngày đọc thông thuộc. Tới kỳ hạn, chỉ có chàng họ Mã có thể đọc thấu triệt. Cô gái nói: “Chàng đã có thể thắng mọi người, có thể thừa với cha mẹ, có đủ mai mối, sính lễ thì mới thành thân”.

Cho tới khi họ Mã dùng lễ đón về, sắp tới cửa, cô gái bèn nói: “Vừa mới phải ứng phó lễ lạc, trong người không khỏe, xin cho một căn phòng riêng. Chờ đến khi thân thể ổn rồi sẽ lại gặp chàng”. Do vậy, họ dọn riêng cho cô ta ở phòng khác. Tiệc đãi khách chưa tàn, cô ta đã qua đời, thân thể rữa nát; họ bèn chôn ngay. Chưa được mấy ngày, có một vị tăng mặc y tăng-già-lê màu tía, dáng vẻ quê mùa, cũ kỹ đến tìm cô gái. Họ Mã dẫn Sư tới chỗ chôn cất. Vị tăng liền dùng tích trượng gạt đất cát, thấy thi thể cô gái đã tiêu tan, chỉ còn xương như cái khóa vàng. Vị tăng liền nhặt lấy, gột rửa trong sông, treo lên tích trượng, bảo mọi người: “*Vị thánh nhân này thương xót các người chẳng tin chánh pháp, bèn phương tiện khuyên dụ, hóa độ. Hãy nghĩ tới cái nhân lành, hòng khỏi đọa vào biển khổ*”. Sư bỗng nhiên vọt lên không đi mất. Mọi người trông thấy đều buồn khóc, chiêm lễ chẳng dùng.

Từ đây, cả xứ thờ Phật, tụng kinh là do sức của cô gái (theo *Thích Thị Biên Tân Lục*). Trong Quán Âm Tán của Sơn Cốc đạo nhân có đoạn ghi: “*Thiết dục chân kiến Quán Thế Âm, kim sa than đầu Mã lang phụ*” (Nếu muốn thấy đức Quán Thế Âm thật sự, [chính là] vợ chàng họ Mã trên bãi cát vàng). Lại nữa, Vạn Thọ Thể thiền sư ở Bình Giang làm kệ tụng rằng: “*Thập phần mỹ mạo thủy gia nữ? Bách bội thông minh thị Mã lang. Kham tiểu kim sa than bạn ước, thử chung nhân á bất thành song*” (Gái nhà ai mười phần xin đẹp? Thông minh trăm về Mã lang quân. Nực cười ước hẹn bên còn cát, dầu cho cưới gả chẳng thành đôi).

*** Hai người chị dâu, em chồng ở Hoài Ninh**

Bờ Bắc của sông bảo vệ thành gấn Hoài Ninh có chùa Hoa Đài. Thoạt đầu là trong một gia tộc lớn có cô con gái có thể tụng kinh Pháp Hoa. Anh cô ta lấy vợ, tâm [chị dâu] cũng ưa thích [Phật pháp]. Chẳng mấy chốc, chị dâu và em chồng đều có thể tụng thuộc. Thường đến lúc đêm khuya thanh tĩnh, gió mát trăng trong, hai người đồng thanh tụng niệm. Dầu là tiếng vàng khua ngọc chạm trong cối đời, vẫn không gì có thể sánh bằng âm vận [tụng niệm] ấy. Một thuở nọ, họ ngã bệnh, chị dâu

lần em chồng đều chết. Một ngày kia, từ mộ chị dâu bỗng sanh một đóa sen hồng, nở xòe hết sức đẹp đẽ. Mọi người đều lấy làm lạ. Khai quật mộ thì thấy rễ sen từ miệng chị dâu quấn vòng quanh mộ cô em chồng. Lại đào mộ em chồng, [thì ra] rễ sen có gốc từ miệng cô em chồng. Ấy là do cô em chồng dạy chị dâu tụng kinh, cho nên biểu lộ nguyên do như thế. Châu quận nghe biết, bèn trình tấu. Vua bèn ban biểu đề Hoa Đài Tự để dựng chùa (theo *Linh Thụy Tập*).

*** Vương Huệ Xung đời Nam Tống**

Năm Nguyên Gia 14 (437) đời Tống, gia đình Tôn Ngạn Tăng nhiều đời thờ Phật. Ông có một người thiếp tên là Vương Huệ Xung, tin tưởng Phật pháp từ bé, tụng kinh Pháp Hoa lâu ngày. Một hôm, bỗng thấy ven sông có ánh sáng nhiều màu. Ông sai người đào sâu xuống ba thước, tìm được một bức tượng Phật bằng vàng. Kể cả quang minh và tòa sen [thì tượng cao] hai thước một tấc, bàn chân ghi: “*Năm Canh Tý nhằm Kiến Vũ nguyên niên (317), các đạo nhân như Pháp Tân v.v... thuộc chùa Ngõa Quan tạo*”, họ liền trau chuốt để thờ phụng (theo *Tam Bảo Cảm Thông Truyện*).

*** Đứa tớ gái của Tô thứ sử**

Trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường [Cao Tổ, tức Lý Uyên], Đô Thủy Sứ³⁴³ Tô Trường được phong làm thứ sử Ba Châu, đem cả gia đình đến chỗ trấn nhậm. Do vậy, họ vượt sông Giang Lăng. Giữa dòng gió bão, thuyền bè chìm đắm. Nam nữ hơn sáu mươi người đều cùng lúc mất mạng, chỉ có đứa tớ gái thường đọc kinh Pháp Hoa. Sóng bủa vào thuyền, cô ta bèn đội hộp đựng kinh lên đầu, thề cùng kinh chết, nhưng cô chẳng chìm ngay, cứ dập dềnh theo sóng. Khoảnh khắc đến bờ, cô ta nâng hộp đựng kinh, trèo lên, mở kinh ra xem, trọn chẳng bị thấm ướt. Về sau, cô ta lấy chồng ở Dương Châu, càng dốc lòng tin tưởng, tụng niệm hơn xưa (theo *Pháp Uyển Châu Lâm*).

*** Trần thị ở Trường An**

³⁴³ Đô Thủy Sứ là chức trưởng quan của Đô Thủy Giám. Cơ quan này có trách nhiệm quản trị hệ thống tưới tiêu, sông ngòi, thủy lợi, ao hồ, tu bổ kiến thiết cầu cống, đê điều, kể cả quản trị các ngư dân đánh cá trong nội địa trên toàn quốc.

Lưu Công Tín tại phường Thông Quỹ ở Trường An, có vợ là Trần thị. Mẹ vợ do bệnh mà chết trước. Trần thị bỗng chết đột ngột, thấy một người dẫn vào địa ngục, thấy trọn khắp các tướng tội. Sau đó, bà ta thấy một cửa ngục bằng đá bỗng mở ra, mẹ ở trong đó đang chịu khổ cực nặng. Mẹ thấy con gái bèn nói: “Con hãy nên vì mẹ chép một bộ kinh Pháp Hoa để mẹ được thoát khỏi”. Nói xong, cửa đóng lại. Trần thị sống lại, kể chuyện, ông Lưu tin tưởng, liền cậy em rể là Triệu Sư Tử chép kinh ấy. Bỗng có kinh sanh (người chép kinh thuê) cầm một bộ kinh Pháp Hoa mới chép xong xin đổi lấy tiền. Họ Triệu nói: “May là có kinh này có thể mua, chẳng cần phải chép”. Ông Lưu nghe theo, trang hoàng [bộ kinh ấy] cho đẹp đẽ, đưa kinh cho Trần thị. Trần thị một hôm cúng cơm cho mẹ, mộng thấy mẹ nói: “Trước kia mẹ bảo con chép một bộ kinh, sao con không làm?” Con thưa: “Đã mua một bộ rồi”. Mẹ nói: “Ta vì kinh đó mà chịu tội nặng hơn. Ngục tốt đánh vỡ xương sống của ta vì chẳng nên lấy kinh của nhà họ Phạm làm của mình!” Người con tỉnh giấc, vội mời người viết. Kinh chép xong, lại mộng thấy mẹ bảo: “Mẹ nhờ sức kinh đã thoát khỏi âm ty, an thân nơi chốn tốt lành, nay đến báo với con. Con hãy giữ tín tâm, khéo sống trên thế gian”. Cô con gái bèn dò hỏi [xuất xứ] của bản kinh trước, quả nhiên là viết cho người họ Phạm. Đó là chuyện trong năm Long Sóc³⁴⁴ đời Đường (theo *Pháp Uyển Châu Lâm*).

*** *Phí thị ở Ninh Châu***

Đời Tống, vợ ông La Dư là Phí Thị, người xứ Ninh Thục. Cha bà húy là Duyệt, làm thái thú Ninh Châu. Bà Phí tín kính Tam Bảo, tụng kinh Pháp Hoa, trong khoảng mấy năm, siêng khổ chẳng lười nhác. Bà bỗng bị mắc bệnh đau tim, trở thành nguy ngập. Cả nhà hoảng sợ, bà Phí dậy lên ý niệm: “Ta tụng kinh siêng khổ, ắt được gia hộ tốt lành, trọn chẳng vì chuyện này mà lâm vào tử địa”. Nghĩ xong bèn nằm ngủ, liền mộng thấy Phật đích thân đuổi tay qua cửa sổ xoa lên tim, trong ngoài đều thấy kim quang đầy nhà. Lại nghe mùi hương lạ vẫy vẫy người khác. Từ đó lành bệnh, người trông thấy không ai chẳng sanh lòng tin! (theo *Thái Bình Quảng Ký*).

³⁴⁴ Long Sóc là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 661 đến năm 663.

*** Con gái Nhậm Trung Quân ở Thai Châu**

Chùa Dũng Tuyền ở huyện Lâm Hải ở Thai Châu, vào đời Đường trước kia là chỗ ở của ông Nhậm Trung Quân. Ông Nhậm dốc chí thanh bạch, cao cả, kiên cường, lại còn tin sâu Phật pháp, tu nhiều thiện quả. Ông có cô con gái nhậm khóa chuyên tụng kinh Pháp Hoa. Có một lúc, trong gian phòng tụng kinh sanh ra bảy gốc sen xanh, cỗi đời đều lấy làm lạ. Trung Quân trông thấy, thiện tâm phát khởi, liền muốn xả nhà biến thành chùa. Chuyện ấy còn đang thăm tính, khi đó, có thiền sư Cao Ngọc trụ tích kết am tại núi Lô Thạch, cách nhà ông chẳng xa. Trong khi Sư Thiền Định, tích tượng của Sư bay đến cắm xuống sân nhà Trung Quân. Ông tận lực nhổ lên, nhưng tích tượng đã cắm sâu xuống ba thước đất. Nước suối phun lên cao ba thước. Do vậy, ông liền xây chùa tại ngôi nhà ấy, thỉnh thiền sư khai sơn thuyết pháp, trụ trì. Vì lẽ đó, chùa có tên là Dũng Tuyền Viện, hãy còn bài ký. Chuyện này nghe từ Tịnh Minh Giảng Sư Bảo Cái tại Phụng Hóa. Sư Bảo Cái từng đến chùa đó khắc bia [câu chuyện ấy].

*** Chị dâu của Thái Thú quận Cao An**

Chị dâu của Triều Phụng Thái Thú Tôn Vu ở góa năm mười chín tuổi, tự thề mỗi ngày ăn một bữa, suốt đời tụng kinh Pháp Hoa, chẳng tái giá nữa. Khi ông Vu làm thái thú quận Cao An, chị dâu đã bảy mươi hơn, diện mạo tươi sáng, đi lại nhẹ nhàng. Vào tháng Sáu mùa Hạ năm Chánh Hòa thứ sáu (1117), bà bỗng thu dọn kinh bản, thu xếp quần áo chia cho người hầu. Ông Vu hỏi nguyên nhân, bà cười bảo: “Ba ngày nữa chị sẽ chết”. Đến lúc đó, quả nhiên bà không bệnh, an tĩnh qua đời (theo *Hồng Giác Phạm Trí Chứng Truyện*).

*** Kỹ nữ Lô Mị Nhi tại Dĩnh Châu**

Âu Dương Văn Trung Công (Âu Dương Tu) khi cai trị tại Dĩnh Châu, có một quan nô³⁴⁵ tên là Lô Mị Nhi, sắc diện, dáng vẻ đoan trang,

³⁴⁵ Quan nô có hai nghĩa:

- Nô lệ trong các phủ thự của các quan.
- Kỹ nữ được cấp giấy phép hành nghề của triều đình, còn gọi là quan kỹ.

Ở đây, phải hiểu theo ý nghĩa thứ hai.

diễm lệ, khéo cười nói. Trong miệng cô ta thường có mùi hoa sen tỏa ra. Người ngồi xung quanh đều lấy làm lạ, nhưng chẳng biết nguyên do. Bỗng có một vị tăng từ đất Thục đến, khá hiểu biết chuyện đời trước. Do vậy, ông Âu kể với vị ấy chuyện này. Vị tăng nói: “Nàng ta đời trước từng làm ni, tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, do một niệm sai lầm mà đến nông nổi này!” Ông Âu Dương Tu chưa tin. Về sau, ông gặp cô kỹ nữ ấy bèn hỏi: “Nàng có từng đọc kinh Pháp Hoa hay chưa?” Cô ta nói: “Thiếp thất thân nơi chôn này, chẳng rảnh rồi được!” Ông sai đem kinh cho cô ta. Cô ta vừa xem bèn tụng như đã thuộc lòng; đổi sang kinh khác thì không thể đọc được! Vị tăng ấy nói há có sai ư? Xem chuyện này trong bộ Độn Tề Nhân Lãm [của Trần Chánh Mẫn]. Than ôi! Làm ni ba mươi năm tụng kinh, đây cũng là hạng người tinh tấn, do một niệm sai lầm bèn sa chân. Ý niệm của người đời há nên bất chánh ư? Nay làm thân kỹ nữ, dùng thân tôn quý nhất trong loài người để hứng chịu sự hèn tẻ, bất tịnh của kẻ khác. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, chán ngán chuyện đã làm, chuyên dốc lòng thành đọc tụng kinh Đại Thừa, thì long nữ trong một sát-na nhanh chóng thành Chứng Trí Giác, ai nấy đều có phần! Nếu chẳng tỉnh ngộ, ác cảnh hiện tiền, địa ngục, tam đồ chẳng có chỗ trốn tránh!

*** Kỹ nữ Dương Vận ở Hồ Châu**

Tại Hồ Châu có xưởng kỹ³⁴⁶ tên Dương Vận, tự chép kinh Pháp Hoa. Mỗi lần cầm bút ắt đều trước đó ăn chay, tắm gội, thay áo. Về sau, cô ta bị bệnh chết trong đêm. Mẹ cô ta mộng thấy Dương Vận đến từ biệt: “Con do sức chép kinh, nay được thác sanh làm con gái nhà họ Thái là huyện lại³⁴⁷ thuộc huyện sảnh Ô Trình”. Khi đó, vợ ông Thái là Phương Nương trong đêm ấy, mộng thấy có người khiêng kiệu đến nhà, ra đón thì là Dương Vận nói đến xin ở nhờ. Bà tỉnh dậy sanh ra một gái. Mẹ cô ngày sau tìm đến thăm, cô con gái lặng lẽ mỉm cười (theo *Khuê Xa Chí*).

*** Quách đạo nhân ở phủ Lâm An**

³⁴⁶ Tức là kỹ nữ có tài hát múa, đánh đàn, chỉ bán nghệ không bán thân.

³⁴⁷ Thuộc hạ của quan huyện, tức là các nha lại.

Đạo nhân Quách Thị, pháp danh Diệu Viên, là người huyện Nhân Hòa. Từ bé, bà đã được gả vào nhà họ Văn ở An Khê. Chồng bà ta thích ăn chơi, chẳng quan tâm tới gia nghiệp. Do vậy, bà ta xin về (trở lại nhà cha mẹ đẻ), khoác áo tu đạo tại gia, lập chí ăn chay trường, tụng kinh Pháp Hoa, tu Pháp Hoa Sám, tụng kinh Di Đà và niệm Phật hiệu. Bà thường hướng về Tây, quán kỹ mặt trời lặn. Một hôm, trên hư không có tiếng nói: “*Này Quách Diệu Viên! Như bà tu tập, chắc chắn sanh về An Dưỡng*”. Từ đấy, trở đi, bà càng thêm tinh tấn, tâm chẳng tạm nghỉ. Tới lúc lâm chung, bà tắm gội, thay áo, thỉnh tăng niệm Phật, ngồi ngay ngắn qua đời. Đó là chuyện trong năm Ất Sửu (1145) niên hiệu Thiệu Hưng (theo *Bảo Châu Tập*).

*** Trầm thị ở Minh Châu**

Đầu niên hiệu Thiệu Hưng, họ Ngũ ở Thạch Thu có cô dâu mới họ Trầm, là người Định Hải thuộc Giang Nam. Cô ta bẩm tánh trinh thực, tự tu thiện quả. Mẹ chồng mỗi sáng tụng kinh Pháp Hoa, con dâu cẩn thận hầu hạ. Hễ mẹ mở kinh ra, đều đến nghe nhận, hoặc một hai phẩm cho đến một quyển, lâu ngày chẳng biết mỏi mệt. Một lúc nọ, cô ta mắc bệnh, liền thưa với mẹ chồng: “Do mẹ chồng tụng kinh, con dâu mới được nghe. Duyên trần gian đã hết, chẳng kịp hầu hạ, nguyện sẽ gặp gỡ trong hội của chư Phật vào đời khác. Con mạn phép làm bài kệ để lại: Bình sanh vui sướng, chết cũng phong lưu, đến bước cuối cùng, căn dặn đầu giường”. Nói xong, vươn mình ngồi dậy, xếp bằng qua đời. Mẹ chồng thấy con dâu siêu thoát như vậy, đến kể với thiền sư Hoảng Trí chùa Thiên Đồng. Sư nghe rồi tán thán, vui mừng. [Gia đình] bèn liệm vào khám, tới khi hỏa thiêu, từ trong tro, tìm được vô số hạt rang ngời cứng chắc, sáng lóng lánh, tứ chúng trông thấy đều than thở hy hữu. Đây là chuyện do Pháp Chánh Tông Sư thuộc chùa Hồ Tâm đích thân thấy nghe. Vì thế, được truyền tụng trong cõi đời.

*** Đứa tớ gái nhà họ Triệu ở Minh Châu**

Cuối niên hiệu Thiệu Hưng, tại huyện Phụng Hóa, có người họ Triệu. An nhân³⁴⁸ mẹ ông ta trọng Phật, trai giới, tụng kinh Pháp Hoa.

³⁴⁸ An Nhân là phong hiệu của vợ quan. Thời Tống, vợ của quan chức từ Triều Phụng Lang trở lên thì gọi là An Nhân. Nhưng trong thời Minh - Thanh, vợ quan

Trong nhà có một đứa trẻ gái, lâu ngày nhớ được bốn câu, tức là “*thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương, hoa thụ hương, quả thụ hương*”. Từ đó, cô ta động tĩnh, làm lụng đều ngâm vịnh [bốn câu ấy] chẳng dứt. Người khác nghe thấy, cho là cô ta nói đùa, chẳng biết cô ta cũng có chỗ dụng tâm. Một ngày, làm việc trái ý chủ nhân, cô ta bị lăng trì đến chết. Họ bèn vùi thây cô ta ở hậu viên. Không lâu sau, nơi đó bỗng trở một đóa hoa sen xanh, hương sắc đáng yêu. Kẻ khác chẳng biết cô ta, chỉ có an nhân là ngầm biết. Đó là chỗ cảm ứng do tụng bốn câu kinh. An nhân lại chẳng ả giấu đức của cô ta, ngầm nói với Hư Đường pháp sư là Bồn Không, sư Bồn Không thường nói tương tự để giáo hóa người khác. Tông Hiếu từng đích thân nghe nói, bèn chép kèm vào đây!

*** *Châu Như Nhất ở Minh Châu***

Châu Thị tên là Như Nhất, là vợ ông Tiết ở Tứ Minh, là hậu duệ của Khâm Thành Hoàng Hậu³⁴⁹, tức là cháu hai đời của Uyên Thánh Cung. Từ lúc gả cho ông Tiết, bà coi cõi đời như bụi đất, bùn lầy. Lúc ngoài hai mươi, liền nói với chồng muốn ở một mình thanh tịnh, tự khoát pháp phục tu tại gia, ăn chay trường. Bà từng dùng lụa vàng sai kinh sanh (người chép kinh thuê) biên chép bảy quyển của kinh Pháp Hoa, đích thân dùng nhung biếc để thêu trên đó. Nét thêu vờn quanh kín kẽ, trông như nét mực vừa viết xong. Mất mười năm mới hoàn thành. Bà lại thêu tượng Di Đà, Quán Âm, chẳng khác gì hội họa. Từ tựa đề kinh, bà tôn kính lạy tám vạn bốn ngàn lạy. Cứ mỗi câu, mỗi chữ, đều xướng lễ ba lần. Một bộ kinh Pháp Hoa mất ba tháng có thể tụng thuộc. Lại khuyên hai vạn người niệm Phật Di Đà. Bà cho khắc gỗ để in hình Phật, niệm mười vạn tiếng mới ngưng. Bà lại bán đồ tư trang để làm ba ngày pháp hội, tụ hội đạo tục cả vạn người, cúng trai một ngàn vị tỳ-kheo, tạo tràng báu chứa kinh Pháp Hoa và tên người niệm Phật để đón về chùa

thuộc lục phẩm gọi là An Nhân. Riêng tại Quảng Đông vào thời cổ, trong nhà quyền quý hay giàu có, con dâu thường gọi mẹ chồng là An Nhân.

³⁴⁹ Khâm Thành Hoàng Hậu (1052-1102) không rõ tên, chỉ biết là họ Châu, là phi tần của Tống Thần Tông, mẹ đẻ của Tống Triết Tông. Bà sinh từ phủ Khai Phong. Cha bà là Thôi Kiệt mất sớm, mẹ cải giá lấy ông Châu Sĩ An, nên bà được đổi sang họ Châu. Bà được tuyển vào cung lúc 16 tuổi. Bà sanh được hai trai là Triệu Hú (Tống Triết Tông), Thái Vương Triệu Tự, và một gái là Hiền Tĩnh trưởng công chúa. Khi Triết Tông lên ngôi, bà được phong là Thánh Thụy Hoàng Thái Phi. Tới khi bà mất, Tống Huy Tông mới truy phong bà là Khâm Thành Hoàng Hậu.

Diên Khánh. Bà bỗng mắc bệnh nhẹ, tới lúc nhắm mắt, liền ngồi dậy, xếp bằng. Ông Tiết nói: “Trong nhà ta không có kiêu ấy, xin hãy nằm xuống”. Bà liền nằm bên hông phải, qua đời. Năm đó, bà ta ba mươi bảy tuổi, thiền sư Bảo Đàm ở Quất Châu tán thán.

Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục, quyển hạ chung

*** Bài tựa khắc in bộ Pháp Hoa Kinh Hiển Ứng Lục**

Pháp Hoa kinh là vua các kinh, là lời luận đàm cùng cực rốt ráo. Vì thế, kinh được trì tụng nhiều nhất, mà người đạt được linh nghiệm chẳng thể kể xiết. Nhưng các sự tích ấy được ghi chép rải rác trong sách vở, chẳng thể thấy trọn. Dẫu có người sưu tập, nhưng cũng chẳng đủ nhiều, sơ sót quả thật chẳng ít! Pháp sư Thạch Chi Tông Hiểu đời Tống có hai quyển Hiển Ứng Lục đã chọn lựa các chuyện cảm ứng hiển nhiên xưa nay được chép rành mạch, rõ ràng trong sách vở, và những điều Sư được đích thân thấy nghe, biên tập hoàn thiện, quả thật đủ để nêu bày chứng có khơi gợi lòng tin từ đời trước hòng khuyến bảo mai sau. Bộ sách ấy đã được lưu truyền, nhưng lâu ngày bị khuất lấp. Tôi ngẫu nhiên có được [sách ấy] để xem đọc, muốn khắc ván để lưu truyền rộng rãi, nhưng duyên chưa tới. Gần đây, các vị lão túc thuộc Tịnh Nghiệp Xã trong núi thấy vậy, bảo tôi rằng: “*Năm thứ diệu hạnh chính là cái nhân thù thắng của Tịnh Độ. Sách này được lưu thông, há chẳng tùy hỷ ư?*” Bèn khuyến những người trong liên xã chia sẻ tịnh tài thơm thảo để cùng giúp cho chuyện này [thành tựu]. Tôi vui mừng, giáo chánh lần nữa để khắc in.

Hưởng Bảo³⁵⁰, thượng tuần giữa Thu năm Đinh Mùi (1727), Đông Duệ sa-môn Lượng Điền kính cẩn trần thuật.

Phụ lục 2: Pháp Hoa Kinh Trì Nghiệm Kỳ

法華經持驗紀

*** Lời tựa của sách Pháp Hoa Kinh Trì Nghiệm Kỳ³⁵¹**

³⁵⁰ Hưởng Bảo (Kyōhō) là niên hiệu của Nhật Bản từ năm 1716 đến năm 1736 dưới đời thiên hoàng Trung Ngự Môn (Nakamikado).

³⁵¹ Kỳ ở đây được dùng theo ý nghĩa mô phỏng cách chép Sử trong lối biên niên sử truyền thống. Trong cách chép sử do Tư Mã Thiên đề ra, Bốn Kỳ là tiểu truyện của hoàng đế trong một triều đại, trần thuật cặn kẽ những sự kiện trọng đại trong một

Pháp Hoa là vua trong các kinh, đức Thế Tôn dùng tướng lưỡi rộng dài, diễn giảng cái nhân thù thắng “*niêm hoa*” (拈華, giơ cành sen lên cho đại chúng thấy), dung hội lẽ bí yếu của các pháp, khai Quyền hiển Thật, tam thừa và nhất thừa đều viên, trước sau bảy quyển, hơn sáu vạn chữ. Mênh mông, bát ngát, đúng là quang cảnh to lớn! Tuy vậy, trong hội Linh Sơn thuở ấy, mỗi thời trong năm thời đều nói một pháp, Hoa Nghiêm là một, A Hàm là hai, Phương Đẳng là ba, Bát Nhã là bốn, vẫn chưa thỏa thích bốn hoài! Cuối cùng, Ngài lại nói kinh này, hóa hiện vô lượng vô biên Pháp Thân, diễn nói vô lượng vô biên pháp khẩu, nhắc đi nhắc lại, triền miên, chẳng ngại rườm rà! Ở đây, đức Thế Tôn lại nói nhiều đến thế ư?

Xưa kia, đức Phật sắp nhập Niết Bàn, ngài Văn Thù lại thỉnh đức Phật chuyển pháp luân. Đức Phật quả rằng: “*Ta trụ thế bốn mươi chín năm, chưa hề nói một chữ. Ông thỉnh ta lại chuyển pháp luân, ta đã từng chuyển pháp luân ư?*” Phàm một lời chẳng thốt ra được, chín năm ngồi nhìn vào vách. Đã từng nhìn vào vách chín năm, tức là một lời vậy, cũng chính là “cần gì phải nói nữa?” Có thể khéo hơn sáu vạn chữ này, sẽ có thể phá sáu vạn chữ thành một lời, lại còn có thể phá một lời để trở thành chẳng nói! Sao chẳng thể mở rộng “vô ngôn” thành hơn sáu vạn chữ? Sao chẳng thể hóa sáu vạn chữ thành trăm ngàn vạn ức chữ? Tri kiến đã khai, viên tông nhanh chóng thấu triệt. Diệu pháp như vậy, há nhiều ư? Chẳng nhiều! Nay lấy thế giới nhiều như vi trần, nhọc nhằn trong nhà lửa, may mắn sau khi được bạch quang³⁵² chiếu khắp, bèn được vãng nhận kinh này, quả thật là cầu bến trong nẻo sanh tử, là thang thêm cho Tịnh Độ môn!

Kinh nói gấp gấp dùng thọ ký để phó chúc. Pháp được lưu truyền, bèn có năm môn, tối thượng là thọ trì. Kế đó là giải nói, đọc tụng, biên chép, và cúng dường. Như đối với một câu hay một kệ, dốc chí quy y, dầu là kẻ trong thôn làng, hay người màn rủ trưởng buông, hoặc kẻ tù

quốc gia trong một triều đại cụ thể. Châu Khắc Phục sưu tập các sự tích linh ứng do trì kinh Pháp Hoa, phân loại theo mỗi triều đại, sắp xếp theo thứ tự các triều đại trong lịch sử. Đối với mỗi câu chuyện trong cùng một triều đại, lại dựa theo thời điểm trước sau trong từng triều đại ấy để sắp xếp. Khi một nhân vật sống qua hai vương triều như tổ Trí Giả (Tổ sanh vào đời Trần, tịch vào đời Tùy), sẽ chọn triều đại nào Ngài sống nhiều hơn để xếp Ngài vào triều đại đó.

³⁵² Tức là quang minh chiếu từ tướng bạch hào của đức Phật như đã nói trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa.

rạc, bệnh tật triền miên, cho tới loài có huyết khí mang vảy, khoác lông có hiểu biết, hễ có lòng kiên thành tinh thuần, đều cùng được thấm đầm mưa Từ, huống hồ người chán hưng gia phong đại giác, tuyên bày giáo nghĩa sâu thẳm của đức Thích Ca, được gọi là bậc đạo sư long tượng, là thành trì của pháp giới ư?

Như hoa sen là loại hoa vốn nảy sanh từ bùn mà chẳng nhiễm. Nhà lửa trong vì trần ngũ trước, nào khác bùn lầy? Cầu riêng được vượt thoát chẳng nhiễm trong ấy, mà nếu chẳng nghe diệu pháp, sẽ không do đâu giải thoát được! Vì thế, hiện tiền dùng đó để đặt tên kinh. Chắc là đức Thế Tôn muốn dẫn dắt nước Chấn Đán bèn trồng trọn khắp một đóa sen xanh. Do hoa mà tìm thấy cuống, do cuống mà tìm thấy rễ. Giếng ngọc, ao thu, so với ao hoa nước tám đức, là một, hay là hai, xin hãy nhìn từ tòa báu giữa ba đời. Nếu lập tức hiện ngàn tầng, còn chỗ nào để riêng tìm hoa Ưu Bát? Chẳng lìa sắc hương, nêu tỏ nhân quả; há lừa dối ta ư? Há dối gạt ta ư?

Tôi đã sưu tập những chuyện linh nghiệm do trì kinh Kim Cang xong, nghĩ kinh này càng là biển thẳm trong âm giáo³⁵³, hoàng dương và lưu thông càng cấp bách. Chuyện cảm ứng linh dị, nhiều đời biên tập đầy đầy, bèn chọn lấy các sự ứng nghiệm của các vị cổ đức danh hiền trong nhiều triều đại đủ để làm chứng có khơi gợi tín tâm. Tôi phỏng theo điều lệ biên tập [Kim Cang Trì Nghiệm Ký] trước đó để tổng hợp theo thứ tự, ngõ hầu người thấy nghe xong, sẽ tinh tấn tu trì, cùng chúng tam-muội. Từ nói ba thừa, hội quy nhất thừa, rốt cuộc đạt đến ý chỉ kín nhiệm “*một cũng chẳng thể nói được*”! Ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) có bài kệ rằng: “*Tâm mê Pháp Hoa chuyển. Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa*”. Liều giải “một đại sự nhân duyên khiến Phật xuất hiện trong thế gian” của kinh này, thật sự giác ngộ một hội Linh Sơn nghiêm nhiên ngàn đời, thì văn tự của tôi lại trở thành thừa thãi rồi chăng?

Tịnh nghiệp đệ tử Châu Khắc Phục ở Dương Tiễn trai giới, tám gôi soạn

*** Dẫn khởi nhằm khuyên lưu thông bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm**

Đôi với chỗ có kinh điển, lưu thông liền thuộc thiện duyên, phước báo vô lượng. Vì thế nói rằng: “*Có thể truyền pháp Đại Thừa cho một*

³⁵³ Đức Phật dùng âm thanh để giáo hóa nên giáo pháp của Ngài gọi là âm giáo hoặc thanh giáo.

người sẽ là mười điều thiện. Truyền cho mười người sẽ là một trăm điều thiện. Truyền cho bậc đại quý hoặc đại hào kiệt, người có sức lực to lớn, sẽ là một ngàn điều thiện. In lại để lưu truyền rộng rãi, sẽ là một vạn điều thiện". Huống hồ pháp môn Tịnh Độ vượt thoát sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển cho đến khi thành Phật mới thôi! Khuyên một người tu Tịnh Độ, chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật, Phàm người thành Phật, ắt độ vô lượng chúng sanh. Các chúng sanh được độ ấy đều do ta khởi đầu, phước báo ấy đúng là chẳng thể cùng tận! Vì thế, muốn khuyên hết thấy người thấy nghe hãy mở rộng cái tâm, lấy tâm Phật làm tâm của chính mình, khiến cho ai nấy đều biết, để đều được sanh hết về Tịnh Độ. Ông Vương Long Thư đã nói: *"Hãy tự nên tin chắc chẳng hư dối"*.

Còn như hai kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa càng là tối thượng thừa trong các diệu pháp do đức Phật đã nói. Quán Âm Đại Sĩ phổ độ thế gian, không cõi nào chẳng hiện. Sự tích cảm thông của các bậc hiền nhân trong quá khứ rành rẽ, rạng ngời, mỗi mỗi đều tóm gọn, thu thập, hòng khuyên tấn tu, đúng là chuông, khánh cho tương lai, là phương tiện môn tiếp dẫn tối thượng nơi đường cùng. Mùa Thu năm Mậu Tuất, tôi sưu tập các chuyện linh nghiệm do trì kinh Kim Cang, đã có bài tiểu dẫn lưu thông. Kính cảm khẩn cầu những vị có cùng một nghiệp với tôi, nay tôi khắc in các chuyện về sự linh ứng do trì tụng Tịnh Độ, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Quán Âm, [những chuyện ấy] vốn sưu tầm từ các ghi chép trong sách vở, hòng nêu chứng có khơi gợi tín tâm xưa nay, khá tận lực vận dụng tâm lực và công sức nhỏ nhoi, với dụng ý [khiến cho người có duyên đọc đến, sẽ] noi theo [các tấm gương] bất hủ. Nhưng bản khắc ván vụng về ở chốn này, chưa thể lưu truyền rộng rãi nơi tỉnh khác; người đã cùng sanh về cõi Phật trang nghiêm, há có nên thiếu khuyết pháp sự lưu thông thù thắng?

Lại thưa cùng bậc thiện tín trong hiện thời, hễ được thấy các bản in này, hãy chẳng tiếc sức khắc in bố thí rộng rãi, hoặc dùng nguyên bản, hoặc sửa chữa thêm. Nếu như có chuyện liên quan tới sự linh ứng do trì nghiệm do chính quý vị đã được thấy nghe mà sách này thiếu sót, càng mong sẽ ghi nối tiếp vào phần sau. Một câu tán dương chính là một câu hộ trì thiện căn. Một niệm cổ động chính là một niệm trừ khử tội nghiệp. Dùng đó để nối tiếp huệ mạng của Phật hồng tự lợi, lợi tha. Đó chính là các vị thần hộ pháp đã hộ trì pháp bảo, tự hộ trì người hoằng pháp, vâng đội của báu, chắc chắn chẳng sai! Hiền nhân thuở trước đã họa tranh to lớn để [thí tặng] khuyên người niệm Phật; sau đó, do người khác niệm

Phật phần nhiều sanh về Tịnh Độ, công đức bèn quy vào người thí tranh cũng được sanh về Tịnh Độ. Công đức pháp thí chẳng thể nghĩ bàn như thế đó. Nguyên các vị đồng nhân cùng gắng sức!

Đồng thiện đạo nhân Châu Khắc Phục kính cẩn khẩn thiết [thưa trình].

2.1. Lịch triều Pháp Hoa Trì Nghiệm Kỹ, quyển thượng

Đồng thiện đạo nhân Châu Khắc Phục thâm thập, biên soạn

Nam Châu Thạch giáo đối

Tiềm Xác cư sĩ Trần Tế Sanh kiểm nghiệm

*** Thích Đàm Ma La Sát ở quận Đôn Hoàng đời Tấn**

Tiếng Hán dịch [tên đại sư] là Pháp Hộ. Ngài vốn họ Chi, tám tuổi xuất gia. Hằng ngày, Sư tụng kinh một vạn chữ, đốc chí hoàng dương đại đạo. Ngài đi khắp các nước ở Tây Vực, mang kinh Phật bằng tiếng Phạn đến Hoa Hạ, dịch các bộ Hiền Kiếp, Chánh Pháp Hoa. Cuối đời Tấn Vũ Đế³⁵⁴, Ngài ẩn cư trong chốn núi sâu. Trong núi có khe suối trong lành, Sư luôn dùng nước ấy để tắm gội, rửa ráy. Về sau, do bị uế trược mà suối bỗng khô cạn, Sư bèn hỏi than rằng: “*Con người thiếu đức khiến cho suối trong cạn giòng đó chăng?*” Nói vừa xong, suối tuôn nước tràn khe. Lòng u thành của Sư cảm vờn như thế đó. Thuở đó, [mọi người] gọi Sư là Đôn Hoàng Bồ Tát.

*** Thích Cư Ma La Thập đời Tấn**

[Tên Sư] dịch sang tiếng Hán là Đồng Thọ. Sư là người Thiên Trúc, bảy tuổi xuất gia, hằng ngày tụng một ngàn bài kệ. Lúc mười hai tuổi, Sư tới nước Sa Lặc³⁵⁵. Ngoài lúc thuyết pháp, Sư chuyên đốc sức

³⁵⁴ Tấn Vũ Đế chính là Tư Mã Viêm (235-290), người sáng lập triều đại Tấn. Cha ông là Tư Mã Chiêu đã nắm quyền thao túng nhà Tào Ngụy. Khi ông nội của ông ta là Tư Mã Ý chết, Tư Mã Sư là con trai trưởng lên thay. Khi Tư Mã Sư ốm chết, Tư Mã Viêm lên thay, kế thừa tước hiệu Tấn Vương. Không lâu sau, ông ép Tào Hoán (Ngụy Nguyên Đế) nhường ngôi cho mình, lập ra nhà Tấn.

³⁵⁵ Sa Lặc (Shule, còn phiên âm là Sớ Lặc) là một vương quốc cổ của người Ba Tư thành lập trên một ốc đảo trong sa mạc Taklamarkan, nằm ở phía Bắc con đường tơ lụa, thủ đô là Kashgar (Khách Thập). Họ nói tiếng Sakan (một ngôn ngữ cổ ở phía Đông Iran). Tới thế kỷ thứ tám, họ bị Thổ Phiên (một vương quốc cổ của người Tây Tạng) chinh phục. Cuối cùng bị sát nhập vào Khách Lạt Hãn Quốc (Kara-Khanid

nơi Phương Đăng. Do vậy, thanh danh vang khắp vùng Thông Tả³⁵⁶. Vua Quy Tư đón Sư về nước, xin Sư khai diễn chỗ uyên áo trong kinh Phương Đăng. Sư vì họ biện định “*các pháp đều là không, vô ngã*”, phân biệt “*Ấm, Giỏi giả danh chẳng thật*”. Người nghe không ai chẳng cảm ngộ. Thời Phù Tàn³⁵⁷, quan Thái Sử tâu có ngôi sao hiện rõ nơi phần dã của ngoại quốc, sẽ có bậc đại trí vào phù tá Trung Hoa. Vua liền sai sứ sang thỉnh. Sau này, tới tháng Chạp năm Hoàng Thi thứ ba (401), [Diêu Hưng, vua nhà Hậu Tần] đón Sư tới Trường An, trụ tại vườn Tiêu Dao. Sư dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ý nghĩa đều viên thông, tâm đại chúng đều khiếp phục. Sư lại tiếp tục dịch các kinh như Tiểu Phẩm [Bát Nhã], Kim Cang Bát Nhã v.v... và các bộ luận hơn ba trăm quyển. Sư yêu thích Đại Thừa, ôm chí hướng giảng diễn rộng lớn. Lúc lâm chung, Sư bảo đại chúng: “*Nguyện các kinh do tôi tuyên dịch sẽ được đời sau cùng hoàng truyền, lưu thông. Nay đối trước đại chúng, thốt ra lời thề thành thật. Nếu các kinh luận do tôi truyền dịch chẳng sai lầm, sẽ khiến cho sau khi hỏa táng, lưỡi chẳng cháy nát*”. Năm Nghĩa Hy thứ năm (409) đời Tấn, Sư tịch tại Trường An. [Đồ đệ] tuân theo pháp ngoại quốc mà xà-duy (trà tỳ, hỏa thiêu). Cúi tắt, thân hình Sư tiêu thất, chỉ có lưỡi chẳng cháy thành tro!

*** Vị tỳ-kheo Ma Ha La xứ Thiên Trúc đời Tấn**

Khanate), một vương quốc cổ của người Thổ Nhĩ Kỳ. Vào thời Đường, Sa Lặc trở thành lãnh thổ phụ thuộc của nhà Đường.

³⁵⁶ Tức vùng thung lũng thuộc rặng núi Pamir (Thông Lĩnh), nằm giữa phần giao tiếp giữa các rặng núi Thiên Sơn, Khách Lạt (Karakoram), Côn Luân, và Hưng Đô Khố Thập (Hindukush). Vùng này nằm giữa các quốc gia Tajikistan, Kyrgyzstan, A Phú Hãn, Pakistan và Trung Hoa.

³⁵⁷ Phù Tàn tức là nhà Tiền Tần (350-394) do Phù Hồng sáng lập. Đây là một nước trong thời Thập Lục Quốc. Năm 350, một tướng lãnh thuộc dân tộc Đê là Phù Hồng chiếm cứ vùng Quan Trung, xưng là Tam Tần Vương. Chẳng lâu sau, ông ta bị Ma Thu đầu độc chết, con trai là Phù Kiên lên kế vị, xưng đế. Do Quan Trung là lãnh thổ của nhà Tần thời Chiến Quốc, cho nên Phù Kiên lấy quốc hiệu là Tần, đóng đô tại Trường An. Phù Kiên chinh phục các tiểu quốc lân cận, như diệt nhà Tiền Yên, đánh thắng Đông Tấn, chiếm cứ Lương Châu và Ích Châu, diệt Tiền Lương, diệt nước Đại của người Tiên Ty, sai Lữ Quang chiếm đóng Tây Vực. Thời cực thịnh, lãnh thổ nhà Tiền Tần gần như chiếm trọn vùng bắc Trung Hoa. Sử nói: “*Đông đến tận biển thẳm, Tây thôn tính Quy Tư, Nam bao gồm Tương Dương, Bắc đến tận sa mạc*”.

Sư đọc Ma Ha Diễn (Đại Thừa), đức hạnh lẫy lừng. Quốc vương chánh tín, thường trải tóc phủ bùn để Sư bước qua. Có người tâu vua: “Người này chẳng đọc tụng kinh nhiều, sao [bệ hạ] lại cúng dường to lớn?” Vua bảo: “*Ta từng vào nửa đêm, muốn gặp vị tỳ-kheo này, liền đến chỗ Ngài. Thấy Sư ở trong một cái hang đọc kinh Pháp Hoa. Có người quang minh kim sắc, cười voi chúa trắng, chấp tay cúng dường. Ta vừa mới tới gần, liền chẳng thấy [người ấy đâu nữa]. Do vậy, ta hỏi tỳ-kheo: ‘Vì trẫm đến mà người kim sắc diệt mất ư?’ Sư nói: ‘Đó chính là Biến Cát Bồ Tát’. Ngài Biến Cát tự nói: ‘Nếu có người nào tụng kinh Pháp Hoa, ta sẽ cười voi trắng đến dạy bảo’. Tôi đọc kinh này, ngài Biến Cát tự đến. Biến Cát chính là Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh. Ta nghe như thế xong, lễ dưới chân Ngài, lui ra. Vì thế, ta nay siêng năng cúng dường*”.

*** Thích Bạt Trùng ở Trường An vào đời Tấn**

Sư xuất gia lúc hai mươi tuổi, căn khí vụng về, chậm chạp. Sư thề tụng Pháp Hoa, mỗi ngày ghi nhớ một hàng, hoặc nửa bài kệ. Siêng khổ như thế, tới lúc tám mươi tuổi mới thông suốt một bộ. Một hôm, Sư bỗng thấy một vị thần mặc áo đỏ, cầm sớ đến nói: “Thiên đế phụng nghênh đón đại đức”. Sư đáp: “*Ta suốt đời tụng trì, chuyên cầu Cực Lạc. Đạo Lợi tuy thắng diệu, chẳng phải là điều ta mong mỏi!*” Thần bèn rời đi. Lại một tối, Sư mộng thấy tòa tháp lớn bằng bảy báu. Sư ở trên tầng thứ năm; nhìn ra xa, thấy bệ thành bằng bảy báu, chẳng có ngăn mé. Có hai vị thần kim cang cầm xử đứng, mấy chục người mặc áo xanh, tay cầm phát trần trắng, phẩy bậc thang nói: “Đây là thành báu chôn Tây Phương, đến đón ngài Bạt Trùng”. Sư tỉnh mộng, liền sai đem y bát [bán đi lấy tiền để] trai tăng đại chúng. Sư hỏi: “Các vị có thấy một ngàn vị Phật hay không?” Đại chúng nói: “Không thấy”. Lại hỏi: “Có người thấy mùi hương lạ hay không?” Đại chúng nói: “Đều người thấy”. Nói xong, Sư hướng về phương Tây, lặng lẽ qua đời.

*** Thích Huệ Viễn đời Tấn**

Sư họ Giả, người Nhạn Môn. Sư nghe sa-môn Thích Đạo An giảng kinh Bát Nhã, lập tức khai ngộ, bèn theo thầy tu học. Sư suy nghĩ, phúng tụng, trì niệm tinh tường. Năm Thái Nguyên thứ sáu (381), Sư tới Lư Sơn, trụ tại tinh xá Long Tuyền. Sư muốn dựng Lan Nhã, nhưng còn

thiếu vật liệu, cảm sơn thân hiện ra trong mộng. Một tối, đông tố to lớn. Đến sáng thì gỗ đã chát như rừng. Thử Sử Hoàn Y kinh ngạc trước sự thần dị ấy, bèn vì Sư dựng chùa Đông Lâm, đặt tên đại điện là Thần Vận. Sư từng nói: *“Tam-muội trong các giáo, có rất nhiều danh tự, nhưng công cao, dễ tiến, niệm Phật đứng đầu”*. Sư bèn cùng Huệ Vĩnh, Huệ Trì v.v... kết xã niệm Phật. Người thuở ấy gọi họ là Thập Bát Hiền. Sư lại suất lãnh đại chúng gồm một trăm hai mươi ba người cùng tu Tịnh nghiệp. [Sư chế ra] đồng hồ sen để Thiền tụng sáu thời chẳng sót. Có pháp sư Huệ Nghĩa bộc trực, trẻ tuổi cậy tài, từng tới núi, gặp Sư đang giảng kinh Pháp Hoa, toan đến bắt bẻ, bỗng hổ thẹn, toát mồ hôi, lùi ra nói: *“Vị này lời lẽ, dung mạo thật đáng kính phục”*. Chư tăng ở Tây Thổ đều ca ngợi *“đất Hán có bậc khai sĩ Đại Thừa”*, thường hướng về phương Đông kính lễ.

Ba mươi mấy năm, Sư quyết chí nơi Tây Phương, ba lượt thấy thánh tượng, nhưng im lặng chẳng nói. Tối ngày Ba Mươi tháng Bảy năm Nghĩa Hy 12 (416), tại khám thất ở phía Đông đài Bát Nhã, Sư mới vừa từ Định khởi, thấy A Di Đà Phật, thân đầy khắp hư không. Trong viên quang, có vô lượng hóa Phật, Quán Âm và Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy nước chảy và quang minh, chia thành mười bốn nhánh, chảy vòng quanh cao thấp, diễn nói diệu pháp. Phật dạy: *“Ta do bốn nguyện lực đến an ủi ông. Bảy ngày sau, ông sẽ sanh về nước ta”*. Sư lại thấy Phật Đà Da Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân ở cạnh đức Phật, tiến lên trước, vòng tay thưa: *“Sư lập chí trước hết, sao lại đến trễ vậy?”* Sư biết đã tới lúc, bảo môn nhân rằng: *“Lúc ta mới ở nơi đây, đã ba lượt thấy thánh tượng, nay lại được thấy, ắt sẽ sanh về Tịnh Độ”*. Tối kỳ hạn, Sư ngồi ngay ngắn, nhập trong tịch tĩnh. Lúc đó là ngày Sáu tháng Tám. Sư có trước tác *Lư Sơn Tập* gồm mười quyển.

*** Thích Huệ Trì đời Tấn**

Sư là em cùng mẹ với tổ Huệ Viễn. Lúc mười tám tuổi, Sư học khắp các kinh với ngài Đạo An, thông hiểu Tam Tạng, tinh thông nhất là kinh Pháp Hoa. Thái Thú Dự Chương là Phạm Ninh từng thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa và A Tỳ Đàm Luận. Bốn phương tụ tập như mây. Năm Long An thứ ba (399), Sư từ biệt anh để vào đất Thục. Ngài Huệ Viễn giữ lại. Sư nói: *“Đã muốn cắt bỏ ái dục thành đạo, đúng là nên mong cầu Tây Phương”*. Sư tới Thành Đô, trụ tại chùa Long Uyên, hoằng dương

Phật pháp rộng lớn. Người dự vào giảng đường của Sư nói là “*đăng Long Môn*”.

Tới tháng Tư năm Chánh Hòa thứ ba (1113) đời Tống, [quan lại ở] Gia Châu tâu trình gió đánh gãy cây to, có vị tăng đang nhập Định [trong thân cây ấy]. Vua sắc truyền đưa Sư về kinh đô. Tháng Tám, đưa Sư vào viện dịch kinh trong cung cấm. Gõ khánh vàng, vị tăng xuất định, nói: “*Tôi là Huệ Trì em của Huệ Viễn ở Đông Lâm. Do sang Tây đến Nga Mi, do vậy bèn nhập Định ở nơi ấy*”. Hỏi Sư muốn về đâu. Đáp: “Trần Lưu” rồi lại nhập Định. Tống Huy Tông sai người vẽ tượng Sư để ban hành, còn viết bài tán rằng: “*Thất bách niên tiền lão cổ trụ, định trung tiêu tức hứa thủy tri, tranh như chích lý Tây quy khứ, sanh tử đồ lao mộc tác bì*” (Búa cổ đã bảy trăm năm trước, trong Định tin tức há ai hay, khác nào dép lẻ³⁵⁸ về Tây Vực, nhọc nhằn sanh tử, gổ như da).

*** Thích Tăng Duệ đời Tấn**

Sư là người Ký Châu, tham học khắp các nơi, đến trọn các cõi nước ở Thiên Trúc. Trở về Quan Trung, Sư theo ngài La Thập học kinh nghĩa. Ngài La Thập dịch kinh Pháp Hoa. Đối với câu “*thiên kiến nhân, nhân kiến thiên*” (người thấy trời, trời thấy người) trong bản dịch [kinh Chánh Pháp Hoa] của ngài Trúc Pháp Hộ, ngài La Thập nói: “Câu này quá mộc mạc”. Sư thưa: “*Chẳng phải là ‘nhân thiên giao tiếp, lưỡng đắc tương kiến’ (trời người giao tiếp, đôi bên trông thấy nhau) ư?*” Ngài La Thập hoan hỷ, bèn dùng câu văn ấy. Về sau, Sư vào Lư Sơn, nương theo Viễn công (tổ Huệ Viễn) tu Tịnh nghiệp. Sau đó, Sư dời sang kinh sư, trụ tại Ô Y Tự, giảng nói Pháp Hoa. Người nghe đều suy tôn khâm phục. Năm Nguyên Gia 16 (439), Sư hướng về Tây, chấp tay, qua đời. Mọi người thấy trước giường có một đóa sen vàng trong khoảnh khắc ầm mát. Khói hương năm màu từ trong thất tuôn ra.

*** Thích Pháp Sùng tại Diêm Đông đời Tấn**

Sư họ Trúc, nhập đạo từ nhỏ, được xưng tụng là bậc giới hạnh, có tiết tháo. Sư dốc chí nơi kinh luận, giỏi nhất là Pháp Hoa. Sư từng sang

³⁵⁸ Tổ Đạt Ma sau khi đã tịch, có người sang sứ Tây Vực thấy Tổ quảy một chiếc dép đi. Người ấy về tâu lên, vua cho khai quật mộ, chỉ thấy trong quan tài còn một chiếc dép. Câu này có ý sánh ví ngài Huệ Vĩnh thân dị chẳng khác gì tổ Đạt Ma.

Lộc Sơn ở Tương Châu. Sơn tinh hóa làm người cõi trời đến xin thọ giới với Sư. Do vậy, sơn tinh xả núi đang cư trú để dựng chùa. Sư ở đó ít lâu, biến chỗ ấy thành chốn thịnh vượng. Sau đó, Sư trở về núi Cát Hiện, kết lều tranh, uống nước suối, vui với thiên huệ. Sư có soạn Pháp Hoa Nghĩa Sớ gồm bốn quyển.

*** Thích Đạo Dung tại quận Bành Thành đời Tấn**

Sư theo ngài La Thập vào vườn Tiêu Dao, tham dự dịch trường để dịch bản mới tường tận của kinh Pháp Hoa. Sư mở tòa giảng kinh, ngài La Thập tự đến nghe, than là rất tuyệt diệu. Sư và ngài Đàm Ảnh đều soạn Pháp Hoa Văn Sớ, cùng được lưu truyền trong cõi đời. Ngài Đàm Ảnh khéo giảng Chánh Pháp Hoa và Quang Tán Bát Nhã. Mỗi vị xiển dương, người nghe đến cả ngàn. Sư cũng giúp ngài La Thập dịch kinh, được đại sư hết sức quý trọng.

*** Thích Đàm Dực đời Tấn**

Sư là người Dư Hàng. Trước kia, sa-môn Pháp Chí thường tụng Pháp Hoa, có con chim trĩ thường bay liệng nơi góc tòa, ra vẻ như đang lắng nghe. Bảy năm sau, chim trĩ chết, ngài Pháp Chí đem chôn nó. Ban đêm, Sư mộng thấy một bé trai đến bái tạ: “Do nghe kinh mà con thoát khỏi loài chim. Nay con sanh làm con của nhà họ Vương ở trước núi”. Nhà họ Vương một hôm thiết trai. Sư vừa đặt chân đến cửa, đứa bé nói: “Hòa thượng của ta đến rồi!” Pháp Chí vỗ về nói: “Đây là bé trĩ của ta”. Cởi áo ra xem, dưới nách quả nhiên có ba cọng lông chim trĩ. Do vậy, đặt tên là Dực (翼, cánh). Đàm Dực bảy tuổi xuất gia, mười sáu tuổi xuống tóc. Thoạt đầu, Sư vào Lư Sơn, nương cây Viễn công. Tiếp đó, vào Quan Trung, theo học với ngài La Thập. Năm Nghĩa Hy 13 (417), Sư trở về Cối Kê ở phương Đông. Sư vào núi Tản Vọng, kết am tranh, gọi đó là Pháp Hoa Tinh xá, chuyên tụng Pháp Hoa.

Mười hai năm sau, có một cô gái mặc áo màu, xách cái lồng, trong đó đựng một con lợn trắng và hai củ tỏi. Cô ta tới trước mặt Sư nói: “Thiếp vào núi hái rau Vi³⁵⁹, trời đã tối rồi, sài lang tung hoành, trở về sẽ chẳng còn nẻo sống! Dám xin ở nhờ Sư một đêm”. Sư tận lực khước từ,

³⁵⁹ Vi (薇) là một loại rau dại, thuộc loài Dương Xỉ, tức Royal Fern, thường mọc dưới bóng cây, dọc bờ suối. Phần thường được dùng để ăn là búp non của nó.

cô gái buồn khóc không ngừng! Sư bèn cho cô ta nằm trên giường cỏ. Nửa đêm, cô ta kêu đau bụng, xin Sư xoa bụng. Sư lấy vải bọc tích trượng, từ xa ấn lên bụng cô. Hôm sau, áo màu của cô gái biến thành mây lành, lợn biến thành voi trắng, tỏi hóa thành hai đóa sen, cô ta thăng lên không, bảo Sư rằng: “*Ta là Phổ Hiền Bồ Tát. Do không lâu nữa, ông sẽ quy thuộc đại chúng của ta, nên ta đặc biệt đến thử. Xem cái tâm của ông đúng là trắng trong nước, chẳng thể bị nhiễm ô!*” Ngài nói xong, trời đổ mưa hoa, đất đều chấn động. Thái Thú Mạnh Ký Phương sáng dậy xem xét công việc, bỗng thấy mây lành ở phương Nam, ánh sáng chiếu tận vào sân, biết là đức Phổ Hiền thị hiện ứng hóa, bèn tâu chuyện ấy lên triều đình. Vua sắc truyền kiến tạo chùa Pháp Hoa, tức là Thiên Y Tự hiện thời. Sư đã hóa, đại chúng dùng nhựa cây sơn bó thân Ngài, giữ trong núi!

*** Thích Pháp Khoáng chùa Ngõa Quan ở kinh đô đời Tấn**

Sư họ ngoài đời là Cao, ngụ cư tại Ngô Hưng; phong cách, tiết tháo cao vời. Sư từng vì thầy mình lễ sám, tới ngày thứ bảy, cảm vờ quang minh năm màu chiếu vào phòng, bệnh thầy liền lành. Về sau, Sư ở trong hang đá nơi núi Tiềm Thanh, mỗi ngày giảng ý chỉ “*hội tam thừa về nhất thừa*” trong kinh Pháp Hoa, dạy kinh Vô Lượng Thọ là cái nhân của Tịnh Độ. Sư thường ngâm vịnh hai bộ [kinh ấy]. Tạ An là thái thú Ngô Hưng, luôn hướng về Sư bày tỏ lòng tôn kính. Giản Văn Đế³⁶⁰ vờ Sư đến hỏi về những sinh hoạt thường nhật. Khi đó, có sao chổi xuất hiện, vua đem chuyện đó cầu Sư. Sư dốc hết lòng thành sám hối để giải trừ tai nạn. Chẳng mấy chốc, sao chổi diệt mất. Trong niên hiệu Hưng Ninh³⁶¹, Sư sang phương Đông đến Nhữ Da, trụ tại chùa Xương Nguyên để cứu vớt những kẻ bệnh khổ, không gì chẳng thỏa lòng mong đợi. Người ta thường thấy nơi Sư đi ngồi có mấy chục vị quỷ thần hộ vệ trước sau!

*** Thích Pháp Tự tại núi Thạch Thất ở Tây Thục vào đời Tấn**

³⁶⁰ Giản Văn Đế là Tư Mã Dục (320-372), tên tự là Đạo Vạn, vua thứ mười bốn của nhà Tấn.

³⁶¹ Hưng Ninh là niên hiệu sử dụng từ năm 363 đến năm 365 của Tấn Ai Đế (Tư Mã Phi).

Sư là người Cao Xương, đức hạnh thanh cao, cần trọng, ăn chay, tu Thiền. Về sau, vào đất Thục, sống trong khu mộ của Lưu sư, tu hạnh Đầu Đà trong sơn cốc. Cọp, rắn trông thấy Sư chẳng gây thương tổn. Sư tụng ba kinh Pháp Hoa, Duy Ma, và Kim Quang Minh, từng ở trong nhà đá, vừa tu Thiền, vừa tụng niệm. Trong lúc giữa Hạ, Sư bỗng nằm bên hông phải qua đời. Bảy ngày [thi thể] chẳng hoại, người làng bèn dựng tháp. Một đêm, tháp tỏa ánh sáng chiếu tỏ mây dậm!

*** Thích Pháp Nghĩa đời Tấn**

Sư họ Trúc, nhập đạo từ thuở đề chỏm, nghiên học tinh tường kinh Pháp Hoa. Về sau, ra kinh đô, mở tòa giảng pháp rộng rãi. Trong niên hiệu Hưng Ninh, Sư trở về Giang Tả³⁶², ẩn dật tại tinh xá Bảo Sơn ở Cối Kê. Năm Hàm An thứ hai (372), Sư bỗng mắc bệnh, nhưng tụng kinh chẳng ngừng. Sư thường niệm Quán Âm, đêm mộng thấy một đạo nhân lôi ruột và bao tử Sư ra, gột rửa sạch rồi lại nhét vào bụng. Sư thức giấc, bệnh đã khỏi hẳn!

*** Hoa sen mọc từ hòm sành**

Năm Kiến Hưng thứ hai (314) đời Tấn, cách huyện Trường Sa hơn một trăm dặm về phía Tây, từ trên đất bằng nảy sanh hai gốc hoa sen xanh. Đạo tục tranh nhau đến xem. Do vậy, đào đất xuống một trượng hai thước, tìm được một cỗ quan tài bằng sành. Sen trở từ chỗ quan tài bị hư hoại. Mở ra xem, thân rễ hoa sen mọc từ chỗ vòm miệng của đầu lâu. Phụ lão nói: “Xưa kia có vị tăng chẳng biết tên họ. Sư tụng kinh Pháp Hoa hơn một vạn bộ. Chẳng bệnh tật mà qua đời. Dùng sành làm quan tài, chính là cỗ quan tài này đây”. Mọi người dựng chùa tại đó, đặt tên là Ngõa Quan (瓦官, quan tài bằng sành).

*** Lưu Trình Chi đời Tấn**

³⁶² Giang Tả chính là Giang Đông, tức vùng phía Đông sông Trường Giang (sông Dương Tử), bao gồm các tỉnh Giang Tô, An Huy, thành phố Thượng Hải, tỉnh Chiết Giang, tỉnh Giang Tây hiện thời.

Ông có tên tự là Trọng Tư, người Bành Thành. Thoạt đầu, ông ra làm quan, làm Tham Quân³⁶³ tại phủ. Sau đó, vào Lư Sơn, do dốc lòng theo Phật, nên từ quan. Triều đình bàn định, ban hiệu cho ông là Di Dân. Ông cùng với Viễn công, Lô Thử Tông, Châu Tục Chi, Tông Bình, Trương Thuyên v.v... kết liên xã cùng tu Tịnh Độ. Ông khắc lời thề trên đá, lại soạn thơ niệm Phật tam-muội để tỏ ý chuyên niệm và tọa Thiền. Mới tu tập được nửa năm, ông liền ở trong Định, thấy Phật quang chiếu đất đều thành kim sắc. Ông sống trong núi mười lăm năm, trong khi đang niệm Phật, thấy A Di Đà Phật, quang minh từ tướng ngọc hào chiếu soi, an ủi, xoa đỉnh đầu. Một hôm, ông niệm Phật, lại thấy vào ao bảy báu, hoa sen xanh trắng. Nước ấy trong lặng. Một người cổ có viên quang, lồng ngực có chữ Vạn, chỉ nước ao bảo: “Nước tám công đức, ông hãy nên uống”. Trình Chi uống nước, thơm ngọt phi thường. Tới khi tỉnh giấc, vẫn thấy mùi hương lạ tỏa ra từ lỗ chân lông. Ông than: “*Đây là duyên Tịnh Độ của ta đã tới*”.

Ông lại thỉnh tăng, chuyên đọc kinh Pháp Hoa vài trăm lượt. Chư tăng ở Lư Sơn đều nhóm tới, Trình Chi đối trước tượng, dâng hương, lại lạy, chúc rằng: “*Con do di giáo của đức Thích Ca nên biết có từ phụ Di Đà. Hương này trước hết cúng dường Thích Ca Mâu Ni Như Lai, kế đến cúng A Di Đà Phật. Kế đó, cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sở dĩ được sanh về Tịnh Độ, đều do trì kinh này. Nguyên cho hết thấy hữu tình, đều sanh về Tịnh Độ*”. Ông hướng mặt về Tây, chấp tay, qua đời. Khi đó là năm Nghĩa Hy thứ sáu (410), mùi hương lạ ngào ngạt, suốt bảy ngày mới tan. Viễn công soạn bia ghi đức hạnh của ông.

*** Sa-môn Cầu Na Bạt Ma (Guṇavarman) nước Kế Tân đời Tống**

Tên Sư dịch sang tiếng Hán là Công Đức Khải. Sư thọ giới lúc hai mươi tuổi, tụng kinh Pháp Hoa và các kinh, hơn trăm vạn câu. Nguyên Gia nguyên niên (424), Sư theo thuyền buôn thuận gió tới Quảng Châu. Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) nghe tin, sắc châu quận phát tiền. Sư theo đường bộ, tới trụ tại núi Hồ Thị, lập riêng một Thiền thất ở ngoài chùa trên núi. Núi trước đó vốn có nhiều hổ gây tai ương. Từ đó trở đi, [người] đến đi không sao cả. Hoặc có lúc gặp hổ, Sư lấy trượng ấn đầu nó mà đi. Sư từng có lúc tọa Thiền trong biệt thất, khi sa-di đến, thấy

³⁶³ Tham Quân còn gọi là Tham Quân Sự, tức Tham Mưu Quân Vụ, là chức quan võ, làm cố vấn cho trưởng quan.

một con sư tử trắng đứng dựa vào cột. Khắp quanh thất trở hoa sen xanh, màu sắc, ánh sáng chói mắt. Sa-di kinh ngạc hô lên, bỗng chẳng thấy gì nữa. Tháng Giêng năm Nguyên Gia thứ tám (232), Sư tới Kiến Khang (Nam Kinh), vua sắc trụ trì chùa Kỳ Hoàn. Sư khai giảng Pháp Hoa, biện tài mau nhiệm lưu loát, người nghe đều sanh giải ngộ. Mùa Hạ năm ấy, Sư ở chùa Định Lâm, khi đó có người tin tưởng hái hoa xếp quanh tòa giảng, chỉ có chỗ Sư ngồi là sắc hoa càng tươi thắm, mọi người đều nói đó là dấu hiệu cho thấy Sư đã chứng thánh.

*** Thích Đạo Sanh đời Tống**

Sư là người Cự Lộc. Từ bé, theo ngài Trúc Pháp Thái xuất gia. Thoạt đầu, Sư vào Lư Sơn, ở yên trong núi bảy năm. Khi đó, Sư tụng kinh Pháp Hoa, từng cho rằng trong lẽ trọng yếu để nhập đạo, huệ giải là gốc. Do vậy, Sư dùi mài nơi các kinh, chẳng ngại mệt khổ. Sư vào Quan Trung, theo học với ngài La Thập, biện tài vấn đáp cao vời, cõi đời đều gọi Ngài là “*thần ngộ*”. Về sau, Sư vào núi Hổ Khâu giảng kinh. Tới đoạn “*Xiển Đề đều có Phật tánh*”, các tăng đá đều gật đầu. Sư lại ở Bán Đường, tụng kinh Pháp Hoa. Có một bé trai theo Sư xuất gia, cũng tụng Pháp Hoa. Hiềm rằng bé trai mạng chung; do vậy, chôn nó trong rừng. Một tối, [nơi mộ nó] nghe tiếng tụng kinh, người làng lấy làm lạ. Đào lên xem, thấy lưỡi nó trở hoa sen xanh. Do vậy, dựng tháp, sau xây thành chùa (tức là chùa Bán Đường hiện thời).

Cao Khải Vi vịnh thơ rằng: “*Hoàng thổ đàn mai cốt, khởi năng mai tánh linh. Tích văn túc thảo gian, tăng phún liên hoa thanh. Thân quy trường dạ đài, khẩu tụng Tây Phương kinh. Tầm tích thù yếu yếu, văn thanh mỗi lãnh lãnh. Hàn đăng chiếu không tháp, thời hữu sơn tăng thính, ưng sử lân trung văn, trầm mê tận giai tỉnh*” (Đất vàng chỉ vùi xương, há chôn nổi tánh linh? Xưa nghe trong đám cỏ, từng trở hoa sen xanh. Thân về cõi đêm thắm, miệng tụng kinh Tây Phương. Tìm dấu ôi buồn thắm, nghe tiếng mỗi lạnh lùng. Đèn lạnh soi tháp trông, sơn tăng vừa lắng nghe, khiến cho các mộ gần, trầm mê đều tỉnh ngộ).

*** Thích Pháp Trang đời Tống**

Sư là người Hoài Nam; thuở trẻ, làm đệ tử của Viễn công, nổi danh khổ hạnh. Tuổi già, Sư sang Quan Trung, theo học với Duệ Công (ngài Tăng Duệ). Đầu niên hiệu Nguyên Gia, Sư trụ tại chùa Đạo Tràng.

Bầm tánh đơn giản, Sư mỗi ngày chỉ ăn một bữa Ngọ, tụng kinh Niết Bàn và Pháp Hoa, cảm thiên thần đến nghe. Vào cuối đêm, mỗi khi Sư phúng tụng, những người ở gần đó thường nghe trước thất của Sư có tiếng binh khí [của thiên nhân] bảo vệ.

*** Thích Huệ Khánh đời Tống**

Sư họ Trúc, người Quảng Lăng, trụ tại chùa Lư Sơn, học thông tổ kinh luật, là bậc thanh khiết, có giới hạnh. Sư tụng các kinh như Pháp Hoa, Tư Ích v.v... Mỗi đêm Sư phúng tụng, đều nghe trong bóng tối có tiếng khảy ngón tay, tán thán. Trong niên hiệu Nguyên Gia, Sư vượt sông gặp gió mạnh, thuyền sắp chìm, Sư chỉ tụng kinh không ngớt, cảm thấy thuyền ở trong sóng dữ, đón bão vượt dòng, như có người kéo đi vậy. Chốc lát bỗng đến được bờ!

*** Thích Đạo Quỳnh ở chùa Nam Giản tại kinh đô thời Tống**

Sư là người Phù Phong. Vì thầy bệnh, Sư cùng bạn học ba người, vào Hoắc Sơn ở Hà Nam để hái nhũ thạch. Vào trong hang mấy dặm, ba người chết chìm, đèn đuốc lại tắt ngóm. Đạo Quỳnh thắp tụng kinh Pháp Hoa, cây vào lòng thành xin được cứu tế. Sư lại nghĩ tới đức Quán Âm, trong khoảnh khắc, có ánh sáng như đom đóm. Sư noi theo, bèn ra khỏi hang. Về sau, Sư cử hành Phổ Hiền Trai, có hai vị tăng đến lễ Phật, ra khỏi cửa bay lên không đi mất. Mọi người đều kinh dị.

*** Thích Đàm Đế đời Tống**

Sư họ Khang, tổ tiên là người nước Khang Cư³⁶⁴. Cuối đời Hán, chuyển vào Trung Hoa. Sau dời đến Ngô Hưng. Cha Sư tên là Đan, làm Biệt Giá³⁶⁵ ở Ký Châu. Mẹ Sư họ Hoàng, đêm nằm ngủ, mộng thấy một

³⁶⁴ Khang Cư (Sogdiana) là một quốc gia ở Trung Á, thuộc miền Đông nước Kazakhstan (tức thung lũng Ferghana hiện thời) và lưu vực sông Syr Daria. Sử Trung Hoa cho biết nước này nằm phía Bắc Đại Uyên, phía Tây nước Ngô Tôn, giáp giới Nhục Chi ở phía Nam. Người Khang Cư là dân du mục. Hậu duệ của họ là người Zhuz ở nước Kazakhstan.

³⁶⁵ Chức quan này gọi đủ là Biệt Giá Tùng Sự Sứ, là quan phụ tá của Thứ Sử coi một châu. Do địa vị khá cao, khi du hành có xe riêng, chẳng ngồi cùng một xe với Thứ Sử, cho nên gọi là Biệt Giá, có trách nhiệm xử lý thường vụ (hay thường gọi là

vị tăng gọi bà Hoàng là mẹ, gởi một chiếc phát trần và hai cái chặn sách³⁶⁶ bằng sắt chạm trổ. Tới khi bà thức, thấy cả hai món đồ đều còn đó. Do vậy, bà bèn có thai Sư. Khi năm tuổi, mẹ lấy các vật như phát trần v.v... cho xem, Sư nói: “Do Tần vương biếu tặng”. Mẹ hỏi: “Con đặt ở chỗ nào?” Đáp: “Quên mất rồi!” Sư mười tuổi xuất gia, chẳng theo thầy học mà tự giải ngộ. Đối với ý chỉ uyên áo của kinh Pháp Hoa, Sư biện giải như sông treo. Sư từng theo cha đến Phàn Đăng, gặp một vị tăng đến từ Quan Trung là Lược đạo nhân. Sư bỗng gọi tên vị ấy. Lược đạo nhân nói: “Vì sao bé trai lại gọi tên của bậc tôn túc?” Ngài Đạo Đế đáp: “Xưa kia hòa thượng chính là sa-di của Đế. [Hòa thượng] vì chúng tăng hái rau, bị lợn rừng làm bị thương. Nay bỗng gặp ông, ta bất giác kêu lên”. Thoạt đầu, Lược đạo nhân chẳng nhớ, bèn dò hỏi, Sư kể đầu đuôi, còn đem chặn sách và phát trần cho xem. Lược đạo nhân hiểu ra, khóc nói: “Ngài chính là tiên sư Hoàng Giác pháp sư. Tiên sư từng giảng kinh Pháp Hoa cho Diêu Thành, bản đạo làm đô giảng³⁶⁷. Diêu Thành tặng thầy hai món đồ”. Ông ta nhớ lại ngày sư Hoàng Giác nhập diệt, chính là ngày gởi gắm hai vật ấy. Lại nhớ đến chuyện hái rau, càng thêm bi ngưỡng. Đến già, Sư vào chùa Vũ Khâu ở đất Ngô, giảng Pháp Hoa, Đại Phẩm, Duy Ma, mỗi kinh mười lần lượt. Về sau, Sư trở về Ngô Hưng, nhàn cư, uống nước suối suốt hai mươi mấy năm. Cuối niên hiệu Nguyên Gia, Sư thị tịch trong núi.

*** Thích Đàm Thúy đời Tống**

Sư trụ tại chùa Bạch Mã ở Hà Âm, ăn rau, áo vải, tụng kinh Chánh Pháp Hoa mỗi ngày một lượt. Sư từng có lần trong đêm nghe có người gõ cửa, thưa: “*Thỉnh Sư giảng kinh chín mươi ngày*”. Sư từ chối, [người ấy] cứ cố kéo nài, Sư bèn chấp thuận. Sư vẫn đang ngủ, bỗng thấy thân mình đã ở trong đền Bạch Mã, cũng có một đệ tử cùng ở đó. Từ đấy, mỗi ngày Sư ngẫm tới, chẳng có ai biết. Về sau, tăng sĩ trong chùa đi qua đền ấy, thấy có hai cái tòa cao. Sư ở phía Bắc, đệ tử ở phía Nam, dường như có tiếng giảng nói. Lại nghe mùi hương lạ. Do vậy, cùng nhau lan truyền chuyện thần dị. Sư giảng kinh tới Hạ mới xong.

Chánh Văn Phòng theo nghĩa hiện thời) trong phủ thự của quan tri châu (thứ sử). Đời Tùy, chức quan này được gọi là Trưởng Sử. Đời Tống, đổi thành Thông Phán.

³⁶⁶ Chặn sách (thư trấn) tức là vật dùng để đề lên trang sách khi đọc để sách khỏi bị xếp lại.

³⁶⁷ Người phụ tá sắp xếp cho pháp sư giảng kinh.

*** Thích Phổ Minh đời Tống**

Sư họ Trương, người Lâm Truy, xuất gia từ bé, bẩm tánh thanh thuần, lấy sám tụng làm hạnh nghiệp. Khi Sư tụng kinh Pháp Hoa, bèn có tòa riêng, áo riêng, chưa từng uế tạp. Mỗi khi tụng tới phẩm Khuyến Phát, liền thấy đức Phổ Hiền cười voi sáu ngà đứng trước mặt.

*** Thích Bảo Thông đời Tống**

Sư phạm hạnh tinh tu, tụng phẩm Đà La Ni của kinh Pháp Hoa đã lâu ngày. Lâu sau bèn có sự linh dị. Thuở đó, tại thôn Dương Kiều, có vợ người họ Triệu bị quỷ mị dựa, thỉnh Sư tụng phẩm Đà La Ni. [Sư đến nơi], có thần hiện hình, gọi quỷ ấy đến quở trách. Vợ ông Triệu lành bệnh. Về sau, bệnh lại tái phát. Sư qua đó, thấy con quỷ đã bị quở trách lần trước. Sư nói: “Lần trước ta đã răn dạy, nay sao ngươi lại đến nữa? Ta sẽ tụng chú, khiến cho đầu ngươi vỡ thành bảy miếng như cành cây A Lê!” Quỷ khấu đầu, ai oán van xin, bỏ đi. Bệnh [của vợ ông Triệu] liền lành!

*** Thích Tăng Đăng đời Tống**

Sư trụ tại chùa Đại Lâm ở Lư Sơn, tụng thông suốt kinh Pháp Hoa, ngày đêm chẳng dứt. Một hôm, bỗng thấy trên hư không có một tòa điện bằng bạc, dần dần hạ xuống trong phòng, chợt biến thành điện vàng. Sư vào điện, ngồi, đứng, kinh hành. Suốt ba năm như thế. Xa gần tuân theo sự giáo hóa của Sư. Sư vì người khác thuyết giới, miệng tỏa quang minh. Một hôm, Sư ra ngoài, trở về, bảo đệ tử: “*Nay ta sẽ lên điện vàng, chẳng trở ra nữa!*” Sư lập tức thân nhiên thoát hóa. Mùi hương lạ quanh quẩn cả tháng!

*** Thích Pháp Huệ đời Tống**

Sư vốn họ Hạ Hầu, giữ chí siêng khô, luật hạnh nghiêm cẩn, trong sạch. Cuối niên hiệu Đại Minh³⁶⁸, Sư sang Đông thăm Vũ Huyệt, ẩn cư

³⁶⁸ Đại Minh là niên hiệu thứ hai của Tống Hiếu Vũ Đế (Lư Tuấn) sử dụng từ năm 457 đến 464.

tại núi Thiên Trụ, tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày trọn một bộ, chí vượt cõi trần. Sư ở đó hơn ba mươi năm, vương hầu, kẻ phú quý, chỉ đến bái lạy ở cửa rồi quay về. Chỉ riêng ông Châu Ngung ở Nhữ Nam, do tín lẫn giải đều sâu, đặc biệt được Sư tiếp xúc. Chỗ Sư tụng kinh luôn có mây màu bao phủ trên không trung.

*** Thích Huệ Lượng đời Tống**

Từ bé, Sư đã có danh tiếng tốt đẹp. Sư lập chùa tại Lâm Truy, giảng Pháp Hoa, Đại Phẩm, Tiểu Phẩm [Bát Nhã]. Người theo học vân tập từ ngàn dặm. Về sau, Sư vượt sông, trụ tại chùa Hà Viên. Nhan Diên Chi, Trương Tự luyện mộ đức lưu luyện, thường than rằng: “*Lời lẽ thanh diệu, [pháp đạo] sắp dứt mà lại được phục hưng*”. Sư trước tác bộ Huyền Thông Luận được lưu hành trong cõi đời.

*** Thích Huệ Quả ở Dương Châu đời Tống**

Sư từ bé đã ăn chay, giữ vững khí tiết. Trong niên hiệu Thái Thi³⁶⁹, Sư sang kinh đô, trụ tại chùa Ngõa Quan, tụng kinh Pháp Hoa và Thập Địa. Sư từng ở trong nhà xí gặp một con quỷ kính lễ, thưa: “Xưa kia tôi làm duy-na của chúng tăng, có chuyện nhỏ nhặt không đúng pháp, bị đọa làm quỷ trong nhà xí. Pháp sư từ bi hãy rủ lòng cứu bạt. Tôi có ba ngàn đồng chôn dưới gốc cây ấy. Xin Sư dùng đó để làm phước”. Sư bảo đại chúng đào tiền lên, vì ông ta tạo một bộ kinh Pháp Hoa. Sau đó, mộng thấy quỷ nói: “Do từ lực đã được thác sanh”, hết sức cảm tạ rồi đi!

*** Thích Huệ Ích ở kinh đô đời Tống**

Sư người Quảng Lăng. Trong niên hiệu Hiếu Kiến³⁷⁰, Sư trụ tại chùa Trúc Lâm, tụng kinh Pháp Hoa, khổ hạnh chuyên ròng. Sư thề thiêu thân, phỏng theo chuyện của Dược Vương Bồ Tát. Vua sai sứ khuyên lơn, nhưng Sư không nghe. Năm Đại Minh thứ bảy (463), nhằm ngày Phật Đản, Sư đến cung khuyết từ biệt nhà vua, dặn dò [vua gắng hộ trì]

³⁶⁹ Thái Thi là niên hiệu của Tống Minh Đế (Lưu Úc) sử dụng từ năm 465 đến 471.

³⁷⁰ Hiếu Kiến là niên hiệu đầu tiên của Tống Vũ Đế (Lưu Tuân) sử dụng từ năm 454 đến năm 456.

Phật pháp. Sư đặt vạc dầu ở Chung Sơn, dùng vải bông quấn thân, tay tự cầm đuốc đốt lửa, tụng phẩm Dược Vương. Lửa cháy tới mắt thì tiếng tụng kinh mới dứt. Khi đó, [mọi người] nghe tiếng kèn, sáo, mùi hương ngào ngạt. Ban đêm, vua mộng thấy Sư căn dặn hộ pháp. Hôm sau, vua mở đại hội, sắc truyền lập chùa Dược Vương tại chỗ Sư thiêu thân.

*** Thích Tăng Du đòi Tống**

Sư quê ở Dư Hàng. Thoạt đầu, Sư trụ tại rừng phía Nam của Lư Sơn, dựng tinh xá Chiêu Đề, thường trì Pháp Hoa. Tháng Sáu năm Hiếu Kiến thứ hai (455), Sư bảo đại chúng: *“Kết lỵ trong tam đồ là do tình kiến và thân xác. Tình kiến cũng sắp tận, thân hình cũng nên bỏ đi. Đường lối của Dược Vương, há có xa gì!”* Sư cáo biệt đại chúng, vào cái khảm trong đồng củi, ngồi ngay ngắn, tụng phẩm Dược Vương đốt thân rồi lấy đuốc nhóm lửa. Đại chúng thấy khí màu tía vọt lên không. Mười ngày sau, chỗ Sư đốt thân sanh hai cây ngô đồng, người hiểu biết bảo đó là Sa La song thụ hiện ra.

*** Ni Huệ Ngọc đòi Tống**

Ni sư người Trường An, trụ tại chùa Mục Ngưu ở Giang Lăng, tụng các kinh như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v... mười ngày đã thông suốt. Trong niên hiệu Nguyên Gia³⁷¹, Sư thấp hương, lễ Phật, thề rằng: *“Nếu lòng thành cảm ứng, sau khi xả thân, được thấy cõi Phật, thì trong vòng bảy ngày, nguyện thấy Phật quang”*. Tới đêm thứ năm, trong rừng cây ở phía Đông chùa, bỗng hiện tướng quang minh, hình sắc rạng rỡ. Đại chúng đều than hy hữu.

*** Ni Đạo Thọ đòi Tống**

Trong niên hiệu Nguyên Gia đòi Tống, ni Đạo Thọ tụng kinh Pháp Hoa trọn ba ngàn bộ. Thường thấy trên không trung có quang minh, lộng báu rủ xuống che đỉnh đầu.

*** Phí Thị vợ ông La Dư ở Thục Đô đòi Tống**

³⁷¹ Nguyên Gia là niên hiệu của Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) từ năm 424 đến năm 453.

Bà tụng Pháp Hoa từ thuở trẻ, siêng năng tới mức chẳng mỗi mệ. Về sau, bà bị đau tim, chết ngất. Trong khi chờ khâm liệm, bà bỗng mộng thấy Phật đưa tay xoa tim, ngay khi đó bà liền lành bệnh. Mọi người trong nhà đều thấy kim quang, cũng nghe mùi hương.

*** Ni Trí Thông chùa Giản Tĩnh đời Tống**

Bà xả giới (hoàn tục), lấy ông Lương Quần Phủ, sanh một trai được bảy tuổi. Nhà nghèo không có quần áo. Lúc bà làm ni, có lụa trắng chếp kinh Pháp Hoa, liền gột tẩy để làm quần áo cho con. Bỗng toàn thân bà sanh ghẻ lở, trùng trắng cùng khắp. Bà kêu gào mười ngày rồi chết, nghe trên không trung có tiếng nói: “*Hoại kinh làm áo, mắc hoa báo này. Quả báo là trong địa ngục*”. Đó cũng là chuyện trong niên hiệu Nguyên Gia.

*** Vương Huyền Mô đời Tống**

Ông là người huyện Kỳ ở Thái Nguyên. Trong niên hiệu Nguyên Gia, ông dẫn quân chinh phạt miền Bắc, thất trận, Tiêu Bân³⁷² muốn giết chết. Thẩm Khánh Chi can rằng: “Phật Ly (tên thuở bé của Ngụy Thế Tổ³⁷³) oai chấn thiên hạ, há Huyền Mô có khả năng chống nổi ư? Hơn nữa, giết chiến tướng chỉ khiến cho chính mình yếu thêm!” Tiêu Bân bèn thôi. Thoạt đầu, Huyền Mô thấy sắp bị giết, mộng thấy có người bảo: “*Có thể tụng phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa và Quán Âm thần chú một ngàn lần, sẽ có thể thoát khỏi*”. Ông thức dậy, tụng niệm chẳng lời

³⁷² Tiêu Bân là cháu họ của Tiêu Tư Thoại (Tiêu Tư Thoại là cháu gọi bà Tiêu Văn Thọ là cô). Bà Tiêu Văn Thọ lấy Lưu Kiêu (tức chú của vua khai sáng nhà Lưu Tống là Lưu Dụ). Mẹ Lưu Dụ mất ngay sau khi sanh, bà Tiêu Văn Thọ nuôi nấng Lưu Dụ như con ruột. Về sau, Lưu Dụ lên làm vua, bèn tôn Lưu Kiêu làm Hiếu Hoàng Đế, phong cho Tiêu Văn Thọ làm Hoàng Thái Hậu. Khi bà mất, được vua tôn phong thụy hiệu là Hiếu Ý Thái Hậu. Do vậy, Tiêu Tư Thoại và họ Tiêu được trọng dụng. Tiêu Bân do có tài thao lược, được Tống Văn Đế trọng dụng, phong làm chủ soái cuộc Bắc phạt đánh nhà Bắc Ngụy.

³⁷³ Ngụy Thế Tổ tức là Ngụy Thái Vũ Đế, tên là Thác Bạt Đảo. Ông này cũng là người nghe theo lời sàm tấu của đạo sĩ Thôi Hạo, diệt trừ Phật giáo tại Bắc Ngụy. Đây là lần pháp nạn đầu tiên của Phật giáo Trung Hoa.

lông. Bỗng nghe tin báo đã ngưng hành hình. Về sau, ông làm quan tới chức Khai Phủ³⁷⁴.

*** Vương Huệ Xung đòi Tống**

Năm Nguyên Gia thứ tư (427) đòi Tống, người xứ Sơ Đô là Tôn Ngạn Tăng gia đình nhiều đời thờ Phật, có người thiếp tên là Vương Huệ Xung thường tụng kinh Pháp Hoa. Cô bỗng thấy bên sông có quang minh. Đào lên, tìm được một bức tượng Phật bằng vàng, phía trước có khắc rằng: “*Năm Canh Tý thuộc niên hiệu Kiến Vũ thứ sáu (340), đạo nhân thuộc quan tự là Pháp Tân tạo*”; Pháp Tân chính là tiền thân của người thiếp ấy.

*** Thích Huệ Tấn đòi Tề**

Trong niên hiệu Vĩnh Minh³⁷⁵ đòi Tề, tại chùa Cao Tòa ở Dương Châu, có sư Thích Huệ Tấn là người xứ Ngô Hưng. Sư thuở trẻ hùng dũng, thích hành hiệp. Lúc bốn mươi tuổi, bỗng ngộ vô thường. Do vậy, Sư xuất gia, áo vải, ăn rau, thề tụng Pháp Hoa, dụng tâm siêng khổ. Sư vừa cầm quyển kinh liền bị bệnh, bèn phát nguyện tạo một trăm bộ Pháp Hoa để sám hối tội chướng đòi trước. Nguyện tạo kinh đã mãn, Sư cũng lành bệnh. Sau đó, Sư nguyện hồi hướng hạnh nghiệp tụng niệm để được sanh về Tịnh Độ, nghe trên không trung có tiếng nói: “*Nguyện của ông đã trọn, nhất định được vãng sanh*”. Lúc Sư ngoài tám mươi tuổi, không bệnh tật mà mất.

*** Thích Hoàng Minh đòi Tề**

Sư là người Cối Kê, vững chí siêng khổ, có khí tiết. Trong niên hiệu Vĩnh Minh, Sư trụ tại chùa Vân Môn ở Sơn Âm, tụng kinh Pháp Hoa, tu tập Thiền Định, sáu thời chẳng lười nhác. Mỗi sáng, bình đựng nước tự đầy, quả thật là do đồng tử cõi trời hầu hạ. Mỗi khi Sư tọa

³⁷⁴ Khai Phủ hiệu theo nghĩa chung là quan viên có quyền hạn lớn, có thể mở riêng phủ thự. Thời Tây Ngụy và Bắc Châu, chia quân lực cả nước thành hai mươi bốn quân. Mỗi quân lập ra một Khai Phủ là người cầm đầu đội quân đó, mỗi quân chừng hai ngàn lính.

³⁷⁵ Vĩnh Minh là niên hiệu của Nam Tề Vũ Đế (Tiêu Trách) từ năm 483 đến năm 493.

Thiền, hồ từng nằm phủ phục trong thất, thấy Sư hoàn toàn chẳng động đây, hồi lâu mới bỏ đi.

*** Thích Pháp Quỳ đời Tề**

Sư họ Nguyễn, người xứ Ư Tiềm thuộc Ngô Hưng, xuất gia tại Kỳ Viên Tự. Sư bản tánh chất phác, chẳng màng thế sự, tụng Pháp Hoa lâu ngày. Mỗi khi được cúng dường trong dịp trai hội, Sư gom góp lại để tạo tượng Phật bằng gỗ chiên đàn. Tượng tạc xong, Sư tự lập đại hội. Gia đình Sư vốn kiều cư tại kinh đô. Ngày hôm ấy, Sư trở về nhà, lại tới chùa Định Lâm, trở về chùa Kỳ Viên. Về sau, xét cả ba chốn, đều thấy Sư đến thọ trai giữa trưa, thật sự là cùng lúc đến cả ba chỗ. Ngay trong chiều hôm ấy, Sư trở về phòng, đóng cửa qua đời. Thi thể rất thơm tho, mềm mại, gập hai ngón tay, mọi người đều ngộ Sư đã đắc quả. Vì thế, dựng tháp tại chùa Kỳ Viên. Khi đó là năm Vĩnh Minh thứ bảy (489) nhà Tề.

*** Thích Huệ Dục đời Tề**

Sư là người Hoàng Long, sang kinh sư, trụ tại chùa Linh Căn, tụng kinh Pháp Hoa hòng làm cầu bến để cứu khổ. Trong phòng ngủ của Sư, từng thấy ba người gõ cửa, áo mũ tươi sạch, cầm nắm lọng hoa. Ngài Huệ Dục hỏi vì lẽ nào? Họ đáp: “Pháp sư sắp tịch, cho nên chúng tôi đến đón”. Ngài Huệ Dục nói: “Cố chút việc chưa xong, có thể đợi một năm hay không?” Họ đáp: “Được chứ!” Tới kỳ hẹn năm sau, Sư không bệnh mà mất. Đó là năm Vĩnh Minh thứ bảy (489) đời Tề, Xuân Thu của Sư là năm mươi bảy tuổi.

*** Thích Siêu Biện đời Tề**

Sư họ Trương, người Đôn Hoàng. Từ thuở bé đã thần ngộ, trầm tĩnh. Sư lấy tụng kinh Pháp Hoa làm thường khóa. Do nghe nói tại kinh đô, Phật pháp chấn hưng mạnh mẽ, Sư từ Ba Sở tới Kiến Nghiệp, trụ tại chùa Định Lâm. Sư nhàn cư, tĩnh tọa nhìn vào vách, suốt hơn ba mươi năm, tụng kinh Pháp Hoa. Hằng ngày, Sư hạn định tụng một lần, tâm mãi tiếp, miệng đọc lưu loát luôn thừa sức. Sư thị tịch năm Vĩnh Minh thứ mười (492), luật sư Tăng Hựu tạo bia, Lưu Hiệp ở Đông Quán soạn văn. Chẳng lâu sau, nơi chỗ chôn Sư, nảy sinh một cành hoa sen xanh.

*** Thích Huệ Cơ đời Tề**

Sư họ Lữ, là người xứ Tiền Đường thuộc đất Ngô. Mười lăm tuổi, Sư xuất gia tại chùa Kỳ Hoàn. Sư miệt mài hành trì siêng khổ, chuyên ròng, giỏi Tiểu Phẩm Bát Nhã và Pháp Hoa. Sư trở về, trụ tại chùa Pháp Hoa ở Sơn Âm, giảng tuyên kinh giáo. Người học lũ lượt kéo tới, Sư bèn lập tinh xá Bảo Lâm ở Hội Áp. Sư mộng thấy đức Phổ Hiền phóng quang tiếp dẫn; do vậy, tạo tượng Phổ Hiền và voi trắng sáu ngà. Cánh Lăng Vương (Tiêu Tử Lương) từng thưa hỏi Sư yếu chỉ kinh Pháp Hoa, Sư bèn trước tác Pháp Hoa Nghĩa Sớ ba quyển. Năm Kiến Vũ thứ ba (496)³⁷⁶, Sư thị hiện mắc bệnh. Đế tử mộng thấy mây vị Phạm tăng ngồi xếp bằng, nói từ nước Đại Thừa đến đón hòa thượng Huệ Cơ. Sư lặng lẽ qua đời!

*** Thích Tăng Hầu đời Tề**

Sư họ Cung, người Tây Lương Châu, xuất gia từ nhỏ, liền biết khổ hạnh. Sư sang kinh đô, tụng kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh, cứ hai ngày là xong một bộ. Hơn sáu mươi năm, Thiền tụng chẳng hề bỏ phế. Sư đắp thất ở sau núi làm chỗ để tu Thiền. Nơi Sư ở thường có mùi hương lạ, cỏ cây lạ, chẳng biết từ đâu tới. Ai đến cửa, đều nghiêm túc, im lặng. Người thời ấy nói là do Sư có vị thần hộ giới ngậm hộ trì. Năm Vĩnh Nguyên thứ hai (500), Sư mắc bệnh nhẹ, chẳng ăn, đòi nước súc miệng, chấp tay, ngồi xếp bằng qua đời. Xuân thu tám mươi chín tuổi.

*** Cánh Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương đời Tề**

Ông có tên tự là Vân Anh³⁷⁷, chú trọng đạo nghĩa, chuộng phong cách đạo đức của cổ nhân, xem rộng khắp các kinh sách, được cõi đời xưng tụng là “*bút hải*”. Ông cùng với thái tử Văn Huệ (Tiêu Trường Mậu) đều tinh thông Phật lý, thường triệu vời các danh tăng giảng các kinh điển, tôn trọng pháp rất mực, Giang Tả chẳng có ai bằng! Có lúc

³⁷⁶ Kiến Vũ ở đây là niên hiệu của Tề Minh Đế (Tiêu Loan) sử dụng từ năm 494 đến năm 498; trong khi niên hiệu Kiến Vũ được nói trong chuyện Vương Huệ Xung là niên hiệu của Triệu Vũ Đế (Thạch Hồ) nhà Hậu Triệu sử dụng từ năm 335 đến năm 348.

³⁷⁷ Tiêu Tử Lương (460-494) là con của Tề Vũ Đế (Tiêu Trách), được phong làm Cánh Lăng Vương, làm quan tới chức Tư Đồ. Văn Tuyên là thụy hiệu của ông sau khi mất.

ông đích thân vì chúng tăng sắp đặt cơm nước. Ông tụng kinh Pháp Hoa, ngâm cảm phạm âm thanh nhã... Trước tác có Tịnh Trụ Tử hai mươi quyển được lưu hành trong cõi đời. Tịnh Trụ, tiếng Phạn là Bồ Tát (Uposatttha), có nghĩa là thân, khẩu, ý thanh tịnh, theo đúng giới mà trụ.

*** Lưu Cầu đời Tề**

Ông tên tự là Linh Dự, người quận Nam Dương, tin rông đạo Phật. Áo vải thô lễ Phật, ăn chay trường tụng niệm, sáu thời chẳng khuyết. Đầu niên hiệu Kiến Nguyên (479), vua xuống chiếu sai ông làm Thông Trục Tán Kỵ Thị Lang³⁷⁸, ông chẳng vâng chiếu. Ông chuyên chú nơi hai kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, tự giảng Phật nghĩa. Năm Kiến Vũ thứ hai (495), ông được vời làm Quốc Tử Bác Sĩ³⁷⁹, dời chỗ ở sang Tây Sa Châu ở Giang Lăng. Trong ban ngày mùa Đông năm ấy, bỗng có mây trắng quấn quanh nơi cửa nhà, lại có mùi hương lạ, và tiếng chuông, tiếng tụng kinh. Ông ngồi ngay ngắn qua đời.

*** Thích Huệ Ước đời Lương**

Sư họ Lô, người xứ Thương Ô thuộc Đông Dương. Lúc bé, Sư tự cắt làm tháp, chất đá làm tòa. Khi mười bảy tuổi bèn xuống tóc xuất gia. Huyện lệnh đất Diêm là Châu Ngung hết sức cung kính, tạo chùa Thảo Đường ở Chung Sơn, thỉnh Sư đến đó ở. Thái Tể Trữ Uyên, Thái Úy Vương Kiệm thỉnh Sư giảng các kinh Pháp Hoa, Thắng Man v.v... để hoàng dương pháp giáo rộng lớn. Ông Trữ Uyên mắc bệnh, đang ngủ ban ngày, bỗng thấy một vị Phạm tăng nói: “Bồ Tát sẽ tới, vị đạo nhân sẽ đến chính là vị ấy”. Chốc lát, Sư đến thăm, Trữ Uyên ngay lập tức được lành bệnh. Sư chuộng Thiền tụng, cảm mùi hương lạ đầy thất, mãnh thú đi quanh thềm bậc. Sư từng vào khe suối Xích Tùng ở núi Kim Hoa. Khi đó, có thần quang, yêu quái dứt bật. Trong niên hiệu Thiên

³⁷⁸ Chức quan này được đặt ra dưới thời Nguyên Đế nhà Đông Tấn, trực thuộc Tán Kỵ Tỉnh, có trách nhiệm theo hầu vua phê duyệt tấu chương, can gián khi vua phạm sai lầm, chương quản người hầu cận nhà vua.

³⁷⁹ Quốc Tử Bác Sĩ là chức quan trông coi việc giáo dục, trông coi việc dạy dỗ các học sinh thuộc Quốc Tử Giám, đồng thời là cố vấn chánh trị và điển lễ, địa vị thấp hơn Quốc Học Tế Tửu (hiệu trưởng Quốc Tử Giám). Đến đời Tề, Quốc Học Bác Sĩ có địa vị ngang với Trung Thư Lang. Bác Sĩ có nghĩa là người học rộng, thấu hiểu sâu xa kinh điển Nho gia.

Giám³⁸⁰, vua thọ Bồ Tát Giới từ Sư. Còn như vương hầu, phu nhân quyền quý, đạo tục, [xin thọ giới với Sư] tính ra khoảng bốn vạn tám ngàn người. Thường khi thọ giới, có một con chim sẽ nhảy theo từng bậc. Truyền giới xong, nó mới bay đi. Lại có hai con công, đi thông thả tới giới đàn, duỗi cổ nghe pháp. Đại Đồng nguyên niên (535), Sư ngồi qua đời. Sư được dựng tháp ở bên trái mộ ngài Chí Công.

*** Thích Pháp Vân đời Lương**

Sư họ Châu, ở Dương Tiễn, xuất gia khi bảy tuổi. Sư cao vời khôn sánh. Sư tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nghiên cứu, suy nghĩ tinh tường, cặn kẽ. Lúc ba mươi tuổi, Sư khai giảng Pháp Hoa và Tịnh Danh tại chùa Diệu Âm, biện tài như gió cuốn, người học chen chúc. Sư còn từng giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Quang Trạch, bỗng cảm hoa trời đầy hư không, rơi xuống như tuyết bay. Thuở đó, Chí Công đạo vượt xa mọi vị tăng, thường đến chỗ sư Pháp Vân, liền nghỉ lại hai đêm, gọi Sư là pháp sư Đại Lâm. Ngài từng nói: “Ta muốn hiểu sư tử hống”. Sư liền thăng tòa phân tích, ngài Chí Công khảy ngón tay, bảo: “*Lành thay! Vì diệu quá, oai nghi giống như Viên Ngang³⁸¹*”. Có người từng cúng dường tăng, phát nguyện mong được huệ giải như Sư. Ban đêm, người ấy bỗng thấy một vị tăng bảo: “*Trong thời Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật, pháp sư đã từng giảng kinh này, ông làm sao sánh bằng được!*”

*** Pháp sư Vân Quang đời Lương**

Chưa rõ họ tên [thế tục] của Sư. Năm Phô Thông thứ hai (521), vua (Lương Vũ Đế) xuống chiếu vời Sư giảng kinh Pháp Hoa trong nội điện, trời mưa hoa báu. Trong niên hiệu Thiên Giám (502-519), do đại hạn, vua hỏi Chí Công [cách nào cầu mưa]. Chí Công nói: “Vân Quang có thể tuôn mưa”. Do vậy, vua thỉnh Sư giảng Pháp Hoa. Tới câu “kỳ

³⁸⁰ Thiên Giám là niên hiệu của Lương Vũ Đế từ năm 502 tới năm 519.

³⁸¹ Viên Ngang (461-540), tự là Thiên Lý, quan chức nhà Nam Tề và Nam Lương, nổi tiếng chánh trực. Khi em trai của Thượng Thư Lệnh Vương Yến là Vương Hủ lạm quyền hối lộ, ông đàn hặc thẳng thừng, không sợ quyền hào. Ông làm quan đến chức Tư Không, kiêm Thượng Thư Lệnh, Tả Quang Lộc Đại Phu, được Lương Vũ Đế rất kính trọng. Viên Ngang còn là một nhà đại thư pháp, văn tài lỗi lạc, khéo vẽ vời.

trạch phổ hiệp” (thấm nhuần trọn khắp), trời liền mưa dầm, cao thấp đều được nhuần thấm trọn đủ.

*** Thích Đạo Lâm đời Lương**

Sư là người xứ Sơn Âm, có giới hạnh, giỏi Pháp Hoa và Niết Bàn. Trương Tự ở nước Ngô tôn kính phụng sự. Trong niên hiệu Thiên Giám, Sư sống tại chùa Tuyên Lâm thuộc huyện Phú Dương. Trong chùa có quý quái. Sư đến nơi, quý liền tiêu diệt. Đệ tử Huệ Thiệu bị nhà sụp đổ, đầu lồm vào ngực. Sư vì ông ta tụng kinh Pháp Hoa cầu đảo. Ông Thiệu ban đêm mộng thấy hai vị đạo nhân người Hồ lôi đầu ông ra, tới sáng bèn bình phục. Mọi người đều khâm phục sự cảm ứng thần diệu ấy!

*** Thích Pháp Lâm đời Lương**

Sư họ Nghiêm, người Chi Giang, xuất gia tại Ngọc Tuyên sơn tự. Sư thường tụng Pháp Hoa, khát thực, mỗi ngày ăn một bữa, chẳng nằm, thường ngồi. Sư quấy tích trượng viễn du, ngọn Lư Sơn, đỉnh Ngũ Đài, Hành lãnh, La Phù, không chỗ xa xôi nào Sư chẳng tới. Sư trụ tại gộp đá hẻo lánh, nhất chí Thiền Định. Sư từng qua Đại Nhạc, sang Dư Châu, huyện lệnh xét giấy phép du hành, Sư chỉ vào tráp đựng kinh Pháp Hoa mang theo. Quan huyện tức giận, giam lại. Sư bảy ngày không ăn, âm thanh tụng kinh chẳng dứt. Huyện lệnh cảm ác mộng, liền đánh lễ, hối lỗi. Về sau, Sư trở về ẩn cư, dùng Thiền tụng làm nghiệp. Khi mất, mùi hương lạ tràn ngập, mười ngày mới hết.

*** Thích Pháp Nhẫn đời Lương**

Sư người Giang Lăng; thoát đầu xuất gia tại chùa Thiên Hoàng, tụng trì Pháp Hoa, mỗi ngày hai lượt. Do đại chúng tụ tập lắm huyện náo, Sư đến ở dưới Phúc Thuyền Nham ở phương Tây, tự tĩnh lặng hành Đầu Đà. Ba mươi mấy năm, ăn vỏ cây, mặc áo gai, hoặc ca-sa rách mà thôi! Sư tự sống trong chốn rừng thẳm, chẳng cầu kẻ ngoại hộ. Bảy ngày ăn một bữa, ngồi xếp bằng quán tâm. Về sau, Sư nằm bên hông phải trong hang phía Bắc mà qua đời!

*** Thích Tăng Thiên ở Kinh Châu đời Lương**

Sư người đất Ngô. Thuở bé, đã thông minh, cao cả, khiến quan Thị Trung Vương Tích phải than lạ. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa, số tròn sáu ngàn bộ. Một hôm, Sư ngủ mộng thấy Phổ Hiền đại sĩ, hương quang chói lòa, đích thân xoa đầu Sư. Sư kiên không nói ra. Tới khi sắp thị tịch, mới kể với những người cùng chí hướng. Đối với các kinh như Pháp Hoa, Đại Phẩm, Niết Bàn v.v... mỗi thứ Sư đều giảng mười lần, đều soạn số để lưu truyền.

*** Ni Đạo Tích xứ Ngô Hưng đời Lương**

Ni sư hiệu Tổng Trì, đặc pháp với Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Sư ẩn cư trên đỉnh Biện Lãnh, ngày đêm tụng kinh Pháp Hoa trọn một vạn bộ, chẳng ra khỏi núi suốt hai mươi năm. Về sau, Sư quy tịch, được dựng tháp chôn toàn thân tại chỗ Sư kết lều tranh. Đại Đồng nguyên niên (535), trong tháp bỗng có một đóa sen xanh. Đạo tục lấy làm lạ, mở tháp ra xem thì thấy hoa sanh từ cái lưỡi của Sư. Châu quận trình tấu, vua sắc truyền dựng chùa Pháp Hoa.

*** Ni Pháp Tuyên ở Diêm Xuyên đời Lương**

Thoạt đầu, Sư tụng kinh Pháp Hoa, nằm ngòai đều thấy trướng lọng che phía trên. Cha mẹ liền cho Sư xuất gia tại chùa Tề Minh. Từ đó, chẳng thấy trướng lọng nữa! Từ đấy trở đi, Sư đọc rộng các kinh luận, tham cứu sâu xa lý uyên áo. Vương Nguyên Giản ở Hành Dương làm thái thú tại quận ấy, thỉnh Sư làm thầy cho mẹ mình tại Việt Thành.

*** Trung sĩ³⁸² Dữu Tiễn³⁸³ đời Lương**

Ông có tên tự là Ngạn Bảo, người Tân Dã. Thông kinh sử từ bé, tánh hiền lành, giản dị, đặc biệt ưa thích chốn lâm tuyền. Ông ở nơi rộng mười mẫu, núi và ao chiếm một nửa. Thuở trẻ, ông chơi thân với Lương Vũ Đế. Tới lúc đế khởi binh, hạ chiếu phong cho ông làm Ký Thất ở phủ Bình Tây. Trong niên hiệu Phổ Thông, lại phong làm Hoàng Môn Thị Lang, ông đều từ chối. Lúc tuổi già, ông lập đạo tràng trong nhà, ở trong

³⁸² Trung Sĩ là danh xưng chỉ vị ẩn sĩ chẳng tiếp nhận chức tước của triều đình.

³⁸³ Ở đây sách ghi tên ông là Tiễn (銑), trong khi sách Pháp Hoa Hiển Ứng Lục lại ghi tên ông là Sân (詵), có lẽ là lỗi lầm trong quá trình khắc ván ghi xưa.

núi, ăn chay, sáu thời lễ sám, tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày tụng một bộ. Bỗng trong đêm, ông thấy một đạo nhân, tự xưng là Nguyễn Công, dung mạo, cử chỉ rất lạ, gọi ông Tiễn là Thượng Hạnh tiên sinh, trao cho hương rồi đi. Năm Trung Đại Thông thứ tư (532), ban ngày ông nằm ngủ, bỗng giật mình tỉnh giấc nói: “Nguyễn Công lại đến, chẳng thể ở lâu”. Nói xong bèn qua đời. Cả nhà đều nghe trên hư không xướng: “*Thượng Hạnh tiên sinh đã sanh về Di Đà tịnh vực*”. Lương Vũ Đế kính phục, xuống chiếu ban cho ông thụy hiệu là Trình Tiết tiên sinh.

*** *Chân Huyền Thành đời Lương***

Ông là người Trung Sơn, thông đạt rộng rãi kinh sử, được Lương Giản Văn Đế (Tiêu Cương) nhận biết, phong làm Lục Sự Tham Quân. Ông theo Tiêu Sát³⁸⁴ trấn thủ Tương Dương, do binh lực tại Giang Lăng hùng mạnh, ông ngầm gửi thư kết thân. Có kẻ tố cáo với Tiêu Sát, Tiêu Sát tin sâu Phật pháp, thề nguyện chẳng giết người tụng kinh Pháp Hoa. Huyền Thành chuyên tụng Pháp Hoa, do vậy được miễn tội. Tiêu Sát về sau gặp mặt, thường nói: “*Ông Chân khéo đạt được sức của kinh Pháp Hoa*”.

*** *Hoa Thủ ni đời Lương***

Năm Phổ Thông thứ hai (521) đời Lương, tại Cao Bưu có Hoa Thủ ni, chí tiết trong sạch, tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa ngày đêm chẳng sót. Về sau, cứ tụng một quyển, trên móng tay phải của Sư sanh ra một cái hoa, hình dạng như tơ lụa. Năm ngón tay đều có. Tụng đến quyển thứ sáu, thứ bảy, trên tay đều sanh hai hoa. Vũ Đế triệu kiến, hết sức kính trọng. Người đương thời gọi ni sư là Hoa Thủ ni.

*** *Tôn giả Nam Nhạc Huệ Tư đời Trần***

Sư con nhà họ Lý ở Vũ Tân, từ nhỏ bị đánh đòn Pháp Hoa đến nỗi quên ngủ nghỉ. Do mưa dầm ẩm thấp, Sư bị phù thũng, gắng chịu đựng hướng về kinh, liền được khỏi hẳn. Sư mộng thấy đức Phổ Hiền cười voi chúa trắng đích thân xoa đầu. Trên đỉnh đầu Sư ngầm nổi lên

³⁸⁴ Tiêu Sát là con thứ ba của thái tử Tiêu Thống (Chiêu Minh thái tử), tức là cháu nội của Lương Vũ Đế. Về sau, ông này trở thành Lương Tuyên Đế.

nhục kế. Lúc mười lăm tuổi, Sư xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chuyên tụng Pháp Hoa, tính ra phải một ngàn lượt, cảm vời bình đựng nước chẳng cạn. Đồng tử cõi trời hầu hạ.

Khi đó thiên sư Huệ Văn do duyệt Đại Luận, đọc tới phẩm Tứ Đế, thấy bài kệ “*nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệt sanh vì giả danh, diệt danh Trung Đạo nghĩa*” (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung Đạo). Ngài Huệ Văn bưng tỉnh đại ngộ, liền vọng bái, tôn ngài Long Thọ làm thầy. Ngài nương theo luận, lập ra pháp Quán. Sư (ngài Huệ Tư) liền đến xin thọ pháp, ngày đêm nhiếp tâm, hông chẳng chạm chiếu, ngồi Thiền suốt ba mươi ngày, đắc Túc Mạng Thông, dùng mảnh gấp bội. Bồng Thiền chường dấy lên, tứ chi rã rời, thân chẳng thuận theo tâm. Sư liền tự nghĩ: “*Bệnh do nghiệp sanh, nghiệp do tâm khởi. Nguồn tâm chẳng khởi, ngoại cảnh làm gì được? Bệnh nghiệp và tâm, đều như bóng mây*”. Sư quán như thế, điên đảo tưởng diệt, khinh an như cũ. Nhưng [hành trì tinh tấn] suốt năm mà chẳng đạt được gì, Sư ôm lòng hổ thẹn sâu xa, thả lỏng thân, dựa vào vách tường, bồng dựng đại ngộ Pháp Hoa tam-muội. Từ đó, đối với các kinh chưa được nghe, đều chẳng nghi ngờ, tự thông hiểu.

Kể đó, Sư sang núi Đại Tô ở Quang Châu (光州), giảng kinh Đại Bát Nhã, từng được cúng thí. Sư bèn ở chùa Tề Quang, [dùng tiền cúng thí ấy] tạo hai bộ kinh Đại Phẩm Bát Nhã và Pháp Hoa đều chép bằng chữ vàng. Lại tự soạn một bài nguyện văn, nguyện vào thời Phật Di Lặc, thân và kinh ấy sẽ cùng lúc xuất hiện, rộng hóa độ hết thảy. Năm Quang Đại thứ hai (568), Sư vào ở trong Nam Nhạc. Một hôm, Sư lên ngọn Chúc Dung, thần núi xin thọ giới. Sư bèn vì ông ta nói pháp yếu. Sư chỉ gộp đá nói: “Trong một đời, ta đã từng tọa Thiền ở đây, bị giặc chặt đầu”. [Môn nhân] liền tìm được một bộ xương khô (nay là Nhất Sanh Nham tại chùa Phước Nghiêm). Sư đến góc Tây Nam, chỉ tảng đá lớn nói: “Đời thứ hai, ta cũng từng sống ở đây”, liền nhặt lấy đầu lâu dựng tháp, để báo ơn tu tập đời trước (nay là tháp Nhị Sanh). Sư lại tới chỗ ẩn khuất, bảo: “Đây là chỗ chùa cổ, đời thứ ba ta từng sống nhờ ở đây”. Khai quật thì quả nhiên có các vật dụng của tăng và nền móng hầy còn, Sư liền đắp đài vì đại chúng thuyết pháp (nay là Tam Sanh Tạng).

Đại chúng sợ không có nước, Sư lấy tích trượng gõ vào đá, do đó, hồ bở chạy, suối trào ra. Từ đó, hóa đạo càng thịnh, vua Trần đặc biệt lễ kính. Người thời đó gọi Ngài là Sư đại thiên sư. Tháng Sáu năm Đại

Kiến thứ chín (577), Sư xướng Phật hiệu, chấp tay, qua đời. Mùi hương lạ đầy thất. Sư từng dạy đại chúng: *“Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh chẳng xa, chỉ hướng về chính mình mà cầu, đừng tìm nơi nào khác. Hễ tìm sẽ chẳng được! Dầu có đạt được, cũng chẳng thật!”*

*** Thích Huyền Quang đời Trần**

Sư là người nước Tân La, chuyên tu phạm hạnh. Sư vượt biển thăm, cầu thiền pháp nơi Trung Thổ. Do vậy, Sư đến Hành Sơn, tham yết Huệ Tư đại thiền sư. Tổ dạy Tứ An Lạc Hạnh, Sư bỗng chứng Pháp Hoa tam-muội. Quay trở lại Giang Nam, ngồi thuyền ra biển khơi. Bỗng thấy mây màu, [nghe tiếng] nhã nhạc, [trông thấy] cờ tiết rực rỡ kéo tới. Trên hư không, truyền tới tiếng hô: *“Thiên đế vời sư Huyền Quang nói pháp môn đã đích thân chứng đắc tại cung rồng”*. Sư chấp tay thoái thác. Thấy người áo xanh dẫn đường, liền vào cung thành, chẳng giống như phủ thự trong nhân gian. Chung quanh chẳng có ai không phải là loài có mai, có vảy, xen lẫn với quỷ thần. Đã lên đài cao, Sư đàm luận diệu pháp suốt bảy ngày. Sau đó, vua khom mình đưa tiễn, Sư lại lên thuyền. Người chèo thuyền nói mới trải qua nửa ngày. Tổ Nam Nhạc dựng ảnh đường, trong ấy có vẽ hình tượng Sư. Tổ đường chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai cũng thế.

*** Từ Hiếu Khắc đời Trần**

Ông là người xứ Diêm thuộc Đông Hải. Từ nhỏ đã đàm luận huyền lý, đến lớn thông thạo ngũ kinh. Đầu niên hiệu Thái Thanh³⁸⁵ đời Lương, ông bắt đầu làm quan, giữ chức Thái Học Bác Sĩ³⁸⁶. Tánh tình

³⁸⁵ Thái Thanh là niên hiệu thứ bảy và là niên hiệu cuối cùng của Lương Vũ Đế sử dụng từ năm 547 đến năm 549. Lương Vũ Đế sử dụng các niên hiệu Thiên Giám, Phổ Thông, Đại Thông, Trung Đại Thông, Đại Đồng, Trung Đại Đồng, và Thái Thanh.

³⁸⁶ Thái Học Bác Sĩ chính là chức quan Ngũ Kinh Bác Sĩ được lập ra từ đời Hán, được phong cho những người có trình độ hiểu biết uyên thâm về ngũ kinh của Nho gia để dạy các sĩ tử thuộc Quốc Tử Giám (thoạt đầu gọi là Thái Học). Thông thường, đời Hán - Ngụy, chia ra cụ thể các kinh như Thư Kinh Bác Sĩ chẳng hạn. Từ thời Đông Tấn trở đi, chỉ gọi chung là Thái Học Bác Sĩ. Trách nhiệm cụ thể là dạy học con các quan từ ngũ phẩm trở lên cũng như con cháu các quan đứng đầu quận huyện, cũng như con cháu của các quan từ tam phẩm trở lên được tuyển vào trường Thái Học.

chí hiếu, cha mất bèn đau buồn khôn ngăn, thờ mẹ trọn hết đạo hiếu. Trong niên hiệu Thiên Gia (560-566), ông được phong làm huyện lệnh đất Diệm. Không lâu sau, ông lại từ chức. Trong niên hiệu Thái Kiến³⁸⁷, ông được vời ra làm Bí Thư Thừa, nhưng không ra làm quan. Ông ăn chay trường, giữ Bồ Tát giới. Ngày đêm giảng tụng kinh Pháp Hoa. Năm Thái Kiến thứ sáu (574), được phong chức Tế Tửu của Quốc Tử Giám. Lúc lâm chung, ông ngồi ngay ngắn, niệm Phật, trong nhà có mùi hương dị thường, xóm giềng đều kinh ngạc.

*** Thích Tăng Chiếu đòi Bắc Ngụy**

Sư trụ tại chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn, thường dạo chơi sơn thủy, thích chỗ thâm u, hiểm trở. Phổ Thái nguyên niên (531), Sư tới Huýnh Sơn, thấy chỗ thác nước tuôn xuống có huyết động, đi sâu vào trong năm sáu dặm thì ra khỏi hang. Sư đi về phía Đông Bắc, thấy có con suối chảy giữa các tảng đá. Nước suối trong suốt, cỏ thuốc mọc chen chúc. Phía Bắc khe suối có ba gian nhà ngói, hình dáng hết sức cổ xưa, thô lậu. Trước sân, lúa thóc mọc lung tung. Phía Đông căn nhà có mấy cái giá đặt đầy kinh sách nhà Phật. Gian giữa có cái cối xay phủ đầy bụi. Trong phía Tây căn nhà, có một vị sa-môn đang ngồi ngay ngắn nghiêm nhiên, bụi lấp đến gối. Nhìn bốn phía chỉ có rừng rậm, khe suối, chẳng còn ai khác ở. Trong chốc lát, Sư gặp một vị thần tăng, tuổi khoảng sáu mươi, lông mày dài cả trượng, vắt lên vành tai. Gặp nhau hoan hỷ như đã quen biết từ trước. Vị ấy hỏi Sư từ đâu đến rồi tự nói: “Bọn tôi gồm ba người đồng học, từ đây lánh đời. Một người ra ngoài chưa về, một người không tọa, tợ hồ nhập Diệt Tận Định. Nay đang ở trong căn nhà phía Tây, ông có thấy hay chăng?” Sư thưa: “Đã thấy!”

Do vậy, vị ấy hái lúa, đem giã nấu cháo, lại vào rừng hái lê, táo cho ăn. Hỏi Sư: “Thường ngày, thầy tụng kinh gì?” Sư nói: “Tụng Pháp Hoa”. Vị tăng gật đầu, nói: “Nghệp tinh tấn quá tốt! Gian nhà phía Đông chất chồng đó kinh toàn là do tôi tự tụng. Thầy có muốn nghe hay không?” Sư chấp tay, thưa vâng. Vị tăng liền tụng kinh suốt đêm, thanh vận trong trẻo, rõ ràng. Sư buồn ngủ, vị tăng bảo; “Thầy cứ ngủ đi, đây là hăng nghiệp của tôi”. Tới sáng, vị tăng lại nấu ăn. Sư cảm tạ, từ biệt, vị tăng cũng chẳng giữ lại, chỉ nói: “Đồng học của tôi đã đi rồi, nếu thầy gặp gỡ sẽ khai ngộ to lớn, tiếc là chẳng gặp!” Sư trân trọng từ biệt. Sư

³⁸⁷ Thái Kiến là niên hiệu của Trần Tuyên Đế (Trần Húc) từ năm 569 đến năm 582.

tìm đường trở về, kết bạn cùng trở lại, chẳng biết thác nước và huyết động ở chỗ nào!

*** Thích Chí Trạng đời Bắc Ngụy**

Sư người Tề Châu, trụ tại chùa Hàm Thảo trong hang thẳm ở phía Bắc Thái Sơn. Sư ít bày ra việc, ít nói, người lẫn chim đều chẳng khiến cho Sư loạn tâm được. Sư đọc tụng Pháp Hoa, người khác chẳng lường được hạnh nghiệp trong sạch của Sư. Khi Sư sắp mất, thần tăng Chí Công bảo Lương Vũ Đế: “*Vị thánh tăng đắc quả Tu Đà Hoàn ở chùa Hàm Thảo nơi phương Bắc hôm nay diệt độ*”. Quả nhiên trong ngày hôm ấy, Sư không bệnh mà tịch. Hai tay đều duỗi một ngón ra. Có vị Phạm tăng nói: “*Đó là [dấu hiệu cho biết Sư đã đắc] Sơ Quả!*” Môn nhân vẫn chôn Sư trong núi ấy. Sau đó, đào lên xem, chỉ có cái lưỡi chẳng hoại, bèn dựng tháp để khơi gợi tín tâm.

*** Lô Cảnh Dụ đời Bắc Ngụy**

Đầu thời Tiết Mẫn Đế (Nguyên Cung) [nhà Bắc Ngụy], ông làm Quốc Tử Bác Sĩ. Do mắc lụy, bị giam trong ngục tại Tấn Dương³⁸⁸. Ông chí tâm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa; hễ có sức thì cũng tụng toàn bộ kinh ấy. Không lâu sau, gông xiềng tự rớt. Kẻ coi ngục tâu lên triều đình, ông được xá tội!

*** Thích Pháp Thượng núi Lâm Lự đời Bắc Tề**

Sư họ Lưu, người Triều Ca. Mười hai tuổi vào Thiền gia, được gọi là “*thánh sa-di*”. Sư tụng Pháp Hoa và Duy Ma mới được hai mươi ngày thì cả hai bộ đều thông suốt. Sư bắt đầu giảng kinh Pháp Hoa, đối đáp các nghi vấn, cật vấn, không ai chẳng thán phục. Tề Văn Tuyên Đế (Cao Dương) xuống chiếu phong Sư làm Đại Thống Sư, trải tóc lột đất cho Sư đập lên. Người thời đó nói: “*Tăng chúng bốn biển ngưỡng vọng pháp nơi đạo tràng*”. Tới đời Tề Vũ Thành Đế (Cao Trạng), người ở Đông Sơn thuộc Tinh Châu đào đất, thấy một vật giống như hai cái môi, trong đó có lưỡi màu đỏ tươi hồng. [Quan lại địa phương] tâu chuyện ấy lên, vua hỏi các đạo nhân, không ai biết. Sư tâu: “*Đây là quả báo lục căn bất*

³⁸⁸ Tấn Dương là kinh đô nhà Bắc Ngụy, nay thuộc thành phố Thái Nguyên. Nơi này còn được gọi là Tinh Châu hay Long Thành.

hoại của người trì Pháp Hoa. Tụng trọn một ngàn biến sẽ có sự chứng nghiệm ấy”. Vua bèn sắc truyền đưa về chỗ thanh tịnh để cúng dường, nhóm họp những người trì kinh Pháp Hoa vây quanh tụng kinh, xin hiện thụy ứng (sự ứng hiện tốt lành). Vừa mới thốt lên tiếng [tụng niệm], cái miệng và lưỡi ấy cùng lúc mấp máy, người trông thấy không ai chẳng rợn da gà. Vua xuống chiếu đứng trong hộp đá, cất trong hang núi.

*** Thích Huệ Mạng đời Bắc Châu**

Sư họ Quách, người xứ Tấn Dương, Thái Nguyên, tài hoa xuất sắc. Tuổi mười lăm, Sư tụng kinh Pháp Hoa, trong hai mươi ngày, thấu triệt cả bộ. Sư liền xuất gia, chuyên hành các sám pháp Phương Đẳng, Phổ Hiền v.v... Về sau, Sư sang núi Tiên Thành ở Hà Dương, trụ tại Thiện Quang Tự, giảng diễn Đại Thừa. Đối với tông chỉ của Thiền Trí, không gì chẳng đào sâu. Có sách tập hợp thư từ trao đổi giữa Sư và Đới Quỷ ở Tế Bắc, đáng gọi là sâu thẳm, thù thắng. Thiền sư Pháp Âm ở cùng quận và Sư đáng gọi là “đức bằng” (bằng hữu đức hạnh). Sư đến chỗ Năng thiền sư chùa Quả Nguyên ở Trường Sa cùng học tâm định, rồi trở về Tiên Thành. Một tối, Sư chống gậy, ở bên rừng tùng, ngó lại, cười nói: “Ta quyết chí về Tây”. Vào tháng Mười Một năm Thiên Hòa thứ ba (568) đời Châu, Sư ngồi xếp bằng, hướng về Tây niệm Phật, [đại chúng] đều thấy Phật đến. Sư chấp tay qua đời. Hương và nhạc lạ lùng xông khắp, vang rền chẳng dứt. Tám ngày sau, sư Pháp Âm cũng ngồi qua đời, tướng lành kỳ lạ đều giống như ngài Huệ Mạng vậy.

*** Thích Huệ Viễn đời Bắc Châu**

Sư họ Lý, người Đôn Hoàng. Mười ba tuổi xuất gia, hai mươi tuổi thọ Cụ Túc, trụ tại chùa Thanh Hóa. Các duyên tụ tập, năm Thừa Quang thứ hai, Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) muốn diệt pháp giáo, mọi người đều câm lặng. Sư kháng chiếu, cực lực trình bày [chủ ý]. Cạn hết lý luận, chẳng lay chuyển được vua, Sư liền ẩn cư tại Tây Sơn thuộc Cấp Quận, tụng kinh Pháp Hoa. Tính ra trong ba năm, Sư tụng trọn một ngàn lượt với dụng ý [mong cho] di pháp [của đức Phật] được hoằng thông. Năm Đại Tượng thứ hai (580), vua hỏi lỗi, tại Đông Kinh và Tây Kinh, mỗi nơi dựng hai chùa Trắc Hồ. Sư bèn đến Thiệu Lâm, giảng kinh Pháp Hoa nhiều năm. Đầu niên hiệu Khai Hoàng [nhà Tùy], triều đình sắc phong Sư làm Sa Môn Đô (người đứng đầu tăng chúng) ở Lạc Châu

hòng không nhậm Phật pháp. Mỗi lượt Sư giảng nói, đều có một con ngỗng tới nghe. Nó chỉ cần nghe tiếng chuông gọi đại chúng tụ tập, liền vào trong điện, phủ phục nghe kinh. Nghe phạm bái kết thúc buổi giảng xong xuôi, nó kêu lên rồi bay ra khỏi điện. Suốt sáu năm như vậy, mọi người đều lấy làm lạ. Về sau, Sư thị tịch, trong thất có mùi hương lạ.

*** Thiên Thai Tu Thiền Tự Trí Giả đại sư đời Tùy**

Sư húy là Trí Nghi (智顗), họ Trần, người Dĩnh Xuyên. Mẹ Ngài nằm mộng thấy khói hương năm màu vờn quanh chui vào lòng, bèn có thai Sư. Đêm sanh ra Sư, thần quang chiếu vào nhà. Bảy tuổi, Sư vào chùa Quả Nguyên, nghe tăng tụng phẩm Phổ Môn, vừa nghe một lượt đã nhớ ngay, giống như đã quen tu tập từ kiếp trước. Mười bảy tuổi, Sư lễ tượng Phật, quyết chí xuất gia. Bỗng như trong mộng, Sư thấy vách núi vạn tầng, mây che phủ nửa bóng mặt trời, biển xanh mênh mông, bát ngát. Từ dưới núi [nhìn lên, thấy] trên đỉnh núi có vị tăng vẫy tay. Trong khoảnh khắc, vị tăng ấy duỗi tay kéo Sư vào già-lam, nói: “Ông sẽ ở nơi đây”. Mười tám tuổi Sư xuất gia, đến núi Đại Hiên, tụng các kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Nghĩa, Phổ Hiền Quán v.v... Trải qua hai mươi ngày, đã tụng thông suốt ba bộ.

Năm Thiên Gia nguyên niên (560) đời Trần, Sư nghe danh đại thiền sư Huệ Tư trụ tại núi Đại Tô, liền đến đánh lễ. Ngài Huệ Tư nói: “Xưa kia, tại Linh Sơn cùng nghe Pháp Hoa, do túc duyên theo đuổi, nay lại đến đây”. Do vậy, Tổ dạy Sư Phổ Hiền đạo tràng, giảng Tứ An Lạc Hạnh. Sư nhập quán mười bốn ngày, tụng kinh Pháp Hoa tới câu “thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai” (đây là thật sự tinh tấn, là pháp cúng dường Như Lai chân thật) trong phẩm Dược Vương, thân tâm rỗng rang, lặng lẽ nhập Định, bèn thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, túc thông ngầm phát khởi. Sư bạch với ngài Huệ Tư sở chứng, ngài Nam Nhạc tán thán: “Đấy chẳng phải là ông không chứng, chẳng phải là ta không biết. Môn định mà ông đã nhập chính là tiền phương tiện của Pháp Hoa tam-muội. Môn tổng trì mà ông đã phát khởi chính là sơ bộ của Toàn Đa La Ni. Dẫu cho ngàn vạn các vị sư tinh thông văn tự vẫn chẳng thể biện định cùng tột [sở chứng ấy]!”

Đại Kiến nguyên niên (569), Sư tới chùa Ngõa Quan ở Kim Lăng, khai giảng tựa đề kinh Pháp Hoa. Vua truyền thôi châu một ngày, sai

quần thần đến nghe. Sư liền vào núi Thiên Thai, thấy đỉnh núi ở phía Nam rừng Phật Lũng liền bồi hồi lưu tâm. Trước đó, thần tăng Định Quang đã ở ngọn núi ấy ba mươi năm. Sư đến nơi, ngài Định Quang nói: *“Thầy có nhớ lúc tôi vấy tay và dấn vào chùa hay không?”* Do vậy, Sư bèn ngộ ra ý nghĩa của điều đã thấy khi lễ tượng. Bởi đó, Sư sáng lập già-lam ở ngọn núi phía Bắc, [nơi đó] rừng mọc thẳng tắp, suối chảy giống hệt như trong mộng xưa. Chùa ở tại ngọn núi phía Bắc được gọi là Hoa Đình. Sư một mình hành Đầu Đà. Từ đây, bầu trời Bát Nhã rộng mở, xiển dương rộng lớn Pháp Hoa. Thiên Thai gần bờ biển, dân sống bằng nghề đánh cá. Tâm Sư thương xót, dùng tiền được cúng thí để mua một khoảnh biển dùng làm ao phóng sanh. Sư dâng biểu lên vua Trần, xin sắc lệnh cấm đánh bắt [trong khoảnh biển ấy]. Sư vì họ giảng kinh Kim Quang Minh, ngư dân nghe pháp, đều quý sanh mạng, bỏ sát sanh. Sư gộp sáu mươi ba chỗ thuộc Giang Khê, Ba Lương, hơn ba trăm dặm, đều trở thành pháp trì.

Năm Khai Hoàng 12 (592), Sư sáng lập tinh xá tại núi Ngọc Tuyền ở Đương Dương. Cha con Vũ An Vương Quan Thánh³⁸⁹ hiển linh xin thọ giới, xin được làm đệ tử hộ pháp. Sư trước tác các sách như Pháp Hoa Huyền Nghĩa v.v... là bậc đại pháp vương sư cả hai triều Tùy và Trần. Mùa Đông năm Khai Hoàng 17 (597), Sư sắp nhập diệt, sai thị giả xướng tụng kinh Pháp Hoa và Vô Lượng Thọ để nghe và tư duy lần cuối. Nghe xong kinh Pháp Hoa, Sư tán thán: *“Pháp môn là cha mẹ, huệ giải bởi đó mà sanh. Bốn Tích rộng lớn, vì diệu khó lường, quăng búa, đứt dây đàn vào ngày hôm nay vậy!”* Sư nghe kinh Vô Lượng Thọ xong, tán thán: *“Bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ. Ao hoa, cây báu, dễ đi mà chẳng có người! Kẻ thấy tướng xe bốc lửa hiện mà có thể cải hối, còn được vãng sanh, hưởng hồ bậc giới huệ huân tu! Do sức hành đạo, thật sự chẳng luống uổng!”* Xướng kinh xong, Sư lại nói: *“Thập Như, tứ bất sanh, thập pháp giới, tam quán, tứ vô lượng, Tứ Tất Đàn, Tứ Đế, thập nhị nhân duyên, Lục Ba La Mật, mỗi mỗi pháp môn đều nhiếp hết thấy các pháp, đều có thể khiến cho tâm thông đến thanh lương địa”*. Nói xong, Sư xướng danh hiệu Tam Bảo, như nhập tam-

³⁸⁹ Quan Công được gọi là Vũ An Vương vì năm Đại Quán thứ hai (1107), Tống Huy Tông gia phong ông là Vũ An Vương, rồi cùng năm đó lại phong tặng thụy hiệu là Chiêu Liệt Vũ An Vương. Tới năm 1123, lại gia phong Nghĩa Dũng Vũ An Vương. Tống Cao Tông gia phong thành Tráng Mục Nghĩa Dũng Vũ An Vương.

muội [mà thị tịch]. Sư được chôn tại Phật Lũng Nham trong rừng Thiên Thai. Nói căn kẽ thì như trong các sách Quốc Thanh Bách Lục v.v...

*** *Thích Tăng Chiếu chùa Hành Nhạc đời Tùy***

Sư nghe pháp tâm quán diệu thiện của ngài Nam Nhạc Huệ Tư bèn đặc biệt đến tham yết. Những điều Tổ chỉ dạy, không điều nào Sư chẳng nhận lãnh, giải ngộ. Về sau, Sư vâng theo mạng lệnh của tổ Nam Nhạc Huệ Tư, hành Pháp Hoa tam-muội hòng tiêu túc chướng. Diệu hạnh sắp viên mãn, Sư thấy Phổ Hiền đại sĩ cười voi chúa trắng, phóng quang chứng minh. Lại cảm đáng Phổ Môn đại từ thuyết pháp cho Sư. Từ đây, đốn ngộ huyền chỉ, biện tài vô ngại. Ở trong đại chúng, Sư tu khổ hạnh và Thiền Định đều là bậc nhất.

*** *Thích Đại Thiện ở Hành Châu đời Tùy***

Sư thuở bé sống ở vùng rừng, thường tụng Pháp Hoa. Về sau, Sư tham yết ngài Nam Nhạc, được khai Quán Huệ, cung kính hành Pháp Hoa tam-muội, thâm nhập sâu nhất. Sau này, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Trong suốt bảy ngày, trời đổ mưa hoa, mùi hương lạ lắng đọng. Viên quan cai trị Hành Dương là Trần Chánh Nghiệp thường hết sức lễ kính, gặp Nội Sử³⁹⁰ Trịnh Tăng Cảo bèn mấy lượt ca ngợi đức hạnh của Sư. Thường có thợ săn vây bắt một bầy nai, ông Cảo nói với Chánh Nghiệp: “Ông thường xưng tụng Đại Thiện thiên sư có sức từ bi tam-muội, bầy nai hiện thời sẽ như thế nào đây?” Ông Chánh Nghiệp bèn xướng suất thuộc hạ đồng thanh niệm “*Nam-mô Đại Thiện thiên sư*”, bầy nai bèn vọt lên không trung, chạy thoát, mọi người đều kinh hãi, thần phục.

*** *Thích Huệ Thành ở Kinh Châu đời Tùy***

³⁹⁰ Nội Sử là một chức quan thân cận nhà vua, được lập ra từ thời Tây Châu. Trách nhiệm chủ yếu là chương quản pháp lệnh, giúp vua biên soạn văn thư, truyền lệnh cho các khanh đại phu. Đến đời Tùy, Nội Sử là danh xưng để gọi Trung Thư Lệnh và nhà Tùy đổi cơ quan Trung Thư Tỉnh thành Nội Sử Tỉnh. Tới đời Đường, Nội Sử chính là Tể Tướng. Tới đời Thanh, Nội Sử tương đương với Đại Học Sĩ.

Sư họ Đoàn, người Lễ Dương, tụng thông thạo các kinh Pháp Hoa, Duy Ma, Thắng Thiên Vương³⁹¹ v.v... Sư gặp ngài Nam Nhạc Huệ Tư đại thiên sư, được dạy nhập Pháp Hoa tam-muội. Sư vâng lời hành trì suốt ba năm, ma nghiệp, thiên quỷ nhanh chóng tan mất, dứt tuyệt. Về sau, Sư tới Chi Giang, tạo chùa Thiên Huệ. Tháng Sáu, nước sông dâng cao, trong một đêm có được kèo gỗ tốt. Có ông Đoàn Hoàng Giả là chủ của tinh xá, bỗng tắt hơi. Sư đến nơi thì ông ta mới sống lại, thưa: “Con bị bắt tới chỗ vua, thấy Sư ở trên điện nói: ‘Người này công đức chưa hoàn tất, xin vua tha cho’. Vua đứng dậy, lễ dưới chân Sư, theo lời Sư nói, thả con về”. Lại có Thường luật sư nửa đêm bắt rận quăng xuống đất, tới sáng, Sư bảo: “Đêm qua có một đàn-việt bị lạnh cóng, đáng thương”. Thường luật sư hết sức hổ thẹn, vĩnh viễn tránh làm như vậy.

*** Thích Huệ Siêu chùa Ngộ Chân ở núi Chung Nam đời Tùy**

Sư họ Trầm, người xứ Đan Dương, xuất gia từ nhỏ, chuyên tụng Pháp Hoa. Nghe nói Huệ Tư đại thiên sư ở Quang Châu riêng ngộ Nhất Thừa, hiểu sâu xa Tam Quán, cùng với ngài Trí Giả trống lòng, khiết tịnh, ôm áo đến xin theo học. Ngài Huệ Tư nói: “*Tâm tánh ông siêu việt, là người sẽ đắc nhãn*”. Tới khi Sư sang Hành Lãm, lại cùng đường với ngài Trí Giả. Sư tụng kinh nhiều năm. Về sau, Sư ẩn cư tại Chung Nam, hành đạo tám năm. Tới khi nằm bệnh được ít lâu, Sư triệu tập đồ chúng bảo: “*Qua lại là chuyện thường, trường sanh chẳng mừng. [Sáng sanh] tới tử chẳng lo, Đệ Nhất Nghĩa Không, thanh tịnh trí quán là chỗ ta nương cậy*”. Nói xong, Sư hướng về Tây, qua đời. Sư nhập đạo lúc chín tuổi, liền tụng kinh Pháp Hoa. Hơn năm mươi năm, Sư tụng hơn một vạn lần, cảm được điều lành linh ứng chẳng thể thuật trọn!

*** Thích Huệ Oai đời Tùy**

³⁹¹ Tức là kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã Ba La Mật (Pravaradevarāja-pariprocchā). Kinh gồm bảy quyển, do ngài Nguyệt Bà Thủ Na (Upāsūna) dịch vào năm Thiên Gia thứ sáu (565) đời Trần. Kinh còn có danh xưng là Thắng Thiên Vương Văn Bát Nhã Kinh. Trong kinh này, thuận theo lời hỏi thiên vương Bát Bà La (Pravara), đức Phật giảng giải Bát Nhã thâm thâm và cách tu tập. Kinh gồm mười sáu phẩm, chia thành bảy quyển. Kinh này chính là bản dịch khác của hội thứ sáu trong bộ Đại Bát Nhã Kinh do ngài Huyền Trang dịch.

Sư là người Giang Lăng, thuở trẻ nương cây tổ Nam Nhạc, hành Pháp Hoa tam-muội, chuyên nghĩ đến huyền tịch, liên đắc Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Đà La Ni, nghe hiểu tiếng người lẫn tiếng chim thú. Vừa biết âm thanh ấy, Sư lại phát khởi, chứng thần thông, bay lên không, đi trên nước như bước trên đất bằng, mật hạnh khác thường, chẳng ai có thể lường được!

*** Thích Quán Đảnh chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đời Tùy**

Sư họ Ngô, người xứ Chương An, Lâm Hải. Sư sanh ra mới ba tháng có thể theo mẹ xưng danh Tam Bảo. Bảy tuổi, Sư xuất tục, mỗi ngày nhớ một vạn chữ. Hai mươi tuổi, Sư thọ Cụ Túc, yết kiến tổ Trí Giả, bẩm thọ quán pháp. Sư nghiên cứu, dùi mài lâu ngày, nhanh chóng được ấn khả. Về sau, Sư theo tổ Trí Giả tới Quang Trạch ở Kim Lăng, nghe giảng Pháp Hoa. Lại ở Ngọc Tuyền thuộc Giang Lăng, thọ lãnh Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Ma Ha Chi Quán. Về già, Sư trụ tại tinh xá Xứng Tâm ở Cối Kê, giảng nói Pháp Hoa. Khi đó, có những lời như “nhảy vọt khỏi lồng rọ, vượt mây, thoát ấn”. Tháng Tám năm Trinh Quán thứ sáu (632), Sư thị tịch, trong thất có mùi hương lạ.

Sư giáo hóa đạo tục, thần dụng khôn ngần. Mỗi lần Sư tụng kinh hay tĩnh tọa, thường có hoa trời rơi lãng đãng bên cạnh. Người trong thôn Pháp Long, cách núi ba mươi dặm, bị bệnh sắp chết. Con của người ấy tới núi xin Sư cứu. Sư vì người đó chuyển đọc kinh Pháp Hoa, đốt hương chiêm đàn. Bệnh nhân từ xa ngửi mùi hương xông vào mũi, ngay lập tức khỏi hẳn. Lại nữa, Nam Lĩnh ở Lạc An có cuộc đất tên là An Châu, cây biếc, khe trong, nước suối xoáy ngầm, đường xá chẳng thông. Sư lần quần yêu mến, đoái nhìn mà thề rằng: “*Nếu cuộc đất này phẳng phiu, sẽ tới đây giảng kinh*”. Chưa đầy mười ngày, cát trắng trào lên trọn khắp, đất bằng phẳng như gương ngọc. Sư bèn giảng kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh để đền đáp sự linh ứng ấy.

*** Thích Chân Quán ở chùa Nam Thiên Trúc thuộc núi Linh Ẩn đời Tùy**

Sư họ Phạm, ở Tiên Đường. Từ thuở bé, Sư có tướng lạ, lưỡi có nhiều vân màu tím. Hai bàn tay trái và phải có đường chỉ hình thành chữ Tiên Nhân. Sư tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày hết một quyển. Năm Khai Hoàng 14 (594), trời đại hạn, [đại chúng] thỉnh Sư giảng kinh Hải Long

Vương. Sư giảng phần Tựa vừa xong, mưa rào ồ ạt trút xuống. Núi Linh Ẩn ở phía Tây huyện xưa kia được gọi là Tiên Cư. Sư hành Đầu Đà trong nhà đá, đại chúng dựng tinh xá, đặt tên là Nam Thiên Trúc, thỉnh Sư trụ tại đó. Sư thường giảng Pháp Hoa, coi đó là tâm yếu. Mỗi lần Sư rửa mặt, nước thừa rơi xuống chẳng ướt đất, mọi người đều lấy làm lạ. Một hôm, thần Cao Đình thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa, Sư cảm thần xả nhà làm chùa!

*** Thích Phổ Minh ở Thiên Thai đời Tùy**

Sư vốn tên là Pháp Kinh, họ Châu ở Cối Kê. Lúc còn bé, Sư đã chấp tay, xưng Phật hiệu. Bỗng có vị tăng chỉ bảo Sư đến núi Thiên Thai, nói: “Ở đó có vị Bồ Tát áo mỏng, thuyết pháp hóa độ cõi đời”. Do vậy, năm Đại Kiến 14 (582), Sư đến núi Thiên Thai, phụng sự tổ Trí Giả, chuyên tu sám pháp, hằng ngày tụng Pháp Hoa. Về sau, Sư tới Lư Sơn, ở gác thờ tượng [Văn Thù Bồ Tát do] Đào Khản [tìm được], hành Thỉnh Quán Âm tam-muội. Đang trong lúc Sư hành đạo, cảm một vị dị tăng đổi tên cho Sư thành Phổ Minh. Vì thế, Sư thưa với tổ Trí Giả, Ngài cũng thuận theo. Về già, Sư trở về chùa Quốc Thanh. Chỗ Sư ở cách chỗ có nước quá xa, Sư chỉ đá nói: “Đá phun ra suối thì cũng chẳng sướng lắm hay sao?” Suối lập tức từ đá phun ra, mỗi ngày cung cấp nước đủ cho cả ngàn người. Tích Trọng Tuyên hiện thời chính là con suối đó.

*** Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai đời Tùy**

Sư họ Trịnh, người xứ Nam Dương, lìa khỏi trần tục từ nhỏ. Sư đi khắp các nơi học đạo. Tới Kim Lăng, gặp tổ Trí Giả, liền chiêm lễ xin theo học, được mật truyền tâm yếu. Ngài Trí Giả về già, quay về Thiên Thai, đem đại chúng [tại Kim Lăng] giao cho Sư. Trong hai mươi năm, Sư lần lượt khéo khuyên dạy, người học quy tâm. Sư suốt đời tụng Pháp Hoa, tính ra hơn một vạn bộ. Chỗ Sư ở, bình chứa nước tự đầy. Năm Đại Nghiệp 12 (616), Sư nằm bên hông phải, qua đời. Trời mưa hoa lạ, cả cõi tối sầm.

*** Thích Trí Tảo đời Tùy**

Sư họ Trương, người Lâm Hải. Lúc hai mươi tuổi, Sư lên Thiên Thai, tham yết Trí Giả đại sư, cầu xuất gia. Tổ Trí Giả dạy tụng Pháp

Hoa, kiêm tu tam-muội. Tới đêm thứ mười bốn, sau khi sám hối xong, Sư thấy chín con rồng từ dưới đất vọt lên, bay lên hư không. Tới sáng, Sư thưa hỏi, tổ Trí Giả bảo: *“Điều này biểu thị chúng sanh trong chín đường (chín pháp giới) nghe kinh Pháp Hoa sẽ phá vô minh trong đời tương lai, nhập pháp tánh Không”*. Về sau, Sư chuyển sang trụ tại chùa Bảo Lâm, chuyên tu Pháp Hoa tam-muội. Đêm đầu tiên có quỷ lay lắc cánh cửa. Trong hai mươi một ngày, mỗi đêm đều như thế, thậm chí các hiện tượng như đập cột, phá vách, tắt đèn. Sư chẳng bị lay động chút nào, chỉ tọa Thiền, tụng kinh mà thôi. Tới ngày hai mươi một hoàn tất, thấy một đồng tử áo xanh tán thán: *“Lành thay!”* Nói xong, [đồng tử ấy] biến mất.

*** Thích Trí Hy đời Tùy**

Sư họ Trần ở Dĩnh Xuyên, xuất tục từ lúc thơ ấu. Sư tới chỗ tổ Trí Giả núi Thiên Thai, bảm thọ Thiền quyết và tu tịch định. Sư thường ở đạo tràng tu Thiền tại Phật Lũng, hành Pháp Hoa tam-muội. Khi đó, Sư muốn tạo đài hương. Do gỗ trong rừng cây ở ngọn Hương Lô đẹp để lạ thường, Sư muốn chặt để dùng. Đại chúng nghị rằng đó là chỗ thần ở, [khuyên Sư không nên đung đến]. Đêm đó, Sư mộng thấy thần tặng cho, bảo: *“Cây sanh bách ở ngọn Hương Lô đều xả hết để làm đài kinh”*. Sư bèn chặt cây. Có vị tăng tên Pháp Vân muốn lên đỉnh núi tọa Thiền, Sư ngăn trở bảo: *“Ông đạo lực yếu ớt, sơn thần mạnh mẽ, chẳng nên đi”*. Pháp Vân không nghe. Mới vừa một đêm, sơn thần hiện hình đuổi về, mới hiểu ý của Sư nói trước đó, sanh lòng kính ngưỡng Sư sâu xa. Sư từng đến tháp báu của vua A Dục, lễ tám vạn bốn ngàn lay. Trình Quán nguyên niên (627), Sư ngồi ngay ngắn, xếp bằng, vẫn cảm Như Ý thuyết pháp, đệ tử hỏi: *“Thầy sẽ sanh về chỗ nào?”* Đáp rằng: *“Như ta thấy trong giấc mộng, sẽ sanh lên Đâu Suất”*. Sư nghiêm nhiên như nhập Thiền Định [mà qua đời]. Trên hư không có tiếng đàn sáo, rất lâu sau [tiếng nhạc] mới dứt.

*** Thích Pháp Hưởng chùa Chánh Kiến ở Dương Châu đời Tùy**

Sư họ Lý, người Duy Dương. Sư xuất gia siêng ròng, theo học với tổ Trí Giả, chuyên tụng Pháp Hoa. Ở bên cạnh chùa Thê Hà tại Nhiếp Sơn, Sư lập Pháp Hoa đường, hành tam-muội sám pháp. Hai mươi một ngày tinh tấn, đạt được điềm lành linh ứng to lớn, Sư yên lặng chẳng nói.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2

Trong núi có hồ dữ gây hại, đại chúng thiết đại trai để giải trừ tai ương. Bỗng hồ xông vào đại chúng, quắp một người chạy đi. Sư lớn tiếng hô: “Hôm nay chuyên vì người lập trai đàn, hãy nên thả người đó”. Hồ liền thả kẻ đó trở về. Sau đó, mấy chục con hồ tụ tập nơi trai đàn, mọi người kinh sợ, tránh né. Sư lấy tích trượng gõ vào cổ hồ thuyết pháp. Kể từ đó, chúng lánh xa, chẳng thấy tung tích.

**** Thích Đăng Quán đời Tùy***

Sư họ Tôn, người Phú Dương, thọ Tâm Quán từ tổ Trí Giả. Sư sống tại Thiên Thai, thường tụng Pháp Hoa. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư sang chùa Pháp Nhãn ở Dư Hàng, khai giảng pháp tòa. Ngày mùng Một Tết, có người mặc y phục của bậc vương giả, xưng là thần Cao Đình đến yết kiến, xin nhận lãnh giới pháp. Sư liền lấy lò thắp hương, truyền thọ Bồ Tát đại giới. Thần lễ tạ ra đi.

**** Thích Đại Chí chùa Phước Lâm tại Lư Sơn đời Tùy***

Sư họ Cố, người Cối Kê, xuất gia từ thuở 7 tuổi. Sư theo hầu ngài Thiên Thai Trí Giả. Năm Khai Hoàng thứ mười (590), Sư đến Lư Nhạc, trụ tại chùa Hoa Đăng, tụng kinh Pháp Hoa, thanh nhàn, tĩnh lặng. Tiếng tụng kinh trong trẻo, lan xa, mọi người đều thích nghe. Về sau, Sư dựng đạo tràng Tĩnh Quán trước ngọn Cam Lộ, tu hạnh Đầu Đà. Sư trở lại một thân, chẳng tránh né hổ, sói. Mỗi khi Sư bước chân vào chỗ chúng, hổ đều tránh đi!

**** Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu đời Tùy***

Sư họ Trương ở Chiêu Khâu, xuất gia tại chùa Ngọc Tuyền. Sư tánh khí trầm tĩnh, sâu lắng, tụng Pháp Hoa lâu năm. Thoạt đầu, ngài Trí Giả vào Ngọc Tuyền, chẳng có chuông khánh. Từ nguồn nước, Sư tìm được một mảnh đá lạ, bèn treo lên để gõ, âm thanh ngân nga trong trẻo. Mỗi lần Sư tụng kinh, tiếng như nước suối trong tuôn róc rách. Trọn hết một quyển, Sư lại gõ khánh một tiếng, người nghe nghiêm túc. Sư thọ thực, thường lưu lại một chút để thí cho loài chim cá. Lòng từ thiện hun đúc, chúng hoặc bay đến đậu trên vai, hoặc bơi vẫy vùng trên tay, các điều cảm ứng tốt lành chẳng phải chỉ một!

*** Thích Đàm Tuân núi Bách Tiêm ở Hoài Châu đời Tùy**

Sư họ Dương, người xứ Hoa Âm. Sư xuất gia tại núi Bạch Lộc, chuyên tụng Pháp Hoa. Sư nghe nói Trù thiền sư chùa Vân Môn thuộc Long Sơn là bậc tông tượng về Thiền Định, xưa nay ít ai sánh bằng, liền tìm đến đánh lễ. Về sau, Sư chuyển sang ở trong hang Lộc Thổ để tu Thiền, khiến cho suối khô có nước trở lại, hươu nai nhiều quanh viện. Khi đó, do giảng pháp, Sư tạm thời qua Vân Môn, gặp phải đường tối, sương mù mờ mịt, cảm vờn sơn thần chỉ đường. Sư lại còn đi trong núi gặp hổ đang đấu sức với nhau đã rất lâu chẳng ngừng, Sư dùng tích tượng tách ra, dùng thân ngăn trở chúng. Cọp cúi đầu, bỏ chạy. Sư thường nhập Thiền Định, lấy bảy ngày làm hạn. Trong niên hiệu Khai Hoàng, vua ban chiếu khen ngợi sự thần dị của Sư.

*** Thích Đàm Vận ở Ủy Châu đời Tùy**

Sư người Định Châu, xuất gia từ bé, luôn tụng Pháp Hoa. Sư dạo khắp Ngũ Đài, thấy trọn các tướng trạng linh ứng. Sư ngừng chân nơi chùa Mộc Qua ở Bắc Đài hơn hai mươi năm, Thiền Tụng chẳng sót. Cuối đời Tùy, rối ren, loạn lạc. Sư đã bảy mươi, bèn ẩn cư trong núi Tỷ Can, suốt ngày đêm nhiếp tâm chẳng biếng nhác. Sư thường muốn chép kinh Pháp Hoa, nhưng nhiều năm chưa thực hiện được. Chợt chứa ý nguyện đã lâu, bỗng có một thư sinh tới nói anh ta giỏi chép kinh, nguyện thành tựu chí nguyện của Sư. Do vậy, quét dọn thớt, dọn sạch đất, ngâm hương, lặt lẽ chép, ra thì giữ giới, vào thì tắm rửa. Chưa đầy mười ngày, bảy quyển đều xong. Sư toan đưa tiền công thì khoảnh khắc chẳng thấy [thư sinh] đâu nữa. Về sau, do giấc Hồ bỗng ập tới, Sư giấu kinh trong hang đá. Sau một năm giấc mới yên, Sư trở về, tìm kinh chẳng thấy. Sau đó, tìm được kinh trong lùm cỏ dưới vách núi. Rưng rưng kinh và vải bọc đều hư nát, nhưng quyển kinh vẫn y như cũ. Năm Trinh Quán 11 (637), Tuyên luật sư (ngài Đạo Tuyên) đích thân thấy chuyện ấy.

*** Thích Huệ Hải chùa An Lạc ở Giang Đô đời Tùy**

Sư người Thanh Hà, họ Trương, tuổi thơ nhập đạo, lấy Tịnh Độ làm điều cầu mong. Sư chuyên rỗng nên được cảm vờn. Bỗng có vị tăng ở Tề Châu là Đạo Thuyên mang tượng Vô Lượng Thọ Phật đến, vi diệu,

trình xảo chưa từng có trong đời, nói: “Đây là do Ngũ Thông Bồ Tát ở chùa Kê Đầu Ma tại Thiên Trúc, bay lên không trung, đến thế giới An Lạc, vẽ vờn tôn dung”. Sư ngẫm hiểu thịnh tình, ôm lòng lễ kính sâu xa, bèn thấy thân quang chiếu sáng rực, mừng rỡ trước diễm hiêm có. Tháng Năm năm Đại Nghiệp thứ năm (609), Sư bỗng hướng về Tây lễ bái xong, ngồi xếp bằng qua đời. Sư ngẫm hành Ban Châu, về già càng chuyên dốc, giảng kinh Pháp Hoa năm mươi lượt. Sư hoằng pháp lợi sanh, dốc lòng nơi Tịnh Độ, đáng gọi đứng đầu thuở ấy.

*** Thích Huệ Cung chùa Chiêu Đế tại Ích Châu đời Tùy**

Sư kết bạn với vị tăng đồng học là Huệ Viễn. Về sau, Sư sang Kinh Dương hỏi đạo rồi trở về, thắm thoát đã ba mươi năm. Ban đêm trò chuyện, Huệ Viễn nói như nước chảy, Sư lặng thinh, chẳng đáp được. Huệ Viễn nói: “Nhân giả có sở đắc gì chăng?” Sư thưa: “Tánh tôi tôi tâm, chẳng hiểu biết gì!” Huệ Viễn nói: “Có tụng nổi kinh nào hay không?” Sư đáp: “Chỉ tụng một quyển phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, tôi sẽ tụng cho thầy nghe, chỉ nên chí tâm nghe”. Sư bèn kết đàn, lên tòa cao, vừa mới thốt ra tiếng xướng đề kinh, đã cảm thấy có mùi hương. Lâu sau, nghe tiếng thiên nhạc rền trời, mưa hoa tán loạn. Kinh tụng xong, [các hiện tượng ấy] mới hết. Huệ Viễn kính lễ, cảm tạ.

*** Thích Pháp Sung đời Tùy**

Sư là người Cửu Giang, họ Tất, thường tụng Pháp Hoa, kiêm thông Đại Phẩm. Sư trụ tại chùa Hóa Thành ở Lư Sơn, thường khuyên tăng chúng chẳng cho nữ nhân vào chùa, vì sẽ thương tổn sự giáo hóa của Phật, rơi vào sự đồn đãi của thói tục. Thoạt đầu, tăng chúng chẳng nghe theo. Sư liền ở trên đỉnh Hương Lô trong núi, gieo mình xuống, thê nát xương cốt, cầu sanh Tịnh Độ. Bỗng đang ở trong không trung, đầu tự xoay lên trên, nhẹ nhàng rơi xuống, thân chẳng tổn hoại tí nào! Đại chúng cảm động trước hiện tượng lạ ấy, cùng răn nhau bắt đầu chẳng cho nữ nhân vào chùa. Cuối niên hiệu Khai Hoàng, Sư ngồi qua đời, đang lúc nắng gắt mà thân thể chẳng hư hoại, mùi hương lạ ngập thất.

*** Thích Pháp Lăng đời Tùy**

Sư họ Hứa, người Nam Dương, không cư trụ nhất định một chỗ nào; phần nhiều trụ tại Ngạc Châu. Khi đó, Sư tụng đọc các kinh, nhưng

chí chuyên chú nơi Pháp Hoa. Sư thề nguyện trong sạch tụng niệm: Hễ cứ một lần tụng là bảy lượt. Lâu ngày như thế, tiếng tụng kinh như sấm động, xa gần đều nghe rõ ràng. Người đời gọi Sư là Pháp Hoa Lăng. Có tỳ-kheo-ni bị quỷ dựa, siêu ngộ huyền giải, ai cũng gọi là bậc thông ngộ. Sư nói: “Đó là tà quỷ”. [Sư đến chỗ bà ni ấy], cao giọng quở trách, quỷ mị kinh sợ rồi đi, bà ni ấy đột nhiên mắt sạch biện tài!

*** Thích Pháp Hỷ ở Ung Châu đời Tùy**

Sư người Tương Dương, họ Lý, bảy tuổi xuất tục, dốc chí trì Pháp Hoa. Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-604), Sư trụ tại chùa Thiên Định ở kinh đô, muốn ngấm cầu sự linh ứng, thề tụng kinh Pháp Hoa một ngàn lần. Do vậy, Sư không ở trong thất cũ, mà vừa đi kinh hành, vừa tụng niệm đủ số tám trăm lượt, thệ tâm chẳng tán loạn. Tăng chúng cùng chùa bỗng thấy có xe báu anh lạc vào trong phòng Sư, ép Sư cho vào xem, trợn chẳng thấy gì, mới biết là do ngấm thông mà cảm vờ vậy.

*** Thích Pháp Thành ở chùa Ngộ Chân núi Chung Nam đời Tùy**

Sư người Ung Châu, họ Phàn, trụ tại chùa Vương Hiệu ở Lam Điền, chuyên tụng Pháp Hoa. Sư quả tráp đến thăm các danh sơn, thề dốc lòng phụng hành Pháp Hoa tam-muội, mộng cảm vờ Phổ Hiền Bồ Tát khuyên biên chép Đại Thừa. Sư liền mượn người chép tám bộ Bát Nhã. Lại tạo Hoa Nghiêm đường, dốc cạn lòng tinh thành để biên chép, thọ trì. Khi đó, Hoàng Văn Học Sĩ Trương Tĩnh vốn giỏi viết lách, Sư bèn thỉnh [ông ta] đến chùa trên núi, bảo ông ta ngậm hương chép trọn một bộ. Khi đó, cảm con chim lạ bay tới án chép kinh, tự nhiên nhảy vòng quanh. Đầu thời Trình Quán, Sư đích thân chép Pháp Hoa. Khi đó, Sư đang ở nơi đất trống, do có chuyện phải đi, chẳng thu cát được, gặp lúc mưa to trút xuống. Sư vội vàng trở về xem, cả án chép kinh khô ráo, những thứ khác đều bị cuốn trôi. Mùa Hạ năm Trình Quán 14 (640), Sư bảo người hầu: “*Ta nghe nói các hành vô thường, sanh diệt chẳng trụ, chín phẩm vãng sanh lời ấy ứng nghiệm. Nay có đồng tử đến đón rước, ta sẽ lìa đời*”. Nói xong, miệng Sư phóng quang minh, chiếu khắp cả nhà. Lại nghe mùi hương lạ ngào ngạt, Sư ngồi ngay ngắn, qua đời. Sư tụng tập Pháp Hoa, tính đại lược là mười năm, hơn một vạn lần!

*** Thích Pháp An đời Tùy**

Sư trụ tại chùa Kiến Nguyên, thông thạo rộng khắp lễ huyền yếu, tụng Pháp Hoa đã lâu, giảng hơn bốn mươi lần. Bổng bốn góc của giảng tòa đều sanh một lùm hoa có mười mấy nhánh, trắng vàng xen lẫn, hình dạng giống như hoa sen, hương quang rạng rỡ. Mười ngày sau, lại ở bên bục giảng của Sư và chỗ ngồi của đại chúng, đều sanh tám chín đóa hoa, một tháng mới héo. Đạo tục kéo đến xem, tán thán là điềm lành lạ lùng.

*** Thích Pháp Thái đời Tùy**

Sư là người Long Sơn ở My Châu, thường tụng Pháp Hoa, tự tay chép một bộ kinh, có mấy điều linh ứng. Sư mang kinh sang Ích Châu để trang hoàng, bỗng đánh rơi tráp đựng kinh xuống nước dưới cầu, tìm chẳng được. Sư buồn khóc, đi dọc theo hai bên bờ, bỗng thấy trên một cù lao nhỏ có một cái bọc, sai người ra lấy về thì ra là kinh. Được cỏ cây nâng đỡ, kinh trọn chẳng bị ướt chỗ nào. Sư hoan hỷ khôn cùng, liền đem tới Thành Đô trang hoàng xong, dùng đàn hương làm trục, trang hoàng tốt bậc trang nghiêm, đem về thờ ở chùa mình. Mỗi đêm, mùi hương lạ đầy nhà. Sư siêng năng trì tụng, mỗi đêm ắt tụng hết một bộ. Khi đó, có Bưu pháp sư tới giảng kinh ở chùa đó. Đêm đến, Bưu pháp sư tới chỗ Sư tụng kinh, thấy có nhiều người hồ quỳ chấp tay, Bưu pháp sư toát mồ hôi, lui về.

*** Thích Huyền Tú ở chùa Tế Hoa thuộc Hoàng Châu đời Tùy**

Sư luôn tụng Pháp Hoa, thường có tướng lạ. Khi đó, đang mùa hè nóng bức, Sư vừa mới tụng kinh xong. Tăng chúng trong chùa thấy có người hộ vệ nghiêm túc bên cạnh, sợ hãi bảo các đồng bạn cùng đến xem thì thấy không chỉ giống hệt như trước, mà lại còn đầy ắp trên không. Tứ chúng đều xưng là thần dị.

*** Thích Hạnh Kiên đời Tùy**

Sư thường tu Thiên Quán, tiết tháo nghiêm cẩn. Sư ngẫu nhiên đi sang phương Đông, trên đường ngang qua Thái Sơn. Đêm xuống, ngụ tại miếu thờ thần núi. Ông từ coi miếu nói: “Những người ngủ nhờ gần đây, phần nhiều bị chết bất ngờ, chớ nên ở lại”. Sư không nghe, cứ trải rơm bên gian xép của miếu, ngồi ngay ngắn tụng kinh. Khoảng canh một,

nghe trong miếu có tiếng vòng ngọc rung. Trong chốc lát, thần xuất hiện, áo mũ rất to lớn, thuộc hạ rầm rộ. Thần hướng về Sư chấp tay; do vậy, Sư mời ngồi trò chuyện như trong khoảng bữa ăn, Sư hỏi: “Cõi đời truyền tụng Thái Sơn cai quản quỷ, có chuyện ấy hay không?” Thần đáp: “Có ạ, há chẳng phải là Sư muốn thấy người đã mất ư?” Sư đáp: “Tôi có hai vị tăng đồng học đã chết, mong gặp một lần”. Thần hỏi tên tuổi rồi thưa: “Một người đã sanh trong nhân gian, người kia còn trong ngục chịu đời chất, chẳng thể gọi đến. Sư đến gặp thì được”. [Thần liền sai người hầu] cùng Sư đến một chỗ, thấy trong ngục ánh lửa hết sức hùng hực. Sư giả dẫn Sư vào. Từ xa, Sư thấy một người ở trong lửa kêu gào, máu thịt bị thiêu hôi thối. Sư chẳng nỡ lòng nhìn, thương xót xin trở ra, lại ngồi cùng với thần, Sư hỏi: “Tôi muốn cứu đồng học có được hay chẳng?” Thần nói: “Được chứ! Có thể vì người ấy chép kinh Pháp Hoa, ắt sẽ được miễn tội”. Sắp sáng, thần cáo từ trở vào miếu. Ông từ coi miếu thấy Sư chẳng chết rất lạ lùng. Sư rời đi, vội thực hiện nguyện trước. Chép kinh và trang hoàng xong xuôi, Sư cầm đến miếu ngủ lại. Thần hiện ra như lúc trước, hoan hỷ lễ bái nói đã biết Sư vì người ấy chép kinh: “Vừa mới viết đề kinh, người ấy đã được thoát nạn. Nay đã sanh trong nhân gian”. Đó là chuyện trong niên hiệu Đại Nghiệp.

*** *Cư sĩ Lục Thuần đời Tùy***

Ông là người Ngô Quận, tâm thường mộ đạo. Ngày đêm tụng trì một bộ kinh Pháp Hoa. Về sau, ông bỗng bị bệnh, nằm ngửa, nhìn lên nóc nhà, mắt chẳng tạm nhắm. Có vị tăng quen biết đến thăm bệnh, nhân đó hỏi vì sao ông nằm ngửa ngó lên kèo nhà vậy? Ông nói: “*Phật thọ ký Lục Thuần sẽ sanh lên trời Dạ Ma. Nay tôi thấy cung điện, thành khuyết trên cõi trời và các thiên chúng, cho nên ngắm nhìn chẳng rời mắt*”.

*** *Nghiêm Cung ở Tương Châu đời Tùy***

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, người xứ Tương Châu là Nghiêm Cung suốt đời tịnh tâm quy y Phật pháp. Ông tạo tinh xá ở ngoài thành, chép kinh Pháp Hoa, thanh tịnh cúng dường. Giấy bút và biên chép đều chú trọng tinh sạch, tốt đẹp nhất, tín tâm bố thí, chẳng dám dối trá. Hễ có tiền liền thực hiện, chẳng hề xin xỏ ai. Chép xong quyển nào, ông đều đích thân dò theo từng chữ để kiểm giao, đã lâu ngày mà chẳng bỏ bê hay mỏi mệt. Từng có người vay ông một vạn đồng, ông Cung bắt đắc dĩ phải đưa cho. Người vay tiền ngồi thuyền bị

Điều Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2

lật thuyền, tiền mất sạch, chỉ được thoát thân. Ngày hôm ấy, ông Cung vào kho trong nhà, thấy món tiền đã cho vay ướt như bị nhúng nước. Về sau, ông nghe chuyện ấy, mới biết là linh dị!

**** Vương Phạm Hạnh ở Lâm Nghi đời Tùy***

Thuở bé ông bị mù, mẹ thương xót, dạy truyền khẩu kinh Pháp Hoa. Ông áo vải, ăn chay, thiền tụng chẳng thiếu sót. Tính ra đã tụng được một vạn bảy ngàn bộ. Về sau, ông ngồi xếp bằng qua đời. Di ngôn bỏ xác trong thi lâm (cánh rừng để bỏ xác). Lâu ngày, thịt da đã hết sạch, chỉ có lưỡi chẳng hoại, màu như hoa sen.

**** Thôi Ngạn Vũ ở Ngụy Châu đời Tùy***

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, thứ sử Ngụy Châu là Thôi Ngạn Vũ quê tại Bác Lăng, nhân đi đường bộ, tới một ấp, bảo người theo hầu: “Đời trước, ta từng làm một người đàn bà trong ấp này, nay muốn đến xem”. Do vậy, cưỡi ngựa đi vào ngõ hẹp, tới nhà đó, sai người gõ cửa. Một cụ già ra chào. Ngạn Vũ vào nhà, nhìn vào chỗ cao trên vách phía Đông, nói với chủ nhân: “Xưa kia, ta từng cất kinh Pháp Hoa và năm cây thoa vàng ở đó. Cuối quyển bảy của kinh bị lửa đốt mất mấy hàng chữ. Nay mỗi lần tụng kinh đến đó, tâm liền như quên mất”. Ông sai tả hữu đục tường ra xem, hoàn toàn đúng như ông đã nói. Chủ nhân khôn cầm nước mắt. Ngạn Vũ biểu xén trọng hậu rồi đi.

**** Đạo Tuyên luật sư chùa Tây Minh ở kinh đô đời Đường***

Sư người Hồ Châu, con của Lại Bộ Thượng Thư Tiên Thân đời Tùy. Khi mẹ có thai, mộng thấy một vị Phạm tăng nói: “*Bà mang thai luật sư Tăng Hựu*”. Sư mười sáu tuổi tụng kinh Pháp Hoa, hai mươi ngày bèn thông suốt. Trong niên hiệu Vũ Đức, Sư ẩn tích tại Chung Nam. Chỗ ở thiếu nước, thần nhân chỉ chỗ, đào xuống chừng hơn một thước, suối tự phun trào. Do vậy, đặt tên chùa là Bạch Tuyên Tự. Về sau, Sư dời sang chùa Phong Đức, do hành Ban Châu định, cảm các rồng lễ yết, cúng dường kỳ hoa dị quả. Sư giới đức vượt người, soạn Tứ Phần Luật Sao. Lại biên soạn Nội Điển Lục, Tam Bảo Cảm Thông Lục, Quảng Hoảng Minh Tập, Tục Cao Tăng Truyện.

Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư ẩn cư trong núi Vân Thất, mọi người thấy đồng tử cỡi trời hầu hạ chung quanh. Ban đêm, Sư kinh hành tại Tây Minh, bước lên bậc vấp ngã, có thiếu niên mặc giáp trụ nâng đỡ. Sư hỏi: “Là vị thần nào vậy?” Đáp: “Tôi chính là Na Tra, con của thiên vương Tỳ Sa Môn. Do Sư giới đức cao diệu, cho nên đến hộ vệ bên cạnh”. Sư bèn hỏi cặn kẽ các chuyện trong Phật pháp, thần nhất nhất trả lời. Thần trao cho Sư rằng Phật và tay báu để làm chứng có tin tưởng rồi ẩn mất. Mùa Xuân năm Càn Phong thứ hai (667), Sư cảm thiên nhân đến đàm luận luật tướng. Một hôm, lại có một vị trời đến lễ yết, nói: “Luật sư sẽ sanh về cung trời Đâu Suất”. Vị ấy cầm một vật thưa: “Đây là Cức Lâm Hương”. Ngày mùng Ba tháng Mười, Sư an tọa qua đời, hiệu là Nam Sơn Giáo Chủ Trùng Chiếu đại sư. Khi Sư viết lời tựa cho kinh Pháp Hoa, Vì Đà Thiên do tôn sùng Pháp Hoa, chưa thay lời nói đầu, đã bầm báo mười phương chư Phật, chư Phật đều cùng ấn khả, bài tựa ấy mới được lưu truyền, tức là bài tựa được hoằng truyền hiện thời.

*** Thích Cát Tạng đời Đường**

Sư họ An, vốn là người An Tức³⁹², đời tổ tiên di cư tới Nam Hải. Sư bảy tuổi xuất gia, sau đó thọ Cụ Túc Giới, mang chí hướng truyền đăng, tiếp tục chuyển pháp luân. Sư trụ tại chùa Nhật Nghiêm ở kinh đô, khai giảng Pháp Hoa. Người nghe tin kéo đến nghe, tính ra cả vạn. Đầu niên hiệu Đại Nghiệp, Sư chép một ngàn bộ Pháp Hoa, lại riêng đặt tượng Phổ Hiền Bồ Tát, cung kính đối trước tượng tọa Thiền, quán lý Thất Tướng. Năm Vũ Đức thứ sáu (623), Sư đổi sang trụ tại chùa Diên Hưng, các thứ cúng dường khác lạ đua nhau đưa đến. Sáng một ngày nọ, Sư đốt hương, ngồi xếp bằng qua đời. Lúc ấy đang nhằm khi nắng gắt, vẻ mặt Sư càng tươi sáng, [môn nhân] khắc đá chôn Sư ở Bắc Nham. Sư bình sanh giảng kinh Pháp Hoa hơn ba mươi lượt. Lúc sắp mất, Sư soạn bài luận Tử Bất Bồ (chết không sợ), [đại ý] như sau: “*Tử do sanh mà có,*

³⁹² An Tức là một vương quốc cổ tại Ba Tư (Iran hiện thời). Tiếng Ba Tư gọi là Ashkanian, hoặc Parthia tồn tại từ năm 247 đến năm 224 trước Công Nguyên. Đế quốc này do vua Arsaces đệ nhất sáng lập. Arsaces vốn là lãnh tụ bộ tộc Parni chiếm cứ vùng Parthia. Khi cực thịnh, đế quốc này trải dài từ lưu vực sông Âu Phát Lạp Đề (Euphrates) tới A Phú Hãn và phần Tây Pakistan. Do nằm trên con đường tơ lụa, vương quốc này trở thành trung tâm mậu dịch quan trọng thời ấy.

hãy nên khóc vì được sanh ra, chớ nên sợ chết”. Văn còn nhiều, chẳng chép thêm!

*** Thích Huệ Chủ đời Đường**

Sư người Thi Châu, họ Giả. Thoạt đầu, Sư tới kinh đô thọ Cụ Túc Giới tại chùa Cam Lộ. Sư chuyên tụng kinh Pháp Hoa, cảm sơn thần dâng cúng. Sư sáu thời hành đạo, chim, thú bay theo, giống như ngưỡng mộ, lắng nghe. Sư còn trao truyền Bồ Tát giới cho u lẫn hiển. Trong niên hiệu Vũ Đức, Sư ở tại chùa Hương Lâm. Khi đó Lăng Dương Công đến Ích Châu, dẫn theo hơn một trăm con vật chở nặng đến chùa, xếp chúng trong giảng đường, không ai dám trái ý. Sư thấy uế tạp, liền vào tầng phòng, cầm tích trượng và ba y ra, giơ trượng, hướng về bọn la, lừa, chúng cùng lúc ngã nhào. Huyện quan hết sức kinh hoàng, bắt Sư lên tố cáo. Lăng Dương Công chẳng trách móc chút nào, chỉ nói: “Nhờ Sư phá keo tham, được lợi ích to lớn sâu xa”, tặng mười cân trầm hương. Sau khi trở về kinh, ông ta bèn thọ giới Bồ Tát.

*** Thích Huyền Trang chùa Đại Từ Ân ở kinh đô đời Đường**

Sư họ Trần, người huyện Trần Lưu. Lúc mười một tuổi, Sư thường tụng Pháp Hoa và Duy Ma, tánh cương cứng, chánh trực, bất khuất. Năm Trinh Quán thứ ba (629), Sư sang Tây Vực thỉnh các kinh chưa được truyền sang Trung Hoa. Sư đến nước Khúc Xà, cùng các thương nhân vượt qua sông Căng Già (sông Hằng). Phong tục nước ấy chuyên dùng người để tế trời, họ sắp giết Sư để tế. Bỗng gió lớn nổi lên, cát bụi đầy trời, mặt trời đang giữa ban ngày mà tối sầm. Họ cho rằng Sư là thánh nhân, Sư bèn được thả ra. Sư tới Trung Thiên Trúc, được nghe luận Du Già Sư Địa. Sư vào thành Vương Xá, từ Thượng Phương Giới Hiền luận sư học sâu xa lẽ bí áo trong Đại Thừa, trí chứng ngày càng tăng. Sư đi qua hơn một trăm năm mươi nước. Mười chín năm sau, Sư chở kinh và tượng về kinh đô. Sau đó, Sư dịch kinh luận tính ra bảy mươi lăm bộ. Tháng Hai năm Lâm Đức nguyên niên (664), Sư từ biệt đại chúng, sai người xung quanh niệm Di Lặc Như Lai, nằm an tường bên hông phải qua đời. Có dị tăng dâng hương để bồi lên thân thể Sư. Vua xuống chiếu chuẩn theo chuyện an táng Thế Tôn [để cử hành tang ma]. Thập thờ Sư ở Bắc Nguyên thuộc Phàn Xuyên.

*** Thích Huyền Uyển chùa Phổ Quang ở kinh đô đời Đường**

Sư họ Dương, người Hoa Âm, giảng diễn Pháp Hoa Đại Thừa v.v... và tham cứu sâu xa lý huyền áo, khéo trình bày chỗ u vi. Năm Nhân Thọ (602) thứ hai, Sư tạo tượng vàng Thích Ca Như Lai cao một trượng sáu. Lòng chí thành ngằm cảm ứng, trời mưa diệu hoa, bay lả tả như vân mẫu³⁹³. Đêm ấy, nhạc trời vang rền khắp không trung, cho tới bình minh mới dứt. Vào giới kỳ nhằm ngày mùng Tám tháng Hai mỗi năm, Sư nương theo hai mươi lăm vị Phật để chuyển đọc thần chú một ngàn lượt, tinh khiết, trai giới, kinh hành. Đầu niên hiệu Trinh Quán, vua sắc truyền hoàng thái tử và các vương đến thọ Bồ Tát giới từ Sư. Anh em Tả Bộc Xạ³⁹⁴ Tiêu Vũ thường thưa hỏi ý chỉ “*hội tam quy nhất*” trong hội Pháp Hoa, Sư vì họ phân tích lập đi lập lại chẳng mệt mỏi. Hữu Bộc Xạ Đỗ Như Hối để lại di ngôn, nguyện trái kiếp số làm đệ tử của Sư. Mỗi lần Sư truyền giới, thuyết pháp, có đồng cốt nói: “Thấy có dị loại quỷ thần từ các phương tụ lại, ra vẻ như đang nghe nhận”.

³⁹³ Vân mẫu (Micas) là tên gọi chung cho các khoáng chất thuộc nhóm Phyllosilicate (tức các hợp chất Silicate có thể tách ra thành từng miếng mỏng), có thể trong suốt hoặc trong mờ. Mica thường là hợp chất của Kalium, Natrium, hoặc Calcium kết hợp với nhôm, manganese, hoặc sắt, và một thành phần không thể thiếu là chất silicon bị oxyde hóa. Tùy theo cách kết hợp khác nhau mà thành ra các loại mica khác nhau.

³⁹⁴ Bộc Xạ là chức quan đã có từ thời cổ. Theo Hán Quan Nghi Chú, Bộc có nghĩa là chủ chốt, quản trị, còn Xạ là vì thời cổ coi trọng vũ thuật. Do vậy, trong số những người cầm đầu thuộc hạ, luôn chọn người giỏi bắn tên. Vì thế gọi là Bộc Xạ. Từ đời Hán trở đi, Bộc Xạ là một danh xưng chung cho quan viên, từ Thị Trung, Thượng Thư, Bác Sĩ, các quan Lang, thậm chí người đứng đầu các cảng sông cũng gọi là Bộc Xạ. Hoặc nói riêng, Thượng Thư Bộc Xạ là phó quan cho Thượng Thư Lệnh. Từ đời Tùy, chức trưởng quan đứng đầu Thượng Thư Tỉnh gọi là Bộc Xạ, tức Thượng Thư Bộc Xạ (không còn danh xưng Thượng Thư Lệnh), các danh xưng khác về Bộc Xạ đều bị phế trừ. Như vậy, Tả Hữu Bộc Xạ chính là Tể Tướng (Thừa Tướng), Tả Bộc Xạ cao hơn Hữu Bộc Xạ. Từ đời Tống Huy Tông, đổi Tả Hữu Bộc Xạ thành Thái Tể và Thiếu Tể, từ đó, không còn danh xưng này nữa. Trong các triều đại Tùy, Đường, Ngũ Đại, chức Thượng Thư Bộc Xạ chính là Tể Tướng. Tả Bộc Xạ đứng đầu các quan, quản trị các bộ Lại, bộ Hộ, bộ Lễ. Hữu Bộc Xạ quản trị bộ Binh, bộ Hình và bộ Công. Trong đời Đường, Cao Tông đổi Bộc Xạ thành Quốc Chánh, Vũ Tắc Thiên đổi thành Văn Chương Tả Hữu Tướng, Huyền Tông đổi thành Tả Hữu Thừa Tướng. Cuối đời Đường, Bộc Xạ trở thành hư chức (chức vụ không có thực quyền, chỉ để gia tặng cho các Tiết Độ Sứ).

*** Thích Khuy Cơ chùa Đại Từ Ân đời Đường**

Sư họ Uất Trì, người Trường An, là đệ tử của ngài Huyền Trang. Sư thông hiểu giáo pháp Đại Tiểu Thừa. Về sau, Sư đến Ngũ Đài, trụ tại Tây Hà Cổ Tự, thấy quyển kinh tỏa ánh sáng. Tìm xem thì ra là Di Lặc Thượng Sanh Kinh. Sư bèn cất bút soạn sớ. Từ đầu ngọn bút, thu được hai mươi bảy viên xá-lợi, hồng nhuận, đáng yêu. Sư tướng mạo trông thô to, nhưng tâm từ bi, hóa đạo khắp chốn. Sư sang Đông tới Bắc Lãng, giảng kinh Pháp Hoa, lại còn soạn đại sớ. Sư từng tạo tượng Văn Thù Bồ Tát bằng ngọc, viết kinh Đại Bát Nhã bằng chữ vàng. [Tượng và kinh] đều tỏa thân quang sáng ngời khắp thất. Thoạt đầu, ngài Huyền Trang đích thân truyền dạy Du Già Sư Địa Luận, Sư lãnh thọ trọn hết chỗ mầu nhiệm. Trong nước gọi Sư là Từ Ân pháp sư.

Khi đó, Đạo Tuyên luật sư do hoàng dương Luật, cảm bếp trời cúng dường thức ăn, thường chê trách Sư đi đâu cũng phải có ba xe³⁹⁵, chẳng đáng kính lễ. Sư từng tới thăm ngài Đạo Tuyên, hôm ấy đã quá Ngọ mà thiên nhân chẳng dâng thức ăn. Sư đi rồi, thiên thần mới giáng xuống. Ngài Đạo Tuyên gạn hỏi vì sao lại đến sau giờ Ngọ. Vị trời ấy đáp: “Vừa rồi tôi thấy bậc Đại Thừa Bồ Tát ở đây, được [chư thiên, quỷ thần] hộ vệ chung quanh rất nghiêm. Thần thông của bọn tôi không đủ sức để tiến vào!” Ngài Đạo Tuyên nghe nói mới bắt đầu kính phục [ngài Khuy Cơ].

*** Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà Tự thuộc Nhiếp Sơn đời Đường**

Sư trụ tại chùa Bạch Mã ở Dương Châu, chuyên học tập Tam Luận (Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận, và Bách Luận). Sau đó, vượt sông, trụ tại An Lạc Tự. Gặp lúc nhà Tùy mất nước, Sư nghĩ cách trở về, nhưng chẳng có cách nào, ẩn mình trong đám lau lách bên sông, tụng kinh Pháp Hoa. Bảy ngày chẳng đói, luôn có bốn con hồ đi tuần chung quanh. Bỗng Sư thấy một ông lão cắp natch một chiếc thuyền bé, đến nói: “Mời Sư vượt sông”. Trí Thông lên thuyền, bốn con hồ ẩn núp, không

³⁹⁵ Ngài Khuy Cơ đi đâu cũng có ba chiếc xe: Xe đầu tiên chở kinh sách, xe thứ hai do ngài tự ngồi, xe thứ ba chở nữ nhạc công, tớ gái, thức ăn, nên có xước danh là Tam Xa Pháp Sư. Tuy vậy, có người nói đây là ngoa truyền, phóng đại, dựa trên chuyện khi được pháp sư Huyền Trang khuyên xuất gia, Sư nói chẳng buộc Sư đoạn thế duyên, chẳng bắt Sư không ăn mặn mới chịu đi tu. Đó là chuyện trước khi Ngài giác ngộ.

chịu đi. Sư nói: “Chẳng vượt sông ư?” Hồ bèn đứng lên, liền cùng Sư vượt sông sang bờ Nam. Thuyền cập bờ, bỗng chẳng thấy ông lão đâu nữa. Sư dẫn bốn con hồ trụ tại chùa Thê Hà. Trong niên hiệu Trinh Quán, khi Sư chín mươi chín tuổi, ngồi ngay ngắn qua đời. Hồ gào rống bi thương rồi bỏ đi.

*** Thích Trí Diễm ở chùa Thông Huyền tại Tô Châu đời Đường**

Sư họ Châu, người Ngô Quận. Lúc mười hai tuổi, tụng thông thạo kinh Pháp Hoa. Về sau, thọ Cụ Túc Giới từ Diên pháp sư chùa Tần Hoàng. Sư giữ oai nghi trang nghiêm, đạt sâu xa căn bản của giới. Năm Vũ Đức thứ bảy (624), Sư trở lại núi cũ, thường hành các sám pháp Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Phổ Hiền v.v... Tụng kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn lượt, giảng Niết Bàn và Pháp Hoa mỗi kinh ba mươi lượt, Quán Kinh một trăm mười lượt. Sư khắc khổ, siêng gắng, lò hương không dứt mà tự cháy, bình đựng nước hể cạn sẽ tự đầy, các điều cảm ứng tốt lành chẳng phải là một chuyện. Năm Trinh Quán thứ tám (634), Sư thị hiện bị bệnh. Sư thấy Phạm tăng tay cầm bình báu, nói: “*Ta là Vô Biên Quang; sau này, Tịnh Độ gọi là Công Đức Bảo Vương chính là ta vậy*”. Sư bảo môn đệ: “*Vô Biên Quang Đại Thế Chí đã tới. Công Đức Bảo Vương chính là danh hiệu khi Ngài thành Phật. Do nhân mà nói đến quả, ta sẽ về Tây lúc này đó chẳng?*” Sư liền ngồi xếp bằng qua đời.

*** Thích Trí Thông ở Tử Châu đời Đường**

Sư họ Trần, tám tuổi lìa tục, chuyên tụng Pháp Hoa, rất siêng giảng dạy. Sư trụ tại núi Ngưu Đầu, khéo giữ oai nghi, siêng khổ giữ vững giới hạnh. Thường có hai con ngỗng đứng thời đến nghe pháp. Sư giảng hơn trăm lượt, hai lần phóng quang minh. Sư thị tịch trong niên hiệu Trinh Quán. Khi đó các điện đường, phòng ốc trong chùa đều biến thành sắc trắng, đều chấn động trong khoảng một bữa ăn mới thôi!

*** Thích Trí Oai ở chùa Pháp Hoa núi Thiên Thai đời Đường**

Sư họ Tường, người xứ Tấn Vân, gia đình nhiều đời theo đạo Nho. Lúc Sư mười tám tuổi, sắp cưới vợ, trên đường gặp vị Phạm tăng bảo: “*Tiền thân của chàng thiếu niên này là quan Bộc Xạ Từ Lăng đời Trần. Do nghe ngài Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa, tự lập năm nguyện: Một là lâm chung chánh niệm; hai là chẳng đọa tam đồ; ba là thác sanh*

trong loài người; bốn là đồng chân xuất gia; năm là chẳng đọa thành tăng sĩ chạy theo thói tục. Nay ý người như thế nào? Muốn trái lời thế xưa ư?” Sư nghe xong liền cảm ngộ, chẳng trở về nhà nữa, liền sang chùa Quốc Thanh, xin thờ ngài Chương An làm thầy, thưa hỏi, nhận lãnh tâm yếu. Định huệ đều phát, liền chứng Pháp Hoa tam-muội.

Thượng Nguyên nguyên niên (674), Sư muốn lựa chọn chỗ đất thù thắng để thuyết pháp, cầm tích trượng thề rằng: *“Tích trượng dừng lại ở chỗ nào, chính là nơi tôi sẽ trụ”*. Tích trượng từ chùa Quốc Thanh bay đến núi Phổ Thông trong rừng Thương Lĩnh cách đó năm trăm dặm. Do cuộc đất chật hẹp, chẳng thể rộng dung đồ chúng. Sư lại bay lên không ném tích trượng. [Tích trượng bay] tới núi Hiên Viên Luyện Đan. Sư bèn quyết tới đó, chặt gai, cắt tranh, ngày giảng, đêm tọa Thiền, biên chép kinh điển.

Người theo học ngày một đông dần, chia thành chín chỗ để ở. Do vậy, đặt tên chỗ ấy là Pháp Hoa. Sư có phong cách thanh tú theo lối cổ. Mỗi lần đăng tòa, có mây tía che đỉnh, hình dạng như lọng báu, chim chóc đậu bên cạnh, hết sức ngoạn ngoạn thân thiết. Từ chùa Pháp Hoa tới Thượng Bản là chỗ Sư ở riêng khoảng tám mươi dặm. Mỗi ngày Sư qua lại, thọ trai, dùng cháo, thiền giảng, chưa từng thiếu sót. Mọi người đều nói Sư có Thần Túc Thông. Vĩnh Long nguyên niên (680), Sư ngồi qua đời, mùi hương lạ bảy ngày chẳng tan. Người thuở đó gọi Sư là Pháp Hoa tôn giả.

*** Thích Huệ Đạt đời Đường**

Sư người Thái Nguyên, chuyên tụng Pháp Hoa hơn năm ngàn lượt. Trong các oai nghi đi ngồi, tiếng tụng kinh chẳng thiếu sót. Sư giữ lòng yêu mến sanh mạng loài vật, mỗi lúc đi lại đều một mực nhìn xuống. Hễ đất có trùng bọ, Sư ắt xoay mình tránh né. Nếu có ai hỏi, Sư đáp: *“Bọn chúng và ta đều bằng trăm bất định! Biết đâu chúng nó thành Chánh Giác trước ta, sao dám xằng bậy khinh thường ư?”* Năm Trinh Quán thứ tám (634), Sư ngồi qua đời, qua năm đêm mà vẻ mặt vẫn như lúc đầu.

*** Thích Di Tục chùa Lễ Tuyền ở Ung Châu đời Đường**

Sư tụng Pháp Hoa một ngàn lượt. Trong niên hiệu Trinh Quán, do bị bệnh, Sư bảo bạn là thiền sư Huệ Khoách rằng: *“Tôi suốt đời tụng kinh, ý mong có chứng nghiệm. Nếu sanh vào đường lành thì cái lưỡi*

chẳng hoại. Chôn độ mười năm thì hãy đào lên xem. Nếu lười hư hoại thì biết là tôi tụng kinh chẳng có công trạng gì! Nếu chẳng hoại thì dựng một tháp để người khác tin tưởng, hướng theo”. Nói xong liền tịch. Mười năm sau, mở hòm ra xem, quả nhiên lười chẳng hoại. Người mộ đạo [kéo đến chiêm ngưỡng] đông như cái chợ, đại chúng dựng tháp ở Cam Cốc Nhai. Các vị Thích tử trước sau do tụng kinh Pháp Hoa mà đạt được lười chẳng hoại rất đông, chẳng thể ghi hết được!

*** Thích Nghĩa Trung chùa Đại Từ Ân ở kinh đô đời Đường**

Sư họ Doãn, người Tương Viên. Hai mươi tuổi, thọ Cụ Túc Giới, nghe pháp sư Khuy Cơ ở Trường An vừa mới soạn bộ Pháp Hoa Nghĩa Sớ, liền tới giảng tòa của Ngài. Chưa hết năm năm, Sư đã thông hiểu hai kinh Pháp Hoa, Vô Cấu Xung (kinh Duy Ma Cật), và năm luận Duy Thức v.v... Sư bèn soạn Pháp Hoa Kinh Sao hai mươi quyển. Những người cùng hàng đọc xong, không ai chẳng gật đầu thán phục. Mỗi khi Sư kinh hành, hướng mặt về phía Tây Bắc, tâm ngẫm nội quán, nguyện thấy đức Từ Thị (Di Lặc Bồ Tát).

Một ngày nọ, Sư buổi sáng thức dậy, tắm rửa, súc miệng, bỗng thấy mây hương đầy khắp hư không, Sư ngẩng lên nhìn, chấp tay nói: *“Tỳ-kheo phạm trước nhọc công đại thánh khuất thân đến tiếp dẫn”.* Nói xong, Sư qua đời.

*** Thích Pháp Dung đời Đường**

Sư họ Vi, người Diên Lăng thuộc Nhuận Châu. Khi mười chín tuổi, Sư vào Mao Sơn, nương theo Linh pháp sư, hai mươi năm chuyên ròng chẳng lười nhác. Sau này, Sư lập riêng lều tranh dưới vách đá phía Bắc chùa U Thê ở núi Ngưu Đầu, lấy Thiên tụng làm nghiệp. Núi vốn nhiều hồ, vắng bật dấu tiều phu. Sư vào núi, qua lại vô ngại. Lại có bầy nai nhiều quanh thát, nằm nghe. Trong niên hiệu Trinh Quán, Sư giảng kinh Pháp Hoa dưới vách núi. Lúc bảy giờ, tuyết trắng đọng đầy thềm. Trong băng ngưng đọng, thấy hai nhánh hoa, hình dạng như hoa phù dung, kim sắc rạng rỡ, bảy ngày mới tàn!

*** Thích Pháp Triệt ở Bồ Châu đời Đường**

Sư là người Giáng Châu, siêng khổ từ bé, thông thạo kinh Pháp Hoa, thường dùng phẩm Hóa Thành của kinh ấy để hóa độ hết thảy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2

Trong ấp có Cô Sơn, Sư nương vào đó để kết nghiệp, sáng lập lan nhã. Cuộc đất ấy vốn cao vót, hiểm trở, từ trước chẳng có nguồn nước hay suối. Sư nhiều năm sùng đạo, một hôm, [tự nhiên có] suối trong chảy ra. Thứ sử Phòng Nhân Dụ đích thân xin biếu gạch cho chùa, liền đặt tên là chùa Hãm Tuyền. Sư từng gặp một người cùi trên đường, bèn dẫn về núi, đào hang, cho người ấy thức ăn, bảo người ấy tụng Pháp Hoa. Người ấy hoàn toàn chẳng biết chữ, lại còn đần độn, phải dạy từng câu một. Sư trọn chẳng nề hà, mệt mỏi. Dạy tới quyển thứ sáu, bệnh cùi dần dần lành. Dạy xong kinh, lông mày mọc lại, da dẻ như cũ.

**** Thích Pháp Đạt chùa Nam Hoa tại Thiều Châu đời Đường***

Sư người Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, tụng Pháp Hoa lâu dài. Sau Sư sang Tào Khê lễ Lục Tổ. Tổ hỏi: “Ông tụng kinh này, lấy gì làm tông?” Sư nói: “Con chỉ dựa theo kinh văn mà niệm, chẳng biết tông thú!” Tổ bảo lấy kinh mở ra tụng [cho Tổ nghe]. Sư liền lớn tiếng tụng tới phẩm Thí Dụ, Tổ bảo: “*Thôi! Kinh này lấy nhân duyên xuất thế làm tông. Kinh dạy: ‘Do một đại sự nhân duyên xuất hiện trong cõi đời’. Một đại sự chính là tri kiến của Phật. Nếu có thể từ nơi tướng mà lìa tướng, ở nơi không mà lìa không, nhất niệm tâm khai, đó là khai tri kiến của Phật. Ông hãy nên tin tri kiến của Phật chính là tự tâm của ông, trọn chẳng phải là vật nào khác! Đừng hướng ra ngoài để cầu, [chính mình] với Phật chẳng hai!*” Tổ bèn nói kệ rằng: “*Tâm mê, Pháp Hoa chuyển. Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa. Tụng kinh lâu không rõ. Thành oán thù của nghĩa. Vô niệm, niệm tức chánh. Hữu niệm, niệm thành tà. Hữu vô, chẳng bận lòng, mãi ngồi xe trâu trắng*”. Sư nghe xong, bất giác buồn khóc, cũng dùng kệ tán thán, có câu: “*Tụng kinh ba ngàn bộ, Tào Khê một câu quên*”. Từ đó, Sư đồn ngộ huyền chỉ.

**** Thích Pháp Tuyền đời Đường***

Trong niên hiệu Khai Nguyên, Sư ở chân núi phía Đông rừng Thiên Đồng, lập tinh xá để cư trú. Về sau, Sư dời sang ở tháp Đa Bảo nơi góc Tây Nam. Hằng ngày, Sư tụng kinh Pháp Hoa, cảm động tứ cõi trời đập mây lên xuống, cảm thức ăn đến cúng dường. Ban đêm, Sư liền nhiều tháp kinh hành. Người khác nhìn từ xa thấy thân Sư ngang bằng tướng luân của tháp. Người đương thời gọi Sư là Thái Bạch thiên sư.

*** Thích Vô Úy chùa Thánh Thiện tại kinh đô Lạc Dương đời Đường**

Sư vốn là người Trung Ấn Độ, tên tiếng Phạn là Thâu Ba Ca La (Śubhakarasiṃha, còn dịch là Thiện Vô Úy). Sanh ra, Sư đã có bẩm tánh thần ngộ. Lúc mười ba tuổi, Sư nương nước, xuất gia, đạo đức và danh xưng đứng đầu Thiên Trúc. Sư xuống phương Nam tới bờ biển, gặp một Chiêu Đề³⁹⁶ thù thắng, đắc Pháp Hoa tam-muội. Sư tới đâu giảng pháp, cũng đều luôn có tướng lạ. Về sau, Sư theo thuyền buôn đến các nước, ngàm tu Thiền tụng, miệng phóng bạch quang. Khi đó, Trung Ấn Độ đại hạn, Sư ngàm cầu nguyện, liền thấy đức Quán Âm ở trong mặt trời, tay cầm bình quân trì³⁹⁷, rưới nước xuống đất. Khi đó, đại chúng vui mừng cảm kích, đạt được điều chưa từng có.

Sư sang Chấn Đán, dùng lạc đà chở kinh. Lạc đà chìm trong sông, Sư cũng theo vào, ở trong cung rồng ba đêm, vì họ tuyên nói pháp yếu. Lúc trở ra, kinh Phật đã chở theo, chẳng ướt một chữ nào. Năm Khai Nguyên thứ tư (716), Sư tới Trường An. Vua sắc truyền trụ tại chùa Tây Minh, dịch các kinh Hư Không Tạng và Đại Tỳ Lô Giá Na v.v... Từng gặp lúc đại hạn, vua sai cầu mưa. Sư đựng đầy một bát nước, tụng chú mấy trăm lượt. Trong khoảnh khắc, có vật như con ếch ngẩng đầu trên mặt nước. Chốc lát sau, có làn hơi trắng từ bát bốc lên giống như một xấp lụa trắng bay lên không. Trời nổi gió, rền sấm, tối đen, mưa to như trút. Lại từng có lúc mưa dầm dề quá lâu, Sư nặn đất sét thành năm tượng bà già, dùng Phạm ngữ tụng chú, tức khắc trời tạnh.

*** Thích Huyền Lãng chùa Thanh Thái ở Đông Dương đời Đường**

Sư họ Phó, cháu sáu đời của Song Lâm Đại Sĩ đời Lương (Phó Hấp, tức Phó đại sĩ). Sư xuất gia từ bé, thọ giới lúc hai mươi tuổi. Nghe tông Thiên Thai hoàng truyền Chỉ Quán rất thịnh, Sư đến chùa Thiên Quan tại Đông Dương, yết kiến pháp sư Huệ Oai, tu Pháp Hoa tam-

³⁹⁶ Chiêu Đề (Caturdeśa), dịch nghĩa là Tứ Phương, vốn là danh xưng khác của tự viện.

³⁹⁷ Quân Trì (Kundikā), dịch nghĩa là Bình, Tháo Bình (bình để đựng nước rửa ráy), Thủy Bình. Đây là một trong mười tám món mà hàng tỳ-kheo thường mang theo để mức nước. Cũng có thể dùng để chứa dầu, muối, thạch mật v.v... Tùy theo công dụng mà sẽ có tên gọi khác nhau, như tịnh bình (bình dùng để đựng nước uống), tháo thủy bình (bình để mức nước rửa tay, rửa mặt), tẩy túc bình (bình để mức nước rửa chân), hoặc bất tịnh bình (bình chứa nước dùng để rửa ráy khi đại tiện) v.v...

muội. Sư nhàm chán nhân gian, chí gởi nơi rừng núi, chỉ chú trọng mười tám thứ Thập Nhị Đầu Đà, ẩn cư nơi Tả Khê Nham. Bốn mươi mấy năm, Sư ở yên trong một thất, tự cho là rộng như pháp giới. Sư từng nơi vách điện vẽ tượng Quán Âm và [tôn giả] Tân Đầu Lô, dâng hương, thâu liễm ý niệm, cảm thần quang năm màu chói ngời cả thất. Đạo tục đều đến xem, than là chưa từng có! Sư thị tịch năm Thiên Bảo 13 (754), người thuở ấy gọi Sư là Tả Khê tôn giả.

*** Thích Trạng Nhiên chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đời Đường**

Sư người Kinh Khê, họ Thích. Lúc hai mươi tuổi, Sư được học kinh với thiền sư Tả Khê Huyền Lăng. Sư Tả Khê hết sức kinh ngạc, lạ lùng [trước sự lãnh hội mẫn tiệp của ngài Trạng Nhiên]. Sư (ngài Trạng Nhiên) từng mộng thấy chính mình mặc tăng phục, cắp sách hai cái bánh xe vào trong sông to. Ngài Tả Khê nói: “Ôi! Ông sẽ dùng hai pháp Chỉ và Quán để độ chúng sanh trong vực thẳm sanh tử đầy chằng?” Bèn truyền dạy pháp Chỉ Quán mà Ngài đã được truyền dạy [từ ngài Huệ Oai]. Năm Thiên Bảo thứ bảy (748), Sư mới bỏ áo Nho xuất gia, đến chùa Khai Nguyên ở đất Ngô, tận lực hành diệu pháp, biên soạn trần thuật các chương cú do chư tổ truyền thừa tới mấy chục vạn chữ. Sư hoằng dương rộng lớn giáo pháp Nhất Tâm Tam Quán. Sư thường cùng bốn mươi vị danh tăng ở Giang Hoài cùng lễ Ngũ Đài. Ngài Thanh Lương Trừng Quán suất lãnh đồ chúng cả ngàn người đón tiếp, đưa tiễn; khi đó, mọi người đều ca ngợi. Có môn nhân của Bất Không Tam Tạng³⁹⁸ là Hàm Quang bạch với Sư rằng: “Con vừa theo ngài Bất Không sang Thiên Trúc, gặp một vị Phạm tăng nói: “Nghe nói Đại Đường có bậc Thiên Thai giáo tông, có thể hiểu Thiên và Viên, phân biệt tà chánh,

³⁹⁸ Bất Không (Amoghavajra, 705-774) là một vị cao tăng dịch kinh lỗi lạc đời Đường. Do Ngài dịch chủ yếu là kinh Mật Tông nên được tôn xưng là tổ của Đường Mật. Ngài là người nước Sư Tử (Samarkand) của Thiên Trúc, thông minh, mẫn tiệp từ bé. Lúc 14 tuổi, Sư theo học với ngài Kim Cang Trí, theo thầy đến Lạc Dương vào năm 720. Sư thông hiểu nhiều ngôn ngữ. Các kinh do ngài Kim Cang Trí dạy phần nhiều do ngài Bất Không dịch sang tiếng Hán. Ngài được tổ Kim Cang Trí dạy rất nhiều Mật pháp như Ngũ Bộ Quán Đảnh, Hộ Ma A Xà Lê Giáo Pháp, Đại Nhật Kinh Tô Tát Địa Nghi Quỹ, Chư Phật Đảnh Bộ. Tháng 12 năm 741, Ngài suất lãnh các đệ tử như Hàm Quang, Huệ Biện v.v... hơn ba mươi người xuất phát từ Quảng Châu ngồi thuyền trở về Sư Tử Quốc. Ngài học được pháp Kim Cang Đảnh Du Già, Tỳ Lô Giá Na Đại Bi Thai Tạng. Ngài cần mẫn học tập, đạt được chỗ thâm yếu, thu thập nhiều kinh bản. Năm 746, Ngài trở lại Trung Hoa và bắt tay công việc dịch thuật.

hiều rõ Chỉ Quán, có thể dịch ra để truyền đến cõi này hay chăng?” Sư nghe nói, than rằng: “Có thể nói là Trung Hoa mất pháp, cầu nơi bốn góc!” Tuổi già, Sư quay về Thiên Thai. Tháng Hai năm Kiến Trung thứ hai (781), Sư dạy đại chúng rằng: “*Nhất niệm vô tướng gọi là Không. Không pháp nào chẳng trọn gọi là Giả. Chẳng một, chẳng khác thì gọi là Trung. Nơi phàm thì gọi là ba nhân, nơi thánh là ba đức. Tự lợi, lợi người khác, cốt như thế mà thôi!*” Nói xong, Sư dựa vào ghế mà qua đời. Sư trước tác các bộ sách như Pháp Hoa Thích Thiêm Sớ Ký v.v... được lưu truyền rất rộng trong cõi đời.

*** Thích Thân Ung chùa Đại Lịch ở Việt Châu đời Đường**

Sư là người Chư Ky, họ Thái, mười hai tuổi nhập đạo, nương theo thiền sư Tả Khê Huyền Lăng [đề tu học]. Sư tu tập Thiên Thai Chỉ Quán, Pháp Hoa Huyền Sớ, giảng diễn suốt trong năm hạ. Người học vùng Ngô Cối kéo đến như mây. Trong niên hiệu Thiên Bảo³⁹⁹, Sư sang Trường An, ở chùa An Quốc. Về sau, Sư sang phương Đông trở về Tương Hán. Có Trước Tác Lang⁴⁰⁰ Vi Tử Xuân học rộng, kiêu hãnh, Sư bèn cùng ông ta tranh biện, Tử Xuân chịu phục. Trung Thư Xá Nhân⁴⁰¹ Uyển Hàm than rằng: “*Có thể nói Sư là Ma Ni ở ngoài cõi trần, sư tử trong các luận*”. Người thời ấy cho đó là lời khéo diễn tả vậy!

*** Thích Đạo Tiêm ở Phật Lũng đời Đường**

³⁹⁹ Thiên Bảo là niên hiệu của Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng) từ năm 742 tới năm 756.

⁴⁰⁰ Trước Tác Lang là chức quan được đặt ra từ đời Ngụy, trực thuộc Trung Thư Tỉnh, có trách nhiệm biên soạn quốc sử. Đến đời Tấn, đổi thành trực thuộc Bí Thư Tỉnh. Đến thời Đường Cao Tông, đổi Bí Thư Tỉnh thành Tư Văn Cục, Trước Tác Lang bị đổi thành Tư Văn Lang Trung, nhưng đến năm Hàm Hanh nguyên niên (670), đổi lại danh xưng cũ. Tuy nói là biên soạn quốc sử, nhưng Trước Tác Lang chuyên soạn thuật bí chí, chúc văn, văn tế... hơn là chú trọng ghi chép sử.

⁴⁰¹ Đây là một chức quan đặt ra từ đời Ngụy Tấn, trực thuộc Trung Thư Tỉnh, thoạt đầu gọi là Trung Thư Thông Sự Xá Nhân. Đến đời Lương bỏ đi hai chữ Thông Sự, gọi là Trung Thư Xá Nhân, có trách nhiệm biên soạn chiếu lệnh, tham dự bàn chuyện cơ mật. Tới đời Đường, Trung Thư Xá Nhân quản trị việc soạn thảo và ban hành chế cáo (chiếu chỉ, thông cáo) theo lệnh vua mà thôi.

Sư đọc trọn khắp các trước tác của bách gia, tinh tường nhất là kinh Pháp Hoa. Trong niên hiệu Đại Lịch⁴⁰², Sư vào kinh đô hoàng hóa, trước thuật rất nhiều. Sư có thể du hành qua lại trên hư không. Khi đó, có người nói Sư đã chứng Thần Túc Thông.

*** Thích Đạo Tuân núi Chi Hình ở Tô Châu đời Đường**

Sư họ Trương, người Ngô Hưng, tham học ngài Tả Khê, học Thiên Thai Chỉ Quán. Sư muốn rộng chép kinh Pháp Hoa, bèn sáng lập Tịch Kinh Viện ở Chi Hình, cử mười bốn vị sa-môn hạnh nghiệp chuyên ròng, thường trì Pháp Hoa, đêm thì thắp đuốc tiếp nối ban ngày, hồng hoằng dương Đại Thừa. Vua sắc truyền chôn ấy là đạo tràng Pháp Hoa. Ở trong núi, Sư đúc tượng Lô Xá Na, và Đa Bảo Phật tháp, lấy tu Tịnh Độ làm hạnh nghiệp trong hiện đời. Sư tạc tượng A Di Đà Phật, bình thời giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa, cả năm chẳng luống uổng ngày nào. Thiên Bảo nguyên niên (742), tại đạo tràng Linh Nham, Sư hành Pháp Hoa tam-muội, bỗng thấy ánh sáng to lớn xông lên trời, thân Sư ở trong quang minh. Ngày hôm sau, Sư hỏi Kinh Khê Tràm Nhiên đại sư. Ngài Tràm Nhiên bảo: “*Quang minh trí huệ từ tâm lưu xuất, sẽ dùng đó để hiển phát Đệ Nhất Nghĩa Thiên*”. Sư lại nhập Pháp Hoa đạo tràng, thấy thân mình đang ngồi trên không trung, biết là tướng trạng sạch hết tội cấu. Hưng Nguyên nguyên niên (784), Sư ngồi qua đời. Môn nhân như Linh Hàn v.v... dựng tháp.

*** Thích Thân Ngộ ở núi Thạch Di tại Nhuận Châu đời Đường**

Sư người Lũng Tây, họ Lý. Thuở bé, Sư mắc bệnh ngặt nghèo. Trong niên hiệu Khai Nguyên, Sư đối trước tượng Bồ Đề, nồng nhiệt sám hối, mong trừ túc nghiệp, cảm ánh sáng lạ như tia sáng mặt trăng mộng lung chiếu khắp nhà. Bệnh khổ nhanh chóng tiêu trừ. Năm Thiên Bảo thứ tư (745), Sư xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, thường vào đạo tràng Pháp Hoa, lễ niệm suốt chín mươi ngày. Do vậy, Quán Phật tam-muội hiện tiền. Vì thế, Sư nói với môn nhân: “*Tối tâm ẩm đạm ảnh hưởng gì đến mặt trời, gió xoay chuyển nhưng hư không bất động. Nếu thấu đạt vọng, có gì chẳng phải là tánh?*” Sư dựng nhà tại phía Đông núi Lao Lao, thường hành Thiền Định. Ban đêm có sơn thần hiện hình, xưng là

⁴⁰² Đại Lịch là niên hiệu của Đường Đại Tông (Lý Dục) từ năm 766 đến năm 779.

cô Tân Thành Hầu đời Tùy, sống tại Nam Lân đã lâu. Nay nguyện dâng đất này vĩnh viễn làm chỗ kinh hành. Nói xong, chẳng thấy nữa. Mười năm sau, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Xà-duy, xá lợi chồng chất, tươi đẹp khá nhiều!

*** Thích Chí Lân ở chùa Đại An Quốc nơi kinh đô đời Đường**

Sư họ Phạm, người Duyện Châu. Mẹ Sư họ Vương chẳng tin Tam Bảo. Ngài Chí Lân trốn sang Đông Đô, theo xuất gia với Tu Luật Sư chùa Quảng Thọ. Năm Khai Nguyên thứ mười (722), Sư nghĩ đến mẹ bèn về thăm. Mẹ mất đã ba năm. Do vậy, Sư đến miếu thờ thần Đông Nhạc trải tọa cụ, tụng kinh Pháp Hoa, mong thấy Nhạc Đế để hỏi mẹ sanh về chốn nào. Đến đêm, Sư thấy Nhạc Đế triệu vời, nói: “Mẹ thầy đã bị giam trong ngục, đang chịu các khổ”. Sư buồn khóc, mong mẹ thoát tội. Nhạc Đế nói: “Sư hãy qua Mậu Sơn lễ tháp A Dục Vương, sẽ có thể cứu”. Sư liền qua triều bái chùa ấy, buồn khóc, lễ bái tới bốn vạn lạy. Bỗng nghe trên không trung có tiếng gọi “Lân nhi”. Sư thấy mẹ cảm tạ rằng: “Nhờ sức của con, mẹ được sanh lên trời Đạo Lợi”. Chốc lát chẳng thấy đâu nữa!

*** Thích Sở Kim chùa Long Hưng ở kinh đô đời Đường**

Sư người Quảng Bình, họ Trình, bảy tuổi xuất gia, tụng kinh Pháp Hoa. Đủ tuổi thọ Cụ Túc Giới, Sư thăng tòa giảng pháp. Sau đó, nhân lúc đêm thanh, trì tụng Pháp Hoa. Tụng tới phẩm Đa Bảo Tháp, thân tâm và tinh thần nhẹ nhàng như nhập Thiền Định. Đột nhiên, Sư thấy tháp báu rành rành trước mắt, phân thân của Phật Thích Ca đầy đầy hư không. Sư cảm ngộ đã sâu, lệ tuôn như mưa, liền mặc áo vải, ngày ăn một bữa, chẳng ra khỏi cửa, thề trong sáu năm sẽ dựng tháp ấy. Sư thấy chùa Thiên Phước u nhàn, rộng rãi, tính tạo tháp ở đó. Khéo sao, tại chùa Thiên Phước có sư Hoài Nhẫn bỗng nửa đêm thấy có một dòng nước bắt nguồn từ chùa Long Hưng, chảy tuôn vào Thiên Phước, lặng trong, sáng ngời. Trong ấy có chiếc thuyền vuông, lại thấy tháp báu từ trên không giáng xuống. Hồi lâu mới biến mất. Tới khi Sư đến đề nghị, Hoài Nhẫn hân hoan giúp sức.

Sư mỗi đêm tới chỗ đắp nền, siêng ròng kinh hành. Đại chúng nghe tiếng nhạc trời, đều nghĩ thấy mùi hương lạ. Thiên Bảo nguyên niên (742), bắt đầu đặt tượng luân [trên đỉnh tháp], cảm thông vua năm

mộng. Vua bèn đích thân đề biển “Đa Bảo Tháp”, ban cho năm mươi vạn đồng. Tháp xây xong, có mây ngũ sắc vờn quanh tháp. Vạn người chiêm lễ, Sư nói với đồng học: “Các tăng sĩ chúng ta hãy nên ôm ấp cùng một chí hướng, hãy nên ngày đêm ở dưới tháp, tụng trì Pháp Hoa, dầu chết chẳng bỏ”. [Sư và chúng tăng] ngâm vịnh kinh Pháp Hoa [tại đó] hơn sáu ngàn bộ. Mỗi năm vào hai dịp Xuân Thu, tập hợp các vị đại đức có cùng chí hướng, gồm bốn mươi chín người, hành Pháp Hoa tam-muội. Trước sau, cảm được bảy trăm hạt xá-lợi. Tới năm thứ sáu, Sư muốn cất giữ xá-lợi hòng trang nghiêm đạo tràng, lại giáng xuống một trăm lẻ tám viên xá-lợi. Sư vẽ Phổ Hiền Biến Tướng Đồ, từ ngọn bút thu được liên tiếp mười chín hạt xá-lợi, không hạt nào chẳng tự chuyển động xoay tròn, tỏa ánh sáng chói rực. Sư bèn thâu thập xá-lợi, đựng trong hộp đá, tạc tượng chính mình bằng đá quý đội xá-lợi, cùng đặt dưới tháp để biểu lộ lòng tôn kính. Từ thuở để chỏm, Sư tự chép kinh Pháp Hoa, từng trích máu chép một bộ, dùng chữ vàng để chép ba mươi sáu bộ, chép một ngàn bản bằng mực thường để trấn tháp. Lại chép một ngàn bộ để bố thí cho người thọ trì. Chuyện linh ứng rất nhiều, căn cứ như trong bia thiếp chùa Thiên Phước.

*** Thích Đại Quang đời Đường**

Sư người Ngô Hưng, họ Đường. Từ tuổi còn mọc răng sữa, Sư đã niệm Pháp Hoa, chỉ ba tháng là thông thạo. Tới khi xuất gia, mỗi ngày Sư trì bảy quyển. Sư đi sang phương Tây đến kinh đô. Đường Túc Tông triệu vời vào cung cấm. Vua sắc truyền Sư tụng kinh. Tới phẩm Tùy Hỷ Công Đức, miệng Sư phóng quang minh năm màu. Vua hết sức vui mừng, than thở: “Xưa ta mộng thấy một vị tăng ở đất Ngô miệng trì Đại Thừa. Ánh sáng năm màu theo tiếng tụng mà phát ra. Nay giọng nói và dáng vẻ của Sư giống hệt như trong mộng”. Do vậy, vua ban tên là Đại Quang, sắc truyền hành đạo tại chùa Thiên Phước. Qua hai mươi tám ngày, Phạm âm vang xa thấu đến hoàng cung, vua rất ngạc nhiên trước chuyện ấy.

Sau đó, Sư trụ tại tinh xá Lam Điền. Trước đây, tăng chúng trong chùa mộng thấy có đồng tử cỡi trời giáng xuống, bảo rằng: “Tiếng tụng kinh của sư Đại Quang thấu đến trời Hữu Đảnh”. Một hôm, Sư đi trong núi, bỗng rơi xuống hang sâu. Do vậy, Sư nghĩ tới tháp Phật Đa Bảo trong kinh Pháp Hoa, nguyện trì phẩm ấy mười vạn lần. Chớp mắt, vọt thân lên khỏi suối như có thần nâng đỡ vậy. Về sau, Sư dâng biểu xin trở

về đất Ngô, bèn nương vào Tùng Kính thuộc chùa Pháp Hoa, dựng am để ở. Sư hằng ngày trì kinh kệ Pháp Hoa để báo nguyện trước. Tướng Quốc Lý Thân làm thứ sử Ngô Hưng, đêm nghỉ tại đạo tràng trì kinh, đột nhiên thấy bạch quang đầy khắp hư không rạng ngời như ban ngày. Lần theo ánh sáng, ông ta thấy Sư đang ngồi yên, trì kinh, ánh sáng tỏa ra từ mặt Sư, như mở hào tướng. Tiếng tụng kinh vừa dứt, quang minh cũng theo đó mà tiêu hồi. Sư thị tịch trong đầu niên hiệu Vĩnh Trinh⁴⁰³, mùi hương lạ ba ngày chẳng tan.

*** Thanh Lương quốc Sư Trừng Quán núi Ngũ Đài đời Đường**

Sư người xứ Sơn Âm, họ Hạ Hầu, xuất gia lúc mười một tuổi, tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa. Sư bẩm tánh cao vời, thanh khiết. Sư chuyên ròng tìm cầu học hỏi bí tạng. Trong niên hiệu Đại Lịch⁴⁰⁴, Sư theo thiền sư Kinh Khê Tràm Nhiên học các bộ kinh số Thiên Thai Chỉ Quán, Pháp Hoa, Duy Ma v.v... Giải do trí huệ bậc thượng phát sanh, bẩm tánh tự nhiên. Năm Đại Lịch 11 (776), Sư thề đến Ngũ Đài, đánh lễ ngài Diệu Cát (Văn Thù), lại còn sang Nga Mi, chiêm ngưỡng trọn khắp thánh tượng Biến Cát (Phổ Hiền). Sư trở về Ngũ Đài, soạn Hoa Nghiêm Tân Sớ, [diễn giải] tột cùng ý chỉ viên đốn. Về sau, Sư trụ tại chùa Thê Nham núi Trung Điều. Trong chùa có vị tăng áo ngấn, cuồng ca. Phàm những gì vị đó chỉ bày, chê trách, phần nhiều đều ứng nghiệm. Khi Sư chưa đến, vị đó xua đuổi tăng chúng, bắt họ quét dọn, nói: “Chẳng lâu sau, Bồ Tát sẽ đến”.

Trước đó, Tán Chi đại tướng⁴⁰⁵ vẽ trên vách chùa và quẻ quái sơn mị đều là những thứ gây họa. Khi Sư đến trụ chùa này, chúng bèn tuyệt tích. Năm Trinh Nguyên 15 (799), vua xuống chiếu vời Sư vào nội điện, thăng tòa xiển dương tông chỉ kinh Hoa Nghiêm, ban cho Sư mỹ hiệu là Thanh Lương. Sư bình nhật luôn phát đại nguyện. Nguyện thứ năm là “*chưa xả báo thân này, sẽ luôn tụng Pháp Hoa*”. Lúc mới tạo sớ, cái ao trước tòa nhà sanh ra năm cánh sen mọc đôi, mỗi đóa hoa đều có ba đốt. Mọi người đều tán thán, ngưỡng mộ. Sư thị tịch năm Khai Thành thứ ba

⁴⁰³ Vĩnh Trinh là niên hiệu của Đường Thuận Tông (Lý Tụng) từ năm 805 tới 806.

⁴⁰⁴ Đại Lịch là niên hiệu của Đường Đại Tông (Lý Dục) từ năm 766 đến năm 779.

⁴⁰⁵ Tán Chi (Pāṇcika), còn phiên âm là Tán Chi Ca, Bán Chi Ca, Ban Xả Ca, Bán Chi Dạ Xoa, Tán Chi Dạ Xoa, là một trong tám vị đại tướng dạ xoa dưới quyền Tỳ Sa Môn thiên vương, chồng của Quỷ Tử Mẫu.

(838), được dựng tháp thờ toàn thân tại Chung Nam. Vua có soạn bài văn tán thán.

*** Thích Huệ Nhân chùa Bao Sơn ở Ngô Quận đời Đường**

Sư thông hiểu Pháp Hoa, Kim Cang, siêng rông giảng tụng. Trong niên hiệu Chí Đức⁴⁰⁶, vào lúc hoàng hôn, Sư thấy một người vào thưa: “Vua thỉnh pháp sư”, thân Sư liền cứng đờ, ngã lảo ra, chỉ có vùng tim vẫn ấm. Bảy ngày sau, Sư mới tỉnh lại, tự nói: - Ta theo sứ giả tới một tòa thành. Tòa thành ấy hết sức rộng rãi, tráng lệ. Vào thành gặp vua, tùy tùng của vua tới mấy trăm người. Vua bước xuống điện, tới trước cửa, vái chào, thưa: “Đệ tử bất hạnh, chủ danh vọng tài lộc trong cõi đời và trừng trị tội nhân, rất khổ sở. Nghe thượng nhân khéo giảng Pháp Hoa, mong thầy hãy giảng giải, phân tích”. Do vậy, ta thắng tòa giảng giải xong. Vua biểu tặng ba trăm xấp lụa, sai người đưa về. Lại thấy bên cạnh có hơn một trăm vị tăng, ngón tay đều sanh móng sắt cào xé nhau, máu thịt nhầy nhụa trên đất. Do vậy, hoảng sợ sống lại. Sư ngồi dậy, lụa đã chất trong phòng.

*** Vị tăng trong niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường**

Trong niên hiệu Nguyên Hòa⁴⁰⁷ đời Đường, có vị tăng vào cõi âm, thấy Địa Tạng Bồ Tát. Đức Địa Tạng hỏi Sư bình thời tu nghiệp gì? Sư thưa: “Con niệm kinh Pháp Hoa”, Bồ Tát nói: “*Chỉ chỉ bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư (Thôi thôi chẳng cần nói, pháp ta diệu khó nghĩ), đó là nói hay chẳng nói?*” Tăng không đáp được, Quy Tông đáp thay. [Bồ Tát dạy]: “Lần này hãy trở về, lần lượt truyền dạy cho người khác lưu thông”.

*** Thích Giám Không chùa Hương Sơn ở Lạc Dương đời Đường**

Sư họ Tề, người Ngô Quận. Tuổi tráng niên, Sư dạo chơi khắp vùng Ngô Việt. Đầu niên hiệu Nguyên Hòa, gặp lúc Tiền Đường mất mùa, đói kém, Sư tính đến xin ăn tại chùa Thiên Trúc. Sư tới phía Tây

⁴⁰⁶ Chí Đức là niên hiệu của Đường Túc Tông (Lý Hanh) từ năm 756 đến năm 758.

⁴⁰⁷ Nguyên Hòa là niên hiệu của Đường Hiến Tông (Lý Thuần) từ năm 806 đến năm 821.

chùa Cô Sơn, đói đến nỗi không đi nổi. Do vậy, tới bên sông, trào nước mắt, ngâm ngợi bi thương để tiêu sầu. Bỗng có một vị Phạm tăng cũng đến ngồi bên sông, nhìn Sư cười nói: “Pháp sư tú tài, tư vị lữ du đã đủ chưa?” Sư nói: “Tư vị lữ du là được rồi, sao lại gọi là pháp sư?” Vị Phạm tăng nói: “Ông không nhớ đã từng giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Đồng Đức ở Lạc Dương ư?” Sư đáp: “Tôi sanh ra đến nay bốn mươi lăm năm, chỉ quần quanh nơi vùng Ngô Việt, làm sao có thể nói đến chuyện Lạc Dương cho được?” Vị Phạm tăng nói: “Hẳn là ông bị lừa dối thiêu đốt, chẳng rảnh đâu mà ghi nhớ”. Liền lục trong đây, lấy ra một quả táo to như nắm tay, trao cho Sư, bảo: “Táo này là sản vật của nước tôi, ăn vào sẽ đắc thượng trí, biết quá khứ, vị lai”.

Sư quá đói, ăn táo, vốc nước uống, bỗng ngáp dài, duỗi mình, gói đầu lên đá ngủ. Chốc lát tỉnh giấc, Sư nhớ lại chuyện giảng kinh ở chùa Đồng Đức rõ ràng như chuyện đêm qua. Do vậy, bùi ngùi rơi nước mắt, hỏi: “Chấn hòa thượng còn sống hay không?” Phạm tăng nói: “Do chưa chuyên tinh đạt mức, lại tái sanh làm vị tăng ở đất Thục”. “Thần thượng nhân còn không?” Phạm tăng đáp: “Nguyên trước chưa mãn, đọa vào chốn hung y chiến mã”. “Ngộ pháp sư còn không?” Phạm tăng nói: “Thầy chẳng nhớ hay chẳng? Ông ta đối trước tượng đá ở Hương Sơn đùa bốn phát nguyện rằng: ‘Nếu chẳng chứng Vô Thượng Bồ Đề, ắt nguyện làm vị quan oai hùng, quyền quý’, nay đã làm đại tướng quân rồi! Năm vị tăng vân thủy thuở ấy, chỉ mình tôi được giải thoát, chỉ riêng ông chịu cảnh đói lạnh!”

Sư khóc, nói: “Tôi suốt bốn mươi mấy năm, ngày chỉ ăn một bữa, một tấm áo nâu sòng, đối với chuyện thế tục hư huyền, quyết đoạn cội nguồn. Nào ngờ phước chẳng hoàn bị, gặp phải cảnh đói lạnh này”. Vị Phạm tăng nói: “Trên tòa sư tử, Sư nói quá nhiều lẽ dị đoan, khiến cho người học pháp Không tâm sanh nghi hoặc, giới hạnh thiếu sót. Tập khí xấu hãy còn đôi chút! Hình cong thì bóng vẹo, quả báo cũng phải nên là như thế!” Sư nói: “Làm như thế nào đây?” Phạm tăng bảo: “Nay sự việc đã định, tôi dùng cái duyên đời khác để cảnh tỉnh ông”. Sư bèn lục đây, lấy ra một tấm gương, bảo Sư rằng: “Muốn biết sang hèn sai khác, thời hạn dài hay ngắn, Phật pháp hưng suy, ông hãy nên soi một phen”. Sư soi hồi lâu, cảm tạ: “Điềm báo ứng, lý tươi tốt hay héo khô, chỉ nghe theo mạng”. Sư bèn cùng bạn nắm tay đi mấy bước, bỗng chẳng thấy vị Phạm tăng đâu nữa.

Đêm hôm ấy, Sư xin xuất gia tại chùa Linh Ân. Sư thọ Cụ Túc Giới, chuyên tụng Pháp Hoa, càng nêu cao khí tiết khắc khổ. Về sau, Sư

tới Lạc Dương, gặp Liễu Trinh ở Hà Đông nói chuyện ấy. Lại nói: “*Tôi sống trên đời bảy mươi bảy năm, cầm bát khát thực, hãy còn sống chín năm nữa. Sau khi tôi diệt, Phật pháp sẽ suy vi*”. Ông Trinh gạn hỏi, Sư cầm bút đề rằng: “*Hưng nhất sa, suy Hằng sa. Thố nhi trí, khuyến nhi noa. Ngưu hổ tương giao dữ giác nha, bảo đàn chung bát diệt kỳ hoa*” (Hưng thịnh một hạt cát, suy vi nhiều như cát sông Hằng. Thỏ đặt bày, chó bắt bớ. Trâu cọp cùng nhau đấu răng sừng, đàn báu trọn chẳng diệt hoa ấy)⁴⁰⁸. Về sau, quả nhiên phù hợp lời sấm ấy, vì Sư nói đến chuyện triều đình sa thải [tăng sĩ, đóng cửa chùa] trong năm Hội Xương (niên hiệu của Đường Vũ Tông).

*** Thích Thủ Tổ đời Đường**

Sư trụ tại chùa Hưng Thiện ở Trường An, luôn chú trọng tụng trì, thề chẳng ra khỏi chùa. Sư tụng kinh Pháp Hoa ba vạn bảy ngàn bộ. Trong đêm, thường có con lửng chó (raccoon) nhiễu quanh nghe kinh. Khi Sư thọ trai, chim chóc mổ thức ăn trên tay. Trong sân chùa, có bốn gốc thanh đồng. Trong niên hiệu Nguyên Hòa, công khanh, quan lại nhiều người đến văn cảnh chùa. Cây thanh đồng tới hạ đổ mồ hôi, khiến

⁴⁰⁸ Câu đầu có ý nói: “Đạo pháp bị suy vi là chuyện phổ biến. Hưng thịnh thì ít ỏi, mà suy vi thì rất thường”. Theo chánh sử, ngày Kỷ Mão (8 tháng 2 năm 840), vua lúc đó là Đường Văn Tông lâm trọng bệnh, sai bọn Lưu Hoảng Dật, Tiết Quý Lăng triệu tể tướng Dương Tư Phục và Lý Giác vào cung để phó thác thái tử. Bọn hoạn quan Cừ Sĩ Lương, Ngưu Hoảng Chỉ vốn kiểm soát Văn Tông từ lâu, không muốn lập Thái Tử, bèn giả mạo chiếu chỉ, phong em vua là Lý Triền làm Hoàng Thái Đế, viện cớ Thái Tử quá nhỏ, không thể đảm đương triều chính được. Sau khi Văn Tông chết vào hai ngày sau, chúng thừa cơ đưa Lý Triền lên ngôi, tức Đường Vũ Tông. Đó là ứng với câu “*thố phục trí*” (thỏ lại đặt bày. Mỗ là thỏ, không phải là mèo như trong cách hiểu của người Việt). Năm Nhâm Tuất, tức năm Hội Xương thứ hai (842), Đường Vũ Tông nghe lời xúi giục của đạo sĩ Triệu Quy Chân ra lệnh đuổi tăng ni phạm giới hoặc phạm tội hoàn tục, tịch thu tài sản nhà chùa. Thừa dịp này, vua cho đuổi 3.459 tăng ni (dù có tội hay không có tội) hoàn tục, đóng tất cả các chùa, chỉ giữ lại bốn chùa Từ Ân, Tiến Phước, Tây Minh và Trang Nghiêm. Đó là ứng với câu “*khuyến nhi noa*” (chó lại bắt bớ). Năm Hội Xương thứ năm (845), tức năm Ất Sửu, vua hạ lệnh bắt tăng ni toàn quốc hoàn tục, đồ đồng kể cả tượng Phật trong các chùa đem đúc thành tiền, đồ sắt chế thành nông cụ, phá hủy bốn ngàn sáu trăm ngôi chùa, đuổi gần 27 vạn tăng ni hoàn tục và bắt họ phải nộp thuế như dân thường. Vũ Tông chết vào năm Hội Xương thứ sáu (846), tức năm Canh Dần, ứng với câu “*ngưu hổ tương giao dữ giác nha*”. Phật giáo lại được phục hồi dưới thời Đường Tuyên Tông (ứng với “*bảo đàn chung bát diệt kỳ hoa*”).

cho áo người khác bị lem luốc không thể gột rửa được. Trình tướng quốc do vậy từng muốn chặt bỏ. Sư căn dặn cây: “Người dùng mồ hôi làm bẩn người ta, người ta sẽ đốn người. Nếu có thể chẳng đổ mồ hôi thì đừng đổ nữa”. Từ đấy, cây quả nhiên chẳng đổ mồ hôi nữa. Đầu niên hiệu Trường Khánh⁴⁰⁹, có vị tăng Huyền U đề thơ nơi viện này rằng: “*Ba vạn kinh Sen, ba mươi xuân, nửa đời chẳng dẫm bụi ngoài sân*”. Người đương thời coi đó là chuyện đáng để ghi lại.

*** Thích Vô Ngôn đời Đường**

Sư họ Lý, giáo pháp tinh mật. Sư từng cầm một cái bát sắt nhập Định. Trời sắp quang đăng thì trong bát có ánh lửa chiếu lên trời, trời liền quang tạnh. Trời sắp mưa thì trong bát có hơi trắng bốc lên, liền đổ mưa. Họ Mông phong Sư làm Quán Đánh pháp sư. Sư một hôm giảng kinh Pháp Hoa, có ông lão đứng nghe xong rồi cười gió mây mà đi. Đại chúng kinh ngạc hỏi han, Sư bảo: “Đó là rồng ở Nhị Thủy”.

*** Thích Diệu Hạnh đời Đường**

Sư tinh thông Thiên Thai Giáo Quán, vào ở trong Thái Sơn, kết cỏ làm áo, hái trái cây làm thức ăn. Sư hành Pháp Hoa tam-muội, cảm đức Phổ Hiền hiện thân chứng minh. Về sau, một buổi chiều, Sư thấy trên đất lưu ly có một vị Phật và hai vị Bồ Tát, vọt lên đứng giữa hư không. Đường Hy Tông nghe danh Ngài, xuống chiếu ban hiệu là Thường Tinh Tấn. Về sau, một ngày nọ, Sư lại thấy đất báu, bảo người chung quanh rằng: “*Ta chẳng quán tướng mà lại thấy thật địa, kỳ hạn về An Dưỡng đã đến rồi*”. Ngay trong ngày hôm đó, Sư nằm an tường bên hông phải qua đời.

*** Thích Toại Đoan đời Đường**

Sư người Minh Châu, họ Trương, bỏ nhà xuất gia tại chùa Đức Nhuận. Thầy dạy kinh Pháp Hoa, Sư tụng như đã quen tu tập từ trước, mọi người đều kinh hãi, tán thán. Trong mười hai thời, Sư luôn phúng tụng chẳng để luống qua. Năm Hàm Thông thứ hai (861), Sư bỗng ngồi xếp bằng mà qua đời. Trong khoảnh khắc, miệng sanh ra bảy nhánh hoa

⁴⁰⁹ Trường Khánh là niên hiệu của Đường Mục Tông (Lý Hằng) từ năm 821 đến năm 825.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2

sen xanh, tỏa hương ngào ngạt, xa gần tới chiêm lễ. Do vậy, tạo khám chôn Sư ở dưới Đông Sơn. Hai mươi mấy năm sau, mở ra xem, thấy hình hài như đang còn sống, bèn đón về chùa, bó nhựa cây sơn ta thành tượng. Nay đặt tên nơi ấy là Chân Thân Viện.

**** Thích Nguyên Huệ đời Đường***

Sư trụ tại chùa Pháp Không Vương ở Gia Hưng, bình sanh tụng Pháp Hoa, chẳng tính nổi số. Sư lập chí giữ ba bạch pháp. Ba bạch pháp là thân chẳng vọng động, miệng chẳng nói dối, ý chẳng vọng duyên. Đó là ba bạch nghiệp. Người thuở đó gọi Sư là Tam Bạch Hòa Thượng. Trong niên hiệu Hàm Thông, Sư đưa xá-lợi Phật cốt đến Phụng Tuyền, đốt ngón cái bên trái, miệng tụng kinh Pháp Hoa. Chẳng đầy một tháng, ngón ấy lại mọc ra.

**** Thích Công Quỳnh chùa Quảng Phước tại Biện Châu đời Đường***

Sư người xứ Tuấn Nghi thuộc Biện Châu. Lúc sáu tuổi, mẹ dạy truyền khẩu kinh Quán Âm, Sư học một ngày bèn thuộc. Mười sáu tuổi, Sư xả tục, vào Thái Sơn, phụng sự sư Hoàng Pháp. Sư thiếu dục, giữ vững khí tiết, áo vải ngồi trong lều tranh. Sư tự suy nghĩ: “*Khoanh tay ngồi yên trong chốn núi rừng, một mực tốt lành cho riêng mình [thì được]. Nếu như duy trì, gởi gắm những ước vọng khác mà chẳng giáo hóa, khuyên dụ, sẽ chẳng thể hoằng dương*”. Sư bèn đi tham học, trụ tại chùa Huệ Phước, chuyên tụng Pháp Hoa, soạn số giải gồm năm quyển. Sư thường diễn giảng. Một hôm, Phổ Hiền Bồ Tát hiện thân, cưỡi voi sáu ngà, đất đều trắng như bạc. Trước sau, Sư giảng Pháp Hoa hơn năm mươi lần. Mỗi lần Sư giảng tới phẩm Dược Thảo Dụ, trời ắt đổ mưa.

**** Thích Sở Vân đời Đường***

Sư sanh vào cuối đời Đường, xuất gia tại Hành Nhạc, từng trích máu chép một bộ kinh Pháp Hoa, dài bảy tấc, rộng bốn tấc, dày hai tấc. Sư dùng đàn hương làm hộp đựng, cất trong Tam Sanh Tạng chùa Phước Nghiêm. Lại khắc tám chữ trên đó rằng: “*Nhược khai thử kinh, thệ đồng Từ Thị*” (nếu [ai muốn] mở kinh này ra thì phải có thệ nguyện giống như

đức Di Lặc). Trong niên hiệu Hoàng Hựu⁴¹⁰, có quý nhân đến chơi núi, trông thấy, nghi là hư vọng, sai người dùng kèm phá niêm phong, có máu từng sợi tràn ra. Trong khoảnh khắc, bảo tố sét đánh xuống sơn cốc. Khói mây tràn vào chùa, sờ soạng chẳng thấy nhau, suốt ngày chẳng hết. Quý nhân hết sức kinh sợ, gieo lòng thành sám hối. Vị tăng tên Giác Phạm chùa Thạch Môn ở Quân Khê vào đời Tống đã từng đến thăm, kính cẩn vâng đợi, nhìn kỹ thì thấy sợi máu vẫn còn đó. Người cùng thời là sư Thiền Nguyệt Quán Hưu, có thơ đề tặng rằng: “*Lóc da, trích máu sao mà khổ? Vì chép Linh Sơn chín hội văn. Huyết mười ngón cạy thành bảy quyển, cầu pháp sau này ai bằng ông?*”

*** Vị tăng chùa Ngô Chân đời Đường**

Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, vị tăng ở Ngô Chân Tự tại Trường An, đêm nghỉ lại Lam Khê, bỗng nghe có tiếng tụng kinh Pháp Hoa. Âm thanh nhỏ nhẹ, lan xa. Dưới ánh trăng nhìn bốn phía, tịch mịch chẳng thấy ai. Sư hoảng sợ, trở về chùa thưa với chư tăng, rủ họ đêm sau cùng đến nghe. Họ nghe thấy tiếng tụng kinh từ dưới đất vọng lên, bèn đánh dấu chỗ đó. Ngày hôm sau, đào chỗ đánh dấu, kiếm được một đầu lâu trong đồng đất, xương đã khô rạn, chỉ có miệng và lưỡi tươi nhuận, bèn đem về chùa, dùng hộp đá đựng trong chái Tây của Phật điện. Từ đó, mỗi đêm thường có tiếng tụng kinh Pháp Hoa phát ra từ hộp đá. Trai gái ở Trường An đến xem cả ngàn người. Về sau, hộp đá ấy bị một vị tăng ở Tân La lén trộm đi.

*** Tôn Hàm đời Đường**

Ông làm hiệu úy trong quân của Lương Sùng Nghĩa tại Tương Châu. Tuy ở trong quân, ông luôn kiên thành chép kinh Pháp Hoa. Một hôm, ông chết đột ngột. Hai ngày sau sống lại, nói mình tới một vương phủ, nghi vệ rất nghiêm. Nha lại dẫn ra một ông tăng đôi chất, ông tăng tên là Hoài Tú, chết đã cả năm. Tăng lúc sống phạm giới, vào cõi âm thì không thấy ghi chép điều thiện nào, bèn nói dối rằng: “Tôi từng sai Tôn Hàm chép kinh Pháp Hoa”. Vua (Diêm vương) sai triệu Tôn Hàm đến đối chất. Tôn Hàm thoát đầu chẳng biết, thưa là chẳng có. Ông tăng cứ

⁴¹⁰ Hoàng Hựu là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1049 đến năm 1054.

khăng khăng. Tôn Hàm bỗng thấy Địa Tạng Bồ Tát bảo: “Nếu ông chấp nhận, thì người ấy cũng được hưởng ân, cũng sẽ được gia hộ”. Tôn Hàm vâng lời, ông tăng bèn được thả.

Ngay trong lúc đang đối chất, ông thấy một vị vua mặc nhung phục từ ngoài đi vào, tùy tùng cả trăm người. Vua cỡi âm xuống bệ đón vào, mời ngồi lên bệ. Chẳng lâu sau, có trận gió lớn cuốn đi mất. Lại có một người thường trì kinh Kim Cang, nhưng thích ăn thịt. Phía bên trái có mấy ngàn quyển kinh, bên phải chất thịt như núi, do thịt nhiều, [Diêm vương] bèn sắp luận tội. Bỗng từ trong đồng kinh, văng ra một đốm lửa, bay đến núi thịt. Trong khoảnh khắc, [núi thịt] cháy sạch. Người ấy bước lên không trung mà đi. Tôn Hàm hỏi đức Địa Tạng: “Vị vua mặc nhung phục trước đó bị gió cuốn tới đâu?” Ngài Địa Tạng nói: “Vị vua ấy sẽ vào Vô Gián. Trận gió ấy chính là nghiệp phong”. Do vậy, Bồ Tát dẫn Tôn Hàm đi xem địa ngục. Đến cửa, lửa khói bốc hùng hực, ông sợ chẳng dám nhìn, bỗng vạc sôi trào bọt, văng giọt nước trúng đùi trái của ông, đau thấu tâm tủy. Địa Tạng sai nha lại đưa ông về.

[Lúc ông sống lại], vợ con đang vây quanh khóc lóc, đã một ngày trôi qua rồi. Ông bèn dốc hết của cải trong nhà chép kinh Pháp Hoa, quyết chí thề xuất gia. Chỗ bị nước sôi văng trúng biến thành ghẻ lở, suốt đời chẳng lành. Hoài Tú nói dối còn được miễn tội phá giới, huống hồ người còn sống thật sự chép kinh ư? Đức Địa Tạng khuyên nhủ Tôn Hàm thừa nhận, chắc là ông tăng có điều túc thiện nào đó. Ông Hàm chịu tai ách vì vạc sôi, sao biết chẳng phải là nghiệp? Từ đầu đến cuối, ông vâng theo lời chỉ dạy của đức Địa Tạng, rốt cuộc được sống lại, tức là công đức chép kinh đã rành rành rồi!

*** Ni Pháp Tín ở Hà Đông đời Đường**

Đời Đường, tại Hà Đông có luyện hạnh ni tên là Pháp Tín, thường đọc Pháp Hoa. Bà đặc biệt tạo tịnh thất, mời người viết chữ đẹp chép kinh Pháp Hoa, trả công cao gấp mấy lần, cực lực trang nghiêm. [Người chép kinh] sáng dậy phải tắm rửa, thắp hương, thay áo, dụng công chép bảy quyển, tám năm mới xong. Năm Trinh Quán thứ hai (628), vị tăng chùa Long Môn là Pháp Đoan nhóm chúng giảng diễn, muốn mượn ni sư quyển kinh ấy, vì cho đó là bản khuôn mẫu. Ni sư cố từ chối, Pháp Đoan trách mắng. Bất đắc dĩ, bà tự đưa đến cho Pháp Đoan. Pháp Đoan mở ra xem, chỉ thấy giấy vàng, chẳng thấy chữ. Sư hổ thẹn, sợ hãi, đưa trả. Ni sư buồn khóc, nhận lấy, dùng nước thơm rửa hộp đựng kinh, tắm gội,

xông hương, đội kinh lên đầu, nhiễu Phật bảy ngày. Xong rồi mở ra xem, vẫn tự hiện ra như cũ. Lại có vị ni tên là Pháp Nhuận, trụ tại chùa Tam Muội Vương ở Đan Dương, nhập đạo từ bé, chuyên rông tu Thiền huệ, tụng thông thạo kinh Pháp Hoa, sáng tối không ngừng. Sau khi mất, da thịt đều tan hết, chỉ còn tim và lưỡi chẳng hư nát.

*** *Sầm Văn Bồn đòi Đường***

Ông có tên tự là Cảnh Nhân, người Cức Dương, tin Phật từ bé, tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Ông từng ngồi thuyền sang Ngô Giang. Giữa dòng thuyền lật, mọi người đều chết đuối. Văn Bồn cũng rơi xuống nước. Bỗng nghe có người nói: “Người có thể tụng kinh Pháp Hoa thì sẽ chẳng chết”. Nói như thế ba lượt, ông liền nổi lên mặt nước. Trong chốc lát, đến bờ. Một hôm, ông làm trai tăng tại nhà, một vị tăng rồi đi sau cùng, nói: “Thiên hạ sắp loạn, ông may mắn chẳng bị tai ương. Rốt cuộc được hưởng thái bình, phú quý”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Tới khi Văn Bồn thọ trai, lại từ trong bát, tìm được hai viên xá-lợi. Về sau, ông làm quan cho nhà Đường tới chức Trung Thư Lệnh.

*** *Hoàng Môn Thị Lang Vương Yên đòi Đường***

Ông bẩm tánh vụng về, chậm chạp, một bộ kinh Pháp Hoa tụng lâu ngày mới thông thạo. Về sau, bệnh chết, báo mộng cho em trai là Thái Thú Tân An Vương Cố rằng: “Ta do tụng kinh được sanh về Tây Phương. Nhưng do chậm lụt, vẫn còn ở trong thai sen có cánh hoa bằng sắt. Báo cho các người biết, tâm hãy siêng gắng nơi kinh điển”. Nói xong bèn từ biệt.

*** *Lệnh Hồ Nguyên Quỳ ở Long Châu đòi Đường***

Ông là người xứ Ba Tây, kính tin Phật pháp, vâng theo lời dạy của Hàng thiên sư, chép một bộ kinh Pháp Hoa, sắp xếp thành quyển trang nghiêm, đẹp đẽ, kiên thành thờ ở trang trại tại Kỳ Châu. Một đêm, lửa rừng cháy lan đến trại, nhà cửa trong trang trại đều thành tro. Ông Quỳ sai bới tro, tìm được ống đồng đựng kinh, thì thấy lớp bọc bên ngoài đã thành tro, kinh vẫn ngồi ngồi, màu vàng chẳng thay đổi. Đó là chuyện trong năm Trinh Quán thứ năm (631).

*** Đồng Hùng ở Hà Nam đời Đường**

Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Đồng Hùng ở Hà Nam làm Đại Lý Thừa, do vướng vào chuyện Lý Tiên Đồng, chúa thượng tức giận, sai Thị Ngự là Vi Tông tra hỏi rất gấp. Lý Kính Huyền thuộc Đại Lý Tự, Tư Trục Vương Hân v.v... mấy chục người bị hạ ngục. Đồng Hùng chuyên niệm phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, hằng ngày tụng ba mươi lượt, đêm cũng chẳng ngủ. Gông xiềng bỗng tự tháo ra. [Ngục tốt] kinh hãi báo lên người coi ngục. Đêm ấy, Giám Sát Ngự Sử Trương Thủ Nhất trực đêm, đích thân trông thấy, rất lạ lùng, bèn xiềng chặt, niệm phong mới rời đi. Đồng Hùng vẫn tụng kinh. Tới canh năm, xiềng tuột ra, rơi xuống đất vang ra tiếng, mà giấy niệm phong còn nguyên. Trong ngoài Ngự Sử Đài nghe chuyện ấy, đều lấy làm lạ. Khi yên chuyện, những tù nhân cùng trại giam với ông đều được thoát tội.

*** Sử Ha Thệ tại Trường An đời Đường**

Đời Đường, tại thôn Nam Sử thuộc Phước Thủy, huyện Trường An, có Sử Ha Thệ bình sanh tụng kinh Pháp Hoa, được tuyển làm nha lại của huyện lệnh. Ông đi lại chuyên đi bộ, chưa từng cưỡi ngựa, bởi vâng theo kinh dạy mà thương xót hết thảy. Lúc lâm chung, có mùi hương lạ, mọi người đều lấy làm lạ. Mười năm sau, vợ ông mất, đào mồ lên để hợp táng, thấy lưỡi ông vẫn như lúc sống.

*** Hiệ Uy Lý Sơn Long thuộc Hữu Giám Môn đời Đường**

Ông là người Phùng Dục. Trong niên hiệu Vũ Đức, bỗng chết đột ngột, chỉ có vùng tim vẫn còn ấm. Bảy ngày, ông mới sống lại, nói:

- Ta tới một quan thự (dinh thự của quan), trong đó có mấy ngàn tù nhân, đều bị xiềng, đứng hướng mặt về phía Bắc. Vua hỏi Sơn Long bình sanh làm phước thiện gì? Ta thưa: ‘Hễ gặp người làng luôn cho họ đồ vật’. Lại hỏi: ‘Ông lại còn làm đức nghiệp gì?’ Ta đáp: ‘Hằng ngày tụng hai quyển kinh Pháp Hoa’. Vua đứng dậy nói: ‘Rất lành! Ông có thể lên tòa cao ở phía Đông Bắc trước thềm mà tụng’. Ta liền cất giọng đọc tựa đề Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tự Phẩm đệ nhất. Vua nói: ‘Xin thôi! Ông tụng kinh không chỉ tự lợi, mà còn khiến cho các tù nhân trong sân nghe pháp đều được thoát tội! Lành thay!’ Các tù nhân bỗng chẳng thấy đau nữa. Vua sai thả ta trở về. Ta đi về phía Đông, thấy một tòa thành bằng sắt rất rộng lớn. Nha lại nói: ‘Đây là đại địa ngục. Bên trong

chia ra từng ngăn, đều tùy theo bốn nghiệp mà vào từng ngục chịu tội'. Ta nghe nói buồn sợ, xưng Nam-mô Phật, lại xin nha lại dẫn ra. Ta bỗng thấy ngoài thành có người ngồi, nằm. Ta hỏi thì nha lại nói: 'Đấy là những kẻ mắc tội báo, đáng vào vạc sôi, do được hiền giả xưng Nam-mô Phật, các tội nhân tạm thời được nghỉ một ngày'.

*** Cháu nội ông Cao Biểu Nhân ở Trường An đòi Đường**

Ông thường đọc Pháp Hoa. Tháng Giêng năm Long Sóc thứ ba (663), ông cưỡi ngựa ra cửa Thuận Nghĩa, có hai kỵ sĩ đuổi theo, xưng là sứ giả cõi âm, đặc biệt đến truy đuổi ông. Ông Cao hoảng sợ chạy về phía Tây, muốn vào chùa Phổ Quang. Quỷ nhanh chóng chặn đường trước cửa, không cho ông vào. Ông lại chạy về phía Đông muốn vào chùa Khai Thiện. Quỷ lại ngăn đường trước, ông bèn chạy vào phường Lễ Tuyên. Một kỵ sĩ chặn đường trước, ông Cao đâm cho quỷ đó rớt ngựa. Quỷ đằng sau tức giận, từ xa nắm tóc ông Cao lôi xuống ngựa. [Ông Cao hôn mê], người nhà khiêng về, tới đêm mới sống lại, tự nói:

- Ta đến gặp vua cõi âm. Vua nói: 'Cớ sao ngươi lấy trộm trái cây của tăng, lại còn kể lể Tam Bảo?' Ta nhận tội, không dám cãi, vua nói: 'Cái tội lấy trộm trái cây, đáng nuốt bốn trăm năm mươi hòn sắt, thọ tội bốn năm mới hết. Cái tội kể lể, đáng bị cày lưỡi'. Do đó, thả về.

Nói xong, ông lại đứt hơi, miệng như đang nuốt vật gì, toàn thân đỏ ửng, suốt một ngày mới tỉnh. Bốn năm như thế, quả báo nuốt hòn sắt mới hết. Ông bỗng lại tắt hơi, thần thức tới chỗ vua. Vua sai quỷ sứ kéo lưỡi ra cày. Quỷ cầm móc cày cạy miệng, sắc bén dị thường, trợn chẳng lôi lưỡi ra được. Vua bèn xem sổ sách, biết là do sức công đức vì từng đọc Pháp Hoa, chẳng thể kéo lưỡi ra được, bèn tha tội cho về. Từ đó, ông thường ở chùa Hóa Độ, hành ngũ hồi pháp để sám hối tiền khiên.

*** Phan Quả ở kinh đô đòi Đường**

Lúc hai mươi, ông làm chức Đô Thủy Tiểu Lại (nha lại giúp trông coi về đường thủy) tại huyện Phú Bình. Tới khi trở về nhà, cùng mấy thiếu niên đi chơi ngoài đồng. Thấy một con dê đang ăn cỏ, Phan Quả và bọn thiếu niên bắt đem về. Giữa đường, dê kêu ầm lên, Phan Quả sợ chủ nó nghe thấy, bèn cắt lưỡi nó, giết nó đem ăn. Sau một năm, lưỡi Phan Quả dần dần rút nhỏ, phải gởi đơn xin thôi làm tiểu lại. Huyện lệnh là Trịnh Dư Khánh nghi dối trá, bắt mở miệng để xét nghiệm, thấy lưỡi chỉ

nhỏ bằng hạt đậu chứ không mất. Quan hỏi nguyên có, ông lấy giấy viết ra để trả lời. Huyện lệnh dạy ông chép kinh Pháp Hoa, làm phước hồi hướng cho con dê. Phan Quả theo đúng lời dạy mà phát tâm biên chép, trai giới chẳng lười nhác. Sau một năm, lưỡi dần dần mọc ra, bình phục như cũ. Lại đến quan trình đơn, huyện lệnh dùng ông làm Lý Chánh (trưởng làng).

*** Thiếu Thường Bá⁴¹¹ Thôi Nghĩa Khởi đời Đường**

Cha vợ của ông là Tiêu Văn Khanh chuyên trì Pháp Hoa trọn mấy ngàn biến, vĩnh viễn thôi ăn mặn. Vợ ông Thôi là Tiêu thị chết vào tháng Năm năm Long Sóc thứ ba (663). Ông Thôi làm chay hai mươi một ngày. Cô tớ gái là Tố Ngọc bỗng nói giọng của phu nhân, cho biết lúc sống chẳng tin Tam Bảo, nay chịu khổ chẳng thể nói: “Do các vị vì tôi tụng kinh, thiết trai, tôi được tạm thả về. Tới ngày hai mươi sẽ trở lại, dẫn Tố Ngọc đi xem tôi chịu tội”. Tới kỳ hạn, quả nhiên Tố Ngọc chết. Ba ngày sau, cô ta sống lại nói thấy cung điện, phủ thự trong tòa thành lớn, phu nhân vào một viện riêng. Trong chốc lát vạc lửa, giường sắt đưa đến, [phu nhân] chịu đủ mọi nỗi khổ độc. Cô đột nhiên thấy ông Tiêu Văn Khanh ngồi trên đài hoa sen, bảo Tố Ngọc rằng: “Con gái ta lúc sống hay sân hận, ghen ghét, chẳng tin lời ta, chẳng tin nhân quả. Nay chịu nỗi khổ này, ta chẳng thể cứu được. Người quay về, hãy nên bảo với người nhà, khiến cho họ tu công đức hòng được giải thoát”. Lại thấy một vị Phạm tăng từ không trung hạ xuống, dạy Tố Ngọc tụng kinh Pháp Hoa. Sư dặn dò: “Người hãy nên nhớ trì kinh này, vì người Diêm Phù Đề truyền tụng, sẽ có người tin tưởng”. Lân Đức nguyên niên (664), tại nhà Tướng Tướng Quân thiết trai, đón Tố Ngọc tới để thử cô ta tụng kinh cõi âm. Có vị Phạm tăng nghe xong, chấp tay tán thán: “Giống hệt như kinh bản tại Tây Quốc chẳng khác”, đại chúng mới kinh hãi, tán phục.

*** Vợ chàng họ Mã**

⁴¹¹ Thiếu Thường Bá tức là chức vụ Thị Lang. Năm Long Sóc thứ ba (663), Đường Cao Tông đổi Thị Lang thành Thiếu Thường Bá. Thị Lang thoát đầu vốn là quan viên hầu cận nhà vua, giúp vua các việc hành chánh. Từ thời Đông Hán trở đi, Thị Lang trực thuộc Thượng Thư Tỉnh, là phó quan của vị đứng đầu một bộ (Thượng Thư), tương đương với thứ trưởng hiện thời.

[Chuyện này] phát sanh tại Thiêm Hữu. Trước kia, tập tục của vùng đất này là cưới ngựa, bắn tên, chẳng biết đến danh hiệu Tam Bảo. Năm Nguyên Hòa 12 (817), bỗng có một cô gái xinh đẹp xách giỏ bán cá, Người ta tranh nhau muốn cưới cô. Cô gái nói: “Ai có thể trong một đêm tụng thuộc phẩm Phổ Môn, tôi sẽ theo người đó”. Tới sáng, tụng thấu triệt có hơn hai mươi người. Cô ta lại lấy kinh Kim Cang Bát Nhã [yêu cầu như trên]. Sáng ra, vẫn có mười người thông thuộc. Cô ta lại lấy toàn bộ kinh Pháp Hoa, hẹn ba ngày thông suốt, riêng chàng họ Mã là có thể [tụng thuộc]. Chàng ta bèn sửa sửa đủ lễ, đón cô về. Vào cửa, cô ta nói bị bệnh, xin cho ở riêng một phòng. Trong khoảnh khắc đã chết, thân thể liền hư nát, họ bèn đem chôn. Mấy hôm sau, có một vị lão tăng áo tía, tới chỗ chôn, sai đào lên xem. Chỉ còn có xương hoàng kim tỏa hầy còn. Sư bảo đại chúng: “*Đây là Quán Âm đại sĩ thương xót các người chướng nặng, cho nên rủ lòng ban phương tiện, thị hiện hồng hóa độ các người*”. Nói xong, Sư bay lên không mà đi (Xem trong lời tựa tán thán bức tượng ở Tiềm Khê đời Tống, có bản ghi là Phổ Hiền [thay vì Quán Âm]).

*** Hai cô con gái họ Hoàng đời Đường**

Họ là người Tấn Lăng, thuở nhỏ nghe tụng kinh Pháp Hoa, lắng nghe lâu ngày, bèn nói: “Tôi hiểu nghĩa này”. [Từ đó, họ] có thể đàm luận sâu xa về Thật Tướng. Về sau, họ vào chùa An Quốc ở kinh đô làm ni, chị tên là Trì Pháp, em tên là Huệ Nhẫn, cùng tu Pháp Hoa tam-muội. Chợt có vị ni hiệu là Không Cô, từ ngữ, dung mạo rất lạ, đến chỗ họ lễ sám, cùng họ hành đạo. Mỗi khi tới giữa đêm, thân [Không Cô] tỏa quang minh rạng rỡ. Như thế suốt ba năm, [Không Cô] bèn rời đi. Có người nghi [Không Cô chính] là đức Phổ Hiền hóa hiện. Năm Hưng Nguyên thứ ba, Lương Túc ghi.

*** Người thiếp của Đô Thủy Sứ Tô Trường**

Trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường, Đô Thủy Sứ Tô Trường được phong làm thứ sử Ba Châu, vượt sông Gia Lăng. Giữa dòng gió nổi, thuyền lật. Mọi người cùng lúc chết chìm. Chỉ có người thiếp thường đọc kinh Pháp Hoa, khi nước tràn vào thuyền, cô bèn đội hộp đựng kinh lên đầu, thề cùng kinh chết chìm. Sau đó, chỉ có mình cô chẳng chìm,

theo sóng dập dềnh. Trong khoảnh khắc tới bờ. Cô nâng hộp kinh lên bờ, mở ra xem chẳng thấy bị ướt. Rốt cuộc cô thiếp được toàn mạng.

Lại ở phía Bắc thành Hoài Ninh, có chị dâu và cô em chồng cùng tụng Pháp Hoa, tiếng như vàng ngọc. Sau khi họ chết, mộ sanh một đóa sen hồng, nở xòe rất đẹp. Người đời sau bèn dựng chùa Hoa Đài nơi cuộc đất ấy.

2.2. Lịch triều Pháp Hoa Trì Nghiệm Kỳ, quyển hạ

**** Vị tăng chùa Đại Từ***

Thời Ngũ Đại, tại chùa Đại Từ ở Thành Đô, có vị tăng luôn tụng kinh Pháp Hoa. Một hôm, Sư vào núi Thanh Thành hái thuốc. Sư men theo suối, vượt qua chỗ hiểm, bỗng mây mù nổi lên bốn phía, chẳng biết theo đường nào. Chốc lát, mây tan, thấy một tòa gác bên khe suối rất cao đẹp. Sư đến cửa, người hầu vào báo, bước ra nói: “Tiên sinh thỉnh thầy tụng kinh mà thầy thường hành trì”. Vị tăng lớn tiếng tụng, tới phẩm Bảo Thập, tiên sinh mặc đồ dân quê, cầm gậy lê, hai mày dài chấm vai, đốt hương, chấp tay nghe hồi lâu. Tụng xong, họ dọn cơm nấu bằng hạt kê, kỷ tử, rau cúc, thơm như cam lộ, biếu một hoàn (sáu lượng) tiền. Người hầu đưa Sư lên đường, Sư hỏi [tiên sinh] tên họ là gì, người hầu đáp: “Đó là tiên sinh Tôn Tư Mạc”. Sư mới than thở, người hầu bỗng chẳng thấy đâu nữa. Sư lại tìm trọn ba ngày, nhưng đã quên mất chốn cũ. Quay về, xem lại món tiền được biếu, chính là tiền vàng. Do ăn một bữa cơm ấy, thân Sư nhẹ nhàng, không bệnh tật. Đường Sư nói ông Tôn một trăm năm mươi tuổi. Cho đến lúc thỉnh tụng kinh thì đã cách trước đó ba trăm năm rồi. [Chuyện này] trích từ Tương Sơn Dã Lục⁴¹².

**** Thích Đạo Tiềm chùa Vĩnh Minh ở Tiền Đường thời Ngô Việt***

Sư người Bô Tân, họ Vũ, từng ở trong sơn trai (traí phòng trên núi) hành Pháp Hoa Sám hai mươi một ngày, bỗng thấy đức Phổ Hiền ngự trên voi, đứng trên cửa tam quan trước chùa tháp. Voi voi gác thẳng

⁴¹² Tương Sơn Dã Lục là tác phẩm theo thể loại bút ký đã sử ghi rất nhiều sự kiện lẫn các câu chuyện truyền thuyết từ thời Bắc Tống mới mở nước cho đến thời Tống Thần Tông, cũng như các phong tục, tập quán thời ấy. Sách do sư Văn Oánh biên soạn trong niên hiệu Hưng Ninh đời Tống Thần Tông, do chủ yếu nói về chùa Kim Loan tại Tương Sơn ở Kinh Châu, cho nên đặt tên sách như vậy.

lên chỗ hành sám. Hán Nam quốc Tiền vương dựng chùa Huệ Nhật mời Sư ở đó. Sư từng duyệt Đại Tạng Kinh, trong khi ngồi yên lặng, Sư thấy ngài Văn Thù hiện thân. Về sau, Sư lễ tháp A Dục Vương, quý thắng đánh lễ, lệ tuôn như mưa. Bỗng thấy xá-lợi ở ngoài chiếc chuông treo, bèn nhiễu quanh. Sư bị hỷ xen lẫn. Năm Kiến Long thứ hai (961), Sư ngồi qua đời. Xà-duy có xá-lợi rất nhiều. [Môn nhân] dựng tháp để chứa, đỉnh tháp phóng bạch quang như lúc Sư mới mất vậy.

*** *Thiền sư Trí Giác chùa Vĩnh Minh thời Ngô Việt***

Sư húy Diên Thọ, người Đan Dương, họ Vương, dời sang sống ở Dư Hàng. Thuở niên thiếu, Sư tụng kinh Pháp Hoa, vừa tụng xong bảy hàng đã cảm bảy dê quý nghe. Lúc hai mươi tám tuổi, Sư làm trấn tướng ở Hoa Đình, dùng công quỹ để phóng sanh, mắc tội, bị phán xử tử. Lúc sắp bị hành hình, về mặt Sư chẳng thay đổi. Văn Mục Vương⁴¹³ lấy làm lạ, tha cho, bảo Sư đi xuất gia. Sư nương theo thiền sư Thúc Nham ở Tứ Minh [để xin thế độ], trụ tại chùa Long Sách, làm việc nặng phụng sự đại chúng. Mỗi ngày, Sư chỉ ăn một bữa, ngồi mãi chẳng nằm. Không lâu sau, Sư yết kiến Thiên Thai Thiền quốc sư⁴¹⁴, trụ tại chùa Quốc Thanh, hành Pháp Hoa Sám. Nửa đêm, Sư thấy Phổ Hiền Bồ Tát cầm hoa sen bỗng trao cho Sư. Sư lại còn tu Định chín mươi ngày trên đỉnh Thiên Trụ trong rừng Thiên Thai, thấy Quán Âm đại sĩ dùng cam lộ rưới cho, bèn đạt được biện tài vô ngại.

Năm Kiến Long thứ hai (961), Trung Ý Vương⁴¹⁵ thỉnh Sư trụ tại đạo tràng Vĩnh Minh. Tăng hỏi: “Kinh dạy hết thầy chư Phật và pháp

⁴¹³ Văn Mục Vương tức là Tiền Nguyên Quán (887-941), chính là hoàng đế thứ hai của nước Ngô Việt thời Ngũ Đại. Ông là con thứ năm của Ngô Việt Thái Tổ Vũ Túc Vương Tiền Lưu. Ngô Việt là vương quốc nhỏ độc lập, lãnh thổ bao gồm các tỉnh Chiết Giang, Thượng Hải, và phía Nam tỉnh Giang Tô.

⁴¹⁴ Tức ngài Đức Thiệu, thầy của Ngô Việt Vương. Sư pháp húy là Đức Thiệu, người huyện Long Tuyền thuộc Xử Châu, kế thừa dòng thiền Pháp Nhãn. Sư vào núi Thiên Thai dựng chùa nên gọi là Thiên Thai Đức Thiệu, chứ Sư không thuộc tông Thiên Thai. Khi đó, các tác phẩm của tổ Trí Giả bị tán lạc, chỉ xứ Tân La giữ được toàn vẹn. Sư liền sang nước ấy chép lại toàn bộ, đem về Trung Hoa, đưa vào Đại Tạng Kinh.

⁴¹⁵ Trung Ý Vương chính là Tiền Thục. Ông là con trai thứ chín của Văn Mục Vương, là vị vua cuối cùng của Ngô Việt. Khi nhà Tống thành lập, ông đã thần phục, và sát nhập vào nhà Tống để giữ yên sự ổn định cho vùng hạ lưu sông Dương Tử. Tống Thái Tông đã ban cho ông tước hiệu là Hán Nam quốc vương, cho nên đôi khi

của chư Phật đều từ kinh này lưu xuất, ‘kinh này’ là gì vậy?” Sư đáp: *“Lâu dài chuyển chẳng chuyển, chẳng nghĩa, cũng chẳng thanh”*. Hỏi: *“Thọ trì như thế nào?”* Sư đáp: *“Nếu muốn thọ trì, cần phải dùng mắt mà nghe!”* Sư ở Vĩnh Minh mười lăm năm, đại chúng thường là hai ngàn người. Sư được ban hiệu là Trí Giác. Năm Khai Bảo thứ bảy (974), Sư vào núi Thiên Thai, truyền giới tiếp độ khoảng hơn một vạn người. Sư thường truyền Bồ Tát Giới cho bảy chúng, đêm thí thực, sáng phóng sanh. Sáu thời rải hoa, hành đạo, công khóa mỗi ngày một trăm lễ tám thiện sự, chưa từng tạm phế. Hễ còn có sức thì tụng kinh Pháp Hoa. Tính ra, Sư tụng được một vạn ba ngàn bộ, đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ. Người đương thời gọi Sư là Từ Thị Hạ Sanh. Sư soạn bộ Tông Kính Lục một trăm quyển để dung hội các chỗ tương đồng và dị biệt trong tông chỉ của Thiên Thai, Hiền Thủ và Từ Ân. Sư lại soạn Tâm Phú, và các sách Duy Tâm Quyết, Vạn Thiện Đồng Quy v.v... Sư từng ban đêm qua ngọn núi khác đi kinh hành, trên không trung khi đó nghe có tiếng tù và, nhạc trời tấu vang. Tháng Hai năm Khai Bảo thứ tám (975), Sư chín mươi tám tuổi, đốt hương, ngồi xếp bằng mà tịch. Tháp ở núi Đại Từ, vua cỡi âm vẽ tượng đánh lễ, chi tiết thì như trong biệt truyện.

*** Thích Hồng Sở chùa Đại Vân ở Ôn Châu thời Ngô Việt**

Sư là người Vĩnh Gia, con nhà họ Đường. Sư vốn nghị dung thanh cao, thần nhiên xuất tục. Trong thời đầu của niên hiệu Càn Hóa⁴¹⁶, Tiềm Vũ Túc Vương thỉnh Sư trụ tại chùa Hưng Long, khai giới đàn tiếp độ. Vua ban y tía, Sư không nhận. Khi đó, thi nhân Trịnh Thuyết sang chơi phương Nam, đích thân chiêm ngưỡng cao hạnh của Sư, đã làm thơ tặng Sư rằng: *“Y tía trên giàn không mặc tới, chữ vàng trên án chẳng buồn nhìn”*. Sư giảng kinh Pháp Hoa tính ra hơn năm mươi hội. Một hôm, trong giảng đường bỗng nảy sanh hoa sen, đài kép, cánh kép, mùi thơm nồng nàn. Cho tới nay, tại Vĩnh Gia vẫn tôn là Tăng Bảo.

*** Thích Khả Châu chùa Long Hưng tại Hàng Châu thời Ngô Việt**

Trung Ý Vương được gọi là Hán Nam quốc vương như trong câu chuyện ngài Thích Đạo Tiềm thuộc phần trên.

⁴¹⁶ Càn Hóa là niên hiệu của Hậu Lương Thái Tổ Châu Toàn Trung (Châu Ôn) từ năm 911 đến năm 913.

Sư người Tân Lăng, họ Phó. Đã xuất gia, bèn sang Dự Chương, tham cứu cùng tột Pháp Hoa Đại Sớ của ngài Từ Ân (Khuy Cơ). Sư đến chùa Long Hưng, khai diễn Pháp Hoa, đạo tục tham dự luôn là mấy trăm người. Tiền Vũ Túc Vương truyền lệnh Sư ban đêm giảng kinh cho cõi âm tại Thiên Bảo Đường, thường thấy có các quỷ thần hiện hình hộ vệ. Từng có đồng cốt cúng tế thần ở đền Đồng Quan, thỉnh mãi mà thần chẳng giáng hạ. Về sau, thần nhập thân đồng cốt nói: “*Ta mới từ Đại Thần Thiên Bảo Đường nghe pháp trở về*”. Vũ Túc Vương lấy làm lạ, biếu tặng Sư như ý và bát bằng vàng, ban hiệu là Thông Minh. Sư soạn Pháp Hoa Tự Sao một quyển.

*** Thích Tự Tân thuộc Ứng Thụy Viện ở Tuyên Châu đời Tấn⁴¹⁷**

Sư trai giới tinh sạch, tìm thầy [học đạo], nghiên cứu tinh tường Pháp Hoa chưa từng lười nhác, phế bỏ. Sư từng vào núi Tuyên Thành hái thuốc, đi vào một cái hang sâu. Thoạt đầu tối tăm rồi thấy mặt trời chiếu sáng. Đi mấy dặm, bên động có một cái hang ngách, nước suối róc rách. Sư thấy dưới cội tùng to có am tranh, một vị tăng lông mày trắng như tuyết, khoác áo chàm vá, tọa Thiền. Bên cạnh có một cái khánh và đồ đánh lửa. Sư gõ khánh, vị tăng xuất định, mở mắt, kinh ngạc hỏi: “Ủa! Sư do duyên gì mà đến đây?” Sư bèn thuật hành tung, vị tăng chấp tay mời ngồi, đánh lửa đun trà, hương vị [trà] đáng yêu. Chiều tối, vị tăng nhường am cho Sư ngủ. Nhìn ra thì tăng leo lên cái ổ to trên ngọn tùng, nghe tiếng Ngài tụng kinh Pháp Hoa, âm thanh rất trong trẻo. Trong khoảnh khắc, nghe Sư quở mắng: “Lũ súc sanh này, nay đã làm loài lông lá, sao lại khổ sở khiến cho con người sợ hãi, hãy mau trở về rừng rậm, chẳng nên tự tiện xuất hiện!” Sư liếc nhìn thì ra hổ báo riu riu bỏ đi. Tối sáng, tăng từ cội tùng trèo xuống, an ủi. Sư xin ở lại hầu hạ. Tăng nói: “Từ chỗ này nhìn ra, toàn là cỏ cây khô héo, bốn phía trọn chẳng có khói bếp của con người, chẳng phải là chỗ Sư ở được!” Lại

⁴¹⁷ Tấn ở đây là một vương triều thời Ngũ Đại Thập Quốc, không phải là nhà Tấn do Tư Mã Viêm sáng lập sau thời Tam Quốc. Do tác phẩm này được viết theo thể loại biên niên sử, nhà Tấn trong câu chuyện này chỉ có thể là nhà Tiền Tấn (896-923) do Lý Khắc Dụng sáng lập, hoặc nhà Hậu Tấn (936-947) do Thạch Kính Đường sáng lập. Câu cuối cùng trong chuyện nói rõ là niên hiệu Thiên Phước, mà Thiên Phước chính là niên hiệu của Thạch Kính Đường từ năm 936 đến 944, cho nên Tấn ở đây phải là nhà Hậu Tấn.

hỏi: “Ông chẳng đói ư?” Bên khe suối có mấy trăm gốc lúa. Tăng hái lúa, tách ra được ba vốc gạo, nhỏ rau dại, nấu chung thành thức ăn, bảo Sư trở về. Vị tăng đưa tới cửa động nói: “Gặp nhau chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Ông đã uống trà và ăn cháo rau, cả đời sẽ chẳng thiếu cái ăn!” Sư theo đường trở về chùa mình, thì ra đã hơn một tháng, bèn dẫn những người bạn thân thiết quay lại tìm, chẳng biết động ở chỗ nào. Đó là chuyện trong năm Thiên Phước đời Văn Mục Vương xứ Ngô Việt.

*** Thích Nghĩa Sở chùa Khai Nguyên ở Tề Châu đời Châu⁴¹⁸**

Sư người Tương Châu, họ Bùi, bảy tuổi xuất gia. Sư lễ kinh Pháp Hoa, cứ mỗi chữ là một lạy, lạy trọn một bộ. Đối với tông Câu Xá, Sư thấu đạt chỗ u vi, tột bậc. Sư biên soạn Thích Thị Lục Thiếp⁴¹⁹, khởi đầu bằng Pháp Vương Lợi Kiến Bộ, kết thúc bằng Sư Tử Thủ Loại Bộ, tập hợp thành một bộ sách lớn. Hiên Đức nguyên niên (954), vua sắc truyền đưa bộ sách vào Sử Quán. Thoạt đầu, Sư biên soạn, hai mắt bị mù, thầy thuốc chữa không được. Sư bèn ngậm sấm hồi trong tâm. Kiềm thành như thế chẳng gián đoạn, sau một năm, mắt sáng lại, mọi người nói đó là điềm chứng tỏ sự cảm ứng.

⁴¹⁸ Châu ở đây là Hậu Châu (951-960) thời Ngũ Đại, do Quách Oai diệt nhà Hậu Hán của Lưu Trí Viễn mà lập ra triều đại này (do vậy, đôi khi còn gọi là Quách Châu). Lãnh thổ nhà Hậu Châu bao gồm các tỉnh Hà Nam, Sơn Đông, nam bộ Sơn Tây, nam bộ tỉnh Hà Bắc, Thiểm Tây, phía Đông Cam Túc, phía Bắc tỉnh Hồ Bắc và một phần tỉnh An Huy và Giang Tô. Quách Oai không có con, sau khi ông ta chết, cháu là Sài Vinh lên làm vua (tức Châu Thế Tông). Tuy Sài Vinh này chỉ làm vua được 5 năm, nhưng đã dốc sức diệt Phật pháp tại vùng Hoa Bắc. Khi Sài Vinh chết, con là Sài Tông Huân (Hậu Châu Cung Đế) bảy tuổi lên ngôi. Năm 960, do nghe tin đồn liên quân Bắc Hán và Liêu tấn công, triều đình sai Điện Tiền Đô Kiểm Điểm Triệu Khuông Dẫn đi đánh. Triệu Khuông Dẫn dẫn quân đến Trần Kiều; đạo diễn binh lính tôn Triệu Khuông Dẫn lên làm vua (lấy cớ vua quá nhỏ không thể bảo vệ được đất nước). Triệu Khuông Dẫn dẫn quân về Biện Kinh, ép Cung Đế phải nhường ngôi. Do trước đó Triệu Khuông Dẫn từng làm Quy Đức Tiết Độ Sứ cai quản Tống Châu, cho nên lấy quốc hiệu là Đại Tống.

⁴¹⁹ Thích Thị Lục Thiếp là tác phẩm mô phỏng theo Lục Thiếp của Bạch Cư Dị, nội dung là tập hợp tất cả văn chương và nghĩa lý liên quan đến họ Thích trong Đại Tạng, chia thành nhiều môn (mỗi môn được gọi là một Bộ, sách gồm năm mươi bộ), đầu tiên là Phật, Pháp, Tăng Bảo, thần hộ pháp, vua tôi, cho tự xá thập điện, cảm thú, thảo mộc v.v... Đối với mỗi điều đều ghi rõ xuất xứ. Hậu Châu Thế Tông truyền đưa sách này vào Sử Quán và ban cho ngài Thích Nghĩa Sở mỹ hiệu Minh Giáo đại sư.

*** Thích Thiệu Nham đời Tống**

Sư người Ung Châu, họ Lưu. Phàm kinh sách trăm loại, hễ đọc tới, Sư đều như ôn tập. Tới khi vào đất Ngô Cối, Sư trụ tích tại chùa Thủy Tâm ở Hàng Châu, luôn phúng tụng kinh Pháp Hoa chẳng bỏ suốt ngày đêm. Bỗng cảm trên đất bằng sanh ra hoa sen. Cả thành kéo đến xem. Năm Kiến Long thứ hai (961), ý nguyện tụng kinh đã viên mãn, Sư thề phỏng theo Dược Vương Bồ Tát thiêu thân. Khi đó, Hán Nam quốc vương họ Tiền cố sức can ngăn. Sư liền lại gieo mình xuống sông Tào Nga⁴²⁰ để nuôi bụng cá, dường như có thần nhân nâng chân, sóng to vỗ bủa mà Sư như ngồi trên đài báu. Vua bèn tạo Thượng Phương Viện, thỉnh Sư ở đó. Năm Khai Bảo thứ tư (971), Sư nói với người hầu: “*Ta tụng kinh Pháp Hoa đã hai vạn bộ, quyết mong sanh về An Dưỡng, nay may đã được thỏa bốn hoài*”. Nói xong, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Trà-tỳ, xá-lợi vô số, di cốt sáng ngời như ngọc.

*** Thích Hy Tịch đời Tống**

Sư người Vĩnh Gia, họ Hồ, từ bé đã tụng kinh Pháp Hoa, trọn một tháng liền thông suốt. Sau khi đã thọ Cụ Túc, Sư yết kiến Tụng pháp sư ở Thiên Thai để tham cứu, học tập Chỉ Quán. Sư từng ngụ tại chùa Dược Vương ở Tứ Minh, mộng thấy lên chùa Quốc Thanh, có tòa tràng báu, ghi là đài Văn Thù. Phía ngoài có lan can chặn lại, muốn vào chẳng thể được. Bỗng thấy Quán Âm từ bên trong bước ra, khom mình đón tiếp. Từ đó, Sư nhạo thuyết vô tận, bèn ở tại chùa Quốc Thanh thuộc Phật Lũng để tiếp tục giảng huấn, và lập đạo tràng Loa Khê. Người học kéo đến như mây. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), Sư sang Phù Giang ở Hoàng Nham phóng sanh, giảng phẩm Lưu Thủy Trường Giả [của kinh Kim Quang Minh]. Sư tới linh thạch ở Hải Môn, phục hoạt đạo tràng an cư mùa Đông của tổ Trí Giả, khiến cho nơi đó trở thành một ngôi chùa danh tiếng sầm uất. Sư suốt đời giảng kinh Pháp Hoa

⁴²⁰ Sông Tào Nga (còn gọi là Kha Thủy, Thượng Ngu giang, Đông Tiểu giang, Hiếu Nữ giang) ở phía Đông tỉnh Chiết Giang, là chi lưu lớn thứ hai của sông Tiền Đường. Sông dài đến 192 km. Chỗ rộng nhất đến 600m, lưu vực sông rộng đến 5.922 km². Tương truyền, vào đời Đông Hán, cô gái có hiệu là Tào Nga đã vì vớt xác cha (cha cô chết đuối trong sông này) mà tự trầm để xác mình đẩy xác cha lên bờ, cho nên sông có tên như thế.

mười mấy lượt. Dân Âu Việt⁴²¹ chuộng sẵn bắn, từ khi nghe Sư giáo huấn, đều quăng cung, xé lưới. Công thuyết pháp của Sư chưa từng có!

*** Thích Nghĩa Thông đời Tống**

Sư họ Doãn, thuộc hoàng tộc Cao Ly, có phạm tướng dị thường: Lòng mày dài hơn năm tấc. Thuở bé, Sư xuất gia ở Quy Sơn Viện. Vào niên hiệu Thiên Phước đời Hậu Tấn, Sư sang trung thổ, tới chỗ Vân Cư Thiệu quốc sư ở Thiên Thai, bỗng có chỗ khế ngộ. Tới khi tham yết Loa Khê (tức ngài Thích Hy Tịch, tổ thứ mười lăm của tông Thiên Thai, vừa được nhắc tới trong đoạn trên), nghe tông chỉ “*nhất tâm tam quán*”, Sư bèn than rằng: “*Cái học viên đón từ nay đều thấu triệt rồi*”. Sư bèn ở lại đó thọ nghiệp. Lâu sau, Sư muốn giòng buồm trở về Đông; thái thú Tứ Minh là Tiền Duy Trị cố giữ Sư lại, nói: “Chỉ mong lợi sanh, cứ gì phải trở về Kê Lâm⁴²²?” Sư bèn trụ tại Truyền Giáo Viện (thuộc Loa Khê).

⁴²¹ Âu Việt còn gọi là Đông Việt, hay Đông Âu, là vùng đất ở phía Nam tỉnh Chiết Giang, thuộc lưu vực Âu giang và Linh giang, bao gồm Ôn Châu, Thái Châu, Lệ Thủy v.v... Đây là lãnh thổ của một thị tộc Bách Việt. Bách Việt là một cộng đồng nhiều sắc tộc khác nhau sống từ phía Nam Trường giang cho đến Bắc Việt Nam. Theo các nhà nghiên cứu, Việt (越) là biến thể của 鉞, nghĩa gốc là cái búa hay cái rìu bằng đồng) bắt nguồn từ sự khéo léo của người Việt trong kỹ thuật đúc đồng làm mũi tên, lưỡi cày, rìu đồng, trống đồng. Theo Lộ Sử của La Bí đời Tống thì “*Việt Thường, Lạc Việt, Mân Việt, Âu Việt, Âu Ngai, Thả Âu, Tây Âu, Cung Nhân, Mục Thân, Tồi Phu, Cầm Nhân, Thương Ngô, Việt Âu, Quế Quốc, Tôn Tử, Sản Ký, Hải Quý, Cửu Khuân, Kê Dư, Bắc Đới, Bộc Cú, Âu Ngô được gọi chung là Bách Việt*”. Sở dĩ có danh xưng Âu Việt vì họ sống trong lưu vực của Âu giang. Lãnh tụ của Âu Việt được coi là hậu duệ của Việt Vương Câu Tiễn khi nước Việt bị diệt cuối đời Chiến Quốc. Thời Tiền Hán, lãnh tụ của người Âu Việt là Sô Dao từng đem quân giúp Lưu Bang đánh Hạng Vũ, nên khi Lưu Bang lên ngôi, lập ra nhà Hán, đã phong cho Sô Dao làm Đông Hải Vương cai quản vùng này. Lúc đó, tiểu quốc này được gọi là Đông Âu quốc (tức thái ấp của Sô Dao).

⁴²² Kê Lâm (雞林, Gyerim) là tên cũ để gọi một khu vực của cổ vương quốc Tân La (Silla) trên bán đảo Đại Hàn. Theo truyền thuyết, vào năm 65, vua Thoát Giải Ni Sư Kim (脫解尼師今, Talhae Isageum) của vương quốc Tân La nghe gà gáy trong khu rừng phía Tây Khánh Châu (Gyeongju), sai cận thần đi xem xét thì tìm được một cái hộp vàng treo trên cành cây, quang minh tỏa ra từ cái hộp đó. Trên nắp hộp, có một con gà trắng đang gáy liên tục. Vua sai mở hộp, trong đó có một bé trai. Vua thích thú nhận nuôi đứa bé, đặt tên là Kim Át Trí (Kim Alji, Kim và Alji đều có nghĩa là vàng). Khu rừng ấy được gọi là Kê Lâm. Kim Át Trí trở thành thi tổ của hoàng tộc họ Kim của Tân La.

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ sáu (981), [Truyền Giáo Viện] được ban biên ngạch đề tên là Bảo Vân. Sư hoàng dương Giáo Quán gần hai mươi năm. Đoan Cung nguyên niên (988), Sư nằm bên hông phải qua đời.

*** Thích Ngộ Ân đời Tống**

Sư họ Lộ, người Hải Ngu. Trong niên hiệu Trường Hưng⁴²³, Sư đến chùa Huệ Tụ ở Côn Sơn, học Nam Sơn Luật. Sau đó, nghe Tam Quán của tông Thiên Thai, ngầm khế hợp huyền giải, liền tạo Từ Quang Viện Chí Nhân Sư ở Tiền Đường, giảng dạy nhiều năm. Đối với Pháp Hoa, Kim Quang Minh, và Chỉ Quán Luận, Sư đều hiểu rõ chỗ huyền vi. Tháng Tám năm Ung Hy thứ ba (986), Sư mộng thấy sa-môn khoác ca-sa, cầm lò vàng đốt hương, nhiều quanh thất ba vòng, tự nói là “*Tổ Sư Quán Đánh đến đây tiếp đón*”. Tỉnh mộng, Sư còn ngửi thấy mùi hương lạ, bèn hướng về Tây, chấp tay qua đời. Trong viện đều nghe trên hư không có tiếng tơ trúc, linh, đặc. Sư thản nhiên về Tây.

*** Thích Tĩnh Niệm ở Thử Sơn thuộc Nhữ Châu đời Tống**

Sư người Lai Châu, họ Dịch, thọ học tại chùa Nam Thiên thuộc quận nhà. Sư đến khắp giảng tòa tại các tùng lâm. Sư thường ngầm tụng kinh Pháp Hoa, mọi người gọi Sư là Niệm Pháp Hoa. Về già, Sư hầu ngài Phong Huyệt [Diên Chiêu thiền sư]. Một hôm, Sư cùng vị Chân viên đầu⁴²⁴ cùng hỏi han xong, Phong Huyệt hỏi: “Nhu thế nào là Thế Tôn chẳng nói mà nói?” Chân viên đầu nói: “Bột curu thụ đầu curu” (chim bột curu⁴²⁵ là con bò câu đậu trên cành cây). Phong Huyệt nói: “Ông tạo nhiều si phước để làm gì, sao không tham cứu để thấu hiểu ngôn cú?” Ngài lại hỏi Sư, Sư đáp: “*Động dung dương cổ lộ, bất đoạ*

⁴²³ Trường Hưng là niên hiệu của vua Minh Tông (Lý Tự Nguyên) nhà Hậu Đường từ năm 930 đến năm 934. Do Sư mất trong đời vua Tống Thái Tông nên vẫn coi Sư thuộc đời Tống. Hậu Đường là triều đại thứ hai trong thời Ngũ Đại (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Châu) trước khi Triệu Khuông Dã thống nhất phần lớn Trung Hoa (phần lớn phía Bắc Trung Hoa thời đó đã thuộc Liêu và Kim).

⁴²⁴ Viên đầu (園頭) là vị Sư trông nom vườn tược trong chùa.

⁴²⁵ Bột curu (鵲鳩, còn gọi là bột cô) là một loài bò câu thường biết dưới danh xưng Turtle Dove, lông cánh có vằn đen và nâu xen lẫn. Khi nó kêu nhiều thì trời sẽ mưa.

tiểu nhiên cơ” (Mỉm cười nêu lời cũ, cơ duyên chẳng để sót)⁴²⁶. Ngài Phong Huyết bảo Chân viên đầu: “Sao ông không xem câu hạ ngữ (câu đáp) của Niệm Pháp Hoa?” Ngày mùng Bốn tháng Chạp năm Thuần Hóa thứ ba (992), Sư thượng đường nói kệ, có câu “*kim niên ký khước lai niên sự*” (năm nay hãy nhớ chuyện sang năm). Tới ngày tháng đó trong năm Thuần Hóa thứ tư (993), chẳng sai lời dự ký trước đó, Sư vẫn thượng đường nói kệ rằng: “*Chư tử mạn ba ba, quá khước kỷ Hằng hà. Quán Âm chỉ Di Lặc, Văn Thù bất nại hà?*” (Các ông cứ ồn ào, đã qua mấy sông Hằng? Quán Âm chỉ Di Lặc, Văn Thù biết làm sao?) Hồi lâu sau, Sư lặng lẽ qua đời. Xà-duy tìm được xá-lợi ngũ sắc.

*** Thích Tri Lễ đời Tống**

Sư hiệu là Pháp Trí, họ Kim, người Tứ Minh. Từ ngài Bảo Vân Thông, Sư được truyền dạy Thiên Thai Giáo Quán. Trong niên hiệu Thuần Hóa⁴²⁷, Sư giáo hóa cực thịnh, học trò như rừng. Sư tận lực hành Pháp Hoa và Ban Châu tam-muội, mong sanh về An Dưỡng. Sư từng kết bạn với mười người có cùng chí hướng để tu sám. Kỳ hạn ba năm đã mãn, Sư toan thiêu thân để báo đền kinh mầu nhiệm. Văn công Dương Úc, Lý công Tuân Úc, tâu lên triều đình ban cho Sư y tía và đạo hiệu Pháp Trí đại sư. [Hai vị ấy] vâng chỉ khuyên Sư trụ thế. Môn nhân là Bồn Như thưa hỏi về tông chỉ của kinh vương, Sư nói: “Người hãy làm giám viện cho ta ba năm”. Bồn Như vâng lời, ba năm đã mãn, lại đến thưa hỏi. Sư ra oai, hét một tiếng, Bồn Như rống rang khai ngộ, bèn trình kệ tụng rằng: “*Xứ xứ phùng quy lộ, thời thời phục cố hương, bốn lai thành hiện sự, hà tất đãi tư lượng?*” (Chốn chốn gặp nẻo về, luôn luôn về quê cũ, vốn thành chuyện hiện thời, cần gì đợi suy nghĩ). Sư tùy cơ khai ngộ như thế đó. Sư suốt đời tu sám; bảy lần hành sám, mỗi kỳ hai mươi một ngày. Trong tông Thiên Thai, Sư là chuẩn đích. Sư trước tác [Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh] Diệu Tông Sao để nêu tỏ rộng khắp ý chỉ “*quán tâm, quán Phật*”. Ngày mùng Một Tết năm Thiên Thánh thứ

⁴²⁶ Mục Vô Thiên Pháp Uyển trong tạp chí Bồ Đề Thụ đã giải thích câu này như sau: “*Động dung là khi Phật Thích Ca giờ cảnh hoa lên, ngài Ca Diếp mỉm cười; đó là động dung. ‘Dương cố lộ’ là phù hợp với đường lối xưa kia. ‘Bất đoạ tiểu nhiên cơ’ là chẳng để lỡ thời tiết nhân duyên, tức là người chứng đạo mới có thể cảm nhận sự huyền diệu trong từng phút giây, chẳng thể nào diễn tả được*”.

⁴²⁷ Thuần Hóa là niên hiệu của Tống Thái Tông (Triệu Khuông Nghĩa), sử dụng từ năm 990 đến năm 994.

sáu (1028), Sư tu Quang Minh sám. Tới ngày mùng Năm, Sư triệu tập đại chúng thuyết pháp, bỗng xưng Phật hiệu mấy trăm câu, ngời xấp bằng, thoát hóa. [Môn nhân đặt thi thể Sư] trong khám chẳng đóng lại, suốt mười bốn ngày, vẻ mặt Sư vẫn như còn sống, móng tay và tóc đều mọc dài ra, lưỡi chẳng hoại như hoa sen vậy. Thanh Hiến Công Triệu Biện viết bài minh đề tháp. Từ tổ Long Thọ truyền cho ngài Huệ Văn đời Bắc Tề, Huệ Văn truyền cho Nam Nhạc Huệ Tư, Huệ Tư truyền cho Thiên Thai Trí Khải, cho tới ngài Pháp Trí, Sư được tôn là vị tổ thứ mười bảy của tông Thiên Thai.

*** Thích Tuân Thức chùa Thiên Trúc núi Linh Ẩn đời Tống**

Sư tự Tri Bạch, họ Diệp ở Ninh Hải. Sư vào chùa Quốc Thanh, đối trước tượng Phổ Hiền Bồ Tát đốt một ngón tay, thề truyền Thiên Thai Giáo Quán. Đầu niên hiệu Ung Hy, Sư yết kiến ngài Bảo Vân Thông, huệ giải phát khởi đẹp đẽ. Nhằm ngày kỵ tổ Trí Giả, Sư đốt đỉnh đầu, thề tận lực hành bốn môn tam-muội. Sư trở về Thiên Thai, do siêng khổ học tập đến nổi ói ra máu, nhưng vẫn kiên quyết hành đạo, mãi bốn mươi chín ngày, chợt như mộng thấy đức Quán Âm duỗi tay vào miệng Sư, lòi ra mấy con trùng. Ngài lại duỗi ngón tay, rút cam lộ vào miệng Sư. [Sư liền cảm thấy] thân tâm thanh lương, bệnh từ trước nhanh chóng khỏi hẳn.

Năm Tường Phù thứ tám (1015), Sư chuyển sang sống tại Thiên Trúc. Trong niên hiệu Thiên Hy⁴²⁸, Văn Mục Công cai quản đất Hàng, chuyện đầu tiên là tìm đến thăm Sư trong núi, xin Sư giảng kinh Pháp Hoa và ý nghĩa “*tâm, Phật, chúng sanh, ba pháp đều như*”, biện tài phát khởi rõ rệt. Văn Mục Công tán thưởng chẳng ngớt. Ở phía Đông chùa, Sư dựng Quán Nhật Am để vận dụng quán tưởng pháp quán Tây Phương. Sư nương theo kinh Vô Lượng Thọ, soạn thuật Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nghi và Hạnh Nguyện Pháp Môn được lưu hành rất rộng trong cõi đời. Sư thường hành Pháp Hoa tam-muội, lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn, cảm ứng chẳng phải chỉ có một chuyện. Sư dựng Quang Minh Sám Đường, đối với mỗi cây cột, mỗi viên ngói, ắt đều tụng chú Đại Bi bảy biến. Trải qua nhiều lượt binh hỏa, tòa nhà ấy nghiêm nhiên một mình

⁴²⁸ Thiên Hy là niên hiệu thứ tư của Tống Chân Tông (Triệu Hằng), sử dụng từ năm 1017 đến năm 1021. Tống Chân Tông dùng các niên hiệu Hàm Bình, Cảnh Đức, Đại Trung Tường Phù, Thiên Hy và Càn Hưng.

tồn tại là do nguyên lực tạo thành. Năm Thiên Thánh thứ mười (1032), Sư thị tịch. Người đương thời gọi Sư là Từ Vân Sám Chủ.

*** *Pháp Hoa Đại Sĩ Chí Ngôn chùa Khai Bảo đời Tống***

Sư tự nói ngài họ Hứa ở Thọ Xuân. Tuổi hai mươi, Sư sang Đông Đô, đắc độ nơi Thất Câu Chi Viện. Một hôm, Sư đọc Văn Môn Lục, bổng khế ngộ. Chẳng lâu sau, Sư bèn thông hiểu Túc Mạng. Sư dung mạo lạ lùng, nhìn thẳng chẳng nháy, miệng mấp máy chẳng biết Sư đang nói gì, thường ngày chẳng thể thiếu sót, luôn thích tụng kinh Pháp Hoa. Do vậy, được đặt hiệu [là Ngôn Pháp Hoa đại sĩ]. Khi Sư sắp mất, bảo mọi người: *“Ta từ vô lượng kiếp đến nay thành tựu quốc độ Thệ Đa, phân thân hoằng dương, giáo hóa, nay trở về Nam”*. Sau đó, Sư an tường qua đời. Tống Nhân Tông từng dâng hương, ngậm cầu nguyện rằng: *“Sáng mai, thỉnh Pháp Hoa đại sĩ thọ trai tại Hóa Thành Điện”*. Sáng ra, nội thị tâu rằng: *“Ngôn Pháp Hoa từ cửa ngách bên phải bước vào, sắp đến tấm điện, quất mà chẳng thể ngăn được!”* Chúa thượng cười nói: *“Trẫm thỉnh Ngài đến”*. Sư đến nơi, liền ngồi lên giường ngự, xếp bằng thọ cúng. Chúa thượng hỏi về chuyện trừ quân (thái tử), Sư cầm bút, viết chữ to *“mười ba, mười ba”*. Sau, Anh Tông tức vị, tức là con trai thứ mười ba của Bộc An Ý Vương. Văn Mục Công Lữ Mông Chánh⁴²⁹ thỉnh Ngôn Pháp Hoa thọ trai, hỏi tương lai tốt xấu như thế nào? Sư chỉ viết hai chữ Bạc Châu. Tới khi ông bị bãi chức Tể Tướng, được cử ra coi Bạc Châu mới hiểu ý lời sấm khi trước.

*** *Thích Bốn Như chùa Năng Nhân ở Đông Dịch Sơn đời Tống***

Sư là người huyện Cú Chương, Tứ Minh. Thưở nhỏ, Sư nương theo ngài Pháp Trí. Năm Tường Phù thứ tư (1011), Sư tới Đông Sơn, hoằng dương Giáo Quán rộng lớn, giảng các kinh Pháp Hoa, Kim Quang

⁴²⁹ Lữ Mông Chánh (946-1011), tự là Thánh Công, người xứ Lạc Dương. Ông là một vị đại thần nổi danh đời Tống, ba lượt được phong làm Tể Tướng. Ông đỗ trạng nguyên khi 21 tuổi, được phong làm Tương Tác Giám Thừa Thông Phán Thăng Châu. Ông được phong làm Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự (Tể Tướng) ba lần vào năm 988, 993 và 1011. Bảy người con trai của ông đều làm quan. Cháu trai ông là Lữ Di Giản (tức cháu nội của Lữ Quy Tường. Lữ Quy Tường là em trai của cha Lữ Mông Chánh) cũng được phong làm Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự.

Minh, Quán Vô Lượng Thọ v.v... mỗi kinh đều hơn sáu bảy lượt. Sư lại tụ tập một trăm vị tăng, tu Pháp Hoa trường sám suốt một năm. Sư từng ở phía Tây Nam của núi, thấy một con hổ đang nằm, bèn lấy trượng chạm nó, bảo: “Đây chẳng phải là chỗ người ở!” Hổ gục đầu bỏ đi. Sau Sư ở chỗ hổ nằm kết am, an dưỡng trong ấy. Trước đó, đã có ngũ thông thần ở đó. Mỗi khi Sư tọa Thiền, họ liền khiêng giường đi trên hư không. Sư hâm mộ di phong Lư Sơn, bèn cùng với các hiền nhân như Tuân công Chương Đắc Tượng kết Bạch Liên Xã. Trong niên hiệu Khánh Lịch⁴³⁰, triều đình sắc tứ ban hiệu cho Sư là Thần Chiếu, và áo hậu màu tía, ban biển đề tên chùa là Bạch Liên. Về sau, Sư thuyết pháp, giã biệt đại chúng. Giang thượng nhân thấy trên chót mây có vị tăng đi về Tây. Năm Gia Định thứ tư (1211) cải táng, khi đó đã là hai trăm năm sau, mở hòm thấy từ nhan nghiêm nhiên, râu tóc mọc dài, xá-lợi đầy quan tài.

*** Thích Tổ Thiệu chùa Thiên Trúc núi Linh Ẩn đời Tống**

Sư người huyện Thiên Thai, họ Lưu. Mười chín tuổi đã tụng thông thuộc kinh Pháp Hoa. Sư vào Đông Dịch tham yết ngài Từ Vân, đắc trọn ý chỉ huyền áo. Sư chỉ hành Pháp Hoa tam-muội, dùng đó làm thường khóa. Sư từng tu Quang Minh Sám một trăm ngày đêm. Tới khi đã tu được một nửa, bỗng thấy cờ quạt, tràng phan đầy dẫy trước mặt. Người dẫn đường hô là Đại Biện Thiên Tôn. Sư liền đứng dậy, chấp tay. Vị trời ấy nói: “Sư truyền bá, hoằng thông Đại Thừa, lợi ích rộng nhiều”. Nói xong biến mất. Sư lại đến Hoài Tứ, mộng thấy có vị tăng xoa đầu, bảo: “*Ta là hòa thượng Văn Thù, dạy cho ông năm nghĩa vô sanh*”. Sư thức giấc, ngũ tạng rỗng rang như nhai băng tuyết.

*** Thích Hữu Nghiêm đời Tống**

Sư người huyện Lâm Hải, họ Hồ. Mười bốn tuổi, Sư sang Đông Sơn, nương theo ngài Thần Chiếu, tu tập Thiên Thai Giáo Quán. Trong niên hiệu Thiệu Thánh⁴³¹, Sư ẩn cư tại đỉnh núi phía Đông của rừng Xích Thành, kết am tranh dưới cội cây Tra. Do vậy, tự đặt tên là Tra Am. Sư hành Pháp Hoa tam-muội, hễ cầu giải trừ hạn hán hay lụt lội, Sư vừa trì

⁴³⁰ Khánh Lịch là niên hiệu của Tống Nhân Tông từ năm 1041 đến năm 1048.

⁴³¹ Thiệu Thánh là niên hiệu của Tống Triết Tông (Triệu Hú) từ năm 1094 đến năm 1098.

tụng đã có cảm ứng lạ kỳ như [hô to trong sơn cốc bèn lập tức có] tiếng vang. Mẹ của Sư bị bệnh mắt, Sư đối trước Quán Âm đại sĩ, tưởng tay cầm Nhật Quang Ma Ni [trong số ngàn cánh tay của Bồ Tát]. Mẹ liền mộng thấy Sư cầm mặt trời ở trước mặt. Tỉnh giấc, mắt sáng lại. Một hôm, Sư ở trong Định, thấy thiên thần bảo rằng: “Tịnh nghiệp của Sư đã thành”. Lại mộng thấy trong ao sanh đóa sen to lớn, thiên nhạc vang rền bốn phía. Sư bèn soạn một bài Tây Quy Tự Tiễn để dạy đại chúng. Bảy ngày sau, Sư ngồi xếp bằng qua đời. Trên tháp có quang minh như mặt trăng suốt cả ba đêm rồi mới ẩn.

*** Thích Xử Hàm đời Tống**

Sư họ Vương ở Thiên Thai. Sau khi thọ Cụ Túc, Sư nghĩ Phật pháp rộng lớn, nếu chẳng tận lực học, sao có thể kiến đạo. Sư liền vào Thiên Phong duyệt Đại Tạng Kinh. Ba năm đã xong, Sư đến yết kiến ngài Thần Chiếu, ngộ sâu xa ý chỉ trong giáo pháp. Về sau, Sư trụ trì chùa Bạch Liên, truyền Thiên Thai Giáo Quán, thường tu Pháp Hoa tam-muội. Tháng Bảy Nguyên Hựu nguyên niên (1086), Sư triệu tập đồ chúng, phân chia y bát, bảo rằng: “Ngày Hai Mươi Ba này ta sẽ trở về Tịnh Độ”. Sư bảo thị giả vào lúc thỉnh chuông buổi sáng sẽ báo cho mọi người biết. Đến thời, Sư thông thả ngồi dậy, xếp bằng mà tịch. Dương Thứ Công soạn bài tán có câu: “*Di thư phong rồi, ngồi xếp bằng, chẳng trụ bạch liên, sanh bạch liên*”.

*** Thích Linh Chiếu đời Tống**

Sư người Đông Dương, họ Lô. Bẩm sanh thê đốc chí nơi Không môn. [Dụng công học kinh] chưa đầy một tháng, Sư đã thông thuộc hai kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh. Sư quảy tráp đến các giảng tòa, nghiên cứu tinh tường Tam Quán của Thiên Thai. Về già, Sư trụ tại chùa Siêu Quả ở Hoa Đình. Trong niên hiệu Nguyên Phong⁴³², Sư kết các thiện lữ thành tịnh xã, hồng phòng theo di phong của Đông Lâm. Sư từng mộng thấy Di Đà Tam Thánh. Sư quỳ hỏi: “Con suốt đời tụng kinh, mong sanh về Tịnh Độ, có được thỏa nguyện hay không?” Quán Âm nói: “*Tịnh Độ chẳng xa. Có nguyện liền sanh, chẳng cần ngò nữa*”. Sư lại trong đêm thanh tụng kinh, mộng thấy đức Phổ Hiền. Do vậy, phát

⁴³² Nguyên Phong là niên hiệu của Tống Thần Tông (Triệu Húc) từ năm 1078 đến năm 1085.

tâm tạo tượng Phổ Hiền Bồ Tát, thề tụng kinh Pháp Hoa một vạn bộ, hòng trang nghiêm tịnh báo. Một hôm, trong Định, Sư thấy có dị tượng, liền nằm chổng chân qua đời. Xà-duy, lưỡi chẳng hoại, xá-lợi vô số.

*** Thích Khả Cứu đời Tống**

Sư trụ tại chùa Khai Nguyên ở Tứ Minh, thường tụng kinh Pháp Hoa. Sư cùng Văn Trung Công Tô Thức thân thiết nhất. Sư thường ở Tường Phù thuộc Tây Hồ, một căn phòng tiêu điều, thanh bạch giữ phận nghèo. Đang lúc xem đèn nơi Cửu Khúc, Tô Thức rời khỏi người hầu, một mình đi vào thất của Sư, trợn chẳng có đèn đuốc, chỉ nghe mùi hoa Chiêm Bặc đọng lại. Ông ngưỡng mộ, tán thán, đề thơ, trong đó có câu: *“Bất bả lưu ly nhàn chiếu Phật, thử tri vô tận bốn phi đẳng”* (Chẳng dùng đèn soi chiếu bàn Phật, mới hay vô tận chẳng phải đèn). Năm Nguyên Hựu thứ tám (1091), Sư không bệnh, ngồi qua đời. Ba ngày sau, Sư sống lại nói: *“Thần thức của ta đã dạo nơi Tịnh Độ. Thấy tướng trạng cõi ấy giống hết sự trang nghiêm được nói trong Thập Lục Quán Kinh. Tất cả đài sen trong ao bảy báu đều ghi tên họ của người sẽ vãng sanh. Một đài tử kim để Huân Công thuộc Quảng Giáo Viện tại phủ Thành Đô đã sanh trong đó. Lại có một đài vàng, để Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu, một đề Khả Cứu. Lại có một đài bạc để Từ Đạo Cô ở Minh Châu”*. Nói xong, Sư lại qua đời. Năm năm sau, Từ đạo cô mất, mùi hương lạ đầy thất. Lại bảy năm nữa, Tôn Nhị Lang mất. Khi đó, mọi người nghe tiếng nhạc trời nghênh đón trên hư không, đều đúng như Sư đã nói.

*** Thích Kế Trung thuộc Pháp Minh Viện tại Ôn Châu đời Tống**

Sư ở Vĩnh Gia, họ Khâu. Tám tuổi được xuất gia, đến Nam Hồ nương theo ngài Quảng Trí, ngộ rành rẽ Giáo Quán hành Pháp Hoa và Kim Quang Minh tam-muội, chẳng để thiếu sót ngày nào. Sư trừ bệnh, đuổi tà quái, thần ứng khó lường! Năm Nguyên Phong thứ năm (1082), Sư nhóm họp đại chúng thuyết pháp rồi qua đời. Quang minh màu đỏ chiếu thấu hư không. Các thành viên trong tịnh nghiệp xã và toàn giáo đều mộng thấy thần nhân mặc giáp vàng bảo: *“Trung pháp sư đã sanh lên Đâu Suất”*.

*** Thích Tư Chiêu đời Tống**

Sư người Tiền Đường, họ Dương. Sư tham cứu thần ngộ, có khế hợp rồi bèn trích máu chép kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển. Sư dựng tiểu am, đặt tên là Đức Vân, chuyên tu Niệm Phật tam-muội suốt ba mươi năm. Mùa Xuân Tuyên Hòa nguyên niên (1191), một tối, Sư thấy Phật hiện thân kim sắc, liền kết ấn, ngồi qua đời. Sư tụng kinh Pháp Hoa một ngàn bộ và bảy kinh Tịnh Độ, mỗi chữ lễ một lạy, lễ Pháp Hoa như thế đã mười lần, khổ hạnh không hai.

*** Thích Trung Lập ở Minh Châu đời Tống**

Sư ở Ngân Huyện, họ Trần. Xuất gia từ bé, được ban hiệu là Trí Minh. Trong niên hiệu Hy Ninh⁴³³, Sư ở Nam Hồ, kế thừa pháp tòa của ngài Thần Trí, hằng ngày tuyên giảng Chỉ Quán. Trong niên hiệu Nguyên Hựu⁴³⁴, Sư lại trụ trì chùa Diên Khánh, tu Pháp Hoa tam-muội sám pháp suốt bảy năm. Khi hành pháp sắp viên mãn, một hôm trong khi Thiền Quán, Sư thấy một chiếc thuyền to. Đại chúng muốn lên thuyền đều chẳng được, chỉ mình Sư ngồi trong đó ra đi. Từ đấy, trí huệ biện tài của Sư như suối trào. Sư tụng Pháp Hoa hơn một vạn bộ. Sư nhường tai, cứu nạn, không gì chẳng thần nghiệm! Phù Tông ở Vĩnh Gia thưa với Sư: “Tôi từng thấy Đại Ma Lợi Chi Thiên và Vi Đà ở trong mộng cầu hộ pháp, mong có ngày nào đó, họ được đặt bài vị trong sám đường và Sư làm chủ sám”. Do vậy, chuyện lập tượng [Ma Lợi Chi Thiên và Vi Đà trong sám đường] bắt nguồn từ Sư. Trần Oánh Trung từng tán thán Sư rằng: “*Nghiêm tịnh Mộc Xoa, giữ vững tịnh lực, dùng thân làm lưỡi, nói trăm ức sự*”.

*** Thích Tịnh Phạm thuộc Vô Lượng Thọ Viện tại Cô Tô đời Tống**

Sư người Gia Hòa, họ Trúc. Đầu niên hiệu Nguyên Hựu, Sư trụ trì chùa Đại Từ ở Cô Tô, đã giảng kinh Pháp Hoa mười mấy lượt. Trong niên hiệu Đại Quán⁴³⁵, Sư kết xã gồm hai mươi bảy vị tăng tu Pháp Hoa Sám. Mỗi kỳ phương tiện, lấy hai mươi tám ngày làm hạn. Ba hội như

⁴³³ Hy Ninh là niên hiệu của Tống Thần Tông (Triệu Húc) từ năm 1068 đến năm 1077.

⁴³⁴ Nguyên Hựu là niên hiệu của Tống Triết Tông (Triệu Hú) sử dụng từ năm 1086 đến năm 1094.

⁴³⁵ Đại Quán là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1107 đến năm 1110.

thế, cảm đức Phổ Hiền trao giới Yết Ma. Tới khi Bồ Tát hô “*tịnh phạm tỳ-kheo*” thì âm thanh to lớn vang rền như thỉnh chuông lớn. Tam-muội sắp thành, có hai vị tăng làm lễ, thưa: “*Mùa Xuân năm nay, chúng con đến Thạch Kiều lễ thánh tích. Bỗng thấy không trung rưới hoa, mùi hương lạ khác thường. Một vị tăng bèn nói: ‘Phạm pháp chủ ở Cô Tô chủ trì kỳ sám hối tán hoa đến tận đây’. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Do vậy, [chúng con] tới chiêm lễ*”. Sau đó, trong hội sám, lại thấy Vi Đà Thiên tuần hành sám thất, hể xét thấy hành nhân nào có chút sai trái bèn gây chướng ngại, khiến họ phải thoái lui. Trong niên hiệu Nguyên Phù⁴³⁶, Sư từng mộng thấy mình tới cõi âm, bậc vương giả đón lên tòa, sai nha lại xét sổ bộ, nói: “*Tịnh Phạm tỳ-kheo đã trải nhiều kiếp luân giảng Pháp Hoa*”. Vua liền đứng dậy đánh lễ, sai sứ đưa Sư về. Vào cuối niên hiệu Chánh Hòa⁴³⁷, sau khi Sư thị tịch, có xá-lợi năm màu.

*** Thích Đàm Di đời Tống**

Sư người Dư Diêu, họ Đỗ. Thuở bé, Sư xuất gia tại chùa Long Tuyền, đã học tập Thiên Thai Giáo Quán. Sư bế quan, chuyên tu Tịnh nghiệp, tụng kinh Pháp Hoa đủ năm ngàn bộ, Phổ Hiền Quán Hạnh và kinh Di Đà, mỗi thứ đều một vạn quyển. Hằng ngày, Sư trì Phật hiệu chẳng dứt. Đầu niên hiệu Sùng Ninh⁴³⁸, Sư dâng hương, báo đại chúng: “*Đã tới lúc tôi sanh vào Tịnh Độ, sẽ nương đài kim cương theo Phật về Tây! Nguyện [đại chúng] nỗ lực tán tu, sẽ có thể gặp gỡ*”. Nói xong, Sư điềm nhiên qua đời.

*** Thích Tông Lợi ở núi Đạo Vị tại Cối Kê đời Tống**

Sư người Cối Kê, họ Cao. Đã thọ giới Cụ Túc, sang Cô Tô, nương cây ngài Thần Ngộ. Sư tu Pháp Hoa Sám, toan định kỳ hạn là ba năm. Bỗng thấy Phổ Hiền Bồ Tát ngự trên không lướt qua, liền đi theo Ngài đến Bích Chiêu ở Tân Thành, chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Chánh Hòa nguyên niên (1111), do trời hạn, Sư cầu mưa, cảm long vương hiện

⁴³⁶ Nguyên Phù là niên hiệu thứ ba của Tống Triết Tông sử dụng từ năm 1098 tới năm 1100.

⁴³⁷ Chánh Hòa là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1111 đến năm 1118.

⁴³⁸ Sùng Ninh là niên hiệu của Tống Huy Tông từ năm 1102 đến năm 1106.

thân kim sắc, mưa lành nhuần thấm. Cuối niên hiệu Kiến Viêm⁴³⁹, Sư ở núi Đạo Vị, buộc lòng nơi Tịnh Độ. Tới đêm thứ ba, đánh châu ở trên tượng vẽ bông tỏa sáng. Một hôm, Sư bảo đệ tử rằng: “*Phật đến rồi, ta sắp về An Dưỡng*”. Sư liền viết kệ, có câu “*Nhất tướng đạo nhân quy khứ lai, kim đài tọa đoạn càn khôn trách*” (Nhất tướng đạo nhân hãy trở về, đài vàng đã đoạn, càn khôn hẹp). Sư lặng lẽ qua đời.

*** Thích Đạo Sâm ở Ôn Châu đời Tống**

Sư người Nhạc Thanh, họ Bành. Mười tám tuổi thọ Cụ Túc Giới, tới Nam Hồ nương cây ngài Viên Chiếu. Trong Thiền Định, Sư thấy tôn giả Tứ Minh tọa Thiền trên giường, đàm luận pháp tướng sâu xa. Từ đấy, tâm địa Sư rộng rang, do vậy, hành Pháp Hoa tam-muội, cảm Phổ Hiền đại sĩ phóng quang. Trí huệ biện tài càng tăng thêm. Có người bị bệnh đã lâu, Sư vì người đó thuyết pháp, thí thực, phần nhiều được lành bệnh. Cuối niên hiệu Thiệu Hưng⁴⁴⁰, Sư bỗng nhóm chúng tụng Quán Kinh, ngày đêm chẳng dứt. Đại chúng ngửi thấy mùi hương đầy thất. Sư nói: “*Phật đến tiếp dẫn ta*”. Sư liền tắm rửa, thay quần áo, bảo đại chúng phúng tụng phẩm An Lạc Hạnh. Tụng chưa xong thì Sư đã đột ngột qua đời. Lưu khám⁴⁴¹ hơn cả tháng, sắc diện và thân thể vẫn như đang còn sống.

*** Thích Tùng Nhã đời Tống**

Sư là người Tiền Đường. Thoạt đầu, Sư theo ngài Hải Nguyệt học thông thạo Chỉ Quán, liền vào Thiên Vương Viện ở Nam Sơn, tụng kinh Pháp Hoa hơn hai vạn bộ. Sư tụng các kinh khác và lễ Phật tới một trăm vạn lay. Sư lễ kinh Pháp Hoa, cứ một chữ là một lay, hành như thế ba lượt. Tâm sư mong mỏi Tịnh Độ, suốt đời chẳng ngồi xoay lưng về phía Tây, lòng tinh thành như thế đó. Hiến Sứ⁴⁴² Dương Kiệt đã soạn An Lạc Quốc gồm ba mươi bài tán tặng Sư. Bài thứ nhất là “*Tịnh Độ trọn khắp các pháp giới, nhọc công sao chỉ riêng Tây Phương? Chỉ cần được nhập*

⁴³⁹ Kiến Viêm là niên hiệu của Tống Cao Tông từ năm 1127 đến năm 1130.

⁴⁴⁰ Thiệu Hưng là niên hiệu của Tống Cao Tông từ năm 1130 đến năm 1162.

⁴⁴¹ Lưu khám: Quan quan tài chưa chôn hay thiêu.

⁴⁴² Hiến Sứ còn gọi là Hiến Ty, tức Đề Điểm Hình ngục Công Sự tại các Lộ (nhà Tống chia nước nhiều Lộ, giống như khái niệm tỉnh sau này). Chức quan này phụ trách thẩm tra các nghi án, khảo sát, đàn hạch quan lại các cấp, tương đương chức Án Sát Sứ về sau này. Hiến Sứ còn là danh xưng để gọi các quan Ngự Sử.

vào cõi ấy, chốn chốn thấy đều là Bồ Đề”. Tại chùa Tịnh Trụ, Sư vẽ bức họa cửu phẩm tam-muội, cho khắc lên đá. Nhiều người được cảm hóa. Về sau, Sư không bệnh tật qua đời, cảm mùi hương lạ, nhạc trời. Mọi người đều nói đó là điềm chứng tỏ Tây Phương thánh chúng tới đón.

*** Thích Hàm Oánh đời Tống**

Sư bẩm thừa Thiên Thai Giáo Quán, từng dùng chữ bạc để chép kinh Pháp Hoa, hể gặp danh hiệu Phật, Bồ Tát bèn dùng chữ vàng. Cõi đời xung tụng là “*pháp môn chí bảo*”. Trong niên hiệu Kiến Viêm, giặc Kim tràn tới, chùa viện bị đốt sạch. Tìm trong đồng gạch ngói thì thấy bản kinh này chẳng bị tổn hoại chữ nào.

*** Thích Tổ Nam đời Tống**

Sư sống trên ngọn Vân Phong của Nam Nhạc, trích huyết chép kinh A Di Đà năm trăm quyển, kinh Kim Cang một trăm quyển, kinh Pháp Hoa mười bộ. Tốn hết hai mươi bảy năm, đều dùng máu để chép. Những năm cuối đời, Sư máu cạn, thân lộ xương, nhưng tiếng niệm Phật chẳng dứt. Một hôm, Sư ngồi qua đời tại Phương Trượng, giữa hai mày nhô ra xá-lợi, cứ lấy đi lại sanh ra viên khác.

*** Dụ Tư Tịnh đời Tống**

Ông là người Tiền Đường, tự đặt hiệu là Tịnh Độ Tử, đã sớm theo hầu Anh pháp sư giảng kinh Pháp Hoa. Sau đó, ông thường trì tụng, chuyên tâm niệm Phật. Hể rảnh thì vẽ tượng Phật. Hể vẽ, ắt sẽ ở trong tịnh thất, tĩnh lặng tâm tưởng, thấy quang minh của A Di Đà Phật rồi mới hạ bút. Năm Đinh Tỵ (1137) trong niên hiệu Thiệu Hưng, ông ngồi ngay ngắn bảy ngày, nhất tâm niệm Phật, lặng lẽ qua đời.

*** Trung sĩ Tả Thân đời Tống**

Ông là người huyện Lâm Hải, Thiên Thai, thọ Bồ Tát giới từ ngài Thần Chiêu, khắc tượng Tây Phương Tam Thánh, đêm ngày chú trọng kiền thành. Ông tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bốn trăm bộ, Kim Cang Bát Nhã hai vạn quyển. Mùa Thu năm Thiệu Thánh thứ hai (1095), ông cày sa-môn xướng tựa đề kinh Pháp Hoa, lại thọ thêm Bồ Tát Giới, liền thấy ba người to lớn đứng ở bờ sông, mời ông Tả Thân lên thuyền. Ông

liền thỉnh tăng tụng kinh Di Đà, rồi nói: “Ta đã thấy Phật quang”. Ông ngồi ngay ngắn qua đời.

*** Phạm Nghiễm ở Nhân Hòa đời Tống**

Ông thường ăn chay, đàm bạc đối với thế duyên, nói: “Ta từ nay là kẻ ăn nhờ ở đậu”. Hằng ngày, ông tụng kinh Pháp Hoa. Lại còn tự tay viết một bộ kinh, tột bậc trang nghiêm. Trong niên hiệu Đại Quán, ông bỗng thấy đức Phổ Hiền cười voi trắng sáu ngà, phóng kim sắc quang, bảo ông Nghiễm rằng: “*Ông từng tụng Pháp Hoa, niệm A Di Đà Phật, được sanh về Tịnh Độ, cho nên ta đến báo với ông*”. Qua một đêm, ông thấy thánh chúng xòe tay [tiếp dẫn], bèn ngồi chấp tay, qua đời.

*** Trương Khánh ở Biện Kinh đời Tống**

Trong niên hiệu Tường Phù, ông làm người coi ngục, thường giữ lòng Từ và thận trọng. Ban ngày, ông cẩn thận quét dọn. Trong tháng nóng, càng thêm siêng năng. Thức ăn, thuốc men, đồ trải nằm ắt đều tinh sạch. Ông thường khuyên răn các đồng nghiệp: “Người ta bất hạnh vướng vòng lao lý, nếu chúng ta chẳng biết thương xót thì kẻ mắc tội biết kêu van vào đâu?” Ông suốt đời trì tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi khi gặp tù trọng tội bị hành hình, ông đều trai giới, tụng kinh suốt một tháng mới thôi. Ông thường dạy tù nhân, có tội thì hãy nên chấp nhận; đừng vu cáo người lương thiện khiến cho oan nghiệt của mình càng nặng hơn. Vợ ông là Viên Thi lúc bốn mươi tám tuổi, nhiễm dịch chết ba ngày, bỗng tỉnh lại nói: “*Thoạt đầu tôi tới một chỗ bản thủ, mong đến được chỗ thanh lương. Bỗng thấy Bạch Y đại sĩ nói: ‘Bà chẳng nên tới đây, lại còn chưa có người nối dòng. Chồng bà có nhiều âm đức, con cháu sẽ hưng thịnh’*. Ngài bèn dùng tay kéo tôi ra, tôi được sống lại”. Năm sau, bà sanh con tên là Hanh, làm quan tới chức Tam Ban Tá⁴⁴³. Trương Khánh tám mươi hai tuổi, không bệnh tật mà mất. Sáu đứa cháu nội đều làm quan vinh hiển, được gọi là “*thế tộc*”.

⁴⁴³ Thời Tống, chức quan võ được chia thành ba ban là Đông, Tây, và Hoành, gọi chung là Tam Ban. Chức quan võ khởi đầu sẽ gọi là Tam Ban Tá, cao hơn là Tam Ban Phụng Chức, cao nhất là Tiết Độ Sứ. Tống Sử cho biết thời Tống Nhân Tông, lập ra chức Nội Điện Sùng Ban, Tả Hữu Thị Cầm để bảo vệ hoàng cung, đổi chức Điện Tiền Thừa Chỉ thành Tam Ban Phụng Chức.

*** Vô Vi Quân Sứ Lý Ngộ đời Tống**

Ông chuyên tụng Pháp Hoa, bỗng đi đường trong đêm tối gặp lũ quỷ khinh nhờn. Bỗng thấy một cụ già áo vải, giày rơm, lớn tiếng quát rằng: “*Người này thường tụng Pháp Hoa, không được xâm phạm!*” Quỷ tan chạy, cụ già cũng chẳng thấy đâu!

*** Hình Bộ Đô Quan⁴⁴⁴ Lục Nguyên đời Tống**

Ông hiệu là Tĩnh Am, sống tại Hoàn Khê thuộc huyện Tứ Minh. Mỗi sáng thức dậy, ông liền rửa ráy, súc miệng, vào tịnh thất, dâng hương, ngồi xếp bằng, tụng kinh Pháp Hoa, mắt chẳng nhìn ngó điều gì khác. Thoạt tiên, ông xướng kệ rằng: “*Rửa tay, buổi sáng mở kinh văn, chẳng cầu được phước hoặc tiêu tai, thế duyên đoạn hết từ đây đoạn, trong ánh kiếp hỏa múa một hồi*”. Liền mở quyển kinh ra tụng, tiếng thanh thúy như chuỗi ngọc. Hằng ngày, ông tụng một biến suốt ba mươi năm. Lúc tuổi tám mươi, ông tăng lên thành [mỗi ngày] tụng ba bộ. Từ thơ phú có thể thấy được ý ông. Trong thơ có câu “*thanh thần tam độ đáo Linh Sơn*” (ba lượt đến Linh sơn vào sáng sớm). Ông tụng được chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm bộ [kinh Pháp Hoa]. Lại duyệt Tỳ Lô Đại Tạng. Phàm Thai tông (tông Thiên Thai), Luật Bộ, Thiếu Thất Tâm Tông (Thiền Tông), không gì chẳng tham cứu rộng rãi. Ông lại tụng thánh hiệu Di Đà, nhất ý về Tây. Tháng Tư năm Thiệu Hưng thứ năm (1135), ông đã tám mươi lăm tuổi, tắm rửa, đội mũ, mặc áo qua đời, bỗng nghe từ nơi miệng và mũi tỏa ra hương hoa sen thơm ngát cả ngày mới hết.

*** Đãi Chế Triều Thuyết Chi đời Tống**

Ông có tên tự là Dĩ Đạo, từng sang Hồ Nam tham yết ngài Trí Minh, nghe nói tam thiên cảnh quán liền hoan hỷ nguyện học. Tuổi già, ông hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa không thiếu sót, tự đặt biệt hiệu là Vị Thượng Lão Pháp Hoa (ông lão tụng Pháp Hoa trên sông Vị).

⁴⁴⁴ Hình Bộ được gọi là Đô Quan Ty vào đời Tào Ngụy, trưởng quan của ty ấy được gọi là Đô Quan Lang. Về sau, mới đổi thành Hình Bộ, cho nên gọi chung là Hình Bộ Đô Quan.

*** Trương Bình đòi Tống**

Ông cai trị Ký Châu. Một tên cướp lớn đoạt tài sản của dân, lại còn dâm loạn con gái của người ta. Trương Bình phần nộ cùng cực, lập giàn, đóng đinh gã đó ở cửa [phủ nha], ba ngày sau sai người bằm vụn hân. Về sau, ông mắc bệnh sốt rét. Một hôm, đúng Ngọ, bệnh phát nguy kịch. Bỗng thấy trung sứ đến gọi Trương Bình, ông gượng bệnh đến nơi. Tới một tấm điện, nghe tiên đế Chân Tông lớn tiếng quát trong rèm: “Sao Trương Bình phi pháp giết người? Cho hân đối biện với nạn nhân”. [Quỷ sứ] dẫn ông Bình tới góc Tây Nam của điện, mở cửa ngục, tù nhân bị cùm trói muôn vẻ. Ông mới biết mình chẳng ở trong cũi người. Một tội nhân bị xiềng chặt, huyết nhục đầm đìa, khóc lóc, tố cáo: “Mày phi pháp giết tao, chi thể rải rác, vĩnh viễn chẳng được thọ sanh, làm sao bây giờ?” Ông Bình mới nhận ra đó là gã cướp, bèn quát mắng: “Mày phạm tội chỉ chết một lần. Dẫu giết mày vạn lần cũng chẳng đủ rửa nhục cho cô ta! Còn dám tố cáo ư?” Gần đó có một nha lại, chính là viên nha lại cũ đã theo ông Bình lúc ông tòng sự tại Hà Dương, nói: “Ngũ hình còn có thường điển, cũng chẳng trách hân tố cáo!” Ông Bình hỏi: “Làm thế nào đây?” Viên nha lại nói: “Chỉ khiến cho hân được thác sanh thì Ngài có thể trở về”. Ông Bình sợ hãi, hỏi cách nào khiến cho gã đó thác sanh. Viên nha lại nói: “Không gì bằng kinh Pháp Hoa, nhưng phải chí thành hứa hẹn”. Ông Bình bèn hứa khi trở về, sẽ thỉnh tặng tụng một trăm bộ. Gã tù chẳng buông, tăng tới một ngàn bộ vẫn thế. Ông Bình càng sợ, viên nha lại nói: “Chẳng cần nhiều! Chỉ cốt sao tụng lâu dài, hằng ngày thỉnh tụng một bộ, hứa thực hiện suốt đời thì sẽ có thể đưa hân đi thác sanh”. Ông Bình hứa sẽ làm đúng như vậy, quả nhiên chẳng thấy [gã cướp ấy]. Ba ngày sau, ông mới hoàn hồn, bèn mời tặng mỗi ngày tụng một bộ, tới chết chẳng bỏ. Chuyện này trích từ Tương Sơn Dã Lục.

*** Khương học sĩ ở Toại Châu đòi Tống**

Ông tuổi hai mươi bị chết đột ngột, vua cõi âm quở trách: - Người đòi trước làm lành, đòi này đáng lẽ thọ tám mươi hai tuổi, năm Đinh Sửu thi đỗ Tiến Sĩ, địa vị đạt tới công khanh. Lẽ ra, người chó nên giết trâu ăn thịt đến nỗi bị giảm thọ, tuyệt lộc. Người há chẳng nghe bài ký về chuyện Hải Châu bảy ngày đêm đông tố, trời giáng xuống cái trống đá ư? Bài ký ấy viết rằng: “*Lục súc đều do nghiệp trước, chỉ có trâu khổ sở nhất*”. Người thấy đó, kẻ bị chết ngang xương đều là kẻ ăn thịt trâu!

Nói xong, một nha lại bên cạnh bảo: “Người hãy nên gấp cầu được hoàn hồn để sửa lỗi. Nếu không, bị phán vào địa ngục, sẽ chẳng có thuở thoát ra!” Ông Khương cầu chỉ dạy. Nha lại nói: “Âm phủ kính trọng người biên chép, thọ trì Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và kinh Kim Cang, Thái Thượng Cầm Ứng Thiên nhất. Nếu người phát tâm, sẽ có thể được thoát nạn”. Ông Khương vâng theo, xin hoàn hồn hồng sửa lỗi, chép kinh, phụng dưỡng cha mẹ. Vua cỡi âm chấp thuận, ông liền được tái sanh. Từ đó, ông hiểu dưỡng song thân, giữ giới kiêng dâm và giết, chép kinh, trì chú, thường thuật chuyện ấy để khuyên người khác, cảm hóa ngày càng đông. Về sau, ông đỗ đạt, làm quan tới Học Sĩ.

*** Phan Miện Giả ở Nam Hải đời Tống**

Ông giả điên chẳng lường được, người đời gọi ông là Phan Áng; ấy là vì thông tục gọi kẻ điên là Áng (盎). Áng thường nói kệ tụng Pháp Hoa với người ở kinh đô, lui tới mỗi ngày một nhiều hơn. Một dị nhân bảo: “Ông Áng chính là Nhật Quang Phật”. Có Triệu Đường thoát đầu làm mặc quan⁴⁴⁵, bỏ việc theo ông Áng đi khắp nơi, đạt trọn hết đạo của ông. Ông Áng liền ẩn mất, ông Đường cũng ngồi qua đời. Hỏa thiêu, thu được mấy thưng xá-lợi. Văn Trung Công Tô Thức do giao du với Đường Tử Sưởng mà nhận được bốn mươi tám hạt, từng viết bài Triệu Tiên Sinh Xá Lợi Ký

*** Ông Lục đồ tể ở Thành Nam, Hồ Châu đời Tống**

Lúc ông hai mươi ba tuổi, thấy một vân thủy tăng⁴⁴⁶ tới cửa, miệng nói “giáo hóa người hữu duyên”. Ông Lục chẳng hiểu. Vị tăng nói: “Ông giết trâu dê vô số, sao không đổi nghề?” Ông Lục nói: “Tôi thừa kế nghề của tổ tiên, rất khó bỏ được!” Vị tăng nói: “Ông không đổi nghề, đời sau ắt đọa vào loài ấy, phải thọ oán báo, chẳng có thuở thoát

⁴⁴⁵ Mặc quan: Chức quan giúp việc cho các quan chức lớn từ cấp Tri Châu trở lên, thường gọi là Sư Gia, Mặc Khách, Mặc Tân, Mặc Hữu. Chức vụ này bắt nguồn từ thời Đường. Sau khi loạn An Lộc Sơn bình định, các quan chức lớn như Tiết Độ Sứ, Quan Sát Sứ, Đoàn Luyện Sứ, Phòng Ngự Sứ v.v... thiết lập hệ thống hành chánh của riêng mình, tự lựa chọn các quan văn phù tá. Các viên quan đó được gọi chung là Mặc Quan. Chẳng hạn như Tiết Độ Sứ lập ra các chức quan Hành Quân Tư Mã, Phó Sứ, Phán Quan, Chi Sứ, Trưởng Thư Ký, Thôi Quan, Tuần Quan v.v...

⁴⁴⁶ Vị tăng đi hành cước, hoặc du tăng, không có trụ xứ nhất định.

ra. Tôi thấy ông đòi trước đã có thiện căn, hãy nên gấp chuyên tâm thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa và kinh Kim Cang để tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện phước”. Nói xong, bỗng chẳng thấy Sư đâu nữa! Ông Lục bèn tỉnh ngộ, ăn chay, thề chẳng làm nghề giết chóc nữa. Ông vẽ một bức A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, kiền thành sắp đặt cúng dường, theo thầy tập luyện tụng hai kinh. Chưa tới năm năm, ông đã có thể tụng thuộc lòng. Mỗi ngày, ông đốt trước Phật dâng hương, tụng một bộ kinh Pháp Hoa, một quyển kinh Kim Cang, sám hối, nguyện độ các chúng sanh đã bị ông giết sẽ sớm được sanh về Tịnh Độ. Lúc tám mươi mốt tuổi, khi sắp tạ thế, khoảng nửa tháng trước đó, ông đã hẹn khắp với các thân hữu, vào ngày mùng Chín tháng Mười Một, sẽ đãi cơm để từ biệt. Đến hẹn, mọi người đều đến ăn cơm chay xong, ông bỗng đòi tắm rửa, thay áo, ngồi ngay ngắn, đọc kệ, qua đời. Kệ rằng: “*Sáu mươi năm lẽ lìa sát nghiệp, tay ném đao, cân, ngăm tu hành. Hôm nay tìm được lối Bồ Đề, lửa đỏ sao mà sen bỗng sanh*”.

*** Châu Thị Như Nhất đời Tống**

Bà thuở nhỏ được gả về nhà họ Tiết ở Tứ Minh. Lúc hai mươi mấy tuổi, liền tự giữ mình thanh tịnh, mặc đạo phục tại gia, ở nơi rừng vắng, thêu bảy quyển kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Mười năm mới xong, tới phẩm Hóa Thành Dụ, nơi mũi thêu nhặt được xá-lợi như hạt gạo, liên tiếp thu được mấy chục hạt. Đối với mỗi câu, mỗi chữ, bà đều xướng lễ ba lần. Tới khi bà thêu tượng Di Đà Tam Thánh, tốt bậc kỳ diệu. Bà tụng các kinh Đại Thừa xuôi thuận như nước rót từ trên cao xuống. Bà từng khắc gỗ để tạo tranh khuyến người niệm Phật. Người được bà giáo hóa cả hai mươi vạn. Năm Thiệu Hy thứ tư (1134), bà thị hiện mắc bệnh nhẹ, y sĩ kê thuốc đan sa, bà nói: “Ta chắc chắn vãng sanh, đan sa⁴⁴⁷ để làm gì?” Bà lặng lẽ nằm bên hông phải qua đời. Đàm thiên sư ở Quát Châu có soạn truyện về bà.

⁴⁴⁷ Đan sa (丹砂, Cinnabar) còn gọi là Châu Sa (朱砂), Xích Đan (赤丹), Hồng Sa (汞沙), Thần Sa (辰砂), chính là sulfur thủy ngân, có màu đỏ sậm. Chất này thường được dùng để chiết xuất thủy ngân. Người Hoa dùng nó làm thuốc trấn kinh, giải nhiệt, an thần, điều trị chứng mất ngủ, cũng như dùng trị các bệnh ngoài da, tuy đây là chất độc. Các nhà luyện kim của Đạo Giáo còn sử dụng châu sa để luyện đan, pha với các kim loại nặng như chì, và các chất độc khác với tham vọng tăng tuổi thọ, hoặc thành tiên bay lên trời. Rất nhiều vua chúa uống vào đã bị điên loạn, hay lở loét đến chết.

*** Lý Thị mẹ ông Đồng ở huyện Đức Hưng đời Tống**

Bà tụng phẩm Phổ Môn ba mươi mấy năm. Về sau, vào côi âm, thấy đức Quán Âm xòe tay dẫn dắt, quang minh như ban ngày, bảo: “Số bà đã tận, nhưng vì có thiện căn, nên ta đến giúp đỡ”. Bà bỗng sống lại.

*** Kỹ nữ Lô Mị ở Dĩnh Châu đời Tống**

Trong niên hiệu Khánh Lịch⁴⁴⁸ đời Tống, Văn Trung Công Âu Dương Tu coi Dĩnh Châu. Có quan kỹ tên là Lô Mị, dáng dấp, phong vận đoan trang, diễm lệ, trong miệng thường tỏa hương hoa sen, lan tỏa khắp cả chỗ ngồi. Có một vị tăng người đất Thục, khá biết chuyện trong đời trước của mọi người, nói: “*Nàng này kiếp trước làm ni, tụng kinh Pháp Hoa suốt ba mươi năm. Do một niệm sai lầm, bèn đến nông nỗi này!*” Ông hỏi kỹ nữ: “Người đã từng đọc kinh Pháp Hoa hay chưa?” Cô ta đáp: “Thiếp đã thất thân nơi chốn này, chẳng rảnh đâu mà đọc!” Ông sai người mang kinh tới đưa cho xem, cô ta vừa xem liền tụng ngay, như đã trồn quen tập luyện từ trước. Đổi sang kinh khác thì cô ta chẳng thể đọc được! Do vậy, ông mới tin chủng tử tu tập chẳng phải là hư vọng.

*** Đứa tới gái của bà Triệu đời Tống**

Trong niên hiệu Thiệu Hưng đời Tống, Triệu mẫu tại Phụng Hóa chuyên trì Pháp Hoa. Một đứa tới gái trộm nghe lâu ngày, bỗng nhớ bốn câu “*thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương, hoa thụ hương, quả thụ hương*”. Do vậy, cô ta cứ ngâm ngợi, phúng tụng chẳng dứt. Về sau chết đi. Nơi chỗ được an táng sanh một đóa sen xanh. Thích Bồn Không trần thuật.

*** Bà Hoàng ở Triều Sơn đời Tống**

Bà chuyên tụng Pháp Hoa và Kim Cang, chuyên tâm niệm Phật. Bỗng bà bị kiệt lý, chỉ uống nước, không ăn. Một vị tăng tu Thiền ở trong am gần đó, mộng thấy bà đến nói: “Sẽ sang Tây Phương”. Hai ngày sau, bà hướng về Tây niệm Phật, ngồi ngay ngắn qua đời. Xa gần đều thấy ráng đỏ che trên nhà bà.

⁴⁴⁸ Khánh Lịch là niên hiệu của Tống Nhân Tông từ năm 1041 đến năm 1048.

*** *Tần Thị Tịnh Kiên* đời *Tổng***

Bà nhà ở Tùng Giang, tự nhàm chán thân nữ, không cùng ở một chỗ với chồng nữa, tinh ròng trì trai giới, tụng niệm các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Quang Minh, Bát Nhã làm thường khóa, nóng lạnh chẳng gián đoạn. Sáng tối bà lễ Phật, tu Di Đà sám. Lâu ngày có quang minh chiếu vào thất, bà hướng về Tây, ngồi yên qua đời.

*** *Nghi nhân*⁴⁴⁹ *Lục Thị* đời *Tổng***

Bà là người Tiền Đường, là vợ ông Vương Dư thời đó. Bà thường tụng Pháp Hoa, ý chuyên dốc nơi Tịnh Độ. Một hội lễ sám của bà là một vạn câu niệm Phật, suốt ba mươi năm chẳng thiếu sót. Về sau, bà mắc bệnh nhẹ, bỗng nghe tiếng trống trời tự vang ra tiếng, mọi người mới kinh dị. Bà liền hướng mặt về Tây, hai tay kết ấn, qua đời.

*** *Thích Hoàng Tế* chùa *Phổ Phước* tại *Tiền Đường* đời *Nguyên***

Sư có pháp hiệu là Thiên Ngạn, người xứ Dư Diêu, họ Diêu. Sư mồ côi từ bé, nương theo chú là Mãn công xuất gia. Sư thiên tánh cao tột tuyệt luân. Được dạy kinh Pháp Hoa, chẳng mấy chốc Sư đã có thể ghi nhớ. Mười sáu tuổi, Sư được thọ giới, liền trì luật chẳng biếng nhác. Sư cảm khái, có chí hướng hoàng dương đại pháp, liền sang huyện Ngân, nương theo Toàn công ở Bán Sơn, để học Thiên Thai Chỉ Quán, chuyên tu Pháp Hoa và Tịnh Độ sám pháp. Dường như trong khi quán định, Sư thấy tôn giả ban cho như ý bằng sừng tê giác. Từ đó, Sư biện luận ngày càng khéo, bèn khai pháp ở vùng Đông Ngô Lương Chiết. Sư coi lưu thông giáo pháp là Đệ Nhất Nghĩa, giảng Pháp Hoa một trăm mười hội, nhiều lần cảm điềm lành hoa trời. Diêm quan⁴⁵⁰ thấy bờ biển sục lở,

⁴⁴⁹ Nghi nhân là phong hiệu của vợ quan. Từ niên hiệu Chánh Hòa đời Tống Huy Tông, mẹ và vợ của quan văn từ Triều Phụng đại phu cho tới Triều Nghị đại phu (tức là thuộc hàm chánh ngũ phẩm) được phong làm Nghi Nhân, cao hơn An Nhân, và thấp hơn Cung Nhân. Đời Nguyên thì vợ và mẹ của quan chức từ thất phẩm trở lên được phong là Nghi Nhân. Thời Minh - Thanh thì vợ và mẹ của quan ngũ phẩm trở lên mới được phong là Nghi Nhân.

⁴⁵⁰ Diêm Quan là chức quan chuyên kiểm soát việc sản xuất và kinh doanh muối. Trách nhiệm chủ yếu là bảo đảm không có chuyện buôn muối lậu vì Trung Hoa đất

thỉnh Sư mở đại hội Thủy Lục. Sư ngâm vận tâm quán tướng, cầm cát biển chú nguyện, quăng khắp các chỗ. Vết chân Sư đi tới đâu, bờ biển chẳng sụt lở nữa. Năm Chí Chánh thứ bảy (1347), Sư triệu tập đại chúng, dặn dò “*duy tâm Tịnh Độ*” rồi ngồi ngay ngắn, viết kệ, qua đời.

*** *Trần Quân Chương đời Nguyên***

Ông là người Hoàng Nham, đoan nghiêm, thận trọng, ít nói. Lúc bốn mươi tuổi, ông lấy bà Diệp, tụng niệm Pháp Hoa, niệm Phật kính cẩn. Lúc sáu mươi tuổi, bệnh nguy ngập. Một tối, ông bảo con trai là Cảnh Tinh đỡ ngồi lên, bảo rằng: “Ta trở về”. Hỏi: “Về nơi nào?” Đáp: “Chẳng có chỗ đến”. Lại nói: “Ta chết rồi hãy nên xà-duy (hỏa thiêu) theo cách của tăng lữ”. Nói xong, chấp tay xưng Nam-mô A Di Đà Phật mà qua đời.

*** *Thích Thiện Kế chùa Năng Nhân tại Thiên Thai đời Minh***

Sư hiệu Hải Huệ, người xứ Chư Kỵ. Sư vừa mới biết nói, nghe mẹ niệm Phật hiệu, liền chấp tay cất giọng hòa theo. Mười tuổi, Sư xuống tóc tại chùa Linh Bí ở Sơn Âm, theo ngài Đại Sơn Khôi tu tập Thiên Thai Giáo Quán. Về sau, Sư đắc pháp nơi ngài Tràm Đường Trùng. Sư ba lần trụ trì danh lam, hoằng xiển Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Văn Cú, sáng giảng, tối giải, ngũ chương, tứ thích⁴⁵¹, nghĩa lý uyên áo rạng ngời. Trong khi giảng giải, Sư từng cảm mộng tôn giả Tứ Minh. Lúc tuổi già, Sư ẩn cư nơi Hoa Kính, nghiêm túc tu Tịnh nghiệp. Bình sanh Sư giảng Pháp Hoa, Kim Quang Minh, chủ tu là Pháp Hoa và Tịnh Độ Sám, cảm ứng linh dị chẳng phải chỉ là một chuyện.

rộng, các tỉnh nội địa phải mua muối từ vùng biển với giá cao, do đó, kinh doanh muối là một nguồn lợi rất lớn để đánh thuế của triều đình.

⁴⁵¹ Tức là dùng ngũ trùng huyền nghĩa để giảng một bộ kinh, gồm: Thích danh (giải thích tên kinh), biện thể, minh tông (biện định tông thú, tức kinh này chủ yếu dạy về giáo pháp nào, đó là Tông. Do vâng theo cái tông ấy để tu hành sẽ đạt được cái quả gì. Đó là Thú), luận dụng (luận định tác dụng) và phán giáo (phán định thuộc giáo tướng nào trong Tạng, Thông, Biệt, Viên, thuộc Bồ Tát tạng hay Thanh Văn tạng). Tứ thích là cách giải thích kinh văn dựa theo bốn phương diện như ngài Ngẫu Ích đã sử dụng trong Pháp Hoa Thai Tông Hội Nghĩa trước đó: Nhân duyên, ước giáo (dựa theo từng giáo trong bốn giáo đề luận định ý nghĩa của từng đoạn kinh văn), Bản Tích và quán tâm.

*** Liên Trì đại sư chùa Vân Thê núi Ngũ Vân đời Minh**

Sư húy Châu Hoằng, người đất Cổ Hàng, họ Trầm. Tuổi hai mươi, Sư gởi lòng nơi Phật thừa. Năm Bính Dần (1566) thời Gia Tĩnh, Sư nương theo ngài Vô Môn Tánh Thiên để xuống tóc; không lâu sau, thọ Cụ Túc Giới. Một bầu, dép lể⁴⁵², tham học trọn khắp các phương. Sư đến Ngũ Đài ở phương Bắc, cảm Văn Thù Bồ Tát phóng quang. Năm Tân Mùi (1571) trong niên hiệu Long Khánh, Sư thấy núi Vân Thê sơn thủy u tịch, bèn kết lều tranh để suốt đời sống tại đó. Vùng Hoàn Sơn có nhiều hổ gây tai họa. Sư vì chúng nó phúng kinh, thí thực, tai họa do hổ bèn yên. Gặp năm hạn hán, Sư đi dọc theo ruộng niệm Phật, chân Sư bước tới đâu, mưa đúng thời nhuần thấm [tới đó]. Từ đấy, hóa đạo đại thịnh.

Sư ở riêng một mình, một môn Tịnh Độ dung hội Tam Tạng, chỉ quy lễ duy tâm. Tăng tục bốn phương đánh lễ dưới đài sen, mỗi ngày tính ra cả ngàn người. Các bậc hiền hào nổi gót tới cửa hỏi đạo, đều được điểm hóa, tham cứu đại sự, không ai chẳng chế ngự được cái tâm. Sư lại ôm lòng bi mẫn tội bậc, soạn bài Giới Sát Phóng Sanh Văn (văn kiêng giết, phóng sanh) để khuyên đời. Trong ngoài thành, chỗ có núi, Sư đều lập ao phóng sanh, quanh năm cứu vớt các sanh mạng thuộc loài có lông, có vảy chẳng kể xiết.

Trong niên hiệu Vạn Lịch⁴⁵³, Từ Thánh thái hậu sai nội thị đem áo ca-sa tía, cúng dường trai tăng, thưa hỏi pháp yếu. Người trong nước

⁴⁵² Ý nói hành cước tham học, dựa theo điển cổ: Tổ Đạt Ma sau khi mất được chôn tại núi Hùng Nhĩ. Sứ giả đi Tây Vực trở về tâu với vua gặp Tổ bên Tây Vực, trên vai quấy một chiếc dép. Vua cho người khai quật mộ thì thấy trong mộ chỉ còn lại một chiếc dép.

⁴⁵³ Vạn Lịch là niên hiệu của Minh Thần Tông (Châu Dực Quân) từ năm 1573 đến năm 1620. Từ Thánh Thái Hậu chính là Hiếu Định Thái Hậu (1545-1614), mẹ của vua Minh Thần Tông. Bà họ Lý, không biết tên, chỉ biết quê bà ở Thành Huyện, phủ Tây Dực, tỉnh Sơn Tây, được phong làm hoàng quý phi của Minh Mục Tông (Châu Tái Kỵ). Bà được đưa vào làm cung nhân cho Dụ Vương Châu Tái Kỵ lúc 15 tuổi. Do bà xinh đẹp, thông minh, hiền thực, Châu Tái Kỵ ưa thích bèn nạp bà làm thiếp thất. Khi Châu Tái Kỵ lên ngôi, trở thành Minh Mục Tông, bà được phong làm Hoàng Quý Phi. Tuy bà sanh nhiều con nhất, được vua hết sức sủng ái, nhưng đối với Trần Hoàng Hậu không con, lại bị thất sủng, bà vẫn giữ trọn lễ nghĩa, cung kính, không kiêu căng. Khi Minh Mục Tông tạ thế, con trai của bà lên ngôi tức Minh Thần Tông, bà được phong là Từ Thánh Hoàng Thái Hậu. Khi Minh Thần Tông còn nhỏ,

nghe danh Sư, đều xưng ngài là Vân Thê Cổ Phật. Sư ngâm tu Tứ An Lạc Hạnh, gánh vác chánh pháp, mật hạnh khó thấy. Sư dùng Niệm Phật tam-muội để nhiếp trọn ba căn, trở thành người kế thừa tổ Vĩnh Minh. Thiền sư Hám Sơn soạn bài minh đề ở tháp của đại sư rằng: “*Nếu chẳng phải là phó chúc, chắc chắn từ đất vọt lên*”, vì biết Sư là người kín nhiệm vậy. Sư từng soạn bài tán bức tranh thêu kinh Pháp Hoa rằng: “*Trong bốn mươi chín năm, khai thị Phật tri kiến. Đạt được đầu mối ấy, hiện trong hết thấy trần, người ta dùng bút mực, người dùng kim và chỉ, mỗi cánh hoa sen sanh, từng chữ quang minh khắp. Tâm tướng vốn vô hình, tức cảnh có thể chuyển. Ta dùng bút làm lưỡi, để đề cao chuyện này, cùng kết duyên Bồ Đề, mãi chuyển Không Vương điện*”. Sư lại còn từng soạn kệ sớ cho kinh Pháp Hoa, được chép trong Vân Thê Pháp Vựng.

*** Thích Đức Thanh đời Minh**

Sư là người đất Toàn Tiêu, họ Thái. Chín tuổi, Sư đã có thể tụng phẩm Phổ Môn. Mười hai tuổi, được thầy dạy Pháp Hoa, học ba tháng Sư đã đọc tụng thông suốt. Hai mươi tuổi tu Thiền, quyết chí tham cứu. Sư lên kinh đô, yết kiến An pháp sư, nghe giảng Pháp Hoa, Duy Thức. Sư đã tới Thanh Lương, tới Hám Sơn ở Bắc Đài, thích vẻ đẹp lạ lùng của núi ấy, nên lấy hiệu là Hám Sơn. Sư trở về Nam đến Thiệu Lâm, chiêm lễ tượng Sơ Tổ (Bồ Đề Đạt Ma). Trên đường Đông A, Sư rỗng rang liễu

bà dạy con rất nghiêm khắc, hễ vua phạm lỗi bèn bị phạt quỳ. Ngay cả khi ông ta đã là vua, bà không khoan nhượng trước sai lầm của vua. Khi Minh Thần Tông say rượu hăm hiếp Vương Thị là cung nhân hầu Thái Hậu, bị Thái Hậu cật vấn, vua chối phắt, tới khi Thái Hậu đem sổ sách ghi chuyện lâm hạnh của vua ra cho vua đọc, ông ta mới miễn cưỡng thừa nhận. Thái Hậu bắt vua phải phong cho Vương Thị làm phi tần. Từ đó, vua mang dạ oán mẹ. Thái Hậu sùng Phật, thường bố thí xây dựng chùa, vua lại mê Đạo Giáo, mâu thuẫn giữa hai mẹ con càng sâu. Khi Vương Thị sanh con là Châu Thường Lạc, vua gọi Thường Lạc là Đô Nhân Tử (con của cung nữ), mà Thái Hậu lại xuất thân là cung nữ, cho nên bà càng bức tức. Điều đó dẫn đến chuyện các thiền sư được Thái Hậu coi trọng cũng bị vạ lây như ngài Hám Sơn Đức Thanh chẳng hạn; do Thái Hậu tặng vàng cho Sư chép kinh, vua đã ghét ngài Đức Thanh sẵn, nhất là khi vua sủng ái Trịnh Quý Phi, còn Thái Hậu thích Vương Thị, cậy ngài Đức Thanh chủ trì lễ cầu tự cho Vương Thị sanh con trai. Tới khi vua ban Đại Tạng cho các chùa trong nước, Thái Hậu đã đặc biệt dành riêng một bộ cho ngôi chùa Hải Ấn nơi Sư trụ trì. Tới khi Sư trùng tu chùa, vua bèn sai người vu cáo Sư tự tiện tu bổ chùa không xin phép, lén dùng công quỹ để phạt Sư đi đày.

ngộ, bèn có kệ rằng: “*Từ sanh đêm ngày, nước chảy hoa rụng, ngày nay mới biết, lỗ mũi hướng xuống*”. Sư bèn đến Bắc Đài, ở lại chỗ sâu thẳm, hiểm trở nhất tại Long Môn, [ở trong căn] nhà cũ chỉ còn mấy cây cột. Khi đó, Sư thấy băng tuyết trên vạn quả núi, thân tâm tiêu sái. Nước khe chảy cuộn cuộn [phát ra tiếng] như sấm. Sư nhất niệm chẳng sanh, muôn tiếng vang dường như im bật. Sư phát nguyện trích máu hòa bột vàng, chép một bộ kinh Hoa Nghiêm hồng kết duyên Bát Nhã, kiêm báo ơn cha mẹ. Khi đó, Sư nhiều lần cảm dị mộng, thấy đức Từ Thị trong lầu gác rộng lớn, nói pháp vi diệu. Lại mộng thấy vào hang Kim Cang, thấy Thanh Lương đại sư ngồi tựa giường báu lớn, khai thị quán cảnh viên dung. Từ đấy, tức chương tan rã.

Năm Ất Mùi (1595) triều Vạn Lịch, do chuyện tặng đại tạng kinh gây liên lụy, Sư bị đày tới Lôi Châu. Đến Kim Lăng, Sư gặp thiền sư Đạt Quán. Lúc đến đường rẽ, ngài Đạt Quán cầm tay nói: “Tôi nghe chuyện thầy mắc nạn, sẽ đối trước Phật, tụng một trăm bộ Pháp Hoa để sám hối tội khiên từ trước, đó là tấm lòng của tôi mà là lưỡi của thầy”. Sư vâng dạ. Về sau, đến lãnh ngoại⁴⁵⁴, Sư dựng Thiền thất nơi lũy đá, nhóm đại chúng tụng niệm công khóa để đáp đền nguyện trước. Sư bèn giảng kinh Pháp Hoa một lượt. Tới phẩm Kiến Bảo Tháp, Sư cảm ngộ ý Phật. Năm Mậu Ngọ (1618), Sư định cư tại chùa Pháp Vân thuộc ngọn Ngũ Nhũ ở Lư Sơn, phỏng theo sáu thời [tụng niệm] của tổ Huệ Viễn, khắc hương thay cho đồng hồ, chuyên tâm tu Tịnh nghiệp. Sư từng dùng khai thị ngộ nhập để phán thích toàn thể bản kinh, viết thành Pháp Hoa Thông Nghĩa gồm bảy quyển.

*** Thích Hồng Ân chùa Đại Báo Ân ở Kim Lăng đời Minh**

Sư họ Hoàng, người Kim Lăng. Mười ba tuổi, Sư nghe giảng Pháp Hoa. Tới đoạn “*tam giới vô an, do như hỏa trạch*” (ba cõi chẳng yên, ví như nhà lửa), Sư rống rang khai ngộ, xin cha cho xuất gia. Sư với ngài Hám Sơn Đức Thanh cùng theo thầy là hòa thượng Vô Cực. Sư đến Thiếu Lâm ở Tung Sơn, tới Phục Ngưu an cư kết đông rồi quay về. Sư lại sang Ngũ Đài, [có chí hướng] cao cả lấy pháp làm trách nhiệm của

⁴⁵⁴ Lãnh ngoại còn gọi là Lãnh Nam, tức là vùng đất ở phía Nam rặng Ngũ Lĩnh, tức vùng đất bao gồm các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam hiện thời. Rặng Ngũ Lĩnh bằng đá hoa cương chạy từ Đông sang Tây dài 600 km, gồm năm rặng núi nhỏ (Việt Thành Lĩnh, Đô Bàng Lĩnh, Manh Chữ Lĩnh, Kỳ Điền Lĩnh, và Đại Dữu Lĩnh), là ranh giới tự nhiên phân cách vùng Lưỡng Quảng với Giang Nam.

mình. Trong niên hiệu Vạn Lịch, Sư ngồi trên nghê tòa⁴⁵⁵, giảng diễn Pháp Hoa. Hằng ngày xoay quanh muôn vạn ý chỉ để riêng nêu ra [chỗ thù thắng, độc đáo] của kinh Pháp Hoa, tham cứu thẳng vào ý Phật. Một trận mưa nhuần thấm, hai loại cây, ba loại cỏ thấy đều được thấm nhuần, người nghe than là chưa từng có. Sư thuyết pháp gần ba mươi năm. Mỗi lần chẳng giảng bèn tu Thiền Quán. Sư từng kết lều tranh trong núi Trường Hưng để tu tập tĩnh lự. Sư nhập Định hai ngày, cỏ cây, nhà cửa đều chấn động. Hám Sơn trần thuật khí khái cứng cỏi của Sư đúng là bậc hưng pháp truyền đạo.

*** Thích Chân Giác ở Phật Lũng Nham núi Thiên Thai đời Minh**

Sư có pháp tự là Bách Tùng, người Côn Sơn, họ Vương, phạm tướng lạ lùng, vốn sẵn có linh tri. Về sau, do tìm tòi trong kinh Phật, Sư biết cõi đời vô thường, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Sư đến Ngô Hưng tham yết pháp sư Nguyệt Đình, dự vào giảng tòa kinh Pháp Hoa. Nghe tới phẩm Phương Tiện liền khai ngộ. Năm Giáp Tý (1564) đời Gia Tĩnh, núi Thiên Thai thỉnh Sư giảng Pháp Hoa. Ý Sư không muốn tới, mộng thấy thần nhân mặc áo đỏ bảo rằng: “Duyên của Sư đã tới, ta sẽ hộ trì Sư đến”. Dân chúng ở Thiên Thai thoát đầu theo tà giáo, Sư vận dụng mạnh mẽ biện tài xảo diệu, quét sạch hết [các tà kiến]. Họ đều biết niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kể từ đó, suốt hai mươi sáu năm, không năm nào chẳng có giảng tòa, xa gần đều nghe tiếng. Người học tôn Sư là pháp sư Diệu Phong. Sư giảng kinh Pháp Hoa và Diệu Tông Sao, hoằng dương rộng lớn Giáo Quán, khiến cho người đương thời biết tông chỉ tánh lẫn tướng đều do sự đức hóa của Sư. Lâm chung, Sư viết Tam Tự Tinh rồi qua đời. Sư từng tu Tùy Tự Ý tam-muội, mỗi khi gặp bệnh cảnh, Chỉ Quán càng gắng công, Sư có trước tác bộ Tịnh Độ Mộng Đàm Ký.

*** Thích Chân Thanh đời Minh**

⁴⁵⁵ Nghê tòa (猊座) chính là tòa sư tử. Sư tử còn được gọi là Toan Nghê (狻猊) trong các thư tịch cổ. Về sau, Toan Nghê lại biến thành một trong chín con của rồng, và người ta cho rằng Toan Nghê thích ngửi khói hương, cho nên các lư, đỉnh thường tạc hình tượng con nghê (tức toan nghê) ngồi trên nắp. Đặc điểm của Toan Nghê khi tạo hình là bờm thành hình xoắn ốc, không có vảy, thân hình nhất là trên chỗ tiếp giáp giữa chân và mình thường có xoắn ốc. Trong khi đó, kỳ lân phải có sừng và vảy.

Sư hiệu là Tượng Tiên, người xứ Tương Đàm, họ La. Thuở trẻ, Sư vào Nam Nhạc, theo hòa thượng Bảo Lâm xuống tóc rồi thọ Cụ Túc Giới. Hằng ngày, Sư trì kinh Pháp Hoa, kiêm tu khổ hạnh. Lúc hai mươi lăm tuổi, Sư ngồi thuyền vượt biển lễ Phổ Đà. Trong thuyền, Sư bỗng có điều tỉnh ngộ. Do đến thăm di tích Diêm Quan, Sư trụ tích tại chùa Giác Hoàng. Bỗng Sư mắc bệnh, chợt thấy Quan Thánh (Quan Công) trao cho linh dược, bảo: “Sư là bậc chí nhân, xin hãy mở rộng quy củ huyền diệu, hòng cảnh tỉnh thói tục trong đời mạt”. Bệnh liền lành. Sau đó, Sư đi về phương Nam, đến chơi Thiên Thai, chuyên rỗng tu Chỉ Quán. Năm năm sau, lại vào ngọn núi phía Nam của Hoa Đảnh, bảo: “*Đời Tống, Vĩnh Minh đại sư từng Thiền Định chín mươi ngày ở đây*”. Sư ngưỡng mộ phong cách ấy, bèn kết am tranh trên nền cũ, kết xã tu Đại Tiểu Di Đà Sát Pháp mỗi loại suốt ba năm, rộng tán dương tông Thiên Thai và chuyên rỗng phô diễn ngũ hồi.

Một tối, Sư mộng thấy một tòa cung điện tráng lệ, Di Đà Tam Thánh ngồi theo từng hàng. Do vậy, Sư lễ bái trọn khắp, thấy sa-di trao cho một tấm thẻ trên đề bốn chữ “*giới hương huân tu*”. Năm Đinh Hợi (1587) thời Vạn Lịch, Từ Thánh thái hậu đặc biệt ban tặng Sư bốn bộ áo hậu tử kim, giáng chỉ khen ngợi, tôn sùng. Quan Trùng Tể là Ngũ Đài Lục Quang Tổ⁴⁵⁶ mời Sư chủ trì pháp tịch Hư Phù Dung. Sư từ chối, chẳng nhận. Về sau, Sư dời sang chùa Từ Vân núi Đông Dịch là chỗ tôn giả Tuân Thức đắc đạo. Suối róc rách trong khe, bóng tùng lô nhô, Sư lặng lẽ Thiền Định tại đó. Về sau, Sư nhận lời thỉnh của quan Tông Bá là Lục Thụ Thanh tại Vân Gian thỉnh cầu, xiển dương sự mầu nhiệm của kinh Pháp Hoa tại Bồn Nhất Thiền Viện. Tháng Giêng năm Quý Tỵ (1593), Sư ngồi qua đời. Đã năm ngày mà mặt vẫn như còn sống. Trà-tỳ có mùi hương lạ, xa gần có mấy vạn người tới dự.

*** Thích Tánh Chuyên ở Thạch Thành thuộc Thiên Thai đời Minh**

Sư người Côn Sơn, họ Trương, hiệu là Thủ Am. Thuở nhỏ, Sư đã xuống tóc, tham học thiện tri thức các nơi. Sư yết kiến ngài Diệu Phong, thọ giới, dự nghe giảng tòa Pháp Hoa của Ngài. Về sau, Sư từ biệt ngài

⁴⁵⁶ Ông Lục Quang Tổ (1521-1597) tự là Dữ Thằng, biệt hiệu là Ngũ Đài cư sĩ. Ông làm quan đến chức Lại Bộ Thượng Thư, chức vụ này tương ứng với chức Thiền Quan Trùng Tể thời cổ, nên người đời vẫn quen gọi Lại Bộ Thượng Thư là Trùng Tể, tuy Lại Bộ Thượng Thư không phải là người đứng đầu các quan như Trùng Tể trong quy chế thời cổ.

Diệu Phong, qua Phong Đảnh, hành hạnh Đầu Đà. Trong mười hai thời, Sư chỉ tụng Pháp Hoa, hành Thiền Định sâu. Sư từng ở trong Định, thấy ao báu ở Tây Phương biến thành màu lưu ly, dài rộng không ngần mé. Sư đem chuyện ấy thưa với ngài Diệu Phong. Ngài Diệu Phong nói: *“Đó là tướng trạng Quán Hạnh mới kiến lập, đừng sanh lòng chấp trước thì sẽ là thiện cảnh giới. Nếu chấp lấy, hoặc nói ra, sẽ vướng vào các thứ tà”*. Do vậy, Sư giữ sâu kín, chẳng nói ra. Thạch Thành có tượng Di Lặc cao trăm thước. Thời cổ nói [tượng ấy] là tượng Tam Sanh Phật, do ba vị Tăng Hộ, Tăng Thục, Tăng Hựu qua ba đời tạo tác mới hoàn tất. Trong thời Gia Tĩnh, do chiến tranh, vàng thếp trên tượng bị lột mất. Sư thếp mới lại. Sư lại dựng điện bằng đá tương xứng với tượng, cảm Phật phóng quang, ban đêm mà sáng như ban ngày.

Mùa Thu năm Giáp Thìn, thiền sư được mời truyền đăng, giảng Tiểu Bản Di Đà Kinh. Có người thỉnh Sư đổi sang giảng kinh Di Lặc Thượng Sanh Hạ Sanh, Sư nói: *“Chẳng phải vậy! Tôi nghe Di Đà và Di Lặc, một thân một trí huệ, lực, vô úy cũng thế. Tôi vốn mong hải chúng cùng ngộ bốn tánh Di Đà chính là bốn tánh Di Lặc. Trước hết, hãy đến liên hoa Tịnh Độ rồi mới dự Long Hoa Thắng Hội”*. Giữa Đông năm Bính Ngọ, Sư tắm rửa, thay áo, bảo đại chúng thỉnh chuông, tụng kinh. Sư ngồi xếp bằng, niệm Phật mà hóa. Máy hôm trước đó, trong Đại Phật Nê Hoàn Điệp⁴⁵⁷, sanh một gốc Linh Chi, to bằng nắm tay, màu trắng xen hồng, mềm mại, sạch sẽ, đáng yêu. Người trông thấy đều nói là điều ứng nghiệm Sư sẽ vãng sanh Tịnh Độ.

*** Thích Truyền Đăng đời Minh**

Sư họ Điệp, người đất Cô Miệt, từ bé đã theo xuống tóc với Hiền Ảnh Am thiền sư. Sau đó, Sư yết kiến pháp sư Bách Tùng, nghe giảng Pháp Hoa, chợt có sự thần hội. Kế đó, Sư nghe giảng Lăng Nghiêm. Nửa đêm, Sư vào thất hỏi yếu chỉ của Lăng Nghiêm đại định. Ngài Bách Tùng trừng mắt, ngó Sư lom lom, Sư liền khế nhập. Ngài Bách Tùng phó thác áo ca-sa kim vân tử lữ. Sư suốt đời tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Bi, Kim Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm v.v... chẳng bỏ sót ngày

⁴⁵⁷ Điệp là cái váy xếp nhiều lớp. Ở đây, Nê Hoàn Điệp chính là Nê Hoàn Tăng (Nivasana, còn phiên âm là Nê Phước Ta Na, hoặc Nê Phật Tấn Na), hay còn gọi là Nội Y, Hạ Y, chính là cái xà rộng để che phần dưới thân thể của chư tăng. Trong đoạn này, ông Châu Khắc Phục có ý nói nơi chiếc xà rộng (hay chiếc xiêm) của tượng nơi chính điện tự nhiên trở nên Linh Chi.

nào. Từ đó, thanh danh giảng pháp của Sư truyền xa. Tư Thành Phùng Mộng Trinh, Thái Tử Lục Quang Tổ quyền tiền mua đất trên núi biếu tặng. Do vậy, Sư ở chùa Cao Minh thuộc U Khê. Trước đó, có nông dân ở vùng núi là Diệp Kỳ chôn cha mẹ ở sau núi, bỗng mộng thấy Huyền Bát Chân Quân nói rằng: “*Đây là cuộc đất thánh đạo tràng, ngày sau sẽ có bậc nhục thân Bồ Tát thực hiện Phật sự to lớn. Người hãy mau chôn cất cải táng để khỏi mắc họa*”. Diệp Kỳ chẳng tin, bỗng cả nhà đều ngã bệnh. Họ Diệp sợ hãi bèn dời mộ. Ngày hôm sau Sư tới, bèn lập tổ đình Thiên Thai ở nơi ấy. Người học ủa tới. Sư ngự trên cỗ xe to rộng, ban cam lộ biện tài. Sư từng soạn [Tịnh Độ Sanh] Vô Sanh Luận nhằm giảng rõ ý nghĩa vắng sanh Tịnh Độ. Năm Giáp Thìn, Sư nhận lời thỉnh của thiền sư Thủ Am, đối trước Tân Xương Đại Phật, thăng tòa giảng nghĩa. Toàn thể đại chúng khi đó nghe trong hang đá tấu nhạc trời, tiếng tơ trúc réo rắt, chẳng phải là âm nhạc trong thế gian. Giảng xong, nhạc bèn im bật. Mỗi năm, tu bốn thứ tam-muội, Sư đích thân suất lãnh đại chúng, tinh tấn dũng mãnh tụng chú Lăng Nghiêm, kinh Duy Ma v.v... Hễ ai chẳng phải là Nho sĩ ắt đều mặc áo chàm, cầm quỹ thần hộ vệ bên cạnh. Trước sau, Sư nhận lời thỉnh giảng hơn bảy mươi kỳ. Lúc bảy mươi lăm tuổi, Sư biết trước thời giờ, chính tay viết năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, lại cao giọng xướng tụng đề kinh đôi lượt, thản nhiên qua đời. Sư có hiệu là Vô Tận. Người đồng thời là thiền sư Hoàng Bá Thâm Hữu, hiệu là Vô Niệm, thiền sư Bác Sơn Đại Nghi, hiệu là Vô Di, đều là các bậc y vương trong cõi trược, là tròng mắt của trời người. Người thuở đó gọi các Ngài là Tam Vô.

*** Thích Truyền Ký ở Tây Khê thuộc Vũ Lâm đời Minh**

Sư là người Ngân Thủy, cõi đời gọi là Hòa Thượng Pháp Hoa, là cao đồ của ngài Diệu Phong. Sư tánh chuộng ở một mình, ẩn tích tại Tây Khê. Ẩn thân Long Thọ suốt ba mươi mấy năm. Sư hằng ngày lấy tụng Pháp Hoa làm nghiệp, đã tụng hơn chín ngàn bảy trăm bộ. Năm Bính Tuất (1586) thời Vạn Lịch, ngu ty⁴⁵⁸ Huân Thuần Hy cử hành [pháp hội] Pháp Hoa tam-muội sám. Sư dốc sức quên mệt, tận lực tu trường kỳ ba lượt, trải qua chín đợt nóng lạnh, thường đạt được điềm lành ứng hiện,

⁴⁵⁸ Ngu ty tức là ngu bộ ty, là một trong bốn ty trực thuộc bộ Công, có trách nhiệm quản trị núi rừng, sông hồ, cây cỏ, các vườn tược của chánh quyền, điều hành các hoạt động sản xuất, cung ứng, cấm người dân tùy tiện khai thác hoặc phá hoại môi sinh.

nhưng Sư im lặng chẳng nói. Về sau, Sư ngưng lễ tụng, ở trên đường Tây Khê, gánh nước, vác củi, hành các Phật sự. Nếu có ai nói: “Hòa thượng còn làm chuyện công đức hữu vi đó chăng?” Sư lớn tiếng đáp: “Vô vi há ở ngoài hữu vi hay sao?” Tháng Bảy năm Quý Sửu, Sư già từ các đệ tử, niệm Phật ba ngàn câu, xướng tụng đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa bốn lượt, mặt hướng về Tây, chấp tay qua đời. Tới sáng hôm sau, đánh đầu vẫn còn ấm. Mùi hương lạ lâu sau mới tan.

*** Thích Quảng Mạc chùa Vân Thê đời Minh**

Sư có pháp tự là Nhân An. Thoạt đầu, Sư đến Thiên Tùng Môn, cầm kinh cật vấn, [nhưng rồi qua vấn đáp, trở nên hết sức] ngưỡng phục Mật Tạng Khai công. Sau đó, Sư kết giới tại Đại Vân, tập hạnh Thiền Na. Do Khai công khuyến bảo, Sư mới lại học Giáo. Do vậy, Sư đến khắp các giảng tòa. Năm Ất Dậu (1585) thời Vạn Lịch, pháp sư Bách Tùng giảng Pháp Hoa ở chùa Phước Điền tại Hồ Lâm. Năm Bính Tuất (1586), [pháp sư Bách Tùng] lại ở Linh Phong Sơn Tự, giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Sư đều quảy tráp đến nghe, khế hợp rỗng rang ý chỉ “*hội tam quy nhất*”. Năm Đinh Hợi (1587), Thiên Tùng lão nhân giảng Thủ Lăng Nghiêm tại Lý Đông Thiền. Sư lại rong ruổi đến nghe. Đương thời, trong số những người có thể đối đáp, lão nhân tính Sư là một người trong số đó. Từ đây, nghĩa biện của Sư ngày một tăng, đối với các kinh văn khác nhau trong Tam Tạng, các học thuyết khác nhau của bách gia, hễ mở sách ra, Sư biết ngay chỗ quy túc. Sư bùi ngùi bảo: “*Văn tự Bát Nhã đều lưu xuất từ hạnh Thiền Na. Xét theo căn khí của tôi, chẳng thể thẳng thừng cắt đứt tình căn, bị hai món chương ấy gây khó. Dùng Pháp Hoa làm cầu bến để vượt biển sanh tử, làm thang, cầu để lên bờ Niết Bàn*”. Năm Nhâm Thìn (1592), Sư lễ ngài Vân Thê, nghe pháp môn Tịnh Độ, tam tâm viên phát, thề giữ lấy hoa đài. Sư viết kệ có câu “*chịu ân đều là pháp, đặt chân chột như về*”. Sư làm chín bài thơ Hoài Tịnh Độ đều cổ kính, điềm đạm, sâu xa, khúc chiết, thẳng thừng khế hợp bi nguyện của Tây Phương Phật. Sư có chí nguyện hoàng dương đại pháp, từng biên soạn một quyển Pháp Hoa Cảm Ứng lưu hành trong cõi đời.

*** Thích Quảng Thừa đời Minh**

Sư có pháp tự là Thiệu Giác. Tuổi hai mươi, Sư thọ nghiệp nơi ngài Đại Giác, tham cứu sâu xa các tông Thiên Thai và Hiền Thủ. Cơ

biện⁴⁵⁹ như gió, người nghe đều kính phục. Về sau, Sư nương theo ngài Thúy Phong thọ giới, cạo tóc. Vân Thê đại sư thấy Tịnh Độ Văn do Sư biên soạn, gọi Sư là “*nghe hỏ*”. Sư siêng tu sám pháp, chứng nhập Pháp Hoa tam-muội. Từ đấy, duyệt các kinh điển, nghi vấn tan vỡ, rạng ngời. Sư vì đại chúng giảng giải nhiều năm chẳng lười nhác. Về sau, Sư không bệnh tật mà qua đời. Hoàng Hải Ngạn Đoan Bá soạn bài minh đề tháp.

*** Thích Tăng Phục ở Giang Âm đời Minh**

Sư đạo đức cao trọng. Cuối đời Vạn Lịch, Sư thường chép kinh Pháp Hoa, nhiều năm mới xong. Viết xong, Sư ném bút trong ao. Khi đó, đang nhằm lúc rét buốt giữa tháng Chạp, bỗng có một đóa hoa sen từ trong băng mọc ra, vươn cao thẳng tắp. Sư bèn đặt tự hiệu là Băng Liên Đạo Nhân. Hiếu Liêm⁴⁶⁰ Hạ Thụ Phương phụng sự Sư, tận mắt thấy chuyển lạ ấy.

*** Thích Tánh Thiên đời Minh**

Sư hiệu là Lãng Nhiên, người đất Ngô Tùng, xuất gia tại Phổ Đà. Năm Canh Thân (1620) trong niên hiệu Thái Xương, Châu Đông Uyên ở Vân Gian qua Nam Hải lễ đại sĩ, thỉnh Sư tụng kinh Pháp Hoa để cầu siêu cho mẹ. Sư vì bà ta tụng kinh, hồi hướng trước tượng Vi Đà Thiên. Ông Châu có một con trâu rất khỏe, từ đấy bỗng lăn ra chết. Không lâu sau, [hồn mẹ] nhập vào thân vợ ông, gọi con bảo: “Trước kia, do khẩu nghiệp nặng nề nên làm trâu. Nay do công đức của kinh Pháp Hoa, đã thoát khỏi nỗi khổ làm trâu. Lại cầu ngài Lãng Nhiên lễ sám để có thể thác sanh”. Do vậy, Sư vì bà ta lễ sám, thí Diệm Khẩu Thực. Đêm hôm ấy, ông Châu mơ màng thấy mẹ đến cảm tạ: “Nhờ sức lễ sám, sanh vào

⁴⁵⁹ Ứng đối trong nhà Thiền.

⁴⁶⁰ Thoạt đầu, Hiếu Liêm có nghĩa là “*hiếu thuận với cha mẹ, khiêm tốn, có tài năng, chánh trực*”. Theo kiến nghị của Đồng Trọng Thư, Hán Vũ Đế vào năm Nguyên Quang nguyên niên (134 trước Công Nguyên) đã hạ chiếu cho các châu, quận cử ra một người hiếu thảo, liêm khiết để bổ nhiệm làm quan, nhưng họ không có thật chức. Thoạt đầu, họ được phái vào các bộ để tập sự, hòng xem xét tài năng và phẩm hạnh. Sau một thời gian dài quan sát, thấy phẩm đức tốt đẹp, mới thật sự bổ nhiệm vào các chức vụ. Về sau, để bảo đảm khả năng phụng sự của các hiếu liêm, các hiếu liêm được đưa về kinh phải thông qua kỳ khảo hạch kinh học (thông thạo kinh điển Nho gia) cũng như các kỹ năng hành chánh cần thiết thì mới được bổ nhiệm. Sau này, đến đời Minh - Thanh, Hiếu Liêm trở thành một danh xưng chung để gọi người đạo Cử Nhân.

nhà hàng xóm”. Tới sáng, ông kể lại với Sư giấc mộng. Vừa khéo, Trịnh thị ở hàng xóm mới sanh một trai. Họ nhìn nhau kinh ngạc, hỏi vào lúc nào, thì ra đúng vào lúc đạo tràng vừa mới hoàn tất. Sư từng trích máu chép kinh Pháp Hoa. Chép xong hơn sáu ngàn chữ lưu loát như đã quen làm từ trước. Tình thật nơi Sư ở, trên bức tường đất đều có các hình dạng của các cảnh, lá hoa sen. Người lễ Phở Đà ai cũng tùy hỷ, chấp tay tán thán.

*** Thích Tế Châu đời Minh**

Vào đời Minh, chùa Thửu Phong trên đường Hình Bộ ở Bắc Kinh là chỗ thờ một bức tượng Phật bằng chiên đàn từ thời cổ. Trụ trì thần miếu vào những năm cuối là vị tăng tên Tế Châu, bẩm tánh chất trực, thờ Phật khâm ngưỡng, nghiêm túc, nhưng giữ giới không uống rượu chẳng nghiêm ngặt. Một hôm, có người mặc áo ngắn đến bảo: “Ta là Vô Thường ở địa phủ, bà cụ X... do lúc còn sống chẳng có một điều thiện nào, bị vướng trong địa ngục chẳng thể thoát được! Mong Một và ngày Rằm mỗi tháng, bà từng đến chùa lễ Phật, mang hoa quả tới cúng dường thầy. Do nhân duyên ấy, bà ta hy vọng thầy sẽ tụng một bộ kinh Pháp Hoa để được thác sanh”. Tế Châu ngờ vực, chưa tin, nói: “Ông đã là quỷ, khó đến được đất Phật, sao không chiêm lễ?” Quỷ đáp: “Có đô thành hoàng ở trong, tôi chẳng dám vào”. Do vậy, sư Tế Châu nghĩ: “Canh năm ngày hôm ấy, có người muốn làm thiện sự, bèn lập bài vị Thành Hoàng ở cạnh chánh điện. Lời ấy đúng là chẳng hư dối”. Sư bèn vào ngày Rằm tháng Bảy, quỳ trước Phật điện phúng tụng kinh Pháp Hoa. Tới quyền thứ năm, do trời nóng nên Sư quá khát, tìm trà chẳng được. Thấy trên bàn có một bầu rượu. Lắc thử thì hãy còn rượu, bèn hớp một ngụm rượu lạnh. Sư vẫn quỳ trước Phật để hoàn kinh.

Ngày hôm sau, Vô Thường lại đến bảo: “Bà cụ nhờ Sư tụng kinh, trọn bốn quyển, khắp cõi âm đều tỏa kim quang. Ngay trong lúc bà ta sắp lìa địa ngục thác sanh, bỗng một luồng hơi rượu xông vào cõi âm. Từ quyển thứ năm cho tới quyển thứ bảy đều như thế. Vì vậy, vẫn chẳng đắc lực”. Sư Tế Châu nghe nói, rợn da gà, bèn phát nguyện chí thành, tụng kinh bù cho bà ta. Vì thế, Sư nghiêm giữ giới không uống rượu, vĩnh viễn chẳng dám phạm. Đường Công Thời từng khắc chuyện này ở mặt sau tấm bia nghiêm tịnh đạo tràng của chùa ấy.

Xưa kia, lại có một vị cao tăng, quỳ tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, bỗng thấy một thanh y đồng tử bảo: “Sư tụng Pháp Hoa đã rất lâu,

nhưng mỗi lần rửa tay, chỉ là nhúng nước mà thôi, chẳng đúng pháp tẩy tịnh, dơ bẩn chạm vào Pháp Bảo, sẽ còn thọ tội”. Sư kinh sợ nói: “Bị tội báo gì?” Đồng tử nói: “Sẽ đọa làm giòi trong phân”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Vị tăng hết sức sợ hãi; từ đó, tẩy tịnh đúng như pháp. Xét ra pháp tẩy tịnh, trước là dùng tro bụi, sau là dùng thảo đậu (tức xà phòng) chà xát. Rửa tay thì có bài chú Tịnh Thủ, rửa thân thì có Tịnh Thân Chú, mỗi chú đều niệm bảy lần. Chẳng niệm chú, dầu rửa bằng trợn hết nước bốn biển cũng chẳng thể tịnh. Tịnh Thủ Chú là “*Án, chủ ca lạt da, sa ha*”. Tẩy Thân Chú là “*Án, hạ năng mật lạt đế, sa ha*”.

*** Thích Hành Nhân đời Minh**

Sư có pháp tự là Chỉ Nhất, người đất Quang Sơn, tỉnh Hà Nam, họ Trương. Hai mươi tuổi, đọc sách tại động Bạch Lộc. Sư gặp vị dị tăng nói: “Ông có đại nạn, hãy nên trì thánh hiệu Đại Bi thì sẽ có thể thoát”. Sư lắng lòng thọ trì. Năm Tân Tỵ (1641) trong niên hiệu Sùng Trinh, giặc Hiến⁴⁶¹ phá huyện, giết chóc đến Sư thì gươm đao bỗng tự gãy. Giặc lấy làm lạ, Sư thoát chết, quyết chí xuống tóc. Năm Giáp Thân (1644), Sư tới Kim Lăng, theo hòa thượng Thiên Hoa Muội thọ Cụ Túc Giới xong, do thấy giặc giã nổi lên, bèn men theo dòng [Trường Giang] đi về Đông. Tới Côn Sơn, Sư giảng các kinh Kim Cang, Lăng Nghiêm v.v... nơi tịnh thất. Đạo tục đều quy ngưỡng. Mùa Xuân năm Mậu Tý (1648), họ Từ xả nhà ở Tây Giao [biến thành chùa], mời Sư đến ở. Mùa Xuân năm Canh Dần (1650), Sư giảng diễn Pháp Hoa, biện huệ (trí huệ biện tài) như mây nổi, thính chúng mỗi ngày đông đến vạn người. Có bạch hạc từ trên không đáp xuống, vòng quanh pháp tòa mấy vòng. Nghe giảng xong, nó bèn nghiêm nghị kêu dài rồi bay đi. Sư bèn đặt tên

⁴⁶¹ Tức quân phản loạn do Trương Hiến Trung cầm đầu. Minh Tư Tông (Sùng Trinh Đế) tin dùng hoạn quan, tăng thuế nặng nề, lo tích trữ vàng bạc trong kho riêng. Vua lại ngờ vực, nghe lời sàm tấu, bỏ tù dũng tướng Viên Sùng Hoán (người anh hùng đã ba lần đánh bại quân Thanh toan xâm chiếm Trung Nguyên) khiến cho quốc gia suy yếu, nhân tâm chán nản. Dân chúng đói khát làm than bèn nổi loạn. Năm Sùng Trinh thứ 3 (1630), Trương Hiến Trung tụ tập 18 trại nông dân, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Vương Gia Dật tại Thiểm Tây, chiến đấu chủ yếu tại các tỉnh Thiểm Tây, Sơn Tây, Hà Nam, An Huy, Hồ Bắc, Tứ Xuyên v.v... Về sau, ông ta xưng là Đại Tây Vương, đặt quốc hiệu là Đại Tây, thủ đô là Thành Đô (Tứ Xuyên), chống phá đảng dai cho đến khi nhà Minh mất nước, quân Thanh vào Trung Nguyên, Trương Hiến Trung mới bị tướng nhà Thanh giết chết.

am là Pháp Vũ. Năm Tân Mão (1651), Côn Ấp đói to, Sư chủ trì thí cháo. Tâm lực đều dốc hết, cho nên ngã bệnh. Ngày mùng Hai tháng Giêng năm Nhâm Thìn (1652), Sư ngồi ngay ngắn, nói kệ rồi qua đời.

*** Con ngựa của sư Vĩnh Minh chùa Báo Ân đời Minh**

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, trụ trì chùa Báo Ân là tăng Vĩnh Minh, pháp hiệu Tây Lâm. Sư nuôi một con ngựa. Sư thường cưỡi nó từ chùa đến bộ Lễ. Khi lên ngựa, Sư thắm niệm kinh Pháp Hoa. Tới cửa bộ Lễ xuống ngựa, vừa đứng hết một quyển, coi đó là lệ thường. Đối diện trước chùa ấy có một thai phụ, đêm mộng thấy con ngựa ấy vào nhà, bèn sanh một trai. Sáng ra, đến chùa hỏi thăm, con ngựa chết vào đúng lúc ấy. Nhà ấy về sau cho đứa con đó làm đồ đệ sư Tây Lâm. Nó cực ngu xuẩn, dạy chữ, một chữ cũng khó nhớ! Chỉ dạy truyền khẩu một quyển Pháp Hoa, liền có thể tụng thuộc, đúng là ngựa do nghe kinh mà đắc độ! Truyện này trích từ Kim Lăng Tảo Sự.

Lại có vị tăng tụng kinh Pháp Hoa bên hồ. Một con cóc nghe tiếng tụng kinh, bỗng làm ra vẻ ngẩng đầu, chấp tay quỳ nhiều lần. Có lúc làm như tọa Thiền. Không lâu sau nó tắt hơi, Pháp sư Đường Tu Nhã nói: “*Ý Phật, cốt tủy của tổ, tâm của ta, ý chỉ của kinh. Nhắm mắt, lắng lòng nghe cận kề, giọt đê hồ thấm vào trong gan ruột. Dẫu là loài trùng, há chẳng say đê hồ mà ngủ vui ư?*” Chuyện này thấy ghi trong Đạt Quán Ngũ Lục.

*** Thích Minh Huân đời Minh**

Sư là người An Huy, vốn có tên là Hồ Văn Trụ. Trong niên hiệu Thiên Khải, Sư làm Trung Thư Xá Nhân. Do chẳng nghe theo lệnh Ngụy Đương (Ngụy Trung Hiền)⁴⁶² chép kinh, bèn cáo quan. Tới năm Bính

⁴⁶² Đây là một hoạn quan lũng đoạn triều chánh nhà Minh. Ông ta tên thật là Ngụy Tứ, sau khi vào cung đổi tên thành Lý Tấn Trung; về sau đổi lại họ Ngụy. Do khéo lấy lòng vua, ông ta được Minh Hy Tông ban tên là Ngụy Trung Hiền. Ngụy Trung Hiền dựa thế của vú nuôi là Khách Thị. Khi Hy Tông lên ngôi vua, sủng ái Khách Thị, trao cho bà rất nhiều quyền hạn. Ngụy Trung Hiền vốn là tâm phúc của Khách Thị cũng được vua tin dùng, cho hấn nhiều quyền hạn. Đặc biệt là giao cho hấn coi Đông Xưởng (cơ quan mật vụ của triều đình). Hấn gài người vào Nội Các khiến cả triều đình toàn là tay chân của hấn, giết chóc, hãm hại những người chống đối không khoan nhượng. Các quan lại hùa theo nịnh bợ hấn. Một tuần phủ Chiết Giang đề xướng lập sanh từ (đền thờ sống) cho hấn, ai đi qua cũng phải lạy 5 lạy và hô to

Tuất (1646), ông bỗng bị ghẻ mặt người, đau đớn chẳng thể chịu nổi. Mùa Đông năm Tân Mão (1651), ông ngắt lỵ đi. Đang trong lúc mơ màng, nghe ghẻ mặt người nói: “Ta là Lô Chiêu Dung đời Lương. Trong cung tại Lạc Dương, gặp giặc giết chết. Nay đã hơn sáu trăm năm, vẫn còn vương trong sổ quỷ, mà ông chính là người đã giết ta thuở đó. Nay ông đã được chuyển thân làm nam tử, hãy nên chép các kinh như Pháp Hoa v.v... để tự cứu và cứu ta”. Văn Trự xót xa cầu xin ngưng đau sẽ liền chép. Lúc đó, ông đang ở Nghi Chân, lập tức sắm sửa giấy bút, chép các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Cang, Lăng Nghiêm v.v... và Thủy Sám. Mỗi lần chép liền hết đau, ngừng bút lại đau trở lại. Mất một năm mới chép xong kinh, bệnh liền lành.

Mùa Hạ năm Đinh Dậu (1657), ông gặp ngài Đồi Sơn ở Đức Khánh, thuật căn kẽ chuyện này, nhưng chưa đoan chắc là Tiêu Lương hay Châu Lương. [Trước đó, ông đã hỏi ý những vị có học vấn rộng thời đó như] Thái Sử Lý Minh Duệ, Tử Do Vương Định, mọi người đều nêu ý kiến, nhưng cũng chưa đoan quyết được! Đồi Sơn nói: “Đó là thời Châu Lương, vì thời Tiêu Lương, Lạc Dương thuộc nhà Ngụy. Hơn nữa, Chiêu Dung cũng là danh hiệu địa vị của cung nhân thời Đường, do ủng hộ Chiêu Tông⁴⁶³ mà bị hại. Nếu ông chẳng phải là Châu Hữu Khuê thì cũng là Thị Thúc Tông vậy!” Ông bèn ghi điều này vào sách, xem chương Tiết Công Thảm. Nay Đồi Sơn Đạo tức là Mễ Bút Ký. Xét ra, lời khảo luận của Đồi Sơn căn kẽ nhất. Chỉ có điều như thế thì Lương

“*cửu bách tuế*” (tức là chỉ kém “thiên tuế” là danh xưng dành cho các thân vương). Mãi cho đến khi Minh Tư Tông lên ngôi, triệt hạ Khách Thị và truy bắt hãn, hãn sợ tội, thắt cổ chết.

⁴⁶³ Đường Chiêu Tông (Lý Kiệt) là vua áp chót của nhà Đường. Cuối đời Đường, hoạn quan lũng đoạn triều chánh, các phiên trấn tung hoành, không nghe lệnh chính quyền trung ương. Khi quân nổi loạn Hoàng Sào đã bị dẹp yên, Đường Hy Tông (Lý Huyền) trở về Trường An, lâm bệnh nặng, không qua khỏi. Các quan muốn đưa hoàng đệ Lý Bảo lên nối ngôi, nhưng hoạn quan Dương Phục Cung ủng hộ một người em khác của vua là Lý Kiệt, vì thế, Lý Kiệt được phong làm Hoàng Thái Đệ và lên ngôi khi Hy Tông qua đời. Trong các nỗ lực chống lại các Tiết Độ Sứ Lý Khắc Dụng, Trần Kính Tuyên, và Lý Mậu Trinh, Đường Chiêu Tông lâm vào bế tắc, phải nhờ tay quân phiệt Châu Toàn Trung (Châu Ôn) giúp đỡ. Cuối cùng, Châu Ôn thôn tóm quyền hành. Đến năm 904 thì Châu Ôn sát hại Đường Chiêu Tông. Châu Ôn sai con nuôi là Châu Hữu Cung (tức Hữu Khuê) và thống quân Thị Thúc Tông đem quân vào cung giết Chiêu Tông, đưa con ông ta là Lý Chúc lên làm vua, tức Đường Ai Đế. Năm 905, Châu Ôn giết chết Đường Ai Đế, soán ngôi, lập ra nhà Hậu Lương, tức Châu Lương.

Chiêu Dung phải nên ghi là Đường Chiêu Dung. Hoặc là ông Hồ trong lúc ngất đi, do âm Đường và Lương gần nhau mà nghe sai cũng chưa biết chừng. Châu Thạch Tục ghi lại.

*** *Đồng tử chép kinh đời Minh***

Vào đời Minh, tương truyền tại chùa Bảo Lâm ở Tô Châu có đứa bé mười ba tuổi tới chùa, nói muốn có một tịnh thất để chép kinh. Tăng chúng trong chùa để cho nó ở riêng một phòng. Nó lấy giấy bút chép kinh Pháp Hoa, dùng nửa bức giấy tằm của Cao Ly vẽ một cái tháp bảy tầng. Mỗi tầng là một quyển. Giấy dài chừng bốn thước, rộng chừng một thước rưỡi. Kinh văn hơn sáu ngàn chữ đều đầy đủ, mấy ngày là xong, giữ trong chùa. Đồng tử chẳng biết đi đâu. Người làng là Trần Văn Cương đích thân thấy tháp ấy, chữ to bằng hạt mè, nghiêm ngặt, phân minh, bên trái về phía dưới ghi: “*Hành đồng hải vương Sư Quang viết*”. Nay [bức vẽ ấy] thuộc về họ Hoa ở Đăng Khẩu.

*** *Long Đắc Phu đời Minh***

Ông là quận thừa ở Tứ Minh, thanh liêm, thẳng thắn, chuộng đạo. Khi đó, tại Phổ Đà có hai vị trụ trì, một vị là Trí Huệ, giới luật tinh nghiêm, đạo tục quy ngưỡng. Vị kia tên là Chân Biểu, tuy lãnh đạo từng lâm, nhưng tánh ương bướng, phá giới. Năm Nhâm Ngọ (1582) thời Vạn Lịch, ông vâng lệnh Giám Ty, tra hỏi Chân Biểu. Do [Chân Biểu phạm] lỗi nhỏ là đánh đập Sa Di, ông bèn đến núi để phân xử. Ông sai đem một bộ kinh Pháp Hoa ra đốt, bắt chúng tăng đều nhảy qua đó, thề chẳng tái phạm, còn chính mình tới hậu điện lễ bái. Ông bỗng cảm thấy hai đùi mềm oặt, chẳng thể động được, thân thể nóng bức kỳ lạ, nhanh chóng hôn mê thiếp đi. Trong lúc mơ màng, nghe có tiếng truyền lệnh rằng: “*Phụng đạo mà hủy đạo, càng trừng phạt nặng hơn. Chỉ vì yêu dân, phạt ba con trâu đá đê quan tài*”. Quận thừa nghĩ đây ắt là mạng lệnh của quan côi âm, chết như thế sẽ vào đường ác, [bèn van nài]: “Tôi không biết tội hủy kinh to ngàn ấy! Từ nay trở đi, nguyện suốt đời trai giới, sẽ gấp từ quan để nhập đạo hồng tự chuộc tội”.

Sư Đại Trí cũng vì ông xót xa cầu xin, tụng kinh lễ sám. Trong định, Sư thấy một tòa thành bằng sắt vây quanh. Trong thành có thi thể lỏa lồ chồng chất. Quận thừa cũng ở trong số đó, riêng ông chẳng lỏa lồ. Sư chí tâm sám hối, bỗng thấy trên không giáng xuống một đạo bạch

quang. Quận thừa như có người lôi ra, sống lại. Quận thừa thấy sa-môn như mây tụ, hỏi: “Vì sao người thiêu hủy kinh, phạm điều răn to lớn này?” Quận thừa thưa: “Con đã biết tội rồi, nguyện dùng trăm điều để đền một. Trước hết, quỳ hết bổng lộc để trai tăng một vạn vị Sư”. Các vị sa-môn đều ản. Đêm ấy, gia đồng của quận thừa thấy trong đêm tối có hai ngọc nữ đầu có hai búi tóc, tay cầm tràng, lọng, phẩy giương bước qua, vang ra tiếng. Cán tràng chạm vào mặt gia đồng, nó kinh sợ kêu ầm lên, bệnh của quận thừa liền lành. Khi đó, ông không ăn, không chớp mắt đã mười ngày rồi. Đồ Nghi Bộ Long mục kích chuyện ấy bèn ghi lại.

*** Châu Nguyên Chánh ở Hải Diêm đời Minh**

Lúc ông làm Chư Sanh, giảng học vấn của Không Mạnh thì đoạn chánh, chẳng cầu thả. Sau sáu mươi tuổi, ông thâm nhập Thiền duyệt. Chọn ba gian nhà xấu ở phía sau phủ trách để [làm chỗ] bế quan, chẳng dính đến việc nhà. Trên ngạch cửa, đề sáu chữ “*ví như ta đã chết rồi*”. Công khóa mỗi ngày, buổi sáng là một quyển kinh Pháp Hoa. Sau giờ Ngọ tĩnh tọa. Tháng Tư năm Canh Thân, Đường Nghi Chi và môn nhân của ông là Trần Tác Lương đến thăm. Tiên sinh bảo ông Lương: “Nghi Chi trước kia đã từng viết thư cho ông, khuyên ông bỏ cái học có lợi cho Thái Tây mà hãy học Phật. Đây là lời tốt lành, hãy nên tha thiết nghe theo”. Ông Lương thưa: “Thầy tuổi đã cao, có lẽ nên nói lỏng giới cầm rượu đôi chút”. Tiên sinh nói: “Ý ông là bước vào độ tuổi suy yếu, hãy nên nhờ vào mấy chén để điều huyết dưỡng khí đó chăng? Chẳng biết ta đối với chuyện sanh tử đã vạch đứt rồi, sao còn nói lời ấy?” Khi tiên sinh nói đã vạch đứt rồi, liền dùng tay vạch một đường trên ghế, ý nói đã liễu sanh tử rồi! Người trông thấy đều run sợ, tôn kính.

Tháng Bảy, ông không bệnh tật gì, bảo với con rằng: “Ở đây ta không có chuyện gì, có thể lên đường rồi!” Con hỏi: “Cha đến nơi nào?” Đáp: “Đến Tây Phương”. Con và cháu cố giữ lại, ông chấp thuận. Tới ngày mùng Một tháng Chạp, ông thị hiện bị bệnh, không ăn, người nhà hốt hoảng lo hậu sự. Tiên sinh bảo: “Đừng vội! Đó là chuyện vào nửa đêm ngày mùng Tám tháng Chạp”. Đến kỳ hạn, ông ngồi ngay ngắn sắp ra đi. Lại nói: “Ta cả đời chẳng có mấy may phụ người. Mùa Đông năm nay, người thợ mộc sau nhà vì ta sửa sang một khoảnh đất sau cổng, vì mong ta sẽ đãi khách vào Nguyên Đán, nên đã san bằng mặt đất cho người già tiện đi lại. Nhã ý ấy ta chưa báo đáp”. Ông lấy giấy viết một

bài thơ cảm tạ. Trong ấy có một chữ viết sai, ông lại cầm bút tô sửa. Ông thông dong ngồi vững vàng rồi qua đời. Lúc đó, gà vừa gáy, tiên sinh đã rần nhắc sẵn người nhà: Khi ông ra đi, đừng cho phụ nữ đến! Hai ba giờ sau thì họ mới có thể đến. Có đến cũng đừng khóc lóc. Trời đã sáng, quyền thuộc mới tới cử ai⁴⁶⁴. Tiên sinh tỉnh lại, mở mắt nhưng không mở miệng, chỉ lắc đầu ra hiệu dẫn nữ nhân đi. Họ đi hết rồi ông mới nhắm mắt lìa đời. Khi đó, đến đi tự do đường ấy. Chuyện này được thấy trong sách Diệu Ý Am Kỳ Cầu.

*** Vương Lập Cốc đời Minh**

Ông tự là Bá Vô, người Thai Châu. Thuở bé, theo cha là Đại Trung Thừa Vương Sĩ Tánh đến núi Kê Túc. Họ vào trong một vách đá, thấy ngài Ca Diếp nói: “Các vị từ nơi đến?” Ông Vương giật mình. Ngài Ca Diếp nói: “*Ông đọa trong nhà lửa, hãy hành từ, nhẫn, giới, mai sau sẽ mạnh mẽ đẩy lùi dòng nước chảy xiết. Dưới cầu, thân trước vẫn còn đó*”. Trong khoảnh khắc, vách đá hợp lại như cũ. Từ đây, ông Vương giữ vững giới kiên giết. Năm Bính Ngọ (1606) trong niên hiệu Vạn Lịch, ông đỗ Hương Tiến⁴⁶⁵, mộng thấy cha có lời khuyên dụ “*trong mười năm thì có năm lần chết; hãy gieo đức để hóa giải tai ương*”. Ông bèn đổi trước Tam Bảo ở Gia Hòa, thề ăn chay trường, và ở Thiên Thai thề giữ bốn giới sát, đạo, dâm, vọng. Về sau, ông làm huyện lệnh ở Tân Cam.

Năm Mậu Ngọ (1618), ông vào đất Cạn. Thuyền đến Định Cảng, ban đêm ông bị âm phủ bắt về. Vị chủ nhân cõi âm (Diêm vương) lớn tiếng quát: “Tuổi thọ của ngươi đến tháng Tám năm Bính Thìn (1616) đã tận, kéo dài đến nay là do sức trai giới, sao lại bỏ?” Ông Vương khầu đầu, cảm tạ: “Làm quan thì do tình thế chẳng thể không như vậy được!” Vị chủ nhân cõi âm nói: “Cố nhiên! Hiềm rằng mạng hết thì sao?” Vua sai người xua ông vào ngục. Một vị tể quan ở bên trái cầu thỉnh: “Xin hãy thử tính các chuyện [ông ta đã làm] sau khi đã phá giới!” Trong chốc lát, đưa tới hai cái rương: Các mệnh lệnh, văn quyền, và mỗi yết thị, mỗi lá thư khi ông làm huyện lệnh Tân Cam. Những câu nói đùa thường viết trên các mẫu giấy nhỏ cũng đều có. Mỗi thứ đều có hơi bốc lên, xanh,

⁴⁶⁴ Theo cổ lễ, khi khâm liệm, con cháu và thân thuộc lớn tiếng kêu khóc tỏ lòng thương xót người đã mất, chuyện này được gọi là Cử Ai.

⁴⁶⁵ Thí sinh đỗ kỳ thi châu huyện khảo hạch để thi Tấn Sĩ thì gọi là đỗ hương tiến.

đen, đỏ, trắng, màu sắc khác nhau. Vị chủ nhân sai phân loại để kiểm. Trước hết, kiểm những thứ có màu đen và xanh được chất thành đống. Kế đó là kiểm đống có khí màu trắng. Đống xanh dần dần thu nhỏ, lại kiểm đống trắng, đống xanh bèn ần mất. Đống có khí màu đen rút nhỏ bằng cái chén, nhưng đống có màu đỏ riêng bốc hơi hùng hực. Ông Vương liếc nhìn, thấy kinh Kim Cang do ông đã khắc in và Háo Sanh Biên, Xã Thương Quyền đều có. Vị chủ nhân nói: “Đây là biết gieo đức, hãy còn có lẽ sống, chỉ tổn hại ngũ quan, có thể cho ông ta bảo toàn tánh mạng được!”

Vua bèn ra lệnh khoét mắt, ông liền cảm thấy tối đen chẳng thấy được gì, chỉ cảm thấy có người lúi đi. Vừa cất bước bèn tỉnh giấc. Nhướng mắt thấy ánh đèn như bị đậm, trợn chẳng thể mở mắt ra được. Thầy thuốc cho uống thuốc sáng mắt, trong đêm tợ hồ có người lại dùng đinh đóng vào mắt, khổ sở cùng cực! Ông bèn thôi dùng thuốc, quyết ý xin từ quan trở về quê, bỏ nhà tu Tịnh nghiệp, thề trì Pháp Hoa một ngàn bộ, và hằng ngày tụng kinh Kim Cang, Phạm Võng để cầu được ngậm gia hộ. Tháng Bảy năm Canh Thân (1620), ông lễ sám ở U Khê, trong đêm, mộng thấy Đại Sĩ dùng cành dương rảy cam lộ chấm vào tròng mắt. Sáng dậy, bỗng thấy mọi vật, hai mắt sáng lại. Sau đó, ông đến khắp các môn đình Vân Thê và Bác Sơn, sống thêm mười hai năm nữa, hiệu là Bích Như đại sư, có ghi lại chuyện hồi sinh.

*** *Vưu Hoàng Viễn ở Tô Châu đời Minh***

Ông yêu thích một cô gái hàng xóm, lén ước định chung thân, cưới cô ta làm thiếp. Vợ ghen tuông, đối xử tàn tệ, lại còn dùng cách nguyên rửa, khiến cho cô ta mau chết. Chẳng lâu sau, người thiếp quả nhiên chết. Hơn một năm, vợ cũng mắc bệnh lâu ngày, gọi bà Lý bầu bạn. Trong đêm, người vợ thấy có người váy đỏ, áo xanh, tha thướt tới trước mặt, chỉ bà vợ quở: “Mạng ta chưa đáng chết, do người nguyên rửa, khiến cho ta chết yểu. Nay ta đã tố cáo ở Nhạc Ty truy bắt người!” Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Đêm hôm sau, quả nhiên người vợ tắt hơi. Hoàng Viễn tâm niệm người thiếp chết oan, và các thế nguyện mà vợ đã hứa trong lúc bình thời, và các loại văn thư quá nhiều, ắt sẽ khiến cho mình mắc lụy. Ông ta bèn hằng ngày trì tụng kinh Ngọc Hoàng được

mấy trăm bộ. Lại cầu người thờ Chân Vũ⁴⁶⁶ là Trầm đạo sĩ ở Huyền Diệu Quán lập Thủy Lục Đạo Tràng để tạ lỗi trước.

Sau đó, trong khi bị bệnh, Hoàng Viễn thấy bị quỷ tốt hung hăng bắt đi. Tới một cung khuyết, biển đề là Nhạc Phủ. Vua ngồi trên điện, quát bảo Hoàng Viễn và vợ về chuyện cùng nguyên rủa. Hoàng Viễn khầu đầu biện bác chẳng phải lỗi mình! Vua hô tả hữu áp giải vợ và thiếp của Hoàng Viễn ra làm chứng. Người vợ nghen lời. Vua nói: “Người tuy không biết chuyện, nhưng văn án nguyên rủa của người đàn bà này rất nhiều, phá trừ như thế nào?” Hoàng Viễn chưa đáp. Trước án, một viên phán quan tâu với vua: “Từ chỗ Cao Chân đã có văn thư chuẩn án rồi!” Vua sai lấy quyển văn để xem, trao cho Hoàng Viễn. Hoàng Viễn hoảng hốt, chẳng rảnh để đọc kỹ, chỉ thấy chữ son mấy dòng ở cuối trang giấy. Vua nói: “Văn thư đã chuyển đến Phong Đô, nói sẽ tâu trình. Nay nói là công văn trình làm”. Trong khoảnh khắc, có hai thần tướng mặc giáp trụ hiện trong sân: Một vị là Quan Thánh, vị kia là tâm tướng Vương Linh Quan⁴⁶⁷. Linh Quan nhìn vua nói: “Sai lầm nhỏ này chẳng đáng hỏi tới!” Vua gật đầu. Linh Quan dùng chân khều chân Hoàng Viễn, nói “đi”, [Hoàng Viễn] bèn được đi ra. Đường quanh co mấy khúc, lại vào một ty. Có sáu vị tăng ngồi trong đó, gọi Hoàng Viễn cất ván. Người đứng đầu nói: “Hãy trở lại, hãy nên gia nhập ty Ngũ Ôn⁴⁶⁸ đi!”

⁴⁶⁶ Chân Vũ tức Huyền Vũ Đại Đế (Bắc Cực Huyền Thiên Thượng Đế, Chân Vũ Đãng Ma Đại Đế, Vô Lượng Tổ Sư) là vị thần thống ngự phương Bắc trong Đạo Giáo. Do theo Ngũ Hành, phương Bắc thuộc Thủy, cho nên Chân Vũ thống trị thủy tộc, tất cả các sự vật liên quan đến nước. Do vậy, ông còn được gọi là Thủy Hắc Đế. Ông có một đạo hiệu nữa là Đãng Ma Thiên Tôn Chân Vũ Đại Đế, cùng với Phục Ma Đại Đế Quan Thánh Đế Quân và Khu Ma Chân Quân Chung Quỷ Đế Quân được gọi là Tam Phục Ma Đế Quân trong Đạo Giáo. Núi Vũ Đang là đạo tràng chánh yếu của ông. Đạo Kinh nói ông là hóa thân lần thứ tám mươi hai của Thái Thượng Lão Quân.

⁴⁶⁷ Vương Linh Quan còn gọi là Vương Thiên Linh Quan, Long Ân Chân Nhân, hoặc Thái Ất Lôị Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn, là vị thần trấn thủ sơn môn của Đạo Giáo, thuộc bộ Lôị, bộ Hỏa và là thần hộ pháp được sùng bái nhất của Đạo Giáo. Ông chính là một vị trong tứ đại hộ pháp của Đạo Giáo (Ôn Thái Bảo, Mã Thiên Quân, Triệu Nguyên Soái, và Vương Linh Quan). Ông được coi là ngự tiền đại tướng của Ngọc Hoàng, đứng đầu năm trăm vị linh quan, cho nên còn có danh xưng là Đô Thiên Đại Linh Quan.

⁴⁶⁸ Ngũ Ôn Ty là phủ thự của ngũ ôn thần, tức năm vị thần gây bệnh dịch (ôn dịch) trong Đạo Giáo, bao gồm Xuân Ôn Trương Nguyên Bá, Hạ Ôn Lưu Nguyên Đạt, Thu Ôn Triệu Công Minh, Đông Ôn Chung Sĩ Quý, và Tổng Quản Trung Ôn Sử Văn Nghiệp.

Hoàng Viễn kể rõ chuyện Cao Chân xá tội, vị tăng nói: “Người biết tuân phụng Đạo Giáo mà quên Phật, tức là lẽ lợi hại trong ấy cũng chẳng phải là nhỏ! Nay đã được sống lại, hãy gấp mời sáu vị tăng tuổi cao có đức, tụng sáu bộ kinh Pháp Hoa thì mới có thể tiêu diệt tội khiên!” Họ ra lệnh thả về, Hoàng Viễn mới sống lại. Hôm sau, lập tức thỉnh tăng tụng kinh đúng số. Cho tới nay, ngày Rằm mùng Một mỗi tháng đều niệm kinh sáu, dầu hết sức bận bịu vẫn chẳng bỏ!

*** Cát Uyển đời Minh**

Ông tên tự là Thạch Bình người Côn Sơn, dốc lòng thành học đạo. Ông đóng cửa tham cứu kinh Phật, quanh năm không biết mỏi mệt, quy tâm nơi Pháp Hoa nhiều nhất, dùng kinh này làm công khóa thường nhật. Ông nghĩ thời gian trôi qua như chớp xẹt, diệu pháp khó nghe, muốn báo ân Phật thì hoàng truyền kinh là trọng yếu. Do vậy, sưu tập truyện của tiên hiền cổ đức từ đời Tấn, Tống cho tới Nguyên, Minh, tạo thành bộ Cảm Thông Lục bốn quyển. Cuối mỗi quyển đều có luận định. Thấm thoát mấy năm chưa xong. Mùa Thu năm Tân Mão, do suy yếu mệt nhọc, ông bị bệnh trầm kha cả năm. Tới mùa Đông năm Nhâm Thìn, do liên tiếp mấy đêm đều cảm mộng khác lạ, thấy thần nhân đến khắc in tác phẩm ấy, bèn dốc cạn sức lực gắng hoàn thành. Sách soạn xong, bệnh cũng lành.

*** Trần Tế Sanh ở Ngô Môn đời Minh**

Ông tự là Hoàng Sĩ, là trưởng tử của Văn Trang Công, dốc sức làm thiện sự. Đối với những lời hay, hạnh đẹp xưa nay, không gì chẳng chính tay sưu tập, chép lại, chắt chiu tận kẻo nhà. Ông chuộng nhất nội điển, thường kết liên xã, trì tụng Pháp Hoa lâu ngày chẳng giải đãi. Bỗng mộng thấy một cụ già, phong thái cổ xưa, lạ lùng, tay cầm kinh Pháp Hoa viết bằng chữ vàng cùng nhân quả sự tích trao cho. Ông Trần hớn hờ vái lạy, nhận lấy. Trời sáng, bộ Pháp Hoa Cảm Thông Lục do họ Cát ở Lộc Thành đã khắc in quả nhiên được chờ tới Viễn Diệu Đường của ông Trần để lưu thông. Lại có một người bạn đem chuyện dùng mực pha bột vàng chép toàn bộ kinh Pháp Hoa đến hỏi, là chuyện trong cùng một ngày. Chẳng lâu sau, trên đường, ông thấy một bộ kinh Pháp Hoa do Lý Chánh Khanh ở Tân An chép bằng chữ vàng, liền thỉnh về để cúng

duòng, tạo thành hợp bích⁴⁶⁹, trang nghiêm thắng diệu. Người khác nhìn vào, đều than là hy hữu, mới tin do lòng u thành cảm vờ, Phật sự nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn như thế. Trước tác của ông Trần có Cộng Tri Lục, Đồng Thiện Hội Toàn Lục, và Hương Lâm Quảng Thư v.v... đều được lưu hành trong cõi đời.

*** Mẹ ông Công Bộ Đàm Trinh Mặc đời Minh**

Nghiêm thái phu nhân chăm lo gia đình, dạy con, đều đúng chừng mực. Tuy chồng con sang quý, bà vẫn áo vải, ăn rau, dốc lòng tin Phật pháp. Bà coi trọng kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang nhất, sáng tối lễ tụng. Tuổi già, thêm vào [thời khóa] kinh Hoa Nghiêm, mỗi ngày một quyển. Lại có thể vì các con dâu giảng giải ý nghĩa chánh yếu. Năm Nhâm Thân (1632) trong niên hiệu Sùng Trinh, bà thị hiện bị bệnh, bèn đứng dậy tắm rửa, thay áo, lễ Phật, nói: “*Ta một đời kính Phật, nếu thật sự có duyên với Phật, sẽ khiến cho di thể chẳng hôi thối*”. Do vậy, bà chấp tay, ngồi xếp bằng qua đời. Lúc đó đang là tháng Bảy nắng gắt, bà vẻ mặt mỉm cười như hầy còn sống, mùi thơm phảng phất. Khi an táng, chẳng hề có ruồi bọ. Người trông thấy, chẳng ai không khen là lạ lùng.

Pháp Hoa Trì Nghiệm Kỷ chung

Lời Hồi Hưởng

Kinh Pháp Hoa là một trong ba bộ kinh Viên Giáo Nhất Thừa (Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, và Phạm Võng), nghĩa lý sâu thẳm, dấu có diễn giải, tán thán bao nhiêu đi nữa, vẫn chẳng khác nào nêu ra một hạt cát trong sa mạc mênh mông. Đệ tử nhờ phước thừa mà có cơ hội chuyển ngữ bộ hội nghĩa này của Tổ Ngẫu Ích, lại được đọc các sự tích cảm ứng của các bậc tiên hiền, vô cùng thẹn hổ vì học thức kém cỏi, chẳng thể diễn tả lời kinh ý Tổ suông sẻ, gãy gọn. Càng hổ thẹn vì tiền nhân chẳng tiếc sức hành trì, truyền bá, mà bản thân mình thì chẳng có

⁴⁶⁹ Ý nói kinh Pháp Hoa và sách Cẩm Thông Lục đều quý báu, đẹp đẽ như một đôi ngọc bích đặt kề nhau.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 2

tí xúu công hạnh nào, lại còn giải đãi, biếng nhác, cô phụ bi tâm của bao thế hệ thầy tổ. Càng đọc các sự tích, càng thêm tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, vì qua những chuyện cảm ứng được chép trong Hiền Ứng Lục và Trì Nghiệm Kỳ, có thể thấy rất rõ những bậc đại thiện tri thức quảng học đa văn, sau khi đã thâm đắc Thiền Tông và Giáo Quán, đều quy tâm Tịnh Độ, nhất tâm cầu sanh Cực Lạc. Càng thêm kính sợ trước gương cảnh tỉnh của những vị dày công đọc tụng, nhưng do chưa phát nguyện vãng sanh, đến nỗi vì một niệm tâm sai lầm, kiếp sau phải lưu lạc, phí uổng công lao tu tập cả đời thuở trước. Nếu việc làm kém cỏi này của chúng con có chút công đức nào, đều xin hồi hướng về lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, sư trưởng, tông thân quyến thuộc, lũy kiếp oán thân trái chủ và mười phương pháp giới chúng sanh, đặc biệt là các liên hữu đã luôn khuyến tấn, góp phần sửa chữa, tán trợ ẩn tống. Trân trọng cảm tạ các vị liên hữu Đức Phong, Huệ Trang và Diệu Âm Trịnh Lộc đã giúp giáo duyệt, góp ý sửa chữa. Nguyên do công đức này, thế giới hòa bình, tai ương tật bệnh của chúng sanh tiêu trừ, tứ chúng đồng tu tín tâm kiên cố, đạo nghiệp tinh chuyên, hoằng dương rộng lớn Phật pháp để chuyển cỏi Sa Bà thành Tịnh Độ.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023.

“Hoan nghênh ẩn tống, công đức vô lượng”